KINH TRUNG A-HÀM (Trung Tâm DT Trí Tịnh)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

NkTHÁNHDI^ẠĨGlẤC^IrGAM M T

TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bô PHÁI 03

KINH TRUNG A-HÀM

Việt dịch: TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

KINH TRUNG A-HAM Hán dịch TAM TẠNG TẢNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ

Việt dịch TRUNG TẦM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

BAN PHIÊN DỊCH
Thích Chúc Phú
Thích Nguyên Hùng
Thích Nhuận Châu
Thích Đồng Ngộ
Thích Đồng Hội
Thích Nữ Liên Thiền
Thích Nữ Trung Thể
Thích Nữ Tuệ Thành
Thích Nữ Thành Thông
Thích Nữ Đức Thuận
Thích Nữ Đức Nghiêm
NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LẺ ĐỨC THẾ TỒN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HÔI ĐÒNG CHỨNG MINH (Nhiệm kỳ 2017-2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG

• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HÔI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH e Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
• Chủ tịch Hợi đồng Trị sự GHPGVN
• Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viên trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
• Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO Bộ PHÁI

•Trưởng ban
-Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
•Phó Trưởng ban
-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
Hòa thượng THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
•Thư ký Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập
-Hòa thượng THÍCH THÔNG THIỀN
. Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
-Đại đức THÍCH NGUYEN HÙNG
. Đại đức THÍCH NGUYÊN TRANG
-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
•Trưởng ban Tài chánh

-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển

T pháp ỉuãrỉ',,nghia la đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ5 tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu.- "D7 Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vỉ trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp
làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc áy không chỉ lam sang ban tam cua moi hanh gia nghiên cứu ma con chuyên hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận5 tu tap, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Dạo pháp - Dân tg" Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tôn ở thê gian mà còn góp phân làm cho

x KINH TRƯỜNG - TRUNG A-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai SỊT." Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát? tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phi dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Narrf\ vôn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phàm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam"\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Dại tạng kinh" chí dề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pitaka, H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pỉtaka. H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Piịaka, H.,Luân tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Việt Nam). Jam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma, H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vinaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhỉdhamma. s. Abhidharma. H.,Vô tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pâli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lim truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsd) và Đại sử {Mahãvamsă) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pâli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa băng tiêng Sanskrit lân lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tôn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ). 3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ

thế kỷ I-X) bi Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nom mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vao năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh {Ma-ha Bắt-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Đại Bảo Tích, Nỉết-bànf Đại T);Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vi Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm. Tăng nhất A-hànì). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hànỉ). v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hâu hét Kinh tạng Pãli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pali. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pali. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ân hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đong thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kỉnh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. tiên hành đôi chiêu văn bản song ngữ, biên tập tiêng Việt, làm tông mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng lo năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quôc gia thuộc hai truyên thông Phật giáo Nam truyền và Bác

truyên đêu có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài an bản Tam tạng Thánh điển pli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành,Ki Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kê tiêp, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kỉnh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, III). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kỉnh Tiểu bộ'. Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng và Mỉlỉnda vân đạo.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kỉnh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh ()có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó? các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (1924-1934) do các
học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyn? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo An Độ, có nguồn góc từ Trường Đại học Nālandā nôi tiêng và một sô bản dịch từ tiêng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã 9r y

trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tát gân một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā. Tu tuệ). 9 r

Đê tạo nên bản sac văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điển

LỜI GIỚI THIỆU XV

Phật giảo Việt Nam. Đông thời, tôi tha thiêt kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuât bản Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam không chỉ là niêm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bên vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá tri vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiều thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức ét Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã co mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam ve phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mau nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đau nguồn là đang Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh

điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do VuaAsoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnẹ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viêt và khâu truyên. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào the kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pãli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pãli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pâli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thể kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pâli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyền thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kỉnh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishõ Shỉnshũ Daỉzõkyõ.)do Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

truyền hoàn chỉnh

LỜI NÓI ĐẦU xix

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện r 9 • > • . nay rát lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phân: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào nam 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Himg Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại hăn? nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kỉnh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tinh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tinh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thh Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ? Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thh Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhtmg không đay đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ)5 cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

XX KINH TRƯNG A-HÀM

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tăn tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra5 còn có tham khảo thêm nguồn tiếng

Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự5 giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam lên một tâm cao mới, đặt một dâu ân cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quôc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập5 Huyên Trang... đêu bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các đe bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc đinh hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ5 lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu. Bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học? nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhác từng thuật ngữ Phật học5 đôi khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận săc từng dâu châm phây, đê đảm bảo "văn nghĩa đầy diỉ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật

giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ân hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yêm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vi. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát5 liệt vị Tổ sư5 chư vi Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyên, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 -DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH.....ix LỜI GIỚI THIỆU..... xi LỜI NÓI ĐẦU..... xvii MỤC LỤC..... xxiii BANG VIẾT TẮT..... xxxi DẪN LUẬN..... xxxvii KHÁI QUÁT..... Ixvii

PHẨM 1: BẢY PHÁP 1. KINH THIỆN PHÁP..... 5 2. KINH CÂY TRÚ ĐỘ..... 11 3. KINH VÍ DỤ VỀ THÀNH LŨY.....15 4. KINH VÍ DỤ VỀ NƯỚC..... 21 5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG Gỗ..... 25 6. KINH NƠI NGƯỜI HIỀN ĐI ĐẾN..... 33 7. KINH PHƯỚC THẾ GIAN.....37 8. KINH BẢY MẶT TRỜI..... 41 9. KINH BẢY Cổ XE..... 47 10. KINH TRỪ SẠCH LẬU HOẶC..... 55

PHẨM 2: NGHIỆP TƯƠNG ƯNG • 11. KINH VÍ DỤ VỀ HẠT MUỐI..... 63 12. KINH HÒA-PHÁ.....67 13. KINH ĐỘ..... 73 14. KINH LA-VÂN..... 77 15. KINH Tư..... 83 16. KINH GIÀ-LAM..... 87 17. KINH GIÀ-DI-NI..... 93 18. KINH Sư TỬ.....97

19. KINH NI-KIỀN..... 105 20. KINH BA-LA-LAO..... 115

PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG XÁ-LỢI-PHẤT 21. KINH CHƯ THIÊN ĐẲNG TÂM..... 129 22. KINH THÀNH Tựu GIỚI..... 133 23. KINH TRÍ..... 139 24. KINH Sư TỪ HỐNG.....145 25. KINH VÍ DỤ VỀ NƯỚC..... 151 26. KINH CÙ-NI-SƯ..... 155 27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN..... 161 28. KINH GIÁO HÓA NGƯỜI BỆNH..... 171 29. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA..... 181 30. KINH VÍ DỤ VỀ DẤU CHÂN VOI..... 193 31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ..... 203

PHẨM 4: PHÁP HY HỮU 32. KINH PHÁP HY HỮU..... 215 33. KINH THỊ GIẢ..... 223 34. KINH BẠC-CÂU-LA..... 233 35. KINHA-TU-LA..... 237 36. KINH ĐẤT RUNG CHUYỂN..... 243 37. KINH CHIÊM-BA..... 247 38. KINH TRƯỞNG GIẢ ÚC-GIÀ (1)..... 253 39. KINH TRƯỞNG GIẢ ÚC-GIÀ (2)..... 259 40. KINH TRƯỞNG GIẢ THỦ (1)..... 265 41. KINH TRƯỞNG GIẢ THỦ (2)..... 271

PHẨM 5: TẬP TƯƠNG ƯNG 42. KINH Ý NGHĨA GÌ..... 275 43. KINH KHÔNG NÊN NGHĨ..... 279 44. KINH NIỆM..... 281 45. KINH BIẾT Hổ THẸN (1)..... 283 46. KINH BIẾT Hổ THẸN (2).....285

47. KINH GIỚI (1)..... 287 48. KINH GIỚI (2)..... 289 49. KINH CUNG KÍNH (1)..... 291 50. KINH CUNG KÍNH (2)..... 293 51. KINH KHỞI ĐIỂM ĐẦU TIÊN..... 295 52. KINH THỨC AN (1)..... 299 53. KINH THỨC ĂN (2)..... 305 54. KINH TẬN

TRÍ..... 309 55. KINH NIẾT-BÀN.....313 56. KINH DI-HÊ.....317 57. KINH NÓI CHO TỲ-KHEO..... 321

PHẨM 6: TƯƠNG ƯNG VUA 58. KINH BẢY BÁU..... 325 59. KINH BA MƯƠI HAI TƯỚNG..... 327 60. KINH BỐN CHÂU..... 333 61. KINH VÍ DỤ VỀ PHÂN BÒ..... 339 62. KINH VUA TẦN-BÀ-SA-LA QUY HƯỚNG PHẬT..... 345 63. KINH TỲ-BÀ-LĂNG-KỲ..... 351 64. KINH THIÊN sứ..... 363 65. KINH VÍ DỤ VỀ CON QUẠ..... 377 66. KINH NÓI VỀ VIỆC XƯA.....385 67. KINH RỪNG XOÀI ĐẠI THIÊN.....395 68. KINH VUA ĐẠI THIỆN KIẾN..... 407 69. KINH BA MƯƠI ví DỤ..... 419 70. KINH VUA CHUYỂN LUÂN..... 425 71. KINH TỲ-TỨ..... 439

PHẨM 7: VUA TRƯỜNG THỌ 72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ..... 465 73. KINH CHƯ THIÊN.....487 74. KINH TÁM ĐIỀU SUY NIỆM..... 491 75. KINH THANH TỊNH KHÔNG LAY CHUYÊN..... 497 76. KINH ÚC-GIÀ-CHLLA..... 503

xxvi KINH TRUNG A-HÀM

77. KINH BA THIỆN NAM ở SA-KÊ-ĐẾ..... 507 78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT..... 515 79. KINH HỮU THẮNG THIÊN..... 523 80. KINH CA-HY-NA.....533 81. KINH NIỆM THÂN.....543 82. KINH TIẾNG DẾ KÊU..... 553 83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN BUỒN NGỦ..... 559 84. KINH KHÔNG CÒN CHƯỚNG NGẠI..... 563 85. KINH CHÂN NHÂN..... 567 86. KINH GIẢNG VỀ xứ..... 571

PHẨM 8: UẾ 87. KINH NHỮNG CẤU UẾ..... 585 88. KINH CẦU PHÁP..... 597 89. KINH TỲ-KHEO THỈNH NGUYỆN..... 603 90. KINH BIẾT PHÁP..... 607 91. KINH CHÂU-NA HỎI VỀ

CÁC KIẾN CHẤP..... 611 92. KINH VÍ DỤ VỀ HOA SEN XANH, HOA SEN TRẮNG.....617 93. KINH PHẠM CHÍ THỦY TỊNH..... 621 94. KINH HẮC TỲ-KHEO..... 627 95. KINH TRỤ PHÁP..... 631 96. KINH TỔN GIẢM VÀ TÀNG TRƯỞNG.....633

PHẨM 9: NHÂN 97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN..... 637 98. KINH NIỆM xứ..... 653 99. KINH KHỔ ẤM (1)..... 661 100. KINH KHỔ ẤM (2)..... 667 101. KINH TÂM TĂNG THƯỢNG..... 673 102. KINH NIỆM..... 677 103 . KINH TIẾNG RỐNG sư TỬ..... 681 104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA..... 687 105. KINH NGUYỆN..... 701 106. KINH TƯỞNG..... 705

PHẨM 10: KHU RỪNG 107. KINH KHƯ RỪNG (1)..... 709 108. KINH KHU RỪNG (2)..... 713 109. KINH Tự QUÁN TÂM (1).....717 110. KINH Tự QUÁN TÂM (2).....719 111. KINH THẤY RÕ PHẠM HẠNH..... 721 112. KINHA-NÔ-BA .....:..... 725 113. KINH GỐC RỄ CÁC PHÁP..... 733 114. KINH ƯU-ĐÀ-LA.....735 115. KINH VÍ DỤ VỀ BÁNH MẬT..... 737

PHẨM H: ĐẠI 116. KINH CÙ-ĐÀM-DI..... 745 117. KINH NHU HOÀ..... 753 118. KINH LONG TƯỢNG..... 757 119. KINH Cơ SỞ ĐÀM LUẬN.....761 120. KINH NÓI VỀ VÔ THƯỜNG..... 765 121. KINH Tự TỨ..... 767 122. KINH CHIÊM-BA..... 771 123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ức.....775 124. KINH TÁM CHƯỚNG NGẠI..... 781 125. KINH BẦN CÙNG.....785 126. KINH NGƯỜI HƯỞNG DỤC..... 789 127. KINH RUỘNG PHƯỚC..... 793 128. KINH ƯU-BÀ-TẮC..... 797 129. KINH OAN GIA..... 801 130. KINH DẠY BẢO

ĐÀM-DI..... 805 131. KINH HANG MA..... 813 132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA..... 821 133. KINH ƯU-BÀ-LY.....837 134. KINH ĐÉ-THÍCH THƯA HỎI..... 853 135. KINH THIỆN SANH..... 873 136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI.....885 137. KINH THẾ GIAN..... 895 138. KINH PHƯỚC..... 897

xxviii KINH TRƯNG A-HÀM

139. KINH CHỐN AN TỊNH..... 901 140. KINH KẺ KHỐN CÙNG..... 903 141. KINH VÍ DỤ..... 905

PHẨM 12: PHẠM CHÍ (I) 142. KINH VŨ-THẾ..... 911 143. KINH THƯƠNG-CA-LA..... 921 144. KINH TOÁN số MỤC-KIỀN-LIÊN..... 927 145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN..... 933 146. KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI..... 943 147. KINH VÀN ĐỨC..... 951 148. KINH KHỔ ĐAU GÌ..... 957 149. KINH ƯỚC MUỐN GÌ..... 961 150. KINH UẤT-SẤU-CA-LA..... 963 151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA.....973

PHẨM 12: PHẠM CHÍ (II) 152. KINH ANH VŨ (1).....987 153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ..... 999 154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG..... 1009 155. KINH TU-ĐẠT-ĐA..... 1021 156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN.....1025 157. KINH VƯỜN CÂY SẦU ĐÂU..... 1029 158. KINH ĐẦU-NA..... 1033 159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA..... 1039 160. KINH A-LAN-NA..... 1043 161. KINH PHẠM-MA..... 1051

PHẨM 13: CẢN BẢN PHÂN BIỆT • 162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI..... 1069 163. KINH PHÂN BIỆT SÁU xứ.....1079 164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP..... 1085 165. KINH THIÊN THẦN ở RỪNG ÔN TUYỀN..... 1093 166. KINH TÔN GIẢ ở THIỀN THẤT TRONG DÂN

CHÚNG HỌ THÍCH..... 1099

MỤC LỤC xxix

167. KINH A-NAN THUYẾT..... 1105 168. KINH NGHIỆP CỦA Ý..... 1109 169. KINH CÂU-LÂU vô TRÁNH.....1113 170. KINH ANH vũ (2)..... 1121 171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP..... 1131

PHẨM 14: TÂM 172. KINH TẦM..... 1143 173. KINH PHÙ-DI.....1147 174. KINH THỌ PHÁP(l)..... 1155 175. KINH THỌ PHÁP (2)..... 1159 176. KINH HÀNH THIỀN..... 1163 177. KINH THUYẾT..... 1171 178. KINH THỢ SẢN..... 1179 179. KINH THỢ MỘC NGŨ CHI..... 1185 180. KINH CÙ-ĐÀM-DI..... 1191 181. KINH ĐA GIỚI.....1197

PHẨM 15: SONG 182. KINH MÃ ẤP(1)..... 1205 183. KINH MÃ ẤP (2)..... 1209 184. KINH RÙNG NGƯU GIÁC SA-LA (1)..... 1213 185. KINH RÙNG NGƯU GIÁC SA-LA (2)..... 1221 186. KINH CÀU GIẢI..... 1227 187. KINH THUYẾT TRÍ.....1231 188. KINH A-DI-NA..... 1239 189. KINH THÁNH ĐẠO.....1245 190. KINH TIỂU KHÔNG.....1251 191. KINH ĐẠI KHÔNG..... 1255

PHẨM 16: ĐẠI 192. KINH GIA-LÂU Ô-ĐÀ-DI..... 1267 193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA..... 1277 194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI..... 1285 195. KINH A-THẤP-BỐI..... 1295

XXX KINH TRUNG A-HÀM

196. KINH CHẦU-NA..... 1305 197. KINH ƯU-BÀ-LY..... 1315 198. KINH BẬC ĐIỀU NGƯ..... 1321 199. KINH BẠC TRÍ VÀ NGƯỜI NGU.....1329 200. KINH NGƯỜI BẮT RẮN..... 1343 201. KINH ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT..... 1355

PHẨM 17: BÔ-LỢI-ĐA 202. KINH TRÌ TRAI..... 1371 203. KINH BÔ-LỢI-ĐA..... 1381 204. KINH LA-MA.....1391 205. KINH NĂM HẠ PHẦN KIẾT sử..... 1401 206. KINH TÂM CẤU UẾ..... 1407 207. KINH TIỄN-MAO (1).....1411 208. KINH TIỂN-MAO (2)..... 1419 209. KINH TỲ-MA-NA-TU..... 1429 210. KINH TỲ-KHEO-NI PHÁP LẠC..... 1435 211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA..... 1445

PHẨM 18: LỆ 212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ..... 1457 213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM..... 1467 214. KINH TỲ-HA-ĐÈ..... 1475 215. KINH CHÚNG ĐẮC BẬC NHẮT..... 1483 216. KINH ÁI SANH..... 1489 217. KINH BÁT THÀNH..... 1495 218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (1)..... 1499 219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (2)..... 1501 220. KINH NHỮNG LUẬN ĐIỂM..... 1505 221. KINH VÍ DỤ MŨI TÊN..... 1507 222. KINH LỆ....*..... 1513 Những ghi chép sau khi dịch lại kinh Trung A-hàm..... 1525

PHỤ LỤC l.....1527 PHỤ LỤC 2..... 1533 SÁCH DẪN.....1539

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PALI

A, Añguttara Nikāya (Kinh Tăng chỉ bộ)

AA. Añguttara Nikāya Atthakathā {Chủ giải Kinh Tăng chỉ bộ)

Áp, Apadāna (Thánh nhân kỷ sự)

ÁpA. Apadāna Atthakathā (Chủ giải Thảnh nhân kỷ sự)

Asi. Atthasālinī {Chủ giải Pháp tụ)

Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)

BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chú giải Phật sử)

CNid. CũỊanỉddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)

CNidA. Cūlaniddesa Atthakathā

{Chu giai Tiêu nghía thích / Chu giải Tiêu diên giai)

Cp. Cariyāpitaka (Hạnh tạng)

CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chủ giải Hạnh tạng)

Cv. Cūlavagga (Tiêu phàm)
Cvs. Cūlavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nikāya (Kinh Trường bộ)
DA. Dīghā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trường bọ)
Dh. Dhammapada (Kinh Pháp cu)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chú giải Kinh Pháp củ)
Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)
Gāt. Gāthā (Therā và Therī)\ Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Nỉ kệ
It, Itỉvuttaka (Kinh Phật thuyết như vạy)
ItA. Itỉvuttaka Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Phật thuyêt như vây)
J. Jātaka (Chuyện Tiền thân)
Kh. Khuddakapātha (Tiêu tụng)
BẢNG VIẾT TẮT xxxiii

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Ni kệ)
Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA, Udāna Atthakathā
(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upāsakajanālañkāra (Uu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin. VỈYiaya Pitaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathā (Chủ giải Luật tạng)
Vism. Vỉsuddhỉmagga (Thanh tinh đạo)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện thiên cung)
VvA. Vimãnavatthu Atthakathā
(Chủ giải Thiên cung sự/ Chủ giải Chuyện thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đối)
TÁC PHẨM TIÊNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahãvastu (Đại sự)
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niết-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasãsana Samỉti edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giảo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giảo) Cpd, Compendium ofPhilosophy (Cươngyêu Triết học / Tóm tát và giải thích bộ Abhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos.

Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bộ)

xxxiv KINH TRUNG A-HÀM

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bô) MB. A Manual of Buddhism {Câm nang Phật giảo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Milinda {Milinda vấn đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm dỉ biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters

BẢNG VIẾT TẮT XXXV

TỔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) VRI. Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chỉ Hội Thánh điển Pāli) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiêu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân...(VV...) f./ ff. (following pages) trang kế tiếp / các trang kế tiếp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang

xxxvi KINH TRUNG A-HÀM

tr.(by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn 9 2

vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN KINH TRUNG A-HÀM

I. TỔNG QUAN KINH TRUNG A-HÀM 1. Tựa đề kinh và mã số trong Đại Chánh Kỉnh Trung A-hàm S. Madhyama Āgamā.1 gồm 222 bài kinh có độ dài trung bình P. majjhimappamānāni suttâní là tuyển tập trong bốn tuyển tập kinh A-hàm S. catvāri-āgama,tứ A-cấp-ma, thuộc Kinh tạng Phật giáo Bộ phái .Trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh ,2 Kỉnh Trung A-hàm thuộc A-hàm bộ là bản văn thứ 26 trong tập 1. Mã số Kinh Trung A-hàm trong ấn bản CBETA tức ấn bản điện tử của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa ,Chinese Buddhist Electronic Text Association^ viết tắt là 7Bln0026? trong khi mã số tựa đề Đại Chánh của SAP là 70001—26.5 Trong tựa đề Sanskrit, "Madhyama Āgamā" được tạo thành bởi chữ ^madhyamd" có nghĩa là "trung binh" hay "vừa","không ngắn cũng không d"và chữ "āgamc^ thường được người Trung Quốc phiên âm là

"A-cấp-ma" ,có nghĩa là "tuyển tập Thánh gi§o"hay "tuyển tap các bài kinh".về số lượng văn tự, kinh điển Pali và A-hàm thường được phân nhóm theo độ dài P. pamāna của kinh. Tuy nhiên, tính từ "trung binh" trong tuyển tập kinh này chỉ mang ý nghĩa tương đối. Trên thực tế, một số bài kinh

1 Trung A-hàm của ấn bản CBETA tại địa chỉ: https://tripitaka.cbeta.org/ 7Dln0026 truy cập ngày 01-12-2021. J - 2 Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh Taishā Shinshu Daizokyo,do Junjiro Tąkakusu và Watanabe Kaikyoku rchủ biên, gồm 85 tập chữ Hán, lần đầu được Công ty Cổ phần xuất bản Đại tạng xuất bản tại Tokyo vào năm 1924-34, nhanh chóng sau đó trở thành nguồn tài liêu gốc của các nghiên cứu và trích dẫn về văn học Phật giáo Trung Quốc quan trọng nhát trên thế giai. 3 CBETA được thành lập vào ngày 15-02-1999, do Thượng tọa Huệ Mần làm Tổng Biên tập. Các cơ quan tham giạ thực hiện có Viện Nghiên cứu Phật học Trung Hoa Pháp cổ Sơn, Đại học Trung ương, Đại học Huyền Trang, Học viện Phạt học Hương Quang, Học viện Phạt học Viên Quang, Học viện Phật học Phước Nghiêm và Hoa Nghiêm Liên XỖL, CBETA là kho tư liệu điện tử bằng chư Hẳn của ấn bản Đại Chảnh đầy đủ nhất từ trước đến giờ. Đen ngày 18-02-2006, CBẺTA đã hoan tất các tập 1-55 và 85 gồm 7.877 vạn chữ. Đen năm 2007, CBETA hoàn tất Vạn tân tục tạng gồm 7.122 vạn chữ. Ấn bản offline có thể download tại: http://www.cbeta.org/download/cbreader.php 4 SẠT có nghĩa là "Co sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh" Samganikīkrtam Taiśhotripitakani thường gọi là ấn bản SÁT, cQtrụ sở tại Tokyo, Nhật Bản, hoàn thành điện tử hóa các tập 56-84 của ĐCT, cũng là tô chức giữ tác quyền và cho phép CBETA thực hiện điện tử hóa các tập 1-55 và 85 của ĐCT. 5 Trung A-hàm của ấn bản SÁT: https://21dzk.Lu-tokyo.ac.jp/SAT2012/ddb-sat2.php?s=&mode=detail &useid=0001_26 truy cập ngày 01-12-2021.

DẪN LUẬN xxxix

Tôn giả Trúc Phật Niệm 13 dịch sang chữ Hán vào năm 384 lòng,1213 14 nhằm niên hiệu Kiến Nguyên thứ 20 thuộc triều đại Tiền Tần , 351-394, còn gọi là Phù Tấn .14 Thông tin trên chủ yếu dựa vào “Lời tựa" của Kỉnh Tăng nhất A-hàm {Ekottarỉka Āgamo do

12 Được hiểu là "miêng đọc bản Sanskrit" ,tức học thuộc lòng, không cần văn bản kinh. 13 Sa-môn Trúc Phật Niệm cèngQÌ là Phật Niệm người Kinh Châu là nhà phiên dịch kinh điển nổi tiếng của triều Tân ,qua đời tại Trường An ,v^o đâu thê kỷ IV. Trúc Phật Niệm chép bản Sanskrit và dịch truyện của Thập tụng Tỳ-kheo Giới bôn cùng VỚI Đàni-ma-tn và Tuệ Thường dịch Giới bổn trên. Năm 413, ngài Phật-đà-da- xá tụng đọc Kinh Trương A-ham, ngài Trúc Phật Niệm dịch sang tiếng Hán. Ngài Trúc Phật Niệm còn hợp tác với Dam-ma-ty S. Dharmaprīya,dịch Ma-ha-bắt-la-nhã Ba-ỉa-mật kinh sao iJO, hợp tác với Cưu-ma-la Phật-đề S. Kumāra Buddhi,dịch Tứ A-hàm mộ sao giải ...Các bộ kinh do Tróc Phật Niệm dịch gồm: i Bo-tatAnh lạc kinh ,u Thập trụ đoạn kiết kinh iii Xuất diệu kinh iv

Bồ-tắt xử thai kinL v Trung ấm kỉnh vi Vương tử pháp ích hoại mục nhân duyên và nhiều tác phẩm quan trọng khác. 14 Các thông tin nàyđược giới thiệu trong Xuất Tam tạng kýjập ,quyển 13; Khai Nguyên Thích giảo lục ,quyển 3; Cao Tăng truyện W, quyển l, dù co một số thông tin dị biệt nho. 15 Hán văn: 4íBản phiên dịch thứ nhất này đã thất truyền^, .Thông tin chi tiếtvề ấn bản bị mất xem Lời tựa của Tăng nhất A-hàm kirihỢỀ tại Xuất Tam tạng ký tập T.55. 2145. 064b01 và Chủng kinh mục lục T.55. 2146. 0147b27. 16 Kõgen Mizuno, "Kanyaku Chũagonkyõ to Zoichiagonkyo no yakushutsu ni tsuite" in Okurayama 2akum kiyõ 2 1956: 41-90; t4Chuagonkyo kaidai^, in Kokuyaku issaỉ-gyõ Agon bu Tokyo: Taito, 1969, revised ed., vol. 6, pp 403-11. 17 Xem Xuất Tam tạng ký tập T.55. 2145. 002 lb 17. 18 Xem thảo luận chi tiết trong Jen-Jou Hung, Marcus Bingenheimer and Simon Wiles, "'Quantitative Evidence for a Hypothesis regarding the Attribution of Early Buddhist Translations" in Literary and Linguistic Computing, 2009. DOI: 10.1093/llc/fqp036.

xi KINH TRUNG A-HÀM

ii Kinh Trung A-hàm 60 quyển 19 là bản dịch chữ Hán thứ hai, còn gọi là Kỉnh Trung A-hàm bản đời Tấn hay "BAn 60 quyển^,7^.Kỉnh Trung A-hàm này là công trình phiên dịch của nhóm dịch giả Ấn - Hoa, do Sa-môn Tăng-già-la-xoa S. Samgharaksa, Chúng Hộ,,2người Kashmir Kế-tân19 đọc bằng 2122 20 tiếng "Ha” 22 c6 thể là tiếng Prakrit2324 hoặc Sanskrit, Tôn giả Cù-đàm Tăng- 26 25 già-đề-bà S. Gautam Samghadeva,24 phiên dịch bằng miệng từ tiếng Prakrit hoặc Sanskrit sang tiếng Hán của nhà Tần,25 Sa-môn Đạo Từ ở Dự Châu ghi chép .26 Bản dịch chữ Hán với hai

19 Các ấn bản internet về Kỉnh Trung A-hàm thường ghi nhầm dịch giả chữ Hán là Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm, thay vì phải là nhóm Tôn giả Tăng-già-la-xoa và Tăng-già-đê-bà. Chăng hạn trên trang Buddhaśasaiia: https://www.budsas.org/uni/u-kinh-ahamtrung/trung^iam_idx.htm tniy ốập ngày o 1-01-2022 hay Thư viện Hoa Sen: https://thuvienhoasen.org/images/file/8sN5q51GOQgQAFl J/Kinh-giao-hoa-nguoi-binh-thich-tue-sy-dich.pdf truy cập ngày 01-01-2022 và Thê giới Phật giáo: https:// thegioiphatgiao.org/kinh/bo-kinh-bac-truyen-a-ham-sanskrit-phan/kinh-trung-a-ham-thich-tue-sy- dich.html truy cập ngày 01-01-2022 và nhiều trang khác. 20 Tôn giả Tăng-già-la-xoa S. Saingharaksa,Chúng Hộ,còn được phiên âm là Tăng- già-la-sát |J là công dân nước Saurāstra, thường được phiên âm là Tulại quốc hoặc Tô-lạt-đà quốc l thầy của Vua Kaniska Ca-nị-sắc-ca vương, 127-151. Ngài là Thí dụ sư S. Dārstāntika,lỗi lạc của Thuyêt Nhát Thiêt Hữu bộ S. Sarvāstivāda, .Các dịch phẩm tiêu biểu của ngài gồm: i Tnhành đạo đỉa kinh S. Yoga-cārya-bhūrni, w được Trúc Pháp Hộ S. Dharmaraksa,dịch chữ Hán vào năm 284, có mã số Đại Chánh và CBETA là H5n0606: http://tripitaka.cbeta.Org/T15n0606 truy cập ngày 01-01-2022; ii Tăng-già-ỉa-sắt sở tập kinh 4được ngài Tăng-già-bạt-trừng S. Sañghabhūti,

dịch năm 385, có mã sô Đại Chảnh và CBETA là ri5n0194: http://tripitaka.cbeta.org/T04n0194 truy cập ngày 01-01-2022. 21 Kế-tân S hay tiếng San^rit là Kāśmīra còn được phiên âm là Kiếp-tân ,Kiết-tân Trong Đại Đường Tây Vức ky ,Huyền Trang phiên âm là Ca-thấp-di-la quốc .Tiếng Anh viết là Kashmir. 22 Chữ

(iii) Trung A-hàm kỉnh ()35 do cư sĩ Trang Xuân Giang () dịch Bạch thoại, 2010. Đây là bản dịch Bạch thoại có nhiều chú thích tự động rất hữu ích. Chỉ cần đặt chuột vào các từ, cụm từ có gạch dưới thì phân giải thích được hiển thị, giúp người đọc nhanh chóng hiểu được ngữ cảnh của từ, cụm từ đó. Ngoài ra, trên trang web của Trang Xuân Giang còn có Hán dịch A-hàm kinh từ điển ()36 trực tuyến giúp độc giả tra cứu các khái niệm, nhân danh, địa danh xuất hiện trong bốn bộ kinh A-hàm. (iv) "Kỉnh Trung A-hanf"()trong Quốc dịch nhất thiết kinh: A-hàm bộ ()do Nham Dã Chân Hùng (9 Shin-0 Iwano) và Liên Trạch Thành Thuần (,Seijun Hasuzawa) dịch tiếng Nhật, NXB. Đại Đông (),Tokyo, 1929. Đây là bản dịch tiếng Nhật đầu tiên có nhiều chú thích hữu ích và tài liệu đối chiếu bản văn rất phong phú. Bản dịch này còn là tài liệu tham khảo quý giá đối với các nghiên cứu ve Kỉnh Trung A-hàm, văn học A-hàm cũng như việc chuyên dịch từ Hán cô sang Bạch thoại của các học giả Trung Quốc và Đài Loan như được nêu ở bản dịch (i)? (ii) và (iii) của mục này. (v) The Madhyama Agamā: Middle-length Discourses (Kinh Trung A-hàm: Những bài kỉnh có độ dài trung binh)* 2 vols, co-edited by Bhikkhu Anālayo, Marcus Bingenheimer, Rodney s. Bucknell (Berkeley, California: Bukkyo Dendo Kyokai America, BDK English Tripitaka, 2013). Bản dịch Anh ngữ duy nhất này mới hoàn tất 2 tập, tập l gồm kinh 1-71 và tập 2 gồm kinh 72-131, do Marcus Bingenheimer làm Tổng Biên tập, Bhikkhu Anālayo và Roderick s. Bucknell đồng biên tập. Các dịch giả từ Hán ngữ sang Anh ngữ gồm Kin-Tung Yit, William Chu, Teng Weijen5 Shi Chunyin, Kuan Tse-fu, Anālayo và Roderick. (vi) về tài liệu đối chiếu bằn^Anh ngữ và Việt ngữ về Kỉnh Trung A-hàm và Kinh Trung bộ có Luận án Tiến sĩ của Hòa thượng Thích Minh Châu, So sảnh Trung A-hàm kỉnh chữ Hán và Kỉnh Trung bộ chữ Pãlỉ (A Comparative Study of the Chinese Madhyama Āgamā and the Pali Majjhimā Nikāya) trình tại Đại học Nālandā năm 1961, được Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch ra tiếng Việt và xuất bản năm 1998. Đây là tác phẩm nghiên cứu Kinh Trung A-hàm và Kỉnh Trung bộ có cấu trúc và nội dung rất công phu. Một tác phẩm nghiên cứu được đánh giá cao trong giới học thuật quốc tế,38 giới thiệu các khác biệt về nội dung và học thuyết chính giữa hai bản kinh.*

35 Kinh Trung A-hàm do Trang Xuân Giang dịch Bạch thoại

4. Ba bản dịch chữ Việt Kỉnh Trung A-hàm 60 quyển, bản dịch chữ Hán của nhóm Tôn giả Sa-môn Tăng-già-la-xoa

ôứL(míOôôL(míYấíề (ềỪìÚảí22L(míô(ểĀOírírírLS(ĀĀểể LứíO

DẪN LUẬN xlv

Trên thực tế5 dựa vào lịch sử truyền thừa của các bộ phái Phật giáo, Kinh Trung A-hàm (S. Madhyama Āgamā.)được xem là tụng bản () quan trọng của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Theo Câu-xá luận kê cổ lục ( ),ngài Pháp Tràng (),tại Nhật Bản cho rằng "Kinh Trung A-hàm và Kỉnh Tạp A-hàm là tụng bản của Tát-bà-đa bộ ()"43 mà Tát-bà-đa bộ là từ phiên âm của chữ Sanskrit "Sarvāstivāda,\ có nghĩa là Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Vào thế kỷ XVIII, Tôn giả Pháp Đạo (Hõdõ, 1740-1770) được xem là nhà sớ giải đầu tiên giới thiệu các đoạn trích dẫn trong A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận (S. Abhidharmakosabhāsya.)qua đó chứng minh răng các bộ A-hàm trở thành tụng bản của các bộ phái Phật giáo khác nhau. Trong lời tựa cho Luận Câii-xd, ngài Pháp Đạo viết rằng: “Kinh Trung A-hàm và Kỉnh Tạp A-hàm đều thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ.M4 Không chỉ có cùng quan điểm tương tự với Pháp Đạo, hai học giả Marcus Bingenheimer43 45 và 44 Mizuno4647 còn cho rằng cả hai bản dịch của Kỉnh Trung A-hàm đều thuộc Thuyết 48 Nhất Thiết Hữu bộ. Cụ thể hơn, Shokū Bando và Fumio Enomoto4^ còn chứng minh rằng Kinh Trung A-hàm thuộc truyền thống Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ ở Kashmir (Kashmiri Sarvāstivādin tradition) .48 Két

DẪN LUẬN xlvii

i Kinh Trung bộ của Nam truyền P. Dīghā Nỉkãya,,Nam truyền Trung bộ kinh điển gồm 152 kinh, chia thành

xlviii KINH TRUNG A-HÀM

Trong bảng đôi chiêu dưới đây, Kỉnh Trung A-hàm có 10 kinh cùng tựa đê và nội dung tương đương với Kỉnh Trường bộ; 10 kinh tương đương với Kỉnh Tương ưng bộ và 77 kinh tương đương với Kỉnh Tăng chỉ bộ.62 Cũng cân ghi nhận rằng có 14/222 bài Kỉnh Trung A-hàm không tương đương với kinh nào trong văn học Pâli. Nếu lấy Kỉnh Trung bộ làm quy chiếu so sánh, có 54 bài Kinh Trung bộ không có kinh tương đương trong Kỉnh Trung A-hàm gom M. 4, M. 9)M. 12, M. 23, M. 29. M. 3(x M 33 34, M 35, M. 36, M. 37, M 41, M 42, M 48, M. 51 M. 53 M. 55 M. 57 M. 58 M. 59, M. 60 M. 62 M. 67, M. 71 M. 72 M. 73 M. 74 M. 76, M. 84, M. 85, M. 86, M. 92, M. 94, M. 95, M. 98, M. 100 M. 102, 103, 105,M 109,M 110,M ỈU.M. 114,M 116,M 118,M 131 M. 144 145, 146, 147, M 149, 150, M 151, 152. Một số bài kinh trong Kinh Trung A-hàm có nội dung tương đương với Kinh Trường bộ được Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ đưa vào, cho thấy chịu ảnh hưởng nhất đinh của Thượng Tọa bộ về Kinh tạng và quan điểm Phật học.63

Kinh Trung A-hàm Kinh Trung A-ham Kinh Trung A-hàm và 77 Kinh Tăng chi bộ và 77 Kinh Tăng chi bộ và 10 Kinh Trường bộ MĀ. 1 =A. 7.64 MĀ. 84=4 10.72 MĀ. 59 = D. 30 MĀ. 2= A. 7.65 MĀ. 90=4 10.24 MĀ. 68 = D. 17 MĀ. 3= A. 7.63 MĀ. 94=4 10.87 MĀ. 70 = D. 26 Mí. 4=4 7.15 MĀ. 95=4 10.53 MĀ. 71 =D. 23 MĀ. 5= A. 7.68 MĀ. 96= A. 10.55 MĀ. 97 = D 15 MĀ. 8= A. 7.62 MĀ. 105= A 10.71 MĀ. 98 = D. 22 MĀ. 11 =A. 3.99 MĀ. 109=4. 10.54 MĀ. 104=0. 25 MĀ. 12=4 4.195 110=4 10.51 MĀ. 134 = a 21 MĀ. 13=4 3.63 MĀ. Ill =A. 6.63 MĀ. 135 =D. 31 MĀ, 15=410.217-18 MĀ. 112-A 6.62 MĀ. 154 = D. 27

62 Tùy theo cách định nghĩa cũng như tiêu chí đánh giá ctnội dung tương duơng", các tác giả hiện đại đưa ra các con sô bát đông. Đây là điêu hiên nhiên, mang tính tương đối. Theo Akanuma Chizen trong quyển sách mang tựa đề “Kcưĩpa Shỉbu Shiagon Goshõroku: The Comparative Catalogue of Chinese Agamas and Pali Nikāyas" (Nagoya: Hajinkakushobo, 1929), nêu ra rằng Kinh Trung A-hàm có 14 bài tương đương với Kinh Trường bộ, 17 bài tương đương với Kỉnh Tương ưng bộ và 87 bài tương đương với Kinh Tăng chi bộ. Một trong các nguyên nhân đếm khác biệt là do một bài kinh trong Trung A-hàm tương đương với một sô bài kinh trong các bộ khác và ngược lại. Bhikkhu Anālayo trong nghiên cứu của mình, A Comparative Study of the Majjhima-nikāya (Taipei: Dharma Drum, 2011), p. 9 cho ràng chỉ có 96 bài kinh Trung A-hàm tương đương với Kinh Trung bộ. 63 Xem các khảo cứu đối chiếu các điểm dị biệt trong ba nghiên cứu sau đây, Jens-Uwe Hartmann, t4Zueiner Neuen Handschrift des Dīrghāgama,, in Vividharatnakarandaka: Festgabe fur Adelheid Mette, Chojnacki ét ai (ed.) (Swisttal-Odendorf, Germany: Indica ét Tibetica Verlag, 2000), pp. 359-67; Bhikkhu Anăiữyo, Comparative Notes on the Madhyama-āgama, 2006 và Bhikkhu Anālayo, Madhyama-āgama Studies (Taipei: Dharma Drum Publishing, 2012). *

DẪN LUẬN xlix

MĀ. 113= A 8.83, Kinh Trung A-ham MĀ. 16= A 3.65 A. 10.58 và Kinh Tương ưng bộ

MĀ. 18= A 8.12 116=4 8.51 MĀ. 17 = 5.42.6 Mí. 21=4 2.4.5-Ó MĀ. 117= A. 3.38-39 Mỉ. 20 = S. 42.13 MĀ. 22=4 5.166 Mỉ. 118=4 6.43 MĀ. 23= S. 55.26 MĀ, 24=4. 9.11 MĀ. ỈỈ9=A. 3.67 MĀ. 28 = 5. 55.26

MĀ. 122 =Ả. 8.10,
MĀ. 25=4 5.162 MĀ. 58 = S. 46.42
A. 8.20
MĀ. 35=4 8.19 MĀ. 123= A 6.55 MĀ. 61 = S. 22.96
MĀ. 36=4. 8.70 MĀ, 124= A 8.29 MĀ. 114 = S. 35.103
MĀ. 37= A. 8.20 MĀ. 126= A. 10.91 MĀ. 116 = 5. 42.12
MĀ. 38=4 8.21 MĀ. 127= A 2.4.4 MĀ.
DẪN LUẬN li

ii về nhân sinh quan Phật giáo Đức Phật khẳng định con người không phải là vật thụ tạo của Thượng đế sáng thế, mà do cha mẹ sanh ra dưới hình thức năm tổ hợp tâm vật lý, chịu sự chi phối của luật vô thuơng và về bản chất là phi ngã. Chết không phải là hết. Sau khi chét, tâm thức tiêp tục đâu thai, mang theo tông thể nghiệp chung, nghiệp riêng. Dưới đây là hai trong một số khái niệm quan trọng hình thành nhân sinh quan Phật giáo. Năm tổ hợp tâm vật lý S. pañca skandha, p. pañca khandha,gồm thân thể ,cảm giác ,tri giác ,tam tư T, nhận thức ,Trong đó, tổ hợp thân thể được hình thành bởi bốn yếu tố phổ quát gồm đất , nước lửa gió trong khi, tổ hợp tâm gồm bốn yếu tố còn lại. Mười hai mắc xích sự sống Lý giải ba chiều thời gian của cuộc sống con người và hữu tình khác. Sự sống không có điểm bắt đầu, tức lâu xa vô thủy. Sự sống không có kết thúc. Các kiếp quá khứ

được biết qua: i vô minh ? ii hành . Từ khi chết liền tiếp tục tái sinh, được biết qua iii thức ở kiếp hiện tại, bắt đầu bằng iv tâm và phôi thai ,v sáu giác quan ,vi tiếp xúc vii cảm xúc ,viii tham ái về tính dục, tồn tại và không tồn tại, ix chấp thủ nên tiếp tục x hiện hữu ở kiếp tương lai, xi được sinh ra rồi lại tiếp tục trải qua xii già và chét . iii về tâm lý học Phật giáo Sáu giác quan S. sadāyatana, p. salāyatana. lục xứ lục nhập , lục nội xứ gồm: mắt ,tai ,mũi ? lưỡi ,thân ,ý . Sáu trần cảnh lục trần lúc cảnh lục ngoại xứ gồm: hình thái ,âm thanh ,mùi ,vi ,tiếp xúc ,sự vật . Sáu tiếp xúc lục xúc ,lục xúc thân gồm: tiếp xúc mắt , tiếp xúc tai ,tiếp xúc mũi ,tiếp xúc lưỡi tiêp xúc thân ,tiếp xúc ý . Sáu thức lục thức ,lục thức thân lục thức giới gồm: thị giác nhãn thức ,thính giác nhĩ thức ,khứu giác tỷ thức , vị giác thiệt thức ,xúc giác thân thức ,ý thức . Sáu tri giác lục tưởng Iqc tưởng thân gồm: tri giác mắt tri giác tai tri giác IIi ,tri giác lưỡi tri giác thân tri giác ý hay ý tưởng . Sáu tư duy lục tư 9 lục tư thân gồm: tư duy mắt ,tư duy tai ,tư duy mũi ,tư duy lưỡi ,tư duy thân ,ý tư . Sáu

Sáu yếu tố (lục giới)gồm: đất (),nước (),lửa (),gi6 (),hư không (),nhận thức () Mười hai yếu tố (thập nhị xứ)gồm: sáu giác quan và sáu đối tượng giác quan. Mười tám yếu tố (thập bát giới)gồm: sáu giác quan, sáu đối tượng giác quan và sáu nhận thức giác quan. (iv) về đạo đức quan Phật giáo Đức Phật nhấn mạnh vai trò đạo đức trong việc hoàn thiện con người nhân bản. về đạo đức tại gia có năm điều đạo dức, tám điều đạo đức và mười điều thiện. Năm điều đạo đức (S. pañca-śīla, p. pañca-sīla,)gồm: (i) không giết h@i ()(ii) không trộm cắp ()(iii) không ngoại tình (), (iv) không nói láo ()(v) không uống rượu (). Tám điều đạo đức (S. astānga-sīla, astā-sīla, p. atthañga-sīla, attha-sīla,)gồm: (i), (ii) giống năm điều đạo đức, (iii) không dâm dục ( )trong 24 giờ, (iv), (v) giong năm điều đạo đức, (vi) không sử dụng giường cao, rộng, sang ()(vii) không sử dụng trang sức mỹ phẩm ()và không xem hát múa (),(viii) không ăn sau 12 giờ (). Mười điều thiện (S. daśa-kuśala-karmāni. p. dasakusalakammapathā,)gồm: (i) (ii) (iii) và (iv) giống năm điều đạo đức, (v) không nói chia rẽ ( ),(vi) không văng tục (), (vii) không thêu dệt (),(viii) không tham dqc (),(ix) không sân hận (),(x) không tà kiến (). về đạo đức xuất gia có 10 điều đạo đức Sa-di64 (nam giới), hoặc Sa-di-ni65 (nữ giới), sáu điều tu học của Thức-xoa66 (nữ giới), 250 điều đạo đức của Tỳ- kheo67 để làm Thầy và 348 điều đạo đức của Tỳ-kheo-ni68 để làm Sư cô. về đạo đức Bồ-tát có đạo đức Bồ-tát xuất gia69 và Bồ-tát tại gia.70

64 Xem chi tiết trong Thích Nhật Từ dịch và chú thích, Giới Sa-di, oai nghi, tỳ-ni và cảnh sách (Hà Nội: NXB.

v về xã hội quan và chính tri quan Ngoài việc chủ trương xóa bỏ bốn giai cấp, xây dựng xã hội bình đẳng, không phân biệt trọng nam khinh nữ, đề cao dân chủ, nhân quyền và tự do, đức Phật trong Kỉnh Trung A-hàm còn giới thiệu các học thuyết quan trọng sau đây: Chuyển Luân Thánh Vương S. Cakravarti-rāja, p. Cakkavattỉn, :Mô hình vị vua lý tưởng, quản tri đất nước theo chủ nghĩa pháp quyền, được hỗ trợ bởi đạo đức và chân lý. Chủ nghĩa pháp quyền của Chuyển Luân Thánh Vương :Điều hành đất nước dựa vào luật pháp ,lap pháp L đầy đủ hành pháp .Tôn trọng, cung kính luật pháp, luật pháp là trên hết và tôn trọng Chánh pháp .71 Bảy yếu tố đặc thù hỗ trợ cho Chuyển Luân Thánh Vương gồm: bánh xe vàng báu ,ii voi trắng báu ,iii ngựa tía báu iv thần châu báu 9 v ngọc nữ báu ,vi cư sĩ báu ,vii chủ binh báu . vi về tu tập quan và giải thoát quan Con đường chân chánh gồm tám yếu tố hướng đến giác ngộ và giải thoát của đức Phật chủ yếu giúp con người hoàn thiện trí tuệ, đạo đức và thiền định. Dưới đây là một sô phương pháp tu căn bản trong Kinh Trung A-hàm, giúp con người kết thúc khổ đau, giác ngộ, giải thoát bây giờ và tại đây. Bốn sự thật cao quý S. catvãri ãryasatyâni. p. cattāri ariyasaccāni. gồm các sự thật về: i thực trạng khổ đau ii nguyên nhân khổ đau iii sự chấm dứt khổ đau iv con đường dẫn đến chấm dứt khổ đau . Đạo Thánh tám nhánh gồm: i tầm nhìn chân chánh ,ii tư duy chân chánh ,72 iii ngôn ngữ chân chánh iv hành động chân chánh ,v mun sinh chân chánh ,vi nỗ lực chân chánh ,73 vii ghi nhớ chân chánh ,viii định tâm chân chánh . Bốn nền tảng chánh niệm gồm: quán thân như thân ,ii quán cảm giác như cảm giác ,iii quán tâm như tâm ,iv quán pháp như pháp . Bốn thiền gồm: i hỷ lạc do lìa tham ái ,ii hỷ lạc do định sanh ,iii an lạc sâu do lìa hỷ lạc ,iv buông xả mọi ý niệm ,dát thanh tịnh tuyệt đối .

71 "'Kinh Chuyển Luân Thảnh Vương tu hành" trong Trường A-hàm: https://suttacentral.net/da6/lzh/ taisho truy cập ngày 01-02-2022. 72 Trong Kỉnh Trung A-hàm, "chánh chí"chỉ cho "chánh tư duy". 73 Trong Kinh Trung A-hàm, "chánh phương ti$n,?chỉ cho "chánh tinh tấn".

Năm sức mạnh gồm: i niềm tin ,ii tinh tấn ,iii chánh niệm ,iv thiền định ,v trí tuệ . Bảy yếu tố giác lìgQ gồm: i chánh niệm 5 ii trạch pháp u ,iii tinh tấn ,iv hoan hỷ ,v khinh an ,vi định , vii buông xả . Bảy tài sản Thánh gồm: i niềm tin 5 ii đạo đức ,iii tự thẹn với mình ,iv xấu hổ với người ,v học rộng Phật pháp , vi bố thí ,vii trí tuệ . Bốn quả Thánh Thánh quả Tu-đà-hoàn ii Thánh quả Tư-đà-hàm ,iii Thánh quả A-na-hàm ,iv Thánh quả A-la-hán F. 3. Bảng đối chiếu Kinh Trung A-hàm và Kinh Trung bộ Kinh Trung A-hàm Kinh Trung bộ 1. Thiện pháp kinh không

tương đương Trung bộ 2. Trú Độ thọ kinh không tương đương Trung bộ 3. Thành dụ kinh không tương đương Trung bộ 4. Thủy dụ kinh không tương đương Trung bộ 5. Mộc tích dụ kinh không tương đương Trung bộ 6. Thiện nhân vãng kinh không tương đương Trung bộ 7. Thế gian phước kinh không tương đương Trung bộ 8. Thất nhật kinh không tương đương Trung bộ 9. Thất xa kinh 74 24. Kinh trạm xe P. Rathavinītasuttam 2. Kinh tất cả lậu hoặc 10. Lậu tận kinh 75 P. Sabbāsavasuttam, 11. Diêm dụ kinh không tương đương Trung bộ 12. Hòa-phá kinh không tương đương Trung bộ U. Độ kinh không tương đương Trung bộ 61. Kinh giáo giới La-hầu4a ở rừng Am-bà-la 14. La-vãn kinh 76 P. Ambalatthikārāhulovādasuttam. 15. Tư kinh không tương đương Trung bộ 16. Già-lam kinh không tương đương Trung bô

74 Thất xa kỉnh TOI. 0026.9. 0429c28. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.39.10. 0733c28. 2 TOI. 0026.10. 0431C13. Tham chiếu: Nhất thiết lim nhiếp thủ nhân kinh roi. 0031. 0813a05; Tăng. 0.02. 0125.40.6. 0740a25. ^La-van kinh TOI. 0026.14. 0436a 12. Tham chiếu: Pháp củ thỉ dụ kinh 'Tượng phẩm,, T.04 0211.31. 0599c20rXuất diệu kỉnh 4tLợi dưỡng phẩm,, 7.04. 0212.14. 0678ỒỒ5; Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da 23. 1442.24. 0760016; Đại trí đô luận T.25. 1509.13. 0158a29.

DẪN LUẬN lv

17. Già-di-ni kinh không tương đương Trung bộ 18. Sư tử kinh không tương đương Trung bộ 19. Ni-kiền kinh 77 101. Kinh Devadaha P. Devadahasuttam. 20. Ba-la-lao kinh không tương đương Trung bộ 2Ì. Đẳng tâm kinh không tương đương Trung bộ 22. Thành tựu giới kinh không tương đương Trung bộ 23. Trí kinh không tương đương Trung bộ 24. Sư tử hống kinh không tương đương Trung bộ 25. Thủy dụ kinh không tương

11 Ni-kiền kinh roi. 0026.19. Q442b29 c6,phần tương đồng với M. 27, CũỊahatthipadopamasuttam Tiêu kinh dụ dâu chân voi. nCù-ni-sưkỉnh roi. 0026.26. 0454c24. 79Phạm chíĐà-nhiên kình TOI. 0026.27. 0456a22. 80 Giảo hóa bệnh kinh TOI. 0026.28. 0458ỒỒ28. Tham chiếu: s. 55.26; Tạp.T02. 0099.1032. 0269C08; Tang.T.02. 0125.51.8. 0819bll. 81 Tượng tích dụ kinh r.01. 0026.30. 0464b17. ^Phân biệt Thảnh đế kinh ;TOI 0026.31. 0467a28. Tham chiếu: Tứ đế kinh TOI. 0030814b08; Tăng.T.02. 0125.27.1. 0643a26. 83 Vị tằng hữu pháp kinh TOI. 0026.32. 0469c20. Bạc-câu-la kinh TOI. 0026.34. 0475al 1.

Ivi KINH TRUNG A-HÀM

39. úc-già trưởng giả kinh 2 không tương đương Trung bộ

40. Thủ trưởng giả kinh không tương đương Trung bộ 1 41. Thủ trưởng giả kinh không tương đương Trung bộ 2 42. Hà nghĩa kinh không tương đương Trung bộ 43. Bất tư kinh không tương đương Trung bộ 44. Niệm kinh

không tương đương Trung bộ 45. Tàm quỷ kinh 1 không tương đương Trung bộ 46. Tàm quỷ kinh 2 không tương đương Trung bộ 47. Giới kinh 1 không tương đương Trung bộ 48. Giới kinh 2 không tương đương Trung bộ 49. Cung kính kỉnh 1 không tương đương Trung bộ 50. Cung kính kinh 2 không tương đương Trung bộ Bồn tế kinh không tương đương Trung bộ 52. Thực kbếâállbāD,bāåKâylbāKâyậếậớậRbâbâbvyåKâyRRâbvyåâáếbvếếyãá vếåỡbíLLíG,ầDbếâãllbāD

Thiên sứ kỉnh TOI. 0026.64. 0503a21. Tham chiếu: Thiết thành Nê-ỉê kỉnh TOI. 0042. 0826c26; Diêm-la vương ngũ thiên sứ giả kinh T.01. 0043. 0828ỒỒ12; Tăng.T.02. 0125.32.4. 0674b16.

67. Đại Thiên nại lâm kinh 83. Kinh Makhādeva 86 P. Makhādevasuttam, 68. Đại Thiện Kiến vương kinh không tương đương Trung bộ

69. Tam thập dụ kinh không tương đương Trung bộ 70. Chuyển Luân Vương kinh không tương đương Trung bộ 71. Tỳ-tứkinh 87 không tương đương Trung bộ 72. Trường Thọ vương bổn khởi kinh 128t

88

86Đợí Thiên nại lâm kinh 7101.0026.67.0511c21. Tham chiếu: Tdĩĩg.T02.0125.50.4. 0806c21; Ma-điều vương kinh 03. 0152.87. 0048b25. 87 Tỳ-tứ,.Tham chiếu: Tệ-túc kinh roi. 0001.07. 042b24. 88 Trường Thọ vương bổn khởi kinh TOI. 0026.72. 0532c09. Tham chiếu: Tăng. T.02. 0125.24.8. 0626bll 89 Tịnh bất động đạo kinh roi. 0026.75. 0542b03. 90Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh roi. 0026.77. 0544ỒỒ21. 91 Phạm thiên thỉnh Phật kinh TOI. 0026.78. 0547a09. 92 Hữu thắng thiên kinh roi. 0026.79. 0549ỒỒ03. 93 Niệm thân kỉnh TOI. 0026.81. 0554cl0. Tham chiếu: Niệm xứ kinh roi. 0026.98. 0582b07; iir.02. 0125.12.1. 0568a01. 94 Chân nhân kinh TOI. 0026.85. 0561a20. Tham chiếu: Thị pháp phi pháp kinh roi. 0048. 0837C21; Tăng. 0.02. 0125.17.9. 0585al8.

86. Thuyết xứ kinh ()95 148. Kinh sáu sáu (P. Chachakkasuttam.)
5. Kinh không uế nhiễm
87. uế phẩm kinh ()96
(P. Anañganasuttam,)
3. Kinh thừa tự pháp
88. Cầu pháp kinh ()97
(P. Dhammadāyādasuttam,)
89. Tỷ-kheo thỉnh kỉnh ()98 15. Kinh tư lượng (P. Anumānasuttam,)
90. Tri pháp kinh () không tương đương Trung bô

91. Châu-na vấn kiến kinh

8. Kinh đoạn giảm (P. Sallekhasuttam,)

()99

92. Thanh bạch liên hoa dụ kinh

() không tương đương Trung bộ

93. Thủy Tinh Phạm chí kinh 7. Kinh ví dụ tấm vải ()1 (P. Vatthūpamasuttam,) 94. Hắc Tỳ-kheo kinh () không tương đương Trung bộ 95. Trụ pháp kinh () không tương đương Trung bộ 96. Vô kinh () không tương đương Trung bộ 97. Đại nhân kinh () không tương đương Trung bộ 98. Niệm xứ kinh ()101 10. Kinh niệm xứ (P. Satipatthānasuttaīn.) 13. Đại kinh khổ uẩn 99. Khổ ẩm kinh ()102 (1) (P. Mahādukkhakkhandhasuttam,) 14. Tiểu kinh khổ uẩn 100. Khổ ẩm kinh ()13 (2) (P. Cūladukkhakkhandhasuttam,) 101. Tăng thượng tâm kinh 20. Kinh an trú tầm ()14 . (P. Vitakkasanthānasuttam,)

19. Kinh song tầm

102. Niệm kinh 105

P. Dvedhāvitakkasuttam.

11. Tiểu kinh sư tử hống

103. tử hống kinh 16

P. Cūlasīhanādasuttam,

104. Ưu-đàm-bà-la kinh không tương đương Trung bộ

6. Kinh ước nguyện

105. Nguyện kinh 17

P. Ākañkheyyasuttarn,

1. Kinh pháp môn căn bản

106. Tưởng kinh 18

P. Mūlapariyāyasuttam

17. Kinh khu rừng

107. Lâm kinh 1091

P. Vanapatthasuttam.

17. Kinh khu rừng

108. Lãm kinh 1102

P. Vanapatthasuttam,

109. Tự quán tâm kinh 1 không tương đương Trung bộ

110. Tự quán tâm kinh 2 không tươìig đương Trung bộ

111. Đạt Phạm hạnh kinh không tương đương Trung bộ \n.A-no-ba kinh không tương đương Trung bộ

113. Chư pháp bổn kinh không tương đương Trung bộ

114. Ưu-đà-la kinh không tương đương Trung bộ
18. Kinh mật hoàn
115. Mật hoàn dụ kinh 111
P. Madhupindikasuttam,
116. Cù-đàm-di kinh không tương đương Trung bộ
117. Nhu nhuyến kinh không tương đương Trung bộ
118. Long tượng kỉnh không tương đương Trung bộ
119. Thuyết xứ kinh không tương đương Trung bộ
120. Thuyết vô thường kinh không tương đương Trung bộ
121. Thỉnh thỉnh kinh không tương đương Trung bô
122. Chiêm-ba kinh không tương đương Trung bộ
123. Sa-môn Nhị Thập ức kinh
• • không tương đương Trung bộ
ỉ05Niệm kinh roi. 0026.102. 0589all. 106 Sư tử hống kinh roi. 0026.103. 0590ỒỒ05. Tham chiếu: Tăng.r02. 0125.27.2. 0643c02. Ỉ01 Nguyện kỉnh 01. 0026.105. 0595cl 1. 108 Tưởng kinh TOI. 0026.106. 0596b09. Tham chiếu: Lạc tưởng kỉnh TOI. 0056. 0851a23; Tang~^ T.02. 0125.44.6. 0766a04. 109 Lâm kinh TOI. 0026.107. 0596c25. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.45.3. 077ÍCÍ7. 110 Như trên. 111 Mật hoàn dụ kinh roi. 0026.115. 0603b09. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.304. 0086C23; Tăng.T.02. 0125?40.10. 0743a04.

DẪN LUẬN Ixi

150. uất-sẩu-ca-la kinh ()117 96. Kinh Esukārī(P. Esukārīsuttam.)

151. Phạm chỉA-nhiếp-hòa kinh 93. Kinh Assalāyana
(M)117
118*
123
121
120 (P. Assalāyanasuttam,)
Ỉ52, Anh Vũ kinh ()119 99. Kinh Subha (P. Subhasuttam,)
75. Kinh Māgandiya
153. Tu-nhàn-đề kinh ()12
(P. Māgandiyasuttam.)
154. Bà4a-bà-đường kinh không tương đương Trung bộ
()
155. Tu-đạt-đa không tương đương Trung bộ
156. Phạm-ba-la-diên kỉnh
(•) không tương đương Trung bộ
157. Hoàng Lô viên kinh () không tương đương Trung bộ 158. Đầu-na kinh () không tương đương Trung bộ 159. A-già-la-ha-na kinh () không tương đương

Trung bộ

\6ữ.A4an-na kinh () không tương đương Trung bộ 91. Kinh Brahmāyu ỉ6Ì.Phạm-ma kinh ()121 (P. Brahmāyusuttam.) 162. Phân biệt lục giới kinh 140. Kinh giới phân biệt (*2' (P. Dhātuvibhañgasuttam,) 163. Phân biệt lục xứ kinh 137. Kinh phân biệt sáu xứ (*3' (P. Salāyatanavibhañgasuttam.)

117 uất-sấu-ca-la kinh (7.01. 0026.150. 0660c29). 118 Phạm chí A-nhiếp-hòa kỉnh (roi. 0026.151. 0663b25). Tham chiếu: Phạm chỉ Át-ba-la-diên vấn Chủng Tôn kỉnh (roi. 0071. 0876b24); T&ig.(T.02. 0125.40.9. 0742b03). ỉỉ9An/ĩ Vũ kinh (70. 0026.152. 0666c26). Tham chiếu: Anh Vũ kinhỊẾ(T.01. 0026.170. 0703c21); Đâu-điều kinh (r.01. 0078. 0887004); Anh Vũ kinh^ĩệ^t (T.01 0079._0888b15); Phật VỊ Thủ-ca trưởng giả thuyêt nghiệp bảo sai biệt kinh (roi. 0080. 0891al7). 120 Tu-nhàn-đềkinh (roi. 0026.153. 0670a26). Tham chiếu: Pháp củ ^4Ne-hoan pl^m" (T.04. 0210.36. 0573a23); Xuất diêu kinh /^ê-hoànphấm^ỉtì® (4. 0212.27. 0730c06); Pháp tập yêu tụng kỉnh "Viên tịch phâm,, (T.04. 0213.26. 0790b 16). 121 Phạm-ma kinh (TOI. 0026.161. 0685a05). Tham chiếu: phạm-ỉna dụ kinh^^ 0.01. 0076. 0883007); Pháp củ to/z t4Pham chí phẩm" (704 0210.35. 0572b20); ^wẢ diệu kinh "Phạợi chi r)ham,i thffl(T.04. 0212.34. 0798a01); Pháp tập yếu tụng kinh "Phạm chí pham,7ẩi«(6213.33.0798a01). , , \22Phần biệt lục giới kinh 01. 0026.162. 0690al9). Tham chiếu: Phật thuyết Bình-sa vương ngũ nguyện kinh (T. 14. 0511. 0779a06). 123 Phân biệt lục xứ kinh (roi. 0026.163. 0692b22). Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc iuạn pi M1Ể w ft M rí Ế (T.26. 1536.18? 0440c23).

Ixii KINH TRUNG A-HÀM

164. Phân biệt quán pháp kinh 138. Kinh tổng thuyết và biệt thuyết P. Uddesavibhañgasuttam. 133. Kỉnh Đại Ca-chiên-diên nhất dạ hiền giả 165. Ôn Tuyền lâm thiên kinh 125 P. Mahākaccānabhaddekarattasuttam. 134. Kinh Lomasakañgiya nhất dạ hiền giả 166. Thích trung thiền thất tôn kinh , P. Lomasakan^iyabhaddekarattasuttam.

132. Kinh A-nan nhất dạ hiền giả ìôl.A-nan thuyết kinh 127

P. Ānandabhaddekarattasuttam

120. Kinh hành sanh

168. Ỷ hành kinh 128

P. Sañkhārupapattisuttam.

169. Cãu-lãu-sấu vô tránh kinh 139. Kinh vô tránh phân biệt

129 P. Aranavibhañgasuttam,

135. Tiểu kinh nghiệp phân biệt ỉlữ.Anh Vũ kinh 13

P. Cūlakammavibhañgasuttam,

171. Phăn biệt đại nghiệp kinh 136. Đại kinh nghiệp phân biệt

" P. Mahākammavibhañgasuttam.

172. Tâm kinh ừ không tương đương Trung bộ
173. Phù-dikình 132 126. Kinh Phù-di P. BhūmiJasuttam.
45. Tiểu kinh pháp hành
174. Thọ pháp kinh *126
133134
129 1
P. Cūladhammasamādānasuttam,
46. Đại kinh pháp hành
175. Thọ pháp kinh 134 2
P. Mahādhammasamādānasuttam,
176. Hành thiền kinh không tương đương Trung bộ
ỉ24Phân biệt quản pháp kinh TOI. 0026.164. 0694b13. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.43. 0Ỏ10C19; Tạp.r02. 0099.66. Ò017bl6? Ôn Tuyền lâm thiên kỉnh roi. 0026.165. 0696b26. Giống nội dung kinh 131, 132. Tham chiếu: Phật thuyết Thiện dạ kinh 21. 1362. 0881c03. 126 Thích trung thiền thất tôn kinh TOI. 0026.166. 0698c03. Tham chiếu: Tôn thượng kinh 701.0077. 0886a25. ì21A-nan thuyết kinh roi. 0026.167. 0699c27. Ỷ hành kinh T01. 0026.168. 0700Ồ24; Tiểu không kinh TOI. 0026.190. 0736c27; Đại không kinh roi. 0026.191. 0738a03. ' 129 Câu-lâu-sấu vô tránh kỉnh TOI. 0026.169. 0701b22. ^AnhVũ kinh JOI. 0026.170. 0703c21. Tham chiếu: Đâu-điều kỉnh ,001. 0078. 0887b04; Anh Vũ kinh KỊ 001. 0079. 0888Ồ15; Phật vị Thủ-ca trưởng giả thuyết nghiệp bảo sai biệt kinh ft<a<#roi. 0080. 089ÌaÍ7; Phân biệt thiện ác bảo ứng kinh ār.01.0081. 0895b25. biệt đại nghiệp kinh £01. 0026.171. 0706b12. Tham chiếu: Đại trí độ luận T25. 1509.24.

DẪN LUẬN Ixiii

177. Thuyết kinh không tương đương Trung bộ
178. L sư kinh 135 25. Kinh bẫy mồi P. Nivāpasuttam.
179. Ngũ chi vật chủ kinh 78. Kinh Samanamundika
P. Samanamundikasuttam
142. Kinh phân biệt cúng dường
180. Cù-đàm-dikinh 137
P. Dakkhināvibhañgasuttam
U5. Kinh đa giới
Đa giới kinh 138
P. Bahudhātukasuttam,
39. Đại kinh Xóm Ngựa
182. Mã Áp kinh 139 1
P. Mahāassapurasuttam,
40. Tiểu kinh Xóm Ngựa

183. Mã Ấp kinh 142
P. Cūlaassapurasuttam,
184. Ngưu Giác Sadā lâm kinh 32. Đại kinh rừng Sừng Bò
135 141142
138
*137 1
*144 P. Mahāgosiñgasuttam,
185. Ngưu Giác Sa-la lâm kinh 31. Tiểu kinh rừng Sừng Bò
2 P. Cūlagosiñgasuttam,
186. Cầu giải kinh 143 47. Kinh tư sát P. Vīmamsakasuttam,
112. Kinh sáu thanh tinh
187. Thuyết trí kinh
P. Chabbisodhanasuttam.
Ỉ^.A-di-na kinh không tương đương Trung bộ
117. Đại kinh bốn mươi
189. Thánh đạo kinh
P. Mahācattārīsakasuttam,
121. Kinh tiểu không
190. Tiểu không kinh
P. Cūlasuññatasuttam.
122. Kinh đại không
191. Đại không kinh
P. Mahāsuññatasuttam.
192. Ca-lâu-ô-đà-dikinh 66. Kinh ví dụ con chim cáy
144 P. Latukikopamasuttam,
135Lạp sư kinh roi. 0026.178. 0718ỒỒ23. Oguchi vật chủ kình roi. 0026.179. 0720a28. 137 Cìi-dèưn-di kinh TOI. 0026.180. 0721c21. Tham chiếu: biệt bố thí kỉnh roi. 0084.0903b j; Hiên ngu kỉnh uBa-ba-lypham7 RSếẫíỐ T.04.0202.50.0434a01; Tạp bảo tạng kinh "Tháp xa vương duyên,, T.04. 0203.1. 0447al6. 138 Đa giới kinh roi. 0026.181. 0723a08. Tham chiếu: Phật thuyết Tứ phẩm pháp môn kinh 3.17. 0776. 0712b 10; Tạp.T.02. 0099.451. 0115c27. ^MãẤp kinh roi. 0026.182. 0724c17. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.49.8. 080ÍCÍ4. Mã Ấp kỉnh roi. 0026.183. 0725CÍ6. W Ngưu Giác Sa-la lâm kinh TOI. 0026.184 0726c25. Tham chiếu: Tăng.Tỹ2. 0125.37.3.0710c05; Phật thuyết Tỷ-kheo các ngôn chỉ kinh r.03.0154.16.0080c26. 142Ngưu Giác Sa-la lâm kinh TOI. 0026.185. 0729b27. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.24.8. 0626b 11. ỉ43 Cầu giải kinh roi. 0026.186. 0731a29. 144 Ca-lâu-ô-đà-di kỉnh TOI. 0026.192. 0740c15. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.49.7. 0800b27.

Ixiv KINH TRUNG A-HÀM

193. Mâu4ê-phá-quần-na kinh 21. Kinh vỉ dụ cải cưa 14 P. Kakacūpamasuttam,

194. Bạt-đà-hòa4ợi kinh 65. Kinh Bhaddāli

146 •

P. Bhaddālisuttam,

70. Kinh Kītāgiri

. A-thẩp-bốikinh 147

P. Kītāgirisuttam

104. Kinh làng Sāmā

196. Châu-na kinh 148

P. Sāmagāmasuttam,

197. Ưu-bà4y kinh không tương đương Trung bộ

125. Kỉnh điều ngự địa

198. Điều ngự đỉa kinh 149

P. Dantabhūmisuttam,

129. Kinh hiền ngu

199. Si tuệ địa kinh 15

P. Bālapanditasuttam.

22. Kinh vỉ dụ con rắn

200. A-lê-tra kinh

P. Alagaddūpamasuttam,

38. Đại kinh đoạn tận ái

201. Trà-đếkinh 152

P. Mahātanhāsañkhayasuttam,

202. Trì trai kinh không tương đương Trung bộ

203. BÔ4ợi-đa kinh 153 54. Kinh Potaliya P. Potaliyasuttam,

26. Kinh Thánh cầu

204. La-ma kinh 154

P. Ariyapariyesanāsuttam,

205. Ngũ hạ phần kiết kinh 64. Đại kinh Māluñkya

0 P. Mahāmāluñkyasuttam,

145Mâu-lê-phả-quần-na kỉnh TOI. 0026.193. 0744a04. Tham chiếu: Tăng.7.02. 0125.50.8. 0813C02. ỵ46Bạt-đà-hòa-lợikỉnh roi. 0026.194.0746b18. Tham chiếu: Tg.T.02.0125.49.7. 080Ób27. J 141 A-thấp-bỐi kinh roi. 0026.195. 0749c01. =Chãu-na kinh TOI. 0026.196. 0752cll. Tham chiếu: Tire tránh nhân duyên kinh T.Ol. 0085. 0904Ồ27; A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận 26. 1536.7. 0428c 16. ỉ49Điều ngự địa kỉnh roi. 0026.198. 0757a03. tuệ địa kinh TOI. 0026.199. 0759al9. Tham chiếu: Phật thuyết Nê-lê kinh T.01.0086.0907al0 . “ 151 A-lê-tra kinh TOI. 0026.200. 0763b01. Tham chiếu: Tăng.02. 0125.43.5. 0759c29. 152 Trà-đếkinh TOI. 0026.201.

0766b28. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.304. 0086c23. 153 Bô-ỉợi-đa kinh TOI. 0026.203. 0773a02; ưu-bà-ly kinh TOI. 0026.133. 0628al8. {5\La-ma Z01. 0026.204. 0775c07. Tham chiếu: Bẩn sự kinh n7. 0765.4. 0679Ồ23. 155 Ngũ hạ phần kiết kinh roi. 0026.205. 0778c09.

16. Kinh tâm hoang vu
206. Tâm uế kinh 156
P. Cetokhilasuttam,
77. Đại kinh Sakuludāyi
207. Tiễn mao 157 1
P. Mahāsakuludāyisuttam,
79. Tiểu kinh Sakuludāyi
208. Tiễn mao A158 2
P. Cūlasakuludāyisuttam,
209. Bệ-ma-na-tu kinh 80. Kinh Vekhanassa
159 P. Vekhanassasuttam.
210. Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni kinh 44. Tiểu kinh phương quảng
g P. Cūlavedallasuttam,
211. Đại Câu-hy-la kinh 43. Đại kinh phương quảng
P. Mahāvedallasuttam,
90. Kinh Kannakatthala
212. Nhất thiết trí kinh 162
P. Kannakatthalasuttam.
213. Pháp trang nghiêm kinh 89. Kinh pháp trang nghiêm
163 P. Dhammacetiyasuttam,
214. Bệ-ha-đề kinh ặặ164 88. Kinh Bāhitika P. Bāhitikasuttam,
215. Đệ nhất đắc kinh không tương đương Trung bộ
216. Ải sanh kinh 165 87. Kinh ái sanh P. Piyajātikasuttam,
52. Kinh bát thành
217. Bát thành kinh 166
P. Atthakanāgarasuttam
218. A-na~luật-đà kinh
1 không tương đương Trung bộ
156 Tâm uế kỉnh 1. 0026.206. 0780bl5. Tham chiếu: Thập thượng kinh roi. 0001.10. 0052c17; Tang.7.02. 0125.51.4. 0817al6. 157 Tiễn mao kỉnh TOI. 0026.207. 0781b27. Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận .6. 1536.18. 0440c23. 158 Tiễn mao kinh roi. 0026.208. 0783c03. ^Bệ-ma-na-tu kỉnh TOI. 002Q2Ọ9Tham chiếu: Bệ-ma-túc kinh roi. 0090. 0913c04; Bệ-bà-ỉăng-kỳ^ kinh ặậroi. 0026.63. 0499a09; Phật thuyết Khô hạnh túc duyên

kinh T.04. 0197.10. 0172c05. Bản dịch của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh: Kinh Tỳ-ma-na-tu. Ì6ŨPháp Lạc Tỳ-kheo-ni kinh roi. 0026.210. 0788al4. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.568^ 015ốal 7. 161 Đợ/ Câu-hy-la kinh roi. 0026.211. 0790b08. Nhất thiết trí kinh roi. 0026.212. 0792cl3. 163 Pháp trang nghiêm kỉnh 7^01. 0026.213. 0795bl7. Tham chiếu: Tăng. 0125.38.10. 0724b28; Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bô Tỳ-nại-ấa tạp sự 24. 1451.& 37a06. 164
Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh dịch: Kinh Tỳ-ha-đề. ỉ65Ải sanh kinh 7101. 0026.216. 0800c20. Tham chiếu: Phật thuyết Bà-la-môntử mạng chung ải mim bai lỵ kinh TOI. 0091. 09Ì5a04; Tdng.Z02. 0125.13.3. 0571b28;Ố T.01. 0026.214. 0797c07. ỵ6 Bảtthành kỉnh TOI. 0026.217. 0802all. Tham chiếu: Thập Chỉ cư sĩ bát thành nhân kỉnh Ấắãroi. 0092. 0916al7.

Ixvi KINH TRƯNG A-HÀM

2ỉ9,A-na-luật-đà kinh (j (2) không tương đương Trung bộ

220. Kiến kinh () không tương đương Trung bộ
63. Tiểu kinh Māluñkya
221. Tiễn dụ kinh ()167
(P. Cūlamāluñkyasuttam,)
*** m. Lệ kinh () không tương đương Trung bộ

Kết luận Dựa vào các bảng đối chiếu tựa đề Kinh Trung A-hàm và Kỉnh Trung bộ trong bài này, chúng ta cần

KHÁI QUÁT KINH TRUNG A-HÀM

Tác phẩm Đại Đường Tây Vức kỷ của ngài Huyền Trang đã ghi nhận rằng, có một số hậu duệ của dòng họ Thích-ca sau vương nạn Tỳ-lưu-ly đã thiên di đên một sô quôc gia thuộc vê khu vực phía Bác An Độ.12Trong sô những hậu duệ tiêu biểu của dòng họ Thích-ca ở khu vực này có ngài Cù-đàm Tăng-già- đề-bà Gautama Samghadeva, vị Tôn giả đã góp phần giữ gìn và truyền dịch bản Kỉnh Trung A-hàm hiện còn lưu lại đến ngày nay. Tôn giả Cù-đàm Tăng-già-đề-bà người nước Kế-tân ,không những rát giỏi vê A-tỳ-đàm Tâm luậrí1 mà còn quán thông cả Tam tạng.3 Nơi ngài sinh trưởng thuộc nước Kế-tân về sau được gọi là Ca-thấp-di-la , Kashmir,4 vốn là vùng đất Thánh của bộ phái Phật giáo Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda. Đồng thời, đây cũng là nơi sinh trưởng của những luận sư nổi tiếng thuộc Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda như ngài Tăng-già-bạt-đà-la Samghabhadra,5 ngài Sách-kiến-địa-la Skandhila.6 Vào giữa niên hiệu Kiến Nguyên 365-385 đời Vua Tần Phù Kiên, ngài Tăng-già-đê-bà đên Trường An. Lúc bây giờ, Kỉnh Trung A-hàm đã được ngài Đàm-ma-nan-đề Dharmānandī dịch sang Hán ngữ, ngài Đạo An và ngài Pháp Hòa cùng khảo chánh. Tuy nhiên, việc khảo chánh Kỉnh Trung A-hàm chưa hoàn thành thì triều đại nhà Tần phải liên tục đối diện với những cuộc biến loạn của thân tộc dòng họ Mộ Dung , 350-384.7 Khi nhà Tần diệt vong, cũng vào năm đó tức vào niên hiệu Thái Nguyên năm thứ l o, ngài Đạo An cũng viên tịch. Vì chiến loạn xảy ra liên

1 Đại Đường Tây Vức kỷ T.51. 2087.6. 0900c22. Nguyên tác: Kiếp-tỷ-la-phạt-tốt-đổ quocj. 2 A-^-đàm Tâm luận :28. 1550. 0809all, gồm 4 quyển, do ngài Tăng-già-đề-bà và ngài Huệ Viễn cùng dịch tại Lô Sơn . 3 Cao Tăng truyện T.50. 2059.l. 0328c22. 4 Câu-xá luận ký T.41. 1821.2. 0046c2l. 5 A-tỳ-đạt-ma Thuậnnchảnh lý luận r.29.1562. 0329a03. Tác giả Luận Thuận chảnh lý gồm 80 quyển là ngài Tăng-già-bạt-đà-la ẼêPÈB, s. Sariighabhadra. Trong bộ luận này, tên tác gia được ngai Huyền Trang dịch nghĩa là Chúng Hiền . 6 Tác giả của Chủng sự phần Tỳ-bà-sa luận hiện nay vẫn chưa tìm thấy. Theo Đại Đường Tây Vức kỷ •r.5l. 2Ò87.3. 0887cl4. 7 Cao Tăng truyện 3.50. 2059.l. 0328c22.

Ixviii KINH TRUNG A-HÀM

miên và cũng do ngài Đạo An viên tịch nên việc giảo chánh bản Kinh Trung A-hàm do ngài Đàm-ma-nan-đề dịch vẫn chưa thực hiện được. Vốn là bạn đồng học với ngài Đạo An8 và cũng là một trong những vi cao Tăng cùng san định bản Kỉnh Trung A-hàm do ngài Đàm-ma-nan-đề dịch, ngài Pháp Hòa biết rõ về những điều bất cập trong những dịch phẩm kinh điên đời trước,9*trong số đó có cả Kỉnh Trung A-hàm. Vì vậy, khi ngài Tăng-già-đề-bà 11 đến Trung Hoa, ngài Pháp Hòa đã cùng vị Tôn giả này giảo chánh lại một sô bộ kinh đã được dịch trước đó, nhưng vẫn chưa đủ nhân duyên để dịch lại Kỉnh Trung A-hàm. Khi ngài Tăng-già-đề-bà du hóa miền Giang Tả, lúc đó có vi cư sĩ tại gia với tước vi là Đông Đình Hầu, Thượng Thư Lệnh, Vệ Tướng Quân tên là Vương Nguyên Lâm 1° đã phát tâm hộ trì Phật pháp. Vị cư sĩ này đã xây dựng tinh xá, cung thỉnh nhiêu bậc cao Tăng và đã cúng dường tứ sự liên tục nhiêu năm. Trong số hơn 40 vị cao Tăng được thỉnh cầu về tinh xá, có ngài Thích Tuệ Trì 11 vốn là pháp đệ ưu tú của ngài Huệ Viễn và cũng là người giữ vai trò quan trọng trong việc san định Kinh Trung A-hàm. Đặc biệt nhất là có ngài Tăng-già-la-xoa ,vị cao Tăng cũng thuộc nước Kế-tân, chuyên về việc học thuộc lòng và trì tụng kinh điển, gọi là Kinh sư ,Bhãụakă2 Nhân duyên hội đủ, cư sĩ Vương Nguyên Lâm đã phát nguyện làm đại thí chủ của dịch trường dịch Kỉnh TrungA-hàm, được thực hiện tại tinh xá của mình ở quận Đan Dương, Dương Châu, thuộc huyện Kiến Khang .Trong dịch trường này, ngài Tăng-già-la-xoa tay cầm bản Phạn tuyên đọc Phạn văn? ngài Tăng-già-đề-bà dịch sang Hán ngữ,13 Sa-môn người Dự Châu tên là Đạo Từ ghi chép,14 hai vị Lý Bảo và Khang Hóa người nước Ngô viết ra chữ Hán. Công việc dịch Kinh Trung A-hàm được khởi đầu từ

8 Cao Tăng truyện T.50. 2059.5. 0354al8. Nguyên tác:. 9 Xuất Tạm tạng ký tập 5. 2145^9. 0063c21. Nguyên tác: .Xem thêm: Xuất Tam tạng ký tập 7.55. 2145.13.0099c12. N^yên tác::. Tam tạng ký tập T.55. 2145.1. 0063c21. Nguyên tác: .Trong Cao Tăng truyện, truyện ngài Tăng-già-đê-bà, vị đại thí chủ này tên là Vương Tuần 11 Cao Tăng truyện 7.50. 2059.6. 0361Ồ14. nXả-lợi-phấtA-tỵ-đàm luận 7.28. 1548^1. 0525008. 77/^7 tụng luật F.23. 1435.18. 0125al4. Nam Hải ký quy nội pháp truyện 54.

2125.4. 0227all. 13 Cao Tăng truyện r.50. 2059.1. 0329a23. Nguyên tác:. 14Nguyên tác: Dự Châu Sa-môn Đạo Từ bút thọ .Thực tế đã có sự nhầm lẫn ở dòng phụ chú Kỉnh Trung A-hàm, quyên thứ nhát theo bản Đại Chảnh, vì đã ghi nhận rằng, người ghi chép là ngài Đạo T0 .Hai bản dịch tiêng Việt Kỉnh Trung A-hàm hiện có đều đi theo sự nhâm lẫn này. Cả 3 bản Tống, Nyên, Minh trong Hán tạng không ghi dòng này. Đọc lại Cao Tăng truyện, quyển thư 6, truyện của ngài Đạo Tô cũng không ghi nhận chitiêt ngài đảm ưách ghi chép Kinh TrungA-hàm. Trong khi đó, tác phàm kinh lục xưa nhát hiện còn là Xuất Tam tạng kỷ tập, quyên thứ 9, ở bài Tựa Kinh Trung A-hàm, đã ghi rõ là ngài Đạo Từ châp bút viết bài tựa này và cũng ghi rõ là chính ngài Đạo Từ ghi chép Trung A-hàm. Tác phàm Khai Nguyên Thỉch^iảo lục, quyển thứ 3èùng xác tín rằng người ghi chép Kinh Trung A-hàm, bản dịch của ngài Tăng-già-đê-bà chính là Sa-môn Đạo Từ, người Dự Châu.

mùng 10 tháng 11 năm Đinh Dậu, năm đầu niên hiệu Long An (năm 397) cho đên ngày 25 tháng 6 năm sau (năm 398) thì hoàn tất bản thảo. Bản dịch Trung A-hàm này gồm 5 tụng, 18 phẩm, 222 kinh được phân chia thành 60 quyển. Tuy nhiên, vào lúc đó đất nước lại xảy ra loạn lạc nên bản thảo chưa kịp giảo chánh, phải chờ mãi đến năm năm sau mới có thể khảo định để lưu truyền. Bản Kỉnh Trung A-hàm này là để bản duy nhất để chuyển dịch sang nhiều ngôn ngữ trên thê giới và cũng là đê bản của những dịch phẩm tiếng Việt Kỉnh Trung A-hàm, Bản Kỉnh Trung A-hàm hiện được giữ gìn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (ĐCT) mang số hiệu 26 với tên người dịch sang Hán ngữ là ngài Cù-đàm Tăng-già-đề-bà.15 Sự ghi nhận đặc thu này có lẽ xuất phát từ vai trò chủ yếu của ngài Tăng-già-đề-bà trong việc truyền dịch bản kinh. Vì lẽ, ngài Tăng-già-la-xoa tuy có công lao nhưng chỉ đóng vai trò là người trùng tụng bản Phạn ngữ. Một điểm đặc thù cần ghi nhận là bản dịch Trung A-hàm này được dịch trên cơ sở Phạn bản, chứ không phải được dịch từ sự học thuộc lòng như bản Kỉnh Trường A-hàm do ngài Phật-đà-da-xá đã từng dịch trước đây. Cơ sở Phạn ngữ the hiện bang văn bản là một trong những tiêu chuẩn góp phan khẳng định tính chân thực của mọi bản kinh, mà ở đây chính là Kinh Trung A-hàm, Mãi đến ngày hôm nay, Phạn bản Kỉnh Trung A-hàm về cơ bản vẫn chưa tìm thấy đầy đủ. Mặc du vậy? vào đầu thế kỷ XX, các nhà khảo cổ đã phát hiện trong một cổ tháp ở miền Đông Turkestan có nhiều phiến đoạn kinh điển, và trong số chúng có hai phiến đoạn thuộc Kỉnh Trung A-hàm. Hai phiến đoạn này thuộc về kinh số 133 tức Ưu-bà-ly kỉnh ()và kinh số 170 tức Anh Vũ kinh ().Hai phiến đoạn này được ghi lại trên giấy với tự dạng Phạn ngữ thuộc ngữ hệ Gupta, gọi là Slanting Gupta.16 Đáng chú ý là nội dung Kinh Anh Vũ thuộc Trung A-hàm cũng là một the tài quan trọng trong nghệ thuật Phật giáo Gandhara. Vì lẽ? các nhà khảo cổ ở Pakistan ngày nay đã phát hiện nội dung bản kinh này cũng được thê hiện trên một bức phù điêu băng đá, có niên đại vào khoảng từ thế kỷ II-IIL17 Cũng bàn về vấn đề ngôn ngữ, tác giả Tân Đảo Tĩnh Chí (Seishi Karashima), vị Giáo sư hiện đang giảng dạy tại Đại học Soka, Nhật Bản, sau những tỷ giảo từ ba ngôn ngữ Sanskrit, Prakrit và Gandhārī về một vài từ khóa trong Kinh Trung A-hàm như: Di-hê (),Na-lợi-ương-già (),A-di-la-bà-đề ()v.. đã đi đến kết luận rằng, ngôn ngữ

chủ yếu của Kinh Trung A-hàm là Phạn ngữ chính thống (Sanskrit), được kết hợp với một vài yếu tố thuộc về ngôn ngữ Prakrit và cả Gandhārī.18

15 TrungA-hàm kỉnh (roi. 0026. 0421a03). 16 Rudolf Hoemlé, Manuscript Remains ofBuddhist Literature Found in Eastern Turkestan: Facsimiles with Transcripts, Translation and Notes, Vol. l (Oxford: Clarendon Press, 1916), pp. 27, 46 17 Ihsan All - Muhammad Naeem Qazi, Gandharan Sculptures in the Peshawar Museum (Life Story of Buddha) (Pakistan: Hazara University Mansehra NWFP, 2008), p. 214. 18 Seishi Karashima, The Underlying Language of the Chinese Translation of the Madhyama-Āgama, Research on the Madhyama-Āgama, Dhammadinnā ed. 2017 (Taipei: Dharma Drum Publishing Co., 2017), p. 205.

Qua những dẫn luận về lịch sử và phân tích ngữ nghĩa vừa nêu đã cho thấy, mặc dù Kinh Trung A-hàm có những liên hệ mang tính cội nguồn với bộ phái Phật giáo Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mūlasarvāstivāda) nhưng vẫn chưa có những bằng chứng xác thực, cụ thê. Trong khi đó, theo sự khăng định nhiều lần của ngài Huyền Trang (602-664) trong Thành duy thức luận ( ),Nhiếp Đại thừa luận bổn (),19
Nhiếp Đại thừa luận thích ( )2° đã cung cấp bằng chứng góp phần khẳng định rằng, Kinh Trung A-hàm thuộc về bộ phái Đại Chúng bộ (Mahāsāñghika). Trong Thành duy thức luận quyển thứ 3 ghi: "Trong kỉnh điển thuộc các bộ phái cũng có ẩn ỷ cho rằng, thức A-lại-da có tự tánh riêng biệt, như trong Kỉnh A-hàm của Đại Chủng bộ có ân ỷ cho răng thức này được gọi là thức căn bản, vì đó là cho nương tựa của nhãn thức, v.v... Vỉ như gốc re cây là cơ sở của nhánh lám Khảo sát cả bốn bộ A-hàm, tức là bốn bộ A-cấp-ma (theo như cách gọi của ngài Huyền Trang thì nội dung Kinh A-hàm mà ngài đe cập trong Thành duy thức luận thuộc về Trung A-hàm. số 97 với tên gọi là Đại nhân kỉnh () ... Kinh ghi: Này A-nan, nếu thức căn bểup của bé trai hoặc bé gái bỉ đoạn hoại và chẳng tồn tại thì danh sắc có tăng trưởng dần lên chăng? Bạch Thế Tôn, không.* 22 20 23 Như vậy, với những thông tin vừa nêu đã cung cấp thêm những cơ sở quan trọng, góp phần khẳng định rằng Kỉnh Trung A-hàm thuộc về bộ phái Đại Chúng bọ. Đen ngày hôm nay, Kinh Trung A-hàm đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ trên thế giới. ở Việt Nam, dịch phẩm tiếng Việt đầu tiên của Kinh Trung A-hàm phải kể đến là công trình của tập thể học Tăng thuộc Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức, Nha Trang, dịch trước năm 1975, được thực hiện dưới sự hướng dẫn và hiệu đính của cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam biên tập 1991, do Cục Xuất bản cấp giấy phép, in năm 1991-92. Hơn 17 năm sau, bản Kỉnh Trung A-hàm đã được Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ dịch và chú thích, NXB. Tôn giáo, Hà Nội cấp giấy phép, Viện Nghiên cứu Phật học

X9 Nhiếp Đại thừa luận bổn (T.31. 1594.1. 0134a23). 20 Nhiếp Đại thừa luận thích (731. 1597.2. 0326c29). 2 Thành duy thứcỉuận 0.31. 1585.3. 0015a 18). Nguyên tác: ,; 22 Nguyên tác: Thức sơ
()còn gọi là thức ban đầu, thức căn bản, cũng gọi là thức thứ 8, thức A-lại-da. J J 2\7rungA-hprn (T.01. 0026.001. 0579cl9). Nguyên tác:!

a

Việt Nam in năm 2008, nhằm chào mừng Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2008. Ấn bản này được Thư quán Hương Tích tái bản năm 2013, NXB. Hồng Dức, Hà Nội cấp phép. Có thể nói, so với Kinh Trường A-hàm và Kỉnh Tăng nhất A-hàm. Kinh Trung A-hàm có cau trúc văn pháp với nhiều điểm đặc dị, nếu không nói là hơi khúc chiết, cô đọng. Vì lẽ5 có những cấu trúc Hán ngữ khá tối nghĩa trong Kỉnh Trung A-hàm vẫn chưa được những dịch phẩm tiếng Việt hiện có giải mã hợp lý. Đơn cử cho những trường hợp đó? có thể điểm qua một số cấu trúc từ ngữ đặc thù như: Thích-ki-sấu ;Như kỳ tượng ;thí chủ đàn-việt ;bảo vũ chi xa ;Chi-ly-di4e ;Tiên Dư tai chủ ngũ dục công đức nhân, duyên, chánh, văn, hy, ngũ cú thuyết Bích-chi Phật nhược vương đại tượng, hoặc hữu thất bảo, hoặc phục giảm bát …Trong ấn bản tiếng Việt Kỉnh Trung A-hàm lần này, những cú ngữ vừa nêu phân lớn đã được giải thích tương đôi thỏa đáng, dựa trên những tư liệu tham chiếu khả tín. Căn cứ vào thành tựu từ những dịch phẩm, công trình nghiên cứu về Kinh Trung A-hàm hiện có, gồm bản tiếng Việt,24 bản Hán cổ525 bản tiếng Trung,26 bản tiếng Anh,27... nhưng trên hết vẫn là để bản Hán ngữ được lưu giữ trong ĐCT; Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã dịch mới Kinh Trung A-hàm cùng với sự cẩn trọng cao nhất có thể, tuân theo tôn chỉ xuyên suốt mà Trung tâm đã đề ra. Trong việc phân bô nhân sự phụ trách dịch thuật và hiệu chú Kinh Trung A-hàm. Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã phân công cho li vị Tăng, Ni thực hiện liên tục từ tháng 12 năm 2018 và đã hoàn tất vào tháng 5 năm 2021. Như vậy, ngay từ ban đầu, Kinh Trung A-hàm đã có những liên hệ nguồn cội với dòng họ Thích-ca và bộ phái Phật giáo Nhất Thiết Hữu bộ; thế nhưng, căn cứ vào những tư liệu khả tín của ngài Huyền Trang, bộ kinh này có cơ SỞ thuộc vê Đại Chúng bộ. Trải qua bao biên chuyên thịnh suy của thê cuộc, nhưng nguồn mạch của Phật giáo được gìn giữ trong bộ kinh này vẫn được lưu truyền và tiếp nối. Xuyên qua vài nét chấm phá của lịch sử đã chứng tỏ rằng, sứ mạng giữ gìn và truyền thừa kinh điển là một trong những sứ mạng vô cùng trân trọng và rát mực thiêng liêng. Chỉ xét riêng bản dịch tiêng Việt đâu tiên vê

24 Kinh Trung A-hàm, Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức - Nha Trang dịch, HT. Thích Thiện Siêu hiệu đính, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam biên tập I99l, do Cục Xuat bản cấp giấy phép, in năm 1991-92. Tiểu tạng kinh, Trung A-hàm, HT. Thích Tuệ Sỹ dịch và chú, NXB. Tôn giao, Ha Nội cấp giấy phép, Viện Nghiến cứu Phật học Việt Nam in năm 2008. 25 Bản đối chiếu, chú thích, dẫn giải giữa Kinh Trung bộ và Kinh Trung A-hàm của học giả Trang Xuân 26E. J 27 Bhikkhu Anālayo, Marcus Bingenheimer, Rodney s. Bucknell, Co-editors 2013. The Madhyama Agamā: Middle-length Discourses. BDK English Tripitaka, Berkeley Morago, California: Bukkyo Dendo Kyokai America Inc., 2014.

Kinh Trung A-hàm cũng đủ thấy sự cần mẫn, sự nỗ lực9 sự kiên định của chư Tôn đức tiên nhân đáng quý trọng muôn phân. Trong điêu kiện nguôn tư liệu dùng để tham khảo bị hạn chế, trong bối cảnh những điều kiện phụ trợ cho việc dịch thuật còn khó khăn trăm bề, nhtrng quý ngài đã hoàn thiện dịch phẩm Kinh Trung A-hàm với nỗ lực cao nhất có thể. Trân trọng những cống hiến đó, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh nguyện tiếp bước tiền nhân, cố gắng làm sáng tỏ thêm những điều mà những bản dịch Kỉnh Trung A-hàm trước đây còn bỏ ngỏ; đong thời tham chiếu những thành tựu liên quan đến Kỉnh Trung A-hàm đã được nhiều học giả trên thế giới công bố gần đây đê định hình nên một bản dịch tiêng Việt Kỉnh Trung A-hàm theo phương châm: Chân thực - Uyên thâm - Văn nhã. CÓ sông với kinh điên mới phân nào hiêu được lời dạy của đức Phật, có trầm tư vào kinh điển mới nhận ra sự khổ nhọc của bao thế hệ truyền dịch thời xưa. Bản dịch tiếng Việt Kinh Trung A-hàm này, nếu như có được một phần công đức bé nhỏ, xin nguyện kính dâng lên chư Phật, chư Tổ, chư vị truyền dịch tiền nhân, những bậc đã tận hiến đời mình vì sự xương minh của Phật pháp.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH thực hiện

KINH TRUNG A-HAM Hán dịch TAM TẠNG TĂNG-GIÀ-ĐỀ-BÀ

Việt dịch TRUNG TẦM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

PHẨM 1: BẢY PHÁP1 (Gồm 10 kỉnh)

Kệ tóm tắt mười kinh:
Thiện pháp, Trú Độ thọ
Thành, Thủy Mộc tích dụ
Thiên nhân vãng, Thế phước
Thất nhật, Xa, Lậu tận}12
1 Sơ tụng (thứ nhất). Quyển 1. Ngày thứ nhất tụng năm phẩm rưỡi, tổng cộng 64 kinh. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:.;;,,ft. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp
tụng không trùng với tên kinh.

1. KINH THIỆN PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm,2 vườn cấp Cô Độc.1 23 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Nêu Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp thì được hoan hỷ và an lạc trong pháp Hiền tháiỷi, dẫn đến việc dứt sạch tất cả phiền não.4 Bảy pháp đó là: Biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết hội chúng và biết sự hơn kém của người.56 Thế nào là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết Chánh kinh,6 Ca vinh,7 Ký thuyết,8 Kệ-tha59 Nhân duyên,10 Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vi tằng hữu và Thuyết nghĩa, đó là Tỳ-kheo biết pháp.

1 Nguyên tác: Thiện pháp kinh r.01. 0026.1. 0421 ai 2. Tham chiếu: Thất tri kinh roi. 0027. 0810a03; Tăng.T.02. 0125.39.1. 0728b26;4 7.68 - IV. 113. 2 Thắng Lâm Jetavana, khu vườn rừng của Thái tử Kỳ-đà Jeta. Theo Chủ giải Kinh tất cả lậu hoặc Sabbāsavasuttavannana thuộc Kinh Trung bộ, trong lúc Vua Bạ-tư-nặc Pasenadi chiến thắng quẩn thù thì hay tin Thái tử vừa được sanh ra nen đặt tên la

Chiến Thắng Jeta, có gốc đọng từ jināti, nghĩa là đánh tan, chinh phục, chiến thắng.... 3 Cấp Cô Độc ,Anāthapindika, mỹ danh người đời xưng tán cư sĩ Tu-đạt Sudatta, một thương nhân thành công ở thành Xá-vệ ,Sāvatthi, nước Câu-tát-la Kosala, bởi ông có lòng nhân từ, thường bố thí, cung cấp, bảo trợ, cho những người neo đơn. Vườn cấp Cô Độc là do cư sĩTu-đạt mua đất cua Thái tử Ky-da bằng số vàng trải kháp khu vườn ấy để xây dựng tu viện cúng dường cho Phật và Tăng đoàn. Cảm được tâm lòng mộ đạo của cư sĩ Tu-đạt đối với Tam bảo, Thai tử Kỳ-đà đã dâng cúng sô cây trong khu vườn ấy. Tư đo, tu viện này được mang tên cả 2 người: Kỳ thọ cẫp Cô Độc viên. 4 Lậu tận :Hết sạch phiền não, đồng nghĩa với “v6 lāu?9

5 Tri ph tri nghĩa, tri thời, tri tiết, tri kỷ, ưi chúng, tri nhân thắng như .A. 7.68 - IV. 113: Dhammaññū ca hoti atthaññū ca attaññū ca mattaññū ca kālaññū ca parisaññū capuggalaparoparaññū ca Biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết ước lượng, biết thời, biết hội chúng, biết người thắng kẻ liệt, HT. Thích Minh Chau dịch. 6 Chánh kinh cũng gọi là Quán kinh ,Khế kinh ,Sutto.

7 Ca vịnh :Thể kệ lặp lại nội dung của đoạn kinh trước, còn gọi là Trùng tụng ,ứng tụng j hoặc Kỳ-dạ ,Geyya. J 8 Ký thuyết n£Veyyākarana'. Thể loại này lúc ban đầu được đức Phật dùng để xác định hoặc giải thích giaophap, về sau nhằm xác định quả VỊ tu chứng của hàng đệ tử, còn gọi là Thọ quyết , Thọ ký ,Ký biệt ... 9 Kệ-tha phiên âm là Già-đà Gāthā, chỉ cho thể loại kinh văn được viết theo thi kệ như Kinh Pháp củ, Trưởng lão Tăng kệ, Trường lão Ni kệ,... 10 Nhân duyên phiên âm là Ni-đà-na Nidāna. Theo Đại trí độ luận T.25. 1509.33. 0307Ồ05. Ni-đà-na nghĩa là giáo pháp mà chư Phật nói vốn phát khởi từ nhân duyên. Do nhân duyên gì mà Phật nói về việc đo. Do co người hỏi nên nói việc này. Theo Luật tạng, vì co người phạm lỗi nên đã kiết giới đó. Tất cả lời dạy của đức Phật đều phát khởi từ nhân duyên nên gọi la Ni-đà-na. t.: .

6 KINH TRUNG A-HÀM

Nếu Tỳ-kheo nào không biết pháp, nghĩa là không biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha9 Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu và Thuyết nghĩa, Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết pháp, nghĩa là biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha9 Nhân duyên, Soạn lục,11 Bản khởi,11 12 Thử thuyết,1314 Sanh xứ,14 Quảng giải,15 Vi tằng hữu16 và Thuyết nghĩa,17 đó là Tỳ-kheo khéo biết pháp.18 Thế nào là Tỳ-kheo biết nghĩa? Đo là Tỳ-kheo biết nghĩa của các loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này, đó là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu Tỳ-kheo nào không biết nghĩa, tức là không biết nghĩa của các loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này, Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết nghĩa, tức là biết nghĩa của các loại giáo thuyêt này hay giáo thuyêt kia, biêt điêu này có nghĩa như thê kia, biết điều kia có nghĩa như thế này, đó là Tỳ-kheo khéo biết nghĩa. [042lb02] Thế nào là Tỳ-kheo biết thời? Nghĩa là Tỳ-kheo biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào

nên tu pháp xả,19 đó là Tỳ-kheo biết thời. Nếu Tỳ-kheo nào không biết thời, nghĩa là không biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả, Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết thời, nghĩa là biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả, đó là Tỳ-kheo khéo biết thời. Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ? Nghĩa là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc uống ăn, đi đứng, ngồi nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt

11 Soạn lục ,môt thể tài kinh điển dùng ví dụ để chứng minh, còn gọi là Thí dụ ,phiên âm là A-ba-đà-na ,Avadāna hay Apadānd. Bản khởi cũng gọi là Thiên b6n ,Bổn mạt ,Bổn sự .Pali gọi là Itivuttaka Phật thuyết như vậy. 1 Thử thuyết còn gọi là Tự thuyết ,Vô vấn tự thuyết hoặc Ưu-đà-na IP. Pali gọi là Udãna Cảm hứng ngữ. 14 Sanh cũng gọi là Sanh kinh hoặc phiên âm là Xà-đa-già Jātaka, Bổn duyên . 15 Quanggiai 0W cũng gọi là Quảng kinh ,Phương quảng ,Phương đẳng ,Tỳ- phil-la Vedallà. 16 Vị tàng hữu cũng gọi là A-phù-đa-đạt-ma ,Abbhutadhammā, chỉ cho thể loại giáo pháp vô cùng hy hữu va bát khả tư nghì. 17 Thuyết nghĩa một thể tài kinh điển nhằm mở rộng nghĩa lý từ những lời dạy cô đọng của đức PẸật, con được gọi là Quảng diễn ,Quảng phổ ,Luận nghị hoặc Ưu-ba-đề-xá ,Upadesa. 18 Trung A-hàm nêu ra 12 thể tài kinh điển, thế nhưng A. 7.68 - IV. 113 chỉ nêu có 9 thể loại: Suttam geyyarn veyyākaranam gātham udānam itivuttakam jātakam abbhutadhammam vedallam. 19 Hạ tướng ,cao tướng ,xả tướng .A. 7.68 - IV. 113: Ayam kālo udessa, ayam kālo paripucchāya, ayam kālo yogassa, ayam kālo patisallānassā Đây là thời để tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đay là thơi tu tập, đay là thơi thiền tịnh, HT. Thích Minh Châu dịch “

1. KINH THIỆN PHÁP 7

ngủ nghỉ, tu tập tỉnh giác,20 đó là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu Tỳ-kheo nào không biết tiết độ, tức là không biết tiết độ trong việc uống ăn, đi đứng, nằm ngồi, nói năng, im lăng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt ngủ nghi, tu tập tỉnh giác, Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biết tiết độ? nghĩa là biết tiêt độ vê các việc uống ăn, đi đứng, ngồi nằm, nói năng im lặng, đại tiểu tiện, và biết giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập tỉnh giác, đó là Tỳ-kheo khéo biết tiết độ. Thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Nghĩa là Tỳ-kheo tự biết mình có chừng ấy tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, giáo pháp và sở đắc, Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu Tỳ-kheo nào không biết mình, tức không tự biết mình có chừng ấy tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, giáo pháp và sở đắc, Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu Tỳ-kheo nào khéo biêt mình, tức tự biết mình có chừng ấy tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ9 biện tài, giáo pháp và sởtóc, đó là Tỳ-kheo khéo biết mình. Thế nào là Tỳ-kheo biết hội chúng? Nghĩa là Tỳ-kheo biết đây là hội chúng Sát-lợi,21 đây là hội chúng Phạm chí,2223 đây là hội chúng Cư si,23 đây là hội chúng Sa-môn.24 ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói năng như vậy, im lặng như vậy, đó là Tỳ-kheo biết hội chúng. Nếu Tỳ- kheo nào không biết hội chúng, tức không biết đây là hội chúng Sát-lọi, đây là hội chúng

Phạm chí, đây là hội chúng Cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn. ở nơi hội chúng ấy5 ta nên đi như vậy5 đứng như vậy, ngồi như vậy, nói năng như vậy, im lặng như vậy, Tỳ-kheo như vậy là không biết hội chúng. Nêu Tỳ-kheo nào khéo biết hội chúng, tức biết đây là hội chúng Sát-lợi5 đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng Cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn. ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói năng như vậy5 im lặng như vậy, đó là Tỳ-kheo khéo biết hợi chung. [0421C05] Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Nghĩa là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: Có lòng tin và không có lòng tin. Người có lòng tin là hơn, người không có lòng tin là kém. Người có lòng tin lại có hai hạng: Thường đến gặp thầy Tỳ-kheo và không thường đến gặp thầy Tỳ-kheo. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đen gặp thay Tỳ-kheo là kém.

20 Nguyên tác: Chánh trí .Dùng như chữ "chánh tri"trong cú ngữ Ị tức chánh niệm tinh giác. Tham chiếu: M. 141, Saccavibhañga sutta Kinh phân biệt ve sự thật ghi là Katamā cāvuso sammāsati: idhāvuso bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassarn Này chư Hiền, the nào là chanh niệm? Này chư Hiền, ơ đây, Tỷ-kheo song quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, đê chê ngự tham ưu ở đời, HT. Thích Minh Châu dịch. 21 Sát-lợi ,Khattiyā chỉ cho giai cấp chiến sĩ. 22 Phạm chí chỉ cho giai cấp Bà-la-môn Brāhmand. 23 Cư si . Kinh điển Pãli^ọi gahapati, nghĩa là gia chủ ,tnrởng giả ,d^ng thời chỉ cho nhimg người có của cải ao gồm ca những người thợ thuyền, thương nhân. Tầng lớp này thường được phiên âm là Tỳ-xá Vessā, là giai cáp thứ 3 trong 4 giai cáp chính ở An Độ. 24 Sa-môn Samānā chỉ cho hàng xuất gia, đạo sĩ nói chung, bao gồm cả Sa-môn Thích tử và Sa-môn Bà-la-môn cũng như các hàng xuất gia thuộc các tôn giáo khác.

8 KINH TRUNG A-HÀM

Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: Có kính lễ thầy Tỳ- kheo và không kính lễ thầy Tỳ-kheo. Người có kính lễ thầy Tỳ-kheo là hơn, người không kính lễ thầy Tỳ-kheo là kém. Người kính lễ thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: Có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là hơn, người không có hỏi kinh là kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: Nhát tâm nghe kinh và không nhát tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là hơn, người không nhất tâm nghe kinh là kém. Người nhất tâm nghe kinh lại có hai hạng: Nghe rồi ghi nhớ pháp và nghe rồi không ghi nhớ pháp. Người nghe rồi có ghi nhớ pháp là hơn, người nghe rồi không ghi nhớ pháp là kém. Người nghe rồi có ghi nhớ pháp lại có hai hạng: Nghe pháp có suy ngẫm nghĩa lý và nghe pháp không có suy ngẫm nghĩa lý. Người nghe pháp có suy ngẫm nghĩa lý là hơn, người nghe pháp không suy ngẫm nghĩa lý là kém. Người nghe pháp có suy ngâm nghĩa lý lại có hai hạng: Biết pháp, biết nghĩa, hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp,25 tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn, người không biết pháp, không biết

nghĩa, không hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là kém. Người biêt pháp, biêt nghĩa, hướng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Hạng làm ích lợi cho mình, làm ích lợi cho người, làm ích lợi cho nhiều người, xót thương thế gian, mong câu ý nghĩa và lợi ích, mong câu an ôn và hân hoan cho chư thiên và loài người; và hạng không làm lợi ích cho mình, không làm lợi ích cho người, không làm lợi ích cho nhiều người, không xót thương thế gian, không mong cầu ý nghĩa và lợi ích, không mong cau an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người. Nếu người nào làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho nhiều người, xót thương the gian, mong cầu ý nghĩa và lợi ích? mong cầu an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người thì người ấy là bậc nhất, là lớn nhất, là trên hết, là cao nhất, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề- hồ26 thì đề-hồ là bậc nhất, là lớn nhất, là trên hết, là cao nhất, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào làm lợi ích

25 Hướng pháp thứ pháp dhammānudhammappatipannā còn được dịch là 4tpháp thứ pháp huớngT,4íthuận pháp thứ pháp?,. 26 Tô tinh ,tên gọi khác của đề-hồ mando.

cho mình, làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho nhiều người, xót thương thế gian, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã nêu bày, người này là bậc nhất, là lớn nhất, là trên hết, là cao nhất, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Đó là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người. Đức Phật dạy như vậy? các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

2. KINH CÂY TRÚ Đô1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu lá cây Trú Độ1 2 ở cõi trời Ba Mươi Ba úa vàng, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rằng lá cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ rụng. Thê rôi? lá cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã rụng, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rằng cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ ra lá trở lại. Thế rồi, cây Tru Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã ra lá trở lại, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rang cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ chớm nụ như màng lưới.3 Thế rồi, cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã chớm nụ như màng lưới, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rằng cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ nở nụ giống như mỏ chim. Thế rồi, cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã nở nụ giống như mỏ chim, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rang cây Tru Độ chẳng bao lâu nữa sẽ nở hoa giống như cái bát. Thế rồi, cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba đã nở hoa như cái bát, lúc đó thiên chúng ở cõi trời này hân hoan vui mừng, cho rang cây Trú Độ chẳng bao lâu nữa hoa sẽ nở tròn trịa. Nếu cây Trú Độ nở hoa tròn trịa thì phát ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra hương thơm trong chu vi một trăm do-diên.4 Bấy giờ? vào bốn tháng mùa hạ, thiên

chúng cõi trời Ba Mươi Ba vui đùa với năm thứ dục lạc5 cõi trời. Đó gọi là cõi trời Ba Mươi Ba nhóm họp vui chơi hưởng lạc dưới cây Tru Độ.

1 Nguyên tác: Trủ Độ thọ kinh roi. 0026.2. 0422a18. Tham chiếu: Viên Sanh thọ kỉnh ws T.Ol. 0028. 0810c03; Tăng.T02. 0125.39.2. 0729bll;^. 7.69 - IV. 117. 2 Trú Độ thọ Pārichattaka, Pārijāta, cây này sanh trưởng trong vườn Nan-đà Nandanavana, bên ngoài Thiện Pháp đường Sudhammāsalā, trèn cõi trời EÌao-lợi Tāvatimsa. Tăng.r.02. 0125.39.2. 0729bll mô tả góc cây to 50 do-tuan, cao 100 do-tuần, bóng cây che phủ 4 phía rộng 50 do-tuần. 3 Sanh võng ,jālakajātd\ Nảy chồi non. 4 Do-diên còn gọi do-tuần ,du-thiện-nạ ,du-xà-na S,là đơn vị đo độ dài, khoảng cách. Theo Đại Đường Tây Vức ký T.51. 2087.2. 0875c06,^du-thiện-na là khoảng cách một ngày hành quân của bậc Thánh vương thuở xưa. Theo người xưa truyền lại, một du- thiện-na là 40 lý; theo cách tính của Án Độ chính là 30 lý. Trong kinh điên Phật giáo ghi nhận chỉ còn 16 ly&. . 5 Ngũ dục công đức .Theo s. 35.117 - IV. 97, nguyên tác là pañca kāmaguna năm loại dục. DÒ vận dụng nghĩa chưa thích hợp nên một số bản kinh chữ Hán đa dịch thành^ngũ dục công dt.ở đây, guụa có nghĩa đầu tiên là công đức ,nhưng nghĩa kế tiếp là chủng loại .Đơn cử như diguụaỉả “nhj chủng,, .Do vậy, t4ngũ dục công dức"cân được hiểu la_2nam loại dục,9 .Ngay tư thời Hậu Hán, ngài An Thế Cao đã sử dụng nghĩa t4năm loại dục^, trong Lậu phân bố kinh 01. 0057. 0852c23.

12 KINH TRƯNG A-HÀM

[0422b06] Với ý nghĩa như thế, vi Thánh đệ tử cũng vậy, khi suy nghĩ đến việc xuất gia thì lúc đó? vi Thánh đệ tử như chiếc lá úa vàng, giống như lá cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba úa vàng. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình để học đạo thì lúc đó, vi Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Tru Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba rụng xuống. Lại nữa, khi vi Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác và bất thiện, có giác có quán,6 có hỷ và lạc được sanh ra do viễn ly rồi chứng đạt và an trú7 Thiền thứ nhất.8 Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba ra lá trở lại. Lại nữa, khi vi Thánh đệ tử đã tinh trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai.9 Lúc đó, vị Thánh đệ tử được gọi là chớm nụ như màng lưới, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba chớm nụ như màng lưới. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an tru xả vô cầu, cùng với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, Lúc đó, vị Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.1011 mỏ chim, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba nở nụ như mỏ chim. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, không khổ không vui, xả và niệm đều thanh tịnh, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.11 Lúc đó? vị Thánh đệ tử được gọi là nở hoa như cái bát, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba nở hoa như cái bát.

6 Hữu giác hữu quán SỊ. Ngài Huyền Trang dịch và "tứ".Đó là 2 thuộc tính của tâm tâm sở, đông thời là 2 thiên chi của Thiền thứ nhất. ^Thànhtựu du .Tăng.r.02. 0125.10.1. 0563c24ghi là "tự du hy, tự ng6 lạc" ;Tạp. Br.O2. 0099.35. 0008al0 ghi l "cq túc trụ" .A. 7.69- IV. 117: Upasampajja viharati thành tựu và an trụ. 8 Theo Thất bảo kinh 01. 0026.58. 0788cl9, Thiền thứ nhất có 5 chi, gồm: giác quán hỷ lạc và nhát tâm .Theo Ạ-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận 7.29. 1558.28. 0146c04, Thiên thứ nhát có 5 chi, gồm: tầm ,tứ ,hỷ ,0C và định . 9 Theo A-tỳ-đạt-ma Câu-xảjuận 29. 1558.28. 0146c05, Thiền thứ hai có 4 chi, gôm: nội tịnh ,hỷ ,lạc và định . 10 Theo A-tỳ-đạt-ma Cāu-xa luận 7.29. 1558.28. 0146C15, Thiền thứ ba có 5 chi, gồm: 0 Hành ,li Chánh niệm ,iii Chánh tuệ ,iv Lạc thọ SỂ, v Định . 11 Theo A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận^i^7.29. 1558.28. 014ÓCÍ8, Thiền thứ tư có 4 chi: i Hành xả thanh tịnh ,ii Niệm thanh tinh ,iii Thọ không khổ không lạc ,iv Định
.

2. KINH CÂY TRÚ ĐỘ 13

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử trừ sạch mọi phiền não, được Tâm giải thoát,12 được Tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự biết, tự giác ngộ, tự chứng đắc, thành tựu và an trú và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nua?9 Lúc đó? vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, như cây Trú Độ ở cõi trời Ba Mươi Ba nở hoa tròn trịa. Đó là vi Tỳ-kheo A-la-hán dứt sạch phiền não,13 được cõi trời Ba Mươi Ba nhóm họp tại chánh điện Thiện Pháp ân cần khen ngợi rằng: Thánh đệ tử tôn quý đó? ở tại thôn ấp đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiêt5 rời xa gia đình, sông không gia đình đê học đạo, đã sạch phiên não, được Tâm giải thoát, được Tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự biết, tự giác ngộ, r .L y \ r

tự chứng đác, thành tựu và an trú, biêt như thật răng: 'Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.'" Như thê gọi là các A-la-hán trừ sạch phiên não cùng nhóm họp như thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba cùng nhóm họp dưới cây Trú Độ vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 Tâm giải thoát ,tuệ giải thoát .Theo Tạp.T.02. 0099.710. 0190bl7 và Tạp. 7.02. 0099.1027. 0268b20, Ha tham dục được 2m giải thoát" và lìa vô mirủi được/^ệ glải thot" ,.A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luậnT.26. 1536.3. 0376a02 giải thích: "Tâm giải thoát?, là tâm tươngưng với "v6 tham thiện cān?,, đã thăng giải, đang thắng giải va sẽ thắng giải, gọi là 4ttâm gi,thoát." 'Tuệ gimi thoát" là tâm tương ưng ỵớ^vô si thiện can^, đã thắng giải, đang thăng giải và sẹ thăng giải, gọi là^tụệ giải thoát,, 0 ẹiBTOB,8,,BBW, wwM, / 13 Nguyên tác: Lậu tận A-la-ha Tỳ-kheo .

3. KINH VÍ DỤ VỀ THÀNH LŨY1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như vương thành ở biên giới1 2 có đầy đủ bảy điều và bốn loại lương thực dôi dào, dễ tìm chứ không khó, do đó vương thành không bi giặc bên ngoài đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại. Thế nào là vương thành có đầy đủ bảy điều? Đó là, vương thành ở biên giới xây cất những vọng gác, đắp đất cho chắc chắn, không thể phá vỡ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đầy đủ thứ nhất của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới có đào hào, vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang vững chăc đê có thê nương tựa, làm cho bên trong được an ôn và ngăn chăn giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ hai của vương thành. Lại nữa, những con đường nối liền chung quanh vương thành ở biên giới được dọn dẹp cho bằng phẳng, rộng rãi để bên trong được an ổn và ngăn chăn giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ ba của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới tập hợp sức mạnh của bốn loại binh chủng là quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ đe bên trong được an on và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ tư của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới chuẩn bị sẵn binh khí như cung, tên, mâu và kích để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đầy đủ thứ năm của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới lập vi Đại tướng trân thủ, sáng suôt, thao lược, trí tuệ, khéo léo, dõng mãnh, cuông nghị, giỏi mưu chước, người hiền thiện thì cho vào, kẻ bất lương thì ngăn câm đê bên trong được an ôn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đầy đủ thứ sáu của vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật vững chắc, trét bùn, tô đất để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là sự đay đủ thứ bảy của vương thành.

1 Nguyên tác: Thành dụ kinh (T.01. 0026.3. 0422c9). Tham chiếu: Tăng.(—02. 0125.39.4. 0730b02); A. 7.67 - IV 106. 2 Nguyên tác: Vương biên thành ().Theo A. 7.67 - IV. 106: Nagaropama, gồm 2 thành tố: Nagara + upama. Nagara nghĩa là thành quách, upama là những thứ tương tự như the.

16 KINH TRUNG A-HÀM

Thế nào là bốn loại lương thực dồi dào, dễ tìm chứ không khó? Đó là, vương thành ở biên giới luôn chuẩn bị sẵn nước, cỏ? củi và gỗ đe bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ nhất, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới gom góp nhiêu lúa gạo và tích trữ nhiêu lúa mạch để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ hai, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới tích trữ nhiều mè5 đậu đỏ và các loại đậu khác để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ ba, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Lại nữa, vương thành ở biên giới cất chứa bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối và thịt khô, tất cả đều đầy đủ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài, đó là loại lương thực thứ tư, dồi dào và dễ tìm chứ không khó ở vương thành. Như vậy, vương thành đầy đủ bảy điều, bốn loại lương thực dồi dào và dễ tìm chứ không khó, nên không bị giặc bên ngoài đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá

hoại. [0423all] Cũng vậy, nếu vị Thánh đệ tử thành tựu bảy pháp lành, đạt được bốn tâm tăng thượng,3 dễ dàng chứ không khó thì vị Thánh đệ tử đó không bị Ma vương quấy phá, cũng không theo các pháp ác, bất thiện, không bị phiền não làm nhiễm 6, không còn tái sanh nữa. Thế nào là bảy pháp lành mà vị Thánh đệ tử đạt được? Đó là, vị Thánh đệ tử có niêm tin kiên cô5 sâu xa đôi với Như Lai, góc tin đã vững, trọn đời không theo Sa-môn? Phạm chí ngoại đạo cũng như Thiên, Ma, Phạm thiên và hàng thế gian khác, đó là pháp lành thứ nhất mà vị Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử thường giữ hạnh biết xấu hổ, điều đáng xấu hổ thì biết xấu hổ. Xấu hổ với những pháp ác, bất thiện và phiền não nhiễm ô khiến phải nhận chịu các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là pháp lành thứ hai mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử thường giữ hạnh biết tự thẹn, điều đáng tự thẹn thì biết tự thẹn. Tự thẹn với những pháp ác, bất thiện và phiền não nhiễm ô khiến phải nhận chịu các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là pháp lành thứ ba mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử thường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ pháp ác và bát thiện, tu các pháp thiện, thường giữ gìn tâm vững chãi, chuyên nhất, tạo các gốc lành, nỗ lực không buông bỏ5 đó là pháp lành thứ tư mà vị Thánh đệ tử đạt được.

3 Tứ tăng thượng tâm ()tức an trụ trong Tứ thiền (sẽ được giải thích phần sau bài kinh).

3. KINH VÍ DỤ VỀ THÀNH LŨY 17

Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng. Đối với những pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, những pháp như thê thì hãy học rộng nghe nhiều, luyện tập đến cả ngàn lần4 khiến tâm chuyên chú, tư duy quán sát để thấu rõ và hiểu sâu, đó là pháp lành thứ năm mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vi Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm. Những điều đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu thì ghi nhớ không quên, đó là pháp lành thứ sáu mà vi Thánh đệ tử đạt được. Lại nữa, vị Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng suy5 của các pháp nên đạt được trí tuệ như vậy, là tuệ minh đạt của bậc Thánh/ nhờ đó nên đã phân biệt rõ ràng và diệt sạch hoàn toàn đau khổ/ đó là pháp lành thứ bảy mà vị Thánh đệ tử đạt được. [0423b04] Thế nào là bốn tâm tăng thượng dễ được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến? Đó là, vi Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác và bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc được sanh ra do viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, đó là tâm tăng thượng thứ nhất, dễ đạt được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, vi Thánh đệ tử đã diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tam, không giác không quán, có hỷ và lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, đó là tâm tăng thượng thứ hai, dễ đạt được chứ không khó mà vi Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an tru xả vô cầu, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, đó là tâm tăng thượng thứ ba, dễ đạt được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ qua khứ, không khổ không vui, xả và niệm đều thanh tịnh, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, đó là tâm tăng thượng

thứ tư, dễ đạt được chứ không khó mà vị Thánh đệ tử đạt đến. Như vậy, vị Thánh đệ tử đạt được bảy pháp lành, đạt đên bôn tâm tăng thượng, dễ đạt được chứ không khó, không bị Ma vương quấy phá, cũng chẳng theo pháp ác và bất thiện, không bị phiền não nhiễm 6, không còn thọ sanh trở lại.

4 Ngoạn tập chí thiên .Thập thượng kinh roi. 0001.10. 0054c28 ghi là 4tthủ trì batvong,?W^ 5 Quán hưng suy pháp .Thập thượng kinh roi. 0001.10. 0057al7 ghi la/'quan pháp sanh diet"Tạp.02. 0099. 103. 0030c01 ghi là 44quan sát sanh diet" M Tạp.r.02. 0099.254. 0063b09 ghi là uđế quán ph sanh diet" . 6 Tuệ minh đạt còn gọi là Utuệ quyết trạch" nibbedhikapañño, là trí tuệ thấu suốt mọi việc. 7 Chánh tận khổ .Chánh sammā còn có nghĩa là hoàn toàn.

18 KINH TRUNG A-HÀM

Như vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc, không thể phá vỡ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vi Thánh đệ tử có niềm tin kiên cố, sâu xa đối với Như Lai, góc tin đã vững, trọn đời không theo Sa-mon5 Phạm chí ngoại đạo, cũng như Thiên, Ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác, đó là vị Thánh đệ tử có vọng gác tín tâm đê diệt trừ pháp ác, bat thiện và tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới đào hào, vét ao thật sâu rộng, sửa sang vững chắc để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoi; cũng vậy, vị Thánh đệ tử thực hành hạnh xấu hổ, điều đáng xấu hổ thì biêt xấu hổ. xấu hổ với những pháp ác, bất thiện, phiền não nhiễm ô khiến phải thọ nhận các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là vị Thánh đệ tử có ao hồ xấu hổ để diệt trừ pháp ác và bất thiện, tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường nối liền chung quanh cho bằng phẳng, rộng rãi để bên trong được an ổn và nệăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vi Thánh đệ tử thường thực hành hạnh biết thẹn, điều đáng thẹn thì biết thẹn. Tự thẹn với những pháp ác, bất thiện và phiền não nhiễm ô khiến phải thọ nhận các quả báo xấu ác, tạo gốc rễ sanh tử, đó là vị Thánh đệ tử có con đường biết thẹn bằng phẳng để diệt trừ pháp ác và bất thiện, tu tập các pháp thiện. [0423c03] Như vương thành ở biên giới tập hợp sức mạnh của bốn loại binh chủng gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ để bên trong được yên ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ từ thường thực hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện, thường giữ gìn tâm vững chãi, chuyên nhát, tạo các gốc thiện, nỗ lực không buông bỏ5 đó là vị Thánh đệ tử có sức mạnh của đội quân tinh tấn để diệt trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới chuẩn bị sẵn binh khí như cung, tên5 mâu và kích để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng. Đôi với những pháp phân đâu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, các pháp như thế cần học rộng nghe nhiều, luyện tập đen cả ngàn lan, khiến tâm chuyên chú, tư duy quán sát đe thâu rõ, hiêu sâu, đó là vị Thánh đệ tử có binh khí đa văn để diệt trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện. Như

vương thành ở biên giới lập vị Đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, trí tuệ, khéo léo, dõng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước; người hiền thiện thì cho vào, kẻ bát lương thì ngăn câm đê bên trong được an ôn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu thì ghi nhớ không quên, đó là vị Thánh đệ tử có Đại tướng trấn giữ để diệt trừ pháp ác và bát thiện, tu tập các pháp thiện.

3. KINH VÍ DỤ VỀ THÀNH LŨY > 19

Như vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn, tô đất đe bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát sự hung suy của các pháp nên đạt được trí tuệ như vậy, là tuệ minh đạt của bậc Thánh, nhờ đó đã phân biệt rõ ràng và diệt sạch hoàn toàn đau khổ, đó là vị Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ để diệt trừ pháp ác, bất thiện và tu tập các pháp thiện. Như vương thành ở biên giới có chuẩn bi sẵn nước, cỏ, củi và gỗ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác và bất thiện, có giác có quán, có hỷ và lạc được sanh ra do viễn ly, chứng đạt và an tru Thiền thứ nhất, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn hân hoan,8 tự mình đạt đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới gom góp nhiều lúa gạo và tích trữ nhiều lúa mạch để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử đã diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh, thành tựu và an trú Thiền thứ hai, song an lạc không thiếu thon, an on hân hoan, tự mình đạt đen Niết-bàn. [0424a02] Như vương thành ở biên giới chứa nhiều mè, đậu đỏ và các loại đậu khác để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trú xả vô cầu, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an tru lạc, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn hân hoan, tự mình đạt đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới chứa cất bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối và thịt khô, tất cả đều đầy đủ để bên trong được an ổn và ngăn chặn giặc thù bên ngoài; cũng vậy, vị Thánh đệ tử buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ tru và hỷ quá khứ, không khổ không vui, xả và niệm đều thanh tinh, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, sống an lạc không thiếu thốn, an ổn hân hoan, tự mình đạt đến Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8 An ẩn khoái lạc .An ẩn ,phāsu nghĩa là sự an lạc, dễ chịu. Khoái lạc ,
pāmojja nghĩa là hân hoạn. Tham chiếu: A. 10.1 v. l ghi là "Avippatisāro kho, ānanda, pāmojjattho pāmojjānisamso "ti Này Ananda, không có hôi tiêc đưa đên hân hoan, có lợi ích hân hoan, HT. Thích Minh Châu dịch.

4. KINH VÍ DỤ VÈ Nước1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ta sẽ giảng cho các thầy nghe ve bảy hạng người được ví dụ với nước.

Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!

r ,

Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời và lăng nghe. Đức Phật dạy: -Thế nào là bảy hạng người? Hoặc có người chìm mãi dưới nước; hoặc có người ra khỏi nước rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua; hoặc có người ra khỏi nước roi trụ lại, trụ lại roi ngước nhìn, ngước nhìn roi vượt qua, qua roi đến bờ bên kia; hoặc có người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người ở trên bờ. Cũng vậy, Ta sẽ giảng nói cho các thầy nghe ve bảy hạng người được ví dụ với nước. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Đức Phật dạy: Thế nào là bảy hạng người? Hoặc có người chìm mãi, hoặc có người đã ra khỏi rồi chìm trở lại, hoặc có người ra khỏi và trụ lại; hoặc có người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn; hoặc có người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn roi vượt qua; hoặc có người ra khỏi roi trụ lại, trụ lại roi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia; hoặc lại có người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi, được gọi là Phạm chí ở trên bờ. Đây là bảy hạng người được ví dụ với nước mà Ta vừa giảng nói sơ lược. Các thầy có biết ý nghĩa thế nào, có phân biệt gì, do nhân duyên gì đối với những điều Ta vừa giảng giải ở trên?

1 Nguyên tác: Thủy dụ kỉnh (roi. 0026.4. 0424al3). Tham chiếu: thủy dụ kinh (roi. 0029. 0811b01); Tăng.(02. 0125.39.3. 0729c24);4 7.15 -IV. 11.

22 KINH TRƯNG A-HÀM

[0424b05] Bấy giờ? các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn: -Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyet giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật dạy: Các thây hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt nghĩa lý cho các thây! Bấy giờ? các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Đức Phật dạy: -Thế nào là hạng người chìm mãi? Nghĩa là, có người bị những pháp bất thiện che lấp, bị đắm trước bởi nhiễm ô, nhận lãnh quả báo của pháp xấu ác, tạo gốc sanh tử, đó là hạng người chìm mãi, như người bị chìm rồi ở mãi dưới nước, Ta nói hạng người kia cũng lại như vậy. Đó gọi là hạng người thứ nhất được ví dụ với nước, trong the gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi rồi chìm lại? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã sanh khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện, về sau, người kia lại đánh mất lòng tin chưa vững chãi, thoái thất sự giữ giới, bố thí, nghe nhiều và trí tuệ không vững chãi, đó gọi là hạng người ra khỏi nước roi chìm lại. Như người chìm dưới nước, đã thoát ra được roi lại chìm, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó gọi là hạng người thứ hai được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi trụ lại? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tm nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp

thiện. Ve sau, tín tâm của người đó vẫn vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ đều vững chãi, không thoái thất, đó gọi là hạng người ra khỏi nước rồi trụ lại. Như người chìm dưới nước, ra khỏi nước rồi trụ lại, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó gọi là hạng người thứ ba được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ, tu tập các pháp thiện, về sau, tín tâm của người đó thêm vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiêu, trí tuệ thêm vững chãi, không thoái thất, trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhan của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt.2 Người đó biết như vậy, thấy

M^uventac: Tri khổ như chân, tri khổ táp, tri khổ diệt, tri khổ diệt đạo nhưr chân (,).Tham chiếu: M. 2, Sabbāsava Sutta {kỉnh tất cả các lậu hoặc):
So (idam dukkha 'nti yoniso manasi karoti, (ayam dukkhasamudayo 'ti yoniso manasi karoti, (ayam dukkhanirodho 'ti yoniso manasi karoti, "ayarn dukkhanirodhagāminīpatipadā 'ti yoniso manasi karoti (Như lý tác ý: tcĐây là kh6”,,nhir tác ý: t4Đây là khô tap", như lý tác ý: t4Đây là khổ diet", như lý tác y: 4íĐây là con đương đưa đen kho died, HT. Thích Minh Châu dịch. ' '

4. KINH VÍ DỤ VỀ NƯỚC 23

như vậy, nên ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi3 liền dứt sạch. Ba kiết sử đã dứt sạch liền chứng quả Tu-đà-hoàn5 không còn rơi vào pháp xấu ác, quyết định thăng đên Chánh giác, chỉ còn thọ sanh bảy lân nữa, qua lại bảy lần trong cõi người hay cối trời liền vượt thoát khổ đau.4 Đó gọi là hạng người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn. Như người chìm trong nước, được ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. [0424c04] Thế nào là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giói, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện. Ve sau, tín tâm của người đó càng thêm vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ càng thêm vững chãi, không thoái thất; trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biêt như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như vậy, thấy như vậy nên ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi liền dứt sạch. Ba kiêt sử đã dứt sạch, tham, sân và si giảm thiểu, chỉ còn một lần qua lại trong cõi người hay cõi trời. Sau khi qua lại một lan roi liền vượt thoát kho đau. Đó gọi là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua. Như người chìm trong nước, ra khỏi nước rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, Ta nói người kia cũng lại như thế. Đó hạng người thứ năm được ví dụ với nước, trong the gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, qua rồi đến bờ bên kia? Nghĩa là, sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí

tuệ và tu tập các pháp thiện, về sau, tín tâm của người đó càng thêm vững chãi, không thoai that; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ càng thêm vững chãi, không thoái thất; trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhan của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như thế, thấy như thế, nên năm hạ phần kiết sử5 là tham dục? sân hận, thân kiến, giới thủ và nghi liền dứt sạch. Năm hạ phần kiết sử dứt sạch rồi, người này sanh vào cõi ấy6 roi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thoái chuyển, không trở lại thế gian nữa. Đó gọi là hạng người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại roi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đên bờ

3 Tam kiết ,mà sarhyojcmdni: i Thân kiến ,sdkkdyadiHhi, h Giới cấm thủ , sīlabbataparāmāso, iii Nghi vicikicchā. 4 Khổ tế ,dukkhassantă'. Bờ mé cuối cùng của khổ, tức chấm dứt sự khổ. 5 Ngũ hạ phần kiết ,pañca orambhāgiya sarnyojana. Hạ phần chỉ cho Dục giới , Kāmadhātu, 5 loại kiêt sử đưa đên sự tái sanh ở Dục giới. Cũng gọi là^Ngũ thuận hạ phân kief, gồm: i ThamQịc ,kāmarāga, ii Sân khuê vyāpāda, iii Thân kiên ,iv Giới /m t,& Nhi . 6 Sanh ư bỉ gian chỉ cho ngũ Bất Hoàn tn hay ngũ TịnhzCư thiên ,Suddhāvāsā, gồm: Vô Phiền ,Avihā, Vô Nhiệt ,Atappā, Thiện Kiên ,Sudassī, Thiện Hiện Sudassā, A-ca-nị-trá ,Akanittha.

bên kia. Như người chìm trong nước, ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu được ví dụ với nước, trong thê gian thật sự có hạng người như vậy. Thế nào là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vi Phạm chí ở trên bờ? Nghĩa là sau khi thoát khỏi những pháp bất thiện, có người đã phát khởi lòng tin nơi pháp thiện, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, có trí tuệ và tu tập các pháp thiện, về sau, tín tâm của người đó rất vững chãi, không thoái thất; giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ đều rất vững chãi, không thoái thất; trụ vững trong pháp thiện, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như vậy, thấy như vậy rồi nên tâm thoát khỏi dục lậu, tâm thoát khỏi hữu lậu và tâm thoát khỏi vô minh lậu.7 Giải thoát rồi, liền biết mình đã giải thoát và biết A r y

như thật răng: “Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa.„ Đó gọi là người ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi, gọi là vị Phạm chí ở trên bờ. Như người chìm trong nước, ra khỏi rồi trụ lại, trụ lại rồi ngước nhìn, ngước nhìn rồi vượt qua, vượt qua rồi đến bờ bên kia, đen bờ bên kia roi, gọi là người ở trên bờ5 Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy được ví dụ với nước, trong thế gian thật sự có hạng người như vậy. Như Ta đã nói sẽ giảng cho các thầy về bảy hạng người được ví dụ với nước, do vậy Ta đã giảng nói xong. Đức Phật dạy như

vậy, các Ty-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 Dục lậu tâm giải thoát, hữu lậu, vô minh lậu tâm giải thoát ,:Tâm giải thoát khỏi phiên não trong cõi Dục, phiên não trong cõi sắc, Vô sắc và vô minh trong 3 cõi.

5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG Gỗ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo tuần tự du hóa trong nhân gian rồi đến nước Câu-tát-la.12 Bấy giờ, đang đi giữa đườrig, Thế Tôn bỗng thấy đống gỗ3 lớn ở đằng xa đang bóc cháy bừng bừng. Thấy vậy rồi, Thế Tôn liền đi xuong bên đường rồi đên một cây khác, trải tọa cụ4 và ngồi kiêt-già. Khi đã ngồi xong, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy đống gỗ lớn ở đằng kia đang bốc cháy bừng bừng không? Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa: -Thưa có thấy, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy nghĩ sao? Nếu đến ôm9 hoặc ngồi, hoặc nằm với đống gỗ lớn đang bốc cháy bừng bừng so với việc đến ôm? hoặc ngồi, hoặc nằm với người con gái của dòng Sát-lợi,56Phạm chí,6 Tỳ-xá7 hay Thủ-đà-la8 trong độ tuổi thanh xuân, đã tắm gội sạch sẽ, được xông ướp hương thơm, mặc y phục sạch đẹp rồi dùng tràng hoa, chuỗi ngọc đe trang sức thân the thì việc nào vui thích? Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nấu om, hoặc ngồi, hoặc nằm với đống gỗ lớn đang bốc cháy bừng bừng thì rất khổ. Bạch Thế Tôn! Nếu ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm với

1 Nguyên tác: Mộc tích dụ kinh roi. 0026.5. 0425al5. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.33.10. 0689a04; A. 7.72 - IV. 128. 2 Câu-tát-la Kosala, quốc gia hùng mạnh đứng thứ 2 trong 16 nước ở thời Phật, nằm phía Tây Bắc nươc Ma-kiệt-đà Magadha, ranh giới tiếp giáp với nước Kasi. Quốc gia Kosala có con sông Sarayu chia đôi 2 miền Nam Bác. 3 Nguyên tác: Mộc tích Đống gỗ. Theo A. 7.72 - IV. 128, aggikkhandharn nghĩa là đống lửa. 4 Nguyên tác: Ni-sư-đàn nisīdand: Tọa cụ, dụng cụ dùng để trải ngồi hoặc nằm. 5 Sát-lợi ,Khattiyo, tầng lớp này thuộc về hàng vua chúa, chiến sĩ; là giai cấp thứ 2 trong 4 giai cấp ở Ấn Độ. 6 Nguyên tác: Phạm chí ,Brāhmand. Đại bồn kinh roi. 0001.1. 0002al7rvà Tạp. 7.02. 0099.14. 0002c25 đều ghi là Bà-la-môn ,giai cấp thứ nhất trong 4 giai cáp ở An Độ thời Phật. 7 Nguyên tác: Cưsĩ. Tqr T.02. 0099.95. 0026ỒỒ5 ghi là Tỳ-xá hay Vessā, giai cấp thư 3 trong 4 giai cấp của Ấn Đọ thời Phật. 8 Nguyên tác: Công sư .Tiểu duyên kinh r.01. 0001.5. 0037a04 và Tạp.T.02. 0099.95. 0026ỒỒ5 ghi là Thủ-đà hay Thủ-đà-la ,Suddā, giai cap thứ 4 trong 4 giai cáp của Ấn Độ thời Phạt.

người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la ở độ tuổi thanh xuân, đã tắm gội sạch sẽ, được xông ướp hương thơm, mặc y phục sạch đẹp roi dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể thì thật vui thích, bạch Thế Tôn! [0425ỒỒ1] Đức Phật bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để cho các thay học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà Ôm đông gô lớn đang bóc cháy bừng bừng kia, hoặc ngôi, hoặc năm với chúng. Cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới, không chút

siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, không phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la ở độ tuổi thanh xuân, đã tắm gội sạch sẽ, được xông ướp hương thơm, mặc y phục sạch đẹp rồi dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm với người đó thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, khi thân hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy suy ngam nghĩa nay, suy ngam nghĩa kia roi suy ngam ca hai nghĩa, hãy suy nghĩ thế này: uTa xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, được sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của người tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn." Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: -Các thây nghĩ sao? Nêu như bi lực sĩ dùng sợi dây thừng băng lông thú9 cột siết bắp chân10 cho đến đứt da, đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương cho đến tủy mới thôi, hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận sự cúng thí, lại được xoa bóp thân thể, khớp xương và tay chân thì việc nào vui thích? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu bị lực sĩ dùng sợi dây thtmg bằng lông thú cột siết bắp chân cho đến đứt da? đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương cho đến tủy mới thôi thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo người dòng Sát-lợi9 Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để nhận sự cúng thí, lại được xoa bóp thân thể, khớp xương và tay chân thì thật vui thích, bạch Thế Tôn!

9 Nguyên tác: Mao thằng \ Đại trí độ luận T.25. 1509.5. 0098b28 ghi: Như Phật nói ví dụ dùng dây thừng bẵng lông thú trói chặt người, cắt đứt xương và da; người tham lợi dưỡng bị đoạn mát gốc công đức cũng giông như vậy :•, . 10 Nguyên tác: Thuyên Bắp chân .Theo A. 7.72 - IV. Xl^.jañghā nghĩa là bắp chân.

5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG Gỗ 27

Đức Phật bảo: -Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để cho các thầy học làm Sa-môn lại mát đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ dùng sợi dây thừng bằng lông thú cột siết bắp chân cho đến đứt da, đứt da rồi đứt thịt, đứt thịt rồi đứt gân, đứt gân rồi đứt xương, đứt xương đên tủy mới thôi. Cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cối xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, không phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn5 rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận sự cúng thí, được xoa bóp thân thể, khớp xương và tay chân thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi thân hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, hãy suy nghĩ thế này: “Ta xuất gia

học đạo không vô ích, không luống không mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ]ớn." Các thầy nên học tập như vậy. [0425C10] Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ sao? Nếu bị lực sĩ dùng con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi, hay là theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để nhận sự lễ bái và cung kính đón rước của tín thí thì việc nào là vui thích? Bây giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ dùng con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi thì thật rất khổ, bạch Thế Tôn! Còn theo người dòng Sát-lợi5 Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để nhận sự lễ bái và cung kính đón rước của tín thí thì thật là vui thích, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ dùng dao bén đã mài giũa chặt đứt ngang đùi, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhimg không vì thế mà sau chết đi các thày phải thẳng đến các cõi xấu ác hoặc bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà"la mà nhận sự lễ bái và cung kính đón rước của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi qua đời liền

thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Do đó? các thầy nên suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ the này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.^, Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ sao? Nếu bi lực sĩ nung lá đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi quấn quanh thân thể, hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận y phục của tín thí thì việc nào là vui thích? [0426a03] Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ nung lá đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi quấn quanh thân thể thì thật rất khổ, bạch Thế Tôn! Nếu theo người dòng Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận y phục của tín thí thì thật vui thích, bạch Thế Tổn! Đức Phật bảo: -Ta sẽ giảng nói cho các thây, không đê các thây học làm Sa-môn lại mát đạo Sa-môn. Nếu các thày muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ nung lá đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi quấn quanh thân thể, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc chết đi, nhưng không vì thế mà sau khi thân hoại mạng chung, các thay phải thẳng đến các cõi xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn? để rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la mà thọ nhận y phục của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi thân

hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác, bị đọa vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.,^ Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: -Các thây nghĩ sao? Nêu bị lực sĩ dùng kem sát nóng, kéo miệng há rộng ra rồi lấy hòn sắt đã nung cháy đỏ rực bỏ vào trong miệng. Hòn sắt nung cháy đó đốt cháy môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới; hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để lãnh thọ thức ăn có vô số mùi vị của tín thí thì việc nào là vui thh?

5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG GÕ 29

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ dùng kềm sắt nóng, kéo miệng há rộng ra rồi lây hòn sát đã nung cháy đỏ rực bỏ vào trong miệng. Hon sắt nung cháy đó đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới thì thật rất khổ9 bạch Thế Tôn! Còn nếu theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la đê lãnh thọ thức ăn có vô số mùi vị của tín thí thì thật là vui thích, bạch Thế Tôn! [0426b02] Đức Phật bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để lực sĩ dùng kềm sắt nóng, kéo miệng há rộng ra rồi lấy hòn sắt đã nung cháy đỏ rực bỏ vào trong miệng. Hòn sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và r z r • 9

đót ruột, roi đót xuông dưới; cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khô hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cõi xâu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn5 lại theo người dòng Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận sự dâng cúng thức ăn có vô số mùi vị thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác? sau khi thân hoại mạng chung liên thăng đên các cõi xâu ác, hay bị đọa vào địa ngục. Vì thê, các thây nên suy ngâm nghĩa nay, suy ngam nghĩa kia roi suy ngam cả hai nghĩa, nen nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc, sanh vào các cõi lành để được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.,, Các thây nên học tập như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: —Các thầy nghĩ sao? Nếu bị lực sĩ nung giường bằng sắt hay bằng đồng cháy đỏ rực, rồi ép buộc người kia phải nằm hoặc ngồi trên đó? hoặc là theo các người dòng Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ lãnh giường chõng, mền nệm của tín thí thì việc nào là vui thích? Lúc đó5 các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn, nếu bi lực sĩ nung

giường bằng sắt hay bằng đồng cháy đỏ rực rồi ép buộc người kia phải ngồi hoặc nằm trên đó thì thật rất kho, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo các ngươi dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà- la để thọ lãnh giường chõng, mền nệm của tín thí thì thật là vui thích, bạch The Tôn!

30 KINH TRƯNG A-HÀM

Đức Phật dạy: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để cho các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ nung giường bằng sắt hay bằng đồng cháy đỏ rực, rồi ép phải nằm hoặc ngồi trên đó, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cõi xấu ác hay bi đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn lại xưng là Sa-môn, rồi theo những người Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ- xá hay Thủ-đà-la để thọ lãnh giường chõng, mền nệm của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tót đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác, sau khi thân hoại mạng chung liên thăng đên các cõi xấu ác hay bi đọa vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ the này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành, được sống lâu, được thọ nhận y phục, thực phẩm, giường nệm và thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả bảo lớn và được trí tuệ lớn.,, Các thay nên học tập như vậy. [0426C10] Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ sao? Nếu bị lực sĩ đốt cái vạc lớn bằng đồng hay bằng sắt cháy đỏ rực, rồi xốc ngược một người thả vào trong vạc, hoặc theo người Sát- lợi? Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận nhà cửa, phòng ốc được tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo chắc chắn, có lò sưởi ấm áp của tín thí thì việc nào là vui thích? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, nếu bị lực sĩ đốt cái vạc lớn bằng đồng hay sắt cháy đỏ rực rồi xốc ngược một người thả vào trong vạc thì quá khổ sở, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo những người Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la để thọ nhận nhà cửa, phòng ốc được tô trét bùn đất, có cửa nẻo kín đáo chắc chắn, có lò sưởi ấm áp của tín thí thì thật vui thích, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh Vô thượng thì thà để cho lực sĩ đốt cái vạc lớn bằng đồng hay bằng sắt cháy đỏ rực rồi xốc ngược một người thả vào trong vạc, cho dù nhân việc đó mà phải chịu đau khổ hoặc mất mạng nhưng không vì thế mà sau chết đi các thầy phải thẳng đến các cối xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới, không chút siêng năng, sanh ra pháp ác và bát thiện, chăng phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà ximg là Sa-môn, theo người Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la đê thọ nhận nhà cửa, phòng ốc được tô trét bùn đất, cửa nẻo kín

5. KINH VÍ DỤ ĐỐNG G 31

đáo chắc chắn, có lò sưởi ấm áp của tín thí thì do điều này mà người ngu si kia vĩnh viễn không đạt được lợi ích tốt đẹp, lại phải thọ nhận quả báo của pháp ác sau khi thân

hoại mạng chung liền thẳng đến các cõi xấu ác hay bị đọa vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy suy ngẫm nghĩa này, suy ngẫm nghĩa kia rồi suy ngẫm cả hai nghĩa, nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các cõi lành, được sông lâu, được thọ nhận y phục, thực phàm, giường nệm, thuôc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn và được trí tuệ lớn.” Các thầy nên học tập như thế. [0427a03] Khi đức Phật dạy bài pháp này xong thì có sáu mươi Tỳ-kheo trừ sạch tát cả phiên não, giải thoát mọi kiêt sử, sáu mươi Tỳ-kheo xả giới, hoàn tục. Vì sao như thế? Vì những lời chỉ dạy của đức Thế Tôn rất sâu xa, rất khó hiểu, sự học đạo lại càng sâu và càng khó hơn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.1111

11 Bản Hán, hết quyển 1.

6. KINH NƠI NGƯỜI HIỀN ĐI ĐẾN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ta sẽ giảng nói cho các thầy về bảy nơi mà bậc Hiền thiện12 đi đến và thể nhập Vô dư Niết-bàn.3 Các thầy hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời lang nghe. Phật dạy: - Bảy nơi ấy gồm những gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: “Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở? ở tương lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu4 thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả,5 không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh.6,^ Thực hành như thê thì có trí tuệ và thây được con đường vô thượng tịch tĩnh7 nhtmg vân chưa được chứng ngộ.8 Tỳ-kheo thực hành như thế thì sẽ đi đen nơi nào? Ví như đốt trấu, vừa nhúm lên liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhimg năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết, chứng đắc Trung

1 Quyển 2. Nguyên tác: Thiện nhân vãng kinh roi. 0026.6. 0427al3. Tham chiếu: A. 7.55 -IV. 70. 2 Thiện nhân chỉ cho bậc Chân nhân Sappurỉsà, hạng người đã bước vào dòng Thánh. 3 Vô dưNiết-bàn .Tăng.7.02.0125.16.2. 0578al2 định nghĩa: Thế nào gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn? Đó là vị Tỳ-kheo dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng rồi tự an trú và biết như thật rằng: uSanh tử đã chấm dưt, Phạm hạnh đã thanh tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Đó gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn. ỉ;, :: ,,O®^. Đại tri độ luận 7.25. 1509.031. 0288c07 bo sung: Thân ngũ nân của bậcThánh trong đời hiện tại được đoạn trừ, lại không tiêp tục thọ thân nữa, nên gọi là Vô dư Niết-bàn .Theo A. 7.55 - IV. 70, gọi là Niết-bàn không còn chấp thủ Anupādāparinibbāna,. 4 Nguyên tác: Dĩ hữu .Tham chiếu: A. 7.55 - IV. 70: Yadatthi yam bhūtarn những gì có mặt, nhưng gì hiện hữu. 5 Đắc xupekkham patilabhatī'. Đạt được tâm xả. 6 Hữu lạc bất nhiễm, hiệp hội bất trước .p So bhave na rajjati, sambhave na rcyjati vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Vô thượng tức tích :Con đường tịch tĩnh tối thượng. 8 Vị đắc chứng .Theo 4 7.55 - IV. 70: Tam ca khvassapadam na sabbena sabbam sacchikatam hoti vị ấy chưa

chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ây, HT. Thích Minh Châu dịch.

34 KINH TRƯNG A-HÀM

Bát-niết-bàn.9 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ nhất. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: “Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vi lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên hư không rồi liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết, chứng đắc Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ hai. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. [0427b03] Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vi lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đam nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như the thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhimg vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thê thì sẽ đi đên nơi nào? Ví như nung sát cháy đỏ rực roi dùng búa đập5 mạt lửa văng lên hư không roi rơi xuống lại nhưng chưa chạm đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đen của bậc Hiền thiện thứ ba. The gian quả thật có hạng người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vi lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc ve sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mác nơi sanh.,, Thực hành như thê thì có trí tuệ và thây được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như the thì sẽ đi đen nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên rồi rơi xuống, chạm đất thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như the, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ

9 Trung Bát-niết-bàn ậs, Antarāparinibbāyī. Tập dị môn túc luận r.26.
1536.14. 0426a03 giải thích: Đó là hạng người ngay trong đời hiện tại đã đoạn trừ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ được 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tang trưởng rồi sanh phi dị thục ĩighiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đó nương thân trung hữu để sanh lên trời sắc giới rồi chứng đăc như thật vô lậu đạor lực, tiên lên đoạn trừ các kiêt sư còn lại và chứng nhập Niết-bàn, đó gói là hạng người Trung Bat-niet-ban w w#flip B,^,
, .Ve tư ctrungu”
;Tam-di-de bọ luânZ32. 1649.2. 0467Ồ20 cho biết đó chính là "thân trung ấm.^,

6. KINH NƠI NGƯỜI HIỀN ĐI ĐẾN 35

hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn.1011Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ tư. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: “Ta vốn không có ngã và cũng không có ngã sở, vi lai không có ngã và cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thây được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vân chưa được chứng ngộ. Tỳ- kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên rồi rơi xuống trên nhúm cỏ cây, liền bốc khói hoặc bùng cháy, vừa cháy liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn trừ hết, chứng Hành Bát-niết-bàn.11 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ năm. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vị lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ- kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực rồi dùng búa đập, mạt lửa văng lên hư không roi rơi xuống trên đám cỏ cây, liên bốc khói hoặc bùng cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phần kiết sử đã diệt trừ hết,

10 Sanh Bát-niết-bàn Upahaccaparinibbāyī. Tập dị môn túc luận 7.26.
1536.14. 0426a12 giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đời hiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tăng trưởĩg rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đọ nương thân trung hữu để sanh lên và an trú ở trời sắc giới. Khi sanh vào cõi đó chưa bao lâu thì chứng đắc như thật Vô lậu đạo lực rồi tiến lên đoạn trừ các kiết sử còn lại và chứng nhập Niết-bàn, đó gọi là hạng người Sar± Bát-niệt-bàn ỉE

7 11 Hành Bát-niết-bàn
hay Hữu hành Bát-niết-bàn .Sasañkhāraparinibbāyī. Tập dị môn túc luận 7.26. 1536.14. Ọ426a23 giải thích: Đó là hạng người ở ngay trcmg đời hiện tại đã đoạn trừ, đã biêt rõ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tăng trưởng rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đó nương thân trung hữu để sanh lên và an trú ở trời sác giới? Khi sanh vào cõi đó mọt thời gian, do nương vào sự tụ tập, nương vào sự nỗ lúc, nhờ vào nô lực mà tác ý tu tập không ngưng nghỉ về các trợ đạo, để rồi sau đó đọạn trừ các kiết sử còn lại và chứng nhận Niet-ban, đo gọi là hạng người Hữu hanh Bát:niết-bàn , Bfr ME.
ỈI, j.

chứng VÔ hành Bát-niết-bàn.12 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ sáu. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. [0427c06] Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy:

“Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vị lai không có ngã cũng không có ngã sở, những gì thuộc về sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả, không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh, ĩihtmg vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế thì sẽ đi đến nơi nào? Ví như nung sắt cháy đỏ rực roi dùng búa đập, mạt lửa văng lên hư không, rơi xuồng đông cỏ cây, liên bóc khói rồi bùng cháy cả thôn ấp, thành trì, rừng núi, đồng nội. Ngọn lửa thiêu rụi hết thôn ấp, thành trì, rừng núi, đồng nội, hoặc cháy lan đến đường đi, hoặc mé nước rồi đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa diệt trừ, nhưng năm hạ phân kiêt sử đã diệt trừ hét, chứng Thượng lưu A-ca-nị-tra Niết-bàn.13 Đó là nơi đi đến của bậc Hiền thiện thứ bảy. Thế gian quả thật có hạng người như vậy. Thế nào là Vô dư Niết-bàn? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Ta vốn không có ngã cũng không có ngã sở, vị lai không có ngã cũng không có ngã sở? những gì thuộc ve sanh hữu thì phải đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ thì đạt được xả? không đắm nhiễm nơi hữu, không dính mắc nơi sanh." Thực hành như thế thì có trí tuệ và thấy được con đường vô thượng tịch tĩnh và đã được chứng ngộ. Ta nói rằng, Tỳ-kheo đó không cần đến phương Đông, không cần đến phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn phương phụ và hai phương trên dưới mà ngay trong hiện đời chứng được đạo tịch tĩnh, diệt độ. Ta đã giảng nói về bảy nơi mà bậc Hiền thiện đi đến và nhập Vô dư Niết- bàn, là nhân đó mà nói. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 VQhành Bát-niết-bàn ,Asañkhāraparinibbāyī'. Sau khi tái sanh ở trời sắc giới, không do nô lực tu tập mà nhập Niêt-bàn. Tập dị môn túc luận 26. 1530.14. 0426ỒỒ07 giải thích: Đó là hạng người ơ ngay trong dơi hiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ 5 hạ phần kiết nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ 5 thượng phần kiết, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tăng trương rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, VỊ đó nương thân trung hữu để sanh len vàgn trú ở trời Sắc giới. Khi saiửi vào cõi đó một thờl gian, không cần nương vào sự tu tập, không cần nỗ lực, không cần nỗ lực tác ý tu tập không ngưng nghi các trợ đạo để rồi sau đó đoạn tmcac kiết còn lại va chứng nhập Niet-bar^ đó gọi là hạng người Vô hành Bát-niết-bàn , ' *:, n

13 Thượng lưu A-ca-ni-tra Niet-ban Uddhamsoto akanitthagāmiri hay Thượng lưu Săc Cứu Cánh Niêt-bàn .Tập dị môn túc luận 0.26. 1536.14. 0426b 18 giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đờirhiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ 5 hạ phần kiết nhung chưa đoạn trừ v chua biêt rõ năm thượng phan kiết... rồi lần lượt tái sanh nơi cõi Vô Phiền thiên ,là cõi tìiứ nhát của ngũ Tinh Cư thiên E,sau đó tiêp tục thanh lọc tâm tại 3 cõi kế: Vô Nhiệt thiên Thiên Kiên thiên 7#,Thiện Hiện thiên ,cuối cùng là cõi sắc Cứu Cánh thiên rồi thể nhập Niết-bàn ở đó. J

7. KINH PHƯỚC THẾ GIAN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Câu-xá-di12 rồi ngụ tại vườn Cù-sa-la.3 Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Ma-ha Châu-na4 rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Ngài có thể giảng giải cho con nghe về phước thế gian được chăng? Đức Phật bảo:

Có the được, Châu-na! Có bảy loại phước the gian, được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Bảy phước ấy là gì? Này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ5 nào cúng dường nhà cửa, lau gác cho chúng Tỳ-kheo. Này Châu-na! Đó là loại phước thế gian thứ nhất được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. [0428a05] Lại nữa, này Châu-na! Tại trú xứ của chư Tăng,6 người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường giường năm, tòa ngôi, thảm lông, nệm lông, nệm giạ và mền chiếu. Này Châu-na! Đó là loại phước thế gian thứ hai được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Lại nữa, này Châu-na! Tại trú xứ của chư Tăng, người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường tất cả các loại y phục mới, sạch đẹp. Này Châu-na! Đó là loại phước the gian thứ ba được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Lại nữa, này Châu-na! Tại trú xứ của chư Tăng, người thiện nam hay người thiện nữ nào thường xuyên cúng dường cháo buổi sáng và thực phẩm buổi trưa

1 Nguyên tác: Thế gian phước kinh roi. 0026.7. 0427c25. Tham chiếu: Tăng.r02. 0125.40.7. 0741Ồ24. 2 Câu-xá-di Kosambī còn gọi ỊàxKiêu-thưởng-di thủ đô của nước Bạt-sa , Vamsa, Thánh tích này hiện nay thuộc vê Ấn Độ, cách Allahabad khoảng 45km vê phía Tây Nam. 3 Cù-sa-la Ghositārāma hạy Cù-sư-la ,tinh xá trong khu rừng ở Kosambī, do trưởng giả Cù-sa-ìa Ghosaka xây dựng để cúng dường Phật va chúng Tăng? 4 Ma-ha Châu-na Mahācunda. 5 Nguyên tác: Tộc tánh nam, tộc tánh nữ :Người thiện nam, người thiện nữ. 6 Ư phòng xá trung n. Phòng xá còn được dịch là "trú xứ”tctọa ngọa sở,? í4tọa ngọa xứ”senāsanāni.

cho chúng Tăng; lại cung cấp người làm vườn để giúp việc; hoặc khi gió mưa, tuyết lạnh, đích thân đến khu vườn để cúng dường và chu cấp thêm; các Tỳ- kheo sau khi thọ thực, không lo gió mưa, tuyết lạnh thấm ướt y phục để ngày đêm yên vui thiền định, tư duy. Này Châu-na! Đó là loại phước thế gian thứ bảy được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, hoặc đi hay đến, hoặc đứng hay ngoi, hoặc ngủ hay thức, hoặc ngày hay đêm thì phước ấy vẫn thường sanh, càng lúc càng tăng thêm, càng lúc càng nhân rộng. Này Châu-na! Ví như nước sông Hằng-già7 từ nguồn chảy ra rồi tuôn vào biển cả, trong suốt thời gian đó càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, này Châu-na, nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, hoặc đi hay đến, hoặc đứng hay ngồi, hoặc ngủ hay thức, hoặc ngày hay đêm thì phước ấy thường sanh, càng lúc càng tăng thêm, càng lúc càng nhân rộng. Bây giờ, Tôn giả Ma-haA e Châu-na từ chô ngôi đứng dậy, sửa áo bày vai bên ỉ r .

phải, gói phải quỳ sát đát roi chăp tay bạch Phật: -Bạch đức Thế Tôn! Ngài có thể chỉ dạy cho con về phước đức xuất thế gian được chăng? Đức Phật bảo: -Có thê được, Châu-na! Lại có bảy loại phước xuât thê gian, được phước báu lớn, được quả báo lớn,

được danh xưng lớn và được công đức lớn. Bảy phước ấy là gì? Này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai hành hóa ở xứ nào đó, nghe rồi hoan hỷ? trong lòng rất phấn khởi. Này Châu-na! Đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. [0428b03] Lại nữa, này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai từ nơi kia muốn đến nơi này, nghe rồi hoan hỷ9 trong lòng rất phấn khởi. Này Châu-na! Đó là loại phước xuất thế gian thứ hai được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Lại nữa, này Châu-na! Người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai từ nơi kia đã đến nơi này, nghe rồi hoan hỷ, lòng rất phấn khởi, với tâm thanh tịnh đích thân đến thăm hỏi; lễ lạy; cúng dường. Cúng dường xong lại lãnh thọ ba pháp quy y; đối trước Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo mà lãnh thọ giới cấm. Này Châu-na! Đó là loại phước xuất thế gian

7 Hằng-già ,Gañgā: Sông Hằng, con sông quan trọng và linh9thiêng bậc nhất theo quan điểm của người An Độ, bắt nguôn từ dãy Himalaya, chảy dài 2.510km rồi đổ vào vinh Begal.

thứ bảy8 được phước báu lớn, được quả báo lớn, được danh xưng lớn và được công đức lớn. Này Châu-na! Nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy loại phước thế gian, lại có thêm bảy loại phước xuất thế gian này nữa thì phước của người đó không thể tính được là có bao nhiêu phước, có bao nhiêu phước quả, có bao nhiêu phước báu, chỉ có thể nói là không thể giới hạn, không thể đo lường, không thể biết được số phước lớn ấy. Này Châu-na! Ví như năm con sông trong châu Diêm-phù là Hằng-già, Diêu-vxru-na, Xá-lao-phù9 A-di-la-bà-đề và Ma-xí9 tuôn nước vào biển cả, trong suốt thời gian đó, không thể tính được số nước là bao nhiêu thăng, bao nhiêu hộc, chỉ có thể nói là không thể giới hạn, không thể đo lường, không thể biêt được sô nước lớn đó. Cũng vậy, này Châu-na! Nêu người thiện nam hay người thiện nữ nào đã tạo được bảy phước thế gian, lại có thêm bảy loại phước xuất thế gian này nữa thì phước của người đó không thể tính đếm có bao nhiêu phước, bao nhiêu phước quả, bao nhiêu phước báu, chỉ có the nói không thể giới hạn, không thể đo lường, không thể biết được số phước lớn đó. Bay giơ, Thê Tôn liên noi kệ: Con sông Hằng-già, Trong sạch dễ qua, Biển nhiều châu báu, Vua các dòng sông. Cũng như nước sông, Người đời kính phụng, Các sông chảy về, Đều vào biển lớn. Cũng vậy, người nào, Cúng áo, thực phẩm, Giường chõng, nệm chăn, Vật dụng để ngồi. Phước báu không lường, Đưa đến cõi lành, Cũng như nước sông, Tuôn ve biên ca. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Ma-ha Châu-na và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8 Đoạn này nêu chung 5 thứ gồm: thăm hỏi, lễ lạy, cúng dường, thọ 3 pháp quy y, thọ 5 giới; cộng với 2 loại ở ưến thành 7 loại. 9 Năm con sông lớn, gồm: Hằng-giàfi,Gañgā, Diêu-vưu-na is,Yāmunā, Xá-lao-phù Sarabhū, A-di-la-bà-đề ,Aciravatī và Ma-xí ,Mahī.

8. KINH BẢY MẶT TRỜI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Tỳ-xá-ly/ ngụ trong vườn Xoài.123 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tất cả pháp hữu vi4 đều vô thường, là pháp không tồn tại mãi, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Vì sao như vậy? Vì có những lúc không mưa. Khi không có mưa thì tất cả cay cối, trăm thư lua mạ, cây thuốc đều bị khô héo, gãy đổ chết sạch, không thể sống mãi. Vì thế, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại mãi, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cau giải thoát. Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi hai mặt trời xuất hiện thì các dòng nước ở kênh, mương, sông ngòi thảy đều khô cạn, không thể đầy mãi. Vì thế, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không thể nương tưa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Lại nữa, có lúc ba mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi ba mặt trời cùng xuất hiện thì tất cả các dòng sông lớn đều khô cạn, không thể đầy mãi. Do đó, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không ton tại lâu dài, là pháp nhanh chóng

1 Nguyên tác: Thất nhật kỉnhroi. 0026.8. 0428c07. Tham chiếu: Tảt-bảt-đa tô-lý-du-nại- dã kinh TOI. 0030. 0811CÍ9; Tg.T02. 0125.40.1. 0735b20; A. 7.66 -IV. 100. 2 Tỳ-xá-ly ặậ,Vesālī, một trong 16 nước thời Phật tại thế ở Trung Ấn, là thủ phủ của bộ tộc Ly-xa và là quê hương của cư SI Duỵ-ma-cạt. Sau khi đức Phật nhập Niet-ban^khoảng 100 năm, nơi đây diễn ra Đại hội Kết tập kinh điển lan thứ hai, với sự tham dự của 700 vị Hiền thánh, gọi là "Thất bách kết tập.” 3 Nại-thị thọ viên cbn gọ\là 'gm-la viênJtức vườn xoài Ambārāma. Nại dùng như chữ t4nai,9 ,thuộc họ Tần ,gọi là tần quả SM tức trái táo. Theo Phiênrdịch danh nghĩa tập .54. 2131.7. 1167c08, quả1giống trái đào hoặc giống trái táo .ở đây, Nại-thị thọ viên là vườn cây của bà Amba được hiêu là vườn xoài của bà Ambapāli. 4 Hành ,saùkhãrà, nguyên nghĩa chỉ sự tạo tác, về sau mang nghĩa các pháp hữu vi.

đổi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đam mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cau giải thoát. Lại nữa, có lúc bôn mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi bôn mặt trời cùng xuất hiện thì các dòng suối lớn chảy ra năm con sông lớn trên châu Diêm-phù là Hằng-già, Diêu-vxru-na5 Xá-lao-phù? A-di-la-bà-đề và Ma-xí, các nguồn suối lớn ấy đều khô cạn cả5 không thể đầy mãi. Do đó, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tôn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đôi thay, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy không nên tham đắm mà cần phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cau giải thoát. [0429a01] Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện thì nước trong biển lớn giảm xuống một trăm do-tuần/ giảm dần cho đến bảy trăm do-tuần. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước trong biên còn bảy trăm

do-tuân giảm dân cho đên còn một trăm do-tuân. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước trong biển lớn giảm xuống từ một cây đa-la56 giảm dần đên băng bảy cây đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuât hiện, nước trong biên còn bằng bảy cây đa-la giảm dần cho đến còn một cây đa-la. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển giảm xuống bằng một thân người, giảm dần cho đến bằng bảy thân người. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển còn bằng bảy thân người, giảm dần cho đến còn bằng một thân người. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước biên giảm dân đên cô5 đên vai, đên lưng, đên đùi, đên đâu gói, đên mát cá chân, cho đến lúc nước biển cạn kiệt, không đủ ngập một ngón chân. Do đó? tát cả pháp hữu vi đêu vô thường, là pháp không tôn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp chẳng thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Lại nữa, có lúc sáu mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả mặt đất và núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới đốt lò, tất cả cửa lò đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Như vậy, khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả mặt đất và núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Do đó, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài, là pháp nhanh chóng đổi thay, là pháp không the nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà phải chán ghét, phải tìm cách xa lìa, phải tìm cầu giải thoát. Lại nữa, có lúc bảy mặt trời cùng xuất hiện trong đời. Khi bảy mặt trời cùng xuât hiện, tát cả mặt đát và núi chúa Tu-di bông bóc cháy bừng bừng, tạo thành ngọn lửa cực lớn. Như vậy, lúc bảy mặt trời cùng xuất hiện, tất cả mặt đất và núi chúa Tu-di bỗng bốc cháy bừng bừng, tạo thành một ngọn lửa cực lớn, gió

5 Nguyên tác: Do-diên . 6 Đa-la tāla: Thực vật thuộc họ Cau Palmyra, tuổi thọ có khi đến 100 năm, cao khoảng 30m, tên khoa học Borassus Flabellifer, cũng gọi là cây thốt nốt hay cây cọ, thời xưa thương dùng lam đơn vị đo chiều cao. J J

thổi ngọn lửa ấy cháy bùng lên đến trời Phạm thiên. Lúc đó, các vị trời Hoảng Dục7 vừa mới sanh lên cõi này nên không hiểu rõ sự thành hoại của thế gian. Do không thấy được sự thành hoại của thế gian nên không biết rõ sự thành hoại của thế gian. Khi thay ngọn lửa cực lớn đó5 họ đều khiếp sợ, toàn thân sởn gai ốc roi thầm nghĩ: "Ngon lửa không đến đây chứ? Ngọn lửa không đến đây chìi?" Các vị trời sanh trước đã hiêu rõ sự thành hoại của thê gian, đã thây được sự thành @ r r .c :c hoại của thê gian, biêt rõ sự thành hoại của thê gian nên khi thây ngọn lửa cực lớn đó liền an ủi các vi trời kia rằng: "Chớ nên khiếp sợ! Ngọn lửa chỉ cháy đến đó, không bao giờ đen nơi này." Khi bảy mặt trời xuất hiện thì núi chúa Tu-di sụp đổ, tan chảy dần dần từ một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, cho đến bảy trăm do-tuần. Khi bảy mặt trời xuất hiện, núi chúa Tu-di và mặt đất này bị thiêu rụi, tan chảy, mát sạch, không còn chút tro tàn. Như đót dâu bơ, cháy đên tiêu hét không còn khói đen. Cũng vậy, khi bảy mặt trời xuất hiện thì núi chúa Tu-di và mặt đất này không còn chút tro tàn. Do đó? tất cả pháp hữu vi đều vô thường, là pháp không tồn tại lâu dài? là pháp chóng thay đổi, là pháp không thể nương tựa. Các pháp hữu vi như vậy, không nên tham đắm mà phải chán ghét,

phải tìm cách xa lìa5 phải tìm cầu giải thoát. [0429b07] Nay Ta giảng nói cho các thầy, núi chúa Tu-di sẽ sụp đổ, tan hoại, ai có thể tin điều này? Chỉ có những người thấy được sự thật mà thôi. Nay Ta giảng nói cho các thầy, nước trong biển cả sẽ khô cạn hết, ai có thể tin được? Chỉ có những người thấy được sự thật mà thôi. Nay Ta giảng nói cho các thày, tất cả mặt đất sẽ bị cháy sạch, ai có thể tin được? Chỉ có những người thấy được sự thật mà thôi. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo! Thuở xưa, có vị đại sư tên là Thiện Nhãn, là bậc tôn sư của các tiên nhân ngoại đạo, xa lìa dục và ái, chứng đắc Như ý túc. Đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn đệ tử, ông thường dạy pháp Phạm thế89cho họ. Khi đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thế cho các đệ tử, trong số đó có người phụng hành pháp ấy không trọn vẹn nên sau khi mạng chung, người ấy sẽ sanh vào cõi trời Tứ Thiên Vương hoặc sanh vào cõi trời Đao-lợi, hoặc sanh vào cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh vào cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh vào cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh vào cõi trời Tha Hóa Lạc. Nếu khi đại sư Thiện Nhãn giảng dạy pháp Phạm thế, trong so đệ tử đó, giả sử có người nào phụng hành trọn vẹn pháp ấy thì người đó phải tu bốn Phạm trú xa lìa các dục, sau khi lâm chung, người ấy được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

7 Hoảng Dục là tên khác của Cực Quang thiên hoặc Quang Âm thiên , Ābhassarā. 8 Phạm thế pháp Brahmalokasahavyatāya dhammāni'. Pháp dẫn đến cộng trú nơi cõi trời Phạm thiên. 9 Phạm thất Brahma vihārā tức 4 nơi an trú của các vị Phạm thiên, cũng gọi là 4 vô lượng tâm gồm từ ,mettā, bi ,karuna, hỷ ,muditā, x,upekkhā.

44 KINH TRUNG A-HÀM

LÚC đó, đại sư Thiện Nhãn suy nghĩ như vầy: "Trong đời sau, ta không nên sanh vào một nơi cùng với các đệ tử. Nay ta hãy tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên roi, lúc mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng Dục.^, về sau, đại sư Thiện Nhãn liền tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên rồi, lúc qua đời liền được sanh lên trời Hoảng Dục. Đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử học đạo không uổng phí, đạt được quả báo lớn. Này các Tỳ-kheo5 các thầy nghĩ sao? Thuở xưa, đại sư Thiện Nhãn được hàng tiên nhân ngoại đạo cung kính như bậc thầy, xa lìa ái dục, chứng đắc Như ý túc, các thây cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như thê! Nên biêt người đó chính là Ta. Thuở ấy, Ta là đại sư Thiện Nhãn, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính như bậc thầy, xa lìa ái dục, chứng đắc Như ý túc. Bấy giờ, Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử, Ta giảng nói pháp Phạm thế cho họ. Khi Ta giảng nói pháp Phạm thế, nếu trong số đệ tử có người phụng hành không trọn vẹn pháp ấy thì sau khi mạng chung, người ấy hoặc sanh vào cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh vào cõi trời Đao-lợi, hoặc sanh vào cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh vào cõi trời Đâu-suât-đà, hoặc sanh vào cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh vào cõi trời Tha Hóa Lạc. Khi Ta giảng nói pháp Phạm thê, nêu trong hàng đệ tử có người phụng hành trọn vẹn pháp ay5 tu tập bốn Phạm trú, xa lìa các dục thì sau khi lâm chung, người đó được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Bay giờ, Ta nghĩ như vay: "Trong đời sau, Ta không nên sanh vào một nơi cùng với các đệ tử. Nay Ta hãy tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên rồi, lúc qua đời liền được sanh lên trời Hoảng Dqc." về sau, Ta lại tu

tập lòng từ lớn mạnh thêm lên. Sau khi tu tập lòng từ lớn mạnh thêm lên roi, lúc qua đời Ta được sanh lên trời Hoảng Dục. Thuở ấy, Ta và các đệ tử học đạo không uổng phí, đạt được quả báo lớn. Lúc ấy, Ta tự thân hành đạo vì lợi ích cho mình và lợi ích người khác, cũng vì lợi ích cho số đông, vì thương tưởng thế gian, vì mong cầu nghĩa lý và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho chư thiên và loài người. Bấy giờ, Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo, chưa hoàn toàn thanh sạch, chưa trọn vẹn Phạm hạnh. Vì chưa trọn vẹn Phạm hạnh nên bay giờ, Ta không the xa lìa sanh, già, bệnh, chết, than khóc, lo buôn, cũng chưa thê giải thoát được tát cả khô đau. [0429c 19] Này Ty-kheo! Nay Ta xuất hiện ở đời, là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,1011 Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, 11 Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.12 Nay Ta

10 Minh hạnh thành vi vijjācaranasampanno: Vị đã thành tựu đủ cả Minh và Hạnh. 11 Nguyên tác: Đạo Pháp Ngư Cú ngữ này vốn được dịch nghĩa từ Pali: Dammasārathi. Do vì damma được dạy dô, thuần hóa, huấn luyện có phát âm gần giống với dhammā giáo pháp, đạo pháp nên tạo ra sự nhầm lẫn này. Thực ra, đây là môt trong mươi tôn hiệu Phật, có nguyên tác Pali Purisadammasārathi và được các dịch giả cothām quyền như ngài Phât-đà-da-xá d6 Đàm-vô- sâm ,Câu-na-bạt-đà-la ... dịch sang Hán là Điều Ngự Trượng Phu . 12
Chúng Hựu ? cổ dịch nghĩa đen là đấng phù hộ mọi loài, được cho là một trong 10 tôn hiệu của đức Phạt, la đang The Tôn Bhagavant.

8. KINH BẢY MẶT TRỜI 45

đã làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho sô đông, xót thương thê gian, mong câu nghĩa lý và lợi ích, mong câu an ôn và hân hoan cho chư thiên và loài người. Nay Ta thuyết pháp đã đạt đen chỗ rốt ráo, đã hoàn toàn thanh sạch. đã trọn vẹn Phạm hạnh. Do đã trọn vẹn Phạm hạnh nên Ta đã lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, than khóc, lo buồn. Nay Ta đã được thoát khỏi tất cả khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9. KINH BẢY Cỏ XE1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá12 rồi cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa trong tinh xá Trúc Lâm.3 Tôn giả Mãn Từ Tử4 cũng an cư mùa mưa tại quê nhà của mình. Bấy giờ, sau khi trải qua ba tháng an cư ở quê nhà, các Tỳ-kheo vá sửa y áo đã xong, liền xếp y ôm bát, rời khỏi quê nhà rồi hướng về thành Vương Xá. Các Tỳ-kheo tuần tự du hành cho đến thành Vương Xá rồi an tru trong tinh xá Trúc Lâm. J [0430a05] Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy đến trước đức Phật, cúi đầu kính lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Phật hỏi: -Các Tỳ-kheo! Các thầy từ đâu đến đây và đã an cư mùa mưa ở đâu? Các Tỳ-kheo từ phương xa đến thưa: -Bạch Thế Tôn! Chúng con từ quê nhà đến đây và an cư mùa mưa ngay tại quê nhà. Đức Phật hỏi: -Trong các Tỳ-kheo phương xa đến dây, có thầy nào được các Tỳ-kheo khen ngợi là: "Tự mình ít ham muốn, biết đủ và khen ngợi hạnh ít ham muốn, biết đủ. Tự mình ở nơi thanh vang5 và khen ngợi hạnh ở nơi thanh vắng. Tự mình tinh tấn và khen ngợi hạnh tinh tấn. Tự mình chánh niệm và khen ngợi hạnh chánh niệm. Tự mình chánh đinh6 và khen ngợi hạnh chánh đinh. Tự mình CÓ trí tuệ và khen ngợi hạnh trí tuệ. Tự mình

dứt sạch phiền não và khen ngợi

1 Nguyên tác: Thấtxa kinh roi. 0026.9. 0429c28. Tham chiếu: Tăng.02. 0125.39.10. 0733c28; M. 24, Rathavinĩta Sutta Kinh trạm xe. 2 VươngXá ,Rājagaha, kinh đô của vương quốc Ma-kiệt-đà ,Magadha do Vua Tần-bà-sa-la ,Bimbisāra trị vì. Ngày nay, đĩa danh này thuộc quận Na-lan-da IP ,Nālandā, tiểu bang Bihar, Ấn Độ và được gọi với nhiều tên khác như Vasumati, Barhadrathapura, Girivraja, Kusagrapura, Rajgir,... 3 Trúc Lâm tinh xá ,Veḷuvana vihārā, khu vườn ngoại thành Vượng Xá do Vua Tần-bà-sa-la cúng dường cho đức Phật sau khi Ngài vừa thành đạo và lân đâu tiên trở vê thăm Vua. 4 Mãn Từ Tử Punna Mantāniputta còn được gọi là Phú-lâu-na hay Mãn Nguyện Tử ĪM W. _ 5 Nguyên tác: Nhàn cu ,pavivittà, cũng viết là "nhàn tịnh chi xứ",chỉ cho nơi nhàn tịnh, thanh văng. 6 Nguyên tác: Nhất tâm .

hạnh dứt sạch phiên não. Tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên được hoan hỷ7 và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, kMch le, khiến được hoan hỷ chng?" Các Tỳ-kheo phương xa thưa: -Bạch Thê Tôn! Tôn giả Mãn Tư Tử ở nơi que nha cua mình được các Ty- kheo khen ngợi là: “Tịt mình ít ham muốn, biết đủ và khen ngợi hạnh ít ham muốn, biết đủ. Tự mình ở nơi thanh vắng và khen ngợi hạnh ở nơi thanh vắng. Tự mình tinh tấn và khen ngợi hạnh tinh tấn. Tự mình chánh niệm và khen ngợi hạnh chánh niệm. Tự mình chánh định và khen ngợi hạnh chánh định. Tự mình có trí tuệ và khen ngợi hạnh trí tuệ. Tự mình dứt sạch phiền não và khen ngợi hạnh dứt sạch phiền não. Tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích le, khiến được hoan hỷ.55 Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phât8 đang ngôi trong đại chúng, thâm nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn đúng theo pháp mà hỏi các Tỳ-kheo phương xa. Các Tỳ- kheo ấy vô cùng khen ngợi Hiền giả Mãn Từ Tử: "Tự mình ít ham muốn, biết đủ và khen ngợi hạnh ít ham muốn, biết đủ. Tự mình ở nơi thanh vang và khen ngợi hạnh ở nơi thanh vắng. Tự mình tinh tấn và khen ngợi hạnh tinh tấn. Tự mình chánh niệm và khen ngợi hạnh chánh niệm. Tự mình chánh định và khen ngợi hạnh chánh định. Tự mình có trí tuệ và khen ngợi hạnh trí tuệ. Tự mình dứt sạch phiền não và khen ngợi hạnh dứt sạch phiền não. Tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hy.” Tôn giả Xá-lợi-phất lại thầm nghĩ: "Biết lúc nào ta mới được gặp Hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý. Không biết thầy ấy có thể lắng nghe những gì ta hỏi khong?99 Bấy giờ, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá, đức Thế Tôn vá sửa y áo cũng đã xong. Ngài xếp y, ôm bát rời thành Vương Xá đi dần đến nước Xá-vệ. Đen Xá-vệ rồi, Ngài cư ngụ trong Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo phương xa cùng ở lại thành Vương Xá vài ngày nữa, rồi xếp y, ôm bát đi dần đến nước Xá-vệ. Đen nước này rồi, tất cả cùng ở trong Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0430b06] Bấy giờ, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở quê nhà, Tôn giả Mãn Từ Tử đã vá sửa y áo, xếp y ôm bát, rời que nhà rồi đi dần về nước Xá- vệ. Đen nước này rồi, Tôn giả cũng an trú trong Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

7 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Cú ngữ này trong Du hành kinh roi. 0001.2. 00l2b04 ghi là4thL giáo, lợi, hy” ,,;Tạp. r.02. 0099.92. 0024a28 ghi là "thi, giáo, chiếu, , nghĩa là mở bày ,sandassetī, khuyên khích, dạy bảo ,samādapeti, khích lệ ,samuttejetī và khiên được hoan hỷ , sampahamseti. Ngài Huyên Trang dịch cú ngữ này là "thị hiện,, ,"giao đạp",“tán le",1dianh hy” .Ngai Nghía Tịnh dích là t4khai thi”khun dao?,; “n le” ,“khẩíìh. 8 Nguyên tác: Tôn giả Xá-lê tử Sāriputta.

9. KINH BẢY Cỏ XE 49

Tôn giả Mãn Từ Tử đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu kính lễ, trải tọa cụ9 rồi ngồi kiết-già trước đức Phật. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo khác: Thưa chư Hiền! Xin hỏi vị nào là Hiền giả Mãn Từ Tử? Các Tỳ-kheo thưa Tôn giả Xá-lợi-phất: -Dạ thưa, vị ngồi ngay trước Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ, chính là Tôn giả ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất biết dung sắc Mãn Từ Tử rồi liền ghi nhớ kỹ. Khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Mãn Từ Tử đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xe trưa, Tôn giả cất y bát, rửa tay chân, xếp tọa cụ trên vai rồi đi đến rừng An-đà1011để kinh hành. Cũng qua đêm đó, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Tôn giả cát y bát, rửa tay chân, xép tọa cụ trên vai roi đi đên rừng An-đà đê kinh hành. Bấy giơ, Ton giả Mãn Từ Tử đến khu rừng An-đà, trải tọa cụ bên một gốc cây rồi ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đến khu nrng ấy, cách Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trải tọa cụ bên một gốc cây rồi ngồi kiết-già. Vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lợi-phất rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Tôn giả Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử: —Thưa Hiền giả! Có phải Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Tôn giả Mãn Từ Tử đáp: -Đúng the! Thưa Hiền giả! Có phải vì để giới thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Tôn giả Mãn Từ Tử đáp: Thưa, không phải vậy! -Có phải vì để tâm thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờy thanh tịnh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà12 thanh tịnh, vì để nhận biết phương pháp tu tập13 thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ14 thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng?

9 Nguyên tác: Ni-sư-đàn . 10 Nguyên tác: An-đà lâm ,Andhavana, còn gọi là vườn Trú-ám . 11 Nghi cái tịnh .g. T.02. 0125.5.5. 0557c20 ghi là "v6 do du” íhay “v6 do dự thanh tịnh,, . 12 Đạo phi đạo tri kiến tịnh Thanh tịnh do thấy và biết về chánh đạo và không phải chánh đạo. 13 Đạo tích tri kiến tịnh :Thanh tịnh do thấy biết về con đường tu tập. 14 Đạo tích đoạn trí tịnh .A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận T.28. 1546.18. 0132c24 giải thích: Đoạn trừ tất cả tham, sân, si và đoạn trừ tất cả phiền não, gọi là đoạn trí j.

50 KINH TRUNG A-HÀM

[0430c02] Tôn giả Mãn Từ Tử thưa: -Không phải vậy! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Tôi vừa hỏi: "C6 phải Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chng?" Hiền giả đáp: "Đúng vay!" Tôi hỏi Hiền giả rằng: "C6 phải vì để giới thanh tịnh nên Hiên giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chang?" Hiên giả đáp: "Không phải vay!" Tôi lại hỏK "C6 phải vì để thấy biết thanh tinh, vì để nghi ngờ thanh tinh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tịnh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Hiền giả lại đáp: "Không phải vay!" Vậy theo nghĩa nào mà Hiền giả theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh? Tôn giả Mãn Từ Tử thưa: Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi: -Này Hiền giả! Có phải do giới thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng? -Không phải vậy! Có phải vì để tâm thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờ thanh tịnh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tinh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng? -Không phải vậy! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Tôi vừa hỏi Hiền giả: “C6 phải vì để giới thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng?y Hiền giả đáp: "Không phải!" Tôi hỏi: "C6 phải vì để tâm thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờ thanh tinh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tịnh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chang?" Hiền giả cũng đáp: "Không ph*i!" Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm sao để hiểu được? Tôn giả Mãn Từ Tử thưa: Này Hiền giả! Nếu vì giới thanh tịnh nên Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn, tức là dùng Hữu dư để nói về Vô dư. Nếu vì để tam thanh tịnh, vì để thấy biết thanh tịnh, vì để nghi ngờ thanh tịnh, vì để nhận biết đường chánh và nẻo tà thanh tinh, vì để nhận biết phương pháp tu tập thanh tinh và vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn, tức là dùng Hữu dư để nói về Vô dư. Này Hiền giả!

9. KINH BẢY Cỏ XE 51

Nếu xa lìa những pháp ấy mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì hạng phàm phu cũng sẽ chứng đăc Niêt-bàn, vì phàm phu cũng xa lìa những pháp ây. Này Hiền giả! Vì chỉ cần có giới thanh tịnh nên có được tâm thanh tịnh. Do vì tâm thanh tịnh nên có được thấy biết thanh tinh. Do vì thấy biết thanh tịnh nên có được nghi ngờ thanh tịnh. Do vì nghi ngờ thanh tinh nên có được sự nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tịnh. Do vì nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tịnh nên có được sự nhận biết phương pháp tu tập thanh tinh. Do vì nhận biết phương pháp tu tập thanh tinh nên có được con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh. Do vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thiết lập Vô dư Niết-bàn. [043la04] Này Hiền giả, xin hãy nghe thêm! Thuở xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc15 ở nước Xá-vệ có công việc ở xứ Bà-kê-đế16 nên nhà vua đã suy nghĩ như vầy: "Cách tốt nhất hiện giờ để ta đi từ nước Xá-vệ đến xứ Bà-kê-đế là nên bố trí bảy cỗ xe ở giữa quãng đường âỏy Bấy giờ, ở giữa quãng đường từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, nhà vua cho bố trí bảy cỗ xe. Bảy cỗ xe đã bo trí xong, từ Xá-vệ, nhà vua đi đen cỗ xe thứ nhất, cưỡi cỗ

xe thứ nhất, đi đến cỗ xe thứ hai rồi bỏ cỗ xe thứ nhất; cưỡi cỗ xe thứ hai, đi đến cỗ xe thứ ba rồi bỏ cỗ xe thứ hai; cưỡi cỗ xe thứ ba, đi đến cỗ xe thứ tư roi bỏ cô xe thứ ba; cưỡi cô xe thứ tư, đi đên cồ xe thứ năm roi bỏ cô xe thứ tư; cưỡi cô xe thứ năm, đi đên cô xe thứ sáu roi bỏ cô xe thứ năm; cưỡi cô xe thứ sáu, đi đến cỗ xe thứ bảy rồi bỏ cỗ xe thứ sáu; cưỡi cỗ xe thứ bảy, trong một ngày thì đến Bà-kê-đế. Tại Bà-kê-đế, sau khi đã hoàn thành mọi việc, nhà vua cùng quần thần ngồi trong Chánh điện. Quần thần tâu: "Tâu Thiên vương! Có phải chỉ trong một ngày mà ngài đi từ Xá-vệ đến Ba-ke-de?" Vua đáp: “Dúng vay!” "Tâu Thiên vương! Có phải ngài cưỡi cỗ xe thứ nhất mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Bà-kSdế?" Vua đáp: “Kh6ng phi vay!” “C6 phải ngài cưỡi cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba5... (cho đến) cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đen Bà-kê-đế chng?”

15 Ba-tư-nặc (Pasenadi), vua nước Kosala trong thời đức Phật, là con của Mahākosala. Vua Pasenadi có những liên hệ gần gũi và sâu sắc đoi với đức Phật và giáo pháp. Đặc biệt, Kình Tương ưng bộ dành nguyên mọt chương tổiíg hợp những pháp thoại của đức Phật có nội dung liên hệ đến ông, gọi là Tương ưng Kosala (S. 1.3). Nhà vua có một người con trai tên là Brahmadatta, xuất gia và chứng quả A-la-hán. 16 Bà-kê-đế (Saketa), một thị trấn của nước Kosala. Theo DPPN, có lẽ đó là kinh đô xưa của Kosala.

Vua đáp: "Không phải vay!99 Này Hiền giả! Nếu quần thần lại hỏi nữa thì Quốc vương xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc sẽ trả lời thế nào? Có phải nhà vua sẽ trả lời quần thần: "Trẫm ở nước Xá-vệ9 vì có công việc ở Bà-kê-đế nên trẫm suy nghĩ như vầy: 'Trong một ngày, ta phải dùng phương tiện ỊÌ để có thể đi từ nước Xá-vệ đến được Bà-kSdế?' Ta lại suy nghĩ: 'Cách tốt nhát hiện giờ để ta đi từ nước Xá-vệ đến xứ Bà-kê-đế là nên bố trí bảy cỗ xe ở giữa quãng đường đó/ Ngay khi đó, ta từ nước Xá-vệ đi đến xứ Bà-kê-đế với bảy cỗ xe được bo trí ở giữa quãng đường đó. Xe bo trí xong, từ nước Xá-ve, ta lên cỗ xe thứ nhất, cưỡi cỗ xe thứ nhất, đi đen cỗ xe thứ hai rồi bỏ cỗ xe thứ nhất; cưỡi cỗ xe thứ hai, đi đến cỗ xe thứ ba rồi bỏ cỗ xe thứ hai; cưỡi cỗ xe thứ ba, đi đến cỗ xe thứ tư rồi bỏ cỗ xe thứ ba; cưỡi cỗ xe thứ tư, đi đên cô xe thứ năm roi bỏ cô xe thứ tư; cưỡi cô xe thứ năm, đi đên cô xe thứ sáu roi bỏ cô xe thứ năm; cưỡi cô xe thứ sáu, đi đên cô xe thứ bảy roi bỏ cô xe thứ sáu; cưỡi cỗ xe thứ bảy, trong một ngày thì đến Bm-kSdế." [043 lb04] Này Hiền giả! Vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc trả lời câu hỏi của quần thần như vậy. Cũng vậy, này Hiền giả! Do vì giới thanh tịnh nên có được tâm thanh tịnh. Do vì tâm thanh tịnh nên có được thấy biết thanh tinh. Do vì thấy biết thanh tịnh nên có được nghi ngờ thanh tịnh. Do vì nghi ngờ thanh tịnh nên có được sự nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tinh. Do vì nhận biết về đường chánh và nẻo tà thanh tinh nên có được sự nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh. Do vì nhận biết phương pháp tu tập thanh tịnh nên có được con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tinh. Do vì con đường đưa đến trí đoạn trừ thanh tịnh nên đức Thế Tôn, Sa-môn Cù-đàm thiết lập Vô dư Niết-bàn. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử: -Tôn hiệu của Hiền giả là gì? Các vị Phạm hạnh gọi Hiền giả thế nào? Ton gia Mãn Tư Tư đáp: Hiền giả! Tôi hiệu là Mãn, thân mẫu tôi tên Từ, do đó những vi Phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Từ.

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Lành thay, lành thay! Hiền giả Mãn Từ Tử là đệ tử của đức Như Lai, thành tựu trí tuệ biện tài, thông minh quyết đoán, an ổn vô úy9 thành tựu điều phục, được đại biện tài, được cờ bất tử,17 đã tư thân chứng ngộ và an trú trong cõi bất tử.18 Những gì thưa hỏi với Hiền giả đều được trả lời bằng những nghĩa lý vô cùng sâu xa. Hiên giả Mãn Từ Tử! Những người Phạm hạnh sẽ được lợi ích lớn nếu gặp được ngài và tùy thời thăm viếng, tùy thời lễ bái. Nay tôi cũng được lợi

17 Cam lộ tràng :Ngọn cờ bất tử, ngọn cờ chiến thắng. Xem thêm s. L 218. 18 Cam lộ giới amatadhãtù chỉ cho cõi bất tử, là tên khác của giải thoát.

ích lớn vì đã tùy thời thăm viếng và tùy thời lễ bái. Những người Phạm hạnh vì để được lợi h lớn thì cũng nên quấn y quanh đầu mà đội Hiền giả Mãn Từ Tử. Nay tôi cũng được lợi ích lớn, vì đã tùy thời thăm viếng và tùy thời lễ bái. Tôn giả Mãn Từ Tử hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Hiền giả tôn hiệu là gì? Các vi Phạm hạnh gọi Hiền giả thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: -Tôi hiệu là Ưu-ba-đề-xá,19 thân mẫu tôi tên Xá-lợi20 nên những người Phạm hạnh gọi tôi là Xá-lợi tử. Tôn giả Mãn Từ Tử khen ngợi: -Hôm nay, tôi đã bàn luận với đệ tử đức Thế Tôn mà không biết, cùng luận bàn với bậc Tôn quý thứ hai21 mà không biết, cùng luận bàn với vi Pháp tướng22 mà không biêt, cùng luận bàn với đệ tử đang Chuyên Pháp Luân, vi chuyên vận pháp luân lần nữa23 mà không biết. Nếu tôi biết ngài là Tôn giả Xá-lợi-phất thì tôi đã không thể trả lời nổi một câu, huống gì lại bàn luận sâu xa như thế. Lành thay, lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất, ngài là đệ tử đức Như Lai, thành tựu trí tuệ biện tài, thông minh quyết đoán, an ổn vô úy, thành tựu điều phục, được đại biện tài, được cờ bất tử, đã thành tựu và an trú trong cõi bất tử. Tôn giả đã hỏi những điều này rất sâu xa, rất sâu xa! Tôn giả Xá-lợi-phất! Những vị Phạm hạnh sẽ được lợi ích lớn nếu gặp ngài, tùy thời thăm viếng, tùy thời lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích lớn, vì đã tùy thời thăm viếng, tùy thời lễ bái. Những người Phạm hạnh vì để được lợi ích lớn thì nên quấn y quanh đầu mà đội Tôn . r r

giả Xá-lợi-phât. Nay tôi cũng được lợi ích lớn, vì đã tùy thời thăm viêng và tùy thời lễ bái. Hai vị Hiền giả cùng nhau tán dương, cùng nhau khen ngợi như vậy roi hoan hỷ phụng hành và cả hai đứng dậy, trở vê chô của mình.

19 Ưu-ba-đề-xá ,ưpatissa. 20 Nguyên tác: Xá-lê Sāli. 21 Đệ nhị tôn .T6n ximg như thế vì Tôn giả Xá-lợi-phất được kính trọng, dưới đức Phật chỉ một bậc. 22 Pháp tướng ,Dhammasenãpatĩ: Vị Tướng quân của Chánh pháp. 23 Tham chiếu:, 92, Sela Sutta Kinh Sela ghi là Sāriputto anuvatteti, anujāto tathāgatam chính Sāriputta chuyên bánh xe Chánh pháp, thừa tự Như Lai vị, HT. Thích Minh Châu dịch.

10. KINH TRỪ SẠCH LẬU HOẶC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu,12 ngụ tại Kiếm-ma-sắt- đam, mọt đo áp cua nước Câu-lâu.3 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Do biết, do thấy nên các lậu hoặc45được đoạn trừ, chứ không phải do không biết, không phải do không thấy. Thế nào là do biết, do thấy nên các lậu hoặc được đoạn trừ? Nghĩa là có chánh tư duy và không có chánh tư duy. Nếu

không có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; các lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc/ tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. Nêu có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ; tất cả lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Hạng phàm phu ngu si không được nghe Chánh pháp, không được gặp bậc tri thức chân chánh, không biết pháp của bậc Thánh, không được điều phục theo pháp của bậc Thánh, không biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; lậu hoặc trong cõi Săc và Vô săc, tát cả vô minh trong ba cối chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. Nếu có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liên diệt trừ; lậu hoặc trong cõi Sác và Vô săc? tát cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Vì không biết

1 Nguyêntác: Lầu tậnkinh T.01.0026.10. 043ÍCỈ3. Tham chiếu: Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh T.Ol. 0031. 0813a05; Tăng.7Í02. 0125.40.6. 0740a25; M. 2, Sabbāsava Sutta Kỉnh tát cả lậu hoặc. 2 Câu-lâu-sấu ,Kurusu, dân chúng Kuru, hậu tố "S"" chỉ cho số nhiều của người Kuru. Kuru là một trong 16 nước lớn ở thời Phật. 3 Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu đô ấp Kammāsadhamma, thủ đô của dân chúng Kuru. 4 Nguyên tác: Lậu ,ãsava, tức phiền não, nhiễm ô. 5 Nguyên tác: Hữu lậu, vô minh lậu .Hữu lậu ,bhavāsavā'. Hết thảy phiền não trong cõi Sắc và Vô sắc, trừ vồ minh ra, gọi là "hữu lậu.^, Vô minh lậu avijjāsavā, Du-già sư địa luận 7.30. 1579.89. 0802al9 giải thích rằng tổng nhiêp vô trí trong cả ba cõi này làm thành một, lập nên 4tvồ minh 11",.

pháp như thật, do đó pháp không nên nhớ nghĩ lại nhớ nghĩ, pháp nên nhớ nghĩ lại không nhớ nghĩ. Vì pháp không nên nhớ nghĩ lại nhớ nghĩ, pháp nên nhớ nghĩ lại không nhớ nghĩ, nên lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. [0432a01] Vi Thánh đệ tử đa văn67được nghe Chánh pháp, được gặp bậc tri thức chân chánh, được điều phục theo pháp của bậc Thánh, biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm; lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh sẽ sanh khởi, đã sanh khởi liền tăng trưởng thêm. Nếu có chánh tư duy thì lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liên diệt trừ; lậu hoặc trong cối Sac và Vô săc? tát cả vô minh trong ba cối chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Biết như thật ve các pháp rồi, pháp không nên nhớ nghĩ sẽ không nhớ nghĩ, pháp nên nhớ nghĩ liền nhớ nghĩ. Vì pháp không nên nhớ nghĩ thì không nhớ nghĩ và pháp nên nhớ nghĩ liền nhớ nghi, nên lậu hoặc trong cõi Dục chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã

sanh khởi liền diệt trừ; lậu hoặc trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong ba cõi chưa sanh thì không sanh khởi, đã sanh khởi liền diệt trừ. Có bảy pháp đoạn trừ lậu hoặc, phiền não và lo buồn. Bảy pháp ấy là gì? Có lậu hoặc được đoạn trừ do thấy biết,7 có lậu hoặc được đoạn trừ do phòng hộ,8 có lậu hoặc được đoạn trừ do tránh né.9 có lậu hoặc được đoạn từ do thọ dụng,1011 CÓ lậu hoặc được đoạn trừ do kham nhẫn,11 có lậu hoặc được đoạn trừ do từ bỏ912 có lậu hoặc được đoạn trừ do tu tập.13 Thê nào là lậu hoặc được đoạn trừ do thây biêt? Hạng phàm phu ngu si không được nghe Chánh pháp, không được gặp bậc tri thức chân chánh, không biêt pháp của bậc Thánh, không được điêu phục theo pháp của bậc Thánh, không biêt như thật vê pháp, vì không có chánh tư duy nên suy nghĩ như vây:

6 Đa văn Thánh đệ tử ( ).Thành cú này dịch sát từ nguyên ngữ Pali: Sutavã ariyasãvaka. ở đây, sutavã là đa văn; là bậc Thánh, bậc cao thượng, cao quý; savaka là vị đệ tử. Thành cú này chi cho môt vị đệ tử Phật, không phân biệt tại gia hay xuất gia, đa có sự chứng ngọ nói chung, từ Sơ quả cho đen Tư quả và siêng năng học hỏi. 7 Kiến (,dassanã)'. Nhận thấy, thấy biết, trực giác, giác ngộ. 8 9 sarnvara)'. Sự thu thúc, việc đóng cửa. Tg.(r.02. 0125.40.6. 0740ỒỒ03) ghi là "oai nghi" (),có nghĩa la kiểm thúc, phòng hộ. 9 Ly (,parivajjană)\ Sự tránh xa. Tăng.(02. 0125.40.6. 0740ỒỒ02) ghi là "viễn ly"(vĩtà). 10^Dui^(ffl, patisevanà): Thọ dụng, sự thực hành. Tăng.(T.02. 0125.40.6. 0740ỒỒ02) ghi là "thân

11 Nhẫn (S, adhivāsana): Kham nhẫn, chịu đựng. Tdrĩg.(T.02. 0125.40.6. 0740c26) ghi là "cung kính,, (). ' 12 Trừ (vinodanà)'. Giải trừ, loại bỏ. 13 Tư duy ()trong trường hợp này có nghĩa là tu tập (,bhāvanā).

10. KINH TRỪ SẠCH LẬU HOẶC 57

"Ta hiện hữu ở đời quá khứ? Ta không hiện hữu ở đời quá khứ? Do nhân gì mà ta có đời quá khứ? Ta ở đời quá khứ như thế nào? Ta hiện hữu ở đời vị lai? Ta không hiện hữu ở đời vị lai? Do nhân gì mà ta có đời vị lai? Ta ở đời vị lai như thế nào? Tự hoài nghi về chính mình, thân ta là gì? Nó như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến và sẽ đi về đâu? vốn do nhân gì mà hiện hữu? Sẽ do nhân gì mà hiện hữu?^, Người kia khởi tư duy không chân chánh như vậy rồi thì tùy theo từng loại kiến chấp trong sáu kiến chấp14 mà khởi lên kiến chấp có tự ngã chan thật, hoặc khởi lên kiến chấp không có tư ngã chân thật, hoặc khởi lên kiến chấp có tự ngã thì thấy là tự ngã, hoặc khởi lên kiến chấp thấy tự ngã mà chẳng phải tự ngã, hoặc khởi lên kiến chấp chẳng phải tự ngã mà thấy rằng tự ngã5 hoặc khởi lên kiến chấp chính tự ngã này có thể nói năng, có thể nhận biết, có thể hành động, có thể sai khiến, có thể đứng dậy, có thể sai khiến đứng dậy, sanh vào nơi này nơi kia, thọ nhận quả báo thiện, quả báo ác, chung cuộc không từ đâu đến, chung cuộc không hiện hữu, chung cuộc sẽ không hiện hữu. Đó là những điều xấu xa của kiến chấp, bi kiến chấp lay động, bị kiết sử kiến chấp buộc chặt. Vì the, kẻ phàm phu ngu si phải thọ nhận kho đau của sanh, già, bệnh, chết. Vị Thánh đệ tử đa văn được nghe Chánh pháp, được gặp bậc tri thức chân chánh, được điều phục theo pháp của bậc Thánh, biết như thật về pháp, biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến

khổ diệt. Biết như thật như thế rồi, liền trừ sạch ba kiết là thân kiến, giới thủ và nghi. Khi ba kiết đã diệt trừ sạch, liền chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc trong pháp ác, chắc chắn thẳng tiến đến Chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong cõi người hay cõi trời. Sau bảy lần qua lại, liền vượt thoát khổ đau. Nếu người không có sự thấy biết như vậy thì sanh khởi phiền não, lo buồn; có tri kiến thì không sanh khởi phiền não5 lo buôn. Đó gọi là có lậu hoặc được đoạn trừ do thây biêt. [0432Ồ06] Thế nào là có lậu hoặc được đoạn trừ do phòng hộ? Này Tỳ- kheo! Khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì nhờ chánh tư duy mà quán bất tịnh, nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ không có chánh tư duy nên quán là tinh. Nêu không phòng hộ thì sanh khởi phiên não, buôn lo; nêu có phòng hộ thì không sanh phiền não, buồn lo. Cũng vậy5 đối với tai, mũi, lưỡi, thân hay ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn thì nhờ chánh tư duy mà quán bất tinh, nếu không phòng hộ ý căn thì sẽ không có chánh tư duy nên quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh khởi phiền não, buồn lo, nếu có phòng hộ thì không sanh khởi phiền não, buồn lo. Đó gọi là có lậu hoặc được đoạn trừ do phòng hộ.

14 Lục kiến () Có tư ngã chân thật, (ii) Không có tự ngã chân thật, (iii) Có tự ngã thì thấy là tự ngã, (iv) Thay tự ngã mà chẳng phải tự ngã, (v) Chẳng phải tự ngã mà thấy rằng tự ngã, (vi) Tự ngã này co the nhận biết, hanh động, sai khiến...

58 KINH TRUNG A-HÀM

Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do tránh né? Này Ty-kheo! Khi thấy voi dữ5 ngựa dữ, bò dữ, chó dữ? rắn độc, đường hiểm, hầm hố, hầm xí, sông ngòi, núi cao, suối sâu... thì nên tránh xa. Nếu bậc Phạm hạnh cùng chung một tru xứ với hàng tri thức xấu ác5 bạn bè không tốt? ngoại đạo hung hiểm hay thôn ấp xấu xa, chỗ ở hiểm nguy thì sẽ khiến cho người không nghi ngờ sanh khởi nghi ngờ nên Tỳ-kheo can phải tránh né. Nêu bậc Phạm hạnh cùng chung một trú xứ với tri thức xấu ác, bạn bè không tốt, ngoại đạo hung hiểm, thôn ấp xấu xa, chỗ ở hiểm nguy thì sẽ khiến cho người không nghi ngờ sanh khởi nghi ngờ nên phải hoàn toàn tránh né. Nếu không tránh né thì sẽ phát sanh phiền não, lo buồn; nếu tránh xa thì không phát sanh phiền não, lo buồn. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do tránh né. Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do thọ dụng? Này Tỳ-kheo! Khi thọ dụng y phục chăng phải đê mưu lợi, chăng phải đê kiêu hãnh, chăng phải đê trang sức mà vì để tránh muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng, vì xấu hổ với mình và thẹn với người. Khi thọ dụng thực phẩm thì chẳng phải vì mưu lọi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để béo tốt mà chỉ khiến cho thân mạng trường tồn, để diệt trừ phiên não, lo buôn và vì đê thực hành Phạm hạnh, vì muôn cho bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới và vì để sống lâu an ổn, không bệnh tật. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng ốc5 giường nệm, vật dụng để nằm không phải để mưu lợi, chẳng phải đe kiêu hãnh, chẳng phải đe trang sức mà chỉ đe lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, có nơi tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, không phải để béo tốt mà chỉ để trừ bệnh tật, để điều hòa cơ thể, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sanh phiền não, lo buồn; còn thọ dụng thì không sanh phiền não, lo buồn. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do thọ dụng. [0432c05] Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do kham nhẫn? Này Tỳ-kheo! Hãy tinh tấn đoạn trừ pháp ác và

bất thiện, tu tập các pháp thiện, luôn luôn tỉnh thức, chuyên tâm tinh cần, thà để tất cả thân thể, da thịt, gân xương và máu tủy thảy đêu khô kiệt chứ không từ bỏ tinh tân, phải đạt được mục đích mong muốn mới bỏ sự tinh tấn. Này Tỳ-kheo! Các thầy lại phải nhẫn chịu sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chí rận; dù mưa gió hay tiết trời bức bách, bị lời hung dữ hay bị đánh đập cũng đều có thể nhẫn chịu; dù thân mang bệnh tật vô cùng đau dơn, đến nỗi gần như mất mạng và những điều không đáng ưa thh, tất cả đều phải nhẫn chịu. Nếu không nhẫn chiu thì sanh khởi phiền não, buồn lo; nếu nhẫn chịu được thì không sanh khởi phiền não, buồn lo. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do kham nhẫn. Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do từ bỏ? Này Tỳ-kheo! Nếu niệm dục đã sanh khởi mà không từ bỏ, không xa lìa; niệm sân và niệm hại đã sanh khởi mà không đoạn trừ, không xa lìa thì phiền não, lo buồn sẽ phát sanh; nếu từ bỏ thì phiền não, lo buồn sẽ không phát sanh. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do từ bỏ.

10. KINH TRỪ SẠCH LẬU HOẶC 59

Thế nào là lậu hoặc được đoạn trừ do tu tập? Này Tỳ-kheo! Hãy tu tập giác chi đầu tiên là niệm giác chi, nương hạnh viễn ly, nương hạnh vô dục, nương hạnh diệt tận mà hướng đến xuất ly;1516 trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an,16 định, cho đến tu tập giác chi thứ bảy là xả? nương hạnh viễn ly, nương hạnh vô dục, nương hạnh diệt tận mà hướng đến xuất ly. Nếu không tu tập thì sanh khởi phiên não, lo buôn; có tu tập thì không sanh khởi phiên não, lo buôn. Đó gọi là lậu hoặc được đoạn trừ do tu tập. Nếu Tỳ-kheo có lậu hoặc do thấy biết được đoạn trừ thì hãy dùng thấy biết 9 9

đê đoạn trừ, có lậu hoặc do phòng hộ được đoạn trừ thì hãy dùng phòng hộ đê đoạn trừ, có lậu hoặc do tránh né được đoạn trừ thì hãy dùng tránh né để đoạn trừ, có lậu hoặc do thọ dụng được đoạn trừ thì hãy dùng thọ dụng để đoạn trừ, có lậu hoặc do kham nhẫn được đoạn trừ thì hãy dùng kham nhẫn để đoạn trừ, có lậu hoặc do từ bỏ được đoạn trừ thì hãy dùng từ bỏ để đoạn trừ, có lậu hoặc do tu tập được đoạn trừ thì hãy dùng tu tập để đoạn trừ. Đó gọi là vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu hoặc, đã diệt trừ các kiết sử, có thể dùng chánh trí để vượt thoát khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.17

15 Y ly, y vô dục, y ư diệt tận, thú chí xuất yếu (,vivekanissitarn virāgamssitam nirodhamssitarn vossaggaparināmini): Y viễn ly, y ly dục, y diệt tận, hướng đen xả ly. 16 Tức (,passaddhi) chỉ cho khinh an. 17 Bản Hán, hết quyển 2.

PHẨM 2: NGHIỆP TƯƠNG ƯNG1 (Gồm 10 kinh)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Diêm dụ, Hòa-pháf Độ
La-vân, Tư, Giả-lam
Giả-dỉ-nỉ, Sư Tử
Ni-kiền, Ba-la-lao.1
2

1 Quyển 3. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:,;.Do đặt lại tựa
đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

11. KINH VÍ DỤ VỀ HẠT MUỐI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tùy theo nghiệp con người đã tạo mà phải thọ nhận quả báo của nghiệp đó. Như vậy, nếu không thực hành Phạm hạnh thì không thể dứt hết khổ đau. Hoặc nói như vay, tùy theo nghiệp con người đã tạo mà phải thọ nhận quả báo của nghiệp đó. Như vậy, nếu thực hành Phạm hạnh thì sẽ dứt hết khổ đau. Vì sao như vậy? Vì nếu có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ ở địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ ở địa ngục? Nghĩa là, vì người ấy không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ nên thọ mạng rất ngan. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khô ở địa ngục. Ví như có người bỏ một lạng muôi vào trong một ít nước, muôn làm cho nước mặn đê không thê uông được, các thây nghĩ sao? Một lạng muối đó có thể làm cho một ít nước mặn, không thể uống được chăng? Các Tỳ-kheo thưa: - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì muối nhiều mà nước ít nên có thể làm cho mặn, không thể uống được. Cũng vậy, nêu có người tạo nghiệp bát thiện thì phải thọ nhận quả báo khô ở địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ ở địa ngục? Nghĩa là? vì người ấy không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ nên thọ mạng rất ngắn. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ ở địa ngục. Lại nữa, nếu có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại? Nghĩa là, vì người ấy tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên thọ mạng rất dài. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại. Ví như có người bỏ một lạng muối xuống sông Hăng, muôn làm cho nước mặn đê không thê uông được, các thây nghĩ

l Nguyên tác: Diêm dụ kinh (roi. 0026.ll. 0433al2). Tham chiếu: A. 3.100 - L 249.

sao? Một lạng muối đó có thể làm cho nước sông Hằng mặn để không thể uống được chăng? Các Tỳ-kheo đáp: [0433Ồ07] — Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì nước sông Hằng rất nhiều mà một lạng muối thì quá ít, do đó không thể làm nước mặn đen nỗi không uống được. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại? Nghĩa là, vì người ấy tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên thọ mạng rất dài. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại. Lại nữa, nếu có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục? Nghĩa là, vì người ấy không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ nên thọ mạng rất ngắn. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục, giống như có người cưỡng đoạt dê của người khác. Thế nào là người cưỡng đoạt dê của người khác? Nghĩa

là, người cưỡng đoạt dê ấy, hoặc là vua, hoặc là quan vô cùng uy thế, còn người chủ dê kia thì nghèo cùng và yếu thế. Vì là kẻ yếu thế nên phải van lơn đủ cách, chăp tay câu xin roi nói như vây: “Thua ngài, mong ngài trả lại dê cho tôi hoặc trả lại tiền bằng giá mua de." Đây gọi là có người cưỡng đoạt dê của kẻ khác. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ ở địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ ở địa ngục? Nghĩa là, vì người ấy không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ nên thọ mạng rất ngắn. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục. Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong hiện tại. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ ngay trong hiện tại. Nghĩa là, vì người ấy tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên thọ mạng rất dài. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong hiện tại, giống như có người tuy trộm dê của kẻ khác nhưng bị chủ dê đến đoạt lại. Thế nào là người tuy trộm dê của kẻ khác nhung bị chủ dê đến đoạt lại? Nghĩa là, người trộm dê nghèo cùng và cô thế, còn người chủ dê kia hoặc là vua hoặc là quan nên vô cùng uy lực, vì có uy lực nên bắt trói người lấy trộm và đoạt dê lại. Đây gọi là có người tuy trộm dê của kẻ khác nhưng bị người chủ đoạt trở lại. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại? Nghĩa là, vì người ấy tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên thọ mạng rất dài. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại.

11. KINH VÍ DỤ VỀ HẠT MUỐI 65

[0433c09] Lại nữa, nếu có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục? Nghĩa là, vì người ấy không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ nên thọ mạng rất ngắn. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục, giống như có người nợ kẻ khác năm tiền nên bị chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói. Thế nào là người nợ kẻ khác năm tiền nên bị chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là người mắc nợ kia nghèo cùng và cô thê, người kia vì nghèo cùng và cô thê nên nợ kẻ khác năm tiên liên bị chủ nợ bát trói, cho đên chỉ nợ một tiên cũng bi chủ nợ băt trói. Đây là trường hợp có người nợ kẻ khác năm tiền nên bị chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiên cũng bi bát trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bát thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khô trong địa ngục? Nghĩa là, vì người ây không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ nên thọ mạng rất ngắn. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong địa ngục. Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại? Nghĩa là, vì người ấy tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên thọ mạng rất dài. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại, giống như có người tuy mắc nợ một trăm tiền nhưng không bị chủ nợ băt trói, cho đên ngàn vạn tiên cũng không bị

chủ nợ bắt trói. Thế nào là người tuy mắc nợ một trăm tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là, người mác nợ có vô lượng tài sản và có thê lực rát lớn, nhờ đó nên người ây tuy mác nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói, cho đen nợ ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói. Đây gọi là có người tuy mắc nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng vẫn không bị chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo kho trong đời hiện tại. Thế nào là người tạo nghiệp bát thiện thì phải thọ nhận quả báo khô trong đời hiện tại? Nghĩa là, vì người ấy tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên thọ mạng rất dài. Đây là trường hợp người tạo nghiệp bất thiện thì phải thọ nhận quả báo khổ trong đời hiện tại. Trong đời hiện tại, cho dù phải thọ nhận nghiệp báo thiện hay ác nhưng người này vẫn cảm thấy thanh thản, nhẹ nhàng. [0434a09] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12. KINH HÒA-PHÁ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Thích-ca,12 ngụ trong vườn Ni- câu-loại,3 thành Ca-tỳ-la-vệ.4 Lúc đó, vì có việc can bàn nên sau giờ thọ trai, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng đại chúng Tỳ-kheo tập hợp ở giảng đường. Khi ấy, sau bữa trưa, có vi đệ tử của phái Ni-kiền5 thuộc dòng họ Thích tên là Hòa-phá6 thong thả tản bộ đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, cùng chào hỏi nhau roi ngôi sang một bên. Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên hỏi như vây: -Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có vi Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng và ý, ông thấy có trường hợp nào nhân việc giữ gìn đó mà vị Tỳ-kheo ấy sanh khởi lậu hoặc bất thiện, khiến phải đưa đến đời sau chăng?7

1 Nguyên tác: Hòa-phả kinh roi. 0026.12. 0434al3. Tham chiếu: 4 4.195 - II. 196. 2 Nguyên tác: Thích-cơ-sấu Sakkesu, số nhiều của Sakkā chỉ cho dân chúng họ Thích. 3 Ni-câu-lo^ viên Nigrodhārāma. Ni-câu-loại còn có phiên âm khác là Ni-câu- luật lA khu vườn phía Nam ngoại thành Ca-tỳ-la-vệ, trong đó có tinh xá do dòng họ Thích-ca xây dựng để cúng dường đưc Phật. 4 Ca-duy-la-vệ phiên âm tên thành Kapilavatthu, quê hương củađứcPhật. Ngoài tên phiên âm này ra, còn có một sô tên phiên âm khác như: Ca-tỳ-la-b-t6-d Ca-tỷ-la-bà-tôt- đô ,Ca-tỳ-la-vệ ,Ca-duy-la-việt ,... 5 Ni-kiền Nigantha Nãtaputta hay Ni-kiền tử giáo chủ của Kỳ-na giáo , Jainism, la một trong 6 vị đạo sư ngoại đạo cùng thời vơi đức Phật. 6 Hòa-phá ,Vappa. 7 Nguyên tác: Tham chiếu:
A. 4.195 - II. 196: Idh 'assa Vappa kāyena samvuto vācāya samvuto manasā sarnvuto avijjāvirāgā vijjuppādā passasi no tvam Vappa tam thānam yatonidānam purisam dukkhavedaniyā āsavā assaveyyum abhisamparāyan 'ti? Hòa-phá, nếu có ngươi đời này thủ hộ thân, thủ hộ khau, thủ hộ ý; xa lìa vo mình và làm sanh khởi minh; Hoa-pha, ông có thấy, do một nhân duyên nào đó, người ấy nhận lấy đau khổ, sanh khởi các lậu ở trong đời sau không?, HT. Thích Minh Châu dịch.

Hòa-phá đáp: Này Đại Mục-kiền-liên! Giả sử có vi Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng và ý, tôi thấy có trường hợp nhân việc giữ gìn đó mà vị Tỳ-kheo ấy sanh khởi lậu hoặc bất

thiện, khiến phải đưa đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên! Giả sử có người ở đời trước đã gây tạo nghiệp bất thiện, do vậy mà người ấy sanh khởi lậu hoặc bất thiện, khiến phải đưa đến đời sau.8 Lúc đó? Thế Tôn đang an tọa ở nơi vắng vẻ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường nên Ngài nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Thích Hòa-phá, đệ tử Ni-kiền, cùng bàn luận như trên. Nghe như vậy roi, vào lúc xe chiều, The Tôn rời nơi tĩnh tọa rồi đi đến giảng đường, trải tòa và ngoi trước đại chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi xong, Thế Tôn hỏi: -Này Mục-kiền-liên! Vừa rồi thầy cùng đệ tử Ni-kiền là Thích Hòa-phá bàn luận về việc gì? Lại có việc gì mà tập hợp, ngồi tại giảng đường này? [0434b02] Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa: —Bạch Thế Tôn! Hôm nay con cùng đại chúng Tỳ-kheo, sau giờ thọ trai, vì CÓ việc cân bàn nên tập hợp tại giảng đường. Khi ây, sau bữa trưa, có vị đệ tử của phái Ni-kiền thuộc dòng họ Thích tên là Hòa-phá thong thả tản bộ đến chỗ con, cùng chào hỏi nhau roi ngoi sang một bên. Con hỏi như vay: "V Hòa-phá nghĩ sao? Giả sử có vị Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng và ý, ông thấy có trường hợp nào nhân việc giữ gìn đó mà vi Tỳ-kheo ấy sanh khởi lậu hoặc bất thiện, khiến phải đưa đến đời sau chang?^ Thích Hòa-phá? đệ tử Ni-kiề liền trả lời con rằng: "Giả sử có vị Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng và ý, tôi thấy có trường hợp nhân việc giữ gìn đó mà vị Tỳ-kheo ấy sanh khởi lậu hoặc bất thiện, khiến phải đưa đen đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên! Giả sử có người trong đời trước đã gây tạo nghiệp bất thiện, do vậy mà người ấy sanh khởi lậu hoặc bất thiện, khiến phải đưa đến đời sau." Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con cùng đệ tử của phái Ni-kiên là Thích Hòa-phá bàn luận như thê, do sự việc như vậy mà tập hợp và ngồi tại giảng đường. Lúc đó, Thế Tôn bảo Thích Hòa-phá, đệ tử Ni-kiền: —Nêu những gì Ta nói là đúng, ông nên trả lời là đúng, nêu không đúng, ông nên trả lời là không đúng. Ông có điều gì nghi ngờ thì nên hỏi Ta như vầy: "Sa- môn Cù-đàm? việc này thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Tùy những điều la nói, nếu ông có thể chấp nhận được thì Ta với ông có thể cùng bàn luận về điều ấy.

! ewtbi#, n,'.! ^Nguyen tác: ỷ s
.Tham chiếu: A. 4.195 - II. 196: Passām'aham, bhante, tam thānam idh'assa, bhante, pubbe pāpakammam katam avipakkavipākam tatonidānam purisam dukkhavedaniyā āsavā assaveyyum abhisamparāyan 'ti (Thưa Tôn giả, tôi thấy có trường hợp ay. Thưa Tôn giả, ở đây, do ác nghiệp đa tạo trong quá khư chưa đưa đến qua dị thục, do nhân duyên đó, người áy nhận lẩy đau khổ, sanh khởi các lậu hoặc ở đời sau), HT. Thích Minh Châu dịch.

12. KINH HÒA-PHÁ 69

Hòa-phá thưa: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Nếu điều Ngài nói là đúng, tôi sẽ nói là đúng, nếu không đúng, tôi sẽ nói không đúng. Nêu có điều gì nghi ngờ, tôi sẽ hỏi Cù-đàm: "Thua Cù-đàm, việc này thế nao? Điều này có nghĩa gi?" Tùy theo những điều Sa-mon Cù-đàm nói, tôi sẽ chấp nhận. Tôi sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận về điều ấy. Đức Phật hỏi: -Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Nêu có Tỳ-kheo sanh khởi nghiệp bất thiện của thân, là lậu hoặc, phiên não, lo buôn, vê sau vị ây diệt trừ nghiệp bất thiện của thân, lại không tạo những nghiệp mói, xả bỏ nghiệp cũ, ngay trong hiện đời, chứng được cứu cánh,9 không còn nóng bức, thường trụ không biến đổi, gọi là điều được thấy bởi trí

tuệ bậc Thánh, được biết bởi trí tuệ bậc Thánh. Nếu thân làm điều bất thiện, miệng nói lời bất thiện, ý suy nghĩ điều bất thiện, la hành nghiệp do vô minh, sanh khởi lậu hoặc, phiền não, lo buồn, về sau vị ấy diệt trừ những hành nghiệp vô minh, bất thiện, không tạo những nghiệp mới, xả bỏ nghiệp cũ, ngay trong hiện đời, chứng được cứu cánh, không còn nóng bức, thường trụ không biết đổi, gọi là điều được thấy bởi trí tuệ bậc Thánh, được biết bởi trí tuệ bậc Thánh. Thế nào, này Hòa-phá! Vị Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng và ý như vậy, ông thấy có trường hợp nào nhân việc giữ gìn đó mà vị Tỳ-kheo ấy sanh khởi lậu hoặc bất thiện, khiến phải đưa đến đời sau chăng? [0434c02] Hòa-phá thưa: -Thưa Cù-đàm! Nếu có vị Tỳ-kheo giữ gìn thân, miệng và ý như vậy, tôi không thấy có trường hợp nào nhân việc giữ gìn đó mà vị Tỳ-kheo ấy sanh khởi lậu hoặc bất thiện, khiến phải đưa đen đời sau. Đức Phật khen ngợi: - Lành thay, Hòa-phá! Thế nào, này Hòa-phá! Nếu có vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ hết vô minh, minh đã sanh khởi; vi ấy đã đoạn trừ hết vô minh, minh đã sanh khởi, khi có cảm giác ve cảm thọ sau cùng của thân liền biết là có cảm giác ve cảm thọ sau cùng của thân;1011 khi có cảm giác ve cảm thọ sau cùng của mạng sống thì biết là có cảm giác về cảm thọ sau cùng của mạng sống. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã hét thì ngay trong đời này, tát cả mọi cảm giác đêu ngưng bặt, tự biết rằng sẽ đạt đến sự dịu mát hoàn toàn.11 Này Hòa-phá? cũng

9 Nguyên tác: Đắc cứu cánh .“Cứu cánh" 0 đây chỉ cho cứu cánh giải thoát. Tham chiếu: Thích van kỉnh roi. 0026.134. 063yal6: Nếu co Sa-môn, Phạm chí nao đã đoạn sạch ái dục, tâm được giải thoát hoàn toàn thì vị ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh thanh tịnh, cứu cánh Phạm hạnh và thanh tựu cưu cánh Phạm hạnh OA, E,li;B:, : 10 Sanh hậu thân giác .Tạp.7.02.
0099.292. 0083b21 gọi là “thân phân tềthọ SỞJ" • B T.02. 0099.969.
0249c17 gọi là “thân phan tề thọ ác”. Tham chiếu: s. 36.8 - IV. 213: Kāyapariyantikam vedanarn vediyamāna cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, HT. Thích Minh Châu dịch. 11 Lãnh sītī'. Thanh lươngthanh tịnh, vắng lặng, không buồn phiền.

như do cây mà có bóng, giả sử có người cầm búa thật bén đến chặt đứt gốc rễ, chặt nát ra thành từng khúc, phân thành mười phần, hoặc trăm phần, dùng lửa đốt thành tro, hoặc để gió thổi bay, hoặc đổ vào trong nước. Này Hòa-phá! Ý ông nghĩ sao? Bóng do cây mà có, bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó, nên diệt mất, không còn sanh nữa chăng? Hòa-phá thưa: -Đúng như thế, thưa Cù-đàm! Đức Phật bảo: Này Hòa-phá! Nên biết vị Tỳ-kheo cũng lại như vậy, vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi; vị ấy vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi, khi có cảm giác về cảm thọ sau cùng của thân thì biết là có cảm giác về cảm thọ sau cùng của thân; khi có cảm giác vê cảm thọ sau cùng của mạng sông thì biêt là có cảm giác vê cảm thọ sau cùng của mạng sông. Khi thân hoại mạng chung, tuôi thọ đã hết thì ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đều ngimg bặt, tự biết rằng sẽ đạt đến sự dịu mát hoàn toàn. Này Hòa-phá! Tỳ-kheo với tâm giải thoát hoàn toàn12 như vậy liền đạt được sáu nơi an trú tốt đẹp.13 Là sáu nơi nào? Này Hòa-phá! Tỳ-kheo mắt thấy sắc mà không vui không buồn, an trú xả,14 chánh niệm

tỉnh giác.15 Này Hòa-phá! Tỳ-kheo với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy thì gọi là đạt được nơi an tru tốt đẹp thứ nhất. Cũng vậy, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm và ý biết pháp mà vị ấy không vui, không buồn, an tru xả, chánh niệm tỉnh giác. Này Hòa-phá! Tỳ-kheo với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy thì gọi là đạt được nơi an trú tốt đẹp thứ sáu. Này Hòa-phá! Tỳ-kheo với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy thì đạt được sáu nơi an trú tốt đẹp. Hòa-phá thưa: -Đúng như vậy, thưa Cù-đàm! Với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy thì vị Thánh đệ tử đa văn liên đạt được sáu nơi an trú tót đẹp. Là sáu nơi nào? Thưa Cù-đàm! Vi Thánh đệ tử đa văn mắt thấy sắc mà không vui không buồn, an trú xả? chánh niệm tỉnh giác. Thưa Cù-đàm! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy thì gọi là đạt được nơi an trú tốt đẹp thứ nhất. Cũng vậy, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm và ý biết pháp mà vị ấy không vui, không buồn, an trú xả? chánh niệm tỉnh giác. Thưa Cù-đàm! Vi Thánh đệ tử đa văn với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy thì gọi là đạt được nơi an trú tốt đẹp thứ sáu. Như vậy, thưa Cù-đàm! Với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy thì vị Thánh đệ tử đa văn đạt được sáu nơi an trú tót đẹp.

12 Chánh tâm giải thoát sammā vimuttacitta. 13 Lục thiện trụ xứ .Theo
A. 4.195 - II. 196: Cha satatavihārā 6 chỗ cư trú thường hằng. 14 Xả cầu vô vi upekkhako viharatī'. An trú xả. 15 Nguyên tác: Chánh trí .

12. KINH HÒA-PHÁ 71

[0435a04] Bấy giờ, Hòa-phá lại bạch đức Phật: Bạch đức Cù-đàm! Con đã biết. Bạch đức Thiện Thệ! Con đã hiểu. Bạch đức Cù-đàm! Cũng như người có được mắt sáng, như dựng đứng lại những gì đã ngã, như mở ra những gì bị đóng kín, như người mê được chỉ lối, như ban ánh sáng đến nơi tăm tối, để những ai có mắt liền nhìn thấy sắc,16 Sa-môn Cù- đàm cũng giống như vậy, Ngài đã vì con mà dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp và hiển bày đạo lý thâm diệu.16 17 Bạch Thế Tôn! Hôm nay con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Từ hôm nay, con nguyện trọn đời quy y cho đến khi qua đời. Bạch Thế Tôn! Ví như có người nuôi con ngựa chứng lại cầu mong được lợi ích thì chỉ tự chuốc lấy sự khổ nhọc mà chẳng được lợi ích gì. Bạch đức Thế Tôn! Con cũng như vậy, Ni-kiền kia ngu si mà con không hiểu rõ, không hề hay biết, không biết được ruộng tốt, cũng không suy xét, lâu nay vẫn phụng thờ và cúng dường lễ bái đe mong được lợi ích, nhưng chỉ khổ nhọc vô ích. Bạch Thế Tôn! Nay con lần thứ hai xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y đại chúng Tỳ- kheo9 cúi mong đức The Tôn nhận con làm ưu-ba-tắc. Từ hôm nay, con nguyện trọn đời quy y cho đến khi qua đời. Bạch Thế Tôn! Con vốn vô minh nên đối với Ni-kiền ngu si ấy, con lại tin theo và cung kính. Từ hôm nay con nguyện xin dứt han. Vì sao như thê? Vì họ đã lừa dối con. Bạch Thế Tôn! Nay con lần thứ ba xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y đại chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức The Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Từ hôm nay, con nguyện trọn đời quy y cho đến khi qua đời. Đức Phật dạy như vậy, Thích Hòa-phá và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

16 Do minh mục nhân, phú giả ngưỡng chi, phú giả phát chi, mê giả thị đạo, ám trung thí minh, nhược hữu nhãn giả tiên kiên ư sẫc (A,,,. * Tham
chiêu: Tạp.(T.02. 0099.280. 0077a); 2, &2. 0125^13.5.
0574C25): 4.Mặc dù các bản dịch Hán có sai khác vài
chô, nhirng rõ ràng đây là một định thức dùng đe tán thán giáo pháp của đức Phật. Các bản Pali tương đối thống nhất, chẳng hạn M. 27 ghi: Seyyathā pi bho Gotama nikujjitarn vā ukkujjeyya, paticchannam vā vivareyya, mūlhassa vā maggam ācikkheyya, andhakāre vā telapcyjotam dhāreyya: cakkhumanto rūpāni dakkhintīti (Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hương, đem đèn sang vào trong bóng tối đe những ai có mat có thể thấy sắc), HT. Thích Minh Châu dịch. 17 Tùy kỳ chư đạo ().Ba bản Tống, Nguyên và Minh đều ghi: Tùy thậm thâm đạo ().

13. KINH ĐÔ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có ba cơ sở tín lý của ngoại đạo,12 khác the loại, khác tên gọi, khác tông chí, khác học thuyết, dù người có trí tuệ, khéo thọ nhận và khéo ghi nhớ để giảng nói cho người khác thì cũng chẳng đạt được lợi ích gì. Ba điêu ây là gì? Như có Sa-môn hay Phạm chí thây như vây và nói như vây: "Tất cả những gì do con người tạo tác đều được định sẵn bởi nhân đời trước.,,3 Lại có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy và nói như vầy: "Tất cả những gì được con người tạo tác đều do đấng Phạm thiên4 sáng tạo và an bài." Lại có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy và nói như vầy: "Tất cả những gì được con người tạo tác đều không có nhân và không có duyên. [0435b03] Trong trường hợp, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào thấy như vay và nói như vay: “Tất cả những gì do con người tạo tác đều được đinh sẵn bởi nhân đời trước,\ Ta liền đến chỗ họ và hỏi: "Này chư Hiền! Phải chăng các vị thấy như vầy và nói như vầy: 'Tất cả những gì do con người tạo tác đều được định sẵn bởi nhân đời trước?9,9 Những người kia trả lời: "Đúng vạy!" Ta lại bảo họ: "Nếu quả thật như vậy thì chư Hiền đều là những kẻ sát sanh! Vì sao như the? Vì tất cả mọi sự tạo tác đều được định sẵn bởi nhân đời trước. Cũng vậy, chư Hiền đều là những kẻ trộm cướp, tà dâm, nói dối,... cho đến tà kiến. Vì sao như thế? Vì tất cả mọi sự tạo tác đều được định sẵn bởi nhân đời trước.

1 Nguyên tác: Độ kinh 01. 0026.13. 0435a24. Tham chiếu: A. 3.61 -1. 173. 2 Độ xứ titthãyatanà'. Tín lý của ngoại đạo. ở đây mang nghĩa là những nguyên lý cơ bản của các tôn giáo khác ngoài Phật giáo. 3 Nhân túc mạng 0 ,pubbe katahetu: Có nguyên nhân là những điều đã được tạo từ đời trước.

4 Nguyên tác: Tôn Hựu Issarā, chỉ cho Tự Tại thiến, đấng tạo ra con người và vạn vật theo quan điểm của Ấn giáo nói chung.

74 KINH TRUNG A-HÀM

Này chư Hiền! Đối với kiến chấp 'tất cả đều được định sẵn bởi nhân đời trước5 mà thấy là chân thật thì trong nội tâm hoàn toàn không có lòng mong cầu, cũng chẳng có nỗ lực đối với những việc nên làm hay không nên làm. Này chư Hiền! Nếu không biết đúng

như thật đối với những việc nên làm hay không nên làm, liền đánh mất chánh niệm, không có hiểu biết đúng đan5 nên không thể nào giáo hóa. Người nào nói đúng theo pháp của Sa-môn như vậy thì mới có thể dùng lý lẽ để nhiếp phục hàng Sa-môn hay Phạm chí kia." Trong trường hợp, nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào thây như vây và nói như vây: "Tát cả những gì được con người tạo tác đêu do đang Phạm thiên sáng tạo và an bh” Ta liền đến chỗ họ và hỏi: "Này chư Hiền! Phải chăng các vị thấy như vây và nói như vây: 'Tát cả những gì được con người tạo tác đêu do đang Phạm thiên sáng tạo và an bài?'" Những người kia đáp: "Đúng vịy!” Ta lại bảo họ: "Nêu đúng như vậy thì các vi đêu là những kẻ sát sanh. Vì sao như thê? Vì tất cả đều do đấng Phạm thiên sáng tạo và an bài. Cũng vậy, các vị đều là những kẻ trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến. Vì sao như thế? Vì tất cả đều do đấng Phạm thiên sáng tạo và an bài. Này chư Hiền! Đối với kiến chấp 'tất cả đều do đấng Phạm thiên sáng tạo và an bài' mà thấy là chân thật thì trong nọi tam hoan toan knong co long mong cau, cung chăng co no lực đoi vơi những việc nên làm hay không nên làm. Này chư Hiền! Nếu không biết đúng như thật đoi với những việc nên làm hay không nên làm, liền đánh mất chánh niệm, không có hiểu biết đúng đắn nên không thể nào giáo hóa. Người nào nói đúng theo pháp của Sa-mon như vậy thì mới có thể dùng lý lẽ để nhiếp phục hàng Sa-mon hay Phạm chí kia." Trong trường hợp, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào thấy như vầy và nói như vầy: "Tất cả những gì được con người tạo tác đều không có nhân, không có duyên.Ta liền đến chỗ họ rồi hỏi: J "Này chư Hiền! Phải chăng các vị thấy như vầy và nói như vầy: "Tất cả những gì được con người tạo tác đều không có nhân, không có duyên?9 Những người kia đáp: 66Đúng viy!" Ta lại bảo họ: "Nếu quả thật như vậy, các vị đều là những kẻ sát sanh. Vì sao như thế? Vì tát cả mọi sự tạo tác đêu không có nhân, không có duyên. Cũng vậy, này chư Hiên, các vị đều là những kẻ trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến.

5 Nguyên tác: Chánh trí (,sctmmaqày. Sự hiểu biết chính xác.

13. KINH ĐỘ 75

Vì sao như thế? Vì tất cả sự tạo tác đều không có nhân, không có duyên. Này chư Hiền! Đối với kiến chấp 'tất cả mọi sự tạo tác đều không có nhân, không có duyên9 mà thấy là chân thật thì trong nội tâm hoàn toàn không có lòng mong cầu, cũng chẳng có nỗ lực đối với những việc nên làm hay không nên làm. Này chư Hiền! Nêu không biết đúng như thật đối với những việc nên làm hay không nên làm, liền đánh mất chánh niệm, không có hiểu biết đúng đắn nên không thể nào giáo hóa. Người nào nói đúng theo pháp của Sa-môn như vậy thì mới có thể dùng lý lẽ để nhiếp phục hàng Sa-môn hay Phạm chí kia.” [0435c09] Những pháp mà Ta tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các thầy, dù là Sa-môn9 Phạm chí hay Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian đều không thể nào nhiếp phục, không thể làm cho nhơ uế và không thể chế ngự được. Thế nào là những pháp mà Ta tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các thầy mà không thể bị Sa-môn9 Phạm chí hay Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian nhiếp phục, làm cho nhơ uế hay chế ngự được? Đó là pháp sáu xứ mà Ta đã tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các thầy, không thể bi

Sa-môn, Phạm chí hay Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian nhiếp phục, làm cho nhơ uê hay chê ngự được. Lại có pháp sáu giới mà Ta đã tự chứng biêt, tự giác ngộ và giảng nói cho các thay, không the bi Sa-môn? Phạm chí hay Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong the gian nhiếp phục, làm cho nhơ uế hay chế ngự được. Thế nào là pháp sáu xứ mà Ta đã tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các thầy? Đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ? thân xứ và ý xứ. Đó là pháp sáu xứ mà Ta đã tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các thầy. Thê nào là pháp sáu giới mà Ta đã tự chứng biêt, tự giác ngộ và giảng nói cho các thầy? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Đó là pháp sáu giới mà Ta đã tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các thầy. Do sáu giới hòa hợp nên sanh vào thai mẹ9 do sáu giới mà có sáu xứ5 do sáu xứ mà có xúc/ do xúc mà có cảm thọ.6 7 Này Tỳ-kheo! Nấu có cảm thọ liền biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Thế nào là biết như thật về khổ? Nghĩa là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ? oán ghét mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà chia lìa là khổ, cầu mong mà không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ,8 đó gọi là biết như thật về khổ.

6 Nguyên tác: Cánh lạc . 7 Nguyên tác: Giác . 8 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm là dịch ngữ thông dụng trước thời ngài Huyền Trang, gọi chung là cựu dịch. Khi so sanh dịch ngữ của bản kinh này với kinh tương đương là M. 44, có nguyên tác Pall là pañca upādānakkhandhā^ do vì upādāna mang nghĩa là cô chấp, dính mac, được Hán dịch là "thỉT .Căn cứ vào nội dung kinh văn, chúng tôi chọn dịch ngữ "ngũ thủ uân"vì chúng hợp lý và sát với văn kinh.

Thế nào là biết như thật về nguyên nhân của khổ? Nghĩa là khát ái dẫn đến sự hiện hữu trong tương lai, đi cùng với lạc và dục910rồi mong cầu hiện hữu ở nơi 11 này nơi kiađó gọi là biết như thật về nguyên nhân của khổ. Thế nào là biết như thật về khổ diệt? Nghĩa là khát ái dẫn đến sự hiện hữu trong tương lai, đi cùng với lạc và dục rồi mong cầu hiện hữu ở nơi này nơi kia đều được đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, nhổ bỏ, đã trừ sạch, vô dục, tịch diệt, văng lặng, ngưng nghỉ, đó gọi là biêt như thật vê khô diệt. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt? Nghĩa là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám9 đó gọi là biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỳ-kheo! Nên biết như thật về khổ, nên đoạn trừ nguyên nhân của khổ, nên thực chứng khổ diệt và nên thực hành con đường đưa đến khổ diệt. Tỳ-kheo nào biết như thật về khổ? đoạn trừ nguyên nhân của khổ9 thực chứng khổ diệt và thực hành con đường đưa đen kho diệt thì được gọi là vị Tỳ-kheo đã trừ sạch tất cả lậu hoặc, giải thoát các kiết sử9 có thể dùng chánh trí11 để vượt thoát khổ đau. [0436a09] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Lạc dục cộng câu .Tạp.T.02. 0099.71. 0018c04 ghi là “tham hỷ c2u”, nandirāgasahagatā . 10 Cầu bỉ bỉ hữu .Xem Tạp.T.02. 0099.73. 0019a20: Bỉ bỉ lạc trước . 11 Nguyên tác: Chánh trí ,dùng như nghĩa “cứu cánh trí"sammadañña, trí hiểu biết toàn diện.

14. KINH LA-VẨN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa.12 Bay giờ, Tôn giả La-vân3 cũng ở thành Vương Xá, an tru trong rừng ôn Tuyền.4 Lúc ấy, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát đi vào thành Vương Xá khất thực. Sau khi thọ thực xong, Ngài đến rừng ôn Tuyền, nơi Tôn giả La-vân đang cư ngụ. Thấy đức Thế Tôn từ xa đi đến, Tôn giả La-vân liền nhanh chóng đến cung đón Ngài rồi cầm y, mang bát, trải tọa cụ và múc nước rửa chân. Rửa chân xong, đức Phật ngồi vào tòa của La-vân. Khi đó, đức Thế Tôn liền đổ chậu nước di, chỉ giữ lại một ít nước rồi hỏi: Này La-vân! Con có thấy Như Lai vừa đổ chậu nước đi, chỉ giữ lại một ít nước không? La-vân thưa: - Bạch Thế Tôn, con có thấy. Phật bảo La-vân: -Như Lai nói rằng, những ai co ý nói doi5 nhưng không biết ngượng ngùng, không chút ăn năn, không biêt tự thẹn với mình, không biêt xâu hô với người thì đạo hạnh của người ây cũng ít như vậy. Này La-vân! Người nói dôi cũng như

1 Nguyên tác: La-vân kinh (roi. 0026.14. 0436a12). Tham chiếu: M. 61, Ambalatthikã Rãhulovãda Sutta (Kinh giảo giới La-hầu-la ở rừng Ambalà). 2 Trúc lâm Ca-lan-đa viên().M. 61, Ambalatthikā Rāhulovāda Sutta (Kinh giảo giới La-hầu-ỉaởrừngAmbalà)'. Veluvana Kalandakanivāpa. Địa danh này, trong Chủ giải Kinh Phật tự thuýét (UdA^ị, ngài Buddhaghosa giải thích: VeỊuvananti tassa vihārassa nāmam. Tam kira atthārasahatthubbedhena pākārena parikkhittam buddhassa bhagavato vasanānucchavikāya mahatiyā gandhakutiyā aññehi ca pāsādakutilenamaridapacañkamadvārakotthakādīhi patimariditarn bahi velūhi parikkhittam ahosi nīlobhāsam manoramam, tena 'veluvana^nti vuccati (Veluvana là tên gọi của một tinh xá. Tinh xá có tường rào bao quanh cảo đến 18 khuỷu tay, có hương thất trang nghiêm là chỗ trú ngụ thích hợp của đức Phật, Thế Tôn. Ngoài ra còn có giảng đường (tòa nhà có nền cao), am cốc, lối đi kinh hành co mái che an toàn, cổng ra vao, v.v... được tô diêm xung quanh với lũy tre xanh tươi xinh đẹp, nên được gọi là Tinh xá Trúc Lâm). 3 Tôn giả La-vân (Rāhula) tức Tôn giả La-hầu-la. 4 Ôn Tuyền lâm (Tapodārāma) còn gọi rừng ôn Tuyền, rừng có suối nước nóng, ở gần hồ Tapodā, thuộc thành Vương Xá (Rājagaha). 5 Nguyên tác: Tri kỷ vọng ngôn (sampajānamusāvāda).

thế, không có điều ác nào mà không dám làm. Do vậy, này La-vân! Phải nên học tập như vầy: "Không được nói dối ngay cả khi đùa vui.”6 Đức Thế Tôn lại lấy cái chậu còn một ít nước kia, đổ hết nước ra rồi hỏi: Này La-vân! Con có thấy Như Lai vừa lấy chậu còn một ít nước ấy rồi đổ hết ra ngoài không? La-vân thưa: -Con có thấy, bạch Thế Tôn. Phật bảo: -Này La-vân! Như Lai nói răng, những ai cô ý nói dôi nhưng không biêt nệượng ngùng, không chút ăn năn, không biết tự thẹn vơi mình, không biết xâu hổ với người thì đạo hạnh của người ấy cũng mát hét như vậy. Này La- vân! Người nói doi cũng như the, không có điều ác nào mà không dám làm. Do vậy, này La-vân! Phải nên học tập như vầy: "Không được nói dối ngay cả khi đùa vui." [0436b01] Đức Phật lại lấy chậu nước trống không ấy úp xuống đất rồi hỏi: -Này La-vân! Con có thây Như Lai lây chậu nước trông không này úp xuống đất không? La-vân thưa: -Con có thấy, bạch Thế

Tôn. Phật bảo: -Này La-vân! Như Lai nói răng, những ai cô ý nói dôi nhưng không biêt ngượng ngùng, không chút ăn năn, không biết tự thẹn với mình, không biết xấu hổ với người thì đạo hạnh của người ấy cũng bị lật úp như vậy. Này La- vân! Người nói doi cũng như the, không có điều ác nào mà không dám làm. Do vậy, này La-vân! Phải nên học tập như vầy: "Không được nói dối ngay cả khi đua VUI.55 Đức Phật lại cầm chậu úp kia lật ngửa lên rồi hỏi: Này La-vân! Con có thây Như Lai câm cái chậu úp này lật ngửa lên không? La-vân thưa: - Con có thấy, bạch Thế Tôn. Đức Phật bảo La-vân: -Như Lai nói răng, nhữnệ ai cô ý nói dôi nhưng không biêt ngượng ngùng, không chút ăn năn? không biêt tự thẹn với mình, không biết xấu hổ với người thì đạo hạnh của người ấy cũng bị lật ngửa như vậy. Này La-vân! Người nói dối cũng như thê, không có điều ác nào mà không dám làm. Do vậy, này La-vân! Phải nên học tập như vầy: "Không được nói dối ngay cả khi đùa vui."*

6 Nguyên tác: Bất đắc hý tiếu vọng ngôn .Tham chiếu: Tặng^ T.02. 0125.37.6. 07l3a06: Giả sử trong khi đùa giỡn cũng không nói dối .

14. KINH LA-VÂN 79

Này La-vân! Ví như nhà vua có thớt voi lớn, khi xông vào chiến trận thì nó dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, dầu, trán, tai và ngà, tất cả đều sử dụng, chỉ lo giữ gìn chiếc vòi. Thấy vậy, nài voi liên suy nghĩ: "Thót voi lớn của nhà vua vẫn còn quý tiếc mạng sống. Vì sao như vậy? Vì thớt voi lớn này của nhà vua khi xông vào chiến trận, nó dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai và ngà, tất cả đều sử dụng, nhưng chỉ lo giữ gìn chiếc vòi." Này La-vân! Nêu khi thớt voi lớn của nhà vua xông vào chiến trận, nó dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà và vòi, tất cả đều sử dụng, thấy vậy, nài voi liền suy nghĩ: "Thớt voi lớn của nhà vua không còn quý tiếc mạng sống nữa. Vì sao như thế? Vì khi xông vào chiến trận, thớt voi lớn này của nhà vua sử dụng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà và vòi, tất cả đều sử dung.” Này La- vân! Nếu khi xông vào chiến trận mà thớt voi lớn dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sông, hông, đâu, ngà và vòi, tát cả đêu sử dụng thì này La-vân, Như Lai nói rang, thớt voi lớn này của nhà vua khi xông vào chiến trận, không có sự hung bạo nào mà nó không làm. Cũng vậy, này La-vân! Cô ý nói dôi nhưng không biêt ngượng ngùng, không chút ăn năn, không biết tự thẹn với mình, không biết xấu ho với người thì này La-vân, Như Lai nói răng với người nói dôi cũng như thê, không có điêu ác nào mà không dám làm. Do vậy, này La-vân! Phải nên học tập như vầy: "Không được nói doi ngay cả khi đùa vui." Thế rồi, đức Phật nói bài kệ: Kẻ phạm một pháp, Đó là nói dối, Không sợ đời sau, Chẳng chừa việc ác. Thà nuốt sắt nóng, Cháy như lửa đỏ, Quyết không phạm giới, Thọ nhận cúng dường. Nếu biết sợ khổ, Không nên luyến ái, Dù ở phương nào, Cũng chớ làm ác. Với nghiệp bất thiện, Đã làm, đang làm, Không thể giải thoát, Cũng không thể tránh. [0436c07] Đức Phật nói bài kệ rồi, lại hỏi: - Này La-vân! Con nghĩ thế nào, người ta dùng gương soi để làm gì? Tôn giả La-vân thưa: —Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt của mình sạch hay không sạch. Cũng vậy, này La-vân! Nếu con sắp hành động với một thân nghiệp,7 con hãy

quán sát thân nghiệp ấy như vầy: “Ta sắp hành động với một thân nghiệp

7 Thân nghiệp kāya kammă'. Nghiệp được tạo tác bởi thân, do thân.

và thân nghiệp ấy gây hại hay không gây hại,8 ta làm cho mình hay làm cho người?^^ Này La-vân! Nếu khi quán sát mà biết rằng: “Ta sắp hành động với một thân nghiệp và thân nghiệp ấy gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là thân nghiệp bất thiện, hướng về quả khổ nên thọ nhận quả báo khổ?5 Này La-vân! Con nên từ bỏ thân nghiệp sắp làm ấy đi. r \ r

Này La-vân! Nêu khi quán sát mà biêt răng: "Ta sáp hành động với một thân nghiệp và thân nghiệp ấy không gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là thân nghiệp thuần thiện, hướng về quả an vui nên thọ nhận quả báo an vui." Này La-vân! Con hãy thực hiện thân nghiệp sắp làm ấy. Này La-vân! Nếu con đang hành động với một thân nghiệp, con hãy quán sát thân nghiệp ấy như vầy: "Ta đang hành động với một thân nghiệp và thân nghiệp ấy gây hại hay không gây hại, ta làm cho mình hay làm cho nguôi?" Này La-vân! Khi quán sát mà biết rằng: "Ta đang hành động với một thân nghiệp và thân nghiệp ấy gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là thân nghiệp bất thiện, hướng về quả khổ nên thọ nhận quả báo kho.59 Này La- vân5 con nên từ bỏ thân nghiệp đang làm ấy đi. Này La-vân! Nêu khi quán sát mà biêt răng: "Ta đang hành động với một thân nghiệp và thân nghiệp ấy không gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là thân nghiệp thuần thiện, hướng về quả an vui nên thọ nhận quả báo an vui." Này La-vân! Con hãy thực hiện thân nghiệp đang làm ấy. Này La-vân! Nếu con đã hành động với một thân nghiệp, con hãy quán sát thân nghiệp kia như vay: "Ta đã hành động với một thân nghiệp và thân nghiệp ấy đã trở thành quá khứ, đã chấm dứt, đã thay đổi, gây hại hay không gây hại, làm cho mình hay làm cho người?,, Này La-vân! Nếu khi quán sát mà biết rằng: "Ta đã hành động với một thân nghiệp và thân nghiệp ấy đã trở thành quá khứ, đã châm dứt, đã thay đôi, thân nghiệp ây gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là thân nghiệp bất thiện, hướng về quả khổ nên thọ nhận quả báo kh6.” Này La-vân! Con nên đi đến chỗ các bậc đồng Phạm hạnh, bậc thiện tri thức chí thành nêu bày thân nghiệp đã tạo ấy ra9 xin ăn năn sám hối lỗi lầm, cẩn thận không che giấu, rồi phải khéo léo giữ gìn. Này La-vân! Nếu khi quán sát mà biết rằng: “Ta đã hành động với một thân nghiệp ya thân nghiệp ấy trở thành quá khứ, đã chấm dứt, đã thay đổi, thân nghiệp ây không gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là thân

8 Vi tịnh, vi bất tịnh .Cú ngữ này tối nghĩa/Trung tâm nghiên cứu Phật học Hán ngữ Đài đại sư tử hông Phật học chuyên trạm của Pháp cổ Sơn khi chú giải Trung A-ham dān^ii ngờ đoạn kinh này có thể bị chép nhầm.Cú ngữ "vi tịnh, vi bất theo đê xuất của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh có thể là "vi tránh, vi bất tránh" .Vi tránh được Du-già sư địa luận —30. 1579.84. 0770b06 giải thích: Vì có thê phát Idiởi vô sô các việc kiện tụng, đấu tranh, phân tranh nên gọi là "vi tránh” .Mặt khác,

theo Câu-xả luân tụng sớ luân41. 1823.1. 0819Ồ22 giải thích: Tôn hại tự mình và tha nhân gọi là "vi tránh,, ,.

nghiệp thuần thiện, hướng về quả an vui nên thọ nhận quả báo an vui.” Này La-vân! Con hãy thường xuyên hoan hỷ, an trú trong chánh niệm tỉnh giác, với khẩu nghiệp cũng lại như vậy. [0437a05] Này La-vân! Nếu nhân việc làm trong quá khứ mà đã sanh khởi ý nghiệp thì con hãy quán sát ý nghiệp ấy như vầy: “Nếu nhân việc làm trong quá khứ mà đã sanh khởi ý nghiệp thì ý nghiệp ấy gây hại hay không gây hại, là làm cho mình hay làm cho nguòd?" Này La-vân! Nếu khi quán sát mà biết rằng: "Nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh khởi ý nghiệp và ý nghiệp ấy trở thành quá khứ, đã chấm dứt, đã thay đổi, ý nghiệp ấy gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là ý nghiệp bất thiện, hướng về quả khổ nên thọ nhận quả báo khổ." Này La-vân! Con nên từ bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi. Này La-vân! Nêu khi quán sát mà biêt răng: "Nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh khởi ý nghiệp và ý nghiệp ấy trở thành quá khứ, đã chấm dứt, đã thay đổi, ý nghiệp ấy không gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là ý nghiệp thuần thiện, hướng vê quả an vui nên thọ nhận quả báo an vui." Này La-vân! Con hãy chấp nhận ý nghiệp quá khứ ấy. Này La-vân! Nhân việc làm trong tương lai mà phát sanh ý nghiệp thì con hãy quán sát ý nghiệp ấy như vầy: "Nếu nhân việc làm trong tương lai mà phát sanh ý nghiệp và ý nghiệp ấy gây hại hay không gây hại, là làm cho mình hay làm cho nguồi?” Này La-vân! Nêu khi quán sát mà biết rằng: "Nhân việc làm trong tương lai nên phát sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là ý nghiệp bất thiện, hướng về quả khổ nên thọ nhận quả báo kh6." Này La-vân! Con hãy từ bỏ ý nghiệp trong tương lai đó đi. Này La-vân! Nếu khi quán sát mà biết rằng: "Nhân việc làm trong tương lai mà phát sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy không gây hại, dù làm cho mình hay làm cho người thì đó là ý nghiệp thuần thiện, hướng về quả an vui nên thọ nhận quả báo an vui." Này La-vân! Con hãy thực hiện ý nghiệp trong tương lai ấy. Này La-vân! Nhân việc làm ngay trong hiện tại mà đang sanh khởi ý nghiệp thì con hãy nên quán sát ý nghiệp ây như vây: "Nêu nhân việc làm ngay trong hiện tại mà sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy gây hại hay không gây hại, là làm cho mình hay làm cho nguôi?" Này La-vân! Nếu khi quán sát mà biết rằng: "Nhân việc làm ngay trong hiện tại mà sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy gây hại, hoặc làm cho mình hoặc làm cho người thì đó là ý nghiệp bất thiện, hướng về quả khổ nên thọ nhận quả báo kh6.” Này La-vân! Con hãy từ bỏ ý nghiệp ngay trong hiện tại ấy đi. Này La-vân! Nếu khi quán sát mà biết rằng: "Nhân việc làm ngay trong hiện tại nên sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy không gây hại, hoặc làm cho mình hoặc làm cho người thì đó là ý nghiệp thuân thiện, hướng vê quả an vui nên thọ nhận quả báo an vui.” Này La-vân! Con nên thực hiện ý nghiệp hiện tại ấy.

[0437b02] Này La-vân! Nếu trong quá khứ đã có những vị Sa-môn, Phạm chí đối với nghiệp thân, miệng và ý, đã quán sát rồi lại quán sát nữa, đã thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn thì ngay nơi toàn bộ nghiệp thân, miệng và ý của các vị đó, đã quán sát rồi lại

quán sát nữa, đã thanh tịnh rồi lại được thanh tịnh hơn. Này La-vân! Nêu trong vị lai sẽ có những vị Sa-môn hay Phạm chí đôi với nghiệp thân, miệng và ý, sẽ quán sát roi lại quán sát nữa, sẽ thanh tịnh lại thanh tịnh hơn thì ngay nơi toàn bộ nghiệp thân, miệng và ý của các vị đó, sẽ quán sát rồi lại quán sát nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại được thanh tịnh hơn. Này La-vân! Nếu trong hiện tại, có những vi Sa-môn hay Phạm chí đối với nghiệp thân, miệng và ý, đang quán sát rồi lại quán sát nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn thì ngay nơi toàn bộ nghiệp thân, miệng và ý của các vị đó? đang quán sát rồi lại quán sát nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Này La-vân! Con phải học tập như vầy: "Đối với nghiệp thân, miệng và ý của bản thân ta cũng như vậy, đang quán sát rồi lại quán sát nữa, đang thanh tinh rồi lại thanh tịnh hơn." Lúc đó9 đức Phật lại nói kệ rằng: Này con, La-vân5 Nghiệp thân, miệng, ý, Thiện hay bất thiện, Hãy thường quán sát. Biết cố ý dối, Thì con đừng nói, Sự song nương nhau, Sao đành lừa dối? Không giữ miệng minh, Cố tình nói dối, Trái pháp Sa-môn5 Rỗng không, chẳng thật. Nên không nói dối, Là con Chánh Giác, Là pháp Sa-môn, La-vân nên học! Nơi nơi an vui, An ổn, không sợ, La-vân, đến đó, Chớ làm hại người. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả La-vân và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

15. KINH Tư1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm? vườn cấp Cô Độc.

r _ r

Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: —Nêu người nào cô ý tạo nghiệp, Như Lai nói răng người áy nhát định phải thọ nhận quả báo, hoặc thọ nhận trong đời này, hoặc thọ nhận trong đời sau. Nêu người nào không cô ý tạo nghiệp, Như Lai nói răng người áy không nhát đinh phải thọ nhận quả báo. ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ đau, thọ nhận quả báo khổ; miệng có bốn nghiệp bất thiện và ý có ba nghiệp bất thiện đều đưa đến khổ đau, thọ nhận quả báo kho. [0437c01] Những gì là ba nghiệp bất thiện do thân cố ý tạo ra5 đưa đến khổ đau, thọ nhận quả báo khổ? Một là, sát sanh, cực ác5 khát máu, cứ muốn sát hại, không thương xót chúng sanh cho đến loài côn trùng. Hai là? không cho mà lấy, tham đắm tài vật của kẻ khác, chiếm đoạt với tâm trộm cướp. Ba là, tà dâm, nghĩa là với những cô gái có cha gìn giữ, hoặc được mẹ gìn giữ, hoặc được cả cha mẹ gìn giữ, hoặc được chi em gìn giữ, hoặc được anh em gìn giữ5 hoặc được \ e e -ii Y . cha mẹ chông gìn giữ, hoặc được người thân thuộc gìn giữ, hoặc được người cùng dòng họ gìn giữ; hoặc với những phụ nữ khác được bảo vệ bằng sự đe dọa như hình phạt hay roi vọt, hoặc đã hứa hôn, cho đen chỉ mới nhận tràng hoa làm tin, nếu chính mình xúc phạm đen những người nữ như vậy đều là tà dâm. Đó là ba nghiệp bất thiện do thân cố ý tạo, đưa đến khổ đau, thọ nhận quả báo khổ. Những gì là bốn nghiệp bất thiện do miệng cố ý gây tạo, đưa đến khổ đau, thọ nhận quả báo khổ? Một là, nói doi: Có người hoặc ở giữa đám đông, hoặc ở trong quyên thuộc, hoặc ở chôn vua quan, nêu có ai gọi người ây và hỏi: "Ngươi biết thì hãy nói,\ nhưng người ấy không biết nói biết, biết nói không biết, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, vì mình vì người, hoặc vì tài vật mà cố ý nói dối. Hai là, nói hai chiều: Muốn chia rẽ người khác nên nghe nơi người này rồi nói lại với người kia, vì muốn phá hoại người này; nghe nơi người kia rồi

nói lại người này, vì muốn phá hoại người kia; những người hòa hợp muôn cho ly tán, những ai đã ly tán lại muôn cho xa rời đê két bè đảng,

1 Nguyên tác: Tư kinh (roi. 0026.15. 0437Ồ24). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125.48.1. 0785C24); A. 10. 217 - v. 292; 7ỈÍ. 10.218 v. 297; 4 10.219 - v. 299.

thích thú sự két bè đảng, khen ngợi sự két bè đảng. Ba là, nói thô ác: Người áy nếu có nói điều gì thì lời lẽ thô tục, hung hiểm, lời ác trái tai, không ai ưa nổi, cũng chẳng ai mến, khiến người kho não, làm cho người nghe không the định tâm. Bốn là, nói thêu dệt: Người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói không đúng nghĩa, nói không đúng pháp, nói huyên thuyên, lại còn khen ngợi việc nói huyên thuyên, trái ngược thời gian, không khéo dạy dỗ, không khéo quở trách. Đó gọi là bốn nghiệp bất thiện do miệng cố ý gây ra, đưa đến khổ đau và thọ nhận quả báo khổ. Những gì là ba nghiệp bất thiện của ý, do cố ý gây tạo, đưa đến khổ đau, thọ nhận quả báo khổ? Một là, tham lam:2 Rình rập tài sản và các vật dụng sinh hoạt của người khác, thường tham lam ước muốn, mong sao cho mình có được. Hai là, sân hận: Luôn ôm lòng oán ghét roi suy nghĩ: "Chúng sanh kia đáng bị giêt, đáng bị trói, đáng bị băt, đáng loại bỏ, đáng đuôi di, mong sao cho kẻ ây chịu khổ vô lượng." Ba là, tà kiến: Thấy biết điên đảo, thấy như vầy và nói như vầy: "Không có bố thí, không có tế tự,3 không có chú nguyện,4 không có nghiệp thiện, không có nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp thiện, không có quả báo của nghiệp ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ? the gian không có bậc chân nhân đi đến cõi lành, không có bậc chánh hạnh hay chánh hướng ở đời này hay đời sau để tự mình chứng biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú." Đó gọi là ba nghiệp bất thiện do ý gây ra, đưa đến quả kho đau, thọ nhận quả báo kho. [0438a03] Vi Thánh đệ tử đa văn xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu nghiệp thiện của thân; xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu nghiệp thiện của miệng và ý. Vi Thánh đệ tử đa văn đầy đủ giới đức tinh tấn như vậy9 thành tựu nghiệp thanh tịnh nơi thân, thành tựu nghiệp thanh tịnh nơi miệng và ý, dứt trừ sân hận, xa lìa não hại, từ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi, vượt kiêu mạn, chánh niệm tỉnh giác, không còn ngu si. Tâm vị ấy tương ứng với tâm từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, vị ấy rải khắp tất cả. Tâm tương ứng với tâm từ nên không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, vô lượng, khéo tu tập, rải khắp tất cả thê gian, thành tựu và an trú, vi ây suy nghĩ răng: "Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập, tâm ta bây giờ rộng lớn vô lượng, lại khéo tu táp." Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia do ác tri thức mà buông lung, tạo tác nghiệp bất thiện thì nay những điều ấy không thể lôi

2 Tham tứ Tham lam. Bản kinh Pali tương đương là A.Q 10.217 - V. 22: Abhijjhālu, HT. Thích Minh Châu dịch là cttham lam." Hán dịch A-hàm kỉnh từ điên của Trang Xuân Giang cũng viết: tcTham tứ” !“tham đích ý niệm,,
“tham lam,, . 3 Vô trai :Không tế tự. Tham chiếu: A. 10.217 - v. 292:

Natthiyittham không có lễ hy sinh, HT. Thích Minh Châu dịch. ~ 4 Vô hữu chú thuyết Không có việc chú nguyện, hồi hướng công đức.

15. KINH TU 85

kéo, không thể làm cho ô uế, không còn đi theo nữa. Nếu có bé trai hay bé gái, ngay lúc vừa lọt lòng mà có thể tu hành tâm từ giải thoát thì thời gian sau, thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, không the! Vì sao như vậy? Vì tự mình không tạo nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, dù nam hay nữ cũng phải thường xuyên siêng tu tâm từ giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, là nam hay nữ ấy siêng tu tâm từ giải thoát thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ nương theo tâm rời khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: “Ta vốn do buông lung mà tạo nghiệp bất thiện, nên thọ nhận tất cả quả báo trong đời này chứ không đe đen đời sau nỉía." Nêu có người thực hành tâm từ giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn người ấy sẽ chứng quả A-na-hàm, ĩ * r .

hoặc chứng đác cao hơn nữa. Cũng vậy, tâm vị ây tương ứng với tâm bi, với tâm hỷ và tâm xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô lượng vô biên, khéo tu tập, rải khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Vị k 1 M A ây suy nghĩ như vây: “Tâm ta xưa kia vôn nhỏ hẹp, không khéo tu tập, tâm ta bây giờ rộng lớn vô lượng, được khéo tu tap?9 Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia do ác tri thức mà buông lung và tạo tác nghiệp bất thiện thì nay những điều ấy không thể lôi kéo, không thể làm cho ô uế, không còn đi theo nữa. Nêu có bé trai hay bé gái, ngay lúc vừa lọt lòng mà có thể thực hành tâm xả giải thoát thì về sau, thân, miệng và ý có còn tạo tác những nghiệp bất thiện nữa chăng? [0438b03] Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, không the! Vì sao như vậy? Vì tự mình không tạo nghiệp ác thì nghiệp ác do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, dù nam hay nữ cũng phải thường xuyên siêng tu tâm xả giải thoát. Nếu những người tại gia hay xuất gia, là nam hay nữ kia mà tu tâm xả giải thoát thì sẽ không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ nương theo tâm rời khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vày: “Ta vốn do buông lung mà tạo nghiệp bất thiện, nên thọ nhận tất cả quả báo trong đời này chứ không để đến đời sau nữa." Nếu có người thực hành tâm xả giải thoát, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy thì chắc chan chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng đắc cao hơn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

16. KINH GIÀ-LAM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo từ Già-lam viên123đến Ky-xá- tử,3 ngụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa,4 phía Bắc thôn Ky-xá-tử. Bấy giờ, dân chúng Già-lam ở Ky-xá-tử nghe tin Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích đã từ giã dòng họ Thích, xuất gia học đạo5 đang du hóa tại Già- lam viên, nay cùng đại chúng Tỳ-kheo đến Ky-xá-từ này, ngụ trong rừng Thi- nhiêp-hòa, ở phía Bác của thôn. Sa-môn Cù-đàm có tiêng tăm lớn, được truyền tụng khắp mười phương rằng: "Sa-môn Cù-đàm là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chanh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. ở trong thế gian này, giữa Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn5 Phạm chí, từ loài

người cho đến chúng trời, vị ấy tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Pháp mà vi ấy thuyết phàn đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, đầy đủ cả nghĩa và văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Nếu gặp được đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để cung kính lễ bái, cúng dường, phụng sự thì sẽ đạt được nhiều lợi ích. Chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, phụng sự và cúng đuờng." Nghe như vậy rồi, những người Già-lam ở Ky-xá-tử đều dẫn theo quyến thuộc của mình rời Ky-xá-tử đi vê phía Bác, đên rừng Thi-nhiêp-hòa vì muôn gặp Phật để lễ bái, phụng sự và cúng dường. Khi đến chỗ Phật ngụ, những người Già-lam ấy, có người cúi đầu lạy chân Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người thưa hỏi Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chắp tay hướng Phật roi ngoi sang một bên, hoặc có người từ xa thây Phật roi lặng yên ngôi xuồng. Khi những người Già-lam đêu đã ngôi yên, đức Phật thuyết pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến được hoan hỷ.5 : . r •í Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyêt pháp, khiên họ được mở bày, dạy bảo, khích le, khiên được hoan hỷ roi, đức Phật ngôi yên lặng.

1 Nguyên tác: Già-lam kinh roi. 0026.16. 0438ỒỒ15. Tham chiếu: A. 3.65 -1. 188. 2 Già-lam viên M, Kālāma. Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi Già-lam quốc .Tham chiếu: A. 3.65 - L 188: Tại thị tran của những ngươi Kālāma tên là Kesaputta, thuọc nước Kosala. 3 Ky-xá-tử Kesaputta. 4 Thi-nhiếp-hòa lâm Sirpsapavana còn gọi là Thân-thứ lâm . 5 Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích số 7, kinh số 9, tr. 48. J J

88 KINH TRUNG A-HÀM

[0438c05] Bấy giờ, sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo5 khích lệ, khiến được hoan hỷ rồi, những người Già-lam cùng đứng dậy5 sửa áo bày vai bên phải, chắp tay hướng Phật rồi thưa: -Thưa Cù-đàm! Có vị Sa-môn Phạm chí đi đến Già-lam chỉ tự khen ngợi thấy biết của mình mà chê bai sự thấy biết của người khác. Thưa Cù-đàm! Lại có vi Sa-môn Phạm chí đi đến Già-lam cũng chỉ tự khen ngợi thấy biết của mình mà chê bai sự thấy biết của người khác. Thưa Cù-đàm! Nghe như vậy rồi, chúng tôi liền sanh nghi ngờ: "Những vi Sa-môn Phạm chí ấy, vị nào là chân thật? Vị nào là hư d6i?" Đức Phật dạy: Này các người Già-lam! Các vị chớ sanh nghi ngờ. Vì sao như vậy? Vì do nghi ngờ nên sanh do dự. Này các người Già-lam! Các vị von không có trí tuệ thanh tịnh để biết là có đời sau hay không có đời sau. Này các người Già-lam! Các vị cũng không có trí tuệ thanh tịnh để biết những việc mình đã làm là có tội hay không có tội. Này các người Già-lam! Nên biết các nghiệp có ba loại, do sự tích tập từ xưa mà có. Là ba nghiệp nào? Này các người Già-lam! Đó là, tham là nhân huân tập vốn có của các nghiệp. Này các người Già-lam! Sân và si là nhân huân tập vốn có của các nghiệp. Này các người Già-lam! Người có tham thì bị tham che lấp, tâm không biết nhàm chán, không biết đủ, hoặc sát sanh, hoặc trộm cướp, hoặc hành tà dâm, hoặc biết roi nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam! Người có sân thì bị sân che lấp, tâm không biết nhàm chán, không biết đủ, hoặc sát sanh, hoặc trộm cướp, hoặc hành tà dâm, hoặc biêt roi nói dôi, hoặc lại uông rượu. Này các người Già-lam! Người có si thì bị si che lâp, tâm không biêt nhàm chán, không biêt đủ, hoặc sát sanh, hoặc trộm cướp, hoặc hành

tà dâm, hoặc biết rồi nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa sát sanh, từ bỏ sát sanh, vứt bỏ dao gậy, biêt xâu hô với mình, tự thẹn với người, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng, đối với việc sát sanh, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vi Thánh đệ tử đa văn xa lìa trộm cướp, từ bỏ trộm cướp, chỉ lấy những gì được cho, vui trong việc lấy những gì đã được cho, thường ưa thích bo thí, hoan hỷ không bon xẻn, không mong người nhận báo đáp, đoi với việc trộm cướp, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự phi Phạm hạnh, từ bỏ những việc phi Phạm hạnh, siêng tu Phạm hạnh, siêng tu những hạnh cao đẹp, thanh tịnh không cấu uế? lìa dục, đoạn dâm, đối với việc phi Phạm hạnh, tâm vi ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự nói dối, từ bỏ sự nói doi, nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trụ không lay chuyển nơi chân thật. Tất cả những điều vị ấy nói đều đáng tin, không dối gạt người đời, đối với sự nói dối, tâm vị ấy đã trừ sạch.

16. KINH GIÀ-LAM 89

[0439a05] Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa lời nói gây chia rẽ9 từ bỏ lời nói gây chia rẽ? thực hành hạnh không nói lời gây chia rẽ, không phá hoại kẻ khác, không đem lời người này nói lại với người kia vì muốn phá hoại người này, không đem lời người kia nói lại với người này vì muốn phá hoại người kia, với những người chia rẽ nhau thì muốn gắn kết lại, họ gắn kết thì hoan hỷ; không kết bè kết đảng, không ưa thích việc kết bè kết đảng, không khen ngợi việc kết bè kết đảng, đối với việc nói lời gây chia rẽ, tâm vi ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vi Thánh đệ tử đa văn xa lìa lời nói thô ác, từ bỏ lời nói thô ác. Nêu những lời được nói ra với khẩu khí chia lìa hay thô bạo, giọng điệu hung dữ trái tai, làm mọi người không vui, làm mọi người không ưa, làm cho người khác đau kho, làm cho họ áy náy không yên, vị ấy đều đã từ bỏ những lời nói như thế. Nếu vị ấy có nói điều gì cũng hòa nhã dịu dàng, êm tai, đi vào lòng người, đáng thích đáng yêu, làm cho người nghe an lạc, giọng điệu đầy đủ rõ ràng, không khiến cho người nghe kinh sợ mà làm cho họ được an lòng. Vị ấy nói ra những lời như thế, đoi với việc nói lời thô ác, tâm vi ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa lời nói thêu dệt5 từ bỏ lời nói thêu dệt, thường nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói ve pháp, nói ve nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa thích nói về tịch tĩnh, nói những việc thuận thời, thích nghi, khéo dạy dỗ? khéo quở trách, đoi với việc nói lời thêu dệt, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa tham lam, từ bỏ tham lam, không ôm lòng tranh giành, thấy tài vật và những vật dụng sinh sống của người khác đều không khởi lòng tham, muốn giành về minh, đối với việc tham lam, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa sân hận, từ bỏ sân hận, biết xấu hổ với mình, biết tự thẹn với người, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng, đối với việc sân hận ganh ghét, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa tà kiến, từ bỏ tà kiến, thực hành chánh kiến, không hê điên đảo. Vị ây thây như vây và nói như vây: "C6 bố thí, có tế tự,6 có chú nguyện,7 có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha có mẹ? thế gian có bậc chân nhân đi đen các cõi lành, có bậc chánh hạnh hay chánh hướng ở đời này hay đời sau để tự mình chứng biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và

an trú", đối với tà kiến, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này các người Già-lam! Như vậy, vị Thánh đệ tử đa văn thành tựu nghiệp thanh tịnh nơi thân, thành tựu nghiệp thanh tinh nơi miệng và ý, xa lìa sân hận, xa lìa não hại, trừ bỏ hôn trầm, không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi ngờ, vượt

6 Hữu trai :Có tế tự. 7 Chú thuyết Chú nguyện sau khi thọ nhận vật thực, có sự hồi hướng công đức.

qua kiêu mạn, chánh niệm tỉnh giác, không còn ngu si. Tâm vị ấy tương ứng với tâm từ, đầy khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm vị áy tương ứng với tâm từ trong hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, đây kháp tát cả, không gây thù chuôc oán5 không sân hận não hại, rất mực rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm vị ấy tương ứng với tâm bi, tâm hỷ và tâm xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rất mực rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. [0439Ồ07] Cũng vậy, này các người Già-lam! Tâm của vị Thánh đệ tử đa văn không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, liền đạt được bon trú xứ an ổn. Bon trú xứ là gì? Với quan niệm: "C6 đời này và đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác, khi đã có được nghiệp tương ứng với chánh kiến này roi, ta thọ trì đầy đủ thì sau khi qua đời nhất đinh sanh vào các cõi lành, cho đến sanh lên các cõi trời.,, Như vậy, này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được trú xứ an ổn thứ nhất. Lại nữa, này các người Già-lam! Với quan niệm: "Không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện ác, như vậy ngay trong đời này, không phải vì điều này mà ta bị người khác chê bai. Vì chỉ có những điều mà bậc chánh trí ngợi khen thì người tinh tấn, người có chánh kiến cũng khẳng định nó tồn tại.” Như vậy, này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được trú xứ an ổn thứ hai. Lại nữa, này các người Già-lam! Với quan niệm: "Nếu có tạo tác thì nhất định không làm điều ác, vì ta không nhớ nghĩ điều ác. Vì sao như vậy? Vì chính mình không làm ác thì kho do đâu sanh ra?" Như vậy, này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được trú xứ an ổn thứ ba. Lại nữa, này các người Già-lam! Với quan niệm: "Nếu có tạo tác thì nhất định ta không làm ác, ta không xâm hại the gian, dù đó là kẻ sợ hãi hay không sợ hãi, thường nên thương xót tất cả the gian, tâm ta không não hại chúng sanh, tâm không vân đục mà hân hoan vui thích." Như vậy, này các người Già-lam! Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được trú xứ an ổn thứ tư. Như vậy, này các người Già-lam! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được bốn tru xứ an ổn. Những người Già-lam bạch đức Thế Tôn: Thật như vậy, thưa Cù-đàm! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuôc oán, không sân hận não hại sẽ đạt được bốn trú xứ an ổn. Bốn tru xứ là gì? Với quan niệm: "Nếu có đời này hay đời sau, có quả báo của nghiệp

thiện và ác, khi đã có được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi9 ta thọ trì đầy đủ thì sau khi qua đời chắc chắn sanh vào các cõi lành, cho đến sanh lên các cõi trời/9 Như vậy, thưa Cù-đàm! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được trú xứ an ổn thứ nhất. Lại nữa, thưa Cù-đàm! Với quan niệm: “Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác5 ngay trong đời này, không phải vì điêu này mà ta bị người khác chê bai. Vì chỉ có những điêu mà bậc chánh trí ngợi khen thì người tinh tấn, người có chánh kiến cũng khẳng định nó tồn tại." Như vậy, thưa Cù-đàm! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại? đó gọi là đạt được trú xứ an on thứ hai. Lại nữa, thưa Cù-đàm! Với quan niệm: "Nếu có tạo tác thì nhất định ta không làm ác. Vì sao như vậy? Vì chính mình không làm ác thì khổ do đâu sanh ra?" Như vậy5 thưa Cù-đàm! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại5 đó gọi là đạt được tru xứ an on thứ ba. Lại nữa, thưa Cù-đàm! Với quan niệm: "Nếu có tạo tác thì nhất định ta không làm ác, ta không xâm hại thế gian, dù đó là kẻ sợ hãi hay không sợ hãi5 thường nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không não hại chúng sanh, tâm không vẩn đục mà hân hoan vui thífh." Như vậy, thưa Cù-đàm! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được trú xứ an ổn thứ tư. Như vậy, thưa Cù-đàm! Vị Thánh đệ tử đa văn với tâm không gây thù chuốc . oán, không sân hận não hại, đó gọi là đạt được bôn trú xứ an ôn. Thưa Cù-đàm! Chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Chúng con đã hiểu. Bạch đức Thế Tôn! Chúng con nguyện trọn đời quy y Phật, quy y Pháp và đại chúng Tỳ-kheo, cúi xin đức Thế Tôn chấp nhận cho chúng con làm ưu-bà-tắc. Ke từ nay, chúng con xin quy y trọn đời, cho đến khi lâm chung! [0439c20] Đức Phật dạy như vậy, tất cả những người Già-lam và các Tỳ- kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

17. KINH GIÀ-DI-NI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Na-lan-đà512 ngụ trong rừng xoài, thuộc thôn Tường.34 Bấy giờ, vị trời A-tư-la có người con tên là Già-di-ni,4 sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ. Lúc trời gàn sáng, ông đi đến chỗ Phật, cúi lạy chân Ngài rồi ngoi sang một bên. Già-di-ni, con của vị trời A-tư-la, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những Phạm chí tự cao/ phụng thờ nhiều vị trời. Họ bảo rằng, nếu có chúng sanh nào qua đời thì họ có thể làm cho người đó tự tại qua lại các cõi lành, sanh lên cõi trời. Đức Thế Tôn là đấng Pháp Chủ, mong Ngài làm cho chúng sanh sau khi qua đời được đến các cõi lành, sanh lên cõi trời. [0440a02] Đức Phật dạy: Này Già-di-ni! Nay Ta hỏi, ông hãy tùy theo sự hiểu biết của mình mà trả lời. Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu trong thôn ấp có những người nam hay người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành các pháp xấu ác5 gây tạo đủ mười loại nghiệp bất thiện như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối5... (cho đến) tà kiến; sau khi những người ấy qua đời, nếu có một số người đến chắp tay hướng ve họ mà khẩn thiết cau xin, nói lời như vầy: “Những người nam hay người nữ kia, biếng nhác không siêng năng, lại thực hành các pháp xấu ác, gây tạo đủ mười loại nghiệp bất thiện như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến; nhân điều này, duyên điều này nên sau khi qua đời, các vị nhất đinh được đen các cõi lành, được sanh lên cõi trời/5 Như vậy, này Già-di-ni! Những người nam hay người nữ biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành các pháp xấu ác, gây

tạo đủ mười loại nghiệp bất thiện như : • Jr e r : sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dôi,... (cho đên) tà kiên kia, lẽ nào vì được

1 Nguyên tác: Già-di-ni kinh (roi. 0026.17. 0439c23). Tham chiếu: s. 42.6 -IV. 311. 2 Na-nan-đà viên (IP).Bản Tống, Nguyên, Minh ghi Na-nan-đà quốc (Nālandā). 3 Tường thôn Nại Lâm (Pāvārika ambavana). Pāvārika là tên của triệu phú đã cúng dường vườn xoài; vườn này được gọi là Pāvārika ambavana. 4 Nguyên tác: A-tư-la thiên hữu tử danh Già-di-ni ().s. 42.6 - IV. 311: Asibandhakaputta Gāmani (thôn trưởng Asibandhakaputta). 5 Phạm chí tự cao ()chỉ cho vị Phạm chí kiêu ngạo, ngã mạn. Theo s. 7.15 - L 381: Có một vị Bà-la-môn với tính tình kiêu mạn, nên được gọi là Kiêu Mạn Bà-la-môn (Mãnatthaddho Brāhmano). Trong khi đó, ở s. 42.6 - IV. 311 chỉ ghi là Brāhmanā pacchābhūmakā (những người Bà-la-môn ở phương Tây).

một Số người đến chắp tay hướng về họ mà khẩn thiết cầu xin, nhân điều này, duyên điều này mà sau khi qua đời, những người kia lại được đến các cõi lành, được sanh lên cõi trời chăng? Già-di-ni thưa: -Không thể được, bạch đức Thế Tôn! Đức Phật khen ngợi: -Đúng thế, này Già-di-ni! Vì sao như thế? Những người nam hay người nữ biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành các pháp xấu ác, gây tạo đủ mười loại nghiệp bất thiện như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiên kia, nêu được một sô người đên chăp tay hướng vê họ mà khân thiêt câu xin; nhân điều này, duyên điều này mà sau khi qua đời, những người ấy lại được đến các cõi lành, được sanh lên cõi trời thì việc này không bao giờ xảy ra. Này Già-di-ni! Ví như cách thôn không xa có vực nước sâu, có người ôm một tảng đá lớn và nặng roi ném vào trong nước. Nêu có một sô người đên chăp tay hướng về tảng đá mà khẩn thiết cầu xin, nói lời như vầy: "Mong tảng đá noi lOn." Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng đó lẽ nào vì được một số người chắp tay hướng về tảng đá khẩn thiết cầu xin thì nhân việc này, duyên việc này mà tảng đá sẽ nổi lên chăng? Già-di-ni thưa: -Không thể được, bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, này Già-di-ni! Những người nam hay người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành các pháp xấu ác, gây tạo đủ mười loại nghiệp bất thiện như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối?... (cho đến) tà kiến kia, nếu được một số người đến chắp tay hướng về họ mà khẩn thiết cầu xin; nhân điều này, duyên điều này mà sau khi qua dời, những người ấy được đến các cõi lành, được sanh lên cõi trời thì điêu này không thê xảy ra. Vì sao như vậy? Bởi vì mười loại nghiệp bát thiện này vôn tôi tăm và có quả báo tôi tăm, đương nhiên đi thẳng xuống, nhất đinh đưa họ đen các cõi ác. [0440b02] Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu trong thôn ấp có người nam hay người nữ tinh tan siêng tu, lại thực hành các pháp cao dẹp, thành tựu mười nghiệp lành như xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối,... (cho đến) xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, đạt được chánh kiến. Sau khi người ấy qua đời, nếu có một số người đến, chắp tay hướng vê họ mà khân thiêt câu xin, nói lời như vây: “Này những người nam hay người nữ kia, các vị đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành các pháp cao đẹp, thành tựu mười nghiệp lành như xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối,... (cho đến) xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, đạt được

chánh kiến. Các người nhân việc này, duyên việc này mà sau khi qua đời9 hãy đi đến các cõi ác hay bị đọa vào địa ngúc." Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ

thế nào? Những người nam hay người nữ tinh tấn siêng tu, lại thực hành các pháp cao đẹp, thành tựu mười nghiệp lành như xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối,... (cho đến) xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, đạt được chánh kiến kia, lẽ nào vì bị một số người đến chắp tay hướng về họ khẩn thiết cầu xin; nhân việc này, duyên việc này mà sau khi qua đời, những người kia phải đi đến các cõi ác hay bi đọa vào địa ngục chăng? Già-di-ni thưa: -Không thể được, bạch đức Thế Tôn! Đức Phật khen ngợi: -Đúng thế, Già-di-ni. Vì sao như vậy? Này Già-di-ni! Những người nam hay người nữ đó tinh tấn siêng tu, lại thực hành các pháp cao đẹp, thành tựu mười nghiệp lành như xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dôi,... (cho đên) xa lìa tà kiên, đoạn trừ tà kiên, đạt được chánh kiến, nếu vì một số người chắp tay hướng về họ mà khẩn thiết cầu xin; nhân việc này, duyên việc này mà sau khi qua đời, họ phải đi đến các cõi ác hay bi đọa vào địa ngục thì điều này không bao giờ xảy ra. Vì sao như vậy? Này Già-di-ni! Bởi vì mười nghiệp lành này vốn trắng sạch và có quả báo trắng sạch, đương nhiên hướng lên trên, nhất định đưa đen các cõi lành. Này Già-di-ni! Ví như cách thôn không xa có vực nước sâu5 có người ném hũ dầu bơ vào trong nước, hũ sành bị vỡ, mảnh sành chìm xuống dưới còn dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, này Già-di-ni! Những người nam hay người nữ đó tinh tấn siêng tu, lại thực hành các pháp cao đẹp, thành tựu mười nghiệp lành như xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, không tà dâm, không nói doi,... (cho đến) xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, đạt được chánh kiến. Sau khi họ qua đời, thân thể vốn là sắc thô nặng, thuộc về bốn dại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn băng cơm áo, nâng đỡ khi ngôi năm, chăm sóc băng xoa bóp, tăm gội, là pháp tan hoại, là pháp diệt tận, là pháp phải lìa tan. Thân mạng ấy sau khi chết đi5 hoặc bị chim quạ rỉa mổ5 hoặc bị hùm sói cắn xé, hoặc bị thiêu đốt, hoặc bị vùi chôn, tất cả trở thành cát bụi; nhưng tâm, ý và thức của người đó thường được huân tập bởi tín tâm, bởi tinh tấn, nghe nhiều, bố thí và trí tuệ; nhân việc này, duyên việc này mà người ấy đương nhiên hướng lên trên, sanh vào các cõi lành. Này Già-di-ni! Đối với việc sát sanh, người ấy đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, đó là con đường an vui,6 con đường thăng tiến, con đường dẫn đen các cõi lành. Này Già-di-ni! Cũng vậy, đối với việc trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến, người ấy đã xa lìa tà kiến, đạt được chánh kiến, đó là con đường an vui, con đường thăng tiến, con đường dẫn đến các cõi lành.

6 Viên quán chi đạo ().Viên quán (uyyãnà)\ Vườn hoa, cũng có nghĩa là nơi vui chơi an ổn.

Này Già-di-ni! Lại có con đường an vui, con đường thăng tiên, con đường dẫn đến các cõi lành. Thế nào là lại có con đường an vui, con đường thăng tiến, con đường dẫn đen các cõi lành? Đó là Thánh đạo tám chi từ chánh kiến,... (cho đến) chánh đinh, đó là tám.

Này Già-di-ni! Đó là con đường an vui, con đường thăng tiến, con đường dẫn đến các cõi lành. [0440c 12] Đức Phật dạy như vậy, Già-di-ni và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

7 Bản Hán, hết quyển 3.

18. KINH Sư TỬ1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Tỳ-xá-ly5 ngụ tại giảng đường Trùng Các,2 bên ao Di Hầu.123 J Bấy giờ, số đông những người thuộc bộ tộc Ly-xa4 ở Tỳ-xá-ly nhóm họp ở giảng đường, một số ngợi khen Phật, một số ngợi khen Pháp và chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, đệ tử Ni-kiền là đại thần Sư Tử5 cũng ở trong chúng đó. Bấy giờ, trước khi đến thăm hỏi đức Phật để cúng dường lễ bái, đại thần Sư Tử đi đến các vị Ni-kiền và thưa: Thưa quý ngài! Tôi muốn đến thăm hỏi Sa-môn Cù-đàm. Lúc ấy, các Ni-kiền quở Sư Tử: Ông chớ đến thăm Sa-môn Cù-đàm! Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù- đàm có tông chỉ "không nên lam"6 và cũng giảng "pháp không nên lAm" đó cho người khác. Này Sư Tử! Nếu thăm hỏi người có tông chỉ "không nên làm,, sẽ không được may man và cúng dường, lễ bái người đó cũng sẽ không được may mắn.

1 Quyển 4. Nguyên tác: Sư Tử kinh roi. 0026.18. 0440c22. Tham chiếu: A. 8.12 - IV. 179; VII. 31.10-11. 2 Cao Lâu đài quán ,Kūtāgārasālā còn gọi là Trùng Các giảng đường . 3 Di Hầu thủy biên SItên riêng của một hồ nước. Hồ này bên cạnh vườn nư cư sĩ Am-la ợ thành Tỳ-xá-ĩy thuộc Trung An. Theo Đại Đường Tây Vức kỷ T.51.2087.7. 0908b! 7, hồ này do đàn khỉ đào đe cúng Phật, ở đây còn có giảng đường Trùng Các. 4 Nguyên tác: Lệ-xế ,Licchavī, còn được viết là Ly-xa hoặc Lê-xa . 5 Sư Tử đại thần ,"Su Tử" là dịch nghĩa của Sīha. Theo A. 8.12 - IV. 179: Tướng quân Sīha. Tứ phần luật L22. 1428.42. 871bl0: Tư-ha tướng quân . 6 Bất khả tác tức là Vô tác luận ,Akiñyavāda. Đây là chủ thuyết của Phú-lan-na Ca- diếp Pūrana Kassapa, cho rằng mọi hành vi tội lỗi không dẫn đến nghiệp báo. Tham chiếu: Sa-môn qua kinh /ròi. 000127. 0108a23-b05: “Bại vương! Nếu tự minh làm hoặc bảo người làm như đâm, chém, giết hại, nau, nướng, cắt, xẻ, quay phá chúng sanh, khiến cho chúng sanh đau buồn, than khóc; hoặc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, noi dối, trèo tương trộm cắp, phóng hoa thiêu đốt, chăn đường cưỡng đoạt, này Đại vương, nếu làm những việc như the thì chưa phải là ác. Đại vương! Nêu dùng kiếm ben loe thịt tất cả chúng sanh rồi chất thàĩih đống đầy khập thế gian, hành động như vậy không phải là ác, cũng không có tội báo. Nếu đến bờ phía Nam sông Hằng lóc thít tất cả chúng sanh thì cũng không có quả báo xấu ác. Hoặc có người đến phìa Bắc sông Hang mơ hội bố thí lớn, bố thí cho tất cả chúng sanh, khiến cho họ hưởng lợi lạc như nhau thì cũng khòng co phước báo gì ca.^ ở đây, đe tạo nên sự tương đồng trong nhận thức cua Tướng quân Sīha, đưc Phật đã thuận thứ hướng dẫn ràng, Ngài cũng có pháp ùđoạn diệt,, như thế và đã đưa ra một định nghĩa mới về pháp đoạn diệt ơ đoạn kinh sau. Các pháp tiep theo nhứ khinh ghét, pháp luật, kho hạnh... cũng được đức Phật giới thiệu theo phương cách này.

[0441a03] số đông những người bộ tộc Ly-xa ở Tỳ-xá-ly kia nhóm họp lần thứ hai, rồi lần thứ ba nơi giảng đường, một sô ngợi khen Phật, một sô ngợi khen Pháp và chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, đệ tử Ni-kiền là đại thần Sư Tử cũng lần thứ hai, rồi lần thứ ba ở trong chúng đó. Bấy giờ, đại thần Sư Tử cũng lần thứ hai, rồi lần thứ ba muốn đến thăm hỏi đức Phật để cúng dường lễ bái. Rồi đại thần Sư Tử không cáo từ các Ni-kiền nữa mà đi thẳng đến chỗ đức Phật, cùng chào hỏi xong, roi ngoi sang một bên và thưa: -Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ "không nên làm" và cũng giảng "pháp không nên làm,, đó cho người khác. Thưa Cù-đàm! Nêu có người nói như vầy: "Sa-m6n Cù-đàm có tông chỉ 'không nên làm9 và cũng giảng 'pháp không nên làm' đó cho người khác" thi người đó không hủy báng Sa-mồn Cù- đàm chăng? Người ấy có nói đúng sự thật chăng? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ấy nói pháp như pháp chăng? Đoi với như pháp, người ấy không có sai lầm và không bị chất vấn chăng? Đức Phật bảo: Này Sư Tử! Nếu có ai nói như vầy: "Sa-m6n Cù-đàm có tông chỉ 'không nên lm' và cũng giảng 'pháp không nên làm' đó cho người khác" thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm5 người ấy nói sự thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói như pháp, đối với pháp không có sai lầm, cũng không bị chất vấn. Vì sao như vậy? Này Sư Tử! Có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'không nên lam9 và cũng giảng 'pháp không nên làm' đó cho người khác.,, Này Sư Tử! Lại có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thê hủy báng răng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'nên làm' và cũng giảng 'pháp nên làm' đó cho người khác." Này Sư Tử! Lại có một việc nữa mà nhân việc đó5 đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'đoạn diệf78và cũng giảng 'pháp đoạn diet' đó cho người khác.” Này Sư Tử! Có một việc khác mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'nên khinh ghét98 và cũng giảng 'pháp nên khinh ghéf đó cho người khác.,,

7 Đoạn diệt .Tham chiếuy. 8.12 -JV. 179: Ucchedavādā, tức Eoạn kiến luận, chủ thuyết này do Ajita Kesąkambaíi chủ trương. Tham chiếu: Sa-môn quả kinh 7.01. ooó 1.27. 0108b26-c01: Con người vôn do 4 đại hợp thành, đên lúc mạng chung thì đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở vê lửa, gió trở vê gió, tát cả đêu phải tan rã, các căn phải trở vê hư không. Khi con người lâm chung, người ta khiêng, tử thi bỏ ngoài bai tha ma, thiêu cháy xương cốt thành màu như chim bo câu, hoặc biên thành tro đát, bát luận kẻ ngu hay người trí, đến lúc mạng chung cũng đều bị tan rã, là pháp đoạn diệt. 8 Khả 6 ,jegucchĩ.

18. KINH SU TỬ 99

Này Sư Tử! Lại có một việc khác mà nhân việc đó5 đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ Tháp và Luật99 và cũng giảng 'pháp về Pháp và Luậf đó cho người khác.” Này Sư Tử! Lại có một việc khác nữa mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-m6n Cù-đàm có tông chỉ 'khổ hạnh910 và cũng giảng 'pháp khổ hạnh9 đó cho người khác." Này Sư Tử! Lại có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'không vào thai911 và cũng giảng 'pháp không vào thai5 đó cho

người khác." Này Sư Tử! Lại có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không the hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'an ổn912 và cũng giảng 'pháp an ổn9 đó cho người khác." [0441b05] Này Sư Tử! Thế nào là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'không nên lam9 và cũng giảng 'pháp không nên làm' đó cho người khác?" Này Sư Tử! Ta nói tất cả hành vi xấu ác của thân là không nên làm, tất cả hành vi xấu ác của miệng và ý cũng không nên làm. Này Sư Tử! Nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đây là cội gốc của sự hiện hữu trong tương lai, là nhân của quả báo khổ não, nóng bức và của sanh-già-bệnh-chết. Này Sư Tử! Ta nói tất cả pháp ấy đều không nên làm. Này Sư Tử! Đó là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'không nên làm' và cũng giảng 'pháp không nên làm9 đó cho người khác." Này Sư Tử, thế nào là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'nên làmvà cũng giảng 'pháp nên làm' đó cho người khác?" Này Sư Tử! Ta nói những hành vi cao đẹp của thân là nên làm, những hành vi cao đẹp của miệng và ý cũng nên làm. Này Sư Tử! Nếu có vô lượng pháp lành tương tự như vậy thì chúng sẽ đem lại quả an lạc, quả báo an lạc, được sanh vê các cõi lành và được sông lâu. Này Sư Tử! Ta nói tất cả những pháp này đều nên làm. Này Sư Tử! Đó gọi là có một việc khác mà nhân việc đó, đôi với pháp như thật, không thê hủy báng răng: "Sa-m6n Cù- đàm có tông chỉ 'nên làm' và cũng giảng 'pháp nên làm' đó cho người khác.” Này Sư Tử! Thế nào là có một việc khác mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'đoạn diệf và cũng giảng 'pháp đoạn diệf đó cho người khác?” Này Sư Tử! Tất cả hành vi xâu ác của thân nên đoạn diệt, tát cả hành vi xâu ác của miệng và ý cũng nên

9 Pháp Dhammā và Luật Vinayo.

10 Khổ hạnh ,tapassī.

11 Bất nhập ư thai apagabbho.

12 An ẩn assāsaka.

đoạn diệt. Này Sư Tử! Nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đó là cội gốc của sự hiện hữu trong tương lai, làm nhân của quả báo khô não, nóng bức và của sanh-già-bệnh-chết. Này Sư Tử! Ta nói tất cả pháp đó nên đoạn diệt. Này Sư Tử! Đó gọi là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'đoạn diệt9 và cũng giảng 'pháp đoạn diệt9 đó cho người khác." Này Sư Tử! Thế nào là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'đáng khinh ghét9 và cũng giảng 'pháp đáng khinh ghét9 đó cho người khác?,, Này Sư Tử! Ta nói tất cả hành vi xấu ác của thân đáng khinh ghét, tất cả hành vi xấu ác của miệng và ý cũng đáng khinh ghét. Này Sư Tử! Nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đó là cội gốc cho sự hiện hữu trong tương lai, làm nhân của quả báo khô não, nóng bức và của sanh-già-bệnh-chêt. Này Sư Tử! Những pháp ây Ta nói đều đáng khinh ghét. Này Sư Tử!

Đó gọi là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'đáng khinh ghét9 và cũng giảng 'pháp đáng khinh ghét9 đó cho người khac." [0441c06] Này Sư Tử! Thế nào là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-m6n Cù-đàm có tông chỉ 'Pháp và Luật9 và cũng giảng 'pháp về Pháp và Luật đó cho người khac?99 Này Sư Tử! Vì muốn dứt tham, đoạn dâm mà Ta nói Pháp và Luật, vì muốn đoạn sân hận và ngu si mà Ta nói Pháp và Luật. Này Sư Tử! Nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đó là cội gốc của sự hiện hữu trong tương lai, là nhân của quả báo khổ não, nóng bức và của sanh-già-bệnh-chết. Này Sư Tử! Vì muốn đoạn trừ những điều ấy mà Ta nói Pháp và Luật. Này Sư Tử! Đó là CÓ một việc mà nhân việc đó, đôi với pháp như thật, không thê hủy báng răng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ Tháp và Luật9 và cũng giảng 'pháp về Pháp và Luật đó cho người khác.,, Này Sư Tử! Thế nào là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'khổ hạnh' và cũng giảng 'pháp khổ hạnhđó cho người khác?,^ Này Sư Tử! Hoặc có Sa-môn hay Phạm chí lõa the, không mặc y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bang gáo; không ăn thức ăn xóc xỉa bằng dao, gậy; không ăn thức ăn lừa dối, không tự đến,13 không đến bởi lời nhắn,14 không đến bởi lời mời,15 không đến bởi lời chào đón/6 không ở lại dù được mời.17 Nếu có hai

13 Bất tự vãng Không nhận được sự mời thỉnh nên không đi. 14 Bất di tín Thí chủ sai người gởi thư mời nhưng vẫn không đi. 15 Bất lai tôn ,thể phủ định của 4tlai thử"một trong 3 cách mời của thí chủ: Tai thử", "thiện tai", "trụ thử." Lai thử !:Xin mời đến đây, Tôn giả! 16 Bất thiện tôn .Tham chiếu: Thiện tai, Tôn giả :Lành thay! Tôn giả. 17 Bất trụ tôn .Tham chiếu: Trụ thử, Tôn giả !:Hãy ở lại đây! Tôn giả.

người đang ăn thì không ngồi ăn giữa hai người; không ăn tại nhà có người mang thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống rượu ngâm,18 hoặc không uống gì cả, hoặc học theo hạnh không uống; hoặc ăn một miếng và cho một miêng là đủ; hoặc ăn hai, ba, bôn5... cho đên bảy miêng và cho bảy miêng là đủ; hoặc ăn trong một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ; hoặc ăn hai, ba, bon,... cho đen bảy lan nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ; hoặc ngày ăn một lần và cho một lần ăn là đủ; hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lân và cho răng ăn một lân là đủ; hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn lúa gạo dùng để cúng tế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la,19 hoặc ăn thức ăn thô, hoặc đến nơi nhàn vắng, nương nơi nhàn vắng; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn trái tự rụng xuống; hoặc mặc áo khâu đủ loại vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo bằng vải thô chưa nhuộm màu,20 hoặc \ \

mặc áo vải thô băng lông chưa nhuộm màu; hoặc mặc băng da chưa thuộc, hoặc mặc da có xuyên lỗ, hoặc mặc da xuyên nhiều lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để

tóc vừa xõa vừa bện; hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc; hoặc chỉ nho tóc, hoặc chỉ nho râu, hoặc nho cả râu tóc; hoặc chỉ đứng thẳng mà không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm; hoặc nằm trên gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm trên trái, lấy trái làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Đại Tự Tại21 và chắp tay hướng về những thứ tôn thờ. Cứ mãi như vậy nên họ phải chịu vô lượng kho nhọc đe học hạnh não phiền lao kho. Này Sư Tử! Có những khổ hạnh như vậy, chứ Ta không nói là không co. Này Sư Tử! Tuy nhiên, những khổ hạnh như vậy là những nghiệp thấp hèn, rất lao nhọc quẫn bách, là những việc làm của hàng phàm phu, không phải Thánh đạo. Này Sư Tử! Đối với các pháp khổ hạnh xấu ác ấy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào biết đoạn diệt sạch, nhổ sạch tất cả gốc rễ của nó cho đến rốt cùng, không cho sanh nữa; Ta nói rang người nào làm được như the mới gọi là khổ hạnh. Này Sư Tử! Đối với các pháp khổ hạnh xấu ác ấy, bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã biết đoạn diệt sạch, nhổ sạch tất cả gốc rễ của nó cho đến rốt cùng, không cho sanh nữa. Do đó5 Ta là người kho hạnh. Này Sư Tử! Đó gọi là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'khổ hạnhvà cũng giảng 'pháp kho hạnhđó cho người khác.,^ [0442al9] Này Sư Tử! Thế nào là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-m6n Cù-đàm có tông chỉ 'không vào

18 ố thuỷ ,thusodakày. Rượu ngâm thuốc.

19 Đầu-đầu-la dadduỉà.

20 Đầu-xá y Edussà\ Vải thô chưa nhuộm màu.

21 Nguyên tác: Tôn Hựu Đại Đức .

thai9 và cũng giảng 'pháp không vào thai9 đó cho người khác?^, Này Sư Tử! Đối với sự thai sanh trong tương lai, nêu có Sa-môn hay Phạm chí biêt đoạn diệt sạch, nhổ sạch tất cả gốc rễ của nó cho đến rốt cùng, không cho sanh nữa; Ta nói rằng, người đó không còn vào thai. Này Sử Tử! Đối với thai sanh trong tương lai, bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã biết đoạn diệt sạch, nhổ sạch tất cả gốc rễ của nó cho đến rốt cùng, không cho sanh nữa. Do đó5 Ta không còn vào thai nữa. Này Sư Tử! Đó gọi là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'không vào thai' và cũng giảng 'pháp không vào thai' đó cho người khác." Này Sư Tử! Thế nào là có một việc mà nhân việc đó, đối với pháp như thật, không thê hủy báng răng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ 'an 6n' và cũng giảng 'pháp an 8n' đó cho người khác?" Này Sư Tử! Sở dĩ người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh Vô thượng, ngay trong đời này tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an tru, biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Ta tự an ổn và cũng an ổn cho các Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu- bà-tắc và ưu-bà-di khác. Ta đã an ổn cho họ, làm cho những chúng sanh bị hệ luỵ trong sự sanh được giải thoát khỏi sự sanh; chúng sanh bị

hệ luỵ trong già, bệnh, chết, buồn sau, nhiễm ô9 được giải thoát khỏi sự phiền muộn, nhiễm ô ấy. Này Sư Tử! Đó gọi là có một việc mà nhân việc đó đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-m6n Cù-đàm có tông chỉ 'an ổn9 và cũng giảng 'pháp an ổn9 đó cho người khac?9 [0442b 10] Đại thần Sư Tử bạch Phật: -Bạch Cù-đàm! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Bạch Cù-đàm! Như người có mát sáng, như dựng lại những gì đã ngã, như mở ra những gì bị đóng kín, như người mê được khai ngộ, như nhà tối gặp ánh sáng, để những ai có mắt liền thấy sắc, Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, dùng vô lượng phương tiện đe thuyết pháp cho con, bày rõ nghĩa lý tùy theo các phương pháp hành trì. Bạch Thế Tôn! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ- kheo, cúi xin Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc. Kê từ nay, con xin trọn đời quy y cho đến khi lâm chung! Bạch Thế Tôn! Ví rthư có người nuôi con ngựa chưa thuần phục mà mong được sự lợi ích thì chỉ uổng công tốn sức mà chẳng được lợi ích gì cả. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy, các Ni-kiền ngu si kia không khéo thông hiểu, không thê biêt mình; con không nhận biêt được đâu là ruộng tót, lại không tự suy xét, cứ mải mê thờ kính cúng dường, lễ bái phụng sự để mong được lợi ích, chung cuộc cũng chỉ kho nhọc hoài công vô ích. Bạch Thế Tôn! Nay con lần nữa xin quy y Phật, xin quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ nay, con xin trọn đời quy y cho đến khi lâm chung!

_____ 18. KINH SU TỬ 103

Bạch Thế Tôn! Con vốn không hiểu biết nên đặt niềm tin và sự cung kính với các Ni-kiền ngu si kia, từ nay xin chấm dứt. Vì sao như vậy? Vì họ đã lừa dối con. Bạch Thế Tôn! Nay con lần thứ ba xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y J _ r___ / 2. .

chúng Tỳ-kheo, cúi mong Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc. Kê từ nay, con xin trọn đời quy y cho đến khi lâm chung! Đức Phật dạy như vậy, đại thần Sư Tử và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

19. KINH NI-KIEN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng họ Thích,12 trú tại Thiên Ấp.3 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Các vị Ni-kiền chủ trương như vầy và nói như vầy: 'Thàm những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo ở đời trước. Nếu như nghiệp cũ này được trừ diệt bởi kho hạnh và không tạo nghiệp mới thì các nghiệp chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì khổ đau sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì vượt thoát khổ dàu." Ta liền đến chỗ các vị ấy, đến rồi liền hỏi: "Này Ni-kiên! Phải chăng các vị đã thật sự chủ trương như vây và nói như vầy: Thàm những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo ở đời trước. Nêu như nghiệp cũ này được trừ diệt bởi khô hạnh và không tạo nghiệp mới thì các nghiệp chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì khổ đau sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì vượt thoát khổ dàu?'" Họ trả lời: "Đúng vậy, thưa Cíi-dàm!" Ta lại hỏi các Ni-kiền: "Các vị tự cho là có trí sáng suốt, vậy có biết rằng: 'Ta đã tồn tại trước đây hay không tồn tại trước đây? Trước đây ta đã làm việc ác hay không làm việc ác? Ta phải làm như thế này thì các khổ mới diệt tận và nếu làm như thế kia thì các khổ không diệt tận? Nếu đã diệt tận thì diệt tận hoàn toàn chưa? Tức là ngay trong đời này có thể diệt trừ các điều bất thiện, thành tựu các pháp lành để rồi tu tập và tác chứng chăng?^,, Họ trả lời: "Không

thể, thưa Ch-dàm!" Ta lại bảo các Ni-kiền kia: "Các vị vốn không có trí sáng suốt để biết rằng: 'Ta đã tồn tại trước đây hay không tồn tại trước đây? Trước đây ta đã làm việc ác hay không làm việc ác?

1 Nguyên tác: Ni-kiền kinh roi. 0026.19. 0442b29. Tham chiếu: M. 101, Devadaha Sutta Kinh Devadahă. 2 Nguyên tác: Thích-ky-sấu Sakkesu, số nhiều của Sakkā, chỉ cho dân chúng họ Thích. 3 Thiên Áp Devadaha, thHrấn tên là Deyadaha, dịch là Thiên Tý thành của người họ Thích, cũng là sanh quán thân mầu của đức Thê Tồn và bà Pajāpati Gotamĩ.

Ta phải làm như thế này thì các khổ mới diệt tận và nếu làm như thế kia thì các khổ không diệt tận? Nếu đã diệt tận thì diệt tận hoàn toàn chưa? Tức là ngay trong đời này có thể diệt trừ các điều bất thiện, thành tựu các pháp lành đe roi tu tập và tác chứng chng?' Nhưng các vị lại nói răng: 'Những gì mà con người cảm thọ đêu do nhân đã tạo đời trước. Nếu như nghiệp cũ được trừ diệt bởi khổ hạnh và không tạo nghiệp mới thì các nghiệp chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì kho đau sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì vượt thoát khổ đau/ Này Ni-kiền! Nếu các vị tự cho là có trí sáng suốt và biết rằng: 'Ta đã ton tại trước đây hay không tồn tại trước đây? Trước đây ta đã làm việc ác hay không làm việc ác? Ta phải làm như thê này thì các khô mới diệt tận và nêu làm như thế kia thì các khổ không diệt tận? Nếu đã diệt tận thì diệt tận hoàn toàn chưa? Tức là ngay trong đời này mà diệt trừ các điêu bát thiện, thành tựu các pháp lành đê roi tu tập và tác chứng9 thì các vi mới có thê nói như vây: 'Những gì mà con người cảm thọ đêu do nhân đã tạo đời trước. Nêu như nghiệp cũ được trừ diệt bởi khô hạnh và không tạo nghiệp mới thì các nghiệp châm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì khổ đau sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì vượt thoát khổ đau.9 Này Ni-kiên! Ví như có người bị trúng mũi tên độc vào thân, vì trúng mũi tên độc nên rất đau đớn. Người ấy được quyến thuộc yêu mến xót thương, muốn đem lại sự lợi ích và an ổn nên lập tức mời y sĩ phẫu thuật4 đến lấy mũi tên. Y sĩ phẫu thuật đến, liền dùng dao bén để mổ vết thương, do vết thương bị mổ nên người ấy cảm thấy rất đau đớn. Sau khi vết thương đã được mổ, y sĩ liền tìm mũi tên, do y sĩ tìm mũi tên nên người ấy lại đau đớn hơn. Tìm được mũi tên rồi5 y sĩ lập tức nhổ ra, do nhổ mũi tên ra nên người ấy lại càng đau đớn hơn nữa. Nhô mũi tên ra roi, y sĩ khâu vét thương lại và băng bó, vì y sĩ băng bó vét thương nên người ây lại đau đớn vô cùng. Sau khi nhô được mũi tên ra, người ấy được khỏe mạnh, không còn đau đớn, các căn không hư hoại, bình phục như cũ. Này Ni-kiền! Người ấy vốn có trí tuệ sáng suốt, liền suy nghĩ như vầy: 'Ta trước kia bi trúng mũi tên độc, vì bị trúng mũi tên độc nên rất đau dơn, các quyến thuộc của ta thấy vậy, yêu mến xót thương, muốn đem lại lợi ích và an lạc cho ta nên liền mời y sĩ phẫu thuật đến lấy mũi tên ra. Y sĩ phẫu thuật đến? liền dùng mũi dao bén mổ vết thương cho ta, vì mổ vết thương nên lúc ấy ta rất đau đớn. Khi mổ vết thương rồi, y sĩ liền tìm mũi tên, khi y sĩ tìm mũi tên thì ta lại đau đớn hơn. Tìm được mũi tên rồi5 y sĩ liền nhổ ra, vì nhổ ra nên lúc ấy ta càng đau đớn hơn nữa. Khi nhổ mũi tên ra rồi, y sĩ khâu vết thương lại và băng bó, vì băng bó nên lúc ấy ta lại đau đớn vô cùng. Sau khi nhổ được

mũi

4 Kim y ().M. loi, Devadaha Sutta {Kinh Devadahă)'. Bhisakko salỉakatto (Y sĩ giải phẫu).

tên ra rồi, ta liền khỏe mạnh, không còn đau đớn, các căn không hư hoại, bình phục như cũ/ [0443al5] Cũng vậy, này Ni-kiền! Nếu các vị tự có trí sáng suốt, vậy có biết rằng: 'Ta đã tồn tại trước đây hay không tồn tại trước đây? Trước đây ta đã làm việc ác hay không làm việc ác? Ta phải làm như thế này thì các khổ mới diệt tận và nếu làm như thế kia thì các khổ không diệt tận? Nếu đã diệt tận thì diệt tận hoàn toàn chưa? Tức là ngay trong đời này mà đoạn trừ các pháp bất thiện và tạo được các pháp lành, tu tập và tác chứng chang?9 Này Ni-kiên! Nêu biêt, các vị mới có thê nói thê này: 'Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo đời trước. Nếu như nghiệp cũ được trừ diệt bởi khổ hạnh và không tạo nghiệp mới thì các nghiệp chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì khổ đau sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì vượt thoát khổ đau.559 Khi Ta hỏi như vậy, nhưng không thấy Ni-kiền nào có thể trả lời Ta rằng: "Thua Cù-đàm! Đúng như vậy hay không đúng như vậy.99 Ta lại hỏi các Ni-kiền: "Nếu các vị có sự tinh cần bậc nhất, có sự khổ hạnh bậc nhất thì lúc ấy, các vị có sanh khởi sự khổ bậc nhất chang?95 Họ trả lời: "Đúng vậy, thưa Cù-đàm!55 "Nếu các vị có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hạnh bậc trung thì lúc ấy, các vị có sanh khởi sự kho bậc trung chng?" Họ trả lời: "Dúng như vậy, thưa Cù-đàm!,, "Nếu các vị có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hạnh bậc hạ thì lúc ấy, các vi có sanh khởi sự khổ bậc hạ chng?" Họ trả lời: "Đúng như vậy, thưa Cù-đàm!^, "Vậy thì, khi các vị có sự tinh cần bậc nhất và khổ hạnh bậc nhất thì lúc ấy, các vị sanh khởi sự khô bậc nhát. Khi có sự tinh cân bậc trung và khô hạnh bậc . 9 . A 7

trung thì các vi sanh khởi sự khô bậc trung. Khi có sự tinh cân bậc hạ và khô hạnh bậc hạ thì các vị sanh khởi sự khổ bậc hạ. Nếu cho rang, các vị có sự tinh cần bậc nhất và khổ hạnh bậc nhất thì lúc ấy, các vị chấm dứt các nỗi khổ bậc nhất. Có sự tinh cần bậc trung và khổ hạnh bậc trung thì lúc ấy5 các vị chấm dứt các nỗi khổ bậc trung. Có sự tinh cần bậc hạ và khổ hạnh bậc hạ thì lúc ấy, các vi chấm dứt nỗi khổ bậc hạ. Nếu làm như vậy, hay không làm như vậy mà chấm dứt được những nỗi thống khổ cùng cực thì nên biết, các vị ngay trong đời này5

5 Nguyên tác: Đoạn .

đã tạo khổ đau. Nhưng các vi bị sự mê mờ che lấp, do bị sự mê mờ trói buộc, nên quan niệm thế này: 'Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo đời trước. Nếu như nghiệp cũ được trừ diệt bởi khổ hạnh và không tạo nghiệp mới thì các nghiệp chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì khổ đau sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì vượt thoát khổ dàu."' Ta hỏi như vậy, nhưng không thây có vị Ni-kiên nào có thê trả lời Ta răng: "Thua Cù-đàm, đúng như vậy hay không đúng như vay." [0443bl2] Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền: "Các vị Ni-kiên! Nêu có nghiệp quả an vui thì nghiệp ây có thê nào do

sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo kho đau chng?" Họ trả lời: "Không thể có, thưa Cù-đàm!,, "Này các Ni-kiền! Nếu có nghiệp báo khổ đau thì nghiệp ấy có thể nào do sự tinh cần và do sự kho hạnh mà chuyển thành nghiệp quả an vui chăng?^, Họ trả lời: "Không thể có, thưa Cíi-dam!" “Này các vị Ni-kiên! Nêu có nghiệp báo trong đời hiện tại thì nghiệp ây có thê nào do sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời sau chng?" Họ trả lời: "Không thể có, thưa Cù-đàm!,^ "Này các Ni-kiền! Nếu có nghiệp báo đời sau thì nghiệp ấy có thể nào do sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời hiện tại chăng?,^ Họ trả lời: "Không thể có? thưa Cù-đàm!,^ "Này các Ni-kiên! Nêu có nghiệp báo chưa chín muôi, nghiệp ây có thê nào do sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà trở thành quả báo chín muồi chng?” Họ trả lời: "Không thể có, thưa Cù-Đàm!,^ "Này các Ni-kiền! Nêu có nghiệp báo chín muồi ngay thì nghiệp ấy có thể nào do sự tinh can và do sự khổ hạnh mà chuyển đổi cho khác đi chăng?,, Họ trả lời: "Không thể có, thưa Cù-đàm!,, "Này các Ni-kiền! Như vậy, với nghiệp quả an vui thì nghiệp ấy không thể do sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo khổ đau được. Này các Ni-kiền! Với nghiệp báo khổ đau thì nghiệp ấy không thể do sự tinh cần hay do sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo an vui được. Này các Ni-kiền! Với nghiệp báo trong đời hiện tại thì nghiệp ấy không thể nào do sự tinh cần

và do Sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời sau được. Này các Ni-kiền! Với nghiệp báo đời sau thì nghiệp ấy không thể nào do sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời hiện tại được. Này các Ni-kiền! Với nghiệp chưa chín muồi thì nghiệp ấy không thể nào do sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín muồi. Này các Ni-kiền! Với nghiệp báo chín muồi thì nghiệp ấy không thể nào do sự tinh cần và do sự khổ hạnh mà chuyển đoi thành khác đi được. Vì thế, này các Ni-kiền! Sự nỗ lực của các vị là hư vọng, sự tinh cần ấy là vô nghĩa, chẳng đạt được gì cả." [0443c04] Các vị Ni-kiền ấy liền trả lời Ta rằng: "Thua Cù-đàm! Chúng tôi có Tôn sư, tên là Thân Tử Ni-kiền,6 có nói thế này: 'Các Ni-kiền! Nếu trước đây các ông đã tạo nghiệp ác, nghiệp ấy đều có thể do sự khổ hạnh này mà diệt sạch tất cả. Nếu hôm nay kiểm thúc thân, miệng và ý thì nhờ đó sẽ không còn tạo nghiệp ác nữa.9,9 Ta lại hỏi họ: "Các vị tin vào Tôn sư Thân Tử Ni-kiền mà không chút nghi ngờ gì sao?” Họ trả lời: "Thua Cù-đàm! Chúng tôi rất tin vào Tôn sư Thân Tử Ni-kiền, không chút nghi ngờ?9 Ta lại hỏi: "C6 năm loại pháp đem đến hai loại quả báo ngay trong đời này, đó là: Lòng thành tín, sự ưa thích, nghe theo truyên thông, biêt suy tư và thâm sát đê tiếp nhận.67 Này các Ni-kiền! Phải chăng có kẻ tự lừa dối mình khi nói rằng: 'Điều này đáng tin, đáng ưa men, đáng nghe theo, đáng suy gẫm và đáng chiêm nghiệm ky?'" Họ trả lời Ta rằng: "Đúng như vậy, thưa cti-dàm!" Ta lại bảo họ: "Đó là lời hư dối, sao đáng tin, sao đáng ưa muốn, sao đáng nghe theo, sao đáng suy gẫm, sao đáng chiêm nghiệm kỹ? Trong khi người ấy nói lời hư dối 'có lòng thành tín, sự ưa thích, nghe theo truyền thống, biết suy tư và có sự thẩm sát để tiếp nhận.5 Nếu các vị nói như thế thì đối với chánh lý có năm điều đáng trách, đáng chất vấn và đáng khinh ghét. Năm điều ấy là gì?

6 Thân Tử Ni-kiền ,Nigantha Nātaputta, giáo chủ của phái Ni-kiền tử còn gọi là Mahāvirā, sống cùng thời với đức Phật. 7 Tín, lạc, văn, niệm, kiến thiện quán .Tín ,saddhā là niềm tin, lạc , rucī là hoan hỷ, văn anùssavă la lắng nghe, niệm ākārāparivitakka là suy xét, kiến thiện quán dittthinijhānakhantī là khéo tiêp nhận các kiên giải.

Một là? những chúng sanh hiện nay phải nhận chịu sự khổ, vui đều do nhân đã tạo ra trong đời trước, nếu đúng như thế thì các Ni-kiền von đã tạo các nghiệp ác. Vì sao như vậy? Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay các vị phải nhận chịu sự thống khổ cùng cực, đó gọi là điều thứ nhất mà các vị đáng bi khinh ghét. Hai là, chúng sanh sở dĩ nhận chiu sự khổ? vui đều do sự hội họp, nếu đúng như thế thì các Ni-kiền vốn đã hội họp nhiều điều ác. Vì sao như vậy? Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay các vi phải nhận chiu sự thống khổ cùng cực, đó gọi là điều thứ hai mà các vị đáng bi khinh ghét. Ba là, chúng sanh sở dĩ nhận chịu sự khổ, vui đều do sanh mạng đời trước, nếu đúng như thế thì các Ni-kiền von có sanh mạng xấu ác. Vì sao như vậy? Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay các vị phải nhận chịu sự thống kho cùng cực, đó gọi là điều thứ ba mà các vi đáng bị khinh ghét. Bôn là, chúng sanh sở dĩ nhận chịu sự khô, vui đêu do thây biêt, nêu đúng như thế thì các Ni-kiền vốn có thấy biết xấu ác. Vì sao như vậy? Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay các vị phải nhận chịu sự thống khổ cùng cực, đó gọi là điều thứ tư mà các vị đáng bi khinh ghét. Năm là, chúng sanh sở dĩ nhận chịu sự khổ, vui đều vốn do đấng Chủ tể tạo ra, nếu đúng như thế thì các Ni-kiền vốn có một đang Chủ te hung ác. Vì sao như vậy? Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay các vị phải nhận chịu sự thống khổ cùng cực, đó gọi là điều thứ năm mà các vị đáng bi khinh ghét. Do vì các Ni-kiên vôn đã tạo nghiệp ác, tập hợp nhiêu điêu ác5 có sanh mạng đời trước xấu ác, có thấy biết xấu ác, đấng Chủ tể xấu ác và được tạo ra bởi một Chủ tê xâu ác; bởi những lý do đó mà ngày nay các vị phải nhận chịu Sự thông khô cùng cực. Như vậy, nhân những sự việc ây nên các vị là những người đáng bị khinh ghét. [0444a08] Pháp mà Ta tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các vị, dù là Sa-môn? Phạm chí hoặc Thiên, Ma vương, Phạm thiên và những hạng loại khác trên thế gian đều không thể hàng phục được, đều không thể làm cho ô uế và không the che ngự được. Thế nào là Pháp mà Ta tự chứng biết, tự giác ngộ và giảng nói cho các vị9 dù là Sa-môn9 Phạm chí hoặc Thiên, Ma vương, Phạm thiên hoặc những hạng loại khác trên the gian đều không thể hàng phục được, đều không thể làm cho ô uế và không thể chế ngự được? Nếu có vị Tỳ-kheo xả bỏ nghiệp bất thiện của thân để tu nghiệp lành nơi thân, xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý để tu nghiệp lành nơi miệng và ý, vị đó đối với nỗi khổ ở đời vi lai liền tự biết ta không có khổ ở đời vị lai, được sự an lạc đúng như pháp mà không xả bỏ. Vị ây nêu muôn đoạn trừ nguyên nhân của khô nên thực hành tinh cân, hoặc muốn đoạn trừ nguyên nhân của khổ nên buông xả sự tinh cần. Vị ấy nếu muốn

đoạn trừ nguyên nhân của khổ nên đã thực hành tinh cần, tức là tu tập về sự thực hành tinh can đó, khi đã thành tựu thì khổ liền chấm dứt. Vị ấy nếu muốn đoạn trừ

nguyên nhân của khổ nên buông xả sự tinh cần, tức là tu tập về việc buông xả sự tinh cần đó, khi đã thành tựu thì khổ liền chấm dứt. Vi Tỳ-kheo ấy suy nghĩ thế này: 'Tùy theo sự tạo tác, tùy theo việc làm mà pháp bất thiện sanh khởi, còn thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tư mình tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì ta nên tự mình tinh cần khổ hạnh/ Rồi vị ấy tự mình tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì lúc đó, vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa." Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo! Những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh can khổ hạnh thì việc ấy không đúng. Này Tỳ-kheo! Ví như người thợ làm tên, dùng kềm để uốn tên? khi cây tên đã thẳng thì không cần dùng kềm nữa. Vì sao như vậy? Vì việc phải làm trước đó nay đã làm xong, nếu còn dùng kềm nữa thì việc ấy không đúng. Cũng vậy, Tỳ-kheo suy nghĩ như vầy: uTùy theo sự tạo tác, tùy theo việc làm mà pháp bát thiện sanh khởi, còn thiện pháp bị tiêu diệt. Nêu tự mình tinh cân khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì ta phải nên tự mình tinh cần khổ hạnh.^, Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bi tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì bẩy giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao như vậy? Vì những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nêu còn tinh cân khô hạnh thì việc ấy không đúng. Này Tỳ-kheo! Ví như có một người thương nhớ, say đắm và trông ngóng một cô gái, nhưng cô gái ấy lại chuyện trò với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại sống chung với nhau. Vì những lý do đó5 thân tâm người kia có phát sanh khổ não, vô cùng buồn rau không? [0444b05] Tỳ-kheo thưa: -Quả thật như vậy, bạch Thế Tôn! -Vì sao như vậy? Vì người kia thương nhớ, say đắm và trông ngóng cô gái, nhưng cô gái ấy lại chuyện trò với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại sống chung với nhau thì thân tâm người kia làm sao không sanh ra buồn rầu, khổ não? Này Tỳ-kheo! Giả sử người kia suy nghĩ thế này: "Ta quá thương nhớ, trông ngóng cô gái ấy, nhưng người đó lại chuyện trò với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại sống chung với nhau. Nay ta có nên tự đày đọa, giày vò làm đau khổ bản thân mình để dứt trừ sự thương nhớ, say đắm cô gái kia chng?" về sau, người ấy liền tự đày đọa, giày vò làm đau khổ bản thân nên đã dứt trừ sự thương nhớ, say đắm cô gái đó. Giả như cô gái ấy vẫn còn chuyện trò với kẻ khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại sống chung với nhau thì về sau, thân tâm người kia có thể nào vẫn còn sanh khởi khổ não, buồn rầu chăng?

Tỳ-kheo thưa: - Không còn nữa, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì người kia không còn tình cảm, thương nhớ hay say đắm cô gái ấy nữa. Giả như cô gái ấy vẫn còn chuyện trò với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại sông chung với nhau, vì thê mà cho răng thân tâm người kia còn sanh khởi khô não, buôn râu thì điêu này không đúng. Cũng vậy, Tỳ- kheo suy nghĩ như vầy: "Tùy theo sự tạo tác, tùy theo việc làm mà pháp bất thiện sanh khởi, còn thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự mình tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì ta phải nên tự mình tinh cần khổ hạnh.” Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần kho hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì lúc đó, vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao như vậy? Vì những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh

cần khổ hạnh thì việc ấy không đúng. Vị ấy lại nghĩ như vầy: “Nếu có những nguyên nhân để đoạn trừ các khổ não kia, ta đã đoạn trừ rồi, nhưng đối với dục, ta vẫn còn như cũ và chưa đoạn được, nay ta hãy tìm cách đoạn trừ due99, liền tìm cách đoạn dục. Vì để đoạn dục, vị ấy song một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, hoặc dưới bóng cây, hoặc nơi yên tĩnh, hoặc trong hang núi, hoặc chô đát trông, hoặc nơi đông rơm, hoặc ở trong rừng, hoặc bãi tha ma. Vị ây khi đã ở nơi yên ôn, hoặc dưới bóng cây vắng lặng rồi, liền trải tọa cụ ngồi kiết-già, thân tâm ngay thẳng, giữ niệm trước mặt, đoạn trừ tham lam,8 tâm không tranh đoạt, thấy tài sản và vật dụng sinh hoạt của người khác thì không khởi lòng tham lam, muốn giành về mình. Vị ấy đã trừ sạch sự tham cầu trong tâm. Cũng vậy5 đối với sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ, vị ấy đã đoạn trừ sạch, vượt thoát lậu hoặc, không còn do dự đối với các thiện pháp. Vị ấy đã trừ sạch sự nghi hoặc trong tâm. [0444c05] Vị ấy đã đoạn trừ năm thứ ngăn che,9 những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiên tuệ yêu kém, lìa dục, lìa pháp bát thiện xâu ác,... cho đên chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ây đạt được đinh như thật, tâm thanh tịnh, không nhơ uê, không phiên muộn, nhu hòa và khéo an trụ, chứng đắc Tâm bất động, hướng về và chứng ngộ thần thông Lậu tận trí. Vi ấy biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường như thật đưa đến khổ diệt. Vị ây cũng biêt rõ như thật vê phiên não, biêt rõ nguyên nhân của phiên não, biêt rõ sự diệt tận của phiên não và biêt rõ con đường như thật đưa đến sự diệt tận phiền não. Vị ấy biết như vậy, hiểu rõ như vậy thì tâm giải thoát khỏi Dục lậu, tâm giải thoát khỏi Hữu lậu và tâm giải thoát khỏi Vô minh lậu. Khi đã giải thoát rồi, liền biết là giải thoát, vi ấy biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt,

8 Nguyên tác: Tham tứ .Xem chú thích 2, kinh số 15, tr. 84. 9 Ngũ cái ,pañca nīvarana'. Tham dục ,kāmarāga, sân khuê vyãpãdà, thụy miên thinamiddhā, trạo cử uddhaccă và nghi vicikicchā. '

Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Với tâm giải thoát hoàn toàn như vậy, nên Như Lai được năm điều khen ngợi như pháp, không tranh cãi, đáng mến, đáng kính. Năm điều ấy là những gì? Những chúng sanh sở dĩ thọ nhận khổ hay vui đều do nhân đã tạo ra ở đời trước. Nếu đúng như vậy thì trước đây Như Lai có tạo nghiệp vi diệu. Bởi do nguyên nhân đó5 nên hôm nay Như Lai có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tĩnh khinh an mà chứng quả an vui giải thoát, đó là điều thứ nhất mà Như Lai được khen ngợi. Lại nữa, chúng sanh sở dĩ thọ nhận sự khổ hay vui đều do nhân nhóm họp. Nếu đúng như vậy thì trước đây Như Lai có sự nhóm họp vi diệu. Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay Như Lai có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tĩnh khinh an mà chứng quả an vui giải thoát, đó là điều thứ hai mà Như Lai được khen ngợi. Lại nữa, chúng sanh sở dĩ thọ nhận sự khổ hay vui đều do sanh mạng đời trước. Nếu đúng như vậy thì trước đây Như Lai có thân mạng vi diệu. Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay Như Lai có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tĩnh khinh an mà chứng quả an vui giải thoát, đó là điều thứ ba mà Như Lai được khen ngợi. Lại nữa, chúng sanh sở dĩ thọ nhận sự khổ hay vui đều do thấy biết. Nếu đúng

như vậy thì trước đây Như Lai có thay biết vi diệu. Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay Như Lai có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tĩnh khinh an mà chứng quả an vui giải thoát, đó là điều thứ tư mà Như Lai được khen ngợi. Lại nữa, chúng sanh sở dĩ thọ nhận khổ hay vui đều do đấng Chủ tể tạo •, . • . 7 • 1 • /K. e • tác. Nêu đúng như vậy thì trước đây Như Lai có Chủ tê vi diệu. Bởi do nguyên nhân đó nên hôm nay Như Lai có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tĩnh khinh an mà chứng quả an vui giải thoát, đó là điều thứ năm mà Như Lai được khen ngợi. Đó là nghiệp vi diệu, sự nhóm họp vi diệu, sanh mạng đời trước vi diệu, thấy biết vi diệu và Chủ tể vi diệu vốn có của Như Lai, đạt được Chủ tể vi diệu tạo tác. Bởi do những nguyên nhân đó nên hôm nay Như Lai có được sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tĩnh khinh an mà chứng quả an vui giải thoát. Do những điều này nên hôm nay Như Lai được năm điều khen ngợi. [0445a05] Có năm nhân duyên khiến cho tâm sanh ra buồn khổ. Năm nhân duyên ấy là gì? Đó là người bị trói buộc bởi dâm dục, do dâm dục trói buộc nên tâm sanh ra buồn khổ. Cũng thế, do bị trói buộc bởi sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi hoặc. Do nghi hoặc trói buộc nên tâm sanh ra buồn khổ. Đó gọi là năm nhân duyên khiến cho tâm sanh ra buồn kho. Có năm nhân duyên để diệt trừ tâm buồn khổ. Năm nhân duyên ấy là gì? Người bị dâm dục trói buộc, do bị dâm dục trói buộc nên tâm sanh ra buồn khổ, trừ được sự trói buộc của dâm dục thì buồn khổ liền bị tiêu diệt. Vì dâm dục

trói buộc nên tâm sanh ra buồn khổ, ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền não, không nóng bức, thường trụ không biến đổi, đó là điều được biết bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh. Cũng thế, người bi sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi hoặc trói buộc, do nghi hoặc trói buộc nên tâm sanh buồn khổ, trừ được sự trói buộc của nghi hoặc rồi thì buồn khổ liền diệt trừ. Vì nghi hoặc trói buộc nên sanh ra buôn khô, ngay trong đời hiện tại mà chứng đác cứu cánh, không phiền não, không nóng bức, thường trụ không biết đổi, là điều được biết bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh. Đó gọi là năm nhân duyên để tâm diệt trừ buồn khổ. Lại nữa, còn có pháp khác ngay trong hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền não, không nóng bức, thường trụ không biến đổi, là điều được biết bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh. Thế nào là còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền não, không nóng bức5 thường trụ không biến đổi, là điều được biết bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định, đó là tám. Đó gọi là còn có pháp khác ngay trong hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền não, không nóng bức, thường trụ không biến đổi, là điều được thấy bởi bậc Thánh, được biết bởi bậc Thánh. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

20. KINH BA-LA-LAO1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo du hóa trong dân chúng Câu- lệ12 rồi đến Bắc thôn,3 ngụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa4 ở phía Bắc của Bắc thôn. Bấy giờ, Ba-la-lao Già-di-ni5 nghe tin Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, từ giã họ Thích xuất gia học đạo, đang du hóa trong dân chúng Câu- lệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đến Bắc thôn, ngụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa ở phía Băc của

Bác thôn. Vi Sa-môn Cù-đàm ây có danh tiêng lớn, truyền khắp mười phương rằng: "Sa-m6n Cù-đàm là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. ở trong thế gian này, giữa Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đên cõi trời, Vị ây tự biêt ngộ, tự thân chứng đác, thành tựu và an trú. Pháp mà Vị áy giảng nói phân đâu thiện, phân giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, đầy đủ cả nghĩa và văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Nếu gặp được đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chanh Giác để kính trọng lễ bái, cúng dường phụng sự thì sẽ mau có được nhiều sự lợi ích cao dẹp." Người đó suy nghĩ: “Ta nên đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, phụng sự, cúng dường." [0445b 10] Nghe như vậy rồi, từ Bắc thon, Ba-la-lao Già-di-ni đi về hướng Bắc đến rừng Thi-nhiếp-hòa, muốn gặp Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Ba-la- lao Già-di-ni từ xa trông thay Phật ngoi giữa khu rừng, đoan chánh rạng ngời như vâng trăng giữa các vì sao, tỏa sáng rực rỡ tựa như núi vàng, tướng tót vẹn toàn, uy nghiêm sừng sững, các căn vang lặng, không bị ngăn che, thành tựu điều phục, tâm tư tĩnh lặng. Từ xa trông thấy đức Phật rồi, Ba-la-lao Già-di-ni đến trước Ngài, cùng chào hỏi rồi ngồi sang một bên và thưa:

1 Nguyên tác: Ba-la-lao kinh roi. 0026.20. 0445a25. Tham chiếu: s. 42.13 - IV. 340.
2 Câu-lệ-sấụ Koliyesu, bộ tộc theo thể chế Cộng hòa, một phần cư ngụ tại Rāmagāma trên bờ sông Hằng và một phần khác tại Devadaha, lãnh thổ cua họ và của dòng họ Sakyā được ngăn chia băng dòng sông Rohĩnĩ. 3 Bắc thôn j,Uttara, một thôn thuộc Koliyã.

4 Thi-nhiếp-hòa lâm Simsapāvana còn gọi là Thân-thứ lâm . 5 Ba-la-lao Già-di-ni Pātaliya gāminī, thôn trưởng Pātaliya.

-Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, là nhà huyễn thuật.6 Thưa Cù-đàm! Nếu có người nói như vầy: "Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, là nhà huyễn thuāt^ thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy nói chân thật chăng? Người ấy nói đúng pháp chăng? Người ấy nói như pháp chăng? Đối với như pháp không có lỗi lầm, không bị chất vấn chăng? Thê Tôn bao: -Này Già-di-ni! Nếu có người nói như vầy: "Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, là nhà huyễn thuat" thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm5 người ấy nói chân thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói như pháp, đối với pháp không có lỗi lầm, không bi chất vấn. Vì sao như vậy? Này Già-di-ni! Ta biết huyễn thuật đó, nhưng Ta không phải là nhà huyễn thuật. Già-di-ni thưa: -Các Sa-môn, Phạm chí kia đều nói chân thật, nhưng tôi không tin, họ nói rằng Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, là nhà huyễn thuật. The Tôn bao: -Này Già-di-ni! Nếu người nào biết huyễn thuật thì người đó chính là nhà huyễn thuật chăng? Già-di-ni thưa: -Đúng như vậy5 bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! The Ton bao: —Này Già-di-ni! Ông đừng tự lầm lẫn rồi hủy báng Như Lai! Nếu hủy báng Như Lai chỉ tự gây tôn hại, có sự não hại, có sự xúc phạm, điêu mà bậc Hiên thánh ghét bỏ và bị tội lớn. Vì sao như vậy? Vì điều ấy thật ra không đúng như lời ông nói. Này Già-di-ni! Ông có nghe dân chúng Câu-lệ có binh lính chăng? [0445c02] Già-di-ni thưa: -Thưa, có nghe! -Này

Già-di-ni! Ý ông nghĩ sao? Dân chúng Câu-lệ sử dụng binh lính ấy để làm gì? Già-di-ni thưa: Thưa Cù-đàm! Đe sai đi sứ và giết giặc. Vì việc này nên dân chúng Câu-lệ nuôi các binh lính ấy. Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ sao? Binh lính của dâng chúng Câu-lệ có giữ giới câm hay không giữ giới cấm?

6 Tri huyễn thị huyễn ().Tham chiếu: s. 42.13 - IV. 340: Yo nu kho, gāmani, evam vadeti: <(Aham māyam jānāmī'ti, so evarn vadeti:r (Aharn māyāvī'^ti (Ai nói răng "Nhu Lai biêt huyễn thuật,, người áy có nói răng “Nhu Lai là người sống theo huyễn thuật,), HT. Thích Minh Châu dịch.

20. KINH BA-LA-LAO 117

Già-di-ni thưa: Thưa Cù-đàm! Binh lính của dân chúng Câu-lệ cũng không hơn gì những người không có giới đức trong thế gian này. Vì sao như vậy? Vì binh lính của dân chúng Câu-lệ phạm rát nhiêu giới câm, chỉ làm toàn các pháp xâu ác. Đức Phật hỏi: - Này Già-di-ni! Ông thấy như vậy và biết như vậy, Ta không hỏi ông. Nấu có người khác hỏi ông: "Vi Già-di-ni biết binh lính của dân chúng Câu-lệ phạm rất nhiều giới cấm, chỉ làm toàn các pháp xấu ác, do điều này nên Già-di-ni cũng phạm rát nhiêu giới câm, làm toàn các pháp xâu C." Nêu họ nói như vậy là nói đúng sự thật chăng? Già-di-ni thưa: ỈChông phải vậy, thưa Cù-đàm! Vì sao như vậy? Vì binh lính của dân chúng Câu-lệ có thây biêt khác, có tham muôn khác và mong câu cũng khác nên binh lính của dân chúng Câu-lệ phạm rất nhiều giới cấm, chỉ làm toàn các pháp xấu ác. Còn tôi giữ giới nghiêm mật, không làm các pháp xấu ác. Đức Phật lại hỏi Già-di-ni: -Ông biết binh lính của dân chúng Câu-lệ phạm rất nhiều giới cấm, chỉ làm các pháp xâu ác, nhưng không vì biêt điêu này mà ông phạm giới câm và làm các pháp xấu ác. Vậy thì tại sao Như Lai lại không thể biết huyễn thuật trong khi chính mình không phải là nhà huyễn thuật? Vì sao như vậy? Ta biết huyễn thuật, biết người huyễn thuật, biết quả báo của huyễn thuật, biết đoạn trừ huyễn thuật. Này Già-di-ni! Ta cũng biết sự sát sanh, biết người sát sanh, biết quả báo của việc sát sanh, biết sự đoạn trừ sự sát sanh. Này Già-di-ni! Ta biết sự trộm cướp, biết người trộm cướp, biết quả báo của việc trộm cướp, biết đoạn trừ sự trộm cướp. Này Già-di-ni! Ta biêt sự nói dôi, biêt người nói dôi, biêt quả báo của việc nói dối, biết đoạn trừ sự nói dối. Này Già-di-ni! Ta biết như vậy, thấy như vậy, nếu có người nói như vầy: 66Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật, chính là nhà huyễn thuật\ nếu người ấy chưa từ bỏ lời nói này mà lại nghe tâm niệm như thế, tham muốn như thế, mong cầu như thế, nghe như thế, nhớ nghĩ như thế, nhìn nhận như thế thì sau khi qua đời, chỉ trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, người ấy liền bị đọa vào địa ngục. Nghe như vậy, Già-di-ni kinh hãi run người, toàn thân sởn gai ốc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, phủ phục sát đất, chắp tay hướng Phật và bạch rang: Bạch Cu-đàm! Con xin sám hối tội lỗi. Bạch Thiện Thệ! Con như ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao như vậy? Vì con nói càn rằng Sa- môn Cù-đàm là nhà huyễn thuật. Cúi xin Cù-đàm cho con được sám hối tội lỗi! Con đã thấy tội và giãi bày. Con đã sám hối rồi, nguyện sẽ giữ gìn không tái phạm.

118 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật dạy: Đúng vậy, này Già-di-ni! ông quả thật như ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao như vậy? Vì nói càn rằng đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác là nhà huyễn thuật. Nhưng ông có thể sám hối tội lỗi, thấy tội và giãi bày, giữ gìn không tái phạm nữa. Đúng vậy, này Già-di-ni! Nếu có người sám hối tội lỗi, thấy tội và giãi bày, giữ gìn không tái phạm thì sẽ nuôi lớn Thánh pháp, không còn lỗi lầm nữa. [0446a07] Lúc đó, Già-di-ni chắp tay hướng Phật và thưa: -Thưa Cù-đàm! Có Sa-môn hay Phạm chí, thấy như vầy và nói như vầy: “Nêu người nào sát sanh thì người ây nhát định thọ nhận quả báo ngay trong đời này, nhân đó mà sanh ra sầu khổ. Nếu người nào trộm cướp hay nói dối thì người ấy nhất định thọ nhận quả báo ngay trong đời này, nhân đó mà sanh ra sầu kh&” Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ý Ngài nghĩ thế nào? Đức Phật bảo: Này Già-di-ni! Nay Ta hỏi ông, hãy tùy theo sự hiêu biêt của mình mà trả lời. Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu trong thon ấp? hoặc có một người đầu đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, rồi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua, nếu có người hỏi: "Người này trước kia làm những gì mà nay đau được đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, rồi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua?" Hoặc có người trả lời: "Người này giết giặc cho vua, nên nhà vua vui mừng liền ban thưởng cho. Do vậy người này đầu được đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, rồi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua." Này Già-di-ni! Ông có thấy như vậy và nghe như vậy chăng? Già-di-ni thưa: -Con có thấy vậy, bạch Cù-đàm! Con đã nghe và sẽ được nghe nữa. -Này Già-di-ni! Lại nữa, khi thấy nhà vua bắt bớ tội nhân, trói ngược hai tay, đánh trông xướng lệnh, kéo ra cửa thành phía Nam, đê ngôi ngay dưới cây cọc dựng cao roi chém bêu dầu, nếu có người hỏi: "Nguôi này phạm tội gì mà bị nhà vua xử chém như thế?" Hoặc có người trả lời: "Người này giết nhầm người vô tội trong hoàng tộc. Vì the, vua ra lệnh hành hình như vậy.^, Này Già- di-ni! Ông có thấy như vậy và nghe như vậy chăng? Già-di-ni thưa: Con có thấy vậy, thưa Cù-đàm! Con đã nghe và sẽ còn nghe nữa. Này Già-di-ni! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy, nói như vầy: "Nêu có người nào sát sanh thì người ây nhát định thọ nhận quả báo ngay trong đời này, nhân đó mà sanh ra sầu kh6'l đó là lời nói chân thật hay lời nói hư dối?

20. KINH BA-LA-LAO $ 119

Già-di-ni thưa: Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm. [0446b01] Nếu người ấy nói lời hư dối? vậy ông có tin không? Già-di-ni thưa: Con không tin, thưa Cù-đàm. Đức Phật khen ngợi: Hay thay, hay thay, Già-di-ni! Đức Phật lại hỏi: Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu trong thôn ấp có một người đầu đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, rồi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua, nếu có người hỏi: "Người này trước kia làm những gì mà nay đầu được đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, roi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua?" Hoặc có người trả lời: "Nguôi ấy vì đất nước mình mà trộm cướp7 nên được đầu đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, rồi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua." Này Già- di-ni! Ông có thấy như vậy và nghe như vậy chăng? G dini thưa: Con có thấy vậy, thưa Cù-đàm!

Con đã nghe và sẽ còn được nghe nữa. Này Già-di-ni! Lại thấy nhà vua bắt bớ tội nhân, trói ngược hai tay, đánh trống xướng lệnh, kéo ra cửa thành phía Nam, để ngồi ngay dưới cây cọc dựng cao rồi chém bêu đầu, nếu có người hỏi: "Nguồi này phạm tội gì mà bị nhà vua xử chém?" Hoặc có người trả lời: "Nguôi này phạm tội trộm cướp ở trong nước. Vì thế, nhà vua ra lệnh hành hình như thế." Này Già-di-ni! Ông có thấy như vậy và nghe như vậy chăng? Già-di-ni thưa: Con có thấy vậy, thưa Cù-đàm! Con đã nghe và sẽ còn được nghe nữa. Này Già-di-ni! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy và nói như vây: "Nêu có người nào trộm cướp thì người ây nhát định thọ nhận quả báo ngay trong đời này, nhân đó mà sanh ra sâu khô9\ đó là lời nói chân thật hay lời nói hư dối? Già-di-ni thưa: -Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm. Nếu người ấy nói lời hư dối, vậy ông có tin không?

7 Thử nhân ư vương quốc nhi bất dữ thủ ().Tham chiếu: s. 42.13 - IV. 340: Ayairi puriso rañño paccatthikassa pasayha ratanarn āhāsi (Người này đã đập tan kẻ thù nghịch của vua và đem châu báu về), HT. Thích Minh Châu dịch.

120 KINH TRUNG A-HÀM

Già-di-ni thưa: Con không tin, bạch Cù-đàm. Đức Phật khen ngợi: Hay thay, hay thay, Già-di-ni! Đức Phật lại hỏi: Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu trong thôn ấp có một người đầu đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, rồi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua, nếu có người hỏi: "Người này trước kia làm những gì mà nay đâu được đội vòng hoa, thân xoa nhiêu loại hương thơm, roi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua?" Hoặc có người trả lời: "Người ấy có tài bày trò ca múa cười đùa, dùng lời dối trá khiến vua được vui vẻ. Sau khi được vui vẻ, nhà vua liền ban thưởng. Vì thế, người đó đầu được đội vòng hoa, thân xoa nhiều loại hương thơm, roi tấu nhạc ca múa, vui chơi thỏa thích, cười đùa với kỹ nữ, hoan lạc như vua." Này Già-di-ni! Ông có thấy như vậy và nghe như vậy chăng? [0446c01] Già-di-ni thưa: -Con có thấy vậy, thưa Cù-đàm! Con đã nghe và sẽ còn được nghe nữa. -Này Già-di-ni! Lại nữa, khi thấy nhà vua bắt bớ tội nhân, dùng gậy đánh đến chết, bỏ vào trong cũi, chở trên xe không bịt kín, đi ra cửa thành phía Bắc rồi vứt bỏ xuống mương nước, nếu có người hỏi: "Người ấy phạm tội gì mà bị nhà vua giết?" Hoặc có người trả lời: "Người ấy trước mặt nhà vua nói dối mình có chứng đắc. Do nói dối, lừa gạt vua nên nhà vua ra lệnh bắt và hành hình như th&." Này Già-di-ni! Ông có thấy như vậy và nghe như vậy không? Già-di-ni thưa: Con có thấy vậy, thưa Cù-đàm! Con đã nghe và sẽ còn được nghe nữa. -Này Già-di-ni! Ý ông nghĩ sao? Nếu có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy và nói như vầy: "Nếu có người nào nói dối, người ấy nhất định thọ nhận quả báo ngay trong đời này, vì việc ấy mà sanh ra sầu kh6", đó là lời nói chân thật hay lời nói hư dối? Già-di-ni thưa: - Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm. Nếu người ấy nói lời hư dối, vậy ông có tin không? Già-di-ni thưa: Con không tin, bạch Cù-đàm. Đức Phật khen ngợi: Hay thay, hay thay, Già-di-ni!

20. KINH BA-LA-LAO 121

LÚC đó5 Già-di-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai bên phải, chắp tay hướng Phật và thưa: -Thật kỳ diệu thay, bạch Cù-đàm! Lời Ngài giảng nói rất vi diệu, khéo ví dụ? khéo dẫn chứng. Bạch Cù-đàm! Con có xây một ngôi nhà lớn ở trong Bắc thôn, sắp đặt giường nệm, để sẵn dụng cụ chứa nước, thắp sáng những ngọn đèn lớn, nếu có vi Sa-môn hay Phạm chí tinh tấn nào đến nghỉ ở ngôi nhà ấy, con sẽ tùy sức mình cung cấp những vật dụng cần thiết. Có bốn vị luận sĩ kiến giải khác nhau, trái ngược với nhau, cùng đến nhóm họp tại ngôi nhà ấy. Trong đó, có một luận sĩ thấy như vầy và nói như vầy: "Không có bố thí, không có te tự, không có chú nguyện, không có nghiệp lành hay nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp lành hay nghiệp ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, thế gian không có bậc chân nhân sanh đến cõi lành, khéo đi, khéo quy hướng ở đời này hay đời sau, để tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú.8,, Luận sĩ thứ hai lại có chánh kiến trái ngược với sự thấy biết của luận sĩ thứ nhất, vị này thấy như vầy và nói như vầy: "C6 bố thí, có tế tự, cũng có chú nguyện, có nghiệp lành hay nghiệp ác, có quả báo của nghiệp lành hay nghiệp ác, có đời này đời sau, có cha có mẹ, thế gian có bậc chân nhân sanh đến cõi lành, khéo di, khéo quy hướng ở đời này hay đời sau, để tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú." Luận sĩ thứ ba thây như vây và nói như vây: “Tịt mình làm và bảo người làm, tự mình chém giết và bảo người chém giết, tự mình đốt nấu và bảo người đốt nấu, phiền não sầu lo, đấm ngực áo não, than khóc, ngu si, sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, khoét vách mở kho, chặn đường cướp giật, phá làng hại xóm, hủy thành diệt nước, làm những việc như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, chỉ trong một ngày mà bửa cắt, chém chặt, cắt xé5 lột bóc, xẻo từng miếng thịt, từng phan từng khối tất cả thân mạng chúng sanh có trên cõi đời này, dù làm như the vẫn không có nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp ác. ở bờ Nam sông Hằng giết hại rồi chặt chém, đốt nấu, rồi qua bờ Bắc sông Hằng để bố thí, tế tự hay chú nguyện, tuy làm như thế nhưng không có tội, không có phước, không có quả báo tội hay phước. Những việc như: Ban phát, tự điều phục, thủ hộ, nhiếp trì, ngợi khen, làm lợi ích, thí xả tài vật, bo thí, nói lời hòa ái, làm lợi cho mình và cho người, dù làm những điêu như thê vân không có phước và không có quả báo phước lành.”

8 Thế vô chân nhân vãng chí thiện xứ, thiện khứ, thiện hướng thử thế bỉ thế, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu du,Tham chiếu: s.
42.13 - IV. 340: Natthi loke samanabrāhmariā sammaggatā sammāpatipannāye imañca lokamparañca lokam sayam abhiññā sacchikatvāpavedentī'ti ở đời, không có những vị Sa-mon, những vị Ba-la-mon chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngọ đời này đời khác và truyền dạy lại, HT. Thích Minh Châu dịch. Trong cu ngữ này, nêu bản Pali chỉ nêu 2 yếu tố, sammaggatā sammapatipannā chánh hạnh, chánh hướng thì bản Hán ơ Trung A-hàm mở rộng đến 3 yếu tố, túc là "sanh vào CÕI lành,5 ,“khéo di”và t4khéo quy hướng,, .

[0447a08] Luận sĩ thứ tư lại có chánh kiên, trái ngược sự thây biêt của vị luận sĩ thứ ba. Vi ấy thấy như vầy và nói như vầy: "Tịt mình làm và bảo người làm, tự mình chém giết

và bảo người chém giết, tự mình đốt nấu và bảo người đốt nấu, phiền não sầu lo, đấm ngực áo não, than khóc, ngu si, sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, khoét vách mở kho, chặn đường cướp giật, phá làng hại xóm, hủy thành diệt nước, làm những việc như the chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, chỉ trong một ngày mà bửa cắt, chém chặt, cat xé, lột bóc, xẻo từng miêng thịt, từng phân từng khôi tát cả thân mạng chúng sanh có trên cõi đời này, do làm như the nên có nghiệp ác, có quả báo của nghiệp ác. ơ bờ Nam sông Hăng giêt hại roi chặt chém, đót nâu, roi qua bờ Bắc sông Hằng để bố thí, tế tự hay chú nguyện, do làm như thế mà có tội có phước, có quả báo của tội, phước. Những việc như ban phát, tự điều phục, thủ hộ, nhiếp trì, ngợi khen, làm lợi ích, thí xả tài vật, bố thí, nói lời hòa ái, làm lợi cho mình và cho người, do làm những điều như thế nên có phước, có quả báo phước lanh." Thưa Cù-đàm! Nghe như vậy rồi, con liền sanh nghi ngờ: “Những vị Sa- môn hay Phạm chí kia, ai là người nói chân thật và ai là người nói hư d6i?" Đức Phật dạy: Này Già-di-ni! Ong chớ sanh nghi ngờ. Vì sao như vậy? Do có nghi ngờ mà sanh phân vân do dự. Này Già-di-ni! ông vốn không có trí tuệ thanh tịnh cho nên nghi ngờ có đời sau hay không có đời sau. Này Già-di-ni! ông lại không có trí tuệ thanh tịnh cho nên nghi ngờ những việc mình làm là ác hay thiện. Này Già-di-ni! Có một pháp định gọi là Xa lìa.9 Nhờ vào định này, ông sẽ có được chánh niệm, có the đạt đen nhất tâm. Như vậy, ngay trong đời này ông sẽ dứt trừ sự nghi hoặc roi được thăng tiến. Lúc đó, Già-di-ni từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai bên phải, chắp tay hướng Phật bạch rằng: Thưa Cù-đàm! Thế nào là pháp định gọi là Xa lìa, khiến cho con nhờ đó mà đạt được chánh niệm, có thể đạt đến nhất tâm và như vậy, ngay trong đời này con sẽ đoạn được sự nghi hoặc rồi được thăng tiến? [0447b02] Đức Phật bảo: Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa sát sanh, từ bỏ những việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) đoạn trừ tà kiến và đạt được chánh kiến. Vị ấy ban ngày dạy bảo việc canh tác ruộng đồng, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi, vào nhà ngồi thiền định. Qua đêm ấy, đến sáng hôm sau, vị ấy suy nghĩ: "Ta xa lìa sát sanh, từ bỏ các việc như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) đoạn trừ tà kiến và đạt được chánh kiến." Vị ấy liền tự thấy: "Ta đã đoạn trừ mười nghiệp ác và nhớ nghĩ mười nghiệp lành." Sau khi tự thấy

9 Nguyên tác: Viễn ly ().Bản Pali chỉ nói Định pháp(phammasamãdhĩ) mà không định danh rõ ràng.

đã đoạn trừ mười nghiệp ác và nhớ nghĩ mười nghiệp lành rồi, tâm vị ấy liền sanh hân hoan; sau khi sanh hân hoan, liền phát sanh hỷ; khi phát sanh hỷ rồi thì được thân khinh an; sau khi được thân khinh an? liền cảm thọ lạc nơi thân; sau khi thân có cảm thọ lạc, liền được nhất tâm.1011Này Già-di-ni! Sau khi vị Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi, tâm VỊ ấy tương ưng với tâm từ đầy khắp một phương, thành tựu và an tru. Cũng thế, tâm vi ấy tương ưng với tâm từ trong hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đều đầy khắp tất cả? không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rất mực rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, đây khăp tát cả thê gian, thành tựu và an trú. Vi ấy suy nghĩ: "Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào thấy

như vầy và nói như vầy: 'Không có bố thí, không có tế tự, không có chú nguyện, không có nghiệp lành hay nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp lành hay nghiệp ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ5 thế gian không có bậc chân nhân sanh đen cõi lành, khéo di, khéo quy hướng ở đời này hay đời sau, để tự biết tự ngộ5 tự thân tác chứng, thành tựu và an trú/ Nêu những điều mà vị Sa-môn hay Phạm chí ấy nói là chân thật thì ta không xâm hại thế gian, dù đó là kẻ sợ hãi hay không sợ hãi, thường nên thương xót tất cả thế gian. Tâm ta không não hại chúng sanh, tâm không vẩn đục mà hân hoan vui thích. Nay ta đạt được pháp cao cả và tối thượng,11 nhờ thăng tiến mà trụ trong sự an lạc, đó gọi là pháp định Xa lìa. Những điều Sa-môn hay Phạm chí kia nói, ta không khẳng đinh đúng cũng không thừa nhận sai; khi không khẳng định đúng cũng chẳng thừa nhận sai5 liền được nội tâm vắng lặng.,, Này Già-di-ni! Đó là pháp định được gọi là Xa lìa, ông có the nhờ định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc, ngay trong đời này mà được thăng tiến. Lại nữa, này Già-di-ni! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa sát sanh, tư bỏ những việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) đoạn trừ tà kiến và được , r y chánh kiên. Vị ây ban ngày dạy bảo việc canh tác ruộng đông, cày bừa và gieo giông, đên chiêu nghỉ ngơi, vào nhà ngôi thiên định. Qua đêm ây, đên sáng hôm sau, vị ấy suy nghĩ: “Ta xa lìa sát sanh, từ bỏ những việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối?... (cho đến) đoạn trừ tà kiến và được chánh ki&n." Vi ấy liền tự thấy: "Ta đã đoạn trừ mười nghiệp ác5 nhớ nghĩ mười nghiệp lành." Sau khi tự thấy đoạn trừ mười nghiệp ác và nhớ nghĩ mười nghiệp lành rồi5 tâm vi ấy liền sanh hân hoan; sau khi sanh hân hoan, liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ thì được thân khinh an; sau khi được thân khinh an? liền cảm thọ lạc nơi thân; sau khi thân có cảm thọ lạc, liền được nhất tâm. Này Già-di-ni! Vị Thanh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm vị ấy tương ưng với tâm bi, đầy khắp một

10 Đoạn kinh này mô tả các thiện pháp cùng nương nhau để sanh khởi, giống như một định thức: Hân hoan - hoan hỷ - khinh an - an lạc nhất tâm. Xem thêm s. 35.96 - IV. 78: Với người tâm không bị nhiễm ô thời hân hoan sanh. Do có hân hoan nên hỷ sanh. Do có hỷ tâm nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên cảm lạc thọ. Với người an lạc, tâm được định tĩnh (HT. Thích Minh Châu dịch). 11 Vô thượng nhân thượng chi pháp ().Kiên cố kình (roi. 0001.24. 0101b20) gọi là “thirợiĩg nhân pháp'(ả).
Tạp.(7.02. 0099.392. 0105c27) gọi la 4tquá nhân pháp”().

phương, thành tựu và an trú. Cũng thế, tâm vị ấy tương ứng với tâm bi trong hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đầy kháp tát cả5 không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rát mực rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru. Vị ấy liền nghĩ: "Nếu có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy và nói như vầy: 'Có bố thí, có tế tự, cũng có chú nguyện, có nghiệp lành và nghiệp ác, có quả báo của nghiệp lành và nghiệp ác5 có đời này đời sau, có cha có mẹ, the gian có bậc chân nhân sanh đến cõi lành, khéo đi5 khéo quy hướng ở đời này hay đời sau, để tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an

trú/ Nếu những điều mà vị Sa-môn hay Phạm chí ây nói là chân thật thì ta không xâm hại thê gian, dù đó là kẻ sợ hãi hay không sợ hãi, thường nên thương xót tất cả thế gian. Tâm ta không não hại chúng sanh, tâm không vẩn đục mà hân hoan vui thích. Nay ta đạt được pháp cao cả và tối thượng, nhờ thăng tiến mà trụ trong sự an lạc, đó gọi là pháp định Xa lìa. Những điều Sa-môn hay Phạm chí kia nói, ta không khẳng đinh đúng cũng không thừa nhận sai; khi không khẳng định đúng cũng chẳng thừa nhận sai, liền được nội tâm vang lặng." Này Già-di-ni! Đó là pháp định được gọi là Xa lia, ông có the nhờ đinh này mà được chánh niệm, mà được nhát tâm. Như vậy, ông có thê đoạn trừ hét nghi hoặc, ngay trong đời này mà được thăng tiến. [0447c22] Lại nữa, này Già-di-ni! Vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa sát sanh, từ bỏ những việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dôi?... (cho đên) đoạn trừ tà kiên và được chánh kiên. Vị ây ban ngày dạy bảo việc canh tác ruộng đông, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi, vào nhà ngồi thiền định. Qua đêm ấy, đến sáng hôm sau, vị ấy suy nghĩ: "Ta xa lìa sát sanh, từ bỏ những việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói d6i,... (cho đên) đoạn trừ tà kiên và được chánh kiên.,^ Vị ấy liền tự thay: "Ta đã đoạn trừ mười nghiệp ác, nhớ nghĩ mười nghiệp lành.^, Sau khi tự thay đoạn trừ mười nghiệp ác và nhớ nghĩ mười nghiệp lành roi, tâm vị ây liên sanh hân hoan; sau khi sanh hân hoan, liên phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ thì được thân khinh an; sau khi được thân khinh an9 liền cảm thọ lạc nơi thân; sau khi thân có cảm thọ lạc, liền được nhất tâm. Này Già-di- ni! Vị Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm vị ấy tương ưng với tâm hỷ5 đầy khắp một phương, thành tựu và an tru. Cũng thế, tâm vị ấy tương ứng với tâm hỷ trong hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, cũng đày kháp tất cả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rất mực rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Vi ấy suy nghĩ: "Nếu có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy và nói như vầy: 'Tịt mình làm và bảo người khác làm, tự mình chém giết và bảo người chém giết, tự mình đốt nấu và bảo người đốt nấu, phiền não sầu lo, đâm ngực áo não, than khóc, ngu si, sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối5 uống rượu, khoét vách mở kho, chặn đường cướp giật, phá làng hại xóm, hủy thành diệt nước, làm những việc như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén

như dao cạo, chỉ trong một ngày mà bửa cắt, chém chặt, cắt xé, lột bóc5 xẻo từng miếng thịt, từng phần từng khối tất cả thân mạng chúng sanh có trên cõi đời này, dù làm như thế vẫn không có nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp ác. ở bờ Nam sông Hằng giết hại rồi chặt chém, đốt nấu, rồi qua bờ Bắc sông Hằng để bố thí, tế tự hay chú nguyện, dù làm như thế cũng không có tội? không có phước, cũng không có quả báo tội phước. Những việc như ban phát, điều phục, thủ hộ, nhiếp trì, ngợi khen, làm lợi ích, bố thí, nói lời hòa ái, làm lợi cho mình và cho người, dù làm những việc như thế vẫn không có phước, không có quả báo phước lành/ Nếu những điều mà Sa-môn hay Phạm chí ấy nói là chân thật thì ta không xâm hại thế gian, dù đó là kẻ sợ hãi hay không sợ hãi, thường nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không não hại chúng sanh, tâm không vẩn đục mà hân hoan vui thích. Nay ta đạt được pháp cao cả và tối thượng, nhờ thăng tiến mà trụ trong sự an lạc, đó gọi là pháp đinh Xa lìa. Những điều mà Sa-môn hay Phạm chí

kia nói, ta không khẳng đinh đúng cũng chẳng thừa nhận sai; khi không khẳng định đúng cũng chẳng thừa nhận sai, liền được nội tâm vắng lặng." Này Già-di-ni! Đó là pháp định gọi là Xa lìa. ông có thể nhờ định này mà được chánh niệm, được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn trừ hết nghi hoặc, ngay trong đời này mà được thăng tiến. [0448a25] Lại nữa, này Già-di-ni! Vi Thánh đệ tử đa văn xa lìa sát sanh, từ bỏ những việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối5... (cho đen) đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày dạy bảo việc canh tác ruộng đồng, cày bừa và gieo giông, đên chiêu nghỉ ngơi, vào nhà ngôi thiên đinh. Qua đêm ây5 đên sáng hôm sau, vi ấy suy nghĩ: "Ta xa lìa sát sanh, từ bỏ những việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến.” Vị ây liên tự thây: "Ta đã đoạn trừ mười nghiệp ác, nhớ nghĩ mười nghiệp thiên." Sau khi tự thấy đoạn trừ mười nghiệp ác và nhớ nghĩ mười nghiệp lành rồi, tâm vị ấy liền sanh hân hoan; sau khi sanh hân hoan, liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ thì được thân khinh an; sau khi được thân khinh an, liền cảm thọ lạc nơi thân; sau khi thân có cảm thọ lạc, liền được nhất tâm. Này Già-di- ni! Vi Thánh đệ tử đa văn được nhát tâm roi thì tâm vi ây tương ưng với tâm xả5 đây kháp một phương, thành tựu và an trú. Cũng thê, tâm vi ây tương ứng với tâm xả trong hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, cũng đầy khắp tất cả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rất mực rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Vị ấy suy nghĩ: "Nếu có Sa-môn hay Phạm chí thấy như vầy và nói như vầy: 'Tự mình làm và bảo người khác làm, tự mình chém giết và bảo người chém giết, tự mình đốt nấu và bảo người đốt nấu, phiền não sầu lo, đấm ngực áo não, than khóc, ngu si, sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, khoét vách mở kho, chặn đường cướp giật, phá làng hại xóm, hủy thành diệt nước, làm những việc như thế chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, chỉ trong một ngày mà bửa, cắt5 chém chặt, cắt xé? lột bóc, xẻo

từng miếng thịt, từng phần từng khối tất cả thân mạng chúng sanh có trên cõi đời này? do làm như thế nên có nghiệp ác, cũng có quả báo của nghiệp ác. ở bờ Nam sông Hằng giết hại rồi chặt chém, đốt nấu, rồi qua bờ Bắc sông Hằng đê bô thí, tê tự hay chú nguyện; do làm như thê nên có tội5 có phước, cũng có quả báo tội phước. Những việc như ban phát, điều phục, thủ hộ, nhiếp trì, ngợi khen, làm lợi ích, bố thí, nói lời hòa ái, làm lợi cho mình và cho người, do làm s r Z L A những việc như thê nên có phước, cũng có quả báo phước lành. Nêu những điêu mà Sa-môn hay Phạm chí ấy nói là chân thật thì ta không xâm hại thế gian, dù đó là kẻ sợ hãi hay không sợ hãi, thường nên thương xót tất cả thế gian. Tâm ta không não hại chúng sanh, tâm không vẩn đục mà hân hoan vui thích. Nay ta đạt được pháp cao cả và tôi thượng, nhờ thăng tiên mà trụ trong sự an lạc, đó là pháp đinh Xa lìa. Những điều mà Sa-môn hay Phạm chí kia nói, ta không khẳng định đúng cũng chẳng thừa nhận sai, sau khi không khẳng định đúng, cũng chẳng thừa nhận sai, liền được nội tâm vắng lặng?5 Này Già-di-ni! Đây là pháp định gọi là Xa lìa. Ông có thể nhờ định này mà được chánh niệm, được nhát tâm. Như vậy? ông có thê đoạn trừ hét nghi hoặc, ngay trong đời này mà được thăng tiến. [0448b27] Khi

bài pháp này được giảng xong, Già-di-ni xa lìa phiền não, đạt được pháp nhãn tịnh. Lúc đó, sau khi thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tinh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không nương ai khác,12 dứt hẳn hoài nghi, đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn, được Vô sở úy, Già-di-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy9 cúi đầu lễ chân Phật và bạch: Bạch Thế Tôn! Từ nay con xin tự mình quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Từ nay trở đi con nguyện quy y Tam bảo cho đến khi qua đời! [0448c05] Đức Phật dạy như vậy, Ba-la-lao Già-di-ni và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.13

uytác:Bất phục tùng tha .Tạp.-02.,0099.107. 0033b21 ghi là "bất do ư tha" ;Tăng. 0.02. 0125.45.7. 0775bỏ2 ghi là “bất sự dư su” 13 Bản Hán, hết quyển 4.

PHẨM 3: TƯƠNG ƯNG XÁ-LỢI-PHẤT1 (Gồm 11 kỉnh, thuộc ngày tụng thứ nhất)

Kệ tóm tắt 11 kinh:
Đẳng Tâm, Đắc giới, Trí, Sư tử
Thủy dụf Cù-nif Đà-nhỉên Phạm
Giảo bệnh, Câu-hyf Tượng tích dụ
Phân biệt tứ đế tối tại hậu.1
2
1 Quyển 5. 2 Nguyen tác Nhiếp tụng;;
.Do đặt lại tựa đê nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

21. KINH CHƯ THIÊN ĐẲNG TÂM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào buổi tối, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với chúng Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường. Nhân đó, Tôn giả đã giải thích nghĩa lý kiết sử bên trong và kiết sử bên ngoài123cho các thay Tỳ-kheo rằng: Này chư Hiền! Quả thật trên đời có hai hạng người. Là hai hạng người nào? Hạng người còn kiết sử bên trong, là bậc A-na-hàm, không còn trở lại thế gian này và hạng người còn kiết sử bên ngoài, không phải bậc A-na-hàm, phải trở lại thế gian này. Thưa chư Hiên, thê nào là hạng người còn kiêt sử bên trong, là bậc A-na- hàm, không còn trở lại the gian này? Có người tu tập giới cấm, không trái phạm, không khiếm khuyết, không nhiễm 6, không vấy bẩn, hoàn toàn không bị chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đầy đủ. Sau khi tu tập giới cấm, không trái phạm, không khiếm khuyết, không nhiễm ô, không vấy bẩn, hoàn toàn không bị chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đay đủ roi, vi ấy lại tiếp tục tu tập nhàm chán dục, hướng đến vô dục và đoạn dục. Nhờ tu tập nhàm chán dục, hướng đến vô dục và đoạn dục, vi ấy chứng được tâm tịch tinh giải thoát? Sau khi chứng đắc, vị ấy sống trong an lạc và khởi tâm mến tiêc5 không muôn xa lìa nên ngay trong đời hiện tại không thê chứng được trí tột cùng. Sau khi qua đời, vị ấy vượt qua các cõi trời Đoàn Thực4 rồi sanh về các cõi trời Ý Sanh.5 Khi đã sanh về cõi đó5 vị ấy liền nghĩ: "Trước kia, khi làm thân người, ta đã tu tập các giới cấm, không trái phạm, không khiếm khuyết, không nhiễm ô, không vấy bẩn, hoàn toàn không bị chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đầy đủ. Sau khi tu tập các giới cấm, không

trái phạm, không khiêm khuyêt, không nhiêm ô, không vây bân, hoàn toàn không bị chỉ

1 Nguyên tác: Đẳng Tâm kinh (roi. 0026.21. 0448cl9). Tham chiếu: A. 2.46 - L 62. 2 Nội kiết (ajjhattasaniyojanci) và Ngoại kiết (,bahiddhāsamyojand)'. Chủ gidi, Kinh Tăng chi bộ, phàm Tâm thăng bằng (AA. 2.4. Samacittavaggavannana) cho rang, 5 hạ phần kiết gọi là nọi kiết (orambhāgiyāni vā pañcasamyojāni cijjhattasarnyojanarn nāma), 5 thượng phân kiêt gọi là ngoại kiêt (uddhambhāgiyānipañca bahiddhāsarnyojanam nāma). 3 Nguyên tác: Tức tâm giải thoát (sQrưacetovừnutli): Tâm tịch tĩnh giải thoát.

4 Đoàn Thực thiên (Kabaliñkārāhārabhakkha deva) chỉ cho các cõi trời thuộc về Dục giới, còn phải nuôi sống bằng thực phẩm vật chất. 5 Ý Sanh thiên (Manomayā deva), cõi trời có thân do ý sanh, chỉ cho các trời sắc giới mà một vị A-na-hàm thác sinh. Tham chiêu: MA. 22; A. 5.166 - III. 192.

trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đầy đủ rồi, ta lại tiếp tục tu tập nhàm chán dục, hướng đến vô dục và đoạn dục. Nhờ sự tu tập nhàm chán dục, hướng đến vô dục và đoạn dục, ta đã chứng được tâm tịch tịnh giải thoát. Sau khi chứng đắc, ta sống trong an lạc và khởi tâm mến tiếc, không muốn xa lìa nên ngay trong đời hiện tại không thể chứng được trí tột cùng. Sau khi qua đời, vượt qua các cõi trời Đoàn Thực, ta sanh về các cõi trời Ý Sanh và hiện đang ở day?5 [0449a 10] Này chư Hiền, lại có người tu tập giới cấm, không trái phạm, không khiếm khuyết, không nhiễm ô, không vấy bẩn, hoàn toàn không bị chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đầy đủ. Sau khi tu tập các giới cấm, không trái phạm, không khiếm khuyết, không nhiễm ô5 không vấy bẩn, hoàn toàn không bị chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đầy đủ rồi5 vị ấy lại tu tập đoạn trừ cõi sắc, đoạn trừ nghiệp tham, tu tập xa lìa dục. Nhờ tu tập đoạn trừ cõi sắc, đoạn trừ nghiệp tham, tu tập xa lìa dục, vi ấy chứng được tâm tịch tịnh giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, vị ấy sống trong an lạc, rồi khởi tâm mến tiếc, không muốn xa lìa nên trong đời hiện tại không the chứng đắc trí tột cùng. Sau khi qua đời, vị ấy vượt qua các cõi trời Đoàn Thực rồi sanh về các cõi trời do Ý Sanh. Khi đã sanh về cõi đó, vị ấy liền nghĩ: "Trước kia, khi còn làm người, ta đã tu tập các giới câm, không trái phạm, không khiêm khuyết, không nhiễm ô, không vay bẩn, hoàn toàn không bị chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đầy đủ. Sau khi tu tập các giới cam, không trái phạm, không khiếm khuyết, không nhiễm ô, không vấy bẩn, hoàn toàn không bi chỉ trích, được bậc Thánh khen ngợi, khéo tu tập đầy đủ roi, ta lại tu tập đoạn trừ cõi Sắc, đoạn trừ nghiệp tham, tu tập xa lìa dục. Nhờ tu tập đoạn trừ cõi sắc, đoạn trừ nghiệp tham, tu tập xa lìa dục, ta chứng được tâm tịch tịnh giải thoát. Sau khi chứng đắc như vậy, ta sống trong an lạc rồi khởi tâm mến tiếc, không muôn xa lìa nên trong đời hiện tại ta không thê chứng đăc trí tột cùng. Sau khi qua đời, vượt qua các cõi trời Đoàn Thực roi, ta sanh ve các cõi trời Y Sanh và hiện đang ở day." Thưa chư Hiền, đó gọi là hạng người có kiết sử bên trong, là bậc A-na-hàm, không còn trở lại the gian này. Thưa chư Hiền! Thế nào là hạng người có kiết sử bên ngoài, không phải là bậc

A-na-hàm, phải trở lại thế gian này? Có người tu tập các giới cấm, giữ gìn Biệt giải thoát, lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt thường ôm lòng lo sợ5 nhớ kỹ điều cốt yếu đã học. Này chư Hiền, đó gọi là hạng người có kiết sử bên ngoài, không phải là bậc A-na-hàm, phải trở lại thế gian này. [0449b01] Bấy giờ, khi đêm gần mãn, số đông chư thiên ở cõi trời Đẳng Tâm với sắc tướng vời vợi, ánh sáng rực rỡ9 đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên và thưa:

Bạch Thế Tôn! Tối hôm qua, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng chúng Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường. Nhân đó? Tôn giả đã giải thích nghĩa lý kiết sử bên trong và kiết sử bên ngoài cho các thầy Tỳ-kheo như vầy: “Này chư Hiền! Quả thật trên đời có hai hạng người, là hạng người có kiết sử bên trong và hạng người có kiết sử bên ngoài." Thưa Thế Tôn, khi đại chúng nghe xong lòng rất hoan hỷ, kính mong Thế Tôn rủ lòng thương xót hãy đến giảng đường. Lúc ấy, đức Phật yên lặng nhận lời. Biết đức Phật đã yên lặng nhận lời, chư thiên Đẳng Tâm liền cúi đầu lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Ngài ba vòng rồi ẩn mất. Sau khi chư thiên Đẳng Tâm rời khỏi không lâu, đức Phật đi đến giảng đường, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi đã ngồi yên, đức Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Thầy thật khéo léo. Vì sao như vậy? Vì đêm hôm qua, thầy cùng chúng Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường. Nhân đó, thầy đã giải thích nghĩa lý kiết sử bên trong và kiết sử bên ngoài cho các thây Tỳ-kheo răng: "Này chư Hiên, quả thật trên đời có hai hạng người, là hạng người có kiết sử bên trong và hạng người có kiết sử bên ngoài." Này Xá-lợi- phất, đêm qua lúc trời gần sáng, chư thiên Đẳng Tâm có đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ xong, đứng sang một bên rồi thưa với Ta rằng: "Bạch Thế Tôn, tối hôm qua Tôn giả Xá-lợi-phất cùng chúng Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường. Nhân đó9 Tôn giả đã giải thích nghĩa lý kiết sử bên trong và kiết sử bên ngoài cho các thây Tỳ-kheo . . răng: 'Này chư Hiên, quả thật trêne jT đời có hai hạng người,r hạng : người có kiêt sử bên trong và hạng người có kiêt sử bên ngoài/ Thưa Thê Tôn, khi đại chúng nghe xong lòng rất hoan hỷ, cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương xót hãy đi đến giảng đường !,5 Này Xá-lợi-phất! Như Lai liền yên lặng nhận lời thỉnh nguyện của chư thiên Đẳng Tâm kia. Khi biết Như Lai đã yên lặng nhận lời, họ liền cúi đầu lạy chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ẩn mất. Này Xá-lợi-phất! Chư thiên Đẳng Tâm dù nhiều đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi vị cùng xuất hiện, đứng trên đầu mũi kim, nhưng tất cả đều an trụ vững vàng mà không hề trở ngại.6 Này Xá-lợi-phất9 chư thiên Đẳng Tâm chẳng phải sanh ra trong cõi ấy, nhưng do tu tập thiện tâm rất rộng lớn nên khiến họ dù nhiều đến mười, hai mươi, ba mươi, bon mươi, năm mươi hay sáu mươi vị cùng xuất hiện đứng trên đâu mũi kim, nhưng tát cả đều an trụ vững vàng mà không hề trở ngại. Này Xá-lợi-phất! Thuở xưa,

6 Sự kiện tương tự như kinh này cũng đượcẠ ghi nhận ở s. 56.41 - y. 446: Thuở trước, này các Tỷ- kheo, một người đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ lẳng: "Ta sẽ suy tư về thế gi&i", và người ây đi đên hô sen Sumagadhā^sau khi đến, ngồi trèn bơ ho Sumagadhā và suy tư về the giới. Này các Tỷ-kheo, người ấy trên bờ hồ Sumāgadhā thấy một đoàn quân với bốn loại binh chủng (voi, ngựa, xe, bộ binh) đi vào trong một củ sen; thấy vậy,

người ấy nghĩ: "C6 lẽ ta phát cuông! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thây một điều khổng thể co ở d&i".T. Thích Mmh Châu dịch). Xem them Tạp.(T.02. 0099.407. 0108c28).

chư thiên Đẳng Tâm khi còn làm thân người đã tu tập thiện tâm7 rất rộng lớn, vì thế khiến họ dù nhiều đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi vi cùng xuất hiện đứng trên đầu mũi kim, nhimg tất cả đều an trụ vững vàng mà không hê trở ngại. Do đó? này Xá-lợi-phât9 các thây cân phải học pháp tịch tịnh, các căn tịch tịnh, tâm ý tịch tinh, ba nghiệp thân, khẩu và ý tịch tịnh, hướng về đấng Thế Tôn và các bậc trí Phạm hạnh. Này Xá-lợi-phất, những người theo ngoại đạo dối trá, luôn mãi tổn suy, vĩnh viễn lạc lối. Vì sao như vậy? Vì họ không được nghe giáo pháp vi diệu này. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 Nguyên tác: Thiện tâm ,được hiểu nhu "từ tâm,, .

22. KINH THÀNH Tựu GIỚI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời này sẽ tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt,12 trường hợp này có thể xảy ra. Còn nếu ngay trong đời này không chứng được Trí tột cùng345thì sau khi qua đời, vị ấy vượt cõi trời Đoàn Thực/ sanh trong các cõi trời Ý Sanh/ rồi ở cõi đó mà được tự tại xuất nhập đinh Tưởng tri diệt, trường hợp này có thể xảy ra. Lúc đó, Tôn giả Ô-đà-di6 đang ở trong chúng và thưa rằng: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào sanh trong các cõi trời Ý Sanh mà được tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt thì trường hợp này không thể xảy ra. Tôn giả Xá-lợi-phất lặp lại ba lần với các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời này sẽ tự tại xuât nhập định Tưởng tri diệt, trường hợp này có thê xảy ra. Còn nếu ngay trong đời này không chứng được Trí tột cùng thì sau khi qua đời, vị ây vượt cối trời Đoàn thực, sanh trong các cõi trời Y Sanh, roi ở nơi đó mà được tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt, trường hợp này có thể xảy ra. Tôn giả Ô-đà-di cũng thưa lại ba lần: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào sanh trong các cõi trời Ý Sanh mà được tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt thì trường hợp này không the xảy ra.

1 Nguyên tác: Thành tựu giới kinh roi. 0026.22. 0449c07. Tham chiếu: A. 5.166 - III. 192. 2 Tưởng tri diệt định Saññāvedayitanirodhasamāpattī còn gọi là Tưởng thọ diệt tận định ii,Diệt tần định . 3 Đắc cứu cánh trí ,Aññā-ārādhāna chỉ cho trí tuệ của bậc A-la-hán.

4 Đoàn Thực thiên Kabaliñkārāhārabhakkha devatā. Xem chú thích 4, kinh số 21, tr. 129. 5 Ý Sanh thiên Manomayakāya devatā. Xem chú thích 5, kinh 21, tr. 129. 6 Ô-đà-di Udāyī cũng gọi Ưu-đàdi, tên một vi đệ tử Phật. Trước khi xuất gia, Ô-đà-di được Vua Tịnh Phạn chọn làm bạn học và theo hầu Thái từ Tất-đạt-đa, từng dùng lời lẽ khéo léo^khuyên Thái tử bỏ ý định xuất gia. Sau khi đức Phật thành đạo, Ô-đà-di liền xuất gia làm đệ tử Phật, rất có tài năng giáo hóa dân chúng.

LÚC đó, Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: Tỳ-kheo này phản bác lời ta nói đến ba lần, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào tán thành những điều ta nói, vậy ta nên đi đến chỗ đức Thế Ton?9 Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất đi không bao lâu, Tôn giả Ô-đà-di và các Tỳ-kheo cũng đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời này sẽ tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt, trường hợp này có thê xảy ra. Còn nếu ngay trong đời này không chứng được Trí tột cùng thì sau khi qua đời, vị ấy vượt cõi trời Đoàn Thực, sanh trong các cõi trời Ý Sanh, rồi ở trong đó mà được tự tại xuất nhập đinh Tưởng tri diệt, trường hợp này có the xảy ra. [0450a04] Tôn giả Ô-đà-di lại thưa: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào sanh trong các cõi tròd Ý Sanh mà được tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt thì trường hợp này không thể xảy ra. Tôn giả Xá-lợi-phất lặp lại ba lần với các Tỳ-kheo: -Nêu Tỳ-kheo nào thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời này sẽ tự tại xuất nhập đinh Tưởng tri diệt, trường hợp này có thể xảy ra. Còn nếu ngay trong đời này không chứng được Trí tột cùng thì sau khi qua đời, vị ấy vượt cõi trời Đoàn Thực, sanh trong các cõi trời Ý Sanh, rồi ở nơi đó mà được tự tại xuất nhập đinh Tưởng tri diệt, trường hợp này có thể xảy ra. Tôn giả Ô-đà-di cũng thưa lại ba lần: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào sanh trong các cõi trời Ý Sanh mà được tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt thì trường hợp này không thê xảy ra. Tôn giả Xá-lợi-phất lại suy nghĩ: UỞ trước đức Thế Tôn, vi Tỳ-kheo này lại phản bác lời ta nói đến ba lần và cũng chẳng có Tỳ-kheo nào tán thành những lời ta nói, vậy ta nên im lặng.,, Lúc ấy, đức Phật hỏi: -Này Ô-đà-di! Ông cho rằng cõi trời Ý Sanh là sắc chăng? Tôn giả Ô-đà-di bạch Phật: -Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn! Đức Phật liền quở trách trước mặt Ô-đà-di rằng: Thầy là người mê mờ, là kẻ mù không có mắt. Thầy dựa vào đâu để bàn luận về A-tỳ-đàm7 thâm sâu?

'A-tv-damH Phân biệt công đức luận T.25. 1507.1. 0032al5 gọi là Đại,pháp hay Vô tỷ pháp .Do vì trí tuệ rộng lớn của tứ đê là ngọn cờ Chánh pháp cao hiển, có the đoạn^trừ các ta kiên và vô minh sâu dày nên gọi là Đại pháp. Do vì 8 trí, 10 tuế a chánh kiên vô lậu siêu việt 3 cõi, không gì ngăn ngại nên gọi là Vô tỷ pháp.

22. KINH THÀNH Tựu GIỚI 135

Bấy giờ, bị đức Phật quở trách trước mặt, Tôn giả Ô-đà-di trong lòng buồn bã5 cúi đầu im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư. Sau khi quở trách Tôn giả Ô-đà-di rồi, Phật bảo Tôn giả A-nan: Khi Tỳ-kheo Trưởng lão danh đức thượng tôn bị người khác chất vấn, tại sao thầy lại bỏ mặc, không quan tâm? Thầy thật là vụng về? không có lòng từ vì đã quay limg với bậc Trưởng lão danh đức Thượng tôn như vậy. Sau khi quở trách trước mặt Tôn giả Ô-đà-di và Tôn giả A-nan xong, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu giới, thành tựu đinh và thành tựu tuệ thì ngay trong đời này sẽ tự tại xuất nhập định Tưởng tri diệt, trường hợp này có thể xảy ra. Còn nếu ngay trong đời này không chứng được Trí tột cùng thì sau khi qua đời, vị ấy vượt cõi trời Đoàn Thực, sanh trong các cối trời Ý Sanh, rồi ở trong đó mà được tự tại xuất nhập định Tưởng tri

diệt, trường hợp này có thể xảy ra. Dạy như vậy xong, đức Phật liền vào thiền thất, lặng yên tĩnh tọa. Bấy giờ, Tôn giả Bạch Tịnh89đang ở trong chúng. Tôn giả A-nan thưa Tôn giả Bạch Tinh rằng: Đó là do việc làm của người khác mà tôi bị quở trách. Thưa Tôn giả Bạch Tịnh! Vào lúc xế chiều, khi Thế Tôn từ thiền thất đi ra, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo để cùng thảo luận vấn đề này, xin Tôn giả Bạch Tịnh hãy giãi bày lại việc này. Tôi cảm thấy rất hổ thẹn với đức Thế Tôn và các vị đồng Phạm hạnh. [0450b05] Thế rồi, vào lúc xế chiều, đức Phật từ thiền thất đi ra, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngài dạy: Này Bạch Tịnh! Tỳ-kheo Trưởng lão cần có bao nhiêu pháp mới được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng? Tôn giả Bạch Tịnh thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Trưởng lão nếu có đủ năm pháp thì sẽ được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Bạch Thế Tôn, năm pháp ấy là: Tỳ- kheo Trưởng lão phải tu tập giới cấm, giữ gìn Biệt giải thoát, lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết,9 thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ và nhớ kỹ điều cốt yếu đã học. Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn giữ gìn giới cấm thì sẽ được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Trưởng lão học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy những điều nghe nhiều. Những pháp nào phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, vị ấy học rộng nghe nhiêu các pháp như vậy, học tập thuân

8 Bạch Tịnh ,Upavāna. 9 Thiện nhiếp oai nghi lễ tiết ,ācāragocarasampanno : Đầy đủ oai nghi chánh hạnh.

thục cả ngàn lần, tâm ý tư duy quán sát, thấy rõ và hiểu sâu. Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn học rộng nghe nhiều thì sẽ được các bậc đông Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn có bốn tâm tăng thượng1011thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại,11 dễ dàng thành tựu, không phải quá khó. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn có thiền tư thì sẽ được các bậc đồng Phạm hạnh kính men, tôn trọng. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Trưởng lão tu hạnh trí tuệ, quán sát sự thịnh suy của các pháp mà chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt rõ ràng, dùng Chánh pháp để diệt sạch khổ. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn có trí tuệ sẽ được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Trưởng lão đã dứt sạch các lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự biết, tự chứng ngộ5 tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc càn làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn đã sạch hết lậu hoặc thì sẽ được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo Trưởng lão thành tựu năm pháp này thì sẽ được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Đức Phật hỏi: -Này Bạch Tịnh! Nếu có Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn không thành tựu năm pháp này thì phải do ý nghĩa nào mới được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng? Tôn giả Bạch Tịnh thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu Tỵ-kheo Trưởng lão thượng tôn không có năm pháp này thì thật sự không còn điêu nào

khác đê có thê khiến cho các bậc đồng Phạm hạnh kính men, tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già yếu, tóc bạc, răng rụng, sức khỏe ngày càng suy tàn, limg còng gối rủ, thân thể run rẩy, hơi thở mệt nhọc, đi phải chống gậy, hình thể gầy còm, còn da bọc xương, nép nhăn như gai, các căn hư mòn, nhan sắc xấu xí, do những điều này mà vi ấy được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. [0450c07] Đức Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy! Nêu Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn không có năm pháp này thì không còn điều nào khác để có thể khiến cho các bậc đồng Phạm hạnh kính mên? tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già yếu, tóc bạc, răng rụng, sức khỏe ngày càng suy tàn, lưng còng gối rủ, thân thể run rẩy, hơi thở mệt nhọc, đi phải

10 Tứ tăng thượng tâm catunnam jhānānam ābhicetasikānam'. Tứ thiền, thuộc tăng thượng tâm. 11 Hiện pháp lạc cu ,ditthadhammasukhavihāra còn gọi là "Hiên pháp lạc trú".

22. KINH THÀNH Tựu GIỚI 137

chống gậy, hình thể gầy còm, còn da bọc xương, nếp nhăn như gai, các căn hư mòn? nhan sắc xấu xí, do những điều này mà vị ấy được các bậc đồng Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Này Bạch Tịnh! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có đủ năm pháp này, vì thế mà các thầy phải kính mến, tôn trọng. Vì sao như vậy? Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã tu tập giới cấm, giữ gìn Biệt giải thoát, lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ và nhớ kỹ điều cốt yếu đã học. Lại nữa, này Bạch Tịnh! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy những điều nghe nhiều, những pháp nào phần đầu thiện, phân giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiên bày Phạm y hạnh, học rộng nghe nhiêu các pháp như vậy, học tập thuần thục JF e 9

cả ngàn lân, tâm ý tư duy quán sát, thây rõ và hiêu sâu. Lại nữa này Bạch Tịnh! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chứng đắc bốn tâm tăng thượng, được an lạc ngay trong pháp hiện tại, dễ dàng thành tựu, không phải quá khó. Lại nữa, này Bạch Tịnh! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tu hạnh trí tuệ, quán sát sự thịnh suy của các pháp mà chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt rõ ràng, dùng Chánh pháp để diệt sạch khổ. Lại nữa, này Bạch Tịnh! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã dứt sạch các lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại tự biết, tự giác ngộ, tư thân tác chứng, thành tựu và an trú, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu5 việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này Bạch Tịnh! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu năm pháp này, vì thế mà các thây phải kính mên, tôn trọng. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Bạch Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

23. KINH TRÍ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu1 2 xả giới bỏ đạo. Nghe tin Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu xả giới bỏ đạo, Tỳ-kheo Hắc Xỉ3 liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa rằng: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Ngài biết cho, Tỳ-kheo Mâu-lợi-pháquần-nậu đã xả giới bỏ đạo. Tôn giả

Xá-lợi-phất nói: -Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu có được sự an vui khi sống trong giáo pháp nay không?45 Tỳ-kheo Hắc Xỉ hỏi lại: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ngài có được sự an vui khi sống trong giáo pháp này không? Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: -Này Hắc Xỉ! Đối với giáo pháp này tôi hoàn toàn không có sự nghi hoặc. Tỳ-kheo Hắc Xỉ lại hỏi: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đối với những việc trong tương lai thì thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này Hắc Xỉ! Đối với những việc trong tương lai thì tôi cũng không hề do dự. Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, vừa rồi Tôn giả Xá-lợi-phất tự tuyên bố là đã chứng đắc Trí cứu cánh/ biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

1 Nguyên tác: Trí kình roi. 0026.23. 0451a01. Tham chiếu: s. 12.32 - II. 50. 2 Mâu-lợi-phá-quần-nậu ,Moliya Phagguna. Xem thêm những bất cập trong đời sống của vị Tôn giả này trong M. 21. 3 Hác Xỉ ,K*ãra. 4 Nguyên tác: Ư thử pháp trung nhi ái lạc da ,.Tham chiếu: s. 12.32 - II. 50: Dhammavinaye assāsamalatthati sự an ổn, thư thái khi sống trong trong Pháp và Luật. 5 Thuyết đắc trí ,Aññā vyakata: Tuyên bố chứng đắc A-la-hán.

Nghe xong, đức Phật bảo một vi Tỳ-kheo: -Thầy hãy đến chỗ Xá-lợi-phất và nói: “Thua Xá-lợi-phất! Đức Thế Tôn truyền gọi thầy.95 Vâng lời Phật dạy, vi Tỳ-ldieo ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật rồi đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa: -Đức Thế Tôn truyền gọi thầy. Nghe vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Phật hỏi: Này Xá-lợi-phất! Có phải vừa rồi thầy tự tuyên bố là đã chứng đắc Trí cứu cánh, biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa" chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn, không phải với lời văn ấy, không phải với câu chữ ấy, nhưng con có nói vê nghĩa ây. Đức Phật bảo: -Này Xá-lợi-phất! Một thiện nam tùy theo phương tiện mà tuyên thuyết, nếu thật sự có chứng đắc Trí cứu cánh thì tuyên bố chứng đắc Trí cứu cánh. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: -Bạch Thế Tôn, con vừa nói không phải với lời văn ấy, không phải với câu chữ ấy, nhưng con có nói về nghĩa ấy. Đưc Phật hỏi: Này Xá-lợi-phất! Nếu có các bậc Phạm hạnh đến hỏi thầy rằng: “Thua Ton giả Xá-lọi-phất, thầy biết như thế nào, thấy như thế nào để có thể tự tuyên bố là đã chứng đắc Trí cứu cárủi, biết như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa?"' Này Xá-lọi-phất, khi nghe hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời thế nào? [0451b02] Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thua Ton giả Xá-lợi-phất, thầy biết như thế nào? thấy như thế nào để có thể tự tuyên bố là đã chứng đắc Trí cứu cánh, biết như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa?,,, Bạch Thế Tôn, khi con nghe xong, sẽ trả lời như vầy: "Thua chư Hiền! Sự sanh có nhân. Nhân của sự sanh này đã diệt sạch và biết rõ là nhân của sự sanh đã diệt sạch rồi nên tôi tự tuyên bố đã chứng đắc Trí cứu cánh, biết như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.9,9 Bạch Thế

Tôn, nếu có các bậc Phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như thế.

23. KINH TRÍ 141

Đức Phật khen ngợi: Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Nấu các bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy thì thầy nên trả lời như thế. Vì sao như vậy? Vì phải biết rằng, những lời như vậy là nghĩa chân thật. Đức Phật hỏi: Này Xá-lợi-phất! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất9 sự sanh do nhân gì duyên gì, từ đâu mà sanh ra, lấy gì làm g6c?" Nghe hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn, nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất? sự sanh do nhân gì duyên gì, từ đâu mà sanh ra và lấy gì làm g6c?" Con nghe hỏi như vậy, sẽ trả lời rằng: "Thua chư Hiền, sự sanh có nhân là hữu, có duyên là hữu, từ hữu mà có sanh, lấy hữu làm gốc." Bạch Thế Tôn, nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy thì con sẽ trả lời như thế. Đức Phật khen ngợi: -Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy thì thầy nên trả lời như thế. Vì sao như vậy? Vì phải biết rằng, những lời như vậy là nghĩa chân thật. Đức Phật hỏi: -Này Xá-lợi-phất! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi thầy như vầy: "Thua Ton giả Xá-lợi-phất? hữu do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh và lấy gì làm g6c?" Nghe hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn, nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, hữu do nhân gduyên gì, từ đâu mà sanh và lấy gì làm Bạch Thế Tôn, con nghe xong, sẽ trả lời như vầy: "Thua chư Hiền! Hữu lấy thủ6 làm nhân, lấy thủ làm duyên, từ thủ mà sanh, lấy thủ làm gốc.9' Bạch Thế Tôn, nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như the. Đức Phật khen: Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy thì thầy nên trả lời như thế. Vì sao như vậy? Vì phải biết rằng, những lời như vậy là nghĩa chân thật. [0451 CƠI] Đức Phật hỏi: Này Xá-lợi-phất! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi thầy như vầy: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, thủ do nhân gì, duyên gtừ đâu mà sanh và lấy gì làm g6c?" Nghe hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời thế nào?

6 Nguyên tác: Thọ ,p. Upādānaṃ thường được dịch là "thỉT hoặc 4tchấp thủ.?,

142 KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 thủ do nhân gì, duyên gtừ đâu mà sanh, lấy gì làm g6c?" Bạch Thế Tôn? con nghe xong, sẽ trả lời như vầy: "Thua chư Hiền, thủ có nhân là ái, có duyên là ải, từ ái mà sanh, lấy ái làm g6c." Bạch Thế Tôn, nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như thế. Đức Phật khen ngợi: Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy thì thầy nên trả lời như thế. Vì sao như vậy? Vì phải biết rằng, những lời như vậy là nghĩa chân thật. Đức Phật hỏi: Này Xá-lợi-phất, nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi thầy như vầy: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất5 thế nào là ái?" Nghe hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất9 thế nào là ?" Bạch Thế Tôn, con nghe hỏi như thế, sẽ trả lời như vây: "Thua chư Hiên, có ba cảm thọ. Cảm thọ lạc, cảm thọ khô và cảm thọ không lạc không

khổ. Đoi với những cảm thọ ấy mà ưa thích, tham đam thì đó gọi là ái.” Bạch Thế Tôn? nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy thì con sẽ trả lời như thế. Đức Phật khen ngợi: Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu có bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy thì thầy nên trả lời như thế. Vì sao như vậy? Vì phải biết rằng, những lời như vậy là nghĩa chân thật. Đức Phật hỏi: Này Xá-lợi-phất9 nếu có bậc Phạm hạnh đến hỏi thầy rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, thầy thấy thế nào, biết thế nào để đối với ba thọ mà không ưa thích, không tham đắm?” Nghe hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Giả sử các bậc Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất9 thầy thấy thế nào, biết thế nào để đối với ba thọ mà không ưa thích, không tham đắm?" Con nghe hỏi như vậy, sẽ trả lời như vầy: "Thua chư Hiền, ba thọ này là pháp vô thường, pháp khổ, pháp diệt. Pháp vô thường tức là khổ, khi thấy được sự khổ rồi liền không còn ham muốn, tham đắm đối với ba thẹ." Bạch Thế Tôn, nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như thế.

7 Nguyên tác: Giác ,tân dịch là "th".Tiếng Pali tương đương là vedãna.

23. KINH TRÍ 143

Đức Phật khen ngợi: Hay thay, hay thay! Xá-lợi-phất! Nếu có các bậc Phạm hạnh đến hỏi như vậy, thầy hãy trả lời như thế. Vì sao như vậy? Vì phải biết rằng, những lời như vậy là nghĩa chân thật. [0452a01] Bấy giờ, đức Phật bảo: Này Xá-lợi-phất! Còn có thêm một nghĩa nữa để có thể trả lời vắn tắt những lời này. Này Xá-lợi-phất! Còn có thêm một nghĩa nào để có thể trả lời vắn tắt những lời này? Đó là, những gì được cảm thọ, những gì được tạo tác, thảy đều là khổ; Này Xá-lợi-phất, đó gọi là còn có thêm một nghĩa nữa để có thể trả lời vắn tắt những lời này. Đức Phật hỏi: Này Xá-lợi-phất! Giả sử các bậc Phạm hạnh đến hỏi thầy rằng: “Thua Tôn giả Xá-lọd-phất, thành tựu sự giải thoát8 như the nào để có thể tự mình tuyên bố là đã chứng đắc Trí cứu cánh, biết như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa?'" Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu các bậc Phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thua Tôn giả Xá-lợi-phât5 thành tựu sự giải thoát như thê nào đê có thê tự mình tuyên bô là đã chứng đắc Trí cứu cánh, biết như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?'" Bạch Thế Tôn, con nghe hỏi như vậy, sẽ trả lời như vầy: "Thua chư Hiền, nhờ vào sự giải thoát bên trong, tôi đã tự mình trừ sạch ái dục nên không còn sợ hãi, không nghi hoặc. Tôi đã thực hành thủ hộ như vậy, sau khi thủ hộ như vậy rồi, những lậu hoặc bất thiện không còn sanh ra nữa." Bạch Thế Tôn, nếu các bậc Phạm hạnh đên hỏi như vậy thì con sẽ trả lời như thê. Đức Phật khen ngợi: Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phât! Nêu các bậc Phạm hạnh đên hỏi như vậy thì thầy nên trả lời như thế. Vì sao như vậy? Vì phải biết rằng, những lời như vậy là nghĩa chân thật. Đức Phật bảo: -Này Xá-lợi-phất! Còn có thêm một nghĩa nữa để có thể trả lời vắn tắt những lời này. Những gì được các Sa-môn gọi là kiết sử thì những kiết sử ấy không tồn tại nơi ta. Ta đã thực hành thủ hộ như vậy và sau khi thủ hộ như vậy rồi, những lậu hoặc bất thiện không còn sanh ra nữa. Này Xá-lợi-phất, đó gọi là còn có thêm một nghĩa nữa để có thể trả lời vắn tắt những lời này.

uyên tác: Bối bất hướng còn gọi là tcbối xả",tức giải thoát, đồng nghĩa với "b6i hướng".

Nói như vậy xong, đức Phật liền rời chỗ ngồi, đi vào tinh thất tĩnh tọa. Sau khi đức Phật vào tịnh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, trước tiên, tôi chưa kịp gợi ý mà đức Thế Tôn lại hỏi ý nghĩa đó, tôi đã nghĩ rằng sợ không trả lời được. Này chư Hiền, khi tôi nói ra ý nghĩa thứ nhất liền được đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: "Nếu trong một ngày một đêm, với những lời khác với những câu khác mà đức Thê Tôn hỏi tôi về nghĩa này thì tôi vẫn có the trong một ngày một đêm, với những lời khác, với những câu khác mà trả lời Ngài về nghĩa ấy. Nếu trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, với những câu khác mà đức The Tôn hỏi tôi về nghĩa này thì tôi vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Ngài về nghĩa ấy." [0452b01] Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy, liền rời chỗ ngồi, vội đi đến chỗ đức Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Khi Ngài vừa vào tịnh thất không bao lâu thì Tôn giả Xá- lợi-phất đã biện giải rất hùng hồn chẳng thua gì tiếng rống của sư tử rằng: "Này chư Hiền, thoạt tiên tôi chưa kịp gợi ý mà đức Thế Tôn lại hỏi ý nghĩa đó? tôi đã nghĩ rằng sợ không trả lời được. Này chư Hiền, khi tôi nói ra ý nghĩa thứ nhất liền được đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: 'Nếu trong một ngay một đêm, với những lời khác, với những câu khác mà đức Thế Tôn hỏi tôi về nghĩa này thì tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm, với những lời khác, với những câu khác mà trả lời Ngài về nghĩa ấy. Nếu trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, với những câu khác mà đức Thế Tôn hỏi tôi về nghĩa này thì tôi vẫn có thể trong hai, ba, bốn cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, với những câu khác mà trả lời Ngài về nghĩa ấy.'" Đức Phật bảo: -Này Hác Xỉ! Đúng là như vậy. Nêu trong một ngày một đêm, với những lời khác, với những câu khác mà Như Lai hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vẫn có the trong một ngày một đêm, với những lời khác, với những câu khác mà trả lời Như Lai về nghĩa ấy. Này Hắc Xi, nếu trong hai, ba, bốn ngày cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, với những câu khác mà Ta hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này thì Tỳ-kheo Xá- lợi-phât vân có thê trong hai, ba, bôn cho đên bảy ngày bảy đêm với những lời khác, với những câu khác mà trả lời Như Lai về nghĩa ấy. Vì sao thế? Này Hắc Xỉ, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thông đạt về pháp giới rất sâu xa vậy. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

24. KINH Sư TỬ HÓNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đến nước Xá-vệ để an cư mùa mưa. Thế rồi, trải qua ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ xong, việc khâu vá y áo hoàn tất, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát, đi đến chỗ đức Phật. Đen nơi, Tôn giả lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, con ở nước Xá-vệ an cư mùa mưa vừa xong. Bạch Thế Tôn, bây giờ con muốn du hóa trong nhân gian. Đức

Phật dạy: Này Xá-lợi-phất! Thầy hãy đến nơi nào thầy muốn. Những ai chưa được độ thì thay hãy hóa độ họ? những ai chưa được giải thoát thì thay hãy giáo hóa khiến họ được giải thoát, những ai chưa chứng Niết-bàn thì thầy hãy khai mở 9 r r r A r đê họ chứng đăc Niêt-bàn. Này Xá-lợi-phât5 hãy đên những nơi mà thây muôn. [0452c03] Bấy giờ, nghe đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất khéo ghi nhớ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, xong lui ra trở về phòng riêng, dọn dẹp giường ghế, xếp y, ôm bát? rời khỏi phòng và đi du hóa trong nhân gian. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất đi không bao lâu, có một vị đồng Phạm hạnh đang ở trước Phật, tỏ vẻ bất mãn, thưa rang: -Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất đã khinh miệt con rồi đi du hóa trong nhân gian. Nghe vậy, đức Phật liền bảo một vị Tỳ-kheo: Thầy hãy đến chỗ Xá-lợi-phất và nói: "Đức Thế Tôn truyền gọi thầy. Bởi vì khi thầy vừa đi không bao lâu5 có một vị đồng Phạm hạnh ở trước Như Lai, tỏ vẻ bất mãn rồi thưa như vầy: 'Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất đã khinh miệt con rồi đi du hóa trong nhân gian."' Vâng lời Phật dạy, vi Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Phật rồi đi.

1 Nguyên tác: Sư tử hống kinh (T.Ol. 0026.24. 0452Ồ22). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.37.6. 0712cl2);^. 9.11 - IV. 373.

146 KINH TRƯNG A-HÀM

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng sau Phật, cầm quạt hầu Ngài. Sau khi vị Tỳ-kheo đi không lâu, Tôn giả A-nan cầm khóa cửa, đi đến khắp các phòng, gặp Tỳ-kheo nào cũng đêu nói răng: Lành thay, thưa chư Tôn! Hãy nhanh chóng đi đến giảng đường, vì hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất sẽ đứng trước Thế Tôn mà rống lên tiếng rống sư tử. Những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói ra thảy đều sâu xa, tịch tĩnh trong tịch tĩnh, tuyệt diệu trong tuyệt diệu. Những lời như vậy, sau khi các vi và tôi được nghe rồi, phải khéo đọc tụng, tu tập và ghi nhớ. Lúc ây, nghe Tôn giảA-nan nói như vậy, các Tỳ-kheo đêu đi đên giảng đường. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất rồi thưa: :Dức Thế Tôn truyền gọi thầy. Bởi vì khi thầy vừa đi không bao lâu, có một vị đồng Phạm hạnh ở trước đức Phật, tỏ vẻ bất mãn và thưa: 'Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất đã khinh miệt con rồi đi du hóa trong nhân gian.9,9 Khi nghe như vậy xong, Tôn giả Xá-lợi-phất liền rời chỗ ngồi, đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Phật liền hỏi: - Này Xá-lợi-phất! Thầy vừa đi không bao lâu, có một vị đồng Phạm hạnh ở trước Như Lai và nói rằng: "Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá-lợi-phất đã khinh miệt con rồi đi du hóa trong nhân gian.,^ Này Xá-lợi-phất, có thật là thầy đã khinh miệt một vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian không? [0453a01] Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu người nào không niệm thân trên thân2 thì người ấy mới khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con đã khéo thực hành niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? Bạch The Tôn! Như con bò bị gãy cặp sừng, tánh nó rất nhường nhịn, rất hiền lành, dễ sai khiến, dễ chế ngự. Nó đi từ thôn này đến thôn khác, từ xóm này đến xóm nọ5 những nơi mà nó đi qua không có gì bị xâm phạm. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy. Tâm của con như con bò bi gãy sừng, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, đầy

khắp tất cả thê gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thê Tôn, nêu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhan gian. Bạch Thế Tôn, con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có the khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? Bạch Thế Tôn! Như người Chiên-đà-la3 bi chặt cả hai tay, tâm ý rất thấp hèn. Người đó đi từ thôn này đi đến thôn khác, đi từ xóm này qua đến xóm nọ, những nơi người ấy đi qua không có gì bi xâm phạm. Bạch Thế Tôn! Con cũng

2 Nguyên tác: Thân thân niệm kāye kāyagatāsati'. Chánh niệm về thân hành, bên trong và cả bên ngoài thân. J 3 Chiên-đà-la Candāla, người thuộc giai cấp cùng đinh.

như vậy. Tâm con giống như một người Chiên-đà-la bị chặt cả hai tay, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo léo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vi đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? Bạch Thế Tôn! Như mặt đất dung nạp mọi thứ dù sạch hay dơ, đại tiện, tiểu tiện, mũi dãi, nước miếng, nhưng mặt đất không vì thế mà khởi sự thương ghét, không xem đó là sỉ nhục hay xấu xa, không hổ cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy. Tâm con như mặt đất kia, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo léo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đong Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có the khinh miệt vị đong Phạm hạnh roi đi du hóa trong nhân gian? Bạch Thế Tôn! Ví như dòng nước có thể cuốn trôi mọi thứ, dù sạch hay dơ, đại tiện, tiểu tiện, mũi dãi, nước miếng, nhưng dòng nước ấy không vì thế mà có sự thương ghét, không xem đó là sự sỉ nhục hay xâu xa, không hô cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy. Tâm con như dòng nước kia, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo léo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thê khinh miệt vị đông Phạm hạnh roi đi du hóa trong nhân gian? [0453b03] Bạch Thế Tôn! Như ngọn lửa đốt cháy mọi thứ, dù sạch hay dơ, đại tiện, tiêu tiện, mũi dãi, nước miêng, nhưng ngọn lửa không vì thê mà có sự thương ghét, không xem đó là sự sỉ nhục hay xấu xa, không hổ cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy. Tâm con như ngọn lửa kia, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo léo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Ton! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vị

đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? Bạch Thế Tôn! Như ngọn gió thổi bay mọi vật, dù sạch hay do, đại tiện, tiểu tiện, mũi dãi, nước miếng, nhưng ngọn gió kia cũng không vì the mà có sự thương ghét, không xem đó là sự sỉ nhục hay xấu xa, không ho cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy. Tâm con như ngọn gió kia, không gây

, A

thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo léo tu tập, đây khắp tất cả thế gian, thành tựu ya an trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Ton! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? Bạch Thế Tôn! Như cây chổi quét sạch mọi thứ, dù sạch hay dơ, đại tiện, tiểu tiện, mũi dãi, nước miếng, nhưng cây chổi không vì the mà có sự thương ghét, không xem đó là sự sỉ nhục hay xấu xa, không hổ cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy. Tâm con như cây chổi kia, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo léo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người áy mới có thái độ khinh miệt vị đông Phạm hạnh roi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? Bạch Thế Tôn! Như tấm giẻ lau có thể lau chùi mọi thứ, dù sạch hay dơ, đại tiện, tiểu tiện, mũi dãi, nước miếng, nhưng tấm giẻ lau không vì thế mà có sự thương ghét, không xem đó là sự sỉ nhục hay xấu xa, không hổ cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy. Tâm con như tấm giẻ lau kia, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, khéo léo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vi đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? [0453c0l] Bạch Thế Tôn! Như cái bình đựng dầu mỡ bị rạn nứt nhiều chỗ, người ta đổ đầy mỡ vào rồi để nó dưới ánh mặt trời, dầu chảy rỉ khắp nơi, thấm ướt khắp cả. Nếu người có mắt đến đứng bên cạnh, sẽ thấy cái bình đựng dầu mỡ bị rạn nứt nhiều chỗ, lại đựng đầy mỡ rồi để nó dưới ánh mặt trời, dầu chảy rỉ khắp nơi, thấm ướt khắp cả. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy, con thường quán thân này có chín lỗ, các thứ bất tịnh chảy rỉ khắp thân, thấm ướt khắp cả. Bạch Thế Tôn! Nếu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ấy mới có thái độ khinh miệt vị đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vị đông Phạm hạnh roi đi du hóa trong nhân gian? Bạch Thế Tôn! Như có người trẻ tuổi, thường yêu thương và chăm sóc thân the của mình nên tắm gội sạch sẽ rồi dùng hương thoa khắp thân, mặc y phục sạch đẹp, đeo vòng ngọc trang sức, chải chuốt râu tóc, đầu đội tràng hoa. Bấy giờ, nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc xác người chết đã thâm xanh, sình trướng, thối rữa, ri nước dơ rồi

đeo vào cổ người ấy thì người ấy sẽ ôm lòng hổ thẹn, rất

ghê tởm những thứ dơ bẩn đó. Bạch Thế Tôn! Con cũng như vậy, con thường quán sát những chỗ hôi thối trong thân này, trong lòng cảm thấy hổ thẹn, rất ghê tởm những thứ dơ bẩn đó. Bạch Thế Tôn! Nấu ai không thực hành niệm thân trên thân thì người ây mới có thái độ khinh miệt vị đông Phạm hạnh roi đi du hóa trong nhân gian. Bạch Thế Tôn! Con đã khéo niệm thân trên thân thì làm sao con lại có thể khinh miệt vi đồng Phạm hạnh rồi đi du hóa trong nhân gian? Lúc ấy, vi Tỳ-kheo kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, con xin sám hối! Bạch Thiện Thệ, con xin sám hối! Con như ngu, như si, như người bất đinh, như người bất thiện. Vì sao như thế? Vì con đã dùng lời dối trá để vu khống Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, là bậc Phạm hạnh thanh tịnh. Bạch Thế Tôn! Nay con xin sám hối tội lỗi, kính mong Thế Tôn chấp nhận cho! Sau khi đã bày tỏ sám hối rồi thì về sau, con sẽ không tái phạm nữa. Đức Phật dạy: -Đúng vậy, này Tỳ-kheo! Thầy thật như ngu, như si, như người bất định, như người bất thiện. Vì sao như thế? Vì thầy đã dùng toàn lời dối trá, không chút chân thật để vu khống Tỳ-kheo Xá-lợi-phất Phạm hạnh thanh tịnh. Thầy có thể sám hối tội lỗi, đã tỏ bày ăn năn rồi, sau này sẽ không còn tạo tội nữa. Nếu có người nào sám hối tội lỗi, đã tỏ bày ăn năn và sau này không còn tạo tội nữa thì người như thế sẽ được trưởng thành trong giáo pháp, chẳng bi suy giảm. Thế rồi, đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thầy nên nhanh chóng nhận sự sám hối tội lỗi của người ngu si kia, chớ để đầu của Tỳ-kheo ấy bi vỡ ra thành bảy mảnh ngay trước mắt thầy. Vì thương xót Tỳ-kheo kia, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nhận sự sám hối tội lỗi của thầy ấy. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

25. KINH VÍ DỤ VỀ Nước1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Hôm nay, tôi sẽ nói năm pháp diệt trừ phiền giận.1 2 Các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: -Năm pháp ấy là gì? Này chư Hiền! Giả sử có người mà hành độn^ của thân không trong sạch nhưng lời nói thì trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiên giận thì nên diệt trừ sự phiền giận ấy đi. Lại nữa, này chư Hiền! Giả sử có người miệng nói lời không trong sạch nhưng hành động của thân trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì nên diệt trừ sự phiền giận ấy đi. Lại nữa, này chư Hiên! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch, miệng nói lơi không trong sạch nhưng tâm ý còn có chút trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì nên diệt trừ sự phiền giận ấy đi. Lại nữa5 này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch, miệng nói lời không trong sạch và tâm ý cũng không có chút nào trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì nên diệt trừ sự phiền giận ấy đi. Lại nữa, này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân trong sạch, miệng nói lời trong sạch và tâm ý cũng rất trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì nên diệt trừ sự phiền giận ấy đi. Này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch nhưng miệng nói

lời trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì phải diệt trừ sự phiền giận bằng cách nào? Này chư Hiền, như Tỳ-kheo a-lan-nhã34mặc y phấn tảo/ thấy tấm vải xấu quăng bỏ trong đống rác, hoặc dính đại tiện dơ dáy, hoặc dính tiêu tiện, mũi dãi, nước miêng và các thứ bát

1 Nguyên tác: Thủy dụ kinh roi. 0026.25. 0454a03. Tham chiếu: A. 5.162 - III. 186. 2 Ngũ trừ não pháp pañca ãghãtapaịivinayã: Năm yếu tố nhiếp phục sân hận. 3 A-luyện-nhã Tỳ-kheo araññaka bhikkhu'. Tỳ-kheo sống trong rừng vắng, nghĩa địa, hang nùi,... 4 Trì phấn tảo y ,pcnpsQkulikà: Người tu theo hạnh chỉ mặc y phục từ vải đã bị quăng bỏ.

tịnh khác thấm bẩn; thấy rồi, vị ấy dùng tay trái cầm lên, tay phải căng rộng ra xem, nếu tấm vải đó không bị dính đại tiện, tiểu tiện, mũi dãi, nước miêng và các thứ bất tịnh khác thấm bẩn? lại không bị rách thủng thì sẽ xép lại roi đem về dùng. Cũng vậy, này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch nhưng miệng nói lời trong sạch thì chớ quan tâm đên hành động không trong sạch của thân người đó? mà chỉ chú ý đên lời nói trong sạch của họ. Nếu người trí thấy như vậy mà sanh lòng phiên giận thì nên diệt trừ bằng cách như vậy. Này chư Hiền! Giả sử có người mà lời nói không trong sạch nhưng hành động của thân thì trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì phải diệt trừ phiền giận bằng cách nào? Này chư Hiền, như cách thôn không xa, có hồ nước rất sâu, rêu cỏ phủ kín mặt hô. Có người bi nóng bức, phiên muộn, đói khát, mệt mỏi, bị gió nóng bức bách đi đến. Người ấy đen bên hồ? cởi áo để trên bờ rồi nhảy xuống hồ, dùng hai tay khoát rêu ra, tắm rửa thoả thích, trừ bỏ nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy5 này chư Hiền! Giả sử có người mà lời nói không trong sạch nhưng hành động của thân trong sạch thì chớ quan tâm đến lời nói của người ấy mà chỉ chú ý đến hành động trong sạch của thân người ấy thôi. Nếu người trí thấy như vậy mà sanh lòng phiền giận thì nên diệt trừ bằng cách như vậy. [0454b05] Này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch, lời nói cũng không trong sạch nhưng tâm ý còn có chút trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì phải diệt trừ phiền giận bang cách nào? Này chư Hiền! Ví như ở ngã tư đường có vũng nước sạch trong dấu chân bò, có người bị nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, bị gió nóng bức bách đi đến. Người ấy nghĩ thế này: "Nước trong dấu chân bò ở ngã tư đường này quá ít, nêu ta dùng tay hoặc lây lá cây múc thì nước sẽ bị khuây đục nên không thể trừ bỏ sự nóng bức, phiền muộn, đói khát và sự mệt mỏi cho ta. Vậy ta nên quỳ mọp xuống, hai tay và đầu gối áp sát mặt đất, dùng miệng uống rnróc." Người ấy liền quỳ mọp xuống, hai tay và đầu gối áp sát mặt đất, dùng miệng uống nước. Nhờ vậy mà người ấy liền trừ được sự nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy, này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch, lời nói cũng không trong sạch, nhưng tâm ý còn có chút trong sạch thì chớ quan tâm đên hành động không trong sạch của thân, chớ quan tâm đen lời nói không trong sạch của người đó mà chỉ chú ý đến tâm ý còn có chút trong sạch của người đó thôi. Này chư Hiền! Nếu người trí thấy như vậy mà sanh lòng

phiền giận thì nên diệt trừ bằng cách như vậy. Này chư Hiên! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch, lời nói và tâm ý cũng không trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiên giận thì phải diệt trừ phiền giận bằng cách nào? Này chư Hiền! Như có người lữ hành đang đi trên con đường dài xa thẳm, nửa đường lại mắc bệnh, rát mệt mỏi khốn đốn, vì xung quanh cô quạnh lại không có bạn bè, thôn xóm

phía sau thì xa tít tắp mà thôn xóm phía trước lại chưa đến. Nấu có người đi đên và đứng bên cạnh, thây người lữ hành này đang đi trên con đường dài xa thăm, nửa đường lại mác bệnh, rát mệt mỏi khôn đôn, vì xung quanh cô quạnh lại không có bạn bè? thôn xóm phía sau thì xa tít tắp mà thôn xóm phía trước lại chưa đên. Người bệnh ây nêu được người này giúp đỡ thì từ nơi đông không cô quạnh, sẽ dần dần đưa về thôn ấp, rồi cho uống thuốc hay bồi bổ bằng đồ ăn thức uống thơm ngon và được chăm sóc kỹ lưỡng thì chắc chắn bệnh của người ấy sẽ được thuyên giảm. Đó là do vì người kia có lòng thương xót, có từ tâm với người bệnh này. Cũng vậy? này chư Hiên! Giả sử có người mà hành động của thân không trong sạch, lời nói và tâm ý cũng không trong sạch, nếu người có trí nhìn thấy thì nên suy nghĩ như vây: "Hiên giả này thân hành động không trong sạch, lời nói và tâm ý cũng không trong sạch, đừng để cho hiền giả này vì thân hành động không trong sạch, lời nói và tâm ý cũng không trong sạch mà sau khi qua đời bị rơi vào đường ác? đọa vào địa ngục. Nếu Hiền giả này gặp bậc thiện tri thức thì sẽ lìa bỏ hành động không trong sạch của thân, tu sửa để thân hành động trong sạch; từ bỏ lời nói không trong sạch, tu sửa để lời nói trong sạch; từ bỏ tâm ý không trong sạch, tu sửa để tâm ý trở nên trong sạch. Nhờ vậy, nên mọi hành động từ thân, từ lời nói và từ tâm ý của Hiền giả này trở nên trong sạch. Nhờ vậy nên sau khi qua đời, chắc chắn sanh đến cõi lành, cho đến sanh lên cõi trời." Đó là do bậc thiện tri thức kia có lòng thương xót, có tâm từ với Hiền giả này. Nếu người có trí mà sanh lòng phiền giận thì nên diệt trừ bằng cách như vậy. [0454c05] Này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân trong sạch, lời nói và tâm ý cũng rất trong sạch, nếu bậc có trí nhìn thấy mà sanh lòng phiền giận thì phải diệt trừ phiền giận bằng cách nào? Này chư Hiền, như cách thôn không xa, có hồ nước đẹp, vừa trong lại vừa ngọt, đáy hồ sâu và bằng phẳng, cỏ biếc phủ bờ? hoa mọc xung quanh. Nêu như có người bị nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi, bi gió nóng bức bách tìm đến, người ấy đến hồ rồi liền cởi áo để trên bờ và nhảy xuống hồ, tắm rửa thỏa thích, từ bỏ sự nóng bức, phiền muộn, đói khát, mệt mỏi. Cũng vậy? này chư Hiền! Giả sử có người mà hành động của thân trong sạch, lời nói và tâm ý cũng rất trong sạch thì hãy nghĩ đến hành động trong sạch của thân, của lời nói và ý nghĩ trong sạch của người đó. Nếu người có trí thây như vậy mà sanh lòng phiền giận thì nên diệt trừ bằng cách như vậy. Này chư Hiền! Tôi vừa nói năm pháp diệt trừ phiền giận, vì nhân đây nên nói như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.5

5 Bản Hán, hết quyển 5.

26. KINH CÙ-NI-SƯ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tỳ-kheo Cù-ni-sư1 2 cũng ở thành Vương Xá5 trong một am vắng3 nhưng hay đùa cợt, kiêu ngạo, quấy rối, không chánh niệm, tâm như khỉ vượn. Một hôm, nhân có chút việc, Tỳ-kheo Cù-ni-sư vào thành Vương Xá. Lúc đó, sau giờ thọ trai, vì có chút việc nên Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với chúng Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường. Sau khi xong việc trong thành Vương Xá, Tỳ-kheo Cù-ni-sư cũng đi đến giảng đường. [0455a03] Tôn giả Xá-lợi-phất từ xa trông thấy Cù-ni-sư đi đến, do có Cù- ni-sư nên Tôn giả bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự4 sống ở nơi thanh vắng phải học hạnh cung kính và biết tùy thuận quán sát. Này chư Hiền! Nêu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vang mà thường không có sự kính trọng và không biết tùy thuận quán sát thì vị ấy sẽ bi các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vang nhimg thường không biết kính trọng, không biết tùy thuận quán sát." Nếu vi ấy ở trong chúng cũng sẽ bị các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất vấn. Do đó, này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học hạnh cung kính và biết tùy thuận quán sát. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học hạnh không đùa cợt, không ồn náo. Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh văng mà hay đùa cợt, ôn náo thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chát vân: Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng mà lại thích đùa cợt, ồn náo. Nếu vị ấy ở trong chúng cũng sẽ bi các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất vấn." Do đó9 này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học hạnh không đùa cợt, không gây on náo. 1 Quyển 6. Nguyên tác: Cù-ni-sưkinh (roi. 0026.26.0454c24). Tham chiếu: M. 69, Go Hyāni Sutta (Kỉnh Goliyãnĩ). 2 Cù-ni-sư (,Goliyāni). 3 Tại vô sự thất ().M. 69: Āraññikā (người sống trong rừng).

4 Vô sự Tỳ-kheo ().p. Āraññaka bhikkhu'. Tỳ-kheo sống trong rừng.

156 KINH TRƯNG A-HÀM

Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học hạnh không bàn luận những chuyện phù phiếm, vô nghĩa.5 Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà hay bàn luận những chuyện phù phiếm, vô nghĩa thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này song ở nơi thanh vắng mà hay bàn luận những chuyện phù phiếm, vô nghĩa.,, Nếu vị ấy ở trong chúng cũng sẽ bị các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất vấn. Do đó, này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học hạnh không nên bàn luận những chuyện phù phiếm, vô nghĩa. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học hạnh không kiêu ngạo và hãy ít nói năng. Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà hay kiêu ngạo và nói nhiều thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như y • r r e vậy? Vì Hiên giả vô sự này sông ở nơi thanh văng mà thường kiêu ngạo và ưa nói nhieu.59 Nêu vị ây ở trong chúng cũng sẽ bi các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chát vấn. Do đó, này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học

hạnh không kiêu ngạo và ít nói năng. [0455b0l] Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học cách giữ gìn các căn. Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà thường không giữ gìn các căn thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này sông ở nơi thanh văng mà thường không giữ gìn các căn.,, Nêu vị ấy ở trong chúng cũng sẽ bị các Tỳ-kheo khác chỉ trích, chất van. Do đó, này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học cách giữ gìn các căn. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học hạnh biết đủ trong sự ăn uống. Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà tham ăn, ăn quá nhiều, ăn không biết đủ thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng mà tham ăn, ăn quá nhiều, ăn không biết Nếu vị ấy sống ở trong chúng cũng bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất vấn. Do đó, này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học hạnh biết đủ trong sự ăn uống. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học hạnh tinh tấn, không lười biếng. Này chư Hiền! Nấu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà thường không tinh tấn và lười biếng sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất

5 Súc sanh luận ().D. l gọi là tiracchānakathā (những câu chuyện vô ích, tầm thường), HT. Thích Minh Châu dịch. Ngài Buddhaghosa trong MA. II. 153 đã giải thích: Đó là những câu chuyện về loài hữu tình thuộc bàng sanh, hướng ngang, gối là tiracchāna (tiriyarn añchitāti tiracchānā). Co lẽ do tính từ tiriyam mang nghĩa là hướng ngang, bê ngang, còn ở phương diện danh từ thì tỉrỉyã chỉ cho một loài cỏ dại, mọc lan trèn mặt đất; thế nên toàn bọ cu ngữ tiracchānakathā mang nghĩa phát sinh là nhưng chuyện lan man, vô bổ, huyền đàm.

26. KINH CÙ-NI-SƯ 157

Vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng mà thường không tinh tấn, trái lại còn biếng nhác." Nếu vi ấy sống ở trong chúng cũng bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất vấn. Do đó, này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học hạnh tinh tấn và không lười biếng. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học chánh niệm tỉnh giác. Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà thường không chánh niệm tỉnh giác thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này song ở nơi thanh vang mà thường xuyên không có chánh niệm tỉnh giC."Nếu vị ấy đến ở trong chúng cũng bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chát vân. Do đó, này chư Hiên, Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi thanh văng cân phải học chánh niệm tỉnh giác. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần học pháp biết thời và đúng thời, không đi vào thôn ấp khất thực quá sớm, cũng không được trở về quá muộn. Này chư Hiền! Nấu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà vào thôn ấp khất thực quá sớm ĩihxmg lại trở về muộn thì Tỳ-kheo vô sự ấy sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này song ở nơi thanh vang mà không giữ nguyên tăc, cứ vào thôn áp khát thực quá sớm roi lại vê muộn?9 Nêu vị

ây ở trong chúng cũng sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chát vân. Thê nên, này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học pháp biết thời và đúng thời. [0455c06] Này chư Hiên! Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi thanh văng nên học pháp biết cách ngồi và ngồi đúng chỗ, không chiếm chỗ ngồi của bậc Trưởng lão hoặc xua đuổi Tỳ-kheo nhỏ.6 Này chư Hiền! Nêu Tỳ-kheo vô sự song ở nơi thanh vắng mà chiếm chỗ ngồi của bậc Trưởng lão hoặc xua đuổi các Tỳ-kheo nhỏ thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chát vân: "Hiên giả vô sự này sông ở nơi thanh văng đê làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiên giả vô sự này sông ở nơi thanh vắng mà chiếm chỗ ngồi của bậc Trưởng lão hoặc lại xua đuổi Tỳ-kheo nh6." Nấu vị ấy ở trong chúng cũng sẽ bị các Tỳ-kheo khác thường quở trách, chất vấn. Do đó? này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học pháp biêt cách ngôi và ngôi đúng chô. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học tập và cùng nhau thảo luận về Luật và A-tỳ-đàm.7 Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Khi Tỳ- kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng, giả sử có người đến hỏi về Luật vàA-tỳ-đàm

6 Vị tiểu Tỷ-khưu ha ().Tham chiếu M. 69: There ca bhikkhū nānupakhajja nisīdissāmi nave ca bhikkhū na āsanena patibāhissāmi (không có chiêm lây chô ngôi các Thượng tọa Tỷ-kheo, không có trục xuất chỗ ngôi của các niên thiêu Tỷ-kheo), HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Nguyên tác: Luật, A-tỳ-đàm ().Tham chiếu: M. 69: Abhỉvinaya, abhidhamma'. Nghĩa lý thù thăng của Luật (Vinayo) và Pháp (Dhammā).

mà Tỳ-kheo vô sự ấy không hiểu gì về Luật và A-tỳ-đàm để trả lời thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng mà không biết trả lời về Luật và Nếu vi ấy ở trong chúng cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, chất vấn. Thế nên, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học tập và cùng nhau thảo luận vê Luật và A-tỳ-đàm. Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học tập và cùng nhau bàn luận về tịch tịnh giải thoát,8 về ly sắc,9 cho đến Vô sắc đinh. Vì sao như vậy? Này chư Hiên! Khi Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi thanh văng, nêu có người đến hỏi về sự tịch tinh giải thoát, về ly sắc, cho đến Vô sắc định mà Tỳ- kheo vô sự ấy không biết trả lời về tịch tịnh giải thoát, về ly sắc, cho đến Vô sắc định thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiền giả vô sự này song ở nơi thanh vắng mà không biết trả lời về tịch tịnh giải thoát, về ly sắc cho đên Vô săc djnh.” Nêu vi ây ở trong chúng cũng sẽ bi các Tỳ-kheo thường quở trách, chất vấn. Do đó? này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng cần phải học tập và cùng nhau thảo luận về tịch tịnh giải thoát, về ly sắc cho đến Vô sắc đinh. [0456a02] Này chư Hiền! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng nên học tập và cùng nhau thảo luận vê Lậu tận trí thông. Vì sao như vậy? Này chư Hiên! Khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng, nếu có người đến hỏi về Lậu tận trí thông mà vị ấy không biết trả lời về Lậu tận trí thông thì sẽ bị các Tỳ-kheo khác quở trách, chất vấn: "Hiền giả vô sự này sống ở nơi thanh vắng để làm gì? Vì sao như vậy? Vì Hiên giả vô sự này sông ở nơi thanh văng mà không biêt trả lời vê Lậu tận trí

thong?9 Nêu vị ây ở trong chúng cũng sẽ bị các Tỳ-kheo thường quở trách, chát vân. Do đó5 này chư Hiên! Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi thanh văng cần phải học tập và cùng nhau thảo luận về Lậu tận trí thông. LÚC ây, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên cũng có mặt trong đại chúng, liên thưa rằng: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Chỉ những Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mới nên học những pháp như vậy5 còn các Tỳ-kheo khác sống gần gũi thôn ấp10 thì thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi thanh vắng mà còn phải học những pháp như vậy, huống nữa là Tỳ-kheo sống giữa thôn xóm?

8 Nguyên tác: Tức giải thoát ,Santavỉmokkhà. 9 Ly sắc ,atikkamma rūpe'. Vượt qua sắc pháp. 10 Nhân gian Tỳ-kheo Tỳ-kheo sống trong nhân gian, gần gũi thế tục.

26. KINH CÙ-NI-SƯ 159

Cứ như vậy, hai Tôn giả cùng nhau hỏi đáp và khen ngợi "Lành thay!” cho chúng Tỳ-kheo nghe rồi cùng rời khỏi giảng đường. Kính trọng, không đùa cợt, Không luận phiếm, kiêu ngạo, Hộ căn, ăn biết đủ, Tinh tấn, niệm, tỉnh giác. Biết thời, ngồi đúng chỗ, Thảo luận Luật, Tỳ-đàm? Và tịch tịnh giải thoát, Lậu tận thông cũng vậy.11

11 Bài kệ tóm tắt những phẩm tính cần có của Tỳ-kheo theo nội dung kinh.

27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa và an cư mùa mưa tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất12 an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Bây giờ, có một Tỳ-kheo vừa két thúc ba tháng an cư ở thành Vương Xá. Vi này may vá y áo xong, liền đắp y ôm bát đi từ thành Vương Xá đến nước Xá-vệ và nghỉ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Từ nơi đó? vị Tỳ-kheo ấy đã ghé đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên. [0456b01] Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi: Này Hiền giả! Thay từ đâu đen và đã an cư mùa mưa ở nơi nào? Tỳ-kheo ấy thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con từ thành Vương Xá đến đây và vừa kết thúc an cư mùa mưa tại đó. Này Hiền giả! Đức Thế Tôn cũng an cư tại thành Vương Xá, không biết Thánh thể có được mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường không? Vâng, thưa Ton giả! Đức Thế Tôn an cư tại thành Vương Xá, Thánh thể vẫn mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường. Này Hiền giả! Chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni an cư tại thành Vương Xá có mạnh khỏe, an on không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường, thường mong đến thăm đức Phật và thích nghe pháp chăng? -Vâng, thưa Tôn giả! Chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni an cư ở thành Vương Xá vẫn mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường, thường xuyên đen thăm đức Phật và mong được nghe pháp. Này Hiền giả! Chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di tại thành Vương Xá có được mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường và có thường xuyên đến thăm đức Phật, mong được nghe pháp chăng?

1 Nguyên tác: Phạm chỉ Đà-nhỉên kỉnh (01. 0026.27. 0456a22). Tham chiếu: M. 97, Dhanañjāni Sutta (Kỉnh Dhanañjāni). 2 Nguyên tác: Xá-lê tử ().

-Vâng, thưa Tôn giả! Chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di tại thành Vương Xá vẫn mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường và thường xuyên đến thăm đức Phật, mong được nghe pháp. Này Hiền giả! Tất cả Phạm chí, Sa-môn ngoại đạo ở thành Vương Xá có được mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường và có thường xuyên đến thăm đức Phật, mong được nghe pháp chăng? Vâng, thưa Tôn giả! Tất cả Phạm chí, Sa-môn ngoại đạo vẫn mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường và thường xuyên đến thăm đức Phật, mong được nghe pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Này Hiền giả! Tại thành Vương Xá có vị Phạm chí tên là Đà-nhiên,3 vốn là bạn tôi lúc chưa xuất gia, Hiền giả có biết người ấy không? Thưa Tôn giả! Con có biết. Này Hiền giả! Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương Xá có được mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường và có thường xuyên đến thăm đức Phật, mong được nghe pháp chăng? -Thưa Tôn giả! Phạm chí Đà-nhiên tại thành Vương Xá vẫn mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường nhưng không muốn đến thăm Thế Tôn và cũng không ưa nghe pháp. Vì sao như vậy? Thưa Tôn giả! Vì Phạm chí Đà-nhiên đã không tinh tấn, lại còn phạm các giới cấm. Ông ấy cậy thế nhà vua để lừa gạt các Phạm chí, cư sĩ, lại dựa uy thế các Phạm chí, cư sĩ để dối gạt nhà vua. [0456c04] Nghe như vậy rồi, việc an cư ba tháng mùa mưa tại nước Xá-vệ cũng đã xong, Tôn giả Xá-lợi-phất liền khâu vá lại y áo rồi xếp y ôm bát, đi từ nước Xá-vệ đến thành Vương Xá, nghỉ ở tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y ôm bát vào thành Vương Xá, tuần tự đi khất thực. Khất thực xong, Tôn giả đến nhà Phạm chí Đà-nhiên. Lúc ấy, Phạm chí Đà-nhiên vừa từ nhà mình đi ra, đến bên bờ suối, nơi người dân đang bị ép buộc làm việc khổ nhọc.4 Từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đến, Phạm chí Đà-nhiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy? chỉnh sửa lại y phục, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất ca ngợi: -Thật quý hóa! Kính chào Tôn giả Xá-lợi-phất! Đã lâu rồi Ngài chưa ghé đến đây. Ca ngợi thế rồi, Phạm chí Đà-nhiên cung kính cầm tay cung thỉnh Tôn giả Xá-lợi-phất vào nhà, bày tòa trang trọng mời Tôn giả ngồi. Tôn giả Xá-lợi-phất

3 Đà-nhiên ()phiên âm từ Dhanañjāni, là vị Phạm chí sống gần cổng thành Tandulapāli, thuộc thành Vương Xá (Rājagaha). J J J 4 Nguyên tác: Khổ trị cư dân ().Tham chiếu: M. 97: Tena kho pana samayena dhanañjāni brahmano bahinagare gāvo gotthe dohapeti (Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Dhānañjāni đang cho vắt sữa bò ở ngoài thành), HT. Thích Minh Châu dịch. •

ngồi lên tòa đó. Phạm chí Đà-nhiên thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đã ngồi xong, liền bưng một chậu bằng vàng [đựng nước để Tôn giả rửa tay], rồi sau đó mời Tôn giả thọ thực. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Thôi, thôi, Đà-nhiên! Chỉ cần trong lòng vui là đủ. Phạm chí Đà-nhiên mời đến ba lần. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng lặp lại ba lần: Thôi, thôi, Đà-nhiên! Chỉ cần trong lòng vui là đủ. Lúc đó, Phạm chí Đà-nhiên hỏi: Thưa Tôn giả! Vì sao Ngài đã vào nhà như thế này mà không chịu thọ thực? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Này

Đà-nhiên! Ông không tinh tấn, lại phạm các giới cấm, cậy thế nhà vua để lừa gạt các Phạm chí, cư sĩ; lại dựa thế các Phạm chí, cư sĩ để dối gạt nhà vua. Phạm chí Đà-nhiên nói: -Thưa Tôn giả! Xin Ngài biết cho, tôi còn tại gia nên lấy gia nghiệp làm bổn phận. Tôi phải lo cho mình được an ổn5 phụng dưỡng cha mẹ, chăm sóc vợ con, cung cap cho tôi tớ, nộp thuê cho vua, cúng tê thiên thân, thờ cúng tô tiên và còn cúng dường cho các Sa-môn5 Phạm chí đe sau này được sanh lên cõi trời hưởng phước trường thọ5 được quả báo an lạc. Thưa Tôn giả! Tôi không thể nào bỏ những việc đó để chuyên tu theo pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Này Đà-nhiên! Bây giờ tôi hỏi, ông tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ông thế nào? Nếu có người vì cha mẹ mà làm các việc ác? do làm các việc ác nên sau khi qua đời, họ đi thẳng đến cõi ác? đọa vào địa ngục. Khi đọa vào địa ngục rồi, bi cai ngục bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về cai ngục mà nói thế này: "Cai ngục nên biết, đừng hành hạ tôi! Vì sao như vậy? Tôi chỉ vì cha mẹ mới làm việc ác." Thế nào? Này Đà-nhiên! Theo ông thì người ấy có thoát khỏi sự kho sở từ cai ngục không? [0457a05] Phạm chí Đà-nhiên trả lời: Thưa, không được! Lại hỏi: -Này Đà-nhiên! Ý ông thế nào? Giả sử có người vì vợ con mà làm các việc ác, do làm các việc ác nên sau khi qua đời, họ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Khi đọa vào địa ngục rồi, bị cai ngục bắt trói đánh đập hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về cai ngục mà nói thế này: “Cai ngục nên biết, chớ hành hạ tôi! Vì sao như vậy? Tôi chỉ vì vợ con mới làm việc ác." Thế nào? Này Đà-nhiên! Theo ông thì người ấy có được thoát khỏi sự khổ sở từ cai ngục không?

Phạm chí Đà-nhiên trả lời: -Thưa, không được! Lại hỏi: -Này Đà-nhiên! Ý ông thế nào? Nếu lại có người vì tôi tớ mà làm các việc ác, do làm các việc ác nên sau khi qua đời, họ đi thẳng đen cõi ác, đọa vào địa ngục. Khi đọa trong địa ngục rồi, bị cai ngục bắt trói, hành hạ rất khổ sở? người ấy hướng về cai ngục mà nói thế này: "Cai ngục nên biết, đừng hành hạ tôi! Vì sao như vậy? Tôi chỉ vì tôi tớ mới làm các việc ác.Thế nào? Này Đà-nhiên! Theo ông thì người ấy có được thoát khỏi sự kho sở từ cai ngục không? Thưa, không được! Lại hỏi: Này Đà-nhiên! Ý ông thế nào? Giả sử có người vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn, vì Phạm chí mà làm các việc ác, do làm các việc ác nên sau khi qua đời, họ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Khi đọa vào địa ngục roi, bi cai ngục bát trói, hành hạ rát khô sở5 người ây hướng vê cai ngục mà nói thế này: "Cai ngục nên biết, đừng hành hạ tôi! Vì sao như vậy? Tôi chỉ vì quôc vương, thiên thân, tô tiên, Sa-môn, Phạm chí mới gây tạo các việc ac." Thế nào? Này Đà-nhiên! Theo ông thì người ấy có được thoát khỏi sự khổ sở từ cai ngục không? -Thưa, không được! Này Đà-nhiên! Người thiện nam có thể mim sinh đúng pháp/ nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp,56 rồi sử dụng chúng để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước dức, không gây tạo nghiệp ác. Này Đà-nhiên! Nêu một người thiện nam có the mưu sinh đúng pháp, nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp, rồi dùng chúng để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các nghiệp phước đức, không gây tạo nghiệp ác thì người ấy sẽ được cha mẹ thương yêu và nói thế này: "Mong cho con luôn mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao như vậy? Vì ta nhờ con nên mới được an Ôn, hân hoan.,, Này Đà-nhiên! Nêu người nào được cha

mẹ rát mực thương yêu thì phước đức người đó càng ngày tăng thêm, không bao giờ suy giảm. [0457b04] Này Đà-nhiên! Người thiện nam có thể mưu sinh đúng pháp, nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp, rồi sử dụng chúng để yêu thương, cung cấp và chăm sóc vợ con, làm các hạnh phước đức, không gây tạo nghiệp ác. Này Đà-nhiên! Nếu người thiện nam có thể mưu sinh đúng pháp, nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp, rồi sử dụng chúng để yêu thương, cung cấp và chăm sóc vợ con, làm các hạnh phước đức, không gây nghiệp ác thì người ấy sẽ được vợ con tôn trọng và nói thế này: “Mong cho tôn

5 Như pháp như nghiệp ín.M. 97: Dhammikā kammantā mưu sinh đúng pháp.
6 Nguyên tác: Như công đức :Phước quả ,puññd đúng pháp.

trưởng luôn mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao như vậy? Vì chúng tôi nhờ tôn trưởng nên được an ổn, hân hoan.^, Này Đà-nhiên! Nếu người nào được vợ con rất mực tôn trọng thì phước đức của người đó ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm. Này Đà-nhiên! Người thiện nam có thể mưu sinh đúng pháp, nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp, rồi sử dụng chúng để lân mẫn, chu cấp và săn sóc tôi tớ, làm các hạnh phước dức, không gây nghiệp ác. Này Đà-nhiên! Nêu người thiện nam có thể mưu sinh đúng pháp, nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp, rồi sử dụng chúng để lân mẫn, chu cấp và săn sóc tôi tớ, làm các hạnh phước đức, không gây nghiệp ác thì người ấy sẽ được tôi tớ tôn trọng và nói thế này: "Mong cho người chủ luôn mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao như vậy? Vì nhờ người chủ mà tôi được an ổn, hân hoan." Này Đà-nhiên! Nếu người nào được tôi tớ rất mực tôn trọng thì ân đức của người ấy ngày tăng thêm, không bao giờ suy giảm. Này Đà-nhiên! Người thiện nam có thể mưu sinh đúng pháp, nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp, rồi sử dụng chúng để tôn trọng, cúng dường các vị Sa-môn, Phạm chí, làm các hạnh phước dức, không gây nghiệp ác. Này Đà-nhiên! Nêu người thiện nam có the mưu sinh đúng pháp, nhân đó mà có được phước quả tiền tài đúng pháp, rồi sử dụng chúng để tôn trọng cúng dường các vị Sa-môn, Phạm chí, làm các hạnh phước dức, không gây nghiệp ác thì người ây sẽ được các vị Sa-môn5 Phạm chí rát yêu mên và nói thê này: "Mong cho thí chủ luôn mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao như vậy? Vì chúng tôi nhờ thí chủ mà được an ổn, hân hoan.,^ Này Đà-nhiên! Nếu người nào được r e r

Sa-môn5 Phạm chí rát mực yêu mên thì phước đức của người ây ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm. Bấy giờ, Phạm chí Đà-nhiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa: -Thưa Tôn giả! Con có người vợ yêu quý, tên là Đoan Chánh. Vì quá say mê bà ấy nên con đã buông lung, tạo quá nhiều nghiệp ác. Thưa Tôn giả! Ke từ hôm nay, con bỏ người vợ này và xin quy y Tôn giả. [0457c02] Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: -Này Đà-nhiên! Ông đừng quy y tôi mà hãy quy y đức Phật, là bậc Thầy mà tôi đã quy y. Phạm chí Đà-nhiên thưa: Thưa Tôn giả! Ke từ hôm nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi mong Tôn giả nhận con làm ưu-bà-tắc của đức Phật. Từ nay đến cuối đời con xin nguyện quy y! Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền vì Phạm chí Đà-nhiên mà thuyết pháp, mở bày, chỉ

dạy, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện vì

Phạm chí Đà-nhiên mà thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi Tôn giả Xá-lợi-phất rời chỗ ngồi, du hành khắp thành Vương Xá. ở đây được vài ngày, Tôn giả lại xếp y ôm bát đi từ thành Vương Xá đến Nam Sơn,7 ngụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa phía Bắc thôn Nam Sơn. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến thành Vương Xá, ở lại đây vài ngày, rồi xếp y ôm bát đi từ thành Vương Xá và cũng đến Nam Sơn, cư trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa phía Bắc thôn Nam Sơn. Thế rồi, vị Tỳ-kheo đó đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất9 cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả Xá-lợi-phất rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi: —Hiền giả từ đâu đến đây và định đi đâu? Vi Tỳ-kheo ấy thưa: Thưa Tôn giả! Con từ thành Vương Xá đến và đang hành đạo tại nơi ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Này Hiền giả! Thầy có biết ở thành Vương Xá có Phạm chí tên là Đà- nhiên, vị này là bạn thân của tôi thuở chưa xuất gia không? -Thưa, biết! -Này Hiền giả! Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương Xá có được khỏe mạnh, an ôn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường, thường xuyên đên thăm đức Phật và ưa thích nghe pháp không? Thưa Tôn giả! Phạm chí Đà-nhiên thường đến thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe pháp, nhưng không được mạnh khỏe vì khí lực đang r • . r dân suy yêu. Vì sao như vậy? Vì Phạm chí Đà-nhiên hiện giờ đang bệnh rát nguy cấp, có the sắp qua đời. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất liền xếp y ôm bát đi từ Nam Sơn đến thành Vương Xá roi an tru nơi Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bây giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y ôm bát đi đến nhà của Phạm chí Đà-nhiên. Từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến, Phạm chí Đà-nhiên liền muốn đứng dậy. Thấy vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngăn lại: -Này Phạm chí Đà-nhiên! Ông cứ nằm yên, đã có chỗ ngồi khác rồi, tôi sẽ tự ngồi. [0458a01] Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi xuống chỗ ấy. Khi đã ngồi xong, Ngài hỏi:

7Nam Sơn (210±18),.1144 891121111111¥(),M 97 vàS. 16.11 - II. 217
đêu ghi Dakkhināgiri. Theo DPPN, Dakkhināgiri là một tiêu quốc (Janapada) nằm ở phía Nam thành Vương Xá (Rājagaha) thuộc nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Ma-kiệt-đà là một nước lớn ở trung tâm Ẩn Độ, nên còn được gọi Trung Thiên Trúc ().Nam Thiên Trúc là một địa danh được xác định rõ nên HT. Thích Minh Châu dịch là Nam Sơn (Dakkhināgiri).

-Này Đà-nhiên! Hôm nay, bệnh tình của ông thế nào? Ăn uống được nhiều ít? Cơn đau có phần nào thuyên giảm chăng? Không tăng thêm chứ? Đà-nhiên trả lời: Bệnh tình của con rất nguy khốn, ăn uống không được, cơn đau chỉ tăng thêm chứ không giảm. Thưa Tôn giả! Ví như lực sĩ cầm dao bén đâm vào đầu, chỉ sanh thêm sự khốn khổ cùng cực. Hôm nay, đầu của con đau nhức cũng giông như vậy. Thưa Tôn giả! Lại ví như lực sĩ siết chặt dây thừng quanh đâu thì chỉ sanh ra sự đau khổ cùng cực. Hôm nay, đầu của con đau nhức cũng giống e 9 9

như vậy. Thưa Tôn giả! Lại ví như người mô bò dùng con dao thật bén mô bụng con bò thì ỉ chỉ sanh ra sự. đau đớn• cùng cực. Hôm rnay,A bụng của conk quặn đau cũng giông như vậy. Thưa Tôn giả! Lại ví như hai lực sĩ bát một người ôm yêu đem nướng trên ngọn lửa thì chỉ sanh ra cơn đau khổ đến cùng cực. Hôm nay, thân thể của con đau đớn, toàn thân khổ sở vô cùng, cơn đau chỉ tăng thêm chứ không giảm bớt thật cũng giống như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: -Này Đà-nhiên! Bây giờ tôi hỏi, ông hãy tùy theo sự hiểu biết của mình mà trả lời. Ý ông nghĩ thế nào, địa ngục và súc sanh thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên trả lời: -Súc sanh tốt đẹp hơn! Lại hỏi: Này Đà-nhiên! Súc sanh và nga quỷ thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên thưa: Nga quỷ tốt đẹp hơn! Lại hỏi: -Này Đà-nhiên! Nga quỷ so với người thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên đáp: -Loài người tốt đẹp hơn! Lại hỏi: Này Đà-nhiên! Người và Tứ Thiên Vương thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên thưa: Tứ Thiên Vương tốt đẹp hơn! Lại hỏi: Này Đà-nhiên! Cõi Tứ Thiên Vương và cõi trời Ba Mươi Ba thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên đáp: Cõi trời Ba Mươi Ba tốt đẹp hơn!

Lại hỏi: Cõi trời Ba Mươi Ba và cõi trời Diệm-ma thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên thưa: -Cõi trời Diệm-ma tốt đẹp hơn! Lại hỏi: Này Đà-nhiên! Cõi trời Diệm-ma và cõi trời Đâu-suất-đà thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên đáp: Cõi trời Đâu-suất-đà tốt đẹp hơn! Lại hỏi: Này Đà-nhiên! Cõi trời Đâu-suất-đà và cõi trời Hóa Lạc thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên đáp: -Cõi trời Hóa Lạc tốt đẹp hơn! Lại hỏi: Này Đà-nhiên! Cõi trời Hóa Lạc và cõi trời Tha Hóa Lạc thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên thưa: - Cõi trời Tha Hóa Lạc tốt đẹp hơn! Lại hỏi: -Này Đà-nhiên! Cõi trời Tha Hóa Lạc và cõi Phạm thiên thì cõi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên đáp: Cõi Phạm thiên tốt đẹp hơn cả. Phạm thiên là tối thắng! Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Này Đà-nhiên! Đấng Thế Tôn, bậc Tri Kiến, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có dạy về bốn pháp để được sống chung với Phạm thiên.8 Nếu người thiện nam hay thiện nữ nào tu tập và tu tập thuần thục, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục thì sau khi qua đời, sẽ sanh về cõi Phạm thiên. Bốn pháp ấy là gì? Này Đà-nhiên! Thánh đệ tử đa văn có tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cứ như vậy, với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, bao trùm khắp cả, tâm vị ấy tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru. Đối với

8 Tứ Phạm thất (cattāri Brahmavihāra)'. Bốn phẩm tính như Phạm thiên hay 4 yếu tố để được song chung với Phạm thiên. M. 97: Brahmānam... Sahavyatāya maggam desessāmi (Ta sẽ nói về con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên), HT. Thích Minh Châu dịch.

tâm bi, tâm hỷ và tâm xả cũng như vậy, vị ấy không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Này Đà-nhiên! Đo là đấng Thế Tôn, bậc Tri Kiến, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng

Chánh Giác nói về bốn pháp để được sống chung với Phạm thiên. Nêu người thiện nam hay thiện nữ nào tu tập và tu tập thuần thục, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục thì sau khi qua đời, sẽ sanh về cõi Phạm thiên. [0458b09] Bấy giờ, sau khi giáo hóa cho Đà-nhiên, nói về con đường dẫn đến cõi Phạm thiên xong,9 Tôn giả Xá-lợi-phất đứng dậy ra về. Trong khoảng thời gian Tôn giả Xá-lợi-phất đi từ thành Vương Xá chưa đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa thì Phạm chí Đà-nhiên tu tập bốn pháp dẫn đến sống chung với Phạm thiên, đoạn dục, xả niệm tưởng về dục, liền qua đời và được sanh lên cõi Phạm thiên. LÚC ây, đức Thê Tôn đang thuyêt pháp cho vô lượng đại chúng ngôi vây quanh. Từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo Xá-lợi-phât là người có trí tuệ sáng suôt? có trí tuệ nhanh nhạy, có trí tuệ linh hoạt, có trí tuệ sắc bén, có trí tuệ rộng lớn, có trí tuệ sâu xa, có trí tuệ xuất ly, có trí tuệ thấu đáo và có trí tuệ biện tài10... Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu trí tuệ như thật. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thuyết pháp giáo hóa Phạm chí Đà-nhiên, nói về con đường dẫn đến cõi Phạm thiên rồi trở về đây. Nếu Tôn giả giảng dạy với pháp cao hơn thì người kia mau chóng biết pháp và tùy pháp. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Phật bảo: -Này Xá-lợi-phất! Vì sao thầy không dùng pháp nào cao hơn pháp Phạm Thiên đê giáo hóa Phạm chí Đà-nhiên? Nêu thây giảng dạy với pháp cao hơn thì ông ấy sẽ mau chóng biết pháp và tùy pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Các Phạm chí từ lâu một mực quý trọng, quy hướng Phạm thiên, ưa thích Phạm thiên, cho Phạm thiên là rót ráo, Phạm thiên là tôn quý, Phạm thiên là có thật, Phạm thiên là của họ. Bạch Thế Tôn! Do vậy nên con đã r chỉ dạy pháp tương ưng như thê. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và vô lượng trăm ngàn đại chúng nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: Phạm thiên pháp . 10 Thông tuệ ,tốc tuệ ,tiệp tuệ ,lọd tuệ ,quảng tue,,thâm tuệ , xuất yếu tuệ ,minh đạt tuệ ,biện tài tuệ .Tham chiếu: M. 111 ghi là "Này các Tỷ-kheo, Sāriputta Xá-lợi-phất là bậc Hiền trí; này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Đại tuệ Mahāpañño; này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Quảng tuệ {Puthupañño', này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Hỷ tuệ Hāsupañño', này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Tiệp tuệ Javanapañño', này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Lợi tuệ Tikkhapañño', này các Tỷ-kheo, Sāriputta là bậc Quyết trạch tuệ Nibbedhikapañño^ HT. Thích Minh Châu dịch.

28. KINH GIÁO HÓA NGƯỜI BỆNH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, trưởng giả Cáp Cô Độc đang lâm bệnh nặng nên bảo người giúp việc: Ông hãy đi đến chỗ Thế Tôn, thay ta cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, sau đó kính thăm hỏi sức khỏe, xem Thánh thể có được khỏe mạnh, an vui không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Ông hãy thưa như vầy: “Trưởng giả cấp Cô Độc kính đảnh lễ sát chân đức Thế Tôn? kính thăm hỏi Thế Tôn Thánh thể có được khỏe mạnh, an vui không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng?5 Sau khi thay ta thăm hỏi Phật xong, ông hãy đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thay ta cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả rồi hỏi thăm Tôn giả có được khỏe mạnh, an vui không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Ông hãy

thưa như vầy: "Trưởng giả cấp Cô Độc kính đảnh lễ sát chân Tôn giả, kính thăm hỏi Ngài có được khỏe mạnh, an vui không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Thưa Tôn giả! Trưởng giả cấp Cô Độc lâm bệnh rất nặng, rất đau dơn, nay đã đến giai đoạn nguy kịch. Trưởng giả rát chí thành tha thiêt mong được gặp Ngài nhimg thân thê quá yêu, không còn khí lực để có thể đi đến chỗ Ngài được. Lành thay, thưa Tôn giả! Xin Ngài hãy vì lòng thương xót mà đến nhà thăm ông ấy." Vâng lời trưởng giả cấp Cô Độc, người giúp việc liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Trưởng giả cấp Cô Độc xin đảnh lễ sát chân Thế Tôn, kính thăm hỏi đức Thế Tôn Thánh thể có được khỏe mạnh, an vui không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Đức Phật bảo người giúp việc: -Ta mong cho trưởng giả cấp Cô Độc được an ổn, hân hoan, cũng mong cho trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà? la-sát và tất cả các chúng sanh khác, thân thể đều được an ổn, hân hoan.

1 Nguyên tác: Giảo hóa bệnh kinh (roi. 0026.28. 0458b28). Tham chiếu: Tạp. B(r.O2. 0099.592-593. o 157b 18-0158024); Tạp. it (T.02. 0099.1032. 0269c08); Biệt Tạp.(ro?. 0100.186-187. 0440b020441a27); Tăng.(T.02. 0125.51.8. 0819bll); M. 143, Anathapindikovāda Sutta (Kỉnh giảo giới cấp Cô Đọc); s. 2.20- L 126; s. 10.8 -1. 455; s. 55.26 - v. 380.

172 KINH TRUNG A-HÀM

Nghe Phật dạy như thế, người giúp việc liền khéo léo thọ trì, cúi đầu lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đến chỗ Tôn giả Xá-lọi-phất, cúi đàu lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trưởng giả cấp Cô Độc kính cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, hỏi thăm Tôn giả Thánh thể có được khỏe mạnh, an vui không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường không? Kính thưa Tôn giả! Trưởng giả cấp Cô Độc lâm bệnh rất nặng, rất đau đớn, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả rất tha thiết mong được gặp Ngài, nhưng cơ thể rất yếu, không còn khí lực để có thể đi đến chỗ Ngài được. Lành thay, thưa Tôn giả! Xin Ngài hãy vì lòng thương xót mà đến nhà thăm trưởng giả. [0459a01] Tôn giả Xá-lợi-phất liền im lặng nhận lời. Biết Tôn giả Xá-lợi- phất đã im lặng nhận lời, người giúp việc liền đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi ra về. Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phât đáp y, ôm bát đi đên nhà trưởng giả cấp Cô Độc. Từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đến, trưởng giả liền muốn ngồi dậy. Thấy thế, Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngăn lại: -Trưởng giả đừng ngồi dậy! Trưởng giả đừng ngồi dậy! Còn có chỗ ngồi khác, tôi sẽ tư ngồi. Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi xuống chỗ ấy. Khi đã ngồi yên, Tôn giả liền hỏi: -Bệnh tình của trưởng giả hôm nay thế nào rồi? An uống được nhiều ít? Cơn đau có thuyên giảm, không đến nỗi tăng thêm chứ? Trưởng giả thưa: Bệnh tình của con rất nguy kịch, ăn uống không được, cơn đau chỉ tăng thêm chứ không thấy thuyên giảm. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu mê muội thực hành bất tín thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn hiện tại, trưởng giả không hề có sự bất tín mà chỉ có một lòng kính tin cao thượng. Nhờ lòng kính tin cao thượng này mà trưởng giả sẽ diệt trừ được khổ đau, sanh ra niềm an vui vô cùng. Hoặc nhờ lòng kính tin cao thượng ấy mà

trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu mê muội do chấp giữ những giới điều tà vạy2 thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không hề chấp giữ những giới điều tà vạy mà chỉ có giữ những giới thiện lành. Do có giới thiện lành nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niềm an vui vô cùng. Hoặc nhờ

2 Nguyên tác: Ác giới ,dussīlo.

giới thiện lành ấy, trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu mê muội do không học rộng nghe nhiều thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đen cõi ác9 đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không thuộc hàng không chịu nghe nhiều mà chỉ có sự nghe nhiều. Do có sự nghe nhiều nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niềm an vui vô cùng. Hoặc nhờ sự nghe nhiều ấy nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu mê muội do tham lam keo kiệt thì sau khi qua đời? sẽ đi thẳng đến cõi ác5 đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không hề có tham lam keo kiệt mà chỉ có sự bo thí. Do có sự bố thí nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niềm an vui vô cùng. Hoặc nhờ sự bố thí ấy nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng Tu-đà-hoàn. [0459b03] Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả? đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu mê muội do tuệ xấu xa3 thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không có tuệ xấu xa mà chỉ có tuệ thiện lành. Do có tuệ thiện lành nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niêm vui vô cùng. Hoặc nhờ có tuệ thiện lành ây nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nêu là kẻ phàm phu mê muội do nhận thức sai lầm4 thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không có nhận thức sai lầm mà chỉ có nhận thức đúng đắn. Do có nhận thức đúng đắn nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niềm vui vô cùng. Hoặc nhờ có nhận thức đúng đắn nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì trưởng giả von đã chứng Tu-đà-hoàn. Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nêu là kẻ phàm phu mê muội do tư duy tà vạy5 thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không có tư duy tà vạy mà chỉ có tư duy chân chánh. Do có tư duy chân chánh nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niềm vui vô cùng. Hoặc nhờ có tư duy chân chánh nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

3 Nguyên tác: Ác tuệ duppañño. 4 Nguyên tác: Tà kiến .s. 55.26 - v. 380: Micchāditthiyā thấy biết sai lầm. 5 Nguyên tác: Tà chí .s. 55.26 - v. 380: Micchāsañkappena tư duy sai lầm.

Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu mê muội do có hiêu biêt lệch lạc6 thì sau khi qua đời, sẽ đi thăng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không có hiểu biết lệch lạc mà chỉ có hiểu biết đúng đắn. Do có hiểu biết đúng đắn nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niềm vui vô cùng. Hoặc nhờ có hiểu biết đúng đan nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay A-na-hàm, vì trưởng giả von đã chứng Tu-dà-hoàn. Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu mê muội do có niệm giải thoát sai lầm7 thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không có niệm giải thoát sai lầm mà chỉ có niệm giải thoát đúng đắn. Do có niệm giải thoát đúng đắn nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự khổ đau, sanh ra niềm vui vô cùng. Hoặc nhờ có sự khai mở đúng đắn nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay A-na-hàm, vì trưởng giả von đã chứng Tu-đà-hoàn. Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế? Vì nếu kẻ phàm phu mê muội do trí sai lệch8 thì sau khi qua đời, sẽ đi thẳng đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Còn trưởng giả không có trí sai lệch mà chỉ có trí chân chánh. Do có trí chân chánh nên trưởng giả sẽ diệt trừ sự kho đau, sanh ra niềm vui vô cùng. Hoặc nhờ có trí chân chánh nên trưởng giả sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay A-na- hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng Tu-đà-hoàn. [0459c05] Bấy giờ, trưởng giả liền hết bệnh, sức khỏe bình phục như cũ, ông liền ngồi dậy và ca ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật quý hóa thay! Thật quý hóa thay! Tôn giả đã vì người bệnh mà thuyết pháp. Thật là kỳ diệu! Thật là hiếm có! Thưa Ton giả! Con vừa nghe xong bài pháp giáo hóa người bệnh thì mọi đau đớn khổ sở liền biến mất và phát sanh niềm an vui vô cùng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Hiện tại con đã khỏi bệnh và sức khỏe bình phục như cũ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trước kia nhân vì có chút việc cần làm nên con đã đến thành Vương Xá và nghỉ tạm trong nhà của một trưởng giả nọ. Lúc đó, nhà vị trưởng giả ấy đang sửa soạn thiết trai cúng dường Phật và đại chúng Tỳ- kheo vào sáng hôm sau. Bây giờ, khi đêm đã qua, trời gân vê sáng, vị trưởng giả kia thúc giục con cháu, người giúp việc cùng quyến thuộc: "Các người mau dậy sớm để bày biện, chuẩn bị mọi thứ cho trang nghiêm." Mọi người đều vâng lời, cùng nhau sắp xếp việc bếp núc, bày biện đầy đủ các món ăn ngon, còn trưởng giả thì đích thân săp đặt và trang trí một tòa ngồi cao thật trang nghiêm.

6 Nguyên tác: Tà giải .s. 55.26 - v. 380: Micchāñānena hiểu biết lệch lạc. 7 Nguyên tác: Tà thoát .s. 55.26 - v. 380: Micchāvimuttiyā sự giải thoát tà vạy. 8 Nguyên tác: Tà trí micchāñārid.

Thưa Tôn giả! Con thấy vậy rồi liền suy nghĩ: "Hôm nay, nhà trưởng giả này có phải vì việc hôn nhân, việc rước dâu, việc thỉnh quốc vương, tiệc mời đại thần hay là thiết lập trai hội đại thí chĩig?" J Thưa Tôn giả! Suy nghĩ như vậy rồi, con liền hỏi vị trưởng giả: "Hôm nay, nhà trưởng giả có phải vì việc hôn nhân, việc rước dâu, việc thỉnh quốc vương, tiệc mời đại thần hay là thiết lập trai hội đại thí chng?" LÚC ây, vi trưởng giả kia trả lời con răng: "Tôi không phải vì việc hôn nhân, cũng không phải rước dâu,

không phải lễ hội, không phải thỉnh quốc vương cho đến không phải mời đại thần mà chỉ vì thiết lập trai hội đại thí cúng dường Phật và đại chúng Tỳ-kheo vào sáng mai." Thưa Tôn giả! Con chưa từng được nghe đến danh hiệu Phật nên khi vừa được nghe qua thì toàn thân rúng động, liền hỏi: “Trưởng giả nói về Phật, vậy thế nào gọi là Phát?" Lúc đó, vị trưởng giả kia liền trả lời con rang: "Ong chưa được nghe sao? Có một vị dòng họ Thích, từ giã người thân họ hàng, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo, rồi chứng quả vị Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vị ấy gọi là Phát." Con lại hỏi tiếp: “Trưởng giả vừa nói vê chúng, vậy thê nào gọi là chiing?" Bấy giờ, trưởng giả kia lại trả lời con rằng: "C6 rất nhiều vị với dòng họ và gia tộc khác nhau, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa? với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình để theo Phật học đạo, những vị ấy gọi là chúng. Đức Phật và đại chúng ấy, tôi sắp thỉnh đến.” Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con lại hỏi tiếp trưởng giả kia rằng: “Dức Thế Tôn hiện đang ở đâu? Tôi muốn đến viếng thăm.,, Bấy giờ, vị trưởng giả kia trả lời con rằng: “Bức Thế Tôn hiện đang ở thành Vương Xá này, ngụ trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Ông muốn đến thì cứ tùy y." [0460a04] Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con nghĩ như vầy: “Mong trời mau sáng, để con sớm đến viếng thăm đức Phát." Thưa Tôn giả! Lúc đó, với lòng chí thành muốn đến viếng thăm đức Phật nên lúc trời còn mờ tối mà con tưởng trời đã sáng rồi, liền từ nhà trưởng giả ấy ra đi, đến trạm dừng nơi cổng thành. Bấy giờ, trong trạm dừng nơi cổng thành có hai người lính gác, một người gác đầu hôm thì cho khách bên ngoài vào thành, không gây trở ngại; một người gác cuối đêm thì cho khách ở trong thành đi ra cũng chẳng gây trở ngại gì. Thưa Tôn giả! Con lại nghĩ như vày: “Trời vẫn còn chưa sáng han. Vì sao như vậy? Vì tại trạm dừng ở cổng thành có hai người lính gác, một người gác đàu hôm thì cho hành

khách bên ngoài vào thành, không gây trở ngại gì; một người gác cuối đêm thì cho hành khách trong thành đi ra cũng không hề gây trở ngại." Thưa Tôn giả! Con vượt khỏi trạm dừng ở cửa thành để ra ngoài thành không bao lâu thì ánh sáng biến mất và trời tối hẳn lại. Thưa Tôn giả! Con liền sợ hãi, toàn thân rúng động: "Mong sao đừng có người hay loài phi nhân nào đến quấy phá con.,, Khi ấy, tại trạm dừng ở cửa thành có một vi trời xuất hiện, ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi, đang đi từ thành Vương Xá đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Vi ấy đến bảo con rằng: "Trưởng giả, đừng sợ! Trưởng giả, đừng sợ! Vì sao như vậy? Vì đời trước tôi vốn là bạn của ông, tên là Mật Khí, thời niên thiếu chúng ta rất kính mến nhau. Này trưởng giả! Thuở xưa tôi đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Đại Mục-kiên-liên thuyêt pháp cho tôi, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiên cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện để thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiến cho tôi hoan hỷ rồi, Ngài ấy còn chỉ dạy cho tôi pháp ba quy y và truyền trao năm giới. Này trưởng giả! Tôi nhờ có pháp ba quy y và thọ trì năm giới nên sau khi qua đời, được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương và hiện đang cư ngụ trong trạm dừng tại cong thành này. Trưởng giả hãy đi nhanh lên, trưởng giả hãy đi nhanh lên! Thật sự bước đi tốt hơn dừng lại." Rồi vị trời ấy dùng kệ khuyên con: Được trăm ngựa, thân nữ, Châu báu đầy trăm xe, Không

băng phân mười sáu, Một bước đến chỗ Phật. Trăm voi trắng tối thượng, Thắng yên cương bạc vàng, Không bằng phần mười sáu, Một bước đến chỗ Phật. Trăm thiếu nữ mỹ miều, Đeo chuỗi ngọc, hương hoa, Không băng phân mười sáu, Một bước đến chỗ Phật. —n A Vua Chuyên Luân kính trọng, Báu ngọc nữ bậc nhất, Không băng phân mười sáu, Một bước đến chỗ Phật. [0460b05] Nói kệ xong, vi trời lại khuyên con rằng: "Trưởng giả đi nhanh lên! Trưởng giả đi nhanh lên! Thật sự bước đi tốt hơn dừng lại." Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con lại nghĩ thế này: "Dức Phật là ngôi phước đức tôn quý.9 Pháp và chúng Tỳ-kheo cũng là ngôi phước đức tôn quý. Vì sao như vậy? Vì ngay cả cõi trời cũng muốn ta đến thăm viếng." Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nhờ ánh sáng này, con đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, trời gần sáng, đức Thế Tôn từ thiền thất bước ra, đi kinh hành nơi khoảng đất trống để đợi con. Thưa Tôn giả! Từ xa, con trông thấy Phật, tướng đoan chánh tuyệt đẹp như vầng trăng giữa các vì sao, ánh sáng chói lọi, rực rỡ như ngọn núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần vời vợi, các căn tịch tịnh, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Thấy

9 Nguyên tác: Tôn hựu đức chỉ cho ngôi vị phước đức tôn quý.

như vậy rồi, con thật hoan hỷ? liền đến trước Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi r 5 theo Phật đi kinh hành. Theo phép tắc trưởng giả, con dùng kệ thăm hỏi rằng: rrii Á rrn A __ 9 Ầ The Ton ngu an ôn? Đen trọn cả đêm chăng? Như Phạm chí diệt độ? Vì không nhiễm trước dục, Buông xả mọi mong cầu, Được đến nơi an ổn, Tâm trừ sạch phiền muộn, Tự mình ngủ an vui. Khi ấy, đức Thế Tôn vừa đi đến cuối con đường - kinh hành, liền trải tọa cụ rồi ngồi kiết-già. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất^ Lúc ấy con đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiến cho con hoan hỷ xong, theo đúng pháp của chư Phật, trước hết, Thế Tôn thuyết về các hạnh lành cơ bản,10 khiến người nghe i mừng. Ngài giảng vê bô thí, vê trì giới, vê pháp sanh thiên, chê trách tham VUI dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm là thanh tịnh. Đức Thế Tôn nói những pháp như vậy cho con nghe xong, Ngài biết con đã có tâm hoan hỷ, tâm đầy đủ, tâm nhu hòa, tâm kham nhẫn, tâm thăng tiến, tâm chuyên nhất, tâm hết nghi ngờ, tâm không bị che lấp, đủ năng lực thọ nhận Chánh pháp rồi lại theo đúng pháp thức của chư Phật, kế đó Ngài liền thuyết pháp chánh yếu là khổ, tập, diệt, đạo cho con nghe. Thưa Tôn giả! Ngay lúc ấy, con liền thấy rõ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Ví như tấm lụa trắng sạch thì rất dễ nhuộm màu9 con cũng như vậy, chính ngay lúc ấy đã thấy rõ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. [0460c03] Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con đã thấy pháp, đã đắc pháp, đã ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không nương ai khác, 11 dứt han hoài nghi, an trụ quả chứng, nơi pháp Thê Tôn được Vô sở úy. Con liên từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi thưa: "Bạch Thế Tôn! Từ nay con xin tự quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Từ nay trở đi con nguyện quy y Tam bảo cho đến trọn dòd!" Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con lại chắp tay thưa rằng: "Bạch Thế Tôn! Kính mong Ngài nhận lời mời của con, thỉnh Ngài cùng

chúng Tỳ-kheo đến nước Xá-vệ để an cư mùa mua." Lúc ấy, đức Phật hỏi con: "Ông tên là gì? Người nước Xá-vệ gọi ông là gi?"

10 Đoan Chánh pháp .Theo HT. Ấn Thuận trong Ẩn Thuận Pháp sư Phật học trước tác tập "Hoa Vũ tậpEMy.28. 0028.4. OlOlaÓó, 4tđoan chánh pháp,? là các thiền hạnh cơ bản trong thê gian. 11 Nguyên tác: Bất phục tùng tha .SĀ. 30 ghi "bất do ư tha";EẴ. 45.7 ghi là "bất sG du su" .

Con liền trả lời: "Con tên là Tu-đạt-đa.12 Vì con thường cung cấp thức ăn cho người cô độc nên người nước Xá-vệ gọi con là cấp Cô Doc." Rồi Thế Tôn lại hỏi con: "Tại nước Xá-vệ, ông đã chuẩn bi nhà cửa gì chua?" Con trả lời rằng: "Tại nước Xá-vệ, con chưa chuẩn bi nhà cửa gì cầy Bây giơ, Thê Ton bao con: "Trưởng giả nên biết, nếu có nhà cửa thì các thầy Tỳ-kheo mới có thể qua lại, có thể an trú dugc." Con lại thưa: "Thua vâng, bạch Thế Tôn! Nhân đây con sẽ xây cất nhà cửa để các thầy Tỳ-kheo có thể qua lại, có thể an trú tại nước Xá-vệ. Mong Ngài cử cho một vi đên hướng dân giúp đỡ con!,, Bấy giờ, Thế Tôn liền cử Tôn giả Xá-lợi-phất đến để phụ giúp. Sau khi nghe Phật dạy xong, con khéo léo ghi nhớ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Khi công việc cần làm tại thành Vương Xá đã hoàn tất, con cùng Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến nước Xá-vệ? nhưng không vào trong thành Xá-vệ cũng không trở về nhà mà lập tức đi dạo khắp bên ngoài thành để xem chỗ nào đi lại thuận tiện nhát, ban ngày không ôn náo, ban đêm thì yên tinh, không có muôi mòng, ruồi nhặng, thời tiết không lạnh cũng không nóng, có thể xây dựng nhà cửa để cúng dường Phật và chúng Tăng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Lúc ấy, con chỉ thấy khu vườn của Thái tử Kỳ- đà13 là rất thuận tiện cho việc đi lại, ban ngày không ồn náo, ban đêm thì yên tịnh, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, thời tiết không lạnh cũng không nóng. Thây khu vườn này roi, con liên suy nghĩ: "Chí có nơi này là tót nhát, có thê xây cất nhà cửa đe cúng dường Phật và đại chúng." [0461a01] Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Bấy giờ, con đi vào nước Xá-vệ? nhưng cũng chưa về nhà mà đi đến chỗ Thái tử Kỳ-đà rồi thưa: "Thưa Thái tử! Ngài có thể bán khu vườn kia cho tôi kh6ng?" Bấy giờ, Thái tử liền bảo con: "Trưởng giả nên biết, tôi không bán khu vườn." Cứ như vậy, con thưa đến ba lần: "Thua Thái tử! Ngài có thể bán khu vườn kia cho tôi kh6ng?"

12 Tu-đạt-đa Sudatta. 13 Nguyên tác: Đồng tử Thắng .

Bấy giờ, Thái tử cũng lặp lại ba lần: "Tôi không bán khu vườn, trừ khi trưởng giả dùng tiền vàng trải đầy kín hết khu vườn.^, Con liền thưa: "Vậy là hôm nay Thái tử đã quyết định giá cả, chỉ còn việc nhận tiền nữa thôi.,, Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con và Thái tử, người thì nói đã quyết định giá cả, người thì nói chưa quyết đinh giá cả nên tranh cãi mãi, rồi cùng đưa nhau đên pháp đình nước Xá-vệ đê quan tòa phán quyêt việc này. Bây giờ, vị quan tòa nước Xá-vệ bảo Thái tử Kỳ-đà: "Thái tử đã tự quyết đinh giá cả rồi, chỉ còn việc nhận tiền mà thôi.,^ Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con liền vào nước Xá-vệ, về nhà lấy tiền, rồi dùng xe voi, xe ngựa và cử người khuân vác, chuyên chở vô số tiền

vàng từ các kho lẫm đến phủ khắp mặt đất, nhimg còn vài chỗ chưa trải đến. Thưa Tôn giả! Lúc ấy, con nghĩ như vầy: "Nên xuất kho nào nữa để vừa đủ số có thể trải vào chỗ còn trống này, để không thừa cũng không thiếu?" Bấy giờ, Thái tử Kỳ-đà liền bảo con rằng: “Này trưởng giả! Nếu hối tiếc số tiền ấy thì hãy tự mang tiền trở về, trả lại khu vườn cho t6i.” Con nói với Thái tử rằng: "Tôi thật sự không hối tiếc, chỉ đang suy nghĩ nên xuất kho nào nữa để vừa đủ số tiền trải đầy chỗ còn trống này, khiến không dư cũng không thiếu mà thôi!99 Khi ấy, Thái tử Kỳ-đà liền nghĩ như vày: "Bức Phật chắc chắn là bậc cao cả, có oai đức lớn. Pháp và chúng Tỳ-kheo ắt cũng là rất cao cả, có oai đức lớn. Vì sao như vậy? Vì chỉ có như vậy mới khiến cho trưởng giả này mở bày sự cúng dường to lớn, coi rẻ tiền bạc đến thế. Nay ta nên xây cất cổng ngõ nơi đây đe cúng dường Phật và chúng Ty-kheo?9 Rồi Thái tử Kỳ-đà liền bảo con: "Trưởng giả, hãy thôi đi! Đínig xuất tiền trải lên khoảng đất trống còn lại nữa, vì ngay chỗ này tôi sẽ xây cổng ngõ cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo.^, Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con vì lòng từ mẫn nên đồng ý để khu đất này lại cho Thái tử Kỳ-đà. Thế là ngay trong mùa hạ ấy, con cho xây dựng mười sáu dãy nhà lớn và sáu mươi ngôi tịnh thất.14 Lúc đó, Tôn giả đã đến giúp đỡ con. Thế nhưng, hôm nay Tôn giả thuyết pháp giáo hóa người bệnh, còn kỳ diệu hơn, hy hữu hơn. Con nghe bài pháp giáo hóa cho người bệnh xong thì mọi đau đớn bệnh tật hiểm nguy liền được tiêu trừ, còn sanh khởi niềm an lạc vô cùng. Thưa Tôn giả! Hiện tại, con không còn bệnh nữa và đã được an ổn vô cùng. Mong Tôn giả ở lại đây thọ trai!

14 Câu-hy ,kutī: Tịnh thất.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Biết Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời rồi, trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự đi lấy nước rửa, tự tay dâng thức ăn, đem đủ các món ngon, thực phẩm dễ tiêu để cúng dường Tôn giả, mong Ngài dùng được đầy đủ. Tôn giả thọ trai xong, trưởng giả dọn dẹp bát, lấy nước rửa tay cho Tôn giả rồi đặt một chiếc ghế thấp kế bên ngồi nghe pháp. Khi trưởng giả đã ngồi yên, Tôn giả Xá-lợi-phất liền vì trưởng giả mà thuyết giảng các pháp, khai mở5 chỉ bày, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho trưởng giả nghe, khai mở, chỉ bày, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Tôn giả rời khỏi chỗ ngồi, đứng dậy ra về. Khi ấy, đức Phật ngồi giữa chúng hội thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Từ xa, trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến, Phật liền bảo các thầy Tỳ-kheo: - Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là người có trí tuệ sáng suốt, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ linh hoạt, trí tuệ sắc bén, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ sau xa, trí tuệ xuất ly? trí tuệ thấu đáo và có trí tuệ biện tài.15 Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu trí tuệ như thật. Vì sao như vậy? Vì Như Lai chỉ nói sơ lược về bốn bậc Tu-đà-hoàn mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phât đã triên khai thành mười hạng đê nói cho trưởng giả Cáp Cô Độc. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.16

mĩIg tuệ, tọc tuệ, tiêp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tue , ;,,,.Xem chú thích 10, kinh số 27, ư. 169.
16 Bản Hán, hết quyển 6.

29. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ? vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lợi-phất rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la.12 Cùng chào hỏi nhau xong, Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi xuống một bên rồi hỏi Tôn giả Đại Câu-hy-la: -Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả cho phép tôi hỏi chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ngài muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi, nghe xong tôi sẽ suy nghĩ. Tôn giả Xá-lợi-phất liền hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển3 và thể nhập Chánh pháp chăng? [0461C03] Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa có, Tôn giảXá-lợi-phất! Đó là trường hợp Tỳ-kheo biết bất thiện và cũng biết gốc rễ của bất thiện. Thế nào là biết bất thiện? Nghĩa là biết thân làm việc ác la bát thiên, miêng noi lơi ác, y nghĩ điêu ác la bát thiện, đo gọi la biêt bất thiện. Thế nào là biết nguồn gốc của bất thiện? Nghĩa là biết tham là gốc rễ của bất thiện, sân và si là gốc rễ của bất thiện, đó gọi là biết gốc rễ của bất thiện. Thưa Tôn giả! Nấu Tỳ-kheo nào biết bất thiện và biết gốc rễ của bất thiện như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

1 Quyển 7. Nguyên tác: Đại Câu-hy-la kinh roi. 0026.29. 0461022. Tham chiếu: Tạp. 02. 0099.344. 094b02; M. 9, Sammāditthi Sutta Kinh chảnh tri kiến; A. 9.13 - IV. 382. 2 Đại Câu-hy-la ,Mahākotthita. 3 Bất hoại tịnh ,avecca pasādā'. Tín tâm không bị lay chuyển; cũng gọi là ubat động tín” ,4tbất hoại Íín”hay "chứng tịnh,, .Có 4 niềm tin không lay chuyển, gồm: tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và tin Thánh giới.

Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la! Lại có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Thưa có, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là trường hợp vị Tỳ-kheo biết thiện và biết gốc rễ của thiện. Thế nào là biết thiện? Nghĩa là biết thân làm việc lành là thiện, miệng nói điều lành là thiện, ý nghĩ điều lành là thiện, đó là biết thiện. Thế nào là biết gốc rễ của thiện? Nghĩa là biết không tham là gốc rễ của thiện, không sân và không si là gốc rễ của thiện, đó gọi là biết gốc rễ của thiện. Thưa Tôn giả! Nếu có Tỳ-kheo nào biết thiện và biết về gốc rễ của thiện như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: -Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, roi lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó5 vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đoi với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời: Thưa có5 Tôn giả! Đó là khi Tỳ-kheo biết như thật về

thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, biết như thật về sự đoạn diệt của thức ăn và biết như thật về con đường đưa đến đoạn diệt thức ăn. Thế nào là biết như thật về thức ăn? Nghĩa là biết có bốn loại thức ăn: Một là đoàn thực có thô và tế.4 Hai là xúc thực.5 Ba là tư niệm thực.6 Bốn là thức thực.7 Đó là biết như thật về thức ăn. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Nghĩa là biết do tham ái tập khởi nên mới có thức ăn. Đó là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn. Thế nào biết như thật về sự đoạn diệt của thức ăn? Nghĩa là biết do tham ái diệt nên thức ăn liền diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của thức ăn. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến đoạn diệt thức ăn? Đó là biết ve Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đưa đến đoạn diệt thức ăn.

4 Đoàn thực thô tế , āhāro olāriko vāsukkhumo^ gồm các loại thức ăn cứng và mềm, phân nhỏ thành từng miếng để ăn, nên gọi là đoàn thực hay đoạn thực. 5 Nguyên tác: Canh lạc thực ,phasso āhāro, hay còn gọi "xúc thựrc"Thức ăn là xúc. 6 Ý tư thực manosañcetanā āhārā, hay còn gọi "tư niệm thực,, Thức ăn là ý chí, mong cau, hy vọng. 7 Thức th”viññānarn āhārā'. Thức ăn là thức.

29. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA 183

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo nào biết như thật về thức ăn9 biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự đoạn diệt của thức và con đường đưa đến đoạn diệt thức ăn như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. [0462a06] Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: —Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiên giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niêm tin không lay chuyên và thê nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa Ton giả Xá-lợi-phất! Có vậy. Đó là khi Tỳ-kheo biết như thật về phiền não, biết như thật về sự tập khởi của phiền não, về sự diệt tận phiền não và vê con đường đưa đên sự diệt tận phiên não. Thế nào là biết như thật về phiền não? Nghĩa là biết có ba thứ phiền não: Phiền não trói buộc chúng sanh ở cõi Dục, phiền não trói buộc chúng sanh ở cõi Sắc, cõi Vô sắc và phiền não vô minh trói buộc chúng sanh trong ba cõi. Đó là biết như thật về phiền não. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của phiền não? Nghĩa là biết vô minh chính là n . sự tập khởi của mọi thứ phiên não. Đó là biêt như thật vê sự tập khởi của phiên não. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận phiền não? Nghĩa là biết vô minh diệt tận thì mọi phiền não liền diệt tận. Đó là biết như thật về sự diệt tận phiền não. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận phiền não? Nghĩa là biết tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận phiền não. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về phiền não, biêt như thật vê sự tập khởi của phiên não, vê sự diệt tận phiên não và vê con đường đưa đến sự diệt tận phiền não như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh

pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vi Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa có? Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là trường hợp Ty-kheo biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt.8 Thế nao là biết như thật về khổ? Nghĩa là biết sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, sự mong cầu mà không được toại ý là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Đó là biết như thật về khổ. Thế nào là biết như thật về nguyên nhân của khổ? Nghĩa là biết do già chết nên có khổ. Đó là biết như thật về nguyên nhân của khổ. Thế nào là biết như thật về khổ diệt? Nghĩa là biết do già chết không còn nên khổ cũng hết. Đó là biết như thật về khổ diệt. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt? Nghĩa là biết • •x r 9 r Thánh đạo tám chi, từ chánh kiên cho đên chánh định. Đó là biêt như thật con đường đưa đến khổ diệt. Thưa Tôn giả! Tỳ-kheo nào biết như thật về khổ? biết như thật về nguyên nhan của khổ, biết như thật về khổ diệt ya biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. [0462b08] Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: —Lành thay, lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó? vi Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa có, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đo là Tỳ-kheo biết như thật về già chết, biết như thật về nguyên nhân của già chết, biết như thật về sự đoạn diệt của già chết và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt già chết. Thế nào là biết như thật về già? Nghĩa là người già yếu, tóc bạc, răng rụng, lưng còng, gối rủ, đi phải chống gậy, tuổi trẻ suy tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư mòn, nhan sắc xấu xí, đó gọi là già. Thế nào là biết như thật về chết? Nghĩa là biết chúng sanh kia và mỗi mỗi chủng loại chúng sanh khác đều chịu sự vô thường nên phải qua đời, tử vong tan hoại, tuổi thọ đã hết, mạng căn chấm dứt5 đó gọi là chết. Đây nói về chết, ở trên nói về già, đó gọi là già chết. Như vậy là biết như thật về già chết.

8 Những định nghĩa về khổ tập và khổ diệt không đồng nhất giữa những bản kinh Pâli và A-hàm tương đương. J

Thế nào là biết như thật về nguyên nhân của già chết? Nghĩa là biết do sanh nên có già chết. Đó là biết như thật về nguyên nhân của già chết. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của già chết? Nghĩa là biết sự sanh không còn thì già chết cũng hết. Đó gọi là

biết như thật về sự đoạn diệt của già chết. Thế nào là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt già chết? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường đưa đến đoạn diệt già chết. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo nào biết như thật về già chết, biết như thật về nguyên nhân già chết, biết như thật về sự đoạn diệt của già chết và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt già chết như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Hiên giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó? vi Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niêm tin không lay chuyên và thê nhập Chánh pháp chăng? [0462c03] Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa có, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Tỳ-kheo biết như thật về sanh, biết như thật về sự tập khởi của sanh, biết như thật về sự đoạn diệt của sanh và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt của sanh. Thế nào là biết như thật về sanh? Nghĩa là biết chúng sanh kia và tất cả giống loài chúng sanh khác, đến lúc sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, tạo thành năm uẩn, từ đó có mạng căn. Đó là biết như thật vê sanh. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sanh? Nghĩa là biết do hữu mà có sanh. Đó là biết như thật về sự tập khởi của sanh. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của sanh? Nghĩa là biết khi hữu diệt thì sanh liền diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của sanh. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt của sanh? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt của sanh. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nao biết như thật về sanh, biết như thật về sự tập khởi của sanh, biết như thật ve sự đoạn diệt của sanh và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt của sanh như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp.

Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vi Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa c6, Tôn giả Xá-lợi-phấtJ Đó là Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về sự tập khởi của hữu, biết như thật về sự đoạn diệt hữu và biết như thật về con đường đưa đến đoạn diệt hữu. Thế nào là biết như thật về hữu? Nghĩa là biết có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Đó là biết như thật về hữu. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hữu? Nghĩa là biết do thủ9 mà có hữu. Đó là biết như thật về về sự tập khởi của hữu. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt hữu? Nghĩa là biết do thủ diệt nên hữu liền diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt hữu. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt hữu? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt hữu. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết

như thật về hữu, biết như thật về sự tập khởi của hữu, biết như thật về sự đoạn diệt hữu và biết như thật vê con đường đưa đên đoạn diệt hữu như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiêu biêt, được hiêu biêt chân chánh, đôi với Pháp được niêm tin không lay chuyên và thể nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? [0463a04] Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa c6, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là khi Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về sự tập khởi của thủ, biết như thật về sự đoạn diệt thủ và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt thủ. Thế nào là biết như thật về thủ? Nghĩa là biết có bốn thủ: Dục thủ, giới thủ, kiến thủ và ngã thủ. Đó gọi là biết như thật về thủ.

9 Nguyên tác: Thọ ,p. Upādāna'. Sự chấp thủ.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thủ? Nghĩa là biết do ái tập khởi nên thủ tập khởi. Đó gọi là biết như thật về sự tập khởi của thủ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt thủ? Nghĩa là biết ái diệt thì thủ liền diệt. Đó gọi là biết như thật về sự đoạn diệt thủ. Thế nào là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt thủ? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là biết như thật về con đường dẫn đến đoạn diệt thủ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về thủ5 biết như thật về sự tập khởi của thủ, biết như thật về sự đoạn diệt thủ và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt thủ như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó5 vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa c6, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về sự tập khởi của ái, biết như thật về sự đoạn diệt ái và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt ái. Thế nào là biết như thật về ái? Nghĩa là biết có ba ái: Dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Đó gọi là biết như thật về ái. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của ái? Nghĩa là biết do thọ10 mà có ái. Đó gọi là biết như thật về sự tập khởi của ái. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt ái? Nghĩa là biết khi thọ diệt thì ái liền diệt. Đó gọi là biết như thật về sự đoạn diệt ái. Thế nào là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt ái? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt ái. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về ái, biết như thật về sự tập khởi của ái, biết như thật về sự đoạn diệt ái và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt ái như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiếu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp.

10 Nguyên tác: Giác ,tân dịch là "tho". Tiếng Pali tương đương là vedanā.

[0463b01] Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: —Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa có, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là nếu Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về sự tập khởi của thọ. biết như thật về sự đoạn diệt của thọ và biết như \ X r thật vê con đường đan đên sự đoạn diệt thọ. Thế nào là biết như thật về thọ? Nghĩa là biết có ba thọ: Cảm thọ lạc? cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Đó gọi là biết như thật về thọ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Nghĩa là biết do có xúc11 nên có thọ. Đó gọi là biết như thật sự tập khởi của thọ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của thọ? Nghĩa là biết do xúc diệt nên thọ liền diệt. Đó gọi là biết như thật sự đoạn diệt của thọ. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt của thọ? Nghĩa la biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt thọ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nấu Tỳ-kheo nào biết như thật về thọ, biết như thật về sự tập khởi của thọ, biết như thật về sự đoạn diệt của thọ và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt thọ như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: -Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó5 vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được :. D • A • niêm tin không lay chuyên và thê nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa có, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là nếu Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về sự tập khởi của xúc, biết như thật về sự đoạn diệt của xúc và biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt của xúc.

11 Nguyên tác: Canh lạc ,cách dịch khác của "xiíc",phassā.

Thế nào là biết như thật về xúc? Nghĩa là biết có ba xúc:12 Sự tiếp xúc đưa đến lạc, sự tiếp xúc đưa đến khổ, sự tiếp xúc đưa đến không lạc không khổ. Đó gọi là biết như thật về xúc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của xúc? Nghĩa là biết do có sáu xứ13 mà có xúc. Đó là biết như thật về sự tập khởi của xúc. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của xúc? Nghĩa là biết do sáu xứ diệt nên xúc liền diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của xúc. Thế nào là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt xúc? Nghĩa là biết Tám chi thánh dạo, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt xúc. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về xúc, biết như thật vê sự tập khởi của xúc, biêt như thật vê sự đoạn diệt của xúc và biêt như thật vê con đường đưa đên sự đoạn diệt của xúc như vậy thì

Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. [0463c03] Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa có, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là nếu Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ, biêt như thật vê sự tập khởi của sáu xứ? biêt như thật vê sự đoạn diệt của sáu xứ và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt sáu xứ. Thế nào là biết như thật về sáu xứ? Nghĩa là biết nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ5 thân xứ và ý xứ. Đó là biết như thật về sáu xứ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ? Nghĩa là biết do danh sắc mà có sáu xứ. Đó là biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của sáu xứ? Nghĩa là biết do danh sắc diệt nên sáu xứ liền diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của sáu xứ. Thế nào là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt sáu xứ? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt sáu xứ.

12 Tam canh lạc bao gồm: Tạc canh lac?„4tkhổ canh lạc”,“bất lạc bất khổ canh lạc" j. 13 Lục xứ còn gọi Túc nháp".

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về sáu xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ, biết như thật về sự đoạn diệt của sáu xứ và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt sáu xứ như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vi Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Thưa có5 Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật về sự tập khởi của danh sắc, biết như thật về sự đoạn diệt của danh sắc và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt danh sắc. Thế nào là biết như thật về danh? Nghĩa là biết bốn pháp không thuộc về sắc uẩn14 thì gọi là danh. Thế nào là biết như thật về sắc? Nghĩa là biết bốn đại và những gì được tạo thành từ bốn đại, đó là sắc. Đây là nói về sắc, trước là nói vê danh, như vậy gọi là danh săc. Đó là biêt như thật vê danh sác. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của danh sắc? Nghĩa là biết do có thức nên có danh săc. Đó gọi là biêt như thật vê sự tập khởi của danh sác. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của danh sắc? Nghĩa là biết do thức diệt nên danh sắc diệt. Đó gọi là biết như thật về sự đoạn diệt của danh sắc. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt danh sắc? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật ; M ' . vê con đường đưa đên sự đoạn diệt danh sác. Thưa Tôn giả

Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về danh sắc, biết như thật về sự tập khởi của danh sắc, biết như thật về sự đoạn diệt của danh sắc và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt danh sắc như vậy thì Tỳ- kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niêm tin không lay chuyên và thê nhập Chánh pháp. [0464a07] Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vị Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niêm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng?

i4Tứ phi sác ấm ,cattāro arūpakkhandha bao gồm: thẹ,tưởng ,hành và thức .

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Thưa có, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về sự đoạn diệt của thức và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt thức. Thế nào là biết như thật về thức? Nghĩa là biết có sáu thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Đó là biết như thật về thức. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Nghĩa là biết do hành mà có thức. Đó là biết như thật về sự tập khởi của thức. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của thức? Nghĩa là biết hành diệt thì thức liền diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt thức. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự đoạn diệt thức? Nghĩa là biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết như thật A z vê con đường dân đên sự đoạn diệt thức. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về sự đoạn diệt của thức và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt thức như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và the nhập Chánh pháp. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phât khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: —Hiền giả Đại Câu-hy-la! Còn có trường hợp nào mà nhân trường hợp đó, vi Tỳ-kheo thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Thưa c6, Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, biết như thật về sự đoạn diệt của hành và biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt hành. Thế nào là biết như thật về hành? Nghĩa là biết có ba hành: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó là biết như thật về hành. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Nghĩa là biết do vô minh nên có hành. Đó là biết như thật về sự tập khởi của hành. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của hành? Nghĩa là biết do vô minh diệt nên hành diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của hành. Thế nào là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt hành? Nghĩa là biết tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh đinh. Đó là biết như thật về con đường dẫn đến sự đoạn diệt hành.

Thưa Tôn giả! Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, biết như thật vê sự đoạn diệt của hành và biết như thật vê con đường dẫn đến sự đoạn diệt của hành như vậy thì Tỳ-kheo đó đã thành tựu hiểu biết, được hiểu biết chân chánh, đối với Pháp được niềm tin không lay chuyển và thể nhập Chánh pháp. [0464b08] Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: -Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Khen ngợi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la! Nếu Tỳ-kheo nào mà vô minh đã diệt, minh đã sanh thì vi ấy còn tu tập thêm những gì? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo nào mà vô minh đã diệt, minh đã sanh thì vị ấy không còn tu tập gì nữa. Nghe xong, Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngợi: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Cứ như vậy, hai vị Tôn giả ấy cùng nhau đàm đạo về nghĩa và cùng hoan hỷ phụng hành rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

30. KINH VÍ DỤ VÈ DẤU CHÂN VOI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Nếu có vô lượng pháp lành thì tất cả những pháp ấy đều thâu nhiếp trong bốn Thánh đế, nằm trong bốn Thánh đế. Nghĩa là, trong tất cả các pháp thì bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao như vậy? Vì bốn Thánh đế thâu nhiếp tất cả các pháp lành. Này chư Hiền! Giống như trong những dấu chân của các loài vật thì dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao như vậy? Vì dấu chân voi rất to lớn. Như vậy, này chư Hiền! Nấu có vô lượng pháp lành thì tất cả pháp ấy đều thâu nhiếp trong bốn Thánh đế, nằm trong bốn Thánh đế. Nghĩa là, trong tất cả pháp, bốn Thanh đế là tối thượng bậc nhất. Bốn Thánh đế ấy là gì? Đó là khổ Thánh dế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế và khổ diệt đạo Thánh đế. Này chư Hiền! Thế nào là khổ Thánh đế? Đó là5 sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khô, chét là khô, oán ghét mà gặp nhau là khô, thương yêu mà chia lìa là khổ, cầu mong mà không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. [0464c01] Này chư Hiền! Năm thủ uẩn là những gì? Đó là, sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Này chư Hiền! sắc thủ uẩn là gì? Là bốn đại và những gì được tạo thành từ bốn đại, đó gọi là sắc. Này chư Hiền! Bốn đại là gì? Là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Này chư Hiền! Thế nào là địa giới? Này chư Hiền, địa giới có hai loại, đó là nội địa giới và ngoại địa giới. Này chư Hiền! Thế nào là nội địa giới?123Đó là, những gì ở trong thân, được thân thâu nhiếp, có tính cứng chắc, bị chấp thủ/ như: Tóc, lông, răng, móng, da

1 Nguyên tác: Tiượng tích dụ kỉnh (roi. 0026.30. 0464b17). Tham chiếu: Phân biệt lục giới kinh (roi. 0026.162. 0690al9); M. 28, Mahãhatthipadopama Sutta (Đại kinh dụ dâu chân voi). 2 Nội địa giới (ajjhattikāpathavīdhātu). 3 Nội thân trung, tại nội sở nhiếp kiên, kiên tánh trụ, nội chi sở thọ ( ).Tham chiếu: MĀ. 162: Trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ màbên Ương thuộc vê chất cứng, có tánh cứng chắc bên trong, bị chúng sanh chấp thủ ( ).Xem thêm M. 28: Yam cyjhattarnpaccattam kakkhalarn kharigatam upādinnam (cái gì thuộc nội thân, cá biệt, thô cứng, thuộc thể rắn, bị chấp thủ).

thô hay mịn, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, lá lách, ruột, bao tử, phẩn và những thứ khác tương tự như vậy ở trong thân, được thân thâu nhiếp, có tính cứng chắc, bị chấp thủ. Đó gọi là nội địa giới. Này chư Hiền! Ngoại địa giới là những gì lớn lao, là thanh tinh, là không đáng nhơm gớm. Này chư Hiền! Khi nạn nước dấy lên thì lúc ấy ngoại địa giới bị hủy hoại sạch. Này chư Hiền! Ngoại địa giới này rất lớn, rất thanh tịnh và rất không đáng nhơm gớm, song chúng đều là pháp vô thường, pháp diệt tận, pháp suy vong, pháp biến đổi, huống gì tấm thân tạm bợ do khát ái chấp thủ này? Chỉ có hạng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết mới nghĩ như vầy: "Dây là ta, đây là của ta, ta thuộc về cái kia."4 Vị Thánh đệ tử đa văn không nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là của ta, ta thuộc vê cái kia." Vì sao vị ây lại nghĩ như vậy? Nêu có người khác măng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vị ây suy nghĩ: “Ta có nôi khô đau này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Đó là từ sự tiếp xúc với những thứ không ưa thích.^, Vi ấy quán sự xúc chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức đều vô thường. Tâm vi ấy an trú vào đối tượng quán chiếu ấy mà được tịnh chỉ, hợp nhất, đinh tĩnh, không lay động. Sau đó? có người đến nói những lời lẽ êm ái, vị ấy suy nghĩ: "Ta có niềm vui này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Đó là từ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích.,, Vi ấy quán sự xúc chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng đều vô thường. Tâm vị ấy an tru vào đoi tượng quán chiếu ấy mà được tịnh chỉ, hợp nhất, định tĩnh, không lay động. Sau đó, nêu có người tuổi thiêu niên, trung niên hay trưởng lão đên làm điều không vừa ý5 hoặc dùng nam dấm, hoặc ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chém, vị ây suy nghĩ như vây: “Ta thọ thân này vôn là săc pháp thô cứng thuộc bốn dại, từ cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng thức ăn, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bồng ẵm vỗ về, thường được tắm rửa... thảy đều là pháp hư hoại, là pháp diệt tận5 là pháp ly tán. Ta vì thân này đến nỗi bị nắm đấm, bi ném dá, hoặc bị gậy đánh, dao chém.,, Từ ý niệm đó, vị ấy rất siêng năng, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú, không mê mờ, nhất tâm an định. Vị ấy suy nghĩ: “Ta siêng năng, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú, không mê mờ, nhất tâm an đinh. Ta thọ thân này đáng để cho nắm đấm, đá ném, gậy đánh, dao chém cũng không sao, chỉ cần siêng năng học tập giáo pháp của đức Thế Tôn.,, [0465a06] Này chư Hiền! Đức Thế Tôn từng dạy như vầy: "Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể các thầy, khi các thầy bi giặc cướp cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể ra mà tâm các thầy bị dao động hoặc nói lời hung dữ, tức là các thầy đã bị suy thoái. Các thầy nên nghĩ như vầy: 'Giả

4 Nguyên tác: Ngã thị bỉ sở LTrong cấu trúc này, tiên sinh Trang Xuân Giang cho rằng giongjihu cấu trúc t4ngã thuộc ư bi”.Bỉ ở đây chỉ cho Đại Phạm hoặc Chân £g. ,•

sử CÓ giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể ta ra thành từng mảnh thì mong sao tâm ta không bị dao động, không nói lời hung dữ mà còn khởi tâm thương

xót đối với người đã đến cắt rời thân thể ta ra từng mảnh. Vì nhờ người đó mà tâm ta tương ưng với tâm từ, trùm khắp một phương, thành tựu và an trú. Cứ như thế, đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả, tâm vị ấy tương ưng với tâm từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên vô lượng, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú."' J Này chư Hiền! Tỳ-kheo kia nếu nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà không an tru nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện thì này chư Hiên, Tỳ-kheo ây nên tự thẹn với mình, xâu hô với người: "Ta ở nơi lợi ích mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an tru nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện. Này chư Hiền! Ví như cô dâu mới rước về nhà chồng, gặp cha mẹ chồng, hoặc gặp chồng mình thì cảm thấy xấu hổ5 thẹn thùng. Này chư Hiền! Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng như vậy, nên tự thẹn với mình, xấu hổ với người: "Ta ở nơi lợi ích mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiên." Do tự thẹn với mình, xấu hổ với người, vị ấy liền an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện. Đó là diệu, là tinh, là tịch diệt, nghĩa là xả ly tất cả hữu, lìa ái, vo dục, diệt sạch không còn lại gì. Này chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo học rộng về tất cả. Này chư Hiền! Thế nào là thủy giới? Này chư Hiền! Thủy giới có hai loại, đó là nội thủy giới và ngoại thủy giới. Này chư Hiền! Thế nao là nội thủy giới? Đó là những gì ở trong thân, được thân thâu nhiếp, thuộc về nước, có tính thấm nhuần và bị chấp thủ. Trong đó gồm những gì? Gồm mỡ, 6c, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mủ? máu, tủy, nước dãi, đàm, nước tiểu và những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thân thâu nhiếp, thuộc về nước, có tính thấm nhuần và bị chấp thủ. Này chư Hiền! Đó là nội thủy giới. Này chư Hiền! về ngoại thủy giới, đó là những gì lớn lao, là thanh tịnh, là không đáng nhơm gớm. Này chư Hiền! Khi nạn lửa dấy lên, lúc ấy ngoại thủy giới thảy đều khô kiệt. [0465002] Này chư Hiền! Ngoại thủy giới này rất lớn, rất thanh tịnh và không đáng nhơm gớm, song chúng đều là pháp vô thường, pháp diệt tận, pháp suy vong, pháp biến đổi, huống gì tấm thân tạm bợ do khát ái chấp thủ này? Chỉ có hạng kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết mới nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là của ta, ta thuộc về cái kia"; còn vị Thánh đệ tử đa văn không khởi nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là của ta, ta thuộc về cái kia." Vì sao vị ấy lại nghĩ như

vậy? Nếu CÓ người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vị ấy suy nghĩ: "Ta có nổi khổ đau này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Đó là từ sự tiếp xúc với những thứ không ưa thích.^, Vị ấy quán sự xúc chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức đều vô thường. Tâm vi ấy an tru vào đối tượng quán chiếu mà được tinh chí, hợp nhất, định tĩnh, không lay động. Sau đó, có người khác đến nói những lời lẽ êm ái, vi ấy suy nghĩ: "Ta có niềm vui này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Là từ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích." Vị ấy quán sự xúc chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường. Tâm vị ấy an tru vào đối tượng quán chiếu ấy mà

được tinh chí, hợp nhất, định tĩnh, không lay động. Sau đó, nếu có người tuổi thiếu niên, trung niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý9 hoặc dùng nắm đấm, đá ném, gậy đánh, dao chém, vị ấy suy nghĩ như vầy: "Ta thọ thân này vốn là sắc pháp thô cứng thuộc bốn đại, từ cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng thức ăn? được che kín bởi y phục, được chăm sóc bồng ẵm vỗ về, thường được tắm rửa... chúng đều là pháp hư hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Ta vì thân này đến nỗi bị nắm đấm, đá ném, gậy đánh, dao chém.,, Từ ý niệm đó, vị ấy liền siêng năng, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú5 không mê mờ, nhất tâm an định Vị ấy nghĩ thế này: "Ta siêng năng, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú, không mê mờ? nhất tâm an đinh. Ta thọ thân này đáng để cho nắm đấm, đá ném, gậy đánh, dao chém cũng không sao, chỉ cần ta siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn.,, Này chư Hiền! Đức Thế Tôn tìmg dạy như vầy: "Giả sử có giặc cướp đến cam cưa hay dao bén cắt rời thân the các thay, khi bi giặc cướp cam cưa hay dao r A bén cat rời thân thê ra mà tâm các thây bị dao động, hoặc nói lời hung dữ, tức là các thầy đã bị suy thoái. Các thầy nên nghĩ như vầy: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể ta ra thành từng mảnh thì mong sao tâm ta không bị dao động, không nói lời hung dữ mà còn khởi tâm thương xót đối e * r7 e

với người đã đên xẻ thânr thê ta ra từng mảnh. Vì r nhờ r người đó mà tâm ta tương ưng với tâm từ, trùm kháp một phương, thành tựu và an trú. Cứ như thê, đôi với hai phương, ba phương, bon phương, bon phương phụ và hai phương trên dưới trùm khắp tất cả, tâm vị ấy tương ưng với tâm từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên vô lượng, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú.9,9 [0465c05] Này chư Hiền! Tỳ-kheo kia nếu nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên tự thẹn với mình, xấu hổ với người: “Ta ở nơi lợi ích mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an tru nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện.^^

30. KINH VÍ DỤ VỀ DẤU CHÂN VOI 197

Này chư Hiền! Ví như cô dâu mới rước về nhà chồng, gặp cha mẹ chồng, hoặc gặp chồng mình thì cảm thấy xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền! Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng như vậy, nên tự thẹn với mình, xấu hổ với người: "Ta ở nơi lợi ích mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an tru nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện.Do tự thẹn với mình, xấu hổ với người, vi ấy liền an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả ly tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt sạch không còn lại gì. Này chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo học rộng về tất cả. Này chư Hiền! Thế nào là hỏa giới? Này chư Hiền! Hỏa giới có hai loại, đó là nội hỏa giới và ngoại hỏa giới. Này chư Hiền! Thế nào là nội hỏa giới? Đó là những gì ở trong thân, được thân thâu nhiêp, thuộc vê lửa, có tính nóng bức và bị chập thủ. Trong đó gôm những gì? Gồm hơi ấm trong thân, những thứ khiến thân bức bối hoặc ôn hòa,

làm cho thức ăn được tiêu hóa và những thứ khác tương tự như vậy ở trong thân, được thân thâu nhiếp, thuộc về lửa, có tính nóng bức và bi chấp thủ. Này chư Hiền! Đó là nội hỏa giới. Này chư Hiền! về ngoại hỏa giới, đó là những gì lớn lao, là thanh tịnh, là không đáng nhơm gớm. Này chư Hiền! Khi nạn lửa bên ngoài phát khởi, lửa đót cháy, thiêu rụi cả thôn áp, thành quách, núi rừng, đông ruộng. Thiêu rụi những nơi áy roi, lửa lan đên đường sá, đên sông nước, cho đên khi không còn gì để cháy thì lửa mới tắt.5 Này chư Hiền! Sau khi ngoại hỏa giới diệt, dân chúng muốn lấy lửa thì phải dùng gỗ hoặc tre cọ vào nhau, hoặc dùng đá lửa bằng châu ngọc. Này chư Hiền! Ngoại hỏa giới này rất lớn, rất thanh tịnh và rất không đáng nhơm gớm, song chúng đều là pháp vô thường, pháp diệt tận, pháp suy vong, pháp biến đổi, huống gì tấm thân tạm bợ, do khát ái chấp thủ này? Chỉ có hạng kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết mới nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là của ta, ta thuộc về cái kia." Vị Thánh đệ tử đa văn thì không suy nghĩ như vầy: "Dây là ta, đây là của ta, ta thuộc vê cái kia.” Vì sao vị ây lại nghĩ như vậy? Nêu có người khác măng chửi, đánh đập, giận dũ*, quở trách thì vị ây suy nghĩ: “Ta có nỗi khổ đau này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Đó là từ sự tiêp xúc với những thứ không ưa thích." Vị ây quán sự xúc chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức đều vô thường. Tâm vị ấy an trú vào đối tượng quán chiếu mà được tịnh chi, hợp nhất, đinh tĩnh, không lay động. Sau đó, có người khác đến nói những lời lẽ êm ái, vị ây suy nghĩ: “Ta có niềm vui này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Đó là từ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích." Vị ấy quán sự

5 Vô thọ nhi diệt ()Không còn gì chấp thủ thì mới diệt. M. 28: Anãhãrã nỉbbâyati (lửa bị tắt vì không nhiên liệu), HT. Thích Minh Châu dịch.

XÚC chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường. Tâm vi ấy an trú vào đối tượng quán chiếu ấy mà được tịnh chỉ, hợp nhất, định tĩnh, không lay động. Sau đó? nếu có người tuổi thiếu niên, trung niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý, hoặc dùng nắm đam, hoặc ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chém, vi ấy suy nghĩ như vầy: "Ta thọ thân này von là sắc pháp thô cứng thuộc bốn đại, từ cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng thức ăn, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bồng ẵm vỗ về, thường được tắm rửa, chúng đều là pháp hư hoại, là pháp diệt tận5 là pháp ly tán. Ta vì thân này đên nỗi bị nắm đấm, đá ném, gậy đánh, dao chém." Từ ý niệm đó, vị ấy liền siêng năng, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú, không mê mờ, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ the này: "Ta siêng năng, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú, không mê mờ? nhất tâm an đinh. Ta thọ thân này đáng để cho nắm đấm, đá ném5 gậy đánh, dao chém cũng không sao, chỉ cần ta siêng năng học giáo pháp của đức Thê Ton." [0466al7] Này chư Hiền! Đức Thế Tôn từng dạy như vầy: "Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, cắt rời thân thể các thầy. Khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể ra mà tâm các thầy bị dao độnẸ hoặc nói lời hung dữ, tức là các thầy đã bị suy thoái. Các thầy nên nghĩ như vay: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể ta ra thành từng mảnh thì mong

sao tâm ta không bị dao động, không nói lời hung dữ mà còn khởi tâm thương xót đối với người đã đến cắt rời thân thể ta ra từng mảnh; vì nhờ người đó mà tâm ta tương ưng với tâm từ, trùm khắp một phương, thành tựu và an trú. Cứ như thế đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khăp tất cả, tâm vị ây tương ưng với tâm từ, không gây thù chuốc oán, không sân giận não hại, rộng lớn vô biên, vô lượng, khéo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú."' Này chư Hiên! Tỳ-kheo kia nêu nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an tru nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện thì này chư Hiên, Tỳ-kheo ây nên tự thẹn với mình, xâu hô với người: “Ta ở nơi lợi h mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiên.” Này chư Hiên! Ví như cô dâu mới rước vê nhà chông, gặp cha mẹ chông, hoặc gặp chồng mình thì cảm thấy xấu hổ? thẹn thùng. Này chư Hiền! Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng như vậy, nên tự thẹn với mình, xấu hổ với người: "Ta ở nơi lợi ích mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện.,^ Do tự thẹn với mình, xấu hổ với người, vị ấy liền an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả ly tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận không sót. Này chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo học rộng về tất cả.

30. KINH VÍ DỤ VỀ DẤU CHÂN VOI 199

[0466b06] Này chư Hiền! Thế nào là phong giới? Này chư Hiền! Phong giới có hai loại, đó là nội phong giới và ngoại phong giới. Này chư Hiền! Thế nào la nội phong giới? Đó là những gì ở trong thân, được thân thâu nhiếp, thuộc về gió, có tính chuyển động và bị chấp thủ. Trong đó gồm những gì? Gồm gió đi lên? gió đi xuống, gió trong bụng, gió khi di, gió co that lại, gió như dao căt,6 gió giật lên, gió không một hướng, gió khi cử động tay chân, gió từ hơi thở ra, gió từ hơi thở vào và tất cả những thứ khác tương tự như vậy ở trong thân, được thân thâu nhiếp, thuộc về gió, có tính chuyển động và bị chấp thủ. Đó gọi là nội phong giới. Này chư Hiên! Vê ngoại phong giới, đó là những gì lớn lao, là thanh tịnh, là không đáng nhơm gớm. Này chư Hiền! Khi nạn gió từ bên ngoài thổi đến thì nhà sập, cây trốc, núi lở. Khi núi non đã lở? gió liền dừng lại, mảy lông cũng chẳng lay động. Này chư Hiền! Sau khi ngoại phong giới dừng lại, dân chúng muốn tìm kiếm gió thì phải dùng quạt, hoặc dùng lá phất, hoặc dùng áo phất để tìm gió. Này chư Hiền! Ngoại phong giới này rất lớn lao, rất thanh tịnh, rất không đáng nhơm gớm, song chúng đêu là pháp vô thường, pháp diệt tận, pháp suy vong, pháp biên đôi, huông gì tâm thân tạm bợ do khát ái châp thủ này? Chỉ có hạng kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết mới nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là của ta, ta thuộc ve cái kia." Vị Thánh đệ tử đa văn thì không suy nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là của ta, ta thuộc về cái kia." Vì sao vị ấy lại nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vị ấy suy nghĩ: "Ta có nổi khổ đau này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Đó là từ sự tiếp xúc với những thứ không ưa thích." Vị ấy quán sự xúc chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô

thường. Tâm vi ấy an trú vào đối tượng quán chiếu mà được tịnh chí, hợp nhất, định tinh, không lay động. Sau đó5 có người khác đến nói những lời lẽ êm ái, vị ấy suy nghĩ: "Ta có niềm vui này là có nguyên do chứ không phải không có nguyên do. Nguyên do từ đâu? Đó là từ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích." Vi ấy quán sự xúc chạm này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường. Tâm vị ấy an tru vào đối tượng quán chiếu ấy mà được tịnh chỉ, hợp nhất, đinh tĩnh, không lay động. Sau đó, nếu có người tuổi thiếu niên, trung niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý5 hoặc dùng nắm dấm, hoặc ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chém, vị ấy suy nghĩ như vầy: "Ta thọ thân này vốn là sắc pháp thô cứng thuộc bốn đại, từ cha mẹ sanh, nuôi dưỡng bằng thức ăn, được che kín bởi y phục, chăm sóc bồng ẵm vỗ về, thường được tắm rửa, chúng đều là pháp hư hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Ta vì thân này đến nỗi bi nắm đấm, ném đá, hoặc bị gậy đánh, dao chem." Từ ý niệm đó, vị ấy liền siêng năng lên, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú, không mê

6 Đao phong Gió rát như dao cắt.

mờ, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ thế này: "Ta siêng năng, không buông lung, chánh thân, chánh niệm, chuyên chú, không mê mờ? nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho nắm dấm, đá ném, gậy đánh, dao chém cũng không sao, chỉ cần ta siêng năng học giáo pháp của đức Thế T6n." [0466C10] Này chư Hiền! Đức Thế Tôn từng dạy như vầy: "Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, cắt rời thân thể các thầy, khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể ra mà tâm các thầy bị dao động hoặc nói lời hung dữ, tức là các thay đã bị suy thoái. Các thay nên nghĩ như vay: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén cắt rời thân thể ta ra thành từng mảnh thì mong sao tâm ta không bị dao động, không nói lời hung dữ mà còn khởi tâm thương xót đối với người đã đến cắt rời thân thể ta ra từng mảnh; vì nhờ người đó mà tâm ta tương ưng với từ, trùm khắp một phương, thành tựu và an trú. Cứ như thế, đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả9 tâm vi ấy tương ưng với tâm từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, vô lượng, khéo tu tập, trùm khắp tất cả the gian, thành tựu và an trú. E Này chư Hiền! Tỳ-kheo kia nếu nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an tru nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện thì này chư Hiền, Tỳ-kheo ấy nên tư thẹn với mình, xấu hổ với người: “Ta ở nơi lợi ích mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện?5 Này chư Hiên! Ví như cô dâu mới rước vê nhà chông, gặp cha mẹ chông, hoặc gặp chồng mình thì cảm thấy xấu hổ5 thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết, Tỳ-kheo kia cũng như vậy, nên tự thẹn với mình, xấu hổ với người: "Ta ở nơi lợi ích mà không được lợi ích, ở trong công đức lại không có công đức. Nghĩa là ta nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Đại chúng mà vẫn không an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện.,, Do tự thẹn với mình, xấu hổ với người, vị ấy liền an trú nơi sự buông xả tương ưng với pháp thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả ly tát cả

hữu, lìa ái, vô dục, diệt sạch không còn lại gì. Này chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo học rộng về tất cả. J Này chư Hiền! Ví như nhờ cây gỗ, nhờ bùn đất, nhờ nước và rơm rạ che chắn phủ kín một khoảng không gian nên sanh ra vật thể gọi là "nha.” Này chư Hiên, nên biêt, thân này cũng giông như vậy, nhờ gân cốt, nhờ da dẻ, nhờ thịt máu vây bọc kín một khoảng không gian nên sanh ra vật thể gọi là "than." Này chư Hiền! Nếu như nhãn căn7 bị hư hoại thì không thể tiếp nhận ánh sáng từ cảnh sắc bên ngoài chiếu đến và do đó sẽ không có tác ý8 nên nhãn thức

7 Nội nhãn xứ .Nội & đây chỉ cho các cơ quan nội tạng trong cơ thể người nSn không cần dịch là 4tbên trorig.' - J 8 Hữu niệm samannãhãrà'. Sự chú ý. MA. 28 gọi "hữu niệm,, là sanh khởi tác ý uppajjanamanasikārā.

không phát sanh. Này chư Hiền! Nếu như nhãn căn không bi hư hoại thì sẽ tiếp nhận ánh sáng từ cảnh sắc bên ngoài chiếu đến và do đó sẽ tác ý nên nhãn thức sẽ phát sanh. Này chư Hiền! Nếu như cảnh sắc nằm trong tầm của nhãn căn9 thì nhãn thức sẽ nhận biết cảnh sắc bên ngoài, đó là thuộc về sắc uẩn, nếu đó là thọ thì thuộc về thọ uẩn, nếu đó là tưởng thì thuộc về tưởng uẩn, nếu đó là tư thì thuộc vê tư uân, nêu đó là thức thì thuộc vê thức uân. Hãy quán sát sự tập hợp của các uẩn như vậy! [0467a09] Này chư Hiền! Đức Thế Tôn từng dạy như vầy: "Nếu thấy duyên khởi là thấy pháp, nếu thấy pháp là thấy duyên khỏi." Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Đức Thế Tôn dạy, năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn cũng như vậy. Này chư Hiền! Nếu các căn như tai, mũi, lưỡi, thân và ý bị hư hoại thì không thể tiếp nhận ánh sáng từ các pháp bên ngoài chiếu đến và do đó sẽ \ r không có tác ý nên ý thức không phát sanh. Này chư Hiên! Nêu ý căn không hư hoại thì sẽ tiếp nhận ánh sáng từ các pháp bên ngoài chiếu đến và do đó liền tác ý, nên ý thức phát sanh. Này chư Hiền! Khi pháp trần nằm trong tầm của ý căn10 thì ý thức liền nhận biêt sác pháp bên ngoài thì đó thuộc vê săc uân? nêu đó là thọ thì thuộc vê thọ uẩn, nếu đó là tưởng thì thuộc về tưởng uẩn, nếu đó là tư thì thuộc về tư uẩn, nếu đó là thức thì thuộc về thức uẩn. Hãy quán sát sự tập hợp của các uẩn như vậy. Này chư Hiền! Đức Thế Tôn từng dạy như vầy: "Nếu thấy duyên khởi tức thấy pháp, nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi?5 Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Đức Thế Tôn dạy, năm thủ uẩn tò nhân duyên mà sanh. sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn cũng như vậy. Vi ấy chán ghét năm thủ uẩn quá khứ, vị lai và hiện tại này. Do chán ghét nên không còn tham muốn, do hết tham muốn nên liền được giải thoát, giải thoát roi liền biết giải thoát và vị ấy biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo học rộng về tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nội nhãn xứ cập sắc sắc ở trong tầm của nhãn căn .Cập :V6i tới, đạt đến. M. 28: Ẫpãtha, trong cảnh giới của thức, thức vực . 10 Ý xứ chỉ cho ý căn .

31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Đây là giáo pháp được chân chánh thuyết giảng,1 2 phân biệt, rộng tuyên, mở bày, an lập, hiển thi, hướng dẫn,3 thâu nhiếp rộng rãi và quán chiếu toàn diện, là giáo pháp bốn Thánh đế. Trong quá khứ, các đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã từng thuyết giảng, phân biệt, rộng tuyên, mở bày, an lập, hiển thị, hướng dẫn, thâu nhiếp rộng rãi và quán chiếu toàn diện giáo pháp chân chánh này, là giáo pháp bôn Thánh đê. Trong tương lai, các đang Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng sẽ thuyết giảng, phân biệt, rộng tuyên, mở bày, an lập, hiển thị, hướng dẫn, thâu nhiếp rộng rãi và quán chiếu toàn diện giáo pháp chân chánh này, là giáo pháp bốn Thánh đế. Trong đời hiện tại, Ta là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng có thuyết giảng, phân biệt, rộng tuyên, mở bày, an lập, hiển thị, hướng dẫn, thâu nhiếp rộng rãi và quán chiếu toàn diện giáo pháp chân chánh này, là giáo pháp bốn Thánh đế. Tỳ"kheo Xá-lợi-phất4 là bậc có trí tuệ thông đạt, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ linh hoạt, trí tuệ sắc bén, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ sâu xa, trí tuệ xuất yếu, trí tuệ minh đạt và trí tuệ biện tài. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu thật tuệ. Vì sao như vậy? Vì Ta chỉ nói sơ lược về bốn Thánh đế này mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã có thể giáo hóa rộng rãi, quán chiếu toàn diện, phân biệt, rộng tuyên, mở bày, an lập, hiển thị và hướng dẫn cho người khác nghe. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất giáo hóa rộng rãi, chỉ bày rộng khắp, phân biệt, rộng tuyên, mở bày, an lập, hiển thị và hướng dẫn về bốn Thánh đế này, đã giúp

1 Nguyên tác: Phân biệt Thảnh đế kinh (T.Ol. 0026.31. 0467a28). Tham chiếu: Niệm xứ kinh (roi. 0026.98. 0582Ồ07); Tứ đế kỉnh (7.02. 0032. 0814Ồ08); Tăng.(r02. 0125.27.1. 0643a26); D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh đại niệm xứ); M. 10, Satipatthāna Sutta (Kinh niệm xứ); M. 141, Saccavỉbhaùga Sutta (Kinh phân biệt sự thật). 2 Nguyên tác: Chánh hạnh thuyết pháp ().Tứ đế kỉnh (r.02. 0032. 0814Ồ13) ghi là 44chân chánh thuyết pháp,5 (). 3 Nguyên tác: Phân biệt, phát lộ, khai ngưỡng, thi thiết, hiển thị, thú hướng ( ).Tham chiêu: M. 141, Saccavibhañga Sutta (Kỉnh phân biệt sự thật): Acikkhanā desanā paññāpanā patthapanā vivaranā vibhajanā uttānīkammarn (sự khai thị, tuyên thuyêt, thi thiêt, kiên lập^ mở rộng, phân biệt, hiển lộ), HT. Thích Minh Châu dịch. Đây là một thê loại điệp ngữ, hàm nghĩa nhân mạnh ở cô văn. 4 Nguyên tác: Xá-lê tử ().

cho VÔ Số người đạt đến chánh quán. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có khả năng dùng chánh kiến để soi đường chỉ lối. Tỳ-kheo Mục-kiên-liên có khả năng an lập chúng sanh nơi chân đê tôi thượng, tức là cứu cánh Niết-bàn.5 Tỳ-kheo Xá-lợi-phất sanh ra các bậc Phạm hạnh, ví như sanh mẫu. Tỳ-kheo Mục-kiền-liên nuôi lớn các bậc Phạm hạnh, ví như dưỡng mẫu. Do đó, các bậc Phạm hạnh nên phụng SỊT, cúng dường, cung kính, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì sao như vậy? Vì Tỳ- kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thường mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho các bậc Phạm hạnh. Sau khi giảng nói xong, đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh thất tĩnh tọa. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các thầy Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Đức

Thế Tôn vì chúng ta mà xuất hiện ở thế gian, vì mọi người mà giáo hóa, chỉ bày rộng rãi, phân biệt, rộng tuyên, mở bày, an lập, hiển thị và hướng dẫn về bốn Thánh đế này. Bốn Thánh đế là những gì? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Tháiïủi đế về con đường đưa đến khổ diệt. Này chư Hiền, thế nào là Thánh đế về khổ? Đó là? sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ5 oán ghét mà gặp nhau là khổ, thương yêu mà chia lìa là khổ, cầu mong mà không được là khổ? tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này chư Hiền, vì nguyên do gì mà nói sanh là khổ? Này chư Hiền, sanh nghĩa là nói chúng sanh kia, mỗi mỗi chủng loại chúng sanh khác nhau, đen lúc sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, tạo thành năm uẩn, từ đó có mạng căn, đây gọi là sanh. Này chư Hiền! Sanh là khổ, nghĩa là chúng sanh khi sanh ra thì thân nhận chiu sự khổ, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự khổ, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự kho, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chịu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chịu sự nóng bức dữ dội5 sự giày vò, sự buồn lo, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò5 sự buồn lo, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò9 sự buồn lo, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sanh là khổ. [0467cll] Này chư Hiền, vì nguyên do gì mà nói già là khổ? Này chư Hiền! Già là nói chúng sanh kia, mỗi mỗi chủng loại chúng sanh khác nhau, chúng trở nên già yếu, tóc bạc, răng rụng, khi xưa cường tráng, ngày mỗi suy hao, thân

5 Nguyên tác: Cứu cánh lậu tận Sạch hết lậu hoặc, đạt được Niết-bàn rốt ráo.

còng gói rũ, khí chát kém suy, hơi thở mệt nhọc, đi phải chông gậy, thịt rút da nhăn, xù xì như gai5 các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí, như vậy gọi là già. Này chư Hiền! Già là khổ, nghĩa là khi chúng sanh già đi thì thân nhận chiu sự khổ5 nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự khổ? nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự khổ, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chịu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chiu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò5 sự buồn lo, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò, sự buồn lo, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò, sự buồn lo, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói già là khổ. Này chư Hiền, vì nguyên do gì mà nói bệnh là khổ? Này chư Hiền! Bệnh nghĩa là đau đầu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau mặt, đau môi, đau răng, đau lưỡi, đau nướu5 đau cổ, phong suyễn, ho hen, nôn mửa, cứng họng, cuồng loạn, co giật, ung thư, mọc bướu, kinh nguyệt thất thường, viêm đỏ9 nóng sốt, gầy còm, bệnh

tri, mụt nhọt, kiết lỵ và tất cả những bệnh khác tương tự như vậy đều từ xúc,6 do xúc mà sanh ra? không rời khỏi tâm, ở ngay trong thân, đó gọi là bệnh. J Này chư Hiền, bệnh là khổ nghĩa là khi chúng sanh bi bệnh thì thân nhận chịu sự khổ5 nhận chịu toàn diện; cảm thọ? cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chiu Sự kho, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chiu sự khổ? nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chiu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ? cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự nóng bức, nhận chiu toàn diện; cảm thọ. cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chiu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chiu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò, sự buồn lo, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chiu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò, sự buồn lo, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò? sự buồn lo, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói bệnh là khổ. [0468a04] Này chư Hiền, vì nguyên do gì mà nói chết là khổ? Này chư Hiền, chết là nói đen chúng sanh kia, mỗi mỗi chủng loại chúng sanh khác nhau đều chiu sự vô thường nên phải qua đời, tử vong tan hoại, tuổi thọ đã hết, mạng căn chấm dứt, đó gọi là chết. Này chư Hiền! Chết là khổ nghĩa là khi chúng sanh chết di, thân nhận chịu sự khổ, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chiu sự khổ,

6 Nguyên tác: Canh lạc ,cách dịch khác của "xhc",phassā.

nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chiu sự khổ, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chịu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự nóng bức, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò, sự buồn lo, nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò? sự buồn lo, nhận chiu toàn diện; cảm thọ5 cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự nóng bức dữ dội, sự giày vò, sự buồn lo, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói chết là khổ. \ 9

Này chư Hiên, vì nguyên do gì mà nói oán ghét mà gặp nhau là khô? Này chư Hiền! Oán ghét mà gặp nhau nghĩa là, chúng sanh thật có sáu căn bên trong7 là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn von không ưa thích, nhưng chúng cùng tụ hội một chỗ5 có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy, các tran bên ngoài8 với xúc, thọ, tưởng, tư9 và ái10 cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh thật có sáu giới là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới, chúng vốn không ưa thích, nhưng cùng tụ hội một chỗ, có sự gắn bó? hòa hợp, tập hợp. Sự tập hợp ấy là kho. Đó gọi là oán ghét gặp nhau. Này chư Hiền, oán ghét mà gặp nhau là khổ, nghĩa là chúng sanh khi có sự tụ hội của những thứ oán ghét thì thân nhận chiu sự kho, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chiu sự kho. nhận chiu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Thân tâm nhận chịu sự khổ, nhận chịu toàn diện; cảm thọ? cảm thọ toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói oán ghét gặp nhau là khổ. Này chư Hiền, vì nguyên do gì mà nói

thương yêu mà chia lìa là khổ? Này chư Hiền! Nỗi kho của sự yêu thương nhau mà lại xa lìa nghĩa là, chúng sanh thật có sáu căn bên trong là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ đáng yêu thích, nhưng những thứ ấy lại phân tán cách biệt, không được tương ứng, xa cách không gặp, không gắn bó5 không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Cũng vậy, các trần bên ngoài với xúc, thọ, tưởng, tư và ái cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh thật có sáu giới là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới đáng ưa thích, nhưng chúng phân tán chia lìa, không được tương ứng, xa cách không gặp, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Đó gọi là nỗi khổ của sự yêu thương nhau mà lại chia lìa. Này chư Hiền, thương yêu mà chia lìa là khổ, nghĩa là khi chúng sanh xa cách nhau, thân nhận chịu sự kho, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Tâm nhận chịu sự khổ, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện.

7 Nội lục xứ . 8 Ngoại xứ ,viết tắt của "ngoại lục xứ",chỉ cho Tqc trần". 9 Nguyên tác: Cánh lạc, giác, tưởng, tư .Đây là 4 “tâm sở biến hành,, . ở đây chỉ cho 4tsáu ái thân,, cha tanhākāya. Xem thêm Thuyết xứ kinh r02. 0026.86. 0562c 13; M. 148, Chachakkasutta Kinh sáu sáu.

31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ 207

Thân tâm nhận chịu sự khổ, nhận chịu toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy nên nói thương yêu mà chia lìa là khổ. [0468b04] Này chư Hiền, vì nguyên do gì mà nói mong cầu mà không được là khô? Này chư Hiên, nghĩa là chúng sanh lệ thuộc vào sự sanh, không thể lìa xa sự sanh, nhưng lại ước muốn rằng “mong tôi không sanh ra", điều này quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, chết, ưu, sầu, buồn, lo mà ước muốn rằng "mong tôi không có già, chết,... buồn, lo9\ điều này cũng không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào chấp nhận sự sanh là khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ thế này: “Nếu sự sanh của ta là khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao chuyển đổi nó thành đáng yêu, đáng nghĩ nhớ.99 Điều này cũng không thể muốn mà được. Này chư Hiên, chúng sanh nào châp nhận sự sanh là vui, đáng yêu thích, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vầy: "Nếu sự sanh của ta là vui, đáng yêu thích, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cữu và không bi vô thường biến Điều này cũng không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào chấp nhận sự sanh là tư duy không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy sẽ tự nghĩ: "Nếu sự sanh của ta là tư duy không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao nó đổi thành đáng yêu thích, đáng nghĩ nhóc' Điều này cũng không thể muốn mà được. Này chư Hiên, chúng sanh nào châp nhận sự sanh ra là tư duy đáng yêu thích, đáng nghĩ nhớ, người ấy liền khởi nghĩ: "Nếu sự sanh của ta là tư duy đáng yêu thích, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không bi vô thường biến doi." Điều này cũng không thể muốn mà được. Này chư Hiền, vì lẽ ấy nên nói mong cầu không được là khổ. Này chư Hiền, nói khái lược năm thủ uẩn là khổ, vì nguyên do gì mà nói như vậy? Đó là, sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uân. Này chư Hiên, vì lẽ ây mà nói khái lược năm thủ uân là khô. Này chư Hiền, đời quá khứ là Thánh đế về khổ, đời vị lai và hiện tại cũng là Thánh

đế về khổ. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chăng phải điên đảo, được thâm sát chác thật. Toàn bộ chân lý chác thật như vậy là điều mà bậc Thánh có được, được nhận thức bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh, được thấu suốt bởi bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh, cho nên nói là Thánh đế về khổ. Này chư Hiền! Tại sao sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của khổ? Là bởi vì chúng sanh thật sự có tham ái đối với sáu căn bên trong là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn. Trong đó nếu có ái, có cáu bẩn, có nhiễm ô, có đắm trước thì đó gọi là tập. Này chư Hiền, vị Thánh đệ tử đa văn biết rằng: "Ta biết

pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó gọi là sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của kh6." Biết như vậy là biết như thế nào? Nghĩa là biết rõ nếu có sự tham ái đối với vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, đoi chác kiếm lời, tạo dựng sự nghiệp, có ái, có cáu bẩn, có nhiễm ô, có đắm trước thì đó gọi là tập. Vị ấy biết sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của khổ. Cũng vậy, với sáu trần bên ngoài với xúc, thọ, tưởng, tư và ái cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh thật sự có tham ái đối với sáu giới, đó là đất, nước, gió, lửa, hư không và thức giới. Trong đó nếu có ái, có cáu bẩn, có nhiễm ô? có đắm trước thì đó gọi là tập. Này chư Hiền, vi Thánh đệ tử đa văn biết rằng: "Ta biết pháp như vậy, thay như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và giác tri như vậy, đó là sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của kho?9 Biết như vậy là biết như thế nào? Nghĩa là biết rõ nếu có sự tham ái đối với vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, buôn bán đổi chác, tạo tác các nghiệp mà có tham ái5 có cáu bẩn, có nhiễm ô5 có đắm trước thì đó gọi là tập. Người kia biết rõ sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của khổ. Này chư Hiền, thời quá khứ sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của khổ; thời vị lai và hiện tại sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của khổ. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thâm sát một cách chác thật. Những gì khê hợp với sự chác thật như vậy là điều mà bậc Thánh có được, được nhận thức bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh, được thấu suốt bởi bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Vì vậy, nên nói đó là sự tập khởi của ái là Thánh đế về nguyên nhân của khổ. [0468C19] Này chư Hiền, tại sao ái diệt là Thánh đế về khổ diệt? Nghĩa là chúng sanh thật sự có tham ái đoi với sáu căn bên trong là mắt, tai, mũi? lưỡi, thân và ý căn. Chúng sanh ấy nếu khéo giải thoát, không nhiễm ô, không đam trước, đã đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, nhổ bỏ, đã trừ sạch, vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ thì đó gọi là khổ diệt. Này chư Hiền, vị Thánh đệ tử đa văn, biết rằng "Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiêu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt, là Thánh đế về khổ diet.” Biết như vậy là biết như thế nào? Nghĩa là biết rõ nếu không có sự tham ái đối với vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, buôn bán đôi chác, tạo tác các nghiệp, người ấy khéo giải thoát, không có nhiêm 6, không có đăm trước, đã đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, nhổ bỏ, đã trừ sạch, vô dục, tịch diệt, vắng lăng, ngưng nghỉ thì đó gọi là khổ diệt. Vị ấy biết rõ ái diệt là Thánh đê về khổ diệt. Cũng vậy, các trần bên ngoài với xúc, thọ, tưởng, tư và ái cũng

lại như vậy.

Này chư Hiền, chúng sanh sự thật có tham ái đối với sáu giới là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới. Chúng sanh ấy nếu khéo giải thoát, không nhiễm ô5 không đắm trước, đã đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, nhổ bỏ, đã trừ sạch, vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ thì đó gọi là khổ diệt. Này chư Hiền, vị Thánh đệ tử đa văn biết rằng: "Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó gọi là ái diệt là Thánh đế về khổ diet." Biết như vậy là biết như thế nào? Nghĩa là biết rõ nếu không tham ái đối với vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng vườn, nhà cửa, quán xá, buôn bán đôi chác, không vì tạo tác các nghiệp, vị ây khéo giải thoát, không nhiễm 6, không đắm trước, đã đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, nhổ bỏ, đã trừ sạch, vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ thì đó gọi là khổ diệt. Vị ấy biết rõ ái diệt là Thánh đe về ỉdiổ diệt. Này chư Hiền! Thời quá khứ thì ái diệt là Thánh đế về khổ diệt; thời vị lai và hiện tại thì ái diệt là Thánh đế về khổ diệt. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được tham sát chắc thật. Những gì khế hợp với sự chắc thật như vậy là điều mà bậc Thánh có được, được nhận thức bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh, được thấu suốt bởi bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Vì vậy nên nói đó là ái diệt là Thánh đế về khổ diệt. [0469al3] Này chư Hiền, thế nào là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, 11 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,1112 chánh niệm và chánh định. Này chư Hiền, thế nào là chánh kiến? Đó là, khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ đúng như khổ, suy niệm về nguyên nhân của khổ đúng như nguyên nhân của khổ, suy niệm về sự tịch diệt đúng như sự tịch diệt, suy niệm về con đường đưa đến sự tịch diệt đúng như con đường đưa đến sự tịch diệt, hoặc quán sát về những tạo tác trước đây, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa5 hoặc thấy rõ Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi dùng tâm niệm không chấp trước để quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, có sự lựa chọn, lựa chọn toàn diện, lựa chọn quyết đoán, lựa chọn pháp, nhận đinh, nhận định khắp cả, quán sát thấu suốt rõ ràng. Đó gọi là chánh kiến. Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm ve khổ đúng như kho, suy niệm ve nguyên nhân của kho đúng như nguyên nhân của khổ, suy niệm về sự tịch diệt đúng như sự tịch diệt, suy niệm về con đườnẹ đưa đến sự tịch diệt đúng như con đường đưa đên sự tịch diệt, hoặc quán sát vê những tạo tác trước dây, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa, hoặc thấy rõ Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi dùng tâm niệm không chấp trước để quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, tâm có sự chuyên chú,

11 Chánh chí còn gọi là uchánh tư duy" 12 Chánh phương tiên còn gọi là "chánh tinh tấn".

chuyên chú toàn diện, chuyên chú tùy thuận, điều đáng nhớ nghĩ thì nhớ nghĩ, điều đáng mong đợi thì mong đợi. Đó gọi là chánh tư duy. Này chư Hiền, thế nào là chánh

ngữ? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ đúng như khổ, suy niệm về nguyên nhân của khổ đúng như nguyên nhân của khổ, suy niệm về sự tịch diệt đúng như sự tịch diệt, suy niệm vê con đuờng đưa đến sự tịch diệt đúng như con đường đưa đên sự tịch diệt; hoặc quán sát vê những tạo tác trước đây, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa, hoặc thấy rõ Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi dùng tâm niệm không châp trước để quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, ngoại trừ bốn diệu hạnh thuộc về miệng, còn các ác hạnh khác thuộc về miệng thì đều phải xa lìa và trừ diệt, không thực hành, không tạo tác, không gắn kết, không tiếp nối. Đó gọi là chánh ngữ. [0469Ồ01] Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm vê khô đúng như khô, suy niệm vê nguyên nhân của khô đúng như nguyên nhân của khổ, suy niệm về sự tịch diệt đúng như sự tịch diệt, suy niệm vê con đường đưa đên sự tịch diệt đúng như con đường đưa đến sự tịch diệt; hoặc quán sát về những tạo tác trước dây, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa, hoặc thấy rõ Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc trong lúc dùng niệm không chấp trước để quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, ngoài ba diệu hạnh của thân, còn các việc xấu ác khác nơi thân thì đều phải xa lìa và đoạn trừ, không thực hành, không tạo tác, không găn két, không tiêp nôi. Đó gọi là chánh nghiệp. Này chư Hiền, thế nào là chanh mạng? Đó là khi vị Thánh đệ từ suy niệm về khổ đúng như khổ, suy niệm về nguyên nhân của khổ đúng như nguyên nhân của khổ, suy niệm về sự tịch diệt đúng như sự tịch diệt, suy niệm về con đường đưa đến sự tịch diệt đúng như con đường đưa đến sự tịch diệt; hoặc quán sát về những tạo tác trước đây, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa, hoặc thấy rõ Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc trong lúc dùng niệm không châp trước đê quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, không có sự mong cầu vô lý, không vì mong cầu nhiều mà không biết nhàm đủ. Không dùng các loại chú thuật, mưu sinh tà mạng mà chỉ tìm cầu y phục, thức ăn9 giường chõng, v.v... theo đúng Chánh pháp chứ chẳng phải phi pháp. Đó gọi là chánh mạng. Này chư Hiền, thế nào là chánh tinh tấn? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ đúng như khổ, suy niệm về nguyên nhân của khổ đúng như nguyên nhân của khô, suy niệm về sự tịch diệt đúng như sự tịch diệt, suy niệm về con đường đưa đên sự tịch diệt đúng như con đuờng đưa đến sự tịch diệt; hoặc quán sát về những tạo tác trước dây, hoặc suy niệm ve các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa, hoặc thay rõ Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc trong lúc dùng niệm không chấp trước để quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, nếu có tinh tấn nỗ lực? một bề mong câu tinh tấn thì nỗ lực hướng đến, chuyên giữ không buông, cũng không lui sụt, hàng phục tâm mình một cách chân chánh. Đó gọi là chánh tinh tấn.

31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ 211

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về kho đúng như khổ, suy niệm về nguyên nhân của khổ đúng như nguyên nhân của khổ5 suy niệm về sự tịch diệt đúng như sự tịch diệt, suy niệm về con đường đưa đến sự tịch diệt đúng như con đường đưa đến sự tịch diệt; hoặc quán sát về những tạo tác trước đây, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa, hoặc thấy rõ Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc trong lúc dùng niệm không chấp trước để quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, hoặc niệm với tâm tùy thuận, hoặc niệm về sự giải thoát,13 hoặc suy niệm

cùng khắp, niệm hồi ức, hôi tưởng lại, tâm luôn chuyên nhát, không có xao lãng. Đó gọi là chánh niệm. Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Đó là khi vi Thánh đệ tử suy niệm về khổ đúng như khổ, suy niệm về nguyên nhân của khổ đúng như nguyên nhân của khô ? suy9 niệm vê sự tịch diệt đúng như, sự tịch . . diệt, suy • niệm vê con yđường đưa đên sự tịch diệt đúng như con đường đưa đên sự tịch diệt; hoặc quán sát vê những tạo tác trước đây5 hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy rõ các hành là tai họa, hoặc thây rõ Niêt-bàn là tịch tĩnh, hoặc trong lúc dùng niệm không châp trước để quán sát, tâm hoàn toàn giải thoát; trong đó, dù trụ ở tâm, trụ ở thiền, hay trụ cảnh thuận cũng đều không loạn động, không tán tâm, nhiếp trụ trong chánh đinh. Đó gọi là chánh đinh. Này chư Hiền, đời quá khứ là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, đời vị lai và hiện tại cũng là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát chắc thật. Những gì khế hợp với sự chắc thật như vậy là điều mà bậc Thánh có được, được nhận thức bởi bậc Thánh, được thấy bởi bậc Thánh, được thấu suốt bởi bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Vì vậy, nên nói đó là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. [0469c04] Rồi Tôn giả nói kệ: Phật thấu tỏ các pháp, Thấy vô lượng đức lành, Khổ, tập, diệt, đạo đế, Khéo phân biệt hiển bày. Tôn giả Xá-lợi-phất dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.14

13 Nguyên tác: Bối bất hướng niệm ,còngọi ""bối bất hướng",t4bối xả?,tức giải thoát, đồng nghĩa với ubôi nhi bát huớng". 14 Bản Hán, hết quyển 7.

PHẨM 4: PHÁP HY HỮU1 (Gồm 10 kỉnh)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Vi tằng hữu, Thi giả
Bạc-câuf A-tu-la
Đỉa động cập Chiêm-ba ủc-giàf Thủ các nhị}12
1 Quyển 8. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:;;.Do đặt lại tựa đề nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh.

32. KINH PHÁP HY HỮU1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, vào lúc xê chiêu, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, đi đên chô Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn, con đã được nghe, ở thời Phật Ca-diếp51 2 Thế Tôn mới phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh. Nếu ở thời Phật Ca-diếp, Thế Tôn mới phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh thì con xin thọ trì pháp hy hữu ây cua The Ton. Con nghe rằng, ở thời Phật Ca-diếp, Thế Tôn mới phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà.3 Nếu thời Phật Ca-diếp, The Tôn mới phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. Con nghe rằng, thời Phật Ca-diếp, Thế Tôn mới phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà. Dầu sanh lên sau, nhưng Thế Tôn có ba điều thù thắng hơn so với các vi sanh lên trước, đó là thọ mạng cõi trời, dung

mạo cõi trời và danh dự cõi trời. Cho nên, các vị trời Đâu-suất-đà vui mừng hớn hở roi khen ngợi răng: "Kỳ diệu thay và hy hữu thay! Vi thiên tử này có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn. Vì sao như vậy? Tuy sanh lên đây sau, nhung vị ây có ba điêu thù thăng hơn so với những vi sanh lên trước, đó là thọ mạng cõi trời, dung mạo cõi trời và danh dự c6i trời.” Nếu ở thời Phật Ca-diếp, Thế Tôn mới phát nguyện Phật dạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cối trời Đâu-suât-đà; dù sanh lên sau, nhưng Thê Tôn có ba điều thù thắng hơn so với các vi sanh lên trước, đó là thọ mạng cõi trời, dung mạo cõi trời và danh dự cõi trời. Cho nên, các vị trời Đâu-suất-đà vui mừng hớn hở rồi khen ngợi rằng: uKỳ diệu thay và hy hữu thay! Vị thiên tử này có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn. Vì sao như vậy? Tuy sanh lên đây sau, nhưng vị ây có ba điêu thù thăng hơn so với những vị sanh lên trước, đó là thọ mạng cõi trời, dung mạo cõi trời và danh dự cõi tròd." Vậy thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn.

1 Nguyên tác: Vị tằng hữu pháp kinh roi. 0026.32. 0469c20. Tham chiếu: M. 123, Acchariyaabbhuta Sutta Kinh hy hữu vị tang hữuphdp; A. 4.127 - III. 130. 2 Ca-diếp ,Kassapa là vị Phật thứ 3 trong số l .000 vị Phật của Hiền kiếp ,Bhaddakappà. 3 Đâu-suất-đà ,Tusitā, tầng ười thứ 4 trong 6 tầng trời Dục giới ,Kāmadhātu.

[0470al3] Con nghe rằng, lúc sắp lâm chung ở cung trời Đâu-suất-đà, Thế Tôn biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy đất trời rung chuyển, ánh sáng nhiệm mâu rộng lớn chiếu khắp thế gian, kể cả những nơi u ám, tối tăm cũng không ngăn ngại. Nghĩa là nơi nào mà mặt trời, mặt trăng dù có như thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn cũng không chiếu rọi ánh sáng đên được thì tất cả những nơi ấy đều được sáng ngời. Cho nên, chúng sanh ở các nơi ây nhờ ánh sáng nhiệm mầu này mà phát sanh sự hiểu biết rằng: "C6 một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra dòi!" Nêu lúc sắp lâm chung ở cung trời Đâu-suất-đà5 Thế Tôn biết sẽ vao thai mẹ, lúc ấy đất trời rung chuyển, ánh sáng nhiệm mầu rộng lớn chiếu khắp thế gian, kể cả những nơi u ám, tối tăm. Nghĩa là nơi nào mà mặt trời, mặt trăng dù có như thân thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả những nơi ấy đều được sáng ngời. Cho nên5 chúng sanh ở các nơi ấy nhờ ánh sáng nhiệm mầu này mà phát sanh sự hiểu biết rằng: "C6 một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!99 Vậy thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. Con nghe rằng, Thế Tôn biết mình ở trong thai mẹ, nương nơi hông bên phải. Nếu đức Thê Tôn biết mình ở trong thai mẹ9 nương nơi hông bên phải thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. Con nghe rằng, Thế Tôn thân thể thư thái ở trong thai mẹ. Nêu đức Thế Tôn thân thể thư thái ở trong thai mẹ thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. Con nghe răng, Thê Tôn được bảo bọc trong thai mẹ, không bị máu nhơ làm ô uế, cũng không bị tinh khí và các thứ bất tịnh khác làm ô uế. Nếu đức Thế Tôn được bảo bọc trong thai mẹ, không bị máu nhơ làm ô uế, cũng không bị tinh khí và các thứ bất tịnh khác làm ô uế thì con xin thọ

trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. [0470Ồ05] Con nghe rằng, Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy trời đất rung chuyên, ánh sáng nhiệm mâu, rộng lớn chiêu khắp thê gian, kê cả những nơi u ám, toi tăm cũng không ngăn ngại. Nghĩa là nơi nào mà mặt trời, mặt trăng dù có than thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả những nơi ấy đều được sáng ngời. Cho nên, chúng sanh ở các nơi ấy nhờ ánh sáng nhiệm mầu này mà phát sanh sự hiểu biết rằng: "C6 một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra dòi!" Nếu Thế Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ9 lúc ấy trời đất rung chuyển, ánh sáng nhiệm mầu, rộng lớn chiếu khắp thế gian, kể cả những nơi u ám, tối tăm cũng không ngăn ngại. Nghĩa là nơi nào mà mặt trời, mặt trăng dù có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả những nơi ây đêu được sáng ngời. Cho nên, chúng sanh ở các nơi ấy nhờ ánh sáng nhiệm mâu này mà phát sanh sự hiểu biết rằng: "C6 một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra dòi!" Vậy thì con xin thọ trì pháp hy hữu áy cua The Ton.

32. KINH PHÁP HY HỮU 217

Con nghe rằng, Thế Tôn có thân thể thư thái ra khỏi thai mẹ. Nếu đức Thế Tôn có thân thể thư thái ra khỏi thai mẹ thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Ạ FT-Ī A The Ton. Con nghe răng, Thê Tôn được bảo bọc khi ra khỏi thai mẹ nên không bị máu nhơ làm ô uế, cũng không bị tinh khí và các vật bất tịnh khác làm ô uế. Nếu đức Thế Tôn được bảo bọc khi ra khỏi thai mẹ nên không bị máu nhơ làm ô uế, cũng không bi tinh khí và các vật khác làm ô uế thì con xin thọ trì pháp hy hữu ây cua The Ton. Con nghe răng, khi Thê Tôn vừa ra đời, có bôn vị thiên tử, tay câm chiêc áo đẹp mịn màng đứng trước người mẹ làm cho người mẹ hoan hỷ rồi khen ngợi rằng: "Đứa trẻ này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có thần thông lớn, có oai đức lớn, CÓ phước đức lớn và oai thân lớn!^, Nêu khi Thê Tôn vừa được sanh ra, liên có bôn vị thiên tử tay câm chiêc áo đẹp mịn màng đứng trước người mẹ làm cho người mẹ hoan hỷ rồi khen ngợi rằng: "Dứa trẻ này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn”con xin thọ trì pháp hy hữu ây của Thê Tôn. Con nghe rằng, khi Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước, không khiếp sợ9 không kinh hãi, quán sát các phương. Nêu đức Thê Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước, không khiếp sợ? không kinh hãi, quán sát các phương thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. [0470c03] Con nghe rằng, khi Thế Tôn vừa được sanh ra, ngay phía trước người mẹ bỗng xuất hiện một hồ nước lớn, nước tràn bờ, giúp cho người mẹ được tẩy gội thanh tịnh tại đây. Nếu khi đức Thế Tôn vừa được sanh ra, ngay phía trước người mẹ bong xuât hiên mọt ho nước lớn, nước đay tran bơ, giúp cho người mẹ được tẩy gội thanh tịnh tại đây thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của The Ton. Con nghe rằng, khi Thế Tôn vừa được sanh ra, từ giữa hư không nước mưa rưới xuống, một dòng nước lạnh và một dòng nước âm đê tăm gội thân thê Thê Tôn. Nếu khi Thế Tôn vừa sanh ra, từ giữa hư không nước mưa rưới xuống, một dòng nước lạnh và một dòng nước ấm để tắm gội thân thể Thế Tôn thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. Con nghe rằng, khi Thế Tôn vừa sanh ra, chư thiên ở giữa hư không đánh trống và tấu nhạc trời; lại có hoa sen xanh, hoa sen hồng,

hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa mạn-đà-la4 của cõi trời và bột hương chiên-đàn rải trên thân thể Ngài. Nêu khi Thê Tôn vừa sanh ra, chư thiên ở giữa hư không đánh trông và tấu nhạc trời; lại có hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, hoa văn-đà-la của cõi trời và bột hương chiên-đàn rải trên thân thể của đức Thế Tôn thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn.

4 Nguyên tác: Văn-đà-la hoa .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là mạn-đà-la hoa . Xem Đợi trí độ luận 25. l$09.99. 0748a03.

Con nghe rằng, đức Thế Tôn ở trong hoàng cung của Phụ vương Bạch Tịnh, vào một ngày đi dự lễ Hạ điền, Ngài ngồi bên cội cây diêm-phù/ lìa dục, lìa các pháp ác và bất thiện, có giác có quán, được hỷ lạc do lìa dục sanh, thành tựu và an trụ Thiền thứ nhất. Bấy giờ là lúc xế trưa, bóng của các cây khác đều ngả dần, chỉ có bóng cây diêm-phù là không ngả, vẫn che mát thân Ngài. Lúc đó5 Thích Bạch Tịnh đến quan sát việc lễ Hạ điền, đến chỗ người làm ruộng hỏi: Này nông phu, Vương tử hiện đang ở đâu? Người ấy trả lời: Vương tử hiện đang ngồi bên cội cây diêm-phù. Rồi Thích Bạch Tịnh đến chỗ cây diêm-phù. Bấy giờ là xế trưa, nhà vua thấy bóng của các cây khác đều đã ngả, chỉ có bóng cây diêm-phù là không ngả, vẫn che mát thân Vương tử, liền nghĩ: "Vương tử này thật kỳ diệu, rất hy hữu, có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Vì sao như vậy? Vì vào lúc xế trưa, bóng các cây khác đều ngả, riêng bóng cây diêm- phù là không ngả để che mát thân của Vương tử." Nếu vào buổi xế trưa, bóng các cây khác đều ngả, riêng bóng cây diêm-phù là không ngả, vẫn che mát thân the cua đức The Ton thì con xin thọ trì pháp hy hữu áy cua The Ton. [0471a01] Con nghe rằng, một thời, Thế Tôn du hóa ở Tỳ-xá-ly9 trong Đại : 9 r

Lâm. Lúc đó, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Thê Tôn đáp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Sau khi thọ thực xong, Ngài xếp y, cất bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ56 lên vai, đi vào rừng, đến bên một gốc cây sa-la rồi trải tọa cụ ngôi kiêt-già. Bây giờ là buôi xê trưa, tát cả bóng cây đêu ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la không ngả, vẫn che mát thân thể đức Thế Ton. Bấy giờ là buổi xế trưa, Thích Ma-ha-nam tản bộ đến Đại Lâm, nhìn thấy tất cả bóng cây đều ngả chỉ trừ bóng cây sa-la không ngả, vẫn che mát thân thể Thế Tôn, liền suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm thật kỵ diệu, rất hy hữu, có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn! Vì sao như vậy? Vì vào xế trưa, tất cả bóng cây đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la không ngả, vẫn che mát thân the của Sa-môn Cíi-dm." Nếu vào buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la không ngả, vẫn che mát thân thể Thế Tôn thì con xin thọ trì pháp hy hữu ay cua The Ton. Con nghe rằng, một thời, Thế Tôn du hóa tại Ty-xa-ly, trong Đại Lam. Bấy giờ các thầy Ty-kheo để bình bát của mình và của Thế Tôn ngoài chỗ đất trống. Lúc ấy, có một con khỉ ôm bình bát của Ngài đi. Các thầy Ty-kheo liền la lên, sợ nó làm vỡ bình bát của Phật, nhưng Ngài bảo các Ty-kheo: "Hãy để yên, hãy đê yên, đừng la? nó không làm vỡ bình bát dâu!" Thế rồi, con khỉ ấy om bình bát của Ngài đến một cây sa-la, chậm rãi leo lên cây lấy đầy bát mật, rồi chậm

5 Diêm-phù thọ ,Jamburukkha. 6 Nguyên tác: Ni-sư-đàn .

rãi leo xuống, trở về chỗ Phật, đem dâng bát mật lên Thế Tôn nhưng Thế Tôn không thọ nhận. Lúc đó, khỉ liền ôm bát đứng qua một bên, nhặt bỏ rác và sâu bọ trong bát. Sau khi nhặt bỏ sâu bọ xong, nó ôm bình bát trở lại dâng lên Thế Ton. Thế Tôn cũng không nhận. Khỉ lại ôm bát đứng qua một bên, múc nước đổ vào trong mật, rồi trở lại dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn liền thọ nhận. Thấy Thế Tôn nhận bát mật, khỉ vui mừng hớn hở? múa may nhảy nhót rồi ra đi. Nếu đức Thế Tôn có thể khiến cho con khỉ kia khi thấy Ngài nhận bát mật, nó liền vui mừng hớn hở, múa may nhảy nhót rồi ra đi thì con xin thọ trì pháp hy hữu áy cua The Ton. Con nghe rằng, một thời, Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly, ở giảng đường Trùng Các/bên ao Di Hầu. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang phơi tọa cụ? giũ bụi? phủi đất. Lúc ấy có một đám mây trái mùa kéo đến, giăng kín khắp hư không, sắp mưa nhưng dừng lại chờ Ngài phơi tọa cụ, giũ bụi, xếp cất một nơi, mang chổi đi cất, rồi vào đứng trong nền nhà. Bấy giờ đám mây lớn ấy thấy Thế Tôn đã xếp cất tọa cụ, mới tuôn một trận mưa lớn, từ chỗ đất thấp cho đến nơi cao, nước đều ngập lai láng. Nếu đức Thế Tôn có thể khiến cho đám mây lớn kia thấy Ngài xếp cất tọa cụ rồi mới tuôn một trận mưa lớn, từ chỗ đất thấp cho đến nơi cao, y * . r r

nước đêu ngập lai láng thì con xin thọ trì pháp hy hữu ây của Thê Tôn. [047lb08] Con nghe rằng, một thời, Thế Tôn du hóa tại Bạt-kỳ57 8 ngồi bên cội sa-la chúa, trong rừng Suôi nước nóng. Bây giờ là buôi xê trưa, tát cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa không ngả, vẫn che mát thân thể Ngài. Khi ấy, chủ vườn là La-ma đi dạo xem vườn, thấy vào xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa không ngả, vẫn che mát thân the của Thế T6n, ông ấy liền nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm thật kỳ diệu, rất hy hữu, có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và oai thần lớn! Vì sao như vậy? Vì vào xế trưa, tất cả bóng cây đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa không ngả, vân che mát thân thê của Sa-môn Cíi-dàm." Nêu vào xê trưa, tát cả bóng cây đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa không ngả, vẫn che mát thân the đức Thế Tôn thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. Con nghe rằng, một thời, Thế Tôn ở trong miếu thần A-phù.9 Bấy giờ, đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thon A-phù khất thực. Sau khi thọ thực xong, Ngài xếp y, cất bát, rửa chân tay, vắt tọa cụ lên vai rồi đi vào miếu thần ngồi nghỉ. Bấy giờ, trời đổ mưa lớn, sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày. Lúc chôn cất cho hai người chết ấy, mọi người huyên náo, tiếng động inh tai, âm thanh vang dội.

7 Nguyên tác: Cao Lâu đài quán Kūtāgārasālā, cũng gọi là giảng đường Trùng Các

8 Bạt-kỳ ,Vajjī. 9 A-phù ,Ātumā.

Khi ấy, vào xế trưa, từ trong miếu thần, Thế Tôn rời nơi tĩnh toạ, ra ngoài kinh hành nơi khoảng đất trống. Trong đám đông đó có một người thây Ngài vào lúc xế trưa, rời nơi tĩnh toạ, ra ngoài kinh hành nơi khoảng đát trông, liên đi đến cúi đầu làm lễ rồi

kinh hành theo sau. Ngài thấy người ấy đi phía sau, liền hỏi: Vì việc gì mà mọi người huyên náo, tiếng động inh tai, âm thanh vang dội đến vậy? J Người ấy thưa: Bạch Thế Tôn, lúc trưa, trời đổ mưa lớn, sấm sét đánh chết bốn con trâu và hai người cày; lúc chôn cất hai người chét ây, mọi người huyên náo, tiêng động inh tai, âm thanh vang dội. Bạch Thế Tôn, vừa rồi Ngài không nghe gì hết ư? rqnl Ặ rr\ A -19 The Ton bao: Ta không nghe gì cả. Người ấy lại hỏi: Vừa rồi Ngài ngủ sao? The Ton bao: -Không phải! Người ấy lại hỏi: Lúc ấy Ngài tỉnh thức mà không nghe những âm thanh ồn ào huyên náo đó sao? rrnl Ậ r-in 19

The Ton bao: -Đúng vậy! Bấy giờ, người kia liền nghĩ: "Thật kỳ diệu, rất hy hữu, sở hành của Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rất vắng lặng, rất tịch tĩnh! Vì sao như vậy? Vì lúc tỉnh thức mà vẫn không nghe những âm thanh on ào huyên náo nay." Nếu đức Thế Tôn tỉnh thức mà vẫn không nghe những âm thanh ồn ào huyên náo ấy thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn. [0471c09] Con nghe rằng, một thời, Thế Tôn lúc mới thành dạo, trụ tại uất- bên bờ sông Ni-liên-nhiên,11 ngồi bên cội cây A-xà-hòa-la Ni-câu-loại.12 bệ-la51011 Bay giờ mưa lớn liên tục bảy ngày, từ chỗ thấp đến chỗ cao đều bị ngập nước, từng dòng nước lớn tuôn chảy cuồn cuộn. Trong vùng đất trống ấy, Thế Tôn đi kinh hàrủi5 đến chỗ nào thì nơi ấy có bụi bay lên. Nếu đức Thế Tôn ở trong vùng có luồng nước chảy xoáy ngang dọc mà đi kinh hành, bước đến chỗ nào thì chỗ ấy có bụi bay lên, vậy thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy của Thế Tôn.

10 uất-bệ-la ,Uruvelā. 11 Ni-liên-nhiên Nerañjarā cũng gọi là sông Ni-liên-thiền . 12 A-xà-hòa-la Ni-câu-loại ,Ajapāla Nigrodha.

32. KINH PHÁP HY HỮU 221

Con nghe rằng, Ma vương theo Phật tìm chỗ sơ hở trong suốt sáu năm mà không được, nên chán nản bỏ về. Nếu đức Thế Tôn bị Ma vương tìm chỗ sơ hở trong suôt sáu năm mà không được, nên chán nản bỏ vê thì con xin thọ trì pháp hy hữu ây cua The Ton. Con nghe rằng, Thế Tôn suy niệm về thân trong suốt bảy năm, luôn luôn suy niệm, không gián đoạn. Nếu đức Thế Tôn suy niệm về thân trong suốt bảy năm? luôn luôn suy niệm, không gián đoạn thì con xin thọ trì pháp hy hữu ấy r __ ___ À rrn của Thê Ton. Bấy giờ, đức Phật dạy: Này A-nan, thầy hãy nghe từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm các pháp hy hữu này. Này A-nan, Như Lai biết sự sanh khởi của cảm thọ, biết sự tồn tại, biết sự diệt, luôn luôn biết, không lúc nào không biết. Này A-nan, Như Lai biết sự sanh của tư và tưởng, biết sự tồn tại, biết sự diệt mất, luôn luôn biết, không lúc nào không biết. Cho nên? này A-nan, hãy nghe từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm pháp hy hữu này. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

33. KINH THỊ GIẢ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá. Bây giờ, có các đại đệ tử là những Tỳ-kheo Trưởng lão thượng thủ nhiêu đức độ và danh tiếng như Tôn giả Câu-lân-nhã, Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Bạt-đề Thích-ca Vương, Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ? Tôn giả Hòa-pha, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bân-nậu5 Tôn giả Duy-ma-la, Tôn giả Già-hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-đà-da, Tôn giả Xá-lê tử, Tôn giả

A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la, Tôn giả Lệ-ba-đá, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hy-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên? Tôn giả Trưởng lão Bân-nậu-gia-nậu-tả, Tôn giả Trưởng lão Da-xá Hành-trù,1 2 cùng với nhiều vị đại đệ tử là những Tỳ-kheo Trưởng lão thượng thủ nhiều đức độ và danh tiếng khác, cũng đến thành Vương Xá và ở gần ngôi nhà lá của Phật. [0472a09] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Như Lai đã già, tuôi tác đã cao, thân thê ngày càng suy yêu nên cân có thị giả. Các thầy hãy cử một vị làm thị giả để chăm sóc Như Lai sao cho hợp ý? chớ đừng trái ý và có khả năng ghi nhớ lời Như Lai nói mà không quên mất nghĩa. Lúc ấy, Tôn giả Câu-lân-nhã liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng Phật thưa: -Bạch Thê Tôn, con xin nguyện hâu Ngài hợp ý5 chớ không trái ý và sẽ ghi nhớ những lời Thế Tôn nói mà không quên mất nghĩa. Đức Phật dạy: Này Câu-lân-nhã? thầy cũng đã già, tuổi tác đã cao, thân thể ngày càng yếu. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Câu-lân-nhã, thầy nên về chỗ ngồi đi! Nghe vậy, Tôn giả Câu-lân-nhã đảnh lễ Phật rồi trở về chỗ ngồi.

1 Nguyên tác: Thị giả kinh TOI. 0026.33. 047lc27. Tham chiếu: Thag. 17.3. 2 Tên của các vị Tôn giả được phiên âm Hán-Việt, đính kèm chữ Hán và Pãli như sau: Câu-lân-nhã ỳặ ,Kondañña, A-nhiếp-bối ,Assaji, Bạt-đề ,Bhaddiya, Ma-ha-nam Câu-lệ Mahānāma Kolita, Hòa-phá Vappa, Da-xá Yasa, Bān-nāu iJPW, Punna, Duy- ma-la ,Vimala, Gia-hoa-bade 0ÍÎỈ,Gavampati, Tu-da>da ,Todeyyaj Xa-le íử ,Sāriputta, A-na-luật-đà ,Amựuddha, N£n0êj,Nandiya, Kim-tỳ-la ,, Kimbila, Lệ-ba-đá,Revata, Đại Mục-kiên-liên ,Mahāmoggallāna, Đại Ca-diêp ,Mahākassapa, Đại Cau-hy-la ,Mahākotthita, Đại qhâunag^ ,Mahācunda, Đại Ca-chiên-diên ,Mahākaccāyana, Bân-nậu-gia-nậu-tả .

Cũng như vậy, lần lượt có Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Bạt-đề Thích-ca Vương, Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-ma-la, Tôn giả Già-hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-dà-da, Tôn giả Xá-lê tử, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la, Tôn giả Lệ-ba-đá, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu- hy-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên9 rồi đến Tôn giả Trưởng lão Bân-nậu-gia-nậu-tả. Tôn giả Trưởng lão Da-xá Hành-trù từ chỗ ngồi đứng dậy sửa áo bày vai, chắp tay hướng Phật thưa: Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu Ngài hợp ý, chớ không trái ý và sẽ ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên mất nghĩa. Đức Phật bảo: -Này Da-xá, thây cũng đã già, tuổi tác đã cao, thân thê ngày càng yêu. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Da-xá, thầy nên về chỗ ngồi đi! Nghe Phật bảo vậy, Tôn giả Da-xá liền đảnh lễ và trở về chỗ ngồi. [0472b01] Ngay lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi trong đại chúng suy nghĩ như vầy: "Thế Tôn muốn tìm vị nào làm thị giả? Ý Ngài đặt vào Tỳ-kheo nào? Muốn ai chăm sóc Ngài hợp ý chứ không trái ý và ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không quên mất nghĩa? Có lẽ ta nên nhập Như kỳ tượng đinh3 đe quán sát tâm niệm của chúng Ty-kheo.^ Nghĩ rồi,

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập Như kỳ tượng đinh để quán sát tâm niệm của chúng Tỳ-kheo. Tôn giả biết đức Phật muốn chọn Hiền giả A-nan làm thi giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc hợp ý chứ không trái ý và ghi nhớ lời dạy mà không quên mất nghĩa. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định rồi thưa với đại chúng: Chư Hiền nên biết, đức Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả nên ý Ngài đặt vào Anan, muốn A-nan chăm sóc, hợp ý chứ không trái ý, ghi nhớ lời dạy mà không quên mất nghĩa. Bây giờ, chúng ta sẽ cùng đến chỗ Hiền giả A-nan để khuyến thỉnh thầy ấy làm thị giả của Phật. Bay giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng các Tỳ-kheo đến chỗ A-nan, chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: Hiền giả A-nan nên biết, đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả nên ý Ngài đặt vào thầy, muốn thầy chăm sóc Ngài, vì hợp ý Ngài chứ không trái ý và ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất nghĩa. Này A-nan, ví như ngoài thôn xóm không xa có một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ ở phía Đông mở ra, khi mặt

3 Nguyên tác: Như kỳ tượng định ().Tham chiếu: A. IV. 204: Cetasā ceto paricca manasākāsi (với tâm của mình chú tâm tác ý đến...), HT. Thích Minh Châu dịch. Tương tự, M. 49: Cetasā ceto parivitakkamaññāya (với tự tâm biết được tâm của...), HT. Thích Minh Châu dịch; M. 119: Cetasā ceto paricca pajānāti (với tâm của vị áy, vị ây biết tâm của...), HT. Thích Minh Châu dịch. Trong trường hợp này, thành cú mang ý nghĩa: "Quán tâm của kẻ khác như tâm của chính mình.,^ J J

trời lên, ánh sáng sẽ chiếu thẳng vào vách phía Tây. Hiền giả A-nan, đức Thế Tôn cũng vậy, muốn chọn thầy làm thị giả nên ý Ngài đặt vào thầy, muốn thầy chăm sóc Ngài, vì hợp ý Ngài chứ không trái ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất nghĩa. Này Hiền giả A-nan? thầy nên làm thị giả đức Thế Tôn. Tôn giả A-nan thưa: Thưa Tôn giả Đại Mục-kiên-liên, con không thê kham lãnh trách nhiệm hầu đức Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì thật khó hợp ý Thế Tôn, thật khó hầu cận, nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả, ví như con voi rất hùng mạnh, đã hơn sáu mươi tuổi, khỏe mạnh kiêu căng, răng ngà đầy đủ, thể trạng dồi dào, khó hợp khó gần, nghĩa là thật khó chăm sóc. Thưa Tôn giả, với đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, khó hợp ý, khó gần gũi, nghĩa là khó làm thị giả, cho nên con không the kham lãnh trách nhiệm thị giả được. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: -Này Hiền giả A-nan, thầy hãy nghe tôi ví dụ. Người trí nhờ nghe ví dụ liền hiểu được nghĩa lý của nó. Này Hiền giả, như hoa Ưu-đàm-bát-la đúng thời mới xuất hiện ở thế gian. Này Hiền giả, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, đúng thời mới thị hiện nơi đời. Này Hiền giả, hãy mau nhận làm thị giả của đức Thế Tôn Cù-đàm9 thầy sẽ được phước quả lớn. [0472c04] Tôn giả A-nan lại thưa: -Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu đức Thế Tôn chấp thuận cho con ba việc thì con mới làm thị giả. Ba việc ấy là: Xin cho con không đắp y của đức Thế Tôn, dù cũ hay mới. Xin cho con không nhận thực phẩm biệt thỉnh của đức Thế Tôn. Xin cho con được đến gặp Phật bất cứ khi nào.4 Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên; nếu đức Thế Tôn chấp thuận cho con ba việc ấy thì con sẽ làm thi giả của Thế Tôn. Bấy giờ, sau khi khuyên Tôn giả A-nan chấp thuận làm thị giả5 Tôn giả

Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả A-nan rồi về chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn, con đã khuyến thỉnh Hiền giả A-nan làm thị giả. Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan xin Thế Tôn chấp thuận ba việc. Ba việc ấy là: Xin không đắp y của Thế Tôn, dù mới hay cũ; xin không nhận thực phẩm biệt thỉnh của Thế Tôn; xin được đến gặp Thế Tôn bất cứ khi nào cần. Bạch Thế Tôn, nếu Ngài chấp thuận ba việc ấy của Hiền giả A-nan thì Tôn giả ấy mới đong ý làm thị giả. 4 Nguyên tác: Nguyện bất phi thời kiến Phật ().Căn cứ vào cú pháp thì câu kinh này được dịch là "Nguyện không gặp Thê Tôn phi thòd." Tuy nhiên, khi tham chiêu Thag. 17.3: Na nivāreti cakkhumā (Bậc có mắt không có / Từ chối ngăn chặn ai), HT. Minh Châu dịch; và căn cứ vào lịch sử sinh hoạt của giáo đoàn thời ấy và tâm từ bi của đức Phật thì câu có thê hiên là "Con nguyện được gắp Phật khi có việc cần."

Đức Phật dạy: Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, biết trước sẽ có những lời tị hiềm, hoặc các vị đồng Phạm hạnh sẽ nói như vây: ccTỳ- kheo A-nan vì y áo nên làm thị giả Thế Ton.59 Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, biết trước sẽ có những lời ti hiêm9 hoặc các vị đông Phạm hạnh sẽ nói như vầy: "Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên làm thị giả Thê Tôn.^, Đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Này Đại Mục-kiền-liên5 Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, biết trước sẽ có những lời tị hiềm, hoặc các vi đông Phạm hạnh sẽ nói như vây: 6íTỳ-kheo A-nan vì thực phẩm nên làm thị giả Thế T6n.” Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, biết trước sẽ có những lời tị hiềm, hoặc các vị đồĩiẸ Phạm hạnh sẽ nói như vầy: "Tỳ-kheo A-nan vì thực phẩm nên làm thi giả The T6n." Đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. NàyĐại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời; biết lúc nào mình nên đen gặp Như Lai, biết lúc nào mình không nên đến gặp Như Lai; biêt lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đên gặp Như Lai; biêt lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni không nên đên gặp Như Lai; biết lúc nào chúng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biêt lúc nào chúng un-bà-tắc và ưu-bà-di không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn? Phạm chí, ngoại đạo nên đên ệặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn5 Phạm chí, ngoại đạo không nên đen gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn? Phạm chí, ngoại đạo nào có the bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn5 Phạm chí, ngoại đạo nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng sẽ an ổn, lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng sẽ không được an ổn, không được lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng sẽ được biện tài thuyết pháp; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng sẽ không được biện tài thuyết pháp. Đó là những pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. [0473al2] Này Đại Mục-kiền-liên, mặc dù chưa có tha tâm trí nhưng Tỳ- kheo A-nan có thể khéo biết trước Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi rời nơi tĩnh tọa vào lúc xế chiều, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trú như vậy, nhận xét đúng như lời Như Lai nói, chắc thật, không thể sai khác. Đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, con đã làm thị giả đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, nếu bảo vì thế mà con khởi tâm kiêu ngạo thì hoàn toàn không c6." Nếu Tỳ-kheo A-nan

nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: :Thua chư Hiền, con đã làm thị giả đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, cho đến nay chưa có khi nào con đến gặp đức Thế Tôn mà không đúng thòd." Nếu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan.

33. KINH THỊ GIẢ 227

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, con đã làm thi giả đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, chưa từng một lần bị Phật khiển trách, trừ có một lỗi, lỗi đó cũng vì người khác."5 Nếu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: “Thua chư Hiền, con theo đức Thế Tôn thọ nhận tám mươi ngàn pháp tụ,6 thọ trì không quên, nếu nhân việc này mà khởi tâm kiêu ngạo thì hoàn toàn không c6." Nêu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, con theo đức Thế Tôn thọ trì tám mươi ngàn pháp tụ, chưa hề hỏi lại lần thứ hai, trừ có một câu mà câu ấy quả thật cũng không dễy Nếu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. [0473Ồ02] Tôn giảA-nan lại nói như vầy: “Thua chư Hiền, con theo đức Thế Tôn thọ trì tám mươi ngàn pháp tụ, chưa từng theo người khác thọ pháp.” Nếu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, con theo đức Thế Tôn thọ trì tám mươi ngàn pháp tụ, vôn chưa từng có ý niệm răng: 'Tôi thọ trì pháp ây là để giáo hóa người khác/ Này chư Hiền, con chỉ muốn tự điều ngự, tự tịch tịnh, tự Bat-niet-ban." Nếu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, có điều này rất kỳ lạ! Đó là có bốn bộ chúng đi đến chỗ con để nghe pháp, nếu vì điều này mà con khởi tâm kiêu ngạo thì hoàn toàn không có. Con cũng không hê tác ý trước, đê khi có người đến hỏi, con sẽ trả lời như vầy, như vầy. Này chư Hiền, bấy giờ, con chỉ ngồi đó, rồi tùy theo nghĩa người kia hỏi để ứng đáp.” Nếu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, có điều này rất kỳ lạ. Đó là có chúng Sa-môn? Phạm chí, người theo chủ thuyết khác đến hỏi việc nơi con; nếu vì điều này mà con sợ hãi, thân sởn gai ốc thì hoàn toàn không có. Con cũng không hề tác ý trước, để khi có người đến hỏi thì sẽ trả lời như vầy, như vầy. Thưa chư Hiền, bấy giờ, con chỉ ngồi đó, rồi tùy theo nghĩa lý họ hỏi mà ứng đáp." Nếu Tỳ-kheo A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. Lại nữa, một thời Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-nan ở trong núi Ba-la-la, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi A-nan: Này Hiền giả Ayan, thầy làm thị giả đức Thế Tôn đến nay đã hai mươi lăm năm, thầy nhớ có lần nào khởi tâm tham muốn không?

5 Xem thêm MĀ. 22. 6 Pháp tụ ,dhammakkhandhā cũng gọi là "pháp un".

228 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả A-nan thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con còn là hàng hữu học chưa ly dục. Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo: Này Hiền giả A-nan5 tôi không hỏi thầy là hàng hữu học hay vô học; tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm làm thị giả đức Thế Tôn, thầy nhớ có

lần nào khởi tâm tham muốn không? Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi lần thứ hai, rồi lần thứ ba rằng: Này Hiên giả A-nan, trong hai mươi lăm năm làm thị giả đức Thê Tôn, thầy nhớ đã có lần nào khởi tâm tham muốn không? Tôn giả A-nan cũng đáp đên lân thứ hai, roi thứ ba răng: Thưa Tôn giả Xá-lọi-phất, con còn là hàng hữu học nên chưa ly dục. Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo: Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học; tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm làm thị giả Thế Tôn, thầy nhớ đã có lần nào khởi 1 M 11 c tâm tham muôn không? Ngay lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lên tiếng: Này Hiền giả A-nan, trả lời nhanh di, trả lời nhanh đi. Này A-nan9 thầy chớ làm phiền đến bậc Trưởng lão thượng tôn! Lúc đó A-nan trả lời: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất5 con làm thị giả đức Phật đã hai mươi lăm năm qua, con nhớ chưa lần nào sanh khởi tâm tham muốn. Vì sao như vậy? Vì con luôn hướng đên Thê Tôn và các vị Phạm hạnh có trí với tâm niệm hô thẹn. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tỳ-kheo A-nan. [0473c09] Lại nữa, một thời, Thế Tôn du hóa ở thành Vương Xá, trụ trong Nham sơn. Bấy giờ, Phật bảo A-nan: y \ -Này A-nan, thây nên năm như cách năm của loài sư tử! Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn, cách nằm của sư tử, chúa tể muông thú7 như thế nào?

Đức Phật đáp: -Này A-nan5 sư tử, chúa te muông thú, ban ngày đi tìm ăn, xong rồi trở về hang. Khi muốn ngủ, nó nam chân xếp chồng lên nhau, đuôi thẳng ra sau, hông bên phải hướng xuống. Qua đêm, đến sáng hôm sau, nó tự quay lại nhìn thân thể. Nếu thân thể của sư tử, chúa tể muông thú không được ngay thẳng thì khi thây roi nó sẽ không vui; nêu thân thê của sư tử, chúa tê muông thú được chỉnh chu thì khi nhìn ngam roi nó liền vui vẻ. Khi thức dậy, sư tử liền ra khỏi hang,

7 Thú vương sư tử .Vì sư tử là chúa tể sơn lâm, chúa tể muông thú nên sư tử còn được gọi là "thú vương sư tử."

vươn mình gầm gừ, rồi tự ngắm thân thể, sau đó lại nhìn khắp bốn hướng, nhìn khắp bốn hướng rồi rống lên vài ba tiếng, rống lên vài ba tiếng rồi lại đi tìm ăn. Cách nằm của sư tử, chúa tể muông thú là như vậy. Tôn giả A-nan thưa: -Kính bạch Thế Tôn, cách nằm của sư tử, chúa tể muông thú là như thế. Vậy thì cách nằm của thầy Tỳ-kheo phải như thế nào? Đức Phật bảo: Này A-nan, nếu thầy Tỳ-kheo sống nơi thôn ấp, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, đắp y ôm bát, đi vào thôn khất thực thì phải khéo hộ trì thân thể, giữ gìn các căn, an trú chánh niệm. Vị ấy từ thôn ấp khất thực xong, xếp y, cất bát, rửa sạch tay chân, vắt tọa cụ lên vai, đến nơi yên vắng, hoặc đến dưới bóng cây, hoặc vào trong nhà trống để kinh hành, hoặc tọa thiền, diệt sạch những chướng ngại trong tâm. Ban ngày, vi Tỳ-kheo sau khi kinh hành hoặc tọa thiên đê diệt sạch những chướng ngại trong tâm roi, lại đên đâu hôm hoặc kinh hành hoặc tọa thiền để diệt sạch những điều chướng ngại trong tâm. Sau khi kinh hành hoặc tọa thiền để diệt sạch những chướng ngại trong tâm ở thời đầu hôm rồi, đến lúc nửa đêm thì đi vào thất để nằm nghí? xếp y Ưu-đa-la-tăng8 làm bốn rồi trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê9 làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, ý buộc vào tưởng ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, luôn nhớ nghĩ đen ý tưởng thức dậy. Sau nửa đêm, vị Tỳ-kheo

liền nhanh chóng thức dậy, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để diệt sạch những pháp chướng ngại trong tâm. Như thế là cách nằm như sư tử của thầy Tỳ-kheo. Tôn giả A-nan thưa: Kính bạch Thế Tôn, như vậy là cách nằm như sư tử của một Tỳ-kheo.

[0474a05] Tôn giả A-nan lại nói: Này chư Hiền, đức Thế Tôn dạy con cách nằm như sư tử, từ đó trở đi, con chưa lần nào nằm nghiêng về bên trái. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả A-nan. trụ trong rừng Sa-la Lại nữa, một thời, Thế Tôn du hóa Câu-thi-na-kiệt,1011 của lực sĩ Hòa-bạt-đan.11 Bấy giờ là thời khắc cuối cùng, đức Phật muốn vào Bát-niết-bàn. Ngài bảo A-nan: Này A-nan, thầy hãy đi đến giữa hai cây Sa-la, trải giường đầu xoay về hướng Bắc cho Như Lai. Nửa khuya đêm nay, Như Lai sẽ vào Bát-niết-bàn.

8 Ưu-đa-la-tăng còn gọi uất-đa-la-tăng, là áo che phần trên thân thể. 9 Tăng-già-lê :Áo choàng, áo khoác bên ngoài. 10 Câu-thi-na-kiệt phiên âm của Kusinārā, thị trấn nơi đức Phật nhập Niết-bàn. 11 Hòa-bạt-đan lực sĩ Sa-la lâm .D. 16: Rừng Upavattana có nhiều cây Sāla, ở bên bờ sông Hiraññavatī Hi-liên-thiên, của dòng họ Mallā ở Kusinārā.

Vâng lời Phật dạy, Tôn giả A-nan đến giữa hai cây Sa-la, trải giường nằm đầu xoay về hướng Bắc cho đức Phật, sau đó trở về cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn, ở giữa hai cây Sa-la, con đã trải giường đầu xoay về hướng Bắc cho đức Như Lai. Kính mong Thế Tôn tự biết thời! Bấy giờ, Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đến giữa hai cây Sa-la, xếp làm tư y Ưu-đa-la-tăng rồi trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê để làm gối, sau đó nằm nghiêng về bên phải, hai chân chồng lên nhau. Lúc cuối cùng Thế Tôn vào Bát- niết-bàn, Tôn giả A-nan quạt hầu đức Phật, đưa tay gạt nước mắt và tự nghĩ: "Từ trước đên nay có chúng Tỳ-kheo ở các nơi đên thăm viêng cúng dường và đảnh lễ Thế Tôn thì đều được tùy thời thăm viếng, cúng dường và đảrứi lễ Thế Tôn. Nếu hay tin Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì họ sẽ không đến thăm viếng, cung dường và đảnh lễ Thế Tôn nữa. Ta cũng không còn được tùy thời thăm viếng cúng dường và đảnh lễ đức Phật?9 Bấy giờ5 Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo: Tỳ-kheo A-nan hiện đang ở đâu? Lúc ấy, các vị Tỳ-kheo thưa: Kính bạch Thế Tôn, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật, đưa tay gạt nước mắt và tự nghĩ: "Từ trước đến nay có chúng Tỳ-kheo ở các nơi đến thăm viêng cúng dường và đảnh lê Thê Tôn thì đêu được tùy thời thăm viêng, cúng dường và đảnh lễ Thế Tôn. Nếu hay tin Thế Ton đã Bát-niết-bàn thì họ sẽ không đến thăm viếng, cúng dường và đảnh lễ Thế Tôn nữa. Ta cũng không còn được tùy thời thăm viếng cúng dường và đảnh lễ đức Phát." Bay giơ, Thê Tôn noi: Này A-nan, thầy chớ than khóc, cũng chớ buồn đau. Vì sao như vậy? Này A-nan, thầy làm thị giả Như Lai, thân hành từ hòa, miệng và ý hành từ hòa, chưa từng chểnh mảng lơ là, 12 an lạc vô lượng, vô biên, vô hạn. Này A-nan, trong đời quá khứ, các bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không có người thị giả nào hơn thầy được. Này A-nan, nếu các bậc Như lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đời vị lai có thị giả thì cũng không có người thị giả nào hơn thầy được. Này A-nan? Ta là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong đời hiện tại, nếu có người làm thị giả cũng không ai hơn thầy được.

Vì sao như vậy? Nay A-nan, vì thầy khéo biết thời, khéo phân biệt thời, biết lúc nào mình nên đến gặp Như Lai, lúc nào không nên đến gặp Như Lai. Biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến thăm hỏi Như Lai; biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni không nên đến thăm hỏi Như Lai; biết lúc nào chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di nên đến thăm hỏi Như Lai và lúc nào chúng ưu-bà-tắc và chúng xru-bà-di không nên đến thăm hỏi Như Lai;

Nguyên tác: Sơ vô nhị tâm .

33. KINH THỊ GIẢ 231

biết lúc nào hàng Sa-môn9 Phạm chí, ngoại đạo nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn? Phạm chí, ngoại đạo không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn5 Phạm chí, ngoại đạo nào có thể bàn luận với Như Lai, biết các hàng Sa-môn, Phạm chí, ngoại đạo nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Như Lai dùng rồi sẽ không an ổn, không lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp, biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp. Lại nữa? A-nan, tuy thầy chưa có tha tâm trí, nhưng có thể biết trước Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi rời nơi tĩnh tọa vào lúc xe chiều; hôm nay, Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trú như vậy, nhận xét đúng như lời Như Lai dạy, chắc thật, không sai khác. [0474b23] Bấy giờ, vì muốn làm cho Tôn giả A-nan hoan hỷ nên Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: Chuyển Luân Thánh Vương được bốn pháp chưa từng có. Bốn pháp ấy là gì? Đó là chúng Sát-lợi đến yết kiến Chuyển Luân Vương, nếu lúc ấy vua im lặng, họ nhìn thấy liền hoan hỷ; nếu lúc ấy vua có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Chúng Phạm chí, chúng cư sĩ và chúng Sa-môn đến yết kiến Chuyển Luân Vương, nếu lúc ấy vua im lặng, họ nhìn thấy liền hoan hỷ; nếu lúc ấy vua có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Tỳ-kheo A-nan cũng giông như vậy, cũng có bôn pháp chưa từng có. Bôn pháp ấy là gì? Đó là khi chúng Tỳ-kheo đến gặp A-nan, nếu lúc ấy A-nan im lặng, họ nhìn thấy liền hoan hỷ; nếu lúc ấy A-nan có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Chúng Tỳ-kheo-ni, chúng iru-bà-tắc và chúng ưu-bà-di nếu gặp A-nan, gặp lúc A-nan im lặng, họ nhìn thấy liền hoan hỷ, nếu lúc ấy A-nan có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. [0474c04] Lại nữa, A-nan thuyết pháp cho đại chúng, có bốn pháp chưa từng có. Bốn pháp ấy là gì? Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo với tâm chí thành, không phải tâm không chí thành. Chung Tỳ-kheo ấy cũng nghĩ như vầy: "Kính mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng." Chúng Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp không hề biết chán, nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên trụ trong thinh lặng. Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà-tắc và chúng mi-bà-di với tâm chí thành, không phải tâm không chí thành. Các chúng này cũng nghĩ rang: "Kính mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng." Các chúng này nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp cũng không bao giờ biết chán, thế nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên trụ trong thinh lặng. Lại nữa, một thời, sau khi Thế Tôn Bát-niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại Kim Cang, cư ngụ ở thôn Kim Cang. Bấy giờ, Tôn giả A-nan thuyết

pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh trước sau. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử cũng đang ở trong hội chúng này, trong tâm suy nghĩ: "Tôn giả A-nan vẫn còn là bậc Hữu học chưa ly dục sao? Ta nên nhập Như kỳ tượng định để quán sát tâm của Tôn giả A-nan." Thế rồi Tôn giả Kim Cang Tử liền vào Như kỳ tượng định để quán sát tâm A-nan. Tôn giả Kim Cang Tử liền biết Tôn giả A-nan vẫn còn là bậc Hữu học chưa ly dục. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử xuất định, hướng về Tôn giả A-nan nói kệ rằng: Tư duy nơi rừng vắng, Dan tâm về Niết-bàn, Thiền Cù-đàm không loạn, Sẽ sớm chứng tịch diệt. Bấy giờ5 vâng lời dạy của Ton giả Kim Cang Tử, Tôn giả A-nan rời bỏ đại chúng, du hành một mình, tinh tấn, không tán loạn, với mục đích mà một người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo chỉ vì thành tựu Phạm hạnh vô thượng. Thầy ấy ngay trong hiện tại, tự liễu tri, tự giác ngộ, tự mình tác chứng và thành tựu, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nua/5 Sau khi Tôn giả A-nan biết pháp rồi13 cho đến chứng đắc A-la-hán,14 thầy M ỉ ây nói: Này chư Hiên, tôi ngôi trên giường, nghiêng đâu chưa chạm mặt gôi? liên dứt sạch tất cả phiền não, thành tựu tâm giải thoát. Nêu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả A-nan. [0475a05] Tôn giả A-nan lại nói: -Này chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn. Nói xong, Tôn giả A-nan liền ngồi kiết-già mà Bát-niết-bàn. Nếu Tôn giả A-nan ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả A-nan. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

13 Tri pháp :Thấy rõ chân lý, tức "kiến đến . ^Nguyên tác: A-la-ha .Bậc A-la-hán cũng được gọi là bậc ứng Cúng. Đại trí độ luân r.25. 1509.24. 0236a27 giải thích: Vì xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của tất cả thế gian nên được gọi là bậc ứng Cúng Ms

34. KINH BẠC-CÂU-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không lâu, Tôn giả Bạc-câu-la12 du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bây giờ, vào lúc xê chiêu, có một tu sĩ ngoại đạo3 vôn là bạn thân của Tôn giả Bạc-câu-la lúc chưa xuất gia, tản bộ đến chỗ Tôn giả Bạc-câu-la? chào hỏi nhau xong roi ngôi sang một bên. Ong hỏi: -Thưa Hiên giả Bạc-câu-la, tôi có vài điêu muôn hỏi, thây cho phép chăng? Tôn giả Bạc-câu-la trả lời: -Này tu sĩ, tùy theo điều ông hỏi? tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ! Tu sĩ ngoại đạo hỏi: Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, thầy xuất gia tu học trong giáo pháp này4 được bao lâu rồi? Tôn giả Bạc-câu-la trả lời: -Này tu sĩ, tôi xuất gia tu học trong giáo pháp này đã tám mươi năm rồi. Tu sĩ kia lại hoi: -Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, thầy xuất gia tu học trong giáo pháp này đã tám mươi năm roi, thay có nhớ tự thân đã lần nào làm việc dâm dục chăng? Tôn giả Bạc-câu-la bảo tu sĩ ngoại đạo: Ông chớ nên hỏi như vậy, mà nên hỏi rằng: “Thua Hiền giả Bạc-câu-la5 thầy xuất gia tu học trong giáo pháp này đã tám mươi năm rồi, thầy có nhớ tự thân đã lan nào khởi ý tưởng dâm dục chăngNày tu sĩ ngoại đạo, ông nên hỏi như vậy. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo kia liền hỏi: Nay tôi hỏi lại Hiền giả Bạc-câu-la, Ngài xuất gia tu học trong giáo pháp

này đã tám mươi năm rồi, thầy có nhớ tự thân đã làn nào khởi ý tưởng dâm dục chăng? 1 Nguyên tác: Bạc-cãu-la kinh TOI. 0026.34. 0475all. Tham chiếu: M. 124, Bâkula Sutta Kmh Bạc-câu-ìà. 2 Bạc-câu-la ,Bakkula, nguyên quán ở Kosambī, là vị đệ tử khổ hạnh, không thuyết pháp. 3 Nguyên tác: Dị hẹc .Bản Hán không xác định rõ danh ximg, nhưng theo M. 124 thì đó là Acela Kassapa, một tu sĩ lõa thể. 4 Nguyên tác: Chánh pháp, Luật ,Dhammavinayā: Giáo pháp và giới luật, gọi chung là giáo pháp.

Thế rồi, nhân câu hỏi của tu sĩ ngoại đạo này, Tôn giả Bạc-câu-la liền nói với các thầy Tỳ-kheo: Này chư Hiền, tôi xuất gia học đạo trong giáo pháp này đến nay đã tám mươi năm rồi, nếu nhân điều này mà tôi khởi tâm kiêu ngạo thì hoàn toàn không có. Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc- câu-la. [0475b03] Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la lại nói như vầy: “Này chư Hiền, tôi xuất gia học đạo trong giáo pháp này đến nay đã tám mươi năm rồi, chưa từng khởi ý tưởng dâm dục?56Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-cau-la nói: :Này chư Hiền, tôi mặc y phấn tảo5 đến nay đã tám mươi năm rồi, nếu nhân điều này mà tôi khởi tâm kiêu ngạo thì hoàn toàn không c6." Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Này chư Hiền, tôi mặc y phấn tảo đên nay đã tám mươi năm roi. Tôi nhớ mình chưa từng nhận y của người cư sĩ cúng, chưa từng cắt may y, chưa từng nhờ Tỳ-kheo khác may y, chưa từng dùng kim để may y, chưa từng cầm kim để may túi, dù là một sợi chí." Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như the thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Này chư Hiền, tôi khất thực đến nay đã tám mươi năm, nếu nhân điều này mà tôi khởi tâm kiêu ngạo thì hoàn toàn không c6." Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Tôi khất thực đến nay đã tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng nhận lời mời của cư sĩ, chưa từng khất thực bỏ qua thứ tự,6 chưa từng đến nhà giàu khất thực để nhận các thức ăn thơm ngon, tinh khiêt, sung túc, đủ các loại cứng và mem. Tôi nhớ cũng chưa từng nhìn mặt người nữ, chưa từng vào khu vực của Tỳ-kheo-ni, chưa từng hỏi chuyện với Tỳ-kheo-ni, dù ở ngoài đường cũng không nói chuyện với hẹ." Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Này chư Hiền, tôi xuất gia học đạo trong giáo pháp này đến nay đã tám mươi năm rồi, tôi nhớ chưa từng nuôi Sa-di, chưa từng thuyết pháp cho hàng cư si, dù chỉ bốn câu kệ tụng cũng chưa từng thuyết cho hẹ." Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la.

5 Phấn tảo y ,pamsulakù'. Y thô xấu vì vải được nhặt nhạnh từ các đống rác. 6 Siêu việt khất thực cũng gọi là ubất trạch phú bần khất thúc", nghĩa là đi khất thực lần lượt từng nha, không luận giàu hay nghèo. J

Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Này chư Hiền, tôi xuất gia học đạo trong giáo pháp đến nay đã tám mươi năm rồi, chưa từng có bệnh, dù chỉ nhức đâu trong một khoảnh khác băng khảy móng tay; cũng chưa từng uông thuốc, dù chỉ một miếng ha-l0-lặc."7 Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. [0475c03] Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Này chư Hiền, trong tám mươi năm qua, khi ngồi kiết-gi tôi chưa từng tựa vào vách hay tựa vào cay?9 Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Này chư Hiền, trong vòng ba ngày đêm, tôi đã chứng đắc Ba minh."8 Khi Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Ton giả Bạc-câu-la nói như vầy: "Này chư Hiền, tồi sẽ ngồi kiết- già để vào Niết-bàn.,, Rồi Tôn giả Bạc-câu-la liền ngồi kiết-già mà vào Niết- bàn. Khi Tôn giả Bạc-câu-la ngồi kiết-già mà vào Niết-bàn thì đó là pháp hy hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Khi Tôn giả Bạc-câu-la dạy như vậy, vị tu sĩ ngoại đạo và các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7 8

7 Ha-lê-lặc harĩtakĩ, loại cây có quả dùng làm thuốc, là thực vật thuộc họ Trâm Bầu Combreìaceaè. ở Việt Nam còn gọi la cây ứia-tử tên thông dụng là chiêu liêu xanh, có tên khoa học là Terminalia Chebula. 8 Tam đạt chứng :Sự chứng đắc Túc mạng ,Thiên nhn và Lậu tan .

35. KINH A-TU-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Bệ-lan-nhã,12 ngụ tại vườn Hoàng Lô.3 Bấy giờ, vua a-tu-la là Bà-la-la4 và thiên tử Mâu-lê-già5 đều có sắc tướng uy nghi, ánh sáng chói lọi. Vào lúc gần sáng, họ đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên. Đức Phật hỏi: -Này Bà-lala, phải chăng ở trong biển lớn, các a-tu-la không bi suy thoái về tuổi thọ, sắc tướng, an lạc và sức mạnh? Các a-tu-la thích sống trong biển lớn chăng? Vua a-tu-la là Bà-la-la và thiên tử a-tu-la là Mâu-lê-già thưa: Kính bạch Thế Tôn! ở trong biển lớn, các a-tu-la không bị suy thoái về tuổi thọ, sắc tướng, an lạc và sức mạnh. Cho nên, các a-tu-la thích song trong biển lớn. Đức Phật lại hỏi: Này Bà-la-la, trong biển lớn có bao nhiêu pháp hy hữu, khiến a-tu-la nhìn thấy rồi nên thích sống trong đó? Bà-la-la thưa: -Trong biên lớn của con có tám pháp hy hữu, khiên cho các a-tu-la nhìn thấy rồi nên thích sống trong đó. Tám pháp ấy là gì? Bạch Thế Tôn, biển lớn của con, từ đáy trở lên, chu vi rộng dần, nghiêng chếch lên dan, tạo thành bờ biển. Nước trong biển luôn đay, chưa từng chảy ra ngoài. Bạch Thế Tôn, vì biển lớn của con, từ đáy trở lên, chu vi rộng dần, nghiêng chếch lên dần, tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài, nên đây là pháp hy hữu thứ nhất trong biển lớn của con, khiến các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó. [0476a07] Lại nữa, bạch Thế Ton, thủy triều trong biển lơn của con lên xuống chưa từng sai thời. Bạch Thế Tôn, vì thủy triều trong biển lớn của con

1 Nguyên tSc: m TOI. 0026.35. 0475c16. Tham chiếu: Tăng.02.0125.42.4.

0752c24yi.8.19-IV. 197. 2 Bệ-lan-nhã $ậVerañjā còn gọi là Tỳ-lan-nhã, tên một thị trấn gần Sāvatthi. 3 Hoàng Lô viên ,NaỊerupucimanda, khu rừng gần thị trấn Verañjā. 4 Bà-la-la a-tu-la vương Pahārāda Asurinda. 5Māu-le-giāa-tu-latử.Tăng.T.02. 0125.42.4. 0752c26ghiMâu-đề-luânthiên

tử .

9 r

chưa từng sai thời, nên đây là pháp hy hữu thứ hai trong biên lớn của con, khiên các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó. Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong biển lớn của con thì sâu vô tận, rộng vô biên. Bạch Thế Tôn, vì nước trong biển lớn của con thì sâu vô tận, rộng vo biên, nên đây là pháp hy hữu thứ ba trong biển lớn của con, khiến các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó. Lại nữa, bạch Thê Tôn, nước trong biên lớn của con đêu cùng một vị mặn. Bạch Thế Tôn, vì nước trong biển lớn của con đều cùng một vi mặn nên đây là pháp hy hữu thứ tư trong biển lớn của con, khiến các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó. Lại nữa, bạch Thê Tôn, trong biên lớn của con có rát nhiêu châu báu quý giá, vô số đồ vật quý báu khác lạ, đủ các vật quý hiếm được chứa đầy trong đó. Tên của các châu báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lim ly, ma-ni, trân châu, ngọc bích, bạch kha, loa bích, san hô, ho phách, mã não, độc mạo, xích thạch và tuyền châu. Bạch Thế Tôn, vì trong biển lớn của con có rất nhiều châu báu quý giá, vô sô đô vật quý báu khác lạ, đủ các vật quý hiêm được chứa đây trong đó. Tên của các châu báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, ngọc bích, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mạo, xh thạch và tuyền châu, nên đây là pháp hy hữu thứ năm trong biển lớn của con, khiến các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó. Lại nữa, bạch Thê Tôn, trong biên lớn của con có những vi thân cư trú, các vị đại thần ấy tên là a-tu-la, kiền-tháp-hòa,6 la-sát97 cá kình,89rùa, cá sấu,9 đế-nghê5H đế-nghê-già-la912 đề-đế-nghê-già-la.13 Lại nữa, trong bà-lưu-nê51011 biển lớn này rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể dài đến một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên? cho đến bảy trăm do-diên mà thân của chúng vẫn có thể ở trong biển lớn. Bạch Thế Tôn, bởi vì trong biển lớn của con có những vị đại thần cư trú, những vị thần ấy tên là a-tu-la, kiền- tháp-hba, la-sát, cá kình, rùa, cá sấu, bà-liru-nê, đế-nghê, đế-nghê-già-la9 đề- đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong biển lớn này rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể đến một trăm do-diên9 hai trăm do-diên, ba trăm do-diên cho đen bảy trăm do-diên mà thân của chúng vẫn có thể ở trong biển lớn, nên đây là pháp hy hữu thứ sáu trong biển lớn của con, khiến các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó.

6 Càn-tháp-hòa gandhabbā.

7 La-sát rakkhā.

8 Ngư ma-kiệt ,makara.

9 Đà M, một loại cá sấu.

10 Bà-liru-nê ,vaguni.

11 Đế-nghê ,timi.

12 Đế-nghê-già-la ,timiñgala.

13 Đề-đế-nghê-già-la ,timiramiñgala .

[0476b05] Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn của con lắng sạch, không dung chứa tử thi. Nếu có người nào chết trong biển thì chỉ qua một đêm, gió sẽ thổi tử thi ấy tấp vào bờ. Bạch Thế Tôn, vì biển lớn của con lắng sạch, không dung chứa tử thi. Nêu có người nào chét trong biên thì chỉ qua một đêm, gió liền thổi tử thi áy tap vào bờ, nên đây là pháp hy hữu thứ bảy trong biển lớn của con, khiên các a-tu-la thây vậy nên thích sông trong đó. Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong biển lớn của con, năm con sông lớn của châu Diem-phu là Hằng-già,14 Dieu-vưu-na,15 Xá-lao-phù,16 A-di-la-bà-đề17 và Ma-xi18 đều đổ vào, chảy vào đó rồi đều không giữ tên cũ, chỉ gọi chung là biển lớn. Bạch The Tôn, vì trong biển lớn của con, năm con sông lớn của châu Diêm-phù là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề và Ma-xí đều đổ vào, chảy vào đó roi đều không giữ tên cũ, chỉ gọi chung là biển lớn, nên đây là pháp hy hữu thứ tám trong biển lớn của con, khiến các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Bạch Thế Tôn, đó là tám pháp hy hữu trong biển lớn của con, khiến các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Bạch Thế Tôn, trong giáo pháp của Ngài có bao nhiêu pháp hy hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi liền vui thích an trú trong đó? Đức Phật bảo: -Này Bà-la-la, trong giáo pháp của Ta cũng có tám pháp hy hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi liền vui thích an trú trong đó. Tám pháp ấy là những gì? Này Bà-la-la, giống như biển lớn từ đáy trở lên mặt biển, chu vi rộng dần, nghiêng chếch lên dần, tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Bà-la-la, giáo pháp của Ta cũng giông như vậy9 có sự chuyên nghiệp dần,1920học tập dần,2° diệt tận dần21 và giáo hóa dần.22 Này Bà-la-la, vì

14 Hằng-già ,Gahga, con sông quan trọng và linh thiêng bậc nhất của đất nước Ấn Độ, bắt nguồn từ dãy Himalaya rọi chay vào vịnh Bengal. Lim vực của sông Hằng rông gần lpo.oookm2,^ là cơ sở để hình thành nên nhiều đồng bàng trù phú và thành thị, xuất hiện từ thời cô đại và tôn tại cho đên ngày nay. 15 Diêu-viru-na Yāmunā, một chi lưu của sông Hằng ở vùng Bắc Ẩn với lưu vực rộng gần 400.000km2. 16 Xá-lao-phù Sarabhū, con sông này chia đôi đất nước Kosala thành hai miền, Bắc Kosala Uttara Kosala và Nam Kosala Dakkhina Kosala. 17 A-di-la-bà-đề ,Aciravatī, con sông này bắt nguồn từ phía Đông dãy Himalaya rồi chảy ra biển, còn được phiên âm là A-di;la-hòa-đế .Dòng sông này khi chảy qua đát nước Kosala trong mua khô rất mực êm đềm, hình thanh nên nhiều bến nước tam noi tiếng. 18 Ma-xí Mahī, một trong 5 con sông lớn, phía Bắc của sông này có tiểu quốc Anguttarāpa. 19 Nguyên tác: Tiệm tác .Tham chiếu: A. 8.20 - IV. 204 ghi là anupubbakiriyā quả dị thục là tuần tự, HT. Thích Minh Châu dịch. Kirỉyã còn mang nghĩa là "hành động,5 ,“hành vi”, được bản Hán hiểu là "tác",là tên gọi khác của "nghiep". 20 Nguyên tác: Tiệm học .Tham chiếu: A. 8.20 - IV. 204 ghi là anupubbasikkhā các học pháp là tuần tự, HT. Thích Minh Châu dịch. Sikkhā cũng có thê hiêu là các "hQC giód". 21 Nguyên tác: Tiệm tận .Tham chiếu: A. 8.20 - IV. 204 ghi là na āyatakeneva aññāpativedho không có sự thể nhập chánh trí thình lình, HT. Thích Minh Châu dịch. Trong câu kinh này, bản Hán được viết ở thể khẳng định, bản Pali dùng thê phủ định đê diên đạt. 22 Nguyên tác: Tiệm giáo .Kinh Tăng chỉ bộ chỉ nêu 3 yếu tố trên, không có yếu tố thứ 4 này.

giáo pháp của Ta có sự chuyển nghiệp dần, học tập dần, diệt tận dần và giáo hóa dần, nên đây là pháp hy hữu thứ nhất trong giáo pháp của Ta, khiên cho các Tỳ-kheo thấy rồi liền vui thích an trú trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như thủy triều trong biển lớn lên xuống chưa từng sai thời, này Bà-la-la, giáo pháp của Ta cũng giống như vậy, có chế định giới cấm cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di; các thiện nam ấy suốt đời trọn không phạm giới. Này Bà-la-la, vì trong giáo pháp của Ta có chê định giới cấm cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni5 ưu-bà-tắc, ưu-bà-di; các thiện nam ấy suốt đời trọn không phạm giới, nên đây là pháp hy hữu thứ hai trong giáo pháp của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi liền vui thích an trú trong đó. [0476c05] Lại nữa, này Bà-la-la, giống như nước trong biển lớn, sâu vô cùng, rộng vô biên; này Bà-la-la, giáo pháp của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu xa, sâu vô cùng, rộng vô biên. Này Bà-la-la, vì trong giáo pháp của Ta các pháp rất sâu xa, sâu vô cùng, rộng vô biên, nên đây là pháp hy hữu thứ ba trong giáo pháp của Ta, khiên cho các Tỳ-kheo thây roi liên vui thích an trú trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giông như nước trong biên lớn đêu cùng một vị mặn, này Bà-la-la, trong giáo pháp của Ta cũng giống như vậy, chỉ một vị vô dục, vị giác ngộ? vị tịch tĩnh và vị giải thoát. Này Bà-la-la, vì giáo pháp của Ta chỉ có một vi vô dục, vị giác ngộ, vị tịch tĩnh và vị giải thoát, nên đây là pháp hy hữu thứ tư trong giáo pháp của Ta, khiên cho các Tỳ-kheo thây roi vui thích an trú trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giông như trong biên lớn có rát nhiêu châu báu quý giá, vô số đồ vật quý báu khác lạ, đủ các vật quý hiếm được chứa đầy trong đó. Tên của các châu báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, ngọc bích, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mạo, xh thạch và tuyền châu. Này Bà-la-la, giáo pháp của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều châu báu quý giá, vô số pháp quý báu kỳ lạ, đủ các pháp quý hiếm được chứa đây trong đó. Tên của các pháp quý hiêm ây là bôn niệm xứ, bôn chánh cân, bôn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo. Này Bà-la-la, vì trong giáo pháp của Ta có rất nhiều châu báu quý giá, vô số pháp quý báu kỳ lạ, đủ các pháp quý hiếm được chứa đầy trong đó, tên của các pháp quý hiếm ấy là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn9 năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo, nên đây là pháp hy hữu thứ năm trong giáo pháp của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi liền vui thích an trú trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như trong biển lớn có những vị đại thần cư trú, những vị thần ấy tên là a-tu-la, kiền-tháp-hòa5 la-sát, cá kinh, rùa, cá sấu, bà-lưu-nê, đế-nghê, đế-nghê-già-la9 đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong biển lớn này rát kỳ lạ, rát đặc biệt, có chúng sanh thân thể lớn đến một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên, nhưng thân ấy vẫn có

9 e 9 ,

the ở trong biên lớn. Này Bà-la-la, giáo pháp của Ta cũng giông như vậy, đại thân Thánh chúng đều an trú trong đó. Tên của các vị đại thần ấy là A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-ham, A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng. Này Bà-la-la, vì trong giáo pháp của Ta có đại thân Thánh chúng

đêu trú trong đó? tên của các vị đại thần ấy là A-la-hán, A-la- hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tu-dà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, Tu- đà-hoàn5 Tu-đà-hoàn hướng, nên đây là pháp hy hữu thứ sáu trong giáo pháp của Ta, khiên các Tỳ-kheo thây roi liền vui thích an trú trong đó. [0477a09] Lại nữa, này Bà-la-la, giống như biển lớn lắng trong, không dung chứa tử thi, nếu có người nào chết trong biển thì chỉ qua một đêm, gió sẽ thổi tử thi ấy tấp vào bờ. Này Bà-la-la, giáo pháp của Ta cũng giống như vậy. Thánh chúng thanh tịnh, không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh khởi điều ác, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn5 người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách rất xa người ấy. Này Bà- la-la, vì trong giáo pháp của Ta, Thánh chúng thanh tịnh, không dung chứa tử thi. Nếu có người không tinh tấn, sanh khởi điều ác, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách xa người ấy, nên đây là pháp hy hữu thứ bảy trong giáo pháp của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thây roi liên vui thích an trú trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như biển lớn, năm con sông lớn của châu Diêm-phù là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề và Ma-xí đều đô vào, chảy vào đó roi đêu không giữ tên cũ, chỉ gọi chung là biên lớn. Này Bà-la-la, giáo pháp của Ta cũng giông như vậy. Những thiện nam thuộc dòng Sát-lợi9 cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, họ từ bỏ tên cũ, đồng được gọi là Sa- môn. Những thiện nam thuộc dòng Phạm chí, dòng Tỳ-xá, dòng Thủ-đà-la, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; họ từ bỏ tên cũ, đồng được gọi là Sa-môn. Này Bà-la-la, trong giáo pháp của Ta, vì có những thiện nam thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo, họ từ bỏ tên cũ, đồng được gọi là Sa-môn. Những thiện nam thuộc dòng Phạm chí, dòng Tỳ-xá, dòng Thủ-đà-la, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca- sa5 với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; họ từ bỏ tên cũ, đồng được gọi là Sa-môn, nên đây là pháp hy hữu thứ tám trong giáo pháp của Ta, khiên cho các Tỳ-kheo thây rôi5 liên vui thích an trú trong đó. [0477ỒỒ09] Này Bà-la-la, đó là tám pháp hy hữu trong giáo pháp của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích an trú trong đó. Này Bà-la-la, ông nghĩ thế nào? Trong giáo pháp của Ta có tám pháp hy hữu, trong biển lớn của

Ông cũng có tám pháp hy hữu; giữa hai loại hy hữu này thì loại nào cao hơn, thù thắng hơn, vi diệu hơn và tối thượng hơn? Bà-la-la thưa: -Bạch Thế Tôn, tám pháp hy hữu trong biển lớn của con không bằng tám pháp hy hữu của Như Lai, không băng một phân ngàn, một phân vạn, không thể so sánh, không thể ví dụ, không thể đo lường, không thể tính kể. Chỉ có tám pháp hy hữu của Thế Tôn là cao hơn hết, là thù thắng, là vi diệu, là tối thượng. Kính bạch Thê Tôn, hôm nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y đại chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn chấp nhận con làm ưu-bà-tắc! Ke từ hôm nay con xin trọn đời quy y! Đức Phật thuyết như vậy, Vua Bà-la-la và các Tỳ-kheo nghe Phật

dạy đều hoan hỷ phụng hành.23

23 Bản Hán, hết quyển 8.

36. KINH ĐẤT RUNG CHUYỂN1 Tôi nghe như vầy: 2 thuộc nước Kim Cang.3 Một thời, đức Phật du hóa thành Viết-địa?1 Bấy giờ, vùng đất ấy rung chuyển mạnh.45Lúc đó, chứng kiến cảnh đất rung chuyển mạnh,5 Tôn giả A-nan kinh sợ, toàn thân sởn gai 6c, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay mặt đất rung chuyển mạnh.6 [0477c02] Bấy giờ, Phật bảo A-nan: -Đúng vậy? này A-nan, hôm nay mặt đất rung chuyển mạnh! Đúng vậy, này A-nan!7 Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu nhân duyên khiến đất rung chuyển mạnh?8

Phật bảo: -Này A-nan! Có ba nhân duyên9 khiến đất rung chuyển mạnh.1011 Là ba nhân duyên nào? Này A-nan! Đất này ở trên nước, nước ở trên gió, gió nương hư không. Này A-nan, khi có gió lớn trong hư không nổi lên thì nước bị khuấy động, nước bị khuấy động thì đất bị rung chuyển mạnh. Đó là nhân duyên thứ nhất khiến đất rung chuyển mạnh.11

1 Quyển 9. Nguyên tác: Địađộngkình (roi. 002636.0477Ồ23). Tham chiếu:2g.(T02.0125.42.5. 0753cll); D. 16, Mahãparỉnibbãna Sutta (Kinh ĐạiBắt-niêt-bàn); s. 51.10 - v. 258; A. 8.70 - IV. 308. 2 Nguyên tác: Viết-địa (),phiên âm đặc dị, có thể chỉ cho Vesālī. 3 Kim Cang (),nguyên tác Pali là Vajira, là cách dịch chưa đúng về tên nước Bạt-kỳ (Vajjī), s. 51.10 -V. 258, A. 8.70 - IV. 308 đều xác định tại Vesālī, thủ đô nước Bạt-kỳ. 4 Trên cơ sở tham chiếu các bản kinh như Tăng.(T.02.0125.42.5.0753cll);Z). Ỉ6, Mahãparinibbãna Sutta (Kinh Đại Bát-niết-bàn); 5. 51.10 - y. 258; A. 8.70 - IV. 308, bản dịch Việt lược bỏ 22 chữ sau: ;.Vì 22 chữ này không có trong những bản kinh tham
chiếu kể trên và điều quan trọng nhất là làm sai lạc giáo nghĩa của đức Phật. 5 Lược bỏ 22 chữ trong nguyên tác. Xem chú thích 4. 6 Như trên. 7 Như trên. 8 Nhu trên. 9 Nguyên tác: Hữu tam nhân duyên ().Tăng.(7.02. 0125.42.5. 0753CÍ1) và A. 8.70 -
IV. 308 xác định có 8 nguyên nhân. 10 Lược bỏ 22 chữ trong nguyên tác. Xem chú thích 4. 11 Như trên.

Lại nữa, này A-nan! Tỳ-kheo có thần thông lớn,12 có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn, tâm tự tại nhờ có thần thông.13 Vị ấy khởi ý tưởng nhỏ14 đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng đối với nước. Do vị ấy khởi ý tưởng như vậy nên đát này tùy theo ước muôn, tùy theo ý tưởng của vị ây mà bị khuây động rồi lại khuấy động, bị chấn động rồi lại chấn động. Vị trời theo hộ vệ Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy, có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn, tâm tự tại nhờ có thần thông. Vị trời ấy khởi ý tưởng nhỏ đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng đối với nước. Vị trời ấy khởi tưởng như vậy nên đất này tùy theo ước muôn, tùy theo ý tưởng của vị trời ây mà bị khuây động roi lại khuấy động, bị chấn động rồi lại chấn động. Đó là nhân duyên thứ hai khiến đất rung chuyển mạnh.15 Lại nữa, này A-nan! Không bao lâu nữa, sau khoảng

ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, do duyên cớ ấy khiến đất rung chuyển mạnh. Đó là nhân duyên thứ ba khiến đất rung chuyển mạnh.16 Bây giờ, sau khi nghe xong, Tôn giả A-nan buôn râu than khóc, nước măt đầm đìa, chắp tay hướng Phật và thưa rằng: -Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp chưa từng có.17 Vì sao như vậy? Vì không bao lâu nữa, sau khoảng ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, khi ấy khiến đất rung chuyển mạnh.18 [0478a04] Phật bảo A-nan: -Đúng vậy, này A-nan! Đúng vậy5 này A-nan! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công dức, có nhiều pháp chưa từng có. Vì sao như vậy? Vì không bao lâu nữa, sau khoảng ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, khi ấy khiến đất rung chuyển mạnh.19 Lại nữa, này A-nan! Như Lai đến giữa vô lượng trăm ngàn chúng Sát-lọi, cùng ngồi đàm luận, khiến họ vừa ý. Cùng ngồi yên định rồi, giống như sắc

12 Nguyên tác: Đại như ý túc.Tạp.7.02. 0099.447. 0115b06 ghi là "thần thông đại lực”hay ccđại thần thông Ẹrc”Tăng.r02. 0125.42.5. 0753c27 ghi ià “inTc” . 13 Nguyên tác: Tâm tự tại như ý túc in BÃ. Tham chiếu: 7g.7.02.0125.42.5.0753c27: Hữu đại thân túc Tỳ-kheo tâm đác tự tại nghĩa là có đại thân túc nên tâm Tỳ-kheo được tự tại. Tâm tự tại ở đây nghĩa là có thể hóa hiện thần thông tùy theo ý muốn. 14 Nguyên tác đề cập đến 2 loại tưởng làtiểtưởng”và "v6 lượng tưởng,, .A-tỳ- dat-ma Tậpdị môn túc luận 7.26. 1536.06. 0392a23 ghinhạn 4 loại tưởng, gôm: i Tiêu tưởng ,ii Đại tưởng iii Vô lượng tưởng iv Vô sở hữu nrởng h. '
15 Lược bỏ 22 chữ trong nguyên tác. Xem chú thích 4. 16 Như trên. 17 Nguyên tác: Vị tằng hữu adbhuta, abbhutā'. Những việc lạ lùng, phi thường, không thể nghĩ ban. J 18 Lược bỏ 22 chữ trong nguyên tác. Xem chú thích 4. 19 Như trên.

tướng của họ, sắc tướng của Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng vậy. Nếu họ có hỏi về nghĩa gì thì Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa, Như Lai sẽ thuyết pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ,20 Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Ta liền ẩn mất khỏi nơi ấy. Khi Ta đã ẩn mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay khác với loài người. Này A-nan! Như vậy, thật là kỳ diệu, thật la hy hữu! Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp chưa từng có. Cũng như vậy đối với chúng Phạm chí, chúng Cư sĩ và chúng Sa-môn. Này A-nan! Như Lai đến giữa vô lượng trăm ngàn chúng trời Tứ Thiên Vương,21 cùng ngồi đàm luận, khiến họ vừa ý. Cùng ngồi yên định rồi, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng của Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng vậy. Nấu họ có hỏi về nghĩa gì thì Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa, Ta sẽ thuyêt pháp cho họ? mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Ta liền ẩn mất khỏi nơi ấy. Khi Ta ẩn mất rồi, họ không biết Ta là ai, là trời hay khác với

hàng trời. Này A-nan! Như vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp chưa từng có. Cũng như vậy đối với các cõi trời Tam Thập Tam, Diệm-ma, Đâu-suất-đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Lạc, Phạm Thân, Phạm Phú Lâu, Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Hoảng Dục, Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh, Vô Quái Ngại, Thọ ỏiước, Quả Thật, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến và Thiện Hiện.22

20 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kmh số 9, tr. 48. 21 Tứ Vương thiên Cātummahārājikā devā còn gọi Tứ Thiên Vương thiên Tứ Đại Thiên Vương Chúng thiên L Tứ Đại Vương Chúng thiên .Đây là tầng trời thứ nhất trong 6 tầng trời Dục giới . 22 Nguyên tác: Tam,Tháp Tam thiên Tāvatimsā devā, Diệm-ma thiên , Yāmā devā, Đâu-suất-đà thiên Tusitā devā, Hóa Lạc thiên Nimmānarati devā, Tha Hóa Lạc thiên Paranimmitavasavattī devā, Phạm Thân thiên , Brahmakāyikā devā, Phạm-phú-lâu thiên Brahmapurohitā devā, Thiêu Quang thiên Parittābhā devā, Vô Lượng Quang thiên *Appamānābhā devā, Hoảng Dục thiên SĀbhassarā devā, Thiêu Tịnh thiên Parittasubhā devā, Vô Lượng Tịnh thiên Appamānasubhā devā, Biên Tịnh thiên Subhakinnā devā, Vô Quái Ngại tn ,Anabhrakā devā, Thọ Phước thiên i,Punyaprasavā devā, Quả Thật thiên Vehapphalā devā, Vô Phiên thiên Avihā devā, Vô Nhiệt thiên , Atappā devā, Thiện Kiến thiên Sudassā devā và Thiện Hiện thiên Sudassī devā. Pali: Tám chúng {atthāparisā, biêu hiện 8 pháp vị tăng hữu của đức Như Lai giữa loài trời và loài người: Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn, Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, chúng Ma và Phạm Thiên.

[0478b01] Này A-nan! Như Lai đến giữa vô lượng trăm ngàn chúng trời Sắc Cứu Cánh,23 cung ngồi đàm luận, khiến họ vừa ý. Cùng ngồi yên định rồi, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng Như Lai cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng vậy; giong như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi le tiết của Ta cũng vậy. Nếu họ có hỏi về nghĩa gì thì Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa, Như Lai sẽ thuyêt pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho hẹ, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Ta liền ẩn mất khỏi nơi ấy. Khi Ta đã ẩn mất, họ không biết Ta là ai, là trời hay khác với hàng trời. Này A-nan! Như vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp chưa từng có. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

23^Nguyên tác: sắc Cứu Cánh thiên Akanittha, còn được phiên âm là A-ca-ni-ưá ,A^-ca-ni-sư-trá ,A-ca-nị-trá ,A-ca-ni-sāt-tri cũng gọi là Ng^ Cứu Cánh thiên Chát Ngại Cứu Cánh thiên S M ,Nhất Cứu Cánh thiên _ ,Nhát Thiện thiên ,Vô Két Ai thiên ,Vô Tiêu hi&L .Đây là tầng trời cao nhát trong Tứ thiên thiên thuộc trời Sác giới ,môt trong 16 tâng trời sắc giới, một trong ngũ Tịnh Cư thiên ;Người tu tứ thiền tối thượng phàm được

sanh về cõi trời này, quả báo ơ đây thu thăng nhát trong trời Sác giới. Vê tuội thọ của chúng sanh ở c6i 'trời, này, theo Đại-ỉâu-thản kinh roi. 0023.4. 0296c20 là 100 kiếp, tuy nhiên cũng có sự chết yểu. Theo Thế kỷ kỉnh r.01. 000L30.8. 0133bl0, tuôi thọ ở đây là 5 ngàn kiêp, hoặc giảm chút ít; còn Lập thếA-tỳ-đàm luận r.32. 1644.7. 0206c23 và Câụ-xá luận r.29. 1558.11. 0061a26 cho là l vạn 6 ngàn đại kiếp và thân cao l vạn 6 ngàn do-tuần.

37. KINH CHIÊM-BA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Chiêm-ba?12 ngụ bên bờ hồ Hằng-già.34 Bay giờ, vào ngày ram thuyết giới/ Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Sau khi đã ngồi xuống rồi, đức Phật liền nhập định, dùng tha tâm trí quán sát tâm đại chúng. Quán sát tâm đại chúng xong, đến hết đàu đêm, Ngài vẫn ngồi yên lặng. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo5 từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng Phật thưa rang: Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo vân tập ngồi đây đã lâu, cúi xin Thế Tôn thuyết giới! Bay giơ, The Ton yen lăng không trả lời. Thế rồi, cho đến nửa đêm, Phật vẫn ngồi yên lặng. Vị Ty-kheo kia lại lần nữa từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng Phật rồi thưa: Bạch The Ton! Đau đem đã qua, giữa đem cũng sap net, Thê Tôn và đại chúng Ty-kheo vân tập ở đây đã lâu, cúi xin Thế Tôn thuyết giới! Đức Phật lại lần nữa yên lặng, không trả lời. Thế rồi, cho đến cuối đêm, Phật vẫn ngồi yên lặng. Vi Tỳ-kheo kia lần thứ ba từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng Phật thưa: Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, giữa đêm đã hết, cuối đêm sắp tàn, trời gần về sáng, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Thế Tôn và đại chúng Ty-kheo vân tập ở đây đã quá lâu rồi, cúi xin Thế Tôn thuyết giới!

1 Nguyên tác: Chỉêm-ba kỉnh TOI. 0026.37. 0478bl3. Tham chiếu: Hằng thủy kinh roi. 0033. 0817a03; Phập hảikinh r.Ol. 0034. Ó818a08; Hải bát đúc kinh r.Ol. 0035. 0819a03; Tang.T.02. 0125.48.2. 0786a26; A. 8.20 - IV. 204. 2 Chiêm-ba Campā, kinh đô của nước Ương-già Añga, một quốc giacổ đại nằm ở phía Nam nước Tỳ-xá-ly Vesālī và phía Đông nước Ma-kiệt-đa Magadha, Trung Ấn. Theo MA. II. 565, do đất nước nay có nhiều cây hoa sứ campakà nên nhân đó được định danh. 3 Nguyên tác: Hằng-già trì ts,vừa dịch nghĩa vừa phiên âm ngữ danh từ Gaggarā pokkharani, nghía là hồ Gaggaraf Dãy là một ho nước pokkharanī nhân tạọ do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nen và dùng tên bà để đặt tên. Địa danh này còn được dịch là Ýết-già trì ÍBtìÌl /,Gia:gia trGià-già hà Kiệt-xà trì ,Lôi-thanh trì Kiệt-thành-đê trì . 4 Nguyên tác: Tùng giải thoát ,còn được gọi là Giới bổn J^iet giải thoát ,Biệt biệt giải thoát .Pali: Pātimokkhaṃ tức Ba-la-đê-mộc-xoa . 5 A. 8.20 - IV. 204 ghi là Tôn giả A-nan.

[0478c01] Bấy giờ, Phật bảo vị Tỳ-kheo ấy: Trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Tôn giả suy nghĩ như vày: "Do vị Tỳ-kheo nào mà Thế Tôn bảo là 'trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh?6 *89 Ta nên nhập Như kỳ tượng định/ rồi dùng trí biết tâm người khác của đinh này mà quán sát tâm niệm đại chúng.,, Ngay lúc ấy, Tôn giả liền nhập

Như kỳ tượng đinh, ở trong định này rồi dùng trí biết tâm người khác để quán sát tâm niệm đại chúng, liên biêt được vị Tỳ-kheo mà Thê Tôn nói là 'ở trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh/ Nhân đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liền liền xuất định, đến trước Tỳ-kheo ấy nắm tay kéo đi rồi mở cửa đẩy ra ngoài: Kẻ ngu si kia! Hãy đi thật xa, chớ sống nơi đây, không được cùng hội họp với đại chúng Tỳ-kheo nữa, từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo! Đóng cửa cài then xong, Tôn giả quay vê chô Phật, cúi lạy sát chân Ngài, ngôi sang một bên và thưa: -Vị Tỳ-kheo mà Thế Tôn bảo rằng 'trong đại chung này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh9 ấy, con đã đuổi đi rồi! Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, giữa đêm đã hét, cuôi đêm sáp tàn, trời gân vê sáng, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Phật và chúng Tỳ-kheo vân tập ở đây đã quá lâu rồi, cúi xin Thế Tôn thuyết giới! Đức Phật bảo: Này Đại Mục-kiền-liên! Kẻ ngu si kia sẽ đắc tội lớn, vì đã xúc nhiễu Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên! Giả sử Như Lai ngồi giữa chúng bát tịnh mà thuyêt giới thì đâu người ây liên vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các thầy hãy tự thuyết giới, Như Lai không thuyết giới nữa. Vì sao như vậy? Này Đại Mục-kiền-liên! Như biển lớn kia, từ đáy trở lên, chu vi rộng dần, nghiêng chếch lên dần, tạo thành bờ biển, nước trong đó luôn đầy nhưng chưa từng tràn qua bờ. Này Đại Mục-kiền-liên! Giáo pháp của Như Lai cũng giống như vậy, có sự chuyển nghiệp dần/ tu tập dần,8 diệt tận dần9 và giáo hóa dần.10 Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu trong giáo pháp của Ta có sự chuyển nghiệp dần,

6 Xem chú thích 3, kinh số 33, tr. 224. ^Nguyên tác: Tiệm tác .Tham chiếu: A .8.20 - IV. 204: Anupubbakiriyā quả dị thục là tuần tự, HT. Thích Minh Châu dịch. Kỉriyã còn mang nghĩa là "hành d0ng,,,"hành vi",được bản Hán hiêu là "tác",là tên gọi khác của “nghiep". 8 Nguyên tác: Tiệm học .Tham chiếu: A. 8.20 - IV. 204: Anupubbasikkhā các học pháp là tuần tự, HT. Thh Minh Châu dịch. Sikkhā cũng có thể hiểu là các Cthọc gi&i". 9 Nguyên tác: Tiệm lận .Tham chiếu: A. 8.20 - IV. 204: Na āyatakeneva aññāpativedho không có sự thê nhập chánh trí thinh linh% HT. Thích Minh Châu dịch. Trong câu kinh này, bản Hán được viêt ở thê khăng định, bản Pali dùng thê phủ định để diễn đạt. 10 Nguyên tác: Tiệm giáo .A. 8.20 - IV. 204 chỉ nêu 3 yếu tố trên, không có yếu tố thứ 4 này.

tu tập dần, diệt tận dần và giáo hóa dần thì đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên! Như thủy triều trong biển lớn lên xuống chưa từng sai thời, giáo pháp của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai chế định các giới cấm cho chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, iru-bà-di và các thiện nam, thiện nữ ây cho đên khi mạng chung trọn không phạm giới. Này Đại Mục-kiên-liên! Nêu trong giáo pháp của Như Lai, Như Lai chế định các giới cam cho chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc9 ưu-bà-di và các thiện nam, . r r .

thiện nữ ây cho đên khi mạng chung trọn không phạm giới thì đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. [0479a04] Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên! Như nước trong biển lớn sâu thẳm vô cùng, trải rộng vô biên. Này Đại Mục-kiền-liên! Giáo pháp của Như Lai cũng giống như vậy, các pháp rất sâu xa, sâu thẳm vô cùng, trải rộng vô

biên. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu trong giáo pháp của Như Lai các pháp rất sâu xa, sâu thẳm vô cùng, trải rộng vô biên thì đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên! Như nước trong biển lớn cùng một vi mặn. Này Đại Mục-kiền-liên! Giáo pháp của Như Lai cũng giống như vậy, chỉ thuần vị vô dục, vị giác ngộ, vị tịch tĩnh và vị giải thoát.11 Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu trong giáo pháp của Như Lai chỉ thuần vị vô dục, vị giác ngộ, vị tịch tĩnh và vị giải thoát thì đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. Lại nữa, này Đại Mục-kiên-liên! Như trong biên lớn có rát nhiêu châu báu quý giá, vô số đồ vật quý báu khác lạ, tất cả đồ vật quý hiếm chứa đầy trong đó. Tên của các châu báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ và tuyền châu. Này Đại Mục-kiên-liên! Giáo pháp của Như Lai cũng lại như vậy, có rát nhiều châu báu quý giá, vô số đồ vật quý báu khác lạ, tất cả đo vật quý hiếm chứa đầy trong đó. Tên của các châu báu đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám chi Thánh đạo. Này Đại Mục-kiên-liên! Nêu trong giáo pháp của Như Lai có nhiêu châu báu quý giá, vô số đồ vật quý báu khác lạ, tất cả đồ vật quý hiếm chứa đầy trong đó5 tên của các châu báu đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám chi Thánh đạo thì đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. Lại nữa, này Đại Mục-kiên-liên! Như biên lớn có những vị đại thân cư trú. Tên của các vị ấy là a-tu-la, kiền-tháp-hòa, la-sát, cá kình, rùa, cá sấu, bà-liru- nê5 đế-nghê9 đế-nghê-già-la9 đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, biển lớn này rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể cao lớn đến một trăm do-tuần, hai trăm

11 Nguyên tác: Đạo vị .“Dạo" & đây có nghĩa là Niết-bàn, giải thoát.

do-tuần, ba trăm do-tuần, cho đến bảy trăm do-tuần, nhưng thân ấy vẫn có thể ở trong biển lớn. Này Đại Mục-kiền-liên! Giáo pháp của Như Lai cũng giống như vậy, có những vi đại thần Thánh chúng đều cư ngụ trong đó. Tên của các vị ấy là A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, Tu-đà-hoàn5 Tu-đà-hoàn hướng. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu trong giáo pháp của Như Lai có những vị đại thần Thảnh chúng đều cư ngụ trong đó5 tên của các vị ấy là A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm? A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng thì đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. [0479b06] Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên! Như biển lớn lắng trong, không dung chứa tử thi; nếu có người nào chết trong biển thì chỉ qua một đêm, gió sẽ thổi tử thi ấy tấp vào bờ. Này Đại Mục-kiền-liên! Giáo pháp của Như Lai cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh, không dung chứa tử thi. Nếu người nào không tinh tấn, sanh khởi điều ác, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn thì người ấy dù ở trong Thánh chúng nhưng cách Thánh chúng rất xa và Thánh chúng cũng lại cách rất xa người ấy. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu trong giáo pháp của Như Lai, Thánh chúng thanh tịnh, không dung chứa tử thi, nếu có người nào không tinh tấn, sanh khởi điều ác, không phải Phạm hạnh mà tự xung là Phạm hạnh, không phải

Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, người ấy dù ở trong Thánh chúng nhưng cách Thánh chúng rất xa và Thánh chúng cũng cách rất xa người ấy thì đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên! Như nơi biển lớn, năm con sông lớn của châu Diêm-phù là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề và Ma- xí,12 tất cả đều đổ vào biển lớn, cùng với nước do loài rồng phun từ trên hư không xuống với những giọt nước lớn như bánh xe, hết thảy các nguồn nước ấy không thể làm cho biển lớn ấy tăng hay giảm. Này Đại Mục-kiền-liên! Giáo pháp của Như Lai cũng lại như vậy, những thiện nam thuộc dòng Sát-lợi cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, tự thân tác chứng và thành tựu an tru tâm giải thoát không còn dao động,13 thì này Đại Mục-kiền-liên5 tâm giải thoát không còn dao động ấy trong giáo pháp của Như Lai cũng không tăng không giảm. Cũng vậy, những thiện nam thuộc dòng Phạm chí, dòng Tỳ-xá và dòng Thủ-đà-la nếu cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, tự thân tác chứng và thành tựu an trú, tâm giải thoát không còn dao động, thì này Đại Mục-kiền-liên, tâm giải thoát không còn dao động ây trong giáo pháp của Như Lai vẫn không tăng không giảm. Này Đại

12 Xem chú thích 14-18, kinh số 35, tr. 239. 13 Nguyên tác: Bất di động tâm giải thoát akuppā cetovimutti'. Tâm giải thoát không còn dao động. J J

Mục-kiên-liên! Nêu trong giáo pháp của Như Lai, những thiện nam thuộc dòng Sát-lợi cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, tự thân tác chứng và thành tựu an trú tâm giải thoát không còn dao động; hay những thiện nam thuộc dòng Phạm chí, dòng Tỳ-xá, dòng Thủ-đà-la nếu cũng cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, tự thân tác chứng và thành tựu an trú, tâm giải thoát không còn dao động, thì này Đại Mục-kiền-liên, tâm giải thoát không còn dao động ấy trong giáo pháp của Như Lai vẫn không tăng không giảm, đó chính là pháp hy hữu trong giáo pháp của Như Lai. [0479c08] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ- y :

kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành.

38. KINH TRƯỞNG GIẢ ỦC-GIÀ1 1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Tỳ-xá-ly9 ngụ trong Đại Lâm.12 Bay giờ, trưởng giả úc-già3 chỉ dẫn theo những người hầu nữ, cùng rời Tỳ- xá-ly roi đi đen khu vực giữa Tỳ-xá-ly và Đại Lâm để vui chơi hát xướng với các kỹ nữ, hưởng thụ khoái lạc chẳng khác vua chúa. Thế rồi, trưởng giả úc-già uống rượu say khướt, bỏ lại những người hầu nữ kia rồi vào trong Đại Lâm. Dù say khướt như thế, nhưng từ xa trưởng giả Uc-già vân trông thây Thê Tôn ngôi giữa khu rừng, đoan chánh rạng ngời như vâng trăng giữa các vì sao, tỏa sáng rực rỡ tựa như núi vàng, tướng tót vẹn toàn, uy nghiêm sừng sững, các căn vang lặng, không bị ngăn che, thành tựu điêu phục, tâm tư tĩnh lặng. Thây đức Phật roi, trưởng giả lập tức tỉnh rượu. Sau khi tỉnh rượu, trưởng giả liền đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi

sang một bên. Bấy giờ, đức Phật thuyết pháp cho trưởng giả, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô sô phương tiện thuyêt pháp cho trưởng giả, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ roi, như thông lệ của chư Phật, trước hết Ngài nói về các hạnh lành cơ bản4 khiến người nghe vui mừng. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về pháp sanh thiên, chê trách tham dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm5 là thanh tịnh. Sau khi nói những pháp ây cho trưởng giả nghe, đức Phật biêt ông đã sanh tâm hoan hỷ, tâm đây đủ, tâm nhu hòa, tâm kham nhân, tâm thăng tiên, tâm chuyên nhát, tâm hết nghi ngờ, tâm không bị che lấp, đủ năng lực thọ nhận Chánh pháp rồi, theo đúng pháp thức của chư Phật, kế đó Ngài liền thuyết pháp chánh yếu là khổ, tập, diệt, đạo.

1 Nguyên tác: ủc-già trưởng giả kinh, thượng _t TOI. 0026.38.1. 0479cll. Tham chiêu: A. 8.21 - IV. 208; A. 8.22 - IV. 212. 2 Đại Lâm Mahāvaiia, khu rừng phụ cận thành Tỳ-xá-ly Vesālī, trong khu rừng có giảng đường Trùng Các ,Kūtāgārasālā. 3 úc-già KUggā. Có 2 vị cùng tên. Vị trưởng giả ở Vesālī Uggā gahapati Vesālikā được ghi nhận trong kinh so 39 sau. Vị Uggā của kinh này sông tại làng Hatthigama thuộc xứ Bạt-kỳ , Vajjī. '] ; _ 4 Nguyên tác: Đoan chánh pháp JE .TheoHT. Ấn Thuận trong Ấn Thuận Pháp sư Phật học trước tdc;Hoa Vũ tap" EK28. 0Ò28.4. OlOlaOÓ, t4đoan chánh ph9p" là các thiện hạnh cơ bản trong thế gian. 5 Đạo phẩm chi cho 37 phẩm trợ đạo.

Bấy giờ, chính ngay lúc nghe pháp, trưởng giả úc-già hiểu rõ về bốn Thánh đế khổ? tập, diệt và đạo. Như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu, trưởng giả Uc- già cũng giống như vậy, chính ngay lúc nghe pháp đã hiểu rõ bon Thánh đe kho, tập, diệt và đạo. [0480a04] Trưởng giả úc-già liền thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tinh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không nương ai khác, dứt hẳn hoài nghi, đã trụ quả chứng nơi pháp Thế Tôn được Vô sở úy. Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Từ nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Từ nay trở đi con nguyện quy y Tam bảo cho đến cuối đời. Bạch Thế Tôn! Từ ngày hôm nay, con xin theo Ngài, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu6 và thọ trì năm giới. Sau khi xin theo Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu và thọ trì năm giới, trưởng giả úc-già lạy sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Khi trở vê nhà, ông liên tập hợp các phụ nữ7 lại roi bảo: -Các người nên biết, ta đã xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu và thọ trì năm giới. Nếu các người muốn ở đây thì có thể ở và làm việc bố thí tạo phước, còn nếu không muốn thì cứ tự trở về nhà. Nếu muốn lấy chồng thì ta sẽ gả chồng cho. r r .

Bây giờ, người vợ cả thưa với trưởng giả Uc-già: -Nêu ông đã xin theo Phật, trọn đời lây Phạm hạnh làm đâu và thọ trì năm giới thì hãy gả tôi cho người kia. Trưởng giả Uc-già liên gọi người đàn ông kia đên5 tay trái câm tay người vợ cả, tay phải bung chậu nước bằng vàng rồi bảo người kia rằng: Nay ta gả người vợ cả này để làm vợ ông. Người ấy nghe rồi, vì quá sợ hãi nên toàn thân sởn gai ốc, liền thưa với r \

trưởng giả Uc-già răng: -Thưa trưởng giả! Ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chăng? Trưởng giả bảo: Ta không giết ngươi đâu! Vì ta đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu và thọ trì năm giới, do đó ta gả người vợ cả này để làm vợ ông. Trưởng giả Uc-già đã gả người vợ cả, trong khi gả và sau khi gả vợ [cho người đàn ông kia], ông đều không có tâm hối tiếc.

6 Nguyên tác: Phạm hạnh vi thủ, thọ trì ngũ giới (,).Tham chiếu: A. 8.21 - IV. 208: Brahmacariyapañcamāni ca sĩkkhāpādānĩ samādiyim (thọ trì năm học xứ và Phạm hạnh). Tuy nhiên, trong nội dung bản kinh này, cư sĩ Uc-già đã chọn đời sống tuyệt dục. 7 Nguyên tác: Chư phụ nhân ().Tham chiếu: A. 8.21 - IV. 208: Catasso komāriyo pajāpatiyo (bon người vợ trẻ).

38. KINH TRƯỞNG GIẢ ÚC-GIÀ (1) 255

Ngay lúc đó, giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, Thế Tôn đã tán thán, khen ngợi trưởng giả úc-già rằng: "Trưởng giả úc-già có tám pháp hy hữu.” Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, có vi Tỳ-kheo đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả úc-già. Từ xa trông thấy Tỳ-kheo đang đến, trưởng giả úc- già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng về Tỳ-kheo thưa: -Kính chào Tôn giả! Tôn giả đã lâu không đến đây, mời ngồi xuống chỗ này. Bấy giờ, Tỳ-kheo liền ngồi xuống chỗ ấy. Trưởng giả úc-già lạy sát chân thầy Tỳ-kheo rồi ngồi sang một bên. [0480Ồ05] Tỳ-kheo bảo: Này trưởng giả! Ông có lợi ích lành, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Vì ở giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, đức Thế Tôn đã khen ngợi rang: "Trưởng giả úc-già có tám pháp hy hữu.” Này trưởng giả, vậy ông có những pháp gì? Trưởng giả Uc-già thưa với thây Tỳ-kheo: -Đức Thê Tôn chưa hê nói sai, nhưng con không biêt vì lẽ gì mà Ngài nói như vậy. Nhưng mong Tôn giả nghe cho, về những pháp mà con có được. Một thời, đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly, ngụ trong Đại Lâm. Thưa Tôn giả! Bấy giờ, con chỉ dẫn theo những người hầu nữ, rời Tỳ-xá-ly đi đến vùng giữa Tỳ-xá-ly và Đại Lâm để vui chơi hát xướng với các kỹ nữ, hưởng thụ khoái lạc chăng khác vua chúa. Thưa Tôn giả! Khi đó, con uông rượu say khướt, bỏ lại những người hầu nữ kia, vào trong Đại Lâm. Dù say khướt như thế, nhưng từ xa con vẫn trông thấy Thế Tôn ngồi giữa khu rừng, đoan chánh rạng ngời như vầng trăng giữa các vì sao, tỏa sáng rực rỡ tựa như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, uy nghiêm sừng sững, các căn vắng lặng, không bi ngăn che, thành tựu điều phục, tâm tư tĩnh lăng. Thấy đức Phật rồi, con lập tức tỉnh rượu. Thưa Tôn giả, đó là pháp mà con có. Tỳ-kheo khen rằng: Trưởng giả! Nếu ông có pháp đó thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. -Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ấy. Lại nữa, thưa Ton giả! Sau khi tỉnh rượu, con liền đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ5 đức Phật thuyết pháp cho con, mở bày, dạy bảo5 khích lệ? khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, như thông lệ của chư Phật, trước hết Ngài nói về các hạnh lành cơ bản khiến người nghe vui mừng. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về pháp sanh thiên, chê trách tham dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm là thanh tịnh. Sau khi nói những pháp ấy cho con nghe, đức Phật biết con đã sanh tâm hoan hỷ, tâm đầy đủ, tâm nhu hòa, tâm kham nhẫn, tâm thăng tiến,

tâm chuyên nhất, tâm hết nghi ngờ,

tâm không bị che lấp, đủ năng lực thọ nhận Chánh pháp rồi, theo đúng pháp thức của chư Phật, kế đó Ngài liền thuyết pháp chánh yếu là khổ, tập, diệt, đạo cho con nghe. Bấy giờ, chính ngay lúc nghe pháp, con hiểu rõ về bốn Thánh đế khổ, tập, diệt và đạo. Như tấm vải trắng rất dễ nhuộm màu, con cũng giống như vậy, chính ngay lúc nghe pháp đã hiểu rõ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt và đạo. Thưa Tôn giả, đó là pháp mà con có. [0480c03] Thầy Tỳ-kheo khen ngợi: -Trưởng giả! Nếu ông có pháp đó thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, thưa Tôn giả, con hiểu pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tinh, dứt hẳn nghi ngờ, vượt khỏi mê hoặc, không thờ ai khác, không nương ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn được Vô sở úy. Thưa Ton giả! Lúc ấy, con liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đàu đảnh lễ sát chân Phật rồi thưa: "Bạch Thế Tôn! Từ nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Từ nay trở đi con nguyện quy y Tam bảo cho đến cuối đời. Bạch Thế Tôn! Từ ngày hôm nay, con xin theo Ngài, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu và thọ trì năm giới.” Thưa Tôn giả! Từ khi theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu và thọ trì năm giới, con biết mình chưa từng phạm giới. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen rằng: -Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. -Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Sau khi theo đức Thê Tôn, nguyện trọn đời lây Phạm hạnh làm dâu, thọ trì năm giới, con cúi đâu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Trở lại nhà, con liền tập hợp các phụ nữ lại rồi nói: "Các người nên biết! Ta đã xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lây Phạm hạnh làm đâu và thọ trì năm giới. Nêu các người muôn ở đây thì có A thê ở lại Mvà làm \ bô thí tạo phước, việc A J muôn thì cứ • tự trở còn nêu không vê nhà. Nêu muôn lây chông thì ta gả chông cho.99 Bấy giờ, người vợ cả thưa với con rằng: “Nếu ông đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu và thọ trì năm giới thì hãy gả tôi cho người kia." Con liền gọi người đàn ông kia đến, tay trái cầm tay người vợ cả, tay phải bưng chậu nước băng vàng rồi bảo người kia rằng: “Nay ta gả người vợ cả này để lam vợ 6ng." Người ấy nghe rồi, vì quá sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc và thưa với con: "Thua trưởng giả! Ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chang?^ Con trả lời: “Ta không giết ông đâu! Vì ta đã xin theo đức Phật, trọn đời lây Phạm hạnh làm đâu và thọ trì năm giới, do đó ta gả người vợ cả này để làm vợ ông?9

Thưa Tôn giả! Con đã gả người vợ cả, trong khi gả và sau khi gả vợ [cho người đàn ông kia], con hoàn toàn không có tâm hối tiếc. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. [0481a02] Thầy Tỳ-kheo khen ngợi: -Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. -Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Khi con đến tinh xá8 vừa gặp thầy Tỳ-kheo nào thì con liền kính lễ. Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, con cũng kinh hành theo. Nếu vị ấy ngồi, con cũng ngồi một bên, ngồi rồi nghe pháp. Tôn giả ấy thuyết pháp cho con, con cũng thuyết pháp cho Tôn giả ấy. Ton gia ay hoi chuyện con,

con cung hoi chuyện Ton gia ay. Ton gia ay tra lơi con, con cũng trả lời Tôn giả ấy. Con nhớ chưa từng khinh mạn các vị Ty-kheo Trưởng lão thượng tôn, cho đen các vi bậc trung hoặc bậc hạ. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen rằng: Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.

Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Khi con ở trong đại chúng Tỳ-kheo thực hành sự cúng dường thì có chư thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: "Này trưởng giả! Đây là bậc A-la-hán, đây là bậc A-la-hán hướng, đây là bậc A-na-hàm, đây là bậc A-na-hàm hướng, đây là bậc Tư-đà-hàm? đây là bậc Tư-đà-hàm hướng, đây là bậc Tu-đà-hoàn? đây là bậc Tu-đà-hoàn hướng, vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn.,, Tôn giả! Thế nhưng khi con cúng dường đại chúng Tỳ-kheo9 con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ kheo khen ngợi: -Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Khi con ở trong đại chúng Tỳ-kheo thực hành sự cúng dường thì có chư thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: “Này trưởng giả! Có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn khéo thuyết pháp và Thánh chúng của đức Như Lai khéo thực hành Chánh pháp.Tôn giả! Con không vì vị trời kia mà có niềm tin, không vì vị trời kia mà có vui thích, không nghe theo vị kia, chỉ là con tự có trí thanh tịnh để biết có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn khéo thuyết pháp và Thánh chúng của đức Như Lai khéo thực hành Chánh pháp. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen ngợi: -Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệụ, thật là hy hữu.

8 Nguyên tác: Chúng viên ,dịch nghĩa từ Samgharāma, phiên âm là Tăng-già-lam-ma ,tóc tinh xá, tự viện, chua... là nơi ở cua chúng Tang.

Thưa Tôn giả! Con không chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, Tôn giả! Đức Phật có nói về năm hạ phần kiết sử là tham dục, sân hận, thân kiến, giới thủ và nghi. Con thấy năm kiết sử này hoàn toàn không còn một kiết sử nào có thể trói buộc, khiến con thác sanh vào bào thai, trở lại thế gian này. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen ngợi: -Này trưởng giả! Nấu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. Trưởng giả úc-già liền thưa với thầy Tỳ-kheo: Kính thỉnh Tôn giả ở lại đây thọ thực! [0481 bòi] Thầy Tỳ-kheo vì trưởng giả úc-già mà im lặng nhận lời. Biết thầy Tỳ-kheo im lăng nhận lời rồi, trưởng giả úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình mang nước rửa tay, dâng rất nhiều món ăn thơm ngon tinh khiết với đủ các loại cứng và mềm. Trưởng giả lại tự tay hầu sớt thức ăn, để cho thây ây được no đủ. An xong, trưởng giả thu dọn chén bát, đem nước rửa tay roi, liên lây một chiêc ghê nhỏ ngôi bên cạnh đê nghe pháp. Thây Tỳ-kheo vì trưởng giả mà thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ9 khiến cho trưởng giả hoan hỷ roi, thay Tỳ-kheo từ chỗ ngoi đứng dậy, đi đên chô Phật, cúi lạy sát chân Ngài, ngôi sang một bên và thưa lại đầy đủ với đức Phật về cuộc thảo luận giữa thầy và trưởng giả úc-già. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vì lẽ ấy mà Ta đã khen ngợi, tán thán trưởng giả úc-già có tám pháp hy hữu. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo

nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

/Kt

39. KINH TRƯỞNG GIẢ ÚC-GIÀ1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, sau khi Phật nhập Niết-bàn không lâu, có số đông Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn du hóa Tỳ-xá-ly, ngụ tại giảng đường Trùng Các,12 bên ao Di Hầu. Bấy giờ, trưởng giả úc-già tổ chức bố thí rộng lớn như vầy: Đãi ăn cho khách từ xa đến, cho người đi đường, cho người bệnh và cho người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tinh xá; thường mời đại chúng gồm hai mươi người thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều thỉnh chúng Tỳ-kheo thọ trai. Trưởng giả đã tổ chức bố thí rộng lớn như vậy. Thế rồi, trùng hợp vào lúc ấy, có một chiếc thuyền lớn của trưởng giả chở đây hàng hóa có giá trị cả trăm ngàn đang ở trên biên, bỗng nhiên chìm mất. Chúng Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn nghe trưởng giả úc-già tổ chức bố thí rộng lớn như vầy: Đãi ăn cho khách từ xa đến, cho người đi đường, cho nguồi bệnh và cho người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tinh xá; thường mời đại chúng gồm hai mươi người thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều thỉnh chúng Tỳ-kheo thọ trai. Nghe rồi, các vị ấy liền bàn với nhau: "Chu Hiền! Ai có thể đến nói với trưởng giả úc-già rằng: 'Trưởng giả hãy dừng lại, đừng bố thí nữa! Sau này trưởng giả sẽ tự biết.' Rồi các vị ấy nghĩ: 'Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, thọ giáo Thế Tôn, được Phật và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có the đen nói với trưởng giả úc-già rằng: 'Trưởng giả hãy dừng lại, đừng bố thí nữa! Sau này trưởng giả sẽ tự biêt? Chư Hiền! Chúng ta nên cùng đến chỗ Tôn giả A-nan, trình bày sự việc như thế.” J [0481C03] Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả A-nan, thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi nói: -Hiền giả A-nan biết chăng? Trưởng giả úc-già tổ chức bố thí rộng lớn như vầy: Đãi ăn cho khách từ xa đến, cho người đi đường, cho người bệnh và cho người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tinh xá; thường mời đại chúng gồm hai mươi người thọ thực, cứ môi năm ngày đều thỉnh chúng Tỳ-kheo thọ trai. Trưởng giả đã tổ chức bố thí rộng lớn

1 Nguyên tác: úc-già trưởng giả kinh, hạ (TOI. 0026.39. 0481bl3). 2 Nguyên tác:
Cao Lâu đài quán (Kūtāgārasālā), còn gọi là Trùng Các giảng đường (wl).

như vậy. Thế rồi, trùng hợp vào lúc ấy, có một chiếc thuyền lớn của trưởng giả chở đầy hàng hóa có giá trị cả trăm ngàn đang ở trên biên, bông nhiên chìm mát. Chúng tôi cùng bàn luận với nhau như vây: “Ai có thê đên nói với trưởng giả úc-già rằng: 'Trưởng giả hãy dừng lại, đừng bố thí nữa! Sau này trưởng giả sẽ tư biết.'” Rồi chúng tôi nghĩ: "Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, thọ giáo Thế Tôn, được Phật và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến nói với trưởng giả úc-già rằng: 'Trưởng giả hãy dừng lại, đừng bố thí nữa! Sau này trưởng giả sẽ tự biết.^^^ Này Hiền giả A-nan! Hiền giả có thể đến nói với trưởng giả úc-già rằng: “Trưởng giả hãy dừng lại, đừng bố thí nữa! Sau này trưởng giả sẽ tự biết55 chăng? Tôn giả A-nan thưa với các vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn: Thưa các Tôn giả! Trưởng giả úc-già tính tình nghiêm nghị,

nếu con tự tiện nói việc đó thì có thê khiên cho ông ây không vui. Thưa quý ngài! Con đại diện cho ai mà nói đây? Các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn đáp: Hiền giả cứ nói là chúng Tỳ-kheo bảo như vậy, nói là chúng Tỳ-kheo bảo vậy rồi, ông ấy sẽ không còn nói gì nữa. Tôn giả A-nan liền im lặng vâng lời các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn biết Tôn giả A-nan im lăng nhận lời roi, liên tư cho ngoi đứng dậy, nhiêu quanh Ton giả A-nan roi trơ ve chô của mình.3 Hôm sau, lúc trời vừa sáng, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát, đến nhà trưởng giả úc-già. Từ xa nhìn thấy Tôn giả A-nan, trưởng giả úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng ve Tôn giả A-nan thưa: Lành thay, Tôn giả A-nan! Tôn giả đã lâu không đến đây! Mời Tôn giả ngoi vào chỗ này. Tôn giả A-nan liền ngồi xuống chỗ ấy. Trưởng giả úc-già cúi lạy sát chân Tôn giả A-nan rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả A-nan bảo: Trưởng giả biết chăng? Trưởng giả tổ chức bố thí rộng lớn như vầy: Đãi ăn cho khách từ xa đên, cho người đi đường, cho người bệnh và cho người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tinh xá; thường mời đại chúng gom hai mươi người thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều thỉnh chúng Tỳ-kheo thọ trai. Trưởng giả đã tổ chức bố thí rộng lớn như vậy. The roi, trùng hợp vào lúc ấy, có một chiếc thuyền lớn của trưởng giả chở đầy hàng hóa có giá trị cả trăm ngàn đang ở trên biển, bỗng nhiên chìm mất. Vậy nên trưởng giả hãy dừng lại, đừng bố thí nữa! Sau này trưởng giả sẽ tự biết.

3 Trường hợp các Trưởng lão thượng tôn nhiễu quanh Tôn giả A-nan cho thấy lúc này Tôn giả A-nan đã chứng Thánh quả và tuổi tác cũng đa cao. J

39. KINH TRƯỞNG GIẢ ÚC-GIÀ (2) 261

[0482a06] Trưởng giả nói: Thưa Tôn giả A-nan! Đây là lời của ai vậy? Tôn giả A-nan đáp: -Này trưởng giả! Tôi tuyên lại lời của chúng Tỳ-kheo. Trưởng giả thưa: -Tôn giả tuyên lại lời của chúng Tỳ-kheo thì không có gì phải bàn luận, còn nếu Tôn giả tự nói như vậy thì có thể khiến cho con không vui. Thưa Tôn giả! Nếu con có thí xả như thể, thi ân như thế, dù tất cả tài vật đều cạn kiệt, cũng chỉ khiến con mãn nguyện, như nguyện của Chuyển Luân Vương vậy. Tôn giả A-nan hỏi: Này trưởng giả! Thế nào là nguyện của Chuyển Luân Vương?

Trưởng giả đáp: Thưa Tôn giả! Người nghèo trong thôn nghĩ như vầy: “Mong sao ta giàu nhát thôn!,^ Đó là nguyện của người ây. Người giàu trong thôn nghĩ như vây: “Mong sao ta giàu nhất ấp!" Đó là nguyện của người ấy. Người giàu nhất ấp suy nghĩ như vầy: “Mong sao ta giàu nhất thành!" Đó là nguyện của người ấy. Người giàu nhất thành suy nghĩ như vầy: "Mong sao ta được giữ chức Tông chánh4 trong thành !,9 Đó là nguyện của người ấy. Người giữ chức Tông chánh trong thành suy nghĩ như vây: "Mong sao ta làm được Tướng qu6c!" Đó là nguyện của người ấy. Vị Tướng quốc suy nghĩ: "Mong sao ta được làm Tiểu vương !,9 Đó là nguyện của người ấy. Vi Tiểu vương lại suy nghĩ: "Mong sao ta được làm Chuyển Luân Vuông!” Đó là nguyện của người ấy. Vị Chuyển Luân Vương suy nghĩ như vầy: "Mong sao ta làm được như một người thiện nam, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, thành tựu được Phạm hạnh vô thượng xong, ngay trong hiện tại

tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru và biết như thật răng: 'Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa!'" Đó là nguyện của Chuyển Luân Vương. Thưa Tôn giả! Nếu con có thí xả như thế, thi ân như thế, dù tất cả tài vật đều cạn kiệt, cũng chỉ khiên con mãn nguyện, như nguyện của Chuyên Luân Vương vậy. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Tôn giả A-nan khen: -Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. Lại nữa, thưa Tôn giả! Con không chỉ có pháp ấy thôi. Khi con đến tinh xá, vừa gặp thầy Tỳ-kheo nào thì con liền kính lễ. Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, con cũng kinh hành theo. Nếu vi ấy ngồi, con cũng ngồi một bên, ngồi rồi nghe pháp. Tôn giả ấy thuyết pháp cho con, con cũng thuyết pháp cho Tôn giả ấy.

4 Tông chánh (),một chức quan quản lý các việc trong hoàng tộc.

Tôn giả ấy hỏi chuyện con, con cũng hỏi chuyện Tôn giả ấy. Tôn giả ấy trả lời con, con cũng trả lời Tôn giả ấy. Con nhớ chưa từng khinh mạn các vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, cho đến các vị bậc trung hoặc bậc hạ. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. [0482b06] Tôn giả A-nan khen: Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. -Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Khi con ở trong đại chúng Tỳ-kheo thực hành sự cúng dường thì có chư thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: "Này trưởng giả! Đây là bậc A-la-hán, đây là bậc A-la-hán hướng, đây là bậc A-na-hàm, đây là bậc A-na-hàm hướng, đây là bậc Tư-đà-hàm5 đây là bậc Tư-đà-hàm hướng, đây là bậc Tu-đà-hoàn, đây là bậc Tu-đà-hoàn hướng, vị này tinh tấn, vị này không tinh tấn.” Thưa Tôn giả! Thế nhưng khi con cúng dường đại chúng Tỳ-kheo5 con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Thưa Tôn giả? con có pháp ấy. Tôn giả A-nan khen: Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.

Thưa Tôn giả! Con không phải chỉ có pháp ây mà thôi. Khi con ở trong đại chúng Tỳ-kheo thực hành sự cúng dường thì có chư thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: "Này trưởng giả! Có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn khéo thuyết pháp và Thánh chúng của đức Như Lai khéo thực hành Chánh pháp."T6n giả! Con không vì vị trời kia mà có niềm tin, không vì vị trời kia mà có vui thích, không nghe theo vị kia, chỉ là con tự có trí thanh tịnh để biết có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn khéo thuyết pháp và Thánh chúng của đức Như Lai khéo thực hành Chánh pháp. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Tôn giả A-nan khen: —Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu. Lại nữa, thưa Ton giả! Con không chỉ có pháp ấy thôi. Thưa Tôn giả! Con lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và an tru Thiền thứ tư. Thưa Tôn giả, con có pháp ấy. Tôn giả A-nan khen: Này trưởng giả! Nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu.

Bây giờ, trưởng giả Uc-già thưa: -Tôn giả A-nan! Mời Tôn giả ở lại đây thọ thực. Tôn giả A-nan im lăng nhận lời. Biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời rồi, trưởng giả úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình mang nước rửa tay, dâng rất nhiều món ăn thơm ngon tinh khiết với đủ các loại cứng và mềm. Trưởng giả lại tự tay hầu sớt thức ăn, để cho

39. KINH TRƯỞNG GIẢ ÚC-GIÀ (2) 263

Tôn giả được no đủ. Ăn xong, trưởng giả thu dọn chén bát, đem nước rửa tay, rồi liền lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi bên cạnh để nghe pháp. Tôn giảA-nan thuyết pháp cho trưởng giả nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiên cho trưởng giả Uc-già hoan hỷ, roi Tôn giả đứng dậy ra đi. Tôn giả A-nan dạy như vậy? trưởng giả Ưc-già nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

3

40. KINH TRƯỞNG GIẢ THỦ1 1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa A-la-bệ,12 ngụ tại Già-la,3 trong rừng Hòa. Bấy giờ, trưởng giả Thủ45 6cùng với năm trăm đại trưởng giả khác đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Phật hỏi: -Này trưởng giả Thủ! Hiện tại ông có đại chúng rất đông. Vậy ông đã dùng những pháp nào để nhiếp hóa đại chúng này? Trưởng giả Thủ thưa: Bạch Thế Tôn! Như Ngài đã dạy thì có bốn pháp thu phục lòng người/ đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự Bạch Thế Tôn! Con dùng bốn pháp ấy để nhiếp hóa đại chúng này, hoặc là bố thí, hoặc là ái ngữ, hoặc là lợi hành, hoặc là đồng sự. Đức Thế Tôn khen ngợi: Hay thay, hay thay! Này trưởng giả Thủ, ông có thể đúng như pháp mà nhiêp hóa đại chúng, đúng như lý mà nhiêp hóa đại chúng, đúng như nhân duyên mà nhiếp hóa đại chúng. Này trưởng giả Thủ! Nêu trong quá khứ có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn pháp thu phục lòng người này. Này trưởng giả Thủ! Nếu trong tương lai có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn pháp thu phục lòng người này. Này trưởng giả Thủ, nếu trong hiện tại có Sa-môn hay Bà-la- môn nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn pháp thu phục lòng người này.

1 Nguyên tác: Thủ trưởng giả kỉnh, thượng T.Ol. 0026.40. 0482c07. Tham chiếu: A. 8.24-IV. 218. ' ' J 2 A-la-bệ ,Ālavī hay Ālavī. 3 Già-Ịa ,Aggājava. Theo A. 8.24 - IV. 218, Aggalava, một ngôi miếu tại Ālavī. ĀJavī là một thị trấn nằm giữa Xá-vệ ,Sāvatthi và Vương Xai ,Rājagaha. Địa danh ĀJavī đã được học giả Alexander Cunningham 1814-1893 cùng các cộng sự xác định cách thành phô Etawah, thuộc bang Uttar Pradesh 27 dặm về phìa Đông Bắc. 4 Thủ trưởng giả dịch nghĩa từ Hatthaka. 5 Nguyên tác: Tứ sự nhiếp ,còn gọi "tứ nhiếp ph9p".Tham chiếu: 8.24 - IV. 218: Cattāri sañgahavatthūni, dānam, peyyavqjjam, atthacariyā, samānattatā Có 4 nhiếp pháp: Bo thí, ái ngữ, lợi hành và đong sự. 6 Nguyen tác: Huệ thí ,ái ngôn ,di lợi ,đẳng lợi .

Bấy giờ, đức Phật thuyết pháp cho trưởng giả Thủ nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả Thủ hoan hỷ rồi Phật ngồi an trú trong tịch lặng. Sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi trưởng giả

Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. về đến cổng ngoài, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo? khh lệ? khiến họ hoan hỷ. Vào đến cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiết-già9 tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trú trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, cũng trùm khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru trong đó. Cũng vậy, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó. [0483a09] Bấy giờ, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba7 vân tập tại pháp đường rồi khen ngợi trưởng giả Thủ: Này chư Hiền! Trưởng giả Thủ có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi^ ông ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. về đến cổng ngoài, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến họ hoan hỷ. Vào đến cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an tru trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả5 tâm tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả the gian, thành tựu và an trú trong đó. Cũng vậy, tâm tương img với bi, hỷ và xả, không gây thù chuôc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la5 khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó. Bấy giờ, lúc trời gần sáng, Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương với sắc tướng uy nghi, ánh sáng rực rỡ đen nhà trưởng giả Thủ rồi bảo:

7 Nguyên tác: Tam Thập Tam thiên còn gọi là cõi trời Đao-lợi, tầng trời thứ 2 trong 6 tầng trời DỈục giới. J J J

40. KINH TRƯỞNG GIẢ THỦ (1) 267

Này trưởng giả! Ông có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi5 ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Vê đên công ngoài, hê gặp người nào, ông cũng đêu thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Vào đen cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an tru trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru trong đó. Cũng vậy, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù

chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó. [0483b07] Bấy giờ, trưởng giả Thủ im lặng không nói, không quan sát, không nhìn Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương. Vì sao như vậy? Vì tôn trọng định và giữ gìn định. Khi ấy, giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng, đức Phật khen ngợi trưởng giả Thủ rằng: Trưởng giả Thủ có bảy pháp hy hữu. Sau khi được Ta thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, trưởng giả Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. về đến cổng ngoài, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Vào đến cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trú trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tát cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu an tru trong đó. Cũng vậy, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu an và trú trong đó. Hôm nay, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba vân tập ở pháp đường, khen ngợi trưởng giả Thủ rằng: “Trưởng giả Thủ có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Vì trưởng giả Thủ ấy, sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi trưởng giả Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Vừa đến cổng ngoài, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên họ

hoan hỷ. Vào đến cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, rải kháp một phương, thành tựu an trú trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả5 tâm tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú trong đó. Cũng vậy, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú trong d6." [0483c04] Hôm nay, lúc trời gần sáng, Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương với sắc tướng uy nguy, ánh sáng rực rỡ, đến nhà trưởng giả khen ngợi rằng: "Này trưởng giả! Ông có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Hôm nay, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba vân tập tại pháp đường, khen ngợi ông rằng: Trưởng giả Thủ có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ rồi trưởng giả Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Vừa đến cổng ngoài, hễ gặp người nào, ông cũng đêu thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên họ hoan hỷ. Vào đên cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà5 hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo9 khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngoi kiết-già, tâm tương ưng với từ, rải khắp một

phương, thành tựu và an trú trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả, tâm tương ưng với từ5 không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó. Cũng vậy, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong d6." Bấy giờ5 đêm đã qua, trời vừa sáng, có một Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, đến nhà trưởng giả Thủ. Từ xa trông thấy Tỳ-kheo đến9 trưởng giả Thủ liền tò chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Tỳ-kheo thưa: Kính chào Tôn giả! Tôn giả đã lâu không đến đây. Mời Tôn giả ngồi vào chỗ này! Lúc đó5 Ty-kheo liền ngồi xuống chỗ ấy. Trưởng giả Thủ cúi lạy sát chân thầy Tỳ-kheo rồi ngồi sang một bên. Thầy Tỳ-kheo bảo: -Này trưởng giả! Ông có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Vì giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng, Thế Tôn đã khen ngợi ông rằng: Trưởng giả Thủ có bảy pháp hy hữu. Sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, trưởng giả Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Vừa đến cổng ngoài, hễ

gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến họ hoan hỷ. Vào đến cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiếtgià, tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trú trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả9 tâm tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó. Cũng vậy, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó. [0484a08] Và hôm nay, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba tập hợp tại pháp đường, khen ngợi ông ấy: "Trưởng giả Thủ có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Vì trưởng giả Thủ, sau khi được Phật thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên cho hoan hỷ rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Vừa đến cổng ngoài, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Vào đến cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an tru trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập5 trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó. Cũng vậy, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú trong đó.95 Cũng hôm nay, lúc trời gần sáng, Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương với sắc tướng uy nguy, ánh sáng rực rỡ, đến nhà ông rồi khen ngợi

rằng: “Này trưởng giả! Ông có lợi ích thiện lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Vì hôm nay chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba tập hợp tại pháp đường để khen ngợi ông rằng: Trưởng giả Thủ có lợi lành lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Sau khi được Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, trưởng giả Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Vừa đến cổng ngoài, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Vào đến cổng giữa, cổng trong và bên trong nhà, hễ gặp người nào, ông cũng đều thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến họ hoan hỷ. Sau đó ông lên nhà trên, trải tọa cụ ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trú trong đó. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, trùm khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù

chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm kháp tất cả thế gian, thành tựu và an tru trong đó. Cũng vậy9 tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo léo tu tập, trùm khắp tất cả thế gian, thành tựu an tru trong đó?5 Khi ấy, trưởng giả Thủ im lặng không nói, không quan sát, không nhìn Tỳ- sa-môn Đại Thiên vương. Vì sao như vậy? Vì tôn trọng định và giữ gìn định. [0484b08] Bấy giờ? trưởng giả Thủ thưa với thầy Tỳ-kheo: Thưa Tôn giả! Lúc bấy giờ không có cư sĩ89nào chăng?

Tỳ-kheo trả lời: Không có cư sĩ nào. Rồi thầy Tỳ-kheo lại hỏi: —Nếu có cư sĩ thì sẽ có lỗi lầm gì ư? Trưởng giả đáp: -Tôn giả! Nếu ai không tin lời đức Thế Tôn thì người ấy sẽ mãi mãi không có được lợi ích,9 sẽ sanh vào nơi cực ác, chịu vô lượng kho. Nêu ai tin lời đức Thế Tôn thì nhân việc này, người ấy có thể sẽ tôn trọng, cung kính, lễ bái con. Tôn giả! Con cũng không thích được như vậy. Tôn giả! Hôm nay, con mời Tôn giả ở lại đây thọ thực. Vị Tỳ-kheo ấy im lăng nhận lời. Biết thầy Tỳ-kheo im lặng nhận lời rồi, trưởng giả Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy5 tự mình mang đen nước rửa tay và dâng rất nhiều món ăn thơm ngon tinh khiết với đủ loại cứng loại mềm. Trưởng giả lại tự tay hầu sớt thức ăn5 mong vị Tỳ-kheo ấy được no đủ. Sau bữa ăn, trưởng giả thu dọn chén bát, đem nước rửa tay xong, lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi bên cạnh để nghe pháp. Thây Tỳ-kheo ây thuyêt pháp cho trưởng giả Thủ nghe, mở bày, chỉ dạy, khích le, khiến cho hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ? khiến cho trưởng giả Thủ hoan hỷ rồi, thầy Tỳ-kheo đứng dậy, đi đen chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, thưa lại đây đủ những gì mình vừa đàm luận với trưởng giả Thủ. Bấy giờ, Phật bảo các thầy Tỳ-kheo: -Vì lẽ ấy nên Ta khen trưởng giả Thủ có bảy pháp hy hữu. Lại nữa, trưởng giả Thủ có pháp hy hữu thứ tám, đó là không mong cầu và không tham dục. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8 Nguyên tác: Bạch y . 9 Nguyên tác: Bất nghĩa bất nhẫn .Nghĩa ,atthā'.
Lợi ích.

41. KINH TRƯỞNG GIẢ THỦ1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa A-la-bệ, ngụ tại Già-la, trong rừng Hòa. Bấy giờ, Phật bảo các thầy Tỳ-kheo: -Trưởng giả Thủ có tám pháp hy hữu. Là tám pháp nào? Đó là, ít tham muôn, có niêm tin, biêt tự thẹn, biêt xâu hô, siêng năng tinh tân? có niệm, có định và có tuệ. Trưởng giả Thủ ít tham muốn, do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ tự thân ít tham muốn, nhưng không muốn cho người khác biết mình ít tham muốn. Trưởng giả Thủ có niềm tin, biết tự thẹn, biết xấu hổ, siêng năng tinh tân, có niệm, có định và có tuệ. Trưởng giả Thủ tự có tuệ, nhưng không muốn cho người khác biết mình có tuệ. Nói trưởng giả Thủ ít tham muốn là vì lẽ đó. Trưởng giả Thủ có niêm tin, do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ có niềm tin kiên cố? thâm sâu với Như Lai, gốc tin đã vững, trọn đời không theo Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo cũng như Thiên, Ma, Phạm thiên và hàng thế gian khác. Nói trưởng giả Thủ có niềm tin là vì lẽ đó. Trưởng giả Thủ biết tự thẹn, do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ thường giữ hạnh biết tự thẹn, điều gì đáng tự thẹn thì biết tự thẹn, tự thẹn đoi vơi các pháp xâu ác, bát thiện, phiên nao nhiêm o, la những thư khiên phai nhận chịu các quả báo xâu ác, tạo góc rê sanh tử. Nói trưởng giả Thủ biêt tự thẹn là vì lẽ đó. Trưởng giả Thủ biết xấu hổ, do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ thường giữ hạnh biết xấu hổ, điều nào đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ đối với các pháp xấu ác, bất thiện, phiền não nhiễm ô9 là những thứ khiến phải nhận chịu quả báo xấu, tạo gốc rễ sanh tử. Nói trưởng giả Thủ biết xấu hổ là vì lẽ đó. Trưởng giả Thủ siêng năng tinh tấn, do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ thường giữ hạnh tinh tấn đoạn trừ các pháp xấu ác, bất thiện, tu các pháp thiện, thường giữ gìn tâm, chuyên nhất vững chãi tạo các gốc lành, nỗ lực không buông bỏ. Nói trưởng giả Thủ tinh tấn là vì lẽ đó.

1 Nguyên tác: Thủ trưởng giả kinh, hạ (TOI. 0026.41. 0484ỒỒ28). Tham chiếu: A. 8.23 -IV 216.

Trưởng giả Thủ có niệm,2 do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ thường quán nội thân đúng như thân, quán nội thọ đúng như thọ, quán nội tâm đúng như tâm, quán nội pháp đúng như pháp.3 Nói trưởng giả Thủ có niệm là vì lẽ đó. Trưởng giả Thủ có định, do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ đã lìa dục, lìa các pháp xấu ác, bất thiện, cho đến chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Nói trưởng giả Thủ có định là vì lẽ đó. Trưởng giả Thủ có tuệ5 do nhân duyên gì mà nói như vậy? Trưởng giả Thủ tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng suy4 của các pháp nên đạt được trí như vầy: Tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt rõ ràng và diệt sạch hoàn toàn đau kho. Nói trưởng giả Thủ có tuệ là vì lẽ đó. Do những điều trên, nên nói là trưởng giả Thủ có tám pháp hy hữu. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.5

2 "Niêm” & đây chỉ cho 4 niệm xứ Quán thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp. 3 Nguyên tác: Quán nội thân như thân, quán nội giác,... tâm,... pháp như pháp ,... ,....Đoạn kinh này tóm lược vê 4 niệm xứ. Tham chiêu: Niệm xứ kỉnh T.01. 0026.98. 0582b 18 trình bày quá trình quán 4 niệm xứ bắt đâu từ quán

nội thân đúng như thân, ngoại thân đúng như thân, quán nội ngoại thân đúng nhưthân. Trong trường hợp, quán thân đúng như thân là bao hàm cả nội, ngoại thân. Như :Thuận theo, dựa theo .Tham chiêu: M. 10: Anupassī, có nghĩa là quán sát liên tục, từ sát-na này đên sát-na khác, chuyên chú quán sát. ở một phương diện khác, anu là tiêp đâu ngữ, có nghĩa tùy theo, dựa theo, đúng theo. Chính vì vậy, anupassĩ, động từ là anupassạti, còn được dịch là "tùy quán,, .Đoạn kinh giải thích tiếp theo trong MA. 98 cũng bổ nghĩa cho điều này. 4 Q^n hưng suy pháp .Tạp.T.02. 0099.254. 0063ỒO9 ghi là í4đế quán ph sanh diet" . 5
Bản Hán, hết quyển 9.

PHẨM 5: TẬP TƯƠNG ƯNG1 {Gồm 16 kinh)

Kệ tóm tắt 16 kinh:
Hà nghĩa, Bất tư, Niệm, Nhỉ tàm
Giới kính các nhị cập Bôn tê
Nhỉ thực, Tận trí, Thuyết, Niết-bàn
Di-hê, Tức vỉ Tỳ-kheo thuyết.1 2
1 Quyển 10. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:;
.Do đặt lại tựa đê nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh.

42. KINH Ý NGHĨA GÌ1
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.
Bấy giờ, sau thời tọa thiền buổi chiều, Tôn giả A-nan đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa:
Bạch Thế Tôn! Giữ giới có ý nghĩa gì?1 2
Đức Phật bảo:
Này A-nan! Giữ giới có ý nghĩa là không hối tiếc. A-nan, nếu ai giữ giới thì người đó không phải hối tiếc.
Lại hỏi:
-Bạch Thế Tôn! Không hối tiếc có ý nghĩa gì?
The Ton bao:
Này A-nan! Không hối tiếc có ý nghĩa là được hân hoan.3 A-nan, nếu ai không hối tiếc liền được hân hoan.
Lại hỏi:
-Bạch Thế Tôn! Hân hoan có ý nghĩa gì?
The Ton bao:
Này A-nan! Hân hoan có ý nghĩa là được hỷ. A-nan, nếu ai có hân hoan liền được hỷ.
Lại hỏi:
-Bạch Thế Tôn! Hỷ có ý nghĩa gì?
The Ton bao:

Này A-nan! Hỷ có ý nghĩa là được khinh an.45A-nan, nếu ai có hỷ liền được thân khinh an.5

1 Nguyên tác: Hà nghĩa kỉnh TOI. 0026.42. 0485al3. Tham chiếu: 4 10.1 - v. 1; A. 11.1 -V. 311. 2 Hà nghĩa .Tham chiếu: A. 10.1 - v 1: Kỉmatthiya, do từ kim + atthỉya có gốc atthi', ý nghĩa, mục đích, ích lợi. 3 Hoan duyệt ,pamojjāy. Hân hoan.

4Nguyên tác: Chỉ ."Chi" & đây viết tắt của từ "chi tức",là nghĩa khác của "khinh an", passaddhi. Tham chiếu: SĀ. 281; SĀ. 803. 5 Nguyên tác: Chỉ thân .

Lại hỏi:

Bạch Thế Tôn! Khinh an có ý nghĩa gì?

The Ton bao:

Này A-nan! Khinh an có ý nghĩa là đạt được lạc. A-nan, nếu ai có khinh an liền có cảm thọ lạc.

Lại hỏi:

Bạch Thế Tôn! Lạc có ý nghĩa gì?

Thê Tôn bao:

Này A-nan! Lạc có ý nghĩa là được định. A-nan, nếu ai có lạc liền được tâm định.

Lại hỏi:

Bạch Thế Tôn! Định có ý nghĩa gì?

Thê Tôn bảo:

Này A-nan! Định có ý nghĩa là thấy biết đúng như thật.6 A-nan? nếu ai định tâm liền thấy biết đúng như thật.

[0485b0l] Lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thấy biết đúng như thật có ý nghĩa như thế nào?

The Ton bao:

Này A-nan! Thây biêt đúng như thật có ý nghĩa đưa đên nhàm chán.7 Này A-nan, nếu ai thấy biết đúng như thật liền có sự nhàm chán.

Lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Nhàm chán có ý nghĩa gì?

The Ton báo:

Này A-nan! Nhàm chán có ý nghĩa là không còn tham dục.8 A-nan, nếu ai đã nhàm chán liền không còn tham dục.

Lại hỏi:

-Bạch Thế Tôn! Không còn tham dục có ý nghĩa như thế nào?

The Ton bao:

-Này A-nan! Không còn tham dục có ý nghĩa thành tựu giải thoát. A-nan, nếu ai không còn tham dục liền được giải thoát hết thảy tham, sân và si.

Thế nên, này A-nan! Do giữ giới mà được không hối tiếc, do không hối tiếc mà được hân hoan, do hân hoan mà được hỷ, do hỷ mà được khinh an, do khinh an mà được lạc, do lạc mà được tâm định tĩnh.

6 Nguyên tác: Kiến như thật, tri như chân x, yathābhūtaññanadassana: Tri kiến như thật. 7 Nguyên tác: Yếm nibbindati: Chán ghét. 8 Nguyên tác: Vô dục virāgā'. Ly tham.

42. KINH Ý NGHĨA GÌ 277

Này A-nan! Vị Thánh đệ tử đa văn do định mà thấy biết đúng như thật, do thấy biết đúng như thật mà có sự nhàm chán, do nhàm chán mà không còn tham dục, do không tham dục mà được giải thoát, do giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này A-nan! Đó chính là các pháp làm lợi ích cho nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến bờ kia. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

43. KINH KHÔNG NÊN NGHĨ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm? vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo: Này A-nan! Người giữ giới thì không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta không có sự hối tiếc." Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy.123Nếu người nào giữ giới thì sẽ được sự không hối tiếc. Này A-nan! Người đã được sự không hối tiếc thì không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta được hân hoan." Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy. Nếu người nào không hối tiếc thì sẽ được hân hoan. Này A-nan! Người đã có hân hoan thì không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta đạt được hy." Này A-Nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy. Nếu người đã có hân hoan thì sẽ được hỷ. Này A-nan! Người đã có hỷ thì không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta được khinh an.”3 Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy. Nếu người nào đã có hỷ liền được thân khinh an. Này A-nan! Người đã có khinh an thì không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta được an 1@C" Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy. Nếu người đã có khinh an liền được cảm thọ lạc. Này A-nan! Người đã có an lạc thì không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta đạt được djnh." Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vôn như vậy. Nêu người đã có an lạc liền được định tĩnh. e A

Này A-nan! Người đã có định thì không nên nghĩ răng: "Mong sao ta có thấy biết đúng như that." Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy. Nếu người đã có định liền được thấy biết đúng như thật. Này A-nan! Người đã có thấy biết đúng như thật thì không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có sự nhàm chán.,, Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy. Nêu người có thây biêt đúng sự thật liên có sự nhàm chán.

1 Nguyên tác: Bất tư kỉnh (roi. 0026.43.0485b 19). Tham chiếu: 10.2-V. 2;4 1Í.2-V. 312. 2 Pháp tự nhiên ()Lẽ thường, pháp cố định. Tham chiếu: A. 10.2 - v. 2: Dhammatā esā, bhikkhave, yam sīlavato sīlasampannassa avippatisāro uppcijjati. (Pháp nhĩ là vậy, này Tỷ-kheo, với người có giai, có giới đầy đủ, không hối tiếc sanh khởi), HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Nguyên tác: Chỉ ().Xem chú thích 4, kinh số 42, tr.

NàyA-nan! Người đã có sự nhàm chán thì không nên nghĩ răng: "Mong sao ta không tham due?9 Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vốn như vậy. Nếu người đã nhàm chán thì sẽ không còn tham dục. Này A-nan! Người không tham dục thì không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta được giải thoát." Này A-nan! Bởi vì pháp tánh vôn như vậy. Nêu người không tham dục liền được giải thoát tất cả tham, sân và si. [0485cl0] Này A-nan! Đó là, do giữ giới mà được không hối tiếc, do không hối tiếc mà được hân hoan, do hân hoan mà được hỷ, do hỷ mà được khinh an, do khinh an mà được an lạc, do an lạc mà được tâm định tĩnh. Này A-nan! Vị Thánh đệ tử đa văn do định mà có thấy biết đúng như thật, do thấy biết đúng như thật mà được nhàm chán, do nhàm chán mà không tham dục, do không tham dục mà được giải thoát, do giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Này A-nan! Đó chính là các pháp làm lợi ích cho nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến bờ kia. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

44. KINH NIÊM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo nào thường lãng quên, sống không tỉnh giác thì làm tổn hại chánh niệm tỉnh giác. Nếu không chánh niệm tỉnh giác thì làm tổn hại việc gìn giữ các căn, ton hại việc giữ giới, tổn hại sự không hối tiếc, tổn hại sự hân hoan, hỷ5 khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn. Nếu Tỳ-kheo nào không hề lãng quên, sống tỉnh giác thì dẫn đến12 chánh niệm tỉnh giác. Nếu có chánh niệm tỉnh giác thì thường gìn giữ các căn, giữ giới, nhờ đó được sự không hối tiếc, hân hoan, hỷ9 khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nêu đã giải thoát liền được Niết-bàn. [0486a02] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

1 Nguyên tác: Niệm kinh roi. 0026.44. 0485c22. Tham chiếu: MĀ. 45-50; SĀ. 495; A. 5.168 - III. 200; A. 5.21 - III. 14; A. 5.22 - III. 15; A. 5.24 - III. 19; A. 6.50 - m. 360; A. 7.65 - IV. 99; A. 8.81 IV. 33& 4 10.3-V. 4;1. 10.4V.5;4 11.3v.313;4 ll.4-v.315. 2 Nguyên tác: Tập ,dùng như chữ "tap”,mang nghĩa là dẫn đến .Tham chiếu: A 10.3 -V.
4: Hoti trở thành.

45. KINH BIẾT Hổ THẸN1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào không biết tự thẹn,12 không biết xấu hổ34thì sẽ làm tổn hại ái và kính/ Nếu không có ái và kính thì sẽ làm tổn hại tín. Nếu không có tín thì sẽ làm tổn hại chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì sẽ làm tổn hại chánh niệm tỉnh giác. Nêu không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ làm tổn hại việc giữ gìn các căn, tổn hại sự giữ giới, tổn hại sự

không hối tiếc, tổn hại sự hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu không giải thoát thì sẽ làm tổn hại Niết-bàn. Nếu Tỳ-kheo nào biết hổ thẹn thì sẽ thường thực hành ái và kính. Nếu đã có ái và kính thì thường thực hành tín. Nếu có tín thì sẽ được chánh tư duy. Nếu có chánh tư duy thì sẽ thành tựu chánh niệm tỉnh giác. Nếu có chánh niệm tỉnh giác thì thường hộ trì các căn, giữ giới, được sự không hối tiếc, đạt được hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, đinh, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu giải thoát thì liền được Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

1 Nguyên tác: Tàm quỷ kỉnh, thượng ,(7.01. 0026.45. 0486a05). Tham chiếu: MA. 44; 46-50; SẢ. 495; A. 6.50 -III. 360; A. 7.65 - IV. 99; A. 10.3 - v. 4; A. 10.4 . v. 5; 4 11.3 - v. 313; A. 11.4-v. 315; 5.168-III. 200; 4 5.21 III. 14; 4 5.22-III. 15; 5.24 III. 19; 8.81 - IV. 336. 2 Tàm (hiri): Biết hổ9 thẹn đối với bản thân về tội lỗi đã làm. Xem TTTĐPGVN, tập 3, tr. 897; A. IV. 99, Tàm là biết hổ thẹn với tội lỗi đã làm. 3 Quý (,ottappa)'. Biết hổ thẹn đối với người khác khi mình phạm tội (theo Duy thức học). Theo kinh điên Pali, 4tquy,flà sự sợ hãi tội lỗi. Xem TTTDPGVN, tập 3, ư. 897; A. IV. 99. 4 Ái cung kính ().Theo A-tỳ-đat-ma Câu-xá luận (T.29. 1558.4. 0021a26- 0021a28), "ái" c6 hai trường hợp: Nhiễm ô và không nhiễm Q. Nhiễm ô gọi là "th như yêu thương vợ con, v.v... Không nhiễm ô gọi là "tịn", như quý kính thầy tổ, v. v...(. •).Trong ngữ cảnh nêu trên, ()mang nghĩa thứ 2.

46. KINH BIẾT Hổ THẸN1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất12 bảo các Tỳ-kheo: Này các Hiền giả! Nếu Tỳ-kheo nào không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì sẽ làm tổn hại ái và kính. Nếu không có ái và kính thì sẽ làm tổn hại tín. Nêu không có tín thì sẽ làm tổn hại chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì sẽ làm tổn hại chánh niệm tỉnh giác. Nếu không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ làm tổn hại việc giữ gìn các căn, tổn hại sự giữ giới, tổn hại sự không hối tiếc, tổn hại sự hân hoan, hỷ? khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu không giải thoát thì sẽ làm tổn hại Niết-bàn. Này các Hiên giả! Cũng như thân cây nào mà lớp vỏ bên ngoài bị hư tôn thì lớp vỏ bên trong cũng bị hư hoại. Lớp vỏ bên trong bị hư hoại nên thân, gốc, lõi5 nhánh, cành, lá và hoa chắc chắn thảy đều tàn rụi. Các Hiền giả nên biết! Tỳ- kheo cũng giống như thế, nếu không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì sẽ làm tổn hại ái và kính. Nếu không có ái và kính thì sẽ làm tổn hại tín. Nếu không có tín thì sẽ làm tổn hại chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì sẽ làm tổn hại chánh niệm tỉnh giác. Nếu không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ làm tổn hại việc giữ gìn các căn, tổn hại sự giữ giới, tổn hại sự không hối tiếc, tổn hại sự hân hoan, hỷ9 khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu không giải thoát thì sẽ làm tổn hại Niết-bàn. [0486b08] Này các Hiền giả! Tỳ-kheo nào biết hổ thẹn thì sẽ thường thực hành ái và kính. Nấu đã có ái và kính thì thường thực hành tín. Nếu có tín thì sẽ được chánh tư duy. Nếu có chánh tư duy thì sẽ thành tựu chánh niệm tỉnh giác. Nếu có chánh niệm tỉnh giác thì thường hộ trì các căn5 giữ giới, được sự không hối tiếc, đạt được hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm

chán, không tham dục và giải thoát. Nêu giải thoát thì liên được Niêt-bàn. Này các Hiền giả! Giống như cây nào mà vỏ ngoài không bi hư hoại thì vỏ trong được toàn vẹn. vỏ trong được toàn vẹn nên thân, gốc, lõi, nhánh, cành,

1 Nguyên tác: Tàm quý kinh, hạ (b.Ol. 0026.46. 0486a21). Tham chiếu: MĀ. 44-45; MĀ. 46-50-71.6.50-111. 360; TÍ. 7.65-IV. 99; A 10.3-V. 5;^. 10.4-V. 5;^. 11.3 - v. 313; 11.4-V. 315; 74.5.168-111. 200; A. 5.21 - III. 14; A. 5.22 - III. 15; A. 5.24 - III. 19; 4 8.81 IV. 336. 2 Nguyên tác: Xá-lê tử (Sāriputta).

lá và hoa chắc chắn thảy đều tươi tốt. Chư Hiền nên biết! Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu biết hổ thẹn thì sẽ thường thực hành ái và kính. Nếu đã có ái và kính thì thường thực hành tín. Nếu có tín thì sẽ được chánh tư duy. Nếu có chánh tư duy thì sẽ thành tựu chánh niệm tỉnh giác. Nêu có chánh niệm tỉnh giác thì thường hộ trì các căn, giữ giới, được sự không hối tiếc, đạt được hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nấu giải thoát thì liền được Niết-bàn. Tôn giả Xá-lợi-phất dạy như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

47. KINH GIỚI1 (1)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì bi tổn hại các việc như: Không hối tiếc, r r hân hoan, hỷ? khinh an, lạc, đinh, thây như thật, biêt như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn. Nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thành tựu các việc như: Không hối tiếc, hân hoan, hỷ5 khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nêu giải thoát thì liên đạt được Niêt-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

1 Nguyên tác: Giới kinh, thượng ,(roi. 0026.47. 0486ỒỒ23). Tham chiếu: MĀ. 44-46; MĀ. 48- 50; SA. 495; A. 6.50 - III. 360; A. 7.65 - IV. 99; 4 10.3 - v. 5; ^.10.4-V 5; A 11 3-¥313;^. 11.4-V. 315;L4. 5.168-III. 200; 4 5.31 III. 14; 4 522 III. 15; 4 5.24 III. 19; 4 8.81 IV. 336.

48. KINH GIỚI1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiên! Nêu Tỳ-kheo nào phạm giới thì sẽ làm tôn hại các việc như: Không hối tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an5 lạc, đinh, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nêu không giải thoát thì tổn hại NỈết-bàn. Này chư Hiền! Giống như thân cây nào mà rễ bị hư hoại thì thân, gốc, lõi, nhánh, cành, lá và hoa đều không thể tươi tốt được. Chư Hiền nên biết! Tỳ-kheo cũng lại như vậy9 nếu ai phạm giới thì sẽ bị tổn hại các việc như: Không hối tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, đinh, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu không giải thoát thì tổn

hại Niết-bàn. Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo nào giữ giới sẽ thành tựu các việc như: Không hối tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, định, thấy đúng như thật, biết đúng như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu giải thoát liền đạt được Niết-bàn. Này chư Hiền! Giống như thân cây nào mà rễ không bị hư hoại thì thân, gốc, lối, nhánh, cành, lá và hoa đều tươi tốt. Chư Hiền nên biết! Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nêu ai giữ giới sẽ thành tựu các việc: Không hôi tiêc5 hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, đinh, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát. Nếu giải thoát liền đạt được Niết-bàn. Tôn giả Xá-lợi-phất dạy như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

l Nguyên tác: Giới kinh, hạ (roi. 0026.48. 0486c03). Như kinh trước, chỉ khác là do Tôn giả Xá-lợi-phât giảng nói.

49. KINH CUNG KÍNH1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh. Nêu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các bậc Phạm hạnh mà có đầy đủ phép tắc oai nghi thì điều đó không thể xảy ra. Phép tắc oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giới hạnh đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Giới hạnh không đầy đủ mà thiền định đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Thiền định không đầy đủ mà tuệ giác đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Tuệ giác không đầy đủ mà giải thoát đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Giải thoát không đầy đủ mà giải thoát tri kiến đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Giải thoát tri kiến không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ thì điều đó không the xảy ra. [0487a04] Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh nên đầy đủ oai nghi thì điều đó chắc chắn xảy ra. e y * A A r r

Oai nghi đây đủ nên học pháp đây đủ thì điêu đó chác chăn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giới hạnh đầy đủ thì điều đó chắc chắn xảy ra. Giới hạnh đầy đủ nên thiền định đầy đủ thì điều đó chắc chắn xảy ra. Thiền đinh đầy đủ nên tuệ giác đầy đủ thì điều đó chắc chắn xảy ra. Tuệ giác đầy đủ nên giải thoát đầy đủ thì điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát đầy đủ nên giải thoát tri kiến đầy đủ thì điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát tri kiến đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ thì điều đó chắc chan xảy ra. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

1 Nguyên tác: Cung kỉnh kinh, thượng (roi. 0026.49. 0486c21). Tham chiếu: MA. 44-48; MA. 50; SĀ. 495; A. 6.50 - m. 36Ô; A. 7.65 - IV. 99; A. 10.3 - v. 5; A. 10.4 - v. 5; A. 11.3 - v. 313; 4 11.4 V. 315; 4 5.168 III. 200; A. 5.21 - III. 14; A. 5.22 - III. 15;Í4. 5.24 - III. 19; A. 8.81 - IV. 336.

50. KINH CUNG KÍNH1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh. Nêu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng

các bậc Phạm hạnh mà có oai nghi đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ thì điều đó khôiig thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giữ gìn các căn, giữ giới, không hối tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát đầy đủ thì điều đó không the xảy ra. Giải thoát không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ thì điều đó không thể xảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh nên oai nghi đay đủ thì điều đó chắc chan xảy ra. Oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ thì điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giữ gìn các căn, giữ giới, không hoi tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, định, thây như thật, biêt như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát đây đủ thì điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ thì điều đó chác chăn xảy ra. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

1 Nguyên tác: Cung kính kỉnh, hạ (T.Ol. 0026.50. 0487al5). Tham chiếu: MA. 44-49; SĀ. 495; A. 6.50 - III. 360; A. 7.65 - iv. 99; A. 10.3 - v. 5; A. 10.4 v. 5; 4 11.3 - v. 313; 4 11.4 v. 315; 4 5.168-III. 200; A. 5.21 - III. 14; A. 5.22 - III. 15; A. 5.24 - III. 19; A. 8.81 - IV. 336.

51. KINH KHỞI ĐIỂM ĐẦU TIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Luận về hữu ái1 2 thì không thể biết được khởi điểm đầu tiên3 của nó. Do trước kia vốn không có hữu ái? nhưng nay sanh khởi hữu ái, nhờ đó mới biết được nguyên nhân của hữu ái. Hữu ái cũng có nguyên nhân4 chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của hữu ái là gì? Vô minh chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, vô minh cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của vô minh là gì? Năm thứ ngăn che5 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, năm loại ngăn che cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của năm loại ngăn che là gì? Ba hạnh xấu ác6 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, ba hạnh xấu ác cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của ba hạnh xâu ác là gì? Không phòng hộ các căn chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không phòng hộ các căn cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân.

1 Nguyên tác: Bồn tế kinh (roi. 0026.51. 0487b03). Tham chiếu: Thực kỉnh, thượng , (roi. 0026.52. 0487c24); Thực kinh, hạ (roi. 0026.53. 0489a25); A. Í0.6Í-v. Il3; 10.62-V. Il6. 2 Hữu ái (bhavatanhā)'. Khát vọng sinh tồn. 3 Bổn tế (koti): Điểm cùng cực đầu tiên. 4 Hữu tāpi^W) chỉ cho nguyên nhân sanh khởi. Theo Khang Hy từ điển (),"lập" chính là “nhân” •(,).Tham chiếu: Tăn^.(7.02. 0125.52.1. 0822cl0-cl3): Bay giờ, nghe cấc Thầy đều đã diệt độ, trong tâm của 2 Sa-di-ni rát đỗi lo sợ, liền tự mình tư duy, xét thấy các pháp nếu có tập khởi đều là pháp diệt tận, lập tức ngay tại chỗ ngồi 2 vị chứng đạt được Ba minh và Sáu thông (aW/xffl).7 cũng xác nhận nghĩa tương tự: Này A-nan, phải biêt răng nguyên nhân của hữu, sự tập khởi của hull, gốc rễ của hữu^duyên của hữu, tức là tìiủ. Vì sao như thê? Vì do duyên thủ nên cộ^hữu (.?).Bản Pali: Āhārā (thức ăn) cũng đồng nghĩa

paccāya. Theo thư tịch Nikāya, các thuật ngữ như: Nhân (hetu), lý do (kāranani), nguồn gốc (nidanarn), căn nguyên (sambhavo), nguồn cội (pàbhavo)... đều đồng nghĩa với chữ duyên (paccayo). 5 Nguyên tác: Ngũ cái (‚pco nīvarana). Xem chú thích 9, kinh số 19, tr. 112. 6 Ngiivện tác: Tam ác hạnh (‚tīni duccaritāni). Theo A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (7.26536.32. 0378a28), ba ác hạnh gồm thân làm điều ác, miệng nói lời ác, tâm nghĩ điều ác (‚).

Nguyên nhân của việc không phòng hộ các căn là gì? Không chánh niệm, không tỉnh giác chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không chánh niệm, không tỉnh giác cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của không chánh niệm, không tỉnh giác là gì? Không chánh tư duy chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không chánh tư duy cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của không chánh tư duy là gì? Không có niềm tin chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không có niềm tin cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của không có niềm tin là gì? Nghe theo pháp xấu ác chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, nghe theo pháp xấu ác cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của việc nghe pháp xấu ác là gì? Gần gũi ác tri thức chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, gan gũi ác tri thức cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân gần gũi ác tri thức là gì? Người ác chính là nguyên nhân. Như vậy, khi cùng gần gũi với người ác thì sẽ cùng gần gũi với ác tri thức. Khi đã cùng gần gũi với ác tri thức thì sẽ cùng nghe pháp xấu ác. Khi đã cùng nghe pháp xấu ác thì sẽ không có niềm tin. Khi đã không có niềm tin thì sẽ không có chánh tư duy. Khi đã không có chánh tư duy thì sẽ không có chánh niệm tỉnh giác. Khi đã không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ không có sự hộ trì các căn. Khi đã không hộ trì các căn thì sẽ có đủ ba hạnh xấu ác. Khi đã có ba hạnh xâu ác thì sẽ có đủ năm loại ngăn che. Khi đã có đủ năm loại ngăn che thì sẽ có đủ vô minh. Khi đã có vô minh liền có đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này do sự triển chuyển mà hình thành trọn vẹn. Lại nữa, Minh và Giải thoát cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của Minh và Giải thoát là gì? Bảy giác chi chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, bảy giác chi cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, bón niệm xứ cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh7 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, ba diệu hạnh cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân.

^Tam diệu hạnh (ítĩụi sucaritāni). Theo Ạ-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc ((26. 1536. 32. 037§bl2), "ba diêu hạnh" gôm thân làm điêu thiện, miệng nói lời thiện, tâm nghĩ điều thiện (H,;.

Nguyên nhân của ba diệu hạnh là gì? Phòng hộ các căn chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, việc phòng hộ các căn cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên

nhân. Nguyên nhân của phòng hộ các căn là gì? Chánh niệm tỉnh giác chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, chánh niệm tỉnh giác cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của chánh niệm tỉnh giác là gì? Chánh tư duy chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, chánh tư duy cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của chánh tư duy là gì? Niềm tin chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, niềm tin cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của niêm tin là gì? Nghe pháp lành chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, nghe pháp lành cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của nghe pháp lành là gì? Gần gũi thiện tri thức chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, gân gũi thiện tri thức cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của gần gũi thiện tri thức là gì? Người hiền thiện8 chính là nguyên nhân. Như vậy, khi cùng gân gũi với người hiên thiện thì sẽ cùng gân gũi thiện tri thức. Khi đã cùng gần gũi thiện tri thức thì sẽ cùng nghe pháp lành. Khi đã được nghe pháp lành thì sẽ có đủ niềm tin. Khi đã có niềm tin thì sẽ đầy đủ chánh tư duy. Khi đã có chánh tư duy thì sẽ có đủ chánh niệm tỉnh giác. Khi đã có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ có đủ sự phòng hộ các căn. Khi đã có sự phòng hộ các căn thì sẽ có đủ ba diệu hạnh. Khi đã có ba diệu hạnh thì sẽ có đủ bốn niệm xứ. Khi đã có bốn niệm xứ thì sẽ có đủ bảy giác chi. Khi đã có bảy giác chi thì sẽ có đủ Minh và Giải thoát. Như vậy, Minh và Giải thoát này do sự triển chuyển mà thành tựu trọn vẹn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8 Thiện nhân ,sappurỉsà'. Người hiền, bậc chân nhân.

52. KINH THỨC ĂN1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. —r _ • y r Ạ nn 1_ 7 r rr\ y Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Luận về hữu ái thì không thể biết được khởi điểm đầu tiên của nó. Do trước kia vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh khởi hữu ái, nhờ đó mới biết được nguyên nhân của hữu ái. Tuy nhiên, hữu ái cũng có thức ăn1 2 chứ không phải không có thức ăn. Vậy thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh chính là thức ăn. Tuy nhiên, vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm loại ngăn che chính là thức ăn. Tuy nhiên, năm loại ngăn che cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của năm loại ngăn che là gì? Ba hạnh xấu ác chính là thức ăn. Tuy nhiên, ba hạnh xấu ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba hạnh xấu ác là gì? Không phòng hộ các căn chính là thức ăn. Tuy nhiên, không phòng hộ các căn cũng có thức ăn5 chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không phòng hộ các căn là gì? Không chánh niệm tỉnh giác chính là thức ăn. Tuy nhiên, không chánh niệm tỉnh giác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm tỉnh giác là gì? Không chánh tư duy chính là thức ăn. Tuy nhiên, không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có niềm tin chính là thức ăn. Tuy nhiên, không có niềm tin cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không có niềm tin là gì? Nghe pháp xấu ác chính là thức ăn. Tuy nhiên, nghe pháp xấu ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thứ ăn. Thức ăn của nghe pháp xấu ác là gì? Gần gũi ác tri thức chính là thức ăn. Tuy nhiên, gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn

chứ không phải không có thức ăn.

1 Nguyên tác: Thực kinh, thượng (7]0lL0026.52. 0487c24). Tham chiếu: Bổn tế kinh (7 O l. 0026.51. 0487b03); Thực kinh, hạ ,(roi, 0026,53.J)489a25); Bổn tướng ỷ trí kinh (T.0Í. 0036. 0819C19); Duyên bổn trí kỉnh (roi. 0037. 0820b2l); 10.61 - v. Il3;2 10.62-V. 116. 2 Thực (,dhdrà): Thức ăn.

Thức ăn của gần gũi ác tri thức là gì? Người xấu ác chính là thức ăn. [0488al4] Như vậy, khi cùng gần gũi với người xấu ác thì sẽ cùng gần gũi với ác tri thức. Khi đã cùng gần gũi với ác tri thức thì sẽ cùng nghe pháp xấu ác. Khi đã cùng nghe pháp xấu ác thì sẽ không có niềm tin. Khi đã không có niềm tin thì sẽ không có chánh tư duy. Khi đã không có chánh tư duy thì sẽ không có chánh niệm tỉnh giác. Khi đã không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ không có sự hộ trì các căn. Khi đã không hộ trì các căn thì liền có đủ ba hạnh xấu ác. Khi đã có ba hạnh xấu ác liền có đủ năm loại ngăn che. Khi đã có năm loại ngăn che liền có đủ vô minh. Khi đã có vô minh liền có đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này do sự triển chuyển mà hình thành trọn vẹn. Này các Tỳ-kheo! Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn chính là thức ăn. Tuy nhiên, sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ chính là thức ăn. Tuy nhiên, sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Khe núi lớn chính là thức ăn. Tuy nhiên, khe núi lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe núi lớn là gì? Khe núi nhỏ chính là thức ăn. Tuy nhiên, khe núi nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe núi nhỏ là gì? Hang núi, suối khe, ao hồ3 chính là thức ăn. Tuy nhiên, hang núi, suối khe, ao hồ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối nhỏ trong núi và ao hồ là gì? Nước mưa chính là thức ăn. Khi trời có mưa lớn và khi đã mưa lớn thì nước mưa tràn ngập những hang núi, suối khe và ao hồ. Khi những hang núi, suối khe và ao hồ tràn ngập thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các khe núi nhỏ. Khi những khe núi nhỏ tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy những khe núi lớn. Khi những khe núi lớn tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông nhỏ. Khi những sông nhỏ tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông lớn. Khi những sông lớn tràn ngáp rồi thì nước sẽ chảy vào đầy ắp biển cả. Do vậy, nước trong biển cả ấy sẽ dan dần đầy ắp. [0488b05] Cũng như vậy, hữu ái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh chính là thức ăn. Tuy nhiên, vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm loại ngăn che chính là thức ăn. Tuy nhiên, năm loại ngăn che cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của năm loại ngăn che là gì? Ba hạnh xấu ác chính là thức ăn. Tuy nhiên, ba hạnh xâu ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn.

3 Sơn nham khê gian bình trạch ù:Hang núi, suối khe, ao hồ.

Thức ăn của ba hạnh xấu ác là gì? Không phòng hộ các căn chính là thức ăn. Tuy nhiên, không phòng hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không phòng hộ các căn là gì? Không chánh niệm tỉnh giác chính là thức ăn. Tuy nhiên, không chánh niệm tỉnh giác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm tỉnh giác là gì? Tư duy không chân chánh chính là thức ăn. Tuy nhiên, tư duy không chân chánh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tư duy không chân chánh là gì? Không có niềm tin chính là thức ăn. Tuy nhiên, không có niềm tin cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không có niêm tin là gì? Nghe pháp xâu ác chính là thức ăn. Tuy nhiên, sự nghe pháp xấu ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sự nghe pháp xâu ác là gì? Gân gũi ác tri thức chính là thức ăn. Tuy nhiên, gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gân gũi ác tri thức là gì? Người xâu ác chính là thức ăn. Như vậy, khi cùng gần gũi với người xấu ác thì sẽ gần gũi với ác tri thức. Khi đã cùng gần gũi với ác tri thức thì sẽ cùng nghe pháp xấu ác. Khi đã cùng nghe pháp xấu ác thì sẽ không có niềm tin. Khi đã không có niềm tin thì sẽ không có chánh tư duy. Khi đã không có chánh tư duy thì sẽ không có chánh niệm tỉnh giác. Khi đã không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ không có sự hộ trì các căn. Khi đã không hộ trì các căn thì liền có đủ ba hạnh xấu ác. Khi đã có ba hạnh xấu ác liền có đủ năm loại ngăn che. Khi đã có năm loại ngăn che liền có đủ vô minh. Khi đã có vô minh liền có đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này do sự triển chuyển mà hình thành trọn vẹn. Minh và Giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của Minh và Giải thoát là gì? Bảy giác chi chính là thức ăn. Tuy nhiên, bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ chính là thức ăn. Tuy nhiên, bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh chính là thức ăn. Tuy nhiên, ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Phòng hộ các căn chính là thức ăn. Tuy nhiên, phòng hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của phòng hộ các căn là gì? Chánh niệm tỉnh giác chính là thức ăn. Tuy nhiên, chánh niệm tỉnh giác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn.

Thức ăn của chánh niệm tỉnh giác là gì? Chánh tư duy chính là thức ăn. Tuy nhiên, chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Niềm tin chính là thức ăn. Tuy nhiên, niềm tin cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của niềm tin là gì? Nghe pháp lành chính là thức ăn. Tuy nhiên, nghe pháp lành cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe pháp lành là gì? Gần gũi thiện tri thức chính là thức ăn. Tuy nhiên, gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người hiền thiện chính là thức ăn. [0488cll] Như vậy, khi cùng gần gũi với người hiền thiện thì sẽ cùng gần gũi thiện tri thức. Khi đã cùng gũi thiện tri thức thì sẽ cùng nghe pháp lành. Khi đã được nghe pháp lành thì sẽ có đủ niềm tin. Khi đã có niềm tin thì sẽ đầy đủ chánh tư duy. Khi đã có chánh tư duy thì sẽ có đủ chánh

niệm tỉnh giác. Khi đã có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ có đủ sự phòng hộ các căn. Khi đã có sự phòng hộ các căn thì sẽ có đủ ba diệu hạnh. Khi đã có ba diệu hạnh thì sẽ có đủ bốn niệm xứ. Khi đã có bốn niệm xứ thì sẽ có đủ bảy giác chi. Khi đã có bảy giác chi thì sẽ có đủ Minh và Giải thoát. Như vậy, Minh và Giải thoát này do sự triển chuyển mà thành tựu trọn vẹn. Biển cả cũng có thức ăn, chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn chính là thức ăn. Tuy nhiên, sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ chính là thức ăn. Tuy nhiên, sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Khe núi lớn chính là thức ăn. Tuy nhiên, khe núi lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe núi lớn là gì? Khe núi nhỏ chính là thức ăn. Tuy nhiên, khe núi nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe núi nhỏ là gì? Hang núi, suối khe và ao hồ chính là thức ăn. Tuy nhiên, hang núi? suối khe và ao hồ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hang núi, suối khe và ao hồ là gì? Nước mưa chính là thức ăn. Khi trời mưa lớn và đã mưa lớn thì nước mưa tràn ngập những hang núi, suối khe và ao hồ. Khi những hang núi, suối khe và ao hồ tràn ngập thì nước sẽ chảy vào tràn đây các khe núi nhỏ. Khi những khe núi nhỏ tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy những khe núi lớn. Khi những khe núi lớn tràn ngập roi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông nhỏ. Khi những sông nhỏ tràn ngập roi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông lớn. Khi những sông lớn tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào đầy ắp biển cả. Như vậy, biển cả ấy sẽ dần dần đầy ắp.

52. KINH THỨC ĂN (1) 303

[0489a01] Cũng vậy, Minh và Giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của Minh và Giải thoát là gì? Bảy giác chi chính là thức ăn. Tuy nhiên, bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ chính là thức ăn. Tuy nhiên, bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh chính là thức ăn. Tuy nhiên, ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Phòng hộ các căn chính là thức ăn. Tuy nhiên, phòng hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của phòng hộ các căn là gì? Chánh niệm tỉnh giác chính là thức ăn. Tuy nhiên, chánh niệm tỉnh giác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm tỉnh giác là gì? Chánh tư duy chính là thức ăn. Tuy nhiên, chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Niềm tin chính là thức ăn. Tuy nhiên, niềm tin cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của niềm tin là gì? Nghe pháp lành chính là thức ăn. Tuy nhiên, nghe pháp lành cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe pháp lành là gì? Gần gũi thiện tri thức chính là thức ăn. Tuy nhiên, gan gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người hiền thiện chính là thức ăn. Như vậy, khi cung gân gũi với người hiên thiện thì sẽ cùng gân gũi với thiện tri thức. Khi đã cung gũi thiện tri thức thì sẽ cùng nghe pháp lành. Khi đã được nghe pháp lành thì sẽ có đủ niềm tin. Khi đã có niềm tin thì sẽ đầy đủ chánh tư duy. Khi đã có chánh tư

duy thì sẽ có đủ chánh niệm tỉnh giác. Khi đã có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ có đủ sự phòng hộ các căn. Khi đã có sự phòng hộ các căn thì sẽ có đủ ba diệu hạnh. Khi đã có ba diệu hạnh thì sẽ có đủ bốn niệm xứ. Khi đã có bốn niệm xứ thì sẽ có đủ bảy giác chi. Khi đã có bảy giác chi thì sẽ có đủ Minh và Giải thoát. Như vậy, Minh và Giải thoát này do sự triển chuyển mà thành tựu trọn vẹn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

53. KINH THỨC ĂN1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Luận về hữu ái thì không thể biết được khởi điểm đầu tiên của nó. Do trước kia vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh khởi hữu ái, nhờ đó mới biết được nguyên nhân của hữu ái. Tuy nhiên, hữu ái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Vậy thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh chính là thức ăn. Tuy nhiên, vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm loại ngăn che chính là thức ăn. Tuy nhiên, năm loại ngăn che cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của năm loại ngăn che là gì? Ba hạnh xấu ác chính là thức ăn. Tuy nhiên, ba hạnh xấu ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba hạnh xấu ác là gì? Không phòng hộ các căn chính là thức ăn. Tuy nhiên, không phòng hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không phòng hộ các căn là gì? Không chánh niệm tỉnh giác chính là thức ăn. Tuy nhiên, không chánh niệm tỉnh giác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm tỉnh giác là gì? Không chánh tư duy chính là thức ăn. Tuy nhiên, không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có niềm tin chính là thức ăn. Tuy nhiên, không có niềm tin cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không có niềm tin là gì? Nghe pháp ác chính là thức ăn. Tuy nhiên, nghe pháp ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe pháp ác là gì? Gần gũi ác tri thức chính là thức ăn. Tuy nhiên, gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn.

1 Nguyên tác: Thực kinh, hạ (ZQ1. 0026.53. 0489a25). Tham chiếu: Bồn tế kỉnh ()L 0026.51.0487b03); Thực kinh, thượng (TOI. 0026.52. 0487c24); Bôn tương ỷ trí kinh (roi. 0036. 0819c19); Duyên bon trí kinh (roi. 0037. 0820b21); A. 10.61 - v. 113; A. 10.62-V. 116.

Thức ăn của gần gũi ác tri thức là gì? Người xấu ác chính là thức ăn. [0489b15] Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Mưa chính là thức ăn. Khi trời có mưa lớn và khi đã mưa lớn thì nước mưa tràn ngập những hang núi, suối khe và ao hồ. Khi những hang núi, suôi khe và ao hô tràn ngập thì nước sẽ chảy vào tràn đây các khe núi nhỏ. Khi những khe núi nhỏ tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đây những khe núi lớn. Khi những khe núi lớn tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông nhỏ. Khi những sông nhỏ tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông lớn. Khi những sông lớn tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào đầy ắp biển cả. Do vậy nước trong biển cả ấy sẽ tuân tự đây ăp. Như vậy, khi đã cùng với

người xấu ác thì sẽ cùng gần gũi ác tri thức. Khi đã cùng gần gũi ác tri thức thì toàn nghe pháp xấu ác. Khi đã nghe toàn pháp xấu ác thì sẽ mất niềm tin. Khi đã không có niềm tin thì sẽ tư duy bất chánh. Khi đã có tư duy bất chánh thì sẽ không chánh niệm tỉnh giác. Khi đã không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ không phòng hộ các căn. Khi đã không phòng hộ các căn thì sẽ có đủ ba hạnh xấu ác. Khi đã có ba hạnh xấu ác thì sẽ có đủ năm loại ngăn che. Khi đã có năm loại ngăn che thì sẽ có đủ vô minh. Khi đã có vô minh thì sẽ có đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này do sự triển chuyển mà hình thành trọn vẹn. Minh và Giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của Minh và Giải thoát là gì? Bảy giác chi chính là thức ăn. Tuy nhiên, bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ chính là thức ăn. Tuy nhiên, bon niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh chính là thức ăn. Tuy nhiên, ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Phòng hộ các căn chính là thức ăn. Tuy nhiên, phòng hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của phòng hộ các căn là gì? Chánh niệm tỉnh giác chính là thức ăn. Tuy nhiên, chánh niệm tỉnh giác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm tỉnh giác là gì? Chánh tư duy chính là thức ăn. Tuy nhiên, chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Niềm tin chính là thức ăn. Tuy nhiên, niềm tin cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của niềm tin là gì? Nghe pháp lành chính là thức ăn. Tuy nhiên, nghe pháp lành cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe pháp lành là gì? Gần gũi thiện tri thức chính là thức ăn. Tuy nhiên, gân gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn.

53. KINH THỨC ĂN (2) 307

Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người hiền thiện chính là thức ăn. [0489C13] Lại nữa, biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Mưa chính là thức ăn. Khi trời mưa lớn và đã mưa lớn thì nước mưa tràn ngập những hang núi, suối khe và ao hồ. Khi những hang núi, suối khe và ao hồ tràn ngập thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các khe núi nhỏ. Khi những khe núi nhỏ tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy những khe núi lớn. Khi những khe núi lớn tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông nhỏ. Khi những sông nhỏ tràn ngập rồi thì nước sẽ chảy vào tràn đầy các sông lớn. Khi những sông lớn tràn ngập roi thì nước sẽ chảy vào đây ăp biên cả. Như vậy, biên cả ây sẽ lân lượt đây ăp. Cũng như vậy, khi đã cùng gần gũi người hiền thiện thì sẽ cùng gần gũi thiện tri thức. Khi đã thường xuyên gần gũi thiện tri thức thì toàn nghe pháp lành. Khi đã nghe toàn pháp lành thì sẽ có đủ niềm tin. Khi đã có niềm tin thì sẽ có đủ chánh tư duy. Khi đã có chánh tư duy thì sẽ có đủ chánh niệm tỉnh giác. Khi đã có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ có đủ sự phòng hộ các căn. Khi đã có sự phòng hộ các căn thì sẽ có đủ ba diệu hạnh. Khi đã có ba diệu hạnh thì sẽ có đủ bốn niệm xứ. Khi đã có bốn niệm xứ thì sẽ có đủ bảy giác chi. Khi đã có bảy giác chi thì sẽ có đủ Minh và Giải thoát. Như vậy, Minh và Giải thoát này do sự triển chuyển mà thành tựu trọn vẹn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều

hoan hỷ phụng hành.

54. KINH TẬN TRÍ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu,12 trú tại thi trấn Kiếm- ma-săt-đàm?3 thuộc nước Câu-lâu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có biết, có thấy thì mới chứng được lậu tận4 chứ không phải không biết, không thấy. Thế nào là có biết, có thấy mới chứng được lậu tận? Nghĩa là có thấy biết đúng như thật về khổ liền chứng được lậu tận. Thấy biết đúng như thật về nguyên nhân của khổ, thấy biết đúng như thật về khổ diệt và thấy biết đúng như thật về con đường đưa đến khổ diệt liền chứng được lậu tận. Tận trí5 có nguyên nhân6 chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của Tận trí là gì? Giải thoát chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, giải thoát cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của giải thoát là gì? Không tham dục chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không tham dục cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của không tham dục là gì? Nhàm chán chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, nhàm chán cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của nhàm chán là gì? Thấy đúng như thật, biết đúng như thật chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, thấy đúng như thật, biết đúng như thật cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân.

1 Nguyên tác: Tận trí kinh 7101. 0026.54. 0489c28. Tham chiếu: Hà nghĩa kinh TOI. 0026.42. 0485al3. 2 Nguyên tác: Câu-lâu-sấu ,Kurusu, dân chúng Kuru.
Hậu tố 'su' chỉ cho số nhiều của người Kuru. Kuru là một trong 16 nước lớn vào thơi Phật. 3 Kiếm-ma-sắt-đàm Kammāsadhamma, tên một thị trấn^của nước Kuru.
Theo Chủ giải của

ngài Budhaghosa, tên gọi Kammâsadhamma vôn chỉ cho một phép tăc ứng xử danh dự của người Kuru, gọi là Kuruvattadhamma. Do vì người dân nơi đây đều chấp nhận phép tắc ấy nên nhân đó được đặt tên. 4 Nguyên tác: Lậu tận Hốt sạch tất cả phiền não. 5 Tận trí ựyQ:Theo Đại trí đô luận T.25. 1509.2. 0070b012Tận trí" là một trong 10 trí của Phật. Cũng theo Đại trí độ luận T.25. 1509.23. 0232c29,,“T trí" nghía là 4tkho Ta đã biết, tập đã đoạn, diệt đã chứng, đạo đã tụ", khi trụ tâm như vậy thì sẽ thấy biết rõ rang với trí tuệ vô lậua¥<, ®B, B, >18 B, ố. 6 Xem chú thích 4, kinh số 51, tr. 295.

Nguyên nhân của thấy đúng như thật, biết đúng như thật là gì? Định chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, định cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của định là gì? Lạc chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, lạc cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của lạc là gì? Khinh an7 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, khinh an cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của khinh an là gì? Hỷ chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, hỷ cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của hỷ là gì? Hân hoan chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, hân hoan cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của hân hoan là gì?

Không hối tiếc chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không hối tiếc cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của không hối tiếc là gì? Giữ giới chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, giữ giới cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của giữ giới là gì? Sự phòng hộ các căn chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, sự phòng hộ các căn cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của sự phòng hộ các căn là gì? Chánh niệm tỉnh giác chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, chánh niệm tỉnh giác cũng có nguyên nhân cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của chánh niệm tỉnh giác là gì? Chánh tư duy chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, chánh tư duy cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của chánh tư duy là gì? Niềm tin chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, niềm tin cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của niềm tin là gì? Quán pháp nhẫn8 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, quán pháp nhẫn cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của quán pháp nhẫn là gì? Đọc tụng pháp chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, đọc tụng pháp cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của đọc tụng pháp là gì? Thọ trì pháp chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, thọ trì pháp cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân.

7 Nguyên tác: Chỉ .Xem chú thích 4, kinh số 42, tr. 275. 8 Pháp nhẫn .Theo Đại trí độ luận 7.25. 1509.6. 0107a02, với nhimg giáo pháp vi diệu thậm thâm, trong lòng không sanh khởi lo ngại, gọi là "pháp nhẫn”.

Nguyên nhân của thọ trì pháp là gì? Quán nghĩa của pháp chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, quán nghĩa các pháp cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân quán nghĩa của pháp là gì? Gốc rễ của việc nghe9 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, gốc rễ của việc nghe cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của gốc rễ của việc nghe là gì? Nghe pháp lành chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, nghe pháp lành cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của nghe pháp lành là gì? Đen và thăm viếng chính là nguyên nhân.1011Tuy nhiên, đến và thăm viếng cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của đến và thăm viếng là gì? Phụng sự11 chính là nguyên nhân. [0490b05] Nếu ai phụng sự thiện tri thức thì được nghe những điều chưa nghe, điều gì đã nghe sẽ được bổ ích. Như vậy, nếu ai không phụng sự thiện tri thức thì sẽ tổn giảm cái nhân của phụng sự. Nếu không phụng sự thì sẽ tổn giảm cái nhân của việc đến và thăm viếng. Nếu không đến và thăm viếng thì sẽ ton giảm cái nhân của việc nghe pháp lành. Nêu không nghe pháp lành thì sẽ tổn giảm cái nhân của gốc rễ việc nghe. Nếu không có gốc rễ của việc nghe thì sẽ ton giảm cái nhân của việc quán pháp nghĩa. Nêu không có quán pháp nghĩa thì sẽ tôn giảm cái nhân của việc thọ trì pháp. Nêu không có thọ trì pháp thì sẽ tôn giảm cái nhân của việc đọc tụng. Nêu không có việc đọc tụng sẽ tôn giảm cái nhân của quán pháp nhẫn. Nếu không có quán pháp nhẫn thì sẽ tổn giảm cái nhân của niềm tin. Nếu không có niềm tin thì sẽ tổn giảm

nhân của chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì sẽ tổn giảm cái nhân của chánh niệm tỉnh giác. Nếu không có chánh niệm tỉnh giác thì sẽ tổn giảm cái nhân của việc phòng hộ các căn,... cho đến giữ giới, không hối tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an, lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì sẽ tổn giảm cái nhân của Tận trí. Nếu ai phụng sự thiện tri thức thì điều gì chưa nghe liền được nghe, điều gì đã nghe sẽ được bổ ích. Như vậy, nêu ai phụng sự thiện tri thức thì tạo nhân duyên phụng sự. Nêu đã phụng sự thì tạo nhân duyên cho sự đên và thăm viêng. Nêu đã đên và thăm viếng thì tạo nhân duyên cho sự nghe pháp lành. Nếu đã nghe pháp lành thì tạo nhân duyên cho gốc rễ của việc nghe. Nếu đã có gốc rễ của việc nghe thì

9 Nhĩ giới .Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích X.44. 744.5. 0442a02 giải thích: Gốc rễ của việc nghe, chính là "nhi giới,, 10 Nguyên tác: Vãng nghệ .Theo Diệu Pháp Liên Hoa kinh từ 3?ÍCvãng nghỹ,nghĩa là đến và thăm viếng. 11 Phụng SỊT sevanã: Thân cận, phụng sự.

tạo nhân duyên cho sự quán nghĩa các pháp. Nếu đã quán nghĩa các pháp thì tạo nhân duyên cho sự thọ trì pháp. Nếu đã thọ trì pháp thì tạo nhân duyên cho sự đọc tụng pháp. Nấu đã đọc tụng pháp thì tạo nhân duyên cho sự quán pháp nhẫn. Nếu đã quán pháp nhẫn thì tạo nhân duyên cho niềm tin. Nếu đã có niềm tin thì tạo nhân duyên cho chánh tư duy. Nêu đã có chánh tư duy thì tạo nhân duyên cho chánh niệm tỉnh giác. Nêu đã có chánh niệm tỉnh giác thì tạo nhân duyên cho việc phòng hộ các căn,... (cho đến) giữ giới, không hối tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an5 lạc, định, thây như thật, biêt như thật, nhàm chán, không tham dục và giải thoát; nếu đã giải thoát thì tạo nhân duyên cho Tận trí. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

55. KINH NIẾT-BÀN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: r Niêt-bàn có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của Niết-bàn là gì? Giải thoát chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, giải thoát cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của giải thoát là gì? Không tham dục chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không tham dục cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của không tham dục là gì? Nhàm chán chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, nhàm chán cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của nhàm chán là gì? Thấy như thật, biết như thật chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, thấy như thật, biết như thật cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của thấy như thật, biết như thật là gì? Định chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, định cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của định là gì? Lạc chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, lạc cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của lạc là gì? Khinh an chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, khinh an cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của khinh an là gì? Hỷ chính là

nguyên nhân. Tuy nhiên, hỷ cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của hỷ là gì? Hân hoan chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, hân hoan cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của hân hoan là gì? Không hối tiếc chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, không hối tiếc cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của không hối tiếc là gì? Giữ giới chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, giữ giới cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân.1

1 Nguyên tác: Niết-bàn kỉnh (r.01. 0026.55. 0490Ồ29). Tham chiếu: s. 12.23 - II. 29.

Nguyên nhân của giữ giới là gì? Phòng hộ các căn chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, việc phòng hộ các căn cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của việc phòng hộ các căn là gì? Chánh niệm tỉnh giác chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, chánh niệm tỉnh giác cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của chánh niệm tỉnh giác là gì? Chánh tư duy chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, chánh tư duy cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của chánh tư duy là gì? Niềm tin chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, niềm tin cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của niềm tin là gì? Khổ chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, khổ cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của khổ là gì? Già chết chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, già chết cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của già chết là gì? Sanh chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, sanh cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của sanh là gì? Hữu chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, hữu cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của hữu là gì? Thủ2 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, thủ cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của thủ là gì? Ái chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, ái cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của ái là gì? Thọ3 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, thọ cũng có nguyên nhân, chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của thọ là gì? Xúc4 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên xúc cũng có nguyên nhân, chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của xúc là gì? Lục nhập5 chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, lục nhập cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của lục nhập là gì? Danh sắc chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, danh sác cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của danh sắc là gì? Thức chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, thức cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân.

2 Nguyên tác: Thọ ,được hiểu là "thỉT upãdãnà. 3 Nguyên tác: Giác ,còn gọi là "thQ”vedanā. Tham chiếu: MĀ. 29: Thế nào là biết như thật vê thọ? Có 3 loại cảm thọlặ cảm thọ vui, cảm thọ khổ và cảm thọ không vui không khổ. Đó là biết như thật về cảm thọ M . 4 Canh lạc ,cách dịch khác của "xúc",phassā. 5 Nguyên tác: Lục xứ ,còn gọi là Túc cn”hay Túc nhập^,
.

Nguyên nhân của thức là gì? Hành chính là nguyên nhân. Tuy nhiên, hành cũng có nguyên nhân chứ không phải không có nguyên nhân. Nguyên nhân của hành là gì? Vô minh chính là nguyên nhân. [0491a04] Như vậy, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, duyên già chết mà có khổ. Nhân khổ liền có niềm tin, nhân niềm tin liền có chánh tư duy, nhân chánh tư duy liền có chánh niệm tỉnh giác; nhân có chánh niệm tỉnh giác liền có sự phòng hộ các căn,... (cho đến) giữ giới, không hối tiếc, hân hoan, hỷ, khinh an5 lạc, định, thấy như thật, biết như thật, nhàm chán, không tham dục, giải thoát; nhân giải thoát mới chứng đắc Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

56. KINH DI-HÊ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Ma-kiệt-đà, ngụ tại hang động trong rừng 2 thuộc thôn Xà-đấu.3 xoài,1 Lúc ấy, Tôn giả Di-hê4 làm thị giả Phật. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Di-hê đắp y, ôm bát đi vào thôn Xà-đấu khất thực. Sau khi thọ thực xong, Tôn giả ghé bờ sông Kim-bệ5 thì nhìn thấy một khu đất bằng phăng có rừng xoài xinh đẹp, con sông Kim-bệ thật là tuyệt diệu đáng yêu, dòng nước trong vắt, lững lờ trôi xuôi, ấm lạnh điều hòa. Thấy như vậy rồi, Tôn giả hoan hỷ, liền thầm nghĩ: “Khu đất này bằng phẳng, có rừng xoài xinh đẹp, con sông Kim-bệ thật là tuyệt diệu đáng yêu, dòng nước trong vắt, lững lờ trôi xuôi, ấm lạnh điều hòa. Nếu người thiện nam nào muốn thực hành thiền định6 thì nên ở đây. Ta cũng tu thiên đinh, có nên ở nơi yên tĩnh này đê thực hành thiền định chang?59 Thế rồi, sau khi thọ thực xong, Di-hê thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ lên vai, đi đen chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi thưa: -Bạch Thế Tôn! Sáng sớm hôm nay, con đắp y, ôm bát đi vào thôn Xà-đấu khất thực. Khất thực và thọ trai xong, con ghé đến bờ sông Kim-bệ thì nhìn thấy một khu đất bằng phẳng có rừng xoài xinh đẹp, con sông Kim-bệ thật là tuyệt diệu đáng yêu, dòng nước trong vắt, lững lờ trôi xuôi, ấm lạnh điều hòa. Vừa nhìn thấy, con rất hoan hỷ nên đã tham nghĩ: "Khu đất bang phẳng có rừng xoài xinh đẹp, con sông Kim-bệ thật là tuyệt diệu đáng yêu? dòng nước trong vắt, lững lờ trôi xuôi, ấm lạnh điều hòa. Nếu người thiện nam nào muốn thực hành thiên định thì nên ở đây. Ta cũng tu thiên định, vậy có nên ở nơi yên tĩnh này để thực hành thiền định chang?^ Thưa Thế Tôn! Nay con muốn đến khu rừng xoài yên tĩnh ấy để thực hành thiền định.

1 Nguyên tác: Dỉ-hê kinh roi. 0026.56. 0491al4. Tham chiếu: A. 9.3 -IV. 354; ưd. 4.1-34. 2 Nguyên tác: Mang-nai lâm ,Ambavana, tức khu rừng xoài. Amba còn được dịch là "nại" S, Am.la2. 3 Xà-đấu thôn Jantugāma, một thôn làng gần núi Cālikā. Theo DPPN, đức Phật an cư mùa mưa ở đây vào các năm thứ 13, 18 và 19, sau khi thành đạo. 4 Di-hê ,Meghiya, tên một vị Tỳ-kheo làm thị giả đức Phật. 5 Kim-bệ ,Kimikālā, một con sông gần làng Xà-đấu. 6 Nguyên tác: Đqangiả ® .Theo Khang Hy từ điển "đoạn"có nghĩa là chuyên chú, vắng lặng A. 9.3 - IV. 354: Padhāna. Theo PED, padhāna có nghĩa là tinh cân và cũng

có nghĩa la tham thiền.

318 KINH TRUNG A-HÀM

[0491005] Bấy giờ, Thế Tôn bảo: -Này Di-hê! Thầy biết chăng? Ta chỉ một mình, không ai bên cạnh, cũng không thi giả, thầy có thể ở lại một thời gian ngan nữa, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta, lúc ấy thầy có thể đến khu rừng xoài yên tĩnh kia mà tu tập thiền định. Tôn giả Di-hê khẩn khoản đến ba lần: -Bạch Thế Tôn! Nay con muốn đến khu rừng xoài yên tĩnh kia để tu tập thiền định. Đức Phật cũng lặp lại ba lần: Này Di-hê! Thầy biết chăng? Ta chỉ một mình, không ai bên cạnh, cũng không thi giả, thầy có thể ở lại một thời gian ngắn nữa, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta, lúc ấy thầy có thể đến khu rừng xoài yên tĩnh kia mà tu tập thiền định. Di-hê lại thưa: Bạch Thế Tôn! Ngài đã đạt đến chỗ không còn tạo tác, không phải tạo tác, cũng không còn điều gì cần phải quán sát.7 Thưa Thế Tôn! Con còn tạo tác, còn những điều phải tạo tác và cần phải quán sát. Cúi mong đức Thế Tôn cho con r 9 ey đên khu rừng xoài yên tĩnh kia đê tu tập thiên định. The Ton bao: Này Di-hê! Thầy mong muốn tu tập thiền định thì Ta còn biết nói gì nữa? Di-hê! Thầy cứ đi đi và thực hiện những điều thầy mong muốn. Khi nghe Phật dạy, Tôn giả Di-hê khéo thọ nhận, khéo ghi nhớ, khéo đọc tụng và thực hành, liền đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Ngài ba vòng và lui ra, roi đi đên rừng xoài. Sau khi vào rừng xoài, Tôn giả liên đên bên góc cây, trải tọa cụ rồi ngồi kiết-già. Trong khi an tru tại rừng xoài, Tôn giả Di-hê khởi lên ba niệm tưởng xấu ác, bất thiện: Đó là niệm tưởng tham dục,8 niệm tưởng sân hận9 và niệm tưởng tổn hại.10 Do khởi ba niệm bất thiện đó nên Tôn giả liền nghĩ đến đức Thế Tôn.

7 Vô vi, vô tác, diệc vô sở quán ,.Tham chiếu:.9.3 - IV. 354: Bhagavato, bhante, natthi kiñci uttari karanīyarn, natthi katassa paticayo Bạch Thê Tôn, đôi với Thê Tôn không có gì nữa cân phải làm thêm, không có việc gì cần phải làm thêm vào sự việc đã làm, HT. Thích Minh Chau dịch. J ^Nguyen tác: Dục niệm .Tạp.r.O2. 0099.187. 0049a16 ghi là 4tdục Tạp. r.02. 0099.272. 0072a22 ghi ithaf giác";Ngũ chi vạt chủ kinh T.01. 0026.179. 0721a24 ghi ly&i.Stưởng"kāmavitakkaṃ Tăng.02. 0125.23.10. 0614c15 ghi là "quán dục tưởng,, . 9 Nguyentac: Khuê niệm .Tạp.T.02. 0099.187. 0049al6 ghi là 4tkhuể giac?,Chúng tāpkmh 77.01.*0001.9?0050c26 và Tăng.T.02. 0125.23.10. 0614c 15 đều ghi la7tsan khuê tưởng"vyãpãdavitakkà. 10Nguyen tác: Hại niêm .Tạp.T.02. 0099.187. 0049al6 ghi là t4hại giac";Tăng. r.02. 0125.23.10. 0614cl5ghi la tcsát hại tưởng",vihirnsavitakko.

56. KINH DI-HÊ 319

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Di-hê từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến trú xứ của đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi thưa: -Bạch Thế Tôn! Con đến rừng xoài, ngồi nơi yên tĩnh, liền khởi lên ba niệm tưởng bát thiện, xâu ác: Đó là niệm tưởng tham dục, niệm tưởng sân hận và niệm tưởng tổn hại. Do khởi niệm tưởng như vậy nên con liền nhớ đến Thế Tôn. Đức Phật bảo: -Này Di-hê! Tâm giải thoát chưa thuân thục mà muôn cho thuần thục thì cần phải tu tập năm pháp. Là năm pháp gì? Này

Di-hê! Tỳ-kheo phải tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức. Này Di-hê! Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ nhất. Lại nữa, này Di-hê! Tỳ-kheo thì phải tu tập giới cấm, giữ gìn giới luật,11 lại phải khéo thành tựu oai nghi,11 12 khi lỡ phạm lỗi nhỏ phải ôm lòng lo sợ, giữ gìn học giới. Này Di"hê! Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ hai. Lại nữa, này Di-hê! Tỳ-kheo thì nên nói những điêu đáng nói, phù hợp với bậc Thánh, có ý nghĩa, khiến tâm nhu hòa, khiến tâm không bị che lấp. Nghĩa là5 vi ấy nói về giới luật, về thiền định, về trí tuệ, về giải thoát, về giải thoát tri kiến, về sự tổn giảm, về không ưa tụ hội, về ít ham muốn, về biết đủ, về đoạn trừ, về không tham dục, về Niết-bàn,1314 về độc cu,14 về duyên khởi, là những cách nói như thật của bậc Sa-môn, dễ dàng thành tựu, không phải quá khó. Này Di-hê! Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ ba. Lại nữa, này Di-hê! Tỳ-kheo thì thường thực hành tinh tấn, dứt trừ những xấu ác bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự giữ tâm chuyên nhất, vững chãi, vì giữ gìn gốc rễ thiện lành mà không từ bỏ một phương tiện nào. Này Di-hê! Với tâm giải thoát chưa thuân thục mà muôn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ tư. Lại nữa, này Di-hê! Tỳ-kheo thì tu tập để thành tựu trí tuệ, quán sát sự sanh diệt của các pháp mà chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt15 của bậc

11 Nguyên tác: Tùng giải thoát Pātimokkha, tức "Biêt giải thoát,?hay "Bala-dề- mộc-xoa^ 12 Nguyên tác: Thiện nhiếp oai nghi lễ tiết .Chuyển Luân Thảnh Vương tu hành kinh roi. 000L6/00^b02 và Thuyết bổn kinh T.Ol. 0026.66. 0508cl4 đều ghi là 4tthành tựu oai nghi”,ācāragocarasampanno. 13 Nguyên tác: Diệt nirodhā. 14 Nguyên tác: lliuyết yến tẹa .Thất xa kỉnh TOI. 0026.9. 0430al6 ghi là "xưng thuyet bế cu" , pavivekakathã, 15 Tuệ minh đạt .Phạm chỉĐà-nhiên kinh T.Ol. 0026.27. 0458b17 ghi là uminh đạttuệ i ^m~nibbedhikapamia . Tạp.r.02. 0099.936. 0240al2-al6 ghi là t4Quyetdinh trí” hay “Quyết định trí tue” .

Thánh, phân biệt tường tận để diệt sạch mọi khổ đau. Này Di-hê! Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ năm. [0491 c 15] Tỳ-kheo nào thành tựu năm pháp này rồi thì phải tu tập thêm bốn pháp. Là bốn pháp nào? Đó là tu quán bất tinh16 để dứt trừ tham dục, thực hành tâm từ để đoạn trừ sân hận, tu pháp đếm hơi thở ra vào để tâm không tán loạn và tu quán tưởng vô thường để diệt trừ ngã mạn. Này Di-hê! Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vi ấy chắc chắn tu tập giới cấm, giữ gìn giới luật, lại phải khéo thành tựu oai nghi, khi lỡ phạm lỗi nhỏ phải ôm lòng lo sợ, giữ gìn học giới. Này Di-hê! Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, ệần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chác chắn nói điều đáng nói, phù hợp với bậc Thánh, có ý nghĩa, khiến tâm nhu hòa, khiến tâm không bị che lấp. Nghĩa là, vị ấy nói về giới luật, về thiền đinh, về trí tuệ, về giải thoát, về giải thoát tri kiến, về sự tổn giảm, về kh6ng ưa tụ hội, về ít ham

muốn, về biết đủ, về đoạn trừ, về không tham dục, về Niêt-bàn, về độc cư, về duyên khởi, là những cách nói như thật của bậc Sa-môn5 dễ dàng thành tựu, không phải quá khó. Này Di-hê! Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, ệần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chắc chắn thực hành tinh tấn, dứt trừ những xấu ác bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự giữ tâm chuyên nhất, vững chãi, vì gốc rễ thiện lành mà không từ bỏ một phương tiện nào. Này Di-hê! Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chắc chắn tu tập để thành tựu trí tuệ, quán sát sự sanh diệt của các pháp mà chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt tường tận để diệt sạch mọi khổ đau. Này Di-hê! Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chác chắn tu quán bất tịnh để dứt trừ tham dục, thực hành tâm từ để đoạn trừ sân hận, tu pháp đem hơi thở ra vào để tâm không tán loạn và tu quán txrởng vô thường để diệt trừ ngã mạn. Này Di-hê! Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu tưởng vô thường tất sẽ chứng đắc tưởng vô ngã. Này Di-hê! Nếu Tỳ-kheo nào chứng đắc tưởng vô ngã thì ngay trong hiện đời sẽ đoạn trừ tất cả ngã mạn và chứng đắc tịch tĩnh, diệt độ, diệt tận, vô vi5 Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Di-hê và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. 16 ố lộ asubha chỉ cho những thứ bất tịnh trong thân.

57. KINH NÓI CHO TỲ-KHEO1 Tôi nghe như vầy: Một thòd? đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì có năm pháp để tu tập. Là năm pháp gì? Tỳ-kheo phải tự mình là thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và cùng hòa hợp với bậc thiện tri thức. Với tâm giải thoát chưa thuan thục mà muôn cho thuãn thục thì đây là pháp tu tập thứ nhát. Lại nữa, Ty-kheo phải tu tập giới cấm, giữ gìn giới luật, lại phải khéo thành tựu các oai nghi, khi lỡ phạm lỗi nhỏ thường ôm lòng lo sợ, giữ gìn học giới. Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đây là pháp tu tập thứ hai. Lại nữa, Tỳ-kheo nên nói những điều đáng nói, phù hợp với bậc Thánh, có ý nghĩa, khiến tâm không bi ngăn che. Nghĩa là, vị ấy nói về giới luật, về thiền định, về trí tuệ, về giải thoát, về giải thoát tri kiến, về sự tổn giảm, về không ưa tụ hội, ve ít ham muốn, về biết đủ, về đoạn trừ, về không tham dục, về Niết-bàn, về độc cu, về duyên khởi, là những cách nói như thật của bậc Sa-môn, dễ dàng thành tựu, không phải quá khó. Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đây là pháp tu tập thứ ba. Lại nữa, Tỳ-kheo thường thực hành tinh tấn, dứt trừ những xấu ác, bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự giữ tâm chuyên nhất, vững chãi, vì giữ gìn gốc rễ thiện lành mà không bỏ một phương tiện nào. Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ tư. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập để thành tựu trí tuệ, quán sát sự sanh diệt của các pháp mà chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt tường tận để diệt sạch mọi khổ đau. Với tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục thì đây là pháp tu tập thứ năm. Tỳ-kheo nào thành tựu năm pháp này rồi thì phải tu tập thêm bốn pháp. Bốn pháp ấy là gì? Đó là tu quán bất tịnh để dứt trừ tham dục, thực hành tâm từ để đoạn trừ sân

hận, tu pháp đếm hơi thở ra vào để tâm không tán loạn và tu quán tưởng vô thường để diệt trừ ngã mạn.

l Nguyên tác: Tức vỉ Tỳ-kheo thuyết kinh (T.Ol. 0026.57. 0492al3). Tham chiếu:
A. 9.ĩ -IV. 351. Toàn bộ nội dung bài kinh này tương tự như kinh sô 56, chỉ khác tên người nghe và địa diêm thuyết pháp.

Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chắc chắn tu tập giới cấm, giữ gìn giới luật, lại phải khéo thành tựu oai nghi, khi lỡ phạm lỗi nhỏ phải ôm lòng lo sợ, giữ gìn học giới. Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biêt, vị ây chăc chăn nói những điêu đáng nói, phù hợp với bậc Thánh, có ý nghĩa, khiên tâm nhu hòa, khiên tâm không bị che lấp. Nghĩa là, vị ấy nói về giới luật, về thiền định, về trí tuệ, về giải thoát, về giải thoát tri kiến, về sự tổn giảm, về không ưa tụ hội, về ít ham muôn, vê biêt đủ, đoạn trừ, vê không tham dục, vê Niêt-bàn, vê độc cư, về duyên khởi, là những cách nói như thật của bậc Sa-môn, dễ dàng thành tựu, không phải quá khó. Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chắc chắn thực hành tinh tân, dứt trừ những xâu ác bát thiện, tu các pháp thiện, thường tự giữ tâm chuyên nhát, vững chãi, vì góc rê thiện lành mà không từ bỏ một phương tiện nào. Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chắc chắn tu tập để thành tựu trí tuệ, quán sát sự sanh diệt của các pháp mà chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt tường tận để diệt sạch mọi khổ đau. Nếu Tỳ-kheo nào tự mình trở thành bậc thiện tri thức, gần gũi bậc thiện tri thức và hòa hợp với bậc thiện tri thức thì nên biết, vị ấy chắc chắn tu quán bất tịnh để dứt trừ tham dục, thực hành tâm từ để đoạn trừ sân hận, tu pháp đếm hơi thở ra vào để tâm không tán loạn và tu quán tưởng vô thường để diệt trừ ngã mạn. Nêu Tỳ-kheo nào thành tựu tưởng vô thường tát sẽ chứng đác tưởng vô ngã. Nếu Tỳ-kheo nào chứng đắc tưởng vô ngã thì ngay trong đời hiện tại sẽ đoạn trừ tất cả ngã mạn và chứng đắc tịch tĩnh, diệt độ, diệt tận, vô vi, Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy? các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.2

2 Bản Hán, hết quyển lo.

PHẨM 6: TƯƠNG ƯNG VUA1 (Gôm 14 kỉnh, 7 kỉnh đâu thuộc ngày tụng thứ nhát, 7 kinh sau thuộc ngày tụng thứ hai)

Kệ tóm tắt:
Thất bảo, Tướng, Tứ châu
Ngưu phẩn, Ma-kiệt vương
Tỳ-bà-ly-lăng-kỳ
Thiên sứ tối tại hậu.1
2

1 Quyển 11. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:.Do đặt lại tựa đề
kinh nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

58. KINH BẢY BÁU1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nên biết ràng, khi Chuyển Luân Thánh Vương ra đời thì có bảy báu xuất hiện ở thế gian. Những gì là bảy? Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Khi Chuyển Luân Thánh Vương ra đời thì bảy báu này xuất hiện ở thế gian. Cũng vậy, nên biết rằng, khi Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời thì có bảy giác chi quý báu xuất hiện ở thế gian. Những gì là bảy? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an 2 định giác chi và xả giác chi. giác chi,1 Nên biết rằng, khi Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thị hiện ở đời thì có bảy giác chi quý báu xuất hiện ở thế gian. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

1 Nguyên tác: Thất bảo kinh (roi. 0026.58. 0493al0). Tham chiếu: Luân vương thất bảo kinh (ro 0038. 0821 ai 8); Tạp.(T.02. 0099.721. 0194a05); Tạp.(g02.J)099.72?. 0194a23); Tang.(02. 0125.39.7. 0731bl4); D. 17, Mahāsudassana Sutta {Kinh Đại Thiện Kiến vương)', S. 46.42 - v. 99. 2Nguyên tác: Tức giác chi ()..(7.02. 0099.705. 0189b29) ghila4ty giác chi"(); Câu-xảluận (7.29. 1558.25. 0132018) ghi là “khinh an giác chip).

59. KINH BA MƯƠI HAI TƯỚNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, sau khi thọ trai xong, các Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường roi cùng nhau bàn luận như vầy: "Chu Hiền! Thật kỳ diệu! Thật hy hữu! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì nhất định có hai điều chắc thật không sai. Một là, nếu vị ấy sống đời tại gia thì chắc chắn sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn binh chủng, thống tri thiên hạ, tùy ý tư tại, là vị vua tuân theo pháp, dùng Chánh pháp để trị nước12 và thành tựu bảy báu: Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Vị ấy có đủ ngàn người con dung mạo đoan chánh, dõng mãnh can đảm, có the nhiếp phục kẻ khác, thống lãnh toàn cõi đất liền cho đến biển cả mà không dấy binh đao, dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được an lạc. Hai là, nêu vị ây cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt5 rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng truyền khắp, mười phương đều nghe." [0493b08] Bấy giờ, Thế Tôn đang tĩnh tọa,3 bằng thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, Ngài biết sau khi thọ trai xong, các Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường rồi cùng nhau bàn luận như vầy: “Chu Hiền! Thật kỳ diệu! Thật hy hữu! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì nhất định có hai điều chắc thật không sai. Một là, nếu vi ấy sống ở gia đình thì chắc chắn sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn binh chủng, thống trị thiên hạ, tùy ý tự tại, là vị vua tuân theo pháp, dùng Chánh pháp đe trị nước và thành tựu bảy báu: Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc

1 Nguyên tác: Tam thập nhi tướng kinh roi. 0026.59. 0493a24. Tham chiếu: D. 30, Lakkhana Sutta Kinh tưởng. 2 Như pháp Pháp vương ,Dhammikā Dhammarājā. Như pháp :Noi theo pháp, tuân theo pháp, đúng với pháp. Pháp vương Trong ngữ cảnh này chỉ cho vị vua trị nước băng Chánh pháp. Tham chiếu: 5.41.10 - IV. 302: Ayam kho citto gahapati, sīlavā [sīlavanto ka.] kalyānadhammo. Sace panidahissati - anāgatamaddhānarn rājā assam cakkavattī'tỉ, 'tassa kho ayarn ijjhissati, sīlavato cetopanidhi visuddhattā dhammiko dhammikarn phalarn anupassatī.' Gia chủ Citta này là người thực sự giữ giới và sống theo thiện pháp, nếu phát nguyện: t4Trong tương lai, ta sẽ trở thành vị Chuyển Luân Thanh Vương" thì chắc chắn nguyện đó sẽ thành tựu, ông taxử trị dựa theo luật và pháp thanh tịnh nên sẽ dẫn đến két quả đúng pháp, HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Yen tọa ,patisallāna còn gọi là "an toa",utọa thiền",an trú trong thiền định.

nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Vị ấy có đủ ngàn người con dung mạo đoan chánh, dõng mãnh can đảm, có thể nhiếp phục kẻ khác, thống lãnh toàn cõi đất liền cho đến biển cả mà không dấy binh đao, dùng pháp giáo hóa, khiến được an lạc. Hai là, nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì chác chăn sẽ chứng đắc quả vị Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng truyền khắp, mười phương đều nghe.” Thế Tôn nghe như vậy rồi, vào lúc xế chiều, Ngài liền rời khỏi nơi tĩnh tọa, đi đến giảng đường rồi trải tòa ngồi trước đại chúng và hỏi các Tỳ-kheo: -Hôm nay, các thây bàn luận vê việc gì mà cùng tê tựu tại giảng đường này? Các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay, chúng con tề tựu tại giảng đường rồi cùng nhau bàn luận như vầy: "Chu Hiền! Thật kỳ diệu! Thật hy hữu! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì nhất đinh có hai điều chắc thật không sai. Một là? nếu vị ấy sống đời tại gia thì chắc chắn sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn binh chủng, thống tri thiên hạ, tùy ý tự tại, là vị vua tuân theo pháp, dùng Chánh pháp để trị nước và thành tựu bảy báu. Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Vị ấy có đủ ngàn người con dung mạo đoan chánh, dõng mãnh can đảm, có thể nhiếp phục kẻ khác, thống lãnh toàn cõi đất liền cho đến biển cả mà không dấy binh đao, dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được an lạc. Hai là, nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng truyền khắp, mười phương đều nghe." Bạch Thế Tôn! Chúng con bàn luận việc như trên nên mới cùng tề tựu tại giảng đường này. [0493c05] Bấy giờ, Thế Tôn dạy: -Này các Tỳ-kheo! Các thây muôn được nghe đích thân Như Lai nói vê ba mươi hai tướng không? Bậc Đại nhân đã thành tựu ba mươi hai tướng thì nhất định có hai điều chắc thật không sai. Một là, nếu vị ấy sống đời tại gia thì chắc chắn sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn binh chủng, thống trị thiên hạ? tùy ý tự tại, là vị vua tuân theo pháp, dùng Chánh pháp để tri nước và thành tựu bảy báu. Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Vị ấy có đủ ngàn người con dung mạo đoan chánh, dõng mãnh can đảm, có thể nhiếp phục kẻ

khác, thống lãnh toàn cõi đất liền cho đến biển cả mà không dấy binh đao, dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được an lạc. Hai là, nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng truyền khắp, mười phương đều nghe.

59. KINH BA MƯƠI HAI TƯỚNG 329

Khi nghe như vậy rồi, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng lúc! Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng thời! Nêu The Tôn nói cho chúng Tỳ-kheo nghe về ba mươi hai tướng thì sau khi nghe xong, chúng con sẽ khéo ghi nhớ. The Tôn bảo: Này các Tỳ-kheo! Lắng nghe, lắng nghe! Hãy ghi nhớ kỹ! Ta sẽ giải thích tường tận cho các thầy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật liền giảng nói về ba mươi hai tướng:4 Thứ nhất, bậc Đại nhân có lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai, lòng bàn chân có hình bánh xe báu đầy đủ ngàn căm. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba, ngón chân thon dài. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Bốn, đôi chân ngay thẳng.5 Đó là tướng của bậc Đại nhân. Năm, hai gót chân đây đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Sáu, đôi măt cá chân tròn trịa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Bảy, lông trên thân đều mọc hướng lên. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Tám, giữa kẽ tay và kẽ chân có màng lưới mỏng như loài ngỗng chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Chín, chân tay rất đẹp, mềm mại như sợi bông đâu-la.67Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười, da dẻ mịn màng; bụi, nước không bám dính được. Đó là tướng của bậc Đại nhân. [0494a01] Mười một, mỗi lỗ chân lông có một sợi lông, sắc lông xanh biếc, môi sợi lông đêu xoăn vê bên phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười hai, bắp chân thon dài như chân nai chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười ba, có âm mã tàng/ giống như của ngựa chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

4 Tham chiếu: Ba mươi hai tướng trong DÃ. l. 5 Nguyên tác: Túc châu chánh trực .Tham chiếu: D. 30 ghi là enijañgha cỏ ống chânnhư con dê rừng, HT. Thích Minh Châu dịch. Tương tự ở Phật bôn hạnh tập kinh r03. 0190.26. 0772b29 ghi Tuông túc châu chánh”cũng bổ nghĩa cho trường hợp này. 6 Đâu-la À7,m0t loại cây lấy sợi, cây bông gòn. Tơ sợi lấy từ bông của cây này nổi tiếng mềm mịn khó có gì sánh bằng. 7 Âm mã tàIIg ,kosohỉta vattaguyhà. Đại bổn kinh roi. OOOl.l. 0005b22 ghi là t4ma âm tâng";Du-giả sư đỉa luận T.30. 1579.49. 0566c 17 ghi là "thphong" :Nam căn của Phật không hiện ra ngoài.

330 KINH TRƯNG A-HÀM

Mười bốn, thân thể cân đối đẹp đẽ như cây Ni-câu-loại,8 trên dưới tương xứng hài hòa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười lăm, thân ngay thẳng, không gù, không còng, khi đứng tay duỗi dài quá gối. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười sáu, sắc thân như màu vàng ròng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười bảy, bảy chỗ trên thân, tức là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ đều đầy đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười tám, phần trên của thân lớn, như thân sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười chín, hai gò má như sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi, lưng thẳng bằng. Đó là

tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi mốt9 bờ vai đầy đặn bằng phẳng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi hai, có bốn mươi chiếc răng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi ba, răng ngay ngắn, đều đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi bốn, răng liền khít, không hở. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi lăm, răng trắng sạch, sáng bóng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi sáu, ăn thức gì cũng trở thành thượng vi.9 Hai mươi bảy, tiếng nói tuyệt diệu như tiếng Phạm thiên, trong trẻo như tiếng Ca-lăng-tần-già. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi tám, lưỡi rộng dài, khi thè lưỡi ra có thê che trùm khắp mặt. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi chín, mí mắt đầy đặn như của trâu chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba mươi, mắt màu xanh biếc. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba mươi mốt, đỉnh đầu có nhục kế tròn đầy cân xứng, tóc xoắn ốc về hướng bên phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba mươi hai, có sợi lông trắng thanh mảnh giữa hai chân mày, xoắn tròn bên phải theo hình trôn ốc. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Này các Tỳ-kheo! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng trên, ắt có hai điều chắc thật không sai. Một, nếu vị ấy sống đời tại gia thì chắc chắn sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn binh chủng, thống tri thiên hạ, tùy ý tự tại, là vi vua tuân theo pháp, dùng Chánh pháp để trị nước và thành tựu bảy báu. Đó là, bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Vi ấy có đủ ngàn người con dung mạo

8 Ni-câu-loại Nigrodha, cây đa Ấn Độ, tên khoa học là Ficus Benghalensis. 9 Nguyên tác: Thông vị đệ nhất vị .Tham chiếu: M. 91 ghi là Rasaggasaggī kho pana so bhavam gotamo..y Tôn giả Gotama có vi giác hết sức sắc bén, HT Thích Minh Châu dịch.

59. KINH BA MƯƠI HAI TƯỚNG 331

9 • X , đoan chánh, dõng mãnh can đảm, có thê nhiêp phục kẻ khác, thông lãnh toàn cõi đất liên cho đên biên cả mà không dây binh đao, dùng pháp giáo hóa, khiên dân chúng được an lạc. Hai, nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng truyền khắp, mười phương đều nghe. [0494b06] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

60. KINH BỐN CHÂU1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả A-nan ở nơi thanh văng, tĩnh tọa tư duy roi suy nghĩ như vầy: “d thế gian, rất hiếm người thỏa mãn với dục, rất ít người chán bỏ được dục, cho đến khi chết, ở thế gian, người thỏa mãn với dục, chán bỏ được dục, cho đến khi chết, quả thật hiếm c6.” Thế rồi, vào buổi xế chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa5 đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài xong, đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con ở nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy rồi suy nghĩ như vầy: "d thế gian, rất hiếm người thỏa mãn với dục, rất ít người chán bỏ được dục, cho đến khi chết, ở thế gian, người thỏa mãn với dục, chán bỏ được dục, cho đen khi chết, quả thật hiếm co." Đức Phật bảo A-nan: Đúng vậy, đúng vậy! ở thế gian, rất hiếm người thỏa mãn với dục, rất ít người chán bỏ được dục, cho đến khi chết. Này A-nan! ở thế gian, người thỏa

mãn với dục, chán bỏ được dục, cho đến khi chết, quả thật hiếm có. Này A-nan! ở thế gian, quả thật rất hiếm, rất hiếm người thỏa mãn với dục, chán bỏ được dục, cho đến khi chết. Thế nhưng, này A-nan! Thế gian này có rất nhiều, rất nhiều người không thỏa mãn với dục, cho đến khi chết vẫn không chán bỏ được dục. Vì sao như vậy? NàyA-nan! Thuở quá khứ có vua tên Đảnh Sanh, làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, đủ bon loại quân, thống trị thiên hạ, tùy ý tự tại, là vị vua tuân theo pháp, dùng Chánh pháp để trị nước12 và thành tựu bảy báu. Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và chủ binh báu. Vua có đủ ngàn người con, dung mạo đoan chánh, dõng mãnh can đảm, có thể nhiếp phục kẻ khác, thống lãnh toàn cõi đất liền cho đến biển cả mà không dấy binh dao, dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được an lạc. Này A-nan! Trải qua thời gian rất lâu về sau, Vua Đảnh Sanh ấy nghĩ rằng: "Ta có châu

1 Nguyên tác: Tứ châu kinh (T.01. 0026.60. 0494b09). Tham chiếu: Đảnh Sanh vương cổ sự kinh (roi. 0039. 0822b12); Văn-đà-kiệt vương kinh (roi. 0040. 0824a20); Tăng.(&. 0125.17.7. 0583bl5). 2 Nguyên tác: Như pháp Pháp vương (Dhammikā Dhammarājā). Xem chú thích 2, kinh số 59, tr. 327.

Diêm-phù này, giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc, dân chúng đông đúc, lại có bảy báu, đủ ngàn người con, nhưng nay ta muốn ở ngay cung điện này có mưa báu bảy ngày, của báu dâng cao đến tận đầu g6i." Này A-nan! Vua Đảnh Sanh có sức mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thân lớn nên vừa khởi tâm như vậy, tức thì trong cung liền có mưa báu bảy ngày, của báu chất cao lên đến đầu gối. [0494c09] Này A-nan! Trải qua thời gian rất lâu về sau, Vua Đảnh Sanh lại thầm nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù này, giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc, dân chúng đông đúc, lại có bảy báu, đủ ngàn người con và trong cung mưa báu bảy ngày, của báu dâng cao đến tận đầu gối. Thế nhưng, ta nhớ từng nghe người xưa kể rằng, ở phương Tây có châu Cù-đà-ni3 giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc, dân chúng đông đúc. Nay ta muốn đến xem và cai trị châu d6." Này A-nan! Vua Đảnh Sanh có sức mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn nên vừa khởi tâm xong, liền dùng như ý túc cưỡi hư không mà đi cùng với bon loại quân. A-nan! Trong phút chốc, Vua Đảnh Sanh kia liền đen ở châu Cù-đà-ni. Sau khi đến châu này, vua đã thống trị ở đó suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm. Này A-nan! Một thời gian rất lâu về sau, Vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù giàu có vô cùng, sung sướng tột bậc, dân chúng đông đúc, lại có bảy báu, đủ ngàn người con, trong cung mưa báu bảy ngày, của báu dâng cao đến tận đâu gói. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni nữa. Thê nhưng, ta từng nghe người xưa kể rằng, ở phương Đông có châu Phất-bà-tỳ-đà-đề4 giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc, dân chúng đông đúc. Nay ta muốn đến xem và cai tri châu d6." A-nan! Vua Đảnh Sanh kia có sức mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn nên vừa khởi tâm xong, liền dùng như ý túc cưỡi hư khônẹ mà đi cùng với bon loại quân. A-nan! Trong phút chốc, Vua Đảnh Sanh kia liên đến ở châu Phất-bà-tỳ-đà-đề. Sau khi đến châu này, vua thống tri ở đó suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm. [0495a02] Này A-Nan! Lại một thời gian rất

lâu về sau, Vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc, dân chúng đông đúc, lại có bảy báu, đủ ngàn người con, trong cung mưa báu bảy ngày, của báu dâng cao đến tận đầu gối. Ta cũng có châu Cù-đà-ni, lại còn có thêm châu Phất-bà-tỳ-đà-đề nữa. Thế nhưng, ta từng nghe người xưa kể rằng, ở phương Bao có châu Uât-đơn-viêt5 giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc. Dân chúng ở đó tuy không có ý niệm về ta và của ta, nhrnig ta vẫn muốn cùng quyến thuộc đi xem và thông trị châu đó?5 A-nan! Vua Đảnh Sanh có sức mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn, nên vừa khởi tâm như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không mà đi cùng với bốn loại quân.

3 Cù-đà-ni châu còn gọi là Tây Ngưu Hóa châu ,Aparagoyna. 4 Phất-bà-tỳ-đà-đề còn gọi là Đông Thắng Thân châu Pubbavideha. 5 uất-đơn-viết còn gọi là Bắc Câu-lô châu Uttarakurū.

Này A-nan! Từ xa, Vua Đảnh Sanh nhìn thấy đất đai bằng phẳng một màu trắng tinh, liền hỏi các cận thần: “Các khanh có thấy châu uất-đơn-viết đất đai bằng phẳng một màu trắng tinh kh6ng?” Các cận thần đáp: "Dạ thấy, tâu Thiên vương!" Vua bảo: "Các khanh biết chăng? Đó là lúa tự nhiên của người uất-đơn-viết. Người xứ uất-đơn-viết thường ăn thực phẩm này, các khanh cũng nên ăn thực phẩm như vay.” A-nan! Từ xa, Vua Đảnh Sanh lại thấy châu uất-đơn-viết có rất nhiều loại cây, quý hiêm tuyệt dẹp, khoe đủ màu sác, trang hoàng trên những lan can, liên hỏi cận thần: "Các khanh có thấy châu uất-đơn-viết có rất nhiều loại cây, quý hiếm tuyệt đẹp, khoe đủ màu sắc, trang hoàng trên những lan can kh6ng?” Các cận thần đáp: "Dạ thấy, tâu Thiên vuông!" Vua lại bảo: "Các khanh biết chăng? Đó là loài cây mà người xứ uất-đơn-viết dùng làm y phục. Người xứ uất-đơn-viết dùng loại này để mặc, các khanh cũng nên mặc y phục như vầyy A-nan! Trong chốc lát, Vua Đảnh Sanh đã đến ở châu uất-đơn-viết. Sau khi cùng quyên thuộc đên châu này, Vua Đảnh Sanh thông trị ở đó suôt vô lượng trăm ngàn vạn năm. Này A-nan! Một thời gian rất lâu về sau, Vua Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù? giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc, dân chúng đông đúc, lại có bảy báu, đủ ngàn người con, trong cung mưa báu bảy ngày, của báu dâng cao đến tận đầu gối. Ta còn có châu Cù-đà-ni9 châu Phất-bà-tỳ-đà-đề, lại có thêm châu Uất-đan-việt nữa. Thế nhưng, ta từng nghe người xưa kể rằng có cõi trời tên Ba Mươi Ba.6 Nay ta muốn đến xem cõi trời ấy." A-nan! Vua Đảnh Sanh kia có sức mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn, nên vừa khởi tâm xong, liền dùng như ý túc cưỡi hư không hướng theo ánh sáng mặt trời mà đi cùng với bốn loại quân. [0495b04] A-nan! Từ xa, Vua Đảnh Sanh nhìn thấy trong cõi trời Ba Mươi Ba giống như có một đám mây lớn trên đỉnh núi Tu-di, liền hỏi cận thần: “Các khanh có thây trong cõi trời Ba Mươi Ba giông như có một đám mây lớn trên đỉnh núi Tu-di kh6ng?"

6 Tam Thập Tam thiSn còn gọi Đao-lợi thiên ữp. Tāvatimsa.

Các cận thần đáp: "Dạ thấy, tâu Thiên vương!" Vua nói: "Các khanh biết chăng? Đó là cây Trú Độ7 của cõi trời Ba Mươi Ba. Dưới tán cây ấy? vào bốn tháng mùa hạ? chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba hưởng thụ đầy đủ năm thứ dục lạc, vui chơi thỏa thích." A-nan! Từ xa, Vua Đảnh Sanh lại thấy trong cõi trời Ba Mươi Ba, trên đỉnh núi Tu-di, giông như có đám mây lớn ở gân hướng Nam, liên hỏi các cận thân: "Các khanh có thấy trong cõi trời Ba Mươi Ba, trên đỉnh núi Tu-di, giống như có đám mây lớn ở gần hướng Nam không?59 Các cận thần thưa: "C6 thấy, tâu Thiên vương !,9 Vua bảo: "Các khanh biết chăng? Đó là giảng đường Chánh Pháp của cõi trời Ba Mươi Ba. Vào những ngày mùng tám, mười bôn và ngày răm môi tháng, tại giảng đường này, các vi trời cõi Ba Mươi Ba vì chư thiên và loài người mà tư duy về ý nghĩa của ph§p." A-nan! Trong chốc lát, Vua Đảnh Sanh đã đến được cõi trời Ba Mươi Ba. Sau khi đên nơi, Vua Đảnh Sanh liên vào giảng đường Chánh Pháp. Bây giờ, Trời Đế-thích8 liền nhường một nửa tòa rồi mời vua ngồi. Vua Đảnh Sanh liền ngồi vào nửa tòa bên cạnh Đế-thích. Khi ấy5 Vua Đảnh Sanh và Trời Đế-thích không khác gì nhau: Anh sáng không khác, sắc diện không khác, dung mạo không khác và oai nghi lễ tiết cho đến y phục cũng không khác, chỉ đôi mắt nhắp nháy là khác nhau. Này A-nan! Một thời gian rất lâu về sau, Vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: “Ta có châu Diêm-phù giàu có vô cùng, vui sướng tột bậc, dân chúng đông đúc, lại có bảy báu, đủ ngàn người con, trong cung mưa báu bảy ngày, của báu dâng cao đến tận đầu gối. Ta còn có châu Cù-đà-ni, châu Phất-bà-tỳ-đà-đề9 châu Uất-đơn-viết. Ta đã được thấy chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba vân tập đại hội. Ta cũng được vào giảng đường Chánh Pháp, lại được Đế-thích nhường một nửa tòa ngồi. Ta ngồi trên nửa tòa bên cạnh Đế-thích. Ta và Đế-thích không khác gì nhau: Anh sáng không khác, sắc diện không khác, dung mạo không khác và oai nghi lễ tiết cho đến y phục cũng không khác, chỉ đôi mắt nhấp nháy là khác nhau. Nay có lẽ ta nên đuổi Đế-thích đi5 đoạt lấy nửa tòa kia để làm vua trời và người, tùy ý tự tại."

7 Trú B.Xem chú thích 2, kinh số 2, tr. li. 8 Đế-thích ,vua cõi trời Đao-lợi.

60. KINH BỐN CHÂU 337

[0495c02] Này A-nan! Khi Vua Đảnh Sanh vừa khởi niệm này, bất giác rơi xuống châu Diêm-phù, mất như ý túc, phát bệnh rất nặng. Lúc vua sắp băng hà, các cận thần đến bên vua, thưa: "Tâu Thiên vương! Nếu có Phạm chí, cư sĩ hay thần dân nào đến hỏi chúng thân răng: 'Lúc sắp băng hà, Thiên vương có ban bố những gì không9 thì chúng thần phải trả lời thế no?" Bấy giờ, Vua Đảnh Sanh trăn trối với các cận thần: "Nêu có Phạm chí, cư sĩ hay thần dân nào đến hỏi các khanh: 'Lúc sắp băng hà, Vua Đảnh Sanh đã ban bố những gi' thì các khanh nên đáp như vầy: 'Vua Đảnh Sanh đã được châu Diêm-phù, nhưng đến khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được bảy báu, nhimg đến khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã có đủ một ngàn người con, nhưng đến khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã có bảy ngày mưa báu trong cung, nhưng đến khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Cù-đà-ni5 nhưng đến khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Phất-bà-tỳ-đà- đề, nhimg đến khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu uất-đơn-viết, nhưng đen khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh

Sanh đã thấy chư thiên tụ hội, nhưng đến khi băng hà vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được hưởng đầy đủ năm thứ dục lạc là sắc, thanh, hương, vị và xúc, nhưng đen khi băng hà vẫn chưa thỏa man.9 Nêu có vị Phạm chí, cư sĩ hay than dân nào đến hỏi các khanh rằng: 'Lúc sắp băng hà, Vua Đảnh Sanh đã ban bố những gi' thì các khanh nên trả lời đúng như vay." Bay giơ, The Ton liên noi kê: Bậc Hiền trí thấy rõ, Tham vui ít, khổ nhiều, Dù trời mưa bảy báu, Tham chưa đầy bao nhiêu. Bậc trí quán như vầy, Dù vàng bạc chất đay, Cao như dãy núi Tuyêt, vẫn chưa đủ mảy may, Được năm dục cõi trời, Chẳng cho đó là vui, Dứt ái, không đắm dục, Đệ tử Phật thường vui. Rồi đức Phật dạy: Này A-nan! Thầy nghĩ rằng Vua Đảnh Sanh xưa kia là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như the! Nên biết rằng nhà vua ấy chính là Ta vậy. A-nan! Lúc ấy, Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người và làm lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian, vì chư thiên và loài người mà mong càu ý nghĩa và lợi ích, mong càu an ổn và hân hoan. Thế nhưng lúc ấy, Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo thanh tịnh, không rốt ráo Phạm hạnh. Vì Phạm hạnh không rốt ráo nên lúc ấy Ta không thể thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũnẹ chưa thể thoát khỏi hết thảy khổ đau. Này A-nan! Nay Ta thị hiện ở đời, là đang Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điêu

Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người và làm lợi ích cho nhiều người, thương xót thê gian, vì chư thiên và loài người mà mong câu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ôn và hân hoan. Nay Ta thuyêt pháp đã đên chô rót ráo, thanh tịnh rót ráo và Phạm hạnh rốt ráo. Khi Phạm hạnh đã rốt ráo, Ta lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não và đã thoát khỏi mọi kho đau. [0496al2] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành.

61. KINH VÍ DỤ VỀ PHÂN BÒ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có vị Tỳ-kheo ở nơi thanh văng, tĩnh tọa tư duy roi suy nghĩ như vây: "C6 sác nào thường trụ, không biến đổi, hoàn toàn vui thích và tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành và thức nào thường trụ, không biến đổi, hoàn toàn vui thh và ton tại vĩnh viễn chăng?,^ Thế rồi, vào lúc xế chiều, Tỳ-kheo ấy rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay con ở nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy rồi suy nghĩ như vây: "C6 sác nào thường trụ, không biên đôi, hoàn toàn vui thích và tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành và thức nào thường trụ, không biến đổi, hoàn toàn vui thích và tồn tại vĩnh viễn chăng?^, Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Không có sắc nào thường trụ, không biến đổi, hoàn toàn vui thích và tồn tại vĩnh viễn. Không có thọ, tưởng, hành và thức nào thường trụ, không biến đổi, hoàn toàn vui thích và tồn tại vĩnh viễn. Rồi Thế Tôn dùng móng tay gạt một ít phân bò12 và hỏi: -Này Tỳ-kheo! Thầy có thấy Ta dùng móng tay gạt một ít phân bò chăng? Vi Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Con có thấy. [0496b0l] Đức Phật dạy: -Này Tỳ-kheo! Cũng vậy, không có săc nào thường trụ, không biên đôi, hoàn toàn vui thích và ton tại vĩnh viễn, dù chỉ chút ít. Cũng vậy,

không có thọ, tưởng, hành và thức nào thường hằng, không biến đổi, hoàn toàn vui thích và tồn tại vĩnh viễn cả9 dù chỉ chút ít. Vì sao như vậy?

1 Nguyên tác: Ngưu phẩn dụ kinh (roi. 0026.61. 0496al5). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.264. 0067C04); Tăng.(T.02. 0125.24.4. 0617b0); s. 22.96 - III. 143. 2 Ngựuxphẩn (,gomợyo): Phân bò, cũng gọi là "cùmadi"()hogc “CỊr-ma"().Những tín đồ An giáo cho rang ngưu phẩn là vật rát sạch sẽ, thanh tịnh.

Này Tỳ-kheo! Ta nhớ thuở xưa đã từng tu tạo phước lành trong một thời gian rất dài. Nhờ phước đã tu tạo ấy nên ở nhiều đời, Ta được hưởng quả báo phước lạc. Này Tỳ-kheo! Thuở xưa kia, Ta tu hạnh tâm từ trong bảy năm, nhờ vậy mà thế giới này trải qua bảy kiếp thành rồi hoại nhưng Ta vẫn chưa trở lại thế gian này. Vào thời kiếp hoại, Ta sanh về cõi trời Hoảng Dục.3 Vào thời kiếp thành, Ta sanh về cung điện trống không của Phạm thiên, ở trong cõi Phạm, Ta làm Đại Phạm thiên. Rồi trải qua một ngàn lần tái sanh về những nơi khác, Ta làm vua trời Tự Tại, ba mươi sáu lần tái sanh làm trời Đế-thích, rồi trải qua vô lượng lần tái sanh làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi.4 Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn, được phủ bộ bành voi rất đẹp, trang sức châu báu, đeo chuỗi ngọc trắng. Voi chúa Vu-sa-hạ5 làm đầu đàn. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Saiửi dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn con ngựa, được phủ bộ yên cương rất đẹp, trang sức châu báu, đeo vòng vàng bạc. Ngựa chúa Mao Mã6 làm đầu đàn. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi? Ta có tám vạn bốn ngan co xe, được lam băng bôn loại bau, dung các loại da quy bau, đu mau cua các loài thú như sư tử, cọp beo, dệt thành những tấm hoa văn nhiều màu sắc để trang sức. cỗ xe chạy nhanh nhất gọi là Lạc Thanh,7 làm xe dẫn đầu. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn thành lớn, giàu có tột cùng, dân chúng đông đúc và chọn thành Câu-xá- hoa-đê8 làm kinh thành. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn lau đài, được làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chánh Pháp điện9 là uy nghi lộng lẫy nhất. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa, làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh, nệm lót được dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương.10

3 Hoảng Dục thiên ,Ābhassarā còn gọi Quang Âm thiên ,Cực Quang thiên . 4 Sát-lợi Đảnh Sanh vương Khattiyā muddhāvasittā. 5 Vu-sa-hạ tượng vương Uposathanāgarāja. 6 Mao mã vương Valāhaka assarājā. 7 Lạc Thanh xa Vejayantaratha. 8 Câu-xá-hòa-đê Kusāvatī. 9 Chánh Pháp điện Dhammapsda. 10 Ca-lăng-già-ba-hòa-la ba-già-tất-đa-la-na •gQVára paccattharaụã, một loại vật liệu bọc bên ngoài bằng da sơn dương cực tốt.

Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn bộ ỵ phục, như là y phục bằng vải sô, y phục bằng gấm, y phục bằng lụa, y phục băng vải bông và y phục bằng da sơn dương. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lọi, Ta có tám vạn bốn ngàn mỹ nữ, thân thể tươi sáng, sạch sẽ thơm tho, xinh đẹp hơn người, không khác thiên nữ, dung săc đoan trang, ai thấy cũng thích, trang sức bằng đủ loại châu báu, chuỗi ngọc, tất cả đều thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những mỹ nữ thuộc dòng khác thì nhiều vô số. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lọi, có tám vạn bốn ngàn món ăn được sửa soạn, dâng cúng suốt ngày đêm, mong Ta dùng đến. [0496c03] Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món cực kỳ thơm ngon, thanh sạch, đầy đủ hương vị, là món Ta thường dùng. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn mỹ nữ kia, có thiếu nữ thuộc dòng Sát-lợi9 đoan chánh bậc nhất, dung sắc thù thắng, thường hầu hạ Ta. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn bộ y phục kia, có một bộ y phục đẹp nhát, hoặc băng vải sô? hoặc bằng gấm, hoặc băng lụa, hoặc bằng vải bông, hoặc bằng da sơn dương quý, là bộ y phục Ta thường mặc. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa kia, có một tòa trang nghiêm nhất được làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, nệm lót được dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa min màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương, là chỗ Ta thường nằm. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bôn ngàn lâu đài kia, có một lâu đài uy nghi nhất, được làm bằng vàng, hoặc bạc, hoặc lim ly, hoặc thủy tinh, có tên Chánh Pháp điện, là nơi Ta thường ở. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành hưng thịnh nhất, giàu có tột cùng, dân chúng đông đúc, tên Câu-xá-hòa-đê9 là nơi Ta thường cư ngụ. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ xe chạy nhanh nhất tên Lạc Thanh, dùng các loại da quý báu, đủ màu của các loài thú như sư tử, cọp beo, dệt thành những tấm hoa văn nhiều màu sắc để trang hoàng, là cỗ xe Ta thường ngự để đi quan sát lầu quán, nhìn ngắm vườn cảnh. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn con ngựa kia, có một con thân màu xanh biếc, đầu ệiống như quạ? tên Mao mã vương, Ta thường cưỡi nó đi quan sát lau quán, ngắm nhìn vườn cảnh. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một con toàn thân màu trắng tinh, bảy chỗ đều uy dũng,11 tên là Vu-sa-hạ, Ta thường cưỡi nó đi quan sát lầu quán, ngắm nhìn vườn cảnh.

11 Nguyên tác: Thất chi tận chánh ;,cũng viết là Thất xứ bình trụ ,Thất xứ mãn .Theo Pham-ma kinh^ỊỘL 0026.161. 0686Ồ25, đó là 2 chân trước, 2 chân sau, 2 vai và cô .

342 KINH TRƯNG A-HÀM

Này Tỳ-kheo! Bấy giờ Ta nghĩ rằng: "Đó là do phước quả g12 do phước báu gì mà ngày nay Ta có thần thông lớn, uy đức lớn, phước đức lớn và uy thần lớn như thế” Này Tỳ-kheo! Ta lại nghĩ: "Nhờ ba phước quả, nhờ ba phước báu khiến Ta ngày nay có thần thông lớn, uy đức lớn, phước đức lớn và uy thân lớn, đó là bô thí, điều phục và thủ hộ.,ỉ3 Này Tỳ-kheo! Thầy hãy quán sát rằng, tất cả những gì mình có được thì cuối cùng cũng sẽ mất đi, ngay cả thần thông như ý rồi cũng mất đi. Này Tỳ-kheo! Thầy nghĩ thế nào? sắc là thường hay vô thường? [0497a01] Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn! Là vô

thường. -Nếu là vô thường thì khổ hay không khổ? Bạch Thế Tôn! Là khổ, là biến đổi. -Nếu các pháp là vô thường, là khổ, là biến đổi thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên cho rằng: “Cái này là ta, cái này là của ta, ta là của cái kia" chăng? Bạch Thế Tôn! Không nên. -Này Tỳ-kheo! Thầy nghĩ thế nào? Thọ, tưởng, hành và thức là thường hay vô thường? -Bạch Thế Tôn! Là vô thường. -Nếu là vô thường thì khổ hay không khổ? -Bạch Thế Tôn! Là khổ, là biến đổi. -Nếu các pháp là vô thường, là khổ, là biến đổi thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên cho rang: "Cái này là ta, cái này là của ta, ta là của cái kia” chăng? Bạch Thế Tôn! Không nên. -Như vậy, này Tỳ-kheo! Thầy nên học như vầy: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc gần? hoặc xa; tất cả những thứ ấy đều chẳng phải là ta, chẳng phải là của ta và ta cũng chẳng phải của chúng. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. Những gì thuộc về thọ, tưởng, hành và thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô5 hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ ấy đều chẳng phải là ta, chẳng phải là của ta và ta cũng chẳng phải của chúng. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. Này Tỳ-kheo! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đã quán như thế thì liền nhàm chán sác, nhàm chán thọ, nhàm chán tưởng, nhàm chán hành và nhàm chán

12 Nguyên tác: Nghiệp quả .Do được dùng với nghĩa tích cực nên gọi là t4phước qui'. 13 Nguyên tác: Nhất giả bố thí, nhị giả điều ngự, tam giả thủ hộ .

thức. Do nhàm chán nên không còn tham muốn. Do không còn tham muốn nên giải thoát. Sau khi giải thoát thì biết đã giải thoát và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bấy giờ, nghe đức Phật thuyết pháp như vậy, Tỳ-kheo ấy khéo ghi nhận, khéo thọ trì, liền đứng dậy đảnh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Sau khi thọ trì lời Phật dạy, Tỳ-kheo ấy liền sống một mình với hạnh viễn ly, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Vì đê sông một mình với hạnh viễn ly, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, thế nên người thiện nam ấy đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo? chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Như vậy, Tỳ-kheo ấy đã biết pháp,... (cho đến) chứng đắc quả vị A-la-hán. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

62. KINH VUATẮN-BÃ-SA-LA QUY HƯỚNG PHẬT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một ngàn vị Tỳ-kheo đều là những bậc Vô trước, Chí chân, vốn xuất thân từ những đạo sĩ bện tóc, du hóa nước Ma-kiệt-đà1 2 rồi đến thành Vương Xá, kinh đô của nước Ma-kiệt-đà. Bấy giờ, Tần-bà-sa-la?3 vua nước Ma-kiệt-đà, nghe tin đức Thế Tôn cùng đại chúng một ngàn vi Tỳ-kheo đều là những bậc Vô trước, Chí chân, vốn xuất thân từ những đạo sĩ bện tóc, du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, đã đến thành Vương Xá,

kinh đô của nước Ma-kiệt-đà, liền tập hợp bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ, cùng vô số thuộc hạ, xếp thành hàng dài hơn một do-diên4 rồi đi đến chỗ Phật. Từ xa, trông thấy Vua Tần-bà-sa-la đang đến, đức Phật liền rẽ sang đường,5 đến bên cây Thiện Trụ Ni-câu-loại lớn nhất rồi trải ni-sư-đàn6 và ngồi kiết-già cùng chúng Tỳ-kheo. Tần-bà-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà, trông thấy đức Thế Tôn ngồi giữa khu rừng, đoan chánh rạng ngời như vầng trăng giữa các vì sao, tỏa sáng rực rỡ tựa như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, uy nghiêm sừng sững, các căn vắng lặng, không bi ngăn che, thành tựu điều phục, tâm tư tĩnh lặng. Thấy như vậy rồi? nhà vua liền xuống xe. Như các vị vua dòng Sát-lợi đã được rưới nước lên đỉnh đầu7 để làm bậc chúa tể của loài người, thống trị khắp các cõi, có đủ năm loại nghi trượng là kiêm, lọng, mũ thiên quan, phát trân cán ngọc và hài thêu, nhưng khi đên đây,

1 Nguyên^tác: Tần-tỳ-sa-la vương nghinh Phật kỉnh roi. 0026.62. 0497Ồ02. Thamchieu: Tan-ba-sa-lavươngkinh^roi. 0041.0825a19; Tạp. B r.O2.0099.1074. 0279al2; Biệt Tạp.r.02. 0100.13. 0377al4; Soạn tập bách duyên kinh T.04. 0200.2.19. 02Ì2b06; Mv. 1.22. 2 Nguyên tác: Vương Xá thành Ma-kiệt-đà ấp ."Áp"& đây chỉ cho kinh đô của đất nước. 3 Nguyên tác: Tần-tỳ-sa-la Bimbisāra, còn có âm khác là Tần-bà-sa-la .

4 Do-diên ,yojana. Xem chú thích 4, kinh số 2, tr. 11. 5 Nguyên tác: Tỵ đạo :Tránh khỏi đường đang đi, là lễ tiết thời xưa, thể hiện sự tôn kính khi gặp bậc Ton trưởng trên đường. Trong ngữ cảnh nay không mang nghĩa theo từ nguyên. 6 Ni-sư-đàn nỉsīdană'. Tọa cụ.

7 Theo truyền thống Ấn Độ thời cổ, một vi vualEn ngôi đúng pháp phải thông qua nghi lễ Quán đảnh, tức vị chủ tế dùng nước thiêng rưới lên đảnh đầu tân vương.

nhà vua đã cởi bỏ tất cả rồi cùng với bốn binh chủng đi bộ đến chỗ đức Phật. Đen nơi, nhà vua cung kính đảnh lễ và ba lần tự xưng danh tánh: Bạch Thế Tôn! Con là Tẩy-ni Tần-bà-sa-la98 vua nước Ma-kiệt-đà. Đức Phật bảo: -Đại vương! Đúng vậy, đúng vậy! Ngài là Tây-ni Tân-bà-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà. Sau khi Tây-ni Tân-bà-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà tự xưng danh tánh ba lân và đảnh lễ Phật xong, liền ngồi sang một bên. Những người xứ Ma-kiệt-đà kia, có người đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên, có người thăm hỏi Phật rồi ngồi sang một bên, có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi sang một bên hoặc có người từ xa nhìn Phật rồi lặng lẽ ngồi xuống. Bấy giờ, Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp9 cũng đang ngồi trong chúng. Tôn giả được người xứ Ma-kiệt-đà rất kính trọng, ton xưng là bậc Đại Tôn sư, bậc Chân nhân, Vô trước. Thế rồi, họ đều nghĩ như vầy: "Sa-m6n Cù-đàm theo Uất-tỳ-la Ca-diếp học Phạm hạnh? Hay uất-tỳ-la Ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh?^, [0497c04] Khi ấy5 biết tâm niệm phân vân của những người Ma-kiệt-đà kia, đức Phật liền hướng về Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp và nói kệ: Ca-diêp thây những gì, Mà bỏ lửa đên đây? Hãy nói cho Ta biết, Vì sao lửa không thờ? [Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp thưa:] Vì dục mà thờ lửa, Uống ăn đủ vị ngon, Nay đã thấy vậy rồi9 Nên không thích thờ nữa! [Đức Phật nói kệ:] Uống ăn đủ các vị, Sao Ca-diếp

không ưa? Hãy nói cho Ta biết, Sao không thích trời, người? [Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp thưa:] Thấy tịch tĩnh, vô vi, Diệt sạch gốc tham dục, Không còn thích cõi trời, Cho nên không thờ lửa. Thế Tôn là tối thắng, Hết sạch ý niệm tà, Hiểu các pháp rõ ràng, Con thọ pháp tối thắng. LÚC áy, The Ton bao: Này Ca-diếp! Nay thầy hãy hóa hiện thần thông10 để chúng hội này đều có được niềm tin và sự hoan hỷ.

8 Nguyên tác: Tẩy-ni Tần-tỳ-sa-la .Đây là thuần túy phiên âm từ chữ Seniya Bimbisāra. Theo ngài Dhammapāla trong UdA. 104, sở dĩ tồn xưng mỹ hiệu Seniya vì nhà vua có quân đội hùng mạnh. 9 Uất-tỳ-la Ca-diếp ,Uruvela Kassapa. 10Nguyên tác: Hiện ïihựý túg .“Nhu ý?„iddhi cũng mang nghĩa là thần thông; "túc" .pada. Biệt Tạp.7.02.0100.13. 0377b23 ghi la “hiên thầnbiến^, .Trong ngư cảnh này, "Hiện như ý túc" được hiên là sự hóa hiện thần thông. J J

62. KINH VUA TẦN-BÀ-SA-LA QUY HƯỚNG PHẬT 347

LÚC đó, toàn thân Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp bất động rồi nhập thiền định và hóa hiện thần thông như:11 Biến mất khỏi chỗ đang ngồi, rồi hiện thân ở phương Đông, bay lên hư không, hiển hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập Hỏa định,11 vào Hỏa đinh rồi từ trong thân phóng ra vô số tia lửa đủ màu 1213 xanh, vàng, đỏ, trắng và màu thủy tinh. Thân dưới phóng ra lửa thì thân trên phun ra nước, thân trên phóng ra lửa thì thân dưới phun ra nước. Cũng thê, Tôn giả lại hiện thân ở phương Nam, phương Tây và phương Bác, rồi bay lên hư không, hiển hiện đầy đủ bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Ke đó, Tôn giả cũng nhập Hỏa định, vào Hỏa định rồi từ trong thân phóng ra vô số tia lửa đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng và màu thủy tinh. Thân dưới phóng ra lửa thì thân trên phun ra nước, thân trên phóng ra lửa thì thân dưới phun ra nước. Sau khi hiển hiện thần thông như thế xong, Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp liền đảnh lễ Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Phật là thầy của con, con là đệ tử của Phật. Ngài có nhất thiết trí,13 con không có nhất thiết trí. [0498a01] Đức Phật bảo: -Đúng thế, Ca-diếp! Đúng thế, Ca-diếp! Ta có nhất thiết trí, còn thầy không có nhất thiết trí. Bấy giờ, Tôn giả uất-tỳ-la Ca-diếp vì chính mình mà nói kệ: Thuở xưa không biết gì, Thờ lửa câu giải thoát, Già chưa hết ngu si, Mê mờ không thấy đạo.14 Nay con thấy dấu đạo, Đấng Vô Thượng chỉ bày, Vô vi, thoát hết khổ, Dứt sanh tử từ đay. Sau khi nghe thấy như vậy, những người xứ Ma-kiệt-đà liền nghĩ: "Không phải Sa-môn Cù-đàm theo uất-tỳ-la Ca-diếp học Phạm hạnh mà chính uất-tỳ- la Ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh." Biết suy nghĩ của những người xứ Ma-kiệt-đà, đức Thế Tôn liền thuyết pháp cho Tẩy-ni Tần-bà-sa-la vua nước Ma-kiệt-đà nghe và mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho nhà vua hoan hỷ xong, theo đúng pháp của

11 Nguyên tác: Như kỳ tượng tác như ý túc .Trước hết, cấu trúc í4Như kỳ tượng” là cách diễn đạt văn tắt của cú ngữ "Nhu kỳ tượng điĩlh,, E hy ^Nhu kỳ tượng tam-muọi^ hay "Nhu kỳ tirợng tam-muoi chanh thọ^ .Theo Pāli- Hản từ mdo Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, 4tNỊ^kỳnrợng dịuir có nghĩa là giông như hình tượng bát động roi nhập định .Thứ hai, "tác như ý tú”Ễ nga là hóa hiện thần thông. Hai bản dị

dịch sau đây có cùng quan điểm. Với Tan-ba-sa-la vương kinh 0041. 0825cl5: ;và Biệt Tạp. rx2. 0100.13. 0377024:. 12 Hỏa đinh ,vào định này có thể làm thân hành giả phóng ra lửa. 13 Nhất thiết trí ,Sabbañāna:Tn rõ biết tổng tướng của tất cả các pháp, một trong 3 trí mà bậc Chánh Đẳng Giác đạt được, đó là Nhất thiết trí, Đạo chủng trí và Nhất thiêt chủng trí. 14 Nguyên tác: Chân Chân tánh bình đẳng, nhất như.

chư Phật, trước hết, Thế Tôn thuyết về các hạnh lành cơ bản, khiến người nghe vui mừng. Ngài giảng về bố thí, về trì giới, về pháp sanh thiên, chê trách tham dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm là thanh tịnh. Thế Tôn đã nói cho nhà vua nghe những pháp như thế. Sau khi Ngài biết nhà vua đã có tâm hoan hỷ5 tâm đầy đủ, tâm nhu hòa, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm chuyên nhất, tâm hết nghi ngờ, tâm không bị che lấp, đủ năng lực thọ rũiận Chánh pháp rồi, theo đúng pháp thức của chư Phật, kế đó Thế Tôn thuyết pháp chánh yêu, giảng về khổ, tập, diệt, đạo cho nhà vua nghe. Phật dạy: Này Đại vương! sắc sanh diệt, Đại vương nên biết sắc sanh diệt. Đại vương! Thọ,15 tưởng, hành và thức cũng sanh diệt, Đại vương nên biết thức sanh diệt. Này Đại vương! Giống như khi mưa lớn, nhiều bọt nước nổi trên mặt nước roi biên mát liên tục, săc sanh diệt cũng như vậy, Đại vương nên biêt săc sanh diệt. Đại vương! Thọ, tưởng, hành và thức sanh diệt, Đại vương cũng nên biết thức sanh diệt. Đại vương! Nếu người thiện nam nào biết được sắc sanh diệt, liền biết sắc ấy không sanh khởi lại ở tương lai. Nếu người thiện nam nào biết thọ, tưởng, hành và thức sanh diệt, liền biết thức ấy không sanh khởi lại ở tương lai. Đại vương! Nêu người thiện nam nào biêt đúng như thật vê sác thì không chấp trước sắc, không phân biệt sắc, không đắm nhiễm sắc, không trụ nơi sắc, không ưa thích cho rằng sắc là ta. Nấu người thiện nam nào biết đúng như thật về thọ, tưởng, hành và thức thì cũng không chấp trước thức, không phân biệt thức, không đắm nhiễm thức, không trụ nơi thức, không ưa thích cho rằng thức là ta. Đại vương! Nếu người thiện nam không chấp trước sắc, không phân biệt sac, không đăm nhiêm săc? không trụ nơi săc? không ưa thích cho răng sác là ta thì không thọ nhận sắc ở tương lai. Nếu người thiện nam không chấp trước thọ, tưởng, hành và thức, cũng không phân biệt thức, không đắm nhiễm thức, không trụ nơi thức, không ưa thích cho rằng thức là ta thì không thọ nhận thức ở tương lai. Đại vương! Có vô số, không thể tính kể, không có hạn lượng những người thiện nam ấy đã chứng đắc tịch tĩnh, nếu xả bỏ thân năm ấm này thì sẽ không còn thọ thân năm ấm khác nữa. [0498007] Bấy giờ, những người xứ Ma-kiệt-đà suy nghĩ: “Nếu sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành và thức cũng vô thường thì ai tạo tác, ai thọ nhận khổ vui?99 Biết suy nghĩ trong tâm họ rồi, Thế Tôn liền bảo Tỳ-kheo: Những kẻ phàm phu mê muội, không chút hiểu biết, thấy ngã là ngã5 roi dính măc nơi ngã, nhưng thật ra không có ngã, không có ngã sở. Vì ngã là không và ngã sở cũng là không. Pháp sanh khởi thì gọi là sanh, pháp tan hoại

15 Nguyên tác: Giác ,cách dịch khác là "thQ” hoặc ucảm th".

thì gọi là diệt, hết thảy đều do nhân duyên hội tụ mà sanh ra khổ, nếu không đủ nhân duyên thì khổ ấy liền tiêu diệt. Chúng sanh do nhân duyên tụ hội liên tục nên sanh khởi ra các pháp. Như Lai thấy rõ sự sanh khởi liên tục của chúng sanh nên mới nói: "C6 sanh ắt có tử" Bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, Như Lai thấy chúng sanh này lúc chết lúc sanh, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc tốt hoặc không tốt, qua lại cõi lành hay cõi ác đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ây đã tạo. Như Lai thây đúng như thật vê chúng sanh đó: Nêu chúng sanh nào thân làm việc ác? miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, hủy báng Thánh nhân, tà kiến và tạo nghiệp tà kiến thì do nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chan sẽ đi đến cõi ác hoặc đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, không hủy báng Thánh nhân, chánh kiến và thành tựu nghiệp chánh kiến thì nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ đi đến cõi lành hoặc sanh lên cõi trời. Như Lai biết chúng sanh kia như vậy, nhưng không cho rằng: "Đây là ngã, vì có thể cảm thọ, có thể nói năng, tự mình làm hoặc bảo người làm, tự sanh khởi hoặc làm cho sanh khởi, ở nơi này hoặc chốn kia thọ nhận quả báo thiện ác." ở đây, hoặc có người suy nghĩ như vầy: "Diều này không phù hợp, điều đó không đứng vững. Nghiệp của người kia theo đúng pháp thì nhân có cái này mà cái kia sanh, nếu không có cái này thì cái kia không sanh, vì có cái này nên mới có cái kia, nếu cái này diệt thì cái kia cũng diệt theo." Đó gọi là do duyên vô minh mà có hành,...(cho đến) do duyên sanh mà có già chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) sanh diệt thì già chết diệt. -Này Đại vương! Ngài nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? [0498c01] Vua thưa: -Bạch Thế Tôn! Là vô thường. Đức Phật hỏi: Nếu là vô thường thì khổ hay không khổ?

Vua thưa:

- Bạch Thế Tôn! Là khổ, là biến đổi.

Đức Phật hỏi:

-Nếu các pháp là vô thường, là khổ? là biến đổi thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên cho rằng: “cai này là ta, cái này là của ta, ta là của cái kia" chăng?

Vua thưa:

Bạch Thế Tôn! Không nên.

Đại vương! Ngài nghĩ thế nào? Thọ, tưởng, hành và thức là thường hay vô thường?

Vua thưa:

-Bạch Thế Tôn! Là vô thường.

Đức Phật hỏi: - Nếu là vô thường thì khổ hay không khổ? Vua thưa: -Bạch Thế Tôn! Là khổ, là biến đổi. Đức Phật lại hỏi: Nếu các pháp là vô thường, là khổ, là biến đổi thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên cho rằng: "Cái này là ta, cái này là của ta, ta là của cái kia" chăng? Vua thưa: - Bạch Thế Tôn! Không nên. —Vậy thi, này Đại vương! Ngài nên học như vầy: Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả những thứ ấy đều chẳng phải là ta, chẳng phải là của ta, ta cũng chẳng phải của chúng, hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. Này Đại vương! Những gì là thọ, tưởng, hành và thức,

hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ ấy đều chẳng phải là ta, chẳng phải là của ta, ta cũng chẳng phải của chúng, hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật. Này Đại vương! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đã quán chiếu như thế thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, nhàm chán tưởng, nhàm chán hành và nhàm chán thức. Do nhàm chán mà kh6ng còn tham dục, do không còn tham dục nên giải thoát. Sau khi giải thoát thì biêt đã giải thoát và biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Đức Phật nói bài pháp này xong, Tây-ni Tân-bà-sa-la5 vua nước Ma-kiệt-đà liền xa lìa trần cấu, đạt được cái thấy đúng như thật về các pháp. Tám vạn chư thiên cùng một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà cũng xa lìa tran cấu, đạt được cái thấy đúng như thật về các pháp. Bấy giờ, Tẩy-ni Tần-bà-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đà đã thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không nương ai khác, không còn do dự9 đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn, được Vô sở uy. Thế rồi? nhà vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Từ nay con xin tự quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Từ nay trở đi con nguyện quy y Tam bảo cho đến khi qua đời! Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp như vậy rồi, vua nước Ma-kiệt-đà Tẩy- ni Tân-bà-sa-la cùng tám vạn chư thiên, một vạn hai ngàn người nước Ma-kiệt- đà và một ngàn Tỳ-kheo thảy đều hoan hỷ phụng hành.16

16 Bản Hán, hết quyển 11.

63. KINH TỲ-BÀ-LĂNG-KỲ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Câu-tát-la.12 Bây giờ, Thê Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo đang đi trên đường, bông nhiên Ngài mỉm cười hoan hỷ. Thấy như vậy, Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng Phật và thưa: -Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nếu không có nhân duyên gì thì không bao giờ mỉm cười. Con muốn được nghe về ý nghĩa đó. Bây giờ, The Ton bao: - Này A-nan! Ngay tại nơi này, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã từng ngồi và thuyết pháp cho chúng đệ tử. Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền nhanh chóng trải tọa cụ ngay nơi ấy, rồi chắp tay hướng Phật và thưa: -Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn cũng ngồi tại đây mà thuyết pháp cho chúng đệ tử. Như vậy, chỗ này là nơi hành đạo của hai đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ mà Tôn giả A-nan đã trải. Sau khi đã ngồi xuống, Ngài bảo: -Này A-nan! Ngay tại nơi này5 có một giảng đường vào thời đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã ngồi trong giảng đường ấy để thuyết pháp cho chúng đệ tử. Này A-nan! Thuở xưa, ở nơi này có thôn tên Tỳ-bà-lăng-kỳ3 giàu có vô cùng, dân chúng đông đúc. Trong thôn có Phạm chí đại trưởng giả tên Vô Nhuế, giàu sang tột bậc, của cải vô số, sản nghiệp vật nuôi không thể tính kể, phong hộ thực ấp4 mọi thứ đầy đủ. Này A-nan! Phạm chí đại trưởng giả Vô Nhuế có người con thiếu niên tên Ưu-đa-la95 được cha mẹ nuông chiều, sanh trong gia

1 Quyển 12. Nguyên tác: Tỳ-bà-lăng-kỳ kinh T.Ol. 0026.63. 0499a09. Tham chiếu: Phật thuyết Hưng khởi hạnh kinh T.04. 0197.10. 0172c05; M. 81, Ghatikāra Sutta Kỉnh Ghatikāra; s. 1.40 - L 35. 2 Câu-tát-la ,Kosala còn gọi Kiêu-tát-la ,Cư-tát-la ,Câu-xá-la . 3 Tỳ-bà-lăng-kỳ ,VebhaỊinga,
một thị trấn thuộc nước Câu-tát-la. 4 Phong hộ thực ấp :Đất đai do nhà vua phong tặng. 5 Ưu-đa-la .M. 81 ghi là Jotipalā.

đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn giữ gìn huyết thống, đời đời không bi pha tạp,6 học rộng hiểu nhiều, thông thuộc bốn bộ Vệ-đà,67 am tường năm thể tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cổ sử.8 Này A-nan! Thiếu niên Ưu-đa-la có người bạn hiền làm nghề thợ gốm tên Nan-đề-ba-la?9 thường được Ưu-đa-la quý mến, gặp gỡ chuyện trò không biết nhàm chán. [0499Ồ04] Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la đã quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi tôn quý, không nghi ngờ chân lý khổ5 tập, diệt, đạo; có chánh tín, giữ giới, học rộng, hay bố thí, thành tựu trí tuệ? xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng. Đối với việc sát sanh, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc lấy vật không cho, đoạn trừ việc lấy vật không cho, được cho mới lấy, vui lòng nhận những gì được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không tiếc, không mong báo đáp. Đoi với việc lấy vật không cho, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa tà dâm,10 đoạn trừ tà dâm, siêng tu Phạm hạnh, gắng tu hạnh lành, thanh tịnh không nhiễm, lìa dục đoạn dâm. Đối với việc tà dâm, tâm vi ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gôm Nan-đê-ba-la xa lìa nói dôi, đoạn trừ nói dôi, chỉ nói lời chân thật, ưa sự chân thật, giữ tâm chân thật không hề dao động, hoàn toàn đáng tin, không dôi với đời. Đôi với việc nói dôi, tâm vị ây đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa nói chia rẽ9 đoạn trừ lời nói hai chiêu, không nói lời hai chiêu, không phá hoại người, không nghe chuyện người này roi nói lại người kia với ý phá hoại người này; không nghe chuyện người kia rồi nói lại người này với ý phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì khiến cho hoan hỷ? không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen bè đảng. Đoi với việc nói hai chiều, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gôm Nan-đê-ba-la xa lìa nói lời thô ác, đoạn trừ nói lời thô ác. Nêu có lời lẽ thô lỗ cộc cằn, nặng nề khó nghe, khiến người không vui, khiến người không thích, khiến người khổ não, không thể định tĩnh thì vị ấy

6 Sanh sanh vô ác :Đây nói về dòng dõi huyết thống. Tham chiếu: D. 4 ghi Anupakkuttho jātivādena không bị chê bai về phương diện huyết thống thọ sanh. J 7 Nguyên tác: Tứ điển kinh tức 4 bộ Vệ-đàxcíz/wr vẹdă, là Thánh điển căn bản
của Bà-la- môn giáo, cũng là tư tưởng chính thống trong xã hội Ân Độ cổ đại. Bốn bộ gồm: Rgveda, Sãmaveda, Ycỳurveda, Atharvaveda. 8 Nhân, duyên, chánh, văn, hy, ngũ cú thuyết H,l 5 thể tài pañcamānani mà một vị Bà-la-môn can phải
tinh ứiông mơi được gọi là Bà-la-môn thông đạt tam minh. Năm thể tai bao gôm: sanighanduketubhānam sākkharappabhedānaṃ itihāsapañcamānam danh nghĩa, lễ

nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm' HT. Thích Minh Châu dịch. Tham khảo them từ “ngũ cú thuyêt" trong Kỉnh Trung A-hàm vê 5 thê tài trong kinh điển Bà-la-môn. 9 Nan-đề-ba-la .Tham chiếu: M 81 ghi là Ghatikāra. 10 Nguyên tác: Phi Phạm hạnh ,abrahmacariya.

không nói những lời như vậy. Nếu có lời lẽ hòa nhã nhu thuận, nhẹ nhàng dễ nghe, đáng ưa đáng thích, khiến người an lạc, thanh âm rõ ràng, không làm người sợ, khiến người đinh tĩnh thì vị ấy nói những lời như vậy. Đối với việc nói lời thô ác, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, lời nói từ tốn, thích nói từ tôn, đúng thời đúng phép, khéo dạy khéo răn. Đối với việc nói thêu dệt, tâm vị ấy đã trừ sạch. [0499c01] Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa buôn bán, đoạn trừ buôn bán, từ bỏ cân đong và đau hộc, không tích trữ đau cơ, không ép giá người khác, không cân non đong thiếu, không vì lợi nhỏ mà lường gạt người. Đối với việc buôn bán, tâm vi ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận quả phụ, thiếu nữ, đoạn trừ việc nhận quả phụ, thiêu nữ. Đôi với việc nhận quả phụ và thiêu nữ, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận tôi tớ, đoạn trừ việc nhận tôi tớ. Đối với việc nhận tôi tớ? tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gôm Nan-đê-ba-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê5 đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê. Đoi với việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo. Đoi với việc nhận gà, heo, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá. Đối với việc nhận ruộng đất, quán xá, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu. Đối với việc nhận nếp, lúa, đậu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gôm Nan-đê-ba-la xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Đôi với việc uống rượu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gôm Nan-đê-ba-la xa lìa việc năm giường cao rộng, đoạn trừ việc nằm giường cao rộng. Đối với việc nằm giường cao rộng, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, phan sáp. Đối với việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, phấn sáp, tâm vị ây đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe, đoạn trừ việc ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe. Đôi với việc ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe, tâm vị ây đã trừ sạch.

Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc cất giữ vàng bạc, châu báu, đoạn trừ việc cất giữ vàng bạc, châu báu. Đối với việc cất giữ vàng bạc, châu báu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa ăn quá ngọ, đoạn trừ ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, tập ăn đúng thời. Đôi với việc ăn quá ngọ, tâm vị ấy đã trừ sạch. Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la trọn đời không cày cuốc, không tự tay đào đất, không bảo người đào, chỉ lấy đất sạt lở nơi bờ đê hoặc đất do chuột đào hang để

làm đồ gốm5 rồi đem ra trao đổi với người mua, bảo với họ: "Các vị nếu có đậu oản,11 lúa thóc, lúa mì? hạt mè, hạt cải thì đem đến đây, rồi mang đo gom này đi, tùy theo ý muon.^, Này A-nan! Thợ gốm Nan-đề-ba-la trọn đời phụng dưỡng cha mẹ, bởi cha mẹ mù lòa cần nơi nương tựa nên Nan-đề-ba-la hết lòng hầu hạ. [0500a04] Này A-nan! Khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Nan-đề-ba-la đi đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho ông ta, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho ông ấy, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ rồi, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ngồi yên lặng. Này A-nan! Sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ rồi, thợ gốm Nan-đề-ba-la từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi ra về. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, thiếu niên Ưu-đa-la cưỡi xe ngựa trắng cùng năm trăm thiếu niên khác từ thôn Tỳ-bà-lăng-kỳ đi đến một nơi thanh vắng để giảng dạy Thánh điển Vệ-đà11 12 cho chúng đệ tử từ nhiều nơi khác đến học. Giữa đường, thiếu niên Ưu-đa-la nhìn thấy Nan-đề-ba-la từ xa, liền tiến đến hỏi: - Này Nan-đề-ba-la, anh từ đâu đến đây? Nan-đề-ba-la đáp: Hôm nay, tôi đến cúng dường, đảnh lễ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, xong rồi đến đây. Này Ưu-đa-la! Anh có thể cùng tôi đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cúng dường, đảnh lễ không?

11 Nguyên tác: Oản đậu còn gọi là hồ đậu ,uyển đậu .Một loại đậu mà
ngày nay hay gọi là đậu Hà Lan, co tên khoa học là Pisum Sativum. J ' 12 Nguyên tác: Phạm chí thu ,chỉ cho Thánh điển Vệ-đà.

63. KINH TỲ-BÀ-LÀNG-KỲ 355

Thiếu niên ưu-đa-la đáp: -Này Nan-đề-ba-la! Tôi không muốn thấy Sa-môn trọc đầu. Sa-môn trọc đầu không thể đắc đạo, vì đạo khó chứng đắc. Nghe vậy, thợ gốm Nan-đề-ba-la liền nắm lấy búi tóc của thiếu niên ưu-đa- la rồi kéo xuống khỏi xe. Khi ấy, ưu-đa-la nghĩ: "Thợ gốm Nan-đề-ba-la này bình thường không bỡn cợt, không dễ nổi nóng nhưng nay lại nắm tóc mình, chắc có gì dây?" Nghĩ thế rồi, liền nói: -Nan-đề-ba-la! Tôi đi theo anh, tôi đi theo anh. Nghe vậy, Nan-đê-ba-la vui vẻ đáp: -Đi thì tốt lắm! Thế rồi, cả hai cùng đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đảnh lễ xong rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Nan-đề-ba-la thưa với đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rằng: -Bạch Thê Tôn! Thiêu niên Ưu-đa-la này là bạn của con, rát quý mên con, thường thích gặp con không hề biết chán, nhưng đổi với Thế Tôn thì bạn ấy không có lòng tôn kính và tin tưởng. Cúi mong Ngài hãy vì bạn áy mà thuyêt pháp, khiến bạn ấy hoan hỷ, có lòng tôn kính và tin tưởng Ngài. Khi ấy, đức Ca-diep Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vì thợ gốm Nan-đề-ba-la và thiếu niên Ưu-đa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiên được hoan hỷ cho hai vi ây xong, Ngài ngôi yên lặng. Bấy giờ, sau khi được nghe đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ xong, thợ

gốm Nan-đề-ba-la và thiếu niên Ưu-đa-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. [0500bll] Trên đường trở về, đi chưa được bao xa, thiếu niên Ưu-đa-la hỏi bạn: \ < -r

Này Nan-đê-ba-la! Anh đã được nghe pháp vi diệu như thê từ đức Ca-diêp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tại sao còn ở nhà? Sao không lìa bỏ gia đình để học Thánh đạo? Thợ gom Nan-đề-ba-la đáp: -Này Ưu-đa-la! Anh cũng biết là tôi phải trọn đời phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ mù lòa, cần nơi nương tựa, bởi vậy tôi phải ở nhà hầu hạ cha mẹ. Khi ấy, thiếu niên Ưu-đa-la hỏi: Này Nan-đề-ba-la! Tôi có thể theo đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, làm vi Tỳ-kheo? tu hành Phạm hạnh được chăng?

LÚC đó, thợ gốm Nan-đề-ba-la và thiếu niên ưu-đa-la liền quay lại chỗ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Đen rồi, hai người đảnh lễ đức Phật rồi ngồi sang một bên. Thợ gốm Nan-đề-ba-la bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trên đường trở về chưa được bao xa, thiếu niên Ưu-đa-la này hỏi con rằng: "Này Nan-đề-ba-la! Anh đã được nghe pháp vi diệu như thế từ đức Ca-diếp Như Lai, Vo Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tại sao còn ở nhà? Sao không lìa bỏ gia đình để học Thánh dạo?" Bạch Thế Tôn! Con đã trả lời: “Này Ưu-đa-la! Anh cũng biết là tôi phải trọn đời phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ mù lòa, cần nơi nương tựa, bởi vậy tôi phải ở nhà hầu hạ cha mẹ.,, Ưu-đa-la lại hỏi: “Này Nan-đề-ba-la! Tôi có thể theo đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác xuất gia học dạo, thọ giới Cụ túc, làm vị Tỳ-kheo, tu hành Phạm hạnh được chng?" Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy độ cho bạn con xuất gia học đạo, truyền giới Cụ túc đe bạn ấy được làm Tỳ-kheo. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác im lặng nhận lời. Sau khi biết đức Phật đã chấp thuận, thợ gốm Nan-đề-ba-la từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. [0500c06] Sau khi Nan-đề-ba-la ra về không lâu, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác độ cho thiếu niên Ưu-đa-la xuất gia học đạo, truyền trao giới Cụ túc. Sau khi độ ưu-đa-la xuất gia học đạo và thọ giới Cụ túc xong rồi, đức Ca-diếp Như Lai ở thôn Tỳ-bà-lăng-kỳ thêm vài ngày nữa, rồi Ngài đắp y, ôm bát cùng đại chúng Tỳ-kheo du hành, hướng đến thành Ba-la-nại,13 nước Ca-tư.1415Sau thời gian tuần tự du hành, Ngài đã đến thành Ba-la-nại, trú tại vườn Nai, 15 chỗ của các tiên nhân. Bấy giờ, Vua Giáp-tỳ16 nghe tin đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cùng đại chúng Tỳ-kheo du hành qua nước Ca-tư và đã đến thành Ba-la-nại, hiện đang tru tại vườn Lộc Dã, nhà vua liền bảo người đánh xe: Khanh hãy chuẩn bi xa giá! Hôm nay, trẫm muốn đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Tuân lệnh vua, người đánh xe liền chuẩn bị xa giá, xong rồi trở lại tâu: Thân đã chuân bị xe xong, xin Thiên vương ngự giá! Lúc ây? Vua Giáp-tỳ ngự trên xe báu, từ thành Ba-la-nại đi đên vườn Lộc Dã. Từ xa, nhà vua trông thấy đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở giữa rừng cây, thân tướng đoan chánh rạng ngời như vầng trăng giữa các vì sao, chói lọi tỏa sáng tựa như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, uy nghiêm sừng sững, các

13 Ba-la-nại ,,Bārānasī hay Varanasi. 14 Ca-tư Kāsī. 15 Nguyên tác: Tiên nhân xứ Lộc Dã viên ,Isipatana Migadāya, nơi này có rất nhiều nai rừng sinh sông nên gọi là Lộc Dã uyên hay Lộc Dã viên. Có thuyết cho rằng, chư tiên thường cư ngụ ở đây nên còn có tên "tiên nhân trụ xứ,?hay "tiên nhân xứ". q

16 Giáp-tỳ ,Kikin hay Kikī.

căn vắng lặng, không bị ngăn che, thành tựu sự tự chế ngự, tâm tư tĩnh lặng. Thấy vậy rồi, nhà vua liền xuống xe đi bộ đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Khi Vua Giáp-tỳ đã ngồi xuống, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác thuyết pháp cho vua nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ. Sau khi đã dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho nhà vua nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ rồi, Ngài ngồi yên lặng. Bấy giờ5 sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, Vo Sở Trước, Bả Chánh Giác mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ rồi, Vua Giáp-tỳ liền từ chỗ ngoi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng về đức Ca-diếp thưa: Cúi xin Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo ngày mai nhận lời mời cúng dường bữa cơm trưa của con! Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đảiig Chánh Giác vì Vua Giáp-tỳ mà im lặng nhận lời thỉnh. Biết Như Lai đã chấp thuận, nhà vua cúi đầu đảnh lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra, quay trở về cung. Đêm ấy, vua cho chuẩn bi đầy đủ món ăn thơm ngon, tinh khiết, với nhiều loại thức ăn mềm và cứng, ngay trong đêm đã bày biện hoàn tất. Sáng sớm hôm sau, vua cho trải chỗ ngồi rồi đến bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nay đã đến giờ, thức ăn dọn sẵn, cúi mong Thế Tôn đúng thời quang lâm. [0501a08] Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đắp y, ôm bát, cùng đại chúng Tỳ-kheo tháp tùng theo sau, đi đến cung điện của Vua Giáp-tỳ? rồi Ngài ngồi vào tòa phía trên các Tỳ-kheo. Thấy Phật và đại chúng đã ngồi xong, Vua Giáp-tỳ liền tự tay múc nước rửa, tự tay dâng cúng đay đủ món ăn thơm ngon tinh khiết, với nhiều loại thức ăn mềm và cứng, khiến Phật và đại chúng được no đủ. Thọ thực rồi thu dọn bát, lấy nước rửa xong, vua lấy cái ghế nhỏ ngồi sang bên cạnh nghe pháp. Vua Giáp-tỳ ngồi xuống rồi, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác liền thuyết pháp cho vua, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến vua được hoan hỷ xong, Phật ngồi yên lặng. Sau khi được nghe Như Lai thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiên được hoan hỷ rồi, Vua Giáp-tỳ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng về đức Phật thưa: Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con mà an cư mùa mưa tại thành Ba-la-nại này. Con xin xây cát năm trăm gian phòng, săm sửa năm trăm giường nệm và chăn bằng lông dê,17 gạo trắng, cũng như các loại

17 Nguyên tác: Câu chấp ()hay Ucâu nhiếp,, ().Theo Nhất thiết kinh âm nghĩa (r.54. 2128.26. 0472c19), giống tâm thảm len, dài, một mặt có lông, màu đen. Nhóm 6 Tỳ-kheo đã khoác ngược (khoác phân lông thú ra bên ngoài) ban đêm giả ma quỷ đê dọa nhát các Tỳ-kheo khác.

thức ăn, những vật phẩm như vua dùng để dâng lên cúng dường Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo! Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác bảo Vua Giáp-tỳ: -Thôi, thôi, Đại vương! Chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ. Vua Giáp-tỳ ba lần chắp tay hướng về đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thưa thỉnh: -Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con mà an cư mùa mưa tại thành Ba-la-nại này. Con xin xây cất năm trăm gian phòng, sam sửa năm trăm giường nệm và chăn bang lông dê5 gạo trang, cũng như các loại thức ăn, những vật phẩm như vua dùng để dâng lên cúng dường Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Thế nhưng, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng ba lần bảo nhà vua: Thôi, thôi, Đại vương! Chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ. [0501b03] Bấy giờ9 Vua Giáp-tỳ ấm ức bất mãn, tâm tư ưu sầu, thầm nghĩ: "Dức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo không VÌ ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này." Nghĩ như thê roi, vua bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Có cư sĩ tại gia nào phụng sự Thế Tôn giống con chăng? Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác bảo: -Có chứ! Tại thôn Tỳ-bà-lăng-kỳ thuộc lãnh thổ của Đại vương, nơi ấy giàu có tột cùng, dân chúng đông đúc? có người thợ gốm tên Nan-đề-bà-la. Đại vương! Nan-đề-ba-la đã quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Ba ngôi tôn quý, không nghi ngờ chân lý khổ, tập? diệt, đạo. Vị ây có chánh tín, giữ giới, học rộng, bô thí, thành tựu trí tuệ5 xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng. Đối với việc sát sanh, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gôm Nan-đê-ba-la xa lìa việc lây vật không cho, đoạn trừ việc lấy vật không cho, được cho mới lấy, vui lòng nhận những gì được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không tiếc, không mong báo đáp. Đối với việc lấy vật không cho, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, siêng tu Phạm hạnh, gắng tu hạnh lành, thanh tịnh không nhiễm, lìa dục đoạn dâm. Đối với việc tà dâm, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, chỉ nói lời chân thật, ưa sự chân thật, giữ tâm chân thật không hề dao động, là người hoàn toàn đáng tin, không dối cuộc đời. Đối với việc nói dối, tâm vị ây đã trừ sạch.

Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa nói lời gây chia rẽ, đoạn trừ nói lời gây chia rẽ, không nói lời gây chia rẽ9 không phá hoại người, không nghe chuyện người này rồi nói lại người kia với ý phá hoại người này, không nghe chuyện người kia rồi nói lại người này với ý phá hoại người kia, ai chia lìa thì muốn cho hòa hợp, ai hòa hợp thì khiến cho hoan hỷ? không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen bè đảng. Đối với việc nói lời gây chia rẽ, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa nói lời thô ác, đoạn trừ nói lời thô ác. Nêu có lời lẽ thô lỗ cộc cằn, nặng nề khó nghe, khiến người không vui, khiến người không thích, khiến người khổ não, không thể định tĩnh thì vị ấy không nói những lời như vậy. Nếu có lời lẽ hòa nhã nhu thuận, nhẹ nhàng dễ nghe, đáng ưa đáng thích, khiến người an lạc, thanh âm rõ ràng, không làm người sợ? khiến người định tĩnh thì vị ấy nói những lời như vậy. Đối với việc nói lời thô ác, tâm vị

ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa nói thêu dệt5 đoạn trừ nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, lời nói từ tốn, thích nói từ tốn, đúng thời đúng phép, khéo dạy khéo răn. Đối với việc nói thêu dệt, tâm vi ấy đã trừ sạch. [0501C07] Này Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa buôn bán, đoạn trừ buôn bán, từ bỏ cân đong và đấu hộc, không tích trữ đầu cơ, không ép giá người khác, không cân non đong thiếu, không vì lợi nhỏ mà lường gạt người. Đoi với việc buôn bán, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gôm Nan-đê-ba-la xa lìa việc nhận quả phụ, thiêu nữ, đoạn trừ việc nhận quả phu, thiếu nữ. Đối với việc nhận quả phụ và thiếu nữ, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận tôi tớ, đoạn trừ việc nhận tôi tớ. Đối với việc nhận tôi tớ? tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê. Đối với việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận gà? heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo. Đối với việc nhận gà, heo, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá. Đối với việc nhận ruộng đất, quán xá9 tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nhận nếp, lúa, đậu, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu. Đối với việc nhận nếp, lúa, đậu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Đối với việc uống rượu, tâm vị ấy đã trừ sạch.

Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc nằm giường cao rộng, đoạn trừ việc nằm giường cao rộng. Đôi với việc năm giường cao rộng, tâm vi ây đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phan sáp. Đối với việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe, đoạn trừ ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe. Đoi với việc ca múa hát xướng cho đên đi xem nghe, tâm vị ây đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa việc cất giữ vàng bạc, châu báu, đoạn trừ việc cất giữ vàng bạc, châu báu. Đối với việc cất giữ vàng bạc, châu báu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la xa lìa ăn quá ngọ, đoạn trừ ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, tập ăn đúng thời. Đối với việc ăn quá ngọ, tâm vi ấy đã trừ sạch. [0502a04] Đại vương! Thợ gốm Nan-đề-ba-la trọn đời không cày cuốc, không tự tay đào đất, không bảo người đào, chỉ lấy đất sạt lở nơi bờ đê hoặc đất do chuột đào hang để làm đồ gốm, rồi đem ra trao đổi với người mua, bảo với họ: "Các vị nếu có đậu oản, lúa thóc, lúa mì, hạt mè, hạt cải thì đem đến đây, rồi mang đồ gốm này di, tùy theo ý muốn.,^ Thợ gốm Nan-đề-ba-la trọn đời phụng dưỡng cha mẹ, bởi cha mẹ mù lòa cần nơi nương tựa, nên Nan-đề-ba-la hết long hầu hạ. Đại vương! Ta nhớ lúc trước, có lần du hóa tại thôn Tỳ-bà-lăng-kỳ. Bấy giờ, trời vừa hừng sáng, Ta đắp y ôm bát vào thôn Tỳ-bà-lăng-kỳ theo thứ tự từng nhà khất thực, rồi dần đi đến trước nhà thợ gốm Nan-đề-ba-la. Lúc đó, Nan-đề- ba-la đi vắng, Ta liền hỏi cha mẹ vi ấy: "Trưởng lão, thợ gốm đang ở dau?99 Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Nó vì bận chút việc nên vừa ra khỏi nhà. Thưa Thiện Thệ! Nó vì bận chút việc nên vừa đi khỏi. Bạch Thế Tôn! Trong rá

có cơm, trong nồi có canh đậu5 cúi xin Ngài thương xót chúng con mà lấy dùng tùy V!" Đại vương! Ta liên thọ nhận theo pháp Uât-đan-việt,18 lây một ít cơm canh rồi ra đi. Khi thợ gốm Nan-đề-ba-la trở về nhà, thấy cơm trong rá còn ít, canh trong nôi giảm bớt? liền hỏi cha mẹ mình: "Thua, ai đã lấy cơm canh vay?" Cha mẹ đáp: "Này con! Hôm nay, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Cháĩứi Giác đến nhà mình khất thực. Ngài ấy đã lấy cơm trong rá, lấy canh trong nồi rồi ra di." Nan-đề-ba-la nghe xong, liền nghĩ: "Ta được lợi ích, được công đức lớn! Vì đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã tùy ý tự tại đôi với gia đình ta." Do việc này, vị ây vô cùng hân hoan, ngồi kiết-già? tâm tư

18 Nguyên tác: ụất-đan-việt pháp ().Người xứ uất-đan-việt (tức Bắc Câu-lô châu) không có chập ngã nên tát cả mọi vật ở đó đêu vô chủ. Vì vây, khi lấy vật gì không cần hỏi chủ mà vẫn không phạm giới 4tkhông cho mà lấy", gọi là theo pháp uẩt-đan-việt. J

tĩnh mặc suốt cả bảy ngày, cho đến mười lăm ngày sau tâm vẫn còn hoan hỷ. Cha mẹ vị ấy cũng được hoan hỷ suốt bảy ngày. Lại nữa, Đại vương! Ta nhớ trước đây cũng có lần du hóa tại thôn Tỳ-bà-lăng- kỳ. Bấy giờ, trời vừa hừng sán^5 Ta đắp y ôm bát vào thôn Tỳ-bà-lăng-kỳ theo thứ tự từng nhà mà khất thực, rồi dan đi đen trước nhà thợ gốm Nan-đề-ba-la. Lúc đó, Nan-đề-ba-la nên đi vắng, Ta liền hỏi cha mẹ vị ấy: "Trưởng lão, thợ gốm đang ở dâu?" Họ đáp: “Bạch Thế Tôn! Nó vì bận chút việc nên vừa ra khỏi nhà. Thưa Thiện Thệ! Nó vì bận chút việc nên vừa đi khỏi. Bạch Thế Tôn! Trong rá có cơm, trong nồi có canh đậu, cúi xin Ngài thương xót chúng con mà lấy dùng tùy y!" Đại vương! Ta liên thọ nhận theo pháp uất-đan-việt, lấy một ít cơm canh rồi ra đi. [0502b09] Khi thợ gốm Nan-đề-ba-la trở về nhà, thấy cơm trong rá còn ít, canh trong nồi giảm bớt, liền hỏi cha mẹ mình: "Thua, ai đã lấy cơm canh vậy?" Cha mẹ đáp: [Này con! Hôm nay, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến nhà mình khất thực. Ngài ấy đã lấy cơm trong rá, lấy canh trong nồi rồi ra di." Nan-đề-ba-la nghe xong, liền nghĩ: "Ta được lợi ích, được công đức lớn! Vì đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã tùy ý tự tại đối với ệia đình ta." Do đây, vi ấy vô cùng hân hoan, ngồi kiết-già lăng tâm tĩnh mặc suốt cả bảy ngày, cho đên mười lăm ngày sau tâm vân còn hoan hỷ. Cha mẹ vị ấy cũng được hoan hỷ suốt bảy ngày. Lại nữa, Đại vương! Ta nhớ xưa kia có lần an cư mùa mưa tại thôn Tỳ-bà- lăng-kỳ. Bấy giờ, Ta mới làm thất, chưa kịp lợp mái. Xưởng gốm của Nan- đề-ba-la vừa lợp mới. Đại vương! Ta bảo các Tỳ-kheo đang giúp việc xây cất: "Các thầy hãy đến dỡ mái xưởng gốm của thợ gốm Nan-đề-ba-la đem về lợp thất cho Ta!99 Các Tỳ-kheo ấy vâng lòi, liền đến nhà của Nan-đề-ba-la; dỡ mái xưởng gốm rồi bó lại để đem về lợp thất của Ta. Khi ấy, cha mẹ thợ gốm Nan- đề-ba-la nghe tiếng động, liền hỏi: "Ai phá xưởng gốm của Nan-đề-ba-la đó?59 Các Tỳ-kheo đáp: “Trưởng lão! Chúng tôi là đệ tử của đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác, đến dỡ mái xưởng gốm của Nan-đề-ba-la, bó lại mang về lợp thất cho Thế T6n." Nghe vậy, cha mẹ thợ gốm bảo: "Chu Hiền! Cứ tùy ý đem đi, không ai ngăn c2n!" [0502c01] Sau khi trở về nhà, thợ gốm Nan-đề-ba-la thấy xưởng gốm bi phá dỡ, liền hỏi cha mẹ: "Thua, ai dỡ xưởng gốm của nhà mình vay?" Cha mẹ đáp: "Này

con! Hôm nay, các Tỳ-kheo đệ tử đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến dỡ mái xưởng gốm, bó lại đem về lợp thất cho Ngai." Nghe xong, Nan-đề-ba-la nghĩ: “Ta được lợi ích, được công đức lớn. Vì đức Ca-diếp Như Lai, Vo Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã tùy ý tư tại đối với gia đình ta." Do đây, vi ấy vui mừng, ngồi kiết-già, tâm tư tĩnh mặc sướt bảy ngày, cho đến mười lăm ngày sau tâm vẫn còn hoan hỷ. Cha mẹ vi ấy cũng được tâm hoan hỷ suốt bảy ngày. Đại vương! Xưởng gốm của Nan-đề-ba-la suốt bốn tháng an cư mùa mưa hoàn toàn không bi dột. Vì sao như vậy? Vì nhờ oai thân của Phật. Đại vương!

Thợ gốm Nan-đề-ba-la không có ấm ức, không có bất mãn nên không ưu sầu, vì nẹhĩ rằng: “Dức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã tùy ý tự tại đoi với gia đình ta!" Này Đại vương! Ngài có ấm ức, có bất mãn, nên quá ưu sầu vì nghĩ rằng: "Dức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo không nhận lời thỉnh của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này?9 Thế rồi, đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác lại thuyết pháp cho Vua Giáp-tỳ nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiên được hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho nhà vua, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ xong, đức Phật đứng dậy và ra đi. Đức Ca-diếp Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ra đi chưa bao lâu, Vua Giáp-tỳ hạ lệnh cho những người hau cận: "Các ngươi dùng năm trăm cỗ xe chất đay gạo trắng và đủ loại thực phẩm thượng hạng trong cung chở đen nhà thợ gốm Nan-dề-ba-la, nói với vị ấy rang: 'Nan-đề-ba-la! Năm trăm cỗ xe chất đầy gạo trắng và đủ loại thực phẩm thượng hạng trong cung đây do Vua Giáp-tỳ gởi đến ban tặng cho anh. Nay mong anh rủ lòng nhận lấy."' Thế rồi5 vâng lệnh _ ___ r , _ vua, những người hâu
cạn dung năm trăm co xe chát đay gạo trăng va đu loại thực phẩm thượng hạng trong cung chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-ba-la rồi nói: "Nan-dề-ba-la! Năm trăm cỗ xe chất đay gạo trắng và đủ loại thực phẩm thượng hạng trong cung đây do Vua Giáp-tỳ gởi đen ban tặng cho anh. Nay mong anh rủ lòng nhận lay?5 Bấy giờ, thợ gốm Nan-đề-ba-la từ chối không nhận, nói với những người hầu cận vua rằng: "Chu Hiền! Nhà vua lo nhiều việc lớn cho nước nhà, phải chi dụng rất nhiều. Tôi biết như vậy, nên không dám nhận!,^ [0503a03] Đức Phật bảo A-nan: Này A-nan! Ý thầy thế nào? Thiếu niên Ưu-đa-la lúc bấy giờ5 thầy cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy5 thầy nên biết rằng chính là Ta đây. A-nan! Lúc ấy, Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người, cho nhiều người, thương xót the gian, vì chư thiên và loài người mà mong cau ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan. Thế nhưng lúc ấy, Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt rao, không rốt ráo thanh tinh, không rốt ráo Phạm hạnh. Vì Phạm hạnh không rốt ráo, nên lúc ấy Ta không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này A-nan! Nay Ta thị hiện ở đời, là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, hiệu là Phật, Thế Tôn. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người, cho nhiều người, thương xót thế gian, vì chư thiên và loài người mà mong cau ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an on và hân hoan. Nay Ta thuyết pháp đã đen chỗ rốt ráo, thanh tinh rốt ráo, Phạm hạnh rốt ráo. Khi

Phạm hạnh đã rót ráo, Ta lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não và nay, Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

64. KINH THIÊN sứ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc tốt hoặc không tốt, qua lại cõi lành hoặc cõi ác đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh đó đã tạo. Ta thấy đúng như thật về chúng sanh đó: Nêu chúng sanh nào mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, hủy báng bậc Thánh, tà kiến và kết thành nghiệp tà kiến, do nhân duyên này nên sau khi qua đời5 chắc chắn sẽ sanh vào cõi ác, hoặc đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, không hủy báng bậc Thánh, chánh kiến và thành tựu nghiệp chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sanh vào cõi lành, hoặc được sanh lên cõi trời. [0503b03] Giống như khi mưa lớn, nhiều bọt nước nổi trên mặt nước rồi biến mất liên tục. Nêu người có mắt đứng yên một chỗ thì nhìn thay bọt nước thoạt nổi, thoạt tan. Cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, Ta thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc tốt hoặc không tốt, qua lại cõi lành hoặc cõi ác đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh đó đã tạo. Ta thấy đúng như thật về chúng sanh đó. Nếu chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, hủy báng bậc Thánh, tà kiến và kết thành nghiệp tà kiến, do nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sanh vào cõi ác, hoặc đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, không hủy báng bậc Thánh, chánh kiến và thành tựu nghiệp chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sanh vào cõi lành, hoặc được sanh lên cõi trời. Giống như khi mưa lớn thì nhiều giọt nước rơi xuống, hoặc trên cao hoặc dưới thấp, nếu người có mắt đứng yên một chỗ thì nhìn thấy những hạt mưa có lúc rơi xuống chỗ cao, có lúc rơi vào chỗ thấp. Cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn người thường, Ta thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử,

1 Nguyên tác: Thiên sứ kinh (roi. 0026.64. 0503a21). Tham chiếu: Thế ký kinh (roi. 0001.30.4. 0121b28); Thiết thạnh Ne-le kinh (T.Ol. 0042. 0826c26); Diêm-ỉa vương ngũ thiên sứ giả kinh (7J01.0043. 0828bl2);JVe-/e^Ā jlgm (roi. 0084. 0907a 10); Tang.jf(r02. 0125.32.4. 0674b16); Tăng.(r02. 0125.42.2. 0747c05); Ngũ khổ chương củ kinh (r.17. 0741. 0543c03); M. 130, Devadūta Suita (Kinh thiên sư); £3.36 - L 138.

hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc tốt hoặc không tốt, qua lại cõi lành hoặc cõi ác đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh đó đã tạo. Ta thấy đúng như thật vê chúng sanh đó. Nếu chúng sanh nào mà thân làm việc ác? miệng nói lời ác và ý nghĩ điêu ác, hủy báng bậc Thánh, tà kiến và kết thành nghiệp tà kiến, do nhân duyên này nên sau khi qua đời9 chắc chắn sẽ sanh vào cõi ác, hoặc đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, không hủy báng bậc Thánh, chánh kiến và

thành tựu nghiệp chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chan sẽ sanh vào cõi lành, hoặc được sanh lên cõi trời. [0503b22] Như viên ngọc lưu ly trong suốt tự nhiên, vốn không tì vết, tám cạnh được khéo mài,2 xâu bang dây đẹp nhiều màu như xanh, vàng, hoặc đỏ, đen và trắng. Nếu có người mắt sáng đứng yên một chỗ nhìn thì thay những viên ngọc lim ly này trong suốt tự nhiên, vốn không tì vết, tám cạnh được khéo mài, xâu băng dây đẹp nhiêu màu như xanh, vàng, hoặc đỏ, đen và trăng. Cũng như vậy5 băng thiên nhãn thanh tịnh hơn han người thường, Ta thây chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc tốt hoặc không tốt, qua lại cõi lành hoặc cõi ác đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh đó đã tạo. Ta thấy đúng như thật về chúng sanh đó. Nêu chúng sanh nào mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, hủy báng bậc Thánh, tà kiến và kết thành nghiệp tà kiến, do nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sanh vào cõi ác, hoặc đọa vào địa ngục. Nêu chúng sanh nào mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, không hủy báng bậc Thánh, chánh kiến và thành tựu nghiệp chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sanh vào cõi lành, hoặc được sanh lên cõi trời. [0503c04] Giông như hai ngôi nhà có chung một công, có nhiêu người đi ra đi vào, nếu người có mắt đứng yên một chỗ thì nhìn thấy có nhiều kẻ ra người vào. Cũng như vậy5 bang thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, Như Lai thây chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc tót hoặc không tôt? qua lại cõi lành hoặc cõi ác đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh đó đã tạo. Ta thấy đúng như thật về chúng sanh đó. Nếu chúng sanh nào mà thân làm việc ác, miệng nói lơi ác và ý nghĩ điều ác, hủy báng bậc Thánh, tà kiến và kết thành nghiệp tà kiến, do nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sanh vào cõi ác, hoặc đọa vào địa ngục. Nêu chúng sanh nào mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, không hủy báng bậc Thánh, chánh kiến và thành tựu nghiệp chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sanh vào cối lành, hoặc được sanh lên cõi trời. Như người có mắt đứng trên lầu cao, thấy phía dưới nhiều người qua lại liên tục, hoặc ngồi nằm, hoặc chạy nhảy. Cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, Ta thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc

2 Nguyên tác: Bát lăng thiện trị .

64. KINH THIÊN sứ 365

Xấu, hoặc tốt hoặc không tốt, qua lại cõi lành hoặc cõi ác đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh đó đã tạo. Ta thấy đúng như thật về chúng sanh đó. Nếu chúng sanh nào mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, hủy báng bậc Thánh, tà kiến và kết thành nghiệp tà kiến, do nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chan sẽ sanh vào cõi ác? hoặc đọa vào địa ngục. Nêu chúng sanh nào mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, không hủy báng bậc Thánh, chánh kiến và thành tựu nghiệp chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sanh vào cõi lành, hoặc được sanh lên cõi trời. Nếu chúng sanh nào sống ở nhân gian mà bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính Sa-môn, Phạm chí, không cư xử đúng đắn, không biết tạo phước, không sợ tội đời sau thì vì nhân duyên ấy, sau khi qua đời sẽ sanh vào cảnh

giới Diêm vương. Người của Diêm vương bắt đem đến chỗ vua, tâu rằng: -Tâu Thiên vương! Chúng sanh này khi còn làm người đã bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính Sa-môn, Phạm chí, cư xử không đúng đắn, không biết tạo phước, không sợ tội đời sau, cúi xin Thiên vương xử phạt thích đáng! Ngay lúc đó5 Diêm vương đưa thiên sứ thứ nhất để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia rang: Ông đã từng thấy thiên sứ thứ nhất đến chưa? Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương hỏi lại: Chẳng lẽ trước đây ông không thấy trong thôn xóm có trẻ nhỏ hoặc nam hoặc nữ, thân thể yếu ớt, nằm ngửa mà đại tiểu tiện, không thể kêu cha mẹ, phải nhờ cha mẹ ẫm khỏi chỗ dơ, tắm rửa cho nó sạch sẽ ư? Chúng sanh ây đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy! Diêm vương lại hỏi: Sau khi lớn khôn hiểu biết, tại sao ông không nghĩ rằng: "Chính ta cũng bị sanh ra, không thoát khỏi sự sanh, ta nên tạo nghiệp lành cho thân, miệng và y?" Người ấy thưa: -Tâu Thiên vương! Vậy lẽ nào tôi là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái ư? Diêm vương đáp: Ông đúng là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái. Nay ta phải trừng tri ông như trừng trị kẻ buông lung, người có hành vi buông lung. Nghiệp ác này của ông chẳng phải do cha mẹ tạo ra, cũng chẳng phải do vua, do trời hay do Sa- môn, Phạm chí tạo ra. Chính ông đã tự tạo nghiệp ác? bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn phải thọ nhận quả báo.

[0504al2] Sau khi đưa thiên sứ thứ nhất để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia xong, Diêm vương lại đưa thiên sứ thứ hai để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia rằng: -Ông đã từng thấy thiên sứ thứ hai đến chưa? Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương hỏi lại: Lẽ nào trước đây trong thôn xóm ông không thấy có kẻ nam hoặc người nữ tuổi tác già nua, mạng sống sắp hết, sức tàn lực kiệt, tóc bạc răng rụng, lưng còng gói mỏi, chông gậy mà di, toàn thân run rây ư? Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy! Diêm vương lại hỏi: —Sau khi lớn khôn hiểu biết, tại sao ông không nghĩ rằng: "Chính ta cũng bi già, không thoát khỏi sự già, ta nên tạo nghiệp lành cho thân, miệng và y?" Chúng sanh kia thưa: -Tâu Thiên vương! Vậy lẽ nào tôi là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái ư? Diêm vương bảo: Ông đúng là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái. Nay ta phải trừng trị ông như trừng trị kẻ buông lung, người có hành vi buông lung. Nghiệp ác này của ông chang phải do cha mẹ tạo ra, cũng chang phải do vua, do trời hay do Sa- môn5 Phạm chí tạo ra. Chính ông đã tự tạo nghiệp ác, bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn phải thọ nhận quả báo. [0504a25] Sau khi đưa thiên sứ thứ hai để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia xong, Diêm vương lại đưa thiên sứ thứ ba để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia rằng: -Ông đã từng thấy thiên sứ thứ ba đến chưa? Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương hỏi lại: -Lẽ nào trước đây trong thôn xóm ông không nhìn thấy có kẻ nam hoặc người nữ bị bệnh tật nguy kịch, hoặc ngồi nằm trên giường, ngồi nằm trên chõng, hoặc ngồi nằm dưới đất, thân thể đau đớn cùng cực, không thể chịu đựng nổi, gần như mất mạng ư? Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy!

Diêm vương lại hỏi: Sau khi lớn khôn hiểu biết, tại sao ông không nghĩ rằng: "Chính ta cũng bi bệnh tật, không thoát khỏi bệnh tật, ta nên tạo nghiệp lành cho thân, miệng va y?" Chúng sanh kia thưa: -Tâu Thiên vương! Vậy lẽ nào tôi là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái ư? Diêm vương bảo: Ong đúng là kẻ bại hoại, suy đôi và luôn sai trái. Nay ta phải trừng trị ông như trừng trị kẻ buông lung, người có hành vi buông lung. Nghiệp ác này của ông chẳng phải do cha mẹ tạo ra, cũng chẳng phải do vua, do trời hay do Sa- m6n, Phạm chí tạo ra. Chính ông đã tự tạo nghiệp ác, bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn phải thọ nhận quả báo. [0504b09] Sau khi đưa thiên sứ thứ ba để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia xong, Diêm vương lại đưa thiên sứ thứ tư đe tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia rang: Ông đã từng thấy thiên sứ thứ tư đến chưa?

Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương hỏi lại: -Chẳng lẽ trước đây trong thôn xóm, ông không thấy có kẻ nam hoặc người nữ qua đời một, hai ngày,... (cho đến) sáu, bảy ngày, rồi thân xác bị diều hâu mổ, bi chó hoang ăn, bị lửa củi thiêu đốt, hoặc bị vùi chôn xuống đất, da thịt thối rữa ư? Chúng sanh ấy đáp: -TâuThiên vương, có thấy! Diêm vương lại hỏi: —Sau khi khôn lớn hiểu biêt, tại sao ông không nghĩ răng: "Chính ta cũng sẽ chết, không thoát khỏi sự chết, ta nên tạo nghiệp lành cho thân, miệng và y?" Chúng sanh kia thưa: -Tâu Thiên vương! Vậy lẽ nào tôi là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái ư? Diêm vương bảo: -Ông đúng là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái. Nay ta phải trừng trị ông như trừng trị kẻ buông lung, người có hành vi buông lung. Nghiệp ác này của ông chẳng phải do cha mẹ tạo ra, cũng chẳng phải do vua, do trời hay do Sa- môn, Phạm chí tạo ra. Chính ông đã tự tạo nghiệp ác, bất thiện, cho nên hôm nay chắc chắn phải thọ nhận quả báo.

[0504b22] Sau khi đưa thiên sứ thứ tư để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia xong, Diêm vương lại đưa thiên sứ thứ năm để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia rằng: Ông đã từng thấy thiên sứ thứ năm đến chưa? Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương hỏi lại: -Chẳng lẽ trước đây ông không thấy quan binh truy nã tội nhân, trừng trị đủ cách: Chặt tay, chặt chân hoặc chặt cả tay lân chân, cat tai xẻo mũi hoặc cat cả tai lẫn mũi, hoặc thái hoặc bằm, nhổ râu nhổ tóc hoặc cả râu lẫn tóc, bỏ vào trong cũi hay quân trong vải roi đót, hoặc phủ cát quân cỏ mà đót, hoặc cho vào bụng lừa sắt, miệng heo sắt hay miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào chảo đồng hay chảo sắt roi nấu, hoặc chặt ra từng đoạn, hoặc dùng chĩa nhọn mà đâm, hoặc dùng câu liêm mà móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi dội dầu sôi, hoặc bắt ngồi vào cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho rắn rết cắn, hoặc dùng roi da mà quất, hoặc dùng gậy mà đánh, hoặc dùng hèo mà phang, hoặc treo trên ngọn cây, hoặc chặt đầu đem bêu ư? Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy! Diêm vương lại hỏi: -Sau khi lớn khôn hiểu biết, tại sao ông không nghĩ rằng: "Nay ta đã thấy rõ điều ác, điều bất thiên?" Chúng sanh kia thưa: -Tâu Thiên vương! Vậy lẽ nào tôi là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái ư? Diêm vương bảo: Ông đúng là kẻ bại hoại, suy đồi và luôn sai trái. Nay ta phải trừng trị ông như trừng trị kẻ buông lung, người có hành vi

buông lung. Nghiệp ác này của ông chăng phải do cha mẹ tạo ra, cũng chăng phải do vua, do trời hay do Sa- mon? Phạm chí tạo ra. Chính ông đã tự tạo nghiệp ác, bất thiện, cho nên hôm nay chắc chan phải thọ nhận quả báo. [0504cl2] Sau khi đưa thiên sứ thứ năm để tra hỏi, kiểm xét, dạy bảo và quở trách tội nhân kia xong, Diêm vương liền giao tội nhân cho cai ngục.3 Cai ngục đem tội nhân giam vào địa ngục lớn Bốn Cửa, rồi nói bài tụng: Bôn cột có bôn cửa, Vách vuông, mười hai cạnh,4 Dùng sắt làm tường thành, Mái sắt lợp lên trên.

3 Nguyên tác: Ngục tốt . 4 Nguyen tác: Bích phương thập nhị lăng .Tham chiếu: Tăng.7.02., 0125.42.2. 0747C18: Tứ thành tứ môn h.Trong trường hợp này có thể hiểu rằng, có bốn lớp thành vuông vức, mỗi lớp thành có bon cửa, mỗi cạnh của tường thanh co một cửa. J

64. KINH THIÊN sứ 369

A Nên ngục cũng băng săt? Lửa sắt hừng hực nung, Sâu vô lượng do-diên, Đen tận cùng đáy đất. Chỗ cực hiểm, khó kham, Lửa dữ, nhìn hoa mắt, Thây rôi? lông dựng đứng, Khủng khiếp, khổ vô cung. Chúng sanh đọa địa ngục, Chân treo, đầu chúc xuống, Do chê bai bậc Thánh, Đấng Điều ngự, Thanh tịnh, Thời gian rất lâu về sau, cửa ngục phía Đông của địa ngục lớn Bốn Cửa mở ra cho chúng sanh kia. Khi cửa ngục được mở rồi, các chúng sanh kia liền chạy vê hướng cửa này, muôn tìm nơi an ôn, muôn tìm chô nương tựa. Thê nhưng, khi có vô lượng trăm ngàn chúng sanh tụ tập thì cửa ngục này liền tự động đóng lại. Chúng sanh ở trong đó chịu đựng khổ đau cùng cực, khóc lóc sầu não, lăn lộn kêu gào, nhưng rốt cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. Thời gian rất lâu xa về sau nữa, cửa ngục phía Nam, phía Tây rồi phía Bắc lân lượt được mở ra. Cũng vậy, khi cửa ngục phía Bác mở roi, các chúng sanh kia liên chạy vê hướng cửa này, muôn tìm nơi an ôn, muôn tìm chô nương tựa. Thế nhưng, khi có vô lượng trăm ngàn chúng sanh tụ tập thì cửa ngục này liền tự động đóng lại. Chúng sanh ở trong đó chịu đựng khổ đau cùng cực, khóc lóc sầu não5 lăn lộn kêu gào, nhưng rốt cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. [0505a04] Thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, các chúng sanh kia thoát khỏi địa ngục lớn Bốn Cửa, ra khỏi địa ngục lớn Bon Cửa lại rơi vào địa ngục Phong Nham. Ngục này đầy lửa nhưng không có khói, không có lửa ngọn. Chúng sanh trong ngục ấy phải đi qua đi lại liên tục trên lửa, bước chân xuống thì da thịt máu huyết ở hai bàn chân cháy sạch, nhấc chân lên liền trở lại như cũ. Địa ngục ấy hành hạ như vậy cho đen vô lượng trăm ngàn năm, các chúng sanh kia chịu đựng đau khô cùng tột, nhưng rót cuộc không thê chét được, vì cót là đê khiên cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. Thời gian rất lâu về sau, các chúng sanh ấy thoát khỏi địa ngục lớn Phong Nham, ra khỏi địa ngục lớn Phong Nham rồi lại rơi vào địa ngục lớn Phẩn Thỉ.56 Ngục này đầy phân dơ, sâu đến hàng trăm trượng. Tất cả chúng sanh kia đều bi đọa vào trong đó. Trong địa ngục lớn Phẩn Thỉ có rất nhiều trùng tên lăng- cù-lai/ mình trắng đầu đen, mỏ nhọn như mũi kim. Loại trùng này rúc rỉa, đục khoét bàn chân của chúng sanh kia; đục khoét bàn chân xong, lại đục khoét xương bắp vế; đục khoét xương bắp vế xong, lại đục khoét xương đùi; đục khoét xương

đùi xong, lại đục khoét xương chậu; đục khoét xương chậu xong, lại đục khoét xương sống; đục khoét xương sống xong, lại đục khoét xương vai, xương cổ, xương đầu; đục khoét xương đầu xong, lại ăn sạch não. Các chúng

5 Phẩn thỉ ,gūtha: Phân, chất thải. 6 Lăng-cù-lai .

r 9

sanh kia chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thê, chiu đau khô cùng tột, nhưng rốt cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. Thời gian rất lâu xa về sau, các chúng sanh kia thoát khỏi địa ngục lớn Phẩn Thỉ, ra khỏi địa ngục lớn Phẩn Thỉ lại rơi vào địa ngục lớn Rừng Lá sắt.7 Chúng sanh ấy nhìn thấy nơi này, tưởng là mát mẻ, nghĩ rằng: "Chúng ta hãy đến đó? thật sảng khoái mát mẻ.,^ Các chúng sanh kia liền chạy về hướng đó, muốn tìm nơi an ổn, muốn tìm chỗ nương tựa. Thế nhưng, khi có vô lượng trăm ngàn chúng sanh tụ tập thì họ liền bi đọa vào địa ngục lớn Rừng Lá sắt. Trong địa ngục lớn Rừng Lá sắt này, bốn bề gió nóng thổi mạnh, hễ gió nóng thoi thì lá sắt rơi rụng, khi lá sắt rụng xuống thì chúng sanh trong ngục này bị cắt lìa tay, lìa chân hoặc lìa cả tay lẫn chân, cắt lìa tai, lìa mũi hoặc lìa cả tai lẫn mũi cho đến các bộ phận khác. Toàn thân nhuốm máu trải qua vô lượng trăm ngàn năm như thê, những chúng sanh kia chịu đựng khô đau cùng tột, nhưng rót cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác5 bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. Lại nữa, trong địa ngục lớn Rừng Lá sắt ấy xuất hiện loài chó rất to lớn, bộ răng thật dài, vồ lấy chúng sanh kia, ngoạm đầu mà ăn, lột da từ đầu đến chân mà ăn. Các chúng sanh ấy bị bức bách vô lượng trăm ngàn năm như the, chịu 9 , 9 r r •/ đựng khô đau cùng tột? nhưng rót cuộc không thê chét được, vì cót là đê khiên cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. Trong địa ngục lớn Rừng Lá Sắt ấy còn có loài quạ rất lớn, chúng có hai đầu, với mỏ bằng sắt, đậu trên trán chúng sanh kia, mổ mắt mà nuốt, mổ vỡ sọ rồi lấy não ăn. Các chúng sanh ấy bị bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chiu đựng khổ đau cùng tột, nhưng rốt cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. [0505b08] Thời gian hét sức lâu xa vê sau nữa, các chúng sanh ây thoát khỏi địa ngục lớn Rừng Lá sắt, ra khỏi địa ngục lớn Rừng Lá sắt lại rơi vào địa ngục lớn Rừng Cây Kiếm sắt.8 Cây ở đây cao một do-diên5 gai dài một thước sáu, các chúng sanh kia bị bắt leo lên tuột xuống cây này. Khi họ leo lên thì gai của cây liền hướng xuống, khi họ tuột xuống thì gai của cây lại dựng lên, đâm thủng toàn thân chúng sanh, đâm tay, chân hoặc cả tay lẫn chân, đâm tai, mũi hoặc cả tai lẫn mũi cho đến các bộ phận khác. Toàn thân nhuốm máu suốt vô lượng trăm ngàn năm như thế, những chúng sanh kia chịu đựng đau khổ cùng tột, nhưng rốt cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. Thời gian rất lâu về sau, các chúng sanh ấy thoát khỏi địa ngục lớn Rừng Cây Kiếm sắt, ra khỏi địa ngục lớn Rừng Cây Kiếm sắt rồi lại rơi vào địa ngục

7 Nguyên tác: Thiết Diệp lâm ,Asipattavana. 8 Thiết Kiếm thọ lâm .

Sông Tro.9 Địa ngục Sông Tro này có hai bờ rất cao, bao quanh toàn gai nhọn, nước tro sôi vọt lên, lòng sông lại rất tối. Các chúng sanh kia nhìn thấy rồi tưởng nước sông kia mát và sông ấy thường có nước mát mẻ nên khởi niệm: “Chúng ta hãy đến đó, tắm rửa thỏa thích, mặc sức mà uống, mát mẻ khoái lạc?9 Các chúng sanh ấy liền tranh nhau chạy đến, rồi lội xuống đó5 muốn tìm nơi an ôn, muôn tìm chô nương tựa. Thê nhưng, khi có vô lượng trăm ngàn chúng sanh tụ tập lại thì họ liền bị đọa xuống địa ngục lớn Sông Tro. Sau khi đọa vào đó, chúng sanh hoặc trôi ngược dòng, hoặc trôi xuôi dòng, hoặc cả xuôi dòng lẫn ngược dòng. Lúc chúng sanh trôi ngược, trôi xuôi, hoặc cả ngược lẫn xuôi như thế thì da chín r thịt chín rã hoặc cả da và thịt cùng chín rã, chỉ còn trơ lại bộ xương. Hai bên bờ sông có cai ngục cầm sẵn đao kiếm, gậy gộc, chĩa ba lớn bằng sắt, nếu có chúng sanh nào muốn leo lên bờ thì lập tức bị đẩy xuống trở lại. Lại nữa, hai bên bờ sông có cai ngục tay cầm móc câu ném xuống lòng sông, móc chúng sanh lên rồi bỏ trên nền sắt đang nóng hừng hực, hoặc móc lây chúng sanh ây đưa lên roi quật mạnh xuống, khiên họ quăn quại xoay tròn trên đất, rồi lại hỏi: - Ông từ đâu đến? Các chúng sanh ấy đều đáp: Chúng tôi không biết từ đâu đến đây, chỉ biết là đang rất đói. Cai ngục liền tóm lấy các chúng sanh kia ném lên giường sắt đang nóng hừng hực, bắt phải ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng vạch miệng bỏ hòn sắt nóng rực vào. Hòn sắt ấy đốt cháy môi, cháy môi xong rồi đốt cháy lưỡi, cháy lưỡi xong rồi đốt cháy nướu răng, cháy nướu răng xong rồi đốt cháy cuống họng, cháy cuống họng xong rồi lại đốt cháy tim, cháy tim xong rồi lại đốt cháy dạ dày, cháy dạ dày xong rồi lại đốt cháy ruột non, cháy ruột non xong rồi lại đốt cháy ruột già, cháy ruột già xong thì viên sắt từ thân rơi xuống. Các chúng sanh ấy bị bức bách như vậy suôt vô lượng tram ngan nam, chịu khô đau cung tột, nhung rốt cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. [0505C11] Cai ngục ấy lại hỏi chúng sanh: -Ông muốn đi đâu? Chúng sanh đó trả lời: Chúng tôi chẳng biết muốn đi dâu, chỉ biết là đang rất khát! Cai ngục liền tóm lấy chúng sanh ấy ném lên giường sắt đang nóng, đang cháy đỏ rực, buộc họ ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng vạch miệng ra rồi đổ nước đồng sôi vào. Nước đồng sôi ấy đốt cháy môi, cháy môi xong roi đót cháy lưỡi, cháy lưỡi xong rồi đốt cháy nướu răng, cháy nướu răng xong roi đót cháy cuông họng, cháy cuống họng xong rồi lại đốt cháy tim, cháy tim xong roi lại đót cháy

9 Nguyên tác: Khôi hà Khārodakā.

dạ dày, cháy dạ dày xong rồi lại đốt cháy ruột non, cháy ruột non xong rồi lại đốt cháy ruột già, cháy ruột già xong thì nước ấy từ thân chảy xuồng. Các chúng sanh ấy bị bức bách như vậy sướt vô lượng trăm ngaii năm, chịu khô đau cùng tột, nhưng rốt cuộc không thể chết được, vì cốt là để khiến cho nghiệp ác, bất thiện của kẻ kia được tiêu trừ. Nếu nghiệp ác của những chúng sanh ở địa ngục kia chưa được dứt sạch, chưa dứt sạch hoàn toàn đến mức chẳng còn sót lại gì thì những chúng sanh ấy lại phải bị đọa vào địa ngục lớn Sông Tro, lại phải leo lên tuột xuống ở địa ngục lớn Rừng Cây Kiếm sắt, lại đọa vào địa ngục lớn Rừng Lá sắt, lại rơi xuống địa ngục lớn Phẩn Thỉ, lại phải qua lại trong địa ngục Phong Nham, lại vào địa ngục lớn Bốn Cửa. Nếu nghiệp ác, bất

thiện của những chúng sanh kia được dứt sạch, dứt sạch hoàn toàn đến mức không còn sót lại gì thì những chúng sanh ây từ đó vê sau hoặc sanh vào loài súc sanh, hoặc sanh vào loài nga quỷ, hoặc sanh về cõi trời. Nêu chúng sanh ây khi làm người vôn đã bát hiêu cha mẹ, không tôn kính Sa- môn, Phạm chí, không cư xử đúng đắn, không biết tạo phước, không sợ tội đời sau thì phải nhận kho báo không đáng thương, không đáng nhớ, không đáng vui, giống như đang còn ở trong địa ngục kia vậy. Nếu chúng sanh ấy khi làm người đã hiếu thảo cha mẹ? lại tôn kính Sa-môn, Phạm chí, cư xử đúng đắn, biết tạo phước lành, sợ tội đời sau thì được hưởng lạc báo thương, đáng nhớ, đáng vui, giống như đang ở cung điện của thiên thần trong hư không vậy. [0506a04] Thuở xưa, tại khu vườn rừng có lầu gác,1011 Diêm vương đã phát nguyện rằng: “Sau khi qua đời, ta mong được sanh vào cõi người, trong gia tộc giàu có tột cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp vật nuôi không thể tính, phong hộ thực ấp11 đầy đủ mọi thứ. Điều đó có nghĩa gì? Là gia tộc đại trưởng giả thuộc dòng Sát-lợi, là gia tộc đại trưởng giả thuộc dòng Phạm chí, là gia tộc đại trưởng giả thuộc dòng Cư sĩ. Ta sanh vào những gia tộc đó với sự giàu có tột cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp vật nuôi không thể tính, phong hộ thực ấp đay đủ mọi thứ như vậy. Sanh vào đó rồi, thành tựu giác căn, ta mong có lòng tin thanh tịnh đối với Chánh pháp được Như Lai thuyết giảng. Có lòng tin thanh tịnh rồi, ta cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo. Sở dĩ một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo là chỉ vì muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, vị ấy tự biết, tự giác ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an tru và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nua?9

10 Nguyên tác: Viên quán nơi có vườn cây xanh mát, lầu đài cao đẹp. 11 Phong hộ thực ấp :Đất đai do nhà vua phong tặng.

64. KINH THIÊN sứ 373

Xưa kia nơi khu vườn rừng có lầu gác, Diêm vương đã nguyện như thế, rồi đọc kệ: Bị thiên sứ quở trách, Người vẫn cứ buông lung, Cứ mãi vương sầu não, Vì ác dục ngăn che. Bị thiên sứ quở trách, Bậc Thượng nhân chân thật, Đen chết không buông lung, Pháp bậc Thánh khéo nói.12 13 nên khiếp sợ, Hiểu thủ12 Mong cầu dứt sanh, già, Thủ diệt sạch không còn, Sanh, lão liền kết thúc, Được an vui, yên ổn?14 Được diệt độ15 hiện đời, Vượt khỏi mọi khiếp sợ, Tức vượt dòng tử sanh. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.16

12 Nguyên tác: Thiên thuyết diệu Thánh pháp .Tham chiếu: M. 130: Ariyadhamme kudācanam luôn song trong giáo pháp của bậc Thánh. 13 Nguyên tác: Thọ ,cách viết khác chỉ cho t4chấp trước, thủ trước, thỉT ,upādānd. 14 An ẩn lạc .Tham chiếu: M. 130: Khemappattā đạt đến yên ổn. 15 Hiện pháp đắc diệt độ .Diệt độ ,tên khác của 4"tịch tịnh,, abhinibbuta. Tham chiếu: M. 130: Ditthadhammābhinibbutā ngay hiện tại tịch tịnh, HT. Thích Minh Châu dịch. 16 Bản Hán, hết quyển 12.

PHẨM 6: TƯƠNG ƯNG VUA1 (Phần cuối, gồm 7 kinh) Bảy kỉnh cuối của phẩm 6 thuộc phần tụng ngày thứ hai, gọi là Tiêu Tho thành tụng. Lần tụng này có bon phẩm rưỡi, gồm 52 kinh.

Kệ tóm tắt:
Ô điểu dụ, Thuyết bổn
Thiên nại lâm, Thiện Kiến
Tam thập dụ, Chuyên Luân
Tỳ-tứ tối tại hậu}12
1 Tiểu Thổ thành tụng (thứ hai). Quyển 13. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:;,;.Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trung với tên kinh.

65. KINH VÍ DỤ VỀ CON QUẠ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi Vua Chuyển Luân muốn thử ngọc báu, liền cho tập hợp bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập trung bốn loại quân xong, vào lúc đêm tối, nhà vua cho dựng cây tràng phan cao và đặt ngọc báu ở trên đó, rồi dẫn quân đến khu vườn rừng có lầu gác.12 Ánh sáng của ngọc báu chiếu sáng cả bốn loại quân, xa đến nửa do-diên.3 Lúc ấy, có một Phạm chí nghĩ rằng: "Ta nên đến xem Vua Chuyển Luân và bốn loại quân đang nhìn ngắm ngọc báu lưu ly." Rồi Phạm chí lại nghĩ: "Thôi, hãy bỏ qua việc đi xem Vua Chuyển Luân và bốn loại quân nhìn ngắm ngọc báu lưu ly, ta nên đến khu rừng kia." Nghĩ xong, Phạm chí liền đến khu rừng ây. Đên nơi, Phạm chí đi vào rừng, ngôi bên một góc cây. Ngôi chưa bao lâu thì có một con rái cá đi đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Chào rái cá! Ngươi từ đâu đến và muốn đi d2u?" "Thua Phạm chí! Hồ nước này trước đây vốn tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen? hoa, cá và rùa. Lúc trước tôi ở đó nhưng nay hồ đã khô cạn. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Nay tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài nguôi." Con rái cá kia chuyện trò với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim cứu mộ4 đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Chào chim cứu mộ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu7,5 "Thua Phạm chí, hô nước này trước đây vôn tràn đây mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây, tôi ở đó nhxmg nay hồ đã khô cạn. Phạm chí nên biết, tôi muốn rời bỏ nơi này để đến trú ngụ ở chỗ có nhiều xác

1 Nguyên tác: ô điểu dụ kinh roi. 0026.65. 0506Ồ11. 2 Viên quán .Xem chú thích 10, kinh số 64, tr. 372. 3 Do-diên .Xem chú thích 4, kinh số 2, tr. 11. 4 Nguyên tác: Cứu mộ điểu .Theo nội dung kinh, có khả năng chỉ cho chim từ-ý ít, cũng gọi chim lô-tư ỀlM, chim cốc, cốc đế... chuyên bắt cá, cua và các loài nhuyễn thể, co tên khoa học là Phalacrocorax Carbo.

trâu, hoặc ở chỗ có nhiều xác lừa, hoặc ở chỗ có nhiều thây người. Hôm nay, tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người." Chim cứu mộ nói chuyện với Phạm chí như vậy roi bỏ đi. [0506c05] Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim thứu5 đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi:

"Chào chim thứu! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?95 "Thưa Phạm chí, tôi đi từ gò đất6 lớn này đến gò đất lớn khác để săn mồi, rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn xác voi, xác ngựa, xác trâu và thây người. Bây giờ, tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.,, Chim thứu kia nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim ăn bả7 đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Chào chim ăn bả! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" "Thua Phạm chí, ong có thấy chim thứu vừa đi đến không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Nay tôi muốn di, nhưng chỉ sợ loài người.,, Chim ăn bả nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có con dã can8 đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi: “Chào dã can! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?” "Thua Phạm chí, tôi đi từ suôi sâu này đên suôi sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ nơi hoang vắng này đến nơi hoang vắng khác. Nay tôi muốn ăn xác voi, xác ngựa, xác trâu và thây người. Bây giờ, tôi muốn di, nhưng chỉ sợ loài người.,, Con dã can nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có con quạ9 đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Chào chim quạ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" "Này Phạm chí, ông ương ngạnh, cuồng si, vì sao hỏi tôi từ đâu đến và muốn đi dâu" Chim quạ măng vào mặt Phạm chí như vậy roi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có con đười ươi10 đến. Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Chào đười ươi! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?^ “Thua Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ đền miếu này đến đền miêu khác, từ khu rừng này đến khu rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt rồi đến đây. Nay tôi muốn di, không sợ loài nguôi."

5 Nguyên tác: Thứu điểu .

6 Nguyên tác: M0 .Theo Khang Hy từ 3,chí cho gò đất .

7 Nguyên tác: Thực thổ điểu Chim ăn thức ăn do loài khác nôn ra.

8 Sài thú ,sigãlă'. Chó rừng, dã can .

9 Ô điểu . -

10 Tinh tinh thú .

65. KINH VÍ DỤ VỀ CON QUẠ 379

Đười ươi nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Ta nói các ví dụ này là muốn các thầy hiểu rõ ý nghĩa. Các thầy nên biết, nói các ví dụ như thế, đều có ý nghĩa cả. Lúc con rái cá nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ di, Như Lai nói ví dụ này có ý nghĩa như thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sông.11 Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy đắp y, ôm bát vào thôn khất thực mà không phòng hộ thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm, nhimg vị ấy lại thuyết pháp, những pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó, vị ấy được lợi dưỡng, như được y phục, thực phẩm, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi dưỡng, vi ấy càng đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình hưởng thụ. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, làm đủ việc xấu, đứng sát bờ họa, trở nên tệ hại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Cũng như Phạm chí thấy loài rái cá rồi hỏi: "Chào rái cá! Ngươi từ đâu đến và muốn đifâu?" Rái cá đáp: "Thưa Phạm chí, trước kia hồ ấy tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, nhiều hoa, cá và rùa. Trước tôi ở đó,

nhưng nay hồ đã khô cạn. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Giờ tôi muốn đi, nhimg chỉ sợ loài người.Như Lai nói Tỳ-kheo ấy cũng giống như thế, rơi vào trong pháp ác, bất thiện, nhiễm ô, tạo gốc rễ tái sanh đời sau và khổ báo phiền não nung đốt về sau, là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Thế nên, Tỳ-kheo chớ sống như con rái cá, chớ nương vào phi pháp để duy trì sự sống, hãy tịnh hóa hành vi của ba nghiệp thân, miệng và ý, an trú nơi thanh vắng, mặc y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, ít muốn biết đủ, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viễn ly, nên tu học như vậy. [0507a21] Lúc chim cứu mộ nói chuyện với Phạm chí như vậy roi bỏ di, Như Lai nói ví dụ này có ý nghĩa như thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy đắp y, ôm bát vào thôn khất thực mà không phòng hộ thân, không giữ gìn các căn9 không vững chánh niệm. Vi ấy vào nhà người khác giáo hóa5 thuyết pháp, những pháp do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó, vị ây được lợi dưỡng, như được y phục, thực phẩm, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi dưỡng, vị ấy càng đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ? mặc tình hưởng thụ. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, làm đủ việc xấu, đứng sát bờ họa, trở nên tệ hại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim cứu mộ rồi hỏi: "Chào cứu mộ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" Cứu mộ đáp:

11 Y thôn ấp hành ,khác với ý đoạn dưới ghi là "hành ư vô sịt".

"Thua Phạm chí, trước kia hồ ấy tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây tôi ở đó? nhưng nay hồ đã khô cạn, Phạm chí nên biết, tôi muốn đến ở chỗ có nhiều xác trâu, hoặc chỗ có nhiều xác lừa, nhiều thây người. Nay tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người.,9 Như Lai nói Tỳ-kheo ấy cũng giống như thế, rơi vào trong pháp ác, bất thiện, nhiễm ô5 tạo gốc rễ tái sanh đời sau và khổ báo phiền não nung đốt về sau, là nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Thế nên, Tỳ-kheo chớ sống như chim cứu mộ, chớ nương vào phi pháp để tự duy trì sự sống, hãy tinh hóa hành vi của ba nghiệp thân, miệng và ý? an trú nơi thanh văng, mặc y phân tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, ít muốn biết đủ, thích sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an tru chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. [0507bl2] Lúc chim thứu kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Như Lai nói ví dụ ây có ý nghĩa như thê nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn áp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy đắp y, ôm bát vào thôn khất thực mà không phòng hộ thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vi ấy vào nhà người khác để giáo hóa, thuyết pháp, những pháp do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó, vị ấy được lợi dưỡng, như được y phục, thực phẩm, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi dưỡng, vị ây lại đăm trước thêm, không thây tai họa, không thê xả bỏ, mặc tình hưởng thụ. Vi Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, làm đủ việc xấu, đứng sát bờ họa, trở nên tệ hại, không phải Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà ximg là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim thứu rồi hỏi: "Chào chim

thứu! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dOu?" Chim thưa đáp: "Thua Phạm chí, tôi từ gò đất lớn này đến gò đất lớn khác săn mồi rồi đến đây. Nay toi muôn ăn xác voi, xác ngựa, xác trau hoặc thay người. Bay giơ, toi muôn đi, nhưng chỉ sợ loài nguôi." Như Lai nói Tỳ-kheo đó cũng giống như thế. Thế nên, Tỳ-kheo chớ sống như chim thứu, chớ nương vào phi pháp để duy trì sự sống, hãy tịnh hóa hành vi của ba nghiệp thân, miệng và ý, an trú nơi thanh vắng, mặc y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, ít muốn biết đủ, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an tru chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. [0507c0l] Lúc chim ăn bả kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Như Lai nói ví dụ ây có ý nghĩa như thê nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn áp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy đắp y, ôm bát vào thôn khất thực mà không phòng hộ thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vị ấy vào chỗ ở của Tỳ-kheo-ni để giáo hóa, thuyết pháp, những pháp do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyết. Tỳ-kheo-ni kia đến nhiều nhà khác, nói tốt nói xấu, thọ nhận phẩm vật của tín thí rồi đem về cho vị Tỳ-kheo. Nhờ đó? vi Tỳ-kheo

ấy được lợi dưỡng, như được y phục, thực phẩm, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi dưỡng, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình hưởng thụ. Vị Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, làm đủ việc xấu, đứng sát bờ họa, trở nên tệ hại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim ăn bả rồi hỏi: "Chào chim ăn bả! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" Chim ăn bả đáp: "Thua Phạm chí, ông thấy con chim thứu vừa đi đó không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Bây giờ, tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người." Như Lai nói Tỳ-kheo ấy cũng giống như vậy. Thế nên, Tỳ-kheo chớ sống như chim ăn bả? chớ nương vào phi pháp để duy trì sự sống, hãy tịnh hóa hành vi của ba nghiệp thân, miệng và ý, an trú ở nơi thanh vắng, mặc y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, ít muốn biết đủ, thích viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. LÚC con dã can nói chuyện với Phạm chí roi bỏ di, Như Lai nói ví dụ ây có ý nghĩa như the nào? Giả sử có vi Tỳ-kheo song tại một thôn nghèo, nếu Tỳ-kheo biết trong thôn ấp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ, tinh tấn, Phạm hạnh thì liền tránh di, nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ, tinh tấn, Phạm hạnh thì đến ở5 suốt chín tháng hoặc mười tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi: “Hiền giả du hóa xứ nào?^ Tỳ-kheo ấy đáp: "Thua chư Hiền! Tôi du hóa ở thôn nghèo xứ ấy." Các Tỳ-kheo nghe xong liền nghĩ: "Hiền giả này du hóa ở nơi khó du hóa. Vì sao như vậy? Vì Hiền giả này có thể du hóa được nơi thôn nghèo âỏy Các Tỳ-kheo ấy liền cung kính, đảnh lễ, cúng dường. Nhờ đó, vị Tỳ-kheo kia được lợi dưỡng, như được y phục, thực phẩm, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi dưỡng, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ5 mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, làm đủ việc xấu, đứng sát bờ họa, trở nên tệ hại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy con dã can rồi hỏi: "Chào dã can! Ngươi từ

đâu đến và muôn đi dâu?” Con dã can đáp: "Thua Phạm chí, tôi từ suối sâu này đến suối sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ chốn hoang vắng này đến chốn hoang vang khác rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn xác voi, xác ngựa, xác trâu hoặc thây người. Giờ tôi muốn đi, nhưng chỉ sợ loài người.59 Như Lai nói Tỳ-kheo ấy cũng giống như vậy. Thế nên, Tỳ-kheo chớ sống như con dã can, chớ nương theo phi pháp để duy trì sự sống, hãy tinh hóa hành vi của ba nghiệp thân, miệng và ý9 an trú ở nơi thanh vắng, mặc y phấn tảo,

thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, ít muốn biết đủ, ưa sống viễn ly, tu tập tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viên ly, nên tu học như vậy. [0508al2] Lúc chim quạ mắng vào mặt Phạm chí như vậy rồi bỏ di, Như Lai nói ví dụ ấy có ý nghĩa thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào nơi thanh vắng, nghèo nàn mà an cư mùa mưa, nêu Tỳ-kheo ây biêt trong thôn áp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ, tinh tấn, Phạm hạnh thì liên tránh di, nêu biêt trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ, tinh tấn, Phạm hạnh thì đên ở hai tháng, ba tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi: "Hiền giả an cư mùa mưa nơi nào?” “Thua chư Hiền, hiện giờ tôi an cư mùa mưa ở nơi thanh vắng, nghèo nàn ấy. Tôi không giống như bọn ngu si kia làm sẵn giường chõng, đầy đủ năm việc,12 rồi sống yên ổn trong đó5 từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng, miệng chạy theo vị, vị trôi theo miệng, khẩn cầu rồi lại khẩn cầu, van xin rồi lại van xin.,, Khi các Tỳ-kheo nghe xong, liên nghĩ răng: "Hiên giả này làm những việc khó làm. Vì sao như vậy? Vì Hiên giả này có thê an cư mùa mưa ở nơi thanh vắng, nghèo nàn kia." Các Tỳ-kheo ấy liền cung kính, lễ bái, cúng dường. Nhờ đó, vi Tỳ-kheo kia được lợi dưỡng, như được y phục, thực phẩm, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cần cho sự sống. Sau khi được lợi dưỡng, vi Tỳ-kheo ây lại đăm trước thêm, không thây tai họa5 không thê xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, làm đủ việc xấu, đứng sát bờ họa, trở nên tệ hại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa- môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim quạ roi hỏi: "Chào chim quạ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" Chim quạ đáp: “Này Phạm chí, Ông là kẻ ương ngạnh, cuông si, vì sao hỏi tôi răng: 'Ngươi từ đâu đên và muôn đi dau?"5 J J J J J Như Lai nói Tỳ-kheo ấy cũng giống như vậy. Thế nên, Tỳ-kheo chớ sống như con quạ, chớ nương theo phi pháp để duy trì sự sống, hãy tịnh hóa hành vi của ba nghiệp thân, miệng và ý, an trú ở nơi thanh vắng, mặc y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, ít muốn biết đủ5 ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh tuệ, thường phải viễn ly, nên tu học như vậy. [0508b07] Con đười ươi kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Như Lai nói ví dụ ấy có ý nghĩa thế nào? Giả sử có vi Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy đắp y, ôm bát vào thôn khất thực, khéo phòng hộ thân, gìn giữ các căn, vững vàng chánh niệm. Từ thôn ấp khất thực rồi ăn xong, sau đó thu xếp y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai đi đến nơi thanh vắng, hoặc đến bên gốc cây, hoặc vào trong nhà trống, trải tọa cụ mà ngồi kiết-già,

12 Ngũ sự .Tăng.,0.02. 0125.514,0817b05.13 gọi là "ngũ te”gồm: lười biếng, ngủ nhiễu, tâm loạn, các can bất định, thích ở phố chợ hơn nơi vắng vẻ.

65. KINH VÍ DỤ VỀ CON QUẠ 383

thân tâm ngay thẳng, chuyên niệm hướng nội, đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt, thấy của cải và vật dụng sinh sống của người khác thì không móng khởi tâm tham, mong sẽ thuộc vê mình. Đôi với tâm tham lam, vi ây đã trừ sạch. Đối với sân hận, thụy miên, trạo cử, đoạn nghi, trừ hoặc cũng vậy, không còn do dự với các thiện pháp, trong tâm trừ sạch tâm niệm nghi hoặc. Đối với năm loại ngăn che khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, vi ấy đã trừ sạch, đã lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Vi ấy chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không còn uế nhiễm, không còn não phiền, khéo trụ nhu hòa, được tâm bất động, hướng đến chứng ngộ Lậu tận trí thông; rồi vị ấy biết như thật rằng: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diet"; biết như thật rằng: "Đây là phiền não, đây là nguyên nhân gây nên phiền não? đây là sự hết phiền não và đây là con đường đưa đến sự hết phiền nO” Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, tâm của vi ấy thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Giống như Phạm chí thấy đười ươi rồi hỏi: ÍCChào đười ươi! Ngươi từ đâu đến và muốn đi d2u?" Đười ươi đáp: “Thua Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ đền miếu này đến đền miếu khác, từ khu rừng này đến khu rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt rồi đến đây. Nay tôi muốn đi, chẳng sợ loài nguôi.” Như Lai nói Tỳ-kheo cũng như vậy. Thế nên, Tỳ-kheo chớ sống như loài rái cá, chớ sống như chim cứu mộ? chớ sống như chim thứu, chớ song như chim ăn bả, chớ sống như con dã can, chớ sống như chim quạ mà nên sống như đười ươi. Vì sao như vậy? Bởi vì bậc Vô trước Chân nhân trong thế gian cũng sống giống như đười ươi vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

66. KINH NÓI VÈ VIỆC XƯA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Ba-la-nại, ngụ trong vườn Nai, tru xứ của tiên nhân. Lúc ấy, sau giờ thọ thực, vì một nhân duyên nhỏ nên các Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường rồi cùng nhau bàn luận: Thế nào chư Hiền? Trong hàng cư sĩ tại gia, ai là người thù thắng? Phải chăng là người được các Tỳ-kheo trì giới, thực hành Diệu pháp, thành tựu oai nghi đên nhà thọ thực? Hay là người mà hăng ngày được lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lân? Khi đó? có Tỳ-kheo nói: Này chư Hiên! Lợi lộc gáp trăm ngàn vạn lân thì có nghĩa gì? Chỉ có điêu này là thiết yếu, đó là người được Tỳ-kheo trì giới, thực hành Diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực, chứ không phải là người mà lợi lộc mỗi ngày tăng gấp trăm ngàn vạn lần. Lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà1 2 cũng ngồi trong chúng. Tôn giả nói với các Tỳ-kheo rằng: Này chư Hiền! Lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lần hoặc giả như có nhiều hơn thế thì có nghĩa gì? Chỉ có điều này mới là thiết yếu, đó là người được một Tỳ-kheo trì giới, thực hành Diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực, chứ không phải là người mà lợi lộc hăng ngày tăng gáp trăm ngàn vạn lân. Vì sao như vậy? Nhớ lại thuở

xưa, tôi là người nghèo khổ ở nước Ba-la-nại này, chỉ nhờ nhặt nhạnh, gánh thuê3 mà sống. Lúc ấy, nước Ba-la-nại bi nạn hạn hán, sương muối và sâu rầy khiến cho ngũ cốc bị mất mùa, dân chúng túng thiếu, kiếm xin khó được. Bấy giờ, có vị Độc giác hiệu là Vô Hoạn4 cũng tru tại Ba-la- nại này. Lúc ấy, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, vi Độc giác Vô Hoạn đắp y, ôm bát vào Ba-la-nại khất thực. Khi đó, tôi làm nghề nhặt nhạnh nên sáng sớm ra ngoài thành Ba-la-nại. Khi đang đi ra thì từ xa, tôi thấy vị Độc giác Vô Hoạn đi vào. Này chư Hiền! Lúc vị Độc giác Vô Hoạn ôm tịnh bát đi vào như thê nào thì khi đi ra, tịnh bát của vị ây vân như thê.

1 Nguyên tác: Thuyết bồn kỉnh (roi. 0026.66. 0508c09). Tham chiếu: Thag. 16.9, Anuruddhattheragāthā (Kệ ngôn Trưởng lão Anuruddha). 2 A-na-luật-đà (,Anuruddha), một trong lo vị đệ tử lớn của đức Phật, vốn là em họ của Phật. 3 Nguyên tác: Quân thập (ÍB).Thag. v. 910: Ghâsahãraka (người thâu nhặt thức ăn của gia súc).

4 Vô Hoạn (),bản khác ghi là Hòa-lý (Ưpariccha), Tối thắng (Uparittha).

[0509a02] Này chư Hiền! Sau khi nhặt nhạnh, tôi trở về Ba-la-nại thì lại thấy vị Độc giác Vô Hoạn đi ra. Ngài thấy tôi vào thành, liền nghĩ: "Sáng sớm, lúc ta đi vào thì đã thấy người này đi ra, bây giờ ta đi ra, lại thay người này đi vào. Người này có thể chưa ăn gì. Nay ta nên đi theo người này." Rồi vị Độc giác đi theo tôi như bóng theo hình. Này chư Hiền! Khi quảy gánh về đến nhà, bỏ gánh xuống và quay lại nhìn, tôi vẫn thấy vị Độc giác Vô Hoạn theo sau, chẳng khác nào bóng theo hình. Nhìn thấy Ngài, tôi liền suy nghĩ: "Sáng sớm đi ra, ta đã thấy vị Tiên nhân này đi vào thành khát thực, giờ này vị Tiên nhân có lẽ chưa ăn gì, ta nên đem phân ăn của mình đe cúng dường cho vị Tiên nhân nay." Nghĩ như vậy xong, tôi mang phần cơm dâng lên bậc Độc giác và bạch: "Thua Tiên nhân! Mong Ngài biết cho, cơm này là phần ăn của con, vì lòng từ mẫn mong Ngài xót thương thọ nhận.,, Bây giờ, vị Độc giác đáp: "Cu sĩ nên biêt! Năm nay hạn hán, sương muôi và sâu rây khiên mát mùa ngũ cóc, dân chúng túng thiêu, kiêm xin khó được. Thí chủ chỉ nên sớt phân nửa đê vào bát Ta và hãy dùng phân nửa còn lại, đê cả hai đều được sống còn, như vậy đã là tốt r3i." Tôi lại thưa: "Mong Tiên nhân biết cho, trong nhà con sẵn có nồi, có bếp, có củi, có thóc gạo, ăn uống sớm muộn cũng chẳng cần đúng giờ khắc. Tiên nhân hãy thương con mà nhận hết thức ăn này." Bấy giờ, vi Độc giác vì lòng từ mẫn nên đã nhận hết thức ăn. Này chư Hiên! Nhờ phước cúng dường vị Độc giác một bát cơm mà bảy lân tái sanh vào cõi trời, tôi được làm bậc Thiên vương, bảy lần tái sanh trong loài người, tôi được làm vua của loài người. Này chư Hiên! Nhờ phước cúng dường vi Độc giác một bát cơm mà tôi được sanh vào dòng họ Thích56như vầy, giàu có cùng tột, vật nuôi vô số5 phong hộ thực ấp,6 của cải vô lượng, châu báu đầy đủ. Này chư Hiền! Nhờ phước cúng dường vị Độc giác một bát cơm mà tôi xả bỏ được vương vi giá trị đến trăm ngàn vạn ức7 tiền vàng để xuất gia học đạo, huống gì là những tạp vật dư thừa khác. Này chư Hiền! Nhờ phước cúng dường vị Độc giác một bát cơm mà tôi được vua quan, Phạm chí, cư sĩ và tất cả dân chúng khi nhìn thấy thảy đều tiếp đãi, bốn chúng Tỳ-kheo9 Tỳ-kheo-ni5 ưu-bà-tắc và

ưu-bà-di khi nhìn thấy thảy đều kính trọng.

5 Theo Khởi thế kinh ĘỄ roi. 0024.10. 0358cl7 vảKhội thế nhân bồn kinh 0025.10 0419b07 đều nói Ngài là con Vua Hộc Phạn ;Phật bản hạnh tậplẫnh 103. 0190.11. 0701a23 và Đại trí độ luận •7.25. 1509.3. 0083c02 đều nói Ngài là con Vua Cam Lộ Phạn # . 6 Phong hộ thực ấp :Đất đai do nhà vua phong tặng. Xem chú thích 11, kinh số 64, tr. 372. 7 Nguyên tác: Cai Một trăm triệu, chỉ cho con số cực lớn.

66. KINH NÓI VỀ VIỆC XƯA 387

Này chư Hiền! Nhờ phước cúng dường vị Độc giác một bát cơm mà tôi thường được mọi người thỉnh mòd thọ nhận thực phẩm, y phục, nệm lông, thảm dệt, giường nệm, thuốc thang trị bệnh và các vật dụng cần cho sự sống, không nơi nào không thỉnh cầu. Lúc ấy, nếu tôi biết vị Sa-môn kia là bậc Vô trước Chân nhân thì phước báu có được chắc chắn sẽ tăng gấp bội, sẽ thọ nhận phước quả lớn với công đức rất mực vi diệu, tính sáng suốt tỏa chiếu rộng lớn, thấu suốt cùng khắp. [0509b04] Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà5 một vị Vô trước Chân nhân, đã được giải thoát hoàn toàn, liền nói kệ này: Ta nhớ xưa bần cùng, Nhờ nhặt nhạnh mà sông, Bớt phần, cúng Sa-môn, Vô Hoạn đức Tối Thượng. Nhan đó sanh dòng Thích, Tên là A-na-luật, Hiểu rõ về ca vũ, Làm nhạc để thường vui. Ta được gặp Thế Tôn, Chánh giác như cam lộ, Gặp rồi sanh tín tâm, Bỏ nhà theo học đạo. Ta biết được đời trước, Biết rõ cội gốc sanh, Cõi trời Ba Mươi Ba, Bảy đời trú ở đó. Cõi trời, người đều bảy, Thọ sanh mười bốn lần, Cõi người rồi cõi trời, Chưa từng đọa đường ác. Nay biết rõ sanh tử, Nơi chúng sanh qua lại, Biết lòng người thị phi, Năm an vui Hiền thánh.8 Chứng năm chi thiền định89, Thường định tâm tĩnh mặc, Đã chứng đắc tịch tĩnh, Liền được tịnh thiên nhãn. Mục đích tu học dạo, Viễn ly, bỏ gia đình, Nay ta đạt nghĩa ây,r Được vào cảnh giới Phật. Ta không ưa sự chét, Cũng chẳng mong sự sanh, Thời nào cũng tự tại, Kiến lập trí chánh niệm. Rừng trúc Tỳ-da-ly?10 ở đây, mạng ta tận, Ngay dưới rừng trúc này, Nhập Vô dư Niết-bàn.

8 Hiền thánh ngũ ngô nh@c ().Du-giàsưđịa luận (T.30.1579.35.0483b22-b23) giải thích: Nhân lạc, thọ lạc, khổ đối ừị lạc, thọ đoạn lạc, vô não hại lạc (,M).Tuy nhiên, ở quyển 72, Du-già sư địa luân(F.30. 1579.72. 0695b27-b29) đã bổ sung: Tuyên thuyết Chánh pháp, thọ trì đọc tụng, liiận nghị quyet tra<±^ giáo thọ giáo giới, an vui trong pháp và thuận hành theo pháp (EWWM, EiiaraW). 9Ngũ chi thiền định (pañcañgikasamādhī). Theo A. 5.28 - III. 25, chánh định gồm 5 chi phần bao gồm tứ thiền và thứ 5 là quán sát tướng (paccavekkhanānimittà). Tác phẩm Giải thoát đạo (Viỉnuttimagga) giải thích: Pañca vidho pañcamajjhānavasena. Pañcañgasamādhi-pañcañgikasammāsamādhi pītipharanatā pathame jhāne dutiye jhāne ca, sukhapharanatā tīsu jhānesu, cetopharānatāparacittaviññāne, ālokapharanatā dibbacakkhu-abhiññāya, paccavekkhana- saññā tamhā tamhā samādhimhā vutthitassa paccavekkhanā nānā (Có 5 loại ve phương diện ngũ thiền. Định 5 chi phần - Chánh định 5 chi phần: Sự lan tỏa của hỷ ở Sơ thiên và Nhị thiền, sự lan tỏa của lạc ở 3 tầng thiền, sự lan toa của tâm ở sự nhận biết tâm cua người khác, sự lan tỏa của ánh

sáng do Thiên nhãn thông, tưởng quán xét lại của vị đã xuất ra khỏi định này định khác là trí quán xét lại), Tỳ-khưu Indacanda dịch. Xem thêm Chú giải Bộ Phân tích (Vibhañga Atthakathaṃ chương 12). wfùydaly ().ở MĀ. 74 ghi là Tỳ-da-ly (,Vesālī).

Bấy giờ, đang ở nơi tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tinh siêu việt hơn người, đức Phật nghe các Tỳ-kheo sau giờ thọ thực tập hợp tại giảng đường cùng bàn luận việc ấy. Nghe như vậy rồi, vào lúc xế chiều, Ngài rời nơi tĩnh tọa đi đến giảng đường, trải toạ cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo rồi hỏi: Này các Tỳ-kheo, hôm nay vì việc gì mà tập hợp tại giảng đường? [0509c01] Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay nhân những việc quá khứ mà Tôn giả A-na-luật-đà thuyết pháp, vì vậy chúng con tập hợp tại giảng đường. y r Á qpl Á rp/\ 19 rnp > 1 1 LÚC ây, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: Bây giờ, các thầy có muốn nghe Như Lai thuyết pháp nhân những việc trong tương lai không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ! Hom nay thật đúng thời! Nếu Thế Tôn nhân những việc trong tương lai mà thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo thì sau khi được nghe, chúng con xin khéo thọ trì. Thê Tôn bảo: Này các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ giải thích tường tận cho các thầy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy: Này các Tỳ-kheo! Vê thời gian lâu xa ở tương lai, sẽ có lúc dân chúng sống đến tám vạn tuổi. Khi con người thọ tám vạn tuổi thì châu Diêm-phù này giàu có và an lạc tột cùng, dân chúng đông đúc, thôn áp gân nhau chỉ băng khoảng cách một lan bay của loài gà.11 Này các Tỳ-kheo! Lúc con người thọ tám vạn tuổi thì con gái năm trăm tuổi mới lấy chồng. Này các Tỳ-kheo! Lúc con người thọ tám vạn tuổi thì chỉ có những bệnh như nóng, lạnh, đại tiểu tiện, ham muốn, ăn uống và già, ngoài ra không có tai họa nào khác. Này các Tỳ-kheo! Lúc con người thọ tám vạn tuổi, có vua tên Loa, 12 là vị Chuyên Luân Vương thông minh trí tuệ, có bôn loại quân thông tri thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Nhà vua có đay đủ một ngàn người con trai, dung mạo khôi ngô tuấn tú, khí lực dõng mãnh, không he sợ hãi, khéo hàng phục người khác. Vua thống lãnh hết thảy từ đát liên cho đên biên cả mà không động binh đao, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiên dân chúng an lạc. Vua có cây phướn băng vàng to lớn, được trang hoàng bằng các loại châu báu, cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do11 12

11 Nguyên tác: Như kê nhất phi .DẢ. 6 ghi là "kê minh tương vMT , kukkutasampātika, nghĩa là cùng nghe tiếng gà gáy. 12 Loa Sañkha.

vua sai dựng lên. Sau khi dựng xong, dưới lá phướn này, nhà vua mở hội cúng dường và bố thí thực phẩm, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn đuốc cho hàng Sa-môn, Phạm chí, những người nghèo khổ, cô độc, người hành khất từ các phương xa đến. Nhà vua

cúng dường và bố thí như thế xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học • A . đạo. Sở dĩ người thiện, nam đó cạo bỏ râuv tóc, mặc . áo casa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an tru và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bấy giờ, có Tôn giả A-di-đa13 ngồi ở trong chúng. Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật, bạch rang: Bạch Thế Tôn! Vào thời gian lâu xa ở tương lai, lúc con người thọ tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, là một Chuyển Luân Vương thông minh trí tuệ, có bon loại quân, thống trị thiên hạ, tự do tự tại, là vi Pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Con có đủ một ngàn người con trai, dung mạo khôi ngô tuấn tú, khí lực dõng mãnh, không hề sợ hãi, khéo hàng phục kẻ khác. Con thống lãnh hết thảy từ đất liền cho đến biển cả mà không động binh đao, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến cho nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong, dưới lá phướn này con liền mở hội cúng dường và bố thí thực phẩm, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn đuốc cho hàng Sa-môn, Phạm chí và những kẻ khốn khổ, cô độc, người hành khất từ các phương xa đến. Cúng dường và bố thí xong, con sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Sở dĩ một người thiện nam như con cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an tru và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0510al8] Bấy giờ, Thế Tôn quở trách Tôn giả A-di-đa rằng: Thầy là kẻ mê muội! Chỉ nên một lần chết, sao lại mong một lần tái sanh nữa? Vì sao như vậy? Vì thầy đã khởi niệm rằng: "Bạch Thế Tôn! về thời gian lâu xa ở tương lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có the được làm

13 A-di-đa Ajita là vị Tôn giả được Phật thọ ký sẽ làm Chuyển Luân Vuông, hiệu là Loa Sañkha, ở thành Kê-đầu ,Ketumatī.

vua hiệu là Loa, là vị Chuyển Luân Vương thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, thống trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu, đó là bánh xe báu5 voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Con có đủ một ngàn người con trai dung mạo khôi ngô tuân tú, dõng mãnh không hề sợ hãi, khéo hàng phục kẻ khác. Con thông lãnh hét thảy từ đất liền cho đến biển cả mà không động binh đao, chỉ dùng chánh pháp giáo hóa khiến nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bang vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong, dưới lá

phướn này con liền mở hội cúng dường và bố thí thực phẩm, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc, đèn đuốc cho Sa-môn, Phạm chí và những kẻ khốn khổ9 cô độc, người hành khất từ các phương xa đến. Cúng dường và bố thí xong, con sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Sở dĩ một người thiện nam như con, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú và biết như thật rang: 'Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh n(ía."' [0510b07] Thế Tôn lại bảo: -Này A-di-đa! Vê thời gian lâu xa ở tương lai, lúc con người thọ tám vạn tuổi, thay sẽ được làm vua, hiệu là Loa, là vị Chuyển Luân Vương thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, thống trị thiên hạ9 tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu, đó là bánh xe báu, ngựa báu, voi báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Thầy sẽ có đủ một ngàn người con trai, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh không he sợ hãi, khéo hàng phục kẻ khác. Thầy sẽ thống lãnh hết thảy từ đất liền cho đến biển cả mà không động binh dao, chỉ dùng chánh pháp giáo hóa khiến nhân dân an lạc. Thầy sẽ có một cây phướn lớn bang vàng, được trang hoàng bang các loại châu báu, cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do thầy dựng lên. Sau khi dựng xong, dưới lá phướn này thầy mở hội cúng dường và bố thí thực phẩm, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn đuốc cho hàng Sa-môn, Phạm chí và những kẻ khốn kho, cô độc, nẹười hành khất từ các phương xa đến. Sau khi cúng dường và bô thí xong, thây sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Sở dĩ một người thiện nam như thây, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú và biêt như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^

66. KINH NÓI VỀ VIỆC XƯA 391

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Ve thời gian lâu xa ở thời tương lai5 lúc con người sống đến tám vạn tuổi, sẽ có đức Phật hiệu Di-lặc14 Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn, cũng như hôm nay Ta đã thành Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chanh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Vào đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ loài người cho đến chúng trời, đức Di-lặc Như Lai tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú; cũng như hôm nay ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Phạm chí, từ loài người cho đến chúng trời, Như Lai tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Đức Phật ấy sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn9 hoàn toàn thanh tinh, hiên bày Phạm hạnh; cũng như hôm nay Như Lai thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần

giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Đức Phật ây sẽ truyên bá Phạm hạnh rộng khắp trong vô lượng đại hội, từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiên hiện; cũng như hôm nay Như Lai truyền bá Phạm hạnh rộng khắp trong vô lượng đại hội, từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Đức Phật ấy có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như hôm nay Như Lai có vô lượng trăm ngàn chúng Ty-kheo. [051 Oe 10] Bấy giờ, Tôn giả Di-lặc đang ngồi trong chúng. Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh y bày vai, chắp tay hướng Phật rồi thưa rằng: Kính bạch Thế Tôn! về thời gian lâu xa ở tương lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn; cũng như hôm nay Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Vào đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn? Phạm chí, từ loài người cho đến chúng trời, con sẽ tự biết ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an tru; cũng như ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn? Phạm chí, từ loài người cho đến chúng trời, Thế Tôn tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Con sẽ thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh; cũng như hôm nay Thế Tôn thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiên bày Phạm hạnh.

14 Di-lặc ,Metteyya dịch nghĩa là Từ Thị .

Con sẽ truyền bá Phạm hạnh rộng khắp trong vô lượng đại hội, từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như hôm nay Thê Tôn truyền bá Phạm hạnh rộng khắp trong vô lượng đại hội, từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Con sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như hôm nay Như Lai có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Tôn giả Di-lặc rằng: Lành thay, lành thay pi-lặc! Thầy phát tâm thật vi diệu, thống lãnh đại chúng. Vì sao như vậy? Vì thầy đã khởi niệm: "Bạch Thế Tôn! về thời gian lâu xa ở tương lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; cũng như hiện nay Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Vào đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người đến chúng trời, con sẽ tự biết tư ngộ, tự thân chứng dắc, thành tựu và an trú; cũng như hiện nay ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Phạm chí, từ loài người cho đến chúng trời, Thế Tôn tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Con sẽ thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh; cũng như hôm nay Thế Tôn thuyết pháp phần đầu vi diệu, phàn giữa vi

diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Con sẽ truyên bá Phạm hạnh rộng khắp trong vô lượng đại hội, từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như hiện nay Thế Tôn truyền bá Phạm hạnh rộng khắp, từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiển hiện.,^ [0511al3] Đức Phật lại bảo: Này Di-lặc! Vào một thời gian lâu xa ở đời tương lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, thầy sẽ được thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; cũng như hiện nay Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Vào đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ loài người cho đên chúng trời, thây tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú; cũng như hiện nay, ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Phạm chí, từ loài người cho đến chúng trời, Ta tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Thầy sẽ thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối

cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh; cũng như hôm nay Như Lai thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuôi cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Thầy sẽ truyền bá Phạm hạnh rộng khắp trong vô lượng đại hội5 từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như hiện nay Ta truyền bá Phạm hạnh rộng khắp trong vô lượng đại hội? từ loài người cho đến chúng trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Thay sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như hiện nay Như Lai có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu Phật. Thế Tôn quay lại bảo: -Này A-nan! Thây hãy lây chiêc y được dệt băng sợi tơ vàng mang lại đây, Ta muốn trao cho Tỳ-kheo Di-lặc. [05 llb02] Tôn giảA-nan vâng lời, liền lấy chiếc ỵ được dệt bằng sợi tơ vàng dang len The Ton. The Ton câm tâm y được dệt băng sợi tơ vang tư Tôn giả A-nan, rồi bảo: Này Di-lặc! Thầy hãy nhận tấm y được dệt bằng sợi tơ vàng này từ nơi Như Lai rồi cúng dường Phật, Pháp và chúng Tăng. Vì sao như vậy? Này Di- lặc! Các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vì muốn che chở thế gian mà mong câu ý nghĩa và lợi ích, mong câu an ôn và hân hoan. Tôn giả Di-lặc nhận tâm y được dệt băng sợi tơ vàng từ Như Lai roi dâng cúng dường Phật, Pháp và chúng Tăng. Bấy giờ, Ma Ba-tuần liền khởi niệm: "Sa-m6n Cù-đàm này du hóa tại Ba- la-nại, ngụ trong vườn Nai, nơi trú xứ tiên nhân, nhân những việc tương lai mà thuyết pháp cho các đệ tử, ta hãy đến đó gây nhiễu loạn." Nghĩ rồi, Ma Ba-tuần đi đến chỗ đức Phật, đứng trước Thế Tôn nói kệ: Người ây tát sẽ được, Dung mạo đẹp bậc nhát, Thân mang hoa anh lạc, Ngọc sáng đeo cánh tay, Nếu ở thành Kê-đầu,1516 Sẽ ở cõi Vua Loa. Bấy giờ, đức Phật nghĩ: “Ma Ba-tuần này đến chỗ Như Lai muốn gây nhiễu loạn." Biết như vậy rồi, đức Phật liền vì Ma Ba-tuần mà nói kệ: Người ấy tất sẽ được, Tối Thắng,16 không nghi ngờ, Dứt sanh, già, bệnh, chết, Vô lậu, việc làm xong, Nếu ai tu Phạm hạnh, Sẽ ở cõi Di-lặc. Ma Ba-tuân lại nói kệ: r Người ấy tất sẽ được, Y phục đẹp bậc nhát, Thân xoa trầm chiên-đàn5 Tay chân đầy châu ngọc, Nếu ở thành Kê-đầu? Sẽ ở cõi vua Loa.

15 Thành Kê-đầu Ketumatī. Theo DPPN, đây là địa danh nơi Vua Loa Sañkha sẽ làm Chuyển Luân Vương, cùng thời với đức Phật Di-lặc. 16 Nguyên tác: Vô Phục ,dịch nghĩa của A-di-đa Ajita, nghĩa là Vô Hàng Phục hay Vô Năng Thắng
.

394 KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ, đức Phật lại nói kệ: Người ấy tất sẽ được, Không chủ, cũng không nhà, Tay không cầm châu báu, Vô vi, không sầu não, Nếu ai tu Phạm hạnh, Sẽ ở cõi Di-lặc. [0511C01] Lúc đó, Ma Ba-tuần lại nói kệ: Người kia tất sẽ được, Danh, tài, ẩm thực ngon, Hiểu rõ ràng ca vũ, Làm nhạc thường hân hoan, Nếu ở thành Kê-đầu, Sẽ ở cõi vua Loa. Bấy giờ, đức Phật lại nói kệ: Người ấy tất vượt bờ? Như chim phá lưới bay, Chứng trụ thiền tự tại, An lạc, thường hân hoan, Này Ma, ngươi nên biết, Ta đã hàng phục xong. Bấy giờ, Ma vương nghĩ: “Thế Ton đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta", nên sầu não, buồn bã, không thể ở lại được liền biến mất. Đức Phật dạy như vậy9 các Tôn giả Di-lặc, Tôn giả A-di-da, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.17

17 Bản Hán, hết quyển 13.

67. KINH RỪNG XOÀI ĐẠI THIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Tỳ-đà-đề/ rồi đi đen Di-tát-la/ ngụ trong rừng xoài của Đại Thiên.1234 Bấy giờ, đang trên đường đi, đức Thế Tôn bỗng nhiên mỉm cười. Tôn giả A-nan thấy Thế Tôn mỉm cười, liền chắp tay hướng về đức Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Nếu không có nhân duyên thì các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không bao giờ mỉm cười. Cúi xin Thế Tôn cho con được nghe ý nghĩa đó! The Tôn bảo: -Này A-nan! Thuở xưa, trong rừng xoài Di-tát-la này có vị vua tên là Đại Thiên5 làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, thống lãnh thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương thực hành đúng pháp, thành tựu bảy báu và là người có bốn đức như ý.67 Này A-nan! Bảy báu mà Vua Đại Thiên ấy thành tựu là những gì? Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. [05l2a05] Này A-nan! Vua Đại Thiên thành tựu bárứi xe báu như thế nào? Này A-nan! Bấy giờ vào ngày rằm, là ngày Bố-tát thuyết giới/ Vua Đại Thiên tam gội sạch sẽ? ngự trên chánh điện thì có bánh xe báu của cõi trời từ phương Đông hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đầy đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên,

1 Quyển 14. Nguyên tác: Đại Thiên nại lâm kinh (OI. 0026.67. 05llc2l). Tham chiêu: Phật thuyết Trừ khủng tai hoạn J(TAI. 0744. 0552a03); Tăng.(r02. 0125.50.4. 0806c21); Lục đô tập kinh (7.03. 152.87. 0048Ồ25); M. 83, Makhãdeva Sutta (Kinh Makhãdevă)\ J. L 9; VI. 541. 2 Tỳ-đà-đề (,Vi-đề-ha), vương quốc Videha, gần vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha). 3 Di-tát-la (,Mithilā), thủ đô của nước Videha, một trung tâm thương mại sầm uất thời Phật. 4 Đại Thiên nại lâm (),khu rừng xoài của Makhâdeva ở thủ đô Mithilā, là nơi vị ấy tu tập sau khi rời bỏ đời sông tại gia. 5 Đại Thiên ().p. Makhādeva. 6 Tứ chủng như ý chi dức ()cũng gọi là

"tứ thần dức"().Theo DÃ. 2, Bốn thần đức bao gôm: (i) sống thọ không chết yêu, không ai sánh băng; (ii) Thân thê khỏe mạnh, không bệnh, không ai sánh bang; (iii) Dung mạo đoan chánh, không ai sánh bằng; (iv) Kho báu tràn đầy, không ai sánh bằng.
7 Nguyên tác: Thuyết tùng giải thoát ().Ngày Tỳ-kheo Bố-tát (Uposatho), tụng Giới kinh, Giới bổn Ba-la-đề-mộc-xoa (,Pātimokkhaṃ.

chẳng phải do con người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vua Đại Thiên trông thấy, thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng, nghĩ thầm: “Bánh xe báu tốt lành đã xuất hiện, bánh xe báu vi diệu đã xuất hiện! Ta đã từng nghe người xưa bảo răng: 'Vào ngày răm? là ngày Bô-tát thuyêt giới, nêu Vua Sát-lợi Đảnh Sanh8 tắm gội sạch sẽ xong, lên ngự trên chánh điện mà có bánh xe báu cõi trời từ phương Đông hiện đến, bánh xe có ngàn căm, đầy đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, không phải do con người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời thì vị ấy chắc chắn sẽ làm Chuyển Luân Vương/ Ta lẽ nào không phải là Chuyển Luân Vương sao?" Này A-nan! Thuở ấy, Vua Đại Thiên muốn đích thân thử nghiệm bánh xe báu cõi trời, liền cho tập hợp bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và . r . r quân bộ. Sau khi tập hợp bôn loại quân xong, nhà vua đi đên chô bánh xe báu cõi trời, dùng tay trái vô lên bánh xe, tay phải đây nó và nói: "Bánh xe báu cõi trời hãy tự đi, hãy theo pháp của bánh xe báu cõi trời mà vận chuyên.,, Này A-nan! Bánh xe báu cõi trời ấy đã chuyển động và lăn về hướng Đông. Lúc ấy, Vua Đại Thiên và bon loại quân cũng đi theo sau. Nêu bánh xe báu cõi trời dừng lại chỗ nào thì Vua Đại Thiên và bốn loại quân dừng lại chỗ đó. Bấy giờ, ở phương Đông, các vị vua ở những nước nhỏ đều đi đến chỗ Vua Đại Thiên, tâu rằng: "Quy hóa thay, Thiên vương đã đến đây! Tâu Thiên vương, các nước ở đây rát giàu có và an lạc, dân chúng đông đúc, hoàn toàn thuộc vê ngài. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa, chúng thần sẽ phụ chính cho ngài." Bấy giờ, Vua Đại Thiên bảo các vua nước nhỏ: "Này các khanh! Hãy tự trông coi lãnh thổ của mình, hãy dùng Chánh pháp, chớ dùng phi pháp, đừng để trong nước có những người tạo các nghiệp ác và trái với Phạm hạnh.^, Này A-nan! Bánh xe báu cõi trời ấy qua khỏi phương Đông5 vượt qua biển lớn phía Đông, rồi quay lại các phương Nam, phương Tây và phương Bắc. Này A-nan! Lúc bánh xe báu cõi trời vận chuyển vòng quanh cùng khắp thì Vua Đại Thiên cùng bon loại quân cũng đều đi theo sau. Nêu bánh xe báu cõi trời dừng ở đâu thì Vua Đại Thiên cùng bốn loại quân đều dừng lại ở đó. Bay giờ, vua các nước nhỏ ở phương Bắc đều đến chỗ Vua Đại Thiên, tâu rang: "Quý hóa thay, Thiên vương đã đến đây! Tâu Thiên vương, các nước ở đây rất giàu có và an lạc, dân chúng đông đúc, hoàn toàn thuộc về ngài. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa, chúng thần sẽ phụ chính cho ngài."

8 Nguyên tác: Đảnh Sanh Sát-lợi vương (A khattiyo muddhāvasitto), vua dòng Sát-lợi đã được làm lễ Quán đảnh (rưới nước thiêng lên đỉnh đầu Ương lê Đăng quang.) J

Lúc ây? Vua Đại Thiên bảo các vua nước nhỏ: “Này các khanh! Hãy tự trông coi lãnh thổ của mình, hãy dùng Chánh pháp, chớ dùng phi pháp, đừng để trong nước có những người tạo các nghiệp ác và trái với Phạm hạnh?9 Này A-nan! Bánh xe báu cõi trời ấy qua phương Bắc, vượt qua biển lớn phía Bắc, rồi trở về kinh thành của vua. Lúc Vua Đại Thiên ngự trên chánh điện để lo việc chính sự9 thì bánh xe báu cõi trời dừng trụ giữa hư không. Vua Đại Thiên đã thành tựu bánh xe báu cõi trời như thế. [0512bl2] Này A-nan! Vua Đại Thiên ấy thành tựu voi báu như thế nao? Này A-nan! Lúc ấy, Vua Đại Thiên có voi báu xuất hiện. Vòi báu ấy trắng ngần, với bảy chô đây đặn, tên là Vu-sa-hạ.1011 Sau khi trông thây voi này, Vua Đại Thiên thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Nếu điều phục được thì con voi này rất hiền lành. Này A-nan! Sau đó Vua Đại Thiên bảo nài voi: "Khanh hãy mau huân luyện voi cho thật thuần thục. Khi voi đã thuân thục, hãy đến báo trẫm bi&t." Bấy giờ, tuân lệnh vua, nài voi liền đến chỗ voi báu huấn luyện nhanh chóng, khiến nó trở nên hết sức thuần thục. Lúc ấy, nhờ được huấn luyện công phu nên voi báu mau thuần thục, cũng như voi quý thuở xưa song lâu vô lượng trăm ngàn năm, nhờ được huấn luyện công phu trong vô lượng trăm ngàn năm nên voi trở nên thuần thục nhanh chóng; voi báu này cũng giông như vậy, nhờ được huấn luyện công phu nên được thuần thục nhanh chóng. Này A-nan! Bấy giờ, sau khi nhanh chóng huấn luyện voi báu, khiến voi sớm thuần thục, nài voi liền đến tâu vua: C6Tâu Thiên vương! Mong ngài biết cho, hạ thần đã huấn luyện voi báu rất công phu, voi báu đã thuần thục, ngài hãy tùy ý sử dung.” Này A-nan! Khi ấy vì muốn thử nghiệm voi báu nên vào sáng sớm, lúc mặt trời vừa mọc, Vua Đại Thiên liền đến chỗ voi, cưỡi đi cùng khắp, từ trong đất liền cho đến biển cả rồi nhanh chóng trở về kinh thành của mình. Vua Đại Thiên đã thành tựu voi trắng quý báu như thế. Này A-nan! Vua Đại Thiên thành tựu ngựa báu như thế nào? Này A-nan! Lúc Vua Đại Thiên có ngựa báu xuất hiện thì ngựa báu ấy có màu xanh biếc, đầu đen như quạ. Vì bộ lông khiến cho ngựa oai vệ nên có tên là Mao mã vương.11 Trông thấy con ngựa này, nhà vua thân tâm hoan hỷ, phấn khởi tột cùng. Nếu được huấn luyện thì ngựa rất hiền lành. Này A-nan! Sau đó Vua Đại Thiên bảo nài ngựa:

9 Nguyên tác: Đoạn lý Phân định việc đúng sai . 10 Vu-sa-hạ Uposatha, Bố-tát. Có quan điểm cho rằng được phiên âm từ chữ Usabha. 11 Mao mã vương Ngựa chúa có bờm. Tham chiếu: D. 17 ghi là Valãhaka Vân mã vương.

"Khanh hãy nhanh chóng huấn luyện ngựa cho thật thuần thục. Khi ngựa đã thuần, hãy đến báo trẫm biết.” Bấy giờ, tuân lệnh vua, nài ngựa đến chỗ ngựa báu, nhanh chóng huấn luyện ngựa trở nên hết sức thuần thục. Lúc ấy, ngựa báu được huấn luyện công phu, liền sớm trở nên thuần thục. Cũng như ngựa tốt thuở xưa sống vô lượng trăm ngàn năm, nhờ được huấn luyện công phu trong vô lượng trăm ngàn năm nên trở nên thuần thục nhanh chóng; ngựa báu này cũng lại như vậy, nhờ được huấn luyện công phu nên trở nên thuần thục nhanh chóng. Này A-nan! Sau khi nhanh chóng huấn luyện ngựa báu, khiến trở nên rất thuần thục, nài ngựa liền đen tâu vua: “Tâu Thiên

vương! Mong ngài biết cho, hạ thần đã huấn luyện ngựa báu rất công phu, ngựa báu đã thuần thục, ngài hãy tùy ý sử dụng?9 Này A-nan! Khi ấy vì muốn thử nghiệm ngựa báu nên vào sáng sớm, lúc mặt trời vừa mọc, Vua Đại Thiên đi đến chỗ ngựa báu roi cưỡi đi cùng khắp? từ trong đất liền ra đến biển cả rồi nhanh chóng trở về kinh thành của mình. Vua Đại Thiên đã thành tựu ngựa báu xanh biếc như thế. [0512cl5] Này A-nan! Vua Đại Thiên ấy thành tựu châu báu như thế nào? Lúc Vua Đại Thiên có châu báu xuất hiện thì châu báu ấy trong suốt tự nhiên, không do ai tạo, tám cạnh không cáu bẩn, được mài đũa tinh xảo? xâu bằng sợi dây năm màu xanh, vàng, đỏ5 trắng và đen. Này A-nan! Lúc Vua Đại Thiên ở trong cung điện, muốn có ánh sáng, liền dùng châu báu này. Này A-nan! Thuở ấy, khi Vua Đại Thiên muốn thử nghiệm châu báu, liền cho tập hợp bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, vào lúc đêm tối, vua cho dựng một tràng phan cao, đặt ngọc báu trên ấy, rồi ra khỏi thành, đến khu vườn rừng có lầu gác để ngắm nhìn. Ánh sáng của ngọc báu chiếu khắp bốn loại quân, soi sáng đến nửa do-diên. Vua Đại Thiên đã thành tựu ngọc báu như thế. Này A-nan! Vua Đại Thiên thành tựu nữ báu như thế nào? Này A-nan! Lúc Vua Đại Thiên có nữ báu xuất hiện thì nữ báu ấy có thân thể tinh khiết, trong trắng mỹ miều, sắc đẹp hơn người, chẳng kém tiên nữ? dung mạo đoan chánh, ai thấy cũng ưa, miệng tỏa mùi hương sen xanh thơm ngát, các lỗ chân lông trên thân thơm hương chiên-dàn, vào mùa đông thì thân ấm áp, vào mùa hạ thì thân mát mẻ. Nữ báu ấy hết lòng hầu hạ nhà vua, nói năng hòa nhã, làm việc nhanh nhẹn, thông minh trí tuệ, ưa thích điều lành. Nữ báu ấy thường nghĩ đến vua, chưa hề rời tâm, huống gì thân và miệng. Vua Đại Thiên đã thành tựu nữ báu như thế. [0513a02] Này A-nan! Vua Đại Thiên ấy thành tựu cư sĩ bau như thế nào? Này A-nan! Lúc Vua Đại Thiên có cư sĩ báu xuất hiện thì cư sĩ ấy giàu có cùng tột, của cải vô lượng, có nhiều vật nuôi, phong hộ thực ấp, thảy đều đầy đủ. Nhờ phước quả nên cư sĩ có được thiên nhãn, thấy rõ các kho báu, có hay không có

kho báu thảy đều thấy rõ, cũng biết rõ có người giữ gìn hay không có người giữ gìn, các kho vàng và kho bạc là do người tạo ra hay không do người tạo ra thảy đều biết rõ. Này A-nan! Cư sĩ báu ấy đến trước Vua Đại Thiên tâu rằng: r r

“Tâu Thiên vương! Nêu muôn có được vàng bạc châu báu thì Thiên vương chớ lo, vì hạ thần tự biết đúng hic." Này A-nan! Thuở ấy, lúc Vua Đại Thiên muốn thử nghiệm cư sĩ báu, vua cho chèo thuyền ra giữa sông Hằng và bảo: “Này cư sĩ! Ta muôn có được vàng bạc châu báu." Cư sĩ tâu: "Tâu Thiên vương! Xin ngài hãy cho thuyền cập bến.” Bấy giờ, Vua Đại Thiên bảo: “Này cư sĩ! Ta muôn có được chúng ngay giữa dòng sông này! Ta muôn có được chúng ngay giữa dòng sông này!" Cư sĩ tâu: "Tâu Thiên vương! Xin ngài hãy cho thuyền dừng lại." Này A-nan! Bấy giờ, cư sĩ báu đến trước mũi thuyền, quỳ xuống, duỗi tay xuống nước rồi lấy lên bốn kho tàng, là kho vàng, kho bạc, kho tàng do chế tác và kho tàng không do chế tác và tâu: “Tâu Thiên vương! Xin ngài tùy ý sử dụng vàng bạc châu báu, sử dụng xong còn lại bao nhiêu thì xin trả lại dưới song?9 Vua Đại Thiên đã thành tựu cư sĩ báu như thế. Này A-nan! Vua Đại Thiên thành tựu tướng quân

báu như the nào? Này A-nan! Lúc Vua Đại Thiên có tướng quân báu xuất hiện thì tướng quân báu ấy thông minh trí tuệ, biện tài khéo nói, hiểu sâu biết rộng. Tướng quân báu sẽ thay Vua Đại Thiên thực hiện những mục đích đời này, những mục đích đời sau, khuyên khích và xây dựng binh chủng. Tướng quân báu ây sẽ vì Vua Đại Thiên, nêu muôn tập hợp các quân thì liên tập hợp, muôn giải tán là giải tán ngay, khiên cho binh lính thuộc bôn loại quân không mệt mỏi, khuyên khích và giúp đỡ họ. Đối với các cận thần khác cũng vậy. Vua Đại Thiên đã thành tựu tướng quân báu như thế. Này A-nan! Vua Đại Thiên đã thành tựu bảy báu như thế. Này A-nan! Vua Đại Thiên ây là người có bôn đức như ý thê nào? Vua Đại Thiên ấy thọ mạng rất dài, thời trẻ con vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước nhỏ đến tám vạn bốn ngàn năm5 làm vua nước lớn đến tám vạn bốn ngàn năm, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thirời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo đến tám vạn bốn ngàn năm, rồi học theo Tiên nhân tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng xoài của Đại Thiên. Này A-nan! Nếu Vua Đại Thiên thọ mạng rất dài, làm trẻ con vui

đùa đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước nhỏ đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước lớn đến tám vạn bốn ngàn năm, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo đến tám vạn bốn ngàn năm, rồi học theo tiên nhân tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này và trú trong rừng xoài của Đại Thiên, đây chính là đức như ý thứ nhất của Vua Đại Thiên. [0513b09] Lại nữa, này A-nan! Vua Đại Thiên ấy không có tật bệnh, đường tiêu hóa tốt,12 không bị hàn, không bi nhiệt, an ổn, không bứt rứt, nhờ đó mà đồ ăn thức uống được tiêu hóa dễ dàng. Này A-nan! Nếu Vua Đại Thiên không có tật bệnh, đường tiêu hóa tốt, không bị hàn, không bị nhiệt, an ổn, không bứt rứt, nhờ đó mà đồ ăn thức uống tiêu hóa dễ dàng, đây chính là đức như ý thứ hai của Vua Đại Thiên. Lại nữa, này A-nan! Vua Đại Thiên có thân thể tươi sáng, phương phi hồng hào, sắc đẹp hơn người, chẳng kém thiên thần, tướng hảo đoan chánh, ai thấy cũng vui. Này A-nan! Nếu Vua Đại Thiên có thân thể tươi sáng, phương phi hồng hào, sắc đẹp hơn người, chẳng kém thiên thần, tướng hảo đoan chánh, ai thấy cũng vui, đây chính là đức như ý thứ ba của Vua Đại Thiên. Lại nữa, này A-nan! Vua Đại Thiên ấy thường thương tưởng đến các Phạm chí và cư sĩ như cha nghĩ đến con. Phạm chí, cư sĩ cũng kính trọng Vua Đại Thiên như con kính cha. Này A-nan! Thuở ấy, Vua Đại Thiên bảo với người đánh xe trong khu vườn rừng có lầu gác rằng: "Hãy cho xe đi chậm chậm, ta muôn nhìn kỹ các Phạm chí và cư si!" Phạm chí, cư sĩ cũng bảo người đánh xe: "Hãy cho xe đi chậm chậm, chúng tôi muốn chiêm ngưỡng đức Vua Đại Thiên!,9 Này A-nan! Nếu Vua Đại Thiên thường thương tưởng đến các Phạm chí và cư sĩ như cha nghĩ đến con, Phạm chí và cư sĩ cũng kính trọng Vua Đại Thiên như con kính cha, đây chính là đức như ý thứ tư của Vua Đại Thiên. Này A-nan! Vua Đại Thiên là người có bốn đức như ý như thế. Này A-nan! Một thời gian sau, Vua Đại Thiên ấy bảo thợ hớt tóc rằng: "Nếu thấy tóc trên đầu ta điểm bạc thì khanh hãy báo cho trẫm!" Người thợ hớt tóc ghi nhớ lời vua dặn. Một thời gian sau, trong lúc gội đầu cho vua, thấy có tóc bạc, thợ hớt tóc liền tâu: "Tâu Thiên vương! Mong ngài biết

cho, Thiên sứ đã đến, tóc ngài đã điểm bạc.99 Vua Đại Thiên ấy lại bảo thợ hớt tóc: “Khanh hãy lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc rồi bỏ vào bàn tay tram!"

12 Bình đẳng thực vi chi đạo samavepãkirì'. Đường tiêu hóa tốt nên không kén chọn vật thực, ăn uông dê tiêu hóa. J

67. KINH RỪNG XOÀI ĐẠI THIÊN 401

Bấy giờ, tuân lệnh vua, thợ hớt tóc liền lấy nhíp vàng, từ từ nhổ tóc bạc rồi bỏ vào bàn tay vua. Vua Đại Thiên đưa tay nắm sợi tóc bạc rồi nói kệ này: Tóc trên đầu điểm bạc, Thọ mạng dần suy hao, Thiên sứ đã đến rồi, Đúng thời, ta học đạo. [0513c09] Này A-nan! Sau khi thấy tóc bạc, Vua Đại Thiên bảo Thái tử: "Này Thái tử! Con nen biết, thiên sứ đã đến, đầu ta đã điểm bạc. Này Thái tử! Ta đã được hưởng niềm vui thế gian, nay lại muốn cầu niềm vui cõi trời. Này Thái tử! Ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Thái tử! Nay ta phó thác bốn châu thiên hạ này cho con. Con hãy cai trị và giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để trong nước có những người tạo các nghiệp ác? trái với Phạm hạnh. Này Thái tử! về sau, nếu con thấy thiên sứ đến, đầu đã điểm bạc thì con nên đem chính sự của nước nhà trao lại cho Thái tử của con, khéo dạy bảo và trao đất nước lại cho Thái tử, rồi con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này Thái tử! Nay ta chuyển giao pháp kế thừa13 này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để dân chúng vào đường suy vong!14 Này Thái tử! Tại sao nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con, bảo con cũng phải chuyển giao pháp kế thừa này, chớ để dân chúng vào đường suy vong? Này Thái tử! Nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nôi thì đó là đây dân chúng vào đường diệt vong, vì thê nên nay ta chuyển giao cho con. Này Thái tử! Ta đã chuyển giao pháp kế thừa này cho con thì con cũng phải chuyển giao pháp kế thừa ấy5 chớ để dân chúng vào đường suy vong!" Này A-nan! Vua Đại Thiên ấy đem chính sự nước nhà phó thác cho Thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, học theo tiên nhân tu hành Phạm hạnh trong rừng xoài của Đại Thiên tại Di-tát-la này. Thế rồi, vị Thái tử kia cũng trở thành Chuyển Luân Vương, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý. Vị này thành tựu bảy báu và được bốn đức như ý như thế nào? Bảy báu và bốn đức như ý giống như đã nói ở trước. [05l4a03] Này A-nan! Vị Chuyển Luân Vương ấy về sau cũng bảo thợ hớt tóc rằng: "Nếu thấy tóc trên đầu ta điểm bạc thì khanh hãy báo cho trẫm!,^

13 Nguyên tác: Tương kế chi phập ().Tham chiếu: M. 83: Yena me idarn kalyānam vattarn nihitarn anuppavatteyyãsi (Truyên thông tót đẹp này do ta thiêt lập, hãy tiêp tục duy trì!), HT. Thích Minh Châu dích. 14 Nguyên tác: Cực biên ().Tham chiếu: M. 83: Antimapurisa (người sau cùng).

402 KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ, người thợ hớt tóc ghi nhớ lời vua dặn. Một thời gian sau, trong lúc gội đầu cho vua, thấy có tóc bạc, thợ hớt tóc liền tâu: "Tâu Thiên vương! Mong ngài biết cho, thiên

sứ đã đến, tóc trên đầu ngài đã điểm bạc.” = Vị Chuyển Luân Vương ấy lại bảo thợ hớt tóc: "Khanh hãy lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc rồi bỏ vào lòng bàn tay trẫm!” Bấy giờ, tuân lệnh vua, thợ hớt tóc liền lấy nhíp vàng, từ từ nhổ tóc bạc rồi bỏ vào bàn tay vua. Này A-nan! Vua Chuyển Luân Vương ấy đưa tay giữ sợi A\ tóc bạc roi nói kệ răng: Tóc trên đầu điểm bạc, Thọ mạng dần suy hao, Thiên sứ đã đến rồi, Đúng thời, ta học đạo. Này A-nan! Sau khi thấy tóc điểm bạc, vị Chuyển Luân Vương ấy bảo Thái tử rằng: "Này Thái tử! Con nên biết, thiên sứ đã đến, đầu ta đã điểm bạc. Thái tử! Ta đã được hưởng niềm vui thế gian, nay muốn cầu niềm vui cõi trời. Này Thái tử! Ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Ta nay phó thác bốn châu thiên hạ cho con, con hãy cai tri, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo các nghiệp ác và trái với Phạm hạnh! Này Thái tử! Nếu sau này con thấy thiên sứ đến, đầu đã điểm bạc thì con phải đem chính sự của nước nhà trao lại cho Thái tử của con, khéo dạy bảo và trao đất nước lại cho Thái tử rồi, con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này Thái tử! Nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để dân chúng vào đường suy vong. Này Thái tử! Tại sao nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con và con cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa này, chớ để dân chúng vào đường suy vong? Vì này Thái tử! Nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nối thì đó là để dân chúng vào đường suy vong. Vì thế, này Thái tử! Ta đã chuyên giao pháp kê thừa này cho con thì con phải chuyên giao lại pháp kế thừa ấy, chớ để dân chúng vào đường suy vong.” [0514Ồ01] Này A-nan! Vị Chuyển Luân Vương ấy đem chính sự nước nhà của nước ấy phó thác cho Thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo, học theo tiên nhân, tu hành Phạm hạnh trong rừng xoài của Đại Thiên tại Di-tát-la này. Này A-nan! Cứ như thế, từ con đến con, từ cháu đến cháu, từ dòng họ đến dòng họ, từ truyền thống tiếp nối truyền thống, lần lượt đến tám vạn bốn ngàn

vị Chuyển Luân Vương đều cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, học với tiên nhân và tu hành Phạm hạnh trong rừng xoài của Đại Thiên tại Di-tát-la này. Vị vua sau cùng tên Ni-di5 là một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là vị vua vì thái tử, hoàng hậu phi tần, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm, tu hạnh bố thí, cung cấp thức ăn, y phục, xe cộ9 tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn dầu cho những Sa-môn, Phạm chí, kẻ nghèo kho, người cô độc và người hành khất từ các phương xa đến. Bấy giờ, chư thiên ở cối trời Ba Mươi Ba tập hợp tại giảng đường Thiện Pháp, đều hết lời khen ngợi Vua Ni-di như vầy: "Chu Hiền! Người xứ Tỳ-đà-đề có thiện ích lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Vì vị vua cuối cùng là Ni-di, một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là một vị đã vì thái tử, hoàng hậu phi tan, the nữ và các than dân, Sa-môn, Phạm chí, cho

đen loài côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mùng tám, mười bon và ngày ram; tu hạnh bo thí, cung cấp thức ăn, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn dầu cho những Sa-môn5 Phạm chí, kẻ nghèo khô? người cô độc và người hành khát từ các phương xa đến.^, Bấy giờ, trời Đế-thích cũng có trong chúng. Lúc ấy, trời Đế-thích bảo với thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba: “Chu Hiền! Các vị có muốn đến cõi ấy để thăm viếng Vua Ni-di kh6ng?” Chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba đáp: "Thua ngài Câu-dực!1516 Chúng tôi muốn được đến cõi ấy để thăm viếng Vua Ni-dL”

15 Ni-di Nimi. 16 Câu-dực còn được phiên âm là Kiêu-thi-ca TKosiyā.
Tham chiếu: Tạp 02. 0099.1106. 0281al0: Thích-đe-hpàn-nhân xưa kia khi còn làm người là người của dòng tộc Kieu-thir)9"J(("Jr7T79J

Đế-thích bảo: “Chính là tôi đây. Đại vương có thiện lợi lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Vì thiên chúng ở cõi trời Ba Mươi Ba tập hợp tại giảng đường Thiện Pháp và hết lời khen ngợi Đại vương như vầy: 'Chư Hiền! Người xứ Tỳ-đà-đề có thiện lợi lớn, có công đức lớn. Vì sao như vậy? Vì đức vua sau cùng tên là Ni-di, một vị Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, một vị đã vì thái tử, hoàng hậu phi tần, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm, đã tu hạnh bố thí, cung cấp thức ăn, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn dâu cho những Sa-môn, Phạm chí, kẻ nghèo khô, những người cô độc, người hành khất từ các phương xa đến/ Đại vương! Ngài có muốn đến thăm cõi trời Ba Mươi Ba kh6ng?" Vua đáp: "Tôi muốn đến thm.” Trời Đế-thích lại bảo Vua Ni-di: "Tôi sẽ trở lại cõi trời, ra lệnh trang hoàng xa giá với một ngàn voi kéo để Đại vương cưỡi lên du lãm, thưởng ngoạn cõi trời.,, Bấy giờ, Vua Ni-di im lặng nhận lời trời Đế-thích. [0514C12] Trời Đế-thích biết Vua Ni-di đã im lăng nhận lời nên trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, liền ẩn thân ở cung điện Vua Ni-di để trở về lại cõi trời Ba Mươi Ba. Sau khi trở về, trời Đế-thích bảo người đánh xe: "Khanh hãy mau trang hoàng xa giá với ngàn voi kéo để đến nghinh đón Vua Ni-di. Khi đến nơi, khanh hãy thưa: 'Tâu Đại vương! Ngài biết cho, trời Đê-thích sai đem xa giá với ngàn voi này đên nghinh đón. Đại vương có thê cưỡi xe này lên du lãm, thưởng ngoạn cõi trời/ Khi Vua Ni-di đã lên xe, khanh lại thưa: 'Đại vương muốn tôi đưa đi con đường nào? Theo đường xấu ác thì nhận quả báo xấu ác hay theo đường tốt đẹp thì nhận phước quả tốt dẹp?' Bây giờ, sau khi vâng lệnh trời Đê-thích trang hoàng xa giá với ngàn voi kéo, người đánh xe đi đến chỗ Vua Ni-di và thưa: "Tâu Đại vương! Ngài biết cho, trời Đế-thích sai đem xa giá với ngàn voi kéo để nghinh đón Đại vương. Đại vương có thể cưỡi xe này lên du lãm, thưởng ngoạn cõi trời." Lúc Vua Ni-di lên xe xong, người đánh xe lại thưa: "Bại vương muôn thân đưa đi theo con đường nào? Theo đường xâu ác thì nhận quả báo xấu ác hay theo đường tốt đẹp thì nhận phước quả tốt dqp?” r e Bây giờ, Vua Ni-di bảo người đánh xe: "Hãy đưa ta đi giữa hai con đường ấy!"

Người đánh xe liền đưa vua đi giữa hai con đường xấu ác thì nhận quả báo xấu ác và tốt đẹp thì nhận phước quả tốt đẹp. Từ xa, thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba trông thấy Vua Ni-di đến, liền ca ngợi: "Thật quý hóa thay, Đại vương đã đến! Thật quý hóa thay, Đại vương đã đến! Đại vương có thể ở lại cõi trời Ba Mươi Ba để cùng vui chơi với chúng t6i." Lúc ấy5 Vua Ni-di vì thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba mà nói kệ này: Như kẻ đi nhờ xe, Mong tạm dùng một lúc, Cũng vậy, xứ sở này, Vốn thuộc về người khác. Ta về Di-tát-la, Sẽ làm vô lượng thiện, Nhân đó sanh cõi trời, Tạo phước làm tư lương. [0515a07] Này A-nan! Vua Đại Thiên thuở ấy, thầy cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy! Nên biết vi ấy chính là Ta. Này A-nan! Thuở xưa, Ta từ đời con đến đời con, từ đời cháu đến đời cháu, từ dòng họ đến dòng họ, lần lượt có tám vạn bốn ngàn vi Chuyển Luân Vương đều cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo, học theo vua đời trước, tu hành Phạm hạnh trong rừng xoài của Đại Thiên tại Di-tát- la này. Bấy giờ, Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian mà mong cầu ý nghĩa và lợi ích, cầu an ổn và hân hoan cho hàng trời, người. Bấy giờ, Ta thuyết pháp chưa đến chỗ rót ráo, chưa rót ráo thanh tịnh, chưa rót ráo Phạm hạnh. Vì không rót ráo Phạm hạnh nên lúc ấy, Ta không thể lìa sanh, già, bệnh, chết, khóc than, lo buồn, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này A-nan! Nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, ứng Cúng, Cháiýi Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Nay Như Lai làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót the gian, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, cầu an ổn và hân hoan cho hàng trời, người. Nay Như Lai thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo Phạm hạnh. Vì đã rốt ráo Phạm hạnh cho nên nay Như Lai xa lìa sanh, già, bệnh, chết, khóc than, lo buồn. Nay Như Lai đã thoát khỏi mọi khổ đau. Này A-nan! Nay Như Lai truyền trao pháp kế thừa cho thầy, thầy cũng phải truyền trao lại pháp kế thừa này, chớ để cho hạt giống Phật bị đoạn dứt. Này A-nan! Pháp kế thừa nào mà nay Như Lai truyền trao cho thầy và bảo thầy cũng phải truyền trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho hạt giống Phật bị đoạn dứt? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Này A-nan! Đây chính là pháp kế thừa mà nay Như Lai truyền trao cho thầy và thầy cũng phải truyền trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho hạt giống Phật bị đoạn dứt. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

68. KINH VUA ĐẠI THIÊN KIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Câu-thi512 ngụ trong rừng Sa-la của lực sĩ Hòa-bạt-đơn.34 Bấy giờ, vào thời khắc sau cùng sắp nhập Niết-bàn, đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: -Này A-nan! Hãy đến trải chỗ nằm cho Như Lai giữa hai cây Sa-la/ đầu xoay về hướng Bắc. Vào giữa đêm nay, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Vâng lời Phật dạy, Ton giả A-nan liền đến trải chỗ nằm cho Như Lai giữa hai cây Sa-la? đầu xoay về hướng Bắc. Trải chỗ nằm xong, Tôn giả A-nan trở lại chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con đã trải chỗ nằm cho Như Lai giữa hai cây Sa-la5 đầu xoay về hướng Bắc. Kính mong Thế Tôn biết đúng thời. Bấy giờ, Thế Tôn cùng TôngiảA-nan đến giữa hai cây Sa-la9 xếp y uất-đa- la-tăng làm bốn, trải lên chỗ nằm và gấp y Tăng-già-lê làm gối, rồi

Ngài nằm nghiêng hông về bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau. Đây là thời khắc sau cùng, Phật sắp vào Niết-bàn. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hàu Phật. Tôn giả chắp tay hướng Phật rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Còn có những thành lớn khác như, một là Chiêm-ba5 hai là Xá-ve, ba là Tỳ-xá-ly, bốn là Vương Xá, năm là Ba-la-nại và sáu là Ca-tỳ-la- vệ,5 vì sao Thế Tôn không nhập Niết-bàn ở những nơi ấy mà lại chọn đô thành nhỏ bé này, một thành nhỏ nhất trong các thành?

1 Nguyên tác: Đại Thiện Kiến vương kinh 01. 0026.68. 0515b03. Tham chiếu: Du hành kinh roi. 0001.2. 0011a07; D. 17, Mahāsudassana Sutta {Kỉnh Đại Thiện Kiến vương. 2 Câu-thi thành Kusinārā, thủ phủ của bộ tộc Mallā, một thị trấn nhỏ thời ấy, nơi đức Phật nhập Niết-bàn. 3 Hòa-bạt-đơn lực sĩ ® Ưpavattana Mallā, bộ tộc Mallā ở upavattana.

4 Nguyên tác: Song Sa-la thọ# ,Yamaka Sālā, còn gọi là Kiên cố lâm .Theo Phiên dịch danh nghĩa tập T.54. 2131.3. 1100b 19, cāySa-la vốn không tàn rụi xơ xác trong cả bốn mùa, do vậy mà được gọi là "Kiên c6”. 5 Chi4mba Campā, X£ve Sāvatthi, Ty-xa-ly $$Vesālī, Vương Xá , Rājagaha, Ba-la-nại Bārānasī, Da-duy-la-vệ Kapilavatthu.

408 KINH TRUNG A-HÀM

Ấ • A _ FT11 . Ắ nn Bay giơ, The Ton bao: Này A-nan! Thầy không nên nói rằng đây là đô thành nhỏ bé, chớ bảo đây là thành nhỏ nhất trong các thành. Vì sao như vậy? Vì thuở quá khứ, thành Câu- thi này có tên là vương thành Câu-thi,6 giàu có cùng tột, dân chúng đông đúc. Này A-nan! Vương thành Câu-thi dài mười hai do-diên và rộng bảy do-diên. ơ đây đã dựng các tháp canh cao bằng độ cao của một người, hoặc hai người, ba người, bốn người cho đến cao bằng bảy người. Này A-nan! Vương thành Câu-thi có bảy lớp hào bao bọc bên ngoài. Hào được xây bằng gạch, loại gạch được tạo thành từ bon loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy hào được rải cát bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. NàyA-nan! Vương thành Câu-thi có bảy lớp tường thành bao bọc bên ngoài. Những lớp tường thành ấy cũng được xây bằng gạch làm từ bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Này A-nan! Vương thành Câu-thi có bảy lớp hàng cây đa-la7 bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh bao bọc xung quanh. Cây đa-la bằng vàng thì hoa lá và trái bằng bạc. Cây đa-la bang bạc thì hoa lá và trái bằng vàng. Cây đa-la bằng lưu ly thì hoa lá và trái bằng thủy tinh. Cây đa-la bằng thủy tinh thì hoa lá và trái bằng lưu ly. [05l5c04] Này A-nan! Khoảng giữa những cây đa-la có những ao hồ trồng đủ loại hoa, như hồ hoa sen xanh, hồ hoa sen hồng, hồ hoa sen đỏ và hồ hoa sen trắng. Này A-nan! Bờ hô trông hoa ây được đăp băng bôn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. ở đáy hồ cũng được rải cát bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Trong ao hồ ấy có những bậc thềm bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thềm bằng vàng thì có bậc cấp bằng bạc, thêm băng bạc thì có bậc cấp bằng vàng, thềm bằng lưu ly thì có bậc cấp bằng thủy tinh, thềm bằng thủy tinh thì có bậc cấp bằng lưu ly. Này A-nan! Xung quanh các hồ ấy có lan can8 và tay vịn bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn

bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly. Này A-nan! Những hồ ấy được che bằng màn lưới, có chuông quả lắc treo lơ lững ở giữa. Chuông được làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng

6 Câu-thi vương thành Kusāvatī, kinh thành của bộ tộc Mallā. ^Đa-la thọ tāla, một loài cây thuộc họ Cau, còn gọi là cây thốt nốt, tên khoa học Borassus Flabelliformis. 8 Nguyên tác: Câu lan .Theo Hán ngữ đại từ điển ,lan can uốn khúc theo hình thế ngôi nhà. D. 17 ghi vedikā chỉ cho lan can cuốn tròn xung quanh chân tháp hoặc gần đỉnh tháp.

y ĩ - A ve • vàng, chuông băng lưu ly thì quả lăc băng thủy tinh, chuông băng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly. NàyA-nan! Trong hồ trồng nhiều loại hoa dưới nước như hoa sen xanh, hoa sen hong, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Trong hồ thường có nước có hoa, không cần người trông giữ, vì thuộc về tất cả mọi người. Này A-nan! Trên bờ hồ có trồng nhiều loại hoa trên cạn như hoa tu-ma-na?9 hoa bà-sư,1011 hoa chiêm-bặc,11 hoa tu-kiện-đề?12 hoa ma-đầu-kiện-đề,13 hoa a-đề- mâu-đa514 hoa ba-la-đầu.15 Này A-nan! Trên bờ hồ hoa ấy, có nhiều thiếu nữ thân thể nõn nà, sạch sẽ5 trong sáng, nhan sắc hơn người, chẳng kém thiên nữ, dung mạo đoan chánh, ai thấy cũng vui, được trang sức đầy đủ các loại ngọc báu. Những thiếu nữ ấy bo thí tùy theo nhu cầu của từng người, như thức ăn9 y phục, xe cộ, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, người giúp việc và đèn dầu, đều cung cấp đầy đủ cho họ. Này A-nan! Lá cây đa-la ây, lúc gió thôi qua thì phát ra âm thanh rát du dương, cũng như năm loại nhạc khí được nhạc sư tài ba tấu lên thì có âm thanh hài hòa tuyệt diệu. Này A-nan, lá cây đa-la ây, lúc có gió thôi qua cũng lại như thê. Này A-nan! Trong vương thành Câu-thi? giả sử có người tệ ác, hèn hạ nhát, muốn được thưởng thức năm loại nhạc khí, liền cùng đến giữa những cây đa-la thì đều được thưởng thức thỏa thích. Này A-nan! Vương thành Câu-thi thường có mười hai loại âm thanh không bao giờ gián đoạn là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng đi bộ, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống bạc lạc,1617 tiếng trống kỹ,17 tiếng ca, tiếng múa, tiếng ăn 18 uống, tiếng bố thí. [0516a02] Này A-nan! Trong vương thành Câu-thi có vua tên là Đại Thiện Kiến, 18 làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bon loại quân, cai tri thiên hạ5 tự do tự tại, là vi Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được bốn đức như ý. Thành tựu bảy báu và được bốn đức như ý như thế nào? Thành tựu bảy báu và được bốn đức như ý giống như đã nói ở kinh trước.19

9 Tu-ma-na 0sumanā: Loại hoa lài cánh lớn. 10 Bà-sư vassikā: Hạ sanh hoa, một loại hoa lài rất lớn và thơm. 11 Chiêm-bặc campaka: Hoa chăm-pa, có màu trắng và vàng. 12 Tu-kiện-đề sogandhika: Hoa súng trắng. 13 Ma-đầu-kiện-đề ,madhu gandhika: Mật hương. 14 A-đề-mâu-đa adhimuttaka còn gọi là thiện tư hoa ,có tên khoa học là Guertnera Racemosa. 15 Ba-la-đầu còn gọi là ba-la-lại ,một loại hoa màu đỏ. 16 Bạc lạc c6 . 17 Kỹ cổ 18 Đại Thiện Kiến ,Mahāsudassana. 19 Xem nội dung đầy đủ trong Kinh rừng xoài Đại Thiên, số 67, tr. 395.

Này A-nan! Bây giờ ở vương thành Câu-thi, các Phạm chí, cư sĩ đem nhiêu ngọc báu, kiềm-bà-la báu20 chở đến chỗ Vua Đại Thiện Kiến và thưa: "Tâu Thiên vương! Những ngọc báu, kiêm-bà-la báu này rát nhiêu, mong Thiên vương vì lòng từ mẫn mà nhận cho." Vua Đại Thiện Kiến bảo các Phạm chí và cư sĩ: "Này các khanh! Các khanh hiên dâng, nhưng ta thây chưa cân vì ta đã c6." Này A-nan! Lại có tám vạn bốn ngàn vị vua của các nước nhỏ đến thưa với Vua Đại Thiện Kiến rằng: "T2u Thiên vương! Chúng thần muốn xây chánh điện cho Thiên vương.^, Vua Đại Thiện Kiến đáp: "Các khanh muôn xây chánh điện cho ta, nhưng ta thây chưa cân, vì ta đã có chánh điện.^, Tám vạn bốn ngàn vị vua nước nhỏ đều chắp tay hướng về Vua Đại Thiện Kiến mà thưa ba lần rằng: "Tâu Thiên vương! Chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương! Chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương!" Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời của tám vạn bốn ngàn vua nước nhỏ. Biết Vua Đại Thiện Kiến đã im lặng nhận lòi, tám vạn bốn ngàn vua nước nhỏ liên bái biệt, nhiêu quanh ba vòng roi lui ra. Môi vua đêu trở vê nước của mình, dùng tám vạn bon ngàn cỗ xe chất đầy vàng và các loại tiền vàng tinh luyện hay chưa tinh luyện, lại đem các cột trụ đều bằng ngọc báu, chở đến vương thành Câu-thi, cách đó không xa để xây chánh điện rộng lớn. Này A-nan! Chánh điện lớn ấy dài một do-diên, rộng một do-diên. Này A-nan! Chánh điện lớn ấy được xây bằng gạch bon loại báu là vàng, bạc? lưu ly và thủy tinh. Này A-nan! Thềm của chánh điện lớn ấy làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thềm bằng vàng thì bậc cấp bằng bạc, thềm bằng bạc thì bậc cáp băng vàng, thêm băng lưu ly thì bậc cáp băng thủy tinh, thêm băng thủy tinh thì bậc cấp bằng lưu ly. Này A-nan! Trong chánh điện lớn có tám vạn bốn ngàn cột trụ làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cột bằng vàng thì bệ đỡ bằng bạc, cột bằng bạc thì bệ đỡ bằng vàng, cột bằng lưu ly thì bệ đỡ bằng thủy tinh, cột bằng thủy tinh thì bệ đỡ bằng lưu ly. Này A-nan! Bên trong chánh điện lớn lại xây tám vạn bốn ngàn tòa lầu bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lầu bằng vàng thì mái lợp bằng bạc, lầu bằng bạc thì mái lợp bằng vàng, lầu bằng lim ly thì mái lợp bằng thủy tinh, lầu bằng thủy tinh thì mái lợp bằng lưu ly.

20 Kiềm-bà-la bảo :Vải lông, áo lông.

[0516b03] Này A-nan! Trong chánh điện lớn có thiết trí tám vạn bốn ngàn ngự tòa cũng làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lầu bằng vàng thì thiêt trí ngự tòa bằng bạc, trên ngự tòa được trải các loại nệm lót dệt bang lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Và cứ như vậy, lầu bằng bạc thì thiết trí ngự tòa bằng vàng, lầu bằng lưu ly thì thiết trí ngự tòa bằng thủy tinh, lầu bằng thủy tinh thì thiết trí ngự tòa băng lưu ly, trên ngự tòa được trải các loại nệm lót được dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Này A-nan! Xung quanh chánh điện lớn ấy có lan can tay vịn bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bang vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn

bằng thủy tinh, lan can bang thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly. Này A-nan! Chánh điện lớn ấy được che bằng màn lưới, có chuông quả lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông được làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lác băng vàng, chuông băng lưu ly thì quả lăc băng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly. Này A-nan! Chánh điện lớn ấy sau khi được kiến thiết đầy đủ, tám vạn bốn ngàn các vua nước nhỏ liền xây một hồ sen lớn cách chánh điện không xa. Này A-nan! Hồ sen lớn ấy dài một do-diên9 rộng một do-diên. Này A-nan! Hô sen lớn ây được xây băng bôn loại báu là vàng, bạc, lim ly và thủy tinh. Đáy hồ cũng được rải bốn loại cát báu vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Này A-nan! Hồ sen lớn ấy có thềm bằng bốn loại báu là vàng, bạc? lưu ly và thủy tinh. Thềm bằng vàng thì bậc cấp bằng bạc, thềm bằng bạc thì bậc cấp bằng vàng, thềm bằng lưu ly thì bậc cấp bằng thủy tinh, thềm bằng thủy tinh thì bậc cấp bằng lưu ly. Này A-nan! Xung quanh hồ sen lớn ấy có lan can và tay vịn bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can băng thủy tinh thì tay vịn băng lim ly. Này A-nan! Hồ sen lớn ấy được che bởi màn lưới, có chuông quả lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông được làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bang lưu ly. Này A-nan! Trong hồ sen lớn ấy có nhiều loại hoa dưới nước như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Trong hồ thường có nước, có hoa, có người gìn giữ và không thuộc về tất cả mọi người.

Này A-nan! Trên bờ hồ sen lớn ấy có nhiều loại hoa trên cạn như hoa tu-ma- na, hoa bà-sư5 hoa chiêm-bặc, hoa tu-kiền-dề, hoa ma-đầu-kiền-đề5 hoa a-đề- mâu-đa và hoa ba-la-lại. [0516c03] Này A-nan! Sau khi kiến trúc đại điện và ao hoa lớn như thế hoàn tất, tám vạn bốn ngàn vua nước nhỏ liền thiết lập một vườn đa-la cách đại điện không xa. Này A-nan! Vườn đa-la ấy dài một do-diên, rộng một do-diên. Này A-nan! Trong vườn đa-la5 trồng tám vạn bốn ngàn cây đa-la đều dùng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cây đa-la bằng vàng thì lá hoa và quả bằng bạc, cây đa-la bằng bạc thì lá hoa và quả băng vàng, cây đa-la băng lưu ly thì lá hoa và quả bằng thủy tinh, cây đa-la bằng thủy tinh thì lá hoa và quả bằng lưu ly. Này A-nan! Vườn đa-la ấy, xung quanh có lan can, tay vịn bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bang vàng thì tay vịn bang bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bang lưu ly thì tay vịn bang thủy tinh, lan can bang thủy tinh thì tay vịn bang lưu ly. A y r Này A-nan! Vườn đa-la ây được che băng màn lưới, có chuông lăc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông được làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc5 chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bang lưu ly. Này A-nan! Sau khi kiến thiết chánh điện lớn, hồ sen và vườn đa-la hoàn tất, tám vạn bốn ngàn vua nước nhỏ cùng đến chỗ Vua Đại Thiện Kiến, thưa: "Tâu Thiên vương! Xin ngài biết cho, chánh điện lớn, hồ sen và vườn cây đa-la đều đã kiến thiết hoàn thành,

mong Thiên vương sử dụng tùy thích.,, Này A-nan! Bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến liền nghĩ: “Ta không nên lên đại điện này trước. Nêu có bậc Thượng tôn, Sa-môn5 Phạm chí cư ngụ ở vương thành Câu-thi này thì ta nên mời tất cả tập hợp, cùng ngồi ở đại điện này, rồi soạn các thức ăn thơm ngon, hảo hạng, đầy đủ các món ăn loại cứng và loại mềm, tự tay dâng cúng khiến các ngài được no đủ. Khi dùng bữa xong, ta thu dọn bát và bưng nước rửa rồi mời các ngài trở về.^, Này A-nan! Sau khi nghĩ như vậy, Vua Đại Thiện Kiến liền mời tất cả các bậc Thượng tôn, Sa-môn, Phạm chí đang trú tại vương thành Câu-thi tập hợp trên chánh điện lớn. Tất cả đã tập hợp và an tọa xong, nhà vua đích thân lấy nước rửa, rồi đem các thức ăn thơm ngon, hảo hạng, đầy đủ các món thức ăn loại cứng và loại mềm, tự tay bưng hầu, khiến các vị ấy thọ dụng đầy đủ. Khi các vị ấy dùng xong, nhà vua thu dọn bát, đem nước rửa và nhận lời chú nguyện rồi mời các vị ấy trở về. Này A-nan! Vua Đại Thiện Kiến lại nghĩ: "Nay ta không nên vào trong chánh điện lớn đê hưởng dục lạc, ta nên đem một người hầu duy nhất lên chánh điện lớn này.^, Này A-nan! Sau đó, Vua Đại Thiện Kiến chỉ đem một người hầu

lên chánh điện lớn, đi vào lầu vàng rồi ngồi ở ngự tòa bạc đã được trải các loại nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Khi ngồi xuống ngự tòa? nhà vua liền lìa dục, lìa các pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu vàng đi ra, nhà vua lại vào lầu bạc, ngồi vào ngự tòa vàng được trải các loại nệm lót dệt bang lông thú, có chăn đắp bang gam lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Khi ngồi xuống ngự tòa? nhà vua liền lìa dục? lìa các pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lau bạc đi ra5 nhà vua lại vào lầu lưu ly, ngồi vào ngự tòa thủy tinh được trải các loại nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đâu đặt gói ngủ làm băng da sơn dương. Khi ngôi xuồng ngự tòa, nhà vua liền lìa diỊC, lìa các pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu lưu ly đi ra, nhà vua lại vào lầu thủy tinh, ngồi ở ngự tòa lưu ly được trải các loại nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đâu đặt gói ngủ làm băng da sơn dương. Khi ngôi xuông ngự tòa, nhà vua liên lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. [0517al9] Này A-nan! Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn phu nhân và ngọc nữ báu đã quá lâu không gặp Vua Đại Thiện Kiến nên ai cũng nhớ mong, khao khát được gặp. Lúc đó, tám vạn bốn ngàn phu nhân cùng đi đến chỗ nữ báu và thưa: "Thiên hậu biết cho, chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương. . • r r r Thiên hậu! Hôm nay, chúng tôi muôn cùng nhau đên thăm viêng ngài." Nữ báu nghe xong, liền bảo tướng quân: "Tướng quân biết cho, chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương, nay muôn đên thăm viêng ngài.,, Nghe như vậy rồi, tướng quân liền đưa tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu đến chánh điện lớn. Tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn vua các nước nhỏ cùng hộ tống đi đến chánh điện lớn. Lúc cả đoàn di chuyển, tạo nên âm thanh vang dội, gây chấn động mạnh. Nghe được âm

thanh vang dội, gây chấn động mạnh ấy, Vua Đại Thiện Kiến liền hỏi thị vệ bên cạnh: “Am thanh gì mà vang dội, gây chấn động mạnh như vay?" Thị vệ thưa: "Tâu Thiên vương! Hôm nay, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu cùng đi đến chánh điện lớn, lại còn có tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ và tám vạn bon

ngàn vua nước nhỏ cùng đi đến chánh điện lớn, cho nên âm thanh ấy vang dội, gây chấn động mạnh như vay." Nghe xong, Vua Đại Thiện Kiến bảo thị vệ: “Khanh hãy mau rời chánh điện, đến nơi đất trống, nhanh chóng trải tòa ngồi bằng vàng, rồi trở lại báo cho tram?9 Tuân lệnh vua, thị vệ liên từ chánh điện đi xuông5 đên nơi đát trông, nhanh chóng trải tòa ngôi băng vàng, roi trở lại tâu: "Thần đã trải tòa ngồi bằng vàng ở nơi đất trống cho Thiên vương, xin gài hãy tùy y." [05l7bl0] Này A-nan! Vua Đại Thiện Kiến liền cùng thị vệ từ chánh điện đi xuống, lên tòa ngồi bằng vàng rồi ngồi kiết-già. Này A-nan! Bấy giờ tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu thảy đều đến trước Vua Đại Thiện Kiến. Này A-nan! Từ xa, trông thấy tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, Vua Đại Thiện Kiến liền đóng kín các căn. Lúc ấy, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu thấy vua đóng kín các căn, liền nghĩ: "Thiên vương nay chắc chắn không cần đến chúng ta nữa. Vì sao như vậy? Vì Thiên vương vừa thấy chúng ta liền đóng kín các căn.,, Này A-nan! Khi đó nữ báu đi đến trước Vua Đại Thiện Kiến và thưa: "Tâu Thiên vương! Xin ngài biết cho, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu này hoàn toàn thuộc ve Thiên vương, mong ngài thương tưởng đen chúng thần cho đến lúc lâm chung! Tám vạn bốn ngàn thớt voi5 tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ và tám vạn bon ngàn vua nước nhỏ cũng hoàn toàn thuộc về Thiên vương, mong ngài nghĩ tưởng đến tất cả cho đến lúc lâm chung.” Bây giờ, nghe những lời ây xong, Vua Đại Thiện Kiên bảo nữ báu răng: "Này hiên muội! Các khanh cứ mãi xúi giục trâm làm điêu ác mà không khuyên khích trâm thực hành lòng từ. Này hiên muội! Từ nay vê sau, các khanh nên khuyến khích trẫm thực hành lòng từ, chớ xúi giục trẫm làm điều ác nữa.” Này A-nan! Tám vạn bôn ngàn phu nhân và nữ báu ây liên ngôi sang một bên? nước mắt tuôn rơi, khóc than bi thảm, thưa rằng: .L _ , "Chúng thiêp đâu phải là em của Thiên vương mà nay ngài gọi chúng thiêp là hiền muội.,, Này A-nan! Tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy đều dùng áo lau nước mắt, lại tiến đến trước Vua Đại Thiện Kiến và thưa: "Tâu Thiên vương! Chung thiếp làm thế nào để khuyến khích ngài thực hành lòng từ, không làm điều ác?” Vua Đại Thiện Kiến đáp: “Các hiền muội hãy nói với trẫm như vầy: 'Thiên vương nên biết, mạng người ngăn ngủi, sẽ qua đời sau, cân phải tu Phạm hạnh, sự sống nào rồi cũng châm dứt. Thiên vương nên biết, việc ấy chắc chắn sẽ đến, không nên mến tiếc

tưởng nhớ, cũng không nên vui thích, tất cả đều sẽ hoại diệt, người đời gọi đó là chét. Thê nên, tâu Thiên vương! Nếu còn mên tiếc, tưởng nhớ, tham muốn đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu thì mong ngài hãy đoạn trừ và xa lìa tất cả, cho đen lúc lâm chung cũng chớ nghĩ tưởng. Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn

con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bôn ngàn lính bộ và tám vạn bôn ngàn vua nước nhỏ, nếu Thiên vương còn mên tiếc, tưởng nhớ, tham muốn chúng thì mong ngài hãy đoạn trừ, xa lìa tất cả, cho đên lúc lâm chung cũng chớ nghĩ tưởng.5 Này các hiền muội! Như vậy là các hiên muội đã khuyên khích trâm thực hành lòng từ, không xúi giục trẫm lm diều ác." J [0517C12] Này A-nan! Tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy thưa rằng: "Tâu Thiên vương! Từ nay về sau, chúng thiếp sẽ khuyến khích Thiên vương thực hành lòng từ, không xúi giục Thiên vương làm điều ác nữa. Chúng thiêp sẽ khuyên như vây: 'Tâu Thiên vương! Mạng người ngăn ngủi, roi sẽ qua đời sau, việc ấy chắc chắn sẽ đến, không nên mến tiếc tưởng nhớ, cũng không nên vui thích, tất cả đều sẽ hoại diệt, người đời gọi đó là chết. Thế nên, Thiên ‘J. ỉ " ỉ

vương đôi với tám vạn bôn ngàn phu nhân và nữ báu nêu còn nhớ nghĩ hay tham muốn thì mong ngài hãy đoạn trừ, xa lìa tất cả, cho đến lúc lâm chung cũng chớ nghĩ tưởng. Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ và tám vạn bốn ngàn vua nước nhỏ, nếu Thiên vương còn nhớ nghĩ hay tham muốn chúng thì mong ngài hãy đoạn trừ, xa lìa tất cả5 cho đến lúc lâm chung cũng chớ nghĩ tưởng.'" Này A-nan! Vua Đại Thiện Kiến vì tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ.21 Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Vua Đại Thiện Kiến bảo họ trở về. Này A-nan! Tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu biết nhà vua ra lệnh bảo về, tất cả đều đến bái biệt. Này A-nan! Sau khi tám vạn bôn ngàn phu nhân và nữ báu ây trở vê không lâu, Vua Đại Thiện Kiến cùng thị vệ trở lên chánh điện, vua vào lầu vàng, ngự trên tòa bạc đã được trải các loại nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bang gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Vua ngồi xong liền quán tưởng: "Thân này là thân cuối cùng. Các ý niệm tham muốn, sân hận, tổn hại5 đấu tranh, ganh ghét, dua nịnh, gian trá, lừa gạt, nói dối và vô lượng các pháp ác, bất thiện đều là bờ mé cuối cùng. Tâm ta tương ưng với từ, bao trùm khắp một phương, thành tựu và an trú. Đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đều như vậy, tâm từ bao trùm khắp, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, bao la rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú."*7

21 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

[0518a07] Từ lầu vàng đi ra, nhà vua vào lầu bạc, ngồi trên ngự tòa vàng đã được trải các loại nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa min màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Ngồi xong, nhà vua liền quán tưởng: "Thân này là thân cuối cung. Các ý niệm tham muốn, sân hận, tổn hại, đấu tranh, ganh ghét, dua ninh, gian trá, lừa gạt, nói dối và vô lượng các pháp ác, bất thiện đều là bờ mé cuối cùng. Tâm ta tương ưng với bi, bao trùm khắp một phương, thành tựu và an trú. Đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đều như vậy, tâm bi bao trùm khắp, không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, bao

la rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, cùng khắp the gian, thành tựu và an trú.,, Từ lầu bạc đi ra, nhà vua vào lầu lưu ly, ngồi trên ngự tòa thủy tinh đã được trải các loại nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa min màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Ngồi xong, nhà vua liền quán tưởng: "Thân này là thân cuối cùng. Các ý niệm tham muốn, sân hận, tổn hại, đấu tranh, ganh ghét, dua nịnh, gian trá, lừa gạt, nói dối và vô lượng các pháp ác, bất thiện đều là bờ mé cuối cíing. Tâm ta tương ưng với hỷ, bao trùm khắp một phương, thành tựu và an trú. Đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đều như vậy, tâm hỷ bao trùm khắp, không gây thù chuôc oán, không sân hận não hại, bao la rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú.” Từ lầu lưu ly đi ra, nhà vua vào lầu thủy tinh, ngồi trên ngự tòa lưu ly được trải các loại nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Ngồi xong, nhà vua liền quán tưởng: "Thân này là thân cuôi cùng. Các ý niệm tham muốn, sân hận, tôn hại, đâu tranh, ganh ghét, dua nịnh, gian trá5 lừa gạt, nói dối và vô lượng các pháp ác, bất thiện đều là bờ mé cuối cùng. Tâm ta tương ung với xả? bao trùm khắp một phương, thành tựu và an trú. Đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đều như vậy, tâm xả bao trùm khắp, không gây thù chuôc oán5 không sân hận não hại, bao la rộng lớn, khéo tu tập vô lượng, cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú.^, [0518b02] Này A-nan! Vào thời khắc cuối cùng, Vua Đại Thiện Kiến đã băng hà với cảm giác khó chịu thoáng qua. Này A-nan! Giống như cư sĩ hoặc con cư sĩ thưởng thức món ăn ngon tuyệt thì cảm thấy có chút khó chịu thoáng qua; vào thời khác cuối cùng, Vua Đại Thiện Kiến băng hà với cảm giác khó chịu thoáng qua cũng giống như thế. Này A-nan! Bấy giờ Vua Đại Thiện Kiến tu bốn Phạm thất,22 đã xả bỏ niệm dục, nhờ đó mà sau khi băng hà, vua được sanh vào cõi Phạm thiên. Này A-nan! Vua Đại Thiện Kiến thuở xưa ấy, thầy cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy! A-nan nên biết, vị ấy chính là Như Lai.

22 Phạm thất cũng gọi là Phạm trú ,Brahmavỉhãrà.

---------- 68. KINH VUA ĐẠI THIỆN KIẾN 417

Này A-nan! Lúc ấy, Như Lai làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mong cầu y nghĩa và lợi ích, câu an ôn và hân hoan cho trời và người. Bây giờ, Ta thuyêt pháp không đên chô rót ráo, không rót ráo thanh tịnh, không rốt ráo Phạm hạnh. Vì không rót ráo Phạm hạnh nên bấy giờ, Ta không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, khóc than, lo buồn, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau. Này A-nan! Nay Ta thị hiện ở đời, là Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay Như Lai tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho trời và người. Nay Như Lai thuyết pháp được đến chỗ rốt ráo, rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo Phạm hạnh. Vì rốt ráo Phạm hạnh nên nay Như Lai lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, khóc than, lo \ 9

buôn. Hôm nay, Như Lai đã được thoát khỏi mọi khô đau. Này A-nan! Từ thành Câu-thi9 từ rừng sa-la của lực sĩ Hòa-bạt-đơn, từ sông Ni-liên-nhiên?23 từ sông Bà-cầu,24 từ tinh xá Thiên Quan,25 từ việc trải chỗ nằm cho Như Lai, trong sướt thời gian đó, Như Lai đã bảy lần xả báo thân. Trong bảy lần ấy, sáu lần làm Chuyển Luân Vương, nay là lần thứ bảy trở thành Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chanh Giác. Này A-nan! Như Lai không thấy ở đâu trong thế gian này, cho dù thiên hay Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ cõi trời cho đến loài người mà ở đó? Như Lai sẽ xả báo thân thêm lần nữa, vì điều đó không thể có. Này A-nan! Đây là làn thọ sanh cuôi cùng của Như Lai, là sự hiện hữu cuôi cùng, là thân mạng cuôi cùng, là hình hài cuối cùng, là bản ngã cuối cùng, cho nên Như Lai nói đây là giới hạn cuối cùng của khổ. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.26

23 Ni-liên-nhiên Hiraññavatī: Con sông gần chỗ Phật nhập Niết-bàn, khác với con sông nơi đức Phật thành đạo, gọi là Ni-liên-thiên Nerañjarā. 24 Bà-cầu Kakutthā: Con sông gần Kusinārā. Đức Phật tắm và uống nước tại đây trước khi đến Kusinārā để nhập Niết-bàn. 25 Thiên Quan tự còn gọi là 4^Bao quanchi-đề,, ,một ngôi tháp cổ trong xứ Mạt-la Mallā. Theo Liên Hoa diện kỉnh 12. 0386.l. 1073b19, trong thời quá khứ, Phật từng làm Chuyển Luân Thánh Vương và đã cởi Thiên quan đê tại nơi đây, nhân đó mà có tên •.Thánh tích này ngày nay gọi là tháp Trà-tỳ Ramabhar Stupa. 26 Bản Hán, hết quyển 14.

69. KINH BA MƯƠI ví DỤ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa thành Vương Xá và an cư mùa mưa tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, vào ngày rằm, là ngày thuyết giới,12 đức Thế Tôn trải tòa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi đã an tọa, Thế Tôn nhập định quán tâm các Tỳ-kheo. Lúc đó, Ngài thấy chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa yên lặng, rất mực yên lặng, không chút buồn ngủ vì đã trừ phiền não ngăn che. Chúng Tỳ-kheo ngồi yên lặng lắng sâu, rất mực yên lăng lắng sâu, tịch tĩnh, rất mực tịch tĩnh, vi diệu, rất mực vi diệu. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất3 cũng có mặt trong chúng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo: Này Xá-lợi-phất! Chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa yên lặng, rất mực yên lặng, không chút buôn ngủ vì đã trừ phiên não ngăn che. Chúng Tỳ-kheo ngôi yên lặng lắng sâu, rất mực yên lặng lắng sâu, tịch tĩnh, rất mực tịch tĩnh, vi diệu, rất mực vi diệu. Vậy ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo?4* Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật rồi bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa yên lặng, rất mực yên lặng, không chút buôn ngủ vì đã trừ phiên não ngăn che. Chúng Tỳ-kheo ngôi yên lặng lăng sâu, rất mực yên lặng lắng sâu, tịch tĩnh, rất mực tịch tinh, vi diệu, rất mực vi diệu như thế. Bạch Thế Tôn! ỈOiông ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo. Chỉ có đức Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự Chánh pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới, không buông lung, bố thí và thiền định. Chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi. A Tĩ A 19 The Ton bao: -Này Xá-lợi-phất! Đúng thế, đúng the! Không ai có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo. Chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự Chánh pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới, không buông lung, bo thí và thiền định. Chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi.

1 Quyển 15. Nguyên tác: Tam thập dụ kỉnh 01. 0026.69. 0518c09. 2 Nguyên tác: Tùng giải thoát ,Pātimokkha, còn gọi <6Biệt giải thoaf9 hay 44Ba-la-đề-mộc-xoa^^ ,chỉ cho Giơ! bổn của Tỳ-kheo. 3 Nguyên tác: Xá-lợi tử . 4 Nguyên tác: Thùy năng kính trọng phụng sự Tỳ-kheo chúng giả?.Câu này có thê hiểu: Ai là người đáng kính trọng đê có thê giúp đỡ cho chúng Tỳ-kheo?

Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có đầy đủ các thứ trang sức như lụa, to, gấm, len, nhẫn, xuyến, cườm tay, chuỗi ngọc khuỷu tay, kiềng đeo cổ, vàng/ bạc và trâm cài châu ngọc; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng giới đức để làm vật dụng trang sức cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ- kheo hay Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm vật dụng trang sức thì vị ấy xả bỏ được điêu ác, tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có năm nghi trượng là kiếm, lọng, mũ chư thiên, phất trần cán bang ngọc và hài hoa5 67đe bảo vệ thân the được an ổn; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni lấy sự giữ gìn giới cấm để bảo vệ Phạm hạnh cũng giống như vậy. Này Xá-lọi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo- ni nào giữ gìn giới câm đê bảo vệ Phạm hạnh thì vị ây xả bỏ được điêu ác, tu tập điều thiện. [0519al2] Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có người canh cửa; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni lấy sự giữ gìn sáu căn làm người canh cửa cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự giữ gìn sáu căn làm người canh cửa thì vi ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có vị tướng canh công thông minh trí tuệ, biết phân biệt rõ ràng; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm vị tướng canh cổng cũng như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lay sự thành tựu chánh niệm làm người canh cổng thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có hô tăm đẹp, làn nước trong xanh, mát mẻ tràn đầy; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng tĩnh tâm làm hồ nước tắm mát cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu tĩnh tâm làm hồ nước tắm mát thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có người chăm sóc, tăm rửa, thường nhắc nhở tắm rửa; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni lấy thiện tri thức làm người tắm rửa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ- kheo-ni nào thành tựu việc lấy thiện tri thức làm người chăm sóc, tắm rửa thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có các loại hương xoa thân như gỗ mật/ trầm thủy, chiên-đàn5 tô hợp,8 kê thiệt,9 đô lương;10 các Tỳ-kheo hay

5 Nguyên tác: Sanh sắc ,SUVanna'. Vàng ròng. 6 Nguyên tác: Nghiêm sức tỷ . 7 Nguyên tác: Mộc mật :Gỗ hương. 8 Tô hợp ,một loại hương do chung cất nhiều hương liệu mà thành. 9 Kê thiệt loại hương được chưng cất từ cỏ úa. 10 Đô lương một loại danh hương, chưng cất từ một loại lan.

Tỳ-kheo-ni dùng giới đức để làm hương xoa cũng như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm hương xoa thì vi ấy xả bỏ được

điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có y phục tốt đẹp như áo sa mā,11 áo gấm, lụa, áo bông trắng, 12 áo da sơn dương;11 13 thì các Tỳ-kheo hay Tỳ- 12 kheo-ni dùng sự hổ thẹn làm y phục cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu hổ thẹn làm y phục thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có giường ghế tốt đẹp cao rộng; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng bôn thiên làm giường ghê cũng giông như vậy. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn thiền làm giường ghế thì vị ấy xả bỏ được điều ác9 tu tập điều thiện. [0519bl0] Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có thợ hớt tóc khéo, thường nhắc nhở tắm rửa; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm thợ hớt tóc cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm thợ hớt tóc thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có thức ăn thơm ngon, thịnh soạn, đủ các mùi vị đặc biệt; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng hỷ làm thức ăn cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu hỷ làm thức ăn thì vi ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có đủ các loại thức uống, như nước xoài,14 nước ép táo,15 nước mía, nước nho, nước mạt-ta-đề;16 các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng pháp vị làm thức uống cũng giống như thế. Này Xá-lợi- phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu pháp vị làm thức uống thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có các loại tràng hoa đẹp như là tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bặc5 tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sư9 tràng hoa a-đề-mâu-đa;17 các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng ba đinh là Không, Vô nguyện và Vô tướng làm tràng hoa cũng giống như the. Này Xá-lợi- phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu ba đinh làm tràng hoa thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

11 Áo Sơ-ma ,khomà: Áo vải lanh.

12 Nguyên tác: Bạch điệp y .

13 Nguyên tác: Gia-lăng-già-ba-hòa-la ,kaladimigapavarà.

14 Nại ẩm ambapānă'. Nước xoài ép.

15 Chiêm-ba ẩm Jampdw: Nước ép từ táo đỏ. 16 Mạt-ta-đề ẩm majjapāna: Thức uống có chất lên men, có cồn. 17 Tên gọi các loài hoa này. Xem chú thích 9-15, kinh số 68, tr. 409.

Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có phòng ốc, nhà cửa, lâu đài; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng ba thất18 là Thiên thất,19 Phạm thất20 và Thánh thất21 làm nhà cửa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu ba thất làm nhà cửa thì vị ấy xả bỏ được điêu ác, tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có người điển thủ,22 tức là người trông nom nhà cửa; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm người trông nom nhà cửa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ- kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm người trông nom nhà cửa thì vị ấy xả bỏ được điêu ác, tu tập điêu thiện. [0519c05] Này

Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có các thôn ấp trong nước nộp bon loại thuế: Loại thứ nhất đe dâng vua, cung cấp cho hoàng hậu và cho các thể nữ trong cung; loại thứ hai để cung cấp cho thái tử và quần thần; loại thứ ba đê cung cáp cho toàn dân; loại thứ tư đê cung cáp cho Sa-môn và Phạm chí; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng bon niệm xứ làm tô thuế cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bôn niệm xứ làm tô thuê thì vị ây xả bỏ được điêu ác, tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có bôn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng bon chánh cần23 làm bốn loại quân cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn chánh cần làm bốn loại quân thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có nhiều loại xe, như xe voi, xe ngựa, xe động cơ, xe sức người; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng bốn như ý túc làm xe chuyên chở cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn như ý túc dùng làm xe chuyên chở thì vi ây xả bỏ được điêu ác, tu tập điêu thiện. . r r e Ạ

Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có các loại xe dùng những loại da văn tót đẹp của sư tử, cọp, beo, dệt thành nhiêu màu săc đê trang hoàng; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng Chỉ - Quán làm xe cũng giống như thế. Này Xá- lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu Chỉ - Quán làm xe thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

18 Tam thất còn gọi là tam trụ ,p. Tayo vihārā. 19 Thiên thất còn gọi là Thiên trụ ,p. Dibbo vihārā, chỉ cho tu bốn thiền, từ Thiền thứ nhất đen Thiền thư tư. Phn thất gọi là Phạmtrụ p. Brahma vihārā, chỉ cho tu bốn vô lượng tâm: Từ mettā, bi karuna, hỷ muditā, xả upekkhā. J 21 Thánh thất còn gọi là Thánh trụ p. Ariyo vihārā, chỉ cho tu bốn niệm xứ, bốn như ý túc, bốn chánh cần, năm căn, năm lực, bay giác chi và Thánh đạo tám chi. 22 Điển thủ :Người quản lý văn khố. 23 Nguyên tác: Tứ chánh đoạn tức tứ chánh cần sammappadhānā .

69. KINH BA MƯƠI ví DỤ 423

Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có người giá ngự, tức là người đánh xe; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm người đánh xe cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm người đánh xe thì vị ấy xả bỏ được điều ác5 tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân có cây phướn rát cao; các Tỳ- kheo hay Tỳ-kheo-ni dụng tâm mình làm cây phướn cao cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu tâm mình làm cây phướn cao thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. [0520a02] Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có con đường tốt, \ 9 9 r 9 A băng phăng, thăng tăp? đi thăng đên khu vườn rừng có lâu gác; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng Thánh đạo tám chi làm con đường bằng phẳng, thẳng tắp, đi thẳng đến Niết-bàn cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu Thánh đạo tám chi làm con đường bằng phẳng, thăng tăp5 đi thăng đên

Niêt-bàn thì vi ây xả bỏ được điêu ác5 tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có vị tướng thông minh trí tuệ, biết phân biệt rõ ràng; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm vị tướng cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm vị tướng thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có chánh điện lớn, cao rộng, sáng sủa; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm chánh điện lớn cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm chánh điện lớn thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Nay Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần lên trên điện cao quan sát những người dưới thấp qua lại, chạy nhảy, đi đứng, ngồi nằm; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ vô thượng lên điện cao để tự quán sát tâm mình, khiến tâm trùm khắp, nhu hòa, hoan hỷ, viễn ly cũng như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ vô thượng lên điện cao để tự quán sát tâm mình, khiên tâm trùm kháp, nhu hòa, hoan hỷ, viên ly thì vị ây xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có quan Tông chánh24 thông thạo dòng tộc; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng bốn Thánh chủng25 làm quan Tông chánh cũng như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn Thánh chủng làm quan Tông chánh thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện.

24 Tông chánh khanh Quan xử lý việc nội bộ của vương thất. 25 Tứ Thánh chủng ,Cattāro ariyavarnsà. DÃ. 9 gọi là Tứ Hiền thánh tộc :Đối vợi bốn thứ vát dụng như y phục, ẩm thực, ngọa cụ, yrdược phải nên biết vừa đủ, được loại tốt không vui, gặp thứ xẩu khòng buôn, không tham lam dính mắc.

Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có vị lương y danh tiếng trị được các bệnh; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm lương y cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất! Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm lương y thì vị ây xả bỏ được điêu ác, tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có giường Chánh Ngự được trải nệm lót dệt băng lông thú, có chăn đăp băng gâm lụa mịn màng, hai đâu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng định Vô • . r r -r r • T Ấ

ngại26 làm giường Chánh Ngự cũng giông như thê. Này Xá-lợi-phât! Nêu Tỳ- kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lay sự thành tựu định Vô ngại làm giường Chánh Ngự thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất! Giống như vua và đại thần có ngọc báu danh tiếng; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni dùng Tâm bát động giải thoát làm ngọc báu danh tiêng cũng giống như ứiế. Này Xá-lợi-phất! Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu Tâm bất động giải thoát làm ngọc báu danh tiếng thì vị ấy xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât! Giông như vua và đại thân tăm nước sạch trong, xoa bột hương quý khiên thân thê thơm tho; các Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni lây việc tự quán tâm mình khiên cho thân thanh tịnh cũng giông như thê. Này Xá-lợi-phât! Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc tự quán tâm mình khiên cho thân thanh tịnh thì có thể kính trọng phụng sự Thế Tôn, Chánh pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với

giới, không buông lung, bo thí và thiền định. [0520bl3] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

^yô ngại định :Định do lìa ducva thoát khỏi sự trở ngại của 5 friền cái ,theo Hán dịch A-ham kinh từ í/ciỉa Trang Xuân Giang

.

70. KINH VUA CHUYỂN LUÂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Ma-đâu-lệ Sát-lợi,1234ngụ trong rừng xoài bên bờ sông Sử.3 Á • y rpi Á rp/X *19 FT1 A [— — Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Hãy tư mình thắp lên ngọn đèn Chánh pháp, hãy tự nương tựa nơi Chánh pháp của mình/ đừng thắp ngọn đèn nào khác, đừng nương tựa một pháp nào khác. Này các Tỳ-kheo! Nếu ai tự mình thắp lên ngọn đèn Chánh pháp, tự nương tựa nơi Chánh pháp của mình, không thắp ngọn đèn nào khác, không nương tựa pháp nào khác thì người ấy có thể cầu học, đạt được lợi ích và phước quả vô cùng. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Thuở xưa có vua tên là Kiên Niệm5 làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, thống trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu và có bốn đức như ý. Việc thành tựu bảy báu và có bôn đức như ý như thê nào? Việc thành tựu bảy báu và có bốn đức như ý như đã nói trước đây.6 Bấy giờ, một thời gian sau, bánh xe báu cõi trời của Vua Kiên Niệm bỗng rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy liền đến tâu Vua Kiên Niệm: "Tâu Thiên vương! Ngài nên biết rằng, bánh xe báu cõi trời đã rời khỏi chỗ CÍL" Vua Kiên Niệm nghe xong, bảo Thái tử rằng: "Này Thái tử! Bánh xe báu cõi trời của ta đã rời khỏi chỗ cũ. Này Thái tử! Chính ta từng nghe người xưa nói rằng, nếu bánh xe báu cõi trời của Chuyển Luân Vương rời khỏi chỗ cũ thì vị vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua sắp hết. Này Thái tử! Ta đã hưởng niềm vui nhân gian, nay sẽ cầu niềm vui

1 Nguyên tác: Chuyển Luân Vương kinh (roi. 0026.70.0520b 16). Tham chiếu: Chuyển Luân Thảnh Vương tu hành kinh 0.01. 0026.6. 0039a21); D. 26, Cakkavatti Sīhanāda Sutta (Kinh Chuyển Luân Thảnh Vương sư tử hong). 2 Ma-đâu-lệ Sát-lợi (Mātula), một ngôi làng tại Magadha. 3 Sử h(Sarayji). Theo DPPN, đây là tên gọi của một con sông lớn chia đôi đất nước Kiều-tát-la (Kosala) thành 2 miền, Bắc Kosala (Uttara Kosala) và Nam Kosala (Dakkhina Kosala). Con sông này ngày nay còn gọi là sông Ghaghara. 4 Nguyên tác: Tự quy kỷ pháp ().DÃ. 2 ghi là "dương tự quy y"(). 5 Kiên Niệm (Daựianemi). DÃ. 6 ghi là Kiên cố Niệm (). 6 Xem nội dung đầy đủ trong Đại Thiên nại lâm kỉnh (roi. 0026.67. 051ÍC21).

cõi trời. Này Thái tử! Ta muốn cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này Thái tử! Nay ta đem bốn châu thiên hạ này giao phó cho con. Con hãy cai trị và giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để trong nước có những người tạo nghiệp xấu ác và trái với Phạm hạnh. Này Thái tử! về sau này, nếu con thấy bánh xe báu cõi trời rời khỏi chỗ cũ thì con cũng lại phải đem giang sơn này giao phó lại cho Thái từ của con, khéo dạy bảo

Thái tử. Sau khi ủy thác giang sơn cho Thái tử rồi, con cũng nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo." Sau khi giao phó đất nước cho Thái tử và khéo dạy bảo xong, Vua Kiên Niệm liên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. [0520C14] Bấy giờ, sau khi Vua Kiên Niệm xuất gia học đạo bảy ngày, bánh xe báu cõi trời ấy biến mất, không còn thấy nữa. Lúc mất bánh xe báu cối trời, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh7 liền buồn phiền, lo lắng không vui. Nhà vua liền đến chỗ Tiên nhân Phụ vương Kiên Niệm thưa rằng: "Tâu Thiên vương! Ngài nên biết, sau khi Thiên vương học đạo mới bảy ngày thì bánh xe báu cối trời kia biến mất, không còn thấy nữa.,, Tiên nhân Phụ vương Kiên Niệm bảo Vua Sát-lợi Đảnh Sanh rằng: "Con chớ vì mát bánh xe báu cõi trời mà nhớ tiêc? lo buôn! Vì sao như vậy? Vì con không thể có được bánh xe báu do cha trao truyền." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại thưa vua cha: "Tâu Thiên vương! Vậy bây giờ con phải làm gi?" Tiên nhân Phụ vương Kiên Niệm bảo: "Con phải học pháp tiêp nôi truyền thông. Nêu con học pháp này thì vào ngày rằm, lúc thuyết Giới giải thoát,8 sau khi tắm rửa xong, con ngự nơi chánh điện thì bánh xe báu cõi trời ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, chẳng phải do người đời tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại thưa với Phụ vương: “Tâu Thiên vương! Pháp kế thừa như thế nào mà Thiên vương muốn bảo con học, để lúc học xong, vào ngày rằm, lúc thuyết Giới giải thoát, sau khi tắm rửa xong, con ngự nơi chánh điện thì bánh xe báu cõi trời ấy sẽ từ phương Đông hiện đên. Bánh xe có ngàn căm, đầy đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, chẳng phải do người đời tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngòi?"

7 Sát-lợi Đảnh Sanh vương Rājā khattiyo muddhāvasitto, người dòng Sát-lợi,
được truyên ngôi bằng nghi thức Quán đảnh. 8 Nguyên tác: Thuyết tùng giải thoát .Xem chú thích 2, kinh số 69, tr. 419.

[0521a02] Tiên nhân phụ vương Kiên Niệm bảo: "Con hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Hãy vì thái tử, hoàng hậu phi tần, thể nữ và các thần dân, Sa-môn? Phạm chí cho đến loài côn trùng mà giữ gìn trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm. Con nên tu hạnh bố thí, cúng dường thức ăn, y phục, xe cộ5 tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc, đèn dầu cho Sa-môn, Phạm chí, những người nghèo khổ, kẻ bần cùng, người cô độc, người hành khất từ các phương xa đến. Nếu trong nước con có các bậc Thượng tôn, danh đức, Sa-môn, Phạm chí thì con phải tùy thời đi đến chỗ của các vị ấy để hỏi pháp và thọ pháp như vầy: 'Thưa chư Tôn! Thế nào là pháp thiện? Thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội? Thế nao là phước? Thế nào là diệu? Thế nào là chẳng diệu? Thế nào là pháp đen? Thế nào là pháp trắng? Pháp đen và pháp trắng từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Phải tạo nghiệp như thế nào để thọ quả báo thiện mà không thọ quả báo ác?' Sau khi nghe lời dạy bảo từ các vị ấy, con hãy thực hành đúng như thế. Nếu trong nước có kẻ bần cùng

thì con hãy đem của cải cung cấp đầy đủ cho họ. Này con, đó là pháp kế thừa, con nên khéo học. Con đã khéo học thì vào ngày ram, là ngày thuyết Giới giải thoát, sau khi tam rửa xong, con ngự trên chánh điện, lúc ấy chắc chan bánh xe báu cõi trời sẽ từ phương Đông hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, chẳng phải do người đời tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ïigòi." Ngay sau đó, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh quán pháp dúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Vua đã vì thái tử, hoàng hậu phi tân, thê nữ và các thân dân, Sa-môn5 Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào các ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm. Nhà vua phát nguyện bố thí, cúng dường đầy đủ thức ăn, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn dầu cho Sa-môn5 Phạm chí, những người nghèo khốn, kẻ bần cùng, người cô độc, người hành khất từ các phương xa đến. Nếu trong nước có các bậc Thượng tôn, danh dức, Sa-môn5 Phạm chí thì vua tùy thời đích thân đến chỗ các vị ấy để hỏi pháp và thọ pháp như vầy: "Thua chư Tôn! Thế nào là pháp thiện? Thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội? Thế nào là phước? Thế nào là diệu? Thế nào là chẳng diệu? Thế nào là pháp đen? Thế nào là pháp trắng? Pháp đen và pháp trắng từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Phải tạo nghiệp như thế nào để thọ quả báo thiện mà không thọ quả báo ác?" Khi được nghe lời dạy của các bậc Thượng tôn, danh đức rồi, nhà vua thực hành theo những lời dạy ấy. Nếu trong nước có kẻ bần cùng, vua liền đem của cải tùy thời cung cấp đầy đủ cho họ. Vào ngày rằm, là ngày thuyết Giới giải thoát, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh tắm rửa xong, liền ngự trên chánh điện thì bánh xe báu cõi trời ấy từ phương Đông hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, chẳng phải do người đời tạo ra, màu sắc như ánh lửa,

chói lọi sáng ngời. Nhà vua cũng được làm Chuyển Luân Vương, cũng thành tựu bảy báu và có bốn đức như ý. Vua thành tựu bảy báu và có bôn đức như ý như thế nào thì cũng như trước đã nói. [0521b08] Một thời gian sau, bánh xe báu cõi trời của Vua Chuyển Luân ấy bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy liền đến tâu vua rằng: "Tâu Thiên vương! Ngài nên biết, bánh xe báu cõi trời đã rời khỏi chỗ cũ." Nhà vua nghe xong, liền bảo Thái tử: "Này Thái tử! Bánh xe báu cõi trời của ta đã rời khỏi chỗ cũ. Thái tử! Ta từng nghe từ Phụ vương ta, Tiên nhân Kiên Niệm dạy như vầy: 'Nếu bánh xe báu cõi trời của Vua Chuyển Luân rời khỏi chỗ cũ thì vị vua ấy chắc chan không còn sống lâu, mạng vua sắp hết.' Này Thái tử! Ta đã hưởng niềm vui thế gian, nay sẽ cầu niềm vui cõi trời. Này Thái tử! Ta muốn cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này Thái tử! Nay ta đem bon châu thiên hạ này giao phó cho con. Con hãy cai trị và giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để trong nước có những người tạo nghiệp xấu ác và trái với Phạm hạnh. Này Thái tử! Ve sau, nếu con thấy bánh xe báu cõi trời rời khỏi chỗ cũ thì con cũng nên đem giang sơn này giao phó lại cho Thái tử của con, khéo dạy bảo Thái tử. Sau khi ủy thác giang sơn cho Thái tử rồi? con cũng nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo." Bấy giờ, Vua Chuyển Luân ấy giao phó đất nước cho Thái tử, khéo dạy

bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo. Sau khi Vua Chuyên Luân xuất gia học đạo bảy ngày thì bánh xe báu cõi trời biến mất, không còn thấy nữa. Lúc mất bánh xe báu cõi trời, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh này không lo buồn, lại còn nhiễm dục, đắm trước dục, tham dục không biết nhàm chán, bị dục trói buộc, lệ thuộc vào dục, bi dục sai khiên, không thây tai họa của dục, không biêt xuât ly khỏi dục, tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì tự cai trị đất nước theo ý mình nên đất nước suy vong, không còn hưng thịnh như các vị Vua Chuyển Luân thuở xưa nhờ học pháp kế thừa mà đất nước và nhân dân ngày càng hưng thinh, không bị suy giảm. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh này đã tự cai trị đất nước theo ý mình. Do cai tri đất nước theo ý mình nên đất nước suy vong, không còn hưng thịnh. [052ÍCƠ2] Bấy giờ, Phạm chí Quốc sư đi quan sát tình cảnh đất nước, thấy đất nước và nhân dân trở nên suy kiệt, không còn hưng thịnh. Quốc sư liền nghĩ: “Vua Sát-lợi Đảnh Sanh này tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì cai trị đất nước theo ý mình nên đất nước và nhân dân đã suy vong, không còn hung thịnh như các bậc Chuyển Luân Vương thuở xưa nhờ học pháp kế thừa mà đất nước và nhân dân ngày càng hưng thịnh, không bi suy giảm. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh này tự cai trị đất nước theo ý của mình. Vì cai trị đất nước theo ý của mình nên làm cho đất nước và nhân dân trở nên suy giảm, không còn hưng thịnh.,,

70. KINH VUA CHUYÊN LUÂN 429

Phạm chí Quốc sư liền đến thưa với Vua Sát-lợi Đảnh Sanh: “Tâu Thiên vương! Xin ngài biết cho, Thiên vương đã tự cai trị đất nước theo ý của mình. Vì tự cai trị đất nước theo ý của mình nên làm cho đất nước và nhân dân suy vong, không còn hưng thịnh như các bậc Chuyển Luân Vương thuở xưa học pháp kế thừa khiến đất nước nhân dân hưng thịnh, không bị suy giảm. Nay Thiên vương tự cai trị đất nước theo ý của mình, vì cai trị đất nước theo ý mình nên đất nước và nhân dân đã suy vong, không phục hưng nổi.^, Nghe xong, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo: "Này Phạm chí! Vậy ta phải làm thế nBo?" r Phạm chí Quôc sư thưa: “Tâu Thiên vương! Trong nước có người thông minh trí tuệ, am tường toán sô. Trong nước cũng có đại thân và quyên thuộc học kinh, hiêu rõ kinh, tụng đọc tu tập, thọ trì pháp kế thừa. Ngài nên đối xử với họ như quyến thuộc của mình. Tâu Thiên vương! Ngài nên học pháp kế thừa. Khi đã học pháp kế thừa thì vào ngày rằm, là ngày thuyết Giới giải thoát, ngài hãy tắm rửa sạch sẽ rồi lên ngự trên chánh điện thì bánh xe báu cõi trời ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, chẳng phải do người đời tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngòi." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: "Này Phạm chí! Pháp kế thừa ấy như thế nào mà Phạm chí muốn ta học, để lúc học rồi, vào ngày rằm, là ngày thuyết Giới giải thoát, sau khi tắm rửa, ta ngự trên chánh điện thì bánh xe báu cõi trời ấy sẽ từ phương Đông hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, chẳng phải do người đời tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngòi?" r Phạm chí Quôc sư thưa: "Tâu Thiên vương! Ngài hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Ngài hãy vì thái tử, hoàng hậu phi tần, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đen loài côn trùng mà giữ gìn trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm. Ngài cần phải tu hạnh bố thí, cúng

dường đầy đủ thức ăn, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn dầu cho Sa-môn9 Phạm . r 5 jT chí, cho những người nghèo khôn, kẻ bần cùng, người cô độc, người hành khát từ các phương xa đến. Nếu trong nước có bậc Thượng tôn, danh đức, Sa-môn? Phạm chí thì Thiên vương hãy tùy thời đi đến chỗ của các ngài để hỏi pháp và thọ pháp như vầy: 'Thưa chư Tôn! Thế nào là pháp thiện? Thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội? Thế nào là phước? Thế nào là diệu? Thế nào là chẳng diệu? Thế nào là pháp đen? Thế nào là pháp trắng? Pháp đen và pháp trắng từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này? Thế nào là mục đích của đời sau? Phải tạo nghiệp như thế nào để thọ quả báo thiện mà không thọ quả báo ác?9

Khi được nghe từ các vị ấy xong, Thiên vương nên thực hành đúng như lời các vi ấy đã dạy. Nếu trong nước có kẻ bần cùng thì Thiên vương nên lấy của cải cung cấp đầy đủ cho họ. Tâu Thiên vương! Đó là pháp kế thừa. Ngài nên khéo học và ghi nhớ, rồi vào ngày rằm là ngày thuyết Giới giải thoát, sau khi tắm rửa, ngài ngự trên chánh điện thì bánh xe báu cõi trời ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến. Bánh xe có ngàn căm, đủ các bộ phận, sáng sạch tự nhiên, chẳng phải do người đời tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngòi.” [0522al5] Sau đó, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh này liền quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp. Vua đã vì thái tử, hoàng hậu phi tần, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà giữ gìn và trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm. Nhà vua tu hạnh bố thí, cúng dường thức ăn, y phục, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, hương xoa, nhà cửa, giường nệm, thảm lông, khăn choàng, người giúp việc và đèn dầu cho Sa- môn? Phạm chí, những người nghèo khốn, kẻ bần cùng, người cô độc, người hành khất từ các phương xa đến. Nếu trong nước có các bậc Thượng tôn, danh đức, Sa-môn5 Phạm chí thì vua đích thân tùy thời đến chỗ các vị ấy để hỏi pháp va thọ pháp như vầy: “Thua chư Tôn! Thế nào là pháp thiện? Thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội? Thế nào là phước? Thế nào là diệu? Thế nào là chẳng diệu? Thế nào là pháp đen? Thế nào là pháp trắng? Pháp đen và pháp trắng từ đâu sanh? The nào là mục đích của đời này? The nào là mục đích của đời sau? Phải tạo nghiệp như thế nào để thọ quả báo thiện mà không thọ quả báo ác?" Được nghe từ các vị ấy xong, nhà vua thực hành đúng như lời các vị ấy chỉ bảo. Thế nhimg, có những người bần cùng trong nước không được vua cấp phát vật dụng. Do nghèo cùng khốn khổ, không của cải lại không nhận được sự trợ cấp của vua nên những kẻ này ngày càng khốn đốn. Vì khốn cùng cho nên kẻ ấy đã trộm cắp vật dụng của người khác. Do trộm cắp nên họ bị chủ nhân bắt trói đem đến Vua Sát-lợi Đảnh Sanh rồi thưa: "Tâu Thiên vương! Kẻ này trộm cắp vật dụng của con, xin ngài hãy tri t0i." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi kẻ trộm: "C6 thật ngươi đã trộm cắp chng?” Người ấy đáp: "Tâu Thiên vương! Quả thật là thần có trộm cắp. Vì sao như thế? Tâu Thiên vương! Vì nghèo khốn, nếu không trộm cắp thì thần không có gì để sống." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền đem của cải cấp phát cho kẻ trộm và khuyên: "Ngươi hãy trở về, sau này chớ có tái phạm!,^ Bấy giờ, dân chúng trong nước nghe tin, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh nếu thấy dân chúng trong nước có kẻ trộm cắp thì liền đem của cải cấp phát cho, nên họ nghĩ:

"Chúng ta cũng nên trộm cắp tài sản của người khác.99 Từ đó? dân chúng trong nước đêu tranh nhau trộm cắp tài sản người khác. Do người nghèo khốn

không của cải lại không nhận được sự trợ cấp của vua nên càng trở nên nghèo khốn. The là nạn trộm cắp càng lan tràn. Do vì trộm cắp lan tràn cho nên tuổi thọ của con người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Sau khi tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì tuổi thọ người cha là tám vạn tuổi, còn tuôi thọ của người con là bôn vạn tuổi. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ loài người còn bốn vạn tuổi, có kẻ trộm cắp vật dụng của người khác, bị chủ nhân bắt trói dẫn đến Vua Sát-lợi Đảnh Sanh thưa rang: “Tâu Thiên vương! Kẻ này trộm cắp vật dụng của con, xin ngài hãy trị tộiy Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi kẻ trộm: “C6 thật ngươi đã trộm cắp chng?” Người ấy đáp: "Tâu Thiên vương! Quả thật là thần có trộm cắp. Vì sao như thế? Vì nghèo khốn, nếu không trộm cắp thì thần không có gì để s6ng.” Nghe xong, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền nghĩ: "Nếu trong nước có kẻ trộm r : • r y 9 cap vật dụng của người khác mà ta cứ đem của cải cáp phát đây đủ cho họ, như vậy chỉ khiến kho lẫm của quốc gia khánh kiệt, dung túng để nạn trộm cắp lan tràn. Nay ta nên rèn dao thật bén, nếu trong nước có ai trộm cắp, phải liền bắt trói họ dưới cọc cây cao rồi chém đầu bêu len?9 [0522b23] Sau đó, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hạ lệnh rèn dao thật bén, nếu trong nước có kẻ trộm tài sản người khác thì cho bắt trói dưới cọc cây cao rồi chém đầu bêu lên. Bấy giờ, dân chúng trong nước nghe Vua Sát-lợi Đảnh Sanh ra lệnh rèn dao thật bén, nêu trong nước có ai trộm căp thì sẽ băt trói dưới cọc cây cao roi chém bêu đầu, họ liền nghĩ: "Ta cũng nên bắt chước rèn dao thật bén để đi trộm cắp, nếu trộm cắp vật dụng của ai thì bắt luôn chủ nhân và chém(tàu." Từ đó về sau, những kẻ trộm cắp thi nhau rèn dao bén đe trộm cắp roi bắt luôn chủ nhân và chém đầu. Do vì nghèo khôn không của cải lại không được sự trợ cáp nên họ càng nghèo khốn hơn. Vì nghèo khốn hơn nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Nạn trộm cắp càng lan tràn thì sự chém giết càng tăng. Nạn chém giết càng tăng thì tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Sau khi tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì tuổi thọ của người cha là bốn vạn tuổi, còn tuổi thọ của người con là hai vạn tuổi. [0522c05] Này Tỳ-kheo! Lúc tuôi thọ của loài người còn hai vạn tuổi, có kẻ trộm cắp vật dụng của người khác, bị chủ nhân bắt trói dẫn đến Vua Sát-lợi Đảnh Sanh thưa rằng: "Tâu Thiên vương! Kẻ này trộm cắp vật dụng của con, xin ngài hãy trị toi!"

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi tên trộm: "C6 thật ngươi đã trộm cắp chng?” Bấy giờ, kẻ trộm cắp nghĩ thầm: "Nếu Vua Đảnh Sanh biết sự thật thì ta sẽ bi trói, bị đánh, hoặc quăng ném, hoặc trục xuất, hoặc phạt tiền tài, hoặc trừng trị đau đớn đủ cách, hoặc treo lên cây, hoặc bêu đầu ta. Có lẽ ta nên nói dối để gạt Vua Sát-lợi Đảnh Sanh chng?" Nghĩ xong, kẻ trộm thưa: “Tâu Thiên vương! Thần không trộm cắp." Do vì nghèo khôn không của cải lại không nhận được trợ cáp nên người nghèo càng nghèo khốn hơn, càng nghèo khốn thì nạn trộm cắp càng lan tràn, nạn trộm cắp càng lan tràn thì sự chém giết càng tăng, sự chém giết càng tăng thì việc nói dối, nói hai chiều cũng tăng

thêm. Vì người nói dối, nói hai chiều càng tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sác trở nên thô xâu. Khi tuổi thọ giảm xuống, hình sắc con người trở nên thô xấu thì tuổi thọ của người cha là hai vạn tuổi, còn tuổi thọ của người con là một vạn tuổi. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ loài người còn một vạn tuổi thì trong dân chúng có người có đức, có người vô đức. Những ai vô đức thì ghen ghét người có đức và phạm tà hạnh với vợ của người. Do nghèo khốn không có của cải lại không nhận được sự trợ cấp của vua nên người nghèo lại càng nghèo khốn hơn; càng r r nghèo khôn hơn thì nạn trộm cap càng lan tràn; nạn trộm cáp càng lan tràn thì sự chém giết càng tăng; sự chém giết càng tăng thì việc nói dối, nói lời hai chiều tăng thêm; nói dối, nói hai chiều tăng thêm thì việc ganh ghét và tà dâm lại tăng hơn nữa. Vì sự ganh ghét và tà dâm tăng lên nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Khi tuổi thọ giảm xuống, hình sắc loài người trở nên thô xấu thì tuổi thọ của người cha là một vạn tuổi, còn tuổi thọ của người con là năm ngàn tuổi. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người còn năm ngàn tuổi thì có ba pháp gia tăng, đó là tham muốn phi pháp, dục tham và tà pháp. Vì ba pháp này tăng lên nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Khi tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì tuổi thọ của người cha là năm ngàn tuổi, còn tuổi thọ của người con là hai ngàn năm trăm tuổi. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người còn hai ngàn năm trăm tuổi thì ba pháp khác lại gia tăng, đó là nói hai chiều, nói lời thô ác9 và nói thêu dệt Vì ba pháp này tăng nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Khi tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì tuổi thọ của người cha là hai ngàn năm trăm tuổi, còn tuổi thọ của người con là một ngàn tuổi. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người còn một ngàn tuổi thì có một pháp gia tăng, đó là tà kiến. Vì pháp này tăng nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Khi tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc

9 Nguyên tác: Thô ngôn ,dùng như €tthô ác”.

trở nên thô xấu thì tuổi thọ của người cha là một ngàn tuổi, còn tuổi thọ của người con là năm trăm tuổi. [0523a05] Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người còn năm trăm tuổi thì con người suốt đời không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm theo lẽ phải, không tạo phước quả, không biết tội đời sau. Do loài người không hiếu thảo với cha mẹ, không tôn kính Sa-môn, Phạm chí, không làm theo lẽ phải, không tạo phước quả, không biết tội đời sau cho nên tuổi thọ của người cha là năm trăm tuôi, còn tuôi thọ của người con là hai trăm năm mươi tuổi hoặc hai trăm tuổi. Này Tỳ-kheo! Hiện tại, những ai sống lâu thì được một trăm tuổi, hoặc có thể ít hơn. Đức Phật lại bảo: Này Tỳ-kheo! Vào đời tương lai lâu xa, tuổi thọ của con người chỉ còn mười tuổi. Khi ấy, con gái sanh ra được năm tháng thì lấy chồng. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ con người còn mười tuổi, có giốnẹ lúa tên là bại tử,1011là thức ăn ngon nhất, cũng như lúa gạo là thức ăn ngon nhất của con người hiện nay. Này Tỳ-kheo! Cũng vậy, lúc tuổi thọ con người còn mười tuổi thì có loại lúa tên là bại tử, là loại thực phẩm ngon nhất. Này Tỳ-kheo! Khi tuổi thọ con người còn mười tuổi thì hoàn toàn không có các loại bơ, dầu, muối, mật, đường, mía như hiện nay. Khi tuổi thọ con người

còn mười tuổi, nếu ai tạo mười nghiệp ác thì sẽ được người khác kính trọng, cũng như hiện nay nếu ai tạo mười nghiệp thiện thì được người khác kính trọng. Này Tỳ-kheo! Cũng vậy, lúc tuổi thọ con người còn mười tuổi, nếu ai tạo mười nghiệp ác thì kẻ ấy được người khác kính trọng. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ con người còn mười tuổi thì hoàn toàn không có danh từ "thiên", huống nữa là có người tạo mười nghiệp thiện. Này Tỳ-kheo! Khi tuôi thọ con người còn mười tuôi thì có người tên là Đàn Phạt11 đi đến khắp mọi nhà để hành hạ đánh đập người. Này Tỳ-kheo! Khi tuổi thọ con người còn mười tuổi thì mẹ đối với con luôn có tâm giết hại rất mãnh liệt và con đôi với mẹ cũng có tâm giêt hại rát mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em, thân thuộc với nhau đêu có tâm giêt hại lân nhau, giông như người thợ săn trông thấy con nai thì khởi tâm giết hại mãnh liệt. Lúc tuổi thọ con người còn mười tuổi cũng lại như thế, mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt, con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em quyến thuộc với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ con người còn mười tuổi thì sẽ có nạn đao binh12 bảy ngày. Bấy giờ cành cây, ngọn cỏ trong tay người đều biến thành gươm đao.

10 Bại tử ,loại cỏ giống như lúa. D. 26: Hạt kudrũsaka. 11 Đàn phạt :Tra hỏi rồi trừng phạt. 12 Đao binh kiếp ,satthantara kappo.

Con người dùng gươm đao ấy để tàn sát lẫn nhau. Nạn gươm đao diễn ra suốt bảy ngày. Sau bảy ngày thì chấm dứt. [0523b04] Bấy giờ, có những người biết xấu hổ5 biết tự thẹn, nhơm gớm, chán ghét, không ưa những điều hung ác kia. Lúc có nạn đao binh bảy ngày, họ đi vào núi non hoặc đồng nội, ẩn náu nơi yên ổn. Sau bảy ngày ấy, họ ra khỏi núi non đồng nội hay nơi ẩn náu yên ổn. Trông thấy nhau, họ sanh lòng thương cảm, yêu mên nhau vô cùng. Như mẹ hiên có đứa con duy nhát, đã xa cách lâu ngày, nay từ phương xa yên ổn trở về với gia đình, mẹ con gặp nhau vui mừng, thương cảm, yêu quý nhau vô cùng. Cũng vậy, sau bảy ngày, những người kia ra khỏi núi non đồng nội hay chốn ẩn náu yên ổn. Trông thấy nhau, họ sanh lòng thương cảm, yêu mến nhau vô cùng. Trông thấy nhau rồi, họ liền bảo: "Này chư Hiền! Chúng ta nay vẫn còn thấy nhau và được yên ổn. Vì chúng ta tạo pháp bất thiện nên gặp phải hoàn cảnh này, thân tộc đều đã qua đời, vậy chúng ta phải cùng nhau thực hành pháp thiện. Làm the nào đe cùng nhau thực hành pháp thiện? Chúng ta đều là kẻ sát sanh, nay nên xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, chúng ta nên thực hành pháp thiện này!" The roi, những người kia cùng nhau thực hành pháp thiện ấy. Sau khi thực hành pháp thiện, tuổi thọ liền tăng lên, dung sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ tăne lên, dung sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ mười tuổi sanh con thọ hai mươi tuổi. Này Tỳ-kheo! Người thọ hai mươi tuổi lại nghĩ rằng: "Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, nhung chúng ta vẫn còn lay của không cho, chúng ta nên xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của khônệ cho. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện ấy." Thế rồi, những người kia liên cùng nhau làm điêu thiện này. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ

lại tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ hai mươi tuổi sanh con thọ bon mươi tuổi. Này Tỳ-kheo! Người thọ bốn mươi tuổi cũng nghĩ như vầy: "Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và hình sắc trở nên xinh đẹp hơn. Chúnệ ta nên làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lấy của không cho, nhưng chúng ta vẫn còn tà dâm. Chúng ta nên xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm. Chúng ta nên làm việc thiện ấy." Rồi những người kia cùng nhau làm điều thiện này. Khi đã làm điều thiện ấy thì tuổi thọ lại tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này các Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ bốn mươi tuổi sanh con thọ tám mươi tuổi. [0523c04] Này Tỳ-kheo! Người thọ tám mươi tuổi cũng nghĩ như vầy: "Nếu cau học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Vậy

chúng ta cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm, nhưng chúng ta vẫn còn nói dối. Chúng ta nên xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối. Chúng ta nên làm việc thiện ấy." Thế là, những người kia liền cùng nhau làm việc thiện này. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ tám mươi tuổi sanh con thọ một trăm sáu mươi tuổi. Này Tỳ-kheo! Người thọ một trăm sáu mươi tuổi cũng nghĩ như vầy: "Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, đã xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lấy của không cho, đã xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm, đã xa lìa lời nói dối và đoạn trừ lời nói dối, nhưng chúng ta vẫn còn nói lời hai chiều. Chúng ta nên xa lìa lời nói hai chiều, đoạn trừ lời nói hai chiêu. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ậy.” Thê roi những người kia liên cùng nhau làm việc thiện này. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ một trăm sáu mươi tuổi sanh con thọ ba trăm hai mươi tuổi. Này Tỳ-kheo! Người thọ ba trăm hai mươi tuổi cũng nghĩ rằng: "Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Vậy chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lay của không cho, xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối và đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai chiều và đoạn trừ lời nói hai chiều, nhimg chúng ta còn nói lời thô ác. Chúng ta nên xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Chúng ta nên làm việc thiện ấy." Rồi những người kia liên cùng nhau làm việc thiện này. Khi đã làm việc thiện ây thì tuôi thọ liền tăng và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này các Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ ba trăm hai mươi

tuổi sanh con thọ sáu trăm bon mươi tuổi. Này Tỳ-kheo! Nệười thọ sáu trăm bôn mươi tuôi cũng nghĩ răng: "Nêu câu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Vậy chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm the nào đe cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm? xa lìa lời nói dối và đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai chiều và đoạn trừ lời nói hai chiều, xa lìa lời nói thô ác và đoạn trừ lời nói thô ác5 nhưng chúng ta vẫn còn nói lời thêu dệt. Chúng ta nên xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ

lời nói thêu dệt. Chúng ta nên làm việc thiện ấy." Thế rồi, những người kia liền cùng nhau làm việc thiện này. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ liền tăng và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi sanh con thọ hai ngàn năm trăm tuổi. [0524a09] Này các Tỳ-kheo! Người thọ hai ngàn năm trăm tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Vậy chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm the nào đe cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lay của không cho và đoạn trừ việc lay của không cho, xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối và đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai chiều và đoạn trừ lời nói hai chiều, xa lìa lời nói thô ác và đoạn trừ lời nói thô ác? xa lìa lời nói thêu dệt và đoạn trừ lời nói thêu dệt, nhưng chúng ta còn tham lam, ganh ghét. Chúng ta nên xa lìa tham lam, ganh ghét; đoạn trừ tham lam, ganh ghét. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.” Thế rồi, những người kia liền cùng nhau làm việc thiện này. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ liền tăng và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ hai ngàn năm trăm tuổi sanh con thọ năm ngàn tuổi. Này Tỳ-kheo! Người thọ năm ngàn tuổi cũng nghĩ rằng: "Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Vậy chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối và đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói thô ác và đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt và đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam ganh ghét và đoạn trừ tham lam ganh ghét, nhưng chúng ta vẫn còn sân hận. Chúng ta nên xa lìa sân hận, đoạn trừ sân hận. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy." Rồi những người kia liền cùng nhau làm việc thiện này. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ liền tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này Tỳ-kheo! Lúc tuôi thọ của loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ năm ngàn tuổi sanh ra con thọ một vạn tuổi. Này Tỳ-kheo! Người thọ một vạn tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện thì tuôi thọ tăng lên và dung săc trở nên đẹp đẽ hơn. Vậy chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối và đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai

chiều và đoạn trừ lời nói hai chiều, xa lìa lời nói thô ác và đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt và đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam ganh ghét và đoạn trừ tham lam ganh ghét, xa lìa sân hận và đoạn trừ sân hận, nhưng chúng ta vẫn còn tà

kiên. Chúng ta nên xa lìa tà kiên, đoạn trừ tà kiên. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện này." Thế là, những người kia liền cùng nhau làm việc thiện ấy. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ liền tăng thêm và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này các Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của con người tăng lên và dung săc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ một vạn tuổi sanh con thọ hai vạn tuổi. [0524b09] Này các Tỵ-kheo! Người thọ hai vạn tuổi cũng nghĩ rằng: "Nếu cau học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên và hình sắc trở nên xinh đẹp hơn. Vậy chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh và đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho và đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm và đoạn trừ tà dâm, xa lìa lời nói dối và đoạn trừ lời nói dối, xa lìa lời nói hai .v. . Y. v. chiêu và đoạn trừ lời nói hai chiêu, xa lìa lời nói thô ác và đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói thêu dệt và đoạn trừ lời nói thêu dệt, xa lìa tham lam ganh ghét và đoạn trừ tham lam ganh ghét, xa lìa sân hận và đoạn trừ sân hận, xa lìa tà kiến và đoạn trừ tà kiến, nhưng chúng ta vẫn còn làm theo phi pháp, dục tham và tà pháp. Chúng ta nên xa lìa ba pháp xấu ác, bất thiện này, nên đoạn trừ ba pháp xâu ác, bát thiện này. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện này.99 Thê rồi những người kia liền cùng nhau làm việc thiện ấy. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn. Này Tỳ-kheo! Lúc tuổi thọ của loài người tăng lên và dung sắc trở nên đẹp đẽ hơn thì người thọ hai vạn tuổi sanh con thọ bon vạn tuổi. Này Tỳ-kheo! Khi con người thọ bốn vạn tuổi thì biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa-môn và Phạm chí, làm việc lợi lạc, tu tập nghiệp phước và biết tội lỗi đời sau. Vì hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa- môn và Phạm chí, làm việc lợi lạc, tu tập nghiệp phước và biết tội lỗi đời sau nên người thọ bon vạn tuổi sanh con thọ tám vạn tuổi. Này Tỳ-kheo! Lúc con người thọ tám vạn tuôi thì châu Diêm-phù này rát giàu có sung túc, dân chúng đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay. Này Tỳ-kheo! Lúc con người thọ tám vạn tuổi thì con gái đen năm trăm tuổi mới lấy chồng. Này Tỳ-kheo! Lúc con người thọ tám vạn tuổi thì chỉ có những bệnh như lạnh, nóng, đại tiểu tiện, mong muốn, ăn uống và già, ngoài ra không có các bệnh khác. Này Tỳ-kheo! Lúc loài người thọ tám vạn tuổi thì có vua tên Loa13 làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân thống trị thiên hạ, tự do tự tại, là vi Pháp vương đúng như pháp, thành tựu bảy báu, là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Nhà vua có đủ ngàn người con trai dung mạo khôi ngô, tuấn tú, dõng mãnh, không sợ hãi, hàng phục được kẻ khác. Nhà vua thống lãnh từ đất liền cho đến biển cả mà không động binh đao, chỉ dùng chánh pháp giáo hóa khiên dân chúng được an vui.

13 Loa Saiìkha.

Này Tỳ-kheo! Các Vua Sát-lợi Đảnh Sanh được làm vua của cõi người, cai tri thiên hạ, đi lại trong cõi nước của mình mà Phụ vương đã truyên trao. Vì đi lại trong cõi nước của mình mà Phụ vương đã truyền trao nên tuổi thọ của các vị vua ấy không giảm xuống, dung sắc không thô xấu, chưa từng mất sự an vui, thế lực cũng không suy giảm. Này các Tỳ-kheo! Các thầy cũng nên như vậy, đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa5 với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì phải đi lại trong cõi nước của mình mà người cha đã truyền trao. Này các Tỳ-kheo! Nhờ đi lại trong cối nước của mình mà người cha đã truyền trao nên tuổi thọ của các thay không suy giảm, dung sắc không thô xấu, chưa từng mất sự an vui, thế lực cũng không suy giảm. [0524C14] Thế nào là Tỳ-kheo đi lại trong cõi nước của mình mà người cha đã truyền trao? Đó là Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán nội thọ đúng như thọ, quán nội tâm đúng như tâm, quán nội pháp đúng như pháp.14 Đó gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cõi nước của mình mà người cha đã truyền trao. Thế nào là tuổi thọ của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo tu dục định như ý túc,15 nương hạnh viễn ly, nương hạnh vô dục, nương hạnh diệt tận mà hướng đến xuất ly; tu tinh tan định, tu tâm định, tu tư duy định như y túc, nương hạnh viễn ly, nương hạnh vô dục, nương hạnh diệt tận mà hướng đen xuất ly. Đây gọi là tuổi thọ của Ty-kheo. Thế nào là sắc của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo tu tập giới cấm, thủ hộ Giới giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy những tội nhỏ nhặt cũng thường canh cánh lo sợ đe thọ trì học giới. Đó gọi là sắc của Tỳ-kheo. Thế nào là sự an lạc của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là niềm an lạc của Tỳ-kheo. Thế nào là thế lực của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo đã diệt sạch các lậu, chứng đắc vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Đó là thế lực của Tỳ-kheo. J Này Tỳ-kheo! Như Lai không thấy có thế lực nào mà không thể hàng phục như thê lực của Ma vương, nhưng Tỳ-kheo lậu tận thì vẫn có thê hàng phục được nhờ thê lực trí tuệ vô thượng. [0525a01] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.16

14 Nguyên tác: Quán nội thân như thân, quán nội giác, tâm, pháp như pháp .Xem chú thích 3, kinh số 41, tr\ 272. * 15 Dục định như ý túc .Tạp.T.02. 0099.179. 0047a07 gọi là Dục định đoạn hành thành tựu như ý tác . 16 Bản Hán, hết quyển 15.

71. KINH TỲ-TỨ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Câu-tát-la, rồi đi đến thôn Tư-hòa-đề,123 trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa4 nằm ở phía Bắc của thôn ấy. Bấy giờ, ở Tư-hòa-đề có thôn chủ5 tên Tỳ-tứ6 giàu có tột bậc, của cải vô lượng, sản nghiệp vật nuôi không thể tính kể, phong hộ thực ấp mọi thứ đầy đủ. Tất cả suối ao, cỏ cây ở Tư-hòa-đề đều thuộc về thôn chủ. Hết thảy sản nghiệp đều do vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc7 phong cho. Bấy giờ, các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề nghe tin: "C6 Sa-môn tên Ciru- ma-la Ca-diếp cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Câu-tát-la5 đi đến thôn Tư-hòa-đề? trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa nằm ở phía Bắc của thôn ấy. Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp rất có danh tiếng, mười phương đều biết. Sa-môn Cưu-ma- la Ca-diếp ấy biện tài vô ngại, lời nói vi

diệu, là bậc A-la-hán8 Đa văn. Nếu ai được diện kiên đang A-la-hán này, cung kính lê bái thì được nhiêu lợi ích thiện lành. Chúng ta hãy đến diện kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp ấy.” Thế rồi5 các y y Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đê cùng nhau lên đường, từ Tư-hòa-đê đi lên hướng Bắc để đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Bấy giờ, Thôn chủ Tỳ-tứ ở trên chánh điện, từ xa trông thấy các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề cùng nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi- nhiếp-hòa. Thấy vậy, Tỳ-tứ liền hỏi người hầu: —Hôm nay vì lý do gì mà các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đê này cùng nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa vậy?

1 Quyển 16. Nguyên tác: Tỳ-tứ kinh roi. 0026.71. 0525al0. Tham chiếu: Tệ-tủc kiỉĩ/ỉ hoi. 0001.7. 0042b24; Đại Chánh Cú vương kinh 7.01. 0045. 0831a06; D. 23, Pāyāsi Sutta Kinh Tệ-tủc. 2 Cưu-ma-la Ca-diếp Kumāra Kassapa. Theo A. L 24, Tôn giả là vị Biện tài đệ nhất cỉttakathikă. 3 Tư-hòa-đề ,Setavyā, một thị trấn thuộc nước Kosala, gần với thị trấn Ukkattha. 4 Thi-nhiếp-hòa lâm ,Simsapavana. Có 2 khu rừng Simsapavana, một ở Ālavī A. L 136 và một ở Kosambī S. v. 437. 5 Nguyen tác: Vương .“Vượng" ở đây không mang nghĩa là vị vua của một nước mà là vị thủ lĩnh ,ở đây la vị đứng đầu một phong ấp do vua ban, nên hiểu như là thôn trưởng, thôn chủ. 6 Tỳ-tứ ,Pavāsi, vị đứng đầu thị trấn Setavyā. Tham chiếu: DÃ. 7, đó là Bà-la-mồn Tệ-túc. 7 Ba-tư-nặc Pasenadi. Xem chú thích 15, kinh số 9, ư. 51. 8 Nguyên tác: A-la-ha ,cách gọi khác của tôn hiệu A-la-hán.

[0525b02] Người hầu đáp: - Thưa thôn chủ! Các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề nghe tin: "C6 Sa-môn tên Cưu-ma-la Ca-diếp cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Câu-tát-la, đi đến thôn Tư-hòa-đề, trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa nằm ở phía Bắc của thôn ấy. Sa-môn Ciru-ma-la Ca-diếp rất có danh tiếng, mười phương đều biết. Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp ấy biện tài vô ngại, lời nói vi diệu, là bậc A-la-hán Đa văn. Nếu ai được diện kiến đấng A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được nhiều lợi ích thiện lành. Chúng ta hãy đến diện kiến Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp." Vì lý do đó mà các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề cùng nhau lên đường, từ Tư-hòa-đề đi lên hướng Bắc để đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Tỳ-tứ nghe xong liền bảo người hầu: Ngươi hãy đên thưa với các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đê răng thôn chủ Tỳ-tứ bảo các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề thế này: “Các ông hãy đợi, ta sẽ cùng các ông diện kiến Cưu-ma-la Ca-diếp. Các ông thật si mê! Chớ để Sa-môn ây lừa gạt, cho răng: 'Có đời sau, có thân thức tái sanh.'9 Ta quan niệm như vây, chủ trương như vầy: 'Không có đời sau, không có thần thức tái sanh."' Ngưòd hầu vâng lời, liền đến thưa với các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề rằng: —Thôn chủ Tỳ-tứ bảo các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề thế này: "Các ông hãy đợi, ta sẽ cùng các ông diện kiến Cưu-ma-la Ca-diếp. Các ông thật si mê! Chớ để Sa-môn ấy lừa gạt, cho rằng: 'Có đời sau, có thần thức tái sanh/ Ta quan niệm như vây, chủ trương như vây: 'Không có đời sau, không có thân thức tai sanh" Các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề nghe lời dạy như vậy thì đáp rằng: Xin vâng theo lệnh truyền! Người hâu trở lại, thưa răng đã truyên lệnh của thôn chủ và nói: Các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề đang đợi

thôn chủ. Cúi xin thôn chủ nên biết đúng thời! Bấy giờ5 Tỳ-tứ bảo người đánh xe: Ngươi mau sửa soạn cỗ xe, nay ta muốn đi! Người đánh xe vâng lời, nhanh chóng sửa soạn xong rồi trô lại thưa: - Ngựa xe đã chuẩn bị xong, xin tùy ý thôn chủ! Lúc đó, Tỳ-tứ liền ngồi xe đến chỗ các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề9 rồi cùng họ đi lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Từ xa trông thấy Cưu-ma-la Ca-diếp ở giữa rừng cây, Tỳ-tứ liền xuống xe đi bộ đến chỗ Tôn giả, chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên rồi hỏi rằng: Ca-diếp! Nay tôi muốn hỏi5 ông có thể nghe chăng?

9 Nguyên tác: Hữu hậu thế, hữu chúng sanh sanh ().Tham chiếu: D. 23: Atthi paraloko, atthi sattā opapātikā (có đời sau, có hóa sanh hữu tình).

71. KINH TỲ-TỨ 441

[0525C02] Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp: Tỳ-tứ! Muốn hỏi điều gì thì xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ. Bay giơ, Tỳ-tứ liên hỏi: Ca-diếp! Tôi quan niệm như vầy, chủ trương như vầy: "Không có đời sau, không có thần thức tái sanh.” Ý ông thế nào, thưa Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp?1011 Tôn giả Cmi-ma-la Ca-diếp đáp: Tỳ-tứ! Nay tôi hỏi ông, hãy tuy ý mà trả lời. Ý ông nghĩ sao? Hiện nay mặt trời và mặt trăng này là thuộc về đời này hay đời sau?11 Tỳ-tứ đáp: Tuy Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm như vây, chủ trương như vây: "Không có đời sau, không có thần thức tái sanh." Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp hỏi: -Này Tỳ-tứ, còn lý do nào12 khác hơn lý do này chăng? Tỳ"tứ đáp: -Đúng vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác. Này Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh nguy kịch, tôi đến thăm người ấy, bảo rằng: "Bạn nên biết, tôi quan niệm như vây, chủ trương như vây: 'Không có đời sau, không có thần thức tái sanh/ Này bạn, có những Sa-môn, Phạm chí quan niệm như vầy, chủ trương như vầy: 'Có đời sau, có thần thức tái sanh.' Tôi nhất định không tin vào chủ thuyết của họ. Những người ấy còn bảo thế này: 'Nếu có người nam hay người nữ nào làm việc ác? không tinh tan, uể oải, lười biếng, ganh ghét, tham lam, bon xẻn, không độ lượnệ, không thí xả, vô cùng ham mê của cải; do nhân duyên ấy, sau khi qua dòi, kẻ ấy chắc chan đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục? Nêu Sa-môn, Phạm chí kia nói như vậy là đúng, bạn là người thân thích của tôi, đã làm việc ác, lại không tinh tấn, uể oải, biếng nhác, ganh ghét, bon xẻn, tham lam, không độ lượng, không thí xả, vô cùng ham mê của cải, sau khi qua đời, chắc chan bạn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục, khi ấy bạn hãy trở lại báo tin cho tôi hay: 'Này Tỳ-tứ, trong địa ngục ấy khổ như vầy, như vầy.' Nếu quả đúng như thế thì tôi mới chấp nhận.^, Này Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi dặn dò và đã nhận lời, thế nhưng không bao giờ thấy người đó trở lại nói với tôi rằng: “Này Tỳ-tứ, trong địa ngục đó khổ như vầy, như vầy." Này Ca-diếp, vì việc này nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có than thức tái sanh."

10 Tham chiếu: DÃ. 7: Theo chủ trương hiện nay^của tôi thì không có thế giới khác, không có tái sanh và cũng không có quả báo thiện ác, còn chủ thuyết của ngài thì như thê nào? ? 11 Nguyên tác: Kim thử nhật nguyệt, vi thị
kim thế, vi thị hậu thế * H ?. Tham chiếu: DÃ. 7: Hiện nay mạt trơi,
mặt trăng ở trên kia là thuộc về thế giới này hay the giới khác? Thuộc về trời hay về người?? 12Nguyên tác: Hữu 6.Theo Hán ngữ đại từ

điển ,"6"ở đây đóng vai trò nghi vấn đại từ ::,.

442 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diêp bảo: Này Tỳ-tứ, tôi lại hỏi ông, hãy tùy ý mà trả lời. Nếu thuộc hạ của ông bắt trói một tội nhân, đem đến chỗ ông, rồi thưa: "Thôn chủ! Người này có tội5 ngài hãy trị n6." Ông liền bảo: "Các ngươi hãy đem trói ngược hai tay nó? cho lừa chở đi5 đánh cái trống thủng tiếng như lừa kêu, loan báo khắp nơi, rồi theo công phía Nam dẫn ra ngoài thành, cho ngôi dưới cọc cao và chém đâu nó.^, Thuộc hạ vâng lời, bắt trói tội nhân, cho lừa chở di, đánh cái trống thủng tiếng như lừa kêu, loan báo khắp nơi, rồi theo cổng phía Nam dẫn ra ngoài thành, cột dưới cọc cao toan chém đầu nó. Kẻ đó sắp chết, liền nói với đao phủ rằng: "ông hãy dừng lại một lát, tôi muốn được gặp cha mẹ? vợ con, nô tỳ, người đưa tin. Hãy để tôi tạm đi một liic." Ý ông nghĩ sao? Đao phủ ấy lẽ nào sẽ tạm thả cho tội nhân kia đi? [0526a08] Tỳ-tứ đáp: Không thể, Ca-diếp! Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Tỳ-tứ! Người thân của ông cũng giống như thế, làm việc ác, không tinh tấn, uể oải, biếng nhác, ganh ghét, bon xẻn, tham lam, không độ lượng, không thí xả, vô cùng ham mê của cải; do nhân duyên ấy, sau khi qua đời chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Lúc bị cai ngục bắt giữ, hành hạ khổ sở, người kia nói với cai ngục rang: "Này các cai ngục, các ông tạm dừng một chút, đừng hành hạ tôi nữa, tôi muốn đến chỗ thôn chủ Tỳ-tứ một lát, để báo cho ông ấy biết 'trong địa ngục khổ như vậy, như vậy\ để ông ấy hiểu rõ.59 Ý ông nghĩ sao? Cai ngục kia lẽ nào tạm thả người thân của ông đi? Tỳ-tứ đáp: -Không thể, Ca-diếp! Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp lại bảo: Này Tỳ-tứ! Ông nên nhìn nhận như thế về đời sau, không giống như những gì mắt thường nhìn thấy. Này Tỳ-tứ? nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào đoạn tuyệt tham dục, lìa bỏ tham dục, hướng đến lìa bỏ tham dục; đoạn tuyệt sân hận, lìa bỏ sân hận, hướng đến lìa bỏ sân hận; đoạn tuyệt ngu si9 lìa bỏ ngu si, hướng đen lìa bỏ ngu si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh, lúc tử, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc tốt, hoặc không tot5 qua lại cõi lành hay cõi dữ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy những điều ấy đúng như thật. Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp nói như vậy, nhưng tôi vẫn quan niệm như vây, chủ trương như vây: "Không có đời sau, không có thần thức tái sanh." Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳtứ, ông còn lý do nào khác hơn lý do này chăng?

71. KINH TVTỨ 443

Tỳ-tứ đáp: -Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác! Này Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh nguy kịch, tôi đến thăm người ấy, rồi bảo rằng: "Bạn nên biết, tôi quan niệm như vầy, chủ trương như vầy: 'Không có đời sau, không có thần thức tái sanh/ Này bạn, nhrnig lại có Sa-môn9 Phạm-chí quan niệm như vầy, chủ trương như vay: 'Có đời sau, có thần thức tái sanh.5 Tôi quyết không tin vào chủ thuyết của họ. Những người kia lại còn bảo rằng: 'Nếu kẻ nam người nữ nào có hạnh lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, cũng không bon xẻn, rộng rãi, độ lượng, mở lòng thí xả, chu cấp cho những người nghèo khó cô độc, thường thích bố thí, không ham mê của cải, nhờ nhân duyên ây, sau khi qua đời người ây chác chăn đi đên cõi lành, sanh lên cõi trời.9 Này bạn, nếu Sa-môn, Phạm chí nói như vậy là đúng, bạn là người thân thích

của ta, có hạnh lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, rộng rãi, độ lượng, mở lòng thí xả, chu cấp cho người nghèo khó cô độc, thường thích bố thí, không đắm trước của cải, nhờ nhân duyên ấy5 sau khi qua đời chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời, khi ấy bạn hãy trở lại báo tin cho tôi biết: 'Này Tỳ-tứ, trên cõi trời vui sướng như thế, như thế.' Nếu quả đúng như vậy thì tôi mới chấp nhận.,, Người ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế nhưng không bao giờ trở lại báo tin cho tôi biết: "Này Tỳ-tứ, trên cõi trời sung sướng như thế, như th§." Này Ca-diếp, vì lý do đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có thần thức tái sanh." [0526bl5] Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ5 hãy nghe tôi nói ví dụ5 người trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ, như ngoài thôn ấp kia có một hầm xí sâu quá đầu người, chứa đầy phân dơ. Có người rơi xuống đó và chìm tận đáy hầm. Lại có người vì thương xót người mắc nạn kia, muốn người ấy được nhiều lợi ích, được an ổn hân hoan, liền từ từ kéo người ấy lên khỏi hầm xí, rồi dùng thanh tre gạt phân, dùng lá cây cọ rửa và dùng nước ấm tắm gội. Người mắc nạn kia tắm rửa sạch sẽ rồi, dùng bột hương xoa khắp thân và được lên điện lớn vui hưởng năm dục. Ý ông nghĩ sao? Lẽ nào người kia lại nhớ nghĩ hầm xí trước dây, hoan hỷ ngợi khen và muốn thấy lần nữa chăng? Tỳ-tứ trả lời: Không thể, Ca-diếp! Nếu có kẻ khác nghĩ nhớ đến hầm xí kia, hoan hỷ ngợi khen và muốn nhìn thấy nó thì người này đã không ưa kẻ ấy, huống gì tự mình lại nhớ nghĩ đến hầm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen và muốn nhìn thấy nó lần nữa. Không thể có điều đó. Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diêp bảo: Này Tỳ-tứ! Nếu người thân của ông có hạnh lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, cũng không bon xẻn, rộng rãi, độ lượng,

mở lòng thí xả, chu cấp cho những người nghèo khó cô độc, thường thích bố thí, không ham mê của cải, nhờ nhân duyên ấy, sau khi qua đời người ấy chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên cõi trời được vui hưởng năm dục cõi trời. Ý ông nghĩ sao? Lẽ nào thiên tử ở cõi trời kia lại buông bỏ năm dục cõi trời, rồi tưởng nhớ đến năm dục chốn nhân gian này, hoan hỷ ngợi khen và muốn thấy lần nữa? [0526C03] Tỳ-tứ đáp: -Không thể, Ca-diếp! Vì sao như thế? Vì năm dục nhân gian xú uế bất tịnh, rất đáng ghét bỏ? không thể hướng đến, không thể ưa thích bởi chúng thô tháo bất tịnh. Này Ca-diếp, so với năm dục nhân gian thì năm dục cõi trời là hơn hẳn5 là tối thượng, là tối hảo, là tối diệu, là tối thắng. Nếu thiên tử ở cõi trời kia buông bỏ năm dục cõi trời, nghĩ tưởng đến năm dục nhân gian, hoan hỷ ngợi khen và muốn thấy lại, đó là điều không bao giờ có. Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ! Ông hãy như thế mà nhìn nhận về đời sau, chúng không giống những gì mắt thường nhìn thấy. Này Tỳ-tứ? nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào đoạn tuyệt tham dục, lìa bỏ tham dục, hướng đến lìa bỏ tham dục; đoạn tuyệt sân hận, lìa bỏ sân hận? hướng đen lìa bỏ sân hận; đoạn tuyệt ngu si, lìa bỏ ngu si, hướng đến lìa bỏ ngu si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thây chúng sanh này lúc sanh, lúc tử, săc đẹp, sác xâu, hoặc tót, hoặc không tót, qua lại cõi lành hay cõi dữ đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ây đã tạo. Vi ấy thấy những điều ấy đúng như thật. Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Cưu ma-la Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm như vây, vân chủ trương như

vây: "Không có đời sau, không có thân thức tái sanh." Tôn giả Ciru-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ! Ông còn lý do nào khác hơn lý do này chăng? Tỳ-tứ đáp: -Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác nữa. Này Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh nguy kịch, tôi đến thăm người ấy, rồi bảo: "Bạn nên biết, tôi quan niệm như vầy, chủ trương như vầy: 'Không có đời sau, không có thần thức tái sanh.' Này bạn, nhưng lại có Sa-môn? Phạm chí quan niệm như vầy, chủ trương như vầy: 'Có đời sau, có thần thức tái sanh.9 Tôi quyết không tin vào chủ thuyết của họ. Những người kia lại còn bảo rằng: 'Nếu kẻ nam người nữ nào có hạnh lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, cũng không bon xẻn, rộng rãi, độ lượng, mở lòng thí xả, chu cấp cho những người nghèo khó cô độc, thường thích bố thí, không ham mê của cải, nhờ nhân duyên ấy, sau khi qua đời người ây chác chăn đi đên cõi lành, sanh lên cõi trời.9 Này bạn, nêu Sa-môn5 Phạm chí nói như vậy là đúng, bạn là người thân thích của tôi, có hạnh

lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn? rộng rãi, độ lượng, mở lòng thí xả, chu cấp cho những người nghèo khó cô độc, thường thích bo thí, không ham mê của cải, nhờ nhân duyên ấy, sau khi qua đời chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Khi ấy bạn hãy trở lại báo tin cho tôi biết: 'Này Tỳ-tứ9 trên trời vui sướng như thế, như thế/ Nếu bạn ở trên trời mà nghĩ thế này: 'Nếu ta quay về thì sẽ được gi?' Này bạn, nhà Tỳ-tứ tôi đây có rất nhiều của cải, tôi sẽ cho bạn." Người ây nghe tôi nói và đã nhận lời, thê nhưng không bao giờ trở lại báo tin cho tôi biết: "Này Tỳ-tứ, trên trời vui sướng như thế, như the?9 Này Ca-diếp, vì lý do đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có thần thức tái sanh." [0527a07] Tôn giả Ciru-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ, tuổi thọ ở cõi trời lâu dài, còn mạng sống trong nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba Mươi Ba. Một ngày một đêm là như vậy, mà một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng và tuôi thọ của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba dài đên một ngàn năm. Ý ông nghĩ sao? Nếu như người thân của ông có hạnh lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, cũng không bon xẻn, rộng rãi, độ lượng, mở lòng thí xả5 chu cấp cho những người nghèo khó cô độc, thường thích bố thí, không ham mê của cải, nhờ nhân duyên ấy, sau khi qua đời người ây chác chăn đi đên cõi lành, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên cõi trời, người ấy sẽ nghĩ: "Trước tiên ta hãy vui hưởng năm dục ở cõi trời một ngày một đêm, hoặc hai, ba, bốn, cho đến sáu, bảy ngày. Sau khi thọ hưởng năm dục của cõi trời xong, ta sẽ trở về báo tin cho Tỳ-tứ hay rằng: 'Này Tỳ-tứ? trên trời vui sướng như thế, như thếđể cho ông ấy hiểu r6?" Ý ông nghĩ sao? Ông có còn sống để nghe điều đó chăng? Tỳ"tứ hỏi lại: -Này Ca-diếp! Có ai sau khi chết rồi đến nói với ngai: "Này Sa-môn Cưu- ma-la Ca-diếp, tuổi thọ ở cõi trời rất lâu dài, còn mạng sống trong nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba Mươi Ba. Một ngày một đêm là như vậy, mà một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng và tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba dài đến một ngàn nm" chăng? Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diêp đáp: -Này Tỳ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ9 như có người mù nói: "Không có màu đen, trăng và cũng không thấy màu đen, trắng; không có hình thể dài, ngắn và cũng

không thấy hình thể dài, ngắn; không có bóng dáng xa, gần và cũng không thấy bóng dáng xa, gần; không có sắc thô, tế và cũng không thấy sắc thô, tế. Vì sao như thế? Vì xưa nay tôi không thấy không biết chúng, cho nên không có những sắc ấy." Này Tỳ-tứ5 người mù kia nói như vậy có đúng chăng?

Tỳ-tứ đáp: Không đúng, Ca-diếp! Vì sao như vậy? Này Ca-diếp, có màu đen, trắng và cũng thấy màu đen, trắng; có hình thể dài, ngắn và cũng thấy hình thể dài, ngắn; có bóng dáng gần, xa và cũng thấy bóng dáng gan, xa; có sắc thô, te và cũng có thấy sắc thô, tế. Nếu người mù bảo rằng: "Vi ta không thấy không biết chúng nên không có những sắc ấy", người ấy nói không đúng. [0527004] Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: -Này Tỳ-tứ, ông cũng như người mù kia, bởi ông cũng nói như vây: "Này Ca-diếp! Có ai sau khi chết rồi đến nói với ngài: 'Này Sa-môn Cưu-ma-la Ca- diếp, tuổi thọ ở cõi trời rất lâu dài, còn mạng sống trong nhân gian thì ngắn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba Mươi Ba. Một ngày một đêm là như vậy, mà một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng và tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba dài đến một ngàn nm' chng?" Tỳ-tứ nói: Này Sa-môn Ca-diếp, thật sự là không nên, không nên nói như vậy! Vì sao như thế? Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp đã cố tình so sánh tôi giống như người mù! Này Ca-diếp! Nếu biết rằng tôi và người thân của tôi có hạnh lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, rộng rãi, độ lượng, mở lòng thí xả? chu cấp cho những người nghèo khó cô độc, thường thích bố thí, không ham mê của cải, do nhân duyên đó, sau khi qua đời chắc chắn sẽ đi đến cõi lành, sanh lên cối trời, thì này Ca-diếp, ngay bây giờ tôi liền thực hành bố thí, tu các phước thiện, ăn chay và giữ giới, rồi tôi liền dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ chết! Này Ca-diếp, không nên cố tình so sánh tôi giống như người mù! Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đáp: -Này Tỳ-tứ5 hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ, như một Phạm chí có người vợ trẻ vừa mới mang thai và người vợ cả đã có một đứa con trai. Rồi khi ấy, Phạm-chí kia đột ngột qua đời. Sau khi Phạm-chí mất, con trai của bà vợ cả nói với mẹ kế thế này: "Kế mẫu nên biết, từ hôm nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về con, không ai được dự phần vào." Bà mẹ kế đáp: "Ta đang có thai, nếu sanh con trai thì nó phải được chia phần, nếu sanh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn thuộc về cau." Con của bà vợ cả đã ba lần nói với mẹ kế rằng: "Kế mẫu nên biết, từ hôm nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về con, không ai được dự phần vào." Bà mẹ kế cũng trả lời ba lần: "Ta đang có thai, nếu sanh con trai thì nó phải được chia phần, nếu sanh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn thuộc _À _ A " ve cạu. Bấy giờ, người mẹ kế ngu si không thông suốt, không khéo hiểu rõ5 không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống nhưng lại tự hại mình. Ngay tức khắc, bà vào

trong phòng, lấy dao bén mổ bụng mình để xem thử con trai hay con gái. Bà ấy ngu si không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sông mà lại tự hại mình và đứa con trong bụng! Nên biêt, này Tỳ-tứ? ông cũng như vậy, ngu si không

thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà lại nghĩ như thế này: "Này Ca-diếp, nếu biết rằng tôi và người thân của tôi có hạnh lành, tinh tấn, siêng năng không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, rộng rãi, độ lượng, mở lòng thí xả, chu cấp cho những người nghèo khó cô độc, thường thích bố thí, không ham mê của cải, do nhân duyên đó, sau khi qua đời chắc chắn sẽ đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời, thì này Ca-diếp, ngay bây giờ tôi liền thực hành bố thí, tu các phước thiện, ăn chay và giữ giới, rồi tôi liền dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc5 hoặc nhảy xuống giếng, hoặc that cô chét! Này Ca-diêp9 không nên cô tình so sánh tôi giống như người mù!,, Này Tỳ-tứ5 người tinh tấn mà sống lâu thì được phước lớn. Nếu được phước lớn thì sẽ sanh lên cõi trời và sống lâu. Này Tỳ-tứ9 ông hãy như thế mà nhìn nhận đời sau, chúng không giống những gì mắt thường nhìn thay. Này Tỳ-tứ, nếu có vi Sa-môn? Phạm chí nào đoạn tuyệt tham dục, lìa bỏ tham dục, hướng đến lìa bỏ tham dục; đoạn tuyệt sân hận, lìa bỏ sân hận, hướng đến lìa bỏ sân hận; đoạn tuyệt ngu si, lìa bỏ ngu si, hướng đến lìa bỏ ngu si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh, lúc tử, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc tốt, hoặc không tốt, qua lại cõi lành hay cõi dữ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ây đã tạo. Vị ây thây những việc đó đúng như thật. [0527C21] Ty-tứ lại nói: —Tuy Sa~môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn quan niệm như vầy, chủ trương như vầy: "Không có đời sau, không có thần thức tái sanh.” Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ? ông còn lý do nào khác hơn lý do này chăng? Tỳ-tứ đáp: Z r

Đúng như vậy, Ca-diêp? còn có lý do khác nữa! Này Ca-diêp, tôi có người thân lâm bệnh nguy kịch, tôi đến chỗ người bệnh thăm hỏi và an ủi người ấy. Người ấy cũng hỏi han và nhìn tôi. Lúc người ấy qua đời, tôi lại đến thăm hỏi và an ủi người ấy, nhưng người ấy không hỏi han, không nhìn tôi nên tôi cũng không còn trở lại thăm hỏi và an ủi người ây nữa. Này Ca-diêp, vì việc đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có thần thức tái sanh." Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: -Này Tỳ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ, như có người thổi tù và rất giỏi, ở xứ kia chưa từng nghe tiêng tù và, người đó liên đên xứ ây, vào một đêm tôi trời trèo lên núi cao, găng sức thôi tù và. Do chưa từng nghe tiêng tù và nên mọi người ở xứ ây vừa nghe

liền suy nghĩ: “Tiếng gì mà vi diệu, quá kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng đến xem nghe, khiến tâm hân hoan như the?59 Bấy giờ, những người ấy cùng đi đến chỗ người thổi tù và. Đen rồi, họ hỏi: "Đó là tiếng gì mà vi diệu, quá kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng đến xem nghe, khiến cho tâm hân hoan như tha?” Người thổi tù và kia đặt cái tù và xuống đất, bảo với mọi người: "Các vi nên biết, chính đó là tiếng tù và." Lúc đó, những người kia lấy chân đá cái tù và rồi bảo: "Th và, hãy kêu đi! Tù và, hãy kêu di!" Nhimg tù và im lìm, không phát tiếng. Người thổi tù và liên nghĩ: "Những người này quả ngu si, không thông suôt, không hiêu rõ, không có trí tuệ. Vì sao như vậy? Vì muốn tìm âm thanh từ một vật vô tri.” Bấy giờ, người thổi tù và giỏi ấy nhặt nó lên, dùng nước rửa sạch, đưa lên miệng và gắng sức thổi. Khi đó, mọi người nghe xong, liền nghĩ: "Tù và thực kỳ

diệu. Vì sao như vậy? Vì nhờ tay, nhờ nước, nhờ miệng, nhờ hơi người thổi mới phát ra tiêng hay, vang kháp bôn phương.^, Này Tỳ-tứ, cũng vậy, người còn sông mới có thể nói năng và an ủi nhau được. Nếu đã qua đời thì không thể nói năng hoặc an ủi nhau. Này Tỳ-tứ, e r ông r hãy như thê mà r nhìn nhận vê thân thức của chúng sanh, nó không giông như những gì mà mat thường nhìn thây. Này Tỳ-tứ, nếu có vị Sa-môn hay Phạm chí nào đoạn tuyệt tham dục, lìa bỏ tham dục, hướng đến lìa bỏ tham dục; đoạn tuyệt sân hận, lìa bỏ sân hận, hướng đến lìa bỏ sân hận; đoạn tuyệt ngu si, lìa bỏ ngu si, hướng đến lìa bỏ ngu si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh, lúc tử, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc tốt, hoặc không tốt, qua lại cõi lành hay cõi dữ đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ây đã tạo. Vị ây thây những việc đó đúng như thực. [0528a24] Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như the, nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, vẫn chủ trương như the này: "Không có than thức tái sanh." Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: —Này Tỳ-tứ? ông còn lý do gì khác hơn lý do này chăng? Tỳ-tứ đáp: Đúng như vậy, Ca-diếp, còn có lý do khác nữa. Thuộc hạ của tôi bắt một tội nhân, đem đến chỗ tôi, rồi thưa: "Thưa thôn chủ, kẻ này có tội, xin ngài trừng trị." Tôi bảo: "Hãy đem tội nhân này cân sống, cân sống xong vật xuống đất, dùng dây thắt cổ cho chết, chết xong đem cân lại. Ta muốn biết người này lúc nào thì nhẹ cân, mem mại, tươi nhuận, xinh đẹp hơn, là lúc chết hay là lúc song?9 Vi ấy vâng lời tôi, đem tội nhân cân sống xong, lại vật xuống đất, dùng dây that cô chét, giêt xong, đem cân lại thì thây răng, tội nhân ây lúc sông thì nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, xinh đẹp hơn; còn lúc chết thì nặng, cứng, không mềm mại và sắc không tươi nhuận. Này Ca-diếp5 vì lý do đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có thần thức tái sanh." J J

71. KINH TVTỨ 449

[0528b08] Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ, như viên bi sắt hay lưỡi cày sắt được nung đốt cả ngày, bấy giờ vật đó sẽ nhẹ, mềm5 màu sắc tươi nhuận và đẹp hơn. Nếu như lửa tắt, nó dần dần trở nên nguội lạnh rồi trở nên nặng hơn, cứng lại, không mềm và sắc không tươi. Cũng vậy, này Tỳ-tứ, nếu người lúc còn sống thì thân thể nhẹ nhàng mem mại, dung sắc tươi nhuận, xinh đẹp; còn lúc chết thì nặng hơn, cứng lại, không mềm mại và dung sắc không còn tươi nữa. Này Tỳ-tứ, ông hãy như thế mà nhìn nhận về thần thức của chúng sanh, nó không giống như những gì mà mắt thường nhìn thấy. Này Tỳ-tứ? nêu có vị Sa-môn hay Phạm chí nào đoạn tuyệt tham dục, lìa bỏ tham dục, hướng đến lìa bỏ tham dục; đoạn tuyệt sân hận, lìa bỏ sân hận, hướng đen lìa bỏ sân hận; đoạn tuyệt ngu si, lìa bỏ ngu si, hướng đến lìa bỏ ngu si; vi ấy bang thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh, lúc tử, sắc đẹp, sắc xấu, hoặc tốt, hoặc không tốt, qua lại cõi lành hay cõi dữ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vi ấy thấy những việc đó đúng như thật. Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhimg tôi vẫn quan niệm như vầy, vẫn chủ trương như vầy: "Không có thần thức tái sanh." Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: -Này Tỳ-tứ, ông còn lý do nào khác hơn lý do này chăng? Tỳ-tứ đáp: Đúng như vậy, Ca-diêp, còn có lý do khác nữa! Này Ca-diêp, thuộc hạ của tôi bắt một tội nhân, đem đến chỗ tôi và thưa: "Thua thôn chủ, người này có tội, xin ngài hãy trừng trj." Tôi bảo: "Hãy đem tội nhân ấy

bỏ vào nồi sắt hoặc nồi đồng, đậy kín miệng lại rồi đốt lửa dưới nồi. Khi đốt lửa rồi thì hãy quán sát xem thần thức của kẻ ấy lúc nhập vào, xuất ra, qua lại hoặc chuyển vận thế nSo." Vị ây vâng lời tôi, đem tội nhân ây bỏ vào nôi sát hoặc nôi đông, đậy kín miệng lại rồi đốt lửa dưới nồi. Khi đốt lửa rồi, quán sát xem thần thức lúc nhập vào, xuât ra? qua lại hoặc chuyên vận ra sao. Thê nhưng, này Ca-diêp5 tôi làm theo phương cách như vậy nhưng không thấy thần thức xuất ra. Này Ca-diếp, nhân hiện tượng đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có thần thức tái sanh." [0528c04] Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ, nay tôi hỏi ông? ông hiểu thế nào xin trả lời thế ấy! Ý ông nghĩ sao, nếu như ông ăn thức ăn thơm ngon, thịnh soạn rồi lên giường ngủ trưa. Có khi nào trong mơ ông thấy lầu dài, vườn hoa, hồ tắm, rừng cây, hoa trái, dòng suối trong lành chảy quanh và ông thỏa thích vui chơi, qua lại cùng khắp chăng?

Tỳ-tứ đáp -Tôi nhớ rang đã từng có việc như vậy. Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp: -Sau khi ông ăn những thức ăn thơm ngon, thịnh soạn xong, lên giường ngủ trưa, bấy giờ có ai đứng hầu bên cạnh không? Thưa có! Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp: -Sau khi ăn những thức ăn thơm ngon, thịnh soạn xong, ông lên giường ngủ trưa. Lúc ấy, những người hầu túc trực hai bên, họ có thay ông ra vào, qua lại cùng khắp không? Tỳ-tứ đáp: Dù cho có ai khác cũng không thê thây, huông nữa là những người hâu hạ hai bên. Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ5 ông hãy như thế mà nhìn nhận về thần thức của chúng sanh, nó không giống như những gì mà mắt thường nhìn thấy. Này Tỳ-tứ, nếu có vị Sa-môn hay Phạm chí nào đoạn tuyệt tham dục, lìa bỏ tham dục, hướng đen lìa bỏ tham dục; đoạn tuyệt sân hận, lìa bỏ sân hận, hướng đến lìa bỏ sân hận; đoạn tuyệt ngu si, lìa bỏ ngu si, hướng đến lìa bỏ ngu si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh, lúc tử, khi đẹp, khi r r r 9 \ J xâu, hoặc tót hoặc không tót, qua lại cõi lành hay cõi dữ đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy việc đó đúng như thật. Tỳ-tứ lại nói: -Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như vậy, nhưng tôi vẫn quan niệm như vầy, chủ trương như vầy: "Không có thần thức tái sanh." Tôn giả Ca diếp bảo: -Này Tỳ-tứ5 ông còn lý do nào khác hơn lý do này nữa chăng? Tỳ-tứ đáp: Đúng như vậy, Ca-diếp5 còn có lý do khác nữa! Này Ca-diếp, thuộc hạ của tôi bắt một tội nhân, đem đến trước mặt tôi và thưa: "Thua thôn chủ, người này có tội, xin ngài trừng tri." Tôi bảo: "Hãy đem tội nhân này lóc da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương cho đến tận tủy, để tìm thần thức xuất ra." Vị ấy vâng lời tôi, đem tội nhân ra lóc da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương đến tận tủy, để tìm thần thức xuất ra. Này Ca-diếp, tôi đã làm theo cách thức như thế để tìm thần thức xuất ra, nhưng rốt cuộc cũng không thấy thần thức xuất ra. Này Ca-diếp, nhân hiện tượng đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có thần thức tái sanh."

[0529a01] Tôn giả Ca-diếp bảo: -Này Tỳ-tứ, ông hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ? cũng như Phạm chí bện tóc thờ lửa sống gần bên đường. Cách đó không xa có vài người khách buôn tá túc. Bây giờ, khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, những khách buôn ấy vội vã ra di, họ bỏ quên lại một đứa bé. 9 ĩ x *

Lúc đó, Phạm chí bện tóc thờ lửa dậy sớm, đi đến chô các khách buôn đã tạm trú, trông thấy đứa bé đứng một mình, không có chủ nhân. Thấy vậy, vị ấy nghĩ: "Dứa bé này không nơi nương tựa, nêu ta không nuôi thì chác chăn nó sẽ chét." Nghĩ thế rồi, Phạm chí liền đem về nuôi dưỡng. Đứa bé lớn dần, thân thể khỏe mạnh. Có lần, Phạm chí bện tóc thờ lửa có việc phải đi đến nơi khác. Trước khi đi, Phạm chí bện tóc thờ lửa bảo đứa bé ấy rằng: "Ta bận chút việc, phải đi đến nơi khác một lúc, con phải giữ lửa cân thận chớ đê lửa tát mát. Nêu lửa tát, con hãy dùng cái cây đánh lửa13 này mà nhen lại." Bấy giờ, Phạm chí bện tóc thờ lửa căn dặn đứa trẻ xong liền ra đi, nhimg đứa bé lại ra ngoài rong choi, để lửa tắt mất. Khi trở về, đứa trẻ muốn nhen lửa, liên câm cái cây đánh lửa ném xuông đát roi bảo: "Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy ỉênỉ"\ nhưng rốt cuộc lửa không cháy. Nó lại đặt cây đánh lửa lên phiến đá, ra sức đánh và kêu lên: "Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!5\ nhưng lửa vẫn không cháy. Lửa không cháy, nó liền chẻ cây đánh lửa ấy ra làm mười mảnh, trăm mảnh rồi vứt di, ngồi bệt xuống đất, sầu não, than thở: "Không tìm được lửa, phải làm sao dây?" Bấy giờ, Phạm chí bện tóc thờ lửa đã làm xong công việc ở nơi khác, liền trở ve lại. Ve đen nơi, ông hỏi đứa bé: "Con không vui chơi, chỉ lo chăm sóc ngọn lửa và không để nó tắt chứ?" Đứa bé trả lời: "Thua Tôn giả, con ra ngoài chơi nên ngọn lửa đã bị tăt. Khi trở vê, con muôn nhen lửa, liên câm cây đánh lửa ném xuồng đát roi bảo: 'Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!\ nhưng cuôi cùng lửa vẫn không cháy. Con lại đặt cái cây đánh lửa lên phiến dá, ra sức đánh và bảo: 'Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!\ nhưng roi lửa vân không cháy. Lửa không cháy, con liền chẻ cây đánh lửa ấy ra làm mười mảnh, trăm mảnh vứt đi rồi ngồi bệt xuống đất. Thưa Tôn giả, con đã làm như thế mà không có lửa, nên không biết phải làm sao." Lúc đó9 Phạm chí bện tóc thờ lửa nghĩ rằng: "Cậu bé này quá ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ. Vì sao như thế? Vì đã nghĩ ra cách lấy lửa như vậy từ cái cây đánh lửa vô tri?9 Rồi thì, Phạm chí bện tóc thờ lửa liền lấy cây đánh lửa và vật mồi lửa đặt xuống đất mà cọ xát, tức thì lửa bật cháy bùng lên. Ông bảo cậu bé rằng: "Này con, cách thức lấy lửa phải như vậy, chớ không phải như con ngu si, không thông suốt, không có trí tuệ, từ cái cây đánh lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như con đã lm." Nên biết, Tỳ-tứ cũng

13 Nguyên tác: Hỏa toản Công cụ dùng để nhóm lửa .

giống như vậy, ngu si, không thông suốt, không khéo hiểu biết, không có trí tuệ, đôi với thân thê đã chét như vật vô tri mà lóc da, xẻ thịt cho đên tận xương tủy để tìm thần thức xuất ra. Này Tỳ-tứ, ông hãy như thê mà nhìn nhận vê thân thức của chúng sanh, nó không giống những gì mắt thường nhìn thấy. Này Tỳ-tứ, nếu có vi Sa-môn hay Phạm chí nào đoạn tuyệt tham dục, lìa bỏ tham dục, hướng đen lìa bỏ tham dục; đoạn tuyệt sân hận5 lìa bỏ sân hận, hướng đến lìa bỏ sân hận; đoạn tuyệt ngu si, lìa bỏ ngu si, hướng đến lìa bỏ ngu si; vị ấy bằng thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn người thường, thây chúng sanh lúc sanh, lúc tử, khi đẹp, khi xâu, hoặc tót hoặc không tót, qua lại cõi lành hay cõi dữ đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ây đã tạo. Vị ấy thấy việc đó đúng như thật. [0529bl2] Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diêp nói như vậy, nhimg tôi

vân muôn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không bỏ. Vì sao như vậy? Bởi vì, nếu có những người ở nơi khác nghe được, liền bảo rằng: "Thôn chủ Tỳ-tứ có quan niệm ấy, đã tuân giữ từ lâu, nay bị Sa- môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã dứt b6." Này Ca-diếp? vì thế, tôi vẫn muôn giữ quan niệm nay, vân muôn giữ sự san hạn, sợ hãi, ngu si nay cho đen chết van không thể bỏ. Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diêp bảo: -Này Tỳ-tứ5 ông hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí nghe ví dụ thì hiểu ý nghĩa. Này Tỳ-tứ, có hai người bạn rời nhà đi tìm kế sinh nhai. Trên đường đi, họ thấy có nhiều cây gai vô chủ. Một người thấy rồi, liền bảo bạn: "Bạn nên biết, ở đây có rất nhiều cây gai vô chủ, tôi muốn bạn cùng lấy, bó lại rồi gánh đi, khi quay về có cái để dùng.^, Hai người liền lấy gai bó lại rồi gánh đi. Trên đường đi, họ lại thấy rất nhiều tơ lụa kiếp-bối, áo kiếp-bối vô chủ, rồi lại thấy rất nhiều bạc cũng vô chủ. Thấy xong, chỉ có một người vứt bỏ gánh gai, lay bạc gói lại gánh đi. Trên đường đi, họ lại thấy nhiều đống vàng cũng vô chủ. Bấy giờ, người gánh bạc bàn với người gánh gai: "Bạn nên biết, ở đây có quá nhiều vàng mà không có chil, bạn nên vứt bỏ gánh gai đi, còn tôi thì vứt bỏ gánh bạc. Tôi muốn cùng với bạn lấy vàng này rồi gánh trở về, có thể dùng trong nhiều việc.^, Người gánh gai bảo người gánh bạc: "Gánh gai này tôi đã sắp xếp gọn gàng, bó lại chắc chắn, từ xa gánh tới đây. Tôi không thể bỏ được, bạn nên tự liệu, đừng lo cho t6i." Khi ấy, người gánh bạc nắm lấy gánh gai quăng xuống đất, rồi xổ tung ra. Người gánh gai bảo người gánh bạc: “Bạn đừng xổ tung gánh gai của tôi như vậy, tôi đã mất công bó lại chắc chắn, gánh từ xa đến đây, nên tôi dứt khoát phải gánh những bó gai này về, không thể bỏ được! Bạn hãy tự liệu, chớ lo cho tôi.

71.KINHTỲ-TỨ^ 453

[0529c06] Thế là, người gánh bạc liền bỏ gánh bạc, lấy vàng gánh về. Khi người gánh vàng trở về nhà, từ xa cha mẹ trông thấy con gánh vàng về, liền khen: "Lành thay, con ngoan! Hãy đến đây, con ngoan! Con nhờ vàng này sẽ sống sung túc, phụng dưỡng cha mẹ, chu cấp cho vợ con, tớ gái và kẻ sai bảo, lại có the cúng dường cho các vị Sa-môn, Phạm chí, tạo thêm nhiều phước, được thiện quả thiện báo, sanh vào cõi trời, thọ mạng dài 12u!” Còn người gánh gai khi trở về nhà, từ xa cha mẹ trông thấy con gánh gai về, liền mắng: "Ngươi là kẻ có tội trở về, là kẻ vô đức trở về. Với bo gai này, ngươi không thể song đủ? không thể phụng dưỡng cha mẹ, không thể chu cấp cho vợ con, tớ gái và kẻ sai bảo, lại cũng không thể cúng dường cho Sa-môn và các Phạm chí, không thể tạo thêm nhiều phước, không được thiện quả thiện báo, không thể sanh vào cõi trời để có thọ mạng dài lâu." Nên biết, này Tỳ-tứ5 ông cũng như thế. Nếu ông vẫn muốn giữ quan niệm này, vân muôn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đên chét không buông bỏ thì ông sẽ thọ lãnh vô lượng điều dữ, lại bị mọi người ghét bỏ. Tỳ-tứ lại nói rằng: -Tuy Sa-môn Ca-diếp đã nói như thế, nhưng tôi vẫn muốn giữ quan niệm này, vân muôn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đên chét vân không buông bỏ. Vì sao như vậy? Vì nếu những người ở nơi khác nghe được, liền bảo: "Thôn chủ Tỳ-tứ đã tuân giữ một quan niệm từ lâu5 nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sưa sai nen đã dứt bo. Nay Ca-diep, toi van muôn giữ quan niêm nay, van muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không buông bỏ. Tôn giả Ca-diếp lại bảo: -Này Tỳ-tứ, ông hãy nghe tôi nói ví

dụ? người trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ, như có đoàn khách buôn rất đông cùng với một ngàn cỗ xe phải đi qua con đường nguy hiểm. Trong đoàn khách buôn ấy, có hai người chủ đoàn. Hai người ấy suy nghĩ: "Chúng ta làm sao thoát khỏi hiểm nạn này?" Họ lại nghĩ: “Đoàn của chúng ta nên chia ra hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm người.9, Thế rồi, đoàn khách buôn liền chia thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm người. Người chủ đoàn thứ nhất dẫn năm trăm cỗ xe, tiến vào con đường nguy hiểm. Người chủ đoàn ấy đi trước dẫn đường, bỗng thấy một người từ bên đường đi ra9 quân áo ướt sũng, thân đen đâu vàng, đôi măt đỏ rực, đeo tràng hoa thơm, cưỡi xe lừa với hai bánh đầy bùn. Người chủ đoàn trông thấy liền hỏi: "Trên con đường nguy hiểm này trời có mưa chăng? Có nước sạch, củi và cỏ chng?” Người kia đáp: "Trên con đường nguy hiêm này trời mưa lớn, có nhiêu nước sạch và nhiều củi, cỏ. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và co tốt/9 J J

[0530a08] Chủ đoàn ấy nghe xong, liền trở lại thuật với đoàn của mình rằng: -Ta đi trước, thấy một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đầu vàng, đôi mắt đỏ rực, mang tràng hoa thơm, cưỡi xe lừa với hai bánh đầy bùn. Ta hỏi người ấy: "Trên con đường nguy hiểm này trời có mưa, có nước sạch, củi và cỏ chng?" Người ấy đáp: "Trên con đường nguy hiểm này trời mưa lớn, có nhiều nước sạch, củi và cỏ tốt. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi? chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước sạch, củi và cỏ t6t." Do đó? này các bạn, chúng ta hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ đi. Như vậy không bao lâu nữa chúng ta sẽ có nước sạch, củi và cỏ, chớ để nặng xe. Thế rồi5 đoàn khách buôn ấy liền vứt bỏ nước, củi và cỏ. Đi một ngày đường, họ vẫn không thấy có nước sạch, củi và cỏ. Đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, họ vẫn không kiếm được nước sạch, củi và cỏ. Sau bảy ngày, đoàn khách buôn ấy bị quỷ ăn thịt người giết hại. Còn người chủ đoàn thứ hai suy nghĩ: "Chủ đoàn trước chắc đã qua khỏi tai nạn nguy hiểm, chúng ta phải dùng phương cách nào để thoát nạn?" Nghĩ xong, vị ấy cho năm trăm cỗ xe cùng tiến vào con đường nguy hiểm. Cũng đi trước dẫn đường, vị chủ đoàn thứ hai thấy có một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đầu vàng, đôi mắt đỏ rực, mang tràng hoa thơm, cưỡi xe lừa, hai bánh đầy bùn. Người chủ đoàn thứ hai trông thấy, liền hỏi: Trên con đường nguy hiểm này trời có mưa chăng? Có nước sạch, củi và cỏ chăng? Người lạ đáp: Trên con đường nguy hiểm này trời mưa rất lớn, có thật nhiều nước sạch, củi và cỏ tốt. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước sạch, củi và cỏ tốt. [0530b02] Người chủ đoàn thứ hai nghe xong, trở lại thuật với đoàn của mình răng: Ta đi phía trước, thấy có một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen đâu vàng, đôi măt đỏ rực, mang tràng hoa thơm, cưỡi xe lừa với hai bánh đay bùn. Ta hỏi: "Trên con đuờng nguy hiểm này, trời có mưa không? Có nước sạch, củi và cỏ không?59 Người ây đáp: "Trên con đường nguy hiêm này, trời thường mưa lớn, có nhiều nước sạch, cũng có rất nhiều củi và cỏ. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ lây được nước trong, củi và cỏ tót?5 Nhirng này các bạn, chúng ta chưa

thê vứt bỏ nước, củi và cỏ được. Nếu như lấy được nước, củi và cỏ mới thì sau đó chúng ta mới vứt bỏ. Đoàn khách buôn ấy không vứt bỏ nước, củi và cỏ. Họ đi một ngày đường, không lây được nước, củi và cỏ mới. Họ đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày

vẫn không lấy được nước, củi và cỏ mới. Lúc người chủ đoàn thứ hai đi trước, trông thấy nơi mà người chủ đoàn thứ nhất và đoàn khách buôn đi trước đã bị quỷ ăn thịt người sát hại, thấy rồi, chủ đoàn bảo mọi người: "Này các bạn, các bạn hãy xem người chủ đoàn thứ nhất ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, đã tự hại mình lại còn hại chết cả mọi người. Các bạn, nếu muốn lấy hàng hóa của những khách buôn đoàn trước thì tự nhiên mà lấy.” Này Tỳ-tứ? nên biết rằng, ông cũng lại như thế. Nếu ông vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không buông bỏ thì ông sẽ chịu vô số điều dữ, lại bi mọi người ghét bỏ, cũng giống như người chủ đoàn thứ nhất và các khách buôn trong đoàn thứ nhất vậy. Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không buông bỏ. Vì sao như vậy? Nếu những người ở nơi khác nghe được, liền bảo: "Thôn chủ Tỳ-tứ có một quan niệm đã tuân giữ từ lâu, nay bi Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã dứt b6." Này Ca-diếp, vì thế tôi vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không buông bỏ. FT1 A *9 _r 1 • Ạ -í 9 Ton giả Ca-diêp bao: Này Tỳ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ? người trí nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Tỳ-tứ, như hai người cùng chơi xúc xắc. Người thứ nhất hay lén trộm con xúc xắc mà ngậm, ngậm một lần, hai, ba lần cho đến nhiều lần. Người thứ hai liền nghĩ: "Ta cùng chơi với nó, nó luôn gạt mình, lén trộm con xúc xắc mà ngậm, một, hai, ba hoặc đến nhiều lần." Nghĩ thế rồi, người ấy nói với bạn: "Hôm nay tôi muốn nghỉ, hôm sau sẽ chơi tiếp.” Bấy giờ, người thứ hai rời khỏi nơi ấy, dùng thuốc độc tẩm vào con xúc xắc rồi rủ bạn trở lại cùng chơi. Người thứ nhất lại lén trộm con xúc xắc mà ngậm, một lần, hai, ba lần hoặc đến nhiều lần, ngậm xong liền trợn mắt, sùi bọt mép, gân chét. Bây giờ, người thứ hai quay sang người thứ nhát đọc bài tụng: Xúc xác này tâm độc, Ngươi do tham không biêt, Lén ngậm, coi thường ta, Sau phải mang họa kho.14 [0530cll] Nên biết, này Tỳ-tứ, ông cũng lại như thế, nếu ông vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không bỏ thì ông sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người ghét bỏ, cũng giống như người chơi kia, vì con xúc xắc mà lừa gạt người nên phải mang họa.

14 về nội dung câu chuyện bị hạ độc khi chơi bi, xem thêm D. 23 và DĀ.J. Câu chuyện ngâm con xúc xắc còn được ghi nhận trong Jataka số 91 với một vài khác biêt về chi tiết, về lịch sự, nguồn gốc chơi xúc xắc đã có mặt trông kinh điển Vệyđà (Rig vèda 10.34). Tống hợp những điêu giống nhau giữa các nguồn tư liệu, câu chuyện được tóm tắt: Hai kẻ cùng chơi xúc xăc. Mỗi khi thắng, kẻ đó thường ngậm xúc xắc dể gay xụi xẻo cho người choi tiếp, theo. K? thua kia lập mưu bôi độc vao xúc xắc. The la dù được thắng xúc xắc nhưng sinh mạng kẻ thắng đó lại gặp nguy nan.

Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đen chết vẫn không bỏ. Vì sao như vậy? Vì nếu người ở nơi khác nghe được liền bảo: "Thôn chủ Tỳ-tứ có một quan niệm đã tuân giữ từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục sửa sai nên đã dứt b6." Này Ca-diếp, vì thế tôi vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không bỏ. Tôn giả Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ9 người trí nghe ví dụ thì hiểu ý nghĩa. Này Tỳ-tứ5 như người nuôi heo, lúc đang đi trên đường thấy có nhiều phân khô vô chủ, liền nghĩ: 'Thân này có thể giúp cho nhiều con heo của ta no đủ5 ta nên gom lại mang vX" Người ấy liền đội phân mà đi. Giữa đường gặp trời mưa lớn, nước phân rỉ ra, chảy xuống vấy bẩn khắp thân, nhưng người ấy vẫn đội đi không chịu vứt bỏ. Người ấy phải chịu nhiều dơ bẩn, lại bị mọi người khinh ghét. Này Tỳ-tứ? hãy nên biết rằng, ông cũng như thế. Nếu ông vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không bỏ thì ông sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người khinh ghét, cũng như người nuôi heo kia. Tỳ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế, nhưng tôi vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không bỏ. Vì sao như vậy? Nêu những người ở nơi khác nghe được, sẽ bảo rằng: "Thôn chủ Tỳ- tứ có một quan niệm đã tuân giữ từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã dứt b6.” Này Ca-diếp, vì thế tôi vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không muốn bỏ. Ton gia Ca-diep bảo: Này Tỳ-tứ5 ông hãy nghe tôi nói ví dụ cuối cùng! Nếu ông hiểu thì tốt, nếu không hiểu thì tôi cũng không thuyết pháp nữa. Này Tỳ-tứ? như có con heo lớn làm thủ lãnh, dẫn đoàn heo năm trăm con đi vào con đường nguy hiểm. Giữa đường gặp một con cọp. Khi trông thấy cọp? heo liền nghĩ: "Nếu ta đấu với cọp thì nó sẽ giết chết ta. Nếu ta sợ bỏ chạy thì thân tộc sẽ khinh ta, không biết phải dùng phương cách nào để thoát nạn dây?" Nghĩ xong, nó bảo cọp: "Nếu muốn đấu thì hãy đấu, nếu không đấu thì hãy tránh đường để ta qua." Cọp nghe xong liền bảo heo: "Ta chấp nhận đấu với ngươi, chớ không tránh đường cho ngươi?9 Heo lại nói: "Này cọp, ngươi hãy đợi chốc lát, để ta mặc áo giáp của tổ phụ xong rồi sẽ trở lại giao đấu với ngươi.Cọp nghe vậy, liền nghĩ: “N6 chẳng phải địch thủ của ta, huống gì áo giáp của tổ phụ no." Nghĩ xong, bảo heo: "Tíiy ý ngươi muốn.55

71. KINH TỲ-TỨ 457

Heo liền trở về chuồng, lăn lộn trong đống phân, làm cho phân lấm bẩn đến tận mắt, rồi trở lại chỗ cọp, nói rằng: "Ngươi muốn đấu thì hãy dấu, nếu không muốn đấu thì hãy tránh đường cho ta qua." Sau khi thấy heo, cọp nghĩ: “Ta thường không ăn sâu bọ tạp nhạp vì quý trọnệ hàm răng, huống gì lại phải đến gân con heo hôi hám này/9 Cọp nghĩ xong liên bảo heo: "Ta tránh đường cho ngươi, không đấu với ngươi nữa.^, Heo qua được rồi, quay lại hướng về cọp nói kệ: Này cọp, ngươi bốn chân, Ta cũng có bốn chân, Hãy đên đâu với ta, Sợ gì mà bỏ chạy. r y Bây giờ, cọp nghe xong, lại nói kệ trả lời heo răng: Ngươi, lông mọc như rừng, Hèn nhất trong loài vật, Này heo, hãy cút mau, Phân thối sao chịu nổi? Lúc ấy, heo lại huênh hoang, nói kệ rằng: Nước Ma-kiệt? Ương-già,15 Nghe ta đấu với ngươi, Hãy đến cùng chiến đấu, Sợ gì mà chạy mau?

[0531b02] Cọp nghe vậy, lại nói kệ: Toàn thân lông dơ dáy, Ngươi làm ta thối lây, Ngươi đâu vì muôn thăng, Ta nhường thắng cho ngươi. Tôn giả Ca-diếp lại bảo: Này Tỳ-tứ, tôi cũng như thế. Nếu ông vẫn muốn giữ quan niệm này, vẫn muốn giữ sự sân hận, sợ hãi, ngu si này cho đến chết vẫn không bỏ thì ông sẽ chịu vô số điều dữ, lại bi mọi người khinh ghét, cũng giống như cọp nhường cho heo thắng vậy. Tỳ-tứ nghe xong, thưa: -Thưa Tôn giả, ngay từ đầu, ngài vừa nói ví dụ về mặt trời và mặt trăng, lúc đó nghe xong tôi hiểu ngay và hoan hỷ thọ trì. Tuy nhiên, tôi muốn được nghe những lời biện giải với trí tuệ càng lúc càng cao siêu của Tôn giả Cưu-ma-la Cadiếp, nên tôi mới hỏi nhiều lần như vậy. Hôm nay, tôi xin quy y với Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp. Tôn giả Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ, ông chớ quy y tôi. Tôi đã quy y Phật, ông cũng nên quy y với đức Phật. Tỳ-tứ thưa: Thưa Tôn giả, hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, mong Tôn giả thay Phật nhận con làm ưu-bà-tắc9 từ hôm nay con nguyện quy y cho đến lúc qua đời! Thưa Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp, bắt đầu từ hôm nay, con sẽ thực hành bố thí, tu phước!

15 Hai quốc gia vào thời đức Phật, Ma-kiệt-đà (Magadha) và Ương-già (Añga), cách nhau bởi con sông Campā.

Tôn giả Ca-diếp hỏi: Này Tỳ-tứ9 ông muốn thực hành bố thí, tu phước thì sẽ bố thí cho bao nhiêu người, trong thời gian bao lâu? Tỳ-tứ đáp: Con sẽ bố thí cho một trăm người hoặc đến một ngàn người, từ một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Tôn giả Ca-diếp bảo: -Nếu ông thực hành bố thí tu phước, bố thí cho một trăm người, hoặc đến một ngàn người, từ một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày thì các Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi đều nghe rằng: "Tỳ-tứ đã tuân giữ một quan niệm lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã dứt b6"; các vị ấy nghe xong sẽ từ phương xa đến, nội trong bảy ngày không đủ thời gian để ông bố thí. Nếu có ai không nhận được phẩm vật do ông bố thí thì ông không được phước, không được an lạc lâu dài. Này Tỳ-tứ? như hạt giống không nát, không hu, không nứt5 không bể, không bị hư tổn bởi gió, bởi nắng, bởi nước, được cất giữ chu đáo vào tiết thu, nêu cư sĩ kia cày sâu, ruộng tót, đất đã làm xong, gieo giông đúng vụ mùa, nhưng mưa không kịp lúc, ý ông nghĩ sao? Hạt giống kia có sanh trưởng được chăng? -Thưa không! [0531c01] Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp bảo: Này Tỳ-tứ? ông cũng như thế. Nếu ông thực hành bố thí tu phước, bố thí cho một trăm người hoặc một ngàn người, từ một ngày cho đến bảy ngày thì những Sa-môn9 Phạm chí ở các phương xa đều nghe rằng: C6Tỳ-tứ đã tuân giữ một quan niệm lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã dứt b6.” Các vị ấy nghe xong đều sẽ từ phương xa đến, nội trong bảy ngày thì không đủ thời gian đe ông bo thí. Nêu có vị nào không nhận được vật phẩm do ông bố thí thì ông không được phước, không được an lạc lâu dài. Tỳ-tứ lại hỏi: -Thưa Tôn giả, vậy con phải làm thế nào? Tôn giả Ca-diếp đáp: —Này Tỳ-tứ5 nếu ông thực hành bố thí, tu phước thì phải thực hiện lâu bền.16 Nêu thực hành bô thí, tu phước lâu bên thì các vị Sa-môn5 Phạm chí ở khắp nơi đều nghe rằng: "Thôn chủ Tỳ-tứ đã tuân giữ một quan niệm từ lâu, nay được Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã dứt bo." Nghe xong, những người từ các phương xa

đến đều có thể được ông bố thí nên ông có phước, được an lạc lâu dài. Này Tỳ-tứ, cũng như hạt giống không nát, không hư, không nứt, không bê, không bị hư tổn bởi gió, bởi nắng, bởi nước, được cất giữ chu đáo vào tiết

16 Nguyên tác: Thường cung trường trai chỉ cho lễ hội bố thí kéo dài trong một thời gian lâu, không phải ăn chay trương.

thu, nếu cư sĩ kia cày sâu, ruộng tốt, đất đã làm xong, gieo giống đúng vụ mùa, kịp lúc có mưa, ý ông nghĩ sao? Hạt giống kia có thể sanh trưởng được chăng? Thưa, sinh trưởng được! Tôn giả Ca-diếp lại bảo: - Này Tỳ-tứ, ông cũng như vậy. Nếu thực hành bố thí, tu phước lâu bền thì các Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi đều nghe rằng: "Thôn chủ Tỳ-tứ đã tuân giữ một quan niệm lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã dứt bỏ/5 Nghe xong, những người từ các phương xa đến đều có thể được ông bố thí nên ông được phước, được hưởng an lạc lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-tứ thưa: Con từ nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước và thực hiện lâu bền. Lúc đó, Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp cho Tỳ-tứ và các Phạm chí, cư sĩ ở xứ Tư-hòa-đề? mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.17 Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ9 khiến cho những vị ấy hoan hỷ rồi, Tôn giả an trú tĩnh lặng. Bây giờ? sau khi được Tôn giả Ca-diêp thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ rồi, Tỳ-tứ và các Phạm-chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân Tôn giả, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. [0532a04] Thôn chủ Tỳ-tứ tuy thực hành bố thí, tu phước nhưng vật bố thí thì quá tệ, như canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng, lại dùng áo gai thô xấu để bố thí. Bấy giờ, người coi sóc nhà bếp tên là Ưu-đa-la,18 trong lúc thôn chủ đang bố thí tu phước, liền thưa chư vị Thượng tọa chú nguyện cho thôn chủ thế này: “Nấu hội bố thí này có phước báu gì5 chớ để thôn chủ Tỳ-tứ thọ hưởng ở đời này và trong đời sau." Tỳ-tứ nghe Ưu-đa-la9 lúc ông đang bố thí tu phước thì lại xin chư vi Thượng tọa chú nguyện rằng: "Nếu hội bố thí này có phước báu gi, chớ để cho thôn chủ Tỳ-tứ thọ hưởng ở đời này và trong đời sau." Nghe vậy, Tỳ-tứ liền gọi Ưu-đa-la đen hỏi: Này ưu-đa-la, lúc ta đang bố thí tu phước, ngươi lại thưa chư vị Thượng tọa chú nguyện cho ta rằng: "Hội bố thí này nếu có phước báu gì, chớ để cho thôn chủ Tỳ-tứ thọ hưởng ở đời này và trong đời sau." Có thật như vậy chăng? Ưu-đa-la đáp: - Đúng vậy, thưa thon chủ! Vì sao ư? Vì thôn chủ tuy bố thí, tu phước nhưng vật thực quá tệ, bố thí canh thì dùng đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng. Thưa thôn chủ, thức ăn ấy không đáng đưa tay ra cầm, huống hồ là để ăn! Thôn chủ còn bố thí áo gai xấu, thưa thôn chủ, áo ấy không đáng dùng để lót

17 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kmh số 9, tr. 48. 18 Ưu-đa-la ,Uttara.

chân, huống hồ dùng để mặc! Con kính thôn chủ, nhưng không trọng sự bố thí ấy. Do vậy, thưa thôn chủ, con không mong thôn chủ được hưởng phước báu từ sự bố thí tệ mạt này. Tỳ-tứ nghe xong, liền bảo: Này Ưu-đa-la5 từ nay ngươi bắt đầu đem thức ăn

như ta đã ăn mà bố thí, đem áo như áo ta đã mặc mà bố thí. Từ đó về sau, Ưu-đa-la đem thức ăn giống như thức ăn của thôn chủ mà bố thí, đem áo giống như áo thôn chủ mặc mà bố thí. Bấy giờ, nhờ coi sóc việc bố thí cho thôn chủ Tỳ-tứ nên sau khi qua đời, Ưu-đa-la sanh vào trong cõi Tứ Thiên Vương. Còn Tỳ-tứ vì không thành tâm bố thí nên sau khi qua đời sanh vào cung điện Trống Không19 giữa khu rừng Nhung20 thấp bé. Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế21 có vài lần du hành ngang qua cung điện trống không giữa khu rừng Nhung ấy. Từ xa trông thấy Tỳ-tứ? Tôn giả Kiều-diệm- bát-đế liền hỏi: - Ông là ai? Tỳ-tứ đáp: Thưa Tôn giả Kiêu-diệm-bát-đê, ngài có nghe trong châu Diêm-phù có thôn chủ xứ Tư-hòa-đề, tên là Tỳ-tứ chăng? Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế đáp: Tôi có nghe trong châu Diêm-phù? ở xứ Tư-hòa-đề có thôn chủ tên Tỳ-tứ. [0532b01]Tỳ-tứ noi: Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế, con chính là thôn chủ ấy, vốn tên Tỳ-tứ. Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế lại hỏi: Này Tỳ-tứ, ông đã có quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có thần thức tái sanh", thế thì do đâu mà ông lại sanh vào dây, trú trong cung điện trống không giữa khu rừng Nhung thấp bé ở cối Tứ Thiên Vương này? Tỳ-tứ lại thưa: Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế 5 con vốn có quan niệm ấy, nhưng được Sa-môn Cưu-ma-la Ca-diếp hàng phục nên con đã sửa sai, đã dứt bỏ. Nếu Tôn giả Kiêu-diệm-bát-đê có xuông châu Diêm-phù thì xin báo cùng khắp mọi người ở châu Diêm-phù biết rằng, nếu có bố thí, tu phước thì hãy thành tâm bố

19 Nguyên tác: Không cung điện .Theo D. 23, đây là cung điện trong cõi Tứ Đại Thiên Vương Catumahārāj ikadeva. 2Ọ Nguyên tác: Nhung thọ lâm .Theo D. 23, đây là cây serīsakaṃ còn được viết là sirīsa, là một loài cây có hương thơm như chiên-đàn. Trong DÃ. l gọi là cây thi-lợi-sa ,là cội cây mà đức Phật Câu-lưu-tôn thiền tọa và thành Phật. 21 Kiều-diệm-bát-đế ,Gavampati còn gọi Kiều-phạm-ba-đề, một vị A-la-hán thường ở cung trời Đao-lại để tu tập thiền định. J

thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, dốc hết lòng tin mà bố thí, biết có nghiệp, CÓ nghiệp báo bô thí, vì sao như vậy? Vì con không muôn một ai thọ hưởng phước báu bố thí như thôn chủ Tỳ-tứ xứ Tư-hòa-đề nữa. Vì thoai chủ Tỳ-tứ bố thí nhưng không thành tâm nên chỉ được sanh vào cung điện trống không giữa khu rừng Nhung thấp bé ở cõi Tứ Thiên Vương. Bấy giờ Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế im lặng nhận lời. Sau đó, Tôn giả Kiều- diệm-bát-đế xuống châu Diêm-phù, truyền dạy cùng khắp cho mọi người ở châu piêm-phù biết rằng phải thanh tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, dốc hết lòng tin mà bố thí, biết có nghiệp, có nghiệp báo bố thí, vì sao như vậy? Vì không muốn cho ai thọ hưởng phước báu bố thí như thôn chủ Tỳ-tứ xứ Tư-hòa-đề nữa. Thôn chủ Tỳ-tứ tuy bố thí nhưng không thành tâm bố thí nên chỉ được sanh vào cung điện trống không giữa khu rừng Nhung thấp bé ở cõi Tứ Thiên Vương. Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp thuyết giảng như vậy, thôn chủ Tỳ-tứ và các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.22

22 Bản Hán, hết quyển 16.

PHẨM 7: VUA TRƯỜNG THỌ1 (Gom 15 kinh. thuộc ngày tụng thứ hai, tại thành Tiểu Tho)

Kệ tóm tắt:
Trường Thọ thiên, Bát niệm
Tinh bất dỉ động đạo ủc-giả-chỉ-la thuyết
Sa-kê, Tam tộc tánh
Phạm thiên nghỉnh thỉnh Phật
Thăng thiên, Ca-hy-na
Niệm thân, Chi-ly-di
Thượng tôn Trưởng lão miên
Vô thích cập Chân nhân
Thuyết xứ toi tại hậu.2

1 Quyển 17. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:j;•g;,;; l ;.Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Câu-xá-di?2 ngụ trong vườn Cù-sư-la.3 Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di nhiều lần tranh cãi với nhau, nên Thế Tôn khuyên bảo: -Này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ tranh cãi với nhau. Vì sao như thế? Lấy tranh dứt đấu tranh, Rốt cuộc không thể thành, Nhẫn nhục dừng tranh đấu, Pháp này tôn quý thay! Vì sao như thê? Vì ở thời quá khứ xa xưa có hai vi vua thường gây chiên với nhau, là vua nước Câu-sa-la tên Trường Thọ4 và vua thứ hai ở nước Gia-xá tên là Phạm-ma-đạt-đa.5 Có lần? vua nước Gia-xá là Phạm-ma-đạt-đa tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, Vua Phạm-ma-đạt-đa đích thân dẫn quân gây chiến với Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia- xá vừa tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, Vua Phạm-ma-đạt-đa đang kéo quân đến muốn giao chiến với mình. Thế là, Vua Trường Thọ cũng lập tức tập hợp bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đích thân kéo quân đến tận biên giới, dàn trận giao chiến và đánh tan quân địch. r __ -r Bây giờ, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la không những bát trọn bôn loại quân của Vua Phạm-ma-đạt-đa gôm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ, mà còn bát sông được Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Sau khi băt được roi, Vua Trường Thọ liên phóng thích và bảo Vua Phạm-ma-đạt-đa: "Ong là kẻ bại trận cùng đường, nay ta tha cho, sau này chớ gây chiến nữa.”

1 Nguyên tác: Trường Thọ vương bổn khởi kỉnh r.Ol. 0026.72. 0532c09. Tham chiếu: T.T02. 0125.24.8. 0626b 11; M. 128, Upakkilesā Sutta Kinh tùy phiền não; Mv. 10.238-44; J. 111.371,428. 2 Câu-xá-di JKosambī còn gọi Câu-diệm-di một trong 16 nước lớn thời Phật, thủ phủ là Vamsa j ở phía Bác Kosaia. 3

Nguyên tác: Cù-sư-la viên Ghositārāma, khụ vườn này của trưởng giả Cù-sư-la Ghosita, sau khi quy y Phật đã cúng dường vườn rừng của mình để kiến lập tinh xá, nên có tên như vạy. 4 Trường Thọ .Mv. 10 ghi là Dīghīti. 5 Phạm-ma-đạt-đa Brahmadatta.

[0533a01] Thế nhưng, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá lại ba lần nữa tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, vua đích thân kéo quân đến gây chiến. Vua Trường Thọ nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa lại tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Sau khi tập hợp bốn loại quân xong, đang kéo đến gây chiến với mình. Nghe tin như vậy, Vua Trường Thọ liền suy nghĩ: “Ta đã đánh bại chúng thì cần gì đánh nữa? Ta đã hàng phục chúng thì chúng đâu còn sức để hàng phục ta? Ta đã tàn hại chúng thì cần gì tàn hại nữa? Chỉ cần một cây cung không6 nhưng ta vẫn đủ sức đe hàng phục chúng!” Vua suy nghĩ như vậy5 nên an nhiên không tập hợp bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ nữa, cũng không tự kéo quân nghinh chiến. Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá dẫn quân đánh phá, bắt trọn bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ của Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Bấy giờ, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá đã đánh phá, bắt trọn bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ của mình, liên suy nghĩ: "Chiên tranh thật là kỳ quái! Chiên tranh thật là tàn ác! Vì sao như vậy? Vì kẻ chiến thắng sẽ bị chiến thắng lại, kẻ chinh phục sẽ bi chinh phục lại, kẻ tàn hại sẽ bị tàn hại lại. Vậy nay ta nên một mình dẫn theo phu nhân, cùng ngoi trên một cỗ xe roi chạy đen nước Ba-la- nại.^, Ngay lúc đó, chỉ một mình vua dẫn theo phu nhân, cùng ngoi trên một cỗ xe rồi chạy đến nước Ba-la-nại. Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la lại suy nghĩ: “Nay ta hãy nên đi từ thôn này qua thôn nọ? từ áp này đên áp kia câu học rộng nghe nhi&i." Nghĩ xong, Vua Trường Thọ liền đi từ thôn này qua thôn nọ, từ ấp này đến ấp kia cầu học rộng nghe nhiều. Do vì học rộng hiểu nhiều nên vua đổi tên thành Trường Thọ Bác Sĩ. J Trường Thọ Bác Sĩ lại nghĩ: "Những điêu ta mong học, nay đã được học. Ta nên vào trong thành ấp Ba-la-nại9 đứng ở đường này hẻm kia, với nét mặt tươi vui tấu lên âm thanh vi diệu. Khi các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe xong, sẽ rất hoan hỷ và tự vui thích.” Nghĩ xong, Trường Thọ Bác Sĩ lập tức đi vào trong thành ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm kia, với nét mặt vui tươi tấu lên âm thanh vi diệu, khiến các nhà hào quý Ba-la-nại nghe xong đều rất hoan hỷ và cảm thay vui thh. Lúc ấy, các quyến thuộc của Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá, từ quyến thuộc ở ngoài thành, quyến thuộc ở trong thành, quyến thuộc trong cung cho đến Phạm chí Quốc sư lần lượt đều được nghe. Phạm chí Quốc sư nghe rồi liền cho gọi Trường Thọ Bác Sĩ đến gặp mặt. Bấy giờ, Trường Thọ Bác Sĩ đi đến chỗ Phạm chí Quốc sư, đứng đối diện, nét mặt vui tươi tấu lên âm thanh vi diệu. Phạm chí Quốc sư nghe xong vô cùng hoan hỷ và cảm thây vui thích, liền bảo:

6 Đan dĩ không cung :Chỉ cần một cánh cung không có tên.

“Từ hôm nay ông có thể ở đây với ta, ta sẽ chu cấp đầy đủ.” Trường Thọ Bác Sĩ thưa: “Thua Tôn giả! Tôi còn có phu nhân nữa, phải làm thế nào?" Phạm chí Quốc sư nói: "Ong có thể đưa đến ở nhà ta, ta sẽ chu cấp đầy diỉ." Thế rồi, Trường Thọ Bác Sĩ đưa vợ mình đến trú tại nhà Phạm chí Quốc sư và được Quốc sư cung cấp đầy đủ mọi thứ. [0533bl0] Một thời gian sau, phu nhân của Trường Thọ Bác Sĩ cảm thấy trong lòng buồn rầu, khởi lên suy nghĩ: UƯỚC gì có bốn loại quân dàn trận với đay đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn nhìn thấy toàn bộ đội quân và cũng muốn uống nước tẩy tịnh gươm dao."7 Nghĩ như vậy rồi, phu nhân liền nói với Trường Thọ Bác Sĩ: “Thiếp trong lòng ưu buồn, suy nghĩ như vầy: 'Ước gì có bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn nhìn thấy toàn bộ đội quân và cũng muôn uông nước tây tịnh gươm đao?78 Trường Thọ Bác Sĩ nói với phu nhân: "Nàng chớ nghĩ vậy! Vì sao như thế? Chúng ta hiện đã bị Vua Phạm-ma- đạt-đa đánh bại? làm sao mà nàng có thể được thấy bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua để nàng nhìn thấy toàn bộ đội quân, được uống nước tẩy tịnh gươm đao dây!" Người vợ lại nói: uTôn quân! Nếu được như vậy thì thiếp mới có hy vọng sống, bằng không chắc chắn sẽ chết!” Khi nghe phu nhân nói như vậy, Trường Thọ Bác sĩ liền đi đến chỗ Phạm chí Quốc su, rồi đứng đối diện, với nét mặt buồn rầu tấu lên khúc nhạc ảo não. Phạm chí Quốc sư nghe xong, lòng không hoan hỷ9 liền hỏi: "Này Bác Sĩ! Lúc trước ông đứng trước ta, với vẻ mặt vui tươi tấu lên âm thanh vi diệu. Ta nghe xong rất hoan hỷ và cảm thấy vui thích. Nay vì sao ông lại đứng trước ta, với vẻ mặt ưu sầu tấu lên âm thanh ảo não? Ta nghe xong, cảm thấy không vui. Này Trường Thọ Bác Sĩ! Thân ông không bệnh tật, tâm ông không sầu não chií?"

7 Nguyên tác: Ma đao thủy (khaggānañca dhovanà): Nước tẩy rửa gươm đao. Ngoài ra, đây còn chỉ một phương thuốc thông dụng ở thơi cổ đại. 8Tham chiếu: Mv. 10.243: Gabbhiriĩmhi, deva. Tassā me evarūpo dohaịo uppanno - icchāmi sūriyassa uggamanakãle caturañginim senam sannaddham vammikam [vammitarn (sī.)] subhūme thitam passitum, khaggānañca dhovanam pātu (Tâu bệ hạ, thiếp đang mang thai. Thiếp đây khởi lên niềm khao khát có hinh thức như vầy: “Thiếp mong muốn vào lúc mạt trời mọc nhìn thay đọi quân gồm bốn loại binh chủng vũ trang, dàn trận, đứng ở trên mặt đát băng phăng và được uông nước rửa đao kiêm,,)j Ty-khưu Indacanda dịch.

Trường Thọ Bác Sĩ thưa: "Thua Tôn giả! Thân tôi không bệnh tật, nhưng tâm ý thì có sầu não. Thưa Tôn giả! Phu nhân của toi trong lòng ưu buồn, đã nghĩ thế này: 'Ước gì có bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua. Ta muốn nhìn thấy toàn bộ đội quân và cũng muốn uống nước tẩy tịnh gươm đao.5 Tôi liền bảo nàng ấy: 'Nàng chớ nghĩ như vậy, vì sao như the? Vì ta nay như vầy, làm sao nàng có thể được trông thấy bốn loại quân dàn trận với đay đủ nghi vệ? tuôt gươm sáng loáng, từ từ đi qua đê nàng nhìn thây toàn bộ đội quân và được uống nước tẩy tịnh gươm dao?Nàng ấy lại bảo tôi: 'Tôn quân! Nêu được như vậy thì thiêp mới có hy vọng sông, băng không chăc chác sẽ chét!9 Thưa Tôn giả! Nêu phu nhân của tôi không

bảo toàn thân mạng thì tôi sông còn có nghĩa lý gì? [0533c09] Phạm chí Quốc sư hỏi: "Này Bác Sĩ! Ta có thể gặp phu nhân của ông được chang?" Đáp: "Thua Tôn giả, có thể gặp duve!" Roi họ cùng đi đên chô phu nhân. Bây giờ, phur nhân của r Trường Thọ Bác Sĩ đang mang thai đứa con có đức. Phạm chí Quôc sư thây phu nhân của Trường Thọ Bác Sĩ đang mang thai đứa con có đức, nên gối phải quỳ cham đất, chắp tay hướng ve phía phu nhân, ba lần khen rằng: "Sẽ sanh ra vua nước Câu- sa-la! Sẽ sanh ra vua nước Cau-sa-la!" Rồi lệnh cho những người xung quanh "chớ đe cho người ngoài biết.^, Phạm chí Quốc sư lại bảo: "Này Bác Sĩ! Ông chớ ưu sầu, ta sẽ giúp phu nhân của ông được thấy bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua và cũng sẽ được uống nước tẩy tịnh gươm dao." Thế là, Phạm chí Quốc sư đi đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá. Đen rồi liền tâu rằng: "Thiên vương9 nên biết, có Đức tinh10 xuất hiện, kính mong Thiên vương nhanh chóng chuẩn bị bốn loại quân dàn trận với đầy đủ nghi vệ,11 tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy, dùng nước để tẩy tịnh gươm đao12 và đích thân Thiên vương phải thi sát. Tâu Thiên vương! Nếu làm được như vậy thì chắc chắn có phước quả tốt dẹp." Nghe vậy, Phạm-ma-đạt-đa vua nước Gia-xá liền ban lệnh cho tướng quân:

9 Thiên vương ,Devarāja. 10 Đức tinh ,thời cổ đại gói là Cảnh tinh hoặc Tuế tinh .Khi sao này xuất hiện là điềm lành cho quốc gia, vì có hiến nhân xuất hiện. 11 Nguyên tác: Trận liệt lỗ bộ .Lỗ bộ chỉ cho nghi trượng của một bậc Đe vương. 12 Dĩ thủy ma đao ,d2y là nghi lễ tẩy tịnh P. Abhiseka, s. Abhỉsekà cho đao kiếm.

"Khanh nên biết, nay có Đức tinh xuất hiện, vậy khanh hãy nhanh chóng tập hợp bốn loại quân, dàn trận với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy, dùng nước để tẩy tịnh gươm đao và ta sẽ đích thân đến thị sát. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn có phước quả tốt dẹp." Bấy giờ, tướng quân liền tuân lệnh nhà vua, tập hợp bốn loại quân dàn trận với đay đủ nghi vệ? tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy, dùng nước để tẩy tịnh gươm đao và nhà vua đích thân thị sát. Nhờ như vậy, phu nhân của Trường Thọ Bác Sĩ được nhìn thấy bốn loại quân với đầy đủ nghi vệ, tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành để phô diễn quân uy5 đong thời cũng được uống nước tẩy tinh gươm đao. Sau khi được uống nước tẩy tinh gươm đao, bao nhiêu sầu não liền tan biến, chẳng bao lâu nàng hạ sanh được đứa con có đức, liền đặt tên là Trường Sanh Đồng Tử và đem gởi cho người khác bí mật nuôi dưỡng. Trường Sanh dần trưởng thành. Nếu các Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi thống trị thiên hạ với lãnh tho rộng lớn, có đủ các tài nghệ siêu việt như cưỡi voi, cưỡi ngựa, điều phục, chạy nhanh, ban cung, đánh bang nam tay, ném móc, ném câu, cưỡi xe, ngồi kiệu... thì Trường Sanh Đồng Tử cũng đều biết rõ và thành thạo giông như họ. Trường Sanh Đông Tử làm việc gì cũng đêu xuất săc, là người mạnh mẽ cương nghi phi thường, thông minh xuất chúng, những điều bí ẩn sâu xa thảy đều thông đạt. [0534a09] Lúc ấy, Vua Phạm-ma-đạt-đa nghe tin Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đã đổi tên thành Bác Sĩ và đang ở tại thành Ba-la-nại, liền ra lệnh cho quân lính: "Các khanh hãy mau

đến bắt Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, trói ngược hai tay, cho lừa chở đi, đánh cái trống bể tiếng như lừa kêu, tuyên bố khắp nơi cho mọi người biết, rồi dẫn ra khỏi thành từ cổng phía Nam, bắt ngồi dưới cọc cao mà tra h6i." Quân lính vâng lệnh, liền đến bắt Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, trói ngược hai tay, cho lừa chở đi, đánh cái trông bê tiêng như lừa kêu, tuyên bô khắp nơi cho mọi người biết, rồi dẫn ra khỏi thành từ cổng phía Nam, bắt ngồi dưới cọc cao mà tra hỏi. Lúc ấy, Trường Sanh Đồng Tử liền đi theo sau cha, lúc thì ở bên phải, lúc thì ở bên trái, thưa với cha răng: "Thiên vương chớ sợ, Thiên vương chớ sợ! Con đang ở đây, chắc chắn sẽ cứu được cha! Chắc chắn sẽ cứu được cha!" Vua cha bảo rằng: "Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn! Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ."

Mọi người nghe Vua Trường Thọ nói như vậy, liền hỏi: “Những lời nói ấy là như thế no?" Vua đáp: "Đồng Tử thông minh, chắc chắn sẽ hiểu lời ta." Bấy giờ, Trường Sanh Đồng Tử khuyên những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại: "Này các ngài! Hãy bố thí, tu phước để cầu nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, đem phước thí ấy nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la được an ổn5 được giải thoát." Thế rồi, những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đồng Tử, liền bố thí, tu phước để cầu nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la rằng: "Xin đem phước thí này cầu cho Vua Trường Thọ được an on và được giải thoát." Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe các nhà hào quý trong thành Ba- la-nại bố thí, tu phước để cầu nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la rằng: "Xin đem phước thí này cầu cho Vua Trường Thọ được an ổn và được giải thoát." Nghe xong, vua rất sợ hãi, toàn thân rung động, nghĩ rằng: "Lẽ nào những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này phản lại ta chăng? Thôi tạm gác lại việc ấy, nay ta phải gấp rút giết Vua Trường Thọ tnróc." The roi, nhà vua liền hạ lệnh cho quân lính: "Các khanh hãy mau đi giết Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, phân thi thể ra làm bảy đoạn.,, Quân lính tuân lệnh, liền nhanh chóng đi giết Vua Trường Thọ rồi phân thi thể ra làm bảy đoạn. [0534Ồ07] Bấy giờ, Trường Sanh Đồng Tử lại khuyên các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại: "Các ngài thấy đó! Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá thật tàn ác vô đạo,13 đã bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha ta ra thành bảy đoạn! Các vị hãy đến đó? lấy vải mới, thu lượm và bao bọc bảy phần thi thê của cha ta lại, roi dùng các loại hương và gỗ thơm chất thành đống để hỏa táng, sau đó lập miếu thờ. Các vị hãy thay ta viết thư gởi Vua Phạm-ma- đạt-đa báo rằng: 'Trường Sanh Đồng Tử con vua nước Câu-sa-la gởi lời nhắn: 'Nhà vua không sợ sau này sẽ bị con cháu gây họa chăng?9 99 9 Bây giờ, các nhà hào quý thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đông Tử, thu lượm và bao bọc bảy phần thi thể của Vua Trường Thọ trong tấm vải mới, dùng các loại hương và gỗ thơm chất lên thành đống để hỏa táng, sau

13 Vô đạo :Xã hội chính trị hỗn loạn. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là "v6 thj",tức không giữ được đường lối tốt đẹp của côn ngươi. J

đó lập miếu thờ, cũng vì Đồng Tử mà viết thư gởi đến Vua Phạm-ma-đạt-đa nói rằng: "Trường Sanh Đồng Tử con vua nước Câu-sa-la gởi lời nhắn: 'Nhà vua không sợ sau này sẽ bi con cháu gây họa chăng?9,9 Khi ấy, phu nhân của Vua Trường Thọ bảo Trường Sanh Đồng Tử: "Con nên biết, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá là kẻ tàn ác vô đạo, đã bắt người vô tội như cha con là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la5 cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha con ra thành bảy đoạn! Đông Tử con, hãy đên đây! Hãy cùng ta lên xe chạy khỏi Ba-la-nại, nếu không đi thì tai họa sẽ đến với con." Thê roi, hai mẹ con cùng lên xe roi chạy khỏi nước Ba-la-nại. Trên đường di, Đồng Tử suy nghĩ: "Ta nên đến thôn này ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều. Nghĩ vậy rồi, Đồng Tử liền đi từ thôn này qua thôn khác, từ ấp này qua ấp khác để cầu học rộng nghe nhiều. Do vì học rộng nghe nhiều, nên đổi tên thành Trường Sanh Bác Sĩ. Trường Sanh Bác Sĩ lại suy nghĩ: "Những điều cần học, ta nay đã học xong. Có lẽ ta nên vào trong thành ấp Ba-la-nại9 đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt tươi vui tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại khi nghe xong sẽ rất hoan hỷ và cảm thấy vui thích.,, Thế rồi, Trường Sanh Bác Sĩ liền vào trong thành ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt tươi vui tấu lên âm thanh vi diệu. Các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được lòng rất hoan hỷ và cảm thấy vui thích. Bây giờ, quyên thuộc của Vua Phạm-ma-đạt-đa ở ngoài thành, ở trong thành và ở trong cung, cho đến Phạm chí Quốc sư và cả Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá lần lượt đều nghe đến, liền cho gọi vào diện kiến. [0534c09] Trường Sanh Bác Sĩ liền đến chỗ Vua Phạm-ma-đạt-đa, đứng hướng vê phía nhà vua, với vẻ mặt tươi vui tâu lên âm thanh vi diệu. Nhà vua nghe xong, lòng rát hoan hỷ và thoả thích, liên bảo: “Này Bác Sĩ! Từ hôm nay ông có thể nương ta để sống, ta sẽ chu cấp đầy đủ mọi thh." Từ đó9 Trường Sanh Bác Sĩ đến nương vua mà sống và được cung cấp đầy đủ mọi thứ. về sau, nhà vua hết lòng tín nhiệm, giao phó công việc, đem kiếm hộ thân trao cho Trường Sanh Bác Sĩ. Một hôm, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá bảo người đánh xe: "Ngươi hãy sửa soạn ngựa xe, trẫm muốn đi săn bắn!,, Người đánh xe vâng lời5 liền sửa soạn ngựa xe, xong trở lại tâu: "Ngựa xe đã chuẩn bị xong, xin theo ý Thiên vương!" Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá và Trường Sanh Bác Sĩ cùng ngồi chung cỗ xe ra khỏi thành. Lúc ấy, Trường Sanh Bác Sĩ suy nghĩ: “Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá này là kẻ tàn ác vô dạo, bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta,

giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha ta ra thành bảy đoạn. Nay ta nên đánh xe tách khỏi bốn loại quân để đi đến một nơi khác.' Nghĩ như vậy rồi, Trường Sanh Bác Sĩ liền đánh xe tách khỏi bốn loại quân, rồi đi đến một nơi khác. Lúc đó, trải qua quãng đường lầy lội, gió bụi nóng bức nên Vua Phạm-ma- đạt-đa nước Gia-xá cảm thấy mệt mỏi, khát nước và muốn nằm nghỉ. Nhà vua liền xuống xe, gối đầu lên đầu gối của Trường Sanh Bác Sĩ mà ngủ. Khi ấy, Trường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: "Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá này là kẻ tàn ác vô đạo, bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi the cha ta ra thành bảy đoạn. The mà hôm nay han đã nam trong tay ta, ta phải báo

oán.,, Nghĩ xong, Trường Sanh Bác Sĩ liền tuốt gươm bén5 kề vào cổ Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá rồi thầm nói: "Nay ta giết ngươi, nay ta giết ngươi!,9 Song, Trường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: "Ta làm như vậy là không đúng. Vì sao như thế? Nhớ lại ngày trước, khi ở dưới cọc cao, lúc sắp lâm chung, cha đã dặn rang: 'Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn! Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ."' Nhớ lại lời cha rồi? Trường Sanh Bác Sĩ liền tra gươm vào vỏ. [0535a07] Trong lúc đó, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá mộng thây Trường Sanh Đông Tử, con của Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la9 tay câm gươm bén kề vào cổ mình và nói: "Nay ta giết ngươi, nay ta giết nguôi!" Thấy vạy, vua rát sợ hãi? đen noi toan than rung đọng, liên choàng tỉnh dạy roi nói VƠI Trường Sanh Bác Sĩ: “Khanh nên biết, ta vừa nằm mộng thấy Trường Sanh Đồng Tử, con của Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la? tay cầm kiếm bén kề vào cổ ta và nói rằng: 'Nay ta giết ngươi, nay ta giết nguôi!"' Nghe vậy? Trường Sanh Đồng Tử thưa: "Thiên vương đừng sợ? Thiên vương đừng sợ! Vì sao như thế? Trường Sanh Đông Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la lúc đó, nay chính là thần đây. Tâu Thiên vương! Thần đã nghĩ rằng: 'Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá này là kẻ tàn ác vô đạo, bắt người vô tội như cha ta là Vua Trường Thọ nước Câu-sa- la, cướp đoạt kho báu tài sản của nước ta, giết hại oan uổng rồi còn phân thi thể cha ta ra thành bảy đoạn. Thế mà hôm nay hắn đã nằm trong tay ta, ta phải báo oán.' Tâu Thiên vương! Thần rút gươm kề vào cổ ngài và thầm nói: 'Nay ta giết ngươi, nay ta giết ngươi!9 Nhưng thần nghĩ lại: 'Ta làm như vậy là không đúng. Vì sao như thê? Nhớ lại ngày trước, khi ở dưới cọc cao, lúc sắp lâm chung, cha đã dặn rằng: 'Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn! Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ.” Nhớ lại như vậy rồi, thần liền tra gươm vào v6.” Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá hỏi: "Này Đồng Tử! Khanh nói rằng: 'Đồng Tử hãy nhẫn, Đồng Tử hãy nhẫn!9 nghĩa này ta hieu; nhưng khanh bảo: 'Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từ\ nghĩa ấy thế nao?^,

Trường Sanh Đồng Tử đáp: [Tâu Thiên vương! 'Đừng khởi oán kết, chỉ nên thực hành hạnh từchính là điều mà thần vừa thực hành xong." Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá nghe xong, liền nói: "Này Đồng Tử! Từ nay về sau, trẫm đem hết lãnh thổ đang thống tri trao cho khanh. Đát nước của cha khanh nay giao phó lại cho khanh. Vì sao như thế? Vì khanh đã làm được một việc rất khó làm, đó là vì lòng lân mẫn mà tha mạng sống cho ta." Nghe như vậy, Trường Sanh Đồng Tử liền thưa: “Bất nước của Thiên vương vẫn thuộc về Thiên vương, còn đất nước của cha thần nên trả lại cho thần.,, [0535b02] Sau đó, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá cùng Trường Sanh Đồng Tử lên xe trở về, vào thành Ba-la-nại, ngồi trên chánh điện, bảo với các cận thần: "Này các khanh! Giả sử bát được Trường Sanh Đông Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì sẽ xử lý như thế nào?" Các cận thân nghe xong, có người tâu răng: "Tâu Thiên vương! Nếu gặp được thì thần sẽ chặt tay kẻ ấy." Có người lại tâu: “Nếu gặp được thì thần sẽ chặt chân kẻ ấy/9 Người khác lại thưa: "Nếu gặp được thì thần sẽ giết kẻ ấy." Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Gia-xá bảo các cận thần: "Các khanh muốn bắt Trường Sanh Đồng Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì chính là người này. Các khanh chớ khởi ác ý với Đồng Tử này. Vì sao như thế? Vì Đồng Tử đã làm một việc rất khó, đó là vì

lòng lân mẫn mà tha mạng sống cho ta." Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt-đa cho Trường Sanh Đồng Tử tắm bằng nước tắm của nhà vua, cho xoa bằng bột hương của nhà vua, cho mặc y phục của nhà vua và cho ngôi lên ngự sàng băng vàng roi đưa cả hai mẹ con trở vê bôn quôc. Này Tỳ-kheo! Các vị quốc vương ấy, các Vua Đảnh Sanh dòng Sát-lợi, không những làm chủ đất nước rộng lớn, thống trị thiên hạ mà còn tự thực hành nhẫn nhục, lại khen ngợi nhẫn nhục; tự thực hành tâm từ, lại khen ngợi tâm từ; tự thực hành ân huệ? lại khen ngợi sự thực hành ân huệ. Này các Tỳ-kheo, các thầy cũng nên thực hành như vậy! Các thầy là những người có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì phải tự thực hành nhẫn nhục và khen ngợi nhẫn nhục; tự thực hành tâm từ và khen ngợi tâm từ; tự thực hành ân huệ và khen ngợi sự thực hành ân huệ.

Khi các Tỳ-kheo nghe đức Phật giảng nói, có vi thưa răng: Thế Tôn là Pháp Chủ. Nay xin Ngài hãy thư thả một chút! Vị kia đã chỉ trích con thì làm sao con không cãi lại vi kia được?14 Lúc ấy, Thế Tôn không vui về những việc làm, oai nghi, giới luật, việc học và việc tu của các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di nên Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói kệ tụng: Dùng biết bao lời nói? Phá hoại chúng Tối tôn, Khi phá hoại Thánh chúng, Không cách gì ngăn dứt. Dù tan thân, mất mạng, Bi cướp trâu, ngựa, voi, Đất nước và tiền tài, vẫn mong cùng hòa giải. Huống gì vài lời trách, Mà không chịu thuận hòa, Không quán nghĩa sâu xa, Làm sao dứt oán két? Bao lời trách mang nhau, Cũng có thể thuận hòa, Nêu quán nghĩa sâu xa, Oán hờn sẽ chấm dứt. Lấy tranh dứt đấu tranh, Rốt cuộc không thể thành, Nhẫn nhục dứt tranh luận, Pháp này thật tối tôn! Sân với bậc thượng trí, Miệng thốt lời độc địa, Phỉ báng Thánh Mâu-ni5 Hạng thấp hèn không trí. Người khác không hiểu nghĩa, Riêng Ta biết mà thôi, Những ai hiểu nghĩa rồi, Lòng giận hờn liền đoạn. Nếu gặp được bạn lành. Cùng người trí tu hành, Bỏ kiến chấp xưa cũ, Niềm vui theo bên mình. Không gặp được bạn lành, Bậc trí tu một mình, Như vua nghiêm trị nước,1415 Như độc tượng16 rừng sâu. Cô độc5 không làm ác, Như độc tượng rừng sâu, Độc hành làm việc tốt, Bạn ác hãy xa mau! Học, không gặp bạn tốt, Không ai sánh ngang mình, Hãy một mình chuyên tinh, Chớ gần gũi bạn xấu. [0535C17] Bây giờ, nói bài kệ này xong, đức Phật liên dùng như ý túc nương hư không mà đi, rồi đến thôn Bà-la-lâu-la.17 Lúc đó, tại thôn Bà-la-lâu-la có

14 Nguyên tác:.Tham chiếu: Mv. 10. 245: Āgametu, bhante, bhagavā dhammassāmī; appossukko, bhante, bhagavā ditthadhammasukhavihāramanuyutto viharatī/. Mayametena bhandanena kalahena viggahena vivādena paññāyissāmā "ti. (Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn là bậc Pháp Chủ hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xm đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lác trong đời hiện tại; chúng con se làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận và bằng sự tranh luận nay), Ty-khuu Indacanda dịch. 15 Nguyen tác: Như vương nghiêm trị quốc ().Có một vài sự khác biệt khi so sánh với bản Pali. Chẳng hạn, Mahāvagga, đoạn số 464 và cả Kỉnh Pháp củ, kệ số 329 cho rằng: Rājāva rattham vijitarn pahāya (như vua buông bo quốc gia và lãnh thổ). 16 Tượng

độc ():Con voi trưởng thành một mình du hành tự tại. Tham chiếu: Sn. L 3, Khaggavisãna Sutta (Kinh con tê ngưu một sừng)'. Eko care khaggavisānakappo (Hãy sống riêng mọt mình, như tê ngưu một sừng), HT. Thích Minh Châu dịch. - J J . 17 Bà-la-lâu-la thôn (,Bālakalonakāragāma).

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 475

Tôn giả Bà-cửu18 thuộc dòng họ Thích, ngày đêm không ngủ, tinh cần hành dạo, dốc lòng thường hành thiền định, an trú trong đạo phẩm.19 Từ xa trông thấy đức Phật đi đến, Tôn giả Bà-cửu liền ra nghinh đón, đỡ lấy y bát của Ngài, trải sàng tòa và múc nước cho Phật rửa chân. Khi rửa chân xong, Ngài đến ngồi nơi sàng tòa được soạn sẵn. Khi ngồi xuống rồi, đức Phật liền hỏi: Này Tỳ-kheo Bà-cửu! Thầy thường an ổn và không thiếu thốn gì chứ? Tôn giả Bà-cửu thuộc dòng họ Thích, thưa: -Bạch Thế Tôn! Con thường an ổn và không thiếu thốn gì. Đức Phật lại hỏi: -Này Tỳ-kheo! Thế nào là an ổn và không thiếu thốn? Tôn giả thưa: Bạch Thế Tôn! Con ngày đêm khôn^ ngủ, tinh cần hành đạo, dốc lòng thương hành thiền định, an trú trong đạo phẩm, vì thế con thường an ổn? không có thiêu thốn. Đức Phật lại nghĩ: "Người thiện nam này thường sống trong an lạc, nay Ta nên vì người này mà thuyết pháp." Nghĩ xong, Phật liền thuyết pháp cho Tôn giả B-cửu, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến vị ấy hoan hỷ rồi, đức Phật tò chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ Tự.20 Sau khi vào rừng, Ngài đến bên gốc cây trải tọa cụ rồi ngồi kiết-già. [0536a04] Đức Phật lại nghĩ: "Ta đã thoát khỏi nhóm Tỳ-kheo ở Câu-xá-di kia, hàng ngày họ thường hơn thua nhau, chèn ép nhau, thù ghét nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không vui khi nghĩ ve nơi đó, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di cư trú.,^ Lúc đó, có một con voi lớn, là voi đầu đàn, tách rời đàn đi một mình, cũng đến rừng Hộ Tự. Khi vào trong rừng rồi? nó đứng tựa vào cây hiền-ta-la21 và suy nghĩ: "Ta đã thoát khỏi đàn voi kia, nào là voi đực, voi cái, voi con lớn nhỏ. Đàn voi ấy thường đi trước, giẫm lên cỏ và làm nước van đục. Lúc đó? ta phải ăn cỏ bi giẫm đạp, uống nước bi van đục kia. Từ nay ta sẽ được ăn cỏ tươi, được uống nước trong." Lúc ấy, bằng Tha tâm trí, đức Phật biết được ý nghĩ trong tâm voi lớn kia, liên nói kệ: Voi này với voi kia, Vóc, ngà, chân đủ dầy, Tâm này với tâm kia, Rừng sâu riêng an trú. 18 Bà-cừu Bhagu: Vị Tôn giả xuất gia cùng một lần với các ngài Anuruddha và Kimbila. Theo Thag. 4.2, Bhaguttheragāthā Kệ ngôn của Trưởng lão Bhagu, một hôm vừa rời khỏi giường, Ngài bị trượt chân, cố gượng dạy và nhân đo liền chứng quả A-la-hán. 19 Đạo phẩm chí cho 37 phẩm trợ đạo. 20 Nguyên tác: Hộ Tự lâm .Tham chiếu: Mv. 10. 248: Tatra sudam bhagavā pālĩleyyake viharati rakkhitavanasande bhaddasālamūle Tại nơi đó, ở Pârileyyaka đức Thê Tồn sông trong khu rừng cây được bảo vệ, dưới gốc cây sãla xinh đẹp, Tỳ-khưu Indacanda dịch. 21 Nguyên tác: Hiền Sa-la thọ ,Bhaddasãlamũlă.

476 KINH TRƯNG A-HÀM

Nói kệ xong, đức Phật từ rừng Hộ Tự khoác y ôm bát đi đến rừng Bàn-na- mạn-xà tự.22 Tại khu rừng ấy, có ba người thiện nam đang cư trú, đó là Tôn giả A-na-luật-đà? Ton giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la.23 Các Tôn giả ấy thỏa ước với nhau như vầy: Nếu ai khất

thực trở về trước thì trải giườnệ, múc nước, để sẵn chậu rửa chân, bày sẵn ghế kê chân và khăn lau chân, đô đây lu nước uông và nước rửa tay. Nêu khất thực ve thức ăn có the dùng hết thì dùng hết, nếu còn dư thì cho vào hũ đậy kín đem cất. Ăn xong dọn bát, rửa sạch tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào phòng tĩnh tọa. Nếu vị nào khất thực về sau, thức ăn có thể dùng hết thì nên dùng cho hết, nếu thiếu thì lấy thức ăn khất thực còn lại của người trước dùng cho no đủ; nếu ăn còn dư thì trút xuống đất sạch, hay đổ vào nước chỗ không có trùng, rồi đem bình bát rửa sạch, lau khô và cất một góc, thu dọn giường chiêu, dẹp ghê rửa chân, cát khăn lau chân, cát chậu rửa chân, lu nước uống và vò nước rửa tay, rồi quét dọn nhà ăn. Khi dọn dẹp sạch sẽ xong, thu xếp y bát, rửa sạch tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai đi vào phòng tĩnh tọa. Vào lúc xê chiều, các Tôn giả ấy, vị nào từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy trước, nếu thấy lu nước uống và vò nước rửa tay không có nước thì mang đi lấy nước, nếu đủ sức xách nước về thì xách về để một góc, nếu xách không nổi thì vẫy tay ra hiệu cho Tỳ-kheo khác đen, mỗi người khiêng một bên, không ai nói chuyện với ai, cũng không thăm hỏi nhau. Các Tôn giả ấy cứ năm ngày tập hợp một lần đe cùng đàm luận ve đạo pháp, hoặc yên lặng như Hiền thánh. [0536Ồ07] Bấy giờ5 người giữ rừng trông thấy đức Phật từ xa đi đến, liền ra ngăn lại và nói: -Sa-môn, Sa-môn! Chớ vào rừng này. Vì sao như thế? Vì trong rừng này hiện có ba người thiện nam, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la. Các vi ấy nếu trông thấy Sa-môn đến, có lẽ họ không hài lòng. Đức Phật bảo: -Này người giữ rừng! Các vị kia nếu thấy Ta, chắc chắn họ sẽ không thể nào không hài lòng được. Ngay lúc đó5 Tôn giả A-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, liền quở trách người giữ rừng: -Này người giữ rừng! Chớ ngăn đức Thế Tôn! Chớ ngăn đức Thiện Thệ. Vì sao như thế? Vì Tôn sư của ta đã đến, đấng Thiện Thệ của ta đã đến! Nói xong, Tôn giả A-na-luật-đà ra nghinh đón Phật, đỡ y bát của Ngài, Tôn giả Nan-đề trải sàng tòa, Tôn giả Kim-tỳ-la đi lấy nước cho Ngài. Khi đức Phật rửa tay chân xong, đến ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống xong, Phật hỏi: -Này A-na-luật-đà! Thầy thường an ổn, không thiếu thốn gì chứ?

22 Bàn-na-mạn-xà tự lâm Pācīnavamsadāya. 23 Ba thiện nam đó là A-na-luật-đà Anuruddha, Nan-đề Nandiya và Kim-tỳ-la Kimbila.
~ “

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 477

Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thế Tôn! Con thường an ổn và không thiếu thốn gì. Phật lại hỏi: -A-na-luật-đà! Thế nào là an ổn và không thiếu thốn gì? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: 'Con có thiện lợi, có cong đức lớn5 nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng Phạm hạnh như thế." Bạch Thế Tôn! Con thường hướng về các vị đồng Phạm hạnh ấy, sống với thân nghiệp từ hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau; sống với khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau. Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: "Nay con sẽ từ bỏ tâm riêng tư mà tùy thuận tâm chư Hiền.,, Bạch Thế Tôn! Con liền từ bỏ tâm riêng tư, tùy thuận theo tâm chư Hiền. Bạch The Tôn, chưa từng có một việc gì mà con không vừa ý. Thế nên, con thường an ổn, không thiếu thốn gì. Đức Phật

hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la: -Thầy thường an ổn, không thiếu thốn gì chứ? [0536c01] Tôn giả Kim-tỳ-la thưa: - Bạch Thế Tôn! Con thường an ổn và không thiếu thốn gì. -Này Kim-tỳ-la! Thế nào là an ổn và không thiếu thốn gì? Tôn giả Kim-tỳ-la thưa: -Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: "Con có thiện lợi, có công đức lớn, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đông Phạm hạnh như vay." Bạch Thê Tôn! Con thường hướng vê các vị đông Phạm hạnh áy, sồng với thân nghiệp từ hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau; song với khau nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, dẫu gặp mặt hay không gặp mặt cũng đều như nhau. Bạch Thế Tôn! Con nghĩ rằng: "Nay con sẽ từ bỏ tâm riêng tư mà tùy thuận tâm chư Hiền.,, Bạch Thế Tôn! Con liền từ bỏ tâm riêng tư, tùy thuận theo tâm chư Hiền. Bạch Thế Tôn, chưa từng có một việc gì mà con không vừa ý. Thế nên, con thường an ôn, không thiêu thôn gì. Đức Phật khen ngợi: —Lành thay, lành thay! Này A-na-luật-đà! Như vậy các thầy thường sống trong hòa hợp, an lạc, không tranh cãi, cùng một tâm, theo học cùng một thầy, như sữa hòa với nước, có thể chứng pháp thượng nhân và duy trì đời sống an lạc hay chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: —Bạch Thế Tôn! Thường ngày chúng con vẫn sống hòa hợp như vậy, sống an lạc, không tranh cãi, cùng một tâm, theo học cùng một thầy, như sữa hòa với

nước, có thể chứng pháp thượng nhân và duy trì đời sống an lạc. Bạch Thế Tôn! Trong quá trình tu tập, chúng con thấy được ánh sáng và thấy sắc,24 nhưng trong giây lát, sắc và ánh sáng được thấy kia liền biến mất. Đức Phật bảo: —Này A-na-luật-đà! Các thầy chưa thấu đạt tướng ấy, gọi là tướng thấy được ánh sáng và thấy sắc. Thế nên, các thầy chỉ thấy sắc và ánh sáng trong giây lát, sau đó chúng liền biến mất. Này A-na-luật-đà! Thuở xưa, khi Ta chưa giác ngộ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta cũng thấy được ánh sáng và thấy sắc. sắc và ánh sáng được thấy kia cũng biến mất trong giây lát. A-na-luật-đà? lúc đó Ta nghĩ: "Trong tâm Ta có mối họa nào khiến cho Ta mất đinh và mất cái thấy?24 25 Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.^, Này A-na-luật-đà! Ta tinh tấn tu hành, không biếng nhác, thân an trú, có chánh niệm tỉnh giác, không mê mờ, được định nhất tâm. A-na- luật-đà9 khi đó Ta nghĩ rằng: “Ta tinh tấn tu hành, không biếng nhác, thân an tru, có chánh niệm tỉnh giác, không mê mờ? được định nhất tâm, lẽ nào trong đời không có gì để Ta thấy, để Ta biết nữa chăng?^, Và Ta biết rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa nghi ngờ.26 Do sanh mối họa nghi ngờ này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sác và ánh sáng cũng mau chóng biên mât.,, Này A-na-luật-đà! Nay Ta nghĩ răng: "Trong tâm Ta không nên sanh môi họa nghi ngờ d6.” Này A-na-luật-đà! Vì muốn không khởi mối họa nghi ngờ đó9 nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tân tu hành. Nhờ sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0537a06] A-na-luật-đà! Ta lại suy nghĩ: 'Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.”

Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: "Trong tâm sanh mối họa mất chánh niệm.27 Do mối họa mất chánh niệm này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được

24 Nguyên tác: Đắc quang minh tiện kiến sắc ().M. 128 và A. 8.64 ghi: Obhāsañceva sañjānāma dassanañca rūpānam (nhận thấy được hào quang, nhận thây các sắc pháp). Chủ giải Kinh Trụng bộ (MA. IV. 241) giải thích: Obhāsañceva sañjānāmāti parikammobhāsam saīyānāma (Nhận thây được hào quang tức là nhận thấy được sự khởi đầu của hào quang); Dassanañca rūpānanti dibbacakkhunā rūpadassanañca sañjūināma (Nhận thấy các sắc pháp tức la nhận thấy được các sắc pháp do thiên nhãn). 25 Nguyện tác: Nhãn ()Điều được nhận thức, cái thấy ương thiền quán. M. 128 ghi là Obhãsa, cùng thê với avabhâsa (sự hiện khởi). Tham chiếu: D. 15, Mahãnidãna Sutta (Kinh đại duyên): Gambhīrāvabhāso (cái thấy thâm sâu). 26 Nguyên tác: Nghi hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Vìcikiccham cittassa upakkilesā (Lòng nghi ngờ là tuy phiền não tạp nhiễm). J 27 Nguyên tác: Vô niệm họa ().Tham chiếu: M. 128: Amanasikāram cittassa upakkilesam (Khoiig có sự tác ý là tùy phiền não tạp nhiễm).

ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Nay Ta phải suy nghĩ như vầy: “Trong tâm Ta không nên sanh mối họa nghi ngờ và cũng không nên sanh mối họa mất chánh niệm.,^ Này A-na-luật-đà! Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,, Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta sanh mối họa tưởng thân bệnh.28 Do mối họa tưởng thân bệnh này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.^, Này A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: “Trong tâm Ta không nên sanh các mối họa nghi ngờ, mát chánh niệm, cũng như môi họa tưởng thân bênh." A-na-luật-đà! Vì Ta muôn không khởi những môi r họa này nên Ta sông r một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tân tu hành. Nhờ sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhimg ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: “Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mát định và mát cái thây? Ta vôn thây được ánh sáng và thây săc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật- đa! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa hôn trầm.29 Do mối họa hon trầm này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, cũng như mối họa hôn trầm?5 Vì Ta

muốn không có những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0537bl0] Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,, A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa tinh tấn

28 Nguyên tác: Thận bệnh tưởng hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Dutthullarn cittassa upakkilesā (Tâm bồn chồn, uể oải là tùy phiền não tạp nhiễm). MA. IV. 241 giải thích: Kāyadaratho kāyadutthullam kāyālasiyam udapādi (Thân thể sanh ra đau khổ, nặng nhọc, ue oải). 29 Nguyên tác: Thụy miên hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Thinamiddham cittassa upakkilesā (Hôn trầm thụy miên là tùy phiền não tạp nhiễm).

quá độ.30 Do mối họa tinh tấn quá độ này nên mất định ya mất cái thấy ấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thây săc5 khi cái thây diệt roi thì việc thây sac và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.” A-na-luật-đà! Giống như lực sĩ bắt con ruồi quá nhanh nên con ruồi bi chết. Cũng vậy, A-na-luật-đà? trong tâm Ta sanh mối họa tinh tấn quá độ5 do mối họa tinh tấn quá độ này nên mất định và mất cái thấy ấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thây sắc và ánh sáng cũng mau chóng biên mát. A-na-luật-đà! Nay Ta cân suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các mối họa do nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, cũng như mối họa tinh tấn quá âộy A-na-luật-đà! Vì Ta muôn không khởi những môi họa này nên Ta sông một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta thấy được ánh sáng và thấy săc? nhung ánh sáng và săc được thây ây không bao lâu lại biên mát. A-na-luật-đà! Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất đinh và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau ch6ng biến mất." A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rang: "Trong tâm Ta sinh mối họa lười biếng thái quá.31 Do mối họa lười biếng thái quá này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thay sắc, khi cái thấy diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.” A-na-luật-đà! Giống như lực sĩ bắt con ruồi quá chậm nên con ruồi bay mất. A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh mối họa lười biếng thái quá, do mối họa lười biếng thái quá nên mất đinh và mất cái thay. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất. A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: “Trong tâm Ta không nên khởi các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, cũng như mối họa lười biếng thái qua." Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta song một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thay được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sác được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0537C12] A-na-luật-đà! Ta lại nghi rằng: 'Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho

Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tam Ta sanh mối họa sợ hãi.32 Do mối họa sợ hãi này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến

30 Nguyên tác: Quá tinh cần hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Accāraddhavīriyam cittassa upakkilesā (Lòng tinh can quá độ là tuy phiền nao tạp nhiễm). 31 Nguyên tác: Thái giải đãi hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Atilīnavīriyam cittassa upakkilesā (Tâm sa đà vào dính măc là tùy phiền não tạp nhiễm). 32 Nguyên tác: Khủng bố hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Chambhitattam cittassa upakkilesā (Sự run ray lo sợ là tùy phiền não tạp nhiễm).

mát." A-na-luật-đà! Giông như một người đang đi trên đường thì gặp giặc cướp từ bôn phía kéo đên, người kia thấy vậy sợ hãi kinh khiếp, toàn thân rung động. Cũng vậy, này A-na-luật-đà? trong tâm Ta sanh mối họa sợ hãi, do mối họa sợ hãi này nên mát định và mát cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thây diệt roi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất. A-na-luật-đà! Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên khởi các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ? lười biêng thái quá, cũng như mối họa sợ Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ song một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sác được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. A-na-luật-đà! Ta lại nghi rằng: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thay? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũn^ mau chóng biến mất.” A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rang: "Trong tâm Ta sanh moi họa vui mừng phấn chan.33 Do mối họa vui mừng J)hân chấn này nên mất định và mất cái thây. Ta vốn thấy được ánh sáng và thây săc? khi cái thây diệt roi thì việc thây săc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." Giống như người đi tìm một kho báu, bỗng nhiên được cả bốn kho báu. Thay được kho báu, người ấy sanh lòng vui mừng quá đỗi. Cưng vậy5 này A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh moi họa vui mừng phan chan. Do moi họa vui mừng phấn chấn này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thay sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thay sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất. A-na-luật-đà^ Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nen khởi các mối họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, cũng như mối họa vui mừng phấn chấn.^, Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thay ấy không bao lâu lại biến mất. [0538al7] Này A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: 'Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy

sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tam Ta sanh mối họa tam tự cao.34 Do mối họa tâm tự cao này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,^ Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các môi họa do nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trâm, tinh tân quá độ,

33 Nguyên tácz Hỷ duyệt hoạn (K Tham chiếu: M. 128: Uppilam cittassa upakkilesā (Sự vui mừng phấn chấn là tùy phiền não tạp nhiễm). 34 Nguyên tác: Tự cao tâm hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Abhijapparn cittassa upakkilesā (Lòng khát vọng, lòng tham cầu là tùy phiền não tạp nhiễm).

lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phấn chấn, cũng như mối họa tâm tự cao." Vì Ta muốn không khởi những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta thấy được ánh sáng và thây sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. [0538b01] Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta còn có mối họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất.,, A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh mối họa nhiều loại tưởng.35 Do mối họa nhiều loại tưởng này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." Nay Ta cần suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các môi họa do nghi ngờ, mát chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trâm, tinh tân quá độ, lười biêng thái quá, sợ hi, vui mừng phân chân, tâm tự cao, cũng như môi họa nhiêu loại tưởng.^, Vì Ta muôn không khởi những môi họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc, nhưng ánh sáng và sắc được thấy ấy không bao lâu lại biến mất. Này A-na-luật-đà5 Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta còn có moi họa nào khiến cho Ta mất định và mất cái thấy? Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc? khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biến mất." A-na- luật-đà! Ta lại nghĩ rang: "Trong tâm Ta sanh moi họa không quán sắc.36 Do moi họa không quán sắc này nên mất định và mất cái thấy. Ta vốn thấy được ánh sáng và thấy sắc, khi cái thấy diệt rồi thì việc thấy sắc và ánh sáng cũng mau chóng biên mat.95 Nay Ta cân suy nghĩ: "Trong tâm Ta không nên sanh các môi họa nghi ngờ, mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phan chấn, tâm tự cao, nhiều loại tưởng, cũng như mối họa không quán sắc." Vì Ta muốn không có những mối họa này nên Ta sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành nên Ta thấy được ánh sáng và thấy sắc. Này A-na-luật-đà! Nếu tâm Ta sanh mối họa nghi ngờ thì bây giờ tâm đó được thanh tịnh. Nếu tâm Ta có các mối họa mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn tram,

tinh tan quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phấn chấn, tâm tự cao, nhiều loại tưởng và không quán sắc thì bây giờ những tâm đó được thanh tinh.

35 Nguyên tác: Nhược can tưởng hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Nānattasaññā cittassa upakkilesā (Tưởng sai biệt là tùy phiền não tạp nhiễm). 36 Nguyên tác: Bất quán sắc hoạn ().Tham chiếu: M. 128: Atinijjhāyitattam rūpānam cittassa upakkilesā (Quá chú tâm trên các sắc pháp là tùy phiền não tạp nhiễm).

72. KINH Sự TÍCH VUA TRƯỜNG THỌ 483

[0538c02] A-na-luật-đà! Ta lại nghĩ: "Ta phải tu học ba định, nghĩa là tu học ve định có giác có quán, tu học ve định không giác có quán và tu học về định không giác không quán."37 A-na-luật-đà! Ta liền tu học ba định, là tu học về định có giác có quán,38 tu học về đinh không giác có quán37 39 và tu học về định 38 không giác không quán.40 Nếu Ta tu học về định có giác có quán thì tâm liền thuận hướng đến đinh không giác có quán, như vậy Ta chắc chắn không mất tri kiến này. A-na-luật-đà, Ta đã nhận biết như vậy rồi nên suốt ngày suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm, Ta tu học về đinh có giác có quán. Này A-na-luật-đà! Lúc đó, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền đinh này. Nếu Ta tu học về định có giác có quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác không quán, như vậy Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Ta đã nhận biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm, Ta tu học \ r vê định có giác có quán. A-na-luật-đà, bây giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Này A-na-luật-đà! Nếu Ta tu học về định không giác có quán thì tâm liền thuận hướng đên định có giác có quán, như vậy Ta chác chăn không mát tri kiên này. Ta đã nhận biết như rồi nên suốt ngày suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm, Ta tu học về định không giác có quán. Lúc đó? Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Nếu Ta tu học về định không giác có quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác không quán, như vậy Ta chác chăn không mát tri kiên này. Này A-na-luật-đà! Vì Ta đã nhận biết như vậy nên suốt ngày, suốt đem, rồi suốt cả ngày đêm tu học về định không giác có quán. A-na-luật-đà? bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Này A-na-luật-đà! Nếu Ta tu học về đinh không giác không quán thì tâm liền thuận hướng đen định có giác có quán, như vậy Ta chắc chan không mất tri kiến này. Ta đã biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm

37 Nguyên tác: Tu học hữu giác hữu quán định, tu học vô giác thiểu quán định, tu học vô giác vô qu ở đây, thiểu nghm là có một ít, không nhiêu, đông nghĩa là có. Tham chiêu: M. 128: So kho aharh, anuruddha savitakkampi savicārarh samādhirh bhāvesim, avitakkampỉ vicāramattaĩh samādhirh bhāvesirh, avitakkampi avicārarh samādhim bhāvesirh Ròi này Anuruddha, Ta tu tập định có tâm, có tứ; Ta tu tập định không có tầm, chỉ có tứ; Ta tu tập định không tâm, không tứ, HT. Thích Minh Châu dịch. 38 Tụ học hữu giác hữu quán định :Thực hành thiền định tương ứng với giai đoạn Thiền thứ nhất. Tham chiếu: Chuyên Luân Thảnh Vương tu hành kinh 7.01.0001.6. 0042b0406: Tỳ-kheo lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. 39 Tu học vồ giác thiểu quán định

:Thực hành thiền định tương ứng với giai đoạn giữa Thiền thứ nhất và Thiền thứ hai. 40 Tu học vô giác vô quán định :Thực hành thiền định tương ứng với giai đoạn Thiền thứ hai. Tham chiếu: Chuyên Luân Thảnh Vương tu hành kinh T.01. 0001.6. 0042b06-07: Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt va an trú Thiền thứ hai, không giác không quán.

tu học về định không giác không quán. A-na-luật-đà! Bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. Nếu Ta tu học về định không giác không quán thì tâm liền thuận hướng đến định không giác có quán, như vậy Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Ta nhận biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm tu học vê định không giác không quán. Này A-na-luật-đà! Bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền đinh này. [0539a02] Này A-na-luật-đà! Có lúc Ta thấy được ánh sáng mà không thấy sắc. Ta nghĩ rằng: "Do nhân gì, duyên gì Ta thấy được ánh sáng mà không thấy s*c?" Ta lại nghĩ: “Nếu Ta niệm tướng ánh sáng mà không niệm tướng sắc thì lúc đó Ta thấy được ánh sáng mà không thấy sắc.95 Ta biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm nhận biết ánh sáng mà không thấy sắc. Này A-na-luật-đà! Bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. A-na-luật-đà! Có lúc Ta thấy sắc mà không thấy được ánh sáng. Ta lại nghĩ: "Do nhân gì5 duyên gì Ta thấy sắc mà không thấy được ánh sáng?" Thế rồi, Ta lại nghĩ rằng: "Nếu Ta niệm tướng sắc mà không niệm tướng ánh sáng thì lúc đó Ta thây sac mà không thây được ánh sáng." Ta biêt như vậy roi nên suôt ngày, suôt đêm, roi suôt cả ngày đêm Ta thây sác mà không thây được ánh sáng ây. A-na-luật-đà, bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền định này. A-na-luật-đà! Lại có lúc Ta thấy được một ít ánh sáng, cũng thấy một ít sắc. Ta liền suy nghĩ: "Do nhân gì, duyên gì Ta thấy được một ít ánh sáng, cũng thấy một ít sắc?" Ta lại nghĩ: "Nếu la nhập định hạn chế, do vì nhập định hạn chế nên nhãn căn thanh tịnh hạn chế. Vì nhãn căn thanh tịnh hạn che nên Ta thấy được ánh sáng hạn chế, cũng thấy sắc hạn ghế." Này A-na-luật-đà! Ta đã biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm nhận biết ánh sáng hạn chê và thây sác hạn chê. A-na-luật-đà, bây giờ, Ta thực hành an tru trong trạng thái thiền định này. A-na-luật-đà! Lại có lúc Ta thấy được ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp. Ta lại nghĩ: “Do nhân gì, duyên gì Ta thay được ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp?" Ta lại nghĩ: "Nếu Ta nhập định rộng khắp, do vì nhập đinh rộng khắp nên nhãn căn thanh tịnh rộng khắp; nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng khắp nên Ta thấy được ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp." Này A-na-luật-đà! Ta biết như vậy rồi nên suốt ngày, suốt đêm, rồi suốt cả ngày đêm nhận biết ánh sáng rộng khắp và cũng thấy sắc rộng khắp ấy. Này A-na-luật-đà, bấy giờ, Ta thực hành an tru trong trạng thái thiền định này. Này A-na-luật-đà! Nếu trong tâm Ta sanh mối họa nghi ngờ thì bấy giờ, tâm ấy được thanh tịnh. Nếu tâm ta có các mối họa mất chánh niệm, tưởng thân bệnh, hôn trầm, tinh tấn quá độ, lười biếng thái quá, sợ hãi, vui mừng phấn chân, tâm tự cao, nhiêu loại tưởng, không quán sắc thì bây giờ những tâm đó

được thanh tịnh.41 Tu học và tu học thuần thục về định có giác có quán; tu học và tu học thuần thục về định không giác có quán; tu học và tu học thuần thục về định không giác không quán; tu học và tu học thuần thục về định thuần nhất; tu học và tu học thuần thục về đinh hỗn hợp;42 tu học và tu học thuần thục về định hạn chế; tu học và tu học thuần thục về định rộng khắp; khi ấy Ta phát sanh thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tịnh, hướng đến an trú vào định, siêng năng tu tập đạo phẩm, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này A-na-luật-đà, bấy giờ, Ta thực hành an trú trong trạng thái thiền đinh ấy. [0539ỒỒ8] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà5 Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.43

41 Bài kinh này liệt kê 11 loại tùy phiền não, gồm: (i) Nghi ngờ, (ii) Thất niêm (vô niệm), (iii) Lòng bồn chồn (thân bệnh tưởng), (iv) Thụy miên, (v) Tinh tấn quá đọ, (vi) Lười biếng thái quá, (vii) Sợ hãi, (viii) Vui mừng phấn chấn,(IX)Khát vọng hy cầu (tâm tự cao), (x) Tưởng sai biệt, (xi) Quá chú tâm trên săc pháp. 42 Nguyên tác: Tạp định ():Từ lúc nhập cho đến lúc xuất, lần lượt đi từ định này sang định khác. Khá^ với Nhất himng định, định thuần túy, từ lúc nhập cho đến lúc xuât chỉ một loại định. 43 Bản Hán, hết quyển 17.

73. KINH CHƯ THIÊN12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Chi-dề,2 ngụ trong rừng Thủy Chử.3 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thuở xưa, khi chưa chứng đắc đạo giác ngộ Vô thượng Chánh chân, Ta đã nghĩ như vầy: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tjnh." Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc. Nhimg Ta chưa thể với chư thiên kia cung tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp. Ta lại suy nghĩ: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, cho đến có thể với chư thiên kia cung tụ hội, cung thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tjnh." Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc và với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cung đàm luận, cùng đối đáp. Nhưng Ta không biết chư thiên kia họ gì, tên gì và sanh như thế nào. [0539c08] Ta lại nghĩ: "Làm ứiế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, cho đến có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cung thăm hỏi, cùng đàm luận, cung đối đáp, cũng biết chư thiên kia họ gtên gì, sanh như the nào? Được như vậy thì sự thay biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịnh/9 Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tinh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tân nên Ta liên thấy được ánh

sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cung

1 Quyển 18. Nguyên tác: Thiên kỉnh (OI. 0026.73. 0539ỒỈ9). Tham chiếu: A. 8.64 - IV. 302. 2 Nguyên tác: Chi-đề-sấu (Cetisu) Nước Chi-đề (Ceti) là một trong ló quốc gia ở thời Phật. 3 Nguyên tác: Thủy Chử lâm ().Tham chiếu: A. 8.64 - IV. 302: Gayāyam viharati gayāsīse (trú tại thôn Gayā, trong núi Gayāsīsa). Núi Gayāsīsa còn được dịch là Tượng Đâu sơn ().

thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp và cũng biết được chư thiên có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy. Nhưng Ta không biết chư thiên kia ăn uống the nào, cảm nhận kho lạc ra sao. Ta lại nghi: "Làm thê nào đê ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ây mà thấy hình săc? có thê với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì, sanh như thế nào và biết chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịĩlh?,, Đe có sự thấy biết cực kỳ trong sáng và thanh tinh, Ta liên sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp, biết được chư thiên có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy và cũng biết được chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy. Nhưng Ta không biết chư thiên kia trường thọ thế nào, tồn tại lâu dài thế nào và thọ mạng chấm dứt ra sao. [0540a0l] Ta lại suy nghĩ: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, có thể với chư thiên cùng tụ hội5 cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đoi đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì, sanh như the nào; biết chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao và cũng biết chư thiên kia trường thọ thế nào, tồn tại lâu dài thế nào và thọ mạng chấm dứt ra sao? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịnh.99 Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buôriẸ lung, tu hành tinh tấn nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thê với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đoi đáp, biết được chư thiên kia có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy, cũng biết được chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy và cũng biết được chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy. Nhưng Ta không biết được chư thiên kia đã tạo nghiệp thế nào, chết đây sanh kia ra sao. Ta lại nghĩ răng: "Làm thê nào đê ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, co thể với chư thiên cùng tụ hội, cùng thăm hỏi? cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì? sanh như thế nào; biêt chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao; biết chư thiên kia trường thọ bao lâu, tồn tại lâu dài thế nào, thọ mạng chấm dứt ra sao và cũng biết chư thiên kia đã tạo nghiệp thế nào, chết đây sanh kia ra sao? Được như vậy thì sự thấy biêt của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịnh?95 Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh

tân. Nhờ sôĩiệ một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, Ta liền thay được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp, biết chư thiên kia

73. KINH CHƯ THIÊN 489

CÓ họ như vậy? tên như vậy, sanh như vậy, cũng biết chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy, cũng biết chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy? thọ mạng chấm dứt như vậy và cũng biết chư thiên kia đã tạo nghiệp như vậy, chết đây sanh kia như vậy. Nhung Ta không biết chư thiên ấy ở trong những cõi trời nào. [0540b01] Ta lại nghĩ rằng: .Ta làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thấy hình sắc, có thể với chư thiên cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì5 sanh như thế nào; biết chư thiên kia ăn uống thế nào, cảm nhận khổ lạc ra sao; biết chư thiên kia trường thọ bao lâu, tồn tại lâu dài thế nào và thọ mạng chấm dứt ra sao; biết chư thiên kia đã tạo nghiệp thế nào, chết đây sanh kia ra sao và cũng biết chư thiên kia ở những cõi trời nào? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tjnh." Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tinh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thể với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; cũng biết chư thiên kia ăn uống như vậy, cảm nhận khổ lạc như vậy; cũng biết chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy; lại cũng biết chư thiên kia đã tạo nghiệp như vậy, chét đây sanh kia như vậy và cũng biết chư thiên kia ở trong những cõi trời như vậy. Nhimg Ta không biết cõi trời ấy Ta từng sanh vào đó hay chưa từng sanh vào đó. Ta lại nghĩ: "Làm thế nào để ánh sáng được phát sanh, nhờ ánh sáng ấy mà thay hình sắc, có the với chư thiên cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đối đáp; biết chư thiên kia họ gì, tên gì? sanh như thế nào; biết chư thiên kia ăn uống the nào, cảm nhận kho lạc ra sao; biết chư thiên kia trường thọ bao lâu, tôn tại lâu dài thê nào và thọ mạng châm dứt ra sao; biêt chư thiên kia đã tạo nghiệp thê nào, chét đây sanh kia ra sao; biêt chư thiên kia ở những cõi trời nào và cũng biết cõi trời ấy Ta đã từng hay chưa từng sanh vào đó? Được như vậy thì sự thấy biết của Ta sẽ cực kỳ trong sáng và thanh tịnh.,, Đe có sự thấy biết trong sáng và thanh tịnh, Ta liền sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Nhờ sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn nên Ta liền thấy được ánh sáng, rồi thấy hình sắc, có thê với chư thiên kia cùng tụ hội, cùng thăm hỏi, cùng đàm luận, cùng đôi đáp; biết chư thiên kia có họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; cũng biết chư thiên kia ăn uông như vậy, cảm nhận khô lạc như vậy; cũng biêt chư thiên kia trường thọ như vậy, tồn tại lâu dài như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy; lại cũng biết chư thiên kia đã tạo nghiệp như vậy, chết đây sanh kia như vậy; cũng biết chư thiên kia ở trong những cõi trời như vậy và cũng biết cõi trời ấy Ta từng sanh vào đó hay chưa từng sanh vào đó.

490 > KINH TRUNG A-HÀM

Nếu Ta không biết một cách chân chánh về tám phương diện này4 thì không thê xác đinh sự chứng đác và cũng không biêt Ta đã đác đạo giác ngộ Vô thượng Chánh chân; Ta cũng không the vượt lên các cảnh giới của chư thiên, loài người, Ma, Phạm, Sa-môn9 Phạm chí; Ta cũng không được giải thoát với những sự giải thoát sai biệt; Ta cũng chưa lìa điên đảo, chưa biết đúng như thật: "Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh níía." Nếu Ta biết một cách chân chánh về tám phương diện này thì có thể xác định sự chứng đắc và cũng biết Ta đã đắc đạo giác ngộ Vô thượng Chánh chân; Ta vượt han lên trên các cảnh giới của chư thiên, loài người, Ma, Phạm, Sa- môn, Phạm chí; Ta cũng chứng đắc giải thoát với những sự giải thoát sai biệt; tâm Ta đã xa lìa điên đảo và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đức Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

4 Nguyên tác: Bát hành (,auhạparỉvattạĩỴÌ)'. Hiểu rõ về cảnh giới chư thiên với 8 phương diện, bao gôm: (i) Thấy được ánh sáng và thấy hinh, sắc; (ii) Cùng gặp gỡ, đàm luận; ,(iii) Biết tên họ và nới sanh; (iv) Biết việc ăn uống và khổ lạc; (v) Biết thời gian va Siọ mạng; (vi) Biết nghiệp quả để sanh thiên; (vil) Biết chúng chư thiên; (viii) Biêt cõi trời đã từng sanh vào.

74. KINH TÁM ĐIỀU SUY NIÊM1 .

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bà-kỳ,2 ngụ tại vườn Nai, trong rừng Sợ Hãi, thuộc núi Cá sấu.3456 Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà sống giữa dân chúng Chi-đề/ trong rừng Thủy Chử. Có lần, Tôn giả A-na-luật-đà ở nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Bạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục; đạo chứng đắc từ biết đủ? chứ không phải từ không biết đủ; đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, song với hội họp, tương hợp với hội họp; đạo chứng đắc từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác; đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm; đạo chứng đắc từ đinh tâm, chứ không phải từ loạn tâm; đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si.” Lúc ấy, bằng Tha tâm trí,5 đức Phật biết rõ những suy nghĩ, những tư duy, những chí nguyện trong tâm của Tôn giả A-na-luật-đà. Khi đã biết rồi, đức Phật liền nhập Như kỳ tượng định/ bằng sức đinh đó? trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật bỗng ẩn mất khỏi rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai thuộc nước Bà-kỳ và xuất hiện tại rừng Thủy Chử ở nước Chi-dề, đứng trước mặt Tôn giả A-na-luật-đà. Bấy giờ, đức Phật liền xuất định, khen ngợi Tôn giả A-na-luật-đà: Lành thay, lành thay, A-na-luật-đà! Thầy ở nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Đạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục; đạo chứng đắc từ biết đủ, chứ không phải từ không biết đủ; đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương

1 Nguyên tác: Bát niệm kỉnh roi. 0026.74. 054ƠCÍ8. Tham chiếu: A-na-luật Bát niệm kinh roi. 0046. 0835C12; Tăng.7.02. 0125.4*6. 0754al2; 4 8.30 - IV. 228. 2 Nguyên tác: Bà-kỳ-sấu Bhaggesu. Bhagga Bà-kỳ là một tiểu quốc, có thủ phủ là Sumsumāragiri. 3 Nguyên tác: Đà Sơn Bố lâm Lộc Dã viên

SuiḶisumragira Bhesakalāvana Migadāya. 4 Nguyen tác: Chi-đề-sấu Cetīsu. Xem chú thích 2, kinh số 73, tr. 487. 5 Tha tâm trí ,một trong 10 trí của Phật, là trí biết tâm niệm của người khác. 6 Nhập như kỳ tượng định .SĀ. 535: Như kỳ tượng tam-muội chánh thọ .Đây không phải*tên riêng của mọt loại định mà là chỉ chcThanh động của thân, tam đang diễn ra. Thân ngay thẫig, bất động tâm chuyên chú vào một chỗ .Tham chiêu: M. 50: Paccattam yoniso manasãkãsỉ tự mình quán sát nguyên do.

hợp với hội họp; đạo chứng đắc từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác; đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm; đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm; đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si." [0541al0] Này A-na-luật-đà! Thầy hãy nghe Như Lai dạy mà lãnh thọ thêm điều suy niệm thứ tám của bậc Đại nhân.7 Sau khi lãnh thọ, thầy hãy tư duy thế này: "Bạo chứng đắc từ không hy luận, ưa không hy luận, thực hành không hy luận, chứ khônẹ phải từ hy luận, ưa hy luận và thực hành hy luân.” Này A-na- luật-đà! Nếu thây thành tựu tám điêu suy niệm của bậc Đại nhân8 thì chác chăn có thể lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, cho đến thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Này A-na-luật-đà! Nấu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân và còn chứng đắc bốn tâm tăng thượng này9 nữa thì được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có cái rương đẹp, đựng đầy các loại y phục đẹp, buổi sáng muốn mặc gì liền lấy mặc? buổi trưa hay buổi chiều muốn mặc gì liền lấy mặc, tùy ý tự tại. Này A-na-luật-đà9 thầy cũng như thế, y phấn tảo là y phục bậc nhất, tâm thầy không tham dục, song và an trú với hạnh này. Này A-na-luật-đà! Nếu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có đầu bếp giỏi hay nấu nhiều món ăn thơm ngon, tinh sạch, thượng diệu. Này A-na-luật-đà9 thầy cũng như the, thức ăn khất thực là thức ăn bậc nhất, tâm thay không tham dục, sống và an trú với hạnh này. Này A-na-luật-đà! Nấu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có nhà cửa đẹp hoặc có lầu gác cung điện, thầy cũng như thế, nương bên gốc cây mà sống, đây là ngôi nhà bậc nhất, tâm thầy không tham dục, sống và an trú với hạnh này. Này A-na-luật-đà! Nêu thây thành tựu tám điêu suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Giống như vua và đại thần có giường tốt đẹp mà nệm lót được dệt băng lông thú, có chăn đăp băng gâm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Này A-na-luật-đà, thầy cũng như thế, nệm ngồi bằng cỏ hay nệm ngồi bằng lá cây là chỗ ngồi bậc nhất, tâm thầy không tham dục, sống và an trú với hạnh này. [0541005] Này A-na-luật-đà! Nếu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong

7 Nguyên tác: Đại nhân chi niệm Mahāpurisavitakkā. 8 Nguyên tác: Đại nhân bát niệm ,Atthā mahãpurỉsavittakkà . 9 Bốn tâm tăng thượng ở đây chỉ cho 4 tâm chứng đắc và an trú vào 4 tầng thiền, từ Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư.

hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Như vậy, thầy du hóa phương Đông, chác chăn được an lạc, không có khổ đau. Nếu du hóa phương Nam, phương Tây hay phương Bắc, chắc chắn cũng được an lạc, không có khổ đau. Này A-na-luật-đà! Nếu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân và chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Đối với các pháp thiện mà thầy đã an trú Ta còn chưa kê đên, huông gì nói đên việc suy hao? Các pháp thiện cứ ngày đêm tăng trưởng chứ không hề suy giảm. Này A-na-luật-đà! Nếu thầy thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân và chứng đắc bốn tâm tăng thượng này thì sẽ được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó. Chắc chắc thầy sẽ chứng đắc một trong hai quả vị: Hoặc đắc Trí cứu cánh10 ngay trong đời này, hoặc nếu còn hữu dư11 thì đắc A-na-hàm. Này A-na-luật-đà! Thây hãy thành tựu tám điêu suy niệm của bậc Đại nhân và cũng nên chứng đăc bôn tâm tăng thượng này nữa, đê được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không phải quá khó, sau đó an cư mùa mưa trong rừng Thủy Chử thuộc nước Chi-đề. Bấy giờ, đức Phật thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ.12 Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến vị ấy hoan hỷ rồi, đức Phật nhập Như kỳ tượng đinh, bang sức định đó, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật bỗng ẩn mất khỏi rừng Thủy Chử thuộc nước Chi-đề và xuất hiện trong rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai ở nước Bà-kỳ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu đức Phật. Khi Thế Tôn xuất định rồi, Ngài liền quay lại bảo: Này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo nào đang ở rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai này thì hãy bảo tất cả nhóm họp tại giảng đường. Khi tất cả đã nhóm họp đầy đủ rồi, thầy trở lại báo cho Ta biết. Tôn giả A-nan vâng lời Phật, đảnh lễ sát chân Ngài và liền đi thông báo: "Các vị Tỳ-kheo nào đang ở rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai, tất cả hãy tập trung tại giảng đường." Khi các Tỳ-kheo đã tập hợp tại giảng đường roi, Tôn giả A-nan trở về đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, đứng sang một bên thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo đang ở rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, vườn Nai đã tập hợp tại giảng đường. Kính mong đức Thế Tôn biết cho!

10 Nguyên tác: Cứu cánh trí Sammadañña'. Trí tuệ của bậc A-la-hán, quả vị A-la-hán. MA. 187 gọi là Sở đác trí . 11 Hữu dư Phiền não còn sót lại. 12 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

[0541c04] Lúc ấy, đức Phật cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xuống rồi, đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo! Nay Ta sẽ nói cho các thầy nghe về tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Các thầy hãy lắng nghe và

khéo suy nghĩ! Lúc đó, các Ty-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Tám điều suy niệm của bậc Đại nhân là: Đạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục; đạo chứng đắc từ biết đủ, chứ không phải từ không biết đủ; đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương hợp với hội họp; đạo chứng đắc từ tinh cần, chứ không phải từ biếng nhác; đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm; đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm; đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si; đạo chứng đắc từ không hy luận, ưa không hý luận, thực hành không hy luận, chứ không phải từ hy luận, ưa hy luận và thực hành hy luận. Thế nào là đạo chứng đắc từ không tham dục, chứ không phải từ tham dục? Nghĩa là Tỳ-kheo được không tham dục thì tự biết đã được không tham dục, không đe người khác biết mình không tham dục; được biết đủ, được viễn ly, được siêng năng, được chánh niệm, được đinh tâm, được trí tuệ và được không hy luận thì tự biết đã được không hý luận, không muôn người khác biết mình không tham dục. Đó gọi là đạo chứng đắc từ không tham dục chứ không phải từ tham dục. Thế nào là đạo chứng đắc từ biết đủ, chứ không phải từ không biết đủ? Nghĩa là Tỳ-kheo sống với hạnh biết đủ5 áo đủ che thân, ăn đủ nuôi thân. Đó là đạo chứng đắc từ sự biết đủ, chứ không phải từ sự không biết đủ. Thế nào là đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương hợp với hội họp? Nghĩa là Tỳ-kheo thực hành hạnh viễn ly, thành tựu hai sự viễn ly là thân và tâm viễn ly. Đó gọi là đạo chứng đắc từ hạnh viễn ly, chứ không phải từ ưa thích hội họp, sống với hội họp, tương hợp với hội họp. Thế nào là đạo chứng đắc từ tinh tấn, chứ không phải từ biếng nhác? Nghĩa là Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, dứt trừ xấu ác bất thiện, tu các thiện pháp? thường tự giữ tâm chuyên nhất và vững chãi, vì gốc rễ thiện pháp mà luôn cố găng. Đó gọi là đạo chứng đắc từ tinh tấn, chứ không phải từ biếng nhác. Thế nào là đạo chứng đắc từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán nội thọ đúng như thọ, quán nội tâm đúng như tâm, quán nội pháp đúng như pháp.13 Đó gọi là đạo chứng đắc từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm.

^Nguy^Ị tác: Tỳ-kheo quán nội thân như thân, quán nội giác..., ... tâm, pháp như pháp .Đây là tỉnh lược của pháp quán tứ niệm xứ cattārosatipatthāna. Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272.

74. KINH TÁM ĐIỀU SUY NIỆM 495

Thế nào là đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm? Nghĩa là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bát thiện, cho đên chứng đác và an trú Thiên thứ tư. Đó gọi là đạo chứng đắc từ định tâm, chứ không phải từ loạn tâm. Thế nào là đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si? Nghĩa là Tỳ- kheo tu hành trí tuệ? quán pháp hưng suy, chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt rõ ràng để rồi đoạn tận mọi khổ đau. Đó gọi là đạo chứng đắc từ trí tuệ, chứ không phải từ ngu si. Thế nào là đạo chứng đắc từ không hý luận, ưa không hy luận, thực hành không hy luận; chứ không phải từ hý luận, ưa hy luận, thực hành hy luận? Nghĩa là Tỳ-kheo tâm ý thường diệt hy luận, an lạc trong Vô dư Niết-bàn,14 tâm thường an lạc, hoan hỷ thong dong. Đó gọi là đạo chứng đắc từ không hy luận, ưa không hy luận, thực hành không hy

luận, chứ không phải từ hy luận, ưa hy luận, thực hành hy luận Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã thành tựu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân này rồi, sau đó an cư mùa mưa tại rừng Thủy Chử thuộc nước Chi-đê. Sau khi được Ta giảng dạy những điêu này, vi ây sông một mình nơi yên vắng, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành. Vị ấy đã sống một mình nơi thanh vắng, tâm không buông lung, tinh tấn tu hành, bởi lý do mà một thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với lòng tin tha thiết, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng. Ngay trong đời này, vị ấy tự biết, tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Lúc đó, Tôn giảA-na-luật-đà chứng đắc A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn, xứng đáng là bậc Trưởng lão thượng tôn, rồi nói kệ này: Đấng Tối Tôn trong đời, Từ xa thâu lòng con, r Chánh thân tâm nhập định, Nương hư không đên đây. Như tâm con đã nghi, Phật thuyết còn cao hơn, Chư Phật không hy luận, Mọi hy luận không còn. Con từ Phật biết pháp, Vui tru pháp tu hành, Chánh định liền chứng nhanh, Pháp Phật đã tựu thành. 9 r Con chăng ưa sự chét, Cũng chăng muôn sự sanh, Nay tùy theo sở thích, Chánh niệm, trí đã thành. Tỳ-da-ly5 Trúc Lâm? Nơi đó bỏ xác thân, Ngồi yên dưới khóm trúc, Nhập Vô dư Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

14 Vô dư Niết-bàn cũng được gọi là Bát-niết-bàn .

75. KINH THANH TỊNH KHÔNG LAY CHUYỂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm5 thuộc nước Câu-lâu.23 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Dục là vô thường, không thật, giả dối; đã là pháp giả dối thì huyễn hóa, k. . e e r dôi gạt, ngu si. Dù dục đời này hay dục đời sau, hoặc sác đời này hay săc đời sau, tát cả những thứ ây đêu thuộc vê cảnh giới của ma, là miêng môi của ma. Do đây mà khiến tâm sanh vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam,3 sân hận, đấu tranh... làm chướng ngại cho sự tu học của vị Thánh đệ tử. Vi Thánh đệ tử đa văn nên quán sát như vầy: "Thế Tôn dạy rằng Mục là vô thường, không thật, giả doi; đã là pháp giả doi thì huyễn hóa, doi gạt, ngu si. Dù dục đời này hay dục đời sau, hoặc sắc đời này hay sắc đời sau, tất cả những thứ ây đêu thuộc vê cảnh giới của ma5 là miêng môi của ma. Do đây mà khiên tâm sanh vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân hận, đấu tranh... làm chướng ngại cho sự tu học của vị Thánh đệ tử.'" Vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "Ta có thể đạt đến tâm rộng khắp, thành tựu và an trú, chinh phục the gian,45giữ gìn tâm ấy.5 Nêu ta đạt đen tâm rộng khắp, thành tựu và an trú, chinh phục thế gian, giữ gìn tâm ấy, như vậy tâm sẽ không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân hận và đau tranh... làm chướng ngại cho sự tu học của vị Thánh đệ tử” Vi ấy bằng sự thực hành như thê, học như thê, tu tập như thê, roi làm cho rộng khắp, liên nhân đó mà được tâm thanh tịnh.6 Khi tâm đã được thanh tịnh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà đạt

Nguyên tác: Tịnh bất động đạo kinh roi. 0026.75. 0542b03. Tham chiếu: M. 106, Āneñjasappāya Sutta Kinh bất động lợi ích. 2 Câu-lâu đô ấp .Xem chú thích 3, kinh số lo, tr. 55. 3 Tăng tứ .Bản kinh Pali tương đương ỉầ M. 106 viết là abhijjhāpi.

ở đây, abhijjhā^ có nghĩa là tham cầu, tham dục. Tiếp đầu ngữ adhỉ có nghĩa là "tang" có lẽ do đọc nhâm tiêp đâu ngữ abhi thành adhi nên bản Hán viết 4ítăng tứ" 4 Nguyên tác: Yểm phục thế gian .M. 106: Abhibhuyya lokarn siêu việt thế gian. 5 Nguyên tác: Nhiếp trì kỳ tâm .M. 106: Adhitthāya manasā sau khi xác định vị trí của ý, HT. Thích Minh Châu dịch. 6 Nguyên tác: Tiện ư xứ đắc tâm tịnh .Tham chiếu: M. 106: Āyatane cittampasīdati tâm trở thành an tịnh trong giới xứ của nó, HT. Thích Minh Châu dịch.

9 A e

được sự không lay chuyên/ hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát. Vê sau, khi vị ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến sự không lay chuyển. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ nhất đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyển. Lại nữa, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vây: "Những gì là săc5 tát cả săc ấy là bốn đại và do bổn đại tạo thành. Bốn đại chính là pháp vô thường, là kho, là diệt.,, Vị ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tinh rồi, vi ấy hoặc ở ngay nơi đó mà đạt được sự không lay chuyển, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vi ấy qua đời, nhờ tâm thanh tinh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến sự không lay chuyển. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ hai đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyển. [0542c02] Lại nữa, các vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy"Dù dục đời này hay dục đời sau, dù sắc đời này hay sắc đời sau, dù tưởng về dục đời này hay tưởng về dục đời sau, dù tưởng về sắc đời này hay tưởng về sắc đời sau thì tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, là khổ, là diet." Bấy giờ, vị ấy đạt được Sự không lay chuyên. Vị ây băng sự thực hành như thê, học như thê, tu tập như thế, roi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tinh. Khi tâm đã được thanh tinh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà đạt được sự không lay chuyển, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vị ấy qua đời5 nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến sự không lay chuyển. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ ba đưa đên sự thanh tinh không lay chuyên. Lại nữa, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: "Dù là tưởng về dục đời này hay tưởng vê dục đời sau, dù là tưởng vê sác đời này hay tưởng vê săc đời sau và tưởng vê sự không lay chuyên thì tát cả những tưởng ây đêu là pháp vô thường, là khổ, là diệt.,^ Bấy giờ, vi ấy đạt được tưởng Vô sở hữu xứ.7 8 Vị ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tịnh rồi thì vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được the nhập vào cõi Vô Sở Hữu Xứ, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vi ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn sẽ đạt đến cõi Vô Sở Hữu Xứ. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ nhất đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu Xứ.9

7 Nhập bất động ānerijāni samāpajjati: Nhập định với trạng thái bất động, chỉ Đệ tứ thiền. Tham chiếu: tập kỉnh r.03. 0152.8^ 0050a20: Nhát tâm bất độn£ chứng Thiền thứ tư 8 Vô Sở Hữu Xứ ,,Āl$ifīcañ̃ñ2ya]ana: Tầng trời

thứ 3 của Vô sắc giới, ứng với cấp thiền định gọi là Vô sở hull xứ định. ở cap này, thiền giả thành tựu được tâm hoàn toàn thành tịnh/ quân bình. DÃ. 5 viết là Bất dụng xứ .Thành tựu được phép định này hành giả trực nhận không có vật gì, hiện tượng gì tồn tại, nhờ đó bản thân mình không bị hạn chế hay bị vướng mắc bơi bất cư vật gì, hiền tượng gì. 9 Nguyên tác: Tịnh vô sở hữu xứ đạo .M. 106: Ākiñcañññāyatanasappayāpatipadā sự thực hành đưa đến cõi Vô Sở Hữu Xu.

75. KINH THANH TỊNH KHÔNG LAY CHUYÊN 499

Lại nữa, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: "Thế gian này là không, không có cái ta? không có cái của ta, không thường, không hang, không trường tồn, không có gì không biến(téi." Vi ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tinh. Khi tâm đã được thanh tịnh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được thể nhập vào cõi Vô Sở Hữu, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vị ấy qua đời, nhờ tâm thanh tinh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến cõi Vô Sở Hữu. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ hai đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu. Lại nữa, vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: “Ta không phải do cái khác tạo ra mà có? cũng không phải do tự mình mà c6."i° Vị ấy bằng sự thực hành như thế, học như thế, tu tập như thế, rồi làm cho rộng khắp, liền nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tịnh rồi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được thể nhập vào cõi Vô Sở Hữu, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát. về sau, khi vi ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chăn đạt đên cõi Vô Sở Hữu. Đó gọi là phương pháp thực hành thứ ba đưa đên sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu. [0543a01] Lại nữa, vị Thanh đệ tử đa văn quán sát như vày: "Dù là dục đời này hay dục đời sau, dù là sắc đời này hay sắc đời sau, dù là tưởng về dục đời này hay tưởng về dục đời sau, dù là tưởng về sắc đời này hay tưởng về sắc đời sau, tưởng về sự không lay chuyển và tưởng Vô sở hữu xứ thì tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, là khổ, là diet." Bấy giờ, vi ấy đạt được Vô tưởng. Vị ây băng sự thực hành như thê, học như thê, tu tập như thê, roi làm cho rộng kháp, liên nhân đó mà được tâm thanh tịnh. Khi tâm đã được thanh tịnh roi, vị ấy hoặc ở ngay nơi đó mà được nhập Vô tưởng, hoặc nhờ trí tuệ mà được giải thoát, về sau, khi vị ấy qua đời, nhờ tâm thanh tịnh đã đạt được trước đó nên chắc chắn đạt đến cõi Vô Tưởng. Đó gọi là phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô Tưởng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu đức Phật. Tôn giả liền chắp tay hướng về Ngài thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo nào thực hành như vầy: "Không có cái ta5 không có cái của ta; cái ta không tồn tại ở tương lai, cái của ta không tồn tại ở tương lai, những gì chấp thủ trước kia nay đều buông xả hết." Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo thực hành như thế, vị ấy đã buông xả tất cả thì có chứng đắc Cứu cánh Niết-bàn chăng? Đức Phật bảo: -NàyA-nan! Việc ấy không nhất định, có người chứng đắc, có người không chứng đắc.

10 Tham chiếu: M. 106: Nāham kẏacanỉ kassaci kiñcanatasmirn, na ca mama kvacani kỉsmmci kiñcanarn natthī'ti (Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai va trong hình thức nào), HT. Thích Minh Châu dịch.

Tôn giả A-nan lại thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo thực hành pháp nào mà không chứng đắc Niết-bàn? Đức Phật bảo: - Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo thực hành như vầy: "Không có cái ta, không có cái của ta; cái ta không tồn tại ở tương lai, cái của ta không tồn tại ở tương lai, những gì chấp thủ trước kia nay đều buông xả hết." Nhưng này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy vui thích với sự buông xả ây, dính mác nơi sự buông xả ây, an trú vào sự buông xả ây, A-nan, Tỳ-kheo thực hành như vậy chác chăn không chứng đắc Niết-bàn. Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo nào có chấp thủ thì không đắc Niết-bàn chăng? Đức Phật bảo: -Đúng vậy? A-nan! Nếu Tỳ-kheo có chấp thủ thì sẽ không đắc Niết-bàn. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ấy chấp thủ bởi pháp nào? Đức Phật bảo: Này A-nan! Trong những cõi hữu dư thì cõi trời Hữu Tưởng Vô Tưởng11 là hơn hết trong ba cõi. Tỳ-kheo còn chấp thủ ở đó. Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ấy còn chấp vào pháp nào khác nữa chăng? Đức Phật bảo: -Đúng như thế, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào các pháp khác nữa. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo phải tu hành như thế nào mới chắc chắn đắc Niết-bàn? “ Đức Phật bảo: Này A-nan! Nêu Tỳ-kheo nào thực hành như vây: "Không có cái ta, không có cái của ta; cái ta không tồn tại ở tương lai, cái của ta không tồn tại ở tương lai, những gì chấp thủ trước kia nay đều buông xả hết?9 A-nan, nếu Tỳ-kheo không vui thích với sự buông xả ấy, không dính mắc nơi sự buông xả ấy, không bám trụ vào sự buông xả ấy, thì này A-nan, Tỳ-kheo thực hành như vậy, chắc chắn sẽ chứng đắc Niết-bàn. [0543b03] Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn đắc Niết-bàn chăng?

11Ịv tỊjĩữu Tưởng Vô Tưởng Xứ ,tên gọi khác của Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ,Nevasañññānāsafmāyatana. J J

75. KINH THANH TỊNH KHÔNG LAY CHUYỂN 501

Đức Phật bảo: Đúng vậy, A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn đắc Niết-bàn. Bây giờ, Tôn giả A-nan chăp tay hướng vê đức Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Ngài đã nói về phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyên, đã nói vê phương pháp thực hành đưa đên sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu Xứ, đã nói về phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô Tưởng, đã nói về phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô dư Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Thế nào là sự giải thoát của bậc Thánh? Đức Phật bảo: -Này A-nan! Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vầy: "Dti là dục đời này hay dục đời sau; dù là sắc đời này hay sắc của đời sau; dù tưởng về dục đời này hay tưởng về dục đời sau; dù tưởng về sắc đời này hay tưởng về sắc đời sau, tưởng về sự không lay chuyển, tưởng Vô sở hữu xứ và tưởng Vô tưởng thì tất cả các tưởng ấy đều là pháp vô thường, là khổ, là hoại diệt; đó gọi là hữu thân.12 Nếu là hữu thân thì đó là sanh, là già, là bệnh, là chết. Này A-nan! Nếu còn có pháp này thì phải diệt trừ sạch, không để sót lại gì, không để phát sanh trở lại; như vậy sẽ không sanh, không già, không bệnh, không chết. Bậc Thánh quán sát như vậy, nêu còn có điêu gì thì đó chính là pháp giải thoát; nêu có điêu gì bất tử13 thì đó chính là Vô dư Niết-bn." Vị nào quán như vậy, thấy như vậy, chắc chắn được tâm giải thoát khỏi dục

lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết đã giải thoát và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Này A-nan! Nay Ta vì thầy mà đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh không lay chuyển, đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Sở Hữu Xứ, đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tịnh cõi Vô Tưởng, đã nói phương pháp thực hành đưa đến sự thanh tinh cõi Vô dư Niết-bàn? đã nói về sự giải thoát của bậc Thánh. Như bậc Tôn Sư với tâm đại bi, đoái tưởng, thương xót, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho chúng đệ tử, những điều ấy Ta nay đã làm xong. Các thầy hãy tự mình • r . r thực hành, hãy đến nơi văng vẻ, đến bên góc cây thanh văng yên tĩnh, ngôi lặng lẽ mà tư duy, chớ có buông lung, hãy nỗ lực tinh tấn, chớ hối tiếc về sau. Đây là lời răn dạy của Ta, đó là lời giáo huấn của Ta. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 Nguyên tác: Tự kỷ hữu sakkāyo: Tự thân hay hữu thân, chỉ cho sự chắc thật của 5 uẩn khandhapañcakd. 13 Nguyên tác: Cam lộ amatà. Bất tử, ở đây mang nghĩa giải thoát.

76. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa úc-già-chi-la/ ngụ bên bờ sông Hằng.3 Bấy giờ, vào lúc xế chiều, có vi Tỳ-kheo rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài thuyết giảng pháp chánh yếu4 cho con. Sau khi nghe Thế Tôn dạy, con sẽ sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Vì để sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, thế nên người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Đức Phật dạy: Này Tỳ-kheo! Hãy tu tập như vầy: Giữ tâm an trụ, bất động bên trong, tâm không hạn lượng, khéo léo tu tập. Lại quán nội thân đúng như56thân, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác/ khéo điều phục tâm mình, khiên lìa xa bon xẻn, tâm không sâu não. Lại quán ngoại thân đúng như thân,

1 Nguyên tác: ủc-già-chỉ-la kỉnh roi, 0026.76. 0543c01. Tham chiếu: s. 47.3 - v. 142; A. 8.63 - IV. 299. 2 úc-già-chi-la Ukkācelā, một ngôi làng thuoc nước Bạt-kỳ Vajjī, bên bờ sông Hằng Gañgā, trên con đường từ thành Vương Xá Rājagaha đến thành Xá-vệ , Sāvatthi và làng này gần thành Xá-vệ. 3 Nguyên tác: Hằng Thủy trì ngạn ,bờ hồ Hằng Thủy. Do đi cùng đi với địa danh úc-già- chi-la ,Ukkācelā nen co thể xác định đó là sông Hằng. Vì theo DPPN, Ukkācelā là một ngôi làng thuộc nước Bạt-kỳ ,Vajjī, nằm bên bờ sông Hăng. 4 Nguyên tác: Thiện lược thuyết pháp samkhittena dhammam desetu'. Thuyết pháp vắn tắt. 5 Như :Giống như, đúng như .Tham chiếu: M. 10: Anupassī, có nghĩa là quán sát liên tục, từ sát-na này đến sáĩ-na khác, chuyên chú quán sát. ở một

phương diện khác, anu là tiếp đầu ngữ, có nghĩa là tùy theo, dựa theo. Chính vì vậy, anupassī, động tư la anupassati, còn được dịch là tùy quán Bsfe. 6 Nguyên tác: Hành cực tinh cần, lập chánh niệm, chánh trí ,.Đây là 3 yếu tố quan trọng trong khi quán tứ niệm xú:cattāro-satipatthāna. Tham chiêu: M. 10, Satipatthāna Sutta Kinh niềm xứ: Ātāpī sampajāno satimā nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm. Ngay như bản kinh đề cập đầy đủ nhất về tứ niệm^ư thuộc Trung A-harn ỉảrMÃ. 9 chi dề cập đến 2 yếu to liên quanden chánh niệm và tỉnh giác mà vẫn chưa đề cập đến yếu tố tinh cần ātāpī. Xem Niệm xứ kinh roi. 0026.98. 0582b23: Lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng sunt minh đạt ,i BMW ã.

thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo điều phục tâm, khiến lìa xa bon xẻn, tâm không sầu não. Lại quán nội, ngoại thân đúng như thân, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo điều phục tâm, khiến lìa xa bon xẻn, tâm không sầu não. Này Tỳ-kheo! Với đinh như vậy được khéo léo tu tập trong khi đi tới, đi lui. Ngay cả lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng phải nên tu tập. Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán; tu tập về định không giác có quán; tu tập về định không giác không quán;7 cũng nên tu tập về định đi cùng với hỷ5 tu tập về định đi cùng với lạc, tu tập về đinh đi cùng với đinh và tu tập về định đi cùng với xả. Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập đinh này và đã tu tập thuần thục thì cần phải tu tập thêm quán nội thọ đúng như thọ,8 thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo điều phục tâm, khiến lìa xa bon xẻn, tâm không sầu não. Lại quán ngoại thọ đúng như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu não. Lại quán nội ngoại thọ đúng như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo che ngự tâm mình, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu não. Này Tỳ-kheo! Với định như thế, khi tới khi lui hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng nên tu tập như vậy. Lại nữa, cũng nên tu tập về đinh có giác có quán, tu tập về đinh không giác có quán, tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về định đi cùng với hỷ5 tu tập về đinh đi cùng với lạc, tu tập về định đi cùng với định và tu tập về định đi cùng với xả. [0544a04] Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập định này và đã tu tập thuần thục thì can phải tu tập thêm quán nội tâm đúng như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến lìa bon xẻn, tâm không sâu não; lại quán ngoại tâm đúng như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu não; lại quán nội, ngoại tâm đúng như tâm, thực hành hết sức tinh cân, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo chê ngự tâm minh, khiến lìa bỏ bon xẻn, tâm không sầu não. Này Tỳ-kheo! Với đinh như thế, khi tới khi lui hãy khéo léo tu tập; cho đến lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm5 lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng nên tu tập như vậy. Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán; tu tập vê định không giác có quán; tu tập vê đinh không giác không quán; cũng nên tu tập về định đi cùng với hỷ, tu tập về định đi cùng với lạc, tu tập về định đi cùng với định và tu tập về đinh đi cùng với xả. Này

Tỳ-kheo! Nếu tu tập đinh này và đã tu tập thuần thục thì càn phải tu tập thêm quán nội pháp đúng như pháp, thực hành hét sức tinh cần, giữ vững chánh

7 Nguyệntác: Tu học hữu giác hữu quán định, tu học vô giác thiểu quán định, tu học vô giác vô quán định ?.Xem chu thích 38, kinh số 72, tr.. 8
Nguyên tác: Nội giác như giác .

niệm tỉnh giác, khéo chế ngự tâm mình, khiến xa lìa bon xẻn, tâm không sầu não; lại quán ngoại pháp đúng như pháp, thực hành hết mực tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo che ngự tâm minh, khiến xa lìa bon xẻn, tâm không sầu não; lại quán nội, ngoại pháp đúng như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm tỉnh giác, khéo che ngự tâm mình, khiến lìa bon xẻn, tâm kh6ng sau não. Này Tỳ-kheo! Với định như thế, khi tới khi lui hãy khéo tu tập; cho đến lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh cũng cần phải tu tập. Lại nữa, cũng nên tu tập về định có giác có quán; tu tập về định không giác có quán; tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về đinh đi cùng với hy, tu tập về định đi cùng với lạc, tu tập về định đi cùng với định, tu tập về định đi cùng với xả. Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập định này và đã tu tập thuần thục thì này Tỳ-kheo, tâm sẽ tương ưng với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trú, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương; bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân giận não hại, bao la rộng lớn, không hạn lượng, khéo léo tu tập biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, tâm sẽ tương ưng với bi, với hỷ và xả? không gây thù kết oán, không sân giận não hại, bao la rộng lớn, không hạn lượng, khéo léo tu tập biến khắp tất cả the gian, thành tựu và an trú. [0544b03] Này Tỳ-kheo! Nếu tu tập định này và đã tu tập thuần thục, nếu thay có đi đen phương Đông thì vẫn luôn được an lạc, không bị các tai họa đau khổ. Nếu thầy đi đến phương Nam, phương Tây hay phương Bắc thì vẫn luôn được an lạc, không bị các tai họa đau khổ. Này Tỳ-kheo! Nếu thầy tu tập định này và đã tu tập thuần thục, Ta còn chưa kể đến các pháp thiện mà thầy đã an trú thì làm sao nói đến việc suy giảm? Vì thiện pháp sẽ luôn tăng trưởng cả ngày lẫn đêm mà không he suy giảm. Này Tỳ-kheo! Nếu thầy tu tập định này và đã tu tập thuần thục thì trong hai quả vị chắc chắn sẽ chứng được một quả vị: Ngay trong hiện tại chứng Trí cứu cánh;9 nếu còn phiền não10 thì chứng đắc A-na-hàm. Khi Tỳ-kheo ấy nghe những lời đức Phật dạy, khéo lãnh thọ, khéo giữ gìn rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng và lui ra. Sau khi nghe Phật dạy, vị ây sông một mình ở nơi thanh văng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Vì để sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, thế nên người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình,

9 Nguyên tác: Cứu cánh trí Sammadaññā'. Trí của một bậc A-la-hán. Xem chú thích lo, kinh so 74, tr. 493. 10 Nguyên tác: Hữu dư ,chỉ cho việc chưa đoạn tận tham ,lobho, sân,dosā, si ,moho.

làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tư thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Tôn giả đó liễu tri pháp rồi... (cho đến) chứng quả A-la-hán. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

77. KINH BA THIỆN NAM ở SA-KÊ-ĐẾ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Sa-kê-đế?2 ngụ trong rừng Thanh.3 Bấy giờ, tại Sa-kê-đế có ba thiện nam là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan- đề và Tôn giả Kim-tỳ-la, đều là những thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. LÚC ây, đức The Ton hỏi các Tỳ-kheo: -Ba thiện nam này đều là những thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. Ba thiện nam ấy có an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này chăng? Khi đó, các Tỳ-kheo im lặng, không trả lời. Đức Phật lại hỏi đến lần thứ ba: Ba thiện nam này đều là những thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. Ba thiện nam ấy có an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này chăng? Khi ấy, các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. [0544c04] Thế rồi, đức Phật đích thân hỏi ba thiện nam. Ngài hỏi Tôn giả A-na-luật-đà: Ba thiện nam các thây đêu ở tuôi thiêu niên, mới xuât gia học đạo? cùng sống trong Chánh pháp này chưa bao lâu. Này A-na-luật-đà! Các thầy có an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con rất an vui thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp này. Đức Phật lại hỏi: -Này A-na-luật-đà! Lúc các thầy còn nhỏ? là những đứa trẻ ấu thơ, trong trắng, tóc đen, thân the cường tráng, ưa thích chơi đùa, ưa thích tam gội, luôn trau chuốt thân mình. Khi lớn lên, bà con thân thích và cha mẹ các thầy đều

1 Nguyên tác: Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh (01. 0026.77. 0544Ồ21). Tham chiêu: M. 68, Nalakapāna Sutta (Kinh NaỊakapãnà). 2 Sa-kê-đế (Sāketa), một trong 6 thành phố lớn ở Ấn Độ thời cổ đại, thuộc Kosala, cách Sāvatthi khoang 7 do-tuần. 3 Thanh lâm (,Palāsavana), một khu rừng gần làng Nalakapāna.

thương yêu lưu luyến, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các thầy xuất gia học đạo. Vậy mà các thầy đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với lòng tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này A-na- luật-đà! Các thầy không phải vì sợ vua chúa mà xuất gia học đạo, cũng không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không vì sợ khủng bố, không vì sợ nghèo khổ không đủ để nuôi sống mà xuất gia học đạo mà chỉ vì chán ghét sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, sầu khổ, hoặc chỉ vì muốn chấm dứt tận cùng khối khổ lớn này nên xuất gia học đạo. Này A-na-luật-đà! Các thầy không vì những tâm niệm như vậy mà xuất gia học đạo chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: Bạch Thế Tôn! Quả thật như vậy. -Này A-na-luật-đà! Nếu người thiện nam với tâm niệm như thế mà xuất gia học đạo thì do đâu mà biết là sẽ chứng đắc Vô thượng pháp lành? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Kính bạch The Ton! The

Ton la côi nguồn cua giao pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: -Này A-na-luật-đà! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thay. A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà! Nêu ai bị dục che kín, bi pháp ác trói buộc thì sẽ không được xả, lạc và sự tịch tĩnh vô thượng. Tâm của vị ấy sẽ sanh ra tham muốn, sân hận, hôn trầm, tâm sanh buồn chán, thân sanh mệt mỏi, ăn nhiều, lòng sầu não. Tỳ-kheo ấy sẽ không nhẫn chiu được sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nang bức bách, không thể nhẫn chiu khi nghe nói xấu hay bị đánh đập, không thể nhẫn chịu được khi thân mắc phải các căn bệnh đau đớn gần như mạng chung hay gặp những cảnh ngộ không vừa lòng. Vì sao như vậy? Vì vi ấy bị dục che kín, bị pháp ác trói buộc, không được xả? lạc và sự tịch tĩnh vô thượng. Trái lại, nếu lìa dục, không bị pháp ác trói buộc, sẽ đạt đến xả ly5 an lạc và tịch tĩnh vô thượng. Tâm vi ấy không sanh tham muốn, sân hận, hôn trầm, tâm sanh vui thích, thân không sanh mệt mỏi, cũng không ăn nhiều, tâm không sầu não. Tỳ-kheo ấy nhẫn chịu được sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, cũng có thể nhẫn chịu được khi nghe mắng chửi hay bi đánh đập, thân dù mắc phải những căn bệnh đau đớn gần như mạng chung hay gặp những cảnh ngộ không vừa lòng, thảy đều kham nhẫn được. Vì sao như vậy? Vì vị ấy không bi dục che kín, không bị pháp ác trói buộc, lại đạt đến xả ly, an lạc và tịch tĩnh vô thượng.

77. KINH BA THIỆN NAM ở SA-KÊ-ĐẾ 509

[0545al0] Đức Phật hỏi: Này A-na-luật-đà! Vì ý nghĩa gì mà Như Lai nói có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chịu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra?4 A-na-luật-đà thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: -Này A-na-luật-đà! Các thay hãy lang nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thầy. A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà! Các phiền não, nhiễm ô là gốc rễ của sự hiện hữu trong tương lai, là cái nhân của quả khổ nóng bức sanh, già, bệnh, chết. Chẳng phải Như Lai chưa diệt hết, chẳng phải không biết mà có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chịu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra Này A-na-luật-đà! Như Lai chỉ vì nhân nơi thân này, nhân nơi sáu xứ, nhân nơi thọ mạng mà có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chịu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra. Này A-na-luật! Như Lai vì những nghĩa này mà nói có thứ phải đoạn trừ, có thứ phải thọ dụng, có thứ phải nhẫn chiu, có thứ phải ngăn dừng, có thứ phải nhổ ra Đức Phật hỏi: Này A-na-luật-đà! Vì ý nghĩa gì mà Như Lai sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận ngồi yên như thế? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật bảo: Này A-na-luật-đà! Các thầy hãy lắng

nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thầy. Lúc đó, A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời lắng nghe.

4 Nguyên tác: Hoặc hun sở trừ, hoặc hữu sở dụng, hoặc hữu sở kham, hoặc hữu sở chỉ, hoặc hữu sở thổ ().Tham chiếu: M. 68: Sañkhāyekarn
patisevati sañkhāyekam adhivãsati sañkhāyekam parivajjati sañkhāyekam vinodeti (Sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp, sâu khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp), HT. Thích Minh Châu dịch.

510 KINH TRUNG A-HÀM

[0545b02] Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà! Chẳng phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt được, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sông nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú dưới góc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà! Như Lai chỉ vì hai mục đích sau đây nên mới sống nơi vô sự5 ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sông ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viên ly, không có điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên. Một là tự mình sông an lạc ngay trong đời hiện tại. Hai là vì thương xót chúng sanh ở đời sau. Hoặc ở đời sau, sẽ có người học theo hạnh Như Laisống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không CÓ điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên. Này A-na-luật-đà! Vì những mục đích ấy mà Như Lai sống nơi thanh vắng? ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xâu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên. Đức Phật hỏi: Này A-na-luật-đà! Vì ý nghĩa gì mà khi các đệ tử qua đời, Như Lai ghi nhận vị này sanh ở cõi này, vi kia sanh ở cõi kia? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: —Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật bảo: Này A-na-luật-đà! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải nghĩa đó cho các thầy. Lúc đó, A-na-luật-đà cùng các Tôn giả khác vâng lời và lắng nghe. Đức Phật bảo: -Này A-na-luật-đà! Khi đệ tử qua đời, Như Lai ghi nhận vị này sinh chỗ này, vị kia sinh chỗ kia. Như Lai nói điều đó không phải vì xúi giục5 người, cũng không phải vì dối gạt người và cũng không phải vì muốn làm vui lòng người. Này A-na-luật-đà! Như Lai chỉ vì các thanh tín nam và thanh tín nữ,6 với niêm tin tha thiêt, với lòng kính mên cao tột5 khởi lòng hoan hỷ cao thượng, sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Cho nên, khi đệ tử qua đời, Như Lai ghi nhận vi này sẽ sanh ở cõi này, vị kia sẽ sanh ở cõi kia.

5 Nguyên tác: Thú ,dùng như "th6i thiíc",mang nghĩa xúi giục, thúc giục.
^Nguyên tác: Thanh tín tộc tánh nam3ộc tánh nữ ,còn gọi là "thanh tín sf' upāsakā và "thanh tín nữ*”upāsikā, những người đã quy y Tam bảo và thọ trì năm giới.

Nêu Tỳ-kheo nào nghe Ton giả ây qua đời nơi ây, vị đó được Phật ghi nhận đã chứng đắc Trí cứu cánh/ biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Hoặc Tỳ-kheo kia chính mắt thấy Tôn giả kia, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tôn giả ấy có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy?5 Tỳ-kheo kia nghe xong ghi nhớ: "Tôn giả ấy có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay", sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chắc chắn được an trú trong an vui. [0545c04] Lại nữa, này A-na-luật-đà! Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả kia qua đời nơi đó, vị đó được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử,8 sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại đời này nữa. Hoặc Tỳ-kheo ấy chính mắt thấy Tôn giả kia, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tôn giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiêu như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như v'Tỳ-kheo ây nghe xong ghi nhớ "Tôn giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bồ thí như vậy, trí tuệ như vay", sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả kia qua đời ở nơi ấy, vị đó được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử,9 giảm thiểu tham, sân, si, chỉ một lần trở lại cối trời hay cõi người. Sau một lần trở lại thì vị ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc Tỳ-kheo ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều làn nghe người khác kể lại răng: "Tôn giả kia có niêm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiêu như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Tỳ-kheo ấy nghe xong ghi nhớ: "Tôn giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy5\ sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy? như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chắc chắn được an tru trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả kia qua đời ở nơi ấy, vị đó được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, nhất định thành tựu Chánh giác5 tối đa bảy lần thọ sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh qua lại ở cõi trời hay cõi người, vi ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc Tỳ-kheo ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tôn giả kia có niềm tin như vậy? giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiêu như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Tỳ-kheo ấy nghe xong ghi nhớ: "Tôn

7 Nguyên tác: Cứu cánh trí Sammadaññā. Xem chú thích l o, kinh số 74, tr. 493.
8 Ngũ hạ phần kiết ,peg orambhāgiyāni sarhyojanāni'. Năm loại phiền não trói buộc và sai sử chúng sanh trong Dục giới, gồm: tham dục kāmarāga, sân khuê vyāpāda, thân kiến ,sakkdyaditlhí, giới câm thủ ,sīlabbataparāmāso và nghi vicikicchā. 9 Ba kiết *msamyojanānī đó là thân kiến, giới cấm thủ và nghi.

giả kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.^ Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo đó chác chăn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni kia qua đời ở nơi đó, vi ấy được Phật ghi nhận đã chứng đác Trí cứu cánh, biêt đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Tỳ-kheo-ni ấy nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe giáo pháp này xong, phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được an trú trong an vui. [0546a08] Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni kia qua đời ở nơi đó? vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia10 rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại cõi này nữa. Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy? học rộng hiêu nhiêu như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như vay." Tỳ-kheo-ni ây nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni qua đời ở nơi đó, vi ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si, chỉ còn một lần trở lại ở cõi trời hay cõi người. Sau một lần trở lại, vi ấy chấm dứt kho đau. Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kê lại răng: "Tỳ-kheo-ni kia có niêm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiêu nhiêu như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như vậyy Tỳ-kheo-ni ây nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy5 bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni kia qua đời ở nơi đó? vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn9 không còn đọa vào đường ác, nhất định thành tựu Chánh giác, tối đa bảy lần thọ

gSạnh ư bỉ gian ích̉ cho ngũ Bất Hoàn thiên hay ngũ Tịnh Cư thiên ,Suddhāvāsā, gồm: Vô Phiền 7Āviha, Vô Nhiệt ,Atappā, Thiện kiến,Sudassī, Thiện Hiện Sudassā, A-ca-nị-trá ,Akanittha.

sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh trở lại ở cõi trời hay cõi người, vị ấy chấm dứt khô đau. Hoặc Tỳ-kheo-ni ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại răng: uTỳ-kheo-ni kia có niêm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vāy." Tỳ-kheo-ni ấy nghe rồi ghi nhớ: "Tỳ-kheo-ni kia có niềm

tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bo thí như vậy, trí tuệ như vậy?5 Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chan được an trú trong an vui. [0546b04] Này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-tắc nào nghe vị ưu-bà-tắc kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại đời này nữa. Hoặc ưu-bà-tăc ây chính măt thây, hoặc nhiêu lân nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy5 giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậyy Nghe xong, ưu-bà-tắc ấy ghi nhớ: "Ưu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới, học rộng nghe nhiều, bố thí và trí tuệ như vậy/9 Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-tắc đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-tắc nào nghe iru-bà-tắc kia qua đời ở thôn đó, vi ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân? si, chỉ còn một lần trở lại cõi trời hay cõi người. Sau một lần trở lại, vị ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc ưu-bà-tắc ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng nghe nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Nghe xong, iru-bà-tắc ấy ghi nhớ: "Uu-b-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới, học rộng nghe nhiều, bố thí và trí tuệ như vậy.^, Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-tắc đó chắc chắn được an tru trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nêu ưu-bà-tăc nào nghe ưu-bà-tăc kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, nhát định thành tựu Chánh giác, tôi đa bảy lân thọ sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh trở lại ở cõi trời hay cõi người, vị ấy chấm dứt khổ đau. Hoặc ưu-bà-tắc ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Ưu-bà-tắc ấy nghe rồi ghi nhớ: "Uu-bà-tắc kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-tăc đó chác chắn được an trú trong an vui.

514 KINH TRƯNG A-HÀM

[0546c01] Này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-di11 nào nghe ưu-bà-di kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp không thoái giảm, không còn trở lại đời này nữa. Hoặc iru-bà-di ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiêu nhiều như vậy, bố thí như vậy? trí tuệ như vay." Ưu-bà-di ấy nghe rồi ghi nhớ: "ưu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-di đó chắc chắn được an trú trong an vui. Lại • nữa, này A-na-luật-đà! 9 Nếu ưu-bà-di nào nghe e n im-bà-di 'D e kia qua đờiA ở thôn đó, vi ây được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiêt sử5 giảm thiêu tham, sân, si, chỉ còn một lân trở lại cõi trời hay cõi

người. Sau một lân trở lại nữa, vị ây cham dứt kho đau. Hoặc ưu-bà-di ấy chính mắt thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Ưu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy? trí tuệ như vậy.^, Ưu-bà-di ấy nghe rồi ghi nhớ: "Uu-bà-di kia có niềm tin như vậy? giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bô thí như vậy, trí tuệ như vậy/9 Sau khi nghe giáo pháp này xong, liên phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-di đó chắc chan được an trú trong an vui. Lại nữa, này A-na-luật-đà! Nếu ưu-bà-di nào nghe ưu-bà-di kia qua đời ở thôn đó, vị ấy được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà- hoàn, không còn đọa vào đường ác, nhất định thành tựu Chánh giác, tối đa bảy lần thọ sanh trở lại. Sau bảy lần thọ sanh trở lại ở cõi trời hay cõi người, vị ấy cham dứt kho đau. Hoặc ưu-bà-di ấy chính mắt thay, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Ưu-bà-di ấy nghe rồi ghi nhớ: ÍẾưu-bà-di kia có niềm tin như vậy, giữ giới như vậy, học rộng hiểu nhiều như vậy, bố thí như vậy? trí tuệ như vay.” Sau khi nghe giáo pháp này xong, liền phát tâm noi theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà! Như vậy, ưu-bà-di đó chắc chắn được an trú trong an vui. Này A-na-luật-đà! Vì những ý nghĩa ấy nên khi đệ tử qua đời, Như Lai đã ghi nhận vị này sẽ sanh vào cõi này, vị kia sẽ sanh vào cõi kia. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.12

11 Nguyên tác: Ưụ-bà-tư ,tức là "ựu-badi",còn được dịch là t4cận sĩ nữ", t4cận sự nũ?,,"thanh tin nữ M. 12 Bản Hán, hết quyển 18.

78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi lên tà kiên như vây: "Chốn này là thường còn, là nơi hằng hữu, là xứ tồn tại lâu dài, là chỗ thiết yếu, là nơi không bị hoại diệt, là chốn giải thoát, ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn.,^ Lúc đó5 bằng Tha tâm trí, đức Thế Tôn biết suy nghĩ trong tâm của Phạm thiên kia,2 Ngài liền nhập định với trạng thái toàn thân bất động.3 Với định ấy, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài biến mất khỏi vườn Cấp Cô Độc, trong Thắng Lâm thuộc nước Xá-vệ5 lên đến cối Phạm thiên. Bấy giờ, Phạm thiên kia trông thấy đức Phật xuất hiện, liền đến thỉnh: Quý hóa thay, Đại tiên nhân đã đến! Chốn này là thường còn, là nơi hằng hữu, là xứ tồn tại lâu dài, là chỗ thiết yếu? là nơi không bị hoại diệt, là chốn giải thoát; ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Bấy giờ, đức Phật bảo: -Này Phạm thiên! Cái vô thường mà ông cho là thường; cái không hằng hữu mà ông cho là hằng hữu; cái không trường tồn mà ông cho là trường tồn; cái không thiết yếu mà ông cho là thiết yếu; pháp hoại diệt mà ông cho là không hoại diệt; cái không giải thoát mà ông cho là giải thoát và ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tôi thăng, tôi diệu, tôi tôn hơn. Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh! Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh! Lúc đó, Ma Ba-tuần đang ở trong chúng, liền nói với đức Phật: -Này Tỳ-kheo! Chớ trái lời Phạm thiên này, chớ chống đối lời Phạm thiên này. Tỳ-kheo, nếu ông trái lời Phạm thiên này, chống đối lời Phạm thiên này

1 Quyển 19. Nguyên tác: Phạm Thiên thỉnh Phật kinh roi. 0026.78. 0547a09. Tham chiếu: M. 49, Brahmanimantanìka Sutta Kinh Phạm thiên cau thỉnh. 2 Nguyên tác: Tha tâm trí Cetopariyañānam. Tham chiếu: M. 49: Bakassa brahmuno cetasā cetoparivitakkamañ ñāya sau khi với tự tâm biết được tâm của Phạm thiên Baka, HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Như kỳ tượng định .Theo Pāli-Han từ điển Edo Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, "như kỳ tượng dinh”có nghĩa là giống như hình tượng bất động rồi nhập định Ãj.

.o guns Wu?G īRdsnqo qu% p

• pu TOipj Uq u'n^ uọnq Ị9P I u^Tụ-^a Uậu ẤẻA a “•BpL uảIiịiq BỊnọiỊ\ : WHtụeg onqy •u?tụ-B0 BPV ƯỊ quiqo ẤQP iqi u?m-^a ppv 00 Supj oip n?N IUqd ?l Sunx m pnSu gimqu uiẻụd Bno oộnụỊ uậẤnb ipqd ỗupqố ỗuno ẾuậỊLỊỊ urêqd qd ẵupqo ụm^N ịUPrụ-Bg PỊẠỊ - :opq UOỊỊ LỊd p'! QJ a “ wg BỊ qujqp iqi uẹtụ-^a eg 00 gu?j oqo •uoiqj uipqd quīiu Suiix m gimqu 'UOỊIIỊ uiẻqd pno oộnqỊ uậẤnb qd guếqo E ” uỉẻdd Ị?qd Su?qo U^tụ-BQ ”:u Ấns lỊd p a ?

•u%qi urêqd ?I lỊUỊiu gimx m ỊÉỊ ẵunqu 'u%qi uréqd PHO oộnqỊ UQẤnb Ịpụd ỗupqo Suno 'uơiqỊ urêqd qd Supqo UBnj-BQ vp\[^ỖUBqo ẤBp ỊQẩu Supp ỊQỊ ỗunqo XLIỊU CUỌỊ oộnqỊ uoẤnb ỖUPIỊ 00 ẤBU uoiqỊ urêqd ẩuọip[ẩùọ ịUPlỊU u ẤQN 3uỏn ỊQ1 oẻq ÙlBỊ UậỊỤỊ UrélỊd SuojỊ qups Ấg ỈA 6iop pnb īip[nns [uoiqi lUBqj ỊỎSu €0 ‘U9! urêiỊd qojqi en ỊB nậu 'uoiqi arêqd BA nqo quBS 'uoiqỊ níp ẾU^LỊỊ Ấnb ểọịS JỌILU ịọa ỊỌp ẾẤẸA SunQ -Ỗuỏnq Ị Q1 oẻq UIPỊ UOỊIIỊ urèqd !Q1 ịọo Suojị OPA lỊUPS §s Ấ€ ỈA 70P pnb Ịip[nưs iqi p ịỏẵu BO 'igp ipjqi pn OPU jqo uiẻqd Ấpq UỌUI-BS 00 n?N iugqu u?! ỊBG ,oéqu Ấ5[uqqi UIBỊ ẾuảỊỊ ẻq uọqo ỖUOIỊ qu€S gs uưqo w ọp Ịọnỗu ẺỊỌp pnb Ịip[nes ỊqỊ U9IIIỊ uréqd q oqo ‘! rnẻụd Ịoqỗ uếqo ip nou 'u uiéqd PA ỳọqo IỊUBS cuậỊqỊ nqo ỂuưqỊ Ấnb Ếọiã CBỌỊ Ếoọnu ỊỌA ỊỌP aẤẸA SutjQ -oéiỊU Ả>[UPỤỊ UIƯỊ 'uậụ q uọqo ỖUOJỊ lỊUBS gs ọp Ịpnẩu CỊỌP pnb Ịip[nas iqạ Ị^p Ịpq ậiỊO qa uqqo u IIỊO uiéqj q UOUI-BS 00 n?N iu uG — [SīqiKO]

,UẸỊ ỗunxụ ẤpqỊ BỊ ẤglỊl ỊBỖU niu Ịả ỖimiỊU CUẸỊ ãiLỌHỊ ỊOIq BỊ Ịậiq ỊPỖU BUI Ịả 3UỊIIỊN quss ỊBẩu óp nóp ỊUOỊ ĨỎUI ẹo Igl 'lỊUPS gs ỂIỊUBS 0p ỊPOỊ UỌniU pụo uạp ỌI BỊ ỒOỂỊ Sues 3u?p a§uÈu UPO1 ẩupp ỂUỌỊ ỊQ1 Supp BỊ Ếpọq oẻi ỖU€p €Ị Ểquư�ị oọhqd upq ẵupp BỊ 'lúẻqd TOO BỌO uậỊiỊỊ urêqd Ẩpp l A A niỊU OPS lA •u ugụp urêqd ỊỌỊ ỊỌp Suọqo ọqo 'ueiqi uiẻqd ỊjỌỊ ỊPJỊ Uặu ỌLỊO ỗuọq BỊ 'ooipf-ĀjL ẤPU °u?u OIỊO ,A nqu ẵuno Ịéỵ RI ỊỌU ooipt-Ấi ỊỌỊ 4tS oỏnp mA luqq ẩupqo ẵunqu IỊUP0 Ấ^Ị dñqo upqo ẤPỊ gunp Ấrụ 'p ẵuọnx ỊOJ OPO ẤPO uặjỊ BỊ ỊpnSu 00 nqu ỊA ‘0-* ẤPU [uậỊỤỊ tud]QỈ Ī9P SuọiỊO !qi uiEqd]QỈ Suọ n$N [-R -TOīqi luEqd pno ỊpỊ TỌP ẳuọiỊo' pqo 'ueiqi uréqd epo ỊDỊ ỊƯJỊ ỌIỊO ẵuọ oẹq BỊ 6O9ipj-41 ẤBU ẾUậU oqo nqu Ịẻỵ ẵuno RI ỊỌU O0ip[-£QI 'ngp 0BA njA uiBq eqi ỗupqo ẵunqu guoipj nq PHỊẩ ẩuénb pnb uBqo l ẵupp Ấtụ Ế§uọnx ỊDJ OBO mu B Ịpnẩu 00 nqu TA ‘0- ẤBU ỊqỊ ẤBU u^iụ uiẻqd ỊjỌỊ ỊỌP guọỈỊO ẾẨPU u?!qi urêqd !RI D §uọ nqu ngu ‘O0ip[-£ KQu u?! uiẻqd ếọo ỊPỊ TỌP ẵuọqo ỌIỊO ẾẤBU uqi urêqd PỌ[ọqo guọ opq BỊ ‘00-£ KQu 'u?u ậqi ,A niỊií Ịẻỵ ẵuno RI ỊỌU 0-£ ỊỌỊ ẾIp Ịọnp CTLX ỉq BUI Uập ẤPUI UẸA 3usử l ỊDIlẵu 00 nqu ỊA ‘OQipf- ẤPU

78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT 517

[0547c03] Bấy giờ, Phạm thiên ấy đã thưa thỉnh Thế Tôn đến ba lần: Quý hóa thay, Đại Tiên nhân đã đến! Chốn này là thường còn, là nơi hằng hữu, là xứ tồn tại lâu dài, là chỗ thiết yếu, là nơi không bị hoại diệt, là chốn giải thoát; ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Đức Phật cũng ba lần bảo Phạm thiên: Này Phạm thiên! Cái vô thường mà ông cho là thường; cái không hằng hữu mà ông cho là hang hữu; cái không trường tồn mà ông cho là trường tồn; cái không thiết yếu mà ông cho là thiết yếu; pháp hoại diệt mà ông cho là không hoại diệt; cái không giải thoát mà ông cho là giải thoát và ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh. Này Phạm thiên! Ông quả thật vô minh. Lúc đó, Phạm thiên thưa Phật: Này Đại Tiên nhân! Thuở xưa có Sa-môn9 Phạm chí tuổi thọ rất dài, sống rất lâu. Này Đại Tiên nhân! Tuổi thọ của ông quá ngắn, không bằng một khoảnh khắc ngồi yên của Sa-môn9 Phạm chí kia. Vì sao như vậy? Vì những gì họ biết là biết rõ tường tận, những gì họ thấy là thấy rõ tường tận. Nếu thật sự có giải thoát thì ngoài sự giải thoát này ra không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tôi diệu, tôi tôn hơn. Nêu thật sự không có giải thoát thì ngoài sự giải thoát này ra, không có sự giải thoát nào cao hơn, tối thắng, tối diệu, tối tôn hơn. Này Đại Tiên nhân! Đối với sự giải thoát ông nghĩ là không giải thoát, đối với sự không giải thoát ông nghĩ là giải thoát. Như vậy, ông sẽ không bao giờ được giải thoát mà trở thành kẻ đại ngu si. Vì sao như vậy? Vì sẽ không bao giờ có cảnh giới ấy. Này Đại Tiên nhân! Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích đất, ca ngợi đất thì vị ấy sẽ được tự tại bên ta, làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta.5 Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu ai ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì vi ấy sẽ được tự tại bên ta, làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta. Này Đại Tiên nhân! Nếu ông ưa thích đất, khen ngợi đất thì ông cũng sẽ được tự tại bên ta5 làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu ông ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì ông sẽ được tự tại bên ta, làm theo điều ta muốn, vâng theo lệnh của ta. Bấy giờ, đức Phật bảo: Này Phạm thiên! Như vậy, những điều ong nói là sự thật rằng: "Nếu Sa- môn, Phạm chí nào ưa thích đất, khen ngợi đất thì vị ấy sẽ được tự tại bên ông, làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của ông. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu ai ưa thh Phạm thiên,

5 Tham chiếuz M. 49: Này Tỷ-kheo, nếu ông y trước địa đại, ông sẽ gần Ta, trú tại lãnh địa của Ta, làm theo ý Ta muốn, bị đứng ngoài lề (HT. Thích Minh Châu dịch).

ca ngợi Phạm thiên thì vị ấy sẽ được tự tại bên ông5 làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của 6ng." Này Phạm thiên! Nêu Ta ưa thích đất, ca ngợi đất thì Ta cũng sẽ được tự tại bên ông, làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của ông. Cũng vậy, đối

với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ và Phạm thiên, nếu Ta ưa thích Phạm thiên, ca ngợi Phạm thiên thì Ta cũng sẽ được tự tại bên ông, làm theo điều ông muốn, vâng theo lệnh của ông. [0548a07] Này Phạm thiên! Nêu tám sự kiện6 này, Ta tùy theo mỗi việc mà ưa thích, ca ngợi thì những điều ấy cũng vẫn như vậy. Này Phạm thiên! Ta biết rõ ông từ đâu đến và sẽ đi về đâu, tùy chỗ ông đang sống, tùy nơi ông qua đời và tùy nơi ông tái sanh. Nêu có Phạm thiên thì Phạm thiên ấy có thần thông lớn,7 có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Khi đó, Phạm thiên thưa Thế Tôn: -Đại Tiên nhân! Làm thế nào mà ông biết được điều ta biết, thấy được điều ta thấy? Làm sao biết rõ về ta? Như mặt trời tự tại, tỏa ánh sáng khắp noi, bao trùm cả một ngàn the giới. Trong một ngàn the giới như vậy, ông có được tự tại không? Ong có biết nơi nào, chốn nào không có ngày đêm? Đại Tiên nhân có bao giờ qua lại các nơi ấy, hay đã nhiều lan đen đó chăng? Bấy giờ, đức Phật bảo: -Này Phạm thiên! Như mặt trời tự tại, tỏa ánh sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới. Trong ngàn thế giới như vậy, Ta được tự tại và cũng biết rõ chỗ này chỗ kia không có ngày đêm. Hơn nữa, Ta đã từng qua lại những nơi ấy, thậm chí qua lại rất nhiều lần. Này Phạm thiên! Có ba cõi trời là Quang thiên, Tịnh Quang thiên và Biến Tịrủi Quang thiên. Nếu ba cõi trời ấy thấy điều gì, biết điều gì thì Ta cũng có biết, có thấy như vậy. Này Phạm thiên! Có những điều ba cõi trời đó không biết, không thấy, nhưng riêng Ta lại có biết, có thấy. Này Phạm thiên, những gì mà ba cõi trời ấy và các quyến thuộc có biết, có thấy thì Ta cũng có biết, có thay. Trái lại, những gì mà ba cõi trời ấy và các quyến thuộc không biết, không thấy thì riêng Ta vẫn có biết, có thấy. Này Phạm thiên! Những gì ông biết, ông thấy thì Ta cũng biết, cũng thấy như vậy. Những gì mà ông không biết, không thấy thì riêng Ta vẫn biết, vẫn thấy. Những gì mà ông và quyên thuộc của ông có biêt, có thây thì Ta cũng có biết, có thấy. Những gì mà ông và quyên thuộc của ông không biết, không thấy thì riêng Ta vẫn biết, vẫn thấy. Này Phạm thiên! Ông không thể sánh bằng Ta về mọi mặt, cũng không thể sánh bằng Ta về trí thấy biết tường tận. Đối với ông, Ta là tối thượng, tối thắng. [0548b01] Khi ấy, Phạm thiên thưa Thế Tôn: -Này Đại Tiên nhân! Do đâu mà có việc ba cõi trời kia có biết, có thấy thì ông cũng có biêt, có thấy? Nếu ba cõi trời kia không biết, không thấy thì riêng

6 Bát sự gồm: đất, nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên pathavī, ãpa, tejo, vāyo, bhūtā, deva, Pajāpati, Brahmā. 7 Nguyên tác: Đại như ý túc .

Ông vẫn có biết, có thấy? Nếu ba cõi trời kia và quyến thuộc có biết, có thấy thì ông cũng có biết, có thay? Nếu ba cõi trời kia và quyến thuộc không biết, không thấy thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Nếu ta biết, ta thấy gì thì ông cũng biết, cũng thây như vậy; nếu ta không biết, không thấy thì riêng ông vẫn có biết, có thấy; nếu ta và quyến thuộc có biết, có thấy gì thì ông cũng có biết, có thấy như vậy; nêu ta và quyến thuộc không biết, không thấy thì riêng ông vẫn có biết, có thấy? Đại Tiên nhân, đây không phải là lời nói thân tình chăng? Khi hỏi xong, không biết có làm tăng thêm sự ngu si chăng? Vì sao như vậy? Vì thức tuy vô hình8 nhưng biết vô lượng, thấy vô lượng và

phân biệt vô lượng. Còn ta thì chỉ biết rõ từng trường hợp, đó là, đất thì biết là đất, nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên thì biết là Phạm thiên. Bấy giờ, đức Phật bảo: —Này Phạm thiên! Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với đất mà nghĩ tưởng về đất rằng: :Bất là ta, đất là của ta, ta thuộc về dất." Khi vị ấy đã chấp đất là ta tức không biết rõ về đất. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, Sanh chủ5 Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên và Tịnh thiên mà nghĩ tưởng về Tinh thiên rằng: "Tịnh thiên là ta, Tịnh thiên là của ta? ta thuộc về Tinh thiên.,, Khi đã chấp Tịnh thiên là ta thì vị ấy không biết rõ về Tịnh thiên. Này Phạm thiên! Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với đất mà biết là đất, "đất không phải là ta, đất không phải là của ta, ta không thuộc về dất." Do vị ấy không chấp đất là ta nên biết rõ về đất. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên và Tịnh thiên biết là Tịnh thiên, "Tịnh thiên không phải là ta, Tịnh thiên không phải của ta, ta không thuộc về Tịnh thiên,,, Do vị ấy không chấp Tinh thiên là ta nên biết rõ về Tinh thiên. Này Phạm thiên! Ta đối với đất thì biết là đất, đất chẳng phải là Ta, đất chẳng phải của Ta, Ta không thuộc về đất. Do Ta không chấp đất là Ta nên Ta biết rõ về đất. Cũng vậy, đối với nước, lửa, gió, quỷ thần, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Tinh thiên biết là Tịnh thiên, Tinh thiên chẳng phải là Ta, Tịnh thiên chẳng phải của Ta, Ta chẳng thuộc về Tịnh thiên. Do Ta không chấp Tịnh thiên là Ta nên Ta biết rõ về Tịnh thiên. Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Phật: Đại Tiên nhân! Chúng sanh này ai cũng ái trước hữu, ưa thích hữu, thân cận hữu. Chỉ có ông đã nhổ tận gốc rễ hữu. Vì sao như vậy? Vì ông là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

8 Nguyên tác: Thức vô lượng cảnh giới (Ệ).DĀ. 24 ghi: Thức vô hình, vô lượng tự hữu quang (.D. 11 và M 49 cho rằng: Thức không hiển hiện, vô biên và chiêu soi rực rỡ tất cả (yiññānam anidassanam anantam sabbato pabhauì). Trong một sô trường hợp thuộc Kinh tạng Nikāya, 3 chữ tâm, ý và thức được sử dụng qua lại. Thức (yiññānā) trong trường hợp này cũng được hiểu như là tâm (citta). Tham chiếu: A. 1.51 - L 11: Pabhassaramỉdam, bhikkhave, cittam, tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkilittharn (Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng bị ô nhiêm bởi các cấu uế từ ngoài vào), HT. Thích Minh Châu dịch.

Phạm thiên liền nói kệ: 7 Với hữu thấy lo sợ, Không hữu chăng lo gì, Thế nên không tham hữu, Hữu dứt sạch chẳng nghi. [0548c04] Này Đại Tiên nhân! Nay tôi muốn ẩn thân. Đức Phật bảo: Này Phạm thiên! Nấu ông muốn ẩn thân thì cứ làm điều ông muốn. Phạm thiên liền ẩn thân ngay nơi đó. Phật liền thấy và bảo: Này Phạm thiên! ông ở chỗ kia, ông ở đây, ông ở giữa này! Lúc đó, Phạm thiên vận dụng hết sức thần thông, muốn ẩn thân mà không thể ẩn nên hiện trở lại giữa cõi trời Phạm thiên. Đức Phật bảo: -Này Phạm thiên! Nay Ta cũng muốn ẩn thân. Phạm thiên thưa rang: Này Đại Tiên nhân! Nếu Ngài muốn ẩn thân thì cứ tùy ý. Lúc ấy, đức Phật nghĩ: "Nay Ta nên nhập chánh đinh rồi hiện các loại thần túc như: Phóng hào quang cực sáng, chiếu soi khắp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn thân trong đó, khiến cho các Phạm thiên và quyến

thuộc của Phạm thiên chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ta." Nghĩ xong, đức Phật nhập chánh định rồi hiện các loại thân túc như: Phóng hào quang cực sáng, chiêu soi khắp cõi trời Phạm thiên, rồi ẩn thân trong đó, khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Phật. Bấy giờ, Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên đều nghĩ rằng: C6Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là đặc thù! Ngài có thần thông lớn? có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai than lớn. Vì sao như vậy? Vì Ngài đã phóng hào quang cực sáng, chiếu soi khắp cõi trời Phạm thiên, rồi tự ẩn thân trong đó, khiến chúng ta và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hinh." Lúc ấy, đức Phật lại nghĩ: "Ta đã cảm hóa các Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên. Nay Ta hãy thu hồi thần túc." Nghĩ xong, Ngài liền thu hồi thần túc, hiện ra giữa cõi trời Phạm thiên. Bấy giờ, Ma vương cũng xuất hiện hai, ba lần trong chúng Phạm thiên. Thấy vậy, Ma vương liền thưa Phật: Đại Tiên nhân, ông thật khéo thấy, khéo biết, khéo thông đạt, nhưng ông chớ nên giáo huấn, chớ nên dìu dắt đệ tử, cũng chớ nên nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc vào đệ tử. Vì nếu bị dính mắc vào đệ tử thì khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy sống vô vi, hưởng thọ an lành trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân! Vì tất cả những điều đó sẽ gây phiền phức vô ích cho mình. Này Đại Tiên nhân! Xưa kia có Sa-môn, Phạm chí giáo huấn đệ tử, răn dạy đệ tử, thuyết pháp cho đệ tử nghe, yêu mến và dính mắc đệ tử. Do vì luyến ái đệ tử mà khi qua đời, vị ấy đã sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc. Vì thế ta bảo ông chớ nên giáo huấn, dìu dắt đệ tử5 cũng chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc đệ tử. Vì nếu bị dính mắc vào đệ tử thì

khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy sống vô vi, hưởng thọ an lanh trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân, vì chúng sẽ gây phiền phức vô ích cho mình. [0549a07] Lúc đó, đức Phật bảo: Này Ma Ba-tuần! Ngươi chẳng phải vì mong cầu nghĩa lợi9 cho Ta, chẳng phải vì đem lợi ích cho Ta, chẳng phải vì đem đến niềm vui cho Ta, chẳng phải đem đến sự an ổn cho Ta mà nói: "Chớ nên giáo huấn, chớ nên dìu dắt đệ tử, cũng chớ nên nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc vào đệ tử. Vì nếu bi dính mắc vào đệ tử thì khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy sống vô vi, hưởng thọ an lành trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân, vì tất cả những điều đó sẽ gây phiền phức vô ích cho mình.,^ Này Ma Ba-tuân! Ta biết ngươi đang nghĩ răng "Sa-môn Cù-đàm này nói pháp cho đệ tử nghe, sau khi nghe xong, các đệ tử ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của ta." Này Ma Ba-tuần, vì thế nên ngươi nói với Ta: "Chớ nên giáo huấn, chớ nên dìu dắt đệ tử, cũng chớ nên nói pháp cho đệ tử nghe, chớ dính mắc vào đệ tử. Vì nếu bị dính mắc vào đệ tử thì khi qua đời sẽ sanh vào nơi thấp kém, làm thần kỹ nhạc, hãy song vô vi, hưởng thọ an lành trong đời hiện tại. Vì sao như vậy? Thưa Đại Tiên nhân, vì tất cả những điều đó sẽ gây phiền phức vô ích cho minh." Này Ma Ba-tuần! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào đã giáo huấn dìu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe và luyến ái đệ tử; vì luyến ái đệ tử mà khi qua đời, vị ây đã sanh vào nơi tháp kém, làm thân kỹ nhạc thì Sa-môn hay Phạm chí ây chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn9 chẳng phải Phạm chí mà tự xưng là Phạm chí, chăng phải A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, chăng phải Đăng Chánh Giác

mà tự ximg là Đăng Chánh Giác. Này Ma Ba-tuần! Ta đúng là Sa-môn mới xưng là Sa-môn, đúng là Phạm chí mới xưng là Phạm chí, đúng là A-la-hán mới xưng là A-la-hán, đúng là bậc Đẳng Chánh Giác mới xưng là Đẳng Chánh Giác. Thế nên, nếu Ta có nói pháp hay không nói pháp cho đệ tử Ta nghe thì ngươi cũng hãy đi đi. Nay Ta tự biết nên nói pháp hay không nên nói pháp cho đệ tử nghe. Đó là sự thỉnh cầu của Phạm thiên, là sự chống đối của Ma Ba-tuần5 là sự tùy thuận thuyết pháp của Như Lai. Thế nên kinh này đặt tên là "Phạm thiên thỉnh Phậty Đức Phật dạy như vậy, Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: cầu nghĩa ,viết tắt của "cầu nghĩa cập nhiêu ích":Lợi lộc hữu ích. Pâli: Atthā, thường được sử dụng trong 2 nghĩa phô biên, tức "V nghĩa và ích lợi.,,

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đại thần Tiên Dư2 bảo người giúp việc: - Ông hãy đến chỗ Phật, thay ta đảnh lễ, cúi lạy chân Ngài rồi kính thăm hỏi: "Thánh thể Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chng?" Hãy nói như vầy: "Dại thần Tiên Dư kính lạy chân Phật, kính thăm hỏi Thánh thể Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chng?" Khi thăm hỏi Phật xong, ông hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà9 cũng thay ta cúi lạy chân Tôn giả, thăm hỏi Thánh thể Tôn giả có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Hãy thưa như vầy: "Dại thần Tiên Dư kính lễ Tôn giả A-na-luật-đà5 thăm hỏi Thánh thể Tôn giả có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Đại thần Tiên Dư cung thỉnh Tôn giả A-na-luật-đà5 tất cả bốn vị? sáng ngày mai cùng đến nhà thọ trai.” Nếu Tôn giả nhận lời thỉnh thì thưa thêm rằng: "Bạch Tôn giả A-na-luật-đà! Đại thần Tiên Dư rất bận việc, nào là việc vua sai, nào là phò tá cho các quan, kính mong Tôn giả vì lòng thương xót, vào sáng ngày mai, mời tất cả bốn vị cùng đến nhà đại thần Tiên Du." Lúc ấy, người giúp việc vâng lời đại thần Tiên Dư liền đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên và thưa: -Bạch đức Thế Tôn! Đại thần Tiên Dư kính lạy sát chân Phật, thăm hỏi Thánh thể Thế Tôn có được mạnh khỏe không? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Bấy giờ, đức Phật nói với người giúp việc: —Ta nguyện cho đại thần Tiên Dư được an ổn, hân hoan cũng như trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà, la-sát và tất cả các loài khác đều được an ổn9 hân hoan.

1 Nguyên tác: Hữu thắng thiên kỉnh r.01.0026.79.0549b03. Tham chiếu: M. Anuruddha Sutta Kinh A-na-luật. 2 Tiên Dư tài chủ :Vị quan trông coi về tài vật tên là Tiên Dư. Tiên Dư được phiên âm từ Isidatta; tài chủ được dịch nghĩa từ chữ thapatỉ. Thapati vừa có nghĩa là người thợ mộc, vừa có nghĩa là một vị đại than. Theo M.127, Vua Ba-tư-nặc có 2 vị cận thân thapatayo tên là Isidatta và Purānā. Theo MĀ. 213, 2 vị cận thần trông coi tài vật của Vua Ba-tư-nặc tên là Tiên Dư , Isidatta và Túc Cựu ,Purāna.

Khi ấy, người giúp việc nghe lời Phật dạy, khéo ghi nhớ, rồi cúi lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Sau đó, người giúp việc đi đến chô A-na-luật-đà, cúi lạy sát chân Tôn giả, ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Đại thần Tiên Dư kính lạy sát chân Tôn giả, thăm hỏi Thánh thể Tôn giả có được mạnh khỏe kh6ng? Có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bìrứi thường chăng? Đại thân Tiên Dư kính thỉnh Tôn giả A-na-luật-đà? mời tất cả bốn vi vào sáng ngày mai đến nhà đại thân thọ trai. [0549c03] Lúc ấy, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên3 đang tĩnh tọa cách Tôn giả A-na-luật-đà không xa, Tôn giả A-na-luật-đà liền nói: Hiền giả Chân Ca-chiên-diên! Tôi vừa nói ngày mai chúng ta đến Xá-vệ để khất thực, chính là nệhĩa này. Hôm nay, đại thần Tiên Dư sai người đến thỉnh bốn vị chúng ta cùng đên nhà ông ây thọ trai vào sáng ngày mai. Tôn giả Chân Ca-chiên-diên liền nói: -Mong Tôn giả A-na-luật-đà vì ông ấy mà im lặng nhận lời mời! Sáng ngày mai chúng ta sẽ ra khỏi khu rừng Ám4 này để vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giả A-na-luật-đà vì đại thần ấy mà im lặng nhận lời. Lúc đó5 biết Tôn giả A-na-luật-đà im lặng nhận lời rồi, người giúp việc lại thưa: -Đại thần Tiên Dư muốn thưa với Tôn giả A-na-luật-đà rằng, ông ấy rất bận việc, nào là việc vua sai, nào là phò tá cho các quan, kính mong Tôn giả vì lòng thương xót, cùng với ba vị nữa, sáng ngày mai hãy đến nhà đại thần Tiên Dư để thọ trai. Tôn giả A-na-luật-đà bảo người giúp việc: Ông hãy trở về, tôi tự biết thời! Lúc ấy, người giúp việc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi ra về. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Ton giảA-na-luật-đà, tất cả bốn vị5 đắp y om bát đi đến nhà đại thần Tiên Dư. Bấy giờ, đại thần Tiên Dư cùng với các thể nữ vây quanh, đứng ở giữa cửa đợi Tôn giả A-na-luật-đà. Đại thần Tiên Dư thấy Tôn giả A-na-luật-đà từ xa đi đến, liền chắp tay hướng về Tôn giả A-na-luật-đà? khen ngợi: Lành thay, Tôn giả A-na-luật-đà! Đã lâu rồi Ngài không đến đây! Lúc đỏ, đại thần Tiên Dư tỏ lòng cung kính, đưa tay dìu Tôn giả A-na-luật- đà vào trong nhà, thỉnh ngồi lên giường tốt đẹp đã trải sẵn. Tôn giả liền ngồi lên giường áy. Đại thần Tiên Dư cúi lạy sát chân Tôn giả A-na-luật-đà rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Tôn giảA-na-luật-đà! Con có điều muốn hỏi5 xin Ngài nghe cho.

3 Chân Cachiendi6n Sabhiya Kaccāna.

4 Ám lâm phiên âm từ Andhavana, khurừng nằm ở phía Nam thành Xá-vệ; cũng gọi An-đà lâm, An-hòa lâm, Đăc Nhãn lâm, Khai Nhãn lâm, Trú-an viên.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN 525

Tôn giả A-na-luật-đà nói: Này Tiên Dư!5 Tùy theo ông hỏi, nghe rồi tôi sẽ suy xét. Đại thần Tiên Dư liền hỏi: Thưa Tôn giả! Như có Sa-môn, Phạm chí nào đi đến chỗ con và bảo: "Này Tiên Dư! ông nên tu tâm giải thoát rộng lớn."6 Thưa Tôn giả, lại có Sa-môn9 Phạm chí đến chỗ con và bảo: "Này Tiên Dư! Ông nên tu tâm giải thoát vô lượng?97 Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Đối với hai tâm giải thoát trên, khác văn khác nghĩa, hay cùng nghĩa mà khác văn? [0550a05] Tôn giả A-na-luật-đà bảo: -Này Tiên Dư! Ong hỏi điêu này trước, vậy ông hãy tự trả lời trước, sau đó tôi sẽ trả lời. Nghe vậy, Tiên Dư liền thưa Tôn giả: Thưa Tôn giả A-na-luật-đa! Tâm giải thoát rộng lớn và tâm giải thoát vô lượng, hai tâm giải thoát này đồng nghĩa nhưng khác văn. Con không thể giải thích việc

này. Tôn giả A-na-luật-đà dạy rằng: -Này Tiên Dư! Hãy lắng nghe, tôi sẽ giải thích về tâm giải thoát rộng lớn và tâm giải thoát vô lượng cho ông. Tâm giải thoát rộng lớn nghĩa là, nếu có Sa-môn9 hay Phạm chí nào ở nơi vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, nương nơi một cội cây, với tâm hướng đến tâm giải thoát rộng lớn phủ khắp rồi thành tựu và an trú, trong giới hạn ấy là tâm giải thoát, không thể vượt qua. Nêu không nương nơi một góc cây thì hãy nương nơi hai, ba góc cây, với tâm hướng đến tâm giải thoát rộng lớn phủ khắp rồi thành tựu và an tru, trong giới hạn ây là tâm giải thoát, không thê vượt qua. Nêu không nương nơi hai, ba góc cây thì hãy nương nơi một khu rừng. Nêu không nương vào một khu rừng thì hãy nương nơi hai, ba khu rừng. Nêu không nương nơi hai, ba khu rừng thì hãy nương nơi một thôn. Nếu không nương nơi một thôn thì hãy nương nơi hai, ba thôn. Nấu không nương hai, ba thôn thì hãy nương nơi một nước. Nếu không nương nơi một nước thì hãy nương nơi hai, ba nước. Nếu không nương hai, ba nước thì hãy nương vào nơi cõi đất rộng lớn này, cho đến nương nơi biển lớn, với tâm hướng đên tâm giải thoát rộng lớn phủ kháp roi thành tựu và an tru, trong giới hạn ấy là tâm giải thoát, không thể vượt qua. Đó gọi là tâm giải thoát rộng lớn. Này Tiên Dư! Thế nào là tâm giải thoát vô lượng? Nghĩa là, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi vắng vẻ5 hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm đi cùng

5 Nguyên tác: Tài chủ .Đe thuận theo nghĩa Việt nên thay chức vụ quan ưông coi kho bằng tên gọi Tiên Dư. 6 Đại tâm giải thoát Mahaggatā cetovimuttī.

7 Vô lượng tâm giải thoát ,Appamānā cetovimutti.

với lòng từ, phủ khắp một phương, thành tựu và an tru. Cứ như vậy, cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cùng khắp mọi nơi, tâm đi cùng với lòng từ, không gây thù két oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, không hạn lượng, khéo tu tập, phủ khắp thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm đi cùng với bi, hỷ và xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, không hạn lượng, khéo tu tập, phủ khắp thế gian, thành tựu và an trú. Đó gọi là tâm giải thoát vô lượng. Này Tiên Dư! Như vậy, tâm giải thoát rộng lớn và tâm giải thoát vô lượng, hai tâm giải thoát này nghĩa khác, văn khác hay đồng nghĩa mà khác văn? [0550002] Đại thần Tiên Dư thưa: Thưa Tôn giả! Khi nghe Tôn giả giải thích thì con đã hiểu rõ, hai tâm giải thoát này nghĩa khác mà văn cũng khác. Tôn giả A-na-luật-đà bảo: -Này Tiên Dư! Có ba cõi trời là Quang thiên, Tịnh Quang thiên và Biến Tịnh Quang thiên. Trong đó, thiên chúng cõi Quang thiên cùng song một trú xứ nhưng không nghĩ rang: "Cái này là của ta, cái kia là của ta", vì thiên chúng cõi Quang thiên hễ trụ ở chỗ nào liền có niềm an vui nơi đó. Này Tiên Du, giống như con ruôi bám vào miêng thịt, nó không nghĩ răng: "Cái này là của ta, cái kia là của ta”nhưng miếng thịt ở đâu thì con ruồi vui thích ở đó. Cũng vậy, thiên chúng cõi Quang thiên kia không nghĩ rằng: "Cái này là của ta, cái kia là của ta", vì thiên chúng cõi Quang thiên hễ trụ ở chỗ nào liền có niềm an vui nơi đó. Có lúc, thiên chúng cối Quang thiên nhóm họp một chỗ, thân hình tuy có khác nhưng ánh sáng thì không khác. Này Tiên Dư! Ví như có người

thắp vô số ngọn đèn? đặt trong một ngôi nhà, những ngọn đèn kia tuy khác nhau nhưng ánh sáng thì không khác. Cũng vậy5 thiên chúng cõi Quang thiên ấy nhóm họp một chỗ, thân hình tuy có khác nhưng ánh sáng thì không khác. Có lúc, thiên chúng cõi Quang thiên đều tự tản mác mỗi nơi. Khi tản mác mỗi nơi thì thân hình của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác. Này Tiên Dư, giống như có người từ trong ngôi nhà đem ra nhiều cây đèn, phân chia cho các nhà. Những cây đèn đó sẽ ở những nơi khác nhau và ánh sáng cũng khác. Cũng vậy, thiên chúng cõi Quang thiên kia đều tự tản mác mỗi nơi. Khi họ tản mác mỗi nơi thì thân hình đã khác nên ánh sáng cũng khác. Bấy giờ, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên thưa: -Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Các vi Quang thiên kia cùng sống một trú xứ, có biêt được có sự hơn, băng, vi diệu hay không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Có thể nói thiên chúng cõi Quang thiên ấy cùng sông một trú xứ, biết rõ có sự hơn, bàng, vi diệu và không vi diệu.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN 527

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Các vi Quang thiên cùng sống một trú xứ, do nhân gì? duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiên giả Ca-chiên-diên! Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi văng vẻ? hoặc đên nơi yên tĩnh bên góc cây, nương bên góc cây ây, hướng tâm về Quang minh tưởng,8 thành tựu và an trú, tâm hướng về Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt qua chỗ đó. Nếu vị ấy không nương một gốc cây thì nương bên hai, ba gốc cây, hướng tâm về Quang minh tưởng, thành tựu và an trú, tâm hướng về Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Này Hiền giả Ca- chiên-diên! Giữa hai tâm giải thoát đó thì giải thoát nào là tối thượng, là tối thắng, là vi diệu, là tối cao? [0550c02] Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp: -Thưa Ton giả A-na-luật-đà! Nếu có Sa-mon hay Phạm chí nào không nương một gốc cây mà lại nương nơi hai, ba gốc cây, hướng tâm về Quang minh tưởng, thành tựu và an trú; hướng tâm vê Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Tôn giả A-na-luật- đà! Như vậy, giữa hai giải thoát ấy thì giải thoát này là tối thượng, là tối thắng, là vi diệu, là toi cao. Tôn giả A-na-luật-đà lại hỏi: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Nấu những vị ấy không nương nơi hai, ba gốc cây, mà nương nơi một khu rừng; nếu không nương nơi một khu rừng mà nương nơi hai, ba khu rừng; nếu không nương nơi hai, ba khu rừng mà nương nơi một thôn; nêu không nương nơi một thôn mà lại nương nơi hai, ba thôn; nêu không nương nơi hai, ba thôn mà lại nương nơi một nước; nếu không nương nơi một nước mà lại nương nơi hai, ba nước; nếu không nương nơi hai, ba nước mà lại nương nơi cõi đất rộng lớn này, cho đến nương nơi biển lớn, hướng tâm vê Quang minh tưởng, thành tựu và an trú; hướng tâm vê Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Hiền giả Ca-chiên-diên! Như vậy, giữa hai giải thoát ấy, giải thoát nào là tối thượng, là tối thắng, là vi diệu, là tối cao?

8 Nguyên tác: Quang minh tưởng (Ālokasaññāni)^ tức là "tưởng ánh s9ng." Theo A. 7.6l - IV. 85 giải thích: Moggallāna, ālokasaññam manasi kareyyāsi, divāsaññarn adhitthaheyyāsi yathā divā tathā rattim yathā rattirn tathā divā. Iti vivatena

[vivattena (syā.), middhavigatena (ka.)] cetasā apariyonaddhena sappabhāsam cittam bhāveyyāsi. Thānam kho panetarn vijjati yarn te evam viharato tam rniddham pahīyetha. (Này Moggallāna, thầy hãy tác ý đến quang tưởng và an trú vào tưởng ban ngay. Như bân ngày, ban đêm cũng vạy. Như ban đêm, ban ngày cũng vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có hạn che. Sự kiện này có xảy ra, do thầy trú như vậy, thụy miên ay được đoạn diệt), HT. Thích Minh Châu dịch.

528 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Chân Ca-chiên-diên đáp: -Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không nương nơi hai, ba gốc cây lại nương nơi một khu rừng; hoặc không nương nơi một khu rừng mà nương nơi hai, ba khu rừng; hoặc không nương nơi hai, ba khu rừng mà lại nương nơi một thôn; hoặc không nương nơi một thôn mà lại nương nơi một nước; hoặc không nương nơi một nước mà lại nương nơi hai, ba nước; hoặc không nương nơi hai, ba nước mà lại nương nơi cõi đất rộng lớn này, cho đến nương nơi biển lớn, hướng tâm về Quang minh tưởng, thành tựu và an tru; hướng tâm về Quang minh tưởng cực thịnh, trong giới hạn đó là tâm giải thoát, không vượt hơn chỗ đó. Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Như vậy, giữa hai giải thoát ấy5 giải thoát này là tối thượng, là tôi thăng, là vi diệu, là tôi cao. Tôn giả A-na-luật-đà bảo: Hiền giả Ca-chiên-diên! Do nhân này, duyên này mà thiên chúng cõi Quang thiên cùng sống một trú xứ, nhưng biết rõ có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao như vậy? Vì do tâm người có hơn, có bằng nên việc tu tập liền có thô có tế. Do vì tu tập có thô có tế nên được thân người thì có hơn, có bằng. Hơn nữa, đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người thì có hơn, có bằng. [0551a01] Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: -Này Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng ở cõi Tịnh Quang thiên kia cùng sống một tru xứ, biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Có thể nói, thiên chúng cõi Tịnh Quang thiên cùng sống một tru xứ, biết rõ có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng cõi Tinh Quang thiên cùng sống một trú xứ, do nhân gì duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Này Hiên giả Ca-chiên-diên! Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi văng vẻ, hoặc đên nơi yên tĩnh bên góc cây, tâm ý hướng vê và phủ kháp Tinh Quang thiên rồi thành tựu và an tru. Với định này? vị ấy không tu, không tập, không làm cho rộng khắp, không thành tựu rốt ráo. Sau khi vị đó qua đời liền sanh lên cõi trời Tịnh Quang. Sau khi sanh lên, vị ấy không được sự an tịnh9 cao nhất, không được sự tịch tĩnh cao nhất, cũng không được sống trọn tuổi thọ. Hiên giả Ca-chiên-diên! Ví như hoa sen xanh, sen hông, sen đỏ và sen trăng đều sanh trưởng ở dưới nước. Khi ấy, rễ, cọng, lá, hoa, tất cả đều bị thấm nước, ngập nước, không chỗ nào mà không thấm. Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như

9 Nguyên tác: Chỉ tức upasamă'. An tịnh, tĩnh chỉ, bình an, trầm lặng; cũng được viết là "ninh tĩnlfXW.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN 529

vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở nơi vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về và phủ khắp Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Với định này, vị ấy không tu, không tập, không làm cho rộng khắp, không thành tựu rốt ráo. Sau khi vi đó qua đời liền sanh lên cõi trời Tinh Quang. Sau khi sanh lên, vị ấy không được sự khinh an cao nhất, không được sự tịch tĩnh cao nhất, cũng không được sống trọn tuổi thọ. Này Hiên giả Ca-chiên-diên, lại có Sa-môn hay Phạm chí nào với tâm ý hướng ve và phủ khắp Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an tru. Với định này, vị ấy thường tu, thường tập, thường làm cho rộng khắp, được thành tựu rốt ráo. Vị ấy sau khi qua đời, sẽ được sanh lên cõi trời Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, vị ây sẽ được sự khinh an cao nhát, được sự tịch tĩnh cao nhát, cũng được sông trọn tuôi thọ. Hiên giả Ca-chiên-diên! Ví như hoa sen xanh, sen hông, sen đỏ và sen trắng sanh trưởng từ trong nước, ngoi lên khỏi mặt nước nên nước không the tham ướt được. Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chỗ vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về và phủ khắp Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Với định này, vi ấy thường tu, thường tập, thường làm cho rộng khắp, thành tựu rốt ráo. Vị ấy sau khi qua đời, sẽ được sanh lên cõi trời Tinh Quang. Khi đã sanh lên, vị ấy sẽ được sự khinh an cao nhất, được sự tịch tĩnh cao nhất, cũng được sống trọn tuổi thọ. [055lb0l] Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Do nhân này, duyên này mà thiên chúng cõi trời Tịnh Quang cùng sông một trú xứ, biêt được có hơn, có băng, vi diệu hay không vi diệu. Vì sao như vậy? Vì do tâm người có hơn, có bằng nên sự tu tập có thô có tế. Do sự tu tập có thô có tế nên khi làm người thì có hơn, có bằng. Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người thì có hơn, có bang. Tôn giả Ca-chiên-diên lại hỏi: -Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng cõi trời Biến Tịnh Quang cùng sống một trú xứ, biết rõ có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Có thể nói, thiên chúng ở cõi trời Biến Tịnh Quang cùng sống một trú xứ, biết được có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Tôn giả Chân Ca-chiên-diên lại hỏi: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Thiên chúng cõi trời Biến Tinh Quang sống cùng một trú xứ? do nhân gì, duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu hay không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chỗ vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ khắp Biên

Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Vi ấy không dứt hẳn hôn trầm, không khéo chấm dứt trạo hối. Sau khi vị ấy qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ấy không được sáng tỏ. Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Ví như ngọn đèn sáng là nhờ dầu và tim, nếu dầu có cặn, tim lại không sạch thì ánh sáng của ngọn đèn sẽ không sáng tỏ. Hiền giả Ca-chiên- diên! Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chỗ vắng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ khắp Biến Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an tru. Vị ấy không dứt hẳn hôn trầm, không khéo cham dứt trạo hối. Sau khi vị ấy qua dòi, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ấy không được sáng tỏ. Hiên giả Ca-chiên-diên5 lại có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chô văng vẻ, hoặc đến nơi yên tĩnh

bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ khắp Biến Tịnh Quang thiên roi thành tựu và an trú. Vi ây đoạn dứt hôn trâm, khéo châm dứt trạo hôi. Sau khi vị ấy qua dòi, được sanh lên cõi trời Biến Tinh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ây rát sáng tỏ. Giông như ngọn đèn sáng là nhờ có dâu và tim. Nếu dầu không cặn, tim lại rất sạch thì ánh của ngọn đèn sẽ tỏa ra cực sáng. Hiên giả Ca-chiên-diên! Cũng như vậy, nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào ở chô vắng vẻ? hoặc đến nơi yên tĩnh bên gốc cây, tâm ý hướng về, phủ khắp Biến Tịnh Quang thiên rồi thành tựu và an trú. Vị ấy đoạn dứt hôn trầm, khéo chấm dứt trạo hoi. Sau khi vị ấy qua đời, được sanh lên cõi trời Biến Tịnh Quang. Khi đã sanh lên, ánh sáng của vị ấy rất sáng tỏ. [055lc02] Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Do nhân ấy, duyên ấy mà thiên chúng cõi trời Biến Tịnh Quang sống cùng một trú xứ mà biết được có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu này. Vì sao như vậy? Vì do tâm người có hơn, có bang nên khi tu tập có thô có tế. Do tu tập có thô có tế nên được làm người thì có hơn, có bằng. Hiền giả Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người thì có hơn, có bằng. Bấy giờ, Tôn giả Chân Ca-chiên-diên khen đại thần Tiên Dư: Lành thay, lành thay! Này Tiên Dư! Ông đã làm nhiều lợi ích cho chúng tôi. Vì sao như vậy? Vì ban đầu ông hỏi Tôn giả A-na-luật-đà về sự thù thắng của cõi trời mà chúng tôi chưa từng nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói ý nghĩa đó. Tức là về cõi trời kia, có thiên chúng đó, thiên chúng sống ở đó như vậy. Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà bảo: -Này Hiền giả Ca-chiên-diên! Còn có nhiều cõi trời khác nữa. Nơi đó5 dù mặt trời, mặt trăng này có thần túc lớn, có uy đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn như vậy, nhưng ánh sáng không sánh bằng với ánh sáng của cõi trời kia. Các vi trời kia đã cùng tôi gặp gỡ9 cùng tôi thăm hỏi, cùng tôi bàn luận và cũng có những hỏi đáp. Thế nhưng tôi không nói về những việc đó mà chỉ nói về cõi trời kia, có thiên chúng đó9 thiên chúng sống ở cõi đó như vậy.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN 531

Bấy giờ, đại thần Tiên Dư biết Tôn giả A-na-luật-đà đã nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự đi lấy nước rửa, tự tay dâng cúng thức ăn, đem đủ các món ngon dâng lên Tôn giả A-na-luật-đà, mong ngài thọ thực no đủ. Sau khi thọ trai, thu dọn bát và lấy nước rửa tay xong, Tiên Dư lấy một chiếc ghế, ngồi riêng bên cạnh để nghe pháp. Khi đã ngồi xong, Tôn giả A-na-luật-đà thuyết giảng các pháp cho Tiên Dư nghe, mở bày, chỉ dạy, ktdch lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Tiên Dư, đã mở bày, chỉ dạy, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Tôn giả liền rời tòa ra về. Tôn giả A-na-luật-đà thuyết giảng như vậy, đại thần Tiên Dư và các Tỳ- kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

80. KINH CA-HY-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả A-na-luật-đà2 cũng ở tại nước Xá-ve, trong hang núi Ta-la-la.3 Lúc ấy, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả A-na-luật-đà đắp y, om bát vào thành Xá-vệ khất thực. Vào buổi sáng đó, Tôn giả A-nan cũng đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. [0552a03] Tôn giả A-na-luật-đà trông thấy Tôn giảA-nan cũng đi khất thực, lúc gặp nhau, Tôn giả nói: Hiền giả A-nan biết cho, ba y vải thô của tôi đã rách hết. Hiền giả có thể nhờ các Tỳ-kheo may y giúp tôi

chăng? Tôn giả A-nan im lặng nhận lời giúp Tôn giả A-na-luật-đà. Bấy giờ, sau khi vào thành Xá-vệ khất thực và thọ thực xong, sau buổi trưa, Tôn giả A-nan cát y bát, rửa tay chân, lây tọa cụ vát trên vai, tay câm chìa khóa đến khắp các phòng, gặp các Tỳ-kheo thưa rằng: Thưa các thầy! Hôm nay xin hãy đến hang núi Ta-la-la may y giúp cho Tôn giả A-na-luật-đà. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan, thảy đều đến hang núi Ta-la-la may y giúp cho Tôn giả A-na-luật-đà. Lúc ây, đức Phật trông thây Tôn giả A-nan tay câm chìa khóa đên khăp các phòng, thay vậy, Ngài hỏi: Này A-nan! Thầy vì việc gì mà tay cầm chìa khóa đến khắp các phòng? Tôn giả A-nan bạch: - Bạch Thế Tôn! Hôm nay con đến nhờ các thầy Tỳ-kheo may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

1 Nguyên tác: Ca-hy-na kinh roi. 0026.80. 0551c26. Ca-hy-na Katthina cũng được phiên âm là Ca-thi-ca ,dịch nghĩa là "Y công đức,5 . 2 A-na-luật-đà Anuruddha còn được viết: Ạ-ni-luật-đà A-ni-lô-đà ,A-lâù-đà ,Ã-nan-luật ,A-lâu-đà . 3 Sa-la-la Nham sơn .Theo M. 128, địa danh đức Phật ghé thăm Tôn giả Anuruddha có tên là Pācīnavamsadāya. Theo s. II. 190, Pācīnavamsa là một tên gọi khác của núi Tỳ-phú-la Vepulla ở thành Vương Xá. Kinh ghi: Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, núi Vèpulla này được biêt với tên là Pācīnavamsa. Lúc bấy giờ, dân chúng được biết với tên là Tivarã. Này các Tỷ-kheq, dân chúng Tivarã có tuổi thọ đến 40.000 năm. Này các Tỷ-kheo, dân chúng Tivarâ phai bốn ngày để leo lên núi Pācīnavamsa, phải 4 ngày để leo xuống HT. Thích Minh Châu dịch.

Đức Phật bảo: Này A-nan! Tại sao thầy không thỉnh Như Lai cùng giúp may y cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà? Khi ấy, Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng về đức Phật, bạch rằng: Cúi mong Thế Tôn hãy đến hang núi Ta-la-la giúp may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Đức Phật im lặng nhận lời Tôn giả A-nan. Bấy giờ, đức Phật cùng Tôn giả A-nan đến hang núi Ta-la-la, trải tòa ngồi trước chúng Ty-kheo. Khi ấy, trong hang núi Ta-la-la có đến tám trăm Ty-kheo cung với Phật ngồi may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Lúc này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong hội chúng. Bấy giờ, đức Phật bảo: Này Mục-kiền-liên! Ta có thể vì A-na-luật-đà trải rộng tấm vải này ra, cắt rọc rồi may lại thành y. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai bên phải, chắp tay hướng Phật và bạch: -Cúi mong đức Thế Tôn vì Hiền giả A-na-luật-đà mà trải rộng tấm vải? các Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc, khâu vá và may lại thành y. [0552b01] Bấy giờ, đức Phật liền vì Tôn giả A-na-luật-đà, trải rộng tấm vải, các Tỳ-kheo cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy, chư vi đã may xong cho Tôn giả A-na-luật-đà ba y. Đức Phật biêt ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liên bảo răng: -Này A-na-luật-đà! Thây hãy nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe, Như Lai đau lưng, muốn nghỉ một lúc. Tôn giả A-na-luật-đà bạch: -Xin vâng, bạch Thế Tôn! Khi ấy? đức Phật xếp y uất-đa-la-tăng thành bốn lớp rồi trải trên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng mình bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, khởi Quang minh tưởng/ giữ chánh niệm tỉnh giác và thường nghĩ đến việc thức dậy. Lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Trước kia, lúc tôi chưa xuất gia

học đạo, đã nhàm chán cảnh sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, buồn tủi, lo lắng, muốn đoạn trừ khoi đau khổ lớn này. Này chư Hiền! Khi đã nhàm chán, tôi quán sát như vầy: "Đời sống tại gia hết sức chật hẹp, là chốn nhiễm ô phiền não, xuất gia học đạo thì rộng rãi thênh thang. Nay ta sống đời tại gia luôn bị trói buộc trong xiềng xích, không được trọn đời tu các Phạm hạnh. Ta nên từ bỏ một ít tài vật và nhiều*

4 Quang minh tưởng .Xem chú thích 8, kinh số 79, tr. 527.

tài vật, từ bỏ một số thân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học Này chư Hiền! Sau đó tôi đã từ bỏ một ít tài vật và nhiều tài vật, từ bỏ một so thân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này chư Hiền! Khi tôi đã xuất gia học đạo, từ bỏ dòng họ rồi, thọ giới Tỳ-kheo, thực hành giới câm, giữ gìn giới giải thoát. Tôi lại khéo nhiếp phục các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng ôm lòng lo sợ, liền thọ trì học giới. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa giết hại, đoạn trừ sự giết hại, quăng bỏ dao gậy, biết xấu hổ? biết tự thẹn, có tâm từ bi5 làm lợi ích cho tất cả, dù là loài côn trùng nhỏ nhặt. Đoi với việc sát sanh, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa trộm cướp, đoạn trừ việc trộm cướp, được cho mới lấy, vui nhận những gì được cho, thường ưa bố thí? tâm luôn hoan hỷ, không keo kiệt, không mong cầu báo đáp. Đối với việc trộm cướp, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng năng tu Phạm hạnh, tinh cần trong diệu hạnh, trong sạch không ô uế, lìa dục và đoạn dâm. Đối với việc phi Phạm hạnh, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa nói dối? đoạn trừ nói dối, nói lời chân thật, ưa thích chân thật, an trụ, noi chân thật, không thay đổi lời nói,5 tất cả có thể tin theo, không dối gạt thế gian. Đối với việc nói dối, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nói hai chiều, dứt trừ việc nói hai chiều, thực hành không nói hai chiều, không phá hoại người khác, không đem lời người này nói với người kia để phá hoại người này, không đem lời người kia nói với người này để phá hoại người kia, với người chia rẽ thì làm cho hòa hợp, với người hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không kết bè lập đảng, không ham thích bè đảng, không khen ngợi bè đảng. Đối với việc nói hai chiều, tôi đã đoạn trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có lời nói mà ngôn từ thô ác, hung hăng, nặng nề? trái tai, mọi người không vui, mọi người không mến, khiến cho người khác khổ não, không được an định thì tôi đoạn trừ những lời nói như vậy. Nêu có lời nói trong trẻo, hòa thuận, mem mỏng, xuôi tai, đáng vui, đáng mến, khiến cho người khác an lạc, ngôn từ đay đủ? rõ ràng, không làm người sợ hãi, khiến họ được an định thì tôi nói lời ây. Đối với việc nói lời thô ác, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt5 nói lời hợp thời, lời chân thật, đúng pháp, đúng nghĩa, lời nhẹ nhàng6 và ưa nói lời nhẹ

5 Nguyên tác: Bất di động . 6 Nguyên tác: Chỉ tức upasamă'. An tịnh, tĩnh chỉ, bình an, trầm lặng. Xem chú thích 9, kinh số 79, ư. 528.

nhàng, hợp theo việc, hợp theo thời, khéo léo dạy dỗ, khéo léo quở trách. Đối với việc nói lời thêu dệt, tôi đã trừ sạch tâm ấy. [0552C13] Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc mua bán/ đoạn trừ việc mua bán, buông bỏ dụng cụ đo lường như cái đấu, cái hộc, không nhận lãnh hàng hóa, không ép giá người khác, không đong lường gian dối, không vì lợi nhỏ mà dối gạt hại người. Đối với việc mua bán, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc tiếp nhận góa phụ, thiếu nữ; đoạn trừ việc tiếp nhận góa phụ, thiếu nữ. Đối với việc tiếp nhận góa phụ, thiếu nữ; tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận nuôi tôi tớ, đoạn trừ việc nhận nuôi tôi tớ. Đối với việc nhận nuôi tôi tớ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê; đoạn trừ việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê. Đoi với việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê; tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh gà, heo; đoạn trừ việc nhận lãnh gà, heo. Đối với việc nhận lãnh gà, heo; tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã lìa việc nhận lãnh ruộng vườn, lầu đài; đoạn trừ việc nhận lãnh ruộng vườn, lầu đài. Đối với việc nhận lãnh ruộng vườn, lầu gác; tôi đã trừ sạch tam ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh hia, mì, đậu sống; đoạn trừ việc nhận lãnh lúa, mì? đậu sống. Đối với tâm nhận lãnh lúa, mì, đậu sống; tôi đã trừ sạch. eA e r Này chư Hiên! Tôi đã xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Đôi với việc uông rượu, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiên! Tôi đã xa lìa việc năm giường cao rộng, đoạn trừ việc năm giường cao rộng. Đối với việc nằm giường cao rộng, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiên! Tôi đã lìa bỏ tràng hoa, chuôi ngọc, xoa hương, phân sáp; đoạn trừ tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp. Đối với việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc ca múa, xướng hát, cho đến xem nghe; đoạn trừ việc ca múa, xướng hát, cho đến xem nghe. Đối với việc ca múa, xướng hát, cho đến xem nghe, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiên! Tôi đã xa lìa việc nhận lãnh vàng bạc, của báu; đoạn trừ việc nhận lãnh vàng bạc, của báu. Đối với việc nhận lãnh vàng bạc, của báu; tôi đã trừ sạch tâm ấy.*

7 Nguyên tac^In sanh Kinh doanh mua bán, lo cho gia nghiệp .Pali: Vanijjā thương mại,.

Này chư Hiền! Tôi đã xa lìa việc ăn quá giờ ngọ, đoạn trừ việc ăn quá giờ ngọ, chỉ ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời. Đối với việc ăn quá giờ ngọ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. [0553a06] Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này rồi, lại học theo hạnh biết đủ, áo vừa đủ che thân, ăn chỉ nhằm nuôi mạng, đi đến đâu đều mang theo y bát, ra đi không luyến nhớ, giống như chim ưng dang rộng đôi cánh bay lượn giữa hư không. Này chư Hiền! Tôi cũng vậy, đi đến đâu đều mang theo y bát, ra đi không luyến nhớ. Này chư Hiền! Khi tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này và luôn sống biết đủ, lại tu tập phòng hộ các căn, thường nghĩ đến việc đóng chặt các căn; lòng mong tỏ ngộ nên phải phòng hộ và giữ tâm trong chánh niệm thì mới mong thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác, khi mắt thấy sắc nhưng không vướng mắc vào tướng của sắc, không đam nhiễm vào vi8 của sắc, vì ngăn ngừa tranh giành và oán giận nên giữ gìn nhãn căn. Giữ

gìn nhãn căn là để trong tâm không sanh ra tham muốn,9 ưu não và các pháp xấu ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Với tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Ý nhận biết các pháp nhưng không vướng mắc vào tướng các pháp, cũng không bi đắm nhiễm vào vị của các pháp, vì ngăn ngừa tranh giành và oán giận nên giữ gìn ý căn. Giữ gìn ý căn là đê trong tâm không sanh tham muôn, ưu não và các pháp xâu ác? bát thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn ý căn. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này rồi và luôn sống biết đủ, gìn giữ các căn, tôi lại tu tập tỉnh giác trong mọi hành động, cử chỉ; khéo léo quán sát, phân biệt, co duỗi, cúi ngước, dung mạo khoan thai,10 khi đắp y Tăng-già-lê, khi mang y bát; khi di, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng hay im lăng,... tôi đều tỉnh giác. Này chư Hiền! Khi tôi đã thành tựu Thánh giới uẩn này rồi và luôn sống biết đủ? gìn giữ các căn, tỉnh giác trong mọi hành động, cử chỉ; tôi lại sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi yên vắng, hoặc bên gốc cây, nơi yên tĩnh, hoặc trong hang núi, hoặc chỗ đất trống, hoặc ở giữa đồng, hoặc ở trong rừng, hoặc bãi tha ma. Này chư Hiền! Khi tôi đã đến nơi vô SỊT, hoặc bên gốc cây, nơi yên vắng, trải ni-sư-đàn9 ngồi kiếtgià, thân tâm ngay thẳng, quán niệm bên trong, không hướng ra ngoài,11 đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt; thấy tài sản, vật dụng sinh hoạt của người khác không khởi lòng tham mong chúng thuộc về mình. Đôi với tham lam, tôi đã trừ sạch tâm ây.

8 Nguyên tác: Vị .Pali: Assãda mùi vị, sự thỏa thích. 9 Nguyên tác: Tham tứ ,abhijjhā. Xem chú thích 2, kinh số 15, tr. 84 và chú thích 3, kinh số 75, tr. 497. 10 Nguyên tác: Nghi dung tường tự .Tường tự 6 nghĩa là khoan thai, điềm tĩnh . Tham chiếu: Đại Đường Tây Vúc ký 51. 2087.7. 0907c09: Tăng chúng trang nghiêm, oai nghi điềm tĩnh . 11 Nguyên tác: Phản niệm bất hướng còn được viết là "he niệm tại tien^ , parimukharn satirn upatthapetvā: An trú chánh niệm ngay trước mặt.

Tôi cũng tu tập như vậy đối với sân hận, hôn trầm, trạo cử, dứt hẳn nghi ngờ, vượt khỏi mê hoặc, đối với các pháp lành không còn do dự. Đoi với nghi ngờ, mê hoặc, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã trừ sạch năm loại ngăn che,12 những thứ khiến tâm ô uế, khiến tuệ yếu kém. Tôi lìa bỏ tham dục, lìa bỏ các pháp ác, bất thiện,... cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an tru. [0553b04] Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm đinh như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô, không phiền não, nhu hòa, khéo an trụ, được tâm bất động,12 13 tôi tu tập và tác chứng các thần thông như ý.14 Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu vô số thần thông như y, đó là từ một thân phân ra thành nhiều thân, từ nhiều thân hợp lại thành một thân; muốn một thân thì hiện một thân, có thấy có biết, xuyên qua tường vách không chướng ngại, như đi giữa hư không; ẩn xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đát; ngôi kiêt-già mà bay lên hư không giống như chim bay. Ngay như mặt trời, mặt trăng này có sức mạnh lớn, CÓ oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thân lớn nhưng tôi có thê dùng tay chạm đến, vì thân tôi cao đến Phạm thiên. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm đinh như vậy, thanh tinh không nhiễm 6, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu

tập và chứng đắc Thiên nhĩ thông.15 Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhĩ nghe âm thanh của loài người và phi nhân, gần xa, tuyệt diệu và không tuyệt diệu. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Tha tâm thông.16 Này chư Hiền! Những gì mà chúng sanh khác suy nghĩ, hành động, tôi dùng tha tâm trí mà biết rõ như thật về tâm của họ. Tâm có tham muôn thì biêt rõ như thật tâm có tham muôn, tâm không tham muôn thì biết rõ như thật tâm không tham muốn; tâm có sân hận hay không có sân hận, có si mê hay không có si mê, nhiễm ô hay thanh tịnh, hòa hợp hay tán loạn, cao cả hay thấp hèn, rộng lớn hay bé nhỏ, có tu hay không tu, có định tĩnh hay không định tĩnh; tâm không giải thoát thì biết rõ như thật tâm không giải thoát; tâm giải thoát thì biết rõ như thật tâm giải thoát. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm đinh như vậy, thanh tinh không nhiễm 6, không phiền não, nhu hòa, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Túc mạng thông.17 Này chư Hiền! Có bao nhiêu hạnh nghiệp thì có

12 Nguyên tác: Ngũ cái E,pcừíccỉ nīvaranā, bao gồm: tham dục ,kāmarāga, sân khuê , vyãpādà, thụy miên ÌÊ0R, thinamiddhā, trạo cử ,uddhaccă và nghi ,vicikicchā. 13 Nguyên tác: Đắc bất động tâm :Thành tựu Tứ vô sắc định . 14 Như ý túc .SĀ. 503 ghi là "dại thần thông Ẹrc". 15 Nguyên tác: Thiên nhĩ trí thông . 16 Nguyên tác: Tha tâm trí thông . 17 Nguyên tác: Túc mạng trí thông .

bấy nhiêu tướng mạo. Tôi nhớ lại vô số kiếp sống khi xưa đã trải qua, từ một đời? hai đời, trăm đời, ngàntòi, kiếp thành, kiếp hoại, vô số kiếp thành hoại, chúng sanh đó tên ấy, đã trải qua những việc thế này, đã từng sanh ra nơi đó5 với dòng họ như vậy, tên gọi như vậy9 sinh sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ ở đời như vậy, kết thúc thọ mạng như vậy, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây; tôi sanh chỗ này, dòng họ như vậy, tên gọi như vậy, sinh sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ ở đời như vậy, kết thúc thọ mạng như vậy. [0553c01] Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất động, tôi tu tập và chứng đắc Thiên nhãn thông.18 Này chư Hiền! Tôi dùng thiên nhãn thanh tinh nhìn xa hơn người, thấy chúng sanh này từ khi sanh ra đến lúc chết đi, dung sắc đẹp hay xấu, mỹ miều hay không mỹ miều, qua lại cõi lành hay cõi ác, tùy nghiệp của chúng sanh ấy tạo tác mà thay đúng như thật. Nếu chúng sanh này thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, kết thành nghiệp tà kiến thì do nhân duyên này, chúng sanh ấy sau khi qua đời chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về miệng, diệu hạnh về ý? không hủy báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến thì do nhân duyên này, chúng sanh ấy sau khi qua đời chắc chắn được sanh vào cõi lành, sanh lên cối trời. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh không nhiễm ô? không phiền não9 nhu hoà, khéo an trụ, thành tựu tâm bất

động, tôi tu tập và chứng đắc Lậu tận thông. Này chư Hiền, toi biết như thật đây là khổ, biết như thật đay là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đay là con đường diệt khổ. Tôi biết phiền não, biết nguyên nhân của phiền não, biết phiền não diệt, biết con đường diệt trừ phiền não. Biết như vậy, thấy như vậy nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và tâm giải thoát khỏi vô minh lậu; khi giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này chư Hiền! Nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, phá giới, giới bị sứt mẻ? giới bị xuyên thủng, giới bị nhiễm ô, giới bi lấm bẩn19 mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên nhà Vô thượng tuệ, lên lau gác Chánh Pháp thì điều này không bao giờ có. Này chư Hiền! Ví như cách thôn không xa có ngôi lầu gác, trong đó để một cái thang hoặc mười bậc, mười hai bậc; nếu có người đến cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nhưng nếu không

18 Nguyên tác: Sanh tử trí ,một cách gọi khác chỉ cho Thiên nhãn thông .
19 Nguyên tác: Phạm giới, phá giới, khuyết giới, xuyên giới, uế giới, hắc giới giả ,.Tham chiếu: A. 7.50 IV. 54: Brahrnacariyassa khandampi
chiddarnpi sabalampi kammãsampi đây gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bỉ điểm chấm, HT. Thích Minh Châu dịch.

leo lên bậc thang thứ nhất mà chỉ muốn leo lên bậc thứ hai thì không thể được; nếu không leo lên bậc thứ hai mà chỉ muốn leo bậc thứ ba, thứ tư thậm chí lên đến lầu gác cũng không thể được. Này chư Hiền! Cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, phá giới, giới bị sứt mẻ, giới bị xuyên thủng, giới bi ô uế, giới bị lấm bẩn mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên nhà trí tuệ vô thượng, lên lầu gác Chánh Pháp là điều không bao giờ có. Này chư Hiền! Nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, không phá giới, giới không sứt mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bị ô uế, giới không bị lấm bẩn mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên y r r y nhà trí tuệ vô thượng, lên lâu gác Chánh Pháp thì chác chăn có điêu đó. Này chư Hiền, như cách thôn này không xa, có ngôi lầu gác, trong đó để một cái thang hoặc có mười bậc hay mười hai bậc, nêu có người đên câu xin, muôn được leo lên nhà gác đó thì khi đã leo lên bậc thứ nhất của thang ấy, rồi muốn leo lên bậc thứ hai thì chác chăn sẽ leo r được; nêur đãy leo lên bậc thứ r hai, r roi muôn leo bậc thứ ba, bậc thứ tư cho đên leo lên đên lâu gác thì chác chăn sẽ leo được. Này chư Hiền! Cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, không phá giới, giới không sứt mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bị nhiễm ô, giới không bị lấm bẩn mà muốn nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang để leo lên nhà vô thượng tuệ, lên lầu gác Chánh Pháp thì chắc chắn có điều đó. [0554a09] Này chư Hiên! Tôi nương tựa nơi giới, an trụ nơi giới, lây giới làm thang leo lên nhà trí tuệ vô thượng, lên lầu gác Chánh Pháp, chỉ với một nỗ lực nhỏ20 nhưng vẫn thấy cả ngàn thế giới. Này chư Hiền! Như người có mắt ở trên lầu cao, chỉ với một nỗ lực nhỏ nhưng vẫn thấy khoảng đất trống phía dưới, roi thây cả ngàn ụ đát. Này chư Hiên! Tôi cũng như vậy, nương tựa nơi

giới, an trụ nơi giới, lấy giới làm thang leo lên nhà trí tuệ vô thượng, lên lầu gác Chánh Pháp, với nỗ lực nhỏ nhimg vẫn thấy cả ngàn thế giới. Này chư Hiên! Như con voi lớn của nhà vua, cao từ bảy cho đên gân tám khuỷu tay rồi lấy lá cây đa-la mà che đậy cả thân voi;21 cũng như tôi luôn che đậy sáu phép than thông này.22

20 Nguyên tác: Dītieu phương tiên ."Phuong tiên"trong trường hợp này đồng nghĩa với "tiĩih tấn",vâyāma. " J J 21Nguyen tác: Nhươc vương đại tượng, hoặc hữu thất bảo, hoặc phục giảm bát, dĩ đa-la diệp phú chi ,.Từ quan trọng trong câu kinh này chính la "bảo" nguyên tác Pali của từ này viết là ratana. Ratana ngoài nia vua nêu còn mang nghĩa là đơn vị đo chiêu dài thời xưa, bằng khoảng một cánh tay, từ cùi chỏ đến đầu ngón tay hatthă. Bổ trợ cho nghĩa này, Tạp.T.02. 0099.1144. 0302c13 ghi: Ví như voi báu của Chuyên Luân Thánh Vương cao 7, 8 khuỷu tay mà một chiếc lá đa-la có thê che phủ .Tương tự, S. 16.11 - II. 217 ghi: Sattaratanam vã, āvuso, nāgarh addhatthamaratanarh vā tālapattikāya chādetabbarh maññeyya, yo me cha abhiññā chādetabbam maññeyyā ^ti. Này Hiền giả, ai nghĩ răng có thể che đậy 6 thắng trí của ta được, thời không khác gì họ nghĩ rang có thể lấy một lá cây đa-la mà che đậy một con voi lớn đên 7 hay 8 khuỷu tay rưỡi bề cao, HT. Thích Minh Châu dịch. 22 Như ngã phú tàng ư thử lục thông .Cách diễn đạt của bản Hán khác với bản S. 16.11-11.217.

80. KINH CA-HY-NA 541

Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về các phép thần thông như ý9 nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Thiên nhĩ thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Tha tâm thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Túc mạng thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Thiên nhãn thông, nếu ai co điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền! Đối với sự chứng đắc của tôi về Lậu tận thông, nếu ai có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, tôi sẽ trả lời. Bây giờ, Tôn giả A-nan thưa: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà! Hôm nay, ở đây có tám trăm Tỳ-kheo và đức Như Lai ở giữa đại chúng, cùng ngồi trong hang núi Ta-la-la để may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc các phép thần thông như ý thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Thiên nhĩ thông thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Tha tâm thông thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Túc mạng thông thì xin cứ hỏi5 Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giảA-na-luật-đà, nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Thiên nhãn thong thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Với Tôn giả A-na-luật-đà? nếu vị nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Lậu tận thông thì xin cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, chúng tôi23 đã dùng tâm biết được tâm của Tôn giảA-na-luật- đà9

đúng là Tôn giả A-na-luật-đà có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. [0554bl2] Bấy giờ, sự đau nhức của đức Phật đã thuyên giảm và an ổn, Ngài liền trở dậy, ngồi kiết-già. Sau khi ngồi, đức Phật đã khen ngợi Tôn giả A-na-luật-đà: -Lành thay, lành thay, A-na-luật-đà! Quả là lành thay! Thầy đã nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, thầy cần nên nói pháp Ca- hy-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà? thầy hãy thường xuyên nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe. Rồi đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Này Tỳ-kheo! Các thầy hãy vâng giữ pháp Ca-hy-ïia, đọc tụng và tu tập pháp Ca-hy-na và khéo giữ gìn pháp Ca-hy-na. Vì sao như vậy? Vì pháp Ca- hy-na cùng tương ưng với pháp, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến thần thông,

23 cần phải thấy rằng, để biết tâm của một bậc Thánh giả thì chỉ có những bậc Thánh giả. Tuy nhiên, trong thời điểm nêu trên, Tôn giả A-nan vẫn chưa thành tựu, quả vị A-la-hán. Vì vậy, cách dùng từ chúng tôi ở đây nhằm chỉ cho các Tỳ-kheo đã chứng đắc Thánh quả đang ở trong hội chúng.

đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu có người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì hãy nên dốc lòng thọ trì pháp Ca-hy-na9 khéo léo giữ gìn pháp Ca-hy-na. Vì sao như vậy? Vì Như Lai thấy trong quá khứ không có các Tỳ-kheo nào may y như đã làm cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Như Lai cũng thấy trong vị lai, hiện tại, không có các Tỳ-kheo nào may y như đã làm cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Vì sao như vậy? Vì hôm nay, có tám trăm Tỳ-kheo và Như Lai giữa đại chúng, cùng ngôi trong núi Ta-la-la đê may y cho Tôn giả A-na-luật- đà. Như vậy, Tỳ-kheo A-na-luật-đà có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.24

'3

24 Bản Hán, hết quyển 19.

81. KINH NIỆM THÂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến tru xứ Kiền-ni,2 ở làng A-hòa-na,3 thuộc nước Ương-kỳ.4 Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Thể Tôn đắp y ôm bát vào làng A-hòa-na khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xe trưa, Ngài thu dọn y bát, rửa sạch tay chân, vắt tọa cụ lên vai đi vào rừng, đến bên một gốc cây rồi trải tọa cụ ngồi kiết-già. Cũng thời gian ấy, số đông Tỳ-kheo sau giờ thọ thực đã nhóm họp tại giảng đường rồi cùng nhau bàn luận việc này: "Chu Hiền! Thế Tôn thật kỳ diệu, thật hy hữu! Pháp tu tập niệm thân5 được giải thích rộng rãi, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được giữ gìn và đoi tri tột cùng, làm cho sung mãn, khéo léo thực hành, an tru nhất tâm. The Tôn tuyên bo niệm thân có phước quả lớn, mở con mắt pháp, thấy được đệ nhất nghĩa.9, Bấy giờ, từ nơi tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, đức Phật nghe các Tỳ-kheo sau giờ thọ thực nhóm họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: "Chu Hiền! Thế Tôn thật kỳ diệu, thật hy hữu! Pháp tu tập niệm

thân được giải thích rộng rãi, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, làm cho sung mãn, khéo léo thực hành, an trú nhất tâm. Thế Tôn tuyên bố niệm thân có phước quả lớn, mở con mat pháp, thây đệ nhát nghĩa.,, Sau khi nghe như vậy, vào lúc xê chiều, đức Phật rời nơi tĩnh tọa đi đến giảng đường, trải toạ cụ rồi ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo: -Các thầy vừa cùng nhau bàn luận việc gì? Vì việc gì mà nhóm họp tại giảng đường này?

1 Quyển 20. Nguyên tác: Niệm thân kỉnh (01. 0026.81. 0554c 10). Tham chiếu: Niệm xứ kinh (r.01. 0026.98. 0582Ồ07); TdMg.(T.02. 0125.12.1. 0568a01); D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh đại niêm xứ); M 119, Kāyagatāsatisutta (Kinh thân hành mềm). 2 Kiền-ni (),tên của một vị đạo sĩ khổ hạnh (jatila) gọi là Keniya. Theo M. 92; Sn. 102-112, vị đạo sĩ này song ở thị tran Āpana. 3 A-hòa-na (hoặc viết)phiên âm từ chữ Āpana. Theo Phiên Phạn gg(T.54. 2130.8. 1035al2), Ạ-hòa-na ()là tên gọi một nơi buôn bán sầm uất ().Theo s. v. 225, Āpana là một thị trấn thuộc vương quôc Añga (Ương-kỳ). 4 ương-kỳ (,Añga). 5 Niệm thân (,Kāyagatāsati)'. Rõ biết, tỉnh giác với mọi hành động diễn ra nơi thân.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Sau giờ thọ thực, Tỳ-kheo chúng con nhóm họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: "Chu Hiền! Thế Tôn thật kỳ diệu, thật hy hữu! Pháp tu tập niệm thân được giải thích rộng rãi, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối tri tột cùng, làm cho sung mãn, khéo léo thực hành, an trú nhất tâm. Thế Tôn tuyên bố niệm thân có phước quả lớn, mở con mắt pháp, thấy đệ nhất nghĩa?9 Bạch Thế Tôn! Chúng con cùng nhau bàn luận vấn đề như trên, vì vấn đề này nên mới nhóm họp ở đây. [0555a06] Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: Ta đã nói về pháp tu tập niệm thân, được giải thích rộng rãi, được phước r quả báo như thê nào? Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: —Kính bạch Thê Tôn! Thê Tôn là cội nguôn cua giao pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thê Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật dạy: Các thầy hãy lắng nghe và hãy khéo suy nghi, Như Lai sẽ phân biệt nghĩa ây cho các thây! Các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo ấy, khi đi thì biết di, đứng thì biết đứng, ngồi thì biết ngồi, nằm thì biết nằm, ngủ thì biết ngủ, thức thì biết thức, thức dậy thì biết thức dậy. Như vậy5 tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vi ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy biết rõ6 khi ra vào, khéo quán sát, phân biệt khi co, duỗi, cúi, ngước; dung mạo khoan thai, khoác Tăng-già-lê ngay ngắn, ôm bát chỉnh tề, đi đứng, ngồi nằm, ngủ thức, nói năng hay im lặng đều biết rõ. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong

tâm đê tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

6 Nguyên tác: Chánh tri , sampajānā'. Nhận biết rõ ràng, cụ thể.

81. KINH NIỆM THÂN 545

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, khi có niệm xấu ác, bất thiện sanh khởi, liền dùng niệm thiện pháp để đối tri, đoạn trừ, diệt sạch, an đinh.7 Như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng thẳng lên gỗ, rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi có niệm xấu ác, bất thiện sanh khởi, liền dùng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0555b02] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy dùng hai hàm răng ngậm khít lại, lưỡi an lên nóc họng, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Như hai lực sĩ tóm lấy một người gầy yếu xách đi khắp nơi, dễ dàng đấm đá. Cũng vậy, Tỳ-kheo dùng hai hàm răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên nóc họng, dùng tâm tri tâm, đoi trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra, thở vào dài thì biêt thở vào dài, thở ra dài thì biêt thở ra dài, thở vào ngăn thì biêt thở vào ngăn, thở ra ngan thì biết thở ra ngắn; cảm giác toàn thân, thở vào; cảm giác toàn thân, thở ra;8 cảm giác an tịnh thân hành, thở vào; cảm giác an tịnh thân hành, thở ra. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vi ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ây? có hỷ lạc do lìa dục sanh, thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do lìa dục sanh9 không đâu không có. Như người khéo biết tắm gội, lấy bột đậu10 bỏ vào trong chậu, hòa với nước rồi nhào nặn thành viên, nước thấm vào bột, thấm ướt hoàn toàn, không sót chỗ nào. Cũng vậy, Tỳ-kheo lìa dục, hỷ lạc

7 Trị đoạn diệt chỉ viết tắt của "tói trị, đoạn trừ, diệt chí” .Tham chiêu: M. 20: Tassa dantebhidantamādhāya jivhāya tālurh ūhacca cetasā cittam abhinigganhato abhinippīlayato abhisantāpayato ye pāpakā akusalā vitakkā chandūpasarhhitāpi dosūpasamhitāpi mohūpasamhitāpi te pahīẏaritỉ te abbhattham gacchanti Nhờ nghiến răng, dán chạt lưỡi len nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bát thiện tâm liên hệ đên dục, liên hệ đên sẩn, liên hệ đên si được trừ diệt, đi đến diệt vong, HT. Thích Minh Châu dịch. 8 MĀ. 98 ghi: hay theo bản Tống, Nguyên, Minh. 9 Nguyên tác: Ly sanh hỷ lạc :Thể nhập cảnh

giới Thiền thứ nhất. 10 Nguyên tác: Tháo đậu :Vật phẩm dùng để9tắm rửa thân thể hoặc giặt sạch áo quần. Theo Thập tụng luật t T.23. 1435.38. 0275c25, vật phẩm này được tong han từ đậu nành, đậu đỏ, đậu mā sā, cỏ ca-đề-bà-la và hạt lê-tần-đà ýc.

phát sanh thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do lìa dục sanh ra không đâu không có. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân, Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vi ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi 10 lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, có hỷ lạc do đinh sanh11 thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do đinh sanh ra không đâu không có. Như dòng suối trên núi lắng trong, sạch sẽ, tràn đầy, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào suối một cách tự nhiên và nước từ đáy suối phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, sung mãn tràn khắp, ở đâu cũng có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm hỷ lạc do đinh sanh ra không đâu không có. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biêt đúng như thật. Cũng như thê, vị ây sông một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0555c07] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, có lạc do lìa hỷ sanh12 thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm an lạc do lìa hỷ sanh không đâu không có. Như các loài hoa sen xanh, sen hồng, sen đỏ và sen trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, mọc từ đáy nước nên rễ, cọng, hoa và lá đều được nước thấm nhuần, sung mãn khắp nơi, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do lìa hỷ sanh, thấm nhuần cả thân, toàn thân sung mãn. Khắp trong thân thể, niềm an lạc do lìa hỷ sanh không đâu không có. Như vậy? tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thê, vị ây sông một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy5 ở trong thân này, với tâm thanh tịnh,13 ý giải thoát sung mãn toàn thân, thành tựu an tru. ở trong thân này, tâm thanh tịnh ấy bao trùm khắp thân. Như có người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay từ đàu đến chân, không chỗ nào không phủ kín. Cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, với tâm thanh tinh, ý giải thoát sung mãn toàn thân, thành tựu an trú. ở trong thân này, tâm thanh tịnh bao trùm khắp thân. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông

11 Nguyên tác: Đinh sanh hỷ lạc :Thể nhập cảnh giới Thiền thứ hai. 12 Nguyên tác: Vô hỷ sanh lạc Có lạc do sự từ bỏ hỷ, thể nhập cảnh giới Thiền thứ ba. 13 Nguyên tác: Thanh tịnh tâm Xả niệm thanh tịnh, thể nhập cảnh giới Thiền thứ

tư.

lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy niệm tưởng ánh sáng,14 khéo léo thọ trì, khéo léo ghi nhớ; như phía trước, phía sau cũng vậy; như phía sau, phía trước cũng vậy; như ban ngày, ban đêm cũng vậy; như ban đêm, ban ngày cũng vậy; như phía dưới, phía trên cũng vậy; như phía trên, phía dưới cũng vậy. Niệm tưởng như vậy thì không bị điên đảo, tâm không bị trói buộc. Tu tập niệm tưởng ánh sáng thì tâm vĩnh viễn không còn bị bóng tối che lấp. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0556a05] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỵ-kheo ấy quán hình tướng,15 khéo léo thọ trì, khéo léo ghi nhớ. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán hình tướng, khéo léo thọ trì, khéo léo ghi nhớ. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được đinh tinh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ấy, tùy vào bất kỳ nơi nào đó trong thân, bất luận đẹp hay xấu, từ đầu đến chân, quán thấy hết thảy đều đầy dẫy bất tịnh: "Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não bộ, nước mắt, mồ hôi? nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ5 tủy, đờm dãi, nước tiêu." Như một cái thùng chứa đủ loại hạt giông, ai có măt sáng thì thây rõ rằng: "Dây là hạt lúa, hạt kê; kia là hạt vừng, hạt đậu, hạt rau cải..?9 Cũng vậy, tùy vào bất kỳ nơi nào đó trong thân, bất luận đẹp hay xấu, từ đầu đến chân, Tỳ-kheo quán thấy hết thảy đều đầy dẫy bất tinh: "Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lang trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng, trong thân của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không

14 Nguyên tác: Niệm quang minh tưởng ,Ālokasañña'm. Niệm tưởng ánh sáng.
15 Quán tướng :Quán tưởng về các hình tướng.

giới và thức giới. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng, trong thân của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liên nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm đê tâm được định tĩnh, khi tâm đã định roi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. [0556Ồ04] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán tử thi mới chết từ một, hai ngày,... (cho đến) sáu, bảy ngày đang bị quạ diều bươi mổ, chó sói cắn xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị phân hủy rữa nát. Vi ấy quán sát roi tự so sánh: "Thân ta roi cũng vậy, đêu sẽ bị như thê, không thể nào tránh kh6i." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo từng thấy trong bãi tha ma thây chết rữa nát, sắc da xanh tím, bị chim thú cắn mổ một nửa, xương cốt vương vãi trên mặt đất, thay roi tự so sánh: "Thân ta roi cũng vậy, đều sẽ bi như thế, không thể nào tránh kh6i." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ- kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lia, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để được tâm định tĩnh, khi đã được định tâm rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo từng thấy nơi bãi tha ma thây chét bị phân hủy hét da thịt máu mủ, chỉ còn trơ lại gân nối liền với xương. Thấy rồi tự so sánh: "Thân ta rồi cũng vậy, đều sẽ bị như thế, không thê nào tránh kh6i." Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã đinh rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo từng thấy thây chết trong bãi tha ma xương rời từng đốt tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xươnẸ cổ9 xương sọ, mỗi thứ một nơi. Thấy rồi tự so sánh: "Thân ta rồi cũng vậy, đều sẽ bị như thế, không thê nào tránh kh6i.” Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liên nhận biêt đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm đê tâm được định tĩnh, khi tâm đã định rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

81. KINH NIỆM THÂN 549

[0556c02] Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Ty-kheo từng thấy ở bãi tha ma xương trăng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát bể vụn. Thấy rồi tự so sánh: "Thân ta rồi cũng vậy, đều sẽ bị như thế, không thể nào tránh khỏi/5 Như vậy, tùy theo sự vận hành của thân mà Tỳ-kheo liền nhận biết đúng như thật. Cũng như thế, vị ấy sống một mình với hạnh xa lìa, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, đoạn trừ mọi lo lắng trong tâm để tâm được định tĩnh, khi tâm đã định

rồi thì biết đúng như thật. Đó là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Nếu có vị nào tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì hết thảy pháp lành đều hội tụ ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp.16 Nếu Tỳ-kheo ấy có tâm ý giải thoát hoàn toàn thì giống biển cả, các con sông nhỏ đều đổ về biển. Cũng vậy, nếu vị nào tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì các pháp lành đều hội tụ ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp. Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp;17 với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Giống như cái bình bên trong trống rỗng, không có nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến rót vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình như vậy có thể chứa nước được không? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, có thể được! Vì sao như vậy? Vì bình trống rỗng, không có nước, lại đặt ngay ngắn trên mặt đất cho nên chứa được nước. Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn? Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô lượng; với vi ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì nhát đinh không thê được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Giống như cái bình bên trong chứa đầy nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước rót vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình như vậy có thể chứa được nước nữa không? Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao như vậy? Vì bình ấy đã đầy nước rồi, dù được đặt ngay ngắn trên mặt đất cũng không thể chứa thêm nước được nữa. Cũng vậy, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định

16 Đạo phẩm ph:Pháp dẫn đến Niết-bàn. M. 119: Dhammā vijjābhāgiyā pháp đưa đến Minh. 17 Nguyện tác: Du hành thiểu tâm Mang tâm nhỏ hẹp, sống với tâm nhỏ hẹp, tâm không trùm khắp, không tương ưng với thân hành niệm.

không thể được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm nhỏ hẹp; với vi ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Giống như lực sĩ khiêng hòn đá to lớn ném vào trong vũng bùn thì Tỳ- kheo nghĩ sao, hòn đá đó có bị lún xuống bùn hay không? [0557a07] Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, hòn đá bị lún xuống bùn! Vì sao như vậy? Vì bùn lầy mà đá năng, cho nên chác chăn hòn đá đó phải bị lún xuông. Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn5 Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không thể được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Giống như lực sĩ

cam một quả cau nhẹ bang lông ném vào một cánh cửa đóng kín thì Tỳ-kheo nghĩ sao, cánh cửa kia có the bung ra chăng? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao như vậy? Vì quả cầu thì nhẹ mà chạm vào cánh cửa đóng kín và vững chắc thì cánh cửa ấy không thể nào bung ra được. -Cũng vậy, nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô lượng; với vị ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì nhát định không thê được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn? Phạm chí kia không trông rông, có niệm thân. 7 r Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân. Giông như người tìm lửa, lây củi khô làm môi, roi dùng dùi khô mà dùi thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, người kia tìm thấy lửa! Vì sao như vậy? Vì người kia lấy dùi khô mà dùi củi khô, cho nên chắc chắn sẽ được lửa. - Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào không chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thê lợi dụng được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia trống rỗng, không có niệm thân.

81. KINH NIỆM THÂN 551

Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sông với tâm vô lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không thể được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Giống như người muốn tìm lửa, lấy củi ướt làm mồi, rồi dùng dùi ướt mà dùi thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không? [0557b04] Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, người kia không tìm thấy lửa! Vì sao như vậy? Vì người kia lấy dùi ướt mà dùi gỗ ướt, cho nên không thể có lửa. Cũng vậy, nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào chân chánh an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng; với vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất định không the được. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn5 Phạm chí kia không trống rỗng, có niệm thân. Phải nên biêt răng, tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì có mười tám công đức.18 Là mười tám công đức nào? Tỳ-kheo có thể nhẫn chịu với những bức bách do đói khát, nóng lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng; với gậy đánh, với tiếng dữ, vị ấy cũng có thể nhẫn nại; thân bị bệnh tật đau đớn cùng cực gần như tuyệt mạng, hoặc gặp phải những điều không xứng ý, vị ấy đều có thể kham nhẫn. Đây là công đức thứ nhất có được khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn đối với những điều không vui, nếu có điều không vui xảy ra thì tâm vị ấy nhất định không lo buồn. Đây là công đức thứ hai khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn sự sợ hãi, nếu có điều sợ hãi xảy đến thì tâm vị ấy nhất định không lo sợ. Đây là công đức thứ ba khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo có ba niệm xấu ác là tham dục, sân hận và tổn hại; nếu ba niệm xấu ác kia sanh khởi thì tâm vi ấy nhất định không dính mắc. Đây là công đức thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy19 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp bất thiện, chứng đắc Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đây là công đức thứ tám20 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại

nữa, Tỳ-kheo diệt tận ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa đường ác, nhất định đến Chánh giác, chỉ còn thọ sanh tối đa bảy đời nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người sẽ vượt thoát khổ đau. Đây là công đức thứ chín khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy.

18 M. 119 chỉ nêu: Dasãnỉsaụisã (10 công đức). 19 Bản Minh không ghi 5, 6 và 7. 20 Bản Minh ghi "dây là công đức thứ 5 cho đến thứ 8."

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt sạch ba kiết SÍT, làm giảm thiểu tham, sân, si, chỉ còn qua lại một lần ở cõi trời, cõi người rồi sau đó sẽ vượt thoát kho đau. Đây là công đức thứ mười khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia21 rồi nhập Niết-bàn5 được pháp bất thoái, không trở lại cõi này. Đây là công đức thứ mười một khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. [0557c02] Lại nữa, Tỳ-kheo đắc tịch tịnh giải thoát,22 lìa sắc, chứng Vô sắc, nhập định Bất động,23 tự thân tác chứng, thành tựu an trú, roi dùng trí tuệ mà quán sát, biết rõ các lậu và đoạn trừ các lậu. Đây là công đức thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu và mười bảy24 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo chứng đắc các thần thông: Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc r e 2

mạng trí, Sanh tử trí; các lậu đã tận, chứng đác vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong hiện đời, vị ấy tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an tru và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Đây là công đức thứ mười tám25 khi tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy. Phải biết rằng, tu tập niệm thân như vậy, thực hành rộng rãi như vậy thì có mười tám công đức như trên. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

21 Tức trời sác giới, cụ thể là cõi trời sắc Cứu Cánh Akanittha. 22 Nguyên tác: Tức giải thoát Santavimokkhà . 23 Như kỳ tượng định Nhập định Bất động
như bức tượng. Xem chú thích 3, kinh số 33, tr. 224. 24 Bản Minh không có 10 chữ:. 25 Bản Minh: Từ 13 cho đến....

82. KINH TIẾNG DẾ KÊU1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá? ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bây giờ, sau giờ thọ thực, sô đông các Tỳ-kheo có chút việc cân bàn nên tập hợp tại giảng đường, vì muốn chấm dứt sự tranh luận về Pháp, Luật và lời Phật dạy.2 Lúc ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử3 cũng hiện diện trong chúng. Trong khi số đông các Tỳ-kheo đang bàn luận về Pháp, Luật và lời Phật dạy thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử không đợi các Tỳ- kheo khác nói xong mà cứ nói xen vào, lại không có thái độ cung kính, không khéo lắng nghe để thưa hỏi đối với các bậc Tỳ-kheo Trưởng thượng. Khi ấy, Tôn giả Đại Câu-hy-la4 cũng có mặt trong chúng, liền bảo Tỳ-kheo Chât-đa-la-tượng tử răng: Hiên giả nên biêt, trong khi các Tỳ-kheo đang nói vê Pháp, Luật và lời Phật dạy thì Hiên giả chớ vội nói xen vào như thê, hãy đợi các vị ây nói xong, sau đó Hiền giả mới nói. Hiền giả hãy

có thái độ cung kính, khéo lắng nghe để thưa hỏi với các bậc Tỳ-kheo Trưởng thượng, chớ đem lòng không cung kính, không khéo lắng nghe để thưa hỏi các ngài. [0558a03] Khi đó, nhiều bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử cũng đang có mặt trong chúng, nhân đó họ liền nói với Tôn giả Đại Câu- hy-la rằng: Này Hiền giả Đại Câu-hy-la! Ngài chớ nặng lời quở trách Tỳ-kheo Chất- đa-la-tượng tử! Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử có giới đức, nghe nhiều, trông giống như thất lễ bất kính nhimg không cống cao ngã mạn. Này Hiền giả Đại Câu-hy-la! Bất cứ lúc nào các Tỳ-kheo khác làm việc gì thì Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử cũng đều giúp đỡ cả.

1 Nguyên tác: Chi-ly-di-lê kỉnh roi. 0026.82. 0557CÍ7, vốn phiên âm từ nguyên tác Pali: Cīrikasadda, nghĩa là tiếng dế kêu. Trong nội dung bản kinh, trang 0559a27, có ghi nhận chi tiêt này. Tham chiếu: A. 6.60 - III. 392. 2 Nguyên tác: Phật chi giáo .4 6.60 - III. 392: Abhidhammakatham Thế nào là A-tỳ-đàm?. 3 Chất-đa-la-tượng tử Citta Hatthisāriputta. 4 Câu-hy-la Kotthita, ý dịch là Đại Tất ,nghĩa là "dầu gối lớn.?, Thẹo SĀ. 288, Tôn giả Câu-hy-la có đủ 4 biện tài. Tôn giả Xá-lợi-phất tán thán thầy ấy có trí tuệ thông suốt như viên châu báu vô giá trên dmhdau. Theo Đại trí đô luận T.25. 1509. l. 006lb24, Câu-hy-la là Trường Trảo Phạm chí ,cậu của Xá-lợi-phat.

Khi ấy, Tôn giả Đại Câu-hy-la nói với bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất- đa-la-tượng tử rằng: -Này chư Hiền! Nếu không biết tâm của người khác thì đừng vội nói người ấy xứng đáng hay không xứng đáng. Vì sao như vậy? Vì có người lúc ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ5 biết tự thẹn, đáng tôn kính thì khéo léo giữ mình, nhưng khi không còn ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ5 biết tự thẹn, đáng tôn kính thì người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền! Giống như con bò giẫm vào ruộng lúa của người. Người giữ ruộng bắt được, hoặc lấy dây cột, hoặc nhốt trong chuồng. Này chư Hiền! Nếu có người bảo: "Con bò này sẽ không vào ruộng lúa của người khác nữa" thì lời này có đúng chăng? Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì nếu con bò kia hoặc làm đứt, hoặc thoát khỏi sợi dây trói, hoặc nhảy ra khỏi chuồng thì nó cũng lại vào trong ruộng lúa của người khác như trước, không có gì khác cả. Này chư Hiền! Có người lúc ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ, biết tự thẹn, đáng tôn kính thì khéo léo giữ mình, nhưng khi không còn ở trước Thế Tôn và các bậc Trưởng lão Phạm hạnh, biết xấu hổ, biết tự thẹn, đáng tôn kính thì người ây thường cùng cư sĩ tụ họp5 cười cợt, công cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế. [0558b02] Lại nữa, này chư Hiền! Hoặc có người vừa chứng đắc Thiền thứ nhất. Chứng đắc Thiền thứ nhất rồi, người ấy liền an trú chứ

không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp5 cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền! Như lúc mưa lớn, ao hồ trong thôn xóm đều đầy nước. Khi trời chưa mưa, có người thấy trong hồ ao đầy cát dá, cỏ cây, bọ cánh cứng, cá, rùa, ễnh ương và nhiều loài sống trong nước, chúng có lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhimg sau cơn mưa to, ao hồ đầy nước, người đó không còn thấy như thế nữa. Này chư Hiền! Nếu người ấy bảo: "Trong ao hồ kia nhất định không thể nào thấy lại được cát đá, cỏ cây, bọ cánh cứng, cá, rùa,

ễnh ương và nhiều loài sống trong nước nữa, chúng có lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên" thì lời nói này có đúng chăng? -Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì ao hồ đầy nước kia hoặc voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, heo, nai hay trâu xuống uống, hoặc người lấy dùng, hoặc gió thôi, hoặc dưới sức nóng của mặt trời thì nước sẽ cạn. Khi nước đầy hồ ao, người kia không thấy cát đá, cây cỏ, bọ cánh cứng, cá, rùa, ễnh ương và nhiều loài sống trong nước nữa, chúng có lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhimg sau khi nước đã cạn bớt thì vẫn thấy như cũ. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người vừa chứng đắc Thiền thứ nhất. Chứng đắc Thiền thứ nhất rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp? cười cợt, cong cao, bàn tán on ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế. Lại nữa, này chư Hiên, hoặc có người chứng đăc Thiên thứ hai. Chứng đắc Thiền thứ hai rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa dạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chửng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Sau khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục roi thì thân bôn chôn, tâm nóng nảy. Thân bôn chôn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền! Như lúc mưa lớn, đất bụi ở nơi ngã tư đường đều biến thành bùn. Này chư Hiền, nếu có người bảo: uBùn ở nơi ngã tư đường này nhất đinh không bao giờ khô ráo, không thể trở lại thành đất bụi như trước" thì lời nói này có đúng chăng? [0558c04] Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì ngã tư đường này hoặc voi, ngựa, lạc dà, bò, lừa, heo, nai, trâu hay người qua lại? hoặc gió thổi, hoặc dưới sức nóng của mặt trời thì con đường bùn kia sẽ khô và khi khô rồi lại trở thành đất bụi. -Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ hai. Chứng đắc Thiền thứ hai rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ

họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế.

Này chư Hiền! Lại nữa, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ ba. Chứng đắc Thiền thứ ba rồi, người ấy liền an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ây thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Như nước suối, nước hồ lắng trong bình lặng, không bị xao động, cũng không gợn sóng. Này chư Hiền, nếu có người bảo: uNước suối, nước hồ kia nhất định không bao giờ xao động hoặc nổi sóng nữa" thì lời nói này có đúng chăng? -Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Hoặc từ phương Đông, gió lớn chợt thổi đến, làm cho nước trong hồ xao động, nổi sóng; hoặc từ phương Nam, phương Tây và phương Bắc, gió lớn chợt thổi đến, làm cho nước trong hồ xao động, nổi sóng. Cũng vậy, này chư Hiên, hoặc có người chứng đăc Thiên thứ ba. Chứng đắc Thiền thứ ba rồi người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó9 người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Khi người ây thường cùng cư sĩ tụ họp, cống cao, cười cợt, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế. [0559a03] Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ tư. Chứng đắc Thiền thứ tư rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa dạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp5 cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy roi liên xả giới, bỏ đạo. Ví như cư sĩ hoặc con của cư sĩ ăn món ngon thượng vị, sau khi ăn uống no nê thỏa mãn rồi thì không còn muốn ăn thêm những món ưa thh trước đây nữa. Này chư Hiền, nếu có người bảo: "Cu sĩ hoặc con của cư sĩ kia nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa" thì lời nói này có đúng chăng? Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thay đói thì những gì trước đây vì no bụng họ không muốn ăn5 bây giờ lại muôn ăn. -Cũng vậy, này chư Hiền! Hoặc có người chứng đắc Thiền thứ tư. Chứng đắc Thiền thứ tư rồi, người ấy liền an trú chứ không cầu thêm, không mong

được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa dạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao,

bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế. Lại nữa, này chư Hiền! Hoặc có người chứng được Vô tưởng tâm định.5 Được Vô tưởng tâm định rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Khi người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Ví như ở nơi thanh vắng, người ta thường nghe tiếng dế kêu.6 Khi có vua hoặc đại thần dừng chân qua đêm tại đó? người ta nghe nào là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng bước chân, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng trống cơm, tiếng trống múa, tiếng múa, tiếng hát, tiếng đàn cầm và tiếng ăn uống, chứ không nghe tiếng dế kêu như trước. Này chư Hiền, nếu có người bảo: "Noi thanh vắng kia nhất định không bao giờ nghe được tiếng dế kêu nữa" thì lời nói này có đúng chăng? [0559b04] Thưa, không đúng! Vì sao như vậy? Vì vua hoặc đại thần chỉ ở qua đêm, trời sáng họ đêu trở vê. Nơi đó vì nghe tiêng voi, tiêng ngựa, tiêng xe cộ? tiếng bước chân, tiếng ốc9 tiếng trống, tiếng trống cơm, tiếng trống múa, tiếng múa, tiếng ca, tiếng đàn cầm, tiếng ăn uống nên không nghe được tiếng dế kêu, nhưng khi họ đã đi rồi thì nghe lại như cũ. -Cũng vậy, này chư Hiền! Người ấy chứng được Vô tưởng tâm đinh. Được Vô tưởng tâm đinh rồi, người ấy liền tự an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong đạt những gì chưa đạt, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng cư sĩ tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham rồi thì thân bồn chồn, tâm nóng nảy. Thân bồn chồn, tâm nóng nảy rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có hạng người như thế.

5 Vô tưởng tâm định ()tức Vô tưởng định (ị®,Asaññāsamāpattī): Nếu nhập định này, toàn bộ tâm thức đều ngưng hoạt động, nhưng không thể đoạn trừ phiền não, chứng nhập Thạnh quả; sau khi lâm chung được sanh về Vô Tưởng thiên. Bản Tông ghi là "tướng"().A. 6.60 - III. 392: Animittā cetosamādhi (Vô tưởng tâm định). 6 Nguyên tác: Chi-ly-di-lê trùng (),được phiên âm từ cīrikasadda (tiếng dế kêu). Theo A.

6.60 - III. 392.

Chẳng bao lâu sau, Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử xả giới, bỏ đạo. Bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử nghe tin ông xả giới, bỏ đạo liền tìm đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la và hỏi: Thưa Tôn giả Đại Câu-hy-la! Ngài biết rõ tâm của Tỳ-kheo Chất-đa-la- tượng tử như vậy, hay nhờ vào duyên nào khác mà biêt được? Vì sao lại như vậy? Vì nay Tỳ-kheo Chất-đa-la-tượng tử đã xả giới, bỏ đạo thật rồi! Tôn giả Đại Câu-hy-la bảo họ rằng: Này chư Hiền! Điều này đương nhiên phải như vậy! Vì sao

như vậy? Vì vị ấy không biết đúng như thật, không thấy đúng như thật. Vì sao như vậy? Vì do không biết đúng như thật, không thay đúng như thật nên mới xảy ra cớ sự như vậy. Tôn giả Đại Câu-hy-la thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả giảng nói xong đều hoan hỷ phụng hành.

83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN BUỒN NGỦ12 r . A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Bà-kỳ? ngụ tại vườn Nai, trong rừng Sợ Hãi, thuộc núi Cá sấu? [0559c01] Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở nước Ma-kiệt-đà, trong thôn Thiạn Tri Thức.3 Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên vắng, tĩnh tọa tư duy nhưng hay mắc phải chứng buồn ngủ. Từ xa, đức Phật biết Tôn giả Đại Mục-kiền-lien sống riêng một mình ở nơi yên vắng, tĩnh tọa tư duy và mắc phải chứng buồn ngủ. Biết như vậy rồi, ngài liền nhập đinh Bất động.4 Với định ấy, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật liền ẩn thân khỏi vườn Nai, rừng Sợ Hãi, núi Cá sấu, ở Bà-kỳ rồi xuất hiện trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở thôn Thiện Tri Thức, nước Ma- kiệt-đà. Tại đây, Phật xuất định và bảo: Này Đại Mục-kiền-liên! Có phải thầy mắc bệnh buồn ngủ?5 Này Đại Mục-kiền-liên! Có phải thầy mắc bệnh buồn ngủ? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa: Quả thật vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại dạy: Này Đại Mục-kiền-liên! Nêu pháp tu6 nào gây buồn ngủ, thay chớ tu tập và cũng đừng thực hành nhiều7 pháp ấy. Như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt.

1 Nguyên tác: Trưởng lão thượng tôn thụy miên kinh (01. 0026.83. 0559Ồ27). Tham chiếu: Ly thùy kỉnh (7.01. 0047. 0837a06); Tg.(02. 0125.19.3. 0593cl3); A. 7.61 -IV. 85. 2 Xem chú thích 2-3, kinh số 74, tr. 491. 3 Thiện Tri Thức thôn (,KallavâỊamụtta gāmā), một thôn ở nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Ngài Đại Mục-kiền-liên ở đây ngay sau khi vừa xuất gia. 4 Như kỳ tượng định ().Xem chú thích 11, kinh số 62, tr. 347. 5 Thụy miên (,pacalāyati): Ngủ gật. 6 Nguyên tác: Sở tướng ().Tham chiếu: A. 7.61 - IV. 85: Saññā (tưởng), chỉ cho đề mục thiền định hoạc pháp tu. 7 Quảng ba (,bahulĩkarotỉ)'. Thực hành nhiều lần.

Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy nương theo giáo pháp mà thầy đã được nghe trước đay rồi thọ trì, đọc tụng, tu tập rộng rãi,89 *như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên5 hãy nương theo giáo pháp mà thầy đã được nghe trước đây, rồi thọ trì, diễn giải rộng rãi cho người khác, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên5 hãy nương theo giáo pháp mà thầy đã được nghe trước đây, rồi thọ trì, suy tưởng về tâm, chuyên chú về tâm,9 như vậy, chứng buồn ngủ liền có the chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy dùng hai tay xoa lên hai tai,1° như vậy, chứng buồn ngủ liền có the cham dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và tắm gội thân thể, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của

thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên? hãy ra khỏi thất, xem khắp bốn phương, ngước nhìn các vì sao, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên5 hãy ra khỏi thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, giữ gìn các căn, khởi txrởng tâm an tru bên trong, phía trước, phía sau,11 như vậy? chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nêu chứng buôn ngủ của thây không thê châm dứt, này Đại Mục-kiên-liên, rời bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy trải tọa cụ rồi ngồi -già, như vậy, chứng buồn ngủ liền có thể chấm dứt. Nếu chứng buồn ngủ của thầy không thể chấm dứt, này Đại Mục-kiền-liên, hãy trở vào thất, gấp y Ưu-đa-la-tăng làm bốn rồi trải lên giường, gấp y Tăng- già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, tâm khởi tưởng nơi ánh sáng, an trú trong tỉnh giác, chánh niệm, luôn khởi tưởng muốn thức dậy.12

8 4tĐại Muc-kien-lien! Đương tùy bổn sở văn pháp, tùy nhi thọ trì quảng bố tụng tập,9 .Tham chiếu: A. 7.61 - IV. 85: Moggallāna, yathāsutamyathāpariyattam dhammam vitthārena sajjhāyam kareyyāsi Này Moggallāna! Thây hãy đọc tụng ph một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, HT. Thích Minh Châu dịch. J 9 Nguyên tác: Tâm niệm, tâm tư .Niệm là sự ghi nhớ các pháp. Nhớ lại các pháp đã qua hay nhận biêt^đôi tượng hiện tai qua các kinh nghiệm của ký ức. Tư ,cetanã là trạng thái tính làm, quyêt làm, cô tâm nên nó quyêt định những hành động thiện và bất thiện. 2 Nguyên tác: Môn mô :mó, vuốt ve. Tham chiếu: A. 7.61- IV. 85: Ubho kannasotāni āviñcheyyasi Thầy hãy vặn hai lỗ tai!. 11 Nguyên tác: Hậu tiền tưởng ,pacchāpuresaññī, quán tưởng sau lưng như là trước mặt. 12 Nguyện tác: Thường dục khởi tưởng utthānasañña. DÃ. 20 ghi là "niêm đương thời kh
.

83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN BUỒN NGỦ 561

[0560a04] Này Đại Mục-kiền-liên! Đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghỉ, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự. Vì sao như vậy? Như Lai nói rằng tất cả pháp không thể hội họp và cũng nói rằng có thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Như Lai nói pháp gì không thể hội họp? Nếu pháp đạo và tục mà cùng hội họp thì Như Lai nói pháp này không thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Nêu pháp đạo và tục mà cùng hội họp thì có nhiều điều phải nói. Nêu có nhiều điều phải nói thì có loạn động.13 Nếu có loạn động thì tâm không tịch tĩnh. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu tâm không tịch tĩnh thì tâm rời xa định. Này Đại Mục-kiền-liên, do đó Như Lai nói là không thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Như Lai nói pháp gì có thể cùng hội họp? Này Đại Mục-kiền-liên, ở chỗ thanh vắng kia, Như Lai nói pháp này có thể cùng hội họp ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận ngồi yên. Này Đại Mục-kiên-liên! Như Lai nói pháp này có thê cùng hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu thầy đi vào thôn xóm khất thực, hãy nhàm chán lợi lộc, nhàm chán sự cúng dường, cung kính. Đối với lợi lộc, cúng dường, cung kính, tâm thầy đã phát khởi sự nhàm chán thì mới vào thôn

xóm khất thực. Này Đại Mục-kiền-liên! Đừng đem tâm ý tự cao tự đại mà vào thôn xóm khất thực. Vì sao như vậy? Vì nếu nhà trưởng giả có công việc gì đó? Tỳ-kheo đến khất thực khiến trưởng giả không chú ý. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: "Ai nói xấu ta với nhà trưởng giả? Vì sao như vậy? Vì ta vào nhà trưởng giả khất thực nhưng ông ây không quan tâm.,^ Nhân đó vị ây sanh ưu sâu, vì ưu sâu mà sanh loạn động, vì loạn động mà tâm không tịch tĩnh, vì tâm không tịch tĩnh nên rời xa định. Này Đại Mục-kiền-liên! Khi thầy thuyết pháp thì chớ tranh cãi. Nếu tranh cãi thì sanh nhiều lời, vì nhiều lời mà có loạn động, vì loạn động mà tâm không tịch tĩnh, vì tâm không tịch tĩnh nên rời xa đinh. Này Đại Mục-kiên-liên! Khi thây thuyêt pháp thì đừng cứng nhác mà hãy thuyết pháp như tiếng gầm của sư tử. Này Đại Mục- kiền-liên! Khi thầy thuyết pháp, tâm luôn khiêm cung, nhu hòa, từ tốn, linh hoạt, chớ quá cứng nhác, hãy thuyết pháp như tiếng gầm của sư tử.14 Này Đại Mục-kiền-liên, hãy học tập như vậy. [0560b01] Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng Phật rồi thưa:

13 Điệu Uddhaccaṃ'. Tâm loạn động không yên. 14 Ly thụy kinh r?l. 0047. 0837c01: “Khi thuyết pháp, hãy nói những điều có ích, nói những điều chác thật, đừng nói lỗi của người khác, hãy thuyết pháp, luận bàn như tiếng gầm của sư tử” ,,;iwFS.

-Bạch Thế Tôn! Thế nào là vị Tỳ-kheo đạt đến chỗ rốt ráo, thanh tịnh rốt ráo, Phạm hạnh rốt ráo và Phạm hạnh rốt ráo cùng tột? Đức Phật bảo: -Này Đại Mục-kiên-liên! Tỳ-kheo khi đã cảm thọ lạc, cảm thọ khô, cảm thọ không lạc không kho roi, vi ấy ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán trừ bỏ5 quán vô dục, quán diệt, quán xả. Sau khi ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán trừ bỏ, quán vô dục, quán diệt, quán xả rồi, vị ấy không thọ sanh nơi cõi đời này. Do không thọ sanh nơi cối đời này nên không bị chìm noi trong sanh tử. Do không chìm noi trong sanh tử nên thể nhập Niết-bàn và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa?5 Này Đại Mục-kiền-liên! Như vậy là Tỳ-kheo đã đạt đến chỗ rốt ráo, thanh tịnh rốt ráo, Phạm hạnh rốt ráo và Phạm hạnh rốt ráo cùng tột. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.15

15 Bản Hán, hết quyển 20.

84. KINH KHÔNG CÒN CHƯỚNG NGẠI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Tỳ-xá-ly? ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, có các vị đệ tử lớn, danh đức và trưởng thượng như các ngài Già- la92 Ưu-bá-già-la?3 Hiền Thiện,45Hiền Hoạn/ Vô Hoạn6 và ngài Da-xá Thượng Xưng7 cũng đến giảng đường bên ao Di Hầu, nước Tỳ-xá-ly và đều ở bên cạnh ngôi nhà lá của đức Phật. Khi ấy, nghe tin đức Phật du hóa Tỳ-xá-ly, đang trú ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, các vị Lệ-xế8 ở thành Tỳ-xá-ly liền nghĩ: "Chúng ta hãy sử dụng năng lực tự tại,9 thể hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ đức

Phật để kính lễ và cúng dường.,^ [0560c03] Bấy giờ, các đệ tử lớn, danh đức và trưởng thượng nghe những người Lệ-xê thành Tỳ-xá-ly sử dụng năng lực tự tại, thê hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ đức Phật để lễ kính cúng dường, liền nghĩ: "Am thanh chướng ngại10 tu thiền. Thế Tôn cũng từng dạy: 'Am thanh chướng ngại tu thiên/Vậy thì chúng ta hãy qua rừng Ngưu Giác Sa-la,11 nơi ấy không bị quấy nhiễu, sống một mình với hạnh viễn ly, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy."

I Quyển 21. Nguyên tác: Vô thích kỉnh roi. 0026.84. 0560ỒỒ22. Tham chiếu: 4 10.72 - v. 133. 2Gia-la3ỄS?Cãla. 3 Ưu-bá-già-la ,Upacāla. 4 Hiền Thiện ,Kukkuta. 5 Hiền Hoạn KaỊimbha. 6 Vô Hoạn M ,Nikata. 7 Da-xá Thượng Xưng ,Katissaha. 8 Lệ-xế Licchavī còn gọi Ly-xa .,Theo p. 16, Mahāparinibbāna Sutta Kỉnh Đại Bát- nỉết-bàn, tên gọi Licchavī chỉ cho một bộ tộc rất có thế lực Ưoiig thời Phật, là những người Khattiyā tướng mạo đẹp đẽ, phục sức rực rỡ, cưỡi những cỗ xe lộng lẫy. Đức Phật đã từng so sánh họ với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba Tāvatimsa. 9 Nguyên tác: Nhuý túc ,tức "Nhu ý túc th6ng"hay "Thần túc thông,, , một trong 6 loại thần thông thần lực phi hành tự tại, như ý. Qdây, có lẽ chỉ cho việc sử dụng phương tiện đi lại nhanh chóng, tiện nghi. Bản Pali dịch là Ếtcưỡi các cỗ xe lộng ly." 10 Nguyên tác: Thích Gai nhọn, chướng ngại, gây khó chịu. II Ngưu Giác Sa-la lâm Gosiñgasālavana.

Rồi các đệ tử lớn, danh đức và trưởng thượng đi qua rừng Ngưu Giác Sa-la, nơi ấy không bị quấy nhiễu, sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy. Bấy giờ, rất nhiều người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly sử dụng năng lực tự tại, thể hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá- ly? đi đến chỗ Phật để kính lễ cúng dường. Khi đã đến nơi, hoặc có người đảnh lễ đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người thăm hỏi đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chắp tay hướng Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ xa thây Phật roi lặng lẽ ngôi xuống. Khi tất cả những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly đã ổn định chỗ ngồi, đức Phật liền thuyết pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên được hoan hỷ rôi? Ngài ngôi yên lặng. Những người Lệ-xê ở thành Tỳ- xá-ly ấy, sau khi được nghe Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi ra về. Sau khi những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly ra về không lâu, Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo: Các vị đệ tử lớn, trưởng thượng đã đến nơi nào rồi? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Các bậc đệ tử lớn, trưởng thượng khi nghe những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly sử dụng năng lực tự tại, thể hiện oai đức của bậc vương hầu, lớn tiếng loan truyền, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Phật kính lễ cúng dường thì các vị ây nghĩ răng: "Am thanh chướng ngại tu thiên. Chính Thê Tôn o • v..—.:...' cũng từng dạy: 'Am thanh chướng ngại tu thiên/ Vậy thì chúng ta hãy đi qua rừng Ngưu Giác Sa-la, ở đó không bị quấy nhiễu, sống một mình với hạnh viễn ly, ẩn dật nơi tharủi vắng mà tĩnh tọa tư

duy." Bạch Thế Tôn! Các bậc đệ tử lớn, trưởng thượng đều đã đến nơi đó rồi. [0561a01] Đức Phật nghe xong, khen rằng: Lành thay, lành thay! Nếu là bậc đệ tử lớn, trưởng thượng thì nên nói như vầy: "Am thanh chướng ngại tu thiền. Thế Tôn cũng từng dạy: 'Âm thanh chướng ngại tu thiền.9 Vì sao như vậy? Vì quả thật Như Lai có nói như vầy: 'Âm thanh chướng ngại tu thiền.9 Đối với người trì giới thì phạm giới là chướng ngại; đối với người giữ gìn các căn thì trang sức thân thể là chướng ngại; đối với người tu tập bất tịnh thì tịnh tướng là chướng ngại; đối với người tu tập tâm từ thì sân hận là chướng ngại; đối với người xa lìa uống rượu thì uống rượu là chướng ngại; đối với người tu tập Phạm hạnh thì nhìn ngắm nữ sắc là chướng ngại; đoi với người vào Thiền thứ nhất thì tiếng ồn là chướng ngại; đối với người vào Thiền thứ hai thì giác và quán là chướng ngại; đối với người vào

84. KINH KHÔNG CÒN CHƯỚNG NGẠI 565

Thiền thứ ba thì hỷ là chướng ngại; đối với người vào Thiền thứ tư thì hơi thở ra vào là chướng ngại; đối với người vào Không vô biên xứ thì sắc tưởng là chướng ngại; đoi với người vào Thức vô biên xứ thì Không xứ tưởng là chướng ngại; đối với người vào Vô sở hữu xứ thì Thức xứ tưởng là chướng ngại; đối với người vào Tưởng tri diệt định thì Tưởng tri là chướng ngại. Lại nữa, còn có ba chướng ngại khác, đó là tham dục, sân hận và ngu si. về ba chướng ngại này, bậc A-la-hán sạch hết phiền não, đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ khiến chúng không thể sanh trở lại. Đó là bậc A-la-hán không còn chướng ngại, bậc A-la-hán xa lìa chướng ngại, bậc A-la-hán tự do tự tại. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

85. KINH CHÂN NHÂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ giảng nói cho các thầy nghe về pháp chân nhân2 và không phải pháp chân nhân. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: - Những gì không phải pháp chân nhân? ở đây, có người thuộc dòng dối hào quý xuất gia học đạo, còn những người khác không được như vậy. Người ấy ỷ mình thuộc dòng dõi hào quý nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ vào dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được tham, sân? si." Hoặc có người không thuộc dòng dõi hào quý xuất gia học đạo, nhưng vị ấy đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp,3 nhờ đó được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. [0561Ồ03] Lại nữa, hoặc người có dáng vẻ đoan nghiêm, đáng mến, còn những người khác không được như vậy. Vi ấy ỷ mình dáng vẻ đoan nghiêm, đáng mến nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ dáng vẻ đoan nghiêm, đáng mến này mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người dáng vẻ không được đoan nghiêm, đáng mến nhirng đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân

nhân.

Nguyên tác: Chân nhân kỉnh (7.01. 0026.85. 0561a20). Tham chiếu: Thỉ pháp phi pháp kinh (roi. 0048. 0837C21);g.(r.02. 0125.17.9. 0585al8); M. i 13, Sappurisa Sutta (Kinh chân nhân). 2 Nguyên tác: Chân nhân pháp ().Chân nhân ()thường chỉ cho các bậc A-la-hán, là những vị đa chứng ngộ giải thoát, hoặc chỉ Phạt, hoặc chỉ các bậc Thánh nhân tu tập và chứng đắc chánh đạo, không tự đe cao mình, khống idiinh che người khác. 3 Nguyên• tác: Hành pháp như pháp, tùy thuận ư pháp, hướng pháp thứ pháp (Os).

Lại nữa, hoặc có người giỏi hùng biện, khéo nói, còn những người khác không được như vậy. Người ấy ỷ mình giỏi hùng biện, khéo nói nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: “Ta không thể nhờ giỏi hùng biện, khéo nói mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không giỏi hùng biện, cũng không khéo nói, nhimg vi ây đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người thuộc hàng Trưởng lão, được vua quan biết đến, được nhiều người kính ngưỡng và có phước lớn, còn những người khác không được như vậy. Người ây ỷ mình thuộc hàng Trưởng lão, được vua quan biêt đến, được nhiều người kính ngưỡng và có phước lớn nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét the này: "Ta không the dựa vào việc mình thuộc hàng trưởng lão, được vua quan biết đến, được nhiều người kính ngưỡng và có phước lớn mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không thuộc hàng Trưởng lão, không được vua quan biết đến, không được nhiều người kính ngưỡng và cũng không có phước lớn, nhung vi ấy đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, do đó được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đen sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người tụng Kinh, trì Luật, học A-tỳ-dàm, thuộc lòng A-hàm/ học nhiều kinh sách, còn những người khác không được như vậy. Người ây ỷ thuộc lòng A-hàm, học nhiêu kinh sách nên thường khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thê này: “Ta không thê nhờ thuộc lòng A-hàm, học nhiêu kinh sách mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không thuộc lòng A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách, nhưng vị ấy đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. [056lc06] Lại nữa, hoặc có người mặc y phấn tảo, chỉ giữ ba y, trì y bất mạn,5 còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì trì y bất mạn nên khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người*

4 Nguyên tác: A-hàm-mộ ,Āgamā. 5 Nguyên tác: Bất mạn y .Chữ "man"có nghĩa là khinh thường, ngạo mạn; hoặc đồng nghĩa với "mạn”,có nghĩa

là xinh đẹp, mượt mà. Co thể ở đây muốn noi về ý phấn tảo thô xấu, được vá víu từ những mảnh vải cũ, người tu hành khô hạnh thọ trì y này đê ngăn ngừa tâm khinh mạn nên gọi y phấn tảo là y bất mạn vậy.

hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ trì y bất mạn mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không trì y bất mạn, nhung đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, nhờ đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhung không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người sống theo hạnh khất thực, cơm ăn năm thăng, xin đúng bảy nhà/ ngày ăn một bữa, quá ngọ không uống sữa, còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì quá ngọ không uống sữa mà khen minh, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ vào việc quá ngọ không uống sữa mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người quá ngọ vẫn uống sữa, nhưng đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, do đó mà được cung kính cúng dường. Như vậy, vi ây hướng đên sự chứng đác pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người ở nơi thanh vắng, hoặc bên gốc cây, hoặc nơi núi rừng, hoặc ở nơi núi cao hay nơi đồng trống, hoặc ở gò mả, hoặc có thể biết thòi,7 còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì biết thời mà khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Người hành theo pháp chân nhân phải suy xét thế này: "Ta không thể nhờ biết thời mà đoạn trừ được tham, sân, si." Hoặc có người không biết thời, nhung đúng pháp tu hành, tùy thuận theo pháp, tuần tự theo pháp, do đó được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhimg không tự khen minh, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người vừa chứng Thiên thứ nhát, người ây nhân vì chứng Thiền thứ nhất mà khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Nếu là người hành theo pháp chân nhân nên xét nghĩ thế này: “về Thiền thứ nhất, Thế Tôn đã nói có nhiều loại, nếu ai còn so đo suy lường678 thì gọi là tham ái9 vay." Nhờ đó vị ấy được cung kính cúng dường. Như vậy, vị ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân.

6 Nguyên tác: Phạn ưai ngũ thăng, hạn thất gia thúc ,chỉ cho việc khất thực và ăn uống giới hạn, chừng mực của một người tu khô hạnh. 7 Nguyên tác: Tri thời .ở đây, có thể hiểu là biết thời, tức biết tùy lúc tùy nơi mà chọn cho mình một chỗ tu thích hợp, thanh vắng. 8 Nguyên tác: Kế ,tức "kế d"Suy xét, phân biệt.
9 Tham chiếu: M. 113. Sappurisa Sutta Kinh chân nhân: Định so thiền, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thê này, thê khác, thời tự tánh liên đôi khác HT. Thích Minh Châu dịch.

[0562a04] Lại nữa, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, còn những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì chứng đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ nên khen mình, khinh người, đó gọi là không phải pháp chân nhân. Nêu là người hành theo pháp chân nhân nên suy xét thế này: "về Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Thế Tôn đã nói có nhiều loại, nếu ai còn so đo suy lường thì gọi là tham ái." Nhờ đó vị ấy được cung kính cúng dường. Như vậy? vi ấy hướng đến sự chứng đắc pháp chân thật, nhưng không tự khen mình, khinh người, đó gọi là pháp chân nhân. Này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy nhận biết pháp chân nhân và không phải pháp chân nhân như vậy. Sau khi đã nhận biêt được rôi5 các thây hãy dứt bỏ những gì không phải pháp chân nhân và hãy học theo pháp chân nhân. Các thầy nên học tập như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. *** Hào quý, đẹp, nói giỏi, Trưởng lão, tụng các kinh, Y thực, vô SỊT, thiên, Bôn vô sác sau cùng.10

iBài kệ tóm tắt những hạng Tỳ-kheo gắn với những thuộc tính đặc thù. Nguyên tác:; ;;

86. KINH GIẢNG VỀ xứ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, vào lúc xe chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, dẫn các Tỳ-kheo trẻ đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Các Tỳ-kheo trẻ cũng lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ây, Tôn giả A-nan thưa: Kính bạch Thế Tôn! Với các Tỳ-kheo trẻ này, con nên dạy dỗ như thế nào, răn bảo làm sao và thuyết pháp gì cho họ? Đức Phật bảo: A A \ r -Này A-nan! Thây hãy nói vê xứ2 và dạy vê xứ cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây nói vê xứ và dạy vê xứ cho các Tỳ-kheo trẻ thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0562b0l] Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc! Kính bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời! Nếu Ngài nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo trẻ thì con và các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe Thế Tôn dạy xong sẽ khéo thọ trì. Đức Phật bảo: -Này A-nan! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ vì thầy và các Tỳ-kheo trẻ mà giảng nói tường tận. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo trẻ vâng lời, lắng nghe. Phật dạy: -Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm thủ uẩn34là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn/ tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Này A-nan, với năm thủ uân này? thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng

1 Nguyên tác: Thuyết xứ kinh (roi. 0026.86. 0562al9). Tham chiếu: M. 148, Chachakka Sutta (Kỉnh sau sáu). 2 Xứ (ãyatanã), cựu dịch là "nháp"()• ybhA. I. 2. l giải thích: Iti nivāsatthānatthena, ākaratthena, samosaranatthānatthena, sañjātidesatthena, kāranatthenāti imehi kāranehi ete dhammā (āyatanam āyatana "nti vuccanti... (Như vậy, các pháp được gọi là 4txir>, (āyatana) được hiểu là nơi cư tru, là kho tang, là chỗ hội họp, là nơi sanh khởi, là nguyên nhân, là đầu mối.Vism. 14.7 cũng nêu định nghĩa tươĩig tự. 3 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm ().Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75. 4 Nguyên tác: Giác ().

dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm thủ uẩn này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu xứ bên trong5 là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ. Này A-nan, với sáu xứ bên trong này, thầy hãy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu xứ bên trong này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu xứ bên ngoài6 là sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ. Này A-nan, với sáu xứ bên ngoài này, thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu xứ bên ngoài này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu thức thân7 là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Này A-nan, với sáu thức thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu thức thân này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như lai đã nói cho thầy nghe về sáu xúc thân8 là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Này A-nan, với sáu xúc thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ- kheo trẻ về sáu xúc thân này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu thọ thân9 là nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ và ý thọ. Này A-nan, với sáu thọ thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nấu thầy giảng dạy cho các Tỳ- kheo trẻ về sáu thọ thân này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ? được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0562c04] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu ưu nương vào vô dục10 là nhãn tưởng, nhĩ tưởng, tỷ tưởng, thiệt tưởng, thân tưởng và ý tưởng. Này A-nan, với sáu tưởng thân này9 thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu tưởng thân này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ? được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

5 Nguyên tác: Lục nội xứ / ajjhattikāni āyatanāni, còn gọi Tqc căn",gồm nhãn căn ,nhĩ căn ,tỷ căn #,thiệt căn thân cn và ý căn Ề. 6 Nguyên tác: Lục ngoài xứ ,cha bāhirāni āyatanāni, còn^ọi '"lục trần?,,gồm sắc ưần ,thanh trân ,hương trân ,vị trAn ,xúc trân và pháp trấn . 7 Nguyên tác: Lục thức thân ,còn gọi ulục thúrc". 8 Nguyên tác: Cánh lạc thân ,tức "xúc thân",phassakāyā. 9 Nguyên tác: Giác thân vedanākāyā. 10 Tưởng thân saññākāyā.

86. KINH GIẢNG VỀ xứ 573

Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu tư thân11 là nhãn tư, nhĩ tư, tỷ tư, thiệt tư, thân tư và ý tư. Này A-nan, với sáu tư thân này? thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ"kheo trẻ về sáu tư thân này thì họ sẽ được an ổn5 được mạnh mẽ5 được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành

Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu ái thân12 là nhãn ái, nhĩ ái, tỷ ái, thiệt ái, thân ái và ý ái. Này A-nan, với sáu ái thân này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về sáu ái thân này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về sáu giới là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Này A-nan, với sáu giới này5 thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ- kheo trẻ về sáu giới này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về duyên khởi và những pháp do duyên khởi sanh.13 Nghĩa là, nếu cái này có thì cái kia có, nếu cái này không thì cái kia không; nếu cái này sanh thì cái kia sanh, nếu cái này diệt thì cái kia diệt. Do duyên vô minh có hành, do duyên hành có thức, do duyên thức có danh sắc, do duyên danh sắc có sáu xứ, do duyên sáu xứ có xúc? do duyên xúc có thọ, do duyên thọ có ái, do duyên ái có thủ, do duyên thủ có hữu, do duyên hữu có sanh, do duyên sanh mà có già chết. Nêu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt. Này A-nan? với lý duyên khởi và pháp do duyên khởi sanh này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về lý duyên khởi và pháp do duyên khởi sinh này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0563a06] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy về bốn niệm xứ là quán thân đúng như thân, quán thọ đúng như thọ, quán tâm đúng như tâm và quán pháp đúng như pháp.14 Này A-nan, với bốn niệm xứ này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn niệm xứ này

11 Tư thândồng nghĩa với hành uẩn.Tham chiếu: D. 33, Sañgīti Sutta Kinhphúng tụng: Sañcetanākāyā. 12 Ái thân tanhākāya. 13 Nhân duyên khởi cập nhân duyên khởi sở sinh pháp .Nhân duyên khởi còn gọi là "duyEn kh&i"tức Ty duyên kh&i.” Nhân duyên khởi sở sinh pháp còn gọi 4tduyen khởi pháp"j, tức pháp do duyên khơi, ở đây chỉ cho 4tThạp nhị duyên khởi,, . 14 Nguyên tác: Quán thân như thân, quán giác,... tâm,... pháp như pháp … ,... .Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272.

thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, • đời tu hành Phạm trọn • hạnh. • Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thây nghe vê bôn chánh đoạn.15 Nghĩa là, vị Tỳ-kheo đối với pháp ác, bất thiện đã sanh, phải khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng bi đoạn trừ.16 Đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh, phải khởi tâm ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng không phát sanh.17 Đôi với pháp thiện chưa sanh, phải khởi tâm ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sinh.18 Đôi với pháp thiện đã sanh, phải

khởi tâm ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng được tồn tại, không mất đi, không lui giảm, tăng trưởng thêm, phát triển rộng và hoàn toàn đầy đủ.19 NàyA-nan, với bôn chánh đoạn này, thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn chánh đoạn này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn như ý túc.20 Nghĩa là, Tỳ-kheo thành tựu dục định, đốt cháy các hành, tu tập như ý túc bang cách nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào tịch diệt, hướng đến xả ly.21 Tu tập tinh tấn định, tâm định cũng như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo thành tựu quán đinh, đốt cháy các hành, tu tập như ý túc bằng cách nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Này A-nan, với bốn như ý túc này, thay hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê bôn như ý túc này thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn thiền, nghĩa là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc bốn thiền, thành tựu an trú. Này A-nan, với bốn thiền này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy

15 Nguyên tác: Tứ chánh đoạn tức Tứ chánh cần cattāri sammappadhānānī . ^Dī sanh ác bất thiện pháp vị đoạn cố, khởi dục cầu phương tiện hành, tinh cần cử tâm đoạn 2.ở đây, *deạn"trong mệnh đề utinh cần cử tâm đoạn,, mang nghĩa "SỊT n& Ẹrc”* Tham chiếu: SA. 876: Đoạn đoạn ;A. 4.69 - II. 74: Pahānappadhāna tinh cần đoạn tận. 17 Tham chiếu: SĀ. 876: Luật nghi đoạn ;A. 4.69 - II. 74: Samvarappadhāna tinh cần chế ngự. 18 Tham chiếu: SĀ. 876: Tu đoạn A. 4.69 - II. 74: Bhāvanāppadhāna tinh cần tu tập. 19 Tham chiếu: SĀ. 876: Tùy hộ đoạn;A. 4.69 -11.74: Anurakkhanappadhāna tinh cần hộ trì. 20 Nguyên tác: Tứ như ý túc ,còn gọi/4tứ thần túc”,gồm dục thần túc , tinh tan thần túc ,tâm thần túc và quán tư duy than túc .Pall Cattāro iddhipādā. 21 Nguyên tác: Nguyện chí phi phẩm .A-tỳ-đàm Tỳ;bà-sa luận 7.28. 1546.17. O123a20 định nghía: Thế là phẩm pháp, pháp đó ly thế, nên gọi "phi phm” ; ;S. 50.45-54 - V. 251: Vossaggaparināmirn hướng đen xả ly.

86. KINH GIẢNG VỀ xứ 575

giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn thiền này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0563b03] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn Thánh đế. Đó là, khổ Thánh đế, tập Thánh đế5 diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Này A-nan, thầy hãy đem bốn Thánh đế này dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn Thánh đế này thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiên muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thây nghe vê bôn tưởng. Đó là Tỳ-kheo có tiểu tưởng, đại tưởng, vô lượng tưởng và vô sở hữu tưởng.22 Này Anan, với bốn tưởng này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn tưởng này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ,

được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn vô lượng.23 Đó là, Tỳ-kheo có tâm tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu an trú. Cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, đầy khắp tất cả. Tâm tương ứng với từ nên không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, vô lượng, khéo tu tập, rải khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru. Tâm bi, hỷ và xả cũng vậy. Khéo tu tập để tâm tương ưng với xả nên không gây thù chuốc oán, không sân hận não hại, rộng lớn vô biên, vô lượng, khéo tu tập, rải kháp tát cả thê gian, thành tựu và an trú. Này A-nan, với bôn vô lượng này, thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thay giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ ve bon vô lượng này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn vô sắc.24 Nghĩa là Tỳ-kheo đoạn trừ tát cả sác tưởng, cho đên chứng đác Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trú. NàyA-nan, với bốn vô sắc này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn vô sắc này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về bốn Thánh chủng.25 Nghĩa là, Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni tuy được tấm y thô xấu nhưng biết vừa đủ, không vì y áo mà mong thỏa ý; nếu chưa được y thì không buồn rầu, không than

22 Xem giải thích ỞA-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận T.26.1536.6.0392a23-b03. 23 Nguyên tác: Tứ vô lượng gồm: từ mettā, bi karună, hỷ muditā, xả , upekkhā. 2 Không vô biên xứ ,Thức vô biên xứ ,Vô sở hữu xứ ,Phi tưởng phi phi tưởng xứ . 25 Nguyên tác: Tứ Thánh chủng cattāro Ariyavamsā: Bốn chủng tử có công năng sanh ra các bậc Thanh, đó là biết đủ với y phục, ăn uống, chỗ ở và ưa thích đoạn ác tu thiện.

khóc, không ấm ức, không si mê; nếu đã được y thì không đắm nhiễm, không vướng mắc, không khao khát, không tham lam, không dao động, không toan tính; thấy rõ tai họa và biết sự xuất ly khi sử dụng y phục; dù có tiện nghi như vậy nhưng vẫn không lười biếng mà nhận biết đúng đắn. Đây gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni an trụ chân chánh nơi Thánh chủng ngàn xưa.26 Đối với việc ăn uông và chô ở cũng như vậy. Lại nữa, vị ây muôn đoạn ác, thích đoạn ác, muôn tu thiện, thích tu thiện. Vì vị ây muôn đoạn ác, thích đoạn ác5 muôn tu thiện, thích tu thiện nên không tự khen mình, không khinh chê người, dù có tiện nghi như vậy nhưng không lười biếng mà nhận biết đúng đắn. Đây gọi là Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni an trú chân chánh nơi Thánh chủng ngàn xưa. Này A-nan, với bốn Thánh chủng này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bốn Thánh chủng này thì họ sẽ được an ổn? được mạnh mẽ? được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0563cll] Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thây nghe vê bôn quả Sa-môn27 là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán tối thượng. Này A-nan, với bốn quả Sa-môn này,

thày hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê bôn quả Sa-môn này thì họ sẽ được an ôn? được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. NàyA-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm tưởng giải thoát thuần thục.28 Đó là, tưởng ve vô thường, tưởng ve vô thường là kho, tưởng về khổ là vô ngã, tưởng về chất bất tịnh tiết ra từ thân thể29 và tưởng hết thảy thế gian không có gì đáng ham muốn. Này Anan, với năm tưởng giải thoát thuần thục này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm tưởng giải thoát thuần thục này thì họ sẽ được an ổn9 được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm xứ giải thoát, nếu Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni tâm chưa giải thoát thì nhờ đây được giải thoát, nếu chưa trừ sạch các lậu thì sẽ được trừ sạch hoàn toàn, nếu chưa chứng đắc Niết- bàn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn vô thượng. Đó là năm xứ nào? Thứ nhất, này A-nan, Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe. Này A-nan? Thế Tôn vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp; các bậc trí Phạm hạnh cũng vì Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp. Họ nghe pháp rồi thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp, nhờ thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp nên được hân hoan; nhờ

26 Nguyên tác: Cựu Thánh chủng ,porāne aggañña Ariyavaṃse thito'. Đứng vững trong phả hệ Thanh từ ngàn xưa. " 27 Nguyên tác: Tứ Sa-môn quả . 28 Nguyên tác: Ngũ thục giải thoát tưởng . 29 Nguyên tác: Bất tịnh ố lộ tưởng .

hân hoan mà được hoan hỷ; nhờ hoan hỷ mà được thân khinh an;30 nhờ thân khinh an nên được cảm thọ lạc; nhờ cảm thọ lạc nên được tâm đinh. Này A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên có được sự thấy như thật, biết như thật. Do thấy như thật, biết như thật nên phát khởi nhàm chán; do nhàm chán nên không còn tham dục; do không còn tham dục nên được giải thoát; nhờ giải thoát mà biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này A-nan, đây là giải thoát xứ thứ nhất. Nhờ đây mà Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni tâm chưa giải thoát thì được giải thoát, chưa trừ sạch các lậu thì trừ sạch hoàn toàn, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng thì chứng đắc Niết-bàn vô thượng. Thứ hai, lại nữa, này A-nan, nếu trường hợp Thế Tôn không thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng không thuyết pháp cho Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nghe thì họ hãy nương theo những pháp đã nghe, đã học tập mà đọc tụng rõ ràng. Thứ ba, nếu không đọc tụng rõ ràng những pháp đã nghe, đã học tập thì hãy y theo pháp đã nghe, đã học tập mà nói lại kỹ càng cho người khác nghe. Thứ tư, nếu không nói lại kỹ càng cho người khác nghe những pháp đã nghe, đã học tập thì hãy y theo pháp đã nghe, đã học tập mà tư duy, phân biệt. Và thứ năm, nếu không tư duy, phân biệt những pháp đã nghe, đã học tập thì hãy thọ trì các tướng tam-muội.31 Này A-nan? nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khéo thọ trì các tướng tam-muội thì thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp, nhờ thấu hiểu pháp và rõ nghĩa pháp nên được hân hoan; nhờ hân hoan mà được hoan hỷ; nhờ hoan hỷ mà được thân khinh an; nhờ thân khinh an nên có cảm thọ lạc; nhờ có

cảm thọ lạc nên được tâm định. Này A-nan, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên có được sự thây như thật, biêt như thật; nhờ có được sự thây như thật, biết như thật nên phát khởi nhàm chán; nhờ nhàm chán nên không còn tham dục; nhờ không còn tham dục nên được giải thoát; nhờ giải thoát mà biết rõ là đã giải thoát, đồng thời biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này A-nan,

30 Nguyên tác: Chỉ thân ,còn được viết là .Vism. 14.470:
Kāyapassaddhi thân khinh an. 31 Tam-mụội tướng samãdhinimittà'. Trạng
thái thiền định có đi kèm với một số dấu hiệu. Tham chiếu: A. 3.19 - L 115: Evamevam kho, bhikkhave, tīhi dhammehi samannāgato bhikkhu bhabbo anadhigatam vā kusalam dhammam adhiganturn, adhigatam vã kusalarn dhammam phātim kātum. Katamehi tīhi? Idha, bhikkhave, bhikkhu pubbanhasamayam sakkaccarn samādhimmittarn adhitthāti, majjhanhikasamayarn.. .pe... sāyanhasamayarn sakkaccarn samādhinimittain adhitthāti. Imehi kho, bhikkhave, tīhi dhammehi samannāgato bhikkhu bhabbo anadhigatam vā kusalarn dhammam adhigantum, adhigatarn vã kusalarn dhammam phātirn kātu Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu ba pháp, Tỷ-kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhân, tang trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. The nào là ba? ở đây, nảy các Ty-kheo, Tỷ kheo vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào định tương, vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Ty-kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thau nhận, và tăng trưởng ồiiệnpháp đã được thâu nhạn, HT. Thích Minh Châu dịch. Theo DÃ. 10, khó lý giải các tướng trong khi thiển định .

đó là giải thoát xứ thứ năm. Nhờ đây mà Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm chưa giải thoát thì được tâm giải thoát, chưa trừ sạch các lậu thì được trừ sạch hoàn toàn, chưa chứng đắc Niết-bàn vô thượng thì chứng đắc Niết-bàn vô thượng. Này A-nan, với năm giải thoát xứ này, thay hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm xứ giải thoát này thì họ sẽ được an ổn9 được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0564b03] Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm căn là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Này A-nan, với năm căn này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm căn này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm lực là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực và tuệ lực. Này A-nan, với năm lực này, thầy r \ £ hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê năm lực này thì họ sẽ được an ôn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiên muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về năm yếu tố cần phải xa lìa.32 Là năm yếu tố nào? Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát tham dục. Vị ấy nhờ tận lực quán sát tham dục nên tâm không hướng theo dục, không thích thú dục, không gân gũi dục,

không buông thả theo dục. Nêu tâm dục vừa sanh khởi liên bị đót cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không bám trụ nơi dục, nhàm chán, nhơm tởm dục. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát tham dục, nhờ tận lực quán sát tham dục nên tâm không hướng theo dục, không thích thú dục, không gan gũi dục, không buông thả theo dục; nêu tâm dục vừa sanh khởi liên bị đót cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi dục, nhàm chán, nhơm tởm dục. Vị M r \ e : áy quán sát vê không tham dục, tâm hướng vê không tham dục, vui thích với không tham dục, thân cận với không tham dục, hòa hợp với không tham dục, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa tát cả tham dục và tát cả lậu hoặc, phiên não buôn lo do tham dục sanh. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vi ấy không còn nhận chịu các cảm thọ này nữa, nghĩa là các cảm thọ do tham dục sanh, như vậy gọi là xa lìa tham dục. Này A-nan, đây là yếu tố thứ nhất cần phải xa lìa. Này A-nan, vi Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát sân hận. Vi ấy do tận lực quán sát sân hận nên tâm không hướng theo sân, không thích thú sân, không 32 Nguyên tác: Ngũ xuất yếu giới E iti , pañca nissāraniyā dhātuyo'. Năm thứ cần phải xa lìa, từ bỏ, đó là dục tānT;sân tâm ,hại tâm ,sắc ,thẩn kiến .

86. KINH GIẢNG VỀ xứ 579

gân gũi sân, không buông thả theo sân. Nêu tâm sân vừa sanh khởi liên bi đót cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại5 không giãn nở ra được. Vị ấy xả ly, không bám trụ nơi sân? nhàm chán, nhơm tởm sân. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bi ném vào trong lửa, liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vi Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát sân hận, nhờ tận lực quán sát sân hận nên tâm không hướng theo sân, không thích thú sân, không gần gũi sân, không buông thả theo sân. Nếu tâm sân vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lia, không trụ nơi sân, nhàm chán, nhơm tởm sân. Vị ấy quán sát về không sân hận, tâm hướng về không sân hận5 vui thích với không sân hận, gan gũi với không sân hận, hòa hợp với không sân hận, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa tất cả sân hận, cho đến xa lìa tất cả lậu hoặc và phiền não sầu lo do sân sanh ra. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chiu các cảm thọ ấy nữa, nghĩa là các cảm thọ do sân hận sanh, như vậy gọi là xa lìa sân hận. Này A-nan, đây là yếu tố thứ hai cần phải xa lìa. [0564C12] Lại nữa, này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát sự não hại. Vị ấy nhờ tận lực quán sát sự não hại nên tâm không hướng theo não hại, không thích thú với não hại, không gần gũi với não hại, không buông thả theo não hại; nếu tâm não hại vừa sinh khởi liền bị đốt cháy, bi co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lia, không bám trụ nơi não hại, nhàm chán nhơm tởm tâm não hại. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa, liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát não hại, nhờ tận lực quán sát não hại nên tâm không hướng theo não hại, không thích thú não hại, không gần gũi não hại, không buông thả theo

não hại. Nếu tâm não hại vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi não hại, nhàm chán nhơm tởm não hại. Vị ấy quán sát về không não hại, tâm hướng về không não hại, vui thích với không não hại, thân cận với không não hại, hòa hợp với không não hại, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc5 an lạc vô cùng, xa lìa tất cả não hại, cho đến xa lìa tất cả lậu hoặc và phiền não sầu lo do não hại sanh ra. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chịu các cảm thọ ấy nữa, nghĩa là các cảm thọ do não hại sanh ra, như vậy gọi là xa lìa khỏi não hại. Này A-nan, đây là yếu tố thứ ba cần phải xa lìa. Lại nữa, này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát vê sác. Vị ây nhờ tận lực quán sát về sắc nên tâm không hướng theo sắc, không thích thú sắc, không gần gũi sắc, không buông thả theo săc. Nêu tâm ái săc vừa sanh khởi liên bị đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không bám trụ nơi sắc, nhàm chán sắc. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa liền bi đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không

giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát sắc, nhờ tận lực quán sát sắc nên tâm không hướng theo săc9 không thích thú sắc, không gần gũi sắc, không buông thả theo sắc. Nếu tâm đam sắc vừa sanh khởi liền bi đốt cháy, bị co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi sắc, nhơm tởm nhàm chán sắc. Vị ấy quán sát ve vô sắc, tâm hướng vê vô săc? ưa thích vô sác, thân cận vô săc5 hòa hợp với vô sác, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược, tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa tất cả sắc và tất cả lậu hoặc, phiền não sầu lo do sắc sanh ra. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chịu các cảm thọ ấy nữa, nghĩa là các cảm thọ sanh ra bởi sắc, như vậy gọi là xa lìa sắc. Này A-nan, đây là yếu tố thứ tư cần phải xa lìa. [0565al2] Lại nữa, này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn tận lực quán sát thân mình. Vị ây nhờ tận lực quán sát vê thân mình nên tâm không hướng theo thân, không ưa thích thân, không mê đắm thân, không buông thả theo thân. Nếu tâm ái thân vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bi co rút lại, bi cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không bám trụ nơi thân, nhàm chán thân. Này A-nan, giống như lông gà và gân gà bị ném vào trong lửa liền bị đốt cháy, bi co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Này A-nan, vị Thánh đệ tử đa văn cũng vậy, tận lực quán sát thân, nhờ tận lực quán sát thân nên tâm không hướng theo thân, không thích thú thân, không mê đắm thân, không buông thả theo thân. Nếu tâm ái thân vừa sanh khởi liền bị đốt cháy, bị co rút lại, bị cuộn tròn lại, không giãn nở ra được. Vị ấy xa lìa, không trụ nơi thân, nhàm chán thân mình. Vị ấy quán sát thân này không thật, tâm hướng về thân này không thật, vui thích với thân này không thật, hoan hỷ với thân này không thật, hòa hợp với thân này không thật, tâm không chướng ngại, tâm không ô trược5 tâm được an lạc, an lạc vô cùng, xa lìa chấp thân và tát cả lậu hoặc, phiên não sâu lo do thân mà có. Lìa khỏi chúng, thoát khỏi chúng, giải thoát khỏi chúng, vị ấy không còn nhận chịu các cảm thọ ây nữa, nghĩa là các cảm thọ sanh ra bởi chấp thân, như vậy gọi là xa lìa thân. Này A-nan, đây là yếu to thứ năm cần phải xa lìa. Này A-nan, với năm yếu tố cần phải xa lìa này, thầy hãy dạy cho các Tỳ- kheo trẻ. Nêu

thay giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về năm yếu tố cần phải xa lìa này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0565b02] Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về bảy tài sản.33 Đó là niềm tin, trì giới, biết hổ, biết thẹn, đa văn, bố thí và trí tuệ. Này A-nan, với bảy tài sản này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bảy tài sản này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

33 Nguyên tác: Thất tài còn gọi là "thất Thanh tài",là 7 loại tài sản trong giáo pháp thuộc xuất thê gian, tát cả chúng sanh nhân thực hành 7 pháp này mà có thể thành tựu đạo quả.

86. KINH GIẢNG VỀXỨ^ 581

Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về bảy sức mạnh.3435 36 Đó là sức mạnh của niềm tin, tinh tấn, biết hổ, biết thẹn, niệm, đinh và tuệ. Này A-nan, với bảy sức mạnh này, thầy hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về bảy sức mạnh này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước kia Như Lai đã nói cho thầy nghe về bảy giác chi. Đó là niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an,35 đinh và xả. Này A-nan, với bảy giác chi này, thay hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nếu thầy giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ ve bảy giác chi này thì họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan! Trước đây Như Lai đã nói cho thầy nghe về Thánh đạo tám chi. Đó là chánh kiến, chánh tư duy,36 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Này A-nan, với Thánh đạo tám chi này, r \ £ thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trè vê Thánh đạo tám chi này thì họ sẽ được an ổn5 được mạnh mẽ5 được an lạc, thân tâm không phiên muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo trẻ mà nói về xứ và dạy về xứ. Đức Phật bảo: Này A-nan! Đúng vậy, đúng vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Như Lai đã nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo trẻ. Này A-nan! Nêu thầy lại hỏi Như Lai về pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút37 thì thầy sẽ sanh khởi hoan hỷ và tín tâm tột cùng đối với Như Lai. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật roi thưa: -Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời, bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc! Nếu Thế Tôn dạy cho các Tỳ-kheo trẻ về pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút thì con và các Tỳ-kheo trẻ sau khi nghe xong sẽ khéo thọ trì. [0565c0l] Phật bảo: Này A-nan! Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ nói cho thầy và các Tỳ-kheo trẻ nghe về pháp cao tột và pháp cao tột bi giảm sút. Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo trẻ vâng lời lắng nghe.

34 Thất lực . 35 Nguyên tác: Tức . 36 Nguyên tác: Chánh chí . 37 Nguyên tác:,Đảnh pháp cập đảnh pháp thoẾPháp cao tột vàpháp cao tột bị giảm sút. Tham chiếu: A-tỳ-đàm Bát kiên-độ luận 7.26. 1543.l. 0772bl9-b27.

582 KINH TRUNG A-HÀM

Thê Tôn bảo: -Này A-nan! Vi Thánh đệ tử đa văn chân thật nương vào tâm để tư duy, suy xét, khéo léo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không và vô ngã. Vi ấy tư duy như vậy, suy xét như vậy, khéo léo quán sát, phân biệt như vậy cho nên sanh khởi nhân, sanh khởi an lạc, sanh khởi mong muôn, nghĩa là muôn nghe hiểu, muốn nhớ nghĩ và muốn quán sát. Này A-nan, ấy gọi là pháp cao tột. Này A-nan, nêu đã được pháp cao tột này roi nhimg lại đê mát đi, đê giảm sút, không khéo gìn giữ, không thường tinh tấn, thì này A-nan, đó gọi là pháp cao tột bị giảm sút. Cũng như vậy đối với thức xứ bên trong, thức xứ bên ngoài, xúc, thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và pháp do nhân duyên khởi. Này A-nan, vi Thánh đệ tử đa văn đối với nhân duyên khởi và nhân pháp do duyên khởi này biêt tư duy, suy xét, khéo quán sát phân biệt vê vô thường, khô, không và vô ngã. Vị ấy tư duy như vậy, suy xét như vậy? khéo quán sát phân biệt như vậy cho nên sanh khởi nhẫn, sanh khởi lạc. Này A-nan, đây gọi là pháp cao tột. Này A-nan, nếu được pháp cao tột này rồi nhưng lại để mất đi, để giảm sút, không khéo gìn giữ, không thường tinh tấn, thì này A-nan, đó gọi là pháp cao tột bị giảm sút. Này A-nan, với pháp cao ytột và pháp cao tột bị giảm sút này,£ thây hãy dạy cho các Tỳ-kheo trẻ. Nêu thây giảng dạy cho các Tỳ-kheo trẻ vê pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút này, họ sẽ được an ổn, được mạnh mẽ, được an lạc, thân tâm không phiền muộn, trọn đời tu hành Phạm hạnh. [0565C19] Này A-nan! Như Lai đã vì các thầy mà giảng nói về xứ, dạy về xứ, ve pháp cao tột và pháp cao tột bị giảm sút. Giống như vị Tôn sư vì đệ tử mà khởi lòng từ ái rộng lớn, quan tâm thương x6t, luôn mong muốn họ có được ý nghĩa và lọi ích, được an ổn và hân hoan, Như Lai đã thực hiện như vậy. Các thây cũng nên tự mình thực hành, hãy đên nơi thanh văng, bên góc cây trong chốn núi rừng, ở chỗ yên tịnh vắng vẻ mà tĩnh tọa tư duy, chớ có buông lung, hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Như Lai, đó là lời khuyên bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo trẻ nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. *** Am, nội, ngoại, thức, xúc, Thọ, tưởng, tư, ái giới, Nhân duyên, niệm, chánh đoạn, Như ý? thiền, dế, tưởng, Vô lượng, vô sắc, chủng, Sa-môn quả, giải thoát, Xứ, căn, lực, xuất yếu, Tài, lực, giác, đạo, đảnh.38

^Bài kệnày tóm tắt các vấn đề được nói đến trong kinh. Nguyên tác:, ,;,;,,É;,MẾ, i ;W ;:: .B n
Hán, hết quyển 21.

PHẨM 8: UẾ1 (Tụng ngày thứ hai tại thành Tiểu Thổ. gồm 10 kinh)

Kệ tóm tắt:
uếf Cầu, Tỳ-kheo thỉnh
Trí, Châu-na vấn kiến
Hoa dụf Thủy Tinh Phạm
Hắc, Trú, Vô tại hậu.1
2
1 Quyển 22. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:,;;,,.Do đặt lại tựa
đề nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh.

87. KINH NHỮNG CẤU UẾ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Bà-kỳ, ngụ tại vườn Nai, trong rừng Sợ Hãi, thuộc núi Cá sấu.12 Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: -Này chư Hiền! Thế gian có bốn hạng người. Là bốn hạng người nào? Hoặc có người bên trong thật có cấu uế3 mà không tự biết, không biết đúng như thật bên trong có cấu uế. Hoặc có người bên trong thật có cấu uế và tự biết, biết đúng như thật bên trong có cấu uế. Hoặc có người bên trong thật không có cấu uế mà không tự biết, không biết đúng như thật bên trong không có cấu uế. Hoặc có người bên trong thật không có cấu uế và tự biết, biết đúng như thật bên trong không có cấu uế. Này chư Hiền! Với hạng người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết đúng như thật bên trong có cấu uế thì hạng người này thuộc hạng thấp kém nhất trong các hạng người. Với hạng người bên trong thật có câu uê mà tự biêt, biêt đúng như thật bên trong có câu uê thì hạng người này thuộc hạng ưu tú nhát trong các hạng người. Với hạng người bên trong không có câu uê mà không tự biêt, không biêt đúng như thật bên trong không có cấu uế thì hạng người này cũng thuộc hạng z r

tháp kém nhát trong các hạng người. Với hạng người bên trong không có câu uê mà tự biêt, biêt đúng như thật bên trong không có câu uê thì hạng người này thuộc hạng ưu tú nhát trong các hạng người. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo4 liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

1 Nguyên tác: uếphẩm kinh (roi. 0026.87. 0566al3). Tham chiếu: cầu dục kỉnh (T.Ol. 0049. 0839a05); Tăng.(T.02. 0125.25.6. 0632a20); M. 5, Anañgana Sutta (Kinh không uê nhiêm). 2 Xem chú thích 2-3, kinh số 74, tr. 491.

3 Nguyên tác: uế (,añgana): cấu uế, nhiễm ô. 4 Tăng.(r02. 0125.25.6. 0632a20) và M. 5, Anañgana Sutta (Kinh không uế nhiễm) xác định là Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên).

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người trước đều có cấu uế, tâm ô nhiễm, nhưng một hạng bi cho là thấp kém, hạng kia được xem là ưu tú? Lại do nhân gì, duyên gì mà hai hạng người sau đều không có cau uế, tâm không ô nhiễm, nhưng một hạng bị cho là thấp kém và hạng kia được xem là ưu tú? [0566b03] Khi đó, Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời vi Tỳ-kheo kia rằng: Này Hiền giả! Nếu một người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biêt như thật bên trong có câu uê thì nên biêt, người ây không mong muốn đoạn trừ cấu uế, không tìm phương cách, không siêng tu học. Người ấy sẽ còn câu uê5 sẽ qua đời với tâm còn ô nhiêm. Do người ây vân còn câu uê9 qua đời với tâm còn ô nhiễm nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ấy vẫn còn cấu uế, qua đời với tâm ô nhiễm. Này Hiên giả! Như có một người ra chợ hoặc đên nhà thợ đúc đông mua một chiếc mâm đồng. Mâm ấy dính đầy bụi dơ, thế nhung người ấy mang về nhà lại không thường phủi bụi, không siêng lau chùi, cũng không phơi nắng, lại còn để ở nơi nhiều bụi bẩn. Thế nên chiếc mâm đồng ấy càng dính thêm bụi dơ. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người bên trong thật có cấu uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có cấu

uế thì nên biết, người ấy không mong muôn đoạn trừ câu uê, không tìm phương cách, không siêng tu học. Người ây sẽ còn cấu uế, sẽ qua đời với tâm ô nhiễm. Do người ấy vẫn còn cấu uế, qua đời với tâm ô nhiễm nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ây vân còn câu uê? qua đời với tâm ô nhiêm. Này Hiền giả! Nếu một người biết đúng như thật: "Trong ta có cấu uế, trong ta quả thật có cấu uế nay59 thì nên biết, người ấy mong muốn đoạn trừ cấu uế này, tìm câu phương tiện, nô lực tu tập. Người ây sẽ không còn câu uê, sẽ qua đời với tâm không ô nhiễm. Do người ấy không còn cấu uế, qua đời với tâm không ô nhiễm cho nên lâm chung được an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không còn cấu uế, qua đời với tâm không còn ô nhiễm. Này Hiên giả! Như có một người ra chợ hoặc đên nhà thợ đúc đông mua một chiếc mâm đong. Mâm ấy dính đầy bụi dơ? thế nhưng người ấy siêng năng phủi bụi, thường xuyên lau chùi, thường phơi nắng và để ở nơi sạch sẽ. Thế nên chiếc mâm đồng ấy luôn được sạch sẽ và sáng bóng. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết đúng như thật: "Trong ta có cấu uế, trong ta quả thật có cấu uế này" thi nên biết, người ấy mong muốn đoạn trừ cấu uế đó5 tìm cầu phương cách và nỗ lực tu học. Người ấy sẽ không còn cấu uế, sẽ qua đời với tâm không ô nhiễm. Do người ấy không còn cấu uế5 qua đời với tâm không ô nhiễm cho nên lâm chung trong an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không còn cấu uế? qua đời với tâm không ô nhiễm. [0566c0l] Này Hiền giả! Nếu có một người không biết đung như thật rằng: "Trong ta không có cấu uế, trong ta quả thật không có cấu uế ny" thì nên biết,

87. KINH NHỮNG CẤU UỂ 587

người ấy không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe.5 Do không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi khi mắt thấy, tai nghe nên người ây bi tâm tham dục ràng buộc. Người ây có tham dục, có cấu uế, qua đời với tâm còn ô nhiễm. Vì người ấy còn tham dục, còn cấu uế, qua đời với tâm ô nhiễm nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ấy có tham dục, có cấu uế, qua đời với tâm ô nhiễm. Này Hiền giả! Cũng như có một người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua một chiếc mâm đồng sạch sẽ? không dính bụi dơ. Người ấy mang mâm về nhà nhưng không siêng phủi bụi, không thường lau chùi, không thường phơi năng, lại còn đê ở chô nhiêu bụi bặm. Thê nên chiêc mâm đông ây chác chăn dính nhiều bụi ban. Này Hiền giả! Cũng vậy, nếu một người không biết đúng như thật: "Trong ta không có cấu uế5 trong ta quả thật không có cấu uế nay,9 thì nên biết, người ấy không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe. Do không ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe, nên người ấy bị tâm tham dục ràng buộc. Người ấy có tham dục, có cấu uế, qua đời với tâm còn ô nhiễm. Vì người ấy có tham dục, có cấu uế5 qua đời với tâm còn ô nhiễm, nên lâm chung không an lành và sanh vào cõi xấu ác. Vì sao như vậy? Vì người ấy có tham dục, có cấu uế, qua đời với tâm còn ô nhiễm. Này Hiền giả! Nếu một người biết đúng như thật rằng: "Trong ta không có cấu uế5 trong ta quả thật không có cấu uế này" thì nên biết, người ấy sẽ ngăn ngừa được những pháp sanh khởi từ măt thây, tai nghe. Nhờ biêt ngăn ngừa những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe nên người ấy không bị tâm tham dục ràng buộc. Người ấy không còn tham dục, không còn cấu uế, qua đời với tâm không ô nhiêm.

Người ây nhờ không còn tham dục, không còn câu uê5 qua đời với tâm không ô nhiễm, nên lâm chung được an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không còn tham dục, không còn cấu uế, qua đời với tâm không ô nhiễm. Này Hiền giả! Cũng như có người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua một chiếc mâm đồng sạch sẽ, không dính bụi dơ. Người ấy mang mâm về nhà, thường phủi bụi, thường xuyên lau chùi, thường phơi nắng và để ở nơi sạch sẽ. Thế nên chiếc mâm đồng ấy nhất định sạch sẽ9 sáng bóng. Này Hiền giả! Cũng r . \ M vậy, nêu có một người biêt đúng như thật răng: “Trong ta không có câu uê9 trong ta quả thật không có cấu uế nay99 thì nên biết, người ấy biết ngăn ngừa những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe. Do biết ngăn ngừa những pháp sanh khởi từ mắt thấy, tai nghe, nên người ấy không bị tâm tham dục ràng buộc. Người ấy không tham dục, không cấu uế, qua đời với tâm không còn ô nhiễm. Người ấy do không tham dục, không cấu uế, qua đời với tâm không còn ô nhiễm, nên lâm

5 Nguyên tác: Bấthộ do nhãn nhĩ sở tri phPháp ở đây chỉ nhãn thức
7nhĩ thức ,... cho đến ý thức ;tức ý niệm, tâm thức cua con người; nếu
không được hộ trì bàng chanh niệm hay pháp lành thì sẽ sanh khơi những ham muốn bất chánh.

chung an lành và sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ấy không tham dục, không cấu uế, qua đời với tâm không ô nhiễm. Này Hiền giả! Do nhân như vậy, duyên như vậy mà hai hạng người trước mặc dù đều có cấu uế, tâm còn ô nhiễm, nhưng một người bị cho là thấp kém nhất và một người được xem là ưu tú nhất. Cũng do nhân như vậy, duyên như vậy mà hai hạng người sau mặc dù đều không có cấu uế, tâm không ô nhiễm, nhưng một người bị cho là thấp kém? một người được xem làiru tú nhát. [0567a05] Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! cấu uế mà ngài vừa nói, đó là những gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này Hiền giả! Tất cả pháp ác và bất thiện sanh khởi từ tham dục, đó là cấu uế. Vì sao như vậy? Giả sử có người khởi tâm mong muốn như vầy: "Ta đã phạm giới, mong rằng không ai biết ta phạm giói.” Này Hiền giả, thế nhưng có người biết người ấy phạm giới. Vì bị người khác biết mình phạm giới, cho nên người ấy khởi tâm niệm xấu. Nếu tâm người ấy khởi niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vầy: "Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ riêng tư, đừng quở trách trước đại chúng.^, Này Hiền giả, thế nhưng người ấy bị quở trách trước đại chúng, không phải chỗ riêng tư. Do bị người khác quở trách ở trước đại chúng, không phải chỗ riêng tư nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vầy: "Ta đã phạm giói, mong được người ưu tú hơn mình trách mang, đừng bị người kém hơn mình trách măng.,, Này Hiên giả, thê nhưng người ây lại bị người kém hơn trách mang, chứ không phải người ưu tú hơn. Do bị người kém hơn mình trách măng, chứ không phải người ưu tú hơn mình, nên tâm

người ây sanh niệm xâu. Nêu tâm người ây sanh niệm xâu và khởi mong muôn như trên thì cả hai đêu là bất thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vầy: "Mong rằng ta ngồi trước mặt Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác ngồi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe." Này Hiền giả, thế nhưng lại có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước mặt Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp đê Ngài thuyết cho chúng Tỳ-kheo nghe. Do có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện.

87. KINH NHỦNG CẤU UẾ 589

Này Hiên giả! Hoặc có người khởi tâm mong muôn như vây: "Lúc các Tỳ- kheo vào thôn xóm khất thực,67mong rằng ta là người dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực, chứ không phải một Tỳ-kheo nào khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực.,, Này Hiền giả, thế nhưng lại có một Tỳ-kheo khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực. Do thấy có Tỳ-kheo khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. [0567b08] Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vầy: “Khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ/ mong rằng ta là người ngồi chỗ cao nhất, được ghế ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất, chứ không phải vị Tỳ-kheo nào khác ngồi chỗ cao nhất, được ghế ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất.” Này Hiền giả, thế nhimg khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ, lại có Tỳ-kheo khác được ngồi chỗ cao nhất, được ghế ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất. Do thấy có Tỳ-kheo khác ngồi chỗ cao nhất, được ghế ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất nên tâm người ấy sanh niệm xâu. Nêu tâm người ây sanh niệm xâu và khởi mong muôn như trên thì cả hai đêu là bất thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vầy: "Sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì mong rằng ta là người vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ?89chứ không phải Tỳ-kheo nào khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hy.” Này Hiền giả, thế nhưng sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì lại có Tỳ-kheo khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo5 khích lệ, khiến được hoan hỷ. Do thấy có Tỳ-kheo khác, sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch, vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người tâm khởi mong muốn như vầy: "Khi các cư sĩ đi đến tinh xá,9 mong rằng ta cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác cùng họ hội họp? cùng ngoi và cùng bàn luân." Này Hiền giả, thế nhimg khi các cư sĩ đi đến tinh xá, lại có Tỳ-kheo khác cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận. Do thấy có Tỳ-kheo khác cùng hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận với các cư sĩ khi họ đến tinh xá nên tâm người ấy

6 Nguyên tác: Nhập nội thời .Tham chiếu: M. 5: Gāmam bhattāyapaviseyyurn vào làng để dùng cơm, HT. Thích Minh Châu dích. 7 Nguyên tác: Dĩ nhập nội .Tham chiếu: M. 5: Bhattagga trai đường. 8 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48. 9 Nguyên tác: Cư sĩ vãng nghệ chúng viên .Tham chiếu: M. 5: Ārāmagatānarn bhikkhūnam dhammam deseyyam Mong ta thuyết pháp cho các Tỳ-kheo tập hợp tại tinh xá.

sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. [0567c05] Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vầy: “Mong rằng ta được nhà vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại than, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng.,^ Này Hiền giả, the nhưng lại có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ5 dân chúng trong nước xem trọnẹ. Do thấy có Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được các bậc vương gi đại thân, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng nên tâm người ây sanh niệm xâu. Nêu tâm người ây sanh niệm xâu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vầy: "Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni5 ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng.^^ Này Hiền giả, the nhưng lại có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo9 Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng. Do thấy có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni5 ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng nên tâm người ấy sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy sanh niệm xấu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người khởi tâm mong muốn như vầy: “Mong ta nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuôc thang, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo? thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang.^, Này Hiền giả, thế nhưng lại có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do vì có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang nên tâm người ây sanh niệm xâu. Nêu tâm người ây sanh niệm xâu và khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là bất thiện. Này Hiền giả! Người ấy như vậy, nhưng lại có những vị Phạm hạnh có trí do không biết rõ tâm mong cầu của người ấy sanh vô lượng điều xấu, bất thiện như vậy, nên người ây không phải Sa-môn mà các vi Phạm hạnh kia cứ tưởng là Sa-môn9 không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không có chánh trí mà cứ tưởng có chánh trí, không có chánh niệm mà cứ tưởng có chánh niệm, không thanh tịnh mà cứ tưởng thanh tịnh. Này Hiền giả! Người ấy như vậy, lại có những vi Phạm hạnh có trí do biết rõ tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều xấu, bất thiện như vậy5 nên người ấy không phải Sa-môn thì các vi Phạm hạnh này không xem họ là Sa-môn9 không phải Sa-môn có trí thì không xem họ là Sa-môn có trí, không có chánh trí thì không cho là có chánh trí, không có chánh niệm thì không cho là

có chánh niệm, không thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh.

87. KINH NHỦNG CẤU UẾ 591

[0568a05] Này Hiền giả! Cũng như có người ra chợ hoặc đến nhà thợ đúc đồng mua vê nhà một chiêc mâm đông, bên trong đựng đây phân dơ, đậy kín phía trên rồi bưng ra phố xá, đến gần chỗ đông người qua lại. Nhiều người nhìn thấy mâm đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý ưa thích, không hề chán ghét, nghĩ là sạch sẽ. Người ấy bưng mâm đi quanh, rồi dừng lại một chỗ và mở nắp đậy ra. Mọi người thấy rồi, đều không còn muốn ăn, không còn ưa thích, cực kỳ chán ghét, vì biết là nhơ uế. Người trước đây muốn ăn nay còn không muốn, huống là người vốn không muốn ăn? Này Hiên giả! Người ây như vậy, nhimg lại có những vị Phạm hạnh có trí vì không biết tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều xấu bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn nhưng các vị Phạm hạnh này cứ tưởng là Sa-môn? không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa-môn có trí, không có chánh trí mà cứ tưởng có chánh trí, không có chánh niệm mà cứ tưởng có chánh niệm, không thanh tịnh mà cứ tưởng thanh tịnh. Này Hiền giả! Người ấy như vậy, lại có những vị Phạm hạnh có trí, vì biết rõ tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều xấu và bất thiện như vậy, nên người ấy không phải Sa-môn thì các vị Phạm hạnh này không cho là Sa-môn? không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không có chánh trí thì không cho là có chánh trí, không có chánh niệm thì không cho là có chánh niệm, không thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh. Này Hiền giả! Nên biết, người như vậy thì không nên gân gũi, không nên cung kính, lê bái. Nêu Tỳ-kheo nào không đáng gân gũi mà ta lại gần gũi, không đáng cung kính lễ bái mà ta cung kính lễ bái thì ta mãi mãi không được lọi h cho minh, không mang lợi ích cho người, không được an ổn 9 A hân hoan, sanh ra khô não ưu sâu. Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vầy: "Ta đã phạm giới, mong người khác không biết ta phạm giói." Này Hiền giả, nếu có người biết người ấy phạm giới, dù bi người khác biết mình phạm giới, nhưng tâm người ấy không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiên giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muôn như vây: "Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ riêng tư, đừng quở trách ở trước đại chiing." Này Hiền giả, nếu có người quở trách người ấy ở trước đại chúng, chứ không phải chỗ riêng tư, dù người ấy dù bị quở trách ở trước đại chúng chứ không phải chỗ riêng tư, nhưng tâm vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiên giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muôn như vây: "Ta đã phạm giới, mong bị người tru tú hơn mình trách mắng, đừng bị người kém hơn mình trách mắng.^, Này Hiền giả, nếu bị người kém hơn chứ không phải người ưu tu hơn mình trách mắng, người ấy dù bị người kém hơn chứ không

592 KINH TRƯNG A-HÀM

phải người ưu tú hơn mình trách măng, nhimg tâm vân không sanh niệm xâu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện.. [0568ỒỒ08] Này Hiên giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muôn như vầy:

"Mong rằng ta ngồi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe, chứ không phải vị Tỳ-kheo nào khác ngoi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe." Nay Hiền giả, nếu có vi Tỳ-kheo khác ngồi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ-kheo nghe, vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác ngồi trước Thế Tôn, thưa thỉnh giáo pháp để Ngài thuyết giảng cho chúng Tỳ- kheo nghe, nhung tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiên giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muôn như vây: “Lúc các Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực, mong rằng ta là người dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực, chứ không phải một Tỳ-kheo nào khác dân đâu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực.,^ Này Hiền giả, nếu có một Tỳ-kheo khác dẫn đầu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực, vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác dân đâu chúng Tỳ-kheo vào thôn xóm khát thực, nhung tâm vi ây vân không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vầy: "Khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ, mong rằng ta là người ngồi chỗ cao nhất, được ghê ngôi, nước rửa, thức ăn tót nhát, chứ không phải vị Tỳ-kheo nào khác ngôi chỗ cao nhất, được ghế ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất." Này Hiền giả, nếu khi chúng Tỳ-kheo vào nhà thí chủ, có Tỳ-kheo khác được ngồi chỗ cao nhất, được ghế ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác ngồi chỗ cao nhất, được ghế ngồi, nước rửa, thức ăn tốt nhất nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xâu. Nêu tâm người ây không sanh niệm xâu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. [0568c03] Này Hiên giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muôn như vầy: "Sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì mong rằng ta là người vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ,10 chứ không phải Tỳ-kheo nào khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến được hoan hỷy Này Hiền giả, nếu sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch thì có Tỳ-kheo khác vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến được hoan hỷ; vị ấy dù thay có Tỳ-kheo khác, sau khi chúng Tỳ-kheo thọ thực xong, thu dọn bình bát, dùng nước rửa sạch, vì cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo,

w Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú
thích 7, kmh số 9, tr. 48. J '

khích le, khiến được hoan hỷ, nhưng tâm vi ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vầy: “Khi các cư sĩ đi đen tinh xá? mong rằng ta cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luān?9 Này Hiền giả, nếu khi các cư sĩ đi đến tinh xá, có Tỳ-kheo khác cùng họ hội họp, cùng ngồi và cùng bàn luận; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác cùng hội họp, cùng ngoi và cùng bàn luận với các cư sĩ khi họ đến tinh xá nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người

ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vầy: "Mong rằng ta được nhà vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư si, dân chúng trong nước xem trọng, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác được vua biết đến, được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trong." Này Hiên giả, nêu có vi Tỳ-kheo khác được vua biêt đên, được các bậc vương giả, đại thân, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước xem trọng; vi ây dù thây có Tỳ-kheo khác được vua biêt đên? được các bậc vương giả, đại thần, Phạm chí, cư si, dân chúng trong nước xem trọng nhưng tâm vị ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nêu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiên giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muôn như vây: “Mong rằng ta được bon chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni? ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng, đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni5 ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trong." Này Hiên giả, nêu có Tỳ-kheo khác được bôn chúng Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng; vị ấy dù thay có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng nhimg tâm vị ây vân không sanh niệm xâu. Nêu tâm người ây không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. [0569a06] Này Hiền giả! Hoặc có người tâm không khởi mong muốn như vầy: "Mong ta nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang, chứ không phải Tỳ-kheo nào khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang.,, Này Hiền giả, nếu có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quần áo, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang; vị ấy dù thấy có Tỳ-kheo khác nhận được các vật dụng sinh hoạt như quân áo, thức ăn uông, giường nệm, thuôc thang nhưng tâm vi ấy vẫn không sanh niệm xấu. Nếu tâm người ấy không sanh niệm xấu và không khởi mong muốn như trên thì cả hai đều là thiện. Này Hiền giả! Người ấy như vậy, nhung có những vi Phạm hạnh có trí, vì không biết tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều thiện như vậy, nên

người ấy là Sa-môn mà các vị cứ tưởng không phải Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà cứ tưởng không phải Sa-môn có trí, có chánh trí mà cứ tưởng không có chánh trí, có chánh niệm mà cứ tưởng không có chánh niệm, được thanh tịnh mà cứ tưởng không thanh tịnh. Này Hiên giả! Người ây như vậy, lại cũng có những vị Phạm hạnh có trí, vì biết rõ tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều thiện như vậy, nên người ấy chính là Sa-môn thì các vị Phạm hạnh này cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, có chánh trí thì cho là có chánh trí, có chánh niệm thì cho là có chánh niệm, được thanh tịnh thì cho là thanh tịnh. Này Hiên giả! Cũng như có người ra chợ hoặc đên nhà thợ đúc đông mua vê một chiếc mâm đồng, đựng đầy thức ăn thơm ngon tinh sạch bên trong, đậy nắp lên trên rồi bưng ra phố, đến gần chỗ đông người qua lại. Có người nhìn thấy mâm đồng ấy liền không muốn ăn, không ưa thích, rất chán ghét, tưởng là bất tịnh, liền nói như vầy: "Đem phẩn dơ kia đi ngay! Đem phẩn dơ kia đi ngay!" Người ây bưng mâm đông di, roi dừng lại một chô và mở năp đậy ra. Mọi người nhìn thấy rồi đều muốn được ăn, vô cùng ưa thích, không còn chán ghét, vì biết là tinh

sạch. Những người trước đây không muốn ăn, khi nhìn thấy còn muốn ăn, huống chi những người vốn đã muốn ăn? Này Hiền giả! Người ấy như vậy, nhưng lại có các vị Phạm hạnh có trí, vì không biết tâm mong muốn của người ấy sanh vô lượng điều thiện như vậy, nên người ấy là Sa-môn mà các vị Phạm hạnh kia cứ tưởng không phải Sa- môn, chính là Sa-môn có trí mà cứ tưởng không phải Sa-môn có trí, có chánh trí mà cứ tưởng không chánh trí, có chánh niệm mà cứ tưởng không chánh niệm, được thanh tịnh mà cứ tưởng không thanh tịnh. Này Hiền giả! Người ấy như vậy, lại cũng có những vị Phạm hạnh có trí, nhờ biết rõ tâm mong muốn của người ây sanh vô lượng điêu thiện như vậy, nên người ây chính là Sa- môn thì các vị Phạm hạnh kia cho là Sa-môn5 chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, có chánh trí thì cho là có chánh trí, có chánh niệm thì cho là có chánh niệm, được thanh tinh thì cho là thanh tinh. Này Hiền giả! cần phải biết, người như vậy nên gan gũi, nên cung kính lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào đáng gần gũi mà ta gần gũi, đáng cung kính lễ bái mà ta cung kính lễ bái, như vậy ta mãi mãi được lợi lạc cho mình, làm lợi ích cho người, được an ổn hân hoan, không khổ não ưu sầu. [0569Ồ10] Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong chúng. Nhân đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền thưa: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nay tôi muốn nói một thí dụ cho các Tỳ-kheo nghe, Tôn giả cho phép chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này Hiên giả Đại Mục-kiên-liên! Hiên giả muôn nói thí dụ, xin hãy cứ nói.

87. KINH NHỮNG CẤU ƯÊ 595

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nói: -Thưa Ton giả Xá-lợi-phất! Tôi nhớ có lần du hóa thành Vương Xá, trú ở núi Nham. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, tôi đắp y ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, đi dần đến nhà Vô Y Mãn Tử, trước đây là một thợ sửa xe.11 Hàng xóm của Vô Y Mãn Tử cũng làm nghề sửa xe, anh ấy đang tháo trục xe ra để sửa. Khi ấy, Vô Y Mãn Tử qua nhà hàng x6m, nhìn thấy anh thợ đang tháo trục xe ra sửa, trong tâm liền khởi ý nghĩ như vầy: "Nếu anh thợ này cầm búa sửa trục, đẽo gọt tất cả những chỗ hư hỏng sần sùi trên trục, như thế cái trục ây mới tót hơn được.99 Bây giờ, anh thợ sửa xe kia, bông dimg làm đúng như suy nghĩ của Vô Y Mãn Tử, cầm lấy búa đẽo gọt tất cả những chỗ hư hỏng sần sùi. Khi ấy, Vô Y Mãn Tử, một người từng làm nghề sửa xe, hết sức hoan hỷ, nói như vầy: "Ny anh thợ sửa xe! Tâm anh với tâm tôi, đúng là có cảm có ứng thật! Vì sao như vậy? Vì anh đã cầm búa đẽo gọt tất cả những chỗ hư hỏng san sùi trên trục xe, thật đúng như ý của t6i." Cũng như thế, này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu như có kẻ dua ninh, dối trá, ganh tị5 không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh trí, không đinh, không tuệ, tâm cuông mê, không hộ trì các căn, không tu hạnh Sa- môn, không hiểu biết phân biệt thì Tôn giả Xá-lợi-phất9 vì tâm ngài hiểu được tâm của kẻ đó nên mới nói pháp này. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có niềm tin, luôn tinh tấn, không biếng nhác, có chánh niệm, có chánh trí, tu đinh, tu tuệ, tâm không cuồng mê, biết hộ trì các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và khéo phân biệt hiểu biết thì người ấy khi nghe Tôn giả nói pháp, giống như kẻ đói muốn được ăn, kẻ khát muốn được uống liền được ăn uống thỏa lòng. [0569c05] Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Giống như con gái dòng dõi Sát-đế- lợi hay con gái của dòng Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la5 rất mực đoan trang xinh đẹp, sau khi tăm rửa sạch sẽ liên lây hương thơm

xoa khắp thân thể, mặc xiêm y lộng lẫy mịn màng và trang sức đủ loại chuỗi ngọc. Giả sử có người nhớ nghĩ cô ấy, mong cô ấy được nhiều lợi lạc, an vui hạnh phúc, liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bặc? tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sư hoặc tràng hoa a-đề-mâu-đa11 12 đến tặng. Cô gái ấy vui mừng, đưa hai tay nhận lấy rồi cài hoa lên đầu. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cũng như thế, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị? có niềm tin, luôn tinh tấn, không biếng nhác, có chánh niệm tỉnh giác, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, biết hộ trì các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và khéo phân biệt hiểu biết thì người ấy,

11 Nguyên tác: Cựu xa sư Vô Y Mãn Tử ().Tham chiếu: M. 5: Panduputto ājīvako puranayānakāraputto (Tà mạng ngoại đạo Panduputta, trước là con của một người làm xe), HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Tên các loài hoa này, xem chú thích 9-15, kinh số 68, tr. 409.

. ,.1, . 9 r• M 1711 M khi được nghe Tôn giả nói pháp, giông như kẻ đói muôn được ăn, kẻ khát muôn được uông liên được ăn uông thỏa lòng. Tôn giả Xá-lợi-phất! Ngài thật kỳ diệu, thật hy hữu! Ngài thường cứu vớt các vi tu Phạm hạnh, giúp họ xa lìa bất thiện, an lập vào cõi lành. Như thế, cả hai Tôn giả khen ngợi lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.

88. KINH CÀU PHÁP1 Tôi nghe như vầy: 2345rồi đến Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Câu-sa-la1 ngụ tại rừng Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc làng Ngũ Sa-la.3 Các vi đại đệ tử danh đức, trưởng thượng như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na- luật, Tôn giả Lệ-việt/ Tôn giả A-nan và nhiều vi đại đệ tử danh đức, trưởng thượng khác nữa cũng có mặt tại làng Ngũ Sa-la, bên cạnh thất lá của Phật. [0570a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy hãy cầu pháp,5 chớ nên cầu ẩm thực. Vì sao như vậy? Vì Như Lai thương tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nỗ lực cầu pháp, chớ nên cầu ẩm thực. Nêu các thây chỉ câu âm thực, không nô lực câu pháp thì chăng những các thầy tự làm xấu mình mà cũng khiến Như Lai mất đi thể diện. Nếu các thầy nỗ lực câu pháp, không cô câu âm thực thì không những chính các thây tót hơn mà cũng khiến Như Lai được hãnh diện. Như thế nào là chúng đệ tử vì cầu ẩm thực mà nương theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp? Sau khi Như Lai thọ thực vừa đủ, bữa ăn đã xong, còn lại một ít thức ăn. Khi ấy, có hai vị Tỳ-kheo đi đến, đói khát kiệt sức. Như Lai liền nói với họ rằng: "Ta đã thọ thực vừa đủ, bữa ăn đã xong, còn lại một ít thức ăn, các thây muôn dùng thì lây mà dùng, nêu không thì Ta sẽ mang đô nơi đát sạch, hoặc đổ trong nước không có trùng." Trong hai Tỳ-kheo ấy, vi thứ nhất suy nghĩ như vây: "Thê Tôn đã thọ thực vừa đủ, bữa ăn đã xong, thức ăn còn lại nêu ta không lây, tát nhiên Ngài sẽ mang đô nơi đát sạch, hoặc trong nước không có trùng, vậy ta hãy lấy mà dung?9 Thế là, vị Tỳ-kheo ấy liền nhận lấy và dùng bữa, tuy được một ngày một đêm an ổn, vui thích, nhưng vì Tỳ-kheo ấy nhận lấy thức ăn như vậy nên đức

1 Nguyên tác: cầuphảpkinh T.01.0026.88.0569c23. Tham chiếu: Tg.T.02.0125.18.3. 0587cl6; M. 3, Dhammadāyāda Sutta Kinh thừa tự pháp. 2 Câu-sa-la ,Kosala còn gọi là Kiêu-tát-la . 3 Ngũ Sa-la ,Pañcasāla.

4 Lệ-việt ,Revata còn được phiên âm là Ly-việt-đa . 5 Nguyên tác: Hành cầu pháp .Tham chiếu: M. 3: Dhammadāyādā me bhavatha mã āmisadāyādā Hãy là người thừa tự pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật, HT. Thích Minh Châu dịch.

Phật không vừa ý.67Vì sao như vậy? Bởi vì vị Ty-kheo thứ nhất thọ nhận đồ ăn này, chứng tỏ vị ấy không thể ít muốn, không thể biết đủ, không dễ nuôi sống, ăn không biết vừa đủ/ không thể biết thời,8910 không khéo tiết chế, không biết tinh tấn, không thể tĩnh tọa, không có tịnh hạnh, không thể sống viễn ly, không thể nhất tam, không thể tinh cần, lại cũng không thể chứng đắc Niết-bàn. Bởi Tỳ-kheo ấy nhận thức ăn thừa như vậy nên Phật không hài lòng. Như thế gọi là chúng đệ tử vì cầu ẩm thực mà nương theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp. Thế nào là chúng đệ tử nỗ lực cầu pháp, chứ không cầu ẩm thực? Trong hai vị ấy, vị Tỳ-kheo thứ hai suy nghĩ như vầy: "Thế Tôn đã thọ thực vừa đủ5 bữa ăn đã xong, còn lại một ít thức ăn, nếu ta không lay thì tất nhiên Ngài sẽ mang đổ nơi đất sạch hoặc trong nước không có trùng. Nhưng Thế Tôn có dạy: 'Điều thấp kém nhất trong việc ăn uống là ăn thức ăn dư thừa* Vì vậy ta không nên nhận thức ăn đó.,lơ Nghĩ như thế rồi, vi ấy không nhận lấy. Tỳ-kheo kia không : r — L nhận thức ăn đó, tuy suốt một ngày một đêm khô sở bát ôn, nhưng vì Tỳ-kheo ấy không nhận thức ăn như vậy nên Phật hài lòng. Vì sao như vậy? Bởi vì Tỵ-kheo thứ hai không thọ nhận thức ăn thừa, chứng tỏ vi ấy có thể ít muốn, biết đủ, dễ nuôi sống, ăn biết vừa đủ, biết thơi, biết tiết chế, có tinh tấn, có tĩnh tọa, có tịnh hạnh, biết sống viễn ly5 được nhất tâm, được tinh cần và có thể chứng đắc Niết-bàn. Bởi Tỳ-kheo ấy không nhận thức ăn thừa như vậy nên Phật hài lòng. Như thế gọi là chúng đệ tử vì cầu pháp mà nương theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu am thực. [0570b08] Bấy giờ, Thế Tôn bảo chúng đệ tử: -Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng của vi ấy không thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót thế gian, chẳng phải mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an tru viễn ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó

6 Nguyên tác: Bất khả Phật y . 7 Theo Tứ phần luật sao giản chảnh kỷ jEnB, số 737, phần l trong Đại tiểu thừa thích luật bộ lục ,tập 43, thuộc Vạn tục tạng ,tr. 0433bl4-15: “Dj mãn dị dưỡng?, nghĩa là ăn uống biết vừa đủ gọi là "di mãn,,? không chọn lựa tốt xấu gọi là Cídị dưỡng^, . :: 8 "Biết thời" tức chỉ ăn ngày một bữa đúng ngọ theo Luật Phật chế.

9 Thực trung chi hạ cực giả, vi: Tàn dư thực da ,. 10 Theo Ngũ phần giới r.22. 1422b. 0203bl4-15: Nếu Tỳ-kheo không làm pháp tàn thực mà ăn thêm thì phạm Ba-dạ-đê. Nêu Tỳ-kheo biêt Tỳ-kheokhác đãăn xong mà không làm pháp tàn thực, vì muôn não hại^nài ép họ ăn nữa thì phạm Ba-dạ-đề ,,. .Thẹo Luật tạng, Phật dạy Tỳ- kheo đã thọ trai đúng ngọ xong rồi, không được phép ăn thêm lần nữa. Nếu ăn, gọi là ăn thức ăn thừa ,trái Luật Phạt chế.

không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót the gian, chẳng phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Nếu một bậc Ton sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiêu người, nhiêu người được lợi lạc, chính là vì thương xót thê gian, vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ của vi ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiều người, nhiều người được lợi lạc, chính là vì thương xót thế gian, vì mong câu thiện lợi và hữu ích, vì mong câu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng hiện diện trong chúng, đức Phật liền bảo Xá-lợi-phất: Thầy hãy thuyết pháp như pháp11 cho các Tỳ-kheo nghe! Như Lai đau lưng, muốn nghỉ một lát. Tôn giả Xá-lợi-phất liền vâng lời Phật: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Rồi đức Phật gấp y Ưu-đa-la-tăng11 làm bốn trải lên giường, cuộn y Tăng-già- 1213 lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, tâm khởi tưởng nơi ánh sáng, 13 chánh niệm tỉnh giác, luôn khởi tưởng muốn ngồi dậy.14 Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Nên biết Thế Tôn vừa nói pháp một cách sơ lược rằng: Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an tru viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót thế gian, chẳng phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải vì mong cau an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Nếu một bậc Tôn sư co Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời song viễn ly thì Pháp và Luật đó không có ích cho nhiều người, nhiều người không được lợi lạc, chẳng phải vì thương xót thế gian, chẳng phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, cũng chẳng phải vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

11 Thuyết pháp như pháp :Thuyết pháp khế hợp với Chánh pháp. 12 Ưu-đa-la-tăng ,Uttarāsañga còn gọi là uUat-da-la-tang,9 ,tức là "y bảy điều.^, 13 Nguyên tác: Tác quang minh tưởng ,ālokasañña'. Lấy các loại ánh sáng để làm đề mục, tập trung tư tưởng trên đó. 14 Nguyên tác: Thường dục khởi tưởng utthānasañña.

Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng của vi ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiều người, nhiều người được lợi lạc, chính là vì thương xót the gian, vì mong càu thiện lợi và hữu ích, vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp và Luật đó có ích cho nhiều người, nhiều người được lợi lạc9 chính là vì thương xót thê gian, vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, vì mong cầu an vui hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Thế Tôn đã nói như trên, vô cùng tóm lược, thế thì các thầy hiểu nghĩa đó như the nào và phân biệt rộng rãi ra sao? [0570C14] Bấy giờ5 trong chúng có Tỳ-kheo nói như vầy: Thưa Tôn giả Xá-lợi^phất! Nếu các Trưởng lão thượng tôn khẳng định: "Ta đã đạt Trí cứu cánh, biêt đúng như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa'" thì khi các vị Phạm hạnh nghe các ngài ấy tự khẳng định: "Ta đã đạt Trí cứu cánh", họ liền được hoan hỷ. Lại có Tỳ-kheo nói thế này: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ mong cầu Niết-bàn vô thượng thì khi các vị Phạm hạnh thấy các Tỳ-kheo kia tu hành như vậy, họ liền được hoan hỷ. Các Tỳ-kheo đã giải nghĩa như thế, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất chưa hài lòng. Tôn giả liền nói với chúng Tỳ-kheo rằng: -Này chư Hiền! Hãy lắng nghe, tôi sẽ giảng giải cho các thầy. Này chư Hiền! Nêu một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly thì hàng đệ tử bậc thượng ấy có ba điều đáng chê trách. Là ba điều gì? Tôn sư thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc thượng không học hạnh xả ly, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà hàng đệ tử bậc thượng khôiiệ đoạn trừ những pháp ây5 do vậy nên họ đáng bị chê trách. Với những pháp cân thọ lãnh để tu chứng15 mà hàng đệ tử bậc thượng lại từ bỏ pháp đó,16 do vậy nên họ đáng bị chê trách. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử trưởng thượng của vi ấy lại không thích an trú viễn ly thì họ có ba điều đáng bị chê trách như vậy. Này chư Hiền! Nếu bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ không thích an tru viễn ly thì họ cũng có ba điều đáng chê trách. Là ba điều gì? Tôn sư thích an trú viễn ly mà hàng đệ tử bậc

15 Nguyên tác: Sở khả thọ chứng . 16 Nguyên tác: Xả phương tiên .

trung và bậc hạ không học theo hạnh xả ly, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Nêu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ không đoạn trừ những pháp ây, do vậy nên họ đáng bi chê trách. Với những pháp cân thọ lãnh đê tu chứng mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ lại từ bỏ pháp đó, do vậy nên họ đáng bị chê trách. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an tru viên ly mà hàng đệ tử bậc trung và bậc hạ lại không thích an tru viễn ly thì họ có ba điều đáng bị chê trách như vậy. [0571a09] Này chư Hiền! Nếu bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an tru viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng của vị ấy cũng thích an trú viễn ly thì họ có ba điêu đáng được khen ngợi. Là ba điêu gì? Tôn sư thích an tru viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng cũng học hạnh xả ly, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn

trừ và hàng đệ tử bậc thượng đoạn trừ những pháp ấy, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Với những pháp cần thọ nhận để tu chứng và hàng đệ tử bậc thượng đã khéo tinh tấn tu học, không bỏ pháp đó, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc thượng cũng thích an trú viễn ly thì họ có ba điều đáng được khen ngợi như vậy. Này chư Hiền! Nếu bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ cũng thích an tru viễn ly thì họ có ba điều đáng được khen ngợi. Là ba điều gì? Tôn sư thích an tru viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ cũng học hạnh xả ly, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Nêu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ khéo đoạn trừ những pháp ấy vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Với những pháp cần thọ lãnh để tu chứng thì hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ biết siêng năng tu học, không từ bỏ pháp đó, vì vậy nên họ đáng được khen ngợi. Một bậc Tôn sư có Pháp, có Luật, thích an trú viễn ly và hàng đệ tử bậc trung, bậc hạ cũng thích học hạnh xả ly thì họ có ba điều đáng được khen ngợi như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo các vi Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Có con đường trung đạo giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp,17 được thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Này chư Hiền! Thế nào là con đường trung đạo giúp tâm được an trú, được đinh tinh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, được thông dạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn? Này chư Hiền! Khởi niệm tham dục là xấu ác, ghét niệm tham dục18 cũng là xấu ác; không khởi niệm tham dục và cũng không ghét niệm tham dục, đó là con đường trung

17 Nguyên tác: Thuận pháp thứ pháp .Điển Tồn kinh 01. 0001.3. 003la05 ghi la "pháp pháp thành tựu?,Tạp.r02. 0099.27. 0005c22 ghi là "pháp thứ, pháp hướng,, ,nghĩa là thuận theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp.
18Nguyên tác: Niệm dục ác, ố niệm dục diệc ác .Tham chiếu: M. 3: Lobho ca pāpako doso ca pāpako, lobhassa ca pahānāya dosassa ca pahānāya atthi majjhimā patipadā Tham là ác pháp và sân cũng là ác pháp, có một con đường trung đạo diệt trừ tham và diệt trừ sân, HT. Thh Minh Chau dịch.

đạo. Cũng như vậy đối với sân hận,19 oán kết,20 xan tham,21 tật đố,2223dối gạt,23 dua nịnh,24 không biết tự thẹn, không biết xấu hổ? ngã mạn, tăng thượng mạn, cống cao, buông lung, kiêu hãnh,25 ganh ghét.26 Này chư Hiền! Tham là xấu ác, chấp trước cũng là xấu ác; đoạn trừ tham và cũng đoạn trừ chấp trước, đó là con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt giác ngộ và chứng đác Niêt-bàn. [0571Ồ05] Này chư Hiền! Lại có con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được đinh tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Chư Hiền! Đâu là con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn? Đó là Thánh đạo tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Này chư Hiền! Thánh đạo tám chi

chính là con đường trung đạo có thể giúp tâm được an trú, được định tĩnh, an lạc, thuận theo giáo pháp và thứ lớp giáo pháp, thông đạt giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Bấy giờ, cơn đau lưng đã khỏi và cơ thể an ổn? đức Phật liền trở mình ngồi dậy, kiết-già tĩnh tọa rồi khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất đã vì chúng Tỳ-kheo mà thuyết pháp như pháp. Này Xá-lợi-phất! Thầy hãy lại vì chúng Tỳ-kheo mà thuyết pháp như pháp. Này Xá-lợi-phất! Thầy nên thường xuyên thuyết pháp như pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe. Rồi Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: - Các thầy phải cùng nhau thọ lãnh pháp như pháp, hãy tụng đọc, tu tập và giữ gìn. Vì sao như vậy? Vì pháp như pháp này có pháp có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, giúp hành giả thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Những người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì phải khéo léo thọ trì pháp như pháp này. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.27

19 Nguyên tác: Khuê .Tham chiếu: M. 3: Kodha sự giận dữ. 20 Oán kết .Tham chiếu: M. 3: ưpanãha sự oán hận, phẫn hận, thù hằn. 21 Xan .Tham chiếu: M. 3: Macchara keo kiệt, bủn xỉn, hà tiện. 22 Tật .Tham chiếu: M. 3: Issã tật đố, ganh tị. 23 Khi cuống .Tham chiếu: M. 3: Māyā gạt gẫm, gian lận, xảo trá. 24 Du siểm .Tham chiếu: M. 3: Sātheyya dua nịnh, bợ đỡ. 25 Nguyên tác: Hào quý atimāno, viết tắt của cụm từ "tự thị hào quy",nghĩa là ỷ lại dòng họ tôn quý của mình mà sanh ra kiêu mạn. Tham chiếu: M. 3: Mado kiêu hãnh. J 26 Nguyên tác: Tăng tránh c.Tham chiếu: M. 3: Sãrambha sự đấu tranh, sự ganh đua. 27 Bản Hán, hết quyển 22.

89. KINH TỲ-KHEO THỈNH NGUYỆN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo du hóa thành Vương Xá, an cư mùa mưa tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.12 Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: -Này chư Hiền! Có Tỳ-kheo thỉnh cầu3 các Tỳ-kheo khác rằng: "Xin các Tôn giả hãy chỉ bảo cho tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, đừng ghét bỏ t6i." Vì sao như vậy? Này chư Hiền, ví như có người nói năng ngang ngược, tập thành tính khí ngoan co.4 Do tập thành tính khí ngoan cố nên khiến cho các vi Phạm hạnh không nói đến, không dạy dỗ? không khiển trách mà ghét bỏ người ấy. Này chư Hiền! Những ai có tính khí ngoan cố? Nếu ai tập thành tính khí ngoan cố ấy, ắt bị các vị Phạm hạnh không nói đến, không dạy dỗ, không khiển trách và còn ghét bỏ nữa. Này chư Hiền, ở đây, có người ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục.567Này chư Hiền, nếu người nào ham muốn bất chánh và nghĩ tưởng tham dục thì người đó có tánh khí ngoan cố. Cũng như the, với những ai tam y nhiêm o, hanh động nhiêm o, co y che giau loi lam, doi tra/ dua ninh,8 keo kiệt,9 ganh tị?10 không biết tự thẹn, không biết xấu hổ9 sân giận ác

1 Quyển 23. Nguyên tác: Tỳ-kheo thỉnh kinh TOI. 0026.89. 0571b29. Tham chiếu: Thọ tuê kỉnh 01. 0050. 0842ỒỒ03; M. 15, Anumãna Sutta Kinh tư lượng. 2 Nguyên tác: Trúc lâm Ca-lan-đa viên Kāranda Venūvana. 3 Nguyên tác: Thỉnh ,Pavāreti: Tự tứ. 4 Nguyen tác: Lệ ngữ .Tham chiếu: M. 15: Dubbaca người cứng đầu, khó dạy bảo. 5 Nguyên tác: Ác dục, niệm dục .Tham chiếu:

M. 15: Pāpiccho hotipāpikānam icchānam vasam gato có ác dục, bị ác dục chi phối. 6 Nguyên tác: Bất ngữ kiết tru .Bất ngữ kiết ,makkhà, còn gọi là "bất ngữ'triền" K, có nghĩa là che giấu. Theo ỉy-bà-sa luận ặệ7L28. 1547.02 Ò426c06, "bt ngữ triền" nương tựa "",tcựihã và cũng nương tựa uvô minh"qvijja.yNuang tí là vì ái nên chề giấu. ^Nirơrig vo minh^nghĩa là vì mê mờ nên che giấu , ..Tham chiếu: M. 15: Makkhī che giấu, gièm pha, đạo đức giả. 7 Khi cuống .Tham chiếu: M. 15: Māyāvī xảo trá. 8 Du siểm .Tham chiếu: M. 3: Sātheyya dua nịnh, bợ đỡ. Kinh M. 15 không đề cập. 9 Xan tham .Tham chiếu: M. 15: Maccharī bon xẻn, keo kiệt. 10 Tật đố .Tham chiếu: M. 15: Issukī ganh tị.

ý,11 nói lời căm phẫn," mắng Tỳ-kheo khiển trách mình,11 13 mắng Tỳ-kheo khinh 12 mạn mình,14 mắng Tỳ-kheo công khai lỗi mình,15 lãng sang chuyện khác khi bị khiển trách,16 im lặng giận dữ, oán ghét hừng hực, kết giao bạn xấu, tạo lập phe đảng, quên ơn, không biết ơn. Này chư Hiền, nếu có người quên ơn, không biết ơn thì người đó có tính khí ngoan cố. Này chư Hiền, đó là những người có tính khí ngoan cố. Nếu ai tập thành tính khí ngoan cố ấy thì các vị Phạm hạnh không nói đến, không dạy dỗ? không khiển trách mà còn ghét bỏ nữa. Này chư Hiền, là một Tỳ-kheo, hãy tự mình suy xét: "Này chư Hiền, nếu ai ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục thì tôi không thích người đó. Nếu tôi ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục thì người ây cũng chăng thích t6i." Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy. Không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục, hãy nên học tập như vậy. Cũng như thế, với những ai tâm ý nhiễm 6, hành động nhiễm 6, cố ý che giấu lỗi lầm, dối trá, dua nịnh, keo kiệt, ganh tị, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ? sân giận ác ý? nói lời căm phẫn, mắng Tỳ-kheo khiển trách minh, mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, mắng Tỳ-kheo công khai lỗi mình, lãng sang chuyện khác khi bi khiển trách, im lặng giận dữ, oán ghét hừng hực, kết giao bạn xấu, tạo lập phe đảng, quên ơn5 không biết ơn: "Này chư Hiền, nếu ai quên ơn, không biêt ơn thì tôi không thích người ây. Nêu tôi quên ơn, không biêt ơn thì người ấy cũng chẳng thích tôi.99 Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy, không quên ơn, luôn biết ơn, hãy nên học tập như vậy. Này chư Hiền! Có Tỳ-kheo không phải thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: "Xin các ngài hãy chỉ bảo cho tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, đừng ghét bỏ t6i." Vì sao như vậy? Này chư Hiền! Vì một người nói năng hòa nhã, tập thành đức tính nhu thuận, do tập thành đức tính nhu thuận ấy nên các vị Phạm hạnh dễ nói chuyện, dễ dạy bảo, dễ nhắc nhở và không ghét bỏ người đó. Này chư Hiền! Những ai có đức tính nhu thuận? Nếu ai tập thành đức tính nhu thuận ấy thì các vi Phạm hạnh dễ nói chuyện, dễ dạy bảo, dễ nhắc nhở và không ghét bỏ người đó. Này chư Hiền, có người không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục. Này chư Hiền, nếu người nào không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì người đó có đức tính nhu thuận.

11 Sân tệ upanāha; Ác ý ,paỉâsà. Tham chiếu: M. 15: Kodhahetu upanāhī vì phẫn nộ làm nhân trở thành người có hiếm hận. 12 Sân khuê ngữ ngôn .Tham chiếu: M. 15: Kodhasāmantā vācam nỉcchãretã thốt ra những lời liên hệ đến phan

nọ. 1'Ha Tỳ-kheo ha .r Tham chiếu: M. 15: Bhikkhu codito codakena codakam patippharati Tỳ-kheo bị buộc tồi trở lại chống đối vị đã buộc tội mình. 14 Ha Tỳ-kheo khinh mạn .Tham chiếu: M. \5: Bhikkhu thaddho hoti atimānī Tỳ-kheo ngoan mê và quá mạn. 15 Ha Tỳ-kheo phát lộ .Tharn chiếu: M. 15: Bhikkhu codito codakena codakassa paccāropeti Tỳ-kheo bị buộc tội trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình. 16 Cánh hỗ tương tỵ nhi thuyết ngoại sự .Tham chiếu: M. 15: Bhikkhu codito codakena aññenaññam paticarati, bahiddhā katham apanāmeti Tỳ-kheo bị buộc tội tránh né vấn đề với một vân đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề.

89. KINH TỲ-KHEO THỈNH NGUYỆN 605

Cũng như thế, với những ai tâm ý thiện lành, hành động thiện lành, không cố ý che giâu lỗi lầm, không dối trá, không dua nịnh, không keo kiệt, không ganh tị, biết tự thẹn, biết xấu hổ, không sân giận ác ý, không nói lời căm phẫn, không măng Tỳ-kheo khiên trách minh, không măng Tỳ-kheo khinh mạn mình, không măng Tỳ-kheo công khai lôi mình, không lãng sang chuyện khác khi bị khiển trách, không im lặng giận dữ, không oán ghét hừng hực, không kết giao bạn xâu, không tạo lập phe đảng, không quên ơn, biết nhớ ơn. Này chư Hiền, nếu ai không quên ơn, biêt nhớ ơn thì người đó có đức tính nhu thuận. Này chư Hiền, đó là những người có đức tính nhu thuận. Nếu ai tập thành đức tính nhu thuận ấy thì các vị Phạm hạnh dễ nói chuyện, dễ dạy bảo, dễ nhắc nhở và không ghét bỏ người đó. Này chư Hiền, là một Tỳ-kheo, hãy tự mình suy xét như vầy: "Này chư Hiền, nếu ai không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì tôi thích người đó. Nếu tôi không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì người đó cũng thích t6i." Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy, không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục, nên học tập như vậy. Cũng như thế, với những ai tâm ý thiện lành, hành động thiện lành, không cố ý che giấu lỗi lầm, không dối trá, không dua nịnh, không keo kiệt, không ganh tị, biêt tự thẹn, biết xấu hổ, không sân giận ác ý, không nói lời căm phẫn, không mắng Tỳ-kheo khiển trách mình, không mang Tỳ-kheo khinh mạn mình, không mang Tỳ-kheo công khai lỗi mình, không lãng sang chuyện khác khi bị khiển trách, không im lăng giận dữ, không oán ghét hừng hực, không kết giao bạn xấu, không tạo lập phe đảng, không quên ơn, biết nhớ ơn: "Này chư Hiền, nếu có người không quên ơn, biết nhớ ơn thì tôi thích người đó. Nếu tôi không quên ơn, biết nhớ ơn thì người đó cũng thích t6i." Tỳ-kheo hãy quán xét như vậy, không quên ơn, biết nhớ ơn, nên học tập như vậy. Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo quán xét như vầy: “Ta có ham muốn bất chánh và nghĩ tưởng tham dục hay kh6ng?" thì nhất định được nhiều lợi ích. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo khi quán xét mà biết mình có ham muốn bất chánh, có nghĩ tưởng tham dục thì không thể vui, do đó mong muốn trừ bỏ chúng. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo khi quán xét mà biết mình không có ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì liền được hân hoan. "Ta được thanh tinh nhờ cầu học pháp tôn quy”, nghĩ thế nên rất hân hoan. Này chư Hiền! Như người có mắt lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình sạch hay dơ. Nếu người ấy thấy mặt mình có vết dơ thì không vui và mong muốn rửa sạch nó. Nếu người ấy thấy mặt mình không có vết dơ thì được hân hoan: "Mặt ta sạch sẽ", nghĩ the nên rất hân hoan. [0572b07] Nàỵ chư Hiền! Cũng như vậy, nếu khi quán xét, Tỳ-kheo biết mình có ham muốn bất chánh, có nghĩ tưởng

tham dục thì không vui và mong cầu đoạn trừ chúng. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo lúc quán xét mà biết mình không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục thì được hân hoan: "Ta được thanh tịnh nhờ cầu học pháp tôn quy”nghĩ thế nên rất hân hoan.

Cũng như thế, Tỳ-kheo tự mình thường quán xét thế này: .Ta có tâm ý thiện lành và hành động thiện lành hay không? Ta có cố ý che giấu lỗi lầm hay không? Ta có dối trá và có dua nịnh hay không? Ta có keo kiệt và có ganh tị hay không? Ta biết tự thẹn và biết xấu hổ hay không? Ta có sân giận ác ý hay không? Ta có nói lời căm phẫn hay không? Ta có mắng Tỳ-kheo khiển trách mình hay không? Ta có mang Tỳ-kheo khinh mạn mình hay không? Ta có mang Tỳ-kheo công khai lỗi mình hay không? Ta có lãng sang chuyện khác khi bi khiển trách hay không? Ta có im lặng giận dữ hay không? Ta có hừng hực oán ghét hay không? Ta có kết giao bạn xấu hay không? Ta có tạo lập phe đảng hay không? Ta có quên ơn không? Ta có biết ơn khQng?" Này chư Hiền, nếu khi quán xét, Tỳ-kheo biết mình quên ơn, không biết ơn thì không vui và mong muốn đoạn trừ những điều ấy. Nếu Tỳ-kheo lúc quán xét mà biết mình không quên ơn, luôn biết ơn thì được hân hoan. “Ta được thanh tịnh nhờ cầu học pháp tôn quy", nghĩ thế nên rất hân hoan. Này chư Hiền! Như người có mắt lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình sạch hay dơ. Này chư Hiền, nếu người ấy thấy mặt mình có vết dơ thì không vui và mong muôn rửa sạch nó. Nêu người ây thây mặt mình không có vét dơ thì được hân hoan: "Mặt ta sạch sẽ9\ nghĩ thế nên rất hân hoan. Này chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán xét và biết mình quên ơn, không biết ơn thì không vui và mong muốn đoạn trừ những điều ấy. Nếu khi Tỳ-kheo quán xét và biết được mình không quên ơn, luôn nhớ ơn thì được hân hoan: “Ta được thanh tịnh nhờ cầu học pháp tôn quy”, nghĩ thế nên rất hân hoan. Do hân hoan nên được hoan hy, do hoan hỷ nên thân an tịnh, do thân an tịnh nên có cảm thọ lạc, do có cảm thọ lạc nên được định tâm. Này chư Hiền! Thánh đệ tử đa văn nhờ định tâm nên thấy như thật và biết như thật, nhờ thấy như thật và biết như thật nên sanh tâm nhàm chán, nhờ nhàm chán nên được hạnh không tham dục, nhờ không tham dục nên được giải thoát, nhờ giải thoát nên được tri kiến giải thoát rồi biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0572cll] Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dạy như vậy? các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

90. KINH BIÊT PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Câu-xá-di?12 ngụ tại tinh xá Cù-sư-la.3 Bấy giờ, Tôn giả Châu-na45nói với các Tỳ-kheo: -Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy: "Tôi biết rõ các pháp và cũng biết cách để không còn tham”,5 nhưng tâm Hiền giả ấy vẫn bị tham chi phối. Vị ấy cũng nói như vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phẫn n, che giấu tội lỗi, bon xẻn, ganh tị? lừa dối? dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện,6 nhưng tâm của Hiền giả ấy vẫn bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết rằng Hiền giả ấy không biết rõ các pháp, cũng không biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả ấy vẫn bi tham chi phối. Tâm của vị ấy cũng như

vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bon xẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ5 không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia vẫn bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Này chư Hiền, ví như một người không giàu mà tự ximg giàu có, không có đất đai do vua ban tặng mà nói là có, không có gia súc mà nói là có, khi cần tiêu dùng thì không có vàng bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, ho phách, gia súc, lúa gạo và cũng không có tôi tớ. Các bạn bè thân thích đến nhà người ấy và nói: "Anh thật sự không giàu mà tự xưng giàu có, không có đất đai do vua ban tặng mà nói là có, không có gia súc mà nói là có, khi cân tiêu dùng thì không có vàng bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, gia súc, lúa gạo và cũng không có tôi tóc' Cũng giống như thế, này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nói như vầy: "Tôi biết rõ các pháp và cũng biêt cách đê không còn tham", nhưng tâm Hiên giả ây vân

1 Nguyên tác: Tri pháp kinh T.01. 0026.90. 0572cl4. Tham chiếu: 4 1024 - v. 41. 2 Câu-xá-di còn gói Kiêu-thưởng-di Kosambī, thuộc Trung Ấn Độ cổ, một trong 16 nước lớn thời Phật tại thế. 3 Nguyên tác: Cù-sư-la viên .Xem chú thích 3, kinh số 72, tr. 465.

4 Nguyên tác: Châu-na Cunda. 5 Nguyên tác: Tăng tứ .Xem chú thích 3, kinh số 75, tr. 497. 6 Nguyên tác: Vô ác dục, ác kiến .Tham chiếu: A. 10.24 - V. 41: Pāpikā icchā na hoti ác dục không có mặt. Những phiên não liệt kê ở đây đã được chú thích trong các kinh MA. 88, MA. 89.

bị tham chi phối. Vị ấy cũng nói như vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phẫn nộ? che giấu tội lỗi, bon xẻn, ganh ti, lừa dối, dua nịnh, không hổ5 không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện, nhưng tâm của Hiền giả ấy vẫn bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết rằng Hiền giả ấy không biết rõ các pháp, cũng không biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt sạch tham, không hướng đến Vô dư Niết-bàn. Vị ấy cũng nói như vậy đối với sự tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bon xẻn, ganh tị, lừa doi, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt sạch thấy biết bất thiện, không hướng đến Vô dư Niết-bàn. [0573al3] Này chư Hiền! Có Tỳ-kheo không nói như vầy: "Tôi biết rõ các pháp và cũng biết cách để không còn tham", nhưng tâm của Hiền giả kia không bị tham chi phối. Vị ấy cũng không nói như vậy đối với tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giâu tội lôi, bon xẻn, ganh tị, lừa dôi, dua nịnh, không hô, không thẹn, không chan ghét dục, thấy biết bất thiện, nhimg tâm của Hiền giả ấy không bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết rằng Hiền giả ấy thật biết các pháp và biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiên giả kia không bị tham chi phôi. Vị ây cũng như vậy đối với tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bon xẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ? không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiên giả kia không bi tham muôn bát chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Này chư

Hiền, như người rất giàu mà không tự ximg mình giàu, có đất đai do vua ban tặng mà không tự nói là có, gia súc đay đàn mà cũng không tự nói là có, khi can tiêu dùng thì luôn sẵn có vàng, bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hô phách, gia súc, lúa gạo và có cả tôi tớ. Các bạn bè thân thích đên nhà người ấy và nói: "Anh thật sự rất giàu mà không tự xưng mình giàu, có đất đai do vua ban tặng mà không tự nói là c6, gia súc đầy đàn mà cũng không tự nói là có, khi can tiêu dùng thì luôn sẵn có vàng, bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, gia súc, lúa gạo và có cả tôi t&." Cũng giống như thế, này chư Hiền, có Tỳ-kheo không nói như vầy: "Tôi biết rõ các pháp và cũng biết cách để không còn tham", nhưng tâm của Hiền giả kia không bị tham chi phôi. Vị ây cũng không nói như vậy đôi với tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bon xẻn, ganh ti, lừa dối, dua nịnh, không hổ, không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện, nhưng tâm của Hiền giả ấy không bị tham muốn bất chánh, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Các vị Phạm hạnh biết Hiền giả ấy thật biết các pháp, biết cách để không còn tham. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia đã hướng đến chỗ diệt sạch tham, đã hướng đến Vô dư Niết-bàn. Vị ấy cũng như vậy đối với sự tranh cãi,

90. KINH BIẾT PHÁP 609

sân hận, phẫn nộ, che giấu tội lỗi, bon xẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, không hổ5 không thẹn, không chán ghét dục, thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm của Hiền giả kia đã hướng đến chỗ diệt sạch thấy biết bất thiện, đã hướng đến Vô dư Niết-bàn." Tôn giả Châu-na thuyết giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả giảng nói xong đều hoan hỷ phụng hành.

91. KINH CHAU-NA HỎI VỀ CÁC KIẾN CHẤP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Câu-xá-di,12 ngụ tại tinh xá Cù-sư-la.3 Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Đại Châu-na rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và hỏi: Bạch Thế Tôn! Trên đời này có nhiều kiến chấp4 sanh khởi và hiện hành,5 như chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng và có thế giới.6 Bạch Thế Tôn! cần phải biết như thế nào, thấy như thế nào để những kiến chấp này được diệt trừ, được xả ly và cũng khiến cho những kiến chấp còn lại không còn kéo dài, không bi chấp thủ? LÚC áy, The Ton bao: -Này Châu-na, trên đời này đúng là có nhiều kiến chấp sanh khởi và hiện hành, như chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng và có thế giới. Này Châu-na, nếu muốn các pháp ấy diệt sạch không sót lại gì cần phải biết như vầy, thấy như vầy mới khiến cho các kiến chấp ấy được diệt trừ, được xả ly và cũng khiến cho những kiến chấp còn lại không còn kéo dài, không bị chấp thủ, đó là hãy nên học pháp đoạn giảm.7 Này Châu-na5 thế nào là đoạn giảm trong giáo pháp của bậc Thánh? Tỳ- kheo lìa dục, lìa pháp xấu ác? bất thiện,... cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú, vị ấy nghĩ như vầy: “Ta đã thực hành pháp đoạn giảm.,,

1 Nguyên tác: Châu-na vấn kiến kỉnh roi. 0026.91. 0573bl3. Tham chiếu: T.02. 0125.47.9. 0784a06; M. 8, Sallekha Sutta Kỉnh đoạn giảm. 2 Câu-xá-di ,Kosambī còn gọi ỉa Kiêu-thưởng-di thủ đô của nước Bạt-sa , Vamsa,
hiện nay cách Allahabad 45km vê phía Tây Nam. 3 Cù-sư-la viên Ghositārāma.

Xem chú thích 3, kinh số 72, tr. 465.

4 Nguyên tác: Chư kiến .ở đây chỉ kiến giải, chủ trương, luận thuyết của ngoại đạo. Dưới nhẫn quang của một bậc Thánh giác ngộ, tư tưởng ấy bị rợi vào chấp đoan hoặc chấp thiĩơng, không đưa đến giải thoát nên thường gọi "chu kien,9 ấy là 4tkien chấp" hay 44tà kiến." 5 Nguyên tác: Sanh nhi sanh . 6 Các kiến chấp: Thần e attā, chúng sanh satta, nhân puggalo, thọ āyu, mạng Jīvā, th3 ,/ođêu có mối liên hệ đến Hữu ngã luận Attavada. 7 Nguyên tác: Tiệm tổn sallekhà'. Tổn giảm, ở đây chỉ cho sự đoạn diệt, giảm bớt những tà kiến, pháp ác hay tâm ý bất thiện để sinh khởi và tăng thêm chánh kiên, cũng như những pháp thiện hay tam y thiện.

Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không phải chỉ có pháp đoạn giảm này.89 CÓ bôn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú,9 hành giả từ đó xuất roi nhập trở lại, vị ấy nghĩ thế này: "Ta đã thực hành pháp đoạn giảm.” Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không phải chỉ có pháp đoạn giảm này. Tỳ-kheo vượt khỏi mọi sắc tưởng,... cho đến chứng đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trú và vị ấy nghĩ thế này: “Ta đã thực hành pháp đoạn giảm.,, Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không chỉ có pháp đoạn giảm này. Có bốn tịch tĩnh giải thoát,1011 lìa sắc, chứng đắc Vô sắc, hành giả từ đó khởi 12 lên sẽ nói cho người khác biết. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã thực hành pháp đoạn gim." [0573c06] Này Châu-na! Trong giáo pháp của bậc Thánh không chỉ có pháp đoạn giảm này. Này Châu-na! Người khác ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục, nhưng ta không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác sân hận với hại tâm,11 nhưng ta không sân hận, không hại tâm; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh, nhrnig ta có Phạm hạnh; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác tham lam,12 não hại,13 ham mê ngủ nghỉ,14 loạn động/5 cống cao và nghi hoặc,16 nhưng ta không có nghi hoặc; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ? nhimg ta biết tự thẹn, biết xấu hổ; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác khinh mạn, nhimg ta không khinh mạn; hãy học pháp đoạn giảm như the.

8 M 8, Sallekha Sutta Kỉnh đoạn giảm: Na kho panete, cunda, ariyassa vinaye sallekhã vuccanti, ditthadhamma-sukhavihārā ete ariyassa vinaye vuccanti Này Cunda, các [quả chứng] ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh, HT. Thích Minh Châu dịch 9 Nguyên tác: Tứ tăng thượng tâm, hiện pháp lạc cư chỉ cho tính chất của 4 định Sắc giới. 10 Nguyên tác: Tức giải thoát ,chỉ cho tính chất của 4 định Vô sắc giới. Pali: Santā vimokkhā. 11 Nguyên tác: Hại ý sân . 12 Nguyên tác: Tăng tứ .Xem chú thích 3, kinh số 75, tĩ. 497. 13 Nguyên tác: Tránh ý vyãpannacittă. 14 Nguyên tác: Thụy miên sở triền Bi trói buộc bởi ngủ nghỉ. 15 Nguyên tác: Điệu cống cao :Trạo cử ,ưạo h6i . 16 Năm triền g.pañca nīvaranā^m\ tham dục ,kãmarãgà, sân khuê ,vyāpāda, thụy

miên IR, thinamiddhā, trạo cử uddhaccà và nghi vicikicchā.

91. KINH CHÂU-NA HỎI VỀ CÁC KIẾN CHẤP « 613

Người khác kiêu căng,17 nhimg ta không kiêu căng; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác không học kinh nghe pháp, nhưng ta siêng học kinh nghe pháp;18 hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác không quán các pháp thiện, nhưng ta quán các pháp thiện; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác làm việc phi pháp, hạnh xấu, nhưng ta làm việc đúng pháp, diệu hạnh; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác nói dối, nói hai chiều, nói thô tháo, nói thêu dệt, thọ trì giới thấp kém, nhưng ta không thọ trì giới thấp kém; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Người khác không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh đinh, lại có tuệ thấp kém, nhưng ta không có tuệ thấp kém; hãy học pháp đoạn giảm như thế. Này Châu-na! Chỉ cần phát tâm, nghĩ đến và mong cầu học các pháp thiện mà còn được nhiều lợi h, huống là thân và miệng thực hành những pháp thiện ấy. Này Châu-na! Người khác ham muốn bất chánh, nghĩ tưởng tham dục, nhưng ta không ham muốn bất chánh, không nghĩ tưởng tham dục; hãy phát tâm như thế. Người khác sân hận với hại tâm, nhưng ta không sân hận, không có hại tâm; hãy phát tâm như thế. Người khác sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh, nhưng ta có Phạm hạnh; hãy phát tâm như thế. Người khác tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động cong cao và nghi hoặc, nhưng ta không nghi hoặc; hãy phát tâm như thế. Người khác sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biêt tự thẹn, không biêt xâu hổ, nhưng ta biết tự thẹn, biết xấu hổ; hãy phát tâm như thế. Người khác khinh mạn, nhưng ta không khinh mạn; hãy phát tâm như thế. Người khác kiêu căng, nhưng ta không kiêu căng; hãy phát tâm như thế. Người khác không học kinh nghe pháp, nhưng ta siêng học kinh nghe pháp; hãy phát tâm như thế. Người khác không quán các pháp thiện, nhưng ta quán các pháp thiện; hãy phát tâm như thế. Người khác làm việc phi pháp, hạnh xấu, nhưng ta làm việc đúng pháp, diệu hạnh; hãy phát tâm như thế.

17 Nguyên tác: Tăng mạn atimāna: Ngã mạn, kiêu căng. 18 Nguyên tác: Đa văn
.

614 KINH TRUNG A-HÀM

Người khác nói dối, nói hai chiều, nói thô tháo, nói thêu dệt, thọ trì giới thấp kém, nhưng ta không thọ trì giới thấp kém; hãy phát tâm như thế. Người khác không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, lại có tuệ thấp kém, nhưng ta không có tuệ thấp kém; hãy phát tâm như thế. [0574a08] Này Châu-na! Ví như con đường xấu thì có con đường tốt đối trị; bến đò xấu thì có bến đò tốt đối tri. Cũng vậy, ham muốn bất chánh thì có không ham muốn bất chánh đối trị; sân hận với hại tâm thì có không sân hận và không hại tâm đối trị; sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh thì có Phạm hạnh đoi trị; tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động, cong cao, nghi hoặc thì có không nghi hoặc đối trị; sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì có biết tự thẹn, biết xấu hổ đối trị; khinh mạn thì có không khinh mạn đoi trị; kiêu căng thì có không kiêu căng đoi tri; không học kinh nghe pháp

thì có siêng học kinh nghe pháp đối trị; không quán các pháp thiện thì có quán các pháp thiện đối trị; hành phi pháp, hạnh xấu thì có hành đúng pháp, diệu hạnh đối tri; nói dối, nói hai chiều, nói thô tháo, nói thêu dệt, thọ trì giới thấp kém thì có thủ hộ giới cao đẹp đối trị; không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, lại có tuệ tháp kém thì có tuệ cao đẹp đôi trị. Này Châu-na! Nếu hành pháp ác thì có quả báo xấu, dẫn đến chốn bất thiện; nếu hành pháp thiện thì có quả báo tốt và được hướng thượng. Cũng như thế, người ham muốn bất chánh thì dùng không ham muốn bất chánh để hướng thượng; người sân hận với hại tâm thì dùng không sân hận và không hại tâm để hướng thượng; người sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh thì dùng Phạm hạnh để hướng thượng; người tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động, cống cao, nghi hoặc thì dùng không nghi hoặc để hướng thượng; người sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì dùng biết tự thẹn, biết xấu hổ để hướng thượng; người khinh mạn thì dùng không khinh mạn để hướng thượng; người kiêu căng thì dùng không kiêu căng để hướng thượng; người không học kinh nghe pháp thì dùng siêng học kinh nghe pháp để hướng thượng; người không quán các pháp thiện thì dùng quán các pháp thiện để hướng thượng; người hành phi pháp, hạnh xấu thì dùng hành đúng pháp, diệu hạnh để hướng thượng; người nói dối, nói gây chia rẽ? nói thô tháo, nói thêu dệt, thọ trì giới thấp kém thì dùng giới cao đẹp để hướng thượng; người không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, có tuệ thấp kém thì dùng tuệ cao đẹp để hướng thượng. [0574Ồ02] Này Châu-na! Nếu có người không tự mình điều phục mà muốn giúp người khác điều phục thì điều này không thể xảy ra. Nếu có người đang bị chết chìm mà muốn cứu vớt người khác, việc ấy không thể được. Nếu có người không giải thoát mà muốn giúp người khác giải thoát, việc ấy không thể được. Này Châu-na, nếu có người tự mình điều phục và muốn giúp người khác điều phục thì điều này có thể xảy ra. Nếu có người không bị chết chìm mà muốn cứu

vớt người khác, việc ấy có thể được. Nếu có người đã được giải thoát và muốn giúp người khác giải thoát, việc ấy có thể được. Cũng như thế, này Châu-na, người ham muốn bất chánh thì nhờ không ham muốn bất chánh mà được giải thoát. Người sân hận với hại tâm thì nhờ không sân hận và không hại tâm mà được giải thoát. Người sát sanh, trộm cướp, phi Phạm hạnh thì nhờ Phạm hạnh mà được giải thoát. Người tham lam, não hại, ham mê ngủ nghỉ, loạn động, cống cao, nghi hoặc thì nhờ không nghi hoặc mà được giải thoát. Người sân giận, dua nịnh, lừa gạt, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ thì nhờ biết tự thẹn, biết xấu hổ mà được giải thoát. Người khinh mạn thì nhờ không khinh mạn mà được giải thoát. Người kiêu căng thì nhờ không kiêu căng mà được giải thoát. Người không học kinh nghe pháp thì nhờ siêng học kinh nghe pháp mà được giải thoát. Người không quán các pháp thiện thì nhờ quán các pháp thiện mà được giải thoát. Người hành phi pháp, hạnh xấu thì nhờ hành đúng pháp, diệu hạnh mà được giải thoát. Người nói dối, nói lời chia rẽ, nói thô tháo, nói thêu dệt, thọ trì giới thấp kém thì nhờ thủ hộ giới cao đẹp mà được giải thoát. Người không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định, lại có tuệ thấp kém thì nhờ tuệ cao

đẹp mà được giải thoát. Này Châu-na! Như Lai đã vì thây mà nói vê pháp đoạn giảm, pháp phát tâm5 pháp đối trị, pháp hướng thượng và pháp giải thoát rồi. Như bậc Tôn sư vì đệ tử mà khởi lòng từ ái, khởi lòng thương tưởng, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn và hân hoan cho họ; Như Lai đã làm như vậy5 các thầy cũng nên tự mình thực hành. Hãy đên nơi thanh văng, ở bên góc cây, hoặc nơi núi rừng, ở chỗ an ổn thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy, chớ nên buông lung, hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Như Lai, đó là lời khuyên bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Đại Châu-na và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

92. KINH VÍ DỤ VÈ HOA SEN XANH, HOA SEN TRẮNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Hoặc có pháp từ nơi thân mà được diệt trừ, không phải từ nơi miệng mà được diệt trừ; hoặc có pháp từ nơi miệng mà được diệt trừ, không phải từ nơi thân mà được diệt trừ; hoặc có pháp không phải từ nơi thân hay từ nơi miệng mà được diệt trừ nhung do tuệ kiến nên được diệt trừ.1 2 Thế nào là pháp từ nơi thân mà được diệt trừ, không phải từ nơi miệng mà được diệt trừ? Ty-kheo có thân hành bất thiện đầy dẫy nhưng lại nắm giữ không buông bỏ, tích tập chúng nơi thân.3 Các Ty-kheo khác thấy vậy liền quở trách Ty-kheo ấy rằng: “Này Hiền giả! Thân hành thầy đầy dẫy bất thiện mà lại nắm giữ không buông bỏ, sao thầy cứ tích tập chúng vào thân như thế? Này Hiền giả, hãy xả bỏ việc bất thiện nơi thân, thân thực hành việc thiện?5 Thời gian sau, vị Ty-kheo ấy xả bỏ việc bất thiện nơi thân, thân thực hành việc thiện. Đó gọi là pháp từ nơi thân mà được diệt trừ, không phải từ nơi miệng mà được diệt trừ. Thế nào là pháp từ nơi miệng mà được diệt trừ, không phải từ nơi thân mà được diệt trừ? Tỳ-kheo có khẩu hành bất thiện đầy dẫy nhung lại nắm giữ không buông bỏ? tích tập chúng nơi miệng. Các thầy Tỳ-kheo khác thấy vậy liền quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: "Này Hiền giả! Khẩu hành thầy đầy dẫy bất thiện mà lại nắm giữ không buông bỏ? sao thầy cứ tích tập chúng vào miệng như thế? Này Hiền giả, hây xả bỏ việc bất thiện của miệng, miệng thực hành việc thiện.^, Thời gian sau, vi Tỳ-kheo ấy xả bỏ việc bất thiện của miệng, miệng thực hành việc thiện. Đó gọi là pháp từ nơi miệng mà được diệt trừ, không phải từ nơi thân mà được diệt trừ. Thế nào là pháp không phải từ nơi thân hay từ nơi miệng mà được diệt trừ nhimg do tuệ kiến nên được diệt trừ? Tham lam4 không phải từ thân hay từ nơi

1 Nguyên tác: Thanh bạch liên hoa dụ kỉnh roi. 0026.92. 0574c01. Tựa đề được Phật dạy trong phần cuối kinh. 2 Tuệ kiến :Thấy biết với trí tuệ, thấy biết chân chánh, thấy biết đúng pháp, tức chánh kiến. 3 Nguyên tác: Trữ thân :Tích chứa, tích tập, huân tập vào thân. 4 Nguyên tác: Tham tứ abhijjhā'. Tham cầu, tham dục. Xem chú thích 2, kinh số 15, tr. 84 và chú thích 3, kinh số 75, tĩ. 497.

miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ. Cũng vậy, tranh cãi,5 sân hận,6 phẫn nộ/ che giấu,8 bon xẻn?9 ganh ghét,10 dối gạt,11 dua nịnh,12 không hổ513 không thẹn,14 tham muốn lệch lạc,15 thấy biết bất thiện16 không phải từ nơi thân hay

từ nơi miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ. Đó gọi là pháp không phải từ nơi thân hay từ nơi miệng mà được diệt trừ nhưng do tuệ kiến nên được diệt trừ. Như Lai quán sát tâm của người khác, biết người đó không tu thân, không tu giới, không tu tâm và không tu tuệ. Nếu như người đó có tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ thì đã diệt trừ được tham lam.17 Vì sao như vậy? Vì tâm người này vẫn còn bị tham lam sanh khởi và chi phối. Cũng như vậy, đối với tranh cãi, sân hận, phẫn nộ, che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dối gạt, dua ninh, không hổ, không thẹn, không tham muốn lệch lạc và thấy biết bất ứiiện. Vì sao như vậy? Vì tâm người này vẫn còn bị tham muốn lệch lạc, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Như Lai cũng biết người đó có tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ. Nếu như người đó có tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ thì diệt được tham lam. Vì sao như vậy? Vì tâm người này không còn bị tham lam sanh khởi và chi phối. Cũng như vậy, đối với tranh cãi, sân hận, phẫn nộ? che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dối gạt, dua nịnh, không hổ5 không thẹn, không tham muốn lệch lạc và thấy biết bất thiện. Vì sao như vậy? Vì tâm người này không còn bị tham muốn lệch lạc, thấy biết bất thiện sanh khởi và chi phối. Giống như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, nhô khỏi mặt nước nhưng không bị thấm nước. Như Lai cũng the, sanh từ thế gian, lớn giữa thế gian, xuất thế tu hành nhưng không nhiễm pháp thế gian. Vì sao như vậy? Vì đấng Như Lai là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vượt trên tất cả thế gian.

5 Nguyên tác: Tranh tụng ,adhikaranà'. Tranh cãi. 6 Nguyên tác: Khuê hận ,upanãhà'. Sân hận, thù hằn.

7 Nguyên tác: Sân triền ,kodho'. Phẫn nộ. ^Nguyên tác: Bất ngữ kiết ,makkhà, còn gọi là "bất ngữ trin",có nghĩa làche giấu. Theo Tỳ-bà-sa T.28. 1547.02. 0426c06, "bấi ngữ triềh" nương tựa ,tanha và cũng nương tựa "v6 minh"avijjā. uNương tựa Ai" nghĩa là vì ái nênche giấu. "Nương vô i*ghialvì mê mờ nên che gi. 9 Nguyên tác: Xan macchară. 10 Nguyên tác: Tật ,issd, usūyā. 11 Nguyên tác: Khi cuống māyā. 12 Nguyên tác: Du siểm ,. 13 Nguyên tác: Vô tàm ,ahiriko. 14 Nguyên tác: Vô quý anottappa. 15 Nguyên tác: Ác dục ,như chữ "ác tham,, ,visamalobho: Tham muốn phi lý, bất chánh, dị dạng, lệch lạc. 16 Nguyên tác: Ác kiến ,dùng như chữ "tà kiến",micchāditthi. 17 Nguyên tác: Tăng tứ 1, cách dùng khác của "tham tứ".Xem chú thích 2, kinh số 15, tĩ. 84 và chú thích 3, kinh số 75, tĩ. 497.

92. KINH VÍ Dư VỀ HOA SEN XANH, HOA SEN TRẮNG 619

[0575a07] Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật, liền chắp tay hướng Phật thưa: Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì và nên thọ trì thế nào? LÚC ay, The Ton bao: -A-nan! Kinh này tên "Ví dụ vê hoa sen xanh, hoa sen trăng95 thây hãy khéo thọ trì và đọc tụng như thế. Rồi Thế Tôn lại dạy các Tỳ-kheo: Các thầy hãy cùng thọ trì, đọc tụng, tu tập và gìn giữ kinh "Ví dụ về hoa sen xanh, hoa sen trng" này. Vì sao như vậy? Vì kinh này đây đủ cả pháp và nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, giúp hành giả thông đạt, giác ngộ và chứng đắc Niêt-bàn. Các thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa5 với

niêm tin tha thiêt5 rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì hãy khéo thọ trì kinh này. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

93. KINH PHẠM CHÍ THỦY TỊNH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, lúc mới thành Chánh giác, đức Phật đến Uất-tỳ-la,12 bên bờ sông Ni-liên-nhiên3 và ngồi bên cội cây A-da-hòa-la Ni-câu-loại.4 Bấy giờ, sau buổi trưa, có Phạm chí Thủy Tịnh5 thong thả đi đến chỗ Phật. Từ xa trông thấy Phạm chí Thủy Tịnh đang đến, Thế Tôn nhân vì Phạm chí Thủy Tịnh mà bảo các Tỳ-kheo:6 Nếu người nào có hai mươi mốt thứ cấu uế trong tâm7 thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Hai mươi mốt thứ cấu uế ấy là những gì? Đó là tâm cấu uế do tà kiến, tâm cấu uế do dục vọng bất chánh,8 tâm cấu uế do tham muốn lệch lạc,9 tâm cấu tâm cấu uế do dục tham,11 tâm cấu uế do sân hận,12 tâm cấu uế uế do tà pháp,1011

1 Nguyên tác: Thủy Tịnh Phạm chí kỉnh roi. 0026.93. 0575al9. Tham chiếu: Phạm chỉ Kế Thủy Tỉnh kinh roi. 0051. 0843c13; Tạp.T.02. 0099.1185. 0321a24; Biệt Tạp.402. 0100.98. 0408b25; Tăng.T.02. 0125.13.5. 0573c01; M. 7, Vatthũpama Sutta Kỉnh vỉ dụ tam vải. 2 uất-tỳ-la ,Uruvela. 3 Ni-liên-nhiên Nerañjarā còn gọi Ni-liên-thiền . 4 A-da-hòa-la Ni-câu-loại ,Ājapālanigrodha. 5 Nguyên tác: Thủy Tịnh Phạm chí .Có những vị Bà-la-môn tu tập theo cách thường xuống nhưng dòng sông linh thiêng tam gội, với niềm tin sẽ trư sạch được nghiệp ác của mình nên họ được gọi là Bà-la-môn Thủy Tịnh hay Phạm chí Thủy Tịnh. 6 Khi vừa thành đạo, đức Phật clnra có đệ tử xuất gia. Có khả năng phần mở đầu của bài kinh này được bổ sung theo quán lệ. Thamr chiếu các kinh Pâli va các bản Hán dích, nội dung kinh này được nói tại Xá-vệ, rừng Ky-đà, vườn cấp Cô Độc. 7 Nguyên tác: uế ô ư tâm cittassa upakkilesā'. Tùy phiền não của tâm. ^guyen tác: Phi pháp due ,adhammarāgo. Chuyển Luân Thảnh Vương tu hành kinh T.01. 0001.6. 0041a09 ghi là "phi pháp dâm” 9 Nguyên tác: Ác tham ,visamalobho'. Tham muốn phi lý, bất chánh, dị dạng, lệch lạc. 10 Nguyên tác: Tà pháp inicchãdhammă. Tiểu duyên kỉnh T. 01. 0001.5. 0037a07 ghi là takien . 11 Nguyên tác: Tham kāmacchando, chỉ cho dục tham. MNid. 1.1, Kāmasuttanidesa giải thích rộng vê dục: Katame kilesakāmā? Chando kāmo, rāgo kāmo, chandarāgo kāmo, sañkappo kāmo, rāgo kāmo, sañkapparāgo kāmo, yo kāmesu kāmacchando, kāmarāgo, kāmanandi, kāmatanhā, kāmasineho, kāmaparilāho^ kāmamucchā, kāmcijjhosānarn, kāmogho, kāmayogo, kāmūpādānarn, kāmacchandanīvaranain. O nhiễm dục là các loại nào? Mong muôn là dục, luyen ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, suy tầm là dục, luyến ái là dục, suy tầm và luyến ái là dục, sự mong muốn vê dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự ham muốn về dục, sự thưcmgyêu về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự me mẩn về dục, sự ràng buộc của dục, sự lôi cuốn của dục, sự gan bó của dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn ơ các dục, Ty-khiru Indacanda dịch. 12 Nguyen tác: Khuê vyāpāda: Sân hận .

do mê ngủ,13 tâm cấu uế do loạn động,14 tâm cấu uế do nghi hoặc,15 tâm cấu uế do phẫn nộ,16 tâm cấu uế do che giấu,17 tâm cấu uế do bon xẻn,18 tâm cấu uế do ganh ghét,19 tâm cấu uế do dối gạt,20 tâm cấu uế do dua ninh,21 tâm cấu uế do không tự thẹn,22 tâm cấu uế do không xấu hổ,2324 tâm cấu uế do mạn,24 tâm cấu 25 uế do đại mạn,25 tâm cấu uế do ngạo mạn26 và tâm cấu uế do buông lung.27 Nêu người nào có hai mươi mốt thứ cấu uế2829trong tâm thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Ví như đem chiếc áo dính đầy bụi bẩn đến nhà thợ nhuộm, người thợ kia nhận áo rồi, hoặc dùng tro sạch,29 hoặc dùng bột đậu,30 hoặc dùng nước vỏ cây31 giặt thật kỹ, muốn cho chiếc áo này sạch hết bụi bẩn. Cho dù người thợ nhuộm đã dùng nhiều cách, hoặc bằng tro sạch, hoặc bằng bột đậu, hoặc bằng nước vỏ cây giặt cho thật kỹ, nhưng chiếc áo bẩn này vẫn còn vết dơ.32 Cũng vậy, nếu người nào có hai mươi mốt thứ cấu uế này trong tâm thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. Hai mươi mốt thứ cấu uế ấy là những gì? Đó là tâm cấu uế do

13 Nguyên tác: Thụy miên ,thirĩcưniddha, viết tắt của "h6n trẩm thụy mien,9 . 14 Nguyên tác: Trạo hối ,uddhacca, còn gọi là utrạo cử".Bộ Pháp tụ JDhammasañganĪ giải thích: Tattha katamam uddhaccarh? Yarn cittassa uddhaccarh avũpasamo cetaso vỉkkhepo bhantattarh cittassa, idarìỉ vuccati uddhaccarh... Thế nào gọi là "trao cử"? Đó là trạng thái dao đọng, là trạo cử, là dấu hiệu tâm không tịch tĩnh, giống như nắm viên đá ném vào trong đống tro, gọi đó là trạo hoi. 15 Nguyên tác: Nghi hoặc vicikicchā. 16 Nguyên tác: Sân triền ,kodhà.
17 Nguyên tác: Bất ngữ kiết makkhà. Xem chú thích 8, kinh số 92, tr. 618. 18 Nguyên tác: Xan macchară. 19 Nguyên tác: Tật issã, usūyā. 20 Nguyên tác: Khi cuống māyā. 21 Nguyên tác: Du siểm ,sātheyya. 22 Nguyen tác: Vô tàm ,ahiriko. 23 Nguyên tác: Vô quý anottappà. 24 Nguyên tác: Mạn ,māno: Sự ngã mạn, việc ỷ lại mình. 25 Nguyên tác: Đại mạn atimāna'. Cho mình là hơn. Điển Tôn kinh T.Ol. 0001.3. 0032c20 ghi: Tăng thượng mạn . 26 Nguyên tác: Kiêu ngạo madā: Kiêu hãnh, kiêu căng. 27 Nguyên tác: Phóng dật ,parndda: Buông lung, giải đãi. 28 Nguyên tác 21 tâm cấu uế gồm: Tà kiến, phi pháp dục, ác tham^ tà pháp, tham, khuê, thụy miên, trạo hoi, nghi hoặc, sāntrien, bất ngữ kiết, san, tật, khi cuống, du siem, vô tam, vô quý, mạn, đại mạn, kieungjo,^phongd|t 2,*,• :,. 29 Thuần hôi
Tro sạch. 30 Nguyên tác: Tháo đậu .Xem chú thích 10, kinh số 81, tr. 545. 31 Thổ tý :Nước chietra từ vỏ cây đặc biệt của Ấn Độ, Trung Hoa dịch là "8." Thổ là vỏ của cây dâu .ơ An Độ, có một loại cây được gọi là xà phòng Ấn Độ, thường gọi là cây neem. [rong 4 8.11 - IV. 172 ghi làpucimanda cây xoan, cay sầu đâu, cũng gọi la cây nimba, cây^xoan An Độ, có tên khoa học là Azadirachta Indica. Ngành hoa dược phẩm của An Độ ngay nay đa chiêt xuāt tinh chát loài cây nàyA thành những dược phẩm chăm sóc sức khỏe, hiện được sử dụng rạng rãi ở An Độ và xuāt khâu ra nhiều nước trên thế giới. J 32 Phạm chỉ Ke Thủy Tịnh kinh T.Ol. 0051. 0843cl3 cũng ghi không thể giặt sạch như vậy. J - J D . .

tà kiến, tâm cấu uế do dục vọng bất chánh, tâm cấu uế do tham muốn lệch lạc, tâm cấu uế do tà pháp, tâm cấu uế do dục tham, tâm cấu uế do sân hận, tâm cấu uê do mê ngủ, tâm câu uê do loạn động, tâm câu uê do nghi hoặc, tâm câu uê do phẫn nộ, tâm cấu uế do che giấu, tâm cấu uế do bon xẻn, tâm cấu uế do ganh ghét, tâm cau uế do doi gạt, tâm cấu uế do dua ninh, tâm cấu uế do không tự thẹn, tâm câu uê do không xâu hô, tâm câu uê do mạn, tâm câu uê do đại mạn, tâm câu uê do ngạo mạn và tâm câu uê do buông lung. Nêu người nào có hai mươi môt thứ cấu uế này trong tâm thì chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục. [0575bl4] Nêu người nào mà tâm không bị ô nhiêm bởi hai mươi môt thứ câu uê này thì chác chăn đi đên cõi lành, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi mốt thứ cấu uế? Đó là tâm cấu uế do tà kiến, tâm cấu uế do dục vọng bất chánh, tâm câu uê do tham muôn lệch lạc, tâm câu uê do tà pháp, tâm câu uê do dục tham, tâm câu uê do sân hận, tâm câu uê do mê ngủ, tâm câu uê do loạn động, tâm cấu uế do nghi hoặc, tâm cấu uế do phẫn nộ, tâm cấu uế do che giấu, tâm câu uê do bon xẻn, tâm câu uê do ganh ghét, tâm câu uê do dôi gạt, tâm câu uê do dua ninh, tâm câu uê do không tự thẹn, tâm câu uê do không xâu hô, tâm câu uê do mạn, tâm câu uê do đại mạn, tâm câu uê do ngạo mạn và tâm câu uê do buông lung. Nếu người nào mà tâm không bị ô nhiễm bởi hai mươi mốt thứ cấu uế này thì chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Ví như đem tấm vải trắng tinh được dệt ở thành Ba-la-nại đến nhà thợ nhuộm, người thợ kia nhận tâm vải roi, hoặc dùng tro sạch, hoặc dùng bột đậu, hoặc dùng nước vỏ cây giặt cho thật kỹ vì muôn cho sạch. Tâm vải trăng được dệt ở thành Ba-la-nại này được người thợ nhuộm dùng nhiều cách, hoặc bằng • . Y • y r

tro sạch, hoặc băng bột đậu, hoặc băng nước vỏ cây giặt thật ky, muôn cho sạch nên tâm vải trăng được dệt ở thành Ba-la-nại vôn đã sạch roi lại càng trăng sạch hơn. Cũng vậy, nêu người nào mà tâm không bị ô nhiêm bởi hai mươi môt thứ cấu uế này thì chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi mốt thứ cấu uế? Đó là tâm cấu uế do tà kiến, tâm cấu uế do dục vọng bất chánh, tâm câu uê do tham muôn lệch lạc, tâm câu uê do tà pháp, tâm câu uê do dục tham, tâm cấu uế do sân hận, tâm cấu uế do mê ngủ, tâm cấu uế do loạn động, tâm cấu uế do nghi hoặc, tâm cấu uế do phẫn nộ, tâm cấu uế do che giấu, tâm câu uê do bon xẻn? tâm câu uê do ganh ghét, tâm câu uê do dôi gạt, tâm câu uê do dua nịnh, tâm câu uê do không tự thẹn, tâm câu uê do không xâu hô? tâm câu uê do mạn, tâm câu uê do đại mạn, tâm câu uê do ngạo mạn và tâm câu uê do buông lung. Nếu người nào mà tâm không bi ô nhiễm bởi hai mươi mốt thứ cấu uế này thì chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. [0575c04] Nếu người nào biết được tà kiến là cấu uế của tâm, biết rồi liền đoạn trừ. Cũng vậy, nếu biết dục vọng bất chánh là cấu uế của tâm, tham muốn lệch lạc là cấu uế của tâm, tà pháp là cấu uế của tâm, dục tham là cấu uế của tâm, sân hận là câu uê của tâm, mê ngủ là câu uê của tâm, loạn động là câu uê

của tâm? phẫn nộ là cấu uế của tâm, nghi hoặc là cấu uế của tâm, che giấu là câu uê của tâm, bon xẻn là câu uê của tâm, ganh ghét là câu uê của tâm, dôi gạt là câu uê của tâm, dua nịnh là câu uê của tâm, không tự thẹn là câu uê của tâm, không xấu hổ là cấu

uế của tâm, mạn là cấu uế của tâm, đại mạn là cấu uế của tâm, ngạo mạn là câu uê của tâm và nêu biêt buông lung là câu uê của tâm, người nào biêt được roi thì liên đoạn trừ. Lại nữa, tâm vị ấy tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu và an trú. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng đầy khắp tất cả, tâm vị ấy tương img với từ, không gây thù kết oán, không sân giận tổn hại, rộng lớn bao la, tu vô lượng thiện, đay khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru. Cũng vậy, với bi, hỷ và xả, tâm vị ấy đều tương ưng, không gây thù kết oán, không sân giận tổn hại, rộng lớn bao la, tu vô lượng thiện, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Này Phạm chí! ĐÓ là phương pháp gột rửa nội tâm, chớ không phải tây rửa ngoài thân. Bấy giờ, Phạm chí thưa đức Thế Tôn: - Thưa Cù-đàm! Hãy đến sông Đa Thủy33 tắm gội. Ạ nn A - 9 •- The Ton hoi: Này Phạm chí! Nếu đến tắm nơi sông Đa Thủy thì sẽ được những gì? Phạm chí trả lời: Thưa Cù-đàm! Sông Đa Thủy ấy là nơi giúp thanh tinh, giúp giải thoát, . -r • r __ • r

giúp phước đức cho thê gian. Nêu người nào đên sông Đa Thủy tăm rửa thì sẽ trừ sạch tất cả nghiệp ác. Khi ấy, Thế Tôn vì Phạm chí mà nói kệ: Phạm chí Diệu Hảo Thủ,34 Nếu xuống sông Đa Thủy, Kẻ ngu thích bơi lặn, Không thể sạch nghiệp ác. Hảo Thủ đến sông nào? Sông ấy ý nghĩa gì? Nếu tạo nghiệp bất thiện, Nước trong nào ích chi? Người tịnh, không cấu uế5 Người tịnh, thường thuyết giới, Người tịnh, nghiệp trắng tinh, Thường được hạnh thanh tịnh. Ong hãy dừng sát sanh, Dừng lay vật không cho, Chân thật, không nói dối, Thường chánh niệm, chánh trí. . r Phạm chí học như vậy, Tát cả chúng sanh an, Sao ông lại về nhà? Suối nhà đâu trong sạch! Phạm chí, hãy nên học, Tắm sạch trong pháp lành, Cần gì nước bẩn kia? Chỉ trừ dơ ngoài thân.

Nguyên tác: Đa Thủy hà .Tạp.r.02. 0099.1105. 032lb04 gọi là Bà-hưu-đa , Bāhuka. 34 Nguyên tác: Diệu Hảo Thủ Phạm chí ,tên riêng của vị Phạm chí Thủy Tịnh, tên Pali là Sundarika Bhāradvāja.

93. KINH PHẠM CHÍ THỦY TỊNH 625

Phạm chí bạch Phật rằng: Con cũng nghĩ như vậy, Dùng pháp lành tẩy sạch, Cần gì nước bẩn kia. Phạm chí nghe Phật dạy, Trong lòng rất hân hoan, Liền lạy sát chân Phật, Quy y Phật, Pháp, Tăng. [0576al0] Rồi Phạm chí thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Hôm nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, ngưỡng mong Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Ke từ hôm nay, con nguyện quy y trọn đời cho đến lúc lâm chung! Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí Thủy Tịnh Diệu Hảo Thủ và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

94. KINH HẮC TỲ-KHEO1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Đông Viên, giảng đường Lộc Mau.12 Bấy giờ, có Hắc Tỳ-kheo,3 con bà Lộc Mau, thường ưa tranh cãi, đi đến chỗ Phật. Nhìn thấy Hắc Tỳ-kheo từ xa đi đến, đức Phật nhân đó dạy chúng Tỳ-kheo: Hoặc có người thường ưa tranh cãi và không khen ngợi hạnh nhường nhịn. Nêu có người thường ưa tranh cãi, không khen ngợi người biết nhường nhịn thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập,

không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất4 và không thể nào chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người ham muốn bất chánh và không khen ngợi hạnh biết dừng lại những ham muôn bát chánh. Nêu có người ham muôn bát chánh, không khen ngợi người biết dừng lại những ham muốn bất chánh thì đó là pháp không đáng ưa5 không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thê khiên giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn9 không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn. [0576b0l] Hoặc có người phạm giới, phá giới, giới bị sứt mẻ, giới bị xuyên thủng, giới bị nhiễm ô và không khen ngợi hạnh giữ giới.5 Nếu có người phạm giới, phá giới, giới bị sứt mẻ, giới bị xuyên thủng, giới bị nhiễm ô và không khen ngợi hạnh giữ giới thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn.

1 Nguyên tác: Hắc Tỳ-kheo kinh roi. 0026.94. 0576al6. Tham chiếu: A. 10.87 - v. 164.

2 Đông Viên Lộc Mau đường Pubbārāma Migāramātu pāsādā, giảng đường Lộc Mau nằm ở Đông Viên, được xây dựng bởi bà Visākhā, mẹ của Migāra. 3 Nguyên tác: Hắc Tỳ-kheo ,dịch nghĩa tên của vị Tỳ-kheo có tên gọi theo Pali là Kālaka Bhikldiu. 4 Nguyên tác: Nhất ý :Nhất tâm. 5 Nguyên tác: Phạm giới, việt giới, khuyết giới, xuyên giới, ô giới .Xem chú thích 19, kinh so 80, tr. 539.

Hoặc có người phẫn nộ, che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dua nịnh, dối trá, không tự thẹn, không xấu hổ, không khen ngợi hạnh biết tự thẹn, biết xấu hổ. Nếu có người phẫn nộ, che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dua nịnh, dôi trá, không tự thẹn, không xấu hổ và không khen ngợi người biết tự thẹn, biết xấu hổ thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn? không thể khiến tâm chuyên nhất và không thê nào chứng đác Niêt-bàn. Hoặc có người không giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh và không khen ngợi việc giúp đỡ các vị đông Phạm hạnh. Nêu có người không giúp đỡ các vị đông Phạm hạnh và không khen ngợi người hay giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không quán các pháp và không khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người không quán các pháp và không khen ngợi người biết quán các pháp thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn, không thể .Z r 9 ỉ . khiên tâm chuyên nhát và không thê nào chứng đác Niêt-bàn. Hoặc có người không tĩnh tọa và không khen ngợi sự tĩnh tọa. Nếu có

người không tĩnh tọa và không khen ngợi người hay tĩnh tọa thì đó là pháp không đáng ưa, không đáng thích, không đáng mến, không tạo được thiện cảm, không tạo được sự kính trọng, không giúp ích cho việc tu tập, không thể khiến giữ gìn, không đưa đến hạnh Sa-môn5 không thể khiến tâm chuyên nhất và không thể nào chứng đắc Niết-bàn. Những người như thế, dù khởi suy nghĩ: "Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Vì sao như vậy? Vì người ấy có vô lượng điều xấu như trên. Nhân vì người ấy có vô lượng điều xấu như thế nên khiến các vị đong Phạm hạnh không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Giông như con ngựa chứng bị nhót vào chuông, tuy nó nghĩ: "Mong người ta nhót tôi chỗ an ổn, cho tôi đồ ăn thức uống tươi sạch và thích ngắm nhìn t6i", nhung người ta không nhốt nó chỗ an ổn, không cho đồ ăn thức uống tươi sạch và cũng không thích ngắm nhìn nó. Vì sao như vậy? Vì ngựa ấy có những tật xấu, nghĩa là nó hết sức hung dữ, không chút hiền lành nên khiến người ta không the nhốt nó chỗ an ổn, không cho đồ ăn thức uống tươi sạch và cũng không thích ngăm nhìn nó. Cũng vậy, người kia dù khởi suy nghĩ: "Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái ta”nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn

không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Vì sao như vậy? Vì người ấy có vô lượng điều xấu. Nhân vì người ấy có vô lượng điều xấu như thế nên khiến các vị đông Phạm hạnh không cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. [0576C13] Hoặc có người không thích tranh cãi và khen ngợi hạnh nhường nhịn. Nêu có người không thích tranh cãi và khen ngợi người biết nhường nhịn thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích cho việc tu tập, có thể khiến giữ gìn, đưa đến hạnh Sa-môn? khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không ham muốn bất chánh và khen ngợi hạnh biết dừng những ham muốn bất chánh. Nếu có người không ham muốn bất chánh và khen ngợi người biết dừng những ham muốn bất chánh thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cm, tạo được kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ tri, đưa đến hạnh Sa-môn9 khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không phạm giới, không phá giới, giới không bị sứt mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bị nhiễm ô và khen ngợi hạnh giữ giới. Nếu có người không phạm giới, không phá giới, giới không bi sứt mẻ, giới không bị xuyên thủng, giới không bi nhiễm ô và khen ngợi hạnh giữ giới thì đây là pháp đáng ưa? đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đen hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không phẫn nộ, không che giấu, không bon xẻn, không ganh ghét, không dua nịnh, không dối trá, biết tự thẹn, biết xấu hổ? khen ngợi hạnh biết tự thẹn, biết xấu hổ. Nếu có người không phẫn nộ, không che giấu, không bon xẻn, không ganh ghét, không dua nịnh, không dối trá, biết tự thẹn, biết xấu hô và khen ngợi người biêt tự thẹn, biêt xâu hô thì đây là pháp đáng ưa5 đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có the làm cho chứng đắc

Niết-bàn. [0577a04] Hoặc có người hay giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh và khen ngợi sự giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh. Nếu có người hay giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh và khen ngợi người giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn, khiến tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người biêt quán các pháp và khen ngợi việc quán các pháp. Nêu có người quán các pháp và khen ngợi người biết quán các pháp thì đây là pháp đáng ưa? đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm, tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đến hạnh Sa-môn? khiên tâm được chuyên nhất và có thể làm cho chứng đắc Niết-bàn.

Hoặc có người thường tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa. Nếu có người thường tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa thì đây là pháp đáng ưa, đáng thích, đáng mến, gây được thiện cảm5 tạo được sự kính trọng, giúp ích việc tu tập, tạo nên sự hộ trì, đưa đên hạnh Sa-môn, khiên tâm được chuyên nhát và có thê làm cho chứng đắc Niết-bàn. Người này dù không khởi suy nghĩ: "Mong các vi đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái ta", nhưng các vị đong Phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính và lê bái người ây. Vì sao như vậy? Vì người ây có vô lượng điêu lành như trên. Do người ấy có vô lượng điều lành như vậy nên khiến cho các vị đong Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Giông như con ngựa thuần bị nhót trong chuông, tuy nó không nghĩ: “Mong người ta nhốt tôi chỗ an ổn, cho tôi đồ ăn thức uống tươi sạch và thích ngắm nhìn tôf\ nhưng người ta vẫn nhốt nó chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tươi sạch và rất thích ngắm nhìn nó. Vì sao như vậy? Vì nó không có tật xấu, nghĩa là nó đã được thuần phục, cực kỳ hiền lành nên người ta nhốt nó chỗ an ổn? cho đồ ăn thức uông tươi sạch và rát thích ngăm nhìn nó. Cũng như vậy, người kia tuy không khởi suy nghĩ: “Mong các vi đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính và lễ bái ta" nhưng các vị đồng phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính và lễ bái người ấy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

95. KINH TRỤ PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như Lai nói về sự thoái thất pháp thiện, không dừng trụ, không tăng trưởng. Như Lai nói về sự dừng trụ nơi pháp thiện, không thoái thất, không tăng trưởng. Như Lai nói về sự tăng trưởng pháp thiện, không thoái thất, không dừng trụ. Thế nào là sự thoái thất pháp thiện, không dừng trụ, không tăng trưởng? Là nếu có các pháp như: Niềm tin chí thành, giới cấm, học rộng nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài, học kinh điển và sở đắc từ kinh điển,12 đối với các pháp này mà Tỳ-kheo thoái thất, không dừng trụ, không tăng trưởng thì đó gọi là sự thoái thất pháp thiện, không dừng trụ, không tăng trưởng. r Thê nào là sự dừng trụ nơi pháp thiện, không thoái thát, không tăng trưởng? Là nếu có các pháp như: Niềm tin chí thành, giới cấm, học rộng nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài, học kinh điển và sở đắc từ kinh điển, đoi với các pháp này mà vị Tỳ-kheo dừng trụ, không thoái thất, không tăng trưởng thì đó gọi là dừng trụ nơi pháp thiện, không thoái

thất, không tăng trưởng. Thế nào là tăng trưởng pháp thiện, không thoái thất, không dừng trụ? Là nếu có các pháp như: Niềm tin chí thành, giới cấm, học rộng nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài, học kinh điển và sở đắc từ kinh điển, đối với các pháp này mà Tỳ-kheo tăng trưởng, không thoái thất, không dừng trụ thì đó gọi là tăng trưởng pháp thiện, không thoái thất, không dừng trụ. Vị Tỳ-kheo chắc chắn được nhiều lọi h nếu quán chiếu như vầy: “Ta sống với nhiều tham hay sống với không tham? Ta sống với nhiều sân hận hay sống với không sân hận? Ta sống với nhiều ham mê ngủ nghỉ hay sống không ham mê ngủ nghỉ? Ta sông với nhiêu loạn động, công cao hay ít loạn động, công cao? Ta sống với nhiều nghi hoặc hay sống không nghi hoặc? Ta sống với thân nóng nảy bạo động3 hay sống với thân không nóng nảy bạo động? Ta sống với

1 Nguyên tác: Trụ pháp kinh roi. 0026.95. 0577ỒỒ2. Tham chiếu: A. 10.53 - v. 96; 4 10.17 -V. 23;^. 10.18-V. 25. 2 Nguyên tác: A-hàm cập kỳ sở đắc .A-hàm {āgamā nghĩa là truyền thừa, chỉ sự truyên thừa giáo pháp của đức Phật Thích-ca Mâu-ni. 3 Nguyên tác: Thân tránh vyâpannakãyà'. Sự xung đột nơi thân.

tâm Ô uế hay sống với tâm thanh tịnh? Ta sống với niềm tin hay sống với không niềm tin? Ta sống với tinh tấn hay sống với biếng nhác? Ta sống với chánh niệm hay sống với không chánh niệm? Ta sống với chánh định hay song với không chánh định? Ta sống với tuệ thấp kém hay sống với tuệ không thấp kem?,? Nêu sau khi quán chiêu, vi Ty-kheo biêt mình đang sông với nhiêu tham lam, sân hận, ham mê ngủ nghỉ, loạn động cống cao, nghi hoặc, thân nóng nảy bạo động, tâm ô uế, không có niềm tin, biếng nhác, không chánh niệm, không chánh định và tuệ thấp kém thì vị Ty-kheo ấy, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện kia nên gấp rút tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm, chánh trí, kiên trì, nhẫn nại, không để thoái lui. Giống như người bi lửa cháy đau, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập tắt lửa để cứu đầu, cứu áo. Cũng như thế, Tỳ-kheo nếu muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện ấy thì phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì, nhẫn nại, không đe thoái lui. [0577c04] Nêu Tỳ-kheo sau khi quán chiêu, biêt mình sông với không tham lam, không sân hận, không ham mê ngủ nghỉ, không loạn động cong cao, không nghi hoặc, thân không nóng nảy bạo động, tâm không ô uế, có niềm tin, tinh tấn, chánh niệm, chánh đinh và tuệ cao đẹp thì vị Tỳ-kheo ấy, vì muốn an trú nơi pháp thiện này, không để quên mất, không để thoái lui, tu hành tăng tiến nên phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì, nhẫn nại, không để thoái lui. Giống như người bị lửa cháy đầu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập lửa để cứu đầu, cứu áo. Cũng như vậy, vị Tỳ-kheo vì muốn an trú nơi pháp thiện này, không để quên mất, không để thoái lui, tu hành tăng tiến nên phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì, nhẫn nại, không để thoái lui. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

96. KINH TỔN GIẢM VÃ TĂNG TRƯỞNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với

các Tỳ-kheo: Này chư Hiên! Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào mà những pháp chưa nghe thì không được nghe, những pháp đã nghe thì quên mất; giả sử có những pháp mà trước đây vị ấy từng tu hành, đọc tụng, thực hành thuần thục và được hiểu bởi trí tuệ thì nay vị ấy lại không còn nhớ, biết cũng như không biết. Chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni thoái thất tinh pháp. Này chư Hiên! Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào mà những pháp chưa nghe thì được nghe, pháp đã nghe thì không quên mất; giả sử có những pháp mà , • . y . 9A trước đây vị ây từng tu hành, đọc tụng, thực hành thuân thục và được hiêu bởi trí tuệ thì nay vị ấy vẫn thường ghi nhớ, đã biết lại càng hiểu biết thêm. Chư Hiền! Đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp. Này chư Hiên! Tỳ-kheo hãy quán như vây: "Ta có tham lam hay không tham lam? Ta có tâm sân hận hay không tâm sân hận? Ta có ham mê ngủ nghỉ hay không ham mê ngủ nghỉ? Ta có loạn động cống cao hay không loạn động cống cao? Ta có nghi hoặc hay không nghi hoặc? Ta có thân nóng nảy bạo động hay thân không nóng nảy bạo động? Ta có tâm ô uế hay tâm không ô uế? Ta có niềm tin hay không có niềm tin? Ta có siêng năng hay lười biếng? Ta có niệm hay không có niệm? Ta có đinh hay không có định? Ta có tuệ cao đẹp hay tuệ tháp k6m [0578a04] Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo sau khi quán sát mà biết mình có tham lam, tâm sân hận, ham mê ngủ nghỉ, loạn động cống cao, nghi hoặc, thân nóng nảy bạo động, tâm ô uế, không có niềm tin, lười biếng, không chánh niệm, không chánh đinh và tuệ tháp kém thì này chư Hiên, vì muôn diệt trừ các pháp xấu ác, bất thiện ấy nên vị Tỳ-kheo phải nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui. Này chư Hiền! Như người bị lửa cháy đầu? cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập lửa để cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền! Cũng như thế, vị Tỳ-kheo muốn diệt trừ các pháp xấu ác, bất thiện này phải nên nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui.

l Nguyên tác: Vô kỉnh (roi. 0026.96. 0577CÍ5). Tham chiếu: 4 10.55 - v. 102.

Này chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo sau khi quán sát mà biết mình không có tham lam, không có tâm sân hận, không ham mê ngủ nghỉ, không loạn động cống cao, không nghi hoặc, thân không nóng nảy bạo động, tâm không ô uê, có niêm tin, tinh tân, chánh niệm, thành tựu chánh định5 tâm trí sáng suôt5 đông thời muốn an trụ nơi pháp thiện này, không để quên mất, không để thoái lui, tu hành tăng tiến thì Tỳ-kheo ấy phải nên nhanh chóng tìm cầu phương cách, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui. Như người bi lửa cháy dâu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập lửa đê cứu dâu, cứu áo. Này chư Hiền! Cũng như thế, Tỳ-kheo muốn an tru nơi pháp thiện này, không đê quên mát, không đê thoái lui, tu hành tăng tiên thì phải nên nhanh chóng tìm cau phương cách, tinh can tu học? chánh niệm tỉnh giác, kiên trì nhẫn nại, không để thoái lui. Tôn giả Xá-lợi-phât dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành.2

2 Bản Hán, hết quyển 23.

PHẨM 9: NHÂN1 (Tụng ngày thứ hai tại thành Tiểu Thẻ. gồm 10 kỉnh)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Nhân, Xứf nhỉ Khổ ấm
Tăng thượng tâm cập Niệm
Sư tử hống, Ưu-đàm
Nguyện, Tưởng tối tại hậu.2
1 Quyển 24. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:;;.Do đặt lại tựa đề
nên Nhiếp tụng không ưùng với tên kinh.

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN12 34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu9 ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-săt-đàm? thuộc nước Câu-lâu. Bây giờ, Tôn giả A-nan một mình tĩnh tọa tại nơi thanh văng, tâm khởi tư duy như vầy: 'Tháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Thê nhưng ta quán sát thây pháp này hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!55 Thế rồi, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay con một mình tĩnh tọa tại nơi thanh vắng, tâm khởi tư duy như vầy: "Pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Thê nhưng ta quán sát thây pháp ấy hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!95 Đức Thế Tôn bảo: Này A-nan! Thầy chớ nghĩ rằng: "Pháp duyên khởi này hết sức đơn giản, cực kỳ đơn giản!,, Vì sao như thế? Vì pháp duyên khởi này thật là kỵ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Này A-nan! Chính vì không biết như thật, không thấy như thật, không giác ngộ, không thông đạt pháp duyên khởi này, nên khiến cho chúng sinh bị dính mắc với nhau như đan trên khung cửi,2 như dây cỏ dại ràng rịt quấn nhau/ thường xuyên rối loạn, tấp nập ồn ào, trôi lăn từ đời này sang đời khác, từ kiếp nọ đen kiếp kia, cứ qua lại như vậy không the ra khỏi vòng sanh tử. Này A-nan! Thế nên phải biết, pháp duyên khởi này thật là kỳ diệu, thật là sâu xa, rõ ràng mà lại thâm thúy! Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Già và chết có do duyên kh6ng?" Hãy trả lời như vầy: "Gi-chết có do duyên?5 Nếu lại hỏi: "Già-chết do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên sanh.”4

1 Nguyentac: Đại nhân kỉnh (r.01.0026.97.0578b07). Tham chiếu: Đại duyên phương tiện kỉnh (f.01. 0001.13. 0060a29); Nhân bổn dục sanh kinh (roi. 0014. 0241c23); Đại sanh nghĩa kỉnh (roi. 0052. 0844Ồ09); D. 15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh đại duyên). 2 Nguyên tác: Nhự chức cơ tương tỏa ().D. 15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh đại duyên)'. Tantākulakajātā (rối như cuộn chỉ). 3 Nguyên tác: Như uẩn mạn thảo ( )."Uẩn"()dùng như chữ "uẩn" (ếm): Dây gai rối (). Mạn thảo ():Loài cỏ dại ()mà thân của chúng ràng rịt quấn lấy nhau ().D. 15, Mahãnỉdãna Sutta (Kỉnh đại duyên)'. Muñjapabbctjabhūtā (các loài lau sậy). 4 Sanh ().

638 KINH TRUNG A-HÀM

Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Sanh có do duyên kh6ng?" Nên đáp: “Sanh cũng do duyên.,, Nếu lại hỏi: "Sanh do duyên gi?" Nên đáp: “Do duyên nơi hữu."5 Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Hữu có do duyên kh6ng?" Nên đáp: "Hữu cũng do duyen." Nếu lại

hỏi: "Hữu có duyên gi?" Nên đáp: “Do duyên nơi thỉu"6 Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Thủ có do duyên kh6ng?" Nên đáp: "Thủ cũng do duyên.9, Nếu lại hỏi: "Do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên nơi ái."7 Này A-nan! Đó là do duyên ái nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu, do duyên hữu nên có sanh, do duyên sanh nên có già và chết, do duyên già-chết nên có buồn lo, khóc than, khổ não... Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi. [0578c06] Này A-nan! Do duyên sanh nên có già-chết. ở đây nói do duyên sanh nên có già-chết, nên biết, vì do duyên sanh nên có già-chết. Này A-nan! Nêu không có sự sanh ra của các loài như cá và các loài cá, chim và các loài chim, muôi va các loai muôi, rong va các loai rong, than va các loai than, quy và các loài quỷ, trời và các loài trời, người và các loài người thì này A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia, ở bất cứ nơi này hay nơi kia, nếu không có sự sanh ra của bất cứ loài nào, giả sử đã xa lìa sự sanh ra thì có già- chết chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thê nên, này A-nan! Nên biêt răng nguyên nhân của già-chêt? sự tập khởi của già-chết, gốc rễ của già-chết, duyên của già-chết, đều từ sanh mà ra. Vì sao như thế? Vì do duyên sanh nên có già-chết. Này A-nan! Do duyên hữu nên có sanh. ở đây nói do duyên hữu nên có sanh, nên biết, vì do duyên hữu mà có sanh. A-nan! Nếu không có sự hữu của các loài như cá và các loài cá, chim và các loài chim, muỗi và các loài muỗi, rông và các loài rông, thân và các loài thân, quỷ và các loài quỷ, trời và các loài trời, người và các loài người thì này A-nan, các loài chúng sanh như thế này hay như thế kia, ở bất cứ nơi này hay nơi kia, nếu không có sự hữu của bất cứ loài nào, giả sử đã xa lìa sự hữu thì có sanh chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của sanh, sự tập khởi của sanh, gốc rễ của sanh, duyên của sanh chính là hữu. Vì sao như thế? Vì do duyên hữu nên có sanh. Này A-nan! Do duyên thủ nên có hữu. ở đây nói do duyên thủ nên có hữu, nên biết, vì do duyên thủ mà có hữu. A-nan! Nếu không có thủ, bất cứ loài nào cũng không có thủ, giả sử đã xa lìa thủ thì sẽ có hữu chăng? Có thể dựng lập hữu chăng?

5 Hữu ,bhavo. 6 Thọ ,upãdãnà. 7 Ái ,tanhã.

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 639

-Thưa không, bạch Thế Tôn! Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của hữu, sự tập khởi của hữu, gốc rễ của hữu, duyên của hữu chính là thủ. Vì sao như thế? Vì do duyên thủ nên có hữu. Này A-nan! Do duyên ái nên có thủ. ở đây nói do duyên ái nên có thủ, nên biết, vì do duyên ái mà có thủ. A-nan! Nếu không có ái, bất cứ loài nào cũng không có ái, giả sử đã xa lìa ái thì sẽ có thủ chăng? Có thể dựng lập thủ chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của thủ, sự tập khởi của thủ, gốc rễ của thủ, duyên của thủ chính là ái. Vì sao như thế? Vì do duyên ái nên có thủ. [0579a01] Này A-nan! Đó là, do duyên ái nên có tìm cầu,8 do duyên tìm cầu nên được lợi, do duyên được lợi nên có phân chia, do duyên phân chia nên có nhiễm dục, do duyên nhiễm dục nên có đắm trước, do duyên đắm trước nên có keo kiệt, do duyên keo kiệt nên có gia sản,9 do duyên gia sản nên có canh giữ.10 Này A-nan! Do duyên canh giữ nên có dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều, phát sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh

khởi. Này A-nan! Nêu không có canh giữ, tát cả chúng sanh đêu không có sự canh giữ, giả sử đã xa lìa sự canh giữ thì có dao gậy, đau tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều và phát sanh vô lượng pháp xấu, bất thiện chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều, phát sanh vô lượng pháp ác, bất thiện thì nhân của chúng, sự tập khởi của chúng, gốc rễ của chúng và duyên của chúng đều là do canh giữ. Vì sao như thế? Vì do duyên canh giữ nên mới có dao gậy, đấu tranh, dua ninh, lừa gạt, nói dối, nói hai chiều và sanh khởi vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn bộ khối khổ đau lớn sanh khởi. Này A-nan! Do duyên gia sản nên có canh giữ. ở đây nói do duyên gia sản nên có canh giữ, nên biêt, vì do duyên gia sản nên có canh giữ. A-nan! Nêu không có gia sản, tất cả chúng sanh đều không có gia sản, giả sử đã xa lìa gia sản thì có canh giữ chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn!

8 Nguyên tác: cầu (,pariyesanā)'. Sự tầm cầu. 9 Nguyên tác: Gia ():Gia nghiệp hay gia sản (,). 10 Nguyên tác: Thủ (,ārakkha):Canh giữ. Những yếutố lamduyen cho nhau như: Ái, cầu, lợi, phân, nhiêm dục, trước, xan, gia, thủ (S,,,,,,).Tham chiêu: Đại duyên phương tiện kinh (7.01. 0001.13.
0060cl2-c21): Ái (),cầu (),lọi (ÍÚ), dụng (M), dục (trước ()tật (thủ ()hộ ()D.
15, Mahānidāna Sutta (Kỉnh đại duyên)'. Tanhā (tham ái), pariyesanā (tầm cau)^ lābho (lợi lộc), vinicchayo (quyết định, sư dụng), chandarāgo (ham muốn), ajjhosānarn (tham chap), pariggaho (ôm giữ chặt), macchariyāni (keo lân), ārakkho (canh giữ).

-Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của canh giữ, sự tập khởi của canh giữ, gốc rễ của của canh giữ, duyên của canh giữ chính là gia sản. Vì sao như thế? Vì do duyên gia sản nên có canh giữ. Này A-nan! Do duyên keo kiệt nên có gia sản. ở đây nói do duyên keo kiệt nên có gia sản, nên biết, vì do duyên keo kiệt nên có gia sản. A-nan, nếu không có keo kiệt, tất cả chúng sanh đều không keo kiệt, giả sử đã xa lìa keo kiệt thì có gia sản chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của gia sản, sự tập khởi của gia sản, gốc rễ của gia sản, duyên của gia sản chính là keo kiệt. Vì sao như thế? Vì duyên keo kiệt nên có gia sản. Này A-nan! Do duyên đắm trước nên có keo kiệt, ở đây nói do duyên đắm trước nên có keo kiệt, nên biết, vì do duyên đắm trước nên có keo kiệt. A-nan, nếu không có đắm trước, tất cả chúng sanh đều không đắm trước, giả sử đã xa lìa sự đắm trước thì có keo kiệt chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của keo kiệt, sự tập khởi của keo kiệt, gốc rễ của keo kiệt, duyên của keo kiệt chính là đắm trước. Vì sao như thế? Vì do duyên đắm trước nên có keo kiệt. Này A-nan, do duyên nhiễm dục nên có đắm trước, ở đây nói do duyên nhiễm dục nên có đắm trước, nên biết, vì do duyên nhiễm dục nên có đắm r . r y -í -i /v trước. A-nan! Nêu không có nhiêm dục, tát cả chúng sanh đêu không có nhiêm dục, giả sử đã xa lìa nhiễm dục thì có đắm trước chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! [0579b01] Thê nên, này A-nan, phải biêt răng nguyên nhân của đăm trước, sự tập khởi của đắm trước, gốc rễ của đắm trước, duyên của đắm trước chính là nhiễm dục. Vì sao như thế? Vì do duyên nhiễm

dục nên có đắm trước. Này A-nan! Do duyên phân chia nên có nhiễm dục. ở đây nói do duyên phân chia nên có nhiễm dục, nên biết, vì do duyên phân chia nên có nhiễm dục. A-nan! Nêu không có phân chia, tát cả chúng sanh đều không có phân chia, giả sử đã xa lìa sự phân chia thì có nhiễm dục chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! The nên, này A-nan, phải biết rằng nguyên nhân của nhiễm dục, sự tập khởi của nhiêm dục5 gốc rễ của nhiễm dục, duyên của nhiễm dục chính là phân chia. Vì sao như the? Vì duyên phân chia nên có nhiễm dục. Này A-nan! Do duyên được lợi nên có phân chia. ở đây nói do duyên được lợi nên có phân chia, nên biết, vì do duyên được lợi nên có phân chia. A-nan! Nêu không có sự được lợi, tất cả chúng sinh đều không màng đến được lọi, giả sử đã xa lìa sự được lợi thì có phân chia chăng?

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 641

-Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của phân chia, sự tập khởi của phân chia, góc rê của phân chia, duyên của phân chia chính là sự được lợi. Vì sao như thế? Vì do duyên được lợi nên có phân chia. Này A-nan! Do duyên tìm cầu nên có được lợi. ở đây nói do duyên tìm câu nên có được lợi, nên biết, vì do duyên tìm càu nên có được lợi. A-nan! Nếu không có tìm cầu, tất cả chúng sinh đều không tìm cầu, giả sử đã xa lìa tìm cầu thì có sự được lợi chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan, phải biết rằng nguyên nhân của được lợi, sự tập khởi của được lợi, gốc rễ của được lợi, duyên của được lợi chính là tìm cầu. Vì sao như thế? Vì do duyên tìm cầu nên có được lợi. Này A-nan! Do duyên ái nên có tìm cầu. ở đây nói do duyên ái nên có tìm câu, nên biêt, vì do duyên ái nên có tìm câu. A-nan! Nêu không có ái, tát cả chúng sinh đều không có ái, giả sử đã xa lìa ái thì có tìm cầu chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của tìm câu, sự tập khởi của tìm cầu, gốc rễ của tìm cầu, duyên của tìm cầu chính là ái. Vì sao như thế? Vì do duyên ái nên có tìm cầu. Này A-nan! Dục ái11 và hữu ái?12 hai pháp này đều nhân nơi thọ,1314 duyên nơi thọ mà sanh ra. A-nan! Nêu có người hỏi: "Tho có do duyên kh6ng?" Hãy nên đáp: "Thọ cũng có do duyên.Nếu lại hỏi: "Thọ duyên gi?" thì nên đáp: "Duyên nơi xúc."14 Nên biết rằng, do duyên xúc nên có thọ. Này A-nan! Nếu không có sự tiếp nhận của mắt, tất cả chúng sanh đều không có sự tiếp nhận của mắt, giả sử đã xa lìa sự tiếp nhận của mắt thì sẽ có duyên sự tiếp nhận của mắt để sanh ra cảm thọ vui, cảm thọ kho và cảm thọ không vui không kho chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Nếu không có tai, mũi, lưỡi, thân và sự tiếp nhận của ý, tất cả chúng sanh đều không có sự tiếp nhận của ý? giả sử đã xa lìa sự tiếp nhận của ý thì sẽ có duyên sự tiếp nhận của ý để sanh ra cảm thọ vui, cảm thọ kho và cảm thọ không vui không khổ chăng? [0579c02] Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng nguyên nhân của thọ, sự tập khởi của thọ, gốc rễ của thọ, duyên của thọ chính là xúc. Vì sao như the? Vì duyên xúc nên có thọ.

11 Dục ái ,kãmatanhã.

12 Hữu ái ,bhavcítcựiiỉã.

13 Giác tân dịch là "th".Tiếng Pali tương đương là vedanā.

14 Canh lạc cách dịch khác của "xiíc",phassā.

Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Xúc có do duyên khong?99 thì nên đáp: "Xúc có do duyen.^ Nếu lại hỏi: "Xúc duyên gi?" thì nên đáp: "Duyên danh sắc."15 Nên biết rằng, do duyên danh sắc mà có xúc. Này A-nan! Do sở hành, sở duyên1516 mà có danh thân.17 Nếu lìa hành, lìa duyên này thì có xúc hữu đối18 chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Do sở hành, sở duyên mà có sắc thân. Nấu lìa hành, lìa duyên này thì có xúc tăng ngữ19 chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Giả sử lìa danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc hoặc xúc được dựng lập chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Thế nên, phải biết rằng nguyên nhân của xúc? sự tập khởi của xúc, gốc rễ của xúc, duyên của xúc chính là danh sắc. Vì sao như the? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

15 Danh sác nāmarūpa. 16 Sở hành, sở duyên Hành ở đây chỉ cho hành tướng, tướng, tướng mạo , sở duyenj^i^ chỉ cho những dấu hiệu, đôi tượng, sự biêu hiện. A-tỳ-đạt-ma Thuận chảnh lý íũạn ĨỈẺ íT.29 1562.029. 0506a20 đã dẫn lại Đại 'duyên khơi kinh , tên khác của Đại nhân kỉnh .Bản dịch Việt giải thích: "Do có cacjianh tướng, do có các biêu hiện mà dựng lập danh thân".Cùng diễn đạt vê nghĩa này, D. 15, Mahānidāna Sutta Kinh đại duyên dùng 3 cụm từ ākārā hành tướng, tướng mạo, liñga dâu, dâu hiệu, nimitta tướng, hình tướng, tướng trạng, dấu hiệu. 17 Danhthan ,nāmakāyā. Theo Du-gia sư địa luân 0.30. 1579.03. 0293c04, “danh than"l một trong 24 loại:tâm bất tương ưng hành,,J gồm: đắc, vô tưởng định, diệt tận định, vô tưởng dị thục, mạng căn chúng đồng phận, dị Ặnh tánh, sanh, lão, trụ, vồ thương, danh thân, cú thân, văn tìiâỉi, lưu chuyền, định dị, tương ưng, thế tốc, thứ đế, thời, phương, số, hòa hợp, bất hòa họp ; ,::,,:: .Trong Sn. v. 1274 cũng xuât hiện cú ngữ này: Evarn muni nāmakāyā vimutto, Atthāni paleti na upeti sañkham Cũng vậy, vị ân sĩ, được giải thoát danh thân, đi đến chô tận cùng, không có thể ước lượng, HT. Thích Minh Châu dịch. <4Danh thân" trong Kinh tạng Nikāya được hiểu là mọt nhóm các tâm va tâm sở của chúng. 18 Nguyên tác: Hữu đối canh lạc Patighasamphassa: Xúc chạm có đối ngại nên gọi là hữu đối xúc.A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận T.29. 1558.10. 0052c0*5-06 giải thích: Năm loại xúc như nhãn xúc..., vì có sở y là các căn hữu đôi nên g^la hữu đối .A-ty-dat-maPha^uan túcF.26. 1537.012. 0509b20 dẫn lại Đại nhân duyên kinh để giải thích về hữu đôi xúc: í4Nêu nương tựa tướng này đê dựng lập sắc thân, nêu như tương này không ton tại thì có thể dựng lập xúc hữu đối chăng? Thưa khống! Bạch Thế Ton.^ ,3.tì <. 19 Nguyen tác: Tăng ngữ canh lạc ,trực dịch từ Adhivacanasamphassa. A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận T.29. 1558.10. 0052c06-10 giải thích: Loại thứ 6 là ý xúc, tức là xúc của ý căn, có tên là "tăng ngữ" abhivacana, [có nghĩa là loại xúc làm cho ngôn ngữ trở nên phong phú]. Bởi vì sao? Vì "tăng ngư,? la danh tên gọi; mà danh là sở duyên tối hảo của loại xúc tưcmg ưng VỚI ý thức; như kinh luận tưng nói: "Nhơ có nhan thức nên biết đươc màu xanh nhưng không biêt được đó là màu xanh; nhờ có ý thúc nên biết được màu xanh và cũng biết

được đó là màu xanh." Vì vậy mới nói là tối hảo. Như vậy loại xúc thứ 6 đươc gọi tên theo sở duyên đặc thù của nó Đạo Sinh dịch. Theo A-tỳ-đạt- ma Giới thân túc luận ,T.26. 1540.01. 0614Ồ25, 4ítặng ngữ xiíc" là một trong 5 loai xúc, gôm một
là hữu đôi xúc, hai là tăng ngữ xúc, ba là minh xúc, bôn là vô minh xúcvà năm là chẳng phải minh, chẳng phải vô minh xúc ,, .Và ở
trang 0615bll, bộ luận này đã giải thích: Sao gọi là "tăng ngữ xhc"? Vì xúc tương ưng với ý thức nên gọi là "ng ngữ xhc”?. J

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 643

Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Danh sắc có do duyên chng?" thi nên đáp: "Danh sắc có do duyên.Nếu lại hỏi: "Danh sắc duyên gi?99 thì nên đáp: "Duyên noi thức."2° Nên biêt rằng, do duyên thức mà có danh sắc. Này A-nan! Nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc thì có thân này chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Nếu thức mới vào thai liền trở ra ngay thì danh sắc có kết hợp với tinh khí chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Nếu thức căn bản20 21 của bé trai hoặc bé gái bị đoạn hoại và 9 \ r y .. • chăng tôn tại22 thì danh sác có tăng trưởng dân lên chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! Thê nên, này A-nan! Phải biêt răng nguyên nhân của danh săc? sự tập khởi của danh săc5 góc rê của danh săc, duyên của danh sác chính là thức. Vì sao như thế? Vì do duyên thức nên có danh sắc. Này A-nan! Nêu có người hỏi: "Thức có do duyên chăng?^, thì nên đáp: "Thức có do duyen?9 Nếu lại hỏi: "Thức duyên gi?" thì nên đáp: "Duyên danh sắc." Nên biết rằng do duyên danh sắc mà có thức. Này A-nan! Nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, r 9 *

CÓ già, có bệnh, có chét, có khô chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thế nên, này A-nan! Phải biết rằng, nguyên nhân của thức, sự tập khởi của thức, góc rê của thức, duyên của thức chính là danh sác. Vì sao như thê? Vì do duyên danh sắc nên có thức. Này A-nan! Đó là, do duyên danh sắc nên có thức, do duyên thức nên cũng có danh sắc, từ đó mà có ngôn ngữ, có danh xưng và có sự diễn đạt về hiện hữu.23 Nghĩa là thức và danh sắc cùng đi với nhau. Này A-nan! Sao gọi là có một loại kiến chấp hữu ngã?

20 Thức viññāna. 21 Nguyên tác: Thức sơ Thức ban đầu, thức căn bản, cũng gọi là Đệ bát thức thức A-l^-da . ^Nguyên tác: Nhược ấu đồng nam, đồng nữ thức sơ đoạn hoại bất hữu giả .D. 15, Mahānidāna Sutta Kinh đại duyên'. Viññānañca hi, ānanda, daharasseva sato vocchijjissatha kumārakassa vā kumārikāya vã Này Ananda, nêu thức bị đoạn trừ trong đứa con nít, hoặc là đồng nam hay đồng nữ..., HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Nguyên tác: Tăng ngữ thuyết truyền, truyền thuyết khả thi thiết .Tham chiếu: D. 15, Mahanidāna śutta Kinh đại duyên'. Ettāvatā adhivacanapatho ettāvatā niruttipatho ettāvatā paññattipatho trong giới hạn ấy có con đường danh ngôn, con đường truyên thuyêt, con đường khái niệm. Theo s. 22.62 - III. Niruttipathā adhivacanapathāpaññattipathā ngôn lộ, danh ngôn lộ, thi thiết lộ, HT. Thích Minh Châu dịch. Đoạn Kỉnh Tương ưng bộ nà^ tiensir± Trang Xuân Giang dịch ra Hán ngữ là: Ngôn ngữ đạo, danh xưng đạo, an lập đạo ,và Tỳ-kheo Bodhi dịch sang

Anh ngữ là: Pathways of language, pathways of designation, pathways of description Con đường ngôn ngữ, con đường đinh danh và con đường mô tả.

[0580a04] Tôn-giả A-nan thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Ph Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiêu rõ nghĩa lý. Đức Phật dạy: -Này A-nan! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thay nghe về nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lăng nghe. Phật dạy: Này A-nan! Có kiến chấp cho rằng thọ là ngã.24 Lại có kiến chấp không cho thọ là ngã? nhưng ngãi có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho răng ngã không cảm thọ gì cả. Này A-nan! Nêu có người cho răng thọ là ngã thì nên hỏi người ây răng: "Ong có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không lạc không khổ; trong ba cảm thọ này, ông cho thọ nào là ng?" Này A-nan! Nên nói tiếp với người ấy: "Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ thì ngay lúc ấy, hai cảm thọ kia là cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc diệt mất; lúc ấy, chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người kia không nghĩ rằng 'chẳng phải là ngã diệf chng?" Này A-nan! Nêu chỉ có cảm thọ vê khô thọ thì lúc ây hai cảm thọ kia là cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc diệt mất; người ấy lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi khổ thọ diệt rồi thì người ấy không nghĩ rằng "chẳng phải là ngã diet" chăng? Này A-nan! Nêu người ây chỉ có cảm thọ vê không khô không lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia là lạc thọ và khổ thọ diệt mất, người ấy lúc đó chỉ có cảm giác vê không khô không lạc thọ, nhưng không khô không lạc thọ là pháp vo thường, là pháp khổ, là pháp hoại diệt; nếu khi không khổ không lạc thọ diệt rồi thì người áy không nghĩ rằng "chẳng phải là ngã diet" chăng? Này A-nan, thọ là pháp vô thường như thế, lại xen lẫn25 cả khổ và lạc, lẽ nào lại còn chấp thọ là ngã chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn cả khổ và lạc, do đó không nên chấp thọ là ngã. Này A-nan! Nêu lại có một loại kiên châp không cho răng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ thì nên nói với người 24 Nguyên tác: Giác thị thần .Thần chỉ cho tự ngã attā.
25 Nguyên tác: Ly .Nhưng các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi là "tạp".

ấy: "Nếu ông không cảm thọ thì thọ không thể có và không thể nói 'cái này là sở hữu của tôi.999 Này A-nan! Thế thì người ấy có còn chấp "thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm tho" nữa chăng? [0580b03] Thưa không, bạch Thế Ton! Này A-nan! Do đó người ấy không nên chấp như vầy: "Thọ không phải là ngã, nhung ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thq." Này A-nan! Nêu lại có một loại kiên châp không cho răng thọ là ngã, cũng không cho răng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ châp rằng ngã không cảm thọ gì cả thì nên nói với người ấy: "Nếu ông không cảm thọ, hoàn toàn

không có cảm thọ, nhung nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tjnh."Nàỵ A-nan! Thế thì người kia có còn chấp thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ nữa chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Do đó người kia không nên chấp như vầy: uThọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ." Đó là một loại kiến chấp có ngã. Này A-nan! Thế nào là một loại không kiến chấp rằng có ngã? Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính bạch The Ton! The Ton la cội nguôn cua giao pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: Này A-nan! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thầy nghe về nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy: Này A-nan! Có người không cho răng thọ là ngã, cũng không cho răng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là có khả năng cảm thọ, cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiên lụy, do không phiên lụy nên được Niêt-bàn và biêt một cách như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Này A-nan! Đó gọi là có ngôn ngữ, có danh xưng và có sự diên đạt vê hiện hữu. Người nào biết như vậy thì không còn gì đê châp thủ. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo được giải thoát hoàn toàn như vậy thì không có kiến chấp Như Lai tồn tại hay khônẹ tôn tại sau khi chét, Như Lai vừa tôn tại vừa không tồn tại, Như Lai cũng chẳng phải tồn tại cũng chẳng không ton tại. Đây là trường hợp không chấp có ngã.

NàyA-nan! Thế nào gọi là có một loại quan niệm về hữu ngã được chủ trương? Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! [0580C01] Phật dạy: Này A-nan! Hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thây nghe về nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy: - NàyA-nan! Có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng."26 Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bô "ngã không phải là săc có hạn lượng" nên đã chủ trương và tuyên bố "ngãi là sắc vô lượng.,, Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn lượng" cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng^, nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng.” Hoặc có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn lượng^, cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng59 cũng không chủ trương và tuyên bo "ngã là vô sắc không hạn lượng" nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng. Này A-nan! Với trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng.Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sắc có hạn lượng,^ và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã lìa xa sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có

hạn lượng.” Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là sắc có hạn lượng. Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn lượng" nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng/5 Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sắc vô lượng" và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã lìa xa sắc vô lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy5 tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng.^, Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là sắc vô lượng.,^ Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sác có hạn lượng,, cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô luợng"

26 Nguyên tác: Thiểu sắc thị thần .Thiểu có tương đương Pali là paritto, vừa có nghĩa là ít vừa mang nghĩa là giới hạn. J

nên đã chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng?5 Người ấy chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc có hạn lượng^, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa vô sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng như thế, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố 'ng? là vô sác có hạn hrợng." Như vậy, gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là vô sắc có hạn luợng." Này A-nan! Lại có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã không phải là sắc có hạn luợng" cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng99 cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc không hạn luợng" nên đã chủ trương và tuyên bô "ngã là vô sác vô hrợng." Người ây chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc vô lượng^, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng nói như vậy, cũng thây như vậy. Nêu khi ngã rời xa vô săc vô lượng này thì người ấy cũng như the, cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng.^^ Như vậy5 gọi là trường hợp kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là vô sắc vô lượng.,, Đó là những trường hợp chủ trương và tuyên bô có một hữu ngã. [058la08] Này A-nan! Thế nào là những trường hợp không chủ trương và tuyên bố có một hữu ngã? Tôn giả A-nan bạch Phật: r \ _ r Kính bạch The Ton! The Ton la côi nguôn cua giáo pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý. Đức Phật liền bảo: Này A-nan! hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho thây nghe về ý nghĩa đó. Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Phật dạy: Này A-nan! Có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng,\ cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng,\ cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng,\ cũng không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô luợng." Này A-nan! Trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng.59 Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sắc có hạn lượng,, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy.

Này A-nan! Thực tế là có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc có hạn lượng.,, Như vậy gọi là trường hợp không kiên châp roi dính mác vê "ngã là sắc có hạn luợng."

Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô lượng.” Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là sác vô lượng^, và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời xa khỏi sắc vô lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tê là, có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là sắc vô luợng." Như vậy, gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là sắc không vô luợng." jF r

Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bô "ngã là vô săc có hạn lượng.59 Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc có hạn luợng" và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nấu khi ngã rời xa khỏi vô sắc có hạn lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là, có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc có hạn lượng?9 Như vậy, gọi là trường hợp không kiên châp roi dính mác vê "ngã là vô sắc có hạn lượng. [0581b05] Này A-nan! Lại có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng?5 Người ấy không chủ trương và tuyên bố trong hiện tại "ngã là vô sắc vô luợng" và đến khi lâm chung thì người ấy cũng không nói như vậy, cũng không thây như vậy. Nêu khi ngã rời xa khỏi vô săc vô lượng này thì người ấy cũng không nghĩ như vậy, như vậy, cũng không nhớ như vậy. Này A-nan! Thực tế là5 có trường hợp không chủ trương và tuyên bố "ngã là vô sắc vô lượng.^, Như vậy, gọi là trường hợp không kiến chấp rồi dính mắc về "ngã là vô sắc vô lượng,,, Này A-nan! Đó gọi là những trường hợp không chủ trương và tuyên bố có một hưu ngã. Lại nữa, này A-nan! Có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Bảy trú xứ của thức gồm những gì? Chúng sanh hữu sắc có bao nhiêu thân thì có bấy nhiêu tưởng, đó là loài người và chư thiên cõi Dục. Đây là trú xứ thứ nhất của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với nhiều thân nhưng chỉ có một loại tưởng, đó là Phạm thiên lúc mới sanh ra và không yểu thọ. Đây là tru xứ thứ hai của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều loại tưởng, đó là Hoảng Dục thiên.27 Đây là trú xứ thứ ba của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh hữu sắc với một loại thân và một loại tưởng, đó là Biến Tịnh thiên.28 Đây là trú xứ thứ tư của thức. J Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an

27 Hoảng Dục thiên Ābhassarā. 28 Biến Tịnh thiSn Subhakinnā.

trú Không vô biên xứ,29 đó là Không Vô Biên Xứ thiên. Đây là trú xứ thứ năm của thức. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trú Thức vô biên xứ,3031 đó là Thức Vô Biên Xứ thiên. Đây là trú xứ

thứ sáu của thức. Lại nữa! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ5 thành tựu an tru Vô sở hữu xú*,31 đó là Vô Sở Hữu Xứ thiên. Đây là tru xứ thứ bảy của thức. Thế nào là có hai xứ? Chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, đó là Vô Tưởng thiên,3233 đây là xứ thứ nhất. Lại nữa, A-nan! Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ? vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ? thành tựu an trủ Phi tưởng phi phi tưởng xứ,33 đó là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên, đây là xứ thứ hai. [0581C02] Này A-nan! Đối với trú xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân và các loại tưởng, đó là loài người và chư thiên cõi Dục. Nếu Tỳ-kheo biết như thật tru xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vi ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan! Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan, đối với trú xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân nhưng chỉ một loại tưởng, đó là chúng Phạm thiên mới sanh ra và không yểu thọ. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vi ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thê vui thích nơi trú xứ của thức ây, chập trước và an trụ nơi tru xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! r r Này A-nan! Đôi với trú xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sác với một loại thân nhưng nhiều loại tưởng, đó là Hoảng Dục thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận5 biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có the vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? Thưa không, bạch Thế Tôn!

29 Vô lượng không xứ Ākāsānañcāyatana.

30 Vô lượng thức xứ Viññānañcāyatana.

31 Vô sở hữu xứ Ākiñcaññāyatana.

32 Vô Tưởng thiên Asaññasattāyatana.

33 Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ ,Nevasaññānāsaññāyatana.

Này A-nan! Đối với trú xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tưởng, đó là Biển Tịnh thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biêt vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thê vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chập trước và an trụ nơi trú xứ ây của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đối với trú xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trú Không vô biên xứ, đó là Không Vô Biên Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận biết vi ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi tru xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đôi với trú xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sác vượt qua tất cả Không vô biên xứ? vào Thức vô biên xứ5 thành tựu an tru Thức vô biên xứ, đó là Thức Vô Biên Xứ thiên. Nêu

Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có the vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đối với tru xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là Vô Sở Hữu Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật tru xứ ấy của thức, biết sự tập khởi tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? [0582a05] - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Này A-nan! Đoi với xứ thứ nhất, các chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, đó là Vô Tưởng thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biêt sự tập khởi xứ ây của thức, biêt sự diệt tận, biết vị ngọt, biết sự tai hại và biêt sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Đối với xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trú Phi tưởng phi phi tưởĩiệ xứ, đó là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ thiên. Nếu Tỳ-kheo biết như thật xứ ây của thức, biêt sự tập khởi xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biêt sự tai hại và biết sự xuất ly thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trú xứ của thức ấy, chấp trước và an trụ nơi trú xứ ấy của thức chăng?

97. KINH NHÂN DUYÊN LỚN 651

-Thưa không, bạch Thế Tôn! Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo biết như thật về bảy tru xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát, đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán thành tựu Tuệ giải thoát. Lại nữa, này A-nan! Có tám pháp giải thoát. Là tám pháp nào? Có sắc, quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Lại nữa, bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai. Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, đó là giải thoát thứ ba. Lại nữa, vượt qua tát cả sác tưởng, diệt trừ hữu đôi tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Không vô biên xứ, thành tựu an trụ Không vô biên xứ, đó là giải thoát thứ tư. Lại nữa, vượt qua tát cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu an trụ Thức vô biên xứ, đó là giải thoát thứ năm. Lại nữa, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ5 vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ? thành tựu an trụ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Lại nữa, vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ? tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ Tưởng thọ diệt giải thoát và biết do tuệ quán mà trừ sạch các lậu5 đó là giải thoát thứ tám. A-nan! Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát với tám giải thoát này, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ trong chiều thuận và nghịch, cũng do tuệ quán mà trừ sạch các lậu, đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán thành tựu Câu giải thoát.34 [0582b04] Đức Phật dạy như vậy? Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

34 Câu giải thoát Ubhatobhāgavimutto) còn gọi là "cau phần giải thoát." A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (26. 1536.J0. 0436a06-a07) giải thích: Bậc

thành tựu và an trú 8 giải thoát, sau đó dùng trí tuệ đoạn tận mọi phiền não thì được gọi là bậc Giải thoát cả 2 phân (Ị B). Xem thêm M. 70, Kītāgiri
Sutta (Kinh Kītāgirī): "Thnào là bậc Câu phân giải thoát? ơ đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vi này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người Câu phần giải thoát" HT. Thích Minh Châu dịch.

98. KINH NIỆM xứ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-dàm, thuộc nước Câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt khỏi lo sợ5 diệt trừ khổ não, chấm dứt khóc than, chứng được Chánh pháp, đó là bốn niệm xứ.2 Các đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô? khiến tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ5 tu tập bảy giác chi3 mà thành tựu giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.45Các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bon niệm xứ, tu tập bảy giác chi mà thành tựu giác ngộ Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay trong hiện tại, Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng đều nhờ đoạn trừ năm loại ngăn che, là những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, tâm an trụ vững chãi nơi bon niệm xứ, tu tập bảy giác chi mà thành tựu giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bon niệm xứ là những gì? Đó là niệm xứ quán thân đúng như thân/ quán thọ6 đúng như thọ, quán tâm đúng như tâm và quán pháp đúng như pháp. Thế nào là niệm xứ quán thân đúng như thân? Nghĩa là Tỳ-kheo khi đi thì biết mình di, khi đứng thì biết mìiủi đứng, khi ngồi thì biết mình ngồi, khi nằm thì biết mình nằm, khi ngủ thì biết mình ngủ, khi thức thì biết mình thức, khi

1 Nguyên tác: Niệm xứ kỉnh T.01. 0026.98. 0582b07. Tham chiếu: Phân biệt Thảnh đếr kỉnh 61. 0026.31. 0467a28; Ww thân kỉnh T.Ol. 0026.81. 0554c 10; Tứ đế kinh r.01. 0032. 0814b08; Tăng.j.02. 0125.12.1. 0568a01; D. 10, Mahāsatipaithāna Sutta Kinh đại niệm xứ; M. 10, Satipatthāna Sutta Kinh niệm xứ; M. 119, Kāyagatāsati Sutta Kinh niệm than. 2 Bốn niệm XÚT ,cattāro satipatthānd. 3 Thất giác chi ,saptabodhyañgānī .

4 Nguyên tác: Vô thượng chánh tận chi giác . 5 Nguyên tác: Quán thân như thân .Như Giống như, đúng như .Tham chiếu: M. 10: Anupassī, có nghĩa là quán sát liên tục, từ sát-na này đến sát-na khác, chuyên chú quán sát. ở một phương diện khác thì anu là tiếp đầu ngữ, có nghĩa tùy theo, hm theo, đúng theo. Chính vì vậy mà ariupassī, đọng từ là ạnupassatỉ, con được dịch là "tùy l".Đoạn kinh giải thích tiếp theo cũng bổ nghĩa cho điều này. 6 Nguyên tác: Giác ,tân dịch là "thQ".Tiếng Pâli tương đương là vedanā.

ngủ chập chờn thì biết mình ngủ chập chờn. Cứ như vậy5 Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thây biêt rõ ràng, sáng suốt minh đạt.7 Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo biết rõ lúc ra lúc vào, khéo quán sát và phân biệt; khi co, khi duỗi, lúc cúi, lúc ngước, dung mạo khoan thai, khoác y chỉnh tề, cầm bát ngay thẳng; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng thảy đều nhận biết rõ ràng. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thây biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo khi sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện, liền dùng niệm thiện pháp để đối tri, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Ví như thầy trò thợ mộc căng dây mực, búng lên khúc gỗ roi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo khi sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện liền dùng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định cũng giống như vậy. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo ngậm răng khít lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm tri tâm, đối tri, đoạn trừ, diệt sạch, an định.8 Ví như hai lực sĩ giữ chặt một người gầy yếu, xoay chuyển bốn hướng, tùy ý đánh đập. Cũng vậy, Tỳ-kheo ngậm răng khít lại, lưỡi an lên vòm họng, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ, diệt sạch, an định. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0582C12] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào; niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra; thở vào dài thì biết thở vào dài; thở ra dài thì biết thở ra dài; thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn; thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn; cảm giác toàn thân, thở vào; cảm giác toàn thân, thở ra; an tịnh thân hành, thở vào; an tịnh thân hành, thở ra. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân.

7 Nguyên tác: Lập niệm tại thân, hữu tri hữu kiến, hữu minh hữu d@t (,). Tham chiêu: M. l o, Satipatthāna Sutta (Kinh niệm xứ): Atāpī
sampajāno satimā (nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm), ơ đây, MA. 98 không đê cập đến yếu tố tinh can, nhiệt tâm (ātāpī) như M. 10. J 8Tham chiếu: M. 20, Vitakkasanthāna Sutta (Kinh an trú tầm)'. Bhikkhunā dantebhidantamādhāya jivhāya tāluỉh āhacca cetasā cittarh abhinigganhitabbam abhinippīletabbam abhisantāpetabbarh. Tassa dantebhidantamādhāya jivhāya tālum āhacca cetasā cittarh abhinigganhato abhinippīlayato abhisantāpayato ye pāpakā akusalā vitakkā chandūpasamhitāpi dosūpasamhitāpi mohūpasamhitapi te pahīyanti te abbhattharh gacchanti (Tỷ-kheo áy phải nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chê ngự tâm, nhiêp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiên răng, dán chặtjưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiêp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bát thiện tâm liên hệ đên dục, liên hệ đên sân, liên hệ đên si được trừ diệt, đi đên diệt vong), HT. Thích Minh Châu dịch.

98. KINH NIỆM xứ 655

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh, thấm nhuần vào thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân này, hỷ lạc do ly dục sanh, không đâu không có. Ví như người khéo tắm, cho bột tắm vào chậu nước, nước bột tắm thấm vào thân, phủ khắp toàn thân, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, tràn đầy kháp cả. Khắp trong thân này, hỷ lạc do ly dục sanh, không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thâm nhuân toàn thân, tràn đây kháp cả. Khăp trong thân thê, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Giống như nguồn suối trên núi, trong sạch không nhơ, đầy ắp, chảy tràn; nước từ bốn phương chảy đến nhưng không thể đổ vào được mà chính từ lòng suối, nước tự phun trào, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phủ khắp tràn đầy, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh, thấm nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0583a07] Lại nữa, Tỳ-kheo quán - thân đúng như y thân f nghĩar là, Tỳ-kheo CÓ lạc do ly hỷ sanh, thâm nhuân toàn thân, tràn đây kháp cả. Kháp trong thân 7 r thê5 lạc do ly hỷ sanh không đâu không có. Giông như các loại sen xanh, sen hồng, sen đỏ, sen trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, gốc rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nước, tràn đầy khắp cả? không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh, tham nhuần toàn thân, tràn đầy khắp cả. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ sanh không đâu không có. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thây biêt rõ ràng, sáng suôt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, ở trong thân này, Tỳ- kheo với tâm thanh tịnh, ý cởi mở làm cho trùm khắp, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không cùng khắp. Giống như người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu cho đến chân, khắp cả thân đều được phủ kín. Cũng vậy, ở trong thân này, Tỳ-kheo với tâm thanh tịnh không đâu không cùng khắp. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo luôn nhớ nghĩ ánh sáng, khéo léo thọ tri, khéo ghi nhớ điều đang niệm, như phía trước, phía sau cũng như vậy; như ở phía sau, phía trước cũng như vậy5 ngày cũng như

đêm, đêm cũng như ngày, dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Nhờ như vậy, tâm không điên đảo, không bị ràng buộc, tâm nhớ nghĩ ánh sáng nên không bao giờ bị bóng tối che lấp. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo khéo giữ đối tượng quán tưởng, khéo ghi nhớ điều đang niệm. Giống như người ngồi

quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo giữ đoi tượng quán tưởng, khéo ghi nhớ điều đang niệm. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0583b04] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo tùy theo từng chỗ của thân này, tùy theo sự xấu đẹp của thân này mà quán sát từ đầu cho đến chân để thấy chúng thảy đều đầy dẫy các thứ bất tịnh. Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, da min hoặc thô, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, mật, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ? máu, mỡ, tủy, đàm dãi, nước tiểu, v.v... Như một cái bồn chứa đủ loại hạt giống, người có mắt sáng thì thấy rõ ràng "đây là hạt lúa, hạt kê, kia là hạt cải, hạt cỏ, hạt rau..Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo từng chô của thân này, tùy theo sự xâu đẹp của thân này mà quán sát từ đầu cho đến chân để thấy chúng đầy dẫy các thứ bất tịnh. Trong thân này của ta có tóc? lông, móng, răng, da mịn hoặc thô, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, mật, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi? nước mũi, nước miếng, mủ, máu9 mỡ9 tủy, đàm dãi? nước tiểu, v.v... Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán sát các giới trong thân, thấy trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Ví như gã đồ tể mổ bò5 lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn, Tỳ-kheo quán các giới trong thân, thấy trong thân này của ta có địa gióí, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng giống như the. Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán xác chết, xác chết mới một, hai ngày, cho đến sáu, bảy ngày, đang bi quạ diều bươi mổ, chó sói cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, hoặc đang bị rữa nát hư hoại. Quán sát rồi? vi ấy tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đêu sẽ có trường hợp này, không thể tránh được.99 Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán

nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán hài cốt bầm xanh, rữa nát gần hết, xương rơi vãi ngổn ngang trên đất, như đã thấy nơi nghĩa địa. Thây rồi, vị ấy tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh duve." Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán bộ xương người chết, không còn da thịt máu huyết, chỉ có xương và gân dính lại với nhau, như đã thấy nơi nghĩa địa. Quán sát rồi tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đều sẽ có trường hợp này, không thể tránh duve." Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng

suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. [0583cl0] Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là, Tỳ-kheo quán xương người chết rời ra từng đốt, nằm rải rác khắp nơi như đã thấy nơi nghĩa địa, các xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế5 xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi, vi ấy tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đêu sẽ có trường hợp này, không thê tránh dug" Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân đúng như thân nghĩa là? Tỳ-kheo quán xương người chét có màu trăng như vỏ ôc? hoặc xanh như lông chim bô câu, hoặc đỏ như màu máu, hoặc mục nát, bể vụn... như đã thấy nơi nghĩa địa. Quán rồi, vị ây tự so sánh "thân ta ngày nay cũng lại như vậy, đêu sẽ có trường hợp này, không thể tránh duọc" Cứ như vậy, Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán ngoại thân đúng như thân, lập niệm tại thân, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thân đúng như thân. Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán thân đúng như thân với từng chi tiêt như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán thân đúng như thân. Thế nào là niệm xứ quán thọ đúng như thọ? Nghĩa là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc; khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác kho; khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không kho; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác kho khi ăn, cảm giác không lạc không khô khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khô

khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khô khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội thọ đúng như thọ, quán ngoại thọ đúng như thọ5 lập niệm tại thọ, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán thọ đúng như thọ. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán thọ đúng như thọ với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán thọ đúng như thọ. [0584a05] Thế nào là niệm xứ quán tâm đúng như tâm? Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm không tham dục thì biết đúng như thật là có tâm không tham dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có nhiễm ô hay không nhiễm ô, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn, có tu hay không tu, có đinh hay không định, không có tâm giải thoát thì biết đúng như thật là không có tâm giải thoát, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát. Cứ như thế, Tỳ-kheo(quán nội tâm đúng như tâm, quán ngoại tâm đúng như tâm, lập niệm tại tâm, thay biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán tâm đúng như tâm. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán tâm đúng như tâm với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán tâm đúng như tâm. Thế nào là niệm xứ quán pháp

đúng như pháp? Khi con mắt duyên sắc, sanh nội kết, nếu bên trong thật có két thì Tỵ-kheo biết đúng như thật bên trong có kết, bên trong thật không có kết cũng biết đúng như thật bên trong không có kết. Nếu nội kết chưa sanh, bây giờ sanh, cũng biết dúng như thật. Nếu nội kết đã sinh và được đoạn trừ, không sinh trở lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Với các căn tai, mũi9 lưỡi, thân và ý cũng giống như thế. Khi ý duyên pháp, sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết, nội két chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật. Nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó gọi là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán sáu xứ bên trong. Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, nghĩa là khi trong tâm thật có tham dục thì Tỳ-kheo biết như thật là có tham dục, trong tâm thật không có tham dục thì biêt như thật là không có tham dục; tham dục chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biêt như thật; tham dục đã sanh và được đoạn trừ, không còn sanh trở lại nữa, cũng đêu biêt đúng như thật. Đối với sân hận, thụy miên, trạo cử cũng giông như thê. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật. Nghi đã sanh và đã được

đoạn trừ, không sanh lại nữa, cũng đều biết đúng như thật. Cứ như thế, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thây biêt rõ ràng, sáng suôt minh đạt. Đó gọi là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán về năm loại ngăn che. [0584b03] Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, nghĩa là khi bên trong thật có niệm giác chi, Tỳ-kheo biết như thật là có niệm giác chi, bên trong thật không có niệm giác chi thì biết như thật là không có niệm giác chi; niệm giác chi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật; niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không để suy thoái, việc tu tập càng lúc càng tăng trưởng, cũng đều biết đúng như thật. Đối với các giác chi trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả, cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là đang có xả giác chi, bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi. Xả giác chi chưa sanh, bây giờ sanh khởi, cũng biết đúng như thật; xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không để suy thoái, việc tu tập càng lúc càng tăng trưởng, đều biết đúng như thật. Cứ như the, Tỳ-kheo quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, thấy biết rõ ràng, sáng suốt minh đạt. Đó là Tỳ-kheo quán pháp đúng như pháp, tức là quán về bảy giác chi. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni quán pháp đúng như pháp với từng chi tiết như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tu tập niệm xứ quán pháp đúng như pháp. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ này trong vòng bảy năm thì nhất định sẽ chứng được một trong hai quả vi: Hoặc là thành tựu Trí cứu cánh ngay trong hiện tại, hoặc là chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư. Thậm chí không cần phải đến bảy năm mà sáu năm, hay năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hoặc một năm, hoặc chỉ trong bảy

tháng nếu Tỳ- kheo hay Tỳ-kheo-ni tâm an trụ vững chãi nơi bôn niệm xứ cũng sẽ nhát định chứng được một trong hai quả vị ấy. Thậm chí không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng mà chỉ trong bảy ngày bảy đêm nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ thì cũng sẽ nhất đinh chứng được một trong hai quả vi: Hoặc là thành tựu Trí cứu cánh ngay trong hiện tại, hoặc là chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư. Cho đến không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, cũng không cần trong một ngày một đêm mà Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào trong từng khoảnh khắc tâm an trụ vững chãi nơi bốn niệm xứ, nếu buôi sáng thực hành như vậy thì nhát định buổi tối liền được thăng tiến, nếu buổi tối thực hành như vậy thì nhất đinh sáng hôm sau sẽ được thăng tiến. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.9

9 Bản Hán, hết quyển 24.

99. KINH KHỔ ẤM1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, sau bữa trưa, các Tỳ-kheo vì có chút việc nên tập trung tại giảng đường. Số đông ngoại đạo sau bữa trưa cũng tản bộ tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và nói với các Tỳ-kheo rằng: Này chư Hiền! Sa-môn Cù-đàm hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương2 đoạn dục, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn sắc, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn thọ. Này chư Hiền! Chúng tôi cũng hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn dục, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn sắc, hiểu biết rõ ràng rồi chủ trương đoạn thọ. Như vậy, với hai sự hiểu biết và cách đoạn trừ này, giữa Sa-môn Cù- đàm và chúng tôi thì ai thù thắng hơn và có điều gì khác biệt? LÚC ây, các Tỳ-kheo nghe sô đông ngoại đạo hỏi như vậy thì không thê phân biệt đâu là đúng đâu là sai nên im lặng rồi đứng dậy bỏ đi và suy n^ghĩ: "Việc này chúng ta phải nhờ đức Thế Tôn mới biết duve!” Các Tỳ-kheo liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông ngoại đạo ấy thuật lại đầy đủ với đức Phật. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: -Lúc đó5 các thây nên hỏi sô đông ngoại đạo ây như vây: “Này chư Hiên! Thê nào là vị ngọt của dục? Thê nào là tai họa của dục và thê nào là sự xuât ly của dục? Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là tai họa của sắc và thế nào là sự xuất ly của sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là tai họa của thọ và thế nào là sự xuất ly của thQ?" Này các Tỳ-kheo! Nêu các thầy hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ chát vân lân nhau vê nhiêu việc khác, dân đên nôi giận và tranh cãi càng thêm gay găt? sau đó họ nhát đinh sẽ từ chô ngôi đứng dậy roi im lăng bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy ai, dù Thiên hay Ma, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn hay bất cứ người nào khác ở trên đời này có the biết được nghĩa ấy để trình bày rõ ràng, chỉ trừ Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc những ai được nghe từ Như Lai và đệ tử của Như Lai. 1 Quyển 25.A Nguyên tảc: Khổ ấm kinh, thượng (roi. 0026.99. 0584c08). Tham chiêu: Kho ấm / (roi. 0053.08#6cO%; Tg.(T.02. 0125.21.9. 0604c07); M. 13, Mahãdukkhakkhandha Sutta (Đại kinh kho uẩn).
2 Nguyên tác: Thi thiết tri ().Tham chiếu: Khổ ấm kinh (T.01. 0053. 0846c13) ghi: Trí tuệ thuyết ();Tăng.(T.02. 0125. 21-9. 0604c13) ghi: Hằng thuyết ();M. 13: Pariññam paññapeti (nêu rõ sự hiểu biết hoàn toàn), HT. Thích Minh Châu dịch.

Đức Phật lại dạy: Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là nhân bởi năm loại dục mà phát sanh ra lạc và hỷ; vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của dục thì rất nhiều. [0585a02] Thế nào là tai họa của dục? Ví như có người thiện nam, tùy theo nghề nghiệp của mình mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, hoặc thông so thuật, hoặc khéo in khắc, hoặc làm văn chương, hoặc tạo bút tích, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm võ tướng, hoặc hầu hạ vua; dù thời tiết lạnh phải cam chịu lạnh, gặp trời nắng nóng vẫn phải chịu nóng, đói khát mệt nhọc, muôi mòng châm chích, thê nhưng người ây vân phải làm việc để mong kiếm được tiền của. Người thiện nam kia bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và A r 9 2 \ than răng: "Luông công làm lụng, khô nhọc vô ích mà những điêu mong câu không có két qu*!" Trái lại, nêu người thiện nam ây băng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy mà kiếm được tiền của thì sanh tâm mến tiếc, gìn giữ, cất giấu. Vì sao như vậy? Vì người ấy nghĩ: "Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tiền của mà không sinh lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu." Kẻ đó giữ gìn, cat giâu như vậy, nhưng nêu không may bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại hay mát mát thì khô sở, lo buôn, râu rĩ, tâm thành si dại và than vãn: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không c6n!" Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh với con, con tranh với mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống là người ngoài. Đó là khoi kho uẩn ngay trong đời này, đều do nhận nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước kia. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc dùng tay dành, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng gậy đánh, hoặc dùng dao chém. Trong khi giao đau thì có kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, đao thuẫn rồi xồng

pha trận mạc; hoặc dùng các phương tiện như voi, ngựa, xe, bộ binh để đánh nhau, hoặc cho nam nữ đánh nhau. Trong khi giao chiến thì có kẻ chết, người sợ hãi, kho sở vô cùng. Đó là khoi kho uẩn ngay trong đời này, đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. [0585b04] Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, đao thuẫn, để

đi chiếm đoạt nước người, đánh thành, phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn9 lớn tiếng chửi bới; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc sử dụng bánh xe sắc bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc nấu chảy đồng rồi đổ lên người. Trong khi giao chiến thì có kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác? cung tên, hoặc cầm đao vào thôn xóm, vào áp, vào quôc gia, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tiền của, chặn đường đi lại, hoặc đến các ngõ hẻm nơi khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Khi đó, hoặc bi người của vua bắt được, đem tra khảo đủ cách, hoặc chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc? hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhốt vào cũi rồi quấn vải hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ phía trên mà đốt, hoặc nhốt vào bụng lừa sắt hay miệng heo sắt, hoặc miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạc đồng hay vạc sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén dâm, hoặc lây móc săt mà móc, hoặc băt năm trên giường sát roi lấy dầu sôi giội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rết mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đâu roi bêu trên cây. Trong những trường hợp đó? kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi5 khổ sở vô cùng. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm gôc? cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường, hoặc ngoi hoặc nam vật vã trên đất vì đau đớn bức bách thân, chiu khổ sở vô cùng, khổ đến nỗi không còn ưa thích gì nữa. Người mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì khi sắp chết bi nghiệp ác che lấp trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn thì bóng ngọn núi lớn phủ lên mặt đất. Và như vậy, người ấy bị những nghiệp ác của thân, của miệng và của ý che lấp trước mắt, họ nghĩ rằng: “Các việc ác mà ta làm trước kia, bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Do trước kia ta không tạo phước quả mà lại tạo nhiều nghiệp ác. Giả sử có kẻ tánh tình hung bạo, chỉ làm ác, tạo tội chứ không làm phước, không làm thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không có chỗ nương nhờ, không chỗ quay về, kẻ ấy sanh về cõi nào thì ta chắc chan sẽ sanh

về nơi d6!” Do đó, người ấy sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước. Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc. [0585c07] Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác9 miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Chúng sanh ấy vì thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác nên nhân nơi dây, duyên nơi đây, sau khi qua đời phải đến chỗ ác? đọa vào địa ngục. Đó là khoi khô uân ngay trong đời sau, do nhân nơi dục? duyên nơi dục, lây dục làm góc. Đó là tai họa của dục. Thế nào là sự xuất ly của dục? Nếu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt hết dục, vượt khỏi dục, đó là sự xuât ly của dục. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật vị ngọt của dục, . r 2 :

tai họa của r dục, sự xuất ly của dục thì không bao giờ có thê tự đoạn dục cho JT :

mình, huông nữa là đoạn dục cho người khác. Nêu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất ly của dục thì có the tự đoạn dục cho mình và cũng có the đoạn dục cho người khác. Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-lợi, Bà-la-mon, Tỳ- xá hay Thủ-đà-la đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp yêu kiều. Nếu nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ thì vị ngọt của sác chỉ tột cùng đên đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của sác thì rát nhiêu. Thế nào là tai họa của sắc? Nếu về sau thấy các cô gái ấy già cả suy yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, gối rũ, đi phải chống gậy, tuổi trẻ suy tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư tổn thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

Lại nữa, nêu thây các cô gái ây bị bệnh năm liệt giường hoặc vật vã trên đất, vì đau đớn bức bách thân, chịu khổ sở cùng cực thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Lại nữa, nếu thấy xác chết của các cô gái ấy từ một hai ngày cho đến sáu bảy ngày, đang bi quạ diều bươi mổ, chó sói cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn cất, thảy đều bị mục nát hư hoại thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? [0586a0l] Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Lại nữa, nêu thây xác của các cô gái ây ở nơi nghĩa địa, hài cót xám xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? -Bạch Thế Tôn! Đúng vậy.

-Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa5 đã tiêu hết da thịt, máu huyết, chỉ còn dính gân thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi: Xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương chậu, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi thì các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại mà sanh ra tai họa chăng? -Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Lại nữa, nếu thấy xác của các cô gái ấy ở nơi nghĩa địa5 xương trắng như vỏ ôc? xanh như lông chim bô câu, đỏ như màu máu5 hư hại mục nát thì các thây nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã hư hoại và sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. -Đó là những tai họa của sắc. Thế nào là sự xuất ly của sắc? Nếu đoạn trừ r r Ị. r __ e r r săc, xả ly săc5 diệt hét săc, vượt khỏi sác. Đây gọi là sự xuất ly của sác. Nêu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biêt đúng như thật vị ngọt của săc5 tai họa của sắc và sự xuất ly của sắc thì sẽ không bao giờ có thể tự đoạn trừ sắc cho mình huống nữa là đoạn trừ sắc cho người khác. Nếu Sa-môn hay Bà-la- môn nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và sự xuất ly của sắc thì có thể tự đoạn trừ sắc cho mình và còn có the đoạn trừ sắc cho người khác. Thế nào là vị ngọt của thọ? Đó là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, thành tựu và an trú,... (cho đên) Thiên thứ tư. Lúc đó, vi ây không nghĩ đên việc tự hại cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại thì đó là vị ngọt của thọ lạc. Vì sao như vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì

thành tựu được sự thọ lạc. Đây là vi ngọt của thọ. Thế nào là tai họa của thọ? Thọ là pháp vô thường, khổ và hoại diệt. Đó là tai họa của thọ. Thế nào là sự xuất ly của thọ? Nếu đoạn trừ thọ, xả ly thọ, diệt hết thọ, vượt qua thọ. Đây gọi là sự xuất ly của thọ. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật vi ngọt của thọ5 tai họa của thọ và sự xuất ly của thọ thì sẽ không bao giờ có thể tự đoạn trừ cảm thọ cho mình huống nữa là đoạn trừ cảm thọ cho người khác. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết đúng như thật vị ngọt của thọ, tai họa của thọ và sự xuất ly của thọ thì có thể tự đoạn trừ cảm thọ cho mình và còn có thể đoạn trừ cảm thọ cho người khác. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

100. KINH KHỔ ẤM12(2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng họ Thích, ngụ tại vườn Ni-câu- loại, thành Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, sau buổi trưa, Thh Ma-ha-nam thong thả đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Ton! Con biết pháp của Thế Tôn như vậy, khiến cho tâm con diệt được ba thứ cấu uế, đó là tâm cấu uế do tham lam,2 tâm cấu uế do giận dữ và tâm cấu uế do si mê. Bạch Thế Tôn! Con biết pháp này như vậy nhưng trong tâm con vẫn còn sanh các pháp tham lam, pháp giận dữ và pháp si mê. Bạch Thế Tôn! Con suy nghĩ rằng: "Ta còn điều gì chưa được diệt trừ, để khiến cho tâm ta lại sanh pháp tham lam, pháp giận dữ và pháp si m?" Thế Tôn dạy: -Này Ma-ha-nam! Ông còn một điều chưa được diệt trừ, đó là ông sống tại gia, chưa có niềm tin tha thiết để rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này Ma-ha-nam, nêu ông diệt được điêu này, ông sẽ không sông tại gia mà với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Bởi vì ông còn một điều chưa được diệt trừ, đó là song tại gia, chưa có niềm tin tha thiết để rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Khi ấy, Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chăp tay hướng vê đức Phật và thưa: -Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy thuyết pháp cho con nghe, khiến tâm con được thanh tinh, trừ nghi và chứng đạo. Đức Phật dạy: Này Ma-ha-nam! Có năm loại tham muốn đáng yêu, đáng nhớ, đáng vui thích, liên quan đến dục khiến chúng sanh vui mừng. Là năm loại nào? Đó là sắc được biết bởi mắt, âm thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi? vi được biêt bởi lưỡi, xúc được biêt bởi thân. Do đây mà vua và quyên thuộc của

1 Nguyên tác: Khổ ấmkinh, hạ (r.01. 0026.100. 0586b04). Tham chiếu: Thích Ma-ha-nam bổn tứ tử kinh (roi. 0054. 0848Ồ03); Khô ấm nhân sự kỉnh ,(01. 0055. 0849b23); Tăng.(T.02. 0125.41.1. 0744a02); M. 14, CũIadukkhakkhandha Suita (Tiểu kinh khổ uẩn). 2 Nguyên tác: Nhiễm ()cách gọi khác chí cho, tham lam. Theo Du-già sư địa (r.30. 1579.84. 0770c0): “Nhi&m" nghĩa là tham đắm vào việc thọ dụng ().

vua được an lạc hoan hỷ. Này Ma-ha-nam! Vị ngọt của dục thì chỉ cung cực đến đó chứ không hơn, nhưng tai họa của dục lại rất nhiều. Này Ma-ha-nam! Thế nào là tai họa của dục? Ví như có người thiện nam tùy theo nghề nghiệp của mình mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, hoặc thông số thuật,

hoặc khéo in khắc, hoặc làm văn chương, hoặc tạo bút tích, hoặc hiểu kinh thư, hoặc làm võ tướng, hoặc hầu hạ vua; dù thời tiết lạnh phải cam chịu lạnh, gặp trời nang nóng vẫn phải chịu nóng, đói khát mệt nhọc, muỗi mòng châm chích, thế nhưng người ấy vẫn phải làm việc để mong kiếm được tiền của. Bằng những phương tiện như vậy9 người thiện nam đó làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si dại và than răng: "Luông công làm lụng, khô nhọc vô ích mà những điêu mong câu không có kết qu!" Trái lại, nếu bằng những phương tiện như vậy, người thiện nam đó làm các công việc như vậy, để mong cau như vậy mà kiếm được tiền của thì sanh tâm mến tiếc, gìn giữ, cất giấu, vì sao như vậy? Vì họ nghĩ: "Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại? mất mát, hoặc xuất tiền của mà không sinh lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu." Người đó giữ gìn, cất giấu như vậy, nhưng nếu không may bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát thì khổ sở5 lo buồn, rầu rĩ5 tâm thành si dại và than vãn: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không cbn!" Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này đều do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lay dục làm gốc. [0586cll] Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc nên mẹ tranh giành với con, con tranh giành với mẹ; cha con, anh em, chi em, bà con, dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lân nhau như vậy nên mẹ bêu xâu con, con bêu xâu mẹ; cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là khoi kho uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Bà-la-môn tranh giành với Bà-la- môn? cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước khác. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc dùng tay đánh, hoặc dùng đá ném, hoặc dùng gậy đánh, hoặc dùng dao chém. Trong khi giao đấu có kẻ bị chết, người thì sợ hãi, kho sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục5 duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên? đao thuẫn rồi xông pha trận mạc; hoặc dùng các phương tiện như voi, ngựa, xe? bộ binh để đánh nhau, hoặc cho nam nữ đánh nhau. Trong khi giao chiến thì có

kẻ bị chết, người thì sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam5 đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc, cho nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên hoặc dao, thuẫn, để đi tranh đoạt nước người, đánh thành, phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, lớn tiếng chửi bới; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc sử dụng bánh xe sắc bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc nấu chảy đồng rồi đổ lên người. Trong khi giao chiến thì có kẻ bị chết, người thì sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam? đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

_ Lạir nữa, này Ma-ha-nam,• vì chúng sanh nhân nơi Xdục, duyên nơi [0587a05] r dục, lây dục làm góc, cho nên mang áo giáp, khoác trường bào, câm giáo mác, cung tên, hoặc cầm đao thuẫn, để vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị mà đục vách, phá kho, cướp đoạt tiền của, chặn đường đi lại, hoặc đến các ngõ hẻm nơi khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Khi đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem tra khảo đủ cách: Hoặc chặt tay, chặt chân hoặc chặt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi hoặc bị cắt cả tai mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, bứt râu, bứt tóc hoặc bứt cả râu tóc, hoặc nhót vào cũi roi quân vải hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ phía trên mà đốt, hoặc nhốt vào bụng lừa sắt hay miệng heo sắt hoặc miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạc đồng hay vạc sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén đâm, hoặc lấy móc sắt mà móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi giội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sát roi lây chày sát giã, hoặc cho răn rét mô căn, hoặc dùng roi quát, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đầu rồi treo bêu trên cây. Trong những trường hợp đó? kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi5 khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam! Đó là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác. Người ây vê sau bị bệnh nằm liệt giường hoặc nằm vật vã trên đất vì đau đớn bức bách thân, chịu khổ sở vô cùng, khổ đến nỗi không còn ưa thích gì nữa. Người để thân làm việc ác5 miệng nói lời ác và ý nghĩ điêu ác thì khi sáp qua đời, bị nghiệp ác che lâp trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn thì bóng ngọn núi lớn phủ lên mặt đất. Và như vậy, người ấy bi những nghiệp ác của thân, của miệng và của ý che lấp trước mắt, họ nghĩ rằng: "Các việc ác mà ta làm trước kia, bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Do trước kia ta không tạo phước quả mà lại tạo nhiều nghiệp ác. Giả sử có kẻ tánh tình hung bạo, chỉ làm ác, làm tội chứ không làm phước, không làm thiện, khi sống không biết lo sợ5 gần chết không chỗ nương nhờ, không chỗ quay về; kẻ ấy sanh về cõi nào thì chắc chắn ta sẽ sanh về nơi d6!" Do đó? người ấy sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước.

Này Ma-ha-nam, đỏ là khối khổ uẩn ngay trong đời này, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. [0587b02] Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục? duyên nơi dục, lấy dục làm gốc, cho nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Chúng sanh ấy vì thân, miệng và ý tạo nghiệp ác nên nhân nơi đây, duyên nơi đây, sau khi qua đời phải đến chỗ ác, đọa vào địa ngục. Này Ma-ha-nam, đó là khối khổ uẩn ngay đời sau, do nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Này Ma-ha-nam! Vì vậy nên biết, dục tuyệt đối không có lạc, chỉ có khổ họa không thể kể xiết. Bậc Thánh đệ tử đa văn mà không biết đúng như thật thì vi ấy sẽ bị dục che lấp, chẳng được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vi Thánh đệ tử đa văn này sẽ nhân nơi dục mà bị thoái chuyển. Này Ma-ha-nam! Ta biêt là dục không có lạc mà chỉ có khô họa không thê kể xiết. Này Ma-ha-nam, Ta biết đúng như thật nên không bị dục che lấp, cũng không bi pháp ác ràng buộc. Vì vậy, Ta được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển. Này

Ma-ha-nam! Một hôm Ta du hóa nơi thành Vương Xá, trú trong hang That Diệp cua tiên nhan trên núi Tỳ-đa-la/ Bay giờ, vao lúc xe chiêu, Ta rời nơi tĩnh tọa, đi đến Quảng sơn34 và thấy ở đó có nhiều vi Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng chứ không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi: "Này các Ni-kiền! Vì sao các ông tu hạnh không ngồi này, thường đứng chứ không ngồi, phải chịu khổ sở như vay?" Họ trả lời như vầy: "Thưa Cù-đàm! Chúng tôi có Ton sư Ni-kiền tên là Thân Tử, ngài dạy chúng tôi rằng: 'Này các Ni-kiền! Nếu kiếp trước các ông đã tạo nghiệp bất thiện thì nay nhờ khổ hạnh này mà các tội lỗi kia sẽ được tiêu trừ. Nấu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của miệng và diệu hạnh của ý thì nhờ nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, không tạo nghiệp bất thiên.'" Này Ma-ha-nam, Ta hỏi lại: "Này các Ni-kiền! Các ông tin tưởng Tôn sư, không hề nghi ngờ gì chng?" Họ trả lời ta: "Đúng vậy, thưa Cù-đàm! Chúng tôi tin tưởng Tôn sư của mình, không hề nghi ngờ gì cả." Này Ma-ha-nam, Ta lại hỏi: "Này các Ni-kiền! Nếu quả như vậy thì Tôn sư Ni-kiền của các ông trước kia đã tạo các nghiệp ác bất thiện rất nặng. Vị ấy trước kia vốn là Ni-kiền đã

3 Tỳ-đa-la sơn Tiên nhân Thất Diệp ốc B. Tỳ-đa-la sơn,Ngọn núi Vebhāra,z một trong 5 ngọn núi quanh thành Vương Xá Rājagaha. Thắt Diệp ốc là hang Thất Diệp Sattapamiguhā. J 4 Quảng sơn ,Vepulla là một trong 5 ngọn núi ngoài thành Vương Xá.

qua đời và nay sanh vào nhân gian xuất gia làm Ni-kiền tu hạnh không ngồi, thường đứng chứ không ngồi, chịu khổ sở như vậy, cũng như các ông và hàng đệ tử của minh." Họ lại nói với Ta: "Thua Cù-đàm! Hạnh phúc không nương vào hạnh phúc mà có, do khổ đau mới có hạnh phúc. Như hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không thể bằng dug" [0587c01] Ta lại nói: "Các ông cuồng si nên nói những lời vô nghĩa. Vì sao như vậy? Vì các ông không khéo léo, không hiểu rõ và cũng không biết thời nên các ông mới nói: 'Như hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la thì Sa-môn Cù-đàm không thể bằng được!5 Này các Ni-kiền, đáng lẽ các ông phải hỏi như thế này: 6Giữa Vua Tầntỳ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm, ai hạnh phúc hơn?' Này các Ni-kiền, nếu như Ta nói rằng hạnh phúc của Ta hơn, Vua Tần-tỳ-sa-la không bằng thì này các Nikiền, các ông có thể nói: 'Hạnh phúc của Vua Tần-tỳ-sa-la, Sa-môn Cù-đàm không b$ng Các Ni-kiền đó liền nói: "Thua Cù-đàm! Nay chúng tôi muốn hỏi, giữa Vua Tần-tỳ-sa-la và Sa-môn Cù-đàm thì ai hạnh phúc hơn?" Ta lại nói: "Này các Ni-kiền, Ta nay hỏi các ông, hãy trả lời theo sự hiểu biết của mình. Ý các ông thế nào? Vua Tần-tỳ-sa-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý/ nhân đó mà được hoan hỷ5 được hân hoan trong bảy ngày bảy đêm khong?" Các Ni-kiền đáp: "Không được, thưa Cíi-dàm!" "Vậy có được hoan hỷ, được hân hoan trong vòng sáu ngày sáu đêm, cho đến hoặc năm, bốn, ba, hai hoặc một ngày một đêm không?59 Các Ni-kiền đáp: "Không được, thưa Cù-đàm!,, Ta lại hỏi: "Này các Ni-kiền! Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, được hân hoan trong một ngày một đêm kh6ng?" Các Ni-kiền đáp: "Dạt được, thưa Cù-đàm!,^

5 Tham chiếu: M. 14 ghi là Aniñjamāno kāyena abhāsamāno vacant satta rattidivāni (thân bất động, không nói lời nào suốt 7 ngày đêm). Thích Ma-nam bôn tứ tử kỉnh

(r.01. 0054. 0849a29): Bất ngữ ngôn, như thi vi lạc da?().

672 KINH TRƯNG A-HÀM

"Vậy có được hoan hỷ, được hân hoan trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu cho đến bảy ngày bảy đêm kh6ng?" Các Ni-kiền đáp: "Bạt được, thưa Où-dàm!" Ta lại hỏi tiếp: "Này các Ni-kiền! Ý các ông thế nào? Như vậy, ai hạnh phúc hơn, Vua Tần- tỳ-sa-la hay là Ta?" Các Ni-kiền đáp: "Thua Cù-đàm! Qua sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm chúng tôi đã hiểu rõ9 Sa-môn Cù-đàm hạnh phúc hơn, Vua Tân-tỳ-sa-la không thê sánh bang?9 Này Ma-ha-nam! Vì vậy nên biêt, dục không có lạc, chỉ có khô đau và tai họa không kể xiết. Vi Thánh đệ tử đa văn nên thấy như vậy. Nếu Thánh đệ tử đa văn không thấy đúng như vậy thì sẽ bị dục ngăn che, bị các pháp ác và bất thiện trói buộc, không đạt được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh toi thượng. Như vậy, này Ma-ha-nam, họ sẽ bi dục làm cho thoái chuyển. Này Ma-ha-nam! Ta biết dục không có lạc, chỉ có khổ đau và tai họa vô lượng. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bi các pháp ác và bất thiện ràng buộc. Vì vậy, Ta được an lạc thảnh thơi và tịch tĩnh tối thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không bị dục làm thoái chuyển. Đức Phật dạy như vậy, Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

101. KINH TÂM TANG THƯỢNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Nếu Tỳ-kheo muốn tâm tăng thượng2 thì cần phải thường xuyên suy niệm năm tướng. Sau khi thường xuyên suy niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an tru, nội tâm tĩnh lặng, nhát tâm và được định tĩnh. Năm tướng đó là những gì? Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương img với thiện. Nếu tâm niệm bất thiện phát sanh thì vi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm vê một tướng khác tương ưng với thiện, khiên tâm niệm xâu ác, bất thiện không sanh khởi. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác đã diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Giống như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây, rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng. Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm xấu ác, bất thiện không sanh khởi. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm xấu ác, bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm xấu ác đã diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo muôn tâm an trú trong thiên định thì phải luôn suy niệm tướng thứ nhát này. Do suy niệm tướng này, niệm bát thiện đã sanh liên được trừ diệt. Niệm xâu ác diệt roi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, nếu sanh khởi niệm bát thiện thì vị đó quán răng: "Niệm xâu ác này là tai họa, niệm này là bất thiện, niệm này là xấu ác, niệm này bi người trí ghét, nếu niệm này đầy dây thì không được trí thông, không thê đác dạo, không được Niêt-bàn, vì nó khiến sanh ra các niệm xấu ác, bất thiện!Vi Tỳ-kheo đó quán sát về các niệm xấu ác như vậy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Khi niệm xấu ác diệt rồi thì tâm

luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Ví

1 Nguyên tác: Tăng thượng tâm kinh (roi. 0026.101. 0588a03). Tham chiếu: M. 20, Vitakkasanthāna Sutta (Kinh an trủ tam). 2 Tăng thượng tâm (adhỉcittă)'. Tâm cao thượng, tâm an trú trong thiền định.

như có vị thiếu niên tuấn tú, đáng yêu, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp, dùng hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc, khiến thân thể rất sạch sẽ. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc thây người đã bầm xanh, sình chướng, thối rữa, rỉ nước dơ rồi đeo vào cổ người ấy thì người ấy liền gớm ghiếc nên không vui, không thích. Tỳ-kheo cũng vậy, vị nào quán sát: "Niệm xấu ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là xâu, niệm này bị người trí ghét, nêu niệm này dây đầy thì sẽ không được trí thông, không the đắc đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh khởi các niệm xấu ác, bất thiên." Vị Tỳ-kheo đã quán niệm xấu ác như vậy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được đinh tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an tru trong thiền đinh thì phải luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú5 nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. [0588bll] Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi; khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện lại sanh khởi nữa thì Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được đinh tĩnh. Ví như người có mắt, cảnh sắc nằm nơi ánh sáng nhưng không muốn nhìn nên người r r y r x đó hoặc nhăm măt? hoặc lảng tránh đi. Y các thây thê nào? Cảnh sác tuy năm nơi ánh sáng nhưng người đó có thể cảm nhận được tướng trạng của sắc không? Đáp rằng: -Thưa không! Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm vê niệm này, vì nó khiên sanh 7 .. M, k A e '. r khởi niệm xâu ác, bát thiện. Khi không suy niệm vê niệm này nữa thì niệm bát thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú* nội tâm tĩnh lặng, nhất tam vá được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì cần phải suy niệm về tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi; khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện cũng sanh khởi và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi thì Tỳ-kheo đó vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, khiến không sanh niệm xấu ác, bất thiện. Khi vì niệm này, Tỳ- kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần niệm ấy thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Ví như có người đi đường, bước nhanh trên đường rồi người đó nghĩ: "Tại sao ta đi nhanh? Bây giờ? ta hãy đi

chậm lại được chng?” Người ấy liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: "Tại sao ta đi chậm? Sao ta chăng đứng lại?" Người ây liên đứng lại, nhưng roi lại nghĩ: “Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chng?" Người ấy liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chang?" Người ấy liền nằm xuống. Như vậy, người ấy đang thực hành cách dừng nghỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo khi đang suy niệm tướng này cũng giống như thế. Vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy mà giảm dàn suy niệm của mình để không sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy giảm dần suy niệm của mình thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bi trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nếu Tỳ"kheo muôn tâm được an tru trong thiên định thì phải luôn suy niệm tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. [0588cl3] Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm vê một tướng tương ưng với thiện mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi, khi quán niệm xấu ác là tai họa mà niệm bất thiện cũng sanh khỏi, khi không suy niệm về niệm đó mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi, cho đến phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình mà niệm bất thiện vẫn sanh khởi thì vị ấy nên quán như vầy: "Tỳ- kheo vì nhân nơi suy niệm này mà sanh khởi niệm bất thiện thì phải liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm để tu tâm,3 nắm vững và hàng phục tâm, khiến không sanh khởi niệm xấu, bất thiên.” Khi vị Tỳ-kheo ấy dùng tâm đê tu tâm, năm vững và hàng phục tâm thì niệm bát thiện đã sanh khởi liên được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhát tâm và được định tĩnh. Như hai lực sĩ bát một người gây yêu, giữ chặt và bắt quy phục; Tỳ-kheo khi suy niệm tướng này cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên vòm họng, dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm đe không sanh khởi niệm xấu ác, bất thiện. Khi Tỳ-kheo dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được đinh tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền đinh thì phải luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền được trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an trú, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh. Nấu Tỳ-kheo muốn tâm được an trú trong thiền định thì càn phải luôn suy niệm về năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm xấu ác diệt rồi thì tâm luôn được an tru, nội tâm tĩnh lặng, nhất tâm và được định tĩnh.

3 Nguyên tác: Dĩ tâm tu tâm :Dùng tâm để chế ngự niệm bất thiện.

Nếu Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng với thiện thì khi ấy không sanh khởi niệm xấu ác, khi quán niệm xấu ác là tai họa thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác, khi không suy niệm ve niệm đó thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác5 khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác và

khi dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì cũng không sanh khởi niệm xấu ác. Khi đó, vị ấy liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm. Nêu Tỳ-kheo muôn suy niệm thì suy niệm, không muôn suy niệm thì không suy niệm, đó gọi là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong suy niệm, tự tại trong các con đường suy niệm. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

102. KINH NIÊM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chưa giác ngộ quả vị Vô thượng Chánh chân, Như Lai nghĩ rang: "Ta hãy chia các niệm2 ra làm hai phần. Một phần là niệm dục, niệm sân, niệm hại và một phần là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại?9 Sau đó, Ta liền chia các niệm ra làm hai phần, một phần là niệm dục, niệm sân, niệm hại và một phan là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại. Thế rồi, Ta thực hành như vậy, sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Nếu có niệm dục phát sanh thì Ta liền nhận biết là đang có niệm dục phát sanh, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn. Khi đã phân biệt rõ3 niệm dục hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn thì niệm dục biến mất nhanh chóng.4*Nếu có niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta liền nhận biết đang có niệm sân, niệm hại phát sanh và chúng sẽ đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não khổ đau, không chứng đắc Niết-bàn. Khi đã phân biệt rõ niệm sân, niệm hại sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền não kho đau, không • r* .. . , . .. L r chứng đăc Niêt-bàn thì niệm sân, niệm hại biên mát nhanh chóng. Khi niệm dục phát sanh thì Ta không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Khi niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta cũng không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Vì sao như vậy? Vì Ta thây răng, nhân nơi đó mà sanh ra vô lượng pháp xâu ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối mùa xuân, vì lúa đã gieo nên đất thả bò bị thu hẹp lại, do vậy những đứa trẻ chăn bò sẽ thả bò nơi đầm hoang, nếu thấy

1 Nguyên tác: Niệm kinh (01. 0026.102. 0589all). Tham chiếu: M. 19, Dvedhâvitakka Sutta (Kinh song tam). 2 Niệm ()còn gọi là "tầm"(),là "thiền chi", thuộc Sơ thiền, bản Hán thường dịch là "gi9c"(,vitakkā). Vìbh. 565 đã giải thích: Tattha katamo vitakko? Yo takko vitakko sañkappo appanã byappanã cetaso abhỉniropanâ sammāsañkappo, ayam vuccati 'vitakko' (Những gì được gọi là "tâm"? (i) Suy nghĩ; (ii) Tưởng nhớ; (iii) Sịt,suy xét; (iv) An chỉ (chú tâm); (v) Vô cùng an chỉ (tạp trung hướng tâm); (vi) Tam được an trí (tâm khắn khít vơi cảnh); (vil) Chánh tư duy. Những yếu to đo được gọi là "lầm"). 3 Nguyên tác: Giác ()Suy nghĩ thấu đáo ().Pali: Patisañcikkhati, đã phân biệt rõ ràng, đã suy nghĩ xong. 4 Tham chiếu: M. 19: "Chu Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: 'Dục tầm này đưa đến tự hại', dục tầm được biến mất" (HT. Thích Minh Châu dịch).

bò vào ruộng người khác thì chúng liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao như vậy? Vì những đứa trẻ chăn bò biết rang nhân việc bò giẫm đạp ruộng lúa thì chúng sẽ bị mắng, bị đánh, bị trói, bị bắt lỗi nên chúng phải cầm roi ngăn lại. Như Lai cũng vậy, khi niệm

dục phát sanh thì Ta không chấp nhận mà đoạn trừ, nho bỏ. Khi niệm sân, niệm hại phát sanh thì Ta cũng không chấp nhận mà đoạn trừ, nhổ bỏ. Vì sao như vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh ra vô lượng pháp xấu ác, bất thiện. [0589b05] Này Tỳ-kheo! Tùy theo sự quán sát,5 tùy theo sự suy tưởng56 của mình mà tâm liền ưa thích ở nơi đó.7 Nếu Tỳ-kheo suy tưởng quá nhiều về niệm dục thì sẽ đánh mất niệm vô dục, vì khi suy tưởng quá nhiều về niệm dục thì tâm liền ưa thích ở trong đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng quá nhiều về niệm sân và niệm hại thì sẽ đánh mất các niệm vô sân và vô hại, vì khi suy tưởng quá nhiều ve niệm sân và niệm hại thì tâm liền ưa thích ở trong đó. Như vậy, nếu Tỳ-kheo không buông bỏ được niệm dục, không buông bỏ được niệm sân và niệm hại thì sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc than và cũng không thể thoát ly được tất cả khổ đau. Như Lai thực hành như vậy, sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Nếu niệm vô dục phát sanh, Ta liền biết có niệm vô dục đang phát sanh và chúng không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn. Khi đã nhận biết không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn, Ta liền nhanh chóng tu tập một cách rộng rãi. Nêu niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh, Ta cũng liên biêt có niệm vô sân và niệm vô hại đang phát sanh và chúng không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn. Khi đã nhận biết không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền não khổ đau mà chứng đắc Niết-bàn, Ta liền nhanh chóng tu tập một cách rộng rãi. Khi niệm vô dục phát sanh thì Ta quán sát và suy tưởng8 quá nhiều; khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh thì Ta lại quán sát và suy tưởng quá nhiều.

5 Nguyên tác: Tư (),cũng gọi là "q#n”(),hoặc là “tứ"(vicara). Vbh. 565 đã giải thích: Tattha katamo vicãro? Yo cãro vicãro anuvicãro upavỉcãro cittassa anusandhanatã anupekkhanatã - ayarn vuccati vicāro (Những gì được gọi là "tứ” (yicāra): (i) Sự giữ gìn cảnh; (ii) Tư sát; (iii) Theo sau tư sát; (iv) Thân cận tư sát; (v) Tâm tùy thuộc; (vi) Sự cân nhác trong suy nghĩ. Những yêu tô đó được gọi là ' 6 Nguyên tác: Niệm ().Bản Hán dịch là "giHc"(),hoặc là "tầm"().Xem chú thích trên. 7 Nguyên tác: Tùy sở tư, tùy sở niệm, tâm tiện lạc trung ().Tham chiếu: M. 19: Yaññadeva, bhikkhave, bhikkhu bahulamanuvitakketi anuvicāreti, tathā tathā ñāti hoti cetaso (Chư Ty-kheo, nêu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thời tâm sinh khuynh hướng đối với vân đề ấy), HT. Thích Minh Châu dịch. J 8 Nguyên tác: Đa tư niệm ()Quán sát và suy tưởng quá nhiều, tức tập trung cả "giác và quán" (vitakkavicārā).

Ta lại suy nghĩ: "Nếu quán sát và suy tưởng quá nhiều thì thân mệt mỏi, hỷ sẽ mát9 và tâm sẽ bị tổn hại. Ta nên đối trị nội tâm, khiến tâm thường trụ, tĩnh lặng, chuyên nhất và được định tĩnh, để tâm không bị tổn hai.^ Sau đó, Ta liền đoi trị nội tâm, khiến tâm thường trụ, tĩnh lặng, chuyên nhất và được định tĩnh nên tâm không bị tổn hại. Niệm vô dục đã phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của giáo pháp.10 Khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về

pháp và thứ lớp của giáo pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh ra các pháp xấu ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối thu, khi thóc lúa đã được gặt hết, lúc đó những đứa trẻ chăn bò thả bò nơi đồng ruộng và nghĩ rằng: "Bò của mình đang ở trong bầy." Vì sao như vậy? Vì lũ trẻ không thấy rằng nhân việc thả bò mà chúng sẽ bị mắng, bị đánh, bị trói, bị bắt lỗi, nên chúng nó nghĩ: "Bò của mình đang ở trong by." Như Lai cũng vậy, khi niệm vô dục đã phát sanh rồi, Ta lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của pháp. Khi niệm vô sân và niệm vô hại phát sanh rồi, lại sanh khởi niệm hướng về pháp và thứ lớp của pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh ra các pháp xấu ác, bất thiện. [0589c05] Này Tỳ-kheo! Tùy theo sự quán sát, tùy theo sự suy tưởng của mình mà tâm liền vui thích ở nơi đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục. Suy tưởng nhiều về niệm vô dục nên tâm ưa thích ở trong đó. Nếu Tỳ-kheo suy tưởng nhiều về niệm vô sân và niệm vô hại thì cũng sẽ xả bỏ niệm sân, niệm hại. Suy tưởng nhiêu vê niệm vô sân, niệm vô hại thì tâm ưa thích ở trong đó. Vị Tỳ-kheo đó9 khi giác và quán11 đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, an trú hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán. Vị ấy lại lìa hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh gọi là xả, niệm? an tru lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy lại buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ đã có trước đó, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, Tỳ-kheo được định tâm, thanh tịnh, không ô uê, không phiên não, nhu hòa, khéo an trụ, được tâm bất động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền nhận biết như thật đây là khổ, biết đây là nguyên nhân của khổ, biết đây là khổ diệt và biết như thật đay là con đường đưa đến khổ diệt. Vị Tỳ-kheo đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi thì tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi? biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật

9 Nguyên tác: Thân định hỷ vong .Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi: Thân hỷ vong .Tham chiếu: M. 19: Api ca kho me aticirarn anuvitakkayato anuvicārayato kāyo kilameyya. Kāye kilante cittarn ūhaññeyya. ūhate citte ārā cittarn samādhimhāti. Và nêu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có the mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động, tâm rất khó được định tĩnh, HT. Thích Minh Châu dịch. 10 Nguyên tác: Hướng pháp thứ pháp ,tức thực hành giáo pháp, theo từng bước tuần tự. " Nguyên tác: Giác quán dĩ tức ,tức là "tư"và "niêm",cũng là "tm"và "tứ" cũng chính là quán sát và suy tưởng, như đã nói trên.

rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Khi vị Tỳ-kheo này đã lìa niệm dục, lìa niệm sân và lìa niệm hại thì vị ấy được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buôn lo, than khóc và thoát ly tát cả khổ đau. Ví như trong khu rừng có suối nước lớn, một bay nai nọ đen đó rong chơi. Có người đến đó, vì không muốn cho bầy nai kia được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích, cho nên liền rào con đường bang phang, mở một con đường nguy hiểm, lại còn đào hầm hố lớn, rồi cho người canh giữ. Làm như vậy thì chắc chắn bầy nai sẽ chết

hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích5 được phước lành, được an ổn và vui thích, liền mở con đường băng phăng, rào con đường hiêm, đuôi người canh giữ, thê là bây nai được cứu thoát an ổn. Này các Tỳ-kheo! Nên biết, Ta noi ví dụ này là muốn để các thầy biết rõ ý nghĩa, người trí tuệ nghe ví dụ này liền hiểu rõ ý nghĩa. Ví dụ đó với ý nghĩa, suối nước lớn là năm loại dục đáng yêu, đáng nhớ, đáng ưa thích. Những gì là năm? Là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi5 lưỡi nếm vị và thân xúc chạm. Suối nước lớn nên biết đó là năm loại dục. Bầy nai nên biết đó là Sa-môn9 Bà-la-môn. Người đi đến không muốn cho bầy nai kia được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích nên biết đó là Ma Ba-tuần. Rào con đường băng phăng, mở một đường nguy hiêm? đó là ba niệm xâu ác, bát thiện là niệm dục, niệm sân và niệm hại. Đường hiểm nên biết đó là ba niệm xấu ác, bất thiện. Lại có con đường hiêm, đó là tám con đường tà, từ tà kiên,... (cho đên) tà định. Đào hâm hô lớn nên biêt đó là vô minh. Người canh giữ nên biêt đó là quyên thuộc của Ma Ba-tuần. Còn người đi đến muốn cho bầy nai được lợi ích, được phước lành, được an ổn và vui thích nên biết đó chính là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Rào con đường hiểm, mở con đường bằng phẳng, đó là ba niệm thiện là niệm vô dục, niệm vô sân và niệm vô hại. Đường bang phẳng nên biết đó chính là ba niệm thiện. Lại còn có con đường bằng phẳng, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến,...(cho đến) chánh định. Này các Tỳ-kheo9 Ta đã khai mở con đường bằng phẳng, rào chắn con đường hiêm nguy, san băng các hâm hô, dẹp bỏ những người canh chừng. Ví như vi Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn đệ tử được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan thì nay Như Lai cũng vậy. Như Lai đã tu tập rồi, các thầy cũng phải tự mình tu tập, hãy đến nơi thanh vắng, bên góc cây ở trong rừng núi, hoặc chỗ nào yên tĩnh mà tọa thiền tư duy, chớ buông lung, hãy tinh tấn chuyên cần, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời khuyên răn của Như Lai. Đó là lời dạy bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.12

12 Bản Hán, hết quyển 25.

103. KINH TIẾNG RÓNG sư TỬ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu9 ngụ tại thi trấn Kiếm- ma-săt-đàm? thuộc nước Câu-lâu. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: —Trong giáo pháp của Như Lai mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-mon thứ hai, Sa-mon thứ ba và Sa-mon thứ tư;2 ngoài đây ra không có Sa-mon hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, khon^ có Sa-mon hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà các thay hãy chân chánh rong lên tiếng rống như sư tử vậy. Này Ty-kheo5 nếu có ngoại đạo đến hỏi các thầy: "Này chư Hiền! Các ông có phẩm hạnh gì, có năng lực gcó trí tuệ gì mà các ông dám nói 'chỉ nơi đây mới có Sa-mon thứ nhất, Sa-mon thứ hai, Sa-mon thứ ba và Sa-mon thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-mon hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-mon hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà các thầy hãy chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vậy?5,5 Này Tỳ-kheo, các thây nên trả lời ngoại đạo ây răng: "Này chư Hiên! Đức Thế Tôn của tôi là bậc thấy biết chan chánh, là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng bốn pháp. Nhân nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói 'chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhát, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay

Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vay."' Bốn pháp đó là những gì? Nay chư Hiền! Chúng tôi tin tưởng đấng Tôn sư, tin Pháp, tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức và đồng đạo chúng tôi thương yêu, kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Này chư Hiền! Đức Thế Tôn của chúng tôi, bậc thấy biết chân chánh, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói 'chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa-môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đêu trông rỗng, không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống lên tiếng rống như sư tử vay."'

1 Quyển 26. Nguyên tác: Sư tử hổng kỉnh (roi. 0026.103. 0590b05). Tham chiếu: Tăng. (7.02. 0125.27.2. 0643c02); M. 11, Cūlasīhanāda Sutta (Tiêu kinh sư tử hông). 2 Tức 4 quả Sa-môn, từ Sơ quả Tu-đà-hoàn (Sotãpannaphală) đến Tứ quả A-la-hán (, Arahantphaỉà).

Này Tỳ-kheo! Nếu ngoại đạo lại nói: "Này chư Hiền! Chúng tôi cũng tin đấng Tôn su, tức Tôn sư của chúng tôi; tin Pháp, tức Pháp của chúng tôi; tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức, tức Giới của chúng tôi; đồng đạo chúng tôi cũng thương yêu, kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau, tức những pháp hữu xuất gia và cư sĩ của chúng tôi. Này chư Hiền! Giữa hai lời nói này, của Sa-môn Cù-đàm và của chúng tôi thì có hơn gì, có ý gì, có sai khác gì chng?" Này Tỳ-kheo, các thây nên hỏi ngoại đạo ây: "Này chư Hiên, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?" Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo trả lời: "Này chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiau." Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: "Này chư Hiền, người có dục sẽ đạt được cứu cánh hay người không có dục sẽ đạt được cứu cánh?,, Này Tỳ-kheo? nếu ngoại đạo ấy trả lời: "Này chư Hiền, người không có dục mới đạt được cứu cánh, còn người có dục thì không đạt được cứu cáĩlh.^, Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: "Này chư Hiền, người có sân sẽ đạt được cứu cánh hay người không có sân sẽ đạt được cứu cánh?" Này Tỳ-kheo, nêu ngoại đạo ây trả lời: "Này chư Hiên, người không có sân mới đạt được cứu cánh, còn người có sân không đạt được cứu cánh." Này Tỳ-kheo9 các thây hãy hỏi tiêp ngoại đạo ây: "Này chư Hiên, người có si sẽ đạt được cứu cánh hay người không có si sẽ đạt được cứu cánh?" Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: "Này chư Hiền, người không có si mới đạt được cứu cánh, còn người có si không đạt được cứu cánh." [059ƠCÍ5] Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp ngoại đạo ấy: "Này chư Hiền, người có ải, có thủ3 sẽ đạt được cứu cánh hay người không có ái, không có thủ sẽ đạt được cứu cánh?,, Này Tỳ-kheo, nêu ngoại đạo ây trả lời: "Này chư Hiên, người không có ái? không có thủ mới đạt được cứu cánh, còn người có ái, có thủ không đạt được cứu cánh/5 Này Tkheo, các thầy hãy hỏi tiếp: "Này chư Hiền, người không có tuệ, không thuyết giảng tuệ sẽ đạt được cứu cánh hay người có tuệ, có thuyết giảng tuệ sẽ đạt được cứu cánh?" Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lòi: "Này chư Hiền, người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mới đạt được cứu cánh, còn người không tuệ, không thuyết giảng tuệ sẽ không đạt được

cứu cánh.” Này Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp: "Này chư Hiền, người có ganh ghét, có tranh chấp sẽ đạt được cứu cánh hay người không ganh ghét, không tranh chấp sẽ đạt được cứu cnh?"

3 Nguyên tác: Thọ (),dùng như "thỉT (,upãdãnà).

Này Tỳ-kheo, nếu ngoại đạo ấy trả lời: "Này chư Hiền, người không ganh ghét, không tranh chấp mới đạt được cứu cánh, còn người có ganh ghét, có tranh chấp không đạt được cứu cánh.” Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy nói với ngoại đạo ấy: “Này chư Hiền, như vậy là các vị đã nói có một cứu cánh chứ không phải có nhiều cứu cánh. Vì người không có dục mới đạt được cứu cánh, còn người có dục không đạt được cứu cánh; người không có sân mới đạt được cứu cánh, còn người có sân không đạt được cứu cánh; người không có si mới đạt được cứu cánh, còn người có si không đạt được cứu cánh; người không có ái, không có thủ mới đạt được cứu cánh, còn người có ái, có thủ không đạt được cứu cánh; người có tuệ, có thuyết giảng tuệ mới đạt được cứu cánh, còn người không có tuệ, không có thuyết giảng tuệ không đạt được cứu cánh; người không có ganh ghét, không có tranh chấp mới đạt được cứu cánh, còn người có ganh ghét, có tranh chấp không đạt được cứu cánh. NêuỊ. có Sa-môn hay Bà-la-môn . nào nương r vào vô sôr • học thuyêt r thì người đó nhát định sẽ nương vào hai loại học thuyêt này:4 Thuyêt cho răng thê giới là thường hằng và thuyết cho rằng thế giới là đoạn diệt. Nếu nương nơi thuyết thế giới là thường hăng, vị đó liên vướng mác vào thuyêt thường hăng, nương tựa vào thuyết thường hằng, cố chấp vào thuyết thường hằng, thành ra ganh ghét, tranh chấp với thuyết đoạn diệt. Nếu nương nơi thuyết thế giới đoạn diệt, vị đó liền vướng mắc vào thuyết đoạn diệt, nương tựa vào thuyết đoạn diệt, cố chấp vào thuyêt đoạn diệt, thành ra ganh ghét, tranh châp với thuyêt thường hăng. [0591all] Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết đúng như thật về nguyên nhân, sự tập khởi, sự đoạn diệt, sự châm dứt, vị ngọt, sự nguy hiêm và sự thoát ly thì vị đó nhất định có dục, có sân, có si, có ái, có thủ, không có tuệ, không thuyết giảng tuệ, có ganh ghét, có tranh chấp, vi đó không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, than khóc, lo buôn, ảo não, không thê vượt thoát khô đau. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với hai học thuyết này mà biết đúng như thật vê nguyên nhân, sự tập khởi, sự đoạn diệt, sự châm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự thoát ly thì vị đó nhất định không có dục, không có sân, không có si, không có ái, không có thủ, có tuệ, có thuyết giảng tuệ, không có ganh ghét, không có tranh chấp, vị đó thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng thoát khỏi sự buồn rầu, than khóc, khổ não và vượt thoát khổ đau. Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhimg không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương

4 Nguyên tác: Nhị kiến, hữu kiến cập v6'kiến ,bhavaditthi ca vibhavaditīhi , cũng gọi là ^đoạn kiến”và “thuơng kiến".i Đoạn kiến cũng gQÌ là "v6 kiên”:Vọng kiến cố chap cho rằng than tâm chúng sanh đoạn diệt chết rồi không tiêp tục sanh ra nữa; ii Thường kiến cũng gọi là "hữu kien59 :Vọng kiến cố chấp cho rằng thân tâm chúng sanh thường trụ, không gián đoạn.

, \ ĩ -19 À 9f9 đoạn trừ sự chấp thủ vê dục mà không chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ vê giới, về nhận thức và về bản ngã.5 Vì sao như vậy? Vì Sa-môn hay Bà-la-môn đó không biết đúng như thật về ba trường hợp còn lại, cho nên tuy chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhimg không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Lại có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục và chấp thủ về giới mà không chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về nhận thức và bản ngã. Vì sao như vậy? Vì vi Sa-môn hay Bà-la- môn đó không biết đúng như thật về hai trường hợp kia, cho nên tuy đoạn trừ sự chấp thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Lại có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương đoạn trừ chấp thủ, nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Họ chỉ chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục, chấp thủ về giới, chấp thủ về nhận thức mà không chủ trương đoạn trừ chấp thủ bản ngã. Vì sao như vậy? Vì vi Sa-môn hay Bà-la- môn đó không biết đúng như thật ve một trường hợp còn lại, cho nên tuy chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ. Đối với giáo pháp như thế, nếu có niềm tin với Tôn sư thì niềm tin đó không chân thật, không hết lòng; nếu có tin Pháp thì niềm tin đó cũng không chân thật, không hết lòng; nếu có tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm hạnh đạo đức thì niềm tin đó cũng không chân thật, không hét lòng; nêu có thương yêu, kính trọng, giúp đỡ những pháp hữu xuất gia và cư sĩ thì sự thương yêu đó cũng không chân thật, không hết lòng. [0591b06] Nếu có đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời thì Ngài cũng chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ. Ngay trong đời này5 Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả các trường hợp chấp thủ, chủ trương đoạn trừ sự chấp thủ về dục? chấp thủ về giới cấm, chấp thủ về nhận thức và chấp thủ về bản ngã. Bốn trường hợp chấp thủ này nhân nơi đâu5 tập khởi do đâu, phát sanh từ dâu, lấy gì làm gốc? Bốn trường hợp chấp thủ này nhân nơi vô minh, tập khởi do vô minh, phát sanh từ vô minh và lấy vô minh làm gốc. Nếu có Tỳ-kheo nào mà vô minh đã bị diệt trừ, tuệ minh đã phát sanh thì vị đó không còn chấp thủ, không chấp thủ về dục, không còn chấp thủ về giới câm, không còn chấp thủ về nhận thức và bản ngã. Vị đó do không còn chấp thủ nên không có lo sợ, đã không lo sợ thì đoạn trừ hết các nhân duyên, chắc chắn

5 Tham chiếu: M. 11: Cattārimāni, bhikkhave, upādānāni. Katamāni cattāri? Kāmupādānqm, ditthupādānam, sīlabbatupādānam, attavādupādānam (Chư Tỷ-kheo, có 4 chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ), HT. Thích Minh Châu dịch.

chứng đắc Niết-bàn và biết đúng như thật rằng: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Trong giáo pháp chân chánh này, nêu có niêm tin với Tôn sư thì niêm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có tin Pháp thì niềm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có tin Giới chứa đựng đầy đủ phẩm

hạnh đạo đức thì niềm tin này là chân thật, là hết lòng; nếu có thương yêu? kính trọng, giúp đỡ những pháp hữu xuất gia và cư sĩ thì sự thương yêu này là chân thật, là hết lòng. Này chư Hiền, chúng tôi có phẩm hạnh như vậy, có năng lực như vậy, có trí tuệ như vậy; nhân đây mà chúng tôi nói 'chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, Sa- môn thứ hai, Sa-môn thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn hay Bà-la-môn. Các đạo khác đều trống rỗng, không có Sa-môn5 Bà-la-môn. Do đó? tùy theo hội chúng mà chúng tôi chân chánh rông lên tiêng rông như sư tử vay.'" Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÃ-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, có cư sĩ tên là Thật Ý2 ra khỏi thành Vương Xá? muốn đến chỗ đức Phật để cúng dường và lễ bái, nhưng sau đó ông nghĩ: "Ta hãy khoan đến đỏ, có thể giờ này đức Thế Tôn vẫn còn đang ngồi thiền cùng với các Tỳ-kheo. Ta hãy vào rừng Ưu-đàm-bà-la,3 đến khu vườn của ngoại dạo." Nghĩ rồi, cư sĩ Thật Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la? đến khu vườn của ngoại đạo. Lúc đó, trong rừng Ưu-đàm-bà-la, nơi khu vườn của ngoại đạo có một du sĩ tên là Vô Nhuế được tôn làm thầy của những người ngoại đạo, được mọi người kính trọng, quy phục, được năm trăm vị ngoại đạo tôn sùng. Giữa hội chúng ồn ào đang tụ tập quanh chỗ ngồi, Vô Nhuế cao giọng lớn tiếng bàn đủ mọi việc, như luận về chuyện ngôn ngữ, chuyện vua chúa, chuyện trộm cướp, chuyện đấu tranh, chuyện ăn uống, chuyện y phục, chuyện phụ nữ, chuyện đồng nữ? chuyện dâm nữ, chuyện thế tục, chuyện phi dạo, chuyện sông biển, chuyện quốc gia?... đại loại đủ mọi vấn đề như vậy. Khi ấy, du sĩ Vô Nhuế thấy cư sĩ Thật Ý từ xa đi đến, liền bảo hội chúng của mình hãy im lặng: Nay chư Hiên, các ong chơ noi nữa ma hãy vui ve im lặng, môi người hãy tự thu nhiếp. Vì sao như vậy? Vì có cư sĩ Thật Ý sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm có danh đức cao dày, được mọi người kính trọng ở nơi thành Vương Xá này thì ông áy là bậc nhát. Ong áy không ưa sự huyên náo, thích yên lặng và tự thu nhiếp. Nếu biết hội chúng này im lặng, có the ông ấy sẽ đến thăm. Du sĩ Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng roi, tự mình cũng im lặng. Bay giờ, cư sĩ Thật Ý đi đến nơi, chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

1 Nguyên tác: ưu-đàm-bà-ỉa kinh (roi. 0026.104. 0591b26). Tham chiếu: Tản-đà-na kinh (roi. 0001.8. 0047al7); Ni-cau-da Phạm chỉ kinh (T.01. 0011. 0222al9); Tạp. (02. 0099.975. 0252a22); D. 25, Udumbarika Sīhanāda Sutta (Kinh ưu-đàm-bà-la sư tử hông). ^hật Ý ()dịch nghĩa từ Sandhāna, là sự kết hợp, hòa giải, thân thiện. Ni-câu-đà Phạm chỉ kỉnh (roi. 0011. 0222al9) dịch tên vị cư sĩ này là Hòa Hợp (). 3 Ưu-đàm-bà-la (Udumbarikā) vốn là tên của vị hoàng hậu đã phát tâm xây dựng một ngôi tùng lâm (ārāmo) dành cho, các du sĩ cua các học phái khác (paribbājakā) ở gần thành Vương Xá (Rājagaha), nên lay tên bà để định danh.

Cư SĨ Thật Ý hỏi: - Này Vô Nhuế! Đức Phật, đấng Thế Tôn của tôi thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa, là tôi so

sánh Phật, Thế Tôn với những vi ở đây. Ngài thường sống nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú dưới góc cây, sông ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi xa vắng ấy, thường thích tĩnh tọa, an ổn và hân hoan, đức Phật, đấng Thế Tôn chưa hề có một ngày hay một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay. Bấy giờ, du sĩ Vô Nhuế liền nói: -Cư sĩ! Hãy thôi đi9 thôi đi! Do đâu mà ông biết Sa-mon Cù-đàm có trí tuệ giải thoát trống rỗng?4 Với trí tuệ đó thì không đủ để cho rằng, điều gì tương ưng hay không tương ưng, điều gì tùy thuận hay không tùy thuận. Sa-môn Cù-đàm đi từ phương diện này đến phương diện kia, ưa thích từ phương diện này đến phương diện kia, an trú từ phương diện này đen phương diện kia. Cũng giống như con bò bị chột một mắt, chỉ ăn cỏ được một bên/ từ rẻo này đến rẻo kia, ưa thích từ rẻo này đên rẻo kia, sông từ rẻo này đên rẻo kia. Này cư sĩ, nêu như Sa-môn Cù-đàm đến hội chúng này thì chỉ bằng một lý lẽ tôi cũng đủ hủy diệt ong áy, de dang như lăn cai bình rong va toi cũng sẽ noi vê VI dụ con bo chột một mát cho ông ây nghe. [0592a05] Rồi du sĩ Vô Nhuế bảo đồ chúng của mình: -Này chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến hội chúng này, nếu ông ấy có đên thật thì các ~ chớ cung ông A _ . ~ __ -4- Ạkính đứng dậy, chớ có chăp tay nghinh đón, cũng __ ỉ A 1 Ạ ỉ r À 4- Ạ _ ji i /x/ _ r •ạ chơ mơi ngoi ma hãy đe săn mọt cho choông áy. Khiông ây đên thìhãy nói: “Này Cù-đàm, có chỗ ngồi đây, Ngài muốn ngồi thì xin tùy y." Lúc này, đức Thế Tôn đang tĩnh tọa? bằng thiên nhãn thanh tịnh siêu việt hơn người, Ngài nghe rõ cuộc nói chuyện như vậy giữa cư sĩ Thật Y và du sĩ Vô

4 Nguyên tác: Không tuệ giải thoát ().Tham chiếu: Ni-câu-đà Phạm chí kinh (roi 0011. 0222b23-24): Sa-môn Cù-đàm sống nơi nhà trống thì có trí tuệ gì để mà giáo h6a?(„);Tạp.(7.02. 0099.974. 0252a26-28): Trí mệ cua Sa-mon Cù-đàm giống như ngôi nhà trông nên không thê đứng giữa đại chúng đưa ra quan điểm: "Diều này đúng, điều này yiôngđúng^điều này phù hợp điềunàykhôngphù hợp” (l! ỈẾ [];O. 25: Evameva suññāgārahatā samanassa Gotamassa paññā (Cũng vậy, trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ), HT. Thích Minh Châu dịch. ^Nguyen tác: Do như hạt ngưu tại biên địa thực ().Tham chiếu: Tản-đà-na kinh (7T01. 001.8. 0047b 14): Giông như con bò chột măt ăn cỏ, chỉ gặm một bên theo những gi nó thấy (,);Tạp.(?.?99p2?2a£8):Nhỉr con bò mù chỉ lẫi theo bờ ruộng, Ịdiông thê vào giữa đám ruộng ().D. 25: Seyyathāpi nāma gokānā pariyantacārinī antamantāneva (Giông như con bò mù (một mắt) chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn liên hệ của nó). Cú ngữ này được Tỳ-kheo Sujāto dịch là: He s just like the nilgai antelope, circling around and lurking on the periphery (Ong ta như con linh dương đầu bò chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn ẩn nấp của nó). J

104. KINH Ưu-ĐÀM-BÀ-LA 689

Nhuế. Vào lúc xế chiều, Ngài rời nơi tĩnh tọa rồi đi vào rừng ưu-đàm-bà-la, đến khu vươn của ngoại đạo. Từ xa thấy đức Thế Tôn di đến, du sĩ Vô Nhuế liền từ cho ngoi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chắp tay hướng về đức Phật khen ngợi: Kính chào

Sa-môn Cù-đàm! Đã lâu rồi Ngài không đến đây, xin mời Ngài ngồi vào chỗ này. Khi ấy, đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Kẻ ngu si này tự làm trái ngược lại với điều mà ông ta đã dự djnh." Biết vậy, đức Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Vô Nhuế sau khi chào hỏi đức Thế Tôn rồi cũng ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này Vô Nhuế, ông và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc gì? Vì lý do gì mà nhóm họp ở nơi này? Du sĩ Vô Nhuế trả lời: Thưa Cù-đàm? chúng tôi nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm có những pháp gì dạy bảo đệ tử, đe khiến cho các đệ tử sau khi vâng lãnh sự chỉ dạy liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh, còn giảng nói lại cho ĩigirời?" Thưa Cù-dàm, tôi và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc như vậy. Vì lý do đó mà chúng tôi nhóm họp ở nơi này. Cư sĩ Thật Ý nghe ông ta nói vậy, liền nghĩ: "Lạ thay, du sĩ Vô Nhuế lại nói dối! Vì sao như vậy? Vì ở trước đức Thế Tôn mà lại lừa dối NgM." Đức Phật biết vậy, liền nói: Này Vô Nhuế, pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy ya khó chứng đắc. Ta đã dạy cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo liền được an ổn, trọn đời tinh tu Phạm hạnh. lại còn đem dạy cho người khác. Này Vô Nhuê, sao ông không hỏi Ta vê pháp tu khô hạnh đáng ghe sợõ ma Ton sư cua ong đã lay lam tong chỉ, nêu ong hoi Ta thì Ta sẽ giải đáp khiến cho ông thỏa mãn? Bấy giờ, chúng ngoại đạo ồn ào đó cùng nói lớn: Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ngài có đày đủ như ý túc, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai thần lớn. Vì sao như vậy? Vì Ngài bỏ qua tông chỉ của mình để giải đáp thắc mắc cho người về tông chỉ của họ. Du sĩ Vô Nhuế liền bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi: -Thưa Cù-đàm, về pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ thì thế nào mới được gọi là đầy đủ? Thế nào không được gọi là đầy đủ? [0592b06] Đức Thế Tôn trả lời: Này Vô Nhuế! Như có Sa-môn hay Bà-la-môn lõa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục, không

6 Nguyên tác: Bất liễu tang ố hạnh ( ):Phương phaptuhanh dựa trên sự ghê tởm, chán ghét, khãc khổ cực độ. D. 25: Adhijeguccha (toi thắng khổ hạnh), HT. Thích Minh Châu dịch.

múc nước bằng bình hoặc bằng gáo, không ăn đồ ăn được gắp hay cắt bằng dao gậy, không ăn thức ăn do lừa dối, không tự tiện đến để được ăn, không đánh tiếng để được ăn, không ăn vì được mời,7 không ăn vì biệt đãi,8 không dừng lại để ăn,9 không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai,10 không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uông rượu, không uông nước giâm, hoặc không uông gì cả? học hạnh không uống; hoặc ăn một miếng và nghĩ rằng một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho rằng bảy miếng là đủ5 hoặc ăn bởi một lần nhận được và nghĩ rằng một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ngày ăn một lan và cho rang ăn một lan là đủ, hoặc hai, ba, bon, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một làn là đủ5 hoặc ăn rau dưa, hoặc ăn hạt cỏ, hoặc ăn ngũ cốc, hoặc ăn lúa mạch, hoặc ăn đầu-đầu-la,11 hoặc ăn thức ăn thô, hoặc đen cho rưng văng,12 nương nơi rừng văng, hoặc ăn re cây,

hoặc ăn trai cay, hoặc ăn quả tự rụng, hoặc mặc áo khâu nhiều loại vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá?13 hoặc mặc áo đầu-xá bang lông, hoặc mặc áo da nguyên, hoặc mặc áo da rách, hoặc mặc áo da toàn thủng lỗ? hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện9 hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc 9 7 * 9 n • 9

chỉ nhô tóc, hoặc chỉ nhô râu, hoặc nhô cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thăng không ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm trên gai và lấy gai làm giường, hoặc nằm trên trái cây và lấy trái cây làm giường, hoặc thờ nước rồi ngày đêm lấy tay vọc nước, hoặc thờ lửa rồi ngày đêm đốt lửa, hoặc thờ mặt trời mặt trăng, hoặc thờ đấng Tự tại phước lớn cho nên luôn chắp tay hướng về những nơi đó. Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? So với việc phải chiu vô lượng khổ để tu tập khổ hạnh phiền lao14 thì pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đầy đủ hay không đầy đủ? [0592c03] Du sĩ Vô Nhuế trả lời: Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đầy đủ, không phải không đầy đủ. Đức Thế Tôn lại nói: -Này Vô Nhuế! Ta sẽ chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm.

7 Nguyên tác: Bất lai tôn na ehibhadantikà: Không nhận lời mời đi ăn. 8 Nguyên tác: Bất thiện tôn na uddissakatarri-. Không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình. 9 Nguyên tác: Bất trụ tôn ,na titthabhadantikd: Không dừng lại khi có lời mời ăn. 10 Nguyên tác: Bất hoài nhâm gia thực na gabbhiniyā patiganhāti: Không [nhận thức ăn] tư người đàn bà mang thai. 11 Đầu-đầu-la ÌS, daddulà. PED cho rằng đó là một loại gạo. 12 Nguyên tác: Chí vô sự xứ . J 13 Nguyên tác: Đầu-xá y dussà'. Vải thô chưa nhuộm màu. 14 Nguyên tácQ Học phiền nhiệt hạnh ātāpanaparitāpanānuyogam anuyutto viharati'. Tu tập theo sự kho hạnh ép xác.

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA 691

Du SĨ VÔ Nhuế hỏi: Thưa Cù-đàm! Ngài hãy nói cho tôi biết, pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đây đủ đó đã bị vô lượng câu uê làm cho ô nhiễm như thế nào? Đức Thế Tôn đáp: -Này Vô Nhuế! Như có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ,15 rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có ước muốn bất chánh, nhớ nghĩ tham dục. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có ước muốn bất chánh, nhớ nghĩ tham dục thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khô, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tư cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh gian khổ nên tâm liền dính mắc chấp trước. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh gian khổ nên tâm liền dính mắc chấp trước thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy

là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành kho hạnh gian kho mà tự thị khinh người. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành kho hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà tự thị khinh người thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho roi đen nhà người mà tự khen rang: "T6i hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm." Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành kho hạnh gian kho rồi đến nhà người mà tự khen rằng: "Tôi hành kho hạnh gian kho, hạnh của tôi rất khó m" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên khi thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh tâm ganh tị mà nói rằng: "Sao lại cúng dường, lễ bái Sa-môn và Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường và lễ bái tôi! Vì sao như vậy? Vì toi là người hành khổ hạnh." Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành

15 Nguyên tác: Thanh khổ hạnh khổ hành / tapam samādiyati'. Một vị khổ hạnh siêng tu khổ hạnh HT. Thích Minh Châu dịch. Các bản Tông, Nguyên, Minh đêu ghi: Tinh khô hạnh khổ hành .

khổ hạnh gian khổ nên khi thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh tâm ganh ti mà nói rằng: "Sao lại cúng dường, lê bái Sa-môn và Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường và lê bái tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh" thì này Vô Nhuế, hành khô hạnh như vậy là cấu uế. [O593aO8] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khô, do chuyên thực hành khô hạnh gian khô cho nên nêu thây Sa- môn hay Bà-la-môn nào được người kính trọng, cúng dường và lễ bái liền đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó rằng: "Sao ông lại được kính trọng, lễ bái và cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm loại hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn thường đến nhà người cũng giống như vẫyy Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ cho nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn nào được người kính trọng, cúng dường và lễ bái liền đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó rằng: "Sao ông lại được kính trọng, lê bái và cúng dường? Ong là người nhiêu ham muôn, nhiêu mong câu, thường ăn năm loại hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ r 9

trái cây, hạt sanh từ măt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tôn hại năm thứ hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn thường đến nhà người cũng giống như vRy" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có buồn lo, si mê, kinh hãi, sợ sệt, sống lén lút, hay

nghi ngờ, sợ mất danh tiếng, tham lam và buông lung. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà có buồn lo, si mê, kinh hãi, sợ sệt, sống lén lút, hay nghi ngờ, sợ mất danh tiếng, tham lam và buông lung thì này Vô Nhuế, hành kho hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên tu kho hạnh gian khổ nên sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, không biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn hay Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên tu khổ hạnh gian khổ nên sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, không biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn hay Bà-la-môn phải thông suốt lại không thông suốt thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. [0593Ồ04] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khô, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên bị trói buộc bởi

sân hận, che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dua nịnh, dối gạt, không tự thẹn, không xấu hổ. Này Vô Nhuế! Nấu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên bị trói buộc bởi sân hận, che giấu, bon xẻn, ganh ghét, dua ninh, dối gạt, không tự thẹn, không xấu hổ thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà nói dối, nói hai chiều, nói thô ác, nói thêu dệt, phạm nhiều giới trọng.16 Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành kho hạnh gian kho, do chuyên thực hành kho hạnh gian khổ mà nói [. ey y • dôi, nói hai chiêu, nói thô ác, nói thêu dệt, phạm nhiêu giới trọng thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê! Hoặc có người chuyên thực hành khô hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không có tín tâm, lười biếng, không chánh niệm, không chánh trí, có tuệ thấp kém. Này Vô Nhuế! Nấu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khô mà không có tín tâm, lười biêng, không chánh niệm, không chánh trí, có tuệ thấp kém thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Này Vô Nhuế! Ta đã chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm, có phải vậy chăng? Du sĩ Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm! Đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó đã bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm. Này Vô Nhuế, Như Lai sẽ chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm như thế nào không? Đức Thế Tôn bảo: -Này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không có tham muốn bất chánh, không nhớ nghĩ tham dục. Này Vô Nhuê! Nêu có người chuyên thực hành khô hạnh gian khổ, rồi do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho nên không có tham muốn bất chánh, không nhớ nghĩ tham dục thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nhìn ánh mặt

trời, không hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khô

16 Nguyên tác: Cụ ác giới ,dussīlyani'. Phá giới.

hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cau nue. [0593c01] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không cong cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không chấp trước. Này Vô Nhuế! Nêu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho mà không cống cao cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không chấp trước thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành kho hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không tự thị khinh người. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ mà không tự thị khinh người thì này Vô Nhuế, hành khô hạnh như vậy là không câu uê. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: "Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó làm.,, Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: "Tôi hành khổ hạnh gian khổ, hạnh của tôi rất khó]àm" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê! Hoặc có người chuyên thực hành khô hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la- môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không sanh tâm ganh ti mà nói: "Sao lại kính trọng, cúng dường và lễ bái Sa-môn5 Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, lễ bái và cúng dường tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh.” Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không sanh tâm ganh tị mà nói: "Sao lại kính trọng, cúng dường và lễ bái Sa-môn5 Bà-la-môn ấy? Hãy nên kính trọng, lễ bái và cúng dường tôi! Vì sao như vậy? Vì tôi là người hành khổ hạnh" thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn hay Bà-la- môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa-môn và Bà-la-môn đó: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường và lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm loại hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn mà hay đến nhà người thì cũng

giống như vay." Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên nếu thấy Sa-môn9 Bà-la-môn được người kính trọng, cúng dường và lễ bái thì không đến mắng ngay mặt Sa- môn5 Bà-la-môn đó: "Sao ông lại được kính trọng, cúng dường và lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt là hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như trận mưa lớn làm tổn hại năm loại hạt giống, nhiễu loạn súc vật và con người; Sa-môn và Bà-la-môn mà hay đến nhà người thì cũng giống như vāy,9 thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. [0594a09] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không buồn lo, không si mê, không kinh hãi, không sợ sệt, không sống lén lút, không nghi ngờ? không sợ mất danh tiếng, không tham lam và không buông lung. Này Vô Nhuế! Nêu có người chuyên thực hành kho hạnh gian kho, do chuyên thực hành khổ hạnh gian kho nên không buồn lo, không si mê, không kinh hãi, không sợ sệt, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất danh tiếng, không tham lam và không buông lung thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, biết tiết chế, những pháp mà Sa- môn và Bà-la-môn phải thông suốt cũng đều thông suốt. Này Vô Nhuế! Nếu CÓ người chuyên thực hành khô hạnh gian khô, do chuyên thực hành khô hạnh gian khổ nên không sanh khởi thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, biết tiết chế, những pháp mà Sa-môn và Bà-la-môn phải thông suốt cũng đều thông suốt thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không bị trói buộc bởi sân hận, không che giấu, không bon xẻn, không ganh ghét, không dua nịnh, không dối gạt, biết tự thẹn, biết xấu hổ. Này Vô Nhuế! Nấu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không bị trói buộc bởi sân hận, không che giấu, không bon xẻn, không ganh ghét, không dua nịnh, không dối gạt, biết tự thẹn, biết xấu hổ thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không phạm ác giới. Này Vô Nhu! Nếu có người chuyên thực hành khô hạnh gian khô, do chuyên thực hành khô hạnh gian khổ nên không nói dối, không nói hai chiều, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không phạm ác giới thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không câu uê.

[0594b01] Lại nữa, này Vô Nhuế! Hoặc có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ nên có tín tâm, không lười biếng, chánh niệm, chánh trí, không có tuệ thấp kém. Này Vô Nhuế! Nếu có người chuyên thực hành khổ hạnh gian khổ, do chuyên thực hành khô hạnh gian khổ nên có tín tâm, không lười biếng, chánh niệm, chánh trí, không có tuệ thấp kém thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Này Vô Nhuế! Ta đã chỉ cho ông thấy pháp tu khổ hạnh đáng

ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm cho ô nhiễm, có phải vậy không? Du sĩ Vô Nhuế đáp: -Thưa Cù-đàm! Đúng vậy, Ngài đã chỉ cho tôi thấy pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đầy đủ đó không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chỗ chân thật chưa? Đức Thế Tôn trả lời: Này Vô Nhuế! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này chưa đạt được bậc nhất, chưa đạt đến chỗ chân thật, tuy nhiên cũng thành tựu được hai phần, là da và các đốt xương. Du sĩ Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm! Thế nào gọi là pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đạt đến ngoài da? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế! ở đây như có Sa-môn hay Bà-la^-môn nào tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đong tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không miễn cưỡng,17 tâm tương ung với từ, thành tựu và an trú khắp một phương. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương chính, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, cùng khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù két oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm khắp cả thế gian, thành tựu và an tru. Cũng như vậy, đối với bi, với hỷ, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la5 khéo tu vô lượng, bao trùm khắp cả thế gian, thành tựu và an tru. Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? Phải chăng pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy đạt đến ngoài da?

17 Nguyên tác: Lạc nhi bất tấn ().Pali: So abhirahati no hīnāyāvattati (Vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm).

104. KINH ƯƯ-ĐÀM-BÀ-LA 697

VÔ Nhuế thưa: Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy đạt đến ngoài da. Thưa Cù-đàm9 vậy thế nào gọi là pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ đạt đến các đốt xương? Đức Thế Tôn trả lời: -Này Vô Nhuế, như có Sa-môn hay Bà-la-môn tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đồng tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối5 không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh như vậy, ưa thích mà không miễn cưỡng. Những hành nghiệp, những tướng mạo đã có, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành, vô lượng kiếp hoại, tại chỗ đó ta là chúng sanh tên như thế, ta đã trải qua nơi kia, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy5 có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chiu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sông lâu như vậy, châm dứt thọ mạng như vậy. Roi chét nơi này sanh nơi kia, chết nơi kia sanh ở nơi này, ta sanh tại chỗ này có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy? tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy và chấm dứt thọ mạng như vậy. Này Vô Nhuế! Ý ông thế nào? Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy có đạt đến các đốt xương không?

[0594c09] Vô Nhuế thưa: -Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này đã đạt đến các đốt xương. Thưa Cù-đàm! Vậy thì pháp tu khô hạnh đáng ghê sợ như thê nào mới đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật? Đức Thế Tôn đáp: -Này Vô Nhuế! Như có Sa-môn hay Bà-la-môn tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với việc sát sanh; không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, không đồng tình với việc trộm cướp; không phạm con gái người ta, không bảo người khác phạm con gái người ta, không đồng tình với việc phạm con gái người ta; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với việc nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không miễn cưỡng. Bằng thiên nhãn thanh tịnh siêu việt hơn người, vị ấy thấy biết đúng như thật chúng sanh này lúc sanh ra, lúc qua đời, hình dạng đẹp hoặc xấu, tính cách hiền lành hoặc xấu xa, qua lại cõi lành hoặc cõi ác5 đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Nếu chúng sanh nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, chê bai Thánh nhân, tà kiến, kết thành nghiệp tà kiên; do nhân duyên đó nên sau khi qua đời, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến nẻo ác, đọa vào địa ngục. Còn nếu chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói lời

thiện, ý nghĩ điều thiện, không chê bai Thánh nhân, có chánh kiến, thành tim nghiệp chánh kiến, do nhân duyên đó nên sau khi qua đời, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Này Vô Nhuế! Ý ông nghĩ sao? Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không? Vô Nhuế thưa: —Thưa Cù-đàm! Pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm! Phải chăng vì để chứng ngộ pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này mà các đệ tử của Ngài đã nương theo Ngài để tu hành Phạm hạnh? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế! Không phải vì để chứng ngộ pháp tu khổ hạnh đáng ghê sợ này mà đệ tử của Như Lai nương theo Như Lai đe tu hành Phạm hạnh. Này Vo Nhuế! Lại còn có pháp khác rất tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Như Lai nương theo Như Lai mà tu hành Phạm hạnh. [0595a01] Lúc đó, hội chúng ngoại đạo huyên náo cao giọng lớn tiếng nói: "Dúng vậy! Đúng vậy! Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử Sa-môn Cù-đàm nương theo Sa-môn Cù-đàm để tu hành Phạm hạnh.,, Bấy giờ, du sĩ Vô Nhuế liền bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi: Thưa Cù-đàm! Có pháp nào được gọi là pháp rất tối thượng, tối diệu, tối thắng và chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành Phạm hạnh? Đức Thế Tôn đáp: Này Vô Nhuế! Nếu đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Tượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian thì vị ấy đã xả bỏ năm thứ trói buộc và ngăn che8 những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém, đã lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện,... cho đến đã chứng đắc, thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định như vậy, thanh tịnh, không có cấu uế, không phiền não, nhu hòa, khéo an trú, được tâm bất động mà hướng đến sự diệt sạch các lậu hoặc, tự thân chứng ngộ trí tuệ và thần thông, biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đay là khổ diệt và đây là con đường diệt khô. Vị đó biêt như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình

đã giải thoát và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh níía."

18 Nguyên tác: Ngũ cái ,pañca mvarana, gồm: tham dục sân khuê thụy miên :trạo cử và nghi ngòi .

Này VÔ Nhuế! Đó là pháp rất tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành Phạm hạnh. Bấy giờ, cư sĩ Thật Ý nói: Này Vô Nhuế! Đức Thế Tôn đang ở đây. Bây giờ, ông có thể dùng lý lẽ nào đó để hủy diệt Ngài, dễ dàng như lăn cái bình rỗng chăng? Và ông hãy nói ví dụ về con bò chột một mắt, ăn cỏ một bên đi! Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi du sĩ Vô Nhuế: -Quả thật ông có nói như vậy không? Du sĩ Vô Nhuế đáp: -Thưa đức Cù-đàm9 quả thật tôi có nói như vậy. Đức Thế Tôn lại hỏi tiếp: Ông có từng nghe các vị Trưởng lão cựu học đã nói: "Thời quá khứ, đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác sống nơi thanh vang, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tQa.” Chư Phật, Thế Tôn thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi thanh vắng, thường thích tĩnh tọa, yên ổn và an lạc, các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người, như ông và quyến thuộc của ông hôm nay chăng? [0595b01] Du sĩ Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm! Tôi từng nghe các vị Trưởng lão cựu học đã nói: "Thòi quá khứ, đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tẹ)a" Chư Phật, Thế Tôn thường sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru dưới gốc cây, sông ở non cao, không một tiêng đọng, vơi nạnh viên ly, không co điêu xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi xa vắng, thường thích tĩnh tọa, yên ổn và an lạc, các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như tôi và quyến thuộc của tôi hôm nay! -Này Vô Nhuế! ông không nghĩ rằng, như các đức Thế Tôn đó sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. ở những nơi xa vắng, thường thích tĩnh tọa, yên on và an lạc, Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo Chánh giác ư? Du sĩ Vô Nhuế đáp: Thưa đức Cù-đàm, nếu biết như thế thì vì lý do gì mà tôi lại dám nói rằng: "Chí bằng một lý lẽ cũng đủ để hủy diệt Ngài, dễ dàng như lăn cái bình rỗng và còn nói ví dụ về con bò chột một mắt, ăn cỏ một bOn?"

_ FT^1_ Á HP _ / • Đức Thê Ton noi: Này Vô Nhuế! Như Lai có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ, do vậy mà Như Lai tự ximg là bậc Vô Uy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không dua nịnh, không dối gạt, chất trực, không hư vọng thì Ta giáo huấn cho và vi ấy tu tập theo giáo

huấn ấy, chắc chắn sẽ đạt được Trí tuệ cứu cánh. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm thầy cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Thầy của ông, Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sam6n Cù-đàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Đệ tử của ông, Ta trả lại cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại vật dụng cúng dường cho ông. Ta chỉ thuyêt pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế! Nếu ông nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết pháp" thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại điều khen ngợi cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: "Nếu ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát đưa đến giải thoát, có thể chứng đắc thì Sa-môn Cù-đàm này sẽ đoạt của ta, hủy diệt ta" thì đừng nên nghĩ như vậy. Ta trả lại pháp của ông cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe mà thôi. Bấy giờ, tất cả hội chúng đều im lặng. Vì sao như vậy? Vì họ đang bi Ma vương chế phục. Đức Thế Tôn bảo cư sĩ Thật Ý: Ong hãy nhìn tát cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao như vậy? Vì họ đã bị Ma vương chế phục, khiến cả hội chúng ngoại đạo không có một ngoại đạo nào khởi ý niệm: "Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh!" [0595c05] Đức Thế Tôn biết như vậy rồi, Ngài thuyết pháp cho cư sĩ Thật Ý nghe, khiến mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến được hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp cho cư sĩ này nghe, khiến mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ rồi? Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay cư sĩ Thật Ý rồi vận dụng thần túc, nương hư không mà đi. Đức Phật dạy như vậy, cư sĩ Thật Ý nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

105. KINH NGUYỆN12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có vị Tỳ-kheo sông một mình với hạnh xa lìa, ở nơi thanh văng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý niệm: “Nếu ta được đức Thế Tôn thăm hỏi, nói chuyện, thuyêt pháp cho nghe thì ta sẽ đác giới Cụ túc, không phê bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán/ ở nơi an tinh vang lāng.59 Suy nghĩ vạy roi nen vao lúc xe chiêu, vi Ty-kheo ay rơi nơi tĩnh tọa, đi đên chỗ đức Phật. Trông thấy vị Ty-kheo ấy từ xa đi đến, nhân đó Thế Tôn dạy các Ty-kheo: Các thầy hãy nguyện được Thế Tôn thăm hỏi, cùng nói chuyện với mình, thuyết pháp cho mình nghe để được đắc giới Cụ túc, không phế bỏ thiền đinh và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tinh vắng lặng. Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Ta có thân tộc? nguyện cho họ nhân nơi ta mà khi qua đời được sanh đến chỗ lành, sanh lên cõi trời. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phe bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng/9 \ r Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện răng: "Các thí chủ đã cung cáp y phục, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, đủ các vật dụng để ta tu hành; ta nguyện cho họ nhân đây mà được nhiều công dức, có trí tuệ lớn,3 được nhiều phước báu. Vậy ta hãy thành tựu giới cụ túc, không phê bỏ thiên định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng." Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, lạnh, nóng, ruồi, muỗi châm chích, sự bức bách của nắng, gió; bi tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể kham nhẫn, bản thân tật bệnh đau đớn cùng cực cho đên mạng sông sáp tận và những điêu không vừa ý ta

cũng đêu có thê kham nhẫn. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lang?5

1 Nguyên tác: Nguyện kinh (T.Ol. 0026.105.0595cll). Tham chiếu: M. 6, Ākañkheyya Sutta (Kỉnh ước nguyện); A. 10.71 - v. 131. 2 Nguyên tác: Thành tựu quán hạnh (vipassanāya samannāgato)'. Thành tựu tuệ minh sát.

3 Nguyên tác: Đại quang minh ().

Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta có thể kham nhẫn được những điều không vừa ý, nếu có điều không vừa ý thì luôn giữ tâm không dao động. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vang lặng.” Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta có thể kham nhẫn được sự sợ hãi, nếu có sự sợ hãi thì luôn giữ tâm không dao động. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng]ặng" Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: “Nếu tâm ta sanh khởi ba niệm ác, bất thiện là niệm dục, niệm sân và niệm hại thì nguyện ta không để tâm dính mắc vào ba niệm đó. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền đinh và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vang lang." [0596a08] Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta có thể lìa dục, lìa pháp ác9 bất thiện,... cho đến thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng ng." Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: ^Nguyện cho ta dứt hết ba thứ trói buộc/ đắc quả Tu-đà-hoàn, không đọa nơi xấu ác, quyết đinh hướng đến quả vị Chánh giác, nhiêu nhát là còn bảy lân sanh ở cõi trời hoặc cõi người. Sau bảy lân qua lại nơi đó thì vượt thoát khô đau. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phê bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tinh vang lāng.59 Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta dứt hết ba thứ trói buộc, giảm thiểu tham dục, sân hận và si mê; chỉ còn một lần sanh lại ở cõi trời hoặc cõi người, sau một lân qua lại nơi đó thì vượt thoát khô đau. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phe bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lặng, Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta dứt hết năm hạ phần kiết,5 sanh vào cõi kia6 mà chứng đắc Niết-bàn? được pháp bất thoái, không trở lại thế gian này nữa. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền đinh và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vang lang.” Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện rằng: "Nguyện cho ta được tịch tịnh giải thoát, lìa sắc, chứng đắc Vô sắc, với sức định như vậy mà tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, nhờ tuệ quán đoạn trừ lậu hoặc, biết rõ lậu hoặc. Vậy ta hãy thành

4 Nguyên tác: Tam kiết .Ba thứ trói buộc, gồm trói buộc bởi nhận thức chấp ngã thân kiến kiết, ,sakkāyaditthi', trói buộc bởi giới,mat cực đoan giới cấm thủ,,sīlabbataparāmāso va trói buộc bởi sự nghi ngờ, do dự nghi kiết,vicikicchā. 5 Nguyện tác: Ngũ hạ phần kiết ẸT.Năm thứ trói buộc^ gồm có: i Dục tham ,ii Sân khuê ,iii Hữu thân kiến ,iv Giới cấm thủ kiên ,v Nghi . 6 Nguyên tác: Sanh ư bỉ gian chỉ cho "ngũ Bất

Hon thiên”còn gọi là 4tngũ Tịnh Cư thiên".

105. KINH NGUYỆN 703

tựu giới Cụ túc, không phế bỏ thiền định và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vắng lãng?9 Này Tỳ-kheo! Hãy nguyện răng: "Nguyện cho ta được như ý túc, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, dứt sạch các lậu hoặc, chứng đắc Vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an tru, roi biết như thật rang: 'Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc, không phê bỏ thiên đinh và thành tựu tuệ quán, ở nơi an tịnh vang lặng." Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, ngồi thiền tư duy, tu hành tinh cần, tâm không buông lung. Nhờ ẩn dật nơi yên tinh, ngồi thiền tư duy, tu hành tinh cần, tâm không buông lung mà đạt được mục đích của một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự biêt, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru, roi biêt như thật răng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Vị Tôn giả ấy sau khi biết pháp rồi,... (cho đến) chứng quả A-la-hán. [0596b06] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

106. KINH TƯỞNG1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với đất mà có ý nghĩ về đất như vầy: "Đất tức là ngã,2 đất là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của dất." Vị ấy đã cho đất tức là ngã, cho nên không biết rõ về đất. Vi ấy cũng có ý nghĩ như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ,3 Phạm thiên, Vô Phiền thiên,4 Vô Nhiệt thiên.5 Vị ấy cũng có ý nghĩ như vậy đối với Tinh thiên,6 cho rằng: "Tịnh thiên tức là ngã, Tịnh thiên là sở hữu của ngã, ngã la sở hữu của Tịnh thiên.,, Vi ấy đã cho Tịnh thiên tức là ngã, cho nên không biết rõ về Tinh thiên. Vị ấy cũng có ý nghĩ như thế đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, điều được thấy, điều được nghe, điều được nhận biết, điều được hiểu rõ? điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý, điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Vị ấy đối với cái tất cả có ý nghĩ về cái tất cả, cho rằng: "Tất cả tức là ngã, tất cả là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của tất cả." Vị ấy đã cho tất cả tức là ngã, cho nên không biết rõ về tất cả. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với đất thì biết là đất, cho rằng: “Bất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã khg phải là sở hữu của đất.y Vị ấy đã không cho đất tức là ngã, cho nên vị ấy biết rõ về đất. Vị ấy cũng biết như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vị ấy cũng biết như vậy đối với Tịnh thiên, cho rằng: "Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã,

1 Nguyên tác: Tưởng kinh roi. 0026.106. 0596b09. Tham chiếu: Tạp.7.02. 0099.109. 0034a24; Tăng.T.02. 0125.44.6. 0766a04; M. l, Mūlapariyāya Sutta Kinhpháp môn căn bản. 2 Nguyên tác: Thần tức thần ngã, bản ngã. Địa tức thị thần .Tham chiếu: Tạp. T.02. 0099.109. 0034b 16: Đất chính la ngã Bà ;M. 1: Pathavirn meti đất là ngã. 3 Sanh chủ ,Pajāpati: Chúa tể của muôn loài theo tín niệm Ấn giáo. 4 Vô Phiền thiên ,một trong 5 cõi trời thuộc Tịnh Cư thiên .Cõi trời này không còn khổ, vui, không co tất cả phiền não. 5 Vô Nhiệt thiên ,một trong 5 cõi trời thuộc Tịnh Cư thiên. Cõi trời này không có tất cả nhiệt não bức bách. 6 Tinh thiên chỉ cho 5 tầng trời trong Đệ tứ thiền thuộc cõi sắc: 1. Vô Phiền thiên ;2. Vô Nhiệt thịêĩự;3. Thiện Kiến thiên #;4. Thiện Hiện thiên ;5. Săc Cứu Cánh thiên là nơi sanh đến của các bậc Thánh A-na-hàm.

ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.,^ Vi ấy đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, cho nên vi ấy biết rõ Tịnh thiên. Vi ấy cũng biết như vậy đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, với đong nhất, di biệt, đa thù, điều được thấy, điều được nghe, điều được nhận biết, điều được hiểu rõ, điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý9 điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Vi ấy đối với cái tất cả thì biết là tất cả, cho rằng: “Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất c"Vị ấy đã không cho tất cả chính là ngã, cho nên vị ấy biết rõ về tất cả. [0596c03] Như Lai đối với đất thì biết rõ là đất, cho rằng: "Bất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của dất." Ta đã không cho đất chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về đất. Ta cũng biết như vậy đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Ta cũng biết như vậy đối với Tịnh thiên, cho rằng: "Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.,^ Ta đã không cho Tịnh thiên chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về Tịnh thiên. Ta cũng biết như vậy đối với Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, với đồng nhất, di biệt, đa thù, điêu được thây, điêu được nghe, điêu được nhận biêt, điêu được hiêu rõ, điều được chứng đắc, điều được quán sát, điều được tác ý, điều được ý tư duy, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này. Ta đối với cái tất cả thì biết là tất cả, cho rằng: "Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất c"Ta đã không cho cái tất cả chính là ngã, cho nên Ta biết rõ về cái tất cả. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

7 Bản Hán, hết quyển 26.

PHẨM 10: KHU RỪNG1 (Gồm 10 kinh, thuộc ngày tụng thứ hai tại thành Tiểu Thổ)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Nhị lâm, Quán tâm nhỉ
Đạt, Nô-baf Pháp bổn ưu-đà-laf Mật hoàn

Cù-đàm-dỉ tại hậu.1

2

1 Quyển 27. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:,;;;Do đặt lại tựa đề nên
Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

107. KINH KHU RỪNG1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an tru tại khu rừng này, mong rằng chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm chưa đinh thì sẽ được đinh, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Riênệ những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuôc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm vẫn không có chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được đinh, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không thể chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sông, hét thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì. Khi ấy? vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo chẳng phải vì áo mặc, chẳng phải vì ăn uống, giường nệm? thuốc thang, cũng chẳng phải vì vật dụng sinh hoạt thường ngày. Nhưng nay ta an trú nơi khu rừng này, chưa chánh niệm vẫn không có chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không thể chứng đắc Niết- bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên rời bỏ khu rừng này mà đi. [0597al6] Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, mong rằng chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm chưa định thì sẽ được định, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì

1 Nguyên tác: Lâm kinh, thượng (roi. 0026.107. 0596c25). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.45.3. 0771C17); M. 17, VanapaUha Suita (Kinh khu rừng); A. 9.6 - IV. 365.

sẽ chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời song, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì.99 Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường

nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo chẳng phải vì áo mặc, chẳng phải vì ăn uống, giường nệm, thuốc thang, cũng chẳng phải vì vật dụng sinh hoạt thường ngày. Nay ta an trú nơi khu rừng này, chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa đinh liền được đinh, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên tiếp tục ở lại khu rừng này. [0597b04] Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, mong rằng chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm chưa định thì sẽ được định, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức . r r

ăn, áo mặc, giường nệm, thuôc thang, các vật dụng cho đời sông, mong khát thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm vẫn không chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được đinh, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không the chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì. Khi ây5 vị Tỳ-kheo nên quán như vây: “Ta an trú tại khu rừng này, chưa chánh niệm vẫn không chánh niệm, tâm chưa định vẫn không được định, chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch vẫn không được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không thể chứng đắc Niêt-bàn. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gi." Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy

107. KINH KHƯ RỪNG (1) 711

rồi thì nên lập tức rời bỏ khu rừng này, đi ngay lúc nửa đêm, không cần từ biệt những Tỳ-kheo khác. Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, mong rang chưa chánh niệm thì sẽ có chánh niệm, tâm chưa định thì sẽ được định, chưa giải thoát thì sẽ giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch thì sẽ đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đăc Niêt-bàn. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như thức ăn, áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Roi Tỳ-kheo ây nương vào khu rừng này đê ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, Tỳ-kheo ấy chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa định liền được đinh, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đác Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đác Niêt-bàn. Riêng những

thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta an tru tại khu rừng này, chưa chánh niệm liền có chánh niệm, tâm chưa đinh liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa đoạn sạch liền được đoạn sạch, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên nương vào khu rừng này để ở trọn đời, cho đến lúc qua đời. Giống như trường hợp nương vào khu rừng để ở, Tỳ-kheo nương vào bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác cũng phải như vậy. [0597c09] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

108. KINH KHU RỪNG1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: -Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: "Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn?1 2 ta phải đạt được mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như thức ăn5 áo mặc, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khan gi.” Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn5 nhưng mục đích ấy tỳ-kheo không đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì. Khi ấy, vi Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo mặc, không phải vì ăn uống, giường nệm, thuốc thang, cũng không phải vì các thứ cần dùng đời sống. Nay ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn, nhtmg mục đích ấy ta không đạt được. Riêng những thứ can dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cần thiết cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên rời bỏ khu rừng này mà đi. Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tam như vầy: "Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn9 ta phải đạt được mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cần thiết cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi.”

1 Nguyên tác: hạ ,(rol. 0026.108.0597c11). Tham chiếu: Tăng.(r02.0125.45.3. 0771C17); M. 17, Vanapattha Sutta (Kỉnh khu rừng). 2 Nguyên tác: Sa-môn nghía ().Theo SĀ. 798: Thế nào gọi là nghĩa Sa-mon? Là đoạn trò hoàn toàn tham dục, sānkhue và si; đoạn trừ hoàn toàn tất cả phiền não ( ).Như vậy, ở đây í4Sa-môn nghĩa,í có thê hiểu là mục đích của Sa-môn, tức quả vị Sa-môn, hoặc quả vị Sa-môn cao nhát, tức quả A-la-hán.

Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn, Tỳ- kheo ấy đã đạt được mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cần thiêt cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo mặc, không phải vì thức ăn? giường nệm5 thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nay ta an tru tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn và mục đích ấy ta đã đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên ở lại khu rừng này. [0598a09] Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tâm như vầy: “Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn, ta phải đạt được mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khan Rồi Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an tru nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn9 nhưng mục đích ấy Tỳ-kheo không đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sông, hét thảy đêu khát thực được một cách khó khăn, chăng dê dàng gì. Khi ấy, vị Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta an trú nơi khu rừng này, với lý tưởnẹ xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn? nhung mục đích ẩy ta không đạt được. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn? giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách khó khăn, chẳng dễ dàng gì?9 Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên lập tức rời bỏ khu rừng này, đi ngay lúc nửa đêm, không cần từ biệt những Ty-kheo khác. Khi Tỳ-kheo chọn một khu rừng nào đó để ở thì nên khởi tam như vầy: "Ta an trú tại khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục ch của Sa-môn, ta phải thành tựu mục đích này. Riêng những thứ cần dùng cho người học đạo như áo mặc? thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời song, mong khất thực được hết thảy một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gi." Rồi Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Sau khi an trú nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của Sa-môn? Tỳ-kheo ấy đạt được mục đích này. Riêng những thứ can dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì.

Khi ấy, vi Tỳ-kheo nên quán như vầy: "Ta an trú nơi khu rừng này, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn đạt được mục đích của của Sa-môn và mục đích ây ta đã đạt được. Riêng những thứ cân dùng cho người học đạo như áo mặc, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, hết thảy đều khất thực được một cách dễ dàng, chẳng

khó khăn gi." Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì nên nương vào khu rừng này để ở trọn đời, cho đến lúc qua đời. Giông như trường hợp nương vào khu rừng đê ở5 Tỳ-kheo nương vào bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác cũng phải như vậy. [0598b04] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

109. KINH Tự QUÁN TÂM1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo nào không thê khéo quán sát tâm của người khác thì hãy khéo tự quán sát tâm của mình. Hãy nên học tập như vậy. Tỳ-kheo khéo tự quán tâm như thế nào? Nếu Tỳ-kheo có quán như vầy tất sẽ được nhiều lợi ích: "Ta đã được nội tâm tịnh chí,2 nhưng chưa thành tựu được pháp quán tuệ tối thượng123 chăng? Ta đã được pháp quán tuệ tối thượng, nhưng nội tâm chưa được tinh chỉ chăng? Ta chưa được nội tâm tịnh chỉ và cũng chưa được pháp quán tuệ tối thượng chăng? Tâm ta đã được nội tâm tinh chỉ và cũng được pháp quán tuệ tối thượng chăng?,^ Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta đã được nội tâm tịnh chỉ, nhung chưa được pháp quán tuệ tối thượng.” Vị Tỳ-kheo ấy đã được nội tâm tịnh chỉ rồi, hãy nên mong cầu thành tựu pháp quán tuệ tối thượng. Sau đó vị ấy được nội tâm tịnh chỉ và cũng được pháp quán tuệ tối thượng. Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta đã được pháp quán tuệ tối thượng, nhưng chưa được nội tâm tịnh chi." Vị Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp quán tuệ tối thượng rồi, hãy nên mong cầu nội tâm tịnh chỉ. Sau đó vị ấy được pháp quán tuệ toi thượng và cũng được nội tâm tịnh chỉ. Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta chưa được nội tâm tinh chí, cũng chưa được pháp quán tuệ tối thuợng." Như vậy, Tỳ-kheo ấy chưa được pháp lành này. Nếu muốn được pháp lành này, phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, tinh cần học tập, chánh niệm tỉnh giác, kham nhẫn, bất thoái. Ví như người bị lửa đốt cháy dầu, cháy áo, phải nhanh chóng tìm cách dập tắt lửa đe khỏi bi cháy đầu, cháy áo; cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp lành này, vì muốn được nên nhanh chóng tìm câu phương tiện, tinh cân học tập, chánh niệm tỉnh giác, kham nhẫn, bất thoái. Sau đó vị ấy được nội tâm tịnh chỉ và cũng được pháp quán tuệ toi thượng. 1 Nguyên tác: Tự quản tâm kinh, thượng (roi. 0026.109. 0598b07). Tham chiếu: M. 114, Sevitabbāsevitabba Sutta (Kinh nên hành trì và không nên hành trì); A. 10.54 - v. 98. 2 Nội chỉ ()tức 4tnội tâm tịnh chi." Tham chiếu: A. 10.54 - v. 98: Ajjhattarn cetosamathassa (nội tâm tịnh chỉ). 3 Nguyên tác: Tối thượng tuệ quán pháp ():Pháp quán bằng tuệ tối thượng. Tham chiếu: A. 10.54 - V. 98: Adhipaññādhammavipassanāya (Tăng thượng tuệ pháp quán).

Sau khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: “Ta đã được nội tâm tịnh chỉ, cũng được pháp quán tuệ tối thượng.^ Vị Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp lành này rồi, hãy nên mong cầu chứng đạt trí tuệ thấu suốt sạch hết phiền não lậu hoặc.4 Vì sao như vậy? Giống như Ta nói không được thọ dụng5 tất cả y, nhưng cũng nói được phép thọ dụng tất cả y. Loại y nào Ta nói không được thọ dụng? Nếu thọ dụng mà tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì loại y như vậy, Ta nói không được thọ dụng. Loại y nào

Ta nói được phép thọ dụng? Nêu thọ dụng mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xâu ác9 pháp bát thiện thì loại y như vậy, Ta nói được phép thọ dụng. Cũng như y áo, vê thức ăn? giường nệm, thôn ấp cũng giống như vậy. Ta nói không được thân cận mọi người, nhưng cũng nói được phép thân cận mọi người. Hạng người nào Ta nói không được thân cận? Nếu thân cận mà tăng trưởng pháp xấu ác? pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì người như vậy, Ta nói không được thân cận. Hạng người nào Ta nói được phép thân cận? Nêu thân cận mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác? pháp bất thiện thì người như vậy, Ta nói được phép thân cận. [0598cl4] Vị ấy biết đúng như thật pháp nào nên tu tập, cũng biết đúng như thật pháp nào không nên tu tập. Vị ấy biết đúng như thật pháp nào nên tu tập và pháp nào không nên tu tập rồi, với pháp không nên tu tập thì không tu tập, với pháp nên tu tập liền tu tập. Sau khi vị ấy không tu tập pháp không nên tu tập và tu tập pháp nên tu tập rồi thì sẽ tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác5 pháp bất thiện. Như thế gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ và khéo xả ly. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

4 Nguyên tác: Lậu tận trí thông ,tức t4Lậu tận thông^ ,một trong 6 thông
, gôm: i Thân túc ,ii Thiên nhãn thông ,iii Thiên nhĩ thông
ầằ, i Túc mạng thông v Tha tam thông ifi, vi Lậu tần Íh6pg
.zChứng Lạu tận thông tức đã đoạn sạch phiền não hoặc nghiep, thoát khỏi sanh tử luân hồL Tham chiếu: A. 10.54 - v. 98: Asavānam khayañānāya Trí diệt tận phiên não. ^Nguyên tác: Súc ,nghĩa giống chữ "huởng"là thụ hưởng, tương đương Pali: Sevitabbā sử dụng. Tham chiêu: A. 10.54 - v. 98: Cīvarampāharn, bhikkhave, duvidhena vadāmi - sevitabbampi asevitabbampi Này các Tỷ-kheo, Ta nói, y có 2 loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, HT. Thích Minh Châu dịch. J

110. KINH Tự QUÁN TAM1 (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

r 9 •

-Nêu Tỳ-kheo không thê khéo quán tâm người khác thì hãy khéo tự quán tâm mình. Hãy nên học tập như vậy! Tỳ-kheo khéo tự quán tâm mình như thê nào? Nêu Tỳ-kheo có quán như vầy, tất sẽ được nhiều lợi ích: "Ta thường sống với tâm tham lam1 2 hay tâm không tham lam? Ta thường sống với tâm sân hận hay tâm không sân hận? Ta thường sống trong sự trói buộc bởi ngủ nghỉ hay không bị trói buộc bởi ngủ nghỉ? Ta thường sống với tâm loạn động, cống cao hay tâm không loạn động, không cống cao? Ta thường sống với tâm nghi ngờ hay tâm không nghi ngờ? Ta thường hành xử thô tháo hay điềm đạm? Ta thường song với tâm ô nhiễm hay tâm không ô nhiễm? Ta thường sống với tâm có niềm tin hay tâm không có niềm tin? Ta thường sống với tâm tinh tấn hay tâm biếng nhác? Ta thường sống với tâm có niệm hay không có niệm? Ta thường sống với tâm có định hay không có định? Ta thường sống với tuệ thấp kém hay tuệ thù thắng?" [0599a07] Khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta thường sống với

tâm tham lam, sân hận, trói buộc bởi ngủ nghỉ, loạn động, cống cao, nghi ngờ, hành xử thô tháo, tâm ô nhiêm, không có niêm tin, biêng nhác, không có niệm, không có đinh, tuệ thấp kém.,, Tỳ-kheo ấy muốn diệt trừ những pháp xấu ác, pháp bất thiện này thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, tinh cần học tập, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, bất thoái. Giống như người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, phải nhanh chóng tìm cách dập tắt lửa để khỏi bi cháy đầu, cháy áo; cũng vậy, Tỳ-kheo muôn diệt trừ những pháp xâu ác? pháp bát thiện này thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, tinh cần học tập, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, bất thoái. Khi Tỳ-kheo quán như vậy thì biết rằng: "Ta thường sống với tâm không tham lam, không sân hận, không bị ngủ nghỉ trói buộc, không loạn động, không cống cao, không nghi ngờ, điềm đạm, không bị ô nhiễm, có niềm tin, tinh tấn, có niệm, có định và có tuệ thù thắng. Như vậy, Tỳ-kheo ây đã trụ nơi pháp thiện

1 Nguyên tác: Tự quản tâm kinh, hạ (T.Ol. 0026.110. 0598c21). Tham chiếu: A. 10.51 -V. 92. 2 Nguyên tác: Tăng tứ (abhijjhā)'. Tham dục, tham ái. Xem chú thích 3, kinh số 75, tr. 497.

này rồi, hãy nên mong cầu chứng đạt trí tuệ thấu suốt sạch hết phiền não lậu hoặc. Vì sao như vậy? Giong như Ta nói không được thọ dụng tất cả y, nhưng cũng nói được phép thọ dụng tất cả y. Loại y nào Ta nói không được thọ dụng? Nếu thọ dụng mà tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì loại y như vậy, Ta nói không được thọ dụng. Loại y nào Ta nói được phép thọ dụng? Nếu thọ dụng mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác, pháp bát thiện thì loại y như vậy, Ta nói được phép thọ dụng. Cũng như y áo, vê thức ăn, giường nệm, thôn áp cũng giông như vậy. Ta nói không được thân cận mọi người, nhưng cũng nói được phép thân cận , e — Ị. mọi người. Hạng người nào Ta nói không được thân cận? Nêu thân cận mà tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện, suy giảm pháp thiện thì người như vậy, Ta nói không được thân cận. Hạng người nào Ta nói được phép thân cận? Nêu thân cận mà tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xấu ác, pháp bất thiện thì người như vậy, Ta nói được phép thân cận. [0599b0l] Vị ấy biết đúng như thật pháp nên thân cận, cũng biết đúng như thật pháp không nên thân cận. Vi ấy biết đúng như thật pháp nên thân cận và pháp không nên thân cận roi với pháp không nên thân cận thì không thân cận, với pháp nên thân cận liền thân cận. Sau khi vị ấy không thân cận pháp không nên thân cận và thân cận pháp nên thân cận roi thì liền tăng trưởng pháp thiện, suy giảm pháp xâu ác, pháp bát thiện. Như thế gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ và khéo xả ly. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

111. KINH THẤY RÕ PHẠM HẠNH1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm5 thuộc nước Câu-lâu. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh, gọi là "Thấy rõ Phạm hạnh",2 c6 thể diệt sạch các lậu. Các thầy hãy lắng

nghe và hãy khéo suy nghĩ! Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: Các thày nên biết về lậu,1 23 biết nhân sanh ra lậu, biết báo ứng của lậu, biết tánh sai biệt của lậu, biết sự diệt sạch lậu và biết phương pháp diệt sạch lậu. Các thầy nên biết về thọ,4 biết nhân sanh ra thọ, biết báo ứng của thọ, biết tánh sai biệt của thọ, biết sự diệt sạch thọ và biết phương pháp diệt trừ thọ. Các thây nên biêt vê tưởng, biêt nhân sanh ra tưởng, biêt báo ứng của tưởng, biết tánh sai biệt của tưởng, biết sự diệt sạch tưởng và biết phương pháp diệt trừ tưởng. Các thầy nên biết về dục, biết nhân sanh ra dục, biết báo ứng của dục, biết tánh sai biệt của dục, biêt sự diệt sạch dục và biêt phương pháp diệt trừ dục. Các thầy nên biết về nghiệp, biết nhân sanh ra nghiệp, biết báo ứng của nghiệp, biết tánh sai biệt của nghiệp, biết sự diệt sạch nghiệp và biết phương pháp diệt trừ nghiệp. Các thầy nên biết về khổ, biết nhân sanh ra khổ, biết báo ứng của khổ, biết tánh sai biệt của khổ, biết sự diệt sạch khổ và biết phương pháp diệt trừ khổ. Thế nào là biết về lậu? Có ba lậu, gồm dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu;5 đó là biết về lậu. Thế nào là biết nhân sanh ra lậu? Là do vô minh, do có vô minh

1 Nguyên tác: Dạt Phạm hạnh kinh T.Ol. 0026.111. 0599Ồỏỏ8. Tham chiếu: Lậu phân bố kinhi^T.Ol. 0057 085ÍỒ27; A. 6.63 - III. 410. 2 Đạt Phạm hạnh .Đạt :Thông suốt, hiểu r6,.A. 6.63 - III. 410: Nibbedhikapariyāya .Xuyên suốt cả ban kinh, cụm từ/;tri... thang nhir"...xuất hiện 24 lan. Trong A. 6.63 - III. 410, cụm từ pajānāti hiểu rõ xuất hiện 43 lần, đã bô sung cho tựa đề của bản kinh. 3 Lậu ,āsavā tức phiền não. 4 Giác ,tân dịch là "thq".Tiếng Pali tương đương là vedanā. 5 Tất cả phiền não trong cõi Dục, tất cả phiền não trong cõi sắc và Vô sắc, tất cả vô minh trong 3 cõi.

mà có lậu, đó là biết nhân sanh ra lậu. Thế nào là biết báo ứng của lậu? Đó là bị vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ thấm hoen ố5 vì thế mà lãnh thọ quả báo, hoặc đến cõi lành, hoặc đến cõi ác, đó là biết báo ứng của lậu. Thế nào là biết tánh sai biệt của lậu? Hoặc có lậu khiên sanh vào địa ngục, có lậu khiên sanh vào súc sanh, có lậu khiến sanh vào ngạ quỷ, có lậu khiến sanh vào cõi trời, hoặc có lậu khiến sanh vào cõi người, đó là biết tánh sai biệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt sạch lậu? Khi vô minh diệt thì lậu diệt, đó là biết sự diệt sạch lậu. Thế nào là biết phương pháp diệt sạch lậu? Đó là tu tập Thánh đạo tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, đó là biết phương pháp diệt sạch lậu. Nếu Tỳ-kheo biết về lậu, biết nhân sanh ra lậu, biết báo ứng của lậu, biết tánh sai biệt của lậu, biêt sự diệt sạch lậu và biêt phương pháp diệt sạch lậu như vậy thì gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả phiền não. [0599c09] Thế nào là biết về thọ? Có ba thọ là thọ lạc, thọ khổ và thọ không khổ không lạc, đó là biết về thọ. Thế nào là biết nhân sanh ra thọ? Đó là xúc,6 do CÓ xúc nên liên có thọ, đó là biêt nhân sanh ra thọ. Thê nào là biêt báo ứng của thọ? Đó là ái, ái là báo ứng của thọ, đó là biết báo ứng của thọ. Thế nào là biết tánh sai biệt của thọ? Tỳ-kheo khi cảm nhận lạc thọ liền biết đang cảm nhận lạc thọ, khi cảm nhận khổ thọ liền biết đang cảm nhận khổ thọ, khi cảm nhận cảm thọ không khổ không lạc liền biết đang cảm nhận cảm thọ không kho

không lạc. Khi thân cảm nhận vui, thân cảm nhận khổ? thân cảm nhận không vui không không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi tâm cảm nhận vui, tâm cảm nhận khổ, tâm cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi ăn cảm nhận ngon, khi ăn cảm nhận dở5 khi ăn cảm nhận không ngon không dở5 liền biết đúng như vậy. Khi không ăn cảm nhận vui, không ăn cảm nhận khổ, không ăn cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi tham muốn cảm nhận vui, khi tham muốn cảm nhận khổ, khi tham muốn cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Khi không tham muốn cảm nhận vui, khi không tham muôn cảm nhận khô, khi không tham muôn cảm nhận không vui không khổ, liền biết đúng như vậy. Đó là biết tánh sai biệt của thọ. Thế nào là biết sự diệt sạch cảm thọ? Nếu xúc diệt thì thọ liền diệt, đó là biết sự diệt sạch cảm thọ. Thế nào là biết phương pháp diệt thọ? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt thọ. Nếu Tỳ-kheo biết thọ, biết nhân sanh ra thọ, biết báo ứng của thọ, biết tánh sai biệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết phương pháp diệt thọ như vậy, gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể diệt trừ tất cả thọ. Thế nào là biết tưởng? Có bốn tưởng. Tỳ-kheo khi có tưởng nhỏ cũng biết, tưởng lớn cũng biết, tưởng vô lượng cũng biết, tưởng Vô sở hữu xứ cũng biết, đó gọi là biết tưởng. The nào là biết nhân sanh ra tưởng? Đó là xúc, do xúc nên

6 Nguyên tác: Canh lạc cách dịch khác của "xúc",phassā.

có tưởng, đó là biêt nhân sanh ra tưởng. Thê nào là biêt báo ứng của tưởng? Đó là lời nói, tùy tưởng mà có lời nói, đó là biết báo ứng của tưởng. Thế nào là biêt tánh sai biệt của tưởng? Đó là, hoặc có tưởng nghĩ vê sac, có tưởng nghĩ vê thanh, có tưởng nghĩ vê hương, có tưởng nghĩ vê vị, hoặc có tưởng nghĩ vê xúc, đó là biết tánh sai biệt của tưởng. Thế nào là biết sự diệt sạch tưởng? Xúc diệt thì tưởng liền diệt, đó là biết sự diệt sạch tưởng. Thế nào là biết phương pháp diệt tưởng? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt tưởng. Nêu Ty-kheo biêt tưởng, biêt nhân sanh ra tưởng, biêt báo ứng của tưởng, biêt tánh sai biệt của tưởng, biêt sự diệt tận của tưởng, biêt phương pháp diệt tưởng như vậy thì gọi là thay rõ Phạm hạnh, có the trừ sạch tất cả tưởng. [0600a09] Thế nào là biết về dục? Có năm loại dục78đáng yêu, đáng thích, xinh đẹp, tương ưng với tham muốn và rất đáng ưa. Đó là mắt biết sắc, tai biết thanh, mũi biết hương, lưỡi biết vị và thân biết xúc chạm, đó là biết về dục. Thế nào là biêt nhân sanh ra dục? Đó là xúc, do có xúc nên có dục, gọi là biêt nhân sanh ra dục. Thế nào là biết báo ứng của dục? Tùy theo những loại dục mà sanh ưa thích, đắm trước rồi bám víu vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đen coi co phước, đen coi vo phước hay cõi bat đọng, đo la biêt báo ưng cua dục. Thế nào là biết tánh sai biệt của dục? Hoặc có dục ham muốn sắc, có dục ham muốn thanh, có dục ham muốn hương, có dục ham muốn vị, hoặc có dục ham muốn xúc chạm, đó là biết tánh sai biệt của dục. Thế nào là biết sự diệt sạch dục? Khi xúc diệt thì dục liền diệt, đó là biết sự diệt sạch dục. Thế nào là . __ r r

biêt phương pháp diệt dục? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiên đên chánh định, đó là biết phương pháp diệt dục. Nếu Tỳ-kheo biết dục, biết nhân sanh ra dục, biết báo

ứng của dục, biết tánh sai biệt của dục, biết sự diệt tận của dục và biết phương pháp diệt dục như vậy thì gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả dục. Thế nào là biết về nghiệp? Có hai loại nghiệp: Nghiệp do tư duy và nghiệp do thân và miệng,9 đó là biết về nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh ra nghiệp? Là do xúc, do có xúc nên có nghiệp, đó là biết nhân sanh ra nghiệp. Thế nào là biết 9 e r r * r

báo ứng của nghiệp? Đó là, nghiệp xâu có quả báo xâu, nghiệp tót có quả báo r r : r M M

tôt? nghiệp vừa xâu vừa tót có quả báo vừa xâu vừa tôt? hoặc nghiệp không xâu không tốt thì không có quả báo và sạch nghiệp, đó là biết báo ứng của nghiệp. Thế nào là biết tánh sai biệt của nghiệp? Hoặc có nghiệp khiến sanh vào địa ngục, có nghiệp khiến sanh vào súc sanh, có nghiệp khiến sanh vào nga quỷ,

7 Nguyên tác: Ngũ dục công đức .Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 11. 8 Bất động xứ tức các tầng trời Tứ thiền. 9 Nguyên tác: Dĩ tư nghiệp Mnghĩa cụ thể là hành động được thực^hiện sau khi tư duy. Theo Xảĩợí-phat A-tỳ-đàm luấn |JT.28. 1548.07. 0580al2: Thế nao gọi là nghifpjau Idii tư duy? Nghiệp của thân và miệng gọi là nghiệp sau khi tư duy .

CÓ nghiệp khiến sanh vào cõi trời, có nghiệp khiến sanh vào cõi người, đó là biết tánh sai biệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt sạch nghiệp? Khi xúc diệt thì nghiệp liền diệt, đó là biết sự diệt tận nghiệp. Thế nào là biết phương pháp diệt nghiệp? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt nghiệp. Nêu Tỳ-kheo biêt vê nghiệp, biêt nhân sanh ra nghiệp, biêt báo ứng của nghiệp, biết tánh sai biệt của nghiệp, biết sự diệt sạch của nghiệp, biết phương pháp diệt nghiệp như vậy thì gọi là thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả nghiệp. [0600b08] Thế nào là biết về khổ? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, thương yêu xa lìa là khổ? mong cầu không được là khổ, tóm lại, năm thủ uẩn10 là khổ, đó là biết về khổ. Thế nào là biết nhân sanh ra khổ? Đó là ái, do ái sanh khổ, đó là biết nhân sanh ra khổ. Thế nào là biết báo ứng của khổ? Đó là biết có khổ diệt hơi chậm, có khổ diệt hơi nhanh, co khổ diệt rất chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh, đó là biết báo ứng của khổ. Thế nào là biết tánh sai biệt của khổ? Đó là biết phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, không gặp được bạn tốt, không thân cận Thánh pháp nên khi có khổ thọ thì cảm thấy khổ cùng cực, khổ tuyệt vọng, khổ muốn chết, muốn thoát khổ lại đi tìm cầu đối tượng bên ngoài: Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-môn trì một câu chú, hai, ba, bôn câu hay nhiêu câu, hoặc trì loại chú một trăm câu, với mong muôn "chú thuật ấy trị dứt kho cho ta." Như vậy, do mong cầu mà sanh kho, do tập khởi mà sanh khổ và mong muốn diệt khổ, đó là biết tánh sai biệt của khổ. Thế nào là biết sự diệt sạch khổ? Khi ái diệt thì khổ liền diệt, đó là biết sự diệt tận khổ. Thế nào là biết phương pháp diệt làiổ? Tu tập Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết phương pháp diệt khổ. Nếu Tỳ-kheo biết về khổ, biết nhân sanh ra khổ, biết báo ứng của khổ, biết tánh sai biệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ và biết phương pháp diệt khổ như vậy thì gọi

là thấy rõ Phạm hạnh, có thể trừ sạch tất cả khổ. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

10 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm .Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75.

112. KINH A-NÔ-BA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bạt-kỳ, ngụ tại thị trấn A-nô- ba,2 thuộc xứ Bạt-kỳ. Bấy giờ, vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa ra khỏi tịnh thất và nói: -Này A-nan! Thầy hãy cùng Như Lai đến sông A-di-la-hòa-đế* 23 để tắm. Tôn giả A-nan thưa: Kính vâng! Khi ấy, đức Thế Ton cung Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế? cởi bỏ y phục để trên bờ rồi xuống tắm. Tắm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Khi ấy, đức Thế Tôn quay lại và dạy: Này A-nan! Đề-bà-đạt-đa4 vì buông lung nên bi đọa lạc rất khổ nhọc, chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn một kiếp, không thể cứu vớt. A-nan! Thầy có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Như Lai đã xác định dứt khoát rằng5 Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, khòng thể cứu vớt chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Thưa có! Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo hỏi con rằng: "Này Tôn giả A-nan, phải chăng đức Thế Tôn dùng tha tâm trí biết rõ tâm Đề-bà-đạt-đa nên Ngài đã xác định dứt khoát rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chan đen cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt?”

Nguyên tác: A-nô-ba kinh 01. 0026.112. 0600b28. Tham chiếu: A-nậu-phong kinh r.01.0058. 0853c20; Z6.62-IV. 402. 2 A-nô-bạ ,một thộn ở nước Bạt-kỳ ^^8, Vajjī, còn được viết là A-nâu-da ,anupà, một nơi ẩm thấp. Tham chiếu: N2Uphần T.22. 1421.26. 0174a06: Khi ấy ở trú xứA-nâu- da thuộc thành Tỳ-xá-ly Vesālī bị ẩm thấp, do nóng bức nên sanh nhiêu muôi mòng. Các Tỳ-kheo lo lắng về việc này. Phật dạy: "Cho phép cất giữ quát." ..4 6.62 - IV. 402: Phật ở tại Dandakappa, một ngôi làng của Cāu-tat-la ịộKM, Kosala. 3 A-di-la-hòa-đế ,Aciravatī, một trongz5 con sông lớn ở Ấn Độ. Tôn giả A-nand ,Ānanda và các Tỳ-kheo lang Dandakappa đến tam ở đây. 4 Nguyên tác: Đề-hòa-đạt-đa ,tức Đề-bà-đạt-đa Devadatta. 5 Nguyên tác: Nhất hướng ký .

726 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan! Tỳ-kheo ây hoặc còn nhỏ, hoặc trung niên, hoặc lớn tuổi, hoặc thiếu niên, đều không tự biết. Vì sao như vậy? Vì Như Lai đã nhất quyết ghi nhận, nhưng vị ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan! Như Lai không thay có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này từ người đến trời như Như Lai, nhất quyết ghi nhận về Đề-bà-đạt-đa. Vì sao như vậy? Này A-nan! Như Lai đã xác đinh dứt khoát rang Đe-bà-đạt-đa chắc chắn đi đen cõi ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiếp, không the cứu vớt. A-nan! Nếu Như Lai thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp lành, thanh tịnh nhỏ bằng sợi lông thì Như Lai đã không xác định dứt khoát rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không the cứu vớt. A-nan! Vì Như Lai không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp lành, thanh tịnh nhỏ bang sợi lông, nên Như Lai đã xác định dứt khoát rang Đe-bà-đạt-đa

chắc chắn đi đên cõi ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiêp, không thê cứu vớt. Này A-nan! Ví như cách thôn xóm không xa, có một hâm phân sâu rộng, có người bị rơi vào trong đó? chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy liền phát khởi lòng từ bi lớn? lân mẫn xót thương, mong muốn người kia được ý nghĩa và lợi ích, được an ôn hân hoan. Người ây nhìn quanh roi nói: "C6 chô nào của người này dù chỉ bằng sợi lông hay cẹng tóc mà không bị dính phẩn để ta có thể nắm lấy rồi kéo lên chăng?,, Người ây nhìn khắp thân thể, nhưng không thấy có chỗ nào của người này dù chỉ bằng sợi lông hay cọng tóc mà không bi dính phẩn để có thể dùng tay nắm kéo lên được. Cũng vậy, này A-njan! Nếu Như Lai thấy Đề-bà-đạt-đa có một chút pháp lành, thanh tinh nhỏ bằng sợi lông thì Như Lai đã không xác định dứt khoát răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đi đên cõi ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan! Vì Như Lai không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp lành, thanh tinh nhỏ bằng sợi lông nên Như Lai nhất quyết ghi nhận rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt. [OóOlalO] Khi ấy5 Tôn giả A-nan bật khóc, đưa tay gạt lệ rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ! Thật hy hữu! Thế Tôn đã xác định dứt khoát rang Đe-bà-đạt-đa chắc chắn đi đến cõi ác, đọa vào địa ngục rồi ở đó trọn kiếp, không thể cứu vớt. Đức Thế Tôn dạy: Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Như Lai đã xác đinh dứt khoát rằng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đi đên cối ác, đọa vào địa ngục roi ở đó trọn kiếp, không thê cứu vớt. Này A-nan! Nếu thầy được nghe Như Lai giảng nói về pháp phân biệt căn trí bậc Đại nhân6 thì chắc chắn sẽ có được niềm tin tuyệt đối nơi Như Lai và luôn luôn hoan hỷ.

6 Nguyên tác: Đại nhân căn trí Purisindriyañ̃ānā.

112. KINH A-NÔ-BA 727

Khi ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật và bạch: -Bạch Thế Ton! Nay thật đúng thời! Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc! Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo về pháp phân biệt căn trí bậc Đại nhân. Các Tỳ-kheo được nghe Thế Tôn thuyết giảng thì sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, nay Như Lai sẽ giảng nói cho thầy nghe về pháp phân biệt căn trí bậc Đại nhân! Tôn giả A-nan vâng lời và lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó? Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn. Từ gốc thiện đó lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tinh. NàyA-nan! Ví như sáng sớm, mặt trời vừa mọc, bóng tối liền tan, phát sanh ánh sáng. Này A-nan! Ý thầy thế nào? Mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn? đúng vậy! [0601bòi] - Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quan sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó? Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng góc thiện vân còn, chưa đoạn dứt han. Từ

góc thiện đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan! Ví như hạt lúa giống không hu, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió hay nắng làm hư hoại, vào mùa thu được cất giữ cẩn thận. Nếu gia chủ khéo sửa sang mảnh ruộng tốt rồi gieo hạt xuống, mưa đúng thời vụ, này A-nan, ý thầy thế nào? Hạt giống ấy có dần dần phát triển được chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, có thể được! -Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó5 Như Lai dùng tha tâm trí lại quán sát tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn. Từ gốc thiện đó thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai đã biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy.

Lại nữa, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy5 người này đi đến pháp suy thoái.7 Này A-nan! Ví như từ lúc xế chiều, khi mặt trời lặn, ánh sáng sẽ diệt, bóng tối sẽ sanh. Này A-nan! Ý thầy thế nào? Sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn5 đúng vậy! Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng gốc thiện vẫn còn, chưa đoạn dứt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan! Ví như hạt lúa giống không hu, không vỡ, không mục5 không nứt, không bị gió hay nắng làm hư hoại, vào mùa thu được cất giữ cẩn thận. Nếu gia chủ kia khéo sửa sang mảnh ruộng tốt rồi gieo hạt giống xuống, nhimg mưa không đúng mùa vụ, này A-nan, ý thầy thế nào? Hạt giống này có dần dần phát triển được chăng? [0601C03] Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thể được! -Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, gốc thiện còn lại chưa đoạn hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thấy người này có được chút pháp thiện lành dù chỉ nhỏ bằng sợi lông. Người này chỉ có duy nhất pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự tái sanh trong tương lai, là gốc rễ của khổ báo phiền não thiêu đốt, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, sau khi qua đời, người này chắc chắn đi đến nẻo ác, bị đọa vào địa ngục. Này A-nan! Ví như hạt giống bi hu, bi vỡ, mục nát, bị gió hay nắng làm hư hoại, vào mùa thu không

được cất giữ cẩn thận. Nếu gia

7 Nguyên tác: Suy thoái pháp (si&s, parihãna dhammā).

chủ ây không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giông xuống và mưa không đúng mùa, này A-nan? ý thầy thế nào? Hạt giống có dần dần tăng trưởng được chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn, thưa không! -Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thấy người này có được chút pháp thiện lành, dù nhỏ bằng sợi lông. Người này chỉ có pháp ác, bất thiện, hoàn toàn ô uế, làm gốc rễ cho sự tái sanh trong tương lai, là gốc rễ của khổ báo phiền não thiêu đốt, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, sau khi qua đời, người này chắc chắn đi đến nẻo ác? bị đọa vào địa ngục. Này A-nan! Đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Khi ây, Tôn giả A-nan chăp tay hướng Phật và bạch: - Bạch Thế Ton! Ngài đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Như Lai có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng? Đức Thế Tôn dạy: Như Lai có the giảng nói. Này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó5 Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện, nhimg gốc rễ bất thiện vẫn còn, chưa đoạn diệt hẳn. Từ góc rê bát thiện này sẽ lại phát sanh khởi pháp bát thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan! Ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn lửa, có người bỏ thêm cỏ khô rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa kia càng bốc cháy ngùn ngụt lên chăng? [0602a05] Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy! -Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó? Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện, nhưng gốc rễ bất thiện vẫn còn, chưa đoạn diệt hẳn. Từ gốc rễ bất thiện đó sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan! Đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp

thiện, nhưng gốc rễ bất thiện vẫn còn, chưa đoạn diệt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh. Này A-nan! Ví như đốt lửa5 khi mới đốt chỉ có một ngọn lửa, có người đem cây lửa đang cháy này để trên đất bằng, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý thầy thế nào? Ngọn lửa càng bốc cháy ngùn ngụt lên chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không the! Cũng vậy, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm

trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh khởi pháp thiện, nhưng gốc rễ bất thiện vẫn còn, chưa đoạn diệt hẳn, nhất định sẽ đoạn hẳn. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan! Đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan! Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thấy người này có chút nghiệp bất thiện8 dù nhỏ bằng sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện, hoàn toàn thiện, cùng với an vui, được phước quả an vui, chắc chắn sanh vào cõi lành9 và được trường thọ. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan! Ví như ngọn lửa đã tắt từ lâu, tro đã nguội lạnh, có người thêm đầy cỏ khô rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý thầy thế nào? Tro đã nguội lạnh đó có thể bốc cháy lại được chăng? [0602b04] Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thể được! Cũng vậy, này Anan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Như Lai không thây người này có chút nghiệp bát thiện nào dù nhỏ băng sợi lông. Người này tuyệt đoi chỉ có pháp thiện, hoàn toàn thiện, cùng với an vui, được phước quả an vui, chác chăn sanh vào cõi lành và được trường thọ. Như vậy, người ấy ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan! Đó gọi là căn trí bậc Đại nhân của Như Lai. Như Lai biết như thật về gốc rễ của các pháp như vậy. Này A-nan! Ba hạng người đã nói về trước, hạng thứ nhất đạt được pháp thanh tinh, hạng thứ hai đạt được pháp suy thoái, hạng thứ ba sau khi qua đời chắc chắn đến nẻo ác, bi đọa vào địa ngục. Ba hạng người Như Lai nói sau, hạng thứ nhất đạt được pháp suy thoái, hạng thứ hai đạt được pháp thanh tinh, hạng thứ ba ngay trong đời này chứng được Niết-bàn.

8 Nguyên tác: Hắc nghiệp :Nghiệp đen, nghiệp bất thiện. 9 Nguyên tác: Lạc lạc báo, tất sinh lạc xứ .

112. KINH A-NÔ-BA 731

Này A-nan! Như Lai đã giảng nói cho thây nghe vê pháp căn trí bậc Đại nhân. Như đấng Ton sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng từ bi lớn, lân mẫn xót thương, mong muốn được lợi ích, phước lành và được an ổn hân hoan. Điều đó Như Lai đã thực hành, các thây cũng nên tự mình thực hành, hãy đên nơi văng vẻ, ở trong núi rừng, hoặc dưới gốc cây, hoặc nơi yên tĩnh mà thiền định, tư duy, chớ nên buông lung, hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Như Lai, đó là lời khuyên bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan1011 nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.11

10 Nguyên tác: Bỉ chư Tỳ-kheo Các Tỳ-kheo kia; nhưng từ đầu bản kinh chỉ thấy Tôn giả A-nan, nên bản dịch dựa vào thực tê. 11 Bản Hán, hết quyển 27.

113. KINH GỐC RỄ CÁC PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có ngoại đạo đến hỏi các thầy: "Tất cả các pháp lấy gì làm căn bản?99 Các thầy nên trả

lời họ như vầy: "Tất cả các pháp lấy dục làm căn bản?9 Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm chỗ quy tụ?"2 Nên đáp như vầy: "Lấy xúc làm chỗ quy tụ. ”3 Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm dẫn khỏi?” Nên đáp như vầy: "Lấy thọ1 2345*làm dẫn khởi/9 Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm hiện hữu?" Nên đáp như vầy: “Lấy tư tưởng làm hiện híữu.”5 Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm dẫn dàu?" Nên đáp như vầy: “Lấy niệm làm dẫn dầu." Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm tăng thượng?^, Nên đáp như vầy: "Lấy đinh làm tăng thượng.,, Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm tối thượng?59 Nên đáp như vầy: "Lấy tuệ làm tối thượng.,, Nếu họ lại hỏi: "Lấy gì làm c6t 16i?" Nên đáp như vầy: "Lấy giải thoát làm cốt 16i." Nấu họ lại hỏi: "Lấy gì làm cứu cánh?" Nên đáp như vầy: “Lấy Niết-bàn làm cứu cánh." Này các Tỳ-kheo! Tất cả các pháp lấy dục làm căn bản, xúc làm chỗ quy tụ, thọ làm dẫn khởi, tư tưởng làm hiện hữu, niệm làm dẫn dầu, định làm tăng thượng, tuệ làm tối thượng, giải thoát làm cốt lõi và Niết-bàn làm cứu cánh.

1 Quyển 28. Nguyên tác: Chư pháp bổn kinh roi. 0026.113. 0602Ồ28. Tham chiếu: Chư pháp bổn kinh^ìẾ roi. 0059. 0855c06; A. 8.83 - IV. 338; A. 10.58 - v. 106;^. 10.59-V. 107. 2 Nguyên tác: Hòa Sự tập khởi samudayo. 3 Nguyên tác: Canh lạc ,cách dịch khác của "xiíc”,phassā. 4 Nguyên tác: Giác ,tân dịch là "th".Tiếng Pali tương đương là vedãna. 5 Dĩ tư tưởng vi hữu .Tham chiếu: A. 8.83 - IV. 338: Manasikārā sam bhavā lấy tác ý làm sanh khởi.

Cho nên, Tỳ-kheo hãy học như vầy: Huân tập về tâm xuất gia học đạo, huân tập về tưởng vô thường, huân tập về tưởng vô thường là khổ, huân tập về tưởng khổ nên vo ngã, huân tập về tưởng bất tịnh, huân tập về tưởng thức ăn là ô uế, huân tập về tưởng tất cả thế gian không có gì vui và huân tập về tưởng sự chết. Biết sự tốt xấu của thế gian/ tâm được huân tập với tưởng như vậy.6 7 Biết tập khởi của thê gian,8 tâm được huân tập với tưởng như vậy. Biêt như thật vê sự tập khởi, diệt tận5 vi ngọt, tai họa và sự xuất ly thế gian, tâm được huân tập với tưởng như vậy. Nêu Tỳ-kheo huân tập được tâm xuất gia học đạo, huân tập được vê tưởng vô thường, huân tập được vê tưởng vô thường là khô, huân tập được về tưởng khổ nên vô ngã, huân tập được về tưởng bất tịnh, huân tập được về tưởng thức ăn ô uế, huân tập được về tưởng tất cả thế gian không có gì vui, huân tập được tưởng về sự chết; biết sự tốt xấu của thế gian, tâm đã được huân tập với tưởng như vậy; biêt tập khởi của thê gian, tâm đã được huân tập với tưởng như vậy; biêt như thật vê sự tập khởi, diệt tận, vi ngọt, tai họa và sự xuất yếu của thế gian, tâm đã được huân tập với tưởng như vậy thì được gọi là Tỳ- kheo đoạn ái, trừ kiết, đã biết rõ và quán sát đúng đắn các pháp thì vượt thoát khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

'

6 Tri thế gian hảo ố .Tham chiếu: A. 10.59 - v. 107: Lokassa sāmañca visamañca ñatvā biêt thê giới thăng bằng và không thăng bằng, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Tập như thị tưởng tâm .Tham chiếu: A. 10.59 - v. 107: Tarnsañññāparicitañca cittarh hoti tâm được thực hành tích tập với tưởng ấy, HT.

Thích Minh Châu dịch. 8 Tri thế gian tập hữu Biết sự sanh khởi của thế gian.

114. KINH ƯU-ĐÀ-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -ở giữa hội chúng, Ưu-đà-la La-ma tử12 thường nói như vầy: "Ngay nơi sanh mạng này, ta quán sát nó và cảm thọ nó, [ban đau] không biết cội gốc của ung nhọt nhimg về sau lại biết hoàn toàn cội gốc của ung nhẹ)t." Ưu-đà-la La ma tử không biết tất cả mà tự xưng là biết tất cả,3*thật không có cảm thọ mà tự xưng là có cảm thọ. Ưu-đà-la La-ma tử thấy như vậy và nói như vậy; nếu quả đúng như vậy thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn; nếu như người không có nghĩ tưởng, đó là kẻ ngu si. Nếu có cảm thọ thì cảm thọ vắng lăng là vi diệu nhất, tức là cho đen cõi Phi tưởng phi phi tưởng." Ông ấy yêu thích tự thân, chấp thủ tự thân, đắm trước tự thân rồi tu tập cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Sau khi qua đời, ông ta sanh vào cối trời Phi tưởng phi phi tưởng. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở cõi trời ấy, ông ta trở lại nhân gian, sanh vào loài chồn. ở đây, Ty-kheo nói chân chánh, có thể nói như vầy: "Trong đời sống này, ta er e r quán sát và cảm thọ chúng, không biêt cội góc của ung nhọt nhưng sau đó biêt hoàn toàn cội góc của ung nhọt?5 Ty-kheo quán sát chân chánh như thế nào? Là Ty-kheo biết sáu xúc xứ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vị ngọt, biết tai họa và biết sự xuất ly của chúng, với tuệ mà biết đúng như thật. Như vậy gọi là Ty-kheo quán sát chân chánh. Thế nào là Ty-kheo biết cảm thọ? Là Ty-kheo biết ba cảm thọ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vi ngọt, biết tai họa và biết sự xuất ly của chúng, với tuệ mà biết đúng như thật. Như vậy gọi là Ty-kheo biết cảm thọ. Thế nào là Ty-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt? Là Ty-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc

1 Nguyên tác: ưu-đà-la kinh (roi. 0026.114. 0603a03). Tham chiếu: s. 35.103 - IV. 83.
2 Ưu-đà-la La-ma tử (Uddaka Rāmaputta): Vị đạo sĩ đã dạy cho Bồ-tát Tất-đạt-đa về pháp tu Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền. 3 Tham chiếu: MĀ. 17: Giữa đại chúng, ông uặt-đầu-lam đã nói như vầy: :cthấy mà không thấy. Thế nào gọi là thấy mà không thấy? Như có the thấy con dao nhưng không thể thấy được tánh sác bén [của con dao]":,

rễ của nó, khiến không thể sanh trở lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biết cội góc của ung nhọt, nhưng sau đó biêt hoàn toàn cội góc của ung nhọt. Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sanh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, được bao bọc bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp tan rã, đây gọi là ung nhọt. Cội góc của ung nhọt là ba ái: dục ái? sác ái và vô sác ái, đây gọi là cội góc của ung nhọt. Ung nhọt là tất cả lậu hoặc, nghĩa là sáu xúc xứ: Lậu khi mắt thấy sắc, lậu khi tai nghe tiếng, lậu khi mũi ngửi mùi, lậu khi lưỡi nếm vị? lậu khi thân xúc chạm, lậu khi ý biết pháp. Như vậy gọi ung nhọt là tất cả lậu hoặc. Này Tỳ-kheo! Như Lai đã thuyết giảng cho các thầy nghe về ung nhọt và cội góc của ung nhọt. Như đang Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng từ bi lớn, lân mẫn xót thương, mong họ được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan, điêu đó Như Lai đã thực hành, các thây cũng nên tự mình thực hành. Hãy đên nơi văng vẻ, ở trong núi rừng,

hoặc bên góc cây, hoặc một nơi yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên buông lung, hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để hối tiếc vê sau. Đó là lời giáo huân của Như Lai, đó là lời khuyên bảo của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

115. KINH VÍ DỤ VỀ BÁNH MẬT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Thích-ca/ thuộc thành Ca-duy- la-vệ.123 Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khát thực. Sau khi thọ thực, vào khoảng xê trưa, Ngài thu dọn y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi đến tinh xá Thích-ca ở trong rừng trúc.4 Khi vào khu rừng lớn này,5 Ngài đến bên một gốc cây rồi trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Khi ây, vào khoảng xê trưa, Chấp Trượng họ Thích6 chông gậy thong thả đi đến chỗ Phật. Cùng nhau chào hỏi xong, ông chống gậy đứng trước đức Phật rồi hỏi rằng: Sa-môn Cù-đàm! Ngài lây gì làm tông chỉ và thuyêt giảng những pháp gì? Đức Thế Tôn đáp: - Này người họ Thích! Nếu tất cả chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa- môn, Phạm chí, từ người cho đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập lìa dục, Phạm hạnh thanh tinh, lìa bỏ dua nịnh, dứt trừ loạn động, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng thì đó là tông chỉ của Như Lai. Pháp Như Lai thuyêt giảng cũng như vậy. Khi ấy, Chấp Trượng họ Thích nghe đức Phật nói, không cho là phải cũng không cho là trái, chỉ lắc đầu rồi bỏ đi. Bấy giờ, sau khi Chấp Trượng họ Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, đi vào giảng đường, đến trước hội chúng Tỳ-kheo, trải tọa cụ và ngoi xuống roi nói với các Tỳ-kheo:

1 Nguyên tác: Mật hoàn dụ kinh 7.01. 0026.115. 0603b09. Tham chiếu: Tăng.7.02. 0125.40.10. 0743a04; M. 18, Madhupindika Sutta Kỉnh mật hoàn. 2 Nguyên tác: Thích-ky-sấu Sakkesu: Trong dân chúng họ Thích. 3 Ca-duy-la-vệ Kapilavatthu, thường đọc Ca-tỳ-la-vệ .

4 Nguyên tác: Thích-ca tự chỉ cho ngôi tinh xá của dòng họ Thích-ca trong vườn Ni-câu-loại Nigrodhārāma. 5 Nguyên tác: Đại lâm ,Mahãvana. Theo DPPN, đó là khu rừng gần Kapilavatthu. 6 Chấp Trượng Thích ,Dandapānī Sakkā. Theo DPPN, vị này là em của Vua Thiện Giác, anh của Hoàng hậu Māyā và bà Pajāpati, là cậu ruột của Thái tử Tât-đạt-đa. Tuy nhiên, theo Phật bôn hạnh kinh r.O4. 0193.1. 0062b20-0063all, Chấp Trượng Thích đa gả người con gái xinh đẹp cho Thái tử làm Vương phi. Do vậy, ông ta cũng là cha vợ của Thái tử Tất-đạt-đa.

r r

—Hôm nay, vào lúc sáng sớm, Ta đăp y, ôm bát vào thành Ca-duy-la-vệ khát thực. Sau khi thọ thực, vào khoảng xế trưa, Ta thu dọn y bát9 rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi đến tinh xá Thích-ca ở trong rừng trúc. Khi vào khu rừng lớn này, Ta đến bên một gốc cây rồi trải tọa cụ ngồi kiết-già. Khi ấy5 có Chấp Trượng họ Thích, vào khoảng xe trưa, chống gậy thong thả đi đến chỗ Ta. Cùng nhau chào hỏi xong, ông ấy chống gậy dứng trước mặt Ta rồi hỏi rằng: "Sa-môn Cù-đàm! Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết

giảng những pháp gi?" Ta đáp: "Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ người cho đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập lìa dục, Phạm hạnh thanh tịnh, lìa bỏ dua nịnh, dứt trừ loạn động, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng thì đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vay." Khi ấy, Chấp Trượng họ Thích nghe Ta nói rồi, không cho là phải cũng không cho là trái, chỉ lắc đầu rồi bỏ đi. [0603c07] Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật roi thưa: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tất cả chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa- e ĩ jf y -í -l /K k môn, Phạm chí, từ người cho đên trời trên thê gian này đêu không đâu tranh? Sao gọi là tu tập lìa dục, được Phạm hạnh thanh tịnh? Sao gọi là lìa bỏ dua nịnh, dứt trừ loạn động, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng? Đức Thế Tồn dạy: Tỳ-kheo! Nếu có người nào do suy niệm của mình mà xuất gia học đạo, tu tập suy tầm,7 đối với pháp quá khứ, tương lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua nịnh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bất thiện khác [mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ]8 thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Nói như vậy rồi, đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Khi ấy, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Này chư Hiền! Nen biết đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không giải thích tường tận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: Nếu người do suy niệm của mình mà xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, tương lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đoi với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua nịnh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bất thiện khác [mà không yêu mến, không vui thích, không đăm trước, không chấp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ đau?9

7 Nguyên tác: Tư tưởng ()tức “suy tầm,, (vitakkā). 8 Có khả năng bản Hán tỉnh lược. Bản dịch bổ sung dựa theo vế trên.

115. KINH VÍ DỤ VỀ BÁNH MẬT 739

Các Tỳ-kheo lại suy nghĩ: "Này chư Hiền! Ai có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy?" Rồi họ lại suy nghĩ: “Chi có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Này chư Hiền! Hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên để thỉnh Tôn giả giảng nói nghĩa này. Nếu được Tôn giả Đại Ca- chiên-diên giảng nói rộng rãi thì chúng ta sẽ khéo thọ trì." Khi ấy, các Tỳ-kheo liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau chào hỏi roi ngoi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Xin Tôn giả biết cho, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không giải thích tường tận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh thất tĩnh tọa: "Tỳ-kheo! Nếu người do suy niệm của mình mà xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vị lai và

hiện tại mà không yêu men, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua nịnh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bất thiện khác [mà không yêu mên, không vui thích, không đăm trước, không châp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ dàu." Chúng tôi liền suy nghĩ: "Này chư Hiền! Ai có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt?" Rồi chúng tôi lại suy nghĩ: "Chi có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên? thường được đức Thế Tôn và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có the giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói vắn tắt ấy." Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên- diên thương xót mà giảng nói rộng rãi cho! [0604al3] Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo: -Này chư Hiền! Hãy nghe tôi nói ví dụ, người có trí tuệ nhờ nghe ví dụ sẽ hiểu rõ nghĩa lý. Này chư Hiền! Ví như có người tìm lõi cây,9 vì muốn tìm lõi cây nên người ấy cầm búa vào rừng, tìm thấy cội cây lớn có rễ, thân, cành, nhánh, lá, hoa và trái. Người ấy không chạm đến rễ, thân, cành, trái mà chỉ chạm đến nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà chư Hiền lại bỏ Ngài để đến hỏi tôi về nghĩa này. Vì sao như vậy? Này chư Hiền, nên biết đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí. Ngài là nghĩa, là pháp, là bậc Pháp Chủ, là bậc Pháp tương, là bậc nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó? chư Hiền nên đi đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa như vầy: "Bạch Thế Ton, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gi?" Nếu đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì thì chư Hiền hãy khéo thọ trì.

9 Nguyên tác: Thật Rắn chắc .A. 10.115 - v. 224: Sãra cốt lõi, lõi cây.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn là bậc có mắt, là bậc có trí. Ngài là nghĩa, là pháp, là bậc Pháp chủ, là bậc Pháp tướng, là bậc nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, chúng tôi nên đi đến chỗ đức Thế Tôn để hỏi nghĩa này: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gi?" Nếu như đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì, chúng tôi sẽ khéo thọ trì. Nhưng thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thầy thường được đức Thế Tôn và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể giải thích tường tận ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên- diên thương xót mà giảng nói rộng rãi. [0604b01] Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo: -Vậy này chư Hiền, xin hãy nghe tôi nói! Này chư Hiên! Duyên mat với sác mà sanh ra nhãn thức. Ba yêu tô này cùng nhóm họp liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ,10 có cảm thọ thì có tưởng, có tưởng thì có tư duy, có tư duy thì có suy niệm, có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vị lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua ninh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bát thiện khác [mà không yêu mên, không vui thích, không đăm trước, không chấp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý với pháp mà sanh ra ý thức. Ba yếu tố này cùng

nhóm họp liền có xúc, do duyên xúc nên có cảm thọ, có cảm thọ thì có tưởng, có tưởng thì có tư duy, có tư duy thì có suy niệm, có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vi lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua nịnh, lừa doi, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bất thiện khác [mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Này chư Hiên! Tỳ-kheo loại trừ mat, loại trừ săc, loại trừ nhãn thức mà có xúc, hiển lộ xúc thì điều này không thể có. Nếu không hiển lộ xúc mà có cảm thọ5 hiển lộ cảm thọ thì điều này không thể có. Nêu không hiển lộ cảm thọ mà có hiển lộ niệm, rồi xuất gia học dạo, tu tập suy tầm thì điều này không thể có. Đoi với tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Loại trừ ý, loại trừ pháp, loại trừ ý thức

10 Nguyên tác: Giác tân dịch là "thẹ".Tiếng Pãli tương đương là vedanā.

mà có xúc, hiển lộ xúc thì điều này không thể có. Nếu không hiển lộ xúc mà có cảm thọ, hiển lộ cảm thọ thì điều này không thể có. Nếu không hiển lộ cảm thọ mà có hiển lộ niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập suy tầm thì điều này không thể có. Này chư Hiền! Tỳ-kheo do mắt, do sắc và do nhãn thức mà có xúc, hiển lộ xúc thì nhất định có điều này. Do hiển lộ xúc mà có thọ, hiển lộ thọ thì nhất đinh có điều này. Do hiển lộ thọ mà hiển lộ suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập suy tâm thì nhát định có điêu này. Đôi với tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Do ý, do pháp và do ý thức mà có xúc, hiển lộ xúc thì nhất đinh có điều này. Do hiển lộ xúc mà có thọ, hiển lộ thọ thì nhất định có điều này. Do hiển lộ thọ mà hiển lộ suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập suy tầm thì nhất định có điều này. Này chư Hiền! Đức Thế Tôn giảng nói nghĩa này một cách vắn tắt? không giải thích tường tận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Này Tỳ-kheo! Nêu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập suy tầm, đối với pháp quá khứ, vị lai và hiện tại mà không yêu mến, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đối với những phiền não tiềm phục, sai khiến như dục, sân, tham, mạn, vô minh, kiến, nghi, tranh luận, ganh ghét, dua nịnh, lừa dối, nói láo, nói hai chiều cùng vô lượng những pháp ác, bất thiện khác [mà không yêu men, không vui thích, không đắm trước, không chấp thủ] thì đó gọi là vượt thoát khổ đau. Đức Thế Tôn giảng nói nghĩa này một cách vắn tắt không giải thích tường tận. Tôi đã dùng câu cú và văn nghĩa này để trình bày rõ ràng như vậy. Này chư Hiền! Các vi co thể đi đến chỗ Phật để tường trình lại đầy đủ. Nếu đúng như nghĩa mà đức Thế Tôn muốn giảng nói thì chư Hiền hãy nhận lãnh và ghi nhớ. [0604cl2] Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe những điều Tôn giả Đại Ca-chiên-diên giảng nói, khéo ghi nhớ, tụng đọc rồi từ chỗ ngồi đứng dậy5 nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng và đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ9 ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Thế Tôn giảng nói nghĩa này một cách vắn tắt, không giải thích tường tận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh thất tĩnh tọa. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã dùng câu cú và văn nghĩa này đe trình

bày rõ ràng ý nghĩa đó. Nghe xong, đức Thê Tôn khen ngợi: Lành thay, lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta, có vị là bậc có mát, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao như vậy? Vì khi Tôn sư giảng nói nghĩa này cho đệ tử một cách vắn tắt, không giải thích tường tận mà vi đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, văn ấy. Đúng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói,

các thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao như vậy? Vì nói hợp nghĩa, đúng theo chân lý.11 Này Tỳ-kheo! Ví như có người nhân đi đến nơi thanh vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vi ấy lấy ăn, thưởng thức vị ngọt. Người thiện nam cũng giống như vậy, ở trong giáo pháp này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vi ấy thưởng thức được vị ngọt của pháp; quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt; quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý, thưởng thức được vị ngọt. Bấy giờ? Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Phật. Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào? Đức Thế Tôn dạy: -Này A-nan! Pháp này có tên gọi là "Ví dụ về Bánh mậf\11 12 thầy hãy nên thọ trì. Khi ấy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy hãy nhận lãnh pháp "Ví dụ về Bánh m§t" này, phải thường tụng đọc. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Pháp "Ví dụ về Bánh mậ^ này có pháp, có nghĩa, là gốc của Phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niêt-bàn. Nêu người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt5 rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì hãy nên khéo nhận lãnh, ghi nhớ pháp "Ví dụ về Bánh mật55 này. [0605a04] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.13

11 Nguyên tác: ứng như thị dã .Như thị dùng trong nghĩa như thật, chân lý. Pãli: Yathā. 12 Nguyên tác: Mật hoàn dụ ,Madhupindikapariyāya: Pháp môn mật hoàn. 13 Bản Hán, hết quyển 28.

PHẨM 11: ĐẠI1 (Gồm 25 kỉnh, thuộc ngày tụng thứ ba, tại thành Tiểu Tho)

Kệ tóm tắt 25 kinh:
Nhu nhuyến, Long tượng, Xứ
Vô thường, Thỉnh, Chiêm-ba
Nhỉ Thập ửcf Bát nạn y y
Bân cùng, Dục, Phước điên
Ưu-bà-tắc, Oản gia
Giáo Đàm-dif Hàng ma
Lại-traf ưu-bà-ỉy
Thích vấn cập Thiện Sanh
Thương nhân, The gian, Phước
Tức chỉ, Chí biên, Dụ.2
1 Quyển 29.

;L,.'.íRi

2 Nguyen tác ^iếp tụng:

; WA,;Mi, Mí e. Do đặt lại tựa đê nên

Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

116. KINH CÙ-ĐÀM-DI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa trong dân chúng Thích-ca và an cư mùa mưa trong vườn Ni-câu-loại, thuộc thành Ca-duy-la-vệ.2 Bấy giờ, Đại Ái Cù-đàm-di3 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Người nữ có thể chứng đắc quả vị Sa-môn thứ tư được chăng? Từ nhân duyên ây, người nữ có thê ở trong giáo pháp này với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo được chăng? Đức Thế Tôn nói: Thôi, thôi! Cù-đàm-di! Dì chớ nên nghĩ rằng: '"Người nữ có thể ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo." Cù-đàm-di! Đúng ra4 dì [có thể] cạo bỏ tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh. Khi ấy, bị Phật ngăn cản, Đại Ái Cù-đàm-di liền lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang khâu vá y cho đức Phật. Đức Thế Tôn ngụ trong dân chúng Thích-ca không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa và việc khâu vá y cũng hoàn tất, Ngài liền đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian. Đại Ai Cù-đàm-di nghe tin các Tỳ-kheo đang khâu vá y cho đức Phật. Đức Thế Tôn ngụ trong dân chúng Thích-ca không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa và việc khâu vá y cũng hoàn tát, Ngài liên đáp y, ôm bát du hành trong nhân gian. Biết vậy rồi, Đại Ái Cù-đàm-di lại đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên và thưa:

1 Nguyên tảc:Cu-đàm-di kinh (roi. 0026.116. 0605a08). Tham chiếu: Cù-đàm-dỉ ký quả kinh m(roi. 0060. 0856a04); Ma-ha-tăng-kỳ luật (122. l25.39e471aZ. 0476bll); Tứ phần luật (T.22. 1428.48. 0922c06-0923cl2); Căn Ban Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (7.24. 1451.29. 0350bl0-0351a25); A. 8.51 - IV. 274; Cv. 10. 2 Xem chú thích 4, kinh số 12, tr. 67. 3 Đại Ái Cù-đàm-di (,Mahāpajāpatī Gotamī).

4 Nguyên tácrNhư thị (),ngoài nghĩa thông dụng là "nhu vậy„J "nhu thi”()còn mang nghĩa 4tđúng như thế, thật sự, quả thúc”có từ Pali tương đương ỉảyathā (như, đúng như, giông như...).

-Bạch Thế Tôn! Người nữ có thể đắc quả vị Sa-môn thứ tư được chăng? Từ nhân duyên ấy, người nữ có thể ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo được chăng? Đức Thế Tôn cũng đáp lại: -Thôi, thôi! Cù-đàm-di! Dì chớ nên nghĩ rằng: "Người nữ có thể ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo." Đúng ra dì [có thể] cạo bỏ tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh. [0605b02] Khi ấy, bị Phật ngăn cản lần thứ hai, Đại Ái Cù-đàm-di cúi đầu :K A A lạy sát chân Phật, nhiêu quanh ba vòng roi ra vê. Bấy giờ, đức Thế Tôn ngụ trong dân chúng Thích-ca đã qua ba

tháng an cư mùa mưa, y áo được khâu vá xong, Ngài đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian. Đại Ái Cù-đàm-di nghe tin đức Thế Tôn sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa nơi dân chúng Thh-ca, y áo được khâu vá xong, Ngài đã đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian. Đại Ái Cù-đàm-di cùng với các lão mẫu Xá-di56lập tức chạy theo sau Phật, lần hồi đến Na-ma-đề/ dừng lại trước tinh xá Kiền-ni78 thuộc thị trấn Na-ma-đề. Đại Ái Cù-đàm-di lại đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Người nữ có thể đắc quả vị Sa-môn thứ tư được chăng? Từ nhân duyên ấy, người nữ có the ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo được chăng? Đức Thế Tôn lặp lại lần thứ ba: -Thôi, thôi! Cù-đàm-di! Dì chớ nên nghĩ rằng: "Người nữ có thể ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo.” Đúng ra dì [có thể] cạo bỏ tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh. Bi đức Thế Tôn ngăn cản lần thứ ba, Đại Ái Cù-đàm-di cúi đầu lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Bấy giờ, Đại Ái Cù-đàm-di với đoi chân bê bết bùn đất, thân thể đầy bụi bặm vô cùng mỏi mệt đứng ngoài cổng, buồn rầu khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Đại Ái Cù-đàm-di với đôi chân bê bết bùn đất, thân thể đầy bụi bặm, vô cùng mỏi mệt đứng ngoài cổng, buồn rầu khóc lóc, liền hỏi:

5 Xá-di .Tham chiếu: A. 8.51 - IV. 274: Sākỉyãnĩ người nữ trong dòng họ Thích-ca. 6 Na-ma-đề .Tham chiếu: A. 8.51 - IV. 274: Nādikā, còn được viết là Ñātika hoặc Nātikā, là một thi trấn nằm giữa Kotigāma và Vesālī. 7 Kiền-ni tinh xá .MĀ. 185 ghi là Kiền-kỳ tinh xá ;M. 31 ^ghi là Giñjakāvasathā. Theo DPPN, tinh xá này được xây dựng băng gạch giĩyakã, đức Phật đã thuyêt giảng nhiều bài kinh quan trọng tại đây. 8 Theo Tứ phần luật r.22. 1428.48. 0922cl9, Đại Ái Cù-đàm-di đi bộ theo đức Phật đến nỗi bị rách cả bàn chân .

Vì sao Cù-đàm-di chân bê bết bùn đất, thân thể đầy bụi bặm, vô cùng mỏi mệt đứng ngoài cổng, buồn rầu khóc lóc như vậy? Đại Ái Cù-đàm-di đáp: Thưa Tôn giả A-nan! Người nữ không được ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo. Tôn giả A-nan nói: Cù-đàm-di hãy ở đây, tôi sẽ đến thưa việc này lên đức Phật. Đại Ái Cù-đàm-di đáp: Kính vâng! Thưa Tôn giả. Ton giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật, chắp tay hướng Phật rồi thưa: -Bạch Thế Tôn! Người nữ có thể đắc quả vi Sa-môn thứ tư được chăng? Từ nhân duyên ấy, người nữ có thể ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo được chăng? [0605c01] Đức Thế Tôn bảo: Thôi, thôi! Này A-nan, thầy chớ nên nghĩ rằng: "'Người nữ có thể ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo.” A-nan! Nêu cho người nữ được ở trong giáo pháp này, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì Phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. A-nan! Ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có hưng thịnh lên được không? - Thưa không, Bạch Thế Tôn! Này A-nan! Cũng như thế, nếu cho người nữ được ở trong giáo pháp này, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống

không gia đình, làm người học đạo thì Phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài. Này A-nan! Ví như trong ruộng lúa nếp, ruộng lúa mì mà cỏ dại mọc đầy thì những đám ruộng đó chắc chắn sẽ bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan! Nếu cho người nữ được ở trong giáo pháp này, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. Tôn-giả A-nan lại thưa: Bạch Thế Tôn! Đại Ái Cù-đàni-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao như vậy? Vì sau khi thân mẫu Thế Tồn mất, Đại Ái Cù-đàm-di đã nuôi dưỡng Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy: Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Đại Ái Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã nuôi dưỡng Như Lai sau khi mẫu thân mất. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Đại Ái Cù-đàm-di nhiều lợi ích. Vì sao như vậy? Này A-nan, Đại Ái Cù-đàm-di nhờ Ta mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy

y chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ Tam bảo và không nghi ngờ khổ, tập, diệt, đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới câm? học rộng tu khéo, thành tựu hạnh bô thí và được trí tuệ, xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa trộm cướp, đoạn trừ trộm cướp, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa uống rượu, đoạn trừ uống rượu. Này A-nan? nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo5 không nghi ngờ Tam bảo và không nghi ngờ khổ, tập, diệt, dạo, thành tựu tín tâm, giữ gìn giới cấm, học rộng tu khéo, thành tựu bố thí và được trí tuệ, xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa trộm cướp, đoạn trừ trộm cướp, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa uống rượu, đoạn trừ uống rượu thì này A-nan, giả như người ây cúng dường cho người kia đây đủ các vật dụng trong cuộc sông như y phục, thức ăn5 giường nằm, thuốc thang,... (cho đến) trọn đời thì lẽ nào đó chẳng phải là được đen ơn? Này A-nan! Nay Ta vì người nữ mà chế định tám pháp kính trọng,9 người nữ không được phạm, phải phụng trì suốt đời. Này A-nan! Ví như người đánh cá và đệ tử người đánh cá đắp đập ở khoảng nước sâu để giữ nước, không cho nước chảy ra ngoài. Cũng vậy, này A-nan! Nay Ta vì người nữ mà chê định tám pháp kính trọng, người nữ không được phạm, phải phụng trì suốt đời. Tám pháp gom những gì? Này A-nan! Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ nhất, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. [0606a07] Này A-nan! Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà che định pháp kính trọng thứ hai, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Này A-nan! Nếu trụ xứ nào không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được an cư mùa mưa. Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ ba, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Này A-nan! Tỳ-kheo-ni sau khi an cư mùa mưa phải đối trước hai bộ chúng để thỉnh cầu chỉ rõ về ba việc: Thấy, nghe và nghi. Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ tư, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. NàyA-nan! Nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo- ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Này A-nan, Ta đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ năm, người nữ không được trái phạm, phải phụng

trì suốt đời.

9 Nguyên tác: Bát tôn sư pháp (),tức "tám pháp tôn kính." Củ-đàm-dì kỷ quả kinh (roi. 0060. 0856a04) ghi: Bát trọng pháp ();A. 8.51 - IV. 274: Atthā garudhamma (tám kính pháp).

116. KINH CÙ-ĐÀM-DI 749

Này A-nan! Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyên nói lỗi của Tỳ-kheo-ni. Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ sáu, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Này A-nan! Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa10 thì phải đối trước hai bộ chúng để hành pháp bất mạn11 trong vòng mười lăm ngày. Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ bảy, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Này A-nan! Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm vẫn phải khiêm cung, cúi đầu làm lễ, cung kính nương nhờ, chắp tay thưa hỏi Tỳ- kheo mới thọ giới Cụ túc. Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà chế đinh pháp kính trọng thứ tám, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. [0606b01] Này A-nan! Ta đã vì người nữ mà chế định tám pháp kính trọng này, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Này A-nan! Nếu Đại Ái Cù-đàm-di phụng trì tám pháp kính trọng đó thì được ở trong giáo pháp này mà xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe đức Phật dạy, khéo nhận lãnh và ghi nhớ, cúi đầu lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra9 đi đến chỗ Đại Ái Cù- đàm-di và nói: Cù-đàm-di! Người nữ đã được phép ở trong giáo pháp này, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Đại Ai Cù- đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định tám pháp kính trọng, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì tám pháp kính trọng này suốt đời. Tám pháp kính trọng đó là gì? Cù-đàm-di! Tỳ-kheo-ni phải càu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. Đại Ái Cù- đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ nhất, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di! Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. Đại Ái Cù-đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ hai, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di! Nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được an cư mùa mưa. Đại Ái Cù-đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ ba, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di! Tỳ-kheo-ni sau khi an cư mùa mưa xong phải đối trước hai bộ chúng để thỉnh cầu chỉ rõ về ba việc: Thấy, nghe và nghi. Đại Ái Cù-đàm-di!

10 Tăng-già-bà-thi-sa ,Sañghādisesa, thường được dịch là "Tang tân”,với 17 điều khoản dành cho Tỳ-kheo-ni. 11 Hành bất mạn Tử phần luật danh nghĩa tiêu thích K 0.44 0744.11. 0485CÍ5 gọi la “M^na-d6a",Mãnattà, hoặc i6Ý hy”,l “pháp sám hôi tội Tăng-già- bà-thi-sa,,Sañghādisesa . Với Ty-kheo thì thực hanh pháp nay riêng với chúng Ty-kheo trong thời gian 6 ngày cộng với thời gian giấu tội, nhimg với Tỳ-kheo-ni theo kinh này phải thực hành giữa hai bộ Tăng Ni, với thời gian 15 ngày.

Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ tư, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di! Nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo- ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu Tỳ-kheo cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Đại Ái Cù-đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế địiýi pháp kính trọng thứ năm5 người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di! Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi của Ty.kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói lỗi của Tỳ-kheo-ni. Đại Ái Cù-đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ sáu, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. [0606c01] Cù-đàm-di! Nếu Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng để hành pháp bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Đại Ái Cù-đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ bảy, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di! Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm vẫn phải khiêm cung, cúi đầu làm lễ, cung kính nương nhờ, chắp tay thưa hỏi Tỳ- kheo mới thọ giới Cụ túc. Đại Ái Cù-đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định pháp kính trọng thứ tám, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suốt dơi. Cù-đàm-di! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định tám pháp kính trọng này, người nữ không được trái phạm, phải phụng trì suôt đời. Đại Ai Cù-đàm- di! Đức Thế Tôn dạy như vầy: "Nếu Đại Ái Cù-đàm-di phụng trì tám pháp kính trọng ấy thì được ở trong Chánh pháp này xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, làm T'-kheo-ni." Bấy giờ, Đại Ái Cù-đàm-di thưa: Thưa Tôn giả A-nan! Xin Tôn giả cho phép tôi nói ví dụ này, người trí tuệ nhờ nghe ví dụ mà hiểu rõ ý nghĩa. Thưa Tôn giả! Ví như các thiếu nữ đoan chánh xinh đẹp dòng Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la12 được tắm gội sạch sẽ, dùng hương xoa khắp thân, mặc y phục mới, trang sức nhiều loại chuỗi ngọc. Có người thương tưởng đến các thiếu nữ ấy, mong muốn cho các cô được lợi ích và phước lành, được an ổn và hân hoan nên đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bặc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sư, hoặc tràng hoa a-đề-mtru-đa trao tặng cho các cô. Các thiếu nữ ấy vui mừng, hai tay nhận lãnh, đem cài lên đầu mình. Cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan! Đức Thế Tôn đã vì người nữ mà chế định tám pháp kính trọng này, tôi nguyện nhận lãnh và phụng tri suốt đời.

12 Xem chú thích 7-8, kinh số 5, tr. 25.

116. KINH CÙ-ĐÀM-DI 751

Bấy giờ, Đại Ái Cù-đàm-di ở trong giáo pháp được xuất gia, học đạo, thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni. về sau, bà trở thành Đại Tỳ-kheo-ni, cùng các Trưởng lão thượng tôn Tỳ-kheo-ni là những vị danh tiếng trong hàng vương giả tu hành Phạm hạnh đã lâu, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu làm lễ, đứng sang một bên roi thưa: Thưa Tôn giả A-nan! Xin Ngài biết cho, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thượng tôn này là những vi danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành Phạm hạnh đã lâu, còn các Tỳ-kheo kia nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào trong giáo pháp này chưa được bao lâu. Mong rằng các Tỳ-kheo ấy đối với các Tỳ- kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đau làm lễ, cung kính

chắp tay thưa hỏi. [0607a03] Khi ấy, Tôn giả A-nan nói: Cù-đàm-di hãy ở đây, tôi sẽ đi đến chỗ đức Phật thưa hỏi về việc này! Đại Ái Cù-đàm-di thưa: Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan! Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật rồi đứng sang một bên, chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay Đại Ái Cù-đàm-di và các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thượng tôn là những vị danh tiếng trong hàng vương giả tu hành Phạm hạnh đã lâu cùng đi đến chỗ của con, cúi đầu đảnh lễ sát chân con, rồi đứng sang một bên, chắp tay nói với con rang: "Thua Tôn giả A-nan! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành Phạm hạnh đã lâu, còn các thây Tỳ-kheo nhỏ kia còn nhỏ tuổi, mới học đạo, xuất gia sau, vào trong giáo pháp này chưa được bao lâu. Mong rằng các Tỳ-kheo ấy đoi với Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đau làm lễ, cung kính chắp tay thưa h6i. 3 Đức Thế Tôn bảo: Thôi, thôi! Này A-nan, hãy cân nhắc lời nói này, hãy thận trọng, chớ nói điêu đó. Này A-nan, giả sử thây biêt như những gì Như Lai biêt thì một lời cũng không nên nói, huống nữa lại nói như vậy. Này A-nan! Nêu người nữ không được ở trong giáo pháp này với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì các Phạm*

13 Trong ubát tôn sư phAp" ()vừa lãnh thọ, yêu cầu này đã trái phạm với điều thứ 8. Cullavagga (Cv. 10.521) ghi lại việc nay rõ hơn. Nghĩa là, bà Mahāpajāpati Gotamĩ thông qua ngài Ānanda xin Phạt cho phép Ty-kheo-ni và Ty-kheo-tăng lễ kính nhau theo sư thâm niên (yathavuddharri). Đức Phật dạy: Này Ānanda, việc đức Như Lai có the cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dạy chào, sự chắp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân là điều không co cơ sở và không hợp lý. Này Ānanda, bởi vì các ngoại đạo cổ ky luật khống nghiêm khắc còn không thực hành sự đanh le, sự đứng dậy chậuD, sự chắp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân; vậy điêu gì khiến Như Lai lại cho phép sự đanh lễ, sự đứng dậy chào, sự chắp tay, (và) hành động thích hợp đến nữ nhân? Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiên ấy đã thuyết pháp thoại rọi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dây chào, sự chăp tay, (và) hành động thích hợp đên nữ nhân; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkaụ (Ac tác)" (Tỳ-khưu indacanda dịch).

chí và cư sĩ sẽ lấy áo trải lên mặt đất rồi nói rằng: "Thua Sa-môn tinh tấn! Ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn! Ngài đã làm việc khó làm khiến chúng tôi luôn được lợi ích, được an ổn và hân hoan.,, Này A-nan! Nêu người nữ không được ở trong giáo pháp này với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì các Phạm chí và cư sĩ sẽ đem đầu tóc mình trải lên đất và nói rằng: "Thưa Sa-môn tinh tấn! Ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn! Ngài đã làm việc khó làm khiến chúng tôi luôn được lợi ích, được an ổn và hân hoan." Này A-nan! Nêu người nữ không được ở trong giáo pháp này với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì các Phạm chí và cư sĩ khi trông thay Sa-môn họ sẽ dùng hai tay bưng đủ loại thức ăn ra đứng bên đường chờ đợi và thưa: "Thua chư Tôn! Xin hãy thọ nhận món ăn này, Ngài có thể mang đi rồi tùy ý thọ dụng để chúng tôi

luôn được lợi ích, được an ổn và hân hoan." Này A-nan! Nếu người nữ không được ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì các Phạm chí và cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn tinh tấn liền khởi tâm kính mến, đón rước vào nhà, đem các tài vật ra cúng dường vị Sa-môn tinh tấn và thưa: "Thua chư Tôn! Xin hãy thọ nhận tài vật này, Ngài có thể mang đi rồi tùy ý thọ dụng để cho chúng tôi luôn được lợi ích, được an ổn và hân hoan." [0607b04] Này A-nan! Nêu người nữ không được ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì dù cho mặt trời, mặt trăng này có như ý túc lớn, có oai đức lớn, phước đức lớn và có oai thần lớn, nhưng đối trước đức oai thần của vị Sa-môn tinh tấn vẫn không thê sánh băng, huông nữa là đôi với hàng ngoại đạo ôm yêu, non nớt ây. Này A-nan! Nêu người nữ không được ở trong giáo pháp này với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì Chánh pháp sẽ tồn tại đến nghìn năm, nhưng nay đã mất hết một nửa, chỉ còn lại năm trăm năm. Này A-nan! Có năm việc mà người nữ không làm được. Nếu bảo rằng người nữ được thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển Luân Vương, Thiên Đế-thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên thì điều này nhất định không thể có. A-nan nên biết, có năm việc mà người nam làm được. Nếu bảo rằng người nam được thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển Luân Vương, Thiên Đế-thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên thì điều này chắc chắn xảy ra. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.14

14 Bản Hán, hết quyển 28.

117. KINH NHU HÒA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm? vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thuở trước, khi xuất gia học đạo, chính Ta đã ra đi từ nơi sung túc nhất, từ chốn thong dong, nhàn nhã, hạnh phúc nhất, từ cuộc sống ấm êm nhất.2 Lúc còn tại gia, Ta được Vua cha Duyệt-đầu-đàn3 xây cho ba cung điện: Cung điện đe ở vào mùa xuân, cung điện đe ở vào mùa hạ và cung điện để ở vào mùa đông. Vì Ta thích dạo chơi nên cách cung điện không xa lại xây các loại ao hồ trồng nhiều loài hoa khác nhau, như ao hoa sen xanh, ao hoa sen hồng, ao hoa sen đỏ và ao hoa sen trăng. Trong ao đó trông các loại hoa sông trong nước, như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Nước trong ao luôn đay, hoa nở đều đặn, khiến người chăm sóc ao vườn không thể biết hết. Vì Ta thích du ngoạn nên trên bờ ao trồng các loại hoa mọc ở đất liền, như hoa tu-ma-na, hoa bà-su, hoa chiêm-bặc, hoa tu-kiền-đề9 hoa ma-đầu-kiền-đề? hoa a-đề-mâu-đa và hoa ba-la-đầu. Vì Ta thích vui chơi nên vua cha sai bốn người hầu tắm rửa cho Ta. Tắm cho Ta xong, lại xoa hương chiên-đàn đỏ khắp thân, rồi mặc áo gấm lụa mới, trên dưới, trong ngoài toàn là trang phục mới. Vì sợ ban đêm bị thấm sương, ban ngày da bắt nắng nên vua cha sai người cầm lọng che cho Ta suốt cả ngày đêm. Trong khi nhà dân thường được ăn lúa mì thô, cơm gạo tẻ, cháo đậu, rau gừng và cho đó là món ăn bậc nhất thì người hầu hàng thấp nhất của Phụ vương Duyệt-đầu-đàn của Ta lại cho rằng nếp trắng, thức ăn thịnh soạn mới là món ăn bậc nhất. Lại nữa, thường ngày Ta được thưởng thức những món ăn từ các loại thực phẩm ngon nhất sống ở nơi đồng nội, như các loài chim đề-đế-la-hòa-tra? kiếp- tân-xà-la5 hề-mễ-hà, lê-nê-xa,

thi-la-mễ.4

1 Niệm tụng thứ ba. Quyển 29. Nguyên tác: Nhu nhuyến kỉnh 01. 0026.117. 0607c04. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.22.8. 0608b16; A. 3.39 - L 145;.5.5 - III. 71.
2 Nguyên tác: Thung dung nhàn lạc, cực nhu nhuyến .Tham chiếu: A. 3.39 - L 145: Sukhumālo aharn, bhikkhave, paramasukhumālo accantasukhumālo Này các Tỷ-kheo, Ta được nuôi dưỡng tế nhị, tối thắng nuôi dưỡng tế nhị, cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị, HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Duyệt-đầu-đàn ọSuddhodana phiên âm theo cách chiết tự, tức Vua Tịnh Phạn.

4 Đề-đế-la-hòa-tra ,kiếp-tân-xà-la ,hề-mễ-hà ,ISnSxa , thi-la-mễ

Ta còn nhớ thuở xưa, lúc còn ở với Vua cha Duyệt-đầu-đàn, suốt bốn tháng mùa mưa sống trong cung điện, hoàn toàn không có người nam, Ta chỉ vui chơi cùng các thể nữ, không rời khỏi cung điện. Khi Ta muốn dạo vườn ngự uyển liền có ba mươi kỵ binh xuất sắc được tuyển chọn với những nghi vệ trước sau, hộ tống dẫn đường, huống nữa là những việc khác. Ta có mọi điều như ý muốn5 và cuộc sống cực kỳ êm ấm này. Ta còn nhớ thuở xưa, có lần đi thăm đồng ruộng, thấy người nông phu nghỉ ngơi trên cánh đồng, Ta liền đến bên gốc cây Diêm-phù ngồi kiết-già, lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác có quán, được hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Ta thầm nghĩ: “Kphàm phu mê muội thiếu hiểu biết, mặc dù chính mình có bệnh, không tránh khỏi tật bệnh, nhưng thấy người bệnh tật lại chán ghét khinh bỉ5 không ưa không thích và không tự xem xét lại mình.,^ Ta lại nghĩ: "Thân Ta vốn có bệnh, không tránh khỏi tật bệnh, nếu Ta thấy người bi bệnh mà chán ghét khinh bỉ, không ưa, không thích thì không nên, vì Ta cũng có pháp ấy.” Quán sát như vậy rồi, tâm cống cao phát khởi do không có tật bệnh liền tự tiêu diệt. Ta lại nghĩ: "Kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, mặc dù bản thân có sự già, không tránh khỏi sự già, nhưng khi thấy người già lại chán ghét khinh bí, không ưa không thích và không tự soi xét mình.^^ [0608all] Rồi Ta lại nghĩ: "Ta vốn có sự già, không tránh khỏi sự già. Nếu Ta thấy người già mà chán ghét khinh bỉ, không ưa không thích thì không nên, vì Ta cũng có pháp ấy.” Quán sát như vậy rồi, tâm cống cao phát khởi do sống trường thọ liền tự tiêu diệt. Kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, vì chưa bị bệnh nên tự cao về dòng dõi hào quý rồi buông lung, tham dục mà sanh si mê, không tu tập Phạm hạnh. Kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, vì tuổi trẻ nên tự cao về dòng dõi hào quý, rồi buông lung, tham dục mà sanh si mê, không tu tập Phạm hạnh. Kẻ phàm phu mê muội thiêu hiểu biêt, vì sông thọ nên tự cao về dòng dõi hào quý, rồi buông lung, tham dục mà sanh si mê? không tu tập Phạm hạnh. pv Á • y r-p-| Ấ r-p/X l • À Z j

Bay giơ, The Ton liên noi kẹ:
Bệnh tật, già nua, Và sự chết chóc,
Có tự ngàn xưa, Phàm phu chẳng ưa.
Nếu Ta chán ghét, Chẳng chiu vượt qua,

Đừng nên như vậy5 Ta cũng thế mà!
Ai sống như vầy, Biết pháp lìa sanh,
Tuổi trẻ chưa bệnh, Sống thọ kiêu căng.
5 Như ý túc iddhipādā thường được dịch là thần thông, ở đây có nghĩa là quyền uy.

117. KINH NHU HÒA^ 755

Liền đoạn tâm kiêu, Vô dục an ổn, Người ấy giác ngộ, Không còn sợ dục, Chứng Vô tưởng đinh, Tịnh tu Phạm hạnh. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

118. KINH LONG TƯỢNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Đông Viên, giảng đường Lộc Tư Mầu.2 Bấy giờ5 vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, từ tịnh thất đi ra và bảo: -Ô-đà-di! Hãy cùng Ta đến sông Đông để tắm rửa.3 Tôn giả Ô-đà-di bạch Phật: Thưa vâng. Bấy giờ, Thế Tôn cùng Tôn giả Ô-đà-di đến sông Đông, cởi y phục để trên bờ rồi xuống sông, tắm rửa xong lên bờ, lau mình và mặc y phục vào. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc có một con voi chúa tên là Niệm4 đang lội ngang qua sông Đông với tất cả các loại âm nhạc được tấu lên. Dân chúng trông thấy liền kêu lên: "Đây là con voi56trong loài voi, là voi chúa lớn, hay là con vật gì v"6 Tôn giả Ô-đà-di7 chắp tay hướng Phật, thưa: Bạch Thế Tôn! Con voi này có thân to lớn nên dân chúng trông thấy liền kêu lên: "Dây là con voi trong loài voi, là voi chúa lớn, hay là con vật gì vay?" Đức Thế Tôn bảo: Đúng vậy, đúng vậy, Ô-đà-di! Con voi này có thân to lớn nên dân chúng trông thấy liền kêu lên: "Đây là con voi trong loài voi, là voi chúa lớn, hay là

1 Nguyên tác: Long tượng kỉnh roi. 0026.118. 0608b02. Tham chiếu: A. 6.43 - III. 344; Thag. 15.2-689. 2 Đông Viên, giảng đường Lộc Tử Mầu Pubbārāma Migāramātu pāsādā. Xem chú thích 2, kinh so 94, tr. 627. 3 Đông hà ,Pubbakotthakā, một bến nước nằm ở phía Đông Pubbā kinh thành Xá-vệ. 4 Niệm sati. Tham chiếu: A. 6.43 - III. 344: Tena kho pana samayena rañño pasenadissa kosalassa seto nāma nāgo Lúc bấy giờ, Setā, con voi của Vua Pasenadi nước Kosala, HT. Thích Minh Châu dịch. Seto có nghĩa là màu trắng. Bản Hán có khả năng bị nhâm giữa chữ seto và sati nên dịch là "niêm". 5 Nguyên tác: Long nāgā. Thuật ngữ này thường được dịch bằng hai chữ Hán tương đương, thứ nhát là Tong"và thứ hai là "tượng".Trong ngữ cảnh kinh văn thì chữ "tượng"là hợp lý hơn. 6 Tham chiếu: A. 6.43 - III. 344: t4Ôi đẹp đẽ thay, thưa các ngài, con voi của vua! Đáng nhìn thay, thưa các ngài, con voi của vua! Thoải mái thay, thưa các ngài, con voi của vua! Thân thể đây đủ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Con voi, thưa các ngàC thật xứng đáng là con voi!" HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Ô-đà-di/Udāyi cũng gọi là Laludāyi, con của mộtrBà-la-môn ở Kapilavatthu, khi lần đầu chứng kiến năng lực thần thông cua đức Phật nên phát tâm xuất gia.

758 KINH TRUNG A-HÀM

con vật gì vậy?,, Này Ô-đà-di! Các loài ngựa, lạc dà, bò, lừa, rắn,8 người, cây cối... sanh ra có thân hình to lớn thì khi dân chúng trông thấy đều kêu lên: “Dây là con voi trong loài voi, là voi chúa lớn, hay là con vật gì vay?" Này Ô-đà-di! Nếu có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Phạm chí5 từ loài người cho đến cõi trời trong nhân gian mà thân, miệng, ý không gây hại thì Ta nói vị ấy chính là voi. Này Ô-đà-di! Như Lai đối với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến cõi trời trong nhân gian hoàn toàn không gây hại bởi thân, miệng, ý, thế nên Như Lai được gọi là voi.9 Khi ấy, Tôn giả Ô-đà-di chắp tay hướng Phật thưa: Bạch Thế Tôn! Kính mong Ngài gia trì oai lực cho con! Xin đức Thiện Thệ hãy gia trì oai lực thêm cho con, khiến con được ở trước đức Phật, dùng bài tụng tương ưng với voi đe ca ngợi The Tôn. Đức Thế Tôn bảo: -Thây muôn gì thì cứ tùy ý! Bấy giờ, Tôn giả Ô-đà-di ở trước đức Phật, làm bài tụng tương ưng với voi để ca ngợi đức Thế Tôn:10 Chánh Giác ở trong đời, Tự chế ngự, đắc định, Tu tập theo Phạm hạnh, Tam ý tĩnh, lạc an* Được nhân loại kính tôn, Vượt lên tất cả pháp, Chư thiên đều quy ngưỡng, Bậc Vô Trước, Chí Chân. Giải thoát mọi trói buộc, Từ rừng, bỏ rừng đi, Lìa dục, vui viễn ly, Như vàng ròng trong đá. Vang lừng danh Chánh Giác, Như mặt trời trên không, Toi thượng giữa loài voi, Như núi cao vòi vọi. Xứng danh là voi chúa, Tuyệt đối không nào hại, Trong tất cả loài voi, Đây loài voi tối thượng. Nhu hòa và vô hại, Hai chân voi là đây5 Khổ hạnh và Phạm hạnh, Là sở hành của voi.1112 Tín la voi cua voi, Hai công đức là ngà, Niệm, huệ là cổ9 đầu, Phân biệt pháp, tư duy.

8 Nguyên tác: Hung hành uragam'. Loài đi bằng bụng, loài bò sát hay con rắn. 9 Nguyên tác: Bất dĩ thân khẩu ý hại ... thị cố ngã danh long ....Tham chiêu: A. 6.43 - III. 344: Agurn na kāgoti kāyena vācāya manasā, tam aham nāgo ti brūmi Ai không phạm một tội vê thân, về lời, về ý, người áy, Ta nói rằng: C4Người ấy là con voi", HT. Thích Minh Chau dịch. 10 Tham chiếu: Bài kệ tương đương trong 4 6.43 - III. 344 và Thag. 15.2-689. 11 Nguyên tác: Thị vị long sở hành . 12 Nguyên tác: Đại long tín vi thủ . Thủ í được hiểu là chi trước hoặc những cơ quan cảm quan phía trước của động v% & đây có thể hiên là vòi voi.

Bụng lớn chứa muôn pháp, Chân sau: Vui độc cư,13 Khéo tu quán hơi thở, Nội tâm dốc chí thiền. Voi đi, đứng đều đinh, Ngồi thiền, nằm cũng thiền, Các thời voi đều định, Là pháp thường của voi. Thọ thực nhà thanh tịnh, Nhà bất tịnh không ăn5 Gặp thức ăn bất tinh, Quay đi như sư tử. Được phẩm vật cúng dường, Thọ nhận vì tình thương, Voi ăn từ tín thí, Đủ nuôi mạng, không tham. Dứt trừ mọi kiết sử, Giải thoát mọi buộc ràng, Tâm không còn dính mắc, Vạn nẻo đường thong dong. Ví như loài sen trang, Sanh trưởng từ trong nước, Bùn nhơ không tham được, Đẹp tuyệt, hương ngạt ngào. Cũng vậy5 Tối Thượng Giác, Hành đạo trong nhân gian, Dục không vay ban được, Như hoa không tham nước. Ví như đống lửa hừng, Củi không thêm sẽ tắt, Không củi, lửa chăng truyên, Đây gọi là lửa diệt. Người trí nói dụ này, Mong mọi người hiểu nghĩa, Điều voi trong loài voi, Đã biêt và đa nói. Xa lìa dâm dục5 sân, Dứt si, được vô lậu? Voi xả bỏ

thân này, Đó là voi diệt tận. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Ô-đà-di nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

13 Nguyên tác: Lạc viễn ly song tý Hai tay vui viễn ly. Tuy,nhiên, câu trước đã nói về 2 chân trước rồi:thế nên song týícó thể hiểu là 2 chân sau.
Tham chiếu: A. 6.43 - III. 344: Vìveko tassa vāladhi đuôi là sông viên ly.

119. KINH Cơ SỞ ĐÀM LUẬN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở đây, chỉ có ba cơ sở để đàm luận,2 chứ không có bốn hay năm. Nếu Tỳ- kheo đã thấy, rồi nhân sự thấy đó mà nói về một vấn đề rằng: "T6i thấy, nghe, hiểu, biết" thì Tỳ-kheo nên nói: "Dây là điều tôi biết." Ba cơ sở đe đàm luận đó là gì? Tỳ-kheo nhân sự kiện trong đời quá khứ mà nói:3 "Đời quá khứ có sự kiện như vāy." Tỳ-kheo nhân sự kiện trong đời vị lai mà nói: "Đời vị lai sẽ có sự kiện như vay." Tỳ-kheo nhân sự kiện trong đời hiện tại mà nói: “Dời hiện tại có sự kiện như vậy.,^ Đó gọi là ba cơ sở để đàm luận chứ không có bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo đã thấy, rồi nhân sự thấy đó mà nói: "Tôi thấy, nghe, hiểu, biết" thì Tỳ-kheo nên nói: "Đây là điều tôi bi2t.” Do những điều được nói mà khéo thông hiểu4 được nghĩa, do không được nói mà không khéo thông hiểu được nghĩa. Vị đệ tử Hiền thánh nhất tam nghe pháp bằng cả hai tai. Sau khi nhất tâm nghe pháp bằng cả hai tai, vi ấy đoạn trừ một pháp, tu một pháp, chứng đắc một pháp. Sau khi đoạn trừ một pháp, tu một pháp, chứng đăc một pháp, vị ây liên được chánh định. Vị đệ tử Hiên thánh sau khi tâm đã được chánh đinh liên đoạn trừ tất cả tham, sân, si.5 Như vậy, vi đệ tử Hiền thánh chứng đắc tâm giải thoát, giải thoát rồi liền nhận biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật rang: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Do điêu vừa được nói đó nên có bôn trường hợp đê quan sát người, cho răng Hiền giả này có thể cùng bàn luận, hoặc không thể cùng bàn luận. Nếu Hiền giả

1 Nguyên tác: Thuyết xứ kinh 01. 0026.119. 0609a06. Tham chiếu: A. 3.67 -1. 197.
2 Nguyên tác: Tam thuyết xứ .Tham chiếu: A 3.67 - L 197: Tīni kathāvatthūni 3 cơ sở để đàm luận. A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận 7.26. 1536.03. 0378c23-0379b02 gọi là tctam ngồn y”“Quá khứ ngôn y",t4vị lai ngôn y”,“hiên tại ngồn y” . 3 Nhân quá khứ thuyết nhi thuyết .Tham chiếu: A. 3.67 - L 197: A títam vã addhānarn ārabbha katham katheyya có thể nói về vấn đề liên hệ thời quá khứ. 4 Nguyên tác: Tập :Thông hiểu .

5 Nguyên tác: Dâm ,n,si .

này với câu hỏi khẳng định mà không trả lời khẳng định,67với câu hỏi phân biệt mà không trả lời phân biệt/ với câu hỏi phản vân mà không trả lời phản vân,8 với câu hỏi cần đê qua một bên mà không biêt đê qua một bên.9 Như vậy, Hiên giả ấy không thể cùng nói chuyện, cũng không the cùng thảo luận. Nếu Hiền giả này với câu hỏi khẳng định mà trả lời khẳng đinh, với câu hỏi phân biệt mà trả lời phân biệt, với câu hỏi phản

vấn mà trả lời phản vấn, với câu hỏi cần để qua một bên thì để qua một bên. Như vậy Hiền giả này là người có thể cùng nói chuyện, cũng có the cùng thảo luận. [0609b01] Lại nữa, do điều được nói nên lại có bốn trường hợp để quan sát người, cho rằng có thể cùng bàn luận, hoặc không the cùng bàn luận với Hiền giả này. Nếu Hiền giả này không xác định được trường hợp nào dúng, trường hợp nào không đúng; không xác định được điều mình biết; không xác đinh được ví dụ; không xác định được phương pháp thì không thể cùng bàn luận, cũng không thê cùng thảo luận với Hiên giả này. Trái lại, nêu Hiên giả này xác định được trường hợp nào đúng, trường hợp nào không đúng; xác đinh được điều mình biết; xác định được ví dụ; xác định được phương pháp thì có the cùng bàn luận, cũng có thể cùng luận giải với Hiền giả này. Trong khi luận thuyết, nếu người biểu hiện phong thái trầm tĩnh, xả bỏ kiến chấp của mình, xả bỏ tâm oán kết, xả bỏ tham dục? xả bỏ sân hận5 xả bỏ si ám, xả bỏ kiêu mạn, xả bỏ sự che giấu,10 xả bỏ ganh ghét, không háo thắng, không r: k r <• 2 A hạ tháp người, không chập khuyêt diêm của người, thường phân tích và giảng giải,11 sau khi phân tích và giảng giải xong thì dạy bảo và khuyên dừng, tự mình hoan hỷ5 khiến người cùng hoan hỷ. Người với sự phân tích như vậy, giảng giải12 như vậy đó chính là sự phân tích của bậc Thánh, là sự giảng giải của bậc Thánh, nghĩa là vị này đã đạt đến cứu cánh vô lậu. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ: Nếu tranh cãi luận bàn5 Ý loạn, tâm cống cao, Phỉ báng, nghịch Thánh dức, Tìm khuyết điểm của nhau,

^Nguyên tác: Nhất hướng luân .Chủng tập kinh roi. 0001.9. 0051b01 ghi: Quyêt định ký luận .Tham chiêu: A. 3.67 - L 197: Ekarnsabyākaranīyam trả lời một cách dứt khoát. 7 Nguyên tác: Phân biệt luận .Chủng tập kinh roi. 0001.9. 0051001 ghi: Phân biệt ký luận .Tham chiêu: A. 3.67 - L 197: Vibhajjabyākaranīyam trả lời một cách chi tiết. ^Nguyên tác: Cật luận .Chủng tập kinh roi. 0001.9. 0051b01ghi: Cật vấn ký luận .Tham chiếu: ^,3.67-1. .Patipucchābyākaranīyam ưả lời với một cau hỏi ngược lại. 9 Nguyen tác: Chỉ lu?n,.Chúng tập kinh roi. 0001.9. 0051b02 ghi: Chỉ trụ ký luận .Tham chiêu: A. 3.67 - L 197: Thapanīyampañham thapeti gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên. J 10 Nguyen tác: Bất ngữ ,makkhà\ Che giấu. Xem chú thích 6, kinh số 89, tr. 603. Hjrhiiyet nghĩa thuyết pháp S Phân tích và giảng giải. Theo Hán dịch A-hàm kinh từ điển

12 Nguyên tác: Thuyết sự ,một cách viết khác là t4ngôn SỊT".

Chỉ mong tìm lỗi người, Ý muốn khuất phục họ5 Tranh nhau mong cầu thắng, Bậc Thánh không làm vậy. Nếu mong được luận nghị, Người trí nên biết thời, Có pháp và có nghĩa, Cách chư Thánh luận bàn. Người trí nói như vầy: Không tranh, không cống cao, Tâm không có nhàm đủ, Không kết? không não phiền, Tùy thuận, không đảo điên, Tỉnh giác rồi hãy nói, Khéo nói đó chính là, Trọn đời không nói ác. Không vì tranh mà luận, Cũng chẳng tranh với người, Biết chỗ và tùy thời,13 Là căn cứ để luận. Như lời Thánh nhân nói, Bậc trí được hai đường:14 Đời này được an vui, Đời sau cũng như vậy, Người thông đạt khi nói, Không điên đảo, tùy người.15 Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo

nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

13 Nguyên tác: Tri xứ cập thuyết xứ :Xứ trong "tri xút",chỉ cho nơi chỗ, cơ sở thāna. Xứ trong "thuyết xứ,?chi cho 3 thời quá khứ, hiện tại và tương lai. 14 Nguyên tác: Câu đắc nghĩa :Thành tựu mọi ý nghĩa. 15 Nguyên tác: Phi đảo phi thường thuyết ,một cách diễn dịch khác của câu trend?#JIIM .Theo Hán dịch A-hàm kỉnh2:.

120. KINH NÓI VỀ VÔ THƯỜNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã.23Thọ cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Tưởng cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã.. Hành cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Thức cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Như vậy? sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Vi Thánh đệ tử đa văn nên quán sát như vậy, tu tập ba mươi bảy đạo phẩm, chánh niệm tỉnh giác không gì ngăn ngại. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm thoát khỏi dục lậu? hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, vị ấy liền biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Có chúng sanh và có chín nơi chúng sanh cư trú, cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ là cõi tối thắng nhất trong ba cõi với một chút nghiệp còn sót lại,3 ở trong khoảng trung gian đó, A-la-hán4 là bậc nhất, là vĩ đại, là thù thang, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu trong đời. Vì sao như vậy? Vì trên đời này, A-la-hán là bậc được an ổn và hân hoan. Khi ấy, đức Thế Tôn nói kệ: Vô Trước5 an lạc nhất, Đoạn dục, ái không còn, Vĩnh viễn lìa ngã mạn, Xé toang lưới vô minh. Vị ấy không lay chuyển, Tâm chẳng gợn mảy trần, Thê gian cũng không nhiễm, Vô lậu, Phạm hạnh thành.

1 Nguyên tác: Thuyết vô thường kinh roi. 0026.120.0609c02. Tham chiếu: s. 22.76 -III. 82. 2 Nguyên tác: Phi thần .Thần chỉ cho tự ngã attā, phi thần ở đây mang nghĩa vô Zg,anattấ. 3 Nguyên tác: Hữu tưởng vô tưởng xứ hàng dư đệ nhất hữu ,chỉ cho Hữu Đảnh thiên, cõi cao nhất trong tam hữu, tức cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tâng thứ 4 của Vô săc định. Tham chiếu: s. 22.76 - III. 82: Yāvatā, bhikkhave, sattāvāsā, yāvatā bhavaggam, ete aggā, ete setthā lokasmim yadidam arahanto "ti Này các Tỷ-kheo, cho đến hưu tình cư sattāvāsā, cho đến tột đanh của hữu bhavaggarn, những bậc ấy là tối thượng, những bậc ấy là tối thắng ở trong đời, tức là các bậc A-la-hán, HT. Thích Minh Châu dịch. 4 A-la-ha ,Arahāni còn gọi làj\-la-hán, dịch là ứng Cúng, bậc xứng đáng nhận sự cúng dường của tín thí, là một trong 10 danh hiệu Phật. 5 Vô trước được dịch nghĩa từ Arahant A-la-hán.

Hiểu rõ thân năm uẩn, Cảnh giới bảy pháp thiện,6 Chốn Đại Hùng du hành, Lìa xa mọi sợ hãi. Thành tựu bảy món báu Đầy đủ giới, định, tuệ,8 Xứng danh bạn lành nhất, Đúng thật con Như Lai.9 Thành tựu mười chi đạo,6 78910 Tâm Đại long kiên cố? Là bậc

nhất trong đời, Vị ấy không hữu ái. Mọi việc không lay chuyển, Giải thoát hữu tương lai, Dứt sanh, già, bệnh, chết, Việc diệt lậu đã xong. Phát khởi trí Vô học, Được trụ thân sau cùng, Đủ Phạm hạnh bậc nhất, Tâm đó không do người.11 Thượng hạ và các phương, Vị ấy không hỷ lạc, Thường rống tiếng sư tử, Vô Thượng Giác trong đời. [0610a06] Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

6 Thất thiện pháp ,satta saddhammo. Theo 4 7.94 - IV. 145: Sattime, bhikkhave, saddhammā. Katame satta? Saddho hoti, hirimā hoti, ottappī hoti, bahussuto hoti, āraddhavīriyo hoti, satimā hoti, paññavā hoti Có 7 Diệu pháp này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bảy? Tín, xấu hổ, sợ hãi tội lỗi, nghe nhiều, tinh tấn, chánh niêm, có tn tuệ. MĀ. 3, bảy pháp thiện bao gồm: Tín ,tàm j, quy , tinh tấn ,da vn ,niệm và tuệ M. 7 Thất giác bảo ,sattaratanã là 7 báu giác chi. 8 Nguyên tác: Cụ học tam chủng học . 9 Nguyên tác: Phật tối thượng chân tử :Đệ tử chân chính bậc nhất của Phật. 10 Thập chi đạo c 10 Vô học chi ,gồm 8 chi Thánh đạo cùng Vô học chánh giải thoát và Vô học chánh trí . 11 Bất do tha aparapaccãyà'. Tự tri, tự chứng ngộ, không từ người khác, không nương theo người khác. J .

121. KINH Tự TỨ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng năm trăm vị Tỳ-kheo du hóa và an cư mùa mưa tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa? thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, vào ngày rằm,2 là ngày Thế Tôn thuyết Biệt giải thoát.345Vào giờ Tự tứ,4 Như Lai trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo và bảo: Ta là Phạm chí đã chứng đắc Niết-bàn/ thành bậc Vô Thượng Y Vương. Ngày nay, Ta thọ thân này là thân sau cùng. Ta là Phạm chí đã chứng đắc Niết- bàn, thành bậc Vô Thượng Y Vương. Ngày nay, Ta thọ thân này là thân rốt sau. Các thầy là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các thầy là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp thì các thầy hãy dạy bảo lẫn nhau, khuyên răn lẫn nhau. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Ngài vừa nói: "Ta là Phạm chí đã chứng đắc Niết-bàn, thành bậc Vô Thượng Y Vương. Ngày nay, Ta thọ thân này là thân sau cùng. Ta là Phạm chí đã chứng đắc Niết-bàn, thành bậc Vô Thượng Y Vương. Ngày nay, Ta thọ thân này là thân rốt sau. Các thầy là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các thay là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp thì các thầy hãy dạy bảo lẫn nhau, khuyên răn lẫn nhau." Với những ai chưa điều phục, Thế Tôn khiến họ được điều phục. Những ai chưa tịch tĩnh, Ngài khiến họ được tịch tĩnh. Những ai chưa độ thoát, Ngài khiến họ được độ thoát. Những ai chưa giải thoát, Ngài khiến họ được giải thoát. Những ai chưa tịch diệt, Ngài khiến họ được tịch diệt. Những ai chưa đắc đạo, Ngài khiến

1 Nguyên tác: Thỉnh thỉnh kinh (01. 0026.121. 0610a08). Tham chiếu: Thọ tân tuếkỉnh (7.01. 0061. 0858all); Tan tuekinh (roi. 0062. 0859a25); Giải hạ kinh (T.01. 0063. 0861bl0); Tạp.(r.02. 0099.1212. 0330a04); Biệt Tạp.(T.02. 0100.228. 0457a29); Tăng.(r.02. 0125.32.5. 0676b28); s. 8.7 - L 410. 2 Tham chiếu: Thọ tân tuế

kỉnh (01. 0061. 0858all): Ngày rằm tháng Bảy. 3 Nguyên tác: Tùng giải thoát (,Pãtimokkhà). 4 Nguyên tác: Tương thỉnh thỉnh thời (): Lúc thỉnh giáo lẫn nhau, tức là trong lễ Tự tứ, các Tỳ-kheo theo giới luật mà thưa hỏi về những điều được thấy, được nghe, được nghi để chỉ bày lỗi lâm cho nhau, để cùng sám hối. Sau khi sám hối thanh tịnh tứcjễ Tự tứ hoàn tất, các Tỳ-kheo được thêm một tuổi hạ, nên Tự tứ (Pavãranã) còn được dịch là Thọ tuế. 5 Nguyên tác: Diệt (),viết tát của "Tjch diet"(),tức là "Niết-bàn" (Nibbānd), là cảnh giới mát mẻ, nguội lạnh, diệt tắt (lửa phiền), giải thoát, an vui tuyệt đối.

họ được đắc đạo. Những ai chưa kiến lập Phạm hạnh, Ngài khiến họ được kiến lập Phạm hạnh. Thế Tôn là bậc Tri Bạo, Giác Đạo, Thức Bạo, Thuyết Đạo.6 Đệ tử Thế Tôn sau đó được đắc pháp, vâng theo lời dạy, tiếp nhận lời khiên trách. Sau khi thọ giáo, tiếp nhận lời khiển trách sẽ noi theo lời Thế Tôn dạy, dốc chí tu hành, được thành tựu như ý muốn, khéo biết Chánh pháp. Kính bạch Thế Tôn, Ngài có điều gì phiền lòng về những việc làm từ thân, miệng, ý của con hay không? [0610b04] Khi ấy, Thế Tôn bảo: -Này Xá-lợi-phất! Ta không phiền lòng về những điều đã làm từ thân, miệng, ý của thầy. Vì sao như vậy? Này Xá-lọi-phất, thầy là bậc trí tuệ sáng suốt, trí tuệ siêu xuất, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ linh hoạt, trí tuệ sắc bén, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ sâu xa, trí tuệ xuất ly, trí tuệ thấu đáo.7 Này Xá-lọi-phất, thầy đã thành tựu thật tuệ. Này Xá-lợi-phất, ví như Chuyển Luân Vương có thái tử không trái phạm lời khuyên dạy, lãnh thọ lời dạy của vua cha và về sau cũng có 9 y] . r 9 >

thê truyên thừa. Cũng vậy, này Xá-lợi-phât9 Ta chuyên pháp luân, thây cũng có thể chuyển được. Xá-lợi-phất, thế nên Ta không phiền lòng về những điều đã làm từ thân, miệng, ý của thầy. Tôn giả Xá-lợi-phất lại chắp tay hướng về Thế Tôn, thưa: Bạch Thế Tôn! Tuy Ngài không phiền lòng về những điều đã làm từ thân, miệng, ý của con, nhưng Thê Tôn có phiên lòng vê những điêu đã làm từ thân, miệng, ý của năm trăm vị Tỳ-kheo này chăng? Đức Thế Tôn bảo: -Này Xá-lợi-phất! Ta cũng không phiền lòng về những điều đã làm từ thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao như vậy? Vì năm trăm Tỳ- kheo này đều chứng đắc Vô trước,89dứt sạch hết các lậu, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, gánh nặng đã đặt xuống, trừ sạch các kiết sử, đã thành tựu chánh trí,9 đã giải thoát hoàn toàn, chỉ trừ một Tỳ-kheo10 mà trước kia Ta cũng đã thọ ký rằng sẽ chứng đắc Cứu cánh trí ngay trong đời này và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này Xá-lợi-phất! Thế nên Ta không phiền lòng về những điều đã làm từ thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này.

Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, Thuyết Đạo .Tham chiếu: Giải hạ kinh T.01. 0063. 0861 b 10: Như Lai đã khéo liễu tri về chánh đạo, khéo giảng bày về chánh đạo, khai thị chánh đạo ỈE. 7 Thông tuệ panditapaññā, đại tuệ mahāpaññā\toc tuệ hāsapañño, tiệp tuệ M, javapaññāi, lơi tuệ ^,tikkhapaññā\ quảng tuệ putthupaññа, thâm tuệ , gambhīrapaññа, xuât yêu tuệ nissaranapaññа, minh đạt tuệ

nibbedhikāpaññā. Xem chú thích 10, kinh số 27, tr. 169. Xem thêm s. v. 412-13. 8 Vô trước asañga: Không còn dính mắc, chấp trước. 9 Nguyên tác: Chánh trí sammā ñānci, chỉ cho trí tuệ hợp với chánh lý. 10 Có khả năng chỉ cho Tôn giả A-nan.

121. KINH TựTỨ^ 769

Tôn giả Xá-lợi-phất lại chắp tay hướng về Thế Tôn, thưa: Bạch Thế Tôn! Ngài không phiền lòng về những điều đã làm từ thân, miệng, ý của con, cũng không phiền lòng về những điều đã làm từ thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Như vậy, thưa Thế Tôn! Trong số năm trăm thầy Tỳ-kheo này có bao nhiêu thầy chứng đắc Tam minh đạt?11 Bao nhiêu thầy thành tựu Câu giải thoát?12 Bao nhiêu thầy thành tựu Tuệ giải thoát? Đức Phật bảo: Này Xá-lợi-phất! Trong năm trăm vị Tỳ-kheo này, có chín mươi Tỳ-kheo thành tựu Tam minh dạt, chín mươi Tỳ-kheo thành tựu Câu giải thoát, số Tỳ-kheo còn lại thành tựu Tuệ giải thoát. Xá-lợi-phất, trong chúng này không có cành lá? cũng không có đốt cong mà chỉ toàn hạt chắc, thanh tịnh, đều đã ở vào địa vị chân chánh. Bấy giờ, Tôn giả Bàng-kỳ-xá13 cũng có mặt ở trong chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng Phật, thưa: Bạch Thế Tôn! Kính mong Ngài gia trì oai lực cho con! Mong đức Thiện Thệ gia trì oai lực cho con, khiến con được ở trước Phật và chúng Tỳ-kheo, dùng đúng nghĩa tương ưng làm kệ khen ngợi. [0610C02] Thế Tôn bảo: -Này Bàng-kỳ-xá! Thầy muốn gì thì cứ tùy ý. Khi ấy, Tôn giả Bàng-kỳ-xá ở trước đức Phật và chúng Tỳ-kheo dùng đúng nghĩa tương ưng làm kệ khen ngợi: Nay rằm, ngày Tự tứ, Năm trăm chúng tụ vê, Đoạn trừ mọi trói buộc, Bậc Tiên nhân vô ngại.14 Thanh tịnh ngời quang minh, Giải thoát tất cả hữu, Hết sanh, già, bệnh, chết, Phiền não đã diệt xong. Trạo hối và nghi kết, Mạn? hữu lậu đã trừ, 9 r

Nhô sạch gai ái két, Thành Vô Thượng Y Sư. Dõng mãnh như sư tử, Mọi sợ hãi dứt trừ, Vượt qua dòng sanh tử, Các lậu đã diệt xong. Cũng như Chuyển Luân Vương, Được quân thân vây quanh, Thống lãnh toàn cõi đất, Ra đen tận đại dương. Bậc Thượng Chủ Tối Tôn, Dõng mãnh phục vô thượng, Đệ tử hang cung kính, Tam minh, lìa sợ chết.

minh đạt .Với bậc A-la-hán gọi\là Tam đạt với đức Phật gọi là Tam minh 11wTam 12 Câu giải thoát .Xem chú thích 34, kinh số 97, tr. 651. 13 Bàng-kỳ-xá Vañgīsā: Vị Tỳ-kheo trước đây thuộc gia đình Bà-la-môn, rất thông suốt các tập Vẹ-đấ, am tường y thuật và giỏi về kệ tụng. 14 Nguyên tác: Vô ngại hữu tận tiên .

770 KINH TRƯNG A-HÀM

Tất cả là con Phật, Tỉa sạch cành, lá, đốt, Chuyển pháp luân vô thượng, Kính lạy đấng Thế Tôn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

122. KINH CHIÊM-BA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Chiêm-ba? ngụ bên hồ Hằng-già.2 Bấy giờ, vào ngày rằm, là ngày thuyết Biệt giải thoát, Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi đã ngồi xong, Thế Tôn liền nhập định, dùng tha tâm trí quán sát tâm của đại chúng. Quán sát tâm của đại chúng xong, cho đến hết

đầu đêm, Ngài vẫn ngồi yên lặng. Lúc đó, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng Phật, thưa: -Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, Phật và chúng Tỳ-kheo vân tập ở đây cũng đã lâu, cúi xin Thế Tôn hãy thuyết Biệt giải thoát! Khi ấy, đức Thế Tôn vẫn im lặng không đáp. Thế rồi, đến nửa đêm Ngài vẫn ngồi yên lặng. [0611a02] Tỳ-kheo kia lại từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng Phật, thưa: -Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, giữa đêm sắp hết, Phật và chúng Tỳ- kheo vân tập ở đây cũng đã lâu, cúi xin Thế Tôn hãy thuyết Biệt giải thoát! rpnl Á rpi XX y : [M 1 1 /X J 9 l 5 • >^1 Á Á • 4- /V r-pi Á /X y Đức The Ton van im lạng không tra lơi. Cho đen cuôi đem, The Ton van ngôi yên lặng. Lân thứ ba, thây Tỳ>kheo kia từ chô ngôi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chắp tay hướng Phật, thưa: -Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, giữa đêm đã hết, cuối đêm sắp tàn, trời gần về sáng, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Phật và chúng Tỳ-kheo vân tập ở đây cũng đã lâu, cúi xin Thế Tôn hãy thuyết Biệt giải thoát! Lúc đó, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia: Trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nghĩ: "Trong chúng này, chẳng biết co Tỳ-kheo nào mà Thế Tôn bảo là đã làm việc bất tịnh? Vậy ta nên nhập định Bất động3 rồi bằng định ấy, ta dùng tha tâm trí mà quán sát tâm của đại chìing.”

1 Nguyên tác: Chiêm-ba kỉnh (roi. 0026.122. 0610c22). Tham chiếu: Chỉêm-bà Tỳ-kheo kỉnh (roi. 0064. 0862b05); A. 8.10 - IV. 168. 2 Xem chú thích 3, kinh số 37, tr. 247. 3 Nguyên tác: Như kỳ tượng định ().Xem chú thích 3, kinh số 33, tr. 224.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập định Bất động. Bằng định ấy, Tôn giả dùng tha tâm trí quán sát tâm của đại chúng. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biết vi Tỳ-kheo bị đức Thế Tôn nói là "trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh/9 Lúc đó, Tôn giả liền xuất định, đến trước mặt thầy Tỳ-kheo ấy, nắm cánh tay kéo đi, mở cửa đẩy ra ngoài: -Ong là người si mê, hãy tránh xa nơi này, đừng sông ở đây, cũng không được trở lại hội họp cùng với chúng Tỳ-kheo. Từ nay trở đi, ông không phải là Tỳ-kheo! Tôn giả đóng cửa, cài then rồi quay trở lại chỗ đức Phật, cúi đau lạy sát chân Ngài, ngoi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Vi Tỳ-kheo bị Thế Tôn bảo là "trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tjnh", con đã đuổi ra khỏi chúng rồi. Thưa Thế Tôn! Đâu đêm đã qua, giữa đêm đã hét và cuôi đêm sáp tàn, trời gân vê sáng, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, Phật và chúng Tỳ-kheo vân tập ở đây đã quá lâu, kính mong đức Thế Tôn hãy thuyết Biệt giải thoát. Đức Thế Tôn bảo: -Này Đại Mục-kiền-liên! Kẻ si mê kia sẽ đắc tội lớn vì đã xúc nhiễu Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Như Lai thuyết Biệt giải thoát mà trong chúng có người làm việc bất tịnh thì đầu kẻ ấy sẽ vỡ làm bảy mảnh. Thế nên, Đại Mục-kiền-liên! Từ nay về sau các thầy hãy tự thuyết Biệt giải thỹát, Như Lai sẽ không thuyết Biệt giải thoát nữa. Vì sao như vậy? Là vì như vầy, này Đại Mục-kiền-liên, nếu có kẻ si mê tuy khi ra, lúc vào đều tỉnh thức, khi co khi duỗi, lúc cúi lúc ngước đều khéo phân biệt quán sát, dung mạo khoan thai, đắp y chỉnh tề, ôm bát ngay thẳng, đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng thảy đều nhận biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh

chân chánh thì kẻ si mê không thể biết được. Này Đại Mục-kiền-liên! Nêu các bậc Phạm hạnh nhận biết được kẻ ấy thì sẽ suy nghĩ: “Dây là sự ô uế đối với Sa-môn9 là sự sỉ nhục đối với Sa-môn, là . . . . .. • sự đáng ghét đôi với Sa-môn, là gai nhọn đôi với Sa-môn.^, Khi đã biêt như vậy, lập tức nhóm họp đại chúng trục xuất kẻ ấy ngay. Vì sao như vậy? Vì không nên để kẻ ấy làm ô nhiễm các bậc Phạm hạnh. [0611b09] Này Đại Mục-kiền-liên! Ví như người cư sĩ có ruộng lúa nếp, hoặc ruộng lúa mì đang độ tươi tốt lại mọc lên một loại cỏ tên là uế mạch.4 cỏ nay có rễ, thân, đốt, lá và hoa thảy đều giống hệt như cây lúa mì. Nhưng sau khi két hạt thì người nông phu5 nhận biết, liền suy nghĩ rằng: "Bây là sự ô nhục đối với lúa mì, là gai nhọn đáng ghét đối với lúa mì.,, Biết như vậy rồi, người nông

4 uế mạch .Chiêm-bà Tỳ-kheo kinh TOI. 0064. 0862b05 gọi là "ác thảo"; A. 8.10 - IV. 168: Yavadūsīyavapalāpoyavakārandavo thứ lúa mạch đã hỏng, rơm, rác của lúa mạch. 5 Nguyên tác: Cư sĩ .

phu kia liền nhổ bỏ hết. Vì sao như vậy? Vì không muốn lúa mì thuần chủng bị pha tạp. Cũng vậy, Đại Mục-kiền-liên! Nếu có kẻ si mê tuy khi ra lúc vào đều tỉnh thức, khi co khi duỗi, lúc cúi lúc ngước đều khéo phân biệt quán sát, dung mạo khoan thai, đắp y chỉnh tề, ôm bát ngay thẳng, di, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng thảy đều nhận biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhimg hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ si mê ấy không thể biết được. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh nhận biết được kẻ ấy thì sẽ suy nghĩ: "Đây là sự ô uế đối với Sa-mon, là sự sỉ nhục đối với Sa- môn5 là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn.,^ Khi đã biết như vậy5 lập tức nhóm họp đại chúng trục xuất kẻ ấy ngay. Vì sao như vậy? Vì không nên để kẻ ấy làm ô nhiễm các bậc Phạm hạnh. Này Đại Mục-kiền-liên! Ví như vào mùa thu, người nông phu đem lúa ra sàng sảy. Trong lúc sàng sảy thì những hạt lúa chắc sẽ còn lại, những hạt lép hay vỏ trấu sẽ theo gió bay đi. Thấy vậy, người nông phu liền cầm chổi quét dọn thật sạch sẽ. Vì sao như vậy? Vì không muốn giống lúa chắc tốt bị trộn lẫn, pha tạp. Cũng vậy? này Đại Mục-kiền-liên! Nếu có kẻ si mê tuy khi ra lúc vào đều tỉnh thức, khi co khi duỗi, lúc cúi lúc ngước đều khéo phân biệt quán sát, dung mạo khoan thai, đắp y chỉnh tề? ôm bát ngay thẳng, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng thảy đều nhận biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ si mê ấy không thể biết được. Này Đại Mục-kiền-liên! Nếu các bậc Phạm hạnh nhận biết được kẻ ấy thì sẽ suy nghĩ: "Dây là sự ô uế đối với Sa-mon, là sự sỉ nhục đối với Sa- môn? là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đoi với Sa-m6n." Khi đã biết như vậy, lập tức nhóm họp đại chúng trục xuất kẻ ấy ngay. Vì sao như vậy? Vì không nên để kẻ ấy làm ô nhiễm các bậc Phạm hạnh. [0611C02] Này Đại Mục-kiền-liên! Ví như người nông phu muốn dẫn nước suối chảy đến thì phải làm máng dẫn nước, liền cầm búa vào rừng rồi gõ vào các thân cây. Nếu cây lõi cứng sẽ phát tiếng nhỏ, còn cây rỗng ruột sẽ phát tiếng lớn. Biết như vậy rồi, người ấy liền chặt cây đem về làm máng dẫn nước. Cũng vậy, này Đại Mục-kiên-liên! Nêu có kẻ si mê tuy khi ra, lúc vào đêu tỉnh giác, khi co khi duỗi, lúc

cúi lúc ngước đều khéo phân biệt quán sát, dung mạo khoan thai, đắp y chỉnh tề, ôm bát ngay thẳng, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng thảy đều nhận biết rõ ràng, tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ si mê không the biết được. Này Đại Mục-kiền-liên5 nếu các bậc Phạm hạnh nhận biết được kẻ ấy thì sẽ suy nghĩ: "Dây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự sỉ nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đôi với Sa-m6n." Khi đã biêt như vậy, lập tức nhóm họp đại chúng trục xuất kẻ ấy ngay. Vì sao như vậy? Vì không nên để kẻ ấy làm ô nhiễm các bậc Phạm hạnh.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói kệ: Họp chúng, cân nên biêt, Tham dục, ganh ghét, sân, Che giấu,6 hận, keo kiệt, Ganh, dua nịnh, dối lừa. Sông giả dôi trong chúng, Âm thầm xưng Sa-môn9 Ngâm làm các việc ác, Ác kiến, không thủ hộ, Thường dùng lời dối lừa, Nên biết, người như vậy, Không thể cùng họp chúng, Đuổi đi, không sống chung. Họ dối trá, vọng ngữ, Chưa ngộ nói đã ngộ, Biết thời, tu tịnh hạnh, Đuôi, tránh xa kẻ ây. Tịnh song cùng thanh tịnh, Thường hòa hợp với nhau, Như vậy sẽ an ổn, Và đoạn tận khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

6 Bất ngữ kiết makkhã'. Che giấu lỗi lầm. Xem chú thích 6, kinh số 89, tr. 603.

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ức1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức234cũng du hóa nước Xá-vệ, trú trong rừng Am,3 đâu đêm, giữa đêm và cuối đêm đêu tu tập không ngủ nghí, thường xuyên nỗ lực tu tập đạo phẩm.5 Lúc ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức sống một mình nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, suy nghĩ như vầy: “Trong những hàng đệ tử của đức Thế Tôn siêng năng tu tập theo Chánh pháp thì ta là bậc nhất, nhưng tâm của ta vẫn chưa thể giải thoát khỏi các lậu hoặc. Nhà cha mẹ ta vô cùng giàu có? rát nhiêu tiên của, vậy hôm nay ta có nên xả giới hoàn tục, chuyên cần67*bố thí, tu tập phước lành chăng?" [0612a06] Bấy giờ5 bằng Tha tâm trí,7 Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhi Thập ức như thế, liền bảo một Tỳ-kheo: Thầy hãy truyền gọi Sa-môn Nhi Thập ức đến đây. Tỳ-kheo ấy bạch: “Thua vang9\ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng và lui ra, đi đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức rồi nói: Thưa, Thế Tôn truyền gọi thầy. Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức nghe như vậy liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh le roi ngoi sang mọt ben. The Ton bao:

1 Nguyên tác: Sa-môn Nhị Thập ức kỉnh T.Ol. 0026.123. 0611c26. Tham chiếu: Tạp,7.02. 0099.245. 0062b22; Tăng. r02.J125.23.3. 0642al7; Càn Bấn Thuyết Nhất Thiết Hưu bộ Tỳ-nại-daphả Tăng sự T.24. 1450.17. 0185c24;^. 6.55 - III. 374. 2 Nhị Thập ức .Tạp.T.02. 0099.245. 0062b22~ghi là Nhị Thập ức Nhĩ ; A. 6.55 - III. 374: Sona Kolivisa. Do sona được đọc là sotā lỗ tai và koỊi được đọc là koti một ức nên có tên Nhị Thập ữc Nhĩ. 3 Ám lâm Sītavana, khu rừng ở phía Nam Sāvatthi. Tôn giả đang ở tại Sītavana Thi-đà lâm, một khu rừng ngoài thành Rājagaha. 4 Nguyên tác: Tinh cần chánh trụ .Chánh trụ: Tồn tại vĩnh

viễn, bất biến . 5 Đạo phẩm còn gọi 4tđạo phẩm pháp:Pháp dẫn đến Niết-bàn. Tham chiếu: A. 6.35 - III. 334: Dhammā vijjābhāgiyā pháp đưa đến Minh. 6 Nguyên tác: Hành dục .Dục ,chcmda. Theo PED, chandā ngoài nghĩa "dục vọng,, còn mang nghĩa phái sinh là "tinh c2n" yāyāma. Xem thêm Ni-kiên kinh r.01. 0026.19. 0444a15: Vị ấy nếu muốn đoạn trừ nguyên nhân của khô nên thực hành tinh cân ffśv 7 Tha tâm trí :Trí biết rõ tâm niệm của người khác.
Hành giả xa lìa dục, lậu hoặc; chứng nhập thiền định cõi sắc trở lên thì phát được trí này.

776 KINH TRUNG A-HÀM

Sa-môn! Có đúng là thầy sống một mình nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, suy nghĩ như vầy: "Trong những hàng đệ tử của đức Thế Tôn siêng năng tu tập theo Chánh pháp thì ta là bậc nhất, nhimg tâm của ta vân chưa thê giải thoát khỏi các lậu hoặc. Nhà cha mẹ ta vô cùng giàu c6, rất nhiều tiền của, vậy hôm nay ta có nên xả giới hoàn tục, chuyên cần bố thí, tu tập phước lành chng?" Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhi Thập ức ngượng ngùng xấu hổ? hoang mang lo sợ: "Thế Tôn đã biết được suy nghĩ của minh", liền chắp tay hướng Phật rồi thưa: —Quả đúng như vậy! The Ton bao: -Sa-môn! Nay Ta hỏi thầy, hãy tuy theo sự hiểu biết của mình mà trả lời! Ý thầy nghĩ sao? Lúc chưa xuất gia, thầy đánh đàn rất hay, tiếng đàn hòa với lời ca, lời ca hòa cùng nhịp đàn, có phải vậy không? Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức thưa: -Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi: -Ý thầy nghĩ sao? Nếu dây đàn căng quá thì âm điệu8 có hay không? Sa-môn Nhi Thập ức đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! The Ton hoi tiêp: Ý thầy nghĩ sao? Nếu dây đàn chùng quá thì âm điệu có hay không? Sa-môn Nhị Thập ức đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi: y -r A Y thây nghĩ sao? Nêu dây đàn được điêu chỉnh vừa phải, không căng quá cũng không quá chùng thì âm điệu rất hay, phải không? Sa-môn Nhị Thập ức đáp: -Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Khi ấy, Thế Tôn dạy: Cũng vậy, này Sa-môn! Tinh tấn quá mức sẽ khiến tâm loạn động, nhưng không tinh tấn sẽ khiến tâm biếng nhác. Thế nên, thầy hãy phân biệt vào thời gian nào thì nên quán sát tướng nào,9 chớ có buông lung. [0612b01] Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức nghe lời Phật dạy, khéo lãnh thọ, ghi nhớ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

8 Nguyên tác: Hòa âm . 9 Nguyên tác: Quán sát thử tướng :Những đề mục trong khi thiền tập.

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ức 777

Sau khi lãnh thọ lời Phật dạy qua ví dụ đánh dàn, Tôn giả Nhị Thập ức sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Sau khi sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, Tôn giả đã đạt được mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tư thân tác chứng, thành tựu an tru và biết đúng như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã

xong, không còn tái sanh nữa." Như vậy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức biết pháp10... cho đến chứng quả A-la-hán. Bấy giờ, khi đã đắc quả A-la-hán rồi, Tôn giả liền suy nghĩ: “Nay đã đúng thời, ta có nên đến chỗ Thế Tôn trình bày sự chứng đắc Trí cứu cánh của mình chng?" Thế rồi, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Nấu có Tỳ-kheo đắc Vô sở trước,11 lậu hoặc đã sạch, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã xong, gánh nặng đã đặt xuống, thoát khỏi mọi buộc ràng, tự thành tựu mục tiêu, là bậc chánh trí giải thoát hoàn toàn thì khi đó vi ấy vui thích sáu điều: Vui thích vô dục, vui thích viễn ly, vui thích không tranh cãi, vui thích do dứt sạch khát ái9 vui thích do không còn chấp thủ và vui thích do tâm không lay động. Bạch Thế Tôn! Nếu có người nghĩ như vầy: Hiền giả này dựa vào niềm tin nên vui thích vô due?9 Người ấy không nên nghĩ như vậy, vì chỉ khi nào dứt sạch tham dục, dứt sạch sân hận và dứt sạch ngu si thì mới vui thích vô dục. Lại nữa, nêu có người nghĩ như vây: “Hiên giả này vì tham câu danh tiêng, muôn được cúng dường, nên vui thích viên ly." Người ây không nên nghĩ như vậy, vì chỉ khi nào dứt sạch tham dục, dứt sạch sân hận và dứt sạch ngu si thì mới vui thích viễn ly. Lại nữa, nếu có người nghĩ như vầy: “Hiền giả này nhờ nương tựa giới luật, nên vui thích không tranh cai." Người ấy không nên nghĩ như vậy, vì chỉ khi nào dứt sạch tham dục, dứt sạch sân hận và dứt sạch ngu si thì mới vui thích không tranh cãi, vui thích do dứt sạch khát ái? vui thích do không còn chấp thủ, vui thích do tâm không lay động. Bạch Thế Tôn! Nêu Tỳ-kheo nào đắc Vô sở trước, lậu hoặc đã sạch, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã xong, gánh nặng đã đặt xuống, thoát khỏi mọi buộc ràng, tự thành tựu mục tiêu, là bậc chánh trí giải thoát hoàn toàn thì khi đó vị ấy vui thích sáu điều.

10 Nguyên tác: Tri pháp :Liễu tri, hiểu rõ nghĩa lý kinh điển, cách gọi khác chỉ cho việc chứng đắc Pháp nhãn. 11 Vô sở trướcz,9thường chỉ cho một trong 10 danh hiệu của Phật, bởi Phát Wiong còn dính mắc, không còn chấp trước, ở đây chỉ cho vị Tỳ-kheo đã chứng quả A-la-hán ,Arahantphalà.

Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo đã vào giai vị Hữu học, nhưng chưa thỏa ý? nên muốn cầu Niết-bàn an ổn vô thượng. Bấy giờ, vị ấy chỉ mới thành tựu giới của bậc Hữu học và căn của bậc Hữu học. Thời gian sau, vi ấy diệt sạch lậu hoặc, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát và tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết, tự giác ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an tru và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa?5 Bấy giờ? vị ấy thành tựu căn12 của bậc Vô học và giới13 của bậc Vô học. Bạch Thế Tôn! Giống như đứa trẻ khi còn thơ ấu thì lúc đó chỉ mới thành tựu các căn và sự nhận biết của một đứa trẻ. về sau, đứa trẻ ấy đầy đủ các căn. Bấy giờ, đứa bé đó thành tựu các căn và sự nhận biết của một người lớn.14 Cũng vậy, bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo đã vào giai vị Hữu học, nhưng chưa thỏa ý, nên muôn câu Niêt-bàn an ôn vô thượng. Bây giờ vị ây chỉ mới thành tựu giới của bậc Hữu học và căn của bậc Hữu học. Thời gian sau, vị ấy diệt sạch lậu hoặc, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát và tuệ giải thoát, ngay trong hiện đời, tự biêt tự ngộ? tự thân chứng đăc, thành tựu an tru và biêt đúng như thật: "Sanh tử đã

châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Bấy giờ, vị ấy thành tựu căn của bậc Vô học và giới của bậc Vô học. Khi ấy, nếu có sắc được nhận biết bởi mắt và sắc đó hiện ra trước mắt thì cũng không khiến vi ấy mất tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nội tâm vẫn an trụ, khéo chế phục, khéo giữ gìn, khéo quán pháp thịnh suy. Hoặc nếu có thanh được nhận biết bởi tai, hương được nhận biết bởi mũi, vị được nhận biết bởi lưỡi, xúc được nhận biết bởi thân, pháp được nhận biết bởi ý và pháp đó hiển hiện trong ý thì cũng không khiến vị ấy mất tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nội tâm vẫn an trụ, khéo chế phục, khéo giữ gìn, khéo quán pháp thịnh suy. Bạch Thế Ton! Ví như cách thôn xóm không xa có núi đá cao lớn, không vỡ, không khuyết, không mẻ, rắn chắc, không có lỗ hổng, hợp thành một khối. Nếu có mưa to gió lớn từ phương Đông thổi đến thì cũng không thể khiến núi lay động hay dịch chuyển, cũng chẳng thể vì gió phương Đông mà núi nghiêng sang phương Nam. Nếu có mưa to gió lớn từ phương Nam thổi đến thì cũng không thể khiến núi lay động hay dịch chuyển, cũng chẳng thể vì gió phương

12 Nguyên tác: Thanhjvu Vô họccặn ,chỉ cho 5 căn,gồm: tín ,tấn , niệm ,định ,tuệ .Tham chiêu: s. 48.1 - v. 193: Này các Tỷ-kheo, có 5 căn này. The nào là năm? Tin căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là 5 căn HT. Thích Minh Châu dịch. Xem them s. 48.12 - v. 200: Vơi sự toàn diện samattā, này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn 5 căn này, là bậc A-la-hán. Yếu nhẹ hơn là bậc Bất hoàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy tín hành HT. Thích Minh Châu dịch. ' 13 Nguyên tác: Vô học giới .Theo DÃ. 9 thì đây chỉ cho giới tụ trong 5 tụ Vô học, gồm Vô học giói ^1, g tụ, tuệ tụ, giải thoát tụ và giải thoát tri kiến tụ , . 14 Tham chiếu: Tạp.7.02. 0099.254.
0063a 14-16. Ví như đứa trẻ sơ sinh nằm ngửa, ngây ngồ, khi ấy chỉ thành tựu các căn của môt đứa trẻịsau đó dầndần lớn khôn, thành tựu các căn, bấy giơ mới thành tựu các can của người lớn Win• S j?

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ức 779

Nam mà núi nghiêng sang phương Tây. Nếu có mưa to gió lớn từ phương Tây thổi đến thì cũng không thể khiến núi lay động hay dịch chuyển, cũng chẳng the vì gió phương Tây mà núi nghiêng sang phương Bắc. Nếu có mưa to gió lớn từ phương Bắc thổi đến thì cũng không thể khiến núi lay động hay dịch chuyển, cũng chẳng phải vì gió phương Bắc mà núi nghiêng sang các phương khác. Cũng vậy, nếu có sắc được nhận biết bởi mắt và sắc đó hiện ra trước mắt thì cũng không khiến vị ấy mất tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nội tâm vẫn an trụ, khéo chế phục, khéo giữ gìn, khéo quán pháp thịnh suy. Hoặc nếu có thanh được nhận biết bởi tai, hương được nhận biết bởi mũi, vi được nhận biết bởi lưỡi, xúc được nhận biết bởi thân, pháp được nhận biết bởi ý và pháp đó hiển hiện trong ý thì cũng không khiến vị ấy mất tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nội tâm vẫn an trụ, khéo chế phục, khéo giữ gìn, khéo quán pháp thịnh suy. [0613a04] Thế rồi, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức liền nói kệ: Vui nơi vô dục, Tâm ưa viễn ly, Thích sự không tranh, Dứt thủ, hân hoan, Vui thích lìa thủ5 Tâm không lay động, Biết đúng như thật,

Giải thoát từ đây, Tâm giải thoát rồi, Tỳ-kheo tịch tinh,15 Việc làm đã xong,16 Không còn mong cầu. Giống như núi đá, Gió không thể lay, Sắc, thanh, hương, vị, Thân, xúc cũng vậy, Pháp ái, bất ái, Không thể động tâm. Sau khi Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức đối trước đức Phật trình bày về sự chứng đắc Trí cứu cánh của mình xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Bấy giờ, khi Tôn giả Nhị Thập ức vừa đi không lâu, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thiện nam! Hãy nên đến trước Ta trình bày sự chứng đắc Trí cứu cánh như vậy5 như Sa-môn Nhị Thập ức đã đến trước Ta trình bày sự chứng đắc Trí cứu cánh mà không khen mình, không chê người, nói ve những đạo nghĩa trong hiện tại dựa theo những điều vui thích như trên. Chớ như kẻ ngu si bị trói buộc bởi tăng thượng mạn, đến trước mặt Ta nói về sự chứng đắc Trí cứu cánh nhirng bản thân chẳng đắc đạo nghĩa, chỉ đầy phiền não. Sa-môn Nhi Thập ức đến trước Ta trình bày sự chứng đắc Trí cứu cánh của mình mà không khen mình, không chê người, nói về những đạo nghĩa trong hiện tại dựa theo những điều vui thích như trên. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. 15 Nguyên tác: Tức căn Santa ỉndriyă'. Căn tịch tĩnh. 16 Tác dĩ bất quán .

124. KINH TÁM CHƯỚNG NGẠI12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0613b01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Người tu Phạm hạnh có thể gặp tám nạncòn gọi là tám trường hợp phi thời.3 Là tám trường hợp nào? Khi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời thuyết pháp; pháp được đấng Thiện Thệ giảng giải đưa đến an tịnh, tịch diệt, giác ngộ, nhxrng lúc đó người ấy đang ở trong địa ngục. Đó gọi là chướng ngại thứ nhất hay trường hợp phi thời thứ nhất đối với người tu Phạm hạnh. Lại nữa, khi đấnẹ Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, The Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời thuyết pháp; pháp được đấng Thiện Thệ giảng giải đưa đến an tịnh, tịch diệt, giác ngộ, nhung lúc đó người ấy đang ở trong loài súc sanh, trong loài nga quỷ, đang ở cõi trời Trường Thọ,45hoặc ở nơi biên địa hẻo lánh, không có chánh tín, không hiểu ân nghĩa, không biết báo ân/ không có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc9 ưu-bà-di. Đó gọi là chướng ngại hay trường hợp phi thời thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm đối với người tu Phạm hạnh.6 Lại nữa, khi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời thuyết pháp; pháp được đấng Thiện Thệ giảng giải đưa đến an tịnh, tịch diệt, giác ngộ, người ấy tuy đang sống nơi thị thành văn minh, nhưng lại bi câm diếc, thường dùng tay ra hiệu, không thể đàm luận những việc tốt xấu. Đó gọi là chướng ngại hay trường hợp phi thời thứ sáu đối với người tu Phạm hạnh.

1 Nguyên tác: Bát nạn kinh roi. 0026.124. 0613a27. Tham chiếu: Tdng.7.02. 0125. 42.1. 0747a07; A. 8.29 -IV. 225. 2 Nguyên tác: Bát nạn atthakkhana'. Tám sự khó khăn, chướng ngại. 3 Phi thời HKhông gặp thời, không có cơ hội.

4 Nguyên tác: Trường Thọ thiên ,c6i trời này thọ 500 kiếp, tức Vô Tưởng thiên thuốc cõi Sắc .Ngoại đạo tu hành phần nhiều sanh ve cõi này, bị chướng ngại không được thấy Phật nghe pháp. 5 Nguyên tác: Phản phục . 6 Nguyên tác: Chỉ ghi nạn thứ 5 mà không đề cập đến nạn 2, 3 và 4. Bản dịch thêm vào để tạo sự nối kết, liền lạc.

Lại nữa, khi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời thuyết pháp; pháp được đấng Thiện Thệ giảng giải đưa đến an tinh, tịch diệt, giác ngộ? người ấy tuy sống nơi thị thành văn minh, không điếc, không câm, không ngọng nghịu, không phải dùng tay thay lời, có thể đàm luận những việc tốt xấu, nhung lại nhận thức tà vạy, điên đảo. Vi ấy thấy như vầy và nói như vầy: "Không có bố thí, không có tế tự,7 không có chú nguyện chúc phước,8 không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không cha không mẹ, trên đời không có chân nhân9 nào được sanh về cõi lành, khéo di, khéo đến, ở cõi này cõi kia, tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú." Đó gọi là chướng ngại thứ bảy hay trường hợp phi thời thứ bảy đoi với người tu Phạm hạnh. Lại nữa, lúc đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn không thị hiện ở đời, cũng không thuyết pháp, nên không được nghe đấng Thiện Thệ thuyết giảng giáo pháp đưa đến an tịnh, tịch diệt, giác ngộ, dù cho người ấy đang sống nơi thị thành văn minh, không điếc, không câm, không ngọng nghịu, không phải dùng tay thay lời, có thể đàm luận những việc tốt xấu, có chánh kiến, không thấy biết điên đảo, vi ấy thấy như vây và nói như vây: "C6 bô thí, có tê tự, cũng có chú nguyện chúc phước, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có cõi này cõi kia, có cha có mẹ5 trên đời có chân nhân sanh về cõi lành, khéo di, khéo đến, ở cõi này cõi kia, tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú." Đây là chướng ngại thứ tám hay trường hợp phi thời thứ tám đối với người tu Phạm hạnh. [06l3cl0] Có một trường hợp đúng thời, không phải là chướng ngại đối với người tu Phạm hạnh. Thế nào gọi là có một trường hợp đúng thời, không phải là chướng ngại đối với người tu Phạm hạnh? Đó là khi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời thuyết pháp; pháp được đấng Thiện Thệ giảng giải đưa đến an tịnh, tịch diệt, giác ngộ. Bấy giờ, người ấy đang sống nơi thị thành văn minh, không điếc, không câm, không ngọng nghịu, không phải dùng tay thay lời, có thể đàm luận những việc tốt xấu, có chánh kiến, không thấy biết điên đảo, vị ấy thấy như vầy và nói như vay: "C6 bo thí, có te tư, có chú nguyện chúc phước, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có cối này cõi kia, có cha có mẹ, trên đời có chân

7 Nguyên tác: Vô trai .Xem chú thích 3, kinh số 15, tr. 84. 8 Nguyên tác: Chú thuyết .Xem chú thích 4, kinh số 15, tr. 84. 9 Chân nhân ,thường chỉ cho các bậc A-la-hán ,Arahāni, là những vị đã chứng ngộ giải thoát, hoặc chỉ cho Phật, hoặc

chỉ cho các bậc Thánh nhân tu tập và chưng đác chánh đạo.

124. KINH TÁM CHƯỚNG NGẠI 783

nhân sinh vê cõi lành, khéo di, khéo đên, ở cõi này cõi kia tự biêt tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú." Đây gọi là đúng thời, không phải là chướng ngại đoi với người tu Phạm hạnh. *1 • Á yr FTFi-1 Ấ rp A 1 • À| Khi áy, The Ton liên noi kẹ: Nêu được làm thân người, Pháp được thuyêt vi diệu, Mà không chứng đạo quả, Tất không được gặp thời. Nhiêu chướng ngại Phạm hạnh, Nêu người ở đời sau, Mà gặp được đúng thời, Là việc khó trong đời. Muốn được lại thân người, Và nghe pháp vi diệu, Hãy tinh tấn tu học, Mình tự thương mình thôi. Luận bàn, nghe pháp lành, Chớ để mất cơ hội, Nếu để mất đi rồi, Ắt lo đọa địa ngục. Nếu không gặp đúng thời, Không nghe được pháp lành, Như người buôn mất của, Chịu sanh tử vô cùng. r

Nêu có được thân người, Nghe Chánh pháp, thiện pháp, Vâng lời Thế Tôn dạy, Chắc chắn sẽ gặp thời. Nếu đã gặp đúng thời, Siêng tu chánh Phạm hạnh, Được Pháp nhãn vô thượng, Đấng Nhật Thân10 đã dạy, r

Phải thường tự giữ gìn, Găng tu, dứt ràng buộc, Đoạn trừ mọi kiết sử, Hàng ma, quyên thuộc ma, Vượt thoát khỏi thế gian, Diệt sạch các lậu hoặc. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

10 Nhật Thân Ādiccabandhu: Dòng Họ Mặt Trời, chỉ cho dòng họ Thích, ở đây chỉ Thế Tôn.

125. KINH BÀN CÙNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, The Ton hỏi các Ty-kheo: -ở đời, với người còn tham dục2 thì nghèo tung có phải là nỗi khổ lớn chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa phải, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: Nếu như người còn tham dục, do nghèo túng nên phải đi vay mượn tiền bạc của người khác. ở đời mà phải đi vay mượn tiền bạc của người khác thì có phải là nỗi khổ lớn chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa phải, bạch Thế Tôn! _ r__A FT1 A r1 ?• J • Ạ The Ton hỏi tiêp: -Nếu như người còn tham dục, do vay mượn tiền bạc của người khác và không trả nợ đúng hẹn nên tiền lãi gia tăng. ở đời mà tiền lãi bi gia tăng thì có phaila noi kho lOTiXarig?

Các Tỳ-kheo đáp: Thưa phải, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi: Nếu như người còn tham dục, do không thể trả lãi gia tăng nên bị chủ nợ đến đòi nợ. ở đời mà bị chủ nợ đến đòi nợ thì có phải là nỗi khổ lớn chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Thưa phải, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: Nếu như người còn tham dục, do bị chủ nợ đến đòi nhưng không thể trả nợ nên chủ nợ nhiều lần tìm đến đòi nợ. ở đời mà bi chủ nợ nhiều lần tìm đến đồi nợ thì có phải là nỗi khổ lớn chăng?

1 Nguyên tác: Bần cùng kỉnh (roi. 0026.125. 0614al3). Tham chiếu: A. 6.45 - III. 351.
2 Nguyên tác: Hữu dục nhân (kāmabhogino)'. Người còn bị dục chi phối, kẻ phàm phu.

Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa phải, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: -Nếu như người còn tham dục, do nhiều lần bi chủ nợ tìm đến đòi nợ? nhưng người ấy không thể trả nợ nên bị chủ nợ bắt trói, ở đời mà bị chủ nợ bắt trói thì có phải là nỗi khổ lớn chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa phải, bạch Thế Tôn! [0614b02] - Như vậy, ở đời, với người còn tham dục mà lại nghèo túng thì rất khổ. ở đời, với người còn tham dục lại phải vay mượn tiền bạc của người khác thì rất khổ. ở đời, với người còn tham dục do vì vay nợ nên phải trả tiền lãi nhiều là rất khổ. ở đời, với người còn tham dục mà bi chủ nợ đòi tiền lãi là rất khổ. ở đời, với người còn tham dục mà bi chủ nợ nhiều lần tìm đến đòi tiền lãi là rất khổ. ở đời, với người còn tham dục mà bị chủ nợ bắt trói lại là rất khổ. Cũng vậy, nếu người nào ở trong Thánh pháp này mà không có niềm tin đối với thiện pháp, không giữ giới cấm, không siêng năng học kinh nghe pháp, không bố thí, không có trí tuệ đối với thiện pháp, tuy vị ấy có nhiều vàng bạc, lưu ly, pha lê, ma-ni, bạch kha, loa bích, san hô9 ho phách, mã não, đại môi, xà cừ5 bích ngọc, xích thạch, tuyền châu nhưng vẫn bi xem là kẻ nghèo nàn cô thế. Trong Thánh pháp của Ta gọi đó là kẻ bất thiện, nghèo nàn. Nêu người nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điêu ác thì trong Thánh pháp của Ta gọi đó là kẻ vay nợ5 bất thiện. Nêu người nào muôn che giâu những việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không ưa nói ra, không thích bị người khác khiển trách, chống đối người khiển trách, lại muốn che giau lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ bày, không ưa nói ra, không thích bị khiển trách, chống đoi người khiển trách thì trong Thánh pháp của Ta gọi đó là kẻ khất nợ, bất thiện. Nếu người nào tạo tác3 một việc ở trong thôn ấp hay ngoài thôn ấp, khi các bậc Phạm hạnh thấy được, liền nói như vầy: "Này chư Hiền! Người này làm như vậy, hành động như vậy, xấu ác như vậy, bất tịnh như vậy, là cái gai của thôn ấp.” Vị ấy liền đáp trả: "Này chư Hiền! Tôi không làm như vậy, không hành động như vậy, không xấu ác như vậy, không bất tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ấp.” Trong Thánh pháp của Ta gọi đó là kẻ bị đòi nợ5 bất thiện. Nêu người nào ở nơi an ổn, hoặc bên gốc cây, hoặc trong núi rừng, hoặc nơi thanh vắng, nhưng vẫn nhớ nghĩ ba niệm bất thiện là niệm dục, niệm sân và niệm hại thì trong Thánh pháp của Ta gọi đó là kẻ nhiều lần bị đòi nợ, bất thiện.

3 Nguyên tác: Hành .

125. KINH BẦN CÙNG 787

Nêu người nào thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác, do nhân này duyên này nên khi qua đời chác chăn sanh chôn bát thiện, đọa vào địa ngục. Trong Thánh pháp của Ta gọi đó là kẻ bị chủ nợ bắt trói, bất thiện. Ta không thấy có sự trói buộc nào thật sự đau khổ, thật sự nặng nề, thật sự tối tăm/ thật sự đáng khinh ghét bằng sự trói buộc nơi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Ba sự trói buộc đau khô này chỉ có Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới có thê nhận biết, diệt sạch và nhổ cả gốc rễ khiến chúng vĩnh viễn không thể hồi sinh. _ r ____ r _____ _ _ V _ T"'*! _ Ạ rr\ 1 • Ạ r • 1 /\ LÚC ây,
The Ton liên noi kê: ở đời, nghèo túng khổ, Vay mượn tiền của người, Đã vay tiền bạc rồi, Bị người đòi là khổ. Chủ nợ đến đòi tiền, Rồi lấy dây trói lại, Bị trói thật khổ thay, Thế gian vẫn thích dục. Trong Thánh pháp cũng vậy, Nêu không có chánh tín, Không hổ và không thẹn, Tạo ác, nghiệp bất thiện. Thân làm việc bất thiện, Miệng, ý đều như

vậy, Che giấu, chẳng nói ra, Không ưa lời dạy phải. Nếu từng làm nhiều việc, Suy tưởng vê khô đau, ở thôn hay chỗ vắng, Nhân đó sanh hối tiếc.5 Những việc thân, miệng tạo, Và niệm khởi từ ý, Khiến nghiệp ác tăng dần, Thường làm lại làm nữa. Tạo ác mãi không dừng, Đã làm nhiều việc ác, Theo nghiệp mà thọ sanh, Bị trói nơi địa ngục. Troi buộc này rát kho, Người dõng mãnh quyết thoát, Được tài lợi đúng pháp, Hét nợ? được an on, Bố thí được hoan hỷ, Được lợi cả hai đời,6 Các cư sĩ theo đây, Nhờ thí, phước dần tăng. Trong Thánh pháp cũng vậy, Nấu thành tín kiên đinh, Đầy đủ đức hổ thẹn, Bố thí không xan tham/ Lìa bỏ năm triền cái, Thường vui tu tinh tấn, Thành tựu các thiền định, Buông xả mọi dục lạc. Được niềm vui vô thực,45678 Cũng như hô nước trong,

4 Nguyên tác: Như thị thô .Theo Du-già sư địa luân 0.30. 1579.56. 0608ỒỒ6, "th6”mang nghĩa không sạch sẽ, không rạng rỡ . 5 Nguyên tác: Nhược hữu số số hạnh, ý niệm tắc vi khổ, hoặc thôn hoặc tĩnh xứ, nhân thị tất hữu hối .Tham chiếu: A. 6.45 - III. 351: Tato anucarantinam, sañkappā manasā dukhā; Gāme vā yadi vāraññe, yassa vippatisārcijā. Những tư tưởng khô đau / Sanh ra từ hôi hận / vẫn truy tìm người ấy / ở làng hoặc ở rừng, HT. Thích Minh Châu dịch. 6 Nguyên tác: Nhị câu giai hoạch lợi :An lạc trong đời này ^ditthadhammahitatthâyà và an lạc trong đời sau samparāyasukhāyci. 7 Nguyên tác: Thứ cơ vô xan tham .Thứ cơ ,Thiên Sanh kỉnh roi. 0001.16. 0072a05 gọi là "cấp thí” . 8 Vô thực lạc nirāmisam sukham'. An lạc không do vật thực.

Tâm bất động, giải thoát, Dứt sạch các kiết sử. Không bệrủi là Niết-bàn, Cũng gọi đèn Vô thượng,9 Không kho, không nhiễm, an , Gọi là không lay động. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.10

9 Nguyên tác: Vô thượng đăng:Vi có thể phá tan bóng tối phiền não nên gọi là "dèn vô thượng,,, 10 Bản Hán, hết quyển 29.

126. KINH NGƯỜI HƯỞNG DỤC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, cư sĩ cấp Cô Độc đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! ở đời có bao nhiêu hạng người hưởng dục?2 Đức Thế Tôn dạy: Này cư sĩ! ở đời có mười hạng người hưởng dục. Là mười hạng người nào? Này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách phi pháp và trái đạo lý. Khi đã kiếm được tài vật bằng cách bất chánh như thế rồi, vị ấy không nuôi thân an ổn và không cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ? người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Có hạng người hưởng dục như thế. Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách phi pháp và trái đạo lý. Khi đã kiếm được tài vật bằng cách bất chánh như thế rồi, vi ấy nuôi thân an ổn và cấp dưỡng cho cha mẹ? vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Có hạng người

hưởng dục như the. Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách phi pháp và trái đạo lý. Khi đã kiếm được tài vật bằng cách bất chánh như thế rồi, vị ấy nuôi thân an ổn và cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ5 người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Có hạng người hưởng dục như thế. Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiêm tài vật một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Khi đã kiếm được tài vật một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp như thế rồi, vị ấy không nuôi thân an ổn và không cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ5 người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn

1 Quyển 30. Nguyên tác: Hành dục kỉnh (roi. 0026.126. 0615a08). Tham chiếu: Phục dâm kinh (foi. 0065. 0863blÓ)2Í. 10.91 - V 176. 2 Nguyên tác: Nhân hành dục (kāmabhogī)'. Người hưởng dục.

hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Có hạng người hưởng dục như thế. Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Khi đã kiếm được tài vật một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp như thế rồi, vị ấy nuôi thân an ổn và cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ9 người giúp việc, nhưng không Cling dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Có hạng người hưởng dục như thế. [0615b09] Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách hợp pháp và đúng đạo lý. Khi đã kiếm được tài vật một cách hợp pháp và đúng đạo lý như thế rồi, vị ấy không nuôi thân an on và không cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa- môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sông lâu. Có hạng người hưởng dục như thê. Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách hợp pháp, đúng đạo lý. Khi kiếm được tài vật một cách hợp pháp, đúng đạo lý như thê roi, vị ây nuôi thân an ôn và cáp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Có hạng người hưởng dục như thế. Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách hợp pháp và đung đạo lý. Khi kiếm được tài vật một cách hợp pháp và đúng đạo lý như the roi, vị ấy nuôi thân an on và cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Nhưng khi có nhiều tài sản rồi, vị ấy lại bị đắm nhiễm, bị trói buộc. Khi đã bị đắm nhiễm và bị trói buộc rồi, vị ấy không thấy được tai họa, không biết rõ sự xuất ly trong khi thọ dụng. Có hạng người hưởng dục như thế. Lại nữa, này cư sĩ! Có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách hợp pháp và đúng đạo lý. Khi đã kiếm được tài vật một cách hợp pháp và đúng đạo lý như thế rồi, vị ấy nuôi thân an ổn và cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ5 người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời,

được sống lâu. Khi đã có nhiêu tài sản roi, vi ây vân không đăm nhiêm, không bị trói buộc. Khi không đam nhiễm, không bị trói buộc, vị ấy thấy được tai họa và biết rõ sự xuất ly trong khi thọ dụng. Có hạng người hưởng dục như thế. Này cư sĩ! Nếu có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách phi pháp và trái đạo lý, sau khi kiếm được tài vật một cách bất chánh như thế roi, vị ây không nuôi thân an ôn và không cáp dưỡng cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh

126. KINH NGƯỜI HƯỞNG DỤC 791

lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu, hạng người này là thấp kém nhất so với những hạng người hưởng dục. Này cư sĩ! Nếu có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách vừa đúng pháp vừa phi pháp, khi kiếm được tài vật vừa đúng pháp vừa phi pháp như thế rồi, vị ấy nuôi thân an ổn và cấp dưỡng cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ? người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu thì hạng người này là ưu tu bậc nhất so với những hạng người hưởng dục. [0615c09] Này cư sĩ! Nếu có hạng người hưởng dục từ việc tìm kiếm tài vật một cách hợp pháp và đúng đạo lý? khi kiếm được tài vật một cách hợp pháp và đúng đạo lý như thế rồi, vị ấy nuôi thân an ổn và cấp dưỡng cho cha mẹ9 vợ con, tôi tớ? người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn hay Phạm chí để được sanh lên cảnh giới an lạc, thọ hưởng quả vui, sanh vào cõi trời, được sống lâu. Khi có nhiều tài sản rồi, vị ấy vẫn không đắm nhiễm, không bị trói buộc. Đã không đắm nhiễm, không bị trói buộc nên vị ấy thấy được tai họa, biết rõ sự xuất ly trong khi thọ dụng. So với những người hưởng dục kia thì đây là hạng người bậc nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Giống như nhờ vào con bò mà có sữa, nhờ có sữa nên có lạc, nhờ có lạc nên có sanh tô5 nhờ có sanh tô nên có thục tô5 nhờ có thục tô nên có đề-hồ; trong đó đề-hồ được xem là bậc nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu so với những loại kia. Này cư sĩ, cũng như vậy, hạng người hưởng dục này là bậc nhất, toi đại, toi thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu so với những người hưởng dục kia. VL • Á__ FT1-I Á _ r • _ Khi áy, Thê Tôn noi kẹ nay: Kiếm tài vật phi pháp, Vừa đúng pháp, phi pháp, Không bố thí, tạo phước, Không cúng, khôngy r tự dùng, Hai hạng này đêu xâu, Thuộc hưởng dục bậc hạ. Kiếm tài vật đúng pháp, Lo đủ bản thân mình, Cho người và tự dùng, Cũng bố thí, tạo phước, Cả hai đều có đức, Thuộc hưởng dục bậc thượng. Nếu có tuệ xuất yếu, Hưởng dục, ở tại gia, Biết tai họa, biết đủ, Dùng tài vật, tiết kiệm, Người được tuệ thoát dục, Là hưởng dục tối thượng. Đức Phật dạy như vậy, cư sĩ cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

127. KINH RUỘNG PHƯỚC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, cư sĩ cấp Cô Độc đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! ở đời có bao nhiêu hạng người xứng đáng làm ruộng phước?23 The Tôn bảo: Này cư sĩ! ở đời có hai hạng người xứng đáng làm ruộng phước. Là hai hạng nào? Một là hạng Hữu học/ hai là hạng Vô học. Hạng Hữu học có mười tám bậc, hạng Vô học có chín bậc.

1 Nguyên tác: Phước điền kỉnh roi. 0026.127. 0616a05. Tham chiếu: Tạp.02. 0099.992. 0258c 11; Tăng.r02. 0125.42.8. 0755a07; A. 2.35 L 61. 2 Nguyên tác: Phước điền nhân ,dakkhỉneyyă: Bậc xứng đáng nhận sự cúng dường. 3 Nguyên tác: Học nhân Sekkhā'. Đệ tử Phật tuy thấy biết Chánh^pháp nhưng chưa thể đoạn trừ phiền não, vẫn còn có pháp đê tu học nên gọi ià Hưu học .Đối lại là Vô học nhân chỉ các bậc Thánh đã chưng A-la-hán quả vì không có pháp để tu học, nên gọi là Vo học ” J ~

Này cư sĩ! Thế nào là mười tám bậc Hữu học? Đó là bậc Tín hành/ bậc Pháp hành,4 9bậc Thân chứng/ bậc 5 bậc Tín giải thoát,6 bậc Kiến đáo,78 Gia gia,9 bậc Nhất chủng,10 bậc Tu-đà-hoàn hướng, bậc Tu-đà-hoàn5 bậc Tư- đà-hàm hướng, bậc Tư-đà-hàm, bậc A-na-hàm hướng, bậc A-na-hàm, bậc Trung Bát-niết-bàn/1 bậc Sanh Bát-niết-bàn,12 bậc Hành Bát-niết-bàn,13 bậc

4 Tín hành còn gọi là Tùy tín hành ,Saddhānusārī, nghĩa là bậc tuy chưa thành tựu quả vị Dự lưu nhưng đã vượt khỏi hàng phàm phu, là bậc Hữu học có khả năng kham thọ khanti_phẫn biệt giáo pháp, từ đó quán sát, tư duy với trí tuệ tăng thượng, gọi là bậc Tùy tín hành. Xem thêm SA. 61. 5 Pháp hành còn gọi Tùy pháp hành ,Dhammānusārī, nghĩa là bậc tuy chưa thành tựu quả vị Dự lưu, nhưng đã vượt khỏi hàng phàm phu, là bậc Hữu học có khả năng dùng sức mạnh trí tuệ quán sát, tư duy roi kham thọ giáo pháp ,khantī, gọi là bậc Tùy pháp hành. Xem thêm SĀ. 61. 6 Tín giải thoát dó/vNhờ tín tâm cao tột với đức Phật nên được giải thoát. Tham chiếu: A. 3.21 -1. 118: Yvāyam puggalo saddhāvimuttoSVassa sakadāgāmī vā anāgāmī vā hạng người tín giải này là hạng người Nhát lai J hay Bất lai ,HT. Thích Minh Chau dịch. vị Ty-idieo thành tựu tín giải thoát được Phật khen ngợi là Bà-ca-lê .Tham chiếu: s. 55.24: Có người không thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, đối với Pháp, đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không cồ trí tuệ tốc hanh, không thành tựu giải thoát. Nhưng vị ấy co nhưng pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, chỉ có lòng tín, chỉ có lòng ái mộ ơ Như Lai.5ígươi này, này Mahānama, khổng có đi đến địa ngục, không có đi đến loài bàng sinh, không có đi đến cõi ngạ quy, không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Kiến đáo Ditthippatta cũng gọi là "Ki&nfhi".Theo SĀ. 936, đây là bậc Dự lim, thấy biết như thật đoi với giáo pháp IỀ. 8 Thân chứng Kāyasakkhī'. Trong A. 3.21 - L 118, đức Phật xác định: Na khvettha, sāriputta, sukaram ekamsena byākātum: ayam imesam tinnarn puggalānam abhikkantataro ca panītataro cā 'ti. Thānañhetam, sāriputta, vijjati yvāyam puggalo ditthippatto svāssa arahattāya patipanno, yvāyam puggalo saddhāvimutto svāssa sakadāgāmī vā anāgāmī vā, yi cāyam puggalo kāyasakkhī sopassa sakadāgāmī vã anāgāmī vā. ở đây, này Sāriputta, thất không dễ gì để tra lơi một chiều là hạng người này hy hữu hơn, thu diệu hơn trong 3 hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sāriputta, là hạng người Kiên chí này là hạng người đang hướng đen A-la-hán, con hạng ngươi tín giai này là hạng ngươi Nhất lai hay Bất lai, và hạng người thân chưng

này là hạng người Nhát lai hay Bất lai, HT. Thích Minh Châu dịch. Theo kinh chỉ cho bậc Thánh đắc quả Tu-da-ham Sakadāgāmiri hoặc A-na-hàm Anāgāmiri. Tuy nhiên, Câu-xả luận 0.29. 1558.24. 0126al5 cho răng: Trong kinh có nói, quả vị Bất hoàn còn gọi là Thân chứng ;Đại trí đô luận 7.25. 1509.54. 0447a17 cũng cho rằng, khi thành tựu Thân chứng thì nhập Niết-bàn A-na-hàm

9 Gia gia Kọlankolà là bậc Dự lựu, được sanh vào nhàrthuần thiện, từ nhà này sang nhà khác trước khi chứng đắc A-la-hán. Tham chiếu: A. 3.86 L 232: Vi ấy, do đoạn tận 3 kiết sử, là bậc Gia gia, dong môi, lưu chuyên trong 2 hay 3 gia đình, rồi đoạn tận khổ đau HT. Thích Minh Châu dịch. Xem thêm Tăng.T.02. 0125.28.7._0653cl6: Nếu có một người dứt trừ 3 kiết sử sẽ thành tựu pháp bất thoái chuyên Tu-đà-hoàn ,Sotāpattĩ, nhất định đên được Niết-bàn, và chậm nhất là trải qua 7 lần sanh lại cõi này; hoặc thành bậc Gia gia, Nhất chủng ĘĘ ;, 10 Nhất chủng ,Ekabīja là bậc Dự lưu phải trải qua một lần tái sanh. Tham chiếu: A. 3.86 - L 232: Vị áy, do đoạn tận 3 kiêt sử, là bậc Nhát chủng, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, ròi đoạn tận khô đau HT. Thích Minh Châu dịch. SA. III. 239, Ekabījīsuttavannanā giải thích: Ettha ca ekabījītiādīsu yo sotāpanno hutvā ekameva attabhāvam janetvā arahattam pāpunāti, ayam ekabījī nāma ơ đây, căn nguyên của từ Nhất chủng nhằm chỉ cho những vị chứng quả Dự lưu chỉ tái sanh một lân trước khi chứng Niết-bàn, nên có tên là Nhất chủng. 11 Trung Bát-niết-bàn ,Antarāparinibbāyī là bậc Bất lai. Sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư Suddhāvāsā được phân nửa thọ mạng thì nhập Niết-bàn. Theo 4 3.86 - L 232: Vị ấy do đoạn tận 5 hạ phần kiết sử, là bậc Trung gian Bát-niêt-bàn. 12 Sanh Bát-niết-bàn Upahaccaparinibbāyī còn gọi là Tổn hại ụpahaccă Niết-bàn, là bậc Bát lai, sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư, gần mãn tuôi thọ thì nhập Niết-bàn. 13 Hành Bát-niết-bàn ,Sasañkhāraparinibbāyī là bậc Bất lai, sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư, phải nỗ lực tu tập rồi mới nhập Niết-bàn.

127. KINH RUỘNG PHƯỚC 795

VÔ hành Bát-niết-bàn14 và bậc Thượng lưu sắc Cứu Cánh.1516 Đây là mười tám bậc Hữu học. Này cư sĩ! Thế nào là chín bậc Vô học? Đó là bậc Tư pháp, 16 bậc Thăng tấn pháp/7 bậc Bất động pháp,1819 bậc Thoái pháp,19 bậc Bất thoái pháp,20 bậc Hộ pháp,2122bậc Thật trụ pháp,22 bậc Tuệ giải thoát23 và bậc Câu giải thoát.24 Đây là chín bậc Vô học. i • Á -ỴýT qpl Á rnp A < • l /X y Khi áy, Thê Tôn noi kệ này: Học, Vô học trong đời5 Đáng tôn kính, cúng dường, Bậc khéo đoan chánh thân, Với miệng, ý cũng vậy, Ẩy là bậc ruộng tốt, Cúng dường được phước lớn. Đức Phật dạy như vậy, cư sĩ cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

14 Vô hành Bát-niệt-bập ^Asañkhāraparinibhāyī là bậc Bất lai, sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư, không cần nỗ lực vẫn đạt Niết-bàn. 15 Thượng lưu sắc Cứu Cánh Uddharnsota akanitthagāmīlà bậc Bất lai, sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư, lần lượt tái sanh qua các cõi từ cõi thứ nhất Vô Phiền thiên đến cõi thứ năm Sắc Cứu Cánh thiền, đoạn trừ 5 thượng phần kiết sử, rồi nhập Niết-bàn tại đó. 16 Tư pháp

,\hQQA-tỳ-đàm Tam luân kinh ir.28. 1551.3. 0851a03, là bậc Thánh A-la-hán, trí ựiệ và tinh tẫn đều yếu, nhưng thucmg chánghét ±an mình, lòng thườĩig nhớ nghĩ việc diệt trừ sự chết thì sẽ thành tựu Tư pháp ^;.. 17 Thăng tấn pháp ,thQữẠ-tỳ-đàm Tâm luận kinh 2,1551.3. 0851a07 là bậc Thánh A-la-hán, không có nhiều lợi trí, nhưng nỗ lực tinh tấn thì sẽ tiến tới Bất động tánh ,. 2 18 Bất động pháp ,theo Ạ-tỳ-đàm Tâm luận kỉnh T.28. 1551.3. 0851a07, là bậc Thánh A-la-hán, do có tinh tấn và lợi trí rộng rãi, nên nhanh chóng đạt được bất động, gọi là Bất đọng pháp Ế. 19 Thoái pháp ,theo Tạp A-Tỳ:đàm Tâm luân T.28. 1552.5. 0913d 8, là bậc Thánh A-la-hán, trong giai vi tu tập đầu tiên, tinh tan chưa cố định và chưa thuần nhất nên gọi là Thoái pháp 2 : 20 Bất thoái pháp theo A-tỳ-đàm Tâm luận kỉnh 7.28. 1551.3. Q851a05, còn gọi là bậc Trụ pháp. Bậc Thánh A-la-hán, với trí tuệ và tinh tấn đêu ở mức cân băng, vị ấy ở trong đạo này không tiến khòng thoái, gọi là Trụ pháp . 21 Hộ phap,ÚìQoA-tỳ-đàm Tâm luân kinh 0.28 1551.3. 0851a04, là bậc Thánh A-la-hán, tuy trí kém nhưng tinh tấn tăng thượng, dùng sức tinh tân đê tự thủ hộ, gọi là Hộ pháp

22 Thật trụ pháp ,theo A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa luận F.27. 1545.62. 0319cll, là An trụ pháp, bậc Thánh A-la-hán, không thoái thát nhưng cũng không tiên tới M 23 Tuệ giải thoát Paññāvimutto: Bậc Thánh A-la-hán, nhờ sức trí tuệ đoạn trừ phiền não mà được giải thoát. Tham chiếu: M. 70: Thế nào là bậc Tuệ giải thoát? ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lạu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị nay như vậy được gọi là bậc Tuệ giai thoát HT. Thích Mirứi Châu dịch. ~ J 24 Câu giải thoát Ubhatobhãgavỉmuttă còn gọi là Câu phần giải thoát, bậc Thánh A-la-hán. Tham chiếu: M. 70: Thế nao là bậc Câu phần giải thoát? ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tinh giải thoát, vượt khoi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lạu hoặc của vị này được đoạn tru hoàn toàn. Vị này, này các Ty-kheo, được gọi là hạng người Cẩu phần giải thoát HT. Thích Minh Châu dịch.

128. KINH ƯU-BÀ-TẮC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0616b01] Bấy giờ, cư sĩ cấp Cô Độc cùng năm trăm iru-bà-tắc đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Đen nơi, cư sĩ cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ Tôn giả rồi ngoi sang một bên. Năm trăm ưu-bà-tắc cũng đảnh lễ theo rồi ngồi sang một bên. Khi cư sĩ cấp Cô Độc và năm trăm ưu-bà-tắc đã ngồi xuống, Tôn giả Xá- lợi-phất liên vì họ mà thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiên được hoan hỷ.2 Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến được hoan hỷ cho các vị ấy xong, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Không lâu sau, cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm ưu-bà-tắc cũng đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và đại chúng đã an định chỗ ngoi, The Ton bảo: Này Xá-lợi-phất! Thầy nên biết rằng vị Thánh đệ tử cư sĩ3 nếu khéo hộ trì, thực hành năm pháp4 và được bốn tâm tăng

thượng thì sẽ được an lạc ngay trong đời hiện tại, cũng dễ dàng chứ không phải quá khó. Này Xá-lợi-phất, thầy nên ghi nhận rang vi Thánh đệ tử này đã hoàn toàn xa lìa địa ngục, ngạ quỷ5 súc sanh và các đường ác, đắc quả Tu-dà-hoàn, không còn rơi vào các pháp tà vạy, nhất định thành tựu Chánh giác, nhiều nhất là thọ sanh bảy lần nữa. Sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người thì vị ây sẽ được giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Vi Thánh đệ tử cư sĩ khéo hộ trì và thực hành năm pháp như thế nào? Vi ấy lìa bỏ sát sanh, dứt trừ sát sanh, buông bỏ dao gậy, có tâm hổ thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến những loài côn trùng nhỏ nhít. Đối với việc sát sanh, tâm vi ấy đã trừ sạch. Đây là pháp thứ nhất mà vị Thánh đệ tử cư sĩ khéo hộ trì và thực hành. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Thánh đệ tử cư sĩ lìa bỏ trộm cắp, dứt trừ trộm cắp, chỉ lấy những thứ được cho, vui với những gì nhận được, thường thích

1 Nguyên tác: ưu-bà-tắc kinh roi. 0026.128. 0616a27. Tham chiếu: 4 5.179 - m. 211. 2 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48. 3 Bạch y Thánh de tử gihī odātavasanā'. Cư sĩ tại gia áo trắng trong sạch. 4 Nguyên tác: Thiện hộ hành ngũ pháp .Tham chiếu: A. 5.179 - III. 211: Pañcasu sikkhāpadesu samvuta kammanto khéo thực hành và phòng hộ 5 điều học giới.

bố thí, hoan hỷ không tham tiếc, không mong người đền trả, không bi ý niệm muốn trộm cắp che mờ tâm trí, thường tự khéo hộ trì. Đoi với việc trộm cắp, tâm vi ấy đã trừ sạch. Đây là pháp thứ hai mà vị Thánh đệ tử cư sĩ khéo hộ trì và thực hành. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Thánh đệ tử cư sĩ lìa bỏ tà dâm, dứt trừ tà dâm. Đối với những người nữ được cha bảo vệ, hoặc mẹ bảo vệ, hoặc cả cha mẹ cùng bảo vệ, hoặc anh em bảo vệ, hoặc chị em bảo vệ? hoặc cha mẹ chồng bảo vệ, hoặc thân quyến bảo vệ5 hoặc dòng họ bảo vệ5 cho đen những người nữ bị pháp luật hay chủ nợ xử phạt, quản thúc hay người nữ đã hứa hôn, đã nhận trang sức hay tràng hoa của kẻ khác làm tin thì vị ây không xâm phạm đên. Đôi với việc tà dâm, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đây là pháp thứ ba mà vị Thánh đệ tử cư sĩ khéo hộ trì và thực hành. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Thánh đệ tử cư sĩ xa lìa nói dối, dứt trừ noi dối, chỉ nói lời chân thật, thích lời chân thật, giữ lời đã hứa không hề thay đổi nên được người tin tưởng, không lừa gạt thế gian, Đối với việc nói dối, tâm vi ấy đã trừ sạch. Đây là pháp thứ tư mà vi Thánh đệ tử cư sĩ khéo hộ trì và thực hành. [0616c04] Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Thánh đệ tử cư sĩ từ bỏ uống rượu, dứt trừ uống rượu. Đối với việc uống rượu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đây là pháp thứ năm mà vị Thánh đệ tử cư sĩ khéo hộ trì và thực hành. Này Xá-lợi-phất! Vi Thánh đệ tử cư sĩ làm thế nào để được bốn tâm tăng thượng và thành tựu an lạc ngay trong đời hiện tại một cách dễ dàng? Vị Thánh đệ tử cư sĩ niệm tưởng Như Lai: "Đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Tuc? Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ, Điêu Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế T6n." Vị ấy niệm tưởng Như Lai như thế, nếu có tham muốn bất chánh liền được tiêu trừ, trong tâm nếu có pháp bất thiện, ô uế, buồn khổ, sầu lo cũng liền được tiêu diệt. Vị Thánh đệ tử cư sĩ nhờ nương tựa Như Lai mà tâm an tĩnh và được hoan hỷ, nếu có tham muốn bất chánh liền

được tiêu trừ, trong tâm nếu có điều bất thiện, ô uế, buồn khổ, sầu lo cũng liền được dứt trừ. Như vậy, vị Thánh đệ tử cư sĩ đã thành tựu tâm tăng thượng thứ nhất, đạt được an lạc ngay trong đời hiện tại, dễ dàng chứ không quá khó. Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Thánh đệ tử cư sĩ niệm tưởng Pháp: "Pháp được Thê Tôn khéo thuyêt, pháp ấy giúp người đạt đến cứu cánh, không còn buồn phiền, không còn nóng bức, vững chãi không lay dong?5 Vị ấy quán như vậy, giác ngộ như vậy, hiểu biết như vậy, niệm tưởng Pháp như vậy rồi, nếu có tham muốn bất chánh liền được tiêu diệt, trong tâm nếu có bất thiện, ô uế9 buồn khổ, sau lo cũng được tiêu diệt. Vị Thánh đệ tử cư sĩ nhờ nương tựa Pháp mà tâm an tĩnh và được hoan hỷ9 nếu có tham muốn bất chánh liền được tiêu diệt, trong tâm nếu có bất thiện, ô uế, buồn khổ, sầu lo cũng được dứt trừ. Như vậy, vi Thánh đệ tử cư sĩ đã thành tựu tâm tăng thượng thứ hai.

128. KINH Ưu-BÀ-TẮC 799

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Thánh đệ tử cư sĩ niệm tưởng chúng Tăng::Thánh chúng của Như Lai là những bậc hướng đến điều lành, hướng đến điều chân chánh, tuân tự theo pháp, thuận hành như pháp.5 Trong chúng ấy thật có bậc A-la-hán hướng, bậc A-la-hán; bậc A-na-hàm hướng, bậc A-na-hàm; bậc Tư- đà-hàm hướng, bậc Tư-đà-hàm; bậc Tu-đà-hoàn hướng, bậc Tu-đà-hoàn. Đây là bốn đôi tám bậc;67là Thánh chúng của Như Lai đã thành tựu giới/ thành tựu định,8 thành tựu trí tuệ,9 thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, dáng được kính trọng, đáng được cung kính cúng dường, là ruộng phước tốt của the gian.,, Khi vị ấy niệm tưởng Thánh chúng của Như Lai như vậy, nếu có tham muốn bất chánh liền được tiêu diệt, trong tâm nếu có bất thiện, ô uế, buồn khổ, sầu lo cũng được tiêu diệt. Vị Thánh đệ cư sĩ tử nhờ nương tựa Thánh chúng của Như Lai mà tâm an tĩnh và được hoan hỷ? nếu có tham muốn bất chánh liền được tiêu diệt, trong tâm nếu có bất thiện, ô uế, buồn khổ, sầu lo cũng được dứt trừ. Như vậy, vị Thánh đệ tử cư sĩ thành tựu tâm tăng thượng thứ ba, đạt được an lạc ngay trong đời hiện tại, dễ dàng chứ không quá khó. [0617a05] Lại nữa, Xá-lợi-phất! Vị Thánh đệ tử cư sĩ tự niệm tưởng giới: "Giới này không khiếm khuyết, không tì vết, không nhiễm ô, không vẩn đục, trụ vững như mặt đất, không hề hư vọng, được các bậc Thánh khen ngợi, nên khéo thọ trì đầy đủy Khi vị ấy niệm tưởng giới như vậy, nếu có tham muốn bất chánh liền được tiêu diệt, trong tâm nếu có bất thiện, ô uế, buồn khổ, sầu lo cũng được tiêu trừ. Vi Thánh đệ tử cư sĩ nhờ nương tựa giới mà tâm an tịnh và được hoan hỷ? nếu có tham muốn bất chánh liền được tiêu diệt, trong tâm nếu có bất thiện, ô uế, buồn khổ, sầu lo cũng được dứt trừ. Như vậy, vị Thánh đệ tử cư sĩ thành tựu tâm tăng thượng thứ tư, đạt được an lạc ngay trong đời hiện tại, dễ dàng chứ không quá khó. Này Xá-lợi-phất! Thầy nên biết, vị Thánh đệ tử cư sĩ khéo hộ trì và thực hành năm pháp này, lại thành tựu bốn tâm tăng thượng như trên thì được an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng chứ không quá khó. Này Xá-lợi-phất9 thầy nên ghi nhận rang vị Thánh đệ tử cư sĩ này đã hoàn toàn xa lìa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các đường ác, đắc quả Tu-đà-hoàn5 nhất định thành tựu Chánh giác, không còn rơi vào các pháp xâu ác, nhiêu nhát là thọ sanh bảy lân nữa. Sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người thì sẽ được giải thoát. Khi áy, The Ton noi kẹ nay: Người trí sống tại gia, Thấy địa ngục, sợ hãi5 Nhờ thọ trì Thánh pháp, Dứt hẳn mọi xấu xa.

5 Nguyên tác: Thiện thú ,chánh thú ,hướng pháp thứ pháp ,thuận hành như pháp .Bản Pali nhất quán nêu 4 hạnh: Diệu hạnh suppatipannò, trực hạnh ujuppatipanno, ứng lý hạnh hoặc như lý hạnh ñāyappatipanno, chân chánh hạnh sāmīcippatianno. 6 Nguyên tác: Tứ song bát bối . 7 Nguyên tác: Thi-lại ,silà. 8 Nguyên tác: Tam-muội ,samādhi.

9 Nguyên tác: Bát-nhã , pañña.

800 KINH TRUNG A-HÀM

Không sát hại chúng sanh, Biêt ác nên lìa bỏ, Chân thật, không nói dối, Không trộm vật của người. Chung thủy với vợ mình, Không đắm vợ người khác, Xa lìa, bỏ uống rượu, Thứ khiến tâm cuồng si. Thường nhớ nghĩ đến Phật, Tư duy các pháp lành, Niệm Tăng, quán giới cấm, Nhờ đây được hoan hỷ. Muốn tu hạnh bố thí, Mong được hưởng phước này, Trước cúng dường Sa-môn,10 Mới thành tựu quả báo. Nay nói về Sa-môn, Xá-lợi-phất lắng nghe, Như có đen có trắng, Có màu đỏ màu vàng, Màu lốm đốm đáng yêu, Như bò và bồ câu, Tùy vào nơi sinh trưởng, Bò thuần phục dẫn đầu, The lực rất sung mãn, Đi nhanh lại về nhanh, Chọn năng lực của chúng, Chớ xem trọng màu lông. Cũng vậy nhân gian này, Nơi sanh ra có khác, Sát-đế-lợi9 Phạm chí, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, Tùy nơi họ sanh ra, Bậc Trưởng lão trì giới, Đấng Vô Trước, Thiện Thệ, Khéo cúng được phước lớn. Còn đối với kẻ ngu, Thiếu tuệ, không học hỏi, Cúng dường họ, phước nhỏ, Không sáng, không thể chiếu. Có sáng mới chiếu soi, Đệ tử Phật có tuệ, Tín hương11 bậc Thiện Thệ, Gốc thiện được vững bền. Người ấy sanh cõi lành, Được vào nơi như ý, ỉ A

Rót sau chứng Niêt-bàn, Thảy đều có nhân duyên. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và chúng Tỳ-kheo, cư sĩ cấp r y CÔ Độc cùng năm trăm ưu-bà-tăc nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành.

10 Nguyên tác: Tức tâm Santesu: Bậc tịch tĩnh, cách gọi khác của bậc Sa-môn. 11 Tín hướng :Niềm tin không chút nghi ngờ và luôn luôn hướng về đức Phật.

129. KINH OAN GIA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bảy trường hợp oan gia2 kết thành oan gia3 khi người nam và người nữ khởi lên sân hận.4 Là bay trương hợp nào? Kẻ oan gia không muôn oan gia của mình có sác đẹp. Vì sao như vậy? Vì kẻ oan gia không vui khi oan gia của mình có sắc đẹp. Người hay sân hận, huân tập sân hận, bị sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận thì dù người ấy thường tam gội, dùng hương quý xoa thân, nhung sắc thân vẫn xấu. Vì sao như vậy? Vì do sân hận che mờ, tâm không buông bỏ sân hận. Đó là trường hợp thứ nhất khi người nam và người nữ khởi lên sân hận khiến oan gia kết thành oan gia. Lại nữa, kẻ oan gia không muốn để cho oan gia của mình ngủ nghỉ an ổn. Vì sao như vậy? Vì kẻ oan gia không vui khi oan gia của mình ngủ nghỉ an ổn. Người hay sân hận, huân tập sân hận, bị sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận, dù người ây năm trên giường vua, nệm lót được dệt băng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa min màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương nhưng vân lo buôn, khó ngủ. Vì sao như vậy? Vì bi sân hận che lâp, tâm không buông bỏ sân hận. Đó là trường hợp thứ hai khi người nam và người nữ khởi lên

sân hận khiến oan gia kết thành oan gia. [0617c07] Lại nữa, kẻ oan gia không muốn oan gia của mình được lợi ích lớn. Vì sao như vậy? Vì kẻ oan gia không vui khi oan gia của mình được lợi ích lớn. Người hay sân hận, huân tập sân hận, bị sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận, người ấy lẽ ra được lợi mà không được lọi, đáng lẽ không được lợi nhưng lại được lợi, hai điều này trái nghịch nhau, thật không lợi ích. Vì sao như vậy? Vì bi sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận. Đó là trường hợp thứ ba khi người nam và người nữ khởi lên sân hận khiến oan gia kết thành oan gia.

1 Nguyên tác: Oản gia kinh roi. 0026.129. 0617bl9. Tham chiếu: A. 7.64 - IV. 94. 2 Nguyên tác: Oán gia Kẻ thù oán, sự thù oán. 3 Nguyên tác: Thất oán gia pháp .A. 7.64 - IV. 94: Sattime dhammā sapattakantā sapattakaranā 7 pháp được oan gia yêu thích, tạo thành oan gia. 4 Nguyên tác: Sân khuê thời lai .Theo Hán dịch A-hàm kỉnh từ điển ,

có nghĩa là khởi lên sân han .

Lại nữa, kẻ oan gia không muốn oan gia của mình có bạn bè. Vì sao như vậy? Vì kẻ oan gia không vui khi oan gia có bạn bè. Người hay sân hận, huân tập sân hận, bi sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận, dù người ây có bạn bè thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị sân hận che lấp, tâm không xả bỏ sân hận. Đó là trường hợp thứ tư khi mà người nam và người nữ khởi lên sân hận khiến oan gia kết thành oan gia. Lại nữa, kẻ oan gia không muốn oan gia của mình được khen ngợi. Vì sao như vậy? Vì kẻ oan gia không vui khi oan gia của mình được khen ngợi. Người hay sân hận, huân tập sân hận, bị sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận, người ây thường bị tiêng xâu đôn kháp. Vì sao như vậy? Vì bị sân hận che lâp, tâm không xả bỏ sân hận. Đó là trường hợp thứ năm khi người nam và người nữ khởi lên sân hận khiến oan gia kết thành oan gia. Lại nữa, kẻ oan gia không muốn oan gia của mình quá giàu sang. Vì sao như vậy? Vì kẻ oan gia không vui khi oan gia của mình quá giàu sang. Người hay sân hận, huân tập sân hận, bị sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận, cho nên người ấy thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, khiến mất mát rất nhiều của cải. Vì sao như vậy? Vì bi sân hận che lấp, tâm không xả bỏ sân hận. Đó là trường hợp thứ sáu khi người nam và người nữ khởi lên sân hận khiến oan gia kết thành oan gia. [06l8a02] Lại nữa, kẻ oan gia không muốn oan gia của mình sau khi qua đời được đen cõi lành, sanh lên cõi trời. Vì sao như vậy? Vì kẻ oan gia không vui khi oan gia của mình sanh vào cõi lành. Người hay sân hận, huân tập sân hận, bị sân hận che lấp, tâm không buông bỏ sân hận, cho nên người ấy thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do thân đã làm việc ác5 miệng đã nói lời ác, ý đã nghĩ điều ác rồi, nên sau khi qua đời, người ấy nhất định sanh vào đường dữ, đọa vào địa ngục. Vì sao như vậy? Vì bị sân hận che lấp, tâm không xả bỏ sân hận. Đó là trường hợp thứ bảy khi người nam và người nữ khởi lên sân hận khiến oan gia kết thành oan gia. Đó là bảy trường hợp oan gia kết thành oan gia khi người nam và người nữ khởi lên sân hận khiến oan gia kết thành oan gia. Bay giơ, đức Thê Tôn nói kệ này: Người sân, sắc mặt xấu, Nằm ngủ, khổ không yên, Đáng lẽ được nhiều tiền, Ngược lại bị mất hết. Những

bạn bè thân thiết, Xa lánh người giận sân, Thường huân tập lòng sân, Tiêng xâu truyên kháp nơi. Sân tạo nghiệp trói buộc, Nơi miệng, ý và thân, Vì sân che lấp tâm, Nên tài vật đều mất. Sân hận sanh bất lợi, Sân hận khiến tâm nhơ, Lòng thường sanh lo sợ, Mọi việc chẳng tỏ tường. Người sân không biết nghĩa, Cũng không thể hiểu pháp, Như kẻ mù tối tăm, Bởi người hay sân hận.

129. KINH OAN GIA 803

Sân thì sắc diện xấu, Như lửa bốc khói đen, Từ sân sanh ghét ghen, Người sân sanh từ đó. Khi người sân hành động, Dù lành hoặc không lành, Cơn giận khó qua nhanh, Lòng nóng như lửa đốt. Gọi là nghiệp nóng bức, Và các pháp buộc ràng, Cùng những gì liên quan, Hãy lắng nghe Ta giảng. Kẻ sân giết hại cha, Cùng huynh đệ ruột rà? Chị, em cũng chẳng chừa, Thảy do sân mà ra. Mẹ sanh, nuôi lớn ta, Được thấy thế gian này, Nhờ mẹ mà tồn tại5 Khi sân hại luôn bà. Lòng không biết hổ thẹn, Sân buộc mọi nói năng, Người bi sân phủ giăng, Miệng nói chẳng kiêng dè. Tạo tác tội nghịch si, Đe mình tự yểu mạng, Khi làm, không tỉnh giác, Sợ hãi cũng do sân. Tự buộc trói bản thân, Thương thân không cùng tận9 Dù thương nhớ thân mình, Khi sân cũng tự hại. Hoặc dùng dao tự đâm, Hoặc hang sâu nhảy bổ, Hoặc dùng dây thắt cổ? Uống thuốc độc hủy mình. Tùy theo cơn giận sân, Mà chuốc lấy sự chết, Muốn sân kia dứt hết, Dùng tuệ giác chiếu soi. Nghiệp bất thiện dù nhỏ, Người trí biết liền trừ, Nên bền lòng hạnh đó, Đe dung mạo tươi xinh. Không giận cũng chẳng lo, Khói cống cao đã tắt, Chế phục, sân vắng bặt, Tịch diệt, lậu không còn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

130. KINH DẠY BẢO ĐÃM-DI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Đàm-di2 là vi Tôn trưởng trông coi chùa viện của chư Tăng3 trong địa phương,4 được mọi người tôn trọng, nhimg tánh tình hung bạo, nóng nảy, cộc căn, thô lô, hay măng nhiêc và chê trách các Tỳ-kheo. Vì vậy, các Tỳ-kheo sống trong địa phương5 đều bỏ đi, không muốn sống ở đó nữa. Các iru-bà-tắc địa phương thấy các thầy Tỳ-kheo trong địa phương đều bỏ di, không muốn ở đó nữa, liền nghĩ: "Các Tỳ-kheo địa phương này vì sao lại bỏ đi, không muốn sống ở đây nữa?" Rồi các ưu-bà-tắc địa phương nghe nói Tôn giả Đàm-di, vị Tôn trưởng địa phương này là người trông coi trú xứ của chư Tăng, được mọi người tôn trọng nhưng tánh tình hung bạo, nóng nảy, cộc cằn, thô lỗ? thường mắng chửi và chê trách các Tỳ-kheo khác, cho nên các Tỳ-kheo trong địa phương đêu bỏ đi, không muôn sông ở đó nữa. Sau khi các ưu-bà-tăc địa phương nghe được điều này rồi, liền cùng nhau kéo đến chỗ Tôn giả Đàm-di và trục xuất thầy ấy rời khỏi các tự viện trong địa phương.6 [0618c03] Bấy giờ, Tôn giả Đàm-di bị các ưu-bà-tắc địa phương trục xuất khỏi các tự viện trong địa phương, thầy ấy liền đắp y, ôm bát đi đến nước Xá- _ 1 Ạ • 4 _ _ _ _ nriiW _ T A_ A l _ A A _ ẠẠ• rfi _ • 9 _ vệ, lan hoi đen tru trong Thăng Lam, vươn Cap Co Đọc. The roi, Ton gia Đàm- di đi đên chô Phật, lạy sát chân Ngài, ngôi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn, đối với các ưu-bà-tắc địa phương, con không làm điều gì xấu xa, cũng chẳng nói việc gì, không xúc phạm đến ai. Thế nhưng

1 Nguyên tác: Giảo Đàm-di kinh (01. 0026.130. 0618b18). Tham chiếu: A. 6.54 - m. 366. 2 Đàm-di (Dhammikā), một vị Bà-la-môn ở Kosala, về sau quy y Phật, nỗ lực tu tập và chứng quả A-la-hán. 3 Nguyên tác:, Phật đồ chủ [).vốn khởi nguyên làjnột ngôi tháp (stupa)9 là nơi cư trú, tu tập của người xuất gia và cũng là nơi mà hàng cư sĩ tập trung lễ bái, cúng dường. Pháp củ thỉ dụ kỉnh (T.04. 0211.2. 0590b12) gọi là Phật đồ tự ().Như vạy, Phật đồ chu ()theo kinh là người trông coi và quản lý trú xứ của chư Tăng. A. 6.54 - III. 366: Āvāsesu là số nhiều của āvāsa, nghĩa là trú xứ. 4 Nguyên tác: Sanh địa tôn trưởng (4iÈ-R, jātibhūmiyam ãvasikò). 5 Nguyên tác: Sanh địa chư Tỳ-kheo ().A. 6.54 - III. 366: Āgantukā bhikkhū (các Tỳ-kheo vãng lai). 6 Nguyên tác: Sanh địa chư tự trung ()Các ngôi chùa trong vùng. Tham chiếu: A. 6.54 - III. 366: Āyasmā dhammiko jātibhumiyam āvāsiko hoti sabbaso jātibhūmiyam sattasu āvāsesu (Tôn giả Dhammikā trú tại chỗ sanh trưởng của mình và có tất cả 7 trú xứ tại chỗ sanh trưởng ấy), HT. Thích Mmh Châu dịch.

các tru-bà-tắc địa phương lại ngang ngược trục xuất con rời khỏi các tự viện quanh vùng. Khi đó, đức Thế Tôn bảo: -Thôi đủ rồi, này Đàm-di, cần gì phải nói điều đó! Tôn giả Đàm-di chắp tay hướng Phật, thưa lại lần nữa: -Kính bạch Thế Tôn, đối với các iru-bà-tắc địa phương, con không làm điều gì xấu xa, cũng chẳng nói việc gì, không xúc phạm đen ai. The nhưng các ưu-bà-tắc địa phương lại ngang ngược trục xuất con rời khỏi các tự viện quanh vùng. Đức Thế Tôn lại bảo: -Này Đàm-di! Thuở xưa, ở cõi Diêm-phù này có các thương buôn giong thuyền ra biển, họ mang theo con chim ó để tìm bờ. Ra biển chưa bao xa, họ thả chim ó để nó tìm bờ. Nếu chim ó tìm thấy được bờ biển thì nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyền; nếu không tìm thấy bờ biển thì nó sẽ trở lại thuyền. Thầy cũng vậy, này Đàm-di, bởi vì thầy bi các ưu-bà-tắc địa phương trục xuất khỏi các tự viện quanh vùng nên thây mới trở vê chô Như Lai. Thôi đủ roi, Bàm-di, cần gì phải nói điều đó nữa! Tôn giả Đàm-di lại thưa lần thứ ba: Kính bạch Thế Tôn, đối với các xru-bà-tắc địa phương, con không làm điều gì xấu xa, cũng chẳng nói việc gi, không xúc phạm đến ai. Thế nhưng các ưu-bà-tắc địa phương lại ngang ngược trục xuất con rời khỏi các tự viện quanh vùng. Lần thứ ba, đức Thế Tôn lại bảo: Này Đàm-di, thây ở trong pháp Sa-môn mà bị các ưu-bà-tăc địa phương trục xuất khỏi các tự viện quanh vùng sao? Lúc đó, Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngỗi đứng dậy, chắp tay hướng Phật và thưa: Kính bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Sa-môn ở trong pháp Sa-môn? Đức Thế Tôn dạy: Này Đàm-di, thuở xưa, có người sống đến tám vạn tuổi. Đàm-di, vào thời con người sông thọ tám vạn tuổi thì cõi Diêm-phù này cực kỳ giàu sang, hạnh phúc, dân cư đông đúc, thôn ấp gần nhau, khoảng cách bằng sức bay của con gà.7 ở thời loài người sống thọ tám vạn tuổi thì người nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Này Đàm-di, ở thời con người sống thọ tám vạn tuổi, con người chỉ có các bệnh liên quan đến đại tiện, tiểu tiện, lòng dục, ăn uống và già yếu mà thôi.

7 Nguyên tác: Như kê nhất phi kukkutasampātika. DÃ. 6: Cùng nghe gà gáy
.

Này Dàm-di, vào thời con người sống thọ tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Cao-la-bà8 rất thông minh, trí tuệ, làm Chuyển Luân Vương, có bốn binh chủng, trị vì thiên hạ, là vị pháp vương thực hành theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu, gôm bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua có đủ một ngàn người con, tướng mạo đoan chánh, dõng mãnh, không biết sợ hãi, có thể khuất phục mọi người. Những vị thái tử này có khả năng thông lãnh giang sơn từ đát liên ra đến biển cả mà không cần dùng đến vũ khí, chỉ dùng Chánh pháp để cai trị, giáo hóa, khiến muôn dân an ổn. [0619a08] Này Bàm-di, Vua Cao-la-bà có một cội cây rất lớn, tên là Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương.9 Đàm-di, Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương có năm cành. Cành thứ nhất dành cho vua và hoàng hậu ăn. Cành thứ hai dành cho thái tử và các quan ăn. Cành thứ ba dành cho dân chúng trong nước ăn. Cành thứ tư dành cho Sa-môn, Phạm chí ăn. Cành thứ năm dành cho cam thú ăn. Này Đàm-di? quả của Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương lớn bang cái bình hai thăng, mùi vi của nó giống như mật nguyên chất. Đàm-di, quả Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không ai canh giữ mà cũng chẳng ai trộm cắp. về sau, có một người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả, liền đến bên Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương hái quả ăn no rồi, lại còn bẻ gãy cành và hái quả mang về. Trên Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương có một vi trời10 nương ở, vị trời này nghĩ: "Người ở châu Diêm-phù thật kỳ lạ, vô ân, không biết báo đáp. Vì sao như vậy? Họ ăn quả của Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương no nê roi lại còn bẻ gãy cành và hái quả mang về. Thà để cây Thiện Trụ Ni-câu-loại vương không có quả, không ra quả nữa." Bấy giờ Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương liền không có quả cũng không ra quả nữa. Rồi lại có một người đói khát gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả, liền đến chỗ Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương, thấy cây này không còn quả cũng không ra quả, lập tức đến tâu với Vua Cao-la-bà: “Thua Thiên vương, Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không còn quả, cũng không ra quả.95 Nghe xong, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, Vua Cao-la-bà ẩn thân nơi xứ Câu-lâu rồi hiện ra ở cõi trời Ba Mươi Ba, đứng trước Thiên Đế-thích11 và tâu rằng: "Câu-dực12 biết cho, Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không còn quả cũng không ra quả nữa."

8 Cao-la-bà Korabya. J. VI. 515 ghi là vua của bộ tộc Kuru, gọi đủ là Dhanañjaya Korabya. 9 Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương Suppatitthā Nigrodha rājā. 10 Hữu nhất thiên y nhi cư chi _R. Trường hợp này, kinh văn Pali gọi là devatā.KT. Thích Minh Châu dịch là "chu thiên rừng cay.?, Đoạn sau của kinh này nói rõ hơn là "ththiên", rukkhadevatā, tức thần cây. 11 Thiên Đế-thích Sakkā devānam inda. 12 Câu-dực Kosika, tên riêng của Thiên chủ Đế-thích.

Khi đó, trong khoảnh khác như người lực sĩ co đuôi cánh tay, Thiên Đê- thích và Vua Cao-la-bà đã ẩn thân nơi cõi trời Ba Mươi Ba rồi hiện ra tại xứ Câu-lâu. Đứng cách Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không xa, Thiên Đế- thích liền nhập Như kỳ tượng định và hóa hiện thần túc?13 rồi vận dụng Như kỳ tượng định và thần túc để tạo ra gió bão, mưa to và nước lũ lớn. Do gió bão, mưa to và nước lũ lớn nên cây Thiện Trụ Ni-câu-loại vương bị tróc góc, ngã đổ. [0619b07] Lúc đó, thọ thiên14 sống trên Thiện

Trụ Ni-câu-loại thọ vương chứng kiến việc này lòng rất buồn đau, sầu thương, rơi lệ khóc than trước mặt Thiên Đế-thích. Thiên Đế-thích hỏi: “ Này thọ thiên, vì lẽ gì mà ông buồn khổ, sầu thương, rơi lệ khóc than trước mặt ta như vay?" Vị thọ thiên thưa: “Thua Câu-dực! Ngài nên biết, gió bão, mưa to và nước lũ lớn đã làm cho cội Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương bi trốc gốc, ngã đổ?5 Khi ấy, Thiên Đế-thích hỏi lại vị thọ thiên sống trên cây kia: "Ong là thọ thiên, sông theo pháp của thọ thiên mà lại đê gió bão, mưa to và nước lũ lớn làm cội Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương tróc gốc, ngã đổ u?" Thọ thiên thưa: "Thua Câu-dực, thế nào gọi là thọ thiên sống theo pháp của thọ thiên?" Thiên Đế-thích bảo: "Này thọ thiên! Nêu như có người muôn được rê cây thì nên đê họ mang rê cây di, muốn được thân cây, nhánh cây, lá cây, hoặc hoa hoặc quả thì cứ để họ mang đi. Ông không nên giận dữ, không nên thù ghét, tâm không nên oán hận. Ông hãy an trú trên cây với ý niệm buông xả, như vậy gọi là thọ thiên sống theo pháp của thọ thiên.^, Vị thọ thiên kia lại tâu: "Thua Câu-dực, tôi là thọ thiên mà lại không sống đúng theo pháp của thọ thiên. Từ nay về sau thọ thiên tôi sẽ sống theo pháp của thọ thiên. Nguyện cầu cho cội Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương trở lại như cũ!,,

13 Nguyên tác: Tác như kỳ tượng như .cấu trúc này tương tự như cấu trúc unhư kỳ tượng,tác như ý túc”.Trước hét, câu trúc 4tnhư kỳ tượng"là cách diễn đát van tát của cú ngữ unhập như kỳ tượng định?,,hoặc "như kỳ tượng tam-mụội^, hay "nhu kỳ tượng tam-muoi chánh thọ”.Theo Pặlỉ-Hản từ điển do Minh Pháp Tôn giahiệu đính "như kỳ tượng dinh"có nghĩa là t4giống như hình tượng bất động rồi nhập djnli” Thứ hai, utác như ý tú nghĩa la^hoa hiện than thông.,, Hai bản dị dịch sau đây có cùng quan điểm, Tần-bấ-sa-la vương kinh roi. 0041. 0825C15: Liền nhập thiền định, hiện thần thông lớn īf và Biệt Tạp r.02. 0100.13. 0377Ồ24: Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diep tức thời nhập định, hiến các thần thông x;lì j. 14 Thọ thiên rukkhadevatā. Xem chú thích số 10.

130. KINH DẠY BẢO ĐÀM-DI 809

Khi ấy, Thiên Đế-thích liền nhập Như kỳ tượng định rồi hóa hiện thần túc. Sau khi nhập Như kỳ tượng định và hóa hiện thần túc, Thiên Đế-thích lại biến hóa ra gió bão, mưa to và nước lũ lớn. Sau khi biến hóa ra gió bão? mưa to và nước lũ lớn, cội Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương liền trở lại như cũ. Cũng vậy5 này Bàm-di, nếu Tỳ-kheo nào bị người mắng nhiếc mà không mắng lại, bị người sân giận mà không sân giận lại, bị người quấy phá mà không quây phá lại, bị người đánh đập mà không đánh đập lại. Này Bàm-di, như vậy gọi là vị Sa-môn sống đúng theo pháp của Sa-môn. Lúc đó, Tôn giả Đàm-di liền rời chỗ ngồi, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật, rơi lệ khóc than và thưa: -Kính bạch Thế Tôn, con không phải là một Sa-môn sống theo pháp của Sa-môn. Từ nay về sau, con bắt đầu làm một vi Sa-môn sống đúng theo pháp của Sa-môn. Đức Thế Tôn lại dạy: Đàm-di! Xưa kia có một đại sư tên là Thiện Nhãn,15 được các tiên nhân ngoại đạo tôn làm Tôn su, là người đã lìa bỏ ái dục và được như ý túc. Này Bàm-di, đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di? vị đại sư Thiện Nhãn này dạy cho

các đệ tử phương pháp cộng trú với Phạm thiên.16 Khi đại sư Thiện Nhãn dạy cho các đệ tử phương pháp cộng trú với Phạm thiên, trong sô họ có người không phụng hành theo pháp ây một cách trọn vẹn, nên những vị ấy sau khi qua đời chỉ sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, hoặc sanh lên cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên cõi trời Tha Hóa Lạc. Này Bàm-di, khi đại sư Thiện Nhãn dạy cho các đệ tử phương pháp cộng trú với Phạm thiên, trong số họ có người phụng hành theo pháp ấy một cách trọn vẹn, vi ấy tu bốn pháp cộng trú với Phạm thiên,1718 lìa bỏ ái dục nên sau khi qua đời, vị ấy được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Này Đàm-di, khi ấy đại sư Thiện Nhãn nghĩ rằng: "Đời sau, ta không nên sanh về cùng một cõi với chúng đệ tử. Bây giờ ta hãy tu tập thêm từ tăng thượng. Nếu ta tu tập thêm từ tăng thượng thì sau khi qua đời sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng Dục?918 [0619C12] Này Đàm-di, bấy giờ đại sư Thiện Nhãn liền tu thêm từ tăng thượng. Nhờ vi ấy tu tập từ tăng thượng, nên sau khi qua đời được sanh vào cõi trời Hoảng Dục. Đàm-di? đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử không uổng công học đạo mà có được phước quả lớn. Cũng như đại sư Thiện Nhãn, còn có các đại

15 Đại sư Thiện Nhãn Sunetto. Câu chuyện về vị đại sư này xem ừong A. 7.66 - IV. 100. 16 Nguyên tác: Phạm thế pháp Ph dẫn đến đời sống ở Phạm thiên. 17 Nguyên tác: Tứ Phạm thất ,gồm: từ, bi, hỷ, xả. 18 Nguyên tác: Hoảng Dục thiên cũng gọi là Quang Âm thiên Ābhassarā.

sư Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-giá Bà-la-môn, Cù-đà-lê-xá-đa9 Hại-đề-bà-la- ma-nạp? Thù-đề-ma-lệ-kiều-bệ-đà-la và Tát-đa-phú-lâu-hề-đa.19 Này Đàm-di, đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa2021 cũng có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, vị đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa dạy cho các đệ tử phương pháp cộng trú với Phạm thiên. Khi đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa dạy cho các đệ tử phương pháp cộng tru với Phạm thiên, trong các đệ tử có người không phụng hành theo pháp ấy một cách trọn vẹn nên sau khi qua đời, những vị ấy chỉ sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, hoặc sanh lên cõi trời Diệm-ma5 hoặc sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà? hoặc sanh lên cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên cõi trời Tha Hóa Lạc. Khi đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa dạy cho các đệ tử phương pháp cộng trú với Phạm thiên, trong số các đệ tử có người phụng hành theo pháp ấy một cách trọn vẹn, tu bốn pháp cộng trú với Phạm thiên, lìa bỏ ái dục, nên sau khi qua đời họ được sanh vào cõi trời Phạm thiên. Này Đàm-di, đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa nghĩ: "Dòi sau, ta không nên sanh ra cùng một cõi với chúng đệ tử. Bây giờ ta hãy tu thêm từ tăng thượng. Nếu ta tu thêm từ tăng thượng thì sau khi qua đời sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng Dục?9 [0620a01] Đàm-di, bấy giờ đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa liền tu thêm từ tăng thượng. Nhờ tu tập từ tăng thượng, nên sau khi vị ấy qua đời liền được sanh vào cõi trời Hoảng Dục. Đàm-di, đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa và các đệ tử học đạo không luống công, có được phước quả lớn. Này Bàm-di, nêu có người nào măng nhiêc bảy vị đại sư và vô lượng trăm ngàn đệ tử kia, hoặc phá hoại, noi giận, trách móc họ, chắc chắn sẽ chịu vô lượng tội. Nhưng nếu có một Tỳ-kheo đệ tử Phật đã thành tựu chánh kiến,21 chứng đắc Sơ quả, mà có ai mắng nhiếc, phá hoại, nổi

giận, trách móc vi ấy thì càng chịu tội nhiêu hơn thê nữa. Thê nên, này Đàm-di, các thây hãy luôn luôn nhắc nhở, bảo bọc lẫn nhau. Vì sao như vậy? Vì ngoài lỗi lầm này, không còn lỗi lầm nào hơn nữa. Bay giơ, The Ton liên noi kệ này: Tu-niet,22 Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-giá Bà-la-môn? Cù-đà-lê-xá-đa, Hại-đề-bà-la-ma-nạp, Thù-đề-ma-lệ-kiều-bệ-đà-la, T át-đa-phú-lâu-hề-đa.

Sáu Đại sư: i Mâu-lê-phá-quần-na Mūgapakkha, ii A-la-na-giá Bà-la-mônp FVAranemiBrāhmana, iii Cù-đà-lê-xá-đa,AKuddālakasattā, ivHại-đề-bà- la-ma-nạp ,Hatthipālamānaval yThù-đề-ma-lệ-kiều-đệ-đà-la, Jotipāla govinda, vi Tát-đa-phú-lâu-hề-đa Satta purohita. 20 Thất-phú-lâu-hề-đa .ở trên ghi là Tát-đa-phú-lâu-hề-đa . 21 Nguyên tác: Thành tựu chánh kiến ỔĨ,một cách viết khác của Kiến đế nhân ,tức thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn Sotāpatti. 22 Tu-niết Sunetta.

130. KINH DẠY BẢO ĐÀM-DI 811

Trong đời quá khứ ấy5 Bảy Tôn sư danh dức, Tình thương, không nhiễm ái, Dục trói buộc đã trừ, Độ trăm ngàn đệ tử, Vô lượng đếm sao vừa, Đều lìa dục trói buộc, Dù cứu cánh còn chưa. Với các Tiên nhân ấy, Thủ trì khổ hạnh này, Ai oán ghét chư vị, Tội măng nhiêc nhiêu thay! Huống gì với con Phật, Chánh kiến, đắc Sơ quả, Ai chửi mang, đập phá, Mắc tội nhiều lắm thay! Này Đàm-di5 do đó, Hãy biết bảo bọc nhau, Cùng giữ gìn? tương trợ, Nếu không, tội bội phần. Như thế thật quá khổ, Bậc Thánh cũng ghét bỏ, Dung sác lại xâu xí, Mê chấp nơi tà kiến. Đó là hạng thấp hèn, Thánh pháp gọi như the, Dù chưa lìa dâm dục, Có diệu năm căn này: Tín, tinh tấn, niệm xứ, Chánh đinh, chánh quán đây. Kho kia mình chịu vậy, Trước phải chuôc họa tai, Họa tai tự chuốc lấy, Sau nữa gây hại người. Ai khéo tự phòng hộ, Bên trong lẫn bên ngoài, Cho nên hãy tự hộ, Bậc trí tuệ, vui thay! Đức Phật giảng như vậy, Tôn giả Đàm-di và các Tỳ-kheo kia nghe Phật giảng xong đều hoan hỷ phụng hành.

131. KINH HÀNG MA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Bà-kỳ? ngụ tại vườn Nai, trong rừng Sợ Hãi, thuộc núi Cá sấu.2 Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên đang trông coi việc xây dựng thiên thát của đức Phật.34Lúc Tôn giả đang kinh hành trên khoảng đất trống thì Ma vương hóa thân thật nhỏ chui vào bụng ngài. Khi ấy? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ như vây: “Hinh như ta nuôi phải hạt đậu vào bụng. Ta hãy nhập định quán sát/ bằng sức định ấy mà nhìn vào bụng xem.,^ Nghĩ rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đi đến cuối đường kinh hành, trải tọa cụ5 ngồi kiết-già và nhập định quán sát. Vận dụng sức định nhìn vào bụng, ngài thấy Ma vương đang ở trong đó. Tôn giả liên xuất đinh và bảo Ma vương: Này Ba-tuần, ông hãy đi ra! Này Ba-tuần9 ông hãy ra mau! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải sanh vào nơi xấu ác, chịu vô lượng kho. Khi ấy, Ma vương liền nghĩ: "Sa-m6n này không thấy, không biết, thế mà lại nói: 'Này Ba-tuần, ông hãy đi ra! Này Ba-tuàn, ông hãy ra mau! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng song mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải sanh vào nơi xấu ác? chịu vô lượng khổ.5 Tôn sư của ông có thần thông lớn, có oai

đức lớn, có phước đức lớn, có oai lực lớn mà vẫn không the thay nhanh chóng, biết nhanh chóng như vậy, huống nữa ông là đệ tử mà thấy biết được sao?" Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại bảo Ma vương: - Ta lại biết ý nghĩ của ông, ông nghĩ như vầy: "Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: 'Này Ba-tuàn? ông hãy đi ra! Này Ba-tuầiì, ông hãy

1 Nguyên tác: Hàng ma kinh (01. 0026.131. 0620b07). Tham chiếu: Ma nhiễu loạn kinh (roi. 0066. 0864Ồ02); Tệ ma thỉMục-lỉên kỉnh (roi. 0067. 0867a02); M. 50, Māratajjanīya Sutta (Kinh hàng mà). 2 Xem chú thích 2-3, kinh số 74, tr. 491. 3 Ma nhiễu loạn kỉnh (roi. 0066. 0864Ồ02) ghi là í4tác quāt,?(),làm cái hạng. Trong khi Tệ ma thỉ Mục-lỉên kỉnh (T.o 1. 0067. 0867a02) và M. 50 không có chi tiết này. J 4 Nhập như kỳ tượng định ().Các bản Biệt dịch ghi:J"Nhu kỳ tượng tam-muội chánh tho" (),unhập thất chánh thọ tam-mu0i"().Đây không phải là tên ri^ng của một loại định, mà chỉ cho hành động của thân, tâm dang diễn ra. Thân ngay thăng, bát động (),tâm chuyên chú vào một chỗ ().Tham chiêu Pali: Paccattarn yoniso manasākāsi (tự mình quán sát nguyên do).

ra mau! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ có xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải sanh vào nơi xấu ác, chịu vô lượng khổ/Tôn sư của ông có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai lực lớn mà vẫn không thể thấy nhanh chóng, biết nhanh chóng như vậy, huống nữa ông là đệ tử mà thấy biết được sao?" [0620c04] Ma Ba-tuần kia lại nghĩ: "Sa-môn này đã thấy và biết cả tâm ta nên mới nói như vay." Nghĩ rồi, Ma Ba-tuần hóa thân thật nhỏ từ trong miệng vọt ra, đứng trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo: -Này Ba-tuần! Xưa kia, vào thuở đức Phật Giác-lịch-câu-tuân-đại/ bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, ta đã làm ma tên là Ác.56 Ta có người em gái tên là Hăc.7 Ngươi chính là con trai của Hác. Này Ba-tuân! Vì lẽ đó cho nên bây giờ ông là cháu gọi ta băng cậu. Này Ba-tuần! Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có hai đệ tử lớn tên là Am8 và Tưởng.9 Này Ba-tuần! Do ý nghĩa nào mà có tên gọi là Âm? Này Ba-tuần! Tôn giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói của ngài vang xa cả nghìn thế giới, lại không có một đệ tử nào có âm thanh ngang băng hoặc tương tự, hoặc hơn ngài. Này Ba-tuân! Vì lẽ ây cho nên Tôn giả đó có tên gọi là Am. Này Ba-tuần! Lại do ý nghĩa nào mà Tôn giả Tưởng có tên là Tưởng? Này Ba-tuần! Tôn giả Tưởng này nương nơi thôn ấp mà hành đạo. Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm? Tôn giả ấy đắp y, ôm bát vào thôn ấp khất thực, cẩn thận thủ hộ thân, khéo thu nhiếp các căn? giữ vững chánh niệm. Sau khi khất thực và thọ thực xong, vào xế trưa, Tôn giả thu dọn y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ trên vai, tìm nơi thanh vắng, hoặc đến bên gốc cây, trong rừng sâu, nơi thanh tịnh yên tĩnh, trải tọa cụ, ngồi kiết-già và nhập định Diệt tưởng tri10 một cách mau chóng. Một hôm, những người chăn trâu, chăn dê, người đi lấy củi, người đi đường vào trong rừng núi thấy ngài đang nhập định Diệt tưởng tri, họ liền nghĩ: "Sa-môn này ngồi mà qua đời nơi khu rừng vắng. Chúng ta hãy nhặt củi và cỏ khô chất phủ lên thân Ngài rồi hỏa thiêu.Nghĩ vậy, họ liền nhặt củi và cỏ chất phủ lên thân ngài,

châm lửa đốt rồi bỏ đi. Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm,

5 Giác-lịch-câu-tuân-đại .M. 50: Kakusandha được phiên âm là Câu-lâu-tôn , Câu-liru-tôn hoặc Câu-lâu-tần . 6 Ác .M. 50: Dūsī tên một loại ma thời Phật Kakusandha. 7 Hắc ,Kālī. 8 Âm ,Vidhura. 9 Tưởng SaẠjíva. 1^Tưởng ưi diệt định còn gọi là t4Diệt tận dinh”"Diệt chánh thẹ”, ,“Tri diệt g ải thoat^x^ ,"Tưcmg tri "Tượngtri diệt ft, "Diệt tận định,, ,"Diệt tận tam-muội,, .Tham chiếu: M. 50: biệt thọ tưởng định Saññāvedayitanirodhani.

131. KINH HÀNG MA 815

Tôn giả Tưởng xuất định, phủi y phục rồi đắp y, ôm bát vào thôn ấp khất thực, như thường lệ. Tôn giả khéo giữ gìn thân, thu nhiếp các căn, giữ vững chánh niệm. Những người chăn trâu, chăn dê, người đi lấy củi hoặc người đi đường đã gặp Tôn giả trong rừng núi ngày hôm qua, họ liền nghĩ: "Đây là Sa-môn ngồi mà qua đời trong khu rừng vắng. Hôm qua chúng ta đã nhặt củi và cỏ khô chất phủ lên thân ngài, châm lửa đốt rồi bỏ đi. Thế nhưng Hiền giả này vẫn còn có tưởng.” Này Ba-tuần! Vì lẽ đó cho nên Tôn giả ấy có tên là Tưởng. [0621a05] Này Ba-tuần! Bấy giờ, Ác ma nghĩ rằng: "Sa-môn trọc đầu này bị trói buộc vào nơi đen tối,11 đoạn dứt nòi giống, không có con cái. Kẻ ấy học thiền, quán sát đối tượng, quán sát sâu đối tượng và nhiều lần quán sát sâu đối tượng.12 Giống như con lừa suốt ngày mang nặng, bị cột trong chuồng, không được ăn lúa mạch, nó sẽ nhớ lúa mạch nên tìm kiếm, cố tìm kiếm, nhiều phen tìm kiêm. Cũng vậy, Sa-môn trọc đâu này bi trói buộc vào nơi đen tôi, đoạn dứt giông nòi, không có con cái. Kẻ ây học thiên, quán sát đôi tượng, quán sát sâu đối tượng và nhiều lần quán sát sâu đối tượng. Giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, vì muốn bắt chuột nên nó rình rập, rình rập chăm chăm, rình rập đau đáu. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị trói buộc vào nơi đen tối, đoạn dứt giông nòi, không có con cái. Kẻ ây học thiên, quán sát đôi tượng, quán sát sâu đôi tượng và nhiêu lân quán sát sâu đôi tượng. Cũng giông như con cú mèo ở giữa đống củi khô, vì muốn bắt chuột nên nó rình rập, rình rập chăm chăm, rình rập đau đáu. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bi trói buộc vào nơi đen tối, đoạn dứt giống nòi, không có con cái. Kẻ ấy học thiền, quán sát đối tượng, quán sát sâu đối tượng và nhiều lần quán sát sâu đối tượng. Lại giống như con chim hạc bên bơ nước, VI muôn bát ca nen no rình rạp, rình rạp chăm chăm, rình rạp đau đau. Cũng vậy, Sa-môn trọc đâu này bị trói buộc vào nơi đen tôi, đoạn dứt giống nòi, không có con cái. Kẻ ấy học thiền, quán sát đối tượng, quán sát sâu đối tượng và nhiều lần quán sát sâu đối tượng. Kẻ áy quán sát cái gì? Quán sát với mục đích gì? Quán sát đê mong câu gì? Kẻ ấy loạn trí, phát cuồng, bại hoại. Ta chẳng biết kẻ ấy từ đâu đến, cũng chẳng biết kẻ ấy đi về đâu, chẳng biết kẻ ấy sống ở đâu5 chẳng biết kẻ ấy chết như thế nào, sanh như thế nào. Ta hãy xúi giục các cư sĩ và Phạm chí rằng: 'Các ông hãy đến mắng chửi, đánh đập Sa-môn tinh tấn kia.Vì sao như vậy? Vì khi bị mắng chửi, đánh đập, biết đâu kẻ ấy sẽ khởi tâm ác để ta thừa cơ lợi dụng?5 Này Ba-tuần! Lúc ấy, Ác ma liền xúi các cư sĩ và Phạm chí. Các cư sĩ và Phạm chí ấy mắng chửi, đánh đập Sa-môn tinh tấn. Các cư sĩ và Phạm chí ấy

11 Nguyên tác: Dĩ hắc sở phược ().Cú ngữ này xuất phát từ sự chê trách hàng xuất gia Thích tử của Bà-la-môn. Xuất xứ từ/). 27: Te tumhe settham vannam hitvā hīnā mattha vannam ajjhupagatā, yadidam mundake samanake ibbhe kanhe bandhupādāpacce (Các ngươi đã từ bỏ giai cấp toi thượng, cúi mirih vào giai cấp hạ tiện, giai cấp các Sa-mon trọc đầu, đê tiện, đen đủi, dòng giống thuộc ban chân), HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Nguyên tác: Học thiền, tứ, tăng tứ, số số tứ ().M.
50: Jhāyanti, pajjhāyanti, nijjhāyanti, apajjhāyanti (tu thiền, mê thiền, si thiền, dại thiền), HT. Thích Minh Châu dịch.

dùng cây đánh hoặc lấy đá ném hoặc vác gậy đập khiến đầu của Sa-môn tinh tấn bi thương, y áo rách bươm, bình bát bể sứt. Bấy giờ, các cư sĩ và Phạm chí nếu có người qua đời, do nhân duyên này nên sau khi lâm chung phải đên cõi ác, đọa vào địa ngục. Sanh vào đó rồi, họ suy nghĩ như vầy: “Ta phải chịu nổi khổ này, lại phải nhận chịu đau khổ hơn nữa. Vì sao như vậy? Vì chúng ta đã đối xử tàn ác với Sa-môn tinh tấn." [0621b02] Này Ba-tuần! Đệ tử của đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác với đầu thương tích, y áo rách bươm, bình bát bể sứt, đi đến chỗ Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ, đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp với vô lượng trăm nghìn quyến thuộc vây quanh. Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trông thấy đệ tử với đầu thương tích, y áo rách bươm, bình bát bể sứt từ xa đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy có thấy chăng? Ác ma đã xúi giục Phạm chí và cư sĩ rằng: 'Các ông hãy đến mắng chửi, đánh đập Sa-môn tinh tấn. Vì sao như vậy? Vì khi bị mắng chửi, đánh đập, biết đâu kẻ ấy sẽ khởi tâm ác để ta dễ dàng lợi dụng? Này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy vận dụng tâm tương ưng với từ5 lan tỏa khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng như vậy, đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, lan tỏa trùm khắp, tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đối với bi, hỷ và xả cũng thế, tâm đều tương ưng, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ, khiến Ác ma không thể lợi dung?9 Này Ba-tuần! Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã dạy đệ tử giáo pháp như vậy. Họ liền lãnh thọ giáo pháp ấy, tâm tương ưng với từ? lan tỏa khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng như vậy, đối với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới đêu lan tỏa trùm kháp, tâm tương ưng với từ, không gây thù két oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Đoi với bi, hỷ và xả cũng the, tâm đều tương ưng, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm như vậy thì Ác ma kia không thể lợi dụng được. Này Ba-tuần! Lúc đó, Ác ma lại nghĩ: "Bằng sự việc ấy, ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Bây giờ, ta hãy xúi giục các cư sĩ và Phạm chí rang: 'Các ông hãy đến cung kính, cúng dường, lễ bái hầu hạ Sa-môn tinh tấn/ Có thể nhờ sự cung kính, cúng dường, lễ bái hầu hạ mà Sa-môn tinh tấn sẽ

khởi tâm xấu ác để ta dễ dàng lợi dụng.9,9 Này Ba-tuần! Các cư sĩ và Phạm chí kia, sau khi bị Ác ma xúi giục, liền đến cung kính, cúng dường, lễ bái hầu

hạ Sa-môn tinh tấn. Họ lấy áo trải lên mặt đất và nói: "Xin Sa-môn tinh tấn hãy giẫm lên áo mà đi! Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến chúng tôi luôn được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan.,, Hoặc có cư sĩ? Phạm chí trải tóc lên mặt đất rồi nói: "Xin Sa-môn tinh tấn hãy giẫm lên tóc mà đi! Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi luôn được ý nghĩa và lợi ích5 được an ổn và hân hoan.” Hoặc có cư sĩ, Phạm chí tay bưng các loại thức ăn đứng bên đường chờ đợi và nói: "Xin Sa-môn tinh tấn hãy nhận thức ăn này, xin cứ mang đi và tùy ý thọ dụng, khiến chúng tôi luôn được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan.,, Các cư si, Phạm chí thành tín thấy Sa-môn tinh tấn thì cung kính đón rước vào nhà, đem nhiều loại tài vật ra cúng dường Sa-môn tinh tấn và nói: "Xin hãy thọ nhận vật này, xin hãy thọ dụng vật kia, xin hãy mang vật nọ đi mà tùy ý thọ dung." Bấy giờ, các cư sĩ và Phạm chí nếu có người qua đời, do nhân duyên này nên sau khi lâm chung được đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên đó, họ liền nghĩ: "Ta đang thọ hưởng sự vui sướng này, lại sẽ thọ hưởng sự vui sướng hơn nữa. Vì sao như vậy? Vì chúng ta đã làm các hạnh lành với Sa-môn tinh tấn." [0621C16] Nay Ba-tuần! Đệ tử của đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác sau khi được cung kính, cúng dường, lễ bái hầu hạ thì đi đến chỗ đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh giác. Lúc đó, đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp với vô lượng trăm nghìn đệ tử vây quanh. Khi đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng ChấĩủI Giác thấy đệ tử được cung kính, cúng dường, lễ bái hầu hạ, đang từ xa đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy chăng? Ác ma xúi giục các cư si, Phạm chí rằng: "Các ông hãy đến cung kính, cúng dường lễ bái hầu hạ Sa-môn tinh tấn. Có thể do sự cung kính, cúng dường, lễ bái hầu hạ mà Sa-môn tinh tấn khởi tâm xấu ác thì ta sẽ dễ dàng lợi dụng.^, Này Tỳ-kheo! Các thầy hãy quán các hành vô thường, quán pháp thịnh suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt tận và quán đoạn trừ, khiến Ác ma không the lợi dụng. Này Ba-tuần! Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã dạy cho đệ tử giáo pháp như vậy. Họ liền thọ lãnh giáo pháp ấy, rồi quán các hành vô thường, quán pháp thịnh suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt tận và quán đoạn trừ, khiến cho Ác ma không thể lợi dụng. [0622a01] Này Ba-tuần! Lúc đó Ác ma liền nghĩ: "Với những việc ấy, ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Ta hãy biến hóa thành một thiếu niên, tay cầm cây gậy lớn đứng bên đường để đánh vỡ đàu Tôn giả Am, khiến máu chảy ướt cả mặt Tôn giả ấy." Này Ba-tuần! về sau, đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đang du hành trong thôn ấp. Khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, Ngài đắp y, ôm bát vào trong

thôn xóm khất thực. Tôn giả Âm theo hầu phía sau Ngài. Này Ba-tuần! Lúc ấy Ác ma biến hóa làm một thiếu niên, tay cầm một cây gậy lớn đứng bên đường rồi đánh vỡ đầu

Tôn giả Âm, khiến máu chảy ướt cả mặt Tôn giả ấy. Này Ba- tuần! Sau khi bi vỡ đầu chảy máu, Tôn giả Âm vẫn đi theo sau đức Giác-lịch- câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác như bóng không rời. Này Ba-tuần! Sau khi vào thôn ấp, đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bằng sức cực mạnh của bản thân, xoay nhìn về bên phải giống như cái nhìn của một voi chúa, không hề sợ hãi, không chút khiếp sợ, quán sát khắp mọi phía. Này Ba-tuần! Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nhìn thấy đầu của Tôn giả Âm bị chảy máu ướt cả mặt nhưng vẫn đi theo sau Phật như bóng không rời, Ngài liền nói: "Ac ma hung bạo này có nhiều oai lực, nhưng ác ma này không biết đủ.,^ Này Ba-tuần! Đức Giác-lịch-câu-tuân-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói chưa dứt lời thì Ác ma này đã bị đọa vào địa ngục lớn Vô Khuyết.13 Này Ba-tuần! Đại địa ngục này có bốn14 tên gọi: Một là Vô Khuyết, hai là Bách Đinh, ba là Nghịch Thích và bon là Lục Cánh. Lính ngục trong địa ngục lớn đó đến chỗ ở của Ác ma và nói: "Ong nên biết, nếu dùng đinh đóng cùng các hình thức khác hợp lại, phải biết hết cả trăm năm.^, Nghe như vậy roi, Ma Ba-tuân trong lòng kinh hãi, khiêp sợ vô cùng, rúng động toàn thân, liền hướng đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rồi dùng kệ hỏi: Địa ngục kia thế nào, Xưa Ác ma ở đó, Vì nhiễu hại hạnh Phật, Và xúc phạm Tỳ-kheo? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dùng kệ đáp lại Ma Ba-tuần: Địa ngục tên Vô Khuyết, Ác ma từng ở dây, Vì nhiễu hại hạnh Phật, Và xúc phạm Tỳ-kheo. Đinh sắt có cả trăm, Hét thảy đêu đâm ngược, Địa ngục tên Vô Khuyết, Ác ma từng ở đây. Nếu như ai không biết, Đệ tử Phật, Tỳ-kheo, At chịu khô như vậy, Vì nghiệp báo xấu này. Vô số loại vườn, lầu, Người được ở trong ấy, Ăn gạo lúa tự nhiên, Hưởng đời sống Bắc châu.15 Vách núi Đại Tu-di, Xông ướp bởi nhân lành,16 Tu tập pháp giải thoát, Thọ thân cuối cùng này. Đứng vững trên suối lớn, Cung điện trụ bền lâu, Sắc vàng thật khả ái, Như lửa rực huy hoàng. 13 vKhuyết đạiđịangục.<4VÔ Khuyết" tức là "V6 Gil" hay "A-tỳ" Avīci. Ma nhiễu loạn kỉnh OI. 0066. 0866a25 gọi "A.tỳ-nSlê" í " 50 đề cập 3 loại địa ngục: Địa ngục Sáu Xúc Xứ Chaphassāyataniko; địa ngục Cọc Săt Sañkusamāhato; địa ngục Các Biệt Thọ Khổ ,Paccattavedaniyo. 15 Chỉ cho Bắc Câu-lô châu Uttarakurū. 16 Chỉ cho trời Tứ Thiên Vương bên sườn núi Tu-di Sineru.

131. KINH HÀNG MA 819

Nhạc trời cùng hòa điệu, Đen Đế-thích thiên cung, Kiếp xưa với nhà cửa, Thiện Giác Vương cúng dường.17 Nếu Đế-thích đi trước, Len điện Ty-xa-dien, Hân hoan chào đón Thích, Thiên nữ múa ca mừng. Nếu thấy Tỳ-kheo đến,1718 19 Ngoài nhìn vẻ thẹn thùng, Tại Ty-xa-dien điên, ?ế-thh hỏi Tỳ-kheo: Đại tiên! Có thể biết, Ái tận, giải thoát chăng? Tỳ-kheo liền đáp lại: Theo nghĩa câu hỏi này, Câu-dực! Ta biết đây, Ái tận, được giải thoát. Nghe lời giải đáp này, Đe-thích mừng, hoan hỷ. Tỳ-kheo ban lợi ích, Nói năng đúng nghĩa chân, Trên điện Tỳ-xa-diên? Tỳ-kheo hỏi Đế-thích: Cung điện tên gì vậy, Mà ông đang giữ thành? Đế-thích: Đại Tiên nhân, Ten Tỳ-xa-diên-đá. Gọi là thế giới ngàn, ở trong ngàn thế giới, Không cung điện nào hơn, Như Tỳ-xà-diên-đá, Thiên vương Thiên Đế-thích, Tự tại mà du hành. Ái lạc na-du-đá,20 Hóa một thành trăm hàng, Trong điện Tỳ-xà-diên, Đế-thích dạo tự tại. Tỳ-xà-diên đại điện, Ngón chân đủ lung lay, Thiên

vương mắt xem thấy, Đe-thích tự rong chơi. Giảng đường Lộc Tử Mầu,21 Nen sâu, xây kiên cố, Khó động, khó lung lay, Không vượt thần túc này.22 Nơi kia đất lưu ly, Thánh nhân bước lên đi, Trơn nhuần, cảm thọ lạc, Gấm trải thật diu êm. Ai ngữ cùng hòa hợp, Thiên vương thường hân hoan, Nhạc trời hay khéo trỗi, Âm tiết nhịp nhàng ngân. Thiên chúng đều hội tụ, Nghe, chứng Tu-đà-hoàn,23 Có vô lượng ngàn muôn, Và hàng trăm na-thuật.24

17 Đế-thích từng cúng dường nhà cửa cho Sa-môn trong tiền kiếp. Tham chiếu: s. 11.12 - L 229: Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakkā còn là ngươi, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được tên là Vāsavo HT. Thích Minh Châu dịch. 18 Tỳ-xà-diên điện Cung điện Chiến Thắng. M. 50: Vejayanta pāsādā Chiến Thắng điện. 19 Tức Tôn giả Đại Mục-kiền-liên Mahāmoggallāna. Theo M. 37, các thiên nữ thấy ngài Mục-kiền-liên đến liền bẽn lẽn rồi bước về phòng của mình. 20 Na-du-đá ,cách viết khác của Na-do-tha . 21 Lộc Tử Mau ,giảng đường do tín nữ Tỳ-xá-khư 4,Visākhā xây dựng. 2 Nguyên tác:Jsihuy túc năng diêu .Theo s. 51.14 - v. 269, có một số Tỳ-kheo sống ở lầu Lộc Tử Mầu nhimg vân còn trạo cử, kiêu mạn, thật niệm... Được đức Phật cho phép, Tôn giả Mục-kiền-liên hóa hiện thần thông, ấn ngón chân khiến lầu Lộc Tử Mầu lay động. 23 Thiên Đế-thích Sakkā đắc quả Tu-đà-hoàn sau khi nghe Phật nói kinh D. 21, Sakkapañhā Sutta Kinh Đế-thỉch sở vấn. 24 Na-thuật cách viết khác của na-do-tha .

Đen Tam Thập Tam thiên, Bậc Tuệ nhãn thuyết pháp, Nghe Ngài thuyết giảng xong, Hoan hỷ và phụng hành. Ta cũng có pháp ấy, Theo lời của Tiên nhân, Lên đến cõi Đại Phạm, Hỏi Phạm thiên sự tình. Phạm vương có biết chăng, Từ ngàn xưa đã thấy, Ngã luôn mãi thường tồn, Hằng hữu không biến đổi? Phạm thiên trả lời rang: Đại tiên! Tôi không thấy, Từ ngàn xưa lâu xa, Ngã thường hằng không đổi. Tôi thấy cảnh giới này, Chúng trời đều tạ thế, Vậy nay do đâu nói, Thường hằng không biến đổi? Tôi thấy thế gian này, Bậc Chánh giác đã dạy, Tùy nhân duyên sanh ra? Luân chuyên roi trở lại. Lửa không có ý nghĩ: Ta đốt kẻ ngu si, Lửa cháy, ngu chạm vào, Ắt tự nhiên bị đốt. Cũng vậy, này Ba-tuần? Xúc nhiễu phá Như Lai, Mãi làm điều bất thiện, Thọ báo xấu triền miên. Đừng ngăn chặn Phật-đà, Chớ nhiễu hại Tỳ-kheo, Một Ty-kheo hàng ma, Ngụ nơi rừng Sợ Hãi. Ma Ba-tuần lo buồn sầu não vì bị Tôn giả Mục-kiền-liên quở trách. Do kinh sợ hãi hùng đến nỗi không còn trí tuệ, Ma liền biến đi nơi khác.25 [0623a02] Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dạy như vậy, sau khi nghe Tôn giả dạy xong, Ma Ba-tuàn hoan hỷ phụng hành.26

25 Đoạn này nguyên tác là 4 câu kệ tiếp theo của bài kệ tụng. Bản Việt dịch tách riêng để phù hợp nội dung bản kinh. 26 Bản Hán, hết quyển 30.

132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Câu-lâu,2 cùng với đại chúng Tỳ- kheo đi đến Thâu-lô-tra53 ngụ trong vườn Thi-ĩìhiếp-hòa4 phía Bắc thôn Thâu- lô-tra. Bấy giờ, các cư sĩ và Phạm chí ở thôn Thâu-lô-tra nghe tin Sa-môn Cù-đàm9 con dòng họ Thích, rời xa dòng tộc cao quý, xuất

gia học đạo, hiện đang du hóa giữa dân chúng Câu-lâu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đến thôn Thâu-lô-tra này, ngụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra. Sa-môn Cù-đàm ấy có danh tiếng lớn, vang khắp mười phương: uSa-môn Cù-đàm là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Vị ây ở trong thê gian này, giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa- môn, Phạm chí, từ loài người đen chúng trời mà tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Vị ấy thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Nếu được gặp đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường và phụng sự thì sẽ nhanh chóng đạt được thiện lợi. Chúng ta hãy cùng nhau đên gặp Sa-môn Cù-đàm đê lê bái, cúng đường." Sau khi nghe như vậy, các cư sĩ và Phạm chí ở Thâu-lô-tra đều dẫn theo quyến thuộc của mình từ thôn Thâu-lô-tra đi về hướng Bắc, đến vườn Thi- nhiếp-hòa, mong gặp đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Sau khi đến chỗ Phật, các Phạm chí và cư sĩ thôn Thâu-lô-tra kia có người cúi đầu lạy sát chân Phật A A e y 9 •

roi ngôi sang một bên, có người thăm hỏi Phật roi ngôi sang một bên, có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi sang một bên, có người từ xa nhìn Phật rồi lặng lẽ ngồi xuống. Khi các Phạm chí và cư sĩ thôn Thâu-lô-tra đều ngồi yên, đức

1 Quyển 31. Nguyên tác: Lại-tra-hòa-la kinh (7.01. 0026.132. 0623all). Tham chiếu: Lai-tra-hoa-lakinh (7.01. 0068. 0868c23);^ Quốc kinh (roi. 0069. 0872al8); Phật ngũ bách đê tử tự thuyêt bôn khởi kinh (T.04. 0199. 0196b01-c24); Soạn tập bách duyên kinh (T.04. 0200.90. 0249b12); Phân biêt công đức luận (T.25. 1507.4. 0042bl7-c20); M. 82, Ratthapāla Sutta (Kinh Ratthapāla). 2 Câu-lâu-sấu (,Kurūsu): Dân chúng Kuru. 3 Thâu-lô-tra ().M. 82: Thullakotthikam nāma kurūnam nigamo (ngôi làng của người Kuru tên là Thullakotthika). 4 Thi-nhiếp-hòa viên (Siruṣapvana): Rừng cây Simsapa.

Phật vì họ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ.5 Sau khi dùng vô lượng phương tiện vì họ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, kỉúch lệ khiến cho hoan hỷ rồi, đức Phật ngồi yên lặng. Bấy giờ, các Phạm chí và cư sĩ thôn Thâu-lô-tra sau khi được Phật thuyết pháp, khai mở, chỉ bày, khích lệ khiến cho hoan hỷ rồi, mọi người đứng dậy, lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. [0623b06] Khi đó, Lại-tra-hòa-la con trai cư sĩ6 vẫn ngồi yên không đứng dậy. Đen khi các Phạm chí và cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ra về không lâu, Lại-tra- hòa-la liền đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu, như giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia thì bị muôn thứ trói buộc, không thể suốt đời tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Bạch Thế Tôn! Xin cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo tịnh tu Phạm hạnh. Đức Thế Tôn hỏi: -Này con trai cư sĩ! Cha mẹ có cho phép con ở trong giáo pháp này với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo không? Lại-tra-hòa-la bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cha mẹ chưa cho con ở trong giáo pháp này, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình,

sống không gia đình, làm người học đạo. Đức Thế Tôn dạy: Này con trai cư sĩ! Nếu cha mẹ chưa cho phép con ở trong giáo pháp này, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì Như Lai không thể độ cho con xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới Cụ túc. Lại-tra-hòa-la bạch: -Bạch Thế Tôn! Con sẽ về xin cha mẹ cho con được phép ở trong giáo pháp này, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Đức Thế Tôn dạy: -Tùy ước muốn của con! Lại-tra-hòa-la nghe lời Phật dạy, cẩn thận ghi nhớ, lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. về đến nhà, Lại-tra-hòa-la thưa với cha mẹ: Thưa cha mẹ! Theo con hiểu, với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia thì bị muôn thứ trói buộc, không thể suốt đời tu hành Phạm hạnh thanh

5 Nguyên tá£ Miuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ().Xem trong Thất xa kinh (701. 0026.9. 0429c29). “ 6 Nguyên tác: Lại-tra-hòa-la cư sĩ tử ( ).Tham chiếu: M. 82: Ratthapālo nāma kulaputto (tên là Ratthapāla, con của một gia đình thiện lương).

tịnh. Cúi xin cha mẹ cho con được ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo! Cha mẹ Lại-tra-hòa-la bảo: Lại-tra-hòa-la! Cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng đây quyến luyến, ngắm nhìn khônệ chán. Giả sử con qua đời thì cha mẹ còn không muôn rời bỏ, huống gì còn sông mà nỡ lìa xa, không được nhìn thấy con sao? Lại-tra-hòa-la lại thưa đến lần thứ ba: Thưa cha mẹ! Theo con hiểu, với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia thì bị muôn thứ trói buộc, không thể suốt đời tu hành Phạm hạnh thanh tịnh. Cúi xin cha mẹ cho con ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia dinh, sông không gia đình, làm người học đạo! [0623c04] Cha mẹ Lại-tra-hòa-la cũng lặp lại đến lần thứ ba: Lại-tra-hòa-la! Cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến, ngắm nhìn khônẹ chán. Giả sử con qua đời thì cha mẹ còn không muôn rời bỏ? huống gì còn sông mà nỡ lìa xa, không được nhìn thấy con sao? Khi ấy, Lại-tra-hòa-la liền ngã vật mình xuống đất rồi thưa: Từ nay, con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con được ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Thế rồi, Lại-tra-hòa-la con trai cư sĩ trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày rồi nhiều ngày không ăn. Bây giờ, cha mẹ Lại-tra-hòa-la đến bên con và khuyên: Lại-tra-hòa-la! Người con mềm mại, thân thể đẹp dẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt. Nay con không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la! Con hãy mau đứng dậy, cứ thọ hưởng dục lạc rồi bố thí, an vui tu phước thiện. Vì sao như vậy? Này Lại-tra-hòa-la! Vì cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, thật rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn. Lại-tra-hòa-la vân im lặng, không trả lời. Cha mẹ Lại-tra-hòa-la liên đi đên những thân bằng quyến thuộc và các quan viên nói rang: Mong quý vị đến chỗ Lại-tra-hòa-la rồi cùng khuyên nó đứng dậy! Thân băng quyên thuộc của Lại-tra-hòa-la và các quan viên liên cùng nhau đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la, bảo rằng: Này Lại-tra-hòa-la! Người cậu mem mại, thân thê đẹp đẽ, thường năm ngồi trên giường tốt.

Nay cậu không biết kho sao? Lại-tra-hòa-la! Cậu hãy mau đứng dậy, cứ thọ hưởng dục lạc rồi bố thí, an vui tu phước thiện. Vì sao như vậy? Này Lại-tra-hòa-la! Vì cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, thật rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn.

Lại-tra-hòa-la vẫn im lặng, không trả lời. Cha mẹ Lại-tra-hòa-la liền đi đến những người bạn bè cùng trang lứa với Lại-tra-hòa-la và nói rằng: Mong các cậu đến chỗ Lại-Ưa-hòa-la rồi cùng khuyên nó đứng dậy! Những người bạn bè cùng trang lứa với Lại-tra-hòa-la liền cùng nhau đi đến bên Lại-tra-hòa-la và nói rằng: Này Lại-tra-hòa-la! Người bạn mem mại, thân thê đẹp đẽ, thường năm ngồi trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la! Bạn hãy mau đứng dậy, cứ thọ hưởng dục lạc rồi bố thí, an vui tu phước thiện. Vì sao như vậy? Này Lại-tra-hòa-la! Vì cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, thật rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn. Lại-tra-hòa-la vẫn im lặng không đáp. [0624a06] Khi ấy, những người bạn bè cùng trang lứa với Lại-tra-hòa-la liền đến chỗ cha mẹ Lại-tra-hòa-la rồi thưa: Hai bác nên cho Lại-tra-hòa-la được ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Nếu bạn ấy tiúch sông như vậy thì ngay trong đời này còn có thê gặp nhau. Nêu bạn ây chán sông cảnh ấy thì nhất định sẽ trở về với cha mẹ. Nếu như hôm nay không cho bạn ấy đi, chắc chắn bạn ấy sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa, vậy có ích gì? Cha mẹ Lại-tra-hòa-la nghe xong, liền nói với những người bạn bè cùng trang lứa với Lại-tra-hòa-la: Bây giờ, chúng tôi cho Lại-tra-hòa-la được ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, nhưng nếu học đạo xong thì phải về thăm chúng tôi. Những người bạn bè cùng trang lứa với Lại-tra-hòa-la liền cùng nhau đến chỗ Lại-tra-hòa-la và nói rằng: Này bạn! Cha mẹ đã cho bạn được ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Khi học đạo rồi5 bạn phải trở về thăm cha mẹ. Nghe như vậy rồi, Lại-tra-hòa-la vô cùng vui mừng, ngập tràn hân hoan, hạnh phúc, liền đứng dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, Lại-tra-hòa-la liền rời khỏi thôn Thâu-lô-tra, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài và bạch: Bạch Thế Tôn! Cha mẹ đã cho phép con được ở trong giáo pháp, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, làm Tỳ-kheo. Bay giờ, đức Thế Tôn độ cho Lại-tra-hòa-la xuất gia học đạo và truyền trao giới Cụ túc. Truyền trao giới Cụ túc cho Lại-tra-hòa-la xong, đức Thế Tôn ở lại

thôn Thâu-lô-tra một thời gian. Sau đó5 Ngài thu xếp y bát? lần lượt du hóa đến nước Xá-ve, ngụ ở Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Sau khi xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, Tôn giả Lại-tra-hòa-la sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Được sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, thực hiện mục đích của một thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thirời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời, tự biết tự ngộ, tự thân

tác chứng, thành tựu an trú, biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa" nên Tôn giả Lại- tra-hòa-la đã biết pháp... (cho đến) chứng đắc quả vị A-la-hán. [0624b05] Sau khi đăc quả A-la-hán được khoảng chín mười năm5 Tôn giả Lại-tra-hòa-la suy nghĩ: "Ngày xưa, ta đã hứa xuất gia học đạo rồi sẽ trở về thăm cha mẹ, nay ta nên trở về để thực hiện lời hứa này." Nghĩ rồi, Tôn giả Lại-tra-hòa-la đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thê Tôn! Ngày trước con hứa xuất gia học đạo roi sẽ vê thăm cha mẹ. Hôm nay, con xin từ giã để về thăm cha mẹ cho trọn lời hứa khi xưa. Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nghĩ: "Thiên nam Lại-tra-hòa-la này chắc chắn sẽ không bao giờ xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc như cũ" Biết rõ như vậy nên Ngài bao: -Khi thầy về nhà, nếu gặp người chưa được độ thì hãy hóa độ, người chưa giải thoát thì hãy khiên cho họ giải thoát, người chưa được tâm tịch diệt thì khiến cho họ được tâm tịch diệt. Lại-tra-hòa-la, thầy hãy làm theo ý mình! Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe Phật dạy xong thì cẩn thận ghi nhớ và đứng dậy, lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi về phòng riêng thu xếp ngọa cụ9 đắp y, ôm bát, lần lượt du hành đến thôn Thâu-lô-tra, cư ngụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa phía Bắc thôn ấy. Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả đắp y, ôm bát vào thôn Thâu-lô-tra khất thực. Tôn giả Lại-tra-hòa-la suy nghĩ: “Dức Thế Tôn khen ngợi việc thứ tự khất thực, nay ở trong thôn Thâu-lô-tra này, ta nên khất thực theo thứ tự." Tôn giả Lại-tra-hòa-la khất thực trong thôn Thâu-lô-tra theo thứ tự, đi dần về phía đến nhà mình. Lúc đó, cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng trong cửa đang chỉnh sửa râu tóc. Từ xa thấy Lại-tra-hòa-la đi vào, ông liền bảo: -Sa-môn trọc đầu này bị trói buộc vào nơi đen tối, đoạn dứt giống nòi, không có con cái, đã phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng đầy quyến luyên, ngăm nhìn không chán, thê mà ông dẫn đi mất. Ta không bố thí đồ ăn cho ông đâu! Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở nhà cha mình, đã không được bố thí lại còn bị trách mắng: "Sa-m6n trọc đầu này bị trói buộc vào nơi đen tối, đoạn dứt giống nòi,

không có con cái, đã phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiêu chuộng, lòng đây quyên luyên5 ngăm nhìn không chán, thê mà ông dẫn đi mất. Ta không bố thí đồ ăn cho ông dâu!" Nghe như vậy rồi, Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền vội vàng bỏ đi. [0624c03] Lúc đó, người tôi tớ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách giỏ thức ăn thiu định quăng vào đông rác. Thây vậy, Tôn giả Lại-tra-hòa-la liên nói: "Này cô em, nếu thức ăn ôi thiu này đáng bỏ đi thì hãy bỏ vào bát tôi. Tôi sẽ ăn thức ăn ấy." Bay giờ, người tôi tớ của cha Lại-tra-hòa-la mang thức ăn thiu trong giỏ trút vào bát của Lại-tra-hòa-la. Trong lúc trút thức ăn vào bát, cô ta chợt nhận ra Lại-tra-hòa-la qua hai dấu hiệu đặc thù là tiếng nói và tay chân của Tôn giả. Người tôi tớ này liền chạy đen chỗ cha của Tôn giả Lại- tra-hòa-la thưa: -Thưa ông! Ông nên biết, cậu Lại-tra-hòa-la đã trở về đến thôn Thâu-lô-tra này rồi, ông nên đến gặp cậu ấy. Nghe xong, cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la rất đỗi vui mừng, vô cùng phấn khởi, tay trái chỉnh áo, tay phải vuốt sửa râu tóc rồi đi nhanh đến chỗ Lại-tra- hòa-la. Khi đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang xoay mặt vào vách và ăn thức ăn ôi thiu ấy. Cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Tôn giả xoay mặt vào vách, đang ăn thức ăn ôi thiu, liền bảo: -Lại-tra-hòa-la con! Người con rát

mem mại, thân thê đẹp đẽ9 thường ăn thức ăn ngon. Lại-tra-hòa-la! Tại sao con lại ăn thức ăn ôi thiu như thế? Lại-tra- hòa-la! Sao con đã về đến thôn Thâu-lô-tra này mà lại không về nhà cha mẹ? Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa: Thưa cư sĩ! Con đã vào nhà cha, nhưng không được bố thí lại còn bị trách mắng rằng: "Sa-môn trọc đầu này bi trói buộc vào nơi đen tối, đoạn dứt giống nòi, không có con cái, đã phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến, ngắm nhìn không chán, thế mà ông dẫn đi mất. Ta không bố thí thức ăn cho ông d2u!" Con nghe như vậy liền vội vàng bỏ đi. Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la ân cần hối lỗi: Lại-tra-hòa-la! Con hãy bỏ qua. Lại-tra-hòa-la! Con hãy bỏ qua. Cha thật không biết con đã trở về nhà của cha. Cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la với lòng cung kính, đón rước Tôn giả vào nhà, bày tòa mời ngồi. Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền ngồi xuống. [0625a0l] Bấy giờ, cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Tôn giả ngồi xong, liền đến chỗ vợ và nói: Này bà! Bà nên biết, thiện nam Lại-tra-hòa-la đã về đến nhà mình, hãy mau sửa soạn cơm nước.

Nghe như vậy, mẹ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la rất đỗi vui mừng, vô cùng phấn khởi, liền sửa soạn cơm nước. Chuẩn bi cơm nước xong, bà liền mang tiền bạc ra chất thành đong lớn ngay giữa nhà. Đống tiền lớn đến nỗi người đứng bên này và người ngồi bên kia không thể trông thấy nhau. Chất tiền lại thành một đông lớn xong, bà đi đên chỗ Lại-tra-hòa-la và nói: -Lại-tra-hòa-la! số tiền này là phần của mẹ, còn tiền bạc tài sản của cha con thì nhiều vô lượng trăm ngàn không thể tính được, nay ta giao hết cho con. Lại-tra-hòa-la! Con nên xả giới, bỏ dạo, hãy thọ hưởng dục lạc rồi bố thí, an vui tu phước thiện. Vì sao như vậy? Này Lại-tra-hòa-la! Vì cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, thật rất khó? xuất gia học đạo lại càng khó hơn. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa mẹ: Con nay có một điều muốn nói, mẹ cho phép chăng? Mẹ của Lại-tra-hòa-la nói: -Con trai cư sĩ! Con có điều gì cứ nói, mẹ sẵn sàng nghe. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa mẹ: -Nhà ta nên may bao vải mới, đựng hết số tiền này rồi chở đến sông Hằng, đô xuồng chô nước sâu. Vì sao vậy? Vì tiên bạc khiên con người buôn khô, sâu lo, khóc lóc, không được an lạc. Khi ấy, mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ rằng: "Dùng cách này không thể làm cho Lại-ra-hòa-la xả giới, bỏ đạo. Ta nên đến chỗ vợ cũ của nó rồi nói như vầy: Này các con dâu! Các con nên dùng những chuỗi ngọc lúc trước để trang sức, loại ngọc mà lúc còn ở nhà, thiện nam Lại-tra-hòa-la vốn rất ưa thích. Dùng những chuỗi ngọc ấy trang sức cho thật nhanh rồi các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la5 mỗi đứa ôm một chân mà nói: 'Này hiền lang! Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn thiếp mà khiến cho hiền lang bỏ thiếp để tu Phạm hạnh vì thiên nữ ấy?'" Nghĩ rồi, mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền đến chỗ vợ cũ của Tôn giả và nói: -Này các con dâu! Các con nên dùng những chuỗi ngọc lúc trước để trang sức, loại ngọc mà lúc ở nhà, thiện nam Lại-tra-hòa-la vôn rát ưa thích. Dùng những chuỗi ngọc ấy trang sức cho thật nhanh rồi các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói: "Này hiền lang! Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn thiêp mà khiên cho hiên lang bỏ thiêp đê tu Phạm hạnh vì thiên nữ ấy?" [0625b03] Bấy giờ, các cô vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đều dùng những chuỗi ngọc lúc trước để trang sức, loại ngọc mà lúc ở nhà, Tôn giả Lại-tra-hòa- la vốn rất ưa thích. Dùng những chuỗi ngọc ấy làm trang sức

rồi, họ liền cùng nhau đi đến Tôn giả Lại-tra-hòa-la5 mỗi người ôm một chân mà nói: -Này hiền lang! Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn thiếp mà khiến cho hiền lang bỏ thiếp để tu Phạm hạnh vì thiên nữ ấy?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la bảo các cô vợ cũ: Này các cô! Các cô nên biết, tôi không phải vì thiên nữ mà tu Phạm hạnh, sở dĩ tôi tu Phạm hạnh là theo mục đích mà Phật đã dạy. Những điều cần làm, nay tôi đã làm xong. Những cô vợ cũ của Lại-tra-hòa-la liền đứng sang một bên? rơi lệ khóc than và nói: r A e e r

Thiếp không phải là em gái của hiên lang, sao hiên lang lại gọi thiếp là cô em. Bấy giờ, Tôn giả Lại-tra-hòa-la ngoái nhìn về phía cha mẹ và nói: Thưa cư sĩ! Nêu thí cơm thì đúng giờ bô thí, sao lại làm phiên nhau? Khi ấy, cha mẹ của Tôn giả liền đứng dậy, đích thân lấy nước rửa, dọn các món ăn ngon với đây đủ các loại cứng và mem, tự tay dâng Cling thức ăn đê Tôn giả được no đủ. Tôn giả dùng cơm xong, họ thu dọn chén bát, mang nước rửa đến, rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi riêng bên cạnh để nghe pháp. Tôn giả Lai-tra-hoa-la vì cha mẹ mà thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiến cho cha mẹ được hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện vì cha mẹ mà thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiến cho cha mẹ được hoan hỷ rồi, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy rồi nói kệ: Hãy nhìn thân trang sức, Đây châu báu ngọc ngà, Tóc vờn xuôi bên phải, Phan son kẻ mặt mày, Doi gạt người si dại, Không lừa bậc vượt bờ. Dùng lụa là tốt đẹp, Trau chuốt thân hôi nhơ, Dối gạt người si dại, Không lừa bậc vượt bờ. Hương thơm xông ướp thân, Chân thon đẹp mỹ miều, Dối gạt người si dại, Không lừa bậc vượt bờ. Thân mặc áo sạch đẹp, Trang sức cũng giả thôi, Dối gạt người si dại, Không lừa bậc vượt bờ. Như nai thoát lưới bẫy, Phá cửa nhốt thân gầy, Ta bỏ mồi, đi biệt, Ai thích sa bẫy nai? [0625c03] Nói kệ này rồi, Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền vận như ý túc, nương hư không mà đi đến rừng Thâu-lô-tra. Tôn giả đi vào rừng, trải tọa cụ, ngồi kiet-già ben góc cay tỳ-he-lặc/ Bấy giờ, Vua Câu-lao-bà78 đang ở chánh điện cùng với quần thần trước sau vây quanh, bàn tán khen ngợi Tôn giả Lại-tra-hòa-la rằng: Nếu ta nghe tin thiện nam Lại-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này thì nhất định ta sẽ đến thăm.

7 Tỳ-hê-lặc vibhītaka, tên khoa học là Termỉnalia Belerica, có quả dùng làm thuốc, ở Việt Nam gọi là cây bàng hồi hay bàng mốc, choại, nhứt... J 8 Câu-lao-bà Korabya: Vua, chủ khu vườn Nai mà Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang ở.

Khi ây, Vua Câu-lao-bà bảo thợ săn: Ông hãy đi xem xét khu rừng Thâu-lô-tra? ta muốn đến đó săn bắn. Thợ săn vâng lời, liền đi xem xét khu rừng Thâu-lô-tra. Khi dò xét khu rừng, người thợ săn thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la trải tọa cụ, ngồi kiết-già dưới bóng cây tỳ-hê-lặc? liền nghĩ: "Người mà Vua Câu-lao-bà cùng quần thần ngồi tại chánh điện, bàn tán khen ngợi, hiện tại đang ở(fây.” Dò xét khu rừng Thâu- lô-tra xong, thợ săn trở về tâu với Vua Câu-lao-bà: -Tâu Đại vương! Ngài biết cho, thần đã dò xét rừng Thâu-lô-tra rồi. Xin Đại vương ngự giá. Tâu Đại vương! Tôn giả Lại-tra-hòa-la, người mà Đại vương cùng quần thần ngồi ở chánh điện, bàn tán khen ngợi: "Nêu ta nghe tin

thiện nam Lại-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này thì nhất định ta sẽ đến thăm,5? nay hiện đang ở trong rừng Thâu-lô-tra, trải tọa cụ ngồi kiết-già dưới bóng cây Tỳ- hê-lặc. Đại vương muốn gặp thì có thể đến đó! Vua Câu-lao-bà nghe xong, bảo người đánh xe: Khanh hãy mau sửa soạn xa giá, ta muốn đến gặp Lại-tra-hòa-la! Người đánh xe vâng lệnh, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu: Tâu Đại vương! Ngài biết cho, xa giá đã sửa soạn xong, xin Đại vương ngự giá. Khi ấy, Vua Câu-lao-bà liền cưỡi xe đến khu rừng Thâu-lô-tra. Từ xa trông thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la, nhà vua liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Tôn giả. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Vua Câu-lao-bà đến liền nói: Thưa Đại vương! Nay ngài đã đên đây thì muôn ngôi chô nào xin tùy ý5 có được chăng? Vua Câu-lao-bà đáp: Hôm nay, tuy tôi đến trong địa phận của mình, nhưng ý tôi muốn thiện nam Lại-tra-hòa-la mời tôi ngồi. [0626a01] Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền mời Vua Câu-lao-bà: Đây là chỗ ngồi riêng, xin mời Đại vương ngoi! Bấy giờ, Vua Câu-lao-bà và Tôn giả Lại-tra-hòa-la cùng chào hỏi nhau xong, nhà vua ngồi sang một bên roi nói với Tôn giả Lại-tra-hòa-la: -Có phải vì gia đình suy sụp mà Lại-tra-hòa-la xuất gia học đạo chăng? Nếu vì gia đình không có tài vật nên mới theo học đạo thì này Lại-tra-hòa-la, tôi có nhiều tài vật, tôi sẽ cho người xuất tài vật cho Lại-tra-hòa-la đe Lại-tra- hòa-la xả giới, bỏ đạo, hãy thọ hưởng dục lạc rồi bố thí, an vui tu phước thiện. Vì sao như vậy? Lại-tra-hòa-la! Vì lời dạy của Tôn sư rát khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn. Nghe xong, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: Hôm nay, Đại vương dùng sự bất tịnh mời tôi, chứ không phải mời với sự thanh tịnh.

Nghe xong, Vua Câu-lao-bà hỏi: -Tôi phải làm thế nào để mời Lại-tra-hòa-la với sự thanh tịnh chứ không phải bằng sự bất tịnh? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: -Đại vương! Ngài nên nói thế này: uLại-tra-hòa-la! Dân chúng nước tôi an ổn và hân hoan, không kinh sợ, chẳng đấu tranh, không hà khắc, không khô nô dịch, lúa gạo sung túc, khất thực dễ được, nếu Lại-tra-hòa-la cư ngụ trong nước tôi thì tôi sẽ ủng hộ như pháp." Đại vương! Nếu ngài nói như vậy là mời tôi với sự thanh tịnh, không phải với sự bất tịnh. Nghe xong, Vua Câu-lao-bà nói: -Hôm nay, tôi mời Lại-tra-hòa-la với sự thanh tịnh, không phải với sự bất tịnh: Dân chúng nước tôi an ổn và hân hoan, không kinh sợ? chẳng đấu tranh, không hà khắc, không khổ nô dịch, lúa gạo sung túc, khất thực dễ được, nếu Lại-tra-hòa-la mà cư ngụ trong nước tôi thì tôi sẽ ủng hộ như pháp. Lại nữa, Lại-tra-hòa-la! Có bôn loại suy vi, do bôn loại suy vi này khiên nguôi ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa5 với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo. Bốn loại suy vi ấy là bệnh suy, già suy, tài suy và thân tộc suy. Lại-tra-hòa-la! Thế nào là bệnh suy? Như có người thường bệnh tật, bệnh nặng dai dẳng khổ sở? họ nghĩ rằng: "Ta thường bệnh tật trầm kha khổ sở. Ta thật có dục vọng nhưng không thể thỏa mãn dục ấy. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo.” Người này vì bệnh suy mà sau đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Đó gọi là bệnh suy. Lại-tra-hòa-la! Thế nào là già suy? Như có người tuổi già, các căn suy yếu, tuổi thọ sắp hết, người ấy nghĩ rằng: “Ta tuổi đã già, các căn suy yếu, tuổi thọ săp hét. Ta thật có dục vọng, nhưng không thê thỏa mãn dục ấy.

Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo." N^ười này vì già suy mà sau đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Đó gọi là già suy. [0626b05] Lại-tra-hòa-la! Thế nào là tài suy? Như có người bần cùng, cô thê, người ấy nghĩ rằng: “Ta bần cùng, cô thế. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo.” Người này vì tài suy mà sau đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Đó gọi là tài suy. Lại-tra-hòa-la! Thế nào là thân tộc suy? Như có người họ hàng thân thuộc qua đời hét, chăng còn một ai. Người ấy nghĩ rằng: "Họ hàng thân thuộc của ta

đã qua đời hết, chẳng còn ai. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo y Người này vì thân tộc suy mà sau đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Đó gọi là thân tộc suy. Lại-tra-hòa-la khi xưa không bệnh tật, hoàn toàn an ổn, ăn uống điều độ, không lạnh, không nóng, bình an, hạnh phúc, thuận hòa, không tranh cãi. Nhờ vậy mà Lại-tra-hòa-la ăn các loại thức ăn dù mềm hay cứng đều được tiêu hóa dễ dàng, an ổn. Lại-tra-hòa-la chẳng phải vì bệnh suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Lại-tra-hòa-la khi xưa vào tuổi niên thiếu, tóc đen óng mượt, thân thể khỏe mạnh, đánh đàn hát ca, mặc tình thỏa thích, trau chuốt thân thể, thường thích dạo chơi. Bấy giờ, bà con quyến thuộc không ai muốn cho Lại-tra-hòa-la học đạo. Cha mẹ khóc lóc, lo âu, sầu não5 cũng không cho phép Lại-tra-hòa-la xuất gia học đạo. Thế mà Lại-tra-hòa-la vẫn được cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo. Lại- tra-hòa-la không vì già suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. ở thôn Thâu-lô-tra này, nói về gia sản thì gia đình của Lại-tra-hòa-la là bậc nhất, gia đình tối đại, gia đình tối thắng, là gia đình tối thượng. Lại-tra-hòa-la không vì tài suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Trong dân cư đông đúc của thôn Thâu-lô-tra này, bà con của Lại-tra-hòa-la đều giàu có sum vầy. Lại-tra-hòa-la không phải vì thân tộc suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo. [0626c02] Lại-tra-hòa-la! Trong bốn trường hợp suy vi này, nếu có một trường hợp nào suy thì người ta mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Tôi thấy không có sự suy vi nào có thê khiên Lại-tra-hòa-la phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Thế thi, Lại-tra-hòa-la hiểu biết thế nào và được nghe những gì mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: -Đại vương! Đức Thế Tôn là bậc Tri Kiến, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác dạy cho tôi bốn việc và tôi hoan hỷ chấp nhận điều đó. Tôi thấy, nghe và hiểu biết điều đó cho nên đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với

niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo.

Đại vương! Bốn việc đó là gì? Thế gian này không được bảo hộ9 không thể nương tựa. Hết thảy thế gian này đều dẫn đến sự già nua. Thế gian này là vo thường, cần phải rời xa. Thế gian này không có sự hoàn mãn, không có sự biết đủ9 bị khát ái dẫn dắt. Vua Câu-lao-bà hỏi: Lại-tra-hòa-la! Như Tôn giả vừa nói: "Đại vương! Thế gian này không được bảo hộ, không thể nương tựa." Thế nhưng, Lại-tra-hòa-la! Tôi có con cháu, anh em, quần thần với các loại quân voi, quân xe, quân ngựa, quân bộ; tất cả đều giỏi cưỡi ngựa bắn cung,9 quả quyết, dõng mãnh như các Vương tử lực sĩ Bát-la-khiên-đề và Ma-ha-năng-già;10 lại có người xem tướng, có kẻ trù mưu, có người tính toán, có kẻ khéo thông hiểu kinh thu, có người giỏi đàm luận, có cận thần, có quyến thuộc, có người trì chú, biết về chú thuật. Bất cứ phương nào có sự đe doạ thì đều có người chế phục ngăn cản. Nếu như lời Lại-tra-hòa-la nói: "Bại vương! Thế gian này không được bảo hộ, không thể nương tựa" thì này Lại-tra-hòa-la, Tôn giả nói như thế có nghĩa gì?

9 Nguyên tác: Xạ ngự ,là kỹ thuật cưỡi ngựa bắn cung . 10 Bát-la-khiên-đề và Ma-ha-năng-già .Theo Tỳ-bà-sa luận 0.. 1547.4. 0445c 17-18, đây là 2 trong3 n^ười giỏi băn cung. Người thứ 3 tên là Na-la-diên iP . Ngoài nghĩa trên, Ma-ha-năng-già

biêt điêu đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo. Vua Câu-lao-bà nói: Như lời Lại-tra-hòa-la nói: “Bại vương! Thế gian này không được bảo hộ? không thể nương tựa.” Lại-tra-hòa-la! Tôi cũng hoan hỷ chấp nhận điều đó. Vì sao như vậy? Vì quả thật thế gian này không được bảo hộ, không thể nương tựa. Vua Câu-lao-bà lại hỏi: Như lời Lại-tra-hòa-la đã nói: "Bại vương! Tất cả thế gian này đều dẫn đến chỗ già nua." Lại-tra-hòa-la nói như vậy có nghĩa gì? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: Đại vương! Bây giờ tôi hỏi ngài, xin tùy theo sự hiêu biêt mà trả lời. Lúc Đại vương khoảng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi thì như thế nào? Sự nhanh nhẹn lúc ấy đâu phải như hiện tại? Khi ấy, sức lực, hình thể và nhan sắc đâu phai như hiện tại? Vua Câu-lao-bà đáp: Khi ở độ tuổi hai mươi bốn, hai mươi lăm, tôi nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, sức lực, hình thể và nhan sắc không ai hơn tôi. Lại-tra-hòa-la! Nay tôi đã già nua, các căn suy giảm, mạng sống sắp hết, tuổi đã tám mươi, đâu còn mạnh khỏe như xưa. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: Đại vương! Thế nên? đức Thế Tôn dạy: "Thế gian này, tất cả đều dẫn đến chỗ già nua." Tôi hoan hỷ chấp nhận điều đó. Tôi thấy, nghe và hiểu biết điều đó nên đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Vua Câu-lao-bà nói: Như lời Lại-tra-hòa-la nói: "Đại vương! Thế gian này, tất cả đều dẫn đến chỗ già nua?9 Tôi cũng hoan hỷ chấp nhận điều đó. Vì sao như vậy? Vì quả thật tất cả thể gian này đều dẫn đến chỗ già nua. Vua Câu-lao-bà lại hỏi: Như lời Lại-tra-hòa-la đã nói: "Dại vương! Thê gian này vô thường, cân phải từ b6." Lại-tra-hòa-la nói như vậy có nghĩa gì? Tôn giả Lại-tra-hòa-la

đáp: —Đại vương! Bây giờ tôi hỏi ngài, xin tùy theo sự hiêu biêt mà trả lời. Có phải Đại vương sở hữu đất nước Câu-lâu giàu có, hậu cung đông đảo, kho tàng dồi dào chăng? Vua Câu-lao-bà đáp: Đúng vậy!

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi: -Đại vương sở hữu đất nước Câu-lâu giàu có, hậu cung đông đảo và kho tàng dồi dào. Nêu như có việc xảy ra, không the nương tựa, không the hoan hỷ chấp nhận, bị phá hoại hết thảy, mọi thứ ở đời đều bị diệt vong. Lúc đó, với nước Câu-lâu giàu có, hậu cung đông đảo và kho tàng dôi dào ây, Đại vương có thể đem từ đời này qua đời sau được chăng? [0627b04] Vua Câu-lao-bà đáp: - Không thể được. Vì sao như vậy? Vì tôi phải đi một mình chứ không có ai khác, cũng không có bạn bè từ đời này mà đi đên đời sau. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: Đại vương! Thế nên, đức Thế Tôn dạy: "Thế gian này vo thường, cần phải từ b6." Tôi hoan hỷ chấp nhận điều đó. Tôi thấy, nghe và hiểu biết điều đó nên đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Vua Câu-lao-bà nói: Như lời Lại-tra-hòa-la nói: "Dại vương! Thê gian này vô thường, cân phải từ b6." Tôi cũng hoan hỷ chấp nhận điều đó. Vì sao như vậy? Vì thế gian này quả thật vô thường, can phải từ bỏ. Vua Câu-lao-bà lại hỏi: -Như lời Lại-tra-hòa-la đã nói: "Dại vương! Thế gian này không có sự hoàn mãn5 không có sự biết đủ, bi khát ái dẫn dắt." Lại-tra-hòa-la nói như vậy có nghĩa gì? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: -Đại vương! Bây giờ tôi hỏi ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Đại vương! Có phải ngài sở hữu đất nước Câu-lâu giàu có? hậu cung đông đảo và kho tàng dồi dào chăng? Vua Câu-lao-bà đáp: Đúng vậy! Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi: Đại vương sở hữu đất nước Câu-lâu giàu c6, hậu cung đông đảo và kho tàng dôi dào như vậy. Thê nhưng, từ phương Đông, nếu có người đáng tín nhiệm, không dối gạt thế gian đến tâu với ngài: “T6i từ phương Đông đến, thấy đất nước ây vô cùng giàu có, sung sướng tột bậc, dân chúng đông đúc." Đại vương! Nêu có thê được tài vật, dân chúng và binh sĩ của nước ấy thì ngài có muốn được đất nước ấy để cai tri không? Vua Câu-lao-bà đáp: Lại-tra-hòa-la! Nếu tôi biết có đất nước giàu có? nhiều tài vật, dân chúng và binh sĩ như thê, đê được cai tri dân chúng nước ấy thì chắc chắn tôi sẽ chiếm lấy đất nước này.

Cũng vậy, ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc và từ bờ kia của biển cả, nếu có người đáng tín nhiệm, không dối gạt thế gian đến tâu với ngài: "Tôi từ bờ kia của biên cả đên, tôi thây đất nước kia vô cùng giàu có, sung sướng tột bậc, dân chúng đông diic.” Đại vương! Nếu có thể được tài vật, dân chúng và binh sĩ của các nước ấy thì ngài có muốn được đất nước ấy để cai tri không? Vua Câu-lao-bà đáp: -Lại-tra-hòa-la! Nêu tôi biêt có đất nước giàu có, nhiêu tài vật, dân chúng và binh sĩ như thế, để được cai trị dân chúng nước ấy thì chắc chắn tôi sẽ chiếm lấy đất nước này. [0627c02] Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: Đại vương! Thế nên, đức Thế Tôn dạy: "Thế gian này không có sự hoàn mãn, không có sự biết đủ, bị khát ái dẫn dắt." Tôi hoan hỷ chấp nhận điều đó. Tôi thây, nghe và hiêu biêt điêu đó nên đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Vua Câu-lao-bà nói:

Như lời Lại-tra-hòa-la đã nói: "Dại vương! Thế gian này không có sự hoàn mãn, không có sự biết đủ, bi khát ái dẫn dắt." Tôi cũng hoan hỷ chấp nhận điêu đó. Vì sao như vậy? Vì thê gian này quả thật không có sự hoàn mãn, không có sự biết dử, bị khát ái dẫn dắt. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: Đức Thế Tôn, bậc Tri Kiến, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói cho tôi nghe bốn việc này. Tôi hoan hỷ chấp nhận điều đó. Tôi thấy, nghe và hiểu biết điều đó nên đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo. Bấy giờ, Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền nói kệ: r r . Ta thây người thê gian, Của du, ngu chẳng thí, Được của lại cầu thêm, Keo tham chứa tài vật. Như vua được thiên hạ, Cai trị theo sức mình, Một nước vẫn chưa thỏa, Lại dòm ngó lân bang. Nhà vua và dân chúng, Chưa lìa dục, mạng vong, Vợ con xõa tóc khóc, Ôi thôi khổ vô vàn! Dùng áo mên chôn cát, Hoặc gom củi hỏa thiêu, Duyên nghiệp mãi đời sau, Thiêu roi van ngu dại. Chết không đem tiền tài, Vợ con cùng nô tỳ, Giàu nghèo đều như vậy, Trí ngu nào khác chi. Người trí chẳng lo nghĩ, Kẻ ngu ôm sầu bi, Với trí tuệ thù thắng, Nẻo chánh giác đi về. Chấp chặt theo cái c6, Tạo ác là kẻ ngu, Với pháp, làm phi pháp, Dùng sức đoạt của người.

Trí kém tập tành theo, Ngu tạo nhiêu nghiệp ác? Nhập thai đến đời sau, Chịu sanh tử dài lâu. Được thọ sanh trở lại? Chỉ thuần làm việc ác, Nếu như bị giặc bắt, Đó là tự hại mình. Chúng sanh này luôn vậy, Cho mãi đen đời sau, Do nghiệp mình đã tạo, Làm ác tự hại mình. Như trái chín tự rụng, Già trẻ cũng vậy thôi, Muôn trang diêm ưa vui, Tâm hướng sắc tốt xấu. Bị dục mãi buộc ràng, Từ dục, lo sợ sanh, Vua! Tôi rõ việc này, Biết Sa-môn vi diệu. [0628a09] Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết giảng như vậy, Vua Câu-lao-bà sau khi nghe Tôn giả giảng thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.12

12 Bản Hán, hết quyển 31.

133. KINH ƯU-BÀ-LY1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Na-nan-đà,2 ngụ trong vườn xoài Ba-bà-ly.3 Bấy giờ, sau buổi trưa, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh4 thong thả đi đến chỗ Phật. Sau khi chào hỏi nhau, Trường Khổ Hạnh ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: -Này Khổ Hạnh! Ni-kiền Thân Tử5 chủ trương có bao nhiêu hành vi khiến không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: Thưa Cù-đàm! Tôn sư Ni-kiền Thân Tử của tôi không giảng dạy cho chúng tôi vê những hành vi đê không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác, nhưng ngài giảng dạy cho chúng tôi về sự trừng phạt6 để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. Đức Thế Tôn lại hỏi: Này Khổ Hạnh! Ni-kiền Thân Tử chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không tác thành nghiệp ác? không gây tạo nghiệp ác? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: -Thưa Cù-đàm! Tôn sư Ni-kiền Thân Tử của tôi giảng dạy cho chúng tôi về ba sự trừng phạt để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo ác nghiệp ác. Ba sự này là sự trừng phạt thân, sự trừng phạt miệng và sự trừng phạt ý. [0628b0l] Đức Thế Tôn lại hỏi: -Sự trừng phạt thân, sự trừng phạt miệng và sự trừng phạt ý khác nhau chăng? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: -Thưa Cù-đàm! Đối với chúng tôi, thân phạt khác, khẩu phạt khác và ý phạt khác.

1 Quyển 32. Nguyên tác: ưu-bà-ly kỉnh roi. 0026.133. 0628al8. Tham chiếu: M. 56, ưpẫỉi Sutta Kinh ưu-ba-ly. 2 Na-nan-đà Nālandā. 3 Ba-bà-ly nại lâm Pāvārikambavana, khu rừng xoài tại Nālanda. 4 Trường Khổ Hạnh Ni-kiền ,Dīghatapassī-nigantha , một đệ tử của Ni-kiền Thân Tử Nigantha Nātaputta. 5 Ni-kiền Thân Tử ,Nigantha Nātaputta. 6 Phạt .M. 56: Danda hình phạt, trừng phạt.

Đức Thế Tôn lại hỏi: Này Khổ Hạnh! Các sự trừng phạt này được phân biệt như vậy, Ni-kiền Thân Tử chủ trương sự trừng phạt nào nặng hơn hết để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác? Sự trừng phạt của thân chăng? Của miệng chăng? Của ý chăng? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: -Thưa Cù-đàm! Ba sự trừng phạt này được phân biệt như vậy, Tôn sư Ni- kiền Thân Tử chủ trương thân phạt là nặng hơn hết để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. Khâu phạt thì nhẹ hơn, ý phạt là nhẹ nhát, không nặng nề trầm trọng như thân phạt. Thế Tôn lại hỏi: -Này Khổ Hạnh! Ông nói thân phạt nặng nhất chăng? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: -Thưa Cù-đàm! Thân phạt năng nhất. Đức Thế Tôn hỏi lại lần thứ ba: -Này Khổ Hạnh! Ông nói thân phạt nặng nhất chăng? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng ba lần đáp lại: -Thưa Cù-đàm! Thân phạt nặng nhất. Bấy giờ, sau khi đã hỏi Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đến ba lần để xác quyết quan điểm đó5 đức Thế Tôn liền ngồi yên lặng. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: -Sa-môn Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác? Khi đó, đức Thế Tôn đáp: Này Khổ Hạnh! Ta không chủ trương trừng phạt để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. Ta chỉ giảng thuyết ve nghiệp để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu nghiệp để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác? Thế Tôn đáp lại: -Này Khổ Hạnh! Ta giảng thuyết về ba nghiệp để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. Ba nghiệp này là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. - Thưa Cù-đàm! Thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp khác nhau chăng? Ta nói thân nghiệp, khau nghiệp và ý nghiệp khác nhau. Thưa Cù-đàm! Ba loại nghiệp này được phân biệt như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?

-Này Khổ Hạnh! Ba loại nghiệp này được phân biệt như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không như vậy. [0628c01] Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: Cù-đàm chủ trương ý nghiệp là nặng nhất chăng? The Ton đáp: Này Khổ Hạnh! Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại hỏi đến ba lần: Cù-đàm chủ trương ý nghiệp là nặng nhất chăng? Thế Tôn cũng trả lời đến ba lần: Này Khổ Hạnh! Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất vậy. Bấy giờ, sau khi đã hỏi đức Thế Tôn đến ba lần để xác quyết quan điểm đó, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu ba vòng quanh Thế Tôn, rồi ra về, đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử. Ni-kiền Thân

Tử thấy Trường Khổ Hạnh từ xa đi đến, liền hỏi: -Này Khổ Hạnh! Ông từ đâu đến đây? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: -Thưa Tôn sư! Con từ Na-nan-đà, vườn xoài Ba-bà-ly, chỗ của Sa-môn Cù-đàm đến đây. Ni-kiền Thân Tử hỏi: - Này Khổ Hạnh! Ông có cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận không? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: Thưa có! Ni-kiền Thân Tử nói: -Này Khổ Hạnh! Nếu đã cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận thì hãy thuật lại tất cả cho ta nghe, để ta biết được luận thuyết của vị ấy. Bấy giờ, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh liền thuật lại việc thảo luận với Thế Tôn cho Tôn sư nghe. Nghe xong, Ni-kiền Thân Tử khen rằng: - Hay thay! Này Khổ Hạnh! Đối với Tôn su, ông đã lam đúng pháp của một vị đệ tử. Việc làm của ông thật trí tuệ, thông minh, quyết đoán, trầm tĩnh, không sợ hãi, thành tựu sự chế ngự, đã thể hiện tài biện luận, đã nắm được ngọn cờ bất tử, ở trong cảnh giới bất tử, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú. Vì sao như vậy? Bởi vừa rồi ông đã đối diện với Sa-môn Cù-đàm mà giảng thuyết thân phạt là nặng nhất để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. về khẩu phạt thì nhẹ hơn, ý phạt là nhẹ nhất, không nặng nề tràm trọng như thân phạt.

Bấy giờ, cư sĩ Ưu-bà-ly7 cùng năm trăm cư sĩ tập hợp trong chúng, chắp tay hướng về Ni-kiền Thân Tử. Khi ấy, cư sĩ Ưu-bà-ly hỏi Ni-kiền Trường Khổ Hạnh: Ngài đã ba lần xác quyết quan điểm của Sa-môn Cù-đàm về sự việc như vậy chăng? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: Này cư sĩ! Tôi đã ba lần xác quyết quan điểm của Sa-môn Cù-đàm về sự việc như vậy. Cư sĩ Ưu-bà-ly nói với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh: -Tôi cũng có thể đến đó để ba lần xác quyết quan điểm của Sa-môn Cù- đàm vê sự việc như vậy, roi tùy trường hợp mà dân dăt. Giông như lực sĩ năm cái bờm dài của con dê rồi dẫn nó đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến đó để ba lần xác quyết quan điểm của Sa-môn Cù-đàm về sự việc như vậy, rồi tùy trường hợp mà dân dát. Giông như lực sĩ năm lây chiêc áo lông roi giũ bỏ mọi 9 < 7 y ĩ 9

bụi bặm; tôi cũng như vậy, có thê đên đó đê ba lân xác quyêt quan diêm của Sa- môn Cù-đàm về sự việc như vậy, rồi tùy trường hợp mà dẫn dắt. Lại như người nấu rượu8 hoặc đệ tử của người nấu rượu lấy túi đựng rượu lọc rồi cẩn thận đặt vào trong nước, sau đó theo ý muốn kéo đi đâu tùy ý; tôi cũng như vậy, có thể đến đó để ba lần xác quyết quan điểm của Sa-môn Cù-đàm về sự việc như vậy, rồi tùy trường hợp mà dẫn dắt. Lại giống như voi chúa đủ sáu mươi tuổi, một đại long tượng kiêu ngạo9 đủ ngà, đủ vóc, sức lực mạnh mẽ, được lực sĩ dẫn đi lấy nước rửa bắp vế, rửa xương sống, rửa sườn, rửa bụng, rửa ngà, rửa đầu và đùa giỡn trong nước; tôi cũng như vậy, có thể đến đó để ba làn xác quyết quan điểm của Sa-môn Cù-đàm về sự việc như vậy, rồi tùy trường hợp mà tẩy rửa. Tôi sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để cùng ông ta bàn luận, hàng phục ông ấy xong rồi trở về. [0629all] Ni-kiền Thân Tử nói với cư sĩ Ưu-bà-ly: Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm, ông cũng có thể và Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng vậy. Khi ấy, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh thưa với Ni-kiền Thân Tử: Con không muốn để cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có chú thuật biến hóa, có thể dùng chú thuật này mà cảm hóa người khác trở thành đệ tử, làm Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc? ưu-bà-di. Con sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm cảm

hóa làm đệ tử.

7 ưu-bà-ly cư si UpMi gahapati: Gia chủ ưu-bà-ly. 8 Nguyên tác: Cô tửu sư :Nhà bán rượu. C6 ,bản Tống, Nguyên, Minh ghi là BỄ. M. 56 ghi nhận hai trường hợp: Balavā soụdĩkãkammakaro lực sĩ nấu rượu và Balavā sondikādhutto lực sĩ nghiện rượu. 9 Nguyên tác: Ma-ha-năng-gia mahānāgā'. Con voi chúa.

Ni-kiền Thân Tử nói: Này Khổ Hạnh! Nếu cư sĩ ưu-bà-ly bi Sa-môn Cù-đàm cảm hóa làm đệ tử thì hoàn toàn không thể nào, còn Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ ưu-bà-ly cảm hóa làm đệ tử thì chắc chắn xảy ra. Cư sĩ ưu-bà-ly thưa Ni-kiền Thân Tử lần thứ ba: Hôm nay, con đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để cùng với ông ấy đàm luận, hàng phục ông ấy xong, con sẽ trở về. Ni-kiền Thân Tử cũng đáp lại lần thứ ba: Ong nên đi nhanh đi. Ta cũng có thê hàng phục Sa-môn Cù-đàm, ông cũng có thể và Ni-kiền Trường Khổ Hạnh cũng vậy. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại thưa lần thứ ba: Con không muốn để cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có chú thuật biến hóa, có thể dùng chú thuật này mà cảm hóa người khác trở thành đệ tử, làm Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, xru-bà-tắc, ưu-bà-di. Con sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm cảm hóa làm đệ tử. Ni-kiền Thân Tử nói: Này Khổ Hạnh! Việc cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm cảm hóa làm đệ tử thì hoàn toàn không thể nào, còn Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Ưu-bà-ly cảm hóa làm đệ tử thì chắc chắn xảy ra. Cư sĩ Ưu-bà-ly! Ông có thể di, tùy ý ông. [0629b03] Bấy giờ, cư sĩ Ưu-bà-ly cúi đầu lạy sát chân Ni-kiền Thân Tử, nhiễu quanh ba vòng rồi đi đến chỗ Phật. Chào hỏi nhau xong, cư sĩ Ưu-bà-ly ngồi sang một bên và hỏi: —Thưa Cù-đàm! Hôm nay có Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đến đây không? Đức Thế Tôn đáp: Này cư sĩ! Ong ây có đên. Cư sĩ Ưu-bà-ly hỏi: Thưa Cù-đàm! Ngài có đàm luận cùng với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh không? The Ton đáp: -Có đàm luận! Cư sĩ Ưu-bà-ly hỏi: -Thưa Cù-đàm! Nếu Ngài đã cùng đàm luận với Ni-kiền Trường Khổ Hạnh thì xin Ngài thuật lại cho tôi nghe. Sau khi nghe xong, có lẽ tôi sẽ hiểu sự việc. Thế Tôn liền thuật lại tường tận về những điều mà Ngài cùng đàm luận với Trường Khổ Hạnh cho Ưu-bà-ly nghe. Cư sĩ Ưu-bà-ly nghe rồi, liền khen ngợi: -Hay thay! Ni-kiền Khổ Hạnh! Đối với Tôn su, ông ấy đã làm đúng pháp của một vị đệ tử. Việc làm của ông ấy thật trí tuệ, thông minh, quyết đoán, trầm

T r 9 e e tĩnh, không sợ hãi5 thành tựu sự chê ngự, thê hiện tài biện luận, năm được ngọn cờ bất tử, ở trong cảnh giới bất tử, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú. Vì sao như vậy? Bởi vừa roi ông ấy đã đôi diện với Sa-môn Cù-đàm mà giảng thuyêt thân phạt là nặng nhất để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác. về khẩu phạt thì nhẹ hơn, ý phạt là nhẹ nhất, không nặng nề trầm trọng như thân phạt. Khi đó, đức Thế Tôn bảo: Này cư sĩ! Ta muôn cùng ông bàn luận vê việc này, nêu như ông an trú trong sự thật, bang sự thật mà trả lời.10 Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa Cù-đàm! Tôi an tru trong sự thật, bằng sự thật mà trả lời. Sa-môn Cù-đàm hãy nên cùng tôi bàn luận về việc ấy. Đức Thế Tôn hỏi: Này cư sĩ! Ong nghĩ sao? Giả sử có Ni-kiền đi đến dây, vi ấy

ưa bố thí, thích làm việc bo thí, không hy luận, không ưa hy luận, cực kỳ thanh tinh, siêng năng trì chú. Khi vi ây đi đên đây, đạp chét nhiêu côn trùng lớn nhỏ thì thê nào, này cư sĩ! Ni-kiên Thân Tử đôi với việc sát sanh này chủ trương có quả báo ra sao? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa Cù-đàm! Nếu người ấy cố ý11 thì phạm tội nặng, nếu không cố ý thì không phạm tội năng. Đức Thế Tôn hỏi: Cư sĩ! Ông nói cố ý là thế nào? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa Cù-đàm! Đó chính là ý nghiệp. Đức Thế Tôn bảo: Này cư sĩ! Ong nên suy nghĩ kỹ roi trả lời. Những điều ông nói, điều trước trái với điều sau, điều sau trái với điều trước, không phù hợp nhau. Này cư sĩ! ở trong chúng này, chính ông đã nói: 66Cù-đàm! Tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà trả lời. Sa-mon Cù-đàm hãy nên cùng tôi bàn luận về việc này.,, Này cư sĩ! Ong nghĩ sao? Nêu có Ni-kiền chỉ uống nước nóng, bỏ hẳn nước lạnh,

10 Nhữ nhược trụ chân đế giả, dĩ chân đế đáp ().Pali: Sace kho tvam gahapati sacce patitthāya manteyyāsi siyā no ettha kathāsallāpo ii (Này gia chủ, nếu ông có thể đàm luận y cứ trên sự thật, thời ở đây, có thê có cuộc đàm thoại giữa chúng ta), HT. Thích Minh Châu dịch. 11 Nguyên tác: Tư ()chỉ cho tư duy, suy tư, có chủ ý, cố ý; kinh văn Pali gọi là cetanā. Tham chiếu: A. 6.63 - III. 410: Cetanāham, bhikkhave, kammam vadāmi; cetayittvā kammam karoti kāyena vācāya manasā (Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý), HT. Thích Minh Châu dịch; Du-già sư địa luận (T.30. 1579.9. 0319013) định nghĩa: Tao nghiệp nghĩa làphát khởi suy tư, sau khi suy tư thì tạo thân nghiệp và ngữ nghiệp (, .). J

nhưng khi không có nước nóng thì vị này liền muốn uống nước lạnh, khi không có được nước lạnh, người ấy liền qua đời. Này cư sĩ, Ni-kiền Thân Tử có thể nói thế nào về nơi thác sanh của Ni-kiền ấy? [0629c06] Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa Cù-đàm! Có cõi trời tên là Ý Trước.12 Nếu vị Ni-kiền đó khi qua đời mà ý còn chấp trước thì chắc chắn sẽ sanh vào cõi đó. Đức Thế Tôn bảo: Này cư sĩ! Ông nên suy nghĩ kỹ rồi trả lời. Những điều ông nói5 điều trước trái với điều sau, điều sau trái với điều trước, không phù hợp nhau. Này cư sĩ! ở trong chúng này, chính ông đã nói: "Cíi-dàm! Tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà trả lời. Sa-môn Cù-đàm hãy nen cùng tôi bàn luận về việc ny." Này cư sĩ! Ông nghĩ sao, nếu như có người cầm dao bén đến đây, rồi nói rằng: "Trong một ngày, tôi chém đầu? lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-nan-đà này rồi chất thanh đống thịt, làm thành khối thjt." Cư sĩ! ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-nan-đà này rồi chất thành đống thịt, làm thành một khối thịt chăng? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa, không thể được. Vì sao như vậy? Xứ Na-nan-đà này vô cùng sung túc, an lạc, dân chúng đông đúc, cho nên người ấy chắc chắn không thể trong một ngày mà chém đầu? lột da, xẻ thịt hết tất cả chúng sanh ở đây rồi chất thành đống thịt, làm thành khối thịt. Thưa Cù-đàm! Người ấy chỉ chuốc lấy phiền nhọc vô ích. Này cư sĩ! Ông nghĩ sao? Nếu có Sa-môn hoặc Phạm chí có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn, tâm được tự tại rồi nói như vầy: "Ta chỉ cần khởi một niệm sân thì cũng khiến cho

cả xứ Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro." Này cư sĩ! Ong nghĩ sao? Sa-môn hoặc Phạm chí ây có thê khiến tất cả Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro chăng? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa Cù-đàm! Đâu chỉ một Na-nan-đà. Đâu chỉ hai, ba, bốn Na-nan-đà. Thưa Cù-đàm! Sa-môn hoặc Phạm chí kia có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn, có oai thần lớn, tâm được tự tại mà khởi một niệm sân thì có thể làm cho tất cả đất nước, hết thảy dân chúng đều bị thiêu rụi thành tro, huống nữa là một Na-nan-đà. [0630a01] Đức Thế Tôn bảo: Này cư sĩ! Ông nên suy nghĩ kỹ rồi trả lời. Những điều ông nói, điều trước trái với điều sau, điều sau trái với điều trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ! ở

12 Ý Trước thiên Manosatta deva, một hạng chư thiên còn chấp trước.

trả lời. Sa-môn Cù-đàm hãy nên cùng tôi bàn luận về việc này." Này cư sĩ! Ông có từng nghe về rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh Tịch, rừng Không Dã, vì sao những khu rừng ấy đã trở thành hoang vắng chăng?13 Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: - Thưa Cù-đàm! Tôi có nghe điều ấy. Này cư sĩ! Ông nghĩ sao? Những nơi đó vì ai mà đã trở thành rừng Đại- trạch, rừng Kỳ-lan, rừng Mê-lộc, rừng Tĩnh Tịch, rừng Không Dã? Vì sao mà những khu rừng ấy đã trở thành hoang vang chăng? Cư sĩ Ưu-bà-ly im lặng không đáp. Đức Thế Tôn bảo: -Này cư sĩ! Hãy trả lời nhanh! Hãy trả lời nhanh đi! Bây giờ, không phải là lúc im lặng. Cư sĩ! ở trong chúng này, chính ông đã nói: "Cù-đàm! Tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà trả lời. Sa-môn Cù-đàm hãy nên cùng tôi bàn luận về việc này.99 Cư sĩ Ưu-bà-ly im lăng chốc lát rồi nói: Thưa Cù-đàm! Toi không im lặng. Tôi chỉ suy nghĩ về ý nghĩa này. Thưa Cù-đàm! Những Ni-kiền ngu si kia không hiểu rõ ràng, không thể hiểu biết, không nhận ra khoảnh ruộng tốt? rồi không tự suy xét, cứ mãi lừa dối tôi, khiến tôi mê lầm rồi tuyên bố với Sa-môn Cù-đàm là thân phạt nặng nhất để không tác thành nghiệp ác, không gây tạo nghiệp ác, khẩu phạt và ý phạt thì không bằng. Nay nhờ Sa-môn Cù-đàm dẫn giải mà tôi hiểu nghĩa, khi Tiên nhân phát khởi một niệm sân là nguyên nhân khiến các khu rừng Đại-trạch, rừng Kỳ-lân, rừng Mê-lộc, rừng lĩnh Tịch, rừng Không D từ những khu rừng đã trở thành hoang vắng. Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Hôm nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc! Từ nay vê sau, con nguyện trọn đời quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo! Đức Thế Tôn bảo: —Này cư sĩ! Ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp. Cư sĩ Ưu-bà-ly thưa: -Bạch Thế Tôn! Với sự ứng xử này của đức Thế Tôn, con lại muôn phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như vầy: "Này cư sĩ! Ông hãy

^ĐạịJ:rạđi vô sự, Ky-lan vô sư, Mê-lộc vô sự, Tĩnh Tịch vô sự, Không Dã vồ SỊT .M. 56: Dandakārañňam Kāỉiñgārañňam Mejjhārañňam Mātañgārañňam. Theo Duy thức nhi thập luận thuật kỷ r3. 1834.2. 1005a28-c20, rừng Đàn-trạch-ca rừng Mạt-đăng-già rừng Kiết-lăng-già ,... nhưng tên gọi khácủa các khu rừng ưên, trước lưa von là nơi sinh sống của nhiêu người và là nơi tu tậỊ^của các đạo sĩ. Trong những liên hệ giữa đạo sĩ và cư sĩ đã xảy ra những bất cập nên các đạo sĩ đã phẫn nộ. Từ sự phẫn nộ của các

đạo sĩ đã khiến cho những khu vực này trở thành rừng rậm thâm u.

133. KINH ƯU-BÀ-LY 845

im lặng mà làm, không nên tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp. Bạch Thế Tôn! Nếu như con trở thành đệ tử của các Sa-môn hay Phạm chí khác thì họ đã cam tràng phan, dù, lọng đi khắp Na-nan-đà rồi tuyên bố như vầy: uCư sĩ Ưu-bà-ly đã làm đệ tử ta! Cư sĩ Ưu-bà-ly đã làm đệ tử ta!" Thế nhưng, Thế T lại nói như thế này: "Này cư sĩ! Ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố. Sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp. [0630b05] Cư sĩ Ưu-bà-ly lại thưa: Bạch Thế Tôn! Từ nay về

846 KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì cư sĩ Ưu-bà-ly mà thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiến cho ưu-bà-ly được hoan hỷ.14 Sau khi dùng vô lượng phương tiện vì Ưu-bà-ly mà thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ khiến cho ưu-bà- ly được hoan hỷ rồi, như pháp của chư Phật, trước hết, đức Phật thuyết về các thiện hạnh chủ yếu, khiến người nghe hoan hỷ. Ngài giảng nói về các pháp bố thí, trì giới, sanh thiên, chê trách dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là đạo phẩm vi diệu, là thanh tịnh. Thế Tôn vì Ưu-bà-ly mà nói pháp như thế xong, khi đã biết Ưu-bà-ly được tâm hoan hỷ, tâm hoàn mãn, tâm nhu hoà, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm chuyên nhất, tâm không nghi ngờ, tâm không bi ngăn che, đủ năng lực nhận lãnh Chánh pháp rồi, theo đúng pháp chánh yếu mà chư Phật đã nói, đức Thế Tôn liền nói các pháp khổ, tập, diệt, đạo cho Ưu-bà-ly nghe. Giống như tam vải trắng dễ nhuộm màu, cư sĩ Ưu-bà-ly ngay tại chỗ ngồi liền thấy rõ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Cư sĩ Ưu-bà-ly ngay tại chỗ ngòi đã thấy rõ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. [0630C10] Bấy giờ, cư sĩ Ưu-bà-ly thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, vượt thoát mê lầm, không thờ ai khác, không theo ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng, ở trong pháp Thế Tôn được chứng đắc Vô sở úy. Ưu-bà-ly liền rời chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật và thưa: - Bạch Thế Tôn! Đây là lần thứ ba con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo5 cúi xin Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Bắt đầu từ hôm nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo cho đến lúc lâm chung! Sau khi nghe pháp Phật giảng dạy, cư sĩ Ưu-bà-ly khéo léo thọ trì, lạy sát chân Phật, đi quanh ba vòng rồi trở về, bảo những người trông nom nhà cửa: -Các ong nên biết! Nay ta đã là đệ tử của đức Thế Tôn. Từ nay về sau, các Ni-kiền đến thì không được cho phép vào cửa, chỉ cho phép bốn chúng đệ tử của đức Thế Tôn là Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di vào nhà mà thôi. Nếu có Ni-kiền đến thì nói với họ: "Thua Tôn giả! Hiện nay, cư sĩ Ưu- bà-ly đã được đức Phật giáo hóa, đã trở thành đệ tử Phật nên không cho phép các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni, ưu-bà-tắc và iru-bà-di vào nhà mà thôi. Nêu các vị can thức ăn thì có thể đứng đây, tôi sẽ đem ra cúng đuờng." Bấy giờ5 Ni-kiền Trường Khổ Hạnh nghe tin cư sĩ Ưu-bà-ly đã được Sa- môn Cù-đàm giáo hóa và trở thành đệ tử nên không cho phép các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Tkheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tắc và ưu-bà-di vào mà thôi. Nghe như vậy rồi, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử và bạch: -Thưa Tôn sư!

Đây là điều mà con đã nói trước.

:Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kmh so 9, tr. 48.

133. KINH ƯƯ-BÀ-LY 847

Ni-kiền Thân Tử hỏi: -Này Khổ Hạnh! Ông đã nói trước điều gì? Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đáp: Thưa Tôn sư! Con đã nói rằng: "Con không muốn cho cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú thuật, có thể dùng chú thuật cảm hóa trở thành đệ tử như các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di. Con sợ rang cư sĩ Ưu-bà-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm cảm hóa làm đệ tử.Thưa Tôn sư! Cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm cảm hóa làm đệ tử rồi, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni? ưu-bà-tắc và ưu-bà-di vào mà thôi. [0631a08] Ni-kiền Thân Tử nói: Này Khổ Hạnh! Hoàn toàn không thể xảy ra việc cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa- môn Cù-đàm cảm hóa làm đệ tử, mà việc chắc chắn xảy ra là Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Uu-bà-ly cảm hóa làm đệ tử. Ni-kiền Trường Khổ Hạnh lại bạch: -Thưa Tôn sư! Nếu không tin lời con nói thì thầy có thể đích thân đi đến hoặc sai người đen nơi đó. Khi ấy, Ni-kiền Thân Tử bảo: -Này Kho Hạnh! Ông nên đích thân đen đó xem sao, có phải cư sĩ Ưu-bà- ly bị Sa-môn Cù-đàm cảm hóa làm đệ tử rồi chăng? Hay là Sa-môn Cù-đàm đã bị cư sĩ Ưu-bà-ly cảm hóa làm đệ tử? Vâng lời Ni-kiền Thân Tử, Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đi đến nhà cư sĩ Ưu- bà-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Ni-kiền Trường Khổ Hạnh đến, liền nói như vầy: Thưa Tôn giả! Cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã nhận sự giáo hóa của Phật và trdNsJNsīXặóậ

133. KINH ƯU-BÀ-LY 849

Ông ra chỗ Ni-kiền Thân Tử và nói như thế này: "Thua Tôn nhân! Cư sĩ Ưu-bà-ly nói Tôn nhân muốn vào thì xin tùy y.” Người giữ cửa vâng lệnh đi ra, đến chỗ Ni-kiền và nói: -Thưa Tôn nhân! Cư sĩ Ưu-bà-ly nói Tôn nhân muốn vào thì xin tùy ý. Lúc đó, Ni-kiên Thân Tử và đại chúng Ni-kiên gôm năm trăm người cùng vào phòng lớn giữa nhà. [0631C02] Cư sĩ Ưu bà-ly vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni- kiền gom năm trăm người cùng vào, liền nói: -Tôn nhân! ở đây có chỗ ngồi, nếu ngài muốn ngồi thì xin tùy ý. Ni-kiền Thân Tử nói: Này cư sĩ! Ông có thể làm như thế ư? Tự mình lên tòa cao ngồi kiết-già roi nói chuyện với người, chẳng khác gì người xuất gia học đạo? Cư sĩ Ưu-bà-ly nói: -Tôn nhân! Tôi có đồ vật, tôi muốn cho thì cho, tôi muốn không cho thì không cho. Chỗ ngồi này là tôi có, cho nên tôi nói: "C6 chỗ ngồi, ngài muốn ngồi thì xin tùy y." Ni-kiền Thân Tử trải chỗ để ngồi rồi nói: -Cư sĩ! Vì sao nên nỗi? Muốn hàng phục Sa-môn Cù-đàm mà ngược lại bi Sa-môn Cù-đàm hàng phục. Giống như người vào rừng cầu học17 mà ngược lại bị mất luôn kiến thức; cư sĩ cũng vậy? muốn đến hàng phục Sa-môn Cù-đàm mà ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục. Cũnệ giống như người vì khát mà xuồng ao, nhung ngược lại bị khát nước mà trở vê; cư sĩ cũng vậy, muốn hàng phục Sa-môn Cù-đàm mà ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục. Này cư sĩ! Vì sao như vậy? Cư sĩ Ưu-bà-ly nói: -Tôn nhân! Xin nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ nghe ví dụ mà hiểu được ý nghĩa. Tôn nhân! Ví như một Phạm chí có người vợ trẻ

đang lúc mang thai, rồi nói với chồng: "Thiếp nay mang thai, chàng hãy đến chợ mua đồ chơi đẹp đem về cho con." Lúc đó, Phạm chí kia nói với vợ: "Chi mong nàng sinh sản được bình yên, roi lo gì mà không có. Nêu sanh con trai thì mua đo chơi con trai cho nó, nếu sanh con gái thì mua đo chơi con gái cho n6." Người vợ ba lần nói với chồng: "Thiếp nay mang thai, chàng hãy đến chợ mua đồ chơi đẹp đem về cho con." Phạm chí cũng ba lần nói với vợ: “Chí mong nàng sinh sản được bình yên, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì phải mua đồ chơi con trai, nếu sanh con gái thì sẽ mua đồ chơi con g

17 Nguyên tác: cầu nhãn :Tìm con mắt, tức là đi tìm sự thấy biết, đi cầu sự học hỏi.

Phạm chí kia thương vợ hết mực, liền hỏi: "Nàng muốn mua đồ chơi gì cho con?” Người vợ đáp: “Chàng mua một con khỉ con thật đẹp về làm đồ choi." Phạm chí nghe rồi, đi vào chợ mua một con khỉ con thật đẹp làm đồ chơi, đem vê nói với vợ: "Anh đã mua con khỉ con thật đẹp làm đô chơi cho con rồi dây." Người vợ thấy rồi, chê màu sắc không đẹp, liền nói với chồng: "Chàng hãy đem

Cư sĩ ưu-bà-ly nói: -Tôn nhân! Tốt đẹp thay loại chú thuật ấy! Thật lành thay loại chú thuật ấy! Thưa Tôn nhân! Loại chú thuật ấy làm cho cha mẹ tôi được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn, hân hoan lâu dài; vợ con, tôi tớ? người giúp việc, quốc vương xứ Na-nan-đà cho đến chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ loài người cho đến cõi trời, tất cả chúng sanh trong thế gian đều được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn hân hoan lâu dài. [0632b01] Ni-kiên Thân Tử nói: -Này cư sĩ! Toàn cối Na-nan-đà đều biết cư sĩ Ưu-bà-ly là đệ tử Ni-kiền, vậy thật ra, cuối cùng ông là đệ tử của ai? Bấy giờ, cư sĩ Ưu-bà-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhắm phương có Phật, quỳ gối phải sát đất rồi chắp tay hướng về phương ấy và nói: -Tôn nhân! Hãy nghe điều tôi nói đây: Bậc Dõng mãnh lìa si, Đoạn uế, hàng phục rồi, Không oán thù, khéo nghĩ, Giới, định, tuệ tu trì,18 An ổn, không bợn nhơ, Bà-ly? đệ tử Phật. Đại Thánh đã chứng thành, Đức hạnh, lời tự tại, Khéo nghi, khéo quán sát, Không thấp cũng không cao, Bất động, thường tự tại, Bà-ly, đệ tư Phật Không dua nịnh, biết đủ, Thành tựu trừ tham tiếc, Bậc Sa-môn chứng ngộ, Hậu thân tôn Đại Sĩ, Vô tỷ,19 không nhiễm trần, Ba-ly, đệ tử Phạt. Bao dung, không ghét ganh, Chứng tịch mặc sâu mâu, Dống mãnh, thường an ổn, Trú Diệu pháp, tư duy, __

Điêu ngự, không hý luận, Bà-ly, đệ tử Phật.
Rong lớn vui cõi cao, Bậc dứt lậu, giải thoát,
Dùng thanh tịnh biện tài, Tuệ khởi, lìa sầu não,
Không thọ hữu,18 Thích-ca,
2021
19 Bà-ly, đệ tử Phật.
Thiền Chánh pháp tư duy, Thanh tinh, không nhiễu loạn,
Thường hoan hy,21 không sân, Chứng viễn ly bậc nhất,

Thường chuyên tinh, vô úy, Bà-ly, đệ tử Phật.

Đấng Thất Tiên22 bậc nhất, Chứng tịnh hạnh, Tam minh,23

18 Nguyên tác: Học giới thiền trí tuệ . 19 Vô tỉ :Không gì có thể so sánh. 20 Nguyên tác: Bất hoàn hữu .Tham chiếu: SĀ. 73: Bất phục chuyển hoàn hữu : Không còn trở lại thọ thân sau. 21 Nguyên tác: Thường tiếu .Tiếu còn mang nghĩa là hoan hỷ, yêu thương . 22 Thất Tiên ,một danh hiệu của đức Phật Thích-ca. Phật Thích-ca là vị thứ 7 trong 7 vị Phật thời quá khứ và hiện tại. Theo Tăng. if 7.02. 0125.45.7. 0775bl6. 23 Nguyên tác: Tam đạt .

r

Tăm sạch, như đèn sáng, Tịch tịnh, dứt oán kết, Dõng mãnh, cực thanh tịnh, Bằ-ly, đệ tử Phật. Tịch tinh, tuệ như đất, Trí trừ tham thế gian, Đáng thờ, đôi mắt sáng, Thượng Sĩ không ai hơn, Bậc Điều Ngự không sân, Bà-ly đệ\ tử Phật. _ Đoạn vọng,24 vô thượng thiện., Khéo điêu ngự vô song, Vô thượng, thường hoan hỷ, Không nghi, rực sắc quang, Đoạn mạn, Vô thượng giác, Bà-ly, đệr tử Phật. \ Đoạn ái, vô tỷ giác, Lửa đã tát, khói tan, Đấng Như Khứ,25 Thiện Thệ, Đấng Vô Đẳng, Tối Tôn, Đấng Đại Danh Chân Chánh, Bà-ly? đệ tử Phật. Trăm lời tán Phật này, Tự khởi, không cần nghi, Những điều Bà-ly nói, Chư thiên đến hội này, Khéo thêm lời biện giải, Đúng pháp, đúng nhân tài, Ni-kiền Thân Tử hỏi, Đệ tử của Như Lai. [0632cll] Ni-kiền Thân Tử lại hỏi: -Cư sĩ! Ông ca ngợi Sa-môn Cù-đàm với ý gì? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: -Tôn nhân! Ngài hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ nghe ví dụ mà hiểu rõ nghĩa. Ví như thây trò người làm tràng hoa khéo tay, họ chọn đủ loại hoa roi dùng dây dài kết thành đủ loại vòng hoa. Cũng vậy, thưa Tôn nhân! Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác được vô sô người ca tụng. Ngài là bậc mà tôi tôn kính nên tôi ca tụng. Khi nói pháp này, cư sĩ Ưu-bà-ly xa lìa trần cấu, đạt được sự thấy biết như thật đôi với các pháp. Ni-kiên Thân Tử liên nôn ra máu nóng, lúc đên nước Ba- hòa,26 vì bệnh này nên chẳng bao lâu đã qua đời. Đức Phật nói như vậy, cư sĩ Ưu-bà-ly nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.27

24 Đoạn vọng :Dứt trừ những ý nghĩ xằng bậy, ý nghĩ ngông cuồng, tham vọng không chính đáng. 25 Như Khứ .Đại trí độ luận T.25. 1509.55. 0454Ồ29 giải thích: Đời trước đúng như vây mà đên, đời sau cũng theo đúng như vậy mà đi, thế nên cũng gọi là Như Lai, cũng gọi là Như Khứ i:::*j. 26 Ba-hòa Pāvā. Xem thêm MĀ. 196 về sự kiện Ni-kiền Thân Tử qua đời ở Ba-hòa. 27 Bản Hán, hết quyển 32.

134. KINH ĐẾ-THÍCH THƯA HỎI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa ở phía Đông thành Vương Xá? thuộc nước Ma- kiet-dà, ngụ trong động đá Nhân-đà-la?2 trên núi Tỳ-đà-đề,3 phía Bắc thôn Nại Lâm.4 Bấy giờ, Thiên vương Thích5 nghe Phật du hóa tại phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, ngụ trong động đá Nhân-đà-la, trên núi Tỳ-đà-đề9 phía Bắc thôn Nại Lâm, liền bảo nhạc thần Ngũ Kết6 rằng: Ta nghe đức Thế Tôn du hóa tại phía Đông thành Vương Xá? nước Ma- kiệt-đà, ngụ trong động đá Nhân-đà-la, trên núi Tỳ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại Lâm. Này Ngũ Kết! Ông hãy cùng ta

đến thăm hỏi đức Thế Tôn. [0633a05] Ngũ Kết thưa: Xin vâng! Bấy giờ, nhạc thần Ngũ Kết ôm đàn lưu ly7 đi theo Thiên vương Thích. Thiên chúng ở cõi trời Ba Mươi Ba nghe Thiên vương Thích rất khao khát muôn gặp Phật, họ cũng muôn cùng đi. Bây giờ, trong khoảnh khác như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên vương Thích cùng thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba và nhạc thần Ngũ Kết ẩn thân từ cõi trời Ba Mươi Ba rồi hiện ra ở phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà? trên núi Tỳ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại Lâm, cách động đá không xa. Lúc ấy, núi Tỳ-đà-đề sáng chói rực rỡ? như lửa đang cháy. Dân chúng ở xung quanh núi thấy vậy? nghĩ rằng: "Nhi Tỳ-đà-đề bị lửa cháy khắp noi."

1 Quyển 33. Nguyên tác: Thích vấn kinh roi. 0026.134. 0632c27. Tham chiếu: Thịch-đề- hoàn-nhânvấn kinh roi. 0001.14.0062b29; Đế-thỉch sở van kinh r 01. 0015. 0246b03; Tạp Bao tang kinh T04. 0203.73. 0476al7-0478b08; D. Sakkapañha Sutta Kinh Đe-thỉch sở vấn. 2 Nhân-đà-la thạch thất cũng viết là Nhân-đà-sa-la quật .o. 21: Indasāla gūha. 3 Bệ-đà-đề cũng viết là Tỳ-đà sơn .D. 21: Vediyaka. 4 Nại Lâm cũng viết là Am-bà-la .D. 21: Ambasandā. 5 Nguyên tác: Thiên vương Thích cũng viết là Thiên Đế-thích .D. 21: Sakkā devānam inda. 6 Nguyên tác: Ngũ Kết nhạc tử .Ngũ Kết là một nhạc thần, còn có tên là Ban-giá-dực • 7 Lim ly cầm beluvapanduvīna, một loại nhạc khí, nguyên là của Māra.

Bấy giờ, sau khi đã dừng trụ ở một nơi, Thiên vương Thích bảo: Này Ngũ Kết! Đức Thế Tôn là như vậy, Ngài thường ngụ nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới góc cây, sông ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Ngài có oai đức lớn. Chư thiên cũng ưa thích đời sống ấy, cũng thích hạnh viễn ly, tĩnh toạ nơi an ổn? sống trong hân hoan. Chúng ta chưa báo trước, không nên tự tiện đến thăm. Này Ngũ Kết! ông hãy đi đến trình bạch với Như Lai trước, sau đó chúng ta hãy đen thăm. Nhạc thần Ngũ Kết thưa: -Xin vâng! Sau khi vâng lời dạy của Thiên vương Thích, Ngũ Kết liền ôm đàn lưu ly đi trước đến động đá Nhân-đà-la, rồi nghĩ rằng: "Noi này cách Phật không gần cũng không xa nên Phật có thể biết được và nghe được âm thanh của ta." Khi đã đứng ở một nơi, Ngũ Kết gảy đàn lưu ly và hát lên những khúc ca nói vê tình yêu, nói vê rông, nói vê Sa-môn và nói vê A-la-hán8 như vây: Hiền nương ơi!89 Ta lễ cha mẹ nàng, Đam-phù-lâu cha nàng,10 Sanh ra nàng tuyệt sắc, Khiến lòng ta ngất ngây. Như nóng mong gió mát, Như khát mong nước lạnh, Cũng vậy, ta yêu nàng, Như La-hán yêu Pháp. Giữ dòng nước khó thay, Lụy tình cũng như vậy, Muôn kiếp được sum vầy, Như cúng dường Vô Trước. Ao nước trong và mát, Dưới đáy có cát vàng, Như voi chúa nóng bức, Xuống ao, tam mặc tình. Như voi bị dẫn đi, Lòng ta, nàng ngự tri, Tơ tưởng, nàng chẳng hay, Sâu nặng mà chưa thành. Lòng ta ngập bóng nàng, Muộn phiền đốt tâm ta, Đời ta còn gì vui, Như người vào miệng cọp. Như Thích tử ty thiền, Thường vui với nhất tâm, Như Mâu-ni đắc đạo, Ta được nàng, cũng the! An lạc của Mâu-ni, Khi chứng Vô thượng giác, Hạnh phúc ta cũng vậy, Khi cầu mong được nàng. Như người bệnh được thuốc, Như kẻ đói được ăn, Nàng ngự ở lòng ta,

8 Nguyên tác: Dục, Long, Sa-môn, A-la-hạ tương ưng kệ .D. 21; Buddhūpasamhitā dhammūpasamhitā sañghūpasarnhitā arahantūpasamhitā kāmūpasamhitā nói vê Phật, vê Pháp, vê Tăng, về A-la-hán và về dục. 9 Nguyên tác: Hiền .DÃ. 14 ghi là Bạt-đà ,Bhaddā, nghĩa đen là người con gái hiền thục và đó cũng là tên người con gái của Timbarū, Chấp Nhạc Thiên Vương. J 10 Nguyên tác: Nguyệt cập Đam-phù-lâu .Nguyệt | ở đây cũng là cách gọi khác chỉ cho người con cua Đam-phù-lâu, gọi đủ là Hiền Nguyệt Sác .Dam-phu-lāu phiên âm cua Timbarū.

134. KINH ĐỂ-THÍCH THƯA HỎI 855

Như nước dập tăt lửa. Nếu ta có tạo phước, Nhờ cúng dường Vô Trước, Phước ấy rất nhiệm mầu, Xin cùng nàng chung hưởng. Nguyện cùng nàng trọn kiếp, Không xa rời phút giây, Ta vì nàng cùng chết, Không sống riêng thân này. Đế-thích, tối Tôn thiên, Và thiên chúng cao quý5 Hiện khởi sự nguyện cầu, Kiên cố trong lời nguyện. Kính lễ đấng Đại Hùng, Tối thượng giữa nhân gian, Dứt trừ gai ân ái, Con lạy đấng Nhật Thân.11 [0633b22] Bấy giờ, đức Thế Tôn xuất định, khen ngợi nhạc thần Ngũ Kết: Lành thay, lành thay! Này Ngũ Kết! Lời ca của ông hòa điệu cùng với tiếng đàn, tiếng đàn hòa điệu cùng lời ca. Lời ca không vượt khỏi tiếng đàn, tiếng đàn không vượt khỏi lời ca. Này Ngũ Kết! Ông có nhớ thuở xưa, ông đã ca ngâm kệ tụng liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa- môn9 liên quan đến A-la-hán này chăng? Nhạc thần Ngũ Kết thưa: -Bạch Thế Ton! Mong Đại Tiên Nhân12 biết cho! Bạch Đại Tiên Nhân! Ngày xưa, khi Thế Tôn mới thành đạo, Ngài ở tại uất-tì-la?13 bên bờ sông Ni-liên-thiền514 bên gốc cây A-xà-hòa-la Ni-câu-loại.15 Bấy giờ, có người con gái của Nhạc vương Đam-phù-lâu16 tên là Hiền Nguyệt sắc1718 và có một Thiên thần tên là Kết, 18 con trai của người đánh xe Ma-đâu-lệ, đang yêu người con gái kia. Bạch Đại Tiên Nhân! Vị ấy đang yêu nàng Hiền Nguyệt sắc và con cũng yêu nàng ta. Thê nhưng, bạch Đại Tiên Nhân! Khi ây con muôn yêu nàng Hiên Nguyệt Sắc mà không thể được. Bấy giờ, con đứng sau người con gái ấy mà ca ngâm bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đen A-la-hán. Bạch Đại Tiên Nhân! Khi con đang ca ngâm bài kệ này thì người con gái ây đã quay lại nhìn, mỉm cười hàm tiếu roi nói với con: "Này Ngũ Két! Tôi chưa từng gặp Thế Tôn, nhưng tôi đã được nghe từ các vị trời Ba Mươi Ba về đức

11 Nguyên tác: Nhật Chi Thân ,Ādiccabandhu : Dòng Họ Mặt Trời, chỉ cho đức Thế Tồn. Theo Sn. 72: Dòng Họ Thuộc Mặt Trời, sinh tộc là Thích-ca HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Đại Tiên Nhân ,Mahesi chỉ cho đức Phật. 13 uất-tỳ-la Uruvela, tên thôn nằm bên bờ sông Ni-liên-thiền Nerañjanā. 14 Ni-liên-thiền hà ,Nerañjanā, chi lưu của sông Hằng, gần chỗ Phật thành đạo. 15 A-xà-hòa-la Ni-câu-loại ,Ajapāla Nigrodha: Cội cây Bồ-đề. 16 Đam-phù-lâu Nhạc vương Timbarū Gandhabbā rājā, vua càn-thát-bà tên là Timbarū, là vị Nhạc vương. 17 Hiền Nguyệt sắc .D. 21: Bhaddā Suriya vaccasā nàng Bhaddā lộng lẫy như mặt trăng, đúng ra là mặt trời, tức Suriya. 18 Nguyên tác: Thiên danh Kết Ma-đâu-lệ ngự xa tử .DÃ. 14: Thi-hán-đà Thiên đại tướng tử ;D. 21:

Sikhandī nāma mātalissa saṅgāhakassa putto vôn là con trai của thần đánh xe Mātali.

856 KINH TRUNG A-HÀM

Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngũ Kết! Nếu ông có thể nhiều lần ca ngợi Thế Tôn thì có thể cùng với tôi đồng thờ kính bậc Đại Tiên Nhan!" Con chỉ được gặp nàng một lần duy nhất và kể từ đó trở về sau chưa từng gặp lại. [0633C12] Bấy giờ, Thiên vương Thích nghĩ: "Nhạc thần Ngũ Kết đã làm cho Thế Tôn xuất định, đã trình bạch ta lên với Thiện The" nên nói: -Ngũ Kết! Ông đến nơi ấy thay ta đảnh lễ sát chân Phật và thăm hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đại Tiên Nhân! Thánh thể Ngài có khỏe mạnh, có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Bạch Đại Tiên Nhân! Thiên vương Thích và thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba muốn đến thăm Thế Tôn?9 - Nhạc thần Ngũ Kết thưa: -Xin vâng! Khi ấy, nhạc thần Ngũ Kết đặt đàn lưu ly xuống, chắp tay hướng Phật rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Kírứi Đại Tiên Nhân! Thiên vương Thích xin đảnh lễ dưới chân Ngài, thăm hỏi Thế Tôn: "Thánh thể có mạnh khỏe, có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường không? Bạch Đại Tiên Nhân! Thiên vương Thích và thiên chúng cối trời Ba Mươi Ba muốn đến thăm Thế Ton." Bay giơ, đức The Ton bao: -Này Ngũ Két! Mong cho Thiên vương Thích được an ôn hân hoan. Mong cho chư thiên, loài người, a-tu-la, càn-thát-bà, la-sát và tất cả các loài chúng sanh khác đều được an on, hân hoan. Này Ngũ Kết! Thiên vương Thích muốn đến thăm viếng Như Lai thì hãy tùy ý. Nhạc thần Ngũ Kết nghe Phật dạy xong, khéo léo thọ trì, lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về, trở lại chỗ Thiên vương Thích và thưa: -Tâu Thiên vương! Than đã bạch vơi The Ton. The Ton hiện giơ đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương hãy đi cho kịp lúc! [0634a02] Bấy giờ, Thiên vương Thích cùng thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba và Ngũ Kết đi đến chỗ Phật. Thiên vương Thích cúi lạy sát chân Phật rồi ba lần tự xưng tên họ rằng: -Bạch Đại Tiên Nhân! Con là Thiên vương Thích, con là Thiên vương Thích. Đức Thế Tôn bảo: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Câu-dực519 ông chmh là Thiên vương Thích!

19 Câu-dực .Theo Nhất thiết kinh âm nghĩa T.54. 2128.12. 0377a04X đây là cách phiên âm đặc dị của Kosiyā, cũng gọi là Kiêu-thi-ca tên gọi khác của Thiên Đế-thích. SĀ. 1106 giải thích: Thích-đê-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người, là người của dòng tộc Kiêu-thi. Do nhân duyên này nên Thích-đê-hoàn-nhân còn gọi là Kiêu-thi-ca T ã.

134. KINH ĐẾ-THÍCH THƯA HỎI 857

Thiên vương Thích ba lần tự xưng tên họ, đảnh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên. Thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba và nhạc thần Ngũ Kết cũng cúi lạy chân Phật rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Thiên vương Thích thưa: -Bạch Đại Tiên Nhân! Con nên ngồi gần Ngài hay ngồi cách xa? Đức Thế Tôn dạy: Ong hãy ngôi gân Như Lai. Vì sao như vậy? Vì ông còn có thiên chúng quyến thuộc nữa. Bấy giờ, Thiên vương Thích cúi lạy chân

Phật rồi ngồi sang một bên. Thiên chung cõi trời Ba Mươi Ba và nhạc thần Ngũ Kết cũng cúi lạy chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, động đá Nhân-đà-la bỗng nhiên rộng lớn. Vì sao như vậy? Vì nhờ oai thần của Phật và oai đức của chư thiên. Thiên vương Thích sau khi ngồi xuống, thưa rằng: -Bạch Đại Tiên Nhân! Đã từ lâu con muốn đến thăm Thế Tôn, muốn thưa hỏi về giáo pháp. Bạch Đại Tiên Nhân! Xưa kia, một thời Thế Tôn du hóa tại nước Xá-vệ, ngụ trong động đá. Bạch Đại Tiên Nhân! Lúc đó con và thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba, cưỡi xe nghìn thớt voi20 đến nhà của Đại vương Tỳ-sa-môn.21 Đại vương Tỳ-sa-môn có người thiếp tên Bàn-xà-na.22 Bấy giờ, Thế Tôn đang nhập định, yên lăng tịch nhiên. Người thiếp chắp tay cúi lạy sát chân Thế Tôn. Bạch Đại Tiên Nhân! Con nói với Bàn-xà-na rằng: "Này hiền muội! Bây giờ không phải là lúc ta đến thăm Thế Tôn. Đức Thế Tôn đang nhập định. Khi nào Thế Tôn xuất định, hiền muội hãy thay ta đảnh lễ Thế Tôn và thăm hỏi rằng: 'Thánh thể Thế Tôn có khỏe mạnh, có an vui? không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng khí lực bình thường không?9 Rồi thưa như vầy: 'Bạch Đại Tiên Nhân! Thiên vương Thích đảnh lễ chân Phật và thăm hỏi rằng: Thánh thể Thế Tôn có khỏe mạnh, có an vui, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường không?9,9 Bạch Đại Tiên Nhân! Hiền muội ấy có thay mặt con đảnh lễ chân Phật và thăm hỏi Thế Tôn. Ngài có nhớ chăng? Đức Thế Tôn bảo: Này Câu-dực! Hiền muội ấy có thay ông đảnh lễ và cũng nói lại đay đủ ý ông muốn thăm hỏi. Ta có nhớ việc ấy. Này Câu-dực! Khi ông đi về, Ta nghe tiếng xe lăn liền xuất định. - Bạch Thế Tôn! Thuở xưa, con có nghe rằng khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ5 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn thị hiện ở đời thì thiên chúng được tăng lên và chúng a-tu-la giảm thiểu.

20 Nguyên tác: Thiên tượng xa .Tham chiếu: DÃ. 14: Thiên bức bảo xa l cỗ xe báu có bánh xe ngàn căm. 21 Tỳ-sa-môn Vessavana còn gọi là Đa Văn Thiên vương, đứng đầu ừong Tứ Đại Thiên vương. 22 Bàn-xà-na Bhuñjatī, vợ của Tỳ-sa-môn Thiên vương. Theo DA. III. 705, nàng Bhuñjatī đã thành tựu quả vị Tư-đà-hàm.

Bạch Đại Tiên Nhân! Chính mắt con trông thấy Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn theo Ngài tu tập Phạm hạnh, xả dục, lìa dục, sau khi qua đời được đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Bạch Đại Tiên Nhân! Có người con gái thuộc dòng họ Thích tên là Cù-tỳ23 là đệ tử của Thế Tôn cũng theo Ngài tu tập Phạm hạnh, chán ghét thân nữ, ưa thích thân nam, đã chuyển thân nữ thành thân nam, xả dục, lìa dục, sau khi qua đời được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, làm con của con. Khi cô này thọ sanh, chư thiên đều biết và gọi là thiên tử Cù-bà.24 Thiên tử Cù-bà có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước đức lớn và có oai than lớn. [0634bl0] Bạch Đại Tiên Nhân! Con lại thấy có ba vị Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn cũng theo Ngài tu tập Phạm hạnh, nhưng không xa lìa dục, sau khi qua đời, họ sanh vào trong cung Kỹ Nhạc25 thấp kém. Từ khi thọ sanh, mỗi ngày họ phải đến cõi trời Ba Mươi Ba để cung phụng chư thiên, hầu hạ thiên tử Cù-bà. Thiên tử thấy họ rồi liền nói kệ: Tên ta là Cù-tỳ5 Đệ tử đấng Ph Nhãn,26 Phụng kính Phật và Pháp, Tinh

tâm thờ Tăng-già. Ta đã nhờ ân Phật, Con Phật phước đức lớn, Sanh trời Ba Mươi Ba, Chư thiên đều biết rõ. Các ông vốn Tỳ-kheo, Thọ sanh than kỹ nhạc, Chắp tay đứng trước mặt, Cù-bà nói kệ cho! Khi ta ở nhân gian, Đệ tử đức Cù-đàm9 Các ông đến nhà ta, Thọ cúng dường mỹ mãn. Ông vốn là Thánh chúng, Hành vô thượng Phạm hạnh, Nay lại đe người sai, Hang ngày kính phụng trời. Xưa ta hầu hạ ông, Cùng nghe pháp Như Lai, Được tín, thành tựu giới, Sanh trời Ba Mươi Ba. Ong vôn được tôn kính, Hành vô thượng Phạm hạnh, Nay lại đe người sai, Hằng ngày kính phụng trời. Mặt của ông để đâu? Đã thọ trì Phật pháp, Lại quay lưng với Pháp, Pháp, Phật khéo chỉ bày? Xưa ta hau các vị, Nay các vị thấp kém, Sanh vào chốn nhạc thần, Là do hành phi pháp. Xem ta, xưa tại gia, Mà nay đức thù thắng, Chuyển nữ thành Thiên tử, Hưởng năm dục mặc tình. Đệ tử Phật bị mắng, Buồn bã rồi khen Phật,

23 Cù-tỳ Thích nũ•Gopikā nāma Sakyā dhītā. 24 Cù-bà thiên tử Gopako devaputto. 25 Kỹ nhạc cung Gandhabbakāya: Ban nhạc của Thiên Đế-thích. 26 Nguyên tác: Dữ nhãn Ưu-bà-tư .D. 21: Upāsikā cakkhumato ahosi tôi là nữ đệ tử của bậc Có Mắt.

Chúng ta27 hãy cố gắng, Thiên tử nói không sai. Hai trong số siêng năng, Nhớ Pháp, Luật Cù-đàm, Biết dục là tai họa, Liền lìa bỏ dục tham. Họ bị dục trói buộc, Nay ngay đó liền buông, Như voi bứt dây xích, Vượt cõi Ba Mươi Ba. Nhân-đà-la? thiên, Phạm, Tất cả đều nhóm họp, Răng kia vượt bảo tòa, Dõng mãnh xả trần dục. Đế-thích thấy vậy buồn, Thắng thiên28 trời trong trời, Kẻ kia vốn thấp kém, Nay vượt Ba Mươi Ba. Buồn chán rồi tấm tắc, Cu-bà nói lời sau: Nhân gian có Đại Giác, Đấng Mâu-ni thắng dục.2930 Con Ngài do lãng quên, Ta quở trách, lại được, Một trong ba vị kia, Sanh làm than kỹ nhạc, Hai vị được giải thoát Ngụ trời vui đinh căn,31 Người nói pháp như thế, Đệ tử không mê hoặc. Vượt lậu, đoạn tà nghi, Lễ Phật thắng phục căn,32 Bởi vì rõ các pháp, Hai vị được tiến thăng. Từ chỗ thăng tiến ấy, Sanh vào cõi Phạm thiên, Chúng con biết pháp ấy, Nên đến đây, Đại Tiên! Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ: "Vj Dạ-xoa33 này chất trực, không dua nịnh, không dối trá, cũng không huyễn hoặc. Nếu ông ta có hỏi là thật sự muốn biết, chứ không phải muốn xúc nhiễu, những điều muốn hỏi cũng lại như vậy. Ta hãy nói A-tỳ-đàm34 sâu xa cho Dạ-xoa nghe." Đức Thế Tôn biết như vậy rồi, liền vì Thiên vương Thích mà nói kệ: Vì an lạc đời này, Và an lạc đời sau, Câu-dực tùy nghi hỏi, Theo những điều ưa thích, Hỏi việc này, việc kia, Ta giãi bày hết thảy. Thế Tôn đã thuận tình, Đe Nhật thiên cầu nghĩa, Tại nước Ma-kiệt-đà, Hiền Bà-sa-bà hỏi.35

27 Tự xưng của những thiên tử bị Cù-bà mắng. 28 Thắng thiên chỉ cho Thiên chủ Để-thích. D. 21: Devābhibhū. 29 Nguyên tác: Tri dục .D. 21: Kāmābhibhū vị đã chinh phục mọi dục vọng. 30 Nguyên tác: Nhị thành đẳng chánh đạo :Hai vị này tu tập và được giải thoát. 31 Nguyên tác: Tại thiên định căn lạc Vui trong định căn samādhindriyci ở cõi trời. 32 Thắng phục căn Bậc điều phục các căn. 33 Nguyên tác: Thử quỷ ítayarn yakkho'. Con quỷ [dạ-xoa] này, mỹ từ tôn xưng. 34 Nguyên tác: A-tỳ-đàm T ,nghĩa ban đầu là giải thích, phân tích những điều mà Như Lai đã chỉ dạy, giải thích kinh điển, tức Vi diệu pháp. 35 Bà-sa-bà

,Vāsava, một tên gọi khác của Thiên chủ Đế-thích. s. 11.12 - L 229 giải thích: Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, khi Thiên chủ Sakkā còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được tên là Vāsavo HT. Thích Minh Châu dịch.

[0635a07] Bấy giờ, Thiên vương Thích thưa: -Bạch Thế Tôn! Các hàng trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà, la-sát và các chủng loại khác, mỗi loại có bao nhiêu thứ trói buộc?3637 Đức Thế Tôn nghe xong, đáp: Này Câu-dực! Các hàng trời, người, a-tu-la5 càn-thát-bà, la-sát và các chủng loại khác, mỗi loại đều có hai thứ trói buộc, đó là bon xẻn và ganh tị. Mỗi chủng loại ấy đều nghĩ rằng: "Mong sao ta không dùng gậy gộc, không gây thù kết oán, không sân hận, không đấu tranh, không thống khổ, sống trong an lạc.” Họ tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn dùng gậy gộc, vẫn có gây thù kết oán, vẫn có sân hận, vẫn có đấu tranh, vẫn có thống khổ chứ không sống trong sự an lạc. Thiên vương Thích nghe thế, thưa rằng: Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Các hàng trời, người, a-tu-la, càn-thát- bà, la-sát và các chủng loại khác, mỗi loại đều có hai thứ trói buộc. Họ nghĩ rang: "Mong sao ta không dùng gậy gộc, không gây thù kết oán, không sân hận, không đấu tranh, không thống khổ, sống trong an 1@C" Tuy họ nghĩ như vậy nhung vẫn dùng gậy gộc, vẫn có gây thù kết oán, vẫn có sân hận, vẫn có đấu tranh, vân có thông khô chứ không sông trong sự an lạc. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật giảng nói5 hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhân! Bon xẻn, ganh ti do nhân gì, duyên gì9 từ đâu mà sanh ra? do đâu mà có? lại do nhân nào để không có bon xẻn và ganh tị? The Ton đáp: -Này Câu-dực! Bon xẻn và ganh tị nhân nơi yêu thích và không yêu thích,37 duyên nơi yêu thích và không yêu thích, từ nơi yêu thích và không yêu thích mà sanh ra, do yêu thích và không yêu thích mà có. Nêu không có yêu thích và không có ghét bỏ thì không có bon xẻn và ganh ti. Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng: -Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Bon xẻn và ganh

36 Kiết ,samyojana còn gọi là kiết sử, là tên gọi khác của phiền não. Kiết có nghĩa là trói buộc. Vì phiên não trói buộc chúng sinh khiên không thoát ly sinh tử nên gọi là "ki&t." 37 Nguyên tác: Ái bất ái ,piyãppiyă. DÃ. 14: Yêu và ghét .

Nếu không có yêu thích và không có ghét bỏ thì không có bon xẻn và ganh tị. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện thệ! Thật đung như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không có do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. [0635b03] Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Bạch Đại Tiên Nhân! Yêu thích và không yêu thích là do nhân gì, duyên gì? từ đâu phát sanh, do đâu mà có,

lại do nhân nào để không có yêu ghét? Đức Thế Tôn đáp: -Này Câu-dực! Yêu ghét nhân nơi tham dục, duyên nơi tham dục, từ tham dục mà phát sanh, do tham dục mà có. Nêu không tham dục thì không có yêu ghét. Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng: -Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Yêu thích và không yêu thích nhân nơi tham dục, duyên nơi tham dục, từ tham dục mà phát sanh, do tham dục mà có. Nêu không có tham dục liên không có yêu ghét. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy5 bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, roi lại hoi: Bạch Đại Tiên Nhân! Tham dục do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà c6, do nhân nào để không có tham dục? Đức Thế Tôn đáp: -Này Câu-dực! Tham dục là nhân nơi niệm38 và duyên nơi niệm, từ niệm mà phát sanh, do niệm mà có. Nấu không có niệm thì không có tham dục. Thiên vương Thích nghe thế, thưa rằng: Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tham dục là nhân nơi niệm và duyên nơi niệm, từ nơi niệm mà phát sanh, do nơi niệm mà có. Nếu không có niệm thì không có tham dục. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền

38 Niệm .DÃ. 14 gọi là "tưởng",ái do tưởng sinh ,cũng thường viết là “tm”, vitakkā.

Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, roi lại hoi: Bạch Đại Tiên Nhân! Niệm do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có, lại do nhân nào để không có niệm? Nghe như vậy rồi, Thế Tôn đáp: -Này Câu-dực! Niệm nhân nơi tư duy và duyên nơi tư duy, từ tư duy mà phát sanh, do tư duy mà có. Nếu không có tư duy thì không có niệm. Do niệm mà có tham dục, do tham dục mà có yêu ghét, do yêu ghét mà có bon xẻn và ganh ti? do bon xẻn và ganh tị mà sanh ra dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, gian lận, nói dối, nói hai chiều, trong tâm sanh ra vô lượng pháp xấu ác, bất thiện. Cứ như vậy mà sanh ra khối lớn thuần khổ đau như thế. Nếu không có tư duy thì không có niệm, nếu không có niệm thì không có tham dục, nếu không có tham dục thì không có yêu ghét, nếu không có yêu ghét thì không có bon xẻn và ganh ti? nếu không có bon xẻn và ganh ti thì không có r • . . . . eA dao gậy, đâu tranh, thù nghịch, dua nịnh, gian lận, nói dôi, nói hai chiêu, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp xấu ác, bất thiện. Như vậy, sẽ diệt trò khối lớn thuần khổ đau như thế. [0635c05] Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng: - Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Niệm nhân nơi tư duy, duyên nơi tư duy, từ tư duy mà phát sanh, do tư duy mà có. Nêu không có tư duy thì không có niệm. Do niệm nên có tham dục, do tham dục nên có yêu ghét, do yêu ghét nên có bon xẻn và ganh tị, do bon xẻn và ganh tị nên có dao gậy, đâu tranh, thù nghịch, dua ninh, gian lận, nói dối, nói hai chiều, trong tâm sanh ra vô lượng

pháp xấu ác, bất thiện. Như vậy sẽ sanh ra khối lớn thuần khổ đau như thế. Nếu không có tư duy thì không có niệm, nếu không có niệm thì không có tham dục, nêu không có tham dục thì không có yêu ghét, nêu không có yêu ghét thì không có bon xẻn và ganh tị, nếu không có bon xẻn và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua ninh, gian lận, nói dối, nói hai chiều. Trong tâm không sanh ra vô lượng pháp xấu ác, bất thiện. Như vậy, sẽ diệt trừ khối lớn thuần khổ đau như thế. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, roi lại hoi:

134. KINH ĐẾ-THÍCH THƯA HỎI 863

-Bạch Đại Tiên Nhân! Thế nào là con đường diệt trừ hy luận?39 Tỳ-kheo thực hành như thế nào để hướng đến con đường diệt trừ hy luận? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực! Con đường diệt trừ hy luận là Thánh đạo tám chi. Đó là chánh kiến,... cho đến chánh đinh. Này Câu-dực! Đó là con đường diệt trừ hy luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường diệt trừ hy luận. Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng: -Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Con đường diệt trừ hy luận là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến,... cho đến chánh định. Bạch Đại Tiên Nhân! Đó là con đường diệt trừ hy luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường diệt trừ hy luận. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. [0636a01] Rồi Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hy luận, phải đoạn bao nhiêu pháp và thực hành bao nhiêu pháp? Nghe như vậy rồi, Thế Tôn đáp: -Này Câu-dực! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hy luận phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Là ba pháp nào? Một là niệm tưởng.40 Hai là lời nói. Ba là tìm cầu.41 Này Câu-dực! về niệm tưởng, Như Lai nói có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành.42 Với niệm tưởng không nên thực hành thì Ta liền đoạn trừ, với niệm tưởng cần nên thực hành thì Ta biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác43 để thành tựu loại niệm tưởng này. về lời nói thì cũng như thế.

39 Nguyên tác: Diệt hy đao tích .o. 21: Papañca saññā sañkhā nirodhā gāmini patipadā Thực hành hay tu tập dấn đến chỗ diệt trừ hy luận, vọngrtưởng. Tham chiếu: Phật thuyết Nghĩa túc kỉnhr04. 0198.1. 0181014: Bơi tưởng ía gốc rễ cua mọi hy luận đem tới nhiều đau khổ HT. Thích Nhất Hạnh dịch. 40 Niệm ,cách gọi khác của "tưởng",saññā, đôi khi được viết thành "niêm tưởng,, . 41 Nhất viết niệm, nhị viết ngôn, tam viết cầu .DÃ. 14: Nhất giả khẩu, nhị giả tưởng, tam giả cầu . 42 Khả hành, bất khả hành .Tham chiếu: M. 19: Chư Tỷ-kheo, trước khi Tạ giác ngộ, khi chưa thành Chánh giác và còn là Bồ-tật, Ta suy nghĩ như sau: "Ta sông suy tư và chia hai suy tâm.^,

Chư Tỷ-kheo, phàm có dục tầm nào, sân tầm nào, hại tầm nào, Ta phân thanh phần thứ nhất; phàm có ly dục tầm nào, vô sân tầm nào, vô hại tầm nào, Ta phân thành phân thứ hai HT. Thích Minh Châu dịch. 43 Nguyên tác: Hữu niệm, hữu tr"còn được viết là "'chánh tri, chánh niêm"; “chánh niệm, chánh trí".

864 KINH TRUNG A-HÀM

Này Câu-dực! về tìm cầu,44 Như Lai nói cũng có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành. Với loại tìm cầu không nên thực hành thì Ta liền đoạn trừ, với loại tìm cầu cần nên thực hành thì Ta biết lúc nào thực hành, CÓ chánh niệm, có tỉnh giác đê thành tựu loại tìm câu này. Thiên vương Thích nghe xong, thưa: -Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hy luận thì phải đoạn ba pháp, tu hành ba pháp. Là ba pháp nào? Một là niệm tưởng. Hai là lời nói. Ba là tìm câu. Đại Tiên Nhân nói niệm tưởng có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành. Nếu niệm tưởng tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện và suy giảm pháp thiện thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu niệm tưởng làm suy giảm pháp xấu ác, pháp bất thiện và tăng trưởng pháp thiện thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác đê thành tựu loại niệm tưởng này. Vê lời nói thì cũng như vậy. Đại Tiên Nhân đã nói tìm cầu cũng có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành. Nếu loại tìm cầu tăng trưởng pháp xấu ác9 pháp bất thiện và làm suy giảm pháp thiện thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nêu loại tìm cau làm suy ệiảm pháp xấu ác, pháp bất thiện và tăng trưởng pháp thiện thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác đe thành tựu loại tìm cầu này. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liên hiêu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, roi lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hy luận thì có bao nhiêu pháp và để thủ hộ Tùng giải thoát44 45 thì cần thực hành bao nhiêu pháp? Đức Thế Tôn đáp: —Này Câu-dực! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hy luận có sáu pháp? đê thủ hộ Tùng giải thoát cần thực hành sáu pháp. Sáu pháp đó là gì? Đó là mát thây sác, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm nhận xúc và ý biết pháp. Này Câu-dực! Đối với mắt thấy sắc, Như Lai nói có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành. Với loại mắt thấy sắc không nên thực hành thì Ta liên đoạn trừ, với loại mắt thấy sắc nên thực hành thì Ta biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác để thành tựu loại mắt thấy sắc này.

44 Nguyên tác: cầu ,viết tắt của "tầm vitakko, tức sự suy tư. 4 Tùng giải thoát ,tên gọi khác của Biệt giải thoát hay Ba-la-đề-mộc-xoa .ÉTPātimokkha.

134. KINH ĐẾ-THÍCH THƯA HỎI 865

Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị? thân cảm nhận xúc và ý biết pháp, Như Lai nói mỗi pháp cũng đều có hai loại: Loại nên thực hành và loại

không nên thực hành. Đối với loại ý biết pháp không nên thực hành thì Ta liền đoạn trừ, với loại ý biết pháp nên thực hành thì Ta biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác để thành tựu loại ý biết pháp này. [0636b07] Thiên vương Thích nghe xong, thưa: Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hý luận có sáu pháp và để thủ hộ Tùng giải thoát cần thực hành sáu pháp. Sáu pháp đó là gì? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm nhận xúc và ý biết pháp. Đại Tiên Nhân đã nói mắt thấy sắc có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành. Nếu loại mắt thấy sắc mà tăng trưởng pháp xấu ác5 pháp bất thiện và làm suy giảm pháp thiện thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu loại mắt thấy sắc làm suy giảm pháp xấu ác, pháp bất thiện và làm tăng trưởng pháp thiện thì Đại Tiên Nhan biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác để thành tựu loại mắt thấy sắc này. Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm nhận xúc và ý biết pháp, Đại Tiên Nhân đã nói ý biết pháp cũng có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành. Nếu loại ý biết pháp làm tăng trưởng pháp xấu ác, pháp bất thiện và làm suy giảm pháp thiện thì Đại Tiên Nhân liền đoạn trừ. Nếu loại ý biết pháp mà làm suy giảm pháp xấu ác, pháp bất thiện và tăng trưởng pháp thiện thì Đại Tiên Nhân biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác để thành tựu loại ý biết pháp này. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, roi lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhân! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hý luận khi thân mạng chỉ còn tồn tại trong một khoảnh khắc thì phải đoạn bao nhiêu pháp và tu hành bao nhiêu pháp? Đức Thế Tôn dạy: -Này Câu-dực! Tỳ-kheo hướng đến con đường diệt trừ hy luận khi thân mạng chỉ còn tồn tại trong một khoảnh khắc, lại cũng phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ? hai là tru, ba là xả.46 Này Câu-dực! về hỷ5 Như Lai nói có hai loại: Loại nên thực hành và loại không nên thực hành. Với hỷ không nên thực hành thì Ta liền đoạn trừ. Với

46 Hỷ, ưu, xả .D. 2l: Somanassa, domanassā, upekkhā.

hỷ nên thực hành thì Ta biết lúc nào thực hành, có chánh niệm, có tỉnh giác để thành tựu loại hỷ này. về ưu thì cũng như thế. Này Câu-dực! về xả, Như Lai nói cũng có hai loại:

Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực! Thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới/8 vị ấy tùy theo giới loại mà mình biết được, rồi ở nơi giới loại ấy, tùy theo năng lực và phương tiện của mình, vi ấy chủ trương một chiều rằng: "Đây là chân thật, ngoài ra đều hư d6i.Này Câu-dực! Thế nên? tất cả Sa-môn và Phạm chí không đong một quan điểm, một mong cầu, một yêu thích, một an lạc và một ý hướng. Thiên vương Thích

nghe xong, thưa: —Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới; vị ấy tùy theo giới loại mà mình biết được, rồi ở nơi giới loại ấy, tùy theo năng lực và phương tiện của mình, vị ấy chủ trương một chiều rằng: "Đây là chân thật, ngoài ra đều hư dối9 Bạch Đại Tiên Nhân! Vì thế mà tất cả Sa-môn và Phạm chí không đồng một quan điểm, một mong cầu, một yêu thích, một an lạc và một ý hướng. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đung như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điều Phật dạy. [0637a06] Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Bạch Đại Tiên Nhân! Có phải tất cả Sa-môn và Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh thanh tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực! Không hẳn là tất cả Sa-môn và Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh thanh tinh, cứu cánh Phạm hạnh và thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Thiên vương Thích thưa: - Bạch Đại Tiên Nhân! Vì lý do gì mà không hẳn là tất cả Sa-môn và Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh thanh tịnh, cứu cánh Phạm hạnh và thành tựu cứu cánh Phạm hạnh? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào chưa đoạn sạch ái dục, tâm chưa khéo giải thoát hoàn toàn48 49 thì vị ấy không đạt đến cứu cánh, không đạt cứu cánh thanh tịnh, không đạt cứu cánh Phạm hạnh và không thành tựu cứu cánh Phạm hạnh.

48 Hữu vô lượng giới .D. 21: Anekadhātu nānādhātu vô số giới loại sai biệt.
49 Nguyên tác: Ái tận bất chánh thiện tâm giải thoát .Xem giải thích ở chú thích tiếp theo.

Này Câu-dực! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào đoạn sạch ái dục, tâm được khéo giải thoát hoàn toàn50 thì vị ây đạt đến cứu cánh, cứu cánh thanh tịnh, cứu cánh Phạm hạnh và thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Thiên vương Thích thưa: -Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào chưa đoạn sạch ái dục, tâm chưa khéo giải thoát hoàn toàn thì vị ây không đạt đến cứu cánh, không đạt cứu cánh thanh tịnh, không đạt cứu cánh Phạm hạnh và không thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Bạch Đại Tiên Nhân! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào đã đoạn sạch ái dục, tâm được khéo giải thoát hoàn toàn thì vị ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh thanh tịnh, cứu cánh Phạm hạnh và thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật đung như vậy, bạch Đại Tiên Nhân! Theo pháp mà Phật giảng nói, con liền hiểu rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự nhờ nghe những điêu Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành, roi lại hoi: Bạch Đại Tiên Nhân! Con từ xưa đến nay bi châm chích bởi gai nhọn nghi hoặc, ngày nay được Thế Tôn nhổ ra. Vì sao như vậy? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác. Nghe xong, Thế Tôn hỏi: Này Câu-dực! Nhớ lại thuở xưa, ông đã từng hỏi Sa-môn, Phạm chí việc như thế chăng? [0637b02] Thiên vương

Thích đáp: Bạch Thế Tôn! Mong Đại Tiên Nhân biết cho. Bạch Đại Tiên Nhân! Thiên chúng cõi Ba Mươi Ba tập hợp tại pháp đường đêu buôn bã u sâu, thường than thở rằng: "Chúng ta nếu được gặp đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thì quyết sẽ đến thăm h6i." Bạch Đại Tiên Nhan! Thế nhưng chúng con không ^ặp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, liền hưởng thụ đầy đủ năm thứ dục. Bạch Đại Tiên Nhân! Chúng con đã buông lung. Sau khi sống buông lung, vị Thiên tử có oai đức lớn ở nơi cực diệu lập tức qua đời. Bạch Đại Tiên Nhân! Khi con thấy vị Thiên tử oai đức lớn ở nơi cực diệu qua đời, trong tâm con chán nản vô cùng, rùng mình sợ hãi, nghĩ rằng: "Cầu mong ta ở nơi này không mạng chung mau chóng như vậy!99

50 Nguyên tác: Ái tận chánh thiện tâm giải thoát .Tham chiếu: SĀ. 552: Ái tận giải thoát, tâm chánh thiện giải thoát .ơ 2 bản kinh vừa dẫn này, chánh được trực dịch từ sammā, có nghĩa là chân chánh và cũng có nghĩa là hoàn toàn. Xem thêm Tăng. 7.02. 0125.19.3. 0593cl3: Đoạn ư ái dục tâm đắc giải thoát .D. 21: Tanhāsañkhaya vimutta Ai tận giải thoát, hay giải thoát do diệt tận khát ái.

Bạch Đại Tiên Nhân! Do sự chán nản này, nhân sự lo buồn này mà con tìm đến các vị Salmon, Phạm chí sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú dưới gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xâu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên. Vị này ưa hạnh viễn ly, tĩnh tọa an ổn, sống trong hân hoan. Sau khi thấy vị ấy sống như vậy, con cho rằng đây là đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, liền đến thăm hỏi. Vị ấy không biết con nên hỏi rằng: "Ông là ai?” Lúc đó, con trả lời: “Bạch Đại Tiên Nhân! Con là Thiên vương Thích. Bạch Đại Tiên Nhân! Con là Thiên vương Thích." Vị ấy lại hỏi: "Ta từng thấy Thích và cũng thấy chủng tánh Thích. Vì lý do gì gọi là Thích? Vì lý do gì gọi là chủng tánh Thích?,, Con liền đáp: “Bạch Đại Tiên Nhân! Nếu có ai đến hỏi con việc gcon liền tùy khả năng, tùy sức mình51 mà trả lời cho họ, the nên con được gọi là Thích." Vị ấy lại nói: "Ta tùy theo việc mà hỏi Thích. Thích cũng tùy theo việc mà đáp lại ta." Vi ấy hỏi việc con, nhưng con không hỏi việc vị ấy. Vị ấy quy mạng con, nhưng con không quy mạng vị ấy. Bạch Đại Tiên Nhân! Từ nơi Sa-môn9 Phạm chí kia hoàn toàn không có oai nghi lễ nghĩa thì làm sao con hỏi chuyện như trên được? Bấy giờ, Thiên vương Thích nói kệ rằng: Thích52 xưa kia đã qua, Thích nay nói thế này: Phải lìa tâm lo nghi, Trừ do dự, các nghi.53 Từ lâu đi trong đời, Tìm cầu với Như Lai, Thấy Sa-môn, Phạm chí, Tĩnh tọa nơi viễn ly, Nghĩ là bậc Chánh Giác, Đen kính lễ, phụng vì. ““T 'L M Làm sao được thăng tien?" A Như vậy, con hỏi Ngài, K,

Hỏi roi, vẫn chưa tỏ, Thánh đạo và Đạo tích.54

51 Nguyên tác: Tùy sở năng, tùy kỳ lực ().Định nghĩa từ Sakkā, phiên âm là Thích (), nghĩa đen là ukhả nng." Xem thêm D. 3: Các hoàng tử thật là những Sākya (cứng như lõi cây sôi), các hoàng tử thật là những Sākya xuất chúng (HT. Thích Minh Châu dịch). 52 Viết tát của Thiên Đế-thích. 53 Tham chiếu: D. 21: Apariyositasañkappo

vicikiccho kathamkathī (tâm tư không thỏa mãn, nghi ngờ và do dự), HT. Thích Minh Châu dịch. 54 Đạo tích (pcựịpadã): Phương tiện hay phương pháp tu tập để đạt đến mục đích tối hậu. Th^n chiếu: Chấu-na kinh (roi. 0026.196. 0753b28): Con đường tu tập và lộ trình tu tập (); M104: Magge vā hỉ, ānanda, patipadāya vã sañghe vivādo uppajjamāno uppcyjeyya (NàyAnanda, sựứanh luận khởi lên giữa Tăng chúng về con đường (maggo) hay vê đường hướng tu hành (patipadāy), HT.Thich Minh Châu dịch.

Thế Tôn nay vì con, Lòng có những điều nghi, Lo nghĩ và suy xét, Cùng hoạt động của ý, Biết tâm ẩn và hiện, Vì thương con, Phật dạy. Tôn Phật đấng Đạo sư, Tôn Vô Trước Mâu-ni, Bậc đoạn trừ kiết sử, Tự độ và độ người. Đệ nhất hàng giác ngộ, Tối thượng hàng Tự điều, Tối diệu hàng Tịch tĩnh, Bậc độ mình, độ người. Nên con lễ Đại Hùng, Kính phụng Tối Thượng Nhân, Bậc sạch gai ân ái, Kính lạy đấng Nhật Thân. [0637C13] Bấy giờ, Thế Tôn lại hỏi: -Này Câu-dực! Ông có nhớ thuở xưa, được xả ly như vậy, được hoan hỷ như vậy là do nương nơi Như Lai mà được pháp hỷ chăng? Thiên vương Thích thưa: -Bạch Thế Tôn! Mong Đại Tiên Nhân biết cho. Bạch Đại Tiên Nhân! Thuở xưa, có lần chư thiên và a-tu-la giao tranh với nhau. Bạch Đại Tiên Nhân! Khi chư thiên và a-tu-la đánh nhau, con nghĩ rằng: "Mong chư thiên thắng, phá tan chúng a-tu-la. Thực phẩm của chư thiên và thực phẩm a-tu-la hãy đe hết cho cối trời Ba Mươi Ba thọ dung." Bạch Đại Tiên Nhân! Khi chư thiên đánh nhau với a-tu-la, chư thiên đắc thắng, phá tan chúng a-tu-la. Thực phẩm của chư thiên và thực phẩm của a-tu- la, tất cả đều được thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba thọ dụng. Bạch Đại Tiên Nhân! Bấy giờ, chúng trời ở đây có ly, có hỷ, nhưng xen lẫn dao gậy, oán kết, đau tranh, thù nghịch, không có than thông, không được con đường giác ngộ, cũng không được Niết-bàn. Bạch Đại Tiên Nhân! N^gày nay, chúng trời ở đây được ly, được hỷ, không xen lẫn dao gậy, oán kết, đấu tranh, thù nghịch, được thần thông, được con đường giác ngộ và cũng được Niết-bàn. Đức Thế Tôn hỏi: Này Câu-dực! Do đâu ông được ly, được hỷ? Do nương nơi Như Lai mà được pháp hỷ chăng? Thiên vương Thích đáp: Bạch Đại Tiên Nhân! Con nghĩ rằng: "Ta qua đời ở đây, rồi sẽ thọ sanh nơi nhân gian, vào những dòng tộc giàu sang phú quý, tiền của, vật nuôi, sản nghiệp nhiều không thể tính được, phong hộ thực ấp thảy đều đầy đủ; hoặc sanh vào chủng tộc trưởng giả Sát-lợi, chủng tộc trưởng giả Phạm chí, chủng tộc trưởng giả Cư sĩ cho đên những chủng tộc khác giàu sang phú quý? của cải, vật nuôi, sản nghiệp nhiều không thể tính được, phong hộ thực ấp thảy đều đầy đủ. Sau khi sanh vào những chủng tộc như thê, con sẽ thành tựu các căn, có tín tâm đối với giáo pháp mà đức Như Lai giảng thuyết. Sau khi có tín tâm, con liền cạo bỏ râu t6c, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Con học trí và sau khi học trí xong, nếu thành tựu trí, con liền

chứng đắc Trí cứu cánh, đạt đến tận cùng cứu cánh. Nếu học trí và sau khi học trí xong được thành tựu trí mà không thành tựu Trí cứu cánh thì nếu có cõi trời nào được phước đức lớn, với sắc tướng uy nghi chói sáng rực rỡ, oai lực mạnh mẽ, an ôn hân

hoan, trụ vững nơi cung điện, sanh nơi tối thượng thì con sanh vào cõi ấy. [0638a09] Bấy giờ, Thiên vương Thích nói kệ: Xả bỏ thân cõi trời, Sanh xuống chốn nhân gian, Vào thai không ngu muội, Nơi con thích thọ sanh. Khi thân hình toàn mãn, Theo chánh đạo tu hành, Được đầy đủ Phạm hạnh, Nương khất thực an vui. Nếu học trí và sau khi học trí được thành tựu trí, lại chứng đắc Trí cứu cánh thì sẽ đạt đến tận cùng cứu cánh. Nếu học trí và sau khi học trí được thành tựu trí mà không chứng đắc Trí cứu cánh thì sẽ làm vị trời tối thượng diệu, chư thiên đều nghe danh; đây là cõi trời sắc Cứu Cánh,55 con sẽ sanh vào đó. Bạch Đại Tiên Nhân! Con mong sẽ chứng đắc A-na-hàm. Bạch Đại Tiên Nhân! Vì hôm nay chắc chắn con đã chứng đắc Tu-đà-hoàn. Đức Thế Tôn hỏi: Này Câu-dực! Do đâu mà ông có được sự thù thắng55 56 cực cao, cực rộng, cực kỳ tốt đẹp như thế để có thể tự nói là đã chứng đắc Tu-đà-hoàn? Bấy giờ, Thiên vương Thích dùng kệ đáp: Không tôn kính ai khác, Ngoài cảnh giới Thế Tôn, Chứng vô thượng thù thang, Cõi này thật chưa từng. Đại Tiên! Con ngồi dây, Ngay với thân trời này, Tuổi thọ liền tăng trội, Thây như vạy, The Ton! Khi Phật nói pháp này, Thiên vương Thích xa lìa trân câu, đạt được cái thây như thật đối với các pháp. Tám vạn thiên chúng cũng được xa lìa tràn cấu, đạt được cái thấy như thật đối với các pháp. Thiên vương Thích thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không thờ ai khác, không theo ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng, nơi pháp Thê Tôn được Vô sở úy5 liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo5 ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay, con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo cho đến lúc lâm chung! [0638b04] Rồi Thiên vương Thích ngợi khen nhạc thần Ngũ Kết rằng: Lành thay, lành thay! Này Ngũ Kết! ỉpianh đã giúp ích cho ta rất nhiều. Vì sao như vậy? Vì nhờ khanh mà Phật xuất định, trước hết là nhờ khanh mà

55 sắc Cứu Cánh thiên ,Akanittha. DÃ. 14 viết là A-ca-ni-trá . 56 Nguyên tác: Sai giáng ,chỉ cho sự sai biệt ,đặc chất ,đồng nghĩa với thù thắng. D. 2Ỉ: Vỉseso, là đặc thù.

Thế Tôn xuất định, sau đó giúp chúng ta được gặp Ngài. Này Ngũ Kết! Sau khi từ đây trở về5 ta sẽ đem Hiền Nguyệt sắc, con gái của Nhạc vương Đam-phù- lâu gả cho khanh và đem quốc thành của Nhạc vương ấy trao cho khanh, phong tăng khanh làm vua kỹ nhạc.57 Thiên vương Thích lại bảo thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba: -Các khanh hãy đến đây! Nếu như trước kia, chúng ta thường cung kính lễ bái Phạm thiên vương trên cõi Phạm thiên thì từ nay, tất cả chúng ta sẽ cung kính lễ bái, hầu hạ Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn là Phạm thiên, là vị Phạm thiên sẽ tạo tác và biến hóa ra những bậc Tối Tôn, những chúng sanh đã sanh, những chúng sanh đang có và sẽ có, những gì Phạm thiên biết thì Thế Tôn đều biết hết; những gì Phạm thiên có thể thấy, Thế Ton đêu thây ca. Bấy giờ, trước kia, Thiên vương Thích, thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba và nhạc thần Ngũ Kết thường cung kính lễ bái, hầu hạ Phạm thiên trên cõi trời Phạm thì nay họ đều hướng sự cung kính lễ bái, hầu hạ ấy đến đức Thế Tôn và cúi đàu trước đức

Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thiên vương Thích, thiên chúng cõi trơi Ba Mươi Ba và nhạc thần Ngũ Kết lại cung kính đảnh lễ đức Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi liền ẩn thân, không còn ở đây nữa. Bấy giờ, Phạm thiên với sắc tướng uy nghi, sáng chói rực rỡ? vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên, dùng kệ bạch Thế Tôn: Làm nhiều điều lọi lạc, Bày lợi ích cho trời, Bà-sa-bà thưa hỏi, Khi Phật ngụ Kiệt-đà.58 Khi Đại Tiên Nhân nói pháp này, Thiên vương Thích xa lìa tran cấu, đạt được cái thây như thật đôi vói các pháp. Tám vạn thiên chúng cũng xa lìa trân câu, đạt được cái thấy như thật đối với các pháp. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên: -Quả như vậy! Quả như vậy! Đúng như Phạm thiên đã nói: Làm nhiều điều lợi lạc, Bày lợi ích cho trời, Bà-sa-bà thưa hỏi, Khi Phật ngụ Kiệt-đà. [0638c0l] Này Phạm thiên! Khi Ta nói pháp, Thiên vương Thích xa lìa trần cấu, đạt được cái thấy như thật đối với các pháp. Tám vạn thiên chúng cũng xa lìa trần cấu, đạt được cái thấy như thật đối với các pháp. Đức Phật giảng nói như vậy, sau khi nghe Phật dạy xong, Thiên vương Thích, thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba, nhạc thần Ngũ Kết và Đại Phạm thiên đều hoan hỷ phụng hành.

57 Nguyên tác: Kỹ nhạc vươngtức Càn-thát-bà vương. 58 Nguyên tác: Ma-kiệt quốc Nước Ma-kiệt-đà Magadha.

135. KINH THIỆN SANH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ trong khu rừng có nhiều ễnh ương.2 Bây giờ, người trưởng giả, cha của Thiện Sanh lúc sáp qua đời đã khéo dạy bảo cặn kẽ con trai của mình là phải nương tựa vào sáu phương, với lời di chúc: Này Thiện Sanh! Sau khi cha qua đời, con phải chắp tay hướng về sáu phương mà lễ lạy và khấn nguyện rằng: "Nếu có chúng sanh nào ở phương Đông thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng chúng sanh đó roi thì chúng sanh đó cũng hét lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với tôi. Cũng vậy, với phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên và phương dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái ton thờ. Tôi đã chí thành cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ chúng sanh ấy rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với t6i." Sau khi nghe cha dạy xong, Thiện Sanh, con trai người trưởng giả, liền thưa với cha: Thưa vâng, con sẽ làm theo những điêu cha dạy. Thế rồi, kể từ ngày cha qua đời, cứ mỗi sáng sớm, Thiện Sanh tắm rửa, mặc áo sô-ma mới,3 tay cầm lá câu-xá4 tươi đi đến bờ sông, chắp tay hướng về sáu phương mà lễ lạy và khấn: “Nếu có chúng sanh nào ở phương Đông thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái thờ phụng chúng sanh đó rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ lại đối với tôi. Cũng vậy, với phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên và phương

1 Nguyên tác: Thiện Sanh kỉnh (roi. 0026.135. 0638c06). Thamchieu: Thiện^Sanh kinh (r.01. 0001.16. 0070a20); Thỉ-ca-la-việt lục phương lễ kinh (roi. 0016. 0250c 11); Thiện Sanh Tử kinh (7.61. 0017. 02Ổb06); D. 3Ì, Siñgāla Sutta (Kinh giáo thọ Thỉ-ca-la-việt). 2 Nhiêu hà m6 ()Nhiều ễnh ương. D. 31: Chỗ nuôi sóc

(Kalandakanivāpo). 3 Scnma y (,khoma): Áo bằng vải lanh (linen). Thi-ca-la-việt lục phương lễ kinh (T.Ol. 0016. 0250cl5): Văn y (),y phục đẹp đẽ. Thiện Sanh Tử kỉnh (roi. 0017. 0252M2): Tân y (),y phục mới. 4 Câu-xá diệp ().Pali gọi là cỏ kusa, một loại cỏ thiêng trong văn hóa Ấn giáo, dùng lót tòa ngồi và làm nơi lê lạy.

dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ. Tôi đã chí thành cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ chúng sanh ấy rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với toi." - r r r

Bây giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, đức Thê Tôn đáp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Khi vào đến thành khất thực, Thế Tôn từ xa trong thấy cư sĩ Thiện Sanh mới sáng sớm đã tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cam lá câu-xá tươi đi đến bờ sông, chắp tay hướng về sáu phương làm lễ khấn vái: "Nếu có chúng sanh nào ở phương Đông thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái thờ phụng chúng sanh đó rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ lại đoi với tôi. Cũng vậy, với phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên và phương dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ. Tôi đã chí thành cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ chúng sanh ấy rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với tôi.55 [0639a04] Thấy như vậy rồi, Thế Tôn tiến đến gần chàng trai cư sĩ Thiện Sanh rồi hỏi: Này Thiện Sanh!5 Anh thọ nhận sự giáo hóa của Sa-môn, Phạm chí nào? Ai dạy anh cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng, để vào mỗi buổi sáng tắm rửa, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá tươi đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương và khân: "Nêu có chúng sanh nào ở phương Đông thì tôi hét lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng chúng sanh đó rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với tôi. Cũng vậy, với phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên và phương dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ. Tôi đã chí thành cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ chúng sanh ấy rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với tôi?59 Thiện Sanh6 thưa: -Bạch Thế Tôn! Không có Sa-môn hay Phạm chí nào dạy con cả. Thưa Thế Tôn! Lúc sáp qua dời, cha của con dạy bảo cặn kẽ là phải nương tựa vào sáu phương với lời di chúc: "Này Thiện Sanh! Sau khi cha lâm chung, con phải chắp tay hướng về sáu phương mà lễ lạy và khấn nguyện rằng: 'Nếu có chúng sanh nào ở phương Đông thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái thờ phụng chúng sanh đó rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lê bái tôn thờ lại đối với tôi. Cũng vậy, với phương Nam, phương Tây,

5 Nguyên tác: Cư sĩ tử . 6 Nguyên tác: Thiện Sanh cư sĩ tử .

phương Bắc, phương trên và phương dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ. Tôi đã chí thành cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ chúng sanh ấy rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với Bạch Thế Tôn! Vì vâng lời di huấn của cha nên con cung kính, cúng dường, lê bái tôn thờ. Cứ mỗi sáng thì tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá tươi đi đến bờ sông, chắp tay lễ lạy sáu phương và khấn: "Nếu có chúng sanh nào ở phương Đông thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái thờ phụng chúng sanh đó. IGìi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường và lễ bái thờ phụng chúng sanh đó rồi thì chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ lại đối với tôi. Cũng vậy, với phương Nam, phương Tây? phương Băc5 phương trên và phương dưới, nêu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ. Tôi đã chí thành cung kính, cúng dường, lễ bái tôn thờ chúng sanh ấy rồi thì chúng sanh đó cũng hét lòng cung kính, cúng dường và lễ bái tôn thờ lại đối với tôi.,, Nghe xong, đức Thế Tôn bảo: -Này Thiện Sanh! Như Lai cũng nói có sáu phương, chứ không phải là không có. Này Thiện Sanh! Nếu có người khéo phân biệt sáu phương mà xa lìa nghiệp cấu uế, bất thiện, xấu ác ở trong bốn phương thì người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng và sau khi qua đời sẽ sanh về cõi lành, saiủi lên cõi trời. Này Thiện Sanh! Chúng sanh có bốn loại nghiệp, có bốn loại cấu uế. Là bốn loại nào? Này Thiện Sanh! Sát sanh là một loại nghiệp, một loại cấu uế của chúng sanh; trộm cướp, tà dâm và nói dối cũng đều là một loại nghiệp, một loại cấu uế của chúng sanh. Bây giơ, đức The Ton noi kẹ nay: Sát sanh cùng trộm cướp, Tà dâm lấy vợ người, Lời nói không chân thật, Bậc trí chẳng ngợi khen. [0639b09] Này Thiện Sanh! Con người do bốn việc mà gây ra nhiều tội lỗi. Là bốn việc nào? Đó là tham dục, sân hận, sợ hãi và ngu si. Đức Thế Tôn lại nói kệ: Dục, sân, sợ và si, Làm hạnh xấu, phi pháp, Ắt sẽ mất danh dự, Như mặt trăng lặn dần. Này Thiện Sanh! Con người cũng nhờ vào bốn việc mà được nhiều phước báu. Là bốn việc nào? Đó là không tham dục, không sân hận, không sợ hãi và không ngu si. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ này: Diệt dục, sợ và sân, Không si, hành đúng pháp, Tiếng thơm lan cung khắp, Như mặt trăng dần tròn. Này Thiện Sanh! Nên biết có sáu điều trái đạo đối với người mong cầu của cải vật chất. Sáu điều đó là gì? Một là người mong cầu của cải vật chát mà đam

mê các thứ vui chơi cờ bạc là trái đạo. Hai là người mong câu của cải vật chát mà rong chơi trái thời là trái đạo. Ba là người mong cau của cải vật chất mà đam mê rượu chè là trái đạo. Bon là người mong cau của cải vật chất mà gan gũi ác tri thức là trái đạo. Năm là người mong cầu của cải vật chất mà đam mê kỹ nhạc là trái đạo. Sáu là người mong cầu của cải vật chất mà lười biếng là trái đạo. Này Thiện Sanh! Nên biết có sáu tai họa đối với người đam mê cờ bạc.7 Sáu tai họa đó là gì? Một là thắng thì bị người oán. Hai là thua thì sanh tủi nhục. Ba là thiếu nợ thì ngủ không yên. Bốn là khiến kẻ thù vui mừng. Năm là khiến thân thuộc lo âu. Sáu là nói giữa đám đông nhưng không ai tin tưởng. Này Thiện Sanh! Kẻ đam mê cờ bạc thì không thể lo liệu công việc làm ăn5 công việc làm ăn không thể lo liệu thì sự nghiệp khó thành, tài sản chưa có thì không bao giờ c6, tài sản vốn có từ trước thì sẽ dần bị tiêu hao. Này Thiện Sanh! Nên biết có sáu tai

họa đối với người rong chơi trái thời.8 Sáu tai họa đó là gì? Một là không tự bảo vệ mình. Hai là không giữ gìn tài sản. Ba là không bảo vệ được vợ con. Bốn là bi người nghi ngờ. Năm là chuốc nhiều tai họa. Sáu là bị người chê bai. Này Thiện Sanh! Người rong chơi không đúng thời thì không thể lo liệu công việc làm ăn5 công việc làm ăn không thể lo liệu thì sự nghiệp khó thành, tài sản chưa có thì không bao giờ có, tài sản vốn có từ trước sẽ dần bị tiêu hao. [0639c06] Này Thiện Sanh! Nên biết có sáu tai họa đối với người đam mê rượu chè phónệ đãng. Sáu tai họa đó là gì? Một là tài sản hiện tại bị tổn thất. Hai là than nhiêu bệnh tật. Ba là dễ gây sự đánh nhau. Bốn là lộ bày thân thể. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là trí tuệ giảm dần, thành kẻ ngu si. Này Thiện Sanh! Người đam mê rượu chè phóng đãng thì không thể lo liệu công việc làm ăn, công việc làm ăn không thê lo liệu thì sự nghiệp khó thành, tài sản chưa có thì không bao giờ có5 tài sản vốn có từ trước sẽ dần bi tiêu hao. Này Thiện Sanh! Nên biết có sáu tai họa nếu gần gũi ác tri thức. Sáu tai họa đó là gì? Một là gần gũi kẻ giặc. Hai là ở gần kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say sưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tập tụ chơi bời. Sáu là kết bạn thân với những kẻ trên, xem như bạn đồng hành. Này Thiện Sanh! Nấu gần gũi ác tri thức thì không thể lo liệu công việc làm ăn, công việc làm ăn không thể lo liệu thì sự nghiệp khó thành, tài sản chưa có thì không bao giờ c6, tài sản vốn có từ trước sẽ dần bị tiêu hao. Này Thiện Sanh! Nên biết có sáu tai họa đối với người đam mê kỹ nhạc. Sáu tai họa đó là gì? Một là thích nghe ca nhạc. Hai là thích xem khiêu vũ. Ba là thích xem đánh đàn. Bốn là thích xem lắc chuông. Năm là thích vỗ tay. Sáu là thích tụ tập đông người. Này Thiện Sanh! Nếu người đam me kỹ nhạc thì không thê lo liệu công việc làm ăn? công việc làm ăn mà không thể lo liệu thì sự

7 Chủng chủng hý .Hý ,viết tắt của "dầu tử du hy” ,chỉ cho thói cờ bạc.
D. 31: Jūtappamādatthānānuyogo đam mê cờ bạc. 8 Phi thời hành vikālavisikhācariyānuyogo : Đi lại, ngao du không đúng thời.

nghiệp khó thành, tài sản chưa có thì không bao giờ có, tài sản vốn có từ trước sẽ dần bị tiêu hao. Này Thiện Sanh! Nên biết có sáu tai họa đối với người biếng nhác. Sáu tai họa đó là gì? Một là sớm quá không chịu làm việc. Hai là trễ quá không chịu làm việc. Ba là lạnh quá không chịu làm việc. Bốn là nóng quá không chịu làm việc. Năm là no quá không chịu làm việc. Sáu là đói quá không chịu làm việc. Này Thiện Sanh! Nếu người biếng nhác thì không thể lo liệu công việc làm ăn9 công việc làm ăn mà không thể lo liệu thì sự nghiệp khó thành, tài sản chưa có thì không bao giờ có, tài sản vốn có từ trước sẽ dần bị tiêu hao. Roi đức The Ton noi kẹ nay: Cờ bạc, đuổi theo sắc, Uống rượu, mê hát ca, Gần gũi ác tri thức, Lười biếng không làm việc, Buông lung chăng giữ mình, Những việc ấy hại người. Tới lui không giữ gìn, Tà dâm lay vợ người, Trong tâm thường kết oán, Cau nguyện chang ích gì, r r

Uông rượu, nhớ nữ săc5 Những thứ ấy hại người. Thường làm các việc ác, Ngoan cố không nghe lời, Mang Sa-môn9 Phạm chí, Điên đảo có tà kiến, Hung hăng gây nghiệp dữ5 Những thứ ấy hại người. Thiếu thốn, không của cải, Uống rượu, mất quần áo, Nợ nần như suối dữ, Kẻ ấy hại gia môn. Thường đi đến lò rượu, Gần gũi bạn bè xấu, Muốn

tiền tài chẳng có, Lấy bè đảng làm vui. Nhiều bạn bè xấu ác5 Thường gần bạn bất lương, Đời này và đời sau, Thảy đều luôn bại hoại. Kẻ làm ác giảm bớt, Càng nhiều người thiện lành, Người diệu hạnh càng tăng, Nên tập hạnh thù thắng. Tập thăng tiến được thăng, Trí tuệ thường tăng trưởng, Dan được giới thanh tinh, Và được định vi diệu. Ban ngày thì ham ngủ, Đêm lại tlúch rong chơi, Thường uống rượu, buông lơi, Cửa nhà không yên ổn. Quá lạnh và quá nóng, Người biếng nhác chẳng làm, Sự nghiệp sao thành tựu, Rốt cuộc không tiền của. Dù lạnh hoặc nắng thiêu, Bất kể9 như ngọn cỏ, Người siêng năng như vậy, Suốt đời sông an ôn. [0640a27] Này Thiện Sanh! Có bốn hạng người dù không thân cận mà trông như thân cận9 Là bốn hạng người nào? Một là hạng người biết chiều chuộng.10

9 Bất thân nhi tợ thân 0^ .Tham chiếu: Thiện Sanh Tử kỉnh roi. 0017. 0253a29: Hữu phi hữu tượng .D. 31: Amittā mittapatirūpakā không phải bạn mà có vẻ là bạn. 10 Nguyên tác: Tri sự .Sự :Chiều chuộng .

Hai là hạng người trước mặt nói lời dịu ngọt.11 Ba là hạng người giỏi giao thiệp.12 Bốn là hạng người xúi giục làm ác.13 Này Thiện Sanh! Hạng người biết chiều chuộng, dù không thân cận mà trông như thân cận thì có bon trường hợp, Bốn trường hợp đó là gì? Một là dùng sự chiều chuộng để chiếm đoạt tài sản. Hai là cho ít

11 Diện tiền ái ngôn .D. 31: Anuppiya bhānīnói lời ngọt ngào, có nghĩa là nịnh hót. 12 Nguyên tác: Ngôn ngữ Giỏi giao thiệp .D. 31: Vacīparamo nói giỏi. 13 Nguyên tác: Ác thú bạn .Thú mang nghĩa xúi giục .Tham chiếu: Thiên Sanh Tử kinh roi. 0017. 0253b27: 14 Nguyên tác: Hiệp tập .“Hiep"có nghĩa gần gũi và "tập” cũng mang nghĩa thân cận . ^tNguyen tác: Nhận ,dùng như chữ nhiem”ủy nhiệm .Thiện Sanh Tử kinh .01. 0017. 0253b20: Bàn chuyện yếu kem trong quá khứ của ngươi . 16 Nguyên tác: Hiện sự tất diệt .Diệt dùng như chừ "thỉT :Yêu thỉnh ,chiêu hoán tì .

LÚC ấy, đức Thế Tôn nói kệ: Bày các trò tiêu khiển, Uống rượu, lấy vợ người, Tập hư hèn, lìa thiện, Như cuối tháng trăng tàn, Hạng này phải lánh xa, Như tránh con đường hiểm. [0640c02] Này Thiện Sanh! Nên biết có bốn hạng bạn chân thành.17 Bốn hạng đó là gì? Một là hạng đồng cam cộng khổ, nên biết đó là bạn chân thành. Hai là hạng người có lòng từ mẫn, nên biết đó là bạn chân thành. Ba là hạng người thường đem đến18 điều tốt đẹp, nên biết đó là bạn chân thành. Bốn là hạng người luôn giúp đỡ người khác, nên biết đó là bạn chân thành. Này Thiện Sanh! Nên biết, hạng đồng cam cộng khổ là bạn chân thành thì có bốn trường hợp. Bốn trường hợp đó là gì? Một là vì bạn nên không tiếc thân mạng. Hai là vì bạn nên không tiếc tiền của. Ba là vì bạn mà buông bỏ vợ con. Bốn là biết lắng nghe người khác.19 J Bay giờ, đức The Ton nói kẹ nay: Bỏ dục, tài, vợ con, Biêt lăng nghe người khác, Cùng chia sẻ khổ vui, Người trí nên thân cận. Này Thiện Sanh! Nên biết, hạng người có lòng từ mẫn là bạn chân thành thì

có bốn trường hợp. Bốn trường hợp đó là gì? Một là dạy người điều tốt đẹp. Hai là ngăn chặn pháp ác. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là cảm hóa20 oan gia. Roi đức The Ton noi kẹ nay: Dạy làm lành, ngăn ác, Khen trước mặt, tiêu thù, Bạn chân thành từ mẫn, Người trí nên thân cận. Này Thiện Sanh! Nên biết, hạng người thường đem đến điều tốt đẹp là bạn chân thành thì có bốn trường hợp. Bốn thường hợp đó là gì? Một là chia sẻ bí mật của mình với bạn.21 Hai là điều bí mật của bạn thì giữ gìn.22 Ba là bạn được lợi thì vui mừng.23 Bốn là mình không được lợi vẫn không buồn.24

17 Nguyên tác: Thiện thân mittā suhadā'. Bạn tâm phúc. 18 Nguyên tác: cầu :. 19 Nguyên tác: Sở thuyết kham nhận .Tham chiếu: Thiện Sanh Tử kinh roi. 0017. 0253c13:. 20 Nguyên tác: Khước :. 21 Nguyên tác: Mật sự phát l:Chia sẻ điều bí mật của mình. Tham chiếu: Thiện Sanh Tử •rroi. 0017. 0253C19: Kỷ tư bất ẩn .0. 31: Guyhamassa ācikkhati nói cho bạn biết điều bí mật của mình, HT. Thích Minh Châu dịch. 22 Nguyên tác: Mật bất phú ng~.Thực rạ, nghĩa của mệnh đề nàybổ sung cho mệnh đề trước. Phải chăng cỏ sự nhầm lẫn ở đây? Tham chiêu: Thiện Sanh Tử kinh T.01. 0017. 0253C19: Bỉ tư bất tuyên D. 31: Guyhamassa parigūhati giữ gìn kín điêu bí mật của bạn, HT Thích Minh Châu dịch 23 Nguyên tác: Đắc lợi vi hỷ :Bạn được lợi thì vui mừng. 24 Nguyên tác: Bất đắc lợi bất ưu :Mình không được lợi thì không buồn.

Bây giờ, đức Thê Tôn nói kệ: Biết chia sẻ, giữ gìn, Bạn lành đ1111111111111111111118ữa;1111111111111111111111ắT1111111

người nào biết thương yêu và thuận thảo với thầy tổ thì gia sản của người đó sẽ được tăng thêm chứ không suy giảm. Này Thiện Sanh! về phương Tây, tượng trưng bổn phận vợ chồng. Người chồng nên lấy năm điều để yêu thương, tôn trọng và chăm lo cho vợ. Năm điều đó là gì? Một là biết thương yêu vợ. Hai là không xem thường vợ. Ba là sắm sửa trang sức cho vợ. Bốn là để vợ được tự chủ việc nhà. Năm là thương vợ như yêu bản thân mình. Đó là năm điều mà người chồng thương yêu, tôn trọng và chăm lo cho vợ. Người vợ khéo kính thuận chồng thì cũng nên thực hiện mười ba điều.26 Mười ba điều đó là gì? Một là xem trọng việc thương yêu và kính trọng chồng. Hai là xem trọng việc chăm lo cho chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là trông nom các công việc. Năm là khéo cư xử với bà con. Sáu là trước mặt dõi mắt hầu trông. Bảy là sau lưng thể hiện thương mến. Tám là lời nói thành thật. Chín là không khóa kín cửa phòng. Mười là thật lòng27 khen ngợi việc tốt. Mười một là trải sẵn giường chiếu nghỉ ngơi.28 Mười hai là chuẩn bị nhiều thức ăn thơm ngon và sạch sẽ. Mười ba là cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Đó gọi là mười ba việc mà người vợ khéo kính thuận chồng. Này Thiện Sanh! Như vậy, về phương Tây có hai phần riêng biệt. Trong giáo pháp của bậc Thánh thì phương Tây được xem là biểu tượng vợ chồng. Nêu người nào thương yêu và chăm sóc vợ của mình thì gia sản của người đó sẽ được tăng thêm chứ không suy giảm. [0641Ồ06] Này

Thiện Sanh! về phương Bắc, tượng trưng bổn phận chủ tớ. Người chủ quan tâm, thương tưởng, hỗ trợ người giúp việc nên thực hiện năm điều. Năm điều đó là gì? Một là tùy sức họ mà giao việc. Hai là tùy thời mà cho họ ăn. Ba là tùy thời mà cho họ uống. Bốn là đúng ngày giờ thì cho họ nghỉ • __ \ e

ngơi. Năm là khi bệnh thì lo thuôc thang. Đó là năm điêu mà người chủ quan tâm, thương tưởng, hỗ trợ người giúp việc. Người giúp việc cũng nên lấy chín điều để khéo phụng sự người chủ. Chín điều đó là gì? Một là tùy thời làm việc. Hai là chuyên tâm làm việc. Ba là làm tất cả mọi việc. Bốn là trước mặt thì dõi mắt hầu trông. Năm là sau lưng thể hiện yêu mến. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ có việc gấp thì không nên bỏ đi. Tám là khi đi đến nơi khác thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen ngợi chủ hào phóng, rộng rãi. Đó là chín điêu người giúp việc khéo phụng sự chủ nhân. Này Thiện Sanh! Như vậy, về phương Bắc có hai phần riêng biệt. Trong giáo pháp của bậc Thánh thì phương Bắc được xem là biểu tượng chủ tớ. Nếu người nào thương tưởng, hỗ trợ người giúp việc thì gia sản của người đó sẽ được tăng thêm chứ không suy giảm.

26 Các bản kinh tương đương chỉ đề cập 5 điều. 27 Nguyên tác: Kiến lai :.
28 Nguyên tác: Đãi :.

Này Thiện Sanh! về phương dưới, tượng trưng quan hệ thân hữu và bằng hữu. Thân hữu nên lấy năm điều để thương yêu, kính trọng và giúp đỡ đối với bằng hữu. Năm điều đó là gì? Một là thương yêu và kính trọng. Hai là không khinh thường. Ba là không dối gạt. Bốn là trao tặng vật quý giá. Năm là quan tâm giúp đỡ bằng hữu. Đó là năm điều thân hữu thương yêu, kính trọng và giúp đỡ đối với bằng hữu. Bằng hữu khéo quan tam đến thân hữu thì nên thực hiện năm điều. Năm điều đó là gì? Một là nhận biết thân hữu hết tài vật. Hai là nhận biết thân hữu hết tài vật rồi liền giúp đỡ cho họ. Ba là thấy thân hữu buông lung liền khuyên bảo. Bốn là quan tâm và yêu mến. Năm là làm chỗ nương tựa khi thân hữu hoạn nạn. Đó là năm điều mà bàng hữu khéo quan tâm đến thân hữu. Này Thiện Sanh! Như vậy, vê phương dưới có hai phân riêng biệt. Trong giáo pháp của bậc Thánh thì phương dưới được xem là biểu tượng thân hữu và băng hữu. Nêu người nào thương yêu và lo lăng cho băng hữu thì gia sản của người đó sẽ được tăng thêm chứ không suy giảm. [064lc02] Này Thiện Sanh! về phương trên, tượng trưng quan hệ thí chủ và Sa-môn, Phạm chí. Thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn9 Phạm chí. Năm điều đó là gì? Một là được tự do đến và đi. Hai là khi Sa-môn đến nhà liền ca ngợi được phước lành. Ba là sửa soạn chỗ tiếp đón. Bốn là bày biện nhiều thức ăn uống tinh sạch thơm ngon. Năm là ủng hộ như pháp. Đó là năm điêu mà thí chủ tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Sa-môn, Phạm chí khéo quan tâm đến thí chủ cũng nên thực hiện năm điều. Năm điều đó là gì? Một là dạy về niềm tin, thực hành về niềm tin và tư duy về niềm tin.29 Hai là dạy vê các giới câm. Ba là dạy vê nghe học nhiêu. Bôn là dạy vê bô thí. Năm là dạy về trí tuệ, thực hành theo trí tuệ và cách thức để có trí tuệ. Đó là năm việc Sa-môn9 Phạm chí quan tâm đến thí chủ. Này Thiện Sanh! Như vậy, về phương trên có hai phần riêng biệt. Trong giáo pháp của bậc Thánh thì phương trên được xem là biểu tượng thí chủ và

Sa-môn, Phạm chí. Nếu người nào tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí thì gia sản của người đó sẽ được tăng thêm chứ không suy giảm. Này Thiện Sanh! Lại có bốn nhiếp sự:30 Là bốn loại nào? Một là huệ thí, hai là nói lời khả ái, ba là làm lợi cho người và bốn là khi được lợi thì chia đều. Bây giờ, đức The Ton nói kê nay: Huệ thí và ái ngữ, Thường làm lợi vì người, Chúng sanh lợi hưởng đồng, Tiếng lành vang khắp nơi, áp này gìn giữ đời, Như người khéo đánh xe. liếp sự này thiếu vắng, Mẹ không được con mình,

29 Nguyên tác: Giáo tín, hành tín, niệm tín . 30 Nhiếp sự tức 4 nhiếp pháp :Huê thí ,ái ngữ ,lợri hành ,đẳng lợi .Cung được viết: Bố thí ,ái ng"te, lợi hanh ;đong sự

Phụng dưỡng và cung kính, Con với cha cũng vậy, Nêu có nhiếp sự này, Phước lành thường được hưởng. Chiếu xa như mặt trời, Tiếng tốt truyền muôn nơi, Thông minh, thô chẳng nói, Như vậy được tiếng tăm. Định vững, không cao ngạo, Tiếng tốt nhanh lan truyền, Thành tựu tín và giới,31 Như vậy được danh ximg. Dậy sớm không lười nhác, Vui vẻ thí thức ăn9 Hướng người vào đường chánh, Như vậy được thanh danh. Chia sẻ cùng bạn bè, Yêu thương đúng giới hạn, Là giữ gìn người thân, Thù diệu như sư tử. Trước phải học nghề nghiệp, Sau mới có tiền tài, Sản nghiệp đã dựng thành, Nên chia ra làm bốn: Một, lo việc uống ăn, Hai, chăm lo sản nghiệp, Ba, cất giữ để dành, Phòng khi cần có việc, Cấp cho kẻ nông, thương, Bốn, xuất nhập kiếm lời, Thứ năm để cưới vợ, Sáu, xây dựng cửa nhà. Tại gia đủ sáu việc,32 Hưng thịnh sống an vui, Tiên tai luôn đay áp, Như nước xuôi ve biển. Người tạo tài sản ấy, Như ong hút nhụy hoa, Kiên trì chăm sản nghiệp, Sẽ tự hưởng an vui. Chi tiêu có chừng mực, Chớ xa xỉ khi dùng, Không lấy tiền ban phát, Cho kẻ ác, hoang đàng. Phương Đông là mẹ cha, Phương Nam là tổ thầy, Phương Tây là thê tử, Phương Bắc là người làm, Phương dưới là thân hữu, Phương trên bậc tịnh tu. Kính lễ các phương này, Mình, người đều hưởng lợi, Do lễ các phương ấy, Thí chủ được sanh thiên. [0642al9] Đức Phật dạy như vậy, Thiện Sanh, con người trưởng giả, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.33

31 Thi-lại sĩỉa, nghĩa là giới. 32 Hai phần tiền tài dùng trong mục thứ 5 và thứ 6 thực tế cũng nằm trong phần thứ 3, là sử dụng cho những việc cần . 33 Bản Hán, hết quyển 33.

136. KINH THƯƠNG NHÂN CÀU TÀI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0642001] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thuở xưa, tại châu Diêm-phù có một nhóm thương nhân tập hợp tại nhà khách buôn rồi cùng nhau bàn luận như vầy: "Chúng ta nên đóng một chiếc thuyền vượt biển để ra khơi tìm của cải châu báu? mang về chi dụng trong gia đình.^, Rồi họ bàn luận tiếp: "Này các bạn, việc đi biển thì không thể lường trước được an ổn hay rủi ro. Vì vậy, chúng ta hãy chuẩn bị đầy đủ các loại dụng cụ làm phao nổi trên biển, như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và chiếc b§." Sau khi mọi người đã chuẩn bị đầy đủ các loại dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và chiếc bè

rồi ra biển cả. Khi đã vào trong biển cả, họ bị vua cá Ma-kiệt2 phá vỡ chiếc thuyền ấy. Mỗi thương nhân đều tự bám vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay chiếc bè rồi trôi nổi đến các phương. Lúc đó, từ biển phía Đông bỗng có gió lớn nổi lên, thổi các thương nhân trôi dạt vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy, họ gặp một nhóm các thiếu nữ rất xinh đẹp, đoan chánh, với nhiều trang sức rất lộng lẫy trang điểm thân mình. Những thiếu nữ ấy trông thấy họ liền nói: "Kính chào quý vị! Xin mời quý vị hãy mau đến đây! Nơi đây tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lầu gác, ao tắm, chỗ ngồi và nằm, rừng cây xanh tốt, hoa cỏ sum suê; lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma- ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, xích thạch, toàn châu. Tất cả những thứ này đều dành cho quý vị. Hãy cùng với chúng tôi vui chơi thỏa thích. Mong các thương nhân châu Diêm-phù đừng đi về phương Nam, dù là trong mpng."

1 Quyển 34. Nguyên tác: Thương nhân cầu tài kỉnh (01. 09?6.16QQ42ạ28). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.45.1. 0769bl5); Phật bản hạnh tạp kinh (roi 0190. 0880b03); Lục độ tập kinh (T03. 0152.4. 0019cl8-0020b05); Lục độ tập kinh (T03 0152.6. 0033024-C14); J. II. 196. 2 Ma-kiệt ngư vương ()còn gọi là Ma-già-đà ngư vương ().Theo Phiên dịch danh nghĩa (7.54. 2131.02. 1091b01) gọi là cá kình (),tức một loại cá voi. Trong Kinh tạng Pali, loài cá này được gọi là makara, một linh vật sông miên sông nước mang tính huyên thoại.

Các thương nhân ấy liền cùng với nhóm phụ nữ kia vui chơi thỏa thích. Thế rồi các thương nhân ấy, nhân vì giao hội cùng với những người phụ nữ nên có người sanh con trai, có người sanh con gái. về sau, trong số những người ở châu Diêm-phù ấy, có một thương nhân trí tuệ, một mình ở nơi yên vắng, suy nghĩ như vầy: "Vi ly do gì mà nhóm phụ nữ này ngăn cản chúng ta không cho đi về phương Nam? Ta nên canh chừng người phụ nữ sống chung này, khi biết cô ta đã ngủ say, ta sẽ rón rén thức dậy roi lén đi về phương Nam." Sau khi nghĩ như vậy, thương nhân trí tuệ ở châu Diêm-phù đó canh chừng người phụ nữ sông chung, khi biêt cô ta đã ngủ, liên rón rén thức dậy roi lén đi về phương Nam. Khi thương nhân trí tuệ ở châu Diêm-phù ấy đi về phía Nam, từ xa đã nghe có tiếng kêu la, âm thanh vang dội, tiếng nhiều người than khóc áo não, có tiếng kêu cha gọi mẹ, có tiếng kêu réo vợ con và các bạn bè thân thích yêu mến, rằng: "Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn hân hoan, nay không còn thấy nữa.^, Khi nghe vậy rồi, thương nhân ấy vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc, rồi thầm nguyện: "Mong cho loài người và phi nhân đừng quấy rối ta!" Lúc đó? thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ây tự kiêm chê nôi sợ hãi roi tiếp tục tiến dần về phía Nam. Khi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy đã tiến dần về phía Nam thì bỗng thấy phía Đông có một tòa thành bằng sắt rất lớn. Sau khi trông thấy, thương nhân liền tìm khắp xung quanh nhưng không thấy cửa để vào, thậm chí một lỗ nhỏ đủ để con mèo chui ra cũng không có. [0642c04] Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy thấy ở phía Bắc của thành sắt có một cội cây cực lớn sum suê, liền đi đến chỗ cây cực lớn ấy rồi từ từ leo lên cây. Lên đến chỗ cao rồi, thương nhân hỏi mọi người: "Này các bạn! Vì sao các bạn khóc la áo não, kêu cha

gọi mẹ, kêu réo vợ con và các bạn bè thân thích yêu mến, bảo rằng: 'Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn hân hoan nay không còn thấy nữa9 nghĩa là sao?" Khi ấy mọi người liền đáp: "Này bạn! Chúng tôi cũng là những thương nhân ở châu Diêm-phù, cùng nhau tập hợp tại nhà khách buôn rồi bàn luận như vầy: 'Chúng ta hãy đóng một chiếc thuyền vượt biển để ra khơi tìm của cải, châu báu rồi mang về để chi dụng trong gia đình/ Này bạn, chúng tôi lại nghĩ như vầy: 'Này các bạn, việc đi biên thì không thể biết trước được an ổn hay rủi ro. Vậy chúng ta phải chuẩn bi đây đủ các loại dụng cụ làm phao nôi trên biên, như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và chiếc bè/Này bạn, ngay sau đó chúng tôi thảy đều chuẩn bi đầy đủ các loại dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và cái chiếc bè rồi cùng ra biển lớn. Này bạn, khi chúng tôi đã ở trên biển thì bị vua cá Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Này bạn, những thương nhân chúng tôi môi người đêu tự bám vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay chiếc bè trôi nổi đến các phương.

136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI 887

Bấy giờ, từ biển phía Đông bỗng có gió lớn nổi lên, thổi những thương nhân chúng tôi trôi dạt vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy, chúng tôi gặp một nhóm các thiếu nữ rất xinh đẹp, đoan chánh, với nhiều trang sức rất lộng lẫy trang điểm thân mình. Nhóm thiếu nữ kia trông thấy chúng tôi liền nói: 'Kính chào quý vị! Xin mời quý vị hãy mau đến đây! Cảnh trí nơi đây vô cùng tươi đẹp, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lầu gác, ao tắm, chỗ ngồi và nằm5 rừng cây xanh tốt? hoa cỏ sum suê; lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô? hổ phách, mã não, đồi mồi, xích thạch, toàn châu. Tất cả những thứ này đều dành cho quý vi. Hãy cùng với chúng tôi vui chơi thỏa thích. Mong các thương nhân châu Diêm-phù đừng đi về phương Nam, dù là trong mộng/ Này bạn, lúc đó chúng tôi cùng với các phụ nữ đó cùng vui chơi thỏa thích. Roi chúng tôi cùng giao hội với các phụ nữ nên có người sanh con trai, có người sanh con gái. Này bạn, nếu những phụ nữ ấy không nghe ở châu Diêm-phù có những thương nhân khác đang ở giữa biển bị vua cá Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ và chúng tôi cùng nhau vui chơi thỏa thích. Này bạn, nếu những phụ nữ ấy nghe châu Diêm-phù có những thương nhân khác đang ở giữa biển bị vua cá Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ liền ăn thịt chúng tôi, thật vô cùng bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót lại tóc, lông, móng, răng thì những phụ nữ ấy lấy ăn cho hết. Hoặc khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất thì những phụ nữ ấy liền dùng móng tay cào đất sâu xuống bốn tấc, rồi lấy mà ăn. Này bạn, nên biêt chúng tôi vôn là năm trăm thương nhân ở châu Diêm-phù. Trong sô này, đã bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người hiện đang ở trong thành sắt lớn này. Này bạn, bạn chớ nên tin lời của những phụ nữ ấy, họ không phải là người mà chính là quỷ la-sat?9 [0643al0] Bấy giờ, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù từ trên cây lơn sum suê ấy, từ từ leo xuống rồi quay trở về chỗ cũ5 chung sống với phụ nữ ấy. Khi biết người phụ nữ ấy còn ngủ say, ngay trong đêm đó? thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù tức tốc đi đến chỗ ở của các thương nhân châu Diêm-phù và nói: "Các bạn hãy theo tôi đến một nơi vắng vẻ? chỉ đi một mình, đừng dẫn theo con cái. Chúng ta hãy tập trung tại chô đó vì có điêu bí mật cân bàn bạc." Thế rồi, những thương nhân châu Diêm-phù

cùng đi đến một nơi vắng vẻ. Họ đi một mình, không dẫn theo con cái. Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói: "Này các bạn, lúc tôi sống một mình ở nơi thanh văng đã suy nghĩ như vây: 'Vì lý do gì mà những phụ nữ này ngăn cản không cho chúng ta đi về phương Nam? Ta nên canh chừng người phụ nữ sống chung này, khi biết cô ta đã ngủ say, ta rón rén thức dậy rồi lén đi về phương Nam/ Thế rồi, tôi canh chừng người phụ nữ sống chung, khi biết cô ta đã ngủ say, liền rón rén thức dậy rồi lén đi về phương Nam. Khi tôi đi về phương Nam, từ

xa nghe có tiếng kêu la, âm thanh vang dội? tiếng nhiều người khóc than áo não, có tiếng kêu cha gọi mẹ, có tiếng kêu réo vợ con và các bạn bè thân thích yêu mến, rằng: 'Châu Diêm-phù tốt đẹp, an ổn hân hoan, nay không còn thấy nữa.' Khi nghe vậy, tôi vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc, rồi thầm nguyện: 'Mong cho loài người và phi nhân không quấy rối ta!' Sau đó? tôi tư mình kiềm chế nỗi sợ hãi, rồi tiếp tục tiến dần về phương Nam thì bỗng thấy phía Đông có một tòa thành bằng sắt lớn. Sau khi trông thấy, tôi liền tìm khắp xung quanh nhưng không thấy cửa để vào, thậm chí một lỗ nhỏ đủ để con mèo chui ra cũng không có. Tôi lại thấy ở phía Bắc của thành sắt có một cội cây to lớn sum suê, liền đi đến đó9 từ từ leo lên cây. Lên đến chỗ cao rồi, tôi liền hỏi mọi người: 'Này các bạn! Vì sao các bạn khóc than áo não, kêu cha gọi mẹ5 kêu réo vợ con và các r y r 7

bạn bè thân thích yêu mên5 bảo răng: 'Châu Diêm-phù tót đẹp5 an ôn hân hoan, nay không còn thây nữa' nghĩa là sao?" Khi ấy mọi người liền đáp: 'Này bạn! Chúng tôi cũng là những thương nhân ở châu Diêm-phù, cùng nhau tập hợp tại nhà khách buôn rồi bàn luận như vầy: 'Chúng ta hãy đóng thuyên vượt biên roi ra khơi tìm của cải châu báu mang vê để chi dụng trong gia đình/ Này bạn5 chúng tôi lại bàn tính tiếp: 'Này các bạn, việc đi biển thì không thể biết trước được an ổn hay rủi ro. Vậy chúng ta hãy chuẩn bị đầy đủ các loại dụng cụ làm phao noi trên biển trên biển, như túi bang da dê đen, trái bầu lớn và chiếc b©' Này bạn, ngay sau đó chúng tôi đều chuẩn bị đầy đủ các loại dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê dèn, trái bau lớn và cái chiếc bè roi ra biển cả. Này bạn, khi chúng tôi đã ở trong biển thì bị vua cá Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Này bạn, những thương nhân chúng tôi mỗi người đều tự bám vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay chiếc bè9 trôi nổi đến các phương. Bấy giờ, từ biển phía Đông bỗng nhiên gió lớn nổi lên, thổi những thương nhân chúng tôi trôi dạt vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy, chúng tôi gặp một nhóm các thiếu nữ rất xinh đẹp, đoan chánh, với nhiều trang sức rất lộng lẫy trang điểm thân mình. Nhóm thiếu nữ trông thấy chúng tôi, liền nói: 'Kính chào quý vị! Xin mời quý vị hãy mau đen đây! Nơi đây tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lau gác, ao tắm, chỗ ngoi và nam, rừng cây xanh tốt, hoa cỏ sum suê; lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô5 hổ phách, mã não, đồi mồi, xích thạch và toàn • r £ •

châu. Tát cả những thứ này đêu dành cho quý vi. Hãy cùng với chúng tôi vui chơi thỏa thích! Mong các thương nhân châu Diêm-phù đừng đi về phương Nam, dù là trong

mộng!9 Này bạn! Nghe vậy, chúng tôi liền cùng với các phụ nữ đó vui chơi thỏa thích. Roi chúng tôi cùng giao hội với các phụ nữ ấy nên có người sanh con trai, có người sanh con gái. Này bạn, nếu những phụ nữ ấy không nghe ở châu Diêm-

phù có những thương nhân khác đang ở giữa biển và bị vua cá Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ và chúng tôi cùng vui chơi thỏa thích. Này bạn, nếu những phụ nữ ây nghe châu Diêm-phù có những thương nhân khác đang ở giữa biển và bị vua cá Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì chúng tôi liền bị họ ăn thịt, phải chiu sự bức bách vô cùng. Nêu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì những phụ nữ phải tìm lấy rồi ăn cho hết. Hoặc khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất thì những phụ nữ ấy liền dùng móng tay cào đất sâu xuống bốn tấc, rồi lấy mà ăn. Này bạn, nên biết chúng tôi vốn là năm trăm thương nhân ở châu Diêm- phù. Trong số đó, đã bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người hiện đang ở trong thành sắt lớn này. Này bạn, bạn chớ nên tin lời của những phụ nữ ấy, họ không phải là người mà chính là quỷ la-sáf,5 [0643c06] Khi ấy, những thương nhân châu Diêm-phù hỏi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù ấy rằng: "Này bạn! Sao bạn không hỏi thăm nhóm người kia rằng: 'Này các bạn! Có cách nào để chúng tôi và các bạn từ nơi này trở về châu Diêm-phù được an toàn?'" Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù đáp: "Này các bạn! Khi tôi rời khỏi nơi ấy đã không kịp hỏi như vậy.95 Rồi các thương nhân châu Diêm-phù nói: "Này bạn! Bạn hãy trở về chỗ cũ chung sống với người phụ nữ ấy, rồi đợi đến khi cô ta ngủ say thì hãy rón rén thức dậy rồi lén đi về phương Nam, trở lại chỗ nhóm người kia và hỏi: 'Này các bạn! Có cách nào để chúng tôi và các bạn từ nơi này trở ve châu Diêm-phù được an toàn không?9,5 Lúc đó, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù im lặng nhận lời các thương nhân. Rồi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù trở về chỗ cũ? cùng chung sống với phụ nữ ấy, quan sát biết cô ta đã ngủ say, bèn rón rén thức dậy rồi lén đi đến phương Nam, lại đen chỗ nhóm người kia và hỏi: "Này các bạn! Có cách nào để chúng tôi và các bạn từ nơi này trở về châu Diêm-phù được an toàn khong?" Nhóm người đó trả lời: 9 y

“Này bạn! Hoàn toàn không có cách gì đê cho chúng tôi và các bạn trở vê châu Diêm-phù một cách an toàn. Này bạn! Chúng tôi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy cùng nhau đào phá bức tường này di, rồi trở về chỗ cũ.' Vừa nghĩ như vậy thì bức tường liền chuyển động và cao gấp đôi bình thường. Này bạn, thê là cách này không thể giúp chúng tôi từ đây trở về châu Diêm-phù một cách an ổn. Này bạn, có cách nào khác để có thể giúp các bạn từ đây trở về châu Diêm-phù được một cách an toàn hơn không, chứ chúng tôi hoàn toàn không còn cách nào. Này bạn! Chúng tôi nghe trên không trung có tiếng nói rằng: 'Những thương nhân châu Diêm-phù ngu si không định tĩnh, cũng không khéo hiểu biết. Vì sao

như vậy? Vì không hiểu rằng3 vào ngày rằm là ngày thuyết giới thì hãy đi về phương Nam. Nơi ấy có Mao mã vương4 ăn gạo trắng tự nhiên, an ôn hân hoan, các căn sung

mãn, ba lần xướng lên rằng: 'Ai muôn qua bờ bên kia? Ai muôn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ chỗ này đến châu Diêm-phù được an ổn?5 Các người hãy cùng đến chỗ Mao mã vương mà nói như vây: 'Chúng tôi muốn được qua bờ bên kia. Mong giải thoát cho chúng tôi! Mong đưa chúng tôi tò nơi đây trở về châu Diêm-phù một cách an 6n!" Này các bạn, đó là cách giúp các bạn từ đây trở về châu Diêm-phù được an toàn. Này thương nhân, hãy đến đây! Các vị nên đi đến chỗ Mao mã vương kia mà nói rằng: 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi? xin đưa chúng tôi từ đây trở về châu Diêm-phù được an [0644a08] Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù nói: "Này các thương nhân! Hôm nay, hãy đến chỗ Mao mã vương và nói: 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi, xin đưa chúng tôi từ đây trở vê châu Diêm-phù được an ôn.9 Các thương nhân sẽ tùy theo ý của chư thiên. Này các thương nhân, nếu vào ngày rằm, là ngày thuyết giới, Mao mã vương ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn hân hoan, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng: 6 Ai muốn qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ chỗ này đến châu Diêm-phu được an ổn?9 Bấy giờ, chúng ta hãy đến chỗ đó mà nói rằng: 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi, xin đưa chúng tôi từ đây trở ve châu Diêm- phù được an ổn/ LÚC đó5 vào ngày răm, là ngày thuyêt giới, Mao mã vương ăn gạo trăng tự nhiên, an on hân hoan, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng: "Ai muốn được qua bờ bên kia? Ta sẽ đưa họ qua bờ5 ta sẽ đưa những người đó từ đây đến châu Diêm-phù một cách an ổn.,, Khi những thương nhân châu Diêm-phù nghe xong, liền đi đến chỗ của Mao mã vương và nói: "Chúng tôi muốn được qua đến bờ bên kia, mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ chỗ đây đến châu Diêm-phù một cách an 6n." Bây giờ, Mao mã vương nói: "Này các thương nhân, những người phụ nữ kia chắc chắn sẽ cùng nhau ẵm con đến đây và nói rằng: 'Này các phu quân, hãy trở về đây! Nơi đây tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lầu gác, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây tươi tốt, hoa cỏ sum suê. Lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma- ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo,

3 Nguyên tác: Bất năng linh .Linh dùng như chữ %11",nghĩa là hiểu. 4
Mao mã vương [+].Theo J. II. 196: Valāhassa, gọi là 4íVân m*'.

xích thạch và toàn châu. Tất cả đều dành cho các phu quân. Hãy cùng với chúng thiếp vui chơi thỏa thích. Giả sử phu quân không cần đến thiếp thì nên thương nghĩ đen con trẻ.9 Nêu các vị nghĩ rang: 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lầu gác, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây tươi tốt, hoa cỏ sum suê. Lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma-ni, trân châu, bh ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch và tuyên chau9 thì dù các vị có cưỡi trên limg ta, ăt sẽ bị ngã lộn nhào rồi rơi xuống nước, ngay lúc đó sẽ bi những phụ nữ kia ăn thịt, phải chịu sự bức bách vô cùng. Nêu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì những phụ nữ ấy sẽ lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất thì những phụ nữ ấy liền dùng móng tay cào đất sâu xuống bốn

tấc, rồi lấy mà ăn. Còn nếu các vị không nghĩ rằng: 'Ta có con trai, con gái. Ta có nơi tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lầu gác, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây tươi tót hoa cỏ sum suê. Lại có nhiêu tiên tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô? hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch và toàn châu5 thì dù các vị chỉ nam một sợi lông trên thân ta, chác chăn quý vị sẽ được đên châu Diêm-phù một cách an ôn.^, [0644bl6] Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Những phụ nữ kia ăm con đên và nói: "Này các phu quân, hãy trở vê đây! Nơi đây tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lâu gác, ao tăm, chô ngôi năm, rừng cây tươi tôt? hoa cỏ sum suê. Lại có nhiêu tiên tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô5 hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch và toàn châu. Tát cả đêu dành cho các phu quân. Hãy cùng với chúng thiêp vui chơi thỏa thích. Giả sử phu quân không cân đên , r r >

thiêp thì nên thương nghĩ đên con trẻ." Nêu các thương nhân kia nghĩ răng: "Ta có con trai, con gái. Ta có nơi tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lầu gác, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây tươi tốt, hoa cỏ sum suê. Lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, pha lê, lim ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ5 san hô5 hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch và toàn chau,9 thì dù họ có cưỡi trên limg Mao mã vương, ăt sẽ bị ngã lộn nhào roi rơi xuồng nước, ngay lúc đó sẽ bị những phụ nữ kia ăn thịt, phải chịu sự bức bách vô cùng. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì những phụ nữ ấy sẽ lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống đất thì những phụ nữ ấy liền dùng móng tay cào đát sâu xuồng bôn tác, roi lây mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng: “Ta có con trai, con gái. Ta có nơi tuyệt diệu vô cùng, cực kỳ khoái lạc, có vườn tược, lầu gác, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây tươi tốt, hoa cỏ sum suê. Lại có nhiều tiền tài, vàng bạc, pha lê, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch và toàn châu^, thì dù họ chỉ nắm một sợi lông trên thân của Mao mã vương, chắc chắn họ sẽ được đến châu Diêm-phù một cách an ổn.

892 KINH TRUNG A-HÀM

[0644c07] Này các Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ này là mong muốn các thầy hiểu nghĩa. Nghĩa của ví dụ này là: Pháp của Ta khéo thuyết, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyêt như vậy, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn5 không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: “Con mắt là ta, là sở hữu của ta; tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ta, là sở hữu của ta thì Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bi hại, giống như những thương nhân bị quỷ la-sát ăn thịt. Pháp của Ta khéo thuyết, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bi rỗng khuyết, cũng như câu, bè hay các dụng cụ làm phao nôi? được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyết như vậy, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: “Con mắt không

phải là ta, con mắt không phải là sở hữu của ta; tai, mũi, lưỡi, thân và ý không phải là ta, ý không phải là sở hữu của ta" thì Tỳ-kheo ấy nhất đinh sẽ được an ổn, giống như những thương nhân cưỡi trên lưng Mao mã vương mà qua bờ bên kia một cách an on. Pháp của Ta khéo thuyêt, hiên bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rông khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đen cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyết như vậy, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, khônệ bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyen rộng khắp, cho đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: "Sắc là ta, sắc là sở hữu của ta; thanh, hương, vị, xúc và pháp là ta, là sở hữu của ta" thi Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại. Ví như những thương nhân bị quỷ la-sát ăn thịt. Pháp của Ta khéo thuyết, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gùi, không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyết như vậy, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn5 không bi rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vầy: "Sác không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; thanh, hương, vi, xúc và pháp không phải là ta, không phải là sở hữu của ta” thi Tỳ-kheo ấy nhất định sẽ được an ổn. Ví như những thương nhân cưỡi trên limg Mao mã vương mà qua bờ bên kia một cách an ổn. Pháp của Ta khéo thuyết, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bi rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khăp9 cho đên cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyết như vậy, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bi rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Nếu có Tỳ- kheo nào nghĩ răng: "Sc uân là ta, là sở hữu của ta; thọ? tưởng, hành và thức

Uẩn là ta, là sở hữu của ta" thì Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như những thương nhân bị quỷ la-sát ăn thịt. Pháp của Ta khéo thuyết, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn9 không bi rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyết như vậy, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: "Sắc uẩn không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; thọ, tưởng, hành và thức uẩn không phải là ta, không phải là sở hữu của ta" thi Tỳ-kheo ấy nhất đinh sẽ được an ổn. Ví như những thương nhân cưỡi trên lưng Mao mã vương qua bờ bên kia một cách an ổn. Pháp của Ta khéo thuyết, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khăp? cho đên cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyêt như vậy, hiên bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nôi, được lưu truyên rộng kháp, cho đên cả trời, người. Nêu có Tỳ- kheo nghĩ rằng: "Bất là ta, là sở hữu của ta; cho đến nước, lửa, gió, hư không và thức là ta, là sở hữu của ta" thi Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ bị hại, giống như thương nhân bi quỷ la-sát ăn thịt. Pháp của Ta khéo thuyết, hiển bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rỗng khuyết, cũng

như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đên cả trời, người. Pháp của Ta khéo thuyêt như vậy, hiên bày sâu rộng, khéo léo giữ gìn, không bị rỗng khuyết, cũng như cầu, bè hay các dụng cụ làm phao nổi, được lưu truyền rộng khắp, cho đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nghĩ lẳng: "Bất không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; nước, lửa, gió, không, thức không phải là ta, không phải là sở hữu của ta", Tỳ-kheo ấy chắc chắc sẽ được an ổn, giống như thương nhân nhờ cưỡi trên lưng Mao mã vương mà được qua bờ bên kia một cách an ổn. [0645b01] Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ này: Nếu ai không kính tin, Giáo pháp Phật đã dạy, Người ấy sẽ bị hại, Như bị la-sát ăn. Nếu người nào kính tin, Giáo pháp Phật đã dạy, Người ấy được an ổn, Như cưỡi Mao mã vương. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

137. KINH THE GIAN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như Lai tự mình giác ngộ vê thê gian và cũng dạy cho người khác biêt rằng Như Lai đã thấy biết như thật2 thế gian. Như Lai tự mình giác ngộ về sự tập khởi của thế gian và cũng dạy cho người khác biết rằng Như Lai đã đoạn trừ sự tập khởi của thế gian. Như Lai tự mình giác ngộ về sự diệt tận của thế r gian và cũng dạy cho người khác biêt răng Như Lai đã giác ngộ vê sự diệt tận A

của thê gian. Như Lai tự mình giác ngộ vê con đường diệt tận34 O

5của thê gian và 7

cũng dạy cho người khác biết rằng Như Lai đã thực hành con đường diệt tận của thế gian. Đối với những gì cần được hiểu biết đúng đắn, đầy đủ và toàn diện thì tất cả những điều đó Như Lai đã biết, đã thấy và đã chứng ngộ. Vì sao như vậy? Vì đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đăng Chánh giác cho đên đêm từ

nay sẽ đi vào tịch diệt trong cảnh giới Vô dư Niêt-bàn/ suốt thời gian đó, với những gì được nói ra, được ứng đối từ chính miệng của Như Lai thì tất cả những điều ấy là chân lý, không hư vọng, không lìa chân như/ cũng không điên đảo, là chân lý chân thật. Nêu nói vê sư tử như thê nào thì nói vê Như Lai cũng giông như vậy. Vì sao như vậy? Vì Như Lai thuyết giảng trước đại chúng thì được gọi là rống lên tiếng rống sư tử. Trong tất cả thế gian, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa- môn5 Bà-la-môn, từ người cho đến trời, Như Lai là bậc Tịnh Thánh,6 Như Lai

1 Nguyên tác: Thế gian (roi. 0026.137. 0645b 10). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.894. 0224c27)7ấ.4.23-II. 23;/í. 121. 2 Nguyên tác: Tri (). Tham chiếu:,p.(T02. 0099.894. 0224c27) gọi là ctbiết như that"(); A. 4.23 - II. 23 gọi là "SỊT giác ngộ tối thượng và hoàn ton" (abhisambuddhā). 3 Nguyên tác: Đạo tích (ìÊ^,patipãda): Con đường. Nguyên tác bản Hán có khả năng thiếu chữ "diet" (M).T.(7102. 0099.894. 0224c27) ghija ccthegian diệt đạo tí,ch”(I A. 4.23, II. 23: Lokanirodhagāminīpatipadā (con đường dẫn đên sự đoạn diệt thế gian). Bản dịch tham chiếu 2 bản kinh vừa nêu. 4 Vô dư Niết-bàn giới (,Anupādisesā nibbãnadhãtù). 5 Nguyên tác: Bất ly ư như ().Tham chiếu: 4 4.23 II. 23: SabbaĩỴì

tam tatheva hoti, no aññathā (Tất cả những điều ây chính thực là như vậy, không đôi khác), HT. Thích Minh Châu dịch. 6 Phạm Hữu (Brahmabhūta): Đấng Trong Sạch, bậc Tịnh Thánh. Bhūtā ở đây được hiểu là một sinh loại mang nghĩa tôn kính.

là bậc VÔ Thượng Thanh Lương,7 tâm hết bứt rứt, thân hết nóng nảy, chân thật không hư vọng. Bây giờ, đức Thê Ton noi kẹ nay: Biết tất cả thế gian, Thoát khỏi mọi thế gian, Dạy bảo cho thế gian, Biết như thật thế gian. Đấng Đại Hùng Tối Tôn, Vượt thoát mọi buộc ràng, Diệt sạch tất cả nghiệp, Sanh tử đều giải thoát. Dù trời hoặc là người, Thảy đều quy mạng Phật, Đảnh lễ đức Như Lai, Biển lớn sâu vô cùng. Chư thiên, càn-thát-bà58 Kính lạy đấng Giác Ngộ, Chúng sanh trong tử sanh, Đều cúi đầu đảnh lễ. Đảnh lễ bậc Trí Si, Quy mạng đấng Thượng Nhân, Vô ưu9 lìa tran lụy, Vô ngại, các giải thoát. Nên thường vui thiền đinh, Sống viễn ly, tịch tĩnh, Hãy tự mình thắp đuốc, Thân mất,9 mất duyên may,10 Duyên mất sẽ buồn đau, Là đọa trong địa ngục. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 Chí lãnh hữu Bậc mát lạnh cùng cực. A. 6.85 - III. 435 gọi là bậc Vô Thượng Thanh Lương Anuttararn Sītibhāvani. 8 Nguyên tác: Hương âm thần gandhabbā, còn gọi là nhạc thần hay càn-thát-bà. 9 Nguyên tác: Vô ngã :Bị mất thân người .

138. KINH PHƯỚC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. r . Ạ_____ • \ _ rrii Ạ fTī _ *1 ? , nn A 1 1 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Các thầy đừng sợ hãi với phước mà hãy khởi tâm niệm ưa thích. Vì sao như vậy? Vì nhờ có phước nên có an vui. Đoi với phước mà sợ hãi thì không có tâm niệm ưa thích an vui. Vì sao như vậy? Vì không có phước thì sẽ khổ đau. Tại sao như vậy? Vì Ta nhớ lại trong quá khứ đã tạo phước lâu dài nên được hưởng phước báu dài lâu, với tâm niệm ưa thích. Thuở xưa, Ta thực hành tâm từ trong bảy năm, nhờ đó mà trải qua bảy lần kiếp thành và kiếp hoại không sanh trở lại cối này. Khi thế giới này hư hoại, Ta sanh lên cõi trời Hoảng Dục.2 Đen khi thế giới này hình thành trở lại, Ta sanh vào trong cung điện trống không của Phạm thiên3 và làm Đại Phạm thiên trong cõi Phạm ấy. Ngoài ra5 Ta còn trải qua một ngàn lần làm Tự Tại thiên vương, ba mươi sáu lân làm Thiên Đê-thích và vô sô đời làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi? Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn, bành voi được phủ bằng những loại trang sức quý giá tốt đẹp. Vòi chúa đầu đàn Vu-sa-hạ4 được trang sức bằng chuỗi bạch châu. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi5 Ta có tám vạn bốn ngàn con ngựa, yên cương được trang sức bằng các loại châu báu tốt đẹp. Ngựa đầu đàn Mao mã vương5 được buộc dây dam bằng vàng và bạc xâu kết lại. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn cỗ xe được trang hoàng bằng bốn loại trang sức, dùng nhiều loại da vằn tốt đẹp của các loài thú như sư tử, cọp, beo, tạo thành nhiều màu sắc xen lẫn để trang hoàng, cỗ xe chạy nhanh nhất có tên là Nhạc Thanh.6

1 Nguyên tác: Phước kinh OI. 0026.138. 0645c15. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.10.7. 0565b23;^. 7.62-IV. 88. 2 Hoảng Dục thiên ,Ābhassarā tức Quang Âm thiên hay Cực Quang thiên . 3 Không Phạm cung điện Suññā Brahmavimānà. 4 Vu-sa-hạ tượng vương Uposathanāgarāja, tên của một con voi chúa. Tham chiếu: A. 7.62 - IV. 88: Hatthiratanam voi quý. 5 Mao mã vương + Valāhaka assarājā, tên con ngựa đầu đàn. A. 7.62-IV. 88: Assaratanain ngựa quý. 6 Nhạc Thanh xa Vejayantaratha.

Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn thành lớn, cực kỳ hưng thịnh, dân chúng đông đúc, lấy vương thành Câu- xá-hòa-đề7 làm trung tâm. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn lâu đài được làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Trong đó, đứng đầu là điện Chánh Pháp. [0646a07] Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn ngự tòa được làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, lưu ly và pha lê được trải nệm lót dệt bằng lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn bộ trang phục, có loại may bằng chất liệu vải sơ-ma98 có loại bằng gấm lụa, có loại bang vải kiếp-bối, có loại bang da sơn dương. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn 2 ĩ r e

ngàn cung nữ, thân thê nõn nà, sạch sẽ, trăng sáng, sác đẹp hơn người, không thua kém thiên nữ, tư dung đoan chánh, ai cũng ưa nhìn, dùng đầy đủ các loại châu báu, chuỗi ngọc để trang sức. Tất cả thể nữ đều thuộc dòng Sát-lợi. Còn những cung nữ thuộc chủng tộc khác thì nhiều vô số. Này Tỳ-kheo! Lúc làm Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn? cung cấp ngày đêm, vì Ta sửa soạn, muốn Ta thưởng thức. Này Tỳ-kheo5 trong tám vạn bon ngàn món ăn đó, có một món cực ngon, tinh sạch, M e 9 . .

có vô sô hương vi bô dưỡng, là món Ta thường dùng. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn thể nữ ấy, có một thể nữ thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh xinh đẹp, thường hầu hạ Ta. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn bộ trang phục kia, có một bộ bằng vải sơ-ma, hoặc băng gâm, hoặc băng kiêp-bôi, hoặc băng da sơn dương đen, là loại Ta thường mặc. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn tư tòa kia, có một ngự tòa làm bằng vàng, hoặc bang bạc, hoặc bằng lưu ly, hoặc bằng pha lê? được trải nệm lót dệt bang lông thú, có chăn đắp bằng gấm lụa mịn màng, hai đầu đặt gối ngủ làm bằng da sơn dương, là ngự tòa Ta thường nằm. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn tòa lâu đài ấy, có một lâu đài bằng vàng, hoặc bang bạc, hoặc lưu ly, hoặc pha lê tên là Chánh Pháp điện, là nơi mà Ta thường ở. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn thành lớn đó, có một thành cực kỳ hưng thịnh, dân chúng đông đúc tên là Câu-xá-hòa-đề, là nơi mà Ta thường ở.

7 Câu-xá-hòa-đề ,Kusāvatī. 8 Sơ-ma cũng viết là "s6ma".Xem chú thích 3, kinh số 135, tr. 873.

Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe ấy, có một cỗ xe tên là Nhạc K * ey r

Thanh. Cô xe này được dùng nhiêu loại da văn tót đẹp của các loài thú như sư tử, cọp, beo, tạo thành nhiều màu sắc xen lẫn để trang hoàng, cỗ xe này chạy rất nhanh, là cỗ xe mà Ta thường cưỡi để thưởng ngoạn vườn thượng uyển. Này Tỳ-kheo! Trong tám vạn bốn ngàn con ngựa ấy, có một con ngựa thân màu xanh biếc, đầu đen như quạ, gọi là Mao mã vương, là ngựa Ta thường cưỡi để thưởng ngoạn vườn thượng uyển. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn thớt voi lớn ây, có một thớt voi, toàn thân cực trăng, bảy chi đêu ngay thăng, gọi là voi chúa Vu-sa-hạ, là thớt voi mà Ta thường cưỡi đê thưởng ngoạn vườn thượng uyên. [0646bll] Này Tỳ-kheo! Ta nghĩ như vầy: uĐây là phước quả gì5 là phước báu gì mà hôm nay Ta có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lành lớn và có oai thần lớn như thế?" Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: "C6 lẽ do ba phước quả, là ba phước báu nên hôm nay Ta mới có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lành lớn và có oai thần lớn. Đó là bố thí, điều phục và thủ h." \ r

Roi The Ton liên noi kẹ: Quán sát phước báu này, Tót đẹp, nhiêu lợi ích, Ty-kheo, Ta thuở xưa, Bảy năm tu hạnh từ, Bảy lần kiếp thành, hoại, Không sanh lại cõi này. Lúc thế gian hủy hoại, Ta sanh trời Hoảng Dục, Lúc thế gian chuyển thành, Ta sanh cõi Phạm thiên, ở đó làm Đại Phạm, Ngàn kiếp Tự Tại thiên. Ba sáu lần Bế-thích, Vô lượng trăm Đảnh vương, Quán đảnh dòng Sát-lợi? Tối Tôn trong loài người, r .

Đúng pháp, không dao gậy, Thông lãnh cả nhân gian. Như pháp không lừa dối, Truyền an lạc chân thật, Đúng pháp trao truyền nhau, Thống lãnh khắp đại địa. Giàu có nhiều tiền tài? Sanh chủng tộc như đây, Lúa gạo thảy tràn đầy, Thành tựu bảy loại báu. Nhờ phước báu lớn này, Mà được sanh tự tại. Chư Phật ngự thế gian, Những điều Ngài giảng nói, Hiểu biết thật diệu kỳ? Thấy vô lượng thần thông, Ai biết mà không tin, Sẽ sanh nơi tăm tối. The nen hãy vì mình, Mong càu phước lành lớn, Hãy cung kính Chánh pháp, Thường niệm giáo pháp Phật. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

139. KINH CHON AN TỊNH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo tuổi trẻ vừa mới thành tựu giới thì hãy thường xuyên đến bãi tha ma để quán sát các tướng trạng của tử thi: Tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn? tướng bộ xương khô. Sau khi khéo ghi nhớ kỹ những tướng trạng tử thi rồi, vi ấy trở về trụ xứ, rửa sạch tay chân, trải tọa cụ trên giường và ngồi kiết-già, suy niệm về các tướng: Tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bi thú ăn9 tướng bộ xương khô. Vì sao như vậy? Vì nếu Tỳ-kheo ấy tu tập quán tưởng các tướng trạng này thì các bệnh tham dục, sân hận trong tâm sẽ mau chóng tiêu trừ. LÚC đo, đức The Ton noi kẹ nay: Nếu Tỳ-kheo tuổi trẻ, Chưa thành tựu niệm trụ, Hãy đến bãi tha ma, Đê trừ tâm tham dục. Tâm không còn hận, tranh, Từ mẫn với chúng sanh, Các phương đều trùm khắp, Hãy đến quán thân mình. Nên quán tướng xám xanh, Thối nát rồi hư hoại, Quán trùng, quạ rỉa thân, Xương khô lìa từng đốt. Ghi nhớ các tướng này, Rồi trở về trụ xứ, Rửa sạch tay và chân, Trải giường ngồi ngay thẳng. Chân thật quán thân mình, Trong thân và ngoài thân, Chứa đầy dại, tiểu tiện, Tim, gan cùng nội tạng. Nếu muốn đi khất

thực,12 Đen thôn ấp của người, Như tướng mặc áo giáp, Chánh niệm luôn bên thân. Nếu thấy sắc đáng yêu, Liên hệ dục mát trong, Thấy rồi chân thật quán. Chánh niệm giáo pháp Phật. Trong đây không gân cốt, Thịt, máu huyết cũng không, Chẳng thận, gan, phoi tim, Cũng không não, dãi, đàm.

1 Nguyên tác: Tức chỉ đạoy kinh roi. 0026.139. 0646c 10. Căn cứ vàqnội dung kinh, 6Ếtức chỉ đạo,?nhằm chỉ cho nơi quăng bỏ xác chét, bãi tha ma siwathikā. Đạo ơ đây mang nghĩa là nơi, chốn. Tức chỉ Mít: Sự dừng nghi, vắng lặng. MĀ. 81, 98 gọi là,"tGc dao,5 .Từ chỗ vắng lặng này, nếu Tỳ-kheo tu quán bát tịnh tương có khả năng đem đến sự vang lạng, an tịnh trong tam. Xem thêm Sn. 1.11. 2 Phân-vệ ,pindapāta'. Khất thực.

Địa đại thảy đều không, Thủy đại cũng lại đồng, Hỏa đại ây trông không, Phong đại cũng chẳng có. Nếu có cảm thọ nào, Liên hệ dục mát trong, Tất cả đều ngưng nghỉ, Nhờ quán bằng thật tuệ. Siêng năng hành như vậy, Tưởng bất tịnh chuyên trì. Dứt tuyệt tham, sân, si, Vô minh thảy tiêu trừ, Thanh tịnh thường rạng soi, Tỳ-kheo lìa chốn khổ. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

140. KINH KẺ KHÔN CÙNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Trong những cách mưu sinh thấp kém nhất, tận cùng nhất là thực hành khất thực.2 Thế gian thật sự rất kiêng kỵ, gọi là "kẻ đầu trọc ôm bát mà di." Vậy những người thiện nam ây vì mục đích gì mà châp nhận? Vì lý do gì? Đó là vì chán ghét các nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết, lo buồn, khóc than, khổ não, hoặc để đi đến tận cùng giới hạn của khối khổ đau lớn này. Các thầy lẽ nào không phải với tâm như vậy mà xuất gia học đạo chăng? Các Tỳ-kheo bạch: - Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: -Có kẻ ngu si kia, với tâm như vậy mà xuất gia học đạo, thế nhưng lại sống theo tham dục, chìm đăm đên tận cùng, bị sự ô trược quân chặt lây tâm, ganh ghét, không niềm tin, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, tuệ thấp kém, tâm cuồng, các căn rối loạn, xem thường việc giữ giới, không tu hạnh Sa- môn, không tăng tiên hành trì. Cũng như người dùng mực đê tây dâu mực do, lấy máu để rửa máu, lấy giẻ dơ lau chỗ dơ, lấy bẩn tẩy chỗ bẩn, lấy phân tẩy phân thì chỉ tăng thêm ô uế mà thôi. Đó là từ chỗ tối tăm vào tối tăm, từ chỗ mờ mịt vào mờ mịt. Như Lai nói kẻ ngu si giữ giới Sa-môn kia cũng lại như vậy. Nghĩa là vị ấy sống theo tham dục? chìm đắm đến tận cùng, bị sự ô trược quấn chặt lấy tâm, ganh ghét, không niềm tin, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh đinh, tuệ tháp kém, tâm cuông, các căn roi loạn, xem thường việc giữ giới, không tu hạnh Sa-môn9 không tăng tiến hành trì. Giống như que củi tàn thiêu xác người trong rừng vắng, nó bị lửa thiêu rụi. Núi rừng không cần đến nó, thôn ấp cũng không dùng đến nó.3 Ta nói người ngu si giữ giới Sa-môn

1 Nguyên tác: Chỉ biên kinh (roi. 0026.140. 0647al5). Tham chiếu: Tạp.(T02. 0099.272. 0071114);$ 22.80-III. 91. 2 Tham chiếu: s. 22.80 - III. 91: Antamidam, bhikkhave^ jīvikānam yadidarn pindolyam (Này các Tỷ- kheo, đây là nghề sinh sống

hèn hạ nhất, tức là nghề khất thực), HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Tham chiếu: s. 22.80 - III. 91: Seyyathāpi, bhikkhave chavālātam ubhatopadittam majjhe gūthagatam, neva gāme katthattharn^ pharati, nāraññe katthattham pharati (Ví như, này các Tỷ-kheo, một que củi từ cho hỏa táng, cả 2 đầu đều cháy, ở giữa lại dính phan, không được dùng làm củi trong làng, không được dùng làm củi trong rừng), HT. Thích Minh Châu dịch.

cũng lại như vậy. Nghĩa là vị ấy sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, bị sự ô trược quân chặt lây tâm, ganh ghét, không niêm tin, lười biêng, mát chánh niệm, không chánh định, tuệ thấp kém, tâm cuồng, các căn rối loạn, xem thường việc giữ giới, không tu hạnh Sa-môn, không tăng tiến hành trì. /X • J. r _ ryq rrn A L • y Roi đức
The Ton nói kẹ nay: Người ngu mất dục lạc, Mất lý tưởng Sa-môn9 7 x M

Đạo, tục thảy đêu mát, Như lửa rụi, tro tàn. Như giữa khu rừng vắng, Thiêu thây thành đống tro, Rừng, thôn ấp không dùng, Người đam dục cũng thế, Như lửa cháy thành tro, Đạo, tục thảy đều mất. Đức Phật dạy như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

141. KINH VÍ Dư1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Tôn bao các Tỳ-kheo: -Nếu có vô lượng pháp lành được thành tựu thì tất cả pháp đó đều lấy không buông lung làm gốc, không buông lung làm tập khởi, do không buông lung mà phát sanh, không buông lung làm đầu. Trong các pháp lành, không buông lung là tôi thăng nhát. Cũng như làm ruộng, tát cả đêu phải nhờ vào đât? nương vào đát, tạo dựng trên đát mới làm ruộng được. Cũng vậy? nêu có vô lượng pháp lành thì tất cả pháp đó đều lấy không buông lung làm gốc, không buông lung làm tập khởi, do không buông lung mà sanh khởi, không buông lung làm đầu. Trong các pháp lành, không buông lung là tối thắng nhất. Cũng như các loại hạt giống,23các loại thảo mộc/ trăm thứ lúa mạ, các loại cỏ cây thảo dược được sinh trưởng, tất cả những thứ đó đều phải nhờ vào đất, nương vào đất, trồng trọt trên đất mới được sinh trưởng. [0647c0l] Cũng vậy? nếu có vô lượng pháp lành được thành tựu thì tất cả pháp đó đều lấy không buông lung làm gốc, lấy không buông lung làm tập khởi, do không buông lung mà sanh khởi, không buông lung làm đau. Trong các pháp lành, không buông lung là tối thắng nhất. Như trong các loại hương từ rễ4 thì trầm hương là bậc nhất. Trong các loại hương từ thân cây5 thì hương chiên-đàn đỏ6 là bậc nhất. Trong các loại hoa sinh trưởng trong nước thì hoa sen xanh là bậc nhất. Trong các loại hoa mọc nơi đất thì hoa tu-ma-na7 là bậc nhất. Trong những dấu chân của các loài thú thì các dấu chân đó đều nằm trong dấu chân voi, dấu chân voi gồm thâu tất cả? thế nên dấu chân voi là bậc nhát, vì rát rộng, rát lớn. Cũng vậy? nêu có vô lượng pháp lành

1 Nguyên tác: Dụ kỉnh TOI. 0026.141. 0647Ồ18. Tham chiểu: Tạp.7.02. 0099.1239. 0339bl3; Biệt Tạp.7.02. 0100.66. 0396Ồ08; s. 3.17 - L 195; s. 45.141-48 - v. 44. 2 Nguyên tác: Chủng tử thôn trực dịch từ bījagāma. Theo PED, bījagāma chỉ cho các loại hạt giong. 3 Quỷ thôn còn được viết là 4tquỷ thần

th0n,?trực dịch từ bhūtagāma. Theo PED, bhūtā có nghĩa là quỷ thần, cũng có nghĩa là hạt giông, ơ đây, bhūtagāma chỉ cho các loại cây cỏ. 4 Nguyen tác: Căn hương :Hương liệu từ rễ cây. 5 Nguyên tác: Thọ hương Hương liệu từ thân cây. 6 Xích chiên-đàn ,lohitacandanà: Chiên-đàn đỏ. 7 Tu-ma-na hoa sumanā'. Hoa lài.

được thành tựu thì tất cả pháp đó đều lấy không buông lung làm gốc, không buông lung làm tập khởi, do không buông lung mà phát sanh, không buông lung làm đầu. Trong các pháp lành, không buông lung là tối thắng nhất. Như trong các loài thú thì sư tử chúa là tối thắng nhất. Như khi dàn trận đánh nhau thì lời thề xung trận8 là bậc nhất. Như các đòn tay của lầu gác đều nương vào cây đòn dong,9 gác gối trên cây đòn dong, được giữ chặt bởi cây đòn dong, cây đòn dong là quan trọng nhất, vì nó giữ chặt cho tất cả. Cũng vậy, nếu * r y r

CÓ vô lượng pháp lành được thành tựu thì tát cả pháp đó đêu lây không buông lung làm gốc, không buông lung làm tập khởi, do không buông lung mà phát sanh, không buông lung làm đau. Trong các pháp lành, không buông lung là toi thắng nhất. Như trong các ngọn núi thì núi chúa Tu-di là bậc nhất. Tất cả các dòng suối đều chảy về biển cả, thế nên biển cả là bậc nhất. Trong các chúng sanh có thân to lớn thì thân của vua a-tu-la là bậc nhất. Trong các loài trông nom và phụng hầu thì Ma vương là bậc nhất. Trong các chúng sanh hưởng dục thì * -í A -i í 7 Vua Quán đảnh là bậc nhát. Trong những vua nước nhỏ thì Vua Chuyên Luân là bậc nhất. Trong các vì sao ở giữa hư không thì mặt trăng là bậc nhất. Trong các loại vải lụa thì lụa trắng tinh là bậc nhất. Trong các ánh sáng thì ánh sáng trí tuệ là bậc nhất. Trong các chúng thì chúng đệ tử của Như Lai là bậc nhất. Trong các pháp hữu vi và vô vi, lìa tham dục, vô dục, diệt tận thì Niet-ban là bậc nhất. Trong các loài chúng sanh, từ loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng cho đến chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng thì Như Lai là bậc nhất, là tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc, từ lạc mà có sanh to9 từ sanh tô mà có thục to? từ thục to mà có đề-hồ10 thì đề-hồ là bậc nhất, là tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Cũng như thế, trong các loài chúng sanh, từ loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc, vô sắc, có tưởng, không tưởng cho đen chang phải có tưởng, chẳng phải không tưởng thì Như Lai là bậc nhất, là tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu trong các loài đó. [0648a05] Lúc đó, đức Thế Tôn nói kệ này: Những ai mong tiền của, Tốt dẹp, tăng tiến nhiều, Bậc trí ở chốn nào,11 Đều khen không buông lung.

8 Nguyên tác: Yếu th tf: Lờithề, lờijiguyện. Tham chiếu: Chảnh Pháp Hoa kỉnh T.09. 0263. 09. 0126al6: 9 Thừa duyên Immg .Đòn dông. Biệt Tạp.F.02. 0100.66. 0396c04 phiên âm là cao- ba-na-tả ,gopānasī: Trong tát cả lầu gác thì cao-ba-na-tả là hơn hết . 10 Nguyên tác: Tinh t6 ,còn được gọi là đề-hồ mando. 11 Nguyên tác: Sự vô sự tuệ thuyết Bậc có trí tuệ ở nơi nhàn xứ hay nơi chốn khác đều nói [như thế].

141. KINH VÍ DU 907

Những ai không phóng túng, Lợi lạc cả hai đời, Đời này đã được lợi, Đời sau cũng chẳng vơi, Dõng mãnh quán các nghĩa, Bậc trí tất giải thoát. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.12

12 Bản Hán, hết quyển 34.

PHẨM 12: PHẠM CHÍ (I)1 y y (Phân gôm 10 kinh, thuộc ngày tụng thứ ba: Niệm tụng)

Kệ tóm tắt:
Vũ-thế, Ca-laf số
Cù-mặcf Tượng tích dụ
Văn dức, Hà khổ, Dục
Uất-sấu, A-nhiếp-hòa.12
1 Quyển 35. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:;,.Do đặt lại tựa
đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

142. KINH VŨ-THÉ1 Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá9 ngụ trong núi Thứu Nham.12 Bấy giờ, A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy3 là vua nước Ma-kiệt-đà? do kết thù oán với nước Bạt-kỳ45nên đã nhiều lần nói giữa quyến thuộc rằng: "Người dân nước Bạt-kỳ có sức mạnh lớn/ có oai đức lớn, có phước lực lớn và có oai thần lớn, nhimg ta sẽ tiêu diệt giống người Bạt-kỳ, tàn phá đất nước ấy, khiến cho dân chúng nước Bạt-kỳ gặp vô số tai họa." [0648b01] Khi ấy, A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà, nghe tin đức Thế Ton du hóa tại thành Vương Xá, ngụ ở núi Thứu Nham, liền bảo đại thần Vũ-thế:6 -Ta nghe tin Sa-môn Cù-đàm du hóa tại thành Vương Xá, hiện ngụ ở núi Thứu Nham. Này Vũ-thế! Khanh hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm9 nhân danh ta 9

thăm hỏi Thánh thê có được an vui, không bệnh, sức lực có được bình thường hay không? Rồi hãy thưa như vầy: "Kính bạch Sa-môn Cù-đàm, A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy9 vua nước Ma-kiệt-đà, kính thăm hỏi thánh thể có được an vui, không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Sa-môn Cù-đàm! A-xà- thế, con bà Vi-dề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà kết thù oán với nước Bạt-kỳ nên thường ở giữa quyến thuộc nhiều lần nói rằng: 'Người dân nước Bạt-kỳ có sức mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn và có oai than lớn, nhimg ta sẽ tiêu diệt giông người Bạt-kỳ, tàn phá đát nước ây, khiên cho dân chúng nước Bạt-kỳ gặp vô sô tai hẹa." Roi tham vân Sa-môn Cù-đàm xem Ngài dạy thê nào? Này Vũ-thế! Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy điều gì thì khanh hãy khéo ghi nhớ và thọ trì. Vì sao như vậy? Bởi vì những bậc như vậy không bao giờ nói sai.

1 Nguyên tác: Vũ-thế kinh T.Ol. 0026.142. 0648a24. Tham chiếu: Du hành kinh rol . 0001.2. 0011a070012a26; T.02. 0125.40.2. 0738all-cl7; D. 16, Mahāparinibbāna Sutta Kỉnh Đại Bắt-niết-bàn\ A. 7.22 - IV. 17. 2 Thứu Nham sơn Gijjhakūta pabbatā cũng gọi là Linh Thứu sơn hay còn được phiên âm là Kỳ-xà quật. 3 Nguyên tác: Vị Sanh Oán Bệ-đà-đề tử , Ajātasattu Vedehiputta: Vị Sanh Oán con bà Vedehi. 4 Bạt-kỳ ,Vajjī. , 5 Nguyên tác: Đại như ý túc

.Tham chiếu: D. 16: Mahiddhikā nhiều thần lực, ở đây chỉ cho súc mạnh quân sự nói chung. 6 Vũ-thế Vassakāra, Te tướng nước Ma-kiệt-đà Magadha.

Tuân lệnh vua, đại thần Vũ-thế liền cưỡi cỗ xe rất đẹp, cùng năm trăm cỗ xe khác đồng ra khỏi thành Vương Xá, đi đến núi Thứu Nham. Đen nơi, đại thần Vũ-thế xuống xe đi bộ đến chỗ đức Phật, chào hỏi đức Thế Tôn xong, ngồi sang một bên và thưa: Bạch đức Cù-đàm! A-xà-thế, con bà Vi-dề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà kính thăm hỏi thánh thể có được an vui, không bệnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Cù-đàm! A-xà-thế, con bà Vi--hy, vua nước Ma-kiệt-đà kết thù oán với nước Bạt-kỳ nên thường ở giữa quyến thuộc nhiều lần nói rằng: "Người dân nước Bạt-kỳ có sức mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn và có oai thần lớn, nhtrng ta sẽ tiêu diệt giống người Bạt-kỳ, tàn phá đất nước ấy, khiến cho dân chúng nước Bạt-kỳ gặp vô so tai hẹa." Thưa Sa-môn Cù-đàm9 việc này Ngài dạy như thế nào? Nghe vậy, đức Thế Tôn bảo: Này Vũ-thế! Thuở xưa, Ta đã từng du hóa đến nước Bạt-kỳ. Nước ấy có ngôi tinh xá tên là Giá-hòa-la.7 Này Vũ-thế! Lúc ấy, Ta có giảng nói bảy pháp không suy thoái cho người nước Bạt-kỳ nghe. Người nước Bạt-kỳ có thể đã vâng giữ và thực hành bảy pháp không suy thoái đó. Này Vũ-the! Nêu người dân nước Bạt-kỵ thực hành bảy pháp không suy thoái, không trái phạm thì nước Bạt-kỳ chắc chăn hùng mạnh, không thể suy yếu! Đại thần Vũ-thế thưa: Bạch Sa-môn Cù-đàm! Ve việc này Ngài chỉ nói sơ lược chứ không giải thích tường tận, chúng con không the hiểu rõ nghĩa này. Kính xin Sa-môn Cù- đàm giảng nói tường tận đe chúng con hiểu ý nghĩa này. [0648c02] Đức Thế Tôn bảo: Này Vũ-thế! Hãy lắng nghe và khéo nhớ nghi, Ta sẽ giảng nói rộng rãi về ý nghĩa này cho ông nghe. Đại thần Vũ-thế vâng lời lắng nghe. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật. Đức Thế Tôn quay lại và hỏi A-nan: Thây có nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và hội họp đông đủ chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Con có nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và hội họp đông đủ. Đức Thế Tôn liền bảo đại thần Vũ-thế: Nêu người Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và hội họp đông đủ thì nước Bạt- kỳ chác chăn hùng mạnh, không thê suy yếu được.

7 Giá-hòa-la Sārandada. Theo D. 16, tên gọi ngôi tự miếu mà ở nơi đó đức Phật dạy cho dân chúng Vajjī 7 pháp không suy thoái.

142. KINHVỦ-THẾ^ 913

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: Thây có nghe người nước Bạt-kỳ cùng nhau hội họp, cùng nhau làm công việc của Bạt-kỳ và cùng nhau giải tán chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch đức Thế Tôn! Con nghe người nước Bạt-kỳ cùng nhau hội họp, cùng nhau làm công việc của Bạt-kỳ và cùng nhau giải tán. Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ-thế: Nêu người Bạt-kỳ cùng nhau hội họp, cùng nhau làm công việc của Bạt-kỳ và cùng nhau giải tán thì nước Bạt-kỳ sẽ được cường thịnh, không the suy yếu. Đức The Ton lại hoi Ton giả A-nan: y y Thây có nghe nước Bạt-kỳ không ban hành thêm những điêu lệ chưa được ban hành, những điêu lệ đã ban hành thì không thay đổi, những pháp lành cũ xưa thì nghiêm cẩn phụng hành chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch đức Thế Tôn! Con

có nghe nước Bạt-kỳ không ban hành thêm những điều lệ chưa được ban hành, những điều lệ đã ban hành thì không thay đôi, những pháp lành cũ xưa thì nghiêm cân phụng hành. Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ-thế: Nếu nước Bạt-kỳ không ban hành thêm những điều lệ chưa được ban hành, những điều đã ban hành thì không thay đổi, nghiêm cẩn phung hành những pháp lành cũ xưa thì nước Bạt-kỳ chắc chăn hùng mạnh, không thê suy yêu. Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: Thây có từng nghe người nước Bạt-kỳ không ỷ thê mà xâm phạm vợ người và con gái người khác chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn! Con có nghe người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ người và con gái của người khác. Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ-thế: -Nếu người nước Bạt-kỳ không ỷ thế mà xâm phạm vợ người và con gái của người khác thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu. Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: Thầy có từng nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì họ rất tôn kính, đảnh lễ, cúng dường chăng? Và họ có nghe theo lời dạy của những vi ấy chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Con có nghe người nước Bạt-kỳ nếu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì họ đều rất tôn kính, đảnh lễ, cúng dường và nghe theo lời dạy của những vị ây.

Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ-thế: -Này Vũ-thế! Nếu người nước Bạt-kỳ có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì họ đều rất tôn kính, đảnh lễ, cúng dường và nghe theo lời dạy của những vị ây thì nước Bạt-kỳ chác chăn hùng mạnh, không thê suy yêu. [0649a03] Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: Thầy có từng nghe nước Bạt-kỳ, nếu có ngôi tháp cổ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ? giữ gìn, cúng dường, lễ bái; những lễ nghi đã có từ xưa thì không bỏ phế, những tập tục đã có thì không hạn chế, dẹp bỏ chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn! Con có nghe nước Bạt-kỳ nếu có ngôi tháp cổ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, giữ gìn, cúng dường, lễ bái; những lễ nghi đã có từ xưa thì không bỏ phê, những tập tục đã có thì không hạn chê, dẹp bỏ. Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ-thế: Nêu nước Bạt-kỳ có ngôi tháp cô nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ? giữ gìn, cúng dường, lễ bái; những lễ nghi đã có từ xưa thì không bỏ phế, những tập tục đã có thì không hạn chế, dẹp bỏ thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu. Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: -Thây có từng nghe nước Bạt-kỳ thảy đêu ủng hộ và vô cùng kính mên các vi A-la-hán, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì sẽ đến, các vị đã đến rồi thì ưa thích ở lại lâu dài, thường cúng dường cho các vị ấy những vật dụng sinh hoạt hăng ngày như y áo, thức ăn, giường nệm và thuôc thang được đầy đủ chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn! Con có nghe nước Bạt-kỳ thảy đều ủng hộ và vô cùng kính mến các vị A-la-hán, thường mong muốn các vi A-la-hán chưa đến thì sẽ đến, các vị đã đến rồi thì ưa thích ở lại lâu dài, thường cúng dường cho các vị ấy những vật dụng nuôi sống như y áo, thức ăn, giường nệm và thuốc thang đầy đu không để thiếu thốn. Đức Thế Tôn lại bảo đại thần Vũ-thế: -Nếu nước Bạt-kỳ thảy đều ủng hộ và vô cùng kính mến các vị A-la-hán, thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì sẽ đến, các vị đã đến rồi thì ưa thích ở lại lâu dài, thường cúng dường cho các vi ấy những vật dụng nuôi sống như y áo, thức ăn, giường nệm và thuốc thang đầy đủ thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng

mạnh, không bi suy yếu. Này Vũ-thế! Nước Bạt-kỳ đã thực hành bảy pháp không suy thoái này. Nếu nước ấy đã vâng giữ bảy pháp không suy thoái này thì chắc chắn hùng mạnh, không thể nào suy yếu.

142. KINH VŨ-THÉ^ 915

Khi ấy, đại thần Vũ-thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chắp tay hướng Phật và thưa: -Bạch Cù-đàm! Dù cho nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp không suy thoái thì A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà đã không thể hàng phục được họ, huống gì họ thực hành đầy đủ cả bảy pháp không suy thoái? Bạch đức Cù-đàm! Việc nước còn nhiều, con xin phép Ngài được trở về. Đức Thế Tôn bảo: Ông muốn về thì cứ tùy ý! Lúc đó, đại thần Vũ-thế nghe lơi Phật dạy, dốc lòng ghi nhớ, đứng dậy nhiễu quanh đức Thế Tôn ba vòng rồi ra về. [0649b01] Sau khi đại thần Vũ-thế ra về không lâu, đức Thế Tôn quay lại bảo Tôn giả A-nan: Này A-nan! Nêu những Tỳ-kheo nào hiện đang sông rải rác ở núi Thứu Nham, thầy hãy báo cho tất cả nhóm họp tại giảng đường. Khi tất cả đã nhóm họp xong, thầy hãy trở lại báo cho Ta biết. Tôn giả A-nan liền vâng lời Phật dạy: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Ngay lúc ấy, Tôn giả A-nan đi thông báo ý chỉ của Phật: "Các Tỳ-kheo nào hiện đang sông rải rác ở núi Thứu Nham, hãy nhóm họp tại giảng đường?9 Sau khi các Tỳ-kheo đã tập hợp tại giảng đường rồi, Tôn giả A-nan trở về chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo đang sống rải rác ở núi Thứu Nham đã tập hợp tại giảng đường, kính mong Thế Tôn biết đã hợp thời. Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo? rồi Ngài dạy: —Nay Ta sẽ giảng nói cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái. Các thầy hãy lang nghe và khéo suy ngẫm. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính vâng, thưa Thế Tôn! Đức Phật dạy: -Là bảy pháp nào? Nếu chúng Tỳ-kheo nào thường xuyên hội họp, hội họp đông đủ thì chúng Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo cùng nhau hội họp trong thanh tinh, cùng nhau làm việc của chúng Tăng và cùng nhau giải tán thì chúng Tỳ-kheo ây chác chăn sẽ được himg thịnh, không bi suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào không ban hành thêm điều lệ chưa được ban hành, không thay đổi những điều lệ đã được ban hành; những giới luật do Ta nói ra

916 KINH TRƯNG A-HÀM

được thực hành nghiêm cẩn thì chúng Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào không bị chi phối bởi khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham, đưa đến sự đắm trước nơi này, nơi kia8 thì chúng Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu trong chúng Tỳ-kheo có bậc Trưởng lão thượng tôn đồng học Phạm hạnh, các Tỳ-kheo thảy đều tôn kính, đảnh lễ? cúng dường và vâng lời chỉ dạy của các vị ấy thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo nào ưa thích sông nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận ngôi yên, thường an trú trong niêm hỷ lạc thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào thảy đều ủng hộ, chí thành cung kính, tôn trọng các

vị Phạm hạnh, thường mong muốn các vị Phạm hạnh chưa đến thì mau đến, đã đến rồi thì hằng mong ở lại lâu dài, thường cúng dường các vị ấy đầy đủ vật dụng nuôi sống như y áo? thức ăn, giường nệm, thuốc thang, không để thiếu thốn thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo nào thực hành bảy pháp không suy thoái này và thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. [0649c01] Lúc ấy, đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói thêm cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái. Các thầy hãy lăng nghe và khéo suy ngẫm. Các Tỳ-kheo thưa: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: -Bảy pháp ấy là gì? Nếu chúng Tỳ-kheo nào đối với Tôn sư mà dốc lòng cung kính, cúng dường, phụng sự thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào đối với Pháp, Tăng, Giới, đối với sự không buông lung, đôi với việc chu cáp và đôi với định9 mà hét lòng cung kính, cúng dường, phụng sự thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hung thịnh, không bi suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo nào thực hành bảy pháp không suy thoái này và thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái.

8 Nguyên tác: Vị lai hữu ái; hỷ, dục cộng câu; ái lạc bỉ bỉ •...Tham chiêu: SĀ. 70: Đương lai hữu ái; tham, hỷ câu; bỉ bỉ lạc trước .Hữu M Khát vọng tái sanh, khao khát được hiện hữu. Xem thêm M. 44: Yāyam āvuso Visākhā tanhā ponobbhavikā nandīrāgasahagatā tatratatrābhinandinī. Seyyathidarn, kāmatanhā bhavatanhā vibhavatanhā. Hiền giả Visākhā, khát ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chô này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái, HT. Thích Minh Châu dịch. 9 Pháp, chúng, giới, bất phóng dật, cung cấp, định ,,,cùng với Tôn sư nói trước, là 7 đemục bất thối.

142. KINH VŨ-THẾ 917

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói tiếp cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy ngẫm. Các Tỳ-kheo thưa: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Bảy pháp ấy là gì? Nếu chúng Tỳ-kheo nào không làm việc thế sự, không ưa thích làm việc thế sự, không thân cận thế sự thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào không làm việc phiếm luận, không ưa thích phiếm 9r r luận, không thân cận phiêm luận thì chúng Tỳ-kheo ây sẽ được hưng thịnh, không bi suy thoái.10 Nếu chúng Tỳ-kheo nào không tổ chức tụ hội, không ưa thích tụ hội, không thân cận nơi tụ hội thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào không tổ chức kết hợp hỗn tạp, không ưa thích kết hợp hỗn tạp, không thân cận sự kết hợp hỗn tạp thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được himg thinh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào không ham ngủ nghí, không ưa thích ngủ nghỉ, không thân cận ngủ nghỉ thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hung thinh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào không vì lợi dưỡng, không vì tiếng khen, không vì người khác mà tu hành Phạm hạnh thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào không vì quả vị thấp, không vì quả vị cao hay ở nửa chừng gián đoạn, mà chỉ nỗ lực tiến lên quả vị thù thắng thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào thực

hành bảy pháp không suy thoái này và thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: -Ta sẽ nói thêm cho các thây nghe vê bảy pháp không suy thoái. Các thây hãy lắng nghe và khéo suy ngẫm. Các Tỳ-kheo thưa: Kính vâng, bạch Thế Tôn!

10 Nguyên tác của 7 pháp này lược bỏ mệnh đề chủ ngữ và tân ngữ, chúng tôi thêm vào như vế đầu để rõ nghía.

918 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật dạy: -Bảy pháp ấy là gì? Nếu chúng Tỳ-kheo nào thành tựu bảy thứ tài sản, bao gồm: Niềm tin, giới hạnh, tự thẹn, xấu hổ, học rộng nghe nhiều, bố thí và trí tuệ thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hung thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào thực hành được bảy pháp không suy thoái này và thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: -Như Lai sẽ nói thêm cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy ngẫm. Các Tỳ-kheo thưa: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: -Bảy pháp ấy là gì? Nếu chúng Tỳ-kheo nào thành tựu bảy thứ sức mạnh, bao gồm: Niềm tin, tinh tấn, tự thẹn, xấu hổ, chánh niệm, định tĩnh và trí tuệ thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bi suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào thực hành được bảy pháp không suy thoái này và thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. [0650a02] Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói tiếp cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy ngẫm. Các Tỳ-kheo thưa: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: -Bảy pháp ây là gì? Nêu chúng Tỳ-kheo nào tu niệm giác chi, nương vào xả ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đen pháp xuất ly; cũng vậy, với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và tu xả giác chi, nương vào xả ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến pháp xuất ly thì chúng Tỳ- kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bi suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào thực hành được bảy pháp không suy thoái này và thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hung thịnh, không bị suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói thêm cho các thay nghe ve bảy pháp không suy thoái. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy ngẫm.

142. KINH VŨ-THẾ 919

Các Tỳ-kheo thưa: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Bảy pháp ấy là gì? Nếu Tỳ-kheo nào cần dùng luật hiện tiền thì dùng luật hiện tiền; cần dùng luật ức niệm thì dùng luật ức niệm; cần dùng luật bất si thì dùng luật bất si; cần dùng luật tự phát lồ thì dùng luật tự phát lồ; cần nhiều người tìm tội thì dùng luật nhiều người tìm tội;11 cần dùng luật triển chuyển thì dùng luật triển chuyển.1112 Nếu trong chúng khởi lên sự tranh cãi thì nên dùng pháp diệt tránh để chấm dứt sự tranh cãi như quăng bỏ giẻ rách thì chúng Tỳ- kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo nào thực hành được bảy pháp không suy thoái này và thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo ấy sẽ được hưng thịnh, không bị suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói cho các thây nghe vê sáu pháp hòa kính.13 Các thây hãy lăng nghe và

khéo suy ngẫm! Các Tỳ-kheo thưa: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: -Là sáu pháp nào? Dùng thân nghiệp từ hòa hướng đến các vi đồng Phạm hạnh, đó gọi là pháp hòa kính, là pháp đáng yêu, là pháp đáng thích, khiến được yêu thương, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, tác thành Sa-môn5 được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn. Khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa cũng như thế. Nếu có lợi dưỡng đúng theo pháp, cho đến miếng cơm ở trong bình bát của mình, với phân lợi như vậy, vị ây cùng chia sẻ cho các vi đông Phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính, là pháp đáng yêu, là pháp đáng tlúch, khiến được yêu thương, khiến được tôn trọng, khiến được phụng sự, khiến được cung kính, khiên được tu tập, khiên cho hòa thuận, tác thành Sa-môn, thành tựu nhát tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

11 Nguyên tác: Ưng dữ cư dữ cư Có thể bản Hán ghi nhầm chữ thành .Vìjẽ, quân luật còn gọi là quyết định của đa , yebhuyyasikā. Cách diệt trừ sự tranh cãi băng hình thúc lấy đa số đe chỉ cho đương sự thấy lỗi. 12 Nguyên tácxƯng dữ triển chuyển dữ triển chuyển ,tức "triển chuyển chỉ tránh iuậứ NgũẸhần luật T.22. 1421.10. 0077b18 gọi là t4bon ngôn trị" hay 44mich tội tường^,M tassapāpiyasikā; tassapāpiyyasikā: Hình thức diet sự tranh cãi bằng cách bạch tứ yet-ma tìm tội cho đến khi đương sự chiu tội. 13 Lục ủy lạo pháp ,cha sārānīyā dhammā còn gọi là 6 pháp hòa kính :Thân hòa đồng ,khẩu hòa vô tránh l ,y hòa đồng duyệt ,,giới hòa đồng tu ,kiến hòa đồng giải và lợi hòa đông quân .

Nếu có giới pháp không khiếm khuyết, không tì vết, không nhiễm 6, không vân đục, như mặt đát không tùy thuộc kẻ khác, được bậc Thánh khen ngợi, đây đủ, khéo léo thọ trì, với giới phân như vậy, vị ây cùng chia sẻ với các vị đông Phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính, là pháp đáng yêu, là pháp đáng thích, khiến được yêu thương, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự5 khiến cho cung kính, khiến cho tu tập? khiến cho hòa thuận, tác thành Sa-môn, thành tựu nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn. Nếu có hiểu biết về pháp xuất ly của bậc Thánh, hiểu rõ thông suốt, có khả năng diệt khổ hoàn toàn, với hiểu biết như vậy, vị ấy cùng chia sẻ với các vị đồng Phạm hạnh. Đó gọi là pháp hòa kính, là pháp đáng yêu, là pháp đáng thích, khiến được yêu thương, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, tác thành Sa-môn9 thành z \ r L". r tựu nhát tâm, được sự tinh cân, chứng đác Niêt-bàn. Vì nhân duyên ây nên Ta mới nói sáu pháp hòa kính. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

143. KINH THƯƠNG-CA-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, vào lúc xê trưa, thiêu niên Bà-la-môn Thương-ca-la123thong thả tản bộ đen chỗ đức Phật, cùng chào hỏi nhau roi ngồi sang một bên và thưa: Bạch đức Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi? Ngài cho phép thì tôi mới dám trình bày. The Ton bao: -Này thiếu niên Bà-la-môn! Nấu có điều gì nghi ngờ thì cứ tùy nghi mà thưa hỏi. Thiếu niên Thương-ca-la liền hỏi: Bạch Cù-đàm! Bà-la-môn

đúng như pháp mà thực hành cầu xin tài vật, tự mình cúng tê và dạy người khác cúng tê. Bạch Cù-đàm! Nêu tự mình cúng tế hay dạy người khác cúng tế thì người ấy đã thực hành con đường đưa đến vô lượng phước đức/ là do nương nhờ nơi sự cúng tế. Đệ tử của Sa-môn Cù- đàm thuộc nhiều dòng tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, tự mình điều ngự, tự mình tịch tĩnh, tự mình rốt ráo tịch diệt. Như vậy, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, với nhiều dòng tộc, chỉ thực hành con đường đưa đến một phước dức, chứ không thực hành con đường đưa đến vô lượng phước đức, là do nương nhờ nơi sự học đạo. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật. Ngay lúc đó, Tôn giả A-nan hỏi: Này thiêu niên Bà-la-môn, trong hai cách tạo phước ây thì cách nào là tôi thượng, tối diệu, tối thắng?

1 Nguyên tác: Thương-ca-la kinh (roi. 0026.143. 0650b09). Tham chiếu: A. 3.60 - L 168. 2 Thương-ca-la Manạp (Sañgārava Mānava). 3 Nguyên tác: Phước tích d),true dịch từpuñña vàpatipada. ở đây,puññappatipadam nghĩa là con đương dẫn đến công đức. Tham chiếu: A. 3.60 - L 168: Tatra, bho gotama, yo ceva yajati yo ca yajapeti sabbe te anekasāririkam ^uññappatipadam patipannā honti, yadidam yaññādhikaranam (ớ đây, thưa Tôn giả Gotarna, ai làm le tế đaẤ va ai khuyên các người khấc, làm le te đàn, tất cả đêu thực hành con đường đưa đến công đức cho nhiều người, tức là kết quả của tế đàn), HT. Thích Minh Châu dịch.

Thương-ca-la đáp: -Thưa A-nan! Đối với Sa-môn Cù-đàm vàA-nan thì tôi đều cung kính, tôn trọng và phụng thờ. Tôn giả A-nan lại hỏi: Này thiếu niên Bà-la-môn! Tôi không hỏi ông vấn đề cung kính, tôn trọng và phụng thờ ai, mà chỉ hỏi ông trong hai cách tạo phước này thì cách nào là toi thượng, tối diệu, tối thắng? Tôn giả A-nan hỏi Thương-ca-la lần thứ ba: Này thiêu niên Bà-la-môn! Trong hai cách tạo phước ây thì cách nào là tôi thượng, tối diệu, tối thắng? Thương-ca-la cũng lặp lại ba lần: Thưa A-nan! Đôi với Sa-môn Cù-đàm và A-nan thì tôi đêu cung kính, tôn trọng và phụng thờ. Tôn giả A-nan lại bảo: - Này thiếu niên Bà-la-môn! Tôi không hỏi ông vấn đề cung kính, tôn trọng và phụng thờ ai, mà chỉ hỏi ông trong hai cách tạo phước ấy thì cách nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng? [0650c04] Bấy giờ, đức Thế Tôn liền suy nghĩ: "Thiếu niên Bà-la-môn Thương-ca-la này đã bị A-nan khuất phục. Ta nên giúp người này." Thế Tôn tuy biết nhưng Ngài vẫn hỏi: Này thiêu niên Bà-la-môn! Hôm qua, khi vua và các quân thân triệu tập đại hội, họ đã thảo luận việc gì? Vì lý do gì mà cùng hội họp? Thiếu niên Thương-ca-la đáp: -Thưa đức Cù-đàm! Ngày hôm qua, vua và quần thần đã triệu tập đại hội để cùng thảo luận vấn đề như vầy: “Do nhân gì, duyên gì mà trước kia Sa-môn Cù-đàm thiêt lập ít học giới nhưng có nhiêu Tỳ-kheo chứng đạo? Do nhân gì, duyên gì mà ngày nay Sa-môn Cù-đàm thiết lập nhiều học giới nhxmg lại có ít Tỳ-kheo chứng dạo?" Bạch Cù-đàm9 ngày hôm qua, vua và quần thần đã triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này. Do sự kiện này nên mới triệu tập đại hội. Bay giơ, đức Thê Tôn bảo: -Này thiếu niên Bà-la-môn! Nay Ta hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu biết của mình mà trả lời. Ý ông nghĩ sao? Giả sử có vi Sa-môn9 Bà-la-môn tự hành đạo như vậy? tu tập như vậy. Sau khi đã tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy, mọi lậu hoặc dứt sạch, thành

tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/5 Sau đó? vị ấy thuyết giảng cho người khác nghe rang: "Ta tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy. Sau khi đã tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy rồi, mọi lậu hoặc dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tư

biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Các người hãy đến đây và cũng hãy tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy. Sau khi đã tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy, các lậu hoặc sẽ dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh níía.'" Rồi người này cũng tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy. Sau khi đã tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy, các lậu hoặc dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru, biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Rồi người này lại thuyết giảng cho người khác nghe. Người khác lại thuyết giảng cho người khác nữa, cứ như vậy, lần lượt truyền đến vô lượng trăm ngàn người nghe. Này thiếu niên Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao? Đệ tử của Ta, những người thuộc nhiều dòng tộc khác nhau, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt5 rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo, đã thực hành con đường dẫn đến một phước dức, không thực hành con đường dẫn đen vô lượng phước dức, do nương nhờ nơi sự học đạo chăng? [0651a03] Thương-ca-la đáp: -Bạch Cù-đàm, theo sự hiểu biết của con ve ý nghĩa mà Sa-môn Cù-đàm vừa nói thì đệ tử của Sa-môn Cù-dàm, những người thuộc nhiều dòng tộc khác nhau ây5 đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, đã thực hành con đường dẫn đến vô lượng phước dức, chứ không phải thực hành con đường dẫn đến một phước dức, do nương nhờ nơi sự học đạo. Thế Tôn lại bảo Thương-ca-la: -Có ba sự thị hiện/ đó là Như ý túc thị hiện, Chiêm niệm thị hiện và Giáo huấn thị hiện.45 Này thiếu niên Bà-la-môn! Thế nào gọi là Như ý túc thị hiện? Nêu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, đối với như ý túc, tâm được tự tại, thực hành vô lượng công đức của như ý túc, nghĩa là từ một thân phân ra thành nhiều thân, hợp nhiều thân thành một thân, muốn một thân thì hiện một thân, có thấy có biết, xuyên qua tường vách không chướng ngại, giống như giữa hư không; chui vào lòng đất như lặn xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngoi kiết-già mà bay lên hư không giống như chim bay. Ngay như mặt trời, mặt trăng này có sức

4 Tam thị hiện chỉ cho 3 loại thần thông. 5 Nguyên tác: Như ý túc thị hiện, Chiêm niệm thi hiện, Giáo huấn thị hiện ỷ ». Tham chiếu:.•fo2.
0099.197. Ộ05ỏb 17: Thần túc biến hoa thi hiện, Tha tâm thị hiện, Giáo giới thị hiện

,.

mạnh lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn nhưng vị ấy có thể dùng tay chạm đến, vì thân vị ấy cao đến Phạm thiên. Này thiếu niên Bà-la- môn, đó gọi là Như ý túc thị hiện. Này thiếu niên Bà-la-môn! Thế nào gọi là Chiêm niệm thi hiện? Nếu co Sa-môn hay Bà-la-môn nào dựa vào hình tướng của người khác mà đoán biết tâm của họ/ biết rằng này có tâm như thế này, vị kia có tâm như thế kia5 vị đó thật sự có tâm như vậy.^, Họ đoán vô lượng tướng, chẳng phải đoán một vài tướng, nhưng tất cả suy đoán đó đều chắc thật, chứ không phải những điều hư hối. Nếu không dựa vào hình tướng của người khác để đoán biết tâm của họ thì dựa vào việc nghe âm thanh của chư thiên và loài phi nhân mà đoán biết tâm của người khác, biết rằng này có tâm như the này, vi kia có tâm như the kia, vị đó thật sự có tâm như vay." Họ đoán vô lượng tướng, chẳng phải đoán một • . • r \ .. 5

vài tướng, nhưng tát cả đêu chác thật, chứ không phải những điêu hư dôi. Nêu không dựa vào hình tướng của người khác để đoán biết tâm của họ, cũng không nghe âm thanh của chư thiên và các loài phi nhơn đe đoán biết tâm của họ thì dựa vào tâm tưởng của người ấy, dựa vào suy nghĩ của người ấy, dựa vào lời nói của người ấy, sau khi nghe tiếng rồi đoán biết tâm của họ, biết rằng "vi này có tâm như the này, vị kia có tâm như the kia, vị đó thật sự có tâm như vậy.^, Họ đoán vô lượng hình tướng, chẳng phải đoán một vài tướng, nhưng tất cả đều chắc thật, chứ không phải những điều hư dối. Nếu không dựa vào hình tướng của người ấy để đoán biết tâm của họ, cũng không nghe âm thanh của chư thiên và loài phi nhơn để đoán biết tâm của người ấy, cũng không dựa trên tâm niệm của người ấy, suy nghĩ của người ấy? lời nói của người ấy để sau khi nghe rồi đoán biết tâm của họ, nhưng dựa trên sự thấy biết khi người ấy nhập định không giác không quán;67 thấy rồi liền nghĩ rằng: "C6 lẽ Hiền giả này không có niệm, không có tư duy, sở nguyện như ý58 Hiền giả kia ngay khi xuất định này có ý niệm như vậy, vi ấy ngay khi xuất định này liền có ý niệm như vậy, như vậyy Vị đó cũng đoán biết việc quá khứ, cũng đoán biết việc tương lai, cũng đoán biết việc hiện tại, việc đã làm từ lâu, lời nói đã nói từ trước, cũng đoán biết chỗ nào là nơi yên tĩnh, chỗ nào sống được yên tĩnh, cũng đoán biết tất cả tâm pháp và tâm sở hữu pháp. Này thiếu niên Bà-la-môn5 đó gọi là Chiêm niệm thị hiện. [065 lb05] Này thiếu niên Bà-la-môn! Thế nào là Giáo huấn thi hiện? Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy và sau khi hành đạo như vậy, tu tập như vậy rồi, các lậu đã dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an

6 Nguyên tác: Dĩ tha tướng chiêm tha ý .Tham chiếu: A. 3.60 - L 168: Nimittena ādisati dựa vào tướng mà chỉ ra rằng. 7 Nguyên tác: Vô giác vô quán định Định của Thiền thứ hai. 8 Nguyên tác: Như ý sở nguyện .Ý ở đây chính là "y hành" manosañkhārd. Tham chiêu: A. 3.60 - L 168: 'Yathā imassa bhoto manosañkharāpanihitā imassa cittassa anantarā amum nāma vitakkam vitakkessatVti Tùy theo hành ý của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức

suy tầm đến chỗ ấy, HT. Thích Minh Châu dịch.

143. KINH THƯƠNG-CA-LA 925

trú và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Rồi vị ấy lại chuyển dạy cho người khác rằng: "Ta tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy và sau khi đã tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy roi, các lậu đã dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biêt đúng như thật:' Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa.'" Các vi hãy đen đây và hãy tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy và sau khi đã tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy rồi, các lậu sẽ dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru và biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Rồi vị ấy cũng tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy và sau khi tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy rồi, nên các lậu dứt sạch, thành tựu vô lậu5 thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Rồi vị ấy cũng chuyển dạy cho người khác nghe. Người khác lại thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy xoay vần cho đến vô lượng trăm ngàn người cùng nghe. Này thiếu niên Bà-la- mồn? đó gọi là Giáo huấn thị hiện. Trong ba sự thi hiện này thì sự thị hiện nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng? Thiếu niên Bà-la-môn Thương-ca-la đáp: Bạch Cù-đàm! Nếu Sa-môĩi hay Bà-la-môn nào có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến thân đứng cao lên đến Phạm thiên thì thưa Cù-đàm9 việc đó là tự mình làm, tự mình có? tự mình thọ lãnh quả báo. Bạch Cù-đàm! Trong các loại thị hiện thì sự thị hiện này được gọi là pháp khoe khoang.9 Bạch Cù-đàm! Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào dựa trên hình tướng mà đoán biết tâm của người khác, cho đến đoán biết các tâm pháp và tâm sở hữu pháp thì vị ấy cũng tự mình làm, tự mình có, tự mình thọ lãnh quả báo. Bạch Cù- đàm! Trong các loại thi hiện thì sự thi hiện này được gọi là pháp khoe khoang. Bạch Cù-đàm! Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy và sau khi tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy nên các lậu đã dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.^, Rồi vi ấy lại chuyên dạy cho người khác nghe, cứ như vậy chuyên dạy xoay vân cho đến trăm ngàn vô lượng người nghe, bạch đức Cù-đàm? trong ba thi hiện thì sự thị hiện này là tối thượng, tối diệu, tối thắng.

9 Nguyên tác: Thử thị hiện đại pháp .Đại Khoe khoang, khoác lác
. Tham chiếu: A. 3.60 - L J68: Idam me, bho gotama, pātihāriyam māyāsahadhammarūpam viya khāyati Loại thần thông này, đối với tôi, được xem tánh chất như là huyễn hóa, HT. Thích Minh Châu dịch.

926 KINH TRUNG A-HÀM

[0651c08] Thế Tôn lại hỏi Thương-ca-la: -Trong ba sự thị hiện này thì ông khen ngợi sự thi hiện nào? Thương-ca-la đáp: Trong ba sự thi hiện thì con khen ngợi Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thân lớn, đôi với như ý túc, tâm được tự tại, cho đên thân đứng cao đên Phạm thiên. Sa-môn Cù-đàm dựa trên hình tướng của người khác mà đoán biết tâm của họ, cho đen đoán biết các tâm và tâm sở hữu pháp. Sa-môn Cù-đàm thị hiện với hành đạo như vậy, tu tập như vậy và sau khi hành đạo như vậy, tu tập như vậy, các lậu đã dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.^, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy cho người khác, rồi người khác lại chuyển dạy cho người khác nghe nữa. Như vậy, chuyển dạy xoay vần cho đến trăm ngàn vô lượng người nghe. Bạch Cù-đàm, vì vậy đối với ba sự thi hiện thì con xin khen ngợi Sa-môn Cù-đàm. Rồi Thế Tôn bảo: Này thiếu niên Bà-la-môn, ông đã khéo hiểu rõ vấn đề này. Vì sao như vậy? Thật sự Ta có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến thân đứng cao đến Phạm thiên. Này thiếu niên Bà-la-môn! Ta dựa trên hình tướng của người khác mà đoán biết tâm của họ, cho đến đoán biết tâm và tâm sở hữu pháp. Này thiếu niên Bà-la- môn! Ta tự hành đạo như vậy, tu tập như vậy và sau khi hành đạo như vậy, tu tập như vậy, các lậu đã dứt sạch, thành tựu vô lậu, thành tựu tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật: "Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nỉía.” Rồi Ta giảng thuyết cho người khác nghe. Người khác cũng chuyển dạy cho người khác nghe nữa. Cứ chuyển dạy xoay vần như thế cho đến trăm ngàn vô lượng người cùng nghe. Này thiếu niên Bà-la-môn9 cho nên ông đã khéo hiểu rõ vấn đề này. Ông hãy khéo thọ trì như thế. Vì sao như vậy? Bởi vì ý nghĩa đã được giảng nói này cần phải hiểu như vậy. Bây giờ, Thương-ca-la bạch: Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Bạch Thế Tôn! Con nay xin nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi mong Ngài chấp nhận cho con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, thiếu niên Bà-la-môn Thương-ca-la, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

144. KINH TOÁN số MỤC-KIỀN-LIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Đông Viên, giảng đường Lộc Tư Mau. Bây giờ, vào lúc xê trưa, Toán sô Mục-kiên-liên12 thong dong tản bộ đên chô đức Phật, cùng thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì mới dám trình bày. The Ton bao: Này Mục-kiền-liên9 ông muốn hỏi gì thì cứ hỏi, xin đừng nghi ngại. Toán số Mục-kiền-liên liền bạch: Thưa đức Cù-đàm! Giảng đường Lộc Tử Mau này được xây dựng tuần tự, dần dần rồi sau đó hoàn thành. Thưa Cù-đàm5 với bậc thang trong giảng đường Lộc Tử Mau này, đầu tiên xây lên một bậc, rồi đến hai bậc, ba bậc, bốn bậc. Thưa Cù-đàm? như vậy giảng đường Lộc Tử Mau này lần lượt theo thứ tự đi lên. Thưa Cù-đàm! Sự thuần phục loài voi là do nhờ móc câu nên đã thuần phục tuần tự, dần dần cho đến khi thuần thục hoàn toàn. Thưa Cù-đàm! Sự

thuần phục loài ngựa là do nhờ dây cương nên đã thuần phục tuần tự, dần dần cho đến khi thuần thục hoàn toàn. Thưa Cù-đàm! Dòng Sát-lợi do nam chắc cung và tên nên đã tuần tự, dần dần đến khi thuần thục hoàn toàn. Thưa Cù-đàm! Các vị Phạm chí cũng do sự học tập kinh sách nên đã tuần tự, dần dần đến khi thuần thục hoàn toàn. Thưa Cù-đàm! Chúng tôi học toán so, dùng nghe toán so để nuôi sông, cũng phải tuân tự, dân dân cho đên khi thuân thục hoàn toàn. Nêu có đệ tử nam hoặc nữ bắt đầu được dạy đếm từng con số một, hai, ba, mười, trăm, ngàn, vạn,... theo thứ tự mà đếm lên. Thưa Cù-đàm! Như vậy chúng tôi học toán sô, dùng nghê toán sô đê nuôi sông, cũng phải tuân tự, dân dân cho đên khi thuân thục hoàn toàn. Thưa Sa-môn Cù"đàm! Trong giáo pháp3 này, phải thực hành tuần tự, dần dần như thế nào cho đến khi thành tựu hoàn toàn?

1 Nguyên tác: Toản số Mục-kiền-liên kinh roi. 0026.144. 0652a07. Tham chiếu: số kinh 01. 0070. 0875all; M. 107, Ganakamoggallãna Sutta Kinh Ganaka Moggalỉãnấ. 2 Toán số Phạm chí Mục-kiền-liên Ganakamoggallāna Brāhmana, vị này có thể là một nhà toán học. 3 Nguyên tác: Pháp ,Dhammā, Luật Vinayo.

A rr\ A _ 9 _ rri-| Thê Tôn bao: -Này Mục-kiền-liên! Nêu nói một cách chân chánh thì có sự thực hành tuần tự, dần dần cho đến khi thành tựu hoàn toàn. Này Mục-kiền-liên, đó gọi là nói một cách chân chánh theo giáo pháp của Ta. Vì sao \ như vậy? y y Này Mục- *r kiên-liên5 vì trong giáo pháp của Ta có sự thực hành tuân tự, dân dân cho đên khi thành tựu hoàn toàn. Này Mục-kiền-liên! Như có Tỳ-kheo niên thiếu vừa đến học đạo, lúc mới vào trong giáo pháp này thì trước hết Như Lai dạy rang: acTỳ-kheo, thay hãy đen đây! Hãy phòng hộ thân bằng việc nuôi sống thanh tịnh.4 Hãy phòng hộ miệng và ý bằng việc nuôi sống thanh tjnh." Này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo nào đã phòng hộ thân bằng việc nuôi sống thanh tịnh rồi, đã phòng hộ miệng và ý bằng việc nuôi sống thanh tịnh rồi, Như Lai sẽ dạy thêm: "T'-kheo, thầy hãy đến đây! Hãy quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ, quán tâm và quán pháp đúng như pháp." Này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo nào đã quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ5 quán tâm và quán pháp đúng như pháp56rồi, Như Lai sẽ dạy thêm: "Tỳ-kheo, hãy đến đây! Hãy quán nội thân đúng như thân, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với dục; cho đến quán thọ? quán tâm và quán pháp đúng như pháp, đừng niệm tưởng phi pháp, những niệm tương ưng với due?9 [0652b08] Này Mục-kiền-liên! Khi Tỳ-kheo đã quán nội thân đúng như thân, không niệm tưởng những niệm tương ưng với dục roi, cho đen quán thọ, quán tâm và quán pháp đúng như pháp, không niệm tưởng phi pháp, những niệm tương ưng với dục niệm rồi, Như Lai sẽ dạy thêm: "Tỳ-kheo, hãy đến đây! Hãy phòng hộ các căn, thường nghĩ đến việc đóng chặt các căn, lòng mong tỏ ngộ nên phải phòng hộ và giữ tâm trong chánh niệm để được thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác,6 mắt thấy sắc nhưng không nắm giữ tướng của sắc, không thích thú7 với sắc, là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Phòng hộ nhãn căn là để trong tâm không sanh ra tham muôn, ưu não và các pháp ác, bát thiện. Vì hướng

đên mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Đối với nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn cũng như vậy; ý nhận biết các pháp nhưng không nam giữ tướng của các pháp, cũng không thích thú với các pháp, là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn ý căn là để trong tâm không sanh tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn ý cn."

4 Nguyên tác: Thân hộ mạng thanh tịnh .Tham chiếu: Điều ngự đỉa kinh T.01. 0026.198. 0758a29: Thầy nên phòng hộ thân bàng việc nuôi mạng sống thanh tịnh . J J . J J 5 Nguyenta£ Quán nội thân như thân,... chí... quán giác..., ... tâm..., ... pháp như pháp ,.....Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272 và chú thích 5, kinh số 98, tr. 653. 6 Nguyên tác: Chánh tri Biết một cách chính xác. M. 107: Sampajānakārī ý thức rõ ràng về hành động của mình, còn gọi là tỉnh giấc. 7 Nguyên tác: Vị j: Thú vị .

144. KINH TOÁN số MỤC-KIỀN-LIÊN 929

Này Mục-kiền-liên! Khi Tỳ-kheo đã phòng hộ các căn? thường nghĩ đến việc đóng chặt các căn, lòng mong tỏ ngộ nên phải phòng hộ và giữ tâm trong chánh niệm để được thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác, mắt thấy sắc nhưng r ỉ r không năm giữ tướng của sác, không thích thú với sác, là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Phòng hộ nhãn căn là để trong tâm không sanh ra tham muốn, ưu não và các pháp ác5 bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Đối với nhĩ căn? tỷ căn, thiệt căn và thân căn cũng như vậy; ý nhận biết các pháp nhimg không nam giữ tướng của các pháp, cũng không thích thú với các pháp, là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn ý căn là đe trong tâm không sanh tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn ý căn rồi, Như Lai sẽ dạy thêm: C6Tỳ-kheo? hãy đến đây! Thầy hãy tỉnh giác khi ra lúc vào, khéo léo quán sát, phân biệt, co duỗi, cúi ngước, dung mạo khoan thai, khi khoác y Tăng-già-lê, lúc đắp y ôm bát, khi đi, đứng, nằm, ngoi, ngủ, thức, nói năng, im lặng... thảy đều tỉnh giác.” Này Mục-kiền-liên! Vị Tỳ-kheo đã tỉnh giác khi ra lúc vào, khéo léo quán sát, phân biệt, co duỗi, cúi ngước, dung mạo khoan thai, khi khoác y Tăng-già- lê, lúc đắp y ôm bát, khi đi, đứng, nằm5 ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng... thảy đều tỉnh giác rồi, Như Lai sẽ dạy thêm: "Tỳ-kheo, hãy đến đây! Thầy hãy sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, hoặc dưới gốc cây, hoặc nơi yên tĩnh, hoặc vách núi9 hang đá? nơi đất trống, bụi cây, hoặc ở trong rừng, hoặc bãi tha ma. Sau khi thây đã sông nơi văng vẻ, nương bên góc cây hay nơi yên vắng, trải tọa cụ, ngồi kiết-già? thân tâm ngay thẳng,8 quay vào bên trong, tâm không hướng ngoại, đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt, thấy tài của cải hay vật dụng của người khác thì không khởi ý muốn trở thành của mình. Đối với tâm tham lam, thầy nên tịnh trừ tâm đó. Cũng vậy đối với sân hận, hôn trầm, loạn động, đoạn nghi trừ hoặc, đoi với các pháp thiện không còn do dự. Đoi với Sự nghi hoặc, thây nên tịnh trừ tâm đó. Thây nên đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, phải lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú.” Này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo nào lìa dục, lìa bỏ các pháp ác, bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú thì này Mục-kiền-liên? Như Lai đã đem lại

nhiều ích lợi cho các Tỳ-kheo niên thiếu, nghĩa là khéo dạy dỗ? khéo khuyên răn và khéo khiển trách. Này Mục-kiền-liên! Nếu có Tỳ-kheo thượng tôn, Trưởng lão, Phạm hạnh đã thuần thục,9 Như Lai sẽ dạy thêm khiến họ đoạn dứt hết thảy các pháp hữu lậu để thành tựu rốt ráo. [0652CÍ6] Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi: -Thưa Sa-môn Cù-đàm! Tất cả đệ tử đều được giảng dạy như vậy, khuyên bảo như vậy, có chác đều đạt đên Cứu cánh trí, chứng Niêt-bàn chăng?

8 Nguyên tác: Chánh thân chánh nguyện ( ). 9 Nguyên tác: Cựu học Phạm hạnh ().

The Ton đáp: Này Mục-kiền-liên9 không hẳn là như vậy! Cũng có người đạt được, cũng có người không đạt được. Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, ở nơi đây do nhân gì, duyên gì mà có Niêt-bàn, có con đường đưa đến Niết-bàn? Và hiện tại Sa-môn Cù-đàm là bậc thầy chỉ đường, giáo huấn cho các Tỳ-kheo như vậy, khuyên bảo như vậy, nhưng vì sao lại có người đạt đến cứu cánh Niết-bàn, có người lại không đạt đến Niết-bàn? Thế Tôn lại bảo: -Này Mục-kiên-liên! Ta hỏi lại ông, hãy tùy theo sự hiêu biêt của mình mà đáp. Này Mục-kiền-liên, ý ông nghĩ sao? Ông biết rõ thành Vương Xá ở đâu và thông thạo các con đường đến đó chăng? Toán số Mục-kiền-liên đáp: Thưa vâng! Tôi biết rõ thành Vương Xá ở đâu và thông thạo các con đường đến đó. The Ton hỏi: -Này Mục-kiền-liên! Nếu có một người muốn đến thành Vương Xá để yết kiến vua, người ấy hỏi ông: "Tôi muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua. Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương Xá ở đâu và thông thạo các con đường chính, đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?,, Ông bảo người ấy rằng: "Từ đây đi vê phía Đông đên thôn nọ5 roi từ thôn nọ đên áp kia, cứ đi lân lượt như thế sẽ đến thành Vương Xá. Những gì có ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp đẽ5 đất đai bằng phẳng, lầu đài, ao tắm, đủ loại hoa c6, có con sông dài, lại có dòng suối trong, thảy đều thấy hết, biết hết." Sau khi nghe sự chỉ dân của ông roi, người ây băt đâu đi từ đây vê hướng Đông, đi không bao lâu liền bỏ con đường chính mà theo con đường nhầm lẫn rồi quay trở lại. Những gì có ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp đẽ? đất đai bằng phẳng, lâu đài, ao tăm, đủ loại hoa cỏ, có con sông dài, lại có dòng suôi trong, nhưng người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết. [0653a08] Lại có một người khác muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua. Người ấy hỏi ông rằng: "Tôi muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua. Toán số Mục-kiền-liên có biết rõ thành Vương Xá ở đâu và thông thạo các con đường chính, đường tắt, có thể chỉ cho tôi chăng?^, Ông nói với người ấy rằng: “Từ đây đi về hướng Đông đến thôn nọ5 từ thôn nọ sẽ đến ấp kia, cứ đi lần lượt như vậy sẽ đến thành Vương Xá. Những gì có ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp đẽ, đất đai bằng phẳng, lầu dài, ao tắm, đủ loại hoa cỏ, có con sông dài, lại có dòng suối trong, thảy đều thấy hết, biết hết." Sau khi nghe sự chỉ dẫn của ông, người ấy liền đi từ đây về hướng Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn kia đi đến ấp nọ, cứ đi lần lượt như vậy cho đến thành Vương Xá. Những

gì CÓ ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp dẽ, đất đai bằng phẳng, lầu đài, ao tắm, đủ loại hoa cỏ5 có con sông dài, lại có dòng suối trong, người ấy thảy đều thấy hết, biết hết. Này Toán số Mục-kiền-liên! ở đây do nhân gduyên gì mà trong khi có thành Vương Xá, có con đường dẫn đến thành Vương Xá và ông hiện tại là người chỉ đường đó? nhưng người thứ nhất nghe lời chỉ dẫn của ông, đi không bao lâu đã bỏ con đường chính mà theo con đường nhầm lẫn rồi quay trở lại, nên những gì có ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp đẽ? đất đai bằng phẳng, lầu đài, ao tắm, đủ loại hoa cỏ, có con sông dài, lại có dòng suối trong mà người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết? Còn người thứ hai theo lời chỉ dẫn của ông, đi theo con đường chính rồi đi làn hồi đến thành Vương Xá. Những gì có ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp đẽ, đất đai bằng phẳng, lầu đài, ao tắm, đủ loại hoa cỏ, có con sông dài, lại có dòng suối trong thì người ấy thảy đều thấy hết, biết hết? J Toán số Mục-kiền-liên đáp: -Thưa Cù-đàm? tôi hoàn toàn vô can! Có thành Vương Xá kia, có con đường dẫn đến thành Vương Xá, tôi hiện tại chỉ là người chỉ đường. Người thứ nhất không theo sự chỉ dẫn của tôi, bỏ con đường chính mà theo con đường nhầm lẫn rồi quay trở lại. Cho dù những gì có ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp dẽ, đất đai bằng phẳng, lầu dài, ao tắm, đủ loại hoa cỏ, có con sông dài, lại có dòng suối trong, nhưng người ấy thảy đều không thấy, không biết gì cả. Còn người thứ hai kia do nghe theo lời chỉ dẫn của tôi, từ con đường chính lần lượt đi đến thành Vương Xá, nên những gì có ở bên ngoài thành Vương Xá, nào là khu vườn đẹp đẽ? đất đai bằng phẳng, lầu đài, ao tắm, đủ loại hoa cỏ? có con sông dài, lại có dòng suối trong, người ấy thảy đều thấy hết, biết hết. [0653Ồ06] Thế Tôn bảo: Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng vô can! Có Niết-bàn đó, có con đường dẫn đến Niết-bàn và Ta chỉ là bậc thầy chỉ đường, giáo huấn các Tỳ-kheo như vậy, khuyên bảo như vậy, có vị đạt đên cứu cánh Niêt-bàn nhưng có vị thì không. Này Mục-kiền-liên! Ta chỉ tùy theo sự thực hành của mỗi Tỳ-kheo mà ghi nhận sự thực hành ấy, cho đó là cứu cánh Niết-bàn vậy! Toán số Mục-kiền-liên bạch: Thưa Cù-đàm! Con đã hiểu. Thưa Cù-đàm! Con đã rõ. Thưa Cù-đàm, ví như trên mảnh đất tốt có rừng sa-la5 trong đó có người giữ rừng sa-la sáng suốt, không lười biếng, đối với gốc rễ của cây sa-la, tùy theo thời mà cuốc xới, san phăng chô cao, lâp đây chô tháp, quét dọn rác, tưới nước, không đê sai thời. Nếu bên cạnh gốc cây có cỏ mọc um tùm thì người giữ rừng nhổ bỏ hết. Nếu có những cây đâm ngang, khiến cây mọc không ngay thẳng thì người ấy uốn lại cho thẳng hay tỉa đi. Nếu có cây mọc ngay thẳng rất đẹp thì người ấy chăm sóc

, r 9

giữ gìn, thường cuốc xới, quét dọn rác, tưới nước, không đê sai thời. Như vậy, trên mảnh đất tốt, rừng cây sa-la ngày càng sum suê. Bạch Cù-đàm! Cũng vậy, có người dua nịnh, dối trá, không biết thi ân, không có niềm tin, biếng nhác, không niệm, không định, tuệ yếu kém, tâm cuồng, các căn rối loạn, trì giới lơ là, không siêng tu hạnh Sa-môn. Thưa Cù- đàm! Những người như vậy không thể cộng sự. Vì sao như vậy? Thưa Ngài, những người như vậy sẽ làm ô uế Phạm hạnh. Thưa Cù-đàm! Nếu lại có người

không dua nịnh, cũng không dối trá, biết thi ân, có niềm tin, siêng năng không biếng nhác, có niệm, có đinh, cũng có trí tuệ, rất cung kính giới, siêng tu tập hạnh Sa-môn. Thưa Cù-đàm! Người như vậy có the cộng sự. Vì sao như vậy? Thưa Cù-đàm! Những người như vậy là bậc Phạm hạnh thanh tịnh. Thưa Cù-đàm! Ví như trong các loại hương từ rễ1011 thì trầm hương11 là bậc nhất. Vì sao như vậy? Thưa Cù-đàm! Vì tram hương là loại gỗ quý nhất trong các loại hương từ rễ. Thưa Cù-đàm! Cũng như trong các loại hương từ lõi12 thì chiên-đàn đỏ là bậc nhất. Vì sao như vậy? Thưa Cù-đàm! Vì trong các loại hương từ lõi thì chiên-đàn đỏ là bậc nhất. Thưa Cù-đàm! Cũng như trong các loại hoa sống trong nước thì hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao như vậy? Thưa Cù-đàm! Vì trong các loại hoa mọc trong nước thì hoa sen xanh là tối thượng. Thưa Cù-đàm! Cũng như các loại hoa mọc trên đất thì hoa tu-ma-na là bậc nhất. r r Vì sao như vậy? Thưa Cù-đàm! Vì trong tát cả các loài hoa mọc trên đất thì hoa tu-ma-na là tôi thượng. Thưa Cù-đàm! Cũng như trong thê gian, giữa các luận sĩ, Sa-môn Cu-đàm là bậc nhất. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm là một luận sĩ có thể khuất phục tất cả các du sĩ ngoại đạo vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi mong Ngài chấp nhận con được làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! [0653c09] Đức Phật dạy như vậy, Toán số Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.13

10 Nguyên tác: Căn hương lHương liệu từ rễ cây. 11 Nguyên tác: Trầm hương tOn một loại hương liệu quý, rất thơm và nặng, bỏ xuống nước thì chìm. 12 Nguyên tác: Sa-la thọ hương ,loại hương bằng lõi cây. Tham chiếu: M. 107: Sãragandhã hưỗíng lõi cây. J 13 Bản Hán, hết quyển 35.

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại thành Vương Xá. Lúc đó5 đại thần nước Ma-kiệt-đà là Vũ-thế1234đang sửa sang thành Vương Xá để phòng thủ dân Bạt-kỳ? Khi ấy, đại thần Vũ-thế sai Cù-mặc Mục-kiền- liên, một người làm ruộng/ đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.5 Bây giờ, khi đêm đã qua, vào buôi sáng sớm, Tôn giả A-nan đáp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Thế rồi, Tôn giả A-nan chợt nghĩ: "Hy tạm gác việc khát thực trong thành Vương Xá lại, ta nên đên chô người làm ruộng Cù-mặc Muc-kin.lien." Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ người làm ruộng ấy. [0654a01] Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, chắp tay hướng về Tôn giả A-nan và bạch: Kính chào ngài A-nan! Lâu nay không đến đây, mời ngài ngồi vào chỗ này. Tôn giả A-nan liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Sau khi Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên chào hỏi Tôn giả A-nan xong, ngôi sang một bên và thưa: -Bạch ngài A-nan! Tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép tôi hỏi chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Này Mục-kiên-liên! Ong muôn hỏi gì thì cứ hỏi, ta nghe xong sẽ suy nghĩ. Mục-kiền-liên liền hỏi: -Bạch ngài A-nan! Có Tỳ-kheo nào sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?

1 Quyển 36. Nguyên tác: Cù-mặc Mục-kiền-liên kinh (roi. 0026.145. 0653c20). Tham chiếu: M. 108, Gopakamoggallâna Sutta (Kinh Gopaka Moggaỉlãna); s. 22.58 - III. 65. 2 Vũ-thế (Vassakāra), Te tướng nước Ma-kiệt-đà (Magadha). 3 Nguyên tác:

Vị phòng Bạt-kỳ ( ).Tham chiếu: M. 108: Rañño pajjotassa āsañkamāno (vì nghi ngơ Pajjota (Đắng Quang virơng), HT. Thích Minh Châu dịch. ở dây, pj Ota gọi đủ là Candapajjota, là vị vua cai trị nuoc A-ban-dejM ,Avanti) thời Phật. Theo DPPN, vị vua này có mối giao^hao với Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisra) trong việc xin phép Tần-bà-sa-la cho ngự y Kỳ-bà (, Jīvaka) điều trị bệnh cho mình. Có sự khác biệt vê địa danh này giữa MĀ. 154 và M. 108. 4 Cù-mặc Mục-kiền-liên điền tác nhân ().Tham chiếu: M. 108: Gopakamoggallāna sutta (Kinh Gopaka Moggallāna): Gopakamogallānassa brāhmanassa kammanto (chỗ làm việc của Bà-la-môn Gopaka Moggallāna). 5 Chi tiết này không phù hợp với chi tiết tiếp theo.

934 KINH TRUNG A-HÀM

Trong lúc Tôn giả A-nan và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên cùng thảo luận vấn đề này thì Vũ-thế, đại thần nước Ma-kiệt-đà đang đi thăm và an ủi những người làm ruộng6 rồi đến chỗ của Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên. Từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đang ở chỗ người làm ruộng Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-lien, đại thần Vũ-thế liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi thăm nhau rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch ngài A-nan! Vừa roi ngài với Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên cùng thảo luận vấn đề gì? Vì sự kiện gì mà cùng hội họp ở đây? Tôn giả A-nan đáp: Này Vũ-thế! Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên có hỏi tôi: "Thưa ngài A-nan! Có Tỳ-kheo nào sánh bang Sa-môn Cù-đàm chăng?^, Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: -Thưa A-nan! Ngài trả lời Phạm chí ấy như thế nào? Tôn giả A-nan đáp: Này Vũ-thế! Hoàn toàn không có một Tỳ-kheo nào sánh bằng với Thế Tôn. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: Vâng, thưa ngài A-nan! Hoàn toàn không có một Tỳ-kheo nào sánh bằng với Thế Tôn. Thế nhưng, có Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm khi còn ở đời xác lập rang: "Sau khi Ta diệt độ? Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các thy." Và ngày nay, vị ấy là nơi nương tựa của các thầy chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Này Vũ-thế! Hoàn toàn không có một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Kiến, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc còn ở đời đã xác lập rằng: "Sau khi Ta diệt độ, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các thầy." Và ngày nay, vị ấy đang là nơi nương tựa của chúng tôi. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: -Đúng thê, thưa ngài A-nan! Hoàn toàn không có một Tỳ-kheo nào sánh bằng với Sa-môn Cù-đàm5 cũng không có một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù- đàm trong lúc còn ở đời đã xác lập rằng: "Sau khi Ta nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các Ty-kheo/9 Và ngày nay, vị ấy đang là nơi nương tựa của các thay. The nhưng, có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hợp và suy tôn rằng: "Sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các thay?9 Và hôm nay, vị ấy đang là nơi nương tựa của các thầy chăng? [0654Ồ02] Tôn giả A-nan đáp: -Này Vũ-thế! Cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hợp và suy tôn rằng: “Sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các thy." Và hôm nay, vị ấy đang là nơi nương tựa cho chúng tôi.

6 ủy lạo điền tác nhân .

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN 935

Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: -Đúng thế, thưa ngài A-nan! Hoàn toàn không có Tỳ-kheo nào sánh bằng với Sa-môn Cù-đàm, cũng không có Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc còn ở đời đã xác lập rằng: "Sau khi Ta nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các Ty-kheo.^ Và ngày nay, vị ấy đang là nơi nương tựa của các thầy; cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hợp và suy tôn rằng: "Sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các thy." Và hôm nay, vị ấy đang là nơi nương tựa của các thay. Bạch ngài A-nan! Nếu như vậy thì hiện nay các thầy không có ai nương tựa, nhưng vẫn sống hòa hợp, sống an ổn, không tranh cãi, cùng học một giáo pháp, hòa hợp như sữa hòa với nước, song an lạc thảnh thơi như khi Sa-môn Cù-đàm còn tại thế chăng? Tôn giả A-nan đáp: Này Vũ-thế! Ông chớ nên nói: "Chúng tôi không có chỗ nương tựa." Vì sao như vậy? Vì chúng tôi đã có chỗ nương tựa rồi! Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà thưa: Bạch ngài A-nan! Những lời đã nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? Ngài vừa nói như vầy: "Không có Tỳ-kheo nào sánh bằng với Thế Tôn, cũng không Tỳ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Kiến, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khi còn sống ở đời đã xác lập rằng: 'Sau khi Ta nhập Niết- bàn? Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo/ Và ngày nay, vị ấy đang là nơi nương tựa của chúng tôi; cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hợp và suy tôn rằng: 'Sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo.5 Và hôm nay, vị ây đang là nơi nương tựa của chúng t6i." The nhưng thưa ngài A-nan! Do nhân gì5 duyên gì mà hôm nay ngài lại nói: "Chúng tôi đã có chỗ nương tựa rồi?" Tôn giả A-nan đáp: -Này Vũ-thế! Chiing tôi không nương tựa nơi người mà chúng tôi nương tựa nơi Pháp. Này Vũ-thê9 chúng tôi cùng nhau nương tựa nơi thôn áp mà sông, vào ngày ram cùng nhóm họp một chỗ đe thuyết giới. Nêu có Tỳ-kheo nào biết Pháp thì chúng tôi thỉnh vị ấy thuyết pháp cho chúng tôi nghe. Nếu chúng Tăng ấy thanh tịnh thì tất cả chúng tôi đều hoan hỷ phụng hành theo Pháp mà Tỳ- kheo ấy đã nói. Nếu chúng Tăng ấy không thanh tịnh thì tùy theo Pháp được giảng mà chúng tôi khuyên bảo nên thực hiện như the nào. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà thưa: Bạch ngài A-nan! Chẳng phải các ngài khuyên bảo nên thực hiện như thế nào mà chính là do pháp khuyên bảo nên thực hiện như thế nào. Như vậy, A-nan! ít pháp hay nhiễu pháp đều có thể tồn tại lâu dài. Và như vậy, A-nan! Các ngài sống hòa hợp, sống an ổn? không tranh cãi, cùng học một giáo pháp, cùng hòa hợp như sữa hòa với nước, sống an lạc thảnh thơi như khi Sa-môn Cù-đàm còn tại thế.

936 KINH TRUNG A-HÀM

[0654c03] Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: Bạch ngài A-nan! Có vị nào đáng được tôn kính chăng? Tôn giả A-nan đáp: - Này Vũ-thế! Có vị xứng đáng được tôn kính. Vũ-thế thưa: Bạch A-nan! Những lời đã nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? Ngài vừa nói như vầy: "Không một Tỳ-kheo nào sánh bằng với Thế Tôn, cũng không có Tỳ-kheo nào được Thế Tôn khi còn sống ở đời đã xác lập rằng: 'Sau khi Ta nhập Niêt-bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo? Và ngày nay, vị ấy đang là nơi nương tựa của chúng tôi; cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hợp và suy tôn răng: 'Sau khi Thê Tôn nhập Niêt- bàn, Tỳ-kheo này sẽ là nơi nương tựa cho các Ty-kheo.5 Và hôm nay, vi ấy đang là nơi nương tựa của chúng t6i." Nhimg này A-nan,

do nhân gì duyên gì, hôm nay ngài lại nói có vị xứng đáng được tôn kính? Tôn giả A-nan đáp: -Này Vũ-thế! Thế Tôn, bậc Tri Kiến, đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có dạy về mười pháp đáng tôn kính.7 Nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào có mười pháp này thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Mười pháp ấy là gì? Này Vũ-thế! Tỳ-kheo tu tập giới cấm, giữ gìn giới cấm, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt thường sanh lòng lo sợ5 thọ trì học giới. Này Vũ-thế? nếu chúng tôi thấy có Tỳ-kheo nào nỗ lực hành trì giới tăng thượng thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thê! Tỳ-kheo học rộng nghe nhiêu, ghi nhớ không quên, tích lũy sự đa văn, đối với những pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuôi cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiên bày Phạm hạnh; đôi với các pháp như vậy, vị ây học rộng nghe nhiêu, tụng đọc, thực hành cho đến ngàn lần, chuyên tâm tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu.8 Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào nỗ lực đa văn thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế! Tỳ-kheo nào xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là bạn bè tốt, xứng đáng là người bạn đồng hành tốt. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng là thiện tri thức thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy.

7 Thập pháp nhi khả tôn kính .Tham chiếu: M. 108: Dasapasādaniyā dhammā IO pháp khả hy. 8 Ý sở duy quán, minh kiến thâm đạt .

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN 937

Lại nữa, này Vũ-thế! Tỳ-kheo ưa thích đời sống viễn ly, thành tựu cả hai hạnh viễn ly là than viễn ly và tâm viễn ly. Này Vũ-thế? khi chúng tôi thấy Tỳ- kheo nào thật sự rất ưa thích đời sống viễn ly thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. [0655a02] Lại nữa, này Vũ-thế! Tỳ-kheo ưa thích sự tĩnh tọa, nội tâm thực thành tựu thiền quán,11 tu tập tăng hành thiền chí,9 cũng không rời thiền tọa,91011 trưởng về pháp quán không.12 Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất ưa thích sự tĩnh tọa thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Ty-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế! Tỳ-ldieo s6ng với hạnh biết đủ? áo vừa đủ che thân, ăn chỉ nhằm nuôi mạng, đi đến đâu đều mang theo y bát, ra đi không luyến tiếc, giống như con chim ưng với đôi cánh bay lượn giữa hư không. Cũng vậy, Tỳ-kheo sống với hạnh biết đủ, áo vừa đủ che thân, ăn chỉ nhằm nuôi mạng, đi đến đâu đều mang theo y bát, ra đi không luyến tiếc. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thây Tỳ-kheo nào thật sự sống với hạnh biêt đủ thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế! Tỳ-kheo thường hành chuyên niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng học tập từ lâu, những gì đã từng nghe từ lâu, thường ghi nhớ không quên. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thường có chánh niệm thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế! Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, dứt trừ những xấu ác bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự giữ tâm chuyên nhất vững chãi, vì gốc rễ của pháp thiện mà không từ bỏ một phương tiện nào. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy

Tỳ-kheo nào thật sự hành tinh tấn thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thê! Tỳ-kheo tu hạnh trí tuệ, quán sát sự thịnh suy của các pháp, chứng được trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt rõ ràng, diệt sạch khổ đau hoàn toàn. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào nỗ lực tu hạnh trí tuệ thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế! Khi Tỳ-kheo đã đoạn sạch mọi lậu hoặc, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, Tỳ-kheo ấy tự biết, tự ngộ, tự thân

9 Nguyên tác: Nội hành chánh chỉ ĨẸ .A-ma-trukmh roi. 0001.20. 0082a06 gọi là 4tnội hành tịch diet".Mã Ắp kỉnh 7.01. 0026.183. 0725cl6 gọi là unội hành chi",nghĩa là thực hành tu tập khiến cho nội tâm vắng lặng. Pali: Samatha. 10 Nguyên tác: Diệc bất ly,tứ 21 Xem Ngưu Giác Sa-la lâm kinh T.Ol. 0026.184. 0726c25: Bất phế tọa thiền .Pali: Anirākatajjhāno. 11 Nguyên tác: Thành tựu ư quán .ở đây chỉ cho sự thành tựu tuệ minh sát. Pãli: Vipassanā. 12 Nguyênrtác: Không hành :Các hành là không, chỉ cho phép tu t4quán không^, đối với các pháp. Tham chiếu: Tạp. M T02. 0099.273. 0072ỒỒ20: Tỳ-kheo, phải biết các hành là khòng

chứng đắc, thành tựu và an trú ya biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào đã đoạn sạch mọi lậu hoặc thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Này Vũ-thế! Thế Tôn, bậc Tri Kiến, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã giảng thuyết mười pháp xứng đáng được tôn kính này. Này Vũ-thế9 khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thực hành mười pháp này thì chúng tôi sẽ cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, sùng phụng và lễ bái Tỳ-kheo ấy. Ngay lúc đó, trong đại chúng đồng thanh lớn tiếng:13 9 7 -r .

Có thê tu tập con đường chánh trực, chứ không phải không thê tu. Nêu ai có thể tu con đường chánh trực, chứ không phải không thể tu thì vị ấy là A-la- hán ở trong đời, xứng đáng được ái kính, tôn trọng, cúng dường và lễ bái. Nếu các ngài có the tu tập theo con đường chánh trực thì ngay trong đời, các ngài là A-la-hán, xứng đáng được ái kính, tôn trọng, cúng dường và lễ bái. [0655b05] Rồi đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà và quyến thuộc ấy hỏi rằng: —Thưa ngài A-nan, nay ngài đi du hóa nơi nào? Tôn giả A-nan đáp: -Tôi đang du hóa tại thành Vương Xá này, hiện đang ở tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bạch ngài A-nan, rừng Trúc trong vườn Ca-lan-đa thật là nơi rất đáng ưa thích, trang nghiêm, dễ chiu, ban ngày không huyên náo, ban đêm yên tĩnh, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, thời tiết không lạnh cũng không nóng. Bạch A-nan, ngài có thích sống tại rừng Trúc vườn Ca-lan-đa chăng? Tôn giả A-nan đáp: —Đúng vậy? Vũ-thế! Tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa rất đáng ưa thích, trang nghiêm, thật dễ chiu, ban ngày không huyên náo, ban đêm yên tĩnh, không có muôi mòng, ruôi nhặng, thời tiêt không lạnh cũng không nóng. Này Vũ-thê? tôi rất thích sống ở tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa ấy. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn cũng tán thành. Lúc đó, Đại tướng

Bà-nan14 cũng ở trong chúng ấy, thưa rằng: -Đúng vậy, Vũ-thế! Tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa rất đáng ưa thích, trang nghiêm, rất dễ dịu, ban ngày không huyên náo, ban đêm yên tinh, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, thời tiết không lạnh cũng không nóng. Tôn giả ấy ưa thích sống ở tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Vì sao như vậy? Vì Tôn giả này thực hành thiền quán, ưa thích thiền quán.15

13 Có lẽ là âm thanh của những người làm ruộng và quân lính đi theo, mà đoạn sau gọi là "quyến thuOc." 14 Bà-nan Upananda, vị đại tướng của vương triều Ma-kiệt-đà Magadha. 15 Hành tứ lạc tứ ."Hành tứ" ở đây được hiểu là hành thiền.
Tham chiếu: M. 108: Jhāyino ceva bhavanto jhānasīlino ca xứng đáng với những người tu thiền và tánh thiên về thiền định.

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN 939

Nghe xong, đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà liền nói: Này Đại tướng Bà-nan! Trước đây, khi Sa-môn Cù-đàm du hóa tại khu vườn khả ái của ngài Kim-tỳ-la516 này Đại tướng Bà-nan, lúc đó tôi nhiều lần đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm thực hành thiền quán, ưa thích thiền quán, khen ngợi tất cả thiền quán. Tôn giả A-nan nghe xong, bảo rằng: -Vũ-thê, chớ nói răng Sa-môn Cù-đàm khen ngợi tát cả thiên quán. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn có khi khen ngợi thiền quán, nhưng có khi không khen ngợi. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: -A-nan, Sa-môn Cù-đàm không khen ngợi thiền quán, nhưng không khen ngợi thiền quán nào? Tôn giả A-nan đáp: -Vũ-thê, nêu có người bị trói buộc bởi tham dục và phát khởi tham dục, không biết đúng như thật pháp xuất ly, vì người ấy đang bị chướng ngại bởi tham dục nên đoi với thiền quán, cứ trầm ngâm thiền quán, chìm đam thiền quán. Này Vũ-thế, đó gọi là thiền quán thứ nhất mà đức Thế Tôn không khen ngợi. Lại nữa, này Vũ-thê, nêu có người nào bị trói buộc bởi sân hận, roi phát khởi sân hận, không biết đúng như thật pháp xuất ly; vì vị ấy đang bị chướng ngại bởi sân hận nên đối với thiền quán, cứ trầm ngâm thiền quán, chìm đắm thiền quán. Này Vũ-thế9 đó gọi là thiền quán thứ hai mà Thế Tôn không khen ngợi. Lại nữa, này Vũ-thế, nếu người nào bi trói buộc bởi ngủ nghỉ và dấy khởi ngủ nghí, không biết đúng như thật pháp xuất ly; vì vị ấy đang bị chướng ngại bởi ngủ nghỉ nên đối với thiền quán, cứ trầm ngâm thiền quán, chìm đắm thiền quán. Này Vũ-thế, đó gọi là thiền quán thứ ba mà Thế Tôn không khen ngợi. Lại nữa, này Vũ-thế9 người nào bị trói buộc bởi nghi hoặc và phát khởi nghi hoặc, không biết đúng như thật pháp xuất ly; vì vị ấy đang bị chướng ngại bởi nghi hoặc, nên đối với thiền quán, cứ tràm ngâm thiền quán, chìm đắm thiền quán. Này Vũ-thế5 đó gọi là thiền quán thứ tư mà Thế Tôn không khen ngợi. Này Vũ-thế! Đức Thế Tôn không khen ngợi bốn loại thiền quán này. [0655C11] Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà bạch: -Bạch A-nan, bốn loại thiền quán này thật đáng ghét, là những trường hợp đáng ghét nên Sa-môn Cù-đàm không khen ngợi. Vì sao như vậy? Vì Ngài là bậc Chánh Đẳng Giác.

16 Kim-tỳ-la Lạc viên .Theo Trường Thọ VươnẸ bồn khởi kỉnh 01.
0026.72. 0532c09, khu rừng khả ái mà ba Tôn giả Kim-tỳ-la ,Kimbila, Tôn giả A-na-luật-đà Anuruddha và Tôn giả Nan-đề Nandiya cùng ở, có tên là Ban-na-mạn-xà tự lâm Pācīnavarnsadāya, thuộc nước Cetiya .

Đại thần Vũ"thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: Bạch A-nan, những thiền quán nào được Sa-môn Cù-đàm khen ngợi? Tôn giả A-nan đáp: -Vũ-thế9 Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất,thiên,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Này Vũ-thế, Thế Tôn khen ngợi bốn loại thiền quán này. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà bạch: Bạch A-nan, bốn loại thiền quán này rất đáng khen ngợi, là những trường hợp đáng khen ngợi nên được Sa-môn Cù-đàm khen ngợi. Vì sao như vậy? Vì Ngài là bậc Chánh Đẳng Giác. Bạch ngài A-nan, tôi còn nhiều việc phải làm, xin phép cáo từ. Tôn giả A-nan bảo: -Ngài muốn về thì cứ tùy ý. Rồi đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà sau khi nghe Tôn giả A-nan nói xong, cẩn thận ghi nhớ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi ra về. Sau khi đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà đi không lâu, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch rằng: Bạch A-nan, phải chăng những điều tôi hỏi đã không được trả lời? Tôn giả A-nan đáp: Mục-kiền-liên! Quả thật tôi đã không trả lời. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch: -Tôi lại có điều muốn hỏi, ngài cho phép tôi hỏi chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Mục-kiên-liên! Ong cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên liền hỏi: -Bạch A-nan, sự giải thoát của Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và tuệ giải thoát,17 cũng như giải thoát của bậc A-la-hán thì ba loại giải thoát này có sai biệt gì và có sự hơn kém nào chăng? [0656a01] Tôn giả A-nan đáp: Này Mục-kiền-liên5 sự giải thoát của Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và tuệ giải thoát, cũng như giải thoát của bậc A-la-hán thì ba loại giải thoát này không có sự sai biệt và cũng không có sự hơn kém. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch: Bạch A-nan, mong ngài ở lại đây thọ trai.

17 Nguyên tác: Tuệ giải thoát (Paññāvimutta). Theo Tạp.(T02. 0099.1207. 0328cl9), khi lìa vô minh thì được tuệ giải thoát ().

Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên biết Tôn giả A-nan im lăng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự đi lấy nước rửa, roi dâng lên đủ loại thức ăn tinh khiết, thơm ngon với các loại mem và cứng rất thịnh soạn, tự tay dâng cúng cho đến khi no đủ. Thọ thực xong dọn dẹp bát, dùng nước rửa tay, rồi Phạm chí lấy một chiếc ghế thấp ngồi riêng bên cạnh nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho Phạm chí nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ.18 Sau khi bằng vô số phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ xong, Tôn giả A-nan đứng dậy ra về. Tôn giả A-nan dạy như vậy, đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà cùng quyến thuộc và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên nghe Tôn giả A-nan dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

18 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

146. KINH VÍ DỤ DẤU CHAN VOI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc trời vừa sáng, có một du sĩ ngoại đạo12 tên Ti-lô3 từ thành Xá- vệ đi đến chỗ Phật, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang

một bên. Đức Phật vì du sĩ Ti-lô mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ.4 Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho Ti-lô hoan hỷ rồi? đức Phật an trú tĩnh lặng. Ti-lô đã được đức Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Khi ấy, lúc trời vừa sáng, Phạm chí Sanh Văn5 ngồi trên cỗ xe màu trắng rất đẹp, cùng năm trăm đệ tử ra khỏi thành Xá-vệ9 đến nơi thanh vắng để dạy đệ tử đọc tụng kinh thư. Phạm chí Sanh Văn trông thấy du sĩ Ti-lô từ xa đi đến, liền hỏi: Này Bà-ta!6 Mới sáng sớm ông đã đi đâu về vậy? Ti-lô đáp: Thưa Phạm chí! Tôi đến bái kiến, kính lễ và cúng dường Thế Tôn rồi ve đay. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Này Bà-ta! Ông có thể biết Sa-môn Cù-đàm ở nơi thanh tĩnh thành tựu trí r tuệ như thê nào chăng? Du sĩ Ti-lô đáp: - Phạm chí! Ai có thể biết Thế Ton ở nơi thanh tĩnh thành tựu trí tuệ như thế nào? Này Phạm chí, người có thể biết Thế Tôn ở nơi thanh tĩnh thành tựu trí tuệ

1 Nguyên tác: Tượng tích du kinh roi. 0026.146. 0656al4. Tham chiếu: M. 27, Cūlahatthipadopama Sutta Tiểu kinh dụ dấu chân voi. 2 Nguyên tác: Dị học añňatitthiyā paribbājakā. 3 Ti-lô Pilotika. Theo Chủ giải Kinh Trung bộ {MA. L 393, đây là tên của một du sĩ trẻ thuộc bộ tộc Vacchāyana. 4 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48. 5 Sanh Văn Jānussoni. 6 Bà-ta ,họ của Ti-lô, phiên âm từ Vacchāyana.

thế nào thì phải ngang hàng với đức Thế Tôn. Thế nhưng, này Phạm chí, kinh thư mà tôi đã đọc có bốn dấu hiệu/ do bốn dấu hiệu này mà toi tin chắc Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiện. Phạm chí! Cũng như người thợ săn voi lành nghề rảo bước vào trong khu rừng vắng, ở giữa rừng cây bỗn^ thấy dấu chân voi rất lớn. Thấy rồi, người ấy tin chắc rang con voi này phải rất lớn mới có dấu chân như vậy. Này Phạm chí, tôi cũng như vậy! Kinh thư mà tôi đã đọc có bốn dấu hiệu, do bốn dấu hiệu này mà tôi tin chắc rằng Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiện. [0656b09] Bốn dấu hiệu đó là gì? Này Phạm chí! Các luận sĩ Sát-lợi có trí tuệ5 đa văn, tinh tế,8 có khả năng khuất phục người đời, không điều gì là không biết, đem những hiểu biết của mình sáng tác văn chương, lưu hành the gian. Họ nghi như vầy: "Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm chất vấn những việc như vầy, như vay. Nếu ông ấy trả lời được thì ta lại hỏi tiếp, nếu không the trả lời thì xem như bị ta khuất phục nen phải rời đi?5 Thế rồi, họ nghe nói Thế Tôn đang tru tại một thôn ấp nào đó, liền tìm đến, nhưng khi đã gặp Thế Tôn rồi, họ còn không dám hỏi, huống là có thể khuất phục. Này Phạm chí! Nhờ đọc kinh thư nên tôi biết được dấu hiệu thứ nhất như thế. Nhân ý nghĩa này mà tôi tin chắc rằng Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiện. Cũng vậy, nhữnệ luận sĩ Phạm chí, cư sĩ hay Sa-môn có trí

tuệ, đa văn, tinh tê5 có khả năng khuất phục người đời, không điêu gì là không biêt, đem những hiểu biết của mình sáng tác văn chương, lưu hành thế gian. Họ nghĩ như vầy: "Ta đến chỗ Sa-môn Cù-đam chất vấn những việc như vầy, như vầy. Nếu ong áy trâ lời được thì ta lại hỏi tiếp, nếu không thể trả lời thì xem như bị ta khuất phục nen phải rời di." Thế rồi, họ nghe nói Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, liền tìm đến? nhưng khi đã gặp Thế Tôn rồi, họ còn không dám hỏi, huống là có thể khuất J>hục. Này Phạm chí! Nhờ đọc kinh thư nên tôi biết được dấu hiệu thứ tư như the.789 Nhân ý nghĩa này mà tôi tin chắc rằng Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiện. Này Phạm chí! Kinh thư mà tôi đã đọc có bốn dấu hiệu này, do bốn dấu hiệu này mà tôi tin chắc rằng Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyet giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiện.

7 Nguyên tác: Tứ cú nghĩa ().Tham chiếu: M. 27: Samanne Gotame cattāri padāni (4 dấu chân của Sa-môn Gotama). 8 Nguyên tác: Quyết định ().Tham chiếu: M. 27: Nỉpuụe (tế nhị, tinh tể). 9 Bản Hán này lược 2 sự việc thứ 2 và thứ 3. Nhưng sự việc thứ 4 lại trùng lặp với sự việc thứ nhất. ở đây, có thê sắp lại thứ tự lần lượt nhự sau: 1. Các luận sĩ bị khuất phục; 2. Các luận sĩ trở thành đệ tử; 3. Các luận sĩ này xuất gia; 4. Một số vị đó đạt cứu cánh trỏng đời nay.

146. KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI 945

Phạm chí Sanh Văn hỏi rằng: -Này Bà-ta! Có phải do nhân do duyên đó mà ông thành tâm cúng dường Sa-môn Cù-đàm và hoan hỷ phụng hành chăng? [0656c01] Du sĩ Ti-lô đáp: -Này Phạm chí! Đúng vậy, đúng vậy! Tôi đã chí thành cúng dường và cũng hết lòng khen ngợi Thế Tôn. Hất thảy thế gian cũng nên cúng dường như thế. Bây giờ, Phạm chí Sanh Văn nghe được ý nghĩa trên liên bước xuông xe, quỳ gối phải chấm đất, chắp tay hướng về Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc hành lễ ba lần: "Nam-mô đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.^ Ba lần hành lễ như vậy xong, Phạm chí lên chiếc xe trắng đẹp tuyệt rồi thẳng đến Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Phạm chí đến nơi, lập tức dừng xe rồi đi bộ đến chỗ Phật, chào hỏi xong liền ngồi sang một bên. Bây giờ, Phạm chí Sanh Văn đem câu chuyện vừa thảo luận với du sĩ Ti-lô thuật lại tường tận với Phật. Thế Tôn nghe xong liền bảo: Này Phạm chí! Ti-lô nói ví dụ về dấu chân voi chưa được hoàn hảo, cũng chưa được đầy đủ. Đe ví dụ về dấu chân voi được hoàn hảo, được đầy đủ hơn thì hôm nay Ta sẽ giảng nói cho ông. Hãy khéo lắng nghe! Phạm chí! Ví như thợ săn voi lành nghê rảo bước vào trong khu rừng văng và nhìn thấy dấu chân voi to lớn ở giữa rừng cây. Thấy rồi, thợ săn tin chắc rằng con voi kia phải rất lớn mới có dấu chân như vậy. Này Phạm chí, thợ săn voi lành nghề ấy cũng chưa vội tin, vì trong khu rừng này còn có loài voi cái tên Ca-lê-nậu9 thân hình rất cao lớn nên có dấu chân này. Thợ săn liền lần theo dấu chân voi, lại thây có những dâu chân voi rát lớn, thây roi tin chác răng con voi này cũng rất lớn mới có dấu chân như vậy. Này Phạm chí! Thợ săn voi lành nghề ấy cũng chưa vội tin, vì trong khu rừng này lại còn có loài voi cái tên Ca-la-lợi9 thân hình rất cao lớn nên có dấu chân này. Thợ săn liền lần theo

dấu chân voi, lại thấy có những dấu chân voi rát lớn, thây roi tin chác răng con voi này cũng phải rát lớn mới có dâu chân như vậy. Phạm chí, thợ săn voi rành nghề ấy cũng chưa vội tin, vì trong khu rừng này con co loai voi cai ten Ba-hoa-nau, than hình rát cao lơn nen co dâu chan nay. Thợ săn liền lần theo dấu chân voi? lại thấy có dấu chân voi rất lớn, thấy rồi tin chăc răng con voi này cũng phải rát lớn mới có dâu chân như vậy. Thợ săn sau khi lần theo dấu vết, thấy dấu chân voi rất lớn, bàn chân vuông vức, rất dài, rất rộng, bao phủ mặt đất, lún sâu xuống đất và vị ấy còn tận mắt nhìn thấy con voi đực đang đi tới đi lui, hoặc dừng hoặc chạy, hoặc đứng hoặc nằm. Thấy con voi kia rồi, thợ săn liền nghĩ rằng: "Dấu chân này nhất định là của con voi đực10 kia."

10 Nguyên tác: Đại tượng .Vòi cái là mẫu tượng .

Này Phạm chí! Cũng vậy, nếu trên đời xuất hiện đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn thì ngay đời này, giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ trời cho đến người, vị ấy tự biết tự ngộ5 tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Vị ấy thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Vị ấy thuyết pháp, hoặc cư sĩ hay con của cư sĩ nghe xong liền khởi phát niềm tin, ở trong giáo pháp11 của Như Lai có được niềm tin rồi, họ liền nghĩ rằng: “Tại gia chật hẹp, là nơi trói buộc; xuất gia học đạo, thanh thoát phóng khoáng. Ta nay sống tại gia, chịu nhiều trói buộc, không thể trọn đời tinh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy từ bỏ tài sản nhỏ cho đến tài sản lớn, từ giã họ hàng xa cho đên họ hàng gân, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học [0657a09] Thế rồi, vị ấy từ bỏ tài sản nhỏ cho đến tài sản lớn, từ giã họ hàng xa cho đến họ hàng gần, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Vị ấy xuất gia rồi, từ giã quan hệ thân quyến, lãnh thọ yếu pháp Tỳ-kheo5 tu tập theo giới cấm, giữ gìn giới giải thoát, 12 lại còn khéo thâu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ lòng đã lo sợ và thường thọ trì học giới. Vị ấy lìa bỏ sát sanh, đoạn trừ sát sanh, vứt bỏ dao gậy, biết hổ biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến các loài côn trùng nhỏ nhít. Đối với việc sát sanh, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ây lìa bỏ trộm cướp, đoạn trừ trộm cướp, chỉ lây khi được cho, vui nhận những gì được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không tiếc, không mong báo đáp. . .L Đôi với việc trộm cướp, tâm vị ây đã trừ sạch. Vi ấy xa lìa dâm dục,1113 đoạn trừ dâm dục, siêng tu Phạm hạnh, gắng giữ 12 hạnh lành, thanh tinh không nhơ uế, lìa dục đoạn dâm. Đối với việc dâm dục, tâm vi ấy đã trừ sạch. Vị ấy xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nói lời chân thật, thích lời chân thật, an trú nơi sự thật, không dao động, những gì nói ra đều đáng tin, không dối gạt thê gian. Đôi với việc nói dôi, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ây xa lìa nói hai chiêu, đoạn trừ nói hai chiêu, không nói hai chiêu, không phá hoại người: Không nghe chuyện người này rồi nói lại người kia với ý phá hoại người này, không nghe chuyện người kia rồi nói lại người này với ý

11 Nguyên tác: Chánh pháp, Luật . 12 Nguyên tác: Tùng giải thoát ,Pātimokkha. 13 Nguyên tác: Phi Phạm hạnh .

phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho họ hòa hợp, ai hòa hợp thì khiến họ hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen bè đảng. Đối với việc nói hai chiều, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ấy xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác. Nếu có lời lẽ thô lỗ cộc cằn, nặng nề khó nghe, khiến người không vui, khiến người không thích, khiến người khổ não, không thể đinh tĩnh thì vị ấy không nói những lời như vậy. Nếu có lời lẽ hòa nhã nhu thuận, nhẹ nhàng dễ nghe, đáng ưa đáng thích, khiến người an lạc, thanh âm rõ ràng, không làm người sợ, khiến người định tĩnh thì vị ấy nói những lời như vậy. Đoi với việc nói thô ác, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vi ấy xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói vê pháp, nói vê nghĩa, lời nói từ tôn, thích nói từ tôn, đúng thời đúng phép, khéo dạy khéo răn. Đoi với việc nói thêu dệt, tâm vị ấy đã trừ sạch. [0657b06] Vị ấy xa lìa buôn bán, đoạn trừ buôn bán, từ bỏ cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không trói buộc người, không cân non đong thiếu, không vì lợi nhỏ mà lường gạt người. Đối với việc buôn bán, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vi ấy xa lìa việc nhận quả phụ, thiếu nữ, đoạn trừ việc nhận quả phụ, thiếu nữ. Đôi với việc thâu nhận quả phụ, thiêu nữ, tâm vị ây đã trừ sạch. Vị ấy xa lìa việc nhận tôi tớ9 đoạn trừ việc nhận tôi tớ. Đối với việc nhận tôi tớ, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vi ấy xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê. Đôi với việc nhận voi, ngựa, trâu, dê? tâm vị ây đã trừ sạch. Vị ây xa lìa việc nhận gà, heo, đoạn trừ việc nhận gà, heo. Đôi với việc nhận gà, heo, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ấy xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá. Đối với việc nhận ruộng đất, quán xá, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ấy xa lìa việc nhận nếp, hia, đậu, đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu. Đối với việc nhận nép, lúa, đậu, tâm vị ây đã trừ sạch. Vị ây xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Đôi với việc uông rượu, tâm vị ây đã trừ sạch. Vi ấy xa lìa việc nằm giường cao rộng, đoạn trừ việc nằm giường cao rộng. Đối với việc nằm giường cao rộng, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ấy xa lìa việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp. Đoi với việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vi ấy xa lìa ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe, đoạn trừ ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe. Đối với việc ca múa hát xướng cho đến đi xem nghe, tâm vị ấy đã trừ sạch.

, , Y.,... Vị ây xa lìa việc cat giữ vàng bạc, châu báu, đoạn trừ việc cat giữ vàng, bạc, châu báu. Đối với việc cất giữ vàng bạc, châu báu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ấy xa lìa ăn quá ngọ, đoạn trừ ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, tập ăn đúng thời. Đối với việc ăn quá ngọ, tâm vị ấy đã trừ sạch. [0657b27] Vị ấy khi đã thành tựu Thánh giới uẩn14 như trên, lại sống hết sức biết đủ, áo vừa đủ che thân, ăn chỉ nhằm nuôi mạng, đi đến đâu cũng mang theo y bát, sống không dính mắc, giống như chim ưng dang rộng đôi cánh bay lượn giữa hư không. Vị ấy khi đã thành tựu Thánh giới uẩn và sống hết sức biết đủ rồi, lại phòng hộ các căn, thường nhớ đóng chặt các căn, vì mong muốn tỏ

ngộ nên thủ hộ niệm tâm để được thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác,15 khi mắt thấy sắc không vướng mac vào tướng của sao, không đăm nhiêm vào vị của sac, vì ngăn ngừa tranh giành và oán giận nên giữ gìn nhãn căn. Giữ gìn nhãn căn là đe trong tâm không sanh ra tham muốn, ưu não và các pháp xâu ác, bát thiện. Vì hướng đên mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Với tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Ý nhận biết các pháp nhưng không vướng mắc vào tướng các pháp, cũng không bị đam nhiễm vào vị của các pháp, vì ngăn ngừa tranh giành và oán giận nên giữ gìn ý căn. Giữ gìn ý căn là đe trong tâm không sanh tham muốn, ưu não và các pháp xấu ác, bất thiện. Vì hướng đen mục đích đó mà giữ gìn ý căn. [0657c09] Vị ấy khi đã thành tựu Thánh giới uẩn rồi thì hết sức biết đủ và gìn giữ các căn, lại còn tỉnh giác khi ra khi vào, luôn khéo quán sát, phân biệt; khi co duỗi, cúi ngước, dung mạo khoan thai; khi khoác y Tăng-già-lê, đắp y, Ôm bát, đi đứng, ngôi năm, ngủ thức, nói năng hay im lặng... thảy đêu tỉnh giác như vậy. Khi đã thành tựu Thánh giới uẩn này rồi, vị ấy hết sức biết đủ, thủ hộ các căn và tỉnh giác khi ra khi vào rồi, lại sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, hoặc bên gốc cây, nương nơi yên vắng, hoặc trong hang núi, hoặc chỗ đất trống, hoặc ở giữa đồng, hoặc ở trong rừng, hoặc bãi tha ma. Vị ấy khi ở nơi thanh văng, hoặc bên góc cây, nương nơi văng vẻ, trải tọa cụ, ngôi kiêt- già, thân tâm ngay thẳng, quay vào bên trong, tâm không hướng ngoại, đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt, thấy tiền của hay vật dụng người khác không khởi ý muôn trở thành của mình. Đôi với tham lam, tâm vi áy đã trừ sạch. Cũng vậy đối với sân hận, hôn trầm, trạo hối. Vi ấy đoạn nghi trừ hoặc, với các thiện pháp không còn do dự. Đoi với sự nghi hoặc, tâm vị ấy đã trừ sạch. Vị ấy đoạn trừ năm thứ ngăn che16 như trên, là những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; rồi ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, trải

14 Nguyên tác: Thánh giới tụ .Kinh văn Pali gọi là Thánh giới uẩn . 15 Nguyên tác: Chánh tri Biết một cách chính xác. M. 27: Sampajānā ý thức rõ ràng về hành động cua mình, còn gọi la "tỉnh giác". 16 Nguyên tác: Ngũ cái .Xem chú thích 9, kinh số 19, tr. 112.

nghiệm hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc và an tru Thiền thứ nhất. Này Phạm chí, đó gọi là điều mà Như Lai đã khuất phục, Như Lai đã thực hành, Như Lai đã thành tựu. Thế nhưng, vị ấy không dựa vào đó để kết luận17 rằng: "Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiên.” Tiêp đên, vị ây từ bỏ giác quán, nội tĩnh nhát tâm, không giác không quán, trải nghiệm hỷ lạc do định sanh, chứng đắc và an tru Thiền thứ hai. Này Phạm chí, đó gọi là điều mà Như Lai đã khuất phục, Như Lai đã thực hành, Như Lai đã thành tựu. Thế nhưng, vi ấy không dựa vào đó để kết luận rằng: 'Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiên." [0658a01] Rồi vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, SỞ câu của bậc Thánh, xả niệm lạc tru, chứng đăc và an trú Thiên thứ ba. Này Phạm chí, đó gọi là điều mà Như Lai đã khuất phục, Như Lai đã thực hành, Như Lai đã thành tựu. Thế nhưng, vi ấy không dựa

vào đó để kết luận rằng: "Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiện.,, Tiếp đến, vị ấy xả khổ lạc, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc và an trú Thiền thứ tư. Này Phạm chí, đó gọi là điều mà Như Lai đã khuất phục, Như Lai đã thực hành, Như Lai đã thành tựu. Thế nhưng, vị ấy không dựa vào đó để kết luận rằng: 66Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiên." Vị ấy đã đạt định tâm như vậy5 thanh tịnh, không uế, không phiền, nhu hoà, an tru vững chãi, trụ tâm bát động, hướng đên chứng đác Lậu tận trí thông. Vị ấy biết đúng như thật đây là khổ, đây là nguyên nhân gây ra khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt. Vi ấy biết đúng như thật đây là lậu, đây là nguyên nhân sanh khởi lậu? đây là lậu diệt, đây là con đường đưa đến lậu diệt. Vị ây biêt như vậy, thây như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu; giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Này Phạm chí, đó gọi là điều mà Như Lai đã khuất phục, Như Lai đã thực hành, Như Lai đã thành tựu. Vị ấy dựa vào đó rồi kết luận rằng: "Thế Tôn là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; pháp Thế Tôn thuyết giảng toàn thiện và Thánh chúng đệ tử Như Lai hướng đến chỗ chánh thiên." Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Ví dụ về dấu chân voi như vậy đã được trình bày đầy đủ chưa?

17 Nguyên tác: Bất dĩ thử vi ngật ().M. 27: Neva tāva nittharn gacchati (không đưa đến kết luận).

Phạm chí Sanh Văn thưa: Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Bạch Thế Tôn! Nay con xin nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí Sanh Văn và du sĩ Ti-lô nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

147. KINH VĂN ĐỨC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sau buổi trưa, Phạm chí Sanh Văn thong thả tản bộ đến chỗ Phật, cùng thăm hỏi nhau roi ngôi sang một bên và thưa: Thưa Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì mới dám trình bày. The Ton bao: Này Phạm chí, ông cứ tự nhiên thưa hỏi. Phạm chí Sanh Văn liền hỏi: -Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm9 hoặc có người tại gia, hoặc có người xuất gia học đạo, vì mục đích gì mà họ học rộng và tu tập theo pháp?12 Đức Thế Tôn đáp: -Này Phạm chí! Đệ tử của Ta, tại gia hoặc xuất gia học đạo, sở dĩ học rộng và tu tập theo pháp là vì muôn tự điêu phục, tự lăng tâm tịch tịnh và tự tìm câu cứu cánh tịch diệt. Này Phạm chí, đệ tử của Ta, tại gia hoặc xuất gia học đạo, vì mục đích này mà học rộng và tu tập theo pháp. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm? học rộng và tu tập theo pháp có gì sai biệt chăng? Học rộng và tu tập theo pháp có công đức gì chăng? The Ton đáp: Này Phạm chí, học rộng và tu tập theo pháp có sai biệt, học rộng và tu tập theo pháp có công đức. Phạm

chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm? học rộng và tu tập theo pháp có sai biệt gì và có công đức gì? Đức Thế Tôn đáp: Này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn hằng ngày làm việc, muốn được thuận lợi thành công, thế nhxmg công việc của vị ấy lại thất bại không thành.

1 Nguyên tác: Văn đức kỉnh (01. 0026.147. 0658a29). Tựa đề khái quát nội dung kinh, tức là nhờ nghe pháp, thực hành pháp mà có công đức. 2 Nguyên tác: Bác văn tụng tập ():Văn, tư, tu về lời Phật dạy một cách sâu rộng, thông suốt.

DÙ công việc thất bại không thành nhưng vị ấy vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, vật vã ảo não và cũng không cuồng si. Này Phạm chí! Nêu vị Thánh đệ tử đa văn hằng ngày làm việc, muốn được thuận lợi thành công, thế nhưng công việc của vị ấy lại thất bại không thành, dù công việc của vị ấy thất bại không thành nhưng vị ấy vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, vật vã ảo não và cũng không cuồng si. Này Phạm chí, đó là nhờ vi ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn có những yêu thương mà lại bị đổi thay mất mát, không còn sum vầy. Dù phải biệt ly như thế, nhimg vị ấy vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, vật vã ảo não và cũng không cuồng si. Này Phạm chí! Nêu vi Thánh đệ tử đa văn có những yêu thương mà lại bị đổi thay mất mát, không còn sum vầy, dù phải biệt ly như the nhimg vi ấy vẫn không ưu sâu, phiên muộn, khóc than, vật vã ảo não và cũng không cuông si. Này Phạm chí, đó là nhờ vi ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vi Thánh đệ tử đa văn biết những tài vật sở hữu thảy đều vô thường nên nhớ nghĩ đến việc xuất gia học đạo. Này Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn biết những tài vật sở hữu thảy đều vô thường nên nhớ nghĩ đến việc xuất gia học đạo, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn sau khi biết rằng những tài vật sở hữu thảy đêu vô thường, vị áy liên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn sau khi biết rằng những tài vật sở hữu thảy đều vô thường, vi ấy liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. [0658c09] Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn có thể kham nhẫn với đói khát, nóng lạnh, muỗi mòng, rận rệp, nắng gió bức bách, hoặc bi mắng chửi đánh đập cũng có thể nhẫn chịu, hoặc thân thể mắc phải tật bệnh, đau đớn gần như mất mạng hay gặp những điều không vui... thảy đều có thể kham nhẫn được. Này Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn có thể kham nhẫn với đói khát, nóng lạnh, muỗi mòng, rận rệp, nắng gió bức bách, hoặc bị mắng chửi đánh đập cũng có the nhẫn chịu, hoặc thân the mắc phải tật bệnh, đau đớn gần như mất mạng hay gặp những điều không ưa thích... thảy đều có thể kham nhẫn được, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn có thể kham chịu những điều không vui. Khi có những điều không vui sanh khởi

nhưng tâm vị ấy không hề

147. KINH VÀN ĐỨC 953

vướng bận. Này Phạm chí! Nếu vi Thánh đệ tử đa văn có thể kham chịu những điều không vui, khi có những điều không vui sanh khởi nhưng tâm vị ấy vẫn không he vướng bận, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn có thể nhẫn chịu sợ hãi. Khi có sợ hãi phát sanh trong tâm thì vi ấy vẫn không hề nao núng. Này Phạm chí! r . 9 Nêu vị Thánh đệ tử đa văn có thê kham chịu sợ hãi, khi có sợ hãi phát sanh trong tâm thì vị ây vân không hê nao núng thì này Phạm chí, đó là nhờ vị ây học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn nếu sanh khởi ba niệm ác bất thiện, đó là niệm dục, niệm sân và niệm hại, dù ba niệm ác bất thiện này sanh khởi nhưng trong tâm không hề dính mắc. Này Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn có sanh khởi ba niệm ác bất thiện, đó là niệm dục, niệm sân và niệm hại, dù ba niệm ác bất thiện này sanh khởi nhưng trong tâm vẫn không hề dính mắc, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc, thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Này Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc, thành tựu và an trú Thiền thứ tư, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. [0659a04] Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn đã đoạn sạch ba kiết sử,3 đắc quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa đường ác, nhất định hướng đến quả vị Chánh giác, nhiêu nhát là còn bảy lân tái sanh ở cõi trời hoặc cối người, sau bảy lần qua lại đó, vị ấy sẽ vượt thoát khổ đau. Này Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đã đoạn sạch ba kiết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa đường ác, nhất đinh hướng đen quả vi Chánh giác, nhiều nhất là còn bảy lan tái sanh ở cõi trời hoặc cõi người, sau bảy lần qua lại đó5 vị ấy sẽ vượt thoát khổ dàu, này Phạm chí, đó là nhờ vi ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vi Thánh đệ tử đa văn đã đoạn sạch ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si thì chỉ còn một lần sanh lại ở cõi trời hoặc cõi người. Sau một lần qua lại đó9 vị ấy sẽ vượt thoát khổ đau. Này Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đã đoạn sạch ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si, chỉ còn một lần sanh lại ở cõi trời hoặc cõi người, sau một làn qua lại đó? vi ấy sẽ vượt thoát khổ đau, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này.

3 Nguyên tác: Tam kiết .Xem chú thích 3, kinh số 4, tr. 23.

954 KINH TRUNG A-HÀM

Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn đã đoạn sạch năm hạ phân kiết sử,4 sanh vào cõi kia mà Bát-niết-bàn/ được pháp bất thoái, không trở lại thế gian này nữa. Phạm chí! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đã đoạn sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào cõi kia mà Bát-niết-bàn, được pháp bất thoái, không trở lại the gian nữa, này Phạm chí, đó là nhờ vị ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa,

này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, đắc vô sắc, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú Như kỳ tượng định/ nhờ e jF : k tuệ quán mà đoạn trừ lậu hoặc và biêt lậu hoặc đã đoạn trừ. Này Phạm chí! Nêu vị Thánh đệ tử đa văn được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú Như kỳ tượng định, nhờ tuệ quán mà đoạn trừ lậu hoặc và biêt các lậu hoặc đã đoạn trừ, này Phạm chí, đó là nhờ vị ây học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí! Vị Thánh đệ tử đa văn có các phép thân thông như ý là Thiên nhĩ thông, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã trừ sạch, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình . * e -r zz chứng tri, tự thân chứng ngộ? thành tựu an tru và biêt đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Này Phạm chí! Nếu vi Thánh đệ tử đa văn có các phép thần thông như ý là Thiên nhĩ thông, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã trừ sạch, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình chứng tri, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú và biết đúng như thật: "Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa" thì này Phạm chí, đó là nhờ vi ấy học rộng và tu tập theo pháp nên mới có sai biệt, có công đức này. [0659b05] Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm? học rộng và tu tập theo pháp này có sai biệt như thế và có công đức như thế, vậy còn có sai biệt nào, có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa chăng? Đức Thế Tôn trả lời: Này Phạm chí, học rộng và tu tập theo pháp có sai biệt như thế, có công đức như thế và không còn có sai biệt nào, không còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng hơn nữa. Phạm chí Sanh Văn thưa: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn! Con nay nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin đức

4 Nguyên tác: Ngũ hạ phần kiết .Xem chú thích 9, kinh số 19, tr. 112. 5 Sanh bỉ gian dĩ tiện Bát-niết-bàn .Xem chú thích 6, kinh số 4, tr. 23. 6 Như kỳ tượng định .ở đây chỉ cho sức định, trạng thái định tương ứng cõi Vô sắc.

Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con xin nguyện trọn đời quy y! Đức Phật thuyết giảng như vậy, Phạm chí Sanh Văn nghe Phật thuyết giảng xong, hoan hỷ phụng hành.

148. KINH KHỔ ĐAU GÌ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sau buổi trưa, Phạm chí Sanh Văn thong thả tản bộ đến chỗ Phật, cùng chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi thưa: Thưa Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì mới dám trình bày. Đức Thế Tôn bảo: -Này Phạm chí! Ông cứ tự nhiên thưa hỏi. Phạm chí Sanh Văn liền hỏi: -Thưa Cù-đàm! Người tại gia có những nỗi khổ nào? Người xuất gia học đạo có những nỗi khổ nào? Thế Tôn trả lời: Người tại gia vì không được tự do mà khổ, còn người xuất gia học đạo vì tự do mà kho. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: —Thưa Cù-đàm! Người tại gia vì sao không được tự do mà khổ? Người xuất gia học đạo vì sao được tự do mà khổ? rin1_ A rin J _ 9 The Ton tra lời: Này Phạm chí! Với người tại gia, nếu tiền tài không

tăng trưởng, vàng, bạc, trân châu, lưu ly, pha lê đều không tăng trưởng, gia súc, lúa gạo, tôi tớ? sai dịch cũng không tăng trưởng thì bấy giờ người tại gia buồn lo, phiền muộn. Vì lý do này mà người tại gia có nhiều buồn lo, phiền muộn trong lòng. Còn người xuất gia học đạo nếu buông lung theo dục vọng, sân hận, ngu si thì lúc ấy người xuất gia học đạo sẽ buồn lo, phiền muộn. Vì lý do này mà người xuất gia học đạo có nhiều buồn lo, phiền muộn trong lòng. Này Phạm chí, đó là người tại gia vì không được tư do mà khổ, còn người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ. [0659c04] Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm! Người tại gia có điều gì vui? Người xuất gia học đạo có điều gì vui?

1 Nguyên tác: Hà khổ kinh (01. 0026.148. 0659b15). Tham chiếu: A. 5.31 - m. 32.

nni_ A FT, A _ L_ 4- The Ton đáp: Này Phạm chí, người tại gia vì tự do mà vui, người xuất gia học đạo vì không tự do mà vui. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm? người tại gia vì sao được tự do mà vui? Người xuất gia học đạo vì sao không được tự do mà vui? The Ton đáp: -Này Phạm chí! Đối với người tại gia, nếu tiền tài tăng trưởng, vàng, bạc, trân châu, lưu ly, pha lê thảy đều tăng trưởng, gia súc, lúa gạo, tôi tớ, sai dịch cũng đều tăng trưởng thì bấy giờ người tại gia được vui sướng, hạnh phúc. Vì lý do này mà người tại gia có nhiều vui sướng, hạnh phúc. Còn người xuất gia học đạo nếu không buông lung theo dục vọng, sân hận, ngu si thì lúc ấy người xuất gia học đạo được an lạc, hoan hỷ. Vì lý do này mà người xuất gia học đạo có nhiều an lạc, hoan hỷ. Này Phạm chí, đó là người tại gia vì được tự do mà vui, còn người xuất gia học đạo vì không được tự do mà vui. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: -Thưa Cù-đàm! Do đâu mà chư thiên và loài người chắc chắn không có lợi ích và đạo nghĩa? Do đâu mà chư thiên và loài người chắc chắn có lợi ích và đạo nghĩa? Thê Tôn đáp: Này Phạm chí! Nếu chư thiên và loài người tranh đấu lẫn nhau thì chắc chắn không có lợi ích và đạo nghĩa; nếu chư thiên và loài người không tranh đấu lẫn nhau thì chắc chắn có lợi ích và đạo nghĩa. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm! Tại sao chư thiên và loài người tranh đâu lân nhau thì chác chắn không có lợi ích và đạo nghĩa? Và tại sao chư thiên và loài người không tranh đấu lẫn nhau thì chắc chắn có lợi ích và đạo nghĩa? The Ton đáp: Này Phạm chí! Lúc nào chư thiên và loài người tranh đấu, thù ghét nhau thì lúc ấy chư thiên và loài người có buồn lo, phiền muộn. Vì lý do này mà chư thiên và loài người có buồn lo, phiền muộn trong lòng. Lúc nào chư thiên và loài người không tranh đấu, thù ghét nhau thì lúc ấy chư thiên và loài người được vui sướng, hạnh phúc. Vì lý do này mà chư thiên và loài người có nhiều vui sướng, có nhiều hạnh phúc. Này Phạm chí, đó là chư thiên và loài người tranh đau lẫn nhau, at han không có lợi ích và đạo nghĩa; chư thiên và loài người không tranh đấu lẫn nhau thì chắc chắn có lợi ích và đạo nghĩa.

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: -Thưa Cù-đàm! Do đâu mà khiến chư thiên và loài người nhất đinh không được lợi ích, phải chịu khổ đau? Do đâu mà khiến chư thiên và loài người nhát định được lợi ích, được an vui? [0660a02] Đức Thế Tôn đáp: -Nàỵ Phạm chí!

Nếu chư thiên và loài người sống phi pháp và làm điều ác thì nhát định không được lợi ích, phải chịu khổ đau. Nấu chư thiên và loài người sống đúng pháp và không làm điều ác thì chắc chắn được lợi ích, được an vui. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm! Thế nào là chư thiên và loài người sống phi pháp và làm điều ác thì nhất đinh không được lợi ích, phải chịu kho đau? The nào là chư thiên và loài người song đúng pháp và không làm điều ác thì nhất định sẽ được lợi ích5 được an vui? The Ton đáp: Này Phạm chí! Chư thiên và loài người, thân làm điều phi pháp và làm điều ác; miệng nói điều phi pháp và nói điều ác; ý nghĩ điều phi pháp và nghĩ điều ác thì lúc ấy chư thiên và loài người nhất định sẽ tổn giảm, chúng a-tu-la nhất định sẽ himg thịnh. Này Phạm chí! Nếu chư thiên và loài người, thân làm đúng pháp và giữ gìn thân; miệng nói đúng pháp và gìn giữ miệng; ý nghĩ đúng pháp và giữ gìn ý thì lúc ây chư thiên và loài người chác chăn sẽ hung thịnh, chúng a-tu-la chắc chắn sẽ tổn giảm. Này Phạm chí, đó là chư thiên và loài người nếu sống phi pháp và làm điều ác thì nhất định không được lợi ích, phải chịu khổ đau; chư thiên và loài người nếu sống đúng pháp và không làm điều ác thì chắc chắn được lợi ích, được an vui. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: -Thưa Cù-đàm5 nên quán xét ác tri thức như thê nào? Đức Thế Tôn đáp: -Hãy quán xét ác tri thức như mặt trăng! Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: -Thế nào gọi là quán xét ác tri thức như mặt trăng? Thê Ton đáp: -Này Phạm chí! Ví như mặt trăng dân vê cuôi than càng ngày càng khuyết, vanh trăng cũng giam, anh sang cung giảm, hình sác cung giảm, moi ngày mỗi khuyết, đến lúc mất hẳn, không còn thấy nữa. Này Phạm chí, vi ác tri thức đối với giáo pháp của Như Lai có được tín tâm, nhưng khi có tín tâm roi, vị ấy về sau lại không hiếu thuận, không cung kính, hành xử không chuẩn mực, không sống với tỉnh giác,2 không hướng đến pháp, không tuân tự tu tập theo

2 Nguyên tác: Chánh trí sammāñāna.

pháp. Vị ấy đánh mất tín tâm, mất luôn cả sự giữ giới, học rộng, thí xả và trí tuệ. Này Phạm chí, đến khi thiện pháp của vị ác tri thức ây hoàn toàn diệt mát thì cũng giống như mặt trăng biên mát vậy. Này Phạm chí, như thê gọi là quán xét ác tri thức như mặt trăng. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: —Thưa Cù-đàm, nên quán xét thiện tri thức như thế nào? Đức Thế Tôn đáp: -Này Phạm chí, hãy quán xét thiện tri thức như mặt trăng! Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, thế nào gọi là quán xét thiện tri thức như mặt trăng? [0660b01] Đức Thế Tôn đáp: Này Phạm chí! Ví như trăng non mới mọc, trong lành mát dịu, ngày càng lớn dân, cho đên ngày răm thì vâng trăng ây tròn đây sáng tỏ. Này Phạm chí, cũng vậy, vi thiện tri thức đối với giáo pháp của Như Lai có được tín tâm, khi đã có được tín tâm rồi, vị ấy về sau lại hiếu thuận, cung kính, hành xử chuẩn mực, sống với tỉnh giác, hướng đến pháp, tuần tự tu tập theo pháp, tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng giữ giới, học rộng, thí xả và trí tuệ. Này Phạm chí, đến khi thiện pháp nơi thiện tri thức ây hoàn toàn đây đủ thì cũng giông như như trăng rằm tròn đầy sáng tỏ vậy. Này Phạm chí, như thế gọi là quán xét thiện tri thức giống như mặt trăng. Bay giơ, đức The Tôn noi kệ nay: Ví như vang trăng sáng, Xoay vần khắp hư không, Che khuất ngàn tinh tú, Rạng ngời giữa trời trong. Cũng vậy, tín, học rộng, Thí

xả, không tiếc, tham, Che lấp hết bon xẻn, Thí, tỏa sáng thế gian. r x Giông như có rông lớn, Nổi sấm chớp, giăng mây, Trút mưa tuôn xối xả, Lênh láng khắp đất đai. Cũng vậy? tín, học rộng, Thí xả, không tiếc, tham, Thí thức ăn đầy đủ, Khích lệ thí xả thêm. Như chớp lóe sấm rền, Như trời tuôn mưa xuống, Mưa phước kia rộng khắp, Phước thí chủ lớn thêm. Nhiều tiền tài, danh dự, Được song nơi an lành, Được hưởng thụ phước báu, Qua đời sẽ sanh thiên. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Phạm chí Sanh Văn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.3

3 Bản Hán, hết quyển 36.

149. KINH ƯỚC MUỐN GÌ1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sau buổi trưa, Phạm chí Sanh Văn thong thả tản bộ đến chỗ Phật, cùng chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì mới dám trình bày. Đức Thế Tôn bảo: —Này Phạm chí, ông cứ tự nhiên thưa hỏi! Phạm chí Sanh Văn liền hỏi: -Thưa Cù-đàm? người Sát-đế-lợi ước muốn gì? Chuyên tâm vào điều gì?12 Thiết lập trên cơ sở gì?3 Y cứ vào điều gì?4 Lấy gì làm mục đích?5 Đức Thế Tôn đáp: -Người Sát-đê-lợi ước muôn được tài vật, chuyên tâm vào trí tuệ, thiêt lập bằng gươm đao, y cứ vào dân chúng,6 lay tự do7 làm mục đích. Phạm chí Sanh Văn hỏi: -Thưa Cù-đàm9 người cư sĩ8 ước muốn gì? Chuyên tâm vào điều gì? Thiết lập trên cơ sở gì? Y cứ vào điều gì? Lấy gì làm mục đích? Đức Thế Tôn đáp: -Người cư sĩ ước muôn được tài vật, chuyên tâm vào trí tuệ, thiêt lập băng kỹ năng nghề nghiệp, y cứ vào sự nghiệp, lấy thành tựu sự nghiệp làm mục đích.

1 Quyển 37. Nguyên tác: Hà dục kinh r.01. 0026.149. 0660c01. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.37.8. 0714b13; A. 6.52 - III. 362. 2 Nguyên tác: Hà hành .4 6.52 - III. 362: Kim upavỉcâraỉ Theo Pãli-Hản từ điển & do Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, upavicārā có nghĩa là dụng tâm ,đặt hét tâm ý vào, đê tâm vào, chuyên tâm vào. 3 Nguyên tác: Hà lập .A. 6.52 - III. 362: Kìm adhỉtthãnẩi Xác lập trên cơ sở gì?. 4 Nguyên tác: Hà y .A. 6.52 - III. 362: Kim abhinivesaỉ Nghiêng về đâu, xu hướng gì?. 5 Nguyên tác: Hà ngật .A. 6.52 - III. 362: Kimpariyosanal Cứu cánh là gì, mục đích là gì?. 6 Nguyên tác: Y ư nhân dân .A. 6.52 - III. 362: Pathavībhinivesā Xu hướng là trái đất.

7 Nguyên tác: Tự tại ,issariyā'. Quyền làm chủ, quyền thống trị. 8 Cư sĩ gahapati'. Gia chủ, ở đây chỉ cho người đàn ông đứng đầu trong một gia đình.

Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-đàm, người phụ nữ ước muốn gì? Chuyên tâm vào điều gì? Thiết lập trên cơ sở gì? Y cứ vào điều gì? Lấy gì làm mục đích? r Ạ 4- L_ The Ton đáp: -Người phụ nữ ước muốn được người chồng, chuyên tâm trau chuốt dung nhan, thiết lập ở con cái, y cứ vào việc không có đoi thủ,9 lay tự do làm mục đích. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-đàm, trộm cướp ước muốn gì? Chuyên tâm vào điều gì? Thiết lập trên cơ sở gì? Y cứ vào điều gì? Lấy gì làm mục đích? Đức Thế Tôn đáp: -Trộm cướp ước muốn chiếm lấy tài vật người khác, chuyên tâm vào chỗ ẩn nấp, thiết lập

bằng gươm đao, y cứ nơi mờ ám, lấy sự không bị phát hiện làm mục đích. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-đàm? Phạm chí ước muốn gì? Chuyên tâm vào điều gì? Thiết lập \ r trên cơ sở gì? Y cứ vào điêu gì? Lây gì làm mục đích? FTR-1 Á nn A ji r _

The Ton đáp: -Phạm chí ước muốn được tài vật, chuyên tâm vào trí tuệ, thiết lập bằng kinh thư,1011 y cứ vào trai giới,11 lấy Phạm thiên làm mục đích. 13 12 Phạm chí Sanh Văn hỏi: -Thưa Cù-đàm Sa-mon ước muốn gì? Chuyên tâm vào điều gì? Thiết lập trên cơ sở gì? Y cứ vào điều gì? Lấy gì làm mục đích? The Ton đáp: Sa-môn ước muốn được chân dế, 12 chuyên tâm vào trí tuệ, thiết lập trên giới luật, y cứ vào vô xứ, 13 lấy Niết-bàn làm mục đích. Phạm chí Sanh Văn thưa: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn! Nay con xin nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật thuyêt giảng như vậy. Phạm chí Sanh Văn nghe Phật thuý ét giảng, hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: Vô đối ().A. 6.52 - III. 362: Asapatī(chồng không có vợ lẽ). 10 Kinh thư ().A. 6.52 - III. 362: Mantadhitthānā (chú thuật). 11 Trai giới ().A. 6.52 - III. 362: Yaññābhinivesā (tế tự). 12 Chân đế ().A. 6.52 - III. 362: Khantisoraccādhippayā (nhẫn nhục nhu hòa). 13 Nguyên tác: Vô XÚT ()Không có nơi chốn, vô trụ. A. 6.52 - III. 362: Ākiñcañña (không sở hữu).

150. KINH UẤT-SẤU-CA-LA1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, sau buổi trưa, Phạm chí uất-sấu-ca-la12 thong thả tản bộ đi đến chỗ Phật, cùng chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì mới dám trình bày. Đức The Ton noi: Này Phạm chí, ông cứ tự nhiên thưa hỏi! Phạm chí Uất-sấu-ca-la liền hỏi: -Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn giai cấp: Thiết lập phụng sự cho Phạm chí, thiết lập phụng sự cho Sát-lợi5 cho Tỳ-xá34và cho Thu-đà-ia/ Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập phụng sự cho Phạm chí thế này: Phạm chí phải phụng sự Phạm chí. Sát-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà-la cũng phải phụng sự Phạm chí. Cù-đàm! Bon chủng tộc này phải phụng sự Phạm chí. Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiêt lập phụng sự cho Sát-lợi thê này: Sát-lợi phải phụng sự Sát-lợi. Tỳ-xá và Thủ-đà-la cũng phải phụng sự Sát-lợi. Cù-đàm! Ba chủng tộc này phải phụng sự Sát-lợi. Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập phụng sự cho Tỳ-xá thế này: Tỳ-xá phải phụng sự Tỳ-xá. Thủ-đà-la cũng phải phụng sự Tỳ-xá. Cù-đàm! Hai chủng tộc này phải phụng sự Tỳ-xá. Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập phụng sự cho Thủ-đà-la thế này: Thủ- đà-la phải phụng sự Thiỉ-dà-la, vì không còn ai tháp kém hơn nữa đê thiêt lập phụng sự cho Thủ-đà-la nên chỉ có Thủ-đà-la phụng sự Thủ-đà-la mà thôi.

1 Nguyên tác: uất-sẩu-ca-la kỉnh 01. 0026.150. 0660c29. Tham chiếu: M. 96, Esukãrĩ Sutta Kinh Esukârĩ. 2 Uất-sấu-ca-la Esukān. 3 Nguyên tác: Cư sĩ vessā. Xem chú thích 7, kinh số 5, tr. 25. 4 Nguyên tác: Công sư suddā. Xem chú thích 8, kinh số 5, tr. 25.

r Thê Tôn hoi: Này Phạm chí! Các Phạm chí ấy có thể tự mình biết rõ5 khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tộc, tức là thiêt lập phụng sự cho Phạm chí, thiêt lập phụng sự cho Sát-lợi, cho Tỳ-xá và cho Thủ-đà-la chăng? z r Phạm chí Uât-sâu-ca-la đáp: Không biết, thưa Cù-đàm! Nhưng các Phạm chí vẫn tự nói như vầy: “Ta ở trong thế giới này, cũng như chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời, dù không tự biết vẫn thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tộc, tức thiết lập phụng sự cho Phạm chí, thiết lập phụng sự cho Sát- lợi, cho Ty-xa và cho Thu-da-la.^ Á rr\ A 9_ The Ton bao: Này Phạm chí! Cũng như có người cưỡng ép người khác nhận miếng thịt rồi bảo: uNày bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho t6i!" Này Phạm chí! Ông nói thay cho các Phạm chí kia cũng như vậy. Vì sao như vậy? Vì Phạm chí không tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại phụng sự cho bốn chủng tộc, tức là thiết lập phụng sự cho Phạm chí, cho Sát-lợi, cho Tỳ-xá và cho Thủ-đà-la. Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, the nào gọi là phụng sự? Có loại phụng sự, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành xấu hơn thì có nên phụng sự chăng? Có loại phụng sự, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành tốt hơn thì có nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nêu phụng sự Phạm chí, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành xấu hơn thì có nên phụng sự chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành xấu hơn thì có nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nêu phụng sự Phạm chí, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành tốt hơn thì có nên phụng sự chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành tốt hơn thì có nên phụng sự chăng? [066lb09] Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp: -Thưa Cù-đàm! Nếu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà tôi trở thành xấu hơn thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà tôi trở thành tót hơn thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tôi trở thành xấu hơn thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu phụnẹ sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tôi trở thành xâu hơn thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tôi trở thành tốt hơn thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phqng sự Sát-lợi, Tỳ- xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tôi trở thành tốt hơn thì tôi nên phụng sự như vậy.

5 Nguyên tác: Tự tri ().Tham chiếu: M. 96: Có phải tất cả mọi người ở đời đồng ý với các Bà-la- môn khi họ chủ trương 4 loại phụng sự này? (HT. Thích Minh Chau dịch).

150. KINH UẮT-SẨƯ-CA-LA 965

Ẩ rr\ ì 2

The Ton bao: Này Phạm chí! Nếu lại có vị Phạm chí đến dây, vị ấy không ngu không si, cũng không điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại và Ta hỏi Phạm chí ấy: "V ông nghĩ sao? Có loại phụng sự, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành xấu hơn thì có nên phụng sự chăng? Có loại phụng sự, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành tốt hơn thì có nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nếu phụng sự Phạm chí, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành xấu hơn thì có nên phụng sự chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà- la, nhân việc phụng sự này mà con người trở

thành xấu hơn thì có nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nếu phụng sự Phạm chí, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành tốt hơn thì có nên phụng sự chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi9 Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la, nhân việc phụng sự này mà con người trở thành tốt hơn thì có nên phụng sự chăng?95 Này Phạm chí! Vị Phạm chí ấy không ngu không si, cũng không điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, sẽ trả lời Ta rằng: :Thua Cù-đàm! Nếu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà tôi trở thành xấu hơn thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà tôi trở thành tốt hơn thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tôi trở thành xấu hơn thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tôi trở thành xấu hơn thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tôi trở thành tốt hơn thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lọi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tôi trở thành tốt hơn thì tôi nên phụng sự như vāy.99 [0661C08] Rồi Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nêu có loại phụng sự và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Nêu có loại phụng sự và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm! Nêu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà đánh mát niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi không phụng sự như

vậy. Nếu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi không phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi5 Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi không phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. The Ton noi: -Này Phạm chí! Nếu có vi Phạm chí đến đây, người ấy không ngu không si, cũng không điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, Ta hỏi Phạm chí ấy::'V ông nghĩ sao? Nấu có loại phụng sự và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Nếu có loại phụng sự và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có

nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nêu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin5 giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Này Phạm chí! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chăng? Phụng sự Sát-lợi5 Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì có nên phụng sự chng?" [0662al3] Này Phạm chí! Vị Phạm chí đó không ngu không si, cũng không điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, cũng sẽ trả lời Ta như vầy: "Thua Cù-đàm! Nêu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu tôi phụng sự và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nêu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà đánh mất niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm! Nếu phụng sự Phạm chí và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Tỳ-xá hoặc Thủ-đà-la và do việc phụng sự này mà tăng thêm niềm tin, giới pháp, sự học rộng, thí xả và trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy.^,

150. KINH ƯẤT-SẤU-CA-LA 967

Phạm chí ưất-sấu-ca-la thưa: Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập bốn loại tài sản sở hữu cho bốn chủng tộc, tức thiết lập tài sản sở hữu cho Phạm chí, thiết lập tài sản sở hữu cho Sát- lợi, cho Tỳ-xá và cho Thủ-đà-la. Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Phạm chí là khất thực. Nêu Phạm chí xem thường sự khát thực tức là xem thường tài sản sở hữu của mình. Xem thường tài sản sở hữu của mình thì đánh mất lợi ích. Ví như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò thì sẽ đánh mất lợi ích. Cũng vậy, thưa Cù-đàm9 Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Phạm chí là khất thực. Nếu Phạm chí xem thường sự khất thực tức là xem thường tài sản sở hữu của mình. Xem thường tài sản sở hữu của mình thì sẽ đánh mất lợi ích. [0662b05] Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi xem thường cung tên tức là xem thường tài sản sở hữu của mình. Nếu xem thường tài sản sở hữu của mình thì đánh mất lợi ích. Ví như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò thì sẽ đánh mất lợi ích. Cũng vậy9 thưa cti-dàm, Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi xem thường cung tên tức là xem thường tài sản sở hữu của mình. Xem thường tài sản sở hữu của mình thì sẽ đánh mất lợi ích. Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Tỳ-xá là làm ruộng. Nêu Tỳ-xá xem thường làm ruộng tức là xem thường tài sản sở hữu của mình. Xem thường tài sản sở hữu của mình thì sẽ đánh mất lợi ích. Ví như người chăn bò mà không thể trông chừng được bò thì sẽ đánh mất lợi ích. Cũng vậy, thưa Cù-đàm? Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Tỳ-xá là làm ruộng. Nếu Tỳ-xá xem thường làm ruộng tức là xem thường tài sản sở hữu của

mình. Xem thường tài sản sở hữu của mình thì sẽ đánh mất lợi ích. Thưa Cù-đàm! Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Thủ-đà-la là cây gai.6 Nếu Thủ-đà-la xem thường cây gai tức là xem thường tài sản sở hữu của mình. Xem thường tài sản sở hữu thì sẽ đánh mất lợi ích của mình. Ví như người chăn bò mà không thể trông chừng bò được thì sẽ đánh mất lợi h Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Thủ-đà-la là cây gai. Nếu Thủ-đà-la xem thường cây gai tức là xem thường tài sản sở hữu của mình. Xem thường tài sản sở hữu của mình thì sẽ đánh mất lợi ích. The Ton hỏi: Này Phạm chí! Các Phạm chí có thể tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại tài sản sở hữu cho bốn chủng tộc, tức Phạm chí thiết lập tài sản sở hữu của Phạm chí, thiết lập tài sản sở hữu của Sát-lợi, của Tỳ-xá và của Thủ-đà- la chăng?

6 Nguyên tác: Ma (),tức cây gai. M. 96: Asitabyābhañgī (lưỡi liềm và đòn gánh).

Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: Không thể biết rõ, thưa Cù-đàm! Nhung các Phạm chí vẫn nói như vầy: “Ta ở trong thế giới này, cũng như chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời đều không tự biết rõ khi thiết lập bốn loại tài sản sở hữu cho bốn chủng tộc, tức thiết lập tài sản sở hữu của Phạm chí, của Sát-lợi, của Tỳ-xá và của Thiỉ-dà-la." [0662C04] Thế Tôn bảo: -Này Phạm chí, cũng như có người cưỡng ép người khác nhận miêng thịt rồi bảo: "Này bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho t6i!" Này Phạm chí, ông nói thay cho các Phạm chí kia cũng giống như thế. Vì sao như vậy? Vì các Phạm chí không thể tự mình biết rõ khi thiết lập bốn loại tài sản sở hữu cho bốn chủng tộc, tức thiết lập tài sản sở hữu cho Phạm chí, thiết lập tài sản sở hữu cho Sát- lợi? cho Tỳ-xá và cho Thủ-đà-la. Thế nhưng, này Phạm chí, Ta tự mình hiểu rõ, biết rõ các pháp khi thiết lập tài sản sở hữu cho chúng sanh, tức là thiết lập pháp chấm dứt, pháp diệt tận, pháp dẫn đến giác ngộ và pháp hướng đến cõi lành. Rồi Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Có trường hợp nào mà hư không này chỉ không dính mắc, không trói buộc, không xúc chạm và không ngăn ngại đoi với Phạm chí mà thôi, chứ không như thế đối với Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la chăng? r r Phạm chí Uât-sâu-ca-la đáp: -Thưa Cù-đàm, hư không này vốn không dính mắc, không trói buộc, không xúc chạm và không ngăn ngại đối với Phạm chí, kể cả đối với Sát-lợi9 Tỳ-xá hay Thủ-đà-la. —Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình hiểu rõ, biết rõ các pháp khi thiết lập tài sản sở hữu cho chúng sanh, tức thiết lập pháp chấm dứt, pháp diệt tận, pháp đưa đến giác ngộ và pháp hướng đến cõi lành. rr^*| A rTi 1 _ • 1 ? • Thê Ton lại hỏi: Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Có trường hợp nào chỉ riêng Phạm chí mới có thể thực hành tâm từ, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, còn Sát-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà-la thì không thể như thế chăng? Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: -Thưa Cù-đàm9 Phạm chí có thể thực hành tâm từ, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại và hàng Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la cũng có thể thực hành như vậy. Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình hiểu rõ? biết rõ các pháp khi thiết lập tài sản sở hữu cho chúng sanh, tức là thiết lập pháp chấm dứt, pháp diệt tận, pháp dẫn đến giác ngộ và pháp hướng đến cõi lành.

Đức Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu như có người thuộc trăm họ khác nhau đên đây và giả sử có một người nói với họ răng: "Các ông hãy đên đây. Nếu ai thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thê mang bột tăm ra sông đê tăm rửa, tây trừ dơ bân đê được sạch se!" Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí mới có thể mang bột tắm ra sông để tắm rửa, tẩy trừ dơ bẩn để được sạch sẽ, còn những người thuộc chủng tộc Tỳ-xá hay Thủ- đà-la thì không thể? Hay tất cả những người thuộc các chủng tộc khác nhau đó đều có thể làm được? [0663a02] Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: -Thưa Cù-đàm, tất cả những người thuộc trăm họ khác nhau ấy đều có thể mang bột tăm ra sông đê tăm rửa, tây trừ dơ bân đê được sạch sẽ. —Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình hiểu rõ, biết rõ các pháp khi thiết lập tài sản sở hữu cho chúng sanh, tức là thiết lập pháp chấm dứt, pháp diệt tận, pháp dân đên giác ngộ và pháp hướng đên cõi lành. Thế Tôn lại hỏi: -Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu như có người thuộc trăm họ khác r r nhau đên đây và giả sử có một người nói với họ răng: “Các ông hãy đên đây. Nêu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thể dùng cây chiên-đàn và cây sa-la thật khô để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại.” Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ có chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí mới có the dùng cây chiên-đàn và cây sa-la thật khô để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại? Còn những người thuộc chủng tộc Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì phải lay ván máng heo, máng chó, cây y-lan-đàn7 và các thứ gỗ xấu khác để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại? Hay ỉ > r 9

tát cả những người thuộc các chủng tộc khác nhau đó đêu có thê dùng bát cứ loại cây nào để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại? Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm, tát cả những người thuộc trăm họ khác nhau đó đêu có thê dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại. Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình hiểu rõ, biết rõ các pháp khi thiết lập tài sản sở hữu cho chúng sanh, tức là thiết lập pháp chấm dứt, pháp diệt tận, pháp dẫn đến giác ngộ và pháp hướng đến cõi lành.

7 Nguyên tác: Y-lan-đàn .M. 96 ghi là cây elanda, có tên khoa học là Ricỉnus Communis, tức cây bì-ma ,Việt Nam gọi là cây thâu dầu.

Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu như những người thuộc trăm họ khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào để tạo ra lửa, dùng dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại thì phải chăng tất cả lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thê dùng vào các công việc của lửa, hay chỉ duy nhất loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thể dùng vào các công việc của lửa, còn loại lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không thể dùng vào các công việc của lửa? Z r Phạm chí Uất-sâu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm? những n^ười thuộc trăm họ khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm moi, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại. Tất cả những loại

lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có the dùng vào các công việc của lửa. Không the có duy nhất loại lửa kia mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thê dùng vào các công việc của lửa. Cũng không thể có duy nhất loại lửa kia mới không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và khônệ thể dùng vào các công việc của lửa. Thưa Cù-đàm, tất cả những loại lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có thể dùng vào các công việc của lửa. [0663b05] - Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình hiểu rõ, biết rõ các pháp khi thiết lập tài sản sở hữu cho chúng sanh, tức là thiết lập pháp chấm dứt, pháp diệt tận5 pháp dẫn đến giác ngộ và pháp hướng đến cõi lành. Đức Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nêu những người trong trăm họ khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa, giữ lửa lại và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô ném vào trong lửa ấy, lửa bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, tạo thành khói. Vậy có trường hợp nào mà ngọn lửa, màu sắc, sức nóng và khói của lửa này khác với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia chăng? Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp: -Thưa Cù-đàm, nếu những người trong trăm họ khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa, giữ lửa lại và giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô đem ném vào lửa, lửa bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói thì đối với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa này với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của lửa kia, tôi không cho rằng có sự khác nhau. Đức The Ton noi: -Cũng vậy, ngọn lửa mà Ta đạt được, sự không buông lung mà Ta đạt được, có sức đốt cháy sự buông lung, ngã mạn và cống cao. Đối với ngọn lửa này hay ngọn lửa kia, Ta không hề chủ trương có sự sai khác.

150. KINH UẤT-SẨƯ-CA-LA 971

Phạm chí uất-sấu-ca-la bạch: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn! Nay con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí Uât-sâu-ca-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có sô đông Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại giảng đường roi cùng nhau bàn luận như vầy: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, không có dòng họ nào bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tinh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh. Vậy mà Sa-môn Cù-đàm nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh và chủ trương như vậy, giảng dạy như vậy.,, Roi các Phạm chí suy nghĩ: "Này chư Hiên, ai là người có khả năng đi đên chỗ Sa-môn Cù-đàm để chất vấn điều này đúng như pháp?" Họ lại nghĩ: "Thiếu niên Bà-la-môn12 A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na3 được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đen bảy đời cha mẹ không bị dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm điều ác, nghe nhiều hiểu rộng, ghi nhớ không quên, thông thuộc bon bộ Vệ-đà,

thông đạt năm the tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và co sử.4*Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đủ khả năng đen chỗ Sa-môn Cù-đàm để chất vấn điều này đúng như ph?p." Rồi họ bảo nhau::Nầy chư Hiền, hãy cùng nhau đến chỗ thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na để nói về việc này. Sau đó? tùy theo những gì thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói, chúng ta sẽ ghi nhan?9 [0663cl2] Khi ấy, số đông Phạm chí ở Câu-tát-la cùng đi đến chỗ thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, sau khi chào hỏi nhau, họ cùng ngồi sang một bên và nói: Này thiếu niên, chúng tôi bao gồm số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la, nhóm họp tại giảng đường roi cùng nhau bàn luận như vây: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hét, ngoài ra không ai băng. Dòng dõi Phạm chí thì da trăng, ngoài 1 Nguyên tác: A-nhiếp-hòa kinh (4l. 0026.151. 0663Ồ25). Tham chiếu: Phạm chỉ At-ba- la-dien vấn chủng tôn kỉnh (T.Ol. 0071.0876b24); Tăng.(rỏ2. 0125.40.9. 0742b03); M. 93, Assalāyana Sutta (Kinh Assalãyană). 2 Nguyên tác: Ma-nạp (Mānava), danh từ riêng chỉ cho những thiếu niên Bà-la-mồn trong giai đoạn học tập, là một trong 4 giai đoạn của đời sống Bà-la-môn theo giáo nghĩa Vệ-đà. Bản dịch viêt tát là thiếu niền trong những đoạn hội thoại trở về sau. 3 A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na (,Assalāyana). 4 Nhân, duyên, chánh, văn, hý, ngũ cú thuyết ().Xem chú thích 8, kinh số 63, tr. 352.

ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh. Vậy mà Sa-môn Cù-đàm nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh và chủ trương như vậy, giảng dạy như vậy.^, Chúng tôi liền nghĩ: "Này chư Hiền, ai là người có đủ khả năng đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để chất vấn điều này đúng như pháp?" Chúng tôi lại nghĩ: "Thiếu niên A-nhiếp-hòa- la-diên-đa-na được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không bị dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm điều ác, nghe nhiều hiểu rộng, ghi nhớ không quên, thông thuộc bốn bộ Vệ-đà9 thông đạt năm thể tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cô sử. Thiêu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na có đủ khả năng đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để chất vấn điều này đúng như pháp.” Mong thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để chất vấn điều này đúng như pháp! Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói với các Phạm chí: Này chư Hiên, Sa-môn Cù-đàm thuyêt pháp đúng như pháp. Nêu thuyêt pháp đúng như pháp thì không thể nào bị chất vấn. Số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nói: -Này thiếu niên, ông chưa bị khuất phục thì không nên tự chấp nhận bị khuât phục. Vì sao như vậy? Vì thiêu niên A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na do cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không bị dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm điều ác5 nghe nhiều hiểu rộng, ghi nhớ không quên, thông thuộc bôn bộ Vệ-đà, thông đạt năm thê tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cổ sử. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na có khả năng đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để chất vấn điều này đúng như pháp. Mong thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để chất vấn điều này đúng như pháp. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na vì số đông Phạm chí Câu-tát-la mà im lặng nhận lời. [0664a09] Bấy giờ, thiếu niên

A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cùng số đông Phạm chí Câu-tát-la đi đến chỗ Phật, cùng chào hỏi rồi ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Cù-đàm5 chúng tôi có điều muốn hỏi, Ngài cho phép chúng tôi hỏi chăng? Đức Thế Tôn bảo: -Này thiếu niên, hãy tùy ý thưa hỏi! Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na liền hỏi: Thưa Cù-đàm, các Phạm chí nói như vầy: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh.

Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh." Chẳng biết Sa-môn Cù-đàm nghĩ thế nào? Đức Thế Tôn đáp: Nay Ta hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời! Này thiếu niên, ông có nghe nói ở các nước Dư-ni5 và Kiếm-phù6 chỉ có hai chủng tánh là chủ nhân và tôi tớ. Sau khi làm chủ nhân lại trở thành tôi tớ và sau khi làm tôi tớ rồi lại trở thành chủ nhân chăng? Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: Thưa Cù-đàm, tôi có nghe như vậy, ở các nước Dư-ni và Kiếm-phù chỉ có hai chủng tánh là chủ nhân và tôi tớ. Sau khi làm chủ nhân lại trở thành tôi tớ và sau khi làm tôi tớ rồi lại trở thành chủ nhân. Như vậy, này thiêu niên, nêu Phạm chí hướng đên sự chân chánh thì Phạm chí ấy sẽ khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la7 nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa: Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hiếm có, thật là thích thú với ví dụ này! Thế nhưng các Phạm chí vẫn nói: "Dòng dối Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều da đen. Phạm chí thì thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh." Đức Thế Tôn hỏi: -Này thiếu niên, ý ông nghĩ sao? Phải chăng hư không này không dính mắc, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí, còn đối với Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì không như vậy? [0664b02] Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: Bạch Cù-đàm9 hư không này không dính mắc, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí. Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la cũng như vậy. Như vậy, này thiếu niên, nếu Phạm chí hướng đến sự chân chánh thì Phạm chí ấy sẽ khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa: Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hiếm có, thật là thích thu với ví dụ này! Thế nhưng các Phạm chí vẫn nói: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra

5 Dư-ni ,Yona, tên một nước ở Tây Bắc Ấn Độ, giáp ranh giới với nước Kamboja. 6 Kiếm-phù Kamboja. Theo văn bia số XIII Shābhāzgarhi của Vua A-dục, Kamboja nằm bên bờ sông Kabul ngày nay. 7 Xem chú thích 5-8, kinh số 5, tr. 25.

không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều da đen. Phạm chí thì thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên,

sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh.” Đức Thế Tôn hỏi: -Này thiếu niên, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ riêng Phạm chí mới có the thực hành tâm từ, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, còn Sát-lọd, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì không như vậy? Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: -Thưa Cù-đàm, Phạm chí có thể thực hành tâm từ, không gây thù kết oán, không sân giận tổn hại. Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la cũng như vậy. Như vậy, này thiếu niên, nếu Phạm chí hướng đến sự chân chánh thì Phạm chí ấy sẽ khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Sát-lợi? Tỳ-xá hay Thủ-đà-la nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa: Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hiếm có, thật là thích thú với ví dụ này! Thế nhưng các Phạm chí vẫn nói: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều da đen. Phạm chí thì được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh." Đức Thế Tôn lại hỏi: - Này thiếu niên, ý ông nghĩ sao? Nếu như có người thuộc tram họ khác nhau đến đây và giả sử có người nói với họ rằng: "Các ông hãy đến đây. Nếu ai thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ây mới có thể đem bột tắm ra sông để tắm rửa, tẩy trừ dơ bẩn cho sạch sẽ!" Này thiếu niên, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí mới có thể đem bột tắm ra sông để tắm rửa, tẩy trừ dơ bẩn, làm cho sạch sẽ, còn những người thuộc chủng tộc Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì không thể? Hay tất cả những người thuộc trăm họ khác nhau đó đều có thể làm như thế? Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: -Bạch Cù-đàm, tất cả mọi người kia thuộc trăm họ khác nhau đều có thể đem bột tắm ra sông để tắm rửa, tẩy trừ dơ bẩn, làm cho sạch sẽ. [0664c02] Như vậy, này thiếu niên, nếu Phạm chí hướng đến sự chân chánh thì Phạm chí ấy sẽ khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Sát-lợi? Tỳ-xá hay Thủ-đà-la nếu hướng đen sự chân chánh thì cũng được khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa: -Bạch Cù-đàm? thật là kỳ diệu, thật là hiếm có, thật là thích thu với ví dụ này! Thế nhưng các Phạm chí vẫn nói: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra

không ai băng. Dòng dõi Phạm chí da trăng, ngoài ra đêu là da đen. Phạm chí thì được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh.” Đức Thế Tôn hỏi: Này thiêu niên, ý ông nghĩ sao? Nêu như có người thuộc trăm họ khác nhau đến đây và giả sử có người nói với họ rằng: "Các ông hãy đến đây, nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thể dùng cây chiên-đàn và cây sa-la thật khô để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại." Này thiếu niên, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ có chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí mới có thể dùng cây chiên-đàn và cây sa-la thật khô để làm mồi lửa, lấy dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại? Còn những người thuộc chủng tộc Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì phải lây ván máng heo, máng chó, cây y-lan-đàn8 và các thứ gỗ xấu khác để làm ra lửa và giữ lửa? Hay tất cả những người thuộc trăm họ khác nhau đều có thể dùng bất

cứ loại cây nào để làm ra lửa và giữ lửa? Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: -Bạch Cù-đàm9 tất cả những người kia thuộc trăm họ khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào đe làm ra lửa và giữ lửa. Như vậy, này thiêu niên, nêu Phạm chí hướng đên sự chân chánh thì Phạm chí ấy sẽ khéo hiểu biết và tư biết đúng pháp. Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch: -Thưa Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hiếm có, thật là thích thú với ví dụ này! Thê nhưng các Phạm chí vân nói: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hét, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh." Đức Thế Tôn hỏi: Này thiếu niên, ý ông nghĩ sao? Nếu như những người thuộc trăm họ khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào để làm ra lửa, dùng dùi mà dùi cho chúng phát lửa và giữ lửa lại thì phải chăng tất cả lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thể dùng vào các công việc của lửa, hay chỉ duy nhất loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có the dùng vào các công việc lửa, còn loại lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không the dùng vào các công việc của lửa? [0665a06] Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch: Thưa Cù-đàm, những người thuộc trăm họ kia đêu có thê dùng bát cứ loại cây nào để làm ra lửa, dùng dùi mà dùi để cho chúng phát ra lửa và giữ

8 Y-lan-đàn e/oo. Xem chú thích 7, kinh số 150, tr. 969.

lửa lại. Tất cả những loại lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có thể dùng vào các công việc của lửa. Không the chỉ duy nhất loại lửa kia mới có ngọn, có màu sac, có sức nóng, có ánh sáng và có thê dùng vào các công việc của lửa. Cũng không thể chỉ duy nhất loại lửa kia mới không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không thể dùng vào các công việc của lửa. Thưa Cù-đàm, tất cả những loại lửa kia Ạ y 9

đêu có ngọn, có màu sac, có sức nóng, có ánh sáng và đêu có thê dùng vào các công việc của lửa. -Như vậy, này thiếu niên, nếu Phạm chí hướng đến sự chân chánh thì Phạm chí ấy sẽ khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được khéo hiểu biết và tự biết đúng pháp. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch: Thưa Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hiếm có, thật là thích thú với ví dụ này! Thế nhưng các Phạm chí vẫn nói: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh." Đức Thế Tôn hỏi: Này thiêu niên, như thân này tùy theo chô thọ sanh vào nơi nào thì được xem thuộc ve chủng tộc đó. Nêu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được xem là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì được xem là chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la. Này thiếu niên, cũng như lửa, tùy theo vật phát

sanh mà lửa được xem thuộc vê loại nào. Nêu do cây phát sanh thì xem đó là lửa cây; nếu do cỏ? phân hay củi mà phát sanh thì được xem là lửa cỏ, lửa phân hay lửa củi. Như vậy, này thiếu niên, thân này tùy theo chỗ thọ sanh vào nơi nào thì được xem thuộc ve chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được xem là chủng tộc Phạm chí. Nêu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì được xem là chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay fhủ-đà-la.

Đức Thế Tôn hỏi: Này thiêu niên, ý ông nghĩ sao? Nêu con gái của Sát-lợi và con trai của Phạm chí kết hợp với nhau. Do sự kết hợp ấy mà sau đó họ sanh con, hoặc giông cha, hoặc giông mẹ, hoặc không giông cha cũng không giông mẹ thì ông nghĩ sao? Đứa trẻ kia thuộc Sát-lợi hay Phạm chí? [0665b0l] Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: -Thưa Cù-đàm5 con gái của Sát-lợi và con trai Phạm chí kết hợp với nhau. Do sự kết hợp ấy mà sau đó họ sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cha cũng không giống mẹ. Tôi không nói đứa con đó thuộc dòng

Sát-lợi? cũng không nói thuộc dòng Phạm chí. Thưa Cù-đàm, tôi chỉ nói đứa con đó là một sinh mạng khác.9 Này thiếu niên, như vậy, thân này tùy theo chỗ thọ sanh vào nơi nào thì được xem thuộc về chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được xem là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la thì được xem là thuộc chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la. Đức Thế Tôn hỏi: -Này thiếu niên, nếu con gái của Phạm chí và con trai của Sát-lợi kết hợp với nhau. Do sự kết hợp ấy mà sau đó họ sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cha cũng không giống mẹ. Ý ông nghĩ sao? Đứa trẻ kia là Phạm chí chăng? Là Sát-lợi chăng? Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: Thưa Cù-đàm? con gái Phạm chí cùng con trai Sát-lợi kết hợp với nhau. Do sự kết hợp ấy mà sau đó họ sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cha cũng không giống mẹ. Tôi không nói đứa trẻ ấy là Phạm chí, cũng không nói nó là Sát-lợi. Bạch Cù-đàm, tôi chỉ nói nó là một sinh mạng khác. Như vậy, này thiêu niên, thân này tùy theo chô thọ sinh vào nơi nào thì được xem thuộc vê chủng tộc đó. Nêu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được xem là chủng tộc Phạm chí. Nêu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ- đà-la thì được xem là chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la. Đức Thế Tôn hỏi: -Này thiếu niên, ý ông nghĩ sao? Nếu một người có nhiều ngựa cái, người ây thả một con lừa đực vào trong đám ngựa cái ây. Ngựa cái cùng lừa đực giao hội, do sự giao hội ấy mà sau đó sanh ra một con non.1011 Ý ông nghĩ sao? Nó là lừa chăng? Là ngựa chăng? Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: -Thưa Cù-đàm5 nếu ngựa và lừa giao hội với nhau, do sự giao hội này mà sau đó sanh ra một con non. Tôi không nói nó là lừa, cũng không nói nó là ngựa. Thưa Cù-đàm5 tôi chỉ nói nó là một con la.11 -Như vậy, này thiếu niên, thân này tùy theo chỗ thọ sinh vào nơi nào thì được xem thuộc ve chủng tộc đó. Nêu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được xem là chủng tộc Phạm chí. Nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, Tỳ-xá hay Thủ- đà-la thì được xem là chủng tộc Sát-lọi, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la.

9 Theo Phạm chỉẢt-ba-la-diên vấn chủng tôn kinh roi. 0071. 0877c09: Không biết gọi nó là chủng tánh gi M. 93: Khattiyo 'ti pi vattabbo brāhmano fti pi vattabbo được gọi là Khattiyā và cung được gọi là Bà-la-môn, HT. Thích Minh Châu dịch. 10 Nguyên tác: Câu Con non của các loài động vật nói chung. 11 Nguyên tác: Loa Con vật lai giữa lừa và ngựa.

Này thiếu niên! Thuở xưa, có nhiều vị tiên cùng sống trên non cao thanh vắng rồi khởi kiến chấp sai lệch như vầy:12 "Dòng dõi Phạm chi là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh.” Khi ấy, tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la13 nghe nhiều vị tiên cùng sống trên non cao thanh văng đã khởi kiên châp sai lệch như vậy, liên khoác áo ca-sa, quấn khăn ca-sa trên đầu, chống gậy, cầm lọng, mang giày cỏ đi đến nơi ấy. Khi đến trú xứ của những vị tiên, tiên nhân A-tư-la Đề-bệ"la không vào cửa mà đi kinh hành xung quanh tịnh thất. [0665c05] Bây giờ, có một vị tiên ở chung với các vị tiên sông trên non cao thanh vắng, thấy tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la khoác áo ca-sa, quấn khăn ca-sa trên đầu, chống gậy, cầm lọng, mang giày cỏ đi đến tru xứ của những vi tiên, rồi không vào cửa mà đi kinh hành xung quanh tịnh thất. Thấy vậy, ông liền đến chỗ các vị tiên sống chung trên non cao thanh vắng rồi nói: -Này chư Hiền, hiện tại có một người khoác áo ca-sa, quấn khăn ca-sa trên đầu, chống gậy, cầm lọng, mang giày cỏ đi đến trú xứ của những vị tiên nhưng không vào cửa mà đang đi kinh hành xung quanh tinh thất. Chúng ta nên đen đó mà chú nguyền rằng: "Ngươi hãy thành tro!14 Ngươi hãy thành tro!" Bây giờ, sô đông các vị tiên cùng sông trên non cao thanh văng đó liên đên chỗ tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la. Đen rồi? họ cùng tụng thần chú: "Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!” Các vị tiên ấy đúng như pháp trì chú mà chú nguyền "Nguôi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!” Như vậy? như vậy, nhưng sác mặt của vị tiên A-tư-la Đê-bệ-la càng thêm rạng rỡ, thân thê càng thêm hồng hào. Các vị tiên ây liên suy nghĩ: "Trước kia chúng ta trì thân chú: 'Ngươi hãy thành tro! Ngươi hãy thành tro!9 đến người nào thì người ấy liền trở thành tro. Nay chúng ta cũng trì chú ấy và trì đúnệ như pháp đến người này, nhưng người này săc mặt càng thêm rạng rỡ5 thân thê càng thêm hồng hào, ta nên hỏi xem." Họ liền hỏi: - Ông là ai? A-tư-la tiên nhân Đề-bệ-la đáp: Này chư Hiền, các ông có nghe đến tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la chăng? Chúng tôi có nghe đến tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la. Vị ấy nói: Chính là tôi đây.

12 Phần lớn nội dung câu chuyện này cũng xuất hiện trong Tăng.702. 0125.40.9. 0742ỒỒ03. 13 A-tư-la tiên nhân Đề-bệ-la ,Asita Devala isi. 14 Nguyên tác: Những tác hôi Bhasmd vasalī hohi.

Các vị tiên kia liền tỏ lòng hối lỗi với tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la: -Xin Tôn giả tha thứ cho! Chúng tôi không biết Tôn giả là tiên nhân A-tư- la Đề-bệ-la. Khi ấy, tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la bảo các vi tiên kia: -Ta đã tha thứ rồi. Có thật các ông khởi kiến chấp

sai lệch: "'Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tinh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiển hóa sanh?" Các vi tiên kia đáp: -Quả thật như vậy! A-tư-la lại hỏi các tiên nhân: -Các ông có biết rõ về cha của mình chăng? Các tiên nhân kia đáp: Chúng tôi biết rõ. Vị Phạm chí ấy lấy vợ người Phạm chí, chứ không lấy người không phải Phạm chí. Cha của cha vi ấy, cho đen bảy đời cha, những vị Phạm chí ấy đều lấy vợ người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí. A-tư-la lại hỏi các tiên nhân ấy: -Các ông có biết rõ mẹ của mình chăng? Các tiên nhân kia đáp: -Chúng tôi biết rõ. Vị Phạm chí ấy lấy chồng người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí. Mẹ của mẹ vi ấy, cho đến bảy đời mẹ, những vị Phạm chí ấy đều lấy chồng Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí. A-tư-la lại hỏi các tiên nhân: —Các ông có biết rõ sự thọ thai chăng? Các tiên nhân kia đáp: Chúng tôi biết rõ. Do ba sự hội họp mà thọ thai, đó là sự hội họp của cha mẹ, thời gian người mẹ có thể mang thai15 và hương ấm đã đến. Này A-tư-la, phải hội đủ ba yếu tố này thì việc vào thai mẹ mới thành tựu. [0666al2] A-tư-la lại hỏi các tiên nhân: Các ông có biết sự thọ sanh này là trai hay gái? Có biết từ đâu đến? Từ chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la đến chăng? Từ phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc mà đến chăng? Các tiên nhân kia đáp: -Chúng tôi không biết.

15 Nguyên tác: y ồ mãn kham nại .Bản Minh Vô lậu kham nại Không bệnh tật, có9thể thọ thai. MĀ. 201 ghi: Mầu mãn tmh kham nại Người mẹ đây đủ khí huyết, co thể thọ thai.

A-tư-la bảo các tiên nhân: -Này chư Hiền, các ông không thấy, không biết về điều này. Các ông không biết sự thọ thai, ai từ đâu đến, là trai hay gái, từ Sát-lọd, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la, đến từ phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc mà các ông cho rằng: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí thì được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh.,^ Này thiếu niên! Các tiên nhân cùng sống chung trên non cao yên vắng kia được tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la khéo dạy, khéo quở trách nên không thể chủ trương Phạm chí là thanh tịnh, huống nữa là thầy trò các ông, những người thụ hưởng phú quý.16 Khi ấy, thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bi Thế Tôn đích thân chỉ trích nên trong lòng rau rĩ, cúi đau im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư. Đức Thế Tôn sau khi đích thân chỉ trích thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-na-diên-đa-na, Ngài muốn thiếu niên khởi lòng hoan hỷ nên hỏi: Này thiêu niên, có một vị Phạm chí trì trai, bô thí. Người này có bôn người con, hai người ham học hỏi còn hai người không học hỏi. Y ông nghĩ sao? Phạm chí này sẽ dành chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất cho ai trước tiên? [0666Ồ02] Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa: -Bạch Cù-đàm, Phạm chí ấy chắc chắn sẽ dành chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất cho hai người con ham học hỏi

của mình trước tiên. Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này thiếu niên, lại có một Phạm chí trì trai, bố thí. Vị này có bốn người con, hai người ham học hỏi nhimg không tinh tân, thích làm việc ác; còn hai người kia tuy không học hỏi nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện. Ý ông nghĩ sao? Phạm chí này sẽ dành chỗ ngôi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất cho ai trước tiên? Thiêu niên A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na thưa: Bạch Cù-đàm? Phạm chí ấy chắc chắn sẽ dành chỗ ngòi bậc nhất, nước tam bậc nhất và thức ăn bậc nhất cho hai người con tuy không học vấn nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện trước tiên. Đức Thế Tôn bảo: —Này thiêu niên, trước đó ông khen ngợi sự học hỏi, sau đó ông khen ngợi sự trì giới. Này thiêu niên, như vậy Ta nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh, chủ trương như vậy và giảng dạy như vậy. Ông cũng nói bốn chủng tánh thảy đêu thanh tịnh, chủ trương như vậy và giảng dạy như vậy.

16 Nguyên tác: Trước bì thảo y :Mặc áo bằng da của động vật, chỉ cho sự giàu sang, phú quý.

151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA 983

Khi ấy, thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, muôn cúi đầu lạy chân Phật. Tức thi, đại chúng ấy đồng thanh nói lớn: "Sa- môn Cù-đàm thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay! Ngài có thần thông lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn và có oai thần lớn. Vì sao như vậy? Bởi vì như Sa-môn Cù-đàm nói bôn chủng tánh thảy đêu thanh tịnh, chủ trương như vậy và giảng dạy như vậy, khiến cho thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cũng nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tjnh." Bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm đại chúng ấy liền bảo: Thôi, thôi, thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, chỉ cần trong lòng ông hoan hỷ là được! Hãy trở về chỗ ngồi, Ta sẽ thuyết pháp cho ông! Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cúi đầu lạy chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn liền thuyết pháp cho A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ.1718 Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ xong, đức The Tôn an tru trong tĩnh lặng. Sau khi được đức Phật thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ rồi, thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Bây giờ, sô đông Phạm chí Câu-tát-la cùng trở vê cách đó không xa, liên dùng đủ mọi ngôn tìx khiển trách thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na: "ông muốn làm những gì? Muôn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, ngược lại bi Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Giống như có người vào rừng cầu học, nhưng khi trở về lại bị mất luôn kiến thức, 18 thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na , ông cũng vậy, muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm? nhimg ngược lại bi Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Giống như có người vì muốn uống nước nên xuống ao, nhưng ngược lại bị khát nước mà trở về. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, ông cũng như vậy, muốn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, ông muốn làm những gì? [0666c08] Bấy giờ, thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói với số đông Phạm chí Câu-tát-la: Này chư Hiền, tôi đã nói trước rồi, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyêt pháp. Ai thuyêt pháp đúng

như pháp thì người ây không thê bị chát vân. Đức Phật thuyết như vậy, thiếu niên A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nghe xong, hoan hỷ phụng hành.19

17 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kmh số 9, tr. 48. 18 Nguyên tác: Do như hữu nhân, vị nhãn nhập lâm trung, nhi phản thất nhãn hoàn :Cũng như một người đi vào rừng đe tìm con mắt, nhưng lại bị mất con mat mà trở vê. "Nhn" 6 đây chỉ cho sự hiểu biết, kiến thức, sự thông thái. .. Ví dụ này tương tự như ví dụ ở M 56: Này gia chủ, như người đi với hai con mắt, đi về với hai con măt bị khoét HT. Thích Minh Châu dịch. 19 Bản Hán, hết quyển 37.

PHẨM 12: PHẠM CHÍ (II)1 (Phân cuôi, gôm 10 kinh, thuộc ngày tụng thứ tir. Tụng phân biệt)

Kệ tóm tắt:
Anh Vũ, Man-nhàn-đề
Bà-la-bà du đường
Tu-đạtf Phạm-ba-la
Hoàng Lô viên, Đầu-na
A-già-la-ha-na
A-viên-naf Phạm-ma}
1 Phân biệt tụng (thứ tư). Quyển 38. tNguyẹntácNhiếp tụng:,;;;; .Do đặt lại tựa đe nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

152. KINH ANH vũ1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, thiếu niên Bà-la-môn tên là Anh Vũ, con trai ồng Đô-đề? vì có chút việc phải làm nên đến thành Vương Xá và nghỉ qua đêm tại nhà một cư sĩ. LÚC ây5 thiêu niên Anh Vũ hỏi người cư sĩ nơi nghỉ trọ: Có Sa-môn9 Phạm chí nào là bậc tông chủ, bậc thầy của mọi người, thống lãnh số đông đồ chúng, được mọi người tôn kính để tôi tùy thời đến thăm viếng, tôn kính sùng phụng, biết đâu do nhờ sự tôn kính sùng phụng đó mà được sự hoan hỷ chăng? [0667a04] Cư sĩ đáp: Có chứ! Này anh bạn,1 23có Sa-môn Cù-đàm? con dòng họ Thích, lìa xa Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chứng quả Vô thượng Chánh giác? Này anh bạn, anh có thê tùy thời đên thăm viêng, tôn kính sùng phụng, biêt đâu nhờ sự tôn kính sùng phụng đó mà tâm được hoan hỷ. Thiếu niên Anh Vũ lại hỏi: Sa-môn Cù-đàm hiện đang ở đâu? Tôi muốn đến gặp Ngài. Cư sĩ đáp: -Sa-môn Cù-đàm hiện đang ở tại Trúc Lâm, trong vườn Ca-lan-đa? thuộc thành Vương Xá, anh có thể đến đó để gặp Ngài. Khi ấy, thiếu niên Anh Vũ liền rời nơi tá túc của cư sĩ, đi thẳng đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Thiếu niên Anh Vũ từ xa trông thấy đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh rạng ngời như vầng trăng giữa các vì sao, tỏa sáng rực rỡ tựa như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, uy nghiêm sừng sững, các căn văng lặng, không bị ngăn che, thành tựu điều phục, tâm tư tĩnh lặng.

1 Nguyên tác: Anh Vũ kỉnh (r.Ol. 0026.152. 0666c26). Tham chiếu: Đâu-điều kinh (roi. 0078. 0887ỒỒ4); Anh Vũ kỉnh (T.01.0079. 0888b 15); Phật vỉ Thủ-ca trưởng giả thuyết nghiệp bảo sai bỉệtkmh^ (roi. 0080. 08ýaÌ7);Ptów biệt thiện ác bảo ưng kỉnh 7(TOI0081. 0895b25); Anh Vũ kinh (roi. 0026.170. 0703c21); M. 99, Subha Sutta (Kỉnh Tu-bă). 2 Nguyên tác: Thiên ái (),tiếng tôn xưng người đối diện. M. 99: Bhante (Thưa Tôn giả). 3 Nguyên tác: Vô thượng Chánh tận giác ().

Thấy vậy rồi, Anh Vũ liền đến trước Phật, chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì tôi mới dám trình bày. Đức The Ton noi: - Này Anh Vũ, muốn hỏi gì thì hãy tùy ý! Thiếu niên Anh Vũ hỏi: -Bạch Cù-đàm9 như tôi được nghe: "Người sống tại gia sẽ thành tựu sự hiểu biết khéo léo và biết đúng như pháp. Người xuất gia học đạo thì không như vay.” Tôi xin hỏi Cù-đàm5 việc này là thế nào? Đức Thế Tôn đáp: Này Anh Vũ, điều này không chắc chắn. Thiếu niên Anh Vũ thưa: -Bạch Cù-đàm? xin Ngài giảng giải cho tôi được rõ! Đức Thế Tôn bảo: -Này Anh Vũ, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ giảng giải đầy đủ cho ông! Thiếu niên Anh Vũ vâng lời lắng nghe. Đức Phật nói: Này Anh Vũ, nếu người tại gia hoặc xuất gia học đạo mà sống theo tà vạy thì Ta không khen ngợi người đó. Vì sao như vậy? Vì người tại gia hoặc xuất gia học đạo mà sống theo tà vạy thì người ấy không có sự hiểu biết khéo léo và không biết đúng như pháp. Thế nên, này Anh Vũ, nếu người tại gia hoặc xuất gia học đạo mà sống theo tà vạy thì Ta không khen ngợi người ấy. Này Anh Vũ, nếu người tại gia hoặc xuất gia học đạo mà thực hành chánh hạnh thì Ta khen ngợi người đó. Vì sao như vậy? Vì người tại gia hoặc xuất gia học đạo mà thực hành chánh hạnh thì người ấy chắc chắn có sự hiểu biết khéo léo, biết đúng như pháp. Thế nên, này Anh Vũ, nếu người tại gia hoặc xuất gia học đạo mà thực hành chánh hạnh thì Ta khen ngợi người ấy. Này Anh Vũ, Ta nói như vậy, nói về hai pháp này, giảng giải như vậy, nói rõ như vậy. Nếu Sa-môn hoặc Phạm chí nào có năng lực thấu đáo, vững chãi và chấp chặt một chiều thì vị ấy sẽ nói rằng: “Dây là điều chân thật, ngoài ra đều là hư vong.” [0667b06] Thiếu niên Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm? như tôi được nghe: "Nguôi sống tại gia thì có nhiều lợi ích, có nhiều công đức còn người xuất gia học đạo thì không như vay." Tôi xin hỏi Cù-đàm, điều này là thế nào?

Đức Thế Tôn nói: -Này Anh Vũ? điều này không chắc chắn. Thiếu niên Anh Vũ thưa: -Bạch Cù-đàm? xin Ngài giảng giải cho tôi được rõ! Đức Thế Tôn bảo: -Này Anh Vũ, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ giảng giải đầy đủ cho ông! Thiếu niên Anh Vũ vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: -Này Anh Vũ, người sống tại gia có nhiều tai họa, có nhiều sự đấu tranh, có nhiều chuyện oán ghét, nếu lại song theo tà vạy thì sẽ không có nhiều phước quả, không có nhiều công đức. Giống như người làm ruộng có nhiều tai họa, có nhiều sự đâu tranh, có nhiều điều oán ghét, nếu lại làm theo tà vạy thì sẽ không có nhiều kết quả, không có nhiều công đức. Như vậy5 này Anh Vũ, người sống tại gia cũng thế. Này Anh Vũ, người xuất gia học đạo ít có tai họa, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm theo tà vạy thì cũng sẽ không có nhiều phước quả, không có nhiều công

đức. Giống như người buôn bán ít có tai hoạ, ít có đâu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm theo tà vạy thì sẽ không có nhiều kết quả, không có nhiều công đức. Như vậy, này Anh Vũ, người xuất gia học đạo cũng thế. Này Anh Vũ, người sông tại gia có nhiêu tai họa, có nhiêu sự đâu tranh, có nhiều oán ghét, nhưng thực hành chánh hạnh thì sẽ được nhiều phước qu được nhiều công đức. Giống như người làm ruộng có nhiều tai họa, có nhiều sự đau tranh, có nhiều oán ghét, nhưng thực hành chánh hạnh thì sẽ có được nhiều kết quả, được nhiều công đức. Như vậy, này Anh Vũ, người sống tại gia cũng thế. Này Anh Vũ, người xuất gia học đạo ít có tai họa, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, lại thực hành chánh hạnh thì được nhiều phước báu, được nhiều công đức. Giống như người buôn bán ít có tai họa, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, lại thực hành chánh hạnh thì sẽ được nhiều kết quả, được nhiều công đức. Như vậy, này Anh Vũ, người xuất gia học đạo lại cũng như thế. Này Anh Vũ, Ta nói như vậy, nói về hai pháp này, giảng giải như vậy, nói rõ như vậy. Nêu Sa-môn9 Phạm chí nào có năng lực thấu đáo, vững chãi và chấp chặt một chiều thì vi ấy sẽ nói rằng: “Bây là chân thật, ngoài ra đều hư vẹ)ng." [0667c03] Thiếu niên Anh Vũ thưa: -Bạch Cù-đàm, các Phạm chí ấy chủ trương năm pháp có nhiều phước quả, có nhiều công đức, tạo phước, được thiện. Đức Thế Tôn dạy: Nếu các Phạm chí chủ trương năm pháp có nhiều phước quả, có nhiều công dức, tạo phước, được thiện, vậy bây giờ ông có the ở giữa đại chúng mà trình bày lại chăng?

Thiếu niên Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm, đối với tôi không có việc gì là không thể. Vì sao như vậy? Vì Ngài Cù-đàm hiện đang an tọa ở giữa đại chúng này. Đức Thế Tôn bảo: -Vậy ông hãy trình bày! Thiếu niên Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm, xin Ngài hãy lắng nghe! Phạm chí chủ trương năm pháp có nhiều phước quả, có nhiêu công đức, tạo phước, được thiện là: Thứ nhát là pháp chân thật/ thứ hai là pháp đọc tụng45 thường xuyên, thứ ba là pháp nhiệt hạnh,6 thứ tư là pháp khổ hạnh7 và thứ năm là pháp Phạm hạnh.8 Đức Thế Tôn hỏi: Nêu các Phạm chí chủ trương năm pháp này có nhiêu phước quả, có nhiêu công đức, tạo phước, được thiện, vậy trong số những Phạm chí ấy, có Phạm chí nào nói như thế này: "Tôi nói về kết quả của năm pháp này sau khi đã tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng ngay trong đời hiện tại" chăng? Thiếu niên Anh Vũ bạch Phật: Bạch Ch-dàm, không có! Đức Thế Tôn hỏi: Có vị tôn sư hay tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này: "Tôi nói về kết quả của năm pháp này sau khi đã tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng ngay trong đời hiện t@i" chăng? Thiếu niên Anh Vũ bạch Phật: Bạch Cù-đàm? không có! Bấy giờ, đức Thế Tôn lại hỏi: Này Anh Vũ, xưa kia có các Phạm chí: Một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni5 sáu là ứng- nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà? mười là Bà-hòa9 đã trì tụng kinh thu, đã truyền bá kinh thu, đã thường xuyên đọc tụng kinh điển cho đến khi hết tuổi thọ và qua đời. Các Phạm chí ngày nay cũng đều đọc tụng

4 Chân dế ,s*. 5 Tụng tập ajjhend. 6 Nhiệt hạnh .Theo Trung tâm nghiện cứu Phật học Hán ngữ Đài đại sư tử hống Phật học chuyên trạm

của Pháp cổ SonJ khi chú giải Trung A-hàm đã cho rằng, có thể chỉ cho sự nhiệt tâm, ấm áp của thiện hạnh .Xem thêm M. 99, Subha Sutta Kinh Tu-bày. Thí xả cāga. 7 Khổ hạnh ,tapo.

8 Phạm hạnh Brahmacarlya. 9 Dạ-ưa AỊthaka, Bà-ma Vāmaka, Bà-ma-đề-bà Vāmadeva, Tỳ-xa-mật- da-la ,Vessāmittā, Dạ-bà-đà-kiền-ni ,Yamataggi, ứng-nghi-la-bà ,Añgirasa, Ba-tu-tra ,Vāsettha, Ca-diêp Kassapa, Bà-la-bà ,Bhāradvāja, Ba-hoat,,Bhagu.

thường xuyên, thọ trì và học hành đầy đủ kinh điển ấy, nhưng họ có nói rằng: "Tôi nói vê kết quả của năm pháp này sau khi đã tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng ngay trong đời hiện tại" chăng? Thiếu niên Anh Vũ bạch đức Thế Tôn: -Không có, thưa Cù-đàm! Chỉ là các Phạm chí ấy do tin tưởng mà thọ trì. [0668a01] Đức Thế Tôn bảo: -Trong các Phạm chí, không có một vị nào nói: "Tôi nói về kết quả của năm pháp này sau khi đã tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng ngay trong đời hiện tại." Và cũng không có vi tôn sư hay tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ mà nói: "T6i nói về kết quả của năm pháp này sau khi đã tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng ngay trong đời hiện tại." Xưa kia có các Phạm chí: Một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà? bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la? năm là Dạ-bà-đà-kiền-ni, sáu là ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thu, đã thường xuyên đọc tụng kinh điển cho đến khi hết tuổi thọ và qua đời. Các Phạm chí ngày nay cũng đêu đọc tụng thường xuyên, thọ trì và học hành kinh điển ấy, nhimg họ đều không nói: "Tôi nói về kết quả của năm pháp này sau khi đã tự biết, tự giác ngộ, tự thân tác chứng ngay trong đời hiện tại." Thế thì, này Anh Vũ, các Phạm chí ấy không vì việc này mà thiếu căn bản trong niềm tin chăng? Thiếu niên Anh Vũ bạch: Bạch Cù-đàm5 thật là không có căn bản, nhưng các Phạm chí khi nghe rồi liền thọ trì. Đức Thê Ton noi: -Giống như một đám người mù cùng dắt nhau, người trước không thấy người phía sau, cũng không thấy người ở giữa; người giữa không thấy người ở trước, cũng không thấy người phía sau; người phía sau không thấy người ở giữa, cũng không thấy người ở trước. Này Anh Vũ, Ta nói Phạm chí các ông cũng như vậy. Này Anh Vũ, trước ông nói là do tin, sau đó lại nói là do nghe. Thiếu niên Anh Vũ liền nổi giận, hằn học, không vui, liền phỉ báng Thế Tôn, chỉ trích Thế Tôn, mắng nhiếc Thế Tôn nên suy nghĩ: "Ta phải phỉ báng Cù-đàm5 phải chỉ trích Cù-đàm9 phải hạ nhục cti-dàm", rồi nói với đức Thế Tôn: Này Cù-đàm9 có Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la, thuộc dòng họ chất trực, n giống thanh tinh đã nói thế này: "Nhu có Sa-môn, Phạm chí đối với pháp thượng nhân mà cho rằng: 'C6 biết, có thấy, hiện tại tôi đã chứng đắc.9 Sau khi nghe như vậy, ta liền cả cười, không thể chấp nhận được, vì đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự cho là chứng được pháp thượng nhân? Nếu ai đối với pháp thượng nhân mà bảo rằng 'tôi biết, tôi thấy' là điều không hợp ly."

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nghĩ: "Thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề nổi giận với Ta, hằn học, không vui, phỉ báng Ta, chỉ trích Ta, mắng nhiếc Ta, nghĩ rằng: Thải phỉ báng Cù-đàm, phải chỉ trích Cù-đàm? phải hạ nhục Cíi-dàm' nên nói với Ta rằng: 'Này Cù-đàm? có Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa-la9 thuộc dòng họ chất trực, nòi giống thanh tịnh đã nói thê này: Như có Sa-môn, Phạm chí đôi với pháp thượng nhân mà cho rằng có biết, có thấy, hiện tại tôi đã chứng đắc. Sau khi nghe như vậy ta liền cả cười, không thể chấp nhận được, đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự cho là chứng được pháp thượng nhân? Nếu ai đối với pháp thượng nhân mà bảo rằng 'tôi biết, tôi thấy9 là điều không hợp ly.'" [0668Ồ06] Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của Anh Vũ nên nói: -Này Anh Vũ? có phải Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la thuộc dòng họ chất trực, nòi giống thanh tịnh, biết được ý nghĩ trong tâm của hết thảy Sa-môn, Phạm chí roi mới nói thê này: "Nhu có Sa-môn, Phạm chí đôi với pháp thượng nhân mà cho rằng: 6CÓ biết, có thấy, hiện tại tôi đã chứng đắc.5 Sau khi nghe như vậy ta liền cả cười, không thể chấp nhận được, đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự cho là chứng được pháp thượng nhân? Nếu ai đối với pháp thượng nhân mà bảo rằng 'tôi biết, tôi thấylà điều không hợp lý" chăng? Thiếu niên Anh Vũ đáp: Thưa Cù-đàm, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la thuộc dòng họ chất trực, nòi giống thanh tịnh, có một tỳ nữ tên là Bất-ni. Đối với tâm niệm của tỳ nữ này, ông ấy còn không thể biết, huống nữa là biết tâm tư của tất cả Sa-môn và Phạm chí! Nếu cho rằng ông ấy biết thì việc này không thể có. Đức Thế Tôn bảo: Giông như người mù bàm sinh nói như vây: "Không có màu đen, màu trắng, cũng không có người thấy màu đen, màu trắng; không có sắc tốt, sắc xấu, cũng không có người thấy sắc tốt, sắc xấu; không có sắc ngắn, sắc dài, cũng không có người thấy sắc ngắn, sắc dài; không có sắc gần, sắc xa, cũng không có người thấy sắc gần, sắc xa; không có sắc thô, sắc tế, cũng không có người thấy sắc thô, sắc tế, vì từ trước đến nay tôi không thấy, không biết, thế nên không có màu sắc." Người mù bẩm sinh kia nói như vậy là đúng sự thật chăng? Thiếu niên Anh Vũ bạch Phật: -Thưa Cù-đàm, không phải vậy! Vì sao như thế? Vì có màu đen, màu trắng, cũng có người thay màu đen, màu trắng; có sắc tốt, sắc xấu, cũng có người thấy sắc tốt, sắc xấu; có sắc ngắn, sắc dài, cũng có người thấy sắc ngắn, sắc dài; có sác gân, sác xa, cũng có người thây sác gân, sác xa; có sác thô, sác tê? cũng có người thay sắc thô, sắc tế. Như người mù bẩm sinh nói: “Từ trước đến nay tôi không thấy, không biết, thế nên không có màu s*c" là không đúng sự thật.

152. KINH ANH VŨ 1 993

Này Anh Vũ, những điều mà Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la thuộc dòng họ chất trực, nòi giống thanh tịnh đã nói thì khác gì hạng người mù bẩm sinh, không có mắt kia chăng? Thiếu niên Anh Vũ bạch Phật: Thưa Cù-đàm? quả thật như hạng người mù vậy! [0668c01] Đức Thế Tôn bảo: Này Anh Vũ, ý ông nghĩ sao? Xưa kia, có những Phạm chí đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thu, đã thường xuyên đọc tụng kinh điển cho đến khi hết tuổi thọ và qua đời như Phạm chí Thương-già? Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la và cả Đô-đề1011thân phụ của ông thì đối với những điều do các vị đó nói, có được chấp nhận hay không được chấp nhận? Chân thật hay không chân

thật? Có cao, có thấp chăng? Thiếu niên Anh Vũ bạch Phật: -Xưa kia, có những Phạm chí đã tụng trì kinh thư, đã truyền bá kinh thư, đã thường xuyên đọc tụng kinh điển cho đến khi hết tuổi thọ và qua đời như Phạm chí Thương-già, Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la và cả Đô-đề thân phụ tôi, đối với những điều do các vị đó nói thì theo ý tôi, họ mong được chấp nhận, không mong không được chấp nhận, mong là chân thật, không mong không phải là chân thật, mong là cao thượng, không mong là sự thấp hèn. Bay giơ đức The Ton bao: Này Anh Vũ, những điều mà Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la thuộc dòng họ chất trực, nòi giống thanh tinh đã nói thì lẽ nào chẳng phải là không được chấp nhận, không có sự được chấp nhận? Là không chân thật, không có sự chân thật? Lẽ nào không phải là rất thấp hèn? không có gì cao thượng chăng? Thiếu niên Anh Vũ thưa đức Thế Tôn: Thật vậy, bạch Cù-đàm! -Lại nữa, này Anh Vũ, có năm pháp gây chướng ngại, 11 gây che lấp, làm cho mù5 không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhằn vô ích5 không chứng đắc Niết-bàn. Là năm pháp nào? Này Anh Vũ, pháp thứ nhất là tham dục, gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ? gây ra sự nhọc nhằn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn. Này Anh Vũ, sân hận, thân kiến, giới thủ và thứ năm là nghi cũng là pháp gây chướng ngại, gây che lâp làm cho mù, không có măt, có thê diệt mát trí tuệ, gây ra sự nhọc nhăn vô ích, không chứng đắc Niết-bàn.

10Thương-già ,Cañkī, Sanh Văn ,Jānussonī, Phất-ca-sa-sa-la ,Pokkharasāti, Đô-đề ,Todeyya. 11 Nguyên tác: Ngũ chướng ngại orambhãgỉya sarnyojanci'. Năm hạ phần kiết sử.

Này Anh Vũ, ý ông nghĩ sao? Người bị năm pháp này làm chướng ngại, che lấp, quấn chặt, nếu muốn quán sát lợi ích12 của mình, lợi ích của người, lợi ích của cả hai và cũng như muôn biêt ý nghĩ trong tâm của tát cả Sa-môn, Phạm chí thì điều này không thể được. Này Anh Vũ, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la thuộc dòng họ chất trực, nòi giống thanh tịnh bị nhiễm ô bởi dục, bị ô uế bởi dục, bị rung động bởi dục, nghiêng về dục, say đắm nơi dục, vào trong dục mà không thay tai họa, không biết thoát ra nên sông theo dục. Vị ây bị năm pháp này chướng ngại, che lâp, quân chặt, nếu muốn quán sát lợi ích của mình, lợi ích của người khác, lợi ích của cả hai và cũng như muốn biết ý nghĩ trong tâm của tất cả Sa-môn, Phạm chí thì việc này không the được. Lại nữa, này Anh Vũ? có năm loại dục13 đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý và vui thích, chúng thường tương ưng với khát ái và sắc dục, rất đáng yêu thích. Năm loại ấy là gì? Đó là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị và thân biêt xúc chạm. Này Anh Vũ, ý ông nghĩ sao? Chúng sanh do năm loại dục này mà phát sanh lạc, phát sanh hỷ, chăng còn có điêu gì ngoài việc này chăng? [0669a03] Thiếu niên Anh Vũ bạch Phật: -Đúng vậy, thưa Cù-đàm! The Ton hỏi: -Này Anh Vũ, ý ông thế nào? Lửa do việc đốt cỏ cây và lửa không phải do việc đốt cỏ cây thì thứ lửa nào sáng rực nhất, đẹp nhất, tối thắng nhất? Thiếu niên Anh Vũ thưa: -Bạch Cù-dàm, lửa không phải do việc đốt cỏ cây mà có, việc này không thể diễn ra mà chỉ có thể là do sức mạnh của thần thông.14 Thưa Cù-đàm, lửa không phải do việc đốt cỏ cây mà có thì ngọn lửa ấy sáng rực nhất, đẹp

nhất, tối thang nhất. Đức The Ton noi: Đúng vậy, đúng vậy! Này Anh Vũ, nếu không phải do việc đốt cỏ cây mà có lửa thì việc này không thể diễn ra mà chỉ có thể là do sức mạnh của thần thông. Không phải do việc đốt cỏ cây mà có lửa thì ngọn lửa ấy sáng rực nhất, đẹp nhất, tối thắng nhất. Này Anh Vũ, ở đây Ta giả thiết rằng, cũng như thứ lửa do việc đốt cỏ cay mà có thì sự phát sanh hỷ, lạc của chúng sanh cũng vậy, là do dục, do pháp xấu ác, bất thiện nên không thể chứng đắc xả5 lạc và tịch tĩnh. Này Anh Vũ, cũng

12 Nguyên tác: Quán tự nghĩa .Nghĩa ở đây mang nghĩa là lợi ích ,atthā.
Lợi ích của mình attattha, lợi ích của người khác paratthà và lợi ích của cả hai ụbhayatthà. Tham chiếu: A. IV. 128. 13 Nguyên tác: Ngũ dục công đức .Xem chú thích 5, kinh số 2, tr. 11. 14 Nguyên tác: Như ý túc lực .

như thứ lửa không phải do việc đốt cỏ cây mà có thì sự phát sanh xả, lạc của chúng sanh cũng vậy? là do việc lìa dục, nương theo các thiện pháp mà chứng đắc xả, lạc và tịch tĩnh. Đức Thế Tôn lại bảo: Này Anh Vũ, ý ông thê nào? Như có Phạm chí săm sửa thức ăn, thực hành bố thí, khi ấy có một đứa bé dòng Sát-lợi từ phương Đông đến và nói như vầy: "Tồi vào trong đó phải được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, đồ ăn uống bậc nhất.^, Sau đó? đứa bé vào trong đó nhưng không được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, đồ ăn uống bậc nhất, liền sanh tâm oán hận, ôm lòng thù ghét. Hoặc từ phương Nam có đứa bé dòng Phạm chí đến và nói như vầy: “T6i vào trong đó phải được thức ăn thượng hạng." Đứa bé ấy vào trong đó nhưng không được thức ăn thượng hạng, liền sanh tâm oán hận, ôm lòng thù ghét. Hoặc từ phương Tây có đứa bé dòng Tỳ-xá đến và nói như vầy: “T6i vào trong đó phải được thức ăn dồi dào." Đứa bé ấy vào trong đó nhưng không được thức A r

ăn dôi dào, liên sanh tâm oán hận, ôm lòng thù ghét. Hoặc từ phương Băc có đứa bé dòng Thủ-đà-la đến và nói như vầy: "T6i vào trong đó phải được thức ăn no dtr nhưng khi vào trong đó lại không được thức ăn no đủ, liền sanh tâm oán hận, ôm lòng thù ghét. Này Anh Vũ, các vị Phạm chí đó thực hành hạnh bo thí và tiêp đãi như vậy thì sẽ được những phước báu nào? [0669b0l] Thiếu niên Anh Vũ thưa: Thưa Cíi-dàm, Phạm chí không thực hành bố thí với tâm như vậy để khiến cho người khác phải oán hận và ôm lòng thù ghét. Cù-đàm nên biêt, Phạm chí vì có tâm thương xót mới thực hành bố thí, với tâm thương xót mà thực hành bố thí thì được nhiều phước báu. Đức Thế Tôn bảo: Này Anh Vũ, các Phạm chí lẽ nào không phải chủ trương pháp thứ sáu15 có nhiều phước quả, có nhiều công dức, tạo phước, được thiện chăng? Thiếu niên Anh Vũ đáp: -Đúng vậy, thưa Cù-đàm! Đức Thế Tôn hỏi: Này Anh Vũ, nêu có Phạm chí chủ trương năm pháp có nhiêu phước báu, có nhiêu công đức, tạo phước, được thiện thì ông thây pháp ây phân nhiêu ở đâu? ở người tại gia chăng? Hay ở người xuất gia học đạo chăng? Thiếu niên Anh Vũ đáp: -Thưa Cù-đàm? nêu có Phạm chí chủ trương năm pháp có nhiêu phước báu, có nhiều công dức, tạo phước, được thiện thì tôi thấy pháp ấy phần nhiều

15 Tham chiếu: M. 99: Idam chattham puññakiriyavatthu hoti - yadidarn anukampājātika "nti (Đây là phước nghiệp sự thứ 6: Phước sinh tư lòng lân mẫn).

ở nơi người xuất gia học đạo, chứ không phải ở người tại gia, vì sao? Vì người tại gia có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm, có nhiều oán kết sân hận, có nhiều ganh ghét đấu tranh, không thể thành tựu sự thủ hộ5 sự thành thật. Thưa Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít công việc, ít bổn phận phải làm, ít oán kết sân hận, ít có ganh ghét nên có thể thành tựu sự thủ hộ, sự thành thật. Thưa Cù-đàm? sự thành thật ây tôi thây phân nhiêu ở nơi người xuất gia học đạo, chứ không phải ở người tại gia. Vì sao? Vì người tại gia có nhiều công việc, nhiều bổn phận phải làm, có nhiều oán kết sân hận, có nhiều ganh ghét đấu tranh, không thể thực hành hạnh bố thí, không thể đọc tụng và tu tập, không thể tu hành khổ hạnh, không được sống Phạm hạnh. Thưa Cù-đàm? người xuất gia * 9 jF -g

học đạo ít có công việc, ít có bôn phận phải làm, ít oán két sân hận, ít có ganh ghét, vị ấy có thể thực hành sự bố thí, có thể đọc tụng và tu tập, có thể tu hành khổ hạnh và có thể sống Phạm hạnh. Thưa Cù-đàm, người thực hành Phạm hạnh, tôi thấy pháp này phần nhiều ở người xuất gia học đạo chứ không phải ở người tại gia. Đức Thế Tôn bảo: Này Anh Vũ, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có nhiều phước báu, có nhiều công đức, tạo phước, được thiện, Ta nói việc ấy từ nơi tâm mà khởi.16 Tâm ấy bao gồm những gì? Đó là tâm không gây thù, không kết oán, không sân hận, không não hại, là do sự tu tập những tâm ấy. Này Anh Vũ, ý ông nghĩ sao? Nếu có Tỳ-kheo thủ hộ thành thật, do sự thủ hộ thành thật mà vi ây được an vui, được hân hoan. Này Anh Vũ, nêu có an vui và hân hoan thì tương ưng với thiện, Ta nói việc đó từ nơi tâm mà khởi. Tâm ấy bao gồm những gì? Đó là tâm không gây thù kết oán, không sân hận não hại, là do tu tập những tâm ấy. Như vậy, vị ấy thành tựu việc bố thí, thành tựu sự tụng đọc và tu tập, thành tựu pháp hành khổ hạnh và thành tựu đời sống Phạm hạnh. Nhờ sự thực hành Phạm hạnh mà vị ấy được an vui và hân hoan. Này Anh Vũ, nêu có an vui và hân hoan thì tương ưng với thiện, Ta nói việc ấy từ nơi tâm mà khởi. Tâm ấy bao gồm những gì? Đó là tâm không gây thù két oán, không sân hận não hại, những tâm ây tương ưng với từ, lan tỏa kháp một phương rồi thành tựu an trụ. Cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới cũng bao trùm tất cả; tâm vị ấy tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, lan tỏa trùm khắp thế gian rồi thành tựu an trụ. Tâm tương ưng với bi, với hỷ thì cũng như vậy; cho đến tâm tương ưng với xả cũng không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, lan tỏa trùm khắp thế gian rồi thành tựu an trụ.

16 Nguyên tác: Ngã thuyết thị tùng tâm khởi ().Tham chiếu: M. 99: Cittassāham ete parikkhāre vadāmi (Ta nói những pháp này là những tư cụ của tâm), HT. Thích Minh Châu dịch. Lưu ý, parikkhārā dịch sát là "tư cụi", nghĩa là những vật dụng cần thiết.

[0669c 10] Này Anh Vũ, giống như có người khéo thổi tù và, nếu có phương nào chưa nghe được, người ấy vào lúc nửa đêm, leo lên núi cao, gắng hết sức thôi, phát ra âm thanh vi diệu, lan tỏa khắp cả bôn phương. Cũng vậy, Tỳ-kheo tâm đi cùng với từ, lan tỏa khắp một phương, thành tựu an trụ; cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và hai phương trên dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán? không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, lan tỏa trùm khắp thế gian, thành tựu an trụ; tâm tương ưng với bi hoặc hỷ thì cũng như vậy; cho đến tâm tương ưng với xả cũng không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, lan tỏa trùm khắp thế gian, thành tựu an trụ. Này Anh Vũ, ý ông nghĩ sao? Nếu có người cầu mong làm vị trời, hy vọng được sanh lên cõi trời nên khởi tâm tương ưng với tham cầu và nghĩ rằng: "Mong ta làm vị trời này, hay vị trời khác." Lại có người cũng cầu mong làm vị trời, hy vọng được sanh lên cõi trời nên không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, tâm định, ý xác quyết, biến khắp, thành tựu an trụ và nghĩ rằng: "Mong ta làm vi trời này, hay vị trời khác." Ông nghĩ xem, giữa các người đó thì ai được làm vi trời này hay vi trời khác chăng? Thiếu niên Anh Vũ đáp: Bạch Cù-đàm, nếu có người cầu mong làm vị trời, hy vọng được sanh lên cõi trời nên không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, tâm định, ý xác quyết, biến khắp, thành tựu an trụ. Con xét thấy người này chắc chắn sẽ được làm vi trời này hay vị trời khác. Đức Thế Tôn hỏi: -Này Anh Vũ, ý ông nghĩ sao? Nếu có người cầu làm Phạm thiên, vì để sanh lên cõi Phạm thiên nên khởi tâm tương ung với tham cầu và nghĩ rang: "Mong ta làm vị Phạm thiên này hay vị Phạm thiên khac?9 Lại có người cũng cầu mong làm vị Phạm thiên, hy vọng được sanh lên cõi Phạm thiên nên không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, tâm định, ý xác quyết, biến khắp, thành tựu an trụ và nghĩ rằng: "Mong ta làm vị Phạm thiên này hay vị Phạm thiên khác." Ông nghĩ xem, giữa các người đó thì ai được làm Phạm thiên này hay Phạm thiên khác chăng? [0670a03] Thiếu niên Anh Vũ đáp: Thưa Cù-đàm, nếu người cầu Phạm thiên, hy vọng được sinh lên Phạm thiên nên không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, tâm đinh, ý xác quyết. Con xét thấy rằng, người này chắc chắn được làm vi Phạm thiên này hay vị Phạm thiên khác. Thiếu niên Anh Vũ lại hỏi: Thưa Cù-đàm, Ngài biết con đường dẫn đến cõi Phạm thiên chăng?

Đức Thế Tôn bảo: Này Anh Vũ, bây giờ Ta hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ông nghĩ sao? Phải chăng thôn Na-la-ca-la17 cách chúng hội này không xa? Thiếu niên Anh Vũ đáp: Thưa, không xa! Thê Tôn bảo: Này Anh Vũ, ý ông nghĩ sao? ông bảo một người trong chúng hội này rằng: "Ông hãy đến thôn Na-la-ca-la kia, đến đó rồi thì về ngay!" Người ấy vâng lời ông nhanh chóng đi đên thôn Na-la-ca-la? đên đó roi trở vê liên. Sau khi người ấy đi và về rồi? nếu ông hỏi đường di, hỏi sự việc đi và về5 ra và vào nơi thôn Na-la-ca-la, lẽ nào người ây đứng im, không thê trả lời chăng? Thiếu

niên Anh Vũ thưa: Không phải vậy, thưa Cù-đàm! Đức Thế Tôn bảo: -Này Anh Vũ? người ấy đi và về nơi thôn Na-la-ca-la, khi được hỏi về đường di, ông ta có thể đứng im, không biết trả lời. Thế nhưng nếu hỏi Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác về con đường dẫn đến cõi Phạm thiên thì hoàn toàn không thể có việc tạm thời im lặng, không thể trả lời. Thiếu niên Anh Vũ bạch Phật: -Thưa Sa-môn Cù-đàm? Ngài không chấp trước việc thờ trời.18 Việc này đã quá rõ ràng. Vả lại, khi được hỏi về con đường dẫn đến cõi Phạm thiên thì Ngài đã trả lời nhanh chóng. Bạch đức Thế Tôn! Con đã hiểu. Bạch đức Thiện Thệ! Con đã rõ. Thưa Thế Tôn! Nay con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo-tăng, cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, thiếu niên Bà-la-môn Anh Vũ nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

17 Na-la-ca-la ii, Nalakāra. 18 Nguyên tác: Vô trước thiên từ .

153. KINH MAN-NHÀN-ĐÈ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi trên nệm cỏ trong tịnh thất bậc nhất12 của Bà-la- bà.3 Khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Kiếm-ma-sắt-đàm4 tuần tự khất thực. Sau khi thọ thực xong, Ngài thu dọn y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ lên vai rồi đi đến chỗ nghỉ ban ngày trong một khu rừng. Khi đã vào rừng, đức Thế Tôn đến bên gốc cây rồi trải tọa cụ và ngồi kiết-già. [0670b05] Lúc ây, cũng sau buổi trưa, ngoại đạo Man-nhàn-đê thong thả tản bộ đến tịnh thất bậc nhất của Bà-la-bà. Từ xa, ngoại đạo Man-nhàn-đề thấy trên nệm cỏ của tịnh thất ấy có dấu nằm nghiêng một bên hông, giống như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn hay của bậc Phạm hạnh. Trông thấy vậy, ngoại đạo Man-nhàn-đề hỏi Bà-la-bà: -Này Bà-la-bà, ai đã nằm trên nệm cỏ trong tịnh thất bậc nhất này mà để lại dấu vết nghiêng một bên hông giống như chỗ nằm của sư tử, của Sa-môn hay của bậc Phạm hạnh nào the? Phạm chí Bà-la-bà đáp: Này Man-nhàn-đề, có Sa-môn Cù-đàm con dòng họ Thích, lìa xa Thích tộc, cạo bỏ râu t6c, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác, ở trên nệm cỏ trong tịnh thất đó, có dấu nằm nghiêng một bên hông giống như chô năm của sư tử, của Sa-môn hay của bậc Phạm hạnh, chính là của Sa-môn Cù-đàm. Ngoại đạo Man-nhàn-đề nói: -Này Bà-la-bà, nay ta phải thấy cảnh không đáng thấy, phải nghe theo điều không đáng nghe, đó là phải thấy chỗ nam của Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm ấy là kẻ phá hoại.5 Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng.

1 Nguyên tác: Man-nhàn-đề kinh roi. 0026.153. 0670a26. Tham chiếu: M. 75, Māgandiya Sutta Kỉnh Māgandiya. 2 Đệ nhất tĩnh thất ,agyāgāra: Ngôi nhà thờ lửa. 3 Bà-la-bà ,Bhāradvāja. 4 Kiếm-ma-sắt-đàm Kammassadhamma. Xem chú thích 3, kinh số 54, tr. 309. 5 Bại hoại địa .Tham chiếu: M. 75: Bhūnahuno kẻ phá hoại mầm sống.

Bà-la-bà nói: -Này Man-nhàn-dề, ông không nên dùng những lời như vậy mà phỉ báng Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm là bậc có trí tuệ hơn hẳn trí tuệ của

những vi Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay trí tuệ của Sa-môn. Người nào giảng thuyết về trí tuệ thảy đều đã chứng đắc Thánh trí. Này Man-nhàn-đề, tôi muốn thuật lại điều này với Sa-môn Cù-đàm có được chăng? Man-nhàn-đề đáp: Này Bà-la-bà, nếu ông muốn nói thì hãy tùy ý5 tôi không ngăn cấm. Này Bà-la-bà, nếu gặp Sa-môn Cù-đàm thì tôi cũng nói như thế. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng. Bấy giờ, đức Thế Tôn ở chỗ nghỉ ban ngày, bằng thiên nhĩ thanh tinh hơn hẳn người thường nên Ngài đã nghe Phạm chí Bà-la-bà cùng ngoại đạo Man- nhàn-đề đang bàn luận về điều ấy. Nghe như vậy rồi, vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, đi đến tịnh thất bậc nhất của Bà-la-bà, trải tọa cụ lên nệm cỏ rồi ngồi kiết-già. Phạm chí Bàla-bà từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi trên nệm cỏ56 đoan chánh rạng ngời như vầng trăng giữa các vì sao, tỏa sáng rực rỡ tựa như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, uy nghiêm sừng sững, các căn vắng lặng, không bi ngăn che, thành tựu điều phục, tâm tư tĩnh lặng. Sau khi trông thấy, Phạm chí ấy đi đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên. [0670c05] Đức Thế Tôn hỏi: Này Bà-la-bà, phải chăng ông đã cùng với Man-nhàn-đề bàn luận về chỗ nệm cỏ này? Phạm chí Bà-la-bà đáp: Đúng như vậy, thưa Cù-đàm! Con cũng định thưa sự việc này với Ngài, nhưng chưa kịp nói mà Cù-đàm đã biết. Vì sao như vậy? Vì Ngài là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn và Phạm chí Bà-la-bà cùng bàn luận về vấn đề này. Sau đó, ngoại đạo Man-nhàn-đề tản bộ đến tịnh thất bậc nhất ấy. Từ xa, đức Thế Tôn trông thấy ngoại đạo Man-nhàn-đề đi đến, sau khi ông ấy đến noi, Ngài bảo: -Này Man-nhàn-đề, nếu không chế ngự nhãn căn, không giữ gìn miên mật và không tu tập thì chắc chắn thọ quả báo khổ. Đối với nhãn căn5 Sa-môn Cù- đàm khéo tự điều phục, khéo giữ gìn miên mật và khéo tu tập, cho nên chắc chắn được phước quả an vui. Này Man-nhàn-đề, có phải vì thế mà ông bảo rằng: "Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại, kẻ phá hoại là kẻ vô dqng" chăng? Man-nhàn-đề trả lời: Đúng như vậy, Cù-đàm!

6 Nguyên tác: Tại thọ lâm gian ở giữa rừng cây. Tuy nhiên, lúc ấy Thế Tôn đã vào ngồi trên nệm cỏ trong ngôi nhà thờ lưa. J

153. KINH MAN-NHÀN-ĐÈ 1001

Này Man-nhàn-đề, đối với các căn như tai, mũi, lưỡi, thân thì cũng như vậy; cho đến đối với ý căn cũng vậy, nếu không chế ngự, không giữ gìn miên mật và không tu tập thì chắc chắn phải thọ quả báo khổ. Đối với các căn ấy, Sa-môn Cù-đàm khéo che ngự, khéo giữ gìn miên mật và khéo tu tập? cho nên chắc chắn được phước quả an vui. Này Man-nhàn-đề, có phải vì thế mà ông bảo rằng: "Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại, kẻ phá hoại là kẻ vô dung" chăng? Man-nhàn-đề đáp: -Đúng như vậy, Cù-đàm! Đức Thế Tôn hỏi: Này Man-nhàn-đề? ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, với con mắt, vị ấy biết sắc đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý, vui thích, tương ưng với tham dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ sắc được biết bởi mắt, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Vị ấy thấy, biết đúng như thật về sự tập khởi của sắc được biết bởi mắt, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa và sự giải thoát khỏi sắc ấy, được an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa xa lìa sắc dục, bi sự tham muôn sác nhai nuôt? bị hơi nóng của sác thiêu

đót. Đôi với sác được biêt bởi mắt đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý, vui thích, tương ưng với tham dục, sau khi thực hành và thây như vậy, vị ây không khen ngợi sác, không ưa thích sác ây. Này Man-nhàn-đê5 ông nghĩ thê nào? Nêu có sự vui thích này, do ái, do săc, khi vui với niềm vui này, vì chúng thấp hèn cho nên không khen ngợi, vì chúng thấp hèn cho nên không ưa thích. Này Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có luận bàn gì chăng? [0671a02] - Không có, thưa Cù-đàm! Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia cũng vậy, đối với tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, đều đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý9 vui thích, tương ưng với tham dục. Một thời gian sau, vị ấy xả bỏ xúc được biết bởi thân rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo. Vị ấy thấy biết như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa và sự giải thoát khỏi xúc, được an trú nơi nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa lìa bỏ xúc dục, bị sự tham muốn xúc nhai nuốt, bị hơi nóng của xúc thiêu đốt. Đối với xúc được biết bởi thân đáng yêu? đáng nhớ, vừa y, vui thích, tương ưng với dục, sau khi thực hành và thấy như vậy, vị ấy không khen ngợi, không ưa thích. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có sự vui thích này, do ái, do sắc, khi vui với niềm vui này, vì chúng thấp hèn cho nên không khen ngợi, vì chúng thấp hèn cho nên không ưa thích. Này Man-nhàn-đề5 đối với người này, ông có luận bàn gì chăng? Không c6, thưa Cù-đàm!

1002 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Thế Tôn bảo: Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, đối với năm loại dục đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý, vui thích, tương ưng với tham dục. Một thời gian sau, người ấy buông bỏ năm loại dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm dục, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa và sự giải thoát khỏi năm dục5 an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa lìa dục, bị sự ham muốn dục nhai nuốt, bị lửa dục thiêu đốt. Đoi với năm loại dục đáng yêu, đáng nhớ5 vừa ý5 vui thích, tương ưng với dục, sau khi thực hành và thấy như vậy, vị ấy không khen ngợi, không ưa thích năm dục. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Nếu có sự vui thích này, do ái, do săc? khi vui với niềm vui này, vì chúng thấp hèn cho nên không khen ngợi, vì chúng thấp hèn cho nên không ưa thích. Này Man-nhàn-đề? đối với người này, ông có luận bàn gì chăng? -Không có, thưa Cù-đàm! Này Man-nhàn-đề, lúc Ta chưa xuất gia học đạo, hưởng thụ năm dục dễ dàng, không khó, đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý? vui thích, tương ưng với dục. Sau đó, Ta không còn đắm trước năm dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Ta thấy như thật về sự tập khởi của năm dục, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa và giải thoát khỏi năm dục, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa lìa dục, bị sự ham muốn dục nhai nuốt, bị lửa dục thiêu đốt. Đối với năm dục đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý? vui thích, tương ưng với dục, sau khi thực hành và thấy như vậy, Ta không khen ngợi, không ưa thích năm dục. Này Man-nhàn-đề9 ông nghĩ thế nào? Nếu có sự vui thích này, do ái, do sắc, khi vui với niềm vui này, Ta thấy chúng thấp hèn cho nên không khen ngợi, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ưa thích. Này

Man-nhàn-đề5 đối với Ta, ông có luận bàn gì chăng? [0671004] Không có, thưa Cù-đàm! Đức Thế Tôn bảo: Này Man-nhàn-đê5 giông như cư sĩ hay con của cư sĩ rát giàu có, của cải vô lượng, vật nuôi vô số, phong hộ thực ấp và tất cả vật dụng sinh sống thảy đều sung túc. Người ấy dễ dàng hưởng thụ năm dục chứ không khó, lại thành tựu các diệu hạnh của thân, diệu hạnh của miệng và diệu hạnh của ý. Lúc sắp qua đời, vị ấy không muốn buông xả năm dục vui thích; sau khi qua đời thì đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời, hưởng đầy đủ năm dục. Này Man-nhàn-đề5 chư thiên hoặc thiên tử ấy lẽ nào có thể buông bỏ năm dục ở cõi trời mà ưa thích dục lạc ở nhân gian và vui vẻ khi nghĩ về chúng chăng? Man-nhàn-đề đáp: - Không thể, thưa Cù-đàm! Vì sao như vậy? Vì dục lạc ở nhân gian vốn ô uê, bát tịnh, rất đáng ghê tởm, không đáng nghĩ tưởng, gây ra oán ghét và tranh

v Y v 2 v ' đoạt, khô đau cùng cực. Thưa Cù-đàm5 so với dục lạc ở thê gian thì dục lạc cõi trời là tối thượng, tối diệu, tối thắng. Nếu chư thiên hay thiên tử đã buông bỏ năm dục ở cõi trời mà ưa thích dục lạc ở thế gian và vui vẻ khi nghĩ về chúng thì điều đó không thể xảy ra. Cũng vậy, này Man-nhàn-dề, Ta đoạn tuyệt dục lạc nhân gian, vượt khỏi dục lạc cõi trời, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, thấy như thật về sự tập khởi của năm dục kia, cùng sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa và giải thoát khỏi chúng, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa lìa dục, bị sự ham muốn dục • e J Ị. e r r 9 .

nhai nuốt, bị lửa dục thiêu đót. Đôi với năm dục đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý, vui thích, tương ưng với dục, sau khi thực hành và thấy như vậy, Ta không khen ngợi, không ưa thích năm dục. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ the nào? Nêu có sự vui thích này, do ái, do sắc, khi vui với niềm vui này, Ta thấy chúng thấp hèn cho nên không khen ngợi, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ưa thích. Này Man-nhàn-đê? đôi với Ta, ông có luận bàn gì chăng? Không có, thưa Cù-đàm! -Này Man-nhàn-đề, giống như người bị bệnh hủi, thân thể lở loét, bi trùng đục khoét. Người ấy gãi, cào rách các mụt ghẻ, hơ lên bếp lửa. Này Man-nhàn- đề5 ông nghĩ thế nào? Nếu người bị bệnh hủi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét lại gãi, cào rách các mụt ghẻ rồi hơ lên bếp lửa, như vậy liệu việc trị bệnh có r : 9 * -fo. -i/v két quả, không làm tôn thương các căn, được thoát khỏi bệnh hủi, thân thê khỏe mạnh và hoàn toàn bình phục như cũ được chăng? [0671 CƠI] Man-nhàn-đề đáp: -Không thể, thưa Cù-đàm! Vì sao như vậy? Vì người mắc bệnh hủi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét lại gãi, cào rách các mụt ghẻ rồi hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt ghẻ lở loét hơn trước mà thôi, nhưng người bệnh thì lấy việc cào gãi mụt ghẻ làm vui thích. -Này Man-nhàn-đề? như người mắc bệnh hủi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét lại gãi, cào rách các mụt ghẻ rồi hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt ghẻ lở loét hơn trước mà thôi, nhưng người bệnh thì lấy việc cào gãi mụt ghẻ làm vui thích. Này Man-nhàn-đề9 chúng sanh chưa lìa dục cũng vậy, bi sự ham muốn dục nhai nuốt, bị lửa dục đốt cháy mà cứ chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy vì chưa lìa dục nên bị sự ham muốn dục nhai nuốt, bị lửa dục đốt cháy mà còn chạy theo dục thì chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho ái lớn mạnh thêm mà

thôi, nhưng chúng sanh ây thì lại lây ái dục làm sự vui thích. Nếu chúng sanh đó không đoạn dục, không lìa dục ái mà cho rằng đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh thì điều đó không thể xảy ra. Vì sao như vậy? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để lìa dục ái mà là cách sống chạy theo dục.

Này Man-nhàn-đề? cũng như vua và đại thần hưởng thụ năm dục dễ dàng chứ không khó khăn. Nấu các vị ấy không đoạn dục, không lìa dục ái mà nói đã an trụ, sẽ an trụ hay đang an trụ với nội tâm tịch tĩnh thì điêu đó không thê xảy ra. Vì sao như vậy? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để lìa dục ái mà là cách sống chạy theo dục. Cũng vậy, này Man-nhàn-đê, chúng sanh chưa lìa dục bị sự ham muốn dục nhai nuốt, bị lửa dục thiêu đốt mà còn chạy theo dục, thì này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho dục ái lớn mạnh thêm mà thôi; nhưng chúng sanh ấy thì lại lấy dục ái làm sự vui thích. Nếu chúng sanh không đoạn dục, không lìa dục ái mà nói đã an trụ, đang an trụ và sẽ an trụ với nội tâm tịch tĩnh thì điều đó không the xảy ra. Vì sao như vậy? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để lìa dục ái mà là cách sống chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề, giống như người mắc bệnh hủi, thân thể lở loét, bi trùng đục khoét, lại cào gãi khiến các mụt ghẻ bi rách, rồi còn hơ lên bếp lửa. Có người với tâm xót thương kẻ đó nên tìm cách đem lại lợi ích cho họ, mong họ được yên ổn an vui nên đưa cho họ một loại thuốc hay. Khi được cho loại thuốc hay đó5 trị bệnh có hiệu quả, không làm hư hoại các căn? hét bệnh cùi hủi, thân thê tráng kiện, người kia bình phục như cũ. Sau khi lành bệnh, nêu thấy ai mắc bệnh, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét, lại cào gãi rách các mụt nhọt, rồi cũng hơ lên bếp lửa như thế, thì này Man-nhàn-đề5 người ấy có hoan hỷ ngợi khen chăng? [0672a03] Man-nhàn-đề đáp: -Không phải vậy, thưa Cù-đàm! Vì sao như thế? Vì có bệnh mới phải dùng thuốc, nếu không bệnh thì không cần dùng. -Này Man-nhàn-đê, ông nghĩ thê nào? Như người mác bệnh hủi kia chữa bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh hủi, thân thể khỏe mạnh, bình phục hoàn toàn như cũ, nếu có hai người lực sĩ bắt người ấy hơ trên bếp lửa, người ấy sẽ hoảng hốt né tránh vì nóng. Này Man-nhàn-đề, ý ông nghĩ sao, bếp lửa bây giờ nóng hơn, khiến người ấy khổ sở, nguy hiểm hơn trước nhiều lam chăng? -Không phải vậy5 thưa Cù-đàm! Trước kia, còn mắc bệnh hủi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét, lại cào gãi khiến rách mụt ghẻ và hơ lên bếp lửa. Đối với cái khô nóng bức của lửa, người bệnh lại cảm thây vui thích, ây là do tâm mê loạn nên có tưởng điên đảo. Thưa Cù-đàm, trái lại bây giờ bệnh đã trị lành, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh hủi, thân thể khỏe mạnh, bình phục hoàn toàn như cũ thì người ấy cảm thấy khổ sở đối với cái khổ nóng bức của lửa, đó là do tâm bình thường, không có tưởng điên đảo. -Này Man-nhàn-đề, người mắc bệnh hủi, thân thể lở loét, bị trùng đục khoét, lại cào gãi làm rách mụt ghẻ, rồi hơ trên bếp lửa; đối với sự khổ nóng bức do lửa, người bệnh lại cảm thấy vui thích, là do tâm người ấy mê loạn nên

CÓ tưởng điên đảo. Này Man-nhàn-đề, chúng sanh không lìa dục thì cũng như thê, họ bị sự ham muôn dục nhai nuốt, bị lửa dục đốt cháy mà chạy theo dục. Những kẻ ấy đối

với sự khổ do dục lại có tưởng dục là vui, là do tâm người ấy mê loạn nên có ý tưởng điên đảo. Này Man-nhàn-đề? như người bệnh đã tri lành, không hư hoại các căn, đã khỏi bệnh cùi hủi, thân thể khỏe mạnh, bình phục hoàn toàn như cũ thì cảm thấy kho sở đối với sự khổ nóng bức do lửa, nhờ tâm đã được bình thường, không còn ý tưởng điên đảo. Cũng vậy, này Man-nhàn-dề, Ta đối với sự khổ do dục thì có tưởng đúng như thật về sự khổ do dục, không có tưởng điên đảo. Vì sao như vậy? Này Man-nhàn-đề5 vì dục quá khứ là bất tịnh, ô uế, rất đáng ghe tởm, không đáng nghĩ tưởng, gây ra sự oán ghét tranh giành và cảm thọ khổ; dục tương lai và hiện tại cũng bất tịnh, ô uê9 rát đáng ghê tởm, không đáng nghĩ tưởng, gây ra sự oán ghét tranh giành và cảm thọ kho. The nên, này Man-nhàn- đề5 đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói rằng: "Không bệnh lợi bậc nhất, Niết-bàn vui tối thượng?97 Ngoại đạo Man-nhàn-đề thưa: -Thưa Cù-đàm, tôi cũng đã từng nghe các bậc Tôn đức, Trưởng lão kỳ cựu, thuần thục Phạm hạnh nói rang: "Không bệnh lợi bậc nhất, Niết-bàn vui tối thượng. [0672b02] Đức Thế Tôn hỏi: -Nếu ông đã từng nghe các bậc Tôn dức, Trưởng lão kỳ cựu, thuần thục Phạm hạnh nói rằng: "Không bệnh lợi bậc nhất, Niết-bàn vui tối thượng,, thì này Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn? Bay giờ, ngoại đạo Man-nhàn-đề tuy cho rang, thân tức là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là răn độc, là vô thường, là khô, là không, là chăng phải tự ngã, nhưng lại xoa hai tay mà nói rằng:
Thưa Cù-dàm, đây là không bệnh, đây là Niết-bàn. Đức Thế Tôn bảo: -Này Man-nhàn-đê, cũng như người mù bàm sinh nghe người có mat nói: "Trắng tinh, không nhơ uế! Trắng tinh, không nhơ uế!" Nghe như vậy, người mù liền đi tìm vật trắng ngần. Có người lừa dối, vì không muốn giúp đỡ người mù kia, vì không muốn để người mù được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan nên đem chiếc áo dơ bẩn, không sạch sẽ đưa cho người mù rồi nói: "Ong nên biết, đây là chiếc áo trắng tinh, không nhơ uế. Ông hãy cung kính đưa hai tay nhận lấy mà khoác lên thân.,^ Người mù ấy liền hoan hỷ đưa hai tay cung kính thọ nhận, khoác lên thân và bảo: "Trắng tinh, không nhơ uế! Trắng tinh, không nhơ u!" Này Man-nhàn-đê, người mù ây tự mình biêt mà nói như thê,

7 Nguyên tác: Vô bệnh đệ nhất lợi, Niết-bàn đệ nhất lạc ().Tn chiếu: M.
75; Arogyaparamā lābhā, nibbānam paramam sukharn (Không bệnh lợi tối thắng, Niết-bàn lạc tối thang), HT. Thh Minh cih9u djch. • J J

hay không tự biết mà nói như thế? Tự mình thấy mà nói như thế, hay không tự thay mà nói như thế? Man-nhàn-đề ngoại đạo đáp: -Thưa Cù-đàm? người ấy nói như vậy nhưng quả thật không biết, không thấy gì cả. r r-pl Á rp Đức Thê Tôn noi: Cũng vậy,
này Man-nhàn-dề, ông như người mù không có mắt. Thân chính là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là không phải tự ngã, thế mà ông lại xoa hai tay rồi nói: "Thua Cù-đàm? đây là không bệnh, đây là Njết-bàn.” Này Man-nhàn-đề? thế nào là không bệnh mà ông còn không biết, huống gì thấy biết Niết-bàn? Nấu nói ông thấy biết Niết- bàn thì điều này không thể xảy ra. Này Man-nhàn-đề? đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói rằng: Không bệnh, lợi

bậc nhất, Niết-bàn, vui tối thượng, Trong những con đường tu, Bát chánh, đường bất tử.8 Bấy giờ, nhiều người trong chúng đều được nghe bài kệ này. Trong chúng có số đông ngoại đạo sau khi nghe bài kệ này xong, họ liền truyền cho nhau nghe nhưng do không hiểu rõ nghĩa lý nên muốn tìm hiểu giáo nghĩa. Thế nhưng, do tát cả đêu ngu si nên trở lại tự lừa dôi lân nhau. Thân bôn đại hiện tại của họ là do cha mẹ sanh ra, được nuôi lớn nhờ ăn uống, thường được mặc y phục, xoa bóp, tăm rửa và chiêu chuộng này là pháp hủy hoại, là pháp tan rã nhưng họ lại thấy là ngã, chấp thủ là ngã, duyên nơi chấp thủ nên có hữu, duyên nơi hữu nên có sanh, duyên nơi sanh nên có già chết, duyên nơi già chết nên có buồn rầu, khóc than, lo lắng, khổ sở5 sầu não. Như thế, toàn bộ khối khổ lớn này sanh khởi. [0672c02] Khi ấy, ngoại đạo Man-nhàn-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng về đức Phật và bạch: Thưa đức Cù-đàm9 nay con hoàn toàn tin tưởng Sa-môn Cù-đàm. Mong Ngài thuyết pháp cho con nghe, để con được biết: "Đây là không bệnh, đây là Niet-ban/9 Đức Thế Tôn bảo: -Này Man-nhàn-đề? nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tinh thì dù Ta có thuyết giảng cho nghe về không bệnh, về Niết-bàn thì ông cũng không thể nào hiểu được, chỉ nhọc công cho Ta mà thôi. Này Man-nhàn-đề? ví như người mù bẩm sinh, nghe người khác đến bảo: "Ong nên biết, đây là màu xanh, đây là màu vàng, đây là màu đỏ, đây là màu trang99 thì này Man-nhàn-đề, người mù ây chỉ nghe người khác nói, vậy có biết các màu xanh, vàng, đỏ hay trắng chăng?

8 Nguyên tác: Cam lộ (),chỉ cho cõi bất tử, giải thoát (ama ta).

Man-nhàn-đề đáp: Không thể biết, thưa Cù-đàm! Cũng vậy, này Man-nhàn-đề? nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tinh thì dù Ta có thuyết giảng cho ông nghe về không bệnh, về Niết-bàn thì ông cũng không thể nào hiểu được, chỉ nhọc công Ta mà thôi. Này Man- nhàn-đê? Ta sẽ vì ông mà chỉ bày một loại thuốc hay giống như thế để cho Thánh tuệ nhãn chưa được thanh tịnh của ông liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn-dề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: "Đây là không bệnh, đây là Niết-bàn?9 Này Man-nhàn-đê, giông như người mù bàm sinh có ngườd thân thương yêu vì muốn cho anh ta được ý nghĩa và lợi ích, vì muốn cho anh ta được an ổn và hân hoan nên đã tìm cầu thầy chữa mắt. Thầy chữa mắt trị liệu bằng nhiều cách, hoặc khiến nôn ra ở trên, hoặc khiến bài tiết ở dưới, hoặc nhỏ thuốc vào mũi, hoặc rửa ở dưới, hoặc chích ở mạch, hoặc khiến chảy nước mắt ra. Này Man-nhàn-đề, giả sử trúng thuốc thì hai mắt được sáng. Này Man-nhàn-đề, nếu hai mắt người ấy được sáng thì tự mình thay được đây là màu xanh, đây là màu vàng, đây là màu đỏ hay đây là màu trắng. Người ấy thấy cái áo dơ bẩn, không sạch sẽ kia liền khởi niệm: "Người kia là oan gia của ta, từ lâu đã đem cái áo dơ bân, không sạch sẽ này đê dôi gạt ta" roi liên khởi tâm oán ghét. Này Man-nhàn- đê, người ây có thê sẽ sát hại kẻ kia. Cũng vậy, này Man-nhàn-đê5 Ta sẽ vì ông mà chỉ bày một loại thuốc hay giống như thế để cho Thánh tuệ nhãn chưa được thanh tịnh của ông liên được thanh tịnh. Này Man-nhàn-đê, nêu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: "Bây là không bệnh, đây là Ni&t-bàn." Này Man-nhàn-đề? có bốn pháp khiến người Thánh tuệ

nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Là bốn pháp nào? Một là cung kính thừa sự và thân cận thiện tri thức. Hai là nghe thiện pháp. Ba là khéo tư duy. Bốn là hướng về pháp và tuần tự thực hành.9 Này Man-nhàn-đề, ông nên học tập như vay: Cung kính thừa sự và thân cận thiện tri thức, nghe thiện pháp, khéo tư duy, hướng về pháp và tuần tự thực hành. Này Man-nhàn-đề? ông nên học tập như vậy. Này Man-nhàn-đề? ông đã cung kính thừa sự và thân cận thiện tri thức rồi thì được nghe thiện pháp, đã nghe thiện pháp thì hãy khéo tư duy, đã khéo tư duy rồi thì hãy hướng về pháp và tuần tự thực hành, đã hướng về pháp và tuần tự thực hành thì biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt.

9 Nguyên tác: Thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự; văn thiện pháp; thiện tư duy; thú hướng pháp thứ phẶ ;.Tham chi^: 843: Thân cận
thiện nam tử; thính Chánh pháp; nội chánh tư duy; pháp thứ pháp hướng Tăng.7.02. 0125.25.2. 063lbl2: Đệ nhất pháp giả đương
thân cận thiện trithức; đệ nhi giả đương văn pháp; đệ tam giả đương tri pháp; đệ tứ giả đương pháp pháp tương minh ,;O. 33:
Cattāri sotāpattiyaṅgāni -suppurisa-samsevo, saddhammasavanam, yonisomanasikāro, dhammānudhammapatipatti Thiện nhân thân cận, Diệu pháp thính thọ, như lý tác ý, pháp tùy pháp hành, HT. Thích Minh Châu dịch.

[0673a06] Thế nào là biết như thật về khổ? Đó là, biết sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, yêu thương chia lìa là khổ? mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn1011 là khổ. Đó gọi là biết như thật về khổ. Thế nào là biết như thật về nguyên nhân của khổ? Đó là biết rằng khát ái này sẽ dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia. Đó gọi là biết như thật ve nguyên nhân của kho. Thế nào là biết như thật về khổ diệt? Đó là biết rằng khát ái này sẽ dẫn đến Sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham roi đăm trước chô này chô kia đều được đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, đã nhổ bỏ5 đã trừ sạch, vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ. Đó gọi là biết như thật về khổ diệt. Thế nào là biết như thật về con đường diệt khổ? Đó là biết Thanh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Sau khi nghe nói pháp này5 ngoại đạo Man-nhàn-đề xa lìa trần cấu, đạt được cái thây như thật đôi với các pháp. Bây giờ, ngoại đạo Man-nhàn-đê thây pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không thờ ai khác, không nương ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn, được Vô sở úy? liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật rồi bạch: Thưa đức The Tôn, cúi mong Ngài cho con được xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Đức Thế Tôn bảo: Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy tu hành Phạm hạnh. Ngoại đạo Man-nhàn-đề liền xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Sau khi xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, biết được pháp rồi thực hành như trên, Man-nhàn-đề liền chứng quả A-la-hán. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Man-nhàn-đề nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.11

10 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm .Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75. 11 Bản Hán, hết quyển 38.

154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Đông Viên, giảng đường Lộc Tư Mầu. Bay giờ, có hai người thuộc dòng Phạm chí tên là Bà-tư-tra1 23và Bà-la-bà,3 cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Các Phạm chí khác thấy vậy đã chỉ trích họ dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay nghiệt: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không dòng tộc nào bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, ngoài ra đều không được thanh tinh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi vào chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Những Sa-môn đầu trọc kia bi trói buộc vào nơi đen tối, đoạn dứt giống nòi, không có con cái. Thế nên, các ông đã làm chuyện cực ác, phạm sai lầm cực lớn.,, Khi ấy, vào buổi chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, từ trên giảng đường đi xuống kinh hành nơi khoảnh đất trống trong bóng mát của giảng đường rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Tôn giả Bà-tư-tra từ xa trông thấy đức The Tôn đã rời nơi tĩnh tọa, từ trên giảng đường đi xuống kinh hành nơi khoảnh đất trống trong bóng mát của giảng đường rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Thấy như vậy rồi, Tôn giả Bà-tư-tra liền nói: Này Hiền giả Bà-la-bà, thầy có biết chăng, vừa rồi đức Thế Ton đã rời nơi tĩnh tọa, từ trên giảng đường đi xuống kinh hành nơi khoảnh đất trống trong bóng mát của giảng đường rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo. Này Hiền giả Bà-la-bà, chúng ta nên đến chỗ đức Phật, có thể nhân đây mà được nghe Ngài nói pháp. Khi ấy, Bà-tư-tra và Bà-la-bà liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đi kinh hành theo sau Ngài. Đức Thế Tôn quay lại rồi bảo hai vị này: -Bà-tu-tra, hai thầy vốn dòng dõi Phạm chí, nay từ bỏ dòng Phạm chí, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song

1 Quyển 39. Nguyên tác: Bà-la-bà đường kinh (roi. 0026.154. 0673Ồ04). Tham chiếu: Tiêu duyên kinh (TOI. 0001.5. 0036Ồ28); D. 27, Aggañña Sutta (Kinh khởi thê nhân bôn). 2 Bà-tư-tra (Vāsettha). 3 Bà-la-bà (,Bhāradvāja).

không gia đình, làm người học đạo. Các Phạm chí khác thấy vậy có chỉ trích các thay không? Hai vị này liền thưa: -Thưa có, bạch Thế Tôn! Các Phạm chí thấy vậy nên đã chỉ trích dữ dội, nói những lời rát gay găt và cay nghiệt. Đức Thế Tôn hỏi: -Này Bà-tư-tra, các Phạm chí thấy vậy đã chỉ trích dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay nghiệt như thế nào? [0673c0l] Bà-tư-tra thưa: -Bạch đức Thế Tôn, các Phạm chí thấy chúng con như vậy thì nói thế này: "Dòng dõi Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không dòng tộc nào bằng. Dòng dõi Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, ngoài ra đều không được thanh tịnh. Phạm chí là con của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi vào chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Những Sa-môn đầu trọc kia bị trói buộc vào nơi đen tôi, đoạn dứt giông nòi, không có con cái. Thê nên? các ông đã làm chuyện cực ác, phạm sai lâm cực lớn!"

Bạch Thê Tôn, các Phạm chí thây chúng con như vậy nên đã chỉ trích dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay nghiệt như thế. Đức Thế Tôn bảo: -Này Bà-tư-tra, những lời của các Phạm chí quá độc ác, bất chấp đạo lý. Vì sao như vậy? Vì họ ngu si, không khéo hiểu rõ, không biết ruộng phước, không tự biết mình do đó mới nói: "Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh." Vì sao như vậy? Này Bà-tư-tra, chính Ta, với sự chứng đắc Minh hạnh Vô thượng này, đã không chủ trương thọ sanh là ưu thang, không chủ trương chủng tộc, không nói lời kiêu mạn rằng: "Điều ấy vừa lòng ta, hoặc không vừa lòng ta, vì được chỗ ngồi, vì có nước uống/ vì học tập kinh thu." Này Bà-tư-tra? nơi nào có sự hôn nhân thì nơi đó nói về thọ sanh, nói về chủng tộc, nói lời kiêu mạn, bảo rằng: "Điều ấy vừa lòng ta, hoặc không vừa lòng ta, vì được chỗ ngồi, vì có nước uống, vì học tập kinh thu.” Này Bà-tư-tra9 nếu ai chấp thủ về thọ sanh, chấp thủ về chủng tộc và chấp thủ về kiêu mạn thì người ấy cách biệt quá xa đối với sự chứng đắc Minh hạnh Vô thượng của Ta. Này Bà-tư-tra, ai chủ trương về thọ sanh, chủ trương về chủng tộc, chủ trương về kiêu mạn, bảo rằng: "Điều ấy vừa lòng ta, hoặc không vừa lòng ta, vì được chỗ ngồi, vì có nước uống và vì học tập kinh thu" thi người ấy cách biệt với sự chứng đắc Minh hạnh Vô thượng của Ta.*

4 Nguyên tác: Nhân tọa nhân thủy ()Nhân chỗ ngồi,Qnhân nước uống. Theo D. 3, chỗ ngồi (āsanāni) và nước uông (udakam) là 2 trong những dấu hiệu thể hiện sự tôn trọng một vị Bà-la-môn.

154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG 1011

Lại nữa, này Bà-tư-tra, ở đây có ba giai cấp, có thể không phải là tất cả, cùng tranh luận với nhau, thiện xen lẫn bất thiện, được các bậc Thánh khen ngợi hoặc không khen ngợi. Ba giai cấp đó là dòng dõi Sát-lợi9 dòng dõi Phạm chí và dòng dõi Tỳ-xá.5 Này Bà-tư-tra, ý thầy thế nào? Dòng dõi Sát-lợi có người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến. Dòng dõi Tỳ-xá cũng vậy, còn dòng dõi Phạm chí không làm những việc đó chăng? Bà-tư-tra thưa: Bạch Thê Tôn, dòng Sát-lợi có người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến. Dòng dõi Phạm chí và Tỳ-xá cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn hỏi: Này Bà-tư-tra9 ý thầy thế nào? Chỉ có dòng dõi Phạm chí mới xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối,... (cho đến) xa lìa tà kiến, được chánh kiến, còn dòng dõi Sát-lợi và Tỳ-xá thì không như vậy chăng? Bà-tư-tra thưa: Bạch đức Thế Tôn, Phạm chí cũng có người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối,... (cho đến) xa lìa tà kiến, được chánh kiến và dòng dõi Sát-lợi hay Tỳ-xá cũng vậy. [0674a02] Đức Thế Tôn hỏi: -Này Bà-tư-tra, ý thầy thế nào? Nếu có vô lượng pháp xấu ác, bất thiện thì đó chỉ là việc làm của dòng dõi Sát-lợi và Tỳ-xá chứ không phải Phạm chí chăng? Và nêu có vô lượng pháp thiện thì đó chỉ là việc làm của dòng dõi Phạm chí chứ chẳng phải dòng dõi Sát-lợi hay Tỳ-xá chăng? Bà-tư-tra thưa: —Bạch đức Thế Tôn, nếu có vô lượng pháp xấu ác, bất thiện thì dòng dõi Sát-lợi hay Tỳ-xá kia cũng có thể làm và Phạm chí cũng như vậy. Nếu có vô lượng pháp thiện thì dòng dõi Phạm chí cũng có thể làm và Sát-lợi hay Tỳ-xá cũng lại như vậy. Này Bà-tư-tra, nêu có vô lượng pháp xâu ác, bát thiện mà tuyệt đôi chỉ có dòng dõi Sát-lợi hay Tỳ-xá làm, chứ không phải Phạm chí làm

và nếu có vô lượng pháp thiện mà tuyệt đối chỉ có dòng dõi Phạm chí làm chứ không phải Sát-lợi hay Tỳ-xá làm thì các Phạm chí kia có thể nói như thế này: "Phạm chí chúng ta là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh." Vì sao như vậy? Này Bà-tư-tra, người ta thấy cô gái Phạm chí vừa mới lấy chồng, sau khi lấy chồng thì mang thai. Sau thời gian mang thai thì thấy nàng sanh ra bé trai hoặc bé gái. Này Bà-tư-tra, như vậy, các Phạm chí cũng y

5 Nguyên tác: Cư sĩ (), chỉ cho dòng Tỳ-xá (,Vessā).

theo pháp thế gian, được sanh ra từ sản đạo, thế mà họ lại nói dối, vu khống và hủy báng Phạm thiên khi cho rằng: "Phạm chí chúng ta là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh.,, Này Bà-tư-tra, nếu một thiện nam, bất luận chủng tộc hay dòng họ nào mà từ bỏ chủng tộc và dòng họ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, theo Ta học đạo thì có the nói như vầy: "Phạm chí chúng tôi là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh.,, Vì sao như vậy? Này Bà-tư-tra, vì thiện nam áy vào trong giáo pháp của Ta, đã thọ lãnh giáo pháp, đến được bờ bên kia, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không còn do dự nơi pháp Thế Tôn, được Vô sở úy. Thê nên, người áy xứng đáng nói như vây: “Phạm chí chúng ta là con của Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên hóa sanh.” Này Bà-tư-tra, vi Phạm thiên đó chính là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bởi vì Phạm là Như Lai, mát mẻ là Như Lai, không phiền não, không nóng bức, không lìa Như, đó chính là Như Lai.6 Này Bà-tư-tra, ý thầy thế nào? Những người họ Thích có khiêm tốn, yêu quý, kính trọng, cũng dường và phụng sự Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la chăng? Bà-tư-tra thưa: -Thưa c6, bạch Thế Tôn. Đức Thế Tôn hỏi: Này Bà-tư-tra, ý thầy thế nào? Nếu những người họ Thích khiêm tốn, yêu quý, kính trọng, cúng dường và phụng sự Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì như vậy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta có khiêm tốn5 yêu quý, kính trọng, cúng dường và phụng sự Ta chăng? [0674b04] Bạch Thế Tôn! Những người họ Thích mà khiêm tốn, yêu quý, kính trọng, cúng dường và phụng sự Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì việc này không có gì lạ. Nếu Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà khiêm tốn, yêu quý, kính trọng, cúng dường và phụng sự Thế Tôn thì việc này rất kỳ lạ. Đức Thế Tôn bảo: Này Bà-tư-tra, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta mà khiêm ton, yêu quý, kính trọng, cúng dường và phụng sự Ta, không phải với ý nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc cao, còn ta thuộc chủng tộc thấp; Sa-môn Cù-đàm tài bảo quá nhiều, còn ta tài bảo quá ít; Sa-môn Cù-đàm hình sắc quá đẹp, còn ta hình sắc quá kém; Sa-môn Cù-đàm có oai thần lớn, còn ta oai than quá ít; Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ cao thượng còn ta có trí tuệ yếu kém.^, Này Bà-tư-tra, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la chỉ vì yêu kính Pháp, tôn trọng

6 Tham chiếu: D. 27: Tathāgatassa hetarn, vāsettha, adhivacanam dhammakāyo' itipi, 'brahmakāyo' itipi, 'dhammabhūto'itipi, 'brahmabhūto"itipi. (Này Vāsettha, vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thê, là Phạm thê), HT. Thích Minh Châu dịch.

Pháp, cúng dường Pháp và vì phụng sự Pháp nên đối với bản thân Ta, nhà vua đã khiêm tốn, yêu quý, kính trọng, cúng dường và phụng sự Ta. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo rằng: -Này Bà-tư-tra, có thời kỳ mà tất cả thế gian này đều hoại diệt. Khi thế gian này hoại diệt, các chúng sanh sanh vào cõi trời Hoảng Dục.7 ở trong cõi ấy, họ có sắc tướng vi diệu do ý hóa sanh, tất cả tay chân và các căn đều đầy đủ9 họ dùng hỷ làm thức ăn, thân thể sáng chói, bay giữa hư không, sống mãi trong tịnh sắc. Này Bà-tư-tra? có thời kỳ mà trái đất này tràn ngập nước. Do gió thổi đến, khiến mặt nước khuấy động tạo thành một lớp bọt rồi kết tinh lại, hòa hợp giống như sữa đặc đóng váng, kết hợp lại thành tinh chất. Này Bà-tư-tra, như thế, có thời kỳ trái đất này tràn ngập nước. Do gió thổi đến, khiến mặt nước khuấy động tạo thành một lớp bọt hòa hợp rồi kết tinh lại, từ đó sanh ra vi của đất, có săc, có hương, có vị. Săc ây như thê nào? Giông như sác của sanh tô và sác của thục tô. Vi của đất như thế nào? Như vị của mật ong. Này Bà-tư-tra, rồi có thời kỳ, thế giới này trở lại thời kỳ hình thành, có những chúng sanh sống ở cõi trời Hoảng Dục, khi mạng tận, nghiệp hết, phước mãn rồi qua đời, sanh trở lại làm người ở cõi này. Sau khi sanh vào cối này với sắc tướng đẹp đẽ, do ý hóa sanh, tất cả tay chân và các căn đều đầy đủ, họ dùng hỷ lạc làm thức ăn, thân tự phát sáng, bay giữa hư không, sống mãi trong tịnh sắc. Này Bà-tư-tra, bấy giờ ở trong thế giới đó không có mặt trời, mặt trăng, cũng chẳng có các vì sao, không có ngày đêm, không có một tháng hay nửa tháng, không có ngày giờ cũng chẳng có năm. Này Bà-tư-tra, lúc ấy họ không có cha, không có mẹ, không có nam hay nữ, lại cũng không có chủ nhân và tôi tớ, chỉ có một loại chúng sanh như nhau mà thôi. Roi có một chúng sanh tham ăn, không liêm khiết, đã nghĩ như vầy: của đất như thế nào? Ta hãy thử dùng ngón tay chấm một ít đất này nếm thử." Bấy giờ, chúng sanh ấy liền dùng ngón tay châm một ít đát đó mà nêm thử. Như vậy, chúng sanh đã biêt vị của đất, lại muốn được ăn. Lúc ấy, chúng sanh này lại nghi: "Sao lại phải nếm vị của đất bằng ngón tay cho nhọc sức, ta hãy dùng tay vốc lấy vị đất này mà n." Chúng sanh ấy liền dùng tay vốc lấy vị đất này mà ăn. Trong số các chúng sanh kia, lại có những chúng sanh thấy các chúng sanh này đều dùng tay vốc lấy vi đất mà ăn, liền nghĩ: "Việc này thật là hay, việc này thật là thích, chúng ta cũng có thể dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn.,, Rồi họ liền dùng tay vốc lấy vi đất này mà ăn. Khi họ đã dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn và cứ như thế, thân họ trở nên thô kệch, trở nên nặng nề, trở nên cứng chắc. Nếu trước kia họ có sắc thân sáng bóng thì bây giờ bị mất, tự nhiên trở nên tăm tối.

7 Hoảng Dục thiên Ābhassarā.

ĩ . A r r

Này Bà-tư-tra, pháp của thê gian tự nhiên có điêu này: Nêu sự tôi tăm đã sanh khởi thì mặt trời, mặt trăng chắc chắn xuất hiện. Mặt trời, mặt trăng đã xuât hiện thì các vì sao cũng xuât hiện. Các vì sao đã xuât hiện, liên thành ra có ngày và đêm; có ngày và đêm rồi, liền có một tháng hay nửa tháng, có ngày có giờ và có năm. Bấy giờ, chúng sanh ăn

vị của đất và song rất lâu. [0674c20] Này Bà-tư-tra, nêu chúng sanh nào ăn vị của đát nhiêu thì sác da trở nên thô xấu, nếu ăn ít thì có sắc da đẹp đẽ, từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc, do màu sắc hơn kém cho nên các chúng sanh có lời khinh chê lẫn nhau: "Sắc da của ta đẹp hơn, sắc của ông không bang.95 Do màu sắc hơn kém mà sanh ra sự khinh chê và các điêu xâu ác, cho nên vi của đát liên mát. Khi vị của đất đã mất, các chúng sanh kia liền tụ tập lại, khóc lóc não nề và nói: "Vj của đất đâu rồi? Vị của đất đâu r8i?" Cũng như người đời nay ngậm tan một vật ngon, nhưng do không diễn tả bằng căn ngữ,8 tuy tiếp nhận và giữ gìn nhưng không biết được ý nghĩa. Sự quán sát về ý nghĩa này cũng giống như vậy. Này Bà-tư-tra, sau khi vị của đất biến mất thì thế giới của chúng sanh đó sanh ra một loại chát béo của đát9 có đủ săc, hương và vị. Sác đó như thê nào? Như sắc của sinh tô và thục tô. Vị ấy như the nào? Như vị của mật ong. Chúng sanh kia ăn chát béo của đát mà tôn tại trong một thời gian lâu dài. [0675a0l] Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào ăn nhiều chất béo của đất thì săc da trở nên thô xâu, nêu ăn ít thì có săc da đẹp đẽ. Từ đó có sự phân biệt hơn kém ve màu da, do màu da hơn kém cho nên các chúng sanh có lời khinh chê lẫn nhau: "Sắc da của ta đẹp hơn, sắc da của ông không bang.,, Do màu da hơn kém mà sanh ra sự khinh chê và các điều xấu ác cho nên chất béo của đất liền tiêu mất. Khi chất béo của đất tiêu mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói: "Chất béo của đất đâu rồi? Chất béo của đất đâu roi?" Cũng như người đời nay bi người khác trách mắng, do không diễn tả bằng căn ngữ nên tuy tiếp nhận và giữ gìn nhưng không biết được ý nghĩa. Sự quán sát về ý nghĩa này cũng giống như vậy. Này Bà-tư-tra, sau khi chất béo của đất tiêu mất thì thế giới của chúng sanh đó sanh ra một loại bà-la10 có đầy đủ sắc, hương và vi. sắc đó như thế nào? Như sác hoa đàm. Vi ây như thê nào? Như vị mật ong tinh chát. Chúng sanh kia ăn bà-la này mà tồn tại ở thế gian trong thời gian lâu dài.

8 Nguyên tác: Bổn tự (^^). Sa-m0n Nhất Hạnh (683-727) trong tác phẩm Đại Tỳ-lô-giả-na thành Phật kỉnh sớ (r.39. 1796.17. 0754c2) đã giải thích: Tiếng Phạn có hai âm. Thứ nhát gọi là A-sát-la (,Aksharas), tức là chữ căn bản. Thứ 2 là Lý-tỳ-bỉ, là chữ bổ nghĩa. Căn bản tức là bổn tự.(....
). 9 Nguyên tác: Địa phì ().D. 27: Bhūmipappataka (một loại nấm đất). Ba-la B) phiên âm từ chữ badālatā, chỉ cho môt loại dayleo. Theo Chủng hứa Ma-ha-đế kinh (T.03. 0191.1. 0933bl7) gọi là Tâm dang"(),một loạithực vật có hình sắc rất đẹp và mùi vị ngọt ngào, tuyệt hảo như thức ăn của cõi trời ().

154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG 1015

Này Bà-tư-tra9 nêu chúng sanh nào ăn bà-la nhiêu thì sác da trở nên thô xâu, nêu ăn ít thì có sác da đẹp đẽ. Từ đó có sự phân biệt hơn kém vê màu da. Do sắc có hơn kém cho nên chúng sanh đó khinh chê nhau rang: "Sắc của ta đẹp hơn, sắc của ông không bằng." Do sắc có hơn kém mà sanh ra sự khinh chê và các điều xấu ác, cho nên bà-la liền tiêu mất. Khi bà-la đã tiêu mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói: "Bàla đâu rồi? Bà-la đâu r6i?" Cũng như người đời nay khi va chạm nhiều đau khổ, do không diễn tả bằng căn ngữ nên tuy tiếp nhận và giữ gìn nhưng không biết được ý nghĩa. Sự quán sát về nghĩa lý này cũng giống như vậy. Này

Bà-tư-tra? sau khi bà-la diệt mất thì thế giới của chúng sanh đó sanh ra một lúa loại gạo tự nhiên trắng sạch,11 không có vỏ cũng không có cám, hạt dài r r r -É • x bôn tác, sáng sớm thu hoạch thì xê chiêu lại sanh, xê chiêu thu hoạch thì sớm mai lại sanh, lúa chín có vi mặn, không có mùi sống, chúng sanh ăn loại gạo tự nhiên này. Sau khi họ ăn loại gạo tự nhiên này, tức thì sanh ra sự khác nhau ve thân hình. Hoặc có chúng sanh trở thành thân nam, hoặc có chúng sanh trở thành thân nữ. Sau khi các chúng sanh này trở thành thân nam và thân nữ, họ thấy nhau liền nói: "Chúng sanh xấu ác ra đời! Chúng sanh xấu ác ra dòi!" Này Bà-tư-tra, "chúng sanh xâu ác ra d&i", đó là nói vê người nữ. Khi chúng sanh kia đã trở thành thân nam và thân nữ thì họ nhìn ngắm nhau; nhìn ngắm nhau rồi thì nhìn kỹ nhau bằng mắt; nhìn kỹ nhau bằng mắt rồi thì họ lại đam nhiễm nhau; đam nhiễm nhau roi, liền có bứt rứt; có bứt rứt roi thì họ luyến ái nhau; luyến ái nhau rồi thì họ hành dục. Nếu bắt gặp họ hành dục, người ta liền dùng cây, đá? gậy hoặc đất cục mà đánh, mà ném rồi mắng: "Chúng sanh xâu xa làm việc phi pháp! Tại sao chúng sanh cùng nhau làm điêu như vãy?^ Cũng như người thời nay khi rước vợ mới, người ta rải hoa, hay rải xuống những tràng hoa và nói như vầy: "Chúc cô dâu bình an! Chúc cô dâu bình an!” Đó là việc mà xưa kia thì người ta ghét bỏ, còn ngày nay thì người ta yêu thích. Này Bà-tư-tra, cũng có chúng sanh ghét điều bất tinh, nhơm gớm, nhục nhã, biết hổ5 biết thẹn, liền rời bỏ đám đông từ một ngày, hai ngày,... (cho đen) sáu bảy ngày, nửa tháng, một tháng... roi cho đên một năm. Này Bà-tư-tra, nếu có chúng sanh muốn làm việc bất tịnh này thì người ây liên làm nhà và nói: "Ta làm điêu xâu ở trong này! Ta làm điêu xâu ở trong này!” Này Bà-tư-tra5 đó là nhân duyên đầu tiên trong thế gian có pháp dựng nhà, đây là người có trí kỳ cựu bậc nhất, làm đúng pháp, chứ chẳng phải làm không đúng pháp. Đúng như pháp là điều tôn quý giữa loài người. [0675Ồ13] Trong đó có chúng sanh lười biếng nên nghĩ: "Tại sao đến bữa ăn ta mới đi lấy gạo tự nhiên? Sao ta không lấy cho đủ ăn một ngày?” Người ấy liền lấy gạo đủ ăn cho một ngày. Khi ấy, có một chúng sanh khác bảo người ấy rằng:

11 Nguyên tác: Tự nhiên canh mễ ().D. 27: Akatthapāko sāli (một loại gạo ngon tự nhiên, không can phải nau).

"Này ông, cùng đi lấy gạo với tôi kh6ng?" Vi ấy trả lời: "Tôi đã lấy đủ rồi. Ông hãy đi lấy một mình.,, Chúng sanh kia nghe rồi, liền nghĩ: "Người kia thật là khôn, thật là lanh! Ta cũng nên lấy gạo đủ ăn cho ngày mai chng?" Người này liền lấy gạo cho ngày mai. Lại có một chúng sanh khác nói với người này răng: “Này chúng sanh kia! Ông đi lấy gạo với tôi khong?95 Người này đáp: "Tôi đã lấy gạo cho ngày mai rồi, ông hãy đi một minh." Chúng sanh ấy nghe rồi, liền nghĩ: "Người kia thật là khôn, thật là lanh! Bây giờ, ta nên lấy gạo đủ ăn trong bảy ngày chăng?” Rồi người này liền lấy gạo đủ ăn trong bảy ngày. Khi chúng sanh này lấy gạo tự nhiên để tích chứa nhiều thì số gạo được cất chứa ấy sanh ra vỏ trấu và cám, thu hoạch để dành cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ trấu và cám. Thu hoạch đến đâu thì chỗ ấy lúa gạo không còn mọc nữa. Bây giờ, các chúng sanh liên cùng nhau nhóm họp, than khóc thông thiêt roi nói: "Chúng ta đã làm phát

sanh pháp xấu ác, bất thiện, do vì chúng ta cất chứa gạo để lâu. Vì sao như vậy? Bởi lẽ, chúng ta vốn có sắc tướng đẹp đẽ, do ý hóa sanh; tất cả tay chân và các căn đều đầy dử, dùng hỷ làm thức ăn, tự thân phát sáng, bay giữa hư không, song mãi với tịnh sắc. Chúng ta đã làm phát sanh ra vị của đát có đày đủ săc, hương và vị. sắc của đất thế nào? sắc của đất như sắc của sinh tô, thục tô. Vị của đất thế nào? Vị của đất như vị mật ong. Chúng ta ăn vị của đất và tồn tại một thời gian lâu dài. Chúng ta nếu ăn nhiều vị của đất thì sắc da trở nên thô xấu, nếu ăn ít thì có sắc da đẹp đẽ? từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu da. Do màu da hơn kém mà chúng ta đã nói lời khinh chê lẫn nhau: 'Sắc của ta đẹp hơn, sắc của ông không bằng.9 Do sắc có hơn kém mà sanh ra khinh chê và các điều xấu ác, cho nên vị của đất liền mất. Sau khi vị của đất tiêu mất thì chất béo của đất được sanh ra cho chúng ta với đây đủ săc5 hương và vị. Sác của chát béo thê nào? Săc của chát béo như săc của sinh tô, thục tô. Vị của chất béo thế nào? Vị của chất béo như vị mật ong. Chúng ta ăn chất béo của đất mà tồn tại lâu dài ở thế gian. Người nào ăn chát béo của đất nhiều thì sắc da trở nên thô xấu, nguồi ăn ít thì có sắc da đẹp đẽ5 từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Vì sắc có hơn kém, cho nên chúng ta đã nói lời khinh chê lẫn nhau: 'Sắc ta đẹp hơn, sắc ngươi không bằng/ Vì sắc hơn kém mà sanh ra tâm khinh chê và các điều xấu ác, cho nên chất béo của đất liền tiêu mất. Sau khi chất béo của đất tiêu mất thì có loại bà-la sanh ra cho chủng ta với đầy đủ sắc, hương và vi. sắc của bà-la thế nào? sắc của bà-la như hoa ưu-đàm. Vị của bà-la the nào? Vị như vị của mật ong tinh chất. Chúng ta ăn bà-la mà tồn tại lâu dài ở thế gian. Người nào ăn bà-la nhiều thì sắc da trở nên thô xấu,

n^ười ăn bà-la ít thì có sắc da đẹp đẽ. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Do sắc có hơn kém cho nên chúng ta lại nói lời khinh chê lẫn nhau: 'Sắc ta đẹp hơn, sắc ngươi không bằng/ Do sắc hơn kém mà sanh ra tâm khinh chê và các điều xấu ác, cho nên bà-la liền tiêu mất. Sau khi bà-la tiêu mất thì có loại gạo tự nhiên được sanh ra cho chúng ta, không vỏ trau cũng không cám, hạt dài bốn tấc, sáng thu hoạch thì chiều sanh, chiêu thu hoạch thì sáng sanh, lúa chín có vị mặn, không có mùi sốnệ. Chúng ta ăn lúa gạo tự nhiên này. Khi chúng ta tích chứa lúa gạo tự nhiên nhiêu thì lúa được cất liền sanh ra vỏ trấu và cám, thu hoạch để dành cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ trau và cám, thu hoạch đen đâu thì lúa gạo chỗ đó không còn mọc trở lại nữa. Vậy chúng ta phải làm ruộng và cắm mốc u?" [0675c29] Rồi các chúng sanh ấy làm ruộng và cắm mốc. Khi đó có một chúng sanh đã có lúa của mình lại còn vào ruộng người khác mà lấy trộm lúa. Người chủ ruộng kia thấy vậy liền nói: "Này chúng sanh xấu ác kia, vì sao ngươi làm như vậy? Ngươi đã có lúa rồi mà sao lại còn vào ruộng của người khác trộm lúa. Ngươi hãy đi đi, về sau đừng làm như vậy rrữa!" Tuy nhiên, chúng sanh kia vẫn đi lấy trộm lúa của người khác hai, ba lần nữa. Người chủ ruộng cũng bắt gặp đến hai, ba lần, liền dùng tay đánh chúng sanh kia, kéo đến chỗ đông người rồi nói với mọi người: "Chúng sanh này đã có lúa của mình mà lại còn vào ruộng của tôi trộm cắp hia." Chúng sanh kia cũng nói với mọi người: "Chúng sanh này đã dùng tay đánh tôi, còn kéo tôi đến chỗ đông nguôi." [0676a08] Khi ấy, các chúng sanh kia cùng nhau nhóm họp5 khóc lóc não nề và nói: “Chúng ta đã sanh pháp xấu ác, bất thiện, gọi đó là giữ ruộng. Vì sao

như vậy? Vì canh giữ ruộng cho nên mới tranh cãi nhau, có mất mát, có cạn kiệt, có nói lý lẽ với nhau, có đánh nhau bằng nắm tay. Trong số đông này, chúng ta hãy cử ra một người có dung mạo đoan chánh, đẹp đẽ bậc nhất để lập làm điền chủ.12 Nếu người nào đáng quở trách thì để ông ấy quở trách, nếu người nào đáng đuổi thì để ông ấy đuổi đi. Còn lúa của chúng ta sau khi thu được thì nên đúng như pháp trích một phần hiến tặng cho13 ông ấy. Bấy giờ, trong số chúng sanh kia có một người dung mạo đoan chánh, đẹp đẽ bậc nhất, họ liền cử ra rồi lập làm điền chủ. Nếu có ai đáng quở trách thì ông ấy quở trách, nếu có ai đáng đuổi thì ông ấy đuổi đi. Nêu có lúa thì họ đúng như pháp trích một phần hiến cho điền chủ. Vi điền chủ này được gọi là Sát-lợi,14 là người khiến cho chúng sanh được an lạc đúng pháp, là người bảo hộ và thực

12 Điền chủ ,khettasamikà. 13 Nguyên tác: Thâu có nghĩa là quyên góp, hiến tặng ,nghĩa ở đây là nộp một phần. 14 Sat-lợi ,KYZ.

hành pháp luật15 và cũng là người lãnh đạo. Người lãnh đạo này được gọi là vua16 vậy. Này Bà-tư-tra? đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Sát-lợi trong thế gian, là người có trí bậc nhất và kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không đúng như pháp. Đúng như pháp là pháp tôn quý giữa loài người. Khi ấy, có chúng sanh cho rằng sự thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, liền từ bỏ sự thủ hộ? nương nơi thanh vắng, làm nhà lá để ở và học thiền. Người ấy từ nơi thanh vắng, mỗi buổi sáng vào thôn ấp hay vương thành mà khất thực, số đông chúng sanh kia thấy vậy liền bố thí, cung kính, tôn trọng và nói: "Chúng sanh di thường này cho rang thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm nên đã từ bỏ thủ hộ, nương nơi thanh vang, làm nhà lá để ở và học thiền. Các ngài này đã xả bỏ tổn hại và các pháp xấu ác, bất thiện, là bậc Phạm chí.” Do cầu sanh về cõi Phạm nên gọi họ là Phạm chí. [0676001] Chúng sanh kia học thiên mà không đạt được thiên, học khô hạnh mà không có được kho hạnh, học viễn ly mà không the viễn ly, học nhất tâm mà không được nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn5 liền bỏ nơi thanh vắng, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Các chúng sanh kia thấy vậy nên không bố thí nữa, cũng không cung kính, tôn trọng nữa và nói: "Chúng sanh khác thường này trước kia xem thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, liền từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi thanh vắng, làm nhà lá để ở và học thiền, nhưng không thể đạt được thiền, học khổ hạnh mà không có được kho hạnh, học viễn ly mà không the viễn ly, học nhất tâm mà không được nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn, liền bỏ nơi thanh vắng, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Các ngài này đều trở lại sự học bác văn chứ không học thiền nữa nên gọi là hàng bác vn." Vì nghe hiểu uyên bác cho nên gọi là bác văn. Này Bà-tư-tra, đó là nhân duyên đầu tiên của dòng dối Phạm chí trong thế gian, là người có trí đệ nhất và kỳ cựu, đúng như pháp chứ chẳng phải không đúng như pháp. Đúng như pháp là pháp tôn quý giữa loài người. Bây giờ, các chúng sanh khác đên các phương đê làm ruộng. Người thì đi về phương này, người thì đi về phương kia. Đây gọi là dòng Phệ-xá. Này Bà- tư-tra, đó là nhân duyên đầu tiên có dòng dõi Phệ-xá trong đời, là người có trí bậc nhất và kỳ cựu, như pháp chứ chẳng

phải không như pháp. Đúng như pháp là pháp tôn quý giữa loài người. Này Bà-tư-tra? khi thế gian xuất hiện đủ ba chủng tánh này rồi thì liền biết có dòng dõi thứ tư là Sa-môn. Vì sao trong thế gian có ba chủng tánh này rồi liền biết có dòng dõi thứ tư là Sa-môn? Vì trong dòng tộc Sát-lợi có những người thiện nam hay tự quở trách mình, chán ghét pháp xấu ác, bất thiện. Do

15 Nguyên tác: Thủ hộ hành giới . 16 Nguyên tác: Vương Rājā.

chán ghét pháp xấu ác, bất thiện nên vị ấy cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo và suy nghĩ: "Ta nên làm Sa-môn? tu theo Phạm hạnh." Vi ấy liền trở thành Sa- môn và tu theo Phạm hạnh. Trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá cũng vậy, cũng có những người thiện nam tư quở trách mình, chán ghét pháp bất thiện. Do chán ghét pháp xấu ác, bất thiện nên các vị ấy cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo và cũng nghĩ: "Ta nên làm Sa-môn5 tu theo Phạm hạnh,\ rồi liền trở thành Sa-môn và tu theo Phạm hạnh. Như vậy, này Bà-tư-tra? trong thế gian xuất hiện đủ ba chủng tánh như thế rồi, liền biết có dòng dõi thứ tư là Sa-môn. [0676c01] Này Bà-tư-tra? nay Ta giảng nói rõ về ba chủng tánh này. Giảng nói rõ về ba chủng tánh này thế nào? Nếu một người thiện nam thuộc chủng tộc Sát-lợi mà thân làm điều bất thiện, miệng nói lời bất thiện và ý nghĩ pháp bất thiện thì sau khi qua đời, người đó nhất định phải thọ kho. Người thiện nam dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá thì cũng như vậy, nếu thân làm điều bất thiện, miệng nói lời bất thiện và ý nghĩ pháp bất thiện thì sau khi qua đời cũng nhất định phải thọ khổ. Này Bà-tư-tra, người thiện nam thuộc dòng tộc Sát-lợi mà thân làm điều thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ pháp thiện thì sau khi qua đời, người đó nhất định sẽ thọ lạc. Người thiện nam dòng tộc Phạm chí và dòng tộc Phệ-xá thì cũng như vậy, nếu thân làm điều thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ pháp thiện thì sau khi qua đời cũng nhất định sẽ thọ lạc. Này Bà-tư-tra, người thiện nam thuộc dòng tộc Sát-lợi, thân làm cả việc lành lẫn việc ác17 và bảo vệ cho hành động đó? miệng nói cả lời thiện lành lẫn lời ác và ý nghĩ cả điều lành lẫn điều ác và bảo vệ cho hành động đó thì sau khi qua đời sẽ thọ kho và lạc. Này Bà-tư-tra, người thiện nam thuộc dòng tộc Phạm chí hay Phệ-xá cũng như vậy, thân làm cả việc lành lẫn việc ác và bảo vệ cho hanh đọng đo, miêng noi ca lơi thiên lanh lan lơi ác va y nghĩ ca điêu lanh lan điều ác và bảo vệ cho hành động đó thì sau khi qua đời cũng sẽ thọ kho và lạc. Này Bà-tư-tra, người thiện nam dòng tộc Sát-lợi tu pháp bảy giác chi, khéo tư duy và quán sát5 biết như vậy? thấy như vậy, tâm thoát khỏi tất cả dục lậu, hữu lậu và vo minh lậu; giải thoát rồi liền biết đã giải thoát và biết như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Người thiện nam dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá cũng như vậy, khi tu pháp bảy giác chi, khéo tư duy và quán sát, biết như vậy, thay như vậy nên tâm thoát khỏi tất cả dục lậu, hữu lậu và vo minh lậu, giải thoát rồi liền biết đã giải thoát và biết như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.”

17 Nguyên tác: Nhị hạnh ().D. 27: Dvayakārī (2 loại hành động chỉ cho 2 việc thiện và ác).

Như vậy, này Bà-tư-tra, Ta đã giảng nói tường tận về ba chủng tánh này. Vua của cõi trời Phạm thiên có nói bài kệ vê việc này: Với ai tin chủng tánh, Hai chân, Sát-lợi hơn, Ai cau Minh và Hạnh, Được cả trời, người tôn. Này Bà-tư-tra, vua của cõi trời Phạm thiên khéo nói bài kệ này chứ không phải không khéo, khéo ca ngợi và phúng tụng chứ không phải không khéo, khéo ngâm vịnh và diễn đạt chứ không phải không khéo, vì đã nói như vầy: Với ai tin chủng tánh, Hai chân, Sát-lợi hơn, Ai cau Minh và Hạnh, Được cả trời, người tôn. Vì sao như vậy? Vì Ta cũng nói như thế: Với ai tin chủng tánh, Hai chân, Sát-lợi hơn, Ai cầu Minh và Hạnh, Được cả trời, người tôn. Đức Phật dạy như vậy, các Tôn giả Bà-tư-tra, Bà-la-bà và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

155. KINH TU-ĐẠT-ĐA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, cư sĩTu-đạt-đa1 2 đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Gia đình của cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng? Cư sĩ Tu-đạt-đa trả lời: -Thưa có, bạch đức Thế Tôn! Gia đình con có bố thí nhưng chỉ bố thí những thức ăn đạm bạc, không được thơm ngon, như cơm lẫn với cám, canh lá gai chỉ có một miếng gừng và một ít rau. Đức Thế Tôn bảo: -Này cư sĩ, dù bố thí thức ăn đạm bạc hay bố thí thức ăn thơm ngon cũng đều có được phước quả. Này cư sĩ, nếu thực hành bố thí với thức ăn đạm bạc nhưng bố thí không có niềm tin, bố thí không cẩn trọng,3 bố thí không tự tay làm, không tự đến để bố thí, bố thí không suy nghĩ, bố thí không dựa trên niềm tin, bố thí không quán nghiệp quả báo45thì nên quán quả báo sẽ như vầy: Tâm không muốn được nhà dẹp, không muốn được xe đẹp? không muốn y phục đẹp, không muốn được thức ăn ngon, không muốn được năm loại dục tốt. Vì sao như vậy? Vì không hết lòng thực hành bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, người bố thí sẽ nhận được quả báo đúng như the. Này cư sĩ, nếu thực hành bố thí với thức ăn đạm bạc nhung bố thí với niềm tin, bố thí với tâm cẩn trọng, bố thí tự tay mình làm, tự mình đến để bố thí, bố

1 Nguyên tác: Tu-đạt-đa (T.Ol. 0026J55. 0677a08). Tham chiếu: Tam quy ngũ giới từ tâm yêm ly công đức kinh (pi. 0072. 0878c07); Tu-đạt kinh (roi. 0073. 0879a08); Trưởng giả thỉ bảo kinh (roi. 0074. 0880a09); Tăng.(r02. 0125.27.3. 0644b19);9.20-IV. 392. 2 Tu-đạt-đa (Sudatta), tên riêng của cư sĩ cấp Cô Độc. Tăng.(T.02. 0125.27.3. 0644b20) phiên ẩm là A-na-bân-để (,Anāthapindika). 3 Nguyên tác: Bất cố thí ().cố ()Sự chú tâm ().Tác phẩm Mahābuddhavamsa gọi là asakkacca dāna (bố thí không chu đáo). 4 A. 5.147 - III. 171 nêu ra 5 loại bố thí: Sakkaccam deti, cittīkatvā deti, sahatthā deti, anapaviddharh deti, āgamanaditthiko deti (bố thí có cung kính, bố thí có suy nghĩ, bố thí tự tay mình, bố thí đồ không quăng bỏ, bố thí có nghĩ đến tương lai), HT. Thích Minh Châu dịch; vả A. 5.148 - III. 172 cũng nêu ra 5 loại bố thí, gồm: Saddhāya dānarh deti, sakkaccarh dānam deti, kālena dānarn deti, anuggahitacitto dānam deti, attānañca parañca anupahacca dānam deti

(bô thí có lòng tin, bô thí có kính ương, bô thí đúng thời, bố thí VỚI tâm không gượng ép, bố thí không làm thương ton mình và người), HT. Thích Minh Châu dịch.

thí CÓ suy nghĩ, bố thí dựa trên niềm tin, bố thí có sự quán nghiệp quả báo thì nên quán quả báo sẽ như vầy: Tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn được y phục đẹp, muốn được thức ăn ngon, muốn được năm loại dục tốt. Vì sao như vậy? Vì hết lòng thực hành bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, người bố thí sẽ nhận được phước quả đúng như thế. Này cư sĩ, nếu thực hành bố thí với thức ăn thơm ngon nhưng bố thí không co niềm tin, bố thí không cẩn trọng, bố thí không tự tay làm, không tự đến để bố thí, bố thí không suy nghĩ, bố thí không dựa trên niềm tin, bố thí không quán nghiệp quả báo thì nên quán quả báo sẽ như vầy: Tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn y phục đẹp, không muốn được thức ăn ngon, không muốn được năm loại dục tốt. Vì sao như vậy? Vì không hết lòng thực hành bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, người bố thí sẽ nhận được quả báo đúng như thế. Này cư sĩ, nếu thực hành bố thí với thức ăn thơm ngon và bố thí với niềm tin, bố thí với tâm cẩn trọng, bố thí tư tay mình làm, tự mình đến để bố thí, bố thí có suy nghĩ, bố thí dựa trên niềm tin, bố thí có sự quán nghiệp quả báo thì nên quán quả báo sẽ như vầy: Tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muôn được y phục đẹp, muôn được thức ăn ngon, muôn được năm loại dục tót. Vì sao như vậy? Vì hết lòng thực hành bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, người bô thí sẽ nhận được phước quả đúng như thê. [0677b08] Này cư sĩ, thuở xưa có đại trưởng giả Phạm chí tên là Tùy-lam5 rất giàu có, của cải vô lượng, phong hộ thực ấp rất nhiều, châu báu, sản nghiệp vật nuôi không thể tính kể. Vi ấy bố thí nhiều cũng giống như thế. Ông ta bố thí tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy vàng vụn, tám vạn bôn ngàn bát băng bạc đựng đây bạc vụn, tám vạn bôn ngàn thớt voi được trang sức bằng các chuỗi anh lạc trắng phủ lên trên, tám vạn bốn ngàn con ngựa được trang sức bởi những chuôi anh lạc trăng và vàng bạc két hợp với phi-na,56 tám vạn bốn ngàn con bò được khoác áo làm bằng dây thừng, mỗi con đêu có thê cho ra một hộc sữa, tám vạn bôn ngàn thiêu nữ dung nhan xinh đẹp ai cũng thích nhìn, được trang sức đầy đủ các loại châu báu, ngoài ra còn bố thí các loại đồ ăn? thức uống khác nữa. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn như vậy, nhưng nếu lại có người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, so với sự bố thí lớn lao kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn như vậy và người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù như vậy, nhưng nếu lại có người bố

5 Tùy-lam ,Velāma. 6 Phi-na.Tam quy ngũ giới từ tâm yểm ly công đức kinh roi. 0072. 0878cl7 gọi là "An lặc"tức là bộ yên cương và dám ngựa.

thí thức ăn cho một vị Tu-đà-hoàn, so với những sự bố thí kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức

ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn như vậy5 nhưng nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tư-đà- hàm, so với những sự bố thí kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cối Diêm-phù? bố thí thức ăn cho một trăm vi Tu-đà-hoàn hay cho một trăm vị Tư-đà-hàm đi nữa, nhimg nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-na-hàm, so với những sự bố thí kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù? bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm hay một trăm vị A-na-hàm như thế, nhưng nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-la-hán, so với những sự bố thí kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. [0677c06] Này cư si, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù? bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm hay một trăm vị A-la-hán đi nữa, nhưng nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vi Độc giác/ so với những sự bố thí kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-dà-hoàn, một trăm vi Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la- hán, một trăm vi Độc giác đi nữa, nhưng nêu lại có người bô thí thức ăn cho một đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, so với những sự bố thí kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vi Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-dà-hàm, một trăm vị A-na-hàm5 một trăm vị A-la- hán, một trăm vi Độc giác như thê, nhimg nêu có người tạo phòng nhà mà bô thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, so với những sự bố thí kia thì sự bố thí này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù? bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu- đà-hoàn5 một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vi Độc giác, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương như thế, nhưng nếu có người với tâm hoan hỷ quy y ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp*

7 Nguyên tác: Bích-chi Phật ,Paccekā Buddha.

và chúng Tỳ-kheo9 lại còn thọ giới, so với những sự bố thí kia thì việc làm này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu- dà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vi A-la-hán, một trăm vị Độc giác, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bon phương, với tâm hoan hỷ quy y ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, lại còn thọ giới, nhưng nếu lại có người chỉ trong khoảnh khắc bằng một lần vắt sữa bò8 mà thực hành tâm từ đối với tất cả chúng sanh, so với những sự bố thí kia thì việc làm này tối thắng hơn. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam thực hành bố thí lớn lao và những người bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu- dà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một

trăm vi A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Độc giác, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, với tâm hoan hỷ quy y ba ngôi tôn quý là Phật, pháp và chúng Tỳ-kheo, lại còn thọ giới, lại thực hành tâm từ đối với tất cả chúng sanh dù chỉ trong khoảnh khắc của một lần vắt sữa bò9 nhưng nếu lại có người xét thấy tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, so với những sự bố thí kia thì việc làm này tối thắng hơn. [0678a05] . Này -r trưởng giả Tùy-lam thuở cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Phạm chí đại 9 r \

xưa là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao như thê? Nên biêt răng, vi đó chính là Ta. Thuở xưa, Ta là Phạm chí đại trưởng giả tên là Tùy-lam. Này cư sĩ5 thuở ây Ta vì lợi ích của mình, cũng vì lợi ích cho người, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian mà mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn hân hoan cho trời và người, nhưng bấy giờ Ta thuyết pháp chưa được rốt ráo, chưa rốt ráo thanh tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh, nên bấy giờ Ta chưa lìa được sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này cư sĩ, nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, The Tôn. Nay Ta vì lợi của mình và cũng vì lợi ích cho người, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian mà mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn hân hoan cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đạt đến chỗ rốt ráo, rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu rốt ráo Phạm hạnh. Nay Ta đã lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não. Nay Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, cư sĩ Tu-đạt-đa và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8 Nguyên tác: cấu ngưu khoảnh ;SĀ. 1253 ghi: cấu ngưu nhủ khoảnh ;A.
9.20 - IV. 392: Gadduhanamattarn thời gian ngắn như một lần vắt sữa bò.

156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, có số đông Phạm chí nước Câu-sa-la đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên và thưa:

Thưa Cù-đàm! Chúng tôi có điều muốn hỏi, Ngài có cho phép chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

r

-Các ông muôn hỏi gì thì cứ tùy ý. Lúc đó, các Phạm chí liền hỏi: Thưa Cù-đàm! Hiện nay các Phạm chí có còn học pháp Phạm chí thuở xưa hay là đã bỏ qua pháp đó roi? [0678b01] Đức Thế Tôn đáp: Hiện nay không còn Phạm chí nào học pháp Phạm chí thuở xưa. Các Phạm chí đã bỏ qua pháp đó từ lâu rồi. Các Phạm chí lại hỏi: -Thưa Cù-đàm! Tại sao hiện nay không còn Phạm chí học pháp Phạm chí thuở xưa? Các Phạm chí đã bỏ qua pháp đó từ bao giờ? Bấy giờ5 đức Thế Tôn dùng kệ trả lời: Xưa có pháp Phạm chí, Sống tự chế, khổ hạnh,12 Bỏ hưởng thụ năm dục, Tu Phạm hạnh thanh tinh. Phạm hạnh và giới hạnh, Dan đến tâm nhu hòa, Tâm rộng lượng, vô hại, Nhẫn nhục, giữ tâm mình. Thuở xưa có pháp ấy, Phạm chí chẳng giữ gìn, Đã không giữ gìn pháp,

Còn sở hữu tiền tài. Tụng tập là tài sản, Phạm chí giữ kho này: Ao nhiều màu đủ loại, Cùng nhà cửa sàng tòa. Chốn giàu sang, các nước, Học Phạm chí như vầy: Chớ hại Phạm chí này, Vì họ giữ các pháp. Đi đến cửa nhà người, Không ai ngăn cản họ, Pháp khất thực cư gia, Nhận ăn theo từng bữa.

1 Nguyên tác: Phạm Ba-la-diên kỉnh (roi. 0026.156. 0678a23). Tham chiếu: Sn. 50.
2 Nguyên tác: Nhiệt hành ().Pali: Tāpasa (người sống theo khổ hạnh).

1026 KINH TRUNG A-HÀM

Phạm chí khi tại gia, Thấy khất thực, bố thí, Đen tuổi bốn tám tròn, Liền tu hạnh thanh tinh. Cầu chứng Minh và Hạnh, Là hạnh Phạm chí xưa, Họ không trộm của cải, Cũng chẳng lo sợ gì. Thương mến đùm bọc nhau, Cùng sống chung hòa hợp, Không tạo điều phiền não, Chẳng theo pháp oán, dâm. Có những bậc Phạm chí, Không hay làm như vậy, Nếu có hạnh bậc nhất, Phạm chí quyết mong cầu. Các việc dâm dục kia, Không làm dù trong mộng, Nhân hạnh trong sạch đó, Mà xưng "Ta là Phạm." Biết họ có hạnh ấy, Bậc trí sẽ nghe danh, Giường thưa, y áo mỏng, Cơm, sữa cốt sinh ton. Khất cầu đều như pháp, Hành bố thí, lập đàn,3 Khi tế đàn, không xin, Cúng tai vật tự có. Lúc lập đàn bố thí, Người ấy không giết bò, Xem bò như anh em, Cha mẹ, người thân khác. Người, bò quý như nhau, Do đây sanh khoái lạc, Ăn uống cốt khỏe thân, Nhờ vậy mà yên ổn. Biết được nghĩa lý này, Không ưa giết hại bò, Thân cao to mem mại, Thần sắc đáng ngợi khen. Ân cần tự cầu lợi, Thuở xưa Phạm chí hành, Phạm chí vì lợi mình, Biết nên làm, phải tránh. Cõi này, trong tương lai, Người ấy tất giải thoát, Nhưng ngày tháng trôi qua, Tâm họ hướng nơi khác. Đêm đen thường rong chơi, Với người nữ chưng diện, Đàn bò quây trước mặt, Vợ đẹp luôn cận kề. Dục nhân gian vi diệu, Phạm chí thường ước mong, Ngựa xe trang bị đủ, Tài nghệ giỏi vá may. Hôn nhân và nhà cửa, Phạm chí thường ước mong, Họ tạo triền phược ấy, Chúng tôi từ đó ra. Đại vương lập te đàn, Mong đừng mất tài lợi, Tài vật lúa gạo nhiều Lại có thêm tiền của. Vua cũng chỉ bằng đây, Phạm chí cùng xe cộ, Te voi và tế ngựa, Te ngựa được suốt thông.4 Tụ tập làm tế thí, Tài vật cúng Phạm chí, Họ từ đó được lợi, Càng mê đam tài vật.

3 Nguyên tác: Trai ()chỉ cho hoạt động cúng tế, tế tự. Pali: Yañña Tham chiếu: Sn. 190: Tato jātena āyena, mahāyaññamakappayī (Với tài san thâu thập, tọ chức tế đàn lớn), HT. Thích Minh Châu dịch; (Với thu nhập phát sinh từ nơi ấy, vị Bà-la-môn đã sắp đặt một cuộc tế lễ vĩ đại), Tỳ-khưu Indacanda dịch. 4 Nguyên tác: Mã trai ()Dùng ngựa để tế tự theo truyền thống. Trong Rig Veda (1.162-163) gọi là Aśvarnedha theo ngôn ngữ Sanskrit, trong Pali gọi là Assamedha.

156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN 1027

Vì khơi dậy lòng dục, ỉ Nên ái càng lớn thêm, Giông như ao nước rộng, Chứa vô lượng tiền tài. Cũng vậy, người có bò, Các vật dụng sinh sống, Tự tạo trói buộc ấy, Chúng tôi từ đó ra. _ z v Đại vương lập tê đàn, Mong đừng mất tài lợi, Tài vật lúa gạo nhiều, Ong có thêm nhiều bò. Vua cũng chỉ băng đây, Phạm chí cùng xe cộ, Bò vô lượng trăm ngàn, Vì tế tự mà giết. Bò heo thời xưa kia, Đầu, sừng không phiền nhiễu, Lại giữ chặt sừng bò, Dùng dao bén giết hại. La-sát tên là Hương, Gọi bò và gọi cha, Hắn kêu gào phi

pháp, Rồi dùng dao đâm bò. Te tự theo cách ấy, Vượt qua pháp tổ tiên, Không việc gì phải giết, Nên bỏ pháp suy này. Thời xưa có ba bệnh, Dục vọng, đói và già, Do thù nghịch với bò, Khởi chín mươi tám bệnh. Như vậy là oán thù? Bậc trí vốn rất ghét, Nêu ai cũng thay vậy, Thì đâu có oán thù. Đời này làm như thê, Hạ tiện còn ngu si, Vì dục mà ganh ghét, Như vợ phỉ báng chồng. Nữ Sát-lợi, Phạm chí, Và chấp giữ chủng tánh, Vi phạm pháp tiền nhân, Cuốn trôi theo dục vọng. [0679al8] Như vậy, này Phạm chí, hiện tại không còn Phạm chí nào học pháp Phạm chí xưa, các Phạm chí đã bỏ qua pháp Phạm chí xưa từ lâu rồi. Bấy giờ, số đông Phạm chí nước Câu-sa-la thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Chúng con đã rõ. Nay chúng con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin đức Thế Tôn nhận chúng con làm ưu-bà-tắc! Ke từ hôm nay đến lúc qua đời, chúng con nguyện quy y Tam bảo! Đức Phật dạy như vậy, số đông Phạm chí nước Câu-sa-la và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.5

5 Bản Hán, hết quyển 39.

157. KINH VƯỜN CÂY SẦU ĐÂU1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa Tỳ-lan-nhã,12 tru trong vườn cây sầu đâu.3 Bấy giờ, ở Tỳ-lan-nhã có một Phạm chí tuổi tác đã cao, tuổi thọ sắp hết, mạng sống gần tàn, tuổi đã một trăm hai mươi, đi đứng phải chống gậy. Vào lúc xế trưa, Phạm chí ấy chậm rãi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong, ông vịn gậy đứng trước đức Phật và nói: Này Cù-đàm! Toi nghe Sa-môn Cù-đàm tuổi còn rất trẻ, mới xuất gia học đạo, the mà khi có bất kỳ Sa-môn hay Bà-la-môn danh đức nào đích thân đến gặp thì Cù-đàm cũng không đảnh lễ, không kính cẩn, không đứng dậy cũng không mời ngồi. Này Cù-dàm, việc này thật không nên! The Ton đáp: Này Phạm chí! Ta chưa từng thấy bất kỳ chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn hay Phạm chí nào, từ loài người cho đen cối trời tự tìm đen đây rồi khiến Như Lai đảnh lễ, kính cẩn, đứng dậy hay mời ngồi. Này Phạm chí, nếu có ai đến muốn Như Lai đảnh lễ, kính cẩn, đứng dậy hay mời ngồi thì đầu của vi ấy chắc chắn sẽ bị vỡ thành bảy mảnh. Phạm chí nói: -Cù-đàm thật thiếu ý vị.45 À FT^ L 2 The Ton bảo: Này Phạm chí! Cũng có những điêu khiên Ta thiêu ý vị, nhimg không phải như lời ông nói. Nếu có sự hấp dẫn của sắc, của thanh, của hương và sự hấp dẫn của xúc thì những thứ ấy đã bị Như Lai dứt sạch/ đã nhổ tận gốc rễ, không

1 Quyển 40. Nguyên tác: Hoàng Lô viên 9!.00.7. 0679b04 Tham chiếu: Phật vi Hoàng Trúc viên lão Bà-la-môn thuyêt học kỉnh roi. 0075. 0882a20; J. 8.11 -IV. 172. 2 Tỳ-lan-nhã ,Verañjā. 3 Hoàng L6:Lau sậy vàng. Phật vị Hoàng Trúc viên lão Bà-Ịa-môn thuyết học 7 STr.01. 0075. 0882a20 ghi là 4thoàng trúc",tre vàng. Trong khi đó, A. 8.11 - IV. 172 lại ghi: Pucimanda cây xoan, cây sầu đâu, cũng gọi làxcây nimba, cây neem, cây xoan Án Độ, có tên khoa học là Azadirachta Indica. Từ thực te, cây xoan Ẩn Độ có bóng mát rất lớn, mọc thành vườn rừng, có thể sinh sống dưới bóng mát của chúng, thế nên bản dịch sử dụng nghĩa này. 4 Nguyên tác: Cù-đàm vô vị .Tham chiếu: A. 8.11 - IV. 172: Arasarūpo bhavarn Gotama Tôn giả Gotama thật thiêu ý vị, HT. Thích Minh Châu dịch. 5 Nguyên tác: Như Lai đoạn trí ,chỉ cho đấng Như Lai đã thành tựu Phật trí, hoàn

toàn dứt sạch phiền não.

để tái sanh. Đó là những điều khiến Như Lai thiếu ý vị, nhưng không phải như lời ông nói. Phạm chí lại nói: -Cù-đàm không sợ hãi.67 The Ton đáp: -Này Phạm chí! Cũng có những điều khiến Ta không sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói. Nêu có những sợ hãi từ săc9 thanh, hương, vị và những sợ hãi từ xúc thì những thứ ấy Như Lai đã dứt sạch, đã nhổ tận gốc rễ, không để tái sanh. Đó là những điều khiến Ta không sợ hãi, nhưng không phải như lời ông nói. Phạm chí lại nói: -Cù-đàm không nhập thai. Đức Thế Tôn đáp: -Có những điều khiến Ta không nhập thai, nhưng không phải như lời ông nói. Nêu có Sa-môn hay Phạm chí nào đoi với căn duyên nhập thai trong tương lai mà dung trí tuệ vô lậu dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không để tái sanh thì Ta nói rằng vị ấy không nhập thai nữa. Đối với căn duyên nhập thai trong tương lai, Ta đã dứt sạch, đã nhổ tận gốc rễ, không để tái sanh, cho nên Ta không nhập thai. Đó là điều khiến Ta không nhập thai, nhưng không phải như lời ông nói. [0679c02] Này Phạm chí! Ta ở giữa những chúng sanh đến từ vô minh, say đam vô minh, bị vô minh che lấp, bi phủ kín trong lớp vỏ trứng vô minh, nhưng Ta là người đầu tiên quán pháp, nên đối với những chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất. Cũng giông như con gà mái đẻ mười hoặc mười hai trứng, đôi với ô trứng của mình, nó luôn luôn quan tâm, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn bảo bọc. Một thời gian sau, giả sử gà mái lơ là5 nhưng trong ổ đó có gà con dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng chân cào phá vỏ trứng rồi chui ra an ổn thì so với những gà con khác, nó là bậc nhất. Ta cũng như thế, ở giữa những chúng sanh đến từ vô minh, say đắm vô minh, bi vô minh che lấp, bị phủ kín trong vỏ trứng vô minh, nhưng Ta là người đầu tiên quán pháp, nên đoi với những chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất. Này Phạm chí! la ôm cỏ khô đến chỗ cây Bồ-đề/ rải cỏ bên gốc cây rồi trải tọa cụ lên để ngồi kiết-già5 quyết ngồi ngay ngắn cho đến khi dứt sạch lậu hoặc. Ta sẽ không đứng dậy nếu không dứt sạch lậu hoặc. Ta ngồi ngay ngắn rồi, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, trải nghiệm hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Bấy giờ,

6 Nguyên tác: Cù-đàm vô khủng bố.Tham chiếu:roi. 0026.164. 0694b 14: Không chập trước nên không sợ hãi .Xem thêm A. 8.11 - IV. 172: Nibbhogo bhavam Gotamo Tôn giả Gotama thiêu tài sản, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Nguyên tác: Giác thọ .

Ta đạt được tâm tăng thượng thứ nhất, liền được an lạc trong hiện tại? dễ chứ không khó? vui vẻ chẳng lo, an ổn hân hoan, tiến nhập Niết-bàn. Lại nữa, Ta đình chỉ giác quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, trải nghiệm hỷ lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Lúc ấy, Ta đạt được tâm tăng thượng thứ hai, liền được an lạc ngay trong hiện tại, dễ chứ không khó, vui vẻ chẳng lo, an ổn hân hoan, tiến nhập Niết-bàn. Lại nữa, Ta lìa hỷ trú xả? nhất tâm không loạn, thân cảm lạc thọ, sở cầu của bậc Thánh, xả niệm lạc trú, chứng đắc và an trú Thiền thứ ba. Lúc ấy, Ta đạt

được tâm tăng thượng thứ ba, liền được an lạc ngay trong hiện tại, dễ chứ không khó, vui vẻ chẳng lo, an ổn hân hoan, tiến nhập Niết-bàn. Lại nữa, Ta xả khổ lạc, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc và an trú Thiền thứ tư. Lúc ấy, Ta đạt được tâm tăng thượng thứ tư, liền được an lạc ngay trong hiện tại, dễ chứ không khó, vui 9 r • .

Vẻ chăng lo, an ôn hân hoan, tiên nhập Niêt-bàn. Lại nữa, này Phạm chí! Ta đã đạt được định tâm thanh tịnh như thế, không uế, không phiền, nhu hòa, an trụ vững chãi, trụ tâm bất động, thành tựu Túc mạng trí thông. Ta nhớ mình có hành động, có dung mạo như the ở trong vô lượng đời trước; nghĩa là một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành hoại, chúng sanh kia tên đó, xưa kia từng trải qua như the. Ta từng sanh ở đó, có họ như thế, có tên như thế, sinh song như the, ăn uống như thê, cảm nhận khô vui như thê, sông lâu như thê, trú nơi đó lâu như thê, qua đời như thế, chết nơi này sanh nơi kia, chết nơi kia sanh nơi này. Ta sanh tại nơi này, có họ như thế, có tên như thế, sinh sống như thế, ăn uống như thế, cảm nhận khô vui như thê, sông lâu như thê, tru nơi đó lâu như the, qua đời như thế. Bấy giờ là vào khoảng đầu đêm, Ta chứng đắc Minh đạt thứ nhất này. Nhờ từ trước Ta không buông lung, vui trú với hạnh viễn ly, tu hành tinh tấn nên vô trí bị diệt để trí sanh, bóng tối bị tan hoại để ánh sáng sanh, vô minh bị diệt để minh sanh. Đó gọi là thành tựu Minh dạt, chứng được Túc mạng trí. [0680al3] Lại nữa, này Phạm chí! Ta đã đắc định tâm thanh tịnh như thế, không uế, không phiền, nhu hòa, an trụ vững chãi, trụ tâm bất động, chứng được Sanh tử trí thông. Bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, Ta thấy chúng sanh này tùy theo nghiệp đã tạo mà lúc tử lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, tốt hay không tốt? qua lại cõi thiện hay bất thiện, Ta thấy những điều đó đúng như thật: Nếu chúng sanh này mà thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, tạo nghiệp tà kiến thì do nhân duyên này, sau khi qua đời nhất định đi đến cõi xấu ác, đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh này mà thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, tạo nghiệp chánh kiến thì nhờ nhân duyên này, sau khi qua đời nhất định đi đến cõi lành, sanh lên cõi trời. Bấy giờ là vào lúc nửa đêm, Ta chứng đắc Minh đạt thứ hai này. Nhờ từ trước Ta không buông lung, vui trú

với hạnh viễn ly, tu hành tinh tấn nên vô trí bị diệt để trí sanh, bóng tối bi tan hoại để ánh sáng sanh, vô minh bi diệt để minh sanh. Đó gọi là thành tựu Minh đạt, chứng được Sanh tử trí. Lại nữa, này Phạm chí! Ta đã đắc định tâm thanh tịnh như thế, không uế9 không phiền, nhu hòa, an trụ vững chãi, trụ tâm bất động, chứng được Lậu tận trí thông. Ta biết đúng như thật: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân gây ra khổ, đây là sự diệt tận khổ và đây là con đường diệt kho.99 Ta cũng biết đúng như thật: "Đây là lậu hoặc, đây là nguyên nhân sanh khởi lậu hoặc, đây là sự diệt tận lậu hoặc và đây là con đường diệt sạch lậu hoặc.,^ Ta biết như vậy, thấy như vậy, tâm thoát khỏi dục lậu? hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết đã giải thoát và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa."

Bấy giờ là vào khoảng cuối đêm, Ta chứng đắc Minh đạt thứ ba này. Nhờ từ trước không buông lung, vui trú với hạnh viên ly, tu hành tinh tân nên vô trí bị diệt đê trí sanh, bóng tôi bị tan hoại để ánh sáng sanh, vô minh bị diệt để minh sanh. Đó gọi là thành tựu Minh đạt, chứng đắc Lậu tận trí. [0680b07] Lại nữa, này Phạm chí! Nếu có người nào thuyết giảng chân chánh và thuyết pháp không mê mờ, so với tất cả chúng sanh đang sống trên cõi đời này thì vị ấy là tối thắng, vì không bị khổ lạc vây kín. Nên biết rằng, người thuyết giảng chân chánh ấy chính là Ta. Vì sao như vậy? Vì Ta thuyết pháp không mê mờ, là bậc tôi thăng so với tát cả chúng sanh đang sông trên cõi đời này, vì không bị kho lạc vây kín. Bây giờ, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã liên buông gậy xuống, cúi lạy sát chân Phật rồi thưa: The Ton la bạc nhát, The Ton la cao ca, The Ton la toi thượng, The Ton là tối thắng, Thế Tôn là chánh dẳng, Thế Tôn không ai bằng, Thế Tôn thì không mọt ai sanh băng, The Tôn la vô ngại, Thê Tôn la bậc vô ngại! Bạch Thê Tôn! Nay con xin nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

158. KINH ĐẦU-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, Phạm chí Đầu-na thong thả đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong roi ngồi sang một bên. Khi ây, Thê Tôn hỏi: -Này Đầu-na! Nếu có ai hỏi: “Ong là Phạm chí có phải không?5\ ông có dám tự nhận mình là Phạm chí chăng? Phạm chí Đầu-na đáp: Thưa Cù-đàm! Nếu ai xứng đáng được gọi là Phạm chí thì người ấy phải được sanh ra trong một gia đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thống, đời đời không bị pha tạp,2 học rộng hiểu nhiều, thông thuộc bốn bộ Vệ-đà/ am tường năm thể tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cổ sử.1 234 Thưa Cù-đàm! Người xứng đáng được gọi là Phạm chí chính là tôi đây. Vì sao như vậy? Vì tôi được cha mẹ sanh ra trong một gia đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thống, đời đời không bị pha tạp, học rộng hiểu nhiều, thông thuộc bốn bộ Vệ-đà, am tường năm thể tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cổ sử. [0680C03] Thế Tôn bảo: -Này Đầu-na! Nay Ta hỏi ông, hãy trả lời theo sự hiểu biết của mình. Đầu-na! Có những Phạm chí đã qua đời cách đây rất lâu. Họ từng trì tụng kinh điển, truyền bá kinh điển, thực hành theo kinh điển, các vị đó là Dạ-tra,5 Bà- ma, Bà-ma-dề-b,Tỳ>xa-mật-đa-la? Dạ-đà-kiền-ni, ứng-nghi-la-bà5 Bà-tư-tra, Ca-diếp, Bà-la-bà, Bà-hòa. Họ chủ trương có năm hạng Phạm chí: Có Phạm chí ngang hàng Phạm thiên, có Phạm chí ngang hàng chư thiên, có Phạm chí không

1 Nguyên tác: Đầu-na kỉnh roi. 0026.158. 0680b20. Tham chiếu: A. 5.192 - m. 223.
2 Nguyên tác: Sinh sinh vô ác đây nói về dòng dõi huyết thống. Tham chiếu: A. 5.192 - III. 223: Anupakkuttho jātivādena Không bị chê bai về phường diện huyết thông. 3 Nguyên tác: Tứ điển kinh ,tức bốn bộxVệ-đà caturvedà, là Thánh điển căn bản của Bà-la- môn, cũng là tư tưởng chính thống trong xã hội Ấn Độ co đại. 4 Nguyên tác: Nhân, duyên, chánh, văn, hý ngũ cú thuyết . 5 Dạ-tra Aghaka, Bà-ma vamaka, Bà-ma-đề-bà Vāmadeva, Ty-xa-māt- đa-la Vessāmittā, Dadàkiềnni Yamadaggi, ứng-nghi-la-bà ,

Añgīrasa, Bà-tư-tra Vāsettha, Ca-diếp Kassapa, Bà-la-bà Bhāradvāja, Bà4iòa ,Bhagu.

vượt giới hạn, có Phạm chí vượt giới hạn và thứ năm là Phạm chí Chiên-trà-la.6 Này Đầu-na! Trong năm hạng Phạm chí ấy, ông thuộc vào hạng nào? Đầu-na thưa: Thưa Cù-đàm! Ngài chỉ nói tóm lược nghĩa ấy mà không giảng nói tường tận nên tôi không hiểu được. Mong sa-môn Cù-đàm khéo giải thích cho tôi hiểu. The Ton bảo: -Này Đầu-na! Hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ giảng nói tường tận cho ông ve nghĩa đó. Đầu-na thưa: -Xin vâng, thưa Cù-đàm! Đầu-na vâng lời, lắng nghe. Đức Phật bảo: Này Đầu-na! Thế nào là Phạm chí ngang hàng Phạm thiên? Nếu Phạm chí nào được sanh ra trong một gia đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thống, đời đời không bị pha tạp, trải qua bốn mươi tám năm sống đời tuổi trẻ Phạm hạnh,7 ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển. Đã ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển rồi, vị ấy còn khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư một cách đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp. Thế nào là đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp? Đó là Phạm chí không được làm ruộng, không buôn bán, không đọc sách, không làm toán thuật, không xem tướng so, không in khắc, không luyện chữ, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua quan. Vị ấy đúng như pháp mà khất thực, khất thực tài vật cung phụng Tôn sư. Bố thí tài vật rồi, tâm vị ấy tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu an trú, cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới cũng đây kháp tát cả. Cũng như vậy, vị ây khéo tu tập đê tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận ton hại, rộng lớn vô cùng, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Đối với bi và hỷ cũng tu tập như vậy. Vi ấy lại khéo tu tập để tâm tương ưng với xả? không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn vô cùng, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Này Đầu-na! Như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng Phạm thiên.

6 Chiên-ửà-la (Candāla): Giai cấp thấp nhất trong các giai cấp ở Ấn Độ ngày xưa, thấp hơn giai cấp Thủ-đa-la (suddā). 7 Nguyên tác: Đồng tử Phạm hạnh ().Tham chiếu: A. 5.192 - III. 223: Komārabrahmacariyam (thiêu niên Phạm hạnh, tức là vị thiếu niên song ương sạch, không dâm dục). Đây là giai đoạn thứ nhất trong 4 giai đoạn của cuộc đời vị Phạm chí lý tưởng. Việc này, liiạt Manu (III. l) đã có quy định: Phải học tập 3 bộ Vệ-đà dưới sự hướng dẫn của một bậc thầy với thời gian là 36 năm, hoặc phân nửa thời gian đo, hoặc một phần tư, hay cho đến khi thông thuộc hoàn toàn (Sacred Books ofthe East, volume 25. George Buhler, trans, p. 74. Cf: The vow (of studying) the three Vedas under a teacher must be keptfar thirty-six years, orfor half that time, orfor a quarter, or until the (student) has perfectly learnt them).

[0681a01] Này Đầu-na! Thế nào là Phạm chí ngang hàng chư thiên? Phạm chí nào được sanh ra trong một gia đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thống, đời

đời không bị pha tạp, trải qua bốn mươi tám năm sống đời tuổi trẻ Phạm hạnh, ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển. Đã ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển rồi, vị ấy còn khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư một cách đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp. Thế nào là đúng pháp, chăng phải không đúng pháp? Đó là Phạm chí không được làm ruộng, không buôn bán? không đọc sách, không làm toán thuật, không xem tướng số5 không in khắc, không luyện chữ, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm tho, không dùng đao gậy, không phụng sự vua quan. Vị ấy đúng như pháp mà khất thực, khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư. Bố thí tài vật rồi, vi ấy thực hành diệu hạnh của thân, diệu hạnh của miệng và diệu hạnh của ý. Khi thân, miệng và ý đã thiện lành rồi, nhờ nhân duyên đó nên sau khi qua đời, vị ấy chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh lên cõi trời. Này Đầu-na9 như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng chư thiên. Này Đầu-na! Thế nào là Phạm chí không vượt giới hạn? Phạm chí nào được sanh ra trong một gia đình thuần tinh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thống, đời đời không bị pha tạp, trải qua bốn mươi tám năm sống đời tuổi trẻ Phạm hạnh, ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển. Đã ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển rồi, vi ấy còn khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư một cách đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp. The nào là đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp? Đó là Phạm chí không được làm ruộng, không buôn bán, không đọc sách, không làm toán thuật, không xem tướng số, không in khắc, không luyện chữ, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua quan. Vi ấy đúng như pháp mà khất thực, khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư. Bố thí tài vật rồi, vị ấy tự tìm vợ cho mình một cách đúng pháp, chăng phải không đúng pháp. Thê nào là đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp? Đó là Phạm chí không có tâm ái nhiễm, ái dục đối với người nữ dòng Phạm chí. Vị ấy lấy vợ là người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải phụ nữ đang mang thai, không phải phụ nữ đã sanh sản. Này Đầu-na! Vì lý do gì mà Phạm chí không lấy vợ là phụ nữ đang mang thai? Vì không muốn những đứa con trai hay con gái của mình bị xem là được sanh ra do sự hành dâm không trong sạch nên Phạm chí ấy không lấy vợ là phụ nữ đang mang thai. Này Đâu-na! Vì lý do gì mà Phạm chí ây không lây vợ là phụ nữ đã sanh sản? Vì không muốn những đứa con trai hay con gái của mình bị xem là được sanh ra do sự bức ép ô uế8 nên Phạm chí ấy không lấy vợ là phụ nữ đã sanh sản. Này Đầu-na! Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì tài sn, không

8 Nguyên tác: Danh bất tịnh khuê ().Tham chiếu: A. 5.192 - III. 223: Asucipatipīlito nāma so hoti mānavako vā mānavikā vã (đứa đồng nam hay đông nữ được sanh hoàn toàn bị ô uê), HT. Thh Minh Châu dịch.

phải VÌ kiêu ngạo, không phải vì trang nghiêm, không phải vì trang sức mà chỉ vì cầu con. Sau khi đã có con rồi, đối với những chế định mà một Phạm chí từ trước đến nay phải tuân thủ, vị ấy dừng lại ở đó, giữ giới hạn đó, không vượt qua giới hạn đó. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí không vượt giới hạn. [0681Ồ03] Này Đầu-na! Thế nào

là Phạm chí vượt giới hạn? Phạm chí nào được sanh ra trong một gia đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thông, đời đời không bị pha tạp, trải qua bôn mươi tám năm sông đời tuôi trẻ Phạm hạnh, ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển. Đã ham học kinh thu, thực hành theo kinh điển rồi, vị ấy còn khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư một cách đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp. Thế nào là đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp? Đó là Phạm chí không được làm ruộng, không buôn bán, không đọc sách, không làm toán thuật, không xem tướng số? không in khắc, không luyện chữ, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua quan. Vị áy đúng như pháp mà khất thực, khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư. Bố thí tài vật rồi, vị ấy tự tìm vợ cho mình một cách đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp. Thế nào là đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp? Phạm chí không có ý ái nhiễm, ái dục đoi với người nữ dòng Phạm chí. Vị ấy lay vợ là người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lọi, y không phải phụ nữ đang mang thai, không phải phụ nữ đã sanh r

sản. Này Đâu-na! Vì lý do gì mà Phạm chí không lây vợ là phụ nữ đang mang thai? Vì không muốn những đứa con trai hay con gái của mình bị xem là được sanh ra do sự hành dâm không trong sạch nên Phạm chí ấy không lấy vợ là phụ nữ đang mang thai. Này Đầu-na! Vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ là phụ nữ đã sanh sản? Vì không muốn những đứa con trai hay con gái của mình bi xem là được sanh ra do sự bức ép ô uế nên Phạm chí ấy không lấy vợ là phụ nữ đã sanh sản. Này Đâu-na! Phạm chí áy lây vợ không phải vì tài sản, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì trang nghiêm, không phải vì trang sức mà chỉ vì cầu con. Sau khi đã có con rồi, đối với những chế định mà một Phạm chí từ trước đến nay phải tuân thủ, vị ấy không dừng lại ở đó, không giữ giới hạn đó mà vượt qua giới hạn đó. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí vượt giới hạn. Này Đầu-na! Thế nào là Phạm chí Chiên-trà-la? Phạm chí nào được sanh ra trong một gia đình thuần tinh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyêt thông, đời đời không bị pha tạp, trải qua bốn mươi tám năm sống đời tuổi trẻ Phạm hạnh, ham học kinh thu, thực hành theo kinh điển. Đã ham học kinh thư, thực hành theo kinh điển rồi, vị ấy còn khất thực tài vật để cung phụng Tôn sư một cách đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp. Thế nào là đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp? Đó là Phạm chí không được làm ruộng, không buôn bán, không đọc sách, không làm toán thuật, không xem tướng số, không in khắc, không luyện chữ, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm tho, không dùng đao

158. KINH ĐẦU-NA^ 1037

gậy, không phụng sự vua quan. Vị áy đúng như pháp mà khát thực, khát thực tài vật để cung phụng Tôn sư. Bố thí tài vật rồi, vi ấy tự tìm vợ cho mình một cách đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp. The nào là đúng pháp, chẳng phải không đúng pháp? Phạm chí không có ý ái nhiễm, ái dục đoi với người nữ dòng Phạm chí. Vi ấy lấy vợ là người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi5 không phải phụ nữ đang mang thai, không phải phụ

nữ đã sanh sản. Này Đầu-na! Vì lý do gì mà Phạm chí không lấy vợ là phụ nữ đang mang thai? Vì không muốn những đứa con trai hay con gái của mình bi xem là được sanh ra do sự hành dâm không trong sạch nên Phạm chí ấy không lay vợ là phụ nữ đang mang thai. Này Đâu-na! Vì lý do gì mà Phạm chí áy không lây vợ là phụ nữ đã sanh sản? Vì không muốn những đứa con trai hay con gái của mình bi xem là được sanh ra do sự bức ép ô uế nên Phạm chí ấy không lấy vợ là phụ nữ đã sanh sản. Này Đầu-na! Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì tài sản, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì trang nghiêm, không phải vì trang sức mà chỉ vì cầu con. Sau khi đã có con roi, vị áy làm những việc liên hệ đên vua quan, làm những việc liên quan đến giặc cướp, làm những việc liên quan đến tà đạo, lại còn nói như vầy: "Phạm chí có thể làm tất cả mọi việc, nhưng Phạm chí ấy không vì vậy mà bị nhiễm trước, cũng không bị ô uế. Như ngọn lửa có thể đốt cháy những thứ sạch và cả những thứ không sạch; cũng vậy, Phạm chí có thể làm tất cả mọi việc, nhưng Phạm chí áy không vì vậy mà bị nhiêm trước, cũng không bị ô u." Này Đâu-na, Phạm chí như vậy gọi là Phạm chí Chiên-trà-la. Này Đâu-na5 trong năm hạng Phạm chí ke trên, ông thuộc hạng nào? Phạm chí Đâu-na trả lời: Thưa Cù-đàm! Hạng sau cùng là Phạm chí Chiên-trà-la, con còn không sánh kịp, huống nữa là các hạng Phạm chí trên. Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Bạch Thế Tôn! Nay con xin nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí Đầu-na nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bay giờ, vào lúc xe trưa, Phạm chí A-già-la-ha-na thong thả đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên và nói:

-Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì tôi mới dám trình bày.

[0682a01] Thế Tôn đáp:

Ông muốn hỏi gì thì cứ tùy ý.

Phạm chí liền hỏi:

Thưa Cù-đàm! Kinh điển của Bà-la-môn nương vào đâu mà tồn tại?

Đức Thế Tôn đáp:

Kinh điển của Bà-la-môn nương vào con người mà tồn tại.

Phạm chí lại hỏi:

Thưa Cù-đàm, con người nương vào đâu mà tồn tại?

The Ton đáp:

-Con người nương vào lúa gạo mà tồn tại.

Phạm chí lại hỏi:

-Thưa Cù-đàm5 lúa gạo nương vào đâu mà tồn tại?

The Ton đáp:

Lúa gạo nương vào đất mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm? đất nương vào đâu mà tồn tại?
Thê Tôn đáp:
Đất nương vào nước mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm9 nước nương vào đâu mà tồn tại?
1 Nguyên tác: A-già-la-ha-na kinh (01. 0026.159. 0681c25).

FTI-l Á FT1 4
The Ton đáp:
Nước nương vào gió mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
Thưa Cù-đàm? gió nương vào đâu mà tôn tại?
The Ton đáp:
Gió nương vào hư không mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
Thưa Cù-đàm, hư không nương vào đâu mà tồn tại?
The Ton đáp:
Hư không thì không nương vào đâu cả, nhưng nhân có mặt trời và mặt trăng mà có hư không.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm5 mặt trời và mặt trăng nương vào đâu mà tồn tại?

Thê Tôn đáp:
-Mặt trời, mặt trăng nương vào Tứ Thiên Vương2 mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm, Tứ Thiên Vương nương vào đâu mà tồn tại?
Thê Tôn đáp:
Tứ Thiên Vương nương vào cõi trời Ba Mươi Ba3 mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
Thưa Cù-đàm9 cõi trời Ba Mươi Ba nương vào đâu mà tồn tại?
ạ L
T" 4-
The Ton đáp:
Cõi trời Ba Mươi Ba nương vào trời Diệm-ma4 mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
Thưa Cù-đàm9 trời Diệm-ma nương vào đâu mà tồn tại?
The Ton đáp:

-Trời Diệm-ma nương vào trời Đâu-suất5 mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
Thưa Cù-đàm5 trời Đâu-suất nương vào đâu mà tồn tại?
2 TứThiên Vương Cātumahārājikā, tầng trời thứ nhất, một trong 6 tầng trời thuộc Dục giới ,Kāmadhātu. J 3 Tam Thập Tam thiên Tāvatimsa còn gọi Đao-lợi thiên tầng trời thứ 2 thuộc Dục giới. 4 Diệm-ma thiên Yāmā còn gọi Tu-dạ-ma thiên s. Suyāmadeva, tầng trời thứ 3 thuộc Dục giới. 5 Đâu-suất thiên /,Tusitā, tầng trời thứ 4 thuộc Dục giới.

159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA 1041

r

The Tôn đáp:
—Trời Đâu-suất nương vào trời Hóa Lạc6 mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm, trời Hóa Lạc nương vào đâu mà tồn tại?

—
FT^I r —
Ạ rin

_ –
4
The Ton đáp:
-Trời Hóa Lạc nương vào trời Tha Hóa Lạc7 mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
Thưa Cù-đàm, trời Tha Hóa Lạc nương vào đâu mà tồn tại?
The Ton đáp:
Trời Tha Hóa Lạc nương vào Phạm Thế8 mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
- Thưa Cù-đàm9 Phạm Thế nương vào đâu mà tồn tại?
The Tôn đáp:
Phạm thê nương vào Đại Phạm9 mà tôn tại.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm, Đại Phạm nương vào đâu mà tồn tại?
Thê Ton đáp:
-Đại Phạm nương vào nhân nhục, ôn hòa mà tôn tại.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm9 nhẫn nhục, ôn hòa nương vào đâu mà tồn tại?
The Ton đáp:
Nhẫn nhục, ôn hòa nương vào Niết-bàn mà tồn tại.
Phạm chí lại hỏi:
-Thưa Cù-đàm, Niêt-bàn nương vào đâu mà tôn tại?

Ạ rr^ _ 4- L___

The Ton đáp:

-Ý của Phạm chí là muốn nương vào chỗ vô cùng nên nay ông theo Ta hỏi về chỗ vô biên, nhưng này Phạm chí, Niết-bàn không nương vào đâu cả. Niếtbàn là tịch diệt, Niết-bàn là tối thượng. Này Phạm chí, vì ý nghĩa này mà nhiều người theo Ta tu hành Phạm hạnh.

6 Hóa Lạc thiên ,Nimmānaratī, tầng trời thứ 5 thuộc Dục giới. 7 Tha Hóa Lạc thiên còn gọi Tha Hóa Tự Tại thiên Paranimmitavasavattī, tầng trời thứ 6 thuộc Dục giới. 8 Tức Sắc giới Sơ thiền thiên ,cõi trời Sơ thiền thuộc sắcgiới, gồm: Phạm Chúng Brahmapārisajjā, Phạm Phụ ,Brahmapurohitā, Đại Phạm ,Mahābrahmā. 9 Tức chỗ cao nhất của Phạm Thế Brahmaloka.

1042 KINH TRUNG A-HÀM

Phạm chí thưa: Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Bạch Thế Tôn! Nay con xin nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ"kheo9 ngưỡng mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí A-già-la-ha-na nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

160. KINH A-LAN-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sau khi thọ thực, các Tỳ-kheo tập trung tại giảng đường rồi cùng bàn luận như vầy: Chư Hiền! Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi thế hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tót đẹp lại không tìm câu, không tu trì. Lúc ấy, Thế Tôn đang ở chỗ nghỉ trưa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, nghe các Tỳ-kheo sau khi thọ thực tụ họp tại giảng đường bàn luận thế này: "Chu Hiền! Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi the hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tốt đẹp lại không tìm cầu, không tu trì.^, Nghe vậy rồi, vào lúc xế chiều, Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa đi đến giảng đường, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo và hỏi: -Các thầy đang bàn luận chuyện gì? Vì sao nhóm họp tại giảng đường này? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Sau khi thọ thực, Tỳ-kheo chúng con tập hợp tại giảng đường bàn luận điều này: "Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi thế hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tốt đẹp lại không tìm cầu, không tu tri." Bạch Thế Tôn! Chúng con đã cùng nhau bàn luận việc ấy. Vì lý do đó mà chúng con tập hợp tại giảng đường này. [0682c01] Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo! Các thầy bảo rằng: "Chu Hiền! Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi thế hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có

thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện

1 Nguyên tác: A-lan-na kinh (roi. 0026.160. 0682b 10). Tham chiếu: A. 7.73 - IV. 135; A. 7.74-IV. 136.

lành, việc làm tốt đẹp lại không tìm cầu, không tu tri.” Vì sao như thế? Vì Ta cũng nói như vầy: "Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi thế hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tót đẹp lại không tìm câu, không tu tri." Vì sao như thế? Này Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, chúng sanh thọ đến tám vạn tuổi. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này cực kỳ sung túc, châu báu dôi dào, thôn áp gân nhau, khoảng băng sức bay của con gà. Lúc ấy, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng và con người chỉ có những bệnh như lạnh, nóng, đại tiểu tiện, ham muốn, không ăn và già nua, ngoài ra không còn tai họa nào khác. Này Tỳ-kheo! Lúc con người thọ tám vạn tuổi, có vua tên là Câu-lao-bà làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, đủ bon binh chủng, cai trị thiên hạ, tùy ý tự tại, đúng pháp trị vì, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua còn có ngàn người con dung mạo đoan chánh, oai phong mạnh mẽ, đủ sức dẹp giặc, thống lĩnh hết thảy từ đất liền ra đến biển lớn mà không động đao binh, dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được yên ổn. Này Tỳ-kheo! Vua Câu-lao-bà có vị Phạm chí đại trưởng giả tên là A-lan- na, được sanh ra trong một gia đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thống, đời đời không bị pha tạp, học rộng hiểu nhiều, thông thuộc bốn bộ Vệ-đà, am tường năm thể tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cổ sử. Phạm chí A-lan-na có vô lượng trăm ngàn học trò trẻ tuổi.2 Ong thường ở nơi thanh văng, truyên dạy kinh thư cho họ. Có lần, Phạm chí A-lan-na sống một mình ở nơi yên vắng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi thế hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tốt đẹp lại không tìm cầu, không tu trì. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo." Thế rồi, Phạm chí A-lan-na liền đi đến chỗ các học trò trẻ tuổi ở nhiều nơi khác nhau và nói: "Này các đệ tử! Ta sống một mình ở nơi yên vắng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: 'Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi thế hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tốt đẹp lại không tìm cầu, không tu trì. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo.' Này các đệ tử! Hôm

2 Ma-nạp-ma mãnavà'. Học trò trẻ tuổi.

M . A , ,.. e z •

nay, ta muôn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiet, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì các con dự định sẽ làm gi?" [0683al0] Nghe vậy, sô đông học trò trẻ tuôi ở các nơi khác nhau thưa răng: "Thua Tôn sư! Những gì chúng con hiểu biết đều nhờ ơn thầy chỉ dạy, nếu thầy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì chúng con cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, theo thầy xuất gia học đạo?9 Thế rồi sau đó, Phạm chí A-lan-na cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo. Các học trò trẻ tuổi ở nhiều nơi khác ấy cũng đều cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia dinh, sống không gia đình, theo Tôn sư là Phạm chí A-lan-na xuất gia học đạo. Đó là sự xuất hiện về thanh danh3 của Tôn sư A-lan-na và các đệ tử. Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho chúng đệ tử: "Này các đệ tử! Thật kỳ lạ, thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi thế hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhung người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tốt đẹp lại không tìm cầu, không tu tri." Rồi Tôn sư A-lan- na lại thuyết pháp cho đệ tử như thế: "Thật kỳ 0 thật kỳ lạ! Đời người thật ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, bởi the hãy làm việc lành, hãy tu Phạm hạnh, vì không ai có thể tránh khỏi cái chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp nghĩa, việc làm thiện lành, việc làm tốt đẹp lại không tìm cau? không tu tri.” Lại nữa, Tôn sưA-lan-na thuyêt pháp cho chúng đệ tử như vây: "Này đệ tử! Giống như giọt sương mai đọng trên ngọn cỏ, mặt trời vừa lên liền tan mất, tạm bợ chẳng bền lâu. Cũng vậy, này đệ tử, mạng sống con người như giọt sương mai, rất khó giữ được, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kể." Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Lại nữa, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử thế này: "Này đệ tử! Lúc trời mưa lớn, giọt mưa rơi xuống tạo thành bọt nước, thoạt nổi thoạt tan. Cũng vậy, này đệ tử, mạng người như bọt nước kia, rất khó giữ được, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kể." Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Lại nữa, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vầy: "Này đệ tử! Như ném cây gậy xuống nước, nó vừa chìm xuống liền nổi rất nhanh. Cũng vậy, này đệ tử, mạng người như cây gậy, khi ném xuông nước liên nôi rát nhanh, rát khó giữ lâu, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kể." Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy.

3 Nguyên tác: Danh hiệu :Danh tiếng tốt đẹp .

[0683bll] Lại nữa, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vầy: “Này đệ tử! Giông như nhúng ngói vào bôn nước roi đem đê nơi năng gió thì khô ráo ngay. Cũng vậy, này đệ tử, mạng người như viên ngói nhúng vào bồn nước kia, khô ráo rất nhanh, rất khó giữ lâu, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kể." Tôn sư A-lan-na đã thuyết

pháp cho đệ tử như vậy. Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử như vầy: "Này đệ tử! Giống như bỏ miếng thịt nhỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực thì nó sẽ tiêu tan rất nhanh. Cũng vậy, này đệ tử, mạng người như miếng thịt kia, tiêu tan rất mau, rất khó giữ lâu, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kể." Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử thế này: “Này đệ tử! Giống như giặc cướp bi trói đưa đi hành quyêt? môi bước chân đi là môi bước tiên gân đên chỗ chết, chấm hết sự sống của y. Cũng vậy, này đệ tử, mạng sống con người như tên cướp sáp bị đên tội kia, rát khó giữ lâu, niêm vui rát ít, đau khô quá nhiều, tai ương vô kể?9 Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử như vầy: "Này đệ tử! Giống như gã đồ tể dẫn bò đến lò mổ, mỗi bước chân đi là mỗi bước tiến gần đến chỗ chết, chấm hết sự sống của nó. Cũng vậy, này đệ tử, mạng sống con người như bò bị dân đên lò mô9 rát khó giữ lâu, niêm vui rát ít, đau khô quá nhiêu, tai ương vô kể." Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: "Này đệ tử! Giống như dệt vải trên khung cửi5 tâm vải gân xong thì sợi chỉ dệt ngang cũng sáp két thúc. Cũng vậy, này đệ tử, mạng sông con người cũng như sợi chỉ ngang sáp két thúc kia, rất khó giữ lâu, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kể.” Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử thế này: "Này đệ tử! Giống như dòng nước trên núi đổ xiết chảy gấp, cuốn trôi nhiều thứ, dòng nước chảy nhanh, không phút nào ngừng. Cũng vậy5 này đệ tử, mạng sống con người như dòng nước chảy nhanh ấy, rất khó giữ lại, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kểy Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. [0683cll] Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử như vầy: "Này đệ tử! Giống như lúc đêm tối đứng trên cao ném gậy xuống đất thì cây gậy ấy, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất, hoặc nằm ngang mặt đất, gậy ấy có khi rơi chỗ sạch, có khi rơi chỗ dơ. Cũng vậy, này đệ tử, chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái dục trói chặt, hoặc đọa vào địa ngục, súc sanh hay nga quỷ, hoặc sanh lên cối trời, hoặc sanh vào cõi người. Cũng vậy, này đệ tử, mạng sống con người cũng như cây gậy ném xuống đất trong đêm tối, rất khó biết được, niềm vui rất ít, đau khổ quá nhiều, tai ương vô kể." Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy.

160. KINH A-LAN-NA 1047

Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho các đệ tử như vầy: “Này đệ tử! Ngay trong đời này ta đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt, thấy tiền tài hay vật dụng của người khác không khởi tâm tham, muốn chiếm làm của mình. Đối với tâm tham lam, ta đã trừ sạch. Cũng vậy đối với sân hận, hôn trầm, loạn động và nghi, ngay đời này, ta đoạn trừ nghi, với các pháp thiện, ta không còn nghi ngờ. Đối với tâm nghi hoặc, ta đã trừ sạch. Này đệ tử! Ngay trong đời này, các ông cũng nên đoạn trừ tham lam, tâm không đua tranh, thấy tiền tài hay vật dụng của kẻ khác không nên khởi tâm tham, muốn chiếm làm của mình. Đối với tâm tham lam, các ông nên trừ sạch như thế. Cũng vậy đối với sân hận, hôn trầm, loạn động và nghi, ngay đời này, các ông nên đoạn trừ nghi hoặc, với các pháp thiện không nên nghi ngờ y Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Tôn sư A-lan-na cũng thuyết pháp cho đệ tử như vầy: "Này đệ tử! Tâm ta tương

ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu an tru, cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bon phương, bon phương phụ và phương trên, phương dưới, đầy khắp tất cả. Cũng như vậy, khéo tu tập để tâm tương ưng với từ, không gây thù két oán, không sân hận tôn hại, rộng lớn vô cùng, khéo tu vô lượng, đay khắp tất cả the gian, thành tựu an tru. Đoi với bi và hỷ cũng tu tập như vậy. Lại khéo tu tập đe tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn vô cùng, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Này đệ tử! Các ông cũng nên thực hành tâm tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu an trú, cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới, đầy khắp tất cả. Cũng như vậy, khéo tu tập để tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn vô cùng, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thê gian, thành tựu an trú. Đôi với bi và hỷ cũng tu tập như vậy. Lại khéo tu tập để tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn vô cùng, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú." Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. [0684al2] Lại nữa, Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp Phạm Thế45cho đệ tử. Khi Tôn sư A-lan-na thuyết pháp Phạm Thế cho các đệ tử, nếu vị nào không phụng hành pháp ấy đầy đủ thì sau khi qua đời, vị ấy sanh về cõi Tứ Thiên Vương hoặc sanh về cõi trời Đao-lợi, hoặc sanh về trời Diệm-ma, hoặc sanh về trời Đâu-suất-đà5 hoặc sanh về trời Hóa Lạc, hoặc sanh về trời Tha Hóa Lạc. Nếu vi nào phụng hành pháp ấy đầy đủ, tu bốn Phạm thất,5 xả ly ái dục thì sau khi qua đời, vị ấy được sanh về cõi Phạm thiên. Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na nghĩ rằng: "Đến đời sau, ta không nên sanh chung một nơi với chúng đệ tử. Vậy nay ta nên tu tăng thượng từ, tu tăng thượng

4 Phạm Thế pháp :Pháp dẫn đến cộng trú với thế giới Phạm thiên. 5 Nguyên tác: Phạm thất Brahmavihāra: Trú xứ của Phạm thiên. S. 54.11: Brahmānaṃ sahabyatāya tương đồng với Phạm thiên. Bốn Phạm thất gồm: từ mettā, bi kanựiã, hỷ muditā và xả ,upekkhā.

từ rồi5 khi qua đời sẽ được sanh về Hoảng Dục thi4n.”6 Nghĩ vậy rồi, Tôn sư A-lan-na liền tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ rồi, lúc qua đời được sanh về cõi trời Hoảng Dục. Như vậy là Tôn sư A-lan-na và các đệ tử đã tu đạo một cách chân chánh nên được phước quả lớn. Này Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ sao? Tôn sư A-lan-na thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy? vì sao như thế? Tỳ-kheo nên biết, vi đó chính là Ta đây. Lúc ấy, Ta là Tôn sư A-lan-na và có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta đã thuyết pháp Phạm thế cho các đệ tử ấy. Khi Ta thuyết pháp Phạm thế cho các đệ tử ấy, có người không phụng hành đày đủ nên sau khi qua đời được sanh về cõi Tứ Thiên Vương, hoặc sanh về cõi trời Đao-lợi, hoặc sanh về trời Diệm-ma, hoặc sanh về trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh về trời Hóa Lạc, hoặc sanh về trời Tha Hóa Lạc. Có người phụng hành đây đủ pháp ây, tu bôn Phạm thát, xả ly ái dục thì sau khi qua đời được sanh về cõi Phạm Thiên. Bấy giờ, Ta lại nghĩ rằng: "Eến đời sau, Ta không nên sanh chung một cõi với chúng đệ tử. Vậy nay ta nên tu tăng thượng từ, tu tăng thượng từ rồi, khi qua đời sẽ được sanh về cõi trời Hoảng Due?9 Như vậy là Ta và các đệ tử khi ấy đã tu đạo một

cách chân chánh nên được phước quả lớn. [0684bll] Bấy giờ, Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người, cho nhiều người, thương xót thế gian, vì chư thiên và loài người mà mong cầu ý nghĩa và lọi ích, mong cầu an ổn hân hoan. Thế nhưng lúc ấy, Ta thuyết pháp không đến chỗ rốt rao, không rốt ráo thanh tinh, không rốt ráo Phạm hạnh. Vì Phạm hạnh không rốt ráo nên lúc ấy Ta không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thể thoát khỏi mọi khổ đau. Này Tỳ-kheo, nay Ta là đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc/ Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,6 Thiên Nhân Sư, hiệu là 78910 Phật, là Thế Tôn.9 Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho ngươi, cho nhiều người, thương xót thế gian, vì chư thiên và loài người mà mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an on hân hoan. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, thanh tịnh rốt ráo, Phạm hạnh rốt ráo. Khi Phạm hạnh đã rốt ráo, Ta lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não và đã thoát khỏi mọi khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Có lời nói chân chánh như vầy: r

Mạng người quá ngan ngủi, Thoáng chóc qua đời sau, Việc thiện hãy làm mau, Và siêng tu Phạm hạnh, Với những gì đã sanh, Không có gì bất tử.10

6 Hoảng Dục thiên còn gọi Quang Âm thiên thuộc Nhị thiền, trời sắc giới
. 7 Nguyen tác: Minh Hạnh Thành Vi . J 8 Nguyên tác: Đạo Pháp Ngự .
9 Nguyên tác: Chúng Hựu . 10 Nguyên tạc: Nhân mgig cực thiểu, yếu chí hậu thế, ưng hành thiện sự, ưng hành Phạm hạnh, sanh vô bát tửA,,\ Tham chiếu: A. 7.70 - IV. 136: Kattabbam kusalam, caritabbarn brahmacariyam, natthi jātassa amaranam Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sinh, không có bất tử, HT. Thích Minh Châu dịch.

160. KINHA-LAN-NA^ 1049

Này Tỳ-kheo! Đây là lời nói đúng đắn, vì sao như vậy? Ngày nay nếu có ai trường thọ thì quá lắm sống được một trăm năm, hoặc hơn vài năm nữa mà thôi. Nếu có ai trường thọ thì quá lắm sống được ba trăm mùa: Một trăm mùa xuân, một trăm mùa hạ và một trăm mùa đông; như vậy là sống được một ngàn hai trăm tháng: Bốn trăm tháng mùa xuân, bốn trăm tháng mùa hạ và bốn trăm tháng mùa đông. Sông một ngàn hai trăm tháng ây, tức là sông hai ngàn bôn trăm nửa tháng: Tám trăm nửa tháng mùa xuân, tám trăm nửa tháng mùa hạ và tám trăm nửa tháng mùa đông. Sông hai ngàn bôn trăm nửa tháng ây, tức là sống ba vạn sáu ngàn ngày đêm: Một vạn hai ngàn ngày mùa xuân, một vạn hai ngàn ngày mùa hạ và một vạn hai ngàn ngày mùa đông, sống ba vạn sáu ngàn ngày đêm ây, tức là sông với bảy vạn hai ngàn lân ăn uông và chướng ngại đôi với ăn uống. Chướng ngại đôi với ăn uông đó là: Khô không ăn, giận không ăn5 bệnh không ăn, bận việc không ăn5 đi đường không ăn? đến chỗ nhà vua không ăn, ngày trai không ăn5 có những thứ không thê ăn được. Tỳ-kheo! Đó là sự sông trong một trăm năm. Trong một trăm năm ây có bấy nhiêu mùa, bấy nhiêu tháng, bấy nhiêu nửa tháng, bấy nhiêu ngày, bấy nhiêu đem, bay nhiêu lan an uông va bay nhiêu lan chướng ngại đoi vơi an uống như the. [0684c08] Tỳ-kheo! Nếu có bậc Tôn sư vì đệ tử mà Idiởi lòng từ ái, lòng thương tưởng, mong cầu ý nghĩa và lợi ích, mong cầu an ổn hân hoan thì điều ấy nay Như Lai đã làm. Các thầy cũng nên làm như vậy, hãy đến nơi thanh

vắng, bên gốc cây, ở nơi núi rừng, ở chỗ an ổn thanh nhàn mà tĩnh tọa tư duy, chớ nên buông lung, hãy cố gắng tinh cần, đừng để hối tiếc về sau. Đây là lời răn dạy của Như Lai, là lời giáo huấn của Như Lai. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.11

11 Bản Hán, hết quyển 40.

161. KINH PHẠM-MA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Tỳ-đà-đề.12 Bay giờ, ở Di-tát-la345có Phạm chí tên là Phạm-ma, giàu có vô cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp vật nuôi không thể kể xiết, phong hộ thực ấp đầy đủ phong phú. Mọi thứ ở Di-tát-la, từ sông suối cho đến cỏ cây đều do vua nước Ma-kiệt-đà tên là Vi Sinh Oán/ con của Hoàng hậu nước Tỳ-đà-đề/ phong riêng cho Phạm-ma.6 Phạm chí Phạm-ma có một đệ tử trẻ tuổi78tên là Ưu-đa- la,8 được sanh ra trong một gia đình thuần tịnh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ r Ji v.v A e 7 r

huyêt thông, đời đời không bi pha tạp, học rộng hiêu nhiêu, thông thuộc bôn bộ Vệ-đà9 am tường năm thể tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cổ sử. Phạm chí Phạm-ma nghe nói có Sa-môn Cù-đàm dòng dõi họ Thích, lìa xa Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, đang du hóa tại nước Tỳ-đà-đề cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Sa-môn Cù-đàm ấy danh tiếng vang khắp, mười phương đều biết. Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, hiệu là Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn5 Phạm chí, loài người cho từ

đên chúng trời, tự biêt tự ngộ, tự thân chứng đăc? thành tựu an tru. Pháp mà vị ây giảng nói phân đâu thiện, phân giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh.

1 Quyển 41. Nguyên tác: Phạm-ma kinh TOI. 0026.161. 0685a05. Tham chiếu: Phạm-ma-du kinh M701. 0076.0883b07; M. 9\,Brahmāyu Sutta {Kinh Brahmāyu. 2 Tỳ-đà-đề ,Videha, một quốc gia nhỏ nằm bên bờ sông Hằng, thuộc liên minh Bạt-kỳ Vajjī, nằm liền kề với Kãsi và Kosala. 3 Di-tát-la ,Mithilā, thủ đô của Videha. 4 Vị Sinh Oán tức Vua A-xà-thế ,Ajātasattu. 5 Tỳ-đà-đề tử phiên âm của Videhiputta hoặc Vedehiputta, là con của bà Vi-đề-hy. Bà là mẹ của A-xà-thế, tức là Công chúa Kosaladevĩ. 6 Sự kiện Phạm chí Phạm-ma Brahmāyu tuy sống ở Di-tát-Ịa Mithilā, thủ đô của Videha nhimg được vua nước Ma-kiệt-đà phong cho đất đai đã chứng tỏ trong lúc này vương triều Videha từng là thuộc quốc của Ma-kiệt-đà. 7 Nguyên tác: Ma-nạp :Thanh thiếu niên Bà-la-môn. 8 Ưu-đa-la ,Uttara.

Lại nghe rằng, Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Ai thành tựu được tướng của bậc Đại nhân thì nhất định sẽ có hai trường hợp chắc chắn không sai: Nếu vị ấy ở tại gia thì nhất định sẽ làm bậc Chuyển Luân Vương, thông minh

trí tuệ5 đủ bốn loại quân, thống tri thiên hạ, tùy ý tự tại, dùng Chánh pháp tri vì, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua có ngàn người con dung mạo đoan chánh, oai phong mạnh mẽ, đủ sức nhiếp phục kẻ địch, thống lãnh mọi thứ từ trong đất liền ra đến biển cả mà không động đao binh, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiên dân chúng được yên ôn. Nêu vị áy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì nhất định sẽ trở thành đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiêng vang kháp, mười phương đêu biêt. [0685b04] Phạm chí Phạm-ma nghe như vậy rồi, liền bảo đệ tử của mình: -Này Ưu-đa-la! Ta nghe như vầy: Sa-môn Cù-đàm dòng dõi họ Thích, lìa xa Thích tộc, cạo bỏ râu t6c, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, đang du hóa tại nước Tỳ-đà-đề cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ưu-đa-la! Sa-mồn Cù-đàm ấy danh tiếng vang khắp, mười phương đều biết, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư ___ . . * e r

Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đên chúng trời, tự biêt tự ngộ5 tự thân chứng đăc5 thành tựu an trú. Pháp mà vị ây giảng nói phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh. Lại nữa, Ưu-đa-la! Sa-môn Cù-đàm ấy thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nêu ai thành tựu được tướng Đại nhân ây thì nhát định sẽ có hai trường hợp chắc chắn không sai: Nếu vi ấy ở tại gia thì nhất định sẽ làm bậc Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn loại quân, thống trị thiên hạ? tùy ý tự tại, dùng Chánh pháp trị vthành tựu bảy báu. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua có ngàn người con dung mạo đoan chánh, oai phong mạnh mẽ5 đủ sức nhiếp phục kẻ địch, thống lãnh mọi thứ từ trong đất liền ra đến biển cả mà không động đao binh, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được yên ổn. Nếu vi ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì nhất đinh sẽ trở thành đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng vang khắp, mười phương đều biết. Này Ưu-đa-la! Con thọ trì kinh thư, có biết rằng, nếu ai thành tựu được ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân thì nhất định có hai trường hợp chắc chắn không sai: Nêu vị ấy ở tại gia thì nhất định sẽ làm bậc Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn loại quân, thống trị thiên hạ, tùy ý tự tại, đúng pháp

161. KINH PHẠM-MA^ 1053

trị vthành tựu bảy báu. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua có ngàn người con dung mạo đoan chánh, oai phong mạnh mẽ? đủ sức nhiếp phục kẻ địch, thống lãnh mọi thứ từ trong đất liền ra đến biển cả, không động đao binh, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được yên ổn. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì nhất định sẽ trở thành đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng vang khắp, mười phương đều biết. [0685c04]

Ưu-đa-la đáp: Đúng vậy, thưa Tôn sư! Con thọ trì kinh thư, có biết về ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và biết rằng, nếu ai thành tựu được những tướng ấy của bậc Đại nhân thì nhất định có hai trường hợp chắc chắn không sai: Nếu vị ấy ở tại gia thì nhát định sẽ làm bậc Chuyên Luân Vương, thông minh trí tuệ, đủ bôn loại quân, thống trị thiên hạ, tùy ý tự tại, dùng Chánh pháp trị vthành tựu bảy báu. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua còn có ngàn người con dung mạo đoan chánh, oai phong mạnh mẽ, đủ sức nhiếp phục kẻ địch, thống lãnh mọi thứ từ trong đất liền ra đến biển cả mà không động đao binh, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được yên ổn. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì nhất định sẽ trở thành đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng vang khắp, mười phương đều biết. Phạm chí Phạm-ma bảo: Này Ưu-đa-la! Con hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, xem thử có đúng như thế hay không đúng như thế? Ông ấy thật có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân chăng? Ưu-đa-la vâng lời, liền cúi lạy sát chân Phạm chí Phạm-ma, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi quan sát ba mươi hai tướng của Thế Tôn. Vị ấy thấy trên thân Thế Tôn chỉ có ba mươi tướng nên còn hoài nghi hai tướng, đó là tướng mã âm tàng9 và tướng lưỡi rộng dài. Lúc ấy, Thế Tôn thầm nghĩ: í6Ưu-đa-la này chỉ thấy được ba mươi tướng nơi thân Như Lai, thê nên còn nghi ngờ vê hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Nay Ta nên trừ mối nghi cho vi ay?9 Nghĩ vậy rồi, Thế Tôn liền hiện thần thông diệu dụng,10 sau khi đã hiện thần thông diệu dụng rồi sẽ khiến thiếu niên Ưu-đa-la thấy được tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài trên thân Ngài.

9 Âm mã tàng s vatíaguyha. Xem chú thích 7, kinh số 59, tr. 329. 10 Nguyên tác: Như kỳ tượng tác như ý túc .

•(nqwoo TĪOO ,102)¥ g uoq ỊDQ ỖUOJỊ ỗuọiụ req ỊDnui BQ :ngụp UIBỤI H

:nps nqu ẤB nSupxu pnui EQ ins nọi enq-UPIJU ỊỂQ oẻq ưọo ỗupxụ q Ịonui Bq 00 ỊỆIỊỊ pnb ẾẤỆA nqu Suọip[qd Suoipf nqo ẾẤẻA nqu ỊỆỤỊ ẹnb uipp-nQ UỌUI-BS -ỊậIq nóp gunnqd Ịjọnui ỂdBip[Suba ẵuập quBp uipp-nQ UỌUI-BS 'uọp ỊỌỊ nqu 0 i ns uọ£ BnuỊ ồẤệA ỖUỌQ - , :d?p ep-ryn ^ẵuưqo upqu ỊỂQ oệq pọo gupxụ ỊPỤ pniu pq ụp ẤBp IU1JO ?I ẵunp 93 uQip[q ẤỆA nqu Sunp 00 !q nập Suonqd Ịọnui Ểdưip[ẳTOA ẵuập qupp lUBp-ng UỌUI-PS uọp oqỗu w i-wB-ĩ\n ẤQN :ioq pui-iuéụd Jip urèqd •uạq ỊỘUI ẵuưs ĩọẵu IỌJ UPUO WS Ấèĩ TRO 'BUI -ưrêqd mqd 9W Hập !P -0A RI ÙA SuọA pq ỈỆqj qupnb noiqu ẾẤỆp Simp ỊỌẩu ọqo xụ ỊỌJ aniS Stoa o,ip[A nqu ỊỌU UOJL ?IỊ[9ụSu PỊ-pp-njQ •Ặ ẤỌỊ q [qi A ỌJỊ uọnpv -wp-nQ ẤQN — :opq UOT OUT ó yá i v LXJ

•Sn b uịx qup[‘QA ỌJỊ uọnui OỒỊA 00 ẤPU UOQ juiBp-ng wnq- :Bnqạ U0ỊỊ %nb Ịp ép UQ gq ỊDU Simqu PA Ịậụ ậỊ ẾỊq§u ỊPO ỊỌA ẩuọỊ q Ấ^ỤỊ UIP0 ^Ị-pp-np 'ỗuox ẻq pụiu ỗuẹqỊ uọq pnb Ị?JJL ,BŨb !P iBqd p°u ỖimiỊU BA 19P 9Ị 6iqẵu ỊBO s uBnb ép ẻq ưnui ỖuptỊỊ uọq Ịọns §UOJỊ [giỊd nws ooqi PỊ-pp-n^[ẾỊỌJ eq“u?p Ịp uipp-nQ ƯUI pou ẵunqu PA u ỊBOậA M ỊỆLỊỊ UBnb U9U ,:iqgu Ịẻị BỊ-pp-np [11^9890] “ q ngp Sunnqd Ịonui ‘dqx ẩuPA ẩuop LỊuep 'OPỊO quẹụQ ỖUBQ m QS 9A ồỊpq IUỊN 3u@p

qupqj pjỊ OS quip u l oép oỏq wnSu UIPỊ "quip BỊẩ ẵuọip[ẵuọs ‘qwp bÍỖ bx TOJ ẾỊOĨỤỊ ưqỊ uụ uiệiu TỌA 0B oẻui ẾOỌỊ nẹj ọq oéo Ấn ỊA A?n *u9 uậẤ oỏnp Sunqo upp uQiq^f Ếpọq obtS d?qd Sunp ỊIỊO ‘qtụq opp Suộp ỗuọí[5[bui bo Uậiq u?p PI U?H ỊPp Suojị nỊ mụ ỊỎUI XỊU SuọqỊ pgp oñqd doiqu ons ọp 'giu qupui ỗuòqd ỊBO Ếqunqo uBOp oéui ẵunp uốo Ịpnẵu UBỖU 00 PHA ,npq ugnb SuọnỊ PA nuq IS no 'nẹq nu ‘n?q oỏẵu °n nâSu Ếnpq ỊOA ồnpq ox qupq ọp npq ẤB0 n?q Ấpq rướỊ quqip 6ĪA ỊJỊ dẹqd qu?iỊO ỗunp ốĩéỊ m Á ẤnỊ q uậĩiỊỊ ỈJỊ ỗuọqI ‘ugnb ỊẺOỊ uọq ọp Ếận Jjị quỊiu ẵuọqị 'SuonA ugnq ueẤnqo oẻq IU quip qu ẾPỊ§ ỊBỊ ọ ẤP ỈA n^N :!ws ỖUỌỤ5[upqo opqo dỏq ỖỦjọnjỊ q 00 quip IỊU ĩiịỉ ugqu ỊẻQ oệq pụo ỖupnỊ ỊPỤ pnui pq ná] quqqi lUPp-nQ UỌUI-^S„ :ẤBA nqu iqẵu Ấns ẾTỌJ Ấ@qi uiqu e[*p-tỵQ •UI dpip[uiụjỊ oqo eqi 00 RI ?qi Ẩg Ịộnq •nọi 9q ugqi pu p ẩuội ỊỘILỊ ẩuọnỊ BA ẩuBỊ UIP giu ỖupnỊ ỊPLỊ oỏnp kgqi e[*p-nh ỂỊỌJ Suñp nảip Suọụị u@qi uảiq €P N ĩi nws -Suñp nậip SuọiỊỊ u@qi uặỊiỊ u nọi onp pp onq

KVH-V9NQH1 HNra KOI

161. KINH PHẠM-MA^ 1055

Thứ nhất là Sa-môn Cù-đàm có lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân.12 Hai là lòng bàn chân có hình bánh xe báu, đầy đủ ngàn căm. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba là ngón chân thon dài. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Bốn là đôi chân ngay thẳng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Năm là hai gót chân đầy đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Sáu là đôi mắt cá chân tròn trịa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Bảy là lông trên thân đều mọc hướng lên. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Tám là giữa kẽ tay, kẽ chân có màng lưới mỏng như loài ngỗng chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. [0686b08] Chín là chân tay rất đẹp, mềm mại như sợi bông đâu-la.13 Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười là da dẻ mịn màng; bụi, nước không bám dính được. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười một là mỗi lỗ chân lông có một sợi lông, sắc lông xanh biếc, mỗi sợi lông đều xoáy quanh về bên phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười hai là bắp chân thon dài như chân nai chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười ba là có mã âm tàng, giông như của ngựa chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười bốn là thân hình cân đối đẹp đẽ giống như cây Ni-câu-loại5 trên dưới tương xứng hài hòa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười lăm là thân ngay thẳng, không gù? không còng; khi đứng tay duỗi dài quá gối. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười sáu là sắc thân như màu vàng ròng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười bảy là bảy chỗ trên thân, tức là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ đều đầy đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười tám là phần trên của thân lớn, như thân sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Mười chín là hai gò má như sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

12 Nguyên tác: Tôn Sa-môn Cù-đàm túc an bình lập, thị vị, tôn Sa-môn Cù-đàm đại nhân đại nhân chi tướng (E):Tôn giả Sa-mộn Cù-đàm có
lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn. Đó là tướng Đại nhân của Tôn giả Sa-môn Cù-đàm. Tham chiêu: M. 91, Brahmāyu Sutta (Kỉnh Brahmãyù)\ Suppatỉtịhỉtapãdo kho pana bhavam Gotamo; idampi tassa bhoto gotamassa mahāpurisassa mahāpurisalakkhanarn bhavati (Tôn giả Gotama có lòng bàn chân bằng phẳng. Đây là

tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama), HT. Thích Minh Châu dịch. Đe gọn gàng hơn vê phương cách diễn đạt, chúng tôi lược bo sự lặp lại theo phong cách cổ văn. 13 Đâu-la (Tula). Xem chú thích 6, kinh số 59, tr. 329.

Hai mươi là lưng thẳng bằng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi mốt là bờ vai đầy đặn bằng phẳng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi hai là có bốn mươi chiếc răng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi ba là răng ngay ngắn, đều đặn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi bốn là răng liền khít, không hở. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi lăm là răng trắng sạch, sáng bóng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi sáu là ăn thức gì cũng trở thành thượng vị.14 Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi bảy là tiếng nói tuyệt diệu như tiếng Phạm thiên, trong trẻo như tiêng Ca-lăng-tân-già. Đó là tướng của bậc Đại nhân. [0686c07] Hai mươi tám là lưỡi rộng dài, khi thè lưỡi ra có thể che trùm khắp mặt. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Hai mươi chín là mí mắt mọng đầy như bò đầu đàn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba mươi là mắt màu xanh biếc. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba mươi môt là đỉnh đâu có nhục kê tròn trịa cân xứng, tóc xoăn óc vê hướng bên phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Ba mươi hai là có lông trăng thanh mảnh giữa hai chân mày, xoăn tròn vê bên phải theo hình trôn ốc. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân như vậy. Nếu ai thành tựu được những tướng ấy của bậc Đại nhân thì nhất định sẽ có hai trường hợp chắc chắn không sai: Nêu vị ấy ở tại gia thì nhất đinh sẽ làm bậc Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn loại quân, thống trị thiên hạ5 tùy ý tự tại, dùng Chánh pháp trị vì, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua có ngàn người con dung mạo đoan chánh, oai phong mạnh mẽ5 đủ sức nhiếp phục kẻ địch, thống lãnh mọi thứ từ trong đất liền ra đến biển cả mà không động đao binh, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được yên ổn. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì nhất định sẽ trở thành đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác, danh tiếng vang khắp, mười phương đều biêt. Lại nữa, thưa Tôn sư! Con nhìn thấy Sa-môn Cù-đàm khoác y, khoác y xong; quân y, quân y xong; ra khỏi phòng, ra khỏi phòng rồi; rời khỏi trú xứ, sau khi rời khỏi trú xứ; đi đến thôn x6m, vừa vào thôn xóm, vào thôn xóm rồi; đứng ở đường hẻm, vào nhà thí chủ, sau khi vào nhà thí chủ; trải nệm, trải nệm xong; ngôi xuồng, ngôi xuổng xong; rửa tay, rửa tay xong; nhận đô ăn

14 Nguyên tác: Thông vị đệ nhất vj *.Xem chú thích 9, kinh số 59, tr. 330.

thức Uống, đã nhận đồ ăn thức uống; ăn uống, đã ăn uống xong; rửa tay rồi chú nguyện, từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi nhà thí chủ, đã ra khỏi nhà thí chủ; ra đến đường hẻm, ra khỏi thôn xóm, đã ra khỏi thôn xóm; về lại trụ xứ, về lại trụ xứ xong, vào phòng, đã vào phòng. Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm khoác y ngay ngắn, không cao không thấp, y không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân.

Sa-môn Cù- đàm quấn y ngay ngắn, không cao không thấp, y không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân. Sa-môn Cù-đàm mỗi khi may y mới đều thuận theo phương thức của Thánh nhân, dùng dao cắt vải ra từng mảnh rồi mới may lại, nhuộm thành hoại sắc, cũng giống như Thánh nhân nhuộm y thành hoại sắc vậy. Vị ấy đắp y không phải vì tài vật, không phải vì cống cao, không phải để trang sức, không phải để trang nghiêm mà chỉ để ngăn chặn muỗi mòng và che chắn nắng gió, vì xấu hổ nên che kín thân thể như thế. [0687all] Sa-môn Cù-đàm khi ra khỏi phòng, thân không cúi xuống, không ngước lên và cũng không bao giờ cúi thấp. Lúc bước di, chân phải nhấc trước, nhác lên đặt xuông một cách vững chãi, bước đi không nghiêng ngả, cũng không xiêu vẹo, hai gót chân không bao giờ chạm nhau. Thưa Tôn sư! Sa- môn Cù-đàm lúc đi đứng không bị bụi đất bám dính. Vì sao như vậy? Vì nhờ vào hạnh lành thuở trước. Lúc ra khỏi trú xứ, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngước lên và cũng không bao giờ cúi thấp. Đi vào thôn x6m, thân luôn xoay bên phải, với ánh mắt nhìn giống như loài rồng, không hãi, không sợ, cũng không khiếp đảm, quán sát các phương. Vì sao như vậy? Vì Ngài ấy là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn sư! Khi Cù-đàm vào thôn xóm, thân không cúi xuống, không ngước lên và cũng không bao giờ cúi thấp. Lúc ở đường hẻm, Cù-đàm không cúi xuống, không ngước lên, chỉ nhìn thẳng phía trước nhưng không gì có thể ngăn ngại sự thấy biết của Ngài ấy. Thưa Tôn sư, các căn của Sa-môn Cù-đàm thường định tĩnh. Vì sao như vậy? Vì nhờ vào hạnh lành thuở trước. Thưa Tôn sư, lúc vào nhà thí chủ, Sa- môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngước lên và cũng không bao giờ cúi thấp. Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm thường xoay mình về bên phải, khi ngồi xuống nệm thì thân ngay thẳng, ngồi xuống nhẹ nhàng chứ không thô động, cũng không dùng tay chống gối để ngồi xuống. Đã ngồi trên nệm rồi, tâm không náo động, không buồn bực, cũng không hớn hở; khi thọ nhận nước rửa tay thì tay không đưa cao, cũng không để thấp, không dùng nhiều cũng không dùng ít; khi thọ nhận đồ ăn thức uống, bình bát không để cao cũng không để thấp, không nhận nhiều cũng không nhận ít. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm thọ nhận thức ăn vừa đủ trong bình bát, lấy canh và thức ăn ngang bằng nhau. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm bốc thức ăn một cách gọn gàng, chậm rãi đưa vào miệng, không há miệng đợi cơm, khi thức ăn đã vào miệng thì nhai nhiều lần rồi mới nuốt, nhai nhuyễn cơm và canh, nuốt hết thức ăn trong miệng rồi mới bốc nắm cơm khác.

1058 KINH TRUNG A-HÀM

[0687b04] Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm ăn với ba sự thanh tịnh,15 cảm nhận mùi vị thức ăn nhimg không đắm nhiễm vào mùi vi ấy, ăn không phải vì tài vật, không phải vì cống cao, không phải vì trang sức, không phải vì trang nghiêm mà chỉ muốn giữ gìn thân thể sống lâu không bệnh, ngăn chặn bệnh cũ9 không sanh bệnh mới, nuôi mạng không bệnh, khỏe mạnh an vui. An uông đã xong, vi ây thọ nhận nước rửa tay thì tay không đưa cao cũng không đê tháp, không dùng nhiều cũng không dùng ít; nhận nước rửa bát, bình bát không để cao cũng không đe thấp, không dùng nhiều cũng không dùng ít. Sau khi Cù- đàm rửa tay sạch thì bát cũng sạch; rửa bát sạch thì tay cũng sạch; lau tay rồi lau bát, lau bát roi lau tay; rửa và lau bát xong thì đặt xuông một bên, không gân không xa, không thường nhìn bát, không quá chú ý đến bát. Sa-môn Cù-đàm không

chê thức ăn này, cũng không khen thức ăn kia, mà chỉ im lặng thôi. Sau khi ăn xong thì thuyết pháp cho các cư sĩ, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ.16 Sau khi dùng nhiều phương tiện để thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ xong, Sa-môn Cù-đàm liền từ chỗ ngoi đứng dậy ra về. Lúc ra khỏi nhà thí chủ, thân không cúi xuống, không ngước lên và cũng không bao giờ cúi thấp. Lúc đứng ở ngã rẽ, không cúi xuống, không ngước lên, chỉ nhìn thẳng phía trước, nhưng không gì có thể ngăn ngại sự thấy biết của Ngài ấy. Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định tĩnh. Vì sao như vậy? Vì nhờ vào hạnh lành thuở trước. Thưa Tôn sư! Lúc Sa-môn Cù-đàm rời khỏi thôn xóm, thân không cúi xuống, không ngước lên và cũng không bao giờ cúi thấp. Lúc trở ve trụ xứ5 thân không cúi xuống, không ngước lên và cũng không bao giờ cúi thấp. Sau bữa ăn trưa, Sa-môn Cù-đàm xếp cất y bát, rửa sạch tay chân, lây tọa cụ vát lên vai vào phòng tĩnh tọa. Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm lợi ích cho thế gian nên vào phòng tĩnh tọa. Vào lúc xế chiều, Sa-môn Cù-đàm rời nơi tĩnh tọa, sắc diện sáng ngời. Vì sao như vậy? Vì Ngài là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn sư! Từ miệng Sa-môn Cù-đàm phát ra tám thứ âm thanh.17 Một là tram lắng, hai là êm dịu,18 ba là nhập tâm, bon là đáng yêu, năm là tròn đầy, sáu là sống động, bảy là rõ ràng, tám là trong trẻo, khiến cho mọi người mến chuộng, ưa thích, ghi nhớ và định tâm. Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm tùy theo căn cơ của đại chúng mà thuyết pháp, âm thanh vừa phải đủ nghe, mở bày, dạy bảo, khh lệ khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp

15 Nguyên tác: Dĩ tam sự thanh tinh ()Với ba sự thanh tịnh, tức là không thấy, không nghe, không nghi ngờ. Tham chiêu: Đại Bắt-nỉết-bàn kinh nghĩa ký 037. 1764.2. 0642c27): Ba điêu thanh tịnh là không thây, không nghe và không nghi (). Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ().Xem chú thích 7, kmh số 9, tr. 48. 17 Tám loại âm thanh thanh tịnh theo M. 91, đó là vissattha (cực hay), viññeyya (dễ biết), mañju (dịu dàng), savanīya (hài hòa), bindu (sung mãn), avisārī (phan mình), gambhīrā (sâu xa), ninnādī (lan rộng). 18 Nguyên tác: Tỳ-ma-lâu-bá (),có thể được phiên âm từ sukhumāla (nhu nhuyến, tinh vi).

cho đại chúng, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở về chỗ cũ. Thưa Tôn sư! Sa-môn Cù-đàm là như thế và còn có nhiều điều thù thắng hơn nữa. Nay con muốn đến theo học Phạm hạnh với Ngài ây. [0687c08] Phạm chí Phạm-ma đáp: —Tùy ý con. Thế rồi Ưu-đa-la cúi lạy sát chân Phạm chí Phạmma, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Nay con xin theo Thế Tôn học đạo, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo và theo Thế Tôn tu hành Phạm hạnh. Bấy giờ, Thế Tôn hóa độ cho thiếu niên Ưu-đa-la học đạo, thọ giới Cụ túc. Sau khi hóa độ thiếu niên ưu-đa-la học dạo, thọ giới Cụ túc rồi, Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo du hành đến nước Tỳ-đà-đề, rồi lần hồi đi đến Di-tát-la, trú trong rừng xoài Đại Thiên19 thuộc vùng Di-tát-la này. Các Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la nghe rằng: Sa-môn Cù-đàm dòng dõi họ

Thích, lìa xa Thích tộc, làm người học đạo, cùng đại chúng Tỳ-kheo du hành đến nước Tỳ-đà-đề? rồi lần hồi đi đến Di-tát-la, trú ở rừng xoài Đại Thiên. Sa-môn Cù-đàm danh tiếng vang khắp, mười phương đều nghe, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ loài người cho đên chúng trời mà tự biêt tự ngộ, tự thân chứng đăc? thành tựu an trú. Pháp mà vị ây thuyêt, phân đâu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Nếu ai gặp được đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và kính trọng lễ bái, cúng dường phụng sự thì nhanh chóng đạt được thiện lợi. Chúng ta hãy cùng đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái cúng dường. Khi đó, các Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la cùng quyến thuộc của mình từ Di- tát-la đi theo hướng Bắc đến rừng xoài Đại Thiên để gặp đức Thế Tôn, lễ bái cúng dường. Đen chỗ Phật rồi, những Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la ấy, hoặc có người cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người thăm hỏi đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chắp tay hướng về đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ xa nhìn đức Phật rồi im lặng ngồi xuống. Khi các Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la đã ngồi xuống rồi, đức Phật liền thuyết pháp cho họ, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ rồi, Ngài an tru trong tĩnh lăng.

19 Nguyên tác: Đại Thiên nại lâm Makhādevambavana.

1060 KINH TRUNG A-HÀM

[0688a06] Phạm chí Phạm-ma nghe rằng: Sa-môn Cù-đàm dòng dõi họ Thích, lìa xa Thích tộc, làm người học đạo, cùng đại chúng Tỳ-kheo du hành đến nước Tỳ-đà-đề, rồi lần hồi đi đến Di-tát-la, tru ở rừng xoài Đại Thiên. Sa- môn Cù-đàm danh tiếng vang khắp, mười phương đều nghe, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa- môn, Phạm chí, từ loài người cho đến chúng trời mà tự biết tự ngộ, tự thân chứng đăc9 thành tựu an trú. Pháp mà vị ây thuyêt, phân đâu thiện, phân giữa thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh. Nếu ai diện kiến đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, kính trọng lễ bái, cúng dường thừa sự thì mau chóng được thiện lợi. Vậy ta cũng nên đến thăm viếng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái cúng dường. Thế rồi, Phạm chí Phạm-ma bảo người đánh xe: Ông hãy mau chuẩn bi xe. Ta muốn đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Người đánh xe vâng lời, liền sửa soạn xe, rồi trở lại thưa: -Xe đã chuẩn bị xong, mong Tôn sư đi cho kịp lúc. Khi đó, Phạm-ma ngồi trên cỗ xe rất lộng lẫy, từ Di-tát-la đi theo hướng Bắc đến rừng xoài Đại Thiên để thăm viếng Thế Tôn và lễ bái cúng dường. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng chúng đang ngồi vây quanh. Phạm chí Phạm-ma từ xa trông thây Thê Tôn đang thuyêt pháp cho vô lượng chúng ngôi vây quanh như thê, bông nhiên khiêp sợ, liên cho xe rẽ xuống vệ đường, dừng lại bên một gốc cây và bảo với học trò: -Con hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta thăm hỏi Ngài ấy Thánh thể có được mạnh

khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa hay không. Con hãy nói the này: "Thua Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con xin kính lời thăm hỏi Thánh the Ngài có được mạnh khỏe, an on không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa chăng? Tôn sư Phạm-ma của con rất muốn đến thăm viếng NgHi.” Bấy giờ, người học trò ấy vâng lời đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên và thưa: Thưa Cù-đàm! Tôn sư Phạm-ma của con xin kính lời thăm hỏi Thánh thể Ngài có được mạnh khỏe, an ổn không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa chăng? Tôn sư Phạm-ma của con rất muốn đến thăm viếng Ngài. [0688b04] Thế Tôn bảo: -Này chàng trai! Ta cầu mong Phạm chí Phạm-ma an ổn hân hoan; cầu mong cho trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà, la-sát và các chủng loại khác thân the đều được an on hân hoan. Này chàng trai, Phạm chí Phạm-ma muốn đến đây thì hãy tùy ý.

161. KINH PHẠM-MA 1061

Nghe đức Phật nói như vậy, người học trò khéo thọ trì, từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra, trở về chỗ Phạm chí Phạm-ma thưa: Con đã thưa đúng như vậy với Sa-môn Cù-đàm rồi. Ngài ấy hiện đang đợi Tôn sư. Mong Tôn sư biết cho. Phạm chí Phạm-ma liền bước xuống xe, đi đến chỗ đức Phật. Hội chúng từ xa trông thấy Phạm-ma đi đến, liền đứng dậy nhường đường. Vì sao như vậy? Vì Phạm chí ây là người có danh đức và học rộng hiên nhiêu. Thấy vậy, Phạm chí Phạm-ma nói với đại chúng: Chư Hiền! Mời các vị ngồi lại chỗ cũ. Tôi muốn đi thẳng đến gặp Sa-môn Cù-đàm. Rồi Phạm-ma đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên. Bây giờ, hai căn mát và tai của Phạm-ma vân còn thông tỏ nên khi ngôi xuống rồi, Phạm-ma liền quán sát thật kỹ ba mươi hai tướng nơi thân Phật. Ông chỉ thấy ba mươi tướng nên còn nghi ngờ hai tướng, đó là mã âm tàng và lưỡi rộng dài. Thế rồi, Phạm chí Phạm-ma liền dùng kệ hỏi Thế Tôn: Như trước tôi từng nghe, Đại nhân ba hai tướng, Nay xem, thiếu hai tướng, Trên thân của Cù-đàm. Mã âm tàng có chăng, Bậc Tôn Quý ẩn kín, Nay sao đang Toi Tôn, Không hiện lưỡi vi diệu? Nêu có lưỡi rộng dài, Tôi mong được nhìn thấy, Nay tâm có nghi hoặc, Mong Điêu Ngự giải trừ. Thế Tôn thầm nghĩ: “Phạm chí Phạm-ma này muốn tìm ba mươi hai tướng nơi thân Ta, nay chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và lưỡi rộng dài. Nay Ta nên trừ môi nghi cho ông ay." Biêt vậy, nên Thế Tôn liền hiện thần thông diệu dụng, khi đã hiện thần thông diệu dụng rồi, Phạm chí ấy thấy được tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài trên thân của Như Lai. Trong đó, tướng lưỡi rộng dài ây khi thè ra có thê che trùm kháp mặt. Thế Tôn thu nhiếp thần thông rồi nói cho Phạm-ma nghe kệ này: Trước đây ông từng nghe, Đại nhân ba hai tướng, Tất cả trên thân Ta, Bậc Tối Thượng đầy đủ. Điều Ngự đoạn trừ nghi, Phạm chí khởi diệu tín, Rất kho được thấy nghe, Bậc Chánh Giác tối thượng. Rất hiếm khi xuất thế, Bậc Chánh Giác tối thượng, Phạm chí, Ta chứng đắc, Chánh Pháp vương vô thượng. [0688c09] Phạm-ma nghe vậy rồi, liền nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân thì nhất đinh sẽ có hai trường hợp chắc chắn không sai: Nêu vị ây ở tại gia, nhát định sẽ làm bậc Chuyên Luân Vương, thông minh trí tuệ, đủ bốn loại quân, thống trị thiên hạ, tùy ý tự tại, dùng Chánh pháp trị vì, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc

báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Vua có ngàn người con dung mạo đoan chánh, oai phong mạnh mẽ, đủ sức nhiếp phục kẻ địch, thống lãnh mọi thứ từ trong đất liền ra đến biển cả mà không động đao binh, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân chúng được yên ổn. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì nhất định sẽ trở thành đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, danh tiếng vang khắp, mười phương đều biết." Bấy giờ, Thế Tôn khởi nghĩ: "Phạm chí Phạm-ma này không bao giờ dua nịnh, lừa dôi. Nêu muôn hỏi điêu gì là vì muôn biêt, chứ không phải đê quây rầy. Ông ấy đã như thế thì Ta cũng nên vì ông ấy mà thuyết A-tỳ-đàm thậm thâm vi diêu." Thế Tôn nghĩ vậy rồi, liền nói cho Phạm chí Phạm-ma nghe bài tụng: Vì pháp lạc đời nay, Và ích lợi đời sau, Phạm chí nên thưa hỏi, Những điêu cân muôn biêt, Tất cả hãy nêu ra, Ta vì ông đoạn nghi. Nghe vậy, Phạm chí Phạm-ma liền dùng kệ thưa với Phật: Thế Tôn đã cho phép, Phạm chí Pham-ma tôi, Hỏi Thế Tôn những việc, Những điều cần muốn biết. Thế nào là Phạm chí? Tam đạt có nghĩa gì? Vì sao gọi Vô trước? Bậc Chánh Giác là chi? [0689a02] Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ giải thích: Diệt pháp ác, bất thiện, Vững trú nơi Phạm hạnh, Tu tập hướng Phạm hạnh, Đó gọi là Phạm chí. Thau sướt ve qua khư, Thấy nẻo khổ đường vui, Vô minh đã dứt trừ, Biết vậy rồi, tĩnh mặc. Khéo biết tâm thanh tinh, Dứt sạch tham, sân, si, Thành tựu được Ba minh, Đây chính là Tam đạt. Xa lìa pháp bất thiện, Trụ vững Đệ nhất nghĩa, Thế gian tôn kính nhất, Như vậy là Vô trước. Làm lợi ích trời, người, Ban mắt, diệt đấu tranh, Biết khắp và thấy khắp Chính là bậc Chánh Giác. Nghe vậy, Phạm-ma liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân đức Phật. Bấy giờ, đại chúng đồng thanh hô vang: "Sam6n Cù-đàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc có thần thông lớn, oai đức lớn, phước lực lớn, oai thần lớn! Vì sao như thế? So với những Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về nguồn gốc thọ sanh. Vi ấy được sanh ra trong một gia đình thuần tinh, bảy đời cha mẹ luôn gìn giữ huyết thống, đời đời không bi pha tạp; thế mà Phạm chí ấy hết lòng tôn kính lễ bái, cúng dường phụng sự Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm5 kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc có thần thông lớn, oai đức lớn, phước lực lớn, oai thần lớn! Vì sao như thế? So với những Phạm chí, cư sĩ

ở Di-tát-la này thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất tinh thông kinh thư. Vị ấy học rộng hiểu nhiều, thông thuộc bốn bộ Vệ-đà5 am tường năm thể tài ngôn ngữ là căn nguyên, chú giải, nghi quỹ, văn chương và cổ sử; thế mà Phạm chí ấy hết lòng cung kính lễ bái, cúng dường phụng sự Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm? kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc có thần thông lớn, oai đức lớn, phước lực lớn, oai thần lớn! Vì sao như thế? So với những Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tài sản. Vị ấy giàu có vô cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp vật nuôi không tính kể xiết, phong hộ thực ấp đầy đủ phong phú. Mọi thứ ở Di-tát-la, từ sông suối cho đến cỏ cây đều do vua nước Ma-kiệt-đà là Vi Sinh Oán, con hoàng hậu nước Tỳ-đà-đề, phong riêng cho Phạm-ma; thế mà Phạm chí ấy hết lòng tôn trọng lễ bái, cúng dường phụng sự

Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn cti-dàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc có thần thông lớn, oai đức lớn, phước lực lớn, oai than lớn. Vì sao như thế? So với những Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tuổi thọ. Đây là vi đại Trưởng lão sông đên một trăm hai mươi sáu tuôi; thê mà Phạm chí ây hét lòng tôn kính lễ bái, cúng dường phụng sự Sa-môn Cù-đàm.,, [0689bl0] Bấy giờ, với Tha tâm trí, Thế Tôn biết được tâm niệm của đại chúng. Biêt vậy roi, Ngài bảo Phạm chí Phạm-ma: Thôi, thôi, này Phạm chí! Chỉ cần có tâm hoan hỷ là được. Hãy ngồi xuống, Ta sẽ thuyết pháp cho ông. Phạm chí Phạm-ma đảnh lễ Phật xong, ngòi xuống một bên. Thế Tôn liền thuyết pháp, mở bày? dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ. Sau khi dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến cho hoan hỷ xong, theo đúng pháp của chư Phật, trước hết, Thế Tôn thuyết về các thiện hạnh cơ bản khiến người nghe vui mừng. Ngài giảng nói về bố thí, về trì giới, về pháp sanh thiên, chê trách tham dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi hạnh không tham dục là con đường tối thượng và thanh tịnh để vào đạo. Sau khi vì Phạm chí thuyết những pháp như thế xong, Phật biết vị ấy đã có tâm hoan hỷ? tâm đầy đủ? tâm nhu hòa, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm chuyên nhất, tâm hết nghi ngờ, tâm không bị che lấp, đã đủ năng lực thọ nhận Chánh pháp rồi, theo đúng pháp thức của chư Phật, kế đó Ngài thuyết pháp chánh yếu. Thế Tôn liền nói cho Phạm chí nghe về khổ, tập, diệt, đạo. Phạm chí Phạm-ma ngay nơi chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Như tấm vải trắng tinh rất dễ nhuộm màu, cũng vậy, Phạm-ma ngay nơi chô ngôi thây rõ bôn Thánh đê khô, tập, diệt, đạo. Bấy giờ, Phạm-ma đã thấy pháp đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không thờ ai khác, không nương ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn, được Vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật và thưa:

-Bạch Thế Tôn! Nay con xin nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc. Ke từ nay trở đi đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! [0689c01] Phạm-ma lại chắp tay hướng Phật thưa tiếp: Bạch Thế Tôn! Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo rủ lòng chấp thuận lời mời thọ trai của con vào ngày mai. Thế Tôn vì Phạm-ma nên im lăng nhận lời. Phạm-ma biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời rồi, liền cúi lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng roi lui ra? trở về nhà. Ngay đêm ấy, Phạm-ma cho chuân bị đầy đủ món ngon tinh khiêt, với nhiều loại thức ăn mem và cứng, ngay trong đêm đã bày biện hoàn tát. Sáng sớm hôm sau, Phạm chí cho trải chỗ ngồi rồi đến thưa rằng: —Bạch Thế Tôn! Nay đã đến giờ, thức ăn dọn sẵn, mong Thế Tôn đúng thời mà đến. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng đại chúng Tỳ-kheo tuân tự theo sau, cùng đen nhà Phạm-ma roi Ngài ngoi vào chỗ ngồi phía trên các Tỳ-kheo. Phạm-ma thấy Thế Tôn và đại chúng đã ngôi xong, liên tự tay múc nước rửa, tự tay dâng cúng đây đủ món ngon tinh khiết với nhiều loại thức ăn mềm và cứng, khiến Ngài cùng đại chúng được no đủ. Thọ thực xong, dọn bát? lấy nước rửa xong, Phạm-ma lây ghê nhỏ ngôi bên cạnh đê thọ nhận chú nguyện. A • M A M ,r A

Phạm-ma ngôi xuông xong, Thê Tôn chú nguyện răng: Tôn thờ lửa bậc nhất,2021 Thong âm/1 góc các am, Cõi người, vua tôn quý Sông suối, biển rộng hơn Các sao, trăng sáng nhất, Anh sáng mặt trời hơn, Trên dưới và các phương, Khắp tất cả thế gian, Từ người cho đến trời, Chỉ Phật là bậc nhất. Sau khi chú nguyện cho Phạm-ma xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Di-tát-la và ở lại đó vài ngày. Sau đó, Ngài lại đắp y, ôm bát du hành về Xá-vệ9 khi đã đến nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, so đông Tỳ-kheo khi vào Xá-vệ khất thực, nghe nói Phạm chí Phạm-ma ở Di-tát-la, sau khi dùng kệ thưa hỏi với đức Phật xong đã qua đời. Nghe vậy, thọ thực xong, vào lúc xế trưa, các Tỳ-kheo xếp cất y bát, rửa sạch tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Ton! Vào lúc sáng sớm, số đông Tỳ-kheo chúng con đắp y, ôm bát vào Xá-vệ khất thực, có nghe mọi người nói Phạm chí Phạm-ma ở Di-tát-la,

20 Nguyên tác: Chú hỏa :Cúng tế lửa, chú nguyện vào lửa, Bà-la-môn xem đó là nghi lễ tối thắng. 21 Nguyên tác: Thông âm Những âm thanh cơ bản. Mỗi chữ Phạn tương ứng với một hoặc nhiêu am tiết, vì Phạn ngữ là ngon ngữ đa âm tiết, ờ đây, nhưng mẫu tự cơ bản, gọi la tự mu là nguon góc của mọi âm thanh. Tham chiêu: Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh 4 TAO. 0279. 0178b29: Nhất thiết giai di tự mẫu vi bổn J

sau khi dùng kệ thưa hỏi với Thế Tôn xong liền qua đời. Bạch Thế Tôn, như vậy Phạm chí ấy sẽ đến nơi nào, sanh nơi nào, đời sau ra sao? The Ton đáp: Này Tỳ-kheo! Phạm chí Phạm-ma được lợi ích rất lớn, do cuối đời đã biết pháp, vì đã biêt pháp nên không phiên nhiêu Như Lai. Này Tỳ-kheo5 Phạm chí Phạm-ma đã dứt sạch năm hạ phần kiết SÍT, sanh đến nơi kia và chứng đắc Niết- bàn, được pháp bất thoái, không còn trở lại cõi này nữa. Bây giờ, Thê Tôn xác chứng Phạm chí Phạm-ma đã đác quả A-na-hàm. Đức Phật dạy như vậy, Phạm chí Phạm-ma và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.22

22 Bản Hán, hết quyển 41.

PHẨM 13: CẢN BẢN PHÂN BIỆT1 y (Gôm 10 kỉnh, thuộc ngày tụng thứ tư: Tụng phân biệt)

Bài kệ tóm tắt 10 kinh:
Phăn biệt lục giới, Xứ
Quán pháp, ôn Tuyền lâm
Thích trung thiền thất tôn
A-nan thuyết, Ỷ hành
Câu-lâu-sấu vô tránh
Anh vũ, Phân biệt nghiệp.1 2

1 Quyển 42. 2 Nguyen tác Nhiếp tụng:w :.E;
.Do đặt lại tựa đê nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh.

162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Ma-kiệt-đà rồi đến nghỉ qua đêm ở thành Vương Xá. Bấy giờ, đức Thế Tôn đến nhà người thợ gốm và hỏi: -Này thợ gôm, nay Ta muôn nghỉ ở xưởng gôm một đêm, anh có đông ý chăng? Thợ gốm trả lời: -Con thì không ngại gì, nhưng đã có một Tỳ-kheo đến ở trước đó rồi, nếu vị ấy đồng ý thì xin Ngài cứ tùy nghi. Bấy giờ, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi12 đã đến ở nơi xưởng gốm trước, thế nên đức The Tôn rời khỏi nhà thợ gốm rồi bước vào xưởng gốm và nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi: Này Tỳ-kheo! Nay Ta muốn nghỉ ở xưởng gốm này một đêm, thầy đồng ý chứ? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: -Thưa Hiên gia!3 Toi rát san long. Va lại, ơ đay đã trai săn nêm co roi, Hiên giả muôn ở lại, xin cứ tùy ý. Bấy giờ, Thế Tôn từ xưởng gốm ấy ra ngoài rửa chân xong rồi trở vào, lấy tọa cụ trải lên nệm cỏ rồi ngồi kiết-già9 suốt đêm yên lặng định tâm tĩnh tọa. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi cũng suốt đêm yên lặng định tâm tĩnh tọa như vậy. Khi ấy, Thế Tôn nghĩ: "Tỳ-kheo này an trú tịch tĩnh! Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Nay Ta có nên hỏi thầy của Tỳ-kheo ấy là ai? Tỳ-kheo ấy nương ai để xuất gia học đạo và lãnh thọ giáo pháp chống?" [0690b06] Nghĩ thế rồi, Thế Tôn liền hỏi: Này Tỳ-kheo! Thầy của Hiền giả là ai? Hiền giả nương vào ai để xuất gia học đạo và lãnh thọ giáo pháp?

1 Nguyên tác: Phân biệt lục giới kinh (r.01. 0026.162. 0690al9). Tham chiếu: Bình-sa vương ngũ nguyện kỉnh (r 14. 0511. 0779a06); M. 140, Dhātuvibhañga Sutta (Kinh giới phân biệt). 2 Phất-ca-la-sa-lợi (Pukkusāti), tên một Tôn giả xuất thân từ dòng dõi Bà-la-môn. 3 Nguyên tác: Quân ()Bằng hữu, anh bạn, Hiền giả. Pali: Āvuso. Tham chiếu: D. 16: Này Ānanda, vị Tyjdieo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả (Āvuso). Vị Tỷ-kheo niên thiêu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa {Bhante) hay E)ại đức (HT. Thích Minh Châu dịch). J “

1070 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Hiền giả! Có Sa-mon Cù-đàm dòng họ Thích, lìa xa Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chính là thầy của tôi, tôi nương Ngài để xuất gia, học đạo, thọ pháp. Thế Tôn lại hỏi: —Này Tỳ-kheo, thầy đã từng gặp Ngài ấy chưa? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: -Tôi vẫn chưa được gặp. Thế Tôn lại hỏi: - Nếu gặp Ngài ấy, thầy có nhận ra không? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Có lẽ là không! Nhưng thưa Hiền giả! Tôi có nghe Ngài là Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Ngài chính là thầy của tôi, tôi nương theo Ngài để xuất gia học đạo và lãnh thọ giáo pháp. Khi ấy, Thế Tôn lại nghĩ: "Người thiện nam này nương Ta xuất gia học đạo, lãnh thọ giáo pháp, nay Ta có nên vì vị này mà thuyết pháp chng?" Nghĩ thế rồi5 Thế Tôn bảo Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi rằng: Tỳ-kheo! Nay Ta sẽ thuyết pháp cho thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, có nghĩa có văn5 hoàn toàn thanh tịnh, hiên bày Phạm hạnh. Pháp đó gọi là 'Thân biệt sáu giớf\ thầy hãy lắng nghe và khéo nhớ

nghĩ! Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Thưa vâng! Đức Phật bảo: -Này Tỳ-kheo! Mỗi con người đều có sự tụ họp của sáu giới, sáu chỗ tiếp xúc, mười tám ý hành4 và bốn chỗ nương tựa.5 Nếu người nào an tru vào đó thì không nghe điều sầu não; đã không nghe điều sầu não nên ý không chán r r

ghét, không lo lăng, không mỏi mệt, cũng không sợ hãi. Nêu an trú vào đó thì cũng như có được sự dạy bảo, khiến không buông lung trí tuệ,6 thủ hộ chân đế và trưởng dưỡng huệ thí. Này Tỳ-kheo, hãy học về tối thượng, hãy học về tịch tĩnh, hãy phân biệt sáu giới.

4 Nguyên tác: Thập bát ý hành 18 ý cận hành gồm 6 hỷ cận hành , 6 ưu cận hành śifii, 6 xả cận hành .Tạp.L02. 0099.485. 0l23c20 gọi là Thập bát thọ . 5 Nguyên tác: Tứ trụ xứ ,caturãdhựthãnà: Bốn chồ nương tựa. 6 Nguyên tác: Bất phóng dật tuệ ,p riapparnajjeyyā.

162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI 1071

Này Tỳ-kheo! Trong mỗi người đều có sự tụ họp của sáu giới, do đâu mà nói như vậy? Là do trong mỗi người đều có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Tỳ-kheo, khi nói trong mỗi người đều có sự tụ họp của sáu giới là căn cứ vào đây vậy. Này Tỳ-kheo! Trong mỗi người đều có sáu chỗ tiếp xúc, do đâu mà nói như vậy? Là bởi vì, này Tỳ-kheo? trong mỗi người đều có nhãn xúc, tức mắt thấy sắc; nhĩ xúc, tức tai nghe tiếng; tỷ xúc, tức mũi ngửi mùi; vị xúc, tức lưỡi nếm vị; thân xúc, tức thân cảm giác; ý xúc, tức ý biết pháp. Tỳ-kheo? khi nói con người có sáu xúc là căn cứ vào đây vậy. Này Tỳ-kheo! Trong mỗi người đều có mười tám ý hành, do đâu mà nói như vậy? Là bởi vì, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, quán sắc rồi an trú nơi hỷ, quán sắc rồi an trú nơi ưu, quán sắc rồi an trú nơi xả. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy. Khi ý biết pháp, quán pháp rồi an tru nơi hỷ, quán pháp rồi an tru nơi ưu, quán pháp rồi an trú nơi xả. Này Tỳ-kheo, đây là sáu hỷ khi quán sát, sáu ưu khi quán sát và sáu xả khi quán sát, hợp lại thành mười tám ý hành. Tỳ-kheo! Nói con người có mười tám ý hành là căn cứ vào đây vậy. [0690c09] Này Tỳ-kheo! Con người có bốn chỗ nương tựa, do đâu mà nói như thế? Đó là nương tựa nơi chân dế, nương tựa nơi trí tuệ, nương tựa nơi thí xả và nương tưa nơi tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo, khi nói con người có bon chỗ nương tựa là căn cứ vào đây vậy. Này Tỳ-kheo! Thế nào là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ? Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có địa giới bên trong để duy trì sự sống, vậy địa giới bên trong bao gồm những gì? Đó là tóc, lông, móng, răng, da dày, da non5 thịt, xương, gân, thận, tim, gan, phổi, lá lách, ruột già, bao tử, phổi, phân. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về chất cứng, có tánh cứng chắc bên trong, bị chúng sanh chấp thủ, này Tỳ-kheo, đó gọi là địa giới bên trong. Này Tỳ-kheo, địa giới bên trong và địa giới bên ngoài đều được gọi chung là địa giới, tất cả chúng chẳng phải của ta, ta chẳng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi địa giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có thủy giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Đó là màng não,

nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mủ, máu, mỡ, tủy, nước dãi, đàm, nước tiểu. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc ve chất nước, có tánh nước thấm nhuần bên trong, bị chúng sanh chấp thủ, này Tỳ-kheo? đó gọi là thủy giới bên trong. Này Tỳ-kheo5 thủy giới bên trong và thủy giới bên ngoài đều gọi chung là thủy giới, tất cả chúng chẳng phải của ta, ta chẳng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như

thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi thủy giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. [0691a04] Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có hỏa giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Đó là khí nóng trong thân, khí ấm trong thân, những thứ khiến thân bức bối hay ôn hòa, những thứ giúp tiêu hóa thức ăn uống. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về chất lửa, có tánh nóng bức ở bên trong, bị chúng sanh chấp thủ, này Tỳ-kheo, đó gọi là hỏa giới bên trong. Này Tỳ-kheo, hỏa giới bên trong và hỏa giới bên ngoài đều gọi chung là hỏa giới, tất cả chúng chẳng phải của ta, ta chẳng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi hỏa giới, đó gọi là Tỳ- kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có phong giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Hơi phía trên ngực, hơi phía dưới bụng, hơi hai bên sườn, hơi nơi tuyến lệ, hơi nơi bàn chân, hơi ứ trệ trong người, hơi nơi khớp xương chân tay, hơi khi thở ra, hơi khi thở vào. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về gió, với tánh gió chuyên động bên trong, bị chúng sanh châp thủ, này Tỳ-kheo, đó gọi là phong giới bên trong. Này Tỳ-kheo? phong giới bên trong và phong giới bên ngoài đêu gọi chung là phong giới, tát cả chúng chăng phải của ta, ta chăng phải của chúng, cũng chăng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiêu như vậy, biêt đúng như thật roi thì tâm không nhiễm trước nơi phong giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có không giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Đó là hốc mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, cổ họng cử động, chỗ mà khi thức ăn được nhai nát, nuốt từ từ xuống bên dưới rồi được đào thải ra ngoài. Tương tự như thế? trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về rỗng không, tại chỗ rỗng không ấy không bị thịt, da, xương, gân che lâp, này Tỳ-kheo, đó gọi là không giới bên trong. Này Tỳ-kheo, không giới bên trong và không giới bên ngoài đều gọi chung là không giới, tất cả chúng chăng phải của ta, ta chăng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi không giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. [069lb02] Này Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo nào biết đúng như thật về năm giới như trên và khi biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước mà được giải thoát, duy chỉ còn có thức giới. Thức giới gồm những gì? Đó là thức biết lạc, thức biết khổ, thức biết hỷ5 thức biết ưu và thức biết xả.

Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những gì ưa thích nên sanh ra cảm thọ lạc, vị ấy cảm nhận cảm thọ lạc. Khi cảm nhận cảm thọ lạc rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ lạc. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích này, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích này rồi, nếu có cảm thọ lạc được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ ưa thích thì cảm thọ lạc ấy cũng bị diệt trừ, bị chấm dứt, vi ấy tuệ tri cảm thọ lạc đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những thứ khổ đau nên sanh ra cảm thọ khổ, vi ấy cảm nhận cảm thọ khổ. Khi cảm nhận cảm thọ khổ rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ khổ. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ khô đau, khi đã diệt trừ sự tiêp xúc với những thứ khô đau này rồi, nếu có cảm thọ khổ được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ khổ đau thì cảm thọ khổ ấy cũng bi diệt trừ, bị chấm dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ khổ đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những thứ vui thích nên sanh ra cảm thọ hỷ, vị ấy cảm nhận cảm thọ hỷ. Khi cảm nhận cảm thọ hỷ rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ hỷ. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ vui thích, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ vui thích này rồi, nếu có cảm thọ hỷ được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ vui thích thì cảm thọ hỷ ấy cũng bi diệt trừ, bi chấm dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ hỷ đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiêp xúc với những thứ lo buôn nên sanh ra cảm thọ ưu, vị ấy cảm nhận cảm thọ ưu. Khi cảm nhận cảm thọ ưu rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ ưu. Nêu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiêp xúc với những thứ lo buồn, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ lo buồn rồi, nếu có cảm thọ ưu được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ lo buồn thì cảm thọ ưu ấy cũng bi diệt trừ, bị chấm dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ ưu đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những thứ không vui không buồn nên sanh ra cảm thọ xả5 vị ây cảm nhận cảm thọ xả. Khi cảm nhận cảm thọ xả rôi? vị ây liền biết là mình đang cảm nhận cảm thọ xả. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ không vui không buồn, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ không vui không buồn rồi, nếu có cảm thọ xả được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ không vui không buồn thì cảm thọ xả ấy cũng bi diệt trừ, bị cham dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ xả đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do những sự tiêp xúc ây mà sanh ra những cảm thọ ây. Khi đã diệt trừ những sự tiếp xúc ấy thì những cảm thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết những cảm thọ này từ xúc mà có, xúc là gốc rễ, xúc là nguyên do, từ xúc mà sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, nương xúc mà hiện hành. Này Tỳ-kheo! Giống như cây có thể sanh ra lửa, do đó người ta dùng cây làm dùi rồi cọ xát dùi với nhau tạo ra sức nóng, từ đó phát ra lửa. Này Tỳ-kheo! Thế nhưng khi các dùi cây ấy tách rời nhau thì chẳng thể có lửa sanh ra và cũng chẳng có sức nóng để duy trì lửa, ngay cả dùi cây cũng nguội lạnh. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Do những sự tiếp xúc ấy mà sanh ra những cảm thọ ấy. Khi đã

diệt trừ những sự tiếp xúc ấy thì những cảm thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết những cảm thọ này từ xúc mà có, xúc là gốc rễ, xúc là nguyên do, từ xúc mà sanh ra? lấy xúc làm đầu mối, nương xúc mà hiện hành. Nếu Tỳ-kheo không nhiễm trước bởi ba thọ7 thì được giải thoát, khi ấy Tỳ- kheo chỉ tồn tại tâm xả, cực kỳ thanh tinh.89Tỳ-kheo ấy nghĩ thế

này: “Với tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Không vô biên xứ,9 tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó, đặt vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó. Lại nữa, với tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó, đặt vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó.59 [0691C10] Này Tỳ-kheo! Giống như người thợ kim hoàn lành nghề dùng lửa nấu chảy vàng, dập vàng thật mỏng, rồi lại nung tiếp, chỉnh lửa vừa phải, nung luyện đúng độ khiến vàng được tinh ròng, mềm mại, lấp lánh. Này Tỳ-kheo, loại vàng này đã được người thợ kim hoàn nung luyện đúng độ khiến vàng được tinh ròng, mềm mại, lấp lánh rồi thì người thợ ấy dựa theo khuôn mẫu mà tùy ý chế tác thành sợi tua cẩn vào tơ lụa để trang sức áo mói, hoặc nhẫn, vòng tay, dây chuyền hay các loại trang sức cho mái tóc. Cũng vậy, vị Tỳ-kheo ấy nghĩ thế này: "Vói tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Không vô biên xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó5 đặt vào đó? duyên vào đó, buộc vào đó. Lại nữa? với tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó, đặt vào đó5 duyên vào đó, buộc vào âỏy Roi Tỳ-kheo ây lại nghĩ thê này: "Vói tâm xả thanh tịnh này, ta nương vào Không vô biên xứ, nhưng nơi đây vẫn thuộc hữu vi, mà hữu vi thì vô thường, đã vô thường tức là có khổ; đã có khổ, liền biết là khổ, biết khổ rồi thì với tâm xả thanh tịnh này, ta không còn muốn thể nhập vào Không vô biên xứ nữa. Lại nữa, với tâm xả thanh tịnh này, ta nương vào Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ5 Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng những nơi đấy vẫn thuộc hữu vi mà hữu vi thì vô thường, đã vô thường tức là có khổ; đã có khổ, liền biết là khổ, biết khổ roi thì với tâm xả thanh tịnh này, ta không còn muôn thê nhập vào Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ nữa.^, Này Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo nào dùng trí tuệ quán chiếu bốn xứ như trên, biết đúng như thật rồi thì tâm không tương ưng và không thể nhập vào đó nữa.

7 Nguyêiưác: Tam giác ,chỉ cho 3 thọ, gồm lạc thọ ,khổ thọ không khổ
không lạcílĩ] 8 Bỉ Tỳ-kheo duy tồn ư xả, cực thanh tịnh dã .
ở đây chỉ cho tcxặ niệm thanh tinh^ khi thành tựu Tứ thiền. Tham chiếu: Trủ Đô thọ kỉnh 7101. 0026.2. 0422b21: Không khô không lạc, xả và niệm thanh tịnh,
chứng đắc và an trú Thiền thứ tư ,. 9 Nguyên tác: Vô lượng không xứ
,còn gọi Không vô biên xứ, tức một trong 4 định Vô sác Không vô biên xứ,
Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. J

162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI 1075

Bây giờ, vi ây không còn lệ thuộc hữu vi, cũng không suy tư vê hữu và vô nữa; khi có một cảm thọ cuối cùng trong giới hạn của thân1011 thì vị ấy liền biết cảm thọ cuối cùng trong giới hạn của thân; khi có một cảm thọ cuối cùng của thọ mạng thì vị ấy biết cảm thọ cuối cùng của thọ mạng; khi qua đời, thọ mạng đã chấm dứt thì tất cả cảm thọ của vị ấy bi diệt trừ, bị chấm dứt và vi ấy tuệ tri tất cả cảm thọ đã nguội lạnh.11 [0692a06] Này Tỳ-kheo ! Ví như đèn sáng là nhờ dầu và tim đèn. Nếu không có ai châm thêm dàu và nối thêm tim thì khi ngọn đèn trước đã tắt, ngọn đèn sau không thể tiếp tục sáng tiếp, vì không có gì để duy trì. Tỳ-kheo ấy cũng thế, khi có một cảm thọ cuối

cùng trong giới hạn của thân thì vị ấy liền biết cảm thọ cuối cùng trong giới hạn của thân; khi có một cảm thọ cuối cùng của thọ mạng thì vi ấy biết cảm thọ cuối cùng của thọ mạng; khi qua đời, thọ mạng chấm dứt thì tất cả cảm thọ của vi ấy bị diệt trừ, bi chấm dứt và vị ấy tuệ tri tất cả cảm thọ đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Đó là Tỳ-kheo có trí tuệ chân chánh bậc nhất, đã đạt đến tịch diệt rót ráo, dứt sạch lậu hoặc. Tỳ-kheo đã thành tựu pháp đó9 chính là thành tựu và an tru trí tuệ chân chánh bậc nhất. Này Tỳ-kheo! Sự giải thoát này an trú nơi chân đe nên hoàn toàn vững chãi;12 chân đế là pháp như thật, còn giả dối là pháp hư vọng. Tỳ-kheo! Đó là sự thành tựu và an trú chân đế bậc nhất.1314 Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo ấy phát khởi thí xả, nếu trước đây có oan gia thì bây giờ vị ây phóng xả5 lìa bỏ5 giải thoát, diệt sạch hoàn toàn. Này Tỳ-kheo! Đó là Tỳ-kheo có huệ thí chân chánh bậc nhất, xả ly mọi sự ở đời, đã được dứt sạch, 14 vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ. Tỳ-kheo đã thành tựu pháp đó, chính là thành tựu và an trú huệ thí bậc nhất. Này Tỳ-kheo! Nếu tâm của Tỳ-kheo ấy bị uế nhiễm bởi tham dục, sân hận và si mê thì không được giải thoát. Nhưng khi tất cả tham, sân, si đã được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ thì vị ấy được tịch tĩnh bậc nhất. Tỳ-kheo thành tựu pháp đó, chính là thành tựu và an trú tịch tĩnh bạc nhất.

10 Nguyên tác: Thọ thân tối hậugiác .Tham chiếu: Tạp.7.02. 0099.969. 0249a28: Thân phân tề thọ giác '.ở đây, "phân tề"chí cho giới hạn, phạm vi .M. 140: Kāyapariyantikam Giới hạn của thân. 11 Tham chiếu: s. 36.7 - IV. 210: Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cung tận đến sức chịu đựng của thân.” Khi vị áy cảm thọ mót cảm thọ cùng tận chịu đựng của sanh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đên sức chịu đựng của sanh mạng.,, Vị ấy tuệ trijang: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, một cảm thọ cảm giác Idiong có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lăng dju" HT. Thích Minh Châu dích. 12 Nguyên tác: Đắc bất di động . 13 Nguyên tác: Đệ nhất chân đế xứ .Tham chiếu: M. Ỉ40: Paramena saccādhitthānena Nương tựa chân đế tối thắng, ở đây, danh từ adhitthāna có nghĩa là chô nương tựa . 14 Nguyên tác: Tận khayā'. Dứt sạch.

Này Tỳ-kheo, ngã thật sự tồn tại là vọng tưởng;15 ngã thật sự tồn tại ở tương lai16 cũng là vọng tưởng; ngã thật sự chẳng phải có, chẳng phải không cũng là vọng tưởng; ngã thật sự có sắc cũng là vọng tưởng; ngã thật sự vô sác cũng là vọng tưởng; ngã thật sự chẳng phải hữu sắc và chẳng phải vô sắc cũng là vọng tưởng; ngã thật sự có tưởng cũng là vọng tưởng; ngã thật sự không có tưởng cũng là vọng tưởng; ngã thật sự chẳng phải có tưởng và chẳng phải không có tưởng17 cũng là vọng tưởng. Như thế là cống cao, là kiêu ngạo, là buông lung.18 Này Tỳ-kheo! Nêu không còn hét thảy vọng tưởng, công cao, kiêu ngạo hay buông lung thì tâm ý dừng lắng. Này Tỳ-kheo! Nếu tâm ý dừng lắng thì không r r chán ghét, không lo lăng, không mỏi mệt và không lo sợ. Vì sao như thê? Vì Tỳ-kheo ấy đã thành tựu pháp nên không còn chán ghét; đã không chán ghét thì không lo lắng, không lo lắng thì không sầu muộn, không sầu muộn thì không mỏi mệt; không mỏi mệt thì không lo sợ, do không lo sợ nên chứng đắc Niết- bàn, biết đúng như

thật: "Sanh tử đã chấm dứt5 Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0692b05] Nghe Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi xa lìa trần cấu, đạt được cái thấy chân thật đối với các pháp. Từ đây, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lgi đã thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không thờ ai khác, không nương ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn được Vô sở úy. Bấy giờ, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Con xin sám hối. Bạch Thiện Thệ! Con xin ăn năn. Con thật ngu si, như kẻ hồ đồ thiếu hiểu biết, không thể tự biết, không thấy ruộng phước lành! Vì sao như thế? Vì con đã dám gọi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác là "Hiền giả?9 Nguyện xin Thế Tôn cho con sám hối, con sám hôi roi thì vê sau không tái phạm nữa. r rrn*| Ạ ryn A J. / _ The Tôn đáp: Này Tỳ-kheo! Thầy thật là mê muội, thầy thật là hồtò, thầy thật sự thiếu hiểu biết mới gọi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác là "Hiền gi*." Này Tỳ-kheo! Nếu thầy có thể tự sám hối, đã thấy lỗi, tự phát lồ, giữ gìn không tái phạm nữa thì này Tỳ-kheo, ở trong giáo pháp của bậc Thánh, như vậy

15 Nguyên tác: Tư cử ê .Cử mang nghīatu mirii chủ trương .Bản Pali tương đương: Manñta, được hiểu la vọng tưởng, ao tưởng ;J . J - 16 Nguyên tác: Đương hữu :Tồn tại ở tượng lai. 17 Nguyên tác: Phi hữu tưởng phi vô tưởng ,Nevasaññā nāsaññā, còn gọi là Phi tưởng phi phi tưởng ThamÀchiếu: 77?ếký kinh 1. 0001.30.10. OUlbll: Chấp ngã tồn tại là bị trói. Chấp ngã không tôn tại là bị trói. Châp ngã có sac là bị trói. Chap ngã không phải sac là bị trói. Chấp ngã vừa có sac vừa không có sac là bị trói. Chap ngã có tưởng là bị trói. Chấp ngã không có tưởng là bị trói. Chấp ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng là bị ựói. :.

là được tăng ích chứ không tổn giảm, vì đã biết tự sám hối, đã thấy lỗi, tự phát lồ, giữ gìn không tái phạm nữa. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

163. KINH PHÂN BIỆT SÁU xứ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. r_ Bay giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn? hoàn toàn thanh tịnh, mở bày Phạm hạnh, đó gọi là Kinh phân biệt sáu xứ. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Chúng con mong được thọ giáo. Đức Phật dạy: Này các thầy! Có sáu xứ bên trong cần phải biết; có sáu xúc xứ bên trong cần phải biết; có mười tám ý hành bên trong càn phải biết; có ba mươi sáu cú nghĩa1 2 bên trong cần phải biết. Trong đó, do đoạn trừ cái kia nên thành tựu cái này. Có vô lượng thuyêt pháp cân phải biêt và tiêp nhận. Có ba niệm trụ3 đê bậc Thánh tu tập và sau khi tu tập thì bậc Thánh mới có thể giáo hóa đồ chúng. Đó là bậc Vô Thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự hướng đến mọi phương. Trên đây là tổng thuyết về phân biệt sáu xứ. [0692c05] "C6 sáu xứ bên trong cần phải biết", do đâu mà nói như thế? Đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ. Đó là sáu

xứ bên trong cần phải biết, do đây nên nói như vậy. "C6 sáu xúc xứ bên trong cần phải biết", do đâu mà nói như thế? Đó là nhãn xúc, tức mắt thấy sắc; nhĩ xúc9 tức tai nghe tiếng; tỷ xúc, tức mũi ngửi mùi; vị xúc, tức lưỡi nếm vị; thân xúc, tức thân cảm giác; ý xúc, tức ý biết pháp. Đó là sáu xúc xứ bên trong cần phải biết, do đây nên nói như vậy. "C6 mười tám ý hành bên trong cần phải biết"? do đâu mà nói như thế? Này Tỳ-kheo5 sau khi mắt thấy sắc5 phân biệt sắc rồi an trú nơi hỷ? phân biệt sắc rồi an trú nơi ưu, phân biệt sắc rồi an trú nơi xả. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân

1 Nguyên tác: Phân biệt lục xứ kinh (TOI. 0026.163. 0692b22). Tham chiếu: M. 137 Salāyatanavibhañga Sutta (Kinh phân biệt sáu xứ). 2 Nguyên tác: Tam thập lục đao ().Đao ()trong cú ngữ này có nguy tác Pali là sātthā. Sātthā vừa có nghĩa là đao kiếm, một loại vũ khí, vừa co nghĩa là ngina lý, khoa học. Tham chiếurM 137: Chattimsa sattapadā (36 cú nghía hay 36 loại chúng sanh). Trong bản Hán, đọc là sātthā (đao kiếm) thay vì satta (nghĩa lý hoặc hữu tình). Tỳ-bà-sa luận (T27. 1545.139. 0718a25): Tam thập lục sư cú ().Cả 3 bản đọc theo ngữ nguyên khác nhau. 3 Nguyên tác: Tam ý chỉ ().M. 137: Tayo satipatthānā (3 niệm trú, 3 niệm xứ).

và ý cũng vậy. Sau khi ý biết pháp, phân biệt pháp rồi an trú nơi hỷ, phân biệt pháp rồi an trú nơi ưu, phân biệt pháp rồi an trú nơi xả. Bởi do phân biệt mà có sáu hỷ, do phân biệt mà có sáu ưu, do phân biệt mà có sáu xả, hợp lại thành mười tám ý hành. Đó là mười tám ý hành bên trong cần phải biết, do đây nên nói như vậy. "C6 ba mươi sáu cú nghĩa bên trong cần phải biết", do đâu mà nói như thế? Có sáu hỷ dựa vào đắm trước, có sáu hỷ nương vào vô dục,4*có sáu ưu dựa vào đắm trước, có sáu ưu nương vào vô dục, có sáu xả dựa vào đắm trước, có sáu xả nương vào vô dục. Thế nào là sáu hỷ dựa vào đắm trước? Thế nào là sáu hỷ nương vào vô dục? Khi mắt thấy sắc rồi thì sanh hỷ, nên biết có hai loại hỷ: Một là hỷ sanh bởi đam trước, hai là hỷ sanh bởi vô dục. Thế nào là hỷ dựa vào đắm trước? Mắt biết sắc đáng ưa, vừa y, đáng nhớ, yêu thích sac, vui thích do tương ưng với dục/ nêu chưa được thì muôn cho được, đã được thì nhớ tưởng rồi phát sanh hỷ, hỷ như vậy gọi là hỷ dựa vào đắm trước. Thế nào là hỷ nương vào vô dục? Mắt biết sắc là vô thường, biến đổi, diệt tận, không đáng tham muốn, mai một, biến diệt.6 Biết rằng tất cả sắc từ trước đến nay là vô thường, khổ, hoại diệt, ghi nhớ vậy rồi thì hỷ phát sanh. Hỷ như vậy được gọi là hỷ nương vào vô dục. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy, khi ý biết pháp rồi sanh hỷ? nên biết có hai loại: Một là hỷ sanh bởi đắm trước, hai là hỷ sanh bởi vô dục. Thê nào là hỷ dựa vào đăm trước? Khi ý biêt pháp đáng ưa, vừa ý, đáng nhớ, yêu thích pháp, vui thích do tương ưng với dục, nếu chưa được thì muốn có được, đã được rồi thì nhớ tưởng nên phát sanh hỷ, hỷ như vậy gọi là hỷ dựa vào đắm trước. Thế nào là hỷ nương vào vô dục? Ý biết pháp la vô thương, biến đổi, diệt tận, không đáng tham muốn, mai một, biến diệt. Biết rằng tất cả pháp từ trước

4 Y Ước y vô dục Dựa trên sự chấp trước, nương vào sự vô dục. Theo Du-già sư địa luân 30. 1579.72. 0694c251: Ý đam thị y xuất ly ÍỈC:Dựa trên đắm chấp, dựa trên xuất ly. Nguyên tác: Nhãn tri sắc khả hỷ, ý niệm, ái sắc, dục tương

img lạc .Cách chấm câu trong để bản hơi tối nghĩa, phù hợp hơn
phải là:. Thamchiếu: luận 726. 1536.13. 0420c6:íÕia ai, kha
lạc khả hy, khả ý Af 137: Cakkhuviññeyyānam rūpānam itthānam
kantānam manāpānarn manoramānam Sāc do con mat nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, HT. Thích Minh Châu dịch. 6 Nguyên tác: Tức . Toàn câu là
,,,M, M. Trên đây là những tính chất bất toàn của sác. Tham chiêu: Hàng ma kinh
TOI. 0026.131. 0620008: Này Tỳ-kheo! Các thầy hãy^quán các hành là vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xa lìa, quán diệt, quán đoạn, khiến cho Acma không tìm được sơ hở !,,• M,.M. 137:
Sau khi biết các săc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rang: 4tCác sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sac pháp là vo thường, khô, biên hoại." Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly HT. Thích Minh Châu dịch.

163. KINH PHÂN BIỆT SÁU xứ 1081

đến nay là vô thường, khổ, hoại diệt, ghi nhớ vậy rồi thì hỷ phát sanh. Hỷ như vậy được gọi là hỷ nương vào vô dục. [0693a07] Thế nao là sáu ưu dựa vào đắm trước? Thế nào là sáu ưu nương vào vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại: Một là ưu do đắm trước, hai là ưu do vô dục. Thế nào là ưu dựa vào đắm trước? Mắt biết sắc đáng ưa5 vừa ý, đáng nhớ, yêu thích pháp, vui thích do tương ưng với dục; nếu chưa được mà mong cầu không được, những gì đã được trong quá khứ thì bị phân tán, hoại diệt, biến đổi nên ưu phát sanh. Ưu như vậy gọi là ưu dựa vào đắm trước. Thế nào là ưu nương vào vô dục? Mắt biết sắc la vô thường, biến đổi, diệt tận, không đáng tham muốn, mai một, biến diệt. Biết rằng tất cả sắc từ trước đen nay là vô thường, khổ, hoại diệt, ghi nhớ vậy rồi suy nghĩ rằng: “Bến bao giờ ta mới có thể thành tựu an trú trong xứ đó, nơi mà các bậc Thánh đã thành tựu an trú?" Đôi với vô thượng giải thoát có ước nguyện như thê nên ưu tư, biêt sầu khổ nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu nương vào vô dục. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy, khi ý biết pháp rồi sanh ưu, nên biết có hai loại ưu: Một là ưu do đắm trước, hai là ưu do vô dục. Thế nào là ưu dựa vào đắm trước? Khi ý biết pháp đáng ưa? vừa ý, đáng nhớ, yêu thích pháp, vui thích do tương ưng với dục; nếu chưa được mà mong cầu không được, những gì đã được trong quá khứ thì bi phân tán, hoại diệt, biến đoi nên ưu phát sanh. Ưu như vậy gọi là ưu dựa vào đam trước. Thế nào là ưu nương vào vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến đổi, diệt tận, không đáng tham muốn, mai một, biến diệt. Biết rằng tất cả các pháp từ trước đến nay là vô thường, khổ, hoại diệt; ghi nhớ vậy rồi suy nghĩ như vầy: "Bến bao giờ ta mới có the thành tựu an trú trong xứ đó, nơi mà các bậc Thánh đã thành tựu an trú?” Đối với vô thượng giải thoát khởi ước nguyện như thế nên ưu tư, biết sầu khổ nên sanh iru. Ưu như vậy gọi là ưu nương vào vô dục. Thế nào là sáu xả dựa vào đắm trước? Thế nào là sáu xả nương vào vô dục? Khi mắt thấy sắc rồi phát sanh xả, nên biết có hai loại: Một là dựa vào đắm trước, hai là nương vào vô dục. Thế nào là xả dựa vào đắm trước? Mắt biết sắc phát sanh xả; nghĩa là những kẻ phàm phu mê muội, không có trí tuệ, thiếu sự hiểu biết, đối với sắc có xả nhung không xuất ly sắc, đó gọi là xả dựa vào đắm trước. Thế nào là xả nương vào vô dục? Mắt biết là vô thường, biến đổi? diệt tận, không đáng

tham muốn, mai một, biến diệt. Khi đã biết tất cả sắc từ trước đến nay là vô thường, khổ, hoại diệt, ghi nhớ vậy rồi an trú vào xả. Nêu chuyên tâm nhất ý tu tập với xả như thế thì xả đó gọi là xả nương vào vô dục. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy, khi ý biết pháp rồi sanh xả5 nên biết có hai loại: Một là xả sanh do đắm trước, hai là xả sanh do vô dục.

Thế nào là xả dựa vào đắm trước? Ý biết pháp phát sanh xả; nghĩa là những kẻ phàm phu mê muội, không có trí tuệ, thiếu sự hiểu biết, đoi với pháp ấy có xả nhưng không xuất ly pháp ấy, đó gọi là xả dựa vào đam trước. Thế nào là xả nương vào vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến đổi, diệt tận? không đáng tham muốn, mai một, biến diệt. Khi đã biết tất cả các pháp từ trước đến nay là vô thường, khổ, hoại diệt, ghi nhớ vậy rồi an trú vào xả. Nếu chuyên tâm nhất ý tu tập với xả như thế thì xả đó gọi là xả nương vào vô dục. Trên đây là sáu hỷ dựa vào đắm trước, sáu hỷ nương vào vô dục, sáu ưu dựa vào đắm trước, sáu ưu nương vào vô dục, sáu xả dựa vào đắm trước, sáu xả nương vào vô dục, tổng cộng là ba mươi sáu thứ bên trong cần phải biết, do đây nên nói như vậy. [0693bl2] Vì sao nói "Do đoạn trừ cái kia nên thành tựu cái nay?^ Đối với • __ r

sáu hỷ nương vào vô dục thì nên chọn lây, nương tựa, an trú vào đây. Đôi với sáu hỷ dựa vào đam trước thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nho bỏ, như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Đối với sáu ưu nương vào vô dục thì nên chọn lấy, nương tựa, an trú vào đây. Đoi với sáu ưu dựa vào đắm trước thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ? như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Đối với sáu xả nương vào vô dục thì nên chọn lấy, nương tựa, an trú vào đây. Đối với sáu xả dựa vào chấp trước thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ5 như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Ke tiếp, đối với sáu ưu nương vào vô dục thì nên chọn lấy, nương tựa, an trú vào đây. Đối với sáu hỷ dựa vào vô dục vẫn phải chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ, như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Đối với sáu xả nương vào vô dục thì nên chọn lấy, nương tựa, an trú vào đây. Đối với sáu ưu nương vào vô dục vẫn phải chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ, như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Lại nữa, có hai loại xả: Một là xả tạp xúc, nhiều xúc; hai là xả một xúc, không nhiều xúc. Thê nào là xả tạp xúc, nhiêu xúc? Nêu xả nương vào săc5 thanh, hương, vị, xúc thì đây là xả tạp xúc, nhiều xúc. Thê nào là xả một xúc, không nhiêu xúc? Nêu xả nương vào Không vô biên xứ? hoặc nương vào Thức vô biên xứ, hoặc nương vào Vô sở hữu xứ5 hoặc nương vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì đây là xả một xúc, không nhiều xúc. Đôi với xả một xúc, không nhiêu xúc thì nên chọn lây, nương tựa, an trú vào đây. Đoi với xả tạp xúc, nhiều xúc thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ, như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Chọn lấy vô lượng, nương tựa vô lượng, an trú vô lượng, nghĩa là đối với xả một xúc này, tức xả không nhiều xúc thì nên chọn lấy, nương tựa, an tru vào

đây; còn đối với xả tạp xúc, tức xả nhiều xúc thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ? như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Như trên chính là "nhờ đoạn trừ cái kia mà thành tựu cái

này", do đây mà nói như vậy. [0693c07] "C6 vô lượng thuyết pháp cần phải biết và tiếp nhận5\ do đâu mà nói như the? Như Lai có bon hạng đệ tử, có tăng thượng hạnh, có tăng thượng tâm, có tăng thượng niệm, có tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhát, thọ đên trăm tuôi. Như Lai thuyêt pháp cho các đệ tử suôt cả trăm năm, ngoại trừ những lúc ăn uống, đại tiểu tiện, ngủ nghỉ hoặc hội họp. Pháp Như Lai thuyết đầy đủ văn cú, pháp cú, quán nghĩa; nên dùng trí tuệ mà quán chiếu nghĩa lý, không hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao như thế? Vì pháp Như Lai thuyết xuyên suốt vô cùng, thông suốt vô tận, đầy đủ văn cú, pháp cú5 quán nghĩa, cho đên khi bôn hạng đệ tử qua đời. Giống như bốn tay thiện xạ, hễ giương cung đều bắn trúng đích. Cũng vậy, bốn hạng đệ tử do khéo học khéo biết, lại có phương tiện như thế nên khi ấy rất dễ thấu triệt pháp. Như vậy, Thế Tôn có bốn hạng đệ tử, có tăng thượng hạnh, có tăng thượng tâm, có tăng thượng niệm, có tăng thượng tuệ? có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho các đệ tử suốt cả trăm năm, ngoại trừ những lúc ăn uống, đại tiểu tiện, ngủ nghỉ hoặc tụ hội. Pháp Như Lai thuyết đầy đủ văn cú? pháp r A cú, quán nghĩa; nên dùng r trí tuệ mà quán chiêu nghĩa lý? không hỏi lại Như Lai vê pháp nữa. Vì sao như thê? Vì pháp Như Lai thuyết xuyên suốt vô cung, thông suốt vô tận. Đó chính là "c6 vô lượng thuyết pháp cần phải biết và tiếp nhận,\ do đây nên nói như vậy. "Có ba niệm trụ để bậc Thánh tu tập và sau khi tu tập rồi thì bậc Thánh mới có thể giáo hóa đồ chúng", do đâu mà nói như thế? Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì lòng thương tưởng yêu mên, vì mong câu ý nghĩa và lợi ích, vì mong câu an ổn và hân hoan nên khởi tâm từ bi, đó là vì lợi ích, đó là vì hân hoan, đó là vì lợi ích và an lạc cho chúng đệ tử. Nếu các đệ tử không cung kính, cũng không thuận theo, không kiến lập trí tuệ, tâm không hướng theo pháp, không tuần tự theo pháp, không lãnh thọ Chánh pháp, trái lời Thế Tôn dạy, không thể đắc định thì Thế Tôn không vì thế mà ưu sầu. Thế Tôn chỉ an trú xả thanh tinh,7 chánh niệm tỉnh giác. Đó là niệm trụ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa. Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì lòng thương tưởng yêu mến, vì mong cầu ý nghĩa và lợi ích, vì mong cầu an ổn và hân hoan nên khởi tâm từ bi, đó là vì lợi ích, đó là vì hân hoan, đó là vì lợi ích và an lạc cho chúng đệ tử. Nếu các đệ tử biết cung kính, thuận hành theo, kiến lập trí tuệ, tâm hướng theo pháp, tuần tự theo pháp, lãnh thọ Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn dạy, có thể đắc định thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ. Thế Tôn chỉ an trú xả

7 Nguyên tác: Xả vô sở vi .

thanh tịnh, chánh niệm tỉnh giác. Đó là niệm trụ thứ hai mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa. Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì lòng thương tưởng yêu mến, vì mong cầu ý nghĩa và lợi ích, vì mong cầu an ổn và hân hoan nên khởi tâm từ bi, đó là vì lợi ích, đó là vì hân hoan, đó là vì lợi ích và an lạc cho chúng đệ tử. Nếu có đệ tử không cung kính, cũng không thuận theo, không kiến lập trí tuệ, tâm không hướng theo pháp, không tuần tự theo pháp, không lãnh thọ Chánh pháp, trái lời Thế Tôn dạy, không thể đắc định; hoặc có đệ tử biết cung kính, thuận

hành theo, kiến lập trí tuệ, tâm hướng theo pháp, tuần tự theo pháp, lãnh thọ Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn dạy, có thể đắc định thì Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ. Thế Tôn chỉ an trú xả thanh tịnh, chánh niệm tỉnh giác. Đó là niệm trụ thứ ba mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa. Như trên là ba niệm trụ mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa đồ chúng, do đây nên nói như vậy. “C6 bậc Vô Thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự hướng đến mọi phuơng", do đâu mà nói như thế? Bậc Điều Ngự là bậc chỉ hướng đến một phương, hoặc phương Đông, phương Nam, phương Tây hoặc phương Bắc. Chẳng hạn như người điều phục voi thì điều khiển voi chạy đến một phương nào đó, hoặc phương Đông, phương Nam, phương Tây hoặc phương Bắc; người điều phục ngựa thì điều khiển ngựa chạy đến một phương nào đó? hoặc phương Đông, phương Nam, phương Tây hoặc phương Bắc; người điều phục bò thì điều khiển bò chạy đến một phương nào đó, hoặc phương Đông, phương Nam, phương Tay hoặc phương Bắc. Riêng bậc Vô Thượng Điều Ngự là bậc Điều Ngự hướng đến mọi phương. Trong đó, có sắc quán sắc là phương thứ nhất; bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc là phương thứ hai; tinh giải thoát, thân tác chứng thành tựu an trú là phương thứ ba; vượt thoát mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm nhiều tưởng, nhập hư không vô lượng, chính là thành tựu an trú Không vô biên xứ, ấy là phương thứ tư; vượt thoát mọi Không vô biên xứ, nhập thức vô lượng, chính là thành tựu an trú Thức vô biên xứ, ấy là phương thứ năm; vượt thoát mọi Thức vô biên xứ5 nhập vô sở hữu, chính là thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ấy là phương thứ sáu; vượt thoát mọi Vô sở hữu xứ, nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chính là thành tựu an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ, ây là phương thứ bảy; vượt thoát mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tưởng tri diệt tận, thân tác chứng thành tựu an trú, dùng tuệ quán chiếu, dứt sạch lậu hoặc, thành tựu Đoạn trí,8 đó là phương thứ tám. Như trên chính là bậc Vô Thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự hướng đến mọi phương, do đây nên nói như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

8pô trí ./- Tỳ-bà-saluận r.28. 1546.18. 0132c23 địnhnghĩa: Nếu
như đoạn trừ tát cả ái dục, sân hận, si mê và đoạn trừ tát cả phiên não thì gọi là "Doan trí”

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuôi cũng thiện, có nghĩa có văn? hoàn toàn thanh tịnh, mở bày Phạm hạnh, đó gọi là Kinh phân biệt quán pháp. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng con mong được thọ giáo. Đức Phật dạy: Này Tỳ-kheo! Hãy quán như vậy, như vậy. Này Tỳ-kheo, nếu các thầy quán như vậy rồi mà tâm vẫn hướng ra bên ngoài, bị phân tán, tâm không an tru bên trong, do chấp thủ nên sợ hãi.12 Này Tỳ-kheo, hãy quán như vậy, như vậy. Nêu các thây quán như vậy roi, tâm không hướng ra bên ngoài, không bi phân tán, tâm an trú bên trong, do không chấp thủ nên không sợ hãi, như vậy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết nữa. Đó gọi là sự diệt tận khổ. Đức Phật dạy như thế xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền

suy nghĩ: "Chu Hiền! Nen biết Thế Tôn chỉ nói sơ lược nghĩa này chứ không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa: 'Này các Tỳ-kheo! Hãy quán như vậy, như vậy. Này Tỳ-kheo5 nếu các thầy quán như vậy rồi mà tâm vẫn hướng ra bên ngoài, bi phân tán, tâm không an tru bên trong, do chấp thủ nên sợ hãi. Này Tỳ-kheo, hãy quán như vậy, như vậy. Nếu các thầy quán như vậy rồi, tâm không hướng ra bên ngoài, không bi phân tán, tâm an trú bên trong, do không chấp thủ nên

1 Nguyên tác: Phăn biệt quản pháp roi. 0026.164. 0694b 13. Tham chiếu: M. 138, Uddesavibhanga Sutta Kinh tống thuyết và biệt thuyetỵ s. 22.7 - III. 15. 2 Nguyên tác: Bất thọ nhi khủng bố .Theo tác phẩm Madhyama-āgama Studies Dharma Drum, 2012, p. 506-07, n. 3 Tỳ-kheo Anālayo chứng minh rằng, đã có một lỗi liên quan đến việc thêm và bớt phủ định tư thuộc cú ngữ anupādā paritassanā, xuất hiện trong M. 138 và được bảo lưu trọn vẹn trong MẢ. 164, đó là t4bất thọ nhi khủng bấy .Trong khi đó, trường họp này cấn được đọc là upādā paritassanā. Theo tác gia, cấu trúc thực sự hợp ly nằm ở s. 22.7 - III. 15: Upādāparitassanañca vo, bhikkhave, desessāmi anupādāaparitassanañca Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về sự chấp thủ và tru não, sự không chap thủ và không ùru não, HT. Thích Minh Châu dịch. Bản dích bỏ phủ định từ “bất”trong cú ngữ "bất thọ nhi khung b6”dựa trên những cơ sở vừa nêu.

không sợ hãi, như vậy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết nữa. Đó gọi là sự diệt tận kh6."‘ Các Tỳ-kheo lại nghĩ: "Chu Hiền! Ai có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn vừa lược thuyết?^, Các vi ấy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên- diên34thường được Thế Tôn khen ngợi và các bậc trí tuệ Phạm hạnh kính trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn vừa lược thuyết. Này chư Hiền! Chúng ta hãy cùng đến chỗ Đại Ca-chiên-diên để thỉnh Tôn giả giải thích nghĩa này. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có giải thích điều gì thì chúng ta hãy khéo thọ trì?5 [0694c08] Thế rồi, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi xong rồi ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Tôn giả! Vừa rồi Thế Tôn lược thuyết nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa. Ngài dạy: “Các Tỳ-kheo! Hãy quán như vậy? như vậy. Này Tỳ-kheo5 nếu các thầy quán như vậy rồi mà tâm vẫn hướng ra bên ngoài, bị phân tán, tâm không an trú bên trong, do chấp thủ nên sợ hãi. Này Tỳ-kheo, hãy quán như vậy, như vậy. Nêu các thây quán như vậy rồi, tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán, tâm an trú bên trong, do không chấp thủ nên không sợ hãi, như vậy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết nữa. Đó gọi là sự diệt tận khổ.^ Chúng tôi liền suy nghĩ: "Ai có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn lược thuyết d6?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và các bậc trí tuệ Phạm hạnh kính trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn vừa lược thuyết.' Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên- diên rủ lòng thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo rằng: Chư Hiên! Hãy lăng nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ nghe ví dụ sẽ hiêu được nghĩa. Chư Hiền! Ví như có người muốn tìm lõi cây/ vì mong

được lõi cây nên vác búa vào rừng, thấy cây cao lớn có đầy đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá? hoa và lõi, nhưng người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá. Những điều chư Hiền vừa nói cũng giống như vậy. Thế Tôn vẫn còn ở đời mà chư Hiền không thưa hỏi, lại đi tìm tôi để hỏi về nghĩa này. Vì sao như thế? Chư Hiền! Nên biết Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa; do vậy hiệu của Ngài là Thế Tôn. Chư Hiền! Nên đến chỗ Thế Tôn mà hỏi nghĩa ấy: “Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gì?" Thế Tôn giảng giải thế nào thì các vị hãy khéo thọ trì thế ấy.

3 Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ;Theo Tăng.7I02. 0125.4.2. 0557b04, Ngài là một trong loo vị đại đệ tử của đức Phật, chuyên về luận giải. 4 Nguyen tác: Thật :Rắn chắc Tham chiêu: A. 10.115 - v. 224: Sãra cốt lõi, lõi cây.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP 1087

[0695a01] Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: Thưa vâng, Ton giả Đại Ca-chiên-diên! Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, co nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa; do vậy hiệu Ngài là Thế Tôn. Lẽ ra chúng tôi nên đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này: "Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Nếu Thế Tôn dạy thế nào thì chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng chúng tôi lại nghĩ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và các bậc trí tuệ Phạm hạnh kính trọng nên Tôn giả có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn vừa giảng thuyết sơ lược. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên rủ lòng thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy cho! Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Hãy lắng nghe tôi nói. Chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ- kheo hướng ra bên ngoài, bi phân tán? Chư Hiền! Tỳ-kheo ấy, khi mắt thấy sắc, thức theo sác tướng, thức đăm vào tướng đáng ưa của săc5 thức bị trói bởi tướng đáng ưa của sắc, do vị ngọt của sắc tướng ấy ràng buộc tâm nên tâm hướng ra bên ngoài, bi phân tán. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy, khi ý biết pháp, thức theo pháp tướng, thức đam vào tướng đáng ưa của pháp, thức bị trói bởi tướng đáng ưa của pháp, do vị ngọt của pháp tướng ấy ràng buộc tâm nên tâm hướng ra bên ngoài, bị phân tán. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân tán. Chư Hiền! Thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán? Chư Hiền! Tỳ-kheo ấy, khi mắt thấy sắc, thức không theo sắc tướng, thức không đắm vào tướng đáng ưa của sắc, thức không bi trói bởi tướng đáng ưa của sắc; do vị ngọt của sắc tướng ấy không thể ràng buộc tâm nên tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy, khi ý biết pháp, thức không theo pháp tướng, thức không đắm vào tướng đáng ưa của pháp, thức không bi trói bởi tướng đáng ưa của pháp, do vị ngọt của pháp tướng ấy không thể ràng buộc tâm nên tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán. Chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán. Thế nào là tâm Tỳ-kheo không an trú bên trong? Chư Hiền! Tỳ-kheo lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ? lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Rồi thức của vị ấy đắm vào vị ngọt của sự xa lìa đó5 nương vào đó, trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an tru bên trong. Lại nữa, chư

Hiền! Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán. Rồi thức của vị ấy đắm vào vị ngọt của định, nương vào đó, trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an tru bên trong.

1088 KINH TRƯNG A-HÀM

Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Rồi thức của vị ấy đam vào vị ngọt của sự ly hỷ, nương vào đó? trụ vào đó5 duyên vào đó? buộc vào đó nên thức không an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tinh. Rồi thức của vị ấy đắm vào vị ngọt của xả, niệm thanh tịnh, nương vào đó trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an trú bên trong. [0695b07] Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tạp tưởng, nhập hư không vô lượng, thành tựu an trú Không vô biên xứ. Rồi thức của vị ấy đam vào vị ngọt của không trí, nương vào đó, trụ vào đó? duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô lượng, thành tựu an trú Thức vô biên xứ. Rồi thức của vị ấy đắm vào vị ngọt của thức trí, nương vào đó, trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ. Roi thức của vị ây đăm vào vị ngọt của vô sở hữu trí, nương vào đó5 trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Vô sở hữu xứ, nhập phi tưởng phi phi tưởng, thành tựu an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Rồi thức của vị ấy đắm vào vị ngọt của phi tưởng trí, nương vào đó, trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an trú bên trong. Này chư Hiền! Thế nào là tâm Tỳ-kheo an trú bên trong? Chư Hiền! Tỳ- kheo lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất; nhưng thức của vị ấy không đăm vào vị ngọt của sự xa lìa đó, không nương vào đó? trụ vào đó; không duyên vào đó? buộc vào đó nên thức an trú bên trong. A 9

Lại nữa, chư Hiên! Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán; nhưng thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt của định, không nương vào đó, trụ vào đó? không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm; nhưng thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP 1089

của sự ly hỷ, không nương vào đó? trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó,

nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh; nhung thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt của xả? niệm thanh tịnh, không nương vào đó, trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. [0695c05] Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tạp tưởng, nhập hư không vô lượng, thành tựu an tru Không vô biên xứ; nhxmg thức của vi ấy không đam vào vi ngọt của không trí, không nương vào đó? trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô lượng, thành tựu an trú Thức vô biên xứ; nhưng thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt của thức trí, không nương vào đó? trụ vào đó; không duyên vào đó5 buộc vào đó nên thức an tru bên trong, Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Thức vo biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ; nhưng thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt của vô sở hữu trí, không nương vào đó, trụ vào đó; không duyên vào đó? buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Vô sở hữu xứ, nhập phi tưởng phi phi tưởng, thành tựu an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; nhưng thức của vị ấy không đam vào vị ngọt của phi tưởng trí, không nương vào đó, trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Này chư Hiền! Như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo an trú bên trong. Này chư Hiền! Thế nào là Tỵ-kheo do chấp thủ nên sợ hãi? Chư Hiền, Tỳ- kheo không lìa sự đắm nhiễm sắc, không lìa sự tham muốn sắc, không lìa sự luyên ái săc, không lìa sự khát khao sác. Chư Hiên, nêu Tỳ-kheo không lìa sự đắm nhiễm sắc, không lìa sự tham muốn sắc, không lìa sự luyến ái sắc, không lìa sự khát khao sắc thì vị ấy muốn được sắc, truy tìm sắc, đắm trước sắc, tru r y r r A vào sác và cho răng sác chính là ta, săc là sở hữu của ta. Khi muôn được sác, truy tìm sắc, đắm trước sắc, trú vào sắc và cho rằng sắc chính là ta, sắc là sở hữu của ta rồi thì thức bám víu sắc. Thức bám víu sắc rồi thì khi sắc ấy biến đổi, thức cũng biến đổi theo. Khi thức biến đổi theo sắc rồi, vị ấy sanh khởi trạng thái lo sợ và tâm trú vào đó. Bởi tâm không biết5 nên sanh sợ hãi, phiền nhọc, do chấp thủ nên sợ hãi. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tỳ-kheo không lìa sự đắm nhiễm thức, không lìa sự tham muốn thức, không lìa sự luyến ái thức, không

5 Nguyên tác: Tâm bất tri :Tâm không biết đúng như pháp, tức không thắng tri, không tuệ tri.

lìa Sự khát khao thức. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo không lìa sự đắm nhiễm thức, không lìa sự tham muốn thức, không lìa sự luyến ái thức, không lìa sự khát khao thức thì vị ấy muốn được thức, truy tìm thức, đắm trước thức, tru vào thức và cho rằng thức chính là ta, thức là sở hữu của ta. Khi muốn được thức, truy tìm thức, đắm trước thức, trú vào thức và cho rằng thức chính là ta, thức là sở hữu của ta rồi thì thức bám víu thức. Khi thức bám víu thức rồi thì khi thức ấy biến đổi, thức cũng chuyển đổi theo. Khi thức chuyển theo thức rồi, vị ấy sanh khởi trạng thái lo lắng và tâm trú vào đó. Bởi tâm không biết nên sanh sợ hãi, phiền nhọc, do chấp thủ nên sợ hãi. Này chư Hiền! Như vậy gọi là Tỳ-kheo do chấp thủ nên sợ hãi. [0696a07] Này chư Hiền! Thế nào gọi là

Tỳ-kheo do không chấp thủ nen không sợ hãi? Chư Hiền! Tỳ-kheo lìa sự đắm nhiễm sắc, lìa sự tham muốn sắc, lìa sự luyến ái sắc, lìa sự khát khao sắc. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo lìa sự đắm nhiễm sắc, lìa sự tham muốn sắc, lìa sự luyến ái sắc, lìa sự khát khao sắc thì vị ấy không muốn được sắc, không truy tìm sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc và nghĩ rang sắc chẳng phải là ta, sắc chẳng phải sở hữu của ta. Khi không muốn được sắc, không truy tìm sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sác và nghĩ răng săc chăng phải là ta, sác chăng phải sở hữu của ta roi thì thức không bám víu sắc. Khi thức không bám víu sắc thì khi sắc ấy biến đổi, thức không biến đổi theo. Khi thức không biến đổi theo sắc thì vị ấy không sanh khởi trạng thái lo sợ và tâm không trú vào đó. Bởi tâm biết6 nên không sợ hãi, không phiền nhọc, do không chấp thủ nên không sợ hãi. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tỳ-kheo lìa sự đắm nhiễm thức, lìa sự tham muốn thức, lìa sự yêu thích thức, lìa sự khát khao thức. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo lìa sự đăm nhiêm thức, lìa sự tham muôn thức, lìa sự yêu thích thức, lìa sự khát khao thức thì vị ấy không muốn được thức, không truy tìm thức, không đắm trước thức, không tru vào thức và nghĩ rằng thức chăng phải là ta, thức chăng phải sở hữu của ta. Khi không muốn được thức, không truy tìm thức, không đắm trước thức, không tru vào thức và nghĩ rằng thức chẳng phải là ta, thức chẳng phải sở hữu của ta rồi thì thức không bám víu thức. Khi thức không bám víu thức thì khi thức ấy biến đổi, thức không chuyển đổi theo. Khi thức không chuyển theo thức thì vị ấy không sinh khởi trạng thái lo sợ và tâm không trú vào đó. Bởi tâm biết nên không sợ hãi, không phiền nhọc, do không châp thủ nên không sợ hãi. Này chư Hiền! Như vậy gọi là Tỳ- kheo do không chấp thủ nên không sợ hãi. Này chư Hiền! Thế Tôn lược thuyết nghĩa này nhimg không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy vào thất tĩnh tọa: 66Tỳ-kheo! Hãy quán như vậy, như vậy. Này Tỳ-kheo, nếu các thầy quán như vậy rồi mà tâm vẫn hướng ra bên ngoài, bị phân tán, tâm không an trú bên trong, do chấp thủ nên

6 Nguyên tác: Tâm tri Tâm thắng tri, tâm tuệ tri.

SỢ hãi. Này Tỳ-kheo, hãy quán như vậy, như vậy. Nếu các thầy quán như vậy rồi, tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán, tâm an tru bên trong, do không chấp thủ nên không sợ hãi. Như vậy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết nữa, đó gọi là sự diệt tận kh8."ở dây, Thế Tôn chỉ giảng thuyết sơ lược nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, tôi đã dùng văn cú như trên, lời lẽ như trên để giải thích rõ ràng như thế. Này chư Hiền! Các vị hãy đến chỗ Thế Tôn trình bày đầy đủ, nếu đức Thế Tôn dạy nghĩa gì thì chư Hiền nên thọ trì nghĩa ấy. [0696b06] Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên chỉ bày, liền khéo ghi nhớ thọ trì, roi từ chỗ ngoi đứng dậy nhiễu quanh Tôn giả ba vòng, sau đó lui ra đi đen chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ xong, ngoi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Thế Tôn chỉ giảng thuyết sơ lược về nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, rồi Ngài liền rời khỏi chỗ ngồi vào thất tĩnh tọa. Thế nên, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy đê giải thích một cách rõ ràng vê nghĩa đó. r A y Thê Tôn nghe xong, liên khen ngợi răng: Lành thay, lành thay! Đệ tử của Ta đúng là có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao như thế? Vì Ta

chỉ nói sơ lược về nghĩa này, không giải thích tường tận, nhưng đệ tử ấy đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy để giải thích rõ ràng nghĩa ấy. Đúng như những điều mà Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã giảng giải, các thầy hãy nên thọ trì như thế. Vì sao như vậy? Vì đã quán thông ý nghĩa nên nói như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

7 Bản Hán, hết quyển 42.

165. KINH THIÊN THẦN ở RỪNG ÔN TUYỀN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa.12 Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề3 cũng đến thành Vương Xá, trú trong rừng On Tuyền.45Một hôm, trời vừa rạng sáng, Tôn giả Tam-di-đề ra khỏi phòng đến suối Ôn Tuyền, cởi áo để trên bờ rồi xuống suối tắm rửa. Tắm xong, Tôn giả lên bờ, lau thân thể rồi mặc áo vào. Khi ấy, trời vừa rạng sáng, có một thiên thần dung sắc thù thắng, tướng mạo uy nghi, đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề cúi đầu đảnh lê roi đứng sang một bên. Dung sắc oai thần của vị thiên thần ấy vô cùng tuyệt diệu, rạng ngời chiếu soi khắp cả bờ suối ôn Tuyền. Sau khi đứng sang một bên rồi, thiên thần liền thưa với Tôn giả Tam-di-đề: Tỳ-kheo! Thầy có thọ trì bài kệ "Một đêm an lành"5 hay không? FT1 _ _ • 9 __ J • 4L Á 4- / _ Ton gia Tam-di-đê đáp: Tôi không thọ trì bài kệ uMột đêm an lanh." Khi ấy, Tam-di-đề hỏi lại thiên thần: Ngài có thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" hay không? Thiên thần đáp: -Tôi cũng không thọ trì bài kệ uMột đêm an lanh" ấy. Ton giả lại hoi: Thế thì ai thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh,9 vậy? Thiên thần trả lời: Đức Thế Tôn đang du hóa tại thành Vương Xá này, trú trong rừng trúc Ca- lan-đa9 Ngài có thọ trì bài kệ uMột đêm an l^nh." Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện

1 Quyển 43. Nguyên tác: ôn Tuyền lâm thiên kinh (01. 0026.165. 0696Ồ26). Tham chiêu: M. 133, Mahākaccānabhaddekaratta Sutta (Kinh Đại Ca-chiên-diên nhất dạ hiền gia). 2 Nguyên tác: Trúc lâm Ca-lan-đa viên (Kāranda VeỊuvana). 3 Tôn giả Tam-di-đề (‚Āyasmā Samiddhi). 4 Nguyên tác: ôn Tuyền lâm (‚Tapodārama), khu rừng có suối nước nóng (ôn Tuyền, Pali ghi là Tapodā), dưới chân núi Vebhāra, ngoài thành Vương Xá. Do vì đây là một địa danh nôi tiêng nên sử dụng Ôn Tuyền như một danh từ riêng. 5 Nguyen tác: Bạt-địa-la-đế ()phiên âm từ bhaddekaratta, gồm 2 thành tố là bhaddā (an lành, điềm lành, tốt đẹp) và ekaratta (mọt đêm).

kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo thọ trì, tụng tập bài kệ uMột đêm an lanh?9 Vì sao như vậy? Vì bài kệ "Một đêm an lành,, ấy có pháp, có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, đưa đến Niết-bàn. Là người thiện nam có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, thầy cần phải khéo léo thọ trì, tụng tập bài kệ uMột đêm an lành" ấy. Thiên thần nói như vậy xong, cúi lạy sát chân Tôn giả Tampi-dề, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi nơi ấy. Sau khi thiên thần biến mất không lâu, Tôn giả Tam-di-đề đến chỗ đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay5 lúc trời hừng sáng, con ra khỏi phòng

đến suối Ôn Tuyền, cởi áo để trên bờ roi xuống suối tắm rửa. Tam xong, con lên bờ, lau thân thể rồi mặc áo vào. Khi ấy trời vừa rạng sáng, b6ng có một thiên thần dung nhan thù thắng, tướng mạo uy nghi đến chỗ con cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Lúc ấy, ánh sáng than diệu từ thiên than chói sáng khắp bờ suối On Tuyền. Sau khi đứng sang một bên rồi, thiên thần ấy liền thưa với con: "Tỳ- kheo! Thầy có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lanh9 hay khong?99 Con đáp: "Tôi không thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành."' Khi ấy5 con liền hỏi lại thiên thần: "Ngài có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành5 hay kh6ng?" Thiên thần đáp: “T6i cũng không thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành9 ấy." Con lại h6i "Thế thì ai thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' vay?" Thiên thần trả lời: “Dức Thế Tôn đang du hóa tại thành Vương Xá này, trú trong rừng trúc Ca-lan-đa, Ngài có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành/ Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo léo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lành/ Vì sao như vậy? Vì bài kệ 'Một đêm an lànhấy có pháp, có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, đưa đến Niết-bàn. Là người thiện nam có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, thầy cần phải khéo léo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lnh' ấy.” Thiên thần nói như vậy xong, cúi lạy sát chân con rồi nhiễu quanh ba vòng và biến mất khỏi nơi ấy. [0697a08] Nghe xong, Thế Tôn hỏi: -Này Tam-di-đề! Thầy có biết thiên thần kia từ đâu đến và tên là gì chăng? _ • 9 rT^_ J • 4. Á 4- / Ton giả Tam-di-đê đáp: -Bạch Thế Tôn! Con không biết thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết vị áy tên gì. The Ton bao: -Này Tam-di-đề! Thiên thần kia tên Chánh Điện, làm tướng quân ở cõi trời Ba Mươi Ba. Khi ấy, Tôn giả Tam-di-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà nói bài kệ "Một đêm an lành" thì car Tỳ- kheo sau khi nghe xong, sẽ khéo thọ trì.

165. KINH THIÊN THẦN ở RÙNG ÔN TUYỀN 1095

The Ton bao:

Này Tam-di-đề! Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói cho thây nghe.

Ton giả Tam-di-đê đáp:

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai,

Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến.

Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy,

Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy.

Ạ _ /x/ _ A • _1 ẠJ _ Á

Nếu tu theo bậc Thánh, Thau ro noi chét sâu?

Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn.

r \

Găng tinh cân như vậy? Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kẹ 6ÍMột đêm a lành* Đức Phật dạy như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chu Hiền! Nên biết rằng Thế Tôn chỉ nói bài kệ tóm tắt này, không giải thích tường tận, rồi liền rời chỗ ngồi đi vào tịnh thất

tĩnh tọa: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sâu, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kẹ ẾMột đêm an lành [0697Ồ08] Các Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: "Này chư Hiền, ai có thể giải thích tường tận nghĩa mà Thế Tôn vừa nói một cách tóm tắt đó?" Các vị ấy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và được các bậc Phạm hạnh có trí tuệ kính trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn vừa nói tóm tắt. Này chư Hiền! Chúng ta hãy cùng đến chỗ Đại Ca-chiên-diên để thỉnh Tôn giả giải thích nghĩa này. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có giải thích điều gì thì chúng ta hãy khéo thọ tri.” Thế rồi, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi xong rồi ngồi sang một bên và thưa: -Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Xin Tôn giả biết cho, đức Thế Tôn vừa nói tóm tắt bài kệ này, không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến.

1096 KINH TRƯNG A-HÀM

Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. rpl Ấ M y • l Á . À Nếu tu theo bậc Thánh, Thâu rõ nôi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh can như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành.” Chúng tôi liền suy nghĩ: "Ai có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn đã nói tóm tắt d6?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và được các bậc Phạm hạnh có trí tuệ kỉnh trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn vừa nói tóm tắt d6." Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên rủ lòng thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo: -Chư Hiên! Hãy lăng nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ nghe ví dụ sẽ hiêu được ý nghĩa. Chư Hiền! Như có người muốn tìm lõi cây,6 vì mong được lõi cây nên vác búa vào rừng, thấy cây cao lớn có đầy đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi, nhưng người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá. Những điều chư Hiền vừa nói cũng giống như vậy. Thế Tôn vẫn còn ở đời mà chư Hiền kh6ng thưa hỏi lại đi tìm tôi để hỏi về nghĩa này. Vì sao như thế? Chư Hiền! Nên biêt Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả nghĩa, do vậy hiệu Ngài là Thế Tôn. Chư Hiền! Nen đến chỗ Thế Tôn mà hỏi nghĩa ấy: "Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Thế Tôn giảng giải thế nào thì các vị hãy khéo thọ trì thế ấy. [0697C10] Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: —Thưa vâng, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Thế Tôn là bậc có mắt, co trí, có nghía, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa, do vậy hiệu Ngài là Thế Tôn. Lẽ ra chúng toi nên đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này: "Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Nếu Thế Tôn dạy thế nào thì chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng chúng tôi lại nghĩ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và được các bậc Phạm hạnh có trí tuệ kính trọng nên Tôn giả có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn vừa giảng nói tóm tắt. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên rủ lòng

thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy cho! Tôn giả Đại Ca-chiên-diên liền bảo các Tỳ-kheo: Vậy chư Hiền! Hãy lắng nghe tôi nói. Thế nào là Tỳ-kheo nhớ nghĩ về quá khứ? Chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo nào thật sự có mắt biết sắc đáng ưa, vừa ý, dáng nhớ, yêu thích sắc, tâm ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguồn, ngọn nguồn tức là quá khứ. Thức ở quá khứ của vị ấy bị nhiễm trước

6 Nguyên tác: Thật :Rắn chắc .Tham chiếu: A. 10.115 - v. 224: Sara cốt lõi, lõi cây.

bởi dục; do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên càng ưa thích; do ưa thích nên càng nghĩ tưởng quá khứ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; khi ý biết pháp đáng ưa5 vừa ý9 đáng nhớ, yêu thích pháp, tâm ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguồn và ngọn nguồn tức là quá khứ. Thức ở quá khứ của vị ây bị nhiễm trước bởi dục; do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên càng ưa thích; do ưa thích nên càng nghĩ tưởng quá khứ. Hiền giả, như vậy gọi là Tỳ-kheo nghĩ tưởng quá khứ. Chư Hiền! Thế nào là Tỵ-kheo không nghĩ tưởng quá khứ? Chư Hiền! Tỳ- kheo nào thật sự có mắt biêt sắc đáng ưa, vừa ý, đáng nhớ, yêu thích sắc, ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguồn, ngọn nguồn tức là quá khứ. Thê nhưng, thức ở quá khứ của vi ây không bị nhiễm trước bởi dục; do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích; do không ưa thích nên không nghĩ tưởng quá khứ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; khi ý biêt pháp đáng ưa, vừa ý, đáng nhớ, yêu thích pháp, ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguồn và ngọn nguồn tức là quá khứ. Thế nhưng, thức ở quá khứ của vi ấy không bi nhiễm trước bởi dục; do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích, do không ưa thích nên không nghĩ tưởng quá khứ. Hiền giả, như vậy gọi là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ. [0698a08] Thế nào là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở tương lai, nếu chưa được thì mong có được, đã được thì tâm mơ tưởng, do tâm mơ tưởng nên ưa thích, do ưa thích nên lại mơ tưởng tương lai. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đối với ý căn, pháp trần và ý thức ở tương lai, nếu chưa được thì mong có được, đã được thì tâm mơ tưởng, do tâm mơ tưởng nên ưa thích, do ưa thích nên lại mơ tưởng tương lai. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai. Thế nào là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở tương lai, nếu chưa được thì không mong được, đã được thì tâm không mơ tưởng, do tâm không mơ tưởng nên không ưa thích, do không ưa thích nên khônẹ mơ tưởng tương lai. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đôi với ý căn? pháp trân và ý thức ở tương lai, nếu chưa được thì không mong được, đã được thì tâm không mơ tưởng, do tâm không mơ tưởng nên không ưa thích, do không ưa thích nên không mơ tưởng tương lai. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai. Này chư Hiền! Thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vị ấy bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên ưa thích, do ưa thh nên chấp thủ pháp hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đối

với ý căn, pháp tran và ý thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vi ấy bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên ưa thích, do ưa thích nên chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại.

1098 KINH TRUNG A-HÀM

Thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vị ấy không bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích, do không ưa thích nên không chấp thủ pháp hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đối với ý căn, pháp tran và ý thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vị ấy không bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích, do không ưa thích nên không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại. [0698b05] Này chư Hiền! Thế Tôn đã nói tóm tắt bài kệ này, không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. FTīl Ặ /V _ K Ặ À Nếu tu theo bậc Thánh, l Thau rõ noi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành." ở đây, Thế Tôn chỉ giảng nói tóm tắt bài kệ này, không giải thích tường tận, tôi đã dùng văn cú như trên, lời lẽ như trên để giải thích rõ ràng như thế. Này chư Hiền! Các vi hãy đến chỗ Thế Tôn trình bày đầy đủ? nếu đức Thế Tôn dạy nghĩa gì thì chư Hiền nên thọ trì nghĩa ấy. Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên chỉ bày, liền khéo ghi nhớ thọ trì, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu quanh Tôn giả ba vòng, sau đó lui ra đi đến chô Thê Tôn cúi lạy xong, ngôi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Thế Tôn chỉ giảng nói tóm tắt về nghĩa này, không giải thích tường tận, rồi Ngài liền rời khỏi chỗ ngồi đi vào thất tĩnh tọa. Thế nên, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy để giải thích rõ ràng về nghĩa đó. Thế Tôn nghe xong, liền khen ngợi: Lành thay, lành thay! Đệ tử của Ta đúng là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao như thế? Vì Ta chỉ nói tóm tắt về nghĩa này, không giải thích tường tận, nhưng đệ tử ấy đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy để giải tỉúch rõ ràng nghĩa ấy. Đúng như những điều mà Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã giảng giải, các thầy hãy nên như vậy mà thọ trì. Vì sao như thế? Vì đã quán thông ý nghĩa nên giảng nói như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

166. KINH TÔN GIẢ ở THIỀN THẤT TRONG DÂN CHÚNG HỌ THÍCH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ12 du hóa giữa dân chúng họ Thích,3 ngụ tại thiền thất trong khu rừng.45Một hôm, trời vừa rạng sáng, Tôn giả Lô-di-cường- kỳ rời thiền thất, đi đến chỗ bóng mát nơi khoảng đất trống cạnh thiền thất, trải tọa cụ lên giường dây roi ngôi kiêt-già tĩnh tọa. Khi ây, trời vừa rạng sáng, có một Thiên thân dung sác thù thăng, tướng mạo uy nghi, đến chỗ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Dung sắc oai thần của vi Thiên thần ấy vô cùng tuyệt diệu, rạng ngời chiếu soi

khắp cả thiền thất. Sau khi đứng sang một bên rồi, Thiên thần liền thưa với Tôn giả Lô-di-cường-kỳ: Thưa Tỳ-kheo! Thầy có thọ trì bài kệ "M0t đêm an lnh"5 và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy chăng? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời: -Tôi không thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh" và cũng không nắm được ý nghĩa của bài kệ. Rồi Tôn giả hỏi lại Thiên thần: Ngài có thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh59 và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy chăng? Thiên thần đáp: -Tôi có thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh59 nhung không nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy.

1 Nguyên tác: Thích trung thiền thất tôn kỉnh roi. 0026.166. 0698c03. Tham chiếu: Tôn thượng kinh 0.01. 0077. 0886a25; M. 134, Lomasakañgiyabhaddekaratta Suita Kinh Lomasakangiya nhát dạ hiên giã. 2 Lô-di-cường-kỳ ,Lomasakahgiya. 3 Nguyên tác: Thích trung ,Sakkesu'. Trong dân chúng họ Thích.

4 Nguyên tác: yôsự thiền thất Thiền thất ở trong rừng. Vô sự còn được dịch là A-lan-nhã arañña. 5 Nguyên tác: Bạt-địa-la-đế .Xem chú thích 5, kinh số 165, tr. 1093.

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ lại hỏi: Sao ngài thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" mà lại không nắm được ý nghĩa? Thiên thần đáp: -Một thời, Thế Tôn du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan- đa. Bấy giờ, Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ "Một đêm an lành" như sau: Chớ nghĩ vê quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành." [0699a01] Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" như vậy, nhưng không thể nắm được ý nghĩa của bài kệ. Ton gia Lô-di-cương-ky hoi Thiên than: -Vậy ai là người thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy? Thiên thần đáp: - Thế Tôn đang du hóa nước Xá-vệ này, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Ngài là người thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" và nắm được ý nghĩa của bài kệ này. Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo thọ trì, tụng tập bài kệ "Một đêm an lành" cùng ý nghĩa của bai kệ ấy. Vì sao như vậy? Vì bài kệ "Một đêm an lành,5 và ý nghĩa của bài kệ rất có đạo lý, rất có pháp vị, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niêt-bàn. Là người thiện nam có niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì thây cân phải khéo thọ trì, tụng tập bài kệ "Một đêm an lanh" và ý nghĩa của bài kệ ấy. Nói như vậy xong, thiên thần đảnh lễ và nhiễu quanh Tôn giả Lô-di-cường-kỳ ba vòng rồi biến mất khỏi nơi ấy. Sau khi Thiên thần biến mất không lâu, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ cũng kết thúc an cư mùa mưa nơi dân chúng họ Thích. Qua ba tháng an cư, việc may vá y áo đã xong, Tôn giả đắp y, ôm bát đi đến nước Xá-vệ. Tôn giả dần đến nước Xá-vệ rồi ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ đến chỗ đức Phật, cung kính đảnh lễ Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Có lần, con du hóa giữa dân chúng họ Thích, ngụ tại thiền

thát trong rừng. Một hôm, trời vừa rạng sáng, con rời thiền thất, đến chỗ bóng mát nơi khoảng đất trống bên cạnh thiền thất, trải tọa cụ lên giường dây rồi ngồi kiết-già tĩnh tọa.

166. KINH TÔN GIẢ ở THIỀN THẤT TRONG DÂN CHÚNG HỌ THÍCH ộ HOI

Khi ấy, trời vừa rạng sáng, có một thiên thần dung sắc thù thắng, tướng mạo uy nghi, đen chỗ con cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Dung sắc oai thần của vi thân áy vô cung tuyệt diệu, rạng ngời chiêu soi kháp cả thiên that. Sau khi đứng qua một bên, vị thiên thần ấy liền hỏi con: "T'-kheo! Thầy có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' và nắm được ý nghĩa của bài kệ chng?" Con trả lời rằng: "T6i không thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành9 và cũng không nắm được ý nghĩa của bài ke Lúc đó con hỏi lại thiên thần: "Ngài có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' và nắm được ý nghĩa của bài kệ chpg?" Thiên thần đáp: “T6i có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành\ nhưng không nắm được ý nghĩa của bài kệ.,, Rồi con lại hỏi: "Tại sao thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' mà lại không nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy?" Thiên thần đáp: "Mot thời, Thế Ton du hóa tại thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Thế Tôn nói cho các Ty-kheo nghe bài kệ 'Một đêm an lành' như sau: Chớ nghĩ vê quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Y niệm thường đôi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sâu? Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ 'Một đêm an lành.' [0699Ồ09] Này Tỳ-kheo? tôi thọ trì kệ 'Một đêm an lành9 như vậy, nhung không thể nắm được ý nghĩa của no." Con lại hỏi thiên than: "Vậy ai là người thọ trì kệ 'Một đêm an lành' và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy?" Thiên thần đáp: "Thế Tôn đang du hóa tại nước Xá-vệ này, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Ngài là người thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành9 và nắm được ý nghĩa của bài kệ này. Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lành' và ý nghĩa của bài kệ ấy. Vì sao như vậy? Vì bài kệ 'Một đêm an lành' và ý nghĩa của bài kệ rất có đạo lý, rất có pháp vị, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niêt-bàn. Là người thiện nam có niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì thầy cần phải khéo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lành9 và ý nghĩa của bài kệ ấy." Nói như vậy xong, thiên thần cúi đầu đảnh lễ và nhiễu quanh con ba vòng rồi biến mất khỏi nơi ấy. Nghe xong, Thế Tôn hỏi Tôn giả Lô-di-cường-kỳ: Thầy có biết thiên thần kia từ đâu đến và tên gì không? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Con không biết thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết vị ấy tên gì.

1102 KINH TRUNG A-HÀM

The Ton bao: -Này Lô-di-cường-kỳ! Thiên thần kia tên là Ban-na56 làm tướng quân ở cõi trời Ba Mươi Ba. Lúc ấy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Kính bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà nói bài kệ "Một đêm an lành,5 và ý nghĩa của bài kệ ấy thì các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này Lô-di-cường-kỳ! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ giảng rộng nghĩa ấy cho thầy nghe. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch:

Kính vâng, con xin lắng nghe! Phật dạy: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, r 9 J Tỳ-kheo hãy tư duy, Y niệm thường đôi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kẹ ưMột đêm an lành? [0699c08] Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo nghĩ về quá khứ? Nghĩa là Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở quá khứ, tham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo vui thh đoi với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo nghĩ tưởng quá khứ. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ? Đó là Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước và không dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai? Nghĩa là Tỳ-kheo vui thích đoi với sắc ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai.

6 Ban-na Candana: Theo DPPN, đây là tên của vị ưu-bà-tắc trong thời Phật Ca-diếp, cũng là bạn thân của Tỳ-kheo Lomasakañgiya. Vị cư sĩ yêu cau Tỳ-kheo giải thích bài kệ này nhirng vị Ty-kheo không thể giải thích và hứa hẹn việc đó ở tương lai.

166. KINH TÔN GIẢ ở THIỀN THẤT TRONG DÂN CHÚNG HỌ THÍCH 1103

Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai? Đó là Tỳ-kheo không vui thích đoi với sắc ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước và không dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Đó là Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở hiện tại, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo vui thích đôi với thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muôn, chập trước và dính mác vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chập thủ pháp hiện tại. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Đó là Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở hiện tại, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mác vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chập thủ pháp hiện tại. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

167. KINH A-NAN THUYẾT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0700a01] Bấy giờ, vào buổi tối, Tôn giả A-nan nói bài kệ "M0t đêm an lành"2 và ý nghĩa của bài kệ này cho các Tỳ-kheo đang nhóm họp tại giảng đường. The roi, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, có vi Ty-kheo đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Tối hôm qua, Tôn giả A-nan có nói bài kệ "Mot đêm an lành" và ý nghĩa của bài kệ này cho

các Ty-kheo nhóm họp tại giảng đường. Khi đó, đức Thế Tôn bảo một Ty-kheo: Thầy hãy đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nan rồi nói như vầy: "Thua Tôn giả A-nan! Thế Tôn truyền gọi thầy." Vị Tỳ-kheo kia vâng lời đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đi đến chỗ của Tôn giả A-nan và nói: Đức Thế Tôn truyền gọi Tôn giả A-nan! Tôn giả A-nan liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Đức Thế Tôn liền hỏi: Này A-nan! Tối hôm qua, có thật thầy đã nói bài kệ "Một đêm an lành59 và ý nghĩa của bài kệ ấy cho các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường? Tôn giả A-nan đáp: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan! Thầy nói bai kệ "Một đêm an lành" và ý nghĩa của bài kệ ấy cho các Tỳ-kheo nghe như the nào? Tôn giả A-nan liền đọc bài kệ: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy.1 2

1 Nguyên tác: A-nan thuyết kinh 0.01. 0026.167. 0699c27). Tham chiếu: M. 132, Ānandabhaddekaratta Sutta (Kinh A-nan nhất dạ hiền giã). 2 Nguyên tác: Bạt-địa-la-đế ().Xem chú thích 5, kinh số 165, tr. 1093.

1106 KINH TRUNG A-HÀM

Nếu tu theo bậc Thánh, Thấu rõ nỗi chết sầu, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Găng tinh cân như vậy, Ngày đêm chăng biêng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành." Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ? Tôn giả A-nan đáp: -Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở quá khứ, tham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó; vui thích với thọ, tưởng, hành, thức3 ở quá khứ, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ. Thế Tôn lại hỏi: -Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ? Tôn giả A-nan đáp: Kính bạch Thế Tôn! Nêu Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó; không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ. [0700b01] Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan! Thê nào là Tỳ-kheo mong câu tương lai? Tôn giả A-nan đáp: -Kính bạch Thế Tôn! Nêu Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó; vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo mong cầu ở tương lai. The Ton lại hỏi: Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai? Tôn giả A-nan đáp: Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó; không vui thích đôi với thọ5 tưởng, hành, thức ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? 3 Nguyên tác: sắc, giác, tưởng, hành, thức :sắc ,rūpā, thọ ,vedanā, tưởng , saññā, hành ,sañkhārā,\huc ,viñnāna. J

167. KINH A-NAN THUYẾT 1107

Tôn giả A-nan đáp: -Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở hiện tại, ham muôn, vướng mác và an trú vào đó; vui tiúch đôi với thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại. Thê Ton lại hỏi: Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Tôn giả A-nan đáp: Kính bạch Thế Tôn! Nêu Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở hiện tại, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó; không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mác vào đó thì gọi là Tỳ-kheo không châp thủ pháp hiện tại. Kính bạch Thế Tôn! Con đã nói bài kệ "Một đêm an lành" và ý nghĩa của bài kệ này như vậy cho các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường vào tôi hôm qua. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Lành thay, lành thay! Đệ tử của Như Lai là người có mắt, có trí, hiểu nghĩa lý5 hiểu pháp vị. Vì sao như vậy? Vì đối trước bậc Tôn sư, vị đệ tử đã khéo giảng giải câu cú, văn tự nghĩa lý của bài kệ này như vậy. Thật đúng như lời Tỳ-kheo A-nan đã nói, các thầy hãy nên như thế mà thọ trì. Vì sao như vậy? Vì việc tư duy và diên giảng vê ý nghĩa bài kệ này phải đúng như thê. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

168. KINH NGHIỆP CỦA Ý1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy, pháp ấy phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh, đó là Kinh phăn biệt nghiệp của 2 là sự thọ sanh theo nghiệp của 23 Các thầy hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! ý.1 Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. [0700C01] Phật dạy: Thế nào là sự thọ sanh theo nghiệp của ý? Nếu có Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ và lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiên thứ rnhát. Vi . • ây ưa thích . và muôn \e ran trú 9 trong .định này. Khi vị ây đã ưa thích và muôn an trú trong định này roi thì ăt han có trường hợp: An trú trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi Phạm thiên.45Chư thiên trên cõi Phạm thiên sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó? thọ hưởng hỷ lạc do lìa dục sanh và Tỳ-kheo đã chứng nhập Thiên thứ nhát sông ở cõi này,5 được thọ hưởng hỷ lạc do lìa dục sanh thì cả hai niềm hỷ lạc do lìa dục sanh này von không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Phạm thiên. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Phạm thiên. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tinh, có hỷ có lạc do đinh sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác không quán. Vi ây ưa thích và muôn an trú trong đinh này. Khi vi ây đã ưa thích và

1 Nguyên tác: Ỷ hành kỉnh roi. 0026.168. 0700b24. Tham chiếu: M. 120, Sañkhārupapatti Sutta Kinh hành scmh; A. 4.123 - II. 126; 4 4.124 - II. 128. 2 Phân biệt ỷ hành kinh . 3 Ý hành sanh sañkhāruppatti'. Thọ sanh do nghiệp của ý. Xem thêm A. 6.63 - III. 410: Cetanāham, bhikkhave, kammam vadāmi. Cetayitvā kammam karoti - kāyena vācāya manasā. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố ràng suy tư là nghiệp, sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý, HT. Thích Minh Châu dịch. 4

Nguyên tác: Phạm Thân thiên Brahmakāyikā, cũng gọi là Phạm Chúng thiên . 5 Tỳ-kheo đang sống ở Dục giới nhưng nhập Sơ thiền.

muốn an trú trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Hoảng Dục.6 Chư thiên trên cõi Hoảng Dục sanh ở nơi đó, tru ở nơi đó? thọ hưởng hỷ lạc do định sanh và Tỳ-kheo sống ở cõi này chứng nhập Thiền thứ hai, được thọ hưởng hỷ lạc do định sanh thì cả hai niềm hỷ lạc do đinh sanh này vôn không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Hoảng Dục. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Hoảng Dục. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa bỏ hỷ, an tru xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Vi áy ưa thích và muôn an tru trong định này. Khi vị áy đã ưa thích và muôn an tru trong định này roi thì at han có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó? khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Biến Tịnh.7 Chư thiên trên cõi Biến Tinh sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó, thọ hưởng lạc do ly hỷ sanh và Ty-kheo sống ở cõi này chứng nhập Thiền thứ ba, được thọ hưởng lạc do ly hỷ sanh thì cả hai sự thọ lạc do ly hỷ sanh này vốn không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Biên Tịnh. Đôi với định này, vị áy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiên cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Biên Tịnh. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Vị ấy ưa thích và muốn an trú trong đinh này. Khi vị ấy đã ưa thích và muốn an trú trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó5 vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Quả Thật.8 Chư thiên trên cõi Quả Thật sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó, thọ hưởng diệu lạc do xả, niệm thanh tinh và Ty-kheo sống ở cõi này chứng nhập Thiền thứ tư, được thọ hưởng diệu lạc do xả, niệm thanh tịnh thì cả hai sự thọ hưởng diệu lạc nhờ xả, niệm thanh tịnh này vốn không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Quả Thật. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiên cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Quả Thật. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý.

6 Hoảng Dục thiên ,Ābhassarā còn gọi là Quang Âm thiên ,Cực Quang thiên . 7 Biến Tịnh thiên Subhakinhā.

8 Quả Thật thiên Vedapphalā còn gọi là Quảng Quả thiên .

[0701a06] Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không nhớ nghĩ đến bất cứ tưởng nào khác, thể nhập Không vô biên xứ,9 chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy ưa thích và muốn an trú trong định này. Khi vị ấy đã ưa thích

và muốn an tru trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó5 khi qua đời liền được sanh trong cối trời Không Vô Biên Xứ. Chư thiên trên cõi Không Vô Biên Xứ sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó9 thọ hưởng tưởng Không vô biên xứ và Tỳ-kheo sống ở cõi này, được thọ hưởng tưởng Không vô biên xứ thì cả hai tưởng Không vô biên xứ này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Không Vô Biên Xứ ấy. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiên cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Không Vô Biên Xứ. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Không vô biên xứ, thể nhập Thức vô biên xứ chứng đạt và an tru Thức vô biên xứ. Vị ấy ưa thích và muốn an trú trong định này. Khi vị ấy đã ưa thích và muốn an tru trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Thức Vô Biên Xứ. Chư thiên trên cõi Thức Vô Biên Xứ sanh ở nơi đó5 trú ở nơi đó? thọ hưởng tưởng Thức vô biên xứ và Tỳ-kheo sông trong cõi này, được thọ hưởng tưởng Thức vô biên xứ thì cả hai tưởng Thức vô biên xứ này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Thức Vô Biên Xứ ấy. Đối với định này? vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Thức Vô Biên Xứ. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ, thể nhập Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an tru Vô sở hữu xứ. Vi ấy ưa thích và muốn an trú trong định này. Khi vị ây đã ưa thích và muôn an trú trong định này roi thì ăt han có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Vô Sở Hữu Xứ. Chư thiên trên cõi Vô Sở Hữu Xứ sanh ở nơi đó5 trú ở nơi đó, thọ hưởng tưởng Vô sở hữu xứ và Tỳ-kheo sống ở cõi này, được thọ hưởng tưởng Vô sở hữu xứ thì cả hai tưởng Vô sở hữu xứ này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Vô Sở Hữu Xứ ấy. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý.

9 Nguyên tác: Vô lượng không xứ . 10 Nguyên tác: Vô lượng thức xứ .

[0701b01] Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả tưởng Vô sở hữu xứ, thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.11 Vị áy ưa thích và muôn an trú trong định này. Khi vị áy đã ưa thích và muôn an trú trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó5 vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cối trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Chư thiên trên cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó? thọ hưởng tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ và Tỳ-kheo sống ở cõi này, được thọ hưởng tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì cả hai tưởng này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì đinh này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ấy. Đối với đinh này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thể nhập Tưởng thọ diệt,1112 tự thân tác chứng, thành tựu và an trú Tưởng thọ diệt, dùng tuệ quán chiếu, dứt sạch các lậu, thành tựu Đoạn trí.13 Trong các loại định thì đinh này là bậc nhất, lớn nhất, cao nhất, thù thắng nhất, vi diệu nhất. Ví như nhờ vào con bò mới có sữa, từ sữa mới có lạc, từ lạc mới có sanh tô5 từ sanh tô mới có thục tô, từ thục tô mới có đề-hồ thì đề-hồ này được xem là bậc nhất, lớn nhất, cao nhất, thù thắng nhất, vi diệu nhất. Cũng vậy9 trong các loại định thì đinh này là bậc nhất, lớn nhất, cao nhất, thù thắng nhất, vi diệu nhất. Khi đã thành tựu định này, nương theo định này và an trụ đinh này rồi thì chắc chắn không còn chịu kho sanh, già, bệnh, chết nữa. Đây gọi là dứt sạch khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

11 Nguyên tác: Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ . 12 Nguyên tác: Tưởng tri diệt . 13 Đoạn trí .Xem chú thích 8, kinh số 163, tĩ, 1084.

169. KINH CÂU-LÂU vô TRÁNH1 Tôi nghe như vầy: 2 ngụ tại thi trấn Kiếm- Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bà-kỳ,1 ma-săt-đàm9 thuộc nước Câu-lâu.34 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe, pháp ấy phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phan cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, gọi là Kinh phân biệt vô tránh^ Các thầy hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Đức Phật dạy: -Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu; cũng chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành khổ hạnh tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh.5 Tránh xa hai cực đoan này thì có con đường trung đạo, thành tựu đạo nhãn, thành tựu trí tuệ, được định tự tại, đưa đến thắng trí, đưa đến giác ngộ, đưa đên Niêt-bàn.67Có khen ngợi, có chê trách; có không khen ngợi, không chê trách mà chỉ nói pháp. Nên xác quyết về sự tịnh lạc, khi đã xác định rõ thì hãy tìm cầu sự an lạc vốn có bên trong. Chớ nói xấu sau lưng/ cũng đừng khen

1 Nguyên tác: Câu-lâu-sấu vô tránh kinh roi. 0026.169. 0701b22. Tham chiếu: M. 139, Aranavibhañga Sutta Kinh vô tránh phân biệt. 2 Nguyên tác: Bà-kỳ-sấu Bhaggesu, dân chúng của bộ tộc Bhaggâ. 3 Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu đô ấp Kammāsadhamma, thủ đô của dân chúng Kuru. 4 Phân biệt vô tránh kỉnh ,Aranavibhañga Sutto. 5 Nguyên tác: Vô nghĩa tương ưng .Nghĩa Lợi ích attho. Tham chiếu: M. 139: Anatthasarhhita không liên hệ đến mục đích. tá?:T,
.Tham chiếu: s. 56.11 - v. 420: Yo cāyarn kāmesu kāmasukhallikānuyogo hīno gammo pothujjaniko anariyo anatthasarnhito, yo cāyam attakila- mathānuyogo dukkho anariyo anatthasamhito. Ete kho, bhikkhave, ubho ante anupagamma majjhimā patipadā tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaranī ñānakaranī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya samvattati. Một là đắm say trong các dục, hạ liệt, đe tiện, phàm phu, không xứng bạc Thánh, không liên hệ đen mục đích. Hai là tự hành khổ mình, ikho đau, khòng xưng bậc Thanh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Ty-kheo, là con đường tning đạo, do

Như Lai Chánh Giác, tác thành mắt, tác thảnh trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niet-ban, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Nguyên tác: Đạo thuyết ,mang nghĩa như utương huề",có nghĩa là í4chế nhạo lẫn nhau,, .M. 139: Raho vādam nói chuyện bí mật, nói lén.

trước mặt. Nói phải có chừng mực, chớ nói không biết chừng mực. Tùy theo phong tục địa phương, đừng bảo đó là dúng, cũng chớ nói đó là sai. Đó là những vấn đề trong Kinh phân biệt vô tránh. "Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu; cũng chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành khổ tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh", van đe này được nói vì nguyên do gì? "Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu" là một cực đoan. "Chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành khổ tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh" cũng là một cực đoan. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu; cũng chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành kho tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh." [0701C13] “Tránh xa hai cực đoan này thì có con đường trung đạo, thành tựu đạo nhãn, thành tựu trí tuệ, được định tự tại, đưa đến thắng trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bn", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Bởi có Thánh đạo có tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định, đó gọi là tám. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Tránh xa hai cực đoan này thì có con đường trung đạo, thành tựu đạo nhãn, thành tựu trí tuệ, được định tự tại, đưa đến thắng trí, đưa đến giác ngọ, đưa đến Ni&t-bàn.” "C6 khen ngợi, có chê trách, có không khen ngợi, không chê trách mà chỉ nói pháp", van đe này được nói vì nguyên do gì? Thế nào gọi là khen ngợi? Thế nào gọi là chê trách mà không nói pháp? Nghĩa là, nếu có dục tương ưng với hỷ và lạc thì đây là hành nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu; pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều đó nên tự chê trách mình. Vì sao như vậy? Vì dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt. Vị ấy biết dục là vô thường nên pháp ấy nhất đinh có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này cho nên tự chê trách mình. Dù tự thân khổ hạnh cho đến khổ hạnh tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh, pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu? thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên tự chê trách mình. Vì sao như vậy? Vi Sa-môn? Phạm chí kia vì biết sự khổ đáng sợ nên mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, vậy mà Sa-môn9 Phạm chí ấy lại đeo mang thêm sự khổ này nữa, cho nên pháp này nhất định có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết như vậy nên tự chê trách mình.

Sự trói buộc của sanh hữu8 chưa được dứt sạch, pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên tự chê trách mình. Vì sao

như vậy? Vì nếu sự trói buộc của sanh hữu chưa được dứt sạch thì sanh hữu kia cũng không dứt sạch. Cho nen pháp ấy nhất định có não phiền, có nóng bức, có sầu ưu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều này cho nên tự chê trách mình. Nếu sự sanh hữu đã được dứt sạch thì pháp này không có khổ, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điêu này nên tự khen mình. Vì sao như vậy? Vì nêu như sự trói buộc của sanh hữu được dứt sạch thì sanh hữu của vị ấy cũng được dứt sạch, thế nên pháp ấy nhát định không khô, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu5 thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều đó cho nên tự khen mình. [0702a09] "Không tìm cầu sự an lạc bên trong pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức? có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên tự chê trách mình. Vì sao như vậy? Vì nếu người nào không mong cầu sự an lạc bên trong thì người ấy cũng không tìm cầu bên trong, vậy nên người ấy nhất đinh có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều này nên tự chê trách mình. “Tim cầu an lạc bên trong”, pháp này không có khổ, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều này nên tự khen mình. Vì sao như vậy? Vì nếu người nào biết tìm cầu an lạc bên trong thì người ây cũng tìm câu bên trong, vậy nên người ây nhát định không có khô, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này nên tự khen mình. Như vậy gọi là có khen ngợi, có chê trách mà không thuyết pháp; không khen ngợi, không chê trách mà chỉ thuyết pháp. Thế nào là "không khen ngợi, không chê trách mà chỉ thuyết pháp?” Nếu có dục tương ưng với lạc, cùng đi với hỷ? là nghiệp thấp hèn, là hạnh của phàm phu thì pháp này có khô, có não phiên, có nóng bức, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diet." Vị ấy biết dục là vô thường nên pháp ấy nhất đinh có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó nên liền thuyết pháp. "Tự hành khổ hạnh, cho đến khổ hạnh tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh", pháp này có khổ, có não phiên, có nóng bức, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ây biêt điêu này nên liên thuyêt pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: “Tự hành khổ hạnh, cho đen khổ hạnh tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh", pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà

8 Nguyên tác: Hữu kiết ,.Hữu bhavā ỉẳ. sự tồn tạir của sinh mang chúng sanh, là một yếu tố trong 12 nhân duyên. Kiết scưỊĩyọịQnà, viết tăt của "kiSt phugc",nghĩa là sự trói buộc.

hạnh. Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều đó nên liền thuyết pháp. [0702b03] "Sịt trói buộc của sanh hữu không được dứt sạch9\ pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu thuộc về tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Nếu sự trói buộc của sanh hữu không được dứt sạch thì sự

sanh hữu kia cũng không dứt sạch, thế nên người ấy nhất định có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh." Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khổ5 có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều đó nên liền thuyết pháp. "Sự trói buộc của sanh hữu đã được dứt SQch", pháp này không có khổ, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ây biêt điêu này nên liên nói pháp. Vì sao như vậy? Vị ây không nói như vây: “Nếu sự trói buộc của sanh hữu được dứt sạch thì sanh hữu kia cũng dứt sạch, thê nên người ây nhát định không có khô, không có não phiên, không có nóng bức, không có ưu sau, thuộc chánh hạnh." Nêu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp không khổ, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. "Không mong cầu sự an lạc bên trong”, pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền nói pháp. Vì sao như vậy? Vi ấy không nói như vầy: "Nấu người nào không mong cầu sự an lạc bên trong thì người ấy cũng không cầu bên trong. Thế nên người ấy nhất định có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh.^, Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khô, có não phiên, có nóng bức5 có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. “Mong cầu sự an lạc bên trong", pháp này không có khổ, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Nếu người nào có tìm câu sự an lạc bên trong thì người ây cũng tìm câu bên trong. Cho nên người ây nhát định không có khô5 không có não phiên, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh.^, Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp không kho, không não phiền, không nóng bức? không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Như vậy gọi là "Không khen ngợi, không chê trách mà chỉ thuyết pháp." Vì nguyên do này cho nên mới nói có khen ngợi có chê trách, có không khen ngợi có không chê trách mà chỉ thuyết pháp. "Nên xác quyết về sự tịnh lạc và sau khi đã xác định rõ thì hãy tìm cầu sự an lạc vốn có bên trong", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Bởi vì có sự an lạc không phải là lạc của bậc Thánh mà là lạc của hàng phàm phu, là gốc của

tật bệnh, là gốc của ung nhọt, là gốc của tên đâm, có thọ dụng,9 có sống chết, không đáng tu tập, không đáng hành trì, không đáng làm cho rộng lớn. Ta nói không nên tu tập đối với lạc ấy. Có sự an lạc, là an lạc của bậc Thánh, là sự an lạc của vô dục, sự an lạc của viễn ly? là sự an lạc của tịch tinh, là lạc của chánh giác, không có thọ dụng, không có sống chết, đáng được tu tập, đáng được hành trì, đáng làm cho rộng lớn. Ta nói cần phải tu tập đối với lạc ấy. [0702c04] Thế nào gọi là "Có sự an lạc không phải là lạc của bậc Thánh mà là lạc của hàng phàm phu, là gốc của tật bệnh, là gốc của ung nhọt, là gốc của tên dâm, có thọ dụng, có sống chết, không đáng tu tập, không đáng hành trì, không đáng làm cho rộng lớn. Ta nói không nên tu tập đối với lạc ấy?” Nếu nhân nơi năm thứ dục mà người ấy sanh hỷ5 sanh lạc thì lạc ấy không phải là lạc của bậc Thánh mà là lạc của phàm phu, là gốc của bệnh tật, là gốc của ung nhọt, là gốc của tên dâm, có thọ dụng, có sống chết, không đáng tu tập, không đáng hành trì, không

đáng làm cho rộng lớn. Ta nói không nên tu tập đối với lạc ấy. Thế nào gọi là "C6 sự an lạc, là an lạc của bậc Thánh, là lạc của vô dục, là lạc của viễn ly, là lạc của tịch tinh, là lạc của chánh giác, không có thọ dụng, không có sống chết, đáng được tu tập, đáng được hành trì, đáng làm cho rộng lơn. Ta nói cần phải tu tập đối với lạc ấy?" Nếu có Tỳ-kheo nào lìa dục, lìa pháp xấu ác và bất thiện, cho đến chứng đạt và an trú Thiền thứ tư thì lạc này mới là lạc của bậc Thánh, lạc của vô dục, là lạc của viễn ly? là lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thọ dụng, không sống chết, đáng được tu tập, đáng được hành trì, đáng làm cho rộng lớn. Ta nói cần phải tu tập đối với lạc ấy. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Nên xác quyết ve sự tịnh lạc và sau khi đã xác định rõ thì hãy tìm cầu sự an lạc vốn có bên trong." "Không nên nói lời chê bai sau lưng, cũng không nên khen ngợi trước mặt", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Bởi vì nói lời chê bai sau lung là không chân thật, là hư dối, không tương ưng với mục đích cứu cánh; tuy cũng có lời nói chê bai sau lưng là lời chân thật, không hư dối, nhưng không tương ưng với mục đích cứu cánh; cũng có lời nói chê bai sau lưng là chân thật, không hư dối và tương ưng với mục đích cứu cánh. Trong đỏ, nếu có những lời chê bai sau lưng là lời không chân thật, hư dối, không tương ưng với mục đích cứu cánh thì nhất đinh không nói. Nếu có những lời chê bai sau lưng mà là lời chân thật, không hư dối, nhưng không tương ưng với mục đích cứu cánh thì cũng nên học tập đừng nói những lời đó. Nếu có những lời chê bai sau lưng là lời chân thật, không hư dối, tương ưng với mục đích cứu cánh thì hãy biết thời, chánh niệm tỉnh giác để thành tựu lời nói ấy. Đối với trường hợp "khen ngợi trước mặt"

9 Nguyên tác: Hữu thực .Thực :Sự hưởng thụ, tho dụng thuộc thế
gian. Tham chiêu: SĀ. 471: Lạc thọ thế gian, khổ thọ thế gian, không kho không lạc thế gian .

cũng giống như vậy. Vì nguyên do này nên mới nói: "Đừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng khen ngợi trước mặt.^, "N6i phải có chừng mực, chớ nói vượt quá chừng mực9,5 vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Nói vượt quá chừng mực thì thân phiền muộn, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, âm giọng khó nghe, không được rõ ràng, thông suốt;10 nói có chừng mực thì thân không phiền muộn, niệm không hay quên, tâm không mệt mỏi, âm giọng dễ nghe, rõ ràng, thông suốt. Vì nguyên do này nên mới nói: "N6i phải có chừng mực, chớ nói vượt quá chừng mực." [0703a02] "Tùy theo phong tục địa phương, đừng bảo đó là đúng, cũng chớ nói đó là sai", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? The nào là tùy theo phong tục địa phương? Đúng và sai ra sao? Nghĩa là tùy vào địa phương đó? xã hội đó5 sự việc đó mà có nơi gọi vật đó là cái bồn, có nơi gọi là cái khay, có nơi gọi là cái chậu, có người gọi là cái chén, có người gọi là đo đựng vật dụng. Y cứ theo địa phương đó, xã hội đó, sự việc đó mà có người gọi là cái bồn, hoặc nói là cái khay, hoặc nói là cái chậu, hoặc gọi là cái chén, hoặc gọi là đồ đựng vật dụng. Mỗi sự việc kia tùy thuộc tác dụng của nó, nên một be cho rang gọi như vậy là đúng, còn lại đều là sai. Như vậy gọi là tùy theo phong tục địa phương mà có đúng và sai. Thế nào là "Tùy theo phong tục địa phương, không có đúng cũng không có sai?" ở địa

phương đó5 xã hội đó, sự việc đó, có người gọi vật đó là cái bồn, có người gọi là cái khay, có người gọi là cái chậu, có người gọi là cái chén, có người gọi là đồ đựng vật dụng. Y cứ theo địa phương đó, xã hội đó? sự việc đó mà hoặc gọi là cái bồn5 hoặc gọi là cái khay, hoặc gọi là cái chậu, hoặc gọi là cái chén, hoặc gọi là đồ đựng vật dụng. Mỗi sự việc kia không tùy thuộc vào tác dụng của nó, không một bề gọi như vậy là đúng, còn lại đều là sai. Như vậy gọi là tùy theo phong tục địa phương, không có đúng không có sai. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Tùy theo phong tục địa phương, đừng bảo đó là đúng, cũng chớ nói đó là sai." "C6 pháp hữu tránh và pháp vô tránh." Thế nào là pháp hữu tránh? Thế nao là pháp vô tránh? Nếu có dục tương ưng với lạc, cùng đi với hỷ5 là nghiệp thấp hèn, là hạnh của phàm phu thì pháp này gọi là hữu tránh. Vì sao pháp này gọi là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Nếu tự thân hành khổ hạnh, dù kho tột cùng cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không tương ưng mục đích cứu cánh thì pháp này gọi là pháp hữu tránh. Vì sao pháp này gọi là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sàu5 thuộc tà hạnh. Cho nên pháp này gọi là pháp hữu tránh. Tránh xa hai cực đoan này là

10 Nguyên tác: Thanh hoại, hướng trí giả bất tự tại dã ,nghĩa là nói nhanh quá, ngươi nghe không kịp hiểu.

con đường trung đạo, thành tựu đạo nhãn, thành tựu trí tuệ, được đinh tự tại, đưa đến thắng trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn, pháp này là vô tránh. Vì điều gì mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. Sự trói buộc của sanh hữu chưa được đoạn hết thì pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Sự trói buộc của sanh hữu đã được đoạn hết thì pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. [0703ỒỒ2] Không tìm cầu an lạc bên trong, pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sau, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Tìm cầu an lạc bên trong, pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. Trong đó? nếu có sự an lạc không phải là sự an lạc của bậc Thánh mà là lạc của phàm phu, là gốc của bệnh tật, gốc của ung nhọt, gốc của tên đâm, có thọ dụng, có song chết thì không nên hành trì, không nên tu tập, không nên làm cho rộng lớn. Ta nói pháp ấy không nên tu tập, vì pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu5 thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Trong đó, nếu có sự an lạc là an lạc của bậc Thánh, lạc của vô dục, lạc của viễn ly, lạc của tịch tịnh, của chánh

giác, không có thọ dụng, không có sống chết thì nên hành trì, nên tu tap, nên làm cho rộng lớn. Ta nói đối với pháp ấy cần phải tu tập thì pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. Trong đó, nếu có lời nói chê bai sau lưng mà không chân thật, giả dối, không tương ưng với mục đích cứu cánh thì pháp này là pháp hữu tránh. Vì điều gì mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Trong đó9 nếu có lời chê bai sau lung mà chân thật, không giả dối, nhưng không tương ưng với mục đích cứu cánh thì pháp ấy là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Trong đó, nếu có lời chê bai sau lưng, chân thật, không giả dối và tương ưng với mục đích cứu cánh thì pháp ấy là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là

pháp VÔ tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên pháp này là pháp vô tránh. Lời nói vượt quá chừng mực thì pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Lời nói biết chừng mực thì pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không gây khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. [0703c01] Theo phong tục địa phương mà có đúng và sai thì pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có kho đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên pháp này là pháp hữu tránh. Tùy phong tục địa phương, không có đúng không có sai thì pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không gây khô đau, không não phiên, không nóng bức, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. Đó gọi là pháp hữu tránh và pháp vô tránh.11 Các thầy cần phải biết rõ pháp gây tổn hại và pháp không gây tổn hại. Khi đã biết rõ pháp hữu tránh và pháp vô tránh thì cần phải xả bỏ pháp hữu tránh và tu tập pháp vô tránh. Các thầy nên học tập như vậy. Như vậy, thiện nam Tu-bồ-đề1112 nhờ tu tập theo pháp vô tránh mà về sau biết được pháp đúng như pháp:13 Biết pháp như thật pháp, Tu-bồ-đề thuyết kệ, Hành chân thật không này, Bỏ dây, trú tịch tĩnh. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.14

11 Nguyên tác có khả năng thiếu cụm từ "v6 tránh pháp",chúng tôi bổ sung dựa vào văn kinh. 12 Tu-bồ-đề ,Subhūti. J 13 Nguyên tác: Tri pháp như pháp .Tham chiếu: M. 139: Subhūti ca pana, bhikkhave, kulaputto arariapatipadampatipanno "ti Và này các Tỷ-kheo, thiện gia nam từ Subhūti Tu-bồ-đề đã hành trì vô tránh pháp, HT. Thích Minh Châu dịch. 14 Bản Hán, hết quyển 43.

170. KINH ANH vũ1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trên đường khất thực, Thế Tôn đi qua nhà của thiếu niên Bà-la-mon tên là Anh Vũ,2 con ông Đô-đề.123 Lúc đó, thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề có chút việc đã ra ngoài nên không có ở nhà. Trong nhà thiếu niên Anh Vũ5 con ông Đô-đề khi ấy có một con chó trắng đang ăn thức ăn đựng trong cái đĩa4 bằng vàng đặt trên chiếc giường lớn. Con chó trắng từ xa trông thấy đức Phật đang đi đến, nó liền sủa. Thế Tôn liền bảo con chó trắng: "Ngươi không nên như vậy. Ngươi hết gầm gừ rồi lại sủa." Chó trắng nghe vậy thì vô cùng giận dữ, nhảy ngay xuống đất, đến bên lùm cây nằm dài thiểu não. [0704a02] Lát sau? thiếu niên Anh Vũ, con ông Đo-đề trở về nhà, thấy con chó trắng đang rất giận dữ, đã nhảy xuống giường đến bên lùm cây nằm dài thiểu não, cậu ta mới hỏi người trong nhà: Ai đã động đến con chó của tôi, khiến nó rất giận dữ, nhảy xuống giường và đên bên lùm cây năm dài thiêu não như vậy? Người trong nhà trả lời: -Chúng tôi không ai quây nhiêu đên con chó trăng khiên nó giận dữ, nhảy xuống giường, đến bên lùm cây nằm dài thiểu não như vậy. Cậu nên biết, hôm nay có Sa-môn Cù-đàm đên đây khát thực, con chó trăng vừa nhìn thây, liên chạy đến sủa. Sa-môn Cù-đàm liền nói với con chó trắng: "Ngươi không nên như vậy. Ngươi hết gầm gừ rồi lại sỉia." Này Anh Vũ? do vậy đã khiến con chó trăng rát giận dữ, nhảy xuồng giường và đên bên lùm cây năm dài thiêu não như vậy.

1 Quyển 44. Nguyên tác: Anh Vũ kinh 0026.170. 0703c20). Tham chiếu: Đâu-điều kinh (01. 0078. 0887b04)4 Vukinh^ỉậ 0888bl5); Ptó/v/ Thủ-ca trưởng giả thuyết nghiệp bảo sai biệt kỉnh (T.01. 0080. 0891 an); Phân biệt thiện ác bảo ưng kinh(40Ī. o1. 08%.b%*)(L01- 0026.152. 0666c26); Phật thuyết Tỉnh Ỷ ưu-bà-tắc sở vấn kinh (T. 17. 0755. 0588c08); M. 99, Subha Sutta (Kỉnh Subha); M. 135, Cūlakammavibhañga Suita (Tiểu kinh nghiệp phân biệt). 2 Anh Vũ ()Sanskrit ghi là Suka, M. 99 ghi là Subha. 3 Đô-đề tử (,Todeyyaputta). 4 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là "kim bàn"().

Thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề vừa nghe xong thì lập tức nổi giận, muốn vu khống Thế Tôn, muốn hủy báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn. Với ý đinh vu khống, hủy báng và hạ nhục Sa-môn Cù-đàm như vậy, anh ta liền từ Xá-vệ đi đến Thắng Lâm, vườn cấp Co Độc. Khi ấy, Thế Ton đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Thế Tôn trông thấy thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề đang từ xa đi(tén, Ngài liền hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề đang đi đến không? Các Tỳ-kheo trả lời: Kính bạch Thế Tôn, có thấy! Đức Thế Tôn bảo: Nêu như ngay lúc này mà thiêu niên Anh Vũ, con ông Đô-đê qua đời thì trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, cậu ta liền đọa vào địa ngục. Vì sao như vậy? Vì cậu ta đang rất giận Như Lai. Nếu có chúng sanh nào ôm lòng sân hận thì sau khi qua đời nhất định sẽ rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Thế rồi, thiếu niên Anh Vũ5 con ông Đô-đề đến chỗ đức Phật, nói với The Ton: Sa-môn Cù-đàm! Hôm nay, ông có đến nhà tôi khất thực phải không? Đức Thế Tôn trả lời: -Đúng vậy. Hôm nay, Ta có đến nhà cậu khất thực. -Cù-đàm! Ong

nói gì với con chó trắng của tôi, khiến nó rất giận, nhảy xuông giường và đên bên lùm cây năm dài thiêu não? Đức Thế Tôn trả lời: -Hôm nay, lúc trời vừa sáng, Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, dần đến nhà cậu. Lúc ấy, con chó trắng trông thấy Ta từ xa đi đến, nó liền sủa. Ta liền nói với con chó trắng: “Nguôi không nên như vậy. Ngươi hết gầm gừ rồi lại siỉa." Vì vậy, con chó trắng rất giận dữ, nhảy xuống khỏi giường, đến bên lùm cây nam dài thiểu não. Thiếu niên Anh Vũ hỏi Thế Tôn: -Con chó trăng này ở đời trước có liên hệ gì với tôi? The Ton liên bao: Thôi thôi Anh Vũ! Cậu chớ nên hỏi Ta. Cậu nghe việc này rồi chắc chắn sẽ không vui. Thiếu niên Anh Vũ hỏi đi hỏi lại Thế Tôn đến lần thứ ba: ĩ

-Con chó trăng này ở đời trước có liên hệ gì với tôi? [0704Ồ04] Đức Thế Tôn cũng lặp lại ba lần: Thôi thôi Anh Vũ! Cậu chớ nên hỏi Như Lai. Cậu nghe việc này rồi chắc chắn sẽ không vui.

170. KINH ANH vũ (2) 1123

Thế Tôn lại bảo Anh Vũ: Cậu hỏi Ta đến ba lần mà không chịu dừng. Anh Vũ nên biết, trong đời trước, con chó trắng kia là cha của cậu, tên là Đô-đề. Nghe lời này xong, thiếu niên Anh Vũ nổi giận gấp bội, muốn vu khống Thế Tôn, muốn hủy báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục như vậy, cậu ta nói với Thế Tôn: Ông Đô-đề5 cha tôi thực hành bố thí rộng khắp, thiết lập các lễ tế lớn, sau khi qua đời nhất định sanh vào cối Phạm thiên, chứ do nhân duyên gì mà sanh làm loài chó thấp kém này? Đức Thế Tôn bảo: Ong Đô-đê? cha của cậu do thói tăng thượng mạn nên sanh vào loài chó thấp kém. Phạm chí tăng thượng mạn, Chết rồi sinh sáu chốn, Chó, gà, heo và sói, Loài lừa hoặc địa ngục. Này thiếu niên Anh Vũ! Nếu không tin lời Ta nói, cậu hãy trở về nói với con chó trăng đó như vây: "Nêu thật sự đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy quay trở lại chiêc giường lớn.^^ Này Anh Vũ, con chó trăng đó nhát đinh sẽ trở lại trên chiêc giường lớn. Lại nói: "Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy ăn trong cái đĩa băng vàng như cũ.,, Này Anh Vũ, con chó trăng chác chăn sẽ trở lại ăn trong chiếc đĩa vàng như cũ. Lại nói: "Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi nơi cất giấu vàng, bạc, pha lê và châu báu mà tôi không biết.” Này Anh Vũ, con chó trắng chắc chắn sẽ chỉ cho anh nơi cất giấu vàng bạc, pha lê và châu báu mà anh không biết. Bấy giờ, thiếu niên Anh Vũ nghe những lời đức Phật nói5 ghi nhớ kỹ, nhiễu quanh đức Thế Tôn xong, trở về nhà và nói với con chó trắng: -Nếu đời trước là cha của tôi thì chó trắng hãy trở lại trên chiếc giường lớn. Lúc đỏ. con chó trắng liền quay trở lại chiếc giường lớn. -Nếu đời trước là cha của tôi thì chó trắng hãy trở lại ăn trong đĩa vàng như cũ. Con chó trắng liền quay lại ăn trong đĩa vàng như cũ. -Nêu đời trước là cha của tôi thì hãy chỉ cho tôi nơi trước đây cát giâu vàng bạc, pha lê và châu báu mà tôi không biết. Con chó trắng lập tức nhảy xuống giường, đi đến chỗ mà đời trước nó ngủ nghỉ, dùng miệng và chân đào bới bốn chân giường. Thiếu niên Anh Vũ đã tìm được rất nhiều của cải ngay tại nơi này. [0704c04] Khi thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề có được nhiều của báu thì vô cùng vui mừng, quỳ gối chấm đất, chắp tay hướng về Thắng Lâm, vườn Cáp Cô Độc, ba lần xướng lên những lời khen ngợi đức Thế Tôn rằng:

-Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều không giả dối! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đều chắc thật! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều như thật! Ba lần khen ngợi đức Thế Tôn xong, cậu ta rời Xá-vệ, đi đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Trông thấy thiếu niên Anh Vũ từ xa đi đến, Thế Tôn liền hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy thiểu niên Anh Vũ đang đi đến đó không? Các Tỳ-kheo trả lời: - Kính bạch Thế Tôn, chúng con có thấy! Đức Thế Tôn bảo: -Nếu như ngay lúc này mà thiếu niên Anh Vũ qua đời thì chỉ trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, chắc chắn sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ây rát có thiện tâm đôi với Ta. Nêu có chúng sanh nào sông với thiện tâm thì sau khi qua đời nhất đinh sẽ sanh vào đường lành, được sanh len CÕI trơi. :

Bấy giờ, thiếu niên Anh Vũ đến chỗ đức Phật, thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn liền hỏi: -Thế nào thiếu niên Anh Vũ? Như lời Ta nói về con chó trắng có đúng hay không? Thiếu niên Anh Vũ bạch: Kính bạch Cù-đàm? thật đúng như lời Ngài nói. Kính bạch Cù-đàm, con còn có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì con mới dám trình bày. Đức Thế Tôn bảo: Con hãy tùy ý hỏi! Thiếu niên Anh Vũ liền bạch Thế Tôn: -Kính bạch Cù-đàm9 do nhân gì5 duyên gì mà chúng sanh đều thọ thân người nhưng lại có người cao, kẻ thấp, có người đẹp, kẻ xấu. Vì sao như vậy? Kính bạch Cù-đàm! Con cũng thấy có người sống lâu, người chết yểu, có người nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có người đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có người có oai dức, có người không có oai đức; lại thấy có người sanh vào dòng tộc thấp kém, có người sanh trong dòng tộc cao quý; lại thây có người giàu c6, có người nghèo nàn; lại thấy có người trí tuệ thiện lành, có người trí tuệ xấu ác. Đức Thế Tôn đáp: -Những chúng sanh kia nhân nơi hành nghiệp của tự thân, do nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp và nghiệp xứ; chúng sanh tùy vào hành nghiệp cao thấp mà có tốt đẹp và không tốt đẹp.

170. KINH ANH vũ (2) 1125

Thiếu niên Anh Vũ bạch với Thế Tôn: Sa-môn Cù-đàm nói quá tóm lược, không giải thích tường tận nên con không hiêu rõ được. Mong Sa-môn Cù-đàm vì con mà giải thích tường tận để con hiêu rõ ý nghĩa. [0705a01] Đức Thế Tôn bảo: -Này Anh Vũ, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng tường tận cho con! Thiếu niên Anh Vũ bạch: Kính vâng, con xin lắng nghe và lãnh thọ! Đức Phật bảo: Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ tuổi thọ ngắn ngủi? Nêu có kẻ nam, người nữ nào sát sanh, hung dữ, độc ác? uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đoi với tất cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng, người đó lãnh chiu nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục, được sanh làm người thì tuổi thọ rất ngắn. Vì sao như vậy? Vì có con đường này dẫn đến đoản mạng, đó là kẻ nam, người nữ tạo nghiệp sát sanh, hung dữ, độc ác, uống máu. Này Anh Vũ nên biết, kẻ tạo nghiệp này sẽ bị quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ tuổi thọ rất dài? Nếu có kẻ nam, người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn dứt nghiệp sát, bỏ hẳn đao gậy, biết xấu hổ với người, biết

thẹn với mình, có tâm từ bi? làm lợi lạc tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy thọ nhận nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì nhất định được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cõi trời, sanh vào cõi người thì tuổi thọ rất dài. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen trường thọ, đó là khi kẻ nam, người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Anh Vũ nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ chịu nhiều tật bệnh? Nêu có kẻ nam, người nữ nào làm hại chúng sanh. Họ hoặc dùng nam tay, hoặc dùng cây cối, sỏi đá, hoặc dùng dao gậy để làm hại chúng sanh; họ tạo nghiệp này và tạo tác đầy đủ rồi, đến khi qua đời thì nhất đinh rơi vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì phải mang nhiều bệnh tật. Vì sao như vậy? Vì có con đường này dẫn đến chịu nhiều bệnh tật, đó là kẻ nam, người nữ nào nhiêu hại chúng sanh. Anh Vũ nên biêt, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gi, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, không dùng nắm tay, không dùng cây cối, sỏi dá, không dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này và tạo đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cõi trời, sanh trong cõi người thì sẽ không chịu nhiều bệnh tật. Vì sao như vậy? Vì có con đường này dẫn đến không

bị bệnh tật, đó là kẻ nam, người nữ nào không làm hại chúng sanh. Anh Vũ nên biết, nhờ hành nghiệp này mà được quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì5 duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu có kẻ nam, người nữ nào tính tình nóng nảy, hay sân, vừa nghe chút điều trái tai đã nổi giận, thù ghét muốn hại, giận dữ bừng bừng, họ thọ nhận nghiệp này và tạo tác đầy đủ, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục, được sanh làm người thì chịu quả báo thân hình không đoan chánh. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến quả báo thân hình không đoan chánh, đó là kẻ nam, người nữ tính tình nóng nảy, hay sân. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì5 duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam, người nữ nào tánh tình không nóng nảy, không hay sân giận, dù nghe lời nói êm ái hay thô tháo cũng không noi giận, không thù ghét muốn hại, không nổi giận bừng bừng; họ thọ nhận nghiệp này và tạo tác đay đủ, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường lành, sanh trong cõi trời, mãn kiếp cõi trời sanh vào cõi người thì có thân hình đoan chánh. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen thọ báo được thân hình đoan chánh, đó là kẻ nam, người nữ tánh tình không nóng nảy, không hay sân giận. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này được phước báo như vậy. [0705bl3] Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ không có oai đức? Nêu có kẻ nam, người nữ nào trong lòng thường đo ky, người ấy thây người khác được cung kính cúng dường, liên sanh lòng ganh ghét, nêu thây kẻ khác có của cải thì muôn chúng thuộc vê mình. Người ây tạo nghiệp này và tạo tác đây đủ roi, sau khi qua đời thì chăc chăn rơi vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì sẽ không có oai đức. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen thọ báo không có oai đức, đó là kẻ nam,

người nữ trong lòng đay ganh ghét. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có được oai đức lớn? Nêu có kẻ nam, người nữ không ôm lòng ganh ghét, thấy người khác được cung kính cúng dường không sanh lòng đố kỵ, thấy người khác có của cải cũng không ham muốn của ấy thuộc về mình; người ấy tạo nghiệp này và tạo tác đầy đủ roi, sau khi qua đời thì chắc chan sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cối trời được sanh làm người thì có oai đức lớn. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, đó là kẻ nam, người nữ không ôm lòng ganh ghét. Anh Vũ nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ sinh vào dòng tộc tháp kém? Nếu có kẻ nam, người nữ nào có tâm kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính mà không cung kính, đáng tôn trọng mà không tôn trọng, đáng quý mà không quý, đáng phụng thờ mà không phụng thờ, đáng cúng dường

mà không cúng dường, đáng nhường đường mà không nhường đường, đáng nhường chỗ ngồi mà không nhường chỗ ngồi, đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi mà không chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi; người ấy thọ nghiệp này và tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì bị sanh vào dòng dõi thấp kém. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo sanh vào dòng dõi thấp kém, đó là kẻ nam, người nữ có tâm kiêu ngạo, ngã mạn. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ sanh vào dòng dõi tôn quý? Nêu có kẻ nam, người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, ngã mạn, đôi với người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý mến thì quý mên, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường đuờng thì nhường đường, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chắp tay hướng ve lễ bái, thăm hỏi thì chắp tay hướng về lễ bái thăm hỏi; người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn được sanh vào đường lành, sanh trong cõi trời, mãn kiếp cõi trời sanh trong cõi người thì được sanh vào dòng dõi tôn quý. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen thọ báo sanh vào dòng dõi tôn quý, đó là kẻ nam, người nữ không có tâm kiêu ngạo, ngã mạn. Anh Vũ nên biêt, nghiệp này có quả báo như vậy. [0705C14] Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ nghèo thiếu của cải? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không làm thí chủ, không hành bố thí, không biết cúng dường bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, cho những người nghèo khổ, cô độc, người tha phương các món đồ ăn? thức uống, quần áo, vòng hoa, hương xoa, nhà cửa, giường chõng, đèn đuốc, tôi tớ; người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiêp địa ngục được sanh làm người thì nghèo thiêu của cải. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo nghèo thiếu của cải, đó là kẻ nam, người nữ không làm thí chủ, không hành bố thí. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ5 do nhân gì5 duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam, người nữ nào biết làm thí chủ, biết hành bố thí, biết cúng dường bố thí cho Sa-môn5 Phạm chí, người nghèo khổ, cô độc, hành khất phương xa những đồ ăn, thức uống, áo quần, vòng hoa,

hương xoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và tôi tớ; người ấy thọ nhận nghiệp này và tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cõi trời, sinh lại làm người thì được phước nhiều của cải. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo được nhiều của cải, đó là kẻ nam, người nữ biết làm thí chủ, biết hành bố thí. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này được phước báu như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không thường đến hỏi việc nơi các bậc Tôn

túc; nếu CÓ Sa-môn, Phạm chí danh dức, người ấy lại không đến tùy thời hỏi đạo lý nơi các vị ấy rằng:Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là tốt đẹp? Thế nào là không tốt đẹp? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Quả báo trong đời hiện tại có ý nghĩa thế nào? Quả báo ở đời vi lai có ý nghĩa thế nào?" Giả sử có hỏi nhưng lại không thực hành; người ây thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi9 sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì sẽ chịu quả báo trí tuệ kém cỏi. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, đó là kẻ nam, người nữ không đến hỏi việc nơi các bậc Tôn túc. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh v do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có trí tuệ cao thượng? Nếu có kẻ nam, người nữ nào thường đến hỏi việc nơi các bậc Tôn túc; nếu có Sa-môn? Phạm chí danh đức thì người ấy thường đến đó mà tùy thời hỏi đạo rằng: "Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là tốt đẹp? Thế nào là không tốt đẹp? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nao?59 Hỏi rồi và khéo thực hành; người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì người áy chác chan sanh vao đường lanh, sanh len cõi trời, mãn kiêp cõi trời sanh xuống nhân gian thì làm người có trí tuệ cao thượng. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ cao thượng, đó là kẻ nam, người nữ r . * -g • JT e thường đên hỏi việc nơi các bậc Tôn túc. Anh Vũ nên biêt, hành nghiệp này có quả báo như vậy. [0706a20] Anh Vũ nên biết, tạo nghiệp tương ưng với đoản thọ thì phải chiu quả đoản thọ; tạo nghiệp tương ưng với trường thọ thì được phước trường thọ; tạo nghiệp tương ưng với nhiều bệnh tật thì phải chịu quả nhiều tật bệnh; tạo nghiệp tương img với ít tật bệnh thì được phước ít tật bệnh; tạo nghiệp tương ưng với sự không đoan chánh thì phải chịu quả không đoan chánh; tạo tác nghiệp tương ưng với đoan chánh thì được phước đoan chánh; tạo nghiệp tương ưng với không oai đức thì phải chiu quả không có oai đức; tạo nghiệp tương ưng với có oai đức thì được phước có oai đức; tạo nghiệp tương ưng với dòng dõi thấp kém thì phải chiu quả sanh trong dòng dõi thấp kém; tạo nghiệp tương ưng với dòng dõi tôn quý thì được phước sanh vào dòng dõi tôn quý; tạo nghiệp tương ưng với sự nghèo thiếu của cải thì phải chịu quả nghèo thiếu của cải; tạo nghiệp tương ưng với sự đầy đủ của cải thì được phước đầy đủ của cải; tạo nghiệp tương ưng với trí tuệ thấp kém thì phải chịu quả trí tuệ thấp kém; tạo nghiệp tương ưng với trí tuệ cao thượng thì được phước có trí tuệ cao thượng. Này Anh Vũ, đây là những điều mà Như Lai đã nói ở

trên: "Những chúng sanh kia nhân nơi hành nghiệp của tự thân, do nghiệp mà thọ báo, duyên vào

170. KINH ANH vũ (2) 1129

nghiệp, y nơi nghiệp và nghiệp xứ; chúng sanh tùy vào hành nghiệp cao thấp ma co tót đẹp va không tốt dẹ5." [0706b04] Thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề thưa: -Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ! Con đã rõ. Kính bạch Thế Tôn! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo5 cúi mong đức Thế Tôn cho con được làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay đến khi mạng chung, con nguyện trọn đời quy y! Bạch đức Thế Tôn, kể từ hôm nay, mong Ngài vào nhà Đô-đề như vào các nhà ưu-bà-tắc khác tại Xá-ve, để cho nhà Đô-đề luôn được phước lợi và ý nghĩa, được được an ổn và hân hoan! Đức Phật dạy như vậy, thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề và vô lượng đại chúng Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP1 •

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề12 cũng ở thành Vương Xá, ngụ tại thiền thất trong rừng.3 Lúc ấy, sau buổi trưa, có ngoại đạo tên là Bộ-la-đà tử456thong thả đi đên chô Tôn giả Tam-di-đê? cùng nhau chào hỏi roi ngồi sang một bên và hỏi: Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép chăng? Ton giả Tam-di-đe đáp: -Này Hiền giả Bộ-la-đà tử! Ông muốn hỏi thì xin tùy ý, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ. Bộ-la-đà tử liền hỏi: —Này Tôn giả Tam-di-đề? chính tôi được nghe từ Sa-môn Cù"đàm9 được thọ giáo từ Sa-môn Cù-đàm, rang: "Thân nghiệp, khau nghiệp là hư vọng, chỉ có ý nghiệp là chân thật. Có một loại đinh, Tỳ-kheo nhập đinh đó thì không còn biết ” rwn Ạ _ • 9 rr\ _ 1• JLẠJ.- r Ton gia Tam-di-ae đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà tử, ông chớ nói như vậy, chớ hủy báng đức Thế Tôn. Hủy báng đức Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Hiền giả Bộ-la-đà tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: "Nêu cố ý tạo nghiệp/ khi nghiệp đã tạo thành rồi, Ta nói chắc chắn phải thọ báo, hoặc thọ báo trong hiện dời, hoặc thọ báo trong đời sau. Nếu không cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành rồi, Ta không nói chắc chắn phải thọ

1 Nguyên tác: Phân biệt đại nghiệp kinh TOI. 0026.171. 0706blTham chiếu: M. 136, Mahākammavibhañga Sutta Đại kinh nghiệp phân biệt', Đại trí độ luận T25. 1509.24. 0238bl5-0239b07. 2 Tam-di-đề Samiddhi, con của một gia đình phú hào tại thành Vương Xá Rājagaha. 3 Nguyên tác: Vô Sự thiền thất ,Arañ̃akutikā. 4 Bộ-la-đà tử ,vừa phiên âm và dịch nghĩa từ Potaliputta. 5 Nguyên tác: Vôsở giác .Theo Chủng tập kinh roi. 001.9. 0049b26, đó là ÍCđịnh vô tương,9 . 6 Nguyên tác: cố tác nghiệp .Tham chiếu: A. 6.63 - III. 410: Cetanāham, bhikkhave^ kammam vadāmi. Cetayitvā kammam karoti - kāyena vācāya manasā. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bo rang suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý, HT. Thích Minh Châu dịch.

1132 KINH TRUNG A-HÀM

Ngoại đạo Bộ-la-đà tử lặp lại ba lần với Tôn giả Tam-di-đề: "Này Tôn giả Tam-di-đề, chính tôi được nghe từ Sa-môn Cù-đàm? được thọ giáo từ Sa-môn Cù-đàm5 rằng: 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng, chỉ có ý nghiệp là chân thật. Có một loại đinh, Tỳ-kheo nhập định đó thì không còn biết [0706c02] Tôn giả Tam-di-đề cũng ba lần đáp: “Này Hiền giả Bộ-la-đà tử, ông chớ nói như vậy, chớ hủy báng đức Thế Tôn, hủy báng đức Thể Ton là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả Bộ-la-đà tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: 'Nếu cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành rồi, Ta nói chắc chắn phải thọ báo, hoặc thọ báo trong hiện đời, hoặc thọ báo trong đời sau. Nếu không cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành roi, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.'" Bộ-la-đà tử hỏi: —Này Tôn giả Tam-di-đề! Nếu cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành thì phải thọ quả báo gì? FTÌ — __ J • 4- Ạ 4- L___ Tôn giả Tam-di-đe đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà tử! Nếu cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành thì nhất định thọ quả báo khổ. Bộ-la-đà tử lại hỏi: -Này Tôn giả Tam-di-đề? ngài học đạo trong giáo pháp này đã bao lâu roi? rr* _ • 9 Ffn J • J. Á J. r _ Ton gia Tam-di-ae đáp: -Này Hiền giả Bộ-la-đà tử! Tôi học đạo trong giáo pháp này chưa được bao lâu, chỉ mới ba năm. Lúc ấy, Bộ-la-đà tử liền suy nghĩ: Ế6Tỳ-kheo niên thiếu mà vẫn có thể bảo hộ Tôn sư như vậy, huống gì là bậc Thượng tôn cựu hẹc" Nghe Tôn giả Tam-di-đề nói như vậy, ngoại đạo Bộ-la-đà tử không cho là phải, cũng không cho là trái, liền rời khỏi chỗ ngồi, lắc đầu bỏ đi. Bấy giờ, Tôn giả Đại Châu-na7 đang ngồi nghỉ trưa cách chỗ của Tôn giả Tam-di-đê không xa, nên nghe rõ cuộc đôi thoại giữa Tôn giả Tam-di-đê với Bộ-la-đà tử. Tôn giả Đại Châu-na ghi nhớ tất cả, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đên chô Tôn giả A-nan, cùng chào hỏi xong, ngôi sang một bên và đem những lời thảo luận của Tôn giả Tam-di-đề và Bộ-la-đà tử thuật lại hết cho Tôn giả A-nan nghe. Tôn giả A-nan nghe xong thì bảo rằng: -Này Hiền giả Châu-na? nhân câu chuyện này, chúng ta nên đến gặp Thế Tôn và trình bày lên Ngài. Hiền giả Châu-na? chúng ta hãy cùng đến chỗ Thế Tôn và bạch lên Ngài tất cả nghĩa này. Có thể nhân đây chúng ta sẽ được nghe những pháp khác của Thế Tôn.

7 Đại Châu-na Mahācunda.

171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP 1133

Rồi Tôn giả A-nan và Tôn giả Đại Châu-na cùng đi đến chỗ Phật. Tôn giả Đại Châu-na cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan cúi lạy sát chân Phật roi đứng sang một bên và nói: Này Hiền giả Đại Châu-na! Hiền giả nên nói đi! Hiền giả hãy nói đi! [0707a01] Bấy giờ, Thế Tôn hỏi: Này A-nan, Tỳ-kheo Châu-na muốn nói điều gì? Tôn giả A-nan bạch: -Bạch Thế Tôn, Ngài sẽ được nghe ngay bây giờ. Rồi Tôn giả Đại Châu-na thuật lại đầy đủ câu chuyện giữa Tôn giả Tam-di- đề và Bộ-la-đà tử cho Phật nghe. Nghe xong, Thế Tôn bảo: -Này A-nan! Thầy xem, Tỳ-kheo Tam-di-đề là người mê mờ không biết đạo lý. Vì sao như vậy? Vì câu hỏi của Bộ-la-đà tử chưa rõ ràng8 mà Tỳ-kheo Tam-di-đề, người mê mờ kia lại trả lời xác đinh.9 Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Tam-di-đề nhân việc này mà trả lời rằng: "Những gì được cảm thọ đều là khổ,9 thì có lỗi gì? Đức Thế Tôn liền trách Tôn giả A-nan: -Hãy xem, Tỳ-kheo A-nan cũng không biết đạo lý! Này A-nan, kẻ mê mờ Tam-di-đê được Bộ-la-đà tử hỏi vê

ba loại cảm thọ: Cảm thọ khô, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. A-nan, nếu kẻ mê mờ Tam-di-đề được Bộ-la- đà tử hỏi vấn đề đó thì nên trả lời như vầy: "Này Hiền giả Bộ-la-đà tử, nếu cố ý tạo nghiệp an vui, khi nghiệp đã tạo thành thì sẽ thọ quả báo an vui. Nếu cố ý tạo nghiệp khổ, khi nghiệp đã tạo thành thì sẽ thọ quả báo khổ đau. Nếu cố ý tạo nghiệp không kho không vui, khi nghiệp đã tạo thành thì sẽ thọ quả báo không khổ không vui." Này A-nan, nếu kẻ mê mờ Tam-di-đề được Bộ-la-đà tử hỏi và đáp như vậy thì Bộ-la-đà tử mắt còn không dám nhìn Tam-di-đề mê mờ ây, huống nữa lại có thê hỏi đên chuyện như vậy chăng? Này A-nan! Nếu thầy được nghe Ta giảng nói Kinh phân biệt rộng về nghiệp thì thây càng được tăng thượng tâm an tĩnh, càng được hoan hỷ đôi với Như Lai. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật và bạch: - Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời! Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc! Nếu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói Kinh phân biệt rộng về nghiệp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ khéo thọ trì.

8 Nguyên tác: vấn sự bất định ()Câu hỏi không xác định; một trong 4 cách đặt vấn đề. Tham chiêu: M. 136: Vibhajja byākāniyopañha (câu hỏi phải trả lời phân tích).
9 Nguyên tác: Nhất hướng đáp ():Trả lời một chiều, phiến diện, chưa đầy đủ. Tham chiếu: M. 136: Ekamsena byākato ti (tra lơi một chiều).

The Ton bao: Này A-nan, hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải đây đủ cho thây! Tôn giả A-nan bạch: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật bảo: -Này A-nan! Hoặc có trường hợp một người kh6ng từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói d6i,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Này A-nan, hoặc có trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối9.. (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Này A-nan, hoặc có trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Này A-nan, hoặc có trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy thì được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. [0707b05] Này A-nan, hoặc có trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như the, nhưng sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có vi Sa-môn? Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia như vậy, thấy rồi liền suy nghĩ: "Không có nghiệp ác do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; không có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Vì ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối5... (cho

đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhimg sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhimg tất cả những người ây sau khi qua đời đều nhất định được sanh vào cõi lành, sanh len c6i tròi." Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến, ai thấy khác di, trí họ hướng vê nẻo tà chăng? Do một mực châp trước vào những gì được thấy, được biết, khiên họ đi đên chủ trương một chiêu răng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối?9

171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP 1135

Này A-nan! Nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia như vậy, thấy rồi liền suy nghĩ: "Không có nghiệp lành do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; không có nghiệp lành do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Vì ta thây kẻ kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối?... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhimg sau khi qua đời người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Nêu có những trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói doi,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng tất cả những người ấy sau khi qua đời đều sanh vào cối ác, đọa vào địa ngúc." Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến, nếu thấy khác đi, trí họ hướng về nẻo tà chăng? Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Này A-nan! Nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy bị sanh vào cõi ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn9 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia như vậy, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: “C6 nghiệp ác do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Ta thấy kẻ kia không tò bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối?... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy5 không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối9... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên tất cả những người ấy sau khi qua đời đều bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngúc." Ai thấy như vậy là chánh kiến, nếu ai thấy khác, trí họ hướng về nẻo tà chăng? Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Bây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." [0707C10] Này A-nan! Nếu là trường hợp có

người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do tò bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "C6 nghiệp lành do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; có nghiệp lành do

miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Vì ta thấy người kia từ bỏ sát sinh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối;... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối5... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thê nên những người áy sau khi qua đời đêu được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ai thấy như vậy là chánh kiến, ai thấy khác, trí họ hướng về nẻo tà chăng? Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiên họ đi đên chủ trương một chiêu răng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư dôi.,^ Này A-nan! Trong những trường hợp trên, nếu có vi Sa-mon, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như the này: "Không có nghiệp ác do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; không có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tao." Ta không đông ý với vi áy. Nếu vị ấy nói như thế này: "Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ta đồng ý với vị ấy. Nêu vị áy nói như vây: "Nêu có những trường hợp khác tương tự như vậy? những người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối?... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thê, nhung tát cả những người ây sau khi qua đời đêu nhát định được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ta không đông ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Ai thấy như vậy mới là chánh kiến, nếu thấy khác, trí hướng vê nẻo tà.” Ta không đông ý với vị áy. Do một mực châp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Ta cũng không đông ý với vị ây. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. [0708a05] Này A-nan! Trong những trường hợp trên, nếu có Sa-môn5 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói thế này: "Không có nghiệp lành do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; không có nghiệp lành do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tạo." Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngqc." Ta đồng ý với vị ấy.

Nếu vị ấy nói: "Những trường hợp khác tương tự như vậy, có người từ bỏ sát sinh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng tất cả những người ấy sau khi qua đời đều nhất đinh bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngúc." Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Thấy như vậy là chánh kiến, thấy khác, trí của họ hướng về nẻo tà." Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Do một mực chấp trước vào những gì được thây, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Dây là sự thật, ngoài ra là hư d§i." Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao như vậy? Này A-nan5 vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. NàyA-nan! Trong những trường hợp trên, nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như vầy: "C6 nghiệp ác do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tạo?9 Ta đong ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ïigqc." Ta đồng ý với vi ấy. Nêu vị ây nói: "Những trường hợp khác tương tự như vậy, những người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ nói dối,... (cho đen) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bát thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế nên những người ấy sau khi qua đời đều nhất định bị sanh vào cõi ác, sanh trong địa ngục.59 Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói rằng: "Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác, trí kẻ ấy hướng về nẻo tà." Ta không đồng ý với vị ấy. Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đen chủ trương một chiều rang: "Dây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. [0708b01] Này A-nan, trong những trường hợp trên, nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như the này: "C6 nghiệp lành do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; có nghiệp lành do miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tao." Ta đồng ý với vi ấy. Nếu vi ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi tr&i." Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy, những người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên tát cả

những người ấy sau khi qua đời đều được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ kia hướng vê nẻo tà." Ta cũng không đông ý với vi áy. Do một mực châp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Ta cũng không đồng ý với họ. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. A-nan! Đối với trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói

dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhimg sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời là bởi vì: Như trong đời trước, người đó tạo nghiệp bất thiện, nghiệp đã thành rồi, do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn], thế nên người đó phải thọ nhận quả báo trong đời này xong rồi thì mới được sanh về nơi ấy. Hoặc vì nguyên nhân phải chịu quả báo ở đời sau, cho nên người ây không vì nhân như vậy, không do duyên như vậy, để sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong đời trước người đó tạo nghiệp lành, nghiệp đã thành rồi, do từ bỏ việc [bất thiện], do giữ gìn [các căn] và do người đó hưởng thọ quả báo ở cõi lành chưa hết; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy phát khởi thiện tâm, tâm sở hữu pháp10 tương ưng với chánh kiến; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cối lành, sanh lên cõi trời. A-nan! Như Lai biêt rõ trường hợp của người ây là như vậy. A-nan! Đối với trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối5... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời thì người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục là bởi vì: Như trong đời trước người ấy tạo nghiệp lành, nghiệp đã thành rồi, do vì từ bỏ việc [bất thiện], do giữ gìn [các căn] và do người ấy đã hưởng thọ hết quả báo ngay trong đời hiện tại rồi, nên phải bị sanh về cõi ấy. Hoặc vì nguyên nhân phải chịu quả báo ở đời sau, cho nên người ấy không vì nhân như vậy, không do duyên như vậy, để sau khi qua đời bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Hoặc trong đời trước người đó đã tạo nghiệp bất thiện, nghiệp đã thành rồi, do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn] và do chưa trả hết

10 Tâm sở hữu pháp (cetasỉkã dhammā)'. Những yếu tố tâm lý phụ thuộc vào tâm, nương tựa vào tâm để sanh khởi. Abhidhamma phân chia ra có 52 tam sở. Duy tliưc học đề xuất có 51 tâm sơ.

quả báo ở địa ngục; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ây bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy phát khởi tâm bất thiện, tâm sở hữu pháp tương ưng với tà kiên; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy bi sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. A-nan! Như Lai biết rõ trường hợp của người ấy là như vậy. [0708c04] A-nan! Đối với trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời thì người ấy bị sanh vào cối ác, đọa vào địa ngục là bởi vì: Do nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người đó phải bị sinh vào cõi ác, sinh trong địa ngục. Hoặc trong đời trước người ấy tạo nghiệp bất thiện, nghiệp đã thành rồi, do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn] và do chưa trả hết quả báo ở địa ngục; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy sanh vào cõi ác? đọa vào địa ngục. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy khởi tâm bất thiện, tâm sở hữu pháp tương img với tà kiến; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy sanh vào cõi ác, đọa vào

địa ngục. A-nan! Như Lai biết rõ trường hợp của người ấy là như vậy. A-nan! Đối với trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện], do việc giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời thì người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời là bởi vì: Do nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ây được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong đời trước người ấy tạo nghiệp lành, nghiệp đã thành rồi, do từ bỏ việc [bất thiện], do giữ gìn [các căn] và do quả báo được thọ hưởng chưa hết; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy phát khởi thiện tâm, tâm sở hữu pháp tương ưng với chánh kiến; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. A-nan! Như Lai biết rõ trường hợp của người này là như vậy. Lại nữa, có bốn hạng người: Người không có mà giống như có; hoặc có mà như không có; hoặc không có mà giông như không có; hoặc có mà giông như có. Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài: Loại xoài không chín mà giông như chín; hoặc chín mà giốnệ như không chín; hoặc không chín mà giông như không chín; hoặc chín mà giong như chín. Như vậy, A-nan, bốn loại xoài được

VÍ dụ với người: Người không có mà giống như có; hoặc có mà như không có; hoặc không có mà giống như không có; hoặc có mà giống như có. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.11

11 Bản Hán, hết quyển 44.

PHẨM 14: TÂM1 (Gôm 10 kinh, thuộc ngày tụng thứ tư\ Tụng phân biệt)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Tâm, Phùf Thọ pháp nhỉ
Hành thiên, Thuyết, Lạp sư
Ngũ Chi tài vật chủ
Cù-đàm-dỉ, Đa giới}12
1 Quyển 45. 2 Nguyên tác Nhiếp tụng:,; ,;;.Do đặt lại tựa đề
nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. "Tho pháp nhj" tức là có 2 kinh tcThọ pháp." Do đó, tính đủ là 10. J J ~

172. KINH TÂM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm? vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo sống một mình nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: uAi dẫn dắt thế gian đi? Ai bị nhiễm trước? Ai phát khởi tự tại?" Thế rồi, vào lúc xế chiều, Tỳ-kheo rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Bạch đức Thế Tôn! Khi con đang sống một mình nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Ai dẫn dắt thế gian đi? Ai bị nhiễm trước? Ai phát khởi tự tại?” Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo? đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, với biện tài cao siêu mới khéo tư duy rằng: “Ai dẫn dắt thế gian đi? Ai bị nhiễm trước? Ai phát khởi tự tại?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thay có phải như vậy chăng?

Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Đức Thế Tôn bảo: Này Tỳ-kheo! Tâm dẫn thế gian di, tâm bị nhiễm trước, tâm phát khởi tự tại. Này Tỳ-kheo? chính tâm dẫn thế gian đi, chính tâm bị nhiễm trước, chính tâm phát khởi tự tại. Này Tỳ-kheo? vị Thánh đệ tử đa văn không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tại. Này Tỳ-kheo? vi Thánh đệ tử đa văn không tuân theo sự tự tại của tâm, mà tâm nương theo sự tự tại của vi đó. Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, vị Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đa văn được giải thích là Tỳ-kheo đa văn. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Trường hợp nào được tuyên bố12 là Tỳ-kheo đa văn?

1 Nguyên tác: Tâm kinh (7101. 0026.172. 0709al2). Tham chiếu: Phật thuyết ỷ kinh (Z01.0082. 0901b23);^ .4.186 - II. 177. 2 Nguyên tác: Thi thiết ()Được xác lập.
Tham chiếu: A. 4.186 - II. 177: Vuccati (được tuyên bố).

[0709b01] Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo9 đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, đó là biện tài cao siêu mới khéo tư duy: "Thua Thê Tôn! Tỳ-kheo đa văn được giải thích là Tỳ-kheo đa văn. Bạch Thê Tôn, thê nào gọi là Tỳ-kheo đa văn? Trường hợp nào được tuyên bô là Tỳ-kheo đa vn?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải như vậy chăng? Tỳ-kheo đáp: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo: Này Tỳ-kheo? những pháp được Ta giảng thuyết rất nhiều, đó là Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vi tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa.3 Này Tỳ-kheo, nếu có người thiện nam nào chỉ nghe Ta nói bài kệ bon câu mà biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thuận theo Phạm hạnh thì này Tỳ-kheo5 đó gọi là Tỳ-kheo đa văn chứ không gì hơn. Này Tỳ-kheo? như vậy là Tỳ-kheo đa văn. Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo đa văn. Tỳ-kheo bạch: - Lành thay! Lành thay! Kính vâng, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, vị Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt4 được giải thích là Tỳ- kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Như thế nào thì được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Nghe xong, Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, đó là biện tài cao siêu mới khéo tư duy: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt được giải thích là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Thưa Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt? Thế nào mới được tuyên bố là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh dạt?” Này Tỳ-kheo, nghi vân của thầy có phải như vậy chăng? Tỳ-kheo đáp: - Đúng như vậy, thưa Thế Tôn? Đức Thế Tôn bảo: Này Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo nào nghe nói "Đây là kh§", liền dùng trí tuệ chân chánh thấy đúng như thật về khổ. Hoặc nghe nói về khổ tập, khổ diệt

3 Một cách trình bày khác về 12 thể tài kinh điển. Xem chú thích trong Kinh thiện pháp (số 1), tr. 5-6. 4 Đa văn Tỳ-kheo minh đạt trí tuệ (sutavā nibbedhikapaññā):
Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều có trí tuệ thông đạt. J

và con đường đưa đến khổ diệt, liền dùng trí tuệ chân chánh thấy đúng như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỳ-kheo! Như vậy gọi là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Như Lai tuyên bô đây là Tỳ-kheo đa văn có trí tuệ minh đạt. Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, vị Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi: -Bạch Thế Tồn! Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác5 được giải thích là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác. Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác? Thế nào mới được tuyên bo là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén? quảng bác? [0709c01] Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, có sự quán chiếu hiền thiện, là biện tài cao siêu mới khéo tư duy: "Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác? Thế nào mới được tuyên bố là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác?" Này Tỳ-kheo, đây là nghi vấn của thầy chăng? Tỳ-kheo đáp: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo: Nêu Tỳ-kheo nào không có ý niệm hại mình, không có ý niệm hại người và cũng không có ý niệm hại cả hai; Tỳ-kheo chỉ có ý niệm làm lợi h cho chính mình, làm lợi ích cho người và làm lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian, mong muốn cho trời và người được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan, này Tỳ-kheo, như vậy gọi là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác. Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo thông minh có trí tuệ nhạy bén, quảng bác. Tỳ-kheo bạch: - Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng xong, Tỳ-kheo ấy khéo ghi nhớ và khéo thọ trì, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng roi lui ra. Bấy giờ, Tỳ-kheo đó lãnh thọ lời dạy của đức Thế Tôn, sống một mình nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Sau khi sống một mình nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, Tỳ-kheo ây đã đạt

5 Thông minh Tỳ-kheo hiệt tuệ quảng tuệ ().Tham chiếu: A. 4.186 -II. 177:
Pandito mahāpañño (Tỳ-kheo thông minh với trí tuệ sắc bén biêt rõ mọi sự việc frong đời).

được mục đích mà người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện đời tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết như thật rang: "Sanh tử đã cham dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Lúc đó? Tôn giả biết pháp roi,... (cho đến) chứng đắc A-la-hán. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

173. KINH PHÙ-DI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Calan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Phù-di12 cũng đang ở thành Vương Xá, ngụ tại thiền thất = • . ... r

trong rừng.34Lúc ây, khi đêm đã qua, vào buôi sáng sớm, Tôn giả Phù-di đáp y, ôm bát chuẩn bi vào thành Vương Xá khất thực, nhưng rồi Tôn giả lại suy nghĩ: “Ta hãy khoan đi vào thành Vương Xá khất thực. Ta nên ghé thăm nhà Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử."4 Rồi Tôn giả Phù-di liền đi đến nhà Vương tử Kỳ- bà-tiên-na đồng tử. [0710a05] Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử trông thấy Tôn giả Phù-di từ xa đi đến liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai, chắp tay hướng về Tôn giả Phù-di và nói: Kính chào Tôn giả Phù-di! Đã lâu Tôn giả không đến đây. Mời ngài ngồi trên giường này. Tôn giả Phù-di liên ngôi xuông. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đông tử cúi lạy sát chân Tôn giả Phù-di rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả Phù-di, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép tôi hỏi chăng? Tôn giả Phù-di đáp: Này Vương đồng tử! Ông muốn hỏi gì thì cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ. Vương đồng tử liền hỏi: Thưa Tôn giả! Nấu có Sa-môn hay Phạm chí nào đi đến chỗ tôi và nói răng: "Này Vương đông tử, nêu người nào có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì vị ấy sẽ được chứng quả. Nấu người nào không ước nguyện, hoặc vừa ước nguyện vừa không ước nguyện, hoặc chẳng có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nhung tu hành Phạm hạnh một cách

1 Nguyên tác: Phù-dỉ kinh TOI. 0026.173. 0709c22. Tham chiếu: M. 126, Bhūmija Sutta

KinhPhù-dĩ.

2 Phù-di Bhūmija, tên của một Tôn giả.

3 Nguyên tác: Vô sự thiền thất .

4 Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử gia Jayasenassa Rājakumārassa nivesana.

chân chánh thì vị ấy cũng sẽ được chứng quả.” Tôn sư của Tôn giả có ý gì, có quan điểm gì chăng?56 Tôn giả Phù-di nói: Này Vương đồng tử, tôi chưa từng nghe chính đức Thế Tôn nói điều đó, cũng không được nghe từ các bậc Phạm hạnh nói. Nhưng này Vương đông tử, có lẽ đức Thế Tôn nói như vầy: "Nếu người nào có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì vi ấy sẽ được chứng quả. Nêu không ước nguyện, hoặc vừa ước nguyện vừa không ước nguyện, hoặc chẳng có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nhimg tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì vị ấy cũng sẽ được chứng qu&."6 Vương đồng tử thưa: Nếu đấng Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý như vậy, thuyết như vậy thì trong thế gian này đối với chúng chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ người đến trời, Ngài là bậc Tối Thượng. Thưa Tôn giả Phù-di9 xin mời ngài ở lại thọ trai! Tôn giả Phu-di im lặng nhận lời. Sau khi Vương đồng tử biết Tôn giả Phù- di đã nhận lời roi, liền từ chỗ ngoi đứng dậy tự đi lấy nước rửa, roi tự tay dâng lên những món ăn thanh tịnh, thơm ngon với đủ loại cứng và mềm, mong Tôn giả thọ thực no đủ. Thọ trai xong, thu dọn bát, lấy nước rửa tay, roi Vương đong tử lấy chiếc ghe nhỏ ngoi riêng bên cạnh nghe pháp. Tôn giả Phù-di vì Vương đồng tử mà thuyết giảng các pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.7 Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Vương đồng tử

nghe,

5 Câu hỏi và câu trả lời trong bản Hán giống hệt nhau. Bản Pâli không như vậy. Tham chiếu: M. 126: Asañcepi karitvā brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; anāsañcepi karitvā brahmacariyarn caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; āsañca anāsañcepi karitvā brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; nevāsam nānāsañcepi karitvā brahmacariyarn caranti, abhabbā phalassa adhigamāya 'tì. (Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnhthời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyền hành Phạm hạnh, thờizkhông đạt được quả VỊ nêu có và khòng có ươc nguyện hành Phạm hạnh, thơi không đạt được quả vị; nếu khổng có và không không có ước nguyện hànhPhạm hạnh, thời khống đạt được quả vị), HT.Thich Minh Chau dịch. 6 Tham chiếu: M. 126:Āsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbāphalassa adhigamāya anāsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbāphalassa adhigamāya; āsañca anāsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya; nevāsam nānāsañcepi karitvā ayoniso brahmacariyam caranti, abhabbā phalassa adhigamāya. Āsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā phalassa adhigamāya anāsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā phalassa adhigamāya; āsañca anāsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā phalassa adhigamāya; nevāsarn nānāsañcepi karitvā yoniso brahmacariyam caranti, bhabbā phalassa adhigamāya 'ti. (Nêu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời khòng đạt được quả vị; nêu có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chanh đáng, thơi không đạt được quả vị. Còn nếu có ươc nguyền, hành Phạm hạnh một cách chánh đang, thời đạt được quả vị; nếu khòng có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt đirợc quả vị; nếu có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nêu khòng có và không không có ươc nguyện, hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị), HT.Thích Minh Châu dịch. [Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ().Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

173. KINH PHÙ-DI 1149

rồi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Tôn giả đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và đem hết sự việc vừa bàn luận với Vương đồng tử trình lên đức Phật. [0710b02] Nghe xong, đức Thế Tôn bảo: Này Phù-di9 vì sao thầy không dùng bốn ví dụ nói cho Vương đồng tử rõ? Tôn giả Phù-di hỏi: Bạch Thế Tôn! Bốn ví dụ ấy là những gì? Đức Thế Tôn đáp: Này Phù-di! Nấu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và đinh tà kiến,8 vi ấy có ước nguyện, nhtrng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không the chứng quả. Nếu người ấy không ước nguyện, hoặc vừa ước nguyện vừa không ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không the chứng quả. Vì sao như vậy? Vì họ

tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy5 không đúng đường lối. Này Phù-di! Ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt sữa nơi sừng con bò thì sẽ không bao giờ lấy được sữa. Hoặc người kia không muốn lấy sữa, hoặc vừa muốn lấy sữa, vừa không muốn lấy sữa, hoặc chẳng phải muốn lấy sữa chẳng phải không muốn lấy sữa mà lại vắt sữa nơi sừng con bò thì sẽ không bao giờ có được sữa. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu sữa một cách sai lầm, đó là vắt sữa nơi sừng con bò. Cũng vậy, này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện nhimg tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Nếu như vị ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì sẽ không bao giờ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách tà vạy, không đúng đường lối. Này Phù-di! Nêu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiên và định chánh kiến, vị ấy có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Nếu người ấy có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì vị ấy tìm càu quả vị bằng phương cách chân chánh, theo đúng đường lối. Này Phù-di! Ví như có người muốn lấy sữa nên cho bò ăn no nê rồi vắt sữa nơi vú của bò thì chắc chắn sẽ lấy được sữa. Nếu người kia không muôn lây sữa hoặc vừa muôn lây sữa vừa không muôn lây sữa, hoặc chẳng phải muốn lấy sữa chẳng phải không muốn lấy sữa, nhưng vẫn cho

8 Tà kiến, tà kiến định .M. 126 nêu 8 tà chi, từ tà kiến cho đến tà định.

bò ăn no nê rồi vắt sữa nơi vú của bò thì chắc chắn sẽ lấy được sữa. Vì sao như vậy? Vì tìm sữa đúng vị trí, đó là vắt sữa nơi vú con bò. Cũng vậy, này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ây có ước nguyện và tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định cũng được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì vị ấy tìm cầu quả vị bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhát định không thể chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di5 ví như có người muốn có váng sữa mà lại lấy bình đựng đầy nước lã, rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể có váng sữa. Hoặc người kia không muốn có váng sữa, hoặc vừa muôn có váng sữa vừa không muôn có váng sữa, hoặc chăng phải muôn có váng sữa chăng phải không muôn có váng sữa mà lại lây bình đựng đây nước lã rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể

có váng sữa được. Vì sao như vậy? Vì mong được váng sữa nhưng lại làm sai cách, đó là khuấy nước lã. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không thê chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. [07l0c08] Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và định chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định cũng được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị băng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có ngươi muốn có váng sữa nên lấy bình đựng đầy sữa rồi khuấy đều lên thì chác chăn sẽ được váng sữa. Dù vi ấy không muốn có váng sữa, hoặc vừa muốn có váng sữa vừa không muốn có váng sữa, hoặc chẳng phải muốn có váng sữa chăng phải không muôn có váng sữa, nhưng lây bình đựng đầy sữa, rồi khuấy đều lên thì chắc chan sẽ có được váng sữa. Vì sao như vậy? Vì làm đúng cách

nên có váng sữa, đó là khuấy sữa. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định cũng sẽ chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di! Nếu có Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến, định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhimg tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Hoặc người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn được dầu mà lại lấy cát đổ vào đầy bình, rồi rưới nước lạnh vào ngâm, sau đó đem ra ép thì chác chăn không có được dâu. Hoặc người ây không muôn được dâu, hoặc vừa muốn được dầu vừa không muốn được dầu, hoặc chẳng phải muốn được dâu chăng phải không muôn được dâu, nhưng lại lây cát cho vào đây bình roi đổ nước lạnh vào ngâm, rồi đem ra ép thì chắc chắn không có được dầu. Vì sao như vậy? Vì mong được dầu mà làm sai cách, đó là ép cát. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất định không thể chứng quả. Hoặc người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không thể chứng quả. Vì sao như vậy?

Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. [07lla03] Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phíi-di, ví như người muốn có dầu nên bỏ hạt mè vào đầy bình, roi đo nước sôi vào ngâm cho chín mè, sau đó đem ép thì sẽ có được dầu. Hoặc người ấy không muốn có dầu, hoặc vừa muôn có dâu vừa không muôn có dâu, hoặc chăng phải muôn có dâu chăng phải không muôn có dâu, nhtmg vân đô hạt mè vào đây bình, roi đô nước sôi vào ngâm cho chín mè, sau đó mới đem ép thì chắc chắn có được dầu. Vì sao như vậy? Vì có được dầu là nhờ làm đúng cách, đó là ép hạt mè. Cũng vậy? này Phù-di, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và định chánh kiên,

người ây có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhát định sẽ chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhát định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi bằng phương cách chân chánh, là theo đúng đường lối. Này Phù-di! Nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và định tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhát định không thể chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhát định không thể chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vi một cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như người muốn có lửa, nhưng lại lấy củi ướt làm mồi lửa, dùnệ củi ướt làm dùi thì chắc chắn không có được lửa. Hoặc người ấy không muốn có lửa, hoặc vừa muốn có lửa vừa không muốn có lửa, hoặc chẳng phải muốn có lửa chẳng phải không muốn có lửa, nhưng lại lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi thì chắc chắn không có được lửa. Vì sao như vậy? Vì moi lửa không đúng cách, đó là sử dụng củi ướt. Cũng vậy, này Phù-di, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có tà kiến và đinh tà kiến, người ấy có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không the chứng quả. Nêu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì nhất đinh không được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách tà vạy, là không đúng đường lối. Này Phù-di! Nêu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiên và định chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất định sẽ chứng quả. Nêu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì nhất đinh sẽ chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả vị bằng phương cách chân chánh, là theo

đúng đường lối. Này Phù-di, ví như người muốn có lửa, liền lấy củi khô làm moi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chắn có được lửa. Hoặc người ấy không muôn có lửa, hoặc vừa muôn có lửa vừa không muốn có lửa, hoặc chẳng phải muôn có lửa chẳng phải không muốn có lửa, nhưng lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chắn có được lừa. Vì sao như vậy? Vì mồi lửa đúng cách, là dùi củi khô. Cũng vậy, này Phù-di, nếu Sa-môn hay Phạm chí nào có chánh kiến và đinh chánh kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chác chăn sẽ chứng quả. Nếu người ấy không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một

cách chân chánh thì nhất định sẽ được chứng quả. Vì sao như vậy? Vì tìm cầu quả một cách chân chánh, là đi đúng đường lối. [0711b09] Này Phu-di! Nếu thầy nói bốn ví dụ này cho Vương đồng tử nghe, sau khi Vương đồng tử nghe xong, chắc chắn sẽ rất hoan hỷ, cúng dường cho thầy đến suốt đời các vật dụng nuôi sống như y áo, món ăn thức uống, ngọa cụ và thuôc thang một cách đây đủ. Tôn giả Phù-di thưa: Bạch đức The Tôn! Trước đây con chưa từng được nghe bốn ví dụ này9 thì làm sao có thể nói lại cho Vương đồng tử nghe? Thưa Thế Tôn, chỉ có hôm nay con mới được nghe chính Ngài nói ra điều đó. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Phù-di và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: Tứdụ.Theo bản kinh này nói về sừng bò và nhũ bộ; nước lã và lạc; ép cát và mè; lấy dùi ướt mồi lửa và dùi khô; là dụ cho 2 cặp phạm trù là tà Phạm hạnh và chánh Phạm hạnh, được chứng quả và không được chứng quả.

174. KINH THỌ PHÁP1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian thật sự có bốn loại thọ pháp.12 Là bốn loại nào? Một là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ. Hai là đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ báo lạc. Ba là đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ báo khổ. Bốn là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc. Thế nào là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ? Như có Sa-môn hay Phạm chí vui hưởng dục lạc với người nữ trang điểm xinh đẹp rồi tuyên bố răng: "Sa-môn, Phạm chí đôi với dục này thây những lo sợ và tai họa gì trong đời sau mà phải đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục? Hơn nữa, khi xúc chạm vào thân the của người nữ trang điểm xinh đẹp này thì có cảm giác thật vui thích." Rồi vị ấy cùng với người nữ trang điểm xinh đẹp này vui hưởng dục lạc, vui đùa trong dục lạc. Vị ấy thọ pháp lạc đó, thọ hưởng đầy đủ rồi5 đến khi qua đời, thăng đên chô ác, đọa trong địa ngục, lúc ây mới khởi lên ý nghĩ: "Sa-m6n, Phạm chí kia đối với dục thấy những sự lo sợ và tai họa trong tương lai như vậy nên phải đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nương theo dục? tranh với dục, duyên nơi dục nên phải chịu đau kho tột cùng như vậy, thật khổ sở biết bao!" [0711C04] Cũng như vào tháng cuối xuân, giữa trưa nắng gắt nên những trái của cây dây leo nứt vỏ rớt hạt xuống gốc cây Sa-la. Bấy giờ, vị thần cây Sa-la thây vậy rát lo sợ. Khi ây, các thân cây xung quanh, các thân của trăm thứ ngũ cốc, cây

cối, cỏ thuốc, các thần cây bà con, bằng hữu, thấy nơi hạt giống này sẽ có sự tai họa và lo sợ trong tương lai như vậy nên họ đi đến chỗ thần cây kia rồi an ủi thế này: "Thần cây chớ sợ, thần cây chớ sợ! Hạt giống này dây, hoặc sẽ bi nai ăn5 hoặc bị khổng tước ăn, hoặc bi gió thổi đi, hoặc bị lửa trong thôn đốt, hoặc bị lửa trên đồng thiêu, hoặc hư nát chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông sẽ được an Nếu hạt giống này không bị nai ăn, không bị khổng tước ăn? không bị gió thổi di, không bị lửa trong thôn đốt, không bị lửa trên đồng thiêu, cũng không bị hư nát khiến chẳng thành hạt giống; nếu hạt

1 Nguyên tác: Thọ pháp kinh, thượng (TOI. 0026.174. 071 lbl7). Tham chiếu: M. 45, CũIadhammasamâdãna Sutta (Tiểu kỉnh pháp hành). 2 Tứ chủng thọ pháp (cattāri dhammasamādānānī).

giống này chẳng thối, chẳng mục, không bị vỡ nát, không bị mưa, gió, nắng làm hư hoại thì khi gặp mưa lớn thấm ướt nó sẽ nảy mầm nhanh chóng. Thần cây kia liền suy nghĩ như vầy: “Vi lý do gì mà các thần cây xung quanh, các thần của trăm thứ ngũ cốc, cây cối, cỏ thuốc, các thần cây bà con, bằng hữu, thấy nơi hạt giống này có sự sợ hãi và tai họa gì trong tương lai mà đến an ủi ta như vầy: 'Thần cây chớ sợ, thần cây chớ sợ! Hạt giống này đây, hoặc sẽ bị nai ăn, hoặc bị khổng tước ăn, hoặc bị gió thổi đi, hoặc bi lửa trong thôn đốt, hoặc bi lửa trên đồng thiêu, hoặc hư hoại khiến chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thân cây, ông sẽ được an 6n?'" Nhưng nêu hạt giông này không bị nai ăn, không bị khổng tước ăn? không bị gió thổi di, không bị lửa trong thôn đốt, không bị lửa trên đồng thiêu, cũng không bị hư hoại khiến chẳng thành hạt giống; hạt giống này cũng chẳng thối, chẳng mục, không bị vỡ nát, không bị mưa, gió hay nắng làm hư hoại thì khi gặp mưa lớn thấm ướt, nó sẽ nảy mầm nhanh chóng, thành thân cây, cành lá mem mại và đâm ra nhiêu nhánh nhỏ, khi xúc chạm thật thích thú. Dây này thành thân, cành, lá mềm mại và đâm ra nhiều nhánh nhỏ, xúc chạm rất thích thú, càng thích thú lại càng thích xúc chạm. Roi nương vào cây này mà cành lá nó càng to lớn, quân lây thân cây ây, che phủ ở trên. Sau khi bị che phủ ở trên roi, vị thân cây kia bây giờ mới suy nghĩ như vầy: "Các thần cây xung quanh kia và các thần của trăm thứ ngũ cốc, cây côi, cỏ thuôc, các thân cây bà con, băng hữu, thây nơi hạt giông này có sự sợ hãi và tai họa như vậy trong tương lai nên đến an ủi ta như vầy: 'Thần cây chớ sợ? thân cây chớ sợ! Hạt giông này đây, hoặc sẽ bị nai ăn, hoặc bi không tước ăn, hoặc bi gió thổi đi, hoặc bị lửa trong thôn đốt, hoặc bi lửa trên đồng thiêu, hoặc bị hư nát chẳng thành hạt giống. Như vậy, này than cây, ông sẽ được an ổn.9 Nhưng nếu hạt giống này không bi nai ăn, không bị khổng tước ăn, không bi gió thổi di, không bị thiêu bởi lửa trong thôn, không bị đốt bởi lửa trên đồng, không bi hư hại khiên chăng thành hạt giông; hạt giông này chăng thôi, chăng mục, cũng chẳng bị vỡ nát, không bị mưa, gió hay nắng làm hư hoại thì khi gặp mưa lớn thấm ướt nó liền nảy mầm nhanh chóng. Nhân vì hạt giống, duyên hạt giống mà ta phải chịu đau khổ tột cùng, thật khổ sở biết bao!" [07l2al0] Cũng vậy? nếu có Sa-môn hay Phạm chí vui hưởng dục lạc với người nữ trang điểm xinh đẹp và nói như vầy: "Sa-m6n, Phạm chí đối với dục này thấy những sự lo sợ

và tai họa gì trong tương lai mà phải đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục? Hơn nữa, khi xúc chạm vào thân thể của người nữ trang điểm xinh đẹp này thì có cảm giác thật khoái lạc.” Rồi vị ấy cùng với người nữ trang điểm xinh đẹp này vui hưởng trong dục lạc. Vị ấy thọ pháp lạc đó, thọ hưởng thỏa mãn rồi, đến khi qua đời, thẳng đến chỗ ác? đọa trong địa ngục, lúc ấy mới khởi lên ý nghĩ: "Sa-m6n, Phạm chí kia đối với dục này thấy những lo sợ và sự tai họa này trong tương lai nên mới đoạn dứt dục và đưa ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nương theo dục, tranh với dục, duyên nơi dục

nên phải chịu đau khổ tột cùng như vậy, thật khổ sở biết bao!" Đó gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ. Thê nào là đời này thọ pháp khô, đời sau thọ báo vui? Như người vôn có tham dục sâu nặng, sân hận sâu nặng, si mê sâu nặng; người ấy thường bị tâm tham dục thôi thúc, thường bị tâm sân hận thôi thúc, thường bị tâm si mê thôi thúc nên thọ khổ não, ưu sầu. Người ấy vì đau khổ, vì sầu muộn đến nỗi phải rơi lệ khóc than, nên trọn đời tu hành Phạm hạnh. Vị ấy thọ pháp này được thành tựu đầy đủ rồi, sau khi vị ấy qua đời, sẽ sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Đó gọi là đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ báo vui. Thế nào là đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ báo khổ? Như có Sa-môn hay Phạm chí lõa hình, không mặc y phục, hoặc lấy tay làm y phục, lấy lá làm y phục, lấy hạt châu làm y phục, hoặc không múc nước bằng binh, hoặc không múc nước bằng gáo, không ăn thức ăn đâm chọc bằng dao gậy, không ăn thức ăn do lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời, không làm khách được chào đón, không làm khách ở lại. Nếu có hai người đang ngồi ăn5 không nên chen vào giữa ngồi ăn, không ăn ở nhà phụ nữ có thai, không ăn ở nhà có nuôi chó, không ăn ở nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước cặn đục, hoặc không uống gì cả, học hạnh không uống. Hoặc ăn một miếng và cho rằng một miếng là đủ; hoặc ăn hai, ba, bốn miếng cho đến bảy miếng và cho rằng bảy miếng là đủ. Hoặc nhận được thức ăn trong một bữa và cho rằng nhận được một bữa ăn là đủ. Hoặc nhận được thức ăn hai, ba, bốn cho đến bảy bữa và cho rằng bảy lần nhận được là đủ. Hoặc ngày ăn một bữa và cho rằng một bữa là đủ; hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, một tháng ăn một lần và cho rằng một lần ăn là đu. Hoặc ăn rau cải, ăn co dại, ăn gạo lua tẻ/ ăn cam, ăn gạo đau-đâu-la; hoặc ăn thức ăn thô; hoặc đến chỗ yên tĩnh, nương tựa nơi yên tĩnh; hoặc ăn rễ cây, ăn trái cây tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ loại vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đâu-xá,3 4 hoặc mặc áo đâu-xá băng lông; hoặc mặc áo toàn băng da, mặc áo da có khoét lỗ, mặc áo da khoét lỗ hoàn toàn; hoặc đe tóc xõa, đe tóc bện, để tóc vừa xõa vừa bện, có lúc cạo tóc, có lúc cạo râu, có lúc cạo cả râu lẫn tóc, có lúc nhổ tóc, có lúc nhổ râu, có lúc nhổ cả râu lẫn tóc. Hoặc chỉ đứng không ngồi, hoặc chỉ ngồi chồm hổm, hoặc nằm trên gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trên cỏ, lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc nước; hoặc thờ lửa, ngày đêm đót lửa; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đàng Tôn Hựu Đại Bức, ngày đêm chắp tay hướng đến đó. Những việc như vậy thọ khổ vô cùng, vậy mà họ vẫn học theo hạnh nóng bức5 này. Người ấy thọ pháp này thành tựu đầy đủ rồi sau khi qua đời, sẽ sanh đến chỗ ác, đọa vào địa ngục.

Đó gọi là đời này thọ khổ, đời sau cũng thọ báo khổ.

3 Nguyên tác: Tự dạng bị biến đổi. Tham chiếu: Sư tử kinh (T.01. 0026.18. 0441c29):. 4 Đầu-xá y (dussa): Vải thô. 5 Học phiền nhiệt hành ():Thực hành khổ hạnh cùng cực.

1158 KINH TRƯNG A-HÀM

[0712b22] Thế nào gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc? Như người vốn không có tham dục sâu nặng, không sân hận sâu nặng, không ngu si sâu nặng. Vị ấy không bị tâm tham dục sai sử, không bi tâm sân hận sai sử, không bị tâm ngu si sai sử đê thọ khô não, sâu lo. Vị áy sông trong niêm vui hỷ lạc, trọn đời tu hành Phạm hạnh,... (cho đến) đạt được tâm hoan hỷ. Sau khi thọ pháp này được thành tựu đầy đủ xong, vi ấy diệt trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh ở cõi kia rồi diệt độ, được pháp bất thoái, vị ấy không còn trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc. Thế gian thật sự có bốn thọ pháp như vậy, là do nhân này cho nên Ta giảng thuyết. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

175. KINH THỌ PHÁP1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, tru tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm9 thuộc nước Câu-lâu.12 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Trong thê gian này, chúng sanh có tham muôn như vây, ước vọng như vây, yêu thích như vầy, vui sướng như vầy và ý hướng như vầy: "Mong sao các pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý sẽ tiêu diệt. Mong sao các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý được sanh ra." Chúng sanh có tham muốn như vậy, ước vọng như vậy, yêu thích như vậy? vui sướng như vậy và ý hướng như vậy, nhung các pháp không đáng ưa? không đáng thích, không vừa ý lại phát sanh, còn các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý thì bị tiêu diệt. Đó gọi là pháp si. Pháp của Ta rất sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó thong đạt. Pháp của Ta sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó thông đạt như vậy, [có thể khiến]3 những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý tiêu diệt, còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý được phát sanh. Đó gọi là pháp không si. Thế gian này quả thật có bốn loại thọ pháp. Là bốn loại nào? Là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ quả báo kho; hoặc đời này thọ pháp kho, đời sau thọ quả báo lạc; hoặc đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ quả báo khổ; hoặc đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc. Thế nào là đời này thọ pháp lạc, đời sau chiu quả báo khổ? Như có người tự vui thích với việc sát sanh, nhân việc sát sanh mà thấy vui thích. Người ấy tự vui thh với việc trộm cướp, tà hạnh, nói dối5... (cho đến) tà kiến; nhân tà kiến mà thấy vui thích. Như vậy, thân vui thích, tâm vui thích từ việc làm bất thiện, sanh ra từ việc làm bất thiện, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ báo khổ. r 9 ĩ

Thê nào là đời này thọ pháp khô, đời sau thọ quả báo lạc? Như nêu có người tự mình chịu khổ, tự mình chịu buồn, quyết từ bỏ việc sát sanh. Do từ bỏ việc sát sanh mà sanh đau khổ, buồn rầu, nhưng người ấy tự mình chịu khổ, tự mình chịu buồn, quyết từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói doi,... (cho đen) từ bỏ

1 Nguyên tác: Thọ pháp kinh, hạ (TOI. 0026.175. 0712c04). Tham chiếu: ưng pháp kinh (TOI. 0083. 0902Ò04); M. 46, Mahādhammasamādāna Sutta (Đại kinh pháp hành). 2 Xem chú thích 2-3, kinh số 10, tr. 55. 3 Tham chiếu: ưng pháp kinh (roi. 0083. 0902b 13).

tà kiến. Do từ bỏ tà kiến mà sanh đau khổ, buồn rầu. Như vậy, thân chịu khổ, tâm chịu khổ từ việc làm thiện, sanh ra từ việc làm thiện, hướng đến trí, hướng đến giác ngộ, hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ quả báo lạc. Thê nào là đời này thọ pháp khô, đời sau cũng thọ quả báo khô? Như nêu có người tự mình bi khổ, bị buồn với việc sát sanh, do sát sanh mà sanh ra đau khổ, buồn rầu. Người ấy tự mình bi khổ, bi buồn với việc trộm cướp, tà dâm, nói dối?... (cho đến) tà kiến, do tà kiến mà sanh ra đau khổ, buồn rầu. Như vậy, thân bị khổ, tam bị khổ từ việc làm bất thiện, sanh ra từ việc lam bất thiện, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ5 không hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ quả báo khổ. [0713a03] Thế nào là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc? Đó là có người tự vui thích với việc từ bỏ sát sanh, do từ bỏ sát sanh mà được vui thích. Người ấy tự vui thích với việc từ bỏ trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến, do từ bỏ tà kiến nên thấy vui thích. Như vậy, than vui thích, tâm vui thích từ việc làm thiện, sanh ra từ việc làm thiện, hướng đến trí, hướng đến giác ngộ, hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc. Hoặc có người đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ quả báo khô, nhưng người ấy si mê không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp lạc, đời sau chịu quả báo khổ. Do không biết đúng như thật nên người ấy thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ây mà không từ bỏ thì những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sanh, còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Cũng như cái bình đựng thuốc4 còn lại một phần màu sắc, mùi hương và vị thuốc, nhưng để lẫn với chất độc. Có người bị bệnh lấy uống, vừa mới uống cảm giác thích thú với sắc, hương và vị nên không thấy khó chịu cổ họng, nhưng khi đã vào bụng thì không còn là thuốc nữa. Cũng vậy, đời này thọ pháp lạc, đời sau thọ quả báo khổ, nhưng người ấy si mê không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp lạc, đời sau chịu quả báo khô. Do không biêt đúng như thật nên người ây cứ thực hành theo pháp ây mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ thì những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sanh, còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. Hoặc có người đời này thọ pháp khổ, đời sau thọ quả báo lạc, nhưng người ây ngu si không biêt đúng như thật răng đời này thọ pháp khô này, đời sau hưởng quả báo lạc. Khi đã không biết đúng như thật rồi, người ấy không thực hành theo pháp ấy mà từ bỏ. Do không thực hành theo pháp ấy mà từ bỏ nên những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sinh, còn những pháp đáng ưa, đáng thh, vừa ý lại diệt trừ. Đó là pháp si.

4A-ma-ni-dược ().M. 46. Mahādhammasamādāna Sutta (Đại kinh pháp hành)'. Āpānīyakamsa (bình đựng nước uống).

Hoặc có người đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ báo khổ, song người ấy ngu si không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp khổ, đời sau cũng thọ quả báo kho. Do không biết đúng như thật nên người ấy cứ thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ, những pháp không đáng ưa? không đáng thích, không vừa ý phát sanh, còn các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Cũng như lấy phân và nước tiểu rồi hòa với thuốc độc, có người vì bệnh nên phải uống, trong khi uống cảm thấy nhơ nhớp, hôi thoi, không có mùi vị? không ngon miệng mà còn hại cổ họng; uống vào trong bụng lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy5 đời này thọ pháp khổ này, đời sau cũng chịu quả báo khổ, song vì người ấy ngu si không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp khổ này, đời sau cũng thọ quả báo khổ. Do không biết : e jF r

đúng như thật nên người ây cứ thực hành theo pháp ây mà không từ bỏ. Sau khi thực hành theo pháp ấy mà không từ bỏ thì những pháp không đáng ưa, không đáng thích, không vừa ý phát sinh; còn các pháp đáng ưa5 đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. [0713b03] Hoặc có người đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc, nhưng người ấy ngu si không biết đúng như thật rằng đời này thọ pháp lạc, đời sau cũng thọ báo lạc. Do không biết đúng như thật nên người ấy không thực hành theo mà lại từ bỏ. Do không thực hành theo mà lại từ bỏ nên những pháp không đáng ưa5 không đáng thích, không vừa ý phát sanh; còn các pháp đáng ưa? đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. Người ây không biêt đúng như thật pháp nào nên thực hành, không biêt đúng như thật pháp nào không nên thực hành. Do không biết đúng như thật pháp nào nên thực hành và không biết đúng như thật pháp nào không nên thực hành, cho nên pháp đáng thực hành mà không thực hành, pháp không đáng thực hành mà lại thực hành. Do pháp đáng thực hành mà không thực hành, pháp không đáng thực hành mà lại thực hành nên những pháp không đáng ưa5 không đáng thích, không vừa ý phát sinh; còn các pháp đáng ưa, đáng thích, vừa ý lại diệt trừ. Đó gọi là pháp si. Hoặc có pháp thọ đời này lạc, đời sau thọ quả báo khô, người có trí biêt đúng như thật rằng pháp thọ này đời này lạc mà đời sau thọ quả báo kho. Do biết đúng như thật điều đó nên không thực hành theo mà diệt trừ nó. Nhờ không thực hành theo mà diệt trừ nó nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có pháp thọ đời này khổ, đời sau thọ quả báo lạc. Người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này khô, đời sau thọ quả báo lạc. Do biêt đúng như thật điều đó nên liền thực hành theo mà không diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh; còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt

trừ. Cũng như lấy phân và nước tiểu hòa lẫn với nhiều loại thuốc, nếu có người vì bệnh nên phải uống; trong khi uống cảm thấy nhơ nhớp, hôi thoi, không có mùi vi, không ngon miệng mà còn hại cổ họng, nhirng khi đã uống vào bụng rồi liền trở thành thuốc.

Cũng vậy, có pháp thọ đời này khổ mà đời sau thọ quả báo lạc, người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này khổ mà đời sau thọ quả báo lạc. Do biết đúng như thật điêu đó nên liên thực hành theo mà không diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh; còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có pháp thọ đời này khô, đời sau cũng thọ quả báo khô. Người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này khổ mà đời sau cũng thọ quả báo khổ. Do biết đúng như thật điều đó nên không thực hành theo mà diệt trừ. Nhờ không thực hành theo mà diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh; còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có pháp thọ đời này lạc, đời sau cũng thọ quả báo lạc, người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này lạc mà đời sau cũng thọ quả báo lạc. Do biết đúng như thật điều đó, người ấy liền thực hành theo mà không diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Cũng như lấy váng sữa và mật hòa lẫn với nhiều loại thuốc, nếu co người vì bệnh mà phải uống, trong khi uống cảm nhận màu sắc, hương, vị đều ngon, vừa miệng mà lại không khó chịu nơi cổ họng, uống vào bụng liền trở thành thuốc. Cũng vậy, có pháp thọ đời này lạc mà đời sau cũng thọ quả báo lạc, người có trí biết đúng như thật rằng pháp thọ này đời này lạc mà đời sau cũng thọ quả báo lạc. Do biết đúng như thật điều đó, người ấy liền thực hành theo mà không diệt trừ. Nhờ thực hành theo mà không diệt trừ nên những pháp đáng yêu, đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Người đó biêt đúng như thật răng pháp này nên thực hành, biêt đúng như thật răng pháp kia không nên thực hành. Do biết đúng như thật pháp nào nên thực hành và pháp nào không nên thực hành, cho nên vi ấy liền thực hành pháp nên thực hành, không thực hành pháp không nên thực hành. Do thực hành pháp nên thực hành, không thực hành pháp không nên thực hành, nên những pháp đáng yêu? đáng thích, vừa ý phát sanh, còn những pháp không đáng yêu, không đáng thích, không vừa ý bị diệt trừ. Đó gọi là pháp tuệ. Thế gian quả thật có bốn thọ pháp ấy, vì vậy mà Ta giảng nói. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.5

5 Bản Hán, hết quyển 45.

176. KINH HÀNH THIỀN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian quả thật có bốn loại hành thiền. Là bốn loại nào? Hoặc có người hành thiền thăng tiến mà cho là suy thoái; hoặc có người hành thiền suy thoái mà cho là thăng tiến; hoặc có người hành thiền suy thoái thì biết đúng như thật là suy thoái; hoặc có người hành thiền thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Thế nào là người hành thiền thăng tiến mà cho là suy thoái? Là khi người hành thiền ấy lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ5 lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an tru Thiền thứ nhất. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghi "Tâm ta đã lìa sở

duyên vốn có12* rồi hướng đến chỗ khác làm mất Thiền thứ nhất và diệt mất định.^, Người hành thiên kia không biêt đúng như thật răng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. [0714a06] Lại nữa, người hành thiền ấy đã lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ5 lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đến chỗ khác làm mất Thiền thứ hai và diệt mất định/9 Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất đinh. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ ba

1 Quyển 46. Nguyên tác: Hành thiền kỉnh (roi. 0026.176. 0713c21). 2 Bổn tướng ().Bổn tướng ở đây chính là đối tượng đang thiền quán. Đối với Sơ thiền, bổn tướng có thể là ly dục, ly bất thiện pháp.

hướng đến Thiền thứ tư? đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đên chô khác nên mất Thiền thứ ba và diệt mất định.95 Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: uTâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiên diệt trừ ưu và hỷ trước đó? nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhimg người hành thiền đó lại nghĩ ràng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đến chỗ khác nên mất Thiền thứ tư và diệt mất định.,^ Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, từ trạng thái Thiền thư tư hướng đến Không vô biên xứ5 đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. [0714b01] Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên, thành tựu và an trú Không vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ trạng thái Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tinh thù thắng. Nhưng người hành thiên đó lại nghĩ răng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vôn có và hướng đên chô khác nên mất Không vô

biên xứ và diệt mất djnh." Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ? đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liên mát định. Người hành thiên như vậy là thăng tiên mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là sự tịch tịnh thu thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đên chỗ khác nên mất Thức vô biên xứ và diệt mất djnh.” Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng

người hành thiền đó lại nghĩ rằng: uTâm ta đã lìa sở duyên vốn có và hướng đến chỗ khác nên mất Vo sở hữu xứ và diệt mất định?9 Người hành thiền kia không biết đúng như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên đã thoái chuyển đối với sự như thật, tâm liền mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến mà cho là suy thoái. Thế nào là hành thiền suy thoái mà cho là thăng tiến? Là khi người hành thiền ấy lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ? lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Thiền thứ hai. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ trạng thái Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Song, vị ấy không biết đúng như thật rằng: "Chi nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ nhất, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Thiền thứ hai.” Do vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biêt rõ tâm mình, liên mát định. Hành thiên như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. [0714c04] Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, không giác, không quán. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Thiền thứ ba. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, từ Thiền thứ hai hướng đen Thiền thứ ba, đó là sự tịch tinh thù thắng.” Song, người hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ hai, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác để vào Thiền thứ ba." Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt

và an tru Thiên thứ ba, điêu mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Vị ây tư duy những tưởng hạn hẹp khác roi tu tập theo con đường dẫn đến Thiền thứ tư. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Song, vi hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ ba, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Thiền thứ tư." Do vị ấy không biết như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền làm mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiên diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui,

gọi là xả niệm thanh tịnh. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Không vô biên xứ. Vị hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Song, vị ấy không biết đúng như thật rằng: "Chi nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thiền thứ tư, không nên bằng tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Không vô biên xứ.” Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên thành tựu và an trụ Không vô biên xứ. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Thức vô biên xứ. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Song, vị hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chi nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Không vô biên xứ, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Thức vô biên xứ." Do vi ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất đinh. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. [0715a07] Lại nữa, người hành thiền vượt qua hết thảy Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ. Vị ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng.” Song, người hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Thức vô biên xứ, không nên tư duy những tưởng hạn hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ." Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ. Vi ấy tư duy những tưởng hạn hẹp khác rồi tu tập theo con đường dẫn đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng." Song, vị hành thiền ấy không biết đúng như thật rằng: "Chí nên tư duy bằng tưởng tương ưng với sự nhàm chán mà vào Vô sở hữu xứ, không nên tư duy

những tưởng hạn hẹp khác mà vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Do vị ấy không biết đúng như thật như vậy nên không biết rõ tâm mình, liền mất đinh. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là thăng tiến. Thê nào là hành thiên suy thoái thì biêt đúng như thật là suy thoái? Người hành thiên ây, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy đã

176. KINH HÀNH THIỀN 1167

r

vượt qua tát cả Vô sở hữu xứ, vào cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu và an trụ Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng vị ấy không cảm thọ sự thực hành ây, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Vô sở hữu xứ, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: uTâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đên chô khác, làm mát Phi tưởng phi phi tưởng xứ và diệt mat dinh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái thì biết đúng như thật là suy thoái. [0715b02] Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy đã vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào cảnh giới Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ, nhung vị ấy không cảm thọ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thức vô biên xứ, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn co, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Vô sở hữu xứ và diệt mất djnh.” Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mát định. Hành thiên như vậy là suy thoái biêt đúng như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ây mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Không vô biên xứ, niệm tưởng những gì vôn làm cho thoái chuyên. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thức vô biên xứ và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyên đôi với sự như thật, tâm không mát định. Người hành thiền như vậy là suy thoái biết đúng như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự ái lạc sắc, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có5 lại hướng đến chỗ khác, làm mất Không vô biên xứ và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Hành thiền như vậy là suy thoái biết chắc là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vi ấy đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó5 nên buông bỏ cả khổ và vui,

chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm

thanh tịnh, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ tư và diệt mất djnh." Do vi ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái biết chắc là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vị ấy đã lìa bỏ hỷ, an tru xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhưng vi ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ hai, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn c6, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ ba và diệt mất định.55 Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyên đôi với sự như thật, tâm không mát định. Người hành thiền như vậy là suy thoái biết chắc là suy thoái. [07l5c06] Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đôi tượng và mục tiêu, vị ây đã lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trủ Thiền thứ hai, không giác, không quán, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đôi tượng và mục tiêu ây mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiên thứ nhất, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: "Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ hai và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đung như thật như vậy nen không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Người hành thiền như vậy suy thoái là biết đúng như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy, với những gì đã thực hành, với đối tượng và mục tiêu, vi ấy đã lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, được hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng được Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với dục lạc, niệm tưởng những gì vốn làm cho thoái chuyển. Người hành thiền ấy liền nghĩ rằng: “Tâm ta đã lìa khỏi sở duyên vốn có, lại hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ nhất và diệt mất djnh." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy nên không thoái chuyển đối với sự như thật, tâm không mất định. Người hành thiền như vậy suy thoái là biết đúng như thật là suy thoái. Thế nào là hành thiền thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến? Là khi người hành thiền ấy lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, được hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng được Thiền thứ nhất, thành tựu và an tru. Tâm vị

ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai, đó là sự tịch tịnh thù

thang.99 Do vị ấy biết đúng như thật như vậy liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến, Lại nữa, người hành thiền lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác, không quán. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm mình tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba, đó là sự tịch tinh thù th^ng.” Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định, người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. [0716a04] Lại nữa, người hành thiền đã lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, tư Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư, đó là sự tịch tịnh thù tpắng." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả 9 . A* M khô và vui, chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, một trạng thái không khô không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ, đó là sự tịch tinh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Không vô biên xứ5 đó là sự tịch tịnh thù thắng.,, Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liên biêt rõ tâm mình, không làm mát định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiên vượt qua tát cả sác tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trụ Không vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Không vô biên xứ hướng đến Thức vô biên xứ, đó là sự tịch tịnh thù thgng." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc

tịch tịnh, từ Thức vô biên xứ hướng đến Vô sở hữu xứ5 đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy lại nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, tư Thức vô biên xứ, hướng đến Vo sở hữu xứ, đó là sự tịch tinh thù [hắng.” Do vi ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trụ Vô sở hữu xứ. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là sự tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy liền nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, trạng thái an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ,

đó là sự tịch tịnh thù thang." Do vị ấy biết đúng như thật như vậy, liền biết rõ tâm mình, không làm mất định. Người hành thiền như vậy là thăng tiến thì biết đúng như thật là thăng tiến. Thế gian quả thật có bốn loại hành thiền này, vì thế nên Ta giảng thuyết. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

177. KINH THUYET1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa giữa dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-đàm, thuộc nước Câu-lâu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe, pháp ấy phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn? hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, gọi là Kinh tứ chủng thuyết. Ta sẽ phân tích nghĩa lý của Kinh tứ chủng thuyết, các thây hãy lăng nghe, hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói! Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Thê nào gọi là phân tích nghĩa lý Kỉnh tứ chủng thuyêfĩ Nếu có Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly5 chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành ấy, không suy niệm trên đối tượng và mục đích ấy mà chỉ thực hành những gì tương ưng với dục lạc, niệm tưởng những điều đưa đến thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy phải nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này, khiến không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy phải nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đên lìa bỏ dục và các pháp bát thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ? lạc được sanh ra do sự viên ly, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhát. Vị ây thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đoi tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, khiến an trú với ý chuyên nhất. Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này, khiến không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này có the khiến ta được an trú, do đó, đinh này của ta chắc chắn tồn tại lâu dai." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [07l6c03] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán,

1 Nguyên tác: Thuyết kinh (roi. 0026.177. 0716b13). Trong nội dung kinh, đức Phật định danh bản kinh này là Tứ chủng thuyêt kinh ().

cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ hai, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an tru, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ hai." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán,

cùng với hỷ, lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này nên không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả, sạch hết phiền não.99 Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nham hướng đen lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán, nhimg vi ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ nhất, niệm tưởng những gì không đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này, khiến không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên khiến ta bị thoái chuyển, do đó, định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đên lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đăng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác, không quán, vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này, khiến không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này có thể khiến ta được an tru, do đó, định này của ta chắc chan tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nham hướng đến lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán, nhưng vị ây không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán.

177. KINH THUYẾT 1173

Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Thiền thứ ba." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0717a03] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả sạch hết phiền nâk)." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều

mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đoi tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ- kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này khiến không an trú, không thăng tiên, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiên ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an tru Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ- kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ"kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ5 an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhưng vi ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ tư, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên ta được thăng tiên, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Thiền thứ tư.” Tỳ-kheo ấy nên biêt như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đến lìa bỏ hỷ, an tru xả5 với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm, nhimg vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đên sự vô dục thì Tỳ-kheo ây nên biêt rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu ta nữa sẽ chứng quả, sạch hết phiền nao?9 Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0717b06] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đên diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khô và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thiền thứ ba, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này khiến không được an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bi thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhàm hướng đến diệt trừ ưu và hỷ trước đó5 nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ

không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh, vi ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.” Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhằm hướng đen diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Không vô biên xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết răng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyên, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này nên ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Không vô biên xứ." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình nhăm hướng đến diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm

thanh tịnh, nhung vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng, mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì dẫn đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả, sạch hết phiền nâk)." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0717c01] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bát cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an tru Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự ưa thh sắc, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bị thoái chuyển, do đó đinh này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trú Không vô biên xứ; vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dL" Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trú Không vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những tương ưng vơi Thức vo biên xứ, niệm tưởng những

gì đưa đến sự thăng tiên thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăne tiến, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Thức vô biên xứ." Tỳ-kheo ây nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bát cứ loại tưởng nào, vào Không vô biên xứ, thành tựu và an trú Không vô biên xứ, nhưng vị ây không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đôi tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an tru, cũng không thăng tiên. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả sạch hết phiền nO."Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trụ Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Không vô biên xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyên thì Tỳ-kheo ây nên biêt rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không an trú, không thăng tiên, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bị thoái chuyên, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài.” Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0718a01] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ? thành tựu và an trú Thức vô biên xứ và vị ấy chấp thủ sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiên ta được an trú, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài.” Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an trú Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này5 không suy niệm trên đoi tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Vô sở hữu xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rang: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Vô sở hữu X1Í." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Không vô biên xứ, vào Thức vô biên xứ, thành tựu và an tru Thức vô biên xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự tịch diệt, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không an tru, cũng không thăng tiên. Trong ta phát sanh pháp này khiên ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa sẽ chứng quả, sạch hết phiền nâk)." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối

tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Thức vô biên xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thoái chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không an trú, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta bị thoái chuyển, do đó định này của ta không tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

177. KINH THUYẾT 1177

Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ và vị ấy thọ lãnh sự thực hành này, suy niệm trên đối tượng và mục đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyển, không thăng tiến, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được an tru, do đó định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục dh tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ, nhưng vị ấy không chấp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, niệm tưởng những gì đưa đến sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyên, không an trú, cũng không nhàm chán. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta được thăng tiến, như thế không bao lâu nữa ta sẽ chứng đắc Phi tưởng phi phi tưởng Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. [0718b06] Lại nữa, Tỳ-kheo với sự thực hành, đối tượng, mục đích tu tập của mình mà vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ, nhưng vị ây không châp thủ sự thực hành này, không suy niệm trên đối tượng và mục đích này mà chỉ thực hành những gì tương ưng với sự nhàm chán, niệm tưởng những gì đưa đến sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết răng: "Trong ta phát sanh pháp này mà không thoái chuyên, không an trú, cũng không thăng tiến. Trong ta phát sanh pháp này khiến ta nhàm chán, như vậy không bao lâu nữa ta sẽ chứng quả, sạch hét phiên nO.” Tỳ-kheo ây nên biêt như vậy. Có tưởng và có thọ được biết ngang đến mức ấy, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ là cảnh giới tôi cao trong các hành thiên Hữu dư. Tỳ"kheo hành thiên hãy bắt đầu từ đó và thuyết giảng lại cho người khác biết. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.2

2 Bản Hán, hết quyển 46.

178. KINH THỢ SĂN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Khi đặt mồi để bẫy nai, người thợ săn không có tâm như vầy: "Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được vui sướng, được sống lâu?5 Khi đặt mồi để bẫy nai, người thợ săn có tâm như vầy: "Chỉ mong sao chúng đến gần để ăn, đã đến gần để ăn thì sẽ buông lung phóng tung, đã buông lung phóng túng thì sẽ bị lệ thuộc vào thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Người thợ săn đặt mồi để bẫy nai với tâm như vậy. Đàn nai thứ nhất

đến gần để ăn mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, liên buông lung phóng túng, roi do buông lung nên lệ thuộc vào thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. [0718c03] Đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, liền buông lung phóng tung, rồi do buông lung nên bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ? nương nơi rừng vắng, ăn cỏ, uống nước suối được chng?" Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ5 nương ở nơi rừng vắng, ăn cỏ, uống nước suôi. Đên tháng cuôi mùa xuân, cỏ nước đều hêt? thân thê chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, lại bi lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất và thứ hai đều không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa. Khi đã nương ở một nơi không xa rồi, hãy ăn mồi của thợ săn mà đừng đến gần5 đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, do không buông lung phóng túng nên không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ san." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa. Khi đã

1 Quyển 47. Nguyên tác: Lạp sư kinh (roi. 0026.178. 0718b23). Tham chiếu: M. 25, Nivãpa Sutta (Kinh bây mồi).

nương ở một nơi không xa rồi, liền ăn mồi của thợ săn mà không đến gần, ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, rồi do không buông lung nên không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: "Đàn nai thứ ba này rất khôn lanh, thật là khôn lanh! Vì sao như vậy? Vì chúng ăn môi của ta mà ta không thê bắt được chúng. Nay ta hãy vây lưới ra xa, vây lưới ra xa rồi chắc sẽ biết được chỗ ở5 đường lui tới của đàn nai thứ ba này." Nghĩ vậy, họ liền vây lưới ra xa và sau đó biêt được chỗ trú ân của đàn nai thứ ba. Như thê, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc của thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đen được, sau đó hãy ăn mồi của thợ săn mà đừng đến gàn, đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, do không buông lung thì sẽ không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, nương ở chỗ ấy rồi liền ăn mồi của thợ săn mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, rồi do không buông lung phóng tung nên không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Bàn nai thứ tư này tài trí vượt bậc, thật là tài trí! Nêu ta đuổi theo chúng, chắc chan không the được, lại còn khiến những bầy nai khác sẽ kinh sợ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc

đàn nai thứ tư nay?9 Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc đàn nai đó. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. [0719al0] Này các Tỵ-kheo, Ta nói ví dụ này là muốn các thầy hiểu rõ ý nghĩa. Nay Ta nói như thế, các thầy hãy quán xét nghĩa lý của chúng. Mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm loại dục: Sác được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vi được biết bởi lưỡi và xúc được biết bởi thân. Moi của thợ săn, nên biết, đó là năm loại dục. Người thợ săn, nên biết, đó chính là Ác ma vương. Quyến thuộc của thợ săn5 nên biết, đó chính là quyến thuộc của Ma vương. Còn đàn nai, nên biết, đó chính là Sa-môn5 Phạm chí vậy. Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần và ăn thức ăn của Ma vương, tức là thức ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần và ăn rồi liền sanh tâm buông lung phóng túng, do buông lung nên bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương. Ví như đàn nai thứ nhất đến gần để ăn mồi của thợ săn, sau khi chúng đến gần để ăn, liền sanh buông lung phónệ túng, do buông lung nên bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như the, đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán sát các Sa-môn, Phạm chí thứ nhất kia cũng giống như vậy.

178. KINH THỢ SĂN 1181

Sa-môn? Phạm chí thứ hai lại suy nghĩ: "Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần và ăn thức ăn của Ma vương, tức là thức ăn của tín thí thế gian. Những vi ây sau khi đến gần và ăn rồi liền sanh tâm buông lung phóng túng, do buông lung nên bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy Sa-môn9 Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Nay ta hãy từ bỏ thức ăn của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng, chỉ ăn trái cây và rễ cay.99 Suy nghĩ thế rồi, Sa-môn, Phạm chí thứ hai liền từ bỏ thức ăn của tín thí thế gian, tránh xa chỗ đáng sợ? nương ở nơi rừng vắng, chỉ ăn trái cây và rễ cây. Đen tháng cuối mùa xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vi ấy trở nên gầy ốm, khí lực hao mòn. Vì khí lực hao mòn nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn; tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn? Phạm chí thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhát đên gân đê ăn môi của thợ săn. Sau khi chúng đên gân đê ăn, liên sanh tâm buông lung phóng túng, do buông lung nên lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy, đàn nai thứ nhất không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng văng, ăn cỏ, uông nước suôi được chng?" Sau khi suy nghi, đàn nai thứ hai liền từ bỏ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng, ăn cỏ5 uống nước suối. Đen tháng cuối mùa xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng gầy ốm, khí lực hao mòn, thế rồi lại bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ hai kia cũng giống như vậy. [0719bl4] Sa-môn9 Phạm chí thứ ba lại suy nghĩ: "Sa-m6n, Phạm chí thứ nhất và thứ hai đều không thoát khỏi cảnh giới Ma vương và quyến thuộc Ma

vương. Nay ta hãy tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn thức ăn của tín thí thế gian mà đừng đến gần, đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, không buông lung thì không bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương." Suy nghĩ thế rồi, Sa- môn, Phạm chí thứ ba liền tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn thức ăn của tín thí thế gian mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng tung, do không buông lung nên không lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Thế nhưng Sa-môn, Phạm chí thứ ba còn chấp có và chấp không, do hai kiến chấp này nên roi cũng bị lệ thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy Sa-môn, Phạm chí thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Ví như đàn nai thứ ba suy nghĩ: “Bàn nai thứ nhất và thứ hai đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó hãy ăn mồi của thợ

săn mà đừng đến gần, đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, không buông lung thì không lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn/5 Sau khi suy nghĩ như vậy, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa, sau đó ăn mồi của thợ săn mà không đen gan, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, do không buông lung nên không lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: uĐàn nai thứ ba này rất khôn lanh, quả thật là khôn lanh! Vì sao như vậy? Vì chúng ăn mồi của ta mà ta không thê bắt được chúng. Nay ta hãy vây lưới ra xa, sau khi vây lưới ra xa chắc sẽ biết được chỗ trú ẩn của đàn nai thứ ba nay.^ Suy nghĩ như vậy rồi, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền vây lưới ra xa và sau đó biết được nơi trú ẩn của đàn nai thứ ba. Như vậy, đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Chỗ ở, nên biết đó chính là chấp có. Nơi tru ẩn, nên biết, đó chính là chấp không. Các thầy hãy quán sát Sa-môn? Phạm chí thứ ba cũng giống như vậy. [0719C12] Sa-môn9 Phạm chí thứ tư lại suy nghĩ: "Sam6n, Phạm chí thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nay ta hãy nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Sau khi nương ở chỗ đó9 ta hãy ăn thức ăn của tín thí thế gian mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng túng, không buông lung thì không lệ thuộc vào Ma vương và quyến thuộc Ma vương." Suy nghĩ thế rồi, Sa-môn, Phạm chí thứ tư này liền nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đên được; sau khi nương ở đó9 họ ăn thức ăn của tín thí thê gian mà không đến gần, đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, rồi do không buông lung phóng túng nên không bi lệ thuộc vào Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Như vậy Sa-môn9 Phạm chí thứ tư thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ tư suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi lãnh địa của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đen được; sau khi nương ở đó, hãy ăn mồi của thợ săn mà đừng đen gan; đã ăn mà không đến gần thì không

buông lung phóng túng, không buông lung phóng túng thì không bị lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.„ Sau khi suy nghĩ như vậy, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được; sau khi nương ở đó5 chúng ăn mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng túng, roi do không buông lung nên không lệ thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Đàn nai thứ tư này thật là khôn lanh, khôn lanh bậc nhất! Nếu ta đuổi theo chúng, chắc chắn không the được, mà còn khiến những bầy nai khác sẽ kinh sợ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư này." Sau khi suy nghĩ như vậy, thợ săn và quyên thuộc thợ săn liền bỏ mặc đàn nai đó. Như thế, đàn nai thứ tư thoát khỏi

lãnh địa của thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Các thây hãy quán Sa-môn9 Phạm chí thứ tư cũng giống như vậy. [0720a07] Này Tỳ-kheo, hãy nên học về nơi trú ẩn như vậy để khiến Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được. Những chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là những nơi mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

r Lại nữa, những nơi nào mà Ma vương và quyên thuộc r Ma vương không thê đên được? Đó là Tỳ-kheo tâm tương ưng với từ, kháp cả một phương, thành tựu và an trú. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới, khắp cả mọi nơi, tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm tất cả the gian, thành tựu và an trú. Đoi với tâm bi, hỷ và xả cũng vậy... tâm tương ưng với xả5 khắp cả một phương, thành tựu và an trú. Cứ như vậy cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới, khắp cả mọi nơi, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại5 rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, bao trùm tất cả the gian, thành tựu và an trú. Đó là những nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thê đên được. Lại nữa, nơi nào mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tát cả sác tưởng, cho đên thành tựu và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương 9 r

không thê đên được. Lại nữa, nơi nào mà Ma vương và quyên thuộc Ma vương không thê đên được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập Tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú. Sau khi liễu tri2 và thấy rõ bởi trí tuệ thì các lậu được vĩnh viễn diệt trừ. Đó là nơi Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được. Này Tỳ-kheo, những trú xứ như the sẽ khiến Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được. Các thầy phải nên học tập như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

2 Nguyên tác: Đoạn tri .Theo SÃ. 112 và s. 22.2 - III. 26, "đoạn tri" mang nghĩa lA Tiễu tri" pariñña, cũng được dịch là 4tbiên tri".

179. KINH THỢ MỘC NGŨ CHI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, thợ mộc Ngũ Chi rời thành Xá-vệ, muốn đến chỗ Phật đe thăm viếng, cúng dường và lễ bái, nhung ông lại suy nghĩ: "Ta hãy khoan đến gặp đức Thế Tôn, vì có thể giờ này Ngài cùng với chúng Tỳ-kheo vẫn còn đang tọa thiền. Vậy ta hãy đi đến khu vườn Nhất Sa-la Mạt-lợi của ngoại dạo."2 Nghĩ rồi, thợ mộc Ngũ Chi liền ghé vào nơi vui chơi hoan lạc gần hàng cây cân-đâu-a-lê?1 234roi đi đên khu vườn Nhát Sa-la Mạt-lợi của ngoại đạo. Khi ấy, trong vườn Nhất Sa-la Mạt-lợi có một Sa-môn ngoại đạo tên là Văn- kỳ tử,4 Jà Tông chủ lớn ở trong chúng đó, là Tôn sư của nhiều người, được nhiều người kính trọng, thông lãnh một đại chúng ngoại đạo gôm năm trăm vị. Ong ta đang ở giữa đám đồ chúng ồn ào, lớn tiếng, với âm thanh huyên náo, bàn luận đủ mọi chuyện phù phiếm vô nghĩa5 như chuyện vua, chuyện giặc, chuyện đấu r

tranh, chuyện ăn uông, chuyện y phục, chuyện phụ nữ, chuyện đông nữ, chuyện dâm nữ, chuyện thê gian, chuyện tà dạo, chuyện trong biên... đại loại những chuyện như thế. Họ tụ tập lại rồi bàn luận đủ mọi chuyện phù phiếm vô nghĩa. Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử trông thây thợ mộc Ngũ Chi từ xa đi đên, liên ra lệnh hội chúng của mình im lặng và bảo: "Các ông hãy im lặng, đừng nói nữa, hãy chan chỉnh lại mình. Có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là thợ mộc Ngũ Chi sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm ở nước Xá-vệ này không ai hơn được thợ mộc Ngũ Chi. Vì sao như vậy? Vì ông ấy ưa thích

1 Nguyên tác: Ngũ Chi vật chủ kinh (7.01. 0026.179. 0720Ồ23). Tham chiếu: M. 78, Samanamundika Sutta (Kỉnh Samanamundikd) . 4tNgũ Chi vật chủ,, ()đượcr dịch từ nguyên tác Pali: Pancakañga thapati. t4Ngũ Chi" la trực dịch của chử Pañcakañga, là 5 chi tiết và cũng là tên riêng của một ngươi. Theo SA. III. 86, đó là 5 dụng cụ của người thợ mộc, gồm rìu (yãsĩpharàsiì), dùi đục^mkhãdana), thước đo (danda), cái vồ (rnuggara) và dây mực (kālasutta). uVật chu59 là trực dịch cua chữ thapati, một cách dịch khống chính xác vì chiết tự. 2 Nhất Sa-la Mạt-lợi dị học viên (Ekasālaka Mallikā ặrâmă), một khu vườn của Hoàng hậu Mạt-lợi, phu nhân của Vua Ba-tư-nặc, có tên là Nhát Sa-la. Nơi đây, các ngoại đạo dị học thường tập trung bàn luận. Tham chiếu: D. 9. Potthapãda Sutta (Kinh Bổ-sả-bà-lâu). 3 Cân-đâu-a-lê ()cbn được viết là "trấndầu-ca"(),được dịch từ tinduka, hoặc cũng viết là timbarū. Theo PED, đây là một loài thực vật lưu niên trong họ Thị, có tên khoa học là Dỉospyros Maỉabarica. 4 Sa-môn Văn-kỳ tử (Samanamandikāputta), con trai của Samanamandikā, tên thật là Uggāhamana. 5 Nguyên tác: Súc sanh luận (Tiracchãnakathã). Xem chú thích 5, kinh số 26, tr. 156.

Sự im lặng, ca ngợi sự im lặng. Nếu ông ấy thấy hội chúng này im lặng, có thể sẽ đến thm." Bấy giờ, Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử bảo hội chúng im lặng rồi tự mình cũng im lặng. Thợ mộc Ngũ Chi đi đến chỗ ngoại đạo Sa-môn Văn-kỳ tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Sa-môn Văn-kỳ tử nói: -Này thợ mộc, nếu người nào thành tựu bốn pháp thì ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng sĩ,

thành đạt tối thượng,6 là Sa-môn chất trực. Bon pháp đó là thân không tạo nghiệp ác, miệng không nói lời ác, không sống bằng tà mạng và không suy nghĩ điều ác. Này thợ mộc, nếu người nào thành tựu bốn pháp này thì ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng si, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Thợ mộc Ngũ Chi nghe Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử nói như vậy không cho là phải, cũng không cho là trái mà từ chỗ ngồi đứng dậy bước đi với ý niệm: “Vói chủ trương như vậy, ta phải đích thân đến chỗ đức Thế Tôn thưa hỏi nghĩa nay." Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi sang một bên và đem những điều đã bàn luận với Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử thuật lại hết với đức Phật. [0720c03] Nghe xong, đức Thế Tôn bảo: Này thợ mộc, theo lời Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử nói, nếu quả thật như vậy thì trẻ sơ sinh tay chân mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, cũng thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng sĩ, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ về thân, huống nữa là tạo nghiệp ác về thân? Nó chỉ có thể cử động thân hình. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ về lời nói, huống nữa là nói lời ác? Nó chỉ biết khóc. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ về mạng, huống nữa là sốnệ tà mạng? Nó chỉ biết bập bẹ. Này thợ mộc, trẻ sơ sinh còn không có ý nghĩ ve niệm, huống nữa là niệm ác? Nó chỉ nghĩ đen sữa mẹ. Này thợ mộc, theo lời Sa-môn ngoại đạo Văn-kỳ tử nói, như vậy thì trẻ sơ sinh cũng thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng sĩ, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Này thợ mộc, nếu người nào thành tựu bốn pháp thì Ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể thành đạt tối thượng, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Bốn pháp đó là: Thân không tạo nghiệp ác5 miệng không nói lời ác, không sống tà mạng và không có ý niệm ác. Này thợ mộc? nếu có người nào thành tựu bốn pháp này thì Ta cho rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, nhưng không phải là bậc Vô thượng si, không thể thành đạt tối thượng, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Này thợ mộc, thân nghiệp, khẩu nghiệp, Ta nói đó là giới. Này thợ mộc, niệm, Ta nói đó là thuộc tính của tâm và tùy thuộc tâm.7

6 Nguyên tác: Đắc đệ nhất nghĩa . 7 Nguyên tác: Tâm sở hữu dữ tâm tương tùy

.

179. KINH THỢ MỘC NGŨ CHI 1187

Này thợ mộc, Ta cho rằng cần phải biết về giới bất thiện, phải biết giới bất thiện phát sanh từ đâu, cần phải biết giới bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vị đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới bất thiện. Này thợ mộc, Ta cho rằng cần phải biết về giới thiện, phải biết giới thiện phát sanh từ đâu, phải biết giới thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vi đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ giới thiện. Này thợ mộc, Ta cho rằng cần phải biết về niệm bất thiện, phải biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu, bi diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vị đệ tử Hiền thánh làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện. Này thợ mộc, Ta cho răng cân phải biêt vê niệm thiện, phải biêt niệm thiện phát sanh từ đâu, bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào và nên biết vi đệ tử Hiền thánh tu hành thế

nào để diệt trừ niệm thiện. [072la02] Này thợ mộc, thế nào gọi là giới bất thiện? Thân hành bất thiện, miệng hành bất thiện, ý hành bất thiện, đó gọi là giới bất thiện. Này thợ mộc, giới bát thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chô phát sanh của chúng, nên biêt là phát sanh từ nơi tâm. The nào gọi là từ nơi tâm? Nêu tâm có tham dục, có sân hận, có si mê, nên biết giới bất thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này thợ mộc, giới bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bị bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Vị đệ tử Hiền thánh xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân, xả bỏ nghiệp bát thiện vê miệng và ý, tu tập nghiệp thiện vê miệng và ý, đây là giới bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vị đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để diệt trừ giới bất thiện? Nếu vị đệ tử Hiền r

thánh quán nội thân đúng như thân, cho đên quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp,8 vị đệ tử Hiền thánh tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Này thợ mộc, thế nào gọi là giới thiện? Thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện, ý nghiệp thiện, đó gọi là giới thiện. Này thợ mộc, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm? Nếu tâm không có tham dục, không có sân hận, không có si mê, nên biết giới thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này thợ mộc, giới thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bi bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Nêu vi đệ tử Hiền thánh hành trì giới mà không đắm trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vi đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để diệt trừ giới thiện? Nếu vị đệ tử Hiền thánh quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp, vị đệ tử Hiền thánh tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện.

8 Nguyên tác: Quán nội thân như thân,... chí quán giác,... tâm...pháp như pháp M
... .Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272 và chú thích 5, kinh sô 98, tr.
653.

Này thợ mộc, thế nào gọi là niệm bất thiện? Các niệm dục, niệm sân, niệm hại, đó gọi là niệm bất thiện. Này thợ mộc, niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta cho rằng hành trạng của tưởng có rất nhiều loại, vô lượng, vô số, hoặc là dục tưởng, hoặc là sân tưởng, hoặc là hại tưởng. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng vê dục mà sanh niệm bát thiện tương ưng với dục. Nêu có tưởng thì do nhân nơi tưởng đó mà sanh ra niệm bất thiện tương ưng với dục. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng vê sân, tưởng vê hại mà sanh niệm bát thiện tương ưng với sân và hại. Nếu có tưởng thì do nhân nơi tưởng đó mà sanh ra niệm bất thiện tương ưng với sân và hại. Đó là niệm bất thiện phát sanh từ nơi tưởng. Này thợ mộc, niệm bất thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bi bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Nếu vị đệ tử Hiền thánh lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do lìa dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú, đây là niệm bất thiện bi diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vi đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để diệt trừ niệm bất thiện? Nếu vi đệ tử Hiền thánh quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp, vi đệ tử Hiền

thánh tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện. [072lb06] Này thợ mộc, thế nào gọi là niệm thiện? Các niệm vô dục, vô sân, vô hại, đó gọi là niệm thiện. Này thợ mộc, niệm thiện phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có rất nhiều loại, vô lượng, vô số, hoặc là vô dục tưởng, hoặc là vô sân tưởng, hoặc là vô hại tưởng. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng về vô dục mà sanh ra niệm thiện, tương ưng với vô dục. Nêu có tưởng thì nhân nơi tưởng đó mà sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục. Này thợ mộc, chúng sanh do tưởng về vô sân, vô hại mà sanh ra niệm thiện tương ưng với vô sân, vô hại. Nếu có tưởng thì nhân nơi tưởng đó mà sanh ra niệm thiện tương ưng với vô sân, vô hại. Đó là niệm thiện phát sanh từ nơi tưởng. Này thợ mộc, niệm thiện bị diệt trừ hoàn toàn ở chỗ nào, bi bại hoại hoàn toàn ở chỗ nào? Nếu vị đệ tử Hiền thánh diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã c6, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tinh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú, đây là niệm thiện bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Này thợ mộc, vị đệ tử Hiền thánh tu hành thế nào để trừ niệm thiện? Nếu vị đệ tử Hiền thánh quán nội thân đúng như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp đúng như pháp, vị đệ tử Hiền thánh tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Này thợ mộc, nếu vị đệ tử Hiền thánh dùng tuệ quán xét mà biết đúng như thật về giới bất thiện, biết đúng như thật giới bất thiện sanh từ đâu, biết đúng như thật giới bát thiện này đã bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do

tuệ quán xét mà vị đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rằng sự tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Do tuệ quán xét mà biêt đúng như thật vê giới thiện, biêt đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do tuệ quán xét mà vị đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rằng sự tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện. Do tuệ quán xét mà biết đúng như thật về niệm bất thiện, biết đúng như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm bất thiện này bi diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do tuệ quán xét mà vi đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rằng sự tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện. Do tuệ quán xét mà biêt đúng như thật niệm thiện, biêt đúng như thật niệm thiện phát sanh từ dâu, biết đúng như thật niệm thiện này bị diệt trừ hoàn toàn, bị bại hoại hoàn toàn. Do tuệ quán xét mà vi đệ tử Hiền thánh biết đúng như thật rang sự tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Vì sao như vậy? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh tư duy,9 nhân chánh tư duy nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh tinh tấn, nhân chánh tinh tấn nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Vị đệ tử Hiền thánh đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát hết thảy tham, sân, si. [0721C09] Này thợ mộc? vị đệ tử Hiền thánh đã có tâm giải thoát hoàn toàn như vậy rồi liền biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Đó gọi là bậc Hữu học kiến đạo thành tựu tám chi9 và A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi.11 1011 Này thợ mộc, thế nào gọi là bậc Hữu học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là hữu học chánh kiến cho đến chánh định, như vậy gọi là bậc Hữu học kiến đạo thành tựu tám chi. Thế nào gọi là

A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là Vô học chánh kiến cho đến Vô học chánh trí.12 Như vậy gọi là bậc A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi. Này thợ mộc, nếu người nào có đủ mười chi thì Ta nói rằng người ấy thành tựu thiện, thiện bậc nhất, là bậc Vô thượng si, thành đạt tối thượng, là Sa-môn chất trực. Đức Phật dạy như vậy, thợ mộc Ngũ Chi và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Nguyên tác: Chánh chí ( ). 10 Nguyên tác: Học kiến tích (),chỉ giai đoan Kiến đạo của hàng Hữu học. Hàng Hữu học ở địa vi Kiến đạo, tu tập và thành tựu 8 chi Thánh đạo để thấy lý Tứ đế. 11 Bậc A-la-hán lậu tận thành tựu 10 Vô học chi, gồm 8 chi của bậc Hữu học và thêm 2 chi chánh giải thoát (sammāvimutti) và chánh trí (sammāñānā) của bậc Vô học (ạsekhà). Tham chiếu[A-tỳ-đạt-maĐại Ty-īa-sa luan(je.9&0461aÌ7):. 12 Đoạn này sắp xếp, theo thứ
tự từ "chánh kiến" cho đến <cchánh gii thoWt" và "chanh trí." Do vì lược bỏ nên chỉ đề cập đến chi cuối cùng là "chánh trí."

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Thích-ca,123ngụ tại vườn Ni-câu- loại/ thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ.4 Bây giờ, Ma-ha-ba-xà-ba-đê Cù-đàm-di5 đem một chiêc y mới màu vàng, được dệt bằng kim tuyến đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thê Tôn! Con đã tự tay căt may chiêc y mới màu vàng dệt băng kim tuyến này cho Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thương con mà thọ nhận. Đức Thế Tôn bảo: -Này Cù-đàm-di, hãy đem y này cúng dường cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo là đã cúng dường Như Lai, cũng là cúng dường đại chúng. Đại Sanh chủ6 Cù-đàm-di lại thưa đến lần thứ ba: -Bạch Thê Tôn! Con đã tự tay cát may chiêc y mới màu vàng dệt băng kim tuyến này cho Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thương con mà thọ nhận. [0722a02] Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo: -Này Cù-đàm-di9 hãy đem y này cúng dường cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo là đã cúng dường Như Lai, cũng là cúng dường đại chúng. Bây giờ, Tôn giảA-nan đang đứng phía sau quạt hâu đức Thê Tôn, liên thưa: Bạch Thế Tôn! Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi r _ 4./^/ _ i —_ Á rr\ _ 1 1 • _ Á r-ri _____ ích, đã nuôi dưỡng The Ton sau khi than mau The Ton qua đời. Đức Thế Tôn bảo: Này A-nan, thật sự như vậy! Này A-nan, thật sự như vậy! Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lọi h, đã nuôi dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta qua đời. Nhung này A-nan? Ta cũng đem lại cho Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhiều lợi h Vì sao? Vì Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã nhờ Ta mà được quy

1 Nguyên tác: Cù-đàm-di kinh rOL 0026.180. 0721c21. Tham chiếu: Phân biệt bố thỉ kinh roi. 0084. 0903b23; M. 142, Dakkhināvibhañga Sutta Kinhphân biêt củng dường. 2 Nguyên tác: Thích-ky-sấu phiên âm từ nguyên tác Sakkesu, là những người họ Thích. 3 Ni-câu-loại ,Nigrodha. 4 Gia-tỳ-la-vệ cũng viết là Ca-tỳ-la-vệ ,Kapilavatthu.

5 Ma-ha-bá-la-xà-bát-đề Cù-đàm-di ,Mahāpajāpatī Gotamī. 6 Đại Sanh chủ trực dịch từ Mahāpajāpatī.

y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo? không nghi ngờ ngôi Tam bảo, không nghi ngờ về khổ, tập, diệt, đạo, thành tựu niềm tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ các nghiệp sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu và đoạn trừ nghiệp uống rượu. Này A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ngôi Tam bảo, không nghi ngờ về khổ, tập, diệt, đạo, thành tựu niềm tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ các nghiệp sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu và đoạn trừ nghiệp uống rượu thì người này cúng dường lại người kia cho đến suốt đời về các thức ăn uống, y phục, giường nệm, thuốc thang, đủ mọi vật dụng cho đời sống vẫn không thể đền đáp được công ơn kia. Lại nữa, này A-nan, có bảy loại bố thí cho chúng Tăng và có mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Này A-nan, thế nào gọi là bảy loại bố thí cho chúng Tăng sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn? Như khi Phật còn tại thế, Phật là đấng tối cao, nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo thì đây là loại bố thí thứ nhất cho chúng Tăng sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Sau khi Phật Niết-bàn không lâu, nếu người thiện nam hay người thiện nữ nào cúng dường cho cả hai bộ chúng [thì đây là loại bố thí thứ hai]; nếu cúng dường cho mỗi đại chúng Tỳ-kheo [thì đây là loại bố thí thứ ba]; nếu cúng dường cho mỗi đại chúng Tỳ-kheo-ni [thì đây là loại bố thí thứ tư]; nếu đi vào tinh xá Tỳ-kheo rồi bạch với đại chúng: "Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được cúng dường!55 và đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni rồi bạch với đại chúng: “Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được cúng đường!" thì đây là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. [0722b01] Này A-nan, trong tương lai, có Tỳ-kheo chỉ mang danh Tỳ-kheo/ khoác áo ca-sa mà không tinh tấn. Vi ấy đã không tinh tấn, không tinh cần nhưng vẫn được cúng dường vì nương nơi chúng, duyên nơi chúng, ở trong chúng, nhân nơi chúng. Ta nói lúc ấy thí chủ cũng được phước vô lượng, không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc [thì đây là loại bố thí thứ sáu cho Tăng chúng, sẽ được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được quả báo to lớn]. Huống nữa, là cúng dường cho các Tỳ-kheo hiện tại là những vi thành tựu7

7 Tỳ-kheo danh tánh chủng ()chỉ cho hạng 4tTỳ-kheo danh tự.” Pali: Gotrabhuno.
Theo Chú giải Kinh phân biệt củng dường (Dakkhināvibhangasuttavarinanā): Chỉ có cái tên "Chuyển tộc tánh", là loại Sa-môn hư danh (Gotrabhunoti gottamattakameva anubhavamānā, nāmamattasamanati attho).

hành SỊT, thành tựu trừ sự,89thành tựu cả hành sự và trừ sự; thành tựu chất trực, thành tựu nhu hoà, thành tựu cả chất trực và nhu hoà; thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc; thành tựu sự hòa hợp,9 thành tựu sự chăm sóc,1011 thành

tựu cả sự hòa hợp và chăm sóc; thành tựu oai nghi, thành tựu sự giáo hóa, thành tựu cả oai nghi cùng sự giáo hóa; thành tựu niềm tin, thành tựu trì giới, thành tựu đa văn, thành tựu bố thí, thành tựu trí tuệ; thành tựu cả niềm tin, trì giới, đa văn, bố thí và trí tuệ, đây là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, sẽ được phước nhiều, kết quả nhiều, công đức nhiều và quả báo to lớn. Trên đây là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Này A-nan, thế nào là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn? Đó là người thiện nam hay người thiện nữ cúng dường Như Lai, cúng dường bậc Độc giác,11 cúng dường A-la-hán, cúng dường bậc hướng đen quả A-la-hán, cúng dường A-na-hàm, cúng dường bậc hướng đến quả A-na-hàm9 cúng dường Tư-đà-hàm, cúng dường bậc hướng đến quả Tư-đà-hàm, cúng dường Tu-đà-hoàn, cúng dường bậc hướng đen quả Tu-đà-hoàn, cúng dường Tiên nhân ngoại đạo lìa dục, cúng dường cho người tinh tấn, cúng dường cho người không tinh tấn và bố thí cho súc sanh. Này A-nan9 bố thí cho súc sanh được phước gấp trăm lần, bố thí cho người không tinh tấn được phước gấp ngàn lần, cúng dường cho người tinh tấn được phước gấp trăm ngàn lần, cúng dường cho Tiên nhân ngoại đạo lìa dục được phước gấp ức trăm ngàn lần, cúng dường cho vị hướng đen quả Tu-đà-hoàn được phước vô lượng, cúng dường cho vị đác Tu-đà-hoàn được phước vô lượng, cúng dường cho vi hướng đến quả Tư-đà-hàm được phước vô lượng, cúng dường cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng, cúng đường cho vị hướng đến quả A-na-hàm được phước vô lượng, cúng dường cho vị đác A-na- hàm được phước vô lượng, cúng dường cho vi hướng đên quả A-la-hán được phước vô lượng, cúng dường cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng, cúng dường cho vị Độc giác được phước vô lượng, huống nữa là cúng dường cho đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ư? Đó là mười bon loại bố thí

8 Nguyên tác: Thành tựu hành sự, thành tựu trừ sự ,.Theo A-tỳ-đàm Bát kiền-độ ỉuạn T.26. 1534.3. 0782a27: Thành tựu hanh sự là gì? Là bậc Vô học thủ hộ thân, thủ hộ miệng, nuôi mạng thanh tịnh, đó là thành tựu hành sự. Thênào làthành tựu trừJự? Làbâc Vô học thủ hộ các căn, đó là thành tựu trừ sự ??? : 9 Nguyên tác:
Thành tựu tương ưng ."Tương ưng" ở đây chỉ cho sự giống nhau, liên kết, khê hợp. Theo ngữ cảnh kinh văn được hiểu là "sịt hòa hợp." 10 Nguyên tác: Thành tựu kinh kỷ .Theo Đại Tỳ-kheo tam thiên oai nghi WE l r.24. 1470.1. 0917C1S, "kinh W mang nghĩa là chăm sóc và dạy dỗ -; .3g./r.22. 1425.28. 0456aQ4 cũng dùng chữ "kinh ky"với nghĩa là chăm sóc:,, Mi 11
Nguyên tác: Duyên Nhất Giác ,Paccekabuddha, cách dịch khác của Độc giác .

riêng cho từng người, sẽ được phước nhiều, được phước quả nhiều, được công đức nhiều và được phước quả to lớn. Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bố thí mà chỉ ba loại là

được thanh tinh. Bốn loại bố thí đó là: Có loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ; có loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy. Này A-nan, thế nào là loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận? Đó là thí chủ tinh tấn, hành trì Diệu pháp, tin12 có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: “C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì không tinh tấn, thực hành tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo, do không tin như vậy nên nói: "Không có sự bố thí, không quả báo của sự bố thí." Đó là loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận. [0722c07] Này A-nan, thế nào là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Đó là thí chủ không tinh tấn, thực hành tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo, do không tin như vậy nên nói: "Không có sự bo thí, không có quả báo của sự bo thí"; còn người thọ nhận thì tinh tan, hành trì Diệu pháp, tin có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Đây là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ. Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận? Đó là thí chủ không tinh tấn, thực hành tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo? do không tin như vậy nên nói: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng không tinh tấn5 hành theo tà pháp, không tin có đời sau, không tin có quả báo, do không tin như vậy nên nói: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Đây là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Này A-nan, thê nào là loại bô thí do thí chủ thanh tinh và người thọ nhận cũng vậy? Đó là thí chủ tinh tấn, hành trì Diệu pháp, tin có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng tinh tấn, hành trì Diệu pháp, tin có đời sau, tin có quả báo, do tin như vậy nên nói: “C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.,, Đây là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng thanh tịnh. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ: Tinh tấn thí người không tinh tấn, Thí đúng pháp được tâm hoan hỷ5 Vì tin có nghiệp, có quả báo, Loại thí này5 thí chủ thanh tịnh. 12 Nguyên tác: Kiến (M, passatī), nghĩa là trông thấy, hiểu rõ.

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI 1195

Không tinh tấn thí người tinh tấn,
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ,
Vì không tin nghiệp và quả báo,
Loại thí này, người nhận thanh tịnh.
Biếng nhác thí người không tinh tấn,
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ?
Vì không tin nghiệp và quả báo,
Loại thí này không nhiều phước báo.
Người tinh tấn thí người tinh tấn,
Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ,

Vì tin có nghiệp và quả báo,
Loại thí này được nhiều phước báo.
Tôi tớ và bần cùng,
Hoan hỷ hành bố thí,
Tin có nghiệp, quả báo,
Thí này thiện nhân khen.
Khéo giữ thân và miệng,
Khất thực đúng Chánh pháp,
Ly dục thí ly dục,
Là tài thí bậc nhất.
[0723a05] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.
181. KINH ĐA GIỚI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình ở nơi thanh vắng, tọa thiền tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Nếu có những sợ hãi thì hết thảy chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tue." Rồi vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình ở nơi thanh vắng, tọa thiền tư duy, tâm khởi suy nghĩ: "Nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ?9 Đức Thế Tôn bảo: Thật vậy A-nan! Thật vậy A-nan! Nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buôn lo thì hét thảy đêu từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, giông như lửa phát sanh từ những đông lau sậy, cỏ rác, đót cháy cả lâu gác, cung điện, nhà cửa. Này A-nan, cũng vậy, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong quá khứ, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa5 buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong tương lai, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này Anan, ở hiện tại, nếu có những sợ hãi thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu có những bất hạnh, tai họa, buồn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

1 Nguyên tác: Đa giới kỊỊịh (roi. 0026.181. 0723a08). Tham chiếu: Phật thuyết Tứ phẩm pháp mon kỉnh (T.17. 0776.1. 0712b14); A-tỳ-đạt-maPháp uẩn túc luận (T.26. 1537.10. 0501Ồ24); M. 115, Bahudhātuka Sutta (Kinh đa giới).

Này A-Nan, đó gọi là do ngu si nên có sợ hãi, nhờ trí tuệ nên không sợ hãi. Do ngu si nên có bất hạnh, tai họa, buồn lo, nhờ trí tuệ nên không có bát hạnh, tai họa, buôn lo. Này A-nan, nêu có những sợ hãi, bát hạnh, tai họa, buôn lo thì hết thảy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. [0723b06] Bấy giờ, Tôn giả A-nan buồn rầu, rơi lệ, chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không trí tuệ? Đức Thế Tôn đáp: -Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết trường hợp nào đúng, trường hợp nào sai thì này A-nan, Tỳ-kheo như thế la ngu si, khòng trí tuệ. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như thế là ngu si, không trí tuệ. Thưa Thế Tôn, vậy thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không ngu si? Thê Tôn đáp: Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết trường hợp nào đúng, trường hợp nào sai thì này A-nan, Tỳ-kheo như vậy là có trí tuệ, không ngu si. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không ngu si. Thưa Thế Tôn, vậy thế nào là Tỳ-kheo biết giới? Á FT1 A 4. / _ The Ton đáp: Này A-nan, đó là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười tám giới: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật ve mười tám giới này. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu giới: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu giới: Dục giới, sân giới, hại giới, vô dục giới, vô sân giới và vô hại giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu giới: Lạc giới, khổ giới, hỷ giới, xru giới, xả giới và vô minh giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về bốn giới: Thọ giới, tưởng giới, hành giới và thức giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Dục giới, sắc giới và Vô sắc giới.

181. KINH ĐA GIỚI 1199

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Sắc giới, vô sắc giới và diệt giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Quá khứ giới, vị lai giới và hiện tại giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Diệu giới, bất diệu giới và trung giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Thiện giới, bất thiện giới và vô ký giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về ba giới: Học giới, vô học giới và phi học phi vô học giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về hai giới: Hữu lậu giới và vô lậu giới. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về hai giới: Hữu vi giới và vô vi giới. Này A-nan, Tỳ-kheo biết giới là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về sáu mươi hai giới như thế. Tôn giả A-nan bạch: Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo biết giới là như thế, còn Tỳ-kheo biết xứ thì như thế nào? The Ton đáp: -Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười hai xứ: Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ? tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ. Này A-nan! Thấy và biết như thật về mười hai xứ như vậy gọi là Tỳ-kheo biết xứ. Tôn giả A-nan bạch: -Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo biết xứ là như thế, còn Tỳ-kheo biết nhân duyên

thì như thế nào? nn*i _ A ri"! A J. / The Ton đáp: -Đó là Tỳ-kheo thấy và biết như thật về nhân duyên, từ nhân duyên mà phát khởi: Do cái này có nên cái kia c6, cái này không nên cái kia không, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Tức là duyên vô minh có hành,... (cho đến) duyên sanh mà có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) sanh diệt thì già, chết diệt. Này A-nan! Như thế là Tỳ-kheo biết nhân duyên. Tôn giả A-nan bạch: Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo biết nhân duyên là như thế, còn Tỳ-kheo biết trường hợp đúng, trường hợp sai thì như thế nào?

1200 KINH TRUNG A-HÀM

rTH*l _ Ặ ÍT' A _ # /
The Tôn đáp:
 Tỳ-kheo biết trường hợp đúng, trường hợp sai là Tỳ-kheo thay và biết như thật về trường hợp đúng là đúng, trường hợp sai là sai.
9 9
Này A-nan, trong đời hoàn toàn không thê có hai vi Chuyên Luân Vương cùng cai trị, chỉ có thể có một vị Chuyển Luân Vương cai trị mà thôi. Này Anan, trên thế gian hoàn toàn không thể có hai đức Như Lai cùng xuất hiện, chỉ có thể có một đức Như Lai xuất hiện mà thôi. Cũng vậy, này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà cố ý sát hại cha mẹ, giết A-la- hán, phá hoại Thánh chúng, hoặc ác tâm với Phật, làm Như Lai chảy máu; chỉ có thể có hạng phàm phu mới cố ý sát hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai chảy máu mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà cố tình phạm giới, xả giới, hoặc bỏ đạo; chỉ có thể có hạng phàm phu mới cố ý phạm giới, xả giới, hoặc bỏ đạo mà thôi. Hoàn toàn không thê có trường hợp một bậc đác đạo mà lìa bỏ đạo của mình, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở ngoại đạo; chỉ có thể có hạng phàm phu mới lìa bỏ đạo của mình, tôn thờ ngoại đạo, mong càu phước điền ở ngoại đạo mà thôi. [0724al0] Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà theo các Sa-môn hay Phạm chí khác để nói như vầy: "Cc ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết"; chỉ có thể có hạng phàm phu mới theo các Sa- môn hay Phạm chí khác để nói như vầy: "Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết" mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà còn tin bói toán, hỏi cát hung; chỉ có thể ở hạng phàm phu mới tin bói toán, hỏi cát hung mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà còn theo các Sa-môn hay Phạm chí khác để bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não và thấy những việc đó là thật; chỉ có thể có hàng phàm phu mới theo các Sa-môn hay Phạm chí khác để mà bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não và thấy những việc đó là thật. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc đắc đạo mà phát sanh sự cực khô, hét sức khô, không thê thương, không thê vui, không thê tư duy, không the suy niệm, cho đến tự kết liễu đời mình, lìa bỏ đạo của mình, cầu cứu ngoại đạo, được Sa-môn hay Phạm chí trì cho một câu chú, hai câu, ba câu, bon câu, nhiều câu, trăm ngàn câu chú, để giải trừ sự khổ đau cho mình; đây là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ; chỉ có thể có hàng phàm phu mới lìa bỏ đạo của mình, cầu cứu ngoại đạo, được

Sa-môn hay Phạm chí trì cho một câu chú, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu chú, đê giải trừ sự khổ đau cho mình; đây là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự khổ mà nói là dứt khổ.

181. KINH ĐA GIỚI 1201

Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một bậc Kiến đế2 mà tái sanh lần thứ tám; chỉ có thể có hạng phàm phu mới tái sanh lần thứ tám. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đến đường lành, sanh lên cõi trời; chỉ có thể có hạng người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đến đường ác5 đọa vào địa ngục. Này A-nan, hoàn toàn không thể có trường hợp một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đên đường ác, đọa vào địa ngục; chỉ có thê có trường hợp một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, do nhân duyên này sau khi qua đời, đi đến đường lành, sanh lên cõi trời. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác mà được hưởng phước báu an vui; chỉ có thể có hạng người thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, ắt phải chịu quả báo đau khổ mà thôi. Này A-nan, hoàn toàn không thê có một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện lại phải chiu quả báo đau khổ; chỉ có thể có trường hợp một người thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện và ý nghĩ điều thiện, ắt được hưởng phước báu an vui. [0724bl2] Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che,3 những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém mà có thể an trú tâm vững vàng trên bốn niệm xứ; chỉ có thể có người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém thì tâm mới an trú vững vàng trên bốn niệm xứ. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi; chỉ cỏ người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bốn niệm xứ thì mới tu bảy giác chi. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác chi mà sắp chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác; chỉ có những người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác chi thì mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Này A-nan, hoàn toàn không thể có một người không đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác chi, không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng

2 Nguyên tác: Kiến đế nhân :Người chứng quả vị Dự lưu. 3 Nguyên tác: Ngũ cái ,pañca nīvarana. Xem chú thích 9, kinh số 19, tr. 112.

1202 KINH TRUNG A-HÀM

r 9

giác mà đoạn hét các khô; chỉ có người đoạn trừ năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém, tâm an trú vững vàng trên bon niệm xứ, tu bảy giác chi, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mới đoạn hết các khổ. Này A-nan, Tỳ-kheo như vậy là Tỳ-kheo biết trường hợp đúng và trường hợp sai. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là Tỳ-kheo biết trường hợp đúng và trường hợp sai. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào? rTM_ A A _ -4- L

The Ton đáp: -Này A-nan, nên thọ trì pháp này như là thọ trì pháp đa giới, là pháp giới, là Cam lộ giới, là trống rền, là trống pháp, là trống Cam lộ/ là gương pháp,4 5 là bốn phẩm.6 Thế nên bài pháp này được gọi là Kỉnh đa giới. [0724c02] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

4 Cam lộ c6 .P. Amatadundubhi'. Tiếng trống bất tử. 5 Pháp kính ,Dhammādāso'. Tấm gương Pháp. A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận 7.26. 153T10. 0502C17 ghi là Đại pháp kính 6 Tứ phẩm catuparivatto .

7 Bản Hán, hết quyển 47.

PHẨM 15: SONG1 (Gồm 10 kinh)

Kệ tóm tắt:12
Mã Áp cập Mã Ấp
Ngưu Giác Sa-la lâm
Ngưu Giác Sa-la lâm
Cầu giải tối tại hậu.
Thuyêt trí, A-di-na
Câu-lâu minh Thánh đạo
Đông Viên luận Tiểu không
Đại không toi tại hậu.
1 Quyển 48. 2 Phẩm này có l o kinh, chia làm 2 phần. Phần đầu gồm 5 kinh thuộc ngày tụng thứ 4 (tụng phân biệt), từ 182 - 86. Phần còn lại, thuộc tụng ngày thứ 5 (tụng sau cùng). Nguyên tác Nhiếp tụng: im Do đặt lại tựa đê
nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh.

182. KINH MA ĂP1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Ương-kỳ12 rồi đi đến Xóm Ngựa,3 ngụ trong tinh xá Mã Lâm. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Người ta thấy các thầy Sa-môn là những Sa-môn. Nhimg nếu có ai hỏi các thầy có đúng là Sa-môn không thì các thầy có tự xưng mình là Sa-môn chăng? Các Tỳ-kheo bạch: - Thưa c6, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại bảo: -Thế nên, chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn? các thầy cần phải học đúng như pháp của Sa-môn và đúng như pháp của Phạm chí. Sau khi đã học đúng như pháp của Sa-môn và đúng như pháp của Phạm chí, bấy giờ các thầy mới đúng là Sa-môn chân chánh, không phải Sa-môn hư danh. Nếu thọ nhận y phục, ẩm thực, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng sinh

hoạt khác thì những người cúng dường cho các thầy mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo to lớn. Các thầy nên học như vậy. Thế nào là đúng như pháp của Sa-môn và đúng như pháp của Phạm chí? Thân hành thanh tinh, hướng đến sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi.4 Nhờ thân hành thanh tịnh, không tự cống cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uế, không vẩn đục, nên được các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân hành thanh tinh, điều cần làm đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp,5 không cần làm hơn nữa" thi này Tỳ-kheo, Ta nói đê thây biêt, chớ vì mong câu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn.6

1 Nguyên tác: Mã Ấp kinh, thượng , j7.01.j0026.182. 0724c 17). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.49.8. 080ỈCÍ4); M. 39, Mahāassapura Sutta (Đại kinh Xóm Ngựa). 2 Nguyên tác: Ương-kỵ quốc (,Añga), một trong 16 nước lớn thời Phật, nằm ở phía Đông Ma-4<iệt-đà (Magadha). 3 Nguyen tác: Mã Ấp ( )một thị trấn của nước Ương-kỵ (Añga). M. 39: Assapura (Xóm Ngựa). 4 Nguyên tác: Khuynh hướng phát lộ, thiện hộ vô khuyết ().M. 39: Bhavissati uttāno vivato na ca chiddavā satnvuto ca (trở nên sáng tỏ, mở bày, không có tì vét, phòng hộ). 5 Nguyên tác: Dĩ thành đức nghia ().M. 39: Đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Nghĩa (, atthā)'. Ý nghĩa, đạo lý, mục tiêu, mục đích. 6 Nguyên tác: Sa-môn nghĩa ().M. 39: Sāmañňattha (mục đích của đời sống Sa-môn).

Tỳ-kheo thân đã thanh tịnh, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, hướng đến sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi. Nhờ khẩu hành thanh tịnh, không tự cống cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uế, không vẩn đục, nên được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. [0725a07] Nếu các thầy nghĩ rằng: uTa thân hành thanh tinh, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cần làm hơn nūa,9 thì này Tỳ-kheo, Ta nói đe thay biết, chớ vì mong cầu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân và khẩu đã thanh tịnh, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, hướng đến sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi. Nhờ ý hành thanh tinh, không tự s 9

công cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uê, không vân đục, nên được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các thay nghĩ rang: "Ta thân, khau và ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không can học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cân làm hơn nữa^, thì này Tỳ-kheo, Ta nói đê thây biêt, chớ vì mong cầu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nêu thân, khâu và ý đã thanh tịnh, nêu muôn câu học thêm nữa thì phải làm những gì? Phải học nuôi mạng thanh tịnh,7 hướng đen sự tỏ bày, không che giấu, khéo léo giữ gìn, không để phạm lỗi. Nhờ nuôi mạng thanh tịnh, không tự cống cao, không khinh rẻ kẻ khác, không ô uế, không vẩn đục, nên được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các Thây nghĩ răng: "Ta thân, khẩu, ý và mạng hành thanh tinh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần

học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không càn làm hơn nữa” thì này Tỳ-kheo, Ta nói đê thây biêt, chớ vì mong câu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tịnh, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học giữ gìn các căn, thường nhớ đóng chặt các căn, vì mong muốn tỏ ngộ nên thủ hộ niệm tâm để được thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác, mắt thấy sắc nhưng không vướng mắc vào tướng của sắc, cũng không đắm vào vị của sắc, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn nhãn căn là đe trong tâm không sanh ra tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn cũng như vậy. Ý nhận biết các pháp nhưng không vướng mắc vào tướng các pháp, cũng không bị đam nhiễm vào vi của các pháp, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn ý căn là để trong tâm không sanh tham muôn, ưu não và các pháp ác, bát thiện. Vì hướng đên mục đích đó mà giữ gìn ý căn. Nêu các thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tinh,

7 Nguyên tác: Mạng hành thanh tịnh ().M. 39: Parisuddho ājīvo (sự nuôi sống thanh tịnh).

đã giữ gìn các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cần làm hơn nữa" thi này Tỳ-kheo, Ta nói để thầy biết, chớ vì mong cầu mục đích của Sa-môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tịnh, đã giữ gìn các căn, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Tỳ-kheo phải tu tập tỉnh giác khi ra, khi vào, luôn khéo quán sát, phân biệt; khi co duỗi, cúi ngước, dung mạo khoan thai; khi khoác y Tăng-già-lê? đắp y ôm bát, đi đứng, ngồi nằm, ngủ thức, nói năng hay im lặng... thảy đều tỉnh giác như vậy. [0725bl0] Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tịnh, đã giữ gìn các căn, đã tỉnh giác khi ra, khi vào, điều cần làm đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu mục đích cao đẹp, không cần làm hơn nữa,9 thì này Tỳ-kheo, Ta nói để thầy biết, chớ vì mong cầu mục đích của Sa- môn mà lại đánh mất mục đích của Sa-môn. Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý và nuôi mạng đã thanh tinh, đã giữ gìn các căn, đã tỉnh giác khi ra vào, nếu muốn cầu học thêm nữa thì phải làm những gì? Tỳ- kheo phải học song một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vang, hoặc bên gốc cây5 hoặc nơi yên tĩnh, hoặc ở vách núi, hang dá, đất trống, giữa đồng, lùm cây, hoặc trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, bên gốc cây, những nơi yên vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, trải tọa cụ, ngồi kiết-già, thân tâm ngay thẳng,8 quay vào bên trong, tâm không hướng ngoại, đoạn trừ tham lam5 tâm không tranh đoạt, thấy tài sản hay vật dụng sinh hoạt của người khác không khởi ý muốn nó là của mình. Đối với tham lam, tâm vị ấy đã trừ sạch. Đối với sân hận, hôn trầm, trạo cử cũng vậy. Đoạn nghi trừ hoặc, với các thiện pháp không còn do dự; đôi với nghi hoặc, tâm vị ây đã trừ sạch. Vị ây đoạn trừ năm thứ ngăn che này, những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly pháp ác bất thiện,... (cho đến) chứng đắc, thành tựu và an trú Thiền thứ tư. Tỳ-kheo đã đắc định tâm thanh tinh như

vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ, được tâm không lay chuyển, rồi hướng đến chứng đắc Lậu tận trí thông. Vi ấy liền biết như thật đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt; cũng biết như thật đây là lậu, đây là nguyên nhân của lậu, đây là lậu diệt, đây là con đường đưa đến lậu diệt. Vị Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết đã giải thoát và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Ta nói vị ấy đúng là Sa-môn, là Phạm chí, là bậc Thánh, là bậc Tinh dục.9

8 Nguyên tác: Chánh thân chánh nguyện (). 9 Tịnh dục ().M. 39: Nahātaka (bậc tịnh hạnh, người đã tắm sạch).

[0725c04] Thế nào là Sa-môn? Là người dứt trừ các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là góc rê của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khô báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào là bậc Thánh? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu o uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Thánh. Thế nào là bậc Tịnh dục? Là người đã tẩy sạch các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, la nguyên nhân của kho báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Tịnh dục. Chính vì vậy nên được gọi là Sa-môn5 là Phạm chí, là bậc Thánh, là bậc Tinh dục. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

183. KINH MA ÁP1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Ương-kỳ rồi đi đên Xóm Ngựa, ngụ trong tinh xá Mã Lâm. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Người ta thấy các thầy Sa-môn là những Sa-môn. Nhưng nếu có ai hỏi các thầy có đúng là Sa-môn không thì các thầy có tự xưng mình là Sa-môn chăng? Các Tỳ-kheo bạch: - Thưa có, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại nói: -Thế nên, chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn5 các thầy phải tu tập theo con đường thích hợp của bậc Sa-môn512 chử đừng là phi Sa-môn. Sau khi đã tu tập theo con đường thích hợp của bậc Sa-môn? bấy giờ các thầy mới là Sa-môn chân chánh, không phải Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận y phục, ẩm thực, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng sinh hoạt khác thì những người cúng dường cho các thầy mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo to lớn. Các thầy nên học như vậy. Thế nào gọi là không phải con đường thích hợp của bậc Sa-môn, không phải bậc Sa-môn? Nếu có tham lam lại không từ bỏ tham lam, có nóng giận lại không từ bỏ nóng giận, có sân hận lại không từ bỏ sân hận,345có che giấu lại không từ bỏ che giấu/ có oán kết lại không từ bỏ oán kết,5 có bon xẻn lại không từ bỏ bon xẻn, có ganh ghét lại không từ bỏ ganh ghét, có dua nịnh lại không từ bỏ dua nịnh, có lường gạt lại không từ bỏ lường gạt, có không biết tự thẹn lại không từ bỏ không biết tự thẹn, có không biết xấu hổ lại không

từ bỏ không biết xấu hổ, có ham muốn bất chánh lại không từ bỏ ham muốn bất chánh, có tà kiến lại không từ bỏ tà kiến. Như vậy, những thứ làm cho Sa-môn ô uế, Sa-môn dua nịnh, Sa-môn dối lừa, Sa-môn bất chánh, dẫn họ đến cõi ác vẫn chưa được

1 Nguyên tác: MãẤp kinh, h(roi. 0026.183. 0725c16). Tham chiếu: M. 40, Cūlaassapura Sutta (Tiểu kinh Xóm Ngựa). 2 Nguyên tác: Sa-môn đạo tích (Samanasāmīcippatipada): Đạo lộ thích đáng của bậc Sa-môn. 3 Khuê (yyāpāda): Tâm ác độc, thù nghịch, có ác ý. Sân (,kodho)'. Nóng giận, bực tức. 4 Nguyên tác: Bất ngữ (,makkhà)'. Che giấu. Xem chú thích 6, kinh số 89, tr. 603. 5 Kết ()viết tắt của t4oán kết"().Tham chiếu: M. 40: Palãsa (não hại, ác ý, sự hiểm độc).

đoạn tận. Sự tu học đó không phải là con đường thích hợp của bậc Sa-môn? không phải bậc Sa-môn. [0726a06] Cũng như cái búa6 mới rèn rất bén, đầu có mũi nhọn, được bọc trong y Tăng-già-lê. Ta nói những kẻ ngu si học theo con đường của hạng Sa- môn vừa nêu cũng như vậy. Nghĩa là9 có tham lam lại không từ bỏ tham lam, có nóng giận lại không từ bỏ nóng giận, có sân hận lại không từ bỏ sân hận, có che giấu lại không từ bỏ sự che giấu, có oán kết lại không từ bỏ oán kết, có bon xẻn lại không từ bỏ bon xẻn, có ganh ghét lại không từ bỏ ganh ghét, có dua ninh lại không từ bỏ dua nịnh, có không biết tự thẹn lại không từ bỏ không biết tự thẹn, có không biết xấu hổ lại không tư bỏ không biết xấu hổ, có tham muốn bất chánh lại không từ bỏ tham muốn bất chánh, có tà kiến lại không từ bỏ tà kiến. Thế nên, dù người đó có khoác y Tăng-già-lê nhưng Ta cũng không gọi đó là Sa-môn. Nếu ai khoác y Tăng-già-lê mà khi có tham lam thì dứt trừ tham lam, khi có giận dữ thì dứt trừ giận dữ5 khi có sân hận thì dứt trừ sân hận, khi có che giấu thì dứt trừ che giấu, khi có oán kết thì dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn thì dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét thì dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh thì dứt trừ dua ninh, khi có không biết tự thẹn thì dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ thì dứt trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh thì dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến thì dứt trừ tà kiến, bà con hay bạn bè của người ấy đến nói với họ rằng: "Này Hiền nhân, ông hãy học cách khoác y Tăng-già-lê. Này Hiền nhân, nếu ông học cách khoác y Tăng-già-lê5 khi có tham lam thì sẽ dứt trừ tham lam, khi có giận dữ thì sẽ dứt trừ giận dữ, khi có sân hận thì sẽ dứt trừ sân hận, khi có che giấu thì sẽ dứt trừ che giấu, khi có oán kết thì sẽ dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn thì sẽ dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét thì sẽ dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh thì sẽ dứt trừ dua nịnh, khi có không biết tự thẹn thì dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ thì dứt trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh thì sẽ dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến thì sẽ dứt trừ tà kiến.^, Nhưng Như Lai thấy rằng, có người tuy khoác y Tăng-già-lê nhtrng vẫn có tham lam, có giận dữ, có sân hận, có che giấu, có oán kết, có bon xẻn, có ganh ghét, có dua nịnh, có lường gạt, có không biết tự thẹn, có không biết xấu hổ, có tham muốn bất chánh và có tà kiến. Thế nên, dù người đó có khoác y Tăng-già- lê nhưng Ta cũng không gọi đó là Sa-môn. Cũng như vậy, những người lõa hinh, bện tóc, không ngồi, ăn một bữa, thường vẩy nước, thọ trì nước, tùy thuộc vào nghi lễ tắm rửa... Ta nói những người ấy không phải là Sa-môn. Bởi nếu

người nào thọ trì nước mà khi có tham thì dứt trừ tham, khi có giận dữ thì dứt trừ giận dữ, khi có sân hận thì dứt trừ sân ^Nguyên tác: Việt phủ ().M. 40: Mataja (một loại vũ khí có 2 lưỡi rất sắc bén), HT. Thích Minh Chau dịch.

hận, khi có che giấu thì dứt trừ che giấu, khi có oán kết thì dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn thì dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét thì dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh thì dứt trừ dua nịnh, khi có không biết tự thẹn thì dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ dứt thì trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh thì dứt trừ tham muốn bất cháiứi, khi có tà kiến thì dứt trừ tà kiến, những bà con hay bạn bè của người ấy đến nói với họ rằng: "Này Hiền nhân, ông hãy thọ trì nước. Thọ trì nước rồi, khi có tham sẽ dứt trừ tham, khi có giận dữ sẽ dứt trừ giận dữ, khi có sân hận sẽ dứt trừ sân hận? khi có che giấu sẽ dứt trừ che giấu, khi có oán kết sẽ dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn sẽ dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét sẽ dứt trừ ganh ghét, khi có dua ninh sẽ dứt trừ dua nịnh, khi có không biết tự thẹn sẽ dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ sẽ dứt trừ không biết xấu hổ, khi có tham muốn bất chánh sẽ dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến sẽ dứt trừ tà kiến." Nhưng Ta thấy rằng, những người thọ trì nước vẫn cứ tham lam, giận dữ, sân hận, che giau, oán kết, bon xẻn, ganh ghét, dua nịnh, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, tham muốn bất chánh và tà kiến. Cho nên, những người thọ trì nước như vậy Ta không gọi họ là Sa-môn. Đó không phải là con đường thích hợp của bậc Sa-môn, không phải là bậc Sa-môn. [0726bl2] Thế nào gọi là con đường thích hợp của bậc của Sa-môn, chẳng phải phi Sa-môn? Đó là khi có tham liền dứt trừ tham, khi có giận dữ liền dứt trừ giận dữ, khi có sân hận liền dứt trừ sân hận, khi có che giấu liền dứt trừ che giấu, khi có oán kết liền dứt trừ oán kết, khi có bon xẻn liền dứt trừ bon xẻn, khi có ganh ghét liền dứt trừ ganh ghét, khi có dua nịnh liền dứt trừ dua ninh, khi có không biết tự thẹn liền dứt trừ không biết tự thẹn, khi có không biết xấu hổ liền dứt trừ không biết xấu hổ? khi có tham muốn bất chánh liền dứt trừ tham muốn bất chánh, khi có tà kiến liền dứt trừ tà kiến. Như vậy, những thứ làm cho Sa-môn ô uế, Sa-môn dua nịnh, Sa-môn trá ngụy, Sa-môn tà vạy, dẫn họ đến nẻo ác đều được đoạn tận. Sự tu học đó là con đường thích hợp của bậc Sa-môn9 chẳng phải phi Sa-môn. Đó gọi là con đường thích hợp của bậc Sa-môn, chẳng phải phi Sa-môn. Như vậy, vi ấy thành tựu giới, thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh và ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không sân giận, không hôn trầm, không trạo cử, không kiêu ngạo, đoạn nghi trừ hoặc, chánh niệm tỉnh giác, không ngu si. Tâm vi ấy tương ưng với từ, thành tựu và an trú đầy khắp một phương; cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng, phương trên và phương dưới, đầy khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không dính mắc, không thù oán, không tức giận, không hơn thua, rộng lớn vô cùng vô lượng, thành tựu và an trú đầy khắp tất cả thế gian. Cũng vậy với bi và hỷ. Lại nữa, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, thành tựu và an trú đầy khắp tất cả thế gian. Vị ấy suy nghĩ như

Vầy: "Ta biết như thật rằng có thô, có diệu, có tưởng, có giải thoát cao thượng."7 Sau khi biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm vị ấy giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát rồi, vị ấy biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0726c02] Cũng như cách thôn xóm không xa có ao tắm mát lành, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, hoa thơm bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, đói khát mệt mỏi, liền cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm, rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng khát. Giả sử từ phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng có một người đến, đói khát mệt mỏi, liền cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm, rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng khát. Cũng giống như vậy, một người thiện nam dòng Sát-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người nào với nội tâm tĩnh chí, Ta nói vi ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là bậc Thánh, là bậc Tịnh dục. Cũng vậy, một người thiện nam dòng dõi Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chí, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người nào với nội tâm tĩnh chí, Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là bậc ThánlC là bậc Tinh dục. Thế nào là Sa-môn? Là người dứt trừ các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào là bậc Thánh? Là người xa lìa các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Thánh. Thế nào là bậc Tịnh dục? Là người đã tẩy sạch các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế; chúng chính là gốc rễ của sự hiện hữu ở tương lai, là nguyên nhân của khô báo phiền nhiệt và của sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là bậc Tịnh dục. Như thế gọi là Sa-môn, là Phạm chí? là bậc Thánh, là bậc Tinh dục. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 Nguyên tác: Lai thượng xuất yếu ().Tham chiểu: M. 49: Ito capanañ̃ñarn uttari nissaranam natthī (ngoài cái này không có một giải thoát nào khác hơn), HT. Thích Minh Châu dịch.

184. KINH RỪNG NGƯU GIÁC SA-LA1 1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bạt-kỳ, ngụ trong rừng Ngưu Giác Sa-la12 cùng với số đông các đệ tử lớn, là những Tỳ-kheo Thượng tôn tri thức như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Ly-việt-đa và Tôn giả A-nan.3 Các đệ tử lớn là những Tỳ-kheo Thượng tôn tri thức như vậy đã cùng du hóa tại Bạt-kỳ, ngụ trong rừng Ngưu Giác Sa-la, ở gần bên ngôi tịnh thất lợp bằng lá cua Phật. [0727a04] Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Đại Mục- kiền-liên, Ton giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên và Tôn giả A-na- luật-đà đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đi qua, liền bạch: -Hiên giả Ly-việt-đa nên biêt, khi đêm đã qua, vào buôi

sáng sớm, các Tôn giả như Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Cg-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên và Tôn giảA-na-luật-đà đi đến chỗ Xá-lợi-phất Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất? hoặc giả 9 . eA * . r CÓ thê nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiêu từ Tôn giả Xá-lợi-phât. Nhân đó, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa và Tôn giả A-nan cùng đi đến chỗ Xá-lợi-phất. Tôn giả Xá-lợi-phất từ xa thấy các bậc Thượng tôn đi đến, Tôn giả Xá-lợi-phất nhân thấy các bậc Thượng tôn ấy nên nói: Kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan, kính chào Hiền giả A-nan! Thầy là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý Thế Tôn, thường được đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây

1 Nguyên tác: Ngưu Giác Sa-la lâm kinh, thượng ,_troi. 0026.184. 0726c25. Tham chiêu: Tăng.r.02. 0125.37.3. 0710c05; M. 32, Mahāgosinga Sutta Đại kinh rừng Sừng Bô. 2 Nguyên tác: Ngưu Giác Sa-la lâm Gosiñgasālavanadāya , khu rừng ở gần Nādikā, xứ Vajjī. 3 Các vị đệ tử lớn như: Tôn giả Xá-lê tử Sāriputta, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên , Mahāmoggalāna, Tôn giả Đại Ca-diếp Mahākassapa, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên Mahakaccayāna, T ôn giả A-na-ĩuật-đà Anuruddha, Tôn giả Ly-việt-đa , Revata, Tôn giả A-nan :Ānanda.

Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giảA-nan5 những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả A-nan đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo nào học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều, với những pháp phần đầu vi diệu, phan giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiên hiện Phạm hạnh, những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiêu, tụng tập đến ngàn lần, chuyên tâm tư duy, quán sát, thấy rõ, hiểu sâu; vị ấy thuyết pháp cô đọng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiêt sử. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la này. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Hiền giả Ly-yiệt-đa! Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa? những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? [0727b03] Tôn giả Ly-việt-đa đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo nào ưa tọa thiền, nội tâm dừng lắng/ không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích thanh vắng, ưa chỗ yên tĩnh, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả A-na-luật-đà! Hiền giả Ly-việt-đa đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả A-na-luật-đà: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà? những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu

Giác Sa-la? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn; ở trong một ngàn thế giới, chỉ với một ít nỗ lực/ nhưng vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nông, chỉ với một ít nỗ lực5 nhưng vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất? cũng vậy? nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn; ở trong một ngàn thế giới, chỉ với một ít nỗ lực, nhưng vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.*

4 Nguyên tác: Nội hành chỉ .M. 32: Ajjhattarn cetosamathānuyutto nội tâm thực hành tịnh chỉ. 5 Nguyên tác: Thiểu phương tiên :Một sự cố gắng ít ỏi.

184. KINH RỪNG NGƯU GIÁC s A-LA 1 1215

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Ca-chiên-diên! Hiền giả A-na-luật-đà đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Ca-chiên-diên đáp: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý sâu xa của A-tỳ-đàm?6 những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Tôn giả Đại Ca-diếp! Hiền giả Ca-chiên-diên đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Thật đáng yêu thay, rừng Ngiru Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp5 những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? [0727c01] Tôn giả Đại Ca-diếp đáp: Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo tự mình ở nơi thanh vắng7 và khen ngợi hạnh ở nơi thanh văng, tự mình ít ham muôn và khen ngợi hạnh ít ham muốn, tự mình biết đủ và khen ngợi hạnh biết đủ5 thích sống một mình với hạnh xa lìa và khen ngợi việc thích sống một mình với hạnh xa lìa, tự mình tu hành tinh tấn và khen ngợi sự tu hành tinh tấn, tự mình thiết lập chánh niệm tỉnh giác và khen ngợi sự thiết lập chánh niệm tỉnh giác, tự mình đắc định và khen ngợi sự đắc định, tự mình có trí tuệ và khen ngợi sự có trí tuệ, tự mình các lậu đã sạch và khen ngợi các lậu đã sạch, tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến được hoan hỷ8 và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ. Thưa Hiền giả Xá-lọi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Mục-kiền-liên! Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Mục-kiền-liên9 những Tỳ-kheo nào có the làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? 6A-tỳ-đàm ,Abhỉdhammà còn gọi là A-tỳ-đạt-ma ,dịch nghĩa là Luận tạng, Thắng pháp hoặc Vo tỷ pháp n của tạng thứ 3 trong Tam tạng. 7 Vô sự arañña ka chỉ cho vị Tỳ-kheo tu theo hạnh sống ừong rừng. 8 Nguyên tác:

Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ .Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48.

1216 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, như có Tỳ-kheo nào có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, được tự tại vô lượng như ý túc. Vị ấy hiển bày vô lượng như ý túc, từ một thân biến thành nhiều thân, từ nhiều thân biến thành một thân, muốn một thân thì trụ một thân, có thể biết, có thể thấy,9 xuyên qua vách đá như hư không, không bị ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như trong nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung, ngồi kiết-già như loài chim; với mặt trăng và mặt trời này vốn có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn mà vị ấy có thể đưa tay nắm bắt, thân cao đến trời Phạm Thiên. Tôn giả Xá-lọi-phất, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi: -Tôn giả Xá-lọd-phất, tôi và các bậc Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiên giả Xá-lợi-phât, những Tỳ-kheo nào có thê làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Hiên giả Mục-kiên-liên, nêu có Tỳ-kheo tùy ý vận tâm tự tại chứ không bị lệ thuộc tâm, vị áy nêu muôn an trú chánh đinh vào lúc nào thì đêu được tùy ý, muốn thành tựu10 vào buổi sáng thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi sáng, vi ấy nếu muốn an trú chánh đinh vào buổi trưa hay buổi chiều thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiên giả Mục-kiên-liên? ví như vua quan có nhiêu y phục màu sac rực rỡ, nêu họ muốn mặc loại nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nấu họ muốn mặc loại nào vào buổi trưa hay buổi chiều, họ liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo tùy ý vận tâm tự tại chứ không bị lệ thuộc tâm, vị ấy nếu muốn an trú chánh định vào lúc nào thì đều được tùy ý? muốn thành tựu vào buổi sáng thì vị ấy liền an tru chánh đinh và thành tựu vào buổi sáng; vị ấy nếu muốn an tru chánh định vào buổi trưa hay buổi chiều thì vị ấy liền an trú chánh định và thành tựu vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. [0728all] Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã nói theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên? chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Phật để biết rằng, trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào đã nói đúng.

9 Nguyên tác: Nhấtdc trụ nhất, hữu tri hữu kiến ,.Tham chiếu: M. 32: Āvibhāvam tirobhāvaĩn hoặc ân hoặc hiện. 10 Nguyên tác: Trung tiền du hành Theo Hán dịchA-hàm kỉnh từ điển , nghía là thành tựu vao buổi sáng .

184. KINH RỪNG NGƯU GIÁC SA-LA (1) 1217

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? Tôn giả Đại Ca- diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-dien, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa và Tôn giả A-nan, tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Ton giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Tôn giả A-nan cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay vào buổi sáng sớm, có Hiền giả Mục-kiền-liên, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Đại Ca-chiên-diên, Hiền giảA-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa và Hiền giả A-nan, tất cả đều đi đến chỗ con. Con thấy chư Hiền đến, nhân đó mới nói rằng: "Kính chào Hiền giả A-nan,11 Thầy là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý The Ton, thường được đức The Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngqi." Lúc ấy, con hỏi Hiền giả A-nan rằng: "Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngiru giác Sa-la?" Hiền giả A-nan liền trả lời con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo nào học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều, với những pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đên ngàn lân, chuyên ý tư duy, quán sát, thây rõ, hiêu sâu; vị ây thuyêt pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la này." [0728004] Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất? đúng như lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu đa văn. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Ly- việt-đa: "Hiền giả A-nan đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Thật đáng yêu thay, rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trâng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa- la?" Hiền giả Ly-việt-đa liền trả lời con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có Tỳ-kheo nào ưa tọa thiền, nội tâm dừng lắng, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích thanh vắng, ưa chỗ yên tĩnh; thưa Tôn giả Xá-lợi- phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lọd-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa thích tọa thiền.

11 Trong nguyên tác, “Kính chào Hiền giả A-nan" 3 lần.

1218 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả A-na-luật-đà: "Hiền giả Ly-việt-đa đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đà: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà, những Tỳ-kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sala.” Hiền giả A-na-luật-đà liền trả lời con rằng: “Thua Tôn giả Xá-lợi-phất9 nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, chỉ với một ít nỗ lực, nhưng trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phât5 ví như người có mát ở trên lâu cao nhìn xuống khu đát trống, có một ngàn gò nông, chỉ với một ít nỗ lực, nhưng chốc lát cũng có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong ngàn thê giới, chỉ với một ít nô lực, nhưng

chóc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.” [0728c0l] Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Xá-lọi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã thành tựu thiên nhãn. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-na-luật-đà nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Đại Ca-chiên-diên: :Hiền giả A-na-luật-đà đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Đại Ca-chiên-diên: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-chiên-diên? những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?" Hiền giả Đại Ca-chiên-diên liền trả lời con răng: “Thua Tôn giả Xá-lọd-phât, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận vê nghĩa lý sâu xa của A-tỳ-đàm, những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá- lọi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.” Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lọi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên là phân biệt Pháp sư. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Ton, Hiền giả Đại Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: "Hiền giả Đại Ca-chiên-diên đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Tôn giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?" Tôn giả Đại Ca-diếp trả lời con rằng: "Hiền giả Xá-lợi-

phát, nêu có Tỳ-kheo tự mình ở nơi thanh văng và khen ngợi hạnh ở nơi thanh văng, tự mình ít ham muôn và khen ngợi hạnh ít ham muốn, tự mình biết đủ và khen ngợi hạnh biết đủ5 thích sống một mình với hạnh xa lìa và khen ngợi việc thích sống một mình với hạnh xa lìa, tự mình tu hành tinh tấn và khen ngợi sự tu hành tinh tấn, tự mình thiết lập chánh niệm tỉnh giác và khen ngợi sự thiết lập chánh niệm tỉnh giác, tự mình đắc định và khen ngợi sự đắc định, tự mình có trí tuệ và khen ngợi sự có trí tuệ, tự mình các lậu đã sạch và khen ngợi các lậu đã sạch, tự mình mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến được hoan hỷ và khen ngợi hạnh mở bày, dạy bảo, khích le, khiến được hoan hỷ. Hiền giả Xá-lọri-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.” Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp thường tu hạnh vô sự. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi: "Hiền giả Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Đại Mục-kiền-liên: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?^Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền trả lời con rằng: “Thua Tôn giả Xá-lqi-phất, nếu Tỳ-kheo có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, được tự tại vô lượng như ý túc. Vị ấy thực hiện vô lượng như ý túc, từ một thân biến thành nhiều thân, từ nhiều thân hợp thành một thân, muốn một thì trụ một, có thể biết, có thể thấy, có thể

xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như trong nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung, ngồi kiết-già như loài chim; với mặt trời và mặt trăng này vốn có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, vốn có oai thần lớn mà vị ấy có thể đưa tay nắm bắt vì thân cao đen cõi trời Phạm Thiên. Tôn giả Xá-lợi-phất, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, đúng như lời Tỳ-kheo Đại Mục-kiền- liên đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên có như ý túc lớn. Bấy giờ? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con và các Tôn giả nói như vậy rồi, liền thưa Tôn giả Xá- lợi-phất rằng: "Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi và các Tôn giả, mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thật đáng yêu thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la, ban đêm có trăng sáng, các cây Sa-la

đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi-phất9 những hạng Tỳ- kheo nào có thể làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?" Tôn giả Xá-lợi-phất liền trả lời con rằng: "Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo vận tâm tự tại chứ không phải lệ thuộc tâm. Nếu muốn an trú định nào thì vị ấy vào buổi sáng an tru định ấy. Nếu muốn an trú định nào vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vi ây an trụ đinh ây vào buôi trưa hay buổi chiêu. Hiên giả Đại Mục-kiên- liên, ví như y phục của vua quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc loại nào vào buổi sáng, liên lây mặc vào. Nêu họ muôn mặc loại nào vào buổi trưa hay buổi chiều thì liền lấy mặc. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, cũng vậy? Tỳ- kheo vận tâm tự tại, chứ không phải lệ thuộc tâm. Nấu muốn an tru đinh nào, vị ấy vào buổi sáng an tru đinh ấy. Nếu muốn an trú đinh vào buổi trưa hay buổi chiêu, tức thì vị ây an trụ định ây vào buôi trưa hay buôi chiêu. Hiên giả Đại Mục-kiền-liên, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Đại Mục-kiền-liên5 đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã nói. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vận tâm tự tại. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, con và chư Hiền nói như vậy rồi, con bảo rằng: "Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên5 chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ đức Phật, để biết trong những điều vừa tranh luận ấy, vi nào nói dung?9 Bạch Thế Tôn, trong chúng con ai nói đúng? The Ton đáp: Này Xá-lợi-phất, tất cả đều nói đúng. Vì sao như vậy? Vì các pháp đó chính là những điều Ta đã nói. Xá-lợi-phất, hãy nghe Như Lai nói. Vị Tỳ-kheo như vầy sẽ làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Này Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, vị ây đăp y ôm bát vào thôn khát thực, khéo giữ gìn thân, khéo phòng hộ các căn, khéo giữ tâm niệm. Sau khi khất thực xong, vào lúc xế trưa, vị ấy thu xép y bát, rửa chân tay, vát tọa cụ lên vai, đên nơi văng vẻ, hoặc bên góc cây hay chỗ thanh vắng, trải tọa cụ ngồi kiết-già, ngồi cho đến khi chứng lậu tận mới xả kiêt-già. Vi ấy không xả kiết-già cho đến khi nào chứng được lậu tận. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng

Ngưu Giác Sa-la. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

185. KINH rùng ngưu giác SA-LA1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật du hóa trong dân chúng Na-ma-đề12 và ngụ tại tinh xá Kiền-kỳ.3 Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Na-ma-đề khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Ngài đi đến khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Lúc ấy, trong rừng Ngưu Giác Sa-la có ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc đang ở cùng nhau, đó là Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la.4 Ba Tôn giả ấy thỏa thuận như vầy: Nếu ai khất thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang chậu rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước và chậu rửa; nêu có thê dùng hét thức ăn đã khát thực được thì cứ dùng, nếu không dùng hết thì cất giữ cẩn thận thức ăn còn thừa; thọ thực xong, cát bình bát, rửa tay chân, vát tọa cụ lên vai roi vào nhà I1ỆÔÌ tĩnh tọa. Nêu ai khát thực về sau, nêu có thê dùn^ hét thức ăn thì cứ díing, nêu không đủ thì lấy thức ăn của người trước để lại roi đem dùng cho đủ, nếu còn thừa nữa thì đem đổ vào chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Vi ấy lấy đồ đựng thức ăn của người kia rửa lau thật sạch rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, xếp ghế rửa chân, cất khăn lau chân, cất chậu rửa chân, bình nước và chậu rửa, quét dọn sạch sẽ nhà ăn, cất y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ lên vai rồi vào nhà tĩnh tọa. Các Tôn giả tĩnh tọa cho đến chiều. Nếu ai đứng dậy trước ma thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đi lấy, nếu xách nổi thì xách, nếu xách không nổi thì vẫy tay báo hiệu cho một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một bên, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau. Các vi ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc yên lặng như bậc Thánh.

1 Nguyên tác: Ngưu Giác Sa-la lâm kinh, hạ (roi. 0026.185. 0729b27). Tham chiêu: Tăng.(T.02. 0125.24.8. 0626b 11); M. 31, Cūlagosiñga Sutta (Tiểu kỉnh rừng Sừng Bò); Mv. 10.48-52. 2 Na-ma-đề-sấu ().M. 31: Nadikesu (giữa những người Nādikā). Tộc người này được đề cập trong/). 18. 3 Nguyên tác: Kiền-kỳ tinh xá ().M. 31: Giñjakāvasathā (một tinh xá bằng gạch). 4 Tôn giảA-na-luật-đà (Anuruddha), Tônrgiả Nan-đề (Nandiya) và Tôn giả Kim- tỳ-la (Kimbila): Ba vị Tôn giả này cùng xuất gia khi Phật vê thăm Ca-tỳ-la-vệ (, Kapilavatthu).

1222 KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ? người giữ rừng thấy Thế Tôn từ xa đi đến thì đón lại và quở trách: Sa-môn! Sa-môn! Chớ vào khu rừng này. Vì sao như vậy? Vì trong khu rừng này hiện có ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc đang ở cùng nhau, đó là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la. Nếu thấy ông, chắc họ sẽ không hài lòng. Đức Phật bảo: Này người giữ rừng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không hài lòng. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền quở trách người giữ rừng: -Này người giữ rừng, chớ có ngăn cản đức Thế Tôn. Này người giữ rừng, chớ có quở trách đấng Thiện Thệ. Vì sao như vậy? Vì đó là Tôn sư của tôi đang 4-Á 1 5 4. Á r-pl • rrnl /X 7 J /\ • 4-4-Á đen, la đang Thiện Thệ cua toi đang đen. Roi Tôn giả A-na-luat-da ra rước Thê Tôn, đon lây y bát. Ton gia Nan-de trải giường ngồi. Tôn giả Kim-tỳ-la đi lấy nước. [0730a02]

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi rửa tay xong thì ngồi xuống chỗ đã dọn sẵn. Khi đã ngồi yên thì Ngài hỏi: -Này A-na-luật-đà, thầy có thường an ổn? không thiếu thốn chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn5 không thiếu thốn gì. The Ton lại hoi: Này A-na-luật-đà, vì sao thây được an ôn, không thiêu thôn gì? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch Thê Tôn, con nghĩ răng, con nhờ có thiện lợi, có công đức lớn, vì con được tu tập cùng với các vị đồng Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, trước mặt hay sau lưng cũng vậy; tu khẩu nghiệp từ hòa và ý nghiệp từ hòa, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này." Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không hài lòng. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không thiếu thốn gì. Đức Phật hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả này cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la: Thầy có thường an ổn, không thiếu thốn chăng? Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không thiếu thốn gì. Đức Phật lại hỏi: -Này Kim-tỳ-la, vì sao thầy thường được an ổn, không thiếu thốn gì?

185. KINH RỪNG NGƯU GIÁC SA-LA (2) 1223

Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, con nhờ có thiện lợi, có công đức lớn, vì con được tu tập cùng với các vị đồng Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, trước mặt cũng như sau lưng; tu khẩu nghiệp từ hòa và ý nghiệp từ hòa, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các vị Hiên giả này." Roi con xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không hài lòng. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không thiếu thốn gì. Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, các thầy thường cùng nhau hòa hợp, an ổn, không tranh chấp như vậy? cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hợp như nước với sữa. Thế nhưng, các thầy có chứng đắc pháp Thượng nhân đê sông an lạc trong thiên định5 chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: r 9

Bạch Thê Tôn, quả như vậy, chúng con thường cùng hòa hợp an ôn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hợp như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân để sống an lạc trong thiền định. Bạch Thê Tôn, chúng con ly dục, ly pháp ác bát thiện,... (cho đên) chứng đao, thành tựu và an tru Thiền thứ tư. Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con thường cùng hòa hợp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hợp như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân để sống an lạc trong thiền định. [0730b04] Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà? bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân nào khác để sống an lạc trong đinh ấy không? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an tru định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong định ấy. Bạch Thế Tôn, tâm của con tương ưng với từ, thành tựu và an tru đay khắp một phương; cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương,

bốn hướng, phương trên, phương dưới, đầy khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không dính mắc, không thù oán, không tức giận, không hơn thua, rộng lớn vô cùng vô lượng, thành tựu và an trú đầy khắp tất cả thế gian. Cũng vậy với bi và hỷ. Lại nữa, tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, thành tựu và an tru đầy khắp tất cả thế

5 Nguyên tác: Sai giáng an lạc trụ chỉ ().M. 31: Phāsuvihāro (sống an lạc và thanh thản).

gian. Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sông an lạc trong định áy. Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đà? bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa đê đưa đến sống an lạc trong đinh ấy chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn dây, vượt qua đây, lại còn có Sự chứng đác pháp của bậc Thượng nhân khác nữa đê đưa đên sông an lạc trong định ấy. Bạch The Tôn, chúng con vượt tất cả sắc tưởng,... (cho đến) chứng đắc Phi tưởng phi phi tưởng xú*, thành tựu an trú trong đây. Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an tru định này, hơn đây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong định áy. Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà5 bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong đinh ấy chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch The Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn dây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong đinh ay. Bạch Thế Tôn, chúng con chứng đắc như ý túc, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã sạch, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bạch Thế Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn dây, vượt qua đây, lại còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong đinh ấy. [0730c04] Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà5 bỏ qua sự an trú đinh này, hơn đây, vượt qua đây, còn có sự chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân khác nữa để đưa đến sống an lạc trong định ấy chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch The Tôn, bỏ qua sự an trú định này, hơn đây, vượt qua đây, không còn có sự chứng đác pháp của bậc Thượng nhân nào khác nữa để sống an lạc trong định ấy. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ như vầy: "Chỗ an tru của những Ty-kheo con nhà hào tộc này thật là an ôn và hân hoan. Hôm nay, Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe." Nghĩ như vậy rồi, Thế Tôn liền thuyết ph cho Tôn giả A-na-luật-đà,

Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la nghe, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ.6 Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiên

cho họ hoan hỷ roi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la đi theo đức Thế Tôn được một quãng rồi trở lại trú xứ. Tôn giả Nan-dề, Tôn giả Kim-tỳ-la khen Tôn giả A-na-luật-đà rằng: Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà? trước đây, chúng tôi chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy. Chúng tôi có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn như vậy, nhimg Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước đức Thế Tôn. Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la rằng: -Lành thay! Lành thay! Này chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe Tôn giả có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn như vậy, nhimg một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả; Tôn giả có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai than lớn, vì the, đứng trước đức Thế Tôn, tôi mới trình bày như vậy. Bấy giờ, có vị trời Trường Quỷ7 hình dáng cực diệu, sáng chói rực rỡ. Lúc đêm gần tàn, trời vừa rạng sáng thì vị trời ấy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và bạch Thể Tôn: Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim- tỳ-la cư trú. [0731a01] Các địa thần nghe vị trời Trường Quỷ nói, liền làm cho âm thanh ấy vang lớn thêm: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà? Nan- đề và Kim-tỳ-la cư tru.,^ Nghe âm thanh vang dội truyền đi bởi địa thần, các cõi trời như: Hư Kh6ng, Tứ Thiên Vương, Ba Mươi Ba, Diệm-ma9 Đâu-suất-đà? Hóa Lạc và Tha Hóa Lạc, trong khoảnh khắc đều làm cho âm thanh ấy vang thấu đến cõi Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la cư trú.” The Ton bảo: -Đúng vậy! Đúng vậy! Này Trường Quỷ, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la cư trú.

6 Nguyên tác: Khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ ().Xem chú thích 7, kinh số 9, tr. 48. 7 Nguyên tác: Trường Quỷ thiên ().M. 31: Dīgho parājāno yakkho (vị dạ-xoa có thân dài kỳ lạ).

Này Trường Quỷ, các địa thần nghe tiếng nói của ông rồi liền làm cho âm thanh ấy vang lớn ra: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la cư trú." Nghe theo âm thanh vang dội truyền đi bởi địa thần, các cõi khác như: Hư Không, Tứ Thiên Vương, Ba Mươi Ba, Diệm-ma, Đâu-suất-đà? Hóa Lạc và Tha Hóa Lạc, trong khoảnh khao cũng đã làm cho âm thanh ấy vang thấu đến Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên Nhân, dân chúng nước Bạt-kỳ được lợi ích lớn, vì có Thế Tôn và ba Tỳ-kheo con nhà hào tộc là Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đê và Kim-tỳ-la cư trú." Này Trường Quỷ, nêu ba gia đình hào tộc kia có ba người con hào tộc này, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì ba gia đình hào tộc ấy sẽ nhớ lại nhân duyên và công hạnh của ba người con, họ sẽ được nhiều lợi ích, được an ổn và hân hoan lâu dài. Nếu như thôn ấp nào hoặc chư Thiên,:Ma vương,

Phạm thiên, Sa-môn? Phạm chí, từ người đen trời mà k nhớ nghĩ đên nhân duyên và công hạnh của ba người con dòng dõi hào tộc ây thì họ sẽ được nhiêu lợi ích, được an ôn và hân hoan lâu dài. Này Trường Quỷ, vì ba người con dòng dõi hào tộc ấy có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn và có oai thần lớn như vậy. Đức Phật dạy như vậy, ba người con dòng hào tộc và Trường Quỷ sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

186. KINH CÀU GIẢI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thi trấn Kiếm- ma-sắt-dàm, thuộc nước Câu-lâu.12 Bây giơ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo: -Duyên theo3 tâm của kẻ khác mà không biết như thật về tâm của họ thì người đó không thể hiểu đức Thế Tôn có phải là bậc Giác Ngộ viên mãn4 hay không. Vậy làm sao để hiểu được Như Lai? Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thê Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: -Này các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các thầy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy: Duyên theo tâm của kẻ khác mà không biết như thật về tâm của họ thì cần phải dựa vào hai pháp để tìm hiểu về Như Lai. Một là sắc được biết bởi mắt và hai là âm thanh được nghe bởi tai. Những pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai có hay không có ở nơi Tôn giả ây? Sau khi tìm hiêu thì biêt răng những pháp ô nhiêm được biêt bởi măt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nêu ở đó không c6, lại phải tìm hiểu thêm nữa. Những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai có hay không có ở nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đó không có, phải tìm hiểu thêm nữa. Những pháp hoàn toàn thanh tịnh được biết bởi mắt và tai có hay không có ở nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng những pháp hoàn toàn thanh

1 Nguyên tác: cầu giải kinh (T.01. 0026.186. 0731a29). Tham chiếu: M. 47, Vĩmarhsaka Sutta (Kinh tư sải). 2 Câu-lâu đô ấp ().Xem chú thích 3, kinh số 10, tr. 55. 3 Nguyên tác: Duyên ư ().M. 47: Paticca (nhân vì).

4 Nguyên tác: Chánh tận giác ()Bậc giác ngộ hoàn toàn (Sammāsambuddhassā).

tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đó có, lại phải tìm hiểu thêm nữa. Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu Tôn giả ấy thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa. Tôn giả ấy thể nhập vào thiền này là vì danh dự5 vì lợi lộc hay không phải vì danh dự và lợi lộc? Sau khi tìm hiểu thì biết rằng Tôn giả ấy thể nhập vào thiền này không phải là tai hại. Nếu có người nói như vầy: "Tôn giả ấy ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải đắm nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch,5 thì nên hỏi người ấy ràng: "Này Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình quán sát đúng như thật rằng: 'Tôn giả ấy ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải

đam nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch?"' Nếu người ấy trả lời như vầy: “Này Hiền giả! Tôi không biết được tâm trí của vị ây, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết. Thê nhưng, vị Tôn giả ấy trong khi sống một mình, hoặc ở trong chúng, hoặc ở nơi hội họp, nơi có đức Thiện Thệ, hoặc nơi có bậc Tông chủ được giáo hóa bởi đức Thiện Thệ, hoặc trong lúc vị Hiền giả đó đi khất thực thì đích than tôi được nghe từ chính Tôn giả ấy, không phải do tôi tự suy đoán, đã trực tiếp ghi nhận như vầy: 'Tôi ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải đam nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch/ Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy khiến tự thân tôi quán sát đúng như thật rang: 'Tôn giả ấy ưa thích tu hành chứ không phải vì sợ hãi, lìa dục chứ không phải đam nhiễm dục, vì dục đã diệt sạch.'" [073lc06] Trong trường hợp này, lại cần phải hỏi vị ấy thêm nữa về pháp của Như Lai: "Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp nào mà pháp ấy bị diệt sạch không còn sót gì chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp nào mà pháp ấy bi diệt sạch không còn sót gì chăng? Nêu có pháp hoàn toàn thanh tịnh, có trường hợp nào mà pháp ấy bị diệt sạch không còn gì chng?" Như Lai liền trả lời người ấy: "Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt sạch hoàn toàn. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt sạch hoàn toàn. Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai đã diệt sạch, đã đoạn trừ, đã nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai đã diệt sạch, đã đoạn trừ, đã nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp hoàn toàn thanh tinh thì với pháp hoàn toàn thanh tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, đạo Sa-môn như vậy, Như Lai như vậy mà thành tựu nơi giáo pháp nay.”

186. KINH CÀU GIẢI 1229

CÓ vị đệ tử tịnh tín đến chiêm bái Như Lai, phụng trì Như Lai, nghe pháp từ Như Lai và được Như Lai giảng nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng.5 Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng; sau khi nghe như vậy, như vậy rồi, vị ấy biết tường tận từng pháp một, chứng đắc rốt ráo đối với các pháp rồi khởi niềm tin tuyệt đối với Thế Tôn: “Thế Tôn là bậc Giác Ngộ viên man/9 ở đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng: "Này Hiền giả! Do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể biết tường tận từng pháp một, chứng đác rót rao đoi vơi các pháp roi khởi niêm tin tuyệt đoi vơi The Ton: The Ton là bậc Giác Ngộ viên mãn?9,9 Vi ấy sẽ trả lời như vầy: "Này Hiền giả, tôi không biết tâm trí của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết, nhưng từ nơi Thế Tôn mà tôi có niềm tin tuyệt đối như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng. Này Hiền giả! Đúng như những điều mà Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe và tôi đã nghe như vậy, như vậy. Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo tịnh trừ pháp đen, pháp trắng; sau khi đã nghe như vậy, như vậy rồi, tôi biết tường tận từng pháp một, chứng đắc rốt ráo đối với các pháp rồi khởi niềm tin tuyệt đối với Thế Tôn: 'Thế Tôn là bậc Giác Ngộ

viên mãn.9 Này Hiền giả! Do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi biết tường tận từng pháp một, chứng đắc rót ráo đôi với các pháp roi khởi niêm tin tuyệt đoi vơi The Ton: The Ton la bạc Giác Ngọ viên man vạy. Nếu ai có hành vi này, cùng năng lực này, tin sâu nơi Như Lai, khi gốc tin đã vững thì được gọi là niềm tin khế ứng với trí bất hoại vì thấy rõ gốc rễ, thế nên hàng Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thê gian không thê tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiêu vê Như Lai. Hãy như vậy mà nhận biết đúng như thật về Như Lai. Đức Phật dạy vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.6

5 Nguyên tác: Thiện trừ hắc bạch ().Tham chiếu: Tự hoan hỷ kinh (roi. OOOl.l
8. 0076c 19): Như Lai đã dạy cho con các pháp cao xa, vi diệu, các pháp đen, pháp trắng, hữu duyên, vô duyên, minh và vô minh (,.=.)
D. 28, Sampasādanīya Sutta (Kinh tự hoan /zỷ):/4Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho cọn, mỗi pháp lại cao ứiượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đêu được đê cập, đôi chiêu" (HT. Thích Minh Châu dịch). 6 Bản Hán, hết quyển 48.

187. KINH THUYẾT TRÍ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu có Tỳ-kheo nào đến trước các thầy trình bày về trí đã chứng đắc và biết đúng như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa", khi các thầy nghe nói vậy thì nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.12 Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy hãy hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: “Thua Hiền giả! Đức Thế Tôn đã nói năm thủ uan3 là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về năm thủ uẩn để được biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm đã giải thoát?” Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vay: "Thua chư Hiền! sắc thủ uẩn vốn không thật, rỗng không, không đáng ham muốn, không thường hằng, không đáng nương tựa, là pháp biến đổi. Tôi biết rõ như vậy. Nếu đối với sắc thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc và bi trói buộc sai khiến thì những thứ ây đã được đoạn trừ tát cả? không còn tham dục, tịch tinh, văng lặng; từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu? tâm đã giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn cũng không thật, rỗng không, không đáng ham muốn, là pháp không thường hang, không đáng nương tựa, là pháp biến đổi. Tôi biết rõ như vậy. Nếu đối với thức thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc và bị sự trói buộc sai khiến thì những thứ ấy đã được đoạn trừ tất cả, không còn tham dục, tịch tịnh, vắng lặng; từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm đã giải thoát. Thưa chư Hiền! Đối với năm thủ uẩn này, tôi biết như vậy và thấy như vậy nên tự biết được rằng mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát.' Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy.

1 Hâu tụng (thứ năm). Quyển 49. Nguyên tác: Thuyết trí kỉnh (r o l. 0026.187. 0732a21). Tham chiểu: M. 112, Chabbisodhana Sutta (Kỉnh sáu thanh tịnh). 2 Thamr

chiếu: M. 112: N'eva abhinanditabbarn nappatikkositabbam (không hoan hỷ cũng không phản đối). 3 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm ().Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75.

[0732b 11] Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả! Đức Thế Tôn đã nói có bốn loại thức ăn? chúng sanh nhờ đó mà được nuôi dưỡng sinh tồn. Là bốn loại nào? Một là đoàn thực có thô và tế. Hai là xúc thực. Ba là ý niệm thực. Bốn là thức thực. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về bốn loại thức ăn này, để biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoat?" Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: "Này chư Hiền! Đối với đoàn thực, tâm tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê5 không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa? Cũng như vậy, đôi với xúc thực, ý niệm thực và thức thực, tâm tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê5 không ràng buộc, không nhiễm, không đam, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.9 Này chư Hiền, tôi biết như vậy và thấy như vậy đối với bốn loại thức ăn này nên biết được rang mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát." Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành xong, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thưa Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói về bốn cách nói. Là bốn cách nào? Một là, thấy thì noi thấy. Hai là, nghe thì nói nghe. Ba là, hiểu thì nói hiểu. Bốn là, biết thì nói biết. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về bốn cách nói đê biêt được răng mình không còn châp thủ, đã dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoát?" [0732c02] Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: “Thua chư Hiền! Đối với cái được thấy thì nói thấy, tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Cũng vậy, đôi với cái được nghe thì nói được nghe, hiểu thì nói hiểu, biết thì nói biết, tôi không coi trọng, không khinh rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiêm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết đúng như thật: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.' Này chư Hiền! Tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bốn cách nói này nên biết được rằng, mình không

còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoat?9 Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói sáu xứ bên trong, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về sáu xứ bên trong này, để biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các phiền não lậu hoặc, tâm được giải thoát?" Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vày: "Thua chư Hiền! Đối với mắt và sự nhận biêt của măt9 đôi với pháp được biêt bởi sự nhận biêt của mat, tôi đêu biêt rõ. Sau khi biết hai pháp rồi, thưa chư Hiền, nếu con mắt và sự nhận biết của mắt, pháp được biết bởi sự nhận biết của mắt mà phát sanh ưa thích thì sự ưa thích đó đã trừ sạch. Do đã trừ sạch, không còn tham dục, tịch tịnh, vang lặng, từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm đã giải thoát. Cũng vậy, đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý vày thức, pháp được nhận biết bởi ý thức, tôi đều biết rõ. Sau khi đã biết hai pháp, này chư Hiền, nếu ý vày thức, pháp được biết bởi ý thức mà phát sanh ưa thích thì sự ưa thích đó đã được trừ sạch. Do đã trừ sạch, không còn tham dục, tịch tịnh, vắng lặng; từ đó biết được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết các lậu, tâm được giải thoát. Chư Hiền! Tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với sáu xứ bên trong này nên biết được mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát." Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biêt được Phạm hạnh đã thành tựu ây nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi lại Tỳ-kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả! Đức Thế Tôn nói về sáu giới, gồm địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về sáu giới này để biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các phiền não lậu hoặc, tâm được giải thoát?" [0733a0l] Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: "Thua chư Hiền! Tôi không thấy địa giới là của tôi, tôi không thuộc về địa giới, địa giới chẳng phải là tôi. Nhưng vì ba thứ chấp thủ đó45đều nương vào địa giới mà tồn tại cùng với sự trói buộc của những kiết sử,5 đối với những pháp ấy tôi đều đã được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghí, từ đó biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã

4 Nguyên tác: Tam thọ chỉ cho 3 thái độ chấp thủ: Địa giới là của tôi, tôi thuộc về địa giới, địa giới chính là tôi. 5 Bản Tống, Nguyên, Minh và Thánh: Chư sử sở trước .

dứt sạch hết các lậu, tâm được giải thoát. Cũng vậy, đối với thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải là của tôi, tôi không thuộc về thức giới, thức giới chẳng phải là tôi. Nhưng vì ba thứ chấp thủ đó đều nương vào thức giới6 mà tồn tại cùng với sự trói buộc của những kiết sử, đối với những pháp ấy tôi đều đã được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghí, từ đó biết được rằng mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch hết

các lậu, tâm được giải thoát. Thưa chư Hiên, tôi biêt như vậy và thây như vậy vê sáu giới này nên biêt được răng mình không còn chấp thủ, các lậu hoặc đã dứt sạch, tâm được giải thoát.9, Tỳ- kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe như vậy rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành, các thây nên hỏi lại Tỳ-kheo ây như vây: "Hiền giả biết như thế nào và thấy như thế nào về tự thân cùng với thức78này và các tướng ben ngoài/ đe biêt răng tát ca ngã, sự tạo tác cua ngã va mạn sư9 đã bi đoạn trừ vĩnh viễn,10 đã nhổ sạch gốc rễ, về sau không còn sanh khởi nữa?" Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vầy: "Thím chư Hiền! Thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo đã chán ghét các nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khốn khổ? buồn lo, sầu muộn nên tôi muốn đoạn trừ khối khổ đau to lớn này. Thưa chư Hiên! Sau khi đã chán ghét, nhàm tởm, tôi suy nghĩ như vây: 'Đời sông gia đình quả là chật hẹp, là chốn ưu phiền. Đời sống người xuất gia học đạo thật rộng lớn bao la. Nay ta sông đời tại gia bi xiêng xích quân chặt, không thê trọn đời tịnh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy xả bỏ các tài sản nhỏ và tài vật lớn, từ giã bà con thân tộc ít và thân tộc nhiêu, roi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo.9 Này chư Hiền! Sau đó, tôi xả bỏ tài sản nhỏ và tài vật lớn, từ giã thân tộc ít và thân tộc nhiêu, roi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, song không gia đình làm người học đạo. Này chư Hiền! Sau khi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải họ hàng rồi, tôi thọ lãnh giới cấm mà Tỳ-kheo phải tu tập, giữ gìn Biệt giải thoát, lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.

6 Bản Hán tỉnh lược "thiỉy giới, hỏa giới, phong giới và không gi&i" mà chỉ đề cập yếu tố cuối là "thứcgi&i." , 7 Nguyên tác: Thân cộng hữu thức ,saviññānaka kāya'.
Thân tồn tại cùng với thức, thân là sở y cho thức hoạt động? J 8 Tham chiêu: s. II. 252 và A. 3.32: Katharn nu kho, bhante, jānato katham passato imasmiñca saviriñānake kāye bahiddhā car sabbanimittesu ahañkāramamañkāramānānusayā na hontī,}ti? Bạch Thê Tôn, do biêt thê nào, do thây thê nào, trong thân có thức này và trong tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiên, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên? HT. Thích Minh Châu dịch. J 9 Mạn sử .Tham chiêu: T02. 0099.142. 0043a20: Nga mạn hệ trước sử
. M. 112 gọi là t4mạn tùy miên^, mānāYiusaya}. 10 Nguyên tác: Đoạn tri
.

187. KINH THUYẾT TRÍ 1235

Thưa chư Hiền! Tôi từ bỏ sát sanh, đoạn dứt sát sanh, buông bỏ dao gậy, có tâm hổ thẹn, có tâm từ bi làm lợi ích khắp tất cả chúng sanh, cho đến loài côn trùng, Đối với việc sát sanh, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Tôi từ bỏ trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp, chỉ lấy vật được cho, vui nhận những gì được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không lẫn tiếc, không mong báo đáp. Đoi với việc trộm cướp, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiên! Tôi xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn dứt phi Phạm hạnh, siêng tu Phạm hạnh, tinh cần tu diệu hạnh, thanh tịnh không uế? lìa dục, đoạn dâm. Đối với việc phi Phạm hạnh, tôi đã trừ

sạch tâm ấy. Thưa chư Hiền! Tôi xa lìa nói dối, đoạn dứt nói dối, chỉ nói lời chân thật, ưa 9 e •

thh chân thật, an trú trên sự thật không lay chuyên, nói lời hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa gạt thế gian. Đối với việc nói dối, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Thưa chư Hiền! Tôi xa lìa nói hai chiều, đoạn dứt nói hai chiều, tu hạnh không nói lời hai chiều, không phá hoại người khác, không nghe chuyện từ người này đến nói lại với người kia để muốn phá hoại người này, không nghe chuyện người kia rồi nói lại với người này để muốn phá hoại người kia; người chia lìa thì khiến họ được hòa hợp, khi họ đã hòa hợp thì mong họ hoan hỷ, không kết bè đảng, không ưa bè đảng, không ca ngợi bè đảng. Đoi với việc nói hai chiều, tôi đã trừ sạch tâm ấy. [0733012] Chư Hiền! Tôi xa lìa nói lời thô ác, đoạn dứt nói lời thô ác, đoạn trừ tất cả những lời nói với giọng điệu thô bi, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa mến, khiến họ khổ não không định tâm. Tôi chỉ nói những lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, đi vào lòng người, làm cho người nghe vui vẻ, mến yêu, an vui, giọng nói rõ ràng, không làm người khác sợ hãi mà còn khiến họ được định tâm. Đôi với việc nói lời thô ác, tôi đã trừ sạch tâm ây. Chư Hiền! Tôi xa lìa nói thêu dệt, đoạn dứt lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa thích nói sự tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo khiển trách. Đối với việc nói lời thêu dệt, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc buôn bán, đoạn dứt việc buôn bán, từ bỏ việc cân đo và đong đếm cùng gom chứa hàng hóa, không chèn ép người, không mong cân đo gian dối, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt, gian dối người. Đối với việc buôn bán, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận góa phụ, thiếu nữ, đoạn dứt việc nhận góa phụ, thiếu nữ. Đối với việc nhận góa phụ, thiếu nữ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận tôi tớ? đoạn dứt việc nhận tôi tớ. Đối với việc nhận tôi tớ, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nuôi voi, ngựa, bò, dê? đoạn dứt việc nuôi voi, ngựa, bò, dê. Đối với việc nuôi voi, ngựa, bò, dê, tôi đã trừ sạch tâm ấy.

Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nuôi gà, heo, đoạn dứt việc nuôi gà, heo. Đối với việc nuôi gà, heo, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận ruộng vườn, quán xá, đoạn trừ việc nhận ruộriệ vườn, quán xá. Đối với việc nhận ruộng vườn, quán xá, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc nhận lúa, mì, đậu sống, đoạn dứt việc nhận lúa, mì, đậu sông. Đôi với việc nhận lúa, nú, đậu sông, tôi đã trừ sạch tâm ây. Chư Hiền! Tôi từ bỏ uống rượu, đoạn dứt uống rượu. Đối với việc uống rượu, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiên! Tôi xa lìa năm giường cao rộng lớn, đoạn dứt năm giường cao rộng lớn. Đối với việc nằm giường cao rộng lớn, tôi đã trừ sạch tâm ây. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, tô son điểm phấn, đoạn dứt việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, tô son điểm phấn. Đối với việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, tô son điểm phấn, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa việc ca, múa, xướiiệ, hát và đến xem nghe, đoạn dứt việc ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe. Đoi với việc ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiền! Tôi xa lìa nhận vàng bạc, châu báu, đoạn dứt việc nhận vàng bạc, châu báu. Đối với việc nhận

vàng bạc châu báu, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Chư Hiên! Tôi xa lìa việc ăn quá ngọ, đoạn dứt việc ăn quá ngọ, chỉ ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời. Đối với việc ăn quá ngọ, tôi đã trừ sạch tâm ây. [0733C13] Chư Hiền! Sau khi thành tựu các Thánh giới này rồi, toi lại sống với hạnh biết đủ, áo vừa đủ che thân, ăn vừa nuôi mạng sống, đi đến đâu đều mang theo y bát, lúc từ biệt không luyến tiếc, giống như chim nhạn với đôi cánh bay liệng giữa bầu trời. Tôi cũng như vậy. Chư Hiền! Sau khi thành tựu các Thánh giới này và sống hết sức biết đủ rồi, tôi lại tu tập giữ gìn các căn, thường nghĩ đến việc đóng chặt các căn, lòng mong tỏ ngộ nên phải giữ gìn các căn và giữ tâm trong chánh niệm thì mới mong thành tựu. Thường xuyên tỉnh giác, mắt thấy sắc nhưng không vướng mắc vào tướng của săc9 khôriệ đăm vào vi của sắc, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn nhãn căn là đe trong tâm không sanh ra tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đên mục đích đó mà giữ gìn nhãn căn. Đối với tai, mũi, lưỡi và thân cũng như vậy. Ý nhận biết các pháp nhưng không vướng mắc vào tướng các pháp, cũng không bị đắm nhiễm vào vị của các pháp, đó là vì tránh sự oán giận, tranh cãi. Giữ gìn ý căn là đê trong tâm không sanh tham muốn, ưu não và các pháp ác, bất thiện. Vì hướng đến mục đích đó mà giữ gìn ý căn. Chư Hiền! Sau khi đã thành tựu các Thánh giới, hết sức biết đủ và gìn giữ các căn, tôi lại tỉnh giác khi ra, lúc vào, khéo léo quán sát, phân biệt, co duỗi,

cúi ngước, dung mạo khoan thai; khi khoác y Tăng-già-lê, khi đắp y ôm bát; khi đi, đứng, năm, ngồi, ngủ5 thức, nói năng, im lặng, tôi đều tỉnh giác. Chư Hiền! Sau khi đã thành tựu các Thánh giới, hết sức biết đủ, gìn giữ các căn và thành tựu tỉnh giác khi ra lúc vào rồi, tôi lại sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, hoặc bên gốc cây, hoặc nơi yên tĩnh, hoặc nơi hang núi, vách đá, đông trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc ở bãi tha ma. Chư Hiền, sau khi ở chốn vang vẻ, hoặc đến bên gốc cây, nơi yên tĩnh, tôi trải tọa cụ ngồi kiếtgià, thân ngồi ngay thẳng, ý không loạn động, nhiếp niệm nội tâm, đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt, thấy tiền tài và các vật dụng sinh hoạt của người khác cũng không khởi tâm tham lam mong chúng thuộc về mình. Đối với việc tham lam, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Tôi cũng tu tập như vậy đối với sân hận, hôn trầm, loạn động, đoạn trừ nghi ngờ, dứt trừ mê hoặc, không còn do dự với các pháp thiện. Đối với nghi ngờ, mê hoặc, tôi đã trừ sạch tâm ấy. Này chư Hiền! Tôi đã đoạn trừ sạch năm loại ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém. Tôi lìa bỏ dục, lìa bỏ các pháp ác? bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an tru. Này chư Hiền! Tôi đã thành tựu tâm định như vậy, thanh tịnh khônẹ nhơ uế, không phiền não, nhu hoà, khéo an trụ, được tâm không lay chuyển, roi hướng đến chứng đắc Trí lậu tận thông. [0734al2] Này chư Hiền! Tôi biết đúng như thật: Đây la khổ, đây là nguyên nhân sanh khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt. Tôi biết đúng như thật đây là lậu, đây là nguyên nhân sanh ra lậu, đây là lậu đã đoạn diệt, đây là con đường đưa đến diệt lậu. Tôi biết như vậy, thấy như vậy nên tâm thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Khi đã giải thoát liền biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật: 6 Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.5 Này chư Hiền! Tôi biết như vậy và thấy như vậy

đối với bên trong thân cùng với thức này và các tướng bên ngoài, đồng thời biết rằng tất cả ngã, sự tạo tác của ngã và mạn sử đã bi đoạn trừ vĩnh viễn, đã nhổ sạch gốc rễ, về sau không còn sanh khởi nữa." Tỳ-kheo đã dứt sạch lậu hoặc và biết được Phạm hạnh đã thành tựu ấy nên đúng như pháp mà trả lời như vậy. Các thầy nghe những điều trên rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành xong, các thầy nên nói vơi Tỳ- kheo ấy như vầy: "Thua Hiền giả! Khi Hiền giả vừa trả lời, chúng tôi rất hài lòng và hoan hỷ, nhimg chúng tôi mong muốn Hiền giả đã tăng tiến càng tăng tiến thêm, thành tựu trí tuệ và đối đáp một cách siêu xuất. Vì vậy, chúng tôi mới hỏi Hiền giả nhiều lần." Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

188. KINH A-DI-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở khu vườn phía Đông. [0734b01] Bấy giờ, vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, ra khỏi giảng đường rồi đi kinh hành nơi khoảng đất trống dưới bóng mát của giảng đường và thuyết pháp sâu xa vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Lúc ấy, có ngoại đạo A-di-na/ đệ tử của Sa-môn Man-đầu/ từ xa trông thấy đức Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, ra khỏi giảng đường rồi đi kinh hành nơi khoảng đất trống dưới bóng mát của giảng đường và thuyết pháp sâu xa vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Thấy vậy, ngoại đạo A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu? tiến đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau xong, liền đi kinh hành sau Phật. Đức Thế Tôn quay lại hỏi: Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu có thật sự tư duy với năm trăm tư duy không? Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả, rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì, thấy không sót thứ gi" nhưng khi có lỗi lầm thì vị ấy có tự nhận là mình có lỗi lầm chăng? A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu? đáp: -Thưa đức Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu thật sự có tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả, rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì5 thấy không sót thứ gi" khi có lỗi lầm thì vị ấy cũng tự nhận lỗi. Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu có thật sự tư duy với năm trăm tư duy không? Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả, rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì, thấy không sót thứ gi" nhưng khi có lỗi lầm thì vị ấy có tự nhận là mình có lỗi lầm chăng?1 23

1 Nguyên tác: A-dỉ-na kinh roi. 0026.188. 0734a27. Tham chiếu: A. 10.115 - v. 224; A. 10.116-V. 229. 2 A-di-na ,Ajita. 3 Nguyên tác: Sa-môn Man-đầu .Đây không phải là tên riêng của một vi đạo sĩ mà là chỉ chung cho các nhà dị học thông thái ,pandità, theo Pâlỉ-Hản từ điên do Minh Pháp Tôn giả hiệu đính.

y Adi-na, đệ tử Sa-môn Man-đâu đáp: - Thưa đức Cù-đàm! Sa-môn Man-đầu nói như vầy: "Khi đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ nghỉ, thức dậy, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm thì thường thấy biết không trở ngại gì. Nhưng khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng ẩu, xe chạy nhanh, lính tạo phản, con trai chạy, con gái chạy, hoặc đi trên đường gặp voi dữ, ngựa chứng, bò điên, chó dại, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị đánh bằng gậy, hoặc bị lọt xuống mương, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên bò đang nằm, hoặc rơi

xuống hố sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc lạc vào thôn ấp phải hỏi tên hỏi đường, hoặc gặp kẻ nam, người nữ phải hỏi họ hỏi tên, hoặc nhìn nhầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: 'ông ở đâu đến?' thì ta đáp rằng: 'Này chư Hiền, tôi đi nhầm đường.'" Thưa Cù-đàm? Sa-môn Man-đầu tư duy những điều như vậy/ tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có Sa-môn hay Phạm chí khác là bậc biết tất cả, thấy tất cả rồi tự xưng là "Ta có khả năng biết không sót thứ gì, thấy không sót thứ gi" nhưng vị ấy cũng có sự nhầm lẫn như vậy. Bấy giờ, đức Thế Tôn rời chỗ kinh hành rồi đi đến cuối con đường, trải tọa cụ ngồi kiết-già và hỏi các Tỳ-kheo: Ta nói về những việc trí tuệ, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo ấy im lặng không đáp. [0734c02] Đức Thế Tôn lại hỏi đến lần thứ ba: Này các Tỳ-kheo! Ta nói về những việc trí tuệ, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. Lúc đó, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngoi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật và thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói về những điều trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe, sau khi nghe xong các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giải thích đầy đủ cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch: Thưa vâng, chúng con xin lắng nghe và thọ trì! Đức Phật lại bảo: Có hai chúng: Một là chúng như pháp, hai là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng phi pháp? Là nếu có người nào làm việc phi pháp, nói lời phi pháp và chúng ây cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ây đứng đâu trong chúng phi pháp, tự cho mình là hiểu biết, nhưng chỉ là những*

4 Nguyên tác: Tỷ-kheo .Bản Hán bổ sung thêm chữ "kheo",vốn chỉ có chữ "tỷ"mang nghía “nhu vay."

lời hư dối không chân thật, hiển bày, phân biệt, biểu hiện việc làm của mình, tuần tự thuyết pháp rộng rãi, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, nhimg khi bị chất vấn thì không thể trả lời được. ở trong giáo pháp5 không thể thiết lập và tuyên bố những điều chính mình đã biết và người phi pháp ấy đứng đầu trong chúng phi pháp, tự cho là "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả?9 ở trong chúng nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng như pháp? Là nếu có người nào làm việc đúng pháp, nói đúng pháp và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói đúng pháp. Người đúng pháp ây đứng đâu trong chúng như pháp, tự cho mình là hiêu biêt, nhưng không phải là những lời hư vọng mà bang sự chắc thật, hiển bày, phân biệt, biểu hiện việc làm của mình, tuần tự thuyết pháp rộng rãi, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, nhưng khi bi chất vấn thì có thể trả lời được, ở trong giáo pháp, vi ấy có thể thiết lập và tuyên bố những điều chính mình đã biết, và người như pháp ấy đứng đầu trong chúng như pháp, tự cho là "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất c" ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng như pháp. Cho nên, các thầy cần phải biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên học cho đúng pháp và đúng nghĩa. Đức Phật dạy như vậy rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chu Hiền nên biết! Đức Thế Tôn chỉ nói sơ lược nghĩa này

mà không giải thích tường tận5 liên từ chô ngôi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: 'Các thầy cần phải biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên học cho đúng pháp đúng nghĩa.9 Các vị ấy lại suy nghĩ: “Chu Hiền! Ai có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã lược giang?99 Rồi các vi ấy lại nghĩ: “T6n giả A-nan là thị giả của đức Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể giải thích tường tận ve ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã lược giảng. Chư Hiền, chúng ta hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan, thỉnh ngài ấy giải thích ý nghĩa này. Nếu được Tôn giả A-nan giải thích thì chúng ta nên khéo thọ tri." [0735a08] Thế là các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giảA-nan, chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Tôn giả A-nan! Xin Tôn giả biết cho, đức Thế Ton vừa lược thuyết nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, liền rời chỗ ngồi vào tịnh thất tĩnh tọa: “Các thầy cần phải biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên học đúng pháp

5 Nguyên tác: Chánh pháp, Luật .ở đây chỉ cho giáo nghĩa riêng của giáo phái.

và đúng nghĩa?5 Chúng tôi liền suy nghĩ: "Chư Hiền! Ai có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng vắn tắt?" Rồi chúng tôi lại nghĩ: "T6n giả A-nan là thị giả của đức Phật, hiểu được ý Phật, thường được Thế Tôn và các bậc Phạm hạnh có trí tuệ khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã lược giảng." Kính mong Tôn giả A-nan hãy thương xót mà giải thích cặn kẽ cho! Tôn giả A-nan bảo: -Này chư Hiên! Hãy nghe tôi nói ví dụ5 người trí nhờ nghe ví dụ sẽ hiêu rõ ý nghĩa. Này chư Hiền! Ví như có người muốn tìm cầu lõi cây,6 vì mong được lõi cây nên vác búa vào rừng. Người ấy thấy một cây to lớn có đầy đủ cả gốc, thân, cành, nhánh lá9 hoa và lõi, nhung người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá. Những điêu mà chư Hiên vừa nói cũng giông như vậy. Đức Thế Tôn vẫn còn ở đời, vậy mà chư Hiền không thưa hỏi mà lại đến chỗ tôi để hỏi ý nghĩa này. Vì sao như vậy? Chư Hiền nên biết! Thế Tôn là bậc có mắt? có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa, do vậy hiệu của Ngài là Thế Tôn. Chư Hiền nên đến chỗ Thế Tồn mà hỏi ý nghĩa này: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gi?" Thế Tôn giảng giải như thế nào thì các vị hãy khéo thọ trì như thế ấy. Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan! Đức Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả nghĩa; do vậy hiệu của Ngài là Thế Ton. Nhưng Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các bậc Phạm hạnh có trí tuệ khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể giải thích tường tận về ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa giảng một cách sơ lược. Kính mong Tôn giả A-nan vì lòng từ thương xót mà giải thích cặn kẽ nghĩa ấy cho! [0735b03] Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Tất cả hãy lắng nghe tôi nói. Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là đúng pháp. Nấu điều nào nhân nơi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện thì gọi đó là phi nghĩa. Nấu nhân nơi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện thì gọi đó là đúng nghĩa. Này chư Hiền,

cho đến, tà trí là phi pháp, chánh trí là đúng pháp. Nếu nhân nơi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác, bát thiện thì đó là phi nghĩa. Nêu nhân nơi chánh trí mà sanh ra vô lượng thiện pháp thì đó là đúng nghĩa. Chư Hiền! Vì vậy, đức Thế Tôn chỉ nói sơ lược nghĩa này mà không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào thất tĩnh tọa: "Cho nên, các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa; sau khi biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi thì các thầy nên

6 Nguyên tác: Thật :Rắn chắc .A. 10.115 - v. 224: Sara cốt lõi, lõi cây.

học cho đúng pháp, đúng nghĩa?9 ở đây, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt như vậy, nhưng không giải thích tường tận. Tôi đã dùng văn cú như trên, lời lẽ như trên để giải thích rộng rãi như thế. Này chư Hiền! Các vị hãy đến chỗ Thế Tôn trình bày đầy đủ, nếu Thế Tôn dạy nghĩa gì thì chư Hiền phải nên thọ trì nghĩa ấy. Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan chỉ bày, liền khéo ghi nhớ thọ trì, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A-nan ba vòng, sau đó lui ra đi đến chô đức Phật, cúi đâu đảnh lê roi ngôi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Thế Tôn chỉ giảng nói sơ lược về nghĩa này, nhimg không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy để giải thích một cách rộng rãi về nghĩa đó. Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Đệ tử của Ta đúng là có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao như thế? Vì Ta chỉ nói sơ lược về nghĩa này, không giải thích tường tận, nhimg đệ tử ây đã dùng văn cú như vây, lòi lẽ như vây đê giải thh rộng rãi nghĩa ây. Đúng như những gì A-nan đã giảng giải, các thây hãy nên thọ trì như vậy. Vì sao như thế? Vì đã quán thông ý nghĩa nên nói như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

189. KINH THÁNH ĐẠO1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thị trấn Kiếm- ma-sắt-dàm, thuộc nước Câu-lâu.12 [0735c01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường khiến chúng sanh thanh tịnh, thoát khỏi ưu sầu, than khóc, dứt hét buôn lo, ảo não, chứng được pháp chân thật, đó là chánh định của bậc Thánh với các duyên hỗ trợ34 5làm tư lương, bao gồm bảy chi. Thế nào là chánh định của bậc Thánh được nói đến, với các duyên hỗ trợ làm tư lương bao gồm bảy chi? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn và chánh niệm. Do có bảy chi này làm duyên hỗ trợ và làm tư lương nên khéo hướng tâm đến chuyên nhất đó gọi là chánh định của bậc Thánh với các duyên hỗ trợ làm tư lương. Vì sao như vậy? Vì nhờ chánh kiến sanh chánh tư duy, chánh tư duy sanh chánh ngữ, chánh ngữ sanh chánh nghiệp, chánh nghiệp sanh chánh mạng, chánh mạng sanh chánh tinh tấn, chánh tinh tấn sanh chánh niệm, chánh niệm sanh chánh đinh. Vị Hiền thánh đệ tử với tâm được chánh định như vậy thì lập tức dứt sạch tham, sân và si. Vị Hiền thánh đệ tử với tâm chân chánh giải thoát như vậy, liền biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Trong các chi ây thì chánh kiên là yêu tố dẫn đầu. Nấu thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Nếu thấy chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến. Thế nào là tà kiến? Là cho rằng không có bố

thí, không có tế tự, không có chú nguyện/ không có nghiệp thiện, nghiệp ác5 không có quả báo của nghiệp thiệp, nghiệp ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ? không

1 Nguyên tác: Thảnh đạo kỉnh (roi. 0026.189. Ọ735Ồ27). Tham chiếu: Tạp,(102.0099.785. 0203al9); M 117, Mahācattārīsaka Sutta (Đại kỉnh bôn mươi). 2 Câu-lâu đô ấp ().Xem chú thích 3, kinh số 10, ư. 55. 3 Hữu tập hữu trọr ()M 117:% upanỉsa (cùng với sự thân cận, hay phương tiện), sa parikkhārā (cùng với tư lương). 4 Tâm đắc nhất ()Trạng thái tập trung vào một điểm. M. 117: Cittassa ekaggatā (tâm nhất cảnh tánh). 5 Nguyên tác: Vô hữu chú thuyết ().Chú thuyết ()là lời chúc phúc, chú nguyện sau khi thọ nhận vật thực.

CÓ bậc chân nhân xuất hiện ở đời, đi đến chỗ lành, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia5 trong đời này hay đời sau, tự biết tự ngộ, tư thân chứng đắc, thành tựu và an trú, đó gọi là tà kiến. Thế nào gọi là chánh kiến? Là thấy rằng có bố thí, có tế tự, có chú nguyện, có nghiệp thiện, nghiệp ác, có quả báo của nghiệp thiện, nghiệp ác, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân xuất hiện ở đời, đi đến cõi lành, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau, tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, đó gọi là chánh kiến. Như vậy, thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Thấy cháiỹi kiến là chánh kiến thì đó cũng là chánh kiến. Khi biết rõ như vậy, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng ý niệm đoạn dứt tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này xoay quanh chánh kiến, vận hành theo chánh kiến, the nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. Nấu thấy tà tư duy là tà tư duy thì đó gọi là chánh tư duy. Nếu thấy chánh tư duy là chánh tư duy thì đó cũng là chánh tư duy. Thế nào là tà tư duy? Là nghĩ về dục, nghĩ về sân và nghĩ về hại, đó gọi là tà tư duy. Thế nao là chánh tư duy? Là không nghĩ về dục, không nghĩ về sân và không nghĩ về hại, đó gọi là chánh tư duy. Như vậy, thấy tà tư duy là tà tư duy thì đó gọi là chánh tư duy. Thấy chánh tư duy là chánh tư duy thì đó cũng là chánh tư duy. Khi biết như the roi, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng chánh niệm đoạn dứt tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này xoay quanh chánh tư duy, vận hành theo chánh kiến, thế nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. [0736a07] Nếu thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Thế nào là tà ngữ? Là nói dối, nói hai chiều, nói lời thô ác và nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ. Thế nào là chánh ngữ? Là lìa bỏ nói dối, lìa bỏ nói hai chiều, lìa bỏ nói lời thô ác và lìa bỏ nói thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Như vậy? thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Khi nhận biết như vậy rồi, vị ấy liên cầu học để mong đoạn dứt tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng chánh niệm đoạn dứt tà ngữ, thành tựu chánh ngữ? gọi đó là chánh niệm. Cả ba chi này này xoay quanh chánh ngữ, vận hành theo chánh kiến, thế nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh

nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp.

189. KINH THÁNH ĐẠO 1247

Thế nào gọi là tà nghiệp? Là sát sanh, trộm cướp và tà dâm, đó là tà nghiệp. Thê nào gọi là chánh nghiệp? Là lìa bỏ sát sanh, lìa bỏ trộm cướp và lìa bỏ tà dâm5 đó là chánh nghiệp. Như vậy, thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp. Khi nhận biết như thế rồi, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo dùng chánh niệm đoạn dứt tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này xoay quanh chánh nghiệp, vận hành theo chánh kiến, thế nên chánh kiến là yếu tố đứng đầu. Nếu thấy tà mạng là tà mạng thì đó là chánh mạng. Thấy rõ chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng là chánh mạng. Thế nào là tà mạng? Là nếu có sự mong cầu mà không được toại ý, vị ấy dùng các loại chú thuật và nghề tà mạng thấp kém67để nuôi sống. Họ tìm kiếm y phục không như pháp mà lại bằng phi pháp; tìm cầu món ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng sinh sống không đúng pháp mà bằng phi pháp, đó là tà mạng. Thê nào là chánh mạng? Là không có sự mong câu không toại ý. Họ không dùng các loại chú thuật và nghề tà mạng thấp kém để nuôi sống. Họ tìm kiếm áo chăn đúng như pháp, là sống theo pháp. Họ tìm cầu món ăn thức uống, giường nệm, thuốc thang và các thứ vật dụng sinh song đúng như pháp, là sử dụng đúng pháp. Đó là chánh mạng. Như vậy, thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng. Thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng. Khi nhận biết như thế rồi, vị ấy liền cầu học để mong đoạn dứt t:ựvDDụếụếêếếDựớD6ìòấĐỵ2ặặặKDmón

6 Nguyên tác: Súc sinh chi chú tà mạng .Tham chiếu: s. 28.10 - III. 238: Ye hi keci, bhagini, samanabrāhmanā nakkhattavijjātiracchānavijjāya micchājīvena jīvikam kappenti, ime vuccanti, bhagini, samanabrāhmanā ubbhamukhā bhuñjantīii. Những Sa-môn hay Bà-lamôn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý nakkhattavyjā\ và súc sinh minh nghề hèn hạ; này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Nguyên tác: Tinh cần cử tâm diệt .Theo Pãli-Hản từ điển do Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, sau khi tham chiêu 2 bản kinh Trung A-hàm TOI 0026.86. 0563al2 và TOI. 0026.222. 0806a02 cho rằng nguyên tác của cú ngữ này chính là "tinh cân cử tâm đoạn" .Sự nhầm lẫn này có thể xảy ra trong khi khẩu truyền Phạn ngữ, vì 66doạnmang nghĩa nỗ lực, với tiếng Pãli là padahati. Trong khi đó, chữ “diet”mang nghĩa diệt mất, như M. 117 ghi là pajahati. Xem thêm Tạp.Z02. 0099.876. 0221al3, 4tđoạn đoạn,, tương đương M. 117: Pahânappadhãna tinh cân đoạn tận.

1248 KINH TRUNG A-HÀM

Đối với pháp thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sanh. Đôi với pháp thiện đã sanh nên phát khởi ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến

chúng được tồn tại, không mất đi, không sút giảm, tăng trưởng thêm, phát triển rộng rãi, tu tập viên mãn, đó gọi là chánh tinh tan. Thế nào là chánh niệm? Là Tỳ-kheo quán nội thân đúng như thân, quán thọ đúng như thọ, quán tâm đúng như tâm, quán pháp đúng như pháp,89đó gọi là chánh niệm. Thế nào là chánh định? Là Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện,... cho đến chứng đắc và an trú Thiền thứ tư, đó gọi là chánh định. Thế nào là chánh giải thoát? Là Tỳ-kheo tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi sân, si, đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Là Tỳ-kheo biết tâm giải thoát khỏi dục, biết tâm giải thoát khỏi sân và biết tâm giải thoát khỏi si, đó gọi là chánh trí. Đó là bậc Hữu học thành tựu tám chi,9 bậc A-la-hán sạch hết phiền não thành tựu mười chi.1011 Thế nào là bậc Hữu học thành tựu tám chi? Là vị Hữu học từ chánh kiến cho đến chánh định. Thế nào là bậc A-la-hán sạch hết phiền não thành tựu mười chi? Đó là từ Vô học chánh kiến cho đến Vô học chánh trí. Vì sao như vậy? Vì chánh kiến là để đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện thì vị ấy cũng đoạn trừ sạch. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng pháp thiện thì vi ấy tu tập mong được viên mãn. Cho đến chánh trí là đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh khởi vô lượng pháp ác, bất thiện thì vị ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sanh vô lượng pháp thiện thì vị ấy tu tập khiến thành tựu viên mãn. [0736c01] Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bôn mươi phàm đại pháp được chuyên vận nơi Phạm luân thì không một ai có thê chê ngự hoặc phỉ báng, dù đó là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Đôi với bôn mươi phàm đại pháp mà Ta tuyên thuyêt, được chuyên vận nơi Phạm luân11 thì không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn, Phạm chí, chư

H^guyen tác: Quán nội thân như thân,... nai chí... quán giác,... tâm,... pháp như pháp .Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272 và chú thích 5, kinh số 98, tr. 653. 9 Học giả thành tựu bát chi ,Atthañgasamannāgato Sekho'. Bậc Hữu học thành tựu 8 chi. 10 Lậu tận A-la-hán thành tựu thập chi ,Dasañgasamannāgato Arahā'. Bậc Vô học thành tựu 10 chi. 11 Chuyển ư Phạm luân :Phạm luân v6n là dụng ngữ của Bà-la-môn, được Phật giáo thừa tiep sử dụng, về sau thuật ngư này được hoàn chinh thành Chuyên Pháp luân . J

Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì kẻ ấy bị mười điều chỉ trích đúng pháp. Mười điều ấy là gì? Hoặc có kẻ chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào theo tà kiến, nhimg vẫn cúng dường và khen ngợi họ thì đối với bốn mươi phẩm đại pháp mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì những kẻ đó là hạng thứ nhất bị chỉ trích đúng pháp. Hoặc có kẻ chê bai,... cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu như có Sa-môn hay Phạm chí nào theo tà kiến, nhưng vẫn cúng dường và khen ngợi họ thì đối với bốn mươi phẩm đại pháp mà Ta tuyên thuyết được chuyển

vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong the gian. Nêu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì những kẻ đó là hạng thứ mười bị chỉ trích đúng pháp. Đôi với bôn mươi phàm đại pháp mà Ta tuyên thuyết, được chuyên vận nơi Phạm luân thì không một ai có thể chế ngự, dù đó là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Nấu như có Sa-môn hay Phạm chí nào phỉ báng thì kẻ ấy bị mười điều chỉ trích đúng pháp. Nêu như có Sa-môn hay Phạm chí nào chủ trương khô hạnh và thuyêt giảng khổ hạnh,12 chủ trương không sở hữu và thuyết giảng không sở hữu, thuyết không có nguyên nhân, thuyết không có tạo tác, thuyết không có nghiệp báo; nghĩa là đối với nghiệp thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương phá hoại đoạn tuyệt, ở kia hay ở đây thì những người ấy cũng bị chỉ trích, lo lắng và sợ hãi đối với bốn mươi phẩm đại pháp mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chế ngự hoặc phỉ báng, dù đó là Sa-môn9 Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các hạng loại khác trong thế gian. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

12 Nguyên tác: Tồn cứ thuyết tồn cứ • Tồn cứ là cách ngồi chồm hổm, chỉ cho cách tu khổ hạnh của các giáo phái ngoài Phật giáo.

190. KINH TIỂU KHÔNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở khu vườn phía Đông.123 [0737a01] Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-nan rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Một thời, Ngài du hành trong dan chúng họ Thích-ca? tại nệôi làng của họ Thích-ca. Lúc ấy, con được nghe Thế Tôn dạy về ý nghĩa như vay: C6Này A-nan, Ta phần nhiều an tru nơi tánh khong?93 Những điều mà Thế Tôn dạy, có phải con nên biết rõ, khéo tiếp nhận để ghi nhớ kỹ chăng? Lúc đó, đức Thế Tôn bảo: -Này A-nan! Những điêu mà Như Lai dạy thì thây phải khéo biêt rõ, khéo tiếp nhận để ghi nhớ kỹ. Vì sao như vậy? Vì từ xưa đến nay, phần nhiều Ta an tru nơi tánh không. Này A-nan! Ví như giảng đường Lộc Tử Mau này là trống không, không có voi, ngựa, bò, dê, tài vật, lúa thóc, tôi tớ nhưng có điều chẳng phải trông không, bởi vì có chúng Tỳ-kheo. Thê nên, này A-nan! Nêu như trong giảng đường không có gì thì nhân đó Ta thay là trống không. Nêu như trong giảng đường còn có thứ khác thì Ta thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an tru trong sự thật, an tru trong tánh không, không điên đao. Này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo nào muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ- kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về thôn xóm, đừng tác ý nghĩ tưởng về người mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý4 nệhĩ tưởng về khu rừng. Vi ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về thôn xóm là trông không, nghĩ tưởng về người là trống không, nhưng có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất về khu rừng. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về thôn xóm thì ta không có việc đó. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về người thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về khu rừng.

1 Nguyên tác: Tiểu không kỉnh (roi. 0026.190. 0736c27). Tham chiếu: M. 121, Cūlasuññata Sutta (Kỉnh tiểu không). 2 Đồng Viên Lộc Tử Mau đường (Pubbārāma Migāramāta pāsādā): Giảng đường được xây dựng bởi bà Visākhā, mẹ cua Migāra. 3 Hành không (suññatāvihāra): Không trụ, sự an trụ nơi tánh không. 4 Niệm nhất ( ).Tham chiếu: M. 121: Manasikarotī ekattarh (tác ý duy nhất trên một đối tượng).

Nếu như trong đó không có gì thì nhân đó vi ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thay là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự

VÌ CÓ Sự nghĩ tưởng duy nhất về Thức vô biên xứ. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về đất thì ta không có việc đó. Nấu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Không vô biên xứ thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về Thức vô biên xứ. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-rian, nếu Tỳ-kheo nào muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về Không vô biên xứ, đừng tác ý nghĩ tưởng ve Thức vô biên xứ mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về Không vô biên xứ là trống không, nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ là trống không, nhưng có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất về Vô sở hữu xứ. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Không vô biên xứ thì ta không có việc đó. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về Vô sở hữu xứ. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vi ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. [0737c01] Lại nữa, này A-nan! Nếu Tỳ-kheo muốn an trú nhiều nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy đừng tác ý nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ, đừng tác ý nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ mà phải thường xuyên và duy nhất tác ý nghĩ tưởng về Vô tưởng tâm định.7 Vị ấy nhận biết như vầy: Nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ là trông không, nghĩ tưởng vê Vô sở hữu xứ là trông không, nhưng có một điều chẳng phải trống không, vì có sự nghĩ tưởng duy nhất ve Vô tưởng tâm định. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ thì ta không có việc đó. Nếu như có sự mệt nhọc nào do nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do sự nghĩ tưởng duy nhất về Vô tưởng tâm định. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nấu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Rồi vi ấy lại suy nghĩ như vầy: Vô tưởng tâm định mà ta có được ở đây vốn thuộc tạo tác, từ tưởng mà sanh ra.8 Nếu nó vốn thuộc tạo tác, từ tưởng mà sanh

7 Nguyên tác: Vô tưởng tâm định ,Animittā cetosamādhi. Bản Hán bỏ qua Phi tưởng phi phi tương xứ Nevasañ̃asañ̃āyātanasañ̃ā và chúng được ghi nhận trong M. 121. 8 Nguyên tác: Bổn sở hành, bổn sở tư .Tham chiếu: M. 121: Ayampi kho animitto cetosamādhi abhisañkhato abhisañcetayito Vô tướng tâm đinh này thuộc hữu vi, do tâm tư tao nên. Thuật ngữ Abhisañcetayita được Minh Pháp Tôn gitrong Pãli-Hản từ 2 định nghía: Được sanh ra từ tương .

ra thì ta không nên yêu thích nó5 không nên mong cầu nó, không nên an trú vào nó.9 Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Vi ấy nhận biết như vầy: Dục lậu thì trống không, hữu lậu thì trống không và vô minh lậu thì trống không, nhưng có một điều chẳng phải là trống không, vì còn có thân này của ta cùng với sáu căn1011 đe cho mạng ton tại. Nêu như có sự mệt nhọc nào do dục lậu thì ta không có việc đó. Nêu như có sự mệt nhọc do hữu lậu và vô minh lậu thì ta cũng không có việc đó. Chỉ còn có sự mệt nhọc là do thân này của ta cùng với sáu căn để cho mạng tồn tại. Nếu như trong đó không có gì thì nhan đó vị ấy thấy là trống không. Nếu như trong đó còn có thứ khác thì vị ấy thấy là thật có. Này A-nan, đó gọi là an tru trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo. Nghĩa là dứt sạch lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn,11 được tâm giải thoát. Này A-nan! Trong thời quá khứ, các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tất cả Chư vi ấy đều an tru trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo này. Nghĩa là đã dứt sạch lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn, được tâm giải thoát. Này A-nan! Trong thời vi lai, các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tất cả Chư vị ấy đều an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo này. Nghĩa là đã dứt sạch lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn, được tâm giải thoát. Này A-nan! Trong thời hiện tại, Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng an trú trong sự thật, an trú trong tánh không, không điên đảo này. Nghĩa là đã dứt sạch lậu hoặc, không còn lậu hoặc, thành tựu Niết-bàn, được tâm giải thoát. Thế nên, A-nan! cần phải học tập như vậy. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

9 Tham chiếu: M. 121: Yarn kho pana kiñci abhisañkhatam abhisañcetayitam tadaniccam nirodhadhamman 'ti pcỳãnãti Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt, vị ây tuệ tri như vậy, HT. Thích Minh Châu dịch. J 10 Lục xứ chỉ cho 6 xứ bên trong, tức là 6 căn . 11 Nguyên tác: Vô vi ,cũng gọi Niết-bàn ,Nib bāno.

191. KINH ĐẠI KHÔNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng họ Thích, ngụ trong rừng Ni- câu-loại, thành Ca-tỳ-la-vệ.1 2 J Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Ngài đi đến tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích.3 Lúc đó, tại tinh xá Gia-la- sai-ma của họ Thích đã trải sẵn rất nhiều giường nệm và có rất

nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở đó. Rồi từ tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích, đức Thế Tôn lại đi đến tinh xá Gia-la của họ Thích.4 Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo đang ở trong tinh xá này để may y. Từ xa trông thấy đức Phật đi đến, Tôn giả A-nan liền ra nghinh đón, đỡ lay y bát của Ngài, rồi trở vào trải chỗ nghỉ và múc nước để Phật rửa chân. Sau khi rửa chân xong, đức Phật ngồi vào chỗ mà Tôn giả A-nan đã soạn sẵn trong tinh xá Gia-la của họ Thích rồi hỏi: Này A-nan! Trong tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích có soạn sẵn rất nhiều giường nệm, có phải rất đông chúng Tỳ-kheo trú nghỉ ở đó? Tôn giả A-nan bạch: Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Trong tinh xá Gia-la-sai-ma của họ Thích có bày sẵn rất nhiều giường nệm và có rất đông Tỳ-kheo trú nghỉ ở đó. Bởi vì hôm nay chúng con may y. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan: Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, ưa thích nói chuyện ồn ào? tụ tập nói chuyện ồn ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muôn tránh xa sự đông đúc, không thích sông một mình ở nơi thanh vắng. Nếu Tỳ"kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, ưa thích nói chuyện ồn ào, tụ tập nói chuyện ồn ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muốn tránh xa sự đông đúc, không tìúch

1 Nguyên tác: Đại không kinh roi. 0026.191. 0738a03. Tham chiếu: M. 122, Mahāsuññata Sutta Kinh đại không. 2 Nguyên tác: Ca-duy-la-vệ ,Kapilavatthu, còn gọi Ca-tỳ-la-vệ . 3 Gia-la-sai-ma Thích tinh xá Kālakhemakassa Sakkassa vihārā: Tinh xá của Kājakhema, người họ Thích. 4 Gia-la Thích ,Ghatāya Sakkassa.

Sống một mình ở nơi thanh vắng mà đối với sự an lạc, sự an lạc của bậc Thánh như: Sự an lạc từ vô dục, sự an lạc từ viễn ly, sự an lạc từ tịch tịnh, sự an lạc từ chân chánh giác ngộ, sự an lạc từ xa lìa của cải, sự an lạc từ không còn sanh tử, nếu vị đó dễ dàng đạt được những thứ an lạc như thế không quá khó thì điều này không thê xảy ra. Này A-nan! Nếu Ty-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không ưa thích nói chuyện ôn ào5 không tụ tập nói chuyện ôn ào, không muôn sự đông đúc, không ưa thích sự đông đúc, không tụ tập nơi đông đúc, muốn tránh xa sự đông đúc, thường thích sông một mình ở nơi thanh văng mà đôi với sự an lạc, sự an lạc của bậc Thánh như: Sự an lạc từ vô dục, sự an lạc từ viễn ly, sự an lạc từ tịch tịnh, sự an lạc từ chân chánh giác ngộ, sự an lạc từ xa lìa của cải, sự an lạc từ không còn sanh tử, nêu vị đó dê dàng đạt được những thứ an lạc như thê không quá khó thì điều này chắc chan xảy ra. [0738Ồ02] Này A-nan! Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào5 ưa thích nói chuyện on ào, tụ tập nói chuyện on ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muốn tránh xa sự đông đúc, không thích sông một mình ở nơi thanh văng. Nêu Tỳ-kheo nào ham muôn nói chuyện ồn ào, ưa thích nói chuyện ồn ào, tụ tập nói chuyện ồn ào, ham muốn sự đông đúc, ưa thích sự sự đông đúc, tụ tập nơi đông đúc, không muốn tránh xa sự đông đúc, không thích sông một mình ở nơi thanh văng mà chứng đăc tâm giải thoát hân hoan5 có hạn kỳ hay tâm giải thoát bất động6 không có hạn kỳ thì điều này không the xảy ra. Này A-nan! Nêu

Tỳ-kheo nào không ham muôn nói chuyện ôn ào, không ưa thích nói chuyện on ào, không tụ tập nói chuyện on ào, không ham muốn sự đông đúc, không ưa thích sự sự đông đúc, không tụ tập nơi đông đúc, muốn tránh xa sự đông đúc, thường thích sống một mình ở nơi thanh vắng thì nhất định sẽ chứng đắc tâm giải thoát hân hoan có hạn kỳ hay tâm giải thoát bất động không có hạn kỳ thì điều này chắc chắn xảy ra. Vì sao như vậy? Vì Ta không thấy có một sắc nào khiến Ta ham muốn, ưa thích, bởi vì sắc ấy rồi sẽ hư hoại biến đổi, khi sắc đổi khác thì dẫn đến buồn đau, khóc than, ưu sau, khổ não. Do vậy, Ta an tru ở một nơi khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa là vượt qua tất cả sắc tưởng rồi an trụ nơi ngoại không.7 J

5 Nguyên tác: Ái lạc tâm giải thoát ,kantam cetovimuttiiji. Du-già sư địa luận 730. 1579.90. 0813all gọi là 4tnhat thời ái tâm giải tho'. 6 Nguyen tác: Bất di động tâm giải thoát ,Akuppanti cetovimuttini. Thập thượng kỉnh 1.01. 0001.10. 0052c17> gọi là "v6 ngại tâm giải thoát";Du-già sư đỉa luận 7130. 1579.90. 0813all gọi là "bat động tâm giải thoát,:B 7 Ngiwen tác: Ngoại không Các pháp bên ngoài đều không, chỉ cho 6 xứ bên ngoài là sác ,tha,hương §, vị ,xúc ffi cùng với tất cả pháp trần đều vô thường ,vô ng,bất tịnh ,hư @iả ...nen gọi là "ngoại kh&ig." J

Này A-nan! Khi Ta an trú nơi trú xứ này rồi thì tâm sanh hoan hỷ. Với tâm hoan hỷ này, Ta cảm thọ toàn thân bằng chánh niệm tỉnh giác, rồi sanh hỷ, sanh khinh an, sanh lạc và sanh định. Với tâm định này, Ta cảm thọ toàn thân bằng chánh niệm tỉnh giác. Này A-nan, nêu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tăc hay ưu-bà-di nào cùng đi đên chỗ Ta thì Ta sẽ dạy bảo họ hành trì tâm như vậy như vậy9 viễn ly, thích sự vô dục. Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích và hỗ trợ. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào luôn muốn hành trì nơi tánh không thì Tỳ-kheo ấy phải giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ rồi vào Thiền thứ nhất.8 Sau khi giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ vào Thiền thứ nhất rồi thì vị ấy nên suy niệm về nội không.9

8 Nguyên tác: Nhất định .Theo Trường A-hàm thập bảo pháp kinh roi. 0013.2. 0240a05, "nhất dinh"là cách gọi khác của "So tKiền":Tâm an trụ ở Thiên thứ nhát gọi là <4nhat iciLữ. 9 Nguyên tác: Nội không :Các pháp bên trong đều không, chỉ cho 6hiên xứ bên trong g

ngoại không. Vi ấy suy niệm về ngoại không rồi nhưng tâm vị ấy vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiêu rõ với ngoại không. [0738c09] Này Anan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát mà biết rõ mình đã suy niệm về ngoại không nhưng tâm mình vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an tru, chưa hiểu rõ với ngoại không thì Tỳ-kheo ấy nên suy niệm về cả nội không và ngoại không.11 Vị ấy suy niệm về nội không và ngoại không rồi nhưng tâm vị ấy vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiểu rõ với nội không và ngoại không. Này A-nan, nêu Tỳ-kheo nào trong lúc

quán sát mà biêt rõ mình đang suy niệm về nội không và ngoại không nhung tâm vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an trú, chưa hiểu rõ với nội không và ngoại không thì Tỳ-kheo ấy nên suy niệm sự không dao động. Vị ấy suy niệm về sự không dao động rồi nhimg tâm vị ấy vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lăng trong, không an trú, chưa hiêu rõ với sự không dao động. Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo nào khi quán sát mà nhận biết rõ mình suy niệm về sự không dao động nhưng tâm vẫn còn dao động, không phấn chấn, không được lắng trong, không an tru, chưa hiểu rõ đối với sự không dao động thì Tỳ- kheo ấy hãy dụng tâm như vậy như vậy, đối với định như vậy như vậy để điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, giữ tâm thư thái rồi lại giữ tâm thư thái, hân hoan trong nhu hòa, tịnh lạc với viễn ly. Nếu vị ấy với tâm như vậy, như vậy, đối với định như vậy như vậy để điều phục roi lại điêu phục, tu tập roi lại tu tập, giữ tâm thư thái roi lại giữ tâm thư thái, hân hoan trong nhu hòa, tịnh lạc với viễn ly rồi thì hãy thành tựu và an tru với nội không. Sau khi vị ây thành tựu và an tru với nội không roi thì tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được hiểu rõ nơi nội không. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, Tỳ-kheo liền biết rõ đã thành tựu và an trú với nội không nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trú, được giải thoát với nội không, đó gọi là chánh tri.11 12 [0738c27] Này A-nan, Tỳ-kheo nên thành tựu và an tru với ngoại không. Sau khi vị ấy thành tựu và an trú với ngoại không rồi, tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trú, được giải thoát với ngoại không. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, vi Tỳ-kheo ấy liền biết rõ đã thành tựu và an trú với ngoại không nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với ngoại không, đó gọi là chánh tri.

11 Nguyên tác: Nội ngoại không ,tức là 12 nhập xứ ,bao gồm 6 nội XÚT và 6 ngoại xứ đều vô thường, vô nga, bất tịnh, hư giả... nen gọi là tfcnọi ngoại không.^, J 12 Chánh tri Hiểu biết rõ ràng, tường tận. Tham chiếu: M. 122: Itiha tattha sampajāno hoti ở đây, vị ây ý thức rõ ràng như vậy, HT. Thích Minh Châu dịch.

191. KINH ĐẠI KHÔNG 1259

Này A-nan, Tỳ-kheo nên thành tựu và an trú với nội không và ngoại không. Vi ây sau khi thành tựu và an tru với nội không và ngoại không roi, tâm sẽ không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với nội không và ngoại không. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, vị Tỳ-kheo ây liên biêt đã thành tựu và an tru với nội không và ngoại không, nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với nội không và ngoại không, đó gọi là chánh tri. Này A-nan, nên thành tựu và an tru với sự không dao động. Vi ấy sau khi thành tựu và an trú với sự không dao động thì tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với sự không lay động. Này A-nan, trong khi quán sát như vậy, vi Tỳ-kheo ấy liền biết mình thành tựu và an trú với sự không lay động, nên tâm không còn dao động, được phấn chấn, được lắng trong, được an trụ, được giải thoát với sự không dao động, đó gọi là chánh tri. [0739al2] Này A-nan!

Tỳ-kheo ấy với tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn đi kinh hành thì Tỳ-kheo ấy rời khỏi thiền thất và đi kinh hành nơi khoảng đất trống dưới bóng mát của mái hiên thiền thất, thu nhiếp các căn vào trong tâm, khôriệ hướng ra ngoài, khởi tưởng trước mặt và cả sau lưng.13 Kinh hành như vậy roi, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác, bất thiện, đó gọi là chánh tri. Này A-nan! Tỳ-kheo với tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn ngồi thiền thì Tỳ-kheo ấy rời khỏi nơi kinh hành, roi đi đen cuối con đường kinh hành, trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Sau khi ngồi như vậy vững vàng rồi, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác, bất thiện, đó gọi là chánh tri. Này A-nan! Tỳ-kheo với tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn suy niệm14 thì đối với ba loại suy niệm ác bất thiện, là niệm dục? niệm sân và niệm hại, Tỳ-kheo ấy chớ nên suy niệm ba loại suy niệm ác bất thiện này. Còn đối với ba loại suy niệm thiện, là niệm vô dục, niệm vô sân, niệm vô hại thì Tỳ-kheo ấy nên suy niệm ba loại niệm thiện này. Sau khi suy niệm như vậy rồi, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác bất thiện, đó gọi là chánh tri. Này A-nan! Tỳ-kheo ấy để tâm an tru trên trú xứ này, nếu muốn luận bàn thì đối với những luận bàn trái với Thánh luận, không tương tmg với lợi ích, tức là luận bàn về những việc liên quan đến vua chúa, giặc giã, đấu tranh, ăn uống, y phục, mền nệm, phụ nữ, đồng nữ, dâm nữ, thế gian, tà đạo, biển cả, vi Tỳ-kheo ấy không nên bàn luận những đề tài vô nghĩa, hạ liệt15 như vậy. Tỳ-kheo chỉ nên

^Nguyên tác: Hậu tác tiền tưởng .cấu trúc này ở Trưởng lão thượng tôn thụy miên kinh 7.01. 0026.83. 0559c27 được viết là "r hau tia[tiỊỎ”Tăng. 7.02. 0125.9.3. 0562cl3 ghi rõ hơn: "Tiên tưởng hậu tưởng”M. 122, Mahāsuññata Sutta Kỉnh đại không'. Pacchāpuresaññī tưởng trước mặt và cả sau lưng. 14 Niêm tức "tầm", "suy tầm" hay utoan tính." Có 3 bất thiện tầm: Dục tầm kāmavitakko , sân tẩm vyāpādavitakko và hại tâm vihiỉhsavitakko. 15 Nguyên tác: Súc sinh luận tiracchānakatharri: Đàm luận về những điều phi nghĩa, vô ích.

luận bàn những việc đúng với Thánh luận, tương ưng với lợi ích, khiến tâm nhu hòa, không bị che lấp, nghĩa là luận bàn về việc bố thí, giữ giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến, giảm dần, không tụ hội, ít muốn, biết đủ, vô dục, đoạn dứt, tịch diệt, tọa thiền, duyên khởi, những điều mà Sa-môn nên luận bàn. Sau khi luận bàn xong, trong tâm không sanh khởi tham lam, ưu sầu và các pháp ác bất thiện, đó gọi là chánh tri. [0739b05] Lại nữa, này A-nan! Có năm loại dục16 đáng ưa, tâm thường nhớ nghĩ và có sự khát khao, tương ưng với sắc dục, đó là sắc được mắt nhận biết, âm thanh từ tai nhận biết, hương từ mũi nhận biết, vị từ lưỡi nhận biết, xúc từ thân nhận biết. Vị Tỳ-kheo dùng năng lực1718 của tâm để quán sát năm loại dục này, tùy theo từng loại dục mà trong tâm có phát khởi tâm hành gì hay không. Vì sao như vậy? Vì năm loại dục này không trước không sau, tùy theo từng loại dục mà trong tâm phát khởi tâm hành. Này A-nan, trong lúc quán sát, vị Tỳ- kheo ấy liền nhận biết tùy theo từng loại dục mà trong tâm phát khởi tâm hành đối với năm loại dục này. Vị Tỳ-kheo ấy quán tưởng vô

thiện pháp, cho đến các phẩm trợ đạo. Này A-nan, thế nên các thầy phải học như vầy: "Ta cũng thành tựu sự không buông lung", nên học tập như vậy. Này A-nan, vì mục đích gì mà các chánh tín đệ tử thuận theo Thế Tôn để tu hành và phụng sự cho đến trọn đời? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, Thế Tôn là Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thế Tôn. Kính mong Ngài thuyết giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! [0739c02] Đức Phật bảo: Này A-nan, hãy lang nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ phân biệt giảng nói cho thầy nghe! Lúc đó? Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe. Đức Phật bảo: Này A-nan! Không phải chỉ vì Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết mà một chánh tín đệ tử thuận theo Thế Tôn để tu hành và phụng sự cho đến trọn đời. Chỉ là, này A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng nghe pháp này, đọc tụng, thực hành đến cả ngàn lân, dụng tâm tư duy quán sát, hiêu rõ nghĩa lý sâu xa; hoặc những luận này là Thánh luận, tương ưng với mục đích cứu cánh, giúp tâm nhu hòa, không bi che lấp, nghĩa là luận về bố thí, giữ giới, thiền đinh, giải thoát, giải thoát tri kiến, giảm dần, không tụ hội, ít muốn, biết đủ, không tham dục, đoạn dứt, tịch diệt, tọa thiền và duyên khởi. Như vậy, những điều mà Sa-môn luận bàn, được dễ dàng chứ không khó, vì nghĩa này cho nên chánh tín đệ tử thuận theo Như Lai tu hành và phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy cho Tôn SU, phiên lụy cho đệ tử, phiên lụy cho các vi đông Phạm hạnh. Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư? Nghĩa là một vị Tôn sư xuất thế có phương cách suy ngẫm tư duy, bằng phương cách suy ngẫm tư duy ấy mà quán sát các loại phàm nhân, có biện tài. Vị ấy sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên góc cây, sông ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viên ly, không có điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; hoặc sông nơi đó mà tinh cân học hạnh viên ly, chứng đác tâm tăng thượng, sông an lạc ngay trong hiện tại. Vi ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cần, sống an ổn hân hoan, rồi theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng. Sau khi theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng rồi, vị ấy liền tự cao mà trở vê nhà. Như vậy là phiên lụy cho Tôn sư, đây cũng là pháp ác bát thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hiện hữu trong tương lai, là bức bách, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là phiền lụy cho Tôn sư. Này A-nan, thế nào là sự phiền lụy cho đệ tử? Nghĩa là đệ tử của Tôn sư ấy theo học hạnh viễn ly của Tôn sư, vị ấy sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc vị ấy sống nơi

đó mà tinh cần học hạnh viễn ly, chứng đắc tâm tăng thượng, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cân, sông an ôn hân hoan, roi theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng. Sau khi theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, thôn xóm, dân chúng rồi, vi ấy liền tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho đệ tử, đây cũng là pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hiện hữu trong tương lai, là bức bách, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết. Đó gọi là phiền lụy

cho đệ tử. [0740a03] Này A-nan9 thế nào là phiền lụy cho các vị đồng Phạm hạnh? Nghĩa là Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn? Ngài sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên góc cay, song ơ non cao, không mọt tiêng động, vơi hạnh viên ly, knong co điêu xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-nan, Như Lai vì mục đích gì mà sông nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: -Kính bạch Thê Tôn! Thê Tôn la cội nguôn cua giao pháp, The Ton la Pháp Chủ, giáo pháp y cứ nơi Thê Tôn. Kính mong Ngài thuyêt giảng giáo pháp, sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu rõ nghĩa lý! Đức Phật lại bảo: Này A-nan, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt giảng nói cho thầy! Lúc đó, Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe. Đức Phật bảo: Này A-nan, Như Lai chẳng phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt được, thành tựu những gì chưa thành tựu được, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viễn ly, không có điêu xâu, không một bóng ngu&i, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-nan, chỉ vì hai mục đích sau đây mà Như Lai song nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình. Hai là vì thương xót chúng sanh ở đời sau. Vì đời sau sẽ có người học theo hạnh Như Lai mà song nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-nan, Như Lai vì điều này cho nên mới sống nơi thanh văng, ở trong rừng núi, trú bên ệốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà tinh cần học hạnh viễn ly, chứng đắc tâm tăng thượng, được an lạc ngay trong hiện tại.

191. KINH ĐẠI KHÔNG 1263

Vị ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cần, sống an ổn hân hoan, rồi theo các vị đồng Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị đồng Phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rồi, không tự cao và không trở về nhà. Này A-nan, nếu vi ấy đã chứng ngộ tâm giải thoát bất động thì Như Lai không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu như vị ấy chứng đắc bốn tâm tăng thượng, được an lạc ngay trong hiện tại, nhờ trước đây tinh cần5 sống không buông lung, vậy nên ở đây nếu như có sự thoái thất thì chỉ do sự hội tụ đông đảo đệ tử. [0740b03] Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, tru bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiêng động, với hạnh viên ly, không có điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà tinh cần học hạnh viễn ly, chứng đắc tâm tăng thượng, được an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học hạnh viễn ly, tinh cân, sông an ôn hân hoan, roi theo các vị đông Phạm hạnh trở vê với các Tỳ-kheo9 Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Sau khi theo các vị đồng Phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo,

Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, xru-bà-di rồi, liền tự cao \ -í í l v - A mà trở vê nhà. Như vậy là phiên lụy cho các vị đông Phạm hạnh và đây cũng là pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hiện hữu trong tương lai, là bức bách, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết, đó gọi là phiền lụy cho các vị đồng Phạm hạnh. Này A-nan, so với sự phiên lụy cho Tôn sư và phiên lụy cho đệ tử thì sự phiền lụy cho các vị đồng Phạm hạnh này là vô cùng sai trái, không đáng vui, không đáng thích, thật không đáng nhớ nghĩ. Do đó9 này A-nan, các thầy nên thực hành từ hòa đối với Như Lai, chớ nên gây oán hận. Này A-nan, thê nào là đệ tử đôi xử với Tôn sư băng sự oán hận? không thực hành từ hòa? Nêu vị Tôn sư thuyêt pháp cho đệ tử do vì lòng thương yêu, vì sự lân mân, vì mong câu ý nghĩa và lợi ích, vì mong câu an ôn hân hoan cho chúng đệ tử, nên mới phát khởi tâm từ bi mà nói rằng: “Dây là vì lợi ích, đây là vì hân hoan, đây là vì lợi ích an vui." Nêu người đệ tử ây không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trụ nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp và tùy pháp, không thọ lãnh Chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không thành tựu thiền định; người đệ tử như vậy chính là đã đối xử với Tôn sư bằng sự oán hận, không thực hành từ hòa. Này A-nan, thế nào là đệ tử biết thực hành từ hòa5 không gây oán hận đối với Tôn sư? Nghĩa là nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử do vì lòng thương yêu? VÌ sự lân mân, vì mong câu ý nghĩa và lọi h, vì mong câu an ôn hân hoan cho chúng đệ tử mà phát khởi tâm từ bi, rồi nói rằng: "Bây là vì lợi ích, đây là vì hân hoan, đây là vì lợi ích và hân hoan.^, Nếu đệ tử thuận hành theo, an trụ nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp và tùy pháp, thọ lãnh Chánh pháp, không

trái phạm lời giáo huấn của Tôn su, khéo thành tựu thiền định; vi đệ tử như vậy là đã thực hành từ hòa và không gây oán hận đối với Tôn sư. Này A-nan, thế nên các thầy hãy thực hành từ hòa, không nên gây oán hận đôi với Như Lai. Vì sao như vậy? Vì Ta không giảng nói như vây: Như người thợ gốm sẽ làm đồ gốm.20 Nhưng này A-nan! Ta chủ trương nghiêm khắc và nhẫn nại.21 Những gì chân thật thì tồn tại vững bền.22 Đức Phật dạy như vậy, Tôn giảA-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.23

20 Nguyên tác: Đào sư tác ngõa .Thành cú này nhằm chỉ cho việc người thợ gốm nhào nặn đất ròi tạo mọi vật dụng theo ý mình, nhưng chung cuộc đều bị tan^vỡ, còn chan lý mà Như Lai khai mở không nhuvay. Tham chiêu: Đại Bắt-nê-hoàn kinh TAI. 0374.5. 0392al3: Ví như thợ gôm, tạo đô vật nhưng cuôi cùng thì cũng vỡ tan; giải thoátgiác ngộ thì khongphai như vậy! Giải thoatgiac ngộ là sự chân thật, không sinh, không diệt ; .Đại bảo tích kinh m.
0310.42. 0243c08: Ví như thợ gốm nhào nặn đồ dùng, hoặc lớn hoặc nhỏ, nhưng rốt cuộc rồi, thảy đều tan V&”. 21 Nguyên tác: Nghiêm cấp chí khổ
."Nghiêm cấp” mang nghĩa "nghiêm khắc>, .là “su nhl nại” l :
22 Nguyên tác: Nhược hữu chân thật giả, tất năng vãng dã ."Vng"sử dụng như "vãng vang"Mãi mãi, vĩnh viên, thường xuyên. Tham chiêu: M. 122, Mahāsuññata Sutta Kinh đại không'. Yo saro so thassatīti cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ

đứng vững tồn tại, HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Bản Hán, hết quyển 49.

PHẨM 16: ĐẠI1 y

(Gôm 10 kỉnh, thuộc ngày tụng thứ năm\ Tụng sau cùng)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Gia-ỉâu Ô-đà-di
Mâu-lê-phả-quân-na
Bạt-đàf A-thấp-bổỉ
Châu-na, ưu-bà-ly
Điều ngự, Si tuệ địa
A-ỉê-tra, Trà-đế.2
1 Quyển 50. 2 Nguyentac Nhiếp tụng:;
.Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

192. KINH GIA-LÂU Ô-ĐÀ-DI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Ương-già,23rồi đến thi trấn A-hòa-na/ ngụ tại tinh xá Kiền-nhã.4 Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thị trân A-hòa-na khát thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Ngài thu dọn y bát, rửa sạch tay chân rồi vắt tọa cụ lên vai vào rừng nghỉ ngơi. Tôn giả O-đà-di5 cũng vậy, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Tôn giả đắp y ôm bát vào thị trấn A-hòa-na khất thực. Sau khi thọ thực xong, vào khoảng xế trưa, Tôn giả thu dọn y bát, rửa sạch tay chân, vắt tọa cụ lên vai đi theo sau Phật và suy nghĩ: "Nay Thế Tôn nghỉ ngơi ở đâu thì mình cũng đến nghỉ ở đó." Lúc ấy, đức Thế Tôn vào rừng, đến bên một gốc cây, trải tọa cụ rồi ngồi kiết-già. Tôn giả Ô-đà-di cũng đi theo vào khu rừng ấy, đến bên một gốc cây cách Phật không xa, trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Bấy giờ, Tôn giả Ô-đà-di một mình ở nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, trong tâm suy nghĩ: "Dức Thế Tôn giúp chúng ta được nhiều lợi ích. Đấng Thiện Thệ giúp chúng ta được nhiều an ổn. Đức Thế Tôn giúp chúng ta trừ các pháp khổ, tăng thêm pháp vui. Đức Thế Tôn giúp chúng ta trừ vô lượng pháp ác bất thiện, tăng thêm vô lượng pháp thiện vi diệu.99 [0741a03] Vào lúc xế chiều, Tôn giả Ô-đà-di rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn hỏi: Này Ô-đà-di! Thầy có thiếu thốn gì không? sống có được an ổn, hân hoan không? Sức khỏe có được điều hòa không? Tôn giả Ô-đà-di thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Con không thiếu thốn gì, sống an ổn, hân hoan và sức khỏe điều hòa.

1 Nguyên tác: Gia-lâu Ô-đà-di kinh (roi. 0026.192. 0740c15). Tham chiếu: Tăng. (Z02. 0125.49.7. 0800Ò27); M. 66, Latukikopama Sutta (Kỉnh vỉ dụ con chim cảy). 2 Ương-già (Añga), một trong 16 nước lớn ở thời Phật, phía Đông Magadha, gần sông Campā. Theo M. 66, Latukikopama Suita (Kỉnh vỉ dụ con chim cảy): Añgauttarāpesu. 3 A-hòa-na K, Āpana), thị trấn ở trong Añguttarāpa, một thị tứ của nước Añga. 4 Kiền-nhã (Keniya). Theo MA. II. 779 và SẠ. II. 440, Keniya là một vị Bà-la-môn giàu có

(mahāsala brahmin) với nhiều ruộng vườn, đất đai, về sau trở thành một nhà tu khổ hạnh. 5 Gia-lâu Ồ-đà-di (Kālodāyi), cũng viết là Mahāsakuludāyi.

Thế Tôn lại hỏi: Này Ô-đà-di! Vì sao thầy không thiếu thốn gsống an ổn, hân hoan và sức khỏe điều hòa như vậy? Tôn giả Ô-đà-di đáp: Kính bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi thanh vắng, tĩnh tọa tư duy, trong tâm suy nghĩ: “Đức Thế Tôn giúp chúng con được nhiều lợi ích. Đấng Thiện Thệ giúp chúng con được nhiều an ổn. Đức Thế Tôn giúp chúng con trừ các pháp khổ, tăng thêm pháp vui. Đức Thế Tôn giúp chúng con trừ vô lượng pháp ác bất thiện, tăng thêm vô lượng pháp thiện vi diêu.” Trước đây, đức Thế Tôn dạy chúng Tỳ-kheo rằng: "Các thầy hãy từ bỏ việc ăn quá ngọ.99 Bạch Thế Tôn! Chúng con nghe rồi nhưng vẫn không kham, không nhẫn, không thích, không vui. Nếu có Phạm chí, cư sĩ tín tâm nào mang thức ăn đến tinh xá cúng dường tạo phước, lúc trước thì chúng con tự tay thọ nhận, nhưng nay đức Thế Tôn dạy phải từ bỏ, đấng Thiện Thệ dạy phải dứt trừ, bởi thế chúng con có nói răng: "Dại Sa-môn ây thật quá cứng nhc."6 Thê nhưng, đôi với oai thân diệu đức của The Tôn, chúng con vô cùng kính trọng, cho nên chúng con cham dứt việc ăn quá ngọ. Lại nữa, trước đây Thế Tôn dạy chúng Tỳ-kheo rằng: “Các thầy hãy từ bỏ việc ăn ban đêm.^^ Bạch Thế Tôn! Chúng con nghe rồi nhưng vẫn không kham, không nhẫn, không thích, không vui. Chúng con nghĩ rằng: “Hai bữa ăn ấy thật là bậc nhất, đứng đầu, tuyệt diệu, tuyệt mỹ mà nay đức Thế Tôn dạy phải từ bỏ5 đấng Thiện Thệ dạy phải dứt trừ", thế nên chúng con cũng có nói rằng: “Bại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc." Bạch Thế Tôn! Trước đây có vị cư sĩ mang nhiêu đô ăn thức uông thơm ngon vê nhà roi bảo người nhà răng: "Hy dọn thức ăn này ra rồi chúng ta cùng ngồi xuống và ăn hết vào tối nay, đừng để đến ngày mai." Thưa Thế Tôn! Nếu các nhà cư sĩ thường chỉ bày biện thức ăn ngon bổ vào ban đêm, thế nhung chúng con thì chỉ được ăn ban ngày, bởi đức Thế Tôn đã dạy phải từ bỏ ăn ban đêm, đấng Thiện Thệ đã dạy phải dứt trừ ăn ban đêm nên chúng con cũng có nói rằng: "Dại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc.,^ Thế nhưng, đối với oai thần diệu đức của Thế Tôn, chúng con vô cùng kính trọng, cho nên chúng con chấm dứt việc ăn ban đêm. [0741 bòi] Kính bạch Thế Tôn! Con lại nghĩ rằng: “Nếu Tỳ-kheo vào thôn xóm khất thực phi thời thì có thể gặp bọn trộm cướp đang hành sự hoặc chưa hành sự, hoặc gặp cọp, gặp nai hay gặp cả cọp và nai, hoặc gặp beo, gặp gấu hay gặp cả beo và gấu, hoặc đi qua những chỗ như vậy, hoặc gặp voi dữ, ngựa chứng, bò điên, chó dại, hoặc gặp ổ rắn độc, hoặc bi ném đất, hoặc bị đánh gậy, hoặc ngã xuống mương rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đụng phải bò nằm giữa đường, hoặc lọt xuống hố sâu, hoặc vướng vào bụi gai, hoặc thấy nhà trống

6 Nguyên tác: Bất năng tiêu thực Ăn không tiêu nổi, chỉ cho sự khắt khe, chấp chặt, cứng nhắc.

nên bước vào trong đó, lỡ gặp phải người nữ rồi cùng rủ rê làm việc xấu ác bất tịnh?5 Kính bạch Thế Tôn! Xưa kia có vị Tỳ-kheo giữa lúc trời tối mưa giông, sấm chớp đầy

trời mà vẫn phi thời vào nhà người khất thực.7 Bấy giờ, có người phụ nữ nhà nọ ra ngoài dọn rửa chén bát, từ xa trông thấy Tỳ-kheo qua ánh chớp, tưởng là ma quỷ nên kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc, kêu la thất thanh, ngã vật xuống đất, miệng cứ lảm nhảm: "Ong là ma quỷ! Ông là ma quy!" Tỳ-kheo liền nói với người ấy rằng: "Này cô! Tôi không phải ma, tôi là Sa-môn5 đến đây khất thực?9 Bấy giờ, người phụ nữ ấy bỗng nổi cơn thịnh nộ, hung dữ chửi mắng: uSa-môn hãy chết quách đi! Cha mẹ ông cũng mau chết đi! Dòng họ ông hãy tuyệt diệt hết đi! Sa-môn hãy lòi ruột ra! Sa-môn trọc đầu, bị trói buộc vào nơi đen tối,8 đoạn dứt nòi giống, không có con cái! Thà cầm dao bén mà tự mổ bụng mình, chớ đừng khất thực phi thời ban đêm như thế. Than ôi! Vì hạng Sa-môn này mà tôi bị té ngã đến nỗi sẩy thai r9 Bạch Thế Tôn! Con nhớ lại câu chuyện ấy liền cảm thấy hân hoan. Thưa Thế Tôn! Con nhờ hân hoan này mà toàn thân sung mãn, chánh niệm tỉnh giác, phát sanh hỷ, khinh an,10 có lạc, có định. Bạch đức Thế Tôn! Con nhờ định này mà toàn thân sung mãn, chánh niệm tỉnh giác. Thế nên, bạch Thế Tôn, con không thiếu thốn gi, sống an ổn5 hân hoan và sức khỏe điều hòa. Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Ô-đà-di! Thầy không giống như những kẻ ngu si kia. Những kẻ ngu si kia khi được Ta khuyên: "Các ông hãy từ bỏ điều này" thì họ nói rằng: "Đó là việc nhỏ nhặt, đâu đáng để từ bỏ mà nay Thế Tôn lại dạy ta phải từ bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ?" Và họ còn nói như vầy: "Đại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc", rồi không chịu từ bỏ. Không những đối với Ta, họ không vừa ý? không hài lòng mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì họ cũng không vừa ý, không hài lòng. Này Ô-đà-di! Những kẻ ngu si kia bị trói buộc cực kỳ chắc chắn, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn trừ, không thể giải thoát* Ny Ô-đà-di! Ví như có con ruồi bị dính vào bãi đờm dãi, nó ở trong đó khổ sở, sắp chết. Thế mà có người nói rằng: "Con ruồi kia tuy sa vào đó nhưng không bị dính mác, không bị trói chặt thêm nữa, nó có thê đoạn trừ, nó có thê thoát ra." Nói như vậy có đúng không?

7 Trong M. 66, Latukỉkopama Sutta Kỉnh vỉ dụ con chim cáy, ngoài việc nêu ra các vị Tỳ-kheo đi khất thực phi thời, Tôn giả Udāyī cũng tự nhận đã từng thực hành khát thực như vậy. 8 Thốc đầu Sa-môn, dĩ hắc tự phược, vô tử đoạn chủng .Xem chú thích 11, kinh số 131, tr. 815. 9 Nguyên tác: Thử Sa-môn
nhi đọa ngã thần .Tham,chiếu: Tăng,02. 0125.47.9. 0800c 13: í4Trời ơi!
Ta gặp con quỷ!,, Ngay khi ây phu nhân bị sây thai ròi đứa bé lập tức qua đời."!:. 10 Nguyên tác: Chỉ .

[0741c05] Tôn giả Ô-đà-di thưa: -Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao như thế? Vì con ruồi kia đã bi đờm dãi quấn chặt, nó ở trong đó khổ sở, sắp chết. Thế nên, bạch Thế Tôn, nó bị trói buộc cực kỳ chắc chắn, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn trừ, không thể thoát ra. -Này Ô-đà-di! Những kẻ ngu si kia khi được Ta khuyên: "Các ông hãy từ bỏ điều này" thì họ nói rằng: "Đó là việc nhỏ nhặt, đâu đáng để từ bỏ mà nay Thế Tôn lại dạy ta phải từ bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ." Và họ còn nói như vầy: "Đại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc" rồi không chịu từ bỏ. Không những đối với Ta, họ không vừa ý, không hài lòng mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì họ cũng không vừa ý9 không

hài lòng. Này Ô-đà-di! Những kẻ ngu si kia bị trói buộc cực kỳ chác chăn, ngày càng that chặt, không thê đoạn trừ, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di! Như có người thiện nam khi được Ta khuyên: “Các ông hãy từ bỏ điều này" thì người ấy không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đâu đáng để từ bỏ mà nay Thế Tôn lại dạy ta phải từ bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ." Và người ây cũng không nói như vây: "Bại Sa-môn ây thật quá cứng nhắc^, rồi chấp nhận từ bỏ. Không những đối với Ta, người ấy không bất mãn5 không chông trái mà đôi với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì người ây cũng không bất mãn, không chống trái. Như vậy, người thiện nam kia không bị trói buộc quá chắc chắn, không bị thắt chặt thêm nữa, có thể đoạn dứt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di! Ví như voi chúa khi tuổi sáu mươi, đã trở thành một đại tượng vương11 đầy kiêu hãnh, đủ ngà đủ vóc, gân sức tráng kiện, dù bị trói chặt, nhưng nó vẫn gắng sức cựa mình để thoát khỏi sự trói chặt và quay về chốn cũ. Này O-đà-di! Nêu có người nói như vây: "Vòi chúa kia khi tuôi sáu mươi, đã trở thành một đại tượng vương đầy kiêu hãnh, đủ ngà đủ vóc, gân sức tráng kiện, bị trói buộc vô cùng chắc chan, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn dứt, không thể thoát ra." Nói như vậy có đúng không? Tôn giả Ô-đà-di thưa: Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao như thế? Voi chúa kia khi tuổi sáu mươi, đã trở thành một đại tượng vương đay kiêu hãnh, đủ ngà đủ vóc, gân sức tráng kiện, dù bị trói chặt, nhưng nó vẫn gắng sức cựa mình để thoát khỏi sự trói chặt và quay ve chốn cũ. Như vậy, voi chúa to lớn kia khi tuổi sáu mươi, đã trở thành một đại tượng vương đầy kiêu hãnh, gân cốt tráng kiện, không bị trói buộc quá chắc chắn, không bi thắt chặt thêm nữa, có thể đoạn dứt, có thể thoát ra.

11 Nguyên tác: Ma-ha-năng-già (Mahānāgā). M. 66, Latukikopama Sutta {Kinh vỉ dụ con chim cay): Rañño nāgo (con voi của vua).

192. KINH GIA-LÂU Ô-ĐÀ-DI 1271

[0742a06] Thế Tôn bảo: Thật vậy, này Ô-đà-di! Như có người thiện nam kia khi được Ta khuyên: “Các ông hãy từ bỏ điều này" thì người ấy không nói như vầy: "Đó la việc nhỏ nhặt, đâu đáng phải từ bỏ? Vậy mà đức Thế Tôn dạy ta phải tư bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ. Và người ấy cũng không nói như vầy: "Đại Sa-mon ấy thật quá cứng nhắc" rồi chấp nhận từ bỏ. Không những đối với Ta, người ấy không bất mãn, không chống trái mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì người ấy cũng không bất mãn, không chống trái. Như vậy, người thiện nam kia không bị trói buộc quá chắc chắn, không bi thắt chặt thêm nữa5 có thể đoạn dứt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di! Như có kẻ ngu si khi được Ta khuyên: "Các ông hãy từ bỏ điều này" thì họ nói rằng: "Đó là việc nhỏ nhặt, không đáng để từ bỏ. Vậy mà đức Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ.^, Và họ còn nói như vầy: "Dại Sa-môn ấy thật quá chấp chặt" rồi không chịu từ bỏ. Không những đoi với Ta, họ không vừa ý? không hài lòng mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì họ cũng không vừa ý, không hài lòng. Như vậy, những kẻ ngu si kia bị trói buộc cực kỳ chắc chắn, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn dứt, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di! Ví như có người nghèo khổ, không tiền tài, cũng không thế lực, người ây chỉ có bà vợ mặt mày xâu xí, đôi măt mù lòa, có cái nhà vách hỏng mái dột, là chỗ chim quạ đến đậu, con người chẳng thể ở nổi, có một cái giường

xập xệ, hư hỏng chẳng the nam ngủ, có cái lu thủng dáy, không the dùng được. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn trưa xong, rửa sạch tay chân, trải tọa cụ ngồi bên gốc cây, mát mẻ an lành, tu tăng thượng tâm. Người ấy thấy vậy rồi trong tâm suy nghĩ: í6Sa-môn thật an ổn. Sa-môn quá tịnh lạc. Ta thật vô phước, vô đức. Vì sao như vậy? Vì ta có bà vợ mặt mày xấu xí, đôi mắt mù lòa, nhưng không thể bỏ; có cái nhà vách hỏng mái dột, chỉ là chỗ chim quạ đến đậu, người chẳng the ở nổi, nhưng cũng không the bỏ; có một cái giường xập xệ, hư hỏng chẳng thể nằm ngủ? một cái lu thủng đáy, không thể dùng được, nhưng cũng chẳng thể bỏ. Ta ngưỡng mộ vi Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc? mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo kia quá." Này Ô-đà-di! Nếu có người nói như vầy: "Người nghèo khổ kia không tiền tài cũng không thế lực nên không bị trói buộc quá chắc chắn, không bị thắt chặt thêm nữa, có thể đoạn dứt, có thể giải thoát.” Nói như vậy có đúng chăng? [0742b06] Tôn giả Ô-đà-di thưa: -Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Người nghèo khổ kia dù không tiền tài, không thế lực, có bà vợ mặt mày xấu xí, đôi mắt mù lòa, nhưng không thể từ bỏ; có cái nhà vách hỏng mái dột, là chỗ chim quạ đến đậu, con người chẳng thể ở nổi, nhưng cũng không thể từ bỏ; có một cái giường xập xệ, hư hỏng chẳng thể nằm ngủ, một cái lu thủng đáy, không thể dùng được, nhưng

cũng không thể từ bỏ. Mặc dù người ấy rất ngưỡng mộ vị Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Kính bạch Thế Tôn! Thế nên người nghèo khổ kia, dù không tiền của, không thế lực, nhưng vẫn bị trói buộc cực kỳ chắc chan, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn dứt, không thể giải thoát. Đúng vậy, này Ô-đà-di! Như có kẻ ngu si khi được Ta khuyên: "Các ông hãy từ bỏ điều này,9 thì họ nói rằng: "Đó là việc nhỏ nhặt, không đáng để từ bỏ. Vậy mà đức Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ." Và họ còn nói như vầy: "Đại Sa-môn ấy thật quá cứng nhc" rồi không chiu từ bỏ. Không những đối với Ta, họ không vừa ý5 không hài lòng mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì họ cũng không vừa y, không hài lòng. Này Ô-đà-di! Những kẻ ngu si kia bị trói buộc cực kỳ chắc chắn, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn dứt, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di! Như có người thiện nam khi được Ta khuyên: "Các ông hãy từ bỏ điều này" thì người ấy không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, không đáng để từ bỏ. Vậy mà đức Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ? đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ Và người ấy cũng không nói như vầy: "Đại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc" rồi chấp nhận từ bỏ. Không những đối với Ta, người ấy không bất mãn, không chống trái mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì người ấy cũng không bất mãn, không chống trái. Như vậy, người thiện nam kia không bị trói buộc quá chắc chắn, không bị thắt chặt thêm nữa, có thể đoạn dứt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di! Ví như cư sĩ hoặc con của cư sĩ giàu có vô cùng, tiền của rất nhiều, sản nghiệp vật nuôi không tính kể hết, phong hộ thực ấp, lúa gạo dồi dào vô tận? vật dụng sinh hoạt, tôi tớ? voi ngựa số nhiều vô lượng. Người ấy thấy vi Tỳ-kheo sau khi thọ trai xong, rửa sạch tay chân, trải tọa cụ ngồi bên gốc cây, mát mẻ an lành, tu tăng thượng tâm. Người ấy thấy vậy rồi trong tâm suy nghĩ: "Sa-môn thật an ổn. Sa-môn quá tinh lạc. Ta nên từ bỏ giàu sang, vàng bạc, tiên tài, voi

ngựa, tôi tớ vì quá ngưỡng mộ vị Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo.” Này O-đà-di, có người nói răng: "Vị cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia bi trói buộc cực kỳ chắc chắn, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn dứt, không thể giải thoát." Nói như vậy có đúng không? [0742C10] Tôn giả Ô-đà-di thưa: - Không đúng, bạch đức Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì vị cư sĩ hay con của cư sĩ kia có thể từ bỏ giàu sang, vàng bạc, tiền tài, voi ngựa, tôi tớ và rất ngưỡng mộ vị Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sông không gia dinh, làm người học đạo. Kính bạch Thế Tôn! Cho nên, vị cư sĩ hay con của cư sĩ kia không bị trói buộc quá chắc chắn, không bi thắt chặt thêm nữa, có the đoạn dứt, có thể giải thoát.

192. KINH GIA-LÂƯ Ô-ĐÀ-DI 1273

Đúng vậy, này Ô-đà-di! Như có người thiện nam khi được Ta khuyên: “Các ông hãy từ bỏ điều này" thì người ấy không nói như vầy: "Đó la việc nhỏ nhặt, không đáng để từ bỏ. Vậy mà đức Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ? đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ. Và người ấy cũng không nói như vầy: "Bại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc" rồi chấp nhận từ bỏ. Không những đối với Ta, người ấy không bất mãn, không chống trái mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì người ấy cũng không bất mãn, không chống trái. Này Ô-đà-di! Như vậy, người thiện nam kia không bi trói buộc quá chắc chắn, không bị thắt chặt thêm nữa, có thê đoạn dứt, có thê giải thoát. Này Ô-đà-di! Tỳ-kheo tu tập xả.12 Vị ấy tu tập xả rồi nhưng vẫn khởi niệm tương ưng với dục nên bị sợi dây khát ái13 trói buộc. Vị ấy vui thích trong sự trói buộc đó nên không đoạn trừ, không dừng nghí, không nhổ bỏ. Này Ô-đà- di5 Ta nói đó là trói buộc, không phải giải thoát. Vì sao như vậy? Vì dây trói là bất thiện. Này Ô-đà-di5 vì dây trói là bất thiện nên Ta nói đó là trói buộc, không phải giải thoát. Này Ô-đà-di! Tỳ-kheo tu tập xả. Vị ấy tu tập xả rồi nhưng vẫn khởi niệm tương ưng với dục nên bị sợi dây khát ái trói buộc. Vì vị ấy không ham thích trong sự trói buộc đó nên đoạn trừ, dừng nghỉ, nhổ bỏ. Này Ô-đà-di9 Ta nói đó cũng là trói buộc, không phải giải thoát. Vì sao như vậy? Vì dây trói là bất thiện. Này Ô-đà-di9 vì dây trói là bất thiện nên Ta nói đó là trói buộc, không phải giải thoát. Này Ô-đà-di! Tỳ-kheo tu tập xả. Vi ấy tu tập xả rồi, gặp lúc bị mất chánh niệm liền khởi niệm tương ưng với dục nên bị sợi dây khát ái trói buộc. Bởi do quán chiếu trì trệ nên chánh niệm dễ mất đi. Này Ô-đà-di, ví như hòn bi sắt hay lưỡi cày sắt nung suốt ngày trong lò lửa, nếu có người nhỏ lên đó hai hoặc ba giọt nước một cách chậm rãi, ngắt quãng thì giọt nước ấy mau chóng tiêu tan. Này Ô-đà-di! Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập xả. Vị ấy tu tập xả rồi, gặp lúc bi mất chánh niệm liền khởi niệm tương ưng với dục nên bị sợi dây khát ái trói buộc. Bởi do quán chiếu trì trệ nên chánh niệm dễ mất đi. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng là trói buộc, không phải giải thoát. Vì sao như vậy? Vì dây trói là bất thiện. Này Ô-đà-di? vì dây trói là bất thiện nên Ta nói đó là trói buộc, không phải giải thoát.

12 Nguyên tác: Tỳ-kheo hành x()Tỳ-kheo thực hành sự từ bỏ. Xem M. 66, Latukikopama Sutta (Kinh ví dụ con chim cảy): Pahānā (sự từ bỏ, sự đoạn trừ). 13 Nguyen tác: Ái lạc kiết ().Pali: Upadhika hoặc bhavanetti (sợi dây tái sanh). Xem

thêm s. 23.3 - III. 190: Katamā nu kho, bhante, bhavanetti, katamo bhavanettinirodho %? Rūpe kho, rādha, yo chando yo rāgo yā nandīyā tanhā ye upayupādānā cetaso adhitthānābhỉnivesanusayā - ayarn vuccati bhavanetti. Tesam nirodho bhavanettinirodho (Thê nào là sợi dây tái sanh, bạch Thê Tôn? Thê nào là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh? Này Rādha, phàm dục gì, tham gì, hỷ gì, khát ái gì, phàm những chap thủ phương tiện, tắm kiên trú, thiên chấp tùy miên gì đối với sắc/như vạy gọi là sợi dây tái sanh. Sự đoạn diệt chúng là sự đoạn diệt sợi dây tái sanh), HT. Thích Minh Châu dịch.

[0743a08] Này Ô-đà-di! Khi gốc khổ là sự trói buộc chấm dứt thì được thong dong không còn sanh tử; khi cùng tột của ái bị diệt tận thì tâm chân chánh được giải thoát. Này Ô-đà-di! Ta nói đó là giải thoát, không phải trói buộc. Vì sao như vậy? Vì sợi dây trói buộc đã đứt lìa. Này Ô-đà-di, vì sợi dây ấy đã đứt lìa nên Ta nói đó là giải thoát, không phải trói buộc. Này Ô-đà-di! Có những niềm vui, không phải là niềm vui bậc Thánh mà là niêm vui phàm phu. Niêm vui đó là góc của bệnh, góc của ung nhọt, góc của thương tích, cần thức ăn,14 còn sanh tử, không nên tu, không nên tập, không nên truyền bá và Ta nói rằng niềm vui đó không nên tu tập. Này Ô-đà-di! Có những niềm vui, là niềm vui bậc Thánh, niềm vui vô dục, niềm vui viễn ly, niềm vui tịch lặng, niêm vui giác ngộ, không cân thức ăn, không còn sanh tử, đáng đê tu, đáng để tập, đáng để truyền bá và Ta nói rằng niềm vui đó đáng để tu tập. Này Ô-đà-di! Thế nào là niềm vui không phải là niềm vui bậc Thánh mà là niêm vui phàm phu, là góc của bệnh, góc của ung nhọt, góc của thương tích, cân thức ăn, còn sanh tử, không nên tu, không nên tập, không nên truyên bá và Ta nói rằng điều ấy không nên tu tập? Nếu nhân nơi năm thứ dục lạc mà sanh ra niềm vui, sanh ra ưa thích thì đó không phải là niềm vui bậc Thánh mà là niềm vui phàm phu, là gốc của bệnh, gốc của ung nhọt, gốc của thương tích, cần thức ăn, còn sanh tử, không nên tu, không nên tập, không nên truyền bá và Ta nói rằng niềm vui đó không nên tu tập. Này Ô-đà-di! Thế nào là có những niềm vui, là niềm vui bậc Thánh, niềm vui vo dục, mem vui viên ly, mem vui tịch lăng, mem vui giác ngọ, không can thức ăn, không còn sanh tử, đáng để tu, đáng để tập, đáng để truyền bá và Ta nói răng niêm vui đó đáng đê tu tập? Này O-đà-di! Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... (cho đến) chứng đắc và an trú Thiền thư tư thì đây chính là niềm vui bậc Thánh, niềm vui vô dục, niềm vui viễn ly, niềm vui tịch lặng, niềm vui giác ngộ, không cần thức ăn, không còn sanh tử, đáng để tu, đáng để tập, đáng để truyền bá và Ta nói rằng niềm vui đó đáng để tu tập. Này Ô-đà-di! Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, có giác, có quán, an tru hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, nhưng Ta nói thiền này vẫn còn dao động, vì sao Ta nói còn dao động? Vì thiền này vẫn còn giác và quán nên Ta nói còn dao động. Vì sao Ta nói thiền này vẫn còn dao động? Này Ô-đà-di! Tỳ-kheo tinh trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an trú hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai; nhưng Ta nói thiền này vẫn còn dao động, vì sao Ta nói còn dao động? Vì thiền này vẫn còn hỷ nên Ta nói còn dao động.

14 Tham chiếu: M. 66, Latukikopama Sutta (Kinh ví dụ con chìm cảy). Āhārā (thức ăn), đồng nghĩa paccâya (duyên). J

192. KINH GIA-LÂU Ô-ĐÀ-DI 1275

Vì sao Ta nói thiền này vẫn còn dao động? Này Ô-đà-di! Tỳ-kheo ly hỷ an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, chứng đăc và an trú Thiên thứ ba; nhimg Ta nói thiền này vẫn còn dao động, vì sao Ta nói còn dao động? Vì thiền này vẫn còn tâm lạc nên Ta nói còn dao động. Vì sao Ta nói thiền này vẫn còn dao động? Này ộ-đà-di! Tỳ-kheo buông bỏ cả kho và vui, diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh, chứng đắc và an trú Thiền thứ tư. An tru thiền này rồi thì Ta nói rằng không còn dao động. [0743bl3] Này Ô-đà-di! Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, có giác có quán, an trú hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Này Ô-đà-di5 Ta nói thiền này không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thể vượt qua. Đối với thiền này, những gì cần phải vượt qua? Này Ô-đà-di5 Tỳ-kheo tinh trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an trú hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai. Đó là những điều cần phải vượt qua. Này Ô-đà-di! Ta nói thiền này cũng không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thê vượt qua. Đôi với thiên này, những gì cân phải vượt qua? Này Ô-đà- di, Tỳ-kheo ly hỷ an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đó là những điều can phải vượt qua. Này Ô-đà-di! Ta nói thiền này cũng không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thể vượt qua. Đối với thiền này, những gì cần phải vượt qua? Này Ô-đà- di, Tỳ-kheo buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư. Đó là những điều can phải vượt qua. Này Ô-đà-di! Ta nói thiền này cũng không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thể vượt qua. Đối với thiền này, những gì cần phải vượt qua? Này Ô-đà- di, Tỳ-kheo vượt thoát mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm nhiều tưởng, nhập định Không vô biên xứ, thành tựu và an trú Không vô biên xứ.15 Đó là những điều cần phải vượt qua. Này Ô-đà-di! Ta nói thiền này cũng không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thể vượt qua. Đoi với thiền này, những gì cần phải vượt qua? Này Ồ-đà- di, Tỳ-kheo vượt thoát mọi Không vô biên xứ, nhập định Thức vô lượng xứ, thành tựu và an trú Thức vô biên xứ.16 Đó là những điều cần phải vượt qua. Này Ô-đà-di! Ta nói thiền này cũng không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thể vượt qua. Đối với thiền này, những gì cần phải vượt qua? Này Ô-đà- di5 Tỳ-kheo vượt thoát mọi Thức vô biên xứ, nhập định Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Đó là những điều cần phải vượt qua.

15 Nguyên tác: Vô lượng không xứ ,Ākāsānañcāyatana. 16 Nguyên tác: Vô lượng thức xứ Viññānañcāyatanā.

1276 KINH TRUNG A-HÀM

Này Ô-đà-di! Ta nói thiền này cũng không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thể vượt qua. Đối với thiền này, những gì cần phải tiếp tục vượt qua? Này Ô-đà-di5 Tỳ-kheo vượt thoát mọi Vô sở hữu xứ, nhập định Phi tưởng phi phi tưởng, thành tựu và an trú Phi

tưởng phi phi tưởng xứ.17 Đó là những điêu cần phải vượt qua. Này Ô-đà-di! Ta nói thiền này cũng không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không the vượt qua. Này Ô-đà-di! Nếu có sự ràng buộc nào, dù ít hay nhiều mà còn tồn tại thì Ta nói rằng: "vẫn không rốt ráo, không thể đoạn sạch, không thể vượt qua." Có khi nào Ta nói: "Không cần đoạn trừ" chăng? Tôn giả Ô-đà-di thưa: -Không c6, bạch Thế Tôn! [0743C15] Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Ô-đà-di! Thầy không giống như những kẻ ngu si kia, những kẻ ngu si ây khi được Ta khuyên: "Các ông hãy từ bỏ điêu này" thì họ nói rằng: "D6 là việc nhỏ nhặt, không đáng để từ bỏ. Vậy mà đức Thế Ton dạy ta phải từ bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ." Và họ còn nói như vầy: "Đại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc" rồi không chịu từ bỏ. Không những đối với Ta, họ không vừa ý9 không hài lòng mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì họ cũng không vừa ý? không hài lòng. Ô-đà-di! Những kẻ ngu si kia bị trói buộc cực kỳ chắc chắn, ngày càng thắt chặt, không thể đoạn dứt, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di! Như có người thiện nam khi được Ta khuyên: "Các ông hãy từ bỏ điều này,9 thì người ấy không nói như vầy: "D6 là việc nhỏ nhặt, không đáng để từ bỏ. Vậy mà đức Thế Tôn dạy ta phải tư bỏ, đấng Thiện Thệ bảo ta phải dứt trừ." Và người ấy cũng không nói như vầy: "Dại Sa-môn ấy thật quá cứng nhắc,9 rồi chấp nhận từ bỏ. Không những đối với Ta, người ấy không bất mãn, không chống trái mà đối với các Tỳ-kheo khéo hộ trì giới luật thì người ấy cũng không bất mãn, không chống trái. Này Ô-đà-di9 thế nên người thiện nam kia không bị trói buộc quá chắc chắn, không bị thắt chặt thêm nữa, có thể đoạn dứt, có the giải thoát. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Ô-đà-di nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

17 Nguyên tác: Phi hữu tưởng phi vô tưởng XÚT Nevasaññānāsaññāyatanci.

193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUÀN-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ5 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bay giờ, Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na2 thường hội họp cùng các Tỳ-kheo- ni. Nêu có ai ở trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na mà phê phán3 các Tỳ- kheo-ni thì thầy ấy liền nổi giận, hằn học, thậm chí lớn tiếng tranh cãi lại. Hoặc có ai ở trước mặt các Tỳ-kheo-ni mà phê phán Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thì các Tỳ-kheo-ni kia cũng nổi giận, hằn học, thậm chí lớn tiếng tranh cãi lại. Số đông Tỳ-kheo khác thấy vậy liền đến chỗ đức Phật, cung kính lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quàn-na thường hội họp cùng các Tỳ-kheo-ni. Nếu có ai trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na mà phê phán các Tỳ-kheo-ni thì thây ây liên nôi giận, hãn học, thậm chí lớn tiêng tranh cãi lại. Hoặc có ai trước mặt các Tỳ-kheo-ni mà phê phán Tỳ-kheo Mâu-lê-phá- quần-na thì các Tỳ-kheo-ni kia cũng nổi giận, hằn học, thậm chí lớn tiếng tranh cãi lại. The Ton nghe vạy liên bao mọt Tỳ-kheo: -Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na và bảo rằng: "Thế Tôn truyền gọi thầy!" Tỳ-kheo kia nghe xong, liền thưa: "Kính vâng, bạch Thế Ton?9 Sau đó cung kính lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng roi lui ra, đi đen chỗ Tỳ-kheo Mâu- lê-phá-quần-na rồi nói rằng: “Thế Tôn truyền gọi thAy!" Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nghe xong, liền đen chỗ đức Phật, cung kính đảnh lê roi ngôi sang một bên. —"I ĩ 9• Ạ FTP A _ *!_ The Ton hoi: Này Phá-quần-na! Có phải thầy thường xuyên hội họp cùng với các Tỳ- kheo-ni? Nếu có ai ở

trước mặt thầy mà phê phán các Tỳ-kheo-ni thì thầy nổi giận, hằn học, thậm chí lớn tiếng tranh cãi lại. Hoặc có ai ở trước mặt các Tỳ-

1 Nguyên tác: Mâu-ỉê-phả-quần-na kinh (roi. 0026.193. 0744a04). Tham chiếu: Tăng.(02. 0125.50.8. 0812c02); M. , Kakacũpama Sutta (Kinh ví dụ cải cưa). 2 Mâu-lê-phá-quần-na (Moliyaphagguna). 3 Nguyên tác: Đạo thuyết ().M. 21, Kakacūpama Sutta (Kinh vỉ dụ cải cưa): Avannanam bhāsati (nói điều không tốt).

kheo-ni mà phê phán thầy thì các Tỳ-kheo-ni kia cũng nổi giận, hằn học, thậm chí lớn tiếng tranh cãi lại. Phá-quần-na5 có thật như vậy không? Phá-quần-na thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy. Thế Tôn lại hỏi: -Này Phá-quần-na! Có phải thầy với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo chăng? Phá-quân-na thưa: - Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: -Này Phá-quần-na! Nếu thầy với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì phải học như thế này: Nếu như có mong muốn, có ý niệm nào dựa trên thê tục thì hãy đoạn trừ chúng. Nêu như có mong muốn, có ý niệm nào dựa trên vô dục thì hãy thực hành, hãy tu tập, hãy lưu bố rộng rãi. Phá-quần-na, thay nên tu tập như vậy. Rồi Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: -Có phải các thầy với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa phải, bạch Thế Tôn! Thế Tôn dạy: -Nêu các thay với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, song không gia đình, làm người học đạo thì phải học như thế này: Nếu như có mong muốn, có ý niệm nào dựa trên the tục thì hãy đoạn trừ chúng. Nêu như có mong muốn, có ý niệm nào dựa trên vô dục thì hãy thực hành, hãy tu tập, hãy lưu bố rộng rãi. Các thầy nên tu tập như vậy. Trước dây, Ta từng nói với chúng Tỳ-kheo: '^Này các thầy! Dù các thầy là người có nhiêu danh tiêng hay ít danh tiếng thì hét thảy hãy học theo hạnh một lần ngồi ăn;4 học hạnh một lần ngồi ăn rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, không nhiễm bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn hân hoan.^, Các Tỳ- kheo ấy, dù là người có nhiều danh tiếng hay ít danh tiếng thì hết thảy đều học theo hạnh một lần ngồi ăn; đã học hạnh một lần ngồi ăn rồi thì được thảnh thơi tự tại, không nhiễm tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn hân hoan. Các Tỳ-kheo đã khiến Ta hài lòng nên Ta cũng không cần răn nhắc gì nhiều. Các Tỳ-kheo nhờ đây mà khởi niệm hướng về Chánh pháp, tuần tự tu pháp. Giống như cỗ xe ngựa, được người đánh xe tay trái cầm cương, tay phải cầm roi, dù

4 Nguyên tác\ Nhất tọa thực Ekãsanỉkă^ một trong 13 hạnh Đầu-đà. Mỗi ngày ăn một bữa đúng ngọ, ngôi xu6ng ăn no roi mới đứng dậy. Nêu ăn chưa no mà có việc cần phải rời đi thì sau đó cũng không được ngôi xuống ăn tiếp, gọi là "Nhất tọa thúc."

phải chạy tám phương nhtrng vẫn đến nơi người ấy muốn đến. Như vậy, các Tỳ- kheo ây đã khiên Ta vừa ý nên Ta cũng không cần răn nhắc gì nhiều. Các Tỳ-kheo nhờ đây mà khởi niệm hướng về Chánh pháp, tuần tự tu pháp. Giông như rừng cây sa-la trên vùng đất tốt, lại được người làm vườn khéo léo, sáng dạ và siêng năng, biết tùy thời

chăm sóc, thường xuyên xới đất, bón phân, tưới nước, san chỗ cao, lấp chỗ trũng, nếu có cỏ độc thì nhổ bỏ đi, cây nào mọc lên mà còi cọc, cong queo thì nhổ bỏ, nhánh mọc đâm ngang hay sà thấp thì cát tỉa, cây con nào mới mọc mà khỏe mạnh, ngay thẳng thì chăm bón, thường xuyên xới đất, bón phân và txrới nước. Như thế thì nhất định rừng cây sa-la trên vùng đất tốt kia ngày càng xanh tốt. Cũng vậy, các Tỳ-kheo ấy đã khiến Ta hài lòng nên Ta cũng không cần răn nhắc gì nhiều. Lại nữa, Ta không cho rằng vị Tỳ-kheo kia nói năng hiền lành nhu thuận vì 9 . L • • y bát, âm thực, giường nệm, thuôc thang và vật dụng sinh hoạt. Vì sao như vậy? Vì khi Tỳ-kheo kia nêu không có được các thứ ây thì sẽ trở lại không nói năng hiền lành nhu thuận, tạo thành tính khí nói năng không hiền lành nhu thuận. [0744c02] Nếu có Tỳ-kheo tu hạnh viễn ly, nương theo viễn ly, an tru viễn ly mà nói năng hiên lành nhu thuận và thành tựu đức tính nói năng hiên lành nhu thuận thì Ta cho rang đó mới thật sự là người nói năng hiền lành nhu thuận. Vì sao như vậy? Giả sử có một hành giả khéo thủ hộ, khéo an trú khi không bị người khác nhục mạ. Khi không bị người khác nhục mạ thì không nổi giận, không thù nghịch, không ưu sầu oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo khác thấy vậy, liền nghĩ rằng: "Hiền giả ấy thật là người biết nhẫn nhục, ôn hòa, nhu thuận, khéo kiềm chế, khéo định tĩnh, khéo trầm lắng." Nhưng khi hành giả ấy bị người khác nhục mạ thì liền nổi giận, thù nghịch, bực tức, oán hận, lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo khác thấy vậy, liền nghĩ: í6Hiền giả ấy thật là người nóng nảy5 cộc cằn, thô lỗ5 thiếu kiềm chế, không định tĩnh, không trầm lắng." Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Có một nữ gia chủ tên là Bệ-đà-đề56vô cùng giàu có, rất nhiều tiền tài, sản nghiệp vật nuôi không tính kể, nhà cửa, đất dai, lúa gạo sung túc và rất nhiều vật dụng sinh hoạt khác nữa. Bấy giờ, Bệ-đà-đề tiếng tốt vang xa, truyền khắp các phương như vầy: "Nữ gia chủ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, ôn hòa, nhu thuận, khéo kiềm chế, khéo định tĩnh, khéo trầm lắng." Người nữ gia chủ có một nữ tỳ tên là Hắc,6 nữ tỳ ấy nói năng dịu dàng, làm việc giỏi giang. Có lần, nữ tỳ tên Hắc suy nghĩ: "Chủ nhân Bệ-đà-đề của mình tiếng tốt vang xa, truyền khắp các phương như vầy: 'Nữ gia chủ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, ôn hòa, nhu thuận, khéo kiềm chế, khéo định tĩnh, khéo trâm lắng.9 Nay mình hãy thử xem chủ nhân Bệ-đà-đề thật sự có tức giận hay không?59

5 Nguyên tác: Cư sĩ phụ, danh Bệ-đà-đề .Cư sĩ , gahapati'. Người gia chủ. Bệ-đà-đề ,Vedehika. 6 Hắc ,Kali.

Thế rồi, nữ tỳ Hắc nằm ngủ không chiu dậy sớm. Phu nhân liền gọi: uNày nữ tỳ Hắc, sao ngươi không day sớm?" Nữ tỳ Hắc nghe rồi liền nghĩ: "Chủ nhân Bệ-đà-đề của mình thật có nổi giận chứ không phải không nổi giận, chẳng qua vì công việc trong nhà đã có mình khéo lo liệu, khéo quán xuyên, khéo chu toàn nên chủ nhân Bệ-đà-đề của mình tiếng tốt vang xa, truyền khắp các phương như vầy: 'Nữ gia chủ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, ôn hòa, nhu thuận, khéo kiềm chế, khéo định tĩnh, khéo trầm lắng/ Nay mình hãy thử thách hơn nữa, xem thử chủ nhân Bệ-đà-đề thật sự có tức giận hay kh6ng?" Thế rồi, nữ tỳ Hắc thức dậy rất muộn. Phu nhan liền gọi: "Này nữ tỳ Hắc, sao ngươi dậy trễ quá vay?" Nữ tỳ Hắc nghe rồi liền suy nghĩ: "Chủ nhân Bệ- đà-đề của mình thật sự

có nổi giận chứ không phải không nổi giận, chẳng qua vì công việc trong nhà đã có mình khéo lo liệu, khéo quán xuyến, khéo chu toàn nên chủ nhân Bệ-đà-đề của mình tiêng tót vang xa, truyên khắp các phương như vầy: 'Nữ gia chủ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, ôn hòa, nhu thuận, khéo kiềm chế, khéo định tĩnh, khéo trầm lắng.' Nay mình hãy thử thách hơn nữa, xem thử chủ nhân Bệ-đà-đề thật sự có tức giận hay kh6ng?" [0745a08] Lần khác, nữ tỳ Hắc nằm ngủ tới xế trưa mới dậy. Phu nhân liền gọi: "Này nữ tỳ Hắc, sao ngươi dám ngủ đến tận xế trưa mà vẫn chưa chịu dậy? Ngươi không chiu làm việc, cũng không bảo người khác làm. Nữ tỳ này dám không nghe lời ta sao? Nữ tỳ này dám khinh thường ta sao?" Lập tức, phu nhân nổi cơn thịnh nộ, trán nổi ba đường gân, mặt mũi cau có, chạy đến đóng cửa cài then rồi cầm gậy đánh nữ tỳ Hắc vỡ đầu chảy máu. Nữ tỳ Hắc ôm đầu cố thoát ra ngoài, chạy qua hàng xóm, lớn tiếng phân bua, kể xấu đủ diều: "Này các vị? hãy xem hành động của một người nhẫn nhục, ôn hòa, nhu thuận, khéo kiêm chê, khéo định tĩnh, khéo trâm lăng là như vậy sao? Bà ây đã măng chửi tôi rằng: 'Này nữ tỳ Hắc, sao ngươi dám ngủ đến tận xế trưa mà vẫn chưa chịu dậy? Ngươi không chiu làm việc, cũng không bảo người khác làm. Nữ tỳ này dám không nghe lời ta sao? Nữ tỳ này dám khinh thường ta sao?' Thế rồi bà ta nổi cơn thịnh nộ, trán nổi ba đường gân, mặt mũi cau có, chạy đến đóng cửa cài then rồi cầm gậy đánh tôi vỡ đầu chảy máu như thế này dây.'" Khi ấy, phu nhân Bệ-đà-đề bi tiếng xấu đồn xa, truyền khắp các phương như vầy: "Nữ gia chủ Bệ-đà-đề là người nóng nảy, cộc cằn, thô lỗ, thiếu kiềm chế, không định tĩnh, không tràm lắng.“ Cũng vậy, vị hành giả khéo thủ hộ, khéo an tru đó là do không bị người khác nhục mạ. Khi không bị người khác nhục mạ thì hành giả ấy không nổi giận, không thù nghịch, không bực tức oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo khác thấy vậy, liền nghĩ rằng: "Hiền giả ấy thật là người nhẫn nhục, ôn hòa, nhu thuận, khéo kiềm chế, khéo định tĩnh, khéo trầm lắng." Nhưng khi hành giả ấy bị người khác nhục mạ thì nổi giận, thù nghịch, bực tức oán hận, lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo khác thấy vậy, liền nghĩ: "Hiền

giả ấy thật là người nóng nảy, cộc cằn, thô lỗ5 thiếu kiềm chế, không đinh tĩnh, không tram lang?9 Lại nữa, có năm trường hợp nói năng. Nếu một người nào đó nói ra hoặc đúng lúc hay là không đúng lúc, hoặc nói lời chân thật hay là lời không chân thật, hoặc nói lời dịu dàng hay là lời cộc cằn, hoặc nói lời điềm đạm hay là lời giận dữ, hoặc nói lời có ích hay là lời vô ích. Này các Tỳ-kheo! Với năm trường hợp nói năng này, nếu một người nào đó nói ra mà tâm các thầy biến đoi, miệng nói lời giận dữ thì Ta nói rằng các thầy sẽ do đây mà suy giảm. Các thầy nên tu tập đối với năm trường hợp nói năng này, để khi một người nào đó nói ra5 tâm các thay không bi biến đoi, miệng không nói lời giận dữ; hãy hướng đến người oán nghịch ấy, duyên nơi người oán nghịch ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu an trú; cũng như vậy khắp đến hai phương, ba phương, bốn phương, cho đến bốn phương phụ, phương trên và phương dưới, trải rộng khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đây kháp tát cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng giông như vậy, vi ây đê tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không

gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các thầy hãy tu tập như vậy. Ví như có người cầm cái cuốc rất lớn đến và nói như vầy: "Tôi có thể khiến trái đất này không còn là trái đất nữa", rồi người ấy đào bới khắp nơi, khạc nhổ đàm dãi xuống đất, nói lời hằn học như vầy: "Tôi sẽ khiến trái đất này không còn là trái đất nữa.” Các thầy nghĩ sao? Người kia dùng cách thức đó thì có thể khiến trái đất này không còn là trái đất được chăng? Các Tỳ-kheo thưa: Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì trái đất này rất sâu rất rộng, không thể lường được. Cho nên, với cách thức ấy thì người kia không thể nào làm cho trái đất này không còn là trái đất được. Kính bạch Thế Tôn! Việc làm như vậy chỉ khiến người đó tự chuốc khổ nhọc mà thôi. Thế Tôn dạy: Cũng vậy, có năm trường hợp nói năng. Nếu một người nào đó nói ra hoặc đúng lúc hay là không đúng lúc, hoặc nói lời chân thật hay là lời không chân thật, hoặc nói lời dịu dàng hay là lời cộc cằn, hoặc nói lời điềm đạm hay là lời giận dữ, hoặc nói lời có ích hay là lời vô ích. Này các Tỳ-kheo, đối với năm trường hợp nói năng này, khi một người nào đó nói ra, nếu tâm các thầy biến đổi, miệng nói lời giận dữ thì Ta nói rằng các thầy sẽ do đây mà suy giảm. Các thầy nên tu tập đối với năm trường hợp nói năng này để khi một người nào đó nói ra, tâm không bị biến đổi5 miệng không nói lời giận dữ; hãy hướng đến người oán nghịch ấy, duyên nơi người oán nghịch ấy mà khởi tâm từ mẫn, vận tâm như đất, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao

la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các thầy hãy tu tập như vậy! Ví như có người cầm bó đuốc cỏ rất lớn đi đến và nói như vầy: “T6i sẽ dùng bó đuốc cỏ này đun nước sông Hằng nóng lên, sôi lên." Các thay nghĩ sao? Người kia dùng cách thức ấy thì có thể khiến nước sông Hằng nóng lên, sôi lên được chăng? Các Tỳ-kheo thưa: -Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì sông Hằng kia rất sâu và rộng, không thể đo lường. Cho nên, người kia dùng cách thức ấy sẽ không thể làm cho nước sông Hằng nóng lên hay sôi lên được. Kính bạch Thế Tôn! Việc làm như vậy chỉ khiến người đó tự chuốc khổ nhọc mà thôi. [0745c03] Cũng vậy, đối với năm trường họp nói năng này, nếu một người nào đó nói ra hoặc đúng lúc hay là không đúng lúc, hoặc nói lời chân thật hay là lời không chân thật, hoặc nói lời dịu dàng hay là lời cộc căn, hoặc nói lời diêm đạm hay là lời giận dữ, hoặc nói lời có ích hay là lời vô ích, này các Tỳ-kheo, đôi với năm trường hợp nói năng này, khi một người nào đó nói ra, nêu tâm các thầy bị biến đổi, miệng nói lời giận dữ thì Ta nói rằng do đây mà các thầy bị suy giảm. Các thầy nên tu tập đối với năm trường hợp nói năng này để khi một người nào đó nói ra, tâm không bị biến đổi, miệng không nói lời giận dữ, hướng đến người oán nghịch ấy? duyên nơi người oán nghịch ấy mà khởi tâm từ mân, vận tâm như nước sông Hăng, không gây thù két oán, không sân giận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các thầy hãy tu tập như vậy! Ví như có một họa sĩ hay học trò của họa sĩ mang đủ loại màu đến và nói như vầy: "Tôi có thể vẽ hình vào hư không này, rồi dùng các thứ màu để tô lên hình vẽ.^, Các thây nghĩ sao? Người họa sĩ hay học trò họa sĩ kia dùng cách thức ây thì có thể vẽ hình lên hư không rồi dùng màu để tô lên hình vẽ đó được chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Không

thể, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì hư không này không phải là vật có hình tướng, không thể thấy, không có đối ngại. Cho nên, người họa sĩ hay học trò họa sĩ kia dùng cách thức ấy thì không thể nào vẽ hình lên hư không rồi dùng màu để tô lên hình vẽ đó được. Bạch Thế T Việc làm như vậy chỉ khiến người họa sĩ hay học trò người họa sĩ đó tự chuốc khổ nhọc mà thôi. Thế Tôn dạy: Cũng vậy, đối với năm trường hợp nói năng này, nếu một người nào đó nói ra9 hoặc đúng lúc hay là không đúng lúc, hoặc nói lời chân thật hay là lời không chân thật, hoặc nói lời dịu dàng hay là lời cộc cằn, hoặc nói lời điềm đạm hay là lời giận dữ, hoặc nói lời có ích hay là lời vô ích, này các Tỳ-kheo, đối với năm trường hợp nói năng này, khi một người nào đó nói ra, nếu tâm các thầy bị

biến đổi, miệng nói lời giận dữ thì Ta nói rằng do đây mà các thầy bị suy giảm. Các thây nên tu tập đôi với năm trường hợp nói năng này, đê khi một người nào đó nói ra, tâm không bị biến đổi, miệng không nói lời giận dữ; hãy hướng đến người oán nghịch ấy, duyên nơi người oán nghịch ấy mà khởi tâm từ mẫn, vận tâm như hư không, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộnậ lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các thấy hãy tu tập như vậy. Ví như cái túi băng da mèo đã được thuộc kỹ, mem mại, không gây ra tiêng sột soạt, không còn tiếng sột soạt. Có người dùng tay đấm vào túi da mèo này, hoặc lây đá ném, hoặc dùng gậy đánh, hoặc dùng dao chặt, hoặc đập túi da mèo này xuống đất. Các thầy nghĩ sao? Cái túi bằng da mèo đã được thuộc kỹ, mềm mại, không gây ra tiếng sột soạt, không còn tiếng sột soạt kia, bấy giờ có phát ra tiếng sột soạt không? [0746a02] Các Tỳ-kheo thưa: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì cái túi bằng da mèo ấy đã được thuộc kỹ, mem mại, không gây ra tiêng sột soạt, không còn tiêng sột soạt nữa. Cho nên, nó không phát ra tiếng sột soạt. Thế Tôn dạy: -Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Khi bi người khác dùng tay đấm, cầm đá ném, cầm gậy đánh, lấy dao chém mà tâm các thầy bi biến đổi, miệng nói lời giận dữ thì Ta nói rằng các thầy vì điều này mà bị suy giảm. Các thầy nên học như vầy: Dù có bị người khác dùng tay đấm, cầm đá ném, cầm gậy đánh, lấy dao chém nhưng tâm không bi biến đổi, miệng không nói lời giận dữ; hãy hướng đến người oán nghịch ấy5 duyên nơi người oán nghịch ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, vận tâm như cái túi da mèo5 khéo tu tập để tâm không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an tru. Các thầy hãy tu tập như vậy. Ví như có giặc cướp dùng lưỡi cưa bén cắt xẻ thân thể các thầy ra thành từng đoạn, mà tâm các thầy bi biến đổi, miệng nói lời giận dữ thì Ta nói rằng do đây mà các thầy bị suy giảm. Các thầy hãy học như vầy: Dù bị giặc cướp dùng lưỡi cưa bén cắt xẻ tay chân ra thành từng đoạn, nhưng tâm các thầy không bi biến đoi, miệng không nói lời giận dữ, hướng đen người oán nghịch ấy, duyên nơi người oán nghịch ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, đay khắp một phương, thành tựu an trú; cứ như thế cho đến hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ, phương trên và phương dưới, trùm khắp tất cả, giữ tâm tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân giận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Đối với tâm bi, hỷ và xả cũng giống như vậy, khéo tu tập để

tâm tương ưng với xả, không gây thù kết oán, không sân hận não hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các thầy hãy tu tập như vậy.

1284 KINH TRUNG A-HÀM

Rồi Thế Tôn lại dạy các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Các thây hãy thường suy niệm lời giáo huân dành cho bậc Sa-môn qua ví dụ lưỡi cưa bén ây. Các thây thường suy niệm như vậy rồi thì có còn cảm thấy người khác nói năng cộc cằn với ta và khi nghe những lời ấy rồi thì ta không thể chịu đựng nổi nữa hay không? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: y r -Lành thay! Lành thay! Các thây hãy thường suy niệm lời giáo huân dành cho bậc Sa-môn qua ví dụ lưỡi cưa bén ấy. Các thầy thường suy niệm như vậy rồi, nếu đến phương Đông thì các thầy chắc chắn được an lạc, không bị các khổ nạn; nêu đên phương Nam, phương Tây hay phương Băc thì chác chăn cũng được an lạc, không bị các khổ nạn. Lành thay! Lành thay! Các thầy hãy thường suy niệm lời giáo huấn dành r y cho bậc Sa-môn qua ví dụ lưỡi cưa bén ây. Các thây thường suy niệm như vậy roi thì Ta không can chỉ dạy các thầy ve an tru các thiện pháp, huống nữa là nói vê sự suy giảm. Chỉ cân ngày đêm tăng trưởng thiện pháp thì không còn bị suy giảm nữa. Lành thay! Lành thay! Các thầy hãy thường suy niệm lời giáo huấn dành cho bậc Sa-môn qua ví dụ lưỡi cưa bén ây. Các thây thường suy niệm như vậy roi thì chác chăn sẽ thành tựu một trong hai quả vị sau: Hoặc ngay hiện đời chứng đắc Trí cứu cánh, hoặc chứng đắc A-na-hàm nếu còn Hữu dư. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

7 Bản Hán, hết quyển 50.

194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Xá-vệ rồi an cư mùa mưa tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như Lai thực hành hạnh một lần ngồi ăn.2 Thực hành hạnh một lần ngồi ăn rồi nên được thảnh thơi tự tại, không nhiễm bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn hân hoan. Các thầy cũng nên học hạnh một lần ngồi ăn. Học hạnh một lần ngồi ăn rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, không nhiễm bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn hân hoan. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi3 cũng đang ở giữa đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con không thể kham nổi hạnh một lần ngồi ăn. Vì sao như vậy? Nếu con hành theo hạnh một lần ngồi ăn thì con có cảm giác như chưa làm xong việc, trong lòng cảm thấy ảo não, tiếc nuối. Bạch Thế Tôn, do đó mà con không kham nổi hạnh một lần ngồi ăn. The Ton bao: Nay Bạt-đà-hòa-lợi! Khi Ta nhận lời thọ trai thì thầy cũng theo Ta. Ta cho phép thầy mang thức ăn nhận thỉnh về và chỉ ăn trong một lần ngồi.4 Này Bạt- đà-hòa-lợi! Nếu làm như vậy thì thầy sẽ an ổn trong sinh hoạt. [0746c02] Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi lại thưa: Kính bạch Thế Ton! Dù vậy con cũng không kham nổi hạnh một lần ngồi ăn. Vì sao như vậy? Nếu con hành theo hạnh này thì có cảm giác như chưa làm xong việc, trong lòng cảm thây ảo não, tiêc nuôi. Bạch Thê Tôn, do đó mà con không kham nôi hạnh một lân ngôi ăn áy.

1 Quyển 51. Nguyên tác: Bạt-đà-hòa-lợi kinh (roi. 0026.194. 0746b18). Tham chiếu: Tang.(7.02. 0125.49.7. Ó800b27); M. 65, Bhaddāli Sutta (Kinh Bhaddāli). 2 Nhất tọa thực (‚Ekãsanikd)^ một trong 13 hạnh Đầu-đà. Mỗi ngày ăn một bữa đúng ngọ, ngồi xuống ăn xong rồi mới đứng dậy. Nêu ăii chưa xong mà có việc cần phai rời đi thì sau đó cũng khòng được ngồi xuong ăn tiếp, gọi là Nhất tọa thực. 3 Bạt-đà-hòa-lợi (‚Bhaddālī). 4 Tham chiếu: M. 65, Bhaddāli Suita (Kinh Bhaddāli): Ăn một phần tại chỗ và một phần mang đi.

Thế Tôn ba lần nói với các Tỳ-kheo rằng: -Như Lai thực hành hạnh một lần ngồi ăn. Thực hành hạnh này rồi nên được thảnh thơi tự tại, không nhiễm bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực doi dào, an ổn hân hoan. Các thày cũng nên học hạnh một lần ngồi ăn. Học hạnh một lần ngồi ăn rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, không nhiễm bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn hân hoan. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng ba lần từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng về Thế Tôn thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con không thể kham nổi hạnh một lần ngồi ăn. Vì sao như vậy? Nếu con hành theo hạnh này thì có cảm giác như chưa làm xong việc, trong lòng cảm thấy ảo não, tiếc nuối. Bạch Thế Tôn, do đó mà con không y . k kham nôi hạnh một lân ngôi ăn ây. Đức Thế Tôn cũng ba lần nói rằng: Này Bạt-đà-hòa-lợi! Khi Ta nhận lời thọ trai thì thầy cũng theo Ta. Ta cho phép thầy mang thức ăn nhận thỉnh về và chỉ ăn trong một lần ngồi. Này Bạt- đà-hòa-lợi! Nếu làm như vậy thì thầy sẽ an ổn trong sinh hoạt. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng thưa ba lần: - Kính bạch Thế Tôn! Dù vậy con cũng không kham nổi hạnh một lần ngồi ăn. Vì sao như vậy? Nếu con hành theo hạnh này thì con có cảm giác như chưa làm xong việc, trong lòng cảm thấy ảo não, tiếc nuối. Thưa Thế Tôn, do vậy mà con không kham nổi hạnh một lần ngồi ăn. Bấy giờ, Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà thiết lập giới "Một lần ngồi n Hết thảy chúng Tỳ-kheo đều vâng giữ học giới ấy và các pháp vi diệu mà Thế Ton đã chứng ngộ, chỉ trừ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đã tuyên bố không thể kham nổi, nên từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì Tôn giả ấy không chịu hành trì giới Cụ túc và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. Từ đó, suốt mùa an cư, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đã lánh mặt không diện kiến Thế Tôn. Vì sao như vậy? Vì Tôn giả ấy không hành trì giới điều và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. Lan nọ? các Tỳ-kheo may y cho Phật, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ kết thúc và việc khâu vá y đã xong, Thế Tôn sẽ đắp y ôm bát lên đường du hóa trong nhân gian. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi nghe tin các Tỳ-kheo đang may y cho Phật, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ kết thúc và việc khâu vá y đã xong, Thế Tôn sẽ đắp y ôm bát lên đường du hóa trong nhân gian. Nghe tin này rồi, Tôn giả liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo. Từ xa trông thấy Bạt-đà-hòa-lợi đi đến, các Tỳ-kheo liền nói: -Hiên giả Bạt-đà-hòa-lợi! Thây nên biêt chúng tôi đang may y cho Phật, đê sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ kết thúc và việc khâu vá y đã xong, Thê Tôn sẽ đáp y ôm bát lên đường du hóa trong nhân gian. Này Bạt-đà-

hòa-lợi! Thầy hãy tự mình khéo thủ hộ đối với học giới ấy,5 đừng để dẫn đến về sau chuốc nhiều phiền lụy. [0747a07] Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi nghe những lời này xong, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi thưa rằng: —Kính bạch Thế Tôn! Con thật có lỗi! Con thật có lỗi! Con như kẻ ngu si, thiếu hiểu biếq quá bất thiện. Vì sao như vậy? Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà chế giới Một lần ngồi ăn, hết thảy chúng Tỳ-kheo đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ, chỉ riêng con tuyên bố không thể kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì con không chiu hành trì học giới và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. The Ton bao: —Này Bạt-đà-hòa-lợi! Khi ấy thầy không biết rằng có rất đông Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đang an cư tại Xá-vệ9 họ biết về thầy/ thấy về thầy như vầy: "C6 Tỳ-kheo tên Bạt-đà-hòa-lợi? là đệ tử Thế Tôn mà không hành trì giới điều và các pháp vi diệu mà Thế Tôn chứng ng0." Bạt-đà-hòa-lợi, lẽ nào khi ấy thầy không biết việc này? Này Bạt-đà-hòa-lợi! Khi ấy thầy không biết rằng có rất đong ưu-bà-tắc và ưu-bà-di đang sinh sống tại Xá-vệ? họ biết về thầy, thấy về thầy như vy "C6 Tỳ-kheo tên Bạt-đà-hòa-lợi, là đệ tử Thế Tôn mà không vâng giữ giới điều và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngQ" Bạt-đà-hòa-lợi, lẽ nào khi ấy thầy không biết việc này? Này Bạt-đà-hòa-lợi! Khi ấy thầy không biết rằng có rất đông ngoại đạo Sa-môn và Phạm chí đang an cư tại Xá-vệ, họ cũng biêt vê thây, thây vê thây như vầy: "C6 Tỳ-kheo tên Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử Sa-môn Cù-đàm? một bậc danh dức, nhimg lại không vâng giữ giới điêu và các pháp vi diệu mà thây mình đã chứng ng0." Bạt-đà-hòa-lợi, lẽ nào khi ấy thầy không biết việc này? Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nếu có Tỳ-kheo chứng Câu phần giải thoát/ Ta nói với vị ấy rằng: "Thầy hãy lội xuống bùn958 thì này Bạt-đà-hòa-lợi, ý thầy nghĩ sao? Nghe Ta dạy như vậy thì vi Tỳ-kheo ấy có thể đứng im hoặc tránh đi chỗ khác hay không? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp: Kính bạch Thế Tôn, không thể.

5 Nguyên tác: Xứ (),viết tắt của t4học xứ"(),tức ÍChọc giới^, (sikkhãpadà). 6 Nguyên tác: Ngã ():Ta. Trường hợp này chỉ cho Bạt-đà-hòa-lợi. Văn giả thiết, trực tiếp dẫn lời của Bạt-đà-hòa-lợi. 7 Nguyên tác : Câu giải thoát (Ubhatobhāgavimutto). Xem chú thích trong Kinh ruỗng phước (số 127), tr. 795. "Cág bậc Thánh Tỳ-kheo,? tiếp theo trong kinh này cũng được chú thích đây đủ trong Kỉnh ruộng phước (số 127), tr. 795. 8 Nguyên tác: Nhữ lai nhập nê ().M. 65, Bhaddāli Sutta (Kỉnh Bhaddālī)'. Ehi me tvarn, bhikkhu, pañke sāñkamo hohi (Ty-kheo, lại đây, làm câu trên bùn cho Như Lai!).

[0747b01] Thế Tôn bảo: Này Bạt-đà-hòa-lợi! Giả sử không phải Tỳ-kheo Câu phần giải thoát mà là Tỳ-kheo Tuệ giải thoát; hoặc giả không phải Tỳ-kheo Tuệ giải thoát mà là Tỳ-kheo Thân chứng; hoặc giả không phải Tỳ-kheo Thân chứng mà là Tỳ-kheo Kiến đáo; hoặc giả không phải Tỳ-kheo Kiến đáo mà là Tỳ-kheo Tín giải thoát; hoặc giả không phải Tỳ-kheo Tín giải thoát mà là Tỳ-kheo Tùy pháp hành; hoặc giả không phải Tỳ-kheo Tùy pháp hành mà là Tỳ-kheo Tùy tín hành, khi nghe Ta nói rằng: "Thầy hãy lội xuống bùn^ thì này Bạt-đà-hòa-lợi, ý thầy nghĩ sao? Nghe Ta dạy như vậy thì các Tỳ-kheo ấy có thể đứng im hoặc tránh đi chỗ khác h không? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi thưa: —Bạch Thế Tôn, không the! Thế Tôn lại hỏi: -Này Bạt-đà-hòa-lợi! Ý thầy nghĩ sao?

Khi ấy thầy đã chứng Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Tuệ giải thoát hay Câu giải thoát chưa? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp: Bạch Thế Tôn, con chưa chứng được. The Ton bảo: -Này Bạt-đà-hòa-lợi! Vậy thì khi ấy thầy chẳng phải giống như ngôi nhà trống ư? Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bi đức Thế Tôn trực tiếp quở trách nên trong lòng buồn bã? cúi đầu im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư. Sau khi trực tiếp quở trách Bạt-đà-hòa-lợi rồi, Thế Tôn lại muốn giúp Tôn giả ấy hoan hỷ trở lại, liền dạy: Này Bạt-đà-hòa-lợi! Khi ấy thầy ở trước Ta mà lại không tin vào pháp an đinh, cũng không thích pháp an định, không kính pháp an định. Vì sao như vậy? Khi Ta vì chúng Tỳ-kheo mà chế giới Một lần ngồi ăn, tất cả chúng Tỳ- kheo đêu vâng giữ học giới và các pháp vi diệu mà Thê Tôn đã chứng ngộ, chỉ riêng thầy lại tuyên bố không thể kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì sao thầy không vâng giữ học giới và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chưng ngộ? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch rằng: Thật đúng như vậy! Vì sao như thế? Khi Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà chê giới Một lân ngôi ăn? tát cả chúng Tỳ-kheo đêu vâng giữ học giới và các pháp vi diệu mà Thế Ton đã chứng ngộ, chỉ riêng con lại tuyên bố không thể kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì con không chiu vâng giữ học giới Cụ túc và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã đạt ngộ. Cúi mong

Thế Tôn chấp nhận sự hối lỗi của con, con đã biết lỗi, sẽ tự sửa đổi, từ nay trở đi nguyện luôn gìn giữ, không để tái phạm! Thê Tôn bảo: -Này Bạt-đà-hòa-lợi! Đúng vậy, thầy thật sự như kẻ ngu muội, thiếu hiểu biết, quá bất thiện. Vì sao như vậy? Ta vì chúng Tỳ-kheo mà chế giới Một lần ngôi ăn, tát cả chúng Tỳ"kheo đêu vâng giữ học giới và các pháp vi diệu mà Thê Tôn đã chứng ngộ, riêng thầy lại tuyên bố không thể kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì thầy không muốn vâng giữ học giới Cụ túc và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nếu thầy đã biết lỗi, thấy lỗi rồi tự sám hối và nguyện từ nay về sau sẽ gìn giữ, không để tái phạm, thì này Bạt-đà-hòa-lợi, ở trong giáo pháp của bậc Thánh, như vậy là được tăng ích chứ không tổn giảm. Nếu thầy đã biết lỗi, thấy lỗi rồi tự sám hối, từ nay về sau hãy giữ gìn, không để tái phạm. Bạt-đà-hoa-lợi! Ý thầy nghĩ sao? Như có Tỳ-kheo không vâng giữ giới diều, vị ấy sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, sống ở non cao, không một tiếng động, với hạnh viễn ly, không có điều xấu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Vi ấy trú nơi thanh vắng ấy và siêng năng tu tập, cho nên được tâm tăng thượng, an lạc trong pháp hiện tại. Vị ấy tuy sống ở nơi xa vắng và siêng năng tu tập, an ổn hân hoan, nhưng lại chê bai học giới của The Tôn, chê bai chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí, cũng chê bai học giới của chính mình. Vì vị ấy chê bai học giới của Thế Tôn, chê bai chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí, lại cũng chê bai học giới của chính mình nên không sanh hân hoan, do không sanh hân hoan nên không sanh hỷ? do không sanh hỷ nên thân không khinh an, do thân không khinh an nên không có cảm thọ lạc, do không có cảm thọ lạc nên tâm bất đinh. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Đệ tử của bậc Hiền thánh mà tâm bất định thì không thể thấy đúng như thật, biết đúng như thật. [0747C17] Này Bạt-đà-hòa-lợi! Ý thầy nghĩ sao? Như có Tỳ-kheo vâng giữ đầy đủ học giới, vị ấy sống nơi thanh vắng, ở trong rừng núi, trú bên gốc cây, song ơ non

cao, không mọt tiêng động, vơi hạnh viên ly, không co điêu xâu, không một bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Vi ấy trú nơi thanh vắng và siêng năng tu tập, cho nên được tâm tăng thượng, an lạc trong pháp hiện tại. Vị ấy sống nơi xa vắng và siêng năng tu tập, an ổn hân hoan như vậy rồi, lại cũng không chê bai học giới của Thế Tôn, không chê bai chư thiên, các bậc Phạm hạnh có trí và cũng không chê bai học giới của mình. Nhờ vị ấy không chê bai học giới của The Tôn, không chê bai chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí, lại cũng không chê bai học giới của mình cho nên tâm sanh hân hoan, do có hân hoan nên sanh hỷ, nhờ sanh hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên có cảm thọ lạc, nhờ có cảm thọ lạc nên tâm được đinh. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Đệ tử của bậc Hiền thánh khi tâm đã được định rồi thì sẽ thấy đúng như thật, biết đúng như thật. Khi đã thấy đúng như thật, biết đúng

như thật rồi thì sẽ ly dục, ly bất thiện pháp, có giác, có quán, an trú hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nghĩa là vi ấy lúc bấy giờ đã được tâm tăng thượng thứ nhất, ngay trong đời hiện tại có được an lạc, dễ chứ không khó, vui vẻ chẳng lo, an ổn hân hoan, tiến nhập Niết-bàn. Rồi vị ấy tịnh trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an trú hỷ lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Này Bạt-đà-hòa- lợi! Nghĩa là vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu tâm tăng thượng thứ hai, ngay trong đời hiện tại có được an lạc, dễ chứ không khó, vui vẻ chẳng lo, an ổn hân hoan, tiến nhập Niết-bàn. Roi vi áy ly hỷ dục, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm thọ lạc, điêu mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nghĩa là vị ấy lúc bấy giờ thành tựu tâm tăng thượng thứ ba, ngay trong đời hiện tại có được an lạc, dễ chứ không khó, vui vẻ chẳng lo, an ổn hân hoan, tiến nhập Niết-bàn. Rồi vị ấy buông bỏ cả và lạc, diệt hỷ diệt ưu đã cảm thọ từ trước, không khổ không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này Bạt- đà-hòa-lợi! Đó nghĩa là vị áy lúc bây giờ đã thành tựu tâm tăng thượng thứ tư, ngay trong đời hiện tại có được an lạc, dễ chứ không khó, vui vẻ chang lo, an ổn hân hoan, tiến nhập Niết-bàn. [0748al5] Vi ấy đã đắc định, tâm thanh tinh như thế, không uế, không phiền, nhu hoà, an trụ vững chãi, trụ tâm bát động, thành tựu Túc mạng trí thông. Vị ây nhớ mình có nghiệp như thế, có dung mạo như thế ở trong vô lượng đời trước, một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành hoại, ta có tên đó? xưa kia từng trải qua như thế,9 vị ấy từng sanh ở đó, có họ như thế, có tên như thế, sinh sống như thế, ăn uống như thế, cảm nhận khổ vui như thế, sống lâu như thế, trú nơi đó lâu như thế, qua đời như thế, chết nơi này sanh nơi kia, chết nơi kia sanh nơi này, vị ấy sanh tại nơi này, có họ như thế, có tên như thế, sinh sống như thế, ăn uống như thế, cảm nhận khổ vui như thế, sống lâu như thế, trú nơi đó lâu như thế, qua đời như thế. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nghĩa là vị ấy lúc bấy giờ đã chứng đắc minh đạt thứ nhất này. Nhờ từ trước không buông lung, vui trú trong hạnh viễn ly, tu hành tinh tấn nên vô trí diệt để trí sanh, bóng tối bị tan hoại để ánh sáng sanh, vô minh diệt để minh sanh, đó gọi là thành tựu minh đạt, chứng Túc mạng trí. Vị ấy đã đắc định tâm thanh tinh như thế, không uế, không phiền, nhu hòa, an trụ vững chãi, trụ tâm bất động, thành tựu Sanh tử trí. Vi ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh

vượt hơn người thường, thấy được chúng sanh này lúc sanh ra lúc chết đi, hình sắc đẹp hoặc xấu, lúc tốt lúc không tốt, sanh vào chốn thiện hay chốn bất thiện, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, vị ấy thấy điều đó một

9 Nguyên tác:(Chúng sanh kia tên đó, xưa kia từng trải qua như thế).

cách đúng như thật. Nếu chúng sanh này gây tạo nghiệp thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, tạo nghiệp tà kiến thì do nhân duyên này mà khi qua đời, người ấy nhất định rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nhân chánh kiến thì nhờ nhân duyên này mà sau khi qua đời, người ấy nhất định sanh vào đường làiih, sanh lên cõi trời. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nghĩa là vị ấy lúc bấy giờ đã chứng đác minh đạt thứ hai này, nhờ từ trước không buông lung, vui trú trong hạnh viễn ly, tinh tấn tu hành nên vô trí diệt để trí sanh, bóng tối bi tan hoại để ánh sáng sanh, vô minh diệt để minh sanh, đó gọi là thành tựu minh dạt, chứng Sanh tử tn. [0748b 12] Vị ấy đạt được định tâm thanh tịnh như thế, không cấu uế, không não phiền, tự tại nhu nhuyễn, được tâm bất động, thành tựu Lậu tận trí. Vị ấy biết đúng như thật rằng: "Bây là khổ, đay là nguyên nhân gây ra khổ? đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diet"; cũng biết đúng như thật rằng: “Dây là lậu hoặc, đây là nguyên nhân sanh khởi lậu hoặc, đây là lậu diệt và đây là con đường đưa đến lậu diet." Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu; giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bạt-đà-hòa-lợi! Nghĩa là vi ấy lúc bấy giờ đã chứng đắc minh đạt thứ ba, nhờ từ trước không buông lung, vui trú trong hạnh viễn ly, tu hành tinh tấn nên vô trí bị diệt để trí sanh, bóng tối tan hoại để ánh sáng sanh, vô minh bị diệt để minh sanh, nghĩa là thành tựu minh đạt, chứng Lậu tận trí. Lúc ấy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật thưa rang: Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà khi các Tỳ-kheo cùng phạm giới đó, nhưng có trường hợp bị xử trị nặng, có trường hợp bi xử trị nhẹ? The Ton nói: Này Bạt-đà-hòa-lợi! Hoặc có Tỳ-kheo nhiều lần phạm giới, do thường xuyên phạm giới nên bị các vị Phạm hạnh khiển trách vì những lỗi lầm được thấy, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ. Khi bị các vị Phạm hạnh khiển trách về những lỗi lầm được thấy, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ rồi, vị ấy liền nói lảng sang chuyện khác, hoặc giận dữ thù ghét, nổi giận đả kích, xúc phạm chúng Tăng, khinh thường chúng Tăng, rồi nói ra như vầy: "Nay tôi phải làm gì để mọi người vui lòng, vừa ý day!" Này Bạt-đà-hòa-lợi! Các Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Hiền giả này nhiều làn phạm giới, do thường xuyên phạm giới nên bi các vị Phạm hạnh khiển trách về những lỗi lầm được thấy, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ. Khi bị các vi Phạm hạnh khiển trách về những những lỗi lầm được thấy, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ, vi

ấy liền nói lảng sang chuyện khác, giận dữ thù ghét, nổi giận đả kích, xúc phạm chúng Tăng, khinh thường chúng Tăng, roi nói như vây: 'Bây giờ tôi phải làm gì để các người hài lòng, vừa ý đây!5,9 Các Tỳ-kheo thấy và nghĩ như vậy rồi liền nói rằng: "Thua chư Tôn đức! Hãy xem xét để kéo dài thời gian."lNày Bạt-đà-hòa-lợi! Các Tỳ-kheo xem xét như vậy để kéo dài thời gian. [0748c09] Hoặc có Tỳ-kheo nhiều lần phạm giới, do thường xuyên phạm giới nên bị các vị Phạm hạnh khiển trách về những lỗi lầm được thấy, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ. Khi bị các vị Phạm hạnh khiển trách về những lôi lâm được thây, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ roi, vị ây không nói lảng sang chuyện khác, không giận dữ thù ghét, không nổi giận đả kích, không xúc phạm chúng Tăng, không khinh thường chúng Tăng, cũng không nói ra như vầy: "Bây giờ tôi phải làm gì để các người vui lòng, vừa ý đẫy r Này Bạt-đà-hòa-lợi! Các Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Hiền giả này nhiều lần phạm giới, do thường xuyên phạm giới nên bị các vị Phạm hạnh khiển trách về những lỗi lầm được thấy, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ. Khi bị các vị Phạm hạnh khiển trách về những lỗi lầm được thấy, được nghe hoặc do người khác nghi ngờ rồi, vị ấy không nói lảng sang chuyện khác, không giận dữ thù ghét, không nổi giận đả kích, không xúc phạm chúng Tăng, không khinh thường chúng tăng, cũng không nói ra như vây: 'Bây giờ tôi phải làm gì đê các người hài lòng, vừa ý đây! ,,, Các Tỳ-kheo thấy vậy rồi liền nói rằng: “Thua chư Tôn đức! Hãy xem xét để vị này sớm giải tội.,, Này Bạt-đà-hòa-lợi! Các Tỳ- kheo xem xét như vậy để vị ấy sớm giải tội. Đối với trường hợp phạm các giới nhẹ cũng thực hiện như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Hoặc có Tỳ-kheo vẫn còn niềm tin, sự quý mến và lòng kính trọng [đối với học pháp];1011 đối với vị Tỳ-kheo vẫn còn niềm tin, sự quý mên và lòng kính trọng [đôi với học pháp], các Tỳ-kheo khác sẽ nghĩ răng: "Nếu chúng ta phạt nặng đối với Hiền giả này thì niềm tin, sự quý mến và lòng kính trọng [đối với học pháp] của Hiền giả này sẽ do đây mà không còn. Thôi thì chúng ta hãy cùng hỗ trợ Hiền giả nay?9 Rồi các Tỳ-kheo cùng nhau hỗ trợ vi ấy. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Ví như có người chỉ còn một con mắt, bà con quyến thuộc của người này vì thương tưởng yêu mến, nên mong cầu ý nghĩa và lợi ích, A 9 . • *9 mong câu an ôn và hân hoan cho người ây mà cùng nhau giúp đỡ, không đê cho người này bi lạnh nóng, đói khát, bệnh đau, buồn rầu, hoặc vừa buồn vừa bệnh, cũng không để cho bị nhiễm bụi, nhiễm khói hay nhiễm cả bụi lẫn khói. Vì sao

10 Nguyên tác: Đương quán linh cửu trụ,().Xem xét kéo dài thời gian giải tội hay cứu tội, chừng nào đương sự nhận lồi sám hôi. Tức khi Tỳ-kheo bị Tăng xử trị băng các yết-ma trị phạt, cho đên khi nào Tỳ-kheo ấy thuận tùng mới giải trị phạt. M. 65, Bhaddāĩĩ Sutta {Kinh Bhaddãlĩ)'. ... upaparikkhatha yathāssidam adhikaranarn na khippameva vũpasameyyãti (hãy tham cứu, chớ chấm dứt nhanh chóng việc tranh chấp này). 11 Tỳ-kheo hữu tín, hữu ái, hữu tĩnh ().Tham chiếu: M. 66:
Ekacco bhikkhu saddhãmattakena vahatỉ pemamattakena (Có Tỷ-kheo còn sông [trong Tăng chúng] với một ít lòng tin, với một ít lòng thương), HT. Thích Minh Châu dịch. J

như vậy? Vì sợ người này mất luôn con mắt còn lại cho nên bà con quyến thuộc mới cùng nhau hỗ trợ như thế. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Cũng vậy, đối với trường hợp vi Tỳ-kheo vẫn còn niềm tin, sự quý mến và lòng kính trọng [đối với học pháp], các Tỳ-kheo khác sẽ nghĩ rằng: “Nếu chúng ta phạt năng thì niềm tin, sự quý mên và lòng kính trọng của Hiên giả ây [đôi với học pháp] sẽ do đây mà không còn. Thôi thì chúng ta hãy cùng hỗ trợ Hiền giả ấy." Do vậy, các Tỳ-kheo liền cùng nhau hỗ trợ vị ấy, cũng giống như bà con quyến thuộc giúp đỡ người chỉ còn một mắt vậy. [0749a08] Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật rồi thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà trước đây Thế Tôn chế ít giới nhưng có nhiều Tỳ-kheo vâng lãnh thực hành? Do nhân gi, duyên gì mà hiện nay Thế Tôn chế nhiều giới nhimg có ít Tỳ-kheo vâng lãnh thực hành? The Ton đáp: -Này Bạt-đà-hòa-lợi! Khi chúng Tỳ-kheo không có lợi dưỡng thì trong chúng không phát sanh pháp hữu lậu,12 nhưng khi chúng Tỳ-kheo được nhiều lợi dưỡng thì trong chúng phát sanh nhiều pháp hữu lậu. Khi pháp hữu lậu đã phát sanh và Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hữu lậu đó cho nên mới chế giới cho chúng đệ tử. Đối với những trường hợp như là chúng Tỳ-kheo có danh tiếng lớn, được giới quyền quý vương giả biết đến, được phước báu lớn và được học cao hiểu rộng cũng giống như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Khi chúng Tỳ-kheo chưa học cao hiểu rộng thì trong chúng không phát sanh pháp hữu lậu, nhưng khi chúng Tỳ-kheo đã học cao hiểu rộng thì trong chúng phát sanh nhiều pháp hữu lậu. Khi pháp hữu lậu đã phát sanh và đức Thế Tôn muốn đoạn trừ pháp hữu lậu đó, cho nên mới chế giới cho chúng đệ tử. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Ta chế giới cho chúng đệ tử không chỉ vì đoạn trừ hữu lậu trong đời này mà còn để đoạn trừ hữu lậu ở đời sau. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Vì muốn giúp đệ tử đoạn trừ hữu lậu nên Ta mới chế giới. Thế nên, các thầy hãy vâng lãnh lời dạy của Ta. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Trước kia Ta đã từng vì các Tỳ-kheo mà nói pháp ví dụ về con ngựa thuần thục, do nhân duyên gì, thầy còn nhớ không? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Việc này thật có nhân duyên; Vì sao như vậy? Thế Tôn bấy giờ vì chúng Tỳ-kheo mà chế giới Một lần nẹồi ăn? tất cả chúng Tỳ- kheo đêu vâng giữ học giới và các pháp vi diệu mà Thê Tôn đã chứng ngộ? chỉ riêng con là tuyên bố không thể kham nổi và rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ di, vì con không chiu vâng giữ học giới và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. Kính bạch Thế Tôn! Nghĩa là trong đó có nhân duyên này.

12 Nguyên tác: Hỷ hảo pháp ().M. 65, Bhaddāli Suita (Kinh Bhaddālī): Āsavatthāniyā dhammā (pháp được xác lạp trên hưu lậu).

[0749b01] Đức Thế Tôn bảo: -Này Bạt-đà-hòa-lợi! Trong đó không chỉ có nhân duyên như vậy. Bạt-đà- hòa-lợi! Ta vì các Tỳ-kheo mà nói pháp ví dụ con ngựa thuần thục, bởi khi ấy thầy không chú tâm, không cung kính, không tập trung lắng nghe. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nghĩa là trong đó còn có nhân duyên khác. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai, chắp tay hướng Phật rồi thưa: -Kính bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời! Kính bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói pháp ví dụ con ngựa thuần thục thì các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy sẽ khéo thọ trì. The

Ton liên dạy: -Này Bạt-đà-hòa-lợi! Giống như một người biết cách huấn luyện ngựa thì sẽ có được một con ngựa thuần thục. Người giỏi huấn luyện ấy trước tiên phải khống chế cái hàm của ngựa. Khi bị khống chế cái hàm, ngựa sẽ kháng cự bằng cách nhảy chồm lên dù thích hay không thích. Vì sao như vậy? Vì ngựa chưa từng được huân luyện. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nêu con ngựa thuân thục ây tuân theo người huân luyện thì cách huân luyện thứ nhát được thành tựu. Kê tiêp, người huân luyện ây lại phải buộc dám và cùm chân con ngựa; cùm chân bịt miệng mà khiến nó lao đi thì phải ra lệnh cho nó dừng, huấn luyện để nó trở thành một con ngựa hay nhất cho vua cưỡi, trở thành một con ngựa chạy nhanh nhất, dừng khéo nhất, từng chi tiết thảy đều thuần thục. Khi huấn luyện như vậy, cũng có lúc nó không thích với việc chuyển động, hoặc muốn hoặc không muốn. Vì sao như vậy? Vì nó thường được huấn luyện. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Nếu con ngựa thuần thục ấy được người huấn luyện kia nhiều lần huấn luyện cho đến khi thành tựu, bấy giờ nó đã trở thành con tuấn mã thuần thục, đã thuần thục tốt, đã thuần thục giỏi nhất, đã thuần thục bậc nhất không gì hơn, chạy nhanh không gì hơn, chạy nhanh bậc nhất, được chọn để vua cưỡi, được ăn lương thực trong cung vua, được gọi là tuấn mã của vua. Này Bạt-đà-hòa-lợi! Cũng vậy, nếu có người trí tuệ, hiền lương, thành tựu mười pháp vô học, từ vô học chánh kiến cho đen vô học chánh trí thì bấy giờ, người ấy được gọi là một bậc đã thuần thục, đã thuần thục giỏi, được thuần thục vô thượng, được thuần thục vô thượng bậc nhất, vô thượng tịch lăng, được tịch lặng bậc nhất, dứt tất cả tà vạy, dứt tất cả cấu uế, dứt tất cả sợ hãi, dứt tất cả si ám5 dứt tất cả dua ninh, lắng đọng mọi trần lao, tẩy sạch mọi cấu uế và không còn có chỗ chấp trước, đáng kính trọng, đáng phụng thờ, là ruộng phước lành cho hết thảy chư thiên và loài người. Đức Phật dạy như vậy? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành.

195. KINH A-THAP-BOI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo du hóa nước Ca-thi.2 Khi đến một tru xứ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Ta mỗi ngày ăn một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi nên được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Các thay cũng nên ăn ngày một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Bấy giờ, Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà chế giới mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Các Tỳ-kheo đều vâng giữ học giới này và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. Thế rồi, đức Thế Tôn đi dần đến thôn Ca-la-lại,34 5trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa nằm ở phía Bắc của thôn này. Lúc đó, tại Ca-la-lại có hai vị Tỳ-kheo, một vi tên là A-thấp-bối/ một vị tên là Phất-na-bà-tu/ trước đây vốn là chủ đất, chủ tinh xá, chủ tông phái. Hai Tỳ-kheo này sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, trưa cũng ăn, quá ngọ cũng ăn. Họ sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, trưa cũng ăn, quá ngọ cũng ăn để được thảnh thơi tự tại, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Rất nhiều Tỳ-kheo biết việc này, liền đến chỗ hai Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nói rằng: Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Thế Tôn du hóa nước Ca-thi cùng đại chúng Tỳ-kheo. Khi đến một trú xứ kia, đức Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ta mỗi ngày ăn một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi nên được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Các thầy cũng nên ăn

ngày một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa roi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thê nhẹ nhàng, khí lực dôi dào, sông trong an lạc." Lúc ấy, Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà chế giới mỗi ngày ăn một bữa. Các Tỳ-kheo đều vâng giữ học giới này và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng

1 Nguyên tác: A-thấp-bối kinh T.o 1. 0026.195. 0749c01. Tham chiếu: M. 70, Kītāgiri Sutta Kỉnh Kītāgiri. 2 Ca-thi Kāsī, một trong 16 nước lớn vào thời đức Phật, thủ đô là Ba-la-nại, là Thánh địa của Phật giáo và Ba-la-mon giáo. Ca-thi nổi tiếng có vườn Lộc Dã nơi đức Phật chuyển pháp luân đau tiên hóa đọ 5 vị Tỳ-kheo. 3 Ca-la-lại ,Kītāgiri. 4 A-thấp-bối ,Assaji. 5 Phất-na-bà-tu Punabbasu.

ngộ. Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Hai thầy cũng nên ăn ngày một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật5 thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Các thầy chớ trái nghịch với Thê Tôn va chúng Tỳ-kheo. A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy, liền trả lời: Này chư Hiền! Chúng tôi ăn sáng, ăn chiều, ăn trưa, ăn quá ngọ. Ăn như thế rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Vì lý do gì mà chúng tôi phải từ bỏ hiện tại để trông chờ cái mai sau?6* Hai vị ấy đáp trả ba lần như thế. [0750a02] Chúng Tỳ-kheo không thể khiến cho A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu từ bỏ tà kiến xấu ác, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn! ở tại Ca-la-lại có hai Tỳ-kheo, một vị tên là A-thấp- bối, một vị tên là Phất-na-bà-tu, trước đây vốn là chủ đất, chủ tinh xá, chủ tông phái. Nay hai Tỳ-kheo này sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, trưa cũng ăn, quá ngọ cũng ăn. Họ ăn uống như thế để được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Bạch Thế Tôn! Chúng con biết vậy, liền đến chỗ hai Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu bảo với họ rằng: "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Thế Tôn du hóa nước Ca-thi cùng đại chúng Tỳ-kheo. Khi đến trú xứ kia, đức Phật nói với các Tỳ-kheo: 'Ta mỗi ngày ăn một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi nên được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Các thầy cũng nên ăn ngày một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc.5 Lúc ấy, Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà chế giới mỗi ngày ăn một bữa. Các Tỳ-kheo đều vâng giữ học giới này và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. Này A-thấp-bối va Phất-na-bà-tu! Hai thầy cũng nên ăn ngày một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Các thầy chớ trái nghịch với Thế Tôn và chung Ty-kheo?9 A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy, liền trả lơi: "Này chư Hiền! Chúng tôi ăn sáng, ăn chiều, ăn trưa, ăn quá ngọ. Ăn như thế rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân the nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Vì lý do gì mà chúng tôi phải từ bỏ hiện tại để trông chờ cái mai sau?" Hai vị ấy đáp trả ba lần như thế. Bạch Thế Tôn! Chúng con không thể khiến A-thấp- bối và Phất-na-bà-tu từ bỏ tà kiến xấu ác, cho nên đã đứng dậy bỏ đi.

6 Nguyên tác: Xả hiện nhi tu đãi hậu ():Bỏ hiện tại để mong chờ cái mai sau.
Tham chiếu: M. 70, Kītāgiri Sutta (Kinh Kītāgiri): Te mayam kim sanditthikam hitvā kālikam anudhāvissāma? (Sao chúng tôi lại bỏ cái hiện tiền chạy theo cái lệ thuộc thời gian?).

195. KINH A-THẤP-BỐI 1297

Thế Tôn nghe xong, liền bảo một Tỳ-kheo: - Thầy hãy đến chỗ hai Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-ba-tu nói như vầy: "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Thế Tôn truyền gọi hai thầy." Tỳ-kheo ấy nghe rồi liền thưa: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Rồi Tỳ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, cui đầu đảnh lễ và nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra, đến chỗ hai Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nói rằng: -Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Thế Tôn truyền gọi hai thầy. [0750b04] A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu lễ chân Ngài rồi ngồi sang một bên. The Ton liên hoi: Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Chúng Tỳ-kheo có thật sự đã nói với hai thầy như vầy: “Này A-thấp-bối ya Phất-na-bà-tu! Thế Tôn du hóa nước Ca- thi cùng đại chúng Tỳ-kheo. Khi đến một trú xứ kia, đức Phật nói với các Tỳ- kheo: 'Ta mỗi ngày ăn một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi nên được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Các thầy cũng nên ăn ngày một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa rồi thì sẽ được thảnh thơi tự tại? cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Bay giơ, The Ton VI chung Ty-kneo mà che giới moi ngày ăn mọt bữa. Các Ty-kheo đều vâng giữ học giới này và các pháp vi diệu mà Thế Tôn đã chứng ngộ. Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Hai thầy cũng nên ăn ngày một bữa. Mỗi ngày ăn một bữa roi thì sẽ được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thê nhẹ nhàng, khí lực dôi dào, sông trong an lạc. Các thây chớ trái nghịch với Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo.,, Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Khi các thầy nghe như vậy rồi liền trả lời: "Này chư Hiền! Chúng tôi ăn sáng, ăn chiều, ăn trưa, ăn quá ngọ. Ăn như thế rồi nên được thảnh thơi tự tại, cũng không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, sống trong an lạc. Vì lý do gì mà chúng tôi phải từ bỏ hiện tại để trông chờ cái mai sau?" Hai thầy đã đáp trả ba lần như thế. Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Chúng Tỳ-kheo không thể khiến các thầy từ bỏ tà kiến xấu ác, cho nên đứng dậy bỏ di, có phải như vậy không? A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Thật có như vậy. Đức Thế Tôn hỏi: Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Phải chăng các thầy hiểu về pháp và đã nói như vầy: “Nếu ai cảm nhận được lạc thọ, khi vị đó đã cảm nhận lạc thọ rồi thì các pháp ác, bất thiện tăng trưởng, còn các thiện pháp sẽ giảm dần. Nếu ai cảm nhận được khổ thọ, khi vị đó đã cảm nhận khổ thọ rồi thì pháp ác, bất thiện giảm dần, còn các thiện pháp tăng trưởng?"

1298 KINH TRUNG A-HÀM

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con hiểu về pháp được Thế Tôn thuyết giảng như vầy: "Nếu ai cảm nhận được lạc thọ, khi vị đó đã cảm nhận lạc thọ rồi thì các pháp bất thiện tăng trưởng và các thiện pháp giảm dần. Nếu ai cảm nhận được khổ thọ, khi vi đó đã cảm nhận khổ thọ roi thì pháp ác, bất thiện giảm dần và các thiện pháp tăng trưởng.,^ [0750c02] Thế Tôn liền quở trách Tỳ-kheo

A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu rằng: -Các thầy thật si mê! Do đâu mà các thầy cho rằng Ta thuyết pháp ấy? Các thầy thật si mê! Các thầy nghe pháp ấy từ miệng ai thuyết vậy? Các thầy thật si mê! Từ trước đến nay, Ta không hề nói một chiều như vậy mà các thầy lại thọ trì một chiều như vậy. Các thầy thật si mê! Nếu có chúng Tỳ-kheo nào đến hỏi như trên thì các thầy phải đúng như pháp mà đáp rằng: "Chúng tôi chưa biết, hãy hỏi các Tỳ-kheo khác.^, Bấy giờ, Thế Tôn hỏi chúng Tỳ-kheo: Các thay có cho rằng Ta thuyết pháp như vay hay không: "Nếu ai cảm nhận được lạc thọ, khi vi đó đã cảm nhận lạc thọ rồi thì các pháp bất thiện tăng trưởng và các thiện pháp giảm dần. Nếu ai cảm nhận được khổ thọ, khi vị đó đã cảm nhận khổ thọ rồi thì pháp bất thiện giảm dần và các thiện pháp tăng trưởng?,, Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Thê Ton lại hoi: -Các thầy hiểu pháp Như Lai thuyết như thế nào? Số đông Tỳ-kheo đáp: -Kính bạch Thế Tôn! Chúng con hiểu pháp Thế Tôn thuyết như vầy: "Hoặc có trường hợp cảm nhận được lạc thọ thì pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần; cũng có trường hợp cảm nhận được lạc thọ thì pháp ác, bất thiện giảm dan và thiện pháp tăng trưởng. Hoặc có trường hợp cảm nhận được khổ thọ thì pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần; cũng có trường hợp cảm nhận được khổ thọ thì pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng." Bạch Thế Tôn! Chúng con hiểu pháp Thế Tôn thuyết như vậy. Đức Thế Tôn nghe xong, liền khen ngợi các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Các thầy nên hiểu như vầy: "Hoặc có trường hợp cảm nhận được lạc thọ thì pháp ác? bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần; cũng có trường hợp cảm nhận được lạc thọ thì pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng. Hoặc có trường hợp cảm nhận được khổ thọ thì pháp ác, bát thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dân; cũng có trường hợp cảm nhận được khô thọ thì pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng.,, Vì sao như vậy? Vì Ta cũng thuyết như vầy: "Hoặc có trường hợp cảm nhận được lạc thọ thì pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần; cũng có trường

hợp cảm nhận được lạc thọ thì pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng. Hoặc có trường hợp cảm nhận được khổ thọ thì pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần; cũng có trường hợp cảm nhận được khổ thọ thì pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng. Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không hiểu, không chứng đắc, không giác ngộ rốt ráo về trường hợp có cảm thọ lạc khiến pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì Ta không dạy phải từ bỏ cảm thọ lạc đó. Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không hiểu, không chứng đắc, không giác ngộ rốt ráo về trường hợp có cảm thọ lạc khiến pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng thì Ta không dạy phải an trú vào cảm thọ lạc đó. Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không hiểu, không chứng đắc, không giác ngộ rốt ráo về trường hợp có cảm thọ khổ khiến pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì Ta không dạy phải từ bỏ cảm thọ khổ đó. Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không hiểu, không chứng đắc, không giác ngộ rốt ráo về trường hợp có cảm thọ khổ khiến pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng thì Ta không dạy phải an trú vào cảm thọ kho đó. [0751a08] Nếu Ta biết đúng

như thật, đã thấy, đã hiểu, đã chứng dắc, đã giác ngộ rốt ráo về trường hợp có cảm thọ lạc khiến pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì Ta dạy phải từ bỏ cảm thọ lạc đó. Nếu Ta biết đúng như thật, đã thây, đã hiêu, đã chứng đăc9 đã giác ngộ rót ráo vê trường hợp có cảm thọ lạc khiến pháp ác, bất thiện giảm dan và thiện pháp tăng trưởng thì Ta dạy phải an trú vào cảm thọ lạc đó. Nếu Ta biết đúng như thật, đã thấy, đã hiểu, đã chứng đắc, đã giác ngộ rốt ráo về trường hợp có cảm thọ khổ khiến pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì Ta dạy phải từ bỏ cảm thọ khổ đó. Nếu Ta biết đúng như thật, đã thấy, đã hiểu, đã chứng đắc, đã giác ngộ rốt ráo về trường hợp có cảm thọ khổ khiến pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng thì Ta dạy phải an trú vào cảm thọ kho đó. Vì sao như vậy? Ta không dạy an trú hoàn toàn vào thân lạc/ cũng không dạy không nên an trú hoàn toàn vào thân lạc. Ta không dạy an tru hoàn toàn vào thân khổ, cũng chẳng dạy không nên an trú hoàn toàn vào thân khổ. Ta không dạy an trú hoàn toàn vào tâm lạc,8 cũng chẳng dạy không nên an tru hoàn toàn vào tâm lạc. Ta không dạy an trú hoàn toàn vào tâm khổ, cũng chẳng dạy không nên an trú hoàn toàn vào tâm kho. Thế nào là thân lạc mà Ta dạy không nên an trú? Nếu an trú vào thân lạc mà khiến pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì thân lạc như vậy

7 Nguyên tác: Thân lạc Sự dễ chịu, thoải mái của thân thể. 8 Nguyên tác: Tâm lạc Sự thỏa mãn, vừa ý của tâm thức.

Ta dạy không nên an trú. Thế nào là thân lạc mà Ta dạy nên an trú? Nếu an trú vào thân lạc mà khiến pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng thì thân lạc như vậy Ta dạy nên an trú. Thế nào là thân khổ mà Ta dạy không nên an trú? Nếu an trú vào thân khổ mà khiến pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì thân khổ như vậy Ta dạy không nên an tru. Thế nào là thân khổ mà Ta dạy nên an trú? Nếu an trú vào thân khổ mà pháp ác, bất thiện giảm dần và thiện pháp tăng trưởng thì thân khổ như vậy Ta dạy nên an trú. Thế nào là tâm lạc Ta dạy không nên an trú? Nếu an trú vào tâm lạc mà khiến các pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì tâm lạc như vậy Ta dạy không nên an trú. Thế nào là tâm lạc Ta dạy nên an trú? Nếu an trú vào tâm lạc mà khiên pháp ác, bát thiện giảm dân và thiện pháp tăng trưởng thì tâm lạc như vậy Ta dạy nên an trú. Thế nào là tâm khổ mà Ta dạy không nên an tru? Nêu an trú vào tâm kho mà khiến các pháp ác, bất thiện tăng trưởng và thiện pháp giảm dần thì tâm khổ như vậy Ta dạy không nên an trú. Thế nào là tâm khổ mà Ta dạy nên an trú? Nếu an tru vào tâm khổ mà khiến pháp ác, bất thiện giảm dan và thiện pháp tăng trưởng thì tâm kho như vậy Ta dạy nên an trú. Như vậy, một vị Ty-kheo cần phải biết đúng như thật pháp nào nên tu tập và cũng cân phải biêt đúng như thật pháp nào không nên tu tập. Sau khi đã biêt đúng như thật như vậy rồi thì không tu theo những pháp không nên tu tập và tu theo những pháp nên tu tập. Sau khi đã không tu theo những pháp không nên tu tập và tu theo những pháp nên tu tập roi thì pháp ác, bất thiện giảm dan và thiện pháp được tăng trưởng. [0751bll] Ta không khuyên bảo tất cả Tỳ-kheo cần phải tu hạnh không buông lung, cũng không khuyên

bảo tất cả Tỳ-kheo không cần tu hạnh không buông lung. z A

Ty-kheo như thê nào mà Ta khuyên bảo không cân tu hạnh không buông lung? Thứ nhất, đó là Tỳ-kheo thành tựu Câu giải thoát.910 Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu Câu giải thoát? Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu và an trú Bát giải thoát, 1° nhờ dùng trí tuệ để quán xét nên các lậu được trừ sạch, được liễu tri. Tỳ-kheo như vậy gọi là Ty-kheo Câu giải thoát. Đối với Ty-kheo này, Ta cho rằng không cần tu hạnh không buông lung. Vì sao như vậy? Vì Hiền giả này vốn sẵn có hạnh không buông lung, nếu Hiền giả này trước đây mà buông lung thì nay chẳng thể chứng đạt như vậy. Do đó, Ta cho rang Ty-kheo này không cần tu hạnh không buông lung. Thứ hai, đó là Ty-kheo tuy chưa đạt Câu giải thoát nhtrng đã thành tựu Tuệ giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo đã thành tựu Tuệ giải thoát? Đó là Tỳ- kheo tuy chưa thành tựu và an trú Bát giải thoát, nhưng nhờ dùng trí tuệ để quán xét nên các lậu được trừ sạch, được liễu tri. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo

9 Phẩm vị 4tCau giải thoát" và các phẩm vị tiếp theo, xem ở chú thích trong Kinh ruộng phước (số 127), tr. 795. 10 Bát giải thoát (,Atthā vimokkho).

Tuệ giải thoát. Với Tỳ-kheo này, Ta cho rằng không cần tu hạnh không buông lung. Vì sao như vậy? Vì Hiền giả này vốn sẵn có hạnh không buông lung, nếu Hiền giả này trước đây mà buông lung thì chẳng thể chứng đạt như vậy. Do đó, Ta cho rang Tỳ-kheo này không can tu hạnh không buông lung. Như vậy, với hai hạng Tỳ-kheo trên, Ta cho rằng không cần tu hạnh không buông lung. Tỳ-kheo như thế nào mà Như Lai khuyên cần phải tu hạnh không buông lung? Thứ nhất, đó là Tỳ-kheo tuy chưa đạt Câu giải thoát, cũng chưa đạt Tuệ giải thoát nhưng thành tựu Thân chứng. Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu Thân chứng? Đó là Tỳ-kheo thành tựu và an trú Bát giải thoát, nhưng không dùng trí tuệ quán xét để các lậu được trừ sạch, được liễu tri. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo Thân chứng. Với Tỳ-kheo này, Ta khuyên nên tu hạnh không buông lung. Như Lai nhận thấy vị Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì được quả vị gì mà khuyên như thê? Tỳ-kheo chê ngự các căn, thân cận thiện tri thức, tùy thuận an trú thì các lậu diệt tận, đác vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát; ngay trong hiện đời tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.^, Vì Ta nhận thấy Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì sẽ đạt quả vị như thế, nên Ta khuyên vị ấy tu hạnh không buông lung. [0751C09] Thứ hai, đó là Tỳ-kheo tuy chưa đạt Câu giải thoát, chưa đạt Tuệ giải thoát, cũng chưa đạt Thân chứng, nhưng đã thành tựu Kiến đáo. Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu Kiến đáo? Tỳ-kheo có lòng tin kiên định đối với Phật, Pháp và Tăng, tùy thuận theo pháp được nghe, nương nhờ trí tuệ mà có tăng thượng quán và tăng thượng nhẫn. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo Kiến đáo. Với Tỳ-kheo này, Như Lai khuyên nên tu hạnh không buông lung. Ta nhận thấy vị Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì được quả vị gì mà khuyên như thế? Tỳ-kheo chế ngự các căn, thân cận thiện tri thức, tùy thuận an trú thì các lậu diệt tận, đác vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện đời tự biêt tự

ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an tru và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,^ Vì Ta thấy Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì sẽ đạt quả vị như thê nên Ta khuyên vị ây tu hạnh không buông lung. Thứ ba, đó là Tỳ-kheo tuy không đạt Câu giải thoát, không đạt Tuệ giải thoát, không đạt Thân chứng, cũng không đạt Kiến đáo, nhưng đã thành tựu Tín giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu Tín giải thoát? Tỳ-kheo có lòng tin kiên định đối với Phật, Pháp và Tăng, tùy thuận theo pháp được nghe, nương nhờ trí tuệ mà có quán và nhẫn, nhưng không bang bậc Kiến đáo. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo Tín giải thoát. Với Tỳ-kheo này, Ta khuyên nên tu hạnh không buông lung. Ta nhận thấy vị Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung

thì được quả vị gì mà khuyên như thế? Tỳ-kheo chế ngự các căn, thân cận thiện tri thức, tùy thuận an tru thì các lậu diệt tận, đắc vô lậu, Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, ngay trong hiện đời tự biết tự ngộ5 tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nĩĩa." Vì Ta nhận thấy Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì sẽ đạt quả vị như the, nên Ta khuyên vi ấy tu hạnh không buông lung. [0752a03] Thứ tư9 đó là Tỳ-kheo tuy không đạt Câu giải thoát, không đạt Tuệ giải thoát, không đạt Thân chứng, không đạt Kiến đáo, cũng chưa đạt Tín giải thoát, nhưng đã thành tựu [Tùy] pháp hành.11 Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu Tùy pháp hành? Tỳ-kheo có lòng tin kiên định với Phật, Pháp và Tăng, tùy thuận theo pháp được nghe, nương nhờ trí tuệ mà có tăng thượng quán và tăng thượng nhẫn. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo pháp hành. Với Tỳ-kheo này, Ta khuyên nên tu hạnh không buông lung. Ta nhận thây vị Tỳ-kheo này nêu tu hạnh không buông lung thì được quả vi gì mà khuyên như the? Tỳ-kheo che ngự các căn, thân cận thiện tri thức, tùy thuận an trú thì trong hai quả vi sau sẽ chứng đắc được một quả vị: Hoặc ngay hiện tại chứng đắc Cứu cánh trí, hoặc nếu còn Hữu dư thì chứng đắc A-na-hàm. Vì Ta nhận thấy Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì sẽ đạt vi quả như the, nên Ta khuyên vị ấy tu hạnh không buông lung. Thứ năm, đó là Tỳ-kheo tuy không đạt Câu giải thoát, không đạt Tuệ giải thoát, không đạt Thân chứng, không đạt Kiến đáo, không đạt Tín giải thoát, cũng chưa đạt Pháp hành, nhưng đã thành tựu [Tùy] tín hành.12 Thế nào là Tỳ- kheo thành tựu Tùy tín hành? Tỳ-kheo có lòng tin kiên đinh với Phật, Pháp và Tăng, tùy thuận pháp được nghe, nương nhờ trí tuệ mà có quán và nhẫn, nhưng không bằng bậc Pháp hành. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo tín hành. Với Tỳ- kheo này, Ta khuyên nên tu hạnh không buông lung. Ta nhận thấy vị Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì được quả vị gì mà khuyên như thế? Tỳ-kheo chế ngự các căn, thân cận thiện tri thức, tùy thuận an trú thì sẽ chứng đắc một trong hai quả vị sau: Hoặc ngay hiện tại chứng đắc Cứu cánh trí, hoặc nếu còn Hữu dư thì chứng đắc A-na-hàm. Vì Ta thấy Tỳ-kheo này nếu tu hạnh không buông lung thì sẽ đạt quả vị như thế, nên Ta khuyên vị ấy tu hạnh không buông lung. Ta không nói tất cả Tỳ-kheo đều thành tựu Cứu cánh trí, cũng không nói tất cả Tỳ-kheo thành tựu Cứu cánh trí ngay từ lúc đầu13 mà cần phải tuần tự tu tập qua từng giai đoạn, nhận lãnh giáo huấn, nhẫn chịu khiển trách rồi sau đó

11 Bạt-đà-hòa-lợi kinh (r.01. 0026.194. 0746b18) ghi: Tùy pháp hành (). 12 Bạt-đà-hòa-lợi kinh (T.Ol. 0026.194. 0746b18) ghi: Tùy tín hành (). 13 Nguyên tác: Sơ đác ()Chứng đắc ngay lúc ban đầu. Tham chiếu: M. 70, Kītāgiri Sutta (Kỉnh Kītagiri): Ādikeneva (ngay lúc đau tiên).

các Tỳ-kheo mới đạt được Cứu cánh trí.14 Đó là những Tỳ-kheo đạt được Cứu cánh trí. Thế nào là phải tuần tự tu tập qua từng giai đoạn, phải nhận lãnh giáo huấn, phải nhẫn chịu khiển trách rồi sau đó các Tỳ-kheo mới có thể đạt được Cứu cánh trí, thành những Tỳ-kheo đạt được Cứu cánh trí? Như có người tín tâm tìm đến; tìm đến rồi liền học tập và phụng sự; học tập và phụng sự rồi liền nhất tâm nghe pháp; nhất tâm nghe pháp rồi liền trì pháp; trì pháp rồi liền tư duy về pháp; tư duy về pháp rồi nhận đinh;15 nhận định về pháp rồi thẩm sát.16 Đệ tử Hiên thánh thâm sát vê pháp roi tự thân tác chứng chân đê và nương nhờ trí tuệ mà có tăng thượng quán. Vị ấy suy nghĩ: "Chân đế này trước đây tự thân ta chưa từng tác chứng và cũng chưa từng có tuệ để có tăng thượng quán, nhưng nay chân đe này ta đã tự thân tác chứng và nhờ tuệ mà có tăng thượng quán." Như vậy, nhờ tuân tự tu tập qua từng giai đoạn, nhận lãnh giáo huân, nhân chịu khiên trách roi sau đó các Tỳ-kheo mới đạt được Cứu cánh trí, thành những Tỳ- kheo đạt được Cứu cánh trí. [0752bl0] Bấy giờ, Thế Tôn hỏi: -Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu! Có pháp được gọi là Tứ cú, Ta muốn thuyêt cho các thây nghe, các thây có muôn biêt không? A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa: Kính bạch Thế Tôn! Chúng con là hạng người nào? Nhờ đâu mà biết pháp? Khi ấy, Thế Tôn liền suy nghĩ: "Hạng người ngu si này đã quá cách xa đối với giáo pháp chân chánh của Ta! Giả sử có bậc làm thầy giới luật mà còn tâm tham đắm việc ăn uống, không xa rời sự ăn uống thì chúng đệ tử của vị thầy ây cũng vân không nên vội vàng buông lung, huông gì Ta là người không tham trước việc ăn uống và đã xa lìa sự ăn uống? Do vậy, đệ tử tín tâm của Ta nên nói như vay: The Ton la bạc thay cua con. Con la đê tử cua The Ton. The Ton đa vì con mà thuyết pháp, Thiện Thệ đã vì con mà thuyết pháp, giúp cho con được lợi lạc, được hữu ích, được an ổn lâu dài.,^, Vị đệ tử tín tâm kia có nhiều điều phải làm trong cảnh giới của Thế Tôn, được nhiều điều lợi ích trong cảnh giới của Thế Tôn, có nhiều điều phải tu tập trong cảnh giới của Thế Tôn, được thể nhập trong cảnh giới của Thế Tôn, được an trú trong cảnh giới của Thế Tôn rồi, nên dù đi đến phương Đông thì nhất đinh sẽ được an lạc, không có khổ đau; hoặc đến phương Nam, phương Tây và phương Bắc cũng giống như vậy, chắc chắn được an lạc, không có kho đau.

14 Xem thêm .8.19 IV. 197: Evamevam kho, pahārāda, imasmim dhammavinaye anupubbasikkhā anupubbakiriyā anupubbapatipadā, na āyatakeneva aññāpativedho (Này Pahārāda, vì răng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuân tự, các quả dị thục là tuân tự, các con đường là tuân tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình), HT. Thích Minh Châu dịch. 15 Nguyên tác: Bình lượng ():Đo lường. M. 70, Kītāgiri Sutta (Kỉnh Kītāgiri): Voditttha (nhận định). 16 Nguyen tác: Quán sát ()Xem xét. M. 70, Kītāgiri Sutta (Kỉnh Kītāgiriy. Vocarita (thẩm sát).

Vị đệ tử tín tâm kia có nhiều điều phải làm trong cảnh giới của Thế Tôn, được nhiêu điêu lợi ích trong cảnh giới của Thê Tôn, có nhiêu điêu phải tu tập trong cảnh giới của Thế Tôn, được thể nhập trong cảnh giới của Thế Tôn, được an trú trong cảnh giới của The Tôn như vậy roi mà Ta còn không nói đen các thiện pháp đã trụ, huống gì nói đến pháp suy thoái, nhưng ngày đêm vị ấy vẫn tăng trưởng thiện pháp, không he bị suy thoái. Vi đệ tử tín tâm kia có nhiều điều phải làm trong cảnh giới của Thế Tôn, được nhiều điều lợi ích trong cảnh giới của Thế Tôn, có nhiều điều phải tu tập trong cảnh giới của Thế Tôn, được thể nhập trong cảnh giới của Thế Tôn, được an tru trong cảnh giới của The Tôn thì nhất định sẽ đạt được một trong hai quả vi sau: Hoặc ngay hiện đời chứng đắc Cứu cánh trí, nếu còn sót lại chút phiền não thì chứng đắc A-na-ham. Đức Phật dạy như vậy, các Ty-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.17

17 Bản Hán, hết quyển 51.

196. KINH CHÂU-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Bạt-kỳ, ngụ tại thôn Xá-di.2 Bấy giờ, Sa-di Châu-na an cư mùa mưa ở Ba-hòa.3 Tại xứ Ba-hòa này có Ni-kiền4 tên là Thân Tử5 vừa mới qua đời. Sau khi Ni-kiền Thân Tử qua đời không bao lâu thì các đệ tử của ông ấy chống phá lẫn nhau, không hòa hợp nhau, nói lời công kích, gây chia rẽ nhau, tranh đấu kiện tụng, hơn thua thế này: "Ta biết pháp này, ông không biết được. Ông biết được pháp gì, sao bằng điều ta biết? Ta hoàn thiện, còn ông thì không. Ta có lý? còn ông thì không. Điều đáng nói trước thì ông nói sau, điều đáng nói sau thì ông lại nói trước. Ta thang, ông thua. Ta hỏi ông, ông không thể đáp được. Ta đã khuất phục được ông rồi, còn A r hỏi điêu gì chăng? Nêu ông còn xúc phạm, ta sẽ trói chặt ông ngay." Họ kiêu mạn, thách thức lẫn nhau, người nào cũng chỉ muốn mình hơn, không ai có thể can gián nôi. Những đệ tử cư sĩ tại gia của Thân Tử thây vậy đêu chán ghét các vi Ni-kiền ấy. Vì sao như vậy? Bởi vì những điều các vị Ni-kiền ấy nói đều là giáo pháp xấu ác, không phải pháp dẫn đến giải thoát, không đưa đến giác ngộ, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ, như băng dễ tan, không thể nương tựa. Tôn sư của họ cũng không phải là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ, Sa-di Châu-na đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa xong, liền khâu vá y áo roi đăp y ôm bát đi đên thôn Xádi, ngụ trong rừng Thi-nhiêp-hòa, phía Bắc của thôn ấy. Sau đó, Sa-di Châu-na đến chỗ Tôn giảA-nan, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả A-nan hỏi: Này Hiền giả Châu-na! Hiền giả từ đâu đến đây và đã an cư mùa mưa tại nơi nào? [0753a02] Sa-di Châu-na đáp: -Thưa Tôn giả A-nan! Con từ Ba-hòa đến, con đã an cư mùa mưa ở Ba- hòa. Thưa Tôn giả! Tại xứ Ba-hòa ấy có vị Ni-kiền tên Thân Tử vừa mới qua

1 Quyển 52. Nguyên tác: Châu-na kinh roi. 0026.196. 0752cll. Tham chiếu: Tức tranh nhân duyên kinh TOI. 0085. 0904b27; M. 104, Sãmagãma Sutta Kinh làng Sāmā. 2 Xá-di Sāmā. 3 Ba-hòa Pāvā. 4 Ni-kiền ,Nigantha. 5 Thân Tử ,Nātaputta.

đời. Ni-kiền Thân Tử qua đời không bao lâu thì các đệ tử của ông ấy chống phá lẫn nhau, không hòa hợp nhau, nói lời công kích, gây chia rẽ nhau, tranh đau kiện tụng, hơn thua thê này: "Ta biêt pháp này, ông không biêt được. Ong biêt được pháp gì, sao băng chô ta biêt? Ta hoàn thiện, còn ông thì không. Ta có lý, còn ông thì không. Điêu đáng nói trước thì ông nói sau, điêu đáng nói sau thì ông lại nói trước. Ta thắng, ông thua. Ta hỏi ông, ông không the đáp được. Ta đã khuất phục được ông rồi, còn hỏi điều gì chăng? Nêu ông còn xúc phạm, ta sẽ trói chặt ông ngay." Họ kiêu mạn, thách thức lẫn nhau, người nào cũng chỉ muốn mình hơn, không ai can gián nổi. Những đệ tử cư sĩ tại gia của Thân Tử thấy vậy đều chán ghét các vị Ni-kiền ấy. Vì sao như vậy? Bởi vì những điều các vị Ni-kiền ấy nói đều là giáo pháp xấu ác, không phải pháp dẫn đến giải thoát, không đưa đến giác ngộ, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ, như băng dễ tan, không thể nương tựa. Tồn sư của họ cũng không phải là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Tôn giả A-nan nghe xong liền bảo: - Này Hiền giả Châu-na! Nhân việc này, chúng ta hãy đến diện kiến đức Phật, cúng dường Thế Tôn. Hiền giả Châu-na! Nay chúng ta hãy cùng đến chỗ Thế Tôn và bạch lên Ngài tất cả việc này. Có thể nhân đây, chúng ta nghe được những pháp Idiác của Thế Tôn. Thế rồi, Tôn giả A-nan cung Sa-di Châu-na đi đến chỗ đức Phật. Tôn giả A-nan cúi lạy sát chân Phật roi đứng sang một bên. Sa-di Châu-na cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan thưa với Thế Tôn: Bạch Thế Tôn! Hôm nay, Sa-di Châu-na đến chỗ con, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, con hỏi: "Này Hiền giả Châu-na! Hiền giả từ đâu đến đây và đã an cư mùa mưa ở nơi no?" Sa-di Châu-na đáp: "Thua Tôn giả A-nan! Con từ Ba-hòa đen, con đã an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Tôn giả! Tại xứ Ba-hòa ấy có vị Ni-kiền tên là Thân Tử vừa mới qua đời. Ni-kiền Thân Tử qua đời không bao lâu thì các đệ tử của ồng ấy chống phá lẫn nhau, không hòa hợp nhau, nói lời công kích, gây chia rẽ nhau, tranh đấu kiện tụng, hơn thua thế này: 'Ta biết pháp này, ông không biết được. Ông biết được pháp gi, sao bằnệ chỗ ta biết? Ta hoàn thiện, còn ông thì không. Ta có lý? còn ông thì không. Điêu đáng nói trước thì ông nói sau, điều đáng nói sau thì ông lại nói trước. Ta thắng, ông thua. Ta hỏi ông, ông không thể đáp được. Ta đã khuất phục được ông rồi, còn hỏi điêu gì chăng? Nếu ông còn xúc phạm, ta sẽ trói chặt ông ngay/ Họ kiêu mạn, thách thức lẫn nhau, người nào cũng chỉ muốn mình hơn, không ai có thể can gián nôi. Những đệ tử cư sĩ tại gia của Thân Tử thây vậy đêu chán ghét các vi Ni-kiền ấy. Vì sao như vậy? Bởi vì những điều các vị Ni-kiền ấy nói đều là giáo pháp xấu ác? không phải pháp dẫn đến giải thoát, không đưa đến giác ngộ, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ, như băng dễ tan, không thể nương tựa. Tôn sư của họ cũng không phải là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giac?9 J J

196. KINH CHÂU-NA 1307

[0753bl0] Bạch Thế Tôn! Con nghe rồi lo lắng kinh sợ9 toàn thân sởn gai ốc. Sau này The Tôn Niết-bàn, mong rằng đừng có Tỳ-kheo nào ở trong chúng gây ra sự tranh đấu như vậy. Sự tranh đấu ấy không ích lợi gì mà chỉ khiến nhiều người đau khổ, chẳng đúng đạo nghĩa, chẳng tăng thiện ích, chẳng đem lại an ổn hân hoan, đến chư thiên cũng phải chịu khổ não cùng cực. Bạch Thế Tôn! Khi con thấy một Tỳ-kheo ngồi trước Thế Tôn, chí tâm cung kính Thế Tôn, khéo hộ trì, khéo tinh tấn, con thấy như vậy rồi,

liền nghĩ: "Mong rằng sau khi Thế Tôn Niết-bàn? vị Tỳ-kheo này không gây ra tranh đấu ở trong chúng, bởi sự tranh đấu ấy không ích lợi gì mà chỉ khiến nhiều người đau khổ, chẳng đúng đạo nghĩa, chẳng tăng thiện ích, chẳng đem lại an ổn hân hoan, đến chư thiên cũng phải chịu khổ não cùng CỊTC." Bấy giờ, Thế Tôn hỏi: -Này A-nan! Thây thây những điêu gì gây nên sự tranh đâu ở trong chúng, sự tranh đấu ấy không ích lợi gì mà chỉ khiến nhiều người đau khổ, chẳng đúng đạo nghĩa, chẳng tăng thiện ích, chẳng đem lại an ổn hân hoan, đến chư thiên cũng phải chịu kho não cùng cực? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn! Đó là do tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng quán mà phát sanh sự tranh đấu ở trong chúng. Bạch Thế Tôn! Sự tranh đấu ấy không ích lợi gì mà chỉ khiến nhiều người đau khổ, chẳng đúng đạo nghĩa, chẳng tăng thiện ích, chẳng đem lại an ổn hân hoan, đến chư thiên cũng phải chịu kho não cùng cực. Thế Tôn dạy: -Này A-nan! Có rất ít trường hợp do tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng quán mà sanh khởi tranh đâu. A-nan! Nêu như có sự tranh đâu là do bởi con đường tu tập và lộ trình tu tập6 mới khiến phát sanh sự tranh đấu trong chúng. Này A-nan! Sự tranh đâu ây không ích lợi gì mà chỉ khiên nhiêu người đau kho, chẳng đúng đạo nghĩa, chẳng tăng thiện ích, chẳng đem lại an ổn hân hoan. Này A-nan! Khi thầy thấy ở trong chúng có hai vị Tỳ-kheo mà mỗi người mỗi ý khác nhau thì sẽ phát sanh tranh luận như vầy: “Dây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây không phải luật; thế này là phạm, thế này là không phạm; giới này khinh, giới này trọng; giới này có thể sám hối, giới này không thể sám hối; pháp này có thể thủ hộ, pháp này không thể thủ hộ; như thế này là Hữu dư, như thế này là Vô dư; như thế này là khởi, như thế này là không kh&i." Này A-nan! Ý thầy nghĩ sao? Đối với giáo pháp của Như Lai, gồm bốn niệm xứ, bốn

6 Nguyên tác: Nhân đạo, nhân đạo tích ().Tham chiếu: M. 104: Magge vā hi, Ānanda, paāpadāya vā sañghe vivādo uppajjamāno uppcyjeyya (Này Ānanda, sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chung ve con đường hay về đương hướng tu hành), HT. Thích Minh Châu dịch.

chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám Thánh dạo, họ có thể tự biết, tự giác ngộ, tự thân chứng ngộ được chăng? Này A-nan! Ni-kiền Thân Tử thật ra chưa phải là bậc Nhất thiết trí*7 mà tự xưng là bậc Nhất thiết trí. A-nan! Nếu như Thân Tử biết tất cả? thấy tất cả thì ông ấy đã vì các đệ tử mà giảng giải về sáu gốc rễ gây ra tranh cãi,8 nếu được nghe thì họ sẽ ngừng tranh cãi. [0753C10] Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng lúc. Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng thời! Nếu Thế Tôn dạy về sáu gốc rễ gây rẩ tranh cãi cho chúng Tỳ-kheo thì các Tỳ- kheo sau khi nghe Thế Tôn dạy, sẽ khéo léo thọ trì. The Ton bao: r y A

Này A-nan! Hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói đây đủ cho thây. Tôn giả A-nan thưa: Kính vâng! Chúng con xin vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: -Này A-nan! Nêu như có người do bi phiền não sân hận quấn chặt, này A-nan, người bi phiền não sân hận quấn chặt như thế thì không kính thầy, không thấy pháp, không giữ giới. Người nào không kính thầy, không thấy pháp, không giữ giới thì thường gây tranh

chấp trong chúng. Sự tranh chấp ấy không ích lợi gì mà chỉ khiến nhiều người đau kho, chẳng đúng đạo nghĩa, chẳng tăng thiện ích, chẳng đem lại an on hân hoan, đen chư thiên cũng phải chiu kho não cùng cực. A-nan! Nếu ở bất cứ chỗ nào thầy thấy tranh chấp như vậy không châm dứt, muôn đoạn trừ tranh châp ây thì thây phải nhanh chóng tìm câu phương tiện, tinh can tu học, chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại không suy giảm. Này A-nan! Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm cách dập lửa nơi đầu, nơi áo. Cũng vậy, nếu ở bất cứ chỗ nào thầy thấy tranh chấp như vậy không chấm dứt, muốn đoạn trừ tranh chấp ấy thì thầy phải nhanh chóng tìm câu phương tiện, tinh cân tu học, chánh niệm tỉnh giác, nhân nại không suy giảm. Này A-nan! Nếu ở bất cứ chỗ nào thầy thấy sự tranh chấp như vậy chấm dứt, thầy vẫn phải giữ gìn tâm đó hơn nữa, không được buông lung. Muốn chấm dứt tranh chấp thì thầy phải đoạn trừ gốc rễ gây ra tranh chấp như vậy. [0754a03] Cũng giống như vậy đối với che giấu lỗi lầm,9 bon xẻn ganh ghét, dua nịnh dối trá, không biết tự thẹn, không biết xấu hổ, tham muốn bất chánh, tà kiến và tánh ương ngạnh ngoan cố.

^Nguyên tác: Tat-van-nha .Theo Tien-mao kỉnh roi. 0026.208. 0783c28, gọi là Tát-vân-nhiên Sabbahfiū: Bậc Nhất thiết trí, bậc Toàn trí. J 8 Nguyên tác: Lục tranh bản .M. 104: Vivādamūlāni căn bản của sự tranh luận. 9 Nguyên tác: Bất ngữ kiết makkhà'. Che giấu. Xem chú thích 6, kinh số 89, tr. 603.

196. KINH CHÂU-NA 1309

Này A-nan! Nếu có người bị tham muốn bất chánh, tà kiến, lại còn ương ngạnh ngoan cố quấn chặt thì họ không kính thầy, không thấy pháp, không giữ giới. Người nào không kính thầy, không thấy pháp, không giữ giới thì thường gây tranh chấp trong chúng. Sự tranh chấp ấy không ích lợi gì mà chỉ khiến nhiều người đau khổ, chẳng đúng đạo nghĩa, chẳng tăng thiện ích, chẳng đem lại an ôn hân hoan, đên chư thiên cũng phải chịu khô não cùng cực. A-nan! Nêu ở bất cứ chỗ nào thầy thấy tranh chấp như vậy không chấm dứt, muốn đoạn trừ tranh châp ây thì thây phải nhanh chóng tìm câu phương tiện, tinh cân tu học, chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại không suy giảm. Này A-nan! Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải nhanh chóng tìm phương tiện dập lửa nơi đầu, nơi áo. Cũng vậy, nếu ở bất cứ chỗ nào thầy thấy tranh chấp như vậy không chấm dứt, muốn đoạn trừ tranh chấp ấy thì thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, tinh cần tu học, chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại không suy giảm. NàyA-nan! Nêu ở bát cứ chô nào thây thây tranh châp như vậy châm dứt, thầy vẫn phải giữ gìn tâm đó hơn nữa, không được buông lung. Muốn chấm dứt tranh chấp thì thầy phải đoạn trừ gốc rễ gây ra tranh chấp như vậy. Lại nữa, này A-nan! Có bảy phương pháp chấm dứt tranh chấp: Thứ nhất, ban bố Luật hiện diện10 để chấm dứt tranh chấp. Thứ hai, ban bố Luật nhớ lại để chấm dứt tranh chấp. Thứ ba, ban bố Luật không si mê để chấm dứt tranh chấp. Thứ tư, ban bố Luật tự tỏ bày tội lỗi11 để chấm dứt tranh chấp. Thứ năm, ban bố Luật nhiều người chỉ tội12 để chấm dứt tranh chấp. Thứ sáu, ban bố Luật triển chuyển để chấm dứt tranh chấp. Thứ bảy, ban bố Luật như vứt bỏ rác rưởi13 để chấm dứt tranh chấp. Này A-nan] Thế nào gọi là ban bố Luật hiện diện để chấm dứt tranh chấp? Làm thế nào để dứt trừ tranh chấp này? Nhờ Luật hiện

diện mà chấm dứt được tranh chấp vậy. A-nan! Hoặc một người được một người giáo huấn, bảo hộ bằng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, với Luật hiện diện như thế khiến cho hoan hỷ. Hoặc một người được hai người, một người được nhiều người hay một người được đại chúng giáo huấn, bảo hộ bằng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, với Luật hiện diện như thế khiến cho hoan hỷ. Hoặc hai người được hai người giáo huấn, bảo hộ bằng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ

10 Nguyên tác: Diện tiền luật (),tức "'Hiện tiền ty-ni,9 (sammukhāvinayo), một trong 7 pháp Diệt tránh, là 7 phương pháp Phật dạy dùng để giải quyết những tranh chấp trong Tăng chúng. Theo Tứ phần luật (T.22. 1428.21. 0713c22): Hiến tiền tỳ-nị (sammukhāvinayd), (ii) ức niệm tỳ-ni (sativinayo), (iii) Bất si tỳ-ni (amūlhavinayd), (iv) Tự ngôn trị (patiññayā kāretabbam). (v) Đa nhân ngữ (yebhuyyasikā), z(vi) Tội ró sở tassapāpiyasikā), (vii) Như thảo phú địa (tiụavatthārakd). Xem them: M 104, Vu-thekinh (/oi. 0026.142. 0650all). 11 Tự phát lộ luật (,patiññāya kāretabbam)'. Tự thừa nhận việc đã làm. 12 Nguyên tác: Quân chỉ tranh luật ().uLuật quāni, tức luật áp dụng cho chính đương sự. Vì vị này khi bị hỏi tội, cứ nói loanh quanhnên chúng Tăng phải chỉ định ngay tội danh: "Chí ông (quân) đã phạm Theo Ngũ phần luật (7L22. 1421.10. 0077015); Tư phần luật (T.22. 1428.47. 0915a27) ghi: Đa nhân ngữ (). 13 Như ký phấn tảo chỉ tranh luật ():Tha thứ cho nhau vì ai cũng có lỗi như nhau.

giáo, với Luật hiện diện như thế khiến cho hoan hỷ. Hoặc hai người được nhiều người, hai người được đại chúng hay hai người được một người giáo huấn, bảo hộ bằng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, với Luật hiện diện như thế khiên cho hoan hỷ. Hoặc nhiêu người được nhiêu người giáo huân, bảo hộ băng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, với Luật hiện diện như thế khiến cho hoan hỷ. Hoặc nhiều người được đại chúng, nhiều người được một người, nhiều người được hai người giáo huấn, bảo hộ bằng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, với Luật hiện diện như thế khiến cho hoan hỷ. Hoặc cả chúng được đại chúng giáo huấn, bảo hộ bằng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, với Luật hiện diện như the khiến cho hoan hỷ. Hoặc cả đại chúng được một người, cả đại chúng được hai người hay cả đại chúng được nhiều người giáo huấn, bảo hộ bằng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, với Luật hiện diện như thế khiến cho hoan hỷ. Này A-nan! Đó gọi là ban bố Luật hiện diện để chấm dứt tranh chấp. Như vậy, việc dứt trừ được tranh chấp đó là nhờ vào Luật hiện diện vậy. [0754bll] Này A-nan! Thế nào gọi là ban bố Luật nhớ lại để chấm dứt tranh chấp? Làm thế nào để dứt trừ tranh chấp này? Nhờ Luật nhớ lại mà chấm dứt được tranh chấp vậy. Này A-nan! Nêu có một người phạm giới mà không tự nhớ, các Tỳ-kheo thấy vậy liền nói với vị ấy rằng: "Thầy đã phạm giới mà không tự nhớ, hãy theo chúng Tăng cầu xin Luật nhớ lại, chúng Tăng sẽ ban cho Hiền giả Luật nhớ lại." Này A-nan! Nếu nơi nào có chúng Tăng nhóm họp trong hòa hợp thì vị Tỳ-kheo kia nên đến đó, sửa y bày vai, cởi bỏ giày dép, đi vào trong chúng, cúi lạy sát chân các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn? rồi quỳ gối chắp tay thưa: "Bạch chư Tôn đức! Cúi xin

lắng nghe! Con đã từng phạm giới mà không thể tự nhớ, nay con theo chúng Tăng cầu xin Luật nhớ lại, nguyện chúng Tăng hòa hợp ban cho con Luật nhớ lại." Này A-nan! Vì Tỳ- kheo ấy, chúng Tăng nhóm họp trong hòa hợp để ban Luật nhớ lại theo đúng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ dạy, đối diện trực tiếp như thế khiến cho hoan hỷ. Này A-nan! Đó gọi là cần ban Luật nhớ lại để chấm dứt tranh chấp. Như vậy, việc dứt trừ được tranh chấp đó là nhờ vào Luật nhớ lại vậy. Này A-nan! Thế nào gọi là ban bố Luật không si mê để chấm dứt tranh chấp? Làm thế nào để dứt trừ tranh chấp này? Nhờ vào Luật không si mê để chấm dứt tranh chấp vậy. Này A-nan! Nếu có một người do cuồng loạn khiến tâm điên đảo, do cuồng loạn khiến tâm điên đảo như thế nên làm nhiều điều bất tịnh, không đúng pháp Sa-môn, không tùy thuận pháp hành lại còn nói năng sai trái. Ve sau người ấy bình phục, các Tỳ-kheo khác thấy vậy liền bảo người ấy răng: "Thây từng cuông loạn khiên tâm điên đảo, do cuồng loạn khiến tâm điên đảo như thế nên làm nhiều điều bất tịnh, không đúng pháp Sa-môn5 không tùy thuận pháp hành lại còn nói năng sai trái. Hiền giả đến nay đã bình phục rồi? hãy theo chúng Tăng câu xin Luật khônẹ si mê, chúng Tăng sẽ ban bô Luật không si mê cho Hiền gia." Này A-nan! Nêu nơi nào có chúng Tăng nhóm họp trong

hòa hợp thì vị Tỳ-kheo kia nên đến đó, sửa y bày vai, cởi bỏ giày dép, đi vào trong chúng, cúi lạy sát chân các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn, rồi quỳ gói chăp tay thưa: "Bạch chư Tôn đức! Cúi xin lắng nghe! Con từng cuồng loạn khiên tâm điên đảo, do cuông loạn khiên tâm điên đảo như thế nên làm nhiều điều bất tịnh, không đúng pháp Sa-môn, không tùy thuận pháp hành lại còn nói năng sai trái. Đên nay con đã bình phục rồi, nay con theo chúng Tăng cầu xin Luật không si mê? nguyện chúng Tăng hòa hợp ban cho con Luật không si m©.” Này A-nan! Vì Tỳ-kheo ây, chúng Tăng nhóm họp trong hòa hợp để ban Luật không si mê theo đúng Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, đối diện trực tiếp như thế khiến cho hoan hỷ. Này A-nan! Đó gọi là cần ban Luật không si mê đê chấm dứt tranh chấp. Như vậy, việc dứt trừ được tranh chấp đó là nhờ vào Luật không si mê vậy. [0754C11] Này A-nan! Thế nào gọi là ban bố Luật tự tỏ bày tội lỗi để chấm dứt tranh chấp? Làm thế nào để dứt trừ tranh chấp này? Nhờ vào Luật tự tỏ bày tội lỗi để chấm dứt tranh chấp vậy. Này A-nan! Nếu có một người phạm giới, hoặc nói ra hay không nói ra, hoặc nhớ hay không nhớ. Này A-nan! Nếu nơi nào có chúng Tăng nhóm họp trong hòa hợp thì người kia nên đến đó, sửa y bày vai, cởi bỏ giày dép, đi vào trong chúng, cúi lạy sát chân các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn, quỳ gối chắp tay thưa: "Bạch chư Tôn đức! Cúi xin lắng nghe! Con từng phạm giới đó, con nay hướng ve các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn chí tâm bày tỏ, tự mình nói ra, không dám che giấu, từ nay về sau sẽ khéo hộ trì, không dám tái phạm." Này A-nan! Chúng Tỳ-kheo nên hỏi vị ấy rằng: "Hiền giả có tự thấy mình phạm giới đó kh6ng?" Vi Tỳ-kheo ấy đáp: "Con thật sự tự thấy mình phạm giới đỏy Khi ấy, đại chúng cũng nên nói với vị ấy rằng: "Hãy khéo hộ trì, đừng để tái pham?9 Này A-nan! Đó gọi là ban bố Luật tự tỏ bày tội lỗi để cham dứt tranh chấp. Như vậy, việc dứt trừ được tranh chấp đó là nhờ vào Luật tự tỏ bày tội lỗi vậy. Này A-nan! Thế nào gọi là ban bố Luật nhiều người chỉ tội để chấm dứt tranh chấp? Làm sao để dứt trừ tranh chấp này? Nhờ vào

Luật nhiều người chỉ tội để chấm dứt tranh chấp vậy. Này A-nan! Nếu có người không biết xấu hổ5 không hối hận với những tội được thấy, được nghe và bi người khác nghi ngờ là tham muốn bất chánh. Người ấy đã phạm giới rồi lại nói biết một nơi, lại nói thây một nơi; nói biêt một nơi roi lại nói thây một nơi, nói thây một nơi roi lại nói biết một nơi; ở giữa Tăng chúng lại nói biết một nơi, ở giữa Tăng chúng lại nói thấy một nơi; nói biết một nơi rồi lại nói thấy một nơi, nói thấy một nơi rồi lại nói biết một nơi. Này A-nan! Vì Tỳ-kheo ấy, chúng Tăng nhóm họp trong hòa hợp để ban Luật nhiều người chỉ tội như vầy: "Thầy vô đạo vo lý? thầy thật quá bất thiện. Vì sao như vậy? Vì thầy đã phạm giới rồi lại nói biết một nơi, lại nói thấy một nơi; nói biết một nơi rồi lại nói thấy một nơi, nói thấy một nơi rồi lại nói biết một nơi; ở giữa Tăng chúng lại nói biết một noi, ở giữa Tăng chúng lại nói thấy một nơi; nói biết một nơi rồi lại nói thấy một nơi, nói thấy một nơi

rồi lại nói biết một nai." Này A-nan! Đó gọi là ban bố Luật nhiều người chỉ tội để chấm dứt tranh chấp. Như vậy, việc dứt trừ được tranh chấp, đó là nhờ vào Luật nhiều người chỉ tội vậy. [0755a09] Này A-nan! Thế nào gọi là ban bố Luật triển chuyển để chấm dứt tranh chấp? Làm thế nào dứt trừ tranh chấp này? Nhờ vào Luật triển chuyển mà chấm dứt tranh chấp vậy. Này A-nan! Giữa hai vị Ty-kheo có một sô ý kiên khiến nảy sinh tranh luận như vầy: “Dây là pháp, đây phi pháp; đây là luật, đây không phải luật; như thế là phạm, như thế không phạm; giới này nhẹ, giới này nặng; điều này nên nói, điều này không nên nói; điều này đáng thủ hộ, điều này không đáng thủ hộ; thế này là Hữu dư, thế này là Vô dư; điều này có thể sám hối, điều này không thể sám hối.^, A-nan! Hai Ty-kheo kia ngay sự việc ấy giải quyết tranh cãi, nếu ngay sự việc ấy mà chấm dứt tranh cãi thì sự tranh luận này được tuyên bố là đã chấm dứt. Nếu ngay sự việc ấy mà không thể giải quyết thì có thể đưa sự tranh luận này ra bạch với đại chúng. Nêu ở giữa đại chúng mà có thể giải quyết thì sự tranh luận ấy được tuyên bố là đã chấm dứt. Nếu ở giữa đại chúng không thể giải quyết thì này A-nan, ở gần đó có những Ty-kheo giỏi Kinh, giỏi Luật, giỏi Luận thì hai Ty-kheo này cùng đi đến nơi đó để trình bày. Nêu trên đường đi mà có thê giải quyêt thì sự tranh luận áy được tuyên bô là chấm dứt. Nếu trên đường đi cũng không thể giải quyết thì hãy đem tranh luận áy trình bày trước chúng Ty-kheo áy. Nêu ở trước chúng Ty-kheo áy mà có thê giải quyết thì sự tranh luận ấy được tuyên bố là chấm dứt. Nếu đại chúng đó mà vẫn không thể giải quyết thì này A-nan, với sự yểm trợ của chúng Tỳ-kheo có nhiều vị giỏi Kinh, giỏi Luật, giỏi Luận, chúng Tỳ-kheo ấy đưa ra phán quyết chấm dứt tranh luận theo Pháp và Luật đúng như Tôn sư đã chỉ giáo, đối diện trực tiếp như thế khiến cho hoan hỷ. Này A-nan! Đó gọi là ban bố Luật triển chuyên đê châm dứt tranh châp. Như vậy, việc dứt trừ được tranh châp đó là nhờ vào Luật triển chuyển vậy. Này A-nan! Thế nào gọi là ban bố Luật như vứt bỏ rác rưởi để chấm dứt tranh chấp? Làm sao để dứt trừ tranh chấp này? Nhờ vào Luật như vứt bỏ rác rưởi mà châm dứt tranh châp vậy. Này A-nan! Các vi Tỳ-kheo ở chung một chỗ mà nảy sinh tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch, oán ghét nhau rồi chia thành hai nhóm. Sau khi chia hai nhóm rồi, mỗi nhóm có một Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn làm tông chủ và một phó tông chủ. A-nan! Khi ấy, Tỳ-kheo này nên nói với

Tỳ-kheo kia rằng: "Này chư Hiền! Xin lắng nghe! Chúng ta không có đạo lý, chúng ta thật quá bất thiện. Vì sao như vậy? Vì chúng ta đối với giáo pháp được Tôn sư khéo thuyết giảng nên có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo mà nay chúng ta lại tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch, oán ghét nhau. Này chư Hiền! Do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ những giới nặng và giới liên hệ đến hàng tại gia. Nay tôi vì chính mình và cũng vì chư Hiền nên hướng đến chư Hiền chí tâm bày tỏ, tự mình nói ra, không dám che giấu, không dám tái phạm."

196. KINH CHÂU-NA 1313

[0755b07] Này A-nan! Nếu ở trong nhóm này không có một vị Tỳ-kheo nào hưởng ứng thì này A-nan, Tỳ-kheo này nên đi đến nhóm kia. Đen nơi rồi cúi lạy Tỳ-kheo Trưởng lão thượng tôn, quỳ gối chắp tay thưa rằng: "Chu Tôn! Xin lắng nghe! Chúng ta không có đạo lý? chúng ta thật quá bất thiện. Vì sao như vậy? Vì chúng ta đối với giáo pháp được Tôn sư khéo thuyết giảng nên có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo mà nay chúng ta lại tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch, oán ghét nhau. Này chư Hiên! Do sự tranh châp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ những giới nặng và giới liên hệ đến hàng tại gia. Nay tôi vì chính mình và cũng vì chư Hiền nên hướng đến chư Hiền chí tâm bày tỏ, tự mình nói ra, không dám che giấu, không dám tái phạm.,, Này A-nan! Tỳ-kheo kia nên nói với Tỳ-kheo này như vầy: “Này Hiền giả! Thầy tự thấy mình phạm giới chang?" Tỳ-kheo này đáp: “Quả thật tôi tự thấy mình đã phạm giới/5 Tỳ-kheo kia nên nói: "Hãy khéo hộ trì, đừng để tái phạm." Nhóm thứ hai cũng làm như vậy. Này A-nan! Đó gọi là ban bố Luật như vứt bỏ rác rưởi đê châm dứt tranh châp. Như vậy, việc dứt trừ được tranh châp đó là nhờ vào Luật như vứt bỏ rác rưởi vậy. Này A-nan! Nay Ta nói cho thầy nghe sáu pháp hòa hợp,14 hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Tôn giả A-nan bạch rằng: -Kính vâng, con xin vâng lời lăng nghe! Đức Phật dạy: Sáu pháp đó gồm những gì? Một là thân nghiệp từ hòa đối với các vị đồng Phạm hạnh. Đó là pháp hòa hợp, pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến ngưỡng mộ, khiến tôn quý, khiến phụng thờ, khiến cung kính, khiến tu tập, khiến nhiếp hộ, được quả Sa-môn5 được nhất tâm, được tinh tấn và được Niết-bàn. Hai là khẩu nghiệp từ hòa đối với các vị đồng Phạm hạnh. Ba là ý nghiệp từ hòa đối với các vi đồng Phạm hạnh. Bốn là được lợi dưỡng đúng pháp, cho đến cơm trong bình bát của mình khất thực được cũng đem chia sẻ, cúng dường các vi đong Phạm hạnh. Đó là pháp hòa hợp, pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến ngưỡng mộ, khiến tôn quý, khiến phụng thờ, khiến cung kính, khiến tu tập, khiến nhiếp hộ, được quả Sa-môn, được nhất tâm, được tinh tấn và được Niết-bàn. Năm là nếu có giới không khuyết thủng, không ô uế, vững chãi như đất, được bậc Thánh khen ngợi do khéo thọ trì đầy đủ; với giới như vậy thì nên đem chia sẻ, cúng dường các vị đồng Phạm hạnh. Đó là pháp hòa hợp, pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến ngưỡng mộ, khiến tôn quý, khiến phụng thờ, khiên cung

14 Nguyên tác: ủy lao pháp :Pháp khiến cho Tăng chúng hòa hợp, cũng gọi là 4thòa mục php” ,Dhammā sāranīya.

r r JF .

kính, khiên tu tập, khiên nhiêp hộ, được quả Sa-môn? được nhát tâm, được tinh tấn và được Niết-bàn. Sáu là nếu có kiến giải xuất ly của bậc Thánh, thấy biết thấu triệt, có thể vượt thoát khô đau; với kiên giải như vậy nên chia sẻ5 cúng dường các vị đông Phạm hạnh. Đó là pháp hòa hợp, pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến ngưỡng mộ, khiến tôn quý, khiến phụng thờ, khiến cung kính, khiến tu tập, khiến nhiếp hộ5 được quả Sa-môn, được nhất tâm, được tinh tấn và được Niết-bàn. [0755c09] Này A-nan! Nếu như đối với sáu gốc rễ gây ra tranh chấp được A r r các thây đoạn tuyệt hoàn toàn cùng với bảy phương pháp châm dứt tranh đâu, khi trong chúng khởi lên tranh chấp thì áp dụng Luật hiện diện cho đến Luật như vứt bỏ rác rưởi để chấm dứt tranh chấp ấy, rồi lại thực hành sáu pháp hòa hợp nữa. Này A-nan, được như vậy thì sau khi Như Lai Niết-bàn, các thầy vẫn cùng nhau chung sống hòa hợp, hoan hỷ không tranh, đồng tâm hiệp ý, đồng học giáo pháp, hòa hợp với nhau như nước với sữa, song trong an lạc, giống như lúc Như Lai còn tại thế. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

197. KINH Ưu-BÀ-LY1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Chiêm-ba rồi ngụ bên bờ hồ Hằng-già.23 4 Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả ưu-bà-ly từ nơi tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng nhau hòa hợp mà lại cử hành pháp "biêt yết-ma"3 thuyết "biệt yet-ma594 thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn dạy: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch The Tôn! Nêu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật hiện diện5 nhưng lại dùng Luật nhớ lại,67cần áp dụng Luật nhớ lại, lại dùng Luật hiện diện thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật nhớ lại nhưng lại dùng Luật không si mê/ cần áp dụng Luật không si mê? lại dùng Luật nhớ lại thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng?

1 Nguyên tác: ưu-bà-ly kinh roi. 0026.197. 0755cl7. Tham chiếu: Mv. 9, Campeyyakkhandhakam chương Campā. 2 Chiêm-baHằng-già trì Hồ sen ở thành Chiêm-ba Campā do Hoàng hậu Gaggarā Hăng-già, ỶStìD xây dựng, nên dùng tôn danh của bà đê đặt tên. 3 Nguyên tác: Tác dị nghiệp? thuyết dị nghiệp .Nghiệp ^ có gốc Pali là kamma, phiên âm là yết-ma MW, là mọt nguyền tác nghị sự trong to chức Tăng đoàn Phật giáo. Trong đó, dùng ý chí hoa hợp đe đưa đến hanh động thanh tịnh của Tang đoàn. 4 Nguyên tác: Dị nghiệp c Biệt yết-ma Vaggakamma, cùng ở trong một kiết giới, vì hoan cảnh đặc biệt nào đo, một số ít Tang sĩ trong giáo đoàn tóch rời đại chúng để lam tác pháp riêng, gọi là Biệt yễt-mâ. 5 Nguyên tác: Diện tiền luật ,sammukhāvinayā. 6 Nguyên tác: ức luật ,sativinayo.

7 Nguyên tác: Bất si luật ,amũỉhavÌYiayă.

Đức Thế Tôn dạy: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. [0756a01] Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: -Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật không si mê lại dùng Luật tự tỏ bày tội lỗi,8 cần áp dụng Luật tự tỏ bày tội lỗi lại dùng Luật không si mê thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn dạy: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật tự tỏ bày tội lỗi, lại dùng Luật nhiều người chỉ tội,9 cần áp dụng Luật nhiều người chỉ tội lại dùng Luật tự tỏ bày tội lỗi thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật nhiều người chỉ tội lại dùng pháp "khiển trách", cần áp dụng pháp "khiển trách", lại dùng Luật nhiều người chỉ tội thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Nấu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, cần áp dụng pháp "khiển trách" lại dùng pháp "giữ nguyên tộf7° cần áp dụng pháp "giữ nguyên t0i", lại dùng pháp "khiển trách" thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: -Bạch Thê Tôn! Nêu chúng Tỳ"kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cân áp dụng pháp “giữ nguyên t0i" lại dùng pháp "cử cần áp dụng pháp “cử

8 Nguyên tác: Tự phát lộ luật ,patiññāya kāretabbani. 9 Nguyen tác: Quân luật ,yebhuyyasikā. Xem chú thích 12, kinh số 196, tr. 1309. 10 Nguyên tác: ưng trách số giả nhi hạ trí ,tức bắt phục tùng sự giám hộ. 11 Nguyên tác: ưng hạ trí giả nhi cử,tức cử tội ãpattỉ, buộc tội Tỳ-kheo trước đại chúng.

tội9\ lại dùng pháp "giữ nguyên tội" thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp “cỉr t0i" lại dùng pháp "tẩn .uất”, 12 cần áp dụng pháp utẩn xuất", lại dùng pháp "cử toi" thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trường hợp cần áp dụng pháp “tẩn xuất59 lại dùng pháp C6nhớ]ại", cần áp dụng pháp "nhớ lại", lai dùng pháp "tẩn xuất” thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp "nhớ lại” lại dùng pháp "căn bản trj”3 cần phải áp dụng pháp ucăn bản lại dùng pháp "nhớ lại,5 thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yếtma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp

"căn bản trị" lại dùng pháp “khu xuấf cần áp dụng pháp “khu xuất”lại dùng pháp "căn bản trị" thi đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật.

12 Nguyên tác: ưng cử giả nhi tẩn ,tức diệt tẩn pravrājand, trục xuất ra khỏi Tăng đoàn. 13ttCan bản tri” .Luật tứ phần 7.22. 1428.33. 0799Ò25 gọi là "Bản nhật trị?, . 14 Khu xuất ,pravrājana tức "tẩn xuaf, đuổi Tỳ-kheo ra khỏi chỗ đang ở, di chuyển đến chỗ khác, cũng gọi là "biêt trú",parivãsà.

Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp “khu xuất“ lại dùng pháp "hành bất mạn”,15 cần áp dụng pháp "hành bất mạn", lại dùng pháp "khu xuất" thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần phải áp dụng pháp "hành bất mạn" lại dùng pháp “xuất t0i"6 cần áp dụng pháp "xuất t0i9\ lại dùng pháp "hành bất mạn" thì đó có phải là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này ưu-bà-ly! Không đúng Luật. Này ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp mà lại cử hành "biệt yết- ”,thuyết "biệt yết-ma” thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa họp, trong trường hợp cần áp dụng Luật hiện diện nhưng lại dùng Luật nhớ lại, cần áp dụng Luật nhớ lại nhưng lại dùng Luật hiện diện thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yêt-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật nhớ lại nhưng lại dùng Luật không si mê, cần áp dụng Luật không si mê nhưng lại dùng Luật nhớ lại thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật không si mê nhưng lại dùng Luật tự tỏ bày tội lỗi, cần áp dụng Luật tự tỏ bày tội lỗi nhưng lại dùng Luật không si mê thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật tự tỏ bày tội lỗi nhưng lại dùng Luật nhiều người chỉ tội, cần áp dụng Luật nhiều người chỉ tội nhưng lại dùng Luật tự tỏ bày tội lỗi thì đó không phải là yêt-ma đúng Pháp, không phải yêt-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội.

15 Hành bất n .Theo Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa 7^24. 1462.14. 0770c09, Ma-na-đỏa Mãnattă là cách thức chiêt phục sự cống cao, trong pháp sám hối tội Tăng-già- bà-thi-sa. J J 16 Nguyên tác: Trị .Phép xuất tội {abbhetĩ.

Này ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật nhiều người chỉ tội nhưng lại dùng pháp "khiển trích”, cần áp dụng pháp "khiển trach55 nhưng lại dùng Luật nhiều người chỉ tội thì đó không phải là yêt-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng

Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp “khiển trách” nhưng lại dùng pháp “giữ nguyên tội”, cần áp dụng pháp "giữ nguyên toi” nhưng lại dùng pháp "khiển trách" thi đó không phải là yêt-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp "giữ nguyên t0i” nhưng lại dùng pháp "cử tộf\ cần áp dụng pháp "cử tội" nhưng lại dung pháp "giữ nguyên toi" thi đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp “cử tội" nhtmg lại dùng pháp "tẩn xuất", cần áp dụng pháp "tẩn xuất" nhưng lại dùng pháp "cử toi" thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp "tẩn xuất" nhưng lại dùng pháp unhớ lại", cần áp dụng pháp "nhớ lại" nhưng lại dùng pháp "tẩn xuất" thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, r không phải yêt-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp "nhớ]ại” nhưng lại dùng pháp "căn bản trj", cần áp dụng pháp "căn bản trj" nhưng lại dùng pháp "nhớ lại,9 thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nấu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp "căn bản trj“ nhưng lại dùng pháp “khu xuất", cần áp dụng pháp "khu xuâf5 nhưng lại dùng pháp "căn bản trj" thì đó không phải là yêt-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp “khu xuất” nhưng lại dùng pháp "hành bất mạn”, cần áp dụng pháp "hành bất mạn^, nhưng lại dùng pháp "khu xuất" thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng pháp “hành bất mạn^, nhưng lại dùng pháp “xuất tội"\ cần áp dụng pháp “xuất tội,9 nhimg lại dùng pháp "hành bất mạn" thì đó không phải là yết-ma đúng Pháp, không phải yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng có tội. [0756cll] Này Ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, tùy theo loại yết-ma nào mà thuyết yết-ma đó. Đó là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng không có tội.

1320 KINH TRƯNG A-HÀM

Này ưu-bà-ly! Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hợp, trong trường hợp cần áp dụng Luật hiện diện, liền áp dụng Luật hiện diện; cần áp dụng Luật nhớ lại, liền áp dụng Luật nhớ lại; cần áp dụng Luật không si mê? liền áp dụng Luật không si mê; cần áp dụng Luật tư tỏ bày tội lỗi, liền áp dụng Luật tự tỏ bày tội lỗi; cần áp dụng Luật nhiều người chỉ tội, liền áp dụng Luật nhiều người chỉ tội; cần "khiển trách" liền "khiển trách^; cần "giữ nguyên" liền "giữ nguyen,9; cần “cử toi liền “cử t©i” cần "tẩn xuất" liền "tẩn xuất” cần unhớ Igi” liền "nhớ lại"; cần dùng "cn bản trị" liền dùng "căn bản trj”; cần "khu xuất” liền dungkỊiu xuất”; cần :hành bất mạn” liên "hành bất mạn” cần “xuất toi” liền "xuất t0i." Đó là yết-ma đúng Pháp, yết-ma đúng Luật, Tăng chúng cũng không có tội. Này Ưu-bà-ly! Thầy nên học tùy theo loại yết-ma nào thì thuyết yết-ma đó; cần áp dụng Luật hiện diện liền áp dụng Luật hiện diện; cần áp dụng Luật nhớ lại liên áp

dụng Luật nhớ lại; cân áp dụng Luật không si mê liên áp dụng Luật không si mê; cần áp dụng Luật tự tỏ bày tội lỗi liền áp dụng Luật tự tỏ bày tội lỗi; cần áp dụng Luật nhiều người chỉ tội liền áp dụng Luật nhiều người chỉ tội; cần "khiển trách" liền "khiển trách"; cần "giữ nguyên" liền "giữ nguyên"; cần "cử tội,5 liền "cử t©i" cần "tẩn xuất" liền "tẩn xuất" cần "nhớ lại" liền "nhớ lại; cần dùng "căn bản trị" liền dùng "'căn bản trị"; cần "khu xuất"liền "khu xuất"; cần í6hành bất mạn,9 liền "hành bất mạn^,; cần "xuất tội" liền "xuất toi." Này Ưu-bà-ly, thầy nên học như vậy. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Ưu-bà-ly và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

198. KINH BẬC ĐIỀU NGƯ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà. Bấy giờ, Sa-di A-di-na-hòa-đề2 cũng ở thành Vương Xá, ngụ trong một thiền thất thanh vắng. Lúc ấy, Vương đồng tử3 Kỳ-bà-tiên-na4 sau buổi trưa, thong thả đi đến chỗ Sa-di A-di-na-hòa-đề5 cùng chào hỏi xong rồi ngồi xuống một bên và nói: Thưa Hiền giả A-kỳ-xá-na!5 Tôi có điều muốn hỏi5 mong Hiền giả vui lòng nghe chăng? Sa-di A-di-na-hòa-đề nói: Thưa Vương tử!6 Ngài muốn hỏi gì xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ. Vương đông tử hỏi: A-kỳ-xá-na! Có phải thật sự Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này, nêu không buông lung, tu hành tinh cân thì sẽ được nhát tâm? Sa-di đáp: Thưa Vương tử! Thật đúng như vậy, Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này, nếu không buông lung, tu hành tinh cần thì sẽ được nhất tâm. Thái tử lại hỏi: -Hiên giả A-kỳ-xá-na! Nương theo những gì đã nghe, đã tụng đọc và thực hành, mong Hiền giả nói lại hết cho tôi về trường hợp Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này không buông lung, tu hành tinh cần thì sẽ được nhất tâm.

1 Nguyên tác: Điều ngự đỉa kinh (OI 0026.198. 0757ạ03). Tham chiếu: M. 125, Dqntabhūmi Sutta (Kinh diễu ngự địa). Điều ngự địa: ở địa vị đã được điều phục, ở trạng thái đã được điều phục. 2 A-di-na-hòa-đề (,Aciravata): Sa-di tân học Aciravata. 3 Nguyen tác: Vương đồng tử ()một vị thái tử còn niên thiếu (rājakumāra). 4 Kỳ-bà-tiên-na (Jayasena). 5 A-kỳ-xá-na (Aggivassana). Theo DPPN, có lẽ là tên riêng của một dòng họ Bà-la-môn (Agnivesyāyanas). ở đây, Thai tử Kỳ-bà"tiên-na (Jayasena) muốn xưng danh dòng họ của vị Sa-di để thê hiện sự tôn kính. 6 Nguyên tác: Hiền vương đồng tử (),cách nói chuyện khéo léo, thể hiện sự tôn trọng với bậc Vương tôn của Sa-di tân học A-di-na-hòa-đê.

Sa-di đáp: Thưa Vương tử! Theo như những điều đã nghe, đã tụng đọc và thực hành thì tôi không đủ sức để nói lại hết cho Vương tử về trường hợp Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này không buông lung, tu hành tinh cần thì sẽ được nhất tâm. Thưa Vương tử, nếu tôi nương theo những điều đã nghe, đã tụng đọc và thực hành rồi nói lại hết cho Vương tử về trường hợp Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này không buông lung, tu hành tinh cần sẽ được nhất tâm thì e rằng Vương tử không thể hiểu được. Như vậy thì tôi sẽ nhọc công vô ích. Thái tử nói với Sa-di: -Hiền giả A-kỳ-xá-na! Hiền giả chưa bị người khác nhiếp phục, vì ý gì mà đã tự mình thoái lui? Hiên giảA-kỳ-xá-na, mong Hiên giả cứ nương theo những điêu đã nghe, đã tụng đọc và thực

hành, roi có thê nói lại hét cho tôi vê trường hợp Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này không buông lung, tu hành tinh cần thì sẽ được nhất tâm. Nếu tôi hiểu được thì quả là thú vi, nhưng nếu không hiểu, tôi sẽ không hỏi thêm về pháp khác nữa đâu. Thê roi Sa-di A-di-na-hòa-đê nương theo những điêu đã nghe, đã tụng đọc và thực hành, nói lại cho Vương đong tử Kỳ-bà-tiên-na ve trường hợp Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này không buông lung, tu hành tinh cần thì đạt được nhất tâm. [0757Ồ01] Bấy giờ, Vương tử Kỳ-bà-tiên-na nói: Hiền giả A-kỳ-xá-na! Nếu Tỳ-kheo ở trong Chánh pháp và Giới luật này không buông lung, tu hành tinh cần mà đạt được nhất tâm thì điều này không the xảy ra. Nói điều vô lý như thế xong, Vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, không nói lời từ giã mà bỏ đi. Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đi chưa bao lâu, Sa-di A-di- na-hòa-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ5 ngồi sang một bên rồi đem những điêu đã thảo luận với Vương tử Kỳ-bà-tiên-na thưa lại với Phật. Nghe xong, Thế Tôn bảo Sa-di: Này A-kỳ-xá-na9 thôi đủ rồi! Vương tử Kỳ-bà-tiên-na làm sao có được những điều đó? Bởi vì ông ấy đang sống trong dục vọng, đắm trước dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với trạng thái7 đã đoạn trừ dục, đoạn trừ dục ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục thì chỉ có bậc Vô dục mới biết, bậc Vô dục mới thấy, bậc Vô dục mới chứng đắc. Đối với trạng thái ấy mà Vương tử có thể biết được hoặc có thể thấy được thì điều này không thể xảy ra. Vì sao như thế? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương tử Kỳ-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng.

7 Nguyên tác: Địa ,bhūmi'. Địa vị, trạng thái hay trình độ.

Này A-kỳ-xá-na! Cũng như bốn trường hợp huấn luyện8 là huấn luyện voi, huấn luyện ngựa, huấn luyện bò và huấn luyện người, trong đó có hai trường hợp huấn luyện nhưng không thể huấn luyện được, có hai trường hợp huấn luyện và có thể huấn luyện được. Này A-kỳ-xá-na! Ý thầy nghĩ sao? Nếu như ở đây, với hai trường hợp huấn luyện nhung không thế huấn luyện được, đó gọi là chưa được huấn luyện, thuộc tình trạng chưa được huấn luyện, ở trường hợp chưa được huấn luyện mà đem •, 9 r • • •

r dụng thì điêu ra sử r này không thê xảy ra. Nêu r như ở dây, với hai trường Ahợp huân luyện, đã huân luyện được và đã khéo huân luyện; đó gọi là được huân luyện từ tình trạng chưa được huấn luyện, ở trường hợp đã được huấn luyện mà đem ra sử dụng thì tất yếu có sự kiện đó. Cũng vậy, này A-kỳ-xá-na5 thôi đủ rồi! Vương tử Kỳ-bà-tiên-na làm sao có được những điều đó? Bởi vì ông ấy đang sống trong dục vọng, đắm trước dục vọng, bi dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với trạng thái đã đoạn trừ dục. đoạn trừ dục ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục thì chỉ có bậc Vô dục mới biêt, bậc Vô dục mới thây, bậc Vô dục mới chứng đăc. Đôi với trạng thái ây mà Vương tử có thể biết được, có thể thấy được thì điều này không thể xảy ra. Vì sao như vậy? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương tử Kỳ-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng. Này A-kỳ-xá-na! Cũng như cách thôn xóm không xa có một núi đá lớn, không sứt mẻ, không thủng 16, không trống rỗng, bền chặt, không lung lay, hợp thành khối duy nhất. Giả sử có hai người đang muốn ngắm cảnh bên kia núi, nhưng chỉ có một người leo nhanh lên núi, còn người kia đứng lại dưới chân núi. Người đứng trên đỉnh núi đá nhìn thấy bên

kia núi đá có khoảng đất bằng phẳng, với vườn tược, rừng cây, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn. Thấy roi, người trên núi liên hỏi người đứng ở dưới núi răng: "Bạn có thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, với vườn tược, rừng cây, ao hoa, suối trong, sông dài, nước lớn chng?" Người dưới núi đáp: "Nếu tôi thấy được khoảng đất bằng phẳng, với vườn tược, rừng cây, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn ở phía bên kia ngọn núi này thì điều này không thể xảy ra." Nghe vậy, người trên núi leo nhanh xuống, đưa người dưới núi lên đỉnh núi đá, đến nơi rồi hỏi: "Bạn có thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, với vườn tược, rừng cây, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn chng?"

8 Nguyên tác: Điều ngự (darnma): Được huấn luyện, chế phục. M. 125 chỉ kể có 3: Hatthidamma (huân luyện voi), assadamma (huấn luyện ngựa), godamma (huân luyện bò).

Người kia đáp: "Bây giờ tôi mới thấy." Lại hỏi người kia: "Vừa rồi bạn nói không thể có trường hợp này, bây giờ lại nói thay, nghĩa là thế nào?" Người kia đáp: "Vi vừa rồi tôi bị ngọn núi che khuất nên không thấy." Cũng vậy, này A-kỳ-xá-na, thôi đủ rồi! Vương tử Kỳ-bà-tiên-na làm sao có được những điều đó? Bởi vì ông ấy đang sống trong dục vọng, đắm trước dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bi dục vọng đốt cháy. Đối với trạng thái đã đoạn trừ dục, đoạn trừ dục ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục, chỉ có bậc Vô dục mới biết, bậc Vô dục mới thấy, bậc Vô dục mới chứng đắc. Đối với trạng thái ấy mà Vương tử có thể biết được, có thể thấy được thì điều này không thể xảy ra. [0757C13] Này A-kỳ-xá-na! Thuở xưa, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh có một người thợ săn voi. Vua ra lệnh: "Này thợ săn voi, hãy bắt voi rừng về đây cho trẫm. Nếu bắt được rồi, hãy báo cho trẫm biết." Bấy giờ, sau khi tuân lệnh nhà vua, người thợ săn voi liền cưỡi con voi chúa đi đến một khu rừng già. ở trong khu rừng già này? người thợ săn voi trông thấy một con voi rừng rất lớn. Thấy rồi, ông ta liền bắt và buộc nó vào cổ voi chúa. Lúc ấy, voi chúa dẫn voi rừng ra khỏi khu rừng đến khoảng đất trống, còn người thợ săn voi thì đi đến Vua Sát- lợi Đảnh Sanh và thưa: -Tâu Thiên vương, thần đã bắt được con voi rừng, đang cột ở khoảng đất trống, xin Thiên vương định đoạt. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh nghe tâu5 liền bảo: —Này nài voi giỏi, bây giờ ông hãy nhanh chóng huấn luyện con voi rừng đó? hãy huấn luyện kỹ khiến nó trở nên thuần phục. Nấu huấn luyện đã thuần phục rồi thì trở về báo cho trẫm biết. Người huấn luyện voi giỏi tuân lệnh vua, vác cây gậy cực lớn trên vai phải roi đi đên chô con voi rừng. Người ây căm cây gậy xuống dát, cột cô voi rừng lại, che ngự tâm ý vui thích núi rừng của nó9 trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc núi rừng, khiến cho nó vui nơi thôn ấp, quen nết ưa thích nhân gian. Người huấn luyện voi giỏi trước hết cho nó ăn uống. Này A-kỳ-xá-na! Khi con voi rừng bắt đầu nghe theo nài voi mà chịu ăn uống, người luyện voi giỏi liền nghĩ rằng: "Bây giờ, con voi rừng này có thể sống được rồi. Vì sao như vậy? Vì con voi rừng to lớn này bắt đầu chịu ăn u6ng." Khi voi rừng bát đâu nghe lời nài voi mà chiu ăn uống, nài voi mới nói với nó bằng những lời dịu dàng đáng yêu, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra. Khi nài voi nói với voi rừng bằng những

lời diu dàng đáng yêu, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ5 co lại, duỗi

ra thì voi rừng làm y theo lời dạy của nài voi như vậy. Này A-kỳ-xá-na? khi voi rừng nghe theo lời dạy của nài voi, bấy giờ nài voi mới buộc hai chân trước, hai chân sau, hai bắp vế, hai bên hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai, ngà và buộc cả vòi nó lại, rồi sai người cầm móc câu ngồi lên đầu nó; đồng thời sai nhiều người cầm dao, thuẫn, giáo, mâu, kích, búa, rìu đứng phía trước, còn nài voi thì tay cầm một cây mâu nhọn đứng trước voi rừng rồi bảo: "Bây giờ? ta huấn luyện ngươi, khiến ngươi không lay động. Ta huấn luyện ngươi, chớ có di chuyển." Khi voi rừng nghe nài voi huấn luyện không được di chuyển thì nó không nhấc chân trước cũng không động đậy chân sau, hai bắp vế, hai bên hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai, ngà và vòi, tất cả thảy đều không động đậy. Voi rừng nghe theo nài voi nên đứng im bất động như vậy. [0758al2] Này A-kỳ-xá-na! Khi voi rừng đã nghe theo nài voi, giữ thân không lay động thì lúc ấy, nó nhẫn chịu được tất cả những thứ như dao, giáo, mâu5 kích, búa, rìu, hoặc tiếng hò hét lớn, tiếng huýt sáo, thổi tù và, hoặc thúc trống, giục chuông. Khi voi rừng đã có thể kham nhẫn, bấy giờ nó là con voi đã được điều phục, được điều phục khéo léo, được điều phục hơn hết, được điều phục tối thượng, nhanh nhẹn hơn hết, nhanh nhẹn tối thượng, có thể để cho vua cưỡi, ăn thức ăn của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, này A-kỳ-xá-na? khi Như Lai xuất hiện thế gian, là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chúng chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến cõi trời, tự biết tự ngộ, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú. Pháp mà vi ây thuyêt phân đâu thiện, phân giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh. Pháp được vị ấy nói, khi con của cư sĩ nghe được và sau khi nghe thì có tín tâm nơi giáo pháp của Như Lai. Sau khi có tín tâm, người này liên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, với niêm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo. Này A-kỳ-xá-na, đó là lúc vi Thánh đệ tử ra nơi khoảng đất trống, cũng như voi chúa dẫn voi rừng ra khoảng đát trông vậy. Và cũng như voi rừng còn tham luyên? ham muôn, ưa thích nơi đời sống trong núi rừng, này A-kỳ-xá-na, cũng vậy, chư thiên và nhân loại tham luyến, ưa thích, dính mắc nơi năm dục là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Như Lai bắt đầu điều phục Tỳ-kheo ấy lằng: "Thầy hãy thủ hộ thân bằng việc nuôi sống thanh tịnh, hãy thủ hộ miệng và ý bằng việc nuôi sống thanh tjnh." [0758b0l] Khi vị Thánh đệ tử thủ hộ thân bằng việc nuôi sống thanh tịnh, thủ hộ miệng và ý bằng việc nuôi sống thanh tịnh rồi, Như Lai lại điều phục Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy quán nội thân đúng như thân,...(cho đến) quán thọ, tâm, quán nội pháp đúng như pháp?99 Khi vị Thánh đệ tử quán nội thân đúng

9 Nguyên tác: Quán nội thân như thân,... nai chí... quán giác.tâm..., pháp như pháp (ii).Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272 và chú thích 5, kinh sô 98, tr. 653.

như thân,... (cho đến) thọ, tâm, quán nội pháp đúng như pháp thì bốn niệm xứ này xem như ở trong tâm của vị đệ tử Hiền thánh, buộc trói tâm của vi ấy lại, chế ngự tâm ý vui say theo thế tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt trừ sự mệt nhọc thế tục, khiến an vui nơi Chánh pháp, tu tập Thánh giới. Này A-kỳ-xá-na! Cũng như nài voi, sau khi vâng lệnh Vua Sát-lợi Đảnh Sanh rồi, vác cây gậy cực lớn trên vai phải, đi đến chỗ voi rừng, cắm gậy xuống đất, cột cổ voi rừng lại5 chế ngự tâm ý vui thích núi rừng, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc đối với núi rừng, khiến cho nó vui nơi thôn ấp, quen nết ưa thích nhân gian. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, bốn niệm xứ này ở trong tâm của vi đệ tử Hiền thánh, buộc trói tâm vị ấy lại, chế ngự tâm ý vui say thế tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt bỏ sự mệt nhọc the tục, khiến an vui nơi Chánh pháp, tu tập Thánh giới. Khi vị Thánh đệ tử quán nội thân đúng như thân,... (cho đến) quán thọ tâm, quán nội pháp đúng như pháp, Như Lai lại huấn luyện vi Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy quán nội thân đúng như thân, đừng suy niệm những tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, quán nội pháp đúng như pháp, không suy niệm những tư niệm tương ưng với phi pháp." Vị Thánh đệ tử quán nội thân đúng như thân, không suy niệm những tư niệm tương ưng với dục,... (cho đến) quán thọ, tâm, quán nội pháp đúng như pháp; đó là không suy niệm những tư niệm tương ưng với phi pháp. Vi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy. Này A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo nài voi, bằng những lời diu dàng đáng yêu, bảo nam xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra; voi rừng tuân theo lời dạy của nài voi như vậy. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na? khi Thánh đệ tử quán nội thân đúng như thân, không suy niệm tư niệm tương img với dục?... (cho đến) quán thọ, tâm, quán nội pháp đúng như pháp, không suy niệm tương ưng với phi pháp; Thánh đệ tử vâng theo lòd dạy của Như Lai như vậy. Khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai, Như Lai lại huấn luyện Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy lìa dục? lìa pháp ác, bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú.” Như vậy? Thánh đệ tử vâng theo Như Lai, an trú không lay động. Này A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng vâng theo sự huân luyện của nài voi, không di chuyển, không nhấc hai chân trước, hai chân sau, hai bắp vế, hai bên hông, đùi, xương sống, dầu, tai, ngà và vòi, thảy đều không di chuyển; voi rừng nghe theo nài voi, đứng im, không động đậy như vậy. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na? khi Thánh đệ tử lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Như vậy, Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú không lay động. [0758c06] Khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú không lay động, bây giờ vi ây có thê kham nhẫn đói, khát, nóng, lạnh, muỗi, rận, rệp, gió, nắng bức bách, dù bị măng chửi hoặc dùng gậy đánh cũng có thê kham nhân; hoặc thân gặp phải bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng và những điều không vui thích, nhưng vị ây có thê kham nhẫn tất cả. A-kỳ-xá-na9 cũng như voi rừng nghe theo nài voi, đứng im không động đậy, lúc ấy, nó có thể nhẫn chiu được

dao, thuẫn, giáo, mâu, kích, búa, rìu, tiếng hò hét lớn, tiếng huýt sáo, thổi tù và, thúc trống, dục chuông, thảy đều có thể kham nhẫn. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na5 khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú không lay động thì bấy giờ vị ấy có thê kham nhẫn đói,

khát, lạnh, nóng, muỗi, rận, rệp, gió, nắng bức bách, dù bị mắng chửi hoặc dùng gậy đánh cũng có thể kham nhẫn; hoặc thân gặp phải những bệnh tật rất đau đớn, gần như tuyệt mạng và những điều không vui thích, nhưng vị ấy có thể kham nhẫn tất cả. A-kỳ-xá-na, khi vi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn thì bấy giờ5 vị ấy được gọi là bậc đã được điều phục, khéo điều phục, được điều phục hơn hết, được điều phục tối thượng, được tịch tịnh hơn hết, tịch tịnh tối thượng, trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và dối nịnh, thanh tịnh lắng đọng phiền não, không cấu nhiễm, không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng được cúng dường, là ruộng phước lành cho hết thảy chư thiên và loài người. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng đã có thể kham nhẫn, bấy giờ nó là con voi đã được điều phục, được điều phục khéo léo, được điều phục hơn hết, .A L r r 9 9 9 được điêu phục tôi thượng, nhanh nhẹn hơn hét, nhanh nhẹn tôi thượng, có thê đê cho vua cưỡi, ăn lương thực của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na? khi vi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn thì bấy giờ, vi ấy được gọi là bậc đã được điều phục, khéo điều phục, được điều phục hơn hết, được điều phục tối thượng, được tịch tịnh hơn hết, tịch tịnh tối thượng, trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và dua ninh, thanh tịnh lắng đọng phiền não, không cấu nhiễm, không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng được cúng dường, là ruộng phước lành cho hết thảy chư thiên và loài người. Này A-kỳ-xá-na? như con voi rừng còn nhỏ, không được điều phục mà chết thì đó gọi là cái chết không được điều phục. Con voi rừng trung niên không được điều phục mà chết thì đó gọi là cái chết không được điều phục. Này A-kỳ- xá-na, khi vị Thánh đệ tử niên thiếu không được điều phục mà qua đời thì đó gọi là sự qua đời không được điều phục. Vị Thánh đệ tử trung niên không được điều phục mà qua đời thì đó gọi là sự qua đời không được điều phục. A-kỳ-xá-na? như con voi rừng còn nhỏ được khéo điêu phục mà chét thì đó gọi là cái chết khéo điều phục. Như con voi rừng trung niên được khéo điều phục mà chết thì đó gọi là cái chết được khéo điều phục. A-kỳ-xá-na, vị Thánh đệ tử niên thiếu được khéo điều phục mà qua đời thì đó gọi là sự qua đời khéo điều phục. Vị Thánh đệ tử trung niên được khéo điều phục mà qua đời thì đó gọi là sự qua đời khéo điều phục. Đức Phật dạy như vậy, Sa-di A-di-na-hòa-đề và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.10

10 Bản Hán, hết quyển 52.

199. KINH BẬC TRÍ VÀ NGƯỜI NGU1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tai Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hôm nay, Ta sẽ nói cho các thầy nghe về pháp ngu si và pháp trí tuệ. Hãy lắng nghe, hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: -The nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba đặc tướng, ba dấu hiệu2 của người ngu si. Nghĩa là do hội đủ những yếu tố ngu si nên được nói là ngu si. Ba dấu hiệu ấy là gì? Người ngu si suy nghĩ những ý niệm ác, nói lời nói ác, làm việc làm ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ những ý niệm ác, không nói lời nói ác, không làm việc làm ác thì không nên gọi họ là người ngu si. Vì người ngu si suy nghĩ những ý niệm ác, nói lời nói ác, làm việc làm ác, cho nên người ngu si được gọi là người ngu si. Ngay trong hiện tại, thân tâm người ngu si ấy phải nhận chiu ba điều sầu khổ.

Thân tâm người ngu si phải nhận chịu ba điều sầu khổ nào? Người ngu si ấy hoặc có làm việc gì, hoặc ngồi nhóm họp, hoặc nơi đường cái, hoặc trong hẻm nhỏ, hoặc nơi chợ quán, hoặc ngã tư đường, bàn tán những sự việc liên quan đến sự ngu si như: Người ngu si sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến và kết thành vô lượng pháp ác9 bất thiện khác. Khi đã kết thành vô lượng pháp ác, bất thiện rồi, người khác thấy được liền nói về việc ác của người ngu si kia. Người ngu si kia nghe xong liền nghĩ: "Nếu ai kết thành vô lượng pháp ác, bát thiện, khi người khác thây được liên nói vê việc ác của người đó. Ta cũng có vô lượng pháp ác, bất thiện, nếu có kẻ khác biết được thì họ sẽ nói về việc ác của ta." Đây là điều sầu khổ thứ nhất mà thân tâm người ngu si phải lãnh thọ ngay trong đời hiện tại. [0759bll] Lại nữa, người ngu si kia thấy người của vua bắt trói kẻ có tội rồi xử trị bằng nhiều hình phạt đau đớn, như chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay lẫn chân, hoặc xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả tai lẫn mũi, hoặc lóc từng miếng

1 Quyển 53. Nguyen tác: Sỉ tuệ địa kinh ,0.01. 0026.199. 0759al9). Tham chiếu: Khổ ấm kinh, hạ (roi. 0026.100. 0586b02); Khổ am kinh (TOI. 0053. 0846c05); Nê-lê kinh (TOI. 0086. 0907all); M. 129, Bālapandita Sutta (Kỉnh hiên ngu). 2 Tham chiếu: M. 129: Tỉm bālassa bālalakkhariāni bâlanimỉttãnỉ bãlãpadãni (3 đặc điểm, đặc tướng và đặc ấn này của người ngu), HT. Thích Minh Châu dịch.

thịt, hoặc nhổ râu, bứt tóc, hoặc nhổ cả râu và tóc, hoặc nhốt trong cũi rồi quấn vải hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ lên trên mà đốt, hoặc nhốt vào bụng lừa sắt hay miệng heo sắt, hoặc miệng cọp sắt rồitót, hoặc bỏ vào trong vạc đồng hay vạc sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén đâm, hoặc lây móc sát mà móc, hoặc đặt năm trên giường sát roi lây dâu sôi giội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho ran rết mo cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đau roi bêu trên cây. Người ngu si kia thấy roi liền tự suy nghĩ: “Ai gây tạo vô lượng pháp ác, bất thiện, nếu vua biết được thì sẽ bắt và tra khảo đánh đập như thế. Ta cũng có vô lượng pháp ác, bất thiện, nếu vua biết được thì ta cũng bị tra khảo đánh đập như vay?5 Đây là điều sầu khổ thứ hai mà thân tâm của kẻ ngu si phải lãnh thọ ngay trong đời hiện tại. Lại nữa, người ngu si kia, thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác. Người đó gặp lúc bệnh khô, hoặc năm ngôi trên giường, hoặc năm ngôi trên ván, hoặc nằm ngoi dưới đất, bản thân đau kho tột cùng, tưởng như sắp chết. Bay giờ, những việc ác mà kẻ đó đã làm từ thân, miệng và ý luôn ám ảnh trước mắt họ.3 Ví như vào lúc xế chiều, mặt trời sắp lặn xuống thì bóng núi cao đổ dài trên mặt đất. Cũng vậy, lúc ấy, những việc ác mà kẻ đó đã làm từ thân, miệng và ý luôn ám ảnh trước mắt họ. Người đó tự nghĩ: “Bây những việc ác từ thân, miệng và ý mà ta đã làm, chúng luôn ám ảnh trước mắt ta. Bởi trước kia ta không biết tạo phước mà lại tạo quá nhiều việc ác. Nêu có nơi nào dành cho những người làm ác, những kẻ hung bạo, những người làm việc phi pháp, không biết làm lành, không biết tạo phước, không tạo nơi quy hướng và nương tựa khi sợ hãi thì chắc ta sẽ phải đến chỗ ác đó.99 Từ đó, kẻ kia sanh ra hối hận, do hối hận mà lâm

chung không nhẹ nhàng, qua đời chẳng an lành. Đây là điều sầu khổ thứ ba mà thân tâm của người ngu si phải lãnh thọ ngay trong đời hiện tại. [0759c08] Lại nữa, người ngu si kia thân làm việc ác? miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Sau khi thân đã làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác rồi, do nhân duyên đó nên khi qua đời thì nhất định rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Đã sanh vào đó5 người ấy tất phải lãnh thọ khổ báo, hoàn toàn không đáng yêu, không đáng thích, không đáng nhớ nghĩ. Nêu nói rang điều gì hoàn toàn không đáng yêu, không đáng thích, không đáng nhớ nghĩ thì điều đó chính là địa ngục. Vì sao như thế? Vì trong địa ngục kia hoàn toàn không đáng yêu? không đáng thích, không đáng nhớ nghĩ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, chắp tay hướng Phật và bạch: -Bạch Thế Tôn! Sự thống khổ trong địa ngục như thế nào?

3 Ngụyên tác: Huyền hướng tại thượng .Tham chiếu: M. 129 ghi: Abhỉppalambanti. cấu trúc tiêp dâu,nga abhi mang nghĩa trước mặt hoặc phía trên, kết hợp với động từ lambati nghĩa là treo, nên được hiêu là treo ở phía trước. Theo Khổ ẩm „thượng 01. 0026.99. 0585b25 ghi: Tại tiên phú chướng :Che phủ
trước mắt.

199. KINH BẬC TRÍ VÀ NGƯỜI NGƯ 1331

r-pl Á qp4- r

The Ton đáp: Này Tỳ-kheo! Sự thống khổ trong địa ngục không thể nói hết được. Này Tỳ-kheo? vì địa ngục chỉ toàn sự thống khổ mà thôi. Tỳ-kheo lại hỏi: -Đức Thế Tôn có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy chăng? Đức Thế Tôn đáp: Cũng có thê dùng ví dụ đê làm rõ nghĩa ây. Này Tỳ-kheo5 ví như người của nhà vua bắt kẻ giặc đem về chỗ Vua Sát-lợi Đảnh Sanh và tâu: "Tâu Thiên vương, kẻ giặc này có tội, xin Thiên vương trừng trj!" Vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo: "Các khanh hãy đem người này đi trị tội, buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm!,^ Người của vua vâng lệnh liền đem đi trị tội. Buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm, nhưng người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi: "Ngươi kia the naor g

Người của vua đáp: "Tâu Thiên vương, người kia còn song!55 Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo: "Buổi trưa các khanh cũng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.,, Người của vua vâng lệnh, giữa trưa dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm5 nhưng người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: "Người kia thế nao?^ Người của vua đáp: "Tâu Thiên vương, kẻ kia còn s6ng!" Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo: "Buổi chiều các khanh cũng dùng một trăm cây giáo nhọn mà dam?5 Người của vua thừa lệnh, buổi chiều lại dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm, nhưng người kia vẫn còn song. Tuy nhiên, thân the người đó bị đâm thủng, mình đầy thương tích, không còn một chỗ nguyên vẹn, dù nhỏ như lỗ đồng tiền. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: "Người kia thế nào?" Người của vua đáp: "Tâu Thiên vương, kẻ kia vân còn sông, nhưng thân thể đã bị đâm thủng, mình đay thương tích, không còn một chỗ nguyên vẹn, dù nhỏ như lỗ đồng tien.59 Này Tỳ-kheo? ý thầy nghĩ sao? Nếu người kia một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm, vậy thân tâm họ có chịu sự khổ não, đau đớn tột cùng không? [0760a06] Tỳ-kheo ấy đáp:

-Bạch Thế Tôn, bị một mũi giáo nhọn đâm còn chịu khổ lớn, huống nữa một ngày chiu ba trăm mũi giáo nhọn đâm. Thân tâm người kia lẽ nào không chịu sự khổ não, đau đớn tột cùng sao? Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ như hạt đậu, hỏi Tỳ-kheo ấy: -Thầy thấy tay Ta cầm viên đá nhỏ như hạt đậu chăng?

1332 KINH TRƯNG A-HÀM

Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, con có thấy. Thế Tôn lại hỏi: - Này Tỳ-kheo, ý thầy nghĩ sao? Viên đá Ta cầm nhỏ bằng hạt đậu này nếu đem so sánh với núi chúa Tuyết4 thì cái nào lớn hơn? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn! Viên đá Thế Tôn cầm trong tay nhỏ bằnệ hạt đậu nếu đem so sánh với núi chúa Tuyết thì nhỏ hơn gáp trăm, gáp ngàn lân, gáp trăm ngàn vạn lần, hoàn toàn không thể sánh kịp, không thể đem, khônệ thể tính, không thể ví dụ5 không thể so sánh được, chỉ nói là núi chúa Tuyết rất lớn, cực lớn. The Ton bao: - Này Ty-kheo! Viên đá Ta cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu nếu đem so sánh với núi chúa Tuyết thì nhỏ hơn gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, hoàn toàn không thể sánh kịp, không thể đem, khônệ thể tính, không thể ví du, không the so sánh được, chỉ nói là núi chúa Tuyết rất lớn, cực lớn. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu người này một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm, do nhân duyên đó mà thân tâm chịu khổ não, đau đớn tột cùng; dù vậy, nếu đem so sánh với sự thống khổ ở trong địa ngục thì không bằng trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn lần, hoàn toàn không thể sánh kịp, không thể đếm, không thể tính, không thể ví dụ, không thể so sánh được, chỉ nói là trong địa ngục rất khổ sở, cực kỳ khổ sở. Này Ty-kheo5 thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, đã đọa vào đó rồi thì cai ngục bắt giữ, dùng búa sắt nung cháy đỏ rực mà đẽo thân thể, hoặc đẽo thành tám cạnh, hoặc thành sáu cạnh, hoặc thành vuông vức, hoặc thành hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc đẹp, hoặc xấu. Như vậy, kẻ tội nhân bị tra khảo chèn ép, thong kho bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm chịu vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi khổ trong địa ngục. Này Ty-kheo5 thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó roi thì cai ngục bat giữ, dùng rìu sāt nung cháy đỏ rực mà đẽo thân thể, hoặc đẽo thành tám cạnh, hoặc thành sáu cạnh, hoặc thành vuông vức, hoặc thành hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc đẹp, hoặc xấu. Như vậy, kẻ tội nhân bị tra khảo chèn ép, thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm chịu vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi khổ trong địa ngục.5

4 Nguyên tác: Tuyết Sơn vương Himavapabbatarājā. 5 Đoạn này lặp lại đoạn trên, chỉ có 2 chữ khác biệt. Đoạn trên là chữ "phfT và đoạn dưới là chữ “cân'2

199. KINH BẬC TRÍ VÀ NGƯỜI NGU 1333

[0760b06] Này Tỳ-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó rồi thì cai ngục bắt giữ, dùng cây thương bằng sắt nung cháy đỏ rực, ép ngồi trên đó, rồi lấy kìm sắt cạy miệng há ra, bỏ hòn sắt cháy hừng hực vào miệng tội nhân, làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy răng, cháy cổ, cháy tim, cháy bao tử, rồi

cháy xuống dưới thân mà ra ngoài. Như vậy, tội nhân bị tra khảo chèn ép, thống khổ bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm chịu vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ? nhưng không thể chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi khổ trong địa ngục. Này Tỳ-kheo? thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó rồi thì cai ngục bắt giữ, dùng búa đẽo bằng sắt lớn67 nung cháy đỏ rực, ép ngồi trên đó? rồi lấy kìm sắt, cạy miệng há ra, đổ nước đồng sôi vào miệng tội nhân, làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy cổ, cháy răng, cháy tim, cháy bao tử, roi cháy xuống dưới thân mà ra ngoài. Như vậy, tội nhân bị tra khảo chèn ép, thống khổ bức ngặt trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, chịu vô lượng kho, cực kỳ thống kho, nhưng không the chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi khổ trong địa ngục. Này Tỳ-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa . . . r : .‘ q M r 0 ngục, • khi đã đọa vào đó roi y thì cai ngục bat giữ, ép năm ngửa trên tâmr sat• nung r cháy đỏ rực, roi tra khảo băng hình phạt ghim chặt năm chô, tức lây đinh sat đóng xuống hai tay, hai chân roi dùng một cái đinh riêng đóng ở bụng tội nhân. Như vậy, tội nhân bi tra khảo bức ngặt, đau đớn cung cực, trải qua nhiều năm cho đen trăm ngàn năm như vậy? chịu vô lượng kho, nhưng tội nhân không the chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi khổ trong địa ngục. Này Ty-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó roi thì cai ngục bat giữ, ép năm sát trên tâm sat nung cháy đỏ rực, kéo lưỡi ra? dùng hàng trăm cây đinh căng cho thẳng, không nhăn không chùng. Cũng như miếng da bò được căng ra với một trăm cây dinh, nó không nhăn, không chùng. Cũng như vậy, chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó, bị cai ngục bắt giữ, ép nằm sát trên tấm sắt nung cháy đỏ rực, kéo lưỡi ra, dùng hàng trăm cây đinh căng cho thẳng, không nhăn không chùng. Như vậy, kẻ kia bị tra khảo bức ngặt, đau khô cung cực, trải qua nhiêu năm, cho đến trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ, cực kỳ đau khổ nhưng họ không the chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thế gọi là nỗi khổ trong địa ngục. [0760c05] Này Ty-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó rồi thì bi cai ngục túm đầu, lột da từ đầu đến chân, rồi lột ngược từ chân lên đầu, lại dùng xe sắt, đốt lửa đỏ rực, buộc

6 Nguyên tác: Thương Búa lớn . 7 Nguyên tác: Ngũ phược trị .M. 129: Pañcavidhabandhanam hình phạt 5 cọc.

tội nhân vào, trên tấm sắt rộng, châm lửa cháy khắp, rồi bắt tội nhân kéo qua kéo lại trên đó. Như vậy, kẻ kia bị tra khảo bức ngặt, đau đớn cung cực trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, chịu vô lượng kho, cực kỳ đau kho, nhưng họ không thể chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi khổ trong địa ngục. Này Ty-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó rồi thì cai ngục đót lửa cháy hừng hực khắp trên mặt đất, lại bắt tội nhân lấy tay vốc lửa vãi lên thân mình. Như vậy, kẻ kia bị tra khảo bức ngặt, đau đớn cùng cực, trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ,

nhưng họ không thể chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi kho trong địa ngục. Này Ty-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó rồi thì cai ngục đốt núi lửa cháy đỏ rực, bắt tội nhân kia leo lên, leo xuống. Khi tội nhân đặt chân xuống thì máu, da, thịt của thân đều bị cháy sạch; nếu nhấc chân lên thì da, thịt, máu huyết của người đó hoàn lại như cũ. Như vậy, tội nhân bị hành hạ đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhung họ không thể chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là nỗi khổ trong địa ngục. Này Ty-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã đọa vào đó rồi thì cai ngục bắt giữ, xách ngược tội nhân, chân hướng lên trên, đầu quay xuống dưới, thả vào trong chảo sắt lớn chứa đầy nước, bên dưới lửa cháy đỏ rực. Tội nhân ở trong chảo ấy, hoặc nổi hoặc chìm, hoặc dạt ra bốn bên, thân tuôn nước dãi, nước đó lại nấu thân. Cũng như lấy đậu nành, đậu đỏ, đậu dây, đậu đắng, hạt cải rồi bỏ chung trong chảo chứa đầy nước, bên dưới lửa cháy đỏ rực, các hạt đậu trong chảo hoặc nổi hoặc chìm, hoặc dạt bôn bên, đậu tự ra bọt roi lại nâu lây chúng. Cũng vậy, chúng sanh đọa vào địa ngục, khi đã vào đó rồi, cai ngục bắt giữ, xách ngược tội nhân, chân hướng lên trên, đầu quay xuống dưới, thả vào chảo sắt lớn chứa đầy nước, bên dưới lửa cháy đỏ rực; tội nhân ở trong chảo ấy, hoặc nổi hoặc chìm, hoặc dạt ra bốn bên, thân tuôn nước dãi, nước đó lại nấu thân. Họ bị tra khảo, hành hạ như vậy, thong khô vô cùng, trải qua nhiêu năm cho đên trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ, khổ não cùng cực. Nhưng tội nhân không thể chết được, trừ khi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thế gọi là nỗi khổ trong địa ngục. [076la05] Này Ty-kheo, thế nào là nỗi khổ trong địa ngục? Trong địa ngục kia có ngục tên là Lục Cánh Lạc. Nếu chúng sanh đọa vào trong đó, khi đã đọa vào trong đó, nếu mắt thấy sắc không vui, không thích, không phải điều đáng vui thích, lòng không thấy yêu thích, không phải điều đáng yeu5 lòng không vui vẻ, không phải điêu đáng vui vẻ; hoặc tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp không vui, không thích, không phải điều đáng

vui thích, lòng không thấy yêu thích, không phải điều đáng yêu, lòng không vui vẻ, không phải điều đáng vui vẻ thì đó gọi là nỗi khổ trong địa ngục. Này Tỳ-kheo! Ta đã dùng vô lượng phương tiện nói cho các thày nghe về địa ngục, vê sự việc ở địa ngục, song sự khổ ở địa ngục không thể nói hết được. Chỉ có thể nói là địa ngục chỉ toàn thống khổ mà thôi. Này Tỳ-kheo, có lúc người ngu si kia ra khỏi địa ngục, sanh làm súc sanh thì súc sanh đó cũng rất khổ. Này Tỳ-kheo, thế nào là nỗi khổ của súc sanh? Nếu chúng sanh nào sanh vào loài súc sanh, tức sanh vào loài sống trong tăm tối, lớn lên trong tăm tối và chết đi trong tăm tối. Đó là loài gì? Là loài trùng sống trong đất.89Do lúc trước, người ngu si ấy tham đắm vi ngọt vật chất, người đó hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Sau khi hành động với thân làm việc ác? miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác rồi, do nhân duyên đó, đến lúc qua đời, người đó sanh trong loài súc sanh, tức làm loài sống trong tăm tối, lớn lên trong tăm tối và chết đi trong tăm tối. Như vậy gọi là nỗi khổ của súc sanh. Này Tỳ-kheo, thế nào là nỗi khổ của súc sanh? Nếu chúng sanh nào sanh vào loài súc sanh, tức sanh vào loài sống trong

thân, lớn lên trong thân và chết đi trong thân. Đó là loài gì? Là loài sanh trùng ghẻ chóc. Bởi do lúc trước, người ngu si ấy tham đắm vị ngọt vật chất, người đó hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Sau khi hành động với thân làm việc ác? miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác rồi, do nhân duyên đó, khi qua đời, người đó sanh vào loài súc sanh, tức làm loài sống trong thân, lớn lên trong thân và chết trong thân. Như vậy gọi là nỗi kho của súc sanh. Này Tỳ-kheo? thế nào là nỗi khổ của súc sanh? Nếu chúng sanh nào sanh vào loài súc sanh, tức sanh vào loài sống trong nước, lớn lên trong nước và chết đi trong nước. Đó là loài gì? Là loài cá ma-kiệt^ rùa, cá sấu, bà-lưu-ly?10 de ti,11 đề-tỉ-già-la.12 Bởi do lúc trước, người ngu si ấy tham đắm vị ngọt vật chất, người đó hành động với thân làm việc ác? miệng nói lời ác và ý nghĩ điêu ác. Sau khi hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác rồi, do nhân duyên đó nên khi qua đời, người đó sanh vào loài súc sanh, làm loài sống trong nước, lớn lên trong nước và chết đi trong nước. Như vậy gọi là nỗi khổ của súc sanh. [0761b04] Này Tỳ-kheo, thế nào là nỗi khổ của súc sanh? Nếu chúng sanh nào sanh vào loài súc sanh, tức sanh vào loài có răng đê căn, sông nhờ ăn rau cỏ

8 Tham khảo: M. 129: Các loại sâu hay giòi puḷavã, giun ganduppādā. Bālo idha pubbe rasādo người ngu trước kia thưởng thức vị ngọt ơ nơi nay. 9 Nguyên tác: Ma-kiệt ngư mañkara, một loài thủy quái. 10 Bà-lưu-ni varunà, tên một loại rắn nước, thuồng luồng. Theo J. VI. 545, đó là tên của một vị long vương. 11 Đề-tỷ ,timỉ, một loại cá lớn. 12 Đề-tỷ-già-la *g/, một loại cá lớn có thể nuốt cả một chiếc thuyền.

hay cây lá. Đó là loài gì? Là voi, ngựa, lạc dà, bò, lừa, nai, trâu và heo. Bởi do lúc trước, người ngu si ấy tham đăm vi ngọt vật chát, người đó hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Sau khi đã hành động với thân làm việc ác5 miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, do nhân duyên đó, khi qua đời, người đó sanh vào loài súc sanh, làm loài có răng để cắn, sống nhờ ăn rau cỏ hay cây lá. Như vậy gọi là nỗi kho của súc sanh. Này Tỳ-kheo5 thế nào là nỗi khổ của súc sanh? Nếu chúng sanh nào sanh vào loài súc sanh, tức sanh làm loài súc sanh mà khi nghe mùi đại tiểu tiện của người ta, liền chạy đến chỗ đó để ăn chất thải đó. Cũng như kẻ nam người nữ khi ngửi thấy mùi thơm thức ăn thức uống, liền chạy đến nơi ấy và nói: "Đây là đồ ăn, đây là đồ n.” Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh nào sanh vào súc sanh, tức làm loài súc sanh mà khi nghe mùi người ta đại tiểu tiện ra, liền chạy đến nơi đó để ăn chất thải đó. Đó là loài gì? Là gà, heo, chó, chó sói, quạ, câu- lâu-la5 câu-lăng-già.13 Bởi do lúc trước, người ngu si ấy tham đắm vị ngọt vật chất, người đó hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Sau khi hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, do nhân duyên đó, khi qua đời, người đó sanh vào súc sanh, làm loài ăn phân dơ. Như vậy gọi là nỗi kho của súc sanh. Này các Tỳ-kheo5 Ta đã dùng vô lượng phương tiện để nói cho các thầy về súc sanh, nói về sự việc của súc sanh, nhrnig nỗi khổ của súc sanh thì không làm sao nói hết được. Chỉ nói là ở súc sanh chỉ toàn thống khổ mà thôi. Này Tỳ-kheo, nếu người ngu si kia ra khỏi đường súc sanh, sanh trở lại

làm người là điều vô cùng khó khăn. Vì sao như vậy? Vì kẻ kia ở trong loài súc sanh không thực hành nhân nghĩa, không theo lễ nghi phép tắc, không làm việc lành; vả lại súc sanh ăn nuốt lẫn nhau, con mạnh ăn con yếu, con lớn ăn con nhỏ. Này Tỳ-kheo! Ví như cõi đất này tràn đầy nước, có một con rùa mù, sống lâu vô lượng trăm ngàn năm. Trên mặt nước kia có miếng ván vừa nhỏ vừa nhẹ, và chỉ có một lỗ duy nhất, lại bị gió thổi trôi. Này Tỳ-kheo, ý thầy nghĩ sao? Con rùa mù kia, đầu nó có the chui vào cái lỗ duy nhất của miếng gỗ vừa nhẹ, vừa nhỏ kia chăng? Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Có thể chui được, nhung thật lâu, rất lâu và cực khó. The Ton bao: Này Tỳ-kheo! Trải qua một trăm năm5 con rùa mù bơi đến phương Đông roi ngoi đầu lên thì miếng gỗ chỉ có một lỗ hỏng kia lại bị gió thổi từ phương Đông dạt qua phương Nam. Rồi trải qua một trăm năm, con rùa mù bơi đến phương Nam rồi ngoi đầu lên thì miếng gỗ chỉ có một lỗ kia đã bị gió thổi từ phương Nam dạt qua phương Tây. Trải qua một trăm năm nữa, con rùa mù bơi

13 Câu-lâu-la ()câu-lăng-ca ().M. 129 chỉ kể 4 loại: Kukkutā (gà), sūkarā (heo), sonā (chó), siñgalā (dã can).

đến phương Tây rồi ngoi đầu lên thì miếng gỗ chỉ có một lỗ kia đã bị gió thổi từ phương Tây dạt qua phương Bắc. Lại trải qua một trăm năm, con rùa mù bơi đến phương Bắc rồi ngoi đầu lên thì miếng gỗ chỉ có một lỗ kia đã bị gió thổi từ phương Bắc dạt đến các phương khác. Này Tỳ-kheo9 ý thầy nghĩ sao? Con rùa mù ấy có chui vào được lỗ của miếng gỗ kia chăng? [0761C09] Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Có thể chui vào được, nhưng thật lâu? rất lâu và cực khó.14

Này Tỳ-kheo! Cũng vậy, người ngu si kia, từ cõi súc sanh thoát ra mà trở lại làm người thì cũng rất khó. Vì sao như vậy? Kẻ kia khi sanh vào loài súc sanh, không thực hành nhân nghĩa, không theo lễ nghi phép tắc, không làm việc tốt lành, vả lại loài súc sanh lại ăn nuốt lẫn nhau, con mạnh ăn con yếu, con lớn nuốt con nhỏ. Này Tỳ-kheo! Nếu người ngu si khi được thoát ra khỏi loài súc sanh, sanh lên làm người, lại sanh vào nhà thuộc giai cấp hạ tiện, xấu xí, bần cùng, ăn uống thiêu thôn, kiêm thức ăn rát khó. Đó là hạng người nào? Là cai ngục, là thợ thuyên, là nhà thủ công, nhà làm đô gôm và các người tháp kém khác và các hạng tương tự như vậy. Tát cả đêu xâu xí, bân cùng, ăn uông thiêu thôn, kiêm ăn rất khó. Họ sanh vào những nhà như vậy. Khi sanh vào đó rồi, hoặc bị đui mù, hoặc bị què, hoặc khuỷu tay ngắn, hoặc bị gù? hoặc chỉ dùng tay trái, da dẻ xấu xí, mặt như mặt dê, tướng mạo khó coi, mạng sông ngăn ngủi, bị người sai sử. Người đó hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điêu ác. Sau khi hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác rồi, do nhân duyên đó nên khi qua đời, người đó trở lại chỗ ác, đọa vào địa ngục. Cũng như hai người cùng đánh bạc, một trong hai người đó, canh bạc đầu sẽ mất tôi tớ và mất cả vợ con, sau đó lại để thân mình bị treo ngược trong nhà khói.15 Người đó tự nghĩ: "Ta không dám ăn uống, song canh bạc đầu ta mất tôi tớ, mất cả vợ con; canh bạc cuối, thân ta bị treo ngược trong nhà kh6i." Này Tỳ-kheo? canh bạc ấy thua như vậy vẫn rất ít, chỉ mất tôi tớ, mất vợ con và sau đó thân bi treo ngược trong nhà khói. Này Tỳ-kheo,

canh bạc này mới đáng kể. Đó là hành động của thân làm việc ác9 miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác. Sau khi hành động với thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác rồi, do nhân duyên đó nên khi qua đời, người đó trở lại chỗ ác, đọa vào địa ngục. Này Tỳ-kheo! Đối với các việc làm này, thật không thể vui, thật không thể thích, chẳng phải điều đáng nghĩ tưởng đến. Này Tỳ-kheo! Với những điều được nói như vậy, lẽ nào vẫn chưa đầy đủ về pháp ngu si chăng?

14 Ví dụ rùa mù, xem thêm Tạp.(r02. 0099.406. 0108c06); s. 56.47 - v. 455; s. 56.48 y. 456. 15 Nguyên tác: Yên ốc ().Tham chiếu: M. 129: Uttarỉpỉ adhibandharn nigaccheyya (cuối cùng bị cột trói).

[0762a03] Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, những điều ấy đã nói đầy đủ về pháp ngu si kia. Đức Thế Tôn bảo: Thế nào là pháp trí tuệ? Người trí tuệ có có ba đặc tướng, ba dấu hiệu của người trí tuệ. Nghĩa là do hội đủ những yếu tố trí tuệ nên được gọi là trí tuệ. Ba điều ấy là gì? Người trí suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc làm thiện. Do đó người trí tuệ được gọi là bậc trí tuệ. Nếu người trí tuệ khi nghĩ không nghĩ ý thiện, nói không nói lời thiện, làm không làm điều thiện thì người trí không thể nói đó là bậc trí tuệ. Vì người có trí tuệ, nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện nên người có trí được gọi là bậc trí tuệ. Người trí tuệ ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc. Thế nào là người trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc? Người trí tuệ thường có những hành vi, hoặc lúc ngoi nhóm họp5 hoặc nơi đường cái, hoặc trong hẻm nhỏ, hoặc nơi chợ quán, hoặc ngã tư đường mà nói về những sự việc liên quan đến người trí như: Người trí từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dôi,... (cho đên) từ bỏ tà kiên mà được chánh kiến, thành tựu vô lượng pháp thiện. Nếu thành tựu vô lượng pháp thiện rồi5 người khác thấy được liền khen ngợi, người trí tuệ kia nghe được liền nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy được, họ liền khen ngợi người đó. Ta cũng có vô lượng pháp thiện, nêu có ai thây được thì cũng sẽ ngợi khen ta." Đây là điêu hỷ lạc thứ nhất mà thân tâm người trí tuệ cảm thọ được ngay trong đời hiện tại. Lại nữa, người trí tuệ kia thấy người của vua dùng các thứ hình phạt để trị giặc cướp, như chặt tay, chặt chân, hoặc chặt cả tay lẫn chân, hoặc xẻo tai, xẻo mũi, hoặc xẻo cả tai lẫn mũi, hoặc lóc từng miếng thịt, hoặc nhổ t6c, bứt râu, hoặc nhổ cả râu và tóc, hoặc nhốt vào trong cũi rồi quấn vải hỏa thiêu, hoặc vùi trong cát rồi đắp cỏ lên trên mà đốt, hoặc nhốt vào trong bụng lừa sắt hay miệng heo sắt hoặc miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vào vạt đồng hay chảo sắt đun nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng chĩa bén đâm, hoặc lấy móc sắc mà móc, hoặc đặt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi giội lên, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho rắn rết mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọc, hoặc dùng đòn gánh đánh, hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán, hoặc chém đầu rồi bêu trên cay. Người trí tuệ kia thấy rồi liền suy nghĩ: 66Nếu ai gây tạo vô lượng pháp ác, bất thiện, nếu nhà vua biết được thì sẽ bị bắt và khảo tra như vậy. Ta không gây tạo vô lượng pháp ác9 bất thiện thì ta hoàn toàn chẳng bị những hình phạt thống khổ của vua như vậy.99 Đây là điều hỷ lạc thứ hai mà

thân tâm người trí tuệ cảm thọ được ngay trong đời hiện tại.

199. KINH BẬC TRI VÀ NGƯỜI NGU 1339

[0762b05] Lại nữa, người trí tuệ kia với thân thực hành diệu hạnh, miệng và ý thực hành diệu hạnh. Người đó gặp lúc bệnh khổ, hoặc nằm ngồi trên giường, hoặc nằm nệồi trên ván, hoặc nằm ngồi dưới đất, bản thân cực kỳ đau kho, tưởng như sắp chết. Bấy giờ, những diệu hạnh mà vị đó đã làm từ thân, miệng và ý đều hiện lên trước mắt của vị đó. Ví như vào lúc xế chiều, mặt trời sắp lặn xuông thì bóng núi cao đô dài trên mặt đất. Cũng vậy, vào lúc ây? những diệu hạnh mà vị đó đã làm từ thân, miệng và ý hiện lên trước mắt người đó. Người kia tự nghĩ: "Dây là những diệu hạnh mà ta đã làm từ thân, miệng và ý đang hiện diện trước mắt. Trước đây ta không làm điều ác mà tạo nhiều việc phước. Nêu có nơi nào dành cho những người không làm ác? không hung bạo, không làm điêu phi lý, chỉ làm phước, chỉ làm thiện, tạo chỗ quy mạng và nương tựa khi sợ hãi thì ta sẽ đến chỗ lành đó mà không sanh tâm hối han." Do không hối hận nên người ấy lâm chung nhẹ nhàng, qua đời an lành. Đây là điều hỷ lạc thứ ba mà thân tâm người trí tuệ cảm thọ được ngay trong đời hiện tại. Lại nữa, người trí tuệ kia với thân thực hành diệu hạnh, miệng và ý thực hành diệu hạnh. Người ấy sau khi thân thực hành diệu hạnh, miêng và ý thực hành diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi qua đời, chắc chắn sẽ đên cõi lành, sanh lên cõi trời. Vị ấy đã sanh lên cõi đó roi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ. Nếu ai nghĩ rằng: “Noi nào hoàn toàn đáng yêu, đáng thích và đáng nhớ nghĩ thì nơi đó được nói là cõi lành." Vì sao như vậy? Vì chốn lành kia hoàn toàn đáng yêu, đáng thích và đáng nhớ nghĩ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, chắp tay hướng Phật và thưa: -Bạch Thế Tôn, cõi lành là thế nào? The Ton đáp: Này Tỳ-kheo! Cõi lành không thê nào nói hét, nhưng khi nói vê sự an lạc nơi cõi lành thì có thể nói rằng, cõi lành chỉ có toàn an lạc. Tỳ-kheo ấy lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Xin Ngài có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy chăng? The Ton đáp: - Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví như Chuyển Luân Vương thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài người. Này Tỳ-kheo5 ý thây nghĩ sao? Chuyên Luân Vương kia thành tựu đây đủ bảy báu và bôn như ý túc của loài người thì vị vua kia, nhân đó thân tâm có cảm thọ hỷ lạc cùng cực chăng? [0762c02] Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu ai thành tựu được một báu và một như ý túc của loài người thì đã lãnh thọ được hỷ lạc cùng cực, huống nữa là Chuyển Luân Vương thành tựu hết bảy báu và bốn như ý túc của loài người, lẽ nào chăng phải là cảm thọ hỷ lạc cùng cực đó sao?

1340 KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu rồi hỏi Tỳ-kheo: Thầy có thấy viên đá nhỏ bằng hạt đậu mà Ta cầm trong tay chăng?

Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Con có thấy. Thế Tôn lại hỏi: Này Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ sao, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với núi chúa Tuyết thì cái nào lớn hơn? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đem so với núi chúa Tuyết thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, không thể so

sánh kịp, không the tính toán, không the so sánh được, chỉ nói là núi chúa Tuyết cực kì to lớn. Thế Tôn lại bảo: -Này Tỳ-kheo! Nêu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta câm đây đem so với núi chúa Tuyết thì quả thật nhỏ bé, nhỏ gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, hoàn toàn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không the ví dụ được, chỉ nói là núi chúa Tuyết cực kì to lớn thôi. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Chuyển Luân Vương đã thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài người thì thân tâm vị vua kia, cảm thọ niềm hỷ lạc cùng cực, nhưng nếu đem so sánh với sự hỷ lạc ở các cõi trời thì thật kém gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, không thể sánh kịp5 không thể tính toán, không thể ví dụ, không thể so sánh. Thế nên khi nói về sự an lạc nơi cõi lành thì có the nói rang cõi lành chỉ có toàn an lạc. Này Tỳ-kheo! Thế nào là sự an lạc nơi cõi lành? Có cõi lành gọi là Sau Xúc, nếu chúng sanh nào sanh vào trong đó5 khi đã sanh vào cõi ấy rồi thì sắc được thây bởi mát rát đáng vui thích, vừa ý. Cõi ây đáng vui thích nên tâm ý tràn ngập luyến ái. Cõi ấy tràn ngập luyến ái nên tâm ý hân hoan, hạnh phúc. Cõi ấy hân hoan, hạnh phúc nên âm thanh được nghe từ tai, mùi hương được ngửi do mũi, vị được nêm bởi lưỡi, sự xúc chạm nơi thân, pháp được biêt bởi ý, đêu rất đáng vui thh, vừa ý. Do đáng vui thích nên tâm ý tràn ngập luyến ái. Do cõi ấy tràn ngập luyến ái nên tâm ý hân hoan, hạnh phúc. Như vậy gọi là sự an lạc ở cõi lành. Này Tỳ-kheo! Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về cõi lành, nói sự việc ở cõi lành cho các thầy nghe. Song sự an lạc nơi cõi lành kia không thể nói hết được, có thể nói rằng cõi lành chỉ có toàn an lạc. Này Tỳ-kheo! Nếu người trí tuệ kia, khi từ cõi lành đến để sanh vào nhân gian thì sẽ sanh vào nhà rất giàu sang, tiền tài vô số, nhiều tôi tớ và vật nuôi, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy dẫy và rất nhiều nhu cầu sinh hoạt khác. Đó là hạng người nào? Là nhà đại trưởng giả dòng Sát-lợi, nhà trưởng giả dòng Phạm-chí, nhà trưởng giả cư sĩ và các nhà cực kỳ giàu có khác, tiền của vô số,

nhiều tôi tớ và vật nuôi, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy dẫy và biết bao nhu cầu sinh hoạt khác. Sanh vào nhà như vậy, với tướng mạo đoan chánh, đáng yêu, nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy thân lại thực hành diệu hạnh, miệng và ý thực hành diệu hạnh, sau khi thân thực hành diệu hạnh, miệng và ý thực hành diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi qua đời thì sanh trở lại cõi lành, sanh lên cõi trời. [0763a09] Ví như hai người đánh bạc, trong đó một người thắng ván đầu và tiếp tục đánh, thắng được nhiều tiền tài. Người ấy nghĩ rằng: "Ta chẳng có mưu mô5 nhưng ván đầu ta thắng và tiếp tục canh bạc như vậy? ta lấy được nhiều tiền của.^, Này Tỳ-kheo, canh bạc đó quá nhỏ, mà người ấy lại có được nhiều tiền của. Này Tỳ-kheo, canh bạc này mới đáng kể, đó là thân thực hành diệu hạnh, miệng và ý thực hành diệu hạnh. Sau khi thân thực hành diệu hạnh, miệng và ý thực hành diệu hạnh, do nhân duyên đó? khi qua đời thì sanh trở lại cõi lành, sanh lên cõi trời. Này Tỳ-kheo, các việc làm này là sự việc rất đáng vui, rất đáng thích, rất đáng được thích ý. Này Tỳ-kheo? pháp của người trí tuệ được nói như vậy? lẽ nào vẫn chưa đầy đủ chăng? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Pháp của người trí tuệ được nói như vậy là đã đầy đủ. FT^ Ạ _ L ? _ The Ton bảo: -Đó là pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Các thây cân phải biết pháp của người ngu si và

pháp của người trí tuệ. Đã biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ rồi thì phải xả bỏ pháp của người ngu si và chọn lấy pháp của người trí tuệ. Các thầy phải nên học tập như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.16

16 Bản Hán, hết quyển 53.

200. KINH NGƯỜI BẮT RẮN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo A-lê-tra2 vốn là người Già-đà-bà-lê34đã phát sanh nhận thức sai lầm như vầy: "T6i hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ng@i.'"4 Các Tỳ-kheo nghe vậy liền đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra rồi hỏi:

1 Quyển 54. Nguyên tác: A-lê-tra kinh (roi. 0026.200. 0763b0l). Tham chiếu: Tăng. (r.02. 0125.43.5. 0759c29; Tg.(r.02. 0125.50.8. 08l2c02); Ma-ha-tăng-kỳ luật (722. 1425.17. 0367a03-b20); Tứ phan luật (722. 1428.45. 0895b02-0896b24); M. 22. Alagaddūpama Sutta (Kinh ví dụ con răn). 2 A-lê-tra Arittha) nghĩa đen là tàn bạo, không may mắn, ở đây là tên riêng của vị Tỳ-kheo. 3 Nguyên tác: Già-đà-bà-lợi ().M. 22: Gaddhabādhī(người huấn luyện chim ưng).

4 Nguyên tác: Hành dục giả vô chướng ngại ().Tham chiếu: M. 22: Tathāham bhagavatā dhammam desitam ājānāmi yathā yeme r antarāyikā dhammā vutta bhagavatā te patisevato nālarn antarāyāyā "ti (Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thê Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự ichông có chướng ngại gì), HT. Thích Mmh Chau dịch.

"Này A-le-tra, có phải thầy đã nói như vầy: 'Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngai" chang?^ Tỳ-kheo A-lê-tra trả lời chúng con rằng: "Thua chư Hiền, thật sự tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngai.'" Bạch Thế Tôn! Chúng con khiển trách rằng: "Này A-lê-tra? chớ nói như thế, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không bao giờ nói như vậy. Này A-lê-tra, dục là pháp chướng ngại. Đức Thê Tôn đã dùng vô số phương tiện nói dục là pháp chướng ngại. Này A-lê-tra, thầy nên xả bỏ nhận thức sai lầm ấy." Chúng con khiển trách rồi nhưng Tỳ-kheo A-lê-tra vẫn cố chấp nhận thức sai lầm của mình và nhất quyết nói: "Dây là điều chân thật, ngoài ra là hư vQng" và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con không thể khuyên bảo Tỳ- kheo A-lê-tra xả bỏ nhận thức sai lâm ây nên đứng dậy ra vê. Đức Thế Tôn nghe xong liền bảo một thầy Tỳ-kheo: -Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra và nói như vầy: "Bức Thế Tôn truyền gọi thầy." ^ [0763c02] Bấy giờ, vị Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra và nói: -The Ton truyên gọi thay. Tỳ-kheo A-lê-tra liền đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này A-lê-tra, có đúng là thầy đã nói như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngại"chăng? A-lê-tra đáp: -Bạch Thế Tôn! Quả thật con hiểu đức Thế Tôn nói pháp

như vầy: "Hành dục không bị chướng ngại." Đức Thế Tôn khiển trách: Này A-lê-tra! Bằng cách nào mà thầy hiểu Ta nói pháp như vậy? Thầy nghe từ miệng người nào mà cho rằng Ta nói pháp như vậy? Thầy quả là người mê muội. Ta không nói một chiều mà thầy lại đi nói một chiều. Thầy là người mê muội! Khi nghe các Tỳ-kheo cùng khiển trách, bấy giờ thầy phải đúng như pháp mà trả lời. Hôm nay, Ta sẽ hỏi lại các Tỳ-kheo. Rồi đức Thế Tôn liền hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy cũng hiểu Ta nói pháp như vầy: "Hành dục không bi chướng ngại" chăng? Bấy giờ, các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không phải vậy!

200. KINH NGƯỜI BẮT RẮN 1345

Đức Thế Tôn hỏi: Các thầy hiểu Ta nói pháp như thế nào?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn! Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Dục là pháp chướng ngại. Thê Tôn đã nói dục là pháp chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Thế Tôn đã nói dục như bộ xương khô. Dục như miếng thịt, Thế Tôn đã nói dục như miếng thịt. Dục như cây đuốc trong tay, Thế Tôn đã nói dục như cây đuốc trong tay. Dục như hầm lửa, Thế Tôn đã nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc, Thế Tôn đã nói dục như rắn độc. Dục như giấc mộng, Thế Tôn đã nói dục như giấc mộng. Dục như đồ vay mượn, Thế Tôn đã nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Thế Tôn đã nói dục như trái cây." Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy. Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo? các thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao như thế? Vì Ta cũng nói: Dục là pháp chướng ngại, Ta đã nói dục là pháp chướng ngại. Dục như bộ xương khô, Ta đã nói dục như bộ xương khô. Dục như miêng thịt, Ta đã nói dục như miêng thịt. Dục như cây đuôc trong tay, Ta đã nói dục như cây đuôc trong tay. Dục như hâm lửa, Ta nói đã dục như hâm lửa. Dục như rắn độc, Ta đã nói dục như rắn độc. Dục như giấc mộng, Ta đã nói dục như giấc mộng. Dục như đồ vay mượn, Ta đã nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây, Ta đã nói dục như trái cây. [0764a02] Đức Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Các thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhưng A-le-tra là người mê muội, đã ghi nhớ và hiểu biết sai lệch về nghĩa và văn. Thầy ấy do tự ghi nhớ và hiểu biết sai lệch nên đã xuyên tạc Như Lai, tự gây tổn hại cho minh, có tội, có phạm, là điêu mà các bậc Phạm hạnh có trí không hoan hỷ nên mắc một tội lớn.5 Này người mê muội kia, thầy có biết chỗ xấu ác? bất thiện này chăng? Lúc ấy, Tỳ-kheo A-lê-tra bị đức Thế Tôn khiển trách, trong lòng rầu ri, cúi đầu im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư. Sau khi đức Thế Tôn đã khiển trách Tỳ-kheo A-lê-tra, Ngài lại nói với các Tỳ-kheo: Nếu phắp Ta nói mà ý nghĩa được hiểu biết đầy đủ? tường tận thì nen thọ trì đúng như vậy. Nêu pháp Ta nói mà ý nghĩa không được hiểu biết đay đủ? tường tận thì phải hỏi lại Ta hay các bậc Phạm hạnh có trí. Vì sao như vậy? Vì có những người ngu muội ghi nhớ và hiểu biết sai lệch cả nghĩa và văn. Do họ tự mình ghi nhớ và hiểu biết sai lệch, cho nên mới hiểu pháp kia như vậy, như vậy, tức là Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản

5 Tội này còn gọi là Tăng-già-bà-thi-sa ,vì không chịu nghe Tăng can gián sau 3 lần.

khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa.6 Người ấy nhờ tranh luận mà biết ý nghĩa này, chứ không phải do giải thoát mà biêt ý nghĩa này. Tuy họ biêt pháp này nhưng không hiêu được ý nghĩa nên chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao như vậy? Vì họ ghi nhớ và hiểu pháp một cách sai lệch. Như có người muôn băt được răn, liên đi tìm răn. Khi đi tìm răn, người đó đi vào rừng hoang, thây con răn rát lớn, liên bước tới, dùng tay năm lây limg rắn; rắn liền ngóc đầu quay lại mổ vào tay, chân, hoặc các bộ phận khác trên thân. Người đó làm nghề bắt rắn nhưng không thành tựu được mục đích mà chỉ chuốc lây cực khô luông công, tự gây phiên nhọc. Vì sao như vậy? Vì người ây không biết rõ cách bắt ran. Cũng vậy, như có những người ngu muội ghi nhớ và hiểu biết sai lệch cả nghĩa và văn. Do họ tự mình ghi nhớ và hiểu biết sai lệch, cho nên mới hiểu pháp kia như vậy, như vậy, tức là Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha5 Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng . y ĩ ___ : giải, Vị tăng hữu pháp và Thuyêt nghĩa. Họ nhờ tranh luận mà biêt ý nghĩa này chứ không phải do giải thoát mà biết ý nghĩa này. Tuy họ biết pháp này, nhưng không hiểu được ý nghĩa nên chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao như thê? Vì họ ghi nhớ và hiêu pháp một cách sai lệch. Nếu như có người thiện nam ghi nhớ và hiểu biết không sai lệch cả nghĩa và văn. Vị ấy do ghi nhớ và hiểu biết không sai lệch, cho nên hiểu pháp kia như vậy, như vậy, tức là Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết, Kệ-tha5 Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Vị ây không vì tranh luận mà biêt ý nghĩa này, chỉ nhờ giải thoát mà biêt được ý nghĩa này. Vi ấy biết pháp này và cũng hiểu được ý nghĩa nên không chuốc lấy cực khổ luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao như thế? Vì vi ấy ghi nhớ và hiểu pháp không sai lệch. [0764b06] Cũng như có người muốn bắt rắn, liền đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người ấy tay cầm gậy sắt, đi vào rừng hoang, thấy một con rắn rất lớn, liền lấy gậy săt đè lên đâu con răn, roi dùng tay năm đâu nó. Răn tuy quay đuôi lại quân tay, quấn chân, hoặc các thân phan khác, nhưng nó không thể cắn được. Người ấy làm nghề bắt rắn và đã thành tựu được mục đích, không chuốc lấy cực khổ luống công, cũng không tự gây phiền nhọc. Vì sao như thế? Vì người ấy khéo biết cách bắt ran. Cũng vậy, như có người thiện nam ghi nhớ và hiểu biết không sai lệch cả nghĩa và văn. Vị ấy do ghi nhớ và hiểu biết không sai lệch cho nên hiểu pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết, Kệ-tha? Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu

6 Nguyên tác: Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Saxứ, Quảng hữuL Thuyết nghĩa ,,
gôm 12 bộ loại. M. 22 chỉ liệt kê 9 loại: Suttarn geyyam veyyākaranam gātham udānam ittivuttakamjātakam abbhutadhammarn vedallarn.

pháp và Thuyết nghĩa. Vị ấy không vì tranh luận mà biết ý nghĩa này, chỉ nhờ giải thoát mà biết được ý nghĩa này. Vị ấy biết pháp này và cũng hiểu được ý nghĩa nên không chuôc lây cực khô luông công, không tự gây phiên nhọc. Vì sao như thế? Vì vị ấy ghi

nhớ và hiểu pháp không sai lệch. Ta thường nói cho các thầy nghe ví dụ về chiếc bè? để các thầy biết mà xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Ta thường nói cho các thây nghe ví dụ vê chiêc bè5 đê các thây biêt mà xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ, nghĩa là thế nào? Ví như dòng nước lũ từ núi đổ xuống, rất sâu, rất rộng, chảy xiết cuốn trôi nhiều thứ. Nơi đó không có thuyền bè, cũng chẳng có cầu ngang. Như có người đi đến, vì có việc cần qua bờ bên kia nên người ấy nghĩ rằng: "d đây, có dòng nước lũ từ núi đô xuổng, rát sâu, rát rộng, chảy xiêt và CUÔĨ1 trôi nhiêu thứ. Nơi đây không có thuyền bè, cũng chẳng có cầu ngang. Ta có công việc cần phải qua bờ bên kia thì phải dùng phương tiện gì để đến bờ bên kia được yên 6n?" Lại suy nghĩ: "Nay ở bờ bên này, ta hãy góp nhặt cỏ, cây, cột làm bè rồi nương vào đó để qua s6ng." Người ấy liền ở bờ bên này góp nhặt cỏ, cây cột lại làm bè7 rồi nương vào đó đê qua sông. Đên bờ bên kia được yên ôn, liên nghĩ răng: "ChiOc bè này có nhiều ích lợi. Nhờ nó mà ta đã yên ổn bơi từ bờ bên kia sang bờ bên này. Nay ta hãy vác nó lên vai phải hoặc đội trên đầu mà di." Người ấy liền vác chiếc bè trên vai phải, hoặc đội trên đầu mà đi. Ý các thầy nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có thể có lợi ích gì đoi với chiếc bè chăng? [0764c04] Bấy giờ, các Ty-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại nói: Người ấy phải làm thế nào để được lợi ích đối với chiếc bè? Người ấy phải nghĩ như vầy: "Chiếc bè này có nhiều lợi ích. Nhờ nó mà ta an ổn từ bờ kia sang bờ này. Nay ta nên thả chiếc bè này trở lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi chng?" Người ấy liền đem chiếc bè này thả lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi. Ý các thầy nghĩ sao? Người ấy làm như vậy có ích lợi gì đối với chiếc bè chăng? Bấy giờ5 các thầy Tỳ-kheo đáp: -Thưa có, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn dạy: Cũng vậy, Ta đã vì các thầy mà thường nói pháp ví dụ về chiếc bè, để các thầy biết mà xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Thế nên các thầy phải biết Ta

7 Nguyên tác: Bê phiệt .M. 22: Kullūpama. Gồm 2 thành tố, kulā', chiếc bè; upama', những thứ tương tự như thé.

thường nói pháp ví dụ về chiếc bè là để thấy rằng: Với pháp chân thật8 còn phải xả bỏ, huống là phi pháp. Lại nữa, có sáu kiến xứ.9 Đó là những gì? Tỳ-kheo? đối với những gì thuộc sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa, tất cả sắc ấy không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của sắc ấy, sắc ấy không phải là tự ngã.10 Quán sát băng tuệ giác như vậy để biết như thật về chúng. Những gì thuộc thọ, thuộc tưởng,11 những gì thuộc về kiến chấp này đều không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã. Quán sát bằng tuệ giác như vậy để biết như thật ve chúng. Những gì thuộc về kiến chấp này, như thấy, nghe, nhận biết,12 được thủ dắc, được quán sát, được tư niệm bởi ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này; tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã. Quán sát bằng tuệ giác như vậy để biết như thật về chúng. Những gì thuộc về kiến chấp này, như "dây là tự ngã,13 đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở

đời sau, là pháp thường tru, không biến chuyển, là pháp hằng hữu, không hủy hoại; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngâu' Quán sát bang tuệ giác như vậy để biết như thật về chúng. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, chắp tay hướng Phật và thưa: -Bạch Thế Tôn! Có sự việc nào do bên trong mà gây ra sợ hãi chăng?14 Đức Thế Tôn đáp: - Có điều ấy. [0765a01] Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là do bên trong mà gây ra sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp: Nếu Tỳ-kheo thấy như vầy, nói như vầy: "Su việc kia, lúc trước có thể là không, giả như chúng hiện hữu thì ta cũng không có được.95 Do thấy như vậy,

8 Nguyên tác: Thị pháp ."Thị”dùng như chữ "that”.Tham chiếu: Tăng.02. 0125.43.5 0760a26: Thiện pháp còn phải xả bỏ huống hồ phi pháp . 9 Nguyên tác: Kiến xứ ,ditthitthāna'. Cơ sở của kiến chấp. 10 Nguyên tác: Diệc phi thị thần .M. 22: Na m 'eso attā cái đó không phải là tự ngã của tôi. 11 Nêu dẫn "sắc",“thẹ",“tưởng”mà không đề cập về "hành”. 12 Nguyên tác: Kiến, văn, thức tri .M. 22: Dittham sutam mutarn viññātam cái được thấy, được nghe, được cảm giác, được nhạn thức. 13 Nguyên tác: Thử thị thần .M. 22: So attā đây là tự ngã. 14 Tham chiếu: M. 22: "Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?,, HT. Thích Minh* Châu dịch.

nói như vậy nên vị ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc than, đấm ngực, phát cuồng si. Này Tỳ-kheo? như vậy là do bên trong mà có sợ hãi. Nghe xong, Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn, rồi lại hỏi: Bạch Thê Tôn! Có sự việc nào do bên trong mà không gây ra sợ hãi chăng? Đức Thế Tôn đáp: - Có điều ấy! Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là do bên trong mà không có sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp: Nếu Tỳ-kheo không thấy như vầy, không nói như vầy: "Sịt việc kia lúc trước có thể là không, nếu như chúng hiện hữu thì ta cũng không thể có được?5 Tỳ-kheo đó do không thay như vậy, không nói như vậy nên vị ấy không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc than, không đấm ngực, không phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên trong mà không có sợ hãi. Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn, rồi lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Có sự kiện nào do bên ngoài mà có sợ hãi chăng?15 Đức Thế Tôn đáp: -Có điều ấy! Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là do bên ngoài mà có sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp: Nếu Tỳ-kheo thấy như vầy, nói như vầy: “Dây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau." Do thấy như vậy, nói như vậy nên khi gặp Như Lai, hoặc đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ. Bấy giờ, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai vì muốn diệt trừ tất cả kiến chấp về thân thường trụ16 cho nên noi pháp, khiến người ấy lìa bỏ tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt trừ kiết sử kiêu mạn, cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, vì muốn diệt trừ tất cả kiến chấp về thân thường trụ cho nên nói pháp, vì để người ấy lìa bỏ tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp, người ấy liền ưu sầu, phiền muộn, khóc than, đấm ngực, phát cuồng si và nói như vay: "Ta sẽ bị đoạn diệt,

không còn tái sanh nữa,99 Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài thường sống với những điều không đáng yêu, không đáng thích, không nên nhớ nghĩ. Cho nên người ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc than, đấm ngực, phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà có sợ hãi.

15 Tham chiếu: M. 22: “Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài có thể không gây lo âu phiền muộn?,, 16 Nguyên tác: Tự thân ,cũng được dịch là "hữu thân".

Tỳ-kheo ấy tán thán đức Thế Tôn, rồi lại hỏi: -Bạch Thế Tôn! Có sự kiện nào do bên ngoài mà không có sợ hãi chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Có điều ấy! Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là do bên ngoài mà không có sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp: -Nếu Tỳ-kheo không thấy như vầy, không nói như vầy: "Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau." Và do không thấy như vậy, không nói như vậy, khi vị ấy gặp Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ; và bay giờ, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, vì diệt trừ tất cả kiến chấp về thân thường trụ cho nên nói pháp, vì để người ây lìa bỏ tát cả lậu, tát cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiêt sử kiêu mạn, cho nên nói pháp. Người ấy, được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, vì diệt trừ tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì lìa bỏ tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp; người ấy không ưu sầu, không phiên muộn, không khóc than, không đâm ngực, không phát cuông si và không nói như vầy: "Ta sẽ bị đoạn diệt, không còn tái sanh nữa." Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài thường sống với những điều đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghi, cho nên không ưu sầu, không phiền muộn, không khóc than, không đấm ngực, không phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà không có sự sợ hãi. [0765bl3] Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy tán thán đức Thế Tôn: -Lành thay! Lành thay! Sau khi tán thán lành thay, vị ấy cẩn thận ghi nhớ, tụng tập những điều Phật dạy rồi liền ngồi im lặng. Bấy giờ, đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, các thầy chấp thủ17 những điều đáng được chấp thủ như vậy. Sau khi chấp thủ không sanh ưu sầu, phiền muộn, khóc than, không đâm ngực, không phát cuông si chăng? Các thầy có thấy những điều đáng được chấp thủ không sanh ưu sầu, phiền muộn, khóc than, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng? Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Các thầy nương tựa vào kiến chấp đáng được nương tựa như vậy.18 Sau khi kiến chấp lại không sanh ưu sầu, không phiền

17 Nguyên tác: Thọ :Chấp thủ ,upãdãnà. 18 Nguyên tác: Kiến y .M. 22: Ditthinissaya chỗ nương tựa của cái thấy.

muộn, không khóc than, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng? Các thầy có kiến chấp, nương tựa vào kiến chấp đáng được nương tựa như vậy, sau khi kiến chấp lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc than, không đấm ngực, không phát

cuồng si chăng? Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Các thầy chấp thủ về thân như vầy: Thân được sở hữu này là thường trụ không thay đổi, là pháp không hoại diệt. Nhưng các thầy có thấy thân được chấp thủ như vậy và sau khi thân được chấp thủ thì có thường trụ không thay đổi, là pháp không hoại diệt chăng? Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Đó gọi là? do có tự ngã mà có cái tôi, nếu không có tự ngã thì không có cái tôi. Do vậy, tự ngã này những thứ thuộc về tự ngã đều không thể nắm bắt, không thể dựng lập, cho đến cơ sở của kiến chấp trong tâm, những trói buộc, các kiết sử cũng không thể nắm bắt và không thể dựng lập. Này Tỳ-kheo? đây chẳng phải là nói đầy đủ về kiến chấp và sự vững chãi của kiến chấp,19 giống như Tỳ-kheo A-lê-tra, vốn là một người Già-đà-bà-lê chăng? [0765c03] Tỳ-kheo đáp: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Như vậy là đã nói đầy đủ về kiến chấp và sự vững chãi của kiến chấp, giống như Tỳ-kheo A-lê-tra? vốn là một người Già-đà-bà4ê. Lại nữa, có sáu kiến xứ. Đó là những gì? Tỳ-kheo, đối với những gì thuộc sắc ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả sắc ấy không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của sắc ấy, sắc ấy không phải là tự ngã. Quán sát bằng tuệ giác như vậy để biết như thật về chúng. Những gì thuộc thọ, thuộc tưởng, những gì thuộc vê kiên này, đêu không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, ta sẽ không c6, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã. Quán sát bằng tuệ giác như vậy để biết như thật về chúng. Những gì thuộc về kiến chấp này như thấy, nghe, nhận biết, được thủ đắc, được quán sát, được tư niệm bởi ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này; tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng,

19 Nguyên tác: Kiến sở tương tục :Kiến chấp vững chãi.

cũng không phải là tự ngã. Quán sát bằng tuệ giác như vậy để biết như thật về chúng. Những gì thuộc về kiến chấp này như "dây là tự ngã, đay là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau, là pháp thường trú, không biến chuyển, là pháp hằng hữu, không hủy hoại; tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngâL" Quán sát bằng tuệ giác như vậy để biết như thật về chúng. Nếu có Tỳ-kheo đối với sáu kiến xứ ấy mà không kiến chấp đó là ngã, lại cũng không kiến chấp đó là sở hữu của ngã, do vi ấy không kiến chấp như vậy nên không chấp thủ thế gian này. Do không chấp thủ thế gian này nên không sợ hãi. Do không sợ hãi nên chứng nhập Niết-bàn rồi biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Đó gọi là Tỳ- kheo băng hào,20 vượt hào,2122phá đổ thành quách,22 phá tan chướng ngại,23 được gương Thánh trí tuệ. Thế nào là Tỳ-kheo băng hào? Hào vô minh đã diệt tận, đã thấu triệt, đã nhổ sạch gốc rễ, đã dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy gọi là Tỳ-kheo băng hào. Thế nào là Tỳ-kheo vượt hào? Hào hữu ái đã diệt tận, đã thấu triệt, nhổ sạch gốc rễ, đã dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy gọi là Tỳ-kheo vượt hào. Thế nào là

Tỳ-kheo phá đổ thành quách? Sanh tử vô cùng đã diệt tận, đã thấu triệt, nhổ sạch gốc rễ, đã dẹp tan, không còn sinh trở lại nữa. Như vậy gọi là Tỳ-kheo phá đổ thành quách. Thế nào là Tỳ-kheo phá tan chướng ngại? Năm hạ phần kiết sử đã diệt tận, đã thấu triệt, nhổ sạch gốc rễ9 đã dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy gọi là Tỳ-kheo phá tan chướng ngại. Thế nào là Tỳ-kheo được gương Thánh trí tuệ?24 Ngã mạn đã diệt tận? đã thấu triệt, nhổ sạch gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy gọi là Tỳ-kheo được gương Thánh trí tuệ. Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, phá tan chướng ngại và được gương Thánh trí tuệ.

20 Nguyên tác: Độ tiệm ().M. 22: Ukkhittapaligho (người đã vứt bỏ đi các chướng ngại). 21 Nguyên tác: Quá tiệm ().M. 22: Abbūhesiko (người đã nhổ lên cột trụ). 22 Nguyên tác: Phá quách ().M. 22 : Sarnkinnaparikkho (người đã lấp hào). 23 Nguyên tác: Vô môn ().M. 22: NiraggaỊo (người đã mở tung các lề khóa). 24 Nguyên tác: Thánh trí tuệ kính ().M. 22: Ariyo pannaddhajo pannabhāro visarnyutto (vị Thánh đã hạ cây cờ xuồng, đã đặt gánh nặng xuống, không còn gì hệ lụy).

200. KINH NGƯỜI BẮT RẮN 1353

[0766a05] Như Lai đã giải thoát hoàn toàn như vậy, dù Nhơn-đà-la925 dù thiên Y-sa-na?26 dù Phạm thiên và quyến thuộc, không có ai có thể tìm thấy nơi thức an trú của Như Lai. Như Lai là Thanh tịnh, Như Lai là Mát lạnh, Như Lai là Không nóng bức, Như Lai là Bất dị. Như Lai nói như vậy, nhưng các Sa-môn? Phạm chí xuyên tạc Như Lai bang những lời hư vọng, không chân thật, rằng: ÍCSa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô.2728 Quả thật là có chúng sanh, nhung lại chủ trương là đoạn tận, hủy diệt.5528 Vì trong đây không có gì nên Như Lai đã không nói. Trong đời hiện tại, Như Lai chủ trương không ưu não. Nếu có người khác nhiêu lân măng chửi, đánh đập, sân hận, trách măng Như Lai; trong trường hợp đó Như Lai không sân hận, không thù hằn, không khởi tâm tổn hại. Nếu có ai e e r -r-i e r đánh đập? măng chửi, sân hận, trách măng Như Lai, ý Như Lai như thê nào? Như Lai tự nghĩ như vầy: "Do hành vi tạo ác nào đó của Như Lai trong quá khứ nên đưa đến sự kiện nay.^ Đối với sự mắng chửi, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai, Như Lai cũng nghĩ như vậy. Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai; Như Lai không vìr đó mà hân hoan, không vì đó mà hoan hỷ, tâm không vì đó mà vui thích. Nêu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai thì ý Như Lai như thế nào? Như Lai tư nghĩ: "Do những điêu mà ngày nay Như Lai đã chứng tri, đã đoạn trừ nên đưa đên sự kiện này?5 Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, Như Lai cũng nghĩ như vậy. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu có ai mắng chửi, đánh đập, sân hận, trách mắng các thầy, hay nếu có ai cung kính, Cling dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các thầy, các thay nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ khởi tâm tổn hại, cũng chớ phấn khởi, hân hoan, cũng đừng có tâm vui thích. Vì sao như vậy? Vì chúng ta không có bản ngã, không có những gì thuộc về bản ngã. Ví như ngay nơi đây, ngoài cửa Thắng Lâm, có cỏ khô, có cây khô, có một người mang đi đốt, tùy ý sử dụng. Ý các thày nghĩ sao? cỏ khô, cây khô kia có bao giờ nghĩ rằng: "Người ấy mang ta đi đốt, tùy ý sử dung" chăng? [0766b01] Các Ty-kheo đáp: Thưa không. Bạch Thế Tôn! Cũng

vậy, nêu có ai măng chửi, đánh đập, sân hận, trách măng các thây, nếu có ai cung kính, Cling dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các thầy thì các y nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù ghét, chớ khởi tâm tổn hại, cũng chớ

25 Nhân-đà-la Inda: Thiên Đế-thích. 26 Y-sá-na īsāna: Tự Tại thiên . 27 Nguyên tác: Ngư vô sở thi thiết .M. 22: Venayiko Samāno Gotamo Sa-môn Cù-đàm, ngươi dẫn đến chô hư vô. 28 Nguyên tác: Thi thiết đoạn diệt hoại .M. 22: Ucchedam vināsam vibhavam paññapeti chủ trương đoạn diệt, hoại diệt, tiêu diệt hữu tình.

phấn khởi, hân hoan, cũng đừng có tâm vui thích. Vì sao như vậy? Vì chúng ta không có bản ngã, không có những gì thuộc về bản ngã. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyêt, được hiên bày, được truyên bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố, được tuyên thuyết cho đến trời, người. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyết, được hiển bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng9 không hư khuyết, được lưu bố, được tuyên thuyêt cho đên trời, người như vậy, nêu có người nào thành tựu chánh trí và tuệ giải thoát mà qua đời thì vị ấy không còn trở lại luân hồi. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyêt, được hiên bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố, được tuyên thuyết cho đến trời, người. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyết, được hiển bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố5 được tuyên thuyêt cho đên trời, người như vậy, nêu có người nào đã trừ sạch năm hạ phần kiết sử mà qua đời thì sẽ sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thoái, không còn trở lại thế gian này. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyêt, được hiên bày, được truyền bá rộng rãi, không trông rông, không hư khuyêt, được lưu bô, được tuyên thuyêt cho đến trời, người. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyết, được hiển bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố5 được tuyên thuyết cho đến trời, người như vậy, nếu có người nào đã trừ sạch ba kiết sử5 đã làm giảm thiểu tham, sân, si thì chứng đắc Tư-đà-hàm, một lần qua lại cõi trời, cõi người. Sau khi trải qua một lần sanh tử sẽ vượt thoát khổ đau. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyết, được hiển bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố? được tuyên thuyết cho đến trời, người. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyết, được hiển bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố? được tuyên thuyết cho đến trời, người như vậy9 nếu có người nào đã diệt trừ ba kiết sử thì chứng đắc Tu-đà-hoàn9 không rơi vào pháp ác, quyết định sẽ đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại cõi trời, cõi người, sau bảy lần qua lại sẽ vượt thoát khổ đau. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyết, được hiển bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố, được tuyên thuyết cho đến trời, người. Pháp của Như Lai được khéo giảng thuyết, được hiển bày, được truyền bá rộng rãi, không trống rỗng, không hư khuyết, được lưu bố, được tuyên thuyết cho đen trời, người như vậy, nếu người nào có tín tâm và hoan hỷ với Như Lai mà qua đời thì chắc chắn sẽ sanh về cõi lành như vừa nêu, hoặc còn hơn thế. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều

hoan hỷ phụng hành.

201. KINH ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tỳ-kheq Trà-đế,23con trai ông Kê-hòa-đa/ phát sinh nhận thức sai lầm thế này: "Tôi hiểu đức Thế Ton nói pháp như vầy: ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh nhxmg không đổi khác.5,9 Các Tỳ-kheo nghe vậy liền đi đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế và hỏi: -Này Trà-đế! Có phải thật sự thầy đã nói: "T6i hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'ở dây, thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khWc?3 Tỳ-kheo Trà-đế đáp: Thưa chư Hiền! Thật sự tôi hiểu đức Thế Ton nói pháp như vầy: “d dây, thức này luân chuyên và tái sanh nhưng không đổi khac7, Khi ấy, các Tỳ-kheo liền khiển trách Tỳ-kheo Trà-đế: Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không bao giờ nói như vậy. Này Trà-đế! Thức này do duyên mà sanh khởi. Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện để nói thức này do duyên mà sanh khởi. Có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Tỳ-kheo Trà-đế! Thầy hãy mau buông bỏ nhận thức sai lầm ấy đi! Tỳ-kheo Trà-đế bị các Tỳ-kheo khiển trách nhưng vẫn cương quyết giữ lấy nhận thức sai lam của mình và một mực cho rang: "Đây là điều chân thật, ngoài ra là hư vQĩig” và đã lặp lại ba lần như vậy. Các Tỳ-kheo không thể nào khuyên bảo Tỳ-kheo Trà-đế buông bỏ nhận thức sai lầm đó nên liền đứng dậy ra về và đi đen chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Trà-đế phát sanh nhận thức sai lầm này: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 4Ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác/^ Bạch Thế Tôn! Chúng con nghe vậy, liên đến chỗ Tỳ-kheo ấy và hỏi: uNày Trà-đế! Có phải thầy nói như vầy: 'Tôi hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: 'ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh, nhung không đổi khác?""

1 Tựa đề được đức Phật định danh ở cuối bài kinh. Kinh này gọi là Ải tận thì giải thoát ( ).Nguyên tác: Trẩ-đế kinh (roi. 0026.201. 0766b28). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.21.3. 0602c16); M. 38, Mahātanhāsañkhaya Sutta (Đại kinh đoạn tận ải). 2Trà-đế (,Sati). 3 Kê-hòa-đa tử (Kevattaputta): Con của người đánh cá.

1356 KINH TRUNG A-HÀM

Trà-đế trả lời chúng con rằng: "Thưa chư Hiền! Thật sự tôi hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: 'ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác." Chúng con đã khiển trách rằng: "Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không bao giờ nói như vậy. Này Trà-đấ! Thức này do duyên mà sanh khởi. Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện để nói thức này do duyên mà sanh khởi. Có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế! Thầy hãy mau buông bỏ nhận thức sai lầm ấy di." Chúng con đã khiên trách như vậy nhưng Tỳ-kheo ây vân cương quyêt giữ lấy nhận thức sai lầm của mình và một mực cho rằng: "Dây là điều chân thật, ngoài ra là hư vong" và đã lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn! Chúng con không thể khuyên bảo Tỳ-kheo Trà-đế buông bỏ nhận thức sai lầm ấy nên đứng dậy ra về. [0767a01] Đức Thế Tôn nghe xong liền bảo một Tỳ-kheo: -Thay hãy đen cho Ty-kheo Trà-đê roi noi như vay: Đức The Ton truyen gọi thày.” Bay giơ, Ty-kheo ay vang lơi đức The Ton, tư cho ngoi đưng dạy, đanh le sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi đến

chỗ Tỳ-kheo Trà-đế và nói lại lời Phật dạy: “Dức Thế Tôn truyền gọi thAy." Tỳ-kheo Trà-đế liền đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: ' Có phải thầy đã nói: “T6i hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'ở dây, thức này luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác?9,9 Tỳ-kheo Trà-đế đáp: Bạch Thế Tôn! Con thật sự hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Thức này luân chuyển và tái sanh, nhưng không đổi khác." Đức Thế Tôn hỏi: - Thế nào là thức? Tỳ-kheo Trà-đế đáp: Bạch Thế Tôn! Thức này bao gồm sự nói năng, cảm thọ, hành động, sai bảo hành động, sanh khởi, cùng nhau sanh khởi.4 Nghĩa là nó tạo tác các nghiệp thiện ác chỗ này, chỗ kia để rồi thọ báo. Đức Thế Tôn khiển trách: Này Trà-đế! Do đâu mà thầy hiểu Ta nói pháp như vậy? Thầy nghe từ miệng người nào mà cho rằng Ta nói pháp như vậy? Thầy là kẻ mê muội! Ta

^Nguyên tác: Giác, g^o tac^khcn đẳng khởi ,,.Tham chiếu: Ạ-tỳ-đạt-ma Pháp uân túc luận T.26. 1537.10. 0507b20: Các thức như vậy, lấy hành làm duyên, nương tựa nơi hành, do hành dựng lập, cùng nhau phát khởi, cùng nhau sanh ra, tụ tập xuất hiến, gọi hàĩủi duyên thức :,;,:

.

không nói một chiều mà thầy lại nói một chiều. Thầy thật mê muội! Khi nghe các Tỳ-kheo cùng khiên trách, bây giờ thây phải đúng như pháp mà trả lời. Nay Ta sẽ hỏi lại các Tỳ-kheo. Bây giơ, The Ton hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy cũng hiểu Như Lai nói pháp như vầy: "Thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác" chăng? Bấy giờ, các Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn hỏi: -Các thầy hiểu Như Lai nói pháp như thế nào? Các Tỳ-kheo đáp: Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Thức do duyên mà sanh khởi. Thế Tôn đã nói thức do duyên mà sanh khởi. Có duyên thì sanh, không có duyên thì diet." Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy. Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo! Các thầy hiểu Như Lai nói pháp như vậy. Vì sao như the? Vì Như Lai đã nói pháp như vậy. Thức do duyên mà sanh khởi, Như Lai nói thức do duyên mà sanh khởi. Có duyên thì sanh, không có duyên thì diệt. Thức tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà được ỆỌÌ tên theo duyên ấy, như mắt duyên với sắc mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ây được gọi là nhãn thức. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Y duyên với pháp mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức. Ví như lửa, tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà được gọi tên theo duyên đó. Lửa duyên cây mà sanh khởi thì được gọi là lửa cây. Lửa duyên cỏ, rác mà sanh khởi thì được gọi là lửa cỏ, lửa rác. Như vậy, thức tùy theo những ệi nó duyên vào để sanh khởi mà được gọi tên theo duyên đó, mắt duyên với sắc mà sanh khởi thức thì thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức; tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy; cho đến ý duyên với pháp mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức. [0767b02] Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Các thầy hiểu Như Lai nói pháp như vậy, nhưng Tỳ-kheo Trà-đế này là người mê muội, ghi nhớ và hiểu biết sai lệch cả nghĩa và văn. Thầy ấy do tự ghi nhớ và hiểu biết sai lệch nên đã xuyên tạc Như Lai, tự gây tổn hại cho mình, đã phạm tội lỗi, là điều mà các

bậc Phạm hạnh có trí không hoan hỷ, nên phạm tội lớn. Này người mê muội kia! Thầy có biết điều xấu ác bất thiện này chăng? Bấy giờ, Tỳ-kheo Trà-đế bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng rầu n, cúi đầu im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư. Sau khi quở trách trước mặt Tỳ-kheo Trà-đế? đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nay Như Lai sẽ nói pháp rốt ráo không phiền não, không nóng bức, hằng hữu, bất biến cho các thầy nghe. Những người có trí phải quán xét như thế. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và hãy khéo suy nghĩ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật bảo:

Đây là một thực thể,5 các thầy có thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

-Thưa, có thấy. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai là một thực thể, các thầy có thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa, có thấy. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai diệt độ roi, cái được gọi là thực thê ây cũng là pháp tan hoại, các thầy có thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa, có thấy. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

-Đây là một thực thể, các thầy đã thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa, đã thấy. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai là một thực thể, các thầy đã thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

Thưa, đã thấy. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai diệt độ rồi, cái được gọi là thực thể ấy cũng là pháp tan hoại, các thầy đã thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa, đã thấy. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Đây là một thực thể, các thầy không nghi ngờ gì chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

Thưa không, bạch Thế Tôn!

^Nguyên tác: Chân thuyết (),được hiểu là một thực thể, một sự hiện hữu, sự sinh thành, p. Bhavā. Tham chiếu: s. 12.31 - II .47: Bhūtā (được sanh thành) là quá khứ phân từ của bhavati, nghĩa là hiện hữu, sự có mặt.

201. KINH ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT < 1359

Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai là một thực thể, các thầy không nghi ngờ gì chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai diệt độ roi, cái được gọi là thực thê ây cũng là pháp tan hoại, các thầy không có nghi ngờ gì chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như vậy, một thực thể do thấy với trí tuệ chân thật, nếu có nghi ngờ gì thì nó có bi trừ diệt không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa, sẽ bi trừ diệt. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như vậy, Như Lai là một thực thể do thấy với trí tuệ chân thật, nếu có nghi ngờ gì thì có bị trừ diệt không?

Các Tỳ-kheo đáp:

-Thưa, sẽ bị trừ diệt. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

-Như Lai diệt độ rồi, cái được gọi là thực thể ấy cũng là pháp tan hoại, do thấy với trí tuệ chân thật như vậy, nếu có nghi ngờ gì thì nó có bị trừ diệt không?

Các Tỳ-kheo đáp:

Dạ, sẽ bi trừ diệt. Bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Đây là một thực thể, các thầy đã không còn nghi ngờ chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa vâng. Bạch đức Thế Tôn!

[0767c01] Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai là một thực thể, các thầy đã không còn nghi ngờ chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa vâng. Bạch đức Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo:

Như Lai diệt độ roi, cái được gọi là thực thê ây cũng là pháp tan hoại, các thầy đã không còn nghi ngờ chăng?

Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa vâng. Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy, rồi cho rằng: "Thấy biết này của toi thanh tịnh như thế thì nên chấp lấy nó? mến tiếc nó? giữ gìn nó? không muốn xả bỏ?9 Các thầy có biết, Như Lai thường nói giáo pháp dụ như chiếc bè, khi đã hiểu rồi thì những gì bị bít kín sẽ được khai thông chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa không. Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy, rồi cho rằng: "Thấy biết này của tôi thanh tịnh như thế thì không nen chấp lấy nó5 không mến tiếc nó, không giữ gìn nó, muốn xả bỏ p6.' Các thầy có biết, Như Lai thường nói giáo pháp dụ như chiếc bè, khi đã hiểu rồi thì những gì bị bít kín sẽ được khai thông chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Thưa vâng. Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Nếu có người ngoại đạo đến hỏi các thầy: "Này Hiền giả! Nếu các ngài có thấy biết thanh tịnh như vậy thì điều đó có mục đích gì, có tác dụng gcó công đức gi?" Khi ấy, các thầy sẽ trả lời như thế nào? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế TônJ Nếu có ngoại đạo đến hỏi chung con rằng: "Này Hiền giả! Các ngài nếu có thấy biết thanh tịnh như vậy, điều đó có mục đích gì, có tác dụng gcó công đức gi?" Chúng con sẽ trả lời: "Này chư Hiền! Mục đích đó là yểm ly, là vô dục, là thấy biết như that." Bạch Thế Tôn! Nếu có ngoại đạo đến hỏi thì chúng con sẽ trả lời như vậy. Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Nấu có ngoại đạo đến hỏi các thầy, các thầy nên trả lời như vậy. Vì sao như thế? Hãy quán sát ý nghĩa này: Một là đoàn thực thô tế, hai là xúc thực, ba là ý niệm thực, bốn là thức thực. Bốn loại thức ăn này lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, do đâu mà tồn tại? Bốn loại thức ăn này đều lấy ái làm nhân, do ái mà tập khỏi, từ ái mà sanh, duyên ái mà tồn tại. Ái lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà tồn tại? Ái ấy lấy thọ làm nhân, do thọ mà tập khởi, từ thọ mà sanh, duyên thọ mà tôn tại.

Thọ lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà tồn tại? Thọ lấy xúc làm nhân, do xúc mà tập khởi, từ xúc mà sanh, duyên xúc mà tôn tại. Xúc lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà tồn tại? Xúc lấy sáu xứ làm nhân, do sáu xứ mà tập khởi, từ sáu xứ mà sanh, duyên sáu xứ mà tồn tại. Sáu xứ lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà tồn tại? Sáu xứ lấy danh sắc làm nhân, do danh sắc mà tập khởi, từ danh sắc mà sanh, duyên danh sắc mà tồn tại. Danh sắc lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà tồn tại? Danh sắc lấy thức làm nhân, do thức mà tập khởi, từ thức mà sanh, duyên thức mà tồn tại. Thức lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà tôn tại? Thức lây hành làm nhân, do hành mà tập khỏi, từ hành mà sanh, duyên hành mà ton tại. Hành lấy gì làm nhân, lấy cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà tồn tại? Hành lấy vô minh làm nhân, do vô minh mà tập khởi, từ vô minh mà sanh, duyên vô minh mà tồn tại. [0768a08] Đó là, duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có sáu xứ, duyên sáu xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái

nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có già, chết, sầu bi, khóc than, buôn khô? phiên muộn. Như vậy là toàn bộ khôi khô lớn phát sanh. Duyên sanh mà có già, chết, ở đây nói do duyên sanh mà có già, chết. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch The Tôn! Duyên sanh mà có già, chết, ý chúng con như vậy. Vì sao như the? Vì duyên sanh mà có già, chết. Duyên hữu mà có sanh. ở đây nói do duyên hữu mà có sanh. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Duyên hữu mà có sanh, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do duyên hữu mà có sanh. Duyên thủ mà có hữu. ở đây nói do duyên thủ mà có hữu. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Duyên thủ mà có hữu, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do duyên thủ mà có hữu.

1362 KINH TRƯNG A-HÀM

Duyên ái mà có thủ. ở đây nói do duyên ái mà có thủ. Ý các thầy nghĩ sao?

Tỳ-kheo thưa:

Bạch Thế Tôn! Duyên ái mà có thủ, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế?

Vì do duyên ái mà có thủ.

Duyên thọ mà có ái. ở đây nói do duyên thọ mà có ái. Ý các thầy nghĩ sao?

Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Duyên thọ mà có ái, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do duyên thọ mà có ái. -Duyên xúc mà có thọ. ở đây nói do duyên xúc mà có thọ. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Duyên xúc mà có thọ, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do duyên xúc mà có thọ. -Duyên sáu xứ mà có xúc. ở đây nói do duyên sáu xứ mà có xúc. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch The Tôn! Duyên sáu xứ mà có xúc, ý chúng con như vậy. Vì sao như the? Vì do duyên sáu xứ mà có xúc. [0768b02] Duyên danh sắc mà có sáu xứ. ở đây nói do duyên danh sắc mà có sáu xứ. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Duyên danh sắc mà có sáu xứ, ý chúng con như vậy. Vì sao như the? Vì do duyên danh sắc mà có sáu xứ. -Duyên thức mà có danh sắc. ở đây nói do duyên thức mà có danh sắc. Ý các thay nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Duyên thức mà có danh sắc, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do duyên thức mà có danh sắc. Duyên hành mà có thức, ở đây nói do duyên hành có thức. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thê Tôn! Duyên hành mà có thức, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do duyên hành mà có thức. Duyên vô minh mà có hành, ở đây nói do duyên vô minh mà có hành. Ý các thay nghĩ sao?

201. KINH ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT 1363

Tỳ-kheo thưa: Bạch Thê Tôn! Duyên vô minh mà có hành, ý chúng con như vậy. Vì sao như the? Vì do duyên vô minh mà có hành. Đây là duyên r vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sác, duyên danh săc nên có sáu xứ, duyên sáu xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có già, chết, sau bi, khóc than, buồn kho, muộn phiền. Như vậy là toàn bộ khoi kho lớn này phát sanh. Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo! Các thầy hãy nói như vậy. Vì

sao như thê? Như Lai cũng nói như vây: Duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có sáu xứ, duyên sáu xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có già, chết, sầu bi, khóc than, buồn khổ, muộn phiền. Như vậy là toàn bộ khối khổ lớn này phát sanh. Nếu sanh diệt thì già, chết diệt, ở đây nói do sanh diệt thì già, chết diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Sanh diệt thì già, chết diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do sanh diệt thì già, chết diệt. -Hữu diệt thì sanh diệt, ở đây nói do hữu diệt thì sanh diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Hữu diệt thì sanh diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do hữu diệt thì sanh diệt. [0768c01] Thủ diệt thì hữu diệt, ở đây nói do thủ diệt thì hữu diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Thủ diệt thì hữu diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do thủ diệt thì hữu diệt. Ái diệt thì thủ diệt, ở đây nói do ái diệt thì thủ diệt, ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Ái diệt thì thủ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do ái diệt thì thủ diệt. Thọ diệt thì ái diệt, ở đây nói do thọ diệt thì ái diệt. Ý các thầy nghĩ sao?

Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Thọ diệt thì ái diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do thọ diệt thì ái diệt. Xúc diệt thì thọ diệt, ở đây nói do xúc diệt thì thọ diệt. Ý các thầy nghĩ sao?

Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Xúc diệt thì thọ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do xúc diệt thì thọ diệt. Sáu xứ diệt thì xúc diệt, ở đây nói do sáu xứ diệt thì xúc diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do sáu xứ diệt thì xúc diệt. Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ở đây nói do danh sắc diệt thì sáu xứ diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do danh sắc diệt thì sáu xứ diệt. Thức diệt thì danh sắc diệt, ở đây nói do thức diệt thì danh sắc diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Thức diệt thì danh sắc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do thức diệt thì danh sắc diệt. Hành diệt thì thức diệt, ở đây nói do hành diệt thì thức diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Hành diệt thì thức diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do hành diệt thì thức diệt. -Vô minh diệt thì hành diệt, ở đây nói do vô minh diệt thì hành diệt. Ý các thầy nghĩ sao? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Vô minh diệt thì hành diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao như thế? Vì do vô minh diệt thì hành diệt. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt, sầu bi, khóc than, buồn khổ, muộn phiền diệt. Như vậy là toàn bộ khối khổ lớn này bi diệt.

[0769a03] Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo! Các thầy hãy nói như vậy. Vì sao như thế? Như Lai cũng nói như vầy: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, chết diệt, sầu bi, khóc than, buồn khổ, muộn phiền diệt. Như vậy là toàn bộ khối khổ lớn này bị diệt. Đức Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy thì đối với quá khứ, các thầy có nghĩ rằng: "Ta hiện hữu trong thời quá khứ, hay ta không hiện hữu trong thời quá khứ? Ta hiện hữu trong thời quá khứ như thế nào? Do điều gì mà được hiện hữu trong thời quá khứ" chăng? Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy thì đối với vị lai, các thầy có nghĩ rằng: "Ta sẽ hiện hữu trong thời vị lai hay ta sẽ không hiện hữu trong thời vi lai? Ta hiện hữu trong thời vị lai như the nào? Do điều gì mà được hiện hữu trong thời vị lai" chăng? Tỳ-kheo đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Nêu các thây đã thây như vậy, biêt như vậy thì trong tâm của các thầy có còn nghi ngờ: “Dây là cái gì? Đây là thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Sẽ đi về đâu? Do nhân gì mà đã có? Do nhân gì mà sẽ c6” chăng? Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy đã thấy như vậy, biết như vậy thì các thầy có giết cha mẹ, hại bậc Thanh văn A-la-hán/ phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai chảy máu chăng? Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy đã thấy như vậy, biết như vậy thì các thầy có phạm giới, xả giới và bỏ đạo chăng?

6 Nguyên tác: Đệ tử A-la-ha .Đệ tử trong cú ngữ này, Pali gọi là sāvakā, cũng mang nghĩa là 4íbậc Thanh văn.

1366 KINH TRUNG A-HÀM

Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy đã thấy như vậy, biết như vậy thì các thầy có lìa bỏ đạo của mình rồi tìm ngoại đạo làm thầy, để cầu ruộng phước chăng? Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nấu các thầy biết như vậy, thấy như vậy thì đối với các Sa-môn, Phạm chí, các thầy có nói như vầy: “Thua chư Tôn! Các ngài đã thấy điều đáng thấy, đã biết điều đáng biết" chăng? Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! [0769b01] Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy thì các thầy liệu có cho rằng điềm lành7 là thanh tinh chăng? Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy thì các thầy có thấy những kiến chấp liên hệ đến dấu hiệu điềm lành của các Sa-môn? Phạm chí xen lẫn kho đau, xen lẫn độc hại, xen lẫn bứt rứt, xen lẫn phiền toái là chân thật chăng? Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nấu các thầy thấy như vậy, biết như vậy thì khi thân the bị bệnh tật hành hạ đau đớn, gần như mất mạng, các thầy có bỏ đạo của mình để tìm cầu ngoại đạo: “Mong có Sa-môn9 Phạm chí nào đó trì cho một câu chú, hoặc hai

câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm câu... khiến tôi thoát khổ9\ là cách suy tầm về khổ, về sự tập khởi của khổ để được hết khổ chăng? Tỳ-kheo đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn!

7 Nguyên tác: Cát tường .M. 38: Mangala, có nghĩa là cát tường, điềm lành, tế đàn.

Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy thì các thây có phải tám lần thọ sanh chăng? Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy thấy như vậy, biết như vậy thì các thây có nói như vầy: “Chúng ta cung kính Sa-môn5 kính trọng Sa-môn, vì Sa-môn Cù-đàm là bậc Tôn sư của chúng ta" chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy nhờ sự tự thấy, tự biết, tự giác ngộ roi thành tựu Giác ngộ Toi thượng thì các thầy có tùy theo những điều được hỏi mà trả lời chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa có, bạch Thế Tôn! Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Như Lai đã thật sự điều phục các thầy với những pháp hoàn toàn rốt ráo, không não phiền, kh6ng nóng bức, thường hằng, không biên đôi, được biết bởi chánh trí, được thây bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí. Vì lý do đó mà Như Lai đã nói: "Ta sẽ nói cho các thầy nghe về pháp hoàn toàn rốt ráo, không não phiền, không nóng bức, thường hăng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí." Lại nữa, có ba sự hòa hợp để thác sanh vào thai mẹ. Đó là, cha mẹ ở chung một chỗ, người mẹ trong thời kỳ có thể thọ thai và hương ấm đang có mặt. Do ba sự hòa hợp này mới thác sanh vào thai mẹ. Thai mẹ được giữ gìn chín tháng hay mười tháng rồi sanh. Sanh rồi, được nuôi dưỡng bằng máu. Máu đó ở trong Thánh pháp gọi là sữa mẹ. Sau một thời gian, các căn của đứa bé lớn dần lên cho đến khi đầy đủ, biết ăn cơm ăn cháo, biết dùng dầu tô xoa thân. Mắt đứa trẻ thấy sắc, liền ưa thích sắc đẹp, ghét bỏ sắc xấu. Đứa trẻ sống không an trú niệm tại thân, song với tâm hạn hẹp, không biết như thật ve tâm giải thoát, về tuệ giải thoát; những pháp ác bất thiện được sanh ra không bi diệt tận hoàn toàn, không bị hủy hoại hoàn toàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ý đứa trẻ nhận biêt pháp, liền ưa thích cái đẹp, ghét bỏ cái xấu. Đứa trẻ sống không an trú niệm tại thân, sống với tâm hạn hẹp, không biết như thật về Tâm giải thoát, về Tuệ giải thoát; những pháp ác bất thiện được sanh ra không bị diệt tận hoàn toàn, không bị hủy hoại hoàn toàn. Đứa trẻ ấy tùy theo những

gì ưa9 ghét mà sanh khởi cảm thọ, hoặc vui, hoặc khổ, hoặc không khổ không vui. Nó hân hoan với cảm thọ ấy9 rồi tìm cầu, chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy. Sau khi hân hoan cảm thọ ấy, nó tìm cầu, chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy rồi, nếu đó là cảm thọ vui thì chấp thủ chúng, rồi do duyên thủ này mà có hữu, do duyên hữu mà có sanh, do duyên sanh mà có già, chết, sau, bi, khóc than, ưu khổ, ảo não. Như thế toàn bộ khối khổ lớn này phát sanh. Này Tỳ-kheo! Phải chăng đó là toàn bộ sự trói buộc vững chác bởi ái, giông như Tỳ-kheo Trà-đế? con trai của ông Kê-hòa-đa? [0769cll] Tỳ-kheo thưa:

-Bạch Thế Tôn! Thật vậy5 toàn bộ sự trói buộc vững chắc bởi ái, giống như Tỳ-kheo Trà-đế, con trai của ông Kê-hòa-đa. Khi đấng Như Lai thị hiện ở đời, là bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Tnrợng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Mắt Như Lai thấy sắc nhưng đối với sắc đẹp không ưa thích, không chấp trước, đối với sắc xấu cũng không ghét bỏ. Như Lai an lập niệm tại thân với tâm vô lượng, biết như thật về Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, các pháp ác bất thiện đã sanh bi tận diệt hoàn toàn, bi hủy hoại hoàn toàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ý Như Lai nhận biết pháp, đối với cái đẹp không không chấp trước, đối với cái xấu không ghét bỏ, an lập niệm tại thân Cvới •tâm vô lượng, J e biêt như thật vê tâm giải thoát• và tuệ giải thoát, __ r các pháp ác bát thiện đã sanh bi tận diệt hoàn toàn, bi hủy hoại hoàn toàn. Đang Như Lai đã như thật trừ diệt sự sân hận, không còn sân hận bởi những cảm thọ, hoặc vui, hoặc khổ5 hoặc không khổ không vui. Ta không ưa thích cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ cảm thọ. Do không ưa thích cảm thọ ấy nên Ta không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ theo cảm thọ ấy. Nếu có cảm thọ yêu thích, Ta liền trừ diệt. Yêu thích diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu hiệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già-chết diệt, sầu bi, khóc than, buồn khổ, muộn phiền cũng đều bị trừ diệt. Như vậy là toàn bộ khối khổ lớn này bị trừ diệt. Này Tỳ-kheo! Phải chăng, khi toàn bộ ái dục bị diệt trừ thì sẽ được giải thoát? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn! Quả thật như vậy, khi toàn bộ ái dục bị diệt trừ thì sẽ được giải thoát. Khi Như Lai nói bài pháp này, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động đến ba lần, hết chấn động rồi lại chấn động, hết rung chuyển rồi lại rung chuyển, hết rền vang rồi lại rền vang. Với ý nghĩa trên, bài kinh này được gọi là: "Ai tận thì giải thoát/9 Đức Phật thuyêt giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành.8

8 Bản Hán, hết quyển 54.

PHẨM 17: BÔ-LỢI-ĐA1 (Gồm 10 kinh, thuộc ngày tụng thứ năm\ Tụng sau cùng)

Kệ tóm tắt 10 kinh:
Trì trai, Bô-lợi-đa
La-maf Ngũ hạ phân ry 1 K
Tâm uêf Tỉên-mao nhỉ
Tùy-ma-na tu học
Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni
Câu-hy-la tại hậu.1 2
1 Quyển 55. 2 Nguyen tác Nhiếp tụng:,;;; .Do
đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

202. KINH TRÌ TRAI1

1 Nguyên tác: Trì 1

1372 KINH TRƯNG A-HÀM

[0770b06] Này nữ cư sĩ! Thế nào là pháp trì trai Ni-kiền? Nếu có người xuất gia theo đạo Ni-kiền thì các Ni-kiền sẽ khuyến khích người này: "Bể bảo hộ chúng sanh ngoài một trăm do-tuần về phía Đông, ngươi hãy buông bỏ dao gậy! Cũng vậy, để bảo hộ chúng sanh ngoài một trăm do-tuần về phía Nam, phía Tây, phía Bắc thì ngươi hãy buông bỏ dao gay!" Họ khuyến khích, sách tấn người khác như vậy. Hoặc để bảo hộ chúng sanh có tưởng, không bảo hộ chúng sanh vô tưởng, vào ngày rằm, khi thuyết Biệt giải thoát, ngươi hãy cởi bỏ y phục, đứng lõa thể xoay về phía Đông và nói như vầy: "Ta không có cha mẹ? vợ con, tôi tớ, không có cái thuộc về cha mẹ9 vợ con, t6i t&." Này nữ cư sĩ! Vị ấy muốn khuyến khích sách tấn với lời nói chân thật, nhưng ngược lại, sự khuyến khích sách tấn trở thành những lời hư dối. Người ấy hằng ngày gặp mặt cha mẹ mình và nghĩ rằng: "Đây là cha mẹ ta." Cha mẹ người ấy hằng ngày gặp mặt con mình và cũng nghĩ rằng: "Đây là con ta." Người ấy gặp mặt vợ con và nghĩ rằng: "Dây là vợ con ta." Vợ con gặp mặt người ấy và cũng nghĩ rằng: "Đây là tôn tryảng cha ta." Người ấy thấy tôi tớ và nghĩ rằng: "Dây là tôi tớ của ta." Tôi tớ thấy người ấy và cũng nghĩ rằng: "Dây là chủ của ta." Người ấy thọ dụng dục lạc này, không được cho mà thọ dụng, chứ không phải được cho mà thọ dụng, đó gọi là pháp trì trai Ni-kiền. Nấu người trì trai như vậy thì không được nhiều lợi ích, không được nhiều phước quả, không được nhiều công đức và không được quảng bá. Này nữ cư sĩ! Thế nào là pháp trì trai tám điều bậc Thánh? Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vầy: "Bậc A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, buông bỏ dao gậy, biết ho biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Đối với sự sát sanh, tâm vị ấy đã trừ sạch. Nay tôi trọn một ngày một đêm5 xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, buông bỏ dao gậy, biết hổ biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Đoi với việc sát sanh, nay tôi trừ sạch tâm ấy. Tôi thực hành điều này giống với bậc A-la-hán." Do đó gọi là trai giới. [0770c02] Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vầy: "Bậc A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp, những gì được cho mới lấy, vui nhận vật được cho, thường ưa bố thí, tâm ưa buông xả, hoan hỷ không bon xẻn, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cướp che lấp tâm mình, thường kiểm soát tâm mình. Đối với việc trộm cướp, tâm vị ấy đã trừ sạch. Tôi nay trọn một ngày một đêm xa lìa trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp, những gì được cho mới lấy, vui nhận vật được cho, thường ưa bố thí, tâm ưa buông xả, hoan hỷ không bon xẻn, không trông chờ

5 Nguyên tác: Tận hình thọ ()Suốt đời. Dường như bản Hán có sự nhầm lẫn vì ở các giới sau lại nói: "M0t ngày nay và một đêm nay,? Giới bát quan trai có thể tự phát nguyện thọ trì trong một ng một đêm. Tham chiêu: Trai kinh (roi. 0087. 0911al7): Suốt một ngày một đêm ( )A. 8.42 - IV. 251: Jīvarn arahanto pānātipātam pahāya... aham pajja imañca rattim imañca divasāni pānātipātam pahāya... (Bậc A-la-hán trọn đời không sát sanh... tôi nay một ngày một đêm không sát sanh...). J

báo đáp, không để sự trộm cướp che lấp tâm mình, thường kiểm soát tâm mình. Đôi với việc trộm cướp, nay tôi trừ sạch tâm ấy. Tôi thực hành điều này giống với bậc

A-la-hán." Do đó gọi là trai giới. Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vây: "Bậc A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa tà hạnh, đoạn dứt tà hạnh, tu hành Phạm hạnh, chí thành giữ tâm trong sáng, sống không uế nhiễm, lìa dục, đoạn dâm. Đối với việc phi Phạm hạnh, tâm vi ấy đã trừ sạch. Nay tôi trọn một ngày đêm xa lìa nghiệp tà hạnh, đoạn dứt tà hạnh, tu hành Phạm hạnh, chí thành giữ tâm trong sáng, sông không uê nhiêm, lìa dục, đoạn dâm. Đôi với sự tà hạnh, nay tôi trừ sạch tâm ấy. Tôi thực hành điều này giống với bậc A-la-hán." Do đó gọi là trai giới. Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vầy: "Bậc A-la-hán trọn đời xa lìa nói dối, đoạn dứt lời nói dối, chỉ nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trú nơi chân thật, được mọi người tin tưởng, không dôi gạt thê gian. Đôi với sự nói dôi, tâm vi ây đã trừ sạch. Tôi nay trọn một ngày đêm xa lìa sự nói dối, đoạn dứt lời nói dối, chỉ nói lời chân thật, vui thích sự chân thật, an trú nơi chân thật, được mọi người tin tưởng, không dối gạt thê gian. Đôi với sự nói dôi, nay tôi trừ sạch tâm ây. Tôi thực hành điêu này giống với bậc A-la-hán." Do đó gọi là trai giới. Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vi Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vây: "Bậc A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa nghiệp buông lung uông rượu, đoạn dứt việc buông lung uống rượu. Đối với nghiệp buông lung uống rượu, tâm vị ấy đã trừ sạch. Tôi nay trọn một ngày một đêm xa lìa nghiệp buông lung uống rượu, đoạn dứt việc buông lung uống rượu. Đối với nghiệp buông lung uông rượu, nay tôi trừ sạch tâm ây. Tôi thực hành điêu này giông với bậc A-la- hán.^, Do đó gọi là trai giới. [077la02] Lại nữa, này nữ cư si, vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vầy: "Bậc A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa việc nằm giường cao rộng lớn, đoạn dứt việc nằm giường cao rộng lớn, ưa nằm ngồi nơi giường thấp hoặc nệm cỏ. Đối với việc nằm giường cao rộng lớn, tâm vị ấy đã trừ sạch. Tôi nay trọn một ngày một đêm xa lìa việc nằm giường cao rộng lớn, đoạn dứt việc nằm giường cao rộng lớn, ưa nằm ngồi giường thấp hoặc nệm cỏ. Đối với việc nằm giường cao rộng lớn, nay tôi trừ sạch tâm ấy. Tôi thực hành điều này giống với bậc A-la-hán.” Do đó gọi là trai giới. Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vi Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vầy: "Bậc A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, ca múa, hát xướng hoặc đi xem nghe, đoạn dứt việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, ca múa, hát xướng hoặc đi xem nghe. Đối với việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, ca múa, hát xướng hoặc đi xem nghe, tâm vị ấy đã trừ sạch. Nay tôi trọn một ngày một đêm xa lìa

việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, ca múa, hát xướng hoặc đi xem nghe, đoạn dứt việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, ca múa, hát xướng hoặc đi xem nghe. Đối với việc đeo tràng hoa, chuỗi ngọc, xoa hương, phấn sáp, ca múa, hát xướng hoặc đi xem nghe, tôi nay trừ sạch tâm ấy. Tôi thực hành điều này giống với bậc A-la-hán." Do đó gọi là trai giới. Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì suy nghĩ như vầy: "Bậc A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa việc ăn phi thời, đoạn dứt việc ăn phi thòi, chỉ ăn ngày một bữa, không ăn ban đêm, ưa thích ăn đúng thời. Đoi với việc ăn phi thời, tâm vi ấy đã trừ sạch. Tôi nay trọn một ngày một đêm này xa lìa việc ăn phi thời, đoạn dứt việc ăn phi thời. Đối với việc ăn phi thời, nay

tôi trừ sạch tâm ấy. Tôi thực hành điều này giống với bậc A-la-hHn." Do đó gọi là trai giới. Người ấy sau khi an trụ tám điều Thánh trai này rồi, dần dần tiến lên tu tập năm pháp. Đó là năm pháp nào? Này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nghĩ tưởng về Như Lai như vầy: "Dức Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế T6n." Người ây sau khi nhớ nghĩ đức Như Lai như vậy, nêu có niệm xâu ác khởi lên thì chúng liền bị tiêu diệt, nếu có những pháp ác5 bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vi Thánh đệ tử đa văn nhờ nương tựa Như Lai nên tâm an tịnh rồi được hỷ lạc. Nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bi tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì nó cũng liền bị tiêu diệt. [077lb04] Ví như có người trên đầu bám đầy cáu bẩn, nhờ dùng dầu gội hòa nước ấm, cùng với sức người tắm gội nên được sạch sẽ. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử Đa văn khi trì trai, nhớ nghĩ về Như Lai rằng: "Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn/9 Người ấy sau khi nhớ nghĩ Như Lai như vậy, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bi tiêu diệt; nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng liền bị tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vi Thánh đệ tử đa văn, nhờ nương tựa Như Lai nên tâm an tịnh rồi được hỷ lạc. Nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Đó gọi là vi Thánh đệ tử đa văn trì trai theo Như Lai,6 cộng trú với Như Lai, nương tựa Như Lai nên tâm an tịnh rồi được hỷ lạc. Nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bị tiêu diệt; nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng liền bị tiêu diệt. Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa van khi trì trai thì nhớ nghĩ về Pháp như vầy: "Pháp này được Thế Tôn khéo thuyết, là pháp cứu cánh, thường hằng, không thay đoi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí và được giác6

6 Nguyên tác: Trì Phạm trai .Theo MĀ. 154, "Ph@m" chính là Như Lai [9]
Trai kinh roi. 0087. 09llbl8goi là Trai niệm Phạt

ngộ bởi chánh trí." Vị ấy sau khi nhớ nghĩ về Pháp như vậy rồi, nếu có niệm xấu ác khởi lên, chúng liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ nương tựa Pháp mà tâm an tinh rồi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi lên liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Ví như người trên thân bám đầy cáu bẩn, phải nhờ bột tắm, nước nóng và sức người tắm gội kỹ thì thân thể mới được sạch sẽ. Cũng vậy, vi Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nên nhớ nghĩ về Pháp như vầy: "Pháp này được Thế Tôn khéo thuyết, là pháp cứu cánh, thường hằng, không thay đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí." Vị ấy sau khi nhớ nghĩ về Pháp như vậy rồi, nếu có niệm xấu ác khởi lên, chúng liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. Này nữ cư sĩ, vị Thánh đệ tử đa văn nhờ nương tựa Pháp nên tâm an tịnh roi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi, chúng liền bi tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Này nữ cư sĩ, đó gọi là vị

Thánh đệ tử đa văn trì trai theo Pháp, cộng trú với Pháp, nương tựa Pháp nên tâm an tịnh rồi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi lên, chúng liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. [0771C02] Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vi Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nhớ nghĩ về chúng Tăng như vầy: "Chúng đệ tử của đức Thế Tôn khéo hướng cõi lành, phẩm chất chánh trực, thực hành pháp yếu, tùy thuận nơi pháp.7 Trong chúng của Như Lai thật có vị đang hướng đen quả vị A-la-hán, có vị đã chứng quả A-la-hán; có vị đang hướng đến quả vị A-na-hàm, có vi đã chứng quả A-na-hàm; có vị đang hướng đến quả vi Tư-đà-hàm, có vị đã chứng quả Tư-đà-hàm; có vị đang hướng đến quả vị Tu-đà-hoàn, có vị đã chứng quả Tu-đà-hoàn, đó là bốn đôi tám bậc của Thánh chúng. Chúng đệ tử của Như Lai đã thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ, thành tựu giải thoát và thành tựu giải thoát tri kiến, rất đáng tôn xưng, đáng mời thỉnh, đáng cúng dường, đáng phụng sự, đáng kính trọng, là ruộng phước tốt đẹp cho trời và người.Vị ấy sau khi nhớ nghĩ vê chúng Tăng như vậy roi, nêu có niệm xâu ác khởi lên thì chúng liên bị tiêu diệt, nếu có các pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ nương tựa chúng Tăng nên tâm an tĩnh rồi được hỷ lạc, nêu có niệm xâu ác khởi lên thì chúng liên bị tiêu diệt, nêu có các pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Ví như có người trên áo bám đầy bụi do, phải nhờ tro, bồ kết, bột giặt, nước nóng và sức người tẩy giặt nên chiếc áo mới được sạch sẽ. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nhớ nghĩ về chúng Tăng rằng: "Chúng đệ tử của đức Thế Tôn khéo hướng cõi lành,

7 Nguyên tác: Thiện thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú ().Tham chiếu: ÓLÍ. 931: Đệ tử Thế Tôn hướng đến cổi lành, chân chánh, chất trực, thành tín và thực hành, pháp, tùy thuận pháp; A. 3.70 - L 205: Diệu hạnh là chúng đệ tử Thê Tôn; trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; chân chánh hạnh là chúng đệ tử Thê Tôn (HT. Thích Minh Châu dịch).

phẩm chất chánh trực, luôn thực hành pháp chánh yếu và tùy thuận nơi pháp. Trong chúng của Như Lai thật có vi đang hướng đến quả vị A-la-hán, có vi đã chứng quả A-la-hán; có vi đang hướng đến quả vị Anahàm, có vị đã chứng quả A-na-hàm; có vi đang hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, có vi đã chứng quả Tư-đà-hàm; có vị đang hướng đến quả vi Tu-dà-hoàn, có vi đã chứng quả Tu- đà-hoàn. Đó là bốn đôi tám bậc của Thánh chúng. Thánh chúng của Như Lai đã thành tựu giới, thành tựu đinh, thành tựu tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, rất đáng tôn xưng, đáng mời thỉnh, đáng cúng dường, đáng phụng sự9 đáng kính trọng, là ruộng phước tốt đẹp cho trời và ngtròi." Vị ấy sau khi nhớ nghĩ về chúng Tăng như vậy rồi, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bị tiêu diệt, nếu có các pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ nương tựa chúng Tăng mà tâm an tĩnh rồi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bi tiêu diệt, nếu có các pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn thọ trì trai theo chúng Tăng, cộng tru cùng chúng Tăng, nhờ nương tựa chúng Tăng nên tâm an tịnh roi được hỷ lạc, nêu có niệm xâu ác khởi lên thì chúng liền bị tiêu diệt, nếu

có những pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nhớ nghĩ về Giới mình đã thọ: "Giới này không khuyết, không thủng, không tì vết, không vẩn đục, rất rộng lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí ngợi khen, khéo hoàn thiện, khéo thú hướng, khéo thọ trì.^^ Vị ấy sau khi nhớ nghĩ Giới mình đã thọ roi, nêu có niệm xâu ác khởi lên thì chúng liên bị tiêu diệt, nêu có các pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ nương tựa Giới nên tâm an tịnh rồi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bi tiêu diệt, nếu có các pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. [0772a07] Ví như một tấm gương bi vấy chất bẩn nên không sáng, phải dùng bột đá mài kính và sức người lau chùi, cọ rửa thì mới được sạch sẽ, bóng sáng. Cũng vậy, vi Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nhơ nghĩ về Giới mình đã thọ: “Gióí này không khuyết, không thủng, không tì vết, không vẩn đục? rất rộng lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí ngợi khen, khéo hoàn thiện, khéo thú hướng, khéo thọ tri." Vị ấy sau khi tự nhớ nghĩ Giới rồi, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bị tiêu diệt, nếu có các pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ nương tựa Giới nên tâm an tịnh rồi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền được tiêu diệt; nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn thọ trì trai theo Giới, cộng trú cùng Giới, nhơ Giới mà tâm an tịnh rồi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bi tiêu diệt, nếu có những pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt.

202. KINH TRÌ TRAI 1377

Lại nữa, này nữ cư sĩ! Vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nhớ nghĩ về chư thiên như vầy: "Thật sự có cõi Tứ Thiên Vương. Cõi trời kia, nếu ai thành tựu niềm tin thì sau khi qua đời ở cõi này sẽ được sanh lên cõi kia. Ta cũng có được niêm tin đó. Cõi trời kia, nếu ai thành tựu giới, đa văn, bố thí, trí tuệ thì sau khi qua đời ở cõi này sẽ được sanh lên cõi kia. Ta cũng có được giới, đa văn, bố thí, trí tuệ ấy. Thật sự có cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-suất-đà? cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Lạc. Các cõi trời kia, nếu ai thành tựu niềm tin thì sau khi qua đời ở cõi này sẽ được sanh lên những cối kia. Ta cũng có được niềm tin đó. Các cõi trời kia, nếu ai thành tựu giới, đa văn, bố thí, trí tuệ thì sau khi qua đời ở cõi này sẽ được sanh lên những cõi kia. Ta cũng có được giới, đa văn, bố thí, trí tuệ ấy." Vị ấy sau khi nhớ nghĩ về chư thiên như vậy, với niềm tin, sự trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ theo chư thiên, nếu có niệm xấu ác khởi lên chúng liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. Này nữ cư sĩ! Vi Thánh đệ tử đa văn duyên nơi chư thiên nên tâm an tịnh rồi được hỷ lạc, nếu có niệm xấu ác khởi lên thì chúng liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bi tiêu diệt. Ví như vàng ròng bị lẫn tạp chất nên không thuần nhất, phải nhờ lửa, ống bê, kem, búa, chát khử và công sức lau chùi, nghiên mài, tinh lọc mới trở nên sáng bóng, thuần nhất. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử đa văn khi trì trai thì nhớ nghĩ về chư thiên như vầy: "Thật sự có cõi Tứ Thiên Vương. Cõi trời kia, nếu ai thành tựu niềm tin thì sau khi qua đời ở cõi này sẽ được sanh lên cõi kia. Ta cũng có được niềm tin đó. Cõi trời kia, nếu ai thành tựu giới, đa văn, bố thí, trí tuệ thì sau khi qua đời ở cõi này sẽ được sanh lên cõi kia. Ta cũng có được giới, đa văn, bố thí, trí tuệ ấy. Thật sự có

cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-suất-đà, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Lạc. Các cõi trời kia, nếu ai thành tựu niềm tin thì sau khi qua đời ở cối này sẽ được sanh lên những cõi kia. Ta cũng có được niềm tin đó. Các cõi trời kia, nếu ai thành tựu giới, đa văn, bố thí, trí tuệ thì sau khi qua đời ở cõi này sẽ được sanh lên những cõi kia. Ta cũng có được giới, đa văn, bô thí, trí tuệ ây." Vị ây sau khi nhớ nghĩ vê chư thiên như vậy, với niêm tin, trì giới, đa văn, bô thí, trí tuệ theo chư thiên, nêu có niệm xấu ác khởi lên chúng liền bị tiêu diệt, nếu có pháp ác bất thiện, ô uế thì chúng cũng bị tiêu diệt. [0772bl2] Này nữ cư sĩ! Nấu người nào thực hành tám điều trai giới của bậc Thánh như vậy thì phước đức hơn cả mười sáu lần đối với một vị vua trị vì và tự do thụ hưởng tiền tài vật báu vàng, bạc, ma-ni, trân châu, lưu ly, xà cừ,8 bích ngọc, san hô, lưu thiệu, tỳ-lưu, tỳ-lặc, mã não, đồi mồi, xích thạch, tuyền châu... trong mười sáu nước lớn như: Ương-già, Ma-kiệt-đà, Ca-thi, Câu-tát-la,

8 Nguyên tác: Sang-khu .Chữ có nhiều cách phát âm, có thể đọc là “nhương”hoặc là "sang".ở đây nên đọc là "sangkhir" do trực dịch từ chữ sañkha, nghĩa là xà cừ .

Câu-lâu5 Bàn-xà-la, A-nhiếp-bối? A-hòa-đàn-đê, Chi-đề, Bạt-kỳ, Bạt-sa, Bạt-la, Tô-ma5 Tô-la-tra, Dụ-ni và Kiếm-phù.9 Này nữ cư sĩ! Ta nhân đây mà nói như vầy: "Dù được làm vua trong loài người vẫn không bằng niềm vui nơi cõi trời.” Năm mươi năm ở cõi nhân gian chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, năm trăm năm như vậy là tuôi thọ của chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Này nữ cư sĩ! Nếu thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì tám điều trai giới của bậc Thánh thì sau khi qua đời chắc chắn sẽ được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương. Này nữ cư sĩ! Ta nhân đây nên nói như vầy: "Dù được làm vua trong loài người vẫn không bằng niềm vui nơi cõi trời." Một trăm năm ở cõi nhân gian chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba Mươi Ba. Ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, một ngàn năm như vậy là tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Này nữ cư sĩ! Nếu thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì tám điều trai giới của bậc Thánh thì sau khi qua đời chắc chắn sẽ được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba. [0772c03] Này nữ cư sĩ! Ta nhân đây nên nói như vầy: "Dù được làm vua trong loài người vẫn không bằng niềm vui nơi cõi trời." Hai trăm năm ở cõi nhân gian chỉ băng một ngày một đêm ở cõi trời Diệm-ma. Ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm5 hai ngàn năm như vậy là tuổi thọ của chư thiên cõi trời Diệm-ma. Này nữ cư sĩ! Nếu thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì tám điều trai giới của bậc Thánh thì sau khi qua đời chắc chắn sẽ được sanh lên cõi trời Diệm-ma. Này nữ cư sĩ! Ta nhân đây nên nói như vây: "Dù được làm vua trong loài nguôi vẫn không bằng niềm vui nơi cõi trời.^, Bốn trăm năm ở cõi nhân gian chỉ bang một ngày một đêm ở cõi trời Đâu-suất-đà. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, bon ngàn năm như vậy là tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Đâu-suất-đà. Này nữ cư sĩ! Nếu thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì tám điều trai giới của bậc Thánh thì sau khi qua đời chắc chan sẽ được sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà. Này nữ cư sĩ! Ta nhân đây nên

nói như vầy: "Dù được làm vua trong loài nguôi vẫn không bằng niềm vui nơi cối trời." Tám trăm năm ở cõi nhân gian chỉ băng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc. Ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tám ngàn năm như vậy là tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Này nữ cư sĩ! Nếu thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì tám điều trai giới của bậc Thánh thì sau khi qua đời chắc chắn sẽ được sanh lên cõi trời Hóa Lạc.

9 Ương-già Aña, Ma-kiệt-đà Magadha, Ca-thi Kāsi, Câu-tát-la , Kosalạ Cau-lau ,Kuru, Bàn-xầ-la ,Pañcala, A-nhiếp-bối ,Assaka, A-hòa- dan-de Hin AvantnQiiCeti,,Vajjī, Bat-sa gồ, Vamsa\ Bạt-ĩa ,Macchã, Tô-ma ,Soma, Tô-la-tra Sūrasena, Dụ-ni ,Yonā, Kiem-phu ;KambojZ.

202. KINH TRÌ TRAI 1379

Này nữ cư sĩ! Ta nhân đây nên nói như vầy: "Dù được làm vua trong loài người vân không băng niêm vui nơi cõi trời." Một ngàn sáu trăm năm ở cõi nhân gian chỉ băng một ngày một đêm ở cõi trời Tha Hóa Lạc. Ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, mười sáu ngàn năm như vậy là tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Lạc. Này nữ cư sĩ! Nêu thiện nam hay thiện nữ nào thọ trì tám điều trai giới của bậc Thánh thì sau khi qua đời chắc chắn sẽ được sanh lên cõi trời Tha Hóa Lạc. Bấy giờ, Lộc Tử Mau Tỳ-xá-khư chắp tay hướng Phật rồi thưa: -Bạch Thế Tôn! Tám điều trai giới của bậc Thánh thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Có nhiều lọi ích, nhiều phước quả, nhiều công đức và ảnh hưởng rộng khắp. Bạch Thế Tôn! Ke từ hôm nay cho đến trọn đời con xin thọ trì tám điều trai giới của bậc Thánh, tùy theo năng lực của mình mà bố thí và tu phước. Sau khi nghe những lời Phật dạy, Lộc Tử Mau khéo léo thọ nhận vâng làm, cúi đâu lạy sát chân Phật, nhiêu quanh Phật ba vòng roi ra vê. Đức Phật thuyết như vậy, Lộc Tử Mầu Tỳ-xá-khư và các Tỳ-kheo nghe Phật giảng dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

203. KINH BÔ-LỢI-ĐA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Na-nan-đại51 2 ngụ trong khu vườn Ba-hòa- lợi-nại.3 Bấy giờ, cư sĩ Bô-lợi-đa4 mặc áo trắng sạch, đầu quấn khăn trắng, chống gậy cầm dù? mang giày thế tục, đi từ vườn này sang vườn nọ, từ quán này đến quán kia, từ rừng này đến rừng khác, tản bộ ngao du khắp chốn. Nấu gặp các bậc Sa-môn hay Phạm chí liền nói như vầy: "Chu Hiền nên biết, tôi đã lìa bỏ r r thê tục, đoạn dứt thê tục, buông bỏ mọi thứ ở dòi.” Các Sa-môn, Phạm chí dùng những lời hòa nhã đáp: '"Vâng! Hiền giả Bô-lợi-đa đã lìa bỏ thế tục, đoạn dứt thế tục, buông bỏ mọi thứ ở dòi." Rồi cư sĩ Bo-lợi-đa thong dong tản bộ khắp nơi, lần hồi đến chỗ đức Phật, chào hỏi xong rồi chống gậy đứng trước Phật. Khi ấy, Thế Tôn bảo: Cư sĩ! Chỗ ngồi có sẵn, ông muốn ngồi thì cứ ngồi. Cư sĩ Bô-lợi-đa nói: - Này Cù-đàm, không nên như vậy! Không thể như vậy! Vì sao như thế? Vì tôi đã lìa bỏ thế tục, đoạn dứt thế tục, buông bỏ mọi thứ ở đời, vậy mà Sa-môn Cù-đàm lại gọi toi là "cu sĩ9 sao? The Ton đáp: Bởi ông có hình tướng và biêu hiện như cư sĩ, cho nên Ta bảo: "Cu sĩ! Chỗ ngồi có sẵn, ông muốn ngồi thì cứ ngồi?9 The Ton ba lân noi như vây: -Cư sĩ! Chỗ ngồi có sẵn, ông muốn ngồi thì cứ ngồi. Cư sĩ Bô-lợi-đa cũng ba lần nói: - Này Cù-đàm, không nên như

vậy! Không thể như vậy! Vì sao như thế? Vì tôi đã lìa bỏ the tục, đoạn dứt the tục, buông bỏ mọi thứ ở đời, vậy mà Sa-môn Cù-đàm lại gọi tôi là "cu sĩ5' sao?

1 Nguyên tác: Bô-lợi-đa kinh roi. 0026.203. 0773a02. Tham chiếu: M. 54, Potaliya Sutta Kmh Potalỉyă. 2 Na-nan-đại .Theo M. 54, đó là thị trấn Ãpana, thuộc nước Añguttarāpa, phía Bắc sông Mahī. Những địa danh vừa nêu và Na-nan-đại có liên hệ với nhau qua cách phiên âm. 3 Nguyên tác: Ba-hòa-lợi-nại viên Pāvārikambavana. 4 Bô-lợi-đa ,Potaliya.

rT'l Ấ rrn A Á__ 2 1

The Ton tra lơi: Bởi ông có hình tướng và biểu hiện như cư sĩ, cho nên Ta bảo: "Cu sĩ! Chỗ ngồi có sẵn, ông muốn ngồi thì cứ ng&." Thế Tôn lại hỏi: -Ông lìa bỏ thế tục, đoạn dứt thế tục, buông bỏ mọi thứ ở đời như thế nào? Cư sĩ Bô-lợi-đa đáp: -Cù-đàm! Tôi đem tất cả tài sản trong nhà giao hết cho con cái? tôi song vô vi vô cầu, chỉ đến lấy thức ăn để duy trì mạng sống mà thôi! Tôi đã lìa bỏ thế tục, đoạn dứt thế tục, buông bỏ mọi thứ ở đời như vậy. The Ton bao: -Này cư sĩ! Trong giáo pháp của bậc Thánh, đoạn tuyệt các việc ở đời không phải như vậy. Này cư si, trong giáo pháp của bậc Thánh có tám điều để đoạn tuyệt mọi việc ở đời. Nghe vậy, cư sĩ Bô-lợi-đa liên buông gậy xép dù, cởi giày thê tục roi chăp tay hướng về Phật thưa: Bạch Cù-đàm! Trong giáo pháp của bậc Thánh, thế nào gọi là tám điều đoạn tuyệt mọi sự đời? [0773002] Thế Tôn đáp: Này cư si, vị Thánh đệ tử đa văn y cứ từ bỏ sát sanh, đoạn dứt sát sanh; y cứ từ bỏ trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp; y cứ từ bỏ tà hạnh, đoạn dứt tà hạnh; y cứ từ bỏ nói dối, đoạn dứt nói dối; y cứ không tham trước, đoạn dứt tham trước; y cứ không giận ghét,5 đoạn dứt giận ghét; y cứ không đố kỵ thù nghịch, đoạn dứt đố kỵ thù nghịch; y cứ không tăng thượng mạn, đoạn dứt tăng thượng mạn. Này cư sĩ, thế nào gọi là vi Thánh đệ tử đa văn y cứ từ bỏ sát sanh, đoạn dứt sát sanh? Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vay: "Ai sát hại chắc chan phải chịu quả báo xâu ác trong đời này và đời sau. Nêu ta sát hại thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ trích học giới của ta, khắp nơi đều nghe tiếng xấu của ta, sau khi qua đời thì nhất đinh sẽ đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Như vậy, ai sát hại thì sẽ nhận quả báo kho đau cả đời này lẫn đời sau; vậy nay ta có nên y cứ từ bỏ sát hại, đoạn dứt sát hại chăng?^, Rồi vị ấy liền y cứ từ bỏ sát sanh, đoạn dứt sát sanh. Như vậy là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ từ bỏ sát sanh, đoạn dứt sát sanh. Này cư si, thê nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ từ bỏ trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp? Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy: “Ai trộm cướp thì nhất đinh phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau. Nếu ta trộm cướp thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ trích học giới của ta, khắp nơi đều nghe tiếng xấu của ta, sau khi qua đời

5 Nguyên tác: Hại khuê ,kodhūpāyāso.

ắt sẽ đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Ai trộm cướp thì phải chịu quả báo khô đau cả đời này lân đời sau; vậy nay ta có nên y cứ xa lìa trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp chăng?" Rồi vị ấy liền y cứ xa lìa trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp. Như vậy là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ xa lìa trộm cướp, đoạn dứt trộm cướp. Này cư sĩ, thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ xa lìa tà dâm, đoạn dứt tà dâm? Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy:Ai tà dâm thì nhất định phải nhận quả báo xâu ác trong đời này và đời sau. Nếu ta tà dâm thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ trích học giới của ta, khắp nơi đều nghe tiếng xấu của ta, sau khi qua đời ắt đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Như vậy, người tà dâm phải chiu quả báo đau khô trong đời này và đời sau; vậy nay ta có nên y cứ xa lìa tà dâm? đoạn dứt tà dâm chng?" Rồi vi ấy liền y cứ xa lìa tà dâm, đoạn dứt tà dâm. Như vậy là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ xa lìa tà dâm, đoạn dứt tà dâm. [0773c01] Này cư sĩ, thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ từ bỏ nói dối, đoạn dứt nói dối? Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy: "Ai nói dối thì nhất định phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau. Nếu ta nói dối thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ trích học giới của ta, khắp nơi đều nghe tiếng xấu của ta, sau khi qua đời ắt đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Như vậy, người nói dối phải chịu quả báo xấu ác cả đời này và đời sau; vậy nay ta có nên y cứ xa lìa nói dối, đoạn dứt nói dối chng?" Rồi vị ấy y cứ xa lìa nói dối, đoạn dứt nói dối. Như vậy là vi Thánh đệ tử đa văn y cứ xa lìa nói dối, đoạn dứt nói dối. Này cư sĩ, thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ không tham trước, đoạn dứt tham trước? Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy: “Ai tham trước thì nhất định phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau. Nếu ta tham trước thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ trích học giới của ta, khắp nơi đều nghe tiếng xấu của ta, sau khi qua đời nhất định đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Như vậy, ai tham trước tất phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau. Vậy nay ta có nên y cứ không tham trước, đoạn dứt tham trước chng?“ Rồi vị ấy y cứ không tham trước, đoạn dứt tham trước. Như vậy là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ không tham trước, đoạn dứt tham trước. Này cư sĩ, thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ không giận ghét, đoạn dứt giận ghét? Vi Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy: "Ai giận ghét thì nhất định phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau. Nếu ta giận ghét thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ trích học giới của ta, khắp nơi đều nghe tiếng xấu của ta, sau khi qua đời tất sẽ đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Như vậy, ai giận ghét tát phải thọ quả báo xấu ác trong đời này và đời sau; vậy nay ta có nên y cứ không giận ghét, đoạn dứt giận ghét chng?" Rồi vi ấy y cứ không giận ghét, đoạn dứt giận ghét. Như vậy là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ không giận ghét, đoạn dứt giận ghét.

1384 KINH TRUNG A-HÀM

Này cư sĩ, thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ không đố kỵ thù nghịch, đoạn dứt đố kỵ thù nghịch? Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy: "Ai đố kỵ thù nghịch thì nhất định phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau. Nấu ta đố kỵ thù nghịch thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ

trích học giới của ta, khắp nơi đêu nghe tiêng xấu của ta, sau khi chết tất đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Như vậy, ai đố kỵ thù nghịch tất phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau; vậy nay ta có nên y cứ không đố kỵ thù nghịch, đoạn dứt đô kỵ thù nghịch chng?" Roi vị ấy y cứ không đố kỵ thù nghịch, đoạn dứt đố kỵ thù nghịch. Như vậy là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ không đố kỵ thù nghịch, đoạn dứt đố kỵ thù nghịch. [0774a05] Này cư si, thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn y cứ không tăng thượng mạn, đoạn dứt tăng thượng mạn? Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy: "Ai tăng thượng mạn thì nhất đinh phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau. Nếu ta có tăng thượng mạn thì sẽ tự hại mình và cũng phỉ báng người khác, chư thiên và các bậc Phạm hạnh có trí sẽ chỉ trích học giới của ta, khắp nơi đều nghe tiếng xấu của ta, sau khi qua đời ắt đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Như vậy, ai có tăng thượng mạn tất phải chịu quả báo xấu ác trong đời này và đời sau; vậy nay ta có nên y cứ không tăng thượng mạn, đoạn dứt tăng thượng mạn chng?" Rồi vị ấy y cứ không tăng thượng mạn, đoạn dứt tăng thượng mạn. Như vậy là vi Thánh đệ tử đa văn y cứ không tăng thượng mạn5 đoạn dứt tăng thượng mạn. Đó gọi là trong giáo pháp của bậc Thánh có tám điều để đoạn dứt mọi sự ở đời vậy. Cư sĩ hỏi: -Thưa Cù-đàm5 trong giáo pháp của bậc Thánh chỉ có những điều như vậy là đoạn dứt mọi việc ở đời hay còn có những điều khác nữa chăng? ỉ rrn-| À rr\ /\ J. / The Ton đáp: -Trong giáo pháp của bậc Thánh không chỉ có chừng đó là đoạn dứt mọi việc ở đời mà còn có tám điều khác để đoạn dứt việc ở đời, dẫn đến chứng ngộ. Cư sĩ Bô-lợi-đa nghe xong, liền cởi khăn trắng ra, chắp tay hướng Phật và bạch: Thưa Cù-đàm9 thê nào gọi là trong giáo pháp của bậc Thánh còn có tám điều để đoạn dứt mọi việc ở đời, dẫn đến chứng ngộ? Thê Tôn đáp: Này cư sĩ, cũng như có con chó, đói khát ốm yếu, lần đến lò mổ bò. Người đo te hay đệ tử của người đồ tể quăng cho nó một khúc xương đã lóc hết thịt. Con chó quắp lấy khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm đến nỗi rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương tổn đến cuống họng, nhưng nó không nhờ vậy mà hết đói.

203. KINH BÔ-LỢI-ĐA 1385

Này cư si, vị Thánh đệ tử đa văn cũng lại suy nghĩ như vầy: "Dục như khúc xương khô. Thế Tôn dạy dục như khúc xương khô, vui ít khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiêm, hãy xa lánh chhng." ở đây, nếu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bát thiện, nghĩa là đối với mọi vật dục trong thế gian6 này, người ấy đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hãy tu tập pháp đó!7 Này cư sĩ, cũng như cách thôn xóm khôíiệ xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống, nếu có quạ hoặc diều hâu đen quắp lấy miếng thịt ấy đi5 rồi những con quạ hay diều hâu khác đuổi theo để tranh giành. Ý cư sĩ nghĩ sao? Nêu con quạ hay diêu hâu ây không chịu nhả miếng thịt ấy thì các con quạ hay diều hâu khác vẫn đuổi theo để giành giật chứ? [0774b02] Cư sĩ đáp: Đúng vậy, thưa Cù-đàm! -Ý cư sĩ nghĩ sao? Nấu con quạ hay diều hâu ấy mau chóng nhả miếng thịt này ra thì các con quạ hay diều hâu khác có còn đuổi theo để giành giật nưa không? Cư sĩ đáp: Thưa không! Này cư sĩ, vi Thánh đệ tử đa văn cũng lại suy nghĩ như vầy: “Dục như miếng thịt. Thế Tôn dạy dục như miếng thịt, vui ít khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, hãy xa lánh chúng.,^ ở dây, nếu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bất thiện, nghĩa là đối với mọi vật dục trong thế gian này, người ấy đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hãy tu tập pháp đó! Này cư sĩ,

cũng như có nguồi tay cam bó đuốc đang cháy mà đi ngược gió. Ý cư sĩ nghĩ sao, nếu người ấy không mau chóng buông bó đuốc xuống thì có phải sẽ bị cháy tay và các bộ phận khác trên thân thể chăng? Cư sĩ đáp: Đúng vậy, thưa Cù-đàm! -Ý cư sĩ nghĩ sao, giả sử người ấy mau chóng quăng bỏ bó đuốc thì có còn bị cháy tay và các bộ phận khác trên thân thể nữa chăng? Cư sĩ đáp: Không, thưa Cù-đàm! - Này cư sĩ, vi Thánh đệ tử đa văn cũng lại suy nghĩ như vầy: "Dục như bó đuốc đang cháy. Thế Tôn dạy dục như bó đuốc đang cháy, vui ít khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, hãy xa lánh chúng.^, ơ đây, nêu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bát thiện, nghĩa là đối với mọi vật dục trong thế gian này, người ây đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hãy tu tập pháp đó!

6 Nguyên tác: Thế gian ẩm thực (lokāmisam)'. Vật chất trong thế gian. 7 Tham chiếu: M. 54: "d đây, mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vay" (HT. Thích Minh Châu dịch).

1386 KINH TRUNG A-HÀM

Này cư si, cũng như cách thôn xóm không xa có hầm lửa lớn, trong đó đầy lửa ngọn nhimg không có khói. Nếu có người đi đên, người ây không ngu không si, cũng khônệ điên đảo, tự giữ vững tâm mình, tự do tự tại, muôn vui chứ không muốn kho, rất ghét sự khổ, muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý cư sĩ nghĩ sao? Người ấy có nhảy vào hầm lửa đó chăng? Cư sĩ đáp: Không, thưa Cù-đàm! Vì sao như vậy? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng: "Nếu rơi xuống hầm lửa, chắc chắn phải chết chứ không nghi ngờ gì nữa. Dù không chết thì cũng phải chịu đau đớn vô cíing." Người ấy thay hầm lửa liền nghĩ đến sự lìa xa, mong được lìa bỏ. Này cư si, vị Thánh đệ tử đa văn cũng lại suy nghi như vây: "Dục như hầm lửa. Thế Tôn dạy dục như hầm lửa, vui ít khổ nhiêu, đầy dẫy nguy hiểm, hãy xa lánh chiing." ở đây, nếu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bất thiện, nghĩa là đoi với mọi vật dục trong thế gian này người ấy đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hãy tu tập pháp đo! Này cư sĩ, cũng như cách thôn xóm khôn^ xa có con rắn độc to lớn, rất dữ rất độc, màu đen đáng sợ. Nếu có người đi đen, người ấy không ngu không si, cũng không điên đảo, tự giữ vững tâm mình, tự do tự tại, muốn vui chứ không muôn khổ, rất ghét sự khổ, muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý cư sĩ nghĩ sao? Người ấy có dám đưa tay hay các bộ phận khác trên thân thể cho rắn cắn và nói rằng: “Này, mổ đi! Mổ di!” như vậy chăng? [0774C05] Cư sĩ đáp: - Thưa không, Cù-đàm! Vì sao như vậy? Người ấy thấy rắn độc liền nghĩ rằng: "Nếu ta đưa tay hay các bộ phận khác trên thân thể để cho rắn cắn thì nhất đinh phải chết, không nghi ngờ gì nữa. Dù không chết thì cũng phải chịu đau đớn vô cùng?5 Người ấy thay con ran độc liền nghĩ đen sự lánh xa, mong được lìa bỏ. Này cư sĩ, vị Thánh đệ tử đa văn cũng lại suy nghĩ như vầy: "Dục như rắn độc. Thế Tôn dạy dục như rắn độc, vui ít khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, hãy xa lánh chiing." ở đây, nếu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bất thiện, nghĩa là đối với mọi vật dục trong thê gian này, người ây đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hay tu tập pháp đó! Này cư sĩ, cũng như có người nằm chiêm bao thấy mình vui hưởng đầy đủ năm món dục, nhưng khi tỉnh giấc thì không thấy thứ nào. Này cư sĩ, Thánh đệ tử đa văn cũng lại suy nghĩ như vầy: "Dục như giấc mộng. Thế Tôn dạy dục như giấc mộng, vui ít khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, hãy xa

lánh chúng.,, ổ đây, nếu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bất thiện, nghĩa là đối với mọi vật dục trong thế gian này người ây đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hãy tu tập pháp đó! Này cư sĩ, cũng như có người vay mượn những vật dụng để vui hưởng dục lạc, hoặc cung điện, lâu gác, vườn hoa, ao tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chăn

gấm nệm bông, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, chuỗi ngọc, vòng cổ? tràng hoa, vàng bạc, châu báu, hoặc vải tốt, y phục quý; mọi người nhìn thấy cùng ca ngợi răng: "Nhu vậy mới tốt đẹp làm sao! Như vậy mới vui sướng làm sao! Nêu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích đến cùng như vậy.,^ Nhưng người chủ tài vật đó có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào. Rồi chủ nhân tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt. Những người khác trông thấy, liền bảo nhau rằng: "Người vay mượn kia, thật sự là lừa gạt chứ không phải vay mượn. Vì sao như vậy? Vì người chủ sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào. Và rồi người chủ đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt?9 Này cư sĩ, Thánh đệ tử đa văn tư duy như vầy: "Dục như đồ vay mượn. Thế Tôn dạy dục vọng như đồ vay mượn, vui ít khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiêm5 hãy xa lánh chúng.^, ở dây, nếu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bát thiện, nghĩa là đối với mọi vật dục trong thế gian này người ấy đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hãy tu tập pháp đó! [0775a02] Này cư sĩ, cũng như cách thôn xóm không xa5 có cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái rất ngon. Nếu có người đến gần đó, bụng đói rã rời, muốn được ăn trái cây, người ấy nghĩ rằng: "Cây này thường có nhiều trái rát ngon, ta bụng đói rã rời muôn được ăn trái cây, nhưng dưới góc cây không có trái nào rụng để ăn no đủ và để mang về. Ta biết leo cây, vậy nay ta có nên leo lên cây chăng?" Nghĩ xong, người đó liền leo lên cây. Lại có một người khác đi đến, bụng đói rã rời, muốn được ăn trái cây, liền cầm búa rất bén rồi suy nghĩ: "Cây này thường có nhiêu trái rát ngon, nhưng dưới góc cây này không có trái nào rụng để ăn cho no đủ và để mang về. Ta không biêt leo cây, vậy ta có nên đôn ngã cây này chăng?" Roi người áy liên đôn ngã cây xuông. Y cư sĩ nghĩ sao? Người ở trên cây nếu không xuống nhanh thì khi cây ngã xuống đất, liệu người ấy có bi gãy tay hay ảnh hưởng các bộ phận khác trên thân thể chăng? Cư sĩ đáp: Thưa có, Cù-đàm! -Ý cư sĩ nghĩ sao? Nếu người ở trên cây nhanh chóng leo xuống, khi cây xuống đất thì có thể bị gãy tay hay ảnh hưởng các bộ phận khác trên thân chăng? Cư sĩ đáp: —Thưa không, Cù-đàm! Này cư sĩ, vị Thánh đệ tử đa văn lại suy nghĩ như vầy: "Dục như quả trên cây. Thế Tôn dạy dục như quả trên cây, vui ít khổ nhiều, đầy dẫy hiểm nguy, hãy xa lánh chúng.,^ ở đây, nếu có ai lìa bỏ dục, lìa pháp ác bất thiện, nghĩa là đối với mọi vật dục trong thế gian này, người ấy đoạn trừ hoàn toàn, không còn lại gì. Hãy tu tập pháp đó! Đó gọi là trong giáo pháp của bậc Thánh còn có tám điều để đoạn dứt tất cả việc ở đời, đạt đến chứng ngộ.

Này cư sĩ! Rồi vị ấy diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, an trú hỷ lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai. Rồi vị ấy ly hỷ, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Rồi vị ấy buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ hỷ và ưu quá khứ,

không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Khi đã được đinh tâm thanh tịnh như vậy, không còn uế nhiễm nóng bức, được nhu thuận, an trú vững vàng, tâm không lay động, tu học đạt đến chứng đắc Lậu tận trí thông, vị ấy biết đúng như thật rằng: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diet"; đồng thời biết đúng như thật: "Dây là lậu, đây là nguyên nhân của lậu, đây là lậu diệt, đây là con đường đưa đến lậu diet." Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vo minh lậu. Khi giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết đúng như thật rằng: "Sanh từ đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0775b04] Khi đức Phật nói pháp này, cư sĩ Bô-lợi-đa liền xa lìa trần cấu, đạt được cái thấy chân thật đối với các pháp. Lúc đó5 cư sĩ Bô-lợi-đa thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không thờ ai khác, không nương ai khác, không còn do dự5 đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn đắc Vô sở úy. Ông cúi đầu lạy sát chân Phật và thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, cúi xin Thế Tôn chấp thuận cho con được làm ưu-bà-tắc. Ke từ ngày hôm nay đên lúc qua đời, con xin trọn đời quy y! Thưa Thê Tôn! Trước đây con mặc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chống gậy cầm dù, mang giày thế tục, đi từ vườn này sang vườn nọ, từ quán này đến quán kia, từ rừng này đến rừng khác, tản bộ ngao du khắp chốn, nếu gặp các bậc Sa-môn hay Phạm chí liền nói như vầy: "Chu Hiền nên biết, tôi đã lìa bỏ thế tục, đoạn dứt thế tục, buông bỏ mọi thứ ở dòi." Các Sa-môn9 Phạm chí ấy dùng những lời hòa nhã nói với con rằng: "Vâng! Hiền giả Bô-lợi-đa đã lìa bỏ thế tục, đoạn dứt thế tục, buông bỏ mọi thứ ởđòiy Thưa Thế Tôn, bấy giờ, các vị ấy thật sự vô trí mà con lại đặt họ vào chỗ của bậc trí, thật sự vô trí mà con lại phụng thờ, thật sự vô trí mà con lại cúng dường, thật sự vô trí mà con lại phụng sự như người có trí tuệ. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay, chúng Tỳ-kheo và đệ tử của Thế Tôn đây mới thật sự là bậc có trí, xứng đáng được đặt vào chỗ bậc trí, thật sự có trí đáng để tôn thờ, thật sự có trí đáng để cúng dường, thật sự có trí đáng để phụng sự như bậc trí tuệ. Thưa Thế Tôn, nay con lại xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính mong Thế Tôn chấp thuận cho con được làm ưu-bà-tắc. Ke từ ngày hôm nay đến lúc qua đời, con xin trọn đời quy y! Thưa Thế Tôn, trước đây con kính tin Sa-môn ngoại đạo, Phạm chí thì từ hôm nay, con xin đoạn tuyệt! Bạch Thế Tôn? đây

là lần thứ ba con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, kính xin Thế Tôn chấp thuận cho con được làm ưu-bà-tắc! Ke từ ngày hôm nay đến lúc qua đời, con xin trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, cư sĩ Bô-lợi-đa và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.8

8 Bản Hán, hết quyển 55.

204. KINH LA-MA1

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Đông Viên, giảng đường Lộc Tư Mầu.12

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Thế Tôn rời nơi tĩnh tọa, ra khỏi giảng đường rồi bảo Tôn giả A-nan:

Bây giờ, thầy hãy cùng Ta đến sông A-di-la-bà-đề3 để tắm gội.

Tôn giả A-nan bạch:

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả A-nan câm khóa cửa đi khắp các phòng, gặp Tỳ-kheo nào cũng nói rằng:

Chư Hiền, hãy cùng đến nhà Phạm chí La-ma.4

Các Tỳ-kheo nghe xong, liền cùng nhau đến nhà Phạm chí La-ma.

Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-bà-đề? cởi y ưhục

1 Quyển 56. Nguyên tác: La-ma kinh (roi. 0026.204. 0775c07). Tham chiếu: Tạng.(T.02. 0125.19.1. 0593a24); Tăng.(T.02._0125.24.5. Ọ618a27); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ- nại-da phả ;(T.24 1450.5-6. 0125c29-0128b01)A M 26, Ariyapariyesana Sutta (Kỉnh Thảnh cầu); M. 85, Bodhirajākumāra Sutta (Kỉnh Vương tử Bo-de); s. 6.1 - L 298; y 56.11 - V. 420. J 2 Nguyen tác: Đông Viên Lộc Tử Mầu đường (‚Pubbārāma Migāramātu pāsādā). 3 A-di-la-bà-đề (‚Aciravatī) là một trong 5 con sông lớn ở Ấn Độ (pañca mahânađĩ), bắt nguồn từ phía Đông Himalaya rồi chảy ra biển. Tuy nhiên, M. 26 chỉ cho một bến nước của con sông này, tên là Pubbakotthaka, gân Lộc Tử Mau giảng đường ở Xá-vệ. 4 La-ma (‚Rammaka).

liền đẳng hắng và gõ cửa. Các Tỳ-kheo nghe tiếng liền bước ra mở cửa. Thế Tôn bước vào nhà Phạm chí La-ma, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo và hỏi: Vừa rồi các thầy nói những chuyện gì? Vì việc gì mà các thầy nhóm họp ở đây? Lúc ấy, các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, chúng con vừa nói pháp, vì pháp sự này nên chúng con nhóm họp ở đây. Thế Tôn khen ngợi: -Lành thay, lành thay! Khi Tỳ-kheo nhóm họp thì chỉ nên làm hai việc, thứ nhất là thuyết pháp và thứ hai là im lặng. Vì sao như vậy? Như Lai cũng sẽ vì các thầy mà giảng pháp, hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! [0776a02] Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch: Thưa vâng, chúng con xin lang nghe! Đức Phật dạy: Có hai loại tìm cầu. Một là Thánh cầu, hai là Phi Thánh cầu. Thế nào là Phi thánh cầu? Có pháp thật sự bệnh lại đi tìm cầu pháp bệnh, có pháp thật sự già lại đi tìm cau pháp già,... (cho đen) có pháp chết, có pháp buồn lo sâu khổ, có pháp thật sự nhiễm ô lại đi tìm cầu pháp nhiễm ô. Thế nào là pháp thật sự bệnh lại đi tìm cầu pháp bệnh? Thế nào là pháp bệnh? Con cái, anh em là pháp bệnh. Vòi, ngựa, bò? dê, tôi tớ, tiền tài, châu báu, lúa gạo đều là pháp bệnh. Đoi với pháp ấy, chúng sanh xúc chạm, đắm nhiễm, tham luyến, dính mắc, kiêu ngạo, thọ nhận mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy cần phải xa lìa khi nắm giữ và thọ dụng chúng. Thê nào là pháp già, pháp chét, pháp buôn lo sâu khô và pháp nhiêm ô? Con cái, anh em là pháp nhiễm ô. Voi, ngựa, bò, dê, tôi tớ, tiền tài, châu báu, lúa gạo đều là pháp nhiễm ô, là pháp tai họa. Đối với pháp ấy, chúng sanh xúc chạm, đắm nhiễm, tham luyến, dính mắc, kiêu ngạo, thọ nhận mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy cần phải xa lìa khi nắm giữ và thọ dụng chúng. Chúng sanh ây muôn câu không bệnh, vô thượnệ an ôn Niêt-bàn, nhưng

đạt được không bệnh, vô thượng an ổn Niêt-bàn là điêu không bao giờ xảy ra. Chúng sanh ấy muốn cầu khônặ già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiêm ô5 vô thượng an ôn Niêt-bàn5 nhung đạt được không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết-bàn là điều không bao giờ xảy ra. Đây gọi là Phi Thánh cầu. Thế nào là Thánh cầu? Có người suy nghĩ như vầy: "Chính ta thật sự là pháp bệnh, không tội tình gì lại đi tìm cầu pháp bệnh nữa. Chính ta thật sự là pháp già, pháp chết, pháp buồn lo sầu khổ, pháp nhiễm ô thì không tội tình gì lại đi tìm câu pháp nhiễm ô nữa. Vậy nay ta phải tìm cầu không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không

nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết-bàn." Thế rồi, người ấy liền tìm cầu không bệnh, vô thượng an ôn Niết-bàn và đạt được không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn là điều chắc chắn xảy ra. Người ấy tìm cầu khônẹ già, không chết, không buồn lo sau kho, không nhiễm 6, vô thượng an ổn Niểt-bàn và đạt được không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết-bàn là điều chắc chắn xảy ra. Thuở xưa, khi chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta cũng suy nghĩ như vầy: "Chính Ta thật sự là pháp bệnh, không tội tình gì lại đi tìm cầu pháp bệnh nữa. Chính Ta thật sự là pháp già, pháp chết, pháp buồn lo sầu khổ, pháp nhiễm ô thì không tội tình gì lại đi tìm cầu pháp nhiễm ô nữa. Vậy nay Ta có phải tìm cầu không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết- bàn chng?" LÚC ây, Ta hãy còn là một thiêu niên trong sáng, tóc xanh óng mượt, cho đến năm tròn hai mươi chín tuổi, là độ tuổi cực kỳ vui thú, chưng diện trang sức, thỏa thích dạo chơi. Thế nhưng bấy giờ, mặc dù cha mẹ khóc lóc, thân thuộc không vui, Ta vẫn cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, giữ gìn thân mạng thanh tịnh, khẩu mạng và ý mạng thanh tinh. Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi lại muốn tìm câu không bệnh, vô thượng an ôn Niêt-bàn; tìm câu không già, không chét, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết-bàn nên đến chỗ A-la-la Già-la-ma5*và hỏi rằng: "Thua A-la-la, tôi muốn theo pháp của ngài để tu hành Phạm hạnh, có được chang?" A-la-la trả lời: "Hiền giả! Không có gì là không được, ông muốn tu thì cứ tu." Ta lại hỏi: "Thua A-la-la! Ngài tự biết, tự ngộ, tự thân chứng đắc pháp này như thế nào?" A-la-la trả lời: "Hiền giả! Tôi vượt qua tất cả Thức xứ, đạt đến Vô sở hữu xứ? thành tựu và an trú trong đó. Đây là pháp mà tôi đã tự biết, tự ngộ, tự thân chứng [0776bl4] Ta lại suy nghĩ: "Không chỉ A-la-la mới có niềm tin này, Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ A-la-la mới có tinh tấn này, Ta cũng có tinh tấn này. Không chỉ A-la-la mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này/9 Đối vơi pháp này, A-la-la đã tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng. Ta cũng muốn chứng đắc pháp này nên sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Sau khi sống một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành không bao lâu thì Ta chứng được pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy rồi, Ta đi đến chỗ A-la-la Già-la-ma và hỏi: "Thua A-la-la, pháp mà ngài tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng có phải là vượt qua tất cả vô lượng Thức xứ? đạt đến Vô sở hữu xứ? thành tựu và an trú trong đó chang?" A-la-la

Già-la-ma trả lời: "Này Hiền giả, đó đúng là pháp mà tôi đã tự

5 A-la-lazGià-la-ma Ālāra Kālāma. Theo D. 16, vị này cũng là thầy của Pukkusa, đã chứng đắc Sơ thiền.

biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng Thức xứ, đạt đến Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú trong d6." Rồi A-la-la Già-la-ma lại nói với Ta: "Hiền giả! Vậy là, tôi đã chứng đạt pháp này thế nào thì Hiền giả cũng như vậy, Hiền giả đã chứng đạt pháp này thế nào thì tôi cũng như vậy. Này Hiền giả! Hãy ở lại cùng tôi dẫn dắt đồ chúng này." Vậy là A-la-la Ka-la-ma đối xử với Ta như một vị thày, xem Ta ngang hàng với ngài ấy, cung kính tối thượng, cúng dường tối thượng, hoan hỷ tối thượng. Ta lại suy nghĩ như vày: 'Tháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy nay Ta hãy xả bỏ pháp này để tìm cầu không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô9 vô thượng an ổn Niet-ban." Ta liền xả bỏ pháp này để tìm câu không bệnh, vô thượng an ôn Niêt-bàn, tìm câu không già, không chét, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết-bàn. Rồi Ta đến chỗ uất-đà-la La-ma tử6 để hỏi: "Thua uất-đà-la! Tôi muốn theo pháp của ngài để tu học, có được chang?" uất-đà-la trả lời: "Này Hiền giả! Có gì mà không được, ông muốn học thì cứ hoc." Ta lại hỏi: 'Thưa uất-đà-la! Ngài tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng lứiững pháp gi?" Uất-đầu-la đáp: “Hiền giả! Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt đen Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu và an trú trong đó. Hiền giả, đây chính là pháp mà cha tôi, ngài La-ma, đã tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng vậy.^, [0776C12] Ta lại suy nghĩ: "Không chỉ riêng La-ma mới có niềm tin này, Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng La-ma mới có tinh tấn này, Ta cũng có tinh tấn này. Không chỉ riêng La-ma mới có trí tuệ này, Ta cũng có trí tuệ này. La-ma đã tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng pháp này, tại sao ta lại không tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng pháp này?" Vì muốn chứng đắc pháp này nên Ta sông một mình với hạnh viên ly, ở nơi thanh văng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Sau khi Ta song một mình với hạnh viễn ly, ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành không bao lâu thì Ta chứng được pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy, Ta đi đến chỗ uất-dà-la, con trai ngài La-ma và hỏi: “Thua uất-đà-la, có phải cha của người là La-ma, đã tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng pháp này, nghĩa là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu và an trú trong đó chng?” Khi ấy, uất-đà-la5 con trai của ngài La-ma, trả lời Ta rằng: "Hiền giả, cha tôi là La-ma, thật sự đã tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng pháp này, đó là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ9 thành tựu và an trú trong đỏy

6 ụất-đà-la La-ma tử (Uddaka Rāmaputta): uất-đà-la, con trai của La-ma. Theo Phật bôn hạnh tập kỉnh (r03. 0190.27. 0757Ồ13), Uât-đà-la là con trai của vị Đạo sư tên La ma. Sau khi người cha là La-ma qua đời, Uất-đà-la là người kế thừa cha lãnh đạo giáo phái và tên đầy đủ của ông là Uất-đà-la La-ma tử (Uddaka Râmaputta).

uất-đà-la lại nói với Ta: “Cha tôi là La-ma đã chứng pháp này thế nào thì ông cũng như vậy; ông đã chứng pháp này thế nào thì cha tôi cũng vậy. Hiền giả! Hãy ở lại cùng tôi dẫn dắt đồ chúng nay." Vậy là Uất-đà-la La-ma tử đôi xử với Ta như một vị thây, xem Ta cũng như thầy, cung kính tối thượng, Cling dường tối thượng, hoan hỷ tối thượng. Rồi Ta lại suy nghĩ như vầy: 'Tháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để tìm cầu không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm 6, vô thượng an ổn Niết-bSn." Thế là, Ta liền xả bỏ pháp ây đê tìm câu không bệnh, vô thượng an ôn Niêt-bàn, tìm câu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm 6, vô thượng an ổn Niết-bàn. Rồi Ta đi về phía Nam núi Tượng Đỉnh7 đến uất-tỳ-la,8 ứiôn của Phạm chí tên Tư-na.9 Vùng đất đó thật đáng yêu đáng thích, núi rừng sầm uất, nước sông Ni- liên-thiền trong xanh chảy tràn lên bờ. Ta nhìn thấy rồi liền khởi ý niệm: “Vùng đát này thật đáng yêu đáng thích, núi rừng sâm uât? nước sông Ni-liên-thiên trong xanh chảy tràn lên bờ. Nếu người thiện nam nào muốn học đạo thì nên học ở nơi này; Ta cũng học đạo, vậy Ta sẽ ở lại đây tu hoc.59 Thế rồi, Ta ôm cỏ đến bên cây Giác,10 trải làm tọa cụ và ngồi kiết-già? quyết không rời chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc lậu tận và rốt cuộc Ta đã không rời khỏi chỗ ấy cho đến khi chứng được lậu tận. Ta tìm cầu không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được không bệnh, vô thượng an ôn Niêt-bàn; Ta tìm câu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm 6, vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô. Ta khởi sinh cái thấy, cái biết, thành tựu các pháp đạo phẩm, biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0777al8] Khi vừa chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác, Ta suy nghĩ như vầy: “Ta nên thuyết pháp cho ai trước tiên?" Rồi lại nghĩ: “Nay Ta có nên thuyết pháp cho A-la-la Già-la-ma trước tiên chng?" Bấy giờ, có vị trời tru giữa hư không liền nói với Ta: :Dại Tiên Nhân! Nên biết A-la-la Già-la-ma đã qua đời cách đây bảy ngày." Rồi Ta cũng tự biết A-la-la Già-la-ma lâm chung đã được bảy ngày, nên lại suy nghĩ: “A-la-la Già-la-ma! Ong ấy thật thiệt thòi r r

VÌ không nghe được pháp này! Nêu được nghe pháp này, ông ây sẽ mau chóng biết pháp và tuần tự theo pháp." Khi vừa chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác, Ta liền nghĩ như vầy: “Ta nên thuyết pháp cho ai trước tiOn?" Rồi lại nghĩ: "Nay Ta có nên thuyết pháp

7 Tượng Đỉnh sơn Gayāsīsa còn được dịch là núi Tượng Đầu.

8 uất-tỳ-la ,Uruvelā.

9 Tư-na Senā.

10 Nguyên tác: Giác thọ ,tức cây Bồ-đề.

cho uất-đà-la La-ma tử trước tiên chang?" Lúc đó, có vị trời trú giữa hư không liền nói với Ta: "Đại Tiên nhân! Nên biết uất-đà-la La-ma tử đã qua đời cách đây mười bốn ng^y." Rồi Ta cũng tự biết uất-đà-la La-ma tử lâm chung đến nay đã mười bốn ngày, nên lại suy nghĩ: "Uất-đà-la La-ma từ! ông ấy thật thiệt thòi vì không nghe được pháp

này. Nếu được nghe pháp này, ông ấy sẽ mau chóng biết pháp và tuần tự theo pháp." [0777b03] Khi vừa chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác, Ta liền nghĩ như vầy: "Ta nên thuyết pháp cho ai trước tiên?^, Rồi lại nghĩ: "Trước kia có năm Tỳ-kheo11 phục vụ cho Ta, đã làm nhiều điều lợi ích. Lúc Ta tu khổ hạnh, năm Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta. Nay có nên thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo ấy trước tiên chĩig?" Rồi Ta lại nghĩ: "Năm Tỳ-kheo thuở ấy, nay đang ở dàu?" Bằng thiên nhãn thanh tinh vượt han người thường, Ta thây năm Tỳ-kheo đang ở trong vườn Nai, trú xứ của Tiên nhân, thuộc thành Ba-la-nại.11 12 Sau một thời gian lưu lại bên cây Giác tùy theo ý muốn,13 Ta liền đắp y, ôm bát hướng về Ba-la-nại, đến thị trấn Già-thi.14 Bấy giờ, có ngoại đạo tên Ưu-đà15 từ xa trông thấy Ta đến, liền nói với Ta rằng: Hiền giả Cù-đàm! Các căn của Ngài thanh tịnh, hình sắc rất đẹp, khuôn mặt rạng ngời! Hiền giả Cù-đàm, thầy của Ngài là ai? Ngài theo ai học đạo? Tin tưởng pháp của ai? Bấy giờ, Ta nói kệ trả lời Ưu-đà: Ta tối thượng, tối thắng, Không nhiễm tất cả pháp, Ái đã tận, giải thoát, Tự giác, không Tôn sư. Không ai hơn hay bằng, Tự giác, Vô thượng giác, Như Lai, Thay trời người, Thành tựu lực Biến tri.16 Ưu-đà hỏi Ta: Hiền giả Cù-đàm! Ngài tự cho mình là tối thắng ư? Ta lại dùng kệ đáp: Đấng tối thắng nghĩa là, Đã chứng đắc lậu tận, Ta nhổ sạch pháp ác, Ưu-đà! Ta tối thắng. ưu-đà lại hỏi Ta: Hiền giả Cù-đàm, Ngài muốn đi đâu?

11 Tỳ-kheo Bhikkhu, nghĩa đen là người khất thực bhikkhaka, là tên gọi chỉ cho Sa-môn, hoặc Phạm chí noi chung ở Ấn Độ tnrớc và trong thời Phật. Tỳ-kheo trong ngữ cảiứi này không mang nghía là vị Tỳ-kheo trong Phật giáo. 12 Nguyên tác: Ba-la-nại, Tiên nhân trụ xứ, Lộc Dã viên Bārānasī Isipatanam Migadāyo. 13 Nguyên tác: Tùy trụ .Pali: Yathābhirantam viharitvā ở đó tùy theo ý muốn. 14 Già-thi tức thành phố Kāsi, thủ đô nước Ba-la-nại. 15 Ưu-đà ưpaka, một tu sĩ tà mạng ājīvako. 16 Nguyên tác: Phổ tri :Biết khắp tất cả.

204. KINH LA-MA 1397

Bấy giờ, Ta dùng kệ đáp: Ta đến Ba-la-nại, Gióng trống mầu Bất tử, 17 Chuyển Pháp luân vô thượng, Chưa ai chuyển trong đời. Ưu-đà nói với Ta: Thưa Hiền giả Cù-đàm, có thể là như vậy. Nói xong, vi ấy liền men theo đường tắt quay về, còn Ta một mình đi đến vườn Nai, trú xứ của Tiên nhân. Lúc đó, năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đến, họ cùng hội ý và giao ước với nhau rằng: "Chư Hiền! Nên biết Sa-môn Cù-đàm đang đi đến, người này nhiều tham muốn, nhiều mong cầu, ăn uống thực phẩm thượng diệu, cơm thơm gạo trắng, bột gạo rang, tô, mật và dùng dầu mè xoa thân. Hôm nay, ông ấy lại đến dây, chúng ta cứ ngồi, đừng đứng dậy tiếp đón, cũng đừng hành lễ, cứ dành sẵn một chô ngôi nhưng chớ mời ngôi, khi ông ây đên hãy nói: 'Này bạn, nêu muôn ngồi thì cứ ngồi xuống.5,9 Thế rồi, Ta đến chỗ năm Tỳ-kheo ấy. Bấy giờ, năm Tỳ-kheo không kham nổi oai đức thắng diệu của Ta, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, người thì đỡ y cầm bát, người thì trải chỗ ngồi, người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng: "Những người mê muội này, sao lại không bền chí? Đã tự lập ra giao ước rồi lại làm trái điều ấy!” Ta biết như vậy rồi, liền ngồi xuống chỗ mà năm Tỳ-kheo đã soạn sẵn. [0777cll] Khi nghe năm Tỳ-kheo gọi thẳng tên họ của Ta và xưng hô với Ta là "bạn."18 Ta liền nói với họ: - Này năm Tỳ-kheo! Ta là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác. Các

ông đừng gọi tên họ cũ của Ta, cũng đừng gọi Ta là "bạn." Vì sao như vậy? Ta tìm cầu không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và đã đạt được không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Ta tìm cầu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết-bàn và đã đạt được không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm 6, vô thượng an ổn Niết- bàn. Ta đã sinh khởi cái thấy, cái biết, đã thành tựu các pháp đạo phẩm và biết như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,!> Họ nói với Ta: Này ông bạn Cù-đàm! Trước kia ông tu hành như vậy, với phương pháp như vậy, khổ hạnh như vậy mà còn chưa chứng được pháp Thượng nhan, chưa gần kề Thánh tri, Thánh kiến, huống gì ngày nay ông sống với nhiều tham muốn, nhiều mong cầu, ăn uống thực phẩm thượng diệu, cơm trắng gạo thơm, bột gạo rang, tô, mật và còn dùng dầu mè xoa thân nữa chứ?*

17 Nguyên tác: Diệu Cam lộ c6 .Tham chiếu: M. 26: Amatadundubhi trống bất tử. 18 Nguyên tác: Khanh ,Āvuso'. Bạn hay Hiền giả.

1398 KINH TRUNG A-HÀM

Ta hỏi lại: -Này năm Tỳ-kheo, trước kia các thầy có thấy các căn của Ta thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời như vậy chăng? Khi ấy, năm Tỳ-kheo trả lời: Trước kia chúng tôi chưa từng thấy các căn của ông thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời, nhưng nay thì các căn của ông thanh tịnh, hình sắc thắng diệu, sắc diện rạng ngời! Lúc đó, Ta liền bảo họ rằng: -Này năm Tỳ-kheo, nên biết rằng có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo không nên thực hành. Một là đắm trước dục lạc, là nghiệp hèn hạ, là lối sống của hạng phàm phu. Hai là tự gây phiền, tự chuốc khổ, không phải pháp Hiền thánh, tương ưng với khổ đau.19 Này năm Tỳ-kheo, từ bỏ hai cực đoan ấy, theo con đường trung đạo thì chắc chan thành tựu minh, thành tựu trí, thành tựu định, đạt được tự tại, đạt đên trí, đạt đên giác, đạt đên Niêt-bàn. Con đường đó chính là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đen chánh đinh. Rồi Ta tùy thuận giảng dạy cho năm Tỳ-kheo. Khi Ta dạy cho hai người thì ba người đi khất thực, ba người ấy mang thức ăn về, đủ cho sáu người ăn. Khi Ta dạy cho ba người thì hai người đi khất thực, hai người ấy mang thức ăn về, đủ cho sáu người ăn. Ta truyền dạy như vậy, khuyến hóa như vậy, giúp họ tìm cầu không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn và họ đạt được không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; giúp họ tìm càu không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm 6, vô thượng an ổn Niết-bàn và họ đạt được không già, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm 6, vô thượng an ổn Niết-bàn. Họ đã khởi sinh cái thay, cái biết, thành tựu các pháp đạo phẩm và biết như thật rang: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa?9 [0778all] Rồi Ta lại nói với họ: —Này năm Tỳ-kheo, có năm món dục đáng ưa, đáng thích, dễ sanh tâm luyến nhớ, dễ tương ứng dục vọng. Những gì là năm? Đó là sắc được biết bởi r r eZ 9 r r •

mat, tiêng được biêt bởi tai, hương được biêt bởi mũi, vị được biêt bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Này năm Tỳ-kheo! Những kẻ phàm phu mê muội, thiếu hiểu biết, không gặp bạn tốt, không biết Thánh pháp, không chế ngự trong Thánh pháp thì đối với năm món dục đó, họ xúc chạm, đắm nhiễm, tham luyến, dính mắc, kiêu ngạo, thọ nhận mà

không thấy sự nguy hiểm, không thấy cần phải xa lìa khi nắm giữ và thọ dụng chúng. Nên biết rằng họ đã nghe theo Ác ma, làm theo Ác ma, rơi vào tay Ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị cùm ma khóa chặt, không thoát khỏi sự trói buộc của ma.

19 Nguyên tác: Vô nghĩa tương ưng .Theo Du-giả sư địa luận T.30. 1579.84. 0770b07: Những việc dẫn đên khô đau, gọi là "v6 nghĩa,, ,.

204. KINH LA-MA 1399

Này năm Tỳ-kheo! Giống như con nai bị mắc vào lưới giăng, nên biết nó phải nghe theo thợ săn, làm theo thợ săn? rơi vào tay thợ săn, bị trói buộc bởi lưới của thợ săn? khi thợ săn đến thì nó không thể trốn thoát. Cũng vậy, này năm Tỳ- kheo5 những kẻ phàm phu mê muội, thiếu hiểu biết, không gặp bạn tốt, không biêt Thánh pháp, không chế ngự trong Thánh pháp thì đối với năm món dục đó5 họ xúc chạm, đam nhiễm, tham luyến, dính mắc, kiêu ngạo thọ nhận mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy cần phải xa lìa khi nắm giữ và thọ dụng chúng. Nên biết rằng họ đã nghe theo Ác ma, làm theo Ác ma, rơi vào tay Ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bi cùm ma khóa chặt, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử đa văn được gặp thiện tri thức, hiểu biêt Thánh pháp, chê ngự trong Thánh pháp thì đối với năm món dục đó5 vị ấy không xúc chạm, không đắm nhiễm, không tham luyến, không dính mắc, không kiêu ngạo thọ nhận mà thấy sự nguy hiểm, thấy cần phải xa lìa khi nắm giữ và thọ dụng chúng. Nên biết rằng họ đã không nghe theo Ác ma, không làm theo Ác ma, không rơi vào tay Ác ma9 không bị lưới ma quấn chặt, không bị cùm ma khóa chặt, thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo! Giông như con nai thoát khỏi lưới giăng, nên biêt răng nó sẽ không nghe theo thợ săn, không rơi vào tay thợ săn, không bi mắc kẹt bởi lưới giăng của thợ săn, khi thợ săn đến thì nó có thể chạy trốn. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, vi Thánh đệ tử đa văn được gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, chê ngự trong Thánh pháp thì đôi với năm món dục đó, vị ây không xúc chạm, không đắm nhiễm, không tham luyến, không dính mắc, không kiêu ngạo, không thọ nhận, thấy sự nguy hiểm, thấy cần phải xa lìa khi nắm giữ và thọ dụng chúng. Nên biết rằng vị ấy đã không nghe theo Ác ma, không làm theo Ac ma, không rơi vào tay Ác ma, không bị lưới ma quấn chặt, không bi cùm ma khóa chặt, thoát khỏi sự trói buộc của ma. [0778bl0] Này năm Tỳ-kheo! Khi có đấng Như Lai xuất hiện ở thế gian, là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thucmg Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn, nghĩa là đấng ấy đã đoạn trừ năm thứ ngăn che,2° những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly pháp ác bất thiện cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú trong đó. Đấng ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không não không phiền, khéo sống nhu hòa, thành tựu tâm bất động, tu học và tác chứng Lậu tận trí thong. Đấng ấy biết như thật đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt; biết như thật đây là lậu, đây là nguyên nhân của lậu, đây là lậu diệt và đây là con đường đưa đến lậu diệt. Đấng ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát và biết

20 Nguyên tác: Ngũ cái .pañca nīvarana'. Tham dục ,kāmarāga, sân khuê ,vyãpãdà, thụy miên WW,trạo cử ,uddhaccaṃ và nghi ,vicikicchā.

như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.,, Bấy giờ, đấng ấy di, đứng, ngồi, nằm đều được tự tại. Vì sao như vậy? Vì đấng ấy tự thấy rõ vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận, nên đấng ấy di, đứng, ngồi, nằm đều được tự tại như the. Này năm Tỳ-kheo! Giống như trong khu rừng vắng vẻ không có bóng người, ở đó đàn nai di, đứng, ngồi, nằm một cách tự tại. Vì sao như vậy? Vì đàn nai ây không ở trong lãnh địa của thợ săn, thê nên chúng di, đứng, ngôi5 năm tự tại như thế. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo! Tỳ-kheo nào mà lậu đã tận, đắc vô lậu5 Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú trong đó9 biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Bây giờ, vị ây đi, đứng, ngôi, năm một cách tự tại. Vì sao như vậy? Vì vị ây tự thây vô lượng pháp ác bất thiện đã diệt tận nên vị ấy tự tại trong khi đi, đứng, ngồi, nằm. Này năm Tỳ-kheo! Đó gọi là giải thoát hoàn toàn, đó gọi là không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; đó gọi là không gia, không chết, không buồn lo sầu khổ, không nhiễm ô, vô thượng an ổn Niết-bàn. [0778c06] Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

205. KINH NĂM HẠ PHẦN KIẾT sử1

1 Nguyên tác: Ngũ hạ phần kiết kỉnh (roi. 0026.205. 0778c09). Tham chiếu: M. 64, Mahãmãlukyã Sutta (Đại kỉnh Mãlukyã). 2 Ngũ hạ phần kiết (,pañca orambhāgiya samyojana). Hạ phần chỉ cho Due giới (, Kāmadhātu), 5 loại kiết sử đưa đen sự tái sanh ở Dục giới. Cung gọi la "Ngũ thuận hạ phần kiết5, gồm: (i) Tham dục (,kāmarāga), (ii) Sân khuể (vyãpãdà), (iii) Thân kiến (,sakkāyaditthī), (iv) Giới câm thủ (,

tiềm phục trong bản tính của nó nên nói là tham dục tùy miên4 vậy. Này Man Đồng Tỉr, như trẻ mới sanh, thân thể mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, không có ý tưởng về chúng sanh, há lại bị trói buộc bởi sân ư? Nhưng do kiết sử tiềm phục trong bản tính của nó nên nói là sân tùy miên5 vậy. Này Man Đồng Tử, như trẻ mới sanh, thân thể mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, không có ý tưởng về tự thân, há lại bi trói buộc bởi thân kiến chăng? Nhưng do kiết sử tiềm phục trong bản tính của nó nên nói là thân kiến tùy miên6 vậy. Man Đong Tử, như trẻ mới sanh, thân thể mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, không có ý tưởng về giới, há lại bị trói buộc bởi giới cấm thủ chăng? Nhưng do kiết sử tiềm phục trong bản tính của nó nên nói là giới câm thủ tùy miên7 vậy. Man Đông Tử, như trẻ mới sanh, thân thê mem yêu, năm ngửa mà ngủ, không có ý tưởng vê pháp, há lại bị trói buộc bởi nghi chăng? Nhưng do kiết sử tiềm phục trong bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên8 vậy. Này Man Đồng Tử, lẽ nào không có nhiều ngoại đạo đến chất

vấn và chỉ trích thầy bằng ví dụ về đứa trẻ sơ sinh ư? Bấy giờ, Ton giả Man Đồng Tử bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư.9 [0779a09] Sau khi quở trách Tôn giả Man Đồng Tử xong, Thế Tôn ngồi yên lặng. Lúc ấy, Tôn giảA-nan cầm quạt đứng sau quạt hầu Phật, liền chắp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói về năm hạ phần kiết sử, sau khi nghe Thế Tôn giảng dạy xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo thọ khéo trì. Thê Tôn bảo: -Này A-nan, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Tôn giả A-nan bạch: - Thưa vâng, con xin vâng lời lắng nghe! Đức Phật dạy: Này A-nan! Có người bi tham dục trói buộc, khi tâm tham dục sanh khởi lại không biết đúng như thật để xả ly. Do không biết đúng như thật để xả ly nên tham dục càng tăng mạnh, không thể chế ngự được, đây là hạ phần kiết sử.

4 Nguyên tác: Dục sử kãmanusayà: Tham dục tùy miên. "Sử"ở đây chính là "tùy miên,, anusayā. 5 Nguyên tác: Khuê sử ,vyāpādānusaya. 6 Nguyên tác: Thân kiến sử ,sakkāyaditthānusaya. 7 Nguyên tác: Giới thủ sủ:sīlabbataparāmāsānusaya. 8 Nguyên tác: Nghi sử vicikicchānusayo. 9 Trong nội dung đoạn đối đáp này, xét về mặt chữ nghĩa thì Man Đồng Tử đã đề cập đầy đủ cả 5 hạ phần kiết nhưng vẫn bị đức Phát rây. Điều này, trong A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận r28. 1546.27. 0197al9 giải thích răng, sự rây đó không căn cứ vào văn mà căn cứ vào nghĩa. Do vị này không giải thích nghĩa rõ rangnen bị đức Phật rầy. Vị Tôn giả này, ở trongtac phẩm A-tv-dam Tỳ-bà-sa có tên lāMa-lāc-ca tử ặíj ii T. Nguyên văn::,

205. KINH NĂM HẠ PHẦN KIẾT sử 1403

Này A-nan! Có người bị sân trói buộc, khi tâm sân sanh khởi lại không biết đúng như thật để xả ly. Do không biết đúng như thật để xả ly nên sân càng tăng mạnh, không thể chế ngự được, đó là hạ phần kiết sử. Này A-nan! Có người bị thân kiến trói buộc, khi tâm thân kiến sanh khởi lại không biết đúng như thật để xả ly. Do không biết đúng như thật để xả ly nên thân kiên càng tăng mạnh, không thê chê ngự được, đó là hạ phân kiêt sử. Này A-nan! Có người bị giới cấm thủ trói buộc, khi tâm giới cấm thủ sanh khởi lại không biết đúng như thật để xả ly. Do không biết đúng như thật để xả ly nên giới cấm thủ càng tăng mạnh, không thể chế ngự được, đó là hạ phần kiết sử. Này A-nan! Có người bị nghi trói buộc, khi tâm nghi sanh khởi lại không biết đúng như thật để xả ly. Do không biết đúng như thật để xả ly nên nghi càng lớn mạnh, không thể chế ngự được, đó là hạ phần kiết sử. Này A-nan, nếu theo con đường này? theo phương pháp này1011 thì đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử. Nếu ai không theo con đường này, không theo phương pháp này mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử thì trường hợp này không thể xảy ra. Nay Anan, cũng như co người muôn tìm lõi cay, VI muôn co lõi cay nen người ấy vác búa vào rừng. Người ấy nhìn thấy một cội cây trưởng thành với đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nếu người ấy không chặt rễ, không chặt thân mà có được lõi cây để mang về thì trường hợp này không thể xảy ra. Cũng vậy, này A-nan, nếu theo con đường này, theo phương pháp này thì đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử. Nếu ai không theo con đường này, không theo phương pháp này mà đoạn trừ được

năm hạ phần kiết sử thì trường hợp này không thể xảy ra. Này A-nan, nếu theo con đường này, theo phương pháp này thì đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử. Nếu ai theo con đường này, theo phương pháp này mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử thì trường hợp này nhất đinh xảy ra. Này A-nan, cũng như có người muốn tìm lõi cây, vì muốn có lõi cây nên người ấy vác búa vào rừng. Người ấy thấy một cội cây trưởng thành với đầy đủ rễ9 thân, cành, lá và lõi. Nếu người ấy chặt rễ, chặt thân và lấy được lõi cây mang về thì trường hợp này nhất định xảy ra. Cũng vậy, này A-nan, nếu theo con đường này, theo phương pháp này thì đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử. Nếu ai theo con đường này, thực hành theo phương pháp này mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử thì trường hợp này nhất định xảy ra. [0779bl2] Này A-nan, theo con đường nào, theo phương pháp nào để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử? Này A-nan, có người không bi tham dục trói buộc, nếu

10 Nguyên tác: Nhược y đạo, y tích .Tham chiếu: M. 64: Maggo ayarn patipadā Đây là con đường, đây là lộ trình. 11 Nguyên tác: Thật :Rắn chắc .Tham chiếu: A. 10.115 - v. 224: Sara cốt lõi, lõi cây.

sanh khởi tham dục trói buộc thì liền biết đúng như thật để xả ly. Khi vi ấy biết đúng như thật để xả ly rồi thì tham dục trói buộc ấy liền diệt mất. Này A-nan, có người không bi sân hận trói buộc, nếu sanh khởi sân hận trói buộc thì liền biết đúng như thật để xả ly. Khi vị ấy biết đúng như thật để xả ly rồi thì sân hận trói buộc ấy liền diệt mất. Này A-nan, có người không bị thân kiên trói buộc, nêu sanh khởi thân kiên trói buộc thì liền biết đúng như thật để xả ly. Khi vị ấy biết đúng như thật để xả ly rồi thì thân kiến trói buộc ấy liền diệt mất. Này A-nan, có người không bị giới cấm thủ trói buộc, nếu sanh khởi giới cấm thủ trói buộc thì liền biết đúng như thật để xả ly. Khi vị ấy biết đúng như thật để xả ly rồi thì giới cấm thủ trói buộc ấy liền diệt mất. Này A-nan, có người không bị nghi trói buộc, nếu sanh khởi nghi trói buộc thì liền biết đúng như thật để xả ly. Khi vị ấy biết đúng như thật để xả ly rồi thì nghi trói buộc ấy liền diệt mất. Này A-nan? đó chính là theo con đường này, thực hành theo phương pháp này để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử. Này A-nan, như sông Hằng-già5 nước chảy tràn bờ5 nếu có một người đến bên bờ, có việc muôn được qua sông, người ây suy nghĩ: "Sông Hăng-già này nước chảy tràn bờ? ta có việc muốn qua bờ bên đó, nhưng tự thân không đủ sức để lội sang đó một cách an toàn." Này A-nan, nên biết người ấy không đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, những ai đoi với giác ngộ, đoi với tịch diệt, đoi với Niết- bàn mà tâm không thú hướng, không thanh tịnh, không trụ nơi giải thoát, thì này A-nan, nên biêt người ây cũng giông như người gây yêu không sức lực đó. Này A-nan, như sông Hằng-già? nước chảy tràn bờ, nếu có một người đến bên bờ, có việc muôn được qua sông, người ây suy nghĩ: "Sông Hăng-già này nước chảy tràn bờ, ta có việc muốn qua bờ bên đó9 nay tự thân ta đủ sức bơi qua đó một cách an ôn.,, Này A-nan5 nên biêt người đó có đủ sức lực. Cũng vậy, này A-nan, những ai đối với giác ngộ, đối với tịch diệt, đối với Niết-bàn mà có tâm thú hướng, thanh tịnh, trụ nơi giải thoát, thì này A-nan, nên biết người này cũng như người có sức lực kia. [0779c07] Này A-nan, cũng như dòng nước lũ tràn về, sâu

rộng mênh mông, cuồn cuộn chảy xiết, cuốn trôi nhiều thứ mà ở dòng nước lại không có thuyền, cũng chẳng có cau. Giả sử có người đến bên bờ này, có việc nên tìm cách để qua sông. Vì tìm cách để qua nên người ấy suy nghĩ rằng: "Nay dòng nước lũ này thật sâu rộng mênh mông, cuồn cuộn chảy xiết, cuốn trôi nhiều thú*, mà ở dòng nước lại không có thuyền, cũng chẳng có cầu để vượt qua. Ta có công việc ở bờ bên kia, nên muốn qua đó5 vậy ta phải tìm phương tiện nào để có thể sang bờ bên đó một cách an 6n?" Rồi người ấy lại nghĩ: "Bây giờ ta hãy ở bên bờ này thu lượm cỏ cây rồi buộc lại, làm thành chiếc bè rồi nương vào để qua

sông?5 Thế rồi, người ấy liền ở bờ bên này thu lượm cỏ cây rồi buộc lại, làm thành chiếc bè, rồi nương vào mà đến bờ bên kia một cách an ổn. Cũng vậy, này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nương vào yểm ly, dựa trên yểm ly, an trú yểm ly, vì để chấm dứt việc ác của thân, vì để tâm thể nhập định nên phải yếm ly. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ? lạc do viễn ly sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Vị ấy nương trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ. Khi vị ấy nương trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ rồi thì an trú nơi đó và nhất đinh sẽ chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì sẽ được thăng tiến đến chỗ tịch tinh. Thế nào là thăng tiến đến chỗ tịch tinh? Vi ấy diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm? an trú hỷ5 lạc do đinh sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác không quán. Vi ấy dựa trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ. Khi vị ấy dựa trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ rồi thì an trú nơi đó và nhất đinh sẽ chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì sẽ thăng tiến đến chỗ tịch tịnh. Thế nào là thăng tiến đến chỗ tịch tinh? Vị ấy ly hỷ, an tru xả, chánh niệm tỉnh giác, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc. Vi ấy nương trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ. Khi vị ây nương trên xứ này đê quán sát sự hưng suy của thọ roi thì an trú nơi đó và nhất định sẽ chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì sẽ thăng tiến đến chỗ tịch tịnh. Thế nào là thăng tiến đến chỗ tịch tịnh? Vị ấy diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không kho không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Vị ấy nương trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ. Khi vị ấy nương trên xứ này quán sát sự hung suy của thọ rồi thì an trú nơi đó và nhất định sẽ chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì sẽ thăng tiến đến chỗ tịch tịnh. [0780a07] Thế nào là thăng tiến đến chỗ tịch tịnh? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng, không niệm tưởng tạp loạn, nhập Không vô biên xứ, thành tựu và an tru vào Không vô biên xứ này. Vị ấy nương trên xứ này đe quán sát sự hưng suy của thọ. Khi vị ây nương trên xứ này đê quán sát sự hưng suy của thọ rồi thì an tru nơi đó và nhất định sẽ chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú • r • r r .

nơi đó mà không chứng đăc lậu tận thì sẽ thăng tiên đên chô tịch tịnh. Thế nào là thăng tiến đến chỗ tịch tịnh? Vi ấy vượt Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ, thành tựu và an trú vào Thức vô biên xứ này. Vị ấy nương trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ. Khi vi ấy nương trên xứ này để quán sát sự hưng suy của thọ rồi thì an trú nơi

đó và nhất định sẽ chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì sẽ thăng tiến đến chỗ tịch tinh. Thế nào là thăng tiến đến chỗ tịch tịnh? Vị ấy vượt Thức vô biên xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu và an tru vào Vô sở hữu xứ này. Vi ấy nếu có cảm thọ,

hoặc vui, hoặc khổ, hoặc không khổ không vui thì vị ấy quán cảm thọ này vô thường, quán himg suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Khi vị ấy quán thọ này vô thường, quán himg suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ thế gian này. Khi vị ây không còn châp thủ thế gian này rồi thì không còn sợ hãi, do không sợ hãi nên vị ây đạt đên Niêt- bàn và biết đúng như thật rằng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Cũng như cách thôn xóm không xa, có một cây chuôi lớn. Nêu có người mang búa đến đốn ngã cây chuối, bổ ra từng mảnh, hay bổ ra mười phần, ưăm phần. Sau khi bổ ra làm mười phần hay trăm phần rồi, vị ấy lại tách ra từng sợi mà không thấy đốt của nó thì làm sao có thể tìm thấy lõi? Này A-nan! Cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có cảm thọ nào, hoặc vui, hoặc khổ, hoặc không khổ không vui thì vị ấy quán cảm thọ này vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vi ấy sau khi quán cảm thọ này vô thường, quán hxmg suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả roi, liên không còn châp thủ thê gian này. Khi không còn chấp thủ thế gian này rồi, vị ấy không còn sợ hãi, do không sợ hãi nên đạt đến Niết-bàn và biết đúng như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0780b04] Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật thưa: Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Vì để cho các Tỳ-kheo có nơi nương nhờ, nương tựa nên đức Thế Tôn đã thiết lập nơi nương tựa bằng cách nói về xa lìa lậu hoặc, nói về vượt qua lậu hoặc, nhưng không phải bất cứ Tỳ-kheo nào cũng mau chóng chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đen cứu cánh diệt tận. The Ton bao: -Đúng vậy, đúng vậy. Này A-nan! Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Vì để cho các Tỳ-kheo có nơi nương nhờ, nương tựa nên Ta đã thiết lập nơi nương tựa bằng cách nói về nói về xa lìa lậu hoặc, nói về vượt qua lậu hoặc, nhưng không phải bất cứ Tỳ-kheo nào cũng mau chóng chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Vì sao như vậy? Vì căn cơ mỗi người khác biệt nên sự tu tập cũng có tinh, có thô. Do sự tu tập có tinh, có thô nên mỗi người có sự hơn kém khác nhau. A-nan, thế nên Ta nói mỗi người có sự hơn kém khác nhau vậy. Đức Phật dạy như thế, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành.

206. KINH TÂM CẤU UẾ1

1 Nguyên tác: Tâm uế kinh (T.Ol.

Lại nữa5 [nếu người nào] mà đối với dục chưa lìa nhiễm 6? chưa lìa tham dục, chưa lìa tham ái, chưa lìa khát khao; nếu người nào mà đôi với dục chưa lìa nhiễm ô, chưa lìa tham dục, chưa lìa tham ái, chưa lìa khát khao thì tâm của người đó không thú hướng,

không tinh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh cần và nô lực tọa thiền thì gọi đó là không cởi bỏ được sự trói buộc thứ hai trong tâm, nghĩa là đối với dục. [0780c08] Lại nữa, nếu người nào mà đối với những lời giảng dạy tương ưng với giáo nghĩa của bậc Thánh, nhu hòa, không nghi hoặc; nghĩa là những lời giảng dạy về giới, vê định, về tuệ, vê giải thoát, vê giải thoát tri kiên, vê tổn giảm, không tụ hội, ít muốn, biết đủ, đoạn dứt, vô dục, diệt tận, tĩnh tọa, duyên khởi, đúng như lời giảng dạy của Tỳ-kheo, của Sa-môn, thê nhưng tâm của người đó không thú hướng, không tinh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh càn và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền thì gọi đó là không cởi bỏ được sự trói buộc thứ ba trong tâm, nghĩa là đối với những lời giảng dạy. Lại nữa, [nếu người nào] mà thường xuyên nhóm họp đạo tục lẫn lộn, cười đùa ồn ào? kiêu ngạo, không chiu học hỏi; nếu người nào mà thường xuyên nhóm họp đạo tục lẫn lộn, cười đùa ồn ào, kiêu ngạo, không chịu học hỏi thì tâm của người đó không thú hướng, không tinh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền thì gọi đó là không cởi bỏ được sự trói buộc thứ tư trong tâm, nghĩa là đoi với việc nhóm họp. Lại nữa, [nêu người nào] vì có một ít sở đác đã dừng lại giữa chừng, không mong cầu thăng tiến; nếu người nào vì có một ít sở đắc đã dừng lại giữa chừng, không mong cầu thăng tiến thì tâm của người đó không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trụ, không quyết đoán, không tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền thì gọi đó là không cởi bỏ được sự trói buộc thứ năm trong tâm, nghĩa là đối với việc thăng tiến. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhổ sạch năm thứ cấu uế trong tâm, không cởi bỏ năm thứ trói buộc trong tâm thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thoái thất hoàn toàn. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ cấu uế trong tâm, khéo cởi bỏ năm thứ trói buộc trong tâm thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tinh. Thế nào là khéo nhổ sạch năm thứ cấu uế trong tâm? Nếu người nào mà không có sự nghi ngờ đôi với Thế Tôn, vị ấy không còn do dự? có tâm tỏ ngộ,

206. KINH TÂM CẤU UẾ 1409

tâm quyêt đoán và tâm tịnh tín; nêu người nào mà không có sự nghi ngờ đôi với Thê Tôn, vị ây khônẹ còn do dự, có tâm tỏ ngộ, tâm quyết đoán và tâm tinh tín thì đó gọi là khéo nho sạch cấu uế thứ nhất trong tâm, nghĩa là đối với Thế Tôn. Đối với Giáo pháp, đối với Giới luật và đối với Giáo huấn thì cũng như vậy. Đôi với các bậc đông Phạm hạnh được Thê Tôn khen ngợi mà vị ấy không noi sân, không măng chửi, không khinh thường, không xúc não, không xâm hại, có tâm tỏ ngộ, tâm quyết đoán và tâm tinh tín thì đó gọi là đã nhổ sạch tâm cấu uế thứ năm, nghĩa là đối với các bậc đồng Phạm hạnh. [0781a06] Thế nào là khéo cởi bỏ năm thứ trói buộc trong tâm? Nấu người nào mà thân đã lìa nhiễm 6, đã lìa tham dục, đã lìa tham ải, đã lìa khát khao; nếu người nào mà thân đã lìa nhiễm 6, đã lìa tham dục, đã lìa tham ái, đã lìa khát khao thì tâm của

người đó được thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh can và nỗ lực tọa thiền thì gọi đó là khéo cởi bỏ được sự trói buộc thứ nhất trong tâm, nghĩa là đối với thân. Lại nữa, [nêu người nào mà] đôi với dục đã lìa nhiêm 6, đã lìa tham dục, đã lìa tham ái, đã lìa khát khao; nếu người nào mà đoi với dục đã lìa nhiễm ô, đã lìa tham dục, đã lìa tham ái, đã lìa khát khao thì tâm người đó được thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền thì gọi đó là khéo cởi bỏ được sự trói buộc thứ hai trong tâm, nghĩa là đối với dục. Lại nữa, nếu người nào mà đối với những lời giảng dạy tương ưng với giáo nệhĩa của bậc Thánh, nhu hòa? không nghi hoặc; nghĩa là những lời giảng dạy vê giới, về đinh, vê tuệ, vê giải thoát, vê giải thoát tri kiên, vê tôn giảm, không tụ hội, ít muốn, biết đủ, đoạn dứt, vô dục, diệt tận, tĩnh tọa, duyên khởi, đúng như lời giảng dạy của Tỳ-kheo, của Sa-môn thì người đó có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền thì gọi đó là khéo cởi bỏ được sự trói buộc thứ ba trong tâm, nghĩa là đôi với lời giảng dạy. Lại nữa, [nếu người nào] mà không thường xuyên nhóm họp đạo tục lẫn lộn, không cười đùa ôn ào, không kiêu ngạo và chiu học hỏi; nêu người nào mà không thường xuyên nhóm họp đạo tục lẫn lộn, không cười đùa ồn ào, không kiêu ngạo và chịu học hỏi thì tâm của người đó sẽ thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tam thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền thì gọi đó là khéo cởi bỏ được sự trói buộc thứ tư trong tâm, nghĩa là đôi với việc không nhóm họp. Lại nữa, [nếu người nào] dù có một ít sở đắc nhưng không dừng lại giữa chừng và luôn mong câu thăng tiên; nêu người nào dù có một ít sở đác nhirng không dừng lại giữa chừng và luôn mong cầu thăng tiến thì tâm của người ây

thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cần và nỗ lực tọa thiền. Người mà tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, quyết đoán, tự mình tinh cân và nô lực tọa thiền thì gọi đó là khéo cởi bỏ được sự trói buộc thứ năm trong tâm, nghĩa là đối với sự thăng tiến. Nêu có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhô sạch năm thứ câu uê trong tâm và khéo cởi bỏ năm thứ trói buộc trong tâm thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh. Khi vị ấy an tru trong mười việc này rồi, lại phải tu tập thêm năm pháp.4 [0781b05] Đó là năm pháp nào? Là pháp dục định tâm thành tựu đoạn như ý túc,5 nương hạnh viễn ly, hạnh vô dục, hạnh tịch diệt, hạnh xả, hướng đến xuất ly.67Pháp tu tinh tấn định/ tu tâm định,8 tu tư duy định thành tựu đoạn như ý túc,9 nương hạnh viễn ly, hạnh vô dục, hạnh tịch diệt, hạnh xả, hướng đến sự xuất ly. Thứ năm là pháp kiên trì, thành tựu pháp này nữa là mười lăm pháp.10*12 Khi đã thành tựu tự thân tác chứng11 thì đạt đến cái thấy hoàn toàn, đạt đến cái biết hoàn toàn, đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn, đến được cửa bất tử, 12 gần gũi với Niết-bàn. Như Lai nói các trường hợp đó đều đi đến Niết-bàn. Ví như con gà mái đẻ mười trứng hoặc mười hai trứng, roi tùy thời mà áp ủ? tùy thời mà sưởi ấm, tùy thời mà chăm sóc; giả sử sau đó con gà mái này có chút lơ đễnh đi nữa, nhưng ở bên trong trứng, các gà con vẫn có

the búng chân hoặc dùng mỏ mo vỡ vỏ trứng để thoát ra ngoài bình an, đó là con gà mái hạng nhất. Cũng vậy, Tỳ-kheo thành tựu pháp kiên trì này,... cho đến mười lăm pháp thì vị ấy thành tựu tự thân tác chứng, đạt đến cái thấy hoàn toàn, đạt đến cái biết hoàn toàn, đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn, đến được cửa bất tử, gần gũi với Niết-bàn. Như Lai nói các trường hợp đó đều đi đến Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.13

4 Ngũ pháp 5S gồm 4 nhuý túc và yếu tố thứ 5 là t4kham nham".Theo Chảnh Pháp Hoa kỉnh từ điển của Tân Đảo Tĩnh Chí ,Seiśhi Karashima, "kham nhām^ có nghĩa là sự kiên trì, bền bỉ sahantà. Yếu tố thứ 5 này trong M. 16 gọi là ussolhi tinh cần, dõng mãnh. 5 Dục định như ý túc . 6 Nguyên tác: Thú hướng phi phẩm .Theo A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận 0.28. 1546J7. 0123a27: Thê gian là 4tphap phl", pháp này lìa thế gian nên gọi là "phi phẩm', á. Lạu tận kinh T.01. 0026.10. 0432c19 gọi là "thú chí xuất u” . 7 Tinh tấn định như ý túc . 8 Tâm định như ý túc . 9 Tư duy định như ý túc . 10 Nhổ sạch 5 thứ cấu uế ương tâm, cởi bỏ 5 sự trói buộc trong tâm, tu 4 như ý túc và kiên trì bền bĩ nữa là 15 pháp. J ^Ngu^ên tác: Thành tựu tự thọ chi cho tự mình thực hành rồi tự mình thọ nhận

12 Nguyên tác: Cam lộ môn Cửa bất tử, cửa giải thoát, Niết-bàn. 13 Bản Hán, hết quyển 56.

207. KINH TIỄN-MAO1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng một nghìn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo du hóa và an cư mùa mưa tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, thuộc thành Vương Xá. [0781C01] Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Sau khi thọ thực xong, Ngài thu dọn y bát, rửa chân tay rồi vắt tọa cụ lên vai đi đến khu vườn của ngoại đạo trong rừng Khổng Tước.12 Tại khu vườn của ngoại đạo trong rừng Khổng Tước, có ngoại đạo tên là Tiễn-mao3 là bậc tông chủ danh đức được mọi người kính trọng tôn làm thầy, CÓ tiêng tăm lớn, thông lãnh đô chúng đông đảo, được năm trăm đông đạo quý kính. Vị này đang ở giữa đại chúng náo nhiệt, nói chuyện lớn tiếng, huyên thuyên những chuyện phù phiếm, vô nghĩa4 như: Chuyện vua chúa, chuyện giặc cướp, chuyện đấu tranh, chuyện ăn uống, chuyện y phục, chuyện phụ nữ9 chuyện con gái, chuyện dâm nữ, chuyện thế gian, chuyện đồng trống, chuyện biển cả, chuyện nước, chuyện dân... họ cùng nhau nhóm họp luận bàn về những chuyện phù phiêm vô nghĩa như vậy. Tiễn-mao thấy Phật từ xa đến, liền ra lệnh cho đồ chúng của mình: "Các ông hãy giữ yên lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm. Đồ chúng của ông ây yên lặng, thường ưa thích sự yên lặng, khen ngợi sự yên lặng. Nêu ông ấy thấy chúng ta yên lặng, có thể sẽ đến thăm.^, Tiễn-mao bảo mọi người yên lặng roi chính mình cũng ngôi yên lặng. Đức Thê Tôn đi đên chô ngoại đạo Tiên-mao. Tiên-mao liên từ chô ngôi đứng dậy, sửa áo bày vai roi chăp tay hướng về đức Phật thưa rằng:

1 Quyển 57. Nguyên tác: Tiễn-mao kinh, thượng (roi. 0026.207. 0781Ồ27). Tham chiếu: M. 77, Mahāsakuludāyi Suita (Đại kinh Sakuỉudãyỉ). 2 Nguyên tác: Khổng Tước lâm dị học viên ().Tham chiếu: M. 77: Moranỉvãpa panbbājakārāma

(Moranivāpa, tu viện của các du sĩ). Theo DPPN, tu viện này nằm trong Trúc Lầm, thuộc thành Vương Xá. 39Tiễn-mao (),có khả năng dịch nghĩa từ Sakuludãyi, vì Sakunika có nghĩa là người săn bắn chim. ở đoạn sau được gọi Ưu-đà-di ().Theo M. 77 là Sakuludāyi và kể thêm tên 2 du sĩ khác gồm Varadhara và Anugara. 4 Nguyên tác: Súc sanh luận (Tỉracchãnakathã). Xem chú thích 5, kinh số 25, tr. 156.

Thật quý hóa thay, thưa Sa-mon Cù-đàm! Đã lâu rồi Sa-môn Cù-đàm không đến đây, xin mời Ngài ngồi tòa này. Thế Tôn liền ngồi xuống tòa mà Tiễn-mao đã soạn sẵn. Cùng chào hỏi nhau xong, Tiễn-mao ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi: Ưu-đà-di! Các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng ngồi nhóm họp ở đây? Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Xin bỏ qua vấn đề này vì những điều bàn luận ấy chẳng có ý nghĩa gì cả. Sa-môn Cù-đàm nêu muôn nghe những điêu ây thì đê sau này nghe cũng không khó gì. The Ton hỏi như vạy ba lan: Ưu-đà-di! Các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng ngồi nhóm họp ở đây? Tiên-mao cũng đáp lại ba lân răng: Thưa Cù-đàm! Xin bỏ qua vân đê này vì những điêu bàn luận ây chăng có ý nghĩa gì cả. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe những điều ấy thì để sau này nghe cũng không khó gì. Thế nhưng, Sa-môn Cù-đàm đã ba lần nói muốn nghe, vậy nay tôi sẽ nói. Thưa Cù-đàm! Chúng tôi với số đông các vị Phạm chí nước Câu-tát-la cùng nhóm họp ở giảng đường Câu-tát-la5 và bàn luận như vầy: Thật tốt đẹp và lợi ích thay cho dân nước Ương-già Ma-kiệt-đà!6 Thật tốt đẹp và lợi ích thay cho người nước Ương-già Ma-kiệt-đà! Vì có chúng ruộng phước lớn cùng an cư mùa mưa tại thành Vương Xá này, như là ngài Bất-lan-ca-diếp.7 Vì sao như vậy? Thưa Cù-đàm! Ngài Bất-lan-ca-diếp là bậc Tông chủ danh đức, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trăm đồng đạo quý kính, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá này. Các ngài Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi tử,89Sa-nhã Tỳ-la-trì tử,9 Ni-kiền Thân

5 Câu-tát-la học đường .M. 77: Kutūhalasāla Nghị luận đường. 6 Ương-già Ma-kiệt-đà gồm 2 nước Añga và Magadhā, lúc này 2 nước Ương-già và Ma-kiệt-đa đang liên minh chính trị nên gọi chung như vạy. 7 Bất-lan Ca-diếp Pūrāna Kassapa và 5 vị nữa là Makkhali Gosāla, Sañjaya Belatthiputta, Nigantha Nātaputta, Pakudha Kaccāyana, Ậjita Kesakambala được mệnh danh là Lục sư ngoại đạo. 8 Matức-ca-lợi Cù-xá-lợi tử Makkhali Gosāla, một trong Lục sự ngoại đạo với thuyêt Luân hôi tịnh hóa Samsārasuddhī, chủ trương Cực đoan định mạng luận, cho rằng hành vi vận mạng của con người đều do phép tắc tự nhiên chi phôi, không phải con người muốn là được. Khi vận mạng con người đã định hình giai thoát thì tự nhiên được giải thoát. 9 Sa-nhã Tỳ4a-trì tử Sañjaya Belatthiputta, một trong Lục sư ngoại đạo, với thuyết Ngụy biện. Ong không có môt chủ trương nhát định nào. Lôi ngụy biện này không dẫn tới một giá ưị thực hành nàc^ià chỉ dùng đe lý luận suông, Tôn giả Xálợi-phấí sriputtZ và Đại Mục-kiền- liên ,Mahāmoggallana trước kia cũng là đệ tử cua vị này cật lực bai xích tất ca luân lý đạo đức, mà theo ông, nó chỉ la những điều khắt khe vô lý.

Ba-phú Ca-chiên,11 A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lợi12 cũng đều an cư mùa mưa Tử,1011 ở thành Vương Xá này. [0782a07] Thưa Cu-đàm! Ngài A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lợi là một vi Tông chủ danh dức, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trăm đồng đạo tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá này. Vừa rồi, chúng tôi cũng bàn đến Sa-môn Cù-đàm5 rằng: c'Sa-môn Cù-đàm này là bậc Tông chủ danh đức, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đại chúng Tỳ-kheo, được hết thảy một nghìn hai trăm năm mươi vị đều tôn trọng, cũng cùng an cư mùa mưa tại thành Vương Xá này." Thưa Cù-đàm! Chúng tôi lại nghĩ: "Nay trong các Sa-môn, Phạm chí được tôn sùng này thì ai là người được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự? Ai là người không bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử chất vấn: 'Điều này hoàn toàn không thể có, không tương ưng, không chính đáng.5 Họ nói như vậy rồi liền bỏ di." Thưa Cù-đàm! Chúng tôi lại nghĩ: “Bất-lan Ca-diếp này không được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, lại bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử chất vấn ông ấy: 'Điều này không được, điều này không tương ưng, điều này không chính đáng.9 Họ nói như vậy rồi liền bỏ di." Thưa Cù-đàm! Trước đây, Bất-lan Ca-diếp nhiều lần ở giữa chúng đệ tử chỉ tay quát lớn rằng: "Các ông hãy im đi! Không ai đến hỏi việc các ông. Người ta đến hỏi việc tôi. Các ông không thể giải quyết được việc này, chỉ có tôi mới có thể giải quyết được việc này." Thế mà ngay đó? chúng đệ tử lại bàn luận việc khác, không đợi thày mình nói xong vấn đề. Thưa Cù-đàm! Chúng tôi lại nghĩ: “Nhu vậy, Bất-lan Ca-diếp này không được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, mà bị đệ tử dùng pháp măng nhiêc đê măng nhiêc, rát nhiêu đệ tử chát vân ông ây: 'Điêu này không thể được, không tương ưng, không chính đáng\ rồi thì bỏ di." Đối với các ông Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi tử, Sa-nhã Tì-la-trì tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phú Ca-

10 Ni-kiền Thân Tử(,Nigantha Nātaputta): Vị này chủ trương thuyết Lõa thể với 4 cấm giới, là bậc thầy danh tiếng đã khai sáng Kỳ-na giao (Jainism). Giáo lý của họ được xây dựng trên hai cơ sở nhị nguyên là sanh mạng (jīvā) và phi sanh mạng (ājīvā), về phương diện thực tiễn, họ chủ trương thân hành nghiệp, mọi nghiệp đều bắt nguồn từ thân va diệt nghiệp cũng từ thân nên họ chủ trương kho hạnh cực đoan. 11 Ba-phú Ca-chiên (Pakudha Kaccāyana), một trong Lục sư ngoại đạo với thuyết Bảy thân bất hoại, chủ trương Cực đoan thường kiên luận phản đôi pháiA Cực đoan đoạn kiên luân của Ajita Kesakambalạ. Ông lập thuyết tâm-vật nhị nguyên bất diệt, cho rằng con người do 7yêu tôA Đát, nước, gió, lửa, khổ, vui va sinh mạng hợp thành. Bản chất của 7 yếu to này không vì song chết mà sinh diệt theo. 12 A-di-đạ Kê-xá-kiếm-bà-lợi (,Ajita Kesakambala), một trong Lục sư ngoại đạp, với thuyết Đoạn diệt (ưccheda). Chủ trương Cực đoan định mạng luận, cho răng con người do 4 yêu tố: Đất, nước, lửa, gió hợp thành, ngoài vật chất ra không có sinh mạng. Theo ông, chết là hoại diệt, cho nên mục đích của đời song là hưởng thụ thú vui hiện tại

chiên, A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lợi thì cũng như vậy. Thưa Cù-đàm! Chúng tôi lại nghĩ như vầy: "A-di-da Kê-xá-kiếm-bà-lợi này không được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, mà bi đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, rất nhiều đệ tử chất vấn ông ấy: 'Điều này không thể được, điều này không tương ưng, điều này không chính đáng/ Họ nói như vậy rồi liền bỏ di." Thưa Cù-đàm! Trước đây, A-di-đa Kê-xá-kiếm-bà-lợi đã nhiều lần ở giữa chúng đệ tử chỉ tay quát lớn rằng: "Các ông hãy im đi! Khôĩiệ ai đến hỏi việc các ông. Người ta đến hỏi việc tôi. Các ông không thê giải quyêt được việc này, chỉ có tôi mới có thể giải quyết được việc nay?9 Thế mà ngay đó? chúng đệ tử lại bàn luận việc khác, không đợi thầy mình nói xong vấn đề. [0782b09] Thưa Cù-đàm! Chúng tôi lại nghĩ: "Nhu vậy, A-di-đa Kê-xá- kiêm-bà-lợi này không được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, mà bị đệ tử dùng pháp măng nhiếc để mắng nhiêc? rát nhiêu đệ tử chát vân ông ấy rằng: 'Điều này không thể được, không tương ưng, không chính đáng/ Họ nói rồi liền bỏ di." Thưa Cù-đàm! Chúng tôi lại nghĩ: uSa-môn Cù-đàm này được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng SỊT, chưa từng bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc, cũng không bị đệ tử chất vấn: 'Điều này không thể, không tương ưng, không chính đáng/ Không ai nói như vậy rồi bỏ di." Thưa Cù-đàm! Trước dây, Sa-môn Cù-đàm đã nhiều lần nói pháp cho đại chúng, vô lượng trăm nghìn người vây quanh. Lúc ấy có một người ngủ ngáy thì bị người kế bên nhắc rằng: "Đừng có ngủ ngáy! Ông không muốn nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu như Cam lộ sao?" Người đó liền im lặng, không ngủ ngáy nữa. Thưa Cù-đàm! Chúng tôi lại nghĩ: "Nhu vậy, Sa-môn Cù-đàm được đệ tử cung kính, tôn trọnệ, cúng dường, phụng SỊT, kh6ng hề bị đệ tử dùĩiệ pháp mắng nhiec để mắng nhiếc, cũng không bi đệ tử chất van thầy rằng: 'Điêu đó không thể, không tương ưng, không chính đáng/ Không ai nói như vậy rồi bỏ di." Thế Tôn nghe xong liền hỏi Tiễn-mao: -Ưu-đà-di! Ong thấy Ta có bao nhiêu pháp khiến cho các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời? Tiễn-mao đáp: Thưa Cù-đàm! Tôi thấy Cù-đàm có năm pháp khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ngài không rời. Đó là năm pháp nào? Sa-mon Cù-đàm biêt đủ với tâm y thô xấu, khen ngợi sự biết đủ với tấm y thô xấu. Nếu Sa-môn Cù-đàm biết đủ với tấm y thô xấu, khen ngợi sự biết đủ với tâm y thô xấu thì đó là pháp thứ nhất mà tôi thấy ở Sa-môn Cù-đàm khiến cho hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ngài không rời. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm biết đủ với thức ăn đạm bạc, khen ngợi sự biết đủ với thức ăn đạm bạc. Nêu Sa-môn Cù-đàm biết đủ với thức ăn đạm bạc, khen

ngợi sự biết đủ với thức ăn đạm bạc thì đó là pháp thứ hai mà tôi thấy ở Sa-môn Cù-đàm khiên cho hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng SỊT, thường theo Ngài không rời. [0782c07] Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít. Nếu Sa-môn Cù đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn itthī đó là pháp thứ ba mà tôi thấy ở Sa-môn Cù-đàm khiến cho hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ngài không rời. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm biết đủ về chỗ nghỉ ngơi với giường nệm thô sơ, khen ngợi sự biết đủ về chỗ nghỉ ngơi với giường nệm thô sơ. Nếu Sa-môn Cù-đàm biết đủ về chỗ nghỉ ngơi với giường nệm thô so, khen ngợi sự biết đủ về chỗ nghỉ ngơi

với giường nệm thô sơ thì đó là pháp thứ tư mà tôi thấy ở Sa- môn Cù-đàm khiến cho hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ngài không rời. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa. Nếu Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tọa thì đó là pháp thứ năm mà tôi thấy ở Sa-môn Cù-đàm, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng SỊT, thường theo Ngài không rời. Đó là năm pháp mà tôi thấy ở Sa-môn Cù-đàm khiến cho hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ngài không rời. Đức Thế Tôn bảo: Này Ưu-đà-di! Không phải do năm pháp này khiến Ta được các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời. Này Ưu-đà-di! Tâm y Ta mặc được cắt may bởi con dao Thánh13 và nhuộm màu sác thô xấu. Với tấm y Thánh nhuộm màu sắc thô xấu như vậy? này Ưu-đà-di5 đệ tử của Ta có người trọn đời chỉ đắp y phấn tảo do người ta vứt bỏ và cũng nói: "Dức Thế Tôn của ta biết đủ với tấm y thô xấu và khen ngợi sự biết đủ với tấm y thô xấu.” Này Ưu-đà-di! Nếu đệ tử của Ta nhân nơi sự biết đủ về tấm y thô xấu mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, cũng không theo Ta. Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta ăn thực phẩm nấu chín, không còn vỏ5 nhiều mùi vi trộn lẫn. Đệ tử của Ta có người trọn đời khất thực thức ăn mà người ta đã bỏ và cũng nói: "Thế Tôn của ta biết đủ với thức ăn đạm bạc và khen ngợi sự biết đủ về thức ăn đạm bạc." Này Ưu-đà-di! Nếu đệ tử của Ta nhân nơi sự biết đủ về thức ăn đạm bạc mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng SỊT, cũng không theo Ta. [0783a04] Lại nữa, này Ưu-đà-di! Lượng thực phẩm Ta ăn chỉ bằng một trái tỳ-la14 hoặc nửa trái tỳ-la? nhưng đệ tử của Ta có người ăn chỉ bằng một

13 Nguyên tác: Thánh lực .Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là Thánh đao . 14 Tỳ-la ,beluva, một loại trái cây ăn được với hình dáng to như quả bưởi, tên khoa học là Aegỉe Marmelos.

câu-tha15 hoặc nửa câu-tha và cũng nói: "Thế Tôn của ta ăn ít, khen ngợi sự ăn ít.” Này ưu-đà-di! Nếu đệ tử của Ta nhân nơi sự ăn ít mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, cũng không theo Ta. Lại nữa, này Ưu-đà-di! Có khi Ta ở lầu cao hoặc nhà gác, nhưng đệ tử của Ta có người trải qua chín mười tháng, suốt đêm ngủ ngoài trời và cũng nói: "Thế Tôn của ta biết đủ về chỗ nghỉ ngơi với giường nệm thô sơ, khen ngợi sự biết đủ về chỗ nghỉ ngơi với giường nệm thô so." Này Ưu-đà-di! Nếu đệ tử Ta nhân nơi sự biết đủ về chỗ nghỉ ngơi với giường nệm thô sơ mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, cũng không theo Ta. Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta thường sống trong sự náo nhiệt giữa chúng Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc9 ưu-bà-di. Thế nhưng, đệ tử của Ta có người qua nửa tháng mới nhập chúng một lần vì pháp thanh tịnh16 và cũng nói: "Thế Tôn của ta tĩnh tọa và khen ngợi sự tĩnh tẹa." Này Ưu-đà-di! Nêu đệ tử Ta nhân nơi sự tĩnh tọa mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, cũng không theo Ta. Này Ưu-đà-di! Không phải do năm pháp ấy khiến Ta được hàng đệ tử cung kính, tôn trọng,

cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời. Này Ưu-đà- di! có năm pháp khiên Ta được các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời. Đó là năm pháp nào? Này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử vì giới vô thượng17 nên khen ngợi Ta rằng: "Thế Tôn có giới, có đại giới, lời nói đúng như việc làm, việc làm đúng như lời nói.,, Này Ưu-đà-di! Nêu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời. Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử vì trí tuệ vô thượng18 nên khen ngợi Ta rằng: “Thế Tôn có trí tuệ, trí tuệ vô cùng rộng lớn. Nếu có ai đến bàn luận hay đôi đáp cũng đêu bi Ngài khuất phục. Đó là đôi với giáo pháp, họ không thê nói, đối với điều chính mình nói, họ cũng không thể nói.,, Này Ưu-đà-di! Nếu đệ tử nhân nơi trí tuệ vô thượng mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời. [0783004] Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử vì sự thấy biết vô thượng19 nên khen ngợi Ta rằng: "Thế Tôn biết khắp chứ không phải không biết, thấy khăp chứ không phải không thây. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không

15 Câu-tha kosãkà'. Cái chén nhỏ, cái bát nhỏ. 16 Pháp thanh tịnh chỉ cho Giới bổn Tỳ-kheo. M. 77: Pātimokkhuddesāya. 17 Vô thượng giới .Pali: Adhỉsĩla tăng thượng giới. 18 Vô thượng trí tuệ .M. 77: Adhipaññā tăng thượng tuệ. 19 Vô thượng tri kiến .M. 77: Abhikkantā ñānadassana tri kiến siêu việt.

phải không có nhân, có duyên chứ không phải không có duyên, có thể đáp chứ không phải không thể đáp, có xả lỵ chứ không phải không xả ly." Này ưu-đà- di! Nếu đệ tử Ta nhân sự thấy biết vô thượng mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân việc này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự5 thường theo Ta không rời. Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử vì nhàm chán mũi tên ái dục mà đến hỏi Ta về Khổ ấy la khổ, Tập ấy là tập, Diệt ấy là diệt, Đạo ấy là đạo. Ta liền trả lơi về khổ ấy là khổ, tập ấy là tập, diệt ấy là diệt, dạo ấy là đạo. Này ưu-đà-di! Nấu có đệ tử đến hỏi Ta, được Ta trả lời hợp ý? khiến họ được hoan hỷ thì người ấy nhân việc này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng SỊT, thường theo Ta không rời. Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta vì các đệ tử mà thuyết pháp để họ chứng đắc và minh đạt Túc mạng trí thông, chứng đắc và minh đạt Lậu tận trí thông. Này ưu-đà-di! Nêu đệ tử Ta ở trong giáo pháp được thọ nhận, được dìu dắt, được đen bờ kia, không nghi ngờ, không nham lẫn, ở trong thiện pháp không có do dự thì người ấy nhân việc này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời. Này Ưu-đà-di! Đó là năm pháp mà Ta có thể khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo Ta không rời. Bấy giờ, Tiễn-mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chắp tay hướng vê đức Phật và bạch: -Thưa Cù-đàm! Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ngài khéo nói những điều vi diệu, như Cam lộ thấm nhuần thân thể con. Bạch Cù-đàm! Giống như trận mưa lớn, cõi đất này từ cao đến thấp đều được thấm nhuần khắp cả, Sa-môn Cù-đàm đã vì chúng con mà nói ra những điêu vi diệu, như Cam lộ thâm nhuần thân thể chúng con thì cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ! Con đã biết. Thưa Ngài! Hôm nay

con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và _ r : quy y chúng Tỳ-kheo, cúi mong Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc! Kê từ hôm nay, con xin nguyện quy y Tam bảo cho đến khi qua đời! Đức Phật dạy như vậy, ngoại đạo Tiễn-mao nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

208. KINH TIỂN-MAO1 (2) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Sau khi thọ thực xong, Ngài thu dọn y bát, rửa chân tay, rồi vắt tọa cụ lên vai đi đến khu vườn của ngoại đạo trong rừng Khổng Tước. Tại khu vườn của ngoại đạo trong rừng Khổng Tước có một vị ngoại đạo tên là Tiễnmao, được mọi người kính trọng và tôn làm thay, là bậc tông chủ danh đức, có tiếng tăm lớn, thống lãnh đồ chúng đông đảo, được năm trăm vi đồng đạo tôn trọng. Vị này đang ở giữa đại chúng náo nhiệt, nói chuyện lớn tiêng, huyên thuyên mọi điêu phù phiêm vô ích như: Chuyện vua chúa, chuyện giặc cướp, chuyện đâu tranh, chuyện ăn uông, chuyện y phục, chuyện phụ nữ, chuyện con gái, chuyện dâm nữ, chuyện thê gian, chuyện đông trông, chuyện biển cả, chuyện nước, chuyện dân... họ cùng nhau nhóm họp bàn luận về những đề tài phù phiếm vô ích như vậy. Tiễn-mao thấy Phật từ xa đến, liền lệnh cho đồ chúng của mình: “Các ông hãy giữ yên lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm. Đồ chúng của ông ấy yên lăng, thường thh sự yên lặng, khen ngợi sự yên lặng. Nếu ông ấy thấy chúng ta yên lặng thì có thể sẽ đến thăm." Tiễn-mao bảo mọi người yên lăng rồi chính mình cũng ngôi yên lặng. Đức Thế Tôn đi đến chỗ Tiễn-mao. Tiễn-mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa

1 Nguyên tác: Tỉễn-mao? kỉnh, hạ (roi. 0026.208. 0783c03). Tham chiếu: M. 79, CũỊasakuludâyi Sutta (Tiêu kỉnh Sakuludãyí).

Tiễn-mao thưa: - Thưa Cù-đàm! Xin bỏ qua vấn đề này, vì những bàn luận ấy không có ý nghĩa gì cả. Sa-môn Cù-đàm nếu muốn nghe những điều ấy thì để sau này nghe cũng không khó gì. Thế Tôn hỏi như vậy ba lần: Này Ưu-đà-di! Các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng ngồi nhóm họp ở đây? Tiên-mao cũng lại đáp ba lân: Thưa Cù-đàm! Xin bỏ qua vấn đề này, vì những bàn luận ấy không có ý nghĩa gì cả. Sa-môn Cù-đàm nêu muôn nghe những điêu ây thì đê sau này nghe cũng không khó gì. Thế nhưng Sa-môn Cù-đàm đã ba lần nói muốn nghe, vậy nay tôi sẽ nói. Thưa Cù-đàm! Tôi có suy tính, có tư duy, trú trong trạng thái suy tính, tru trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Khi nghe có người cho răng: "Thật có nhất thiết trí,2 biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thấy." Tôi đến hỏi vị ấy vài việc, nhưng vị ấy không biết. Thưa Cù-đàm! Tôi liền suy nghĩ: "Việc này là thế nào?" [0784a06] Thế Tôn hỏi: -Này Ưu-đà-di! Ong có suy tính, có tư duy, trú trong trạng thái suy tính, trú trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài; Vậy ai đã nói: "Thật có nhất thiết trí, biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thấy" nhưng khi ông đến hỏi vài việc thì vị ấy lại không biết? Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Đó là ông Bất-lan Ca-diếp. Bất-lan Ca-diếp tự cho là thật có nhất thiết trí, biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thấy. Tôi có suy tính, có tư duy, tru trong trạng thái suy tính, trú

trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Tôi đên hỏi vài việc nhimg ông ây không biết. Thưa Cù-đàm! Vậy nên tôi liền nghĩ: "Việc này là thế no?" Các vi như Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi tử, Bà-nhã Tỳ-la-trì tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phú Ca- chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi cũng đều như vậy. Thưa Cù-đàm! Các ông ấy tự cho thật có lúiất thiết trí, biết tất cả, thấy tất cả, không gì không biết, không gì không thay. Tôi có suy tính, có tư duy, trú trong trạng thái suy tính, trú trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Tôi đen hỏi vài việc nhưng các ông ấy đều không biết. Thưa Cù-đàm! Vậy nên tôi liền nghĩ: "Việc này là thế nào?" Thưa Cù-đàm! Tôi lại suy nghĩ: "Nhu vậy ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc quá khứ. Sa-môn Cù-đàm ắt có thể trả lời những việc quá khứ

uyên tác: Tát-vân-nhiên hoặc phiên âm là Tát-bà-nhã ‚Sabbañña'. Đấng Nhất trí, đấng Toàn trí.

của ta. Ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc tương lai. Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ trả lời những việc tương lai của ta. Lại nữa, ta tùy việc mà hỏi Sa- môn Cù-đàm, ắt Sa-môn Cù-đàm cũng sẽ trả lời theo việc ta hoi." The Ton đáp: Này Ưu-đà-di! Thôi! Thôi! Ong mãi sống trong quan điểm khác, tiếp nhận khác, niềm vui khác, ước muốn khác, ý nghĩ khác nên không thể hiểu hết ý nghĩa những điều Ta nói. Này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử có nhân có duyên nhớ được vô lượng kiếp trong quá khứ từ một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành hoại, cho đến chúng sanh tên gọi là gì, ta từng sanh ở nơi đó? có họ như vậy? tên như vậy, sinh sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sông lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ mạng châm dứt như vậy. Ta chét ở nơi này, sanh ở nơi kia, chết ở nơi kia, sanh ở nơi này, ta sanh ra ở nơi này, có họ như vậy, tên như vậy? sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy. Vị này đến hỏi Ta việc quá khứ, Ta trả lời việc quá khứ cho người ây. Ta cũng đên hỏi người ây việc quá khứ, người ấy cũng trả lời việc quá khứ cho Ta. Ta tùy việc người đó hỏi mà trả lời, người ấy cũng theo việc Ta hỏi mà giải đáp. [0784bl0] Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử với thiên nhãn thanh tịrửi vượt hẳn người thường, thấy rõ chúng sanh này khi sanh, khi chết, sắc đẹp, sắc xấu, tốt hay không tốt, qua lại cõi thiện hay bất thiện, tùy theo nghiệp của chúng sanh này đã tạo mà thấy đúng như vậy: Nếu chúng sanh này đã tạo nghiệp ác từ thân, tạo nghiệp ác từ miệng, tạo nghiệp ác từ ý? hủy báng bậc Thánh, có tà kiến và tạo nghiệp tà kiến thì người ấy do nhân duyên đó mà sau khi qua đời ắt sẽ đi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Nếu chúng sanh này đã thành tựu hạnh lành nơi thân, thành tựu hạnh lành nơi miệng, thành tựu hạnh lành nơi y, không hủy báng bậc Thánh, có chánh kiến và thành tựu chánh kiến thì người ấy do duyên đó mà sau khi qua đời ắt sẽ sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời. Vi này đến hỏi Ta việc tương lai, Ta trả lời việc tương lai cho người ấy. Ta cũng đến hỏi người ấy việc tương lai, người ấy cũng trả lời việc tương lai cho Ta. Ta tùy việc người đó hỏi mà trả lời, người ấy cũng theo việc Ta hỏi mà giải đáp. Ngoại đạo Tiễn-mao bạch: Thưa Cù-đàm! Nếu như vậy, tôi trở thành không biết, trở thành không thấy, trở thành

ngu si, rơi vào ngu si. Đó là vì Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: “Này Ưu-đà-di! Thôi! Thôi! Ong mãi sống trong quan điểm khác, tiếp nhận khác, niềm vui khác, ước muốn khác, ý nghĩ khác nên không thể hiểu hết ý nghĩa những điều Ta nói: 'Này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử có nhân có duyên nhớ được vô lượng kiếp trong quá khứ từ một đời, hai đời? trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành hoại, cho đến chúng sanh tên gọi là gì, ta từng sanh ở nơi đó, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh sống như vậy, ăn uông

9 , 1 [M như vậy, thọ khô vui như vậy, sông lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ mạng châm dứt như vậy. Ta chết ở nơi này, sanh ở nơi kia, chết ở nơi kia, sanh ở nơi này, ta sanh ra ở nơi này, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, tru lâu như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy. Vị này đến hỏi Ta việc quá khứ, Ta trả lời việc quá khứ cho người ấy. Ta cũng đến hỏi người ấy việc quá khứ, người ấy cũng trả lời việc quá khứ cho Ta. Ta tùy việc người đó hỏi mà trả lời, người ấy cũng theo việc Ta hỏi mà giải đáp. [0784c06] Lại nữa, này Ưu-đà-di! Ta có đệ tử với thiên nhãn thanh tịnh vượt han người thường, thây rõ chúng sanh này khi sanh, khi chét, sác đẹp, săc xâu, tốt hay không tốt, qua lại cõi thiện hay bất thiện, tùy nghiệp chúng sanh này đã tạo mà thấy đúng như vậy. Nếu chúng sanh này đã tạo nghiệp ác từ thân, tạo nghiệp ác từ miệng, tạo nghiệp ác từ ý, hủy báng bậc Thánh, có tà kiên và tạo nghiệp tà kiên thì người ây do nhân duyên đó mà sau khi qua đời ăt sẽ đi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Nêu chúng sanh này đã tạo hạnh lành từ thân, tạo hạnh lành từ miệng, tạo hạnh lành từ ý, không hủy báng bậc Thánh, có chánh kiến và thành tựu chánh kiến thì người ấy do duyên đó mà sau khi qua đời ắt sẽ sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời. Vị này đen hỏi Ta việc tương lai, Ta trả lời việc tương lai cho người ấy. Ta cũng đến hỏi người ấy việc tương lai, người ấy cũng trả lời việc tương lai cho Ta. Ta tùy việc người đó hỏi mà trả lời, người ấy cũng theo việc Ta hỏi mà giải đáp." Thưa Cù-đàm! Ngay trong đời sống này, có những điều tôi từng làm, những gì tôi có được vậy mà tôi còn không nhớ thì làm sao có the nhớ được những việc trong vô lượng đời trước có nhân, có duyên như thế nào? Thưa Cù-đàm! Tôi còn không thể thấy con quỷ Phiêu Phong3 thì làm gì có được thiên nhãn thanh tịnh vượt quá người thường để thấy chúng sanh kia khi chết, khi sống, sắc đẹp, sắc xấu, tốt hay không diệu, sanh vào cõi lành hay đường dữ, tùy nghiệp của chung sanh đó đã tạo mà thấy đúng như thật! Thưa Cù-đàm! Tôi nghĩ như vầy: "Nêu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta về vấn đề theo thầy học pháp thì ta có thể giải đáp, khiến Ngài vừa ỷy The Tôn hỏi: Này Ưu-đà-di! ông theo thầy học những pháp gì? Ngoại đạo Tiễn-mao thưa: -Thưa Cù-đàm! Vị ấy nói: “Sắc vượt hẳn sắc thì sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.” The Tôn hỏi: Này Ưu-đà-di! Đó là những sắc gì?

3 Phiêu Phong quỷ .M. 79: Pamsupisãcaka gọi là "quy bùn,\ một loại tỳ-xá-xà, sanh và trú ở nơi bất tịnh? J

Ngoại đạo Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Nếu sắc nào khôn^ có sắc khác tối thượng, tối diệu hơn thì sác đó tôi thăng. Vậy nên sác đó tối thăng, sắc đó tối thượng. The Ton bao: -Này Ưu-đà-di! Ví như có người nói như vầy: "Nếu trong đất nước này có cô gái cực kỳ xinh đẹp thì ta muốn có được cô gái ấy.” Lại có người hỏi người đó như vầy: “Ong có biết cô gái cực kỳ xinh đẹp tronệ nước này tên họ là gì, sinh sống như the nào, cao hay thấp, mập hay gầy, trang hay đen hoặc không trắng không đen, là cô gái dòng Sát-lọd, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la? ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?" Người đó đáp rằng: "Tôi không biết." Người kia lại hỏi: "Ong không biết, không thấy trong nước này có cô gái cực kỳ xinh đẹp tên họ là gsinh sống như thế nào, cao hay tháp, mập hay gây, trắng hay đen hoặc không trăng không đen, là cô gái dòng Sát-lọd, Phạm chí, Tỳ-xá? hay Thủ-đà-la, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói6Ta muốn có được cô gái đó5,9 ư? Cũng vậy, này Ưu-đà-di! Ông nói như vầy: đó nói sắc vượt hẳn sắc thì sác đó tôi thăng, sác đó tôi thuợng." Thê nhưng, khi được hỏi sắc đó thì ông lại không biết. [0785al2] Ngoại đạo Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Giống như tử-ma là loại vàng ròng bậc nhất. Người thợ vàng khéo mài đũa, sửa tri khiến cho nó sáng bóng rồi đặt lên tấm lụa trắng, đem để dưới nắng thì màu sắc của nó càng rực rỡ, tỏa sáng lấp lánh. Cũng vậy, thưa Cù-đàm? tôi nói: "Sắc ấy vượt han sác, sác đó tôi thăng, sác đó tôi thượng.,, The Ton bao: Này Ưu-đà-di! Bây giờ Ta hỏi, ông tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Uu-dà-di, ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử-ma nhờ đặt trên tấm lụa trắng, để dưới nắng mà màu sắc của nó rực rỡ, tỏa sáng lấp lánh, nếu đem so với ánh sáng lấp lánh của con đom đóm trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Ngoại đạo Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng của con đom đóm so với ánh sáng của vàng ròng tử-ma thì ánh sáng của con đom đóm sáng hơn. F-pl Á rp A 19*

Thê Tôn hỏi: -Này Ưu-đà-di! Ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lấp lánh của con đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của ngọn đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng của ngọn đèn dầu so với ánh sáng của con đom đóm thì ánh sáng của ngọn đèn dầu sáng hơn.

nrM Á rm A _ 2 • The Ton hoi: Này ưu-đà-di! Ý ông nghĩ sao? Ánh sáng của ngọn đèn dầu trong đêm tối và ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn trong đêm toi, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn so với ánh sáng của ngọn đèn dầu thì ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn sáng hơn. [0785b0l] Thế Tôn hỏi: -Này Ưu-đà-di! Ý ông nghĩ sao? Ánh sáng tỏa từ ngọn lửa của đống cây lớn trong đêm tối và ánh sáng tỏa từ sao Thái Bạch vào buôi sáng bâu trời quang đãng, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng của sao Thái Bạch so với ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn thì ánh sáng của sao Thái Bạch sáng hơn. The Ton noi: Này Ưu-đà-di! Ý ông nghĩ sao? Ánh sáng tỏa từ sao Thái Bạch vào buổi sáng bầu trời quang đãng và ánh sáng tỏa từ mặt trăng lúc nửa đêm bầu trời quang đãng, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tiễn-mao thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng của mặt

trăng so với ánh sáng sao Thái Bạch thì ánh sáng mặt trăng sáng hơn. The Ton hỏi: Này Ưu-đà-di! Ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng vào lúc nửa đêm bầu trời quang đãng và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu, khi gân giữa trưa với bâu trời trong suôt, trong hai ánh sáng ây thì ánh sáng nào sáng hơn? Tiễn-mao thưa: -Thưa Cù-đàm! Ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trời sáng hơn. The Ton bao: -Này Ưu-đà-di! Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng này tuy có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai than lớn, nhưng so với số đông chư thiên thì ánh sáng đó không bằng ánh sáng chư thiên. Ta ngày xưa đã cùng chư thiên nhóm họp luận bàn, những điều Ta nói đều vừa ý chư thiên ấy, tuy vậy Ta không nói: "Sắc vượt hẳn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Này Ưu-đà- di! Còn ông, với ánh sáng lập lòe của con đom đóm, sắc sáng rất kém, rất xấu mà dám nói: usắc ấy vượt hẳn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng" và khi được hỏi thì ông lại không biết.

208. KINH TIỄN-MAO 1425

Tiễn-mao thưa: Bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi về lời nói này. Bạch Thiện Thệ! Con xin hối lỗi về lời nói này. The Ton hỏi: Này Ưu-đà-di! Ý ông thế nào mà nói như vầy: "Bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi về lời nói này. Bạch Thiện Thệ! Con xin hối lỗi về lời nói ny?" Tiễn-mao thưa: -Bạch Cù-đàm! Con đã nói như vầy: a4Sắc ấy vượt hẳn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.,, Nay Sa-môn Cù-đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và khéo quở trách, khiến con dứt hết hư vọng. Bạch Cù-đàm! Vậy nên con nói như vầy: "Bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi về lời nói này. Bạch Thiện Thệ! Con xin hối lỗi về lời nói này." Tiễn-mao lại thưa: Bạch Cù-đàm! Đời sau chỉ thuần túy an vui, có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy. [0785c01] Thế Tôn hỏi: Này Ưu-đà-di! Thế nào gọi là đời sau chỉ thuần túy an vui? Thế nào là có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy? Tiễn-mao thưa: Bạch Cù-đàm! Nếu có người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa trộm cướp, xa lìa tà dâm, xa lìa nói doi, cho đen xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Bạch Cù-đàm! Đó gọi là đời sau chỉ thuần túy an vui, đó gọi là có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy. Thế Tôn lại bảo: Này Ưu-đà-di! Bây giờ Ta hỏi, ông tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này ưu-đà-di! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu có người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh thì người ấy sẽ được thuần túy an vui hay có khổ đau xen lẫn?4 Tiễn-mao thưa: Bạch Cù-đàm! Có khổ đau xen lẫn. Nêu có người xa lìa trộm cướp, tà dâm, nói dôi, cho đên xa lìa tà kiên, có chánh kiến thì người đó sẽ được thuần túy an vui hay có khổ đau xen lẫn? Tiễn-mao thưa: - Bạch Cù-đàm! Có khổ đau xen lẫn. Thê Tôn hỏi: Này Ưu-đà-di! Như vậy phải chăng con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy có khổ đau xen lẫn hạnh phúc?

4 Tạp kh8 (). 79: Sukhadukkhī (vừa vui vừa khổ).

1426 KINH TRUNG A-HÀM

Tiễn-mao thưa: Bạch Cù-đàm! Thật như vậy, con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy có khổ đau xen lẫn hạnh phúc. Tiễn-mao lại thưa: Bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi lời nói này! Bạch Thiện Thệ! Con xin hối loi lời noi nay! The Ton hỏi: Này Ưu-đà-di! Ông nghĩ thế nào mà nói như vầy: "Bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi lời nói này! Bạch Thiện

Thệ! Con xin hối lỗi lời nói này?” Tiễn-mao thưa: Bạch Cù-đàm! Con vừa nói: "Bòi sau chỉ thuần túy an vui, có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy." Nay Sa-môn Cù-đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và quở trách con, khiến con dứt hết hư vọng. Bạch Cù-đàm! Do đó, con nói như vầy: "Bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi lời nói này! Bạch Thiện Thệ! Con xin hối lỗi lời nói này!” The Ton bao: -Này Ưu-đà-di! Quả thật có thế giới chỉ thuần tuy an vui, có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy. Tiễn-mao hỏi: Bạch Cù-đàm! Thế nào là có thế giới chỉ thuần túy an vui, có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới ấy? The Ton đáp: —Này Ưu-đà-di! Nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy đã diệt trừ,... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, có giác, có quán, an trú hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, không cùng với chư thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về cái thấy. Vị ấy diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, an trú hỷ5 lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác, không quán, không cùng với chư thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về cái thấy. Vị ấy ly hỷ, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an trú lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, không cùng với chư thiên tương đồng về giới, về tâm và về cái thấy. Này Ưu-đà-di! Đó gọi là thế giới thuần túy an vui. [0786a05] Tiễn-mao hỏi: Bạch Cù-đàm! Thế giới thuần túy an vui cùng cực chỉ có thế thôi sao?

208. KINH TIỄN-MAO (2) 1427

FTP1_ fTī 4- / _ Thê Ton đáp: -Thế giới thuần túy an vui này chưa phải là cung cực. Này Ưu-đà-di! Lại còn có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới thuần túy an vui khác nữa. Tiễn-mao lại hỏi: —Thế nào là còn có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới thuần túy an vui khác nữa? Thê Tôn đáp: -Này Ưu-đà-di! Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, có giác, có quán, an trú hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ nhất, cùng với chư thiên tương đồng về giới, về tâm và về cái thấy. Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, nội tĩnh nhát tâm, an tru hỷ, lạc do định sanh, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, không giác, không quán, cùng với chư thiên kia tương đông vê giới, vê tâm và vê cái thây. Tỳ-kheo ly hỷ, an tru xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điêu mà bậc Thánh gọi là xả niệm an tru lạc, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, cùng với chư thiên tương đồng về tâm, về giới và về cái thấy. Này Ưu-đà-di! Đó gọi là có một con đường dẫn đến thể nghiệm thế giới thuần túy an vui. Tiễn-mao hỏi: Bạch Cù-đàm! Phải chăng vì thế giới thuần túy an vui, vì con đường dẫn đên thê nghiệm thê giới thuần túy an vui đó mà đệ tử của Sa-môn Cù-đàm theo Ngài học Phạm hạnh chăng? The Tôn đáp: -Đệ tử của Ta không phải chỉ vì thế giới thuần túy an vui, vì có một con đường dân đên thê nghiệm thê giới thuần túy an vui ây mà theo Ta học Phạm hạnh. Này Ưu-đà-di! Vì còn có sự tối thắng, tối diệu, tối thượng khác nữa để chứng đắc nên đệ tử Ta theo Ta học Phạm hạnh. Bấy giờ, đại chúng kia cùng lớn tiếng ca ngợi: Chính vì đê chứng đăc sự tôi thượng, tôi diệu, tôi thăng kia mà đệ tử của Sa-môn Cù-đàm theo Ngài học Phạm hạnh! Bấy giờ, Tiễn-mao bảo đại chúng của mình im lặng, rồi lại thưa: Bạch Cù-đàm! Thế nào là sự tối thượng, tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà

đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Ngài học Phạm hạnh? . Thê Tôn đáp: Này Ưu-đà-di! Tỳ-kheo đã diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, không khổ không lạc, gọi là xả niệm thanh tịnh. Này Ưu-đà-di! Đó gọi là tối thượng, tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà đệ tử Ta theo Ta học Phạm hạnh. [0786b03] Bấy giờ, Tiễn-mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, muốn đảnh lễ chân Phật thì các đệ tử Phạm hạnh của Tiễn-mao thưa với thầy của mình:

-Tôn giả hiện đang xứng đáng làm bậc thầy mà muốn làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm ư? Khi nào Tôn giả không đồng ý làm thầy rồi hãy làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm. " ... “ Đây là các đệ tử của Tiễn-mao làm chướng ngại sự tu học Phạm hạnh theo The Tôn cua ong áy. Đức Phật dạy như vậy, ngoại đạo Tiễn-mao nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

209. KINH TỲ-MA-NA-TU1

1 Nguyên tác: Ty-ma-na-tu kinh (TOI. 0026.209. 0786b12). Tham chiếu: Phật thuyết Tỳ- ma-tủc kinh (TOI. 0090. 0913c04). M. 80, Vekhanassa Sutta (Kinh Vekhanassà). 2 Tỳ-ma-na-tu).Phật thuyết Tỳ-ma-tủc kinh íậ(TOI. 0090. 0913c04) gọi là Tỳ-ma-túc ()M. 80: Vekhanassa, thầy của Sakuludāyi. Sau khi Sakuludāyi bị khuāt phục bởi Phật (xem kinh số 208 trên) ông thân hành đen tìm hiểu sự

Cũng vậy, này Ca-chien, ông nói: "Sắc đó là vi diệu, sắc đó là tối vi diệu, sắc đó là tối thắng, sắc đó là tối thượng.^^ Nhimg khi được hỏi về sắc đó thì ông lại không biết. [0786c02] Ty-ma-na-tu thưa: -Thưa Cù-đàm! Cũng như tử-ma là loại vàng ròng cực tót. Người thợ vàng khéo mài đũa, chỉnh sửa, khiên nó sáng bóng roi đặt nó trên tâm lụa trăng, đem để dưới nắng thì màu sắc của nó càng rực rỡ, ánh sáng chiếu lấp lánh. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, tôi nói: “sắc đó là vi diệu, sắc đó là tối vi diệu, sắc đó là tối thắng, sắc đó là tối thượng.,, The Ton bao: -Này Ca-chiên! Nay Ta hỏi ông, hãy trả lời theo sự hiêu biêt của mình. Này Ca-chiên5 ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử-ma nhờ đặt trên tâm lụa trăng, đem đê r r ỉ r

dưới năng nên màu sác của nó rực rỡ, tỏa sáng lâp lánh, nêu đem so với ánh sáng lấp lánh của con đom đóm trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tỳ-ma-na-tu thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng của con đom đóm so với ánh sáng của vàng ròng tử-ma thì ánh sáng của con đom đóm sáng hơn. The Ton hoi: -Này Ca-chiên! Ý ông nghĩ sao, ánh sáng lấp lánh của con đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của ngọn đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tỳ-ma-na-tu thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng của ngọn đèn dầu so với ánh sáng của con đom đóm thì ánh sáng của ngọn đèn dầu sáng hơn. A FT' 1 , The Ton hoi: Này Ca-chiên! Ý ông nghĩ sao, ánh sáng của ngọn đèn dầu trong đêm tối và ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tỳ-ma-na-tu thưa: -Thưa Cù-đàm! Ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn so với ánh sáng của ngọn đèn dầu thì ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn sáng

hơn. rpil Á rp/X 1 9 •

The Ton hỏi: Này Ca-chiên! Ý ông nghĩ sao, ánh sáng chiếu tỏa từ ngọn lửa của đống cây lớn trong đêm tối và ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái Bạch vào buổi sáng khi bâu trời quang đãng, trong hai ánh sáng ây thì ánh sáng nào sáng hơn?

209. KINH TỲ-MA-NA-TU 1431

Tỳ-ma-na-tu thưa: Thưa Cù-đàm! Anh sáng của sao Thái Bạch so với ánh sáng từ ngọn lửa của đống cây lớn thì ánh sáng của sao Thái Bạch sáng hơn. ?T!-f Á A 9 • The Tôn hỏi: Này Ca-chiên! Y ông nghĩ sao, ánh sáng chiêu tỏa của sao Thái Bạch vào buổi sáng khi bau trời quang đãng và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng lúc nửa đêm khi bau trời quang đãng, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tỳ-ma-na-tu thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng của mặt trăng so với ánh sáng sao Thái Bạch thì ánh sáng mặt trăng sáng hơn. [0787a01] Thế Tôn hỏi: -Này Ca-chiên! Ý ông nghĩ sao, ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng vào lúc nửa đêm khi bầu trời quang đãng và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu, khi gần giữa trưa với bầu trời quang đãng, trong hai ánh sáng ấy thì ánh sáng nào sáng hơn? Tỳ-ma-na-tu thưa: Thưa Cù-đàm! Ánh sáng mặt trời so với sánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trời sáng hơn. The Ton bao: Này Ca-chiên! Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng này tuy có như ý túc lớn, có oai đức lớn, có phước lực lớn, có oai thần lớn, nhưng so với số đông chư thiên thì ánh sáng đó không bang ánh sáng chư thiên. Ngày xưa, Ta đã cùng chư thiên nhóm họp luận bàn, những điều Ta nói đều vừa ý chư thiên, tuy vậy Ta không nói: "Sắc đó là vi diệu, sắc đó là tối vi diệu, sắc đó là tối thắng, sắc đó là tối thượng.,, Này Ca-chiên, còn ông, với ánh sáng lập lòe của con đom đóm, sắc sáng rất kém, rất xấu mà dám bảo "sắc đó là vi diệu, sắc đó là tối vi diệu, sắc đó là tối thắng, sắc đó là tối thuợng", nhưng khi được hỏi về sắc đó thì ông lại không biết. Lúc ấy, Tỳ-ma-na-tu bị Thế Tôn quở trách thẳng nên trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư. Sau khi quở trách, Thế Tôn muốn cho ông ta hoan hỷ5 nên bảo: Này Ca-chiên! Có năm món dục đáng yêu, đáng thích, đáng vui, đáng nhớ? tương ưng với dục lạc. Đó là, măt nhận biêt săc? tai biêt tiêng, mũi biêt hương, lưỡi biết mùi vị và thân biết cảm xúc. Này Ca-chiên? sắc dù có đáng yêu hay không đáng yêu nhimg nếu một người đối với sắc ấy đã thấy vừa lòng, hợp ý? ưa thích, đủ đầy, mãn nguyện rồi thì đối với các sắc khác dù có tối thượng, tối thắng nhưng người ấy vẫn không ham muốn, không tư duy, không ước nguyện, không mong cầu, vì người đó đã cho sắc kia là tối thượng, tối thắng.

1432 KINH TRUNG A-HÀM

Này Ca-chiên9 thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy. Này Ca-chiên? xúc dù có đáng yêu hay không đáng yêu5 nhưng nếu một người đối với xúc ấy đã thấy vừa lòng, hợp ý, ưa thích, đầy đủ5 mãn nguyện rồi thì đối với những xúc khác dù có tối thượng, tối thắng nhưng người ấy vẫn không ham muốn, không tư duy, không ước nguyện, không mong cầu, vì người đó đã cho xúc kia là tối thượng, tối thắng vậy. Bấy giờ, Tỳ-ma-na-tu chắp tay hướng Phật và bạch: -Thưa Cu-đàm! Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Sa-môn Cù-đàm đã vì tôi mà dùng vô số phương tiện nói về dục lạc, dục lạc là bậc nhất.5 Thưa

Cù-đàm? cũng như do lửa cỏ mà đốt lửa cây, do lửa cây mà đốt lửa cỏ. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm đã vì tôi mà dùng vô số phương tiện nói về dục lạc, dục lạc là bậc nhất. [0787b01] Đức Thế Tôn bảo: -Thôi! Thôi! Này Ca-chiên, ông mãi sống với những hiểu biết khác, kham thọ khác, niềm vui khác, ước muốn khác, ý nghĩ khác nên không hiểu hết ý nghĩa những điều Ta nói. Này Ca-chiên9 đệ tử của Ta đàu đêm, cuối đêm thường 9 9 9 r \

không năm ngủ mà chánh định, chánh ý9 tu tập đạo phàm, đê biêt như thật răng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc can làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Những người ấy mới thấu hiểu được những điều Ta nói. Ngay khi đó? Tỳ-ma-na-tu nổi giận với đức Phật, nổi ganh ghét, không vừa ý? muốn hủy báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn và ông thực sự hủy báng Thế Tôn, thực sự hạ nhục Thế Tôn khi nói rằng: -Cù-đàm! Có hạng Sa-môn5 Phạm chí, không biết giới hạn cùng cực của đời trước, không biết giới hạn cùng tận của đời sau, không biết vòng sống chết vốn vô tận mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng: “Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nũa7, Cù-đàm? tôi nghĩ như vầy: "Vi sao Sa-môn, Phạm chí này không biết giới hạn cùng cực của đời trước, không biết giới hạn cùng tận của đời sau, không biêt vòng sông chét vôn vô tận mà tự cho là chứng đác Cứu cánh trí, biêt như thật răng: 'Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không con tái sanh nữa?5,5 Lúc đó9 Thế Tôn liền nghĩ: "Tỳ-ma-na-tu nổi giận với Ta, nổi ganh ghét, không vừa ý, muốn hủy báng Ta, muốn hạ nhục Ta và thực sự hủy báng Ta, thực sự hạ nhục Ta nên mới nói với Ta rằng: 'Cù-đàm, có hạng Sa-môn9 Phạm chí không biết giới hạn cùng cực của đời trước, không biết giới hạn cùng tận của đời sau, không biết vòng sống chết vốn vô tận mà tự cho là chứng được Cứu

5 Nguyên tác: Sa-mon Cù-đàm vị ngã vô lượng phương tiện thuyết dục lạc, dục lạc đệ nhất G Tham clueu: Phạt thuyết ỉỳ-mà-tủc kinh(roi. 0090. 09l3c04):M. 80: Kāmehi kāmasukham; kāmasukhā kāmaggasukham tattha aggam akkhāyati (do bởi các dục mà có lạc; từ lạc do dục ấy, lạc dục tối thượng ấy được nói là tối thượng).

cánh trí, biết như thật: Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.'" Cù-đàm? tôi nghĩ như vầy: “Vi sao Sa-môn9 Phạm chí này không biết giới hạn cùng cực của đời trước, không biết giới hạn cùng tận của đời sau, không biết vòng sống chết vốn vô tận mà tự cho là chứng được Cứu cánh trí, biết như thật răng: 'Sanh tử đã châm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa?'" Khi biết rõ rồi, Thế Tôn liền bảo: Này Ca-chiên! Nêu có Sa-môn? Phạm chí không biêt giới hạn cùng cực của đời trước, không biết giới hạn cùng tận của đời sau, không biết vòng sống chét vôn vô tận mà tự cho là chứng được Cứu cánh trí, biêt như thật răng: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa" thì người đó phải nói như vầy: "Hãy gác qua giới hạn cùng cực của đời trước, hãy gác qua giới hạn cùng tận của đời sau." Nhưng

này Ca-chiên9 Ta cũng nói như vầy: "Hãy gác qua giới hạn cùng cực của đời trước, hãy gác qua giới hạn cùng tận của đời sau", vì không thể nhớ dù chỉ một đời.6 Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không dối gạt mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu nương theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì họ nhất định biết được Chánh pháp. Này Ca-chiên! Như đứa trẻ nhỏ, thân thể mềm yếu, đang còn nằm ngửa, cha mẹ nó đeo chiếc vòng vào tay chân nó. Khi đứa trẻ lớn khôn, các căn thành tựu, cha mẹ tháo ra khỏi tay chân nó thì đứa trẻ chỉ nhớ khi được tháo ra chứ không thê nhớ khi được đeo vào. Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vây: "Hãy gác lại giới hạn cùng cực của đời trước, hãy gác lại giới hạn cùng tận của đời sau", vì không thể nhớ dù chỉ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo đến, không ninh hót, không dối gạt mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu nương theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì họ nhất định biết được Chánh pháp. Này Ca-chiên! Cũng như nhờ dầu, nhờ tim mà đèn được thắp sáng, nếu không được châm dầu, thay tim, dầu trước đó đã cạn mà về sau lại không rót thêm, do không được nhận thêm nên đèn sẽ tự tắt nhanh chóng. Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy: "Hãy gác lại giới hạn cùng cực của đời sống trước, hãy gác lại giới hạn cùng tận của đời sống sau", vì không thể nhớ dù chỉ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không dối gạt mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu nương theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì họ nhất định biết được Chánh pháp.

6 Nguyên tác: Thiết linh bất ức nhất sinh .Phật thuyết Tỳ-ma-tủc kỉnh roi. 0090. 09l3c04: Bất img niệm nhất sinh ~7.Tham chiếu: Tiễn-mao kỉnh TOI. 0026.208. 0783c03: Thưa Cù-đàm, ngay trong đời sống này, những điêu tôi từng làm, những gì tôi có được, vậy mà tôi còn không nhớ thì lam sao có thể nhớ được nhmig việc trong đời trước có nhân, có duyên như thế nào?

Này Ca-chiên! Cũng như dùng lửa châm đốt mười đống cây, hoặc hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi đống cây thì chúng bốc cháy ngùn ngụt, liên thây ngọn lửa. Sau đó nêu không có người thêm cỏ, cây, hoặc đô thêm vỏ trấu, rác rưởi vào, củi trước đã hết mà về sau không thêm nữa, do không được nhận thêm nên lửa sẽ tự tắt nhanh chóng. Cũng vậy? này Ca-chiên! Ta nói như vầy: "Hay gác lại giới hạn cùng cực của đời sông trước, hãy gác lại giới hạn cùng tận của đời sông sau", vì không thể nhớ dù chỉ một đời. Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không dối gạt mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu nương theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì họ nhất định biết được Chánh pháp. Khi bài pháp này được giảng thì Tỳ-ma-na-tu liền xa lìa trần cấu, đạt được cái thấy chân thật đối với các pháp. Lúc đó, Tỳ-ma-na-tu thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, không thờ ai khác, không nương ai khác, thoát khỏi mê lầm, đoạn trừ nghi hoặc, không còn do dự, đã trụ quả chứng, với pháp Thế Tôn, được Vô sở úy, nên cúi lạy sát chân Phật và thưa: -Bạch Thê Tôn! Con xin được theo Phật xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, thực hành Phạm hạnh. Đức Thế Tôn dạy: -Lành thay, Tỳ-kheo! Hãy thực hành Phạm hạnh.

Tỳ-ma-na-tu được theo Phật xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, thực hành Phạm hạnh. Tôn giả Tỳ-ma-na-tu xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, biết pháp, thấy pháp rồi tu tập cho đến khi chứng được quả vị A-la-hán. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Tỳ-ma-na-tu và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

7 Bản Hán, hết quyển 57.

210. KINH TỲ-KHEO-NI PHÁP LẠC1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư12 đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc3 cúi lạy sát chân Tỳ-kheo-ni rồi ngôi sang một bên và thưa: Bạch Thánh Ni! Con có điều muốn hỏi, Thánh Ni cho phép con mới dám hỏi? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Này Tỳ-xá-khư! Bà muốn hỏi gì xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư liền hỏi: Thưa Thánh Ni, tự thân45được gọi là tự thân. Vậy thế nào gọi là tự thân? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Thế Tôn dạy tự thân gồm năm thủ uẩn/ là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thứíkLL6ịỳọxk9-IIkMxỳkMqN89ÌOÌkÌỳk6ăởảíkLL6ịỳọxkÌ7Í

1 Quyển 58. Nguyên tác: Pháp Lạc Tỳ-kheo-nỉ kỉnh TỌ1. 0026.210. 0788al4. Tham chiếu: Tạp.T02. 0099.568. 0150al7; M. 44, Cūlavedalla Sutta Tiểu kình phương quảng', s. 41.6 . IV. 193. 2 Tỳ-xá-khư Ưu-bà-di ,Visākhā upāsikā. 3 Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni ,Dhammadinnā Bhikkhunī. 4 Tự thân sakkāyo, phiên âm là Tát-ca-da ,còn gọi là "hữu thân". 5 Nguyên tác: Ngũ thạnh ấm .Xem chú thích 8, kinh số 13, tr. 75. 6 Tự thân kiến ,sakkāyadiuhi cũng gọi là "hữu thân kiến". 7 Nguyên tác: Bất ngự Thánh pháp .M. 44: Ariyadhamme avinĩta không được giảng dạy bởi Thánh pháp.

[0788b02] Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Sao gọi là không thân kiến? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Vị Thánh đệ tử đa văn, gặp thiện tri thức, biết Thánh pháp, khéo đặt mình trong Thánh pháp, vi ấy không thấy sắc là ngã, không thấy ngã có sắc, không thấy trong ngã có sắc, không thấy trong sắc có ngã; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã5 không thấy trong ngã có thức, không thấy trong thức có ngã. Đó gọi là không có thân kiến. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: -Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Sao gọi là tự thân diệt? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Sắc thủ uẩn bi đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, nhổ bỏ, đoạn tận, vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ. Thọ? tưởng, hành, thức cũng bi đoạn trừ hoàn toàn, đã xả ly, nhổ bỏ5 đoạn tận, vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ. Đó là tự thân diệt Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Thánh Ni! uẩn được gọi là thủ uẩn; khi uẩn được gọi là thủ uẩn thì phải chăng uẩn tức là thủ uẩn và thủ uẩn tức là uẩn? uẩn và thủ uẩn có khác nhau chăng? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Có trường hợp uẩn này tức là thủ uẩn và có trường hợp uẩn này chẳng phải là thủ uẩn. Khi nào gọi

uẩn tức là thủ uẩn? Khi sắc bị nhiễm ô, bị chấp thủ;8 thọ, tưởng, hành, thức bị nhiễm ô5 bị chấp thủ thì gọi uẩn tức là thủ uẩn. Khi nào uân này chăng phải là thủ uân? Khi sác không bị nhiêm 6, không bị châp thủ; thọ, tưởng, hành, thức không bị nhiễm 6, không bị chấp thủ thì uẩn chẳng phải là thủ uẩn. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!

8 Nguyên tác: Hữu thọ .Pali là upādā thủ, cựu dịch là "thQ",tân dịch là "thiỉ".

Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Thánh Ni! Thế nào gọi là Thánh đạo tám chi? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Thánh đạo tám chi là từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó gọi là Thánh đạo tám chi. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Thánh đạo tám chi là hữu vi chăng? [0788c01] Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Đúng vậy, Thánh đạo tám chi là hữu vi. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Thánh Ni! Có bao nhiêu tụ? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Có ba tụ là Giới tụ, Định tụ và Tuệ tụ. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Thánh Ni! Thánh đạo tám chi thâu nhiếp ba tụ, hay là ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi? Tỳ-kheo-ni Pháp lạc đáp: -Không phải Thánh đạo Tám chi thâu nhiếp ba tụ mà ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, ba chi Thánh đạo này được thâu nhiếp vào Thánh giới tụ. Chánh niệm, chánh định, hai chi Thánh đạo này được thâu nhiếp vào Thánh định tụ. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, ba chi Thánh đạo này được thâu nhiếp vào Thánh tuệ tụ. Đó gọi là không phải Thánh đạo tám chi thâu nhiếp ba tụ mà ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư, nghe xong liền khen ngợi: -Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Niết-bàn9 là pháp có đối ngại chăng?

9 Nguyên tác: Diệt ,nói đủ là uTịch diet",tên khác của "Niếtbàn",Nibbāna.

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Niết-bàn là pháp không có đối ngại. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Thiền thứ nhất có năm chi là giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm.1011 Đó là năm chi của Thiền thứ nhất. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Thế nào gọi là định? Thế nào gọi là tướng định? Thế nào gọi là sức định? Thế nào gọi là diệu dụng của đinh? Thế nào gọi là tu tập định? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Nếu khéo đưa tâm về một chỗ11 thì được gọi là định.

Bốn niệm xứ được gọi là tướng định. Bốn chánh cần12 được gọi là sức đinh. Bốn như ý túc được gọi là diệu dụng của định. Nếu tu tập các thiện pháp này và thường xuyên thực hành tinh cần thì đó gọi là tu tập định. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. [0789a01] Lại hỏi: —Bạch Thánh Ni! Có bao nhiêu pháp khiên thân đang hiện hữu này sau khi qua đời rồi thì thân xác bị bỏ ngoài gò mả như cây gỗ vô tình? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Có ba pháp khiến thân đang hiện hữu này sau khi qua đời rồi thì thân xác bị bỏ ngoài gò mả như cây gỗ vô tình. Là ba pháp nào? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Đó là ba pháp khiến thân đang hiện hữu này sau khi qua đời rồi thì thân xác bị bỏ ngoài gò mả như cây gỗ vô tình. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!

10 Nguyên tác: Giác vitakkā, quán vicara, hỷ ,pīti, lạc sukhā, nhất tâm , cittekaggata. 11 Nguyên tác: Nhược thiện tâm đắc nhất giả, thị vị định dà .Tham chiếu: M. 44: Cittassa ekaggatā ayam samādhi tam chuyên chú vào một chỗ, đó gọi là định. 12 Nguyên tác: Tứ chánh đoạn ,tức "tứ chánh cần".

Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Thánh Ni! Người chết và người nhập Diệt tận định khác nhau như thế nào? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Chét là thọ mạng đã dứt, hơi âm rời thân, các căn tan rã. Còn Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng chưa lìa thân, các căn không tan rã. Đó là sự khác biệt giữa người chét và người nhập Diệt tận định. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Người nhập Diệt tận định và người nhập Vô tưởng định khác nhau như thế nào? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tưởng và thọ đều diệt, còn người nhập Vô tưởng đinh thì tưởng và thọ không diệt. Đó là sự khác biệt giữa người nhập Diệt tận đinh và người nhập Vô tưởng đinh. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Một người xuất từ Diệt tận định và một người xuất từ Vô tưởng định khác nhau như thế nào? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Khi Tỳ-kheo xuất từ Diệt tận định thì không khởi suy nghi "ta xuất từ Diệt tận djnh." Còn Tỳ-kheo xuất từ Vô tưởng định lại khởi ý nghĩ "ta là hữu tưởng, hay ta là vô tưởng?" Đó là sự khác nhau giữa người xuất từ Diệt tận định và người xuất từ Vô tưởng định. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Diệt—tMidinh^ Bạch Thánh Ni! Khi Tỳ-kheo nhập Diệt tận đinh có khởi ý nghĩ "ta nhập không?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Khi Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì không khởi ý nghĩ "ta nhập Diệt tận djnh" nhưng do theo tâm đã tu tập từ trước nên cứ như vậy mà tiến tới. [0789b01] Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!

Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Khi Tỳ-kheo xuất từ Diệt tận định có khởi ý nghĩ "ta xuất từ Diệt tận djnh" không? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Khi Tỳ-kheo xuất từ Diệt tận định không khởi ý nghĩ "ta xuất từ Diệt tận djnh" nhưng bởi thân này và sáu xứ duyên mạng căn, do đó từ định mà xuất. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Tỳ-kheo xuất từ Diệt tận đinh thì tâm vui với gì? Thú hướng những gì? Và thuận theo những gì? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Tỳ-kheo xuất từ Diệt tận đinh thì tâm vui với hạnh xa lìa, thú hướng hạnh xa lìa và tùy thuận hạnh xa lìa. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Có bao nhiêu cảm thọ?13 Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Có ba thọ, cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không lạc không khổ. Chúng duyên vào đâu mà có? Duyên vào xúc.14 Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Thế nào là cảm thọ lạc? Thế nào là cảm thọ khổ? Và thế nào là cảm thọ không kho không lạc? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Do sự xúc chạm mà phát sanh cảm thọ lạc, thân và tâm đều ưa thích thì thọ ây gọi là cảm thọ lạc. Nêu do sự xúc chạm mà phát sanh cảm thọ khô, thân và tâm đều không ưa thích thì thọ ấy gọi là cảm thọ khổ. Nếu do sự xúc chạm mà phát sanh cảm thọ không khổ, cũng không ưa thích, thân và tâm không thấy khô hay vui thì thọ ây gọi là cảm thọ không khô không lạc. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: -Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!

13 Nguyên tác: Giác ,tân dịch là "thq".Tiếng Pali tương đương là vedanā. 14 Nguyên tác: Canh lạc cách dịch khác của "xiíc",phassā.

Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Thánh Ni! Đối với cảm thọ lạc, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai họa, thế nào là kiết sử? Đối với cảm thọ khổ, thế nào là lạc, thế nào khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai họa, thế nào là kiết sử? Đối với cảm thọ không khổ không lạc thì thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai họa, thế nào là kiết sử?15 Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Đối với cảm thọ lạc thì sanh là lạc, trụ là lạc, thay đổi là khổ, vô thường tức là tai họa, tham muốn là kiết sử. Đối với cảm thọ khổ thì sanh là khổ, trụ là khổ, thay đổi là lạc, vô thường tức là tai họa, giận dữ là kiết sử. Đối với cảm thọ không khổ không lạc thì khổ hay lạc không được biết đến, vô thường tức là thay đoi và vô minh là kiết sử. [0789c05] Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Phải chăng tất cả cảm thọ lạc là tham dục sử?16 Tất cả cảm thọ khổ là khuê sử?17 Tất cả cảm thọ không khổ không lạc là vô minh sử?18 Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Không phải tất cả cảm thọ lạc là tham dục sử. Không phải tất cả cảm thọ khổ là sân khuê sử. Không phải tất cả cảm thọ không lạc không khổ là vô minh sử. Vì sao cảm

thọ lạc không phải là tham dục sử? Nêu như Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, có giác có quán, an tru hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Cảm thọ lạc này không phải là tham dục sử. Vì sao như vậy? Vì đã đoạn dục. Vì sao cảm thọ khổ không phải là khuê sử? Như lòng mong càu sự an lạc giải thoát vô thượng, do sự mong cầu canh cánh mà sanh ra ưu khổ. Cảm thọ khổ này chẳng phải là khuê sử vậy. Vì sao như vậy? Vì đã đoạn sân khuê. Vì sao cảm thọ không khổ không lạc chẳng phải là vô minh sử? Khi đã buông bỏ cả khô và lạc, diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, không khô không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đác Thiên thứ tư, thành tựu an trú. Cảm thọ không khô không lạc này chẳng phải vô minh sử. Vì sao như vậy? Vì đã đoạn vô minh. Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!

15 Sủ:anusayā: Kiết sử hay tùy miên . 16 Dục sử cũng gọi là "tham dục tùy miên,, ,rāgānusayd. 17 Khuê sử cũng gọi là "sân tùy miên^, ,patighānusayd. 18 Vô minh sử cũng gọi là tẾvô minh tùy miên,, avijjānusayo.

Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
- Bạch Thánh Ni! Cảm thọ lạc lấy gì làm đối ngại?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
 Cảm thọ lạc lấy cảm thọ khổ làm đối ngại.
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi:
 Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
- Bạch Thánh Ni! Cảm thọ khổ lấy gì làm đối ngại?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
-Cảm thọ khổ lấy cảm thọ lạc làm đối ngại.
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi:
 Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
 Bạch Thánh Ni! Vừa cảm thọ lạc vừa cảm thọ khô lây gì làm đôi ngại?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
-Cảm thọ vừa lạc vừa khổ lấy không khổ không lạc làm đối ngại.
[0790a02] Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi:
- Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
-Bạch Thánh Ni! Không khổ không lạc lấy gì làm đối ngại?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
 Không khổ không lạc lấy vô minh làm đối ngại.
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi:
 Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!

Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
- Bạch Thánh Ni! Vô minh lấy gì làm đối ngại?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
-Vô minh lấy minh làm đối ngại.
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi:
Hay thay! Hay thay, bạch Thánh Ni!
Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Bạch Thánh Ni! Minh lấy gì làm đối ngại?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
Minh lấy Niết-bàn làm đối ngại.
210. KINH TỲ-KHEO-NI PHÁP LẠC 1443

Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư nghe xong liền khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, bạch Thánh Ni! Nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Thánh Ni! Niết-bàn lấy gì làm đối ngại? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Cư sĩ muốn hỏi những việc không có giới hạn, những việc cư sĩ hỏi không thể đi đến giới hạn cùng tận. Niết-bàn không có đối ngại. Niết-bàn không có chướng ngại, vượt qua chướng ngại, diệt trừ chướng ngại. Do nghĩa này nên tôi theo Thế Tôn tu tập Phạm hạnh. Bây giờ, sau khi nghe Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc dạy, nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư khéo thọ trì, khéo đọc tụng và thực hành rồi từ chỗ ngồi đứng dậy cúi lạy sát chân Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, đi nhiễu ba vòng và lui về. Lúc ấy, sau khi đã tiễn nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư đi cách đó không lâu, Tỳ-kheo- ni Pháp Lạc đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi đem hết những điều vừa thảo luận với nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư bạch lại với Phật và chắp tay thưa: -Bạch Thế Tôn! Con nói như vầy, đáp như vầy thì có hủy báng Thế Tôn không? Có phải là nói chân thật, nói đúng với pháp, nói tuần tự theo pháp, đối với sự như pháp không có trái nhau, không có tranh cãi, không nhầm lẫn chăng? Đức Thế Tôn bảo: - Này Tỳ-kheo-ni! Cô nói như vậy, đáp như vậy là không hủy báng Như Lai. Cô đã nói chân thật, nói như pháp, nói tuần tự theo pháp; đối với như pháp không chống trái nhau, không tranh cãi, không nhầm lẫn. Này Tỳ-kheo-ni, nếu nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư dùng những nghĩa lý như vậy đến hỏi Ta thì Ta cũng trả lời nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư bang những nghĩa lý như vậy. Này Tỳ-kheo-ni, nghĩa này đúng như r cô•: đã nói, cô cứ như vậy mà thọ trì. Vì sao như vậy? Vì những lời nói này khê hợp với giáo nghĩa vậy. [0790b04] Đức Phật dạy như vậy, Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Calan-đa. 23rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lợi-phất1 Tôn giả Đại Câu-hy-la/ chào hỏi nhau xong, Tôn giả ngồi sang một bên và hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả nghe cho chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ngài muốn hỏi gì xin cứ hỏi. Tôi nghe xong sẽ suy nghĩ. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Bất thiện được gọi là bất thiện; gốc rễ bất thiện được gọi là gốc rễ bất thiện. Vậy thế nào là bất thiện? Thế nào là gốc rễ bất thiện? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, đó là bất thiện. Tham, sân, si chính là gốc rễ bất thiện.

Đó gọi là bất thiện và gốc rễ bất thiện. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Thiện thì gọi là thiện; gốc rễ thiện thì gọi là gốc rễ thiện. Vậy thế nào là thiện? Thế nào là gốc rễ thiện? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, đó là thiện. Không tham, không sân, không si, đó là gốc rễ thiện. Đó gọi là thiện và gốc rễ thiện. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la!

1 Nguyên tác: Đại Câu-hy-la kinh (TOI. 0026.211. 0790b08). Tham chiếu: Tạp.(T02. 0099.251. 0060b22); M. 43, Mahãvedalla Sutta (Đại kinh phương quảng)', A. 4.175 - II. 163. 2 Nguyên tác: Xá-lê tử (Sāriputta). 3 Đại Câu-hy-la (,Mahākottthika).

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Này Hiền giả Câu-hy-la! Trí tuệ được gọi là trí tuệ, vậy thế nào là trí tuệ? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Biết đúng như thật nên gọi là trí tuệ. Biết những gì? Biết đúng như thật: "Dây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diet." Biết đúng như thật như vậy cho nên được gọi là trí tuệ. [0790c03] Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Thức được gọi là thức, vậy thế nào là thức? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Thức là nhận biết cho nên gọi là thức. Nhận biết những gì? Nhận biết sắc, nhận biết thanh, hương, vi, xúc, pháp. Thức là nhận biết cho nên được gọi là thức. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Thức và trí tuệ, hai pháp này là chung hay riêng biệt? Hai pháp này có thể được phát khởi riêng biệt chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Hai pháp ấy là chung chứ không riêng biệt. Hai pháp này không thể phát khởi riêng biệt. Vì sao như vậy? Vì những gì được biêt bởi trí tuệ thì cũng được nhận biết bởi thức. Cho nên, hai pháp này là chung chứ không phải riêng biệt. Hai pháp này không thể phát khởi riêng biệt. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Với cái biết, Hiền giả dựa vào cái gì để biết? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Với cái biết, tôi dùng trí tuệ để biết. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: —Hiền giả Câu-hy-la, trí tuệ có nghĩa gì? Có sự thù thắng gì? Có công đức gì?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Trí tuệ có nghĩa nhàm chán, có nghĩa vô dục, có nghĩa thấy đúng như thật.4 Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Vì sao gọi là chánh kiến? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhân của khổ, biết như thật về khổ diệt và con đường

đưa đến khổ diệt. Đó gọi là chánh kiến. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên sanh ra chánh kiến? [0791a01] Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, hai duyên sanh ra chánh kiến. Là hai nhân duyên nào? Một là, nghe từ người khác. Hai là, nội tâm tư duy. Đó gọi là có hai nhân, hai duyên sanh ra chánh kiến. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Có bao nhiêu yếu tố thâu nhiếp chánh kiến để đạt được quả Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, đạt được công đức Tâm giải thoát và công đức Tuệ giải thoát? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có năm yếu tố thâu nhiếp chánh kiến để đạt được quả Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, đạt được công đức Tâm giải thoát và công đức Tuệ giải thoát. Là năm yếu tố nào? Một là được thâu nhiếp bởi sự thật. Hai là được thâu nhiếp bởi giới. Ba là được thâu nhiếp bởi nghe nhiều. Bốn là được thâu nhiếp bởi tĩnh chỉ. Năm là được thâu nhiêp bởi quán. Đó gọi là có năm yêu tô thâu nhiêp chánh kiến để đạt được quả Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, đạt được công đức Tâm giải thoát và công đức Tuệ giải thoát. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la!

4 Nguyên tác: Kiến như chân nghĩa (,).Tham chiếu: M. 43: Paññā kho āvuso abhiññatthā pariññatthāpahānatthā tỉ (trí tuệ có nghĩa thắng tri, có nghĩa biên tri, có nghĩa đoạn trừ).

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Vì sao phát sanh sự hiện hữu trong tương lai?5 Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Hạng phàm phu mê muội, kém trí tuệ, thiếu hiểu biết, bị vô minh che lấp, bị ái kết trói chặt, không gặp thiện tri thức, không hiểu biết Thánh pháp, không thâu nhiếp theo Thánh pháp, đó gọi là làm phát sanh sự hiện hữu trong tương lai. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Thế nào là không phát sanh sự hiện hữu trong tương lai? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Nếu vô minh đã diệt, minh đã sanh thì chắc chắn diệt sạch khổ. Đó gọi là không phát sanh sự hiện hữu trong tương lai. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la, có bao nhiêu thọ? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có ba thọ, gồm cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Thọ này duyên đâu mà có? Duyên xúc mà có. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Ba pháp thọ, tưởng, tư được phát khởi chung hay riêng biệt? Ba pháp này có thể phát khởi riêng biệt được chăng? [0791b02] Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Ba pháp thọ, tưởng, tư này được phát khởi chung chứ không phải riêng biệt. Ba pháp này không thể phát khởi riêng biệt được. Vì sao như vậy? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng và cũng được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này phát khởi chung chứ không phải riêng

biệt. Ba pháp này không the phát khởi riêng biệt được. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la!

5 Nguyên tác: Đương lai hữu ().Tham chiếu: M. 43: Āyatim punabbhavābhinibbatti (đưa đến sự tai sanh trong tương lai).

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Hiền giả Câu-hy-la! Niết-bàn6 có sự đối ngại gì?
Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:
Niết-bàn không có sự đối ngại.
Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi:
Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la!
Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
A
Hiên giả Câu-hy-la! Có năm căn với hành tướng riêng biệt và cảnh giới riêng biệt. Mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng, gồm nhãn căn, nhĩ căn? tỷ căn, thiệt căn và thân căn. Năm căn này với hành tướng riêng biệt và cảnh giới riêng biệt. Mỗi căn tự lãnh thọ cảnh giới riêng, vậy cái gì lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng? Cái gì làm chỗ gá nương cho chúng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Năm căn với hành tướng riêng biệt và cảnh giới riêng biệt. Mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng, gồm nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn và thân căn. Năm căn này với hành tướng riêng biệt và mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng thì ý căn lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng. Ý căn làm chỗ gá nương cho chúng. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: —Hiền giả Câu-hy-la! Ý nương vào đâu mà tồn tại? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Ý nương vào tuổi thọ mà tồn tại. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Tuổi thọ nương vào đâu mà tồn tại? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Tuổi thọ nương vào hơi ấm mà tồn tại. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Hai pháp tuổi thọ và hơi ấm này được kết hợp chung hay riêng biệt? Hai pháp này có thể kiến lập riêng biệt được chăng?

6 Nguyên tác: Diệt .Xem chú thích 9, kinh số 210, tr. 1437.

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Hai pháp tuổi thọ và hơi ấm này được kết hợp chung, không phải riêng biệt. Hai pháp này không thể kiến lập riêng biệt được. Vì sao như vậy? Vì nhân tuổi thọ mà có hơi ấm, nhân hơi ấm mà có tuôi thọ. Nêu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, nếu không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cũng như do dầu, do tim đèn mà đèn được thắp sáng. Và ở dây, do ngọn lửa mà có ánh sáng, do ánh sáng mà có ngọn lửa. Nếu không có ngọn lửa thì không có ánh sáng, không có ánh sáng thì

không có ngọn lửa. Cũng vậy, nhân tuổi thọ mà có hơi ấm, nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, nếu không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cho nên, hai pháp này là sự kết hợp, không phải riêng biệt. Hai pháp này không thể kiến lập riêng biệt. [0791C07] Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Có bao nhiêu pháp khiến thân đang hiện hữu này qua đời roi thì thân xác bị bỏ ngoài gò mả như cây gỗ vô tình? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Có ba pháp khiến thân đang hiện hữu này sau khi qua đời rồi thì thân xác bị bỏ ngoài gò mả như cây gỗ vô tình. Là ba pháp nào? Một là tuổi thọ. Hai là hơi ấm. Ba là thức. Ba pháp này khiến thân đang hiện hữu này sau khi qua đời roi thì xác bi bo ngoài go ma như cay go vo tình. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Sự chết và nhập Diệt tận định khác nhau như thế nào? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Chét là thọ mạng đã dứt, hơi âm rời thân, các căn tan rã. Còn Tỳ-kheo nhập Diệt tận đinh thì tuổi thọ chưa hết, hơi ấm cũng chưa mất đi, các căn không tan rã. Đó là sự khác biệt giữa người chết và người nhập Diệt tận đinh. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Nhập Diệt tận định và nhập Vô tưởng định thì khác nhau như thê nào? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tưởng và thọ đều diệt. Tỳ-kheo nhập Vô tưởng đinh thì tưởng và thọ không diệt. Đó là sự khác biệt giữa người nhập Diệt tận định và người nhập Vô tưởng định.

211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA 1451

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Một người xuất từ Diệt tận định và xuất từ Vô tưởng đinh thì khác nhau như the nào? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: —Tỳ-kheo xuất từ Diệt tận định, không khởi suy nghĩ "ta xuất từ Diệt tận djnh." Còn Tỳ-kheo xuất từ Vô tưởng định thì khởi y nghĩ "ta là hữu tưởng, hay ta là vô tưởng?,, Đó là sự khác nhau giữa người xuất từ Diệt tận định và người xuất từ Vô tưởng định. [0792a04] Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Tỳ-kheo nhập Diệt tận định trước hết phải diệt pháp nào? Hành vi của thân, của miệng hay của ý? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Tỳ-kheo khi nhập Diệt tận định trước hết diệt hành vi của thân, kế đến hành vi của miệng và sau cùng là hành vi của ý. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Khi Tỳ-kheo xuất Diệt tận định, pháp nào phát sanh trước tiên? Hành vi của thân, của miệng hay của ý? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Khi Tỳ-kheo xuất Diệt tận định, trước tiên phát sanh hành vi của ý9 kế đến là hành vi của miệng và sau cùng là hành vi của thân. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Khi Tỳ-kheo xuất Diệt tận đinh, tiếp xúc bao nhiêu loại xúc? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Khi Tỳ-kheo xuất Diệt tận định thì tiếp xúc với ba loại xúc. Là ba loại

nào? Một là, xúc Bất động. Hai là5 xúc Vô sở hữu. Ba là, xúc Vô tướng. Khi Tỳ-kheo ra khỏi Diệt tận định thì tiếp xúc với ba loại xúc này. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la!

1452 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Không, Vô nguyện và Vô tướng, ba pháp này khác nghĩa, khác văn hay cùng một nghĩa mà khác văn? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Không, Vô nguyện và Vô tướng, ba pháp này khác nghĩa và khác văn. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh định Bất động? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có bốn nhân, bốn duyên phát sanh định Bất động. Là bốn nhân duyên nào? Nếu Tỳ-kheo ly dục5 ly bất thiện pháp,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là có bốn nhân, bốn duyên phát sanh định Bất động. [0792Ồ03] Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh đinh Vô sở hữu? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có ba nhân, ba duyên phát sanh định Vô sở hữu. Là ba nhân duyên nào? Nếu Tỳ-kheo vượt tất cả sắc tưởng, cho đến chứng đắc Vô sở hữu xứ9 thành tựu an trú. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên phát sanh định Vô sở hữu. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Câu-hy-la! Có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh định Vô tưởng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, hai duyên phát sanh đinh Vô tưởng. Là hai nhân duyên nào? Một là không suy niệm tất cả tưởng. Hai là suy niệm cõi Vô Tưởng. Đó gọi là có hai nhân hai duyên phát sanh định Vô tưởng. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la! Có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên để trụ trong định Vô tưởng?

211. KINH ĐẠI CÂƯ-HY-LA 1453

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, hai duyên để trụ trong định Vô tưởng. Là hai nhân duyên nào? Một là không suy niệm tất cả tưởng. Hai là suy niệm cõi Vô Tưởng. Đó gọi là có hai nhân, hai duyên để trụ trong định Vô tưởng. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Câu-hy-la! Có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên để xuất định Vô tưởng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có ba nhân, ba duyên để xuất định Vô tưởng. Là ba nhân duyên nào? Một là suy niệm tất cả tưởng. Hai là không suy niệm cõi Vô Tưởng. Ba là do thân này và do sáu xứ duyên mạng căn. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên để xuất định Vo tưởng. Với những điều được thảo luận và cùng hoan hỷ phụng hành như thế, hai vị Tôn giả tán thán lẫn nhau rằng: “Lành thay! Lành thay!", rồi rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy ra đi.7

7 Bản Hán, hết quyển 58.

[0793a04] Tôn giả A-nan bạch Phật: -Kính vâng! Rồi đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đến ngôi nhà lớn ở phía Đông kia, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, dọn một nơi kín đáo, trải tọa cụ ngồi kiết-già. Lúc đó? vị cận thần trở về đến chỗ Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thưa: Tâu Đại Vương! Thần đã thưa với Sa-môn Cù-đàm và Ngài đang đợi Đại Vương, kính mong Đại Vương biết đã hợp thời. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bảo người đánh xe: Khanh hãy sửa soạn xa giá, hôm nay trẫm muốn đến thăm Sa-môn Cù-đàm! Người đánh xe vâng lời, liền sửa soạn xa giá. Bấy giờ, hai chị em Hiền và Nguyệt đang ngồi dùng bữa cùng với Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la5 nghe nói hôm nay Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến thăm đức Phật liền thưa: -Tâu Đại Vương! Nếu hôm nay Ngài đến thăm đức Thế Tôn, xin thay chúng thiếp cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn, thăm hỏi Thánh thể có được mạnh khỏe, an lạc không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Đại Vương hãy thưa như vầy: “Chj em Hiền và Nguyệt kính lễ Thế Tôn, thăm hỏi Thánh thể có được mạnh khỏe, an lạc không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng?,, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la im lăng nhận lời. Lúc đó, người đánh xe sửa soạn xa giá xong nên đến thưa: Tâu Đại Vương! Xa giá đã sẵn sàng, xin Ngài ngự giá. Vua nghe vậy liền lên xe rời khỏi uất-đầu-tùy-nhã đi đến rừng Phổ-cức-thích. Lúc đó, ngoài cửa rừng Phổ-cức-thích có rất đông Tỳ-kheo đi kinh hành nơi khu đất trống. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến chỗ các Tỳ-kheo và hỏi: Chu Hiền! Sa-môn Cù-đàm hiện đang ở đâu? Trẫm muốn đến thăm Ngài.

Các Tỳ-kheo đáp: Tâu Đại vương! ở phía Đông kia, nơi ngôi nhà lớn có cửa sổ mở, cửa lớn đóng, đức Thế Tôn đang ngụ trong đó. Đại vương muốn thăm thì hãy đến ngôi nhà ây, đứng bên ngoài tằng hắng và gõ cửa, đức Thế Tôn nghe tiếng, sẽ ra mở. Vua Ba-txr-nặc nước Câu-tát-la liền xuống xe, dẫn quyến thuộc cùng đi bộ đên ngôi nhà lớn đó. Đen nơi, vua đứng bên ngoài tằng hắng rồi gõ cửa. Đức Thê Tôn nghe tiếng liền ra mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền đi vào trong, đến đứng trước chỗ Phật, bạch rằng: Thưa đức Cu-đàm! Hai chị em Hiền và Nguyệt kính đảnh lễ Thế Tôn, thăm hỏi Thánh thể có được mạnh khỏe, an lạc không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng?

4 Hiền, Nguyệt Sakulā;Somā, cả 2 chị em này là phu nhân của Vua Ba-tư-nặc Pasenadi.

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ 1459

[0793b02] Thế Tôn hỏi nhà vua: Hai chi em Hiền và Nguyệt không còn ai để nhờ cậy hay sao? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thưa: -Bạch đức Cù-đàm! Mong Ngài biết cho. Hôm nay, hai chị em Hiền và Nguyệt cùng ngôi dùng bữa với con, hay tin con muôn đên thăm Phật, liên thưa rằng: "Thua Đại vương, nếu ngài đến thăm đức Phật thì xin thay chúng thiếp cúi đầu đảnh lễ đức Thế Tôn và thăm hỏi Thánh thể có được mạnh khỏe, an lạc không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chang?" Nên con thưa lại với Thế Tôn y lứiư vầy: "Hai chị em Hiền và Nguyệt kính đảnh lễ Thế Tôn, thăm hỏi Thánh thể có được mạnh khỏe, an lạc không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí

lực bình thường chang?" Thưa đức Cù-đàm! Hai chi em Hiền và Nguyệt kính đảnh lễ Thế Tôn, thăm hỏi Thánh thể có được mạnh khỏe, an lạc không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? r-ry-ị Á ĩ The Ton đáp: -Này Đại vương! Ta mong cho hai chi em Hiên và Nguyệt được an ôn và hân hoan, cũng như chư thiên, loài người, a-tu-la, kiền-tháp-hòa, la-sát và các loài khác đều được an ổn và hân hoan. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói lời thăm hỏi Phật xong, liền ngồi sang một bên và thưa: Thưa đức Cù-đàm! Con có điều muốn hỏi, được Ngài cho phép thì con mới dám thưa. The Ton đáp: -Này Đại vương! Ngài muốn hỏi điều gì thì xin tùy ý. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền hỏi: Bạch đức Cù-đàm! Con nghe nói Sa-môn Cù-đàm tuyên bố như vầy: "Quá khứ không c6, tương lai không có và hiện tại cũng không có Sa-môn? Phạm chí nào là bậc Nhất thiết trí, thấy biết tất c.” Thưa Cù-đàm, Ngài có nhớ là đã nói như vậy chăng? Thê Tôn đáp: -Này Đại vương! Ta nhớ là đã không nói như vầy: “Quá khứ không có, tương lai không có và hiện tại cũng không có Sa-môn, Phạm chí nào là bậc Nhất thiết trí, thấy biết tất cả.” Lúc đó, Đại tướng Tỳ-lưu-la5 đang cầm quạt đứng hầu sau lưng Vua Ba- tư-nặc nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la quay lại hỏi Đại tướng Tỳ-lưu-la rằng:

5 Tỳ-lưu-la Vidūdabha còn gọi là Tỳ-liru-ly l con trai của Vua Pasenadi,
mẹ vốn là một nữ tỳ của dòng họ Thích.

Hôm trước, ta ngồi với mọi người, ai là người đầu tiên nói: "Sa-môn Cù- đàm tuyên bố như vầy: 'Quá khứ không c6, tương lai không có và hiện tại cũng không có Sa-môn, Phạm chí nào là bậc Nhất thiết trí, thấy biết tất cả?'" Đại tướng Tỳ-liru-la đáp: -Tâu Đại vương! Có Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử6 là người đầu tiên nói như vậy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong liền sai một người: Khanh hãy đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử nói như vầy: “Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la truyền gọi 6ng!" [0793c01] Người ấy vâng lệnh, liền đi đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử báo như vầy: "Này Niên Thiếu, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la truyền gọi 6ng.” Sau khi người ấy di, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn: -Thưa Sa-môn Cù-đàm! Có the có những lời nói khác, nhưng được ghi nhớ khác. Sa-môn Cù-đàm có nhớ đã nói những gì chăng? Thê Tôn đáp: Này Đại vương! Ta nhớ đã từng nói như vầy: "Quá khứ không có, tương lai không có và hiện tại cũng không có Sa-môn, Phạm chí nào trong một lúc mà biết tất cả5 trong một lúc mà thấy tất cả." Này Đại vương! Ta nhớ đã nói như vậy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong thì khen ngợi: Những lời Sa-mon Cù-đàm nói đúng là bậc thầy! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đúng là bậc thầy tài giỏi! Con lại có điều muốn hỏi, Ngài cho phép con hỏi chăng? The Ton đáp: Này Đại vương! Ngài muốn hỏi gì thì xin tùy ý. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: -Bạch Cù-đàm! ở đây có bốn chủng tộc là Sát-lọd, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la. Bon chủng tộc này có sự hơn kém hay có sự khác biệt gì chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Bốn chủng tộc Sát-lợi5 Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la có sự hơn kém và có sai biệt. Hạng Sát-lợi và Phạm chí được coi là cao thượng trong nhân gian. Hạng Tỳ-xá và Thủ-đà-la được xem là hạng thấp kém trong nhân gian. Cho nên, bốn chủng tánh Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá, Thủ-đà-la này có

hơn kém, có sự sai biệt.

6 Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử Sañjaya Ākāsagotta.

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ 1461

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong thì khen rằng: Hay thay! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đúng là bậc thầy! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đúng là bậc thầy tài giỏi! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại thưa: Bạch đức Cù-đàm! Con không chỉ hỏi về sự việc đời này mà con còn muốn hỏi sự việc về đời sau nữa, Ngài cho phép con hỏi chăng? The Ton đáp: Này Đại vương! Ngài muốn hỏi gì thì xin tùy ý. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm! Bốn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la này có sự hơn kém và có sai biệt gì ở đời sau chăng? The Ton đáp: - Bốn chủng tộc Sát-lợi? Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la này có sự hơn kém và có sự sai biệt ở đời sau. Bốn chủng tộc Sát-lọi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà- la nếu thành tựu được năm yếu tố tinh cần7 này thì sẽ được gặp bậc thầy tốt là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác, chắc chắn được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, cũng luôn được ý nghĩa và lợi ích, được an ổn và hân hoan. Là năm yếu tố nào? Thánh đệ tử đa văn tin tưởng Như Lai, gốc rễ niềm tin đã vững chắc, không ai có the tước đoạt, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và các loài khác trong thế gian. Đó gọi là yếu tố tinh cần thứ nhất. Lại nữa, này Đại vương! Thánh đệ tử đa văn ít bệnh, không bệnh, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh, không nóng, dễ chịu, không bức bối. Nghĩa là sự ăn uống được tiêu hóa dễ dàng an ổn. Đó gọi là yếu tố tinh cần thứ hai. Lại nữa, này Đại vương! Thánh đệ tử đa văn không dua nịnh, không dối gạt, sống thật tha, tự thể hiện sự chân thật đối với Thế Tôn và các bậc Phạm hạnh. Đó gọi là yếu tố yếu tố tinh cần thứ ba. Lại nữa, này Đại vương! Thánh đệ tử đa văn thường hành tinh tấn, đoạn trừ những pháp ác bất thiện, tu tập các pháp thiện, thường tự giữ tâm chuyên nhất, vững chãi, vì gốc rễ của thiện pháp mà không từ bỏ một phương tiện nào. Đó gọi là yếu tố tinh cần thứ tư. Lại nữa9 này Đại vương! Thánh đệ tử đa văn khéo tu hạnh trí tuệ, quán sát sự thịnh suy của các pháp mà chứng đắc trí như thật, thành tựu tuệ minh đạt của bậc Thánh, phân biệt rõ ràng, để vượt thoát khổ đau. Đó gọi là yếu tố tinh cần thứ năm.

7 Nguyên tác: Ngũ đoạn chi ().A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (T2§. 1536.13v 0422b15) gọi là í4ngũ thắng chi"().Tham chiêu: M. 90: Pañcapadhāniyañgāni (5 yêu tố tinh cần).

1462 KINH TRUNG A-HÀM

Nếu bốn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la thành tựu được năm yếu tố tinh cần này thì ắt sẽ được gặp thầy giỏi là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ được vừa ý9 không có điều gì không vừa ý? cũng luôn được ý nghĩa và lợi ích, được an ôn và hân hoan. Do đó, bôn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la này được cho là có hơn kém, có sự sai biệt ở đời sau. [0794al6] Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong thì khen ngợi: -Những lời Sa-mon Cù-đàm nói đúng là bậc thầy! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đúng là bậc thầy tài giỏi! Con lại có điều muốn

hỏi, Ngài cho phép con hỏi chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Đại vương! Ngài muốn hỏi thì xin tùy ý. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm, bốn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la này, đối với sự thành tựu hạnh tinh cần8 thì có sự hơn kém và sai biệt gì chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Bốn chủng tộc Sát-lợi5 Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la này, ở đây, có sự sai biệt đối với sự thành tựu hạnh tinh cần. Này Đại vương, ý Đại vương nghĩ sao? Sẽ không có trường hợp sự tinh cần của người có niềm tin mà cũng là sự tinh cân của kẻ không có niêm tin. Sẽ không có trường hợp sự tinh cân của người ít bệnh mà cũng là sự tinh can của kẻ nhiều bệnh. Sẽ không có trường hợp sự tinh cần của người không dua nịnh dối lừa mà cũng là sự tinh cần của kẻ điêu ngoa, xảo trá. Sẽ không có trường hợp sự tinh cần của người tinh tấn mà cũng là sự tinh cần của kẻ biếng lười. Sẽ không có trường hợp sự tinh cần của người có trí tuệ cao thượng mà cũng là sự tinh cần của kẻ có trí thấp kém. Ví như bôn trường hợp chê ngự, là chê ngự voi, chê ngự ngựa, chê ngự bò và chế ngự người. Trong đó có hai trường hợp cần chế ngự mà không thể chế ngự5 không thể điều phục và hai trường hợp cần chế ngự mà có thể chế ngự được, điêu phục được. Đại vương, ý Vua nghĩ sao? ơ đây, hai trường hợp cần chế ngự nhưng không thể chế ngự, không thể điều phục được mà chúng có thể đi đến chỗ được điều phục, được chế ngự, nhận chịu sự chế ngự thì chắc chắn điều này không thể xảy ra. Hai trường hợp cần chế ngự mà có thể chế ngự được, có the điều phục được nên chúng sẽ đi đến chỗ được điều phục, được chế ngự, nhận chịu sự chế ngự thì điều này chắc chắn xảy ra. Cũng vậy, này Đại vương! Ý Vua nghĩ sao? Sự tinh cần của người có niềm tin cũng là sự tinh cần của kẻ không có niềm tin chăng? Điều này không thể có. Sự tinh cân của người ít bệnh cũng là sự tinh cần của kẻ nhiều bệnh chăng? Điêu này không thê có. Sự tinh cần của người không dua nịnh dối lừa cũng là

8 Đoạn hành Sự nỗ lực, chuyên cần.

Sự tinh cần của kẻ điêu ngoa xảo trá chăng? Điều này không thể có. Sự tinh cần của người tinh tân cũng là sự tinh cân của kẻ biếng lười chăng? Điều này không thê có. Sự tinh cân của người có trí tuệ cao thượng cũng là sự tinh cần của kẻ có trí thấp kém chăng? Điều này không thể có. Vì thế, bốn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la được cho là có hơn kém, có sai biệt về sự thành tựu hạnh tinh cần. [0794bll] Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen rằng: Những lời Sa-mon Cù-đàm nói đúng là bậc thầy! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đúng là bậc thầy tài giỏi! Con lại có điều muốn hỏi, Ngài cho phép con hỏi chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Đại Vương! Ngài muốn hỏi thì xin tùy ý. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tất-la hỏi: -Bạch Sa-môn Cù-đàm! Bốn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ- đà-la này có sự hơn kém, có sai biệt gì đối với sự tinh cần chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Bốn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la này đối với sự tinh cân đêu bình đăng, không có hơn kém, không có sai biệt. Này Đại vương, cũng như một đứa bé dòng Sát-lợi từ phương Đông đến, lấy nhánh cây sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát khiến phát ra lửa. Một đứa bé dòng Phạm chí từ phương Nam đến9 lấy nhánh cây sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát khiến phát ra lửa. Một đứa bé dòng Tỳ-xá từ phương Tây đến, lấy nhánh cây chiên-đàn làm mồi lửa và cọ

xát khiến phát ra lửa. Một đứa bé dòng Thủ-đà-la từ phương Bắc đến, lấy cây bát-đầu-ma khô làm mồi lửa và cọ xát khiến phát ra lửa. Này Đại vương, ý Vua nghĩ sao? Những đứa trẻ kia đến từ nhiều chủng tộc khác nhau, lấy các loại cây khác nhau làm mồi lửa, chúng cọ xát cho phát ra lửa, rồi có người đem những mồi lửa ấy châm vào cỏ? cây khô làm cho bốc cháy, khói tỏa ra, ngọn lửa bốc lên, phát ra sắc lửa. Này Đại vương! Giữa khói với khói, giữa ngọn lửa với ngọn lửa, giữa sắc lửa với sắc lửa, có khác biệt gì chăng? Vua Ba-tư-nặc9 nước Câu-tát-la đáp: Bạch Cù-đàm! Những đứa trẻ kia thuộc nhiều chủng tộc khác nhau, lấy các loại cây khác nhau làm mồi lửa, chúng cọ xát cho phát ra lửa, rồi có người đem những mồi lửa ấy châm vào cỏ, cây khô làm cho bốc cháy, khói tỏa ra, ngọn lửa bốc lên, phát ra sắc lửa. Thưa Cù-đàm! Con không cho rằng giữa khói và khói, giữa ngọn lửa và ngọn lửa, giữa sắc lửa và sắc lửa có sự sai biệt. [0794c02] - Cũng vậy, này Đại vương! Bốn chủng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá và Thủ-đà-la này, họ hoàn toàn bình đẳng đối với sự tinh cần, không có hơn kém, không có sự sai biệt.

1464 KINH TRUNG A-HÀM

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen rằng: Những lời Sa-mon Cù-đàm nói đúng là bậc thầy! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đúng là bậc thầy tài giỏi! Con lại có điều muốn hỏi, Ngài cho phép con hỏi chăng? The Ton đáp: -Này Đại vương! Ngài muốn hỏi gì thì xin tùy ý. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: -Thưa Cù-đàm! Có chư thiên không? Đức Thế Tôn hỏi: Này Đại vương! Ngài hỏi "c6 chư thiên kh6ng" với ý gì? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đáp: Thưa Cù-đàm! Phải chăng chư thiên nào có đấu tranh, ưa đấu tranh thì chư thiên ấy còn sanh lại the gian này? Phải chăng chư thiên nào không có đấu tranh, không thích đấu tranh thì chư thiên ấy sẽ không sanh lại thế gian này nữa? Bấy giờ, Đại tướng Tỳ-lưu-la đang cầm quạt đứng hầu sau lưng Vua Ba-tư- nặc nước Câu-tát-la thưa rằng: Bạch Cù-đàm! Chư thiên nào không có đấu tranh, không ưa đấu tranh sẽ không đến thế gian này nữa thì hãy gác lại việc chư thiên đó. Nếu chư thiên nào CÓ đâu tranh, ưa đâu tranh mà đên thê gian này thì Sa-môn Cù-đàm phải nói rang chư thiên đó có phước hơn5 có Phạm hạnh hơn, vì chư thiên này được tự tại nên đẩy lùi chư thiên kia, đuổi chư thiên kia đi. Lúc đó, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng quạt sau Thế Tôn. Tôn giả A-nan tham nghĩ: "Dại tướng Tỳ-lưu-la này là con của Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la9 còn ta là con của đức Thế Tôn. Nay chính là lúc con cùng thảo luận với con." Nghĩ thế rồi, Tôn giả A-nan nói với Đại tướng Tỳ-lưu-la rằng: -Tôi muôn hỏi Đại 9 biêt của mình mà• trả lời. Đại tướng, xin cứ theo sự hiêu tướng nghĩ thê nào? Trong phân ranh giới thuộc lãnh thô của Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cai quản, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có được quyền tự do đuôi những vi có phước hơn, có Phạm hạnh hơn chăng? Đại tướng Tỳ-lưu-la đáp: Này Sa-môn! Trong phần ranh giới thuộc lãnh thổ của Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cai quản thì Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có quyền đuổi các vị có phước hơn, có Phạm hạnh hơn. Đại tướng nghĩ sao? Nếu vùng đất không thuộc lãnh thổ của Vua Ba-tư- nặc nước Câu-tát-la cai quản thì Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có được tự ý đuôi các vị có phước hơn, có Phạm hạnh hơn chăng?

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ 1465

Đại tướng Tỳ-lưu-la đáp: -Này Sa-môn! Nếu ở vùng đất không thuộc lãnh thổ của Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cai quản thì Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la không được quyền tự do đuổi các vị có phước hơn, có Phạm hạnh hơn ra khỏi nơi đó. [0795a03] Tôn giả A-nan lại hỏi: Này Đại tướng! Ong có nghe nói đên chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba chăng? Đại tướng Tỳ-lưu-la đáp: Khi tôi cùng với Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đi dạo, có nghe nói đến chư thiên trên cõi trời Ba Mươi Ba. -Đại tướng nghĩ sao? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có được quyền tự do đuổi chư thiên có phước hơn, có Phạm hạnh hơn ở cõi trời Ba Mươi Ba ấy ra khỏi cõi kia chăng? Đại tướng Tỳ-lưu-la đáp: Này Sa-môn! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la còn không thể thấy được chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, huống gì đuổi họ ra khỏi đó? Đuổi chư thiên trên cõi trời Ba Mươi Ba ấy đi thì việc này không bao giờ có. Cũng vậy, này Đại tướng! Nếu chư thiên nào không đấu tranh, không ưa đấu tranh thì sẽ không sanh lại thế gian này, vì chư thiên ấy có phước hơn và có Phạm hạnh hơn. Nếu chư thiên nào có đấu tranh, ưa đấu tranh mà sanh lại thê gian này thì chư thiên này còn không thê thây được chư thiên kia, huông lại đánh đuổi họ ư? Việc đánh đuổi chư thiên đó không bao giờ xảy ra. Lúc đỏ. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: -Thưa đức Cù-đàm! Sa-môn này tên gì? Đức Thế Tôn đáp: Đại vương! Tỳ-kheo này tên A-nan, là thị giả của Ta. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong liền khen ngợi: y y Hay thay! Những điêu A-nan nói đúng như bậc thây, những điêu A-nan nói đúng như bậc thây tài giỏi. Con lại có điêu muôn hỏi, Ngài cho phép con hỏi chăng? Đức Thế Tôn bảo: Đại vương! Muốn hỏi điều gì thì xin cứ hỏi. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: -Bạch Cù-đàm9 có Phạm thiên không? Đức Thế Tôn hỏi: -Này Đại vương! Đại vương hỏi "c6 Phạm thiên khong" với ý gì? Đại vương, nếu Ta chủ trương có Phạm thiên thì đó là Phạm thanh tịnh.

1466 KINH TRUNG A-HÀM

Trong lúc đức Thế Tôn đang đàm luận cùng Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì vị cận thần kia dẫn Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử trở lại, đến chỗ Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la và thưa: Tâu Đại vương! Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đã đến! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe rồi liền hỏi Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử: -Hôm trước, ta cùng mọi người đang ngồi thảo luận thì ai là người đầu tiên nói như vầy "Sa-môn Cù-đàm tuyên bố: 'Quá khứ không c6, tương lai không có và hiện tại cũng không có Sa-môn hay Phạm chí nào là bậc Nhất thiết trí, thấy biết tất cả?959 Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đáp: -Tâu Đại vương! Chính Đại tướng Tỳ-lưu-la là người nói trước nhất. Đại tướng Tỳ-lưu-la nghe xong, thưa: -Tâu Đại vương! Chính Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử này là người nói trước nhất. [0795b02] Thế rồi, hai người đó cứ tranh cãi lẫn nhau về vấn đề này. Ngay lúc đó, người đánh xe đã sửa soạn xa giá, đen chỗ Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát- la và thưa: -Tâu Đại vương! Xa giá đã sẵn sàng, xin ngài biết cho. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, bạch đức Phật rằng: Con đã hỏi Cù-đàm về nhất thiết trí, Sa-môn Cù-đàm giảng cho con về nhất thiết trí. Con đã hỏi Cù-đàm về bốn chủng tánh thanh tịnh, Sa-môn Cù- đàm giảng cho con về bốn chủng tánh thanh tịnh. Con đã hỏi Sa-môn Cù-đàm về sở đắc, Sa-môn Cù-đàm đã giảng cho

con về sở đắc. Con đã hỏi Sa-môn Cù-đàm có Phạm thiên hay không, Sa-môn Cù-đàm đã giảng cho con có Phạm thiên. Nếu con còn hỏi Sa-môn Cu-đàm về vấn đề khác thì Sa-môn Cù-đàm chắc chắn cũng sẽ giảng cho con về vấn đề ấy. Bạch đức Cù-đàm! Nay con bận việc nên xin được cáo từ. Đức Thế Tôn đáp: Đại vương! Xin hãy tùy nghi. Sau khi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe Thế Tôn dạy, khéo ghi nhớ kỹ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu quanh Thế Tôn ba vòng rồi ra về. Đức Phật dạy như vậy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cùng Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng họ Thích, ngụ tại Di-lũ-ly,12 một thị tran của dòng họ Thích. Bây giờ, vì có việc cân làm nên Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la và Đại tướng Trường Tác3 đi đến một thi trấn ten gọi là Thành.45Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la du ngoạn Ngự viên/ nhìn thấy cây cối tĩnh mịch, không một tiếng động, không gian văng lặng, không có điêu xâu, không một bóng người, thích hợp tĩnh tọa. Nhìn thấy như vậy rồi, nhà vua liền nghĩ nhớ đến đức Thế Tôn. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Này Trường Tác! Nơi đây cay cối tĩnh mịch, không một tiếng động, không gian vắng lặng, không có điều xấu, không một bóng người, thích hợp tĩnh tọa. Nơi đây, ta thường ghé đến thăm đức Thế Tôn. Này Trường Tác, Thế Tôn đang ngụ tại đâu? Ta muôn đên thăm Ngài. Trương Tác tâu: - Thưa Thiên vương! Thần nghe đức Thế Tôn đang du hóa trong dân chúng họ Thích, ngụ tại Di-lũ-ly, một thị trấn của dòng họ Thích. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: - Này Trường Tác! Thi trấn Di-lũ-ly của dòng họ Thh cách đây bao xa? [0795c01] Trường Tác đáp: Thưa Thiên vương, cách đây khoảng ba câu-lô-xá.6 Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói: -Này Trường Tác! Khanh hãy ra lệnh cho sửa soạn xa giá. Ta muốn đến nơi Thế Tôn đang ngự.

1 Nguyên tác: Pháp trang nghiêm kinh roi. 0026.213. 0795Ồ17. Tham chiếu: Tăng. 7.02. 0125.38.10. 0724b28; M. 89, Dhammacetiya Sutta Kỉnhpháp trang nghiêm; A. 10.30 - v. 65. 2 Di-lũ-ly Medatalumpa còn gọi Trân-lũ-ly một thị trấn cách làng Nangaraka khoảng 3 dặm. 3 Trường Tác ,Dīghakārāyana.

4 Ấp Danh Thành ,Nagaraka, một thị trấn nhỏ thuộc dòng họ Thích gần Medatalumpa. 5 Nguyên tác: Viên quán :Hoa viên, khu vườn cây có lầu gác để nghỉ ngơi. M. 89: Dhammacetiya Sutta Kinh pháp trang nghiêm ghi là Uyyānabhūmi Ngự viên. 6 Câu-lũ-xá .Theo M. 89, đây là tên gọi khác chỉ cho do-tuần yojanaṃ.

1468 KINH TRUNG A-HÀM

Trường Tác vâng lời? liền truyền lệnh cho sửa soạn xa giá rồi tâu: Tâu Thiên vương! Xa giá đã sửa soạn xong, xin Thiên vương đi cho kịp lúc. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền lên xe đi ra khỏi thành, đến thị trấn Di- lũ-ly của dòng họ Thích. Lúc đo, ngoài cổng Di-lũ-ly có số đông các Tỵ-kheo đang đi kinh hành nơi khoảng đất trống. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến chỗ các Tỳ-kheo và hỏi: Thưa chư Tôn! Đức Thế Tôn hiện đang nghỉ trưa ở đâu? Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa Đại vương! ở phía Đông kia, nơi ngôi nhà lớn

có cửa sổ mở, cửa lớn đóng, đức Thế Tôn đang nghỉ trưa tại đó. Nếu Đại vương muốn thăm thì hãy đến đó. Đen nơi, Ngài đứng bên ngoài tằng hắng và gõ cửa, đức Thế Tôn nghe tiếng sẽ ra mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền bước xuống xe. Khi vị Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi xuất hiện đê thông tri muôn dân, ban săc lệnh kháp cõi nước thì vi ây có năm nghi trượng là kiếm, lọng, tràng hoa, phất trần cán ngọc và giày thêu. Vua Ba-tư-nặc cởi bỏ tát cả năm nghi trượng ây trao cho Trường Tác. Trường Tác thâm nghĩ: "Hôm nay, Thiên vương ắt vào đây một mình, chúng ta nên đứng đọd ở dây.” Rồi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la dẫn quyến thuộc tiến đến ngôi nhà lớn phía Đông kia. Đen nơi, vua đứng bên ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe tiếng liền ra mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền bước vào trong nhà, đên trước đức Phật, cúi lạy sát chân Phật roi ba lân tự ximg tên họ: Con là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la! Con là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la. Đức Thế Tôn đáp: Đúng vậy, Đại vương! Ngài là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la. Ngài là Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la. Sau ba lân tự xưng tên họ xong, Vua Ba-tư-nặc cúi lạy sát chân Phật và ngôi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: —Này Đại vương! Đại vương thấy nơi Như Lai có những thiện lợi gì mà tự hạ mình cúi lạy sát chân và cúng dường cung kính như vậy? Vua Ba-tư-nặc thưa: -Bạch Thế Tôn! Con có sự suy luận về giáo nghĩa78của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của Thế Tôn cũng khéo hướng đến."8

7 Nguyên tác: Pháp tĩnh ().Tĩnh ():Suy tư, bàn luân, suy luận ().Tương đồng với nghĩa này, trong M. 12, Mahāsīhanāda Sutta (Đại kinh sư tử hong) dung từ dhammanvaya được Tỳ-idieo Bodhi dịch sang tiêng Anh là "suy luận từ giáo pháp" (by inference from dhammā). Vì anvaya ñānarh nghĩa là "loại trí"()ỈỊoặc djch l“tỷ trí"().Trong Chủ giải Kinh Nālanda (Nālandasuttavannana), ngài Buddhaghosa giải thích từ dhammanvaya la "trí hiện krg" (paccakkhāto nānassa). - 8 Tham chiếu: M. 89: Svākkhātorbhagavato dhammo suppatipanno sāvakasañgho (Pháp được Thế Tôn khéo thuyêt, Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo thực hành).

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM 1469

Bạch Thế Tôn! Khi con ngồi nơi công đường,9 chứng kiến mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con quyến thuộc tranh chấp lẫn nhau. Trong khi họ tranh chấp thì mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu, cha con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn thế, huống gì người ngoài? Con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn theo Ngài tu hành Phạm hạnh. Nếu có Tỳ-kheo nào gây ít nhiều tranh cãi, xả giới, bỏ đạo cũng không nói xấu Phật, không nói xấu Pháp, không nói xấu chúng Tăng mà chỉ tự trách rằng: "Tôi làm việc xấu, tôi thiếu đức hạnh. Vì sao như vậy? Vì tôi không thể theo Thế Tôn tu hành Phạm hạnh đến trọn dòi.” Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của Thế Tôn cũng khéo hướng đến." [0796a08] Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con thấy có một số Sa-môn5 Phạm chí khác, ít nhiều cũng có tu hành Phạm hạnh, hoặc chín tháng, mười tháng, nhxmg lại bỏ đạo hoàn tục rồi lại bị những

tham muốn thấp hèn nhiễm ô, nhiễm dục, đắm dục, bi dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, sống vui thích với dục mà không thấy tai họa, không thấy cần phải xa lìa. Bạch Thế Tôn! Con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn, nguyện trọn đời tu tập Phạm hạnh, đông đến số ức. Ngoài đây ra, con không thấy ở đâu tu Phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái nhà của Thế Tôn. Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của Thế Tôn cũng khéo hướng đến." Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con thấy có một số Sa-môn5 Phạm chí gầy còm tiều tuỵ5 tướng mạo xấu xí, mình nổi vảy trắng, chẳng ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rằng: "Các Tôn giả này vì sao lại gầy còm tiều tuy, tướng mạo xấu xí, mình nổi vảy trắng và chẳng ai muốn nhìn? Phải chăng, chư Tôn này không ưa thích tu hành Phạm hạnh, hoặc vì thân bị bệnh hay lén lút làm việc xấu nên các Tôn giả ây mới có thân hình gây còm tiêu tụy, hình sác rát xâu, mình nôi vảy trăng, chẳng ai muốn nhùi." Rồi con đến hỏi họ: "Các Tôn giả vì sao lại gầy còm tiều tuy, tướng mạo xấu xí, mình nổi vảy trắng, chẳng ai muốn nhìn? Có phải các Tôn giả không ưa thích tu hành Phạm hạnh chăng? Hoặc vì mắc bệnh hay lén lút làm việc xấu nên các Tôn giả bị thân thể gầy còm tiều tuy, hình sắc bạc nhược, da xấu, thân nổi vảy trắng, đến nỗi chẳng ai muốn nhùi?" Các vị ấy đáp: “Bại vương! Đây là bệnh vảy trắng. Đây là bệnh vảy tĩắng." Thưa Thế Tôn! Con thấy chúng Tỷ-kheo đệ tử của Thế Tôn, sống hân hoan đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể sáng sạch, buông bỏ mọi thứ ở đời, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai, tự nguyện tu hành Phạm hạnh đen trọn đời. Thấy vậy5 con nghĩ rằng: "Các Tôn giả này vì sao sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể sáng sạch, buông bỏ mọi thứ ở đời, sống đời

9 Đô tọa ,atthakaranà'. Công đường .

tịnh hạnh, ăn uống như loài nai, tự nguyện tu hành Phạm hạnh đến trọn đời? Hay chư Tôn này đã đạt được hạnh lìa dục, hoặc chứng đắc tâm tăng thượng, an trú hạnh phúc trong hiện tại, dễ dàng thành tựu, không phải quá kh6?" Vì thế các Tôn giả này mới có được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể sáng sạch, buông bỏ mọi thứ ở đời, sống đời tinh hạnh, ăn uống như loài nai, tự nguyện tu hành Phạm hạnh đến trọn đời như vậy. Nếu sống trong dục lạc mà được hân hoan, đoan chánh thì chính ta phải được đời sống hân hoan, đoan chánh ấy. Vì sao như vậy? Vì ta hưởng thụ năm thứ dục một cách dễ dàng, chẳng khó khăn gì. Nhưng các Tôn giả này đã đạt đên sự lìa dục, chứng đác tâm tăng thượng, an lạc ngay trong hiện tại, dễ dàng thành tựu, không phải quá khó. Vì vậy? các Tôn giả này sống hân hoan, đoan chánh, với nét mặt vui tươi, hình thể sáng sạch, buông bỏ mọi thứ ở đời, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai, tự nguyện tu hành Phạm hạnh đến trọn đời. Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng, chúng đệ tử của Thế Tôn cũng khéo hướng đến." [0796bl5] Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con thấy có một số Sa-môn5 Phạm chí thông minh trí tuệ, tự xưng mình thông minh trí tuệ, nghe nhiều quyết đoán, am hiểu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, tiếng tăm lẫy lừng, lưu truyên khắp chôn, ai

cũng nghe danh, nhưng các vị ây đi đên đâu cũng đả phá các tông chủ khác và tự lập luận điểm: "Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù- đàm để hỏi những việc như vậy, như vậy. Nếu Sa-môn Cù-đàm trả lời được thì ta sẽ chất vấn việc khác, nếu không thể trả lời được thì ta cũng chất vấn rồi bỏ di." Rồi họ nghe tin Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến chỗ Phật, nhưng khi gặp Ngài thì họ còn không dám hỏi lời nào huống nữa là chất vấn. Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của Thế Tôn nghe cũng khéo hướng đến." Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con thấy có một số Sa-môn5 Phạm chí thông minh trí tuệ? tự xưng mình thông minh trí tuệ, nghe nhiều quyết đoán, am hiểu các kinh, che phục cường địch, đàm luận thông suốt, tiếng tăm lẫy lừng, lưu truyền khắp chốn, ai cũng nghe danh, nhxmg họ đi đến đâu cũng đả phá tông chỉ của người khác mà tự lập luận điểm của mình rồi bảo rằng: "Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc như vậy, như vậy. Nếu Sa-môn Cù-đàm trả lời được thì ta sẽ chất vấn việc khác, nếu không thể trả lời được thì ta cũng chất vấn xong rồi bỏ di." Rồi họ nghe tin Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến chỗ Phật để hỏi, được Thế Tôn giải đáp rõ ràng. Khi nghe giải đáp xong, các Sa-môn? Phạm chí ấy rất vui mừng liền cúi lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra, Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: “Pháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước,

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM 1471

Đăng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của Thê Tôn nghe cũng khéo hướng đến.,, [0796c07] Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con thấy có một số Sa-môn, Phạm chí khác thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, nghe nhiều quyết đoán, am hiểu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, tiếng tăm lẫy lừng, lưu truyền khắp chốn, ai cũng nghe danh, nhưng họ đi đến đâu cũng đả phá tông chỉ của người khác mà tự lập luận điểm của mình rồi bảo rằng: "Chúng ta hãy đen chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc như vậy, như vậy. Nếu Sa-môn Cù-đàm trả lời được thì ta hãy chất vấn việc khác, nếu không thể trả lời được thì ta cũng chất vấn rồi bỏ di." Rồi họ nghe tin Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến chỗ Phật để hỏi, được Thế Tôn giải đáp rõ ràng. Các vị ấy nghe xong, lòng rất vui mừng, liền nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, cúi xin Thê Tôn nhận họ làm ưu-bà-tắc, trọn đời quy y cho đến lúc qua đời. Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: "Pháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của The Tôn nghe cũng khéo hướng đến." Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con thấy có một số Sa-môn9 Phạm chí khác thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, nghe nhiều quyết đoán, am hiểu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, tiếng tăm lẫy lừng, lưu truyền khắp chốn, ai cũng nghe danh, nhưng họ đi đến đâu cũng đả phá tông chỉ của người khác mà tự lập luận điểm của mình rồi bảo rằng: "Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm đe hỏi những việc như vậy, như vậy. Nêu Sa-môn Cù-đàm trả lời được thì ta sẽ chất vấn việc khác, nếu không trả lời được thì ta cũng chất vấn rồi bỏ di." Rồi họ nghe tin Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến chỗ Phật để hỏi? được Thế Tôn giải đáp rõ ràng. Khi nghe xong, các Sa-môn, Phạm chí ấy rất vui mừng, liền theo Thế Tôn

cầu xin xuất gia, thọ giới Cụ túc, thành tựu pháp Tỳ-kheo. Phật liền độ cho họ và truyền trao giới Cụ túc, thành tựu pháp Ty-kheo. Khi chư Tôn ấy được xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc và được pháp Tỳ- kheo roi, các vị ây sông một mình ở nơi thanh văng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành. Sau khi sống một mình ở nơi thanh vắng, tâm không buông lung, siêng năng tu hành, Tỳ-kheo ấy đã đạt được mục đích mà người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo, chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong hiện dòi, tự biết tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú và biết đúng như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi,... (cho đến) chứng đắc A-la-hán. Khi chứng đắc A-la-hán rồi thì họ liền suy nghĩ: "Chu Hiền, trước kia tôi gần như bị suy vong, gần như bị hủy diệt. Vì sao như vậy? Trước kia tôi không phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn? không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải A-la-hán mà tự xưng A-la-hán. Bây

giờ, chúng ta mới thực sự là Sa-môn, thực sự là Phạm hạnh, thực sự là A-la- hán.,, Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức The Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng, chúng đệ tử của Thế Tôn nghe cũng khéo hướng den?9 [0797al2] Lại nữa, bạch Thế Tôn! Trong đất nước của mình, con tự do muốn giết ai thì ra lệnh giết, bất luận là người có tội hay vô tội; nhưng khi con ngồi trên công đường, con vẫn không thể ra lệnh như vầy: "Các khanh hãy giữ im lặng, không ai hỏi việc với các khanh mà chính là hỏi việc nơi ta. Các khanh không thể quyết đoán việc này, chỉ có ta mới có thể quyết đoán việc này.” Thế nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi việc khác, không đợi người trước nói xong. Trong khi đó, con nhiều lần thấy đại chúng ngồi vây quanh nghe Thế Tôn thuyết pháp thì có một người ngủ gục và ngáy ra tiếng, thấy vậy một người đến đánh thức và nói: "Ngài chớ ngủ gục và ngáy ra tiếng. Ngài không muốn nghe Thế Tôn thuyết pháp như cam lồ chăng?,^ Người kia nghe vậy liền im lặng. Con nghĩ rằng: "Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Như Lai là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là bậc Điều Ngự đại chúng. Vì sao như vậy? Vì Ngài không dùng dao gậy, nhưng tất cả đều đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc." Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của Thế Tôn nghe cũng khéo hướng đến.^, Lại nữa, bạch Thế Tôn! Hai cận thần phụ chính là Tiên Dư và Túc Cựu luôn được con chiêu cô, ban phát cho bông lộc, thường được con khen ngợi, đời sống của họ nhờ con mà có. Nhưng con không thể ra lệnh hai cận thần phụ chính này hết lòng cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự cho con, như hết lòng cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn vậy. Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ rằng: "Pháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng, chúng đệ tử của Thế Tôn nghe cũng khéo hướng đến." [0797b02] Lại nữa, bạch Thế Tôn! Thuở xưa, trong lúc ra trận, con nghỉ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai cận thần là Tiên Dư và Túc Cựu để biết khi ngủ, hai người ấy quay đầu về phía

nào, phía con hay phía Thế Tôn? Khi quan sát, con thấy hai cận thần Tiên Dư và Túc Cựu, vào đầu đêm ngồi kiết-già, yên lặng tĩnh tọa, đen nửa đêm họ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết The Tôn đang ngụ, còn chân thì quay về phía con. Thấy vậy, con suy nghĩ: “Hai cận thần Tiên Dư và Túc Cựu này không quan tâm đến sự lợi ích trước mắt, cho nên họ không hết lòng cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự ta như hết lòng cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn.^, Đó gọi là con có sự suy luận về giáo nghĩa của đức Thế Tôn, vì lý do đó nên con nghĩ ràng: 'Tháp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khéo giảng dạy, chúng đệ tử của Thế Tôn nghe cũng khéo hướng đến do."

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM 1473

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con là quốc vương, Thế Tôn cũng là Pháp vương. Con thuộc dòng Sát-lợi, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-lợi. Con là người Câu- tátla, Thế Ton cũng là người Câu-tát-la. Con đã tám mươi tuổi, Thế Tôn cũng tám mươi tuổi. Bạch Thế Tôn, từ những việc này, con phát nguyện hết lòng cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn cho đến trọn đời. Bạch Thế Tôn! Nay con bận việc, xin phép được cáo từ. Đức Thế Tôn bảo: Đại vương, xin cứ tùy ý! Rồi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la9 sau khi nghe những lời Phật dạy, khéo ghi nhớ kỹ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra về. Lúc đó, Tôn giảA-nan đang cầm quạt đứng hầu sau lưng đức Phật. Thế Tôn quay lại bảo: Này A-nan! Nêu có Tỳ-kheo nào đang sông ở rừng Di-lũ-ly này thì hãy bảo tất cả nhóm họp tại giảng đường. Tôn giả A-nan vâng lời đức Phật, tập hợp tất cả Tỳ-kheo đang sống ở rừng Di-lũ-ly vào giảng đường rồi trở lại chỗ Phật và thưa: -Bạch đức Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo đang sống ở rừng Di-lũ-ly này, tất cả đã tập hợp tại giảng đường. Kính mong đức Thế Tôn biết đã hợp thời. Lúc ấy, đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường. Ngài trải tọa cụ ngồi trước chúng Tỳ-kheo và dạy: Này các Tỳ-kheo! Hôm nay, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la ở trước Ta vừa nghe nói Kỉnh pháp trang nghiêm xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy? cúi đầu đảnh lễ sát chân Ta, nhiễu quanh Ta ba vòng rồi ra về. Này các Tỳ-kheo! Các Thầy nên thọ trì Kinh pháp trang nghiêm này, hãy khéo tụng đọc thông suốt. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo, vì Kỉnh pháp trang nghiêm này đúng pháp và đúng nghĩa, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ, đưa đến cứu cánh Niết-bàn. Nếu một người thiện nam đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo thì hãy nên khéo thọ trì, hãy khéo tụng đọc và tu tập theo Kỉnh pháp trang nghiêm này. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

214. KINH TỲ-HA-ĐÈ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả A-nan đang trú tại nước Xá-ve, vì có chút việc nên Tôn giả cùng một Tỳ-kheo rời Xá-vệ đi đến giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên. Khi công việc đã xong, Tôn giả cùng Tỳ-kheo ấy trở về Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la12 ngồi trên voi Nhất-bôn-đà-lợi3 cùng đại thần Thi-lợi-a-đồ4 rời thành Xá-vệ. Tôn giảA-nan trông thấy Vua Ba-tư-nặc từ xa đi đến, liền hỏi vị Tỳ-kheo đi cùng: Vi đó có phải là Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la không?

Tỳ-kheo ấy đáp: -Thưa phải! Tôn giả A-nan liền lánh vào một gốc cây bên đường. Vua Ba-tư-nặc từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đứng lánh bên gốc cây, liền hỏi: -Này Thi-lợi-a-đồ! Có phải vị ấy là Sa-môn A-nan không? Thi-lợi-a-đồ đáp: Thưa phải! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền bảo đại thần Thi-lợi-a-đồ: Khanh hãy thúc voi đến chỗ Sa-môn A-nan! Thi-lợi-a-đồ vâng lệnh, liền thúc voi đến chỗ Tôn giả A-nan. Thế rồi, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: -Tôn giả A-nan! Thầy từ đâu đến và đinh đi đâu? Tôn giả A-nan đáp: -Thưa Đại vương! Tôi từ giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên và đang về lại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

1 Nguyên tác: Tỳ-ha-đề kinh roi. 0026.214. 0797c07. Tham chiếu: M. 88, Bâhỉtika Sutta

Kinh Bãhỉtỉkà.

2 Câu-tát-la ,Kosala.

3 Nhất-bôn-đà-lợi Ekapundarīkd dịch nghĩa là một đóa sen trắng.

4 Thi-lợi-a-đồ ,Sirivaddha.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói: Thầy A-nan! Nếu ở Thắng Lâm không có việc gì gấp thì mong thày từ bi đi cùng trẫm đến sông A-di-la-bà-đe!5 Tôn giả A-nan nhận lời Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la. Thế rồi Vua Ba-tư- nặc nước Câu-tát-la mời Tôn giả A-nan đi trước, cùng đến sông A-di-la-bà-đề. Đen nơi, vua bước xuống, lấy yên voi gấp làm tư rồi trải trên đất và mời Tôn giả A-nan: Xin Tôn giả hãy ngồi lên chỗ này! [0798a03] Tôn giả A-nan đáp: Được rồi, Đại vương! Chỉ cần tâm an tịnh là đủ. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại ba lần mời Tôn giả A-nan: -Xin Tôn giả ngồi lên chỗ này! Tôn giả A-nan cũng ba lần đáp: -Được rồi, Đại vương! Chỉ cần tâm an tịnh là đủ. Tôi đã có sẵn tọa cụ và sẽ ngồi lên đây. Nói xong, Tôn giảA-nan trải tọa cụ ra và ngồi kiết-già. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la chào hỏi Tôn giả A-nan xong roi ngôi xuồng một bên và nói: -Thưa Tôn giảA-nan, trẫm có điều muốn hỏi? thầy cho phép trẫm hỏi chăng? Tôn giả A-nan đáp: Đại vương! Muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền hỏi: -Thưa Tôn giả A-nan! Đức Như Lai không tạo thân nghiệp như vậy chứ, nghĩa là thân nghiệp Thế Tôn không làm những việc khiến các Sa-môn và Phạm chí khinh chê phải không? Tôn giả A-nan đáp: -Này Đại vương! Đức Như Lai không bao giờ tạo thân nghiệp như vậy, nghĩa là thân không tạo những nghiệp khiến hàng Sa-môn9 Phạm chí, người thông minh trí tuệ cho đen những người khác trong the gian khinh chê. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong liền khen ngợi: Lành thay! Lành thay A-nan! Điều mà trẫm không thể giải đáp, ngay cả người thông minh, trí tuệ và những người khác trong thế gian cũng không thể thì Tôn giả có thê giải đáp. Thưa Tôn giả A-nan, nêu người nào không khéo suy xét mà đã vội vàng chê bai hoặc khen ngợi thì chúng tôi không xem đó là chân thật. A-nan! Nêu ai khéo suy xét roi mới chê bai hoặc khen ngợi thì tôi xem đó là chân thật. Thưa Tôn giả A-nan! Thế Tôn có thể tạo thân nghiệp như vậy

5 A-di-la-bà-đề ,Aciravatī là một trong 5 con sông lớn ở Ấn Độ. Oi chảy ngang nước Kosala, dòng sông này trôi êm đềm và hình thành nên những bến nước tắm nổi

hay không, nghĩa là thân tạo những nghiệp mà hàng Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh trí tuệ cho đến những người khác trong thế gian khinh chê? Tôn giả A-nan đáp: Thưa Đại vương! Thế Tôn không bao giờ tạo thân nghiệp như vậy. Nghĩa là thân Thế Tôn không làm những việc mà các Sa-m6n, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ cho đến những người khác trong thế gian khinh chê. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: -Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là thân nghiệp? Tôn giả A-nan đáp: -Đại vương! Đó là những việc làm bất thiện của thân. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là việc làm bất thiện của thân? Tôn giả A-nan đáp: Đại vương! Nghĩa là thân nghiệp gây tạo tội lỗi. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: - Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là thân nghiệp gây tạo tội lỗi? Tôn giả A-nan đáp: Thưa Đại vương! Nghĩa là thân tạo tác những việc mà người trí khinh chê. [0798b01] Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: -Thưa Tôn giả A-nan, thế nào là thân tạo tác những việc mà người trí khinh chê? Tôn giả A-nan đáp: -Đại vương! Nghĩa là thân tạo tác những việc dẫn đến hại mình, hại người, hại cả hai, làm trí tuệ lu mờ5 điều ác tăng trưởng, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí tuệ, không dẫn đến giác ngộ, không dẫn đến Niết-bàn. Người ây không biêt đúng như thật pháp nào nên thực hành, cũng không biêt đúng như thật pháp nào không nên thực hành. Do không biết đúng như thật pháp nào nên thực hành, cũng không biết đúng như thật pháp nào không nên thực hành, nên vi ấy càng không biết đúng như thật về pháp nào nên tiếp nhận và pháp nào không nên tiếp nhận. Vì không biết đúng như thật về pháp nào nên tiếp nhận và pháp nào không nên tiếp nhận, nên vị ấy càng không biết đúng như thật pháp nào nên đoạn trừ và pháp nào không nên đoạn trừ. Vì không biết đúng như thật về pháp nào nên đoạn trừ và pháp nào không nên đoạn trừ, cho nên vi ấy không biết đúng như thật pháp nào nên thành tựu và pháp nào không nên thành tựu. Vì không biết như thật pháp nào nên thành tựu và pháp nào không nên thành tựu, cho nên đối với pháp cần thực hành thì lại không thực hành, pháp không cần thực hành thì lại thực hành. Vì đối với pháp cần thực hành lại không thực hành,

pháp không cần thực hành mà lại thực hành, cho nên đối với pháp nên thọ trì lại không thọ trì, pháp không nên thọ trì thì lại thọ trì. Vì đối với pháp nên thọ trì lại không thọ trì, còn đối với pháp không nên thọ trì thì lại thọ trì, cho nên đối với pháp nên đoạn trừ thì lại không đoạn trừ, pháp không nên đoạn trừ thì lại đoạn trừ. Vì đối với pháp nên đoạn trừ lại không đoạn trừ, pháp không nên đoạn trừ thì lại đoạn trừ, cho nên đối với pháp nên thành tựu thì lại không thành tựu, còn với pháp không nên thành tựu thì lại thành tựu. Vì đoi với pháp nên thành tựu lại không thành tựu, còn pháp không nên thành tựu thì lại thành tựu, cho nên pháp bất thiện càng tăng thêm và pháp thiện thì lại giảm sút. Vậy nên, đức Thế Tôn không bao giờ thực hành pháp ấy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: —Thưa Tôn giả A-nan! Vì sao đức Thế Tôn không bao giờ thực hành pháp ấy? [0798b22] Tôn giả A-nan, đáp: Thưa Đại vương! Bởi vì

Thế Tôn là bậc đã lìa dục, dục đã diệt tận, đã lìa sân, sân đã diệt tận, đã lìa si, si đã diệt tận. Thế Tôn đã đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất các pháp thiện, là bậc Thầy khuyến giáo, bậc Thầy vi diệu, bậc Thầy khéo tùy thuận, là bậc khéo điều ngự dẫn dắt, là bậc khéo điều ngự tùy thuận, là bậc có lời nói thiện lành, lời nói vi diệu, lời nói khéo tùy thuận. Cho nên, Thế Tôn không bao giờ thực hành những pháp bất thiện ấy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la khen ngợi: - Lành thay! Lành thay! Thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn chắc chắn không thực hành những pháp không nên thực hành. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn giả A-nan, ngài là đệ tử của vị Đạo sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng còn không thực hành những pháp ấy9 lẽ nào đức Thế Tôn lại thực hành những pháp ấy? [0798c01] Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Thưa Tôn giả A-nan, đức Như Lai có tạo thân nghiệp như vậy chăng, nghĩa là thân này làm những việc mà không bi các Sa-môn5 Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ và hạng người khác trong thế gian khinh chê? Tôn giả A-nan trả lời: Thưa Đại Vương! Đức Thế Tôn tất nhiên có tạo thân nghiệp như vậy, nghĩa là thân làm những việc mà không bị các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ và các hạng người khác trong thế gian khinh chê. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: -Thưa Tôn giả A-nan, thân nghiệp đó như thế nào? Tôn giả A-nan đáp: Thưa Đại vương! Nghĩa là thân nghiệp tốt lành.

214. KINH TỲ-HA-ĐÈ 1479

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: -Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là thân nghiệp tốt lành? Tôn giả A-nan trả lời: -Thưa Đại vương! Nghĩa là thân nghiệp không tạo tội. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là thân nghiệp không tạo tội? Tôn giả A-nan trả lời: Đại vương! Nghĩa là thân làm những việc không bị người trí khinh chê. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là thân làm những việc không bi người trí khinh chê? Tôn giả A-nan trả lời: -Thưa Đại vương! Nghĩa là thân làm những việc không gây tổn hại cho mình, không tổn hại người, không tổn hại cả hai, có tỉnh giác, có trí tuệ, không hỗ trợ điều ác, chứng đắc Niết-bàn? đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Tự thân vi ấy biết đúng như thật pháp nào nên thực hành, pháp nào không nên thực hành. Nhờ biết đúng như thật pháp nào nên thực hành, pháp nào không nên thực hành, cho nên vị ấy biết đúng như thật pháp nào nên tiếp nhận, pháp nào không nên tiếp nhận. Nhờ biết đúng như thật pháp nào nên tiếp nhận, pháp nào không nên tiếp nhận, cho nên vị ấy biết đúng như thật pháp nào nên đoạn trừ, pháp nào không nên đoạn trừ. Nhờ biết đúng như thật pháp nào nên đoạn trừ, pháp nào không nên đoạn trừ, cho nên vi ấy biết đúng như thật pháp nào nên thành tựu, pháp nào không nên thành tựu. Nhờ biết đúng như thật pháp nào nên thành tựu, pháp nào không nên thành tựu, cho nên vi ấy liền thực hành pháp đáng thực hành, không thực hành những pháp không đáng thực hành. Nhờ khéo thực hành pháp đáng thực hành, không thực hành những pháp không đáng thực hành, cho nên khéo thọ trì những pháp đáng thọ trì, không thọ trì những pháp không đáng thọ trì. Nhờ khéo thọ trì những pháp đáng thọ trì, không thọ trì những pháp không đáng thọ trì, cho nên khéo đoạn trừ những pháp đáng đoạn trừ, không đoạn trừ những pháp không nên đoạn trừ. Nhờ khéo đoạn trừ những pháp đáng đoạn trừ,

không đoạn trừ những pháp không nên đoạn trừ, cho nên thành tựu được những pháp đáng thành tựu, không thành tựu những pháp không đáng thành tựu. Nhờ khéo thành tựu những pháp đáng thành tựu, không thành tựu những pháp không đáng thành tựu, cho nên những pháp bất thiện dần được suy giảm, những pháp thiện dần được tăng trưởng. Vậy nên Thế Tôn nhất định thực hành những pháp này. [0799a02] Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Thưa Tôn giảA-nan! Tại sao Thế Tôn nhất định thực hành những pháp này?

Tôn giả A-nan trả lời: -Thưa Đại vương! Vì Thế Tôn là bậc đã lìa dục, dục đã diệt tận, đã lìa sân, sân đã diệt tận, đã lìa si, si đã diệt tận. Thế Tôn đã thành tựu tất cả pháp thiện, đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, là bậc Thầy khuyến giáo, bậc Thầy vi diệu, bậc Thầy khéo tùy thuận, là bậc khéo điều ngự dẫn dắt, là bậc khéo tùy thuận điều ngự, là bậc có lời nói thiện lành, lời nói vi diệu, lời nói khéo tùy thuận. Cho nên, Thế Tôn nhất định thực hành những pháp thiện này. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la khen ngợi: Hay thay! Hay thay! Thưa ngài A-nan, Thế Tôn nhất định thực hành những pháp đáng thực hành. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn giả A-nan, ngài là đệ tử của bậc Đạo Sư ấy, học đạo vì muốn đạt được Niết-bàn an ổn vô thượng mà còn thực hành những pháp ấy, lẽ nào Thế Tôn lại không hành những pháp ấy? Tôn giả A-nan lời nói thật khéo, tôi nay hoan hỷ. Tôn giả A-nan nói lời hân hoan, tôi rất hoan hỷ. Nếu ngài A-nan được phép thọ nhận tô thuế trong thôn xóm thì tôi sẽ vì pháp mà cúng dường số tô thuế đó. Nếu ngài A-nan được phép nhận voi, ngựa, trâu, dê thì tôi sẽ vì pháp mà cúng dường voi, ngựa, trâu, dê. Nêu ngài A-nan được phép nhận phụ nữ, thiếu nữ thì tôi sẽ vì pháp mà cúng dường phụ nữ, thiêu nữ. Nêu ngài A-nan được phép thọ nhận vàng bạc, châu báu thì tôi sẽ vì pháp mà cúng dường vàng bạc, châu báu. Thế nhưng, những việc như thế ngài A-nan đều không được phép thọ nhận, vậy nên vương quốc Câu-tát-la của trẫm CÓ một chiêc áo tỳ-ha-đê,6 là áo tót bậc nhát trong vương cung, được đặt trong ống cán dù5 nay gởi đến để làm tin. Thưa Tôn giả A-nan! So với những chiếc áo kiếp-bối của vương gia Câu-tát-la thì chiếc áo tỳ-ha-đề này là bậc nhất. Vì sao như vậy? Vì chiêc áo tỳ-ha-đê dài mười sáu khuỷu tay, rộng tám khuỷu tay. Nay tôi vì pháp mà cúng dường chiếc áo tỳ-ha-đề này cho Tôn giả A-nan. Tôn giả hãy dùng đe may thành ba y, xin hãy nhận lay để vương gia Câu-tát-la được tăng trưởng phước lành dài lâu. Tôn giả A-nan đáp: Được rồi, Đại vương! Chỉ cần tâm an tịnh là đủ. Tôi đã có đủ ba y rồi. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại thưa: -Tôn giả A-nan! Hãy nghe trẫm nói ví dụ này, người trí nhờ nghe ví dụ sẽ hiểu rõ nghĩa lý. Ví như sau trận mưa lớn, nước sông A-di-la-bà-đề đầy tràn, ngập hai bên bờ và chảy tràn ra ngoài. A-nan có nhìn thấy không? Tôn giả A-nan đáp: -Đại vương, tôi có thấy.

6 Tỳ-ha-đề ().Phiên Phạn ngữ (r.54. 2130.10. 1051Ồ13) gọi là áo nhiều lớp. M. 88: Bãhitỉkâ (áo choàng, áo khoác ngoài).

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại thưa: - Cũng thế, Tôn giả A-nan! Nếu thầy đã có ba y thì hãy đem cho các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni hay các vị Sa-di, Sa-di-ni tân học.7 Còn thầy A-nan hãy dùng chiếc áo tỳ-ha-đề này may thành ba y để đắp mặc, giúp cho vương gia Câu-tát- la được tăng trưởng phước lành dài lâu. Bấy giờ, Tôn giả A-nan vì Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà im lặng nhận lời. [0799Ồ05] Khi đã biết Tôn giả A-nan đã im lặng nhận lời, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền dâng cúng chiếc áo tỳ-ha-đề cho Tôn giả A-nan, sau đó từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi ra về. Khi vua rời đi không lâu, Tôn giả A-nan liền đem chiếc áo tỳ-ha-đề đến trước đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát~la vì pháp mà cúng dường chiêc áo tỳ-ha-đê này cho con, vậy nên xin Thê Tôn đặt hai chân lên chiêc áo tỳ-ha-đê đê vương gia Câu-tát-la được tăng trưởng phước lành dài lâu. Khi ấy, Thế Tôn liền đặt hai chân lên chiếc áo tỳ-ha-đề rồi bảo: -Này A-nan! Thây đã bàn luận những gì với Vua Ba-tư~nặc nước Câu-tát- la, hãy trình bày lại cho Như Lai nghe. Khi ấy, Tôn giả A-nan trình bày hết những điều vừa thảo luận với vua nước Câu-tát-la cho Thế Tôn nghe rồi chắp tay thưa: -Con nói như vậy có phỉ báng Thế Tôn chăng? Lời con nói có chân thật đúng như pháp, nói đúng pháp và tùy pháp, có phạm lỗi đối với pháp và tùy pháp hay không? Đức Thế Tôn bảo: Thầy nói như vậy là không phỉ báng Như Lai, lời nói chân thật đúng pháp, nói đúng pháp và tùy pháp, cũng không có phạm lỗi đoi với pháp và tùy pháp. Này A-nan, nếu Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đem nghĩa lý này, câu từ này, văn tự này đến hỏi Như Lai thì Như Lai cũng dùng nghĩa lý như vậy, câu từ như vậy, văn tự như vậy mà đáp lời nhà vua. Này A-nan! Nghĩa lý này đúng như lời thầy đã nói, thầy hãy nương theo đó mà thọ trì. Vì sao như vậy? Vì lời này chính là nghĩa ấy. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 xJa, xa-la-ma-ni-ly .Xá-la Sãmanerà tức là Sa-di. Xá-la-ma-ni-ly Sāmanerī tức là Sa-di-ni.

215. KINH CHỨNG ĐẮC BẬC NHẤT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0799c01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tát cả những nơi nào mà Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la được quyên ban giáo lệnh đến thì nơi đó Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la là bậc nhất. Tuy nhiên Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la vẫn chiu sự biến chuyển và đổi thay. Vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy liền sanh nhàm chán cái bậc nhất đó. Khi đã nhàm chán điều đó rồi, đối với cái bậc nhất mà còn không ham muốn, huống gì những thứ thấp kém khác? Những nơi mà ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu đến, những phương được chiếu đến gồm có một ngàn thế giới.1234567Trong một ngàn thế giới đó có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn châu Phất-vu-đãi/ một ngàn châu Diêm-phù/ một ngàn châu Câu-đà-ni/ một ngàn châu uất-đan-việt/ một ngàn núi Tu-di/ một ngàn cối Tứ Đại Thiên Vương, một ngàn Vương tử cõi Tứ Thiên Vương, một ngàn cõi trời Ba Mươi Ba,8 một ngàn Thích thiên Nhân- đà-la59 một ngàn cõi trời Diệm-ma?1011một ngàn thiên tử cõi Tu-diệm-ma? một ngàn cõi trời Đâu-suất-đà/1 một ngàn thiên tử cõi Đâu-suất-đà, một ngàn cõi trời Hóa Lạc,12 một ngàn thiên tử cõi Thiện Hóa Lạc,13 một ngàn cõi trời Tha Hóa Lạc,14 một ngàn thiên tử cõi Tự Tại, một ngàn Phạm thế giới15 và một

1 Nguyên tác: Đệ nhất đắc kinh roi. 0026.215. 0799Ồ27. Tham chiếu: A. 10.29 - v. 59.

2 Thiên thế giới Sahassadhā lokā /Sahassĩlokadhãtù .

3 Phất-vu-đãi Pubbavideha.

4 Diêm-phù châu Jambudīpa.

5 Câu-đà-ni châu ,Aparagoyāna.

6 uất-đan-việt ,Uttarakurū.

7 Tu-di sơn Sinerupabbatarāja.

8 Tam Thập Tam thiên Tāvatimsa tức Đao-lợi thiSn .

9 Thích thiên Nhân-đà-la Sakkā Devanam Inda tức Thiên Đế-thích.

10 Diệm-ma thiên ,Yāmā.

11 Đâu-suất-đà thiên ,Tusitā.

12 Hóa Lạc thiOn Nimmānarati.

13 Thiện Hóa Lạc #,Nimmānaratī.

14 Tha Hóa Lạc Paranimmitavasavattin.

15 Phạm thế giới Brahmaloka.

ngàn cõi Phạm khác. Trong đó có một vị Đại Phạm, vị này là bậc biến hóa tôn quý, ban phước phù trợ, là đấng tạo hóa chúng sanh đã sanh và sẽ sanh. Tuy nhiên, vi Đại Phạm ấy cũng chịu sự biến chuyển và đổi thay. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy liền sanh ra nhàm chán cái bậc nhất ấy. Khi đã nhàm chán điều đó rồi, đối với cái bậc nhất kia mà còn không ham muốn, huống gì những thứ thấp kém khác? về sau thế giới này sẽ tan hoại. Khi thế giới này tan hoại, chúng sanh sanh lên cõi trời Hoảng Dục.16 Chúng sanh trong cõi đó có sắc thân, nương ý mà sanh ra,17 đầy đủ các thân phần, chi thể không thiếu, các căn không hư hoại, lấy niềm vui làm thức ăn, hình sắc thanh tịnh, thân tỏa ánh sáng, bay trong hư không, sống ở đó rất lâu. Nhưng cõi trời Hoảng Dục vẫn chiu sự biến chuyển và đổi thay. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy cho nên nhàm chán cõi ấy. Khi đã nhàm chán cõi ấy rồi, đối với cái bậc nhất ấy mà còn không ham muốn, huống gì những thứ thấp kém khác? Lại nữa, có bốn tưởng. Có Tỳ-kheo suy tưởng với tưởng nhỏ, hoặc suy tưởng với tưởng lớn, hoặc suy tưởng với tưởng vô lượng, hoặc tưởng vô sở hữu. Nhưng những chúng sanh tin hiểu18 nơi những lạc tưởng như vậy19 cũng chịu sự biến chuyển và đổi thay. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy cho nên nhàm chán những lạc tưởng ấy. Khi đã nhàm chán rồi, đối với cái bậc nhất ấy mà còn không ham muốn, huống gì những thứ thấp kém khác? Lại nữa, có tám Trừ xứ.20 Là tám Trừ xứ nào? Này Tỳ-kheo? bên trong có sác tưởng, bên ngoài quán sác, một lượng nhỏ sác đẹp hoặc săc xâu; đôi với sác ây biêt răng đã trừ, thây răng đã trừ, tưởng như vậy gọi là Trừ xứ thứ nhát. Lại nữa, Tỳ-kheo! Bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, vô lượng sắc đẹp và sắc xấu; đối với sắc ấy biết rằng đã trừ, thấy rằng đã trừ, tưởng như vậy được gọi là Trừ xứ thứ hai. Lại nữa, Tỳ-kheo! Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, một lượng nhỏ sắc đẹp hoặc sắc xấu; đối với sắc ấy biết rằng đã trừ, thấy rằng đã trừ, tưởng như vậy được gọi là Trừ xứ thứ ba. Lại nữa,

Tỳ-kheo! Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, vô lượng sắc đẹp hoặc sắc xấu; đối với sắc ấy biết rằng đã trừ, thấy rằng đã trừ, tưởng như vậy được gọi là Trừ xứ thứ tư.

16 Hoảng Dục thiên hay Quang Âm thiên ,Cực Quang thiên . 17 Ý sinh Manomayā. 18 Nguyên tác: Ý giải ,adhimuccă, còn gọi là "tháng giải^, hoặc "tín giải" . 19 Chỉ các chúng sinh trên cõi Vô Sở Hữu Xứ Ākiñcaññāyatana. 2 Nguyên tác: Bát Trừ xứ :DÃ l Oghi: Bát Trừ nhập < .Ngài Huyền Trang trong ĐạiBảt-nhã ba-la-mật-đa kinh 7.05. 0220.3. 0012al0 dịch: Bát Thắng xứ atthā Abhibhāyatanāni, là 8 nền tảng của sự siêu việt, 8 phương cách quán tưởng trong khi tu tập thiền định.

215. KINH CHỦNG ĐẮC BẬC NHẤT 1485

[0800a05] Lại nữa, Tỳ-kheo! Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sác, màu sác xanh mượt, sắc xanh hiển hiện, sắc xanh chiếu sáng. Giống như hoa thanh thủy có màu sắc xanh mượt, sắc xanh hiển hiện, sắc xanh chiếu sáng. Cũng như chiếc áo lụa nước Ba-la-nại21 được giặt, được vỗ5 được nhồi, được vò kỹ cho đen sạch tinh, màu sắc sáng tươi mát, màu sắc xanh mượt, sắc xanh hiển hiện, sắc xanh chiếu sáng. Cũng vậy, Tỳ-kheo! Bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, màu sắc xanh mượt, sắc xanh hiển hiện, sắc xanh chiếu sáng, vô lượng vô biên, ý thanh tịnh, ý thấm nhuần, ưa thích, không chán ghét. Đối với sắc ấy, biết rằng đã trừ, thấy rằng đã trừ, tưởng như vậy được gọi là Trừ xứ thứ năm. Lại nữa, Tỳ-kheo! Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, màu sắc vàng ánh, sắc vàng hiển hiện, sắc vàng chiếu sáng. Giống như hoa tần-đầu- ca-la22 có màu vàng ánh, sắc vàng hiển hiện, sắc vàng chiếu sáng. Cũng như chiếc áo lụa nước Ba-la-nại, được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến r r e9 e r r sạch : tinh, màu săc vàng ánh, săc vàng hiên hiện, sác vàng chiêu sáng. r Cũng vậy, Tỳ-kheo! Bên trong không có săc tưởng, bên ngoài quán săc9 màu sác vàng ánh, sắc vàng hiển hiện, sắc vàng chiếu sáng, vô lượng vô biên, ý thanh tịnh, ý thấm nhuần, ưa thích, không chán ghét. Đối với sắc ấy, biết rằng đã trừ, thấy rằng đã trừ, tưởng như vậy được gọi là Trừ xứ thứ sáu. Lại nữa, Tỳ-kheo! Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, màu săc đỏ rực, sác đỏ hiên hiện, săc đỏ chiêu sáng. Giông như hoa ca-ni-ca-la23 màu sắc đỏ rực, sắc đỏ hiển hiện, sắc đỏ chiếu sáng. Cũng như chiếc áo lụa nước Ba-la-nại được giặt, được vỗ5 được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, màu sắc tươi sáng, màu sắc đỏ rực, sắc đỏ hiển hiện, sắc đỏ chiếu sáng. Cũng r r ĩ vậy, Tỳ-kheo bên trong không có săc tưởng, bên ngoài quán săc? màu săc đỏ rực, sắc đỏ hiển hiện, sắc đỏ chiếu sáng, vô lượng vô biên, ý thanh tịnh, ý thấm ĩihuân, ưa thích, không chán ghét. Đôi với sác ây, biêt răng đã trừ, thây răng đã trừ, tưởng như vậy được gọi là Trừ xứ thứ bảy. Lại nữa, Tỳ-kheo! Bên trong không có sác tưởng, bên ngoài quán săc9 màu săc trăng tinh, sác trăng hiên hiện, sác trăng chiêu sáng. Giông như sao Thái Bạch, màu sắc trắng tinh, sắc trắng hiển hiện, sắc trắng chiếu sáng. Cũng như chiếc áo lụa nước Ba-la-nại được giặt, được vỗ9 được nhồi, được vò kỹ cho đến

21 Ba-la-nại ,Bārānasī. 22 Tần-đầu-ca-la hoa bandhujīvaka puppha. Theo PED,n đó là loài hoa có tên gọi Ịdioa học là Pentapetes Phoenicea, thuộc họ cẩm

Quỳ, la loai hoa màu đỏ. Đe bản nhầm loài hoa này với hoa ca-ni-ca-la ,kannikāra puppha, là loài hoa màu vàng. Xem thêm A. 10.29 - v. 59: Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sac màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, như hoa kairmikara màu vang.. v Một vị quán tưởng vô sac ở nọi tâm, thay các loại ngoại sắc màu đỏ, sac màu đỏ, tương màu đỏ, hình sắc đo, như hoa bandhujīvaka mau đỏ... HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Ca-ni-ca-la kannikāra puppha, một loài cây thân mộc, có gỗ màu đỏ, thuộc họ cẩm Quỳ, có tên khoa học là Pterospermum Acerifolium.

trắng tinh, màu sắc tươi sáng, màu sắc trắng tinh, sắc trắng hiển hiện, sắc trắng chiếu sáng. Cũng vậy, Tỳ-kheo! Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc, màu sắc trắng tinh, sắc trắng hiển hiện, sắc trắng chiếu sáng, vô lượng vô biên, ý thanh tịnh, ý thấm nhuần, ưa thích, không chán ghét. Đối với sắc ấy biết rằng đã trừ, thấy rằng đã trừ, tưởng như vậy được gọi là Trừ xứ thứ tám. Những chúng sanh tin hiểu và vui thích theo những Trừ xứ như vậy cũng chịu sự biến chuyển và đổi thay. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy cho nên nhàm chán những Trừ xứ đó. Khi đã nhàm chán chúng rồi, đối với cái bậc nhất ấy mà còn không ham muốn, huống gì những thứ thấp kém khác? [0800b03] Lại nữa, có mười biến xứ.24 Là mười biến xứ nào? Nghĩa là có Tỳ-kheo tu tập với một đối tượng25 là biến xứ đất,2627tư duy trên dưới các phương, không hai. Vị ấy tu tập với một đối tượng là biến xứ nước, một biến xứ lửa, một biến xứ gió, một biến xứ màu xanh, một biến xứ màu vàng, một biến xứ màu đỏ? một biến xứ màu trắng, một biến xứ hư không và một biến xứ thức là thứ mười. Tu tập với một biến xứ, tư duy trên dưới các phương, khônệ hai. Những chúng sanh tin hiêu và vui thích nơi các biên xứ như vậy cũng biên chuyên và đoi thay. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy cho nên sanh nhàm chán điều đó. Khi đã nhàm chán rồi, đối với cái bậc nhất mà còn không ham muốn, huống gì những thứ thấp kém khác? Đó gọi là giáo thuyêt thanh tịnh bậc nhát, là sự an lập tôi thượng bậc nhát, gọi là "Ngã là hư vô? ngã không tồn tại."27 Vì để thành tựu chủ trương đó mà thiết lập con đường thực hành, được xem như là chỗ y cứ bậc nhất của kiến chấp ngoại đạo, cũng gọi là vượt qua tất cả sắc tưởng, cho đen chứng phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, thành tựu và an trú. Đó gọi là ngay trong hiện tại mà mong câu bậc nhát đạt đến Niết-bàn, ngay trong hiện tại mà kiến lập tối thượng vê Niêt-bàn? nghĩa là sáu xúc xứ về sự sanh khởi, sự diệt tận, vi ngọt và sự xuất ly được thấy như thật bằng trí tuệ? cho đến vì để chứng ngộ điều đó mà thiết lập con đường thực hành. Lại nữa, có bốn con đường thực hành.28 Là bốn con đường nào? Có con đường thực hành an vui mà chậm chứng đắc; có con đường thực hành an vui mà nhanh chứng đắc; có con đường thực hành khổ nhọc mà chậm chứng đắc và có con đường thực hành khổ nhọc mà nhanh chứng đắc.

24 Nguyên tác: Thập nhất thiết xứ +dasa kasināyatanānī, còn gọi là "tháp nhất thiết nhāp,9 hạy “tháp biến xù'\ là tổng hợp tất cả vạn hữu thành một đôi tượng đê quán, phương pháp đó có 10 loại: đất, nươc, lửa, gió, xanh, vàng, trắng, đỏ, không và thức. 25 Nguyên tác: Tu nhất . 26 Nguyên tác: Địa xứ ,pathavī kasỉnà. 27

Nguyên tác: Ngã vô, ngã bathiru . thuộc về quan điểm uđoạn kiến,,hoặc còn gọi là 4thoại hữu kiếĩ?',ucchedaditthī. Tham chiếu: s. 22.81 - III. 95: Nếu trươc ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta HT. Thích Minh Châu dịch. 28 Nguyên tác: Tứ đoạn .DÃ và SĀ ghi: Tứ đạo ;EĀ ghi: Tứ sự hành tích ; A. 4.162 - II. 149 gọi Catasso... patipadā, là 4 con đương thực hành. Đoạn trong bản kinh nẩy được dùng như đạo ,patipada. J

215. KINH CHỨNG ĐẮC BẬC NHẤT 1487

Trong đó, hoặc có con đường thực hành an vui mà chậm chứng đắc, vì an vui mà chậm chứng đắc, cho nên nói đây là cách thấp kém.29 [0800c01] Trong đó? hoặc có con đường thực hành an vui mà nhanh chứng đắc, vì an vui mà nhanh chứng đắc, cho nên con đường thực hành này được gọi là thấp kém. Trong đó, hoặc có con đường thực hành khổ nhọc mà chậm chứng đắc, vì khổ nhọc mà chậm chứng dắc, cho nên con đường thực hành này được gọi là thấp kém. Trong đó, hoặc có con đường thực hành khổ nhọc mà nhanh chứng đắc, vì khổ nhọc mà nhanh chứng dắc, cho nên con đường thực hành này không được truyền bá rộng rãi, cho đến chư thiên và loài người cũng không khen ngợi và truyền bá rộng rãi. Con đường thực hành của Như Lai được lưu truyền và quảng bố rộng rãi, cho đến chư thiên và loài người cũng khen ngợi và truyền bá rộng rãi. Vì sao con đường thực hành của Như Lai được lưu truyền và quảng bố rộng rãi, cho đến chư thiên và loài người cũng khen ngợi và truyền bá rộng rãi? Đó là thực hành theo tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đen chánh định là tám. Đó gọi là con đường thực hành của Như Lai được lưu truyền và quảng bố rộng rãi, cho đến chư thiên và loài người cũng khen ngợi và truyền bá rộng rãi. Như Lai giảng dạy như vậy, nhưng các Sa-môn, Phạm chí hư ngụy, dối trá, bất thiện, không chân thật đã hủy báng Như Lai: "Quả thật có chúng sanh được an lập trong sự đoạn diệt30 nhưng Sa-môn Cù-đàm không tuyên bố điều d6.” Thật sự là có chúng sanh được an lập trong sự đoạn diệt,31 vì nếu không có điều đó thì Như Lai đã không thuyết giảng như vậy. Ngay trong đời này Như Lai đã đoạn trừ tất cả, chứng đắc Niết-bàn tịch tĩnh, ngưng nghỉ, diệt tận.32

29 Từ đoạn này, bản dịch Việt căn cứ vào chú thích trong bản Jai Chánh, nằm ở cuối kinh, từ dòng 0800cl đến C14, gồm 213 chữ, được thâu nạp từ bản Ngiiyên . 30 Nguyên tác: Thi thiết đoạn hoại Chủ trương đoạn diệt của ngoại đạo. Đây chủ trương Đoạn diệt luân Ucchedavādo của Ajīta Kesakambala. Xem thêm chủ trương của ông ta trong DÀ. 27; Con người von do 4 đại hợp thành, đen lúc mạng chung thì đất trở về đất, nươc trở ve nước, lưa trở về lửa, gio trở về gió, tất cả đêu phải tan rã, các can phải trở về hư không. Khi con người lâm chung thì ngươi ta khiêng^tử thi bỏ ngoài bãi tha ma, thiêu chay xương cốt thành màu như chim bồ câu, hoặc biến thanh tro đất, bát luận kẻ ngu hay người trí, đến lúc mạng chung cũng đều bị tan rã, là pháp đoạn diệt 31 Nguyên tác: Đoạn hoại chỉ cho việc đoạn diệt tất cả phiền não và những nguyên nhân của sanh tư. Chúng sanh được an lập trong sự đoạn diệt ở đây chỉ cho bậc Thánh A-la-hán. 32 Đoạn kết luân trong bản Đại Chánh gồm 88 chữ, từ dòng 0800bl9 đến dòng

b24. Chú thích bản Đại Chánh cho biết rằng] đoạn kết này có nhieudi biệt trong ca 3 bản Tống, Nguyên, Minh. Đoạn kết này được thâu nhập ở phan cuối bản Thánh,.Nguyên văn: Nếu có người đoạn dục lạc, hoặc có ngươi thực hành pháp nay không bao giờ thấy chán, hoạc có người tập tành uống rượu không bao giờ thấy chẳn, hoặc có ngươi ham mê ngu nghỉ không bao giờ thấy chán. Này Tỳ-kheọ, đó là nói hoặc co ngươi học làm theo 3 pháp này không bao giờ thay chan và cung không the đi đến chỗ diệt tận. Cho nên, cấc Tỳ-kheo hãy thường từ bỏ 3 pháp này, không thân cận chúng. Như vậy, các Tỳ-kheo hãy học như ®X •
.5 M, .

1488 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt: Cúng dường tam thiện căn, Tam thống tam phú lộ9 Tướng pháp tam bất giác, Ái kính vô yểm túc.33

33 Nguyên tác Nhiếp tung: ,.Bài kê Nhiếp tụng này vôn năm ở Tdng.(T.02. 0125.21.10. 0609a05). Phải chăng đã có sự nhầm lẫn phần trong văn khác ợ bản Hán, hoạc trong khi san định phần cuối đoạn kinh này trong tạng Đại Chánh? Bản Hán, hết quyển 59.

216. KINH ÁI SANH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có vi Phạm chí có duy nhát một cậu con trai, ông rát mực thương yêu, vỗ về chăm sóc, không chút rời mắt, nhưng đứa con lại đột ngột qua đời. Sau khi cậu bé qua đời, Phạm chí rất buồn đau, chẳng thiết ăn uống, không màng mặc áo xiêm tốt dẹp, cũng chẳng xoa dầu thơm, chỉ đến bên mộ khóc than, nhớ chỗ con nằm. Thế rồi, Phạm chí lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, l 9• \ \• 9 r A

1 Quyển 60. Nguyên tác: Ải sanh kinh (7Lpi. 0026.216. 0800c20). Tham chiếu: Bà-lạ-môn tử mạng chung ải niệm bát ly kinh (roi. 0091. 0915a04); Tăng.(02. 012Ỉ13.3. 0571028); Sanh kinh (703. 0154.15. 0080c09); M. 87, Piyajātika Sutta {Kinh ải sanh).

1490 KINH TRƯNG A-HÀM

Phạm chí cũng nói lại ba lần: -Thưa Cù-đàm! Sao Ngài lại nói khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi tâm ái sanh sẽ sanh hỷ lạc. Bấy giờ? vi Phạm chí kia nghe Phật nói vậy, không cho là đúng, mà cho rằng sai, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, lắc đầu bỏ đi. Bấy giờ, trước cổng Thắng Lâm có rất nhiều kẻ bất hảo2 đang tụ tập đánh bạc. Phạm chí từ xa trông thấy, liền nghĩ: "Trong đời nếu có những người thông minh, trí tuệ thì không thể có ai hơn những kẻ đánh bạc này, nay ta nên đến chỗ họ, kể lại hết cho họ nghe những gì vừa thảo luận với Cù-đàm.^^ Thế rồi Phạm chí đi đến chỗ nhóm người đánh bạc ấy và thuật lại hết cho họ nghe những gì vừa thảo luận với Thế Tôn. Những người đánh bạc nghe xong liền bảo: "Này Phạm chí! Sao lại nói răng khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buôn, khóc than,

sâu khổ, phiền muộn, ảo não? Phạm chí nên biết, khi tâm ái sanh liền sanh hỷ lac." Phạm chí nghe xong, liên nghĩ: "Những người đánh bạc nói rát giông với ý ta." Rồi gật đầu mà đi. Thê roi, câu chuyện lân lượt truyên tai nhau roi vào đên cung vua. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: “Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo não?9 Vua liền nói với Hoàng hậu Mạt-lợi:3 -Trẫm nghe đồn Sa-môn Cù-đàm có nói như vầy: "Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buôn, khóc than, sâu khô, phiên muộn, ảo nỗk." Hoàng hậu nghe xong, thưa: -Đúng vậy, Đại vương! Thật vậy, Đại vương! Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo não. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói với Hoàng hậu Mạt-lợi: -Nghe Tôn sư nói thì hàng đệ tử nhất định vâng theo. Sa-môn Cù-đàm là Tôn Sư của ái khanh đã nói như vậy, ái khanh là đệ tử của Ngài, cho nên cũng nói như vầy: "Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo nâk.” [080lb03] Hoàng hậu Mạt-lợi thưa: Đại vương! Nếu không tin thì Đại vương hãy ch thân đến thưa hỏi, hoặc có the sai sứ đi thưa hỏi.

2 Thị quách nhi . Thị quách Jiīff được dùng như chữ "thi tinh”,chỉ cho những hành vi vo lại, giaohoat ,.Tang.T.02. 0125.13.3. 057 le 16 ghi: Chúng đa nhan nhi cộng bác hy ;M. 87: Sambahulā akkhadhuttā một số đông những tay cờ bạc. 3 Mạt-lợi Mallikā: Hoàng hậu của Vua Pasenadi.

216. KINH Ai SANH 1491

Rồi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liền cho gọi Phạm chí Na-lợi-ương-già 4 đến và bảo: -Khanh hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta thăm hỏi Thánh thể Ngài có khỏe mạnh, có an ổn, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Rồi thưa như vầy: “Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có lời thăm hỏi Thánh the Ngài có khỏe mạnh, có an ổn, không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm thật sự có nói như vầy: 'Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buôn, khóc than, sâu khô5 phiên muộn, ảo não9 chang?" Này Na-lợi-ương-già! Nêu Sa-môn Cù-đàm có dạy điêu gkhanh hãy khéo ghi nhớ thật kỹ. Vì sao như thế? Vì những bậc như vậy không bao giờ nói dối. Phạm chí Na-lợi-ương-già vâng lệnh, liền đến chỗ Phật, chào hỏi nhau xong, ngoi sang một bên và thưa: Bạch đức Cù-đàm! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la kính lời thăm hỏi Thánh the The Tôn có được mạnh khỏe, an ổn9 không bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Sa-môn Cù-đàm thật sự có nói như vầy: "Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo não,9 chăng? The Ton bảo: -Này Na-lợi-ương-già! Nay Ta hỏi ông, hãy trả lời theo như ông hiểu. Na-lợi-ương-già! Ý ông nghĩ sao? Giả sử có người, khi mẹ qua dòi, người ấy phát cuông, tâm trí điên loạn, cởi bỏ áo quân, thân thê lõa lô, chạy rong kháp nơi và nói như vầy: “Này hỡi mọi người! Thấy mẹ tôi chăng? Này hỡi mọi người, thấy e 9 r e mẹ tôi chăng?^, Này Na-lợi-ương-già! Y cứ việc này cho nên biêt rõ? khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo não. Cũng vậy, gặp lúc cha mất, hoặc anh, chị, em, hoặc vợ con qua đời, người ây phát cuông, tâm trí điên loạn, cởi bỏ áo quân, thân thê lõa lô, chạy rong khắp nơi và nói như vầy: "Ny hỡi mọi người, thấy vợ tôi chăng? Này hỡi mọi người, thấy vợ tôi chng?” Này Na-lợi-ương-già! Y cứ việc

này cho nên biết rõ, khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo não. Này Na-lợi-ương-già! Trước kia, có một cô gái đã đi lấy chồng về thăm gia đình, lại bị người nhà ép lấy chồng khác. Cô gái biết việc này vội quay ve nhà kể với chồng mình: "Phu quân nên biết, hôm nay họ hàng nhà thiếp muốn đem thiếp gả cho người khác, chàng định thế nào?" Lúc đó người chồng liền nắm tay vợ dẫn vào trong phòng rồi nói như vầy: "Cùng hẹn kiếp sau! Cùng hẹn kiếp sau!” Dứt lời, người chồng cầm con dao bén đâm chết người vợ roi cũng tự sát. Này Na-lợi-ương-già! Y cứ việc này cho nên biết rõ, khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sầu khổ, phiền muộn, ảo não.

4 Na-lợi-ương-già ,Nālijañgha.

[0801C06] Phạm chí Na-lợi-ương-già nghe những điều Phật dạy, khéo ghi nhớ kỹ, rồi ông đứng dậy, nhiễu quanh đức Phật ba vòng, sau đó rời đi. Ve đen chỗ Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, ông thưa: Tâu Đại vương! Sa-môn Cù-đàm quả thật có nói lời này: "Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buôn, khóc than, sâu khô, phiên muộn, ảo n0." Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, nói với hoàng hậu Mạt-lợi: Sa-môn Cù-đàm quả thật có nói: “Khi ái sanh khởi thì sẽ sinh đau buôn, khóc than, sâu khô, phiên muộn, ảo nHo.” Hoàng hậu Mạt-lợi tâu: Đại vương! Thiếp xin hỏi người, hãy trả lời theo như người hiêu. Đại vương nghĩ sao? Đại vương có thương yêu Đại tướng Tỳ-liru-la5 chăng? Vua đáp: Trẫm rất thương yêu. Mạt-lợi lại hỏi: Nếu Đại tướng Tỳ-lưu-la có mệnh hệ gì thì Đại vương sẽ thế nào? Vua đáp: Mạt-lợi! Nếu Đại tướng Tỳ-lưu-la có mệnh hệ gì thì trẫm rất đau buồn, khóc lóc, khôn khô, buôn lo, sâu muộn. Phu nhân Mạt-lợi tâu: -Y cứ việc này mà nhận biết rõ, khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sâu khô, phiên muộn, ảo não. Phu nhân Mạt-lợi lại hỏi: Đại vương có yêu quý đại thần Thi-lợi-a-trà?6 yêu quý voi Nhất-bôn-đàlợi,7 yêu quý đồng nữ Bà-di-lợi,8 yêu quý Vũ-nhật-cái99 yêu quý đất nước Ca-thi và Cau-tat-la10 chang? Vua đáp: _ Trẫm rất yêu quý. Phu nhân Mạt-lợi lại hỏi: Nếu đất nước Ca-thi và Câu-tát-la có biến cố gì thì Đại vương sẽ ra sao?

5 Tỳ-lưu-la ,Vidūdabha cũng gọi là Tỳ-lưu-ly, con của Vua Ba-tư-nặc. ^Thi-lợi-a-trà .Trong Bà-lq-môn tử mạng chung ải niệm bất ly kinh roi. 0091. 0915a04 gọi là Hiền Thủ Đại tương ;M. 87 ghi la Sirivaddha. 7 Nhất-bôn-đà-lợi Ekapundañka. 8 Bà-di-lợi Vajīrī: Công chúa con Vua Ba-tư-nặc và Hoàng hậu Mạt-lợi. 9 Vũ-nhật-cái Vāsabhā, một nữ tỳ dòng họ Thích, giả làm con gái của Ma-ha-nam và được gả cho Pasenadi rồi sinh Thái từ Tỳ-lưu-ly Vidūdabha. J 10 Ca-thi cập Câu-tát-la quốc chỉ cho 2 nước Kāsi và Kosala. Đoạn kinh này cho thấy vào giai đoạn này, Kāsi là thuộc quốc cùa Kosala.

Vua đáp: Mạt-lợi! Ta được hưởng thụ đầy đủ năm thứ dục lạc là nhờ vào hai đất nước này. Nếu nước Ca-thi và Câu-tát-la có biến cố gì thì mạng sống của ta cũng không còn, nói gì đến đau buồn khóc lóc, khốn khổ, buồn lo, sầu muộn? Phu nhân Mạt-lợi tâu: -Y

cứ việc này cho nên biết rõ: “Khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sâu khô, phiên muộn, ảo não." Phu nhân Mạt-lợi lại hỏi: Đại vương có thương yêu thân thiếp chăng? Vua đáp: Trẫm rất yêu ái khanh. Phu nhân Mạt-lợi lại hỏi: Giả sử một mai thiếp có bề gì thì người sẽ ra sao? Vua đáp: Mạt-lợi! Nếu ngày nào đó ái khanh có bề gì thì trẫm rất đau buồn, khóc than, sâu khô, phiên muộn, ảo não. [0802a02] Phu nhân Mạt-lợi tâu: -Y cứ việc này cho nên biết rằng, khi ái sanh khởi thì sẽ sanh đau buồn, khóc than, sâu khô, phiên muộn, ảo não. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói: Này Mạt-lợi! Từ nay trô di, nhân sự việc này, Sa-môn Cù-đàm là Thầy của trẫm, trẫm là đệ tử của Ngài. Mạt-lợi, nay trẫm nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo, ngưỡng mong Thê Tôn nhận trâm làm ưu-bà-tăc! Kê từ hôm nay đến lúc qua đời, trẫm nguyện trọn đời quy y! Đức Phật dạy như vậy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la và Hoàng hậu Mạtlợi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

217. KINH BÁT THÀNH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không lâu, có số đông Tỳ-kheo thượng tôn danh đức đến thành Ba-la-lợi tử,2 r8i trú tại Kê Viên.1 2345 Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành mang nhiều hàng hóa quý giá đến thành Ba-la-lợi tử để buôn bán, đổi chác, số hàng hóa quý giá ấy bán được rất đắt hàng nên thu nhiều lãi lớn, thế nên cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành hết sức vui mừng, liền rời khỏi thành Ba-la-lợi tử, ghé đến Kê Viên, nơi số đông Tỳ-kheo thượng tôn danh đức cư ngụ, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, các Tỳ-kheo thượng tôn danh đức thuyết pháp cho cư sĩ nghe, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho cư sĩ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, các Tỳ- kheo ngồi im lặng. Nghe các Tỳ-kheo thượng tôn danh đức thuyêt pháp, khuyên phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ roi, cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành, thưa rằng: Bạch chư Thượng tôn, Tôn giảA-nan hiện giờ ở đâu? Con muốn được gặp. Các Tỳ-kheo Thượng tôn đáp: -Này cư sĩ, Tôn giảA-nan hiện đang ở tại ngôi nhà gác cao, bên ao Di Hau, thành Tỳ-xá-ly/ nếu ông muốn gặp thì hãy đến đó! Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người Bát thành từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy sát chân các Tỳ-kheo Thượng tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi ra di, đến chỗ Tôn giả A-nan. Đen nơi, cúi đầu lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Tôn giảA-nan, con có điều muốn hỏi, ngài cho phép con hỏi chăng? Tôn giả A-nan bảo: Này cư sĩ! Muốn hỏi gì thì cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ.

1 Nguyên tác: Bát thành kỉnh (T.01. 0026.217. 0802all). Tham chiếu: Thập chi cư sĩ Bát thành nhân kỉnh (roi. 0092. 0916al7); M. 52, Atthakanāgara Sutta (Kỉnh Bát thành); 4 11.16.v. 34 2 Ba-la-lợi tử thành ()tức thành Pātaliputta. 3 Kê Viên (Kukkutārāma), khu vườn ở thành Pātaliputta. Theo Mahāvagga, khu vườn này cũng là nơi lưu trú của nhiều vị Ty-kheo danh đức như Nilavāsi, Sānavāsi, Gopaka, Bhagu, Phalikasandāna. 4 Đệ Thập cư sĩ Bát thành ().M. 52: Dasamo gahapati Atthaka nāgaro (gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka). 5 Di Hầu giang biên Cao Lâu đài quán (M).Tham chiếu: M. 52: Beluvagāmaka (ấp Trúc Lâm).

[0802b01] Cư sĩ hỏi: Bạch Tôn giả A-nan! Đức Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu mắt tuệ, thấy được chân lý tối thượng, Ngài có dạy một pháp nào mà vị Thánh đệ tử nếu an trú vào đó thì sẽ đoạn sạch hoàn toàn lậu hoặc, tâm được giải thoát không? Tôn giả A-nan đáp: Có pháp đó, này cư sĩ! Cư sĩ hỏi tiếp: Bạch Tôn giả A-nan! Đức Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu mắt tuệ, thấy được chân lý tối thượng, Ngài dạy một pháp gì mà nếu vi Thánh đệ tử an trú vào pháp đó thì sẽ đoạn sạch hoàn toàn lậu hoặc, tâm được giải thoát? Tôn giải A-nan đáp: Nay cư sĩ! Thánh đệ tử đa văn ly dục, ly ác bất thiện pháp,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Vi ấy nương tựa nơi này mà quán pháp đúng như pháp. Vị ấy nương tựa nơi này mà quán pháp đúng như pháp rồi, an trú vào pháp quán đó mà đoạn sạch các lậu. Hoặc có trường hợp an trú vào pháp đó nhưng không đoạn sạch các lậu thì nhờ nơi pháp này, ước muốn pháp này, ưa thích pháp này, vui với pháp này, an trú pháp này, hoan hỷ, say mê pháp này6 mà đoạn trừ được năm hạ phân kiết sir, rồi hóa sanh nơi cõi kia mà nhập Niết-bàn? được pháp bất thoái, vĩnh viễn không còn trở lại cõi này nữa. Lại nữa, này cư sĩ! Tâm của vị Thánh đệ tử đa văn cùng tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, trong hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới, rải khắp mọi noi, tâm vị ây tương ưng với từ, không gây thù két oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, rải khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm vị ấy tương ưng với bi, hỷ và xả, không gây thù kết oán, không sân giận tổn hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, rải khắp tất cả the gian, thành tựu và an trú. Vị ấy nương tựa nơi này mà quán pháp đúng như pháp. Vị ấy nương tựa nơi này mà quán pháp đúng như pháp rồi, an trú vào pháp đó mà đoạn sạch các lậu. Hoặc có trường hợp an trú vào pháp đó nhưng không đoạn sạch các lậu thì nhờ nơi pháp này? ước muốn pháp này, ưa thích pháp này, vui với pháp này, an trú pháp này, hoan hy, say mê pháp này mà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, rồi hóa sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn? được pháp bất thoái, vĩnh viễn không còn tái sanh lại cõi này nữa. Đây là chính là một pháp mà đức Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác đã thành tựu mắt tuệ, thấy được chân lý tối thượng

6 Dục pháp, ái pháp, lạc pháp, tĩnh pháp, ái lạc hoan hỷ ().Tham chiếu:
M. 52: Teneva dhammarāgena tāya dhammanandiyā (do sự đam mê đôi với pháp, do sự vui say đối với pháp).

217. KINH BÁT THÀNH 1497

M • ọ k \ r t x /\

thuyêt giảng, nêu Thánh đệ tử đa văn an tru vào pháp này thì sẽ đoạn sạch các lậu, tâm được giải thoát. Lại nữa, này cư si, Thánh đệ tử đa văn vượt qua tất cả sắc tưởng cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu và an trú. Vị ấy ở nơi này mà quán pháp đúng như pháp. Vị ấy ở nơi này mà quán pháp đúng như pháp rồi, an trú vào pháp đó mà đoạn sạch các lậu. Hoặc có trường hợp an trú vào pháp đó nhưng không đoạn sạch các lậu thì nhờ pháp này, ước muốn pháp này, ưa thích pháp này, vui với pháp này, an trú pháp này, hoan hỷ, say mê pháp này mà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, rồi hóa

sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thoái, vĩnh viễn không còn tái sanh lại cõi này nữa. Đây là chính là một pháp mà đức Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác đã thành tựu mắt tuệ, thấy được chân lý tối thượng thuyết giảng, nếu Thánh đệ tử đa văn an trú vào pháp này sẽ đoạn sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoát. [0802c05] Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chắp tay và bạch: Thưa Tôn giả A-nan, thật là kỳ diệu, thật là đặc thù! Con chỉ hỏi Tôn giả A-nan một cánh cửa bất tử, thế mà Tôn giả đã nói cho con nghe một lượt đến mười hai7 cánh cửa bất tử. Ngay đây, nếu thực tập theo một pháp trong mười hai pháp ấy thì sẽ được giải thoát an ổn. Thưa Tôn giả A-nan! Cũng như cách ngôi làng không xa, có một ngôi nhà lớn, có mười hai cánh cửa đều mở toang. Một người có việc cần nên vào trong ngôi nhà ấy. Lại có một người khác đến, nhưng không muốn đem lại sự lợi ích và phước lạc, không muốn sự an ổn cho người kia nên châm lửa đốt nhà. Thưa Tôn giả A-nan! Người ở trong ngôi nhà có thể theo một trong mười hai cửa để thoát ra ngôi nhà bi cháy kia một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con chỉ hỏi một cửa bát tử mà ngài đã nói cho con nghe một lượt đên mười hai cửa pháp bát tử. Ngay đây, con thực tập một trong mười hai cửa pháp bát tử này thì sẽ được an ổn giải thoát. Bạch Tôn giả A-nan, trong giáo pháp và giới luật của Phạm chí có nói vê giáo pháp và giới luật bất thiện mà vẫn còn có sự cúng dường thầy, huống gì con lại không cúng dường bậc Đại sư như Tôn giả A-nan hay sao? Rồi ngay trong đêm ấy, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành, sắm sửa các món ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại cứng và mềm, dễ tiêu hóa. Sau khi bày biện thức ăn xong, vào lúc sáng sớm, trải sẵn chỗ ngồi, cư sĩ cung thỉnh chúng Tăng ở Kê Viên và chúng Tăng ở thành Tỳ-xá-ly nhóm họp lại, rồi tự đi lấy nước rửa, đem nhiều món ngon tinh khiết và các loại thức ăn dễ tiêu hóa, tự tay cúng dâng khiến chúng Tăng no đủ. Thọ trai xong, thu bát, lấy nước rửa

7 Tức 4 Sắc giới thiền ,4 Vô lượng tâm ,4 Vô sắc định .

tay, cư sĩ dùng năm trăm vật phẩm để mua một ngôi nhà8 cúng riêng cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nhận lãnh rồi đem cúng cho chư Tăng bôn phương.9 Tôn giả A-nan dạy như vậy, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát thành, sau khi nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

8 Nguyên tác: Trì ngũ bách chủng vật mại ốc .M. 52 vàA. 11.16 - v. 342 đều
ghi: Pañcasatavihāram. HT. Thích Minh Châu cho rằng cụm từ này mạng 2 nghĩa: Thứ nhất là tinh xá có giá trị đên 500 đông tiên vàng; thứ hai là tinh xá có 500 phòng. Nếu y cứ bản Hán thì nghĩa thứ nhất hợp ly hơn. 9 Nguyên tác: Chiêu-đề-tăng Catuddisāsañgha, dịch nghĩa là chư Tăng bốn phương.

218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ1 (1) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc xế chiều, các Tỳ-kheo rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà? cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Tôn giả! Chúng tôi có điều muốn hỏi, nếu ngài cho phép mới dám

trình bày. Tôn giả A-na-luật-đà nói: -Chư Hiền muốn hỏi gì xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Khi ấy, các Tỳ-kheo liền hỏi: -Thế nào gọi là Tỳ-kheo lâm chung an lành, qua đời an lành? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Chư Hiên, nêu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bát thiện pháp, cho đên chứng đác Thiền thứ tư, thành tựu an trú thì Tỳ-kheo đó sẽ lâm chung an lành, qua đời an lành. Các Tỳ-kheo lại hỏi: -Đó là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung an lành, qua đời an lành chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, đó không phải là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung an lành, qua đời an lành. Này chư Hiền, còn có cách khác nữa. Đó là, nếu Tỳ-kheo chứng đắc Như ý túc, Thiên nhĩ thông, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sinh tử trí, dứt

1 Nguyên tác: A-na-luật-đà kỉnh, thượng (roi. 0026.218. 0803a28).

Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, đó là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung an lành, qua đời an lành. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói như vậy, khéo ghi nhớ và thọ trì rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luậtđà, nhiễu quanh ba vòng và lui ra. Tôn giả A-na-luật-đà dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

219. KINH A-NA-LUẶT-ĐA1 (2)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy

1 Nguyên tác: A-na-luật-đà kỉnh, ha ,(roi. 0026.219. 0803a24). 2 Nguyên tác: Quán nội thân như thân,... nai chí... quán giác..., ... tâm..., ... pháp như pháp ( ).Xem chú thích 3, kinh số 41, tr. 272 và chú thích 5, kinh số 98, tr. 653.

Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Chư Hiền, đó chưa phải là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc, qua đời không phiền muộn và bực dọc. Chư Hiền, vẫn còn có cách khác nữa. Đó là tâm của vị Tỳ-kheo tương ưng với từ, đầy khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phương phụ và phương trên, phương dưới cũng bao trùm khắp tất cả, tâm vị ấy tương ưng với từ, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm Tỳ-kheo tương img với bi, hỷ và xả, không gây thù kết oán, không sân hận tổn hại, rộng lớn bao la, khéo tu vô lượng, đầy khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Thực tập được như vậy thì Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc, qua đời không phiền muộn và bực dọc. Bấy giờ, các Tỳ-kheo lại hỏi: Đó có phải là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc, qua đời không phiền muộn và bực dọc không? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, đó chưa phải là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc, qua đời không phiền muộn và bực dọc. Chư Hiền, vẫn còn cách khác nữa. Đó là, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng,... (cho đến) chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu và an tru thì đây là cách để Tỳ- kheo lâm

chung không phiền muộn và bực dọc? qua đời không phiền muộn và bực dọc. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Đó có phải là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc, qua đời không phiền muộn và bực dọc không? Tôn giả A-nan-luật-đà đáp: -Chư Hiền, đó chưa phải là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc5 qua đời không phiền muộn và bực dọc. Chư Hiền, vẫn còn cách khác nữa. Đó là, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạt đến Tưởng thọ diệt, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, rồi do tuệ quán mà diệt sạch các lậu. Thực tập được như vậy thì Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc, qua đời không phiền muộn và bực dọc. Các Tỳ-kheo lại hỏi: - Đó có phải là cách tốt nhất để Tỳ-kheo lâm chung không phiền muộn và bực dọc, qua đời không phiền muộn và bực dọc không? [0803c01] Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Này chư Hiền, đây là giới hạn rốt ráo nhất để Tỳ-kheo lâm chung không phiên muộn và bực dọc5 qua đời không phiền muộn và bực dọc.

219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (2) 1503

Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điêu Tôn giả A-na-luật-đà dạy liền khéo thọ trì, khéo đọc tụng rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi lui ra. Tôn giả A-na-luật-đà dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật-đà dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

220. KINH NHỮNG LUẬN ĐIỂM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan du hóa thành Vương Xá, ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bây giờ, có vị Phạm chí ngoại đạo vôn là bạn của Tôn giả A-nan thuở chưa xuất gia. Sau buổi trưa, ông thong dong tản bộ đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và nói: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có cho phép tôi hỏi chăng? Tôn giả A-nan đáp: r Này Phạm chí, ông muôn hỏi gì xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Phạm chí liền hỏi: Có những luận điểm1 23bi gác lại/ bị loại bỏ, không được giải thích tường tận. Đó là: "Thế giới là thường hay vô thường, thế giới là hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Nhu Lai vừa tồn tại vừa khôĩiệ tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không ton tại sau khi chết?" Sa-môn Cù-đàm có biết rõ những luận điểm này như là điều cần phải biết chăng? Tôn giả A-nan đáp: Này Phạm chí, đối với những luận điểm này, đức Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã gác qua một bên, đã loại bỏ, không giải thích tường tận. Đó là: í6Thế giới là thường hay vô thường, thế giới là hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân

1 Nguyên tác: Kiến kỉnh (roi. 0026.220. 0803c08). Tham chiếu: Tà kiến kinh (roi. 0093.0917a07); A. 7.54 - IV. 67. 2 Kiến (,ditthigata): Quan điểm, chủ trương, kiến chấp. 3 Xả trí (avyākāta) cũng được viết là abyākata, nghĩa là "v6 ký", chỉ cho những vấn đề thuộc bất khả thuyet. J J •

hay

1506 KINH TRƯNG A-HÀM

là hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai khônẹ phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?" Sa-môn Cù-đàm biết rõ các quan diêm này như là điêu cân phải biết như thế nào? [0804a01] Tôn giả A-nan đáp: Phạm chí, đối với những luận điểm này, đức Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã gác qua một bên, đã loại bỏ, không giải thích tường tận. Đó là: "Thế giới là thường hay vô thường, thế giới là hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?” Này Phạm chí, những luận điểm như vậy, chấp thủ như vậy, thú hướng như vậy, sanh ra như vậy, đi đen đời sau như vậy; đây là những vấn đề mà đức Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã gác lại một bên, đã loại bỏ, không giải thích tường tận. Đó là: "Thế giới là thường hay vô thường, thế giới là hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi ch&t?" Những luận điểm này được biết như vậy. Các luận diêm này cân phải biêt như vậy. Phạm chí bạch: -Nay con xin quy y với Tôn giả A-nan! Tôn giả A-nan bảo: Này Phạm chí, ông chớ nên quy y với tôi. Như tôi đã nguyện quy y với đức Phật thì ông cũng nên quy y như vậy. Phạm chí thưa: Thưa ngài A-nan, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo- tăng, cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc! Ke từ hôm nay cho đến lúc qua đời, con nguyện trọn đời quy y! Tôn giả A-nan dạy như vậy, Phạm chí ngoại đạo nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

221. KINH VÍ DỤ MŨI TÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ? ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Man Đồng Tử12 sống một mình ở nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: "Những luận điểm như vầy đã bị Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là: 'Thế giới thường hằng hay vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?9 Ta không hài lòng về điều này, ta không chấp nhận về điều này, ta không phục về điều này. Nếu Thế Tôn khẳng định dứt khoát3*cho ta biết rằng 'thế giới thường hằng9 thì ta sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh. Còn nếu Thế Ton không khẳng định dứt khoát cho ta biết 'thế giới thường hằng5*thì ta sẽ chất vấn Ngài, xong rồi bỏ đi. Cũng vậy5 với 'thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?5 Nếu Thế Tôn khẳng định dứt khoát cho ta biết rằng \ y 'điêu này là chân thật, ngoài ra đêu hư vọng5 thì ta sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh. Còn nếu Thế Tôn không khẳng định dứt khoát cho ta biết 'điều này là chân thật, ngoài ra đều hư vọng9 thì ta sẽ chất vấn Ngài, xong rồi bỏ di." [0804b09] Vào lúc xế

chiều, Tôn giả Man Đồng Tử rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ ròi ngồi sang một bên và thưa:

1 Nguyên tác: Tiễn dụ kinh (T.01. 0026.221. 0804a21). Tham chiếu: Tiễn dụ kinh (01. 0094. 0917Ồ13); M. 63, CũỊamãlukya Sutta (Tiểu kinh Mãỉukyă). 2 Man Đồng Tử (Mālukyāputta), con một đại thần của vua nước Kosala. Trước kia Tôn giả tu theo ngoại đạo, sau tu theo Phật và chứng đắc A-la-hán. 3 Nguyên tác: Nhất hướng thuyết (ekamsabyākaranīyā), cũng gọi là "phất hướng v ( )“nhất hướng luān,?(ò Trả lơi khảng định, dưt khoát. Tham chiếu: A. 4.42 - II. 46: Cattārimāni, bhikkhave, pañhabyākaranāni [pañhābyākaranāni (ka.)]. Katamāni cattāri? Atthi, bhikkhave, pañho ekamsabyākaranīyo; atthi, bhikkhave, pañho vibhajjabyākaranīyo; atthi, bhikkhave, pañho patipucchābyākaramyo; atthi, bhikkhave, pañho, thapañīyo. Imāni kho, bhikkhave, cattāri pañhabyākaranāñī^ti. (Này các Tỷ-kheọ, có 4 cách thức để trả lời câu hỏi. Thế nào là bốn? Có câu hỏi, này các Tỷ-khêo, đòi hỏi câu ữả lời nhất hướng (một chiều dứt khoát); có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, đòi hỏi mọt câu hỏi phản nghịch; có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, cần phải để một bên; có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời một cách phân tích. Này các Tỷ-kheo, có 4 cách thức đê trả lời câu hỏi này), HT. Thích Minh Châu dịch.

1508 KINH TRUNG A-HÀM

-Bạch Thê Tôn, hôm nay con sông một mình ở nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: "Những luận điểm như vầy đã bị Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận, đó là: 'Thế giới thường hằng hay vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?9 Con không hài lòng điều này, con không chấp nhận điều này, con không phục điều này. Nếu Thế Ton biết chắc chắn rằng 'thế giới thường hằng9 thì hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không thể biết chắc chắn rằng 'thế giới thường hằngthì cũng hãy nói thẳng là không biết. Cũng vậy, với 'thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?Nếu Thế Tôn biết chắc chắn rằng 'điều này là chân thật, ngoài ra đều hư vọng5 thì hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không biết chắc chắn rằng cđiều này là chân thật, ngoài ra đều hư vọng9 thì Ngài cứ nói thẳng là không biết.” The Ton hoi: -Nay Man Đồng Tử, trước đây Ta có nói với thầy rằng: "Thế giới thường hằng, thay hãy theo Ta tu học Phạm hạnh^, chăng? Man Đồng Tử thưa: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Cũng vậy với "thê giới vô thường, thê giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?" Trước đây Ta có nói với thầy rằng: "Đây là điều chân thật, ngoài ra đều hư vọng, thầy hãy theo Ta tu học Phạm hạnh,, chăng? [0804c02] Man Đồng Tử thưa: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Này

Man Đồng Tử, trước đây thầy có nói với Ta rằng: "Nếu Thế Tôn khẳng đinh dứt khoát 'thế giới thường hang9 thì con sẽ theo Thế Tôn tu học Phạm hạnh" chăng? Man Đồng Tử thưa: - Thưa không, bạch Thế Tôn! -Cũng vậy với "thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết?" Này Man Đồng

221. KINH VÍ DỤ MỦI TÊN 1509

Tử, tnrớc đây thầy có nói với Ta rằng: “Nếu Thế Tôn khẳng định dứt khoát 'đây là điều chân thật, ngoài ra đều hư vọng9 thì con sẽ theo Thế Tôn tu học Phạm hạnh” chăng? Man Đồng Tử đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! The Ton bao: -Này Man Đồng Tử, trước đây Ta chưa từng khẳng định với thầy như vậy và thầy cũng không nói với Ta như vậy! Thầy quả là kẻ si mê! Vì sao dùng lời hư vọng đe xuyên tạc Như Lai như thế? Lúc ấy, Tôn giả Man Đồng Tử bị Thế Tôn khiển trách trước mặt, trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không lời biện bạch, lộ vẻ suy tư. Sau khi khiển trách trước mặt Man Đồng Tử xong, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu có kẻ ngu si nào suy nghĩ như vay: "Thế Tôn không khẳng định dứt khoát cho ta biết rằng 'thế giới thường hằng9 ta sẽ không theo Ngài tu học Phạm hạnh", kẻ ấy chưa kịp hiểu gì thì nửa chừng đã chết. Cũng vậy, với luận điểm "thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tôn tại cũng không phải không tôn tại sau khi chét?" Nêu có kẻ ngu si nào suy nghĩ như vầy: "Thế Tôn không khẳng định dứt khoát cho ta biết rang 'đây là điều chân thật, ngoài ra đều hư vọng9, ta sẽ không theo Ngài tu học Phạm hạnh", kẻ ấy chưa kịp hiểu gì thì nửa chừng đã chết. Ví như một người bi trúng tên độc, do ngâm tên độc nên đau nhức vô cùng. Người ấy được người thân rủ lòng thương xót, mong cho lành bệnh, lợi lạc an vui nên mời thầy thuốc đến nhổ tên ra. Thế nhưng người trúng độc lại ngăn cản: "Khoan nhổ tên ra! Trước tiên, tôi phải biết người bắn mũi tên kia họ gì tên gì, sanh ra ở đâu, dáng người cao hay tháp, mập hay ôm, da đen hay trăng hay chỉ hơi ngăm, thuộc dòng tộc Sát-lợi, Phạm chí, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la, là người phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc? Khoan nhổ tên ra! Trước tiên tôi phải biết cay cung ấy làm bằng chất liệu gì, gỗ chá/ gỗ dâu, gỗ quỳ hay sừng? Khoan nhổ tên ra! Trước tiên tôi phải biết dây cung được làm bằng chất liệu gì, gân bò? hươu nai hay làm bằng tơ? Cây cung màu đen hay trắng, màu đỏ hay vàng? Dây cung đó làm bằng gân, bằng to, bằng sợi gai hay bằng vỏ gai? Cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre? Cung tên được quấn bằng gân bò, gân hươu nai hay bằng tơ? Đuôi tên này được kết bằng lông chim thước/ lông kên kên, lông gà trống hay lông hạc? Mũi tên này thuộc loại mũi4 5

4 Chá Cây dâu gai hay còn gọi là mỏ quạ, mỏ quạ ba mũi, hoàng lồ, vàng lồ ba mũi, cây bơm, song vàĩig, gai mang, gai vang lồ, ắc o, thồ lồ, nam phịt tiếng Tay, xuyên phá thạch, là một loai thực vạt thuộc họ Dâu Tằm, có nguon gốc Đông Nam Á và Đong A, tên khoa học là Cudrania Triloba. 5 Nguyên tác: Phiêu phương ,một loại

chim giống như chim thước có lông đuôi dài.

răng cưa, mũi nhọn hay mũi hình phi đao? Người thợ vót tên này họ gì, tên gì? sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng hay chỉ hơi ngăm, sống ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bc?" Như thê, người trúng tên độc ây chưa kịp hiêu gì thì nửa chừng đã chét. [0805al6] Cũng vậy, nếu có kẻ ngu si suy nghĩ: “Thế Tôn không khẳng đinh dứt khoát cho ta biết răng 'thế giới thường hằng\ ta sẽ không theo Ngài tu học Phạm hạnh." Như thế, kẻ ấy chưa kịp hiểu gì thì nửa chừng đã chết. Cũng vậy, với luận điểm "thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không ton tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng khônẹ phải không tồn tại sau khi chết?" Nếu có kẻ ngu si nào suy nghĩ như vầy: "Thế Tôn không khẳng định dứt khoát cho ta biết rằng 'đây là điều chân thật, ngoài ra đều hư vọng9 ta sẽ không theo Ngài tu học Phạm hạnh." Như thế, kẻ ấy chưa kịp hiểu gì thì nửa chừng đã chết. Nhân vì luận điểm "thế giới thường hằng" mà theo Ta tu học Phạm hạnh thì điều này không hợp lý. Cũng vậy, nhân vì những luận điểm "thế giới vô thường, thê giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa khônệ tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không ton tại sau khi chết" mà theo Ta tu học Phạm hạnh thì những điều này không hợp lý. Nhân vì có luận điểm "thế giới thường hằng" mà không theo Ta tu học Phạm hạnh thì điều này không hợp lý. Cũng vậy, nhân vì có những luận điểm "thế giới vô thường, the giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân, hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa ton tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chef9 mà không theo Ta tu học Phạm hạnh thì những điều này không hợp lý. [0805b06] Nhân vì không có luận điểm "thế giới thường hằng" mà theo Ta tu học Phạm hạnh thì điều này khônệ hợp lý. Cũng vậy, nhân vì không có những luận điểm "thế giới vô thường, the giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa khônệ tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tôn tại cũng không phải không tôn tại sau khi chét" mà theo Ta tu học Phạm hạnh thì những điều này không hợp lý. Nhân vì không6 có luận điểm "thế giới thường hằng,9 mà không theo Ta tu học Phạm hạnh thì điều này không hợp lý. Cũng vậy, nhân vì không có những luận diêm "thê giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức

6 Nguyên tác của Đại Chảnh tạng không có chữ "bất".Dựa vào nội dung kinh ở phần trước và phân sau nện bản dịch đã bô sung. Tham khảo: Đài Đại sư tử hống Phật học chuyên trạm j.

là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết" mà không theo Ta tu học Phạm hạnh thì những điều này không hợp lý. Bởi vì, dù thế giới thường hằng thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não, từ đó phát sanh toàn bộ khối khổ lớn này. Cũng vậy, dù "thế giới vô thường, the giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa khônệ tồn tại sau khi chết hay Như Lai không phải tồn tại cũng không phải không ton tại sau khi chết" thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc than, ưu kho, ảo não, từ đó phát sanh toàn bộ khoi khổ ớn này. "Thế giới thường hằng,9 Ta không khẳng định dứt khoát về điều này. Vì lý do gì mà Ta không khẳng định dứt khoát về điều này? Vì điều này không liên hệ đên mục đích/ không liên hệ đến Chánh pháp, không phải là căn bản của Phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn.78 Do đó, Ta không khẳng đinh dứt khoát về điều này. Cũng vậy, “thế giới vô thường, thế giới hữu biên hay vô biên, sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không ton tại sau khi chết, hay Như Lai không phải ton tại cũng không phải không tồn tại sau khi chết" Ta không khẳng đinh dứt khoát về những điều này. Vì lý do gì mà Ta không khẳng đinh dứt khoát về những điều này? Vì những điều này không liên hệ đến mục dích, không liên hệ đến Chánh pháp, không phải là căn bản của Phạm hạnh, khônệ đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Do đó? Ta không khẳng đinh dứt khoát về những điều này. Những pháp nào được Ta dứt khoát khẳng định? Đây là những giáo nghĩa mà Ta dứt khoát khẳng định: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt y Đó là những điều được Ta dứt khoát khẳng định. Vì lý do gì mà Ta dứt khoát khẳng định những điều này? Vì những điều này đều liên hệ đến mục đích, liên hệ đen Chánh pháp, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Thế nên Ta dứt khoát khẳng đinh những điều này. A \

Như vậy, những điêu gì không nên nói thì Như Lai không nói, những điêu gì nên nói thì Như Lai đã nói. Các thầy hãy thọ trì như vậy, hãy học tập như vậy! Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật giảng dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

7 Nguyên tác: Nghĩa ().Pali ghi là atthā (ý nghĩa, mục đích, lợi ích). 8 Tham chiếu: M. 63, CữỊamãlukya Sutta: Na hetam, mãlukyaputta, atthasarhhitarh na ãdibrahmacarỉyakam na nibbidāya na virāgāya na nirodhāya na upasamāya nạ abhiññāya na sambodhāya na nibbānāya sarhvattati (Này Malukyaputta, vì điêu ấy khống liên hệ đến mục đích, điều ấy không phải là căn bản Phạm hạnh, điều ấy không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tinh, thăng tn, giác ngộ, Niết-bàn), HT. Thích Minh Chau dịch?

222. KINH LÊ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu bốn niệm xứ. Vì sao muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu bôn niệm xứ?

Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến)1 2 năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] quán nội thân đúng như thân,... (cho đến) quán thọ,... tâm,... pháp đúng như pháp. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu bôn niệm xứ. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuân tự chuyên cân, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nho sạch, lang dịu, biết khắp và tường tận.3 Nếu muốn tường tận4 vô minh thì phải tu bốn niệm xứ. Vì sao muốn tường tận vô minh thì phải tu bốn niệm xứ? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian;

1 Nguyên tác: Lệ kinh (TQ1. 0026.222. 0805CÍ0). Lệ ()chỉ cho những thể thức, phép tắc, phừấiĩg pháp tu tập mang tính cố định, vững chãi như đ(nh lý. 2 Bản Hán tỉnh lược. Đoạn tỉnh lược này xem tại Mã Ấp kinh, thượng (roi. 0026.182. 0725bl9-b23): Đoạn trừ tham lam, tâm không tranh đoạt, thấy tài sản hay vật dụng sinh hoạt của người khác không khởi ý muốn nó là của mình. Đoi với tham lam, tam Như Lai đã trừ sạch. Đoi với sân hận, hôn trầm, trạo cử cũng vậy. Đoạn nghi trừ hoặc, với các thiện pháp không còn do dự; đọi với nghi hoặc, tâm Như Lai đã trừ sạch. Như Lai đã đoạn trừ năm thứ ngăn che này, những thứ khiến tâm nhiễm ô,
£¥ 3
Nguyên tác: số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt chỉ, tổng tri, biệt tri ( ).Đây chỉ cho các giai đoạn tu tập. số đoạn (M):Tuân tự
chuyên cân (padhãna). Giải thoát ():Lìa mọi trói buộc, lìa dục (vimutto). Quá độ ():Vượt qua (pāragata). Bạt tuyệt ():Nhổ sạch (ụbbahatỉ). Diệt chỉ):Lắng dịu, vắng lăng (ụpasarnà). Tổng tri ():Biết khắp (pariñña), cũng gọi là "biến tri"(). Biệt tri (1): Biết rõ tường tận (pajānāti), nghĩa tương tự như í4liễu tn,5 () ~ Thuật ngữ 4tsô đoạn"()được hiểu như sau: Đoạn ()mang nghīaja tinh cần, cũng gọi là nỗ lực, với nguyên tác Pali là padhāna. Sở dĩ đọc "doan"()là do sự nhẫn lẫn về tự dạng, giua pahānā (tư bỏ, đoạn dứt) và padhana (tinh can, nỗ lực). 4 Nguyên tác: Biệt tri ()tức là "biết r6 tường tan" (pajānāti), cũng gọi là 44tuệ tri.,, Theo M. 43, Mahāvedalla Sutta (Đại kình phương quảng)'. Pajānāti pajānātī'ti kho, āvuso, tasmā paññāyati vuccati (Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiên giả, nên được gọi là trí tuệ), HT. Thích Minh Châu dịch. Tham chiếu: Đại Cāu-hy-la kinh (TOI. 0026.211. 0790b29): Biết như thật nên gọi la trí tuệ ().

vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô? khiên tuệ yêu kém; [vị áy] quán nội thân đúng như thân,... (cho đên) quán thọ?... tâm,... pháp đúng như pháp. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu bon niệm xứ. Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu bôn chánh cân.5 Vì sao muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu bốn chánh cần? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,

Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiên tuệ yêu kém. Đôi với pháp ác, bát thiện đã sanh nên phát khởi ước muôn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng bị đoạn trừ. Đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng không phát sanh. Đôi với pháp thiện chưa sanh nên phát khởi ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sanh. Đối với pháp thiện đã sanh nên phát khởi ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tân, dóc lòng nỗ lực khiến chúng được tồn tại lâu dài, không mất di, không sút giảm, tăng trưởng rộng lớn, tu tập viên mãn. Thế nên nói5 muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu bốn chánh cần. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần5 lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nêu muôn tường tận vô minh thì phải tu bôn chánh cân. Vì sao muôn tường tận vô minh thì phải tu bốn chánh cần? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiên tuệ yêu kém. Đôi với pháp ác, bát thiện đã sanh nên phát khởi ước muôn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng bị đoạn trừ. Đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng không phát sanh. Đối với pháp thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sanh. Đối với pháp thiện đã sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng được tồn tại lâu dài, không mất di, không sút giảm, tăng trưởng rộng lớn, tu tập viên mãn. Thế nên nói, muốn tường tận vô minh thì phải tu bốn chánh cần. [0806al8] Nếu muốn đoạn trừ vo minh thì phải tu bốn như ý túc. Vì sao muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu bốn như ý túc? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô

5 Tứ chánhJoạn ()Tham chiếu: A-tu-ỉa kinh (7ỊQ1. 0026.35. 0476c15); Chiêm-ba kinh (joi. 0026.37. 0479al3) gọi là "tứ chánh can^CEīE cattāri padhānāni).

222. KINH LỆ 1515

Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện 7 .L r V ở thê gian; vị ây đã đoạn trừ... (cho đên) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiêm 6, khiên tuệ yêu kém; [vị áy] tu dục định như ý túc, được thành tựu với sự tinh cần,67 nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. 7 Cũng vậy, [vị ấy] tu tinh tấn đinh, tu tâm định, tu tư duy định như ý túc, được thành tựu với sự tinh cần, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu bốn như ý túc. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nêu muôn tường tận vô minh thì phải tu bôn như ý túc. Vì sao muôn tường tận vô minh thì phải tu bốn như ý túc? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở

Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu5 Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở the gian; vi ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu dục đinh như ý túc, thành tựu sự tinh cần, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục? nương vào tịch diệt, hướng đên xuât ly. Cũng vậy, [vị áy] tu tinh tân định, tu tâm định, tu tư duy định như ý túc, thành tựu sự tinh cần, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu bốn như ý túc. [0806b06] Nếu muốn đoạn trừ vo minh thì phải tu bốn thiền. Vì sao muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu bốn thiền? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu và an tru. Thê nên nói, nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu bốn thiền. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên càn, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu5 biết khắp và tường tận. Nêu muôn tường tận vô minh thì phải tu bôn thiên. Vì sao muôn tường tận vô minh thì phải tu bốn thiền? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vi ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô? khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu bốn thiền.

6 Đoạn hành (,padW): Sự tinh cần hay chuyên cần. 7 Nguyên tác: Thú phi phẩm ().Tham chiếu: Lậu tận kinh (roi. 0026.10. 0432c16): Thu chí xuất yếu ().

Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu năm căn. Vì sao muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu năm căn? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu tín căn, tinh tấn, niệm, định và tuệ căn. Thế nên nói, muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu năm căn. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nho sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu năm căn. Vì sao muốn tường tận vô minh thì phải tu năm căn? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giai, Vô Thượng Si, Điêu Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiêm ô, khiên tuệ yêu kém; [vị ấy] tu tín căn9 tinh tấn, niệm, định và tuệ căn. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu năm căn. [0806c01] Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu năm lực. Vì sao muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu năm lực? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự

Trượng Phu? Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đen) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô5 khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu tín lực, tmh tan, niệm, định và tuệ lực. The nên nói, nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu năm lực. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu năm lực. Vì sao muốn tường tận vô minh thì phải tu năm lực? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu tín lực, tinh tấn, niệm, định và tuệ lực. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu năm lực. Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu bảy giác chi. Vì sao muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu bảy giác chi? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém; [vi ấy] tu niệm giác chi, nương hạnh xa lia, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Cũng vậy, [vị ấy] tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, nương hạnh xa lia, nương hạnh vô due, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu bảy giác chi. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lia mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận.

222. KINH LỆ 1517

M 19* 9 r M Nêu muôn tường tận vô minh thì phải tu bảy giác chi. Vì sao muôn tường tận vô minh thì phải tu bảy giác chi? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu niệm giác chi, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Cũng vậy, [vị ấy] tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, đinh; tu xả giác chi, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu bảy giác chi. Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu tám chi Thánh đạo. Vì sao muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu tám chi Thánh đạo? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiêm ô, khiên tuệ yêu kém; [vi ây] tu tám chi Thánh đạo, từ chánh kiên,... (cho đên) chánh định. Thê nên nói, nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu tám chi Thánh đạo. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần5 lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng diu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu tám chi Thánh đạo. Vì sao muốn tường tận vô minh thì phải tu tám chi Thánh đạo? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Irươc, Dẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc* Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng sĐiều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện

ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô? khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến,.. (cho đến) chánh định. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu tám chi Thánh đạo. Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu mười biên xứ. Vì sao muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu mười biến xứ? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vi ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô5 khiến tuệ yếu kém; [vi ấy] tu biến xứ thứ nhất là đất. Đất trùm khắp bốn phương và phương trên phương dưới, là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, [vị áy] tu biên xứ về nước, biến xứ về lửa, biến xứ về gió, biến xứ về màu xanh, biến xứ về màu vàng, biên xứ vê màu đỏ, biên xứ vê màu trăng, biên xứ vê hư không,... (cho đen) tu biến xứ thứ mười là thức,8 trùm khắp bốn phương và phương trên

8 Mười biến xứ theo kinh này gồm: đất, nước, lửa, gióp màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hư không và thức. Mười biến xứ này mang tính thống nhát và xuất hiện trong nhiều bản kinh, luận như: D. 33, Sañgīti Sutta (Kinh phúng tụng); M. 77, Mahãsakuludâyi Sutta (Đại kỉnh SakuludãyiỴ Kinh Tăng chi bộ 0. 10.26 - v. 47); Tạp.(T.02. 0099.549. 0l43al6); A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (T.26. 1536.19. 0447a24).

phương dưới, là không hai, là vô lượng. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu mười biến xứ. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên can, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nêu muôn tường tận vô minh thì phải tu mười biên xứ. Vì sao muôn tường tận vô minh thì phải tu mười biến xứ? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu biến xứ thứ nhất là đất. Đất trùm khắp bốn phương và phương trên phương dưới, là không hai5 là vô lượng. Cũng vậy, [vị ấy] tu biên xứ vê nước, biên xứ vê lửa, biên xứ vê gió, biên xứ vê màu xanh, biên xứ vê màu vàng, biên xứ vê màu đỏ? biên xứ vê màu trăng, biên xứ vê hư không,.. (cho đến) tu biến xứ thứ mười là thức, trùm khắp bon phương và phương trên phương dưới, là không hai, là vô lượng. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu mười biến xứ. [0807Ồ03] Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu mười pháp vô học.9 Vì sao muốn đoạn trừ vô minh thì phải tu mười pháp vô học? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật? Thế Tôn xuất hiện ở thê gian; vi ây đã đoạn trừ... (cho đên) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu vô học chánh kiến,...(cho đến) tu VÔ học chánh trí. Thê nên nói, nêu muôn đoạn trừ vô minh thì phải tu mười pháp VÔ học. 9Cũng nhưr • vậy, [Như r Lai] đã tuân tự chuyên cân, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhô sạch, lăng dịu? biêt kháp và tường tận.

Nêu muôn tường tận vô minh thì phải tu mười pháp vô học. Vì sao muôn tường tận vô minh thì phải tu mười pháp vô học? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ5 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thê gian; vị ây đã đoạn trừ... (cho đên) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém; vị ấy tu vô học chánh kiến... (cho đến) tu vô học chánh trí. Thế nên nói, nếu muốn tường tận vô minh thì phải tu mười pháp vô học. Như vô minh, hành cũng như vậy. Như hành, thức cũng như vậy. Như thức, danh sắc cũng như vậy. Như danh sắc, sáu xứ cũng như vậy. Như sáu xứ, xúc

9 Nguyên tác: Thập vô học pháp (),tức là 10 pháp vô học, gồm 8 pháp của 44bát chánh dạo" (thêm 2 pháp là 44chanh_giai thoát"(,)và 6tchánh trí"().Trật tự uchánh giải thoáf,()đi trướcj4chánh trí"()cũng được xuất hiện trong một số kinh, luận rử^EBạt-đà- OK'"(COL 0026.194. 0749b20); A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận (r.26 1536.20. 0452C11); Du-già sư địa luận (r*30. 1579.34. 0477al6). Tuy nhiên, trong car kinh, luận Phật giáo Theravāda thì nhất quán "chanh trí"()rồi mới đến "chánh giải thoat,?()như: Chủng tập kinh (T.Ol. 0001.9. 0052c06); D. 33, Sañgīti sutta (Kinh phúng tụng); D. 34, Dasuttara sutta (Kinh thập thượng).

cũng như vậy. Như xúc, thọ cũng như vậy. Như thọ, ái cũng như vậy. Như ái, thủ cũng như vậy. Như thủ, hữu cũng như vậy. Như hữu, sanh cũng như vậy. Nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn niệm xứ. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn niệm xứ? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư? Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vi ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô5 khiên tuệ yêu kém; vi ây quán nội thân đúng như thân,... (cho đên) quán thọ,... tâm,... pháp đúng như pháp. Thê nên nói, nêu muôn đoạn trừ già chét thì phải tu bốn niệm xứ. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nho sạch, lang dịu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận già chết thì phải tu bốn niệm xứ. Vì sao muốn tường tận già chết thì phải tu bốn niệm xứ? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ây đã đoạn trừ... (cho đên) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiêm ô5 khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu quán nội thân đúng như thân,... (cho đến) quán thọ?... tâm,... pháp đúng như pháp. Thê nên nói, nêu muôn tường tận già chét thì phải tu bon niệm xứ. [0807c04] Nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn chánh càn. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn chánh cần? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳĩvg Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém. Đối với pháp ác bất thiện đã sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện,

dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng bị đoạn trừ. Đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng không phát sanh. Đối với pháp thiện chưa sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sanh. Đối với pháp thiện đã sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng được tồn tại lâu dài, không mất đi, không sút giảm, tăng trưởng rộng lớn, tu tập viên mãn. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn chánh cần. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng diu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận già chết thì phải tu bốn chánh cần. Vì sao muốn tường tận già chết thì phải tu bốn chánh cần? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô5

khiến tuệ yếu kém. Đối với pháp ác bất thiện đã sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dống mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng bi đoạn trừ. Đôi với các pháp ác bát thiện chưa sanh nên phát khởi ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng không phát sanh. Đôi với pháp thiện chưa sanh nên phát khởi ước muôn tìm câu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng phát sanh. Đối với pháp thiện đã sanh nên phát khởi ước muốn tìm cầu phương tiện, dõng mãnh tinh tấn, dốc lòng nỗ lực khiến chúng được tồn tại lâu dài, không mất đi, không sút giảm, tăng trưởng rộng lớn, tu tập viên mãn. Thê nên nói, nêu muôn tường tận già chét phải tu bốn chánh cần. Nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn như ý túc. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn như ý túc? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đen) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu dục định như ý túc, được thành tựu với sự tinh cần, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Cũng vậy, [vị ấy] tu tinh tấn định, tu tâm định, tu tư duy định như ý túc, được thành tựu với sự tinh cần, nuông hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. The nên nói, nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn như ý túc. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nho sạch, lang dịu5 biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận già chết thì phải tu bốn như ý túc. Vì sao muốn tường tận già chết thì phải tu bon như ý túc? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu dục định như ý túc, thành tựu sự tinh càn, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục5 nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Cũng vậy, [vị ấy] tu tinh tấn đinh, tu tâm định, tu tư duy đinh như ý túc, thành tựu sự tinh cần, nươnệ hạnh xa lìa, nương hạnh

vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. The nên nói, nếu muốn tường tận già chết thì phải tu bốn như ý túc. [0808al4] Nếu muốn đoạn trừ già chết thì Ị)hải tu bốn thiền. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn thiền? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] lìa dục, lìa pháp ác bất thiện,... (cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bốn thiền. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận.

222. KINH LỆ 1521

Nêu muôn tường tận già chét thì phải tu bôn thiên. Vì sao muôn tường tận già chết thì phải tu bốn thiền? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đen) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] lìa dục, liapháp ác bất thiện,(cho đến) chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an tru. Thê nên nói, nêu muôn tường tận già chét thì phải tu bon thiền. Nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu năm căn. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu năm căn? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đen) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vi áy] tu tín căn, tinh tân, niệm, đinh và tuệ căn. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ già chết phải tu năm căn. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nêu muôn tường tận già chét thì phải tu năm căn. Vì sao muôn tường tận già chết thì phải tu năm căn? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu tín càn, tinh tấn, niệm, đinh và tuệ căn. Thế nên nói? nếu muốn tường tận già chết thì phải tu năm căn. [0808b09] Nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu năm lực. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu năm lực? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chanh Giác, Minh Hạnh Túc* Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô5 khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu tín lực, tinh tấn, niệm, định và tuệ lực. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu năm lực. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận già chết thì phải tu năm lực. Vì sao muốn tường tận già chết phải tu năm lực? Khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến

tâm nhiễm ô5 khiến tuệ yếu kém; [vi ấy] tu tín lực, tinh tấn, niệm, định và tuệ lực. Thể nên nói? muốn tường tận già chết thì phải tu năm lực. Nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bảy giác chi. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu bảy giác chi? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng

Chánh Giác, Minh Hạnh Túc? Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đen) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu niệm ệiác chi, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nuông vào tịch diệt, hướng đên xuất ly. Cũng vậy, [vi ấy] tu pháp trạch pháp, tinh tân, hỷ, khinh an, định; tu xả ệiác chi, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đên xuất ly. Thê nên nói, nêu muôn đoạn trừ già chết thì phải tu bảy giác chi. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng diu, biết khắp và tường tận. Nêu muôn tường tận già chét thì phải tu bảy giác chi. Vì sao muôn tường tận già chết thì phải tu bảy giác chi? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yểu kém; [vị ấy] tu niệm giác chi, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đên xuất ly. Cũng vậy, [vị áy] tu pháp trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, nương hạnh xa lìa, nương hạnh vô dục, nương vào tịch diệt, hướng đến xuất ly. Thế nên nói nếu muốn tường tận già chết thì phải tu bảy giác chi. [0808c08] Nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu tám chi Thánh đạo. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu tám chi Thánh đạo? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện thê gian; vị ây đã đoạn trừ... (cho đên) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ già chết thì phải tu tám chi Thánh đạo. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuần tự chuyên cần, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng diu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận già chết thì phải tu tám chi Thánh đạo. Vì sao muốn tường tận già chết thì phải tu tám chi Thánh đạo? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Irươc, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ5 Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô9 khiến tuệ yếu kém; [vi ấy] tu tám chi Thánh dạo, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Thế nên nói, nếu muốn tường tận già chết thì phải tu tám chi Thánh đạo. Nêu muôn đoạn trừ già chét thì phải tu mười biên xứ. Vì sao muôn đoạn trừ già chết thì phải tu mười biến xứ? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian;

vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu biến xứ thứ nhất là đất. Đất trùm khắp bốn phương và phương trên phương dưới, là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu biên xứ vê nước, biên xứ vê lửa, biên xứ vê gió, biên xứ vê màu xanh, biên xứ về màu vàng, biến xứ về màu đỏ, biến xứ về màu trắng, biến xứ về hư không,... ỉ e r e r r (cho đên) tu biên xứ thứ mười là thức, trùm kháp bôn phương và phương trên phương dưới, là không hai, là vô lượng. Thế nên nói, nếu muốn đoạn trừ già chét thì phải tu mười biên xứ. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuân tự chuyên cân, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nhổ sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. Nếu muốn tường tận già chết thì phải tu mười biến xứ. Vì sao muốn tường tận già chết thì phải tu mười biến xứ? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đến) năm thứ ngăn che, những thứ khiến tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu biến xứ thứ nhất là đất. Đất trùm khắp bốn phương và phương trên phương dưới, là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu biến xứ về nước, biến xứ về lửa, biến xứ về gió, biến xứ về màu xanh, biến xứ về màu vàng, biến xứ về màu đỏ, biến xứ về màu trắng, biến xứ về hư không,... (cho đến) tu biến xứ thứ mười là thức, trùm khắp bốn phương và phương trên phương dưới, là không hai, là vô lượng. Thế nên nói, nếu muốn tường tận già chết thì phải tu mười biến xứ. [0809all] Nêu muôn đoạn trừ già chét thì phải tu mười pháp vô học. Vì sao muốn đoạn trừ già chết thì phải tu mười pháp vô học? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thê gian; vị ây đã đoạn trừ... (cho đên) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiễm 6, khiến tuệ yếu kém; [vi ấy] tu vô học chánh kiến,... (cho đến) tu VÔ học chánh trí. Thê nên nói, nêu muôn đoạn trừ già chét thì phải tu mười pháp VÔ học. Cũng như vậy, [Như Lai] đã tuân tự chuyên cân, lìa mọi trói buộc, vượt qua, nho sạch, lắng dịu, biết khắp và tường tận. r r r e ĩ Nêu muôn tường tận già chét thì phải tu mười pháp vô học. Vì sao muôn tường tận già chết thì phải tu mười pháp vô học? Vì khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện thê gian; vị ấy đã đoạn trừ... (cho đên) năm thứ ngăn che, những thứ khiên tâm nhiễm ô, khiến tuệ yếu kém; [vị ấy] tu vô học chánh kiến,...(cho đến) tu vô học chánh trí. Thế nên nói nếu muốn tường tận già chết thì phải tu mười pháp vô học. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.10

10 Bản Hán, hết quyển 60.

PHỤ LỤC l Những ghi chép sau khỉ dịch lại Kinh Trung A-hàm1 Thích Đạo Từ Trước đây, những pháp sư họ Thích234ở Trường An đã dịch TrungA-hàm, Tăng nhất A-hàm, A-tỳ-đàm. Quảng thuyết. Tăng-già-la-xoa^ A-tỳ-đàm tân, Bà-tu- mật^ Tam pháp độ. Nhị chúng tùng giải thoát. Tùng giải thoát duyên,... Những bộ kinh, luật này có hơn trăm vạn lời nhimg có phần sai lạc nguyên bản, đánh mất ý chỉ, danh xưng chưa hợp với diệu nghĩa, từ ngữ mơ hồ, câu cú sai lệch, có lẽ do người dịch chưa thông thạo chữ Hán, hoặc vì vội vã nên mới dẫn đến cớ sự này. Bây giờ gặp lúc Yên - Tân5 giao tranh, Quan

Trung đại loạn, bậc đông lương khi đó phải lánh đời nên chưa có người cải chính. Qua mấy năm sau, đến khi Quan Đông tạm thời yên ổn, bấy giờ mới có Sa-môn Tăng-già-đề-hòa6 vốn là người Kế-tân, cùng với ngài Thích Pháp Hòa7 là người Ký Châu, đã tập hợp môn đồ rồi cùng đến Lạc Dương.8 Trong vòng bốn, năm năm nghiên cứu, diễn giảng tinh chuyên, ngài Tăng-già-đề-hòa dần dần thông thạo chữ Hán, khi ấy mới biết những bản dịch trước đây đều có chỗ nhầm lẫn. Ngài Pháp Hòa cảm thấy hối tiếc vì những sai lầm này nên đã hỗ trợ ngài Tăng-già-đề-hòa dịch lại A-tỳ-đàm, Quảng thuyết. Từ đó về sau, các bản dịch kinh, luật này dần dần được dịch lại chính xác, chỉ còn những bản như Trung A-hàm, Tăng-gỉà-la-xoa. Bà-tu-mật, Tùng giải thoát duyên vẫn chưa được dịch lại mà thôi.

1 Nguyên tác: Hậu xuất Trung A-hàm kinh roi. 0026.60. 0809b01-cl4. 2 Nguyên tác: Thích pháp sư chỉ cho các ngài dịch kinh ở thời kỳ đầu như ngài Thích Đạo An, Đàm-ma-nan-đề, Trúc Phạt Niệm,... 3 Tăng-già-la-xoa còn gọi là Tăng-già-la-sát Samgharaksa,.Tnrcmg hợp nay không phai là tên cua mọt vị cao Tang mà là ten của một tác pHam lịch su^hāt giáo, gồm 3 quyển, thuộc bộ Bổn duyên, gọi đủ là Tăng-già-ỉa-sảt sở tập kinh r.o?. 0194J. 0115bl5 do ngài Tăng-giặ-bạt-trừng và những người khác cùng dịch vào thời Phù Tần ,cũng gọi là TienTan ,350-394. ~ ~ 4 Bà-tu-mật .Trường họp này không phải là tên của một vị cao Tăng mà là tên của một tác phẩm gồm 10 quyển, thuộc bộ Ty-dam, gọi đu là Tôn-bà-tu-mạt Bồ-tát sở tạp luận 28. 1549.1. 0721a03, cũng do ngài Tăng-già-bạt-trừng và những người khác cùng dịch vào thời Phù Tần ii 5 Giao tranh giữa triều Tiền Tần 350-394 với dòng họ Mộ Dung thuộc triều Tiền Yên 337-370. 6 Tăng-già-đề-hòa cũng viết là Tăng-già-đề-bà Sariighadeva.
7 Thích Pháp Hòa bậc cao Tăng, là bạn đồng học và cùng làm việc chung với ngài Đạo An 7.50. 2059. 0354al8. j 8 Nguyên tác: Lạc ấp ,chỉ cho kinh đô Lạc Dương.

Trong khi ngài Tăng-già-đề-hòa đến kinh đô để tùy duyên giáo hóa, ban pháp lành ở miền Giang Tả thì lúc bấy giờ, ở nước Tấn có vi đại trưởng giả tên là Vương Nguyên Lâm, giữ chức Thượng thư lệnh Vệ tướng quân với tước vi Đông Đình hầu, đã thọ giới iru-bà-tắc? thường hộ trì Chánh pháp và xem phận sự của mình như là một vi thí chủ vậy. Vì mục đích hộ trì việc dịch kinh nên ông tạo lập tinh xá, cung thỉnh các bậc cao Tăng như ngài Thích Tuệ Trì và hơn . • y -t -g /K e jT

40 Sa-môn nghĩa học, cung cáp tứ sự đây đủ5 không thiêu thứ gì. Ong lại còn hoan hỷ cung thỉnh Kinh sư9 Tăng-già-la-xoa cúng dường đến mấy năm. Sau đó? vào niên hiệu Long An năm đầu năm 397, nhằm ngày mùng 10 tháng 11 năm Đinh Dậu tại tinh xá của mình thuộc huyện Kiến Khang, quận Đơn Dương, ở Dương Châu, ông đê nghị dịch lại Kỉnh Trung A-hàm này. Ong thỉnh Sa-môn người nước Kê-tân là ngài Tăng-già-la-xoa đọc bản Phạn, ngài Tăng-già-đê- hòa chuyển dịch sang tiếng Hán, Sa-môn Thích Đạo Từ người Dự Châu ghi chép, Lý Bảo và Khang Hóa người nước Ngô cùng ghi chép. Năm sau, nhằm ngày 25 tháng 6 năm Mậu Tuất thì bản thảo hoàn tất.

Bản Kỉnh Trung A-hàm có 5 tụng,10 gồm 18 phẩm, 222 kinh, tổng cộng có đến 514.825 chữ, chia thành 60 quyển. [0809c03] Bấy giờ, gặp phải quốc nạn nên chưa kịp biên tập thành bản chính thức. Mãi đến năm Tân Sửu, niên hiệu Long An năm thứ 5 năm 401, bản thảo mới được ghi chép lại chuẩn xác, hiệu đính và lưu truyền. Người chuyển dịch đối chiếu bản dịch này so với bản dịch trước đây nhận thây có nhiêu chồ bát đông. Trong sô 222 kinh, nêu dịch cho uyên chuyên lưu loát thì e trái với ý chỉ của bậc Thánh, nếu căn cứ vào nguyên bản thì các từ ngữ phần nhiều khác với bản dịch cũ, ngược với thói quen xưa, không hợp với nhận thức của sô đông, thê nên người dịch không thê tự ý5 khi có chỉnh sửa vân tuân theo tên gọi trước đây. Tuy nhiên, sự dị đồng giữa năm bộ11 nào ai biết đâu là chánh lý? Có lẽ vì thiển ý nên Đạo Từ tôi chưa mấy hài lòng về những nhầm lẫn trong bản dịch cũ5 thế nên đối với những chỗ cải chính, tôi đều sao chép ra và ghi chú xuống bên dưới, gom cả hai bản cũ và mới làm thành một quyển, rồi đính kèm Mục lục để ở phần sau, hy vọng mai kia sẽ giúp chư Hiền biết rõ những chỗ dị đồng để tiện bề tham khảo. Nếu may gặp được bậc ngoại quốc cao minh, giỏi cả Phạn và Hán thì có thể tham vấn những chỗ đúng sai để chỉnh lý bản dịch thêm hoàn hảo.

9 Kinh sư ,Bhānaka: Vị tu sĩ Phật giáo chuyên học thuộc lòng và trì tụng kiĩ± điển.
10 Nguyên tác: Ngũ tụng .Bộ Trung A-hàm được chia ra để tụng đọc trong 5 ngày nên gọi là 5 tụng. Nhiỗigphl điìợc tụng trong ngay thứ nhất thuộc Sơ tụng. Nhưng phẩm đirợc tụng trong ngậy thứ 2 thuộcTiểu Thổ thành tụng. Nhưng phẩm được tụng ương ngay thứ 3 thuộc Niệm tụng. Những phẩm được tụng trong ngày thứ 4 thiĩọc Phân biệt tụng. Những phẩm được tụng ương ngay thứ 5 thuộc Hậu tụng. 11 Nguyên tác: Ngũ bộ .Theo Ma-ha-tăng-kỳ luật r.22. 1425.40. 0548b09, chỉ cho5 bộ phái Phật giáo, gồm Đàm-vô-đức bộ w ,Tát-bà-đa b,Di-sa-tắc b ,Ca-diếp-di bộ và Độc-tử bộ .

PHỤ LỤC 2 QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO Bô PHÁI

1. NGUỒN HÁN VAN Nguồn tư liệu gốc để dịch, dò bản và tham khảo dựa theo Đại Chánh tân tu 2. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MÔT SỐ DỊCH GIẢ Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản su", "chính niêm", "chúng sinh”., đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư\ "chánh niêm", "chúng sanh"... đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khtru (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ- khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyên), Níp-bàn (đôi với một sô dịch giả Nam truyền). 3. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM An bản lân này vân giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm9 dịch nghĩa. 3.1. Thuật ngữ, giai vi, giới phẩm, đỉa vi, chức vụ 3.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết -Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn,

năm triền cái, mười phiền não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "V6 nhân luận9\ thuyết "Luân hồi tinh h6a", v.v...

3.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (manci), thức (viññāna). giới (sĩla), định (samādhī), tuệ (paññā), v.v... 3.1.3. Các nhân danh, địa danh và tên tổ chức tiếng nước ngoài đều viết đứng. Ví dụ: Uất-đà-di (‚Udyi), động Thất Diệp (Sattapannaguhā), Thượng Tọa bộ (Theravâda), v.v... 3.1.4. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha5 do-tuầĩi, yết-ma, thiền-na, đàn-việt5 đàn-tín, kiết-già? v.v... 3.1.5. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viêt hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền tử, Xá-lợi tử, v.v... 3.1.6. Các từ chỉ quả vi đặc biệt, giai vi, địa vi, chức vụ, học vi: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư5 Pháp su, Hòa thượng, • Thượng •] . Đại tọa, • đức, Sư cô, Trụ tri, Giáo r sư, v.v...r Nêu 9 các từ được phiên âm từ tiêng nước ngoài thì giữa các thành tô có gạch nôi. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bàn9 v.v... 3.1.7. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo? Ta nhắc các ông rằng.. 3.1.8. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện The,

3.2. Danh từ riêng 3.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc. 3.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bo-tat Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ? nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già5... 3.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Ke) thuộc gandhabbā (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapindika (Cấp Co Độc). 3.2.4. Các danh từ phiên âm bỉ tỉnh lược 6ítiếp đầu ngũ*” được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-dà" sửa thành "A-di-dà".

3.3 Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như "bác' “đấng” thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết. 3.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm 3.4.1. Tựa kỉnh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in

nghiêng. Ví dụ: Kinh căn bản pháp môn, Kinh du hành. 3.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: Kinh Trường bộ, Kỉnh Dược Sư Kỉnh A-di-dd, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược. 3.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasañganī). 4. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 4.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. 4.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, đinh, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. 4.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 4.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963). 4.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932 mà viết 1930-32. 4.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú) -Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. -Trang 254-256 được viết là 254-56. MI. 276-278 được viết là M. L 276-78.

5. CÁCH CHÚ THÍCH

5.1. Chú thích theo ấn bản Pâli của PTS

5.1.1. Tên tập + số tập + số trang.

-S. L 70 {Samyutta Nikāya. tập I, trang 70).

-Sn. 140 (Suttanipāta, trang 140).

-J. L 389 ựãtaka, tập I, trang 389).

-Vin. II. 287 (Vinaya, tập II, trang 287). -Vbh. 351 (Vibhañga. trang 351). -Kv. 401 (Kathāvatthu, trang 401). -DA. L 41-2 (Dīghā Nikāya Atthakathaṃ tập I, trang 41 đến 42). 5.1.2. Tên tập + số kệ r -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ sô 10). -Sn. v. 600 (Suttanipāta. kệ số 600). -Thag. v. 1196 (Theragāthā, kệ số 1196). 5.1.3. Tên tập + số chương + số mục + số kệ -Thag. 15.2-689 (Theragāthā, chương XV, mục 2, kệ số 689). 5.1.4. Tên tập + nhóm + số thứ tự kỉnh + đoạn -S. 56.25: l (Samyutta Nikāya, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1). 5.1.5. Tên tập + số chương + số kỉnh - số tập + số trang -A. 8.21 - IV. 208 (Anguttara Nikãya, chương 8, kinh số 21; tập IV, trang 208) 5.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục. -GS. II. 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the KathãvatthuỴ p. 338, note 1. 5.3. Chú thích tên bài kỉnh kết hợp với tên tập kỉnh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh Kỉnh tham ải ựt. L L §1) nghĩa là Kinh tham ái này nam trong Kỉnh Phật thuyết như vây, chương I, phàm I, kinh sô 1. Kinh châu bảu (Sn. II. §1) nghĩa là Kỉnh châu báu này nằm trong Kinh tập. phẩm II, kinh số 1. Kinh Bāhiya (Ud L §10) nghĩa là Kỉnh Bãhiya này nằm trong Kinh Phật tự thuyết, phẩm I, kinh số 10. 5.4. Chú thích tên kỉnh: Kết họp ấn bản Pâli và tiếng Việt -D. 22,

Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh đại niệm xứ). Nghĩa là Trường bộ. kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pali là Mahāsatipatthāna Sutta, tên tiếng Việt là “Kừĩh đại niệm xứy -D. L 113, Sonadanda Sutta (Kỉnh Chủng Đức). Nghĩa là Trường bộ. tập I, trang 113, Kỉnh Sonadanda Sutta bằng tiếng Pâli và Kỉnh Chủng Đức bằng tiếng Việt.

5.5. Trật tự của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pâli Pali (viết tắt là P), Sanskrit (viết tắt là S), Hán (viết tắt là H), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassarā, s. Ābhāsvara, H.E. The Radian gods). Bôn bộ A-ham còn có nhiêu kinh tương đương với các kinh Pali nên trong các chú thích của dịch giả đều chú Pali và chữ Hán trong ngoặc đơn nhxmg không ghi P. Trong một số trường hợp cần sử dụng từ Sanskrit, dịch giả viết s. 5.6. Chú thích theo Hán văn 5.6.1. Tên kỉnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhỉ kiến kỉnh (01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kỉnh (r02. 0121. 0544b 12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b? dòng thứ 12. 5.6.2. Tên kỉnh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kinh và Trung A-hàm kinh. -Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kinh, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kỉnh (7.01 . 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kinh. 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh\ trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 5.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ : r e y TạpA-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhâtA-hàm, vì nội dung kinh chỉ đê cập đến số thứ tự, không có tưa đề kinh. -Tạp. B (7.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c? dòng thứ 06. -Biệt Tạp.(T.02. 0100.1H. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh. 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 5.6.4. Tên kỉnh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp cú kỉnh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp cú kinh “N&hoàn phẩm” (04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa la kinh này thuộc ĐCT. tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp củ kinh, "N&hoàn phẩm^, thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

5.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận ,(7.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc ĐCT, tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỳ- đạt-ma Tập dỉ môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 5.6.6. Chú thích hai kỉnh liên tiếp và chỉ tiết hóa số dòng -Tg.(7.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh, 11 là số thứ tự của "Bất di phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột

a, dòng 4. -Tạp .(T.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 5.6.7. Tác phẩm khác -Lỵ (AU5. 0006.28.lJ)354aO5) LNghĩa là kinh này thuộc Hán dịch Nam truyền Đại tạng kỉnh ,tập 15; 0006 là số hiệu của Tương ưng bộ kinh 28.1 là nhóm 28 và kinh số 1; 0354a05 tức là trang 0345, cột a, dòng thứ 05. -Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích (X.44. 744.5. 0442a02). Nghĩa là tập này trong Vạn tục tạng t 44; 744 là số hiệu của Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích, 5 là quyển 5; 0442a02 tức là trang 0442, cột a, dòng 02. -Hoa 7 (K28. 0028.4. 0101 a06). Nghĩa là tập này trong Ân Thuận Pháp sư Phật học trước tác tập tập 28; 0028 là số hiệu của Hoa Vũ tập, 4 là phần 4; OlOlaOó tức là trang 0101, cột a, dòng 06. 6. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nham. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm. Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thong nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này. Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN. Mọi sự góp ý, xm gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com. Trân trọng cảm ơn. BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 3 TÀI LIỆU THAM KHẢO PÃLI, ANH, HÁN

A. NGUYÊN BẢN PÃLI Añguttara Nikãya, 6 vols.,ed. by Morris, R,Hardy, E,Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1885-1910). Añguttara Nikāya Atthakathā (Manoratthapūrānī), 5 vols.j ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS5 1924, etc.). Apadānaṃ 2 vols.? ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27). Apadāna Atthakathā (Visuddhajanavilāsinī), ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS, 1954). Buddhavamsa. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakathaṃ ed. by Homer, L B. (London: PTS, 1946). Cariyāpitaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyāpitaka Atthakathaṃ ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939). Cūlaniddesa, ed. by Stede, w. (London: PTS, 1918). Cūlavamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-27). Dhammapadaṃ ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakathaṃ 5 vols.,ed. by Smith, H,Norman, H. C.,and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.). Dhammasañganī, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dhammasañganī Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dīghā Nikāya, 3 vols.,ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910). Dīghā Nikāya Atthakathā {Sumañgalavilāsinī), 3 volsed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32). Dīpavamsa, ed. andtr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Itỉvuttaka. ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakathaṃ 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS? 1934-36). Jātaka, 6 volsed. by Fausboll, v. (London: PTS, 1877-96).

Kathãvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1894-97). Kathāvatthu Atthakathaṃ ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979). Khuddakapātha. ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915). Mahāvamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1908). Majjhimā Nikāya, 3 vols.? ed. by Trenckner, v. (London: PTS? 1888-99). Majjhimā Nikāya Atthakathā (Papañcasūdam). 5 vols.j ed. by Woods, J. H, Kosambī, D.and Homer, L B. (London: PTS? 1922-38). Mahāniddesa. 2 vols.,ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS5 1916-17). Milindapañha - Milinda Tikā, ed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1880). Nettipakarana, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902). Niddesa Tikā (Saddhammapajjotikā). 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40). Patisambhidāmagga, 2 vols.,ed. by Taylor, A. c. (London: PTS? 1905-07). Patisambhidāmagga Atthakathā (Saddhammappakāsinī). 3 vols.ed. by Joshi, C. V. (London: PTS J 933-47). Patthāna. ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F.(London: PTS, 1908). Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888). Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Puggalapañňatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS? 1883). Puggalapañňatti c A^F (London:Atthakathaṃ PTS, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids.

Samyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1884-1904). Samyutta Nikāya Atthakathā (Sārattappakāsim), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37). Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913). Suttanipāta Atthakathā (JParamatthajotikā II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18). Theragāthā - Therīgāthā. ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PT 1883). Theragāthā Atthakathā (Paramatthaiotikā V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L.O^ondon: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Atthakathā {Paramatthajotikā VI), ed. by Muller, E. (London: PTS, 1893). Udānaṃ ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885).

Udãna Atthakathaṃ ed. by Woodward, F L. (London: PTS, 1926). Vinaya Pltaka. 5 volsed. by Oldenberg, H. (London: PTS? 1879-83). Vibhañga, ed. by Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS? 1904). Vibhañga Atthakathaṃ ed. by Buddhadatta, MahâtheraA. p. (London: PTS? 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS? 1900). Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. w. (London: Triibner and Co., 1880). Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910). Cūlavamsa (Translation), 2 vols.j tr. by Mrs. Rickmers, c. Mabel (London: PTS, 1929-30). Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. Wand Mrs. Rhys Davids, C. A. E (London: PTS 1899). Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A

Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethren (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka), tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings, 5 volstr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30). The Book of the Gradual Sayings. 5 vols.? tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS5 1932-36). The Collection of the Middle Length Sayings. 3 vols.,tr. by Homer, I. B. (London: PTS 1954-59). The Jātaka or Stories ofthe Buddha s Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, RRouse, w. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A.,Cowell, E. B., and ed. by Cowell E. B. (London: PTS, 1895-1913). The Path ofPurity. 3 vols.? tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31). The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH Rhys Davids, c. A. FA Manual ofBuddhism (London: Sheldon Press, 1932). Rhys Davids, c. A. FBuddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS? 1912). Rhys Davids, c. A. E, Buddhism (London: PTS, 1912). Rhys Davids, T. WAmerican Lectures on Buddhism (New York: G. p. Putnam'son, 1896). Rhys Davids, T. WBuddhist India (New York: G. p. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903). Tāranātha, History ofBuddhism ỉn India, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Warren, Henry Clarke, Buddhism in Translations (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922). Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. w. (London: PTS, 1882, etc.). Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924). Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953). Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874). Dictionary of Chinese Buddhist Terms. William Edward Soothill, Lewis Hodous, Digital version (Taipei: Dharma Drum Buddhist College, 2010). Dictionary of Pali Proper Names. 2 vols.? by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-38). Encyclopaedia ofBuddhism, 6 vols.,ed. by Malalasekera, G. P,Buswell, R. E., Weeraratne, w. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99). Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908^27). J

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955). Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. w. and Stede, William (London: PTS? 1921-25). “ ’

E. SÁCH VÀ TỪ ĐIỂN TIẾNG HÁN Anālayo, Madhyama-āgama Studies (Taipei, Taiwan: Dharma Drum Publishing Corporation, 2012). search/node/pali%20dictionary. org/dict/dfb/data/ edu.tw/glossaries/KKJ?locale=zh-TW glossaries/KDR?locale=zh-TW tw/data/lokaksema. dila.pdf buddhason.org/ad/index.htm

SÁCH DẪN

A ác tri thức 84, 85, 296, 299, 300, 301, 305, 603, 745, 746, 748, 749, 767, 1100, 306, 876, 877, 878, 959, 960 1285, 1286, 1287, 1305, 1306, 1411, ái ngữ 265, 882 1412, 1413 A-la-hán 13, 51, 133, 139, 232, 241, 250, áo ca-sa 12, 13, 102, 175, 232, 241, 250, 257,262, 343,439,440,460,475,493, 251, 261, 327, 328, 331, 343, 372, 495, 505, 521, 541, 565, 567, 576, 651, 389,390,399,400,401,402,403,405, 681,703,713, 765, 769,777,778,782, 426,428,438,495, 503, 505,508, 535, 787, 793, 794,795, 799, 805, 825 854, 542,602,619,703,742,777, 825, 830, 855, 914, 938, 940, 1008, 1023, 1024, 831, 833, 834, 835, 870,921,923,946, 1146, 1189, 1193, 1200, 1248, 1365, 952, 980, 987, 999, 1001, 1002, 1003, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376, 1401, 1009, 1012, 1019, 1044, 1045, 1051, 1434 1471, 1472, 1487, 1507,1528 1052, 1053, 1054, 1056, 1062, 1070, A-la-hán hướng 241, 250, 257, 262, 799 1114, 1146, 1192, 1212, 1226, 1234, A-la-hán lậu tận 1189 1271, 1272, 1325, 1393, 1471 A-la-na-giá Bà-la-môn 810 áo đầu-xá 690, 1157 âm mã tàng 329, 1053 ao Di Hầu 97, 219, 259, 563, 1495 A-na-hàm 85, 129, 130, 172, 173, 174, 241, áo kiếp-bối 452, 1480 250,257,262,493, 505, 576,659 705, áo sô-ma 873, 874, 875 794, 799, 871,1023,1024,1065,1193, áo tỳ-ha-đề 1480, 1481 1284, 1302, 1304, 1375, 1376, 1528 A-ty-đàm 49, 134, 157, 158, 246, 553, 568, A-na-hàm hướng 241,250,257,262,794, 799 574, 581, 723, 748, 750, 795, 859, an cư 47, 48, 145, 161, 162, 177, 317, 357, 1062, 1084, 1193, 1215, 1218, 1402, 358, 361, 362, 382, 419, 493, 495, 1410, 1525

bậc A-la-hán Đa văn 440 bậc Đẳng Chánh Giác 44, 87, 101, 102, 115, bậc Bất động pháp 795 118,168,169,203,220 225,230,244, bậc Bất thoái pháp 795 245,246,257,262,325, 327,328,331, bậc Chánh Đẳng Giác 1529 337, 351,354,355,356, 357,358, 360, bậc Chuyển Luân Vương 231,261, 333, 388, 361,362,391,392,393,395,417,519, 389, 390, 393, 395, 396,401,402,403, 521,618,653,680,681,684,698,699, 405,409,417,425,428,429,437,752, 752, 781, 782, 798, 814, 816, 817, 818, 768, 769, 807,1044,1052,1053, 1054, 821, 831, 835, 850, 852, 856, 857, 868, 1056, 1061, 1200, 1339, 1340 869, 872,934 935 936,938,940,944, bậc Đại nhân 329, 330, 492, 493, 494, 495, 945, 946, 949, 998, 1000, 1005, 1006, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 1052, 1012, 1023, 1048, 1051, 1052, 1053, 1053, 1054, 1055, 1056, 1061 1054, 1056, 1057, 1058, 1059, 1060, bậc Đại Phạm thiên 340, 752, 872, 897 1062, 1070, 1076, 1193, 1254, 1260,

1262, 1325, 1374, 1399, 1426, 1461, bậc Thầy khéo tày thuận 1478, 1480 1462, 1468, 1469, 1470, 1471, 1472, bậc Thầy khuyến giáo 1478, 1480 1478, 1480, 1496, 1497, 1505, 1506, bạc Thầy vi diệu 1478, 1480 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, bạc The Gian Giải 44, 87, 115, 337, 362, 1519, 1520, 1521, 1522, 1523 391, 392,405,417,684, 698, 781,782, bậc Điều Ngự 852, 1084 798, 821, 856, 857, 946, 1024, 1048, bậc Độc giác 386, 1193 1051,

1052, 1059, 1060, 1070, 1262, bậc Giác Ngộ 1227, 1229 1325, 1368 1374, 1399, 1426, 1513, bậc Gia gia 794 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, bậc Hộ pháp 795 1520, 1521, 1522, 1523 bậc Hữu học 232, 778, 794, 795, 1189, 1248 bậc Thiên Nhân Sư 44, 87, 115, 338, 362, bậc Kiến đáo 794, 1301 391, 392,405,417, 684, 698, 781, 782, bậc Kiến đế 1201 798, 821, 856, 857, 946, 1024, 1048, bậc Minh Hạnh Túc 44, 87, 115, 337, 362, 1051, 1052, 1059, 1060, 1070, 1262, 391,392,405,417,684, 698,781,782, 1325, 1368, 1374, 1399, 1426, 1513, 798, 821, 856, 857, 946, 1024, 1048, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1051, 1052, 1059, 1060, 1070, 1262, 1520, 1521, 1522, 1523 1325, 1368, 1374, 1399, 1426, 1513, bậc Thoái pháp 795 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, bậc Thượng nhân 1223, 1224 1520, 1521, 1522, 1523 bậc Thượng tôn 412,427,429,430,1213,1216 bậc Nhất chủng 794 bậc Thượng tôn cựu học 1132 bậc Nhất lai 778 bậc Tín giải thoát 794 bậc Nhất thiết trí 1308 bậc Tín hành 794 bậc Phạm hạnh có trí tuệ 1095, 1096, 1242 bậc Tịnh dục 1207, 1208, 1212 bậc Pháp Chủ 474, 739 bậc Tịnh Thánh 895 bậc Pháp hành 794, 1302 bậc Tồi Thượng 1061, 1148 bậc Pháp tướng 739, 740 bậc Tri Kiến 168, 169, 831, 835, 934, 935, bậc Thân chứng 794 936, 938 bậc Thăng tấn pháp 795 bậc Trưởng lão Phạm hạnh 554 bậc Thánh 12, 17, 19, 33, 55, 56, 57, 69, 113, bậc Trưởng lão thượng tôn 228, 916 114,129,130,136,137,207,208,209, bậc Tư-đà-hàm hướng 257, 262, 794 211,272,319, 320,321,322, 363,364 bậc Tư pháp 795 365, 369, 373,495, 501, 541, 567, 575, bậc Vô dục 1322, 1323, 1324 611,612,679,705, 762, 782, 793, 794, bậc Vô học 778,795, 1189, 1193 795, 799, 880, 881, 882,920,937,949, bậc Vô Sở Trước 203, 220, 618, 653, 680, 1011, 1031, 1076, 1079, 1081, 1083, 681, 684, 698, 699, 752, 781, 782, 1084, 1088, 1095, 1096, 1098, 1100, 798, 814, 816,817, 818, 821, 831, 835, HOI, 1102, 1106, 1110, 1113, 1114, 850, 852, 856, 857, 868, 869, 872, 940, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1163, 1012, 1051, 1052, 1053, 1054, 1056, 1165, 1168, 1169, 1173, 1174, 1207, 1057, 1058, 1059, 1060, 1062, 1070, 1208, 1212, 1221, 1245, 1256, 1274, 1076, 1193, 1260, 1262 1305 1306 1275, 1289, 1290, 1313, 1314, 1377, 1325, 1368, 1374, 1397, 1399, 1426, 1378, 1379, 1382, 1384, 1387, 1388, 1461, 1462, 1468, 1469, 1470, 1471, 1405, 1421, 1422, 1426 1427 1461 1472, 1478, 1480, 1496, 1497, 1505, 1487, 1501, 1526 1506, 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, bậc Thanh văn A-la-hán 1365 1518,1519,1520, 1521, 1522, 1523 bậc Thật trụ pháp 795 bậc Vô Thượng Điều Ngự 1079, 1084

bậc Vô thượng sĩ 1186, 1189 Bệ-lan-nhã 237 bậc Vô Thượng Thanh Lương 896 biên kiến 692, 695 bậc Vô Thượng Y Vương 767 biện tài 7, 52, 53, 169, 180, 203, 226, 231, bậc Vô trước Chân nhân 383, 387 399, 439, 440, 553, 631, 851, 1083, bậc Vô Trước, Chí Chân 345, 758 1143,1144, 1145, 1261, 1420 bậc Xuất Thế 405, 1024 Biến Tịnh Quang thiên 518, 526, 529, 530 ba định 421,483 Biến Tịnh thiên 245, 648, 650, 1110 ba hành 191 biến xứ gió 1486 ba hạnh xấu ác 295 biến xứ hư không 1486 bà-la 1014, 1015, 1016, 1017 biến xứ lửa 1486 Bà-la-mônAnhVũ 998 biến xứ màu đỏ 1486 Bà-la-môn Thương-ca-la 921, 922, 925, 926 biến xứ màu trắng 1486 Ba-la-nại 356, 357, 358, 469, 470, 473, biến xứ màu vàng 1486 6231396 biến xứ màu xanh 1486 bà Lộc Mầu 627 biến xứ nước 1486 bà-lưu-ly 1335 biến xứ thức 1486 bà-lưu-nê 238, 240, 249 Biệt giải thoát 130, 135, 137,247,319,419, ba mươi bảy đạo phẩm 765 767, 771, 772, 864, 1234, 1372 ba mươi sáu

cú nghĩa 1079, 1080 biệt yết-ma 1315, 1318 bánh xe báu 325, 327, 328, 329, 330, 333, bốn chánh cần 240, 249, 422, 1307, 1514, 388,389, 390, 395,396, 397,425,426, [519, 1520 427, 428, 429, 430, 437, 807, 1044, bốn chỗ nương tựa 1070, 1071 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 1061 bốn chủng tánh thanh tịnh 1466 ba niệm trụ 1079, 1083, 1084 bốn con đường thực hành 1486 Bản ủiởi 5, 6, 1144, 1345, 1346 bốn đại 95, 190, 193, 194, 196, 198, 199, bản ngã 417 498,736, 1006 Bà-sa-bà 859, 872 bốn dấu hiệu 944 ba sự thanh tịnh 1058 bốn đôi tám bậc 799, 1375, 1376 ba sự thị hiện 923, 925, 926 bốn đức như ý 395, 399, 400, 401, 409, bất diệu giới 1199 425, 428 Bát giải thoát 1300, 1301 bốn loại hành thiền 1163, 1170 ba thất 422 bốn loại suy vi 830 ba thọ 142, 188, 722, 1074, 1440, 1448 bốn loại thọ pháp 1155, 1159 ba thứ trói buộc 702 bốn loại thức ăn 182, 1232 Bát thành 1455, 1495, 1497, 1498 bốn mươi phẩm đại pháp 1248, 1249 bất thiện giới 1199 bốn nhiếp sự 882 ba tụ 1437 bốn như ý túc 240, 249, 422, 574, 1308, bảy báu 325, 327, 328, 330, 333, 334, 335, 1339, 1340, 1514, 1515, 1520 336, 337,388,389,390, 395,399,401, bốn niệm xứ 240, 249, 296, 297, 301, 302, 409, 425, 428, 437, 807, 1044, 1052, 303,306,307,422,573,653,659,1201, 1053, 1054, 1056, 1061, 1339, 1340 1202,1307,1326, 1513,1514, 1519 bảy giác chi 240, 249, 296, 297, 301, 302, bốn Phạm trú 43, 44 303, 306, 307, 325, 581, 653, 659, bốn quả Sa-môn 576 1019, 1201, 1202, 1308, 1516, 1517, bốn tâm tăng thượng 16, 17, 136, 137, 493, 1521, 1522 612, 797, 798799 1263 bảy sức mạnh 581 bốn Thánh chủng 423, 575, 576 bảy tài sản 580

1542 KINH TRƯNG A-HÀM

bốn Thánh đế 177,193, 203, 204, 254, 256, bốn tưởng 575, 722, 1484 575, 846, 1063 bốn vô sắc 570 bốn thiền 421, 574, 575, 1515, 1520, 1521 bột hương chiên-đàn 217 bốn tịch tĩnh giải thoát 612 C Ca-duy-la-vệ 67, 667, 737, 738, 745, 1255 câyNi-câu-loại 1055 Cam lộ giới 1202 cây Sa-la 229, 230, 407, 1155, 1213, 1214, cảm thọ 69, 70, 75, 105, 106, 107, 108, 123, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219 124,125, 142,143,188,204,205,206, cây sầu đâu 622, 1029 207,221,276,279,314, 348, 349, 562, cây Thiện Trụ Ni-câu-loại 808 577, 578 579, 580, 606, 641,644, 645, cây Trú Độ 11, 12, 13,336 665, 679, 722, 735, 740, 741, 819, 902, cây tỳ-hê-lặc 828 949, 1005, 1031, 1073, 1074, 1075, cây y-lan-đàn 969, 977 1133, 1167, 1257, 1289, 1290, 1299, chan đế 204, 739, 740, 842, 962, 990, 1338, 1339, 1340, 1356, 1368, 1405, 1070, 1071, 1075, 1086, 1087, 1096, 1406, 1440, 1441, 1442, 1448 1242, 1303 căn nguyên 295, 352, 794, 973, 974, 1033, chánh định 47,48, 76, 96,114,182,183,184, 1044, 1051, 1063 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 209, Càn-thát-bà 171, 523, 855, 856, 860, 872, 211, 379, 380, 381, 382, 387, 405, 520, 896,1060, 1457 581, 602,613,614, 615 632 633 634 Câu-dực 403, 807, 808, 819, 856, 857, 859, 680, 722, 723, 724, 761, 863, 903, 904, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 1008, 1114, 1189, 1216, 1245, 1248, 868, 870, 871 1398, 1432, 1437, 1487, 1517, 1522 Câu giải thoát 651, 769, 795, 1287, 1288, Chánh giác 23, 57, 387, 478, 511, 512, 513, 1300, 1301, 1302 514,551, 62i, 653, 699, 702,797, 799, câu-lăng-già 1336 817, 820, 863, 895, 953, 987, 1070, câu-lâu-la 1336 1256, 1354, 1393 câu-lô-xá 1467 chánh kiến 76, 89, 90, 91, 94, 95, 96, 114, cầu pháp 597,598, 1392, 1393 121, 122, 123, 124, 125, 134, 182, câu-tha 1416 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, Câu-thi 407,408, 409,410,412,417 190, 191, 204, 209, 349, 363, 364, Câu-thi-na-kiệt 229 365, 405, 539, 581, 602, 611 617, cấu uế 88, 519, 585, 586, 587, 588,621, 622, 680,

698, 722, 723, 724, 782, 810, 623, 624, 667,690, 691,692,693, 694, 863, 1008, 1011, 1031, 1114, 1134, 695, 696, 698, 875, 1291, 1294, 1407, 1135, 1136, 1137, 1138, 1149, 1150, 1408, 1409, 1410 1151, 1152, 1189, 1242, 1245, 1246, Ca vịnh 5, 6, 1144, 1261, 1345, 1346 1247, 1248, 1249, 1291, 1294, 1338, cây A-da-hòa-la Ni-câu-loại 621 1398, 1421, 1422, 1425, 1437, 1447, cây bát-đầu-ma 1463 1487, 1517,1518, 1522, 1523 cây Bồ-đề 855, 1030, 1395 Chánh kinh 5,6, 1144, 1261, 1345, 1346 cây cân-đầu-a-lê 1185 chánh mạng 209, 210, 581, 602, 722, 1189, cây chiên-đàn 969, 977, 1463 1245 1247 1437 cây đa-la 42, 408, 409, 412, 540 chánh nghiệp 209, 210, 581,602, 722, 1189, cây Diêm-phù 218 1245* 1246, 1247, 1437 cây Giác 1395, 1396 chánh ngữ 209, 210, 581, 602, 722, 1189, cây Hiền-ta-la 475 1245, 1246, 1437

chánh niệm tỉnh giác 7, 12, 17, 19, 70, 81, châu Phất-vu-đãi 1483 84 90, 157, 229, 281, 283, 285, 286, châu uất-đơn-viết 334, 335, 336, 337 296,297,299,300, 301,302,303, 305, Chiêm niệm thị hiện 923, 924 306, 307, 310,311,312,314,315,478, Chiên-đà-la 146, 147 503, 504, 505, 534 595, 599, 632, 633, chim đề-đế-la-hòa-tra 753 634, 679, 717, 765, 949, 1083, 1084, Chỉ- Quán 422 1088, 1110, 1117, 1163, 1165, 1168, chúng như pháp 1240, 1241 1169, 1173, 1174, 1211, 1215, 1219, chúng phi pháp 1240, 1241 1257, 1269, 1275, 1290, 1308, 1309, chúng Tỳ-kheo-tăng 998 1388, 1405, 1426, 1427 chú nguyện 84, 89, 121, 122, 123, 124, chánh quán 204, 811 125* 126, 412, 459, 782, 1057, 1064, chánh tinh tấn 209,210,581,602,722, 1189, 1245,1246 1245, 1246, 1247, 1248, 1437 chư Phật 5,177,253,255,256,348,846,1063 chánh tri 544, 928, 948 1258 chư Tăng 37, 805, 1498 chánh trí 59, 76, 90, 91, 239, 248, 379, 380, chú thuật 210, 724, 832, 840, 841, 847, 848, 381, 382, 503, 590, 591, 594, 595 624, 850, 851,962, 1247 632, 693, 696, 719, 768, 777, 863, Chuyển Luân Thánh Vương 231, 319, 325, 1080, 1189, 1242, 1248, 1249, 1263, 327, 328, 330, 417, 425, 483, 540, 621 1303,1354, 1367, 1374, 1375, 1518 Chuyển Luân Vương 231, 261, 333, 388, chánh tư duy 55, 56, 57, 209, 210, 283, 285, 389, 390, 393,395, 396,401,402,403, 286, 296, 297, 299, 300, 301, 302, 405,409,417,425,428,429,437 768, 303, 305, 306, 307, 310 311, 312, 769, 807, 1044, 1052, 1053, 1054, 314, 315, 581, 602, 722, 1007, 1163, 1056, 1061, 1200, 1339, 1340 1164, 1165, 1166, 1169, 1170, 1189, cõi ác 94, 95, 163, 164 172, 173, 174, 349, 1245, 1246, 1437 363, 364, 365,441,442, 539,621, 622, chánh tuệ 379,380,381,382 623, 697, 722, 725, 726, 816, 1134, chấp có 57,645, 1181, 1182 1135,1136,1137, 1209 chấp không 57, 644,645,683, 1181, 1182 cõi bất động 723 chấp ngã 360, 645, 702, 1260 cõi có phước 723 chấp thủ 33, 193, 194, 195, 197, 199, 499, cõi Đại Phạm 820 500, 501, 611, 621, 645, 683, 684, cõi Dục 24, 55, 56, 183, 648, 649, 721 735, 738, 739, 740, 741, 777, 1006, cõi hữu dư 500 1010, 1071, 1072, 1085, 1086, 1089, cõi Phạm thiên 168,169,416, 515, 859, 872, 1090, 1091, 1097, 1098, 1103, 1106, 899, 997, 998, 1047, 1109, 1123, 1225 1107, 1167, 1168, 1171, 1172, 1173, cõi Quang thiên 526, 528 1174, 1175, 1176, 1177, 1231, 1232, cõi Sắc 24, 36, 55, 56, 130, 183, 705, 721, 1233 1234, 1260, 1273, 1347, 1350, 775,781 1351, 1352, 1368, 1385, 1406, 1436, cõi Thiện Hóa Lạc 1483 1469, 1506 cõi trời Ba Mươi Ba 11, 12, 13, 167, 266, Chấp Trượng họ Thích 737, 738 267,268,269,335, 336,403,404,405, châu Câu-đà-ni 1483 445,446, 563,807, 808, 809, 810, 853, châu Cù-đà-ni 334, 335, 336, 337 856, 857, 858, 870, 872, 1040, 1094, châu Diêm-phù

39, 42, 239, 241, 250, 333, 1102, 1377, 1378, 1465,1483 334, 335, 336, 337, 388,437,460,461, cõi trời Biến Tịnh Quang 529, 530 807, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, cõi trời Đẳng Tâm 130 1044, 1483 cõi trời Đao-lợi 11, 43, 44, 266, 336, châu Phất-bà-tỳ-đà-đề 334, 335, 336, 337 1047, 1048

cõi trời Đâu-suất-đà 43, 44, 168, 215, 809, 87, 93,97,98,102,115,163, 165, 174, 810, 1377, 1378, 1483 175, 178, 179, 180,204,230,232,257, cõi trời Diệm-ma 43, 44, 168, 809, 810, 262,354,357,358,381,382,386,387, 1377,1378, 1483 389, 390,393,453,465, 561,563, 564, cõi trời Đoàn Thực 129, 130, 133, 134, 135 567, 568,569, 570,628,629, 630, 687, cõi trời Hóa Lạc 43, 44, 168, 809, 810, 1377, 691,692, 694, 695, 700, 759, 765, 777, 1378,1483 789, 790, 791,793,795, 799, 800, 805, cõi trời Hoảng Dục 340, 809,810, 897,1013, 816,817,819, 821, 845, 846, 847, 848, 1048,1110, 1484 854, 855, 858, 873, 874, 875, 881, 882, cõi trời Hữu Tưởng Vô Tưởng 500 913,914,916,936 937,938,943,945, cõi trời Phạm thiên 43, 44, 516, 520, 809, 1012, 1013, 1059, 1060, 1062, 1063, 810,814, 1020 1126, 1127, 1153, 1185, 1191, 1192, cõi trời Quả Thật 1110 1193 1205, 1209, 1249, 1268, 1306, cõi trời Sắc Cứu Cánh 552, 871 1313, 1314, 1327, 1353, 1375, 1376, cõi trời Tha Hóa Lạc 43, 44, 168, 809, 810, 1388, 1394, 1395, 1413, 1414, 1415, 1377, 1379, 1483 1416, 1417, 1468, 1472, 1473, 1480, cõi trời Trường Thọ 781 1481, 1497, 1526 cõi trời Tứ Thiên Vương 43, 44, 176, 809, cung Kỹ Nhạc 858 810, 1378 cư SI bau 325, 327, 328, 330, 333, 388, 389, cõi trời Ý Sanh 129, 130, 133, 134, 135 390, 395, 398, 399, 437, 807, 1044, cõi Tu-diệm-ma 1483 1052, 1053, 1054, 1056, 1062 cõi Tự Tại 1483 cưsĩBô-lợi-đa 1381, 1382, 1388, 1389 cõi vô phước 723 cư sĩ Đệ Thập 1495, 1497, 1498 cõi Vô sắc 183 cư sĩ Thật Y 687, 688, 689, 699, 700 cõi Vô Sở Hữu Xứ 498, 501, lin cư sĩ Thiện Sanh 874 cõi Vô Tưởng 499, 501, 1452, 1453 cư sĩ Tu-đạt-đa 1021, 1024 con dao Thánh 1415 cư sĩ Tỳ-xá-khư 1435, 1436, 1437, 1438, con đường diệt tận 895 1439? 1440, 1441, 1442, 1443 con đường diệt trừ hy luận 863, 864, 865, 866 cư sĩ Ưu-bà-ly 840, 841, 846, 847, 848, con đường hiền thiện 1143, 1144, 1145 851, 852 cổ sử 352, 973, 974, 1033, 1044, 1051, 1063 cứu cánh Niết-bàn 204, 930, 931, 1473 cửa bất từ 1410, 1497 cứu cánh Phạm hạnh 69, 867, 868 cửa pháp bất tử 1497 cứu cánh thanh tịnh 69, 867, 868 Cù-đà-lê-xá-đa 810 cứu cánh tịch diệt 951 Cù-đàm-di 707, 745, 746, 747, 748, 749, Cứu cánh trí 493, 505, 511, 768, 929, 1302, 750, 751, 1141, 1191 1303, 1304, 1432, 1433 cúng dường 5, 37, 38, 39, 47, 67, 71, 79, cửu cánh vô lậu 762 D danh sắc 189, 190, 314, 315, 573, 642, 643, Diệt tưởng tri 814 1361,1362,1363,1364,1365,1518 diệu dụng của định 1438 danh thân 642 diệu giới 1199 dạ-xoa 859, 1225 diệu hạnh 210, 296, 297, 301, 302, 303, 306, Diêm vương 365, 366, 367, 368, 372, 373 307, 535, 539,613,614,615,670, 877, diệt độ 36, 177, 295, 320, 322, 373, 934, 1002, 1035, 1235, 1339, 1341 1158, 1358, 1359 Diêu-vưu-na 39,42,239,241,250 diệt giới 1199 do-diên 11, 238, 240, 345, 369, 370, 377, Diệt tận định 814, 1439, 1440, 1450, 1451 398, 408,410,411,412

do-tuần 11, 42, 43, 246, 249, 250, 507, dục lậu 24, 383, 501, 539, 679, 698, 721, 1372, 1467 765, 949, 1032, 1207, 1212, 1237, dục ái 187, 641, 736, 916,1003, 1004, 1322, 1254, 1291,

1388, 1399 1323,1324 du sĩ ngoại đạo 932, 943 dục định 438, 574, 1410, 1515, 1520 dusĩTi-lô 943, 945, 950 Dục giới 23, 129, 215, 245, 266, 511, 1040, du sĩ Vô Nhuế 687, 688, 689, 698, 699 1041, 1109, 1198, 1401 Đ đắc định 383, 758, 1031, 1032, 1083, 1084, đấng Tạo hóa 516 1207, 1215, 1219, 1290 đấng Toàn năng 516 đắc pháp 126, 177, 254, 256, 350, 567, 568, đấng Tối tôn 516 569, 570, 698, 699, 768, 846, 871, đấng Tôn sư 681,682, 731,736, 1148 1008, 1063, 1076, 1223, 1224, 1388, đạo nhãn 1113, 1114, 1119 1393,1394, 1434 đạo Ni-kiền 1372 đại giới 1416 đạo phẩm 177, 253,255, 348,475,485, 765, Đại Lâm 218, 253,255 775, 846, 1395, 1397, 1398, 1432 đại mạn 622, 623, 624 Đạo phẩm pháp 549 Đại Phạm thiên 340, 872, 897 đạo sĩ bện tóc 345 Đại Sa-môn 1268, 1269, 1270, 1271, 1272, đầu-đầu-la 101, 690, 1157 1273, 1276 Đề-bà-đạt-đa 725, 726 đại sư Mâu-lê-phá-quần-na 809 đề-đế-nghê-già-la 238, 240, 249 đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa 810 đề-hồ 8, 791, 906, 1112 đại sư Thiện Nhãn 43, 44, 809 đế-nghê 238 đại thần Sư Tử 97, 98, 103 đế-nghê-già-la 238, 240, 249 đại thần Thi-lợi-a-đồ 1475 đề-ti 1335 đại thần Thi-lợi-a-trà 1492 đề-tỉ-già-la 1335 đại thiên thế giới 1368 địa giai 75, 193, 194, 547, 548, 573, 656, Đại Tiên Nhan 855, 856, 857, 858, 860, 861, 1071,1198, 1233 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, địa ngục Sáu Xúc Xứ 818 870, 871, 872, 1225, 1226, 1395 địa ngục Sông Tro 370 đại tưởng 575 địa than 1225, 1226 Đại tướng Bà-nan 938, 939 điện Chánh Pháp 898 Đại tướng Trường Tác 1467 điển thủ 422 Đại tướng Tỳ-lưu-la 1459, 1464, 1466, 1492 Điều Ngự Trượng Phu 44, 87,115, 337, 362, Đại vương Tỳ-sa-môn 857 391, 392,405,417, 684, 781,782,798, đấm trước 22, 207, 208, 209, 379, 380, 381, 821, 856, 857, 946, 1024, 1048, 1051, 382,428,443, 561, 639, 640, 723, 735, 1052, 1059, 1060, 1070, 1262, 1325 737, 738, 739, 740, 741, 916, 1002, 1368, 1374 1399, 1426, 1513, 1514, 1008, 1080, 1081, 1082, 1089, 1090, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1187,1231,1322, 1323, 1324, 1398 1521, 1522, 1523 đấng ban phước lành 516 định Bất động 552, 559, 771, 772, 1452 đấng Chuyển Pháp Luân 53 định căn 578, 778, 794, 859 đấng Điều ngự 369 định chánh kiến 1149 đấng Nhật Thần 783, 855, 870 định giác chi 325 đấng Pháp Chủ 1086, 1087, 1096, 1242 định lực 578 đấng Pháp tướng 53, 1086,1087, 1096,1242 định quán sát 813 đấng Sáng tạo 516

định tĩnh 123, 194, 196, 197, 198, 199,276, Đoạn trí 1084, 1112 279,280, 352, 353, 359, 538, 544, 545, động đáNhân-đà-la 853, 854, 857 546, 547, 548, 549,601,602,673,674, đồng nữ Bà-di-lợi 1492 675, 679, 889, 918, 947, 1057, 1058, đồng sự 265, 882 1279, 1280, 1281 Đông Viên 627, 757, 927, 1009, 1203, 1251, Định tụ 1437 1371,1391, 1475 định Vô ngại 424 đức Di-lặc Như Lai 391 định Vô sơ hữu 1275, 1452 đức Phật Giác-lịch-câu-tuân-đại 814 định Vô tưởng 1452, 1453 Đức tinh 468, 469 đoạn nghi 383, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 929, 948, 1062, 1211 G Giác ngộ Tôi thượng 1367 602, 611,612,631,644, 645, 646, 647, giác tri 208 679, 681,684,685,742, 782,794, 816, Già-di-ni 61, 93, 94, 95, 96, 115, 116, 117, 817, 822, 823, 824, 857, 870,880, 881, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 882, 899,901,927,928,935,946,959, 125,126 960, 1012, 1069, 1070, 1076, 1132, giải thoát tri kiến 277, 280, 291, 319, 320, 1227, 1228, 1241, 1261, 1262, 1289, 321, 322, 778, 799, 1260, 1261, 1375, 1303, 1305, 1306, 1307, 1312, 1313, 1376,1408, 1409 1314, 1325, 1360, 1382, 1384, 1387, Già-lam viên 87 1416, 1417, 1457, 1468, 1497 giảng đường

Câu-tát-la 1412 gia trì oai lực 758, 769 giảng đường Chánh Pháp 336 giới bất thiện 1187, 1188, 1189 giảng đường Lộc Mầu 627 giới cấm thủ 23, 511, 684, 692, 695, 702, giảng đường Lộc Tử Mau 757, 927, 1009, 1401, 1402, 1403, 1404 1239, 1251, 1371, 1391, 1475 giới Cụ túc 355 356, 701, 702, 703, 748, giảng đường Thiện Pháp 403, 404 749, 750, 751, 822, 824, 825, 1008, giảng đường Trùng Các 97,219,253,259,563 1059, 1286, 1288, 1289, 1434, 1471 giáo hóa 74, 75 133, 145, 169, 174, 179, giới đức 84, 117, 420, 421, 553, 866 203, 204, 227, 239, 240, 248, 249 Giới giải thoát 426, 427, 429, 430, 438 327,328, 331,333,379, 380, 388,389 giới hạnh 291, 918, 1025 390,396,401,402,426,428,437,688, giới luật 233, 319, 320, 321, 322, 474, 612, 807, 846, 847, 848, 1044, 1052, 1053, 702, 767, 777, 915, 962, 1269, 1270, 1054, 1056, 1062, 1079, 1083, 1084, 1271,1273, 1276, 1303, 1501 1193,1228, 1433, 1434, 1526 giới pháp 920, 965, 966 giáo huấn 501, 520, 521, 582,615, 700, 731, giới Sa-môn 903 736, 930, 931,1049, 1264,1284,1302, giới thiện 172, 173, 1187, 1189 1303,1309, 1310 giới trọng 693 Giáo huấn thị hiện 923, 924, 925 Giới tụ 1437 giáo pháp 5,6,7,8,22, 44,51,71, 132, 139, giới vô thượng 1416 149, 194, 196, 198,200,203,233,234, gốc rễ bất thiện 729, 730, 1445 235,239,240,241,248,249,250,251, gốc rễ thiện 319, 320, 321, 322, 494, 1445 310, 373, 507, 508, 509, 510,511,512, gương pháp 1202 513,514, 544, 560, 580, 588, 592, 601,

H Hắc Tỳ-kheo 627 Hiền Nguyệt sắc 854, 855, 872 Hại-đề-bà-la-ma-nạp 810 hiện pháp lạc trú 226, 231, 612 hại giới 1198 hiện tại giới 1199 hạ liệt 1113, 1259 Hiền thánh 5, 1398 hang núi Ta-la-la 533, 534, 541 hoa a-đề-mâu-đa 409, 412, 421, 595, 753 hang Thất Diệp 670 hoa ba-la-đầu 409, 753 Hành Bát-niết-bàn 35, 795 hoa bà-sư 409, 412, 421, 595, 753 hạnh biết đủ 156, 494, 537, 937, 1215, hoa ca-ni-ca-la 1485 1219, 1236 hoa chiêm-bặc 409,412, 421,595,753 hành đạo 44, 166, 351, 475, 814, 922, 923, Hỏa định 347 924, 925, 926 hỏa giới 75, 193? 197, 547, 548, 573, 656, hạnh diệt tận 438 1071, 1072, 1198, 1233, 1234 hành giả 347,498, 602, 612, 619,1279,1280 hoa ma-đầu-kiện-đề 409 hành giới 535, 1018, 1198 hoa mạn-đà-la 217 hạnh ít ham muốn 47, 48, 1215, 1219 Hoàng hậu Mạt-lợi 1185, 1490, 1492, 1493 hạnh không buông lung 1300, 1301, 1302 hóa sauih 440 767, 973, 974, 975, 976, 977, hạnh không ngồi 670, 671 978,980,982,1009,1010,1011,1012, hạnh một lần ngồi ăn 1278, 1285, 1286 1013, 1016, 1158, 1496, 1497 hành nghiệp 69, 697, 1114, 1124, 1126, hoa sen đỏ 217, 408, 409, 411,618, 753 1127, 1128, 1129, 1413 hoa sen hồng 217, 408, 409, 411,618, 753 hạnh nghiệp 538 hoa sen trắng 217,408,409,411,618,619,753 hạnh ở nơi thanh vắng 47, 48, 1215, 1219 hoa sen xanh 217, 408, 409, 411, 421, 528, hành pháp bất mạn 749, 750 529, 546, 595,618,619, 753, 905, 932 hạnh Sa-môn 595, 627 628, 629, 630, 903, hoa tần-đầu-ca-la 1485 904, 932 hoa tu-kiện-đề 409 hành thiền Hữu dư 1177 hoatu-ma-na 409,412,421,595,753,905,932 hành thủ uẩn 193,201,207,571, 1231, 1435 hoa Ưu-đàm-bát-la 225 hạnh tịch diệt 1410 hoa văn-đà-la 217 hạnh tntuệ 47, 48, 136, 137, 937, 1461 hồ Hằng-già 247, 771, 1315 hạnh viễn ly 59, 112, 343,438,491,494, 509, hôn trầm 89, 479, 480, 481, 482, 484, 508, 510, 537, 561, 563, 564, 688, 699, 854, 530, 538, 622, 929, 948, 1047, 1207, 869, 916, 929, 937, 948, 1031, 1032, 1211, 1237, 1513 1207, 1237, 1261, 1262, 1263, 1279, huân tập 88, 95,617, 734, 801, 802 1289 1290, 1291, 1393, 1394,

1410 huệ thi 265,882, 1070, 1075 hạnh vô dục 59, 438, 1410, 1515, 1516, hư không vô lượng 1084, 1088, 1089 1517 1520, 1522 hương giới 1198 hạnh vô sự 1219 hướng pháp thứ pháp 8, 567, 679, 799, 1007 hạnh xả 600, 601, 1410 hương xứ 572, 1199 hạnh xa lìa 478, 479, 480, 481, 482, 487, hữu ai 300 488,489, 544, 545, 546, 547, 548, 549, hữu biên 1505, 1506, 1507, 1508, 1509, 701, 1215, 1219, 1440, 1515, 1516, 1510, 1511 1517,1520, 1522 hữu đối tưởng 648, 650, 651, 1084, 1088, hào hữu ái 1352 1089, 1111, 1164, 1166, 1167, 1169, hào vô minh 1352 1175, 1275 Hiền giả A-kỳ-xá-na 1321, 1322 Hữu dư 50, 493, 505, 1177, 1284, 1302, 1307, 1312

1548 KINH TRUNG A-HÀM

Hữu học 778,793, 1189 hư vọng 109, 700, 799, 895, 896, 988, 989, hữu lậu giới 1199 1075, 1131, 1132, 1241, 1343, 1344, hữu ngã 643, 646, 647, 648 1353, 1355 1356, 1425, 1426, 1507, hữu ngại tưởng 1405 1508, 1509, 1510 hữu tưởng 1076, 1439, 1451 huyễn thuật 116, 117, 118 hữu vi giới 1199 hỷ giác chi 325 hư vô 1353,1486 hy giới 1198 hý luận 492, 494, 495

Kê-hòa-đa 1355, 1368 459, 493, 589, 592, 797, 822, 846, 941, Kệ-tha 5,6, 1144, 1345, 1346 943,983,1058,1148,1215,1225,1495 Kê Viên 1495, 1497 kiêm-bà-la báu 410 khất thực 49, 77, 157, 162, 218, 219, 229, kiến chấp 57, 74, 75, 474, 611, 643, 644, 234, 317, 360, 361, 379, 380, 381, 645, 646, 647, 648, 762, 980, 981, 382, 385, 386,476, 524, 533, 543, 561, 1181, 1348, 1349, 1350, 1351, 1352, 569, 589, 592, 595, 709,710, 711, 713, 1366, 1486, 1505 714, 715, 737, 738,814,815,818, 825, kiến giải xuất ly 1314 830, 871, 874,901,903,933 967,999, kiến thủ 186, 684, 692, 695 1018, 1025, 1026, 1034, 1035, 1036, kiếp hoại 340,539,697,897,1031,1290,1421 1037, 1064, 1121, 1122, 1147, 1220, kiếp thành 340, 539, 697, 897, 899, 1031, 1221, 1228, 1255, 1267, 1268, 1269, 1290, 1421 1313 1396, 1398, 1411, 1415, 1419 kiết-già 25,49, 112,177,232,235,266,267, khẩu hành thanh tịnh 1206 268,269,318,345,360,361,382,414, khẩu nghiệp từ hòa 477, 1222, 1223, 1313 475 537,538,541, 543, 560,602,737, khinh an giác chi 325 738,754,813, 814, 828, 829, 848, 849, khổ giới 1198 901, 923, 929, 948, 999, 1000, 1030, khổ hạnh phiền lao 690 1069, 1099, 1100, 1207, 1216, 1219, không giác không quán 12, 17, 19, 483, 484, 1220, 1237, 1240, 1259, 1267, 1395, 485,504,505,679,924,949,1031,1087, 1458, 1472, 1476 1088,1109, 1274, 1275, 1290, 1405 kiết sử 23, 31, 34, 35, 36, 57, 59, 76, 129, không giới 75, 547, 548, 573, 656, 1071, 130, 131 143,258, 511, 512, 513, 514 1072,1198, 1233, 1234 551, 552, 759, 768, 783, 788, 794, Không vô biên xứ 565, 570, 575, 648, 649, 795, 860, 870, 953, 1214, 1217, 1233 650, 651, 705, 706, 1074, 1082, 1084, 1234, 1349, 1350, 1351, 1354, 1401, 1088, 1089, 1111, 1164, 1166, 1167, 1402, 1403, 1404, 1441, 1496 1169, 1174, 1175, 1176, 1252, 1253, kiêu mạn 84, 90, 93, 602, 762, 819, 1010, 1275, 1405 1260, 1305, 1306, 1349, 1350 khổ, tập, diệt, đạo 177, 253, 256, 348, 352, kinh hành 49, 176, 177, 220, 229, 257, 261, 358, 748, 846, 1063, 1192 560, 813,980,1009,1239,1240,1259 khổ uẩn 661,662,663,664,667,668,669,670 1458, 1468 khuyến phát, khát ngưỡng 48, 87, 245, 415, Ký thuyết 5,6, 1144, 1261, 1345, 1346 L lá câu-xá 873, 874, 875 làng A-hòa-na 543 lạc giới 1198 làng Ngũ Sa-la 597 lạc trú trong xả 1088, 1110, 1163, 1165, lập niệm tại pháp 658, 659 1168, 1169, 1173, 1174 lập niệm tại tâm 658

lập niệm tại thân 654, 655, 656, 657, 1368 Luật hiện diện 1309, 1310, 1314 la-sát 171 238,240,249, 523, 856, 860, 887, Luật không si mê 1309, 1310, 1311 889, 892, 893 1060, 1457, 1459, 1525 Luật nhiều người chỉ tội 1309, 1311, 1312 lầu gác Chánh Pháp 539, 540 Luật nhiều người tìm tội 919 Lậu tận thông 159, 539, 541,718 Luật nhớ lại 1309, 1310 Lậu tận trí 112, 158, 383, 718, 949, 1032, Luật như vứt bỏ rác rưởi 1309,1312,1313,1314 1207,1291,1388, 1399, 1417 Luật triển chuyển 1309, 1312 lễ Hạ điền 218 Luật tự phát lồ 919 liễu tri 232, 506, 768,1183, 1300,1301,1513 Luật tự tỏ bày tội lỗi 1309, 1311 lợi hành 265,882 Luật ức niệm 919 luân hồi 718, 1354 lực Biến tri 1396 luận phiếm 159 lục nhập 189,314,315 luận sĩ 121, 122, 932, 944 ly hỷ trú xả 949 Luật bất si 919 Ly-xa 41,97, 98 M Ma Ba-tuần 393, 394, 515, 516, 521, 549, 1029, 1051, 1052, 1059, 1060, 1148, 550, 551,680,814,818, 820 1180, 1181, 1182, 1183, 1226, 1229, Ma-đâu-lệ 425, 855 1248, 1249, 1325, 1461 Ma-ha-ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di 1191 Ma-xí 39,42,239,241, 250 Ma-kiệt-đà 25, 166, 247,317, 345, 346, 347, Minh đạt thứ ba 1032 350, 559, 853, 859,911, 912, 915, 933, Minh đạt thứ hai 1031 934, 935, 936, 938, 939, 940, 941, Minh đạt thứ nhất 1031 1051, 1063, 1069 Minh hạnh Vô thượng 1010 mạn sử 1234, 1237 mười biến xứ 1486, 1517, 1518, 1522, 1523 Mao mã vương 340,341,397, 890, 891, 892, mười hai xứ 1199 893, 897, 899 mười pháp đáng tôn kính 936 Ma vương 16, 17, 75, 87,110,115,221, 394, mười pháp vô học 1294, 1518, 1523 438, 520, 700,726, 737, 738, 752,758, mười tám công đức 551, 552 813,821,851, 895, 906, 946, 964, 968, mười tám ý hành 1070, 1071, 1079, 1080 N năm căn 240, 249, 578, 811, 1308, 1449, năm thủ uẩn 75, 184, 193, 201, 204, 207, 1516, 1521 571, 572, 724, 1008, 1231, 1260, 1435 năm dục 337, 443, 444, 445, 858, 1002, năm tướng 673, 675 1003, 1004, 1025, 1325 năm tưởng giải thoát 576 năm hạ phần kiết sử 23, 33, 34, 35, 36, 258, năm uẩn 185, 204, 766 511, 512, 513, 514, 552, 954, 1065, năm xứ giải thoát 576, 578 1158, 1354, 1401, 1402, 1403, 1404, năm yếu tố tinh cần 1461, 1462 1496, 1497 Na-nan-đại 1381 năm loại dục 11, 662, 680, 723, 994, 1002, ngã mạn 93, 320, 321, 322, 553, 602, 622, 1021, 1022, 1180, 1260 765, 970, 1126, 1127, 1234, 1260 năm loại ngăn che 295, 296, 299, 300, 301, nga quỷ 167, 372, 722, 723, 781, 787, 794, 305, 306, 383, 538, 653, 659, 1237 797, 799, 1046 năm pháp gây chướng ngại 993 ngã sở 33, 34, 35, 36, 348, 1234, 1260 năm thứ ngăn che 112, 929, 948,1201, 1202, ngày Bố-tát 395,396 1207, 1399, 1426, 1513, 1514, 1515, ngày rằm thuyết giới 247 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1521, ngày thuyết giới 419, 890 1522, 1523 nghĩa và phi nghĩa 1241, 1242

nghiệp bất thiện 63, 64, 65, 68, 69, 79, 80, nhĩ thức 191,572, 587, 1198 81, 83, 84, 85, 93, 94 110, 624, 670 nhĩ thức giới 1198 730, 787, 1187 nhĩ tư 573 nghiệp và nghiệp xứ 1124, 1129 nhĩ tưởng 572 nghi quỹ 352,973,974,1033,1044,1051,1063 nhĩ xứ 75, 189, 572, 1079, 1199 nghi tùy miên 1402 nhĩ xúc 572, 1071, 1079 ngoại đạo A-di-na 1239 Nhơn-đà-la 1353 ngoại đạo Man-nhàn-đề 999, 1000, 1005, Như kỳ tượng định 224, 232, 248, 347, 491, - 1006, 1008 493, 552, 559, 771, 808, 809, 954 ngoại không 1256, 1258, 1259 Như Lai 16, 18, 38, 44, 49, 52, 53, 77, 78, ngọc báu 377, 388, 389, 390, 395, 398, 409, 79, 83, 87, 101, 102, 113, 115, 116, 410,424,437,1044,1052,1053,1054, 117,118,131,144,145,

146,168,169, 1056, 1061 180,203 220,221,223,225 226,229, ngọc nữ báu 325,327,328,330,333,413,807 230,231,242,244,245,246,248,249, ngọn đèn Chánh pháp 425 250,251,257,262,271, 325,327,328, ngộ pháp thanh tịnh 126, 177, 254, 256, 350, 331 337,349,351,354,355,356,357, ' 846, 871,1008,1063,1076,1388,1434 358, 360, 361, 362 364, 372,379, 380, ngựa báu 325, 327, 328, 330, 333, 388, 389, 381, 382,383,388,391 392 393 395, 390, 395, 397, 398, 437, 807, 1044, 405,407,416,417,438,492,509,510, 1052, 1053, 1054, 1056, 1061 514, 519, 521, 534, 541, 542, 544, 561, người Già-đà-bà-lê 1343, 1351 564, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 578, người Lệ-xế 563, 564 580, 581, 582, 597, 599,615,618, 631, Nhạc Thanh 897, 899 645,653,661,677,678,679,680,681, nhạc thần Ngũ Kết 853,855,856,857,871,872 684,693,698,699,700, 706,725,726, Nhạc vương Đam-phù-lâu 855, 872 727, 728, 729,730,731,736,737,747, nhãn ái 573 751, 752,758,766, 767, 768,772,781, nhãn căn 57, 200, 201, 484, 537, 572, 928, 782,794,798, 799, 806, 813, 814, 816, 929, 948, 1000, 1097, 1098, 1206, 817, 818, 820, 821, 822, 831,835, 845, 1236, 1449 850, 852, 854, 856, 857, 858, 859, 863, nhân duyên 5, 6, 352, 573, 582, 1144, 864, 865, 866, 868, 869, 870,872, 875, 1345, 1346 895, 896, 903,906,918,928,929,934, nhãn giới 1198 935, 936, 938, 940, 944, 945, 946 nhãn thọ 572 949, 959, 960, 998, 1000, 1005, 1006, nhãn thức 191 1012, 1023, 1024, 1029, 1030, 1048, nhãn thức giới 1198 1049, 1051, 1052, 1053, 1054, 1056, nhãn tưởng 572 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, nhãn xứ 75, 189, 200, 201, 572, 1079 1065, 1070, 1076, 1083, 1084 1102, nhãn xúc 572,642, 1071, 1079 1107, 1113, 1122, 1128, 1133, 1136, nhà trí tuệ vô thượng 540 1137, 1138, 1139, 1144, 1145, 1191, nhĩ ái 573 1193, 1200, 1210, 1220, 1227, 1228, nhiếp hóa 265 1229, 1251, 1254, 1260, 1261, 1262, nhiếp trì 121, 122, 125, 126 1263, 1264, 1285, 1286, 1287, 1298, Nhiep tụng 3, 61, 127, 213, 273, 323, 375, 1301, 1305, 1306, 1307, 1314, 1325, 463583,635,707,743,909,985,1067, 1326, 1327, 1345, 1349 1350, 1353 1141,1203, 1265, 1369, 1455, 1488 1354, 1357 1358, 1359, 1360, 1363, nhĩ giới 311, 1198 1365, 1367, 1368, 1374, 1375, 1376, nhĩ thọ 572 1392, 1396, 1397, 1399 1401, 1410,

SÁCH DẪN 1551

1426, 1443, 1461, 1462, 1468, 1469, 1031, 1274, 1275, 1290, 1388, 1405, 1470, 1471, 1472, 1476, 1478, 1481, 1426, 1427 1487, 1496, 1497, 1505, 1506, 1507, nữ gia chủ Bệ-đà-đề 1279, 1280 1508, 1509, 1510, 1511, 1513, 1514, núi Ba-la-la 227 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, núi Cá Sấu 491, 493, 559, 585, 813 1521,1522, 1523, 1528 núi chúa Tu-di 42, 43, 906 niệm bất thiện 318, 673, 674, 675, 786,1187, núi Thứu Nham 911, 912, 915 1188, 1189 núi Tu-di 335,336,818, 1483 niệm căn 578, 778, 794 núi Tượng Đỉnh 1395 niệm dục 58, 416, 601, 603, 677, 678, 679, núi Tỳ-đa-la 670 680, 702, 786, 953, 1188, 1259 nước Ba-hòa 852 niệm giác chi 59, 325, 659, 918, 1516, nước Bà-kỳ 491, 493 1517, 1522 nước Bạt-kỳ 243, 503, 725, 911, 912, 913, niệm hại 58, 677, 678, 679, 680, 702, 786, 914,915, 1225, 1226, 1305 953, 1145, 1188, 1259 nước Bạt-sa 37, 611 niệm hơi thở ra 545, 654 nước Ca-thi 1295, 1296, 1297, 1492, 1493 niệm hơi thở vào 545, 654 nước Ca-tư 356 niệm lực 578 nước Câu-lâu 55, 309, 497, 637, 653, 681, niệm sân 58, 677, 678, 679, 680, 702, 786, 721, 833, 834, 1113, 1159, 1171, 843,844, 953, 1188, 1259 1227, 1245 niệm thân 146, 147, 148, 149, 543, 544, 545, nước Câu-sa-la 465,466,468,469,470,471, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552 472, 473, 597, 1025, 1027 niệm tưởng ánh sáng 547 nước Câu-tát-la 5, 25,

351, 439, 440, 1012, niệm vô dục 677,678, 679, 680, 1188, 1259 1412, 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, niệm vô hại 677, 678, 679, 680, 1259 1462, 1463, 1464, 1465, 1466, 1467, niệm vô sân 677, 678, 679, 680, 1259 1468, 1473, 1475, 1476, 1477, 1478, Niết-bàn vô thượng 576, 577, 578, 600 1479, 1480, 1481, 1483, 1490, 1491, Ni-kiền Thân Tử 837, 839, 841, 847, 848, 1492, 1493 849, 850, 852,1305,1306,1308,1412, nước Câu-xá-di 465, 607, 611 1413, 1420 nước Chi-đề 491,493,495 Ni-kiền Trường Khổ Hạnh 837, 838, 839, nước Dư-ni 975 840, 841 846, 847, 848 nước Gia-xá 465,466,468,470,471,472,473 ni-sư-đàn 345, 537 nước Kim Cang 243 nội kết 658 nước Tỳ-đà-đe 395, 1051, 1052, 1059, nội không 1257,1258, 1259 1060, 1063 nội tâm dừng lắng 1214, 1217 nước Ương-già Ma-kiệt-đà 1412 nội tâm tịnh chỉ 717, 718 nước Ương-kỳ 543, 1205, 1209 nội tĩnh nhất tâm 12, 17, 19, 679, 949, nữ tỳ Hắc 1280

Phạm chí A-già-la-ha-na 1039, 1042 Phạm chí Đầu-na 1033, 1037 Phạm chí A-lan-na 1044, 1045 Phạm chí La-ma 1391, 1392 Phạm chí Bà-la-bà 999, 1000 Phạm chí Na-lợi-ương-già 1491, 1492 Phạm chí Chiên-trà-la 1034, 1036, 1037 Phạm chí Phạm-ma 1051, 1052, 1053, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên 933, 934, 1054, 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, 940, 941 1064, 1065 Phạm chí Đà-nhiên 161, 162, 163, 164, 165, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la 992, 993, 994 166, 169,319 Phạm chí Quốc sư 428,429,466,467,468,471

1552 KINH TRUNG A-HÀM

Phạm chí Thương-già 993 1427, 1428, 1432, 1433, 1434, 1443, Phạm chí Thủy Tịnh 621, 624 1461, 1464, 1465, 1469, 1470, 1471, Phạm chí Thủy Tịnh Diệu Hảo Thủ 625 1472, 1473, 1499, 1507, 1508, 1509, Phạm chí Tùy-lam 1022, 1023, 1024 1510, 1511 Phạm chí uất-sấu-ca-la 963, 964, 965, 967, Phạm luân 1248, 1249 968, 969, 970, 971 Phạm thanh tịnh 1465 Phạm chí vượt giới hạn 1034, 1036 Phạm thất 43* 168,416,422, 809,1047,1048 Phạm hạnh 13, 17, 18, 24, 26, 27, 28, 29, Phạm thế giới 1483 30, 33, 44, 45, 49, 50, 52, 53, 58, 63, pháp ác bát thiện 262, 413, 438, 492, 495, 69, 80, 87, 88, 102, 113, 115, 132, 135, 497, 574, 632, 665, 929, 940,948, 953 136, 137,140, 141,142,143,145,146, 1030, 1207, 1208, 1212, 1223, 1259, 147,148,149,201,204,215,226,228, 1260, 1261, 1262, 1263 1267, 1268, 232,241,250,254,256,259,260,261, 1274, 1367, 1368, 1374, 1375, 1376, 277,280,291,293,337,338 343 346, 1377, 1385, 1386, 1387, 1399, 1400, 347, 350, 352, 355, 356, 358, 362, 372, 1461, 1515, 1519, 1520, 1521 379, 380, 381, 382, 383, 389, 390, 391, pháp bất thoái 23, 552, 702, 794, 954, 1065, 392,393 394, 396,397,399,400,401, 1158,1354, 1496, 1497 402,403,405,414,417,420,426,428, pháp Ca-hy-na 534, 541, 542 438,477,485,495, 501, 503, 506, 507, pháp cao tột 581, 582 511,512, 534, 535, 539, 541, 552, 554, pháp chấm dứt 968, 969, 970, 1309, 1314 562, 564, 571, 572, 573, 574, 575, 576, pháp chân nhân 567, 568, 569, 570 577, 578, 580, 581, 582, 590, 591, 593 pháp chân thật 567, 568, 569, 570, 990, 594, 596,600, 602,603, 604,605,606, 1245, 1348 607, 608,612, 613,614,615,619, 628, pháp chướng ngại 229, 1343, 1344, 1345 629, 630, 645, 680, 685, 689, 698, 699, pháp của Phạm chí 1205 700, 703 721, 722, 723, 724, 737, 738, pháp của Sa-môn 74, 75, 809, 1205 739,740, 742, 745,746, 747,751,754, pháp đa giới 1202 755, 758, 765, 766,768, 772, 773, 777, pháp dẫn đến giác ngộ 968, 969, 970 781, 782, 783, 786, 821, 822, 823, 825, pháp đen 427^429, 430,1229 827, 828, 858, 867, 868, 871, 916, 917, pháp

diệt tận 95, 194, 195, 196, 197, 198, 919, 920, 922, 923, 925, 926, 929, 932, 199, 295, 968, 969, 970 936, 946, 949, 954, 990, 996, 999, pháp diệt tránh 919 1005, 1008, 1019, 1024, 1025, 1032, pháp do duyên khởi sanh 573 1034, 1035, 1036, 1041, 1043, 1044, pháp duyên khởi 637 1045, 1048, 1051, 1052, 1059, 1060, pháp gây tổn hại 1120 1062, 1070, 1076, 1079, 1085, 1086, pháp giai 144, 1198, 1202 1087, 1094, 1095, 1096, 1100, HOI, pháp hằng hữu 1348, 1352 1109, 1113, 1144, 1146, 1147, 1148, pháp hướng đến cõi lành 968, 969, 970 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1157, pháp hướng thượng 615 1158, 1171, 1189, 1205, 1206, 1207, pháp hữu lậu 929, 1293 1212, 1213, 1214, 1217, 1222, 1223, pháp hữu tránh 1118, 1119, 1120 1224, 1232, 1234, 1235, 1237, 1241, pháp hữu vi 41, 42, 43, 906 1242, 1245, 1254, 1261, 1262, 1263, pháp hủy hoại 736, 1006 1289, 1291, 1292, 1301, 1302, 1313, pháp hy hữu 215, 216, 217, 218, 219, 220, 1314, 1325, 1345, 1352, 1357, 1373, 221,226,227, 228, 229, 232,234, 235, 1382, 1383, 1384, 1388, 1393, 1395, 237,238,239,240, 241, 242, 249, 250, 1397, 1398, 1400, 1406, 1407, 1409, 251, 255, 258, 267, 268, 270, 271, 272

pháp khoe khoang 925 pháp vô tránh 1118, 1119, 1120 pháp khổ hạnh 99, 100, 101, 990 pháp vui 1267, 1268 pháp không gây tổn hại 1120 Pháp vương 327, 333, 388, 389, 390, 395, pháp không hoại diệt 1351 403,404, 409, 425, 437, 1061, 1473 pháp không si 1159 pháp xứ 572,1199 pháp kiên trì 1410 pháp xuất lỵ 918, 920, 939 pháp kính trọng 748, 749, 750 Phật Ca-diep 215, 1102 pháp ngu si 1329, 1337, 1338 Phệ-xá 1018 pháp Phạm hạnh 990 phi học phi vô học giới 1199 pháp quán không 937 phi hữu 737, 738 pháp quán tuệ tối thượng 717, 718 phi hữu tưởng 1486 pháp sanh thiên 177, 253, 255, 348, 1063 phi-na 1022 pháp suy thoái 728, 729, 730, 1304 phi nhân 176, 538, 886, 888, 924 Pháp, Tăng, Giới 916 phi pháp 210, 379, 380, 381, 382, 396, 397, pháp tan hoại 95,348, 1358, 1359 401,402,426, 428,432,437, 567,613, pháp tan rã 736, 1006 614, 615,621,622, 789, 790, 791, 835, pháp thiện vi diệu 1267, 1268 858, 875, 928, 959, 1015, 1027, 1240, pháp thoái thất hoàn toàn 1407, 1408 1241, 1242, 1247, 1307, 1312, 1326, pháp thượng nhân 477, 478, 991, 992 1330,1348 pháp trần 201, 572, 1097, 1098, 1256 Phi Thánh cầu 1392 pháp trắng 427, 429, 430, 1229 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ 500, 570, 575, pháp trì trai mục đồng 1371 612,649,650,651,705,706,765,1074, pháp trì trai Ni-kiền 1371, 1372 1082, 1084, 1088, 1089, 1112, 1164, pháp trì trai tám điều bậc Thánh 1371, 1372 1165, 1166, 1167, 1170, 1177, 1183, pháp trí tuệ 1329, 1338 1224, 1253, 1276, 1394, 1497, 1502 pháp tu tinh tấn định 1410 phi tưởng trí 1088, 1089 pháp Tỳ-kheo 946, 1471 phi vô tưởng xứ 649, 1112, 1276, 1486 Pháp va Luật 99, 100, 139, 598, 599, 600, phong giới 75, 193, 199, 547, 548, 573, 656, 1303, 1309, 1310, 1311, 1312 1071, 1072, 1198, 1233, 1234 pháp và phi pháp 1241, 1242 phước điền 1200 pháp vô thường 142, 194, 195, 197, 199, phước xuất thế gian 38, 39 498, 499, 501,644, 665, 736 phương pháp đoạn dục 1155, 1156 Q quá khứ giới 1199 quán nội thân 272, 438, 494, 503, 654, 655, quán các giới trong thân 547, 548, 656 656, 657, 928, 1187, 1188, 1248, 1325, quán diệt 562, 1080, 1406 1326,1501, 1513, 1514, 1519 quán diệt tận 817 quán nội thọ 272, 438, 494, 504, 658, 1501 quán đoạn trừ 702, 817 quán pháp 272, 427, 429, 430, 495, 653, Quảng giải 5,6, 1144, 1346 658, 659, 778, 779, 928, 1030, 1071, Quang minh tưởng 527, 528, 534 1187, l j 88,

1248, 1496, 1497 quán hình tướng 547 quán pháp nhẫn 310, 311,312 quán hưng suy 562, 1406 quán pháp thịnh suy 817 quán nghĩa của pháp 311 quán tâm 272, 419, 424, 573, 653, 658, 717, quán ngoại thân 503, 654, 655, 656, 657 718,719, 720, 928, 1248 quán nọi pháp 272, 438, 494, 504, 658, 659, quán thân 7, 105, 148, 272, 573, 653, 654, 1325,1326, 1501 655, 656, 657, 901 quán nội tâm 272, 438, 494, 504, 658, 1501

quán thọ 194, 196, 197, 198, 199, 272, 573, quy y Pháp 71, 91, 102, 103, 126, 165, 177, 653, 657, 658, 928, 1187, 1188, 1248, 242,254,256, 350, 352, 358,457, 625, 1325, 1326, 1406, 1513, 1514, 1519 747, 748, 844, 845, 846, 871,926, 932, quán trừ bỏ 562 950, 954, 962, 971, 998, 1027, 1032, quán tưởng 415, 416, 547, 560, 656, 901, 1037, 1042, 1064, 1129, 1192, 1388, 1214, 1217, 1260, 1484, 1485 1389, 1417, 1471, 1493, 1506 quán tử thi 548 quy y Phật 71, 91, 102, 103, 126, 165, 177, quán vô dục 562, 817, 1406 242,254,256, 350, 352, 358,457,465, quán vô thường 562 625,747,748, 805, 844, 845, 846, 871, quán xả 562, 817, 1406 926, 932, 950, 954, 962, 971, 998, quỷ Phiêu Phong 1422 1027, 1032, 1037, 1042, 1064, 1129, quy y chúng Tỳ-kheo 102, 103, 126, 165, 1191, 1192, 1388, 1389, 1417, 1471, ' 177,254,256, 350,352,358,625,747, 1493, 1506 748, 844, 845, 846, 871,950,954,962, quy y Tam bảo 126, 177,254, 256, 350, 510, 971, 998, 1027, 1032, 1037, 1042, 1027, 1417 1064, 1129, 1192, 1417, 1493 quy y Tăng 457, 926, 932, 1388, 1389, 1471

rưng Ám 524, 775 rừng Nhung 460, 461 rừng An-đà 49 rừng Ôn Tuyền 77, 1093 rừng Bàn-na-mạn-xà tự 476 rừng Sợ Hãi 491, 493, 559, 585, 813 rừng Đại-trạch 844 rừng Thanh 507 rừng DÌ-lũ-íy 1473 rừng Thi-nhiếp-hòa 87, 115, 166, 439, 440, rừng Hòa 265, 271 597,1295, 1305 rừng Hộ Tự 475, 476 rừng Thủy Chừ 487, 493 rừng Không Dã 844 rừng Tĩnh Tịch 844 rừng Khổng Tước 1411, 1419 rừng trúc Tỳ-da-ly 387 rừng Kỳ-lân 844 rừng Ưu-đàm-bà-la 687, 689 rừng Mê-lộc 844 rừng xoài Đại Thiên 1059, 1060 rừng Ngưu Giác Sa-la 563, 564, 1213, rừng xoài Di-tát-la 395 1214, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219, ruộng phước 793, 799, 1010, 1076, 1294, 1220,1221 1327,1366, 1375, 1376

sắc ái 187, 736 Sa-kê-đế 507 sắc giới 34,35,36, 129,246,552,612, 1041, Sa-môn chân chánh 1205, 1209 1048,1198, 1199 Sa-môn chất trực 1186, 1189 sắc thân 330,642,736, 801,1013,1055,1484 Sa-môn hư danh 1192, 1205, 1209 sắc thủ uẩn 193,207,571, 1231, 1260, 1435 Sa-môn Man-đầu 1239, 1240 sắc tưởng 565, 575, 612, 648, 650, 651, Sa-môn thứ ba 681, 685 1084, 1088, 1089, 1111, 1164, 1166, Sa-môn thứ hai 681, 685 1167, 1169, 1175, 1183, 1224, 1256, Sa-môn thứ nhất 681, 685 1275, 1405, 1452, 1484, 1485, I486, Sa-môn thứ tư 681, 685 1497, 1502 sân giới 1198 sắc uẩn 190, 201 sân hận 23,84, 85, 89, 90, 91, 100, 112, 113, Sa-di A-di-na-hòa-đề 1321, 1322, 1327 114, 123, 124, 125, 146, 147, 148, 151, Sa-di Châu-na 1305, 1306 168,169,195,196,200,258,266,267, Sa-di-ni tân học 1481 268,269,270, 318,319, 320, 321,322,

383,415,416,436,437,442,444,447, sáu pháp hòa kính 919, 920 448,449,450,452,453,455,456,457 sáu thọ thân 572 508, 526, 538, 551, 564, 565, 575, sáu thức 191 578, 579, 602, 607, 608, 609, 612, sáu thức thân 572 613, 614, 615, 618, 621, 623,

631, sáu tưởng thân 572 632, 633, 634, 658, 693, 695, 696, sáu tư thân 573 702, 719, 762, 777, 801, 802, 816, sáu ưu 572 860, 875, 901, 929, 939, 948, 958, sáu xả 1080,1081,1082 968, 976, 993, 996, 997, 1034, 1047, sáu xứ 75, 189, 190, 509, 572, 573, 658, 1075, 1084, 1122, 1157, 1158, 1183, 1079, 1233, 1361, 1362, 1363, 1364, 1187, 1207, 1209, 1210, 1211, 1223, 1365,1440,1453, 1518 1237, 1281, 1283, 1308, 1353, 1368 sáu xúc thân 572 1404, 1496, 1502, 1513 sáu xúc xứ 735, 736, 1079 Sanh Bát-niết-bàn 35, 795 siêu việt 134, 388, 469, 497, 688, 697, Sanh chủ 516,517,518,519, 705,706, 1191 1416, 1484 sanh hữu 33, 34, 35, 36, 648, 649, 650, 1115, Soạn lục 5,6, 1144, 1345, 1346 1116,1119 sở đắc 7, 631 1408, 1409, 1466 Sanh tử trí 539, 552, 703, 954, 1031, 1032, sở duyên 642,1163, 1164,1165,1167,1168 1224, 1290, 1291 sở hành 220,642,758, 1253 Sanh xứ 5,6, 1144, 1346 sợi bông đâu-la 329, 1055 sân khuê sử 1441 sông A-di-la-bà-đề 1391, 1476, 1480 sân tùy miên 1402, 1441 sông A-di-la-hòa-đế 725 Sát-đe-lợi 595, 800, 961 sông Bà-cầu 417 sáu ái thân 206, 573 sông Đa Thủy 624 sáu căn 206, 207, 208, 420, 1254 sông Đông 757 sáu giới 75, 206, 208, 209, 573, 1070, 1071, sông Hằng 63,64,97,115,121,122,125,126, 1198,1233,1234 239, 399, 503, 827, 855, 1051, 1282 sáu gốc rễ 1308, 1314 sông Hằng-già 38, 39, 1404 sáu hỷ 1080, 1082 sông Kim-bệ 317 sáu kiến xứ 1348, 1351, 1352 sông Ni-liên-nhiên 220, 417, 621 sáu mươi hai giới 1199 sông Sử 425 sáu pháp hòa hợp 1313, 1314 Sơ quả 56, 681,810,811 T tác chứng 33, 84, 89, 105, 106, 107, 121, 680, 692, 695, 697, 811, 877, 1011, 123,124,136,137,232,250,251,261, 1031, 1134, 1135, 1136, 1137, 1149, 343,438,503, 506,538,552,554,555, 1150, 1151, 1152, 1159, 1160, 1209, 556,557,651,703,777, 825,922,923, 1210, 1211, 1242, 1245, 1246, 1248, 924, 925, 926, 946, 990, 991, 1084, 1249, 1291, 1296, 1297, 1308, 1309, 1112, 1146, 1183, 1224, 1301, 1302, 1329, 1338, 1421, 1422, 1425 1303, 1393, 1394, 1399, 1400, 1410, Tam bảo 5,748, 1192 1471, 1499 tâm bất động 383, 498, 538, 539, 679, 698, tác ý 22, 35, 36, 200, 201, 224, 227, 478, 949, 1031, 1032, 1290, 1291, 1399 527, 705, 706, 733, 1007, 1251, 1252, tám chi Thánh đạo 183,191,240,249,1487, ,1253, 1257 1517,1522 tà kiến 73, 74, 84, 89, 93, 94, 95, 122, 123, tâm chuyên nhất 177, 253, 255, 319, 320, 124,125,134,349, 363, 364,365,432, 321, 322, 348, 494, 627, 628, 846, 436,437,515, 539,611,618,621,623, 937,1063, 1461

tám điều đoạn tuyệt 1382 Tận trí 309,311,312 tâm định 276, 280, 438, 538, 539, 548, 574, tập khởi 182, 183, 185, 186, 187, 188, 189, 577, 698, 997, 1237, 1257, 1410, 190,191,192,207,208,295,638,639 1515,1520 640,641,642,643,649,650,683,684, tâm giải thoát 13, 24, 33, 70, 112, 113, 129, 724, 733, 734, 735, 895, 905, 906, 136,137,232,250,251,319,320,321, 1001, 1002, 1003, 1200, 1260, 1360, 438, 495, 501, 525, 526, 527, 528, 1361, 1366 538, 539 552, 578, 658, 703, 761, tạp tưởng 1088, 1089 778, 779, 867, 868, 922, 923, 924 Tát-đa-phú-lâu-hề-đa 81 o 925, 926, 937, 949, 954, 1181, 1189, tế tự 84, 89, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 1207, 1224, 1248, 1254, 1256, 1263, 782, 962, 1026, 1027, 1245, 1246 1291, 1301, 1302, 1367, 1368, 1388, Thái tử Kỳ-đà 5, 178, 179 1399, 1400, 1447, 1499 tham dục sử 1441 tâm hoan hỷ 177, 253, 255, 348, 358, 361, tham dục tùy miên 1402, 1441 396, 397, 845, 846, 1023, 1024, 1063, tham, sân, si 49, 511, 512, 513, 514, 552, 1158, 1194, 1195,1257 567, 568, 569, 761, 902, 953, 1062, tâm hoàn mãn 846 1075, 1189, 1354, 1445 tâm kham nhẫn 177,253,255,348, 846,1063 thân giới 1198

Tam minh đạt 769 Thắng Lâm 5, 11, 15, 21, 33, 48, 63, 73, tam-muội 347, 491,577, 808,813 83, 129, 133, 139, 145, 151, Í61, 171, tám nạn 781 193, 203, 215, 275, 279, 281, 283, tâm nhu hòa 177, 253, 255, 319, 320, 322, 285, 287, 289, 291, 293, 295, 299 348, 1025, 1063, 1260, 1261 305,313,321,325,327,333,339,363, tâm pháp 924, 925 515, 523, 533, 567,571,617,631,633, tâm sở hữu pháp 924, 925, 926, 1138, 1139 661,673,677, 701,705,709,713, 717, tâm tăng thượng 16, 17, 136, 137, 348, 492, 719, 733,735, 753,761,765, 775, 781, 493,612,673,798,799,846,1031,1063, 785, 789, 793, 797, 801, 805, 825, 885, 1261,1262,1263, 1289, 1290,1470 895, 897,901,903,905,921,943,945, tám thứ âm thanh 1058 951, 957, 961, 973, 1021, 1025, 1033, tâm tịch diệt 825 1039, 1043, 1064, 1079, 1085, 1099, tâm tịch tịnh 129, 130, 951 1100, HOI, 1105, 1109, 1121, 1122, tám Trừ xứ 1484 1123, 1124, 1143, 1155, 1163, 1185, tâm và tùy thuộc tâm 1186 1197, 1231, 1277, 1285, 1329, 1343 tâm viễn ly 494, 937 1353, 1355, 1401, 1407, 1429, 1435, tâm vô lượng 84, 85, 549, 550, 551, 1368 1475, 1476, 1483, 1489, 1490, 1499, tâm xả thanh tịnh 1074 1501, 1507, 1513 Tăng-già-bà-tlii-sa 749, 750, 1318, 1345 thắng trí 540, 1113, 1114, 1119, 1511 tăng thượng giới 1307, 1416 thân hành thanh tịnh 1205 tăng thượng hạnh 1083 Thánh cầu 1391, 1392 tăng thượng mạn 602, 779,1123,1382,1384 thành Câu-xá-hòa-đê 340 tăng thượng nhẫn 1301, 1302 Thánh chúng 241, 250, 257, 262, 474, 799, tăng thượng niệm 1083 858, 944, 949, 1200, 1365, 1375, 1376 tăng thượng quán 1301, 1302, 1303, 1307 Thánh chủng 576 tăng thượng tâm 16, 136, 612, 1083, 1133, Thánh đệ tửđa văn 56, 57,70, 84, 85, 88, 89, 1271J272, 1307 90, 91, 122, 123, 124, 125, 168, 194, tăng thượng tuệ 1083, 1416 195, 197, 199, 207, 208, 209, 277, tánh không 1251,1252,1253,1254, 1257 280, 342, 349, 350, 497, 498, 499,

SÁCH ĐẢN 1557

501, 578, 579, 580, 582, 606, 670, Tha tâm trí 226, 231, 247, 475, 491, 515, 672, 765, 951, 952, 953, 954, 1143, 538,552,703,725,727,728,729,730, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376 1377, 771,772,775, 954, 1063, 1224, 1499 1382, 1383 1384, 1385, 1386, 1387, Thích-ca 67, 223, 224, 631, 737, 738, 745, 1399, 1436, 1461, 1483, 1484, I486, 746, 851,855, 1191, 1251, 1528 1496, 1497 Thích Ma-ha-nam 218, 667, 672 Thánh điển Vệ-đà 354 Thích thiên Nhân-đà-la 1483 Thánh định tụ 1437 thí chủ 26, 27, 28, 29, 30, 31, 100, 165, 589, thanh giới 1198 592, 701, 882, 960, 1056, 1057, 1058, Thánh giới tụ 948, 1437 1127,1192, 1194, 1526 Thánh giới uẩn 537, 948 Thiên Ấp 105 thành Kê-đầu 389, 393, 394 thiền chi 937 Thánh kiến 1397 Thiên Đế-thích 752, 807, 808, 819, 869, Thánh luận 763, 1259, 1260, 1261 897, 1353 Thánh Ni 1435, 1436, 1437, 1438, 1439, thiền định 38, 122, 123, 124, 125, 291, 317, 1440, 1441, 1442, 1443 318, 321,327,347,387,419, 460, Thánh pháp 118,373,724,786,787,799,811, 475, 483, 484, 485, 498, 559, 577, 1367, 1398, 1399, 1435,1436, 1448 673, 674 675, 701, 702, 703, 731, Thánh thất 422 775, 787, 808, 896, 938, 1223, 1260, Thánh thể 161,171,172, 523,524, 856, 857, 1261,1263,1264, 1484 911, 1060, 1457, 1458, 1459, 1491 thiện giới 1199 Thánh tri 1397 thiện nam Tu-bồ-đề 1120 Thánh trí 1000, 1352 Thiên nhãn thông 387, 539, 541, 718 Thánh tuệ nhãn 1006, 1007 Thiên nhĩ thông 538, 541, 718, 954, 1499 Thánh tuệ tụ 1437 Thiên nhĩ trí 538, 552, 703, 1224 Thanh văn 379, 380, 1365 thiền quán 478, 937, 938, 939, 940, 1163 thành Viết-địa 243 Thiên thất 422 thanh xứ 572, 1199 Thiện Thệ 44,71,87,91, 102, 115, 116, 117,

thầnkiền-tháp-hòa 238,240,249,1457,1459 149, 329, 337, 360, 361, 362, 388, 391 thân kiến tùy miên 1402 392, 394 405, 417,476, 516, 571,581, thân nghiệp 79, 80, 477, 838, 842, 919, 625, 684, 698, 727, 758, 769, 781, 782, 1186, 1222, 1223, 1313, 1476, 1477, 798, 800, 821, 844, 852, 856, 857, 860, 1478, 1479 861, 862, 863 864, 865, 866, 867, 868, thân thọ 572, 657 926, 946, 950, 954, 962, 971, 998, thân thức 191,572, 1198 1024, 1027, 1037, 1042, 1048, 1051, thần thức tái sanh 440, 441, 442, 443, 444, 1052, 1059, 1060, 1070, 1076, 1094, 445, 447, 448, 449, 450, 460 1102, 1129, 1133, 1222, 1228, 1240, thân thường trụ 1349, 1350 1262, 1267, 1268, 1269, 1270, 1271, thân tư 573 1272, 1273, 1276, 1294, 1303, 1305, thần túc 244,520,530,574,700,808,809, 819 1306 1308, 1325, 1368, 1371, 1374, Thần túc thông 563, 718 1399, 1402, 1417, 1425, 1426, 1513, Thân Tử Ni-kiền 109 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, thân tưởng 572 1520, 1521, 1522, 1523 thân viễn ly 937 Thiền thứ ba 12, 17, 19, 546, 556, 565, 570, thân xứ 75, 189, 572, 1079, 1199 679,949,1031,1088,1110,1163,1164, thân xúc 70, 572,680,736,1071,1079,1334 1165, 1168, 1169, 1172, 1173, 1174, Tha tâm thông 538, 541, 718 1275, 1290, 1388, 1405, 1426, 1427

1558 KINH TRUNG A-HÀM

Thiền thứ hai 12, 17, 19, 483, 546, 555, 564, thị trấn Kiếm-ma-sắt-đàm 309,497, 637, 653, 570, 679, 924, 949, 1031, 1087, 1088 681,721, 1113, 1159, 1171, 1227, 1245 1109, 1110, 1163, 1165, 1168, 1169, thị trấn Na-ma-đề 746 1172, 1173, 1274, 1275, 1290, 1388, thi xả 121,122,261,441,442,443,444,445, 1405, 1426, 1427 446, 447, 960, 965, 966, 1071, 1075 Thiền thứ nhất 12, 17, 19, 218, 413, 483, thọ báo 1124,1126,1127,1128,1131,1132, 545, 551, 554, 555, 564, 569, 754, 1155,1157,1158,1159, 1161, 1356 949, 1030, 1087, 1088, 1109, 1163, thọ giới 1198 1165, 1168, 1169, 1171, 1172, 1188, thợ gốm Nan-đề-ba-la 352, 353, 354, 355, 1257, 1274, 1275, 1290, 1405, 1426, 356, 358, 359, 360, 362 1427 1438, 1441 thọ ký 389, 768 Thiền thứ tư 12, 17, 19, 112, 262, 272, 383, thôn A-phù 219 438,492,495,498,538,546,551, 556, thôn Bà-la-lâu-la 474 565, 570,611,665,679,698, 702, 929, thôn Ca-la-lại 1295 940, 949, 953 1031,1088,1089,1110 thôn chủ Tỳ-tứ 439, 440,452,453, 455, 456, 1117, 1164, 1165, 1166, 1167, 1168, 458, 459, 461 1169, 1173, 1174, 1183, 1188, 1207, thôn Kim Cang 231 1223, 1237, 1248, 1274, 1275, 1290, thôn Nại Lâm 853 1326, 1388, 1399, 1405, 1427, 1441, thôn Na-la-ca-la 998 1452, 1496, 1499, 1515, 1520, 1521 thôn Nam Sơn 166 thiền tọa 460, 491, 736, 937, 1507, 1508 thôn Thâu-lô-tra 821, 822, 824, 825, 826, 831 thiện tri thức 80, 153,319,320, 321, 322, 880 thôn Thiện Tri Thức 559 Thiện Trụ Ni-câu-loại 807, 808, 809 thôn Tư-hòa-đề 439, 440 thiên tử Cù-bà 858 thôn Tỳ-bà-lăng-kỳ 354, 356, 358, 360, 361 thiên tử Mâu-lê-già 237 thôn Xà-đấu 317 Thiên vương Thích 853, 854, 856, 857, 859, thôn Xá-di 1305 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, thọ thực 38, 49, 77, 163, 218, 219, 258, 259, 867, 868, 869, 870,871,872 260, 262,270,317, 385, 388, 531, 533 thiên Y-sa-na 1353 543, 544, 553, 589, 592, 597, 598, 737, thiệt ái 573 738, 814, 999 1043,1064,1148, 1221 thiệt giới 1198 1255,1267, 1411, 1419 thiệt thọ 572 thọ thủ uẩn 193,201,207, 571, 1231, 1435 thiệt thức 191,572 thọ trai 67, 68, 155, 179, 259, 260, 317, 327, thiệt thức giới 1198 523, 524, 598, 940, 1064, 1148, 1272, thiệt tư 573 1285,1286 thiệt tưởng 572 thức thực 182, 1232, 1360 thiệt xứ 75, 189, 572, 1079, 1199 thức thủ uẩn 193, 201, 207, 571, 1231, thiệt xúc 572 1260,1435 thiểu niên Ưu-đa-la 354,355,356,1053,1059 thức trí 1088, 1089 thị giả 223, 224, 225, 226, 227, 228,

230, Thức vô biên xứ 565, 570, 575, 649, 650, 259, 260, 317, 318, 1213, 1217, 1241, 651,705,706,1074,1082,1084,1088, 1242, 1465 1089, 1111, 1164, 1166, 1167, 1169, thị trấn A-hòa-na 1267 1170, 1175, 1176, 1177, 1252, 1253, thị trấn A-nô-ba 725 1275, 1405 thị trấn Di-lũ-ly 1467, 1468 thức vô lượng 1084, 1088, 1089 thị trấn Già-thi 1396 Thức xứ tưởng 565

SÁCH DẪN 1559

Thủ-đà-la 25, 26, 27, 28, 29, 30, 241, 250, tịnh tu 689, 822, 883, 946, 1234 251, 595, 664, 750, 800, 967, 975, tín hướng 800 976, 977, 978, 995, 1212, 1423, 1509 tinh xá Cù-sư-la 607, 611 Thù-đề-ma-lệ-kiều-bệ-đà-la 810 tinh xá Gia-la-sai-ma 1255 thú hướng 203,1007,1257,1375,1376,1404, tinh xá Kiền-kỳ 1221 1407, 1408, 1409, 1410, 1440, 1506 tinh xá Kiền-nhã 1267 Thượng lưu sắc Cứu Cánh 36, 795 tinh xá Mã Lâm 1205, 1209 Thượng tọa 157, 459, 1069 tinh xá Thiên Quan 417 thù thắng 157, 215, 242, 246, 341, 385, 661, tinh xá Trúc Lam 47, 161, 162, 938, 1321 719,765, 835, 844, 845, 858, 871, 877, tín lực 578, 1516, 1521 917, 1009, 1010, 1059, 1093, 1094, tín tâm 7, 18, 22, 23, 24, 95, 387, 581,693, 1099, HOI, 1163, 1164, 1165, 1166, 696, 794, 870, 959, 960, 1268, 1303, 1169,1170, 1446 1304, 1325, 1354 Thử thuyết 5,6, 1144, 1346 tín thí 26, 27, 28, 29, 30, 31, 380, 759, 765, thuyết Đoạn diệt 1413 1180, 1181, 1182 Thuyết nghĩa 5, 6, 762, 1144, 1346, 1347 tọa cụ 25, 49, 77, 112, 131, 177, 218, 219, thuyết pháp như pháp 599, 602 229,247,266,267,268,269,351,382, thuyết thường hằng 683 475,476, 533, 543, 560,737, 738,767, thủy giới 75, 193 195, 547, 548, 573, 656, 771, 828, 829, 901, 915,929,948,999, 1071, 1072,1198, 1233, 1234 1000, 1030, 1043, 1058, 1064, 1069, thụy miên i 12, 113, 114,383,479, 527,538, 1099, 1100, 1207, 1220, 1221, 1237, 559, 612, 622, 658, 698, 1259, 1399 1240, 1259, 1267, 1271, 1272, 1392, tịch tịnh giải thoát 129, 130, 158, 159, 552, 1395,1411, 1419, 1458, 1476 ,651,702,795,954 Toán số Mục-kiền-liên 927,929,930,931,932 Tiên Dư 523, 524, 525, 526, 530, 531, 1472 tông chỉ 73, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 689, tiên nhân A-tư-la Đề-bệ-la 980, 981, 982 737, 738, 1470, 1471 tiểu tưởng 244, 575 Tôn giảA-di-đa 389, 394 tín căn 578, 1516, 1521 Tôn giả Âm 817,818 tinh cần 58, 107, 108, 109, 110, 111, 112, Tôn giả A-na-luật 223, 224, 385, 387, 388, 317, 379,380,381, 382,475,480, 476, 477, 485,491,493,495,507, 491, 492, 494, 503, 504, 505, 535, 508, 509 510, 514, 523, 524 525, 574, 598, 632, 633 634, 654, 703, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 533, 717, 719, 775, 919, 920, 1049, 1095, 534, 541, 542, 597, 939, 1213, 1214, 1096, 1098, 1100, HOI, 1102, 1106, 1217, 1221, 1222, 1223, 1224, 1225, 1192, 1235 1247, 1261, 1262, 1263 1226, 1499, 1500, 1501, 1502, 1503 1308, 1309, 1321, 1322, 1407, 1408, Tôn giảA-nan 135, 146, 215, 221, 225, 226, 1409, 1410, 1438, 1461, 1462, 1463, 227,228,229,230,231,232,243,244, 1513,1515, 1520 246,247,259,260,261,262,263,275, tĩnh chỉ 528, 535, 1212, 1257, 1447 277,280,333 338 351,362,393,394, tịnh hạnh 598, 774, 851, 1207, 1469, 1470 395,405,407,417,493,494,499, 500, tịnh pháp 633 501,533 534,541,571, 581, 582, 597, tinh tấn căn 578 619, 637, 644, 645,646, 647, 651, 725, tinh tấn định 438, 574, 1410, 1515, 1520 726, 727, 728, 729, 730,731, 742, 746, tinh tấn giác chi 325 747,749, 750, 751, 752, 768,912,913, tinh tấn lực 578 914,915,921,922,926,933,934 935, tịnh tín 794,1229,1257,1407,1408,1409,1410 936 938, 939, 940, 941, 1105, 1106, tịnh trừ 12, 929, 1229, 1274, 1275, 1290 1107, 1132, 1133, 1134, 1140, 1191,

1195, 1197, 1198, 1199, 1202, 1213, Tôn giả Lại-tra-hòa-la 825, 826, 827, 828, 1214, 1217, 1241, 1242, 1243, 1251, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836 1254, 1255, 1261, 1262, 1264, 1305, Tôn giả La-vân 77, 79, 82 1306, 1307 1308, 1313, 1314 1391, Tôn giả Lệ-ba-đá 223, 224 1400, 1402, 1406, 1457, 1458, 1464, Tôn giả Lệ-việt 597 1465, 1466, 1473 1475, 1476, 1477, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ 1099, 1100, noi, 1478, 1479, 1480, 1481, 1495, 1496, 1102,1103 “ 1497 1498, 1502, 1505, 1506 Tôn giả Ly-việt-đa 1213, 1214, 1217 Tôn giảA-nhiếp-bối 223, 224 Tôn giả Ma-ha Châu-na 37, 38, 39 Tôn giả Bạc-câu-la 233, 234, 235 Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ 223, 224 Tôn giả Bạch Tịnh 135, 136, 137 Tôn giả Man Đồng Tử 1401,1402,1507,1509 Tôn giả Bà-cửu 475 Tôn giả Mãn Từ Tử 47, 48, 49, 50, 52, 53 Tôn giả Bàng-kỳ-xá 769 Tôn giả Nan-đề 223, 224, 476, 477 485, Tôn giả Bân-nậu 223, 224 507, 939, 1221, 1222, 1225 Tôn giả Bạt-đề Thích-ca Vương 223, 224 TôngiảÔ-đà-di 133,134,135,757,758,759, Tôn giả Ca-diếp 450, 451, 453, 455, 456, 1267, 1268, 1270, 1271, 1272, 1276 457, 458, 459, 597 Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi 1069, 1070, Tôn giả Câu-lân-nhã 223 1076, 1077 Tôn giả Châu-na 607, 609 Tôn giả Phù-di 1147, 1148, 1149, 1153 Tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp 439, 441, 442, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức 775, 776, 443,444,445,446,447,448,449,450, 777, 779 452, 457, 458, 461 Tôn giả Tam-di-đề 1093, 1094, 1095, 1131, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên 223, 224, 597, 1132,1133 739,740,741,1086,1087, Ì091,1095 Tôn giả Trưởng lão Bân-nậu-gia-nậu-tả 1096, 1098, 1213, 1217 223,224 ~ Tôn giả Đại Ca-diếp 223, 224, 1213, 1215, Tôn giả Trưởng lão Da-xá Hành-trù 223,224 1217,1218, 1219 TôngiảTu-đà-da 223, 224 TôngiảĐạiCâu-hy-la 181,182,183,184,185, Tôn giả Tưởng 814,815 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 223 Tôn giả uất-ty-la Ca-diếp 346, 347 224, 553, 554, 558, 1445, 1446, 1447, Tôn giả Xá-letử 48, 223, 224, 1213 1448, 1449, 1450, 1451, 1452, 1453 Tôn giả Xá-lợi-phất 48, 49, 50, 52, 53, 129, Tôn giả Đại Châu-na 223, 224, 611, 615, 131,133,134,139,140,141,142 143 1132* 1133 144,145,146,149,151,153,155,158, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên 67, 68, 158, 176, 161,162,163,165,166,167,168,169, 223 224 225,227,228, 248,251, 534, 171,172,174, 175, 176, 177, 178, 179, 559, 561,562,594,595, 596, 597,603, 180,181,182,183,184,185,186,187, 606, 771,772, 813, 814, 818, 819, 820, 188,189,190,191,192,193,201,204, 1213,1216, 1217, 1219 211,227,228,285,286, 289,419,424, Tôn giả Đàm-di 805, 806, 809, 811 553, 585, 586, 588, 594, 595, 596, Tôn giả Da-xá 223, 224 597, 599, 600, 601, 602, 633, 634, Tôn giả Duy-ma-la 223, 224 767, 768, 769, 797, 800, 1213, 1214, Tôn giả Già-hòa-ba-đề 223, 224 1215, 1216, 1217, 1218, 1219, 1220, Tôn giả Hòa-phá 223, 224 1412, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế 460, 461 1450,1451, 1452, 1453 Tôn giả Kim Cang Từ 232 trạch pháp 59, 325, 581, 659, 918, 1516, Tôn giả Kim-tỳ-lí 223, 224, 507 1517,1522 trạch pháp giác chi 325

trai giới 403, 404, 427, 429, 430, 962, 1371, Tu-đà-hoàn hướng 241, 250, 257, 262, 1372, 1373, 1374, 1377, 1378, 1379 794,799 trái tỳ-la 1415 Tu-đạt-đa 178, 1021, 1024 trạo hối 530,612, 622, 948 tuệ căn 578, 778, 794, 1516, 1521 trí chú 832, 842, 980 tuệ giác 291, 803, 1348, 1351, 1352 Trí cứu cánh 139, 140, 143, 493, 505, 511, Tuệ giải thoát 13 651,

769, 795, 940, 1288, 512, 600, 659, 777, 779, 871, 1284 1300, 1301, 1302, 1367, 1368, 1400, trì giới 7, 177, 253, 255, 348, 385, 564, 580, 1447 1499 613, 614, 615, 800, 846, 932, 936, tuệ kiến 617,618 982, 1063, 1187, 1192, 1193, 1269 tuệ lực 578, 1516, 1521 1270, 1271, 1272, 1273, 1276, 1286, tuệ minh đạt 17, 19, 136, 137,203, 319, 320, 1287, 1377 322,495,937,1144, 1145, 1461 trí tột cùng 129, 130 tuệ quán xét 1188, 1189, 1301 trí tuệ chân thật 1359 Tuệ tụ 1437 Trí tuệ cứu cánh 700 tử-ma 1423, 1430 trí tuệ nhạy bén 1145 tự ngã 5, 57, 644, 765, 1005, 1006, 1071, trí tuệ vô thượng 423, 438, 540, 1416 1072, 1348, 1349, 1350, 1351, 1352 Trời Đế-thích 336, 404 Tùng giải thoát 247, 419, 767, 864, 865, trống Cam lộ 1202 946, 1525 ưởng pháp 1202 tư niệm bởi ý 1348, 1351 Trúc Lâm 47, 77, 155, 161, 162, 166, 169, tư niệm thực 182 175, 176, 181, 233, 377, 419, 495, tưởng bất tịnh 902 553, 603, 687, 767, 933, 938, 963, 987, tướng Đại nhân 1052, 1055 1093, 1100, 1101, 1131, 1147, 1179, tưởng giới 799, 1198 1321 1411, 1419, 1445, 1495, 1505 tưởng lơn 722, 1484 Trung Bát-niết-bàn 33, 34, 794 tướng lưỡi rộng dài 1053, 1054, 1061 trung đạo 601,602, 1113, 1114, 1119, 1398 tướng mã âm tàng 1053, 1054, 1061 trung giới 1199 tưởng nhỏ 244, 722, 1484 trương giả Thủ 265, 266, 267, 268, 269, 270, Tường Niên Thiếu Cát Tường Tử 1460,1466 271,272 tướng quân báu 388, 389, 390, 395, 399, trưởng giả úc-già 253, 254, 255, 258, 259, 437, 807, 1044, 1052, 1053, 1054, 260, 262, 263 1056, 1062 Trường Sanh Bác Sĩ 471, 472 tưởng sự chết 734 Trường Sanh Đồng Tử 469,470,471,472,473 Tưởng thọ diệt 651, 1112, 1183, 1502 Trường Thọ Bác Sĩ 466, 467, 468, 469 tưởng thủ uẩn 193,201,207, 571, 1231,1435 Túc mạng thông 538, 541, 718 Tưởng tri diệt 133, 134, 135,814, 1112 Túc mạng trí 538, 552,703,954,1031,1224, tưởng vô sở hữu 1484 1290, 1417, 1499 tưởng Vô sở hữu xứ 498, 499, 501, 722, Tứ cú 944, 1303 lin, 1112 Tư-đà-hàm 172, 173, 174, 241, 250, 257, Tự Tại thiên vương 897 262, 576, 794, 799, 857, 1023, 1024, từ tăng thượng 809, 810 1193,1354, 1375, 1376, 1528 Tự tứ 603, 767, 769 Tu-đà-hoàn 23, 57, 172, 173, 174, 180, 241, Tùy pháp hành 778, 794 250, 257, 262, 511, 512, 513, 514, Tùy tín hành 778, 794 551 576, 681, 702, 794, 797 799 tỷ ai 573 810, 819, 871, 953, 1023, 1024,1193, tỷ giới 1198 1354, 1375, 1376, 1528 Tỳ-kheo A-la-hán 13,651,787

1562 KINH TRƯNG A-HÀM

Tỳ-kheo a-lan-nhã 151 Tỳ-kheo Trà-đế 1355, 1356, 1357, 1368 Ty-kheoA-lê-tra 1343, 1344, 1345, 1351 Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương 266, 267, 268, Tỳ-kheoA-thấp-bối 1295, 1296, 1297, 1298 269,270 ~ Tỳ-kheo băng hào 1352 tỷ thọ 572 Tỳ-kheo Câu giải thoát 1300 ty thức 191,572, 1198 Tỳ-kheo Cù-ni-sư 155 ty tư 573 Ty-kheo Hắc Xỉ 139, 144 tỷ tưởng 572 Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na 1277 Tỳ-xá 7, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 41, 97, 98, Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu 139 218,219,241,247,250,251,253,255, Ty-kheo-ni 102, 161, 226, 230, 231, 234, 259,407, 563, 564, 595, 664, 725, 750, 240,249,380,386,420,421,422,423, 800, 819, 975, 976, 977, 978, 1011, 424, 512,513, 575,576, 577, 578, 590, 1212, 1371, 1379, 1423, 1435, 1436, 593,633,657, 658,659, 748, 749, 750, 1437, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 751,781, 840, 841,845, 846, 847, 848, 1443 1495, 1497, 1509 1192, 1257, 1263, 1277, 1278, 1287, Tỳ-xá-ly 41,97, 98, 218,219,247, 253,255, 1369, 1407, 1408, 1410, 1416, 1481 259, 407, 563, 564, 725, 1495, 1497 Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc 1435, 1436, 1437, tỷ xứ 75, 189,572, 1079, 1199 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443 tỷ

xúc 572, 1071, 1079 U uất-bệ-la 220 254,256,350,386,457,513,590,593, Ưu-ba-đề-xá 6, 53 625,781,797, 800, 805, 806, 840, 841, ưu-bà-di 102, 161, 162, 226, 230, 231, 240, 844, 845, 846, 847,848, 871,926,932, 249, 386, 514, 590, 593, 781, 840, 950, 955, 962, 971, 998, 1027, 1032, 841, 845, 846, 847, 848, 1257, 1263, 1037, 1042, 1064, 1102, 1121, 1129, 1287, 1416 1257, 1263, 1287, 1388, 1389, 1416, ưu-bà-tắc 71, 91, 102, 103, 126, 161, 162, 1417, 1471, 1493, 1506, 1526 165,177,226,230,231,240,242,249, ưu giới 1198

vải kiếp-bối 898 Vô học chánh kiến 1189, 1248 vải sơ-ma 898 Vô học chánh trí 766, 1189, 1248 vị Đại Phạm 1484 Vô học giới 778, 1199 Vi-đề-hy 911,912,915, 1051 voi báu 325, 327, 328, 330, 333, 388, 389, vị đệ tử Hiền thánh 761,1187,1188,1189,1326 390, 395, 397, 437, 540, 807, 1044, vị Độc giác Vô Hoạn 385 1052, 1053, 1054, 1056, 1061 VỊ giới 1198 voi chúa Vu-sa-hạ 899 vị lai giới 1199 voi Nhất-bôn-đà-lợi 1475, 1492 Vị tằng hữu 5,6,213,215,244, 1144, 1346 vô ký giới 1199 vị Thánh đệ tử cư sĩ 797, 798, 799 vô lậu giới 1199 vị Tôn trưởng 805 vô lượng tưởng 244, 575 VỊ trời Trường Quỷ 1225 vô minh giới 1198 VỊ xứ 572, 1199 vô minh lậu 24, 55, 383, 501, 539, 679, vô dục giới 1198 698, 721, 765, 949, 1032, 1207, 1212, Vô dưNiết-bàn 33, 36, 50, 51, 52, 387, 495, 1237, 1254, 1291, 1388, 1399 501,608, 609, 895 vô minh sử 1441 vô hại giới 1198 vô ngã 320, 322, 576, 582, 734, 765, 1024, Vô hành Bát-niết-bàn 36, 795 1256, 1257, 1258

Vô nguyện 421, 1452 Vua Đại Thiện Kiến 410, 412, 413, 414, Vô Nhiệt thiên 36, 245, 519, 705, 706 415,416 Vô Phiến thiên 36, 245, 519, 705, 706, 795 Vua Đảnh Sanh 333, 334, 335, 336, 337, Vô sắc 612, 702 340, 341,432,469, 473 vô sắc ái 187, 736 Vua Giáp-tỳ 356, 357, 358, 362 Vô sắc định 158,765, 1497 Vua Kiên Niệm 425, 426 Vô sắc giới 498,612, 1198, 1199 Vua Loa 393 vô sân giới 1198 Vua Ni-di 403, 404, 405 vô sở hữu trí 1088, 1089 Vua Phạm-ma-đạt-đa 465, 466, 467, 468, vô sở hữu tưởng 244, 575 469, 470, 471,472, 473 Vô sở úy 126, 177, 254, 256, 350, 846, 871, Vua Quán đảnh 897, 898, 906, 1468 1008, 1012, 1063, 1076, 1388,1434 Vua Sát-lợi Đảnh Sanh 396, 426, 427, Vô thượng Chánh chân 487, 490, 677 428, 429, 430, 431, 432, 438, 1324, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác 478, 1326,1331 653,895, 1070, 1393 J Vua Tần-bà-sa-la 47,345,933 Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác 175 Vua Tần-tỳ-sa-la 671, 672 Vô thượng Chánh đẳng giác 999, 1201, Vua Trường Thọ 465, 466, 469, 470, 471, 1202, 1395, 1396 J 472,473 Vô thượng Chánh giác 987 Vũ-nhật-cái 1492 Vô Thượng Sĩ 44, 87, 115, 337, 362, 391, vườn Ba-hòa-lợi-nại 1381 392, 405, 417, 684, 698, 781, 782, vườn Ca-lan-đa 77, 155, 161, 162, 166, 169, 798, 821, 856, 857, 946, 1024, 1048, 175,176,181,233, 377,419, 553, 603, 1051, 1052, 1059, 1060, 1070, 1262, 687, 767, 933, 938, 963, 987, 1093, 1325 1368, 1374, 1399, 1426, 1513, 1100, HOI, 1131, 1147, 1179, 1411, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1419, 1445, 1505 1520, 1521, 1522, 1523 vườn Cù-sa-la 37 Vô tướng 421, 1451, 1452 vườn Cù-sư-la 465 Vô tưởng định 557,755, 1439, 1450, 1451 Vương tử Kỳ-bà-tiên-na 1322, 1323 Vô tưởng tâm định 557, 1253 Vương tử Kỳ-bà-tiên-na đồng tử 1147 Vô Tưởng thiên 557, 649, 650, 781 Vương tử lực sĩ Bát-la-khiên-đề 832 vô vi giới 1199 Vương Xá 47, 48, 77, 155, 161, 162, 166, vô xứ 962 169, 174, 175,176,178,181,223, Vô Y Mãn Tử 595 228, 233, 345, 377, 419, 533, 553, Vua A-xà-thế 1051 595, 603, 670, 687, 767, 853 873 VuaBa-tư-nặc 5, 523,

757,1012,1185,1457, 874, 911, 912, 930, 931, 933, 938, 1458, 1459, 1460, 1461, 1462, 1463, 963, 987, 1069, 1093, 1094, 1100, 1464, 1465, 1466, 1467, 1468, 1473, HOI, 1131, 1147, 1179, 1321, 1411, 1475, 1476, 1477, 1478, 1479, 1480, 1412, 1413, 1445, 1505 1481 1483, 1490, 1491, 1492, 1493 vườn Hoàng Lô 237 vua cá Ma-kiệt 885, 886, 887, 888, 889 vườn Lộc Dã 356, 1295 Vua Cao-la-bà 807, 808 vườn Nai 356, 385, 393, 491, 493, 559, 585, Vua Câu-lao-bà 828, 829, 830, 832, 833, 813, 828, 1396, 1397, 1457 834, 835, 836, 1044 vườn Nhất Sa-la Mạt-lợi 1185 Vua Đại Thiên 395, 396, 397, 398, 399, 400, vườn Ni-câu-loại 67, 667, 737, 1191 401,405 vườn xoài Ba-bà-ly 837, 839

1564 KINH TRUNG A-HÀM

xả giác chi 325,659,918, 1516, 1517, 1522 673,677,701,705, 709,713, 717,719, xả giới 31, 139, 554, 555, 556, 557, 558, 733,735,753,757, 761,765, 775, 781, 775, 776, 825, 827, 829, 1198, 1200, 785,789, 793,797, 801,805, 825, 857, 1365, 1469 885, 895, 897, 901, 903,905,921,927, xả khổ lạc 949, 1031 943, 951, 957, 961, 973, 1009, 1021, Xá-lao-phù 39, 42, 239, 241, 250 1025, 1033, 1039, 1043, 1064, 1079, xả ly 59, 76, 195, 197, 198, 200, 208, 209, 1085, 1099, 1100, HOI, 1105, 1109, 508, 574, 579, 600, 601,611,664, 665, 1121, 1122, 1143 1155, 1163, 1185, 718, 720, 870, 918, 1008, 1047, 1048, 1197, 1231, 1239, 1251, 1277, 1285, 1075, 1402, 1403, 1404, 1417, 1436 1286, 1329, 1343, 1355, 1371, 1391, xả niệm an trú lạc 12, 17, 19, 1275, 1290, 1401, 1407, 1429, 1435, 1475, 1483, 1405, 1426, 1427 1489, 1499, 1501, 1507, 1513 xả niệm lạc trú 949, 1031, 1388 Xóm Ngựa 1205, 1209 xả niệm thanh tịnh 679,949,1031,1074,1088, xứ Ba-hoa 1305, 1306 1089, l i 10, 1164, 1166, 1167, 1169, xứ Bà-kê-đế 51, 52 1174, 1275, 1388, 1405, 1427,1441 xúc giới 1198 xan tham 602, 787 xúc hữu đổi 642 Xá-vệ 5, 11, 15, 21, 33, 48, 49, 51, 52, 63, xúc não 1407, 1409 73, 83, 129, 133, 139, 145, 151, 161, xúc nhiễu 248, 772, 813, 814, 859 162, 171, 177, 178,179, 193,203,215, xúc tăng ngữ 642 227,275,279,281,283,285,287,289, xúc thực 182, 1232, 1360 291,293,295,299,305,313,321,325, xúc xứ 572,1199 327, 333,339, 363,503,515, 523, 524, xứ Na-nan-đà 843, 851 533, 567, 571,617, 627, 631,633,661, xứ Tỳ-lan-nhã 1032

ý ái 573 y Tăng-già-lê 229, 230, 407, 534, 537, 560, y bất mạn 568, 569 599, 929, 948, 1207, 1210, 1237 y căn 57, 201, 206, 207, 208, 537, 572, 642, y Thánh 1415 928,929, 948,1001,1097,1098,1206, y thọ 572 1236, 1449 y thô xấu 575, 1414, 1415 yểm ly 1021, 1022, 1360, 1405, 1511 y thức 191, 201, 572, 587, 642, 740, 741, yết-ma 919, 1292, 1315, 1316, 1317, 1318, 928, 948, 1097, 1098, 1198, 1233, 1319,1320 1258, 1357 ý giới 1198 ý tư 573 ý hành thanh tịnh 1206 y tưởng 229, 233, 234, 244, 572, 1005, 1402 y nghiệp từ hòa 477, 919, 1222, 1223, 1313 y uất-đa-la-tăng 407, 534 ý niệm thực 1232, 1360 y Ưu-đa-la-tăng 229, 230, 560 y phần tảo 151,234, 379, 380, 381,382,492, y xứ 75, 189,206, 572, 1079, 1199, 1233 568, 1415 y xúc 572, 642, 1071, 1079

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯƠNG pháp Bào cao quý

z TfSn trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử j đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ

đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ: -Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIET NAM TẬP 19
TAM TẠNG PHẬT GIÁO BÔ PHAI -03
KINH TRUNG A-HAM
()
Việt dịch
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH
Chịu trách nhiệm xuất bản Giám đốc - Tổng Biên tap ĐINH THỊ THANH THUÝ

Biên tập Nguyễn Thị Cam Hồng

Sửa bản in ĐĐ. Thích Thường Ninh, Ngọc Thanh, Thủy Tiên, Liên Nguyệt, Hồng Anh

Trình bày & Bìa Đăng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TÔNG HỢP THÀNH PHỐ Hồ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Ql, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 -38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP l
62 Nguyễn Thi Minh Khai, p. Đa Kao, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 256 804
NHÀ SÁCH TÔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, p.12, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3
88-90 Ký Con, p. Nguyễn Thái Bình, Ql, TP.HCM - ĐT: 38 216 009
(HAN HÀNG MOI- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, p. Ben Nghé, Q.l, TP.HCM — ĐT: 38 238 191
Thực hiện liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
In lần thứ nhất, số lượng 6.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm
Tại Công ty Co phan In Khuyến học phía Nam
Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phủ Trung, Củ Chi, TP.HCM
XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/05-47/THTPHCM
QĐXB số: 263/QĐ-THTPHCM-2022 ngày 04 thảng 5 năm 2022
ISBN: 978-604-335-727-1
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.